

Digitized by Google

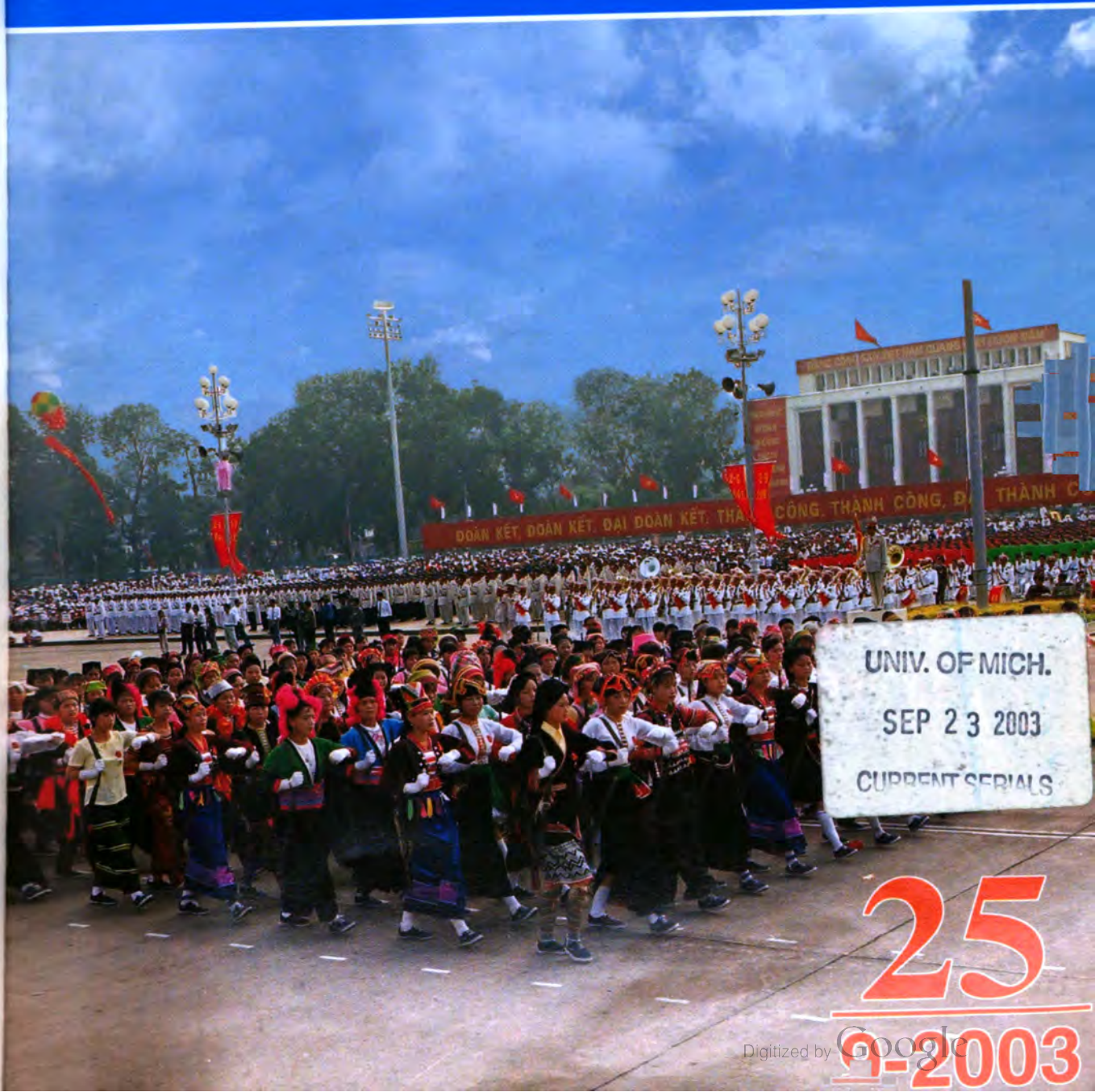
Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H683

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
SEP 23 2003
CURRENT SERIALS

25
1-2003

Digitized by Google

PETROVIETNAM
PIDC

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DẦU KHÍ

Petrovietnam Investment & Development Company



Ký kết hợp đồng dầu khí
với đối tác nước ngoài



Thử vỉa thành công giếng THC-02
tại mỏ khí THC Thái Bình

Chức năng nhiệm vụ

- **Tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí đầu tư ở nước ngoài;**
- **Tổ chức điều hành và triển khai các dự án tìm kiếm thăm dò,khai thác dầu khí ở trong nước;**
- **Tham gia như bên nhà thầu cùng đối tác khác triển khai các hợp đồng chia sản phẩm, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng liên doanh và liên doanh điều hành chung ...;**
- **Tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ chuyên ngành liên quan, sản xuất kinh doanh các nguồn tài nguyên khác.**



PIDC thi công giếng khoan PV-PC-1X
tại Hưng Yên





Địa chỉ: 133 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8561186- 8561187 * Fax: (04) 8561490 * E-mail: pidc.hn@pidc.com.vn

Digitized by Google



THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 688

25
9-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Lực lượng dân quân, tự vệ diễu hành, trên Quảng trường Ba Đình, ngày 2-9-2000
Ảnh : TTXVN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

PHẠM VĂN TRÀ - Phấn đấu thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ quốc phòng bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới 3

NGUYỄN ĐỨC TRIỀU - Một chặng đường phấn đấu của Hội Nông dân Việt Nam 8

NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

BÙI ĐÌNH PHONG - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận vào việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc 12

PHAN TÁ - Thực hiện tốt lời dạy của Bác trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử 16

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ XUÂN TÙNG - Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không chỉ là phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất 19

HÀ XUÂN TRƯỜNG - Chức năng xã hội của văn nghệ và trách nhiệm xã hội của văn nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa 23

DƯƠNG TRUNG QUỐC - Cuộc cách mạng huy động cao nhất nội lực dân tộc 27

PHẠM VĂN CHÚC - Về quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản trong điều kiện ngày nay 31

NGUYỄN VĂN THẢO - Những đặc điểm chủ yếu trong hoạt động của Quốc hội, Chính phủ và nền hành chính ở nước ta hiện nay 34

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

PHẠM VĂN THIỆN - Hội Nông dân Việt Nam với phong trào phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi 40

NGUYỄN QUỐC THỊNH - Xây dựng thương hiệu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế 43

LÊ QUÁN TẦN - Công tác thanh tra nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo 47

TRẦN THẾ VIỆT - TRẦN QUANG HẢI - Để du lịch trở thành ngành kinh tế động lực của Lâm Đồng 52

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN TIẾN NGHĨA - Mỹ La-tinh : Giải pháp nào cho sự phát triển ? 57

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Hội nghị toàn quốc về tổ chức cơ sở đảng và đảng viên 62

*** Hội thảo : "Hỗ trợ người có công cải thiện nhà ở" 63

*** Hội thảo khoa học : "Nghiên cứu các giải pháp bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc" 64

Digitized by Google
41 226 AR XL1 773
06/04 02-013-01

СОДЕРЖАНИЕ

ФАМ ВАН ЧА: Бороться за более эффективное осуществление задач по национальной обороне и защите Родины в новой обстановке. НГУЕН ДЫК ЧИЕУ: Долгий путь борьбы Союза крестьян Вьетнама. БУЙ ДИНЬ ФОНГ: Применение идей Хо Ши Мина об агитационной работе среди народных масс в осуществлении широкого общенационального единения. ФАН ТА: Осуществление лучшим образом заветов Дяди Хо Ши Мина в расследовании, возбуждении и разбирательстве судебных дел. ЛЕ СУАН ТУНГ: Социалистические производственные отношения представляют собой не только средства для развития производительных сил. ХА СУАН ЧЫОНГ: Социальные функции литературы и искусства и долги социалистических деятелей литературы и искусства перед обществом. ЗЫОНГ ЧУНГ КУОК: Революция, мобилизующая наибольше внутренних резервов нации. ФАМ ВАН ТЬУК: О переходном периоде к социализму, минуя капитализм, на данном этапе. НГУЕН ВАН ТХАО: Главные характерные черты в деятельности Национального Собрания, Правительства и государственной администрации нашей страны на данном этапе. ФАМ ВАН ТХИЕН: Союз крестьян Вьетнама и кампания за социально-экономическое развитие в районах нацменьшинств и горных районах. НГУЕН ТИЕН НГИА: Латинская Америка: Какие решения для развития?

CONTENTS

PHẠM VĂN TRÀ: Striving to fulfill better the national-defense task of protecting Motherland in new circumstances. NGUYỄN ĐỨC TRIỀU: A stage of efforts of Vietnam Peasant Association. BÙI ĐÌNH PHONG: Applying Hồ Chí Minh's ideas of people's agitation and propaganda for implementing the policy of great national solidarity. PHAN TÁ: Fulfilling well Uncle Hồ's instructions in inspection, prosecution, judgement operations. LÊ XUÂN TÙNG: Socialist production relations are not just tools for promoting production forces. HÀ XUÂN TRƯỜNG: Social function of literature and arts and responsibility of socialist writers and artists. DƯƠNG TRUNG QUỐC: A revolution promoting to the utmost national internal forces. PHẠM VĂN CHÚC: Regarding transition to socialism, missing capitalism, in contemporary circumstances. NGUYỄN VĂN THẢO: Principal traits in activities of National Assembly, Government and administration in our country at the present. PHẠM VĂN THIỆN: Vietnam Peasant Association and the campaign for socio-economic development in minor ethnicity and mountain localities. NGUYỄN TIẾN NGHĨA: Latin America – Which solution for development?

SOMMAIRE

PHẠM VĂN TRÀ - S'évertuer à mieux assumer la mission de défense nationale dans la nouvelle situation. NGUYỄN ĐỨC TRIỀU - Un parcours de l'Association vietnamienne des paysans. BÙI ĐÌNH PHONG - Application de la pensée de Hồ Chí Minh dans la mobilisation du peuple en vue de la grande union nationale. PHAN TÁ - Bien exécuter les recommandations de l'Oncle Hồ en matiére d'inspection, de poursuite judiciaire et de jugement. LÊ XUÂN TÙNG - Les rapports de travail socialistes ne servent pas que de moyen au développement des forces de travail. HÀ XUÂN TRƯỜNG - Fonction sociale des lettres et arts et responsabilité sociale des artistes socialistes. DƯƠNG TRUNG QUỐC - La révolution mobilisant au plus haut degré des forces intemes du peuple. PHẠM VĂN TRÚC - La transition au socialisme sans passer par le capitalisme dans les conditions actuelles. NGUYỄN VĂN THẢO - Caractéristiques essentielles du fonctionnement de l'Assemblée nationale, du Gouvemement et de l'administration publique du Vietnam à l'heure actuelle. PHẠM VĂN THIỆN - L'Association vietnamienne des paysans et le mouvement de développement socio-économique des régions montagneuses peuplées d'ethnies minoritaires. NGUYỄN TIẾN NGHĨA - Amérique latine : Quelles solutions pour le développement ?

SUMARIO

PHẠM VĂN TRÀ: Esforzarse por cumplir mejor la tarea de defensa nacional en la nueva situación. NGUYỄN ĐỨC TRIỀU: Una trayectoria de esfuerzo de la Unión de campesinos de Vietnam. BÙI ĐÌNH PHONG: Aplicar el pensamiento de Hồ Chí Minh de agitación popular en el cumplimiento de la unión nacional. PHAN TÁ: Cumplir bien las enseñanzas del Tío Hồ en la indagación, el procedimiento judicial y el jucio. LÊ XUÂN TÙNG: Las relaciones de producción socialistas no sólo constituyen el medio para desarrollar las fuerzas de producción. HÀ XUÂN TRƯỜNG: La función social de letras y artes y las responsabilidades de escritores y artistas socialistas. DƯƠNG TRUNG QUỐC: La revolución que miveliza al máximo la fuerza interna de la nación. PHẠM VĂN CHÚC: Sobre la transición al socialismo sin pasar el capitalismo en las actuales condiciones. NGUYỄN VĂN THẢO: Cracterísticas principales en las actividades de Asamblea Nacional, de Gobierno y de administración de nuestro país en la actualidad. PHẠM VĂN THIỆN: La Unión de campesinos de Vietnam y el movimiento de desarrollo económico-social en las regiones de étnias minoritarias y las montañosas. NGUYỄN TIẾN NGHĨA: América Latina: ¿Cuál solución para su desarrollo?

目录

•范文茶：在新型势下努力奋斗，更好地落实国防任务捍卫祖国•阮德朝：越南农民协会奋斗的历程•裴霆风：把关于民运胡志明的思想运用到实现民族大团结之中•潘佐：在调查、起诉、审判等工作中遵循胡志明主席的教导•黎春松：社会主义生产关系不仅只是发展生产力的工具•何春长：文艺的社会职能及社会主义文艺工作者的社会责任•杨中国：最大发挥民族内力的一场革命•范文祝：在目前条件下，不经过资本主义制度而过渡到社会主义•阮文草：越南国会活动的主要特点，目前我国政府及其行政机构•范文善：越南农民协会与少数民族及山区地区的经济社会发展运动•阮进义：拉丁美洲：为其发展采取何措施？

Digitized by Google

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN TỐT HƠN NỮA NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG THỜI KỲ MỚI

PHẠM VĂN TRÀ*

TÌNH hình thế giới và khu vực những năm qua diễn biến rất phức tạp. Tuy nhiên, trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Đồng thời, do sự lộng hành của các thế lực hiếu chiến nên nguy cơ đe dọa hòa bình, ổn định, chủ quyền của các quốc gia, dân tộc cũng tăng lên. Song hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn hiện nay.

Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh nhưng đã và đang lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia. Các quốc gia lớn nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác, liên kết quốc tế, khu vực ; đồng thời, cũng cạnh tranh với nhau gay gắt, quyết liệt và tập trung trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, ngoại giao, sinh thái..., trong đó nổi bật nhất là kinh tế.

Việt Nam có vị trí chiến lược địa - chính trị, kinh tế quan trọng trong khu vực và trên thế giới, đã giành thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trước đây và hiện nay đang đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới. Hơn thế, với một thị trường gần 80 triệu dân, có tiềm năng khá phong phú, là một quốc gia có bờ biển dài hơn 3 000 km, nằm trên tuyến giao lưu quốc tế giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Vì vậy, đất nước ta có rất nhiều thuận lợi để hội nhập và phát triển nhưng cũng gặp không ít khó khăn thách thức, đặc biệt là sự chống phá của các thế lực thù địch.

Hơn bao giờ hết, hiện nay, các thế lực thù địch đang ra sức thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn lật đổ bằng nhiều thủ đoạn thâm độc, cấu kết với bọn phản động trong nước, kích động chia rẽ dân tộc, tôn giáo, gây mất ổn định, từng bước làm ta suy yếu, hòng tiêu diệt chế độ ta. Tình hình đó tác động sâu sắc và đặt ra trước công cuộc đổi mới xây dựng đất nước và nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta không ít thách thức gay gắt và nhiệm vụ nặng nề.

Nền quốc phòng của đất nước ngày nay phải là tổng thể những hoạt động về mọi mặt : chính trị, kinh tế, quân sự gắn với an ninh, đối ngoại (bao gồm cả đối ngoại quân sự), văn hóa - xã hội (bao gồm cả tâm lý, tư tưởng, lối sống), nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước, bản sắc dân tộc và chế độ chính trị, bảo đảm giữ vững an toàn về mọi mặt cho nhân dân, cho dân tộc, cho đất nước trong mọi tình huống. Cho nên, quốc phòng và nhiệm vụ

* Đại tướng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

quốc phòng phải thực sự đáp ứng cả yêu cầu đấu tranh thời bình và thời chiến, cả đối ngoại và đối nội, cả đấu tranh quân sự và đấu tranh phi quân sự. Tuy nhiên, quốc phòng luôn lấy các hoạt động quân sự và lấy các lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân làm nòng cốt, phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an nhân dân, lực lượng đối ngoại và các lực lượng khác của toàn dân, đấu tranh giữ vững ổn định chính trị - xã hội để phát triển đất nước ; đồng thời, sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống có thể xảy ra. Do đó, việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng ở các ngành, các cấp, các địa phương càng tốt bao nhiêu thì nguy cơ chiến tranh xâm lược của kẻ thù dưới mọi hình thức càng bị đẩy lùi bấy nhiêu.

Trong những năm qua, nhờ sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nên tình hình chính trị - xã hội đất nước cơ bản ổn định ; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nhất là trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo được phát huy. Tổ chức quân đội, công an được điều chỉnh theo yêu cầu mới. Chất lượng tổng hợp, trước hết là chất lượng chính trị của lực lượng vũ trang được nâng lên. Sự quản lý của Nhà nước về quốc phòng với nội dung toàn diện và cơ chế phù hợp hơn, đặc biệt là, sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp quốc phòng và quân đội nhân dân đòi hỏi tiếp tục được tăng cường...

Nền quốc phòng của ta là nền quốc phòng của toàn dân, do dân, vì dân và vì sự nghiệp bảo vệ thành quả cách mạng của nhân dân nên tập trung được sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Quy chế phối hợp giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Công an trong nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngày càng đi vào nền nếp, có hiệu quả. Thế bố trí chiến lược về quốc phòng đã được xây dựng gắn bó chặt chẽ với thế trận giữ vững an ninh chính trị - xã hội trên địa bàn. Việc kết hợp quốc phòng và an ninh với phát triển kinh tế và đối ngoại có nhiều tiến bộ ; đã chú trọng đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, nâng cao sức chiến đấu của quốc phòng, an ninh, v.v.. Do đó, chúng ta đã giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ; đẩy mạnh phát triển kinh tế ; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ; củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng và chế độ ; tạo lập và củng cố môi trường quốc tế thuận lợi, mở rộng quan hệ đối ngoại ; củng cố và tăng cường thế và lực của đất nước. Những thành tựu cơ bản đó đã chứng minh tính đúng đắn, sáng tạo trong đường lối cách mạng của Đảng ; đồng thời, cũng khẳng định tiềm năng và sức mạnh to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc[1].

Tuy nhiên, nhìn chung sức mạnh quốc phòng của cả nước chưa phát triển đồng đều. Lực lượng vũ trang tại chỗ vừa làm quốc phòng, vừa làm kinh tế còn mỏng. Một số vùng biển, đảo chưa có quy hoạch, kế hoạch phát triển toàn diện và lâu dài, lực lượng bảo vệ ở đây chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Việc xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, quản lý lực lượng dự bị động viên vẫn còn có mặt hạn chế. Hơn nữa, nhận thức của không ít cán bộ, đảng viên và nhân dân ta về nhiệm vụ quốc phòng, về âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, về tinh thần cảnh giác và trách nhiệm trong công cuộc củng cố quốc phòng, ngăn ngừa và đập tan âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Những yếu kém, sơ hở, hạn chế đó đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục phấn đấu khắc phục nhằm thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

(1) Xem "Thông báo Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX", Báo *Nhân dân*, ngày 13-7-2003, tr 4

Digitized by Google

Đảng ta xác định rõ nhiệm vụ chung về quốc phòng, an ninh là "phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước. Xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ; ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị - xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước...". Trong bài phát biểu tại phiên bế mạc Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương, khóa IX, đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khẳng định : Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp vĩ đại của dân tộc ta, là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, trong đó các lực lượng vũ trang đóng vai trò nòng cốt.

Nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân ta. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ với nhau. Nếu xây dựng không tốt, chế độ mới không đem lại đời sống ngày càng tốt đẹp cho nhân dân lao động thì tự nó sẽ không thể đứng vững và phát triển trong cuộc cạnh tranh và đấu tranh mới ngày nay. Ngược lại, nếu không biết tự bảo vệ ngay trong xây dựng, không khắc phục, ngăn chặn các nguy cơ Đảng ta đã cảnh báo, thì chế độ sẽ bị sụp đổ ngay trong hòa bình xây dựng. Cho nên, xây dựng phải gắn với bảo vệ, bảo vệ phải nhằm mục đích xây dựng, để phát triển tốt hơn. Do đó, bảo vệ Tổ quốc ngày nay không chỉ là phòng ngừa mà còn là xây dựng ; và muốn phòng ngừa có hiệu quả trước hết phải chăm lo xây dựng, làm cho mình mạnh lên. "Kết hợp chặt chẽ xây dựng và bảo vệ từ trong mỗi con người, mỗi cơ sở ; việc gì có lợi cho dân, cho nước, có lợi cho độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa thì phải quyết tâm làm. Mọi hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối nội, đối ngoại... đều phải nắm vững và thực hiện đúng yêu cầu bảo đảm an ninh trong từng lĩnh vực, từng địa phương thuộc phạm vi mình phụ trách, đồng thời, phải đáp ứng yêu cầu an ninh chung theo quan điểm kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược ; gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, đối ngoại ; lấy việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước làm nền tảng giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng ; lấy ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng làm điều kiện để giữ vững ổn định và phát triển kinh tế - xã hội"(2). Cho nên, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc phải là sức mạnh tổng hợp của quốc gia, của chế độ, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị..., dưới sự lãnh đạo của Đảng, chứ không phải chỉ riêng sức mạnh của lực lượng vũ trang, sức mạnh của quân sự. Đương nhiên, sức mạnh của lực lượng vũ trang, sức mạnh của quân sự bao giờ cũng là nòng cốt và được xây dựng trên cơ sở sức mạnh chính trị và sức mạnh kinh tế - xã hội của đất nước.

Bảo vệ Tổ quốc ngày nay là bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đất nước đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ hòa bình để đất nước phát triển, thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa lại tạo ra những tiền đề mới cả về vật chất - kỹ thuật và chính trị, tinh thần cho

(2) Nông Đức Mạnh : "Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của đất nước", Báo *Nhân dân*, ngày 13-7-2003, tr 4.

Digitized by Google

công cuộc củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước sẽ trực tiếp góp phần nâng cao đời sống nhân dân, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, làm cho nền tảng chính trị - tinh thần của xã hội và khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ngày càng vững mạnh. Điều đó tạo cơ sở vững chắc cho việc xây dựng sức mạnh chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân nhân dân, từng bước xây dựng một lớp người mới phát triển toàn diện : có văn hóa, trí tuệ, học vấn cao, làm chủ khoa học - công nghệ hiện đại, có tư duy khoa học, năng động, sáng tạo. Đó cũng là nguồn cung cấp nhân lực có chất lượng cao cho việc xây dựng quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân chính quy, hiện đại nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng. Đồng thời, nó cũng tạo ra những tiền đề mới cho việc phát triển kỹ thuật quân sự, khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời kỳ mới. Do đó, lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân cũng là một trong những chủ thể tích cực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Vì vậy, nhiệm vụ quốc phòng bảo vệ Tổ quốc phải luôn gắn với sự nghiệp xây dựng, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ vững môi trường quốc tế thuận lợi, duy trì nền hòa bình lâu dài, đẩy lùi nguy cơ can thiệp quân sự và xung đột vũ trang, không để xảy ra bạo loạn chính trị và "tự diễn biến" ; ngăn chặn, đẩy lùi mưu toan "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, xâm hại chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của ta.

Thực tế mấy thập kỷ qua cho ta nhận thức sâu sắc thêm đường lối độc lập tự chủ, phát huy tối đa nội lực ; đồng thời, mở rộng quan hệ quốc tế, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại theo phương châm thêm bạn, bớt thù, Việt Nam là bạn và là đối tác tin cậy với các nước, giữ cho "trong ấm, ngoài êm" là thượng sách giữ nước, tạo môi trường hòa bình ổn định lâu dài cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác quốc phòng và an ninh của ta ngày nay diễn ra trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập, hợp tác với các nước. Nhưng, do tính chất đan xen giữa đối tượng và đối tác, trong đối tượng có mặt cần hợp tác và trong đối tác vẫn có thể tồn tại những khác biệt thậm chí cả mâu thuẫn về lợi ích với ta. Cho nên, đòi hỏi chúng ta phải đề cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường hợp tác, vừa hợp tác mở rộng quan hệ quốc tế để phát triển, vừa phải chủ động đấu tranh có nguyên tắc, linh hoạt, mềm dẻo để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, chúng ta phải xuất phát từ thực tiễn, dựa chắc vào quần chúng, phát huy mọi tiềm năng trí tuệ sáng tạo của quần chúng theo quan điểm quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân để tìm ra những giải pháp, những hình thức, phương pháp, bước đi thích hợp trong việc xây dựng tiềm lực quốc phòng và thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Để thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ trên, trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến địa phương. Thường xuyên quan tâm xây dựng các tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện nghị quyết của Đảng về xây dựng Quân đội nhân dân theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tổ chức biên chế

Digitized by Google

hợp lý, sẵn sàng chiến đấu cao, đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ, giữ vững vai trò nòng cốt bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới. Chú trọng đào tạo, bố trí cán bộ cấp chiến lược, cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Có chính sách phù hợp để tận dụng năng lực, trình độ, kinh nghiệm của đội ngũ sĩ quan đã được rèn luyện, thử thách trong chiến đấu. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên từng địa bàn tỉnh, thành phố, địa bàn chiến lược. Đi đôi với việc xây dựng lực lượng cơ động tinh nhuệ, phải thường xuyên chăm lo xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân, tự vệ, v.v.. ; đồng thời, cần xây dựng và triển khai các phương án để chủ động xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra.

Trong quá trình xử lý các tình huống, phải đánh giá và dự báo chính xác tình hình, phân biệt rõ mâu thuẫn nội bộ với mâu thuẫn địch - ta ; tập trung vào các đối tượng và địa bàn trọng điểm, vào tình huống chủ yếu, tránh tràn lan ; chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời, kiên quyết, khẩn trương, khôn khéo, nhanh gọn các tình huống sớm ổn định tình hình, không để các thế lực thù địch lấy cớ can thiệp.

Khi xử lý các tình huống gây rối an ninh trật tự và gây rối chính trị, cần sử dụng các biện pháp chính trị là chủ yếu, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của chính quyền, công an làm tham mưu và đóng vai trò nòng cốt, kết hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh...

Xây dựng đồng bộ hệ thống lý luận về chiến lược quốc phòng, an ninh, đối ngoại, nghệ thuật quân sự Việt Nam phục vụ cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt quan tâm nghiên cứu sâu các hình thái chiến tranh hiện đại để có đối sách thích hợp. Tiếp tục làm tốt hơn nữa chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho đội ngũ cán bộ Đảng, Nhà nước từ trung ương đến địa phương, nâng cao chất lượng việc giáo dục quốc phòng trong chương trình chính khóa của hệ thống nhà trường, học viện của cả nước. Chú trọng công tác giáo dục nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

Đầu tư phát triển cho công nghiệp quốc phòng, chủ động từng bước nâng cao khả năng sản xuất trang bị, vũ khí, phương tiện kỹ thuật phù hợp với điều kiện nước ta và trang bị hiện đại cho các lực lượng vũ trang ; đồng thời, tận dụng khả năng công nghiệp dân dụng phục vụ quốc phòng, an ninh, khai thác khả năng của công nghiệp quốc phòng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế. Thực hiện bước điều chỉnh cơ bản về tổ chức và biên chế lực lượng vũ trang, trước hết là Quân đội nhân dân cho phù hợp với yêu cầu tác chiến mới. Tập trung đúng mức cho các lực lượng làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, lực lượng bảo vệ các trọng điểm, trên các tuyến biên giới, biển, đảo và thềm lục địa ; tăng cường khả năng tác chiến của binh chủng hợp thành và lực lượng Hải quân, Phòng không, Không quân, v.v.. Trong tình hình hiện nay, nền quốc phòng, quân sự càng được củng cố, xây dựng tinh, gọn, mạnh... càng có khả năng bảo vệ môi trường hòa bình, ổn định cho đất nước, ngăn chặn mọi âm mưu gây bạo loạn lật đổ và xâm lược của các thế lực thù địch. Cho nên, việc tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm nòng cốt cho toàn dân thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng hiện nay là thiết thực tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. ❑

Digitized by Google

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG PHẤN ĐẤU CỦA HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC TRIỀU*

TRẢI qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định tầm quan trọng chiến lược của giai cấp nông dân, của nông nghiệp và nông thôn. Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta tiếp tục coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, nông thôn là địa bàn trọng điểm để phát huy vị trí, vai trò của giai cấp nông dân nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, quyết sách đúng đắn, hợp lòng dân, tạo động lực mới, khơi dậy mạnh mẽ các nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, ý chí phấn đấu vươn lên của giai cấp nông dân trong cơ chế mới. Vị thế của Hội Nông dân ngày càng được nâng cao trong đời sống xã hội. Hoạt động của Hội và phong trào nông dân đã góp phần quan trọng trong thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách, các chương trình mục tiêu quốc gia của Đảng và Nhà nước, nhằm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

I- Những thành tựu và bài học kinh nghiệm

Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi được Hội Nông dân Việt Nam phát động từ năm 1988, ngay sau khi có cơ chế khoán mới trong nông nghiệp, đã trở thành phong trào cách mạng của nông dân trong thời kỳ đổi mới. Mười lăm năm và nhất là 5 năm qua, phong trào tiếp tục phát triển cả bề rộng và chiều sâu, thu hút hàng triệu hộ nông dân tham gia, là động lực quan trọng khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và nội lực của từng gia đình. Đến năm 2003 cả nước có trên 9 triệu hộ đăng ký và trên 4 triệu hộ đạt danh hiệu "Hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi" các cấp. Ngày càng có nhiều hộ phát triển quy mô sản xuất lớn, đầu tư vốn kinh doanh từ một tỉ đồng trở lên, thu hút hàng trăm lao động, thu nhập mỗi năm đạt trên 100 triệu đồng. Phong trào còn tạo ra lực lượng đông đảo nông dân năng động, nhạy bén, thích nghi với cơ chế mới, nòng cốt trong phong trào "dồn điền, đổi thửa", trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề mới, sử dụng vốn, lao động có hiệu quả, trong ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất.

Để hỗ trợ và thúc đẩy phong trào phát triển, các cấp Hội đã phối hợp và liên kết với nhiều đơn vị sự nghiệp, cơ quan, trường học, các trung tâm nghiên cứu khoa học, các nhà khoa học, các doanh nghiệp để hỗ trợ, giúp nông dân về kỹ thuật, giống, vốn, phân bón, công cụ sản xuất... Hằng năm, các cấp Hội còn phối hợp với hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư mở 20 vạn lớp tập huấn kỹ thuật cho hơn

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam

Digitized by Google

10 triệu lượt hộ nông dân ; phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội cho hơn 10 triệu lượt hộ nông dân được vay vốn với tổng dư nợ 14 nghìn tỉ đồng.

Phong trào nông dân phát triển sản xuất kinh doanh giỏi đã góp phần quan trọng đưa nông nghiệp nước ta phát triển toàn diện, tăng trưởng khá. Thành tựu nổi bật nhất là sản xuất lương thực có hạt năm 2002 đạt 36,4 triệu tấn, tăng 4,6 triệu tấn so với năm 1998, đưa nước ta trở thành nước đứng thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được tăng lên. Số hộ đói nghèo giảm nhanh, số hộ khá, giàu tăng. Đến nay, cả nước có 98% số xã có đường ô-tô đến trung tâm xã ; 85,8% số xã với 78% số hộ được sử dụng điện ; 68,8% số xã với trên 50% số dân được sử dụng nước sạch. Kinh tế phát triển, môi trường sinh thái được bảo vệ và giữ gìn, bản sắc văn hóa dân tộc được duy trì, phát triển. Trình độ dân trí được nâng lên, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn được giữ vững. Giai cấp nông dân ngày càng phấn khởi, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thành công của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Trong những năm qua, Hội Nông dân các cấp, nhất là cấp cơ sở đã có nhiều hoạt động tích cực, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đạt hiệu quả lớn. Nét mới của phong trào là Hội các cấp đã bám sát nội dung của Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Quyết định 24 của Chính phủ về huy động đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Hội đã tích cực tham gia xây dựng đề án công trình, phương án huy động góp vốn và lao động ; đồng thời, phối hợp với các cấp chính quyền, các đoàn thể nhân dân, tham gia ý kiến vào các phương án, mức huy động đóng góp, vận động nông dân tham gia giám sát thi công, quản lý sử dụng và bảo vệ các công trình. Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", nông dân đã đóng góp hàng nghìn tỉ đồng, hàng trăm triệu ngày công để xây dựng trên 52 nghìn ki-lô-mét đường giao thông, trên 36 nghìn cầu cống, 222 nghìn ki-lô-mét kênh mương, 50 nghìn phòng học, trạm y tế, gần 8 nghìn công trình điện, v.v.. Nhiều vùng nông thôn có kết cấu hạ tầng tăng từ 7 đến 10 lần so với trước đó, góp phần làm cho bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, tiến bộ, văn minh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng về cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đã phát động phong trào "Xây dựng gia đình nông dân văn hóa", xây dựng thôn, ấp, bản, làng, xã văn hóa. Các phong trào văn hóa, thể dục, thể thao, nước sạch, vệ sinh môi trường, xây dựng làng, xã an toàn, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, đời sống, được các cấp Hội rất quan tâm và phát triển mạnh mẽ. Với tinh thần tương thân, tương ái, các cấp hội đã vận động hội viên, nông dân đóng góp hàng chục tỉ đồng và hơn 120 triệu ngày công, hàng trăm triệu cây, con giống ; chia sẻ, giúp đỡ với những khó khăn mất mát của đồng bào các tỉnh miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh miền núi phía Bắc bị thiên tai nặng nề, nhanh chóng khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống.

Hội cũng đã có nhiều hình thức tham gia tích cực và có hiệu quả vào Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em. Hằng năm, các cấp Hội đã tổ chức hàng nghìn lớp tập huấn về công tác dân số, về sức khỏe sinh sản, về giới, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, thu hút hàng triệu hội viên, nông dân tham gia.

Là tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho giai cấp nông dân, Hội Nông dân Việt Nam cùng với các cấp chính quyền, các ngành tích cực tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đông đảo nông dân. Nhiệm kỳ qua, các cấp

Digitized by Google

Hội đã giới thiệu trên 6 000 cán bộ, hội viên ưu tú để cấp ủy các cấp xem xét, kết nạp vào Đảng. Thực hiện Chỉ thị 30-CT/TU của Bộ Chính trị (khóa VIII), Nghị định 29-NĐ/CP, Nghị định 71-NĐ/CP của Chính phủ, Ban Thường vụ Trung ương Hội ra Chỉ thị số 07, Thông tri số 491 chỉ đạo các cấp Hội triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở ; đồng thời tham gia giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách, các chương trình, dự án tại địa phương, thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", góp phần nâng cao vị thế của Hội trong hệ thống chính trị và trong đời sống xã hội.

Hoạt động của Hội ngày càng mang lại lợi ích thiết thực cho hội viên, nên đã thu hút ngày càng đông đảo nông dân tham gia. Trong nhiệm kỳ qua, đã kết nạp được trên 1,5 triệu hội viên mới, đưa tổng số hội viên trong cả nước lên trên 8 triệu, 100% cơ sở xã, phường, thị trấn đã có tổ chức Hội. Nội dung sinh hoạt hội các cấp được cải tiến, gắn với những vấn đề thiết thực, bức xúc do sản xuất và đời sống đặt ra. Công tác cán bộ được coi trọng. Các cấp Hội đã phối hợp tốt với các cơ quan chức năng của Đảng cùng cấp để quy hoạch cán bộ Hội gắn với quy hoạch cán bộ của Đảng.

Từ thực tiễn hoạt động của các cấp Hội và phong trào nông dân trong 5 năm qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau :

1 - Mọi hoạt động của Hội phải bám sát vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước, của địa phương, nhiệm vụ của Hội ; phải sáng tạo, nhạy bén, năng động vận dụng đúng đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

2 - Trong chỉ đạo phải cụ thể hóa các chủ trương công tác lớn thành các chương trình, kế hoạch. Từng thời kỳ, thời điểm biết chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm để tập trung giải quyết. Coi trọng chỉ đạo điểm, xây dựng mô hình, nhân điển hình tiên tiến ra diện rộng.

3 - Đa dạng hóa các hình thức hoạt động, tập hợp nông dân. Vận động phải gắn với hỗ trợ nông dân thông qua các phong trào thi đua, các chương trình, các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

4 - Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ và tổ chức Hội vững mạnh, đặc biệt chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở và tổ chức cơ sở.

II - Mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của phong trào nông dân nước ta nhiệm kỳ 2003 - 2008

Trên cơ sở mục tiêu chung mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra, trên cơ sở kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III Hội Nông dân toàn quốc, xuất phát từ yêu cầu của phong trào nông dân trong thời kỳ mới, mục tiêu của phong trào nông dân nước ta trong những năm tới là :

- Xây dựng Hội vững mạnh về mọi mặt, là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới. Nâng cao vai trò đại diện của giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Xây dựng người nông dân Việt Nam yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có kiến thức, có sức khỏe, năng động, sáng tạo, biết làm giàu chính đáng, quan tâm đến lợi ích của xã hội và của cộng đồng.

- Xây dựng, tổ chức đội ngũ cán bộ Hội vững mạnh để phát huy có hiệu quả vai trò là người đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của hội viên, nông dân. Liên minh chặt chẽ với giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực

Digitized by Google

tiễn, chủ động tham mưu đề xuất với Đảng, Nhà nước những chủ trương, chính sách có liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn. Phát huy nội lực của giai cấp nông dân, tiếp cận nhanh với khoa học và công nghệ tiên tiến

Căn cứ vào mục tiêu đã được xác định, phương hướng, nhiệm vụ của phong trào nông dân những năm 2003 - 2008 là :

1 - Tiếp tục nâng cao chất lượng ba phong trào thi đua lớn : phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng ; phong trào nông dân xây dựng gia đình văn hóa, làng, xã văn hóa ; phong trào nông dân tham gia bảo vệ quốc phòng, an ninh.

Động viên, hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện cho hội viên, nông dân nâng cao kiến thức về mọi mặt, phát huy nội lực, chuyển dịch cơ cấu lao động, vật nuôi, cây trồng, sản xuất theo quy hoạch. Thực hiện chủ trương "dồn điền, đổi thửa", chuyển những diện tích thu nhập thấp sang sản xuất cây, con có giá trị kinh tế cao. Sản xuất nhiều nông sản, hàng hóa sạch, chất lượng cao, có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường khu vực và thế giới. Phấn đấu đưa giá trị sản xuất nông nghiệp đạt bình quân 25 triệu đồng trở lên/ha canh tác/năm.

Các cấp Hội tiếp tục phát động ủng hộ quỹ "Ngày vì người nghèo", hướng dẫn nông dân nghèo cách làm ăn, nhất là nông dân ở những xã đặc biệt khó khăn theo phương thức "cầm tay, chỉ việc". Vận động nông dân đăng ký thực hiện nếp sống lành mạnh, rèn luyện sức khỏe, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đẩy mạnh các hoạt động "đền ơn, đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn", hoạt động nhân đạo, từ thiện. Tích cực tham gia phòng - chống các tệ nạn xã hội, phòng - chống HIV/AIDS, thực hành tiết kiệm, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2 - Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội theo hướng sâu sát cơ sở, gần gũi hội viên, nắm chắc tình hình, thấu hiểu những bức xúc của nông dân, những yêu cầu cấp bách của nông nghiệp, nông thôn để kiến nghị với các cấp ủy, chính quyền các cấp giải quyết kịp thời và có hiệu quả. Chú trọng phát triển hội viên cả về số lượng và chất lượng. Đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, toàn tâm, toàn ý, gắn bó với công tác Hội và phong trào nông dân. Cán bộ Hội các cấp công tác ở địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số phải học biết tiếng dân tộc, cán bộ là người dân tộc thiểu số phải biết tiếng phổ thông.

3 - Xây dựng, củng cố tổ chức hội vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động. Phát triển các chi hội nghề nghiệp. Đổi mới nội dung sinh hoạt, đưa sinh hoạt hội vào nền nếp theo quy định của Điều lệ. Phấn đấu đến năm 2008, không còn cơ sở Hội yếu kém.

4 - Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của Hội, đặc biệt ở cấp vĩ mô để tham mưu, đề xuất và tham gia xây dựng các chính sách, luật pháp liên quan đến nông dân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách có liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nông dân. Phối hợp với các ngành, các đoàn thể nhân dân sớm phát hiện những mâu thuẫn nội bộ, làm tốt công tác hòa giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân theo Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ.

5 - Tiếp tục tăng cường củng cố, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước, các tổ chức nông dân trên thế giới nhằm trao đổi, giúp đỡ lẫn nhau về kinh nghiệm quản lý, khoa học - kỹ thuật ; tổ chức các đoàn cán bộ, hội viên nông dân đi nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm ; đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị và đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. ❑

Digitized by Google

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN VẬN VÀO VIỆC THỰC HIỆN ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

BÙI ĐÌNH PHONG*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận bao gồm một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc liên quan tới những vấn đề cơ bản về DÂN. Trên quan điểm giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh cho rằng mỗi cán bộ, đảng viên phải *yêu dân, kính dân, trọng dân, tin dân, lắng nghe, học hỏi dân, liên hệ chặt chẽ và bàn với dân ; nắm vững dân tình, dân ý, dân tâm ; thực hành dân quyền, dân sinh, dân trí, dân chủ ;* làm cho *dân tin, dân phục, dân yêu...* Tóm lại, có một nguyên tắc là *theo đúng đường lối nhân dân.* . Tất cả những nội dung đó liên quan tới và nằm trong công tác DÂN VẬN.

Vậy dân vận là gì ? Đây là một nội dung rộng, nhưng cốt tủy là vận động, từ mỗi người dân đến tất cả lực lượng của toàn dân, không để sót một ai, góp thành lực lượng toàn dân tộc, thực hiện mục tiêu cách mạng từng thời kỳ ; và cuối cùng, như Người dặn lại trong *Di chúc :* "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

Nhìn từ một góc độ khác, có thể hiểu thực chất công tác dân vận là xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với dân. Công tác dân vận là nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Quan điểm dân vận của Hồ Chí Minh là hệ thống lý luận *phát triển,* lý luận *mở,* không phải giáo điều, bất di bất dịch, không phải là một cái gì đã "xong xuôi hẳn", như cách nói của V.I. Lê-nin, mà là kim chỉ nam cho hành động. Nó luôn luôn cần được bổ sung, phát triển theo sự vận động không ngừng của thực tiễn cách mạng. Đồng thời, trong hệ thống đó chứa đựng nhiều quan điểm có tính nguyên tắc, tính chiến lược bền vững lâu dài, nhiều nội dung "bất biến". Trong tiến trình cách mạng, ở các giai đoạn khác nhau, đặc biệt ở những thời điểm nhạy cảm, có tính chất bước ngoặt, phải *"dĩ bất biến, ứng vạn biến".* Nghĩa là lấy cái không thay đổi để ứng phó với mọi điều thay đổi.

Sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng dân vận một mặt nằm trong các nguyên lý, hệ thống quan điểm, phương pháp biện chứng có tính nguyên tắc ; mặt khác, thông qua sự vận dụng và phát triển sáng tạo các quan điểm đó.

Lý luận của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc gắn chặt với công tác dân vận có một điểm rất đáng chú ý. Người mở rộng nội hàm khái niệm DÂN đến tất cả những ai vẫn còn thừa nhận mình là con dân nước Việt. Người thường nói đến "con Rồng cháu Tiên",

* PGS, TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

"đồng bào", "gốc tích Việt Nam", "Hồng Bàng là tổ nước ta", "người chung một nước"... Tâm trí Hồ Chí Minh dồn về đại đoàn kết dân tộc, lấy công nông liên minh làm nòng cốt.

Trong sự nghiệp đổi mới, qua nghiên cứu lý luận và sự vận động của thực tiễn, Đảng ta đã có bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận. Hội nghị Trung ương bảy (khóa IX) đã ra Nghị quyết *"Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*, cụ thể hóa đường lối chiến lược : Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, coi đó là động lực chủ yếu để phát triển đất nước. Nghị quyết này gắn bó chặt chẽ với công tác dân vận. Vì vậy, càng thấm nhuần và quán triệt tư tưởng dân vận Hồ Chí Minh, càng có cơ hội và điều kiện thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới. Hồ Chí Minh viết : "Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công". Hiện nay, Đảng ta chỉ rõ một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc chưa thật bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới là do "nhiều tổ chức đảng, chính quyền còn coi nhẹ công tác dân vận"(1).

Trong giai đoạn mới, vấn đề không phải là xem công tác dân vận đã được đặt ra từ bao giờ và thống kê có bao nhiêu nghị quyết bàn tới công tác dân vận. Nói nhiều, bàn nhiều mới là cấp độ thứ nhất. Điều quan trọng là phải *hiểu thấu* và *làm đúng*. Phải xem chúng ta đã thực hiện công tác dân vận đến đâu, cái gì làm tốt, cái gì chưa tốt. Điều này đã được Hồ Chí Minh đề cập trong lời mở đầu bài *Dân vận* : *"Vấn đề Dân vận* nói đã nhiều, bàn đã kỹ nhưng vì nhiều địa phương, nhiều cán bộ chưa hiểu thấu, làm chưa đúng, cho nên cần phải nhắc lại"(2). Người cũng đã phê phán thái độ coi thường công tác dân vận "xem khinh việc dân vận". Có cấp ủy "cử ra một ban hoặc vài người, mà thường cử những cán bộ kém rồi bỏ mặc họ", còn những cán bộ khác "không trông nom, giúp đỡ, tự cho mình không có trách nhiệm dân vận". Đó là những khuyết điểm và sai lầm rất to, rất có hại. Tình hình ấy đang diễn ra. Và đây là vấn đề đáng quan tâm hàng đầu. Bởi vì, nếu không nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác dân vận thì không thể nói tới các nội dung tiếp theo của công tác dân vận.

Cục diện thế giới đã và đang trải qua nhiều thay đổi chưa từng thấy. Ở trong nước, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang nghiên cứu, quyết tâm quán triệt sâu sắc, thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, biến Nghị quyết Đại hội thành hiện thực. Vấn đề đặt ra đối với công tác dân vận trong giai đoạn mới là trong khi kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" trên cơ sở nhận thức đầy đủ, sâu sắc tầm quan trọng của công tác dân vận, phải đổi mới nội dung và hình thức dân vận để đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng.

Hiện nay, nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân là phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong sự nghiệp cách mạng vẻ vang đó, chúng ta có cả cơ hội lớn và thách thức lớn. Công tác dân vận phải tác động tới từng người, từng gia đình, đến cả cộng đồng xã hội, làm cho mỗi người và tất cả mọi người nhận rõ những thuận lợi và khó khăn của đất nước, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, kiên trì mục tiêu cách mạng, giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống

---

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 11

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 698

Digitized by Google

tinh thần của xã hội ta. Đồng thời, qua công tác dân vận, tạo ra phong trào rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng theo gương Bác Hồ vĩ đại, đẩy lùi sự suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

Một vấn đề rất quan trọng đặt ra cho công tác dân vận là cần phải *"óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm"*. Đây là một tổng kết, phản ánh *quy luật* của công tác dân vận. Công tác dân vận hiện nay phải làm sáng tỏ quy luật đó trên ba phương diện chủ yếu sau :

Một là, phải chú trọng những vấn đề lý luận về công tác dân vận. Không có lý luận cách mạng không thể có phong trào cách mạng. Cần xây dựng một ngành *Dân vận học*. Hoạt động dân vận trước hết là một hoạt động về trí tuệ. Hồ Chí Minh đặt "óc nghĩ" lên hàng đầu với nghĩa như thế. Trên cơ sở nền tảng lý luận là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn cách mạng, công tác dân vận đòi hỏi tính sáng tạo cao. Muốn sáng tạo phải phát huy dân chủ. Có hai yếu tố về dân chủ cần đề cập tới ở đây. *Trước hết,* là mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu lý luận ; *tiếp đến,* dân chủ trong quá trình thực hiện và triển khai công tác dân vận để khơi dậy sáng kiến của người dân. Không phải ngẫu nhiên mà mở đầu bài báo *Dân vận*, Bác Hồ lại bàn đến dân chủ. Bởi vì dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết được mọi khó khăn, liên quan tới công tác tư tưởng, lý luận, công tác dân vận và nhiều lĩnh vực khác. Không khơi nguồn dân chủ - dân chủ chân chính, dân chủ có kỷ cương, có lãnh đạo - không thể có công tác dân vận tốt.

Hai là, suy cho cùng thực chất của công tác dân vận là tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong quy luật của công tác dân vận, Bác nói đến *"tai nghe"*. Đây là biểu hiện thái độ cầu thị của mỗi người và cả hệ thống chính trị trong quá trình làm công tác dân vận. Điều đáng quan tâm là phải thật sự cầu thị nghe những ý kiến khác nhau để tìm ra chân lý. Phải có cách làm khoa học như một "nghệ thuật", phải có cái tâm, cái đức trong sáng mới nghe được ý kiến của dân, nhất là loại ý kiến "nghịch", chân thành góp ý, phê bình cho cán bộ, đảng viên.

Vấn đề đặt ra cấp bách và lâu dài là trách nhiệm của Đảng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng như thế nào cho có hiệu quả. Có rất nhiều việc cần bàn, cần làm, nhưng ở đây xin được nêu ba điểm như là những nhiệm vụ mấu chốt gắn bó chặt chẽ với công tác dân vận. *Thứ nhất,* trên cơ sở một đường lối cách mạng đúng, Đảng phải chú trọng những vấn đề *lý luận về công tác dân vận* để theo kịp sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu của cách mạng, cần làm sáng tỏ những vấn đề quan trọng về công tác dân vận trong công cuộc đổi mới. Học lại, quán triệt và làm theo nội dung bài báo *Dân vận* của Hồ Chí Minh là một cách, nhưng phải vận dụng và phát triển sáng tạo trong tình hình mới. *Thứ hai,* làm cho Đảng trên cơ sở giữ vững *tính giai cấp, tính tiên phong* thường xuyên thấm nhuần *tính quần chúng*. Bác Hồ từng khẳng định, Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là của dân tộc. Đảng theo đúng đường lối quần chúng, bắt rễ sâu xa trong tất cả các tầng lớp nhân dân. Đảng không thiên tư, thiên vị, mà thống nhất với lợi ích của dân tộc, lo việc cho cả nước. *Thứ ba,* Đảng giáo dục *cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất đạo đức* và có *phong cách dân vận tốt.*

Ba là, quy luật của công tác dân vận cho thấy một phong cách nhất quán là phải đi vào thực tiễn, *"từ trong quần chúng mà ra, trở lại nơi quần chúng"*, nói đi đôi với làm và phải làm gương cho quần chúng noi theo. Quan điểm của Bác Hồ về những người làm công tác dân vận là "không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh", dẫn tới "nghị quyết đầy túi áo, thông cáo đầy túi quần". Họ phải thật sự nhúng tay vào việc.

Rất đáng tiếc là, hiện nay vẫn còn tình trạng nói nhiều làm ít, nói mà không làm, nói một đằng làm một nẻo. Một lời hứa thành thật trước dân xuất phát tự đáy lòng ; một thái độ cầu thị yêu cầu nhân dân phê bình mình ; một thái độ

Digitized by Google

dám chịu trách nhiệm trước dân về những sai phạm khuyết điểm và vui lòng từ chức... quả thật còn hiếm trong thời gian vừa qua.

Tại sao hiện nay mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân chưa thật bền chặt ? Tại sao lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc ? Đảng ta đã thẳng thắn chỉ ra "phần vì đời sống còn nhiều khó khăn, phần vì bất bình trước những bất công xã hội và tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng..."(3).

Cách đây hơn 2000 năm, khi bàn về Thuyết Đại đồng và sự bình đẳng, Khổng Tử (551 - 479 trước Công nguyên) đã chỉ rõ : "Người ta không sợ thiếu, chỉ sợ có không đều". Với tinh thần đó, gần bốn mươi năm trước, Hồ Chí Minh đã cảnh báo :

"- Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng ;

- Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên"(4).

Đúng rằng tham nhũng, quan liêu, không công bằng còn nguy hiểm và đáng sợ hơn cả sự thiếu thốn. Điều đó sẽ dẫn tới lòng dân không yên. Chúng ta không chấp nhận sự thiếu thốn, nghèo đói, mà phải phấn đấu thực hiện tăng trưởng kinh tế cao, không để tụt hậu ngày càng xa hơn so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Nhưng giàu có mà không công bằng còn đáng sợ hơn sự nghèo, thiếu, và như vậy sẽ không bao giờ nước mạnh.

Triết lý nhân sinh - hành động của Hồ Chí Minh là làm cho đồng bào "*ai* cũng có cơm ăn áo mặc, *ai* cũng được học hành", thực hiện được điều này là một biểu hiện cụ thể làm cho dân tin, dân phục, dân yêu.

Sức sống mãnh liệt, nguyên tắc xuyên suốt tư tưởng dân vận Hồ Chí Minh là phải đặt nó trên một tiền đề, một điều kiện là phát huy dân chủ. Để xây dựng mọi mặt đời sống kinh tế, chính trị, mặt trận, đoàn thể bàn bạc dân chủ với dân, báo cáo công khai cho dân biết những công việc ở địa phương nhất là những việc liên quan trực tiếp đến lợi ích của người dân.

Cách đây không lâu, ở một địa phương, một cử tri đã trình bày thẳng thắn với đồng chí Tổng Bí thư là trong mệnh đề *"Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra"*, thì chủ yếu mới thực hiện được một vế là *"Dân làm"*. Có thể điều này không diễn ra trên phạm vi cả nước, nhưng rất đáng để chúng ta suy nghĩ. Điều đáng mừng là, nhờ không khí dân chủ mà một người dân có thể trao đổi cởi mở, thẳng thắn với người đứng đầu Đảng ta. Nhưng quả thật nếu dân mới chỉ làm, mà không được biết, không được bàn, không được kiểm tra thì chưa thể gọi là dân chủ.

Trong sự nghiệp đổi mới, tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh đã và đang được Đảng, Nhà nước ta quan tâm, ngày càng nhận thức đầy đủ và có những biện pháp để thực hiện. Những biện pháp đó phải thể hiện tinh thần dũng cảm, trung thực của người cán bộ, đảng viên xuất phát từ tấm lòng *vì dân, vì nước*, để soát xét lại mình và công việc cơ quan, đơn vị mình. Đây cũng là tinh thần Bác Hồ đã nêu, phải chịu trách nhiệm trước dân. Phải lắng tai nghe ý kiến của đảng viên, các đồng chí lão thành cách mạng, cựu chiến binh, cán bộ, công nhân viên, những người có khiếu nại, và đặc biệt là của nhân dân. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh "một giây, một phút cũng không thể giảm bớt mối liên hệ giữa ta và dân chúng. Bởi vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả sự lãnh đạo của ta". "Công tác dân vận cũng như các vấn đề khác không thể giảm bớt mối liên hệ giữa ta và dân chúng". Công tác dân vận cũng như các vấn đề khác không thể thực hiện theo tuần, theo tháng, theo mùa, theo ngày kỷ niệm, mà phải thường xuyên, bền bỉ, không mệt mỏi, không phô trương, hình thức. Liên quan tới điều này là phải có kiểm tra, cùng dân rút kinh nghiệm, có khen, chê, đúng mức. Làm được như vậy, chính là quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận trong giai đoạn mới. ❑

---

(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 11

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 185

Digitized by Google

THỰC HIỆN TỐT LỜI DẠY CỦA BÁC TRONG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ

PHAN TÁ *

NHỮNG năm đầu của chính quyền cách mạng, tuy bận trăm công nghìn việc, nhưng Bác Hồ vẫn dành cho đội ngũ cán bộ tư pháp Việt Nam sự ưu ái và quan tâm đặc biệt. Mùa xuân năm 1948, từ chiến khu Việt Bắc, Bác đã gửi cho Hội nghị Tư pháp toàn quốc bức thư, tuy ngắn gọn nhưng vô cùng sâu sắc.

Trong thư, Bác đánh giá cao vai trò của đội ngũ cán bộ tư pháp với sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Bác viết rằng: "Từ Bộ trưởng, Thứ trưởng đến toàn thể nhân viên, ai ai cũng chịu khó, chịu khổ, tận tụy hy sinh để làm tròn nhiệm vụ. Đó là một sự vẻ vang cho giới tư pháp ta".

Sự đánh giá đó của Bác là phần thưởng cao quý nhất đối với đội ngũ cán bộ tư pháp thời đó, được ghi vào trang sử vàng chói lọi của ngành tư pháp Việt Nam.

Song để tiến bộ hơn nữa, đáp ứng ngày càng tốt hơn sự nghiệp cách mạng, trong thư Bác đã nêu bật bốn vấn đề cốt lõi.

- *Đối với nhân dân*, Bác yêu cầu cán bộ tư pháp phải làm gương cho dân noi theo : Các bạn là bậc trí thức. Các bạn có trách nhiệm nặng nề và vẻ vang là làm gương cho dân trong mọi việc. Dân ta đã đấu tranh một cách rất dũng cảm. Lẽ tất nhiên giới trí thức phải hy sinh đấu tranh dũng cảm hơn nữa để làm gương cho nhân dân.

- *Đối với Chính phủ*, Bác căn dặn cán bộ tư pháp phải tuyệt đối trung thành. Bác viết : Các bạn là viên chức Chính phủ dân chủ cộng hòa mà các bạn đã giúp xây dựng nên. Chính phủ dân chủ của ta tuy còn trẻ tuổi nhưng đã chiến thắng nhiều cuộc thử thách, nó đã chứng tỏ rằng quả thật là đầy tương lai. Do đó, nhiệm vụ của các bạn phải thật tuyệt đối trung thành với chính quyền dân chủ.

- *Đối với công việc*, Bác chỉ rõ : Tư pháp là cơ quan trọng yếu của chính quyền, cho nên phải tinh thần đoàn kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khác để tránh những xích mích lẫn nhau, nó có thể vì quyền lợi nhỏ và riêng mà hại đến quyền lợi to và chung cho cả tư pháp và hành chánh.

- *Đối với việc thi hành pháp luật*, Bác dạy : Các bạn là người phụ trách thi hành pháp luật. Lẽ tất nhiên các bạn phải nêu cao tấm gương "phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư", cho dân noi theo.

Cuối thư, Bác quả quyết rằng : Kháng chiến nhất định thắng lợi, thống nhất độc lập nhất định thành công, dân chủ cộng hòa nhất định vững chắc. Và : Với sự lãnh đạo của Bộ trưởng và Thứ trưởng, tôi chắc hội nghị sẽ có kết quả mỹ mãn(1).

Cũng thời gian này, Bác gửi thư riêng cho ông Vũ Trọng Khánh - Giám đốc Sở Tư pháp Liên khu 10, nhân gia đình có việc hiếu. Sau lời

---

* Luật gia, Thành phố Hồ Chí Minh

(1) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, t 5, tr 52-54

Digitized by Google

chia buồn cùng gia đình, Bác viết : "Anh em tư pháp là những người học thức lại là người giữ gìn pháp luật dân chủ, lẽ tất nhiên anh em phải anh hùng hơn một bước để làm kiểu mẫu cho quốc dân... Anh em tư pháp sao cho xứng đáng với nhiệm vụ thiêng liêng của mỗi người, xứng đáng với lòng tin cậy của chính phủ, xứng đáng với lịch sử, với đồng bào, với tổ quốc". Đề cập đến cuộc sống cá nhân của cán bộ tư pháp, Bác viết : "Ai chẳng muốn no cơm, ấm áo. Nhưng sinh hoạt vật chất, hết đời người đó là hết. Còn tiếng tăm tốt hay xấu sẽ truyền đến ngàn đời về sau"(2).

Qua các bức thư đó, Bác xác định cán bộ tư pháp là bậc trí thức, là viên chức nhà nước, là người phụ trách thi hành pháp luật. Còn cơ quan tư pháp, là cơ quan trọng yếu của chính quyền dân chủ. Cho nên, cán bộ tư pháp phải là tấm gương cho dân noi theo ; phải tuyệt đối trung thành với chính phủ ; phải chăm lo việc chung, giữ gìn phép nước ; đoàn kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khác mới hoàn thành trọng trách được giao.

Những điều Bác dạy trên đây đã trở thành phương châm hành động của các cơ quan tư pháp suốt hơn 50 năm qua. Đội ngũ cán bộ tư pháp qua nhiều thế hệ thấm nhuần sâu sắc và tổ chức thực hiện nghiêm túc những lời Bác dạy, đã góp phần xứng đáng vào việc xây dựng nền tư pháp kiểu mới, thực sự của dân, do dân, vì dân ; phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Riêng đội ngũ cán bộ tư pháp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án thực sự là đạo quân luôn đứng vững trên tuyến đầu đấu tranh chống các loại tội phạm ; bảo vệ pháp chế và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa ; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã đánh giá : "Có thể nói, quyền lực tư pháp đã được thực hiện có hiệu quả với sự đóng góp lớn lao của toàn bộ hệ thống tư pháp"(3).

Để đưa sự nghiệp tư pháp vươn lên tầm cao mới, thực hiện tốt hơn nữa những điều Bác dạy, phục vụ sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới, Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ : "Cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp". Để triển khai thực hiện Nghị quyết đó, ngày 2-1-2002, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 08/NQ-TƯ về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. Theo Nghị quyết thì, cải cách tổ chức và phương thức hoạt động tư pháp bao gồm tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án, các cơ quan tổ chức bổ trợ tư pháp như công chứng, giám định tư pháp, hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp, luật sư, tư vấn pháp luật... Trong đó, chọn cải cách tòa án làm khâu đột phá, vì tòa án có vai trò đặc biệt quan trọng; phán quyết của tòa án thể hiện kết quả cuối cùng của cả quá trình tố tụng. Vậy nên, đi cùng với cải cách tổ chức, phương thức hoạt động của tòa án, cần coi trọng cải cách tổ chức phương thức hoạt động của các cơ quan điều tra, kiểm sát và thi hành án, vì đây là những mắt xích quan trọng trong quá trình tố tụng, vừa hợp ý Đảng lại vừa hợp lòng dân.

Để thực hiện nghiêm túc những điều Bác dạy và thực hiện thành công Nghị quyết 08 NQ/TƯ của Bộ Chính trị, xin được nêu lên mấy vấn đề để cùng tham khảo :

Vấn đề thứ nhất, Đảng phải lãnh đạo trực tiếp, toàn diện đối với mọi hoạt động của các cơ quan tư pháp cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Có như vậy, mới bảo đảm cho mọi hoạt động tư pháp theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng ; Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước ; nhất là trong tình hình hiện nay. Buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, hoặc "khoán trắng" cho các cơ quan tư pháp nhất định sẽ dẫn đến sai lầm, thậm chí là sai lầm nghiêm trọng, nhất là đối với các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, vụ án tham nhũng và các vụ án có tổ chức.

---

(2) Trích thư của Bác gửi ông Vũ Trọng Khánh. Hiện đang lưu giữ tại Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam

(3) *Tạp chí Cộng sản*, số 10, tháng 4-2002, tr 3

Digitized by Google

Trước đây, khi có vụ án quan trọng, các đồng chí Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt, Phạm Hùng, Trần Quốc Hoàn phải trực tiếp chỉ đạo và huy động đến 50 - 60 chuyên gia của các cơ quan tổ chức, kiểm tra, thanh tra, công an, tòa án, kiểm sát, giám định tư pháp... tham gia để có kết luận đúng đắn về vụ án đó, đề phòng tình trạng thiếu khách quan trong các hoạt động tư pháp.

Vấn đề thứ hai, tăng cường củng cố, xây dựng đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, thư ký tòa án, hội thẩm nhân dân, chấp hành viên, công chứng viên, luật sư, luật gia có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, tận trung với Đảng, tận hiếu với dân ; chí công vô tư ; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, như một nhà luật học nổi tiếng của Liên Xô đã khẳng định : "Đạo quân đánh án phải có cái tâm trong sáng, quả tim rực lửa, hai bàn tay vàng" mới giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống các loại tội phạm. Cán bộ tư pháp mà trước hết là những điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, chấp hành viên cần nhạy cảm, sắc bén, đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn tấn công của bọn tội phạm. Trong tình hình hiện nay, nhiều kẻ phạm tội cỡ bự đang tìm đủ mọi thủ đoạn hiểm độc để tìm ô dù "che mưa, che nắng" ; nhiều cán bộ tư pháp đã mất cảnh giác, sa vào cạm bẫy chực sẵn. Cán bộ tư pháp phải là tấm gương sáng cho toàn dân noi theo, như Bác Hồ thường căn dặn : "Anh em tư pháp sao cho xứng đáng với nhiệm vụ thiêng liêng của mỗi người, xứng đáng với lòng tin cậy của chính phủ, xứng đáng với lịch sử, với đồng bào, với Tổ quốc".

Vấn đề thứ ba, thước đo cao nhất để đánh giá kết quả cải cách hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án là hiệu quả đánh án kịp thời triệt để, nghiêm minh ; không để oan người vô tội, không để lọt kẻ phạm tội. Muốn vậy, trong đánh án, nhất là đánh các vụ án hình sự trọng điểm phải đạt được 5 yêu cầu cơ bản sau đây :

- Phải tiến hành phát hiện, thu thập, củng cố, kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ thật khách quan, thận trọng để nhận định vụ án có xảy ra hay không ? Nếu xảy ra thì ai là kẻ phạm tội ; tội nặng hay nhẹ ; phạm vào điều, khoản nào của Bộ luật Hình sự ? Từ đó, mà xử lý án một cách nghiêm minh theo luật định như Bác thường căn dặn là phải "chí công vô tư".

- Để mở rộng công tác đánh án, phải hiểu biết vụ án sâu rộng, đầy đủ hơn so với khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, để đánh cả cụm, cả ổ, cả đường dây phạm tội, thậm chí có vụ phải đánh tận sào huyệt của chúng ; không thu gọn, "vo tròn" vụ án, đặc biệt không được chùn bước trước các vụ án về an ninh, tham nhũng, án có tổ chức.

- Thông qua từng vụ án để nhìn nhận những sơ hở, thiếu sót của ta từ các văn bản pháp luật, từ việc thực thi nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, đoàn thể, tổ chức xã hội và quần chúng, của các cơ quan đánh án, v.v..

- Phải thu hồi trọn vẹn tài sản của Nhà nước, của nhân dân mà bọn phạm tội chiếm đoạt được. Đây cũng là khâu yếu nhất trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của chúng ta hiện nay. Có thể đánh giá không quá rằng : Tài sản của Nhà nước, của nhân dân bị bọn phạm tội chiếm đoạt bằng con voi, nhưng chúng ta mới chỉ thu lại bằng con tem dán trên lưng con voi đó.

- Nạn bảo kê, ô dù để "che mưa, che nắng" cho bọn phạm tội có hiện tượng gia tăng, gây biết bao tai họa cho nước, cho dân. Vậy nên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phải phát hiện và xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức nhà nước lợi dụng quyền uy làm ô dù, bảo kê cho bọn phạm tội.

Các yêu cầu trên đây là một thể thống nhất trong đánh án, có mối quan hệ mật thiết với nhau, thể hiện đầy đủ phương châm "phòng ngừa tích cực, tấn công liên tục bọn phạm tội". Muốn đảm bảo thắng lợi trong đánh các vụ án hình sự, đòi hỏi phải có sự hợp đồng tác chiến chặt chẽ giữa các cơ quan đánh án và các cơ quan khác,

(Xem tiếp trang 26)

Digitized by Google

QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA không chỉ là phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất

LÊ XUÂN TÙNG *

BẰNG nhiều con đường khác nhau, lâu nay từ nước ngoài du nhập vào nước ta những ấn phẩm chứa đựng những luận điểm sai trái. Một trong những luận điểm đó là : quan hệ sản xuất mà chúng ta đang xây dựng chỉ là phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất. Họ nói rằng, vì chúng ta không làm như vậy mà chủ trương xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa bằng mọi giá nên lực lượng sản xuất thấp kém, trì trệ.

Luận điểm đó lâu ngày cũng dần dần "thấm" vào một số người. Gần đây, trong một số hội thảo khoa học, đâu đó cũng có người trưng ra luận điểm đó. Có người tuy không trực diện nêu lên quan hệ sản xuất chỉ là phương tiện, nhưng nội dung trình bày lại không khác gì lắm so với luận điểm đó. Những ý kiến không đồng tình với họ, theo chúng tôi, tuy có nhiều, nhưng chưa được luận giải một cách rõ ràng và đầy đủ. Trong khi đó, tác động tiêu cực của luận điểm sai trái này trong xã hội chúng ta ngày càng nhiều.

Bài viết này muốn góp phần nhỏ vào việc làm sáng tỏ nhận thức về vấn đề trên, phân tích đâu là chỗ hợp lý cần tiếp thu, đâu là chỗ sai trái cần đấu tranh phê phán.

Như chúng ta đều biết, quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất là hai mặt của phương thức sản xuất. Quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của sản xuất. Một lực lượng sản xuất tồn tại và phát triển trong một quan hệ sản xuất nhất định. Hai mặt này tác động qua lại lẫn nhau, trong đó tác động của lực lượng sản xuất giữ vai trò quyết định. Đúng là quan hệ sản xuất là phương tiện quan trọng để phát triển lực lượng sản xuất. Điều đó diễn ra khi quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Nhấn mạnh ý nghĩa "phương tiện" của quan hệ sản xuất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất (khi có sự phù hợp) là hợp lý và cần thiết.

Kinh nghiệm đã qua, trên thế giới hay ở nước ta cho thấy, mỗi khi coi nhẹ điều này thì phải trả giá như thế nào. Không thể bằng mọi giá xây dựng quan hệ sản xuất mới bất chấp tình trạng thấp kém của lực lượng sản xuất. Nói cách khác, đó là kiểu tư duy xây dựng quan hệ sản xuất vì quan hệ sản xuất - một mục đích tự thân. Từ những năm 50 đến những năm 70 của thế kỷ trước, việc lãnh đạo và quản lý kinh tế của chúng ta nặng về khuynh hướng này. Chúng ta thường đặt nhiệm vụ ngắn hạn cho việc hoàn thành những nhiệm vụ dài hạn của việc xây dựng quan hệ sản xuất, như cải

* GS

Digitized by Google

tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp... hoặc đưa quy mô và tính chất của đơn vị kinh tế tập thể và quốc doanh lên bậc cao. Những việc làm đó thường được một số nhà lý luận lúc đó giải thích rằng : "Xây dựng quan hệ sản xuất mới để **mở đường** cho lực lượng sản xuất phát triển". Đến Đại hội lần thứ VI của Đảng, với tư duy mới, chúng ta nhận ra rằng, quan hệ sản xuất là vật cản của lực lượng sản xuất không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất đi sau mà còn cả trong trường hợp vượt lên trước, tách rời lực lượng sản xuất. Nguyên lý quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất bao giờ cũng đúng trên mỗi bước phát triển. Nói cách khác, nó phải là phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất. Chính vì vậy, từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, chúng ta luôn luôn cố gắng thiết lập sự đồng bộ giữa các yếu tố trong quan hệ sản xuất, trong lực lượng sản xuất và giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất. Điển hình nhất là những sự thay đổi trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Cơ chế "khoán 100" và "khoán 10" đã làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất, thúc đẩy sự tiến bộ vượt bậc của nền nông nghiệp nước ta. Trong kinh tế nhà nước, ở tất cả các ngành nghề, từ trên 12 000 doanh nghiệp nay sắp xếp lại còn trên 4 000 doanh nghiệp. Một lộ trình thay đổi, điều chỉnh đến năm 2005 đã được vạch ra liên quan đến doanh nghiệp nhà nước sẽ làm cho số lượng tuyệt đối của chúng giảm hơn nữa, nhưng hiệu quả kinh doanh và tính cạnh tranh của chúng thì tăng lên. Với các hình thức đa dạng của quan hệ sản xuất mà chúng ta thiết lập trong khu vực kinh tế nhà nước như cổ phần hóa ; giao, bán, khoán, cho thuê ; công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ; công ty mẹ, công ty con ; tập đoàn kinh tế..., chúng ta đã đem lại cho khu vực kinh tế này một luồng sinh khí mới, sống động. Chắc chắn rằng, nhờ đó mà lực lượng sản xuất của khu vực kinh tế nhà nước sẽ không ngừng tăng lên.

Chúng ta coi trọng vai trò của quan hệ sản xuất với tư cách là phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất. Nhưng không thể từ đó mà đi đến kết luận rằng, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chỉ đơn thuần là phương tiện để phát triển sản xuất. Nếu như vậy, sẽ hạ thấp vai trò, vị trí của nó, và về mặt chiến lược, sẽ coi nó ngang bằng với một số quan hệ sản xuất khác. Đành rằng, trước đây chúng ta có phần coi nhẹ vai trò là phương tiện của nó, nhưng nay lại chỉ thấy vai trò đó mà quên mất vai trò là **mục tiêu** của nó thì không đúng. Cách sửa một sai lầm cực đoan này bằng một sai lầm cực đoan khác như thế thì sự vật vẫn méo mó, không hoàn chỉnh. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phải vừa là phương tiện, vừa là mục tiêu của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta đều biết, mỗi hình thái - kinh tế xã hội có một quan hệ sản xuất thống trị. Gắn liền với quan hệ sản xuất thống trị có một giai cấp đại diện cho quan hệ sản xuất đó ; giai cấp này đứng ở vị trí trung tâm của quyền lực chính trị, phải bảo vệ và phát triển quan hệ sản xuất đó - cái mà từ ban đầu còn non yếu về số lượng và chất lượng, tiến tới định hình như một yếu tố nền tảng, chi phối nền sản xuất. Nó trở thành cốt lõi cơ sở hạ tầng của kiến trúc thượng tầng, của chế độ chính trị - xã hội. Giai cấp công nhân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo không thể là một ngoại lệ, nên cũng phải xây dựng, bảo vệ và phát triển quan hệ sản xuất do mình đại diện - quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Quyền lực về chính trị nếu không dựa trên một quan hệ kinh tế vững chắc thì không thể được bảo đảm lâu dài.

Ngay cả các học giả tư sản cũng không bao giờ ngây thơ trong việc xem xét quan hệ sản xuất, cụ thể là không bao giờ coi quan hệ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa chỉ là phương

Digitized by Google

tiện đơn thuần để phát triển lực lượng sản xuất. Họ ra sức quảng bá và bảo vệ quan hệ sở hữu đó, thậm chí luật hóa nó như một nguyên tắc thiêng liêng bất khả xâm phạm. Ngay từ thời cận đại, nhà kinh tế học hàng đầu của kinh tế học tư sản là A-đam Smít đã cho rằng, tính tư hữu là bản chất tự nhiên vốn có của con người. Nó là vĩnh cửu. Xem ra, về vấn đề này, quan điểm của giai cấp tư sản và các nhà lý luận của họ là kiên định, không thay đổi từ trước tới nay.

Như vậy, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa càng không thể chỉ là phương tiện, mà còn phải là mục tiêu của nền sản xuất trong chế độ chúng ta. Chỉ nhấn mạnh mục tiêu mà coi nhẹ phương tiện hoặc ngược lại, chỉ nhấn mạnh phương tiện mà coi nhẹ mục tiêu thì sẽ phiến diện, nguy hại như nhau.

Hiện nay, một khuynh hướng đang nổi lên, không thể xem thường, là nhấn mạnh mặt phiến diện thứ hai. Khuynh hướng này biểu hiện dưới những hình thái khác nhau.

Có một số người lập luận rằng, bất cứ phương tiện nào phát triển được lực lượng sản xuất thì đều được coi trọng và ra sức sử dụng. Mục tiêu cuối cùng phải là phát triển sản xuất. Cho nên, việc sử dụng loại hình quan hệ sản xuất nào là không quan trọng ; kinh tế xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế cá thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài... đều như nhau cả.

Dĩ nhiên, chúng ta sử dụng tất cả những thành phần kinh tế có lợi cho sự phát triển của đất nước, nhưng không thể không vun đắp cho thành phần kinh tế tạo thành nền tảng và đóng vai trò chủ đạo của nền kinh tế đất nước. Trong "Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tháng 12-1959", Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Kinh tế quốc doanh là hình thức sở hữu của toàn dân, nó lãnh đạo nền kinh tế quốc dân và Nhà nước phải đảm bảo cho nó phát triển ưu tiên"(1).

Chỉ có điều là, ngày nay chúng ta không quay trở lại chế độ bao cấp tràn lan như trước đây, bởi nó vừa làm yếu kinh tế quốc doanh, vừa có hại cho cả nền kinh tế, mà trong trường hợp thật cần thiết, chúng ta ưu đãi kinh tế quốc doanh có điều kiện và có thời hạn để sớm làm cho nó đứng vững trên đôi chân của mình, xứng đáng là trụ cột của nền kinh tế.

Một số người khác cho rằng, không nên phân chia nền kinh tế theo tiêu chí quan hệ sản xuất mà lâu nay vẫn làm, như kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể và tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Theo họ, cách phân chia đó dẫn đến việc phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế trong và ngoài nhà nước, không có lợi cho việc phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế khác. Thay vì phân chia theo tiêu chí quan hệ sản xuất, nên phân chia nền kinh tế theo tiêu chí doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn. Họ cho rằng, chỉ bằng cách xóa bỏ mọi dấu hiệu quan hệ xã hội của sản xuất thì mới có sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế (!).

Xin nhắc lại rằng, cách phân chia nền kinh tế theo tiêu chí quan hệ sản xuất không phải là mới. V.I. Lê-nin đã áp dụng cách phân chia đó từ năm 1921, trong tác phẩm "Bàn về thuế lương thực". Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ năm 1959, đã cho rằng, nền kinh tế nước ta có các loại sở hữu sau :

- Sở hữu nhà nước, tức là sở hữu của toàn dân.

- Sở hữu của hợp tác xã, tức là sở hữu tập thể của nhân dân lao động.

---

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập.* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 9, tr 588

Digitized by Google

- Sở hữu của người lao động riêng lẻ.

- Một ít tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của nhà tư bản(2).

Theo chúng tôi, khi phân chia nền kinh tế, không nên gò ép nó vào một cách thức nào đó, mà có nhiều cách phân chia, xuất phát từ mục đích, ý đồ của người nghiên cứu.

Nếu muốn biết tương quan giữa các thành phần kinh tế thì phải phân chia chúng theo tiêu chí quan hệ sản xuất. Nếu muốn biết quy mô của các doanh nghiệp thì phải phân chia chúng theo tiêu chí doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn. Và, để phù hợp với những mục đích nghiên cứu khác, cũng có thể phân chia chúng theo trình độ công nghệ, theo khu vực địa lý, theo ngành nghề, lĩnh vực kinh tế, v.v.. Rõ ràng, cách phân chia này không loại trừ cách phân chia kia. Mỗi cách phân chia có nhiệm vụ tìm hiểu một mặt của vấn đề và chúng thường bổ sung cho nhau. Cho nên, cuộc tranh luận về phân chia nền kinh tế theo cách nào, theo quan hệ sản xuất hay theo quy mô doanh nghiệp, là vô nghĩa.

Như vậy, lập luận phân chia nền kinh tế theo quan hệ sản xuất sẽ dẫn đến việc phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế trong và ngoài nhà nước là hoàn toàn không đúng. Nếu có sự phân biệt đó thì nguyên nhân không phải ở sự phân chia. Cần thấy rằng, lãnh đạo và quản lý một nền kinh tế mà không biết tương quan giữa các thành phần kinh tế thì thiếu hẳn một kênh thông tin quan trọng. Chúng ta cần biết được điều đó để điều chỉnh cơ cấu giữa các thành phần kinh tế cho phù hợp với đường lối, chủ trương của chúng ta, không để cho các thành phần kinh tế phát triển tự phát hoặc phát triển một cách vô căn cứ, dù đó là kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể hay kinh tế tư nhân. Nếu tỷ trọng kinh tế nhà nước trong nền kinh tế quốc dân quá cao nhưng hiệu quả kinh tế kém, hoặc ngược lại, kinh tế tư nhân có tiềm năng lớn nhưng chưa được phát huy, tỷ trọng trong nền kinh tế quốc dân quá thấp, thì cũng cần phải điều chỉnh bằng chính sách, giải pháp phù hợp.

Có một số người còn đi xa hơn, theo hướng hoàn toàn phủ định quan hệ sản xuất. Họ cho rằng, trong nền kinh tế tri thức, với những nhà máy tự động hóa, những rô-bốt chấp hành vô điều kiện sự điều hành của con người - đẳng cấp trí tuệ lãnh đạo xã hội và quá trình sản xuất, quan hệ sản xuất ở đây chỉ có thể là quan hệ giữa con người và máy móc. Luận điểm này sai vì xem xét quan hệ giữa con người và máy móc chỉ thuần túy về mặt kỹ thuật và giới hạn trong một nhà máy. Hơn nữa, luận điểm này sai vì quan hệ sản xuất không phải là quan hệ trực tiếp giữa người và vật, mà là quan hệ giữa người và người với vật. Vì vậy, dù trong hình thái kinh tế - xã hội nào thì quan hệ sản xuất vẫn tồn tại một cách khách quan, dù nền sản xuất nằm ở trình độ kỹ thuật nào.

Thực tiễn gần 17 năm đổi mới đất nước, kể từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, đã chứng minh một cách thuyết phục rằng, *quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa vừa là phương tiện, vừa là mục tiêu của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.* Chúng ta ngày càng kết hợp hài hòa hai mặt đó với nhau để phát triển kinh tế mà mới nhìn bề ngoài thì hình như chúng đối lập nhau, không dung hợp và loại bỏ nhau. Làm được như vậy cũng có nghĩa là chúng ta vừa phát triển kinh tế, vừa bảo đảm được định hướng chính trị trong kinh tế. Thực tiễn vừa qua càng củng cố niềm tin của chúng ta vào việc kiên định thực hiện quan điểm : quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không chỉ là phương tiện mà còn là mục tiêu của nền sản xuất trong chế độ chúng ta. ❑

(2) Xem Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 588

Digitized by Google

CHỨC NĂNG XÃ HỘI CỦA VĂN NGHỆ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA VĂN NGHỆ SĨ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

HÀ XUÂN TRƯỜNG

Có hai vấn đề lớn mà hội nghị nào bàn về văn học nghệ thuật cũng đặt lên hàng đầu :

1- Sáng tạo những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao có tác dụng sâu sắc giáo dục con người mới.

2- Đẩy mạnh công tác lý luận phê bình, xem đó là đòn bẩy cho sự nghiệp sáng tạo văn học nghệ thuật.

Và tình hình bao giờ cũng được kết luận là còn quá ít tác phẩm hay, công tác lý luận phê bình kém.

Thực trạng quả thật có như thế, nhưng trên một số mặt nào đó thì không hoàn toàn như thế. Hai mươi tám năm qua, kể từ ngày 30-4-1975, văn nghệ nước ta có những bước phát triển mới, chỉ có một vấn đề đáng chú ý là gần như không có những đột phá trong sự phát triển trong lúc cuộc sống rất sôi động, xã hội đầy mâu thuẫn đan xen đòi hỏi được soi sáng, giải quyết.

Tôi nói "gần như" có nghĩa đã có lúc đã có những hiện tượng đột phá, nhưng từ phía lãnh đạo, hay nói rộng ra trên mặt trận lý luận, phê bình không có hoạt động tương ứng, ủng hộ cho sự đột phá đúng hướng của văn học, nghệ thuật gắn bó với xã hội. Tôi nhớ, trước Đại hội lần thứ VI của Đảng đầu những năm 80 đã có *Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng, *Đứng trước biển, Cù lao Tràm* của Nguyễn Mạnh Tuấn, *Khách ở quê ra* và một số truyện ngắn khác của Nguyễn Minh Châu, có phim điện ảnh *Hy vọng cuối cùng* của Trần Hoàng Bích và Trần Phương, *Bao giờ cho đến tháng Mười* của Đặng Nhật Minh, sân khấu có *Tôi và Chúng ta* và một loạt vở khác của Lưu Quang Vũ, *Nhân danh công lý* của Võ Khắc Nghiêm và Doãn Hoàng Giang, v.v.. Sự đột phá đang được nhen nhóm thì ngay sau Đại hội VI bị một khuynh hướng khác mà tôi tạm gọi là cơ hội chủ nghĩa nhân danh "đổi mới" làm rối tình hình, cho đổi mới là phủ định hoàn toàn quá khứ. Tuyệt đối hóa cái "tôi", đề cao bản năng, xem nhẹ thậm chí xóa bỏ chức năng giáo dục của văn nghệ. Một số tác phẩm theo khuynh hướng ấy đều được tung hô lên thành "hiện tượng", thành "sự kiện". Một cuộc đấu tranh diễn ra, nhưng không triệt để, thỏa hiệp, làm cho trắng đen lẫn lộn, tình hình kéo dài cho đến hôm nay vẫn còn chưa hết lùng nhùng. Những quan điểm sai trái đánh giá văn nghệ cách mạng và kháng chiến vẫn có mặt trên một số báo chí, thậm chí in thành sách do nhà xuất bản nhà nước ấn hành.

Digitized by Google

Có "đổi mới" và "đổi mới". Đổi mới bắt đầu từ đâu và nhằm đi đến đâu, tư tưởng, chính trị của vấn đề đổi mới trong văn học, nghệ thuật là sự phân biệt đó. Khuynh hướng "đổi mới" cơ hội chủ nghĩa được các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội bên ngoài ủng hộ. Chúng ủng hộ thiết thực bằng cho giải thưởng, xuất bản và mời đi thăm, trao đổi, hy vọng tạo được lực lượng đối kháng ngay trong sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta. Kết quả của sự đấu tranh thiếu triệt để, việc quản lý nhiều sơ hở là ta dần dần mất quần chúng. Quần chúng chơ vơ và tự họ đi tìm nguồn thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ nghệ thuật của họ, đặc biệt quần chúng thanh niên, tầng lớp thị dân mới chạy theo các thứ giật gân, và rơi vào quỹ đạo "văn hóa đại chúng" của phương Tây.

Trong ba khâu nghệ thuật (sáng tác, phổ biến, công chúng), ta ít bàn đến công chúng (public) là khâu quyết định cuối cùng. Cần quan tâm hơn đến vấn đề sống còn của nghệ thuật là xây dựng cho được một quần chúng đông đảo thưởng thức nghệ thuật lành mạnh. Phục vụ đối tượng, đồng thời thưởng thức nghệ thuật lành mạnh. Phục vụ đối tượng, đồng thời chúng ta cũng phải tạo ra đối tượng của chúng ta. Muốn vậy phải có tác phẩm có giá trị cao đáp ứng được yêu cầu của nhân dân.

Để có những tác phẩm có giá trị về mặt sáng tác cũng như lý luận phê bình, trong tình hình hiện nay, nên nắm lại đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng, trước hết *đề cao chức năng xã hội của văn nghệ và trách nhiệm xã hội của người văn nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa.*

Mặt mạnh của văn nghệ xã hội chủ nghĩa - nói cách khác : Văn nghệ mác-xít - là phân tích xã hội, phát hiện, vạch rõ các mâu thuẫn xã hội, dự báo con đường tiến lên của xã hội, góp phần cải tạo xã hội theo chuẩn mực của chủ nghĩa xã hội. Tính chất nhân văn cao cả của văn học, nghệ thuật theo quan niệm của C. Mác chính ở chỗ đó, tính chất nhân loại của văn học nghệ thuật cũng chính là chỗ đó. Theo C. Mác, giữa tính đảng, tính giai cấp, tính dân tộc, tính nhân loại có sự khác biệt, nhưng về cốt lõi các tính ấy là nhất trí vì mục tiêu đấu tranh cho phẩm giá của con người, tất cả vì con người.

Nói đến đường lối văn nghệ của Đảng, nói đến văn nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng theo quan điểm truyền thống phải nói đến tính đảng vô sản, nói đến thế giới quan mác xít, nói đến chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Những năm gần đây, những khái niệm ấy gần như bị lãng quên, bị coi là lỗi thời. Vấn đề đặt ra là những khái niệm ấy còn giá trị nữa không. Trong lúc xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra như vũ bão, cùng với nó là cuộc đấu tranh vừa phức tạp vừa ác liệt trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hóa, quân sự giữa các thế lực giai cấp, dân tộc, tôn giáo chứng minh cách nhìn thế giới của C.Mác, V.I. Lê-nin là đúng đắn mà nhiều nhà nghiên cứu Mác học ngày nay của giai cấp tư sản phải công nhận, thì chính những người trước đây tự cho mình là mác xít lại quay lưng lại với chủ nghĩa Mác, hạ thấp chức năng xã hội của văn học, nghệ thuật, hoặc sử dụng nó đánh lại sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, phủ định, xuyên tạc, những thành tựu mà Đảng và cả một đội ngũ văn nghệ sĩ đầy tâm huyết và tài năng đưa lại cho sự phát triển văn học nghệ thuật Việt Nam.

Họ đã nói gì về văn học nước ta giai đoạn 1945 - 1975 và còn lải nhải cho đến hôm nay ? Họ nói : - Đó là khúc gãy làm gián đoạn tiến trình hiện đại hóa văn học dân tộc đã dấy lên từ đầu thế kỷ, nhất là từ 1930 - 1945, mãi tới 1986 mới được nối lại ; - Giai đoạn cả nước hy sinh các lợi ích của nghệ thuật cho nhiệm vụ chính trị thuần túy ; - Giai đoạn văn học chính trị đơn nghĩa, không phải là nghệ thuật đích thực đa nghĩa ; - Văn học ghi chép

Digitized by Google

người thật việc thật ; - Văn học che đậy sự thật ; - Văn học sử thi cổ lỗ, v.v.. Họ nói "Chiến tranh đòi hỏi chủ nghĩa anh hùng... Nhưng anh hùng cũng là phi thường. Con người ta không thể sống mãi với cái phi thường. Chính cái bình thường mới là vĩ đại...". Họ lấy cái gọi là "đời thường" để chống lại cái "anh hùng", v.v..

Chúng ta thử tưởng tượng một nước Việt Nam mới trên con đường công nghiệp hóa; hiện đại hóa mà không kế thừa chủ nghĩa anh hùng thời chiến tranh, không tạo cho được một chủ nghĩa anh hùng mới trong xây dựng sẽ đi đến đâu. Chúng ta hãy tưởng tượng một nền văn nghệ dân tộc Việt Nam bị tước bỏ giai đoạn 1945-1975 sẽ là một nền văn học què quặt như thế nào. Thâm tâm của một số người có quan niệm như thế nên mục tiêu của họ nhằm vào không phải chỉ có văn học và nghệ thuật, mà toàn bộ hai cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam. Họ mưu toan cùng với các thế lực thù địch từ bôi nhọ đi đến xóa bỏ niềm tự hào của dân tộc, đồng thời là niềm tự hào của nhân loại tiến bộ trong thế kỷ XX về hai cuộc chiến tranh thần thánh của Việt Nam chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ.

Văn nghệ là hình thái đặc biệt của ý thức xã hội. Văn nghệ đời thường và văn nghệ anh hùng là hai mặt của cuộc sống phải được thể hiện phong phú, đa dạng, có những tác phẩm hay như Đảng và quần chúng mong đợi. Tôi cho rằng, một trong những nguyên nhân gốc của sự thiếu những tác phẩm có tầm cỡ là do lực lượng cốt cán của văn nghệ ta không bám chắc những vấn đề lớn của xã hội, về phía lãnh đạo thiếu sự mạnh dạn khuyến khích văn nghệ sĩ dám xông xáo vào những vấn đề nóng hổi của cuộc sống, người văn nghệ sĩ còn thiếu tự tin, do đó phê phán các hiện tượng tiêu cực không đến tận cùng cũng như ca ngợi chủ nghĩa anh hùng của nhân dân chưa đến đỉnh. Phê phán không đi đến tận cùng, ca ngợi không lên tới đỉnh thì không thể có đỉnh trong tác phẩm.

Trong Thông báo Hội nghị lần thứ bảy (lần 2) của Trung ương Đảng, khóa IX, vừa qua, về phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc có nêu lên hàng đầu một nhận định : "... Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân tuy đã được chăm lo củng cố phát triển, nhưng chưa thật bền chặt và đang đứng trước thách thức mới ; lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc, có phần vì đời sống khó khăn, vì bất bình trước những bất công xã hội, trước tình hình tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng, kỷ cương, pháp luật nhiều lúc, nhiều nơi bị buông lỏng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp, trật tự an toàn xã hội còn phức tạp. Các vụ kiện đông người vẫn còn nhiều, có lúc, có nơi gay gắt ; hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu kém về nhiều mặt. Những hạn chế, yếu kém trên do nhiều nguyên nhân : *Đảng chưa phân tích và dự báo đầy đủ những biến đổi trong cơ cấu giai cấp - xã hội và những mâu thuẫn nảy sinh trong nội bộ nhân dân...*" (Tôi nhấn mạnh).

Tôi cho đây là nguyên nhân sâu xa, một vấn đề rất quan trọng liên quan trực tiếp đến vai trò của văn học nghệ thuật trong tình hình hiện nay đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước theo các mục tiêu của Đại hội IX của Đảng. Văn nghệ theo định hướng xã hội chủ nghĩa phải làm sáng tỏ những biến đổi trong cơ cấu giai cấp, các tầng lớp trong xã hội, phát hiện những nhân vật mới của thời đại mới. Không vì những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng thuyết "đấu tranh giai cấp" trước đây mà xa rời quan điểm giai cấp, trái lại, người văn nghệ sĩ cách mạng phải có một cách nhìn mới, sâu sắc bắt nguồn từ thực tiễn nước ta mà đi sâu phản ánh những chuyển biến xã hội nước ta từ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đưa lại và thực thi chiến lược phát huy nội lực đại đoàn kết toàn dân của Đảng.

Digitized by Google

Đối với người mác-xít, phê bình văn học đồng thời cũng là phê bình cuộc đời ; văn học là sự phản chiếu có chủ định cuộc đời muôn màu muôn vẻ, các quan hệ rối rắm và phức tạp giữa con người trong xã hội. Người phê bình văn học phải gắn bó với cuộc sống rất lâu, rất đậm mới làm được vai trò hướng dẫn dư luận, thúc đẩy sáng tạo, góp phần cải tạo cuộc sống theo lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Trong việc hiểu biết cuộc sống, hiểu biết con người, giữa người sáng tác và người phê bình yêu cầu là như nhau. Hàng chục năm nay, trên văn đàn, sự tranh luận về học thuật không ít, nhưng thiếu vắng những cuộc tranh luận chung quanh cuộc sống với văn học. Tôi có cảm giác một số không ít trong chúng ta cho rằng đó là phê bình xã hội học phục vụ nhiệm vụ chính trị hơn là công việc của bản thân văn học. Người ta đề cao văn học tự thân, cho việc gắn bó văn học với cuộc sống là buộc mình vào chính trị, làm tầm thường hóa văn học. Tôi không phản đối việc chia ra phê bình xã hội học và phê bình cảm thụ, mỗi phong cách có những nét riêng, nhưng tôi cho rằng tách phê bình văn học ra khỏi hiện thực cuộc sống là sai lầm, đưa phê bình văn học vào ngõ cụt, xa rời quan điểm của Hồ Chí Minh và của Đảng ta : "Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận", "văn hóa, nghệ thuật phải ở trong kinh tế và chính trị", "ngòi bút cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà...".

Chúng ta tránh rơi vào khuynh hướng xã hội học tầm thường, cứng nhắc, phi mác-xít trong phê bình văn học, nhưng phải nắm vững mục tiêu đấu tranh xã hội của văn học. Văn học thời đại nào cũng vậy, phải thể hiện chức năng cao cả của nó là đấu tranh cho sự hoàn thiện, hoàn mỹ của con người. Hơn lúc nào hết, phê bình văn học phải nêu cao chức năng xã hội của văn học và trách nhiệm xã hội của văn nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa. ❑

THỰC HIỆN TỐT...

(Tiếp theo trang 18)

như Bác Hồ đã chỉ rõ : "Tư pháp là cơ quan trọng yếu của chính quyền, cho nên phải tinh thần đoàn kết hợp tác chặt chẽ...". Có vậy, mới tạo ra được sức mạnh tổng hợp trong đánh án.

Vấn đề thứ tư, trong quá trình cải cách hoạt động của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, cần phải hướng tới phê phán nghiêm khắc các khuynh hướng lệch lạc thường gặp như :

- Khuynh hướng "thà oan hơn lọt" hoặc "thà lọt hơn oan". Điều này cho thấy rằng, để oan một người vô tội hoặc để lọt một kẻ phạm tội đều là sai lầm nghiêm trọng về quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của nhà nước.

- Khuynh hướng "trọng cung hơn trọng chứng", coi trọng lời cung khai của bị can, bị cáo, bị án, coi đó là "chứng cứ vua, chứng cứ chúa tể", dẫn đến bức cung, nhục hình, bắt bừa, bắt ẩu ; chưa thấy rằng lời cung khai của bị can, bị cáo, bị án tuy quan trọng, cần thiết nhưng mới chỉ là nguồn của chứng cứ. Muốn biến lời cung khai đó thành chứng cứ, phải qua quá trình thẩm tra, xác minh, đánh giá, khẳng định đúng sự thật và sự thật phải được củng cố vững chắc theo đúng thủ tục tố tụng.

- Khuynh hướng "đánh án nửa vời", ngại khó khăn, gian khổ : do sợ trù dập, thiếu kiên quyết trong tấn công bọn phạm tội, nhất là bọn phạm tội có chức, có quyền, lắm tiền, nhiều của. Do đánh không triệt để, nên một số vụ án đưa ra tòa xét xử chưa được sự đồng tình của quần chúng.

Tuân thủ nghiêm túc lời Bác dạy, quán triệt sâu sắc Nghị quyết 08/NQ-TƯ của Bộ Chính trị, các cơ quan tư pháp, nhất là các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án cần phối hợp đồng bộ, chặt chẽ hơn nữa, đưa sự nghiệp cải cách tư pháp vươn lên tầm cao mới, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

CUỘC CÁCH MẠNG HUY ĐỘNG CAO NHẤT NỘI LỰC DÂN TỘC

DƯƠNG TRUNG QUỐC*

1 - Từ một phát kiến mác-xít thiên tài

Cách mạng thông thường được hiểu là cuộc vùng dậy của những "nô lệ thế gian", của "những ai cực khổ bần hàn" như lời ca cách mạng ("Quốc tế ca") đã từng thôi thúc biết bao nhiêu người lao động trên toàn thế giới vùng lên mong thay đổi thân phận của mình. Cuộc cách mạng ấy hướng tới viễn cảnh về một xã hội tốt đẹp rất gần với một "thế giới đại đồng" vốn có trong tâm thức của các dân tộc phương Đông. Ở nước ta, nhà ái quốc Phan Bội Châu từng thốt lên trong niềm phấn khích nồng nàn : *"Giữa lúc khói độc mây mù, thình lình có một ngọn gió xuân thổi tới ! Giữa khi trời khuya đất ngủ, thình lình có một ánh thái dương mọc ra. Ngọn gió xuân ấy, ánh thái dương ấy chính là chủ nghĩa xã hội vậy !"*.

Trong hơn hai thập kỷ tồn tại (1919-1943), Quốc tế Cộng sản, bộ tham mưu của cách mạng vô sản thế giới đã nỗ lực không mệt mỏi để xây dựng một cương lĩnh và làm dấy lên những cao trào cách mạng của những người nghèo khổ trên khắp hành tinh. Công xã Quảng Châu ở Trung Quốc (1925), Xô-viết Nghệ-Tĩnh ở Việt Nam (1930-1931)... là những ngọn triều của cao trào đó. Nó đã dâng lên đỉnh cao của dũng khí "xông lên tận trời" để đạp bằng bất công của chế độ đương thời, nhưng rồi nó cũng bị nhấn sâu trong bể máu thất bại trước vũ lực của kẻ thù...

Chính trong lòng của cao trào cách mạng ấy, có một người cộng sản đang tìm tòi con đường thắng lợi cho các dân tộc nhược tiểu làm sao thoát khỏi ách áp bức của chế độ thực dân trước khi vươn tới một mục tiêu cao hơn nền độc lập của dân tộc mình. Đó là Nguyễn Ái Quốc, người khởi đầu sự nghiệp đã hướng lòng yêu nước của mình vào lý tưởng "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" để rồi tìm đến ánh sáng của *Luận cương thuộc địa* của Lê-nin. Năm 1924, người cộng sản mới 4 tuổi Đảng ấy, trong một luận văn mang đầu đề rất khiêm tốn "Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ" đã có một phát kiến mác xít vượt trên cách suy nghĩ của những người cùng thời. Phân tích thực tiễn xã hội Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc vạch rõ : "Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra như ở phương Tây... Nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa..., đấu tranh giai cấp không quyết liệt"(1). Tác giả luận văn còn xác định một thái độ khoa học và cách mạng đối với một học thuyết cách mạng khoa học : "Dù sao cũng không thể cấm bổ sung cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời của mình không thể có được. Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông..."(2).

Từ hệ thống quan điểm đó, Nguyễn Ái Quốc bổ sung vào lý luận cách mạng khái niệm về *"chủ nghĩa dân tộc"* đã được nâng lên thành *"động lực lớn nhất"*, *"động lực vĩ đại và*

---

* Tổng Thư ký Hội Sử học Việt Nam

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr 264

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 465

Digitized by Google

duy nhất"... và sự thắng lợi của "chủ nghĩa dân tộc" ấy đến lúc nào đó, cùng với sự phát triển của cách mạng thế giới sẽ biến thành *"chủ nghĩa quốc tế"*... Nguyễn Ái Quốc đã tiên đoán hình thái của khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương muốn thắng lợi thì trước hết, "phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng, nổ ra trong thành phố, theo kiểu cách mạng ở châu Âu, chứ không phải nổ ra đột ngột ở biên giới Trung Quốc theo phương pháp của những nhà cách mạng trước đây"(3).

Hai thập kỷ sau đó, phát kiến mác-xít của Nguyễn Ái Quốc đã trở thành hiện thực bởi nguồn động lực vĩ đại của chủ nghĩa dân tộc được thể hiện trong khối đại đoàn kết toàn dân. Và Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã diễn ra đúng như lời tiên đoán thiên tài của Nguyễn Ái Quốc, lúc này đã là người lãnh đạo tối cao và trực tiếp của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam.

2 - Đến một thực tiễn cách mạng sống động

Cho đến trước khi Chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ (9-1939), mối quan hệ duy nhất Nguyễn Ái Quốc thiết lập được với phong trào ở trong nước là những bài báo nhỏ đăng trên một vài tờ báo công khai bằng tiếng Pháp của Đảng ở Hà Nội. Do vậy, không lấy gì làm lạ khi chiến tranh bùng nổ, kẻ thù lập tức thẳng tay đàn áp mọi lực lượng chống đối theo luật thời chiến, và sự chuyển hướng của Đảng thể hiện trong Hội nghị Trung ương 6 (tháng 11-1939), vẫn chưa vượt được nhận thức của *Luận cương chính trị* 1930 khi phân tích thái độ các giai tầng xã hội trước những biến chuyển của thời cuộc : "Địa chủ thường thỏa hiệp với đế quốc và phản động ra mặt. Tư bổn bản xứ cùng trung, tiểu địa chủ... năng lực phản đế rất yếu ớt, dễ ngả nghiêng. Tiểu tư sản thành thị đứng giữa tư bản và vô sản nên không chắc chắn... Mặt trận phản đế được thành lập thay cho Mặt trận dân chủ" và "lực lượng chính của cách mạng là công nông, dưới quyền chỉ huy của giai cấp vô sản"(4).

Mặc dầu đã có sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, coi trọng hơn mục tiêu giành độc lập dân tộc nhưng việc xây dựng nền tảng cho một mặt trận đoàn kết rộng rãi toàn dân tộc vẫn chưa đủ điều kiện, đặc biệt là ở các trung tâm đô thị cũng là những đầu não chính trị của chế độ thuộc địa.

Chính sách tăng cường đàn áp của chính quyền thực dân sau khi chiến tranh bùng nổ đã làm tổ chức đầu não của Đảng bị tổn thất nặng nề, đã vừa làm tăng thêm lòng căm thù của quần chúng và sự nôn nóng của những người lãnh đạo, dẫn đến những cuộc bạo động vũ trang trong điều kiện toàn cục chưa được chuẩn bị đầy đủ và thời cơ chưa chín muồi. Nam Kỳ khởi nghĩa bùng nổ (ngày 23-11-1940) đúng một năm sau Hội nghị Trung ương lần thứ VI nhưng lại sau Hội nghị Trung ương lần thứ VII không đầy nửa tháng (ngày 9-11-1940) nên không kịp nhận được chỉ thị hoãn khởi nghĩa chờ thời cơ. Thời cơ ấy được thể hiện một phần quan trọng trong chủ trương xây dựng một "Mặt trận Dân tộc phản đế là sự liên minh giữa các lực lượng cách mạng phản đế, không phân biệt giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo..."(5). Cũng vì thế, khởi nghĩa Nam Kỳ phần nào cũng như Xô-viết Nghệ - Tĩnh 10 năm trước đã biểu dương được lực lượng và ý chí cách mạng của quần chúng công nông nhưng đổi lấy một sự tổn thất to lớn đối với lực lượng cách mạng.

Đúng vào thời điểm, các tổ chức đảng ở Nam Kỳ đang tìm cách khắc phục những đổ vỡ của mình và một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng được thành lập ở ngoài Bắc và vừa triệu tập Hội nghị Trung ương 7 thì Nguyễn Ái Quốc về nước. Người đặt chân lên Pác Bó, địa đầu Cao Bằng của Tổ quốc Việt Nam, ngày 28-1-1941. Một căn cứ địa được thành lập (Cao Bằng), một lực lượng vũ trang được ra đời (Trung đội Cứu quốc quân I)... Nhưng quan trọng hơn hết là một cương lĩnh mới và một tổ

---

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 469

(4) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, t 3, tr 41-42

(5) *Văn kiện đã dẫn*, t 3, tr 162

Digitized by Google

chức mới : Việt Minh được hình thành gắn với Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5-1941).

Ngày nay, chỉ cần đọc lại bản Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh cũng có thể thấy được một bước chuyển rất dài và căn bản về nhận thức so với những gì trước đó.

"Một dân tộc có trên bốn ngàn năm lịch sử... một dân tộc đã đẻ ra những vị anh hùng cứu quốc như Trưng Trắc, Triệu Ẩu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... quyết không chịu làm trâu ngựa cho quân đế quốc da trắng hay da vàng"(6).

Và lời tuyên ngôn này hướng sự kêu gọi tới mọi tầng lớp *"công, nông, thương, binh, phú hào yêu nước, phụ lão thương nòi"*.

"Việt Minh chú trọng liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn... Coi quyền lợi dân tộc cao hơn hết thảy, Việt Minh sẵn sàng giơ tay đón tiếp những cá nhân hay đoàn thể, không cứ theo chủ nghĩa quốc tế hay quốc gia miễn thành thực muốn đánh đuổi Nhật - Pháp để dựng lên một nước Việt Nam tự do và độc lập.

Đáp lại lời thiết tha kêu gọi của Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên. Người có tiền giúp tiền, kẻ có sức giúp sức, người có tài trí giúp tài trí. Ai nấy đều góp một phần vào công cuộc cứu nước.

Việc giải phóng của ta phải do ta làm lấy... Nước Việt Nam không thể mất, giống Việt Nam không thể chết! Chúng ta hãy nhìn lại quá khứ vẻ vang của Tổ quốc mà tin ở tiền đồ rực rỡ của giống nòi"(7)...

Hơn 60 năm trôi qua, giờ đây được đọc lại những dòng chữ trên vẫn thấy nóng hổi tính thời sự, nó vừa nhất quán với những gì Nguyễn Ái Quốc đã phát kiến ra từ năm 1924, lại vừa thấy nó như một nguyên lý sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam hôm nay và mai sau.

3 - Và một cuộc cách mạng của toàn dân

Những gì diễn ra trong mùa Thu năm 1945 trên đất nước ta giống như một mùa thu hoạch sau những năm tháng lao động cần cù mà hạt giống gieo mầm đầu tiên chính là những tư tưởng đúng đắn về con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Diễn biến ấy đã diễn ra như một kịch bản được Nguyễn Ái Quốc hình dung từ trước : một cuộc khởi nghĩa quần chúng, được chuẩn bị trong quần chúng và nổ ra trong thành phố... đúng như luận văn đã viết từ năm 1924.

Cương lĩnh của Mặt trận Việt Minh giống như một làn gió đánh thức, thôi thúc và quy tụ những tiềm năng sức mạnh dân tộc tạo thành một cơn lốc cách mạng. Chỉ trong 4 năm ngắn ngủi, từ một chiến khu Cao Bằng đã mở rộng thành Cao - Bắc - Lạng - Thái - Tuyên - Hà, rồi chiến khu Quang Trung (Hà - Ninh - Thanh), Trần Hưng Đạo (Quảng Ninh), v.v.. Từ một trung đội Cứu quốc quân I đến Du kích Ba Tơ, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân rồi sau này chuyển hóa cả Thanh niên Tiền tuyến ở miền Trung đến Thanh niên Tiền phong ở Nam Bộ thành lực lượng cách mạng. Chỉ có chừng năm ngàn đảng viên hòa trong cả một đội ngũ rộng khắp của Mặt trận Việt Minh thông qua các Hội Cứu quốc ở khắp nơi mà thành cả một sức mạnh "bạo lực chính trị" đóng vai trò chủ yếu trong cuộc Tổng khởi nghĩa. Nhưng cao hơn hết và quan trọng hơn cả là sự trưởng thành về bản lĩnh cách mạng của cả một dân tộc, được soi sáng bởi một đường lối chính trị đúng đắn, và uy tín cách mạng của người đứng đầu. Hiện thực phong phú của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã chứng minh điều đó.

Cuộc cách mạng không chỉ là sức mạnh ở thượng tầng. Trong khi cơ quan đầu não ở Trung ương, trên Khu Giải phóng 6 tỉnh thượng du phía Bắc đang khẩn trương tiến hành tất cả những bước chuẩn bị cần thiết để khẳng định nền độc lập dân tộc sau khi giành chính quyền từ tay phát xít, thực dân và phong kiến bằng một thể chế chính trị hoàn chỉnh, thì lực lượng cách mạng trong cả nước cũng sắp sẵn đội ngũ, trong đó có

(6) *Văn kiện Đảng đã dẫn*, tr 460

(7) *Văn kiện Đảng đã dẫn*, t 7, tr 461- 462

Digitized by Google

một bộ phận những đảng viên vừa kịp thoát ra khỏi nhà tù đế quốc sau khi Nhật đảo chính Pháp. Ở chiến khu Việt Bắc, Hồ Chí Minh khẩn trương chỉ đạo việc củng cố sức mạnh tổ chức của Đảng, phát triển Mặt trận, đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, vừa tranh thủ Đồng minh vừa ngăn chặn âm mưu Hoa quân nhập Việt, thống nhất lực lượng vũ trang (ngày 15-5-1945) và củng cố chính quyền cơ sở, thành lập Khu Giải phóng (ngày 4-6-1945) để đi tới thành lập ủy ban Khởi nghĩa ban hành Quân lệnh số 1 phát động khởi nghĩa (ngày 13-8-1945). Và đúng vào ngày Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh (ngày 14-8-1945) thì cũng là lúc Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (ngày 14 và 15-8), tiếp đó là Quốc dân Đại hội (ngày 16 và 17-8) để thành lập Ủy ban Giải phóng dân tộc với chức năng tiền thân của bộ máy quyền lực Nhà nước hoàn chỉnh và ngay sau đó là lễ xuất quân của lực lượng vũ trang cách mạng tiến về đánh Nhật ở Thái Nguyên.

Nhưng Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam không chỉ là sức mạnh tràn ngập từ trên xuống mà còn là một sự thức tỉnh của toàn dân, sự thống nhất ý chí và hành động từ dưới lên. Ngày 14-8, Quảng Ngãi là tỉnh đầu tiên đã giành chính quyền... Ngày 17-8-1945, tại Hà Nội, việc phá một cuộc mít tinh của Tổng hội công chức nhằm ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim đã trở thành tín hiệu cho thấy sự chín muồi của thời cơ khiến Xứ ủy Bắc Kỳ cùng Đảng bộ Hà Nội không chờ nhận được lệnh từ Trung ương đã kịp thời và khôn khéo huy động lực lượng quần chúng giành chính quyền. Cũng tương tự như vậy, ngay ở Sài Gòn, nơi đã từng mới trải qua những bài học máu lửa của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ cũng kịp thời hành động sau khi đã trung lập hóa cũng có nghĩa là vô hiệu hóa sự phân công của quân chiếm đóng phát xít Nhật, sử dụng cả đội ngũ tập hợp công khai là Thanh niên Tiền phong lẫn lực lượng nòng cốt để giành chính quyền ngày 25-8-1945. Đối với Sài Gòn, cuộc Tổng khởi nghĩa của Hà Nội là hiệu lệnh hành động. Sự nhất quán trong nhận thức và nhất tề hành động để tạo nên một hình thái cách mạng thần kỳ chỉ trong vòng nửa tháng nếu tính từ lúc phát xít Nhật đầu hàng, chỉ một tuần kể từ khi Hà Nội giành chính quyền (ngày 19-8), về căn bản cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công trên cả nước một cách mau lẹ và ít đổ máu nhất. Hơn thế, thành công của nó đã xác lập chủ quyền độc lập của một Nhà nước cách mạng Việt Nam gần như sát trong gang tấc với sự có mặt của các lực lượng Đồng minh từ bên ngoài vào giải giáp phát xít Nhật.

Đó cũng là cuộc cách mạng chưa từng thấy so với những mẫu hình cách mạng đã từng có trước nó : máu rất ít đổ, không có một Ni-cô-lai đệ nhị như ở nước Nga hay Lu-i XVI như ở nước Pháp lên đoạn đầu đài mà lại có một ông vua Bảo Đại trước áp lực của cách mạng "vui lòng" thoái vị, tự cáo chung chế độ phong kiến ngàn đời rồi trở thành công dân Vĩnh Thụy. Ở cuộc cách mạng này, những người cộng sản lãnh đạo nhưng lại thiết lập chế độ dân chủ cộng hòa, tập hợp mọi tầng lớp xã hội tham gia vào bộ máy chính quyền, các trí thức, công chức, kể cả quan lại của chế độ cũ trở thành những thành viên tham gia xây dựng chế độ mới. Từ chiến khu, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Hà Nội, ngụ tại một gia đình giàu nhất trong một khu phố giàu nhất Thủ đô để viết Tuyên ngôn Độc lập (48 phố Hàng Ngang)... và chính "các nhà giàu có" trong Tuần lễ Vàng đã góp một nguồn lực quan trọng bằng chính tài sản của mình để bảo vệ và củng cố chế độ cách mạng v.v.. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thực sự là bằng chứng lịch sử hùng hồn và thuyết phục về một sự huy động cao nhất nội lực dân tộc. Nó không chỉ giải thích những gì xảy ra trong mùa Thu năm 1945 mà còn là ngọn nguồn cho những thắng lợi mà dân tộc Việt Nam đã giành được trong những cuộc kháng chiến chống mọi thế lực thực dân xâm lược của 30 năm tiếp theo. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cũng là hiện thực lịch sử tiêu biểu nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi vì nó trung thành với nguyên lý chủ nghĩa dân tộc là động lực vĩ đại, động lực lớn nhất và duy nhất, cũng là chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam trong chiến tranh cách mạng cũng như trong công cuộc đổi mới hiện nay. ❑

VỀ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI BỎ QUA CHẾ ĐỘ TƯ BẢN TRONG ĐIỀU KIỆN NGÀY NAY

PHẠM VĂN CHÚC

KHÔNG như dự kiến của C. Mác trong thế kỷ XIX về khả năng cách mạng vô sản sẽ nổ ra đồng thời ở các nước tư bản phát triển, từ năm 1917 đến năm 1945 lần đầu tiên trên thế giới cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mới chỉ được tiến hành trước hết tại nước Nga, sau đó là Liên Xô, nơi vốn có chủ nghĩa tư bản đạt trình độ phát triển trung bình. Tuy nhiên, cần thấy là cho đến đầu thế kỷ XX nước Nga Sa hoàng đã là một đế chế đa quốc gia - đa dân tộc rộng lớn hùng mạnh trên trường quốc tế, một trong những cường quốc trên toàn đại lục Á - Âu. Ngoài ra, bên cạnh nền kinh tế tiểu nông còn phổ biến, thì tại đây cũng đã có cả cơ sở công nghiệp đáng kể. Khi dựa trên những tiền đề thực tiễn xã hội và lịch sử này, đồng thời phát huy tính ưu việt và nguồn lực nội sinh mạnh mẽ của chế độ mới, Liên Xô đã tích lũy được một quốc lực tổng hợp hùng hậu và triển khai nó trên khắp không gian địa - chiến lược trọng yếu của mình. Thế và lực vượt trội ấy đã bảo đảm cho Liên Xô tồn tại riêng biệt suốt gần ba thập niên đầu mà vẫn bảo tồn được những thành quả của Cách mạng Tháng Mười, giữ vững độc lập chủ quyền, trở thành một đối trọng không thể bị lấn lướt trước cả hệ thống tư bản, hơn nữa còn đạt nhiều kỳ tích trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Từ năm 1945 đến những năm 80 thế kỷ XX, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã phát triển thành một hệ thống quốc tế lớn mạnh không thua kém hệ thống các nước tư bản. Lúc này Liên Xô trở thành một trong hai siêu cường thế giới, đạt mức cân bằng chiến lược với Mỹ về mặt quân sự và một số ngành kinh tế, khoa học - kỹ thuật mũi nhọn. Còn tại một số nước Đông Âu, Đông Á, Mỹ La-tinh, châu Phi vốn có nền kinh tế - kỹ thuật phát triển không cao, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng lần lượt giành nhiều thắng lợi một phần nhờ sự ủng hộ, giúp đỡ quan trọng của Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa. Đây chính là điều kiện khách quan cần thiết mà V.I. Lê-nin đã chỉ ra, để các dân tộc lạc hậu có thể đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Từ sau bước ngoặt những năm 1989-1991 đến nay, tuy lâm vào thoái trào song chủ nghĩa xã hội thế giới vẫn tiếp tục tồn tại. Nhưng trong hơn một thập niên qua và có thể trong vài thập niên tới, chủ nghĩa xã hội hiện thực với quy mô *quốc gia - dân tộc* chỉ hiện diện ở một số ít nước đang đi theo con đường "phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa"[1]. Các nước xã hội chủ nghĩa này tuy đã đạt được nhiều thành tựu lớn lao sau khoảng nửa thế kỷ xây dựng xã hội mới, nhưng hiện nhìn chung vẫn chưa hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và còn kém về thực lực kinh tế - kỹ thuật, khoa học - công nghệ so với các nước tư bản

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 21

Digitized by Google

phát triển. Mặt khác, các nước này cũng không hợp thành một hệ thống thế giới với những mối liên hệ chặt chẽ và toàn diện như trước (Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, Khối quân sự Vác-sa-va, Hội đồng tương trợ kinh tế SEV...) ; thế và lực của các nước xã hội chủ nghĩa không còn giữ được mức cân bằng chiến lược như đã từng có trước đây đối với chủ nghĩa tư bản.

Trong tình hình ấy, đã xuất hiện một số ý kiến phủ nhận lý luận và thực tiễn về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như cho rằng : *Thứ nhất,* chủ nghĩa tư bản hiện còn chưa đi tới giới hạn phát triển cuối cùng. Ngày nay nó đã chuyển sang hình thái mới như "chủ nghĩa tư bản hậu công nghiệp", hoặc "chủ nghĩa tư bản khoa học - kỹ thuật"...(2). Do đó, thực ra đã và đang không hề có xu hướng quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Mười Nga, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô, Đông Âu trước đây và ở một số nước còn lại hiện nay chỉ là những "sự lầm lạc vô vọng, lãng phí của lịch sử" (!). *Thứ hai,* chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu sụp đổ chính do tiến trình quá độ tại đây thiếu tiền đề vật chất - xã hội cần thiết là chủ nghĩa tư bản phát triển cao. Trong hơn 74 năm, tiến trình ấy đã chỉ được thực hiện một cách chủ quan, gò ép, duy ý chí, vì vậy cuối cùng không tránh khỏi thất bại(3) (!). *Thứ ba,* như vậy con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tại một số nước trên thế giới hiện nay lại càng thiếu cơ sở khách quan, ít tính khả thi và khó có triển vọng thành công (!).

Chúng ta có thể nói gì về những luận điểm trên đây ?

Về luận điểm thứ nhất nêu trên có thể thấy là, ngay từ khi viết bộ *"Tư bản"*, C. Mác đã dẫn ra ý kiến của chính "các đại biểu thuộc tầng lớp thống trị" Anh, Mỹ đương thời về tính bất ổn, bất hợp lý của chế độ tư bản (4). Ngay sau đấy (1867) không lâu, Công xã Pa-ri (1871) đã minh chứng rõ ràng cho những ý kiến tỉnh táo và khách quan đó. Đến nay, hơn 130 năm đã trôi qua kể từ Công xã, chủ nghĩa tư bản hiện đại đã khác trước rất nhiều, nhất là về cơ sở vật chất - kỹ thuật khổng lồ của nó. Nhưng mâu thuẫn cơ bản của chế độ xã hội này thì vẫn tồn tại và ngày càng sâu sắc hơn. Ở đầu thế kỷ XXI, có học giả phương Tây đã phân tích : chủ nghĩa tư bản là một "cỗ máy Sáng tạo/Hủy hoại" ; cỗ máy ấy sáng tạo càng nhiều, thì hủy hoại càng lớn ; nó tàn phá cả môi trường sinh thái, các cân bằng lâu dài của tự nhiên lẫn bản thân con người và các hình thái xã hội ; nó đẻ ra tình trạng bất bình đẳng ngày càng lớn (20% dân số nghèo nhất thế giới nắm 2,3% các nguồn lực vào năm 1969 và chỉ còn nắm 1,1% vào năm 1994, trong khi đó 20% dân số giàu nhất thế giới lại nắm tới 69% và 89% các nguồn lực vào cùng thời gian tương ứng ; một người Thụy Sĩ trong một ngày làm ra số của cải bằng một người Ê-ti-ô-pi-a lao động suốt một năm ; hằng năm một gia đình giàu chi tiêu bằng hàng trăm ngàn gia đình nghèo) ; những điều này không thể được coi là chính đáng, và do đó cần phải thay đổi...(5). Như vậy, vấn đề "có hay không một xu thế quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ?" trước hết và chủ yếu là một vấn đề thực tiễn. Lời giải đáp cho nó đã được tìm thấy trong chính *các nhân tố tự phủ định* của chủ nghĩa tư bản. Chúng đã xuất hiện từ lâu, vẫn đang tồn tại và ngày càng mạnh lên cùng với sự tăng trưởng của bản thân chủ nghĩa tư bản.

Về các luận điểm thứ hai và thứ ba nêu trên, cần xem xét cả về thực tiễn lẫn về lý luận.

---

(2) Xem : M. Bau-ơ : *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000,* Nxb Thế giới, Hà Nội, 2002, tr 433-441

(3) A. P. Bu-ten-cô: *Vì sao chúng ta chưa có chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XX ?,* tạp chí *Xã hội nhân văn,* số 8 - 2001, tr 222 - 241 (tiếng Nga)

(4) Xem: C. Mác - Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, t 23, tr 22

(5) Xem : M. Bau-ơ : *Sđd,* tr 370 - 380, 446 - 448

Digitized by Google

Về mặt *thực tiễn,* chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu sụp đổ là do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ quan đóng vai trò chính. Không phải ngẫu nhiên mà "cải tổ" ở Liên Xô và Đông Âu thì thất bại, còn "cải cách" ở Trung Quốc và "đổi mới" ở Việt Nam lại giành thắng lợi to lớn, vững chắc. Trong khi đó, rõ ràng cơ sở kinh tế - kỹ thuật của Liên Xô, Đông Âu đến cuối những năm 80 thế kỷ XX đã đạt mức công nghiệp hóa khá cao và vượt xa Trung Quốc, Việt Nam cùng thời. Rõ ràng thực tiễn đã bác bỏ các quan niệm "quyết định luận kinh tế", "chủ nghĩa duy kinh tế" phiến diện máy móc về thời kỳ quá độ, một thời kỳ lịch sử "cải biến cách mạng" sôi động, phức tạp, khó khăn, vì thế đòi hỏi nhân tố con người, nhân tố chủ quan - tức là các đảng Cộng sản, giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động - phát huy tính năng động, sáng tạo đến cao độ.

Về mặt *lý luận,* cần chú ý tới những tư tưởng của C. Mác về hai vấn đề quan trọng :

Một là vấn đề về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản. C. Mác cho rằng thời kỳ này bao gồm "những cơn đau đẻ dài", có nghĩa là tiến trình quá độ không dễ dàng, nhanh chóng và có thể phải trải qua nhiều khúc quanh, nhiều quãng cách mới đi tới kết quả cuối cùng. Điều này về sau được V.I. Lê-nin nói rõ hơn : trong thời kỳ quá độ, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội có khi phải "làm lại nhiều lần" mới xong. Như vậy, bước lùi của phong trào xã hội chủ nghĩa ở cuối thế kỷ XX hoàn toàn không phải là sự "cáo chung" của cả thời kỳ quá độ. Trái lại, nó góp phần minh chứng cho tính đúng đắn và tầm sâu rộng của lý luận của C. Mác về thời kỳ ấy. Những diễn biến của tiến trình quá độ trong suốt hơn 85 năm qua với mọi thành bại, thăng trầm nói chung cũng không hề bác bỏ các dự kiến được Người tiên liệu, mà chỉ xác nhận và khẳng định tính khoa học chính xác của chúng.

Hai là vấn đề về quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa nói riêng, về *phát triển vượt cấp* trong lịch sử xã hội loài người nói chung với tính cách là *bước nhảy vọt lên hình thái kinh tế - xã hội cao hơn, bỏ qua một hay một số hình thái liền kề.* Như mọi người đã biết, vào những năm cuối đời (1881) C. Mác chú ý nhiều đến phong trào cách mạng Nga và đã từng phân tích khả năng nước này có thể chuyển thẳng lên xã hội cộng sản bỏ qua sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Nhưng thật ra, từ sớm hơn rất nhiều C. Mác đã nghiên cứu sâu sắc vấn đề này ở dạng tổng quát của nó. Trong cuốn *"Hệ tư tưởng Đức"* (1845-1846), C. Mác đề cập đến một số trường hợp cụ thể như : người Giéc-manh sau khi xâm chiếm đế quốc La Mã đã bỏ qua chế độ nô lệ, chuyển hẳn lên chế độ phong kiến ; nước Anh sau khi bị người Noóc-măng-đi chinh phục, lại có được chế độ phong kiến hoàn bị hơn so với ở quê hương của họ ; Bắc Mỹ sau khi có những người di cư từ châu Âu tới, cũng đã phát triển chủ nghĩa tư bản nhanh hơn so với ở Cựu lục địa(6).

Với cơ sở thực tiễn và lý luận đã nêu, có thể khẳng định rằng, ngày nay thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới nói chung vẫn đang tiếp diễn ; và con đường "phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa" tại các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay nói riêng cũng có cơ sở lịch sử, thực tiễn sâu xa vững chắc, mang tính quy luật khách quan tất yếu và là hoàn toàn khả thi. Triển vọng thành công của tiến trình này hiện phụ thuộc rất nhiều vào năng lực, phẩm chất và bản lĩnh của chính *chủ thể* tại những địa bàn mà nó đang được tiếp tục triển khai, đẩy mạnh. Ở đây *các nhân tố chủ quan* có vị trí, vai trò quan

(Xem tiếp trang 39)

(6) Xem : C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd,* t 3, tr 34, 105 - 107

Digitized by Google

Những đặc điểm chủ yếu trong hoạt động của Quốc hội, Chính phủ và nền hành chính ở nước ta hiện nay

NGUYỄN VĂN THẢO

I - Đặc điểm chủ yếu của hoạt động Quốc hội ở nước ta

Thứ nhất : *Quốc hội được lập do nhân dân trực tiếp lựa chọn thông qua định chế bầu cử.*

Nếu các thiết chế cao nhất của bộ máy Nhà nước ta được thành lập thông qua các hình thức quyết định của Quốc hội (phê chuẩn, bỏ phiếu...) thì Quốc hội, một thiết chế được thành lập do kết quả bầu cử trực tiếp của toàn dân. Quốc hội nước ta là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, được thành lập gắn với định chế bầu cử. Không có bầu cử không có Quốc hội. Một quốc gia được coi là thật sự dân chủ đều phải chứng minh nếu muốn thành lập một nhà nước hợp pháp (état légal), được dân chúng ủng hộ thì không có con đường nào khác ngoài con đường ứng cử, bầu cử. Khi tiến hành Tổng tuyển cử Quốc hội năm 1946 ở nước ta, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ lâm thời đã nhấn mạnh đến các hình thức của bầu cử : có đề cử, có cá nhân ứng cử, có vận động tranh cử.

Với các hình thức đa dạng, phong phú của bầu cử tự do, trong điều kiện thù trong giặc ngoài phá hoại, giặc đói, thiên tai lũ lụt, trình độ dân trí còn hạn chế, thì cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 thực sự là một ngày hội của toàn dân. Nhân dân nô nức đi bỏ phiếu, các đảng viên Đảng Cộng sản ra ứng cử hầu hết đắc cử. Trong khi đó, hai đảng phản động là Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội, không có người trúng cử. Quốc hội họp phiên đầu tiên đã quyết định cho hai đảng này tham gia Quốc hội với một số ghế không nhỏ (tới 70 trong số 333 ghế). Điều đó thể hiện hùng hồn tư tưởng đại đoàn kết, một nguyên tắc thành lập Nhà nước Việt Nam mới. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ý thức rất rõ *định chế bầu cử* dân chủ. Trong lịch sử phát triển Nhà nước Việt Nam mới, định chế này như một sự tuyên bố đoạn tuyệt hẳn với chế độ quân chủ phong kiến chuyên chế, là ngọn cờ hiệu triệu và một sự bảo đảm phát triển nền dân chủ của nhân dân trong sứ mệnh thiêng liêng lựa chọn người thay mặt mình quản lý quốc gia, phát triển đất nước.

Cho đến nay, thế giới vẫn chưa tìm được một định chế nào hay hơn, tốt hơn, dân chủ hơn định chế bầu cử đó. Người ta vẫn phải dùng định chế này để thành lập bộ máy nhà nước bao gồm những người được dân tín nhiệm, trao quyền lực để họ nắm giữ và điều hành bộ máy. Đó là những ý tưởng hay trong cuốn sách nói "về khế ước xã hội" (contrat social) của G. Rút-xô. Mỗi nước sử dụng định chế bầu cử với cách riêng, phù hợp với truyền thống, tập quán, thói quen, trình độ dân trí, mức phát triển kinh tế, xã hội của mình. Ở các nước phát triển, định chế này được vận dụng phong phú, có hiệu quả nhất định, nhưng không tránh khỏi

Digitized by Google

những tiêu cực, những mưu toan tranh giành thắng cử bằng cách mua chuộc, lôi kéo, dụ dỗ, đe dọa, áp đặt, hạ bệ nhau, kiểm phiếu gian lận, không công khai, minh bạch. Mặc dù vậy, người ta vẫn phải thực hiện bầu cử để minh họa, tăng thêm sức sống dân chủ cho quốc gia mình, xem bầu cử là một định chế ưu trội nhiều mặt chưa thể thay thế. Ở nước ta, từ năm 1945 đến nay đã trải qua mười lần bầu cử Quốc hội, không kể hàng trăm cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp. Chúng ta có đủ thực tiễn để tổng kết, rút ra những kinh nghiệm, bài học có giá trị để hoàn thiện định chế bầu cử, để tạo không khí chính trị dân chủ tốt hơn trong xã hội cũng như trong hoạt động của Quốc hội.

Thứ hai : *Không có cơ quan nhà nước nào cao hơn Quốc hội.*

Về mặt nhà nước, Quốc hội không có cơ quan cấp trên. Đặc tính này được xét trên mấy điểm :

+ Nguyên tắc Hiến định về địa vị pháp lý của Quốc hội. Ở nhiều nước, khi soạn thảo Hiến pháp, người ta lập ra Quốc hội lập hiến, sau khi Hiến pháp được ban hành, Quốc hội lập hiến giải tán, bầu ra Quốc hội lập pháp ; mọi hoạt động của Quốc hội lập pháp đều dựa trên cơ sở Hiến pháp, nếu vi phạm Hiến pháp sẽ bị chế tài theo các định chế đặc biệt, tùy theo mỗi nước quy định. Cơ chế bảo đảm cho các hình thức chế tài có thể là Tòa án Hiến pháp, Ủy ban Hiến pháp, có thể giao cho nguyên thủ quốc gia giải tán, bầu lại Quốc hội. Ở nước ta, Quốc hội vừa lập hiến, vừa lập pháp, nhưng chưa lập ra cơ chế kiểm sát tính hợp hiến của các hành vi của Quốc hội. Các thiết chế khác như Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao đều chịu sự giám sát của Quốc hội.

+ Mối quan hệ giữa Quốc hội với Ủy ban Thường vụ Quốc hội là mối quan hệ hai chiều. Xét về mặt pháp lý thì Quốc hội là cơ quan cấp trên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải báo cáo các hoạt động của mình với Quốc hội để Quốc hội xem xét. Nhưng về mặt hình thức thì hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội dường như là cấp trên của Quốc hội, điều hành các hoạt động của Quốc hội, của các Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, quyết định mọi vấn đề của Quốc hội trước khi đưa ra báo cáo Quốc hội.

+ Về mối quan hệ giữa Quốc hội với Chính phủ, một mặt Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, mặt khác là cơ quan hành chính cao nhất của quốc gia. Xét về tư cách là cơ quan chấp hành, Chính phủ phải trình Quốc hội quyết định, kế hoạch, chính sách đối nội, đối ngoại quan trọng, các dự luật, pháp lệnh, báo cáo công tác trước Quốc hội, chịu sự giám sát trước Quốc hội, chịu sự phê phán, chất vấn và quyết định của Quốc hội. Xét về tư cách là cơ quan hành chính cao nhất, Chính phủ tự mình hoạch định các chính sách cụ thể ở từng lĩnh vực, từng ngành, tự ban hành các văn bản pháp quy (dưới luật), là trung tâm điều hành hoạt động của các cơ quan trung ương (hành chính) và chính quyền địa phương các cấp, là cơ quan quản lý toàn bộ tài nguyên, tài sản quốc gia. Xét tổng hợp về pháp lý và thực tiễn, mối quan hệ giữa Chính phủ và Quốc hội là mối quan hệ phân công, phối hợp, không có cấp trên, cấp dưới, nhưng Chính phủ phụ thuộc vào Quốc hội nhiều hơn là Quốc hội phụ thuộc vào Chính phủ. Từ những phân tích trên cho thấy rõ không có cơ quan nhà nước nào cao hơn, đứng trên Quốc hội.

Thứ ba : *Chưa có cơ chế nhà nước đánh giá, xem xét hành vi của Quốc hội.*

Xin dẫn một so sánh nhỏ. Chủ tịch nước phải chịu sự giám sát của Quốc hội, Chính phủ phải trình cơ cấu tổ chức của mình (các bộ) để Quốc hội xem xét, chịu sự giám sát của Quốc hội. Đối với Tòa án, Viện Kiểm sát tuy địa vị pháp lý được xác định là tối cao nhưng Quốc hội vẫn là cơ quan xem xét, đánh giá tổ chức hoạt động ; giám sát tối cao việc xét xử,

Digitized by Google

kiểm sát ; quyết định biên chế, tổ chức của Tòa án, Viện Kiểm sát ; bổ nhiệm các chức danh cấp cao của hai cơ quan này. Nếu xét về toàn bộ hệ thống chính trị, Quốc hội dù là cơ quan quyền lực cao nhất vẫn đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của nhân dân và cử tri, nên việc đánh giá, xem xét hành vi và tổ chức hoạt động của Quốc hội được thực hiện thông qua tổ chức chính trị, Đảng, đoàn thể nhân dân. Nếu xét riêng trong bộ máy nhà nước, chúng ta chưa có cơ chế đánh giá hành vi lập hiến, lập pháp, hành vi giám sát tối cao của Quốc hội. Xin tạm gọi chúng ta chưa có cơ chế kiểm soát quyền lực do Quốc hội đảm nhận.

Thứ tư : *Tính đại diện vì lợi ích toàn quốc.*

Hiện nay, số đông đại biểu Quốc hội vẫn kiêm nhiệm chức danh hành pháp, tư pháp. Những năm gần đây, Đảng ta đã có chủ trương tăng thêm số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Đó là hướng kiện toàn phù hợp với vị trí, vai trò của Quốc hội. Chất lượng hoạt động, hiệu quả công việc, tính vô tư khách quan của các nghị quyết của Quốc hội phụ thuộc vào phần lớn trình độ của đại biểu Quốc hội. Hơn nữa, các cuộc họp của Quốc hội với xu thế hiện nay, các vấn đề lợi ích ngành, địa phương, vùng, lĩnh vực sẽ được bàn bạc nhiều, nếu đại biểu Quốc hội chỉ đại diện cho một địa phương, một ngành sẽ rất hạn chế trong việc thể hiện vai trò đại biểu cho lợi ích toàn dân. Cơ chế hoạt động theo đoàn đại biểu địa phương tuy có mặt hợp lý nhưng lại làm mờ nhạt lợi ích toàn quốc, ít phát huy năng lực riêng, tính chủ động, sáng tạo, dám nói, dám nghĩ, dám làm, dám tranh luận công khai một cách độc lập của đại biểu Quốc hội trước hội nghị.

Thứ năm : *Cơ chế một viện.*

Sau Lễ Tuyên ngôn Độc lập, ngày 2-9-1945, Chính phủ Cách mạng lâm thời đã họp và quyết định tiến hành Tổng tuyển cử càng sớm càng tốt để lập ra một nhà nước danh chính ngôn thuận, một nhà nước hợp pháp do dân bầu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh lập ra Ủy ban dự thảo Hiến pháp ; Sắc lệnh mở rộng Tổng tuyển cử để bàn định công việc tuyển cử và soạn thảo Hiến pháp ; Sắc lệnh lập ra Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến thiết đặt dưới quyền điều khiển của Chủ tịch Chính phủ, gồm 40 vị trí thức danh tiếng và các nhà hoạt động cách mạng. Cả hai Ủy ban đều thành lập vào năm 1945. Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến thiết có các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp tham gia, trụ sở làm việc, hội họp tại trường Đại học Đông Dương (nay là một bộ phận của Bộ Giáo dục và Đào tạo nằm trên đường Lê Thánh Tông, Hà Nội). Ủy ban dự thảo Hiến pháp gồm 7 vị trong đó có đồng chí Trường Chinh, trụ sở làm việc hội họp tại Bắc Bộ phủ (nay là Nhà khách Chính phủ tại phố Lê Thạch, Hà Nội).

Cả hai Ủy ban khi bàn đến vấn đề nhà nước, đều thảo luận sôi nổi về việc Quốc hội nên tổ chức một viện hay hai viện. Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến thiết có nhiều trí thức, đại diện đảng phái như Nguyễn Tường Long, Bùi Bằng Đoàn, Nguyễn Mạnh Hà, Hoàng Xuân Hãn... cho rằng nên tổ chức hai viện ; Ủy ban dự thảo Hiến pháp cho rằng Quốc hội nên tổ chức một viện.

Kết quả là, từ Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980 và 1992, Quốc hội nước ta đã hình thành theo cơ chế một viện. Có ý kiến cho rằng, trên thực tế Ủy ban Thường vụ Quốc hội hiện nay có thể so sánh gần giống như Thượng nghị viện ở một số nước. Vậy có nên đặt vấn đề nghiên cứu cơ chế hai viện ở Việt Nam hay không ?

Thứ sáu : *Cách lập pháp truyền thống.*

Cách thông qua các đạo luật tại Quốc hội hiện nay theo phương thức thảo luận ở Đoàn đại biểu rồi thông qua từng chương, mục, đôi khi từng điều, khoản trong phiên họp toàn thể của Quốc hội. Phương thức này tạo điều kiện cho đại biểu có điều kiện phát biểu được hết ý kiến của mình, xem xét kỹ lưỡng, cân nhắc đầy đủ khi thông qua một đạo luật. Nhược điểm của phương thức này là tốc độ làm luật quá chậm,

Digitized by Google

có đạo luật phải thảo luận nhiều ngày, cả kỳ họp chỉ được thông qua một vài đạo luật. Cách làm truyền thống đó cũng có điểm không thích hợp. Các đại biểu Quốc hội có đủ hiểu biết, kiến thức để tham gia thảo luận từng điều, từng chương chiếm số lượng không nhiều, rút cục cũng chỉ tập trung ở một số đại biểu, nên chưa huy động được trí tuệ tập thể. Cách làm này cũng không phát huy được vai trò, chức năng, công suất của các Hội đồng và Ủy ban của Quốc hội. Lẽ ra việc thảo luận từng điều, khoản, chương, mục, trong các kỳ họp nên để cho các Ủy ban của Quốc hội chủ trì, tổ chức thảo luận trong Ủy ban với các đại biểu quan tâm đến vấn đề, sau đó thông qua, xem như phiên họp Quốc hội thu nhỏ, thảo luận nhiều dự luật cùng một lúc lại thảo luận được kỹ, ai cũng có thể phát biểu. Đến phiên họp toàn thể, Quốc hội sẽ thông qua nhanh, có chất lượng các dự luật trên cơ sở kết luận của các phiên họp Quốc hội thu nhỏ.

II - Đặc điểm hoạt động của Chính phủ và nền hành chính nước ta

Thứ nhất : *Nền hành chính nước ta chịu ảnh hưởng nhiều mô hình hành chính.*

Hệ thống hành chính nước ta chịu ảnh hưởng của nhiều mô hình hành chính đã có trong lịch sử phát triển của đất nước. Thời phong kiến nhà Nguyễn có 66 tỉnh, 6 bộ, 6 khoa (Bộ Binh, Bộ Hộ, Bộ Hình, Bộ Công, Bộ Lễ, Bộ Lại). Khi bị thực dân Pháp đô hộ, bên cạnh bộ máy hành chính của triều đình phong kiến, người Pháp đã dựng nên một hệ thống hành chính phỏng theo hệ thống hành chính của nước Pháp lúc đó. Cách mạng Tháng Tám thành công, hệ thống hành chính cách mạng được thiết lập, đồng thời bãi bỏ hoàn toàn các cơ quan của Phủ Toàn quyền Đông Dương (Sắc lệnh ngày 3-10-1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký) nhưng vẫn tiếp thu một vài chế định của nền hành chính thời Pháp thuộc. Hệ thống hành chính vẫn duy trì 5 cấp : Trung ương, Bộ (Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ), tỉnh, huyện và xã.

Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hệ thống hành chính của chúng ta chịu ảnh hưởng mô hình của hệ thống hành chính xô-viết - cách tổ chức một cơ quan bộ với khuynh hướng chia nhỏ các bộ, mỗi bộ phụ trách một ngành, nâng cao trình độ quản lý kinh doanh lên đến bộ. Bộ là cơ quan hạch toán toàn ngành. Cách tổ chức chính quyền địa phương của ta cũng có khuynh hướng đó. Năm 1945, tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính được quy định trong Sắc lệnh số 63 có những nét tương đồng với mô hình của Pháp. Năm 1962, tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính được quy định trong luật có những nét tương đồng với mô hình xô-viết, các nước cộng hòa Liên bang xô-viết là cơ quan quyền lực ở địa phương. Do bị ảnh hưởng pha trộn của các mô hình hành chính trong nhiều thập kỷ nên cải cách hành chính gặp nhiều khó khăn trong tư duy, nhận thức, kiến thức, tầm nhìn và cách nhìn của mỗi người, mỗi cơ quan trong hệ thống.

Thứ hai : *Hệ thống, quy mô, số lượng cơ quan hành chính rất lớn.*

So với bộ máy lập pháp, tư pháp, bộ máy hành chính có số lượng lớn về các bộ phận hợp thành, quy mô rộng khắp các lĩnh vực, sử dụng nhiều hình thức đa dạng xuất phát từ đặc điểm mỗi ngành về kinh tế, kỹ thuật, sự nghiệp, chính trị, quốc phòng, an ninh, ngoại giao. Đội ngũ cán bộ, công chức rất đông với ngành nghề khác nhau, trong gần sáu thập kỷ qua đã trưởng thành về số lượng, trình độ, tầm nhìn, ý thức chính trị, các thế hệ nối tiếp nhau nhưng còn bị hụt hẫng về kỹ năng hành chính. Công việc giải quyết yêu cầu của dân, các tổ chức trong xã hội hầu hết đều tập trung vào các cơ quan hành chính. Việc nhiều, đôi khi quá tải, bộ máy lại lớn nên phối hợp không nhịp nhàng, chậm chạp, dễ rơi vào tình trạng quan liêu, ít được sự đồng tình và tin cậy của nhân dân.

Bộ máy hành chính có điểm nổi trội đặc biệt về trách nhiệm phục vụ (dịch vụ công) cho từng công dân, từng tổ chức thường xuyên, hằng

Digitized by Google

ngày, hằng giờ. Một điểm nổi bật nữa là, dễ rơi vào tình trạng tiêu cực vì trên thực tế nó có nhiều quyền. Đó cũng là lý do chúng ta chọn cải cách hành chính là điểm trung tâm của cải cách bộ máy nhà nước.

Thứ ba : *Đơn vị cơ bản của nền hành chính ở cấp trung ương và địa phương.*

Trong hệ thống hành chính có thể thấy nhiều đơn vị, cơ quan tên gọi khác nhau, chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động khác nhau. Ở cấp trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là đơn vị cơ bản nhưng còn nhiều cơ quan khác như Trung tâm nghiên cứu khoa học, Tổng cục thuộc bộ, Hội đồng cấp quốc gia, các cơ quan trực thuộc Thủ tướng, Ban Chỉ đạo liên ngành, liên cấp. Ở địa phương có Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các cơ sở chuyên môn, các cơ quan phối hợp liên ngành, có nơi có Viện nghiên cứu khoa học. Trong số này, đơn vị cơ bản của hệ thống hành chính ở cấp trung ương là bộ, ở cấp địa phương là chính quyền đô thị, chính quyền nông thôn. Bộ là đơn vị ổn định bền vững, có chức năng quản lý nhà nước đối với các ngành, các lĩnh vực được Chính phủ giao trong phạm vi cả nước. Mặc dù mỗi giai đoạn có thể chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, thành lập mới, bộ vẫn là một đơn vị cơ bản của nền hành chính trung ương.

Chính quyền đô thị, có thể là đô thị lớn, đô thị vừa, đô thị nhỏ đều là đơn vị cơ bản của hệ thống hành chính - chính quyền đô thị có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân một bên là cơ quan quyết nghị, một bên là cơ quan điều hành thực hiện các nghị quyết. Chính quyền đô thị lớn có thể tổ chức ra các cấp hành chính, không phải là một cấp chính quyền có Hội đồng nhân dân. Mô hình này được tổ chức ở nước ta từ năm 1945 đến 1962.

Chính quyền nông thôn gồm 3 cấp tỉnh, huyện, xã ; trong đó đơn vị cơ bản là chính quyền làng, xã. Phải nói rằng cấp trên của chính quyền làng, xã là cấp tỉnh, cấp huyện trong đó chính quyền cấp tỉnh là đơn vị ổn định, bền vững từ nhiều thế kỷ nay ở nước ta. Cấp tỉnh gồm có chính quyền đô thị (vừa và nhỏ), chính quyền nông thôn huyện và xã. Chính quyền đô thị thuộc tỉnh có thể là thành phố thuộc tỉnh hoặc thị xã (đô thị vừa). Chính quyền huyện cũng có đô thị (thị trấn). Xét về ý nghĩa chiến lược, vai trò và tầm quan trọng của chính quyền nông thôn, xét về quá trình lịch sử hình thành đã hàng ngàn năm, làng xã đích thực là đơn vị cơ bản của hệ thống hành chính nông thôn.

Thứ tư : *Chế độ thủ trưởng trong nền hành chính.*

Trong việc thực thi quyền hành pháp, có một số hoạt động phải thực hiện chế độ lãnh đạo tập thể như các phiên họp thường kỳ của Chính phủ thông qua nghị định, nghị quyết ; phiên họp Ủy ban nhân dân thông qua các quyết định quan trọng. Phần lớn công việc thuộc quyền hành pháp thực hiện chế độ thủ trưởng, sự quyết định một chiều từ trên xuống, cấp dưới phải tuân lệnh thi hành. Có thể cấp dưới nhận được mệnh lệnh cấp trên, cho rằng mệnh lệnh đó trái Hiến pháp và pháp luật nhà nước nhưng cấp đó vẫn phải tuân hành, trách nhiệm sẽ thuộc về cấp ra lệnh. Quyền tư pháp (xét xử) thực hiện nguyên tắc Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số. Hai nguyên tắc hoàn toàn khác biệt.

Theo chế độ thủ trưởng, mọi việc làm của cấp dưới đều phải báo cáo, xin ý kiến cấp trên, đề nghị các vấn đề cần thiết - cấp trên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, giúp đỡ, tạo các điều kiện để cấp dưới hoàn thành nhiệm vụ. Hệ quả của nguyên tắc này là cán bộ, công chức phải hoạt động theo mệnh lệnh và dựa trên cơ sở pháp luật. Theo chế độ tập thể của tòa án, mọi hoạt động đều diễn ra trước phiên tòa, kết luận về quyết định án do tập thể hội đồng xét xử quyết định theo đa số. Như vậy, trong hoạt động xét xử không có việc thỉnh thị của tòa án cấp dưới với tòa án cấp trên, không có lệnh của tòa án cấp trên xuống tòa án cấp dưới. Hệ quả của

Digitized by Google

nguyên tắc này là nguyên tắc khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm chỉ tuân theo pháp luật.

Thứ năm : *Nguyên tắc phân cấp, phân quyền, ủy quyền, quản lý theo ngành kết hợp theo lãnh thổ.*

Hệ thống hành chính của một Nhà nước đơn nhất như nước ta luôn luôn là một hệ thống tập trung, thông suốt từ trung ương đến cơ sở. Chính phủ là trung tâm điều hành trong cả nước. Chính phủ phân cấp, phân quyền, ủy quyền cho từng cấp, nhằm phát huy tính sáng tạo, chủ động trong sự phát triển từng vùng, từng cấp và giải quyết kịp thời các sự kiện xảy ra ở từng nơi.

Phân cấp, phân quyền, ủy quyền đều được tiến hành theo ngành : nông nghiệp khác thương mại, giao thông khác công nghiệp, giáo dục khác y tế..., đều giao cho cấp chính quyền quản lý từng vùng, lãnh thổ thực hiện. Sự kết hợp ngành, lãnh thổ đều qua cơ quan bộ và Ủy ban nhân dân các cấp. Tư pháp thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử, hai cấp độc lập, nếu xử sơ thẩm không có chống án, kháng nghị thì không lên đến cấp phúc thẩm, nếu có xử phúc thẩm là kết thúc, án có hiệu lực. Cấp giám đốc thẩm chỉ là cấp phá án.

Thứ sáu : *Cơ chế nhất nguyên.*

Cơ chế nhất nguyên giữa cấp ủy viên của Đảng với công chức lãnh đạo hành chính đã được thực hiện như là một nguyên tắc phổ biến. Ở cấp trung ương, chức danh Bí thư Ban Cán sự Đảng ở bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đều kiêm Bộ trưởng, Tổng cục trưởng. Ở cấp tỉnh, khoảng một nửa số tỉnh hiện nay đã thực hiện Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Tỉnh ủy viên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các giám đốc sở phần lớn là Tỉnh ủy viên. Ở cấp huyện, cấp xã tình hình cũng tương tự như cấp tỉnh. ❑

VỀ QUÁ ĐỘ...

(Tiếp theo trang 33)

trọng nổi bật là : đặc trưng, sức sống của các bản sắc văn hóa vật chất và tinh thần của dân tộc ; tính ổn định, độ bền vững của các mối liên kết giai cấp và dân tộc bên trong mỗi quốc gia ; tính ưu việt của các thiết chế kinh tế - xã hội, chính trị - xã hội mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; tính kiên định, năng động, sáng tạo của giai cấp tiên phong cũng như hạt nhân lãnh đạo chính trị của nó là Đảng Cộng sản ; quy mô, tốc độ và hiệu quả của quá trình giao lưu quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngoài ra, tất nhiên sự chuyển biến, gia tăng của những nhân tố tự phủ định khách quan trong lòng xã hội tư sản và hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới cũng có tác động mạnh mẽ, trực tiếp đến tiến trình quá độ ở các nước xã hội chủ nghĩa ngày nay. Chẳng hạn, đó là : sự trì trệ của nền kinh tế nhiều nước tư bản phát triển ; cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ của nhiều nước trên thế giới vài ba năm trước ; thảm họa ngày 11-9-2001 ở Mỹ ; mâu thuẫn giữa Pháp, Đức với Mỹ, Anh trong cuộc chiến I-rắc vừa qua, một mâu thuẫn mà theo H. Kít-xinh-giơ thì chứa đựng tiềm tàng trong nó nguy cơ còn lớn hơn, tức sự chia rẽ trong nội bộ Liên minh Đại Tây Dương - rường cột của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới[7] ; triển vọng không sáng sủa của Mỹ, được P. Ken-nơ-đi gọi là "sự chìm sâu hơn vào trạng thái không an toàn", khi muốn tiếp tục một cuộc thập tự chinh mới hòng "dân chủ hóa" Trung Đông và làm thay đổi thế giới Hồi giáo A-rập[8]. ❑

(7) H. Kít-xinh-giơ : *Làm sống lại quan hệ hai bờ đại dương*, báo Tây Ban Nha *ABC*, ngày 13-4-2003

(8) P. Ken-nơ-đi : *Đống tro tàn của đế chế*, báo Mỹ *Bưu điện Oa-sinh-tơn*, tuần báo *Quốc tế*, ngày 23/30-4-2003

Digitized by Google

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
với phong trào phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi

PHẠM VĂN THIỆN*

NƯỚC ta có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống lâu đời. Các dân tộc đều có truyền thống yêu nước, đoàn kết giúp đỡ nhau trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Miền núi chiếm 3/4 diện tích cả nước, là nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào các dân tộc thiểu số ; là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh - quốc phòng; là căn cứ địa cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc ; nơi bảo tồn môi trường sinh thái.

Hơn 16 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, chăm lo đời sống nhân dân các dân tộc. Nhờ vậy, kinh tế - xã hội miền núi đã có những bước phát triển rõ rệt, đời sống nông dân các dân tộc được nâng lên, bộ mặt nông thôn miền núi có nhiều khởi sắc.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, Hội Nông dân các tỉnh miền núi đã có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng, củng cố tổ chức Hội, phát triển hội viên, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, từng bước phát huy vai trò nòng cốt trong các phong trào nông dân phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

1- Tổ chức, vận động, hướng dẫn hội viên, nông dân các dân tộc phát triển kinh tế - xã hội, đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo và thi đua làm giàu

Trong những năm qua, 42/42 tỉnh hội trong khu vực miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã hướng mạnh về cơ sở, chủ động phối hợp với các cấp, các ngành ; bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động, tích cực vận động hội viên, nông dân các dân tộc thực hiện định canh, định cư, tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với vùng miền núi. Khuyến khích, hỗ trợ khai hoang mở rộng diện tích canh tác, bỏ tập quán phát nương làm rẫy, chuyển mạnh sang thâm canh, tăng vụ, ổn định lương thực tại chỗ, từng bước phát triển sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế trang trại, đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống. Phổ biến, hướng dẫn và vận động hội viên nông dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ, đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất trên 76% diện tích canh tác. Các cấp Hội đã phối hợp với các ngành chức năng tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho 1 246 747 lượt hội viên, nông dân. Phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Phục vụ người nghèo (nay là Ngân hàng Chính sách xã hội) thành lập được 81 115 tổ tín

* Cơ quan Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

Digitized by Google

chấp để giúp hàng triệu lượt hộ nông dân nghèo được vay vốn với trên 4 000 tỉ đồng. Phối hợp với chính quyền các cấp và các ngành tổ chức những hoạt động dịch vụ về thông tin thị trường, giá cả, về cung ứng vật tư, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, tham gia xây dựng chợ, mở rộng giao lưu hàng hóa, phát triển thị trường. Đồng thời, các cấp Hội đã vận động hội viên, nông dân chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, giúp nhau về giống, vốn, ngày công lao động trị giá hàng tỉ đồng. Nhiều nơi đã hình thành vùng sản xuất hàng hóa, đã xuất hiện hàng nghìn mô hình kinh tế trang trại có hiệu quả kinh tế cao.

Phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi do Trung ương Hội phát động đã tạo được khí thế sôi nổi, đoàn kết, gắn bó trong nông dân. Đến nay, khu vực miền núi đã có 4,5 triệu lượt hộ nông dân đạt danh hiệu hộ sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp. Nhiều điển hình tiên tiến trong sản xuất nông, lâm nghiệp hằng năm thu nhập từ 30 - 40 triệu đồng, có hộ thu hàng trăm triệu đồng/năm. Tỷ lệ đói nghèo giảm từ trên 50% (năm 2000) xuống còn 26% (năm 2002). Hội viên nông dân các tỉnh miền núi đã giúp nhau trên 10 tỉ đồng, 1 750 tấn lương thực, hơn 55 vạn ngày công giúp cho trên 50 vạn hộ thoát nghèo, ổn định đời sống.

Hưởng ứng phong trào "Trồng cây nhớ ơn Bác Hồ" và thực hiện dự án trồng mới 5 triệu héc-ta rừng, các cấp Hội đã tích cực vận động hội viên, nông dân trồng mới được 125 nghìn héc-ta, khoanh nuôi, bảo vệ 2,2 triệu héc-ta, đồng thời ngăn chặn có hiệu quả tình trạng phá rừng làm rẫy, nâng diện tích rừng che phủ từ 30% (năm 2000) lên 38% (năm 2002), phấn đấu đến năm 2010 đưa tỷ lệ rừng che phủ lên 45%.

2- Vận động hội viên, nông dân các dân tộc tích cực tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn

Với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, phát huy sức mạnh nội lực của quần chúng, Hội Nông dân cơ sở đã phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở trong việc tham gia giám sát các công trình xây dựng tại địa phương theo chương trình đầu tư của Nhà nước ; vận động hội viên, nông dân tích cực đóng góp công sức cùng tham gia phong trào làm đường giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, điện, trường học, trạm y tế, v.v. ở địa phương. Hội viên, nông dân các tỉnh trong khu vực đã đóng góp trên 120 tỉ đồng, 30 triệu ngày công lao động ; nâng cấp sửa chữa gần 189 290 ki-lô-mét đường giao thông nông thôn, trên 36 000 ki-lô-mét kênh mương nội đồng, 6 883 phòng học, trạm y tế, 4 500 công trình điện..., góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất và đời sống, sinh hoạt cho nông dân miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, có 93% số xã có trạm y tế, 100% số xã có trường tiểu học, 97% số xã có đường ô-tô đến trung tâm xã và 50,7% số hộ được dùng điện lưới quốc gia.

3- Vận động hội viên, nông dân tham gia thực hiện tốt phong trào "toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng "gia đình nông dân văn hóa", "xây dựng làng, bản, ấp văn hóa"

Các cơ sở hội thường xuyên chỉ đạo phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội ; xây dựng và thực hiện các nội quy, quy ước, hương ước. Do đó, các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút, rượu chè... giảm hẳn. Đã có 750 000 hộ trong hơn một triệu hộ đăng ký xây dựng "Gia đình nông dân văn hóa" đã được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa". Các cấp Hội đã phối hợp với các cơ quan chức năng, tổ chức được 12 451 buổi giáo dục truyền thông, 1 820 lớp tập huấn nâng cao kiến thức về dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc trẻ em cho gần một triệu lượt người. Đến nay, toàn khu vực đã có trên 3 000 câu lạc bộ nông dân lồng ghép với dân số - kế hoạch hóa gia đình thường xuyên hoạt động. Thông qua sinh hoạt câu lạc bộ, các buổi truyền thông và các lớp tập huấn, nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa về lối sống mới, vệ sinh môi trường, dân số - kế hoạch hóa gia đình, tập quán sinh hoạt, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, phòng và điều trị một số bệnh thông thường... đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các tỉnh trong khu vực đã xây dựng được trên 11 000 đội văn nghệ, thể thao

Digitized by Google

quần chúng (riêng tỉnh Sơn La có trên 700 đội, tỉnh Lai Châu có trên 400 đội) thường xuyên sinh hoạt với nội dung và hình thức phong phú, hấp dẫn, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho hội viên, nông dân, thật sự là nguồn cổ vũ, động viên lớn, củng cố tinh thần đoàn kết gắn bó trong cộng đồng thôn, ấp, bản, làng.

4- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, hội viên, nông dân

Đến nay, 42/42 tỉnh Hội khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, gắn nội dung của Quy chế với hoạt động công tác hội. Tham gia giải quyết được 3 195 vụ khiếu kiện, hòa giải 12 642 vụ việc mâu thuẫn trong nội bộ nông dân. Tích cực phối hợp với Bộ đội Biên phòng, ngành công an vận động hội viên, nông dân đấu tranh chống lấn chiếm đường biên, chống xâm canh, xâm cư, truyền đạo trái phép, âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội ở địa bàn nông thôn.

Tuy nhiên, do địa bàn rộng, địa hình chia cắt phức tạp, dân cư ở phân tán, phân bố không đều, nên kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng dân tộc và miền núi phát triển chậm, trình độ dân trí thấp. Đời sống của đại bộ phận dân cư còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao. Kết cấu hạ tầng thấp kém, đất nông nghiệp ít, nước sản xuất và sinh hoạt thiếu. Tình trạng dân di cư tự do, du canh, du cư chưa được khắc phục một cách cơ bản. Một số phần tử xấu lợi dụng sinh hoạt tôn giáo truyền đạo trái phép còn diễn ra phức tạp ở một số địa phương. Công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, hội viên, nông dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao đặc biệt khó khăn còn hạn chế, chưa sâu sát, chưa nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của hội viên, nông dân. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở hội, phát triển hội viên mới, đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn 53 thôn, bản chưa có tổ chức hội.

Phát huy những kết quả đã đạt được, để làm nòng cốt các phong trào nông dân phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, công tác hội và phong trào nông dân các tỉnh miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian tới cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau :

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục hội viên, nông dân các dân tộc về các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến nông dân, nhất là những chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, về xóa đói giảm nghèo đối với khu vực miền núi, vùng dân tộc thiểu số. Nâng cao nhận thức, giáo dục đồng bào không tự ty dân tộc, không trông chờ, ỷ lại vào cấp trên, xây dựng ý chí quyết tâm vươn lên, không cam chịu đói nghèo. Tập trung chỉ đạo các cấp Hội xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương bảy (khóa IX) *về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác dân tộc, công tác tôn giáo, chính sách đất đai,* xóa đói giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc và miền núi.

- Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, sự quan tâm giúp đỡ của chính quyền các cấp, phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học, các doanh nghiệp... chủ động, tích cực chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt ba phong trào thi đua lớn : phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng ; phong trào nông dân xây dựng gia đình văn hóa, làng, xã văn hóa ; phong trào nông dân tham gia bảo vệ quốc phòng, an ninh.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hội cơ sở là người dân tộc thiểu số về trình độ lý luận chính trị, kiến thức văn hóa, khoa học - kỹ thuật, quản lý kinh tế - xã hội và nghiệp vụ công tác hội để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác trong tình hình mới. Tăng cường xây dựng, củng cố cơ sở hội (chi hội, tổ hội) vững mạnh, phổ biến và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến ; đẩy mạnh công tác phát triển hội viên, chấm dứt tình trạng thôn, bản "trắng" về tổ chức hội trong năm 2003. ❑

Digitized by Google

Xây dựng thương hiệu trong quá trình hội nhập KINH TẾ QUỐC TẾ

NGUYỄN QUỐC THỊNH*

Có lẽ chưa bao giờ vấn đề thương hiệu được nhắc đến nhiều như bây giờ. Thương hiệu đang trở thành vấn đề thời sự không chỉ đối với các doanh nghiệp mà ngay cả các cơ quan quản lý và xúc tiến thương mại, nhất là từ sau khi chương trình xây dựng "Thương hiệu quốc gia" do Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Thương mại) và chương trình "Phát triển thương hiệu Việt" do Báo Sài Gòn tiếp thị đề xướng. Tuy nhiên, xây dựng thương hiệu hoàn toàn không phải là chuyện của ngày một ngày hai, lại càng không phải chỉ là việc tạo ra cho hàng hóa, dịch vụ một cái tên với một biểu tượng hấp dẫn rồi tiến hành đăng ký bảo hộ những cái đó và... yên tâm trông chờ vào một phép màu nhiệm do những cái tên, biểu tượng đó mang lại cho doanh nghiệp. Xây dựng thành công thương hiệu cho một hoặc một nhóm sản phẩm là cả một quá trình gian nan, một quá trình tự khẳng định chính mình với sự đầu tư hợp lý trên cơ sở hiểu một cách cặn kẽ các nội hàm của thương hiệu. Xây dựng thương hiệu chung cho hàng hóa của một quốc gia lại càng khó gấp bội, đòi hỏi không chỉ thời gian mà còn cả sự mạo hiểm, một cơ chế quản lý cũng như các yếu tố cần thiết khác khi xây dựng thương hiệu nói chung.

Chung quanh vấn đề thương hiệu

Cho đến nay, trong các văn bản pháp luật của Việt Nam chưa có thuật ngữ thương hiệu, nhưng trên thực tế thuật ngữ này đang có nhiều cách giải thích khác nhau. Người này cho rằng, thương hiệu là cách nói khác của nhãn hiệu hàng hóa ; người khác lại cho rằng, thương hiệu là nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ và vì thế nó có khả năng mua đi bán lại trên thị trường. Quan điểm khác nữa cho rằng, thương hiệu là thuật ngữ để chỉ chung cho các đối tượng sở hữu công nghiệp được bảo hộ như nhãn hiệu hàng hóa, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và tên gọi xuất xứ. Theo chúng tôi, thương hiệu là một thuật ngữ dùng nhiều trong ma-két-ting. Đó có thể là *hình tượng* về một cơ sở sản xuất, kinh doanh (gọi chung là doanh nghiệp) hoặc *hình tượng* về một loại hoặc một nhóm hàng hóa, dịch vụ trong con mắt khách hàng ; hoặc là các *dấu hiệu* để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp này với hàng hóa, dịch vụ cùng loại của doanh nghiệp khác hoặc để phân biệt chính doanh nghiệp này với doanh nghiệp khác. Các hình tượng, dấu hiệu có thể là các chữ cái, con số, hình vẽ, sự thể hiện của màu sắc... hoặc sự kết hợp của các yếu tố đó, và cũng có thể là sự cá biệt, đặc sắc của bao bì hàng hóa.

Tuy nhiên bản thân hình tượng, dấu hiệu của hàng hóa chưa đủ nói lên điều gì. Yếu tố làm cho thương hiệu đi vào tâm trí khách hàng chính là chất lượng hàng hóa, dịch vụ ; cách ứng xử của doanh nghiệp với khách hàng và với cộng đồng ; những hiệu quả và tiện ích đích thực cho người tiêu dùng do những hàng hóa và dịch vụ đó mang lại... Nhưng, thông qua những dấu hiệu, người tiêu dùng dễ dàng nhận biết

* TS. Trường Đại học Thương mại

Digitized by Google

hàng hóa của doanh nghiệp trong muôn vàn những hàng hóa khác. Những dấu hiệu còn là căn cứ để pháp luật bảo vệ quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp trong cuộc chống lại sự cạnh tranh không lành mạnh. Pháp luật chỉ bảo hộ những *dấu hiệu* đã đăng ký bảo hộ.

Thương hiệu được chia một cách tương đối thành nhiều loại. *Thương hiệu cá biệt* là thương hiệu cho từng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể. Mỗi loại lại có một thương hiệu riêng và như thế một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh nhiều loại hàng hóa khác nhau có thể có nhiều thương hiệu khác nhau, ví dụ : Mika, Ông Thọ, Hồng Ngọc, Redielac... là những thương hiệu cá biệt của Vinamilk ; Future, Dream, Super Dream, Wave α là của Honda... *Thương hiệu gia đình* là thương hiệu chung cho tất cả các hàng hóa, dịch vụ của một doanh nghiệp, ví dụ : Vinamilk, Honda, Yamaha, Panasonic, LG, Samsung, Biti's, Trung Nguyên... *Thương hiệu chung* cho nhóm hàng, ngành hàng (đôi khi còn gọi là thương hiệu tập thể) là thương hiệu cho một nhóm hàng hóa nào đó, nhưng do các cơ sở khác nhau sản xuất (thường là trong cùng một khu vực địa lý, gắn với các yếu tố xuất xứ, địa lý nhất định), ví dụ : Nhãn lồng Hưng Yên, Vải thiều Thanh Hà, Vang Bordaux... *Thương hiệu quốc gia* là thương hiệu dùng cho các sản phẩm, hàng hóa của một quốc gia nào đó (nó thường gắn với những tiêu chí nhất định, tùy thuộc vào từng quốc gia, từng giai đoạn). Trong thực tế, với một hàng hóa cụ thể, có thể tồn tại chỉ duy nhất một thương hiệu, nhưng cũng có thể tồn tại đồng thời nhiều loại thương hiệu (vừa có thương hiệu cá biệt, vừa có thương hiệu gia đình, như Honda Super Dream, Yamaha Sirius; hoặc vừa có thương hiệu nhóm và thương hiệu quốc gia như Gạo Nàng hương Thai's...).

Một số vấn đề khi xây dựng thương hiệu quốc gia

Xây dựng thương hiệu nói chung và thương hiệu quốc gia nói riêng là tạo dựng cho được hình ảnh tốt về hàng hóa, dịch vụ trong suy nghĩ của người tiêu dùng dù ở các thị trường khác nhau. Muốn vậy, phải sử dụng hàng loạt biện pháp để người tiêu dùng biết đến quốc gia, hàng hóa của quốc gia, yên tâm, tin tưởng, có thiện cảm tiêu dùng hàng hóa đó.

Trước hết, xây dựng thương hiệu quốc gia cần gắn liền với xây dựng thương hiệu cho từng loại hàng hóa của từng doanh nghiệp cụ thể vì người tiêu dùng thường lựa chọn hàng hóa dựa trên thương hiệu của từng doanh nghiệp đã thâm nhập vào thị trường. Thông qua thương hiệu riêng biệt của từng doanh nghiệp, thương hiệu quốc gia sẽ được cảm nhận và phát huy. Thực tế hiện nay chưa có sự gắn kết giữa thương hiệu của hàng hóa với thương hiệu quốc gia, nên một số thương hiệu hàng hóa của Việt Nam tuy rất được khách hàng có cảm tình nhưng họ lại không hề biết đó là sản phẩm Việt Nam như : thương hiệu Trung Nguyên, Biti's, Phú Quốc, Thượng Đình... Nhiều hàng hóa khác cũng được đánh giá cao tại thị trường nước ngoài, nhưng lại không có thương hiệu hoặc có nhưng là thương hiệu của những người đặt gia công hay những nhà bán lẻ nổi tiếng. Do vậy, việc tạo ra thương hiệu quốc gia gắn với hàng hóa (chẳng hạn : *Vietnam Value Inside - như đề xuất ban đầu của Cục Xúc tiến thương mại, Bộ Thương mại*) sẽ nâng vị thế của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế nói riêng và vị thế đất nước nói chung. Người tiêu dùng sẽ biết nhiều hơn về Việt Nam và đây còn được coi như là một thông điệp về chỉ dẫn địa lý đối với hàng hóa.

Vì lẽ đó, khi xây dựng thương hiệu quốc gia phải rất chú trọng đến hình ảnh quốc gia, bởi nó sẽ góp phần rất nhiều trong quảng bá thương hiệu sản phẩm. Việt Nam được thế giới biết đến như là một đất nước anh hùng trong thời kỳ chiến tranh. Trong xây dựng kinh tế, Việt Nam được coi là một quốc gia năng động, đi lên từ nghèo khó với sự tăng trưởng đáng khâm phục. Việt Nam là điểm đến an toàn cho du khách trên

Digitized by Google

thế giới. Tất cả những hình ảnh đó về Việt Nam sẽ hỗ trợ và làm tăng lòng tin của khách hàng vào hàng hóa Việt Nam. Đây chính là một lợi thế rất quan trọng cho hàng hóa mang thương hiệu quốc gia Việt Nam. Ngoài ra, vì một thương hiệu đầy đủ không chỉ có phần tên gọi mà còn có phần hình tượng và có thể có thêm những dấu hiệu khác nên những hình tượng, dấu hiệu này cần mang tính đặc trưng, đại diện cho đất nước, thể hiện được tính dân tộc và khai thác được những lợi thế từ hình ảnh của dân tộc. Thông qua các cuộc thi sáng tác chúng ta hoàn toàn có thể làm được điều này.

Xây dựng thương hiệu là cả quá trình lâu dài, phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố cả chủ quan và khách quan. Do đó, để xây dựng thành công hình ảnh về hàng hóa của Việt Nam, rất cần có một chiến lược với một lộ trình thực hiện cụ thể. Một số nước trên thế giới đã phải mất vài chục năm cho việc xây dựng hình ảnh cho hàng hóa quốc gia, (chẳng hạn Nhật Bản với trên 30 năm, Trung Quốc đã có bề dày trên 20 năm mà vẫn coi là chưa thành công...). Xây dựng thương hiệu là nhằm để người tiêu dùng tin tưởng, yên tâm và yêu mến những hàng hóa mang thương hiệu đó. Điều này chỉ có thể đạt được khi hàng hóa có chất lượng cao, dịch vụ đi kèm hấp dẫn, hoàn hảo, và hơn thế nữa, trong kinh doanh, phải thể hiện văn hóa kinh doanh, sự quan tâm đến quyền lợi người tiêu dùng và cộng đồng. Vì lẽ đó, cùng với việc tạo ra một hình ảnh về Việt Nam và hàng hóa Việt Nam phải có một chương trình nhằm khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ. Đồng thời, coi đây như là một điều kiện ràng buộc quan trọng để các doanh nghiệp được tham gia chương trình thương hiệu quốc gia. Các chương trình *"Việt Nam - điểm đến của thiên niên kỷ mới", "Hàng Việt Nam chất lượng cao"*... chính là những bước đi ban đầu trong lộ trình xây dựng thương hiệu quốc gia cho hàng hóa Việt Nam.

Xây dựng thương hiệu cũng bao gồm việc quảng bá cho thương hiệu và khai thác giá trị thương hiệu. Quảng bá sẽ nhanh chóng đưa được thông điệp, hình ảnh về hàng hóa đến với người tiêu dùng. Việc quảng bá ở quy mô quốc gia sẽ phức tạp và khó khăn hơn nhiều so với quy mô của doanh nghiệp. Vì vậy, thông điệp đưa ra cần hết sức rõ ràng và súc tích, mang tính đại diện cao. Các hình ảnh trong quảng cáo nên gắn liền với một trong số các hình ảnh điển hình về Việt Nam mà người nước ngoài đã từng quen thuộc như Chùa Một cột, Khuê Văn các, Cột cờ Hà Nội, Chợ Bến Thành... Cùng với quảng bá thương hiệu bằng các phương pháp khác nhau như trên truyền hình, thông qua hội chợ triển lãm và các phương tiện truyền thông khác..., hoạt động giao tiếp cộng đồng cũng đóng vai trò rất quan trọng trong tạo dựng hình ảnh về hàng hóa.

Bảo vệ thương hiệu và hạn chế rủi ro trong xây dựng thương hiệu

Như trên đã trình bày, thương hiệu theo quan niệm ở đây là *hình tượng* về hàng hóa và doanh nghiệp, là những *dấu hiệu* để phân biệt hàng hóa, dịch vụ. Vì thế, để bảo vệ thương hiệu nói chung và thương hiệu quốc gia nói riêng, trước hết cần đăng ký bảo hộ các dấu hiệu hàng hóa (nhãn hiệu hàng hóa, tên thương mại, tên gọi xuất xứ, chỉ dẫn địa lý...) theo quy định của pháp luật. Với thương hiệu quốc gia, đây sẽ là thương hiệu tập thể, thương hiệu của cộng đồng rất nhiều doanh nghiệp, cho nên việc đăng ký bảo hộ sẽ phức tạp hơn rất nhiều. Bên cạnh đó, việc kiểm tra, giám sát, chống xâm phạm thương hiệu là việc hoàn toàn không đơn giản khi có số lượng lớn hàng hóa được mang thương hiệu quốc gia. Nên, nếu không có được một cơ chế rà soát linh hoạt và năng động, rất có thể chương trình xây dựng thương hiệu quốc gia sẽ tạo tiền đề cho một số doanh nghiệp không lành mạnh lợi dụng, thậm chí đó có thể là cả doanh nghiệp nước ngoài.

Digitized by Google

Biện pháp mà các doanh nghiệp thường sử dụng để tự bảo vệ thương hiệu của mình là mở rộng mạng lưới phân phối và tạo những rào cản chống xâm phạm thương hiệu, song đây là cách áp dụng ở quy mô một doanh nghiệp với chủng loại hàng hóa hạn chế. Trong việc xây dựng thương hiệu quốc gia có thể có những nguy cơ rủi ro rất cao do chính các doanh nghiệp mang lại. Đó là sự thiếu nghiêm túc của các doanh nghiệp trong việc duy trì chất lượng hàng hóa hoặc sự thất bại của một thương hiệu cá biệt trên thị trường. Chẳng hạn, khi xây dựng thương hiệu gia đình hoặc thương hiệu nhóm, nếu một loại hàng hóa nào đó bị thất bại trên thị trường, người tiêu dùng "tẩy chay", thì các hàng hóa khác cùng thương hiệu cũng dễ bị ảnh hưởng vì người mua có tâm lý không muốn mua nữa. Có thể lấy ví dụ trong trường hợp Công ty ô-tô MeKong. Tên công ty là MeKong đã được dùng để đặt cho một loại xe lắp ráp. Rất tiếc, loại xe này đã không được người tiêu dùng ưa chuộng do điều hòa mau hỏng, xe xuống cấp nhanh. Thế nhưng, chính vì sự thất bại đó, cho đến nay mỗi khi nói đến Công ty này, người tiêu dùng lại nhớ ngay đến hình ảnh chiếc xe ô-tô MeKong chất lượng thấp. Vì vậy, cần phải tính toán thật kỹ điều này khi xây dựng thương hiệu quốc gia, bởi lẽ đây là rủi ro không dễ khắc phục.

Một rủi ro khác cũng có thể gặp phải khi xây dựng thương hiệu quốc gia là về tài chính. Đầu tư cho việc xây dựng thương hiệu hoàn toàn không đơn giản. Nếu lựa chọn chiến lược đầu tư và lộ trình không hợp lý có thể không thu được kết quả hoặc kết quả rất thấp không tương xứng với chi phí đã bỏ ra. Mặt khác, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực hiện nay, sự cạnh tranh giữa các hàng hóa của các nước ngày càng quyết liệt nên rất có thể hàng hóa của chúng ta một lúc nào đó, tại một thị trường nào đó, sẽ mất sức cạnh tranh, khi đó thương hiệu Việt Nam bị lu mờ và chúng ta sẽ gặp phải rủi ro tài chính.

Thực tế hiện nay, tại Việt Nam không chỉ có một chương trình về xây dựng thương hiệu cho hàng hóa, mà có cả "phong trào" xây dựng thương hiệu ở các doanh nghiệp. Song, các chương trình phát triển thương hiệu có những tiêu chí và cách làm khác nhau, vô hình chung buộc doanh nghiệp vào thế phải lựa chọn, và điều đó đưa các doanh nghiệp vào tình trạng lúng túng nếu không có sự thống nhất, gắn kết. Thêm nữa, nếu một doanh nghiệp cùng lúc tham gia nhiều chương trình khác nhau, thì khi hàng hóa của doanh nghiệp có chất lượng càng cao, trên bao bì sẽ có nhiều dấu hiệu khác nhau gây khó khăn cho sự lựa chọn của người tiêu dùng, làm giảm tác dụng của việc tuyên truyền, quảng bá. Vì lẽ đó, để việc xây dựng thương hiệu quốc gia thành công, nhất thiết nên có một cơ quan chuyên trách (hiện nay là Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Thương mại) với những thẩm quyền nhất định nhằm đề ra mục tiêu và bước đi rõ ràng. Ngoài ra, cơ quan này phải tập hợp được tất cả các ý tưởng và những hoạt động riêng lẻ khác liên quan để tạo sự thống nhất vì lợi ích chung.

Như vậy, xây dựng thương hiệu bao gồm một loạt công việc, đòi hỏi phải tính đến nhiều rủi ro và phải có sự đầu tư thích đáng cả về tài chính, trí tuệ, công nghệ, thời gian. Xây dựng thương hiệu là phải tạo được uy tín lâu dài về sản phẩm trong tâm trí người tiêu dùng. Việc xây dựng thương hiệu quốc gia là một chương trình lớn, phù hợp với nguyện vọng của nhiều doanh nghiệp Việt Nam và hợp với xu thế hiện nay. Làm tốt điều này, chúng ta có thể hy vọng trong tương lai sản phẩm Việt Nam sẽ được người tiêu dùng trên thế giới biết đến, với những ấn tượng đẹp đẽ. Chắc chắn khi đó, đất nước Việt Nam là một địa chỉ tin cậy của người tiêu dùng về những hàng hóa có chất lượng cao. ❑

Digitized by Google

Công tác thanh tra nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với sự nghiệp GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

LÊ QUÁN TẦN *

GIÁO dục và đào tạo được Đảng ta xác định là "quốc sách hàng đầu". *Báo cáo Chính trị* tại Đại hội lần thứ IX của Đảng chỉ rõ : "Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững".

Hơn nửa thế kỷ qua, nền giáo dục cách mạng nước ta đã đạt những thành tựu đáng tự hào, góp phần quan trọng quyết định trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Với hệ thống giáo dục quốc dân từ giáo dục mầm non đến giáo dục đại học và sau đại học, có trên 22 triệu người đi học (chiếm 27,8% số dân), sự nghiệp giáo dục đã góp phần phát huy nhân tố con người - nguồn nội lực quan trọng - để đưa đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, nền giáo dục và đào tạo nước ta còn có những khuyết điểm, yếu kém cần khẩn trương khắc phục. Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng nhận định : "Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu. Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, sách giáo khoa, thi cử, cơ cấu đào tạo, trình độ quản lý còn nhiều thiếu sót ; trong giáo dục và đào tạo có những tiêu cực đáng lo ngại" ; đồng thời đã chỉ ra phương hướng giải quyết là : "Tiếp tục quán triệt quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu và tạo sự chuyển biến cơ bản, toàn diện trong phát triển giáo dục và đào tạo. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Giáo dục, tăng cường quản lý nhà nước, đặc biệt là hệ thống thanh tra giáo dục, thiết lập kỷ cương, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực".

Thực tế đặt ra yêu cầu vừa cấp bách vừa lâu dài là nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục. Để đạt được yêu cầu đó, qua kinh nghiệm của nước ta và các nước có nền giáo dục phát triển, phải xây dựng tổ chức Thanh tra Giáo dục vững mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động, coi đây là lĩnh vực thiết yếu của cơ quan quản lý nhà nước, theo tinh thần Pháp lệnh Thanh tra.

Tổ chức Thanh tra Giáo dục của Nhà nước ta được ra đời rất sớm. Sau Cách mạng Tháng Tám, ngày 8-9-1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra Sắc lệnh số 16 thành lập cơ quan Thanh tra học vụ "để kiểm soát việc học theo đúng chương trình giáo dục của Chính phủ". Sau khi Pháp lệnh Thanh tra được ban hành (1-4-1990), hệ thống tổ chức Thanh tra Giáo dục được củng cố một bước rõ rệt, là bộ phận cấu thành của hệ thống tổ chức Thanh tra Nhà nước, được tổ chức ở cấp Bộ và cấp Sở. Tiếp đó, với việc ban hành Nghị định số 358/HĐBT, ngày 28-9-1992, của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Giáo dục, các quy định về chức năng, nhiệm vụ, bộ máy tổ chức và phương thức hoạt động được cụ thể hóa

* Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo

Digitized by Google

thêm một bước. Gần đây, sau khi Luật Giáo dục có hiệu lực thi hành, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 101/NĐ-CP, ngày 10-12-2002, về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Giáo dục thay thế Nghị định số 358/HĐBT. Hiện nay, các thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định này đang được gấp rút chuẩn bị để sớm ban hành.

Đến nay, nhiệm vụ trọng tâm của Thanh tra Giáo dục được xác định là : *Thanh tra việc thi hành pháp luật về giáo dục và thông qua hoạt động thanh tra kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về giáo dục, đề nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách, quy định của Nhà nước về giáo dục.* Thực hiện nhiệm vụ đó, tổ chức, đòi hỏi bộ máy của Thanh tra Giáo dục phải được tăng cường, đẩy mạnh hoạt động, góp phần tăng cường hiệu lực quản lý, chấn chỉnh các mặt yếu kém, củng cố kỷ cương, nền nếp trong lĩnh vực giáo dục.

Về xây dựng lực lượng, mấy năm gần đây, cơ quan Thanh tra Bộ và ở cấp Sở đã được tăng cường thêm cả về số lượng và chất lượng cán bộ. Năm năm qua, cơ quan Thanh tra Bộ đã được điều động thêm cán bộ tăng gấp hơn 2 lần, bổ sung thêm được những cán bộ có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, bản lĩnh công tác, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ. Nhìn chung, Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành bố trí 10% biên chế cho cơ quan Thanh tra cấp mình, có một số sở đã bố trí đến 15%.

Về nội dung hoạt động, đã tăng cường công tác thanh tra chuyên môn theo chức năng đặc thù của thanh tra chuyên ngành. Hằng năm, ngoài lực lượng Thanh tra Giáo dục chuyên trách, đã huy động thêm 15 500 cộng tác viên, tiến hành thanh tra đánh giá chất lượng giảng dạy của trên 20% giáo viên phổ thông và mầm non (140 000 người) và đánh giá công tác quản lý của 25% trong tổng số 31 500 cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non (7 875 cơ sở). Trong giai đoạn 2002-2007, đã và đang thanh tra chuyên đề về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, thay sách giáo khoa lần lượt từng năm, mở đầu từ lớp 1 đến lớp 6, đổi mới toàn bộ chương trình phổ thông, áp dụng thống nhất theo sách giáo khoa mới. Bước đầu, công tác thanh tra đổi mới giáo dục phổ thông đã phát huy hiệu quả rõ rệt, đánh giá sát đúng tình hình từ thực tế giảng dạy, kịp thời kèm cặp, hướng dẫn nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên. Công tác thanh tra hoạt động quản lý của các cơ sở giáo dục đã góp phần chấn chỉnh các mặt yếu kém, phòng ngừa sai phạm, phổ biến các kinh nghiệm tốt.

Công tác thanh tra xác minh để kiến nghị với các cấp quản lý giải quyết khiếu nại, tố cáo cũng đã có chuyển biến tốt, bám sát hơn Luật Khiếu nại, tố cáo và các nghị định hướng dẫn. Nhờ đó, giảm số vụ tồn đọng, giải quyết đúng đắn các mâu thuẫn phát sinh trong thực tiễn quản lý, bảo đảm thi hành pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

Thông qua tổng kết định kỳ và tổng kết các công tác lớn, đã coi trọng việc rút kinh nghiệm để đổi mới phương pháp công tác. Các hình thức hội thảo chuyên đề, các lớp tập huấn nghiệp vụ hằng năm đã thu được kết quả thiết thực, giúp đội ngũ cán bộ thanh tra mở rộng tầm nhìn, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn. Với sự chỉ đạo của Bộ trưởng, Thanh tra Giáo dục đã tranh thủ được sự giúp đỡ của tổ chức Thanh tra Giáo dục Pháp thông qua Dự án "Đào tạo thanh tra viên và cán bộ quản lý giáo dục" thực hiện trong 3 năm 2003-2005, với kinh phí viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Pháp là 1,70 triệu ơ-rô. Việc cử cán bộ và các đoàn công tác đi nghiên cứu kinh nghiệm thanh tra giáo dục và dự các hội nghị chuyên đề quốc tế một số nước cũng đã mang lại hiệu quả tốt, thúc đẩy đổi mới phương pháp công tác thanh tra chuyên ngành.

Để chấn chỉnh các mặt yếu kém trong công tác quản lý, nhất là các vấn đề bức xúc kéo dài về giáo dục, Thanh tra Bộ đã tham mưu với Bộ trưởng tổ chức các cuộc thanh tra chuyên đề. Trong thời gian qua, thanh tra chuyên đề tập trung vào các vấn đề sau đây :

Digitized by Google

- Thanh tra, kiểm tra việc quản lý, cấp phát, sử dụng các loại văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thanh tra, kiểm tra các kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh tổ chức theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thanh tra, kiểm tra chấn chỉnh công tác quản lý của các cơ sở giáo dục ngoài công lập, nhất là các trường đại học dân lập để xử lý sai phạm, uốn nắn lệch lạc, từng bước mở rộng xã hội hóa giáo dục theo quan điểm phát triển giáo dục của Đảng và chính sách của Nhà nước.

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách cử tuyển để đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn.

- Thanh tra, kiểm tra hệ đào tạo vừa học, vừa làm (đào tạo tại chức) của các trường đại học, cao đẳng, chấn chỉnh tình trạng chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng gây nên tình trạng "học giả, bằng thật".

- Thanh tra, kiểm tra để chấn chỉnh tình trạng tiêu cực trong dạy thêm, học thêm và các khoản thu trong trường học.

Trong các chuyên đề nói trên, việc tiến hành thanh tra, kiểm tra về văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân đã góp phần chấn chỉnh trên diện rộng công tác quản lý của các ban, ngành... liên quan trực tiếp đến công tác cán bộ và sử dụng nguồn nhân lực. Nhân đây, xin nói kỹ thêm về chuyên đề này để làm rõ hơn phương pháp thanh tra chuyên đề, là vấn đề đang được các cơ quan thanh tra quan tâm nghiên cứu, phục vụ công tác chỉ đạo.

Tháng 6-1999, theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chỉ thị về công tác này. Nội dung thanh tra, kiểm tra là các khâu quản lý, cấp phát, sử dụng các loại văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân. Phạm vi và đối tượng kiểm tra được quy định theo phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mục đích kiểm tra là thông qua rà soát, chấn chỉnh công tác quản lý, cấp phát của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ; đưa mặt công tác này vào kỷ cương, nền nếp theo quy định của Luật Giáo dục ; đồng thời, phát hiện những người sử dụng văn bằng, chứng chỉ bất hợp pháp để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối tượng sử dụng văn bằng, chứng chỉ chịu sự kiểm tra trước hết là những người xuất trình để thi cử, học tập và để dự thi tuyển, xét tuyển, thi nâng ngạch công chức.

Để triển khai thực hiện chủ trương này, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập Ban Chỉ đạo do một Thứ trưởng làm Trưởng ban, đại diện lãnh đạo Thanh tra Bộ làm Phó Trưởng ban Thường trực và đại diện các cơ quan liên quan trực tiếp đến việc quản lý văn bằng, chứng chỉ làm ủy viên. Ban Chỉ đạo của Bộ đã ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương và các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện. Định kỳ, Ban Chỉ đạo của Bộ đánh giá tình hình thực hiện chỉ thị và rút kinh nghiệm, đề ra các biện pháp đôn đốc Ban Chỉ đạo của các địa phương và các cơ sở đào tạo thực hiện kế hoạch kiểm tra.

Thực hiện chủ trương đó, Ủy ban nhân dân của tất cả 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo của địa phương ; trên 200 trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này. Ban Chỉ đạo của các địa phương và các trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, rà soát, chấn chỉnh công tác quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ của địa phương, đơn vị mình ; với thành phần đủ thẩm quyền chỉ đạo rà soát các khâu quản lý, cấp phát, chứng nhận bản sao, kiểm tra hồ sơ lưu trữ, xem xét tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ đang được sử dụng, kết luận trách nhiệm về các sai phạm trong các khâu quản lý, cấp phát, sử dụng. Đồng thời, phối hợp các cơ quan thành viên với các cơ quan liên quan xem xét, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về văn bằng, chứng chỉ, phối hợp chỉ đạo xử lý sai phạm của

Digitized by Google

học sinh, sinh viên, công chức theo quy định của quy chế và quy định của luật pháp về quản lý cán bộ, công chức.

Thực hiện chủ trương này, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ, phát hiện những vướng mắc, sơ hở và các vấn đề phát sinh để chủ động đề ra giải pháp khắc phục. Trên cơ sở rà soát công tác quản lý trong thời gian qua, Bộ đã hoàn chỉnh các quy định về quản lý văn bằng, chứng chỉ. Đồng thời, Bộ đã chỉ đạo các sở và các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp khẩn trương tiến hành rà soát công tác này. Ban Chỉ đạo các cấp đã tiến hành hàng nghìn cuộc kiểm tra và đã có quyết định kịp thời để chấn chỉnh khâu quản lý và cấp phát, từng bước giải quyết tình trạng nợ đọng văn bằng của các khóa đã đào tạo.

Để đưa công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ vào nền nếp, qua thực tế kiểm tra, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 20/2002/TT-BGD&ĐT, ngày 12-4-2002 về *"Hướng dẫn thực hiện việc cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ"* và Quyết định số 52/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 26-12-2002, về *"Quy định quản lý văn bằng, chứng chỉ giáo dục phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, giáo dục đại học và sau đại học"*.

Bộ đã lập các đoàn thanh tra trực tiếp kiểm tra 4 514 văn bằng, phát hiện 422 văn bằng bất hợp pháp (người có văn bằng không có tên trong danh sách tốt nghiệp lưu tại cơ quan có thẩm quyền cấp phát), chiếm tỷ lệ 9,3% số trường hợp được kiểm tra. Sau khi kiểm tra tại địa phương, Ban Chỉ đạo của Bộ đã làm việc trực tiếp hoặc gửi công văn đôn đốc các trường đại học, cao đẳng xử lý các sai phạm đã được kết luận và chấn chỉnh công tác quản lý. Ban Chỉ đạo của các tỉnh, thành phố, các sở giáo dục và đào tạo đã có kế hoạch kiểm tra văn bằng, chứng chỉ ở các cơ sở đào tạo thuộc địa phương quản lý. Các tỉnh, thành phố và các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đã tiến hành hàng nghìn cuộc kiểm tra, thanh tra về văn bằng, chứng chỉ, rà soát văn bằng, chứng chỉ của trên một triệu học sinh, sinh viên và những người tham gia thi tuyển, xét tuyển, thi nâng ngạch công chức, xác minh kết luận hàng nghìn đơn thư tố cáo về văn bằng, chứng chỉ. Đến nay, theo số liệu chưa đầy đủ, đã kiểm tra 1 067 049 văn bằng, chứng chỉ trong cả nước, phát hiện trên 6 000 lượt người, trong đó có 674 công chức, sử dụng văn bằng, chứng chỉ bất hợp pháp (riêng số công chức sử dụng văn bằng bất hợp pháp để học tại chức do các trường đại học phát hiện chưa được thống kê đầy đủ để báo cáo). Các cơ quan có thẩm quyền đã xử lý buộc thôi việc trên 275 công chức, xử lý hình thức khác 359 cán bộ công chức, cách chức một số cán bộ do có sai phạm trong việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ bất hợp pháp, khởi tố, truy tố, xét xử một số công chức trong và ngoài ngành giáo dục phạm tội làm và tiêu thụ văn bằng, chứng chỉ giả, buộc thôi học 1 322 người, trong đó phần lớn là người học tại chức (chưa tính số lượng kiểm tra và xử lý của các ngành công an, hải quan). Công tác thanh tra, kiểm tra trên diện rộng đã tạo điều kiện để các cơ quan bảo vệ pháp luật điều tra, phát hiện, triệt phá nhiều ổ nhóm sản xuất và tiêu thụ văn bằng, chứng chỉ giả hoặc làm các loại giấy tờ, hồ sơ dự thi, nhập học, giấy chứng nhận hưởng các chế độ ưu tiên, khuyến khích, làm giả giấy tờ để thi hộ, thi kèm.

Qua kết quả kiểm tra văn bằng, chứng chỉ cho thấy, số người sử dụng văn bằng, chứng chỉ bất hợp pháp (phần lớn là văn bằng làm giả hoặc văn bằng thật bị tẩy sửa, một số ít văn bằng được cấp trái quy định) chủ yếu ở các lớp học đại học tại chức mở ở địa phương, *đặc biệt là các lớp đại học tại chức kinh tế, luật, báo chí*. Nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ số người sử dụng văn bằng, chứng chỉ bất hợp pháp cao ở các đối tượng trên chủ yếu do khâu kiểm tra điều kiện nhập học chưa chặt chẽ, việc quản lý hồ sơ tuyển sinh chưa đúng quy định. Việc rà soát cũng cho thấy, tình trạng sử dụng văn bằng, chứng chỉ bất hợp pháp để dự thi tuyển, xét tuyển công chức chủ

Digitized by Google

yếu xảy ra ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa (đặc biệt là khu vực Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long), do thiếu cán bộ tại chỗ phải tuyển dụng người từ tỉnh khác.

Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Khoa giáo Trung ương báo cáo kết quả công tác này, Thủ tướng Chính phủ đã cho ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 832/VP-KG, ngày 11-9-2000 và Thường trực Bộ Chính trị (khóa VIII) cũng đã chỉ đạo tại Công văn số 566-CV/TW, ngày 17-12-2000. Với kết quả đạt được trong thời gian qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công tác này với mục tiêu là khẩn trương đưa công tác quản lý vào kỷ cương, nền nếp, *thiết lập trật tự quản lý hành chính* về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Luật Giáo dục. Chấn chỉnh đồng bộ từ khâu tuyển sinh, quá trình đào tạo, đến tổ chức chặt chẽ thi cử, công nhận tốt nghiệp, cấp phát văn bằng, chứng chỉ .

Từ những thành công và chưa thành công trong thực tế công tác thanh tra giáo dục thời gian qua, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm bước đầu :

a. Phải coi trọng hoàn thiện từng bước môi trường pháp lý cho hoạt động thanh tra nói chung và thanh tra chuyên ngành nói riêng. Trên cơ sở đó, xây dựng tổ chức bộ máy Thanh tra đủ mạnh đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Lựa chọn để tăng cường thêm những cán bộ có trình độ chuyên môn tốt, có kinh nghiệm quản lý hành chính nhà nước cũng như quản lý chuyên môn và có bản lĩnh, tự nguyện gắn bó với công việc trong điều kiện khó khăn, phức tạp.

b. Việc lập chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan thanh tra phải xuất phát từ nhiệm vụ của cơ quan quản lý cùng cấp, lựa chọn khâu then chốt nhất, các bước tiến hành phải đi từ dễ đến khó, phù hợp với năng lực quản lý và trình độ cán bộ.

c. Thông qua thanh tra, kiểm tra, coi trọng nghiên cứu thực tế để chủ động phát hiện những mâu thuẫn, bất cập của các chính sách, quy định quản lý hiện hành. Từ đó, kiến nghị với cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các chính sách, quy định quản lý cho phù hợp thực tiễn. Hoạt động này đồng thời với việc ra các quyết định xử lý sau thanh tra, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra.

d. Trong quan hệ với đối tượng được thanh tra, người thanh tra phải phấn đấu nâng cao năng lực để đóng vai trò *"cố vấn"*, hướng dẫn biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đề ra yêu cầu uốn nắn lệch lạc, chủ động phòng ngừa sai phạm. Trong quy trình thanh tra, thông qua đánh giá đúng sai, xác định nguyên nhân phải đồng thời nghiên cứu đề xuất giải pháp khắc phục, tìm *"lời giải"* thỏa đáng.

e. Coi trọng công tác tổng kết thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm trong nước kết hợp với việc mở rộng hợp tác quốc tế, nghiên cứu tiếp thu kinh nghiệm quản lý và kinh nghiệm thanh tra chuyên ngành của nước ngoài.

g. Phải đề cao tinh thần phụ trách cho cơ quan thanh tra và thanh tra viên bằng việc phải tự đặt ra và trả lời các câu hỏi sau đây :

- Ở đâu yếu kém và yếu kém mặt nào ?

- Giải pháp nào cho việc giải quyết yếu kém đó ? Có thể khắc phục yếu kém đó bằng việc áp dụng kinh nghiệm tiên tiến nào ?

- Yếu kém đó phát sinh do quy định quản lý nào chưa được quán triệt đến cơ sở ?

- Để phòng ngừa yếu kém đó thì phải ban hành những quy định mới nào ?.

Trong thời gian qua, mặc dù còn không ít thiếu sót, hạn chế, Thanh tra Giáo dục đã có những đóng góp xứng đáng vào công cuộc cải cách hành chính và đổi mới của ngành. Tuy nhiên, trước yêu cầu của nhiệm vụ mới, Thanh tra Giáo dục còn phải phấn đấu nhiều hơn nữa để góp phần vào việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chấn chỉnh các mặt yếu kém, để bảo đảm giáo dục thực sự là quốc sách hàng đầu. ❑

Digitized by Google

Để DU LỊCH trở thành ngành kinh tế động lực của LÂM ĐỒNG

TRẦN THẾ VIỆT* - TRẦN QUANG HẢI

NGAY sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, từ các đặc điểm tự nhiên - nhân văn, tỉnh Lâm Đồng đã quan tâm đến phát triển du lịch Đà Lạt. Các Nghị quyết số 03 - NQ/TU của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển kinh tế du lịch thời kỳ 2001-2005 và định hướng đến năm 2010, đều thống nhất xác định du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng là ngành kinh tế mũi nhọn, là kinh tế động lực. Hòa nhịp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, những năm gần đây, kinh tế du lịch của tỉnh đã có những bước chuyển quan trọng, với cơ sở vật chất - kỹ thuật không ngừng được tăng cường, các di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh được bảo vệ, tôn tạo ; đội ngũ cán bộ - nhân viên tích cực đổi mới phong cách kinh doanh - phục vụ ; hiệu lực quản lý nhà nước được phát huy ; các chỉ số về lượng khách, doanh thu, nộp ngân sách, tạo việc làm... đều tăng ; huy động được nguồn lực của các thành phần kinh tế đầu tư vào du lịch, góp phần khôi phục và phát triển các giá trị về văn hóa của các dân tộc tỉnh Lâm Đồng.

Để đẩy nhanh tốc độ phát triển, nâng cao chất lượng, phát huy các tiềm năng, lợi thế của ngành công nghiệp du lịch, Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy Lâm Đồng xác định : *"Phát triển du lịch theo hướng bền vững, trên cơ sở phát triển hài hòa giữa các vùng, các ngành kinh tế và các lĩnh vực văn hóa - xã hội ; đảm bảo quốc phòng an ninh ; kết hợp tính hiện đại với tính đặc thù của du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng. Phấn đấu đến năm 2010, xây dựng Đà Lạt trở thành một trong những trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng lớn của cả nước ; đưa ngành du lịch - dịch vụ thực sự trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh ; nâng cao hình ảnh du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng, hội nhập khu vực và quốc tế..."*. Mục tiêu cụ thể là "Đến năm 2005, phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân hằng năm về khách du lịch từ 14 - 15%, thu hút từ 1,2 đến 1,4 triệu lượt du khách, trong đó khách quốc tế tăng bình quân hằng năm từ 35 đến 50%...".

Cơ sở của những định hướng và mục tiêu trên xuất phát từ các nhân tố khách quan và chủ quan, cụ thể là từ tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn của Lâm Đồng, nhất là thành phố Đà Lạt. Hoàn toàn khác với các đô thị du lịch của miền Nam, thành phố Đà Lạt có 3 đặc trưng quan trọng :

Thứ nhất, thành phố Đà Lạt là một trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng có tầm quốc gia và quốc tế do các yếu tố tài nguyên thiên nhiên, nhân văn và nhu cầu thị trường tạo nên.

Thứ hai, thành phố Đà Lạt là một trong những trung tâm giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học lớn của cả nước.

Thứ ba, thành phố Đà Lạt là trung tâm chính trị - văn hóa của khu vực (một phần cực Nam Trung bộ và là một đại diện văn hóa của Tây Nguyên).

---

* Phó Giám đốc Sở Thương mại và Du lịch tỉnh Lâm Đồng

Digitized by Google

Theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995-2010 đã được Chính phủ phê duyệt, Đà Lạt - Lâm Đồng là điểm du lịch đặc biệt quan trọng ; là một đỉnh trong tam giác phát triển du lịch Nam Trung bộ (Nha Trang - Ninh Chữ - Đà Lạt) ; và cũng là một đỉnh trong tam giác hoạt động du lịch sôi động nhất của vùng Nam Trung bộ và Nam bộ là Thành phố Hồ Chí Minh - Đà Lạt - Nha Trang. Đà Lạt cũng được Chính phủ xác định là một trong bốn trung tâm ưu tiên đầu tư phát triển du lịch, gồm khu Hạ Long (Quảng Ninh - Hải Phòng), khu Lăng Cô - Hội An (Thừa Thiên - Huế - Đà Nẵng), khu Vân Phong - Đại Lãnh (Khánh Hòa) và khu Đan Kia - Suối Vàng (Đà Lạt - Lâm Đồng).

Xác định đúng đắn trên đây xuất phát từ những điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội sau :

- ***Về tài nguyên thiên nhiên :*** Đà Lạt mang khí hậu ôn đới trong lành, mát mẻ quanh năm (nhiệt độ trung bình năm là 18°C) ; có đủ bốn mùa trong một ngày (sáng, mùa xuân rực rỡ ; trưa, ông ả nắng hè ; chiều, mùa thu lãng đãng ; tối, mùa đông se lạnh). Trong khi trái đất đang nóng dần lên thì Đà Lạt có khí hậu lý tưởng. Lâm Đồng có trên 60% diện tích được che phủ bởi rừng thông và rừng đặc chủng, trong đó tại thành phố Đà Lạt có loài thông quý mà hiện nay trên hành tinh loài này phần lớn đã hóa thạch. Lâm Đồng cũng là tập đoàn các hồ thác của Tây Nguyên, gắn liền với các cảnh quan rất thơ mộng. Thành phố Đà Lạt là vương quốc của các loài hoa, trong đó có những loài hoa đặc trưng vùng nhiệt đới và ôn đới như hoa Anh đào, hoa Mi-mô-sa, hoa Tường vi, hoa Lan...

- ***Về tài nguyên nhân văn :*** Đà Lạt - Lâm Đồng là nơi tích hợp các dòng văn minh Đông và Tây. Điều này được biểu hiện sinh động trước hết ở 2 500 biệt thự, mỗi cái có một lối kiến trúc riêng biệt. Đây là nơi chi bộ đầu tiên của Đồng Nai Thượng được thành lập ; là nơi các lãnh tụ của Đảng ta chuẩn bị Hiệp định sơ bộ, ký ngày 6-3-1946 ; cũng là nơi Bộ Chính trị chuẩn bị các công việc cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử... đã trở thành niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng.

Khoảng 3 năm gần đây, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng đã không ngừng nỗ lực, cùng đóng góp sức lực, trí tuệ và tâm huyết vào phát triển du lịch, bước đầu đã đạt được những kết quả đáng mừng.

Hiện ở thành phố Đà Lạt, 70% số dân đang sống bằng các hoạt động du lịch, dịch vụ (bao gồm cả du lịch, ngân hàng, bưu chính - viễn thông v.v..). Thành phố Đà Lạt hiện có 500 doanh nghiệp kinh doanh khách sạn vừa và nhỏ, trong đó có trên 30 khách sạn từ 1 đến 5 sao ; cùng với hàng nghìn nhà nghỉ, nhà trọ cho sinh viên và khách lưu trú đến Đà Lạt. Năm 2002, Đà Lạt đã đón 905 000 lượt khách du lịch, trong đó có 85 000 lượt khách quốc tế. Sáu tháng đầu năm 2003, vượt lên những khó khăn do chiến tranh I-rắc, hạn hán, căn bệnh Sars... nhưng thành phố Đà Lạt đã thu hút trên 700 000 lượt khách, trong đó có khoảng 50 000 khách quốc tế...

Để kinh tế du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế động lực của Lâm Đồng, theo chúng tôi, cần tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản sau :

1- Quy hoạch về không gian

Quy hoạch không gian phát triển du lịch không nên bó hẹp lại ở ranh giới hành chính trên tổng diện tích tự nhiên của thành phố đô thị Đà Lạt mà phải bao gồm quy hoạch phát triển khu du lịch Đà Lạt và vùng phụ cận nhằm tạo một không gian mở cho phát triển du lịch. Phạm vi không gian đó bao gồm cả cao nguyên Lang Biang, nhằm giữ được giá trị độc đáo về khí hậu trong lành mát mẻ của rừng thông ; bảo vệ được nguồn gien động, thực vật quý hiếm, đặc biệt là rừng thông hai lá dẹt.

Digitized by Google

Mặt khác, trong quy hoạch tổng thể du lịch Đà Lạt phải nhìn ở góc độ không gian nhiều chiều, cụ thể là nên mở rộng theo 3 hướng quan trọng : hướng Bắc, Tây Bắc gắn với dự án Đan Kia - Suối Vàng ; đỉnh Lang Biang là biểu tượng của Đà Lạt ; hướng Nam trải rộng đến cầu Đại Ninh (thuộc huyện Đức Trọng) ; hướng Đông bắt đầu từ đèo Ngoạn Mục gắn liền với công trình hồ - đập thủy điện Đa Nhim.

2- Quy hoạch về sản phẩm, tua, tuyến, điểm du lịch

Cần căn cứ vào quy hoạch đô thị và phân khu chức năng để quy hoạch, phát triển hệ thống khách sạn, cơ sở lưu trú du lịch đảm bảo tiêu chuẩn và có chất lượng dịch vụ tốt ; cân đối giữa cung và cầu. Bảo vệ, tôn tạo những biệt thự, dinh thự hiện có. Khắc phục tình trạng phát triển nhiều khách sạn cao tầng, mở cơ sở lưu trú tràn lan. Giữ những nét đẹp kiến trúc Đà Lạt và cảnh quan môi trường. Phải đảm bảo sự yên tĩnh cho du khách, không để phát triển các dịch vụ sửa chữa xe, đúc, rèn, hàn và các cơ sở sản xuất khác quá gần khu vực khách sạn và cơ sở lưu trú du lịch.

Cần xây dựng và khai thác các sản phẩm du lịch đặc thù của địa phương, với mục đích mở rộng thị trường trong nước và quốc tế ; trong đó, chú trọng tổ chức khai thác lợi thế so sánh về du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tham quan, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa lễ hội và du lịch hội thảo - hội nghị.

- *Về du lịch nghỉ dưỡng :* Đây là loại hình truyền thống ở Đà Lạt. Ngoài lưu trú, khách sạn, cần chuyển mạnh vào việc xây dựng các sản phẩm nghỉ mát, thư giãn, dưỡng sức có chất lượng. Việc kết hợp dịch vụ chăm sóc sức khỏe với du lịch nghỉ dưỡng đang được du khách quan tâm. Các sản phẩm dịch vụ chăm sóc sức khỏe phục vụ khách như tắm bùn, tắm hơi với dược thảo, phương pháp vật lý trị liệu và châm cứu... cần được trang bị những phương tiện kỹ thuật hiện đại. Bên cạnh đó, cần tạo ra các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bằng phương pháp y-ô-ga (thuyết du già) hoặc phương pháp thiền v.v.. tạo điều kiện để du khách quốc tế và Việt kiều có thể kết hợp du lịch với việc chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe và cả chăm sóc sắc đẹp.

- *Về du lịch sinh thái :* Tổ chức dã ngoại, cắm trại, thám hiểm, leo núi, nghiên cứu động, thực vật quý hiếm và rau, hoa đặc sản. Đà Lạt là vương quốc của các loài hoa, nên việc quy hoạch phát triển du lịch phải gắn liền với việc phát triển các loài hoa đặc trưng. Trên các đường phố Đà Lạt có thể trồng các loại hoa đặc trưng cho từng con đường, trước hết là đường từ sân bay Liên Khương vào cửa ngõ thành phố, hoặc ít ra từ đầu đèo Prenn vào trung tâm thành phố. Những con đường đến các điểm du lịch, trên khu đồi trống đất trọc cần sớm được phủ xanh bằng thông hoặc trồng những rừng, vườn hoa Anh đào, Mi-mô-sa... đồng thời tạo ra những điểm vui chơi giải trí, thư giãn, thưởng lãm. Đây cũng là một trong những lợi thế so sánh mà Đà Lạt cần khẳng định. Tôn tạo lại các vườn cây ăn trái đặc sản vốn có ở Đà Lạt như mận, đào, hồng... trong đó, khôi phục lại các vườn mận Trại Hầm và Phát Chi - Cầu Đất, tạo nhu cầu tham quan và mua quà đặc sản cho du khách. Cùng với phục hồi và làm thêm một số đập nước ở Đà Lạt, có thể tạo một điểm nuôi thả chim ở Trại Hầm ; kết hợp những cánh đồng hoa và nuôi bướm ; ép hoa và ép bướm phục vụ du khách, v.v..

- *Về du lịch văn hóa lễ hội :* Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động văn hóa và kinh doanh du lịch, khai thác bản sắc văn hóa dân tộc ; tổ chức các lễ hội đặc sắc tiêu biểu như lễ hội hoa xuân, lễ hội Yên Tử, lễ hội Tình yêu, lễ hội cồng chiêng, lễ hội ngày mùa... của đồng bào các dân tộc ở Nam Tây Nguyên. Chú trọng khai thác các truyền thuyết về danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử trọng điểm để phục vụ du khách, bên cạnh việc quan tâm đầu tư phát triển các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể. Tôn tạo lại kiến trúc nhà ở của các dân tộc : Chil, Kơ Ho,

Mạ, mà đặc biệt là nhà ở của dân tộc Lạt cần được quy hoạch về kiến trúc và tổ chức đời sống xã hội, đảm bảo nét riêng biệt. Thực hiện tốt chính sách đoàn kết các dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ; đào tạo văn hóa, nghệ thuật, ngoại ngữ, cho các đội công chiêng phục vụ du khách trong các dịp lễ hội.

- *Về du lịch tham quan :* Xây dựng, bảo vệ và tôn tạo các điểm tham quan, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc độc đáo, đặc thù ; tạo các mô hình mới, khắc phục sự đơn điệu, trùng lặp sản phẩm. Xây dựng, củng cố các khu vui chơi giải trí tại Đà Lạt, kết hợp giữa dân tộc và hiện đại. Nâng hàm lượng văn hóa trong việc phát triển các dịch vụ vui chơi giải trí từ các nhà hàng, khách sạn đến các khu du lịch. Mặt khác, cần tổ chức các cuộc pic-nic, trại hè, hoạt động hướng đạo... để qua đó giáo dục thế hệ trẻ tình yêu thiên nhiên, lòng nhân ái, nghị lực và lòng dũng cảm. Hệ thống các hồ, thác ở Đà Lạt và vùng phụ cận cần được giữ gìn, bảo vệ ; phục hồi nét đẹp hoang sơ, khai thác giá trị đặc thù về truyền thuyết lịch sử - văn hóa dân tộc.

- *Về du lịch hội nghị :* Chú trọng tổ chức các loại hội nghị, hội thảo tại Đà Lạt - Lâm Đồng. Khuyến khích các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đầu tư khai thác sản phẩm du lịch hội nghị, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và nâng cao chất lượng dịch vụ này ngang tầm quốc gia và quốc tế.

Quy hoạch tua, tuyến, điểm : Bên cạnh việc đầu tư phát triển các loại hình sản phẩm du lịch nói trên, cần tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường, nối các tua, tuyến, điểm để thu hút các thị phần khác đến Đà Lạt - Lâm Đồng. Trong việc xây dựng Đà Lạt thành một trung tâm giáo dục - đào tạo, phải nhanh chóng phục hồi các trường Trần Hưng Đạo, Bùi Thị Xuân và các trường học thời trước đây, mà trước hết là về kiến trúc ; bảo tồn những nét đẹp riêng có ở những nơi này để tổ chức các tua cho cựu thầy giáo và cựu học sinh về thăm lại trường xưa, đáp ứng nhu cầu tìm về cội nguồn, đề cao truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc

Ngoài các tua truyền thống, trên cơ sở quy hoạch không gian du lịch, các hãng lữ hành có thể đầu tư khai thác thêm các tua mở rộng như : theo bước chân thám hiểm của Ye-sanh chinh phục đỉnh Lang Biang, phát hiện ra Đà Lạt và trở về làng chài xóm Bóng, Suối Dầu - Nha Trang ; nối tua lịch sử văn hóa của triều Nguyễn phong kiến Việt Nam với Bạch Dinh - Nha Trang và cố đô Huế ; tua cuối tuần nối giữa đồng bằng, miền núi và vùng biển ; tua tham quan kiến trúc, di tích lịch sử của toàn quyền Đờ-cu và các sự kiện lịch sử quan trọng diễn ra ở Pa-la-ce, Novotel ; tua tham quan các buôn làng dân tộc (xã Lát - Làng Gà - Núi Voi - Tà Nung...) ; tua tham quan các vườn mận, hồng, đào ; đồi trà Cầu Đất - Di Linh - Bảo Lộc ; khu canh nông trồng toàn rau sạch, hoa đặc sản ; tua du lịch tôn giáo hành hương, v.v..

3- Quy hoạch hạ tầng phục vụ du lịch

Trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Đà Lạt, cần chú trọng đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng : đường, điện, nước, bưu chính - viễn thông...

Về giao thông tuyến Đà Lạt - Lâm Đồng và ngược lại, trước hết cần quy hoạch, phát triển sân bay Liên Khương, nâng cấp, hoàn chỉnh các quốc lộ 20, 11, 27, 28, coi đây là một trong những động lực quan trọng để phát triển du lịch, thu hút thị trường trong và ngoài nước, cũng như góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế Đà Lạt - Lâm Đồng. Riêng mạng lưới đường, điện, nước từ thành phố Đà Lạt đến các khu thắng cảnh phải được tiến hành đồng bộ và hạn chế thi công vào những thời gian cao điểm khách du lịch đến Đà Lạt - Lâm Đồng. Quy hoạch phố đi bộ và phố ăn uống theo phong cách Đà Lạt. Có thể, đó là những phố đi bộ quanh hồ Xuân Hương, đường vào khu trung tâm thành phố, khu Hòa Bình, chợ Đà Lạt ; đường tiếp cận các khu thắng cảnh. Và trong

Digitized by Google

quy hoạch thành phố Đà Lạt phải đặt vấn đề cấm các loại xe gây tiếng ồn quá mức cho phép, các loại xe xả nhiều khói và thải các chất gây bẩn ; quy định đường riêng và giờ riêng cho các xe vận tải nặng ra vào khu trung tâm thành phố. Mặt khác, cần quy hoạch những điểm dừng cho du khách trên các tuyến quốc lộ 20, 11, 27, 28... với đủ các dịch vụ phục vụ văn minh lịch sự. Cần có các tuyến và trạm xe buýt trên các trục đường đến các điểm du lịch mà mỗi trạm và bến đỗ phải có nét văn hóa và biểu tượng nghệ thuật đặc thù, kết hợp giữa dân tộc và hiện đại. Trong quá trình phục hồi đường xe lửa Đà Lạt - Tháp Chàm, trước mắt cần chấn chỉnh, trùng tu và tôn tạo ga Đà Lạt, giữ nét đẹp kiến trúc và cách tổ chức quản lý nhà ga đẹp nhất bán đảo Đông Dương này, kể cả những nhà ga nối tiếp ở Trại Mát, Trại Hầm, Cầu Đất... sao cho chúng thực sự là những công trình văn hóa.

4- Quy hoạch phát triển các ngành kinh tế - văn hóa - xã hội gắn với phát triển du lịch

Thành phố Đà Lạt cần gắn việc phát triển trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng với giáo dục đào tạo, phát triển văn hóa và nghiên cứu khoa học thành một hợp lực làm chuyển động kinh tế - xã hội của địa phương. Về mặt kinh tế, cần nghiên cứu và có phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, trước hết là các vùng đầu nguồn nước và khu trung tâm. Tạo giống mới để phát triển rau sạch, hoa, cây ăn trái đặc sản, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường trong và ngoài nước. Gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến đồ hộp, nước uống trái cây, dược thảo, các loại mứt, nhất là mứt dâu tây chất lượng cao phục vụ du khách. Bên cạnh đó, cần chú trọng phát triển các làng nghề, đan, thêu, gốm sứ mỹ nghệ và các mặt hàng lưu niệm có chất lượng cao để "xuất khẩu" tại chỗ.

Về văn hóa xã hội, cần quy hoạch các công trình văn hóa - nghệ thuật như nhà hát lớn của thành phố, sân vận động và khu liên hợp thể thao ; các viện bảo tàng, làng văn hóa dân tộc ở xã Lát, các khu triển lãm, hội chợ để giới thiệu sản phẩm của những thành tựu về kinh tế - văn hóa - xã hội và phổ biến những công trình nghiên cứu khoa học - xã hội - nhân văn, khoa học vật lý hạt nhân, sinh học... đang được ứng dụng vào sản xuất và đời sống. Các ấn phẩm văn hóa - du lịch về Đà Lạt - Lâm Đồng cũng cần được tiếp thị, quảng bá, nhằm nâng cao hình ảnh du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng ra thị trường trong và ngoài nước.

5- Quy hoạch phát triển du lịch phải đảm bảo cân bằng, bền vững môi trường tự nhiên và xã hội

Mục tiêu quan trọng khi quy hoạch các dự án phát triển du lịch Đà Lạt phải tính toán kỹ về sự ảnh hưởng của môi trường. Nghĩa là phải đảm bảo được độ trong lành, mát mẻ, sự yên tĩnh, sạch đẹp, văn minh lịch sự và phát huy bản sắc văn hóa giàu lòng nhân ái của người Đà Lạt, nhằm tạo sức hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế. Để đạt được các yêu cầu đó, cần giải quyết tốt khâu vệ sinh công cộng và vệ sinh thực phẩm ; hạn chế tối đa tiếng ồn ; xử lý rác, bụi, nhất là rác thải ; túi ni-lông ở các khu du lịch ; nước và rác thải trong sinh hoạt, rác bệnh viện, rác từ canh tác nông nghiệp, sản xuất công nghiệp trong thành phố và từ khai thác khoáng sản. Để đảm bảo an ninh và an toàn tính mạng, tài sản cho du khách, cần đổi mới phương thức kiểm tra, kiểm soát khách tại các khách sạn để tạo ấn tượng tốt đẹp của du khách đối với địa phương. Thực hiện tốt chính sách hòa bình, hữu nghị với các dân tộc và phát huy phong cách lịch sự, văn minh, thân thiện trong quan hệ với khách quốc tế và trong nước.

6- Quy hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch

Cùng với chất lượng sản phẩm du lịch, nguồn nhân lực phục vụ du lịch là một trong hai

(Xem tiếp trang 61)

Digitized by Google

MỸ LA -TINH : *Giải pháp nào cho sự phát triển ?*

NGUYỄN TIẾN NGHĨA

1- Mô hình chủ nghĩa tự do mới với sự phát triển kinh tế khu vực

Trong các thập niên 50 và 60 của thế kỷ XX, Mỹ La-tinh là khu vực đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhờ thực hiện đường lối công nghiệp hóa thay thế hàng nhập khẩu. Dựa trên nền tảng của chủ nghĩa tư bản nhà nước, đường lối này tạo xung lực mạnh mẽ cho sự phát triển lực lượng sản xuất và mở rộng thị trường trong khu vực. Cùng thời gian đó, chiến lược định hướng xuất khẩu cũng được xem như là biện pháp hữu hiệu thúc đẩy sự phát triển kinh tế khu vực. Tuy nhiên, hệ quả của chiến lược này là sự phụ thuộc rất lớn của sản xuất công nghiệp khu vực vào thị trường bên ngoài. Bởi vậy, từ cuối những năm 70, khi sức cạnh tranh của khu vực trên thị trường xuất khẩu thế giới bắt đầu sụt giảm, nền kinh tế Mỹ La-tinh nhanh chóng rơi vào tình trạng suy thoái, khủng hoảng. Vừa bước sang những năm đầu của thập niên 80, nợ nước ngoài của toàn khu vực đã lên đến 240 tỉ đô-la Mỹ, lạm phát phi mã ở mức bốn con số, lưu thông tiền tệ bị phá vỡ... Vì lẽ đó, thập niên 80 được coi là thời kỳ ảm đạm của nền kinh tế Mỹ La-tinh, là thập niên Mỹ La-tinh "đánh mất mình". Nhằm tìm lối thoát khỏi tình trạng này, vào cuối những năm 80, Mỹ La-tinh đã bắt đầu thực hiện những cải cách kinh tế theo mô hình chủ nghĩa tự do mới. Mô hình này, về thực chất, lại là hiện thân chiến lược của tư bản Mỹ nhằm duy trì và củng cố hơn nữa vai trò thống trị về mọi phương diện đối với khu vực mà Mỹ coi là "sân sau" của mình.

Thực tế đầu những năm 90, việc tiến hành những cải cách theo mô hình chủ nghĩa tự do mới, như loại bỏ việc kiểm soát giá cả, đô-la hóa tiền tệ, tự do hóa thương mại, tư nhân hóa, giảm vai trò quản lý của nhà nước và một số biện pháp khác đã đem lại một vài chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế khu vực : Mức tăng trưởng kinh tế và tình hình tài chính được cải thiện phần nào (GDP tăng bình quân trong mấy năm đó đạt 3,5%) ; lạm phát giảm từ mức ba con số xuống một con số ; xuất khẩu mở rộng ; các dòng đầu tư bên ngoài, trước hết là đầu tư nước ngoài trực tiếp, được thu hút với khối lượng tương đối lớn...

Tuy nhiên, những khởi sắc kinh tế của khu vực chỉ dựa trên cơ sở các yếu tố không vững chắc và đang cạn kiệt dần. Từ giữa những năm 90, hiệu quả những cải cách theo mô hình chủ nghĩa tự do mới đã bắt đầu suy yếu. Nhiều chuyên gia cho rằng, sự tác động của những cải cách này đối với kinh tế khu vực mang tính nhất thời. Dấu ấn đậm nét của nó là sự chao đảo kinh tế khu vực trong thời gian qua, GDP 3 lần tăng giảm thất thường trong các năm 1995, 1998-1999 và 2001 với phạm vi dao động từ 5,2% (năm 1994) xuống 0,3% (năm 1999) (1). Nền kinh tế Mỹ La-tinh phát triển không ổn định bởi chịu sự tác động mạnh của các nhân tố bên ngoài tới mức không kiểm soát được.

Nguyên nhân chủ yếu gây ra sự bất ổn định kinh tế khu vực trong thập niên vừa qua là sự phụ thuộc ngày càng lớn vào nguồn vốn bên ngoài và sự di chuyển thất thường, vào ra nhanh chóng của khối lượng các nguồn vốn đó. Đây là nhận xét của

(1) Xem Tạp chí *Mỹ La-tinh*, số 11-2002, tr 5 (tiếng Nga)

Digitized by Google

các chuyên gia trong Ủy ban Kinh tế Mỹ La-tinh và Ca-ri-bê thuộc Liên hợp quốc (ECLAC). Do nguồn dự trữ quốc gia thấp và khả năng tự trang trải vốn đầu tư hạn chế (hạn ngạch đầu tư quốc gia không vượt quá 18%), nhiều nước trong khu vực không còn lối thoát nào khác là phải vay vốn bên ngoài. Tỷ trọng của các nguồn vốn này trong tổng số lượng đầu tư chung chiếm từ 20 đến 30%. Trong khi đó, nguồn vốn này cũng không ổn định vì nó phụ thuộc nhiều vào sự di chuyển thất thường của các nguồn "vốn nóng" (chiếm đến 50% tổng số vốn nước ngoài đầu tư vào khu vực) (2). Vị thế của tư bản nước ngoài trong khu vực còn được tăng thêm bởi phạm vi hoạt động của nó được mở rộng ra nhiều lĩnh vực mới, từ chỗ chỉ tập trung chủ yếu vào những tài sản quốc gia đã tư nhân hóa đến chỗ phát triển mạnh sang những xí nghiệp tư nhân trong nước và những lĩnh vực mà trước đây không mở cửa cho tư bản nước ngoài, như tài chính - ngân hàng, năng lượng, truyền hình, bưu chính - viễn thông, cung cấp nước sạch và khí đốt, v.v.. Tuy tổng số vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp vào khu vực từ năm 1990 đến 2001 tăng đến 446 tỉ đô-la Mỹ, nhưng từ năm 1999 đến nay, nguồn vốn này có chiều hướng giảm xuống. Các chuyên gia ECLAC cho hay, trong tương lai đầu tư trực tiếp vào khu vực sẽ không thuận lợi bởi sự bất ổn định trên thị trường tài chính thế giới, sự hoàn tất của quá trình tư nhân hóa tài sản quốc gia trong khu vực, sự gia tăng của những khoản mà khu vực phải trả lãi và dịch vụ nợ. Tổng số nợ của cả khu vực đến năm 2002 đã lên tới 850 tỉ đô-la Mỹ (3).

Hoạt động của các công ty xuyên quốc gia (TNCs) trong khu vực ngày càng mở rộng và gây nhiều rối loạn cho lực lượng sản xuất của các nước bản địa. Trong số 1 000 xí nghiệp chủ đạo của khu vực, số lượng TNCs từ 312 tăng đến 395. Tỷ trọng của TNCs trong tổng giá trị ngoại thương tăng từ 29,9% (1990-1992) lên 41,6% (1998-2000) (4). Trong điều kiện tự do hóa hoạt động buôn bán với bên ngoài, các nước trong khu vực không chỉ trở thành địa bàn rộng rãi cho sự bành trướng của các công ty từ các nước công nghiệp phát triển mà còn là thị trường cạnh tranh gay gắt. Cuộc cạnh tranh này gây áp lực mạnh đối với nguồn vốn, hoạt động đầu tư và mở rộng sản xuất của các nước bản địa. Thậm chí, những chi nhánh nước ngoài từng tham gia quá trình công nghiệp hóa thay thế hàng nhập khẩu trước đây, nay nhiều khi cũng phải đóng cửa xí nghiệp để nhập sản phẩm từ các "công ty mẹ" và bán chúng trên thị trường khu vực thay vì việc bán những sản phẩm do họ sản xuất. Đây là nguyên nhân của tình trạng phi công nghiệp hóa được biểu hiện rất rõ ở một số nước, như Ác -hen-ti-na, U-ru-goay, Vê-nê-xu-ê-la... Ngoài ra, việc tăng cường nhập khẩu các sản phẩm trung gian đã dẫn tới sự đổ vỡ những mối liên kết sản xuất và phá thế hội nhập của các hệ thống khoa học - kỹ thuật vốn đã được thiết lập giữa các nước trong các giai đoạn trước.

Hoạt động xuất khẩu của khu vực đã được mở rộng đáng kể. Từ năm 1990 đến năm 2001, xuất khẩu tăng từ 161,4 tỉ tới 391,4 tỉ đô-la Mỹ. Và tỷ trọng xuất khẩu tăng tương ứng từ 3,5% lên 5%. Hạn ngạch xuất khẩu từ năm 1999 đến năm 2002 đạt 20,4% (5). Điều này cắt nghĩa vì sao có sự phụ thuộc rất lớn của khu vực vào thị trường bên ngoài. Mặt khác, hoạt động xuất khẩu lại nằm trong tay các TNCs. Mê-hi-cô tuy được đánh giá là nước đứng đầu trong khu vực về khối lượng xuất khẩu, nhưng 1/3 tổng số doanh thu từ hoạt động xuất khẩu lại chảy vào túi của ba TNCs hoạt động tại nước này (IBM, General motors và Chrycles). Ngoài ra, tác động tích cực của hoạt động xuất khẩu đối với sản xuất trong khu vực cũng rất yếu. GDP toàn khu vực trong suốt thập niên qua chỉ tăng 25%.

2- Liên kết khu vực hay hội nhập toàn châu lục

Trước nay, một trong những biện pháp nhằm khắc phục tình trạng bất ổn định của nền kinh tế

(2) Xem *Tạp chí đã dẫn*, số 12-2002, tr 7

(3) Xem *Tạp chí đã dẫn*, số 11-2002, tr 9

(4) Xem ECLAC : *Toàn cầu hoá và phát triển, Bra-xin*, 2002, tr 196 (tiếng Anh)

(5) Xem ECLAC : *Sđd*, tr 176 - 177

Digitized by Google

khu vực, giảm bớt sự phụ thuộc vào kinh tế phương Tây, Bắc Mỹ, hạn chế những tác động tiêu cực của các nhân tố bên ngoài, là thực hiện liên kết khu vực, thiết lập những khối kinh tế trên cơ sở liên kết những tiềm lực kinh tế và phát huy những ưu thế của từng khối.

Quá trình liên kết khu vực đã sớm được khởi động từ đầu những năm 60, với sự ra đời của Hiệp hội liên kết Mỹ La-tinh và Khu vực mậu dịch tự do Mỹ La-tinh (năm 1960), Thị trường chung Trung Mỹ, Hiệp ước An-đét (năm 1969), Thị trường chung Ca-ri-bê (năm 1973), Hệ thống kinh tế Mỹ La-tinh (1975)...

Trong những năm 90, các khối liên kết tiểu khu vực mới nối tiếp nhau ra đời và nhộn nhịp hoạt động : Cộng đồng các quốc gia vùng An-đét (CAN) ; Cộng đồng Ca-ri-bê và Thị trường chung Trung Mỹ (CARICOM) ; Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR)...

Tuy nhiên, sự tồn tại của nhiều vấn đề nan giải, những mâu thuẫn nội bộ đã khiến Mỹ La-tinh không thể khắc phục nhanh chóng và hữu hiệu những tác động tiêu cực của những nhân tố bất ổn ập đến từ ngoài. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 và sự chao đảo của nền kinh tế thế giới sau sự kiện "ngày 11-9-2001" gây nhiều tổn hại lớn đến tiến trình liên kết trong khu vực. Tổn thất đối với MERCOSUR - nhân tố năng động nhất trong thúc đẩy quá trình liên kết khu vực - là một ví dụ. Nếu trong thời gian từ 1990-1997, trao đổi buôn bán giữa các nước thành viên MERCOSUR tăng 5 lần, thì từ 1999-2002, thương mại trong khối bị rối loạn, sụt giảm đột ngột. Những biện pháp nhằm biến MERCOSUR thành một thị trường chung giống Liên minh châu Âu, hoàn toàn bị đóng băng.

Cùng với thực tế đó, trong những năm 90, tái xuất hiện một nhân tố tác động đến sự phát triển hội nhập kinh tế khu vực. Đó là sự tham gia tích cực của Mỹ vào quá trình này với tham vọng đưa Mỹ La-tinh vào quỹ đạo của mình. Việc Mỹ từ lâu ấp ủ và không ngừng theo đuổi tham vọng này là điều đã trở nên rõ ràng. Song, trong thập niên qua, tham vọng này được đẩy lên một bước mới và tích cực hóa bằng các sáng kiến thành lập Khu vực thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) vào năm 1994 và Khu vực mậu dịch tự do toàn châu Mỹ (FTAA) dự kiến sẽ đi vào hoạt động từ cuối năm 2005. Trong chiến lược thành lập FTAA, Mỹ đặt mục tiêu tăng cường hơn vị thế độc quyền trong khu vực, vô hiệu hóa những gì mà các nhà đầu tư Tây Âu đạt được trước đó ; ngăn chặn xu hướng độc lập, tự chủ và tập hợp lực lượng của các quốc gia Mỹ La-tinh, hòa tan các khối liên kết tiểu khu vực (trước hết là MERCOSUR) vào một tổ chức toàn châu lục ; sử dụng các hình thức liên kết khu vực mới để củng cố "tính chất không thể đảo ngược" của những cải cách theo chủ nghĩa tự do mới.

Mặc dù, đàm phán thành lập FTAA chưa kết thúc, nhưng đường lối khu vực của Mỹ đã đạt được những kết quả : *Thứ nhất,* vị thế kinh tế của Mỹ trong khu vực được mở rộng. Kim ngạch buôn bán song phương đạt 790 tỉ đô-la Mỹ. Hiện 1/4 GDP của Mê-hi-cô, 1/2 GDP của Hôn-đu-rát, 1/3 GDP của Tơ-ri-ni-đat và Tô-ba-gô, 1/4 GDP của Cô-xta Ri-ca, Ni-ca-ra-goa và Cộng hòa Đô-mi-ni-ca... được thu nhập hằng năm từ thị trường Mỹ. Vì lẽ đó, về cơ bản, các nước này ủng hộ đường lối của Mỹ đối với khu vực. Thị phần của Mỹ tại thị trường Nam Mỹ cũng được mở rộng thêm, sự lưu thông hàng hóa của Mỹ với các nước Nam Mỹ tăng gấp hai lần. Năm 2000, Mỹ chiếm 27% trong khối lượng nhập khẩu và 32% trong tổng lượng xuất khẩu của Nam Mỹ (6). *Thứ hai*, xu hướng ly tâm trong khu vực ngày càng tăng. Quá trình đàm phán thành lập FTAA đã dẫn tới sự phân chia các quốc gia Mỹ La-tinh thành những nhóm các nước trung lập và đối lập nhau, thậm chí ngay cả các nước thành viên của MERCOSUR cũng không có sự đồng thuận về vấn đề FTAA. Nhiều nước Mỹ La-tinh cho rằng, cơ hội nhận được nhiều ưu đãi trên thị trường Mỹ và thu hút nguồn đầu tư từ Mỹ là nhân tố quan trọng để giải quyết nhiều vấn đề cấp bách trong nước. Nhưng giới

6) Xem *Tạp chí đã dẫn*, số 12-2002, tr 11 (tiếng Nga)

Digitized by Google

chính trị và kinh doanh của Bra-xin và một số nước khác cảnh báo, lợi ích của khu vực từ việc tham gia vào FTAA sẽ không nhiều, trong khi thua thiệt lại quá lớn.

Lối thoát của các cuộc đàm phán về FTAA còn nhiều gian nan. Vì lẽ, *một là,* nó diễn ra trong bối cảnh mâu thuẫn gay gắt bởi sự bất bình đẳng của những điều kiện tham gia FTAA đối với từng nước, bởi những khác biệt lớn về lợi ích và những chi phí quá lớn mà các nước Mỹ La-tinh phải gánh chịu. *Hai là,* câu trả lời cho việc FTAA sẽ được tổ chức và xây dựng như thế nào hiện vẫn còn bỏ ngỏ. FTAA sẽ phát triển trên cơ sở NAFTA hay bằng việc hợp nhất các khối liên kết tiểu khu vực hiện hữu, mà trước hết là việc hợp nhất NAFTA và MERCOSUR hoặc trên cơ sở đàm phán song phương giữa Mỹ với từng nước trong khu vực ?. *Ba là,* sự phản đối cực lực của đông đảo các lực lượng tiến bộ và nhân dân Mỹ La-tinh đối với dự án thành lập FTAA. Tại Cuộc gặp toàn châu lục đấu tranh chống FTAA vào tháng 11-2001 ở La Ha-ba-na (Cu-ba), hay ở Diễn đàn Xã hội lần thứ II tổ chức tại Po-rtô A-lê-grê (Bra-xin) vào tháng 2-2002 và trong các hoạt động phản đối khác, bản chất của FTAA được xem không phải là gì khác ngoài sự áp đặt đối với khu vực vì mục tiêu bá quyền của Mỹ và là công cụ mà tư bản Mỹ lợi dụng để thủ tiêu sự đoàn kết và hủy hoại tương lai của khu vực.

Khó khăn là vậy. Nhưng các nghị quyết về thành lập FTAA được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh toàn châu lục lần thứ II nhóm họp ở Xan-ti-a-gô (Chi-lê) vào tháng 4-1998 và tái khẳng định ở Hội nghị thượng đỉnh lần thứ III ở Kê-bếch (Ca-na-đa) vào tháng 4-2001 cho thấy, chúng được đặt lên vị trí ưu tiên hàng đầu so với tất cả những gì được thỏa thuận có giá trị ở tầm khu vực. Phải chăng vấn đề chỉ còn là thời gian cho những cuộc đàm phán, thỏa hiệp giữa các bên ? Câu trả lời còn ở phía trước. Song, một thực tế là, đứng trước các nước Mỹ La-tinh là cả một thách thức : Liệu việc hợp tác kinh tế chặt chẽ với Mỹ trong những điều kiện mới có tạo điều kiện cho khu vực tránh được sự tác động tiêu cực của toàn cầu hóa ? Theo các nhà nghiên cứu Mỹ La-tinh, các hình thức liên kết khu vực hiện nay, xét về tính chất tác động của chúng, lại ngày càng gắn kết chặt chẽ hơn với các quá trình toàn cầu hóa kinh tế, mà những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa đối với khu vực là điều không tránh khỏi.

3- ECLAC với chiến lược kinh tế - xã hội mới

Trước nay, đã có nhiều cuộc thảo luận rộng khắp ở tất cả các cấp độ (quốc gia, khu vực, quốc tế) bàn về những biện pháp ổn định tình hình kinh tế thế giới và giảm bớt những khó khăn mà các nước đang phát triển gặp phải. Mục tiêu chung của các cuộc thảo luận này được thể hiện trong "Tuyên bố Thiên niên kỷ" của Liên hợp quốc : Biến toàn cầu hóa thành nguồn sức mạnh tích cực phục vụ lợi ích của tất cả mọi người trên trái đất.

Đối với khu vực Mỹ La-tinh, đi đầu trong các cuộc thảo luận này là ECLAC. Những quan niệm mà ECLAC đưa ra trước đây, như "chủ nghĩa khu vực mở cửa", "chuyển đổi nền kinh tế trên những nguyên tắc bình đẳng" nay được bổ sung thêm bởi những nghiên cứu mới liên quan đến việc xây dựng "trật tự thế giới mới" cũng như thay đổi chiến lược phát triển quốc gia. Theo các chuyên gia ECLAC, trong thời kỳ tự do hóa, sự can thiệp của bộ máy nhà nước trong lĩnh vực phát triển sản xuất đã bị vô hiệu hóa, thậm chí bị loại bỏ. Vậy nên, những biện pháp mang tính thể chế và tổ chức giờ đây phải được đặt lên hàng đầu. Nền tảng chiến lược mới của các quốc gia Mỹ La-tinh phải hàm chứa bốn vấn đề có tính nguyên tắc : *Một là,* giảm bớt tình trạng bất ổn định của nền kinh tế vĩ mô và kích thích đầu tư vào sản xuất ; *hai là,* bảo đảm sức cạnh tranh của cả hệ thống ; *ba là,* bảo vệ môi trường toàn cầu ; *bốn là,* bảo đảm phát triển giáo dục, tăng thêm chỗ làm việc và những bảo đảm xã hội khác.

Cơ sở để thực hiện các vấn đề trên là xác định những hướng mới cho sự phát triển của các lĩnh vực mà ở đó cải cách theo mô hình chủ nghĩa tự do mới đã đi vào ngõ cụt. Một trong các lĩnh vực đó là tích lũy và đầu tư. Các chuyên gia ECLAC cho rằng, tự do hóa hệ thống tài chính ở Mỹ La-tinh không mang lại những kết quả như

Digitized by Google

người ta mong đợi. Trong điều kiện như vậy, khu vực nhà nước phải thực hiện chức năng kích thích các cơ chế tài chính mới (quỹ hưu trí, đầu tư, thị trường chứng khoán, bảo hiểm rủi ro...) cũng như thực hiện những đầu tư trực tiếp qua các ngân hàng phát triển tự quản.

Vai trò then chốt trong việc bảo đảm sức cạnh tranh của hệ thống thuộc về nhà nước. Đây là điều kiện tiên quyết nhất để giải quyết những vấn đề kinh tế cơ bản : Củng cố vị thế của tư bản trong nước ở các thị trường trong và ngoài nước ; cải thiện tình hình tài chính ; khắc phục tính bất ổn định và sự lệ thuộc kinh tế vào bên ngoài. Sức cạnh tranh của hệ thống phải dựa trên sự hình thành tiềm lực khoa học - kỹ thuật quốc gia và phát triển hệ thống giáo dục hiện đại, đào tạo lao động có tay nghề cao, những chuyên gia và đội ngũ những doanh nhân vững vàng. Đầu tư của nhà nước và sự hợp tác chặt chẽ giữa các tổ chức nhà nước và khu vực tư doanh chính là tác nhân chủ đạo của quá trình này. Những đề xuất của ECLAC về xây dựng chiến lược kinh tế mới liên quan đến việc nâng cao vai trò của nhà nước trong nhiều lĩnh vực (cả trong hoạt động kinh doanh trong nước cũng như trong hoạt động kinh tế đối ngoại) có thể là bước ngoặt quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các nước Mỹ La-tinh trong thế kỷ mới.

Vậy là, Mỹ La-tinh vẫn phải đối mặt với một thực tế đầy phức tạp và mâu thuẫn bởi hậu quả của sự trì trệ kinh tế trong thập niên qua và triển vọng không mấy sáng sủa của bức tranh kinh tế khu vực trong tương lai gần. Các chuyên gia của Ngân hàng Phát triển liên Mỹ (IDB) cho rằng : Nỗi thất vọng của nhân dân trước những cải cách và nền dân chủ gia tăng cùng với tình trạng nền kinh tế trì trệ hay bị phá sản ở nhiều nước buộc chính phủ và dư luận xã hội phải lựa chọn những cải cách sẽ được thực hiện trong khu vực thời gian tới. Nhưng đó là gì ? Tiếp tục cải cách theo mô hình chủ nghĩa tự do mới hay tìm một hướng cải cách khác ? Đây là vấn đề bức xúc nhất đang thách thức toàn khu vực. ❑

ĐỂ DU LỊCH... *(Tiếp theo trang 56)*

vấn đề mấu chốt của du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng trong quá trình cạnh tranh và phát triển. Hơn bao giờ hết, du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng đang cần có một nguồn nhân lực hội đủ các yêu cầu : giỏi về chuyên môn, thông thạo ngoại ngữ, tin học ; có kiến thức văn hóa, ngoại giao. Để đảm bảo được điều này, một mặt, địa phương cần hết sức coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng phát triển nguồn nhân lực du lịch, mà trước mắt là tăng cường đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật và nghiệp vụ du lịch ; mặt khác, cần có các chính sách thiết thực, hấp dẫn để thu hút cán bộ có đủ tài, đức từ các nơi về Đà Lạt - Lâm Đồng để xây dựng, phát triển công nghiệp du lịch.

Để đảm bảo cho du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng phát triển với tốc độ nhanh và bền vững, thực sự là ngành kinh tế động lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thiết nghĩ cùng với nội lực của mình, ngành du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng cần được Trung ương đầu tư tương xứng ; tăng cường năng lực và hiệu lực quản lý của chính quyền thành phố ; có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa lãnh thổ với các ngành chức năng có liên quan ; đảm bảo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và đổi mới cơ chế quản lý của thành phố để phát triển nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng tỷ trọng du lịch dịch vụ lên trên 60% trong tổng GDP của thành phố Đà Lạt.

Đà Lạt - thành phố hoa, với phong cách của người Đà Lạt : "lịch sự, văn minh và giàu lòng mến khách, thương người" - điểm đến của thiên niên kỷ mới sẽ thu hút bao nhiêu trong 4 triệu khách quốc tế đến nước ta vào năm 2005 và trong 7 triệu khách quốc tế đến nước ta vào năm 2010 ? Điều này tùy thuộc vào sức cộng hưởng của *trí lực, tâm lực* và *tài lực* từ nhiều nguồn, mà trước hết là của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng. ❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC VỀ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN

Từ ngày 13 đến 15-8-2003, tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Ban Tổ chức Trung ương tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Hơn 400 đại biểu đại diện cho 61 tỉnh, thành và các bộ, ban, ngành trung ương cùng một số cơ quan thông tấn, báo chí của trung ương và địa phương về dự Hội nghị. Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương ; đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương ; đồng chí Nguyễn Đông Sương, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, đã trực tiếp chỉ đạo Hội nghị. Các đồng chí Trần Hòa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương ; Hồ Xuân Mãn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế cùng nhiều đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành ở trung ương và địa phương đã tham dự Hội nghị.

Hội nghị đã tập trung nghiên cứu, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với nhiều văn bản dự thảo quan trọng của Trung ương về tổ chức cơ sở đảng và đảng viên như : Vấn đề đổi thẻ đảng viên ; sửa đổi, bổ sung quy định của Ban Bí thư (khóa VII) về chức năng, nhiệm vụ của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng ; về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên ; việc thực hiện Quy định số 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú ; về tổ chức Hội thi Bí thư chi bộ giỏi và việc thực hiện Dự án xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên.

Tại Hội nghị, 74 ý kiến tham gia thảo luận, đóng góp vào các văn bản dự thảo của Trung ương, trong đó có 55 ý kiến thảo luận ở tổ và 19 ý kiến phát biểu tại Hội trường. Trong thảo luận, các đại biểu đều khẳng định: Đây là những vấn đề có ý nghĩa quan trọng và thiết thực nhằm củng cố, xây dựng và phát triển tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, là một bước tiếp tục triển khai thực hiện nội dung công tác xây dựng đảng mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra. Các đại biểu đều đồng tình với chủ trương của Trung ương và cho rằng, tất cả các nội dung trình Hội nghị đều phục vụ cho việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Việc đổi thẻ đảng viên không phải là công việc hành chính đơn thuần mà qua đây nâng cao ý thức đảng cho đảng viên, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và các tổ chức cơ sở của Đảng, tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (2), khóa VIII và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên cũng là dịp tìm ra những mặt mạnh, mặt yếu trong công tác xây dựng Đảng, tiếp tục giáo dục, rèn luyện, nâng cao chất lượng của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Đây cũng là cơ sở để việc tiến hành đổi thẻ đảng viên đúng yêu cầu. Hội nghị đã thảo luận và đánh giá sơ kết 3 năm thực hiện Quy định 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị về việc đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với các cấp ủy nơi cư trú ; về việc tổ chức Hội thi Bí thư Chi bộ giỏi ; việc sửa đổi, bổ sung chức năng nhiệm vụ, phương thức hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, triển khai thực hiện dự án "Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên", một phần trong Đề án Tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng giai đoạn 2001 - 2005. Tất cả các nội dung và vấn đề đưa ra lấy ý kiến trên đều nhằm đổi mới công tác tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Phát biểu ý kiến tổng kết Hội nghị, đồng chí Trần Đình Hoan biểu dương tinh thần làm việc tích cực, đầy trách nhiệm của Hội nghị. Đồng chí cho rằng, những ý kiến đóng góp của các đại biểu vào các dự thảo của Trung ương đều xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn công tác đảng ở cơ sở. Ban Tổ chức Trung ương sẽ tiếp thu, bổ sung, hoàn thiện các văn bản dự thảo trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Vấn đề quan trọng hàng đầu là, sau khi các văn bản được ban hành, các cấp ủy chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể hóa theo đặc điểm từng địa phương, đơn vị, trên cơ sở giữ đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tránh hình thức, thành tích chủ nghĩa, nhất là trong lĩnh vực đánh giá, phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Làm tốt những việc trên là đóng góp thiết thực vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. ❑

Digitized by Google

Hội thảo : "HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG CẢI THIỆN NHÀ Ở"

NGÀY 23-7-2003, tại thị xã Tam Kỳ, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phối hợp cùng Ban Biên tập báo Quân đội nhân dân tổ chức cuộc Hội thảo *"Hỗ trợ người có công cải thiện nhà ở"* nhân kỷ niệm 56 năm Ngày Thương binh liệt sĩ. Đến dự Hội thảo có các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ; đại diện Ban Biên tập báo Quân đội nhân dân, các ban, ngành ở trung ương và địa phương, các đơn vị trực thuộc lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng cùng các cơ quan thông tin báo chí trung ương và địa phương.

Hơn mười bản tham luận trình bày tại Hội thảo đều tập trung nhấn mạnh ý nghĩa cũng như những kết quả đã làm được của các địa phương, đơn vị trong phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Hỗ trợ cải thiện nhà ở" cho các đối tượng hưởng chính sách trong những năm qua. Việc hỗ trợ người có công cải thiện nhà ở là một trong những việc làm thiết thực cùng với các phong trào đền ơn đáp nghĩa : "Trần Quốc Toản", "Áo lụa tặng bà", "Đi tìm địa chỉ đỏ", "Đỡ đầu con liệt sĩ, cha mẹ liệt sĩ già yếu, cô đơn" v.v.. Quảng Nam là mảnh đất trung dũng, kiên cường đi đầu diệt Mỹ, song cũng là một trong những địa phương chịu hậu quả nặng nề nhất trong cuộc đấu tranh giành và giữ độc lập cho Tổ quốc với 2/3 thôn xóm bị san bằng, 1/3 số hộ có người thân là nạn nhân chiến tranh, đối tượng chính sách chiếm 15,27% số dân ; 14/14 huyện, thị xã, 103 xã, 13 đơn vị và 77 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang ; 6 249 bà mẹ được phong tặng và truy tặng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng ; 61 935 liệt sĩ, 25 780 thương binh, bệnh binh ; gần 200 000 cá nhân và gia đình được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Huy chương kháng chiến. Cho đến nay, cuộc chiến tranh đã đi qua gần 30 năm nhưng đời sống của nhiều gia đình chính sách còn nghèo và khó khăn về nhà ở. Với tinh thần trách nhiệm, tình cảm, đạo lý thủy chung, nhân nghĩa đối với những người đã hy sinh xương máu, tuổi trẻ của mình vì nền độc lập của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân, việc thực hiện chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công và hỗ trợ họ về nhà ở đã được Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam đặc biệt quan tâm ; là một trong những công tác trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành trên địa bàn, từng bước được xã hội hóa với các phong trào phát triển ngày một sâu rộng.

Quán triệt và thực hiện Quyết định 118/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ cải thiện nhà ở cho người có công, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định 1150/QĐ-UB ngày 3-7-1998 để cụ thể hóa chủ trương đó ; đồng thời, chỉ đạo các địa phương khảo sát, đánh giá thực trạng nhà ở, đất ở của các đối tượng chính sách, đề ra các giải pháp xử lý thích hợp. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 10/14 huyện, thị xã đã xây dựng chương trình xóa nhà tạm và huy động các nguồn lực thực hiện đạt kết quả. Toàn tỉnh đã hỗ trợ 11 411 nhà cho đối tượng khó khăn cải thiện nhà ở, trong đó xây mới 6 165 ngôi nhà ; hỗ trợ sửa chữa 5 246 ngôi nhà với tổng kinh phí 84 tỉ đồng. Điển hình và đi đầu trong phong trào xóa nhà tạm là các huyện Điện Bàn, Thăng Bình, Đại Lộc, thị xã Tam Kỳ.. đã triển khai xong kế hoạch thực hiện chương trình xóa nhà tạm giai đoạn 1, bắt đầu triển khai giai đoạn 2 (2003 - 2005). Trong 6 năm (1997 - 2003), huyện Điện Bàn đã xóa được 561 ngôi nhà tạm ; huyện Thăng Bình : 592 ngôi ; thị xã Tam Kỳ : 622 ngôi ; huyện Đại Lộc : 525 ngôi...❑

Digitized by Google

Hội thảo khoa học : "NGHIÊN CỨU CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG VÀ TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC GIỮA CÁC DÂN TỘC"

NGÀY 23-6-2003, tại Hà Nội, Ban Chủ nhiệm đề tài độc lập cấp Nhà nước ĐTĐL - 2002/05 tổ chức Hội thảo khoa học lần thứ nhất với chủ đề ***"Nghiên cứu các giải pháp bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng đa dân tộc ở miền núi".***

Trong báo cáo đề dẫn *"Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng đa dân tộc ở miền núi - những vấn đề cần nghiên cứu và tổng kết"*, PGS, TS Hoàng Chí Bảo, Chủ nhiệm đề tài, đã nêu lên những nhiệm vụ chủ yếu của đề tài là :

1. Phân tích các khía cạnh lý luận và phương pháp luận nghiên cứu về dân tộc và tộc người, về quan hệ dân tộc và quan hệ tộc người, về chính sách dân tộc.

2. Phân tích những đặc điểm của các vùng đa dân tộc ở nước ta ; những điểm tương đồng và khác biệt trong sự phát triển giữa các vùng đa dân tộc ở miền núi nước ta hiện nay.

3. Làm rõ thực chất của vấn đề bình đẳng và hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng đa dân tộc ở miền núi nước ta từ góc nhìn quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc.

4. Khảo sát và đánh giá đúng thực trạng về bình đẳng và và hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng đa dân tộc ở miền núi nước ta...

5. Đề xuất và luận chứng cho các giải pháp bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng đa dân tộc ở miền núi nước ta.

Hơn 20 bản tham luận tập trung đề cập đến một số cụm vấn đề chính sau :

1. Lý luận và phương pháp luận nghiên cứu vấn đề dân tộc và các quan hệ dân tộc ở Việt Nam.

2. Vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc, chính sách dân tộc nhằm thực hiện bình đẳng và hợp tác trong phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng đa dân tộc ở miền núi nước ta.

3. Cơ cấu và đặc điểm của các dân tộc thiểu số, các quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc ở nước ta trong thời kỳ đổi mới.

4. Công tác cán bộ và chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho vùng dân tộc và miền núi của Đảng và Nhà nước.

Đặc biệt, ở cụm vấn đề thứ hai, các tham luận đã đưa ra những hướng tiếp cận khác nhau : 1- Tiếp cận từ tình huống xung đột dân tộc ; 2- Tiếp cận từ thực tiễn đổi mới ở Việt Nam ; 3- Tiếp cận từ hệ thống chính trị và các thiết chế xã hội truyền thống.❑

Digitized by Google

QUẬN SƠN TRÀ



Bí thư - Chủ tịch HĐND
HOÀNG VĂN THẮNG

Quận Sơn Trà nằm ở phía đông Thành phố Đà Nẵng, với diện tích trên 60 km², số dân 107 000 người, có 7 phường, với ngành nghề truyền thống là đánh bắt hải sản; tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm là 10,9% (Nghị quyết đề ra là 9%). Xét về cơ cấu kinh tế, đến tháng 6 - 2003, ngành công nghiệp-xây dựng có xu thế tăng nhanh so với các ngành khác, chiếm tỷ trọng 71,92%; ngành thương mại - dịch vụ chiếm 17,89% và thủy sản - nông lâm nghiệp chiếm 10,19% trong cơ cấu kinh tế chung của Quận.

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG, CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ GIAI ĐOẠN 2000 - 2003

❖ Các công trình điện chiếu sáng các khu dân cư, đường giao thông, công trình phục vụ giáo dục, môi trường và một số công trình công ích khác với tổng kinh phí phê duyệt hơn 11,8 tỉ đồng.

❖ Công tác quản lý, quy hoạch sử dụng đất, triển khai kế hoạch và phương án quản lý, sử dụng theo quy hoạch Thành phố phê duyệt và làm tốt công tác kiểm tra đất đai định kỳ hằng năm.

❖ Tranh thủ mọi nguồn lực của trung ương, Thành phố đầu tư cũng như nguồn lực trong dân với các công trình "Nhà nước và nhân dân cùng làm", đã và đang triển khai các công trình nhằm nâng cấp mạng lưới giao thông nội thị, mở rộng làm mới nhiều tuyến đường, hệ thống cấp thoát nước trên địa bàn, từng bước cải thiện môi trường sống cho nhân dân, tăng cường cơ sở hạ tầng đô thị của Quận theo định hướng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quận lần II đề ra, cụ thể là:

- Nguồn vốn Thành phố đầu tư với tổng giá trị thực hiện gần 19 tỉ đồng.

- Nguồn vốn Nhà nước và nhân dân cùng làm thực hiện khá, đã thực hiện tổng giá trị gần 5,2 tỉ đồng, trong đó nhân dân đóng góp trên 1 tỉ đồng. Riêng phần giá trị do nhân dân góp bằng tường rào, cổng ngõ, đất đai...bị giải tỏa không đền bù thuộc các công trình dự án thực hiện theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm trên địa bàn Quận là 7,1 tỉ đồng.

- Nguồn vốn giao thông và kiến thiết thị chính với tổng số vốn đầu tư hơn 3 tỉ đồng.

- Thường xuyên duy trì công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo của dân trong lĩnh vực đất đai, nhà ở... Tích cực ra quân thực hiện an toàn giao thông, trật tự đô thị và vệ sinh môi trường. Xử lý chống ô nhiễm các điểm nóng về môi trường trên địa bàn Quận. Phối hợp với các ban quản lý dự án để di dời giải tỏa xây dựng các tuyến giao thông, các khu dân cư. Hoàn thành đưa vào sử dụng bãi tắm đường Phạm Văn Đồng, cùng dự án đường ven biển Sơn Trà - Điện Ngọc đang triển khai và các dự án về du lịch sinh thái của Thành phố tại bán đảo Sơn Trà. Công tác xây dựng cơ bản trong năm qua có chuyển biến tích cực, phần lớn các công trình thuộc tất cả các nguồn vốn được triển khai theo kế hoạch.

Trong 6 tháng cuối năm 2003 tiếp tục tập trung công tác giải phóng mặt bằng tuyến Ngô Quyền, đường tránh Ngô Quyền, các khu tái định cư đảm bảo tiến độ kế hoạch chung của thành phố.





BỆNH VIỆN ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 124 Hải Phòng - Đà Nẵng * ĐT: (0511) 821 118 *Fax: (0511) 829 966
Email: bvdn@dng.vnn.vn * Website: dananghospital.org

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Bệnh viện Đà Nẵng là bệnh viện tuyến cuối của Thành phố Đà Nẵng, chịu trách nhiệm thu dung điều trị bệnh nhân của Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam và một số tỉnh của khu vực miền Trung như Quảng Ngãi, Bình Định, Đắc Lắc...

Ngoài chức năng khám chữa bệnh, bệnh viện còn là cơ sở thực hành của Trường Đại học Y Huế, Học viện Quân y, Trường Trung học Y tế Trung ương II.

Bệnh viện mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức nước ngoài, tranh thủ các nguồn viện trợ để nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và giao lưu về chuyên môn, chuyển giao các kỹ thuật mới trong chẩn đoán và điều trị.



Bệnh viện Đà Nẵng

MỘT SỐ THÀNH TÍCH TRONG HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN NĂM 2002

- Tổng số lần khám bệnh là 165 470, đạt 137,8%, trong đó khám cấp cứu 40 947 ca.
- Tổng số bệnh nhân: nội trú là 45 599, ngoại trú là 8 068, đạt 175,3%.
- Tổng số ngày điều trị: điều trị nội trú là 320 359, điều trị ngoại trú là 43 188, đạt 123,2%.
- Công suất sử dụng giường đạt 122,2%.
- Phẫu thuật (loại ĐB, I, II): 9 041, đạt 180,8%.
- Tổng số tiêu bản xét nghiệm: 674 230, đạt 168,5%; tổng số lần chụp X-quang: 68 202, đạt 227,3%; thăm dò, chẩn đoán: siêu âm 23 545 ca, điện tim 5 814 ca, nội soi 2 581 ca.
- Máu sử dụng: 1 293 lít, đạt 184,7%.



Máy chụp cắt lớp thế hệ mới (SPECT)



Dây chuyền sử lý nước thải hiện đại tại Bệnh viện

ÁP DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT TIÊN TIẾN VÀO THỰC TIỄN CHUYÊN MÔN

Vận dụng các nguồn viện trợ và mở rộng liên doanh với các công ty, Bệnh viện từng bước trang bị các máy móc hiện đại phục vụ chẩn đoán và điều trị, giúp bệnh nhân được giải quyết tại chỗ, giảm việc chuyển bệnh nhân lên tuyến trên. Trong năm 2002, đã triển khai:

1. Chụp cắt-lớp vi tính đơn quang tử (SPECT): Lắp đặt cuối tháng 2 - 2002. Đây là kỹ thuật chỉ mới được triển khai tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Spect giúp đánh giá chức năng các cơ quan: tim, gan, thận...phát hiện sớm các khối u cũng như các tổn thương di căn: xương, phổi, vú...và đã triển khai: gần 300 ca.

2. Chụp mạch số hóa xóa nền (DSA): Triển khai từ tháng 8 - 2002. Đây là kỹ thuật lần đầu được thực hiện tại miền Trung với sự hỗ trợ về chuyên môn của các giáo sư Viện Tim - Hà Nội, và đã triển khai 34 ca.

3. Mổ các tật khúc xạ (LASER EXCIMER): triển khai ngoại chấn thương và mổ tim kín từ tháng 5 - 2002, nhằm điều chỉnh các tật khúc xạ của mắt (cận thị, viễn thị, loạn thị), đã thực hiện 119 mắt.

Digitized by Google

BỆNH VIỆN TÂM THẦN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Phường Hòa Khánh - quận Liên Chiểu - TP. Đà Nẵng * ĐT: (0511) 842 326 - 841 906



Giám đốc
Bác sĩ - thầy thuốc ưu tú
Phan Ngọc Hà



Bệnh viện Tâm thần Thành phố Đà Nẵng 25 năm xây dựng và trưởng thành

Ngày 16 - 3 - 1977, UBND tỉnh ra quyết định thành lập Bệnh viện Tâm thần đầu tiên ở miền Nam với tiền thân là "Bệnh viện Nhi đồng Hòa Khánh", gần 50 giường bệnh và đến nay là 180 giường với đầy đủ các khoa phòng bệnh viện với các chức năng và nhiệm vụ chính là:

-Tổ chức điều trị nội trú bệnh nhân tâm thần cấp tính.

-Chỉ đạo tuyến trước, tổ chức màng lưới khám, điều trị ngoại trú.

-Đào tạo huấn luyện cán bộ chuyên khoa cho bệnh viện và các tuyến huyện, thị.

-Nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

-Tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe tâm thần cho nhân dân.

-Tổ chức giám định pháp y tâm thần cho các cơ quan pháp luật.

Bệnh viện được tổ chức theo mô hình bệnh viện chuyên khoa của Bộ Y tế và ngành tâm thần.

THÀNH TÍCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TRONG 25 NĂM (1975-2000)

-Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú: 23 498 lượt người đạt 116,2%.

-Điều trị khỏi bệnh 21 488 lượt người.

-Tổng số ngày điều trị nội trú: 815 105 ngày (tính từ 1986-2000).

-Công suất giường bệnh bình quân: từ 93,7% đến 126,06%.

-Bệnh nhân tử vong: 47 ca với tỷ lệ 0,25%.

-Đã tiếp nhận điều trị bắt buộc cho 12 tỉnh thành miền Trung theo Thông tư liên bộ số 03/TTLB ngày 24 - 6 - 1997, được 76 bệnh nhân, chữa khỏi và xuất viện 40 bệnh nhân.

-Nạn nhân được cấp cứu là 4 572 người, cứu sống kịp thời 4 561 người (tại nạn giao thông, tai nạn lao động, các ngộ độc và bệnh tật khác).

VỚI NHỮNG THÀNH TÍCH TRÊN, BỆNH VIỆN ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG: Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba và Bộ Y tế công nhận là "Bệnh viện xuất sắc toàn diện năm 2001, 2002".

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

- 28 bác sĩ chuyên khoa (có 2 chuyên khoa 1), đang đào tạo nên đối tượng du học nước ngoài.
- Từ y sĩ huyện tu đại học: 10 người
- 27 y tá nên đọc chuyên khoa hoặc tương đương
- 20 bác sĩ tuyến huyện, xã
- 4 cử nhân kinh tế tài chính
- 2 trung cấp quản lý kinh tế
- 1 cử nhân điều dưỡng
- 4 hộ lý lên y tá
- Chuyển đổi 25 y sĩ sang hệ điều dưỡng
- 23 y tá sơ học tốt nghiệp y tá trung học
- 2 cán bộ quản lý (1 có trình độ cao cấp lý luận chính trị)
- 4 đại học ngoại ngữ
- 1 đại học công đoàn và 1 trung cấp công đoàn

Ngoài ra, hằng năm, Bệnh viện còn cử một số cán bộ quản lý và chuyên môn đi đào tạo ngắn hạn và dài hạn để nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý, chính trị và ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn.

Digitized by Google

BỘ CÔNG NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP

VEAM

CÔNG TY PHỤ TÙNG MÁY SỐ 2

NK NAKYCO®

CHUYÊN SẢN XUẤT PISTON, AXE, CYLINDER LINE CÁC LOẠI; DÙNG TRONG MÁY NÔNG NGHIỆP, MÁY THỦY, GIAO THÔNG VẬN TẢI.

SẢN XUẤT CÁC LOẠI KHUÔN MẪU; PHỤ TÙNG CHO MÁY NÔNG NGHIỆP; PHỤ TÙNG CÁC NGÀNH: DỆT - GIẤY - THUỐC LÁ - BIA - ĐƯỜNG - LẮP RÁP XE MÁY 2 BÁNH...



VĂN PHÒNG: 19/9 TÂN KỲ, TÂN QUÝ PHƯỜNG 14 QUẬN TÂN BÌNH TP.HCM

ĐT: (84.8) 8495 943 - (84.8) 8495 974 * FAX: (84.8) 8495 991

WEBSITE: WWW.NAKYCO. COM.VN * EMAIL: nakyco@hcm.vnn.vn

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM: 500 TRƯỜNG CHINH P14 - QUẬN TÂN BÌNH * ĐT: (84.8) 8426 819.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM

CÔNG TY KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA

Trụ sở: 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường 16, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 8470397 8470020 Fax:8471272

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Kinh doanh vận tải, xăng dầu.
Cho thuê kho hàng, bến bãi.
Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa, sửa chữa ô-tô.
Thương mại.
Sản xuất chế biến gỗ.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

Kho Linh Xuân Thủ Đức, ĐT: 7 240 741
Kho Tân Thuận Đông quận 7, ĐT: 8 728 119.
Chi nhánh cao-su Sông Bé
Thuận An - Bình Dương, ĐT: 0650 755 454.
Đội vận tải.
Xưởng sửa chữa ô-tô.

Ngoài ra Công ty đang mở rộng thêm 1 chi nhánh
tại thị xã Móng Cái Quảng Ninh
Phạm vi hoạt động: cả nước

CHÚC MỪNG QUỐC KHÁNH 2 - 9

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

RESCO®
BINH THANH

CÔNG TY PHÁT TRIỂN NHÀ BÌNH THẠNH

36 Nguyễn Huy Lượng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (84.8) 8412 202 - FAX: (84.8) 8412 202



Chung cư Lô D khu quy hoạch nhà ở phường 19 (nhìn từ hướng bờ sông)

CHỨC NĂNG

*** Xây dựng các công trình công cộng và nhà ở.**
*** Quản lý và kinh doanh nhà.**
*** Kinh doanh vật liệu xây dựng.**
*** Thiết kế các công trình xây dựng.**
*** San lấp mặt bằng, thi công công trình hạ tầng các khu quy hoạch.**

CHÚC MỪNG QUỐC KHÁNH 2 - 9

Digitized by Google

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

231 Nguyễn Văn Cừ , Q.5 ĐT: 8 323 557. Fax : (08) 8 307 141

TỦ SÁCH DẠY NGHỀ



Sách có bán tại: CÁC CÔNG TY SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC CÁC TỈNH , THÀNH PHỐ TRONG CẢ NƯỚC

Digitized by Google

CÔNG TY CHÈ HÙNG AN

*Địa chỉ: Bắc Quang - Hà Giang * Điện thoại: 019 892 805 * Giám đốc: Nguyễn Đình Mạnh*



Trụ sở Công ty

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2002

Về sản xuất nông nghiệp:

+Diện tích giao khoán theo kế hoạch là 213,97 héc-ta (đạt 100% kế hoạch).

+Năng suất bình quân theo kế hoạch 77,58 tạ/héc-ta, (thực hiện đạt 84,1 tạ/ héc-ta).

+Sản lượng được giao là 1 660 tấn (thực hiện đạt 1 799 tấn = 108% kế hoạch).

+Chăm sóc tốt 42 héc-ta chè KTCB.

Chế biến chè khô:

+Kế hoạch giao 355 tấn, tổng giá trị sản lượng 5 148 triệu đồng (thực hiện 360 tấn, đạt 101,4%).

+Giá trị tổng sản lượng đạt 6 143 triệu đồng, đạt 119,3% kế hoạch.

+Giá bán bình quân 1kg chè khô là 17 000 đồng.

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NĂM 2003

Phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2003:

+Sản xuất nông nghiệp:

Chăm sóc tốt 42 héc-ta chè KTCB; sản xuất kinh doanh trên 213,97 héc-ta chè; năng suất bình quân 79,5 tạ/ héc-ta; sản lượng 1 700 tấn.

+Chế biến chè khô:

Sản lượng 378 tấn; hệ số K = 5; tổng doanh thu cả thuế: 7 tỉ đồng; giá bán bình quân: 18 000 đồng.

Những giải pháp chủ yếu năm 2003:

+Coi trọng sản xuất nông nghiệp, tăng mức đầu tư thâm canh vườn chè, vườn chè không bị đói ăn, không để sâu bệnh phá hoại.

+Mở rộng vùng nguyên liệu, thu hút chè búp tươi ở các vệ tinh, các xã, có kế hoạch trồng giống chè nhập nội chất lượng cao.

+Chế biến là khâu trung tâm, quản lý chặt chất lượng thu hái búp chè tươi, bảo quản vận chuyển chè búp tươi về xưởng phải được chế biến ngay đảm bảo thơm, xanh, nước trong.

+Lắp đặt thay thế thiết bị máy móc chế biến hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã bao bì.

+Tăng cường thêm một bước công tác tiếp thị, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, nước ngoài.



ĐỒI CHÈ HÙNG AN

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÀ GIANG

CHI NHÁNH HUYỆN BẮC QUANG

Địa chỉ: Thị trấn Việt Quang Bắc Quang Hà Giang * Điện thoại: 019 821 182 * Fax: 019 821 246 * Giám đốc: Nông Thái Cực

Ngân hàng Nông nghiệp huyện Bắc Quang được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Huyện ủy HĐND UBND, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh và sự hợp tác chặt chẽ của các ngành, các doanh nghiệp từ huyện đến xã đã tạo động lực cho ngân hàng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần không nhỏ cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, của huyện.



Cho dân vay vốn để nuôi dê theo chương trình kinh tế của Tỉnh

Phát huy thành tích trong những năm qua, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên chi nhánh không ngừng nỗ lực, sáng tạo và đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2003

1.Nguồn vốn: Đạt 64,4 tỉ/ 63 tỉ đồng, đạt 102% kế hoạch.

Tăng số tuyệt đối so với 31-12-2002 là 12,7 tỉ đồng (năm 2002: 51,7 tỉ). Nguồn tăng chủ yếu tiền gửi kho bạc và tiền gửi huy động tiết kiệm của dân cư.

Việc tuyên truyền tiền gửi huy động được thông báo thường xuyên trên phương tiện thông tin đại chúng và được cán bộ tín dụng truyền đạt trực tiếp tới từng hộ vay vốn với lãi xuất hấp dẫn, tinh thần thái độ phục vụ khách hàng tận tình, chu đáo.

2.Sử dụng vốn: Việc tăng trưởng chất lượng tín dụng bền vững và có hiệu quả chất lượng.

Tính đến 30-06-2003, tổng dư nợ đạt 194,7 tỉ/176 tỉ đồng, đạt 110,6% so với kế hoạch 6 tháng đầu năm.

3.Công tác điều hành:

Với phương châm tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách, thực hiện đúng theo Nghị quyết của chi bộ đề ra.

Trực tiếp giao khoán đúng người đúng việc.

Bộ phận kế toán ngân quỹ đảm bảo hạch toán kịp thời chính xác, nâng cao trình độ vi tính, đảm bảo cập nhật

Mạng lưới hoạt động: có 4 ngân hàng liên xã/ 33 xã, thị trấn (trong đó có: 9 xã vùng 3 - vùng đặc biệt khó khăn, 18 xã vùng 2, 6 xã vùng 1)

PHƯƠNG HƯỚNG, BIỆN PHÁP, GIẢI PHÁP

1.Định hướng 6 tháng cuối năm:

-Công tác huy động vốn đạt 65 tỉ đồng.

-Tăng trưởng tín dụng đạt 200 tỉ đồng.

-Tập trung thu lãi đạt 90% tổng dư nợ, đảm bảo mức lương Trung ương cho phép.

-Kiện toàn Tổ vay vốn Ban thu nợ xã để hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn.

-Phấn đấu hoàn thành cho vay các chương trình kinh tế của Tỉnh Huyện cho vay ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2.Biện pháp giải pháp:

-Tiếp tục mở hội nghị khách hàng, tuyên truyền huy động tiền gửi tiết kiệm.

-Cán bộ lãnh đạo trực tiếp kiểm tra, kiểm soát tới các hộ vay vốn, kiên quyết sử lý cán bộ tín dụng vi phạm quy chế.

-Thành lập ban thu nợ tại các xã để sử lý và thu hồi nợ quá hạn.



Người dân mua dê nuôi bằng vốn vay theo chương trình kinh tế của Tỉnh

Digitized by Google

BIDV

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI



Thời Điểm Thích Hợp Nhất Để Mua:

KỲ PHIẾU VND

Các Kỳ Hạn **DƯỚI 364 NGÀY**

Với **LÃI SUẤT HẤP DẪN**

Phát hành trên toàn quốc cho đến hết ngày 5 tháng 9 năm 2003

- *Được chuyển nhượng, trao đổi, cho, tặng và thừa kế theo pháp luật.*
- *Được cầm cố để vay vốn tại các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng.*
- *Đến hạn thanh toán gốc và lãi, nếu khách hàng chưa đến lĩnh, được Ngân hàng giữ hộ và được hưởng lãi suất tiết kiệm không kỳ hạn tại thời điểm lĩnh cho số ngày sau hạn.*
- *Được Ngân hàng Đầu tư và Phát triển phục vụ tận tình chu đáo.*

Chi tiết xin liên hệ tại các Sở giao dịch, chi nhánh
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh, thành phố trong cả nước.

Trụ sở chính: 194 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Tel: 048242210; 04 8266968; Email: bidv@hn.vnn.vn

Hiệu quả kinh doanh của khách hàng là mục tiêu hoạt động của BIDV

Ngân hàng thương mại quốc doanh đầu tiên áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn ISO 9001:2000

Digitized by Google

BINH ĐOÀN 15

5/30

(TỔNG CÔNG TY 15)

Trụ sở: phường Yên Thế - Thành phố Plây Ku - Tỉnh Gia Lai * ĐT: (059) 825 110 - 825 166 * Fax: (059) 825 109
Chi nhánh phía Bắc: 26 Ngõ Thông Phong - quận Đống Đa - Hà Nội * ĐT: (069) 882 176
Chi nhánh phía Nam: 15K Phan Văn Trị - Phường 7 Gò Vấp - TP Hồ Chí Minh * ĐT: (089) 857 905
Tư lệnh (Tổng Giám đốc): Đại tá NGUYỄN XUÂN SANG

Binh đoàn 15 (Tổng Công ty 15) thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 5 được thành lập theo quyết định số 68/CT, ngày 20 - 02 - 1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Là doanh nghiệp nhà nước, có tư cách pháp nhân thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản tại ngân hàng (kể cả tài khoản ngoại tệ). Tài khoản - TK 7301 0517 tại ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Gia Lai. Mã số thuế: 59 001 894 381.

Tên giao dịch Quốc tế: GENERALN 15 * Tên quân sự: Binh đoàn 15 * Tên doanh nghiệp : Tổng Công ty 15.



Đại tá Nguyễn Xuân Sang - Tư lệnh Binh đoàn 15 tặng quà cho các cháu Trường Mầm non 20/2



Hướng dẫn công nhân là đồng bào dân tộc kỹ thuật cạo mủ cao-su



Duyệt binh tại Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVTND tháng 5 - 2003

1. TỔNG TÀI SẢN: **995 tỉ đồng.**
2. NGUỒN VỐN KINH DOANH: **162 tỉ đồng.**
3. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT CHỦ YẾU:

- Trồng chăm sóc, khai thác cây công nghiệp (gồm 23 000 héc-ta cao-su, 2 500 héc-ta cà-phê).
- Chế biến cao-su, cà-phê, phân bón KOMIX.
- Trồng cây lương thực, chăn nuôi, chế biến sản phẩm từ cây lương thực.
- Khai hoang quy hoạch, khảo sát, thiết kế xây dựng giao thông, thủy lợi, nhà ở. đê đập, cầu cống, bưu điện, công trình hạ tầng, điện nước.
- Sản xuất kinh doanh: Phân vi sinh NPK và các loại phân bón khác phục vụ nông nghiệp.
- Sản xuất điện năng.
- Xây dựng công trình khai hoang dân dụng, công nghiệp, đường lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi.

4. CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ:

a. Cơ quan:

- Phòng Chính trị - ĐT: (059) 865 188
- Phòng Tác chiến - ĐT: (059) 825 166
- Phòng Tài chính - ĐT: (059) 865 187
- Phòng Tổ chức - Lao động - Tiền lương - ĐT: (059) 865 189
- Phòng Kế hoạch - ĐT: (059) 865 186
- Phòng Kỹ thuật - ĐT: (059) 865 190
- Văn phòng Bộ Tư lệnh - ĐT: (059) 825 110.
- Ban Điều tra - ĐT: (059) 865 193.
- Ban Thanh tra- ĐT: (059) 865 192

b. Các doanh nghiệp hạch toán độc lập:

- Công ty 72 - ĐT: (059) 846 191

Nhiệm vụ trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến cao-su, cà-phê.

- Công ty 74 - ĐT: (059) 846 192

Nhiệm vụ: Trồng mới, chăm sóc, chế biến cao-su, cà-phê.

- Công ty 75 - ĐT: (059) 846 194

Nhiệm vụ: Trồng mới chăm sóc, chế biến cao-su, cà-phê.

- Công ty cà phê 15 - ĐT: (059) 874 178

Nhiệm vụ: Trồng mới, chăm sóc, chế biến cà-phê.

- Công ty 732 - ĐT: (060) 832 174

Nhiệm vụ: Trồng mới, chăm sóc, khai thác,chế biến, mủ cao-su, cà-phê, sản xuất lúa nước và chăn nuôi.

- Công ty Bình Dương - ĐT: (059) 847 824

Nhiệm vụ: Trồng mới chăm sóc, chế biến cà-phê.

- Công ty 715 - ĐT: (059) 840 761.

Nhiệm vụ: Trồng mới, chăm sóc cao-su, cà-phê.

- Công ty 711- ĐT: (059) 865 692

Nhiệm vụ: Khai hoang đồng ruộng, xây dựng giao thông, thủy lợi, sản xuất vật liệu xây dựng.

- Công ty 78:

Nhiệm vụ: Khai hoang trồng mới, chăm sóc cao-su.

c. Đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp khảo sát thiết kế: Điện thoại (059) 825 395

Nhiệm vụ: khảo sát lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp.

- Nhà máy phân vi sinh: Điện thoại (059) 865 746

Nhiệm vụ: Sản xuất kinh doanh phân vi sinh NPK và các loại phân bón khác phục vụ nông nghiệp.

d. Các đơn vị sự nghiệp:

- Bệnh viện khu vực 15: Điện thoại (059) 825 121

Trang bị 150 giường bệnh; có nhiệm vụ khám, điều trị cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên và nhân dân địa phương.

- Trường Huấn luyện: Điện thoại (059) 865 743

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CÔNG SẢN - 36 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



26
9-2003

UNIV. OF MICH.
OCT 0 6 2003
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI II

Địa chỉ: Phường Hòa Hiệp, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng * ĐT: 0511 770 355 * Fax: 0511 842 086

Năm 2001-2002, được sự quan tâm, giúp đỡ của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng, Quận ủy Liên Chiểu và các ban ngành liên quan, tập thể Hội đồng Sư phạm, CB-GV-CNV và học sinh Trường Cao đẳng GTVT II đã nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2001-2002.

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO

- Tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa ngành, nghề và hình thức đào tạo, gắn đào tạo với sản xuất và yêu cầu xã hội.
- Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đồng thời tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 2 (khóa VIII) về giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ. Thực hiện Chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ và chương trình công tác của Bộ GTVT năm 2001, năm 2002.
- Thực hiện chương trình tuyển sinh năm 2001-2002 đạt 100% bảo đảm thi tuyển nghiêm túc, công bằng và đúng quy chế. Nguồn tuyển sinh vào trường ngày càng dồi dào, đặc biệt nghề xây dựng cầu đường và công nhân lái máy công trình có sức thu hút học sinh. Hầu hết học sinh ra trường đều có việc làm đúng nghề đào tạo.

Tốt nghiệp đạt: 96%, trong đó đạt khá giỏi là 3,9%.

- Số lượng học sinh tốt nghiệp ra trường năm 2001-2002 là 526 học sinh-sinh viên; trong đó:

+ Hệ cao đẳng: 44 sinh viên

+ Hệ Trung học chuyên nghiệp chính quy: 255 học sinh.

+ Hệ Trung học chuyên nghiệp tại chức: 105 học sinh.

+ Hệ Công nhân kỹ thuật: 122 học sinh.

THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

- Liên kết với các đơn vị của ngành trên địa bàn miền Trung các tỉnh: Quảng Ngãi, Khu Quản lý đường bộ 5, các Liên hợp đường sắt Huế, Nghệ An, Thanh Hóa đào tạo các lớp ngắn hạn công nhân kỹ thuật, trung học.
- Liên kết với Trường Đại học GTVT (Hà Nội) đào tạo đại học tại chức: Hiện đang học có 3 khóa (4+5+6) gồm 340 sinh viên, khóa 3 tốt nghiệp tháng 3-2001 với số lượng 130 kỹ sư.
- Chất lượng đội ngũ được nâng lên: Tổng số CB-GV-CNV là 154 người, trong đó có 91 giáo viên trực tiếp đứng lớp và 12 cán bộ quản lý tham gia giảng dạy, trình độ chuyên môn nghiệp vụ có: 23 thạc sỹ, 67 đại học, cao đẳng, 9 trung học chuyên nghiệp, 8 công nhân kỹ thuật bậc cao và 10 giáo viên đang theo học cao học

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ DẠY VÀ HỌC

- Đầu tư dàn máy vi tính với kinh phí là 70 triệu đồng.
- Trang bị dụng cụ, máy móc thí nghiệm công trình với kinh phí gần 2 tỉ đồng.
- Đã nâng cấp, sửa chữa nhà ở cấp 4 của học sinh, lớp học, cổng trường, tường rào, nhà 2 tầng làm việc, bê-tông hóa đường nội bộ, hệ thống đèn cao áp, với kinh phí 1 tỉ đồng.
- Nhà ký túc xá 4 tầng (nhà số 2), sinh hoạt khép kín cho 320 học sinh với kinh phí 2,5 tỉ đồng, hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 9-2001.
- Công trình giảng đường 5 tầng với diện tích sử dụng 3 104m^2, kinh phí 3,1 tỉ đồng và đưa vào sử dụng từ tháng 4 năm 2002.
- Năm 2002, Bộ GTVT quyết định đầu tư dự án nâng cấp mở rộng Trường Cao đẳng GTVT II. Với tổng mức kinh phí là 22 tỉ đồng. Để thực hiện dự án, tháng 10 - 2002, triển khai 2 hạng mục xây lắp gồm nhà làm việc 5 tầng, hội trường kiêm giảng đường lớn (600 chỗ ngồi) với kinh phí là 4,7 tỉ đồng. Với sự quan tâm, đầu tư thỏa đáng, Trường Giao thông Vận tải II sẽ là địa chỉ tin cậy, đào tạo những kỹ sư, công nhân có trình độ, tay nghề cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội.



Ký túc xá của Trường



Giờ học vi tính

Digitized by Google



THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 689

26
9-2003

● **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

● **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Trường Phổ thông dân tộc nội trú Xín Mần (Hà Giang) chuẩn bị bước vào năm học mới 2003 - 2004

Ảnh : Cao Việt Hòa

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TÒNG THỊ PHÓNG - Thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng - cơ sở phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc 3

HOÀNG BÌNH QUÂN - Tuổi trẻ Việt Nam với quyết tâm mới trong thời kỳ mới 8

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN QUANG NHIẾP - V.I. Lê-nin với thanh niên - cơ sở tư tưởng đổi mới công tác giáo dục thanh niên 12

PHAN TRỌNG PHỨC - Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong điều kiện mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế 17

THANH AN - Thực tế và sự vu cáo 22

NGUYỄN THỊ MAI ANH - Về vấn đề xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn 26

PHẠM TIẾN DUẬT - Tính bất biến và tính khả biến trong lý luận văn học 29

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ CƠ SỞ

TRỊNH TRỌNG QUYỀN - Thanh Hóa phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở 32

NGUYỄN CÔNG NGHIỆP - Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính ngân sách xã góp phần nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở 37

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN KIẾN PHƯỚC- Thành tựu to lớn và một số kinh nghiệm thực tiễn của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh 40

ĐỖ MAI THÀNH - Để khai thác hiệu quả những lợi thế về xuất nhập khẩu của Lạng Sơn 44

ĐỖ VIẾT NGHIỆM - Binh đoàn 16 với mô hình "kinh tế kết hợp quốc phòng" tham gia xóa đói giảm nghèo 49

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

PHẠM VĂN - Kinh doanh giỏi và làm nhiều việc thiện 53

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

VŨ VĂN PHÚC - Các tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế lớn với toàn cầu hóa hiện nay 55

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

Về nhà cách mạng kiên cường 58

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Hội thảo khoa học : "Tác động của toàn cầu hóa kinh tế đối với các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội" 62

Hội thảo : "Phát triển thị trường nội địa trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế" 63

Quảng Ninh sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 11-CT/TƯ của Bộ Chính trị 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ТОНГ ТХИ ФОНГ: Лучшее выполнение национальной политики Партии – основа для развития силы широкого общенационального единения. ХОАНГ БИНЬ КУАН: Молодёжь Вьетнама и её новая решимость на новом этапе. ЧАН КУАНГ НИЕП: В. И. Ленин и молодёжь – идеологическая основа для обновления работы по воспитанию молодёжи. ФАН ЧОНГ ФЫК: Создание независимой и самостоятельной экономики в условиях открытой политики, международной экономической интеграции. ТХАНЬ АН: Действительность и клевета. НГУЕН ТХИ МАЙ АНЬ: Вопрос построения, укрепления партийных организаций в сельских местностях. ФАМ ТИЕН ЗУАТ: Постоянность и переменность в литературной теории. ЧИНЬ ЧОНГ КУЕН: Провинция Тханьхоа развивает право народа быть хозяином, выполняя Демократический Статус на местах. НГУЕН КОНГ НГИЕП: Повышение эффективности управления бюджетными финансами сельских общин вносит вклад в повышение качества местной политической системы. НГУЕН КИЕН ФЫОК: Большие достижения и некоторые практические опыты Городского Партийного Комитета г. Хошимина. ДО МАЙ ТХАНЬ: Чтобы эффективно извлечь в пользу преимущества в экспорте-импорте провинции Лангшон. ВУ ВАН ФУК: Крупные международные экономические, финансовые, торговые организации и глобализация на данном этапе.

CONTENTS

TÒNG THỊ PHÓNG: Best implementation of the Party's policy of nationalities is a ground for promoting strength of great national solidarity block. HOÀNG BÌNH QUÂN: Vietnam's youth and their new determination in the new stage. TRẦN QUANG NHIẾP: V. I. Lenin and youth – ideological ground for renovating the work of youth education. PHAN TRỌNG PHỨC: Building independent, self-reliant economy in circumstances of opened-door policy and World economic merging. THANH AN: Realities and slander. NGUYỄN THỊ MAI ANH: Regarding building, strengthening Party grassroots organisations in the countryside. PHẠM TIẾN DUẬT: Variability and invariability in literature theory. TRỊNH TRỌNG QUYỀN: Thanh Hóa province develops the rights to be the master of the people, and implements Grassroots Democracy Status. NGUYỄN CÔNG NGHIỆP: To enhance the efficiency of finance – budget management in communes, making contribution to the enhancement of grassroots political system's quality. NGUYỄN KIẾN PHƯỚC: Great achievements and some practical experiences of Ho Chi Minh city's Party Committee. ĐỖ MAI THÀNH: In order to exploit efficiently export-import advantages of Lạng Sơn province. VŨ VĂN PHÚC: Large international economic, financial, trade bodies and present-day globalisation.

SOMMAIRE

TÒNG THỊ PHÓNG: Mener à bien la politique du Parti à l'égard des ethnies – base de la valorisation de la force du bloc de la grande union nationale. HOÀNG BÌNH QUÂN: La jeunesse vietnamienne et la nouvelle détermination dans la nouvelle période. TRẦN QUANG NHIẾP: V.I. Lénine et la jeunesse – base idéologique du renouveau dans le travail d'éducation de la jeunesse. PHAN TRỌNG PHỨC: Edification d'une économie indépendante et autonome dans le contexte d'ouverture et d'intégration économique internationale. THANH AN: Réalité et calomnie. NGUYỄN THỊ MAI ANH: Sur l'édification et le renforcement de l'organisation des sections du Parti à la campagne. PHẠM TIẾN DUẬT: Invariabilité et variabilité dans la théorie littéraire. TRỊNH TRỌNG QUYỀN: Thanh Hóa met en valeur le droit de maître du peuple, en appliquant la réglementation de démocratie à l'échelon de base. NGUYỄN CÔNG NGHIỆP: Amélioration de l'efficacité de la gestion financière du budget de la commune pour contribuer au rehaussement de la qualité du système politique de base. NGUYỄN KIẾN PHƯỚC: Grandes réalisations et quelques expériences pratiques de la section du Parti de Hồ Chí Minh-ville. ĐỖ MAI THÀNH: Pour profiter efficacement des avantages de l'import-export de la province de Lạng Sơn. VŨ VĂN PHÚC: Les grandes organisations économiques, financières, commerciales internationales et la globalisation à l'heure actuelle.

SUMARIO

TÒNG THỊ PHÓNG: Cumplir bien la política de nacionalidades de nuestro Partido – base del desarrollo de la fuerza del bloque de gran unidad nacional. HOÀNG BÌNH QUÂN: La juventud vietnamita y su nueva determinación en la nueva etapa. TRẦN QUANG NHIẾP: V.I. Lenin y la juventud – base del pensamiento de renovar el trabajo de educación juvenil. PHAN TRỌNG PHỨC: La construcción de una economía autónoma en el contexto de apertura e integración económica internacional. THANH AN: La realidad y la calumnia. NGUYỄN THỊ MAI ANH: Sobre la cuestión de la edificación y el fortalecimiento de las bases del Partido en el campo. PHẠM TIẾN DUẬT: La invariabilidad y la variabilidad en la teoría literaria. TRỊNH TRỌNG QUYỀN: La puesta en juego del derecho de ser dueño del pueblo y el cumplimiento de las normas democráticas en la base en la provincia de Thanh Hoá. NGUYỄN CÔNG NGHIỆP: La elevación de la eficiencia de la gestión financiera del presupuesto comunal en contribución a la alza de calidad del sistema político de la base. NGUYỄN KIẾN PHƯỚC: Los grandes éxitos y algunas experiencias de práctica de la organización del Partido de Ciudad Hồ Chí Minh. ĐỖ MAI THÀNH: A fin de explotar con eficiencia la superioridad de importación y exportación de la provincia de Lang Sơn. VŨ VĂN PHÚC: Las grandes organizaciones económicas, financieras, comerciales internacionales y la actual globalización.

目录

•从氏放：妥善落实党的民族政策是发挥民族大团结强大力量的基础• 黄平军：越南青年在新时期中的新决心• 陈光摄："弗拉基米尔•伊里奇•列宁与青年"—青年教育工作的思想革新基础• 潘仲馥：在开放、融入国际经济条件下建设独立自主的经济• 青安：事实与诬告• 阮氏梅英：关于建设、巩固农村党基层组织的问题• 范进聿：文学理论中的不变性与可变性• 郑仲权：清化省发挥人民的作主权，实现基层民主规制• 阮工业：提高乡财政预算的管理工作效果，致力于提高基层政治系统质量• 阮建福：胡志明市党部所取得的巨大成就及其一些实践经验• 杜梅成：为有效地开发谅山省进出口方面的优势• 武文福：国际各大的经济、财政、贸易组织与目前全球化问题

Digitized by Google

THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG - CƠ SỞ PHÁT HUY SỨC MẠNH KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

TÒNG THỊ PHÓNG*

CÁCH mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi. Và đoàn kết là truyền thống quý báu, là bài học lớn của cách mạng nước ta. Từ nhận thức sâu sắc đó, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ : "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Nước ta có 54 dân tộc anh em cùng sinh sống, kề vai sát cánh với nhau trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn đặt vấn đề dân tộc ở vị trí chiến lược và công tác dân tộc là bộ phận quan trọng của cách mạng Việt Nam.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã xây dựng chính sách dân tộc trên nguyên tắc *đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc*, để cùng giành độc lập, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc ; đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc. Từ khi có Đảng đến nay, vấn đề dân tộc và công tác dân tộc đã được thể hiện cụ thể thông qua các quan điểm, đường lối, chủ trương, biện pháp chỉ đạo thực tiễn của Đảng và Nhà nước ta. Trải qua các thời kỳ cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, vấn đề dân tộc và công tác dân tộc luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Đảng và Chính phủ, thông qua việc xác định mục tiêu, tạo lập các thể chế hoạt động, định hướng nội dung chiến lược và cụ thể cho từng giai đoạn, đầu tư nhân lực, vật lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện... Chính điều đó đã tạo nên một dấu ấn, một nét đặc trưng của vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong thế kỷ XX. Vấn đề dân tộc và công tác dân tộc ở nước ta đồng thời là biểu hiện của truyền thống văn hóa, nhân văn sâu sắc của ông cha ta. Thực hiện chính sách nhất quán đó, hơn 73 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác dân tộc đã động viên được sức mạnh to lớn của đồng bào các dân tộc,

* Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương

Digitized by Google

góp phần vào sự nghiệp cách mạng vẻ vang của toàn dân tộc Việt Nam.

Vấn đề bình đẳng giữa các dân tộc là một trong những nguyên tắc cơ bản về chính sách dân tộc của Đảng. Bình đẳng dân tộc là quyền ngang nhau của mọi dân tộc trong tất cả các mặt của đời sống xã hội, được bảo đảm bằng pháp luật. Nội dung của quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện chủ yếu ở chỗ : *Các dân tộc đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ ; về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và cơ hội phát triển. Những công dân là người dân tộc thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để nhanh chóng tiến kịp trình độ chung.*

Đoàn kết các dân tộc là nguyên tắc nhất quán xuyên suốt quá trình hoạch định chính sách dân tộc của Đảng, nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, phát huy sức mạnh truyền thống và hiện đại ; sức mạnh tinh thần và vật chất ; tài nguyên, tiền vốn và đặc biệt là sức mạnh của con người. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc bao gồm đoàn kết trong Đảng, đoàn kết các tầng lớp nhân dân và đoàn kết quốc tế. Đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời đại ngày nay không chỉ dựa trên cơ sở thống nhất lợi ích chung là xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh mà còn phải biết phát huy các giá trị truyền thống quý báu của mỗi thành viên, của từng dân tộc, tạo thành sức mạnh tổng hợp. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một bộ phận của đường lối đổi mới, là thành quả của công cuộc đổi mới. Chính vì vậy, đại đoàn kết đã trở thành mục tiêu và động lực của tiến trình phát triển đất nước.

Tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc là thể hiện tính ưu việt trong chính sách dân tộc của Đảng ta. Nội dung tương trợ, giúp đỡ nhau bao hàm sự đoàn kết, tương trợ nhau giữa các dân tộc trong mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là trong tổ chức cuộc sống, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong đó, sự hỗ trợ của Nhà nước có vai trò rất quan trọng, nhằm tạo cơ hội cho các dân tộc phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội, nhanh chóng hòa nhập trong đại gia đình Việt Nam.

Giải quyết tốt công tác dân tộc ở nước ta hiện nay nhằm thực hiện thành công mục tiêu công nghiệp hóa hiện đại ở khu vực miền núi và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số là một sự nghiệp vẻ vang nhưng rất nặng nề. Sự nghiệp đó đòi hỏi toàn Đảng phải nâng cao nhận thức một cách sâu sắc và toàn diện nội dung vấn đề dân tộc và công tác dân tộc trong tình hình mới. Việc hoạch định kế hoạch, tăng cường đầu tư, lựa chọn giải pháp phát triển đối với từng vùng miền, địa phương, ngành... phải phù hợp và hiệu quả. Có như vậy mới có thể tạo ra cơ hội để khu vực miền núi và đồng bào các dân tộc thiểu số đẩy nhanh nhịp độ giảm đói nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vật chất và nguồn lực con người để tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những nội dung cơ bản trên đây là một thể thống nhất biện chứng của quá trình hoạch định chính sách dân tộc của Đảng trong thời kỳ mới. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ bảy (khóa IX) đã phân tích, đánh giá sâu sắc những thành tựu về công tác dân tộc, đồng thời, chỉ rõ những hạn chế, yếu kém và những nguyên nhân khách quan, chủ quan của công tác dân tộc nói chung và thực hiện chính sách dân tộc nói riêng. Trên cơ sở đó, khẳng định những quan điểm cơ bản, mục tiêu cụ thể đến năm 2010 và những nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách của công tác dân tộc trong thời kỳ mới ; xác

Digitized by Google

định rõ một số chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc. Hệ thống chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta được xây dựng và thực hiện là nhằm đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Những nội dung cụ thể của chính sách dân tộc được xác định gồm :

Một là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng, bảo đảm cho đồng bào các dân tộc khai thác thế mạnh của địa phương làm giàu cho mình và cho đất nước, tham gia tích cực vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xác lập quyền làm chủ về đất đai gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường sống của đồng bào các dân tộc thiểu số. Khắc phục cơ bản tình trạng tranh chấp đất đai và di cư tự do ở các vùng các dân tộc thiểu số hiện nay. Đổi mới cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế của từng vùng, phát triển cây trồng, vật nuôi có ưu thế theo hướng hàng hóa với những bước đi và quy mô phù hợp ; gắn sản xuất với chế biến và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào các dân tộc thiểu số. Đến năm 2010, các vùng dân tộc và miền núi cơ bản không còn hộ đói ; giảm hộ nghèo xuống dưới 10% ; giảm dần khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các dân tộc, các vùng ; trên 90% hộ dân có đủ điện, nước sinh hoạt ; xóa tình trạng nhà tạm bợ, nhà dột nát. Đổi mới cơ chế quản lý thích hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và miền núi nói riêng, thúc đẩy phát triển kinh tế hàng hóa làm chuyển biến cục diện kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc, miền núi. Đầu tư đồng bộ và có trọng điểm thông qua các chương trình, dự án vào các lĩnh vực và vùng quan trọng. Xây dựng kết cấu hạ tầng cho các vùng dân tộc, miền núi, trước hết là giao thông, thông tin liên lạc, năng lượng và các công trình thủy lợi. Phấn đấu 100% số xã có đường ô-tô đến trung tâm xã. Xóa dần số xã đặc biệt khó khăn ; hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư ; chấm dứt tình trạng di cư tự do ; giải quyết cơ bản vấn đề đất sản xuất cho nông dân thiếu đất ; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái.

Cùng với sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước, áp dụng các cơ chế thích hợp nhằm phát huy nội lực của đồng bào các dân tộc đóng góp vào sự nghiệp xây dựng quê hương giàu đẹp và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

***Hai là,** có chính sách ưu tiên đặc biệt phát triển giáo dục và đào tạo, coi trọng đào tạo cán bộ và đội ngũ trí thức cho các dân tộc thiểu số.*

Nâng cao trình độ dân trí, thực hiện hiệu quả chương trình xóa mù chữ và phổ cập giáo dục trung học cơ sở và các chương trình giáo dục miền núi, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo, nhất là hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú các cấp ; đẩy mạnh việc tổ chức các trường mẫu giáo công lập, mở rộng việc dạy chữ dân tộc. Đa dạng hóa và phát triển nhanh các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề ở vùng dân tộc ; đưa chương trình dạy nghề vào các trường dân tộc nội trú ; tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu tiên, cử tuyển con em đồng bào các dân tộc thiểu số vào học tại các trường đại học và cao đẳng ; mở thêm trường dự bị đại học dân tộc ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên. Có quy hoạch, kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở là người

Digitized by Google

dân tộc thiểu số tại chỗ có phẩm chất và năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Nghiên cứu tổ chức hệ thống trường chuyên đào tạo, bồi dưỡng trí thức và cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện chính sách ưu tiên, khuyến khích đối với cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi. Có chính sách với người có uy tín trong cộng đồng, kể cả một số chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản.

Ba là, *kế thừa và phát triển giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và của từng dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*

Tôn trọng, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Không ngừng nâng cao mọi điều kiện để đồng bào các dân tộc được hưởng thụ các thành tựu văn hóa tiên tiến của nhân loại, kế thừa những truyền thống văn hóa tốt đẹp, đồng thời bài trừ những tập tục lạc hậu cản trở sự tiến bộ của các dân tộc. Phấn đấu để 90% số đồng bào được xem truyền hình ; 100% được nghe đài phát thanh. Có chính sách đầu tư thích đáng cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, cho những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật dân tộc.

Bốn là, *quan tâm đặc biệt đến vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến trước đây ; tăng cường cơ sở khám chữa bệnh, cán bộ y tế cho các xã, thôn, ấp, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số ; khuyến khích trồng và sử dụng các loại thuốc dân gian ; từng bước ngăn chặn tình trạng suy giảm dân số, suy giảm đời sống của một số dân tộc thiểu số.*

Bằng việc ưu tiên đầu tư thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, y tế, giáo dục, văn hóa, dân số - kế hoạch hóa gia đình... từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc. Giải quyết kịp thời những nhu cầu bức xúc về đời sống, sinh hoạt cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới như nước sinh hoạt, các mặt hàng thiết yếu (dầu lửa, muối ăn, giấy, vở học sinh, thuốc chữa bệnh, dịch vụ văn hóa...). Đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn, bản, buôn, làng văn hóa.

Năm là, *xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi phải gắn chặt với chính sách an ninh - quốc phòng nhất là ở các địa bàn xung yếu, vùng sâu, biên giới ; ngăn chặn việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, làm mất ổn định xã hội.*

Các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng khó khăn về đời sống, trình độ dân trí thấp của đồng bào và những sai sót của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta để kích động, chia rẽ các dân tộc nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị - xã hội. Do đó, trong xây dựng chính sách dân tộc, phải xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, phát huy sức mạnh tại chỗ để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra *"điểm nóng"* về an ninh, trật tự xã hội ở vùng dân tộc và miền núi. Tiếp tục xây dựng, phát triển chính sách đối với các khu kinh tế kết hợp quốc phòng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Digitized by Google

Thông qua các chính sách, biện pháp cụ thể, động viên đồng bào các dân tộc phát huy nội lực, ý chí tự lực tự cường, tinh thần vươn lên trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng quốc phòng - an ninh vững mạnh, xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc chính là thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước - cơ sở phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tăng cường vận động quần chúng thực hiện chính sách dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay là rất quan trọng và cần thiết ; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đó *vai trò công tác dân vận của các lực lượng vũ trang, của quân đội là to lớn, vẻ vang và cũng là trách nhiệm nặng nề.* Nhiệm vụ trọng tâm của công tác vận động đồng bào các dân tộc thiểu số là làm cho đồng bào hiểu đúng và tự giác thực hiện tốt những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện quân với dân một ý chí. Cần nắm được diễn biến tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng và phong tục tập quán của đồng bào ; giải quyết tốt những vấn đề thực tiễn đặt ra phù hợp với đặc điểm của từng dân tộc, từng vùng, tránh tư tưởng chủ quan, áp đặt, máy móc, hình thức và cách làm không phù hợp. Kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang với các cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong tổ chức vận động đồng bào các dân tộc thực hiện tốt nhiệm vụ *xóa được đói, giảm được nghèo, ổn định và cải thiện đời sống, sức khỏe cho đồng bào các dân tộc ; nâng cao dân trí, tôn trọng và phát huy bản sắc tốt đẹp của các dân tộc ;* xây dựng cơ sở chính trị rộng khắp, vững mạnh ở các vùng dân tộc.

Coi trọng việc đổi mới nội dung và phương pháp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số ; quán triệt phương châm : *chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc ;* sử dụng nhiều hình thức vận động phù hợp với đặc thù của từng dân tộc, từng địa phương. Cán bộ, bộ đội công tác ở vùng dân tộc và miền núi phải thấm nhuần phong cách : *"Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân".* Lực lượng vũ trang làm dân vận không chỉ nhằm phát huy vai trò của bản thân lực lượng vũ trang đối với nhiệm vụ chiến lược của Đảng là thường xuyên củng cố, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, chính quyền với nhân dân mà chính thông qua công tác dân vận, lực lượng vũ trang nâng cao được ý thức, tình cảm phục vụ nhân dân, phát huy bản chất Bộ đội Cụ Hồ. Đây là trường học thực tế tốt nhất để rèn luyện bộ đội.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ bảy (khóa IX), chúng ta tin tưởng rằng, chính sách dân tộc của Đảng sẽ được thể chế hóa bằng pháp luật và kế hoạch nhà nước, bằng các chương trình hành động của các cấp, các ngành, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, biến Nghị quyết của Đảng thành hiện thực sinh động trong cuộc sống của đồng bào các dân tộc. Thông qua công tác vận động đồng bào các dân tộc đưa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với dân, làm cho đồng bào các dân tộc tin tưởng, phấn khởi gắn bó với Đảng, với chế độ, hăng hái tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. ❑

Digitized by Google

TUỔI TRẺ VIỆT NAM VỚI QUYẾT TÂM MỚI TRONG THỜI KỲ MỚI

HOÀNG BÌNH QUÂN*

NGHỊ quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã xác định mục tiêu đến năm 2020 là đưa nước ta cơ bản trở thành nước một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đây là một nhiệm vụ rất vinh quang nhưng cũng rất nặng nề mà tuổi trẻ sẽ là những người góp phần quan trọng biến mục tiêu trên đây thành hiện thực trong vòng 15 năm tới. Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh lần thứ VIII, cụ thể hóa một bước Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Những văn kiện được Đại hội thông qua và bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh với tuổi trẻ Việt Nam đã chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi trong thời kỳ cách mạng mới.

Tinh thần cơ bản xuyên suốt các văn kiện của Đại hội là bồi dưỡng, phát huy cao độ tiềm năng to lớn của thanh niên, bảo đảm vai trò xung kích, tinh thần tình nguyện của thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc, bền vững trên mọi mặt hoạt động của Đoàn và phong trào thanh niên trong những năm đầu thế kỷ, góp phần xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Giáo dục thanh, thiếu nhi theo lý tưởng của Đảng vừa là chức năng cơ bản, nhiệm vụ trọng tâm vừa là mục tiêu của công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi trong thời kỳ mới. Kiên trì thực hiện giáo dục toàn diện, trong đó chú trọng giáo dục chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên nhằm tạo sự giác ngộ cao và niềm tin vững chắc trong thanh niên là phương châm hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cả trong giai đoạn trước mắt cũng như về lâu dài. Trên tinh thần coi công tác xây dựng Đoàn là bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng, hướng mạnh về cơ sở, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII xác định *"chất lượng cơ sở là trọng tâm"*. Đây là định hướng chỉ đạo thường xuyên, là mục tiêu hướng tới của toàn hệ thống, nhất là của các cơ sở đoàn, là giải pháp thúc đẩy sự phát triển của tổ chức đoàn.

Đảng ta coi đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu chiến lược, là động lực quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thấm nhuần tư tưởng đó, Đại hội của những người cộng sản trẻ tuổi Việt Nam coi việc tăng cường, mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên là bộ phận quan trọng trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng.

Trong nhiều năm qua, các phong trào do Đoàn thanh niên khởi xướng được nhân rộng, đã có những cống hiến to lớn vào sự nghiệp

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

cách mạng của nhân dân ta. Trong thời kỳ cách mạng mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phong trào hành động của tuổi trẻ là môi trường để thanh niên thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình, là phương thức huy động tiềm năng to lớn, vai trò xung kích, tinh thần tình nguyện của thanh niện trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để Nghị quyết Đại hội Đoàn lần thứ VIII nhanh chóng đi vào cuộc sống của tuổi trẻ, các cấp bộ đoàn cần tích cực triển khai thực hiện các chương trình cụ thể, thiết thực.

Tăng cường công tác giáo dục của Đoàn nhằm nâng cao chất lượng chính trị của tổ chức đoàn và đoàn viên, thanh niên. Tổ chức tốt việc nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII trong toàn Đoàn gắn với việc xây dựng chương trình hành động của các cấp bộ đoàn. Đổi mới, nâng cao chất lượng học tập lý luận chính trị, chú trọng việc học lý luận cho đoàn viên mới, hội viên ; tổ chức rộng rãi các hình thức thi tìm hiểu, thi Ô-lym-pic lý luận chính trị theo lĩnh vực, khu vực từ cấp cơ sở. Truyền đạt kịp thời các nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên. Tăng cường công tác giáo dục truyền thống. Nhân kỷ niệm 113 năm Ngày sinh nhật của Bác Hồ, tổ chức đợt sinh hoạt chính trị tuổi trẻ Việt Nam với tư tưởng Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục pháp luật và ý thức công dân, ý thức quốc phòng toàn dân cho đoàn viên, thanh, thiếu niên. Tập trung củng cố đội ngũ cán bộ đoàn làm công tác tuyên truyền, giáo dục ; phát triển đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp cả về số lượng và chất lượng.

Hướng dẫn, vận động và tổ chức thanh niên xung kích, tình nguyện tham gia phát triển kinh tế - xã hội ; giữ vững quốc phòng, an ninh. Phát động trong toàn Đoàn phong trào thi đua học tập, xung kích đi đầu trong học tập, tiến quân vào khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ học tập thông qua phát triển các quỹ khuyến học, khuyến tài, các hình thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập. Các cơ sở đoàn hỗ trợ, cổ vũ đoàn viên, thanh niên thi đua học tập, nâng cao trình độ, tổ chức các hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ cho thanh niên, nhất là thanh niên nông thôn. Mở rộng và củng cố hệ thống các trung tâm dạy nghề của Đoàn, tăng cường các hoạt động tư vấn nghề nghiệp cho đoàn viên, thanh niên. Tiếp tục triển khai trong toàn Đoàn chương trình công nghệ thông tin và công nghệ sinh học. Triển khai phong trào thi đua lập nghiệp, lao động sáng tạo với năng suất lao động và chất lượng sản phẩm cao hơn. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ và khuyến khích thanh niên thi đua xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng. Tập trung đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, phát triển các mô hình câu lạc bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, các hình thức thi kiến thức nghề nông. Phát triển các trang trại trẻ, các làng thanh niên lập nghiệp, làng ngư nghiệp thanh niên ; chú trọng nghiên cứu nhân rộng mô hình hợp tác xã thanh niên, kinh tế hợp tác, các hình thức hợp tác trong thanh niên, các hình thức truyền nghề ở nông thôn. Đảm nhận các chương trình, dự án, các công trình, phần việc thanh niên tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường. Thi đua đề xuất sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất tạo nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh cao ; đi đầu trong cải cách hành chính, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào công tác quản lý, điều hành. Triển khai cuộc vận động sáng tạo trẻ trong thanh niên công nhân. Đề xướng giải pháp tập hợp và phát huy đội ngũ trí thức trẻ, vận động và tổ chức cho các trí thức trẻ xung kích trên các lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Digitized by Google

Đẩy phong trào *"Thanh niên tình nguyện"* lên bước phát triển mới, phấn đấu các cơ sở đoàn đều tổ chức được phong trào *"Thanh niên tình nguyện"*, duy trì thường xuyên các "ngày thứ bảy tình nguyện", "chủ nhật xanh" gắn với các hoạt động tình nguyện tại chỗ. Tổ chức các chiến dịch hè thanh niên tình nguyện với nội dung thiết thực, hiệu quả. Hằng năm, Đoàn Thanh niên chủ động đề xuất với Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp về các chương trình, dự án do Đoàn Thanh niên trực tiếp đảm nhận hoặc tham gia, nhất là các dự án ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn. Tiếp tục triển khai Dự án 2 100 cây cầu mới thay thế cầu khỉ ở đồng bằng sông Cửu Long ; Dự án đưa trí thức trẻ về nông thôn, miền núi, trước mắt là Dự án 1 000 trí thức trẻ tình nguyện ; Dự án xây dựng đảo thanh niên Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ ; Dự án đường Hồ Chí Minh. Xây dựng đề án phát huy vai trò của thanh niên tham gia phát triển các khu kinh tế quốc phòng. Phát triển lực lượng thanh niên xung phong, lập các đơn vị thanh niên xung phong mới ở những địa phương, đơn vị có điều kiện gắn với đảm nhận các chương trình, dự án tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nhất là tham gia xây dựng kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và tham gia xây dựng Thủy điện Sơn La. Tiếp tục phát triển phong trào *"Giành 3 đỉnh cao quyết thắng"* và cuộc vận động *"Thanh niên quân đội mẫu mực xây dựng chính quy"* trong thanh niên quân đội ; phong trào *"Hai thi đua, hai tình nguyện"* thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy công an nhân dân. Đẩy mạnh cuộc vận động *"Nghĩa tình biên giới, hải đảo"*. Phát huy vai trò của tổ chức đoàn và đoàn viên, thanh niên quân đội, công an trong hoạt động và xây dựng, củng cố tổ chức đoàn trên địa bàn đóng quân. Duy trì thường xuyên và có hiệu quả các hoạt động *"Đền ơn đáp nghĩa"*, *"Uống nước nhớ nguồn"*. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động và phát triển mô hình thanh niên xung kích bảo vệ biên cương. Đồng thời, đẩy mạnh phong trào *"Khỏe để lập nghiệp và giữ nước"*, các hoạt động về dân số, sức khỏe, môi trường và công tác nữ thanh niên.

Xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh ; mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên, xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh ; nâng cao chất lượng trình độ, khả năng của đội ngũ cán bộ. Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng cán bộ đoàn. Ngay từ đầu nhiệm kỳ xây dựng kế hoạch tuyển chọn, bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ ; chủ động tham mưu kế hoạch sử dụng và luân chuyển cán bộ. Ban Chấp hành Trung ương Đoàn sẽ xây dựng nghị quyết về công tác cán bộ đoàn trong thời kỳ mới và tham mưu xây dựng trình Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quy chế cán bộ đoàn. Thực hiện phân cấp trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Trung ương Đoàn ban hành bộ giáo trình bồi dưỡng cán bộ cơ sở và chỉ đạo trang bị tủ sách nghiệp vụ và kỹ năng công tác thanh niên, ưu tiên các tỉnh Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và miền núi phía Bắc. Các tỉnh, thành đoàn chỉ đạo trang bị bộ sách hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ sở.

Tiếp tục hoàn chỉnh và triển khai chương trình *"Rèn luyện đoàn viên"* trong thời kỳ mới, thực hiện quy định *"Mỗi đoàn viên gắn hoạt động của mình với hoạt động của tập thể thanh niên nơi sinh sống hoặc công tác, phụ trách ít nhất một thiếu nhi hoặc giúp đỡ một thanh niên ở địa bàn dân cư"*. Tiến hành khảo sát, đánh giá phân loại chất lượng đích thực cơ sở đoàn. Nắm chắc các cơ sở chưa có tổ chức đoàn, số cơ sở yếu, kém, trên cơ sở đó lập kế hoạch cụ thể, có biện pháp giải quyết dứt điểm những nơi chưa có tổ chức của Đoàn, của Hội, xây dựng tiến độ kiên quyết giải quyết yếu, kém. Đặc biệt chú trọng củng cố và phát triển cơ sở đoàn, hội ở khu vực có đông đồng bào tôn giáo, dân tộc thiểu số, doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Nâng cao nhận thức về trách

nhiệm của tổ chức đoàn và của cán bộ đoàn trong việc đoàn kết, tập hợp thanh niên thông qua xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam ; đưa nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng về tập hợp, đoàn kết thanh niên vào chương trình bồi dưỡng cán bộ đoàn. Quy hoạch bố trí đội ngũ cán bộ đoàn làm công tác của Hội, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn hiện nay. Tăng cường chỉ đạo xây dựng các chi hội, câu lạc bộ, đội nhóm trong các đối tượng thanh niên. Ban Chấp hành Trung ương Đoàn sẽ bàn và quyết định chủ trương công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên trong thời kỳ mới. Phát triển Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam.

Tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và đoàn thể nhân dân. Nâng cao nhận thức và chất lượng chính trị cho đoàn viên, thanh niên, đồng thời phát huy vai trò và trách nhiệm của thanh niên tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Tuyên truyền sâu rộng trong đoàn viên, thanh niên về Đảng Cộng sản Việt Nam, về cương lĩnh, đường lối của Đảng, về vai trò lãnh đạo của Đảng ; phát huy vai trò của đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên của cấp ủy, của Đoàn, của Hội Cựu chiến binh trong công tác tuyên truyền về Đảng. Tiến hành phân loại, lựa chọn chặt chẽ để giới thiệu đoàn viên ưu tú có chất lượng cho Đảng ; thường xuyên phối kết hợp với tổ chức đảng, chính quyền nơi đoàn viên ưu tú sinh hoạt, công tác trong việc theo dõi, bồi dưỡng giúp đỡ. Chủ động tích cực tham mưu cho Đảng và chính quyền về công tác thanh niên ; thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng và cung cấp nguồn cán bộ trẻ cho Đảng và các cấp chính quyền, đoàn thể.

Tăng cường công tác quốc tế thanh niên. Phát huy vai trò của tuổi trẻ Việt Nam đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới, góp phần tích cực nâng cao vị thế của tổ chức đoàn, của tuổi trẻ và nhân dân Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tổ chức thanh niên các nước láng giềng, bạn bè truyền thống. Tích cực tham gia các hoạt động của thanh niên ASEAN, tham gia có trách nhiệm vào các hoạt động của Liên đoàn Thanh niên dân chủ thế giới. Xây dựng các câu lạc bộ hữu nghị quốc tế thanh niên. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại. Tăng cường phối hợp với Ban cán sự Đảng ngoài nước, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài để đẩy mạnh công tác tập hợp thanh niên ngoài nước, củng cố, mở rộng tổ chức của Đoàn, của Hội ở nước ngoài.

Phát huy tốt vai trò của đoàn viên, thanh niên và tổ chức đoàn trong công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên nhi đồng, tạo môi trường xã hội lành mạnh, giúp các em học tập, rèn luyện và phát triển. Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai có hiệu quả cuộc vận động "Vì đàn em thân yêu" tại địa phương, đơn vị, chú ý trẻ em đặc biệt khó khăn, trẻ em nghèo. Phát động rộng rãi các hình thức vận động "Làm mới sách, báo cũ", "áo trắng tặng bạn" để ủng hộ các em thiếu niên nhi đồng vùng sâu, vùng xa... Tích cực đổi mới hình thức hoạt động của Đội và phong trào thiếu nhi. Nghiên cứu để bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp nội dung, hình thức phong trào "Nói lời hay, làm việc tốt, xứng đáng là con ngoan, trò giỏi, đội viên tốt, cháu ngoan Bác Hồ" đảm bảo thiết thực, hấp dẫn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Nâng cao trách nhiệm phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chăm lo xây dựng Đội vững mạnh với các biện pháp tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ phụ trách và chỉ huy Đội các cấp, ban hành chương trình "Rèn luyện phụ trách Đội". Tham mưu cho Đảng, chính quyền tiếp tục ban hành các chế độ, chính sách chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng và xây dựng Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. ❑

Digitized by Google

V.I. LÊ-NIN VỚI THANH NIÊN - cơ sở tư tưởng đổi mới công tác giáo dục thanh niên

TRẦN QUANG NHIẾP

CÁC nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học coi thanh niên là tầng lớp xã hội đang trong quá trình trưởng thành về chính trị, tư tưởng, đạo đức, thể chất, trí tuệ và tâm hồn ; thanh niên là bộ phận hợp thành các lực lượng cách mạng tiến bộ của xã hội. Vì vậy, giáo dục tinh thần cách mạng cho thanh niên là nhiệm vụ quan trọng, có tính chiến lược trong tiến trình cách mạng xã hội.

C. Mác cho rằng tương lai của giai cấp công nhân, cũng như tương lai của loài người hoàn toàn phụ thuộc vào sự nghiệp giáo dục thế hệ công nhân trẻ.

C. Mác và Ph. Ăng-ghen cũng chỉ rõ con đường giáo dục thanh niên là sự nghiệp vĩ đại của sản xuất xã hội. Nhưng nền sản xuất xã hội tư bản đã tha hóa con người. Dưới chủ nghĩa xã hội, lao động phục vụ sự nghiệp chung là điều kiện và môi trường để giáo dục cho cá nhân phát triển toàn diện. Hai ông cũng coi cuộc đấu tranh vì thắng lợi của cách mạng vô sản, vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản là con đường dẫn tới tự do hạnh phúc của thế hệ trẻ, dẫn tới việc giải quyết mọi vấn đề về xã hội và lứa tuổi của họ.

Phát triển sáng tạo những tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăng-ghen về thanh niên, V.I. Lê-nin đã xây dựng hệ thống quan điểm khoa học về giáo dục thanh niên trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

V.I. Lê-nin chỉ rõ, mọi vấn đề liên quan về mặt xã hội của thanh niên đều mang tính giai cấp, tính lịch sử cụ thể. Ngay trong thời kỳ xây dựng kế hoạch thành lập một đảng mác-xít ở Nga, V.I. Lê-nin đã chăm chú theo dõi sự thức tỉnh về tính chủ động xã hội của những người vô sản trẻ tuổi, của học sinh, sinh viên. V.I. Lê-nin đã đi đến xác nhận lạc quan rằng chính họ đã có nguyện vọng tha thiết, mạnh mẽ hướng tới những lý tưởng dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Trong tác phẩm "Sự khủng hoảng của chủ nghĩa men-sê-vích", V.I. Lê-nin viết : Phải chăng trong chúng ta, chính đảng của cách mạng, thanh niên chiếm đa số không phải là trái tự nhiên. Chúng ta là đảng của tương lai, mà tương lai lại thuộc về thanh niên ; chúng ta là đảng của những người đổi mới, vì sự đổi mới mà thanh niên luôn luôn ham thích hơn. Chúng ta là đảng của cuộc đấu tranh hy sinh xả thân chống lại những gì là mục nát cũ kỹ, mà thanh niên thì bao giờ cũng đi đầu trong cuộc đấu tranh hy sinh xả thân.

Digitized by Google

V.I. Lê-nin hiểu tinh tế những lợi ích chính đáng của tuổi trẻ. Người không bao giờ tuyệt đối hóa hoặc coi nhẹ lợi ích của thanh niên. V.I. Lê-nin cho rằng, việc quan tâm và thỏa mãn thật sự những lợi ích và nguyện vọng của thanh niên phụ thuộc vào tính chất của bản thân xã hội. Chủ nghĩa xã hội thủ tiêu những nguồn gốc áp bức người lao động, tạo điều kiện, phát triển đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân thì đồng thời cũng sẽ giải quyết vấn đề thanh niên - một bộ phận tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lê-nin cho rằng cơ sở của công tác giáo dục thanh niên là phải tuân theo nguyên tắc quán triệt nghiêm túc chủ nghĩa Mác, xây dựng thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản, xác lập quan điểm chính trị, quan điểm giai cấp đối với mọi hiện tượng xã hội. Học tập lý luận mác-xít không phải chỉ ở sách vở mà ngay trong cuộc sống, trong đấu tranh cách mạng.

Nguyên tắc chủ yếu nhất của V.I. Lê-nin về giáo dục thế hệ trẻ là thống nhất nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin với thực tiễn đấu tranh cách mạng. Người cho rằng chỉ có cuộc đấu tranh, nơi có những thước đo sức mạnh của thanh niên mới rèn luyện thanh niên soi sáng trí óc, rèn luyện ý chí, phát huy năng lực sáng tạo của thanh niên. Sự phát triển về chính trị - tư tưởng, đạo đức của thanh niên cũng được hình thành trong quá trình kết hợp học tập lý luận Mác - Lê-nin và đấu tranh cách mạng.

V.I. Lê-nin phê phán những quan điểm giáo dục không đúng đắn như ve vãn, thỏa hiệp hoặc khắt khe định kiến với thanh niên. Người yêu cầu phải giáo dục thanh niên theo tinh thần của tính đảng cao ; đồng thời chỉ rõ tính đảng là tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lê-nin rất chăm lo giáo dục thanh niên về chủ nghĩa quốc tế vô sản. Người phân tích chủ nghĩa yêu nước chân chính là cuộc đấu tranh toàn tâm toàn ý nhằm cải tạo đất nước theo hướng cách mạng, xây dựng chủ nghĩa cộng sản và thủ tiêu mọi hình thức áp bức. Trong cuộc đấu tranh vì lý tưởng của mình, người thanh niên cộng sản coi mình như là bộ phận của giai cấp vô sản thế giới, chiến đấu vì sự chiến thắng của chủ nghĩa cộng sản thế giới, chiến đấu để chiến thắng mọi cường quyền, bạo lực ; chiến thắng mọi đói nghèo, đau khổ. Do vậy phải giáo dục thanh niên theo tinh thần của chủ nghĩa xã hội vì tình anh em giữa các dân tộc.

Để giáo dục thanh niên một cách có hiệu quả theo những nội dung trên, V.I. Lê-nin cho rằng, chỉ có thể tiến hành trong các tổ chức thanh niên tự quản đầy sáng tạo với những hoạt động thiết thực và độc lập về mặt tổ chức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Xuất phát từ lợi ích đấu tranh giai cấp, dựa vào lợi ích và những đặc điểm lứa tuổi của thanh niên, V.I. Lê-nin cho rằng phải củng cố tính độc lập về tổ chức của thanh niên. Tính độc lập về tổ chức của thanh niên không phải là sự đối lập giữa các đảng cách mạng, giữa các tổ chức cách mạng với tổ chức Đoàn thanh niên. Trái lại nó tăng tính tự quản của thanh niên, năng lực sáng tạo của các hoạt động trẻ tuổi để thực sự trở thành lực lượng dự trữ của Đảng Cộng sản, là người trợ thủ đắc lực của Đảng. Vì thế, V.I. Lê-nin càng khẳng định Đoàn Thanh niên chỉ có thể hoạt động thắng lợi khi có sự lãnh đạo của Đảng. Đó là tính biện chứng trong hoạt động của tổ chức đoàn.

V.I. Lê-nin đặc biệt chú ý cách lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn. Người coi công tác lãnh đạo này không chỉ là một khoa học mà còn là một nghệ thuật. Người dạy phải lãnh đạo thanh niên "một cách khéo", phải tính

Digitized by Google

đến những đặc điểm và lợi ích của thanh niên. Đồng thời, Người cũng phê phán lối vuốt ve, mơn trớn, nịnh hót, làm ngơ trước những sai sót của thanh niên. Người cho rằng trong quan hệ với thanh niên phải có một trình độ sư phạm cao : Phải biết bình tĩnh phân biệt những sai sót của những người còn trẻ tuổi, những người mới lớn lên, những người đang trưởng thành. Cần có thái độ kiên nhẫn trước sai sót của thanh niên, giúp đỡ họ sửa chữa những sai sót đó chủ yếu bằng cách thuyết phục chứ không phải chỉ bằng biện pháp đấu tranh, hay những hình phạt.

Những tư tưởng của V.I. Lê-nin về giáo dục thanh niên đã tạo dựng một thực tế lịch sử vinh quang của Đoàn thanh niên cộng sản Liên Xô và Đoàn thanh niên cộng sản các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới nhiều năm trước đây. Đồng thời, những tư tưởng đó mãi mãi là cơ sở khoa học cho những hoạt động đầy sáng tạo của các tổ chức thanh niên tiến bộ trên thế giới ngày nay.

Cuộc sống không ngừng vận động và phát triển, nó đang đề ra cho Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh những yêu cầu nhiệm vụ mới. Sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước do Đảng ta khởi xướng đã đặt ra cho các tầng lớp nhân dân nước ta, trong đó có thanh niên những tư duy mới. Suốt gần 17 năm qua, bằng những hoạt động tích cực của mình, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã thể hiện là lực lượng xung kích cách mạng của Đảng là tổ chức có những đổi mới trong tập hợp vận động thanh niên trên mọi lĩnh vực. Những hoạt động đổi mới của thanh niên dưới sự lãnh đạo của Đảng được bắt nguồn từ cơ sở tư tưởng khoa học và cách mạng của V.I. Lê-nin được vận dụng một cách sáng tạo phù hợp vào thực tiễn sinh động, phong phú, phức tạp ở nước ta trong thời đại ngày nay thể hiện ở những điểm chính sau :

Một là, khi nghiên cứu và giáo dục thanh niên phải đặt họ trong sự vận động phát triển chung của hệ thống cơ cấu xã hội giai cấp. Bởi vì thanh niên là một bộ phận dân cư có nhiều đặc điểm rất cần được quan tâm và họ không hoàn toàn đồng nhất về mặt xã hội so với mọi bộ phận dân cư khác. Ngay mỗi tập thể thanh niên đã như một nhóm xã hội trong cơ cấu xã hội phức tạp như thanh niên công nhân, thanh niên nông thôn, thanh niên thành thị, thanh niên quân đội, thanh niên học sinh, thanh niên sinh viên... Trong từng nhóm nhỏ, lại có những đặc điểm, nhu cầu đòi hỏi khác nhau. Thanh niên là những nhóm xã hội phát triển rất năng động. Chúng ta phải có cách tiếp cận khoa học, phù hợp với từng nhóm xã hội như vậy. V.I. Lê-nin dạy không nên quá nhấn mạnh một đặc điểm nào khi tiếp cận với thanh niên. Đó là phương pháp duy tâm giống như những người xã hội dân chủ trước đây. Đồng thời cũng tránh sự đồng nhất, giản đơn khi tiếp cận và giáo dục thanh niên. Làm như vậy sẽ không dẫn tới một kết quả gì bởi vì không xuất phát từ yêu cầu của thanh niên, không giải quyết những nguyện vọng và lợi ích chính đáng cụ thể của thanh niên.

Hai là, phát huy sáng kiến và tính độc lập của thanh niên trong việc sử dụng hợp lý nghị lực của tuổi trẻ.

Thanh niên ham hiểu biết, thích cái mới, muốn thể nghiệm tài năng, muốn được khẳng định vai trò về mặt xã hội của bản thân.

Khác với các tổ chức và bộ máy Nhà nước, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là một tổ chức chính trị xã hội tự nguyện và có tính kỷ luật chặt chẽ. Toàn bộ công tác của Đoàn được xây dựng trên sự kết hợp lòng tin cậy lớn lao ở thanh niên và tính yêu cầu cao của việc thực hiện những nghị quyết và nhiệm vụ mà tổ chức đoàn đã thông qua. Đó là điều kiện quan trọng giáo dục thanh niên ý thức trách nhiệm cá nhân tự giác hòa nhập

vào cuộc sống một cách tích cực và sáng tạo. V.I. Lê-nin đã phê phán mọi biểu hiện xem nhẹ hoặc đánh giá thấp, coi thường thanh niên cũng như thái độ khoán trắng, vô trách nhiệm với thanh niên. Từ đó dẫn tới cách nhìn sai, thái độ đối xử không đúng đắn, thiếu công bằng, thiếu khoa học, hoài nghi, thiếu tin tưởng đối với thanh niên.

Ba là, tạo điều kiện để thanh niên tham gia dân chủ hóa đời sống xã hội, mở rộng dân chủ nội bộ và củng cố kỷ luật của Đoàn. Đây là quá trình tích cực hóa yếu tố con người thông qua các hoạt động của Đoàn. Mỗi thanh niên tự thấy mình làm chủ trên kinh nghiệm thực tế của bản thân.

Mở rộng dân chủ là động lực cho mọi hoạt động của tổ chức đoàn cũng như của toàn xã hội. V.I. Lê-nin chỉ rõ xã hội mạnh, Nhà nước mạnh là ở trình độ nhận thức và tự giác hoạt động của quần chúng.

Dân chủ hóa các hoạt động của thanh niên là phát huy nguồn nội lực của thế hệ trẻ, động viên họ, tạo cơ hội cho họ say mê học tập, làm chủ các tri thức để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đổi mới công tác giáo dục thanh niên kéo theo đổi mới tổ chức đoàn, đổi mới phương thức hoạt động của tổ chức đoàn và đổi mới công tác cán bộ đoàn ở các cấp.

Mở rộng dân chủ đi đôi với củng cố kỷ luật của Đoàn. Muốn vậy phải phát triển các hình thức tự quản của thanh niên theo nguyên tắc của Lê-nin. Xây dựng các tập thể lao động thanh niên, kiến nghị với Đảng, Quốc hội và Nhà nước xây dựng Luật Thanh niên ; có chính sách cụ thể với thanh niên ; đấu tranh chống bệnh quan liêu, hành chính, hình thức, mất dân chủ trong quản lý và sinh hoạt đoàn ; tạo điều kiện thuận lợi để thanh niên được học tập, lao động tham gia có hiệu quả vào quá trình quản lý xã hội, quản lý Nhà nước...

Trước hết sinh hoạt đoàn phải thực sự lành mạnh, công bằng, là nơi tin cậy của những người cộng sản trẻ tuổi. Họ tự thấy gắn bó, ham thích và tự nguyện tham gia sinh hoạt đoàn, mà không phải vì sự gượng ép nào. Sinh hoạt đoàn phải được tổ chức sao cho hiệu quả, bổ ích, có sức lôi cuốn, thu hút thanh niên không để họ hững hờ, lơ đãng với tổ chức đoàn và sinh hoạt đoàn.

Tổ chức đoàn là tập thể những người trẻ tuổi cùng lý tưởng, ở đấy họ sinh hoạt với nhau bằng sự tự giác, lẽ công bằng và không khí chính trị lành mạnh. Từ đó Đoàn thanh niên cộng sản mới trở thành lực lượng nòng cốt đấu tranh có hiệu quả với các hiện tượng tiêu cực, thiếu lành mạnh bất công trong xã hội. Thiếu không khí chính trị cởi mở đó, chúng ta không thể gò ép thanh niên để giáo dục. Không khí chính trị cởi mở kết hợp với niềm tin thực tế của những biến đổi trong đời sống xã hội sẽ là sức thuyết phục mạnh mẽ trong giáo dục thanh niên. Nhiều thanh niên ngày nay có văn hóa và khả năng nắm bắt, tiếp nhận nhiều nguồn thông tin, nhưng thiếu điều kiện phát huy khả năng của mình trong lao động, học tập, thiếu lòng tin vào việc xóa bỏ những tiêu cực, bất công để xây dựng những chuẩn mực đạo đức, công bằng, văn minh và tiến bộ của xã hội. Cho nên hiệu quả giáo dục của Đoàn, nhà trường còn thấp. Phải đổi mới từ nền tảng của công tác giáo dục thanh niên là xác lập niềm tin cộng sản với thanh niên. Thanh niên tự đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch nhằm lôi kéo thanh niên. Đối với thanh niên hiện nay, vấn đề lớn nhất và cốt lõi nhất là *giáo dục niềm tin về lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; niềm tin thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh với ý chí quyết không chịu để đất nước mình nghèo nàn, thua kém bạn bè trên thế giới.*

Digitized by Google

Bốn là, thực hiện nghĩa vụ và quyền lao động của thanh niên. Nước nào cũng vậy, thanh niên là lực lượng lao động trẻ đông đảo có sức khỏe có văn hóa. Nhưng ở nước ta hiện nay thực hiện nghĩa vụ và quyền được lao động, có công ăn việc làm với thanh niên quả không đơn giản. Hằng năm, chúng ta có hàng chục vạn thanh niên đến tuổi lao động không có việc làm. Giải quyết công ăn việc làm cho thanh niên là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Nếu chỉ để riêng tổ chức đoàn và cá nhân thanh niên thì không dễ dàng lo liệu được. Đoàn thanh niên cũng cần cùng với Đảng và Nhà nước tích cực tìm cách giải bài toán khó khăn này. Trong thời đại khoa học công nghệ phát triển và không ngừng đổi mới, vấn đề giải quyết việc làm có tính chiến lược phải bắt đầu từ đổi mới nội dung phương thức giáo dục đào tạo. Đổi mới công tác giáo dục đào tạo thanh niên phải được tính toán cơ bản, hệ thống, khoa học ở mọi cấp học hướng tới mục tiêu đào tạo lớp người lao động có trình độ và khả năng làm chủ khoa học và công nghệ hiện đại ; gắn chương trình nội dung giáo dục đào tạo với cuộc sống hằng ngày của thanh niên, đưa thanh niên vào các hoạt động lao động xã hội.

Giải quyết vấn đề lao động cho thanh niên nói riêng phải bắt đầu từ đổi mới tư duy về con người. Phải nhận thức sâu sắc về vai trò nhân tố con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Con người trong chủ nghĩa xã hội được đánh giá bằng số lượng và chất lượng lao động xã hội. Lao động của thanh niên có nội dung xã hội, mở mang trí tuệ, phát triển tài năng, mang lại lợi ích chân chính về vật chất, tinh thần cho cá nhân và tập thể sẽ là nguồn hứng thú cho thanh niên.

Không phải chỉ đáp ứng yêu cầu có việc làm thuần túy (dù hiện nay là cấp bách) mà phải làm cho lao động của thanh niên có hình thức phong phú và sáng tạo. Nhân cách của con người là sự biểu hiện cụ thể của cá nhân trong xã hội và được hình thành trong lao động, trong hoạt động xã hội. Vì vậy, giáo dục thanh niên không thể ngoài những hoạt động lao động xã hội của thanh niên. Trong điều kiện khó khăn phức tạp như hiện nay, chúng ta cần đổi mới cách nghĩ và cách làm nhằm thực hiện có hiệu quả nghĩa vụ và quyền lao động của thanh niên.

Năm là, chuẩn bị cho thanh niên trở thành người làm chủ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thanh niên là lực lượng lao động chủ yếu trong xã hội tương lai của đất nước, nên họ phải được chuẩn bị chu đáo về kiến thức, đủ khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong sản xuất. Muốn vậy phải tiến hành tốt nhiệm vụ học tập như V.I. Lê-nin dạy : Học, học nữa, học mãi. Học tập lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; học tập văn hóa, ngoại ngữ ; chuyên môn nghiệp vụ... để thanh niên đủ khả năng đáp ứng những yêu cầu trong sự nghiệp về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chủ động hội nhập quốc tế.

Muốn phát triển sản xuất theo chiều sâu, nâng cao năng suất lao động phải đổi mới công nghệ, phải đào tạo chuyên gia và công nhân lành nghề. Không phải bỗng dưng, chốc lát ta có được đội ngũ lao động theo yêu cầu như vậy. Rõ ràng, phải đào tạo thanh niên để chuẩn bị cho xã hội lực lượng lao động tài năng và sáng tạo. Trung thành với Di huấn của V.I. Lê-nin, thanh niên tiến bộ trên thế giới nói chung, thanh niên Việt Nam nói riêng đã thể hiện rõ lực lượng và khả năng của mình tham gia một cách có ý thức vào đời sống chính trị xã hội, chứng minh một cách hùng hồn những tư tưởng khoa học và cách mạng của V.I. Lê-nin về thanh niên và giáo dục thanh niên. ❑

Digitized by Google

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong điều kiện mở cửa, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

PHAN TRỌNG PHÚC*

Mở cửa, hội nhập kinh tế là quá trình tham gia của một nước vào phân công lao động quốc tế. Xét từ góc độ sản xuất hàng hóa, mở cửa, hội nhập kinh tế là quá trình phá bỏ tính chất tự cung, tự cấp, khép kín của một quốc gia, để mở rộng giao lưu kinh tế với các quốc gia khác. Từ thế kỷ XIX, C. Mác và Ph. Ăng-ghen khẳng định : "Đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới..."(1). Vậy, về thực chất, toàn cầu hóa là hệ quả của quá trình phát triển lực lượng sản xuất với tính chất xã hội hóa ngày càng mang tính toàn cầu, mà động lực và tiền đề của nó là sự tiến bộ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Cho dù toàn cầu hóa là quá trình phát triển chung của nhân loại, là một xu thế tất yếu, thì nó cũng như các thành tựu của khoa học, công nghệ, luôn chịu ảnh hưởng mạnh của các thể chế chính trị.

Thực tế mở cửa, hội nhập kinh tế từ giữa thế kỷ XX đã xuất hiện những thay đổi cơ bản. Hai hệ thống kinh tế - chính trị được hình thành, một bên là chủ nghĩa xã hội do Liên Xô đứng đầu, bên kia là chủ nghĩa tư bản do Mỹ đứng đầu. Sau khi Mỹ khởi xướng kế hoạch Mắc-san (năm 1948) để phục hồi kinh tế châu Âu, thì Tổ chức Hợp tác kinh tế châu Âu (OEEC) cũng ra đời (năm 1948) và liền sau đó (tháng 1-1949) các nước trong phe xã hội chủ nghĩa thành lập khối SEP (Hội đồng tương trợ kinh tế)... Sau sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Liên Xô, giải tán khối SEP, thì thế giới chỉ còn lại các tổ chức do các nước phương Tây khởi xướng.

Cùng với việc thành lập Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và sự ra đời của Tổ chức Thương mại quốc tế (ITO) (sau này chết yểu và thay vào đó là Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT), từ 1-1-1995 Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) kế tục GATT) tại Hội nghị tài chính của Liên hợp quốc họp ở Brét-tơn Út năm 1944, thì những ý tưởng lớn của Ken-dơ lúc còn sống đã thành hiện thực. Trong WB, số phiếu tỷ lệ thuận với số tiền đóng góp, trong khi đó Mỹ chiếm khoảng 17%, cao nhất thế giới. Ngoài ra còn phải kể đến trào lưu chủ nghĩa tự do mới tại Anh (nơi trước đây là khởi nguồn của tự do thương mại), mà nhân vật vận động tích cực nhất cho trào lưu này là cựu Thủ tướng Anh M. Thát-chơ.

Như vậy, trong nội dung của toàn cầu hóa sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, và đặc biệt là sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô tan rã, có cả chủ nghĩa tự do (thị trường tự do) và điều tiết - can thiệp của nhà nước theo trường phái Ken-dơ. Mặc dầu mục tiêu tự do hóa thương mại, tự do hóa dịch vụ, tự do hóa đầu tư, xóa bỏ mọi hàng rào thuế quan, mọi sự bảo hộ... được thừa nhận giữa các nước

---

(*) TS, Viện Đại học Mở Hà Nội

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 598

Digitized by Google

thành viên WTO (trong các tổ chức AFTA, APEC... cũng có chung những mục tiêu cơ bản như vậy, nhưng lịch trình và cách thức thực hiện có khác nhau), nhưng thực tế đã chỉ rõ, những nước ủng hộ rất mạnh thị trường tự do khi sản phẩm của họ có sức cạnh tranh mạnh, nhưng lại quay về "điều tiết" núp dưới mọi hình thức trá hình làm biến dạng thương mại để bảo vệ lợi ích quốc gia và sản xuất trong nước khi thấy tự do hóa không đem lại lợi lộc gì. Những gì các nước này chiếm ưu thế trong cạnh tranh thì quá trình tự do hóa diễn ra nhanh hơn, còn những gì bất lợi thì họ chần chừ, lẩn tránh dưới mọi thủ đoạn, làm biến dạng thương mại, trong đó Mỹ được coi là thủ phạm chính của nhiều vụ việc (chính sách nông nghiệp với các biến thu [2] là một thí dụ), đến mức có người đã phải thốt lên rằng "làm như tôi nói, đừng làm theo tôi làm". Sự kiện tăng thuế nhập khẩu thép, quy cho Việt Nam bán phá giá cá Basa trong khi lại quyết định bảo hộ 34 triệu USD cho ngành nuôi cá nheo do thiên tai và thời tiết khắc nghiệt... của chính quyền G. Bu-sơ mới đây lại thêm những bằng chứng về những nhận định trên.

Bởi vậy, các thể chế trong hệ thống kinh tế toàn cầu vừa thống nhất, vừa chứa đựng những mâu thuẫn gay gắt. Thống nhất trên những mục tiêu cơ bản, nhưng lại mâu thuẫn trên những hành động thực dụng, đặc biệt là giữa các nước công nghiệp phát triển. Các cuộc tranh chấp nổ ra ngày một tăng. Nếu khoảng thời gian từ năm 1947 đến 1980 trong tổng số 233 vụ tranh chấp, có khoảng 100 cuộc tranh chấp trong GATT liên quan đến nông nghiệp[3], chiếm 43% các tranh chấp được báo cáo, mà Mỹ và Cộng đồng châu Âu có liên quan với tư cách nguyên đơn và bị đơn 87 vụ (chiếm 87%), thì chỉ trong giai đoạn 1996 - 1998 Mỹ đã là một bên trong số 79 vụ tranh chấp, trong đó 49 vụ là nguyên đơn và 30 vụ là bị đơn.

Bên cạnh đó, tính chất hai mặt của mở cửa, hội nhập và toàn cầu hóa ngày càng bộc lộ rõ. Một mặt, càng đào sâu hố cách biệt giữa nước giàu và nước nghèo. Nếu những năm 60, các nước công nghiệp hóa chỉ giàu gấp ba lần các nước đang phát triển, thì nay tỷ lệ đó đã tăng vọt lên 74 lần. Với đà mở rộng thương mại toàn cầu trong 25 năm gần đây, mức thu nhập bình quân đầu người ở các nước phát triển tăng 71%, trong khi ở các nước nghèo chỉ tăng được 6%. Mặt khác, một quốc gia nào đó đứng ngoài tiến trình này cũng có nghĩa là tự cô lập mình với thế giới, kinh tế không những không phát triển, thậm chí còn ngày càng tụt hậu xa hơn. Trung Quốc là một quốc gia có hơn 1,3 tỉ người, là thị trường tiêu dùng chiếm hơn 1/5 dân số thế giới, mà vẫn kiên trì suốt mười mấy năm nay cốt để được gia nhập WTO, và đã thành công vào cuối năm 2001[4]. Các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, Nga, Đức... cũng không thể đứng riêng lẻ. Hiện nay, WTO đã có 144 nước thành viên, cộng với khoảng vài chục nước đang xếp hàng xin gia nhập (trong đó có Việt Nam).

Thực tế cho thấy, mở cửa, hội nhập và toàn cầu hóa chứa đựng cả thời cơ và thách thức. Thời cơ là ở chỗ, chỉ bằng con đường hội nhập mới có thể tiếp cận được với những thành tựu mới nhất về khoa học, công nghệ, và chỉ có thể bằng cách đó thì các nước nghèo và chậm phát triển mới có cơ hội để vươn lên, tránh được tụt hậu xa hơn, mà phần lớn các thành tựu ấy, cũng như một lực lượng vật chất khổng lồ của nhân loại, nằm trong số các nước giàu. Thách thức là ở chỗ, giá hàng hóa rẻ vì chủ yếu được xuất phát từ những quốc gia có nền kinh tế phát triển hơn, có năng suất lao động cao hơn, bóp chết các nền sản xuất non trẻ và lạc hậu trong nước... Nhưng, không hội nhập, đứng ngoài quá trình toàn cầu hóa thì sự thua thiệt còn lớn hơn.

---

(2) Hệ thống phức hợp các phụ thu nhập khẩu nhằm bảo đảm giá sản phẩm trên thị trường nội địa không thay đổi cho dù giá giao động trên thị trường thế giới

(3) Lĩnh vực chiếm ưu thế trong cơ cấu kinh tế của các nước đang phát triển và các nước nghèo

(4) Một nhà kinh tế ước tính việc gia nhập WTO Trung Quốc có khoảng 10 triệu nông dân mất việc làm do các hàng nông sản rẻ hơn thâm nhập, nhưng chung cuộc sẽ làm tăng GDP lên 3%, tăng gấp đôi ngoại thương và tạo thêm 10 triệu việc làm mới trong các lĩnh vực khác

Không còn sự lựa chọn nào khác, các nước nghèo và đang phát triển phải vừa hợp tác, vừa đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của mình.

Đành rằng, toàn cầu hóa kinh tế là xu thế tất yếu. Nhưng đặc thù của toàn cầu hóa kinh tế trong giai đoạn hiện nay là các thế lực tư bản chủ nghĩa lợi dụng xu thế phát triển khách quan này và bằng những ưu thế về vốn, công nghệ đang ráo riết thực hiện ý đồ biến quá trình toàn cầu hóa kinh tế thành quá trình thôn tính kinh tế và đô hộ kinh tế, tiến tới đô hộ về chính trị đối với thế giới. Bởi vậy, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã sáng suốt xác định chủ trương xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn liền với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, người Việt Nam đã tạo nên những giá trị vật chất và tinh thần mang đậm sắc thái Việt Nam, trước hết đó là nền độc lập dân tộc.

Độc lập dân tộc được giữ vững chính là nhờ dân tộc Việt Nam rất chăm lo xây dựng kinh tế. Không thể có độc lập dân tộc nếu không có một nền kinh tế độc lập, tự chủ. Lệ thuộc về kinh tế sẽ lệ thuộc về chính trị, và khi đã không độc lập về chính trị thì độc lập dân tộc cũng không còn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu một chân lý bất hủ : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" ; đồng thời Người cũng chỉ rõ độc lập, tự do mà người dân không được ấm no, hạnh phúc thì độc lập và tự do ấy cũng chẳng có nghĩa lý gì.

Muốn bảo đảm được định hướng xã hội chủ nghĩa thì phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Đây là mối quan hệ biện chứng. Bởi vì, muốn có thể tự mình lựa chọn mục tiêu phát triển, định hướng phát triển, tự mình xác định chủ trương, chính sách và lựa chọn mô hình phát triển thích hợp, không bị động và lệ thuộc vào bên ngoài, thì nhất thiết phải có một tiềm lực kinh tế đủ mạnh. Nhưng đồng thời muốn có tiềm lực kinh tế ngày càng mạnh thì lại phải sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện có và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài. Không có một chế độ chính trị nào thoát ly khỏi những cơ sở kinh tế. Cơ sở kinh tế càng hùng mạnh và vững chắc thì chế độ chính trị ấy càng bền lâu ; đồng thời, môi trường chính trị xã hội càng ổn định thì sự phát triển lại càng bền vững.

Nhiều quốc gia đeo đuổi mục tiêu trở thành giàu có cũng đã lựa chọn cho mình con đường riêng, nhưng trong quá trình thực hiện cũng không ít quốc gia không giữ được độc lập, tự chủ ; nên cuối cùng cũng chuốc lấy thất bại, nhất là để đất nước rơi vào tình trạng lệ thuộc nặng nề. Tuy nhiên, kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy tình trạng lệ thuộc cũng có "ba bảy đường", nhưng theo chúng tôi có ba vấn đề đáng lưu ý như sau :

- Lệ thuộc do vay nợ nhiều để phát triển, nhưng quá trình sử dụng kém hiệu quả dẫn đến mất khả năng trả nợ. Vay để đầu tư phát triển là công việc không thể thiếu của mỗi quốc gia. Tư bản nước ngoài không chỉ đơn thuần là tiền hay là vật chất, mà trong đó chứa đựng cả khoa học, công nghệ. Bởi vậy, muốn nền kinh tế tăng trưởng nhanh, thì bên cạnh việc huy động tối đa các nguồn lực trong nước, phải tạo môi trường thuận lợi, hấp dẫn để thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Nhưng vấn đề cốt yếu của vay nợ lại nằm ở khả năng trả nợ, mà khả năng này chỉ có thể có được khi các quốc gia vay nợ sử dụng hiệu quả và hợp lý các khoản vay làm cho chúng sinh sôi nảy nở.

- Để vay nợ, nhiều quốc gia đã đi đến chấp nhận các điều kiện của các chủ nợ, dần dần mất tính độc lập và tự chủ trong việc hoạch định chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước ; nên càng vay, càng nợ, càng lệ thuộc. Chẳng hạn, một số nước châu Phi cải tổ cơ cấu hướng mạnh vào xuất khẩu những nguyên liệu, khoáng sản và sản phẩm sơ chế cần cho các nước phương Tây gắn với các điều kiện vay và trả nợ ; trong khi đó, nhập khẩu lại thiên về những hàng hóa tiêu dùng xa xỉ chuyên phục vụ nhu cầu của giới thượng lưu trong nước, và hậu quả là cũng chính ở châu Phi, số người nghèo đói đang đứng hàng đầu thế giới cả về con số tuyệt đối và tương đối.

- Tình trạng "bong bóng xà phòng" trong cơ

Digitized by Google

cấu tăng trưởng, nhiều quốc gia tạo lập cơ cấu kinh tế quá thiên về xuất khẩu, coi nhẹ thị trường trong nước. Đến khi có biến động trên thị trường thế giới là nền kinh tế trong nước lao đao, thậm chí rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Do đó, muốn phát triển bền vững, bên cạnh sự chăm lo về môi trường, xã hội, về mặt kinh tế thì nền sản xuất phải đi, phải bám trụ được bằng hai chân : thị trường trong nước và thị trường ngoài nước.

Chủ nợ lớn nhất hiện nay là IMF, nhưng tổ chức này cũng bị nhiều người chỉ trích, cho là một "thầy lang tồi", đặc biệt trong việc đặt điều kiện "cải cách cơ cấu" với các khoản cho vay đối với các nước nghèo. Chính bản thân các số liệu tổng kết của IMF cũng nói lên rằng, những điều chỉ trích trên là có lý. Chẳng hạn, những nước không theo chương trình cải tổ cơ cấu lại đạt được những thành tựu khả quan hơn (xem bảng 1).

Bảng 1: So sánh giữa nhóm nước theo và không theo "đơn thuốc" của IMF (5)

	Theo	Không theo
- Mức tăng trưởng GDP	0%	1%
- Tỷ lệ tiết kiệm	10%	17%
- Tỷ lệ xuất khẩu để trả nợ	26%	16%

Trong cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á cuối thế kỷ XX, nhiều nhà bình luận(6) cho rằng, IMF đã kê đơn cho cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở Thái Lan bằng phương thuốc khắc phục bệnh hoang phí của khu vực công, trong lúc hoang phí lại bắt nguồn từ khu vực tư nhân... do nạn vay nợ quá nhiều, sử dụng kém hiệu quả gây nên lệ thuộc về tài chính quá nặng ; và rằng, đây (cuộc khủng hoảng châu Á) không hề còn là châu Á chút nào nữa mà đã trở thành một cuộc khủng hoảng toàn cầu. Và căn bệnh chung là khu vực tư nhân bị phụ thuộc vào tài chính nước ngoài ngày một nhiều hơn, một căn bệnh được sinh ra do tự do hóa vốn quá nhanh và sự bành trướng không kìm hãm nổi của các luồng tài chính toàn cầu.

Cuộc khủng hoảng ở Ác-hen-ti-na vào năm đầu của thế kỷ XXI, một lần nữa lại làm cho người ta phải suy nghĩ đến vấn đề vay nợ nước ngoài của các nền kinh tế phụ thuộc và lệ thuộc về đường lối, chính sách phát triển kinh tế. Đã có nhận xét thẳng thắn rằng, trách nhiệm của Chính phủ Ác-hen-ti-na trong cuộc khủng hoảng sâu sắc này cũng giống như tất cả các chính phủ khác đang áp dụng chủ nghĩa tự do mới là ở chỗ, họ đã thực hiện không sai một ly các phương thuốc điều chỉnh cơ cấu mà IMF thường quen áp đặt, như cắt giảm chi phí xã hội và trầm trọng hơn là giảm lương của người lao động (7)... Các nhà phân tích của Ê-cu-a-đo thì đi đến kết luận rằng, qua sự kiện ở Ác-hen-ti-na lại càng củng cố một nguyên lý bất di bất dịch : "Một nước chỉ được tiêu những gì sản xuất ra và không được vay những khoản nợ không thể trả nổi"(8).

Từ những phân tích trên đây chúng ta thấy rằng, muốn xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đồng thời hội nhập thành công về kinh tế với khu vực và thế giới, thì nền kinh tế phải có tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng phải không ngừng được nâng lên. Khi đã có đủ sức cạnh tranh với thế giới, thì việc mở cửa sẽ thu hẹp thách thức, mở rộng thời cơ. Nhưng trước mắt, đối với nền kinh tế Việt Nam đang nổi lên mấy vấn đề và hướng giải quyết, như sau :

***Một là,** muốn có nền kinh tế mạnh phải có những doanh nghiệp mạnh, có nhiều sản phẩm đủ sức cạnh tranh với hàng hóa của thế giới.*

Doanh nghiệp chỉ có thể có môi trường để vươn lên liên tục khi được tranh đua bình đẳng

(5) Xem : Tạp chí *Thông tin lý luận*, số 12-2000, tr 54

(6) Xem : N. Bun-lát : *Thuần dưỡng những con hổ / IMF và cuộc khủng hoảng châu Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 18, 106, 102 và 129

(7) Theo báo *La Prensa* (Pa-na-ma), ngày 23-12-2001

(8) Báo *Thương mại* của E-cu-a-đo, ngày 25-12-2001

Digitized by Google

với nhau trong một môi trường cạnh tranh bình đẳng, tựa hồ như những vận động viên thể thao chạy đua trên cùng một đường đua, ai nhanh hơn người đó sẽ thắng. Trong khi đó, nền kinh tế Việt Nam lại đang có sự khác biệt giữa quốc doanh với dân doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Rút cục, chuẩn mực về hiệu quả và năng lực cạnh tranh nhiều lúc không rõ ràng, người về đích chưa hẳn đã là người chạy nhanh nhất do môi trường cạnh tranh chưa thật sự bình đẳng. Cụ thể như, tình trạng giá "đầu vào" một số dịch vụ cơ bản cũng đang bị phân biệt làm cho môi trường cạnh tranh về chi phí sản xuất và giá cả không đồng nhất, thiếu bình đẳng. Giải pháp chuyển đổi các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, các doanh nghiệp của các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Nghị định 63/CP, ngày 14-10-2001, của Chính phủ) chịu sự điều tiết của Luật Doanh nghiệp là một hướng đi đúng để từng bước thiết lập môi trường cạnh tranh bình đẳng.

Hai là, *chủ động thu hút vốn đầu tư nước ngoài phải đi đôi với việc sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn đầu tư.*

Có thể nói rằng, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư có một phần đáng kể, nếu không nói là quyết định, tùy thuộc vào các doanh nghiệp. Chừng nào các doanh nghiệp còn chưa có đầy đủ các quyền quyết định đối với việc sử dụng tài sản của mình, chừng nào Nhà nước còn can thiệp dưới nhiều hình thức để điều chuyển vốn, tài sản, can thiệp vào quyết định cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản doanh nghiệp, thì cơ chế trách nhiệm cá nhân, cơ chế tài chính chưa đủ chặt chẽ và nghiêm minh để hạn chế tiêu cực. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả (ước khoảng 31% số doanh nghiệp), nhưng vẫn được Nhà nước nâng đỡ cho tồn tại, thậm chí còn xóa nợ, khoanh nợ, đảo nợ, treo nợ, hoặc tiếp tục cho hưởng nhiều hình thức bao cấp. Trên thực tế, trách nhiệm trước việc sử dụng vốn vay là thuộc về doanh nghiệp, nhưng bằng nhiều cách, nhiều thủ thuật lại chuyển giao cho Nhà nước chịu trách nhiệm. Cho nên, sự không công bằng cũng xuất hiện ngay trong số các doanh nghiệp nhà nước, giữa doanh nghiệp làm ăn giỏi với doanh nghiệp làm ăn kém và thua lỗ. Trong môi trường ấy, động lực cho sự phát triển chẳng những không được nhân lên mà thậm chí còn có thể bị triệt tiêu.

Ba là, *xây dựng môi trường tiết kiệm, kiên quyết xóa bỏ cơ chế "xin - cho", cơ chế lãng phí trong đời sống kinh tế.*

Thực tế qua các vụ việc về gian lận thương mại, tệ nạn mua bán, chi tiêu, biếu xén tùy tiện bằng tài chính công, "hoa hồng"... chứng tỏ kỷ luật thu, chi tài chính đang còn nhiều kẽ hở. Chúng ta đã chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường, nhưng tàn dư của cơ chế tổng sản lượng [9] thời kỳ kế hoạch hóa tập trung vẫn còn nặng và có nhiều biến thể rất nguy hiểm. Cụ thể là, cơ chế đấu thầu biến thành "đấu giá" đơn thuần, hơn thế nữa là sự "đi đêm" móc ngoặc đã gây nhiều hậu quả tiêu cực trong đời sống kinh tế - xã hội. Xu hướng càng to, càng đắt càng dễ được chấp nhận giữa các bên : chủ đầu tư - bên A - bên B, vì có "hoa hồng" lớn vẫn còn tồn tại...

Thiết nghĩ, nếu có cơ chế đủ hiệu lực để siết chặt kỷ luật thu - chi tài chính công, không để một đồng chi sai nguyên tắc có thể được quyết toán ; có cơ chế thi thố tài năng thông qua cơ chế đấu thầu nghiêm ngặt... thì có thể không nhất thiết phải hô hào nhiều, mà đất nước vẫn tiết kiệm được hàng nghìn tỉ đồng mỗi năm để đầu tư tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ngoài ra, công tác thanh tra, kiểm tra kỷ luật tài chính phải được làm thường xuyên, thành chế độ thì mới chấn chỉnh được công tác thực hành tiết kiệm chi tiêu đúng nguyên tắc, chống lãng phí, chống tham nhũng.❑

(9) Một cơ chế mà định mức quỹ tiền lương luôn luôn được tính tỷ lệ thuận với tổng sản lượng, nên không có động lực để tiết kiệm, vì nó có tác dụng làm giảm tổng sản lượng và từ đó giảm quỹ tiền lương

Digitized by Google

Thực tế và sự vu cáo

THANH AN

CÁCH đây hơn một năm, từ ngày 8 đến ngày 16-5-2002, Đoàn đại biểu các chức sắc cao cấp tôn giáo Việt Nam đại diện cho ba tôn giáo lớn ở Việt Nam là Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Công giáo Việt Nam và Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) đã đi thăm và làm việc tại thành phố Niu Oóc và thủ đô Oa-sinh-tơn của Mỹ theo lời mời của Tổng bộ Giáo hội và Hiệp hội Hội thánh Tin lành Giám lý hiệp nhất Mỹ (GBCS). Trong thời gian trên, Đoàn công tác tôn giáo Chính phủ bao gồm đại diện của Ban Tôn giáo Chính phủ, Bộ Ngoại giao và Văn phòng Chính phủ đã tham gia các hoạt động song phương cùng với Đoàn đại biểu các chức sắc cao cấp tôn giáo Việt Nam.

Tại Niu Oóc, hai đoàn đã có các cuộc gặp và làm việc với Tổng thư ký Hội đồng Quốc gia các nhà thờ tại Mỹ, Tổ chức Nhà thờ thế giới, Đoàn Mục sư Liên hợp quốc, Đoàn Tổng bộ các nhà thờ và Tổng bộ GBCS, và đại diện của một số tổ chức tôn giáo và tổ chức phi chính phủ hoạt động nhân đạo tại Liên hợp quốc. Tại Oa-sinh-tơn, hai đoàn đã có các cuộc trao đổi, tiếp xúc với các vị lãnh đạo của Nhà thờ Giám lý hiệp nhất và Hiệp hội Tin lành quốc gia Mỹ ; gặp và làm việc với Cố vấn đặc biệt của Tổng thống Mỹ về tôn giáo, Giám đốc điều hành Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Mỹ, Đại sứ lưu động về tôn giáo của Bộ Ngoại giao Mỹ, một số nghị sĩ và trợ lý nghị sĩ của Quốc hội Mỹ.

Các đại biểu của cả hai đoàn đại biểu nước ta đã trao đổi với các đối tượng nói trên một cách thẳng thắn, cởi mở và xây dựng về các vấn đề liên quan đến tôn giáo và các hoạt động tôn giáo ở Việt Nam. Các chức sắc cao cấp tôn giáo Việt Nam đã nói cho các bạn Mỹ hiểu rõ về chính sách tự do tôn giáo, về sự phát triển của từng tôn giáo trong sự hài hòa giữa cộng đồng các tôn giáo, giữa những người theo và không theo tôn giáo, giữa tôn giáo và Chính phủ... ở Việt Nam. Các vị lãnh đạo của các tôn giáo ở Việt Nam đã chứng minh về sự quan tâm của Chính phủ Việt Nam đối với các tôn giáo cũng như sự tự do tôn giáo ở Việt Nam ; đồng thời, bác bỏ những luận điệu vu cáo Việt Nam vi phạm tự do tôn giáo, vi phạm nhân quyền trong cái gọi là "Đạo luật Nhân quyền Việt Nam" mà Hạ viện Mỹ đã thông qua...

Qua các cuộc làm việc và tiếp xúc, phía Mỹ đã hiểu rõ hơn chính sách tự do tôn giáo của Nhà nước ta cũng như tình hình hoạt động của các tôn giáo ở nước ta, kể cả một số nhân vật tôn giáo cụ thể mà dư luận Mỹ quan tâm. Hạ nghị sĩ E. Hi-li-át cho rằng, Đoàn chức sắc cao cấp tôn giáo Việt Nam đã cho phía Mỹ thấy được sự đa dạng và hòa hợp của các tôn giáo ở Việt Nam. Đại sứ lưu động về tôn giáo của Bộ Ngoại giao Mỹ hoàn toàn

Digitized by Google

thừa nhận những phát triển quan trọng về tự do tôn giáo ở Việt Nam trong những năm qua. Đại diện của một số tổ chức tôn giáo và tổ chức phi chính phủ hoạt động nhân đạo tại Liên hợp quốc và đại diện của Tổ chức Tôn giáo vì hòa bình nêu rõ, sự có mặt của các chức sắc cao cấp thuộc ba tôn giáo lớn của Việt Nam tại các diễn đàn ở Mỹ là một biểu hiện sinh động của tự do tôn giáo và sự hài hòa giữa các tôn giáo ở Việt Nam. Có vị đã thừa nhận những sự hiểu lầm hoặc thiếu chính xác trong các báo cáo của Mỹ và Liên hợp quốc về tự do tôn giáo và nhân quyền ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trên thực tế, chuyến đi của hai đoàn đại biểu Việt Nam đã góp phần tăng cường sự hiểu biết và ủng hộ Việt Nam từ phía nhân dân Mỹ và giới tôn giáo Mỹ. Tuy chính giới Mỹ không có những phản ứng chính thức, rõ rệt nhưng cũng không thể phủ nhận một sự thật rõ ràng về sự tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Qua chuyến thăm này, chúng ta nhận thấy nhiều quan chức chính phủ, các chính trị gia, các tổ chức tôn giáo... của Mỹ đã dựa trên các báo cáo hoặc nghe dư luận từ phía Mỹ nên đã không hiểu nhiều, hiểu đúng về Việt Nam. Do đó, họ thường có những thắc mắc liên quan đến chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam, đến tự do tôn giáo và sinh hoạt tôn giáo ở Việt Nam. Ý kiến phát biểu của các chức sắc cao cấp tôn giáo Việt Nam ngay trên nước Mỹ là minh chứng hùng hồn về tình hình tôn giáo ở Việt Nam. Linh mục Đinh Châu Trân, nguyên Bề trên giám tỉnh dòng Đa Minh ở Việt Nam đã nêu khá nhiều dẫn chứng về việc phát triển số lượng linh mục ; tình hình đào tạo linh mục trong 6 đại chủng viện ; việc xây mới hoặc tu sửa hàng trăm ngôi nhà thờ trên toàn quốc ; các buổi lễ lớn quy tụ hàng vạn tín hữu ; việc du học của các linh mục, tu sĩ gặp thuận lợi hơn so với trước năm 1975 ; số lượng tham dự đông đảo của giáo dân trong các thánh lễ vào ngày thường và chủ nhật... Mục sư Phạm Xuân Thiều, Hội trưởng Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) nói với các mục sư Mỹ rằng, số người theo đạo Tin Lành kể từ năm 1975 đến nay bằng toàn bộ số tín đồ đạo Tin Lành từ năm 1911 đến năm 1975. Thượng tọa Đào Như, Chủ tịch Hội Đoàn kết sư sãi Khơ Me yêu nước tỉnh Cần Thơ, Phó Trưởng Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Cần Thơ khẳng định, dân tộc thiểu số Khơ Me (ở Nam Bộ) được đối xử công bằng khi tham gia những khóa học tôn giáo...

Sau khi nghe Đoàn các chức sắc cao cấp tôn giáo Việt Nam thông báo tình hình tôn giáo ở Việt Nam, nhiều đại diện của các tổ chức tôn giáo ở Mỹ đã thể hiện sự hiểu biết và thông cảm. Ông L. Tơ-níp-sít, mục sư của Giáo hội Giám lý hiệp nhất, giải thích : Một trong những vấn đề đặt ra là những người ngoài cuộc đang tiếp tục tạo ra căng thẳng giữa các cộng đồng tôn giáo với chính quyền. Ông nhấn mạnh : "Rõ ràng là có tự do tôn giáo ở Việt Nam". Còn Mục sư R. Mắc Cu-láph, Trưởng Điều hành Giáo hội Giám lý hiệp nhất, khi đến thăm Việt Nam vào năm 2001 đã ca ngợi sự hợp tác giữa chính quyền và các cộng đồng tôn giáo ở Việt Nam.

Mọi người đều biết, nhiều tổ chức và cá nhân nước ngoài ở Việt Nam không lạ gì tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam, bởi vì họ đã trực tiếp chứng kiến, thậm chí chứng kiến nhiều lần, tất cả những gì mà họ quan tâm. Họ nhận thấy các lễ hội nói chung và các lễ hội tôn giáo nói riêng diễn ra sầm uất. Đó là một thực tế sống động mà qua đó, họ có nhận xét tốt về tình hình tôn giáo ở Việt Nam. Hằng năm, Lễ hội La Vang (Quảng Trị) thu hút khoảng 200 000 tín đồ, Lễ hội của Phật giáo Hòa Hảo (An Giang) có khoảng trên 300 000 tín đồ, Lễ Khai đạo tại Tòa thánh Cao Đài Tây Ninh có khoảng 200 000 tín đồ... Lễ Nô-en của Công giáo hay Lễ Phật đản của

Digitized by Google

Phật giáo ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương khác được tổ chức trọng thể, diễn ra sôi nổi, với sự tham dự của đông đảo chức sắc và tín đồ.

Xin nói thêm, ngày 20-2-2002, Đoàn Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Mỹ gồm 4 thành viên do Giáo sư sử học Ph.Ca-dem-da-déc làm Trưởng đoàn và Giám đốc điều hành Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Mỹ Pha-lân cùng Đại sứ Mỹ tại Việt Nam đã làm việc với lãnh đạo của 8 bộ, ban, ngành của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và 4 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ; với lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Công giáo Việt Nam, Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), Tổng hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) và Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo. Đoàn đã đi từ Hà Nội, qua Huế, vào Thành phố Hồ Chí Minh rồi xuống An Giang, tận mắt chứng kiến rất nhiều điều tích cực về tự do tôn giáo ở Việt Nam. Ngày 18-4-2002, ông Ph.Ca-dem-da-déc, Ủy viên Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Mỹ, sau chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam về, đã gửi thư cho ông Lê Quang Vịnh (nguyên Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ). Bức thư có đoạn viết : "... Mặc dù thời gian ở thăm rất ngắn, nhưng chúng tôi đã biết được nhiều về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam. Thảo luận với ngài và các đồng sự của ngài đã giúp chúng tôi hiểu rõ hơn tình hình này. Sự trao đổi của ngài về những quy định mới đối với công việc tôn giáo là rất có ích...".

Thế nhưng, vừa qua, ngày 13-5-2003, Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Mỹ lại đưa ra cái gọi là Báo cáo hằng năm về tình hình tự do tôn giáo ở một số nước trên thế giới trong thời gian từ ngày 1-5-2002 đến ngày 1-5-2003. Trong phần đề cập đến Việt Nam, Ủy ban Tự do Tôn giáo quốc tế Mỹ nhận xét : "Tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam xấu đi". Tiếp đó, Ủy ban này khuyến nghị Bộ Ngoại giao Mỹ đưa Việt Nam vào danh sách "các nước đặc biệt quan tâm" và đề nghị Quốc hội Mỹ thông qua cái gọi là "Đạo luật Nhân quyền Việt Nam năm 2003". Đáng tiếc, ngày 15-5-2003, Nghị viện châu Âu, trước sức ép của phái hữu, đã phụ họa cho việc làm trên và thông qua cái gọi là "Nghị quyết về nhân quyền ở Việt Nam" với nội dung và lời lẽ hoàn toàn sai sự thật, như : "những cuộc bắt bớ không ngừng", "bóp nghẹt tự do ngôn luận, tự do tôn giáo", "đàn áp tôn giáo" ; rồi họ đòi "trả tự do" cho Hòa thượng Huyền Quang, đòi Chính phủ Việt Nam thừa nhận "Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất", "Tin Lành Đề Ga" ở Tây Nguyên... Ngay sau đó, Tổ chức Ân xá quốc tế đã công bố bản báo cáo hàng năm, trong đó cũng xuyên tạc tình hình nhân quyền ở Việt Nam. Thật là kẻ đánh trống, người khua chiêng, đua nhau vu cáo trắng trợn "Việt Nam vi phạm nhân quyền, đàn áp tôn giáo". Không phải ai khác, chính các chính khách Mỹ, sau khi chứng kiến sự thật ở Việt Nam, đã lên tiếng bác bỏ sự xuyên tạc thô bạo tình hình tôn giáo và nhân quyền ở Việt Nam. Ngày 29-5-2003, tờ Thời báo Oa-sinh-tơn (Mỹ) đăng bài phỏng vấn của phóng viên báo này với Hạ nghị sĩ Rô-bớt R. Si-mon (Đảng Cộng hòa), người từng tham gia chiến tranh ở Việt Nam và vừa thăm Việt Nam trở về. Trong bài phỏng vấn, vị Hạ nghị sĩ này thừa nhận, những thay đổi nhanh chóng ở Việt Nam đã làm cho ông thay đổi cách nhìn về đất nước và con người Việt Nam. Trước đây, ông là một trong những hạ nghị sĩ Mỹ tích cực ủng hộ cái gọi là "Dự luật Nhân quyền Việt Nam", nhưng sau khi được chứng kiến những gì ở Việt Nam trong chuyến đi lần thứ ba vừa qua, ông sẽ bỏ phiếu chống lại dự luật này, thậm chí sẽ tranh luận với những hạ nghị sĩ bảo trợ cho dự luật. Trong chuyến thăm và làm việc tại Mỹ của

Digitized by Google

Đoàn đại biểu nước ta do Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao Nguyễn Đình Bin dẫn đầu từ ngày 5 đến ngày 7-6-2003, phía Mỹ khẳng định lại rằng, Chính phủ Mỹ không đồng tình với cái gọi là "Dự luật Nhân quyền Việt Nam".

Có thể thấy, qua các báo cáo, người ta cố ý đưa ra các thông tin nhằm tập trung thổi phồng những hiện tượng đơn lẻ mà không thấy hết được bức tranh toàn cảnh về tự do tôn giáo ở Việt Nam, như : giáo sĩ được đào tạo ở trong nước và ngoài nước ngày càng tăng ; cả nước có hơn 22 000 cơ sở thờ tự khang trang, lộng lẫy ; kinh sách được xuất bản ngày càng nhiều... Họ cố tình không nhận thấy chính sách tôn giáo của chúng ta ngày càng phù hợp với nguyện vọng chính đáng của tín đồ, tạo sự yên tâm, phấn khởi trong tín đồ và giới chức sắc của các tôn giáo. Đảng và Nhà nước ta đã và đang thể hiện rõ quyết tâm đẩy mạnh công tác quản lý tôn giáo bằng pháp luật, tôn trọng và không can thiệp vào các hoạt động tôn giáo bình thường cũng như công việc nội bộ của các tôn giáo. Tại Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Đảng ta đã công khai, thẳng thắn đánh giá rằng, ở một số địa phương, cấp ủy, chính quyền và cán bộ làm công tác tôn giáo chưa nhận thức, quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo, cho nên chưa làm tốt việc hướng dẫn, vận động tín đồ và chức sắc tôn giáo thực hiện các chủ trương, chính sách đó. Có nơi, có lúc, chúng ta còn chủ quan, nóng vội, giản đơn trong giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến tôn giáo. Theo luật pháp của nước ta, nếu cán bộ, nhân viên nhà nước mắc sai phạm trong việc thực hiện chính sách tôn giáo thì sẽ bị xử lý trước pháp luật. Nhìn tổng thể, rõ ràng việc thực hiện chính sách tôn giáo trên cả nước là rất tốt ; chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta luôn luôn rõ ràng, nhất quán.

Dân tộc Việt Nam đã phải chịu nhiều đau thương mất mát trong các cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước, giành quyền tự do, dân chủ, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng. Do vậy, Nhà nước Việt Nam không bao giờ công nhận những tổ chức mang danh nghĩa là tôn giáo nhưng hoạt động vì những mục đích khác nhằm phá hoại độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, gây chia rẽ quần chúng với chính quyền, chia rẽ giữa các tôn giáo, gây bạo loạn và làm phương hại đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc tính mạng, tài sản, sức khỏe của nhân dân. Chẳng hạn, Tin Lành Đề Ga không phải là một tổ chức tôn giáo, mà chỉ là một tổ chức chính trị phản động đội lốt tôn giáo, bởi nó là cốt lõi của cái gọi là "Nhà nước Đề Ga độc lập", một mưu đồ chính trị nhằm phá hoại sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Những thế lực thù địch đang lợi dụng vấn đề nhân quyền và tôn giáo để thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, vi phạm pháp luật Việt Nam, phớt lờ tinh thần cơ bản của Công ước quốc tế về quyền tự quyết của các dân tộc. Họ giả bộ làm ngơ trước thực tế sống động của tự do tôn giáo ở Việt Nam và quên lời tuyên bố của cựu Tổng thống Mỹ B. Clin-tơn khi nói chuyện với sinh viên Trường Đại học Bắc Kinh, Trung Quốc vào tháng 6-1998 : "Nhân quyền là một quyền bẩm sinh của tất cả mọi người... Mỹ không tìm cách áp đặt quan điểm của mình đối với các quốc gia khác". Tất cả những hành động sai trái, xuyên tạc sự thật về tình hình nhân quyền và tôn giáo ở Việt Nam chắc chắn sẽ không được dư luận tiến bộ thế giới ủng hộ và nhất định thất bại. ❑

Digitized by Google

Về vấn đề xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn

NGUYỄN THỊ MAI ANH *

Tổ chức cơ sở đảng là nơi trực tiếp quản lý, giáo dục, rèn luyện, kiểm tra đảng viên ; trực tiếp tổ chức lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ; là chiếc cầu nối giữa cơ quan lãnh đạo các cấp trong hệ thống tổ chức đảng với quần chúng nhân dân. Chất lượng của tổ chức cơ sở đảng là yếu tố cấu thành chất lượng lãnh đạo của Đảng, quyết định sức mạnh của Đảng qua các giai đoạn cách mạng cụ thể. Ở thời kỳ cách mạng nào, Đảng ta cũng hết sức quan tâm đến việc xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi bàn về xây dựng Đảng đã viết : "Muốn làm nhà cho tốt phải xây dựng nền móng cho vững", "Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt".

Là một nước dân cư sống ở nông thôn chiếm gần 80% dân số và lao động nông nghiệp chiếm gần 70% lực lượng lao động xã hội, nên vị trí vai trò của nông nghiệp, nông thôn là vô cùng quan trọng. Những bước tiến bộ ở nông thôn chính là thước đo căn bản của sự tiến bộ xã hội ở nước ta. Trong những năm qua, cùng với sự đổi mới của cả nước, nông nghiệp, nông thôn đã có nhiều bước phát triển đáng kể, góp phần chủ động giải quyết vấn đề lương thực, tạo thế ổn định vững vàng cho kinh tế cả nước đi lên. Bộ mặt nông thôn đã khởi sắc, đời sống của người nông dân từng bước được cải thiện cả về vật chất lẫn tinh thần. Tuy vậy, nông thôn nước ta vẫn còn nhiều vấn đề phức tạp cần giải quyết. Một số nơi tình hình diễn biến không bình thường, có nhiều dấu hiệu của sự bất ổn, thậm chí có nơi bùng phát thành "điểm nóng". Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình hình trên là do tổ chức cơ sở đảng ở những nơi đó còn yếu kém, thậm chí buông lỏng vai trò lãnh đạo ; đảng viên cũng như tổ chức cơ sở đảng không phát huy được vai trò hạt nhân lãnh đạo ; năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, phẩm chất đạo đức sa sút, thoái hóa ; vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, quan liêu cửa quyền, thiếu dân chủ.

Do vậy, vấn đề xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn hiện nay càng trở nên cấp thiết.

1 - Về chất lượng đảng viên

Chất lượng đảng viên là yếu tố quyết định nhất đối với sức mạnh lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng. Những nơi tình hình diễn biến không bình thường, nhất là ở những "điểm nóng", chất lượng đảng viên, trước hết những đảng viên giữ vai trò cốt cán không cao ; phẩm chất chính trị bị sa sút ; năng lực công tác yếu kém, không nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kiến thức quản lý kinh tế, xã hội không đáp ứng

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

yêu cầu nhiệm vụ, quan liêu, xa rời quần chúng. Khi có tình hình diễn biến phức tạp xảy ra thì khả năng xử lý không linh hoạt, thường là lúng túng, không đủ năng lực trình độ để nhận thức và giải quyết vấn đề theo hướng có lợi nhất.

Sở dĩ như vậy là do việc quản lý, giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng đối với đảng viên của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi đó yếu kém, không thực hiện đúng các chế độ quản lý đảng viên. Bởi vậy, muốn củng cố tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, phải tăng cường công tác quản lý, giáo dục đảng viên và kết hợp nhiều nội dung như :

Thứ nhất, phải giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đảng viên. Lâu nay, không ít tổ chức cơ sở đảng còn sao nhãng việc này. Nhiệm vụ của đảng viên thường chỉ được hiểu và gắn với người giữ các chức vụ trong hệ thống chính trị. Vì vậy, khi tiến hành tự phê bình, phê bình, những đảng viên không giữ chức vụ không thấy hết trách nhiệm của mình. Mặt khác, tự phê bình và phê bình trong Đảng ở nông thôn không được thực hiện nghiêm túc. Điều này bị chi phối bởi phần lớn các đảng viên đều có quan hệ gần gũi thân thiết tình làng nghĩa xóm, hoặc quan hệ anh em họ tộc... Do đó, khi phê bình rất dễ đụng chạm, tổn thương các mối quan hệ đó. Đây quả là công việc khó khăn và tế nhị. Bởi vậy, đòi hỏi tổ chức cơ sở đảng phải nắm chắc nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, giữ vững nề nếp sinh hoạt, mặt khác, phải có những biện pháp linh hoạt, sáng tạo gắn với đặc điểm của tổ chức cơ sở đảng tại địa phương để làm tốt công tác phê bình, tự phê bình. Việc giao nhiệm vụ cho đảng viên một cách cụ thể được xem là cơ sở đầu tiên, có tính quyết định tới việc thực hiện tự phê bình, phê bình có tốt hay không. Bởi lẽ, khi được giao nhiệm vụ rõ ràng, người đảng viên sẽ nhận thức được trách nhiệm của mình, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và biện pháp thực hiện, đồng thời tránh được tình trạng chỉ phê bình qua loa, chung chung, đại khái. Qua những công việc được giao, cấp ủy đảng có căn cứ để đánh giá chất lượng của từng đảng viên.

Thứ hai, làm tốt khâu kiểm tra thực hiện nhiệm vụ của đảng viên. Kiểm tra phải được coi là công việc thường xuyên. Có nhiều cách thức để kiểm tra, nhưng trước hết qua mỗi kỳ sinh hoạt, căn cứ vào nhiệm vụ được giao, từng đảng viên phải tự kiểm tra mình, rà soát, soi xét lại việc thực hiện công việc của mình để tự phê bình và phê bình trước tổ chức đảng. Cấp ủy phải đánh giá đúng những mặt tích cực, cũng như những mặt hạn chế để từ đó chỉ ra cho đảng viên phương hướng phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm. Nếu phát hiện thấy đảng viên có dấu hiệu vi phạm, phải kịp thời có biện pháp ngăn ngừa, giáo dục ; xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước. Làm được như vậy, người dân sẽ tin vào tổ chức đảng và đảng viên.

Ngoài việc giáo dục, bồi dưỡng đảng viên, việc kết nạp người vào Đảng có ý nghĩa lớn đối với sự tăng cường chất lượng đảng viên của tổ chức cơ sở đảng. Trong điều kiện hiện nay, ở nông thôn, có thể thấy, người đảng viên phải có phẩm chất đạo đức tốt, trung thành với Đảng với nhân dân, có trình độ, năng lực công tác giỏi, phải là người lao động giỏi, đi tiên phong trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển sản xuất hàng hóa, dịch vụ... Bằng con đường này, tổ chức cơ sở đảng sẽ có ngày càng nhiều những đảng viên thực sự là người lao động giỏi, biết làm kinh tế, làm giàu chính đáng cho gia đình mình, biết hướng dẫn bà con nông dân noi theo. Nhờ vậy, tổ chức cơ sở đảng

Digitized by Google

mới thực sự trở thành hạt nhân lãnh đạo trong đời sống xã hội, cũng như trong sản xuất kinh doanh.

2 - Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo

Sức mạnh của Đảng chính là ở sự đoàn kết nhất trí, chấp hành tốt kỷ luật đảng, tôn trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng. Do vậy, việc duy trì nền nếp sinh hoạt đảng, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức của Đảng là cách tốt nhất để quản lý đảng viên, chấn chỉnh tổ chức đảng.

Để làm tốt điều đó, trước hết, cần chú trọng đổi mới nội dung sinh hoạt đảng, khắc phục tình trạng nghèo nàn về nội dung, đơn điệu về hình thức, gây cho đảng viên tâm lý ngại, chán sinh hoạt. Thông qua các buổi sinh hoạt, tổ chức cơ sở đảng phải kịp thời quán triệt các nghị quyết, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ; bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị ; uốn nắn những nhận thức sai lệch, làm sáng tỏ những vấn đề còn mơ hồ, dao động của đảng viên trước các luận điệu xuyên tạc, kích động của các lực lượng xấu ; ghi nhận ý kiến phản hồi của đảng viên trong các cuộc họp để nắm bắt một cách đầy đủ và chính xác những tâm tư nguyện vọng của người dân, thái độ của họ đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, đề xuất những ý kiến, kiến nghị lên cấp trên để góp phần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách, làm cho những đường lối chính sách đó mang được hơi thở của cuộc sống, dễ đi vào thực tiễn, được bà con nông dân chấp nhận.

Một trong những nguyên tắc cơ bản của Đảng là tập trung dân chủ. Chỉ có thực hiện dân chủ mới khơi dậy những kinh nghiệm, sáng kiến của nhiều người, có cái nhìn toàn diện, đưa ra được những quyết định đúng, những giải pháp tốt. Sau khi kế hoạch đã được bàn bạc, thảo luận dân chủ, cần giao cho cá nhân phụ trách, và chịu trách nhiệm trước việc làm của mình. Thế nhưng, ở không ít tổ chức cơ sở đảng nông thôn hiện nay, nguyên tắc tập trung dân chủ đang bị vi phạm, cần được chấn chỉnh :

Một là, sự tập trung thái quá đã chuyển thành cực quyền. Một số cá nhân đã lợi dụng sự tập trung để áp đặt tư tưởng của mình, ép những người khác phải tuân theo. Khi quyền lực tập trung vào trong tay một số ít người thì phương thức lãnh đạo của họ trong tổ chức đảng trở thành độc đoán, gia trưởng. Nếu họ có vai vế trong một họ tộc nào đó của làng, xã thì họ sẽ biến tổ chức cơ sở đảng ở đây thành "chi bộ họ ta", "đảng ủy làng ta". Nguy hại hơn là họ dùng điều này để loại bỏ những người không cùng phe cánh với họ, làm trái ý họ ra khỏi bộ máy tổ chức.

Hai là, một số kẻ lợi dụng dân chủ để khiếu kiện, gây rối, phá hoại sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Cũng có nơi tổ chức cơ sở đảng thực hiện dân chủ không đúng, dẫn đến họp hành liên miên, thảo luận tràn lan, vừa mất thời gian, vừa không tạo được khả năng hành động thống nhất.

Như vậy, để xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn, rất cần tiến hành thường xuyên việc lấy ý kiến của các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể và nhân dân về chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng. Việc đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng phải gắn với thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Bởi lẽ, không ai khác, tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm quán triệt, triển khai Quy chế Dân chủ và lãnh đạo việc thể chế hóa Quy chế này

(Xem tiếp trang 39)

Digitized by Google

Tính bất biến và tính khả biến trong lý luận văn học

PHẠM TIẾN DUẬT*

1

LÂU rồi, nhà văn Nguyễn Minh Châu, người được Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đã nói vừa đùa vừa thật rằng, người ta hay nói đến tính này, tính kia trong văn học. Đúng cả thôi, nhưng cần phải thêm một một cái tính nữa là tính tử tế.

Lại có lần, trên tuần báo *Văn nghệ*, nhà văn Hà Xuân Trường kể lại câu chuyện ông gặp nhà văn nổi tiếng G. Mắc-kết. Hà Xuân Trường hỏi nhà văn G. Mắc-kết : "Ông nghĩ thế nào về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa ?". G. Mắc-kết trả lời : "Tôi không biết gì về cái đó. Tôi chỉ viết văn vì cách mạng". Trên báo, anh Hà Xuân Trường viết thêm : "Chúng ta thông cảm cho ông - tức G. Mắc-kết - vì ông chỉ là nhà văn, không phải là nhà lý luận".

Một câu nói của một nhà văn Việt Nam và một câu nói của một nhà văn bên kia bán cầu, tôi nghĩ, đều nhấn mạnh đến tính thực tiễn của văn học, lấy đời sống làm chuẩn mực đầu tiên của lý luận. Lại nữa, tôi nhớ một câu định nghĩa về thơ, in trong giáo trình của khoa Văn ở một trường đại học : "Thơ là một thể loại văn học sử dụng vần điệu, nhịp điệu, hình ảnh và tình cảm để thể hiện một tư tưởng nào đó". Đối chiếu với câu định nghĩa đó thì rất nhiều bài thơ nổi tiếng thế giới hiện nay không phải là thơ. Chẳng hạn bài thơ này của Pháp in trong một tuyển tập thơ Pháp thế kỷ XX, bài thơ chỉ có mấy dòng, không vần, không có cả hình ảnh, toàn từ khái niệm : *"Cao hơn sự đói là sự rét/ Cao hơn sự rét là sự ốm / Cao hơn sự ốm là sự chết ? Cao hơn sự chết là sự bị bỏ quên"*. Quả là câu định nghĩa trên về thơ không còn đúng nữa.

Vâng, nếu công nhận rằng, đời có trước, văn học có sau thì có nghĩa là cuộc đời vận động thì văn học cũng phải vận động theo. Nếu nói chữ thì bảo rằng đấy là tính khả biến của văn học. Sự biến dịch của lý luận là quy luật tất yếu.

Lý luận văn học Việt Nam, cho đến hôm nay, được hình thành từ 5 nguồn : một là lý luận dân gian, hai là lý luận văn học thời kỳ phong kiến, ba là lý luận văn học Trung Quốc, bốn là lý luận văn học Nga và Xô-viết và năm là lý luận văn học Việt Nam thời kỳ hiện đại. Có thể có các nguồn khác, nhưng 5 nguồn ấy là chính. Lý luận văn học trong dân gian tuy lẻ tẻ, thấp thoáng, nhưng vẫn có. Người ta có thể nghe thấy người dân quê Việt Nam nghĩ gì về văn học. Cái câu *"Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông nhất nông nhì sĩ"* là câu nói về mối quan hệ giữa người chân lấm tay bùn với tầng lớp trên, nhưng ngẫm nghĩ hàm chứa cả quan niệm cái thứ nhất và cái thứ hai trong cuộc đời, giữa đời và sản phẩm trí tuệ trong ấy có văn chương. Người dân quê Việt Nam

* Tổng biên tập Tạp chí *Diễn đàn văn nghệ*

Digitized by Google

sáng tạo ra thể lục bát, nhưng chính họ đã tự phá thể thơ ấy như câu gieo vần trắc *"Tò vò mà nuôi con nhện / Đến khi nó lớn nó quện nhau đi"*. Hay như câu vần lưng này : *"Anh đừng thấy em be bé mà sầu / Kìa cái con ong kia nó bao nhiêu tuổi mà nó lại châm bầu bầu thui"*. Người dân quê làm văn học truyền miệng chủ yếu dựa trên kinh nghiệm. Nhưng cứ lần tìm sẽ thấy quan niệm của họ, lý thuyết của họ về các vấn đề khác nhau của văn học. Phải chờ đến các nhà kinh điển của các triều vua trên chặng đường dài hàng nghìn năm qua mới cho thấy các thế hệ cha ông nghĩ gì về văn học. Tuy nhiên, phải thấy rằng, lý luận văn học của ta một chặng đường dài ảnh hưởng không nhỏ lý luận văn học của các triều đại Trung Hoa, đặc biệt ở chặng đường sau là lý luận văn học đời nhà Thanh là triều đại mà lý luận phát triển rực rỡ nhất. Nhưng sự dập khuôn bao giờ cũng có cái dở. Đã bao nhiêu thế kỷ, các ông đồ dạy trò rằng, đọc thơ phải lấy câu *"ý tại ngôn ngoại"* (ý ở trong, lời ở ngoài) mà theo. Thực ra đấy là lý luận thơ Trung Hoa để soi sáng thơ Trung Hoa, chứ người Việt mình không theo cách ấy. *"Tình thì kín mà ý thì sáng"* mới là thơ Việt Nam vậy. Sự khuôn bó trong khi đưa hệ thống lý luận văn học của Nga và Xô-viết vào Việt Nam cũng vậy. Không ai phủ nhận sự đóng góp to lớn về lý thuyết của các học giả Nga và Xô-viết. Nhưng đánh đồng ý kiến các học giả Nga và Xô-viết với lý luận kinh điển, không dám biến cải gì, làm lý luận đông cứng, thiếu hẳn tính thực tiễn sinh động của đời sống Việt Nam là một sai lầm nghiêm trọng và kéo dài. Đây là một trong những lý do mà tại sao các nhà sáng tác có lúc đã quay lưng lại đối với các nhà lý luận phê bình. Nhìn lại cuộc tranh luận "Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh", ta thấy sự bồng bột đầy nhiệt tâm của thuở ban đầu. Cái câu nói rất vui của đồng chí Phạm Văn Đồng khi hỏi các cô các chú văn nghệ sĩ tên từng thứ kẹo, rồi đồng chí nói : "Kẹo có thể là kẹo chanh, kẹo cam, kẹo cà-phê, nhưng muốn có kẹo phải có đường cái đã" chứng tỏ đồng chí hiểu sâu sắc thế nào về văn học nghệ thuật.

Tính khả biến của lý luận văn học hẳn là một tất yếu. Ngay từ định nghĩa văn học nói chung và các thể loại văn học nói riêng : thơ là gì, truyện ngắn là gì, tiểu thuyết là gì... Quả đúng là ít có loại định nghĩa nào ít chính xác và ít ổn định như các định nghĩa về văn học. May thay, chính văn học tồn tại và phát triển được là nhờ tính ít chính xác và ít ổn định của các định nghĩa.

Ngay cái người ta tưởng ít thay đổi nhất là chức năng của văn học cũng có biến dịch. Rằng văn học có ba chức năng : chức năng nhận thức, chức năng giáo dục, chức năng thẩm mỹ. Sau chiến tranh, có người nêu thêm chức năng giải trí. Ngay thế nào là nhận thức, thế nào là giáo dục, thế nào là thẩm mỹ, mỗi một thời không phải là hoàn toàn giống nhau.

Sự biến động về thể loại văn học là một cuộc cách mạng lớn trong văn học diễn ra suốt từ cuối thế kỷ XIX trở lại đây. Trong tiểu thuyết, thoạt đầu người ta quan niệm cái hay nằm trong cái đủ. Qua đó, người ta thấy cái hay không chỉ nằm trong cái đủ mà còn nằm trong cái thừa nữa. Ấy là sự phát triển của tiểu thuyết Nga so với tiểu thuyết Pháp. Đến tiểu thuyết châu Mỹ La-tinh thì tính tuần tự của luật nhân quả của hai nền tiểu thuyết kia cũng bị phá vỡ. Đấy là nhận xét lấy ý của một nhà văn được trao giải Nô-ben, người Li-băng lưu vong ở Mỹ, ông Gi-bờ-răng. Nhìn vào thơ ca Việt Nam từ năm 1932 (năm mở đầu phong trào thơ mới) các thể thơ bùng nổ và phát triển đến chóng mặt. Xin nhớ rằng, thể thơ 8 chữ trước đó chỉ có trong các bài hát ca trù chứ chưa đứng riêng như một thể loại. Thơ tự do ở Việt Nam hình thành như thế nào, nó có luật lệ gì không ? Vân vân ... Rất tiếc là cả một chặng đường dài không thấy có mấy công trình lý luận về thể loại văn học để có thể soi sáng cho sáng tác.

Digitized by Google

2

Nếu nói lý luận văn học biến dịch trong thời gian thì cũng không có nghĩa là giá trị của những lý luận ấy cũng thay đổi. Không, bên cạnh tính khả biến của lý luận văn học còn có tính bất biến. Tính bất biến của lý luận văn học tạo nên hình dáng và tính liên tục của một dòng chảy lý luận văn học mà cái quan trọng hơn là nó góp phần làm nên giường cột của cả một nền văn hóa.

Vậy tính bất biến ấy là gì ? Trước hết, ấy là tâm thế của người làm lý luận với dân tộc, với đất nước và nhân dân, với đời sống của cả cộng đồng và đời sống văn học. Tâm thế ấy là sự nồng nàn của ý muốn xây dựng, ý muốn phát triển tạo nên từ trường của dòng chảy tư tưởng. Nếu trong đầu đã tự coi dân tộc mình là thấp kém, đất nước mình cái gì cũng thua kém nước người, coi dân mình là dốt nát, thì dù nhà lý luận chỉ viết về lý thuyết thể loại, lý luận hình thức thì lý thuyết ấy, lý luận ấy cũng trở nên tẻ nhạt và không thể không tránh khỏi hời hợt. Bây giờ, chẳng hạn, đọc lại *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn ta vẫn thấy không cũ vì khối băng tâm của nhà bác học thời ấy. Một điểm khác về sự bất biến là tính cách Việt Nam của lý luận văn học Việt Nam. Dù nhà lý luận đời Trần mặc áo the hay nhà lý luận hôm nay mặc com-lê thì qua cách thức nghiên cứu, người ta vẫn nhận ra sự ôn tồn, sự kín đáo trong tình cảm qua lòng nhân ái như một tài sản thừa kế của đời xưa truyền nối. Mà nói đến lý luận văn học là nói đến khoa học, là sự khách quan, chứ sao lại Việt Nam hay không Việt Nam, tại sao nói đến tình cảm và lòng nhân ái. Không, văn học là một khoa học nhưng là bộ môn khoa học của trái tim người, cắt bỏ yếu tố nhân văn không làm cho tính khoa học tăng lên mà sự lạnh lẽo sẽ không làm cho các yếu tố khoa học kết dính một cách tốt đẹp được.

Nói đến tính bất biến của lý luận văn học không phải là nói tới khu vực hóa thạch của lý luận mà trái lại nói tới vùng tế bào sống mãi trong dòng chảy lý luận ấy. Nó không phải là khu vực chết mà là khu vực tồn tại lung linh và sinh động.

3

Nhìn vào sự phát triển của công tác lý luận văn học trong thời gian mấy chục năm qua, chúng ta thấy vẫn có thêm các công trình mới. Nhưng nói thực, nhìn chung là khá mờ nhạt. Không phải không có người muốn sổ toẹt tất cả những gì mà bao thế hệ đã dày công nghiên cứu. Từ cực đoan này chạy sang cực đoan khác, từ việc sùng bái lý luận phương Đông chạy sang sùng bái lý luận phương Tây. Một số người hăng hái nhắc lại thứ lý luận mà chính người châu Âu - tác giả của các thứ lý luận ấy cũng tự cho là cũ. Một thứ giáo điều mới, một thứ công thức mới được khoác cái áo đổi mới cũng thấy lẻ tẻ xuất hiện.

Công tác lý luận văn học tiến hành chậm chạp. Có thể thấy có thêm các nhà phê bình trẻ mà ít thấy các nhà lý luận trẻ. Tôi đến một khoa văn của một trường đại học, xem danh mục các luận văn tốt nghiệp cử nhân và luận văn thạc sĩ. Cứ xem đầu đề thì thấy có công trình lý luận nhưng đọc vào thì chỉ là tác phẩm phê bình như kiểu bốc thuốc bắc bỏ vào ô. Mà hầu hết không phải là *phê bình văn học* mà là *phê bình xã hội học văn học*. Về sự hình thành đội ngũ các nhà lý luận văn học trẻ, trách nhiệm của khoa văn nhà trường đại học là rất nặng nề.

Không chỉ đội ngũ lý luận trẻ mà có thể nói về cả phong trào như vậy. Trong khi cuộc sống trôi đi, trong sáng tác không phải không đã xuất hiện biết bao cái mới nhưng các nhà lý luận không bao quát được, không rút đúc được. Nếu tình trạng không được cải thiện thì *cái khả biến* của sáng tác sẽ làm cho các nhà lý luận tụt hậu và cái bất biến có cơ tan loãng.

Việc báo động ấy nằm trong niềm tin chung rằng, công tác lý luận văn học thế nào cũng được củng cố và được phát triển. ❑

Digitized by Google

THANH HÓA PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN, THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

TRỊNH TRỌNG QUYỀN *

SAU khi có Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Nghị định 29-NĐ/CP của Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Mặt trận và các đoàn thể cấp tỉnh ở Thanh Hóa đã tập trung tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ từ tỉnh đến cơ sở.

Trên cơ sở quán triệt Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị và Nghị định 29-NĐ/CP của Chính phủ, Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy : thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở là việc làm mới, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là bước cụ thể hóa phương châm : "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", nhằm đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống thực sự có hiệu quả. Với nhận thức như vậy, Thường vụ Tỉnh ủy coi đây là vấn đề lớn, quan trọng, các cấp ủy phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo ; mọi cấp, mọi ngành, mọi người dân đều phải nghiêm chỉnh thực hiện. Do đó, tất cả các cấp từ tỉnh, huyện đến cơ sở đều phải thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế Dân chủ của tỉnh do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng Ban ; các đồng chí : Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chỉ huy trưởng quân sự, Trưởng ban tổ chức chính quyền tỉnh làm Phó trưởng Ban ; thành viên ban chỉ đạo gồm các đồng chí ủy viên thường vụ tỉnh ủy là trưởng các ban của đảng, giám đốc một số Sở, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh ; Ban Tổ chức chính quyền tỉnh là cơ quan thường trực ; từng thành viên ban chỉ đạo được phân công phụ trách các ngành, huyện, thị, thành phố.

Tư tưởng chỉ đạo của tỉnh là triển khai và thực hiện Quy chế Dân chủ phải vừa đảm bảo phát huy được quyền làm chủ của nhân dân, vừa tăng cường được kỷ cương, phép nước, mở rộng quyền hạn gắn với đề cao trách nhiệm, đảm bảo lợi ích đi đôi với tăng cường nghĩa vụ ; chống quan liêu mệnh lệnh, đồng thời, tránh tình trạng vô chính phủ, lợi dụng dân chủ, vi phạm pháp luật của từng cá nhân và tổ chức, phấn đấu giữ vững ổn định chính trị, tạo sự phát triển toàn diện ở cơ sở. Vì vậy, đi vào triển khai tổ chức thực hiện, công tác chuẩn bị phải được tiến hành chu đáo ; trước hết, quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu, nắm vững nội dung và phương pháp tiến hành, tạo sự thống nhất cao về nhận thức từ trong Đảng, chính quyền,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa

Digitized by Google

đoàn thể đến nhân dân trên cơ sở nắm vững các văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương. Đặc biệt, Ban Chỉ đạo của tỉnh đã biên soạn dưới dạng hỏi đáp một tài liệu thống nhất, vừa ngắn, gọn, vừa dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện và in 24 000 cuốn phát hành đến tận các thôn, làng, bản, phố để quán triệt trong Đảng và trong nhân dân.

Để triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch thực hiện theo 2 bước. Bước 1, quán triệt nâng cao nhận thức trong đội ngũ cán bộ chủ chốt toàn tỉnh và chọn 54 xã, phường, thị trấn của tỉnh để triển khai thí điểm, rút kinh nghiệm. Qua thực hiện ở các cơ sở điểm cho thấy việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở thực sự là nhu cầu, đòi hỏi của nhân dân. Ở nhiều nơi lâu nay, việc họp dân rất khó, nhưng các cuộc họp về Quy chế Dân chủ, nhân dân đến dự rất đông, có từ 90 đến 100% đại biểu các hộ và phát biểu ý kiến rất sôi nổi, thẳng thắn, xây dựng, bước đầu đã gây được niềm phấn khởi trong nhân dân.

Qua thực tiễn thực hiện tại 54 điểm, Ban Chỉ đạo nhận thấy có bốn việc phải làm trước mắt :

- *Một là,* quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vấn đề dân chủ và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, đặc biệt là về quyền hạn và nghĩa vụ của công dân.

- *Hai là,* đảng ủy xã, phường, thị trấn liên hệ kiểm điểm việc thực hiện phương châm : "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong thời gian qua ; nêu rõ ưu điểm, khuyết điểm, nhất là những thiếu sót về dân chủ, công khai các nội dung về đất đai, thu chi tài chính, đóng góp của nhân dân và báo cáo trước dân để dân tham gia ý kiến.

- *Ba là,* trên cơ sở Quy chế Dân chủ của Chính phủ, tiếp tục cụ thể hóa về nội dung và phương pháp thực hiện từng việc : những việc gì dân được biết ; những việc gì dân được bàn và trực tiếp quyết định ; những việc gì dân được tham gia ý kiến ; những việc gì dân được kiểm tra giám sát ? Tất cả những việc đó, tổ chức nào, cá nhân nào chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và phương thức thực hiện như thế nào ? Sau đó, đưa ra nhân dân thảo luận, tham gia ý kiến rồi xây dựng thành văn bản quy định của xã, phường, thị trấn để thống nhất thực hiện.

- *Bốn là,* các xã, phường, thị trấn cụ thể hóa quy chế chung của Nhà nước để xây dựng thành các quy chế, quy ước, hương ước của mình. Các quy chế, quy ước, hương ước là quy định của cộng đồng dân cư cần xác định rõ quyền lợi, nghĩa vụ của người dân đối với Nhà nước và những vấn đề thiết thực trong mối quan hệ hằng ngày giữa dân với dân trong cộng đồng dân cư như : về nếp sống văn hóa, trật tự vệ sinh, phong tục, tập quán, nghĩa phố tình làng... Các quy định đó phải trên cơ sở luật pháp của Nhà nước và tập quán của địa phương ; đồng thời, phải ngắn gọn, cụ thể, thiết thực, dễ hiểu, dễ nhớ để thực hiện.

Cả 4 việc trên đều được chuẩn bị chu đáo, thảo luận quán triệt trước trong Đảng, sau đó mới đưa ra nhân dân thảo luận, thống nhất để cùng nhau thực hiện. Cũng qua thực tế ở những nơi làm điểm cho thấy, phải thật sự phát huy dân chủ ngay trong quá trình quán triệt, xây dựng kế hoạch, xây dựng quy ước, hương ước và trong quá trình chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, thực sự tôn trọng, lắng nghe, tiếp thu ý kiến của nhân dân. Những vấn đề nhân dân thắc mắc, có ý kiến thì phải xem xét, kết luận làm rõ và báo cáo lại với dân. Những ý kiến nhân dân tham gia vào Quy chế Dân chủ, quy ước, hương ước phải được tiếp thu cân nhắc, để bổ sung, hoàn chỉnh quy chế, quy ước, hương ước, đảm bảo cho các văn bản đó thực sự là của dân, do dân bàn, dân thực hiện. Đây là một trong những nhân tố quan trọng tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, tăng cường đoàn kết toàn dân, phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể.

Từ kinh nghiệm làm điểm, tháng 5-1999, Thanh Hóa đã triển khai *bước 2,* tổ chức hội nghị

Digitized by Google

sơ kết chỉ đạo điểm toàn tỉnh để triển khai thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng thôn ; về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội ; về tiêu chuẩn gia đình văn hóa và làng văn hóa, v.v..

Năm 2001, Thanh Hóa đã tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm sau 3 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Kết quả cho thấy, Quy chế Dân chủ đã được triển khai xây dựng và thực hiện ở 633/633 xã, phường, thị trấn và ở hầu hết các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước ; 5 759 thôn, làng, bản, phố đã xây dựng được quy ước, hương ước ; 99% trưởng thôn, trưởng phố đã được nhân dân trực tiếp bầu.

Đến nay, sau 5 năm thực hiện Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị và các nghị định của Chính phủ về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Thanh Hóa đã đạt được những chuyển biến, kết quả trên nhiều mặt :

- Tất cả các xã, phường, thị trấn, các cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước triển khai xây dựng quy chế, quy định, quy ước, hương ước được mọi tầng lớp nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức, viên chức đồng tình. Vì vậy, dân chủ trong nhân dân, trong cán bộ, công nhân, viên chức đã phát huy cao hơn ; đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân tốt hơn, tình hình cơ sở ổn định, kinh tế - xã hội phát triển.

- Nhận thức về dân chủ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân đầy đủ, đúng đắn hơn (thấy rõ cả dân chủ và kỷ cương, quyền hạn và trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ, dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện). Bước đầu khắc phục tình trạng vi phạm quyền dân chủ của dân và hạn chế tình trạng người dân lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật. Điều đó thể hiện cụ thể trong việc khiếu nại, tố cáo giảm đáng kể ; các vụ việc nổi cộm, phức tạp được giải quyết cơ bản.

- Việc huy động các khoản đóng góp của nhân dân được công khai, dân chủ, quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả hơn. Nhân dân tự nguyện đóng góp tiền của và công sức để xây dựng kết cấu hạ tầng nhiều hơn ; thể hiện rõ nhất là trong việc đóng góp xây dựng trường học, kiên cố hóa kênh mương, xây dựng đường giao thông nông thôn. Từ cuối năm 1999 đến nay, toàn tỉnh thực hiện kiên cố hóa được 3 314 ki-lô-mét kênh mương ; xây dựng 2 649 ki-lô-mét đường điện các loại ; 152 ki-lô-mét đường nhựa ; 1 982 ki-lô-mét đường cấp phối ; xây dựng các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng như trường học, nhà văn hóa, trạm y tế, đài tưởng niệm liệt sỹ, với tổng giá trị là 537,6 tỉ đồng, trong đó, nhân dân đóng góp 236 tỉ đồng và hàng chục vạn ngày công lao động. Từ mức đóng góp đến việc quản lý, xây dựng, thanh quyết toán đều bảo đảm dân chủ, công khai, do dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát.

- Góp phần thúc đẩy việc thực hiện nếp sống mới và tăng cường sự đoàn kết trong xóm, làng, khối phố, đó là : thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, thực hiện trật tự, vệ sinh môi trường ở các khu dân cư.

- Ở những nơi thực hiện tốt Quy chế Dân chủ, tổ chức đảng được củng cố, vai trò lãnh đạo và tính tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên được tăng cường. Chính quyền các cấp điều hành, quản lý có hiệu lực và hiệu quả hơn. Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội gắn bó với nhân dân hơn. Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện tốt, tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở hơn trong sinh hoạt ở cộng đồng dân cư. Kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực hiện tốt hơn. Những biểu hiện tham nhũng, tiêu cực, coi thường pháp luật, coi thường quần chúng đang được đẩy lùi. Ý thức và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ ở cơ sở có chuyển biến theo hướng gần dân, tôn trọng và có trách nhiệm đối với dân hơn.

Với những chuyển biến đó, việc thực hiện Quy chế Dân chủ đã góp phần quan trọng vào giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở Thanh Hóa. Cả tỉnh

Digitized by Google

không có "điểm nóng", rất ít có những vụ việc bức xúc mới xảy ra. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá toàn diện. Nếu tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân thời kỳ 1996-2000 đạt 7,3%/năm, năm 2001 đạt 8,1% thì năm 2002 đạt 9,25% và 6 tháng đầu năm 2003 đạt 8,9%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực : cụ thể, tháng 6 năm 2003 tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP chiếm 35,7% ; công nghiệp, xây dựng chiếm 30,6% ; dịch vụ, thương mại chiếm 33,7%. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không ngừng phát triển. Các hoạt động khoa học, giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao tiếp tục có những chuyển biến tiến bộ. Quốc phòng - an ninh được giữ vững. Hệ thống chính trị được củng cố, tăng cường. Đời sống của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh nâng lên rõ rệt.

Mặc dù đạt được những thành tích trên, song có thể nói đó mới chỉ là kết quả bước đầu. Điều cơ bản đối với Thanh Hóa là, phải làm sao để việc thực hiện Quy chế Dân chủ, quy ước, hương ước trở thành nếp sống, tập quán, thói quen thường ngày của mỗi người. Hiện nay, bên cạnh những nơi làm tốt, vẫn còn có những xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp chưa thực hiện tốt Quy chế Dân chủ là do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Cấp ủy, chính quyền ở các địa phương, đơn vị đó, nhất là người đứng đầu chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở ; chưa gắn việc thực hiện Quy chế Dân chủ với thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức và của từng cá nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo địa phương, đơn vị. Cán bộ còn quan liêu, ngại khó, nên việc tổ chức thực hiện chưa tích cực, thiếu các biện pháp chỉ đạo cụ thể. Vì vậy, các nội dung quy định trong các nghị định của Chính phủ chưa thực hiện đầy đủ. Quyền làm chủ của nhân dân, công chức, viên chức còn bị hạn chế.

- Một bộ phận nhân dân chưa quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu, nội dung Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị và các nghị định của Chính phủ, nên chỉ thấy mặt quyền lợi, chưa thấy hết trách nhiệm, nghĩa vụ ; thậm chí có trường hợp biểu hiện dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ, coi thường trật tự, kỷ cương.

- Trong chỉ đạo, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa chặt chẽ, chưa phân định rõ trách nhiệm trong việc kiểm tra, đôn đốc cơ sở. Các phương tiện thông tin đại chúng chưa tập trung đúng mức cho công tác tuyên truyền việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở ; chưa biểu dương, cổ vũ kịp thời những địa phương, đơn vị làm tốt. Việc tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm ở một số cơ sở chưa thật sâu sắc, chưa mang lại hiệu quả thiết thực.

Để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục có hiệu quả những mặt còn hạn chế, yếu kém trong việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, đảm bảo chất lượng và hiệu quả, trở thành nền nếp thường xuyên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa đang chỉ đạo các cấp ủy và các tổ chức trong hệ thống chính trị làm tốt một số nhiệm vụ quan trọng sau đây :

Thứ nhất, tập trung lãnh đạo thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Tiếp tục phổ biến, quán triệt sâu sắc đến mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, yêu cầu và nội dung của Quy chế Dân chủ, làm cho tất cả mọi người nắm vững những nội dung dân được biết, được bàn, được quyết định, được tham gia, được giám sát và kiểm tra. Thông qua phát huy quyền làm chủ của dân, thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Những cơ sở có vấn đề "dân còn vướng mắc", cấp ủy phải lãnh đạo, chính quyền tập trung giải quyết, tạo điều kiện để nhân dân tham gia, giải quyết những vướng mắc, giữ vững sự ổn định để phát triển. Trên cơ sở Quy chế mẫu của Chính phủ, mỗi cơ sở phải tự xây dựng Quy chế Dân chủ của mình, bảo đảm tất cả các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước cùng với các xã, phường, thị trấn, thôn, làng, bản, phố đều thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ; coi đây là một trong những công việc có ý nghĩa

Digitized by Google

hàng đầu để thực hiện có hiệu quả Quy chế Dân chủ ở mỗi đơn vị.

Thứ hai, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đòi hỏi sự nỗ lực của mọi ngành, mọi cấp, mọi lĩnh vực hoạt động, nhưng quyết định nhất là các tổ chức đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Phát huy dân chủ đi liền với bảo đảm kỷ cương, kỷ luật, tăng cường pháp luật ; lãnh đạo, đôn đốc chính quyền tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định thuộc trách nhiệm của chính quyền đối với nhân dân ; lãnh đạo, hướng dẫn để nhân dân được thực hiện các quyền của mình và động viên nhân dân thực hiện tốt nghĩa vụ công dân ; lãnh đạo và chỉ đạo Mặt trận và các đoàn thể phối hợp với chính quyền trong việc thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Thứ ba, việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và trở thành nền nếp thường xuyên trong mọi hoạt động. Gắn chặt thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cải cách hành chính, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể. Hướng dẫn nhân dân tham gia xây dựng Đảng một cách thiết thực và có hiệu quả. Tất cả cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong việc thực hiện Quy chế Dân chủ ; hướng dẫn nhân dân, cùng với nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thứ tư, chăm lo quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chú trọng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở cơ sở, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức và lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân. Mỗi cán bộ cơ sở phải hiểu và nắm vững các nội dung của Quy chế Dân chủ và nghiêm túc thực hiện đầy đủ các nội dung đã được quy định.

Thứ năm, trong chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng ở cơ sở, các địa phương, đơn vị có kế hoạch, chỉ đạo các cơ sở lập quy hoạch, ưu tiên bố trí đất đai để xây dựng nhà văn hóa - nơi sinh hoạt của cộng đồng dân cư ở thôn, làng, bản, phố. Phấn đấu đến năm 2005, hầu hết các thôn, làng, bản, phố đều có nhà văn hóa để làm nơi sinh hoạt, hội họp của cộng đồng dân cư.

Thứ sáu, việc huy động sức dân xây dựng kết cấu hạ tầng ở cơ sở là cần thiết, nhưng phải thực hiện theo đúng các quy định của Quy chế Dân chủ ; đồng thời, thực hiện khoan sức dân theo tinh thần Chỉ thị 21-CT/TW của Bộ Chính trị. Thực tế vừa qua, ở không ít cơ sở, việc huy động sức dân khá cao so với thu nhập, đã ảnh hưởng không tốt đến đời sống nhân dân. Vì vậy, trong thời gian tới, việc huy động sự đóng góp của dân phải cân đối, thận trọng để không ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân.

Thứ bảy, các phương tiện thông tin đại chúng cần thường xuyên tuyên truyền việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, biểu dương những nơi làm tốt, phê phán những biểu hiện lệch lạc, nâng cao nhận thức dân chủ, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Sau gần 17 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Thanh Hóa đã có thêm thế và lực mới. Chính trị - xã hội ổn định, kinh tế phát triển khá, quốc phòng - an ninh vững chắc, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện, những nhân tố mới, mô hình mới trong phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện ở nhiều lĩnh vực, tạo ra những nhân tố quan trọng để Thanh Hóa tiến bước nhanh hơn trong thời gian tới. Mặc dù vậy, đến nay Thanh Hóa vẫn còn là một tỉnh kinh tế phát triển chậm ; kết cấu hạ tầng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ; lao động thiếu việc làm, thu nhập thấp đang là vấn đề xã hội bức xúc ; đời sống đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa vẫn còn nhiều khó khăn. Tình hình đó đòi hỏi Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện dân chủ ở từng cơ sở để phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. ❑

Digitized by Google

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH XÃ GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ

NGUYỄN CÔNG NGHIỆP*

XÃ là cấp cơ sở trong hệ thống hành chính nhà nước bốn cấp của nước ta. Ngoài những đặc điểm chung, xã còn có những đặc điểm riêng. Hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu cũng như các dịch vụ công cộng ở mỗi xã là tương đối độc lập, khép kín ; mọi hoạt động chính trị - kinh tế - xã hội ở mỗi xã giống như một xã hội thu nhỏ, vừa phong phú vừa phức tạp. Hệ thống chính trị ở xã (tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân) có tác động trực tiếp tới dân, có nhiệm vụ trực tiếp tổ chức quản lý, hướng dẫn và vận động nhân dân thực hiện đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đảm bảo phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tổ chức cuộc sống ở cộng đồng, nắm bắt và phản ánh các nguyện vọng của nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Việc đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở đòi hỏi một hệ thống các giải pháp đồng bộ. Ngoài các giải pháp đổi mới tổ chức bộ máy, hệ thống luật pháp ; nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức của cán bộ ; thực hiện tốt dân chủ, công khai, công bằng xã hội ở cơ sở thì vấn đề tiếp tục hoàn thiện cơ chế và tăng cường năng lực quản lý tài chính - ngân sách xã là một trong những biện pháp rất quan trọng.

Trong nhiều năm qua, mặc dù còn rất nhiều khó khăn, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm giải quyết tốt vấn đề đó. Xuất phát từ đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống chính trị cơ sở, Luật Ngân sách nhà nước đã quy định ngân sách xã là một bộ phận của ngân sách nhà nước, phân định khá đầy đủ và tương đối cụ thể nhiệm vụ thu, chi, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước cho chính quyền xã, phường, thị trấn. Qua 5 năm (1997 - 2002) thi hành Luật Ngân sách nhà nước, công tác quản lý tài chính ngân sách xã đã đạt được những kết quả nhất định. Quy mô ngân sách xã không ngừng phát triển, thu, chi năm sau tăng hơn năm trước. Hiện nay, ngân sách xã chiếm khoảng trên 5% tổng số chi ngân sách nhà nước và trên 15% tổng số chi ngân sách địa phương. Ngân sách xã không những đảm bảo chi sinh hoạt phí, phụ cấp cho trên 2 triệu cán bộ chính quyền, đảng, các đoàn thể đương chức và gần 15 vạn cán bộ đã nghỉ việc, mà còn đảm bảo kinh phí hoạt động và mua sắm, sửa chữa phương tiện làm việc, xây dựng tủ sách pháp luật, hỗ trợ các thôn, bản (bình quân mỗi xã khoảng trên dưới 150 triệu đồng/năm). Cùng với một phần vốn hỗ trợ của cấp trên, ngân sách xã đã dành khoảng 10% để kết hợp với vốn của Chương trình 135 và nguồn huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân đã xây dựng được một khối lượng cơ sở vật chất khá lớn về điện,

* GS, TS, Thứ trưởng Bộ Tài chính

Digitized by Google

đường, trường, trạm, trụ sở làm việc, thủy lợi, cung cấp nước sạch, chợ... đã giải quyết cơ bản điều kiện sống, làm việc, học tập, chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

Những kết quả hoạt động trong quản lý tài chính ngân sách xã trong những năm qua đã góp phần quan trọng vào những thành tựu của công cuộc đổi mới, làm cho chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng được nâng cao, tạo điều kiện thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, hoạt động tài chính, ngân sách xã và công tác quản lý tài chính, ngân sách xã cũng còn một số hạn chế. *Nguồn lực tài chính* của cấp xã có tăng, song tốc độ tăng trưởng chậm và không chắc chắn. Nguồn thu của ngân sách xã chưa thực sự bắt nguồn từ kết quả sản xuất kinh doanh, từ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mà phần nhiều vẫn dựa vào nguồn thu từ đất đai và trợ cấp của ngân sách cấp trên. *Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ* chi ngân sách xã chưa thực sự hợp lý, thu chưa tương xứng với nhiệm vụ chi được giao. Ở một số địa phương, nguồn thu chưa được giao ổn định, rõ ràng cho xã nên chưa phát huy được tính năng động, sáng tạo trong công tác quản lý tài chính ngân sách, phục vụ nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội trên địa bàn. *Cơ cấu chi ngân sách xã* còn bất hợp lý, mức chi sinh hoạt phí, phụ cấp cho cán bộ xã chiếm trên 70% tổng số chi thường xuyên, nhưng do bộ máy quản lý ở xã tổ chức chưa hợp lý, quá cồng kềnh, số lượng người được hưởng các khoản phụ cấp quá lớn, chi ngân sách xã về quản lý hành chính kém hiệu quả. *Nợ xây dựng cơ bản* kéo dài với một khoản tiền lớn. Việc xã chủ động xây dựng kết cấu hạ tầng để đáp ứng nhu cầu của nhân dân cần được khuyến khích. Nhưng do trình độ quản lý xây dựng, quản lý vốn còn hạn chế, cùng với sự nóng vội, xây dựng trong điều kiện chưa có vốn, phải đi vay, hoặc chiếm dụng của các đơn vị thi công, hoặc của tập thể, cá nhân (có xã lấy tiền sinh hoạt phí của cán bộ xã sử dụng vào xây dựng cơ bản), từ đó làm cho việc xử lý nợ không dứt điểm, không triệt để. *Số lượng và chất lượng cán bộ* tài chính ngân sách xã tuy đã được tăng cường, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc do trình độ chuyên môn yếu (4% đại học, 49% trung học, 23% sơ học và 24% chưa qua đào tạo), sử dụng cán bộ chưa phù hợp. *Phạm vi hoạt động* ngân sách và phạm vi quản lý các hoạt động tài chính khác ở cơ sở chưa được phân định rõ ràng, dẫn đến việc quản lý ngân sách xã và các quỹ tài chính công ở xã chưa minh bạch (đây là một trong những nguyên nhân mất đoàn kết, tham ô, lãng phí và mất cán bộ ở cơ sở). Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, trước hết là công khai về tài chính, ngân sách nên chưa quan tâm, tích cực giám sát quá trình quản lý tài chính ngân sách.

Mục tiêu của công tác quản lý tài chính ngân sách xã trong những năm tới là không ngừng củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tốt chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cơ sở, xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện phát triển kinh tế và thực hiện công bằng xã hội, góp phần nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Để thực hiện mục tiêu trên, chúng ta cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau :

Một là, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX). Trong đó, chú trọng tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 17-NQ/TW *"Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn"*.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý ngân sách xã trên cơ sở đổi mới phân cấp quản lý kinh tế - xã hội và chức năng nhiệm vụ của chính quyền cơ sở. Rà soát lại nhiệm vụ quản lý của xã như : quản lý đất đai, bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi ; quản lý hộ tịch, đảm bảo an toàn xã hội ; quản lý các dự án đầu tư thuộc vốn ngân sách, vốn huy động đóng góp, quản lý cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa ; đầu tư nuôi dưỡng, khai thác công sản, đất đai...

Ba là, tăng cường nguồn lực cho ngân sách xã. Một mặt, cần tạo mọi điều kiện để phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn

Digitized by Google

xã, từ đó tạo việc làm tăng thu nhập cho nhân dân, tăng nguồn thu cho ngân sách xã. Mặt khác, trong lĩnh vực tài chính ngân sách trên cơ sở phân cấp nhiệm vụ chi cần tăng cường thêm nguồn thu cho xã (thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất, thuế môn bài, lệ phí trước bạ nhà đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất...). Những nguồn thu này phát sinh trực tiếp ở cơ sở làng, xã nên giao cho chính quyền xã trực tiếp tổ chức thu.

Bốn là, hoàn thiện chính sách, chế độ có liên quan đến quản lý tài chính ngân sách, gồm các giải pháp cụ thể như : Phân định rõ ràng phạm vi và phương thức quản lý ngân sách xã với các hoạt động tài chính khác ở xã ; tiếp tục sửa đổi bổ sung và ban hành mới các văn bản hướng dẫn chế độ tiêu chuẩn, định mức phân bổ chi của ngân sách xã ; hoàn thiện phương thức cấp phát chi ngân sách xã phù hợp với đặc điểm riêng của cơ sở.

Năm là, tiếp tục kiện toàn bộ máy, đào tạo bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ quản lý tài chính, kế toán cho cán bộ thuộc Ban Tài chính xã và các cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở xã. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính, thường xuyên chỉ đạo và kiểm tra tình hình thực hiện quy chế công khai ngân sách, công khai các khoản đóng góp của dân, công khai các quỹ chuyên dùng, các nguồn tài chính khác của xã.

Sáu là, tiếp tục thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã. Thực hiện cơ chế cho ngân sách địa phương vay với lãi suất 0% để hỗ trợ vốn phát triển kết cấu hạ tầng làng nghề, kết cấu hạ tầng thủy sản, đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương ; mở rộng diện cho vay để triển khai thực hiện đề án cứng hóa trường học, trạm y tế, trụ sở xã. Đối với các xã vùng khó khăn, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình xóa đói, giảm nghèo và các chương trình mục tiêu khác nhằm tạo điều kiện cho các xã này có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên sớm thoát khỏi tình trạng xã nghèo. ❑

VỀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG...

(Tiếp theo trang 28)

thành các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Ở đâu việc quy hoạch đất đai rõ ràng, dự toán và quyết toán thu chi các loại quỹ, các khoản đóng góp của nhân dân, các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng một cách minh bạch, tức là thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở thì tình hình ổn định và phát triển. Ở đâu người dân thực sự "được biết", "được bàn", được giám sát thì ở đó quan hệ giữa Đảng - chính quyền và dân gắn bó, uy tín và vai trò của tổ chức đảng, của đảng viên được thể hiện rõ, sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng có kết quả cụ thể. Mục tiêu lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn là lãnh đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã hội tập hợp được đông đảo nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo ; định hướng cho người dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng nơi, từng vùng ; chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Đối với những tổ chức cơ sở đảng quá yếu kém, cấp trên phải tăng cường cán bộ đủ mạnh ; sắp xếp bố trí lại cán bộ, kiện toàn cấp ủy để sớm ổn định tình hình.

Các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều "điểm nóng" đã được giải quyết. Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ đổi mới tổ chức cơ sở đảng nói chung và tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn nói riêng vẫn đang còn nhiều việc phải làm, trách nhiệm đặt ra với từng đảng viên, với cấp ủy đảng là rất nặng nề. ❑

Digitized by Google

THÀNH TỰU TO LỚN VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN KIẾN PHƯỚC *

Từ Đại hội IX của Đảng và Đại hội VII của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh đến nay đã được hơn nửa nhiệm kỳ.

Trong thời gian đó, quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội IX, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân Thành phố phát huy các yếu tố thuận lợi, khắc phục nhiều khó khăn, thách thức đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đã đạt nhiều kết quả có ý nghĩa quan trọng, rút ra một số kinh nghiệm thực tiễn qúy báu, tạo tiền đề bảo đảm nhịp điệu tăng trưởng kinh tế cao, có chất lượng, hiệu quả và bền vững. Nghị quyết số 20 NQ/TW của Bộ Chính trị năm 2002 đã định hướng quan trọng cho chặng đường phát triển từ nay đến năm 2010, Đảng bộ Thành phố như được tiếp thêm sức mạnh mới để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội và kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), đáp ứng sự tin cậy của toàn Đảng, sự mong mỏi của toàn dân.

Thành quả đạt được của Thành phố Hồ Chí Minh trong hơn hai năm rưỡi qua (từ 2001 đến giữa năm 2003), là khá toàn diện, từ kinh tế - xã hội đến giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh ; từ khoa học - công nghệ đến xây dựng Đảng và tăng cường sức mạnh của hệ thống chính trị, v.v..

Trước hết, sau đợt khủng hoảng kinh tế khu vực (1997 - 1999), và gần đây có ảnh hưởng của cuộc chiến tranh ở I-rắc và dịch SARS, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thành phố đã phục hồi và tăng trưởng trở lại. Tổng sản phẩm trong nước trên địa bàn (GDP) hằng năm đều tăng : năm 2000 là 9%, năm 2001 là 9,5%, năm 2002 tăng 10,2% và sáu tháng đầu năm 2003 tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Tuy chưa đạt chỉ tiêu Đại hội VII của Đảng bộ Thành phố đề ra là 11%, nhưng giữ được tốc độ tăng liên tục ở mức cao (hơn khoảng 1,5 lần so với mức tăng GDP cả nước) là một cố gắng to lớn. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng hiện đại. Các ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh; khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất. Sáu tháng đầu năm 2003, tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm 50% ; công nghiệp xây dựng 48,2% trong GDP. Đặc biệt, nhiều sản phẩm công nghiệp và dịch vụ có hàm lượng khoa học - công nghệ cao ; các dịch vụ phục vụ sản xuất như tài chính - ngân hàng, vận tải, bưu chính - viễn thông có bước tăng trưởng khá. Bên cạnh nỗ lực đổi mới công nghệ từ nhiều doanh nghiệp, có sự hỗ trợ của Thành phố thông qua chương trình kích cầu đầu tư, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, cung cấp thông tin. Các dịch vụ phục vụ sản xuất kể trên góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của cả nền kinh tế và từng sản phẩm hàng hóa ở Thành phố.

---

* Biên tập viên cao cấp Báo Nhân dân

Digitized by Google

Để thực hiện 12 chương trình và công trình trọng điểm trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, Thành phố đã huy động nguồn vốn to lớn của xã hội cho sự nghiệp đầu tư phát triển. Đây là nét mới trong phát huy nội lực, không ỷ lại, thụ động...

Đầu tư từ các thành phần kinh tế ngày càng tăng. Tổng vốn đầu tư đạt trên 33,7% GDP, trong đó vốn đầu tư ngoài Nhà nước trên địa bàn năm 2002 chiếm đến 32,2% (trong khi đó vốn FDI năm 2002 chỉ chiếm 28,4%). Chính vì thế, chỉ mới qua nửa chặng đường Đại hội IX, một số chương trình kinh tế và xã hội đã đi vào thực hiện mang lại hiệu quả thiết thực : Công viên phần mềm Quang Trung, chương trình "ba giảm", nhất là chương trình cai nghiện ma túy ; chương trình chống ùn tắc giao thông, chương trình giống cây, giống con chất lượng cao... Bước vào thiên niên kỷ mới, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đi tiên phong trên mặt trận xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, đẩy mạnh công tác từ thiện, nâng cao mức sống vật chất cho nhân dân. Sáu tháng đầu năm 2003, thông qua hoạt động các tổ tự quản, trợ vốn giảm nghèo, tổ chức dạy nghề, ủy thác vốn xóa đói giảm nghèo, Thành phố đã hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 2,7% ; mỗi năm giải quyết việc làm cho 200 000 lao động. Thành phố tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho 20 xã, phường nghèo, tôn - ngói hóa gần 3 000 căn nhà, xây dựng gần 1 200 ngôi nhà tình thương, mua thẻ bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí cho học sinh, miễn tiền lao động công ích cho hộ nghèo... đã góp phần nâng mức sống vật chất cho nhân dân. Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao... đều có tiến bộ. Công tác xây dựng Đảng có những chuyển biến tốt về chính trị tư tưởng, góp phần tạo ra sự nhất trí trong cán bộ, đảng viên, sự đồng thuận trong xã hội đối với các quan điểm, chủ trương lớn của Đảng, hạn chế tác động xấu của các thế lực thù địch và những phần tử cơ hội. Cùng với công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, Đảng bộ đặc biệt quan tâm bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống cách mạng của cán bộ, đảng viên, ngăn ngừa và khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nghiêm túc thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Thành ủy chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ việc nổi cộm như vụ án Trương Văn Cam, Trần Văn Giao, Liên cảng A 5, vụ cháy ITC, vụ xây nhà không phép ở phường 15 quận Tân Bình... Các biện pháp nghiêm khắc đó, cùng với nâng cao tính chiến đấu qua tự phê bình và phê bình trong nội bộ, có tác dụng nhất định trong ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện tha hóa về đạo đức, lối sống, góp phần lập lại kỷ cương, phép nước, củng cố niềm tin trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng của Đảng và Nhà nước.

Công tác cán bộ đạt được những kết quả quan trọng, như hoàn thiện dần quy hoạch cán bộ dự bị các cấp, tập trung bồi dưỡng, đào tạo cả về lý luận chính trị, quản lý nhà nước và chuyên ngành cho hàng chục nghìn học viên; thực hiện nghiêm, có hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là một trong ba giải pháp lớn mà Đại hội VII Đảng bộ Thành phố xác định đã đạt kết quả rõ rệt, bảo đảm cho cấp ủy lãnh đạo toàn diện, đồng thời giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc mới nảy sinh ; giảm hội họp, tăng cường đi cơ sở, chú trọng kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, rút kinh nghiệm thực tiễn...

Về quản lý nhà nước, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện có chiều sâu cải cách nền hành chính nhà nước, nhất là thủ tục hành chính, theo phương châm tinh gọn, giảm đầu mối, phân cấp mạnh cho cơ sở, xác định rõ quyền và nghĩa vụ từng cơ quan, đơn vị, đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị khắc phục một bước tệ "hành chính hóa", hoạt động thực chất hơn, góp phần tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Digitized by Google

Những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực đời sống xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh càng thể hiện rõ tinh thần vượt khó, năng động, sáng tạo, vận dụng linh hoạt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện phát triển cụ thể của Thành phố.

Tuy nhiên, bức tranh toàn cảnh của Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn nhiều điểm chưa sáng, chưa xứng với tiềm năng, lợi thế to lớn của Thành phố, chưa ngang tầm với đòi hỏi của sự phát triển theo yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nói cách khác, Thành phố Hồ Chí Minh phải giải đáp cho được câu hỏi : Thành phố có bảo đảm nhịp điệu tăng trưởng GDP gắn với việc giải quyết đồng bộ, hiệu quả, ổn định và bền vững các vấn đề xã hội hay không ?

Có thể nhận xét rằng, thách thức lớn nhất đối với kinh tế Thành phố trong nửa nhiệm kỳ còn lại là tốc độ tăng trưởng GDP trên địa bàn còn chậm so với mục tiêu mà Đại hội VII của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh đề ra. Chất lượng, sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm và dịch vụ chưa thể hiện rõ nét trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ; tác động của chương trình đổi mới cơ cấu kinh tế đối với tốc độ tăng GDP về chất chưa đáng kể. Việc thu hút vốn FDI đạt thấp do môi trường đầu tư chung chưa thật sự hấp dẫn, giá nhiều loại dịch vụ còn cao so với một số nước trong khu vực đang là trở ngại cho việc thu hút nguồn lực quan trọng này. Xuất khẩu tăng chậm và không ổn định, vẫn dừng lại ở những mặt hàng sơ chế, hàm lượng chất xám trong sản phẩm thấp, thị trường xuất khẩu chưa mở rộng và bền vững. Nhiều vấn đề về văn hóa - xã hội bức xúc đang đặt ra gay gắt. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc còn lúng túng. Công tác quản lý loại hình dịch vụ này còn nhiều sơ hở ; văn hóa phẩm lai căng, độc hại từ ngoài vào vẫn chưa bị ngăn chặn có hiệu quả. Việc giải quyết các tệ nạn xã hội tuy đạt một số kết quả bước đầu nhưng diễn biến vẫn phức tạp ; khẩu hiệu hai năm liền "trật tự và văn minh đô thị" chưa thật sự đi vào cuộc sống của người dân. Công tác chấn chỉnh quy hoạch theo tinh thần Nghị quyết số 20 NQ/TW của Bộ Chính trị còn nhiều yếu kém. Việc xây dựng quy hoạch chi tiết sau khi đã có quy hoạch tổng thể, nhiều quy hoạch ngành quan trọng về hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, cấp thoát nước, cáp điện thoại...) không được triển khai đồng bộ. Việc chậm thực hiện quy hoạch thành phố đa trung tâm, phi tập trung, việc xây dựng một số khu công nghiệp quá gần khu dân cư, việc buông lỏng quản lý quỹ đất đã quy hoạch, hoặc quy hoạch treo... không chỉ làm tổn thất khối lượng vật chất rất lớn, mà còn làm hư hỏng một bộ phận cán bộ, thiệt hại không nhỏ đối với lợi ích người lao động chân chính, làm giảm lòng tin của nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng bộ cả về chính trị - tư tưởng, về tổ chức và cán bộ vẫn chưa theo kịp với yêu cầu của cuộc sống và đòi hỏi về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tệ quan liêu xa rời thực tiễn và đời sống nhân dân, bệnh thành tích, chủ nghĩa hình thức, lời nói chưa đi đôi với việc làm... chưa được khắc phục tốt. Những yếu kém và bất cập này làm hạn chế kết quả xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, an sinh xã hội còn nhiều tiềm ẩn bất ổn định ; hiệu lực quản lý hành chính nhà nước còn thấp, kỷ cương phép nước chưa nghiêm ; thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, tệ sách nhiễu, gây phiền hà nhân dân vẫn diễn ra, v.v.. Có thể nói, hơn bao giờ hết, hiện nay cái tầm và cái tâm của đội ngũ cán bộ, công chức phải được Đảng bộ đặt lên hàng đầu mới có thể vươn lên kịp với đòi hỏi của Đảng, của dân, mới đủ sức lãnh đạo, quản lý một thành phố lớn và rất phức tạp trong bối cảnh diễn biến rất nhanh với những sự biến rất khó lường.

Nhìn lại toàn bộ bức tranh của đời sống xã hội Thành phố Hồ Chí Minh trong nửa nhiệm kỳ Đại hội Đảng khóa IX, theo chúng tôi có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau :

Digitized by Google

Một là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian qua, phương pháp và cách thức giải quyết hài hòa, đồng bộ giữa các nhiệm vụ chính trị đặt ra suốt nhiệm kỳ Đại hội với chỉ đạo trọng tâm, trọng điểm từng năm, kịp thời ứng phó có hiệu quả các hiện tượng mới nảy sinh, bảo đảm sự phát triển Thành phố ổn định và đúng định hướng. Để xây dựng Thành phố hiện đại, văn minh, nhiệm vụ nào cũng đòi hỏi phải giải quyết căn bản, lâu dài, vừa xử lý các phát sinh bức xúc trước mắt. Trong khi phải có đủ bản lĩnh lãnh đạo toàn diện các mặt hoạt động của đời sống xã hội, việc lựa chọn những trọng tâm, trọng điểm để tập trung xử lý mang lại kết quả thiết thực là một khoa học và nghệ thuật lãnh đạo. Điều đáng trân trọng ghi nhận, ở Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, nửa nhiệm kỳ qua là luôn coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm. Suy nghĩ thường trực của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh là làm sao khai thác mọi nguồn lực và những yếu tố thuận lợi, những thế mạnh của Thành phố để bảo đảm kinh tế tăng trưởng nhanh, ổn định, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, xứng đáng là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển cả khu vực phía Nam. Để thực hiện có kết quả nhiệm vụ trọng tâm này, Thành ủy và chính quyền Thành phố chủ động hướng về cơ sở, đến tận nơi gặp gỡ các doanh nghiệp, trực tiếp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và của dân ; dành nhiều thời gian để kiểm tra việc thực hiện nghị quyết để rút kinh nghiệm chỉ đạo tiếp. Thực tế đó cho thấy, cấp ủy nào đổi mới phương thức lãnh đạo sâu sát thì uy tín của cấp ủy nâng lên, hiệu lực quản lý của chính quyền được tăng cường, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân được phát huy.

Hai là, sau khi đã có chủ trương đúng đắn phải có biện pháp tổ chức thực hiện thật cụ thể, kiên quyết, đồng bộ đi liền với kiểm tra thường xuyên, nghiêm túc.

Yêu cầu về tổ chức thực tiễn ở Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh là, kiên định và thực hiện cho được mục tiêu đã đề ra. Vấn đề là, các mục tiêu đề ra phải xác thực, mang tính khả thi cao, nếu có biện pháp thực hiện tỉ mỉ, cụ thể, có phân công cán bộ chịu trách nhiệm, được đầu tư nguồn lực thích ứng thì khó khăn mấy, phức tạp mấy cũng vượt qua được. Kết quả của chương trình Công viên phần mềm Quang Trung, chương trình cai nghiện ma túy, chương trình giống cây - con chất lượng cao, là những dẫn chứng điển hình. Ngược lại, một số chương trình (công trình) trọng điểm thiếu biện pháp tổ chức tốt thì kết quả rất hạn chế, như chương trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, chương trình chống ngập nước nội đô, chương trình chống ùn tắc giao thông ...

Ba là, Về công tác cán bộ, phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, luân chuyển với kịp thời thay thế những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ, xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ thoái hóa, biến chất, hư hỏng. Bởi, suy cho cùng, "cán bộ quyết định hết thảy", có "cán bộ tốt mọi việc đều hay". Chính việc thực hiện tốt sự kết hợp này đã tạo ra nhiều động lực và nhân tố tích cực trong xã hội ; các khâu trong quá trình công việc trôi chảy và hiệu quả hơn. Việc xử lý nghiêm minh những cán bộ mắc sai phạm qua các vụ án Trương Văn Cam, Trần Văn Giao, bán các nhà xưởng thuộc sở hữu nhà nước, cầu Nguyễn Hữu Cảnh, vụ tiếp tay cho tư nhân xây nhà trái phép ở Tân Bình... có tác dụng củng cố lòng tin của nhân dân với sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền...

Những bài học thực tiễn quý báu rút ra trong nửa nhiệm kỳ qua được phát huy, nhân rộng và làm sâu sắc hơn, nhất định sẽ tạo ra những động lực vật chất và tinh thần mới cổ vũ Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoàn thành tốt đẹp kế hoạch năm 2003 và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, tạo ra những xung lực mới để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần xứng đáng hơn nữa vào sự nghiệp cách mạng chung của Đảng và dân tộc ta. ❑

Digitized by Google

Để khai thác hiệu quả những lợi thế về xuất nhập khẩu của LẠNG SƠN

ĐỖ MAI THÀNH

LẠNG Sơn là tỉnh có xuất phát điểm kinh tế thấp. Trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng khá lớn (47,04% năm 2002) ; công nghiệp chưa phát triển (chiếm 16,02%). Từ khi đất nước thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa và hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn đã xác định thương mại (trong đó hoạt động ngoại thương là chủ yếu) là ngành kinh tế mũi nhọn. Quyết định này được tính toán, cân nhắc kỹ dựa trên việc xác định đúng những lợi thế so sánh mà Lạng Sơn đang có.

- Về mặt địa lý, Lạng Sơn có 253 ki-lô-mét đường biên với Trung Quốc bao gồm 2 cửa khẩu quốc tế, 2 cửa khẩu quốc gia và 7 cặp chợ biên giới. Dọc biên giới Nam Trung Quốc tiếp giáp Lạng Sơn đều là những tỉnh có dân số lớn (Quảng Tây - khoảng 47 triệu người, Quảng Đông - hơn 100 triệu người), có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, nhưng nhu cầu tiêu dùng và văn hóa ẩm thực rất phong phú, đa dạng. Vì vậy, đây là điều kiện thuận lợi để Lạng Sơn có thể phát triển xuất khẩu nhiều loại hàng hóa nông sản phẩm sang Trung Quốc, thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển.

- Lạng Sơn nằm gần kề khu vực tam giác kinh tế phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và là điểm nút giao lưu kinh tế với các tỉnh phía Tây như Cao Bằng, Thái Nguyên, Bắc Cạn nên có nhiều thuận lợi để trở thành trạm trung chuyển hàng hóa của các tỉnh phía Bắc và cả nước sang Trung Quốc.

- Lạng Sơn có những tuyến đường giao thông quan trọng như các quốc lộ 1A, 1B, 4A, 4B, 31, 279, đường sắt liên vận quốc tế Việt - Trung... rất thuận tiện cho giao lưu hàng hóa trong nước và mở rộng xuất nhập khẩu.

Chủ trương trên của tỉnh Lạng Sơn đã nhận được sự ủng hộ rất thiết thực và hiệu quả từ phía Chính phủ. Chẳng hạn, nhằm tạo thuận lợi cho việc khai thác triệt để những lợi thế so sánh hiện có của tỉnh, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 748/TTg và Quyết định số 53/QĐ-TTg, ngày 19-4-2001, về chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu biên giới nhằm tạo điều kiện, khuyến khích hoạt động xuất nhập khẩu. Các ban ngành của tỉnh Lạng Sơn đã nhanh chóng phối hợp triển khai thực hiện chủ trương của Chính phủ. Chỉ trong một thời gian ngắn và bằng những kết quả đạt được của hoạt động xuất nhập khẩu tại tỉnh Lạng Sơn đã khẳng định chủ trương đề ra là hoàn toàn đúng đắn. Cụ thể là, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh liên tục phát triển với tốc độ nhanh, năm sau cao hơn

năm trước. Lạng Sơn đã và đang trở thành thị trường trung chuyển hàng hóa lớn của cả nước trong hoạt động xuất nhập khẩu với thị trường Trung Quốc. Mỗi năm Lạng Sơn thu hút trên 300 doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế của cả nước tham gia xuất nhập khẩu hàng hóa với Trung Quốc qua địa bàn của tỉnh (xem bảng 1)

Bảng 1: Kết quả hoạt động xuất nhập khẩu qua địa bàn tỉnh trong giai đoạn 1996 - 2002.

Đơn vị : Triệu đô-la Mỹ

Năm	Tổng kim ngạch XNK	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
1996	318	135,29
1997	333	149,59
1998	319	107,22
1999	289	111,31
2000	700	234,53
2001	618,5	112,96
2002	270,4	34,24
6 tháng 2003	105	
ước 2003	240	

Trong 5 năm (1996 - 2000), tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh đạt 1 959 triệu đô-la Mỹ, chiếm 60% toàn bộ kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu đường bộ với Trung Quốc của các tỉnh biên giới phía Bắc, tăng bình quân 20,82%/năm. Năm 2001, riêng xuất nhập khẩu hàng địa phương tăng 40,7%. Nhờ vậy, ngành thương mại - du lịch Lạng Sơn đã đóng góp 85% cho ngân sách địa phương, trong đó phần đóng góp của xuất nhập khẩu là lớn nhất (năm 2001 thu thuế xuất nhập khẩu đạt trên 800 tỉ đồng, tăng 28,8% ; thu thuế VAT hàng nhập khẩu tăng 30%).

Hoạt động xuất nhập khẩu với Trung Quốc diễn ra ngày càng sôi động tại các khu kinh tế cửa khẩu còn tạo đà phát triển kinh tế ở khu vực biên giới, tạo việc làm và thu nhập cho nhân dân trong tỉnh. Nhờ những chủ trương phát triển kinh tế cửa khẩu, hệ thống kết cấu hạ tầng (bao gồm đường, điện, nước...) ở vùng kinh tế cửa khẩu, vùng lân cận được cải tạo..., đã đem lại diện mạo mới cho nông thôn, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt, góp phần củng cố an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Xuất nhập khẩu của Lạng Sơn còn có tác động tích cực tới sản xuất và lưu thông hàng hóa trong tỉnh và cả nước. Qua trao đổi hàng hóa với Trung Quốc, Việt Nam đã tiêu thụ được nhiều hàng hóa sản xuất trong nước. Riêng hàng nông, lâm, thủy sản đã có khoảng 120 mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Đồng thời, hoạt động nhập khẩu cũng cung cấp thêm nhiều hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân như máy móc thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải, linh kiện lắp ráp, các dây chuyền đồng bộ phục vụ sản xuất, nguyên nhiên liệu, hàng vật liệu xây dựng, hàng nông sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng với chủng loại phong phú, hợp thị hiếu người tiêu dùng và giá cả hợp lý.

Nhìn chung, quan hệ buôn bán song phương giữa hai nước Việt - Trung sôi động nên đã có nhiều ảnh hưởng rất tích cực, cải thiện tình hình sản xuất - kinh doanh của tỉnh Lạng Sơn nói riêng. Tuy vậy, thị trường luôn vận động không ngừng, đòi hỏi Lạng Sơn phải luôn chủ động để thích ứng kịp thời. Cụ thể là từ năm 2001, Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) nên trong buôn bán với Trung Quốc hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cần chú ý nhiều hơn đến những yêu cầu về chất lượng, mẫu mã, bao bì và thương hiệu sản phẩm. Đây vừa là thách thức, nhưng cũng là thời cơ để tạo động lực mạnh mẽ cho các doanh nghiệp, thương nhân

Digitized by Google

Việt Nam nâng cao ý thức, nỗ lực trong sản xuất và nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu.

Mặc dầu vậy, thực tế cho thấy, công tác xuất nhập khẩu của tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, nhất là về cơ chế, chính sách. Trong khi phía Trung Quốc có những chiến lược rõ ràng trong quan hệ trao đổi hàng hóa qua biên giới Việt - Trung, như cho áp dụng chính sách biên mậu, giành cho các tỉnh biên giới những ưu đãi đặc biệt như giảm 50% thuế nhập khẩu và thuế VAT cho biên mậu, giao quyền cho địa phương trong hoạt động biên mậu nhằm thu hút nguồn nguyên liệu từ các nước trong khu vực và tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong nước, thì phía Việt Nam vẫn điều hành hoạt động xuất nhập khẩu vùng biên theo một hệ thống chính sách áp dụng chung cho cả nước, nên chưa theo kịp với những biến đổi của thị trường. Mấy năm gần đây, Chính phủ đã ban hành chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế cửa khẩu, nhưng mới chỉ cho phép dành 50% khoản nộp ngân sách để đầu tư kết cấu hạ tầng, chưa có chính sách cho phép người kinh doanh, sản xuất hàng xuất khẩu được hưởng ưu đãi từ khoản để lại trên. Những chính sách khác của Nhà nước cũng chưa được điều chỉnh cho phù hợp với thực tế buôn bán ở vùng biên, vẫn còn nhiều bất cập. Chẳng hạn, để được hoàn thuế giá trị gia tăng, các nhà xuất khẩu phải thực hiện xuất khẩu chính ngạch và xuất trình đầy đủ bộ hồ sơ, các loại chứng từ (bao gồm hợp đồng, L/C...), nhưng trên thực tế, một tỷ trọng lớn hàng hóa qua cửa khẩu vẫn theo con đường tiểu ngạch, buôn bán trao tay và thanh toán trực tiếp với phía Trung Quốc, nên phần lớn vẫn chưa được hưởng những ưu đãi này.

Mặt khác, là khó khăn về công tác quản lý. Quan hệ buôn bán giữa Lạng Sơn với Trung Quốc phần lớn mang tính chất đặc thù - là nhỏ, lẻ và trực tiếp (người dân địa phương gọi là buôn - bán trao tay). Tình trạng này trước mắt có thể giúp các nhà xuất khẩu Việt Nam bán được những lô hàng nhỏ lẻ phù hợp với khả năng sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ của địa phương, theo thời vụ, không đòi hỏi phải có chế độ bảo quản phức tạp, cho phép mọi thành phần kinh tế có thể tham gia buôn bán với Trung Quốc, không nhất thiết phải có sự am hiểu kỹ lưỡng những quy định ngặt nghèo trong buôn bán quốc tế. Nhưng xét về lâu dài, việc buôn bán nhỏ lẻ và trao tay sẽ gặp nhiều trở ngại, rủi ro cao, tính ổn định thấp, dẫn đến việc sản xuất, xuất khẩu hàng hóa không theo kế hoạch, không có tổ chức và rất khó quản lý, kiểm soát. Trong khi đó, đến nay trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn vẫn chưa có cơ quan nào chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành hoạt động xuất nhập khẩu tại biên giới. Vì vậy, các nhà xuất khẩu Việt Nam thường rơi vào thế bị động, khi bị phía đối tác từ chối nhận hàng, đều phải quay trở về hoặc chịu ép cấp, ép giá. Nguyên nhân chính do tình trạng sản xuất, buôn bán không có tổ chức, tranh mua, tranh bán giữa các thương nhân Việt Nam với nhau.

Đặc biệt, vấn đề phòng chống buôn lậu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn cũng đang trở nên rất bức xúc. Thời gian qua, tỉnh đã có nhiều biện pháp giáo dục quần chúng tham gia chống buôn lậu, tăng cường lực lượng tuần tra, kiểm soát, triệt phá các tụ điểm chứa hàng lậu. Tỉnh đã triển khai nhiều đợt vận động để nhân dân vùng biên đều cam kết không tham gia cứu vạn tiếp tay cho buôn lậu nhưng hoạt động buôn lậu vẫn diễn ra rất phức tạp. Nguyên nhân cơ bản là do Nhà nước vẫn còn duy trì bảo hộ sản xuất trong nước ; mặt khác, giá thành hàng Trung Quốc rất thấp so với chi phí sản xuất trong nước ta, nên có sức cạnh

Digitized by Google

tranh mạnh trên thị trường Việt Nam. Một yếu tố rất đáng quan tâm là đời sống của nhân dân nhất là ở vùng giáp ranh biên giới còn gặp rất nhiều khó khăn, đất đai cằn cỗi, không phát triển sản xuất được, trong khi thu nhập từ hoạt động "cửu vạn" lại rất cao, nên nhiều người tuy đã có cam kết không tiếp tay cho buôn lậu, nhưng thực tế vẫn lén lút tham gia vận chuyển hàng nhập lậu. Trong khi đó, đường biên giới quốc gia với Trung Quốc ở tỉnh Lạng Sơn lại dài tới 253 ki-lô-mét, địa hình núi non hiểm trở, nên công tác phòng chống buôn lậu, kiểm soát hoạt động cửu vạn gặp rất nhiều khó khăn.

Một hạn chế khác của hoạt động xuất nhập khẩu tỉnh Lạng Sơn là tỷ trọng hàng xuất khẩu khai thác tại địa phương còn nhỏ bé (từ 10 đến 13%), chủ yếu tập trung ở một số mặt hàng nông, lâm sản thô như : hoa hồi, nhựa thông, ván sàn tre... Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản của tỉnh chưa phát triển đã làm hạn chế rất nhiều đến việc tăng kim ngạch xuất khẩu cho Lạng Sơn. Ví dụ, sản phẩm hoa hồi của Lạng Sơn đạt chỉ tiêu chất lượng cao hơn hoa hồi của Trung Quốc và các nước trong khu vực, nhưng đến nay hầu như vẫn chỉ xuất thô sang Trung Quốc. Một số công ty của Trung Quốc đã trộn lẫn hoa hồi chất lượng cao của Lạng Sơn với hoa hồi của họ, lấy thương hiệu Trung Quốc để xuất khẩu sang thị trường các nước EU và Mỹ.

Kết cấu hạ tầng (bao gồm hệ thống kho tàng, bến bãi, giao nhận vận chuyển...) mặc dù đã được quan tâm đầu tư xây dựng, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của việc mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu. Hiện tại, phương tiện vận chuyển phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa ở biên giới Lạng Sơn vẫn của tư nhân là chủ yếu. Các phương tiện kiểm tra chất lượng, cân, đong, đo, đếm còn thiếu và chưa đồng bộ, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, tiến độ giao nhận và giám định hàng hóa xuất nhập khẩu.

Thêm vào đó, các doanh nghiệp và thương nhân xuất nhập khẩu chưa nhận được sự hỗ trợ cần thiết trong việc nghiên cứu thị trường nước ngoài, nhất là thị trường Trung Quốc để tiến hành xúc tiến thương mại hoặc giải quyết tranh chấp thương mại một cách hiệu quả.

Để tiếp tục đẩy mạnh xuất nhập khẩu của tỉnh trong thời gian tới theo hướng vừa khai thác tiềm năng, thế mạnh về nông, lâm, thủy sản, vừa góp phần phát triển sản xuất trên địa bàn, tận dụng và khai thác tối đa những lợi thế so sánh hiện có của Lạng Sơn, phấn đấu xây dựng Lạng Sơn trở thành cầu nối cho các tỉnh trong cả nước trong việc phát triển buôn bán với Trung Quốc, cần quan tâm tới những giải pháp chủ yếu như sau :

1 - Sớm có hệ thống cơ chế chính sách riêng phù hợp việc điều hành hoạt động xuất nhập khẩu ở vùng biên giới và theo hướng ưu đãi, khuyến khích xuất khẩu.

2 - Kiện toàn Ban Chỉ đạo điều hành buôn bán biên mậu gắn với việc tăng quyền chủ động và chỉ đạo cụ thể hoạt động xuất nhập khẩu với Trung Quốc. Xây dựng cơ chế phối hợp, thông báo giữa hai nước nhằm tránh xảy ra những ách tắc trong thương mại, giảm tổn thất cho người xuất nhập khẩu, giảm những hành vi mậu dịch không mang tính quy phạm, có cơ chế ứng phó và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong trao đổi mậu dịch tại biên giới, bảo đảm môi trường kinh doanh lành mạnh cho doanh nhân của hai nước. Đồng thời, xây dựng chính sách quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, buộc các doanh nghiệp (dù được thành lập theo luật nào) đều phải tuân thủ chế độ báo cáo, tránh trường hợp như hiện nay, Sở Thương mại Lạng Sơn không

Digitized by Google

nắm và không quản lý nổi tình hình xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp.

3 - Để tránh các hiện tượng tranh mua, tranh bán giữa những người xuất khẩu, nên thành lập những hiệp hội của các nhà xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc. Hoạt động của các hiệp hội nhằm giảm rủi ro trong kinh doanh, bởi vậy trong vài năm tới, nhất thiết phải có bộ phận chuyên nghiên cứu thị trường Trung Quốc, cập nhật và dự báo kịp thời những diễn biến về cung cầu của thị trường này. Để giúp các doanh nhân trong nước tìm được đối tác đáng tin cậy, cung cấp được thông tin thương mại kịp thời, chính xác, tỉnh cần chủ động phối hợp với phía Trung Quốc để thống nhất danh mục hàng hóa trao đổi, định hướng cho người sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu của hai nước với mục đích giảm thiểu tổn thất cho các nhà xuất khẩu, tiến tới xuất nhập khẩu hàng hóa một cách ổn định, vững chắc với khối lượng ngày càng lớn. Ngân hàng Nhà nước nhanh chóng nghiên cứu các biện pháp tăng cường vai trò của hệ thống ngân hàng thương mại trong thanh toán biên mậu, sao cho thiết lập mối quan hệ thanh toán thuận lợi cho thương nhân và đảm bảo việc thanh toán qua hệ thống ngân hàng để tăng độ an toàn cho các lô hàng xuất nhập khẩu, làm tiền đề nâng cao tỷ trọng xuất khẩu chính ngạch của Việt Nam. Trên góc độ pháp lý, khuyến khích các doanh nhân mua bán theo hợp đồng ký kết và yêu cầu các cơ quan tư pháp phải hỗ trợ mạnh hơn, đồng thời có cơ chế trọng tài giải quyết những mâu thuẫn và tranh chấp mậu dịch nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp cho doanh nhân.

4 - Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền trong nhân dân về tác hại của buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại... Kịp thời ban hành những chính sách ưu tiên, tạo điều kiện giúp đỡ nhân dân vùng biên giới tăng gia sản xuất, nâng cao đời sống để họ không tiếp tay cho buôn lậu. Có biện pháp luân chuyển cán bộ hải quan, cán bộ ở các trạm kiểm soát để phòng tránh trường hợp cán bộ bị đồng tiền làm tha hóa không còn giữ được đạo đức phẩm chất . Đề cao chế độ trách nhiệm trong công tác quản lý, phòng chống buôn lậu. Phối hợp chặt chẽ giữa chống buôn lậu ở biên giới với chống bán hàng lậu trong nội địa.

5 - Để tăng tỷ trọng xuất khẩu của địa phương, hướng lâu dài tỉnh cần tăng đầu tư cho chuyển dịch cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp hướng vào xuất khẩu. Có chính sách khuyến khích nhân dân nuôi trồng các loại cây, con nhằm khai thác tối đa những lợi thế so sánh trên địa bàn để xuất khẩu. Xây dựng quỹ hỗ trợ xuất khẩu, đặc biệt quan tâm hỗ trợ cho người sản xuất hàng xuất khẩu. Đồng thời, tăng đầu tư, kêu gọi những dự án xây dựng các nhà máy chế biến, phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn để nâng cao năng lực sản xuất cho xuất khẩu của các doanh nghiệp trong tỉnh.

6 - Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng ở cửa khẩu, nhất là hệ thống kho tàng nhằm giảm rủi ro cho các doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh khi bị từ chối nhận hàng, hạn chế tối đa tình trạng phẩm cấp sản phẩm bị hạ thấp do trục trặc bởi các khâu buôn bán. Trang bị thêm phương tiện thông tin điện tử, nối mạng các trang web phục vụ việc cung cấp thông tin thương mại phong phú, thuận lợi cho doanh nghiệp hai nước.

7 - Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xuất nhập khẩu bằng cách từng bước chuẩn hóa chất lượng đội ngũ cán bộ, nâng cao trình độ ngoại ngữ và trình độ tiếp thị để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thương mại hiện đại. ❑

Digitized by Google

Binh đoàn 16 với mô hình "kinh tế kết hợp quốc phòng" tham gia xóa đói giảm nghèo

ĐỖ VIẾT NGHIỆM*

KẾT hợp phát triển kinh tế với củng cố và tăng cường khả năng an ninh quốc phòng là một chủ trương lớn của Đảng. Quán triệt tinh thần ấy của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và các nghị quyết của Trung ương khóa IX, ngày 30-10-2001, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 168-QĐ/TTg về phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2005, với mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 13%, không còn hộ đói và không còn xã đặc biệt khó khăn. Bằng sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ và các hoạt động xã hội tích cực, từ trợ cấp trước mắt : gạo, muối, thuốc chữa bệnh..., đến đầu tư cơ bản lâu dài xây dựng điện, đường, trường, trạm, thời gian qua, Tây Nguyên đã có nhiều đổi thay vượt bậc. Nhiều công trình lớn như : đường tải điện xuyên quốc gia 500 kV, công trình thủy điện Ya Ly, đường Hồ Chí Minh và hàng trăm các công trình khác đã và đang hoàn thành, đưa vào sử dụng. Kết cấu hạ tầng được cải thiện, tạo cơ hội cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên phát triển kinh tế, tiếp cận với cách làm ăn mới.

Đảng ủy Quân sự Trung ương ra Nghị quyết 71-NQ/QSTW về *Bộ đội xây dựng kinh tế trong tình hình mới*. Nghị quyết nhằm hoạch định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, bước đi của toàn quân.

Sau giải phóng, một bộ phận quân đội như các đoàn 331, 332, 333 và nhiều đơn vị khác đã được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ làm kinh tế trên đất Tây Nguyên. Thời gian sau đó, theo quyết định của Chính phủ, Quân đội đã giao lại nhiệm vụ này cho các bộ chuyên ngành. Nhưng năm 1985, trước yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Bộ Quốc phòng đã thành lập *Binh đoàn 15* để thực hiện hai chức năng chính là làm kinh tế kết hợp với quốc phòng trên địa bàn phía Bắc Tây Nguyên. Năm 1999, Bộ Quốc phòng tiếp tục thành lập *Binh đoàn 16*, đứng chân trên địa bàn phía Nam Tây Nguyên. Sự ra đời của các đơn vị làm kinh tế thể hiện quyết tâm của Quân đội nhân dân Việt Nam sẵn sàng đứng ở vị trí "đầu sóng ngọn gió" để bảo vệ Tổ quốc. Nhiều mô hình kinh tế làm ăn hiệu quả, góp phần đáng kể xóa đói, giảm nghèo xuất hiện.

Qua thực tiễn, những mô hình trên cho thấy nhiều ưu điểm và sự sáng tạo, có bước đi, cách làm phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng như : làm kinh tế trang trại, đồi rừng ; chế biến nông, lâm sản ; xuất - nhập khẩu và dịch vụ, mà trong đó, mô hình "kinh tế kết hợp quốc phòng" của Binh đoàn 16 là một điển hình. Dự án "Kinh tế kết hợp quốc phòng" của Binh đoàn không chỉ đơn thuần mang lại lợi ích về mặt kinh tế, góp phần xóa đói, giảm nghèo cho nhân dân trên địa bàn đơn vị đóng quân mà còn được xem như một mô hình có *ý nghĩa chính trị và thực tiễn lớn, xây dựng trận địa*

* Trưởng Đại diện Tạp chí Văn nghệ Quân đội tại Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

an ninh, chính trị, xã hội vững chắc để bảo vệ Tổ quốc.

Tuy mới gần năm năm tiến hành, nhưng theo Báo cáo tổng kết của Binh đoàn 16, từ năm 1999 đến cuối năm 2003, Binh đoàn 16 đã trồng được 13 nghìn héc-ta và đến cuối năm 2002, đã trồng được trên 6 200 héc-ta gồm các loại cây : cao-su, cà-phê, điều và hồ tiêu. Năm 2003, Binh đoàn khai hoang, mở rộng diện tích để trồng mới khoảng 6 800 héc-ta. Cũng năm 2003, đã có một phần diện tích trồng cà-phê, hồ tiêu bắt đầu thu hoạch. Diện tích canh tác như vậy so với địa bàn quản lý của một Binh đoàn là chưa lớn, nhưng trong điều kiện khó khăn như hiện nay, khi việc phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng sâu, vùng xa của Tây Nguyên lâu nay vẫn là điều rất quan tâm, trăn trở của chính quyền ở Trung ương và các địa phương Tây Nguyên thì những gì mà Binh đoàn đã làm được là một nỗ lực lớn. Đóng quân ở những nơi thật sự khó khăn, đời sống nhân dân rất thiếu thốn, vì trách nhiệm chính trị của "Anh bộ đội Cụ Hồ", vì nhân dân phục vụ, để thực hiện trọn vẹn lời thề với dân, với Đảng, với Tổ quốc, cán bộ, chiến sĩ Binh đoàn đã nỗ lực hết mình trong thực hiện Dự án "Kinh tế kết hợp quốc phòng".

Từ quan điểm bộ đội ta "từ nhân dân mà ra, vì nhân dân chiến đấu", khi triển khai Dự án, nhằm kết hợp xây dựng kinh tế với bảo đảm an ninh, chính trị, xã hội, sử dụng lực lượng lao động hợp lý, ngoài lực lượng công nhân được tuyển từ các tỉnh phía Bắc vào (đối tượng này đa số là thanh niên nam, nữ còn trẻ chưa lập gia đình, về lâu dài sẽ là lực lượng nòng cốt gắn bó với Tây Nguyên), Binh đoàn hết sức coi trọng tuyển dụng một nguồn lao động quan trọng khác là các hộ gia đình dân tộc thiểu số là người dân tại chỗ. Nhiều con em của các buôn, xã trong hai thời kỳ chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ là căn cứ cách mạng nổi tiếng như xã Bom Bo (trước đây là sóc Bom Bo) ở huyện Bù Đăng và xã Thiện Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, đã được đơn vị thu nhận. Theo đồng chí Hà Thiệu, Thiếu tướng - Tư lệnh Binh đoàn cho biết, đến cuối năm 2002 đã có 1 600 hộ bao gồm nhiều đồng bào các dân tộc (Mnông, Stiêng, Chăm, Tày, Nùng, Mông,... có tới hơn 50% là cư dân tại chỗ) được đưa vào trong chương trình Dự án.

Việc đưa dân tham gia Dự án bước đầu cũng gặp không ít khó khăn, do nhận thức của người dân còn hạn chế, một bộ phận đồng bào bị kẻ xấu lợi dụng, lôi kéo, không chịu giao đất, giao rừng. Nhưng, Binh đoàn đã tăng cường tuyên truyền giáo dục chính trị, vận động, vạch mặt bọn xấu, bọn cơ hội, giúp người dân hiểu rõ tác dụng của dự án. Khi đồng bào đã giác ngộ, ý dân đã muốn, Binh đoàn thực hiện ngay việc ký kết hợp đồng giao khoán và nhận khoán với các chủ hộ. Việc nhận khoán nhiều hay ít phụ thuộc vào khả năng của từng hộ. Hiện nay, bình quân hộ ít nhận khoán 2 héc-ta, hộ nhiều từ 6 đến 7 héc-ta. Một điều khoản được cả hai phía thống nhất cụ thể trong giao nhận khoán là : phía Binh đoàn chịu trách nhiệm bảo đảm đầy đủ về đất, giống cây, kỹ thuật, vật tư, phân bón ; phía chủ hộ chịu trách nhiệm khâu chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch. Những năm đầu, khi cây mới trồng, theo phương châm "lấy ngắn nuôi dài", hộ lao động được trồng xen các loại cây ngắn ngày trên đất nhận khoán. Ở Trung đoàn 717, từng hộ gia đình tham gia nhận khoán vườn cây, sau hai vụ trồng xen lạc, ngô, sắn, gần đây có hộ mạnh dạn đầu tư trồng dưa hấu đã cho kết quả tốt. Năm 2001 và 2002, bình quân mỗi hộ lãi được 16 triệu đồng. Và ở Tây Nguyên, đối với những hộ dân nghèo một năm chỉ bảo đảm canh tác một vụ cây trồng, có được nguồn thu như thế là điều mơ ước.

Tại Trung đoàn 717 có một thực tế rất cảm động về những người dân tộc Stiêng vào tham gia Dự án. Năm 1999, ở xã Thiện Hưng, trong khu vực thi công công trình thủy điện Cần Đơn, có 26 hộ đồng bào Stiêng đang sinh sống. Các hộ đồng bào Stiêng thường sống "du canh, du cư", đời sống không ổn định nên rất nghèo, thiếu

Digitized by Google

ăn, sống bằng hái lượm, đa số bị thất học. Mười lăm hộ trong số 26 hộ người Stiêng ở Cần Đơn được chuyển về xã Lộc Quang, 11 hộ còn lại được Trung đoàn 717 đưa vào tham gia Dự án "Kinh tế kết hợp quốc phòng". Mỗi hộ được Trung đoàn cấp 2 000 m^2 đất làm vườn, trợ giúp 20 tấm tôn, 5 triệu đồng để làm nhà ở, và được tổ chức thành cụm dân cư. Tới năm 2001 đã có nhiều hộ làm ăn giỏi, điển hình là hộ ông Điểu Plố, doanh thu tới 32 triệu đồng một năm. Năm 2002, thời tiết không thuận lợi nhưng ông Điểu Plố cũng đạt doanh thu tới 20 triệu. Cuối năm 2002, ông Điểu Plố đã làm được một ngôi nhà mới khang trang trị giá tới 20 triệu đồng và còn sắm thêm những tiện nghi đắt tiền phục vụ cho sinh hoạt, tương đương với mức sống của các hộ khá giả ở miền xuôi. Mười một hộ Stiêng bây giờ đã hết đói, đời sống ổn định. Theo gương đó, nhiều hộ người Stiêng du cư khác đã viết đơn tình nguyện xin được Binh đoàn xét cho vào tham gia Dự án.

Có một thời gian dài dân di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc (chủ yếu từ sáu tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lai Châu, Hà Giang, Tuyên Quang và Yên Bái) vào Tây Nguyên và hiện tượng đó đã trở thành "vấn nạn". Số dân này ra đi bất hợp pháp, ồ ạt, không có tổ chức, nên khi vào Tây Nguyên, chính lực lượng này đã gây rất nhiều khó khăn cho chính quyền các cấp nơi họ tới. Nạn chặt phá rừng, đốt rẫy làm nương liên tục xảy ra. Nạn xâm canh, xâm cư, buôn bán đất, cùng các tệ nạn khác cũng bùng phát trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, làm cho an ninh chính trị - xã hội thêm phức tạp. Trước tình hình đó, nhiều địa phương thậm chí đã đề nghị với Chính phủ cho phép trả số dân di cư tự do về lại quê quán cũ. Ngày 25-3-2002, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 215-QĐ/TTg giao cho Binh đoàn 16 (Bộ Quốc phòng) đưa số dân trên vào tham gia Dự án. Quyết định của Chính phủ đã được Binh đoàn tổ chức tiếp nhận nghiêm túc và giao cho Trung đoàn 720 thực hiện.

Năm 2002, Trung đoàn 720 đã đưa 176 hộ người dân tộc Mông, đối tượng di dân tự do vào tham gia Dự án. Chỉ trong thời gian ngắn, một cụm dân cư mới được bảo đảm đầy đủ về kết cấu hạ tầng đã hình thành. Hộ người Mông được trợ cấp 9 tháng lương thực, tiền ăn, dụng cụ lao động và một héc-ta đất để canh tác. Sau đó, Trung đoàn tiến hành giao khoán vườn cây đến từng hộ gia đình. Giờ đây, người Mông đã không còn phá rừng, không còn bị kẻ xấu lợi dụng làm những điều trái với pháp luật, đã tin tưởng, yêu quý bộ đội, quyết tâm an cư lạc nghiệp, xây dựng cuộc sống mới trên vùng đất Tây Nguyên.

Năm 2002, trong chuyến đến thăm Binh đoàn, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã hỏi đồng chí Hà Thiệu, Thiếu tướng - Tư lệnh Binh đoàn : "Bao giờ xóa được đói cho đồng bào ?". Tư lệnh Binh đoàn trân trọng trả lời : "Báo cáo với Chủ tịch trong vòng sáu tháng, nhưng xóa nghèo cần có thời gian dài hơn". Lời nói mà Tư lệnh Binh đoàn thay mặt cán bộ, chiến sĩ hứa với Chủ tịch nước Trần Đức Lương cũng là lời khẳng định lòng quyết tâm, tin tưởng vào sự đúng đắn trong hướng đi và cách làm của Dự án "Kinh tế kết hợp quốc phòng" mà Binh đoàn đang thực hiện.

Để Dự án mang lại kết quả nhanh hơn, tốt hơn, góp phần cùng địa phương xóa đói, giảm nghèo, đưa Tây Nguyên phát triển nhanh, giàu đẹp, tiến kịp với miền xuôi, giữ gìn an ninh chính trị - xã hội vững chắc trong năm 2003 và những năm tiếp theo, Binh đoàn đã đề ra một số giải pháp cấp thiết :

- Đề cao vai trò, trách nhiệm chính trị của các cấp ủy và người chỉ huy, kết hợp cùng với các biện pháp tuyên truyền giáo dục kinh tế, chính trị và hành chính để mọi người nhận thức đúng, đầy đủ nhiệm vụ chính trị của Binh đoàn. Coi trọng công tác quy hoạch và triệt để tiết kiệm trong sử dụng đất. Giáo dục cho mọi người

Digitized by Google

tham gia trong vùng Dự án có ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên đất, bố trí cây trồng phù hợp với mục tiêu Dự án, có hiệu quả sinh lợi thật sự. Quy hoạch sản xuất phải tính cả vấn đề kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, tăng cường các biện pháp, giải pháp kỹ thuật đầu tư thâm canh vườn cây, coi trọng khâu giống, nhất là loại giống cao sản. Căn cứ vào đặc điểm, điều kiện thời tiết năm 2003, Binh đoàn sẽ chủ động triển khai sớm các công việc khai hoang, giống, vật tư, phân bón, vốn...

- Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các cơ quan nhà nước, Bộ Quốc phòng, cấp ủy và chính quyền các cấp, các ngành và nhân dân trên địa bàn đứng chân trong vùng Dự án, coi đây là nguồn lực quan trọng có ý nghĩa lớn để hoàn thành nhiệm vụ của Binh đoàn. *Bám sát và bám chắc địa bàn,* cùng các cấp, các ngành, các đơn vị có liên quan tham gia quản lý, góp phần xây dựng địa bàn trong sạch, vững mạnh .

- *Tuyên truyền vận động cán bộ chiến sỹ và nhân dân* nhận thức đúng tầm quan trọng của chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đặc biệt bà con các dân tộc sở tại tham gia Dự án "Kinh tế kết hợp quốc phòng" ; giao đất, nhận khoán vườn cây lâu dài, trồng xen canh, ổn định nơi ở, tạo nên những cụm dân cư mới mang thế trận quốc phòng toàn dân. Từng bước rút kinh nghiệm và nhân rộng các điển hình làm ăn giỏi. Năm 2003, làm việc với tỉnh Đắk Lắk và Bến Tre, có kế hoạch để tiếp nhận từ mỗi tỉnh thêm 300 hộ. Rà soát và kiểm tra, có kế hoạch tiếp nhận khoảng 500 hộ đồng bào nằm trong vùng Dự án, đưa tổng số đến cuối năm 2003 lên 2 700 hộ. Phấn đấu đến năm 2005, đạt số hộ đưa vào tham gia Dự án khoảng 5 000 hộ. Về lâu dài, cần có những tính toán kỹ lưỡng, cân đối, bảo đảm, tiếp nhận 15 nghìn hộ, đủ nguồn nhân lực để canh tác khoảng 24 nghìn héc-ta cây trồng trong tổng Dự án đã được Chính phủ và Bộ Quốc phòng giao cho Binh đoàn theo hướng sắp đặt lại thế chiến lược mới cho Tây Nguyên.

Từ thực tiễn triển khai thực hiện nhiệm vụ, Binh đoàn 16 mạnh dạn nêu lên một số *khó khăn* cũng như *kiến nghị* với cấp trên về một số vấn đề, nhất là vấn đề vốn.

Trên thực tế, vốn đã được duyệt và cấp (gồm vốn ngân sách đầu tư kết cấu hạ tầng, vốn tín dụng ưu đãi) nhằm thu hút đồng bào tham gia Dự án. Nhưng thời gian qua, việc bảo đảm vốn vẫn *thiếu đồng bộ* và *không kịp thời,* vì vậy Binh đoàn thiếu chủ động trong việc thực hiện kế hoạch và mở mang sản xuất.

Vấn đề giải quyết *đời sống cho cán bộ,* chiến sĩ nhất là những người được điều động từ các đơn vị khác và gia đình của họ chỗ ăn, ở ổn định, đảm bảo đúng chế độ, chính sách cũng còn rất nhiều khó khăn. Cuộc sống gia đình có ổn định anh em mới yên tâm, phấn khởi công tác, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, với địa bàn mình đóng quân.

- Chính quyền địa phương có chính sách hỗ trợ kịp thời nhằm ổn định, nâng cao mức sống cho đồng bào, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, dân nhập cư, hạn chế tối đa những biểu hiện tiêu cực, nhất là nạn chặt phá rừng bừa bãi, góp phần bảo vệ môi trường, ổn định an ninh Tây Nguyên.

Với những gì Binh đoàn 16 đã làm được trong thời gian qua, cùng các giải pháp sẽ thực hiện trong thời gian tới, được tiếp sức thêm bằng tinh thần của Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới,* Binh đoàn 16 (Bộ Quốc phòng) chắc chắn sẽ thực hiện thắng lợi mô hình Dự án "Kinh tế kết hợp quốc phòng", góp phần cùng với các địa phương - nơi đơn vị đứng chân trên vùng đất Tây Nguyên - thực hiện xóa đói, giảm nghèo một cách có hiệu quả ; tiếp tục góp phần quan trọng vào việc xây dựng thế trận lòng dân, tạo nên một diện mạo mới của Tây Nguyên : giàu về kinh tế, ổn định về chính trị, vững mạnh về an ninh quốc phòng. ❑

Kinh doanh giỏi và làm nhiều việc thiện

PHẠM VĂN

NGHỊ quyết Đại hội IX của Đảng đã xác định đường lối phát triển đất nước là "phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Đó chính là định hướng hết sức quan trọng và cơ bản nhằm huy động toàn bộ nguồn nội lực của đất nước, bao gồm nguồn lực của tất cả các thành phần kinh tế, của toàn dân, khuyến khích sự phát triển đa dạng, toàn diện hướng tới một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vì sự tăng trưởng cao về kinh tế và phát triển lành mạnh các quan hệ xã hội.

Vì vậy, cùng với doanh nghiệp nhà nước và tập thể, các doanh nghiệp tư nhân đã được thành lập với số lượng lớn, trở thành một bộ phận rất quan trọng của nền kinh tế nước ta. Năm 2001, chỉ tính riêng số doanh nghiệp (bao gồm các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân) khu vực tư nhân có đăng ký nộp thuế cho Nhà nước là 63 743 đơn vị. Loại doanh nghiệp này mỗi năm đều tăng thêm với số lượng lớn và kinh doanh có hiệu quả. Lĩnh vực sản xuất của các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân cũng rất đa dạng : từ dệt may, sản phẩm da giầy, cao-su, nhựa, đồ uống, chế biến gỗ, khai thác thủy sản, sản phẩm kim loại, hóa chất... đến các loại sản phẩm đòi hỏi kỹ thuật và công nghệ cao, vốn lớn như công nghệ thông tin, sản phẩm máy, chế tạo máy công cụ... Đặc biệt, có nhiều doanh nghiệp được thành lập hướng vào việc khôi phục các nghề cổ truyền, tạo ra các sản phẩm truyền thống mang đặc trưng của các vùng, miền trong nước. Những doanh nghiệp này đã sử dụng được khá lớn thời gian nhàn rỗi và lực lượng lao động ở khu vực nông thôn, tạo ra những sản phẩm truyền thống vừa có giá trị kinh tế, vừa có ý nghĩa về văn hóa xã hội. Ví dụ : hàng mây tre đan, hàng mỹ nghệ với nhiều loại chất liệu khác nhau, hoặc các sản phẩm là những đặc sản truyền thống như bánh kẹo, món ăn chế biến sẵn từ nguyên liệu địa phương rất riêng biệt, có giá trị tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, hấp dẫn khách du lịch.

Các doanh nghiệp tư nhân hướng sản xuất của mình vào việc khôi phục sản phẩm của các làng nghề truyền thống, trong đó có những nghề đã bị mai một trong một thời gian dài là những minh chứng thuyết phục và khẳng định sự đúng đắn của những quyết sách của Đảng và Nhà nước ta trong phát triển kinh tế. Hiệu quả kinh tế - xã hội của loại doanh nghiệp này thể hiện ở nhiều mặt. Đáng chú ý là, các chủ doanh nghiệp tư nhân đã có những đóng góp không nhỏ về tài chính đối với địa phương trong việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở cơ sở, quỹ từ thiện, quỹ khuyến học, tái tạo, tu bổ các công trình văn hóa..., giúp đỡ các cá nhân, gia đình gặp tai nạn hoặc khó khăn do hậu quả chiến tranh, với tinh thần "thương người như thể thương thân", "lá lành đùm lá rách"...

Ở đây, xin nêu một ví dụ cụ thể, đó là trường hợp Nhà sản

Digitized by Google

xuất bánh đậu xanh Nguyên Hương - Đoàn Văn Đạt ở Thành phố Hải Dương. Ông Đạt vốn là một quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Khi trở về làm việc ở một cơ quan nhà nước, thời bao cấp đời sống rất khó khăn. Năm 1986, trong không khí đổi mới đất nước và được một nghệ nhân là thợ kỹ thuật chuyên làm bánh đậu xanh cho những nhà bánh ngọt nổi tiếng ở Hải Dương thời Pháp thuộc truyền nghề, ông Đạt đã mạnh dạn đầu tư khôi phục lại bánh đậu xanh truyền thống nhãn hiệu Rồng Vàng xưa kia, lấy tên hiệu Nguyên Hương với biểu tượng Phượng Hoàng. Do biết cách làm ăn, ông Đạt đã trở nên giàu có. Điều đáng nói là gần 20 năm sản xuất, kinh doanh ông chủ hiệu bánh Nguyên Hương đã dành ra hơn 300 triệu đồng để làm những việc từ thiện, giúp đỡ được nhiều người có hoàn cảnh khó khăn, nhiều nạn nhân chiến tranh và còn góp tiền tu sửa, xây dựng một số di tích lịch sử văn hóa. Ông Đạt còn bỏ hơn một tỉ đồng mua đất, xây nhà Dưỡng Thiện để phụng dưỡng các cụ bà không nơi nương tựa và nuôi hàng chục cháu gái mồ côi cả cha lẫn mẹ. Để duy trì nhà Dưỡng Thiện lâu dài, ông đã đem 1,5 tỉ đồng gửi vào tiết kiệm (khoảng 110 000 USD vào thời điểm gửi) để lấy lãi dùng cho chi phí hằng ngày của nhà Dưỡng Thiện. Năm 1995, ông Dạt đã trích tiền lãi đài thọ toàn bộ một chuyến đi cho các gia đình liệt sĩ khó khăn ở tỉnh Hải Dương vào viếng mộ người thân hy sinh còn nằm lại ở Nghĩa trang Liệt sỹ Trường Sơn. Thấy các chiến sĩ ta thường phải đi bộ xa để thắp hương cho đồng đội ở Nghĩa trang vất vả quá, khi trở về ông đã gửi tiền qua Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhờ mua một chiếc xe máy gửi tặng để chia sẻ bớt phần khó nhọc với các anh.

Đã có khoảng 170 bài báo, hàng trăm bài thơ của trên 50 tờ báo trong nước viết về việc kinh doanh và làm các việc xã hội từ thiện của ông Đoàn Văn Đạt. Ngoài ra, còn có gần 2 000 bài thơ khác, hơn 100 câu đối và nhiều bản nhạc, hàng nghìn lá thư thuộc nhiều thành phần xã hội gửi đến nhà hàng Nguyên Hương ca ngợi và cảm ơn việc làm của ông. Năm 1996, đồng chí Vũ Oanh, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, đã dành thời gian viết lời tựa cho cuốn sách "Tiền trong nhân nghĩa" (Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin) nói về cách kinh doanh mà không quên việc thiện và phổ biến kỹ thuật làm bánh đậu xanh Nguyên Hương.

Đồng chí Lê Đức Bình, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương đã viết về doanh nghiệp Nguyên Hương - Đoàn Văn Đạt như sau : "Là người thành đạt trong sản xuất kinh doanh, ông Đạt còn là người có tấm lòng nhân hậu, vị tha, thương người như thể thương thân, chăm làm việc thiện. Ông thông cảm với những cảnh ngộ đau thương, bất hạnh dù không quen thân mà chỉ biết qua báo, đài hoặc tình cờ đi thăm và làm việc ở địa phương miền Bắc, miền Nam. Ông đã đóng góp vào nhiều quỹ từ thiện, đã trao quà, tặng sổ tiết kiệm tới hàng trăm gia đình liệt sĩ, thương binh, nạn nhân chiến tranh, đồng bào vùng lũ lụt, những trẻ em khuyết tật...".

Những việc làm từ thiện như doanh nghiệp Nguyên Hương - Đoàn Văn Đạt ở Hải Dương cũng như một số doanh nghiệp khác mà chúng ta gặp đây đó ở trong nước, ở nước ngoài có một ý nghĩa xã hội rất to lớn và sâu sắc. Nó có tác dụng làm cho mọi người phải suy nghĩ thêm về trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân, nghĩa tình đối với cộng đồng dân tộc. Điển hình này rất cần được nhân rộng nhằm phát huy hơn nữa sức mạnh tổng hợp của nhân dân trên con đường đổi mới và phát triển. ❑

Digitized by Google

CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ, TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ LỚN VỚI TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY

VŨ VĂN PHÚC*

TOÀN cầu hóa hiện nay mang tính chất tư bản chủ nghĩa rõ rệt. Các nước tư bản phát triển đang chi phối, điều khiển quá trình này nhằm bóc lột lợi nhuận trên phạm vi toàn thế giới. Để đạt được mục tiêu đó, chủ nghĩa tư bản xác lập một hệ thống tổ chức tài chính, tiền tệ, thương mại làm chỗ dựa thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa. Những tổ chức này được đặt dưới sự chi phối của các nước tư bản phát triển đứng đầu là Mỹ, nhằm bảo đảm vị trí độc tôn bá quyền thống trị của họ. Đúng như một số nhà nghiên cứu đã viết, đó là các thiết chế, "mà đứng sau lưng và thông qua chúng là chủ nghĩa tư bản toàn cầu đang hình thành trên nền tảng học thuyết tự do mới"(1).

Ngay sau khi được thành lập, các tổ chức này đã hình thành một cơ cấu và phương thức hoạt động dựa trên cơ sở quyền thống trị và lợi ích của những thế lực tư bản mạnh nhất do Mỹ đứng đầu với mục tiêu thực hiện ý đồ toàn cầu hóa một cách toàn diện, biến thế giới thành một thể thống nhất về chính trị, kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội... theo hướng tư bản chủ nghĩa. Cơ quan điều hành và cá nhân lãnh đạo của các tổ chức ấy theo quy định công khai là do bầu cử. Nhưng về thực chất, việc bầu cử Hội đồng Giám đốc, hay Hội đồng Thống đốc ở đây đều bị khống chế bởi các nước tư bản phát triển. Và thông thường, chỉ người Mỹ hay người châu Âu được nắm chức Chủ tịch. Vai trò quyết định của các vị Chủ tịch đối với hoạt động của chúng không phải xuất phát từ vị trí cá nhân của họ, mà đằng sau họ là những thế lực tài chính - tiền tệ đầu sỏ đang thống trị cả thế giới và chi phối quá trình toàn cầu hóa ngày nay.

Sự hoạt động của các tổ chức này đang làm cho nền kinh tế thế giới dưới sự khống chế của chủ nghĩa tư bản hình thành một thế chân vạc về đầu tư, tài chính và thương mại. Chủ nghĩa tư bản đã dùng những công cụ là đồng tiền, buôn bán để khống chế và thu lợi từ nền kinh tế của cả thế giới. Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức đó không phải đáp ứng nhu cầu phát triển của các nước đang phát triển và của thế giới nói chung, mà chính là để giải quyết những vấn đề của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt vì lợi ích của các nước tư bản phát triển trong quá trình toàn cầu hóa. Các tổ chức này đều dựa vào chế độ bỏ phiếu để quyết định mọi vấn đề. Nhưng về thực chất, bỏ phiếu lại chỉ là hình thức, còn vai trò quyết định ở đây thuộc về các nước tư bản phát

* PGS, TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Nguyễn Văn Thanh : *Từ Diễn đàn Xi-a-tơn : Toàn cầu hóa và Tổ chức Thương mại thế giới*, Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia, 2000, tr 17

Digitized by Google

triển, trước hết là Mỹ. Chẳng hạn, ở một tổ chức thương mại quốc tế lớn, khi có vấn đề động chạm đến quyền lợi của các nước tư bản lớn, thì hình thành một cơ cấu không chính thức là các nước này tự ý họp riêng, bí mật để quyết định ; và khi đó, Đại hội đồng chỉ còn là hình thức. Nhiều nước thành viên của các tổ chức ấy vẫn bị ràng buộc về những quan hệ kinh tế, tài chính và thương mại với Mỹ và Tây Âu, cho nên thường phải chịu phụ thuộc. Lá phiếu của các nước tư bản phát triển thường có vai trò quyết định cuối cùng.

Hoạt động của những tổ chức trên không phải vì sự phát triển của cả thế giới, càng không phải vì sự phát triển của các nước nghèo. Trước hết, đó là sự dàn xếp mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển, đặc biệt là các cường quốc tư bản hàng đầu, về các vấn đề : thuế quan, xuất và nhập khẩu, phân chia thị trường, giá cả, tỷ giá hối đoái... Những vấn đề mà họ dàn xếp đều có ảnh hưởng tới toàn bộ nền kinh tế của các nước trên thế giới. Nhưng khi giải quyết, họ chỉ nhằm mục tiêu làm thế nào đạt được lợi ích của mình và dàn xếp được quyền lợi với nhau. Chẳng hạn, khi bàn đến quy chế và tiêu chuẩn chung trong thương mại quốc tế, các nước tư bản phát triển lại thỏa thuận để đạt mục đích đảm bảo vị trí thống trị của các cường quốc tư bản. Hội nghị Xi-a-tơn của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) thất bại, vì các nước đang phát triển và nhân dân thế giới nhận ra rằng : nó được tổ chức chỉ để các nước tư bản phát triển giải quyết quyền lợi với nhau và tạo điều kiện cho các thế lực tư bản lớn khống chế toàn bộ quá trình toàn cầu hóa.

Qua mấy chục năm nay, trong bất cứ một tuyên bố chính thức nào, các tổ chức đó đều nói đến mục tiêu thúc đẩy sự phát triển và giảm bớt đói nghèo. Nhưng trên thực tế thì trái ngược lại. Sự phát triển không được chú ý, thúc đẩy ; những nước nghèo cứ nghèo thêm, còn những nước giàu càng giàu lên. Khoảng cách giàu - nghèo ngày một gia tăng. Những khoản vay nợ chỉ đủ để trả lãi cho những khoản nợ cũ. Và cuối cùng, nhiều nước đang phát triển lâm vào khủng hoảng. Để hỗ trợ các nước khủng hoảng thoát khỏi khủng hoảng, ba tổ chức trên "giúp đỡ" nhưng họ đòi những điều kiện về chính trị và đòi thay đổi cơ cấu kinh tế rất khắt khe. Sự khắc nghiệt về tài chính (gây khó khăn thêm cho đời sống của nhân dân lao động) và sự điều chỉnh cơ cấu sao cho phù hợp với hoạt động của thị trường tự do ở mức toàn cầu là những phương sách cơ bản mà các tổ chức này sử dụng để đẩy nhanh quá trình toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa. Thông qua đó, các thế lực tư bản phát triển xâm nhập vào những nước đang phát triển dễ dàng hơn, tự do hơn để nắm lấy những lĩnh vực kinh tế chủ yếu của các nước này. Nhiều nước đang phát triển kiên quyết không chấp nhận kế hoạch điều chỉnh cơ cấu của các tổ chức ấy và tự tìm lối thoát cho nền kinh tế của nước mình. Trong khi đó, những nước chấp nhận điều kiện thì ngày càng bị ràng buộc vào các tổ chức này ; và như vậy, về thực chất là họ bị ràng buộc vào các nước tư bản phát triển, đứng đầu là Mỹ.

Như vậy, trên thực tế các tổ chức này là những công cụ chủ yếu của chủ nghĩa tư bản thế giới, của các nước tư bản phát triển trong giai đoạn mới hiện nay, được sử dụng để tiếp tục bảo vệ, duy trì và mở rộng lợi ích của họ thông qua việc thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa. Bất cứ một chủ trương, quy định hay một hành động nào của các tổ chức này cũng đều lấy lợi ích của những tập đoàn tư bản lớn làm cơ sở. Trong khi đó, phần lớn thế giới còn lại là các nước đang phát triển thì không được chú ý lợi ích, thậm chí còn bị các tổ chức đó lợi dụng để thực hiện ý đồ của họ.

Nhưng cần thấy là, *thứ nhất*, ngày nay toàn cầu hóa kinh tế là một xu hướng khách quan. Với sự phát triển cao của lực lượng sản xuất xã hội, của các phương tiện giao thông vận tải hiện đại, đặc biệt là tốc độ phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, nền kinh tế thị trường thế giới thống nhất đang hình thành. Đây là nền kinh tế

Digitized by Google

thị trường toàn cầu mà trong đó, nền kinh tế của mỗi nước chỉ là một bộ phận. Quá trình toàn cầu hóa đã làm cho nền kinh tế toàn cầu biến thành một mạng lưới với những điều kiện vật chất và tinh thần, những mối liên hệ ràng buộc vừa tự nguyện vừa ép buộc khiến mọi nền kinh tế trên trái đất đều có quan hệ với nhau, phụ thuộc và chi phối lẫn nhau. Cho nên sự ra đời và tồn tại của những tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại có chức năng, vai trò mang tính toàn cầu là điều tất yếu. Và chính các tổ chức đó, đến lượt chúng, lại là công cụ thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa.

Thứ hai, ngày nay sức mạnh kinh tế thế giới chủ yếu nằm ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, đứng đầu là Mỹ. Như vậy, những tổ chức trên - do chính các nước đó sáng lập - đương nhiên phải có khuynh hướng phục vụ trước hết cho lợi ích của họ.

Thứ ba, hiện khoảng cách giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển ngày càng lớn, sự chi phối kinh tế của các nước phát triển đối với các nước đang phát triển cũng lớn hơn. Cho nên, trong sự ứng xử với những tổ chức này, nhất thiết phải tính đến thực tế đó để có những yêu cầu, bước đi hợp lý ở từng giai đoạn.

Thứ tư, trong quá trình hoạt động của mình (ngay cả khi chủ yếu là phục vụ lợi ích của các nước tư bản phát triển), các tổ chức trên đây phần nào cũng có một số hoạt động nhất định phục vụ ít hay nhiều cho lợi ích của những nước đang phát triển. Chẳng hạn, những khoản tiền mà chúng cho các nước trên thế giới vay để phát triển kinh tế, văn hóa.

Trước những thực tế khách quan trên, các nước đang phát triển phải thấy rõ vai trò của mình trong nền kinh tế thế giới. Quá trình toàn cầu hóa không thể tiến hành mà không có sự tham gia của các nước đang phát triển. Cho nên, dù các tổ chức trên hiện còn chịu sự khống chế của một số nước tư bản phát triển, thì những nước đang phát triển với tư cách là thành viên có tiềm lực nhất định, vẫn có thể đấu tranh để giảm bớt những mưu đồ ích kỷ của các nước tư bản phát triển, nâng cao hiệu quả phục vụ của các tổ chức đó cho lợi ích của mình.

Các nước đang phát triển phải căn cứ vào những tôn chỉ mục đích từng được tuyên bố công khai của những tổ chức này để tiến hành đấu tranh đòi sự phát triển bình đẳng. Thực tiễn cho thấy, tùy từng hoàn cảnh, từng thời điểm, sự đấu tranh của các nước đang phát triển đều có những tác dụng nhất định. Các khoản cho vay hoặc hỗ trợ của những tổ chức ấy dành cho phát triển ở các nước đang phát triển có chiều hướng tăng lên. Trong các cuộc họp thường kỳ của các tổ chức này, những vấn đề về các nước đang phát triển càng ngày càng trở thành một trọng tâm để thảo luận. Mặc dù có sự chi phối của các thế lực tư bản lớn, nhưng vốn của các tổ chức đó trong nhiều trường hợp vẫn được đổ vào những dự án phát triển và thực sự giúp cho một số nước đang phát triển vượt qua khủng hoảng, khó khăn.

Với mỗi nước, khi đứng trước những yêu cầu của các tổ chức trên, điều quan trọng là phải bảo đảm được khả năng hội nhập của mình, nhưng mặt khác cũng phải nỗ lực đến mức cao nhất để bảo vệ độc lập tự chủ và quyền lợi của nhân dân mình. Giữa các nước đang phát triển với nhau rất cần có sự đoàn kết, đồng tình nhất định thì cuộc đấu tranh chung mới có kết quả. Các thế lực tư bản lớn vẫn không bao giờ từ bỏ sách lược "chia để trị", có thể có những phân biệt đối xử để gây nên bất hòa và nghi ngờ lẫn nhau giữa các nước đang phát triển. Trong hoàn cảnh đó, tình đoàn kết nhất trí được bảo đảm bằng sự trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau thường xuyên là điều rất cần thiết.

Để giảm bớt vai trò độc tôn của các tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế lớn, hiện cũng đã hình thành một số tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại khu vực. Những tổ chức khu vực này có vai trò như lực lượng "đối trọng" để các nước thành viên có điều kiện vượt qua khó khăn kinh tế, bàn thảo một cách vững vàng hơn trước những yêu cầu của các tổ chức quốc tế lớn trên. ❑

Digitized by Google

VỀ NHÀ CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG

PHÓ tiến sĩ sử học người Nga E.V. Cô-bê-lép là người đã từng học tập, công tác ở Việt Nam và được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần. Ông dành nhiều thời gian và tình cảm sâu sắc nghiên cứu sự nghiệp và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. E.V. Cô-bê-lép viết cuốn sách *"Đồng chí Hồ Chí Minh"*[1] cùng rất nhiều bài viết nghiên cứu về Người. Tạp chí *Á - Phi ngày nay* số gần đây đã đăng bài viết của Cô-bê-lép về Hồ Chí Minh với tựa đề *"Về người chiến sĩ cách mạng"*[2].

Trong cuốn sách *"Đồng chí Hồ Chí Minh"* cùng các bài viết khác về Người, E.V. Cô-bê-lép trước sau luôn khẳng định : Người ta không thể đưa ra những đánh giá trái ngược nhau về Hồ Chí Minh - người anh hùng dân tộc của Việt Nam và nhà hoạt động chính trị lỗi lạc trong phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, nhà mác-xít lê-nin-nít kiên định, người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Trước nay, trong ý thức của mọi người, hai tiếng "Việt Nam và Hồ Chí Minh" không bao giờ tách biệt, luôn hòa quyện với nhau.

Ở phần đầu bài báo *"Về người chiến sĩ cách mạng"*, E.V. Cô-bê-lép khẳng định : Hồ Chí Minh - nhà cách mạng lỗi lạc, biểu tượng của tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

Tất cả bè bạn bạn cũng như địch thủ của Hồ Chí Minh đều thừa nhận và thán phục nhân cách cao quý của Người. In-đi-ra Gan-đi đã từng gọi Hồ Chí Minh là "vị lãnh tụ vĩ đại, mềm dẻo nhưng không thể khuất phục". Xan-va-đo A-gien-đê, trước câu hỏi của một phóng viên đặt ra cho ông : "Những phẩm chất cách mạng nào của các nhà hoạt động chính trị mà ngài muốn có và ngài muốn học tấm gương của ai ?", đã trả lời : "Đó là tính kiên định, lòng nhân ái và sự khiêm nhường vĩ đại của Hồ Chí Minh". Còn ở đất nước Nga, nơi Hồ Chí Minh từng có nhiều năm tháng gắn bó, trước sau như một, mọi người đều kính trọng và tôn vinh Người là một nhà cách mạng kiên cường.

Những đại biểu của chủ nghĩa thực dân dù coi Người là địch thủ, nhưng là "một địch thủ đáng kính trọng nhất". G. Xanh-tơ-ni, người lãnh trách nhiệm "cao ủy Pháp ở Bắc Bộ" vào những năm 1945-1946, đã viết trong cuốn hồi ký *"Lịch sử một nền hòa bình hụt"* của mình : "Sau những buổi gặp gỡ với Hồ Chí Minh, tôi có cảm tưởng con người ấy là một người xuất chúng và trong tương lai không xa, con người ấy nhất định sẽ chiếm vị trí nổi bật

(1) Xem E. Cô-bê-lép : Đồng chí Hồ Chí Minh, Nxb Thanh niên, Mát-xcơ-va, 1983

(2) Xem Tạp chí Á-Phi ngày nay, số 2-2003 (tiếng Nga)

Digitized by Google

trên vũ đài chính trị châu Á. Tầm hiểu biết sâu rộng, trí tuệ lỗi lạc, khả năng làm việc không mệt mỏi, đạo đức chí công vô tư của Hồ Chí Minh khiến Người thu phục hoàn toàn được lòng dân. Đáng tiếc là, nước Pháp đã không đánh giá hết con người ấy, không hiểu được ý nghĩa và sức mạnh của các lực lượng mà con người ấy đại diện". P. Va-luy, một viên tướng của quân đội Pháp đã thốt lên : "Ông (Hồ Chí Minh) là Bác Hồ của mọi người. Còn chúng tôi, khi gọi Người là Bác Hồ thì mọi việc đều trở nên hết sức đơn giản". Tổng thống Mỹ Đ. Ai-xen-hao, khi "lý sự " vì sao vào năm 1956, nhà cầm quyền Mỹ ra sức phá cuộc Tổng tuyển cử ở Việt Nam và trắng trợn tiến hành can thiệp quân sự vào đất nước này, đã viết trong hồi ký của mình như sau : "Bất cứ một người nào am hiểu tình hình Đông Dương mà tôi đã nói chuyện hoặc trao đổi thư từ đều thừa nhận một điều chắc chắn là, nếu cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành ở Việt Nam, thì không dưới 80% cử tri sẽ bỏ phiếu ủng hộ Hồ Chí Minh". Những người Mỹ, khi đánh giá Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, đã thừa nhận Người là "một Giooc-giơ Oa-sinh-tơn của Việt Nam". Khi Hoa Kỳ dùng máy bay bắt đầu ném bom phá hủy những con đường mòn chi viện từ Bắc vào Nam, thì cũng là lúc không chỉ ở khắp các bang của nước Mỹ mà trên toàn thế giới, mọi người đã gọi con đường này là "đường mòn Hồ Chí Minh", vì trong trái tim nhân loại, Hồ Chí Minh đã trở thành biểu tượng cho cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam.

Đối với nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh là biểu tượng thiêng liêng của tình đoàn kết dân tộc. Lời của Người "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một" đã cổ vũ mọi tầng lớp nhân dân đoàn kết trong cuộc đấu tranh đập tan âm mưu của các thế lực bên ngoài hòng chia cắt lâu dài đất nước. Và sự thật, Việt Nam đã trở thành dân tộc đầu tiên trong số các dân tộc thuộc địa bị chia cắt giành lại sự thống nhất, tự do và độc lập.

Hồ Chí Minh là người khởi xướng và phấn đấu không mệt mỏi trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phù hợp với từng giai đoạn lịch sử cụ thể của cách mạng. Chiến lược Đại đoàn kết dân tộc đã biến thành vũ khí vô song của nhân dân Việt Nam : Đó là Mặt trận Việt Minh trong cuộc đấu tranh giải phóng đất nước khỏi ách xâm lược của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật, là Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam chống đế quốc Mỹ, là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên mảnh đất Việt Nam thống nhất.

Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử thế giới không chỉ với tư cách là một nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, mà còn với tư cách một vị lãnh tụ kiệt xuất của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc thế giới. Cống hiến của Người vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trước nay đều được đánh giá cao tại tất cả các hội nghị quốc tế của các lực lượng tiến bộ và yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Nguyên thủ của các quốc gia độc lập ở châu Á và châu Phi, báo chí của nhiều nước trên thế giới luôn ngợi ca Người. Năm 1961, Hồ Chí Minh đã nhiệt liệt chào mừng sự ra đời của Phong trào không liên kết.

Digitized by Google

Tình đoàn kết thắm thiết đã gắn bó Người với Đ. Nê-ru và A. Xu-các-nô - những nhà sáng lập ra phong trào này. Cuộc đời và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các chiến sĩ cách mạng xuất sắc khác đấu tranh cho sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản, đã chứng minh một điều tựa như chân lý bất di bất dịch : Người nào yêu Tổ quốc, yêu nhân dân mình tha thiết thì không bao giờ phản bội lại lý tưởng của tình đoàn kết quốc tế và ngược lại, những người kiên định chủ nghĩa quốc tế chính là người yêu nước chân chính, phấn đấu không mệt mỏi vì lợi ích của Tổ quốc mình, nhân dân mình. Với cương vị Chủ tịch nước và người lãnh đạo Đảng, Hồ Chí Minh đã có những cống hiến to lớn cho việc phát triển các mối quan hệ anh em giữa Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa, với phong trào cộng sản quốc tế, với các lực lượng giải phóng dân tộc của thời đại. Hoạt động của Người mang đậm những đặc trưng của điều mà hôm nay chúng ta gọi là triết lý tư duy mới. Đặc trưng nổi bật nhất trong triết lý tư duy mới của Người là sự kết hợp biện chứng giữa mục tiêu dân tộc với mục tiêu giai cấp, là sự thống nhất hữu cơ giữa lý tưởng của chủ nghĩa yêu nước chân chính với lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Lòng kính yêu và niềm tin vô hạn về Hồ Chí Minh trong lòng người dân Việt Nam hoàn toàn xa lạ với biểu hiện của tệ sùng bái cá nhân. Không thể phủ nhận một thực tế là, tệ sùng bái cá nhân như một "hiện tượng chính trị - xã hội quái gở" đã làm phương hại không chỉ đối với vận mệnh của một nước xã hội chủ nghĩa nói riêng mà còn đối với tương lai của cả hệ thống xã hội chủ nghĩa nói chung. May mắn thay, Việt Nam đã tránh được "hiện tượng quái gở" này. Điều đó, trước hết là nhờ có những phẩm cách cá nhân của Hồ Chí Minh. Trong những năm tháng cam go nhất của cuộc đấu tranh vì độc lập và tự do của dân tộc, Hồ Chí Minh luôn kiên quyết đấu tranh chống những biện pháp mang tính mệnh lệnh, độc đoán và triệt để bảo vệ nguyên tắc lãnh đạo tập thể và dân chủ.

Giữa những năm 60 của thế kỷ XX, E.V. Cô-bê-lép làm phóng viên Thông tấn xã Liên Xô (TASS) tại Việt Nam. Bởi vậy, ông có nhiều cơ hội được gặp và được nghe Người nói chuyện, phát biểu tại các cuộc mít tinh hay ở các buổi lễ trang trọng. Trong cuốn *"Đồng chí Hồ Chí Minh"*, E.V. Cô-bê-lép viết : Cũng như tất cả những ai hạnh phúc được gặp Người, tôi sửng sốt thấy ở Người có một sự kết hợp tự nhiên, nhuần nhuyễn tính giản dị và lòng nhân đạo hiếm có với ý chí sắt đá và lòng dũng cảm vô song của người chiến sĩ cách mạng kiên cường.

Sự quan tâm chân thành của Người đối với những ai được tiếp chuyện, thái độ ân cần, niềm nở đặc biệt của Người đã tạo nên bầu không khí thoải mái, gần gũi và thân ái ngay từ những phút đầu gặp gỡ. Đặc biệt đáng nhớ là được nghe giọng Người đọc *Lời kêu gọi* đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Đó là ngày 17-7-1966. Giọng Người trầm tĩnh, lạc quan lạ thường, dù mọi người đều biết rằng, vào thời khắc đó, miền Bắc đang phải hứng chịu những trận không kích điên cuồng và ác liệt của giặc Mỹ, còn trên mảnh đất miền Nam, Mỹ đã đưa tới đây nửa triệu quân viễn chinh : "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc

Digitized by Google

lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn". Lời kêu gọi của Người đã vang vọng khắp mọi nơi trên đất nước Việt Nam, thúc giục nhân dân cả nước đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc.

Trong những năm tháng cuối cùng của cuộc đời, Hồ Chí Minh chỉ có một "ham muốn tha thiết" là miền Nam được giải phóng, đất nước được thống nhất. Trước lúc đi xa, Người đã để lại bản *Di chúc* lịch sử mà từng dòng của *Di chúc* đều thấm đượm niềm tin mãnh liệt của Người vào ngày thắng lợi sắp tới, vào tương lai huy hoàng của đất nước Việt Nam thống nhất. Người viết : "Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn... Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà".

Sáu năm sau, những lời Người viết trong *Di chúc* đã trở thành hiện thực. Chiến dịch giải phóng hoàn toàn miền Nam được mang tên Người - chiến dịch Hồ Chí Minh. Trong các cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí của Người đã vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã thực hiện thành công chiến lược chiến tranh cách mạng phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam, và do đó đã có cống hiến quan trọng vào kho tàng kinh nghiệm của cách mạng thế giới trong việc kết hợp linh hoạt các hình thức đấu tranh khác nhau : quân sự, chính trị, ngoại giao. Đây là một trong những yếu tố quyết định thắng lợi cho sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Sự nghiệp vĩ đại mà Hồ Chí Minh đã hiến dâng cả cuộc đời mình - xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh đang được thực hiện. Việt Nam hôm nay đã trở thành một đất nước ổn định chính trị nhất ở khu vực Đông Nam Á, là thành viên có uy tín của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, là một trong những nước đang phát triển được thế giới đánh giá cao.

Ở Hồ Chí Minh không hề ẩn chứa sự hận thù nào đối với nước Mỹ và nhân dân Mỹ. Người bao giờ cũng đấu tranh để đạt được mối quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng giữa Việt Nam và Mỹ. Nỗ lực của Người hiện nay đã thành hiện thực. Song, điều chủ yếu nhất là, nền kinh tế lạc hậu trước đây của Việt Nam nay đã trở thành nền kinh tế phát triển ổn định cao trong khu vực. Tốc độ tăng trưởng GDP hơn mười năm qua đều đạt mức từ 5 đến 9%. Sức mạnh kinh tế của Việt Nam hiện đã tăng gấp hai lần so với lúc bắt đầu thực hiện đường lối đổi mới (năm 1986). Những thành quả đó, theo đánh giá của E.V. Cô-bê-lép, chính là tượng đài hùng vĩ nhất để tưởng nhớ Hồ Chí Minh - Người đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và dựng xây đất nước.❑

NHẬT LINH

Digitized by Google

HỘI THẢO KHOA HỌC : "TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ ĐỐI VỚI CÁC LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, XÃ HỘI"

TRONG 2 ngày (25 và 26-7-2003), tại Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra Hội thảo khoa học "Tác động của toàn cầu hóa kinh tế đối với các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội". Đây là một trong những nội dung của đề tài khoa học cấp Nhà nước mang mã số KX.08-01 : "Xu hướng toàn cầu hóa trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI" thuộc chương trình khoa học KX.08 : "Những đặc điểm chủ yếu, những xu thế lớn của thế giới và khu vực trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI". Mục đích của Hội thảo là báo cáo một số kết quả nghiên cứu đề tài trong gần 2 năm qua, thảo luận những vấn đề đặt ra trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực nhằm có được những ý kiến khách quan và đúng đắn.

Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, các đồng chí cách mạng lão thành, các nhà nghiên cứu lý luận, các nhà khoa học trên các lĩnh vực tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đến dự Hội thảo. GS, TS Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản chủ trì Hội thảo.

GS, TS Lê Hữu Nghĩa trình bày Báo cáo đề dẫn "Toàn cầu hóa kinh tế và sự hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách". Đề dẫn nêu rõ : Cần tập trung thảo luận tính tất yếu khách quan của toàn cầu hóa, tính hai mặt của toàn cầu hóa, những đặc điểm toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, quan hệ toàn cầu hóa và khu vực hóa... Từ đó, khẳng định tính chủ động, những nguyên tắc, vai trò lãnh đạo của Đảng ta trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của nước ta ; những vấn đề đặt ra và những giải pháp tiếp tục trong thời gian tới.

Gần 20 bản tham luận được trình bày và nhiều ý kiến bổ sung với tinh thần thẳng thắn, cởi mở, tâm huyết đều đi đến thống nhất với Báo cáo đề dẫn cả về cách đặt vấn đề, nội dung, phương pháp xem xét và cách giải quyết vấn đề. Hội thảo đặc biệt đi sâu thảo luận nội dung toàn cầu hóa và tác động của nó đến các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội. Tuy có nhiều ý kiến khác nhau nhưng cuối cùng cũng đi đến thống nhất là : không thể có toàn cầu hóa chính trị và toàn cầu hóa văn hóa, nhưng nó có tác động nhất định đến các lĩnh vực này. Vấn đề ở chỗ, tác động đến đâu, ở mức độ nào là phụ thuộc vào đường lối, chính sách của chúng ta. Về sự chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của Việt Nam, Hội thảo cũng đã thống nhất khẳng định : phải chủ động hội nhập dựa trên những nguyên tắc và bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng theo Văn kiện Đại hội IX của Đảng : "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường".

Những giải pháp để tiếp tục hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực thành công cũng được hội thảo đề cập và thống nhất là :

- Trước hết về nhận thức, từ lãnh đạo đến cán bộ, đảng viên phải quán triệt sâu sắc chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng, tuyên truyền rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân để tạo nên sức mạnh tổng hợp toàn dân.

- Phải xây dựng kế hoạch, có lộ trình, bước đi hợp lý trong từng giai đoạn cụ thể.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế ở cả cấp quốc gia đến từng doanh nghiệp và hàng hóa dịch vụ.

Digitized by Google

- Phải cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Giữ vững ổn định chính trị xã hội, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế gắn chặt với thực hiện công bằng xã hội. ❑

N.H.

HỘI THẢO : "PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA TRONG ĐIỀU KIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ"

NGÀY 25-6-2003, tại Hà Nội, diễn ra Hội thảo quốc gia về *"Phát triển thị trường nội địa trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế"*. Tham dự Hội thảo có các đồng chí Vũ Khoan, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ ; Trương Đình Tuyển, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thương mại ; Cao Sĩ Kiêm, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, đồng chí Lê Danh Vĩnh, Thứ trưởng Bộ Thương mại, cùng nhiều đồng chí lãnh đạo đại diện các ban, ngành ở trung ương và địa phương, các giám đốc các học viện, hiệu trưởng các trường đại học và cao đẳng, các nhà nghiên cứu khoa học, quản lý và các giám đốc doanh nghiệp.

Sau khi nghe ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Khoan và Bộ trưởng Bộ Thương mại Trương Đình Tuyển, 87 tham luận tập trung giải quyết những vấn đề lớn và bức xúc của thị trường nội địa, với 3 nội dung cơ bản:

- Thị trường nội địa, các yếu tố cấu thành, mô hình tổ chức và phát triển.

- Phát triển các ngành hàng, các doanh nghiệp, doanh nhân và các hình thức tổ chức kinh doanh trên thị trường nội địa.

- Quản lý nhà nước và điều hành của Chính phủ về thị trường và thương mại nội địa.

Các ý kiến đều nhất trí sau gần 17 năm đổi mới, thị trường nội địa đã có nhiều chuyển biến tích cực : chuyển thị trường từ trạng thái chia cắt, khép kín về địa giới hành chính theo kiểu "ngăn sông, cấm chợ" sang thị trường thống nhất, tự do lưu thông ; chuyển việc mua bán hàng hóa từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường, với nhiều chủ thể tham gia ; phát triển mạng lưới thương nghiệp, dịch vụ ; xây dựng các mô hình kinh doanh theo hướng văn minh hiện đại...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, do nhiều nguyên nhân khác nhau, thị trường nội địa còn nhiều yếu kém, cung cầu chưa gặp nhau, giá cả biến động thất thường, khó tiêu thụ sản phẩm...

Để thị trường nội địa phát triển một cách ổn định, đồng bộ, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng kịp thời yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, các đại biểu đề xuất những quan điểm, mục tiêu phát triển thị trường nội địa và chỉ rõ những việc cần làm, các giải pháp cấp bách, như : có chính sách phát triển thương nhân, chính sách tiêu thụ sản phẩm, phát triển cơ sở hạ tầng thương mại, xây dựng kênh lưu thông hàng hóa, chính sách quản lý nhà nước về thương mại, thông tin thương mại, xúc tiến thương mại, xử lý quan hệ cung cầu, bảo đảm về tài chính tiền tệ, an toàn vệ sinh thực phẩm, nhất là xử lý hữu hiệu các mặt hàng thuộc diện chính sách.

Trên cơ sở những đề xuất đó, các đại biểu kiến nghị Chính phủ đầu tư thêm kinh phí cho hoạt động thương mại, hỗ trợ công tác nghiên cứu thương mại, có chính sách thiết lập quan hệ giữa sản xuất và

Digitized by Google

tiêu thụ, gắn việc sản xuất hàng nông sản với nhu cầu của thị trường ; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là trong sản xuất hàng nông sản ; đa dạng hóa hình thức tiêu thụ ; có chính sách đủ mạnh để đảm bảo tính chất xã hội chủ nghĩa trong phát triển thị trường, tăng cường quản lý nhà nước đối với thị trường trong điều kiện hội nhập nhưng vẫn đảm bảo được quyền độc lập tự chủ.❑

QUẢNG NINH SƠ KẾT 5 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ 11 - CT/TƯ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

NGÀY 9- 8- 2003, tại thành phố Hạ Long, Tỉnh ủy Quảng Ninh tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 11 - CT/TU, ngày 28 -11 -1996, của Bộ Chính trị *Về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng*. Tham dự Hội nghị, về phía Quảng Ninh gồm có đại diện Hội đồng nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, lãnh đạo Bưu điện tỉnh, cùng đại diện các ban ngành trong tỉnh. Về dự Hội nghị, còn có đại diện Ban Biên tập báo Nhân Dân, Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam, Công ty Phát hành báo chí trung ương... Giáo sư, tiến sĩ Lê Hữu Nghĩa, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương tham gia chủ trì Hội nghị và phát biểu ý kiến.

Hội nghị khẳng định Tỉnh ủy Quảng Ninh đã quán triệt Chỉ thị 11-CT/TU, tổ chức triển khai nghiêm túc và hiệu quả. Các cơ quan, đơn vị như Ban Tuyên giáo, Bưu điện tỉnh đã phối hợp khảo sát việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng ở các đơn vị trong tỉnh. Trên cơ sở đó, tỉnh đã cấp kinh phí bổ sung từ nguồn ngân sách đảm bảo có đủ số báo, tạp chí theo quy định như báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, báo Quảng Ninh cho các địa phương và cơ sở, trong tỉnh. Các ban, ngành đã tích cực tổ chức các hoạt động thúc đẩy công tác phát hành và bạn đọc báo, tạp chí của Đảng có kết quả. Ngành bưu điện nâng cấp trang thiết bị phục vụ hiện đại, các tuyến đường thư được mở thêm, đảm bảo báo chí đến tay bạn đọc nhanh và an toàn. Cơ quan tuyên giáo các cấp phối hợp tốt với hệ thống bưu điện trong việc thực hiện Chỉ thị 11-CT/TU. Đội ngũ cán bộ tuyên giáo các cấp chủ động tuyên truyền, hướng dẫn các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được đăng tải trên báo, tạp chí của Đảng tới đông đảo bạn đọc, làm cho bạn đọc thấy rõ sự cần thiết của báo chí đối với sản xuất và đời sống hằng ngày.

Các ý kiến tại Hội nghị đều nhất trí đánh giá nguyên nhân quan trọng quyết định thành công việc thực hiện Chỉ thị 11-CT/TU, trước hết là đảng bộ địa phương đã có quyết tâm và sáng tạo trong công việc. Chính điều này đã khắc phục những trở ngại, tìm ra cách làm hiệu quả. Những mô hình như Điểm bưu điện - văn hóa xã, Nhà văn hóa cộng đồng, cùng những cá nhân tích cực hăng hái tuyên truyền cho việc mua, đọc và làm theo báo, tạp chí của Đảng được nhân rộng.

Để làm tốt hơn nữa việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng, Hội nghị chỉ rõ cần nhanh chóng khắc phục những hạn chế, kịp thời tháo gỡ những khó khăn từ phía các cấp, các ngành có liên quan, nhất là về chế độ, chính sách.

Phát biểu tại Hội nghị, Giáo sư, tiến sĩ Lê Hữu Nghĩa đánh giá cao những kết quả mà Quảng Ninh đạt được trong 5 năm thực hiện Chỉ thị 11- CT/TU ; đồng thời, mong muốn các ban, ngành phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong công tác phát hành, bạn đọc nhằm góp phần tích cực đưa đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước đến với nhân dân. Tạp chí Cộng sản sẽ góp phần thiết thực bằng cách nâng cao hơn nữa chất lượng lý luận chính trị, làm tốt hơn nữa công tác tổng kết thực tiễn, xứng đáng là cầu nối ý Đảng và lòng dân.

Kết thúc Hội nghị, Tạp chí Cộng sản, báo Nhân Dân, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Bưu điện tỉnh báo Quảng Ninh đã khen thưởng các tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác phát hành và bạn đọc thời gian qua.❑

Digitized by Google

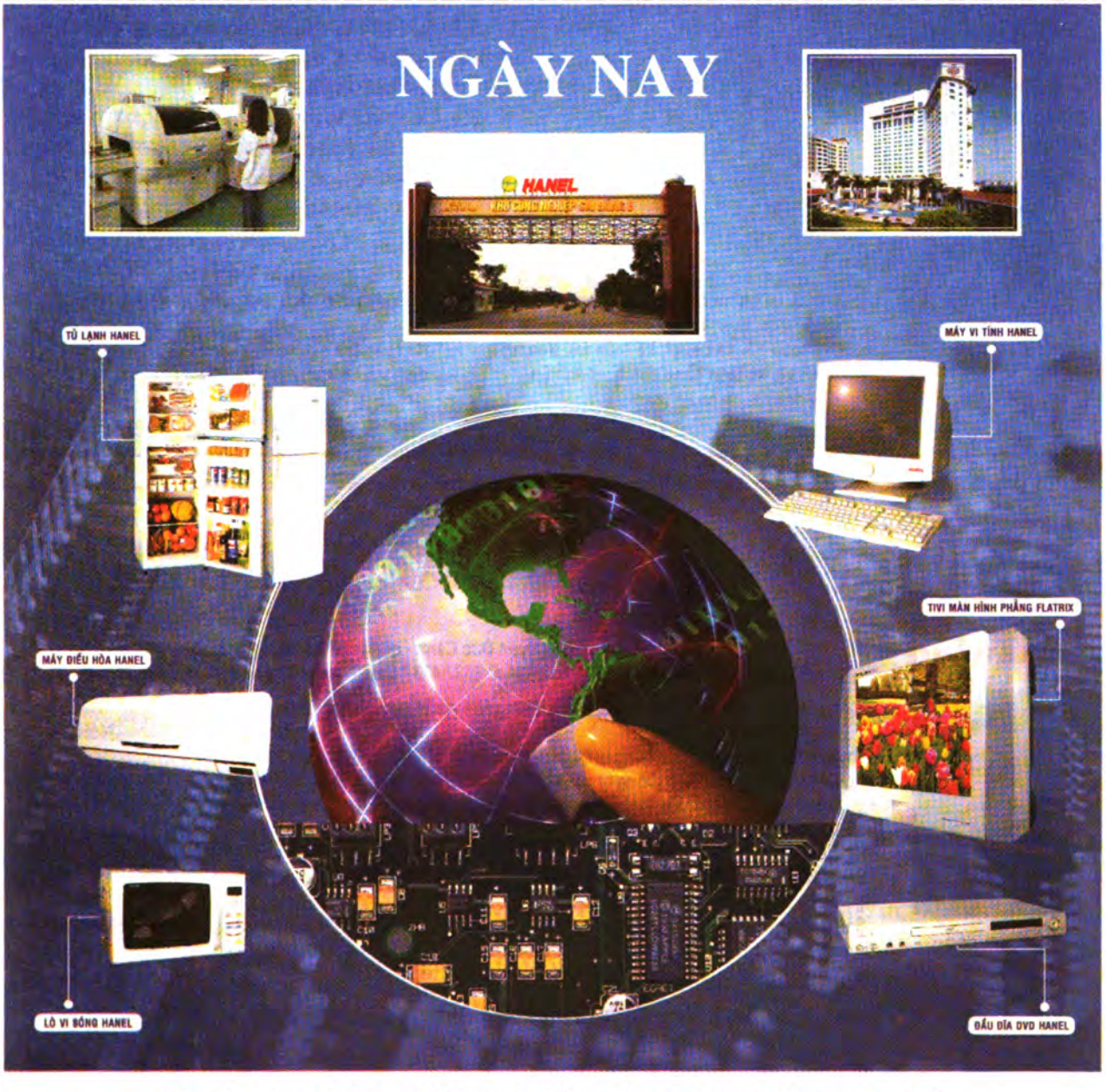
HANEL®

Hi-Tech & Digital



20 năm trước...

NGÀY NAY



Năm 1984, thương hiệu Hanel khởi đầu với chiếc ti-vi đen trắng đơn giản. Nhưng đó là tất cả tâm huyết và sáng tạo của chúng tôi. Và hôm nay, sau 20 năm không ngừng tìm tòi, nỗ lực cao độ, Hanel đã trở thành nhà sản xuất đa ngành: **Điện tử - Tin học - Viễn thông - Đầu tư.**

Hanel - Nhà sản xuất tiên phong công nghệ cao & Kỹ thuật số.

ELECTRONICS | **INFORMATICS** | **TELECOMMUNICATION** | **INVESTMENT**

BỘ TÀI CHÍNH

TRƯỜNG CAO ĐẲNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Ngày thành lập: 28 - 06 - 1976

Điện thoại: 055 845 566; 845 601 * Fax: 055 845 717 * Email: tcdtckt@dng.vnn.vn.

1. NHIỆM VỤ:

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài chính kế toán trình độ cao đẳng và trung học.
- Nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH.

2. CÁC KHOA, BỘ MÔN VÀ TRUNG TÂM TRỰC THUỘC:

- Khoa Tài chính - Tiền tệ.
- Khoa Kế toán.
- Bộ môn Tin học ứng dụng.
- Bộ môn Khoa học cơ bản.
- Bộ môn Kinh tế.
- Bộ môn Mác - Lê-nin.
- Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ

3. NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO:

3.1. Đào tạo cấp bằng chính quy và không chính quy (Xem bảng)

3.2. Đào tạo cấp chứng chỉ: Tin học (A,B), tiếng Anh (A,B), thực hành kế toán trên máy

3.3. Bồi dưỡng: Kế toán trưởng, chủ tài khoản, nghiệp vụ quản lý ngân sách nhà nước, nghiệp vụ quản lý kho bạc nhà nước...

3.4. Liên kết đào tạo: với các trường đại học, viện và học viện để đào tạo đại học tại chức và đại học từ xa các ngành luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, tài chính - tín dụng, kế toán...

NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH	
	Bậc Cao đẳng	Bậc Trung học
Tài chính – Tín dụng	Thuế, tài chính doanh nghiệp, quản lý tài chính nhà nước, quản lý và kinh doanh tiền tệ.	Quản lý ngân sách nhà nước, thuế, bảo hiểm
Kế toán	Kế toán DN sản suất, kế toán DN thương mại – dịch vụ, kế toán hành chính sự nghiệp	Kế toán DN sản suất, kế toán DN thương mại – dịch vụ, kế toán hành chính sự nghiệp
Hệ thống thông tin KT	Tin học tài chính kế toán	
Tin học		Tin học tài chính kế toán

CÔNG TY ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

THONG NHAT ELECTROMECHANICAL COMPANY

Vinawind

Địa chỉ: 164 - phố Nguyễn Đức Cảnh - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT: (84 4)6622 400 - 6621 650 * Fax: (84 4) 6622 473 * Email: diencothongnhat@Hà Nội.vnn.vn



Giám đốc

NGUYỄN DUY ĐỨC

- Công ty Điện cơ Thống nhất là một trong những đơn vị sản xuất quạt điện lớn nhất Việt Nam
- Thương hiệu sản phẩm của Công ty đã được đăng ký độc quyền tại Việt Nam : Vinawind
- Ngoài sản phẩm quạt điện ,Công ty còn sản xuất các loại động cơ điện cỡ nhỏ, đồ điện gia dụng, gia công cơ khí, sơn tĩnh điện phủ bề mặt kim loại và đúc các chi tiết , sản phẩm bằng nhôm hợp kim trên máy đúc áp lực hiện đại.
- Công ty luôn đầu tư đổi mới trang thiết bị công nghệ hiện đại để mở rộng và phát triển sản xuất.
- Hệ thống quản lý chất lượng của công ty đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000
- Sản phẩm của công ty đa dạng về mẫu mã và chủng loại, lượng gió lớn, tiêu thụ điện năng ít, hình thức đẹp được người tiêu dùng ưa chuộng.
- Sản phẩm của công ty đạt nhiều huy chương vàng tại các hội chợ quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam, hội chợ thương mại Việt Nam, được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao.

- The thong nhat electromechanical company is one of the biggest electric fan manufacturers in Vietnam.
- Our trade mark is Vinawind and has been registered in Vietnam.
- Besides electric fan, our Company also produces small electric motor, household electric appliances, mechanical engineering, electrostatic sprayed coating, die casting of aluminum alloy products.
- The Company continually improves its technology and equipment for expanding and developing its production.
- The Company quality system has been approved on ISO 9001:2000
- The Company products have various models, great and delivery, low power consumption, good appearance. They have gained the affinity of consumers.
- The Company products have awarded many gold medal at international industrial products fair, trade fairs help in Vietnam. They have been introduced in the list of Vietnam high quality products.

Digitized by Google

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH HẠNG I

CÔNG TY DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

Địa chỉ: 246-248 Quốc lộ 50, Phường 6, Quận 8, TP.HCM * ĐT: 08.8 552 248 * FAX: 08 8 596 582 * Email: ctdtq8@hcm.vnn.vn

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH

- Thu gom vận chuyển rác, vệ sinh môi trường.
- Xây dựng, sửa chữa công trình hạ tầng, giao thông.
- Quản lý nhà thuộc sở hữu nhà nước.
- Quản lý công viên cây xanh, hệ thống chiếu sáng và thoát nước.
- Xử lý chất thải và chất gây ô nhiễm trên và ven kinh, sông.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Cơ khí ô-tô, cơ khí xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông.
- Tư vấn, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.
- Trò chơi, giải trí phục vụ các công viên thuộc quận 8.
- Kinh doanh nhà.
- Mua bán vật liệu xây dựng.
- Bán lẻ xăng dầu.



CÔNG TY DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Trụ sở chính : 200 B - Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, TP.HCM
ĐT: 08 8 395 277; 9 312 175; 9 312 027 * FAX: 08 8 326 357; 9 312 436

- Thu gom vận chuyển rác, thu dọn xà bần.
- Sửa chữa, lắp đặt nạo vét hệ thống thoát nước, rút hầm cầu.
- Duy tu, bảo dưỡng công viên cây xanh, thiết kế mỹ thuật hoa viên, cho thuê cây kiểng.
- Thi công các công trình: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, trang trí nội thất; giao thông, bến bãi và san lấp mặt bằng.
- Cho thuê các loại xe du lịch, các loại cơ giới thi công, mặt bằng kinh doanh.
- Sửa chữa xe ô-tô các loại.
- Tư vấn xây dựng - Thiết kế công trình, các thủ tục về nhà đất: Hợp thức hóa, công chứng, đăng bộ, chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà, xin giấy phép xây dựng sửa chữa, hoàn công xây dựng, môi giới nhà đất.
- Lập các loại bản vẽ hiện trạng, địa chính, xác định giá trị còn lại của nhà xưởng các loại.
- Mua bán máy tính, phần mềm máy tính và các thiết bị ngoại vi.

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH GIA LAI

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Địa chỉ: 69 Hùng Vương - Thành phố Plây Ku
Tel: (059) 824 378, 823 515 *Fax: 84.59.823 506 * Email: bdgialai@dng.vnn.vn



THÀNH TÍCH

TRONG THỜI KỲ CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

- 2 Huân chương Chiến công hạng Nhì, Ba.
- 9 Huân chương Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba.
- 2 Huy chương Giải phóng hạng Nhì.
- Đơn vị Anh hùng LLVT nhân dân.

TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

- 2 Huân chương Lao động hạng Nhì, Ba.
- 1 Cờ Chính phủ.
- 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- 50 Bằng khen của UBND tỉnh, Tổng cục bưu điện, Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

Doanh nghiệp hàng đầu cung cấp dịch vụ bưu chính - viễn thông - tin học.



LỄ ĐÓN NHẬN ĐƠN VỊ ANH HÙNG LLVT NHÂN DÂN



TRỤ SỞ BƯU ĐIỆN TỈNH

DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG - TIN HỌC

EMS EXPRESS MAIL SERVICE
VinaPhone VinaCard
VinaDaily VinaTaxi
Gọi 171 Gọi 1717 108
VNN MEGA VNN Fone VNN
CARDPHONE VIETNAM NHẮN TIN TOÀN QUỐC

Rất hân hạnh được đón tiếp và phục vụ Quý khách!

Digitized by Google

CHI CỤC BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN BÌNH THUẬN

ĐỊA CHỈ: 380 THỦ KHOA HUÂN, TP. PHAN THIẾT BÌNH THUẬN * ĐT: 062 812 517 * FAX: 062 812 524



CHỨC NĂNG:

- Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.
- Đăng ký, đăng kiểm tàu cá và thuyền viên.
- Quản lý và nuôi trồng thủy sản.
- Đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm thủy sản.
- Phòng, chống bão lũ và tìm kiếm cứu nạn trên biển.

THÀNH TÍCH:

- Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen năm 2000.
- Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua năm 2001.
- Năm 2002, được đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.
- Chi bộ 8 năm liền đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh và năm 2002, được công nhận chi bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu.

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU 75

Trụ sở chính: 98 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

Điện thoại: (056). 846 799 * Fax: (056).846 374 * Email: cosevco75@dng.vnn.vn ; cosevco75@yahoo.com

Công ty Xây dựng và sản xuất vật liệu 75 là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng miền Trung (Bộ Xây dựng).

*** CHỨC NĂNG:** Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, sân bay, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện; sản xuất vật liệu xây dựng và kinh doanh du lịch, khách sạn. Các sản phẩm công nghiệp của Công ty: Gạch ốp lát Ceramic; tôn mạ màu, mạ kẽm; xà gồ thép; ống nước PVC; tấm nhựa trần; xi-măng Cosevco75; gạch Block; vữa xây tô hỗn hợp...

*** CÔNG TY CÓ 10 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC:**

- Xí nghiệp Sản xuất vật liệu và Xây dựng 753: Trụ sở tại quốc lộ 1, Bình Kiến - Thị xã Tuy Hòa - Phú Yên.
  Điện thoại: 057.847 781 ; Fax: 057.847 773.
- Xí nghiệp Xây dựng 755: Trụ sở tại 98B Tây Sơn - TP. Quy Nhơn - Bình Định.
  Điện thoại: 056. 646 872; 647 470; Fax: 056. 646 872
- Xí nghiệp Xây dựng 757: Trụ sở tại 229 Quốc lộ 1A - Thị xã Tuy Hòa - Phú Yên.
  Điện thoại: 057. 829 203; 829 428; Fax: 057. 829 203.
- Xí nghiệp Xây dựng 759: Trụ sở tại Đường Lý Nam Đế - phường Trà Bá - TP. Pleiku - Gia Lai.
  Điện thoại: 059. 820 315; Fax: 059.820 378.
- Xí nghiệp Thi công cơ giới: Trụ sở tại 18 Tây Sơn -TP. Quy Nhơn - Bình Định.
  Điện thoại: 056.647 048; 647 218; Fax: 056.646 446.
- Xí Nghiệp Thương mại và Dịch vụ Cosevco: Trụ sở tại 147B Trần Hưng Đạo - TP. Quy Nhơn - Bình Định.
  Điện thoại: 056.893 377 ; Fax: 056.893 367.
- Nhà máy Tôn nhựa Cesevco: Trụ sở tại 18A - Tây Sơn - TP. Quy Nhơn - Bình Định.
  Điện thoại: 056.646 247; 646 005; Fax: 056.646 446.
- Nhà máy Gạch ốp lát Ceramic Cosevco: Trụ sở tại KCN Phú Tài - Phường Bùi Thị Xuân - TP. Quy Nhơn - Bình Định.
  Điện thoại: 056.741 888; Fax:056.741 598.
- Nhà máy Xi-măng Cosevco 75: Trụ sở tại An Chấn - Tuy An - Phú Yên.
  Điện thoại: 057.790 175; Fax: 057.790 236.
- Khách sạn và Văn phòng cho thuê Cosevco Center: Trụ sở tại Đường An Dương Vương - TP. Quy Nhơn - Bình Định.
  Điện thoại:056.746 127.

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH II

Địa chỉ: 422 Trần Hưng Đạo, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

** Điện thoại: 08 9 241 110 * Fax: 08 9 241112 *Website: www.alc2.com.vn E mail: alc2@hcm.vnn.vn*



CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Cho thuê tài chính các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển...sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp thuộc mọi ngành và thành phần kinh tế.

Thủ tục nhanh gọn, phục vụ ân cần

HUY ĐỘNG VỐN

Nhận tiền gửi nội tệ và ngoại tệ không kỳ hạn, có kỳ hạn với lãi suất hấp dẫn.

An toàn, hiệu quả

Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: *17 Pasteur, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng*

* Điện thoại: *0511 - 810 391* * Fax: *0511 - 823 361*

* E-mail: *alc2dn@dng.vnn.vn*

Chi nhánh Cần Thơ:

Địa chỉ: *5/5 đường 30/4, Phường Xuân Khánh,TP. Cần Thơ*

* Điện thoại: *071- 821 604* * Fax: *071 - 738 390*

* E-mail: alc2cantho@hcm.vnn.vn

● *Các đại lý ủy thác tại chi nhánh NHNo&PTNT các tỉnh*

ALC II- bạn đồng hành với các doanh nghiệp trên đường phát triển

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), thủy lợi, nhà dân dụng và công nghiệp.
- Khai thác đá, cát. Sản xuất kinh doanh đá, cát và vật liệu xây dựng khác.
- Khai thác chế biến và kinh doanh lâm sản.
- Vận tải đường bộ và đường sông.
- Khảo sát thiết kế và tư vấn xây dựng.
- Khảo sát, rà phá bom mìn, vật cản.

CÔNG TY XÂY DỰNG 621 SẴN SÀNG LIÊN DOANH LIÊN KẾT VÀ PHỤC VỤ YÊU CẦU CỦA QUÝ KHÁCH.

QUÂN KHU 9

CÔNG TY XÂY DỰNG 621

Trụ sở chính: đường Lê Hồng Phong, P. Trà Nóc, Tp. Cần Thơ

Điện thoại: 071 841 867 - 842 302 * Fax: (84.71) 841 581

Giám đốc Công ty: Đại tá, Thạc sỹ: NGUYỄN VĂN MINH

Là doanh nghiệp nhà nước được xếp hạng 1 theo Quyết định số 943/QĐ, ngày 23 - 05 - 2000, của Bộ Quốc phòng.



Digitized by Google

TRƯỜNG TRUNG HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 18 Phan Đăng Lưu, Thành phố Đà Nẵng * Điện thoại: 0511 641 681 * E-mail: pdongdng@vol.vnn.vn









Được sự đồng ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường được thành lập vào tháng 5 - 1998 theo Quyết định số 1998 của UBND Thành phố Đà Nẵng. Đây là trường trung học dân lập thí điểm đầu tiên của ngành và của địa phương tại miền Trung.

Từ ngày thành lập đến nay, tuy với thời gian ngắn, nhưng nhà trường không ngừng phát triển về quy mô, cơ cấu ngành nghề và hình thức đạo tạo. Nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho xã hội một đội ngũ nhân lực có trình độ bậc trung cấp. Đa số học sinh ra trường, bước đầu đã phát huy được tác dụng, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

HỆ CHÍNH QUY

a.Đối tượng đào tạo: Đã tốt nghiệp THPT.

b.Thời gian đào tạo: 2 năm.

c.Ngành nghề đào tạo:Kế toán doanh nghiệp, kế toán tin học, kế toán hành chính sự nghiệp, ma-két-ting kinh doanh, nghiệp vụ văn thư lưu trữ, thư ký văn phòng, điện tử - tin học, tin học ứng dụng, tin học viễn thông, kỹ thuật xây dựng cấp thoát nước

HỆ KHÔNG CHÍNH QUY (Tại chức ban đêm vừa học vừa làm).

a.Đối tượng đào tạo: Đã tốt nghiệp THPT.

b.Thời gian đào tạo: 1 năm.

c.Ngành nghề đào tạo:

-Kế toán doanh nghiệp.

-Kế toán - Tin.

-Nghiệp vụ văn thư - Lưu trữ.

NỘI DUNG ĐÀO TẠO

-Tuân thủ chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của các bộ, ngành có liên quan.

-Tuân thủ các quy chế về quản lý học tập và rèn luyện của học sinh, các quy chế quản lý học sinh nội trú và ngoại trú của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

-Thực hiện công tác giảng dạy chuyên môn gắn liền với công tác giáo dục đạo đức, xây dựng tác phong công nghiệp cho học sinh.

-Gắn liền việc giảng dạy lý thuyết với kiến thức thực tiễn và tăng cường khả năng thực hành của học sinh theo phương châm: "Nhà trường gắn liền với xã hội".

-Thực hiện phương châm đào tạo người cán bộ trung học chuyên nghiệp: Miệng nói tay làm, chuẩn mực, chính xác".

Hướng tới thành lập trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật dân lập đầu tiên tại miền Trung

SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 12 Trần Phú - quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng * ĐT: (0511) 894 615 * Fax: (0511) 827 074



Trụ sở Sở Tài chính - Vật giá Đà Nẵng

KẾT QUẢ VÀ THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG 6 NĂM (1997 - 2002)

❋ Về tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện là 10 874 tỉ đồng, bình quân thu mỗi năm đạt 1 812 tỉ đồng, tốc độ tăng thu bình quân mỗi năm là 20,4%. Trong đó thu thuế xuất nhập khẩu là 4 272 tỉ đồng, chiếm 39%, thu nội địa là 5 425 tỉ đồng, chiếm 50% tổng thu. Về tổng chi ngân sách thực hiện là 5 490 tỉ đồng, tốc độ tăng chi bình quân mỗi năm là 31,4%; trong đó: chi thường xuyên đạt 2 053 tỉ đồng, chiếm 37% tổng chi ngân sách; chi đầu tư phát triển là 2 778 tỉ đồng, chiếm 51% tổng chi ngân sách, tốc độ tăng chi XDCB bình quân hàng năm là 45%. Có được kết quả này là nhờ:

❋ Bộ máy các cấp của ngành được sắp xếp ngày càng phù hợp với yêu cầu; đội ngũ cán bộ được chú trọng phát triển cả về số lượng và chất lượng, trong đó mục tiêu hàng đầu là tạo được bước đột phá về chất, đáp ứng được nhiệm vụ của thời kỳ mới. Đến nay, toàn ngành có 442 cán bộ, trong đó cán bộ có trình độ đại học và trên đại học chiếm 43%, số còn lại phần lớn đã qua trình độ trung cấp. Đặc biệt, ngành chú trọng đào tạo chuyên môn cho cán bộ đang làm công tác tài chính ngân sách tại xã, phường (trưởng ban tài chính, kế toán ngân sách) đạt được trình độ trung cấp tài chính kế toán.

❋ Thành phố đang triển khai chỉnh trang đô thị với nhiều nguồn vốn đầu tư, đặc biệt với chi đầu tư phát triển thực hiện qua các năm được tập trung với nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung ngày càng tăng và chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng chi ngân sách địa phương. Vì vậy, nhiều công trình quan trọng đã hoàn thành đưa vào sử dụng như hệ thống giao thông nội thị, nhiều khu đô thị mới được hình thành, cầu Sông Hàn, các Trung tâm hành chính quận, huyện... Có thể nói, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội Thành phố đã phát triển với tốc độ nhanh.

SỞ ĐƯỢC TRAO TẶNG

❋ Huân chương Lao động hạng Ba.

❋ Danh hiệu "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh" nhiều năm liền.

❋ Cờ thi đua, bằng khen của Chính phủ và nhiều cờ thi đua của Thành phố.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2005

❋ Phấn đấu tăng thu NSNN bình quân hằng năm khoảng 10 đến 12%.

❋ Phấn đấu huy động tỷ lệ động viên từ GDP vào ngân sách từ 19 đến 20%; trong đó huy động từ thuế, phí và lệ phí từ 17 đến 18%.

❋ Đảm bảo chi NSNN chiếm từ 9,5 đến 10% GDP, trong đó chi đầu từ phát triển chiếm từ 50 đến 55% tổng chi NSNN, chi thường xuyên chiếm từ 45 đến 50% tổng chi NSNN.

❋ Thực hiện có hiệu quả phương án tổng thể và sắp xếp, đổi mới DNNN thuộc Thành phố quản lý giai đoạn 2003-2005 đã được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 78/2003/QĐ-TTg, ngày 29-4-2003. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển DNNN thuộc Thành phố quản lý đến năm 2005 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 19/2002/QĐ-UB, ngày 06-2-2002.

❋ Từng bước đưa công tác quản lý tài chính theo phương pháp hiện đại, hệ thống hóa mạng vi tính, tiếp tục công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ quản lý CBCC từ Thành phố đến phường, xã.

Digitized by Google

CÔNG TY DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
VIETNAM ELECTRIC WIRE & CABLE CORP.

CADIVI

ISO 9001 : 2000

Văn phòng: 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
• Tel: (84.8) 8299 443 - 8 292 972 • Fax: (84.8) 8 299 437 • Email: cadivi@hcm.fpt.vn • Website: www.cadivi-vn.com

- **CADIVI** là doanh nghiệp nhà nước về sản xuất và kinh doanh đầu tiên được cấp GCN hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9002:1994; và chuyển đổi sang ISO 9001:2000 vào tháng 3-2002.
- **CADIVI** là thành viên chính thức của Hiệp hội Chế tạo Máy & Dây cáp Điện quốc tế.
- Sản phẩm **CADIVI** đạt tiêu chuẩn TCVN - được sản xuất và kiểm tra theo các tiêu chuẩn quốc tế thông dụng : JIS, ASTM, BS, IEC,...
- Sản phẩm **CADIVI** đạt danh hiệu "Hàng Việt Nam Chất lượng Cao" 7 năm liền (do người tiêu dùng bình chọn): 1997 - 2003.
- **CADIVI** có thể sản xuất các loại kích thước theo yêu cầu của Quý khách.

CHUYÊN SẢN XUẤT KINH DOANH :

- Dây điện dân dụng : dây đơn đôi mềm, dây đơn cứng.
- Dây đồng/nhôm trần xoắn, dây nhôm lõi thép.
- Dây và cáp điện lực bọc cách điện PE, XLPE hoặc PVC, vỏ bảo vệ PVC hoặc PE.
- Cáp trung thế 18/30 (36KV), cáp chống thấm hạ thế và trung thế, cáp rẻ quạt (1-4 ruột).
- Cáp vặn xoắn hạ áp (LV-ABC), cáp vặn xoắn trung áp (MV-ABC).
- Cáp điện kế, cáp điều khiển, cáp thang máy, dây điện từ.
- Các loại khí cụ điện, nhôm hình, thau hình, đồng thau các loại, hạt nhựa PVC.
- Mua bán các loại vật tư phục vụ cho ngành dây cáp điện.



CADIVI đem nguồn sáng đến mọi nơi

7 năm 1997-2003 HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

Ưu điểm vượt trội của dây cáp điện CADIVI

- **Ruột dẫn** theo tiêu chuẩn kỹ thuật điện quốc tế đảm bảo **"dẫn điện tốt"**, không bị oxy hóa, ít tổn hao điện, dễ sử dụng, dễ uốn cong, không bị đứt ngầm khi lắp đặt, tuổi thọ cao.
- **Vật liệu cách điện** heo tiêu chuẩn kỹ thuật điện quốc tế đảm bảo **"cách điện an toàn"**, phòng chống cháy nổ, thích hợp cho các công trình lắp đặt ngầm, âm tường.

Dây cáp điện **CADIVI**

DẪN ĐIỆN TỐT - CÁCH ĐIỆN AN TOÀN - TIẾT KIỆM ĐIỆN

Digitized by Google

S 30

CÔNG TY PHÁT TRIỂN VÀ KHAI THÁC HẠ TẦNG

KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

DANANG INDUSTRIAL ZONES INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT AND EXPLOITATION COMPANY (DAIZICO)

TRỤ SỞ LÀM VIỆC: 58 ĐƯỜNG NGUYỄN CHÍ THANH - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
ĐIỆN THOẠI: 84 511 886 159 - 886 167 * FAX: 84 511 886157 * EMAIL: DAIZICO@DNG.VNN.VN
GIÁM ĐỐC: ĐẶNG THANH BÌNH

Quyết định thành lập: Số 107/2000/QĐ - UB, ngày 29 - 09 - 2000, của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng







CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Công ty là chủ đầu tư dự án và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Hoà Khánh, Khu Công nghiệp Hoà Cầm, Khu Công nghiệp dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Khu Đô thị công nghiệp Hoà Khánh, Khu Dân cư Hoà Hiệp.

Công ty có nhiệm vụ tổ chức quản lý khai thác mặt bằng và cơ sở hạ tầng bao gồm: việc duy tu, sửa chữa và cho thuê mặt bằng trong các khu công nghiệp.

NHỮNG ƯU ĐÃI KHI ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHIỆP HOÀ KHÁNH, HOÀ CẦM

GIÁ THUÊ ĐẤT ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (BAO GỒM PHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG)

+ Đầu tư sản xuất

Giá thuê tối thiểu: 0,3 USD/m^2/năm

Giá thuê tối đa: 0,6 USD/m^2/năm

+ Đầu tư dịch vụ bằng 1,4 lần so với doanh nghiệp sản xuất

- Thời gian đầu tư xây dựng cơ bản không tính tiền thuê đất.

- Từ khi bắt đầu đi vào hoạt động được miễn 7 năm tiền thuê đất

GIÁ THUÊ ĐẤT ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC

+ Đầu tư sản xuất: 2 100 đồng tới 4 200 đồng/m^2/năm

+ Đầu tư dịch vụ bằng 1,4 lần so với doanh nghiệp sản xuất

Những dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư UBND Thành phố Đà Nẵng sẽ áp dụng linh hoạt giá cho thuê lại.

Ngoài ra, nhà đầu tư còn được hưởng các ưu đãi khác theo quy định của Nhà nước Việt Nam và của UBND Thành phố Đà Nẵng.

Khu Công nghiệp Hoà Khánh hiện đã có 125 doanh nghiệp đã hoạt động và đang triển khai. Lấp đầy 100% diện tích giai đoạn 1: 242,5 héc-ta, đang triển khai giai đoạn 2: 121 héc-ta và giai đoạn mở rộng: 138 héc-ta.

DAIZICO HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000Đ

4468B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
OCT 22 2003
CURRENT SERIALS

27
9-2003

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ IN ĐÀ NẴNG

18 Yên Báy - Đà Nẵng * ĐT: 0511 821 038 - 818 477 Fax: 84 511 825 733 - 823 909

● Lĩnh vực xổ số kiến thiết :

- Hằng ngày, phát hành các loại hình xổ số kiến thiết:

● ***Vé xổ số kiến thiết truyền thống:***

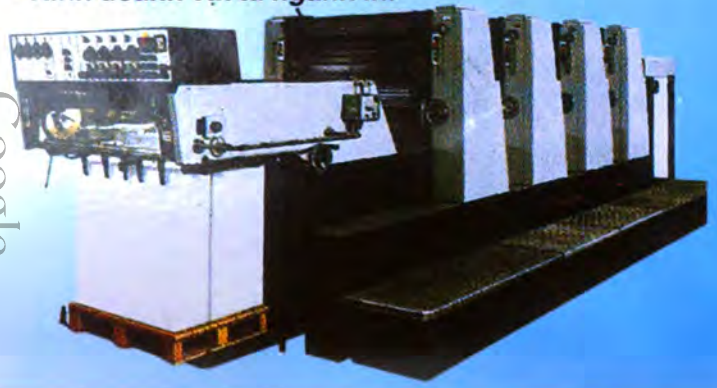
Vé 2000đ trúng giải đặc biệt cặp 10 vé 500 000 000đ
Vé 3000đ trúng giải đặc biệt cặp 10 vé 750 000 000đ
Vé 5000đ phát hành trong dịp Lễ, Tết trúng giải đặc biệt cặp 10 vé 1 250 000 000đ.

● ***Vé xổ số lô-tô***
● ***Vé xổ số cào biết kết quả ngay.***
● ***Vé xổ số bóc biết kết quả ngay.***

Các bạn tham gia mua vé xổ số kiến thiết Thành phố Đà Nẵng vừa ích nước vừa lợi nhà, cơ hội trúng nhiều giải thưởng lớn sẽ đến với bạn.

● Lĩnh vực in :

- *Thiết kế, tạo mẫu, tách màu chế bản điện tử.*
- *In và hoàn chỉnh sản phẩm: Lịch, Catalogue, sách báo, nhãn hàng hóa và các tài liệu phục vụ quản lý nhà nước, quản lý kinh tế...*
- *Sản xuất giấy in liên tục trên máy vi tính.*
- *Kinh doanh vật tư ngành in.*







Rất hân hạnh được đón tiếp và phục vụ Quý khách!

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 690

27
9-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Góp phần thực hiện chủ động hội nhập...
Ảnh : Bình Giang

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Đề cương văn hóa Việt Nam với sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. 3

LƯƠNG VĂN TỰ - Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong tiến trình gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) 8

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

BÙI THANH QUẤT - Toàn cầu hóa - một cách tiếp cận mới 11

NGUYỄN HOÀNH XANH - Các giải pháp tăng cường khả năng hội nhập kinh tế quốc tế 15

CHU TIẾN QUANG - LÊ MẠNH HÙNG - Công nghiệp chế biến nông sản trước xu thế hội nhập 19

MAI HẢI OANH - Toàn cầu hóa kinh tế và xây dựng nền văn hóa dân tộc 24

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

*** "Triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI" 28

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

VŨ NGỌC KỲ - Đoàn kết, tự tin : Hà Giang vững bước đi lên 32

NGUYỄN ĐẠT - Một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về đổi mới cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Quảng Ninh 36

CHU TIẾN CƯỜNG - Bộ đội quân y góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân 41

ĐỌC SÁCH

MAI THANH - "Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" 46

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN QUỲNH ANH - Pháp lệnh Dân số nâng cao trách nhiệm của công dân, gia đình và xã hội 50

NGUYỄN THỊ THANH HẢI - Pháp luật quốc tế và Việt Nam về bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong quan hệ hôn nhân, gia đình 54

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN THANH NGA - Tổng quan về quá trình chuẩn bị gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) của Việt Nam và các bước tiếp theo 59

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Tọa đàm về đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН КХОА ДИЕМ: Тезисы Вьетнамской культуры и дело строительства и развития Вьетнамской культуры, должной быть передовой, богатой национальным своеобразием. ЛЫОНГ ВАН ТЫ: Благоприятные условия и испытания перед Вьетнамом в ходе к вступлению во Всемирную Торговую Организацию (ВТО). БУЙ ТХАНЬ КУАТ: Глобализация – новый подход к ней. НГУЕН ХОАНЬ САНЬ: Мероприятия по усилению возможностей для международной экономической интеграции. МАЙ КХАЙ ОАНЬ: Экономическая глобализация и построение национальной культуры. *** *Научно-практический семинар:* «Перспективы социализма в два первых десятилетия XXI века». ВУ НГОК КИ: Солидарность, самоуверенность: Провинция Хажанг уверенно шагает вперёд. НГУЕН ДАТ: За один год выполнения Резолюции Vого Пленума Центрального Комитета КПВ об обновлении экономической структуры, развития сельского хозяйства, села в провинции Куангнинь. *** *Чтение книг:* «О социализме и пути к социализму во Вьетнаме». НГУЕН ТХИ ТХАНЬ ХАЙ: Международное право и Вьетнамское право об обеспечении равноправия женщин в брачно-семейных отношениях. НГУЕН ТХАНЬ НГА: Обзор о процессе подготовки Вьетнама к вступлению во Всемирную Торговую Организацию (ВТО) и последующие шаги.

CONTENTS

NGUYỄN KHOA ĐIỂM: The Draft for Vietnamese culture and the cause of building, developing and making it be progressive and imbued with national identities. LƯƠNG VĂN TỰ: Opportunities and challenges for Vietnam in the process of merging into WTO. BÙI THANH QUẤT: Globalisation – a new approach to it. NGUYỄN HOÀNH XANH: Solutions for strengthening ability of World economic merging. MAI HẢI OANH: Economic globalisation and building of national culture. *** *Scientific-practical seminar:* "Prospects of socialism in the first two decades of the XXI century". VŨ NGỌC KỲ: Hà Giang province steadily advances forward, united and self-confident. NGUYỄN ĐẠT: One year fulfilling Resolution of the Vth Plenum of CPV Central Committee regarding renovation of economic structure, development of agriculture and the countryside in Quảng Ninh province. *** *Book reading:* "Regarding socialism and the path to socialism in Vietnam". NGUYỄN THỊ THANH HẢI: International and Vietnamese laws on guarantee of women's equality rights in marriage and family relations. NGUYỄN THANH NGA: Overview of Vietnam's preparatory process of merging into WTO and the followsing stages.

SOMMAIRE

NGUYỄN KHOA ĐIỂM: Le Programme culturel vietnamien et l'œuvre d'édification, de développement d'une culture avancée et imprégnée de l'identité nationale. LƯƠNG VĂN TỰ: Opportunités et défis pour le Vietnam dans le processus d'intégration à l'OMC. BÙI THANH QUẤT: La globalisation – une nouvelle approche. NGUYỄN HOÀNH XANH: Les solutions visant à renforcer les possibilités d'intégration économique internationale. MAI HẢI OANH: Globalisation économique et édification de la culture nationale. *** *Séminaire Science – Pratique :* "Perspectives du socialisme dans les deux premières décennies du XXIe siècle". VŨ NGỌC KỲ: Avec union et confiance en soi : Hà Giang avance à pas sûrs. NGUYỄN ĐẠT: Une année de la mise en œuvre de la Résolution du 5e Plénum du Comité central du PCV sur la restructuration économique, le développement agricole et rural dans la province de Quảng Ninh. *** *Lecture :* "Sur le socialisme et la voie menant au socialisme au Vietnam". NGUYỄN THỊ THANH HẢI: Le droit international et vietnamien concernant l'assurance de l'égalité des sexes dans les relations conjugales et familiales. NGUYỄN THANH NGA: Aperçu du processus de préparation du Vietnam pour l'adhésion à l'OMC et des étapes suivantes.

SUMARIO

NGUYỄN KHOA ĐIỂM: El programa de cultura y la causa de edificación y desarrollo de la cultura vietnamita avanzada y llena de la identidad nacional. LƯƠNG VĂN TỰ: Oportunidades y retos para Vietnam en el curso de adherirse a la Organización Mundial de Comercio (OMC). BÙI THANH QUẤT: La globalización – nueva forma de acercamiento. NGUYỄN HOÀNH XANH: Médidas de aumentar las capacidades de integrarse a la economía internacional. MAI HẢI OANH: La globalización económica y la edificación de una cultura nacional. *** *Seminario científico-práctico*: "Perspectivas del socialismo en las dos primeras decenas del siglo XXI". VŨ NGỌC KỲ: Unida y confiada, la provincia de Hà Giang avanza con los pasos firmes. NGUYỄN ĐẠT: Un año del cumplimiento de la Resolución del V Pleno del CC del PCV sobre la renovación de estructura económica, del desarrollo agrícola y del campo en la provincia de Quảng Ninh. *** *Lectura:* "Sobre el socialismo y el camino hacia el socialismo en Vietnam". NGUYỄN THỊ THANH HẢI: Leyes internacional y vietnamita sobre la garantía del derecho de igualdad de la mujer en el matrimonio y la familia. NGUYỄN THANH NGA: Una vista panorámica del proceso de preparación de Vietnam para adherirse a la OMC y sus pasos siguientes.

目录

• 阮科恬：建设、发展先进，带有浓厚民族本色文化的事业的越南文化提纲• 梁文字：越南在加入世界贸易组织(WTO)进程中的机遇及挑战• 裴清琨：全球化——一个新的接近的方法• 阮衡撑：加强融入国际经济力度所采取的措施• 梅海莺：全球化经济与建设民族文化• *** 科学实践研讨会：《社会主义在二十一世纪初二十年代中的展望》• 武玉祁：团结、自信：河江省稳步前进• 阮达：广宁省落实关于革新经济结构、发展农业、农村的中央第五号决议• *** 读书：《有关社会主义其向社会主义迈进的道路》• 阮氏清海：有关维护妇女在婚姻、家庭中平等的国际法律和越南法律• 阮清娥：综观越南加入世界贸易组织(WTO)的准备过程及继之采取的步骤

Digitized by Google

ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

NGUYỄN KHOA ĐIỀM*

TRONG sự nghiệp lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn luôn dành sự quan tâm đặc biệt đối với công tác văn hóa văn nghệ. Chính vì thế, năm 1943, mười ba năm sau ngày thành lập Đảng, giữa bộn bề công việc cấp bách được lịch sử trao cho trọng trách lãnh đạo dân tộc Việt Nam đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, Đảng đã có một chủ trương đúng đắn, kịp thời : công bố một cương lĩnh cho sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa mới, nền văn hóa cách mạng Việt Nam. Đó chính là *Đề cương văn hóa Việt Nam*, được đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng khởi thảo và được Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng thông qua.

Vào thời điểm *Đề cương văn hóa Việt Nam* ra đời, đất nước ta đang tiến dần đến một bước ngoặt lịch sử. Mọi tầng lớp nhân dân sống ngột ngạt dưới sự cai trị và bóc lột của phát xít Nhật và thực dân Pháp. Cuộc đấu tranh đòi giải phóng dân tộc diễn ra quyết liệt. Mặt trận tư tưởng - văn hóa diễn biến phức tạp. Phát xít Nhật, thực dân Pháp tiếp tục thực hiện chính sách văn hóa nô dịch, ngu dân, phản động, tuyên truyền gây thanh thế cho văn hóa Nhật, Pháp, thẳng tay đàn áp những nhà hoạt động văn hóa tiến bộ, có tư tưởng yêu nước. Lúc này, một bộ phận trí thức hoang mang, dao động, bế tắc trước thời cuộc, bộc lộ tư tưởng duy tâm, thần bí, cải lương tư sản, có kẻ khoác áo trốt-kít công kích chủ nghĩa Mác. Cùng với ách đô hộ và bóc lột, kẻ thù tìm mọi cách ru ngủ, mị dân, mưu toan làm mai một bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, ngăn cản nhân dân tìm đường đến với cách mạng. Trước tình hình đó, những trí thức, văn nghệ sỹ giàu lòng yêu nước, có tinh thần dân tộc và đông đảo nhân dân lao động mong muốn Đảng ta đề xướng một đường lối văn hóa mới ở Việt Nam.

Thực hiện nhất quán đường lối giải phóng dân tộc của Đảng đã được Hội nghị 8 của Trung ương xác định dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng đã coi xây dựng văn hóa dân tộc là một bộ phận

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Digitized by Google

của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Bản *Đề cương văn hóa Việt Nam* ra đời nói lên tầm vóc chính trị tư tưởng sâu sắc của một chính đảng của giai cấp công nhân, đánh dấu bước phát triển mới của văn hóa nước nhà. Vì vậy, *Đề cương văn hóa Việt Nam* mang đầy đủ ý nghĩa một bản Cương lĩnh về văn hóa, bổ sung cho Cương lĩnh chính trị của Đảng. Cương lĩnh trình bày một cách khái quát và cô đọng những quan điểm cơ bản trong đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng ta. *Đề cương văn hóa Việt Nam* gồm 5 phần : Cách đặt vấn đề ; lịch sử và tính chất của văn hóa Việt Nam ; nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật - Pháp ; vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam ; nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mác-xít Đông Dương, nhất là những nhà văn hóa mác-xít ở Việt Nam.

Giá trị lý luận của bản *Đề cương văn hóa Việt Nam* là ở chỗ, lần đầu tiên, Đảng ta công bố quan niệm của mình về văn hóa theo quan điểm mác-xít, văn hóa được xác định là một trong ba mặt trận (cùng với mặt trận chính trị và kinh tế) trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tạo nên bước ngoặt trong nhận thức về vai trò và sứ mệnh của văn hóa đối với đời sống xã hội. *Đề cương* khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam ; luận chứng sự thắng lợi của cách mạng chính trị là cơ sở đảm bảo thành công của cách mạng văn hóa ; xác định vị trí của cách mạng văn hóa trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. *Đề cương* chỉ rõ, văn hóa Việt Nam phải đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng để bảo vệ chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử ; phải gắn mình với trào lưu văn hóa tiến bộ trên thế giới. *Đề cương* đề ra những nguyên tắc xây dựng nền văn hóa mới, đó là : dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Xuất phát từ các nguyên tắc này, trong quá trình cách mạng, Đảng ta đã nhất quán vận dụng để xây dựng và phát triển nền văn hóa mới ở Việt Nam. Bản *Đề cương* đã đưa ra một dự báo quan trọng là nền văn hóa mới mà toàn Đảng, toàn dân chúng ta phải thực hiện sẽ là *văn hóa xã hội chủ nghĩa*. Những quan điểm cơ bản về văn hóa mác-xít nêu ra trong *Đề cương* trở thành ánh sáng soi rọi, kim chỉ nam cho chương trình hành động của văn hóa cách mạng. Điều ấy chứng tỏ giá trị vượt thời gian và đóng góp to lớn của *Đề cương*.

Với tầm nhìn cách mạng, khoa học và có sức thuyết phục cao, ngay từ lúc mới ra đời, *Đề cương văn hóa Việt Nam* đã có sức lan tỏa, thu hút đông đảo đội ngũ những người hoạt động văn hóa văn nghệ ưu tú nhất của nước ta hồi ấy, đưa họ đến với Mặt trận Việt Minh, Hội Văn hóa cứu quốc, tham gia Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và tham gia cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Đây chính là giá trị thực tiễn to lớn của *Đề cương văn hóa Việt Nam* đối với cuộc vận động văn hóa nước nhà góp phần đắc lực trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Từ sau khi công bố *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay, 60 năm qua, Đảng ta đã có nhiều văn kiện quan trọng về văn hóa văn nghệ. Phát triển tư duy khoa học của *Đề cương văn hóa Việt Nam*, tổng kết những vấn đề từ thực tiễn phong phú 60 năm qua, đường lối và quan điểm về văn hóa văn nghệ của Đảng ta không ngừng được bổ sung và ngày càng hoàn thiện.

Digitized by Google

Tháng 7-1998, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) *"Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*. Nghị quyết Trung ương 5 mang ý nghĩa một chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đã kế thừa những quan điểm của Đảng trong *Đề cương văn hóa Việt Nam*, phát triển những giá trị lý luận của bản *Đề cương* lên một tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước. Kỷ niệm 60 năm Đảng ta công bố *Đề cương văn hóa Việt Nam* cũng là lúc chúng ta nhìn lại chặng đường 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về văn hóa.

Đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, nguyện vọng của nhân dân, 5 năm qua, Nghị quyết Trung ương 5 đã bước đầu đi vào đời sống, tạo ra chuyển biến nhận thức của xã hội về vai trò của văn hóa. Văn hóa mang đầy đủ ý nghĩa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Vấn đề xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, xây dựng môi trường văn hóa được quan tâm. Hoạt động phát triển sự nghiệp văn học nghệ thuật, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc, đặc biệt là văn hóa các dân tộc thiểu số được xây dựng thành các chương trình, dự án và tổ chức thực hiện có kết quả. Phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa* được hưởng ứng rộng rãi, góp phần không nhỏ vào việc xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh, phong phú của nhân dân, củng cố khối đoàn kết toàn dân tộc. Công tác quản lý của Nhà nước về văn hóa được đổi mới một bước, có nhiều tiến bộ, thể hiện tính tích cực, chủ động, kiên quyết với các giải pháp thiết thực, tạo sự chuyển biến trên nhiều mặt.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về văn hóa còn bộc lộ nhiều yếu kém và khuyết điểm. Trong công tác quản lý báo chí, văn hóa, xuất bản, nhiều mặt bị buông lỏng làm nảy sinh nhiều khuynh hướng không lành mạnh. Một số giá trị văn hóa và đạo đức xã hội suy giảm. Mê tín, hủ tục phát triển. Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Công tác nghiên cứu lý luận còn nhiều bất cập, chưa vươn lên giải đáp kịp thời những vấn đề đặt ra trong thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa, chưa đấu tranh kiên quyết với những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng "thương mại hóa", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường.

Thực tiễn phong phú của quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về văn hóa, với những thành công và chưa thành công, ưu điểm và khuyết điểm trong tổ chức, chỉ đạo đã và đang đặt ra những vấn đề lớn cần tiếp tục nghiên cứu và giải đáp. Thí dụ, việc xử lý quan hệ giữa phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tác động tích cực lẫn tiêu cực của kinh tế thị trường đối với phát triển văn hóa như thế nào ? Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đặt sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa trước những thời cơ và những nguy cơ, thách thức đến đâu ? Sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại như thế nào ? Hàng loạt vấn đề lý luận đặt ra cho đội ngũ cán bộ làm công tác

Digitized by Google

nghiên cứu tư tưởng, lý luận cần tiếp tục đi sâu phân tích và làm sáng rõ hơn nữa. Chẳng hạn, trong tình hình mới, thế nào là tiên tiến, là đậm đà bản sắc dân tộc ; kế thừa truyền thống văn hóa và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới như thế nào ; làm gì để giữ gìn và phát huy được bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong hội nhập quốc tế ?... Để nâng cao hiệu quả và đổi mới nội dung, phương thức quản lý của Nhà nước về văn hóa thông tin, rõ ràng phải có những chủ trương, biện pháp phù hợp và sáng tạo. Như vậy, xu thế toàn cầu hóa đang mở ra nhiều thuận lợi nhưng cũng nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Chính trong thời điểm này, tinh thần dân tộc, khoa học, đại chúng mà *Đề cương* nêu ra càng phải được nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn để đủ năng lực, bản lĩnh vươn tới cái tiên tiến, hiện đại mà vẫn giữ được bản sắc, giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Quán triệt *Đề cương văn hóa Việt Nam*, trong tình hình thế giới, khu vực, trong nước diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những bất trắc khó lường, chúng ta càng phải nhận thức sâu sắc những quan điểm cơ bản về văn hóa của Đảng, từ đó kiên định mục tiêu, con đường Đảng và nhân dân đã lựa chọn, đặng xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng những giá trị cao cả của con người Việt Nam thời kỳ mới.

Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng, bản chất của nền văn hóa nước ta không tách rời với con đường toàn dân tộc đang đi chính là độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Đây là nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị của Đảng và *Đề cương văn hóa Việt Nam*. Từ năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn chúng ta : "Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi". Năm 1960, Bác lại ân cần nhắc nhở : "Nhiệm vụ của người cán bộ văn hóa là phải dùng văn hóa để tuyên truyền cho việc cần kiệm xây dựng nước nhà". Hiện tại, trong cuộc chiến đấu gian khổ chống tham nhũng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên, văn hóa có vai trò rất to lớn. Tự bản chất, tự chiều sâu, văn hóa luôn luôn có tác dụng làm thanh lọc tâm hồn con người, làm điểm tựa cho tinh thần con người, giúp con người vươn tới cái tốt đẹp, tránh xa, từ bỏ cái xấu xa, thấp hèn. Vì thế, phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa* cần được triển khai vào chiều sâu, có hiệu quả hơn. Làm sao để mỗi gia đình, mỗi làng xã, mỗi cộng đồng xã hội là một cộng đồng văn hóa giàu sức sống, đề kháng mạnh mẽ sự xuống cấp về văn hóa - đạo đức, bài trừ những tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa ngày càng lành mạnh. Làm sao để mỗi con người có đủ đức tính tốt đẹp chống lại những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường. Do đó, văn hóa phải góp phần xây dựng những mẫu hình của thời kỳ đổi mới, hướng con người tới cái chân, thiện, mỹ, nuôi dưỡng và phát huy các giá trị tốt đẹp của sự nghiệp cách mạng, của truyền thống dân tộc, hình thành nhân tố nội sinh bền vững trong mỗi con người và cả dân tộc.

Chúng ta coi trọng công tác đào tạo cán bộ văn hóa. Chủ thể của sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa là công nhân, nông dân, trí thức và quảng đại quần chúng

Digitized by Google

nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhưng đội ngũ cán bộ luôn giữ vai trò quan trọng. Vì thế, công tác đào tạo cán bộ phải trở thành nhiệm vụ thường xuyên của hoạt động văn hóa. Điều chúng ta phải quan tâm là đào tạo được một đội ngũ gắn bó sâu sắc, tự nguyện với sự nghiệp cách mạng cao đẹp của Đảng và của nhân dân ta, có tài, có phẩm chất, biết làm việc trong những điều kiện mới. Cùng với việc phải có chính sách khuyến khích sáng tạo trong các hoạt động văn hóa, tăng nguồn đầu tư cho sự nghiệp xây dựng văn hóa, văn học nghệ thuật, cần chú trọng đầu tư cho các tài năng văn hóa nghệ thuật. Chú ý bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, quan điểm sáng tạo đúng đắn cho đội ngũ văn nghệ sỹ, cán bộ văn hóa trẻ tuổi. Đặc biệt chú trọng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo để hình thành đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu lý luận có trình độ cao, khắc phục điểm yếu của công tác này đã được Nghị quyết Trung ương 5 về văn hóa, Chỉ thị số 18 về công tác văn nghệ của Ban Bí thư chỉ ra, hoàn chỉnh hệ thống lý luận văn hóa trong giai đoạn mới.

Tiếp tục đầu tư cho việc xây dựng và ban hành pháp luật, hệ thống chính sách về văn hóa. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa thông tin trong giai đoạn mới đòi hỏi chúng ta phải có một hệ thống luật pháp, chính sách về văn hóa phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Một số chính sách văn hóa của ta hiện nay tỏ ra bất cập, chưa thích ứng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, nhiều chính sách khuyến khích phát huy nghệ thuật truyền thống, phát triển tài năng chậm ban hành, gây trở ngại cho sự phát triển văn hóa. Chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa là phương thức để khơi dậy sức dân trong sáng tạo, tiếp nhận, hưởng thụ văn hóa, để văn hóa trở về đúng nghĩa là hoạt động của dân, do dân, vì dân đang đòi hỏi phải được cụ thể hóa thành những biện pháp hữu hiệu. Hình thành hành lang pháp lý cần thiết cho xã hội hóa các hoạt động văn hóa chính là khơi lên các mạch nguồn mạnh mẽ của văn hóa dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một bộ phận quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, là sự nghiệp to lớn và lâu dài đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải phấn đấu với ý chí cách mạng kiên định, với trí tuệ sáng tạo và tính tự giác cao.

Cho tới nay, những đóng góp quan trọng của *Đề cương văn hóa Việt Nam* vẫn tươi nguyên giá trị, giúp chúng ta có cái nhìn đúng đắn, vững vàng để triển khai các nhiệm vụ văn hóa đã trở nên phong phú, đan xen nhiều thời cơ và thách thức. Quán triệt các văn kiện của Đảng về văn hóa văn nghệ mà *Đề cương văn hóa Việt Nam*, công trình lý luận có tính chất mở đầu, là công việc có ý nghĩa thiết thực của những người làm công tác văn hóa, các văn nghệ sĩ, những người làm công tác chỉ đạo và quản lý văn hóa hiện nay. Mỗi cán bộ nghiên cứu lý luận, hoạt động thực tiễn trong và ngoài ngành văn hóa thông tin, với tư cách là chiến sỹ trên mặt trận này, phải đem hết trí tuệ, tình cảm và tâm huyết cống hiến hơn nữa cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh, dân chủ và hạnh phúc.❑

Digitized by Google

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH GIA NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)

LƯƠNG VĂN TỰ *

Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là một tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu. Ngay từ khi thành lập (năm 1995), WTO đã có 130 thành viên (nước và vùng lãnh thổ). Những nước nhỏ như Cu-ba, Mi-an-ma và các nước đang phát triển như Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và In-đô-nê-xi-a cũng đón cơ hội và tham gia ngay từ đầu. Từ đó đến nay, WTO đã kết nạp thêm 18 thành viên mới, đưa tổng số thành viên lên 148, trong đó 2/3 là các nước đang và chậm phát triển. Ngoài thành viên chính thức, hiện nay có 25 nước đang trong quá trình đàm phán gia nhập tổ chức này như Liên bang Nga, U-crai-na, Lào, Việt Nam... Hiện nay, WTO chiếm tới trên 90% thương mại toàn cầu và hoạt động độc lập với Liên hợp quốc. Liên hợp quốc có 189 nước thành viên thì có trên 140 là thành viên của WTO.

Hoạt động của tổ chức này được điều tiết bởi 16 hiệp định chính về các lĩnh vực : thương mại và thuế quan (GATT, 1994), nông nghiệp (AOA), áp dụng các biện pháp kiểm dịch động và thực vật (SPS), dệt may (ATC), các hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMS), chống bán phá giá (AD), trị giá tính thuế hải quan (CVA), giám định hàng hóa trước khi xếp hàng (PI), quy tắc xuất xứ (ROO), cấp phép nhập khẩu (IL), trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM), các biện pháp tự vệ đặc biệt (SG), thương mại dịch vụ (GATS), các khía cạnh của quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại (TRIPS). Ngoài ra, WTO còn có một số hiệp định nhiều bên như Hiệp định về mua sắm chính phủ, Hiệp định về công nghệ thông tin.

Xuất phát từ vai trò và vị trí rất quan trọng của WTO đối với thương mại toàn cầu, việc gia nhập tổ chức này sẽ mang lại cho chúng ta những cơ hội to lớn sau :

Thứ nhất, xuất khẩu của Việt Nam sẽ không bị bó hẹp trong các hiệp định song phương và khu vực mà sẽ có thị trường toàn cầu. Các doanh nghiệp và hàng hóa của ta sẽ không bị phân biệt đối xử so với doanh nghiệp và hàng hóa của các nước khác theo điều kiện đối xử tối huệ quốc (MFN) và đối xử quốc gia (NT). Ví dụ, ngành dệt may Việt Nam đang có chiến lược tăng tốc, nhưng Hiệp định dệt may (ATC) đến ngày 1-1-2005 sẽ hết hạn. Nếu Việt Nam không phải là thành viên WTO, thì sẽ không được hưởng chế độ không có hạn ngạch. Khi đó, chúng ta sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

* Thứ trưởng Bộ Thương mại, Tổng Thư ký Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế

Digitized by Google

Thứ hai, hệ thống chính sách của ta được làm rõ theo quy định của WTO, sẽ tạo điều kiện cho các nhà đầu tư yên tâm đầu tư vào Việt Nam, tăng khả năng thu hút vốn, công nghệ và học hỏi được các kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Kinh nghiệm ở Trung Quốc cho thấy, sau khi gia nhập WTO, đầu tư nước ngoài năm 2002 tăng vọt lên trên 50 tỉ USD.

Thứ ba, hệ thống kinh tế - thương mại dựa trên các nguyên tắc chứ không phải là sức mạnh, sẽ làm cho hoạt động sản xuất - kinh doanh dễ dàng hơn với tất cả các thành viên. WTO có cơ chế giải quyết tranh chấp giúp cho các nước nhỏ hơn sẽ có nhiều tiếng nói hơn. Ví dụ, với vụ kiện chống bán phá giá cá tra và cá ba sa, nếu ta là thành viên của WTO thì có thể kiện lên WTO giải quyết ; khi đó có thể có được phán quyết công bằng hơn so với phán quyết đơn phương của Hoa Kỳ như vừa qua.

Thứ tư, việc giảm bớt hàng rào thương mại cho phép thương mại tăng trưởng, góp phần làm tăng trưởng kinh tế nói chung. Nhất là đối với Việt Nam hiện nay, xuất khẩu chiếm tới gần 50% GDP, nên việc đẩy mạnh xuất khẩu có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế. Nhận rõ sự cần thiết tham gia tổ chức WTO, Văn kiện Đại hội lần thứ VIII của Đảng ta xác định : "Xây dựng một nền kinh tế mới hội nhập với khu vực và thế giới. Chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc với bước đi thích hợp". Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng ta khẳng định lại là, phải "tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp với điều kiện kinh tế của nước ta và đảm bảo thực hiện những cam kết song phương và đa phương, tiến tới gia nhập WTO".

Thực hiện chủ trương trên, năm 1995 chúng ta đã nộp đơn xin gia nhập WTO. Tháng 8-1996, ta đã cung cấp cho WTO bản Bị vong lục về chế độ ngoại thương của Việt Nam. Tháng 7-1998, ta tiến hành phiên họp đa phương đầu tiên với Ban Công tác về nội dung minh bạch hóa các chính sách kinh tế, thương mại. Tháng 12-1998, họp phiên đa phương thứ 2. Tháng 7-1999, họp phiên đa phương thứ 3. Tháng 11-2000, họp phiên đa phương thứ 4. Bốn phiên họp này tập trung vào trả lời những câu hỏi của các thành viên Ban Công tác, nhằm minh bạch hóa chính sách kinh tế, thương mại của Việt Nam. Đoàn đàm phán của Chính phủ ta đã phải trả lời khoảng 1 700 câu hỏi. Kết thúc phiên 4, Ban Công tác của WTO đã công nhận Việt Nam cơ bản kết thúc giai đoạn minh bạch hóa chính sách và chuyển sang giai đoạn đàm phán mở cửa thị trường.

Sau khi cung cấp bản chào ban đầu về hàng hóa và dịch vụ, chúng ta đã tiến hành phiên họp đa phương thứ 5 (tháng 4-2002). Cùng thời gian này, ta tiến hành đợt đầu tiên về đàm phán mở cửa thị trường. Chúng ta phải cung cấp cho Ban Thư ký WTO một loạt các tài liệu như : Bản tóm tắt hiện trạng về chính sách kinh tế, thương mại (FS), Thông báo về chính sách hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp (ACC4), Thông báo về chính sách hỗ trợ công nghiệp, Thông báo về hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, Chương trình hành động thực hiện Hiệp định về sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại (TRIPS), Chương trình xây dựng pháp luật, Lộ trình cắt giảm hàng rào phi thuế quan.

Tháng 5-2003 vừa qua, chúng ta đã tiến hành phiên thứ 6 đàm phán về mở cửa thị trường. Song song với đàm phán đa phương, chúng ta đã tiến hành đàm phán song phương với gần hai mươi nước và vùng lãnh thổ thành viên của WTO. Cuộc đàm phán gia nhập WTO của ta đã kéo dài 8 năm và gặp nhiều thách thức to lớn. *Thách thức lớn nhất* là, muốn gia nhập WTO chúng ta phải tuân theo các quy định hiện hành của WTO gồm 16 hiệp định đã nêu ở trên. WTO yêu cầu chúng ta phải minh bạch hóa tất cả các chính sách kinh tế, thương mại, rà soát và có chương trình xây dựng pháp luật, để đảm bảo khi gia nhập có khả năng thực thi các cam kết.

Digitized by Google

Thách thức thứ hai là, 18 nước mới gia nhập WTO đều cam kết rất cao. Về mức thuế nhập khẩu trung bình, hầu hết các nước cam kết dưới 20%, thậm chí có một số nước cam kết dưới 10% ; những nước gia nhập gần đây cam kết càng thấp hơn (xem bảng cuối bài). Đối với dịch vụ, họ cũng cam kết mở cửa thị trường cao hơn các nước thành viên cũ. Đối với trợ cấp nông nghiệp là lĩnh vực nhạy cảm nhất, một vài nước mới gia nhập thậm chí đã cam kết bỏ trợ cấp xuất khẩu.

Thách thức thứ ba là, vòng đàm phán mới Đô-ha đã được phát động và các nước đang thúc đẩy để có thể kết thúc theo lộ trình vào ngày 1-1-2005. Vòng đàm phán mới này yêu cầu các nước đàm phán toàn diện cả hàng hóa và dịch vụ, thực thi các cam kết cũ và có cơ chế giải quyết tranh chấp, v.v.. Trong nông nghiệp, sẽ đàm phán giảm trợ cấp nông nghiệp và tiến tới bỏ trợ cấp xuất khẩu. Một số lĩnh vực mới được đưa vào đàm phán như : gắn thương mại với môi trường, thương mại với điều kiện lao động ; cạnh tranh trong thương mại ; hỗ trợ tài chính cho các nước nghèo ; vấn đề sở hữu trí tuệ, như thuốc chữa bệnh liên quan đến sức khỏe cộng đồng v.v.. Đây là sức ép rất lớn đối với ta trong khi nền kinh tế của ta vẫn ở tình trạng kém phát triển, năng lực cạnh tranh yếu, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm đa số.

Trong xu thế hiện nay, ta không thể đứng ngoài tổ chức này và càng gia nhập chậm thì điều kiện cam kết mở cửa thị trường càng cao, sức ép đối với nền kinh tế càng lớn. Song chúng ta không thể gia nhập với bất cứ giá nào như một vài nước đã làm, mà chúng ta phải gia nhập với các quy định của WTO dành cho một nước đang phát triển ở trình độ thấp, có nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi. Gia nhập WTO là để mở rộng thị trường cho hàng hóa của chúng ta, tạo điều kiện kinh tế phát triển nhanh và bền vững, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước. Nhưng thời gian nào gia nhập và điều kiện gia nhập như thế nào lại phụ thuộc vào quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước ta, vào thái độ và thiện chí của các nước thành viên tham gia đàm phán đa phương và song phương với Việt Nam.

Để đạt được mục đích trên và sớm gia nhập WTO, đòi hỏi có sự phối hợp tốt giữa các bộ, ngành trong khâu chuẩn bị đàm phán và đổi mới cơ chế, chính sách phù hợp với các cam kết quốc tế ; đặc biệt phải có sự chuẩn bị cho nền kinh tế sẵn sàng đương đầu với các thách thức mới của việc mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ do WTO đặt ra. Vì các doanh nghiệp là trung tâm của hội nhập, nên đòi hỏi các doanh nghiệp phải chủ động vươn lên, có chiến lược phát triển sản phẩm, mạnh dạn đầu tư đổi mới công nghệ, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm để mở rộng thị trường quốc tế và chiếm lĩnh thị trường trong nước, với sự hỗ trợ cần thiết của Chính phủ trong thời kỳ chuyển đổi từ 3 đến 5 năm theo một số lộ trình đã cam kết với AFTA, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, và tới đây sẽ là cam kết gia nhập WTO. Quá trình đàm phán và chuẩn bị các điều kiện ở trong nước phải đi song song với nhau, để đảm bảo việc gia nhập WTO tạo điều kiện mới cho nền kinh tế Việt Nam phát triển. ❑

Mức cam kết trung bình của các thành viên mới gia nhập			
Tên nước (xếp theo thứ tự thời gian gia nhập)	Thuế quan trung bình cho tất cả các mặt hàng	Thuế quan trung bình cho nông sản	Thuế quan trung bình cho hàng phi nông sản
1. Ê-cu-a-đo	20.95	25.8	20.1
2. Bun-ga-ri	17.62	34.9	12.6
3. Mông Cổ	19.44	18.4	20
4. Pa-na-ma	13.44	26.1	11.5
5. Ku-rơ-gu-xtan	9.33	11.7	6.7
6. Lát-vi-a	12.65	33.6	9.3
7. E-xtô-ni-a	7.93	17.7	6.6
8. Giooc-đa-ni	16.28	25	15
9. Gru-đi-a	6.61	12.1	5.8
10. An-ba-ni	6.92	10.6	6
11. Ô-man	13.51	30.5	11
12. Crô-a-ti-a	5.82	10.4	5
13. Lít-va	9.34	15.6	8.2
14. Môn-đô-va	6.65	12.4	5.7
15. Trung Quốc	9.73	15	8.9
...			
Việt Nam(*)	26.3	31.4	25.5

(*) Theo Bản Chào thuế nhập khẩu lần 2

TOÀN CẦU HÓA - MỘT CÁCH TIẾP CẬN MỚI

BÙI THANH QUẤT*

TOÀN cầu hóa là một quá trình biến các vùng miền, các cộng đồng người khác nhau *từ trạng thái* biệt lập, tách rời nhau ***thành một trạng thái khác về chất***, bằng sự liên kết gắn bó thành một thể thống nhất hữu cơ trên quy mô toàn cầu. Khi đó, một sự kiện, một hiện tượng, một vấn đề xảy ra ở vùng, miền này, ở cộng đồng người này sẽ có ảnh hưởng, tác động, tới các vùng, miền khác, các cộng đồng người khác trên quy mô toàn thế giới. Đây là quá trình con người làm cho "trái đất trở thành ngôi nhà chung" ; nghĩa là, các cộng đồng người khác nhau phải cố kết lại, phải nương dựa vào nhau, quy định lẫn nhau một cách tất yếu, không chỉ trên quy mô cục bộ, địa phương làng xã hay quốc gia, mà trên quy mô toàn trái đất và toàn nhân loại mới có đủ sức mạnh để tồn tại và phát triển. Quá trình này, diễn ra theo những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội.

Tính tất yếu của toàn cầu hóa

Người xưa đã mơ ước và tìm cách tạo ra đời sống có tầm vóc toàn cầu, để dùng được sức mạnh toàn cầu cho cuộc sống của mình và cũng để dâng hiến được sức mạnh của mình cho đời sống toàn cầu. Tuy nhiên, do hạn chế của lịch sử nên vẫn chưa thực hiện được điều mơ ước đó trên hiện thực toàn cầu, mà họ mới chỉ dừng lại ở quy mô gia đình, làng xã, một địa phương hoặc một quốc gia biệt lập mà thôi.

Với lực lượng sản xuất ở trình độ thủ công cơ bắp, với "chiếc xa kéo sợi quay bằng tay" (C. Mác) thì tầm thống trị, phạm vi làm chủ của con người chỉ dừng lại trong lãnh địa có tính biệt lập của chúa đất là chủ yếu. Sức mạnh vật chất ấy chưa cho phép họ vươn được ra tầm toàn cầu.

Nhưng, từ thời Phục hưng, nhất là với các cuộc cách mạng công nghiệp, lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, khi "chiếc xa kéo sợi chạy bằng máy hơi nước" ra đời thì xã hội xuất hiện "nhà tư bản công nghiệp" (C. Mác). Nhà tư bản muốn đầu tư vốn vào sản xuất ở một ngành nào đó, ở vùng miền nào đó, thì họ nhất thiết phải tính tới các ngành khác và các vùng miền khác của toàn bộ nền kinh tế. Họ không chỉ phải dự định, phải tính toán trong tư duy, mà họ còn phải thiết lập cho được những mối liên hệ hữu cơ trên hiện thực với các ngành kinh tế khác nhau và các vùng, miền kinh tế khác nhau trong công việc sản xuất kinh doanh của họ, để đạt mục đích cần phải đạt. Nói cách khác, nhà tư bản, từ tư duy đến hành động đều phải tính tới cái chỉnh thể và sự liên hệ gắn bó hữu cơ, sự chi phối tác động qua lại giữa các bộ phận khác nhau trong cái chỉnh thể ấy, cái toàn cục ấy.

Như vậy, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được thiết lập và chủ nghĩa tư bản phát triển đã liên kết các vùng, miền kinh tế khác nhau trong nước, kết hợp các ngành kinh tế khác nhau trong một quốc gia thành một thể hoàn chỉnh hữu cơ,

* PGS, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Digitized by Google

tạo nên một nền kinh tế quốc dân thống nhất với một thị trường quốc gia - dân tộc thống nhất và khắc phục được tính rời rạc, tính biệt lập của các tổ chức kinh tế, chính trị trong nhà nước phong kiến. Tuy nhiên, đây chỉ là giai đoạn đầu trong sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Lực lượng sản xuất không ngừng phát triển, công cụ lao động, kỹ thuật và công nghệ ngày càng đổi mới, năng suất lao động ngày càng nâng cao, năng lực sản xuất ngày càng gia tăng, một mặt, đòi hỏi ngày càng nhiều nguồn nguyên liệu và nhiên liệu mới, nguồn nhân công mới ; mặt khác, cũng đòi hỏi những thị trường mới để tiêu thụ các sản phẩm ngày càng tăng của nền sản xuất xã hội, hứa hẹn đưa tới những khối lượng giá trị thặng dư ngày càng lớn, đáp ứng cho lợi ích của nhà tư bản. Quá trình đó đưa giai cấp các nhà tư bản công nghiệp tới chỗ tất yếu phải phá vỡ ranh giới quốc gia đã trở nên chật hẹp đối với yêu cầu về sản xuất và về thị trường của họ. Và tất yếu, họ phải mở rộng biên giới quốc gia đó sang các vùng, miền khác, sang các quốc gia khác của thế giới, mà ở đó, họ có thể khai thác được nhiều hơn nguồn nguyên vật liệu phong phú cho sản xuất, khai thác được nguồn lao động rẻ hơn, dồi dào hơn đáp ứng cho yêu cầu sản xuất, và có được thị trường rộng lớn hơn để tiêu thụ các hàng hóa mà nền sản xuất ấy có thể đưa ra thị trường. Đây chính là thời kỳ mà các nhà tư sản đi xâm chiếm thuộc địa khắp thế giới. Kết quả là, các quốc gia thuộc địa, về nguyên tắc, đã bị xóa bỏ ranh giới quốc gia của mình và bị biến thành một bộ phận của chính quốc ; thời mà "mặt trời không bao giờ lặn trên đất nước Anh !". Có thể gọi quá trình này là, quá trình ***quốc tế hóa các nhà nước tư sản***. Trong quá trình này, các quốc gia tư sản nào có sức mạnh kinh tế và quân sự đến đâu, thì họ mở rộng biên cương của mình đến đấy. Gọi đó là thời kỳ ***"quốc tế hóa các nhà nước tư sản"*** ; bởi vì, từng quốc gia tư sản, tuy mở rộng biên cương của mình ra khắp thế giới, nhưng do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, họ vẫn có nhu cầu liên kết với các quốc gia tư sản khác thành khối thống nhất về kinh tế. Từng quốc gia tư sản vẫn đứng riêng biệt, cạnh tranh, giành giật nhau về thị trường, về các vùng, miền để khai thác nhiên, nguyên vật liệu và nhân công ; giành giật nhau về thuộc địa. Và quá trình đó, đã dần dần đưa tới các cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất và lần thứ hai.

Có thể coi đó là ***giai đoạn đầu của toàn cầu hóa***. Giai đoạn này, được thực hiện theo cung cách của chủ nghĩa thực dân cũ và, về bản chất, quá trình này được thực hiện do đòi hỏi tất yếu của sự phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, cũng có thể gọi đây là ***toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa.***

Từ khoảng giữa thế kỷ thứ XX, do kết quả của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, do sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất tới mức đòi hỏi phải thống nhất các vùng, miền khác nhau của thế giới thành một chỉnh thể trên quy mô toàn cầu thì mới có khả năng đáp ứng được về vốn, công nghệ, lao động, nhiên liệu, nguyên liệu cho sản xuất, cũng như về thị trường tiêu thụ sản phẩm mà năng lực của nền sản xuất đó đưa lại. Vì thế, nhiều công ty liên quốc gia và xuyên quốc gia khác nhau đã xuất hiện mang tầm vóc toàn cầu và không còn là công ty của một quốc gia riêng biệt nào nữa. Như thế, toàn cầu hóa đã bước sang giai đoạn hai - giai đoạn cao hơn. Giai đoạn này được thực hiện cũng vẫn là do đòi hỏi khách quan tất yếu của nhu cầu phát triển nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, đây vẫn là quá trình toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa. Tuy bản chất của quá trình này là toàn cầu hóa kinh tế, nhưng nó không hề dừng lại thuần túy ở phương diện kinh tế. Vì, kinh tế là sự tiếp tục của chính trị, như V.I. Lê-nin nói, mà chính trị luôn gắn liền với bạo lực (dù đó là bạo lực vũ trang hay bạo lực kinh tế...) và luôn thể hiện trong quan hệ giữa các nhà nước. Do vậy, quá trình toàn cầu hóa này được mở rộng ra các lĩnh vực khác nhau của đời sống nhân loại.

Từ thập niên cuối của thế kỷ XX, quá trình toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa toàn diện ấy đang được

Digitized by Google

tăng cường với gia tốc ngày càng cao. Nó vừa đưa lại những thành tựu lớn lao trong sự phát triển của xã hội loài người, nhưng cũng vừa đưa tới những tai họa khủng khiếp cho nhân loại về tất cả các mặt của đời sống xã hội mà ngày nay ai cũng có thể cảm nhận được trong cuộc sống của mình - từ đói nghèo, dịch bệnh đến sự hủy hoại môi trường sinh thái và sự đe dọa của chiến tranh hủy diệt.

Giai cấp tư sản không thể tồn tại riêng một mình, mà phải có nửa thứ hai đối lập với nó, nhưng làm tiền đề tất yếu cho sự tồn tại của nó - đó là giai cấp vô sản. Giai cấp này ra đời, tồn tại và phát triển không tùy thuộc vào ý muốn của nhà tư bản.

Từ giữa thế kỷ XIX, từ tự phát, giai cấp vô sản đã trở thành tự giác, được tổ chức lại về phương diện chính trị bởi các đảng chính trị của nó, và được thống nhất lại về phương diện hệ tư tưởng trên nền tảng của học thuyết xã hội chủ nghĩa do C. Mác và Ph. Ăng-ghen đề xướng. Nhờ vậy, nó dần dần được thống nhất lại trong hoạt động thực tiễn của phong trào đấu tranh chính trị - xã hội.

Nhờ có Đảng Cộng sản - đảng chính trị tiêu biểu nhất của giai cấp vô sản - với hệ thống lý luận chính trị khoa học và những nhà tổ chức tài ba mà C. Mác và Ph. Ăng-ghen là những đại biểu xuất sắc, giai cấp vô sản đã dần dần ý thức được tính tất yếu và những thành tựu mà quá trình toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa đưa lại cho nhân loại. Nhưng đồng thời, nó cũng thấy được những hạn chế, những nghịch lý mà các nhà nước tư sản không thể khắc phục nổi và những tai họa khủng khiếp đối với loài người mà quá trình toàn cầu hóa này có thể sẽ đưa lại.

Về phần mình, giai cấp vô sản cũng ý thức được vị trí xã hội và sứ mệnh chính trị của mình đối với nhân loại. Vì thế, ngay từ giữa thế kỷ XIX, giai cấp này đã bắt đầu tiến hành một quá trình toàn cầu hóa khác về chất so với quá trình toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa mà các nhà nước tư sản tiến hành. Có thể gọi quá trình này là quá trình ***toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa.***

Toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa có khả năng kế thừa, lợi dụng và tận dụng được những thành tựu mà toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa mang lại ; đồng thời, khắc phục được những nguy cơ, ngăn chặn được các tác hại và những tai họa đối với nhân loại mà toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa đưa tới. Nhờ thế, nó có khả năng tạo ra những điều kiện mới để thực hiện được ước mơ ngàn đời của mỗi người và của cả loài người là muốn có được sức mạnh của toàn nhân loại, mang tầm vóc toàn cầu để có thể sống hạnh phúc, và cũng để có thể dâng hiến được nhiều nhất năng lực sáng tạo của mình cho toàn thể loài người.

Sứ mệnh toàn cầu hóa của giai cấp vô sản quốc tế

Không phải chờ tới lúc giai cấp vô sản lên nắm được quyền tổ chức xã hội thành nhà nước của mình để điều khiển xã hội và tự mình tạo ra khối chính trị và kinh tế toàn cầu của mình thì lúc ấy mới bắt đầu quá trình toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa. Trong hiện thực của đời sống xã hội, quá trình này đã diễn ra ngay từ giữa thế kỷ XIX mà cú hích cho sự bắt đầu của quá trình ấy lại xuất phát từ giai cấp tư sản quốc tế. Trước hết, bản thân giai cấp tư sản trong quá trình phát triển của nó đã trở thành giai cấp tư sản quốc tế - hay nói chính xác là, giai cấp tư sản ngay từ khi thực hiện giai đoạn thứ nhất của quá trình toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa đã tự mình trở thành giai cấp mang tầm vóc quốc tế. Và, dĩ nhiên, giai cấp tư sản quốc tế ấy cũng đã khai sinh ra giai cấp vô sản quốc tế.

Chính giai cấp tư sản đã được quốc tế hóa, làm cho giai cấp vô sản quốc tế tự ý thức được vị trí, sức mạnh của mình và con đường giải phóng mình không phải là con đường cải lương tư sản. Học thuyết xã hội chủ nghĩa của C. Mác và Ph. Ăng-ghen ra đời ở Tây Âu đã đáp ứng cấp thiết cho đòi hỏi của phong cách cách mạng vô sản Tây Âu giữa thế kỷ XIX. Và học thuyết này đã nhanh chóng được truyền bá bằng nhiều con đường khác nhau ra toàn thế giới. Nó được những người vô sản, những người lao động và những nhà trí thức có tâm huyết

Digitized by Google

với sự nghiệp giải phóng nhân loại nhanh chóng tiếp nhận.

Sự tiếp nhận và quảng bá như thế chứng tỏ sức mạnh của học thuyết đó và, nói như V.I. Lê-nin, "nó có sức mạnh bởi vì nó đúng". Do vậy, ***quá trình này là bắt đầu của quá trình toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa*** mà giai cấp vô sản thực hiện. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản ra đời tháng 2 - 1848 với khẩu hiệu : "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại"(1) vừa thể hiện tính toàn cầu của nó, vừa là tuyên ngôn của chính quá trình toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa.

Từ ***toàn cầu hóa học thuyết chính trị*** của mình, ***hệ tư tưởng*** của mình, giai cấp vô sản quốc tế, đồng thời, bắt đầu thực hiện quá trình ***toàn cầu hóa về mặt tổ chức trong đấu tranh chính trị.*** C. Mác đã chỉ rõ : "...triết học thấy giai cấp vô sản là vũ khí vật chất của mình, giai cấp vô sản cũng thấy triết học là vũ khí tinh thần của mình"(2). Rõ ràng, thuật ngữ "triết học" mà C. Mác đề cập ở đây là muốn chỉ học thuyết xã hội chủ nghĩa của C. Mác và Ph. Ăng-ghen với tư cách là học thuyết chính trị khoa học, là hệ tư tưởng của giai cấp vô sản.

Học thuyết của C. Mác ra đời là vũ khí tinh thần và kim chỉ nam hành động cho giai cấp vô sản quốc tế thực hiện sứ mệnh lớn lao giải phóng nhân loại khỏi mọi áp bức, bất công. Nhưng, không có sức mạnh thì không thể thực hiện được sứ mệnh to lớn đó. Muốn có sức mạnh thì giai cấp vô sản phải được tổ chức lại. Đảng Cộng sản có sứ mệnh tổ chức giai cấp vô sản lại về phương diện chính trị, và qua đó, tổ chức toàn thể xã hội lại để có được sức mạnh cho giai cấp vô sản thực hiện những bước đi khác nhau trong công cuộc toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa vĩ đại của mình.

Tuy nhiên, trước năm 1917, quá trình toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa mới chỉ dừng lại ở phương diện tư tưởng - học thuyết và phương diện tổ chức phong trào chính trị. Nhưng, kinh tế mới là cơ sở vật chất đích thực cho sự tồn tại, vận động và phát triển của chính trị - cả về mặt tư tưởng và cả về mặt thực tiễn. Chỉ sau khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga thành công, nhất là, sau khi Liên Xô được thành lập (1922) thì giai cấp vô sản quốc tế mới lần đầu tiên có được cơ sở kinh tế - vật chất cho việc thực hiện quá trình toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa của mình.

Nhất là, từ khi xuất hiện Hội đồng tương trợ kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa (SEV), cơ sở vật chất ấy đã có được điều kiện để nhân rộng ra quy mô thế giới, dẫu là, mô hình khối SEV vẫn còn rất nhiều khiếm khuyết. Năm 1991, Liên Xô sụp đổ và khối SEV tan rã, nhưng quá trình toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa vẫn không dừng lại ; nó chỉ bị **đứt đoạn tạm thời** về phương diện kinh tế - vật chất, mặc dù, đây là phương diện mang tính quyết định cho sự thành bại của nó. Nhưng chúng tôi tin rằng, quá trình này sẽ tìm được cách trở lại với tầm vóc và sức mạnh mới khi nó nhận thức lại và hiểu đúng hơn, rõ hơn về bản thân mình. Tương lai là thuộc về nó - ***cái mới hợp quy luật nhân văn của sự phát triển nhân loại.***

Với người anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh, với Đảng Cộng sản Việt Nam do Người sáng lập, giai cấp vô sản Việt Nam cùng với toàn dân tộc đã biết nhận ra và khai thác được sức mạnh mang tầm vóc toàn cầu của thời đại dùng vào sự nghiệp giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước từ trên nửa thế kỷ nay. Nếu như một thế kỷ rưỡi trước đây, chúng ta đã tự phát bị lôi vào vòng xoáy của toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa, thì ngày nay với học thuyết chính trị khoa học của mình, với Đảng Cộng sản của mình, với Nhà nước của mình và với sức mạnh toàn dân tộc, chúng ta đang chủ động mở cửa và hội nhập quốc tế - chính là chủ động tham gia vào quá trình toàn cầu hóa rộng khắp đang diễn ra một cách mạnh mẽ và đầy mâu thuẫn trên thế giới hiện nay.❑

---

(1) C. Mác - Ph. Ăng -ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995, t 4, tr 646

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 1, tr 89

Digitized by Google

Các giải pháp tăng cường khả năng HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

NGUYỄN HOÀNH XANH*

HIỆN nay, sự phân công lao động và hợp tác quốc tế đang diễn ra cả về bề rộng và chiều sâu, trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế thế giới, tạo ra quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Quá trình này dẫn đến việc hình thành các tổ chức tài chính, thương mại quốc tế có quy mô cực lớn như : Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) có tính chất quyết định đến sự phát triển của nền kinh tế thế giới. Vì thế, hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan và trở thành xu hướng không thể đảo ngược của bất kỳ quốc gia nào nếu quốc gia đó muốn tồn tại, phát triển và không bị biến thành "ốc đảo". Hơn thế nữa, đối với các quốc gia đang phát triển thì hội nhập kinh tế quốc tế đã mang lại hiệu quả thiết thực. Thí dụ, năm 1975, thu nhập bình quân đầu người tính theo sức mua ngang giá PPP (Purchasing Power Parity) của Mỹ lớn gấp 19 lần của Trung Quốc (16 000 USD so với 3 700 USD) ; sau đó, do Trung Quốc chủ động trong hội nhập quốc tế, đã rút ngắn khoảng cách thu nhập bình quân giữa Mỹ và Trung Quốc chỉ còn 6 lần vào năm 1995 (23 000 USD so với 3 700 USD). Vấn đề đó đã, đang đặt ra trước Việt Nam trong tương lai.

Nền kinh tế đất nước trước xu thế hội nhập

Từ những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước, nền kinh tế nước ta đã từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới. Nhờ đó, kim ngạch xuất, nhập khẩu của Việt Nam tăng từ hơn 5 tỉ USD (năm 1990) lên trên 30 tỉ USD (năm 2001). Năm 2002, kim ngạch xuất, nhập khẩu đã đạt tới 35,83 tỉ USD, tạo điều kiện để ngày càng mở rộng hơn quan hệ kinh tế quốc tế. Tính đến hết năm 2002, chúng ta thu hút được vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khoảng 42,3 tỉ USD từ 67 quốc gia. Nguồn lực to lớn này đã và đang là nhân tố cực kỳ quan trọng để phát triển kinh tế đất nước. Điều đó chứng tỏ rằng, hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình không thể thiếu được trong phát triển kinh tế đất nước, nhất là trong giai đoạn chuyển đổi mạnh từ phát triển thiên về bề rộng sang chiều sâu.

Những thành tựu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đạt được trong thời gian qua là rất đáng phấn khởi. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta bước vào tiến trình hội nhập với *điểm xuất phát thấp trên nhiều phương diện :* trình độ công nghệ lạc hậu so với thế giới từ 10 đến 30 năm; xuất khẩu hàng thô và sơ chế chiếm tới 60%, trong tổng kim ngạch xuất khẩu, trong khi hàng công nghiệp chỉ chiếm có 38% tổng kim ngạch xuất khẩu (Trung Quốc, Thái Lan là 90%) đặc biệt là, tỷ trọng của kinh tế dịch vụ trong GDP đang có xu hướng giảm dần : từ 44% (năm 1995) xuống 38,5% (năm 2001) (1). Mặt khác, năng lực cạnh tranh của hàng hóa nước ta trên thị trường thế giới còn yếu. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nước ta được xếp hạng một số năm gần đây là : năm 1999 : 48/53, năm 2000 : 49/59, năm 2001 : 62/75, năm 2002 : 60/80. Hơn nữa, khả năng hội nhập

* Th.S, Văn phòng Đại diện Ngân hàng Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh

(1) Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 34, 12-2002, tr 12

Digitized by Google

của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu, hiện chỉ có độ khoảng 30% số doanh nghiệp Việt Nam có thể hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế ; sự hiểu biết về hội nhập quốc tế của các doanh nghiệp còn hạn chế và chưa đồng đều, có đến 16% chưa hiểu biết về hội nhập ; nhiều doanh nghiệp còn mơ hồ, hoặc có thái độ bàng quan về : AFTA, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (có đến khoảng 60% doanh nghiệp chưa có sự hiểu biết rõ về nội dung của Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ), về WTO.

Hiện nay, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đang đi vào cuộc sống, các cam kết để thực hiện AFTA đang đến gần, sẽ thực hiện một phần quan trọng các cam kết về thuế quan vào năm 2003 (vào ngày 1-7-2003 cắt giảm 755 dòng thuế nhập khẩu như đã cam kết trong khuôn khổ AFTA) ; các bước đàm phán để gia nhập WTO đang được xúc tiến. Vì thế, *tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế* đang trở thành *vấn đề thời sự nóng bỏng* trong đời sống kinh tế đất nước. Hội nhập kinh tế quốc tế phải phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cao uy tín, tạo vị thế ngày càng vững chắc của đất nước trên trường quốc tế. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi để thu hút được vốn, công nghệ hiện đại từ nước ngoài vào ; đẩy mạnh hoạt động xuất, nhập khẩu và các hoạt động kinh tế đối ngoại khác.

Các giải pháp tăng cường khả năng hội nhập kinh tế quốc tế

Để hội nhập kinh tế quốc tế thực sự đi vào cuộc sống và mang lại hiệu quả thiết thực, chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất một số vấn đề.

1 - Hoàn thiện môi trường pháp lý theo thông lệ quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế cũng có nghĩa là chấp nhận tự do hóa kinh tế, bao gồm : tự do hóa thương mại, đầu tư và hợp tác quốc tế, có nghĩa là chấp nhận một "sân chơi chung" với các quốc gia khác nhau trên thế giới trong tất cả các mối quan hệ kinh tế. Các quá trình này đang diễn ra ngày càng sâu rộng với những mức độ và cấp độ khác nhau trên toàn thế giới, làm cho các mối quan hệ kinh tế quốc tế trở nên xoắn xuýt với nhau, ngày càng phụ thuộc nhau hơn. Mặt khác, cũng tạo ra quá trình *vừa hợp tác, vừa cạnh tranh* với nhau giữa các nước trên thế giới trong việc thu hút các dòng vốn chu chuyển quốc tế, công nghệ hiện đại và nguồn nhân lực có trình độ cao. Dĩ nhiên, điều này lại hoàn toàn tùy thuộc vào sự hoàn thiện khung pháp lý theo thông lệ quốc tế và sự ổn định kinh tế vĩ mô của mỗi quốc gia.

Do vậy, chúng ta phải đẩy mạnh công tác xây dựng và *hoàn thiện môi trường pháp lý theo thông lệ quốc tế*. Theo đó, cần nhanh chóng *ban hành hệ thống luật pháp* về các vấn đề như : giao dịch vốn, cạnh tranh, chống độc quyền, bảo hộ sản phẩm nội địa, bảo hộ thương hiệu sản phẩm, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu tài sản... nhằm không ngừng hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường hiện đại (xây dựng, hình thành và phát triển đa dạng các loại thị trường mà đặc biệt là các thị trường : vốn, sức lao động, bất động sản, khoa học - công nghệ...). Một khi những vấn đề trên còn giẫm chân tại chỗ chúng ta sẽ còn gặp nhiều bất lợi trong tiến trình hội nhập ; khoảng cách giữa trình độ phát triển kinh tế của nước ta so với các nước phát triển trên thế giới không những không thu hẹp lại mà còn doãng ra. Bên cạnh đó, cũng cần phải đẩy mạnh *cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu lực của các cơ quan công quyền*. Bộ máy hành chính hoạt động kém hiệu quả, không thích ứng với các bước phát triển của các quan hệ kinh tế quốc tế cũng sẽ có những tác động tiêu cực, cản trở tiến trình hội nhập.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, trong buổi ban đầu của lộ trình hội nhập, khi phải đối mặt với môi trường kinh doanh quốc tế đầy biến động và bất trắc, các quốc gia đang phát triển bao giờ cũng gặp phải những khó khăn, chịu những áp lực rất lớn như : thiếu hiểu biết về các thông lệ quốc tế, chưa có kinh nghiệm thương trường, non yếu về nghiệp vụ kinh doanh quốc tế... Điều đó đòi hỏi

Digitized by Google

các quốc gia này phải giải quyết những vấn đề mâu thuẫn giữa *phát huy nguồn nội lực*, kết hợp các *yếu tố ngoại lực* trong tiến trình hội nhập, nâng cao năng lực cạnh tranh trên cả hai cấp độ (doanh nghiệp và quốc gia).

2 - Chiến lược hội nhập ở cấp độ vĩ mô

Các chiến lược tổng thể về tiến trình hội nhập của Nhà nước cần được hoàn thiện và nâng lên một cấp độ mới, trong sự gắn kết với từng ngành, từng địa phương trong phạm vi cả nước. Lộ trình hội nhập phải có *bước đi cụ thể và thích hợp* với từng ngành nghề, loại hình doanh nghiệp, trong đó cần phải chỉ ra được lợi thế so sánh so với sản phẩm cùng loại trên thị trường quốc tế (về chất lượng, mẫu mã, giá cả và nguồn cung cấp). Đồng thời, cần có chính sách ưu tiên đối với những sản phẩm chiến lược quyết định đến tốc độ tăng trưởng kinh tế như : dầu khí, điện, xi-măng, vật tư nông nghiệp ; chú trọng phát triển các loại sản phẩm có hàm lượng chất xám chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm, nhất là các sản phẩm thuộc *công nghệ thông tin* và *công nghệ sinh học* vì đó là những sản phẩm đặc trưng của kinh tế tri thức - hướng phát triển mới của kinh tế thế giới. Các loại hình kinh tế có độ "nhạy cảm" cao như : công nghệ thông tin, bưu chính - viễn thông, tài chính, ngân hàng và các hoạt động dịch vụ khác phải được ưu tiên phát triển. Xin dẫn ra đây vài con số về tỷ trọng của ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP - nét đặc trưng của nền kinh tế hội nhập ở một số nước phát triển : Mỹ là 73,7% GDP, Pháp là 66,8%, I-ta-li-a là 64,3%, Nhật là 64,9%, Anh là 62,6% (2). Muốn tăng tỷ trọng của các ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP ; nhằm hạ giá thành sản phẩm để không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường quốc tế, phải tạo điều kiện từng bước giảm các chi phí trung gian, nhất là các chi phí về vận tải (biển, hàng không, bưu điện) và bưu chính - viễn thông. Cần đầu tư mạnh cho công nghệ thông tin, chính sự phát triển của công nghệ thông tin sẽ tạo nên mối liên hệ ngày càng chặt chẽ giữa các quốc gia với nhau, có thể xem đó như chìa khóa của sự thành công trong tiến trình hội nhập. Chính sự phát triển của công nghệ thông tin cũng sẽ làm gia tăng các mối liên kế kinh tế giữa các ngành, các khu vực kinh tế và các địa phương trong nước, giúp cho các chủ thể kinh doanh nhanh chóng nắm bắt được biến động của thị trường, có những biện pháp ứng phó kịp thời trong hoạt động kinh tế.

3 - Chiến lược hội nhập ở cấp độ doanh nghiệp

Binh pháp Tôn tử có nói rằng, "biết người, biết ta, trăm trận trăm thắng". Các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trước hết phải *xác định được điểm mạnh, điểm yếu của mình* trong mối tương quan với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường để xây dựng cho mình tổ hợp các chiến lược kinh doanh trong hội nhập, đặc biệt là các chiến lược mở rộng và chiếm lĩnh thị phần sản phẩm, kể cả tại thị trường nội địa, mà trong đó công tác *xúc tiến thương mại* và *xây dựng thương hiệu sản phẩm* phải được quan tâm hàng đầu. Công tác xúc tiến thương mại cần được nâng lên một cấp độ mới và phải là một bộ phận quan trọng trong tổ hợp các chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt chú trọng đầu tư và xây dựng thương hiệu (hiện tại, việc xây dựng thương hiệu chưa được các doanh nghiệp đầu tư thích đáng, thường dưới 0,2% tổng doanh thu, thậm chí có khoảng 20% doanh nghiệp chưa hề đầu tư tài chính cho xây dựng thương hiệu mặc dù nó có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường). Trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế, sẽ luôn có tình trạng cung vượt quá cầu. Hơn thế nữa, những thương hiệu có uy tín thực sự trở thành một loại tài sản quan trọng của doanh nghiệp. Trong thực tế cũng đã có không ít trường hợp doanh nghiệp còn có thể sử dụng thương hiệu để góp vốn liên doanh. Cần xác định rằng, các chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp dù có hoàn hảo tối ưu đến mấy cũng

(2) Xem tạp chí *Những vấn đề kinh tế thế giới*, số 6, 12-2002, tr 18

Digitized by Google

trở thành vô nghĩa khi doanh nghiệp không tiêu thụ được sản phẩm. Đây chính là điều kiện quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Các doanh nghiệp phải nhanh chóng tiếp cận các dạng thức mới trong kinh doanh quốc tế hiện đại như : *thương mại điện tử, ngân hàng điện tử.* Bởi chúng là những phương tiện trợ lực rất quan trọng để có thể mở rộng và gia tăng thị phần sản phẩm trên thị trường quốc tế. Xét cho cùng, việc *chiếm lĩnh thị trường* bao giờ cũng là mục tiêu số một trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Các chiến lược hội nhập của doanh nghiệp cần được đặt trong mối tương quan và tạo nên véc-tơ lực vận động cùng chiều với chiến lược hội nhập tổng thể của Nhà nước nhằm tạo nên sự nhất quán về lợi ích giữa Nhà nước với các doanh nghiệp, từ đó tạo nên sức mạnh cạnh tranh kinh tế của toàn bộ quốc gia.

4 - Cần bước đột phá trong lộ trình hội nhập

Để đẩy nhanh tiến trình hội nhập, các vùng kinh tế trọng điểm, nhất là vùng kinh tế động lực phía Nam gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu phải đi trước một bước, bởi khu vực này có vị trí cực kỳ quan trọng đối với nền kinh tế đất nước (chiếm 48,7% GDP ; 58% tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu, 57% tổng giá trị sản xuất công nghiệp và hằng năm đóng 46,8% cho ngân sách cả nước. Đặc biệt, Thành phố Hồ Chí Minh chiếm khoảng 20% GDP của cả nước, đóng góp tới 1/3 tổng thu ngân sách quốc gia). Trong Nghị quyết số 20/NQ-TW, ngày 18-11-2002, của Bộ Chính trị về phương hướng , nhiệm vụ phát triển thành phố đến năm 2010, xác định rõ : "Phát triển mạnh các dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông, du lịch, vận tải ; phát triển và quản lý tốt thị trường hàng hóa, thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường khoa học - công nghệ... để từng bước xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm thương mại, tài chính khoa học - công nghệ lớn của cả nước và khu vực Đông - Nam Á". Theo đó, Nhà nước cần có các *chính sách ưu tiên* hơn nữa về đầu tư, tài chính, tín dụng và nhân lực, đặc biệt là chính sách đất đai ; tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm ngang tầm với trình độ phát triển của các nước trong khu vực. Việc Thành phố Hồ Chí Minh đang chủ động đẩy nhanh xây dựng các khu công nghệ cao (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học) đang là những bước đi tích cực. Theo tính toán của một số chuyên gia kinh tế, cứ tăng trưởng kinh tế 1% ở khu vực kinh tế động lực phía Nam sẽ có tác động làm tăng 0,2% trên phạm vi cả nước. Vì thế, sự tăng trưởng nhanh của các vùng kinh tế trọng điểm, nhất là Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế cả nước.

5 - Tạo nên lợi thế so sánh

Nếu hội nhập kinh tế quốc tế nền kinh tế của chúng ta sẽ trở thành một bộ phận gắn liền với nền kinh tế thế giới, vừa có mối quan hệ "tương hợp" vừa " tương thuộc". Do đó, nền kinh tế thế giới tác động tới chúng ta theo cả hai chiều : *tích cực* và *tiêu cực* (sự tăng trưởng hoặc suy thoái của kinh tế thế giới đều mang tính chất toàn cầu).Vấn đề ở chỗ, chúng ta phải biết được điểm mạnh, điểm yếu của mình, từ đó tạo nên các lợi thế so sánh trong tiến trình hội nhập. Cần chú trọng đến các tiềm năng về tài nguyên, lao động và thị trường để phục vụ cho các ngành : công nghiệp chế biến nông - lâm - hải sản ; thủ công - mỹ nghệ ; dệt may ; da giày... để có thể hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro luôn có thể xảy ra ở các mức độ và cấp độ khác nhau trong tiến trình hội nhập. Cũng phải tính đến những mặt yếu kém nội tại của nền kinh tế như : năng suất lao động xã hội còn thấp, về cơ bản vẫn là một quốc gia nông nghiệp (trong chủng loại hàng xuất khẩu thì các mặt hàng nông sản chiếm ưu thế). Điều này phụ thuộc rất nhiều vào tầm nhìn chiến lược của các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý vĩ mô và sự linh hoạt, năng động của các nhà quản trị, điều hành doanh nghiệp.❑

Digitized by Google

Công nghiệp chế biến nông sản trước xu thế hội nhập

CHU TIẾN QUANG* - LÊ MẠNH HÙNG **

QUÁ trình đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp trong hơn 16 năm qua đã tạo ra những biến đổi quan trọng trong việc chuyển từ tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường trong nước và thế giới. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến nông sản có đóng góp lớn đối với việc làm tăng giá trị sản phẩm hàng hóa, tạo thêm điều kiện và khả năng để nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường. Mặc dầu tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong thu nhập quốc nội (GDP) của nền kinh tế đang giảm dần theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng tỷ trọng giá trị hàng hóa nông sản xuất khẩu vẫn đang chiếm gần 50% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu hằng năm.

Nhìn lại thực trạng công nghiệp chế biến nông sản ở nước ta thời gian qua có thể thấy, bên cạnh các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản, đã hình thành và phát triển khá nhiều các doanh nghiệp cá thể, tư nhân, tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác) trong nông thôn. Dù phần lớn các doanh nghiệp này còn non trẻ, chưa có kinh nghiệm trong chế biến nông sản, vốn đầu tư còn hạn chế, công nghệ đơn giản, sản phẩm làm ra chất lượng thấp, độ đồng đều chưa cao làm cho khả năng cạnh tranh yếu, nhưng đã phát triển khá nhanh trên khắp các vùng, miền trong cả nước, tạo nhiều việc làm và tận dụng các nguồn nguyên liệu đa dạng, phong phú ở các địa phương.

Trong chế biến gạo, số nhà máy có công nghệ chế biến đạt tiêu chuẩn cao để xuất khẩu còn rất ít (10 nhà máy/626 cơ sở chế biến quốc doanh trong toàn ngành). Trong lĩnh vực cây công nghiệp, các cơ sở chế biến cà-phê chưa nhiều, chủ yếu đang sử dụng công nghệ phơi sấy tự nhiên là chính, thiếu công nghệ phơi sấy hiện đại đảm bảo chất lượng cao, chưa sử dụng công nghệ chế biến ướt (hạt tươi), khâu sàng tuyển vẫn dùng lao động thủ công, nên chất lượng thành phẩm chưa cao. Công nghiệp chế biến hạt điều còn thô sơ, tổng công suất của 60 cơ sở mới đạt 200 ngàn tấn nguyên liệu/năm, chưa có cơ sở chế biến hiện đại, sản phẩm "đầu ra" chưa đa dạng. Tổng công suất chế biến của các nhà máy chè là 64 ngàn tấn/năm, trong đó chế biến cho xuất khẩu đạt khoảng 39 ngàn tấn. Nhìn chung, các nhà máy chế biến chè đã được nâng cấp, chế biến ra sản phẩm chè với chất lượng khá. Công nghiệp chế biến cao-su vừa qua cơ bản đã được đổi mới và hiện đại hóa, trong đó quốc doanh nắm giữ hầu như 100%, năng lực chế biên tăng lên 280 ngàn tấn, sản phẩm chất lượng cao chiếm 85%. Công nghiệp chế biến rau quả quy mô còn nhỏ, 18 nhà máy với tổng công suất chế biến 63,5 nghìn tấn, nhưng mới huy động được 15 ngàn tấn/năm, đông lạnh 17,5 ngàn tấn/năm, nhìn chung công nghệ còn lạc hậu, bao bì đơn điệu, giá thành cao. Công nghiệp chế biến

* TS Kinh tế, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương

** Th.S, Hội Nông dân Việt Nam

Digitized by Google

đường hiện có 44 nhà máy với tổng công suất thiết kế 78 200 tấn mía/ngày (Miền Bắc có 15 nhà máy với công suất 30 700 tấn mía/ngày, miền Trung và Tây Nguyên có 15 nhà máy với công suất 19 350 tấn mía/ngày, miền Nam có 14 nhà máy với công suất 28 150 tấn mía/ngày), năm 2001, sản lượng đường chế biến đạt 960 ngàn tấn, trong đó chế biến thủ công 300 ngàn tấn (chiếm 31,3%).

Trong chế biến thủy sản, cả nước có 186 nhà máy, tổng công suất cấp đông là 885 tấn/ngày, chế biến là 200 000 tấn/năm, được phân bổ ở miền Bắc : 6%, miền Trung : 35% và miền Nam : 59%. Theo đánh giá của Bộ Thủy sản, năng lực chế biến thủy sản đông lạnh dư thừa so với nguồn nguyên liệu hiện tại, phân bố công suất chế biến có sự mất cân đối với vùng nguyên liệu, thể hiện như sau :

	Khu vực		
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
Nguyên liệu (%)	4,2	39,4	56,4
Số lượng nhà máy (%)	6,0	35,0	59,0
Lao động (%)	3,8	27,8	68,4

Trong chế biến lâm sản, cả nước có 961 doanh nghiệp chế biến gỗ (trong đó 378 doanh nghiệp nhà nước, 560 doanh nghiệp ngoài quốc doanh) với tổng công suất 1,5 triệu m^3 gỗ quy tròn/năm (phần lớn sử dụng gỗ rừng tự nhiên). Bên cạnh đó, có khoảng 100 cơ sở chế biến lâm sản khác nhưng thiết bị và công nghệ chế biến phần lớn còn lạc hậu (đầu tư vào thời kỳ trước 1995), tỷ lệ thành phẩm thấp (tiêu thụ 3 m^3 gỗ tròn mới được 1 m^3 gỗ thành phẩm), chưa tận dụng được các phế liệu.

Theo Báo cáo của Ngân hàng thế giới năm 1999, khả năng cạnh tranh của một số ngành chế biến nông sản chính của Việt Nam (trong 6 nước ASEAN) được xếp hạng, như sau : *thứ nhất* về xay xát gạo, chế biến lương thực, cao-su và các sản phẩm từ cao-su, chế biến thủy hải sản, sản xuất bơ ; *thứ hai* về chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt ; *thứ ba* về chế biến và bảo quản rau quả, đường các loại ; *thứ tư* về chế biến dầu mỡ động, thực vật... Thực tế đó đang làm cho ngành công nghiệp chế biến nông sản đứng trước những cơ hội và thách thức lớn sau đây :

1. Cơ hội

Sản xuất nông nghiệp đang chuyển nhanh từ thiếu hụt sang dư thừa không chỉ đối với lúa gạo, sản phẩm cây công nghiệp (cà-phê, chè, cao- su), mà còn nhiều loại hàng hóa nông sản khác (rau quả, mía đường, thịt gia súc, gia cầm...), chứng tỏ tiêu dùng truyền thống dưới dạng tươi sống không giải quyết được tình trạng ứ thừa và ổn định giá cả, nhất là vào thời điểm thu hoạch. Do đó, muốn phát triển và mở rộng sản xuất, không có cách nào khác là phải đẩy nhanh công nghiệp chế biến nông sản. Đây là cơ hội lớn đang mở ra đối với ngành công nghiệp chế biến trong những năm tới.

Thị trường tiêu thụ đã bắt đầu thay đổi theo hướng vừa đa dạng hóa vừa đòi hỏi sản phẩm chất lượng cao do mức thu nhập xã hội đã được nâng lên, đặc biệt ở bộ phận dân cư đô thị. Hơn nữa, nhu cầu tiêu dùng sản phẩm chế biến công nghiệp bắt đầu gia tăng, trong đó một số được sản suất tại các cơ sở chế biến nội địa, một số được nhập khẩu. Nhiều cơ sở thương mại hiện đại (siêu thị) đã hình thành ở các thành phố, đô thị lớn và tiếp tục được mở rộng ra các trung tâm tỉnh ly trên cả nước. Đây sẽ là nơi tiêu thụ phần lớn các nông sản chế biến. Nhu cầu tiêu dùng nông sản tươi sống cũng bắt đầu thay đổi, hướng vào các sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã đẹp và đảm bảo vệ sinh. Muốn đáp ứng được những thay đổi này, nông nghiệp cũng cần có sự tác động của công nghiệp sơ chế, công nghệ bảo quản sau thu hoạch.

Cơ sở vật chất thiết yếu phục vụ sản suất được tăng cường hơn trước. Trong sản xuất nông nghiệp có khoảng 87% diện tích gieo trồng lúa và 25% diện tích cây công nghiệp nguyên liệu được tưới tiêu, có điều kiện thâm canh và nâng cao chất lượng sản phẩm, nhiều loại giống cây trồng mới được đưa vào sản xuất tạo ra các mặt hàng mới có chất lượng hấp dẫn người tiêu dùng. Việc cung ứng điện, nước cho sản xuất cũng được củng cố và nâng cấp đối với một số vùng sản xuất hàng hóa, nguyên liệu. Đây là cơ hội đối với công nghiệp

Digitized by Google

chế biến để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao hơn và đồng đều hơn.

Sự phát triển đa dạng các doanh nghiệp chế biến thuộc mọi thành phần kinh tế trong thời gian vừa qua đã thu hút một lượng vốn đáng kể trong xã hội vào công nghiệp chế biến. Nếu được củng cố và tổ chức hợp lý, phổ biến rộng rãi những mô hình tốt thì ngành công nghiệp chế biến nông sản nhiều thành phần ở Việt Nam sẽ nhanh chóng trưởng thành trong tương lai gần. Bên cạnh đó, lượng lao động dư thừa ở nông thôn đang lớn, giá sức lao động không cao so với các nước trong khu vực, đã cho phép ngành công nghiệp chế biến tiết kiệm được chi phí lao động trên mỗi đơn vị sản phẩm.

Trong những năm vừa qua, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, như hỗ trợ lãi suất vốn vay để các doanh nghiệp đầu tư vào các dây chuyền thiết bị mới, hỗ trợ vốn để các cơ sở chế biến mua hết nông sản nguyên liệu do nông dân làm ra ; giảm thuế thu nhập đối với một số doanh nghiệp gặp khó khăn (cà-phê, mía đường...) ; miễn, giảm thuế nhập khẩu đối với thiết bị chế biến ; hỗ trợ mặt bằng để phát triển sản xuất, kinh doanh. Những chính sách này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển trong bước đi ban đầu. Nghị quyết số 15-NQ/TU về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010 lại một lần nữa khẳng định quyết tâm của Đảng ta thúc đẩy nhanh hơn quá trình phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở Việt Nam trong những năm tới.

Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp chế biến nông sản tiếp cận các loại hình công nghệ sản xuất mới, có điều kiện lựa chọn công nghệ thích hợp để tiếp thu và ứng dụng vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp, rút ngắn được thời gian hiện đại hóa và nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm chế biến.

2. Thách thức

Trước những yêu cầu mới của hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, ngành công nghiệp chế biến nông sản của Việt Nam đang đứng trước những thách thức to lớn, nhất là nâng cao năng lực cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của các nước trên thị trường quốc tế. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 5 (khóa IX) chỉ rõ : "Công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phát triển chậm ; ngành nghề và dịch vụ chưa thu hút được nhiều lao động ; lao động còn phổ biến là thủ công, tỷ lệ qua đào tạo thấp, thiếu việc làm nghiêm trọng" (1). Cụ thể là, ngành công nghiệp chế biến nông sản Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn, như sau :

Xuất phát điểm thấp về trình độ phát triển là một thách thức đối với công nghiệp chế biến nông sản trong những năm tới. Sự thấp kém này thể hiện ở chỗ : kết cấu hạ tầng (đường sá, thông tin, kho tàng phục vụ sản xuất nông nghiệp...) chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất hàng hóa và chế biến với hiệu suất cao ; mặt bằng chế biến còn rất thiếu so với nhu cầu mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm ; dịch vụ cung ứng các điều kiện sản xuất (điện, nước...) chưa đáp ứng nhu cầu của các hoạt động chế biến ; trình độ công nghệ, máy móc, thiết bị chế biến thấp kém, năng suất thấp, thiếu đồng bộ, hao phí nguyên nhiên liệu lớn và sản phẩm làm ra chất lượng thấp ; trình độ, kỹ năng của lao động trong ngành chế biến hầu hết còn rất hạn chế, số đông chưa qua đào tạo.

Thu nhập của phần lớn dân cư, đặc biệt là dân cư khu vực nông thôn còn rất thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao là một thách thức rất lớn đối với việc thúc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế nói chung, phát triển công nghiệp chế biến nói riêng. Mức sống nhân dân ở nông thôn không tăng lên tương ứng với tăng trưởng kinh tế chung sẽ kìm hãm nhu cầu tiêu thụ, không kích thích phát triển sản xuất, nhất là công nghiệp chế biến.

---

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 91

Digitized by Google

Việt Nam đang mở rộng thương mại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt và thế giới đang tiềm ẩn những nguy cơ khủng hoảng, suy thoái. Nhiều nước phát triển kinh tế theo hướng xuất khẩu đang gặp khó khăn do thị trường thế giới bị thu hẹp và khủng hoảng tài chính mang tính toàn cầu. Kể từ cuối năm 1999 đến nay giá các mặt hàng xuất khẩu giảm mạnh : gạo giảm 26,9% ; cà-phê giảm 65% ; cao-su giảm 19% ; hạt tiêu giảm 59,3% ; hạt điều nhân giảm 41% ; chè các loại giảm 8,2%. Hậu quả là thu nhập và đời sống của đại bộ phận nông dân giảm, không thúc đẩy mở rộng sản xuất nông nghiệp nói chung và chế biến nông sản nói riêng.

Sự chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn đang là yếu tố tác động tiêu cực đến phát triển công nghiệp chế biến. Trong khi kinh tế các vùng đô thị phát triển với tốc độ cao, thì ở nông thôn, nhất là những vùng thuần nông, vùng thường bị thiên tai phát triển chậm, cơ sở hạ tầng thấp kém, điều kiện để phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến gặp rất nhiều khó khăn, mối liên kết giữa sản xuất nguyên liệu với chế biến lỏng lẻo, không bền vững.

Điều kiện tự nhiên, khí hậu nhiệt đới và á nhiệt đới của Việt Nam có nhiều thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp đa dạng, song lại không thuận đối với công nghiệp chế biến, làm quá trình bảo quản nông sản và chế biến gặp nhiều khó khăn. Một trong những nguyên nhân dẫn đến chất lượng nông sản chế biến thấp là tình trạng giảm chất lượng nguyên liệu ngay sau thu hoạch và trước khi đưa vào chế biến. Cản trở này gây ra tốn kém vốn đầu tư vào công nghệ bảo quản, các thiết bị vận chuyển chuyên dụng.

Công tác quy hoạch các vùng, tiểu vùng sản xuất nguyên liệu trong nông nghiệp chưa gắn hợp lý với phát triển các cơ sở chế biến. Các vùng sản suất chưa được nghiên cứu cẩn trọng và thiếu chi tiết để có thể hướng dẫn người sản xuất trong việc quyết định đầu tư phát triển cây trồng, con vật nuôi có hiệu quả, tạo vùng nguyên liệu năng suất cao, đồng đều, bền vững để cung cấp cho công nghiệp chế biến nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng cao. Những yếu kém trên đây trong công tác quy hoạch và thiết kế tổ chức lại sản xuất các vùng nguyên liệu là thách thức lớn đối với các cơ quan hoạch định chính sách phát triển công nghiệp chế biến nông sản trong những năm tới.

Hiện tại hầu hết các cơ sở chế biến nông sản của Việt Nam đang nằm trong tình trạng thua lỗ, có nhiều doanh nghiệp thua lỗ nặng, chẳng hạn như các doanh nghiệp trong ngành mía đường. Trong số 44 doanh nghiệp hiện nay thì 31 doanh nghiệp thua lỗ triền miên với tổng số lỗ đến cuối năm 2001 là 1 232,8 tỉ đồng. Trước sức ép mạnh mẽ của tự do hóa thương mại, các doanh nghiệp này sẽ phải đối mặt với nguy cơ phá sản nếu bản thân các doanh nghiệp không tích cực vươn lên. Theo đó, hàng triệu hộ nông dân sẽ không có nơi tiêu thụ sản phẩm, sẽ thất bát và rơi vào vòng nghèo đói. Thời điểm hội nhập AFTA đã bắt đầu từ tháng 7 năm 2003 nhưng rất nhiều doanh nghiệp chế biến nông sản vẫn còn thờ ơ, bàng quan, không biết tận dụng cơ hội và chuẩn bị sẵn sàng mọi mặt để đối phó với thách thức mới.

Hầu hết các ngành chế biến nông sản đang diễn ra tình trạng mất cân đối giữa cơ cấu chủng loại sản phẩm, giữa tốc độ mở rộng diện tích sản xuất nguyên liệu (quảng canh) với tăng năng suất trên một đơn vị diện tích và với phát triển năng lực chế biến, các năng lực dịch vụ sản xuất kèm theo, phát triển sản suất, chế biến không dựa vào tín hiệu thị trường... Trong thời gian qua, sự hiện diện thêm các doanh nghiệp chế biến thuộc nhiều thành phần kinh tế đã làm phức tạp hóa việc cung cấp nguyên liệu và đồng đều hóa chất lượng chế biến giữa các doanh nghiệp và cơ sở chế biến trên cùng một vùng sản xuất.

Các chính sách vĩ mô đối với công nghiệp chế biến chưa thật sự thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, vì còn duy trì các chế độ ưu đãi về tài chính đối các doanh nghiệp chế biến khu vực nhà nước (doanh nghiệp đường, cà-phê, chế biến gạo...) làm thiệt hại cho Nhà nước về tài chính, gây lãng phí

Digitized by Google

các nguồn tài nguyên và cản trở việc nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn ngành chế biến nông sản nói chung. Sâu xa hơn nữa là, sự ưu ái này đang tạo ra tính ỷ lại của các doanh nghiệp, nhất là chậm trễ trong việc đổi mới công nghệ để hội nhập.

Từ những phân tích trên đây, chúng tôi xin nêu một số vấn đề về phát triển công nghiệp chế biến nông sản trong thời gian tới, như sau :

- Phát triển công nghiệp chế biến nông sản phải theo quan điểm bền vững, phát huy vai trò của Nhà nước trong việc xác định và hướng dẫn lựa chọn các ngành, lĩnh vực kinh tế có lợi thế, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, lãnh thổ, vừa tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh, được thị trường chấp nhận. Điều đó đòi hỏi trong từng bước phát triển phải có sự chọn lọc, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý và có tính bền vững, ổn định, tránh tình trạng tự phát dẫn đến phải làm đi làm lại, hoặc phải điều chỉnh quá nhiều dẫn đến tốn kém về tài chính, thiệt hại cho cả nhà đầu tư và nguồn lực xã hội, chậm trễ về thời gian.

- Lựa chọn công nghệ, kỹ thuật thích hợp cho công nghiệp chế biến nông sản vừa phải mang tính hiện đại, tạo sản phẩm thích hợp với yêu cầu, đòi hỏi của thị trường, vừa phải tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động ở nông thôn và không gây ô nhiễm môi trường sinh thái. Vấn đề quan trọng là, cùng với du nhập công nghệ mới phải tiên lượng được sự biến động của việc làm và ảnh hưởng môi trường khi xuất hiện công nghệ mới.

- Thu hút được vốn đầu tư của nhiều thành phần kinh tế vào phát triển công nghiệp chế biến nông sản. Muốn vậy, trước hết phải tạo niềm tin và sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế, nhất là để họ yên tâm bỏ vốn đầu tư lâu dài và có ý thức phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của chính họ. Ngoài ra, Chính phủ tiếp tục hoàn chỉnh khung pháp lý về quyền lợi, trách nhiệm và yêu cầu đối với nhà đầu tư khi bỏ vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh ở nông thôn. Khuyến khích và tôn vinh các nhà đầu tư với quy mô vốn lớn và xác định làm ăn lâu dài trên địa bàn này. Kêu gọi các công ty lớn ở các đô thị và khu công nghiệp tập trung triển khai liên kết, kết nghĩa với từng vùng nông thôn cụ thể để có địa chỉ đầu tư và phát triển hoạt động kinh doanh lâu dài...

- Phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển công nghiệp chế biến nông sản. Nhà nước chủ động tổ chức đào tạo, tập huấn về kiến thức tiếp thị (marketing) cho các chủ doanh nghiệp ở nông thôn ; tổ chức các hình thức linh hoạt trao đổi về ngành nghề mới tại các vùng nông thôn cho người lao động (khuyến công) ; hướng dẫn nông dân sản xuất hàng hóa theo công nghệ mới (khuyến nông) ; thường xuyên cung cấp đầy đủ thông tin và tuyên truyền cho người lao động phải chuyển sang sản xuất hàng hóa chất lượng cao, đáp ứng đòi hỏi của hội nhập kinh tế.

- Tổ chức phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cho công nghiệp chế biến nông sản. Nhà nước chủ động huy động các lực lượng tham gia nghiên cứu thị trường nông sản trong và ngoài nước, theo dõi và phân tích thông tin tổng quát về những biến động của giá cả và nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu, thông tin về tình hình kinh tế khu vực, thông tin về sự biến động các ngành nghề, định hướng xuất khẩu các sản phẩm vào các thị trường và các quốc gia trọng điểm cho các doanh nghiệp và hướng dẫn các địa phương, các doanh nghiệp ở nông thôn tự nghiên cứu tìm thị trường cụ thể cho mình và lựa chọn sản phẩm của địa phương thích ứng với các thị trường trong và ngoài nước. Tổ chức cung ứng kịp thời, đầy đủ các vật tư, nguyên liệu "đầu vào" cho phát triển các hoạt động nông nghiệp hàng hóa và hoạt động chế biến nông sản ở nông thôn.

- Điều chỉnh cơ cấu kinh tế nông thôn và cơ cấu sản xuất nông nghiệp bằng các chính sách khuyến khích kinh tế, hạn chế các biện pháp can thiệp hành chính trên cơ sở xây dựng quy hoạch và hướng dẫn triển khai. Xây dựng các chính sách hỗ trợ để doanh nghiệp phát triển theo hướng đã quy hoạch (hỗ trợ theo mục tiêu, không theo thành phần và loại hình tổ chức sản xuất) ; lập các quỹ hỗ trợ phát triển công nghiệp ở nông thôn, trong đó có công nghiệp chế biến nông sản.❑

Digitized by Google

Toàn cầu hóa kinh tế và xây dựng nền văn hóa dân tộc

MAI HẢI OANH

1 - Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế phát triển của thế giới đương đại. Toàn cầu hóa kinh tế lấy tiến bộ khoa học - kỹ thuật làm cơ sở, lấy các quốc gia phát triển làm chủ đạo, lấy các công ty xuyên quốc gia làm động lực chủ yếu thúc đẩy mọi hoạt động trên phạm vi toàn thế giới. Nó cũng lấy kỹ thuật số làm mũi nhọn đột phá vào sản xuất, tiêu thụ, tài chính và kỹ thuật. Các công ty xuyên quốc gia thông qua đầu tư quốc tế tăng cường sản xuất, tiêu thụ, từ đó hình thành nên thể chế quan hệ quốc tế, các kết cấu đầu tư và ngành nghề mới. Từ sự phát triển cao của kỹ thuật thông tin mà sức sản xuất xã hội phát triển mãnh liệt ; yếu tố thị trường ngày càng tham dự, thẩm thấu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội và phương thức sinh hoạt xã hội, vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các nước đang phát triển. Trong xu thế chung đó, vấn đề đặt ra là phải xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc như thế nào ?

Trên thực tế, qua quá trình phát triển lịch sử, đây không phải là lần đầu tiên Việt Nam tham dự vào quá trình khu vực hóa hay quốc tế hóa, cho dù là một sự tham dự bị động. Thời kỳ trung đại trong quá trình chuyển biến xã hội theo phương thức sản xuất phong kiến, Việt Nam đã từng tham dự bị động để tiếp thu học thuyết Nho giáo - nền tảng tinh thần xã hội phong kiến Trung Quốc. Đến thời cận đại, cùng với bước chân xâm lược của thực dân, đế quốc, các nền văn hóa Âu, Mỹ đã tràn vào Việt Nam. Thông qua văn hóa Pháp, tinh hoa văn hóa nhân loại phần nào đã ảnh hưởng đến các sĩ phu yêu nước và các nhân sĩ tiến bộ. Tiếp thu trí tuệ và kinh nghiệm của loài người đúc kết trong các lĩnh vực kinh tế, triết học, đạo đức, pháp luật, kỹ thuật, công nghệ, nghệ thuật... Việt Nam sớm vượt qua ngưỡng cửa của hệ tư tưởng đạo đức phong kiến, bắt đầu quá trình hiện đại hóa văn hóa - xã hội. Cuộc giao lưu lớn nhất trong lịch sử đã đem lại những thay đổi cơ bản trong số phận lịch sử Việt Nam ở thế kỷ XX, đó là sự gặp gỡ với lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Cuộc tiếp xúc này làm thay đổi thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt Nam để từ đó làm nên cuộc cách mạng sâu sắc trong đời sống xã hội Việt Nam, từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, trở thành một nước độc lập tự chủ - nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Hơn 20 năm kể từ 1954 đến 1975, miền Nam Việt Nam dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ phát triển theo mô hình chế độ tư bản và chịu ảnh hưởng sâu sắc nền văn hóa tiêu thụ của xã hội Mỹ ; miền Bắc Việt Nam quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội, động viên sức mạnh toàn dân kháng chiến giành độc lập, thống nhất Tổ quốc. Bước vào thời kỳ đổi mới, hội nhập, Việt Nam xác định "đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp". Nhưng quá trình toàn cầu hóa kinh tế bắt buộc chúng ta muốn phát triển lại phải tự vươn dậy, hội nhập vào nền văn minh mới.

Digitized by Google

2 - Toàn cầu hóa góp phần tạo ra sự đa dạng của văn hóa nhân loại. Văn hóa xét từ nghĩa gốc của nó, chính là sự tồn tại những giá trị (cả vật chất và tinh thần) có tính sáng tạo và mang tính nhân tạo. Sự sáng tạo trên nhiều lĩnh vực văn hóa thể hiện vai trò làm chủ của các cá nhân, các tộc người, các quốc gia. Nó phản ánh sự đa dạng, đa sắc màu độc đáo của văn hóa. Sự gặp gỡ của các nền văn hóa khác nhau sẽ góp phần tạo nên gương mặt của văn minh nhân loại.

Sức sống của văn hóa còn thể hiện ở khả năng truyền bá và lan tỏa của nó. Mỗi nền văn hóa đều có khả năng ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng của nền văn hóa khác. Nét đặc sắc của thành tựu văn hóa càng cao thì sức hấp dẫn và độ ảnh hưởng của nó càng lớn. Toàn cầu hóa đã tạo điều kiện kỹ thuật, điều kiện tâm lý, rút ngắn không gian và thời gian để văn hóa trải rộng và giao lưu rộng rãi. Qua sàng lọc của thời gian, sự ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa đã tạo nên những sản phẩm vật chất và tinh thần tinh túy, những đỉnh cao hàm chứa trí tuệ và óc sáng tạo lớn lao của con người.

Nhưng mặt khác, do áp lực từ nhiều phía, một số quốc gia chú ý nhiều đến vấn đề đổi mới, cách tân mà có phần xem nhẹ những di sản văn hóa truyền thống, xem nhẹ tính kế thừa. Điều này dẫn tới nguy cơ làm lu mờ, mất mát văn hóa truyền thống. Theo thống kê của nhà xã hội học Mỹ Mác-tin, nếu thế kỷ XIX cứ 50 năm đổi mới một lần, đến thế kỷ XX, chu kỳ đó là 20 năm ; còn hiện nay cứ 3 đến 5 năm lại diễn ra một cuộc đổi mới về công nghệ. Sự phát triển nhanh đến chóng mặt đó đã chiếm lấy đại đa số không gian văn hóa, đẩy văn hóa truyền thống ra ngoài phạm vi quan tâm. Nguy cơ của nó là sự mất gốc của văn hóa, người ta uống nước mà không nhớ đến nguồn.

Toàn cầu hóa thúc đẩy sự gia tăng các sản phẩm thuộc loại hình văn hóa đại chúng. Nhiều sản phẩm văn hóa ra đời vội vã, chạy theo lợi nhuận và hiệu quả thương mại hoặc chiều theo "thị hiếu đỏng đảnh" của người tiếp nhận. Người ta dễ quay lưng lại với những giá trị tinh thần cao đẹp, kéo văn hóa tụt xuống dung tục tầm thường, tạo thành những "chướng ngại" cho sự nâng cao mặt bằng dân trí, làm ô nhiễm môi trường nhân văn. *Văn hóa hình* chiếm lĩnh hết cả không gian và thời gian, uy hiếp *văn hóa đọc, văn hóa chữ,* tạo cho thanh, thiếu niên sức ỳ và thói lười biếng. Nhiều người bị trói chặt vào màn hình, màn số, mải mê với thú vui ẩm thực, nhạc nhẹ, nhạc pốp, thời trang và hoa hậu... đang quên đi những lĩnh vực tinh thần phong phú và đa dạng có chiều sâu văn hóa. Văn minh kỹ trị đem lại tiện nghi tiện lợi nhưng cũng dễ đẩy con người vào cực khác : cô đơn, vô cảm, sống gấp, ích kỷ và thờ ơ với tất cả.

Cuộc cách mạng công nghệ về phương tiện truyền thông đã nối gần 200 quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau bằng hệ thống cáp ngầm xuyên lục địa ; hơn 300 vệ tinh đã tạo thành mạng lưới dày đặc trên bầu trời, đưa đến màn ảnh nhỏ của từng gia đình các chương trình mới lạ hấp dẫn. Mọi người bất kể góc trời nào đều có thể gặp nhau trên mạng in-tơ-nét. Các nước phát triển nhờ sức mạnh vật chất hùng hậu, qua các phương tiện và thủ đoạn kỹ thuật tiên tiến đã trở thành trung tâm truyền bá văn hóa. Như thế là quá trình giao lưu văn hóa được thực hiện một chiều. Thực chất đây chính là sự xâm phạm và giành giật lợi ích của các nước phát triển với các nước đang phát triển qua chiêu bài văn hóa. Ngay cả Pháp - nước có một nền văn hóa lớn cũng lên tiếng : "Mối nguy thực sự chính là quan điểm kiểu Mỹ về văn hóa". Ông Lý Quang Diệu nhấn mạnh "khuôn mẫu về nhân quyền ở phương Tây không có đất sống ở châu Á. Chúng tôi không chấp nhận bị phương Tây hóa, Mỹ hóa hoặc Anh hóa gì đó". Ông M. Ma-ha-thia cho rằng : "Nền dân chủ phương Tây chỉ mang lại sự không ổn định, sự sa sút về kinh tế cũng như nghèo đói về tinh thần". Như thế, sự cảnh báo về nguy cơ đồng nhất hóa các giá trị văn hóa toàn cầu không phải là lời cảnh báo suông.

Digitized by Google

Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, cuộc tấn công văn hóa thông qua đường "diễn biến hòa bình" ít nhất có thể nhận thấy trên hai bình diện. *Một là*, thủ đoạn gây nên tình trạng "tự diễn biến về văn hóa" theo các giá trị văn hóa phương Tây đẩy tới tình trạng "tự diễn biến về chính trị". *Hai là*, thủ đoạn sử dụng văn minh vật chất và truyền bá thông tin một chiều với mục đích gây hoang mang, mất phương hướng trong sinh hoạt xã hội, trong tâm lý cộng đồng làm con người xa rời lý tưởng(1). Thâm nhập văn hóa thực chất là thâm nhập tâm lý rồi dẫn đến thâm nhập chính trị. Quá trình thẩm thấu này tưởng như vô hình nhưng sức công phá về lối sống, nhân cách rồi đến tư tưởng, chính trị cực kỳ lớn. Bằng văn hóa, "diễn biến hòa bình" thẩm thấu vào các giá trị xã hội, vào lối sống dân tộc sao cho con người xao nhãng nghĩa vụ, khơi dậy những bản năng sinh vật còn ẩn tàng, quyến rũ họ chạy theo lạc thú, chạy theo lợi ích vật chất mà khô cạn tình người, quay lưng lại với truyền thống, quên đi tấm "căn cước văn hóa dân tộc". Nguy hại thay khi các thế hệ nối tiếp không còn biết đến tổ tiên, nòi giống, không còn biết đến những giá trị truyền thống, cốt cách quê hương dân tộc mà chỉ quan tâm đến những giá trị vật chất, những tiện nghi sinh hoạt hiện đại. Người ta hy vọng sẽ đánh gục ý chí của các thế hệ sinh ra sau ngày đất nước ta thống nhất làm nhạt phai lý tưởng xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, làm tha hóa nhân cách lối sống của lớp trẻ. Các chiến thuật "tâm công" sở trường của phương Đông "đánh vào lòng người" được "diễn biến hòa bình" lợi dụng thông qua mùi vị hấp dẫn của văn hóa đại chúng. Và đó cũng là lý do tại sao người ta phải đổ nhiều tỉ đô-la cho việc xây dựng và nuôi dưỡng gần 40 đài phát thanh chương trình tiếng Việt, gần 400 loại báo chí, 52 nhà xuất bản của các tổ chức người Việt nước ngoài luôn kích động, xuyên tạc, bịa đặt, vu khống, bóp méo hình ảnh Việt Nam.

Từ khi chúng ta chuyển sang nền kinh tế thị trường đã xuất hiện những cách sống, lối sống thực dụng chạy theo giá trị vật chất. Vì lợi nhuận người ta bất chấp và chà đạp lên tất cả. Người ta sản xuất giả đủ loại từ đồ ăn thức uống đến các sản phẩm tinh thần. Thói đua đòi ăn chơi, hưởng lạc, xa hoa, phung phí tiền của đã trở nên phổ biến, tạo thế mất cân bằng giữa cống hiến và hưởng thụ. Nạn tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính và các tệ nạn xã hội khác đang phát triển tràn lan. Tệ bê tha, buôn thần bán thánh xuất hiện khắp nơi. Nạn ly dị phổ biến. Nạn mại dâm xuất hiện nhiều. Hậu quả của những hiện tượng trên là sự mất niềm tin, mất định hướng giá trị. Đây là mảnh đất màu mỡ cho sự xâm nhập của "văn hóa đại chúng" phương Tây hậu hiện đại.

Tác động tiêu cực của cơ chế thị trường đối với văn hóa thể hiện rõ nét nhất qua quá trình thương mại hóa văn hóa. Thực chất thương mại hóa văn hóa không phải là cái gì khác ngoài việc định hướng đời sống văn hóa vào những nhu cầu trước mắt của con người. Những nhu cầu này được đáp ứng bởi khả năng chi trả bằng tiền. Văn hóa đại chúng được du nhập vào nước ta đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường toàn quốc và thâm nhập vào mọi giai tầng xã hội. Nó dễ thích ứng với đông đảo dân chúng có trình độ giáo dục thấp và tầng lớp thanh thiếu niên dễ đi theo trào lưu và tìm kiếm cái thời thượng. Bên cạnh đó, việc quản lý văn hóa còn nhiều sơ hở đã không tạo ra được một cấu trúc hợp lý của nền văn hóa Việt Nam xã hội chủ nghĩa tiên tiến, giàu bản sắc. Các văn bản quy phạm văn hóa tuy đã ra đời nhưng không đồng bộ. Đội ngũ lý luận phê bình văn hóa không mạnh. Thị trường văn hóa không trong sạch. Không có sự đánh giá xã hội thích hợp, nhanh nhạy đối với các giá trị nghệ thuật. Trước thực tế này, vấn đề đặt ra là phải nhận thức và xử lý thế nào để phát triển văn hóa dân tộc.

3 - Sự phát triển văn hóa chịu sự chế ước mạnh mẽ của kinh tế và chính trị. Vì vậy,

(1) Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 7-1997

Digitized by Google

gương mặt xã hội thường là sự nhất thể hóa kinh tế - văn hóa - chính trị ; kinh tế hóa văn hóa, văn hóa hóa kinh tế... đây là hiện tượng giao thoa, đan xen lẫn nhau hợp quy luật. Các nước phát triển lợi dụng phương tiện khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến đã thâm nhập và khuyếch trương văn hóa của mình trên khắp thế giới, khiến cho ý thức tư tưởng, hệ thống giá trị, hệ thống tín ngưỡng, nền văn hóa dân tộc của các nước đang phát triển bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các nước phát triển tìm mọi cách ngăn trở sự truyền bá văn hóa khác với quan niệm giá trị của họ và trơ tráo áp đặt giá trị đối với các nước khác. Nếu nhìn nhận thực chất thì giao lưu văn hóa chẳng qua chỉ là quan hệ xuất khẩu văn hóa từ các nước phát triển vào các nước đang phát triển. Theo sự xuất hiện của hàng hóa trong cơ chế thị trường, quan niệm giá trị, tâm lý lối sống, thị hiếu thói quen của các nước phát triển phương Tây tràn vào các nước đang phát triển trở thành lối sống toàn cầu và sinh hoạt thường ngày. Văn hóa thẩm thấu theo cấp độ khác nhau khiến cho người dân ở các nước đang phát triển đánh mất đi cơ sở tâm lý xã hội của họ, tiếp thu cơ sở tâm lý xã hội của các nước tư bản phát triển phương Tây. Nhưng mặt khác, thông qua văn hóa phương Tây, có thể hiểu thêm một bước và tiến thêm một bước nhận thức về bản sắc văn hóa dân tộc, để đưa ra những đối sách hợp lý thúc đẩy sự phát triển văn hóa dân tộc. Trong mối quan hệ văn hóa - kinh tế - chính trị thì chủ quyền văn hóa đồng thời cũng là chủ quyền kinh tế, chính trị. Việc phát triển nền văn hóa dân tộc có quan hệ trực tiếp đến sự tồn vong của dân tộc. Chúng ta phải đề phòng quá trình "nhập khẩu" văn hóa và xây dựng chiến lược văn hóa chống lại ảnh hưởng văn hóa đại chúng hậu hiện đại của Mỹ.

Thực chất quá trình toàn cầu hóa cũng chính là quá trình hội nhập về kinh tế, giao lưu về văn hóa, hợp tác về khoa học - kỹ thuật, công nghệ và trên nhiều lĩnh vực để giải quyết các vấn đề cấp bách của toàn nhân loại.

Xây dựng, phát triển văn hóa dân tộc, giữ vững độc lập dân tộc là không dựa vào văn hóa của dân tộc khác và cũng không phải là sự đóng cửa, cô lập. Thông qua mở cửa, hội nhập, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia không ngừng tăng thêm sức sống của nền văn hóa khiến cho văn hóa dân tộc có được tính độc lập và tính chủ động. Vấn đề xây dựng văn hóa dân tộc thích ứng với trào lưu văn hóa nhân loại không phải là sự phủ định tính dân tộc mà còn làm phong phú, phát triển tính dân tộc, làm cho văn hóa dân tộc đạt được tính quy định của thời đại. Trong toàn cầu hóa kinh tế phải thấy được tính dân tộc và tinh thần thời đại, để bổ sung vào hệ giá trị của văn hóa truyền thống. Do đó, phải suy nghĩ đến vấn đề kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc và hấp thụ tinh hoa văn hóa thế giới ; tham chiếu tiêu chuẩn toàn cầu hóa và dân tộc hóa để nhận ra cần kế thừa cái gì, bổ sung cái gì.

Vấn đề kế thừa truyền thống phải nhìn nhận từ yêu cầu thực tiễn đời sống của xã hội hiện nay. Văn hóa truyền thống chính là hệ thống giá trị lâu đời của dân tộc, nhưng điều quan trọng để xây dựng văn hóa dân tộc là phải dựa vào thực tiễn xã hội hiện nay. Không được đồng nhất các giá trị truyền thống với các lệ tục hủ tục. Mặt khác, cũng không thể không đề phòng sự xâm nhập của nền văn hóa tiêu thụ, lối sống, cách sống thực dụng chạy theo giá trị vật chất, xa lạ với đạo đức, tâm lý, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Như vậy, từ thực tiễn sinh hoạt xã hội, phải tìm được cái gì là lành mạnh, thỏa mãn yêu cầu của thực tiễn xã hội đương đại, từ đó bổ sung và phát huy hệ giá trị văn hóa dân tộc.

Xác định giá trị và ý nghĩa truyền thống trong quá trình phát triển xã hội đương đại, từ đó xác định nội dung và phương hướng phát triển văn hóa dân tộc. Điều mấu chốt phải làm rõ là trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, trước yêu cầu của thực tiễn sinh hoạt xã hội lựa chọn vấn đề phát triển văn hóa và quá trình sáng tạo

(Xem tiếp trang 45)

Digitized by Google

"TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG HAI THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI"

Lời Bộ Biên tập : *Ngày 30-7-2003, tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Ban Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.08-09 phối hợp với Tỉnh ủy Đồng Nai tổ chức Hội thảo : "Triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI".*

GS,TS Nguyễn Ngọc Long - Chủ nhiệm đề tài KX.08-09 ; đồng chí Lê Hoàng Quân - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai ; GS,TS Trần Hữu Tiến, Ủy viên Ban Chủ nhiệm Chương trình KX.08 (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) ; đồng chí Trần Đình Thành - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, cùng chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có trên 80 đại biểu là các nhà khoa học, các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, đại biểu của các cơ quan trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai và các cơ quan thông tin đại chúng của trung ương và địa phương.

Trên 30 bản tham luận được gửi đến và trình bày tại Hội thảo. Bài tổng thuật sau đây nhằm chuyển tới bạn đọc những thông tin cơ bản nhất của Hội thảo.

HỘI thảo khoa học - thực tiễn "Triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI" có ý nghĩa thiết thực cả về lý luận và thực tiễn, nhằm đánh giá một cách tổng quát và khoa học về các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Các tham luận và ý kiến phát biểu tại Hội thảo đã đề cập khá toàn diện trong một không khí sôi nổi, thẳng thắn và đầy tâm huyết của các đại biểu, với mong muốn chung là có cái nhìn khách quan, khoa học về chủ nghĩa xã hội - những thành tựu, nguyên nhân thoái trào, đặc biệt là xu hướng và những triển vọng tất yếu của nó trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, thể hiện tập trung ở 3 nội dung chính dưới đây :

I - CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC TRONG THẾ KỶ XX - BÀI HỌC TỪ LỊCH SỬ

Đây là chủ đề thu hút khá nhiều tham luận và ý kiến đề cập từ những khía cạnh và góc độ khác nhau. Trong Báo cáo đề dẫn *GS,TS Nguyễn Ngọc Long* đã trình bày những kết quả nghiên cứu bước đầu của Ban Chủ nhiệm đề tài theo phương pháp chủ yếu là kết hợp lịch sử và lô-gích : từ tổng kết quá khứ, phân tích hiện tại, đi tới dự báo tương lai, đưa ra những dự đoán về triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Báo cáo khẳng định : Sẽ là không biện chứng và thiếu quan điểm lịch sử, nếu bảo vệ học thuyết

Digitized by Google

xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà lại không thừa nhận sự tồn tại của chủ nghĩa xã hội hơn 70 năm qua là *chủ nghĩa xã hội hiện thực*. Những non yếu, cả những khuyết tật của một chế độ xã hội trong quá trình hình thành là một tất yếu của quá trình lịch sử. *Đồng chí Lê Hoàng Quân*, khi đề cập đến chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Việt Nam đã khẳng định : Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược vì độc lập tự do của Tổ quốc, cùng những thành tựu ban đầu của thời kỳ quá độ và công cuộc đổi mới là bằng chứng sinh động về sự kiên định và nhất quán mục tiêu và con đường đã chọn : Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Cũng trong phần này, vấn đề "kịch biến" Liên Xô và Đông Âu trở thành chủ đề nổi bật trong việc luận chứng của các nhà khoa học. Theo *ThS Lâm Hiếu Trung* (Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật Đồng Nai), nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bắt đầu từ những sai lầm nội tại có tính hệ thống và kéo dài, cụ thể là sai lầm về đường lối chính trị của những người lãnh đạo Đảng ở Liên Xô và các nước Đông Âu. *Đồng chí Trần Trọng Tân* (cán bộ lão thành cách mạng, Thành phố Hồ Chí Minh) cho rằng : Trong các nguyên nhân bên trong dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu, có cả những sai lầm về đường lối kinh tế, văn hóa, chính sách dân tộc v.v.. của những người lãnh đạo Đảng. Nhất trí với quan điểm đó, *TS Trần Chí Mỹ* (Trưởng Bộ môn Khoa học Chính trị, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh) nhận định : Khi thời đại đưa ra những tín hiệu của một thời đại mới - thời đại xã hội chủ nghĩa mà lại lựa chọn con đường nào đó khác con đường xã hội chủ nghĩa thì sự lựa chọn đó là sai lầm, tất yếu không thể tránh khỏi những thất bại. *TS Phạm Thăng* (Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh) sau khi phân tích và kết luận rằng, trong các nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu, nguyên nhân bên trong là quyết định, nguyên nhân bên ngoài là điều kiện, đã nhận định : Bất kỳ một cuộc cách mạng nào, vấn đề cơ bản không phải là có hoặc không có sai lầm, mà điều cốt lõi là nhìn nhận để khắc phục và sửa chữa sai lầm như thế nào. Cụ thể hơn, *TS Nguyễn Đức Đạt* (Chủ nhiệm Khoa Mác - Lê-nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại học Văn Lang Thành phố Hồ Chí Minh) đã mổ xẻ : Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự trì trệ của Liên Xô là bắt đầu từ lý luận. Một trong những sai lầm trong đó là ngộ nhận rằng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô xuất hiện từ Cách mạng Tháng Mười (1917). Đây là sự gạt bỏ thô bạo, vi phạm nghiêm trọng học thuyết về lượng - chất của Ph. Hê-ghen. Bày tỏ quan điểm đồng tình với các ý kiến trên, *ThS Tạ Trần Trọng* (Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh) nhận định : sự phản bội của một số cá nhân trong Đảng Cộng sản Liên Xô đã tạo cho sự phản kích của chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội đạt hiệu quả cao hơn. *Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng* (Thành phố Hồ Chí Minh) sau khi phân tích, đánh giá thực trạng và chỉ ra nguyên nhân đã quả quyết : hiện thực bi đát đó chứng tỏ có một cái gì đó bên trong lớn hơn không chứa nổi. Nó chứng tỏ việc xử lý vấn đề không tốt. Trong tiến trình cách mạng, nếu ta hiểu được tính kiêu ngạo là tai hại cũng là một cách phát hiện và làm chủ mình...

Tuy từ nhiều góc độ khác nhau, nhưng các ý kiến đều thống nhất cho rằng : sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu đều xuất phát từ những nguyên nhân rất cụ thể, gồm nguyên nhân bên trong, nguyên nhân bên ngoài ; nguyên nhân trực tiếp - gián tiếp ; nguyên nhân kinh tế - chính trị - xã hội ; trong đó nguyên nhân nội tại là trực tiếp và quan trọng.

II - TOÀN CẦU HOÁ VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Về vấn đề này, các ý kiến đã đi sâu vào hai nội dung cơ bản : Toàn cầu hóa và chủ nghĩa tư bản ; chủ nghĩa xã hội trong quá trình

Digitized by Google

toàn cầu hóa. Các ý kiến đều thống nhất nhận định : Quá trình toàn cầu hóa hiện nay đang diễn ra do sự chi phối của chủ nghĩa tư bản, biểu hiện cụ thể ở sự chi phối nền kinh tế thế giới bởi các tập đoàn tư bản kếch xù và biểu hiện thứ hai là dựa trên thế mạnh áp đảo về kinh tế.

Chung quanh sự phát triển của tư bản chủ nghĩa trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa, *GS,TS Nguyễn Ngọc Long* phân tích tính hai mặt của quá trình này. Theo GS, quá trình toàn cầu hóa tác động tiêu cực đối với chủ nghĩa xã hội trên ba mặt : *một là,* làm cho một số người tôn sùng "tính ưu việt của tư bản", niềm tin đối với tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa bị dao động ; *hai là,* làm cho một số người tiếp nhận quan niệm giá trị của phương Tây, lạc mất phương hướng xã hội chủ nghĩa ; *ba là,* làm cho một số người thay đổi "khẩu vị" văn hóa truyền thống của mình. Song, toàn cầu hóa cũng có tác động tích cực đối với tương lai của chủ nghĩa xã hội. Đó là trong khi tăng cường cao độ tính quốc tế của chủ nghĩa tư bản thì toàn cầu hóa cũng làm tăng tính cấp thiết, đồng thời tạo điều kiện thực hiện sự liên hợp các lực lượng cộng sản quốc tế. Mặt khác, bằng cách chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chủ nghĩa xã hội có thể học tập những mô hình kinh tế "quá độ từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang phương thức sản xuất tập thể" của chủ nghĩa tư bản để giải quyết những vấn đề nan giải đối với mô hình xã hội chủ nghĩa trước đổi mới. Thực tiễn đó đang đòi hỏi chủ nghĩa xã hội hiện thực phải chủ động hội nhập vào quá trình toàn cầu hóa để nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, đưa công cuộc đổi mới, cải cách của chủ nghĩa xã hội đi tới thành công. *TS Phạm Đình Nghiệm* (Giảng viên khoa Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh) cho rằng : thực ra "phong trào chống toàn cầu hóa" là một tên gọi chưa hoàn toàn chính xác và không đồng nhất. Một bộ phận đúng là chống lại toàn cầu hóa, đòi giải thể các tổ chức WB, IMF, WTO... còn một bộ phận khác lớn hơn thì trên thực tế không chống toàn cầu hóa mà đòi hỏi sự công bằng trong toàn cầu hóa, đòi hỏi tính đến các yêu cầu của các nước đang phát triển. Vậy tên gọi chính xác hơn của phong trào này có lẽ là "phong trào chống mặt trái của toàn cầu hóa"...

Ý kiến chung của nhiều người nghiên cứu cho rằng, mặt tiêu cực của tác động trực tiếp trước mắt của toàn cầu hóa đối với chủ nghĩa xã hội là lớn hơn. Đối với các nước đang phát triển và kém phát triển thì áp lực của toàn cầu hóa càng lớn, thậm chí còn đứng trước nguy cơ bị gạt ra bên lề của quá trình này. Vấn đề là ở chỗ, áp lực và thách thức là khách quan, buộc chủ nghĩa xã hội hiện thực phải đối mặt ; còn cơ hội lại phải thông qua nỗ lực chủ quan mới có thể nắm bắt được. Sự tồn tại song trùng giai đoạn đầu của thời đại quá độ sang xã hội sau, với giai đoạn cuối của thời đại trước không phải là ngoại lệ của thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giai đoạn đầu của thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã trải qua hơn 8 thập kỷ. Nó còn kéo dài bao lâu thì cũng có nghĩa là giai đoạn chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa còn kéo dài bấy lâu nữa.

III - CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI HIỆN NAY VÀ TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG HAI THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

Đây là nội dung thu hút nhiều ý kiến nhất với không khí rất sôi nổi. Trước hết, các ý kiến đều tập trung đi sâu vào ba điểm. *Một là,* việc dự báo triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI đòi hỏi phải nhận thức mâu thuẫn chủ yếu của thế giới hiện nay. *Hai là,* trong vài thập niên tới, những điều kiện cho sự tồn tại tư tưởng bá quyền, hơn nữa là bá quyền đơn phương của đế quốc Mỹ chưa có sự thay đổi một cách căn bản. *Ba là,* triển vọng của chủ nghĩa xã hội phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong sự tương tác giữa điều kiện

Digitized by Google

khách quan và nhân tố chủ quan. *Đồng chí Mai Chí Thọ* (cán bộ lão thành cách mạng, Thành phố Hồ Chí Minh) đánh giá rằng, sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là một chấn thương tâm lý nặng, không chỉ đối với những người cộng sản mà còn đối với nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Theo đồng chí, sự bênh vực chủ nghĩa xã hội của người dân ở các nước xã hội chủ nghĩa là tấm lòng đáng trân trọng. Nhưng phải làm sao để thuyết phục và khôi phục được niềm tin của nhân dân bằng chính nỗ lực của chế độ mới là quyết định. Và, chỉ khi nào những người cộng sản khẳng định được sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội một cách thuyết phục, không gò ép và nặng tư tưởng quan liêu bao cấp thì mới thực sự đảm bảo được niềm tin của nhân dân. *ThS Nguyễn Thế Huân* (Hiệu trưởng trường Chính trị tỉnh Đồng Nai) nhận định : Tuy kẻ thù bên trong và bên ngoài huy động sức mạnh tổng hợp tấn công, song với sự nhận thức và vận dụng sáng tạo, chỉ sau 10 năm cải cách và đổi mới, ở các nước kiên định con đường xã hội chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục phát triển đi lên ; phong trào cộng sản và công nhân đã dần khắc phục những khuyết điểm, đang phục hồi và phát triển. Điều này khẳng định sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu chỉ là một khúc quanh của lịch sử. Mâu thuẫn vốn có bản chất của chủ nghĩa tư bản là không thể điều hòa và sẽ chuyển hóa theo qui luật phát triển của lịch sử. Như vậy, có thể dự đoán chủ nghĩa xã hội hiện thực sẽ phát triển mạnh mẽ trở lại vào khoảng từ 2020 đến 2025 ; chu kỳ tiếp theo đi lên chủ nghĩa xã hội hiện thực sẽ là những năm 2050 - 2055. Như một đề nghị về trách nhiệm của những người cộng sản với chủ nghĩa xã hội, *đồng chí Nguyễn Thọ Chân* (cán bộ lão thành cách mạng, Thành phố Hồ Chí Minh) tâm tư : Nếu Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân thế giới hiểu sâu sắc khát vọng của loài người là độc lập và hòa bình thì phải tập trung sức để bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh. Dù tình hình thế giới như thế nào thì các nước xã hội chủ nghĩa vẫn phải có Đảng Cộng sản lãnh đạo ; trong đó, đường lối tinh tường, đối sách linh hoạt và sáng tạo là những vấn đề cốt tử. Nhất trí với quan điểm đó, *nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng* khẳng định : Nhu cầu và khát vọng hòa bình, độc lập của các dân tộc và loài người tiến bộ trên thế giới càng mạnh mẽ thì chủ nghĩa xã hội càng phải sớm được khẳng định, mà đây là xu thế tất yếu. *Đồng chí Lê Hoàng Quân* dẫn ra dự báo trong Báo cáo Chính trị của Đại hội IX của Đảng : "... Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội". Đồng chí cũng nhận định rằng, với những ưu thế vốn có, bản thân chủ nghĩa xã hội có khả năng tạo cho mình sức đề kháng kỳ diệu, nhất định sẽ đủ sức vượt qua mọi trở ngại, vững bước tiến về phía trước.

Trong phát biểu kết luận Hội thảo, *GS,TS Nguyễn Ngọc Long* đã tổng hợp các ý kiến của các nhà khoa học, nhà lãnh đạo và các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, với những nét chính như sau :

1 - Chủ đề Hội thảo và mục tiêu của nó là vấn đề có ý nghĩa thời sự thiết thực, thu hút sự tham gia của đông đảo các nhà khoa học với trách nhiệm cao và đầy tâm huyết ; và được sự ủng hộ rất nhiệt tình của Tỉnh ủy, các cơ quan và cán bộ tỉnh Đồng Nai.

2 - Bên cạnh trình bày quan điểm của mình ; góp ý những nội dung Ban Tổ chức đã làm, các đại biểu tham gia đã đề xuất các ý kiến đồng tình, nhất là góp phần làm sáng tỏ và gợi ý những vấn đề nghiên cứu mới sâu sắc hơn. Nhiều ý kiến cho rằng, phải nhìn nhận lại chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XX là cần thiết theo tinh thần "ôn cố tri tân". Các ý kiến đều

(Xem tiếp trang 40)

Digitized by Google

ĐOÀN KẾT, TỰ TIN : HÀ GIANG VỮNG BƯỚC ĐI LÊN

VŨ NGỌC KỲ*

TRONG lịch sử phát triển của mình, nhất là từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và trong những năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, những thành tựu mà nhân dân Hà Giang đạt được đều có một nhân tố vô cùng quan trọng : đó là sự đoàn kết, tập hợp nhân dân các dân tộc cùng chung sống trên mảnh đất phên dậu của Tổ quốc. Hà Giang là một tỉnh miền núi cao biên giới, địa đầu phía Bắc của Tổ quốc ; số dân gần 63 vạn người với 22 dân tộc, trong đó có tới 90% số dân là đồng bào các dân tộc thiểu số. Điểm xuất phát của tỉnh thấp, kết cấu hạ tầng kém phát triển, dân trí thấp, nhiều phong tục tập quán lạc hậu còn tồn tại khá nặng nề trong nhân dân. Hà Giang là một tỉnh đặc biệt khó khăn vì có tới 70% số xã thuộc diện vùng III ; có 4 huyện vùng cao núi đá, rất thiếu đất, thiếu nước, kết cấu hạ tầng kém phát triển, khí hậu rất khắc nghiệt, nhưng đồng bào các dân tộc có truyền thống yêu quê hương, đất nước, suốt đời này qua đời khác vẫn phải bám trụ để giữ gìn non sông Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân các dân tộc đã đoàn kết, nỗ lực vượt qua khó khăn, phấn đấu không mệt mỏi đạt được những thành tựu rất đáng phấn khởi, làm thay đổi hẳn bộ mặt đời sống của đồng bào, tạo một khí thế mới, sức bật mới. Các thành phần kinh tế ở Hà Giang mấy năm gần đây phát triển khá mạnh, đóng góp đáng kể cho ngân sách tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 282 doanh nghiệp các loại, trong đó có 40 doanh nghiệp nhà nước ; hơn 5,5 vạn hộ kinh doanh thương mại ; hơn 3 000 hộ và cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, hơn 1 000 hộ sản xuất theo mô hình kinh tế trang trại ; đã thành lập mới và chuyển đổi 250 Hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã.

Tăng trưởng kinh tế của tỉnh mấy năm gần đây liên tục ở mức ngày càng cao. Cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng sản xuất hàng hóa, tỷ trọng nông - lâm nghiệp trong GDP ngày càng giảm, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ ngày càng tăng. Năm 2002, các tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế là : nông - lâm nghiệp : 46,7%, công nghiệp, xây dựng : 21,9%, thương mại - dịch vụ : 31,4%. Sản xuất nông - lâm nghiệp phát triển ổn định, toàn diện cả về trồng trọt,

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang

Digitized by Google

chăn nuôi, tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng ; GDP bình quân đầu người đạt 2,2 triệu đồng/năm, tăng 2,5 lần so với năm 1995, sản lượng lương thực đạt 22,3 vạn tấn, bình quân đạt 350 kg/người/năm. Từ một tỉnh thiếu lương thực, đến nay đã đủ cân đối trên địa bàn, số hộ đói, nghèo từ 46% (năm 1997) giảm xuống chỉ còn 18% (năm 2002). Nhìn chung, đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Đạt được kết quả trên là do tỉnh đã chú trọng phát triển các cây thế mạnh thành vùng sản xuất hàng hóa : chè Shan tuyết (1,3 vạn héc-ta), cây đậu tương (9 000 héc-ta), cây lạc (2 500 héc-ta), cây ăn quả các loại (8 000 héc-ta), và đang trồng khảo nghiệm một số cây như thuốc lá, cây tre măng Bát Độ, măng lục trúc, v.v.. Chăn nuôi cũng là một thế mạnh, đang được tỉnh phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Mấy năm gần đây, tỉnh đã hỗ trợ kinh phí cho 3,6 vạn hộ vay vốn không lãi trong 3 năm để phát triển chăn nuôi 3,6 vạn con trâu, bò ; hỗ trợ 50% lãi suất để các hộ phát triển 1 vạn con trâu bò và hỗ trợ các hộ nghèo phát triển đàn dê. Trồng, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng, gắn bảo vệ rừng với định canh, định cư theo hướng phát triển vườn rừng có sự đầu tư của Nhà nước theo phương thức tỉnh cấp cho mỗi hộ từ 5 000 đến 10 000 cây giống để trồng trên đất vườn đồi của mình. Nhờ đó đã góp phần làm cho độ che phủ của rừng ngày càng tăng (năm 2002 đạt 39,1%, có huyện như Bắc Quang đạt 80%). Các hộ nghèo, khó khăn ngoài cây giống còn được hưởng tiền công chăm sóc cây trong 3 năm theo định mức của Chương trình 661. Là một tỉnh chủ yếu sản xuất nông - lâm nghiệp, với 90% dân cư sống ở nông thôn thì sự phát triển và thắng lợi của lĩnh vực nông - lâm nghiệp ở Hà Giang những năm qua là một thành tựu nổi bật nhất, quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh, góp phần vào sự ổn định chính trị, nâng cao uy tín lãnh đạo của Đảng.

Công nghiệp, xây dựng cơ bản có bước phát triển tốt. Năm 2002, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 250 tỉ đồng, tăng 22,5% so với năm 2001. Hiện nay toàn tỉnh có 3 000 cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Nhiều cơ sở hoạt động có hiệu quả như : dây chuyền sản xuất tấm lợp Phi-brô xi-măng công suất một triệu m^2/năm ; nhà máy bột giấy, giấy đế, giấy vàng mã công suất 3000 tấn sản phẩm/năm ; phân xưởng nghiền clanh-ke 4 vạn tấn/năm ; nhà máy tuyển luyện ăng-ti-mon kim loại 1 000 tấn/năm ; nhà máy nước 6 vạn m^3/ngày...

Hoạt động thương mại, du lịch, dịch vụ có bước phát triển mới. Tổng mức bán lẻ hàng hóa năm 2002 đạt 555,7 tỉ đồng. Tổng giá trị xuất khẩu qua biên giới đạt 80 triệu USD. Thu ngân sách toàn tỉnh đạt 140 tỉ đồng, trong đó thuế xuất, nhập khẩu qua biên giới đạt 50 tỉ đồng, tăng gấp hai lần so với năm 2000.

Một trong những thành tựu nổi bật của Hà Giang trong những năm gần đây là củng cố, xây dựng cơ sở hạ tầng. Hiện nay, 100% số xã có đường ô-tô tới trung tâm ; 50% số xã có đường nhựa đi qua ; 70% số thôn, bản đã có đường ô-tô tới nơi. Tất cả các bệnh viện tỉnh, huyện đều đã được xây cao tầng ; 100% số xã có trường học chính ở trung tâm xã là nhà hai tầng ; 50% số xã có trạm y tế và trụ sở làm việc 2 tầng. Nhà ở của nhân dân, nhất là ở những vùng cao, vùng xa và đồng bào các dân tộc thiểu số, được tỉnh quan tâm hỗ trợ mỗi hộ 70 tấm lợp bằng xi-măng. Hiện nay, có 8,5% số hộ trong tỉnh có nhà cấp 3 ; 41% số hộ có nhà mái ngói ;

Digitized by Google

chỉ còn 15% số hộ đang ở nhà tranh tre, vách nứa.

Cùng với phát triển kinh tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, phát triển văn hóa - xã hội ngày một tiến bộ và thu được những thành tích rất phấn khởi. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 96%. Năm 1999 toàn tỉnh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Hiện nay, 75% số vùng dân cư được phủ sóng truyền hình, 80% được phủ sóng phát thanh ; 52% số hộ có đài ra-đi-ô cát-sét, 31% số hộ có ti-vi, 19% số hộ có xe máy, 60% số hộ có điện sinh hoạt, trong đó có 47% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia. Đối với các huyện vùng cao nơi thiếu nước sinh hoạt, tỉnh đã đầu tư trực tiếp mỗi hộ 1 bể nước, 3,2 vạn hộ được cấp thêm tấm lợp nhà, 2,84 vạn hộ được kéo điện trực tiếp đến nhà ở. Trên 60% số thôn, bản đã có y tá ; tất cả các xã đều đã có y sĩ, chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng tốt hơn. Các hoạt động truyền thông dân số, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình được thực hiện tốt, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,85%.

Là một tỉnh có 270 ki-lô-mét biên giới, địa hình rất hiểm trở, phức tạp nhưng do làm tốt công tác quốc phòng - an ninh, nên trên địa bàn tỉnh không có tình hình phức tạp, không có "điểm nóng", không có hiện tượng khiếu kiện đông người, tình hình trật tự an toàn xã hội luôn luôn bảo đảm, không còn hiện tượng dân di cư tự do, tình hình truyền đạo trái phép giảm hẳn. Hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh được củng cố, tăng cường một bước. Trong 3 năm qua, tỉnh thường xuyên tăng cường cán bộ từ tỉnh, huyện xuống xã làm cán bộ chủ chốt đạt kết quả tốt.

Những thành quả trên tất cả các lĩnh vực mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang đạt được những năm gần đây, đều có sự đóng góp rất quan trọng của việc thực hiện công tác vận động đồng bào các dân tộc đồng sức, đồng lòng phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của tất cả các dân tộc sinh sống trên mảnh đất này, được phát huy cao nhất.

Qua các phong trào cách mạng của quần chúng, chúng ta ngày càng tích luỹ được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc thực hiện chế độ, chính sách, giải quyết những vấn đề của nhân dân các dân tộc như : tăng cường vai trò quản lý, giám sát, kiểm tra, đôn đốc của các cấp ủy, chính quyền các cấp. Phát huy vai trò nòng cốt của các tổ chức, đoàn thể nhân dân trong các phong trào cách mạng ở cơ sở. Gắn tăng trưởng kinh tế, văn hóa với việc giải quyết các vấn đề xã hội, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân.

Biết chọn khâu đột phá, chương trình trọng điểm, giải quyết những vấn đề cụ thể liên quan trực tiếp đến đời sống hằng ngày của đồng bào. Khai thác có hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng dân tộc đi đôi với phát huy tốt nhất nguồn nội lực, tinh thần tự lực, tự cường, đồng thời tăng cường sự giúp đỡ của Trung ương, các ngành, các tổ chức, các địa phương trong cả nước. Quan tâm chăm lo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ là người dân tộc, một cách đồng bộ. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, bố trí, luân chuyển cán bộ và các chính sách đối với cán bộ. Chú trọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài.

Hà Giang vẫn là một tỉnh nghèo và khó khăn rất cần sự giúp đỡ to lớn của Trung ương và sự hỗ trợ của các tỉnh bạn. Trên con đường đi tới, phát huy truyền thống đoàn

Digitized by Google

kết, truyền thống vượt khó đi lên, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Hà Giang phát huy thành tích những năm vừa qua, thực hiện tốt hơn nữa đường lối chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước, thực hiện có hiệu quả, thiết thực các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy Hà Giang đã đề ra một số mục tiêu chính trong năm 2003 cũng như những năm tiếp theo là : *Phát huy cao độ các nguồn lực trong dân, khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của địa phương để đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa. Đẩy mạnh phổ cập trung học cơ sở ; phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, xã hội. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Đảm bảo hoàn thành thắng lợi các kế hoạch của tỉnh đã đề ra.*

Để đem lại lợi ích và nâng cao đời sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nâng cao niềm tin yêu của nhân dân các dân tộc đối với Đảng, Nhà nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang phấn khởi, tự tin, phát huy sức mạnh đại đoàn kết, phấn đấu vươn lên, quyết tâm thực hiện thắng lợi các chương trình kinh tế lớn sau :

Một là, đẩy mạnh phong trào xóa đói giảm nghèo, vượt khó đi lên. Tập trung xóa đói giảm nghèo cho 10 000 hộ ở những xã còn mức đói nghèo trên 25%. Đối với các hộ này được hưởng một số chính sách cụ thể như : mỗi hộ được vay 1 triệu đồng ở Ngân hàng Chính sách xã hội ; tỉnh hỗ trợ 100% lãi suất ngân hàng trong 2 năm để mua cho mỗi hộ 2 con dê cái giống và 1 triệu đồng để phát triển sản xuất ; được tỉnh giúp đỡ về tấm lợp và vật liệu làm nhà ở ; được đầu tư trồng 500 đến 1 000 cây sa mộc ; được giúp đỡ bể nước và kéo điện lưới về đến tận nhà (nếu chưa có điện) ; được hỗ trợ trồng cỏ chăn nuôi (ở những nơi có điều kiện) ; được đầu tư làm nương xếp đá hoặc ruộng bậc thang. Để thực hiện được chương trình này, ngoài vốn tín dụng, vốn ngân sách hỗ trợ lãi suất, tỉnh phát động phong trào ủng hộ quỹ vì người nghèo trong toàn tỉnh. Trong năm 2003, mỗi cán bộ công chức, viên chức, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang ủng hộ bằng tiền mặt 10 ngày lương và các khoản phụ cấp ; tiết kiệm 5% các khoản chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội trong toàn tỉnh, đảm bảo quỹ xóa đói giảm nghèo của tỉnh có thêm từ 5 đến 10 tỉ đồng.

Hai là, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Các cấp ủy và chính quyền các cấp ở các huyện, thị hướng dẫn các hộ nông dân vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội, để mua giống. Số vốn vay, được ngân sách tỉnh giúp hỗ trợ 100% lãi suất vốn trong 2 năm.

Ba là, trồng mới 10 000 héc-ta cây sa mộc ở bốn huyện vùng cao núi đá theo phương thức đầu tư trực tiếp để các hộ dân trồng trong vườn, đồi nhà mình. Ngoài cây sa mộc, tùy tình hình cụ thể của từng vùng có thể trồng các loại cây phù hợp khác.

Bốn là, đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Sẽ kéo điện lưới đến một vạn hộ dân, triển khai xây dựng 100 km đường ô-tô liên xã bằng bê-tông. Thực hiện chương trình hỗ trợ 15 000 hộ về nhà ở, trong đó xóa nhà tạm cho 7 000 hộ.

Thực hiện tốt các chương trình kinh tế này, chính là Đảng bộ và nhân dân tỉnh Hà Giang đã thiết thực thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX), đồng thời, đem lại lợi ích và nâng cao đời sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, là nguồn tiếp thêm sức mạnh để Hà Giang tự tin, vượt khó đi lên, xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh. ❑

Digitized by Google

Một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về đổi mới cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Quảng Ninh

NGUYỄN ĐẠT*

Từ nhận thức đúng...

Quảng Ninh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có vị trí quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Vị trí đó tạo nên những thế mạnh của tỉnh ; gần đây, khi Việt Nam mở cửa giao lưu với các nước, những thế mạnh vốn tiềm tàng của Quảng Ninh đã phát huy giá trị to lớn về mọi mặt. Quảng Ninh có tiềm năng kinh tế đa dạng với nhiều tài nguyên khoáng sản : Từ lâu đã là khu công nghiệp khai thác than lớn nhất nước ta ; Vịnh Hạ Long, khu du lịch nổi tiếng của cả nước đã được UNESCO hai lần công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới về giá trị thẩm mỹ và địa chất, địa mạo... đã thu hút ngày càng đông khách tham quan, góp phần thúc đẩy kinh tế của tỉnh tiến triển. Bên cạnh đó, Quảng Ninh có cửa khẩu quốc tế Móng Cái và các cửa khẩu quốc gia Hoành Mô, Pắc Phong Sinh sang nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Đó là những lý do khiến cho Quảng Ninh được Chính phủ quy hoạch là một trung tâm công nghiệp, dịch vụ - du lịch phát triển của nước ta.

Hiện nay, trong cơ cấu kinh tế của tỉnh Quảng Ninh, tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 49,4%, các ngành dịch vụ chiếm 41,4%, tỷ trọng ngành nông nghiệp (bao gồm cả nông - lâm - ngư) chỉ chiếm 9,2%.

Tuy chỉ chiếm 9,2% GDP của toàn tỉnh, nhưng khu vực nông nghiệp, nông thôn Quảng Ninh chiếm 56% dân số của tỉnh và đang sử dụng 52,5% diện tích đất đai.

Quảng Ninh có 14 đơn vị hành chính, trong đó chỉ có 1 thành phố, 3 thị xã, còn lại là 10 huyện nông nghiệp. Trong số đó, chỉ có thành phố Hạ Long, thị xã Cẩm Phả, thị xã Uông Bí có số dân thành thị chiếm đa số. Còn tại thị xã Móng Cái, số dân nông thôn cũng chiếm đến gần 50% dân số.

Việc bảo đảm công ăn việc làm và thu nhập của bộ phận nông nghiệp nông thôn ở Quảng Ninh vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn, vừa giúp tỉnh bảo đảm an ninh lương thực.

Do đó, trong chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về "Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010", Tỉnh ủy Quảng Ninh đã nhấn mạnh : "Giải quyết tốt các vấn đề về phát triển nông nghiệp và nông thôn không chỉ thuần tuý có ý nghĩa về kinh tế mà còn có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng".

---

* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ninh

Digitized by Google

Xuất phát từ tình hình thực tiễn của địa phương, để cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 5, đồng thời thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ Tỉnh, Tỉnh ủy đã chỉ đạo ngành nông nghiệp tích cực đổi mới cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, mùa vụ để tăng giá trị sản phẩm hàng hóa trên một đơn vị diện tích, góp phần đổi mới bộ mặt nông thôn, cải thiện đời sống cho người nông dân - một bộ phận dân cư vẫn chiếm đa số trong cơ cấu dân cư của tỉnh.

Đến chủ trương đúng và kết quả đáng ghi nhận

Sau hơn một năm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đến nay bức tranh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Quảng Ninh đã có những gam màu sáng sủa.

Để thực hiện chủ trương đổi mới cơ cấu kinh tế phát triển nông nghiệp, nông thôn của Tỉnh ủy, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đã xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể. Ngành đã đầu tư vật tư - kỹ thuật, cán bộ, hướng dẫn nông dân đưa những giống mới cây trồng, con vật nuôi có năng suất và chất lượng vào sản xuất để nâng cao giá trị năng suất, chất lượng cây trồng, con vật nuôi trên một diện tích đất, mặt nước, tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm. Mặt khác, ngành đã chỉ đạo các huyện, thị bố trí lại cơ cấu mùa vụ theo hướng : Vụ đông xuân giảm nhanh diện tích lúa xuân sớm và xuân trung vụ ở miền Tây, tăng trà xuân muộn, giảm nhanh diện tích lúa mùa muộn, tăng nhanh diện tích lúa mùa sớm và mùa trung để đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính.

Từ phương hướng ấy, căn cứ vào đặc điểm sinh thái đất đai, khí hậu, lao động, tiềm năng lợi thế của từng vùng, mà mỗi địa phương đã có những cách làm phù hợp và đều đạt được những kết quả tốt đẹp.

Nhiều huyện trong tỉnh đã mạnh dạn xóa bỏ các giống lúa cũ, năng suất thấp từng tồn tại nhiều năm như U-ải, Ba dé, Chiêm dâu... và thay thế bằng các giống mới có năng suất cao, thời gian sinh trưởng ngắn, chống chịu tốt với sâu bệnh và những điều kiện bất lợi của môi trường, thời tiết... Đến nay, toàn bộ diện tích cấy lúa ở các huyện miền Đông và 80% diện tích các huyện miền Tây đã được cấy giống lúa thuần, giống lai. Hầu hết các địa phương đã loại bỏ và giảm mạnh giống lúa cũ. Về cơ cấu mùa vụ, đã tăng tỷ lệ diện tích trà lúa xuân muộn vụ đông - xuân lên trên 70% diện tích lúa. Tỷ lệ diện tích trà lúa mùa sớm, mùa trung năm 2001 là 35%, năm 2002 là 50%, đến nay là 60%.

Một số địa phương đi đầu trong thực hiện chuyển dịch cơ cấu mùa vụ là các huyện Đông Triều, Yên Hưng, Hải Hà, Đầm Hà, Hoành Bồ.

Việc chuyển dịch đúng hướng đã góp phần làm tăng năng suất bình quân lúa 6,6%, ngô 4,4%/năm, sản lượng lương thực tăng, bình quân 5,35%/năm. Năm 2001 đạt 190 000 tấn, năm 2002 đạt 213 700 tấn, năm 2003 ước đạt 232 000 tấn. Nhiều hộ nông dân đã phấn đấu đạt năng suất lúa 8-9 tấn/ha/vụ.

Việc phát triển đàn gia súc đạt kết quả khá : Đàn lợn tăng bình quân hằng năm là 4,3%, đàn bò tăng 2,2%, gia cầm tăng 4,5%. Chăn nuôi đang có xu hướng chuyển mạnh sang phương pháp công nghiệp lấy thịt nạc, sữa, trứng đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng cho khu công nghiệp, du lịch.

Tỉnh đã quan tâm tập trung xây dựng nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối, kiên cố hóa kênh mương để tăng nhanh diện tích chủ động tưới tiêu lên trên 60% diện tích canh tác, phục vụ cho việc đổi mới cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ. Bên cạnh đó, việc đảm bảo an toàn cho sản xuất cũng được quan tâm thích đáng. Tỉnh đã tăng cường công tác tu bổ hệ thống đê kè, cống để phòng chống lụt bão, đặc biệt là tuyến đê biển xung yếu khu vực Hà Nam (Yên Hưng).

Digitized by Google

Phục vụ việc sản xuất và nâng cao đời sống nông dân là một mục tiêu lớn và lâu dài của tỉnh. Hệ thống giao thông nông nghiệp được đầu tư kiên cố. Đến nay, hầu hết các huyện đã có đường ô - tô từ trung tâm các huyện đến trung tâm các xã. Mạng lưới điện nông thôn được mở rộng : hơn 80% số xã có điện lưới, với 82% số dân nông thôn được sử dụng điện. Đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân nhiều vùng nông thôn trong tỉnh được cải thiện rõ rệt.

Tỉnh ủy đã quan tâm chỉ đạo huyện Đông Triều và huyện Hải Hà là hai đơn vị được chọn làm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về "Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn".

Đông Triều đã đưa vào gieo cấy trên 87% diện tích lúa xuân muộn và trên 72% diện tích lúa mùa sớm để giải phóng đất làm vụ thứ 3 trong năm trên cùng một diện tích. Nhờ vậy, hệ số quay vòng đất tăng 2,4 lần, dẫn đầu tỉnh, giá trị thu được trên 1 héc - ta canh tác đạt hơn 22 triệu đồng (bình quân cả tỉnh là 17 triệu đồng/héc - ta). Huyện đã thực hiện xong việc "dồn điền đổi thửa" ở xã Kim Sơn, rút kinh nghiệm từ đó để chỉ đạo các xã ; phấn đấu thực hiện xong trong năm 2003, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng...trên địa bàn toàn huyện. Vụ xuân năm 2003, Đông Triều đã thu được kết quả khả quan trên tất cả các mặt : diện tích, năng suất, cây trồng, vật nuôi. Với chiều hướng khả quan này, nhiều khả năng Đông Triều có thể đạt bình quân giá trị 25 triệu đồng/héc - ta canh tác trong năm 2003.

Hải Hà là huyện có nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển nền nông nghiệp toàn diện. Nhận thức được tầm quan trọng của việc đổi mới cơ cấu kinh tế, lãnh đạo huyện Hải Hà đã có nhiều cố gắng trong việc tạo được sự chuyển biến mới trong phát triển nông nghiệp, nông thôn của huyện. Vụ xuân 2003, Hải Hà đã đưa vào gieo cấy gần 73% diện tích lúa lai và trên 84% diện tích ngô lai. Do đó, sản lượng thóc, ngô vụ này tăng hơn vụ xuân 2002 trên 2 100 tấn, đạt mức cao nhất từ trước tới nay.

Nhờ chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, Quảng Ninh đã hình thành những vùng chuyên canh, khai thác triệt để tiềm năng thế mạnh của từng vùng như vùng chuyên canh sản xuất lúa cao sản ở Đông Triều, Yên Hưng, Hải Hà ; vùng rau, thực phẩm ở ven thị xã, thành phố gồm có Cẩm Bình (thị xã Cẩm Phả), Yên Hưng, Hoành Bồ... ; vùng trồng cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến như lạc, đậu tương ở Đông Triều... Bức tranh đổi mới cơ cấu kinh tế của ngành thủy sản hai năm gần đây đã rực rỡ sắc màu : với vùng tôm Yên Hưng, Tiên Yên, Hoành Bồ, Hạ Long, Đầm Hà, Hải Hà ; vùng nuôi trai cấy ngọc ở Vân Đồn, Hạ Long ; vùng nuôi cá biển ở Vân Đồn, Cô Tô, Hải Hà ; vùng nuôi cá nước ngọt ở Đông Triều, Uông Bí, Yên Hưng. Sản lượng khai thác năm 2001 đạt 31,8 ngàn tấn, năm 2002 đạt 43,7 ngàn tấn. Năm 2003 ước đạt 50 000 tấn (vượt 20% so với chỉ tiêu Đại hội XI của Đảng bộ tỉnh đề ra cho năm 2005). Điều đáng ghi nhận là, việc nuôi trồng hải sản đang mở rộng ở cả 3 vùng nước mặn, nước lợ, nước ngọt. Để phát huy tiềm năng thế mạnh của từng vùng, nhiều địa phương đã mạnh dạn chuyển đổi diện tích cấy lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất, tăng giá trị thu được trên một đơn vị diện tích. Đến hết năm 2002, cả tỉnh đã chuyển đổi được 221 héc-ta và đang lập hồ sơ thực hiện chuyển đổi tiếp gần 1000 héc-ta đến hết năm 2005. Hiện đã đưa 64% diện tích có khả năng nuôi trồng thủy sản vào sử dụng. Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh từ 9 800 tấn (năm 2001) lên 17 000 tấn (năm 2002).

Chuẩn bị cho bước phát triển trong tương lai, Quảng Ninh đã lập xong quy hoạch phát triển kinh tế thủy sản đến năm 2010 của tỉnh

Digitized by Google

và 8 huyện, thị. Điểm nổi bật là, chỉ trong 3 năm từ 2001 đến nay, Quảng Ninh đã hoàn thành 10 cơ sở sản xuất giống thủy sản, có khả năng sản xuất 600 triệu con tôm giống và chục triệu cá giống nước ngọt đáp ứng nhu cầu con giống phục vụ nuôi trồng trong tỉnh và cung cấp một phần ra tỉnh ngoài. Kinh tế thủy sản Quảng Ninh đủ điều kiện để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản chiếm từ 10 đến 17% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và chiếm 60 đến 70% giá trị kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp địa phương, giải quyết việc làm thường xuyên cho gần 30 ngàn lao động, góp phần cải thiện đời sống của nông, ngư dân, xóa đói giảm nghèo.

Những hạn chế và đôi điều kiến nghị

Nhìn lại hơn một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về "Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn", Quảng Ninh đã thu được những thành quả rất đáng khích lệ. Điều quyết định ở đây là Tỉnh ủy Quảng Ninh đã tập trung chỉ đạo, tác động vào khâu quan trọng nhất của sản xuất nông nghiệp : Đó là đẩy nhanh chuyển dịch đổi mới cơ cấu giống cây trồng vật nuôi, tạo năng suất chất lượng cao để tăng nhanh giá trị sản phẩm hàng hóa trên một đơn vị diện tích canh tác. Do đó, đã tạo nên được bức tranh nông nghiệp sáng màu.

Tuy vậy, trên bức tranh vẫn còn những mảng chưa vui, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Quảng Ninh nhanh chóng nhận thức và sớm có biện pháp khắc phục :

1- Việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở lĩnh vực trồng trọt mới chủ yếu là cây lương thực, các cây trồng khác như cây lấy dầu, cây rau xanh, củ quả, đặc biệt là triển khai sản xuất rau sạch, rau an toàn còn rất chậm. Chăn nuôi chưa thực sự trở thành ngành sản xuất chính, cơ cấu chăn nuôi chưa có sự thay đổi đáng kể. Trong trồng trọt, chăn nuôi chưa thể hiện rõ tính chất của sản xuất hàng hóa. Sản phẩm hàng hóa còn ít và chưa chiếm lĩnh được thị trường. Ngành nông nghiệp cần làm tốt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế vùng trên cơ sở phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu và nhu cầu của thị trường. Cần quy hoạch chi tiết cụ thể cho từng thôn, xóm, nơi nào nên trồng cây gì ? nuôi con gì ? để có giá trị kinh tế cao.

2 - Nhiều nơi vẫn còn lúng túng trong việc chỉ đạo các hộ nông dân tự nguyện dồn điền đổi thửa để khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, từ đó có điều kiện hình thành các vùng chuyên canh tạo sản phẩm hàng hóa có giá trị cao.

Quyết định 80 của Thủ tướng Chính phủ về liên kết "bốn nhà" (nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, Nhà nước) được đưa vào thực hiện, nhiều tỉnh đã hình thành mô hình sản xuất hàng hóa mới, tháo gỡ được nhiều vướng mắc cho nhà nông. Thế nhưng Quảng Ninh vẫn còn "im ắng", chưa thấy hoạt động hưởng ứng một chủ trương sáng tạo của tư duy kinh tế mới. Nhiều nhà kinh tế khẳng định : Quyết định 80 được thực hiện tốt sẽ có ý nghĩa lâu dài, là bước đột phá thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững, sản xuất hàng hóa với quy mô lớn. "Bốn nhà" cần có sự phối hợp trách nhiệm trong mối liên kết đầu tư sản xuất, bao tiêu sản phẩm, cùng nhau hưởng lợi và chia sẻ trách nhiệm trong trường hợp rủi ro.

Trước mắt, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhà doanh nghiệp cũng như nhà nông thấy được lợi ích lâu dài của sự liên kết để tìm được tiếng nói chung, trên cơ sở đó xây dựng cơ chế phối hợp bền chặt, hai bên đều có lợi, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển. Làm tốt vấn đề này mới giải quyết được khâu tiêu thụ - "đầu ra" cho sản phẩm, khâu nan giải nhất đối với người nông dân. Từ đó, họ mới

Digitized by Google

yên tâm sản xuất, không phải thấp thỏm vì sản phẩm đã được bao tiêu, tránh được nỗi lo được mùa nhưng không vui vì rớt giá.

3 - Một điều quan trọng nữa là, công nghiệp địa phương Quảng Ninh cũng phải có trách nhiệm hỗ trợ tích cực cho sản xuất nông nghiệp, có kế hoạch đầu tư sản xuất các mặt hàng cơ khí thông dụng mà nông dân cần. Đây là yếu kém nhiều năm của công nghiệp địa phương. Giải quyết tốt vấn đề này sẽ góp phần tăng giá trị sản xuất công nghiệp địa phương và tạo thêm sức mạnh phát triển kinh tế trên địa bàn.

Đi đôi với phát triển lực lượng sản xuất, cần quan tâm giải quyết tốt quan hệ sản xuất ở nông thôn. Việc chuyển đổi, thành lập mới các hợp tác xã nông nghiệp thời gian qua còn chậm, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển của sức sản xuất. Phần lớn các hợp tác xã còn lúng túng, chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Hoạt động của hợp tác xã kiểu mới thực chất vẫn là "bình mới nhưng rượu cũ", tồn tại trên danh nghĩa, chưa có sự chuyển biến rõ nét về nội dung. Nhiều nơi chưa nhận thức sâu sắc rằng hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ra đời không phải là thay thế vị trí, vai trò, chức năng của kinh tế hộ mà là hỗ trợ để kinh tế hộ phát triển. Ngược lại, kinh tế hộ phát triển là cơ sở để phát triển kinh tế hợp tác xã kiểu mới. Hợp tác xã phải làm được vai trò là cầu nối giữa kinh tế hộ với kinh tế nhà nước và thị trường, hỗ trợ tốt cho hộ nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

4 - Cần phải phối hợp tốt sức mạnh của cả hệ thống chính trị ở nông thôn, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương, sự quản lý của Nhà nước và sức mạnh vận động quần chúng của các đoàn thể mà nòng cốt là Hội Nông dân nhằm đẩy nhanh hơn tốc độ thực hiện đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn Quảng Ninh. ❑

TRIỂN VỌNG...

(Tiếp theo trang 31)

khẳng định : Chủ nghĩa xã hội hơn 70 năm qua ở Liên Xô là chủ nghĩa xã hội hiện thực ; khẳng định những thành tựu, đổi mới là tất yếu ; và khi gặp khủng hoảng, nếu giải quyết đúng đắn, có nguyên tắc sẽ khắc phục được những sự đổ vỡ. Nhiều ý kiến đi sâu phân tích nguyên nhân sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu, nhưng nguyên nhân cơ bản là bắt đầu từ những sai lầm về đường lối, mà xuất phát điểm là từ những người lãnh đạo, trong việc không thay đổi mà tiếp tục duy trì đường lối, quan điểm đã lỗi thời.

3 - Để tìm hiểu và có cái nhìn khách quan, khoa học về triển vọng của chủ nghĩa xã hội, phải đi sâu phân tích bối cảnh ngày nay, trong đó phải nhìn nhận rõ những đặc điểm cơ bản của thời đại. Nhiều ý kiến gợi ý phân tích về chủ nghĩa tư bản và thống nhất rằng : nếu ta đánh giá đúng những thành tựu của chủ nghĩa tư bản thì đó không phải là để ca ngợi hay bi quan, mà chính là tự hiểu rõ về mình hơn, giúp chúng ta củng cố niềm tin vào chủ nghĩa xã hội. Trước những thách thức và vận hội đan xen nhau, cần có sự điều chỉnh linh hoạt để có đối sách đúng đắn vượt qua thách thức, chính là vận dụng và tạo ra những cơ hội để ổn định và phát triển. Chủ nghĩa xã hội đã có những đổi mới đáng mừng, nhưng *đang trong quá trình* chứ chưa phải đủ để yên tâm và lạc quan. Điều kiện để đảm bảo là Đảng Cộng sản cầm quyền phải thực hiện được chủ nghĩa xã hội đổi mới.

4 - Qua Hội thảo, cũng có nhiều ý kiến tâm huyết suy nghĩ và liên hệ thực tế về Đảng ta, nhân dân ta trên tinh thần tự soi rọi lại mình; tự hào về quá khứ và thành quả đã đạt được ; củng cố niềm tin trong hiện tại, tiếp tục phấn đấu để giữ vững con đường và mục tiêu đã chọn trong tương lai. ❑

TRIỀU HẢI QUỲNH *(tổng thuật)*

Digitized by Google

BỘ ĐỘI QUÂN Y góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân

CHU TIẾN CƯỜNG*

TRONG hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, quân đội ta đã xây dựng được một lực lượng cán bộ, chiến sĩ quân y (thuộc Tổng cục Hậu cần) hùng hậu, có phẩm chất đạo đức tốt, có nhiều kinh nghiệm và có tay nghề cao, cùng với cơ sở vật chất khá to lớn. Trong lúc hệ thống y tế dân y còn đang gặp nhiều khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là cho nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, thì ngành quân y đã tham gia một cách tích cực và hiệu quả vào việc chăm sóc sức khỏe cho đông đảo nhân dân với chương trình "quân dân y kết hợp" do Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng hợp tác ký tháng 10-1990. Việc làm đó đã góp phần tạo nên những thành tựu to lớn trong chiến lược chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân của ngành y tế theo định hướng của Đảng và Nhà nước ta.

Thứ nhất, *chương trình kết hợp quân - dân y trong phòng chống dịch bệnh.*

Công việc này được triển khai trong tất cả các khâu : giám sát, phát hiện, bao vây và dập tắt dịch bệnh. Đây là công việc đã trở thành nền nếp từ cấp chiến lược đến các địa phương và đơn vị. Hằng tuần, hệ thống y tế dự phòng đều ra thông báo về tình hình dịch bệnh ở từng khu vực. Các tổ chức của hệ thống y tế dự phòng dân y và quân y thường xuyên liên hệ mật thiết, chặt chẽ với nhau để phối hợp triển khai có hiệu quả các hoạt động về phòng chống dịch bệnh theo Thông tư 09 Liên bộ Y tế - Quốc phòng. Mỗi khi có dịch bệnh, hai bên nhanh chóng tổ chức lực lượng, phân công trách nhiệm để tiến hành giám sát, bao vây và dập tắt dịch bệnh.

Trong các hoạt động phòng chống dịch bệnh, lực lượng quân y toàn quân đã trực tiếp cử hàng trăm tổ phòng chống dịch bệnh cơ động tham gia cùng lực lượng y tế dân y dập tắt các ổ dịch bệnh một cách kịp thời. Điển hình là chiến dịch phòng chống sốt rét ở vùng phía Tây Nghệ An trong các năm 1991, 1992 và sau này là ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng ; chiến dịch phòng chống dịch bệnh viêm màng não do não mô cầu ở Hà Giang vào các năm 1992, 1993 ; chiến dịch phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết ở các tỉnh miền Trung và Nam Bộ trong những năm từ 1993 đến 2000...

Mặt khác, từ năm 1991 đến nay, quân y ở hầu hết các đơn vị, nhất là quân y ở các đơn vị thuộc vùng sâu, vùng xa, đã phối hợp chặt chẽ với y tế địa phương cùng thực hiện các chương trình y tế quốc gia như: tiêm chủng mở rộng, phòng chống bệnh bướu cổ, phòng chống suy dinh dưỡng, dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống HIV/AIDS... Điểm nổi bật của

* Đại tá Cục trưởng Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

hoạt động này là, quân y Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt tổ chức triển khai chương trình tiêm chủng mở rộng ở các xã biên giới ; kết quả là, đã xóa được 8 xã trắng về tiêm chủng mở rộng ở huyện Mường Tè (Lai Châu), 223 bản trắng về tiêm chủng mở rộng ở huyện Sông Mã (Sơn La), huyện Hiên (Quảng Nam) và một số địa bàn khác ở Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

Không thể nêu hết kết quả to lớn của việc kết hợp quân dân y trong các hoạt động phòng chống dịch bệnh. Thực tế khẳng định, chỉ có trên cơ sở kết hợp quân dân y, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng y tế có trên địa bàn và sự chi viện của các tổ quân y cơ động từ nơi khác đến, thì việc giám sát, phát hiện, ngăn chặn và dập tắt các vụ dịch bệnh mới đạt được kết quả cao, đặc biệt là việc kết hợp quân - dân y trong phòng chống dịch bệnh ở vùng sâu, vùng xa...

***Thứ hai,** kết hợp quân - dân y trong tham gia khắc phục hậu quả do thiên tai, cháy nổ...*

Trong thập kỷ qua, cùng với tình hình dịch bệnh, các thảm họa do thiên nhiên và con người gây ra như lũ lụt, lốc, sạt lở, cháy, nổ... diễn ra liên tục và có xu hướng ngày càng phức tạp. Trong việc khắc phục hậu quả của các thảm họa, lực lượng quân - dân y luôn luôn có sự phối hợp thực hiện. Đặc biệt, tại những nơi xảy ra thảm họa, lực lượng quân y luôn luôn là một trong những lực lượng có mặt sớm nhất, hoạt động liên tục, dài ngày, góp phần nhanh chóng khắc phục hậu quả, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Những thành tích đó đã gây ấn tượng tốt đẹp trong lòng chính quyền và nhân dân địa phương, nơi thảm họa xảy ra, đồng thời được lãnh đạo Đảng, Nhà nước ghi nhận.

Trong các vụ thiên tai lũ lụt, lốc xoáy, sạt núi... xảy ra vào những năm từ 1991 đến 1995 ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Vĩnh Phú, Ninh Bình, Thanh Hóa, Cao Bằng... lực lượng quân y của Quân khu 1, Quân khu 2, Quân khu 3 và Quân khu 4 đã cử nhiều tổ quân y phối hợp cùng y tế địa phương tổ chức cấp cứu, cứu chữa, thăm khám sức khỏe cho nhân dân và xử lý vệ sinh môi trường ; lực lượng quân y các cấp và đơn vị đã kịp thời chi viện thuốc, trang bị y tế và hỗ trợ ngân sách để khôi phục y tế xã. Trong các vụ thảm họa cháy xăng ở Đông Triều (Quảng Ninh), cháy xe ở Sơn La và gần đây là vụ cháy ở Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC) ở Thành phố Hồ Chí Minh, vụ cháy xe khách ở làng Đại Bái (Bắc Ninh), lực lượng quân y mà nòng cốt là Viện Bỏng quốc gia đã giải quyết các hậu quả rất kịp thời và hiệu quả.

Để góp phần khắc phục hậu quả của hai đợt lũ lịch sử tháng 11, 12 năm 1999 ở tỉnh Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam, ngành quân y đã huy động 135 tổ với 721 cán bộ, nhân viên quân y và 1 204 triệu đồng tiền thuốc với phương châm bốn tại chỗ (chỉ huy điều hành tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, vật chất hậu cần tại chỗ) để khắc phục hậu quả một cách nhanh nhất, đạt hiệu quả nhất. Tại các vùng lũ lụt đó, dưới sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế... các tổ quân y đã cấp cứu hàng trăm lượt người, khám bệnh cấp thuốc cho 109 850 lượt người, xử lý làm sạch 33 103 giếng nước, phun hóa chất diệt côn trùng cho hàng triệu mét vuông nhà ở và các khu công cộng. Những hoạt động tích cực đó đã góp phần quan trọng vào việc ngăn chặn dịch bệnh, không để phát sinh dịch bệnh và kịp thời giải quyết tốt các hậu quả về mặt y tế sau lũ lụt cho nhân dân. Bằng các kinh nghiệm thực tế trên, sau này trong các đợt lũ lụt lớn ở đồng bằng sông Cửu Long, lực lượng quân y của Quân khu 9, Quân khu 7, Quân đoàn 4, và các đơn vị quân y tuyến chiến lược đã cử hàng trăm tổ quân y với hàng ngàn cán bộ, nhân viên quân y cùng phương tiện và thuốc men,

Digitized by Google

hóa chất để khắc phục kịp thời các hậu quả về mặt y tế trong và sau lũ lụt.

***Thứ ba,** kết hợp quân dân y trong củng cố y tế cơ sở.*

Trong những năm đầu của thập kỷ 90 của thế kỷ XX, mạng lưới y tế cơ sở trong toàn quốc xuống cấp và thiếu hụt rất lớn về nhân lực, nhất là ở các khu vực thuộc vùng sâu, vùng xa. Ngay sau khi hình thành chương trình kết hợp quân dân y, hoạt động kết hợp quân dân y đã lấy việc củng cố y tế cơ sở vùng sâu, vùng xa làm mục tiêu phấn đấu và thường xuyên tập trung nhân lực, vật lực để hoàn thành tốt mục tiêu quan trọng này.

Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện chương trình quân - dân y kết hợp, hoạt động kết hợp quân dân y củng cố y tế cơ sở đã diễn ra trên cả diện rộng lẫn chiều sâu và ngày một đa dạng về cả hình thức lẫn nội dung. Tính đến nay, lực lượng quân y đã tham gia củng cố y tế cơ sở ở 972 xã, trong đó có 597 xã thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Hoạt động kết hợp quân dân y tham gia củng cố y tế cơ sở được các đơn vị quân y triển khai bằng những mô hình khác nhau, tuỳ thuộc vào địa hình, lực lượng y tế, cơ sở y tế và khả năng thực tế của cả đơn vị quân y và địa phương. Hoạt động đó được thể hiện dưới hai mô hình cơ bản sau :

- *Mô hình quân y tham gia củng cố toàn diện y tế cơ sở.* Mô hình này được triển khai khá phổ biến và hoạt động có hiệu quả ở những vùng thực sự khó khăn : biên giới, hải đảo, vùng sâu, vung xa, vùng núi cao... Từ năm 1991 đến năm 2000 đã có 79 trạm y tế xã được củng cố toàn diện theo mô hình này.

Đối với những xã biên giới chưa có mạng lưới y tế cơ sở hoặc đã có nhưng còn yếu và thiếu cả về trang bị và trình độ chuyên môn, việc chăm sóc sức khỏe nhân dân, về cơ bản, phải dựa vào lực lượng quân y luôn có trên địa bàn. Ở những nơi đó, thông thường trong từ 3 đến 5 năm đầu, quân y phải trực tiếp đảm nhiệm nhiệm vụ y tế cơ sở cho địa phương.

- *Mô hình quân y giúp đỡ y tế cơ sở trên từng mặt công tác, trong từng đợt.* Mô hình này được thực hiện khá rộng, dưới hình thức chi viện để giúp y tế cơ sở nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nội dung của mô hình này cũng rất phong phú như : hỗ trợ trang bị y tế, doanh cụ cho trạm y tế xã ; cử cán bộ quân y luân phiên, định kỳ khám chữa bệnh tại trạm y tế xã ; tham gia thực hiện các hoạt động vệ sinh phòng bệnh ; khám bệnh cấp thuốc cho những đối tượng thuộc diện chính sách ở địa phương ; phối hợp thực hiện trong các đợt tiêm chủng... Hoạt động này được thực hiện ở hầu hết các địa bàn có lực lượng quân y đóng quân tại địa phương.

***Thứ tư,** kết hợp quân dân y trong tổ chức cấp cứu và khám chữa bệnh cho nhân dân*

Hoạt động này được thực hiện chủ yếu ở tuyến bệnh xá, bệnh viện trong toàn quân. Từ năm 1990 đến nay, hoạt động khám chữa bệnh cho nhân dân được tổ chức thực hiện theo hai loại hình : tại chỗ và cơ động.

Do quán triệt được nhiệm vụ dân vận trong khu vực đóng quân, ngoài việc khám chữa bệnh cho bộ đội, quân y các trung đoàn, sư đoàn, lữ đoàn (và tương đương) - gọi chung là quân y đơn vị - đã tổ chức tốt việc cấp cứu, khám chữa bệnh cho nhân dân theo truyền thống. Đặc biệt, quân y các đơn vị vùng sâu, vùng xa, được sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị và sự chỉ đạo, chi viện của chương trình kết hợp quân dân y, đã thực hiện rất tốt nhiệm vụ này. Trong hơn 10 năm qua, quân y các đơn vị trong toàn quân đã tổ chức cấp cứu, khám chữa bệnh cho hàng triệu lượt người. Song song với hoạt động khám chữa bệnh của quân y đơn vị, hệ thống bệnh viện toàn quân đã triển khai

Digitized by Google

khám chữa bệnh cho nhân dân có thu một phần viện phí. Từ năm 1991 đến năm 2001, tuyến bệnh viện đã khám bệnh cho 2,7 triệu lượt người, cấp cứu gần 10 vạn lượt người và nhận vào điều trị xấp xỉ 1 triệu lượt người. Với kết quả đó, nếu xét về mặt số lượng thì quả là có giá trị lớn. Song, điều đặc biệt có ý nghĩa là nó đã đáp ứng được tính kịp thời trong khám chữa bệnh và có giá trị kinh tế vì người dân không phải đi xa, đi lại nhiều lần ; đồng thời, giảm bớt phần nào sự quá tải của hệ thống bệnh viện dân y ở thời điểm hiện nay. Trong 10 năm qua, các cơ sở điều trị thuộc các tuyến của ngành y tế nhân dân đã tiếp nhận điều trị hàng chục ngàn bệnh nhân quân đội, trong đó các bệnh viện tuyến huyện, tuyến tỉnh của các tỉnh biên giới đã tiếp nhận một khối lượng đáng kể lực lượng Bộ đội Biên phòng vào điều trị.

Thứ năm, *kết hợp quân dân y trong đào tạo nhân lực y tế, nghiên cứu khoa học và xây dựng lực lượng dự bị động viên y tế...*

Chương trình kết hợp quân - dân y đã tạo nên tiềm lực to lớn về mặt đào tạo nhân lực y tế, nghiên cứu khoa học và xây dựng lực lượng dự bị động viên y tế, sẵn sàng làm tốt việc cứu chữa người bị thương, bị nạn trong các tình huống.

Trước yêu cầu của việc chăm sóc sức khỏe nhân dân và sự thiếu hụt về nhân lực, hệ thống các trường đào tạo y, dược của quân đội, từ Học viện Quân y, Trường Trung học Quân y II đến các trường lớp đào tạo nhân viên y tế sơ cấp của các quân khu, quân đoàn, quân chủng, đã chủ động và tích cực đào tạo nhân lực cho ngành y tế nhân dân. Trong hơn 10 năm, đã đào tạo được 16 700 cán bộ, nhân viên y tế, trong đó có 179 tiến sĩ, 279 thạc sĩ, 885 bác sĩ cơ sở, hàng ngàn nhân viên y tế trung học và sơ học. Bên cạnh đó, hệ thống nhà trường y, dược của dân y cũng đã đào tạo cho quân đội một số lượng khá lớn các bác sĩ cơ sở, dược sĩ đại học...

Lực lượng quân - dân y toàn quốc, đặc biệt ở tuyến chiến lược, đã có sự phối hợp chặt chẽ, nghiên cứu thành công nhiều đề tài lớn như : chương trình ghép thận, nghiên cứu sản xuất thuốc sốt rét, phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn ; biên soạn địa lý y tế quân sự, điều lệ xử trí vết thương chiến tranh, lịch sử kết hợp quân dân y... Đáng chú ý là việc kết hợp quân dân y trong xây dựng lực lượng dự bị động viên theo Quyết định 315 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, việc triển khai xây dựng lực lượng này đã được tiến hành rộng khắp trong tất cả 61 tỉnh, thành của cả nước và bước đầu đã đi vào nền nếp. Với các nội dung triển khai trên, công tác kết hợp quân dân y ngày càng đi vào chiều sâu và được thể hiện trên mọi phương diện công tác của cả quân và dân y.

Sau hơn 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước nói chung và ngành quân y nói riêng, đặc biệt là sau hơn 10 năm thực hiện chương trình kết hợp quân dân y, chúng ta có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cần thiết sau :

Một là, nơi nào mà cả quân y và dân y nhận thức đúng vị trí, ý nghĩa của việc kết hợp quân dân y, lãnh đạo, chỉ huy các cấp nhiệt tình ủng hộ, tạo điều kiện cả về vật chất và tinh thần thì ở nơi đó, hoạt động kết hợp quân dân y có nền nếp, đi đúng hướng và đạt mục tiêu của chương trình. Điều này cho thấy vai trò lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định sự thành công của việc kết hợp quân - dân y.

Hai là, muốn công tác kết hợp quân - dân y đem lại hiệu quả, phải thật sự chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên y tế cho các địa phương. Đặc biệt, cần chú trọng đến hình thức cử tuyển, kể cả việc tạo nguồn từ những quân nhân hết hạn nghĩa vụ quân sự ở các địa phương. Đồng thời, cần đa

Digitized by Google

dạng hóa các hình thức kết hợp quân - dân y ; lựa chọn những hình thức phù hợp để gắn phục vụ trước mắt với phục vụ lâu dài. Mọi công việc kết hợp quân dân y phải được tổ chức chặt chẽ thông qua việc lập kế hoạch sát với thực tế và khả năng của cả lực lượng quân y và dân y, cũng như khả năng đáp ứng của lãnh đạo chính quyền địa phương và đơn vị.

Ba là, phải biết phát huy được sức mạnh tổng hợp của lực lượng quân dân y trên địa bàn dưới sự điều hành thống nhất của Ban Quân - dân y. Việc tổ chức Ban Quân - dân y ở các địa phương phải tập hợp được các thành phần : lãnh đạo địa phương, lãnh đạo đơn vị trên địa bàn và cán bộ y tế địa phương, y tế quân đội...

Bốn là, phải huy động cả lực lượng bộ đội có mặt trên địa bàn cùng tham gia triển khai công tác kết hợp quân - dân y, trong đó nòng cốt là lực lượng quân y. Vì trong thực tế việc triển khai đó có nhiều công việc buộc phải có sự tham gia của bộ đội như : tuyên truyền ý thức vệ sinh phòng bệnh, làm sạch môi trường, vận chuyển vật chất để phục vụ công tác cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế...

Với truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" và thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ vĩ đại : Người thầy thuốc giỏi đồng thời phải như mẹ hiền, cán bộ, chiến sĩ ngành quân y đã luôn luôn đoàn kết với mọi lực lượng của ngành y tế nhân dân. Những nghĩa cử cao đẹp của người thầy thuốc quân đội đã làm nên những chiến công to lớn trong lĩnh vực chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và qua đó biểu hiện cái quý báu, cao đẹp hơn, đó là lòng dân hướng về Đảng, Nhà nước với một niềm tin son sắt. Có được những thành tích lớn lao đó là nhờ có sự quan tâm về mọi mặt của Đảng, Nhà nước, lãnh đạo của Bộ Quốc phòng và Bộ Y tế, lãnh đạo, chỉ huy của các địa phương và đơn vị, cộng với sự phấn đấu không mệt mỏi của cán bộ, chiến sĩ ngành quân y nói riêng và toàn ngành y tế nói chung. ❑

TOÀN CẦU HÓA...

(Tiếp theo trang 27)

lại văn hóa, chính là tiếp nhận cái gì hợp lý thích ứng với yêu cầu của thời đại và nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tìm ra vấn đề của xã hội đương đại và đặc tính của dân tộc là yêu cầu quan trọng phát triển văn hóa trong giao lưu toàn cầu. Như vậy, giao lưu văn hóa và hội nhập vào thực tiễn toàn cầu hóa kinh tế chính là cơ hội phát triển văn hóa dân tộc.

Bên cạnh quá trình kế thừa còn có vấn đề tích lũy thu nhập hệ giá trị bên ngoài. Trong điều kiện hội nhập thế giới, việc chọn lọc, hấp thụ, tích lũy những giá trị tinh hoa nào cũng chính là thực hiện một chiến lược phát triển. Con đường phát triển văn hóa thực chất là thông qua quá trình sản xuất và tiêu dùng văn hóa. Các nước phát triển nền văn hóa đặc sắc của dân tộc mình tạo thành sự đa dạng của các nền văn hóa. Qua giao lưu khiến cho văn hóa các dân tộc có sự tương hỗ, bổ sung. Sự quy hợp tinh hoa văn hóa các dân tộc tạo thành tài sản văn minh chung của thế giới. Đây chính là cơ hội văn hóa dân tộc hội nhập với quá trình văn minh toàn cầu. Đây là quá trình sáng tạo và không ngừng sáng tạo lại của các nền văn hóa.

Xây dựng văn hóa dân tộc đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, không chỉ là chủ động hội nhập vào quá trình toàn cầu hóa mà còn là sáng tạo nền văn hóa mang bản sắc dân tộc. Đây thực chất là quá trình "vượt gộp" của nền văn hóa Việt Nam mà những thành công về hiện đại hóa văn hóa - xã hội giai đoạn 1945 - 1975 là minh chứng tiêu biểu. Toàn cầu hóa kinh tế cũng là sự cạnh tranh ý thức sáng tạo của văn hóa. Năng lực sáng tạo văn hóa mới phải trở thành năng lực trí tuệ của một quốc gia trong quá trình cạnh tranh. Sự hưng vong của văn hóa dân tộc là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt, có ý nghĩa sống còn trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong xu thế toàn cầu hóa. ❑

Digitized by Google

"VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM"

MAI THANH

THỰC tiễn công cuộc đổi mới ở nước ta cùng những biến động to lớn mạnh mẽ và sâu sắc diễn ra trên thế giới trong bước chuyển từ thế kỷ XX sang thế kỷ XXI đang đặt ra nhiều vấn đề lớn, hết sức phức tạp đòi hỏi phải được lý giải. Đảng ta luôn khẳng định phải đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm rõ hơn những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra, xác định rõ hơn mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Để góp phần thực hiện chủ trương đó, năm 2003, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia cho ra mắt bạn đọc cuốn sách **"Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam"** của tập thể tác giả là các nhà khoa học, do Giáo sư Nguyễn Đức Bình, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, làm chủ biên.

Trong dung lượng 360 trang khổ 15x22 cm, cuốn sách gồm ba phần lớn, với 6 chương.

Ở ***Phần thứ Nhất,*** với nhan đề *"Kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội"*, các tác giả trình bày nội dung cơ bản của cách mạng Việt Nam do Đảng ta mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đứng đầu chủ trương và chỉ đạo. Đó là sự kết hợp hết sức nhuần nhuyễn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Từ sự phân tích nhiều chiều và sâu sắc bối cảnh quốc tế và nước ta ở những thập niên đầu thế kỷ XX, các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX và cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước trong thời kỳ này, các tác giả nêu bật vai trò của Nguyễn Ái Quốc, đặc biệt là bước đột phá vĩ đại của Người trong hành trình tìm đường cứu nước từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội, tìm thấy ở đó - nhất là trong các luận điểm của V.I. Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa - "cái cần thiết cho chúng ta, con đường giải phóng chúng ta". Đó là con đường cách mạng "kết hợp nhuần nhuyễn đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, giải phóng dân tộc và từng bước giải phóng xã hội ; kết hợp chặt chẽ hai mục tiêu dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng cũng như trong mỗi giai đoạn cách mạng". Lịch sử cách mạng Việt Nam 73 năm qua, nhất là sự thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến thành công chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đã chứng minh sự đúng đắn của con đường mà toàn thể dân tộc đã và đang đi.

Phần thứ Hai - *"Chủ nghĩa xã hội và đổi mới"* - các tác giả trình bày khái quát quá trình 45 năm xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là từ Đại hội VI (1986) - khởi đầu thời kỳ đổi mới đến nay. Một cách lô-gích xuyên suốt tiến trình lịch sử đất nước, các tác giả phân tích một cách khá toàn diện

và sâu sắc tình trạng khủng hoảng mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực trước đây ; quá trình tìm tòi, thử nghiệm, Đảng ta đã vươn tới những nhận thức mới, tổ chức thực hiện từng bước hiệu quả công cuộc đổi mới qua hơn 15 năm và đã đạt được những thắng lợi bước đầu hết sức cơ bản và quan trọng, tiếp tục đưa đất nước tiến vào thế kỷ XXI.

Sự nghiệp cách mạng Việt Nam bước vào thiên niên kỷ thứ III với hàng loạt thuận lợi mới nhưng cũng đang đối đầu với không ít nguy cơ to lớn, thách thức nghiệt ngã, thậm chí sinh tử.

Phần thứ Ba của cuốn sách có nhan đề *"Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta hiện nay"*. Từ sự kiến giải tình hình quốc tế và những điều kiện trong nước hiện nay, với quyết tâm sắt đá "Đảng và nhân dân ta phải kiên định con đường xã hội chủ nghĩa", các tác giả trình bày *phương hướng và nội dung cơ bản* của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Đây là phần tập trung những đóng góp to lớn, toàn diện và sâu sắc nhất của tập thể tác giả, chiếm dung lượng lớn của cuốn sách.

Một là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở khẳng định, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một tất yếu lịch sử ở nước ta, các tác giả trình bày *quan điểm cơ bản* về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân theo yêu cầu và mục đích : Bao nhiêu lợi ích *đều vì dân,* bao nhiêu quyền hành *đều của dân.* Quan điểm này được đúc kết từ lịch sử lâu đời của dân tộc ta : từ Trần Hưng Đạo với *"Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ, bền gốc"* tới Nguyễn Trãi : *"Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân"* mà đỉnh cao là Hồ Chí Minh : *"Gốc có vững cây mới bền / Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân"* khi Người yêu cầu: *"Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu nhân dân".*

Bộ máy nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Xây dựng, cải cách và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân theo hướng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối của Đảng thành pháp luật, chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện thông qua bộ máy nhà nước ; lãnh đạo chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng cao của *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* ; lãnh đạo công tác thanh tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ...

Hai là, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trở thành mô hình kinh tế tổng quát, là bộ phận hợp thành chủ yếu của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, là nền kinh tế có kết cấu nhiều thành phần, là hình thức kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa ; là *một kiểu tổ chức kinh tế* tối ưu trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nói cụ thể, đây là *một điểm đột phá mới về lý luận của Đảng ta.* Trước đây, một thời gian dài, nhiều người mác-xít đã phủ định khả năng sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội, rồi từ đó có định kiến với kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường.

Ngày nay, các học giả tư sản và một số người cũng cho rằng, kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội không thể dung hợp, đã cái này thì thôi cái kia (!?). Đó cũng là một sai lầm giống như nhiều người mác-xít trước đây đã mắc phải, tức là họ đồng nhất chủ nghĩa xã hội

Digitized by Google

với kinh tế kế hoạch hóa - tập trung ; và đồng nhất chủ nghĩa tư bản với kinh tế hàng hóa - thị trường. Về vấn đề này, tư duy lý luận của Đảng ta đã có một bước tiến lớn được trình bày trong cuốn sách khá kỹ lưỡng và thuyết phục. Qua đây, người đọc có cơ hội thấu triệt hơn trong nhận thức khi xem kinh tế thị trường là *một kiểu tổ chức kinh tế*, tức là một biện pháp kinh tế. Mà đã là biện pháp thì không phải là cái "riêng có" của nước này hay nước kia, của chế độ chính trị này hay chế độ chính trị khác. Chỉ có điều lưu ý đặc biệt ở đây là, nếu chủ nghĩa tư bản coi kinh tế thị trường là mục đích thì chủ nghĩa xã hội luôn và mãi coi nó là phương tiện mà thôi.

Ba là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn theo định hướng xã hội chủ nghĩa là hoàn toàn cần thiết và có thể. Đây là một tiến trình phải đồng thời thực hiện ba nhiệm vụ : vượt qua nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, xây dựng nền kinh tế nông nghiệp hiện đại và từng bước tiếp cận kinh tế tri thức ; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; trên cơ sở đó, tạo lập được những điều kiện vật chất cần thiết cho sự phát triển định hướng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

Như vậy, so với quan niệm trước đây về công nghiệp hóa, nay đã có sự thay đổi hết sức quan trọng. Đó là công nghiệp hóa đồng thời và gắn chặt với hiện đại hóa ; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra trong môi trường thị trường mở cửa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Chung quanh vấn đề này, các tác giả trình bày khá toàn diện và sâu sắc về những yếu tố quy định mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; trong đó, lưu ý hai điều : *thứ nhất,* trong quá trình chung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải thực hiện một nhiệm vụ bắt buộc có tính nguyên tắc là vượt qua giới hạn kỹ thuật - cơ khí của quá trình công nghiệp hóa cổ điển để đạt tới trình độ công nghệ - kỹ thuật hiện đại ; *thứ hai,* công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn là một bộ phận hữu cơ của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế và chịu sự tác động của quá trình chung này, đồng thời tác động tích cực trở lại quá trình đó.

Bốn là, phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển văn hóa.

Về *phát triển kinh tế - xã hội,* các tác giả trở lại phân tích một số mô hình phát triển, đặc biệt, vạch rõ những hạn chế của mô hình phát triển kinh tế - xã hội dựa trên cơ sở nền kinh tế kế hoạch hóa - tập trung phi thị trường. Ở thời kỳ chiến tranh và thời gian đầu sau hòa bình, mô hình này thật sự có tác dụng, song càng về sau, càng bộc lộ những khuyết tật như kìm hãm, triệt tiêu động lực phát triển, đưa đất nước lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Bắt đầu thời kỳ đổi mới, chúng ta đã chuyển dần nền kinh tế từ mô hình kế hoạch hóa - tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Qua thực tiễn hơn 15 năm, chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu hết sức quan trọng ; từ cơ sở đó, đất nước đang chuyển mạnh sang thời kỳ mới - thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về *phát triển văn hóa,* các tác giả nêu rõ, Đảng ta đề ra chủ trương chiến lược "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Tính chất tiên tiến của nền văn hóa có nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người và cho con người ; vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú của dân tộc ; vì sự phát triển toàn diện của nhân dân trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân với cộng đồng, giữa xã hội với tự nhiên. Bản sắc dân tộc đậm đà bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của các dân tộc Việt Nam đã tạo nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng

nàn, ý chí tự cường, tự chủ dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý chí cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc thành một khối thống nhất.

Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Do vậy, chỉ có xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nước ta mới có thể vượt qua mọi thử thách, nắm được các cơ hội để phát triển nhanh, lành mạnh và bền vững trên con đường xã hội chủ nghĩa.

Năm là, giữ vững độc lập, tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Các tác giả coi việc hội nhập kinh tế quốc tế là điều kiện rất quan trọng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đồng thời, chỉ rõ tính tất yếu của toàn cầu hóa kinh tế với những mặt tốt và mặt bất lợi của những nước nghèo tham gia hội nhập.

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta đồng thời là quá trình xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, trước hết là độc lập, tự chủ về đường lối phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó không chỉ chứa đựng nội dung dân tộc mà cả nội dung giai cấp và hai nội dung đó quyện chặt với nhau. Đấu tranh giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế là một cuộc đấu tranh khó khăn nhưng nhất định thắng lợi.

Sáu là, xây dựng Đảng trong điều kiện mới. Mỗi giai đoạn, thời kỳ cách mạng đều đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi Đảng phải vươn lên ngang tầm với nhiệm vụ mới để đưa đất nước tiến lên. "Sự ngang tầm của Đảng được thể hiện ở việc đánh giá đúng tình hình, dự báo được những gì sẽ đến ; đề ra đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn... Tầm của Đảng là tầm trí tuệ, tầm tư tưởng, tầm phẩm chất, khả năng lãnh đạo và hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên, trước hết là những người lãnh đạo chủ chốt của Đảng. Đó còn là tầm nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng của các ông phù hợp với thực tiễn Việt Nam và thế giới". Đồng thời, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn để không ngừng vững mạnh, trong sạch. Đảng tự đánh giá và rèn luyện, chấn chỉnh về ba mặt : chính trị, tư tưởng và tổ chức. Phải xác định rõ nhiệm vụ và yêu cầu của mỗi giai đoạn mới, những thuận lợi, thời cơ và những khó khăn, thách thức đang đặt ra, sắp xếp lại đội ngũ phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới. Một yêu cầu nữa đối với Đảng là chủ động nắm bắt cơ hội, vượt qua thử thách một cách tỉnh táo và nhạy bén. Tất cả tố chất đó làm cho Đảng trở thành vừa là người lãnh đạo đầy năng lực, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Một tư tưởng, một con người, một dân tộc, một đảng, ngày hôm qua là vĩ đại, được nhân dân ca ngợi, nhưng hôm nay không còn được mọi người tin tưởng, quý mến nếu lòng dạ không còn trong sáng, đạo đức suy thoái". Trên thực tế, sự nghiệp của một con người, thậm chí của cả một đảng đã bị sụp đổ chỉ vì suy thoái đạo đức. Trong tình hình hiện nay, mỗi cán bộ, đảng viên phải suy ngẫm lời dạy trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh để sống và làm việc, xứng đáng là một cán bộ, đảng viên chân chính.

"Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" là cuốn sách chứa đựng những vấn đề lý luận - thực tiễn hết sức cơ bản, nhưng sự lựa chọn nội dung, đặc biệt là cách trình bày, từ bố cục, cách lập luận, đến lối thể hiện... rất dung dị, dễ hiểu và gần gũi. Đặc biệt, tính thời sự nóng hổi của những vấn đề lớn mà các tác giả cuốn sách đề cập cũng chính là những vấn đề thực tiễn mà toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang giải quyết. Ở một khía cạnh khác, cuốn sách góp phần phê phán và đẩy lùi những luận điệu xuyên tạc của kẻ thù đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta. ❑

Digitized by Google

PHÁP LỆNH DÂN SỐ NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

NGUYỄN QUỲNH ANH*

TRONG tiếng chuông báo động về tình hình gia tăng dân số quá nhanh trên thế giới, Chính phủ Việt Nam đã nhận thức được mối quan hệ giữa dân số và phát triển bằng việc ban hành Quyết định 216/QĐ-CP ngày 26-12-1961 với mục đích : "Vì sức khỏe của bà mẹ, vì hạnh phúc và hòa thuận trong gia đình, và để nuôi dạy con cái được chu đáo, việc sinh đẻ của nhân dân cần được hướng dẫn chu đáo". Trải qua gần 42 năm thực hiện công tác dân số, đặc biệt kể từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, công tác dân số đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần đáng kể vào việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói - giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đến nay, tốc độ gia tăng dân số quá nhanh cơ bản đã được kiềm chế, mục tiêu đạt được mức sinh thay thế đề ra vào năm 2015 thì chậm nhất vào năm 2005 chúng ta sẽ đạt được, tức là sớm hơn 10 năm so với yêu cầu. Tuy nhiên, những thành công của chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình trong mười năm qua chỉ là bước đầu. Để đạt được thành công vững chắc và bền vững, chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình vẫn phải đối mặt với những khó khăn thách thức lớn như quy mô dân số lớn và ngày càng lớn hơn đang và sẽ là những cản trở đối với sự phát triển của Việt Nam. Mức sinh ở nước ta tuy đã giảm nhưng những kết quả đạt được còn chưa vững chắc. Cơ cấu dân số trẻ và đang chuyển dần sang cơ cấu dân số già, chất lượng dân số thấp, phân bố dân cư bất hợp lý, di dân tự do đang là những tác nhân cản trở sự phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đó là những đòi hỏi cấp thiết về một chính sách dân số toàn diện, không chỉ đáp ứng yêu cầu tiếp tục duy trì xu hướng giảm sinh vững chắc mà còn phải chú ý đến các yếu tố khác của vấn đề dân số. Văn kiện Đại hội IX của Đảng viết : "Chính sách dân số nhằm chủ động kiểm soát quy mô và tăng chất lượng dân số phù hợp với những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình ; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phân bố dân cư hợp lý với quản lý dân số và phát triển nguồn nhân lực". Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về chính sách dân số, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh Dân số ngày 9-1-2003, Chủ tịch nước ký Lệnh ban hành ngày 22-1-2003, tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm hành lang pháp lý cho việc tổ chức thực hiện công tác dân số ; điều chỉnh thống nhất, định hướng toàn diện vấn đề dân số, bao gồm quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, chất lượng dân số.

* Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em

Trong bài viết này chúng tôi xin đề cập đến một số quy định trong Pháp lệnh Dân số thể hiện sự cam kết chính trị mạnh mẽ của Nhà nước đối với công tác dân số, thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ nhiệt tình của cơ quan, tổ chức đối với nhân dân trong việc thực hiện các mục tiêu của chính sách dân số và trách nhiệm của mỗi công dân, mỗi cặp vợ chồng trong công tác dân số.

I - Nguyên tắc và việc thực hiện nguyên tắc của công tác dân số

Pháp lệnh Dân số đã đề ra ba nguyên tắc để thực hiện công tác dân số trên cơ sở quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về nội dung của quyền sinh sản, trong đó nhấn mạnh đến mối quan hệ biện chứng giữa quyền tự do và trách nhiệm khi thực hiện quyền sinh sản.

Xã hội ta là xã hội mà mỗi người dân dù sống ở đâu, lứa tuổi nào cũng đều sinh hoạt trong một cơ quan, tổ chức nhất định. Khi thực hiện công tác dân số, các cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu các thành viên của mình phải thực hiện mục tiêu của chính sách dân số để bảo đảm lợi ích của mình. Do đó, nguyên tắc của công tác dân số là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, chất lượng cuộc sống của cá nhân, gia đình và toàn xã hội.

Việc thực hiện các mục tiêu chính sách dân số có liên quan đến quyền con người, quyền sinh sản, quyền cư trú, quyền được phát triển đầy đủ, bình đẳng về thể chất, trí tuệ, tinh thần của mỗi cá nhân, gia đình... Vì vậy, cá nhân, gia đình lại có quyền tự nguyện, bình đẳng trong việc thực hiện. Mặt khác, chỉ khi mỗi cá nhân, gia đình chủ động, tự nguyện, bình đẳng thực hiện các hành vi của mình thì kết quả đạt được của chính sách dân số mới thực sự vững chắc. Do đó, nguyên tắc của công tác dân số là bảo đảm việc chủ động, tự nguyện, bình đẳng của mỗi cá nhân, gia đình trong kiểm soát sinh sản, chăm sóc sức khỏe sinh sản, lựa chọn nơi cư trú và thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng dân số.

Mỗi cá nhân tham gia vào quá trình sinh sản không những ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển toàn diện của từng cá nhân mà còn ảnh hưởng đến lợi ích của cơ quan, tổ chức trong hiệu suất công tác, trong quá trình sản xuất. Khi nói đến quyền tức là bao hàm cả nghĩa vụ. Điều đó đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân, nhưng đồng thời phải đáp ứng cả nhu cầu phát triển của xã hội. Vì vậy, cần giúp cho các cặp vợ chồng, cá nhân hiểu rõ việc thực hiện quyền phải gắn liền với việc thực hiện nghĩa vụ. Trong thực tiễn cuộc sống, đề cao nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng của mỗi cá nhân, gia đình có thể ảnh hưởng đến mục tiêu chính sách dân số, ảnh hưởng đến lợi ích của cơ quan, tổ chức và cộng đồng. Ngược lại, nếu bảo vệ một cách cứng nhắc quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức thì có thể không bảo đảm việc chủ động, tự nguyện, bình đẳng của mỗi cá nhân, gia đình trong thực hiện chính sách dân số. Vì vậy, phải kết hợp giữa quyền và lợi ích của cá nhân, gia đình với lợi ích của cộng đồng và toàn xã hội bằng việc thực hiện gia đình ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ có từ 1 đến 2 con), no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

Để bảo vệ lợi ích của mình, đồng thời để bảo vệ lợi ích của quốc gia, dân tộc việc tổ chức thực hiện Pháp lệnh Dân số không những là quyền mà còn là trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với đất nước. Tổ chức thực hiện Pháp lệnh Dân số trong cơ quan, đơn vị *trước hết* là phải tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Pháp lệnh Dân số, bảo đảm mỗi thành viên tự nguyện, chủ động thực hiện các biện pháp kiểm soát sinh sản. *Hai là*, cụ thể hóa các quy định của Pháp lệnh Dân số thành nội quy, quy chế, điều lệ hoặc bằng các hình thức thỏa thuận khác phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh để bảo vệ lợi ích của cơ quan, đơn vị. Các quy định này phải bảo đảm nguyên tắc kết hợp

Digitized by Google

giữa việc bảo vệ lợi ích của cơ quan, đơn vị với việc bảo đảm sự chủ động, tự nguyện kiểm soát sinh sản của mỗi thành viên trong cơ quan, đơn vị trên cơ sở lợi ích chung của đất nước, đó là thực hiện gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. *Ba là,* cơ quan, đơn vị có những biện pháp khuyến khích về vật chất và tinh thần để động viên các thành viên của mình kiểm soát được quá trình sinh sản. *Bốn là,* động viên các thành viên của mình nên gương mẫu để giáo dục nhân dân. *Năm là,* định kỳ đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nội quy, quy chế, điều lệ trong cơ quan, đơn vị.

II - Quyền và nghĩa vụ của công dân về dân số - kế hoạch hóa gia đình

Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10, ngày 25-12-2001, khẳng định : "Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân. Nhà nước bảo đảm các quyền của công dân ; công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội".

Nội dung của quyền sinh sản được khẳng định tại Hội nghị quốc tế về dân số và phát triển tại Cai-rô (Ai Cập) năm 1994 mà nước ta đã tham gia ký kết : "Mỗi cặp vợ chồng và mỗi cá nhân được quyết định một cách tự do và có trách nhiệm số con, khoảng cách giữa các lần sinh và thời điểm sinh con và quyền được thông tin cũng như được cung cấp phương tiện để đạt được điều đó. Để thực hiện quyền này, mọi người phải cân nhắc nhu cầu của con cái mình trước cộng đồng. Khuyến khích việc thực hiện các quyền này một cách có trách nhiệm là nhiệm vụ cơ bản của chính sách và chương trình liên quan đến lĩnh vực sức khỏe sinh sản bao gồm kế hoạch hóa gia đình". Như vậy, quyền sinh sản không tách rời với nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện kế hoạch hóa gia đình của mỗi công dân, mỗi cặp vợ chồng.

Pháp lệnh Dân số đã quy định quyền và nghĩa vụ của công dân, mỗi cặp vợ chồng về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình (Điều 4, Điều 10) thể hiện tư tưởng chủ đạo của Đảng và Nhà nước coi con người là mục tiêu, là động lực của sự phát triển ; nhấn mạnh sự gắn kết giữa quyền và nghĩa vụ của công dân về công tác dân số. Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân, gia đình không tách rời nhau, mỗi người không thể chỉ đòi quyền mà không thực hiện nghĩa vụ và ngược lại.

Quyền quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh của mỗi cặp vợ chồng và cá nhân không đồng nhất với việc mỗi cá nhân và mỗi cặp vợ chồng tùy tiện sinh con sớm, sinh dày và sinh bao nhiêu con tùy theo ý muốn chủ quan của họ. Pháp luật dành cho mỗi cặp vợ chồng và cá nhân quyền quyết định thời gian sinh con, số con, khoảng cách giữa các lần sinh nhưng đây là một *quyền có điều kiện*, đó là phải phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập và nuôi dạy con, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương. Quyết định mang thai khi chưa đủ tuổi kết hôn, tình trạng sức khỏe không cho phép, quyết định đẻ nhiều trong khi thu nhập không bảo đảm cho việc nuôi dạy con chu đáo, không phù hợp với mục tiêu của chính sách dân số là những quyết định trái pháp luật, xâm hại tới sức khỏe của phụ nữ, trẻ em.

Sinh sản là việc riêng tư của mỗi cá nhân, cặp vợ chồng nhưng đồng thời lại có ảnh hưởng trực tiếp đến toàn xã hội. Mỗi đứa trẻ ra đời không chỉ đòi hỏi bố mẹ phải chăm sóc, cho ăn, cho mặc, tình cảm mà với tư cách là công dân của một nước, mỗi đứa trẻ sinh ra và lớn lên cũng đòi hỏi xã hội phải đáp ứng nhiều vấn đề khác như bệnh viện, trường học, việc làm, nhu cầu sinh hoạt... Việc đẻ sớm, đẻ dày, đẻ nhiều còn có tác động xấu đến toàn xã hội, là nguyên nhân chủ yếu làm tăng dân số, ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 1960, dân số nước ta là 30 triệu người, bình quân mỗi cặp vợ chồng sinh hơn 6 con. Giả sử nếu không có Quyết định

216/CP và tính một cách cơ học với tỷ lệ phát triển dân số hàng năm là 3% thì đến nay dân số nước ta khoảng 100 triệu người và sẽ ổn định ở mức gần 300 triệu người. Nhưng, thực tế dân số nước ta hiện nay chỉ gần 81 triệu người và nếu làm tốt công tác dân số thì ổn định ở mức khoảng 115 triệu người. Rõ ràng, xét trên góc độ nào thì việc sinh sản cũng cần được kiểm soát, cần được tính toán khi quyết định số con của mỗi cặp vợ chồng.

Quyền sinh sản nhấn mạnh hai mặt của vấn đề, đó là tự do và trách nhiệm trong việc thực hiện quyền sinh sản. Như vậy, không những mỗi công dân, mỗi cặp vợ chồng phải có trách nhiệm đáp ứng các chuẩn mực của xã hội trong việc thực hiện quyền sinh sản mà toàn xã hội còn phải có trách nhiệm hướng dẫn họ thực hiện quyền này một cách hiệu quả. Khi xác định quyền sinh sản và tham gia vào quá trình sinh sản, mỗi cá nhân phải tính đến khía cạnh kinh tế dân số, xác định đúng đắn trách nhiệm sinh sản trước gia đình và xã hội. Bên cạnh quyền sinh sản, mỗi công dân phải có nghĩa vụ thực hiện kế hoạch hóa gia đình, xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững, tôn trọng lợi ích của Nhà nước, xã hội, cộng đồng và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức trong việc kiểm soát sinh sản, điều chỉnh quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số.

Biện pháp chủ yếu để giúp mỗi cá nhân, cặp vợ chồng thực hiện nghĩa vụ của mình đối với một nước đang phát triển như nước ta là thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Điều đó đã được quy định tại Điều 40, Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung viết : "Nhà nước, xã hội, gia đình và công dân có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc bà mẹ và trẻ em, thực hiện chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình". Khoản 1, Điều 43, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989 viết : "Mọi người có trách nhiệm thực hiện kế hoạch hóa gia đình, có quyền lựa chọn biện pháp sinh đẻ có kế hoạch theo nguyện vọng. Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ một đến hai con". Khoản 3, Điều 2, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 viết : "Vợ chồng có nghĩa vụ thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình". Như vậy, quyền sinh sản phải được thực hiện một cách có trách nhiệm theo mục tiêu của chính sách dân số là mỗi gia đình chỉ có 1 hoặc 2 con.

Giải pháp để thực hiện mục tiêu chính sách dân số vẫn là vận động, tuyên truyền, giáo dục gắn liền với đưa dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến tận người dân, có chính sách mang lại lợi ích trực tiếp cho người chấp nhận gia đình ít con.

III - Trách nhiệm nâng cao chất lượng dân số

Chất lượng dân số của nước ta còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các tố chất về thể lực của người Việt Nam còn hạn chế, đặc biệt là chiều cao, cân nặng và sức bền. Năm 2000, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cao, chiếm 33,8%. Đáng lưu ý là, còn 1,5% dân số bị thiểu năng về thể lực và trí tuệ. Số người nhiễm HIV/AIDS ngày càng tăng. Tính đến ngày 31-10-2002, cả nước có tới 56 495 người nhiễm HIV/AIDS, đặc biệt là 95,5% số người nhiễm HIV/AIDS ở trong độ tuổi từ 13 đến 49. Tính đến thời điểm 1-4-1999, cả nước vẫn còn 6,8 triệu người từ 10 tuổi trở lên chưa bao giờ đến trường, trong đó có 5,3 triệu người hoàn toàn không biết chữ. Tỷ lệ số người đã qua đào tạo nghề nghiệp và chuyên môn kỹ thuật chiếm 7,6% dân số từ 13 tuổi trở lên, trong đó có 2,3% là công nhân kỹ thuật và nhân viên nghiệp vụ có bằng cấp, 2,8% có trình độ trung học chuyên nghiệp, 0,7% cao đẳng, 1,7% đại học và 0,1% có trình độ trên đại học. Cơ cấu đào tạo bất hợp lý, quan hệ tỷ lệ đào tạo giữa 3 loại trình độ chuyên môn kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc tế là : đại học và trên đại học 1; trung học chuyên nghiệp 4 ;

(Xem tiếp trang 58)

Digitized by Google

Pháp luật quốc tế và Việt Nam về đảm bảo quyền bình đẳng của phụ nữ trong quan hệ hôn nhân, gia đình

NGUYỄN THỊ THANH HẢI*

XÓA bỏ tình trạng phân biệt đối xử với phụ nữ là một trong những nội dung quan trọng của cuộc đấu tranh vì quyền con người. Trong những thập kỷ gần đây, các khẩu hiệu như "Quyền phụ nữ là quyền con người", "phụ nữ và phát triển", "vì sự tiến bộ của phụ nữ"... đã trở thành những chủ đề được quan tâm nhiều nhất trong các chương trình nghị sự tại các diễn đàn quốc tế, quốc gia về quyền con người. Phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trên mọi lĩnh vực, kể cả trong các quan hệ hôn nhân, gia đình.... Đó là những nội dung cơ bản được ghi nhận trong hệ thống pháp luật quốc tế và hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới.

1 - Các quy định pháp lý quốc tế về quyền bình đẳng của phụ nữ trong quan hệ hôn nhân, gia đình

Mục tiêu cơ bản và xuyên suốt của mọi nỗ lực nhằm đảm bảo quyền bình đẳng cho phụ nữ là để vượt qua các rào cản có tính phân biệt đối xử về giới, giúp họ được hưởng thụ các quyền con người và tự do cơ bản trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội một cách bình đẳng với nam giới.

Bình đẳng nam nữ là nguyên tắc có tính nền tảng trong hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người. *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người* năm 1948 ghi nhận : "Mọi người sinh ra đều bình đẳng về phẩm giá và các quyền" (Điều 1) ; "Mọi người sinh ra đều được hưởng tất cả các quyền và tự do (...) mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo,... (Điều 2). Hai Công ước quốc tế cơ bản 1966 về *Quyền dân sự chính trị* và *Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa* tiếp tục khẳng định nguyên tắc không phân biệt đối xử về giới tính (Điều 2), quyền bình đẳng nam nữ (Điều 3). Đặc biệt, trong *Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ* (CEDAW) nguyên tắc bình đẳng nam nữ đã được phát triển thêm một bước mới, bản thân khái niệm bình đẳng nam nữ cũng được nhận thức một cách toàn diện hơn. Công ước đã ghi nhận quyền bình đẳng nam nữ là bình đẳng trên cơ sở giới, tức là phụ nữ phải được bình đẳng về quyền và cơ hội với nam giới, đồng thời được ưu tiên giúp đỡ trên cả ba lĩnh vực : đời sống cộng đồng, đời sống chính trị, xã hội và trong các quan hệ hôn nhân, gia đình.

Có thể nói, hôn nhân và gia đình là một lĩnh vực phức tạp và nhạy cảm vì nó chịu sự chi phối nặng nề của phong tục, tập quán và tôn giáo. Ở

* Ths, Trung tâm Nghiên cứu quyền con người - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nhiều nơi trên thế giới, phụ nữ vừa là lực lượng lao động chính, vừa là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con cái, họ chăm lo cho gia đình nhưng lại có vị thế thấp kém và luôn bị thiệt thòi về quyền lợi so với nam giới.

Liên quan đến vấn đề hôn nhân và gia đình, các công ước như Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị (Điều 23) ; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Điều 10) ; Công ước quốc tế về loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (Điều 59(d)(iv)) ; Công ước quyền trẻ em... đều đã đề cập đến quyền tự do kết hôn, thành lập gia đình và đưa ra quy định về nghĩa vụ để giúp đỡ và bảo hộ đối với gia đình. Tuy nhiên, CEDAW là công ước đầu tiên đưa ra quy định đầy đủ về quyền bình đẳng cho phụ nữ trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Công ước đã dành riêng Điều 16 để kêu gọi các quốc gia áp dụng biện pháp thích hợp nhằm loại bỏ tình trạng bất bình đẳng đối với phụ nữ trong các mối quan hệ hôn nhân, gia đình. Nội dung của điều này khẳng định, phụ nữ có quyền được tự do lựa chọn bạn đời và đi đến hôn nhân vì đây là một vấn đề quan trọng đối với cuộc sống và phẩm giá của họ. Tình trạng hôn nhân cưỡng ép, vốn vẫn tồn tại ở một số khu vực trên thế giới, theo điều này được coi là sự vi phạm pháp luật quốc tế, và cần phải được loại bỏ. Điều 16 cũng đề cập đến vấn đề quyền và trách nhiệm bình đẳng trong quan hệ giữa vợ và chồng trong vai trò làm cha, làm mẹ, trong việc quyết định số con và khoảng cách giữa các lần sinh cũng như trong việc nuôi dạy và chăm sóc, giám hộ, bảo trợ con cái. Đây là một quy định có ý nghĩa quan trọng với phụ nữ vì theo quy định này, việc gánh vác trách nhiệm nuôi dạy và chăm sóc con cái có ảnh hưởng lớn đến sức khỏe thể chất và tinh thần của người phụ nữ, hạn chế cơ hội học hành, nghề nghiệp và nhiều hoạt động liên quan đến sự phát triển khác của cá nhân của họ. Vì vậy, kể cả trong thời gian hôn nhân cũng như khi hôn nhân đã được hủy bỏ, nam giới có trách nhiệm phải chia sẻ gánh nặng này với phụ nữ. Dù mỗi gia đình, mỗi thành viên cũng đều có các quyền tự do cá nhân như quyền lựa chọn tên họ, tự do lựa chọn nghề nghiệp, việc làm. Theo tinh thần đó, CEDAW coi tập tục buộc phụ nữ phải thay đổi tên họ của mình khi kết hôn là sự vi phạm nội dung của Công ước.

Ngoài các vấn đề kể trên, Điều 16 còn khẳng định quyền bình đẳng của cả vợ và chồng trong việc sở hữu, chiếm hữu, quản lý, hưởng thụ và sử dụng tài sản. Đây cũng là một vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng với phụ nữ vì trong pháp luật cũng như trong thực tiễn thì nạn phân biệt đối xử về quyền sở hữu đối với phụ nữ thể hiện rõ nhất ở quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế.

Cuối cùng, ở nhiều quốc gia, luật pháp, tập quán và tôn giáo luôn đặt nam giới ở vị trí cao hơn phụ nữ, không tính đến những đóng góp của phụ nữ như chăm sóc, nuôi dạy con cái, phụng dưỡng cha mẹ già và các công việc nội trợ trong gia đình và coi các công việc đó là những hoạt động không sinh lợi ; vì vậy, thường cho phép nam giới được hưởng giá trị tài sản lớn hơn khi ly hôn hoặc thừa kế. Công ước CEDAW yêu cầu các quốc gia phải tính đến những đóng góp như vậy của phụ nữ và phải coi những công việc đó là hoạt động được trả công. Sự phân biệt đối xử này là một trở ngại lớn đối với những phụ nữ phải sống và nuôi con một mình sau khi ly hôn.

Đảm bảo quyền bình đẳng trong gia đình đồng thời cần phải có những quy định pháp lý và hành động cần thiết để xóa bỏ nạn hứa hôn, tảo hôn. Điều 16 (2) của CEDAW quy định : "Việc hứa hôn và kết hôn của trẻ em phải bị coi là không có hiệu lực pháp lý, và mọi hành động cần thiết, kể cả xây dựng luật lệ phải được tiến hành nhằm quy định tuổi tối thiểu có thể kết hôn và nhằm bắt buộc đăng ký kết hôn trong hồ sơ chính thức của nhà nước". Quy định này là sự kế thừa và phát triển nội dung của *Công ước về việc kết hôn tự nguyện, tuổi kết hôn tối thiểu và việc đăng ký kết hôn* của Liên hợp quốc năm 1962. Nạn tảo hôn đã gây nên nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ em gái bao gồm cả những hạn chế về

Digitized by Google

việc học hành, nghề nghiệp và khả năng tự lập về kinh tế. Vì vậy, CEDAW yêu cầu các quốc gia cần đưa ra quy định về tuổi kết hôn tối thiểu để mọi trẻ em gái được có cơ hội hưởng thụ đầy đủ các quyền bình đẳng của mình. Tuyên bố Viên và Chương trình hành động, Công ước về quyền trẻ em được thông qua sau này tiếp tục đưa ra các quy định cụ thể, chặt chẽ hơn về độ tuổi kết hôn, đồng thời kêu gọi các quốc gia xóa bỏ mọi tập tục, tập quán hôn nhân có hại cho trẻ em gái.

Một vấn đề khác liên quan đến những vi phạm nghiêm trọng về quyền con người đối với phụ nữ trong quan hệ hôn nhân gia đình là nạn bạo lực trên cơ sở giới. Trong những thập kỷ gần đây, mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ đáng kể trong việc nâng cao địa vị bình đẳng của phụ nữ, nhưng do tác động của nhiều yếu tố như sự đói nghèo, tập tục văn hóa, tư tưởng tôn giáo cực đoan, nhận thức về bình đẳng giới chưa cao..., mà ở rất nhiều nơi trên thế giới, nạn bạo lực đối với phụ nữ vẫn diễn ra thường xuyên dưới nhiều hình thức, mức độ khác nhau. Thống kê cho thấy, có khoảng 1/3 đến 1/5 số phụ nữ và trẻ em gái trên thế giới là nạn nhân của các hình thức bạo lực, trong đó, mỗi năm có khoảng 4 triệu người, chủ yếu là phụ nữ và trẻ em gái bị mang bán ra nước ngoài ; theo số liệu về *Tình trạng dân số thế giới* năm 1997 của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) thì có khoảng 120 triệu đến 135 triệu phụ nữ, chủ yếu ở các nước châu Phi, bị cắt bỏ cơ quan sinh dục ; Tổ chức Y tế thế giới (WHO), năm 1997, cũng dự tính rằng có khoảng 52% số phụ nữ trên toàn cầu đã từng là nạn nhân của bạo lực về thể chất từ phía người chồng hoặc bạn trai[1] .

Ngày nay, nạn bạo lực trên cơ sở giới nói chung trong đó có bạo lực gia đình đã được pháp luật quốc tế coi là một vấn đề nhân quyền. Các văn kiện quốc tế như *Tuyên bố Viên và Chương trình hành động, Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh hành động* và đặc biệt là *Tuyên bố về xóa bỏ nạn bạo lực với phụ nữ* được Đại Hội đồng Liên hợp quốc thông qua vào tháng 12-1993 đã khẳng định trách nhiệm của các quốc gia trong việc lên án mọi hành vi bạo lực đối với phụ nữ và đưa ra các hành động, biện pháp cụ thể để xóa bỏ chúng.

Trong lịch sử phong trào nữ quyền, các làn sóng đấu tranh nhằm đảm bảo quyền bình đẳng cho phụ nữ trước đây chủ yếu chỉ hướng tới mục tiêu ghi nhận các quyền về chính trị, xã hội cho phụ nữ mà chưa có sự quan tâm thích đáng đến địa vị bình đẳng của họ trong quan hệ hôn nhân, gia đình, trong khi đây vốn là lĩnh vực mà bất bình đẳng và nạn phân biệt đối xử với phụ nữ diễn ra nhiều nhất. Vì vậy, sự ghi nhận quyền bình đẳng của phụ nữ trong quan hệ hôn nhân, gia đình trong CEDAW là bước phát triển mới của hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người. Lần đầu tiên, có một công ước quốc tế đầu tiên mở rộng phạm vi điều chỉnh đến đời sống riêng tư - một lĩnh vực theo quan điểm truyền thống là không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật quốc tế. Trên cơ sở khẳng định, quyền bình đẳng của phụ nữ với nam giới là một vấn đề nhân quyền và là điều kiện để thúc đẩy công bằng xã hội, hòa bình và phát triển, CEDAW ghi nhận sự phân biệt đối xử mà phụ nữ phải gánh chịu trong cuộc sống hôn nhân, gia đình là một trong những trở ngại lớn đối với việc hưởng thụ các quyền con người của phụ nữ.

2 - Pháp luật Việt Nam về đảm bảo quyền bình đẳng cho phụ nữ trong quan hệ hôn nhân, gia đình

Là một quốc gia thành viên của 8 công ước quốc tế cơ bản về quyền con người trong đó có CEDAW, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi việc thúc đẩy địa vị bình đẳng cho phụ nữ là mục tiêu quan trọng và cơ bản trong các chiến lược, chương trình phát triển kinh tế, xã hội. Ngay sau khi giành được độc lập, Hiến pháp đầu

(1) Xem *Ending Violence against Women. Francine Pickup, Suzanze Williams and Caroline Sweetman,* Oxfam, 2001

Digitized by Google

tiên năm 1946 đã ghi nhận nguyên tắc nam nữ bình quyền trên mọi phương diện. Nguyên tắc này tiếp tục được bổ sung và phát triển trong các Hiến pháp sau này. Điều 63 của Hiến pháp năm 1992 quy định : "Công dân nam nữ có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình".

Với mục đích xây dựng một chế độ hôn nhân gia đình tiến bộ, bình đẳng, hệ thống pháp luật Việt Nam về vấn đề này đều dựa trên nguyên tắc "vợ chồng bình đẳng với nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình". Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự và đặc biệt là Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đã đưa ra các quy định đầy đủ và phù hợp với pháp luật quốc tế về quyền bình đẳng của phụ nữ với nam giới nói chung, của vợ chồng trong các mối quan hệ hôn nhân, gia đình nói riêng ; theo đó, nam giới và phụ nữ khi đủ tuổi quy định (nữ 18, nam 20) đều có quyền tự do kết hôn theo chế độ một vợ một chồng, quyền ly hôn, quyền được tôn trọng về danh dự, nhân phẩm và uy tín, các quyền bình đẳng về nhân thân v.v.. Một trong những điểm mới quan trọng của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 là luật này đã cụ thể hóa các quy định liên quan đến quyền bình đẳng của phụ nữ trong quan hệ tài sản, bao gồm cả tài sản chung, tài sản riêng và tài sản thừa kế. Những vấn đề phức tạp và nhạy cảm có tính phân biệt đối xử với phụ nữ trong sở hữu tài sản đã được đề cập và đưa ra quy định cụ thể trong bộ luật mới này. Để tạo cơ sở pháp lý cho việc phân chia tài sản cho phụ nữ, nhất là khi ly hôn, Điều 27, khoản 2 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định rõ : "Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, thì trong giấy chứng nhận quyền sở hữu phải ghi tên của cả vợ chồng". Việc phân chia những tài sản lớn như đất đai, nhà cửa trước đây thường chỉ do người chồng sở hữu nên có tình trạng không công bằng thì nay đã được quy định cụ thể tại Điều 97, 98 của Luật Hôn nhân gia đình. Nhờ vậy, pháp luật Việt Nam đã có sự bảo hộ tốt hơn đối với quyền lợi của phụ nữ.

Dựa trên nguyên tắc bình đẳng về giới, pháp luật Việt Nam coi phụ nữ hoàn toàn bình đẳng với nam giới trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ và giáo dục cũng như đại diện trước pháp luật cho con cái. Các Điều 34, 36, 37, 39, 45 và 46 của Luật Hôn nhân và Gia đình và nhiều điều khoản ở các đạo luật khác đã có những quy định chi tiết về vấn đề này. Trong những năm gần đây, nhờ chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình nên phụ nữ được chủ động trong việc quyết định số lần và thời gian sinh con nên tình trạng sức khỏe cũng như cơ hội học tập, nghề nghiệp của phụ nữ cũng được nâng lên đáng kể.

Như trên đã đề cập, nạn bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình là một vấn đề toàn cầu. Nó là một vấn đề cũ nhưng lại là nội dung mới trong Pháp luật quốc tế về quyền con người trong vài thập kỷ gần đây. Quyền bình đẳng của phụ nữ trong quan hệ hôn nhân gia đình chỉ được đảm bảo khi xóa bỏ được nạn bạo lực gia đình. Trên tinh thần đó, pháp luật Việt Nam nghiêm cấm mọi hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và thể chất của người phụ nữ. Trước đây, do chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến mà ở Việt Nam vấn đề bạo lực gia đình thường được coi chuyện nội bộ, ít bị dư luận lên án. Theo kết quả nghiên cứu của một nhóm các nhà xã hội học Việt Nam tiến hành thì " bạo lực gia đình diễn ra ở mọi vùng, cả ở đô thị lẫn nông thôn, và trong các gia đình thuộc mọi mức thu nhập"(2) . Các quy định pháp lý liên quan đến việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe và nhân phẩm của công dân nói chung, phụ nữ nói riêng được cụ thể hóa trong một số điều của Bộ luật Dân sự (Điều 32, 33, 36), Bộ luật Hình sự (toàn bộ tội danh trong chương XII có thể áp

(2) Xem : *Viet Nam gender based violence. Study commissioned by the World Bank*, November, 1999

Digitized by Google

dụng để xử lý các hành vi bạo lực gia đình), Luật hôn nhân gia đình (Điều 4, 21, 34, 35, 38...) và nhiều văn bản pháp luật khác. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật này đều mới chỉ dừng lại ở các quy định chung mà chưa có văn bản hay điều khoản nào đề cập trực tiếp đến các hành vi bạo lực gia đình. Vì vậy, trong thời gian tới việc tuyên truyền, vận động để Nhà nước ban hành văn bản pháp luật về xóa bỏ nạn bạo lực gia đình là hết sức cần thiết.

Trong những năm gần đây, cùng với thành tựu trên lĩnh vực kinh tế, xã hội, vấn đề đảm bảo quyền bình đẳng cho phụ nữ nói chung, trong gia đình nói riêng ở Việt Nam đã có nhiều tiến bộ rõ rệt. Báo cáo quốc gia lần thứ 3 và 4 về tình hình thực hiện công ước CEDAW đã ghi nhận : "Nguyên tắc bình đẳng nam nữ, không phân biệt đối xử với phụ nữ trong quan hệ hôn nhân, gia đình tiếp tục được duy trì và thực hiện tốt ở Việt Nam"(3). Nguyên nhân chủ yếu là nhờ hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật về quyền bình đẳng của phụ nữ trong quan hệ hôn nhân, gia đình nói riêng đang ngày càng được hoàn thiện. Bên cạnh đó, hệ thống các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng bảo vệ pháp luật cũng được đổi mới và củng cố thêm một bước. Đặc biệt, với sự hỗ trợ của nhiều cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước, công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới đã được triển khai rộng rãi và có hiệu quả. Tuy nhiên, do những ảnh hưởng nặng nề của các tập tục truyền thống, do hệ thống pháp luật và việc thực thi pháp luật còn thiếu cụ thể nên tình trạng phân biệt đối xử với phụ nữ, đặc biệt là trong gia đình vẫn còn diễn ra khá phổ biến và nhiều khi là khá trầm trọng. Vì vậy, những nỗ lực nhằm nâng cao nhận thức bình đẳng giới cho người dân cũng như để hoàn thiện chính sách, pháp luật, đưa các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống là những giải pháp quan trọng và cần thiết. ❑

(3) Xem : *Báo cáo quốc gia lần thứ 3 và 4 về tình hình thực hiện công ước CEDAW*, Hà Nội, 2000, tr 49

PHÁP LỆNH DÂN SỐ...

(Tiếp theo trang 53)

công nhân kỹ thuật 10 (1-4-10) thì ở nước ta tại thời điểm ngày 1-4-1999 là 1 - 1,13 - 0,92. Để tránh nguy cơ tụt hậu, cùng với việc giải quyết vấn đề quy mô dân số đòi hỏi chúng ta phải xây dựng và thực thi chiến lược nhằm nâng cao chất lượng dân số Việt Nam về cả thể lực và trí lực.

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam chưa có văn bản nào quy định tiêu chí chất lượng dân số. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu khoa học, có thể đưa ra các thành tố quan trọng nhất của chất lượng dân số là : tiêu chí về cơ cấu tuổi ; tiêu chí về thể lực ; tiêu chí về trí lực ; tiêu chí về mức sống ; tiêu chí về ý thức xã hội.

Pháp lệnh Dân số quy định các biện pháp nâng cao chất lượng dân số là những định hướng cơ bản và toàn diện, từ việc bảo đảm quyền cơ bản của con người, quyền được phát triển đầy đủ, bình đẳng về thể chất, trí tuệ, tinh thần đến việc định hướng trong tuyên truyền, tư vấn, giúp đỡ và đa dạng hóa các loại hình cung cấp hàng hóa và dịch vụ công cộng, hỗ trợ đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối với người nghèo, người bị yếu thế, thiệt thòi trong cuộc sống. Các quy định về quyền, trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng dân số, đặc biệt là xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững và biện pháp hỗ trợ sinh sản. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho nam, nữ kiểm tra sức khỏe trước khi đăng ký kết hôn, xét nghiệm gien đối với người có nguy cơ bị khuyết tật về gien, nhiễm chất độc hóa học và hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công nghệ hỗ trợ sinh sản nhằm giảm tỷ lệ dân số thiểu năng trí tuệ, dị tật, vô sinh ; phòng chống bệnh lây nhiễm qua đường sinh sản, HIV/AIDS. ❑

Digitized by Google

TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ GIA NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) CỦA VIỆT NAM VÀ CÁC BƯỚC TIẾP THEO

NGUYỄN THANH NGA*

I - QUYẾT TÂM HỘI NHẬP CỦA CHÍNH PHỦ VÀ THỰC TIỄN HỘI NHẬP TẠO THUẬN LỢI CHO VIỆT NAM ĐÀM PHÁN GIA NHẬP WTO

Thực hiện đường lối đổi mới và đáp ứng những yêu cầu cấp thiết của nền kinh tế, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra chủ trương đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Báo cáo *Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010* trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX nêu rõ : "Việt Nam sẽ tiếp tục mở rộng các mối quan hệ kinh tế đối ngoại trên cơ sở đa dạng hóa và đa phương hóa phù hợp với mức độ phát triển hiện nay, đồng thời đảm bảo thực hiện các cam kết song phương và đa phương trong AFTA, APEC, Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ và thúc đẩy quá trình đàm phán gia nhập WTO". Ngày 27-11-2001, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết về *Hội nhập kinh tế quốc tế*, đề ra các mục tiêu cụ thể hướng dẫn việc thực hiện đường lối trên của Đảng : Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ và kiến thức quản lý của nước ngoài để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa... và thực hiện những nhiệm vụ chính nêu ra trong Chiến lược Phát triển kinh tế xã hội năm 2001 - 2010 và Kế hoạch năm 2001 - 2005.

Với định hướng trên, Việt Nam đã từng bước hội nhập nền kinh tế thế giới, bắt đầu từ việc nối lại các mối quan hệ với các tổ chức tiền tệ và tài chính quốc tế như IMF, WB, ADB. Cho đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 168 quốc gia và quan hệ kinh tế với 150 nước, ký kết hiệp định đầu tư song phương với 40 nước và hiệp định tránh đánh thuế hai lần với 40 nước khác. Năm 1995, ta đã gửi đơn xin gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và hiện đang xúc tiến đàm phán để gia nhập tổ chức này với mong muốn trở thành thành viên chính thức vào năm 2005, trước khi kết thúc vòng đàm phán Đô-ha.

Việc gia nhập WTO là một quá trình hết sức khó khăn và phức tạp, với các yêu cầu về nhượng bộ trong tiếp cận thị trường, về minh bạch hóa, về sự đòi hỏi phù hợp với luật pháp quốc gia và các tiêu chuẩn của WTO cùng các vấn đề đối nội nhạy cảm khác. Gánh nặng này thường vượt quá năng lực thể chế của Chính

* Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Thương mại

Digitized by Google

phủ trong việc lựa chọn chính sách và chiến lược để có thể làm cho "lợi ích" lớn hơn "chi phí". Nói cách khác là cân bằng được những lợi ích kinh tế của việc hội nhập với những tác động kinh tế, xã hội tiêu cực mà trực tiếp tác động đến việc làm và dân sinh. Các nhà kinh tế trên thế giới vẫn thường đánh giá, việc gia nhập WTO là cuộc kiểm tra khắt khe năng lực của Chính phủ trên lĩnh vực kinh tế hơn bất cứ nỗ lực hội nhập nào khác.

Tuy nhiên, việc đàm phán và thực hiện những cam kết song phương và đa phương mà Việt Nam đã ký kết tạo cơ sở tốt cho quá trình đàm phán và thực hiện các cam kết trong WTO. *Thứ nhất,* mặc dù có những điểm chi tiết khác biệt nhưng Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có những điểm tương đồng với các Hiệp định WTO (bao gồm minh bạch hóa, giảm sự phụ thuộc vào các rào cản phi thuế, cắt giảm thuế quan và đặc biệt là áp dụng quy tắc về không phân biệt đối xử trong tiếp cận thị trường). Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có thể được coi là Hiệp định Thương mại song phương đầy đủ nhất từ trước đến nay. Nó bao quát những nguyên tắc cơ bản nhất của WTO về thương mại hàng hóa, dịch vụ và các khía cạnh về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại, các hiệp ước khác nhau về quyền sở hữu trí tuệ[1] và tham chiếu về viễn thông cơ bản được đàm phán trong WTO. Như vậy, Chính phủ Việt Nam đã và sẽ có những kinh nghiệm về đàm phán cũng như thực thi các hiệp định đa phương với những quy định và quy tắc của chúng. *Thứ hai,* quá trình thực thi cam kết cắt giảm thuế theo AFTA, các cam kết về mở cửa thị trường và điều chỉnh thể chế trong nước sẽ tạo niềm tin vào ý chí chính trị của Việt Nam đối với hội nhập, tạo thuận lợi hơn cho quá trình đàm phán song phương gia nhập WTO hiện nay.

II - QUÁ TRÌNH ĐÀM PHÁN GIA NHẬP WTO CỦA VIỆT NAM

Quá trình đàm phán gia nhập WTO phải tuân thủ một trình tự nghiêm ngặt. Quá trình này bắt đầu bằng việc nộp đơn cho Tổng giám đốc WTO và sau đó Ban Công tác gia nhập được thành lập. Việt Nam nộp đơn xin gia nhập WTO vào năm 1995. Tuy nhiên trên thực tế, Việt Nam đã nộp đơn xin gia nhập GATT vào tháng 6-1994 và được chấp nhận làm quan sát viên kể từ đó. Ban Công tác về việc gia nhập WTO của Việt Nam được thành lập vào tháng 1-1995. Và Việt Nam bước vào giai đoạn đầu của quá trình đàm phán gia nhập đầy khó khăn : "minh bạch hóa chính sách thương mại". Tháng 9-1996, Việt Nam nộp "Bản Bị vong lục về Chế độ Ngoại thương của Việt Nam" và kể từ đó đến nay chúng ta đã nhận được hơn 1 700 câu hỏi của các thành viên WTO nhằm làm rõ hơn thể chế luật pháp, hành chính và kinh tế. Sáu cuộc họp của Ban Công tác đã diễn ra, minh bạch hơn chế độ ngoại thương của Việt Nam. Phiên họp thứ bảy được tổ chức sau Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ năm tại Mê-hi-cô. Trong giai đoạn vừa qua, ngoài việc trả lời câu hỏi, Việt Nam cũng đã chuẩn bị một số tài liệu bao gồm các Bản Hiện trạng và các Kế hoạch hành động nhằm minh bạch hơn các luật lệ và quy định trong nước và thể hiện lộ trình của Việt Nam phù hợp hóa các luật lệ với WTO. Việt Nam cũng đã nộp các Bản Chào về tiếp cận thị trường bao gồm bản chào dịch vụ và hàng hóa.

III - CÁC BƯỚC TIẾP THEO TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀM PHÁN GIA NHẬP WTO CỦA VIỆT NAM

Giai đoạn đàm phán vừa qua được tiến hành theo hai phương thức song song và bổ sung cho nhau : đàm phán đa phương tại trụ sở Ban Thư ký WTO và đàm phán song phương tại trụ sở WTO hoặc tại thủ đô nước xin gia nhập (hoặc nước yêu cầu đàm phán). Đàm phán đa phương được thực hiện tại các phiên họp của Ban Công

(1) Công ước Béc-nơ, Công ước Pa-ri, Công ước Brúc-xen, Công ước Giơ-nơ-vơ, Công ước về bảo vệ các giống cây trồng khác nhau

Digitized by Google

tác về việc gia nhập WTO. Trong khuôn khổ đàm phán đa phương, các nước khẳng định quan điểm của mình, đàm phán các cam kết có giá trị áp dụng chung và tổng kết các thành quả của các cuộc đàm phán song phương. Đàm phán đa phương thường ngắn, chỉ mang tính chất chính thức hóa những cam kết song phương. Đàm phán song phương mới thực sự gay go quyết liệt. Đàm phán song phương được tiến hành trước hoặc ngay sau các phiên họp đa phương. Nước xin gia nhập chỉ được kết nạp sau khi đã đạt được thỏa thuận tại tất cả các cuộc đàm phán song phương.

Cuộc họp thứ sáu của Ban Công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO diễn ra từ ngày 12 đến 13-5-2003, bắt đầu chuyển sang đàm phán các điều khoản cụ thể về tiếp cận thị trường, bao gồm cả các luật lệ cho giai đoạn chuyển tiếp và các điều khoản đặc biệt khác dành cho các nước đang phát triển. Nội dung đàm phán xoay quanh 6 tài liệu mà Việt Nam đã gửi cho Ban Thư ký, bao gồm : 1- Bản hiện trạng chính sách thương mại (FS) ; 2- Chương trình xây dựng pháp luật ; 3- Chương trình hành động về thủ tục cấp phép nhập khẩu ; 4- Chương trình hành động thực hiện Hiệp định về các biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS) ; 5- Chương trình hành động về thực hiện Hiệp định về các hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) ; 6- Lộ trình cắt giảm các biện pháp phi thuế (NTM).

Bên cạnh đó, Việt Nam cung cấp dưới hình thức non-paper (dưới dạng không bằng giấy tờ) các bản cập nhật các chương trình hành động về Chính sách giá, Hiệp định Trị giá Hải quan (CVA), Hiệp định TRIMS và TRIPS trước phiên họp đa phương nhằm thể hiện những tiến bộ của Việt Nam trong thực hiện cam kết, tranh thủ sự ủng hộ của các thành viên. Việt Nam đồng thời tiến hành liền kề và tiếp theo các phiên đa phương từ ngày 12 đến ngày 23-5-2003. Các cuộc đàm phán song phương, bao quát nhân nhượng về thuế và các cam kết tiếp cận thị trường đối với thương mại dịch vụ. Việt Nam đang tích cực chuẩn bị cho quá trình đàm phán song phương này. Cho đến nay, có 5 đối tác chính thức đăng ký đàm phán song phương với Việt Nam là Thụy Sỹ, Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa, EU và Đài Loan.

Giai đoạn đàm phán vừa qua có ý nghĩa quan trọng bởi nó không chỉ quyết định việc Việt Nam được chấp nhận trở thành thành viên chính thức của WTO vào một thời điểm thích hợp, giảm được "lệ phí gia nhập" mà quan trọng hơn, nó còn quyết định khả năng Việt Nam sẽ "được nhiều hay thua nhiều" khi là thành viên chính thức. *Chính phủ đã đề ra nguyên tắc chung đàm phán hiện nay là đặt lợi ích quốc gia lên trên hết ; kiên trì, bền bỉ điều chỉnh lại hệ thống cơ chế chính sách cho phù hợp với những quy tắc và chuẩn mực quốc tế, thích ứng với những điều kiện cụ thể của đất nước ; có những nhượng bộ cần thiết tới mức có thể chấp nhận được phù hợp với trình độ của nước ta là một nước đang phát triển, đang trong quá trình chuyển đổi ; cố gắng đạt được những ưu đãi cần thiết về mức độ và thời gian thực hiện cam kết mở cửa thị trường mà WTO dành cho các nước đang phát triển ; vận dụng các mối quan hệ quốc tế đa dạng ở mọi cấp độ để tranh thủ tối đa sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ quốc tế, tạo thế đàm phán tốt với tất cả các đối tác.*

Để đàm phán thành công, Chính phủ xúc tiến thực hiện những việc chính sau :

1 - Xây dựng lộ trình gia nhập WTO

Chính phủ đang trong quá trình xây dựng một "lộ trình" đầy đủ gia nhập WTO. Lộ trình này chủ yếu liên quan tới hai vấn đề chính là điều chỉnh luật pháp và mở cửa thị trường. Tuy nhiên, theo chúng tôi, khi xây dựng lộ trình cần chú ý đến hai nhân tố. *Thứ nhất,* theo nguyên tắc, chính sách thương mại phải được đặt trong khuôn khổ phát triển toàn diện của quốc gia, đảm bảo sự phát triển bền vững. Do đó, những ưu tiên trong chính sách thương mại phải phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước và nhất quán với chính sách tỷ giá, hệ thống luật pháp, chế độ đầu tư, thông lệ về lao động

Digitized by Google

và cạnh tranh, hệ thống ngân hàng và thực tế quản lý hành chính, v.v.. Do đó, lộ trình cần được xây dựng và tiến hành đồng bộ, gắn với tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ chế chính sách trong nước phù hợp ở từng giai đoạn. *Thứ hai,* những ưu tiên trong chính sách thương mại phải được sự ủng hộ *hoàn toàn* trong nước và được quyết định trên cơ sở đối thoại cấp quốc gia về những ưu tiên phát triển và cách thực hiện phù hợp. Có như vậy mới có thể đạt được các mục tiêu xã hội, chú ý tới các khía cạnh kinh tế vĩ mô và tài chính.

Do đó, trong quá trình chuẩn bị, chúng ta cần nghiên cứu kỹ các hiệp định, các nguyên tắc và nghĩa vụ trong WTO. Từ đó rà soát lại các chính sách kinh tế và thương mại trong nước để dần điều chỉnh, bổ sung các luật lệ, cơ chế, không chỉ giảm mức độ chênh với luật lệ của WTO mà còn phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế và hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Những chính sách mới trước khi ban hành cần được kiểm tra mức độ phù hợp với WTO. Ngoài ra, vấn đề quan trọng đặt ra là tính toán, vận dụng uyển chuyển các nguyên tắc ngoại lệ WTO như quyền tự vệ, quyền tham gia các tổ chức kinh tế khu vực, về đối xử khác biệt và đặc biệt (S&D) cho các nước đang phát triển và chậm phát triển, để ban hành và thực thi chính sách trong nước vừa phù hợp với quốc tế, vừa bảo hộ và kích thích sự phát triển của các ngành sản xuất và doanh nghiệp.

Ngoài ra, phải thu thập và nghiên cứu đầy đủ về đối tác đàm phán để quyết định mức độ và chiến lược "mặc cả". Chúng ta có thể rút ra nhiều bài học từ sự nghiên cứu kinh nghiệm thành công và thất bại trong đàm phán của các nước đang phát triển mới gia nhập. Chúng ta cần đối chiếu những cam kết và nhân nhượng của đối tác với các nước khác và đánh giá mức độ có thể nhân nhượng của ta.

Một trong những yếu tố quyết định thành công tại bàn đàm phán là sự thống nhất về phương án đàm phán giữa các bộ, ngành, tức sự nhất trí về mức độ có thể nhân nhượng ở từng phạm vi cam kết trong quá trình tổng hợp phương án đàm phán, xác định vị thế đàm phán của quốc gia. Do đó, cơ quan điều phối liên bộ mà hiện nay là Ủy ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế cần nỗ lực và thể hiện rõ vai trò của mình trong việc tổng hợp phương án đàm phán. Mâu thuẫn về tiếp cận thị trường trong các lĩnh vực nhỏ có sự trùng lắp hoặc liên quan chức năng giữa các bộ, ngành phải được giải quyết thông qua đối thoại một cách hệ thống và dân chủ, giữa các bộ liên quan. Đồng thời, các bộ và các nhóm lợi ích khác nhau trong nước phải vượt qua những lợi ích cục bộ của mình nhằm xây dựng và bảo vệ những lợi ích cơ bản của đất nước, quyết tâm thu được kết quả đàm phán tốt nhất.

Quá trình chuẩn bị đàm phán cần có sự tham gia góp ý và tính đến nguyện vọng của khu vực doanh nghiệp, những người thực sự thực hiện và chịu tác động của các cam kết đàm phán. Ngoài ra, cần công bố, phổ biến kịp thời và hướng dẫn cho công chúng đặc biệt là doanh nghiệp các kết quả đàm phán để họ hiểu và vận dụng được các kết quả đó vào thực tiễn sản xuất và kinh doanh quốc tế. Điều này không chỉ nâng cao sự chuẩn bị hội nhập mà quan trọng hơn, tạo ra sự đồng thuận, tránh được sự phản ứng trong nước khi xin phê duyệt gia nhập cuối cùng và những biến động xã hội khi đã là thành viên WTO.

Cho đến nay, ta đã thống nhất sơ bộ về vị thế đàm phán trong WTO như sau : cam kết với Mỹ sẽ là cơ sở để thương lượng với WTO ; cố gắng phấn đấu đạt được ở mức độ tối đa có thể những ưu đãi mà WTO dành cho các thành viên đang phát triển và đang trong quá trình chuyển đổi ; cam kết mở cửa thị trường sẽ thấp hơn ở ASEAN và có thể bằng hoặc thấp hơn mức ở APEC.

2 - Xây dựng đội ngũ đàm phán

Việc cấp bách là xây dựng một đội ngũ chuyên trách đàm phán về WTO. Những người tham gia đàm phán không chỉ có trình độ chuyên môn cao, nắm chắc các Hiệp định, cam

Digitized by Google

kết của WTO, thông thạo ngoại ngữ mà còn phải có năng lực đàm phán và thực sự tâm huyết. Quan trọng hơn, phải hạn chế việc thay thế người thường xuyên bởi quá trình đàm phán đòi hỏi sự theo dõi sát sao các động thái của WTO, của các nước thành viên WTO, những thay đổi chính sách trong nước và các kết quả đàm phán đã đạt được. Điều này cũng giúp xây dựng thiện chí và chữ tín với các đối tác đàm phán. Chính vì vậy, các bộ, ngành cần lựa chọn chính xác người cho đàm phán gia nhập WTO, tránh dồn các trách nhiệm khác hay thuyên chuyển các chuyên viên đặc biệt này.

3 - Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế đặc biệt là của các doanh nghiệp

Điều quyết định sự thành công và nhịp độ của hội nhập là khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trong đó khả năng cạnh tranh của hàng hóa và các doanh nghiệp đóng vai trò then chốt. Khả năng cạnh tranh của nền kinh tế cao cũng cho phép nhiều khả năng nhân nhượng hơn khi đàm phán.

Nỗi lo hiện nay đối với các doanh nghiệp, cả doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, là không có đủ khả năng để trụ lại được trong cuộc cạnh tranh với các công ty nước ngoài khi Việt Nam mở cửa thị trường nhiều hơn. Điều này sẽ gây nên những thay đổi xã hội lớn, đặc biệt trong thị trường lao động. Những lao động phổ thông, không có tay nghề sẽ bị mất việc làm và rất khó tìm được cơ hội việc làm ở những liên doanh hay công ty nước ngoài. Khoảng cách thu nhập trong xã hội sẽ lớn hơn, tiền lương và tiền công ở một số ngành nghề có thể tăng nhanh.

Do đó, rất cần có nhiều nghiên cứu xác thực đánh giá khả năng cạnh tranh của từng ngành để phân bổ đầu tư có hiệu quả ; đồng thời, tạo được các điều kiện kỹ thuật và pháp lý, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp nâng cao nội lực và khả năng thích ứng với các điều kiện cạnh tranh kể cả để bảo hộ hợp lý. Trong giai đoạn chuyển đổi hiện nay không thể không bảo hộ một số ngành. Nhưng việc bảo hộ phải được tiến hành có trọng tâm, được chọn lọc, có điều kiện và có thời hạn, bảo hộ hợp lý cả người sản xuất và người tiêu dùng. Đầu tư (bao hàm cả chi phí bảo hộ) phải được phân bổ cho các ngành mà khả năng cạnh tranh quốc tế hiện tại đủ mạnh, có thể duy trì lâu dài, hoặc vào những ngành mà nhờ vào lợi thế so sánh như lao động rẻ hoặc giàu tài nguyên thiên nhiên (những ngành sử dụng nguyên liệu nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp mà ta có ưu thế) có khả năng đối mặt được với những thách thức của hội nhập.

Đàm phán về mức độ cắt giảm thuế và các biện pháp phi thuế phải luôn quan tâm đến khả năng cạnh tranh của các ngành trong nước. Theo kinh nghiệm đàm phán của các nước thành viên mới, ta sẽ phải cam kết rất cao. Đối với ta, phạm vi đàm phán phức tạp và khó khăn nhất có lẽ là nông nghiệp. Tại phiên họp thứ 6 vừa qua, do tính kỹ thuật cao của vấn đề nên nông nghiệp được tiến hành riêng tại phiên họp nhiều bên vào ngày 16-5-2003. Nội dung chủ yếu tập trung vào làm rõ Bản Hiện trạng hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu trong nông nghiệp của Việt Nam giai đoạn 1999 - 2001, giải thích nguồn số liệu, căn cứ pháp lý, phương pháp tính và tính tương đồng với các quy định của WTO... Khó khăn không chỉ do hiện nay chúng ta duy trì hình thức bảo hộ chủ yếu bằng thuế quan và những rào cản phi thuế và trợ cấp không được phép (thuộc hộp vàng và đỏ) mà chưa áp dụng các biện pháp bảo hộ được phép của WTO như hạn ngạch thuế quan. Thuế suất hàng nông sản khá cao, trung bình là 25%, với thuế suất đỉnh lên từ 40 đến 100%, bên cạnh những rào cản phi thuế như giấy phép nhập khẩu, hạn chế nhập khẩu và đặt giá sàn.

Giải pháp từ phía Chính phủ hiện nay là ban hành các chính sách thông thoáng và hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhằm gắn với hiệu quả sản xuất và kinh doanh, buộc các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tự mình vươn lên cạnh tranh quốc tế. ❑

Digitized by Google

TỌA ĐÀM VỀ ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SINH HOẠT ĐẢNG

VỪA qua, tại Bắc Ninh, Ban Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.03 - 06 phối hợp với Tỉnh ủy Bắc Ninh tổ chức Tọa đàm khoa học : ***"Đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng trong điều kiện hiện nay".*** Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh, Bí thư các huyện, thị xã, các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, các đảng bộ xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp và một số bí thư chi bộ ở nông thôn ; các nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu khoa học thuộc Chương trình KX.03, đại diện các cơ quan thông tấn, báo chí trung ương và địa phương tham dự Tọa đàm. Thường trực Tỉnh ủy Bắc Ninh và Ban Chủ nhiệm đề tài KX.03 - 06 chủ trì cuộc Tọa đàm

Các báo cáo và ý kiến tham gia tọa đàm đã tập trung đánh giá thực trạng sinh hoạt đảng, phân tích mặt được và chưa được trong sinh hoạt đảng ở các tổ chức cơ sở đảng, nhất là các chi bộ ở nông thôn ; phân tích các nguyên nhân, đề xuất các kiến nghị, các giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng ở các cấp ủy, các loại hình tổ chức đảng và trong cán bộ, đảng viên. Để đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng trong điều kiện mới, các đại biểu tham gia Tọa đàm nhất trí với tổng kết sau đây :

Một là, để đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng trước hết phải đổi mới cách ra nghị quyết. Quán triệt, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn địa phương, trên cơ sở đó các cấp ủy ra các chỉ thị, nghị quyết cấp mình. Đây vừa là yêu cầu của vấn đề đổi mới cách ra nghị quyết, tổ chức thực hiện nghị quyết vừa là yêu cầu của vấn đề đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức đảng. Nghị quyết của cấp ủy cần ngắn gọn, cụ thể, thiết thực, dễ nhớ, dễ làm, dễ kiểm tra, kiểm điểm. Phát huy dân chủ, nâng cao chất lượng các kỳ họp của cấp ủy là nội dung quan trọng hàng đầu trong đổi mới cách ra nghị quyết. Nội dung các kỳ họp phải được thường trực cấp ủy chuẩn bị kỹ, những nội dung dự kiến ra nghị quyết cần được dự thảo để những người tham gia kỳ họp nghiên cứu trước.

Hai là, đổi mới phương pháp tổ chức thực hiện nghị quyết. Phải xây dựng kế hoạch, chương trình, xác định bước đi thích hợp, giải pháp cụ thể trong từng thời gian, con người cho từng công việc cụ thể. Trong quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, phải biết dựa vào dân, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên ; bảo đảm tính dân chủ, công khai, công bằng trong các vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ công dân

Ba là, bí thư cấp ủy cần phát huy vai trò năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và sẵn sàng chịu trách nhiệm. Bí thư cấp ủy phải vừa là trung tâm đoàn kết, vừa là điểm quy tụ trí tuệ tập thể, tôn trọng và lắng nghe ý kiến đóng góp ; đồng thời, phải có bản lĩnh và năng lực phân tích, tổng hợp thực tiễn để đưa ra quyết định đúng đắn. Đây cũng là một nhân tố có vai trò quan trọng trong đổi mới cách ra nghị quyết, cách tổ chức thực hiện nghị quyết, đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức đảng.

Bốn là, các cấp ủy cần tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, được quần chúng tín nhiệm. Đánh giá cán bộ phải lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm làm thước đo cụ thể để tuyển chọn và sử dụng cán bộ.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra. Các cấp ủy phải có kế hoạch kiểm tra ngay từ đầu khóa, đầu năm ; luôn chủ động bổ sung nội dung kiểm tra khi phát hiện tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Kiểm tra để đúc rút kinh nghiệm, tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng. ❑

PV

Digitized by Google

VinaPhone GSM

VNPT

NHÀ TÀI TRỢ LỚN NHẤT SEA GAMES 22



Chào đón thuê bao thứ

1.500.000

& SEA GAMES 22

Từ 30-8 đến 30-9-2003

GIẢI THƯỞNG LỚN*

- **01 GIẢI NHẤT: 5 CÂY VÀNG 9999**
  (TB thứ 1 500 000)
- **02 GIẢI NHÌ: 3 CÂY VÀNG 9999**
  (TB thứ 1 499 999 & 1 500 001)
- **04 GIẢI BA: 1 CÂY VÀNG 9999**
  (TB thứ 1 499 997, 1 499 998 và 1 500 002, 1 500 003)
- **10 GIẢI KHUYẾN KHÍCH:** 15 thẻ cào 100 000Đ
  (TB thứ 1 499 992, 1 499 993, 1 499 994, 1 499 995, 1 499 996 và 1 500 004, 1 500 005, 1 500 006, 1 500 007, 1 500 008)

KHUYẾN MÃI LỚN

- Tặng **100 000Đ + 15 ngày** sử dụng vào TK cho TB VinaCard hòa mạng mới.
- Tặng **100 000Đ** cho thuê bao VinaDaily hòa mạng mới.
- Tặng **5 ngày** sử dụng cho TB VinaText hòa mạng mới.
- ***Nhiều quà tặng hấp dẫn cho các thuê bao trả sau hòa mạng mới.***
- Tặng **5 ngày, 7 ngày, 9 ngày, 12 ngày** cho các thẻ cào 100 000Đ, 200 000Đ, 300 000Đ, 500 000Đ nạp tiền vào TK VinaCard & VinaText
- Tặng **20 tin nhắn miễn phí** cho thẻ cào nạp tiền vào TK VinaDaily.

** Các giải thưởng không áp dụng cho các TB chuyển mạng, chuyển dịch vụ, khóa hai chiều nạp thẻ*

Mọi chi tiết xin liên hệ 151 hoặc các Bưu điện Tỉnh, Thành phố
http://www.vinaphone.com.vn

Optimized by Google

Nisoni

Trị sỏi đường tiết niệu và sỏi thận

THÀNH PHẦN:
- Kim tiền thảo ... 3 g. t.ư 300 mg dịch chiết
- Thài lài tía ... 40 mg
- Cối xay ..... 40 mg
- Sã ..... 40 mg
- Hạt chuối hột 80 mg

* Tá dược v.đ 1 viên

CHỈ ĐỊNH:
Trị sỏi đường tiết niệu, sỏi thận.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:
Không dùng trong trường hợp:
sỏi có biến chứng, giãn niệu quản, ứ nước thận.

LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG:
Uống thuốc với nhiều nước.
- Người lớn: Ngày uống 3 lần, mỗi lần 3 viên.
- Trẻ em: Ngày uống 3 lần, mỗi lần 2 viên, hoặc theo chỉ định của thầy thuốc.

TRÌNH BÀY:
- Hộp 30 viên nang, 60 viên nang.
- Hộp 4 vỉ x 15 viên nang.
- Hộp 50 viên bao film.
- Hộp 100 viên bao film.
- Hộp 4 vỉ x 15 viên bao film.



SĐK : VNA-4815-02



SĐK : VNA-5010-02



SĐK : VNA-4021-01

• Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo số : 219/02/QLD-TT

HEPAPHYL

Điều trị viêm gan siêu vi B mãn tính
Làm giảm men gan



VIÊN NANG

SĐK : VNA-4813-02

THÀNH PHẦN:
- Bột diệp hạ châu đắng 200 mg
- Cồn nghệ ..... 20 mg

*Tá dược v.đ ..... 1 viên

CHỈ ĐỊNH:
- Làm giảm men gan.
- Điều trị viêm gan siêu vi B mãn tính, mụn nhọt, mẩn ngứa.
- Phục hồi chức năng gan.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:
Không dùng cho phụ nữ có thai và người có bệnh chảy máu.

LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG:
- Người lớn: 2-3 viên, ngày 3 lần.
- Trẻ em: Dùng nửa liều người lớn hoặc theo chỉ định của thầy thuốc.

TRÌNH BÀY:
- Hộp 20 vỉ x 10 viên nang.
- Hộp 1 chai x 100 viên nang.

• Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo số : 218/02/QLD-TT

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

NƠI PHÂN PHỐI :
- 120 Hai Bà Trưng, Q.1, TP.HCM — ĐT : 8 294 548
- 90A Lý Thường Kiệt, Q.10, TP.HCM — ĐT : 8 653 984
- 57 Nguyễn Du, Q.1, TP.HCM — ĐT : 8 292 955
- 64 Trần Quốc Thảo, Q.3, TP.HCM — ĐT : 9 325 290
- QB - Số 7 Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, Hà Nội ĐT : (04) 8 312 519

UPHACE
GMP-GLP

XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TW.25
Central Pharmaceutical Factory N°25
120 Hai Bà Trưng - Quận1-TP.Hồ Chí Minh-Việt Nam
☎:(84.8)8 295 046-8 297 941-8 294 754-FAX:84-8-8 296 591
E-mail : dvcpharmtw25@hcm.vnn.vn

Digitized by Google

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

CÔNG TY SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC

Văn phòng: Đường Nguyễn Sinh Sắc (quốc lộ 80 cũ), phường 2, thị xã Sa Đéc, Đồng Tháp
Điện thoại: (067) 861 802 - 861 804 * Fax: (067) 865 021

- Cửa hàng số 1: Đường Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, thị xã Sa Đéc ĐT:067 861 803.
- Cửa hàng số 2: Đường Hùng Vương, phường 1, thị xã Sa Đéc ĐT:067 864 382.
- Cửa hàng số 3: 37 - Cách mạng Tháng 8, phường 2, thị xã Cao Lãnh. ĐT:067 857 210.
- Cửa hàng số 4: Đường 30/4, thị xã Cao Lãnh. ĐT:067 854 884.





Nhận cung cấp theo hợp đồng và bán lẻ sách giáo khoa, sách tham khảo và các loại đồ dùng dạy học phục vụ 4 ngành học: Giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non, bổ túc văn hóa và sư phạm.

Nhận hợp đồng trang bị và lắp đặt đồng bộ các phòng thí nghiệm, thực hành lý, hóa, sinh và nghe nhìn.

Nhận hợp đồng mua bán hoặc gia công các loại đồ gỗ, bàn ghế học sinh, giáo viên, tủ hồ sơ, bàn ghế phòng thí nghiệm và hội trường.

Công ty thường xuyên bán phục vụ các loại giấy tờ, biểu mẫu, sổ tập học sinh, dụng cụ học tập và văn phòng.

Nhận cung ứng, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì máy vi tính.

LIÊN HỆ TẠI VĂN PHÒNG CÔNG TY, CÁC CỬA HÀNG BÁN SỈ VÀ LẺ TẠI THỊ XÃ SA ĐÉC, CAO LÃNH

NHÀ MÁY CƠ KHÍ Ô-TÔ ĐÀ NẴNG

DANANG AUTOMOBILE MECHANICAL FACTORY

Địa chỉ: 128 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng * E-mail: Damefa@dng.vnn.vn
Điện thoại: 0511 829 485 * DĐ: 0913 479 827 - 0913 438 092 * Fax: 0511 822 763







ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Huân chương Độc lập hạng Ba.

Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba.

Huy chương Vàng Hội chợ Expo năm 2001.

Huy chương Vàng Hội chợ Triển lãm Kinh tế - kỹ thuật Việt Nam.

Nhà máy Cơ khí Đà nẵng, nay là Công ty Cơ khí ô-tô và Thiết bị điện Đà Nẵng là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Sở Giao thông Công chính Thành phố Đà Nẵng.

Các sản phẩm được sản xuất trên dây truyền hiện đại với đội ngũ kỹ sư cơ khí giàu kinh nghiệm và công nhân kỹ thuật lành nghề, phụ tùng vật tư nhập ngoại nên sản phẩm của Nhà máy đạt chất lượng cao, giá thành hợp lý được khách hàng trong cả nước tin nhiệm.

Nhà máy chúng tôi rất hân hạnh được phục vụ quý khách các sản phẩm sau:

- Đóng mới xe du lịch 7 chỗ ngồi hiệu YAZDAMEFA từ xe Yaz bạt 469 của khách và nhập xe Yazchassi để xản xuất xe mang nhãn hiệu EASSIO theo dáng MITSUBISHI.
- Sản xuất xe khách chất lượng cao từ 25 đến 56 chỗ ngồi từ xe HYUNDAI chassi, ISUZU mới 100% nhập khẩu của Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc.

Cung cấp các loại xe ô-tô ISUZU, xe ô-tô cứu thương và sản xuất trang thiết bị phục vụ ngành y tế.

Sản xuất gia công, phục hồi các loại máy móc, thiết bị và các mặt hàng cơ khí, chế tạo, các công trình cơ khí xây dựng, cầu đường. Sản xuất các loại khuôn mẫu bằng cơ khí trên thiết bị CNC.

Sản xuất ống i-nốc các loại, tôn mạ màu và các sản phẩm i-nốc phục vụ dân dụng.

Sản xuất ống xả xe gắn máy các loại, phụ tùng xe gắn máy.

Đại tu, sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm tra các loại xe ôtô trên dây truyền công nghệ của hãng ô-tô NISSAN Nhật Bản.

Xe được sơn trong buồng sơn-sấy-hấp hiện đại của hãng NISSAN, sử dụng sơn ICI chính hiệu của Anh và pha sơn bằng máy vi tính với hơn 20 000 màu.

Kinh doanh vận tải khách.

Kinh doanh, sản xuất và xây lắp điện chiếu sáng, các loại quạt điện, chấn lưu.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG

ĐỊA CHỈ: P. HÒA KHÁNH, Q. LIÊN CHIỂU, TP. ĐÀ NẴNG * TEL: (0511) 842 314 - 842 061 - 842 062 * FAX: (0511) 842 314



HIỆU TRƯỞNG: TS.VŨ ĐĂNG HẢI

CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Ban Giám hiệu:
Hiệu trưởng, 2 Phó Hiệu trưởng.
2. Phòng chức năng:
+Phòng Tổ chức - Hành chính
+Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học.
+Phòng Quản trị - Tài vụ.
+ Phòng Công tác chính trị - Quản lý HS-SV.
3. Khoa chuyên môn:
+Khoa cơ bản, cơ sở tin học và ngoại ngữ.
+Khoa Kế hoạch - Quản trị.
+Khoa Tài chính - Tín dụng.
+Khoa Kế toán.
+Khoa Đào tạo tại chức và Bồi dưỡng cán bộ.
Và 7 bộ môn trực thuộc các khoa
+ Bộ môn Mác - Lê-nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh. (trực thuộc BGH).

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

- Nhà trường luôn coi trọng đến chất lượng đào tạo toàn diện của học sinh, sinh viên.
- Bổ sung tài liệu, biên soạn bài giảng, giáo trình nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.
- Xây dựng chương trình, nội dung các môn học cho các chuyên ngành bậc cao đẳng trình Bộ phê duyệt.
- Các khoa đã tổ chức các hoạt động chuyên môn như dự giờ, hội giảng, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.
- Chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và công nhân viên.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2003

- Thực hiện tốt công tác tuyển sinh chính quy, tại chức, tiếp tục mở rộng địa bàn đào tạo.
- Nghiệm thu toàn bộ các tập bài giảng và biên soạn giáo trình của tất cả các môn học hệ cao đẳng; đồng thời, in ấn nhằm phục vụ cho giảng dạy và học tập.
- Triển khai thực hiện tốt chỉ tiêu tuyển sinh hệ cao đẳng, trung học chuyên nghiệp chính quy và tại chức.
- Tổ chức hội giảng cấp khoa, trường nhằm lựa chọn giảng viên tham gia hội giảng cấp Thành phố và toàn ngành trung học chuyên nghiệp.
- Thực hiện tốt quy chế quản lý học sinh, sinh viên, chấm điểm rèn luyện.
- Triển khai tốt chương trình học tập của năm học, các quy chế mới về đào tạo đến tất cả học sinh, sinh viên trong toàn trường.
- Giao nhiệm vụ năm học cho các phòng, khoa, bộ môn.
- Giao nhiệm vụ đối với cán bộ, giảng viên trong năm học.
- Tiếp tục liên kết với các trường đại học, các địa phương để đào tạo tại chức theo đúng quy định của Nhà nước. Phối hợp với các vụ, viện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho các địa phương.



Khu hành chính của Trường



Khu giảng đường của Trường

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- Trường đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba
- Nhiều bằng khen của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND Thành phố Đà Nẵng và các tỉnh trong khu vực cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc.
- Trung ương Đoàn tặng Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu khối trường học và nhiều bằng khen khác.
- Đảng bộ Nhà trường được công nhận "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh" liên tục từ năm 1991 đến nay.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY CAO - SU VIỆT NAM

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP HỐ NAI

Địa chỉ: Xã Hố Nai, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
ĐT: 061.982 039 061.981 591 Fax: 061.982 040 * Email: Khu-cn@hcm.vnn.vn

Khu Công nghiệp Hố Nai có tổng diện tích quy hoạch là 570 héc-ta, trong đó giai đoạn 1: 225,7 héc-ta. Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 1 dự kiến như sau:

DỰ KIẾN SỬ DỤNG ĐẤT	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Đất các nhà máy, xí nghiệp	145,90	64,63
Kho tàng, khu công trình đầu mối kỹ thuật	7,75	3,40
Giao thông	38,18	16,98
Khu dịch vụ điều hành	3,00	1,30
Cây xanh, suối lạch	30,09	13,39
Cộng	225,70	100,00

Loại ngành công nghiệp dự kiến tiếp nhận vào khu công nghiệp:

- Công nghiệp điện gia dụng, điện tử, điện lạnh.
- Công nghiệp hương liệu, hóa mỹ phẩm.
- Công nghiệp vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, chế biến gỗ.
- Công nghiệp nhẹ dệt, may mặc.
- Các ngành dịch vụ ngân hàng, cung ứng vật tư, dịch vụ kho bãi.
- Các ngành công nghiệp khác.

Giá thuê đất: 0,09 USD/m^2/năm. Có thể 5 năm sẽ tăng giá một lần nhưng không vượt quá 15% giá đã công bố lần trước.

Phí hạ tầng:

1. Nộp cho từng năm:

05 năm đầu: 1,45 USD/m^2/năm.

Từ năm thứ sáu trở đi: 1,01 USD/m^2/năm.

2. Nộp một lần cho suốt chu kỳ kinh doanh:

Phí hạ tầng: 22 USD x số m^2 diện tích thuê.

Tiền thuê đất: 0,09 USD/m^2/năm x số m^2 diện tích thuê x số năm đầu tư.

Các hạng mục đầu tư

Hệ thống giao thông trong khu công nghiệp: Hoàn chỉnh bằng bê-tông nhựa, BTCT.

Hệ thống cấp nước: Đáp ứng nhu cầu 8 000 m^3/ngày. Thoát nước bằng hai hệ thống riêng biệt: thoát nước mưa và thoát nước thải công nghiệp.

Cấp điện: Phụ tải điện khoảng 40MW. Nguồn điện, xây dựng một trạm hạ thế 110kV/22 kV 2 x 30 MWA từ tuyến đường dây trạm Long Bình. Lưới điện KCN, xây dựng tuyến 22 kW dài 5,38 km và hệ thống đường dây chiếu sáng.

Hệ thống thông tin liên lạc sẽ do Bưu điện tỉnh đầu tư và kinh doanh.



Với một vị trí thuận lợi, cách Cảng Sài gòn (TP.HCM) 50 km, Cảng Phú Mỹ (tỉnh Bà Rịa -Vũng tàu) 60 km, cách sân bay Tân Sơn Nhất (TP.HCM) 45 km

KHU CÔNG NGHIỆP HỐ NAI SẴN SÀNG TIẾP NHẬN CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Digitized by Google

CÔNG TY XÂY DỰNG DỊCH VỤ VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG (OLECO)

Địa chỉ: Km số 10, đường 1A, thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội * Tel/Fax: 04 8 614 481 - 04 8 611 334
E-mail: oleco@saigonnet.vn



Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ V (2003 - 2005)



Giám đốc - kỹ sư Hồ Quang Diên

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ

1. Thực hiện các công trình xây dựng thuộc hệ thống thủy lợi dân dụng giao thông: Nạo vét và đắp mặt bằng (đào đắp nền, kênh mương, đê đập, hồ chứa nước...); thi công các loại móng công trình; xây gạch, đá, bê-tông....lắp đặt thiết bị điện nước dân dụng; hoàn thiện xây dựng; trang trí nội thất; thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.

2. Kinh doanh phục vụ: Kinh doanh nhà ở, khách sạn... Dịch vụ xăng dầu, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng công trình thủy lợi, dân dụng...

3. Hợp tác lao động: Tổ chức đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Các phòng chuyên môn nghiệp vụ:
- Phòng Tổ chức - Cán bộ
- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật xe máy
- Phòng Tài chính - kế toán
- Phòng Hành chính - quản trị

Xí nghiệp - trung tâm:
- Xí nghiệp Xây dựng 4
- Xí nghiệp Xây lắp 1
- Trung tâm Thương mại và Xuất khẩu lao động
- Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng lao động xuất khẩu.



Công trình đập Thác Huống Thái Nguyên



Trụ sở Công ty

Digitized by Google

CÔNG TY
XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỦY LỢI
KIÊN GIANG

Địa chỉ: 1262 - Đường Nguyễn Trung Trực - khu phố 8 - phường An Hòa - thị xã Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang
Điện thoại: (077) 864 148 - 910 406 * Telex (Fax): (077) 910 461
Email: ctxdgttlkg@hcnn.vnn.vn * Website:http://asemconnectvietnam.gov.vn/thuyloikiengiang/index.htm

Công ty Xây dựng Giao thông thủy lợi Kiên Giang thành lập theo quyết định số: 1129/QĐUB, ngày 09-10-1996 của UBND tỉnh Kiên Giang.
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 111434, ngày 19-10-1996 và bổ sung ngày 06-4-1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.



Trụ sở Công ty

CHỨC NĂNG KINH DOANH:

Xây dựng các công trình giao thông thủy lợi.
Khai thác, kinh doanh đất sỏi đỏ.
Sản xuất cấu kiện bê-tông ly tâm, bê-tông nhựa nóng, bê-tông đúc sẵn.
Xây dựng dân dụng, san lấp mặt bằng.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH:

Công ty đã đầu tư các trang thiết bị, máy móc hiện đại như: Xáng thổi Beaver 1200HP, trạm trộn bê-tông nhựa nóng cố định 40T/h, trạm trộn bê-tông nhựa nóng di động 30T/h, các thiết bị giao thông và thủy lợi khác cùng với đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề gồm: 1 thạc sỹ, 42 kỹ sư, 7 cử nhân, 24 trung cấp, 135 công nhân kỹ thuật, tham gia xây dựng hầu hết các công trình giao thông thủy lợi của tỉnh nhà và các công trình có quy mô lớn của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, còn tham gia xây dựng các cảng, các khu trung tâm thương mại lớn, các công trình san lấp lấn biển bằng xáng thổi Beaver 1200HP.

Với tổng giá trị sản lượng hằng năm từ 70 đến hơn 100 tỉ đồng, đều đạt và vượt kế hoạch từ 105 - 120%, Công ty đã vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.

Công ty Xây dựng Giao thông thủy lợi Kiên Giang sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của các chủ đầu tư, liên doanh liên kết với các đơn vị để thực hiện thi công các công trình đạt chất lượng cao, vượt tiến độ thời gian theo yêu cầu của các chủ đầu tư với phương châm "nhanh gọn, chất lượng & hiệu quả".

Kính chúc Quí vị hạnh phúc và thành đạt

Digitized by Google

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG DỰ ÁN THỦY LỢI

CENTRAL PROJECT OFFICE

Số 23 Hàng Tre - Hoàn Kiếm - Hà Nội * Điện thoại: 04.8 242 372 - 8 249 638

Ban Quản lý Trung ương Dự án thủy lợi (CPO) thành lập theo Quyết định số 162QĐ/TCCB-LĐ, ngày 26 - 02 - 1994, của Bộ Thủy lợi (cũ) là cơ quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao làm chủ dự án ODA, vay vốn của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng thế giới (WB) và các tổ chức tài chính quốc tế khác để phát triển thủy lợi. Ban CPO có trách nhiệm quản lý, điều hành, phối hợp thực hiện dự án theo Hiệp định vay vốn giữa Chính phủ Việt Nam với các tổ chức này và các quy định của Nhà nước.



MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Khôi phục, cải tạo, nâng cấp các hệ thống công trình thuỷ lợi cũ để mở rộng diện tích tưới, đảm bảo cấp đủ nước cho cây trồng, vật nuôi. Công trình của dự án hoàn thành sẽ đưa diện tích tưới tăng thêm 59 590 héc-ta và ổn định 70 000 héc-ta; mặt khác, còn có tác dụng kiểm soát lũ vùng hạ du, đẩy mặn, rửa phèn cải tạo môi trường sinh thái đối với vùng ngoại thành TP. Hồ Chí Minh; cung cấp nước sinh hoạt, cải tạo giao thông nông thôn, giao thông thuỷ. Dự án giúp tăng hệ số quay vòng của đất, tăng năng suất cây trồng, sản lượng lương thực tăng góp phần đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu

QUY MÔ CỦA DỰ ÁN

Dự án Khôi phục thuỷ lợi miền Trung và TP Hồ Chí Minh có 7 tiểu dự án gốc: Cẩm Thuỷ (Thanh Hoá); Nam Nghệ An (Nghệ An); Linh Cảm (Hà Tĩnh); An Trạch (Quảng Nam - Đà Nẵng); Thạch Nham (Quảng Ngãi); Đồng Cam (Phú Yên); Hóc Môn - Bắc Bình Chánh (TP Hồ Chí Minh). Đến năm 2000, Dự án có vốn kết dư khoảng 32 triệu USD, sau khi được Chính phủ và WB thống nhất sử dụng vốn đầu tư tiếp để bổ sung, mở rộng thêm 10 tiểu dự án: Thu Bồn, Duy Thành, Phú Ninh (Quảng Nam); khắc phục lũ lụt (Quảng Ngãi); hồ Liệt Sơn (Quảng Ngãi); Đá Mài, Vực Tròn (Quảng Bình); Kinh Môn (Quảng Trị); Nam Sông Mã (Thanh Hoá); Truồi, Hoà Mỹ (TT - Huế); vùng của dự án đầu tư phát triển là 12 tỉnh trên phạm vi 38 huyện.

Dự án có nguồn vốn vay Ngân hàng thế giới (WB). Dự án có tổng mức đầu tư 121,6 triệu USD, trong đó: vốn vay WB khoảng 100 triệu USD, vốn đối ứng trong nước là 21,6 triệu USD. Dự án đã hoàn thành và đóng tài khoản vay ngày 30 - 6 - 2003.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tính đến 30 - 9 - 2002, hầu hết cả 7 tiểu dự án gốc và 10 tiểu dự án bổ sung mở rộng dùng vốn kết dư đã hoàn thành kế hoạch xây lắp chính (97% khối lượng các gói thầu đã hoàn thành). Ngoài khối lượng về xây lắp, mua sắm thiết bị mà dự án đã hoàn thành, những hợp phần về chính sách an toàn của dự án như tái định cư, Môi trường an toàn đập đã được coi trọng. Đặc biệt, trong công tác đền bù - tái định cư, đã hoàn thành cho 22 097 hộ liên quan. Hầu hết những hộ được nhận đền bù hoặc tái định cư đồng thuận với chính sách của Dự án. Đây là sự nỗ lực cao của Ban CPO, SIO (tên ban quản lý phát triển dự án) và các cấp chính quyền địa phương trong vùng dự án.

Hợp phần hỗ trợ nông nghiệp của Dự án, mặc dù được thực hiện vào giai đoạn cuối nhưng đã hoàn thành xây dựng 25 nhà trạm khuyến nông do cấp huyện cùng trang thiết bị văn phòng. Dự án mở 50 lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học về khuyến nông và 3 lớp đào tạo tiểu giáo viên với 1 985 người nông dân được tham gia.

KẾT LUẬN

Dự án khôi phục thuỷ lợi miền Trung và TP. Hồ Chí Minh (WB. Cr. 2711- VN) do Chính phủ tiến hành mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp chỉ đạo là một trong những dự án thành công về nhiều mặt đã được WB xác nhận là *"một trong những dự án giải ngân nhanh nhất trong các dự án của IDA (Hiệp hội phát triển thế giới của WB) ở Việt Nam"* (92,8%) (Biên bản ghi nhớ ngày 23 - 6 - 2003).

Dự án hoàn thành góp phần tăng cường lòng tin thu hút vốn đầu tư ODA của nhà tài trợ, đồng thời, củng cố mối quan hệ giữa Việt Nam và Ngân hàng thế giới ngày càng tốt đẹp, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội to lớn cho cả vùng dự án.

Google

SỞ ĐỊA CHÍNH - NHÀ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC NHÀ - ĐẤT

Địa chỉ: 63 Thái Phiên Đà Nẵng * Tel: 0511 872 547 - 872 544 - 872546 * Fax: 0511 872 545

Giám Đốc: PHAN QUYẾT TẤN

TÀI KHOẢN

945 02 0000 3 TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

7301 0361H CHI NHÁNH NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Công ty Quản lý và Khai thác nhà - đất thành phố Đà Nẵng là đơn vị sự nghiệp kinh tế, được thành lập theo Quyết định số 40/1999/QĐ-UB, ngày 18 - 3 - 1999, của UBND Thành phố Đà Nẵng; có nhiệm vụ:

-Tổ chức việc quản lý và khai thác quỹ đất trên địa bàn Thành phố theo sự chỉ đạo của UBND Thành phố Đà Nẵng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

-Quản lý, khai thác, bảo dưỡng, bán và phát triển quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước.

-Ký hợp đồng và thu tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước.

-Tư vấn, cung cấp các dịch vụ cho các tổ chức và cá nhân về các hoạt động kinh doanh và các vấn đề liên quan đến lĩnh vực nhà đất.



Digitized by Google

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

NATIONAL ACADEMY FOR PUBLIC ADMINISTRATION

Trụ sở chính: 77 đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội * ĐT: (04) 8 358 943
Cơ sở 2: số 10 đường 3/2, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh * ĐT: (08) 8 653 383 * Fax: 8 658 559
Giám đốc Học viện: Tiến sỹ NGUYỄN NGỌC HIẾN

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA NGUYÊN LÀ CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ, ĐƯỢC CHUYỂN GIAO VÀO BỘ NỘI VỤ TỪ THÁNG 9-2002: LÀ TRUNG TÂM QUỐC GIA VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HÀNH CHÍNH





Lễ ký thỏa thuận Dự án "Xây dựng năng lực quản lý nhà nước Napa-SDC giai đoạn chuyển tiếp vào giai đoạn 2"

HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Đào tạo bồi dưỡng công chức:

- Bồi dưỡng công chức theo các ngạch cán sự, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp.

- Bồi dưỡng cán bộ chính quyền cơ sở.

- Bồi dưỡng theo các chức danh vào cơ quan hành chính các cấp từ trung ương đến địa phương (Thứ trưởng, Cục trưởng, Cục phó, Vụ trưởng, Vụ phó, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, ban ngành thuộc tỉnh).

- Đào tạo tiền công vụ công chức dự bị.

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên đề: Hành chính doanh nghiệp, tin học, hành chính văn phòng, thư ký lãnh đạo.

- Bồi dưỡng hành chính tổ chức.

2. Đào tạo nguồn nhân lực công chức hành chính chuyên nghiệp cho bộ máy hành chính các cấp:

- Đào tạo đại học chính quy (4 năm) bậc cử nhân hành chính.

- Đào tạo tại chức cử nhân hành chính: bằng 1, bằng 2.

3.Đào tạo sau đại học chuyên ngành Quản lý nhà nước: Thạc sỹ, Tiến sỹ.

4. Nghiên cứu khoa học hành chính, thực hiện các đề tài cấp bộ và cấp nhà nước.

5.Học viện có quan hệ hợp tác với nhiều nước và tổ chức quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực hành chính và nghiên cứu khoa học hành chính.

Với những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước và nghiên cứu khoa học hành chính, năm 2002, Học viện đã vinh dự được đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhì và nhiều phần thưởng cao quý khác của Đảng và Nhà nước trao tặng.



Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000

X
H08B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
NOV 18 2003
CURRENT SERIALS

28
10-2003

Digitized by Google

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NHÀ Ở GIAO THÔNG VẬN TẢI



CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NHÀ Ở GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐƯỢC THÀNH LẬP (VÀ ĐỔI TÊN) THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 4294/ 2002/ QĐ-BGTVT, NGÀY 19 - 12 - 2002, CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Kinh doanh bất động sản.
2. Kinh doanh nhà ở, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, khu đô thị và khu công nghiệp...
3. Đầu tư và xây dựng quỹ nhà phục vụ cho giải phóng mặt bằng xây dựng công trình giao thông...
4. Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, bao gồm:

a. Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế quy hoạch công trình

b. Thiết kế, lập dự toán công trình.

5. Quản lý quỹ nhà ở thuộc ngành đường sắt.
6. Quản lý quỹ nhà ở thuộc các đơn vị khác thuộc Bộ Giao thông vận tải khi được Bộ giao.
7. Khai thác quỹ đất trong ngành giao thông vận tải, cải tạo các khu nhà xuống cấp phù hợp với quy hoạch của địa phương để lập dự án đầu tư xây dựng nhà ở.
8. Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, thuỷ lợi.
9. San lấp mặt bằng tạo bãi và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

Trụ sở: 17 Nguyễn Đình Chiểu - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội * Điện thoại: 04 9 430 931 - 9 431 871 * Fax: 04 9 433 851
Tài khoản: 710A - 00170 - Ngân hàng Công thương Đống Đa - Hà Nội * Giám đốc: Kỹ sư ĐỖ XUÂN MINH



THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 691

28
10-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Sa Pa không lặng lẽ
*Ảnh : **Tuấn Minh***

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

HÀ MẠNH TRÍ - Thể chế hóa các quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp trong Bộ luật Tố tụng hình sự 3

PHẠM QUANG NGHỊ - Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị, hình thành mỹ tục mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội 8

NGHIÊN CỨU , HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THẾ THẮNG - Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đảng cầm quyền 12

ĐẶNG VĂN THANH - Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về tài chính 17

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN THỊ DOAN - Một số giải pháp phát triển thị trường nội địa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 22

PHẠM QUỐC TRỤ - Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa 26

KIM DUNG - Đồng bằng sông Cửu Long : Còn đó những nỗi lo 30

NGÔ ĐỨC THỊNH - Buôn làng, luật tục và vấn đề quản lý cộng đồng của các tộc người Tây Nguyên hiện nay 35

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

GIÀNG SEO PHỬ - Lợi thế Sa Pa trong chiến lược phát triển kinh tế du lịch ở tỉnh Lào Cai 40

PHẠM VĂN CHI - Khánh Hòa phấn đấu xứng đáng với truyền thống 350 năm 45

PHẠM THẮNG - Doanh nghiệp dân doanh sau ba năm thực hiện Luật Doanh nghiệp 49

NGỌC HỒ - Lai Châu giải bài toán xóa đói giảm nghèo 54

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Ba điều trăn trở 59

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

ĐỖ NHƯ ĐÍNH - Năm năm Việt Nam gia nhập APEC 60

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ХА МАНЬ ЧИ: Регламентирование всех точек зрения Партии по судебной реформе в Уголовно-процессуальном кодексе. ФАМ КУАНГ НГИ: Продолжение выполнения Директивы 27-CT/TW Политбюро, формирования нового прекрасного обычая в организации похоронного, свадебного обряда и фестивалей. НГУЕН ТХЕ ТХАНГ: Идеи Хо Ши Мина о строительстве правящей Партии. ДАНГ ВАН ТХАНЬ: Изучение идей Хо Ши Мина о финансах. НГУЕН ТХИ ЗОАН: Некоторые решения по развитию внутренних рынков в период индустриализации и модернизации страны. ФАМ КУОК ЧУ: Построение независимой и самостоятельной экономики в условиях глобализации. НГО ДЫК ТХИНЬ: Селение, обычное право и вопрос управления этническими общностями в районе Тэйнгуен в настоящее время. ЖАНГ ШЕО ФЫ: Преимущества городка Шапа в стратегии развития туристической экономики в провинции Лаокай. ФАМ ВАН ТЬИ: Провинция Кханьхоа старается быть достойной 350-летней традиции. НГОК ХО: Провинция Лайтяу решает проблему ликвидации голода, уменьшения бедности. ДО НЬЫ ДИНЬ: Пять лет со дня вступления Вьетнама в АПЕК.

CONTENTS

HÀ MẠNH TRÍ: Institution of the Party's viewpoints regarding judiciary reforms in the Code of Criminal Affairs Lawsuit. PHẠM QUANG NGHỊ: Continuing to implement 27 – CT/TW Direction of the Politburo, forming new fine customs in wedding, funeral ceremony and festivals. NGUYỄN THẾ THẮNG: Hồ Chí Minh's ideas on building of the ruling Party. ĐẶNG VĂN THANH: Making a study of Hồ Chí Minh's ideas regarding finance. NGUYỄN THỊ DOAN: Some solutions for developing internal market in the period of the country's industrialisation, modernisation. PHẠM QUỐC TRỤ: Building independent, self-reliant economy in circumstances of globalisation. NGÔ ĐỨC THỊNH: Mountainous villages, custom laws and the issue of community management of the Tây Nguyên ethnicities at the present. GIÀNG SEO PHỬ: The Sa Pa superiority in the strategy to develop tourist economy in Lào Cai province. PHẠM VĂN CHI: Khánh Hòa province strives to be deserving of the 350 years' tradition. NGỌC HỒ: Lai Châu solves the problem of famine cancellation and poverty reduction. ĐỖ NHƯ ĐÍNH: Five years being aggregated into APEC of Vietnam.

SOMMAIRE

HÀ MẠNH TRÍ: Institutionnalisation des points de vue du Parti concernant la réforme judiciaire dans le Code du procès criminel. PHẠM QUANG NGHỊ: En poursuivant l'application du Décret No27-CT/TW du Bureau politique, former une nouvelle coutume relative au mariage, aux funérailles et à la fête. NGUYỄN THẾ THẮNG: La pensée de Ho Chi Minh sur l'édification du Parti au pouvoir. ĐẶNG VĂN THANH: Recherche sur la pensée de Ho Chi Minh concernant les finances. NGUYỄN THỊ DOAN: Quelques solutions pour le développement du marché intérieur dans la période d'industrialisation et de modernisation du pays. PHẠM QUỐC TRỤ: Edification d'une économie indépendante et autonome dans le contexte de globalisation. NGÔ ĐỨC THỊNH: Village, droit coutumier et gestion de la communauté chez les groupes ethniques du Tây Nguyên à l'heure actuelle. GIÀNG SEO PHỬ: Les atouts de Sa Pa dans la stratégie de développement de l'économie touristique dans la province de Lào Cai. PHẠM VĂN CHI: La province de Khánh Hòa s'efforce d'être digne de sa tradition de 350 ans. NGỌC HỒ: La résolution du problème de refus de la misére dans la province de Lai Châu. ĐỖ NHƯ ĐÍNH: Vietnam : 5 années au sein de l'APEC.

SUMARIO

HÀ MẠNH TRÍ: La institucionalización de los puntos de vista del Partido sobre la reforma judicial en el Código de Proceso Penal. PHẠM QUANG NGHỊ: Seguir cumpliendo la Directiva 27-CT/TW del Buró Político para formar buenas costumbres nuevas en el casamiento, la ceremonia funeral y la fiesta. NGUYỄN THẾ THẮNG: El pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la edificación de un partido en poder. ĐẶNG VĂN THANH: En conocimiento del pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la finanza. NGUYỄN THỊ DOAN: Algunas soluciones del desarrollo de mercado interno en el tiempo de industrialización y modernización nacional. PHẠM QUỐC TRỤ: Edificar una economía independiente y soberana en el contexto de globalización. NGÔ ĐỨC THỊNH: Aldeas montañosas, reglamentos de costumbre y la cuestión de actual gestión de la comunidad étnica en Tây Nguyên. GIÀNG SEO PHỬ: La ventaja de Sa Pa en la estrategia del desarrollo económico y turístico en la provincia de Lào Cai. PHẠM VĂN CHI: El esfuerzo de la provincia de Khánh Hoà para ser digna con su tradición de 350 años. NGỌC HỒ: Lai Châu y el problema de liquidación del hambre y de disminución de la pobreza. ĐỖ NHƯ ĐÍNH: 5 años de ingreso de Vietnam en APEC.

目录

• 何孟志：体制化党关于刑事诉讼法典中司法改革的观点• 范光谊：继续落实政治局关于在婚礼，葬礼及节日中建树新美俗的第27 — CT/TW 指示• 阮世胜：关于建设一个执政党的胡志明思想• 邓文清：考究胡志明思想就财政的论述• 阮氏端 (Doan)：在实现国家工业化、现代化时期，就发展国内市场之苦干举措• 范国柱：在全球化背景中建设独立自主的经济• 吴德盛：目前，西原各民族的村寨、乡俗及共同群体的管理问题• Giàng Seo Phử：老街省沙坝县在发展旅游经济战略中的优势• 范文支：庆和省发奋图强，不愧350 年历史传统• 玉胡：莱州省脱贫之举措• 杜如订：越南加入亚太经济合作论坛的五年历程

Digitized by Google

THỂ CHẾ HÓA CÁC QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP TRONG BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ

HÀ MẠNH TRÍ *

Bộ luật Tố tụng hình sự đầu tiên của Nhà nước ta được kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa VIII thông qua ngày 28-6-1988 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-1989. Kế thừa và phát huy những giá trị pháp luật tố tụng hình sự truyền thống và thể chế hóa một bước đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, Bộ luật Tố tụng hình sự (từ đây sẽ gọi tắt là Bộ luật) đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Trong quá trình thi hành gần 15 năm qua, Bộ luật đã được sửa đổi, bổ sung 3 lần (6-1990, 12-1992 và 6-2000). Các lần sửa đổi, bổ sung này chưa có điều kiện để sửa đổi một cách tổng thể, mà mới chỉ tập trung vào một số điều để đáp ứng kịp thời yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Để tiếp tục thực hiện chủ trương cải cách tư pháp đã được các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị *"Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"*, chúng ta phải nghiên cứu, phân tích một cách toàn diện, thể chế hóa các chủ trương đó thành những quy định của Bộ luật ; đồng thời, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 1992 đã sửa đổi, bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất với các văn bản pháp luật mới được ban hành có những nội dung liên quan đến tố tụng hình sự như Bộ luật Hình sự năm 1999, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2002... Vì vậy, việc sửa đổi một cách cơ bản, toàn diện Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành là cấp thiết và phải đạt được những yêu cầu sau đây :

- Thể chế hóa đúng đắn những chủ trương về cải cách tư pháp đã được ghi trong các nghị quyết của Đảng, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Tăng cường khả năng chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, chống làm oan người vô tội. Mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý nghiêm minh, chính xác, kịp thời.

- Những quy định của Bộ luật được sửa đổi, bổ sung phải đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ; nêu cao hơn nữa trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

* Ủy viên Trung ương Đảng, Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Digitized by Google

đối với công dân, bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của công dân đã được Hiến pháp và pháp luật quy định ; khắc phục việc bắt, giữ, giam, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án oan, sai ; đề cao vai trò của các cơ quan, tổ chức và công dân trong tố tụng hình sự.

- Các quy định của tố tụng hình sự phải xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan tiến hành tố tụng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng chức danh tố tụng ; đồng thời, cũng xác định rõ các quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, nhất là quyền và nghĩa vụ của người bào chữa trong tố tụng hình sự.

- Quy định các trình tự, thủ tục tố tụng điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án dễ hiểu và dễ vận dụng, bảo đảm tính khả thi, tạo điều kiện cho những người tiến hành và tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm của mình.

- Việc sửa đổi Bộ luật tiến hành trên cơ sở kế thừa và phát huy những giá trị pháp luật tố tụng hình sự truyền thống của nước ta, nhất là những quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988, cũng như những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm trong nhiều thập kỷ qua của quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; đồng thời, nghiên cứu tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm về tố tụng hình sự của các nước.

Xuất phát từ các yêu cầu trên, nội dung sửa đổi của Bộ luật tập trung vào những vấn đề chính sau :

Một là, *quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan tiến hành tố tụng và từng cấp tố tụng, bảo đảm tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp vận hành được trôi chảy, nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử.*

Một trong những chủ trương quan trọng của cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay là phải tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, không hữu khuynh hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Dự thảo Bộ luật đã căn cứ vào Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ chính trị và một số chỉ thị, nghị quyết khác của Đảng, bổ sung những vấn đề quan trọng về Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân.

- Đối với *Cơ quan điều tra,* dự thảo Bộ luật đã quy định về mô hình tổ chức theo hướng thu gọn đầu mối và quy định rõ hơn về thẩm quyền điều tra. Theo đó, Cơ quan điều tra bao gồm Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và Cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- Đối với *Viện Kiểm sát nhân dân,* Dự thảo Bộ luật quy định rõ trách nhiệm quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra, nhất là đối với biện pháp bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam. Đồng thời, Viện Kiểm sát có trách nhiệm quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của cơ quan tố tụng có thẩm quyền điều tra, hủy bỏ quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền điều tra.

- Đối với *Tòa án nhân dân,* dự thảo Bộ luật quy định cho Tòa án cấp huyện được xét xử những vụ án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng (mức hình phạt đến 15 năm tù) ; quy định một số điều kiện như loại trừ thêm một số loại tội phức tạp mà xét thấy Tòa án cấp huyện chưa đảm đương được. Đồng thời, dự thảo Bộ luật đề nghị Quốc hội ra Nghị quyết về lộ trình thực hiện thẩm quyền xét xử mới của Tòa án cấp huyện, trong đó có quy định hiệu lực về thời gian áp dụng quy định này của Bộ luật.

- Một vấn đề quan trọng khác được sửa đổi, bổ sung trong Bộ luật lần này là quy định rõ hơn về tranh tụng dân chủ tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự. Dự thảo Bộ luật đã sửa đổi,

Digitized by Google

bổ sung các quy định để những người kiểm sát viên, bào chữa, bị cáo, làm chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, lợi ích hợp pháp thực hiện tốt hơn quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Theo đó, Kiểm sát viên phải chủ động hơn trong việc kiểm sát điều tra như kiểm sát khám nghiệm hiện trường và các hoạt động điều tra khác ; khi cần thiết phải trực tiếp lấy lời khai người bị bắt, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại để nắm chắc tài liệu, chứng cứ ngay trong giai đoạn điều tra, hiểu biết sâu sắc về nội dung vụ án.

Hai là, *quy định rõ các chức danh tố tụng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng chức danh tố tụng, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của họ trong việc khám phá và giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.*

Quy định rõ vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của người tiến hành tố tụng để khắc phục tình trạng đùn đẩy trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của họ trước Đảng và nhân dân trong việc điều tra, truy tố, xét xử là một chủ trương cải cách tư pháp quan trọng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Việc thể chế hóa Nghị quyết Trung ương 8, khóa VII, phải xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng chức danh tố tụng, phân định thẩm quyền hành chính và thẩm quyền tố tụng, nâng cao trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng, góp phần giải quyết vụ án được nhanh chóng, kịp thời, khắc phục các trường hợp oan, sai. Dự thảo Bộ luật đã quy định những người tiến hành tố tụng gồm có Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát và Kiểm sát viên, Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm và Thư ký phiên tòa ; đồng thời, phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của những người này để mỗi một chức danh được thực hiện những quyền hạn, nhiệm vụ cụ thể và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Ba là, *trong điều kiện mở rộng dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, đòi hỏi Bộ luật Tố tụng hình sự phải quy định rõ ràng, đầy đủ hơn quyền và trách nhiệm của người bào chữa, góp phần bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền của bị can, bị cáo, nâng cao trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.*

Thực tiễn cho thấy, việc tham gia tố tụng của người bào chữa góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự và cùng với các cơ quan tư pháp khác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo. Tuy nhiên, việc tham gia của người bào chữa vào vụ án hình sự còn có nhiều hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu. Căn cứ vào tinh thần của Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ Chính trị là : các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tố tụng như tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên tòa, Dự thảo Bộ luật quy định cho người bào chữa có quyền tham gia tố tụng sớm hơn so với luật hiện hành. Trong trường hợp bắt khẩn cấp hoặc bắt quả tang thì người bào chữa được tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ của Cơ quan điều tra.

Để tạo điều kiện cho người bào chữa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, Dự thảo Bộ luật quy định cho họ được sao chụp tài liệu cần thiết để bào chữa, xem các biên bản tố tụng khi có mặt của họ, được thông báo về thời gian lấy lời khai người bị tạm giữ, hỏi cung bị can. Đồng thời, Dự thảo Bộ luật cũng quy định rõ trách nhiệm của người bào chữa như không được tiết lộ bí mật điều tra, không được sử dụng các tài liệu sao chụp vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và công dân, không được mua chuộc hoặc cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật. Người bào chữa làm trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Digitized by Google

Bốn là, *quy định chặt chẽ hơn về căn cứ và điều kiện áp dụng các biện pháp ngăn chặn, góp phần hạn chế việc bắt, tạm giam và phát huy hiệu quả các biện pháp này trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.*

Áp dụng biện pháp ngăn chặn là vấn đề rất quan trọng vì liên quan trực tiếp đến quyền tự do, dân chủ của công dân và góp phần bảo đảm công tác điều tra, truy tố, xét xử. Trong tình hình mới, Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ Chính trị nhấn mạnh : Phải nâng cao trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, nhất là trách nhiệm phê chuẩn của Viện Kiểm sát ; đồng thời, nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can trong một số loại tội. Quán triệt tinh thần này của Nghị quyết, dự thảo Bộ luật quy định rõ hơn người có thẩm quyền bắt khẩn cấp, bắt bị can, bị cáo để tạm giam. Theo đó, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp mới có quyền bắt khẩn cấp, bỏ quy định Phó Trưởng Công an huyện có quyền bắt khẩn cấp; bỏ quy định Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền bắt bị cáo để tạm giam, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử chỉ Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, Phó Chánh tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao mới có quyền này. Trong khi xét xử thì thẩm quyền bắt bị cáo để tạm giam thuộc Hội đồng xét xử.

Năm là, *xây dựng thủ tục rút gọn, tạo cơ sở pháp lý để tăng cường hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm ; đồng thời, phải bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của công dân.*

Điều tra, truy tố, xét xử nhanh chóng, kịp thời mà trước hết là đối với những vụ phạm tội quả tang, đơn giản, chứng cứ rõ ràng, hậu quả ít nghiêm trọng là một yêu cầu khách quan của cải cách tư pháp hiện nay nhằm đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả và bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân.

Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định : Nghiên cứu để quy định và thực hiện thủ tục rút gọn đối với những vụ án đơn giản, phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng, hậu quả ít nghiêm trọng. Theo tinh thần đó, Dự thảo Bộ luật dành một chương riêng về vấn đề này : người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang, sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng, tội ít nghiêm trọng. Theo đó, thời gian điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm cũng được rút ngắn đáng kể ; đồng thời, giảm bớt một số thủ tục để sớm hoàn thiện hồ sơ, truy tố kịp thời và việc xét xử người phạm tội được nhanh chóng hơn.

Sáu là, *quy định rõ nội dung các nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại của người bị oan, người bị thiệt hại ; đồng thời, bổ sung các quy định để cơ quan, tổ chức và công dân thực hiện tốt hơn quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự, góp phần nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân.*

Một trong những nội dung quan trọng của cải cách tư pháp hiện nay là kiên quyết khắc phục các trường hợp oan, sai và nếu có trường hợp oan, sai thì phải bảo đảm quyền được bồi thường. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng nền công lý vì nhân dân, phục vụ nhân dân thì cùng với việc chống oan, sai, việc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại của người bị oan, người bị thiệt hại do những người có thẩm quyền tố tụng gây ra là một chủ trương quan trọng của cải cách tư pháp. Vì vậy, Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ Chính trị yêu cầu khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với những trường hợp bị oan, sai trong hoạt động tố tụng.

Ngày 17-3-2003, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ra Nghị quyết số 388 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do cơ quan điều tra hoặc người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra. Theo đó, Dự thảo Bộ luật đã bổ

Digitized by Google

sung nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan và nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền tố tụng gây ra.

Khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp là một vấn đề nổi cộm và bức xúc hiện nay, nhiều việc còn để dây dưa, kéo dài. Chỉ thị 53/CT-TW của Bộ Chính trị yêu cầu các cơ quan tư pháp phải thường xuyên kiểm tra và chỉ đạo tốt việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tư pháp. Dự thảo Bộ luật đã xây dựng một chương riêng về khiếu nại, tố cáo, quy định rõ những người có quyền khiếu nại trong tố tụng hình sự là cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đối tượng của khiếu nại là các quyết định, hành vi tố tụng mà họ cho rằng có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với họ.

Bảy là, ***sửa đổi, bổ sung các quy định về giám sát của các cơ quan, tổ chức và công dân đối với hoạt động tố tụng hình sự, bảo đảm tính dân chủ, tính công khai trong hoạt động tư pháp.***

Trong một nền tư pháp của nhân dân, phục vụ nhân dân thì việc theo dõi, giám sát của các cơ quan, tổ chức và công dân đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp là một bảo đảm quan trọng để các cơ quan này thực sự là mẫu mực của việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, thể hiện tính dân chủ và tính công khai trong hoạt động. Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu rõ phải tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, của các tổ chức xã hội và của nhân dân đối với công tác tư pháp. Thể chế hóa nội dung này, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho thực hiện quyền giám sát của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan, người tiến hành tố tụng, góp phần khắc phục các trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, Dự thảo Bộ luật đã bổ sung nguyên tắc về quyền giám sát của các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với hoạt động tố tụng. Trong đó nêu rõ, các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận có quyền giám sát hoạt động của các cơ quan, người tiến hành tố tụng ; nếu phát hiện những hành vi trái pháp luật thì kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền. Các cơ quan này có trách nhiệm phải xem xét, giải quyết và trả lời các yêu cầu và kiến nghị đó theo quy định của pháp luật.

Dự thảo Bộ luật còn sửa đổi, bổ sung nhiều quy định khác để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia tích cực vào việc tố giác tội phạm, cử bào chữa viên nhân dân bào chữa cho người phạm tội là thành viên của tổ chức mình ; đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, đại diện gia đình, nhà trường tham gia tố tụng tại phiên tòa đối với người chưa thành niên phạm tội.

Trong hệ thống pháp luật của Nhà nước ta, Bộ luật Tố tụng hình sự là một bộ luật lớn có quan hệ trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người dân. Vì vậy, căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định công bố để lấy ý kiến của các ngành, các cấp và toàn thể nhân dân từ ngày 1-8 đến ngày 20-9-2003. Trong quá trình xây dựng pháp luật của Nhà nước ta, Quốc hội đã từng tổ chức lấy ý kiến các ngành, các cấp và toàn thể nhân dân đối với Hiến pháp, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự... được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng và đóng góp hàng vạn ý kiến rất xác đáng. Với truyền thống tốt đẹp đó, hy vọng rằng, đợt tổ chức lấy ý kiến dự thảo Bộ luật Tố tụng hình sự lần này tiếp tục được nhân dân đóng góp ý kiến sôi nổi để làm cơ sở cho Quốc hội xem xét thông qua. Tin chắc rằng Bộ luật Tố tụng hình sự mới được Quốc hội thông qua sẽ có hiệu lực thi hành, đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đổi mới đất nước. ❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHỈ THỊ 27-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, HÌNH THÀNH MỸ TỤC MỚI TRONG VIỆC CƯỚI, VIỆC TANG, LỄ HỘI

PHẠM QUANG NGHỊ *

VIỆC cưới, việc tang, lễ hội là những vấn đề hết sức quan trọng trong đời sống mỗi con người, mỗi cộng đồng dân cư và toàn xã hội. Đây cũng là vấn đề đang đặt ra những đòi hỏi cần phải điều chỉnh, hướng dẫn, quy định kịp thời, nếu không sẽ trở thành một thứ tệ nạn xã hội. Nhận thức sâu sắc vấn đề đó, ngày 12-1-1998, Bộ Chính trị (khóa VIII) đã ra Chỉ thị 27/CT-TW *"Về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội"*.

Chỉ thị 27/CT-TW của Bộ Chính trị nhấn mạnh : "Những năm gần đây, trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế cơ chế thị trường, chúng ta đã có phần buông lỏng chỉ đạo, quản lý trên một số lĩnh vực văn hóa - xã hội, xem nhẹ việc giáo dục nếp sống và lối sống, thiếu sự hướng dẫn kịp thời về phong tục, thiếu những quy định cụ thể của Nhà nước đối với việc cưới, việc tang, lễ hội nên đã phát sinh nhiều hiện tượng không lành mạnh trong xã hội. Nhiều gia đình, trong đó có cả những cán bộ có chức quyền, vì động cơ hám danh, vụ lợi, tổ chức đám cưới, đám tang linh đình, phô trương, có những trường hợp thực chất là "bán cỗ thu tiền". Mê tín dị đoan cùng nhiều hủ tục, kể cả một số hủ tục mới hình thành do thói đua đòi, và do cách học theo nước ngoài thiếu phê phán, chọn lọc, đang có khuynh hướng phục hồi và phát triển khá phổ biến ở nhiều nơi...

Những hiện tượng trên trở thành những vấn đề xã hội nhức nhối, làm xói mòn các giá trị đạo đức truyền thống, lối sống cần kiệm, giản dị của dân tộc, phá hoại thuần phong, mỹ tục, ảnh hưởng xấu tới đời sống tinh thần vật chất của nhân dân, ngày càng bị những bộ phận tiên tiến trong nhân dân lên án, không đồng tình".

Tất cả những đánh giá, nhận định đó vẫn hoàn toàn đúng với tình hình hiện nay. Điều đó nói lên tính chất khó khăn, phức tạp, lâu dài của cuộc vận động này ; và những chuyển biến tích cực mà chúng ta đạt được còn ở mức độ chưa cao ; đồng thời, cũng cho thấy nếu chúng ta không tích cực thực hiện, tình hình chắc còn kém hơn rất nhiều...

Chúng ta đều biết, tiến hành cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội là nhằm kế thừa, phát huy những thuần phong mỹ tục của dân tộc, chăm lo giữ gìn và phát triển nền tảng đạo đức, tinh thần của xã hội, đề cao các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp cần kiệm, giản dị của con

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

Digitized by Google

người Việt Nam, tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội.

Nhìn lại 5 năm qua, việc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị đã thật sự mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân ta trên nhiều mặt. Nhiều địa phương đã tiết kiệm được tiền của, công sức, thời gian của cán bộ và nhân dân ; nhiều mô hình mới, điển hình tiên tiến đã xuất hiện, tạo được những chuyển biến tích cực trong việc cưới, việc tang, lễ hội, hình thành môi trường văn hóa vui tươi, lành mạnh. Bước đầu ngăn chặn sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân ; khẳng định sự đồng tình nhất trí rất cao và đòi hỏi của các tầng lớp nhân dân về sự cần thiết phải tiếp tục tiến hành cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

Ở nhiều địa phương, Ban Chỉ đạo nếp sống văn hóa đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc tổ chức các cuộc tọa đàm sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, hội viên, các vị chức sắc tôn giáo, các tổ dân phố hoặc cộng đồng dân cư cùng tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng quy ước văn hóa. Hiện nay, cả nước có 11 720 hương ước, quy ước văn hóa được xây dựng, góp phần không nhỏ trong việc hình thành nếp sống văn hóa, gia đình văn hóa, trong đó có nội dung thực hiện nếp sống văn minh về việc cưới, việc tang, lễ hội. Nhiều địa phương có quy định đưa việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang vào tiêu chuẩn đánh giá tư cách đảng viên và tiêu chí bình xét công nhận chi bộ trong sạch, vững mạnh. Tuy nhiên, thời gian qua những chuyển biến tích cực trong việc tang và lễ hội tốt hơn trong việc cưới. Trong việc cưới, ở đô thị chuyển biến chậm hơn ở nông thôn ; một bộ phận cán bộ, đảng viên không gương mẫu bằng quần chúng nhân dân ; một bộ phận cán bộ, công chức các bộ, ngành, đoàn thể các cơ quan trung ương ý thức chấp hành Chỉ thị của Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ chưa nghiêm túc. Vì vậy, kết quả thu được chưa thật vững chắc và đồng đều trong cả nước và trong mỗi địa phương.

Những kết quả xây dựng mỹ tục mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội trong những năm qua là thực tiễn sinh động nhất làm sáng tỏ thêm quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa phong tục. Trong tác phẩm *Đời sống mới,* với bút danh Tân Sinh, xuất bản năm 1947, quan điểm đó xác định rõ *con người là trung tâm của văn hóa nếp sống mới và phương châm tiến hành cuộc vận động đó là kiên trì, thuyết phục, tránh phô trương và tự nguyện.*

Điều quan trọng là qua thực tiễn thực hiện việc cưới, việc tang, lễ hội, chúng ta đã rút ra được những bài học kinh nghiệm:

Một là, cần phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp, vai trò tham mưu của ngành văn hóa - thông tin. Tăng cường sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể.

Hai là, thể chế hóa Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 14/1998/TTg của Thủ tướng Chính phủ thành các chương trình hành động của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, trong nội dung phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Ba là, phải nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, đoàn viên. Kết hợp giữa các biện pháp xây và chống ; tìm tòi các mô hình, mẫu hình mới để hướng dẫn mọi người thực hiện. Các điển hình, mô hình mới không đòi hỏi phải cầu toàn, không nên máy móc, cứng nhắc, nhưng cũng không được buông trôi, thả nổi, thiếu định hướng. Ở bất cứ cơ quan, đơn vị, địa phương nào, vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên đều mang tính quyết định thành công hay không thành công của cuộc vận động.

Bốn là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng. Chúng ta đều biết cả ba việc : cưới, tang, lễ hội đều là những sinh hoạt

Digitized by Google

có ý nghĩa trọng đại đối với mỗi người, mỗi cộng đồng dân cư và toàn xã hội, gắn với tập tục, văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh có nguồn gốc lịch sử - xã hội lâu đời và sẽ tồn tại mãi mãi với con người. Mọi thái độ giản đơn, cứng nhắc, chỉ áp dụng biện pháp hành chính, mệnh lệnh đều không thích hợp ; song trái lại, nếu buông trôi, thả nổi, mạnh ai nấy làm, làm gì, làm thế nào cũng được thì nhất định sẽ mất phương hướng. Ở một số địa phương như huyện Nga Sơn (Thanh Hóa), phường Liên Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nam, Đà Nẵng, Cần Thơ... đã có những kinh nghiệm rất bổ ích về việc cụ thể hóa, định lượng hóa các chỉ thị của Bộ Chính trị và Chính phủ. Vì vậy, bên cạnh việc chúng ta phải kiên trì, bền bỉ tiến hành cuộc vận động này bằng công tác tuyên truyền, giáo dục đối với các tầng lớp nhân dân thì không thể không có những biện pháp quy định có tính bắt buộc bổ sung cho công tác tuyên truyền giáo dục đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Ví dụ : không mời cán bộ, công chức dự lễ cưới trong giờ làm việc ; không đặt bàn thờ, bát hương trong cơ quan, công sở ; chỉ nên tổ chức tiệc ăn uống, tiệc mặn với người thân trong gia đình và khách mời ở xa,... Những quy định như vậy nhiều nơi đã làm và được nhiều người đồng tình hưởng ứng, cần được nhân rộng.

Năm là, phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng ; cho phép báo chí nêu đích danh cán bộ, công chức, đảng viên vi phạm nghiêm trọng Chỉ thị của Bộ Chính trị và Chính phủ. Kết hợp sự phê phán của công luận, dư luận với xử lý hành chính những trường hợp vi phạm. Nhiều địa phương đã làm tốt vấn đề này.

Để tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, chúng ta cần coi trọng những địa bàn, đối tượng sau đây :

Đối với việc cưới : Trọng tâm vận động thực hiện nếp sống văn minh là ở các đô thị, thành phố lớn, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Cần chú trọng đến sự gương mẫu của các đối tượng là cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Trong công chức, viên chức, cần tập trung làm tốt ở đối tượng là các cơ quan bộ, ngành, đoàn thể trung ương. Ở vùng sâu, vùng xa cần tiếp tục đấu tranh bài trừ các tập tục lạc hậu, tảo hôn, cưới xin không đăng ký kết hôn.

Đối với việc tang : Thực hiện tốt các quy định của ngành y tế ; ở nông thôn không quàn thi hài quá 48 giờ, không tổ chức điếu phúng linh đình, không đua nhau xây mồ mả quá to, tốn kém. Ở thành phố, đối với công chức, cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo cần cải tiến nghi thức tang lễ cho đỡ rườm rà, hình thức.

Đối với lễ hội : Đấu tranh khắc phục tình hình mê tín, dị đoan, các tục lệ lạc hậu, cúng tế tràn lan, kéo dài và thương mại hóa lễ hội.

Chúng ta đều nhận thức được tính chất khó khăn, phức tạp lâu dài và tầm quan trọng của cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Không nên có ảo tưởng giải quyết nhanh chóng tốt đẹp mọi vấn đề vốn là di sản của quá khứ hàng nghìn năm, trong đó có sự đan xen của những tinh hoa lẫn những hủ tục lạc hậu. Song, chúng ta cũng không thể bàng quan, thờ ơ, thả nổi, thậm chí chấp nhận sự thách thức, coi thường dư luận của một bộ phận người chậm tiến trong xã hội, trong đó có cán bộ, công chức, đảng viên.

Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người lãnh đạo cần đặt ra cho mình câu hỏi : Vì sao đều là việc khó, nhưng người khác, nơi khác, cơ quan khác làm tốt mà nơi mình lại không làm được ? Có phải vì thiếu mô hình, thiếu quyết tâm, thiếu phương pháp hay do động cơ vụ lợi, đua đòi, phô trương vẫn đang lấn lướt trong tư tưởng, hành động con người. Vì sao ở mỗi tỉnh, mỗi huyện đều đang có những mô hình tốt nhưng lại

Digitized by Google

không nhân rộng được ? Ở quy mô toàn quốc càng không thể nói do thiếu mô hình, cũng không thể nhượng bộ những người viện dẫn lý do đây là *việc riêng* của mỗi người, cơ quan, đoàn thể, Nhà nước không nên can thiệp. Việc cưới, việc tang, lễ hội là những nghi thức trọng thể của gia đình, cộng đồng và xã hội, Đảng và Nhà nước luôn tôn trọng những nghi thức đó. Tuy nhiên, để phù hợp với văn minh, tiến bộ thì cơ quan, đoàn thể, Nhà nước nhất định phải chỉ đạo, hướng dẫn, phải đưa ra những quy định để mọi người thực hiện. Một đám cưới, tổ chức ăn uống linh đình, mời hàng nghìn người đến dự tiệc trong giờ làm việc, tổ chức ở các nhà hàng, khách sạn sang trọng, tốn kém, tụ tập hàng trăm xe ô tô, gây ùn tắc giao thông... không thể coi đó là việc riêng được. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu để vừa kế thừa truyền thống tốt đẹp, vừa điều chỉnh thích hợp hình thành nghi thức mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội thực sự thuận lợi, tiết kiệm, lành mạnh.

Việc điều chỉnh các mô hình cưới, tang, lễ hội là việc phức tạp, cần kiên trì, công phu, có sự hướng dẫn vận động khéo léo ; tránh thiên về các biện pháp hành chính nhất loạt gò bó, bắt buộc. Đương nhiên, những gì Nhà nước đã quy định thành pháp luật thì yêu cầu chấp hành nghiêm túc. Mặt khác, cũng cần phải thấy rằng, việc cưới, tang, lễ hội không chỉ là nghi thức bề ngoài, một lối ứng xử thiên về mặt hình thức, mà phải làm cho công tác hướng dẫn, giáo dục những nội dung này đi vào chiều sâu, thông qua đó nâng cao những giá trị đạo đức tinh thần của xã hội Việt Nam hiện đại. Phải làm sao mỗi đôi lứa đi vào lễ cưới, bên cạnh hình thức trang trọng vui tươi, phải thấu hiểu sâu sắc nghĩa vụ xây dựng gia đình êm ấm, hòa thuận, trở thành tế bào tích cực của xã hội. Phải phấn đấu để lễ tang, lễ hội truyền thống góp phần nâng cao tâm hồn con người, lòng biết ơn, sự kính trọng các giá trị, công lao của người đã khuất để lại, củng cố tình nghĩa gia đình, làng xóm, đem lại động lực tinh thần cho mỗi người dự lễ.

Chúng ta cần phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò tuyên truyền giáo dục hình thành mỹ tục mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội của các phương tiện thông tin đại chúng ; phải coi đó là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài, tiến hành thường xuyên, sinh động và sáng tạo. Biểu dương người tốt việc tốt, phê phán, kể cả phê phán đích danh những vụ việc vi phạm nghiêm trọng Chỉ thị của Bộ Chính trị và Chính phủ. Mở các chuyên trang, chuyên mục, diễn đàn trao đổi, giới thiệu mô hình tốt để mọi người học tập, noi theo. Tích cực tuyên truyền, chuyển tải nội dung cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, nhất là những kinh nghiệm hay, cách làm hay của nhiều địa phương đang được nhân dân đồng tình hưởng ứng.

Phát huy vai trò các đoàn thể chính trị xã hội, đặc biệt là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh và sự phối, kết hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể. Phải tuyên truyền, vận động mạnh mẽ hơn nữa đối tượng cán bộ, công chức các cơ quan trung ương ; làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phê phán, xử lý khi cần thiết. Nếu thiếu sự phối hợp chặt chẽ, thiếu quyết tâm cao của toàn bộ hệ thống chính trị thì không thể hoàn thành được nhiệm vụ này hoặc kết quả sẽ rất hạn chế.

Trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 27/CT-TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 14/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phát huy những kinh nghiệm và những kết quả đã đạt được trong 5 năm qua, tích cực tìm các biện pháp khắc phục những tồn tại, yếu kém nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và bước đột phá mới, lập lại trật tự, kỷ cương trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Các hoạt động này phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các

(Xem tiếp trang 48)

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CẦM QUYỀN

NGUYỄN THẾ THẮNG*

SAU khi lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thành công cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hết sức quan tâm đến việc xây dựng Đảng ta với tư cách là một đảng cầm quyền. Người coi đó là một nhiệm vụ quyết định thắng lợi của cách mạng, sự tồn tại và phát triển của chế độ xã hội mới.

Theo học thuyết Mác - Lê-nin, Đảng Cộng sản phải là đảng của giai cấp công nhân. Song, Đảng có phải là của dân tộc hay không ? Điều đó còn ít người nói đến, hoặc còn nhiều ý kiến tranh luận. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* C. Mác và Ph. Ăng-ghen mới nói rằng, giai cấp vô sản mỗi nước, trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành dân tộc. Phát triển sáng tạo tư tưởng này, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người mác - xít đầu tiên đã kết hợp việc tăng cường bản chất giai cấp công nhân với việc nâng cao tính nhân dân, tính dân tộc trong công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

Người chỉ rõ : Trong thời đại ngày nay, do địa vị khách quan của giai cấp công nhân trong xã hội, "quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một"(1). Đảng Cộng sản Việt Nam là "Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"(2). Để tập hợp được giai cấp, đoàn kết được toàn dân, lãnh đạo được toàn dân tộc thì bất kỳ trong tình huống nào Đảng cũng phải tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp, của nhân dân và dân tộc.

Xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lê- nin, Hồ Chí Minh xác định : Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Đó là con đường đấu tranh giành độc lập dân tộc và từng bước tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Để tiến hành cuộc cách mạng đó, trước hết phải có Đảng. Bản lĩnh sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ngay trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Thông thường, ở các nước công nghiệp phát triển châu Âu, nơi giai cấp công nhân rất đông đảo, Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Còn ở nước ta, tuy là một bộ phận nhỏ bé trong dân cư, song, giai cấp công nhân Việt Nam rất gắn bó với dân tộc - một dân tộc có truyền thống yêu nước nồng nàn, nên có khát vọng sâu sắc về độc lập, tự do. Xuất phát từ thực tế này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin không chỉ vào

* TS. Phân viện Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội, 1995, t 6, tr 175

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t 6, tr 175

Digitized by Google

phong trào công nhân, mà còn truyền bá vào các phong trào yêu nước. Đảng Cộng sản Việt Nam chính là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Ngay khi mới ra đời, Đảng ta đã có tính giai cấp và dân tộc.

Trong quá trình xây dựng và củng cố Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên chăm lo bản chất giai cấp công nhân và nêu cao lý tưởng của Đảng. Người nói : "Người cộng sản chúng ta không được phút nào quên lý tưởng cao cả của mình là : suốt đời làm cách mạng phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, làm cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thắng lợi hoàn toàn trên Tổ quốc ta và trên thế giới"(3). Muốn thực hiện được điều đó, Đảng cần phải biết tiếp thu, phát huy tinh hoa, truyền thống, sức mạnh của cả dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại. Chính truyền thống dân tộc và trí tuệ cách mạng của thời đại đã nhân lên sức mạnh của Đảng ta. Đảng ta đã trở thành lãnh tụ của giai cấp công nhân, đồng thời là lãnh tụ của dân tộc. Bởi, "ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác"(4).

Năng lực lãnh đạo của Đảng biểu hiện tập trung trước hết ở khả năng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, đề ra cương lĩnh, chiến lược, đường lối, chính sách một cách đúng đắn ; xác định những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong từng thời kỳ ; định hướng sự hoạt động của Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở : Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối với Đảng ta, chẳng những là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng. Đối với nước ta, đi tới chủ nghĩa xã hội bằng con đường riêng của mình thì trước hết phải làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và hạnh phúc. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : Đảng ta không sợ nhiệm vụ nào dù khó khăn, nguy hiểm đến mấy. Song, *để tiến dần lên* chủ nghĩa xã hội bằng con đường riêng của mình, chúng ta cần dùng những phương pháp gì, hình thức gì và với tốc độ nào là phù hợp ?

Ngày 7-9-1957, tại buổi khai mạc lớp lý luận khóa I của Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra vấn đề đó và đề nghị các cán bộ cao cấp của Đảng cùng suy nghĩ và luận giải. Người nói : "... Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lê-nin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta"(5). Đây cũng vẫn đang là vấn đề được đặt ra trong chương trình nghị sự của Đảng. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta cần được làm rõ và cụ thể hóa hơn nữa. Tìm tòi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội hiện thực đang trong thời kỳ thoái trào, tình hình thế giới hết sức phức tạp, bốn nguy cơ đối với nước ta, mà Đảng nêu lên vẫn đang tồn tại với những biến dạng rất phức tạp. Thực tiễn đó đòi hỏi toàn Đảng phải nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, lý luận và năng lực lãnh đạo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc cán bộ, đảng viên phải tránh cả hai khuynh hướng : coi thường, xem nhẹ lý luận hoặc chỉ biết lý luận suông, xa rời thực tế. Cả hai khuynh hướng này đều làm cho người ta trở thành chủ quan, mù

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 93
(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 4
(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 494

Digitized by Google

quáng, như người một mắt sáng, một mắt mờ. Đảng ta sở dĩ giành được nhiều thành tựu trong lịch sử đấu tranh, vượt qua được những sóng gió, thử thách chính là do biết vận dụng sáng tạo lý luận trong phân tích, tổng kết thực tiễn, đề ra quyết sách đúng và tổ chức thực hiện thành công những quyết sách đó. Không sáng tạo sẽ là giáo điều, còn sáng tạo mà không trung thành với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin sẽ thành cơ hội, xét lại. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, một khi không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong học tập, vận dụng lý luận Mác - Lê-nin, cũng như áp dụng máy móc kinh nghiệm nước ngoài là phạm sai lầm của chủ nghĩa giáo điều. Nhưng nếu quá nhấn mạnh đặc điểm dân tộc để xa rời hoặc phủ nhận những giá trị và nguyên lý phổ biến thì sẽ mắc sai lầm nghiêm trọng của chủ nghĩa xét lại. Đối với hoàn cảnh nước ta thì "... phải khắc phục bệnh giáo điều đồng thời phải đề phòng chủ nghĩa xét lại"(6). Đây chính là một nguyên tắc trong công tác chính trị, tư tưởng, đã được Đảng ta quán triệt cả trong giai đoạn cách mạng trước đây cũng như hiện nay.

Khi đã trở thành đảng cầm quyền thì vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở chỗ xây dựng được một chính quyền mạnh, có năng lực quản lý cao. Đảng lãnh đạo và phát huy quyền lực của chính quyền, của giai cấp công nhân để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : "Sau khi đã giành được chính quyền thì nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân là phải tăng cường nền chuyên chính vô sản để hoàn thành những nhiệm vụ lịch sử của cách mạng"(7). Cái đảm bảo cho nhà nước hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng quyết định các chủ trương, chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, quyết định nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước và bố trí cán bộ, kiểm tra sự hoạt động của Nhà nước, giáo dục quần chúng tham gia xây dựng chính quyền và tuân thủ pháp luật.

Cái mới và khó đối với một đảng cầm quyền là làm sao vừa nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, vừa phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân lao động. Một giải pháp tổng thể vừa có giá trị lý luận, vừa có giá trị thực tiễn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã từng thực hiện nhằm làm cho Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh, làm cho lợi ích của nhân dân được bảo đảm, quyền hạn của nhân dân được phát huy, đó là phát động các phong trào cách mạng với nội dung : *"Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu"* ; *"phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm"*, v.v.. Ở đây, có cả chống và xây. Mục đích nhằm cải tạo cái cũ, cái xấu xa và xây dựng cái mới, cái tốt đẹp. CHỐNG là chống quan liêu, tham ô, lãng phí - những căn bệnh cực kỳ nguy hiểm cho xã hội, đe dọa vận mệnh chế độ, làm cho bộ máy nhà nước từ chỗ sinh ra để *"gánh vác việc chung cho dân"*, làm *"công bộc cho dân"*, *"đầy tớ cho dân"*, vì lợi ích của nhân dân ; biến thành bộ máy của các *"ông quan cách mạng"*, đứng trên nhân dân, trên xã hội, đục khoét, làm lãng phí của cải, mồ hôi, xương máu của quốc dân. Ở đâu có nạn ***"giặc nội xâm"*** này thì ở đó dân chủ, quyền lực nhân dân, quyền công dân, công bằng xã hội, của cải vật chất và tinh thần của xã hội bị xâm phạm nghiêm trọng.

XÂY là, mọi người phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, cần kiệm tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để nhà nước có thể tích lũy thêm vốn kiến thiết đất nước, cùng mỗi gia đình cải thiện đời sống nhân dân. Trong công cuộc xây dựng nước nhà đó, việc tăng cường, củng cố quản lý kinh tế tài chính, từ trung ương đến địa phương, ở các ngành, các cấp đều hết sức quan

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 499
(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 304

Digitized by Google

trọng và cần thiết. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, quan liêu, tham ô, lãng phí đang là một *nguy cơ lớn*, là *"quốc nạn"*, đe dọa sự tồn tại và phát triển của đất nước. Chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí đã trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng và cần kíp hiện nay. Trong công việc hết sức khó khăn này, tư tưởng và phương pháp của Hồ Chí Minh về chống quan liêu, tham ô, lãng phí lại càng sáng rõ : *"Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là dân chủ... Dân chủ* là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng. Cho nên phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu *ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng* thì mới thành công"[8].

Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Đó là tư tưởng và cũng là một trong những lời dặn dò tâm huyết nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với mỗi cán bộ, đảng viên. Người coi quét sạch chủ nghĩa cá nhân chính là để nâng cao đạo đức cách mạng. Khi sự suy thoái tư tưởng, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã trở thành một vấn đề nổi cộm, thì tư tưởng của Người về quét sạch chủ nghĩa cá nhân càng phải được nhận thức đầy đủ. Chính chủ nghĩa cá nhân là nguồn gốc sinh ra trăm thứ bệnh nguy hiểm như : quan liêu, tham ô, lãng phí, chủ quan, hẹp hòi, bè phái, kèn cựa địa vị, tham danh, trục lợi, ngại khó khăn, gian khổ, tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán chuyên quyền, mất đoàn kết nghiêm trọng, vv... Người khẳng định : "Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng"* [9]. Người viết : "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng,* thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"[10].

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi **đoàn kết** là sức mạnh, là một nhân tố quyết định sự thành công của cách mạng. *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công".* Người cho rằng để đoàn kết được toàn dân tộc, thì sự đoàn kết trong Đảng là quan trọng nhất. Đoàn kết, thống nhất là quy luật trưởng thành của một đảng. Đảng vững mạnh nhất thiết phải là một khối thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đoàn kết thống nhất trong Đảng là tiền đề để đoàn kết thống nhất trong toàn xã hội. Và, đoàn kết toàn xã hội, đoàn kết toàn dân tộc là cơ sở để đoàn kết quốc tế. Tự phê bình là cách tốt nhất để thực hiện sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Không ít nơi tổ chức cơ sở đảng yếu kém là do trong nội bộ của Đảng, nhất là giữa các cán bộ lãnh đạo có mâu thuẫn và mất đoàn kết nghiêm trọng.

"*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"[11]. Lời dặn dò của Người trước lúc đi xa vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Giữ vững mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rõ : *cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.* Nước phải lấy dân làm gốc, gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân. Mỗi công việc của Đảng đều phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng. Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng đều phải từ trong quần chúng ra, rồi trở lại nơi quần chúng. Nếu không, thì chẳng những không hiểu biết dân chúng, không học được dân chúng mà cũng không lãnh đạo được dân chúng và cũng không nâng cao được dân chúng.

---

(8) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 6, tr 494 - 495
(9) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 12, tr 439
(10) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 12, tr 498
(11) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 12, tr 510

Digitized by Google

Mối quan hệ giữa Đảng và dân là mối quan hệ gắn bó mật thiết và có tác động qua lại với nhau. Không có quần chúng nhân dân thì không có Đảng. Đảng muốn lãnh đạo cách mạng và xã hội thì phải dựa vào dân. Song, quần chúng nhân dân cần có Đảng lãnh đạo thì mới có thể vùng lên tự giải phóng mình. Không có Đảng lãnh đạo, một đám đông không có tổ chức sẽ không có sức mạnh, phong trào cách mạng không thể thành công. Song, chính Đảng cũng chỉ là "sản phẩm", "con nòi" của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Sức mạnh của Đảng là ở chỗ, gắn bó mật thiết với dân, có đường lối chiến lược, sách lược đáp ứng đúng nguyện vọng, lợi ích của dân. Nước ta là nước dân chủ nên bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Điều đó có nghĩa là, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới, quần chúng nhân dân vừa chịu sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời là người chủ thực sự trong xã hội. Đảng vừa là người lãnh đạo, đồng thời phải là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Đảng phải một lòng một dạ phục vụ nhân dân. Việc gì có lợi cho dân, phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân phải hết sức tránh. Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch rõ : Chính sách của Đảng và nhà nước là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân rét, Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân dốt, Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân ốm, Đảng và Chính phủ có lỗi.

Trước khi đi xa, Người dặn lại : "Nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*"(12).

Cán bộ là cái gốc của mọi việc. Tư tưởng đó của Người được thực tiễn chứng minh là hoàn toàn đúng đắn. Bất cứ chính sách, công tác gì nếu có cán bộ tốt thì thành công. Người coi việc chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trên tất cả các lĩnh vực là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Người cùng Đảng ta đã dày công đào tạo, huấn luyện, xây dựng được một đội ngũ cán bộ tận tuy, kiên cường, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ qua các giai đoạn cách mạng.

Tư tưởng xuyên suốt trong công tác cán bộ là : "Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta"(13). "Phải có độ lượng, vị tha thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư, không thành kiến, khiến cán bộ khỏi bị bỏ rơi"(14). Trên tinh thần đó, Người đã chỉ rõ những nội dung và biện pháp cần thiết trong các khâu đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ. Yêu cầu trong công tác cán bộ cần phải biết đánh giá, hiểu rõ cán bộ. Phải cất nhắc đề bạt cán bộ một cách đúng đắn. Phải khéo léo dùng cán bộ, biết tùy tài mà dùng người. Phải phân phối, sắp xếp cán bộ cho đúng, hợp lý. Phải có lòng thân ái dìu dắt, giúp đỡ cho cán bộ tiến bộ. Phải biết giữ gìn cán bộ. Thương yêu và phê bình cán bộ, cách lãnh đạo cần vừa có khoa học vừa có nghệ thuật, v.v..

Với kinh nghiệm, tri thức cổ kim đông tây phong phú, uyên bác trong lĩnh vực dùng người, đào tạo và sử dụng cán bộ cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu cho chúng ta những nguyên tắc căn bản trong phương thức lãnh đạo của Đảng và cho mỗi cán bộ, đảng viên. Có thể nói, đây là kho tàng tri thức quý giá đối với sự tu dưỡng, rèn luyện năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên. Đồng thời, đây cũng là cơ sở lý luận cho việc đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng ta trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. ❑

---

(12) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 511

(13) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 273

(14) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5 tr 279

Digitized by Google

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÀI CHÍNH

ĐẶNG VĂN THANH*

ĐẢNG ta khẳng định, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã dẫn dắt dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và tiếp tục có ý nghĩa quyết định sự phát triển của cách mạng nước nhà. Tài chính Việt Nam được hình thành từ ngày lập nước và từng bước trưởng thành, phát triển cùng đất nước. Trải qua 58 năm hình thành và phát triển, tài chính Việt Nam đã được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, của Bác, ra sức phấn đấu phục vụ có hiệu quả sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong học tập, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, cần vận dụng tinh thần cách mạng và khoa học của Người để giải quyết tốt những vấn đề đặt ra trong thực tiễn đổi mới kinh tế, đổi mới hoạt động tài chính. Từ tổng kết thực tiễn để bổ sung, làm phong phú thêm lý luận, trước hết là lý luận về tài chính trong nền kinh tế thị trường ; về chức năng, nhiệm vụ, nội dung và giải pháp tài chính trong tình hình mới.

Trước hết, nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về tài chính và cũng là hoài bão của Người là, "xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"(1). Tài chính với chức năng tổ chức, khai thác và bồi dưỡng nguồn lực, phân phối và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ đắc lực các mục tiêu, nhiệm vụ trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của dân tộc, trong từng thời kỳ cách mạng, từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngay trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Bác đã chỉ rõ rằng : "Ra sức hoạt động để giành lấy nền hoàn toàn độc lập của nước nhà", nhưng cũng "phải hoạt động để xây dựng một nền kinh tế và tài chính vững vàng và thịnh vượng"(2). Người yêu cầu, mọi chính sách của Chính phủ về kinh tế - tài chính, từ chính sách thuế, chi hành chính, quản lý biên chế, cho đến tăng gia sản xuất đều nhằm vào lợi ích của nhân dân, lợi ích của kháng chiến, kiến quốc. Người nói một cách thiết thực, cụ thể, dễ hiểu : "Chủ nghĩa xã hội là làm cho dân giàu, nước mạnh", "Làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc". Tài chính phải phục vụ và đạt cho được những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đang ra sức phấn đấu đạt tới.

Thứ hai, tài chính phải lấy sản xuất làm gốc và phục vụ cho phát triển kinh tế, tăng gia sản xuất. Luận điểm đó cũng là cơ sở của tư tưởng Hồ Chí Minh về tài chính. Người nhấn mạnh, phải dựa vào sản xuất và thúc đẩy sản xuất kinh

---

* PGS, TS, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 12, tr 512

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 49

Digitized by Google

doanh phát triển, làm nền và tạo sự vững vàng cho nền tài chính quốc gia. Tài chính với chức năng tập trung, phân phối và giám sát bằng đồng tiền mọi hoạt động kinh tế - xã hội, có nhiệm vụ bồi dưỡng, khai thác nguồn thu, phân phối, bố trí và sử dụng các nguồn lực đúng mục đích có hiệu quả. Nguồn lực của tài chính, mọi khoản thu của ngân sách nhà nước chủ yếu là từ sản xuất, từ kinh tế. Sản xuất có phát triển, có tích lũy thì tài chính nhà nước mới có nguồn thu, tài chính trong dân cư mới dồi dào và có tiềm lực mạnh. Bởi vậy, sản xuất là gốc, là nền tảng của tài chính, là yếu tố quyết định tiềm lực tài chính của quốc gia. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của tăng gia sản xuất, khi Người "đề nghị phải đẩy mạnh tăng gia sản xuất"(3), "Phải ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm"(4) và "Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm". Người nói một cách dễ hiểu : "Muốn xây dựng kinh tế, thì phải có tiền của để làm vốn. Muốn có vốn, thì các nước tư bản dùng 3 cách : vay mượn nước ngoài, ăn cướp của các thuộc địa, bóc lột công nhân, nông dân.

Những cách đó chúng ta đều không thể làm được.

Chúng ta chỉ có cách là một mặt tăng gia sản xuất, một mặt *tiết kiệm* để tích trữ thêm vốn cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của ta"(5). "Toàn thể đồng bào phải thi đua *tăng gia sản xuất*... Tăng gia sản xuất phải có kế hoạch thiết thực"(6). Chính sách tài chính, hoạt động tài chính, đặc biệt là chính sách huy động nguồn lực, chính sách thuế, phí, lệ phí, chính sách động viên..., phải giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, vừa đảm bảo huy động được nguồn lực, vừa bảo vệ nguồn thu, bồi dưỡng và phát triển nguồn thu. Phải có tầm nhìn dài hạn trong chính sách thu. Khai thác nguồn thu, nhưng phải biết chăm sóc nguồn thu, biết khoan sức dân để lo kế bền lâu dài cho đất nước.

Rõ ràng, sản xuất kinh doanh là gốc, là nền tảng của tài chính, cho nên tài chính phải phục vụ sản xuất và thúc đẩy sản xuất phát triển. "Sản xuất là mặt trận chính của chúng ta hiện nay"(7). "Lâu nay, chúng ta đòi hỏi nhân dân đóng góp. Từ đây, chúng ta phải ra sức hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân hơn nữa trong việc sản xuất và tiết kiệm... để làm cho dân giàu, nước mạnh"(8). Việc bố trí, phân phối nguồn lực tài chính, các khoản ngân sách nhà nước cho phát triển, cho tiêu dùng phải nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân. Người yêu cầu : "Phải đem hết sức dân, tài dân, của dân làm cho dân"(9). Người cũng chỉ ra rằng, tùy theo yêu cầu, tình hình và nhiệm vụ cách mạng, Chính phủ cần và có thể phải sử dụng chính sách tài chính, chính sách ngân sách thắt chặt hay nới lỏng. Chính sách ngân sách thắt chặt đòi hỏi tăng động viên, giảm bớt chi tiêu, hạn chế bội chi, tiến tới cân bằng ngân sách. Chính sách ngân sách nới lỏng cho phép giảm thuế, khoan sức dân, thỏa mãn nhu cầu chi tiêu bằng vay nợ (phát hành trái phiếu, công trái...), mà tiền vay và lãi vay sẽ trả bằng thuế trong tương lai. Nhưng dù sử dụng chính sách nào, Bác cũng yêu cầu : "Chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*"... "Dân đủ ăn, đủ mặc thì những chính sách của Đảng và Chính phủ đưa ra sẽ dễ dàng thực hiện. Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực hiện được"(10).

Thứ ba, tư tưởng Hồ Chí Minh là *xây dựng một nền tài chính quốc gia thống nhất,* bảo đảm quản lý thống nhất và dân chủ nền tài chính

---

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr X
(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 64
(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 485
(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 393
(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 312
(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 441
(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 61
(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 572

Digitized by Google

quốc gia, giảm bội chi ngân sách, khống chế và kiểm soát lạm phát. Xử lý đúng đắn các mối quan hệ tích lũy và tiêu dùng trong phạm vi cả nước, giữa tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp và tài chính dân cư ; giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, giữa chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, giữa phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng. Ngay sau khi nước nhà vừa giành được độc lập, Người cho rằng, cần : "Thống nhất quản lý kinh tế tài chính"(11), "xây dựng được một nền *kinh tế tài chính* dân chủ"(12). Trong thư gửi Hội nghị cán bộ tài chính ngày 20-2-1952, Người viết : *"Tôi giúp vài ý kiến để anh em thảo luận.*

Năm ngoái, Chính phủ đã nâng cao công tác kinh tế tài chính, đã nhấn mạnh 3 điểm quan trọng là :

- Tăng thu giảm chi, thống nhất quản lý tài chính,
- Xây dựng ngân hàng và quản lý tiền tệ,
- Phát triển mậu dịch.

Công tác tài chính là then chốt..."(13).

Người đã khẳng định : "Những chính sách của Chính phủ như :

Thống nhất tài chính,
Chỉnh đốn biên chế ,
Thu thuế nông nghiệp,
Đẩy mạnh thi đua,

đều nhằm mục đích làm cho kháng chiến tiến mạnh, tăng gia sản xuất được nhiều và việc đóng góp của đồng bào được giản đơn, tiện lợi hơn"(14). Bác luôn quan tâm "Xây dựng một nền *kinh tế tài chính dân chủ" "Quản lý phải dân chủ, tài chính phải công khai* - sổ sách phải minh bạch"(15). "Các nước anh em giúp chỉ là một phần. Còn tự lực cánh sinh là chính. Cho nên ta phải nêu cao tinh thần *cần kiệm xây dựng nước nhà"*(16). Người diễn đạt thật đơn giản, dễ hiểu các mối quan hệ lớn mà tài chính phải xử lý : "Nếu cán bộ khéo lãnh đạo và thiết thực giúp đỡ đồng bào và đồng bào cố gắng tăng gia sản xuất và tiết kiệm thì dân sẽ no ấm, mọi việc trôi chảy, thuế khóa dễ thu, tài chính dồi dào, dân no thì nước giàu..."(17). Động viên dân tiết kiệm, tích lũy vốn, "thi đua mua công trái. Nhưng đồng thời chớ để cạn vốn tăng gia sản xuất của nhân dân" "Cải thiện sinh hoạt phải dựa trên cơ sở tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm"(18). Bác cũng phê phán nghiêm khắc tư tưởng và cách làm không đúng,"Muốn đời sống nhân dân được cải thiện, nhưng không muốn Nhà nước tích lũy vốn". Trong công tác tài chính, Người luôn nhắc nhở cán bộ : "Người cách mạng phải lo lắng trước nhân dân, nhưng phải lo lắng cho đúng"(19).

Thứ tư, Hồ Chí Minh rất coi trọng thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí một cách nhất quán và xuyên suốt trong quá trình xây dựng đất nước. Bác luôn nhấn mạnh : "Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là hai việc mấu chốt để xây dựng, phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội, để cải thiện đời sống nhân dân"(20) Người coi tiết kiệm là một quy luật, một phương pháp của một chế độ kinh tế, không phải chỉ tiết kiệm khi đất nước còn nghèo, mà ngay cả khi giàu có, và càng giàu có càng phải thực hành tiết kiệm. Ngày nay, ngay cả những nước công nghiệp phát triển, thu nhập quốc dân bình quân đầu người khá cao vẫn coi tiết kiệm là quốc sách. Các nước đang phát triển, nước nghèo, thu nhập quốc dân bình quân đầu người thấp như nước ta thì càng phải đặt tiết kiệm hơn ngàn lần là quốc sách. Nói chuyện tại Hội nghị chỉnh huấn Trung ương tháng 3-1961, Bác đã chỉ rõ : "Chúng ta chỉ có

---

(11) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 281
(12) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 133
(13) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 415
(14) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 619
(15) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 133 ; t 10, tr 595
(16) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 167
(17) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 572
(18) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 186 ; t 8, tr 298
(19) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 167
(20) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 349

Digitized by Google

thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách *tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm.* Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống"(21). "Tiết kiệm giúp cho tăng gia và tăng gia giúp cho tiết kiệm, để đi đến kết quả tốt"(22). Bác luôn căn dặn cán bộ, đảng viên phải nêu gương **"cần, kiệm, liêm, chính"**. Người nói không viển vông : Khi có việc đáng làm, việc ích nước lợi dân, lợi cho đồng bào, cho Tổ quốc thì dù hao tốn bao nhiêu công, tiêu hao bao nhiêu tiền của cũng sẵn sàng, nhưng khi không cần tiêu xài thì một hạt gạo, một đồng xu cũng không nên tiêu, không được tiêu. Tư tưởng, quan điểm của Bác là : "Làm ra nhiều, chi dùng ít. Không cần thì không chi dùng. Đó là tất cả chính sách kinh tế, tài chính của ta"(23). Tiết kiệm - theo Bác, "cốt để giúp vào tăng gia sản xuất, mà tăng gia sản xuất là để dần dần nâng cao mức sống của bộ đội, cán bộ và nhân dân"(24). Vì vậy, theo Người : Tiết kiệm không có nghĩa là bủn xỉn "không phải xem đồng tiền to bằng cái nống", gặp việc đáng làm không làm, đáng tiêu không tiêu. Bác quan niệm tiết kiệm một cách toàn diện, hoàn chỉnh, bao gồm cả tiết kiệm của riêng, tiết kiệm của công. Nếu không biết tiết kiệm của riêng thì không thể tiết kiệm của công được. Nhưng nếu chỉ lo tiết kiệm của riêng, mà phung phí của công là không đúng. Theo Bác, tiết kiệm không chỉ lao động và tiền của mà cả thời giờ, tất cả mọi người phải tiết kiệm, "Ai cũng có thể và cũng nên tiết kiệm"(25).

Cùng với việc phát động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, Người lên án và phê phán gay gắt tệ nạn tham ô, lãng phí. Ngay từ trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác thường xuyên nhắc nhở và áp dụng nhiều biện pháp giáo dục, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh tệ nạn tham ô, lãng phí. Người diễn đạt một cách dễ hiểu : "Đứng về phía *cán bộ* mà nói, tham ô là :

Ăn cắp của công làm của tư

Đục khoét của nhân dân

Ăn bớt của bộ đội

Tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình, cũng là tham ô"(26). Còn lãng phí, theo Bác, bao gồm nhiều mặt : lãng phí sức lao động, lãng phí thời gian, lãng phí của cải vật chất, tài nguyên thiên nhiên của nhân dân, của đất nước. Nhấn mạnh tính chất nghiêm trọng của tệ lãng phí, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên án : *"Tham ô là trộm cướp.* Lãng phí tuy không lấy của công đút túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô"(27). Hơn nữa, chỉ có đẩy lùi được tệ nạn tham ô, lãng phí trong cơ quan nhà nước mới tạo cơ sở vận động nhân dân thực hành tiết kiệm. Người đi sâu phân tích những nguyên nhân của căn bệnh tham ô, lãng phí. Đó là do chủ nghĩa cá nhân, bệnh quan liêu. Do đó, biện pháp cơ bản để chống tham ô, lãng phí, thực hành tiết kiệm là chống chủ nghĩa cá nhân, phát huy quyền dân chủ của nhân dân, biết dựa vào dân. Bác cho rằng, phải thực hành một chế độ tiết kiệm nghiêm ngặt, kiên quyết chống tệ nạn lãng phí ở các cơ quan và trong sinh hoạt. Chống cách tiêu dùng bừa bãi tiền của của nhân dân và vốn liếng của Chính phủ. Bác lên án gay gắt nạn phô trương hình thức, tiêu xài vô nguyên tắc, xa hoa lãng phí, ăn uống biếu xén trong dịp lễ tết, khai hội, những lễ kỷ niệm... Người cho rằng : "Chúng ta không thể tha thứ những việc phô trương, lãng phí như vậy"(28).

Những lời dạy và sự lên án của Người đến nay còn nguyên giá trị, là lời cảnh báo trước tình trạng tham ô, lãng phí công quỹ nhà nước đang khá nhức nhối trong đời sống của xã hội

---

(21) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 313
(22) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 394
(23) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 551
(24) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 485
(25) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 487
(26) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 488
(27) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 489
(28) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 500

Digitized by Google

chúng ta. Đó cũng là sự đòi hỏi đối với công tác tài chính : Phải tăng cường chức năng giám sát, chức năng kiểm tra, kiểm soát, nâng cao hiệu quả và hiệu lực của các công cụ quản lý kinh tế - tài chính trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Thứ năm, cán bộ nói chung và người làm công tác tài chính nói riêng là sự quan tâm lớn đối với Hồ Chí Minh. Khẳng định vai trò quan trọng của công tác quản lý kinh tế - tài chính đối với sự nghiệp xây dựng đất nước, Hồ Chí Minh viết : "Trong công cuộc xây dựng nước nhà, việc *quản lý kinh tế tài chính* là cực kỳ quan trọng. Nếu quản lý không chặt chẽ, thì cái gì thiếu không biết, cái gì thừa không hay, công việc sẽ bị bế tắc"(29). Nhưng quản lý kinh tế, tài chính tốt hay không trước hết là do cán bộ, do người làm công tác quản lý, công tác tài chính. Người nói : "Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng.

Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc"(30).

Bác ví cán bộ là tiền vốn của đoàn thể. Đó là điều kiện quan trọng của sản xuất kinh doanh và phải có lãi. Có cán bộ tốt thì chính sách, công việc gì cũng thành công, tức là có lãi. Quản lý tài chính là công việc phức tạp và nhạy cảm và càng phức tạp hơn trong sự nghiệp đổi mới, trong nền kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập quốc tế. Do đó, rất cần những cán bộ, những người làm công tác tài chính tốt. Người làm công tác tài chính tốt, theo Bác, trước tiên phải là người có đạo đức cách mạng, phải khiêm tốn, học hỏi bạn bè, tích cực trau dồi nghiệp vụ, sẵn sàng phục vụ cho lợi ích chung của nhân dân, của xã hội ; phải thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, chí công vô tư, cần, kiệm, liêm, chính, một lòng một dạ phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân. Người chỉ ra các khuyết điểm cần tránh là : trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo, hoặc địa phương chủ nghĩa, óc bè phái, óc quân phiệt quan liêu, óc hẹp hòi, ham chuộng hình thức, làm việc lối bàn giấy, vô kỷ luật, ích kỷ, tự kiêu, tự mãn, chủ quan, ba hoa, tham ô, lãng phí. Hơn ai hết, người làm công tác tài chính phải tẩy trừ và đấu tranh tẩy trừ thói tham ô, lãng phí, bệnh quan liêu.

Người làm công tác tài chính nhất thiết phải có tài năng. Bởi vì, không có tài thì làm việc gì cũng khó, thậm chí không hoàn thành được nhiệm vụ. Tài năng của người làm công tác tài chính có thể hiểu là khả năng nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ, thông thạo những công việc do mình phụ trách. Hơn nữa, trình độ chuyên môn phải ngày càng được nâng cao, công việc nghiệp vụ càng phải rõ ràng, cụ thể. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh phải nâng cao trình độ lý luận, trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật. Bác nói : "Cán bộ kinh tế tài chính phụ trách nhiều tiền của, mà chưa hoàn toàn thông thạo việc quản lý tiền của ấy. Cho nên chúng ta cần phải ra sức học tập quản lý tài sản quốc gia mà ngành mình phụ trách"(31). Học đi đôi với hành. Phải lấy tự học làm cốt. Theo Bác, điều quan trọng là, thông qua học tập mà nắm được phương pháp tư duy đúng, rèn luyện tư duy độc lập và sáng tạo, nâng cao khả năng tự học để người cán bộ có thể tự hoàn thành nhiệm vụ và có thể học tập suốt đời.

Trong sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, công tác tài chính cũng không ngừng đổi mới, góp phần làm thay đổi bộ mặt đất nước và đời sống nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Được Đảng lãnh đạo và được vũ trang bởi tư tưởng Hồ Chí Minh, được soi sáng bằng tấm gương vĩ đại của Người, nền tài chính Việt Nam ngày càng vững vàng trong cơ chế quản lý kinh tế mới, phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ : "Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh". ❑

(29) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 11, tr 110
(30) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 269
(31) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 416

Digitized by Google

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN THỊ DOAN *

THỊ trường nội địa luôn có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất - lưu thông hàng hóa. Nó là nơi khởi đầu và cũng là nơi kết thúc "đầu vào", "đầu ra" cho sản xuất, đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng của dân cư trong nước. Chỉ khi sản xuất hàng hóa phát triển, phân công lao động xã hội diễn ra vượt quá phạm vi biên giới quốc gia thì thị trường quốc tế mới phát triển, quá trình tự do hóa thương mại mới diễn ra sâu rộng. Nói cách khác, chỉ khi thị trường nội địa phát triển mới có điều kiện thâm nhập nhanh vào thị trường quốc tế. Vì vậy, thị trường nội địa luôn có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế nói chung và thương mại nói riêng của mỗi quốc gia, nhất là đối với nước ta, một nước có dân số gần 80 triệu người, đang trong giai đoạn tiến tới hình thành đầy đủ và đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhìn tổng quát, sau gần 17 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, thị trường nội địa nước ta có những tiến bộ vượt bậc. Từ chỗ bị chia cắt theo địa giới hành chính dưới dạng "ngăn sông, cấm chợ", đến nay một thị trường thống nhất, thông suốt trong cả nước, từ thành thị đến nông thôn, từ nông thôn đến miền núi, hải đảo... được hình thành. Từ chỗ mua như "cướp", bán như "cho" với hai chủ thể chính tham gia thị trường là thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, đến nay giá cả hàng hóa trên thị trường chủ yếu được vận hành theo quy luật giá trị và cung cầu hàng hóa, với nhiều chủ thể cùng tham gia, trong đó thương nghiệp tư nhân ngày càng khẳng định vị trí quan trọng. Từ chỗ các chủ thể tham gia thị trường không có quyền tự chủ trong sản xuất - kinh doanh mà chỉ làm theo kế hoạch tập trung và mệnh lệnh của cấp quản lý nhà nước có thẩm quyền về thương mại, đến nay đã dần dần phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về thương mại, với chức năng quản lý các chủ thể tham gia thị trường.

Theo đó, các doanh nghiệp thương mại nhà nước được sắp xếp lại theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả

* PGS, TS, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Digitized by Google

kinh doanh, còn Bộ Thương mại và Sở Thương mại các tỉnh, thành phố chỉ làm chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực thương mại và thị trường. Các doanh nghiệp thương mại nhà nước cũng chuyển từ hạch toán kinh tế mang tính hình thức "lãi giả, lỗ thật", sang hạch toán kinh tế thực sự. Nếu trước đây, hàng hóa khan hiếm thì đến nay, trên thị trường nội địa, hàng hóa đã dồi dào, phong phú, với giá cả ổn định, đáp ứng các nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội giai đoạn 1991 - 2002 tăng bình quân gần 12,5%/năm (theo giá cố định năm 1994). Cơ cấu lưu chuyển hàng hóa theo các chủ thể tham gia thị trường cũng có sự thay đổi đáng kể (xem bảng dưới).

Bảng : Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội và cơ cấu của nó theo thành phần kinh tế (kể cả thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam)

Năm	Tổng mức (tỉ đồng)	Cơ cấu theo thành phần kinh tế (%)		
		Nhà nước	Tập thể	Tư nhân
1990	19 031,2	30,4	2,7	66,9
1991	33 403,6	26,9	2,0	71,7
1992	521 214,5	24,2	1,1	74,7
1993	76 273,3	23,1	0,9	77,3
1994	93 490,0	23,1	0,8	76,1
1995	121 160,0	22,6	0,9	76,5
1996	145 874,0	21,3	0,9	77,8
1997	161 899,7	20,0	0,8	79,2
1998	185 598,7	19,4	0,7	79,9
1999	200 923,7	18,6	0,7	80,8
2000	219 400,0	17,8	0,8	81,4
2001	214 837,8	17,7	0,8	81,5
2002	272 792,0	17,2	0,9	8,9

Nguồn : Niên giám Thống kê năm 2002

Cơ cấu lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội của thành phần kinh tế nhà nước tuy giảm, nhưng các doanh nghiệp thương mại nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong lưu chuyển hàng hóa bán buôn và xuất nhập khẩu. Đối với thị trường nông thôn và miền núi, thương nghiệp nhà nước là lực lượng chủ lực thực hiện các chính sách xã hội về lưu thông hàng hóa, nhất là cung ứng đủ các mặt hàng thiết yếu thuộc diện chính sách cho đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và tổ chức thu mua một số nông sản của nông dân ở vùng đặc biệt khó khăn...

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nhưng do rất nhiều nguyên nhân khác nhau nên nhiều tiềm năng rất lớn của thị trường nội địa vẫn chưa được khai thác hoặc chưa khai thác một cách hợp lý. Thị trường nội địa còn nhiều hạn chế, chưa phát triển một cách ổn định và đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là ở nông thôn và miền núi. Trên những địa bàn này, còn nhiều thị trường rất sơ khai, làm chậm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế...

Vì vậy, trên cơ sở tổng kết Nghị quyết số 12/NQ/TW ngày 3-1-1996, của Bộ Chính trị về *"Tiếp tục đổi mới và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa"* và từ những bài học kinh nghiệm, thực tiễn đòi hỏi phải đề ra được các giải pháp khả thi, có hiệu lực, hiệu quả nhằm phát triển thị trường nội địa đúng hướng, ổn định và bền vững. Thời gian tới chúng ta cần thực hiện tốt một số giải pháp sau :

Thứ nhất, vấn đề có tính nguyên tắc là chúng ta phát triển thị trường nội địa theo định hướng xã hội chủ nghĩa chứ không phải là thị trường của một nền kinh tế thị trường chung. Song, chúng ta không thể thoát ly mà trái lại phải vận dụng sáng tạo các nguyên lý cơ bản của thị trường trong nền kinh tế thị trường, nhất là trong điều kiện tự do hóa thương mại và chủ động hội nhập kinh tế

Digitized by Google

quốc tế vào điều kiện cụ thể của nước ta. Vì vậy, trước hết phải tổng kết, rút kinh nghiệm, xây dựng và hoàn thiện lý luận về mô hình, bản chất, sự vận động của thương nghiệp, của thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chiến lược, xây dựng quy hoạch, chính sách, cơ chế và hoạt động thương mại. Việc này tuy khó, nhưng nhất định chúng ta phải làm. Bởi, nếu không thì thị trường nước ta sẽ phát triển chệch hướng xã hội chủ nghĩa và có thể nảy sinh một thị trường hỗn loạn "cá lớn nuốt cá bé", cạnh tranh không lành mạnh, dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng...

Thứ hai, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về thương mại và thị trường. Suy cho cùng, quản lý nhà nước về thương mại và thị trường là sự chế định của Nhà nước đối với các chủ thể tham gia thị trường bằng các công cụ quản lý thông qua những cơ chế, chính sách cụ thể. Quản lý nhà nước phải tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng cho các chủ thể tham gia thị trường và xác định được điều kiện để các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế (kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) tham gia, cũng như cùng yên tâm phát triển lâu dài. Hoàn thiện môi trường pháp lý, cải cách hành chính mạnh mẽ hơn nữa về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thị trường, hoạt động thương mại, mà trước hết xây dựng được bộ máy công quyền trong sạch, không kỳ thị, hướng vào phục vụ doanh nghiệp để phát huy sức mạnh tổng hợp và lợi thế so sánh của mỗi chủ thể tham gia thị trường. Đối với một số mặt hàng và trong những trường hợp cần thiết, chỉ nên sử dụng độc quyền nhà nước, đồng thời xóa bỏ độc quyền của một số doanh nghiệp.

Thứ ba, định hình một cấu trúc thị trường hợp lý, xác định vị trí, vai trò của mỗi chủ thể (thành phần kinh tế) trong việc lưu thông hàng hóa và dịch vụ, từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng, tổ chức và phát triển mạng lưới thương nghiệp, đảm bảo các kênh, luồng lưu thông hàng hóa thông suốt. Thị trường là một thể thống nhất nhưng do điều kiện tự nhiên và lịch sử phát triển nên đối với nước ta, các khu vực thị trường có sự phát triển không đồng đều, có lợi thế so sánh khác nhau, do đó việc hình thành các kênh, luồng hàng hóa ra - vào của từng khu vực thị trường là rất quan trọng. Việc tổ chức thị trường trên các địa bàn đô thị, nông thôn và miền núi phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của từng địa bàn trong thế liên hoàn, lấy thị trường trọng điểm, đô thị làm động lực lôi cuốn những thị trường kém phát triển hơn.

Thị trường đô thị là trung tâm sản xuất, chế biến, tiêu thụ tập trung, là đầu mối giao lưu và phát luồng hàng, có khả năng định hướng, điều tiết thị trường xã hội. Do đó, nó rất cần được tổ chức thành hệ thống theo nhiều mức độ, nhiều quy mô với hướng đan xen nhiều tổ chức, bao gồm : các công ty chuyên doanh, công ty kinh doanh tổng hợp, các kho, chợ bán buôn, mạng lưới chợ và các cửa hàng bán lẻ.

Đối với thị trường nông thôn, phải đảm bảo yêu cầu nông dân bán được nông sản, mua vật tư sản xuất, hàng tiêu dùng cho sinh hoạt một cách thuận lợi, với giá cả hợp lý, phục vụ kịp thời cho sản xuất và đời sống. Thị trường nông thôn nên được tổ chức dưới hình thức các chợ, các cụm thương mại - dịch vụ ở thị trấn, thị tứ, các quầy hàng, cửa

Digitized by Google

hàng thương nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Thực hiện có hiệu quả chính sách kích cầu và tăng sức mua cho khu vực dân cư nông thôn. Đặc biệt, phải điều tiết hữu hiệu nhằm giữ cho cánh kéo giá cả giữa hàng công nghiệp tiêu dùng với hàng nông sản - thực phẩm ở một khoảng cách hợp lý.

Về thị trường miền núi, Đảng và Nhà nước đã dành nhiều chính sách ưu đãi đặc biệt. Dưới tác động của chính sách vĩ mô đó, sự phát triển kinh tế của miền núi nói chung và của khu vực miền núi đặc biệt khó khăn nói riêng đã được khẳng định ; các yếu tố thị trường cũng được hình thành và phát triển, từng bước đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống ; có khả năng cung ứng không chỉ ở mức cục bộ mà còn vươn ra thị trường cả nước, thị trường thế giới. Đặc biệt, các vùng sản xuất tập trung những sản phẩm có lợi thế, các khu vực tiêu dùng, mua bán tập trung, các kênh lưu thông hàng hóa của mọi thành phần kinh tế... đã xuất hiện. Những yếu tố này cùng với sự phát triển của lưu thông hàng hóa - dịch vụ đã tác động tích cực đến sự hình thành và phát triển các thị trường hàng hóa ở khu vực miền núi. Mặc dù vậy, cho đến nay, đặc biệt là thị trường vùng sâu, vùng xa vẫn kém phát triển nhất : hoạt động lưu thông hàng hóa và thương mại còn yếu ớt, ở nhiều nơi còn mang nặng tính sản xuất tự cấp, tự túc, thị trường vẫn ở dạng rất sơ khai. Vì vậy, cùng với việc khuyến khích tư nhân kinh doanh, cần củng cố thương nghiệp nhà nước để chủ động thu mua nông - lâm sản và cung ứng các mặt hàng thuộc diện chính sách cho đồng bào đến tận xã hoặc cụm xã ; đầu tư và gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các xã đặc biệt khó khăn. Mặt khác, có chương trình xây dựng trung tâm cụm xã, xây dựng các chợ, tổ chức các chợ phiên để phát huy, khuyến khích trao đổi hàng hóa, giao lưu văn hóa truyền thống tại các chợ phiên...

Thứ tư, nâng cao chất lượng và tính khả thi của các dự án quy hoạch nói chung và quy hoạch thương mại nói riêng, định hướng sản xuất gắn với thị trường. Phải chuyển từ tư duy sản xuất và bán "cái mình có" sang sản xuất và bán cái "thị trường cần". Điều quan trọng trước hết là phải làm tốt công tác thông tin và dự báo thị trường. Bộ Thương mại cần chủ trì và vận hành thống nhất đồng bộ và kịp thời vấn đề này. Từ đó, phối hợp với các cơ quan quản lý về sản xuất để theo dõi, đánh giá, định hướng cơ cấu sản xuất chung và cụ thể, đảm bảo đáp ứng đúng nhu cầu thị trường, khắc phục tình trạng ứ đọng hoặc khan hiếm bị động sản phẩm, hoặc sản xuất tự phát trong thời gian vừa qua...

Thứ năm, ngăn chặn và đẩy lùi buôn lậu, gian lận thương mại. Đây là vấn đề gắn liền với các chủ thể tham gia lưu thông hàng hóa trên thị trường và cũng là hiện tượng phổ biến ở mọi quốc gia. Song, muốn chống buôn lậu và gian lận thương mại có hiệu quả, trước hết phải hạn chế kẽ hở của cơ chế, chính sách ; mặt khác, phải làm trong sạch đội ngũ cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước, nhất là trên lĩnh vực hải quan, thuế vụ, công an...

Phát triển thị trường nội địa vừa là tiền đề, vừa là một nội dung phát huy nội lực trong quá trình phát triển đất nước. Để thị trường nội địa phát triển phục vụ những yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất thiết phải xây dựng chiến lược phát triển thị trường nội địa làm cơ sở xây dựng các đề án phát triển thị trường nội địa ở từng giai đoạn và đối với từng thị trường cụ thể.❑

Digitized by Google

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa

PHẠM QUỐC TRỤ *

TOÀN cầu hóa đã trở thành một xu thế lớn của kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế từ vài thập niên trở lại đây. Nó là một xu thế khách quan, có những tác động sâu sắc và toàn diện tới các nước và toàn bộ quan hệ quốc tế. Quá trình này sẽ tiếp tục phát triển và có ảnh hưởng lớn tới tương lai của nhân loại. Đại hội lần thứ IX Đảng ta đã nhận định : Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn nhiều nước tham gia, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh.

Toàn cầu hóa (kinh tế) là quá trình phát triển ở mức cao của các quan hệ kinh tế quốc tế, được biểu hiện chủ yếu thông qua sự gia tăng mạnh mẽ các dòng lưu chuyển của hàng hóa, dịch vụ, vốn, công nghệ và nhân công giữa các nước ; và là sự hình thành, phát triển của các thiết chế, tổ chức quốc tế nhằm điều tiết, quản lý các dòng lưu chuyển quốc tế này. Do vậy, toàn cầu hóa cũng có nghĩa là quá trình xóa bỏ các rào cản đối với sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, vốn, công nghệ và nhân công giữa các nước, làm cho các thị trường quốc gia mất dần biên giới, hình thành những thị trường khu vực chung và tiến tới hình thành một thị trường thống nhất trên toàn cầu. Nhìn ở góc độ phân công lao động thì có thể nói, toàn cầu hóa thực chất là sự phát triển cao và mở rộng quá trình phân công lao động trên phạm vi các khu vực và toàn thế giới.

Để phát triển trong bối cảnh như vậy, hội nhập kinh tế quốc tế trở thành một đòi hỏi không thể né tránh đối với các nước. Đây là con đường đi phù hợp với xu thế toàn cầu hóa, cho phép các nước tận dụng được các cơ hội và điều kiện thuận lợi mà quá trình toàn cầu hóa tạo ra để phát triển. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng gây ra nhiều khó khăn, thách thức lớn cho tất cả các nước, nhất là các nước đang phát triển. Vì lợi ích trước hết của chính mình, hầu hết các nước đều đã và đang tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Đứng ngoài xu thế này sẽ không những không tận dụng được các cơ hội và điều kiện thuận lợi cho phát triển, mà còn tự tước đi khả năng đối phó với những thách thức do quá trình toàn cầu hóa đặt ra cho tất cả các nước, bất kể có tham gia hay không, thông qua sự hợp tác giữa các thành viên trong những cơ chế liên kết kinh tế rất đa dạng.

Nhận thức rõ xu thế phát triển khách quan đó, Đảng ta chủ trương tích cực tiến hành đổi mới đất nước và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Về thực chất, hội

* Bộ Ngoại giao

Digitized by Google

nhập kinh tế quốc tế là sự kết hợp nội lực với ngoại lực, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại nhằm mục tiêu bảo vệ lợi ích của dân tộc, phát triển kinh tế đất nước, góp phần đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong những năm qua đã thu được nhiều kết quả tích cực góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi mà chúng ta đã tận dụng được - thông qua việc tham gia vào xu thế toàn cầu hóa, nền kinh tế nước ta cũng phải đối mặt với không ít khó khăn do tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa. Tác động có tính hai mặt của toàn cầu hóa thể hiện cả trong quá trình xây dựng và duy trì nền kinh tế độc lập tự chủ của nước ta.

1 - Về khái niệm kinh tế độc lập tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa

Một nền kinh tế độc lập tự chủ theo cách hiểu thông thường và truyền thống là một nền kinh tế phát triển toàn diện, có khả năng tự thỏa mãn những nhu cầu mọi mặt của đời sống xã hội, của an ninh, quốc phòng và quá trình tái sản xuất ; không bị lệ thuộc vào bên ngoài cả từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, để có thể vận hành một cách bình thường và bảo đảm được nền tảng cho việc duy trì an ninh quốc gia. Một nền kinh tế như vậy nhìn chung chỉ tồn tại trong điều kiện các quốc gia có đầy đủ mọi nguồn tài nguyên thiên nhiên, điều kiện địa lý, khí hậu lý tưởng, quy mô thị trường quốc gia đủ lớn, trình độ phát triển cao về khoa học - công nghệ và không cần phải có quan hệ kinh tế với nhau mà vẫn có thể tự tồn tại, phát triển được.

Ngày nay, khi toàn cầu hóa đã phát triển ở mức cao, các thị trường quốc gia đã và đang tiếp tục mất đi những hàng rào ngăn cách quan trọng để từ đó tạo điều kiện hình thành thị trường thống nhất trên phạm vi các khu vực và toàn cầu, thì các luồng lưu chuyển khổng lồ về hàng hóa, dịch vụ, thông tin, vốn, công nghệ, nhân công và các mạng lưới công ty đa quốc gia rộng khắp toàn cầu đã gắn kết các quốc gia lại với nhau, làm cho chúng lệ thuộc vào nhau trong cả quá trình sản xuất lẫn quá trình tiêu thụ sản phẩm. Toàn cầu hóa càng phát triển thì sự tương tác, tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước càng tăng. Khủng hoảng kinh tế hay những chấn động kinh tế, tài chính xảy ra ở một nền kinh tế nào đó đều có tác động đến các nền kinh tế mà nó có quan hệ. Mức độ ảnh hưởng nhiều hay ít tùy thuộc vào quy mô của nền kinh tế đó và sức nặng của nó trong quan hệ với các nền kinh tế khác. Thực tế cho thấy, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở một số nước Đông-Nam Á năm 1997 đã gây ra ảnh hưởng dây chuyền nghiêm trọng đối với tất cả các nước trong khu vực và cả nhiều nước khác trên thế giới. Suy thoái kinh tế ở Mỹ và một số nước khác năm 2001 cũng đã kéo theo suy thoái kinh tế ở rất nhiều nước trên thế giới và có tác động mạnh đến hầu hết các nước. Như vậy, rõ ràng một "nền kinh tế độc lập tự chủ" theo cách hiểu truyền thống không còn tồn tại trong thế giới toàn cầu hóa ngày nay. Điều này buộc chúng ta phải có nhận thức mới phù hợp hơn với thực tiễn về khái niệm nền kinh tế độc lập tự chủ. *Một nền kinh tế độc lập tự chủ* trong bối cảnh toàn cầu hoá có thể được hiểu *là nền kinh tế có khả năng thích ứng cao với những biến động của tình hình quốc tế và ít*

Digitized by Google

bị tổn thương trước những biến động đó ; trong bất cứ tình huống nào nó cũng có thể cho phép duy trì được các hoạt động bình thường của xã hội và phục vụ đắc lực cho các mục tiêu an ninh, quốc phòng của đất nước. Để có một nền kinh tế độc lập tự chủ, cần đáp ứng được những yêu cầu chủ yếu sau :

- Cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả và đảm bảo độ an toàn cần thiết.

- Nền kinh tế phát triển bền vững và có năng lực cạnh tranh cao.

- Cơ cấu xuất nhập khẩu cơ bản cân đối ; cơ cấu mặt hàng đa dạng, phong phú với tỷ lệ các mặt hàng công nghệ và có giá trị gia tăng lớn chiếm ưu thế ; cơ cấu thị trường quốc tế, đối tác cũng đa dạng và tránh chỉ tập trung quá nhiều vào một vài mục tiêu.

- Đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong một ngành kinh tế, nhất là những ngành kinh tế quan trọng, chiếm một tỷ lệ không thể chi phối nền kinh tế ; hạn chế hoặc không cho phép đầu tư nước ngoài vào những ngành nhạy cảm.

- Đảm bảo nền tài chính lành mạnh, đặc biệt giữ cân bằng cần thiết trong cán cân thanh toán và có nguồn dự trữ quốc gia mạnh.

2 - Những mặt thuận của toàn cầu hóa đối với việc xây dựng và duy trì nền kinh tế độc lập tự chủ

Toàn cầu hóa tạo động lực để nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và các doanh nghiệp. Quá trình này buộc chúng ta phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng tăng của các nước và giữa các doanh nghiệp cả trong nước lẫn ngoài nước. Sự cạnh tranh như vậy là động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy các doanh nghiệp luôn luôn đổi mới và hoàn thiện về mọi mặt để tăng tính hiệu quả và năng lực cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế và của các doanh nghiệp.

Toàn cầu hóa tạo cơ hội để chúng ta tiếp cận, huy động các nguồn vốn, FDI, các công nghệ mới, chất xám và kỹ năng cao cấp từ bên ngoài để phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế cần thiết cho việc duy trì kinh tế độc lập tự chủ, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và các doanh nghiệp.

Toàn cầu hóa tạo điều kiện để mở rộng, đa dạng hóa thị trường quốc tế và đối tác quốc tế, tránh bị lệ thuộc tập trung vào một số thị trường và đối tác nước ngoài, giữ độ an toàn cao hơn cho nền kinh tế ; tạo cơ hội để tăng cường xuất khẩu và tích lũy, nâng nguồn dự trữ quốc gia, tạo khả năng ứng phó cao hơn đối với các biến cố về tài chính có thể xảy ra, hạn chế việc phải xin viện trợ bên ngoài.

Quá trình toàn cầu hóa cũng tạo động lực thúc đẩy chúng ta phải cải cách hệ thống tài chính - ngân hàng, lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia, tạo điều kiện để phát triển kinh tế và từ đó hạn chế bớt nguy cơ bị lệ thuộc vào bên ngoài về tài chính.

Toàn cầu hóa tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để nắm bắt thông tin, tri thức mới một cách nhanh chóng, kịp thời và tối đa, từ đó giúp cho việc phân tích, đánh giá tình hình và hoạch định chính sách kinh tế một cách phù hợp, nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả của bộ máy nhà nước. Bên cạnh đó, quá trình toàn cầu hóa còn tạo điều kiện để đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ các nhà khoa học, các nhà quản lý doanh nghiệp và tay nghề chuyên môn của đội ngũ lao động dần dần theo kịp với trình độ chung của thế giới.

Digitized by Google

Chủ động hội nhập trong xu thế toàn cầu hóa sẽ giúp chúng ta tạo dựng được các mối quan hệ quốc tế đan xen ở nhiều cấp độ, tránh bị phân biệt đối xử trong quan hệ kinh tế quốc tế, nâng cao vị thế và tiếng nói của nước ta trong quan hệ với các nước và tổ chức quốc tế, từ đó có điều kiện thuận lợi để bảo vệ lợi ích và độc lập tự chủ của nước ta.

3 - Những tác động bất lợi của toàn cầu hóa đối với quá trình hình thành nền kinh tế độc lập tự chủ của nước ta

Toàn cầu hóa làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trên nhiều phương diện, đặc biệt là về kinh tế, từ đó làm suy giảm hay hạn chế sự độc lập tự chủ về kinh tế của các nước theo quan niệm truyền thống.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế thúc đẩy phân công lao động quốc tế theo hướng mỗi nước tập trung vào các ngành, lĩnh vực họ có ưu thế và hiệu quả kinh tế cao, do vậy, ít chú ý hoặc bỏ rơi hẳn những ngành, lĩnh vực có hiệu quả kinh tế thấp.

Toàn cầu hóa làm gia tăng sự lưu chuyển của các nguồn vốn mà chính phủ không dễ dàng kiểm soát được. Nó cũng làm cho những dòng FDI đổ vào các nước ngày càng nhiều hơn. Ngày nay, FDI chủ yếu do các công ty xuyên quốc gia cung cấp ; chúng có thế lực hùng mạnh, cắm chân rết trên khắp thế giới. Có không ít bài học lịch sử về sự can thiệp làm khuynh đảo kinh tế và chính trị của nhiều nước bởi các công ty xuyên quốc gia.

Tóm lại, về lâu dài, quá trình toàn cầu hóa sẽ làm mờ nhạt đi biên giới giữa các không gian kinh tế quốc gia và dần dần hình thành nên những không gian kinh tế rộng lớn hơn bao gồm nhiều nước và lãnh thổ kinh tế. Thậm chí có thể sẽ đến lúc cả thế giới trở thành một nền kinh tế thống nhất với nhiều không gian kinh tế khác nhau ở những khía cạnh nhất định, nhưng cùng vận hành trên những nguyên tắc cơ bản cho toàn bộ hệ thống. Các nền kinh tế quốc gia sẽ mất dần tính độc lập tương đối như hiện nay, và trở thành những thực thể kinh tế giống như là những bộ phận của một "nền kinh tế quốc gia" rộng lớn hơn. Trong lịch sử, điều này đã diễn ra ở Đức, khi các nền kinh tế của các tiểu vương quốc thuộc đế chế Đức - Phổ trước đây thống nhất với nhau trong một liên minh kinh tế (Liên minh thuế quan Đức - Phổ) làm cơ sở hình thành Nhà nước Liên bang Đức. Hiện nay, các nền kinh tế thuộc các nước thành viên EU đang thực hiện quá trình hội nhập rất cao trong một liên minh kinh tế chung. Trong đó, từng nền kinh tế quốc gia chấp nhận chuyển nhiều thẩm quyền về kinh tế thuộc chủ quyền quốc gia cho một kiểu "Nhà nước cộng đồng", và dần dần sẽ trở thành một bộ phận của "nền kinh tế EU". Nhiều tiến trình hội nhập kinh tế ở các khu vực khác nhau trên thế giới cũng đang hoặc sẽ tiến theo hướng này, mặc dù có thể còn rất lâu mới đạt được kết quả tương tự.

Với nhận thức như trên về chiều hướng phát triển và tác động lâu dài của toàn cầu hóa, chúng ta cần có sự đổi mới phù hợp hơn về tư duy kinh tế độc lập tự chủ trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế để xác định đúng đắn các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và dài hạn cũng như các chính sách kinh tế cụ thể, đưa đất nước ta tiến nhanh, mạnh và vững chắc trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG : Còn đó những nỗi lo

KIM DUNG

ĐỒNG bằng sông Cửu Long là vùng đất đầy tiềm năng, đóng góp to lớn vào sự phát triển chung của đất nước. Gần 17 năm đổi mới, nhất là trong những năm gần đây, cơ cấu kinh tế vùng đã có sự chuyển dịch tích cực. Sản lượng lương thực, thủy - hải sản, nông sản hàng hóa đều tăng lên đáng kể, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn so với các vùng trong cả nước, đặc biệt là trên lĩnh vực xuất khẩu.

Tuy nhiên, tăng trưởng GDP của vùng trong mấy năm gần đây có *xu hướng chậm lại ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.* Nhiều năm qua, ở đồng bằng sông Cửu Long - vùng sản xuất hàng hóa nông sản lớn nhất nước, người nông dân luôn phải đối mặt với tình trạng : ***được mùa - mất giá và được giá - mất mùa.*** Giá cả, thị trường không ổn định khiến người nông dân thường xuyên phải trong tình trạng bị động chặt cây này, trồng cây khác theo phong trào (đốn dừa trồng nhãn ; đốn nhãn trồng chanh, đốn chanh trồng cam...). Chính những vướng mắc ấy của sản xuất - thị trường đã làm tình hình kinh tế thêm khó khăn, đời sống người dân ngày càng bấp bênh.

Có 4 nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trên là : *quy hoạch, giống, sản phẩm và thị trường.* Nhiều năm qua, thị trường trong nước chưa được chú trọng khai thác ; thương mại nông thôn còn ít được quan tâm phát triển. Thông tin thị trường, khâu bảo quản, chế biến và các vấn đề liên quan đến nông sản còn *rất hạn chế, manh mún,* quá ít các cơ sở chế biến có tầm cỡ với công nghệ hiện đại theo kịp với tiêu chuẩn quốc tế. Người nông dân ít được áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, ít biết về thị trường, thiếu kiến thức về kỹ thuật canh tác, bảo quản. Cho đến nay, việc xây dựng thương hiệu độc quyền mới chỉ áp dụng đối với một vài loại nông sản.

Là vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm với số dân hơn 16 triệu người, trong đó có khoảng 6 triệu lao động nhưng khó khăn, thách thức lớn nhất của vùng là *trình độ dân trí còn thấp, nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Tiêu thụ, chế biến nông sản, hàng hóa

Lĩnh vực sản xuất *thủy, hải sản gặp nhiều khó khăn* sau khi Bộ Thương mại Mỹ (DOC) ra phán quyết cuối cùng cho rằng các doanh nghiệp Việt Nam bán phá giá đối với sản phẩm cá tra, cá ba sa vào thị trường Mỹ (tháng 6-2003). Hành động đó đã gây nên làn sóng phản đối mạnh mẽ từ các ngành chức năng đến những ngư dân nuôi cá. Việc tiêu thụ cá bị

Digitized by Google

chựng lại, giá cá thịt có xu hướng giảm xuống, nhiều ngư dân muốn bán cá cũng rất khó. Bất bình và lo âu là tâm trạng chung của những ngư dân nuôi cá ở các tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp...

Tuy là vùng trọng điểm lúa của cả nước, nhưng cho đến nay, ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn chưa thiết lập được một chợ chuyên doanh lúa gạo để người mua, bán, người sản xuất, cung ứng gặp nhau.

Với diện tích canh tác gần 284 nghìn héc-ta, mỗi năm đồng bằng sông Cửu Long cung cấp cho thị trường khoảng 2,5 triệu tấn trái cây, chiếm gần 70% tổng sản lượng của cả nước. Đến cuối năm 2002, sản lượng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long đạt gần 2,9 triệu tấn, chỉ chiếm 48,1% sản lượng trái cây của cả nước. Trong lúc đó, *trái cây liên tục rớt giá* với tốc độ chưa từng có. Đây là biểu hiện của những yếu kém trong việc quy hoạch, sản xuất giống, chế biến và tổ chức thị trường. Về cơ bản, sản phẩm cây ăn quả của Việt Nam không đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Việc tạo bộ *giống cây ăn quả* là lĩnh vực *còn yếu*, kém ; việc xây dựng các chương trình giống còn thiếu trọng tâm ; chưa khuyến khích được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào sản xuất giống. Các dự án đầu tư cho giống cây ăn trái ít ; việc cung cấp giống cho các nhà vườn nhiều khi còn phó mặc cho các cơ sở tư nhân, thiếu sự quản lý, giám sát về chuyên môn. Chưa hình thành được các vùng chuyên canh. Những loại trái cây ngon có tiếng của vùng sông nước này như : xoài cát Hòa Lộc, nhãn xuồng cơm vàng, bưởi Năm Roi, chôm chôm Cái Mơn... còn tản mạn về quy hoạch, vụn vặt về chủng loại và sự tự phát về biện pháp canh tác. Nếu không được quy hoạch phát triển, trái cây sẽ không thể thành hàng hóa phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu ; nhà vườn tùy tiện xử lý cho trái cây ra trái vụ, mùa nghịch cũng như mùa chính nên trái cây không còn được chào đón như trước nữa. Phần khác là trái cây nhập lậu cũng đang "lấn sân", cạnh tranh với trái cây nội địa. Do *chưa xây dựng được thương hiệu cho trái cây* nên khó xuất khẩu. Trong khi đó, theo Hiệp hội Trái cây Việt Nam, hiện có rất nhiều giống trái cây đặc sản có nguồn gốc từ Việt Nam được trồng và phát triển tốt ở Thái Lan. Hệ thống tiêu thụ trái cây của đồng bằng sông Cửu Long hiện nay chủ yếu là qua các chợ. Tuy nhiên, cả vùng chưa có một chợ bán buôn tầm cỡ nào ngoài chợ Phong Điền và Cái Răng chủ yếu tiêu thụ trái cây tươi. Trái cây khô và trái cây ép còn khá xa lạ, giá thành lại cao nên chưa được chú ý đầu tư.

Sau một năm thực hiện *Quyết định 80* của Thủ tướng Chính phủ về tiêu thụ nông sản, hàng hóa của nông dân ; về việc liên kết "4 nhà" (nhà nông - nhà kinh doanh - nhà khoa học - nhà nước) trong tiêu thụ nông sản hàng hóa đã mở ra nhiều hướng tốt trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đồng bằng sông Cửu Long đã ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm của khoảng 120 nghìn héc-ta lúa chất lượng và một lượng lớn các nông sản khác (mía, bông...). Tuy nhiên, qua kết quả của 4 đoàn khảo sát cho thấy, thực tế còn khác xa với những con số báo cáo. Dù các cấp, ngành đã có nhiều cố gắng nhưng việc thực hiện Quyết định 80 đang gặp không ít khó khăn, trở ngại, chưa đạt yêu cầu đề ra. *Tỷ lệ nông sản hàng hóa được thực hiện theo hợp đồng còn thấp*, đặc biệt là lúa. Do nhận thức, trình độ, tập quán tiểu nông ; hợp đồng kinh tế chưa có ràng buộc rõ ràng nên có tình trạng khi được giá, người dân bán hết hoặc một phần sản phẩm ra thị trường, lúc rớt giá mới quay về bán cho doanh nghiệp. Cách làm đó khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn (như trường hợp Công ty Grainco,

Digitized by Google

Công ty trách nhiệm hữu hạn Tấn Hưng, Nông trường Sông Hậu...). Ngược lại, các doanh nghiệp khi thu mua cũng dùng giá cả o ép nông dân... *Vai trò của ngân hàng còn rất mờ nhạt,* hầu như chỉ đứng sau và "bán cái" cho doanh nghiệp.

Nguồn nhân lực

Theo số liệu thống kê năm 2000, số lao động không có trình độ chuyên môn chiếm tới 85%, *tỷ lệ lao động qua đào tạo* mới đạt 10% (bình quân của cả nước là 20%) ; tỷ lệ học sinh học nghề, trung học chuyên nghiệp và đại học, cao đẳng là 31 người/ vạn dân, thấp nhất nước. Hiện nay, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt ở cấp xã đang thiếu hụt nghiêm trọng nguồn chất xám, nhất là các chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp. Mặt khác, các chính sách khuyến khích, thu hút nguồn chất xám và lao động đã qua đào tạo có trình độ tay nghề chưa thật sự hấp dẫn.

Cụm công nghiệp khí - điện - đạm Cà Mau là một trong những dự án lớn mà Chính phủ đầu tư cho vùng. Theo dự kiến, đến năm 2005, khi dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động sẽ tác động trực tiếp đến việc đẩy nhanh tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn vùng, giải quyết việc làm ổn định cho hàng ngàn lao động địa phương. Chỉ còn hơn 2 năm nữa dự án đi vào hoạt động, nhưng vấn đề bức xúc nhất hiện nay là việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho cụm công nghiệp này. Tỉnh Cà Mau hiện có trên 630 nghìn người trong độ tuổi lao động, trong đó hơn 30 nghìn người không có việc làm hoặc chưa có việc làm ổn định. Số lao động đã qua đào tạo ở Cà Mau chỉ có khoảng 12% trong khi nguồn lao động cung cấp cho cụm công nghiệp này đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ... tương xứng. Cà Mau đã gửi thông báo tuyển dụng trước đến các tỉnh bạn nhưng vẫn chưa thấy sự phản hồi.

Xây dựng cụm tuyến dân cư vượt lũ

Tuy người dân ở đây đã quá quen với lũ lụt, thiên tai, nhưng sau trận lũ lịch sử năm 2000, để hạn chế tối đa tổn thất, để có thể "sống chung với lũ", các tỉnh thường xuyên ngập lũ của đồng bằng sông Cửu Long (An Giang, Đồng Tháp, Long An, Kiên Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Tiền Giang) đã triển khai xây dựng cụm, tuyến dân cư vượt lũ. Mùa lũ mới đang cận kề, nhưng so với kế hoạch và yêu cầu đặt ra, tiến độ xây dựng như hiện nay là còn *quá chậm.* Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, đến tháng 5-2003, đã triển khai tôn nền cho 528 cụm tuyến dân cư vượt lũ với diện tích 2 161 héc-ta, đạt 74% so với kế hoạch ; trong đó chỉ có 251 cụm tuyến với diện tích 1 088 héc-ta hoàn thành việc tôn nền, đạt 37% kế hoạch, thậm chí nhiều địa phương gần như chưa có một cụm tuyến dân cư hoàn chỉnh để triển khai di dân vào trước mùa lũ 2003 này. Theo báo cáo của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đến hết năm 2003 mới chỉ "cơ bản" hoàn thành công tác tôn nền tại các vùng ngập sâu ; việc xây dựng hạ tầng và bố trí đưa dân vào ở tại các cụm tuyến rất khó đáp ứng được yêu cầu. Tình trạng trên do nhiều nguyên nhân : thời kỳ đầu, các địa phương còn lúng túng trong chỉ đạo điều hành ; các sở, ban, ngành chưa có sự phối hợp chặt chẽ ; công tác giải phóng mặt bằng ở nhiều địa phương còn gặp khó khăn ; việc xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ dân sinh (điện, cấp thoát nước, đường giao thông...) tiến hành quá chậm ; khó khăn lớn nhất là các đơn vị liên quan chưa cân đối được nguồn vốn.

Môi trường sinh thái

Sự dịch chuyển quá nhanh, thiếu quy hoạch tổng thể về chuyển diện tích lớn đất từ trồng lúa sang nuôi tôm đã làm thay đổi hệ sinh thái rừng ngập mặn. Những cánh rừng tràm, rừng đước, sân chim, vườn trái của

Digitized by Google

đồng bằng sông Cửu Long dưới bàn tay khai phá của con người đã thay đổi *vừa tích cực, vừa tiêu cực.*

Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi thiếu quy hoạch, nhất là tốc độ đô thị hóa quá nhanh lại tự phát ở một số nơi đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho môi trường sinh thái, tác động xấu tới đời sống nhân dân. Những khu rừng ngập mặn, tài sản quý giá của vùng sông nước luôn bị nạn cháy rừng đe dọa. Năm nay, thời tiết nắng nóng kéo dài, chưa đầy 6 tháng đầu năm 2003, dù rất cố gắng phòng chống nhưng ở Cà Mau đã xảy ra 17 vụ cháy rừng lớn, nhỏ mà nguyên nhân chủ yếu do dân nghèo vào rừng lấy mật ong, vô tình trở thành thủ phạm. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Cà Mau, chỉ khi giải quyết được bài toán nâng cao đời sống cho hàng nghìn hộ dân nghèo đang sống dưới những tán rừng thì công tác phòng, chống cháy rừng mới thực sự có hiệu quả. Thời gian qua, Cà Mau đã giải quyết cho hàng ngàn hộ được nhận đất, nhận rừng. Tuy nhiên, đây chỉ là bài toán cần chứ chưa đủ để giải quyết những vấn đề liên quan.

Vườn Quốc gia tràm chim (Đồng Tháp) có loài sếu đầu đỏ sinh sống. Trước đây, khi mùa khô đến, tràm chim bận rộn công tác phòng chống cháy rừng và tất bật chuẩn bị đón đàn sếu đi ăn xa trở về trú ngụ. Nhưng, 3 năm gần đây, sếu về cứ thưa dần, vì dân nhập cư đến đây khai phá đất vùng đệm canh tác, khiến môi trường sinh thái thay đổi. Các sân chim ở các tỉnh khác như Bạc Liêu, Kiên Giang... cũng gặp phải những tình trạng tương tự, nhất là sau ảnh hưởng của những vụ cháy rừng.

Những tín hiệu đáng mừng

Nhà nước phải nắm giữ *vai trò điều phối,* để tích cực giải quyết những vấn đề còn tồn đọng hiện nay trong sản xuất, tiêu thụ nông sản, hàng hóa và phát triển tổng thể đồng bằng sông Cửu Long. Tại Hội nghị triển khai Nghị quyết số 21 của Bộ Chính trị (tháng 5-2003), Bộ Công nghiệp xác định hàng loạt dự án trọng tâm trên cơ sở quy hoạch tổng thể vùng. Theo đó, *việc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh cho công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy - hải sản* trở thành khâu đột phá. Sẽ hình thành ở khu vực 26 trung tâm chế biến gạo xuất khẩu có tổng công suất 3,5 triệu tấn/năm. Đến năm 2010, cố gắng đạt sản lượng chế biến thủy sản là 1,2 triệu tấn ; dành 300 ngàn héc-ta cho sản xuất 3 triệu tấn trái cây, trong đó có 1,42 triệu tấn để xuất khẩu. Xây dựng các dự án theo mô hình chăn nuôi, chế biến xuất khẩu khép kín từ 10 - 20 ngàn tấn/năm.

Trước tình hình thị trường cá tra, cá ba sa xuất khẩu sang Mỹ đang gặp khó khăn, Bộ Thủy sản, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã chủ động và tích cực hướng dẫn ngư dân yên tâm sản xuất, nhất là không nên hoang mang đồng loạt bán cá trong thời điểm hiện nay ; đồng thời tăng cường tìm kiếm mở rộng thị trường mới, đẩy mạnh tiêu thụ nội địa. Các doanh nghiệp chế biến cố gắng giữ giá thu mua cá tra đạt tiêu chuẩn tốt ở mức phù hợp để giảm thiệt hại cho ngư dân. Trong khi chưa tìm được thị trường tiêu thụ ổn định, trước mắt, các địa phương không nên mở rộng thêm diện tích nuôi.

Kinh nghiệm cho thấy, chính quyền nơi nào chủ động, tích cực thì kết quả thu được sẽ rất tốt (thực tế của An Giang là một điển hình). Cùng với các bộ, ngành, các tỉnh trong vùng phải phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để huy động nhiều nguồn vốn đầu tư cho các *dự án công nghiệp* làm đòn bẩy phát triển các mặt hàng chế biến nông sản cho khu vực.

Digitized by Google

Nông dân và doanh nghiệp cần có một tiếng nói chung, nhất là trong xây dựng quy hoạch và tổ chức lại sản xuất. Thực tiễn đòi hỏi, trong sản xuất nông nghiệp cũng như trong tiêu thụ, không thể thiếu được các *hợp tác xã và các hình thức hợp tác khác,* làm cầu nối giữa nông dân và doanh nghiệp. Người nông dân rất cần những hợp tác xã, tổ hợp sản xuất để qua đó có điều kiện trợ giúp nhau sản xuất, tìm hiểu thông tin, tiếp cận thị trường, liên kết tiêu thụ nông sản hàng hóa, chuyển giao công nghệ canh tác, bảo quản.

Theo đề án đã được Chính phủ phê duyệt, đến năm 2010, rau quả tươi, sấy, muối phục vụ xuất khẩu ở đồng bằng sông Cửu Long phải đạt hơn 1,4 triệu tấn. Theo đó, phải đầu tư hơn một nghìn tỉ đồng để phát triển công nghiệp chế biến. Trước mắt, 6 nhà máy chế biến quả ở Tiền Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Long An được nâng cấp để hoạt động hết công suất. Chính phủ đã quyết định xây dựng Trung tâm Thương mại trái cây quốc gia ở Hòa Khánh (Tiền Giang) và nhiều chợ đầu mối ở Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp, và dự kiến đến năm 2005 sẽ hoàn tất. Việc cần quan tâm là phải đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình này. Tháng 5-2003, Sở Thương mại Cần Thơ đã xây dựng đề án chợ chuyên doanh lúa gạo cấp khu vực nằm ở xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, có diện tích 200 ngàn mét vuông. Hy vọng trong thời gian không xa, những chợ đầu mối như vậy sẽ góp phần giải quyết đáng kể "đầu ra" cho nông sản. Vì nền sản xuất của ta còn nhỏ và manh mún, với đặc thù của khu vực, để nông sản, hàng hóa sớm đến với nhà máy, không thể thiếu *vai trò trung gian của thương lái*. Nhiều ý kiến cho rằng cần tổ chức và chuyển thương lái thành những đầu mối làm trung gian giữa nông dân và doanh nghiệp.

Có ý kiến cho rằng, đã đến lúc phải "khống chế" diện tích cây ăn trái như đã từng làm trong trồng lúa và cà-phê, theo hướng tăng cường giống có chất lượng cao. Kinh nghiệm này đang dần được phổ biến trong các nhà vườn ở Vĩnh Long là một tín hiệu vui cho trái cây đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

Khắc phục tình trạng tiến độ xây dựng các cụm tuyến dân cư vượt lũ chậm, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tập trung mọi khả năng, gắng sức tháo gỡ khó khăn, gấp rút xây dựng kết cấu hạ tầng, phấn đấu đến trước mùa lũ giải quyết được một phần đáng kể để kịp thời triển khai việc di dân phòng chống lũ.

Khai thác tối đa thế mạnh của vùng sông nước ; biến du lịch thành một trong những thế mạnh của đồng bằng sông Cửu Long để giới thiệu với nhân dân cả nước và khách nước ngoài tiềm năng kinh tế - xã hội, nhất là lịch sử, văn hóa, danh thắng, nghệ thuật ẩm thực ; tạo điều kiện cho các tỉnh trong khu vực, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tiếp cận thị trường, gặp gỡ đối tác, tìm kiếm cơ hội đầu tư, dự kiến từ ngày 2 đến ngày 6-10-2003, cuộc liên hoan du lịch đầu tiên của vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long sẽ được tổ chức tại Cần Thơ với sự tham gia của ngành du lịch 12 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh miền Đông Nam Bộ. Gần 300 doanh nghiệp đã chính thức đăng ký các đoàn đến với *Mekong Festival 2003*. Đây cũng là một hoạt động góp phần chào đón và cổ động cho SEA Game 22.

Cùng với sự chỉ đạo của Trung ương, sự phối hợp của các bộ, ban, ngành, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long cùng với việc phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của mình, cần có sự liên kết chặt chẽ, phân công hợp lý, hoạt động nhịp nhàng hơn nữa trong thực hiện các kế hoạch được giao.❑

Digitized by Google

Buôn làng, luật tục và vấn đề quản lý cộng đồng của các tộc người Tây Nguyên hiện nay

NGÔ ĐỨC THỊNH *

I- Buôn làng và sự cố kết cộng đồng

Làng là kết cấu xã hội điển hình và bền vững nhất của cư dân, đặc biệt là với cư dân nông nghiệp. Đến xã hội công nghiệp thì làng bị đô thị hóa và sẽ thay đổi về cơ bản. Đầu tiên, khi con người bước vào trình độ sản xuất nông nghiệp hay chăn nuôi gia súc, thì họ có nhu cầu phải định cư thành từng nhóm, hợp lực nhau lại để sản xuất và chống chọi với những bất lợi về môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Dần về sau, từ nơi tụ cư như vậy, làng trở thành *một kết cấu kinh tế, xã hội, văn hóa và mang trong mình nó sức mạnh cố kết cộng đồng rất bền chặt.* Nhìn chung, cơ cấu làng buôn và sự cố kết cộng đồng của các tộc người Tây Nguyên dựa trên một số nền tảng cơ bản sau :

a - Trước nhất, buôn làng của các tộc người Tây Nguyên là *một cộng đồng về cư trú,* tức các gia đình, dù là gia đình lớn hay gia đình nhỏ, dù là theo huyết thống mẫu hệ hay phụ hệ, cùng sống trong một buôn làng (người Ê Đê gọi là Buôn, người Mơ Nông gọi là Bon, người Ba Na gọi là Plây...). Số lượng các gia đình nhiều hay ít là tùy thuộc vào điều kiện môi trường và đất đai canh tác, làng buôn lớn có tới hàng trăm gia đình, nhỏ cũng gồm hàng chục gia đình. Tùy theo từng vùng, từng tộc người mà hình thức cư trú của làng buôn cũng mang những dáng vẻ khác nhau.

b - Buôn làng là *một cộng đồng về sở hữu và lợi ích,* thể hiện ở quan hệ sở hữu công cộng của buôn làng về rừng và đất rừng, trong đó mỗi người dân chỉ có quyền chiếm dụng trong thời hạn canh tác. Điều này đã được ghi trong luật tục.

c - Làng buôn là một *cộng đồng mang tính tâm linh,* thể hiện trên các phương diện sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng, nghi lễ, kiêng cữ... Đây là mối dây liên kết vô hình nhưng rất bền chặt, quy tụ con người hướng vọng về các biểu tượng linh thiêng mang tính thần linh, một lực lượng siêu nhiên phù hộ độ trì cho con người trước những đe dọa, rủi ro trong đời sống hiện thực.

d - Buôn làng Tây Nguyên là *một cộng đồng văn hóa.* Buôn làng xuất phát là một cộng đồng về cư trú, cộng đồng về sở hữu và lợi ích sau đó dần trở thành một cộng đồng về văn hóa, thể hiện sự thống nhất trên hàng loạt các nghi lễ, phong tục, kiêng cữ, các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, các mối quan hệ xã hội mang tính dân chủ, bình đẳng... Cũng giống như cộng đồng về tâm linh, cộng đồng về văn hóa là sự cố kết bằng những ràng buộc vô hình, nhưng nó vô cùng bền chặt bởi từ thế hệ này sang thế hệ khác người ta trao quyền cho nhau những thói quen, phong tục, nhiều khi đã trở thành bản năng và vô thức, ai làm trái hay đi ngược lại những điều đó đều bị dư luận của cộng đồng phê phán, thậm chí bị luật tục kết tội.

* PGS, TS, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian

Digitized by Google

Tính cộng đồng của làng buôn các tộc người Tây Nguyên biểu hiện rất rõ nét và đa dạng, từ đó hình thành *tâm lý cộng đồng*. Những nền tảng cơ bản để hình thành nên tính cộng đồng, sự cố kết và tâm lý cộng đồng đó là dựa trên sự cộng đồng về cư trú *(cộng cư)*, cộng đồng về sở hữu và lợi ích *(cộng lợi)*, cộng đồng về tâm linh *(cộng mệnh)* và cộng đồng về văn hóa *(cộng cảm)*.

II - Luật tục - hương ước và quản lý cộng đồng làng buôn

1 - Thực trạng luật tục hiện nay ở các tộc người Tây Nguyên

Luật tục là một di sản văn hóa cổ truyền, kho tàng tri thức dân gian về quản lý cộng đồng của các tộc người ở Tây Nguyên. Có thể nói ở hầu hết các tộc người bản địa ở đây đều có luật tục, trong đó có khá nhiều luật tục đã được phát hiện và công bố từ hơn nửa thế kỷ nay, như luật tục Ê Đê, Mơ Nông, Ba Na, Xtiêng, Mạ, Srê... Luật tục tồn tại dưới dạng thể văn vần, truyền miệng, giàu hình ảnh, đề cập tới hầu hết các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, như : Thủ lĩnh và quan hệ giữa thủ lĩnh với cộng đồng, hôn nhân, gia đình và quan hệ gia đình, phong tục tập quán và các quan hệ xã hội trong làng buôn, sở hữu đất đai và tài nguyên, việc xâm phạm tới cá nhân (chửi mắng, đánh, giết người...), nghi lễ và tín ngưỡng... So với luật tục của các dân tộc khác ở nước ta, trong đó có hương ước của người Kinh thì luật tục các dân tộc ở Tây Nguyên có vị trí và vai trò đặc biệt : Đó là di sản văn hóa chứa đựng bản sắc văn hóa tộc người, là kho tàng tri thức dân gian phong phú, là công cụ để quản lý làng buôn không chỉ trong quá khứ mà cả xã hội hiện nay.

So với luật pháp của nhà nước, luật tục Tây Nguyên mang những đặc điểm riêng : 1 - Là hình thức trung gian giữa phong tục tập quán và luật pháp hay là hình thức tiền luật pháp, rất phù hợp với các cộng đồng dân cư nhỏ hẹp, còn ở trình độ phát triển xã hội thấp ; 2 - Luật tục là một bộ phận hữu cơ của hệ thống xã hội - văn hóa tộc người, nó điều chỉnh hành vi con người thông qua hệ thống văn hóa, khiến con người tự giác thực hiện, luật tục như là một hành vi văn hóa. Đó chính là văn hóa pháp luật, tạo nên sức mạnh của luật tục ; 3 - Luật tục mang tính đặc thù địa phương, phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể của địa phương và tộc người, đó là sự đồng thuận của nội bộ cộng đồng về các chuẩn mực và nguyên tắc ứng xử xã hội sao cho phù hợp với lợi ích và sự cố kết cộng đồng ; 4 - Luật tục với tư cách là công cụ góp phần vào việc quản lý cộng đồng, do vậy nó cũng biến đổi cùng với sự biến đổi của xã hội. Chính trong giai đoạn phát triển xã hội mang tính bước ngoặt hiện nay, luật tục các tộc người Tây Nguyên cũng đã và đang tự điều chỉnh ; 5 - Trong thực hành luật tục, nguyên tắc cơ bản là làm sao đảm bảo được tính thống nhất và cố kết của cộng đồng, chứ không thuần túy chỉ là sự công bằng giữa hai bên có sự xung đột như khi thực thi pháp luật nhà nước.

Hiện tại, ở các tộc người Tây Nguyên, đã và đang diễn ra thực tế kết hợp giữa luật tục và luật pháp trong quản lý cộng đồng, mà trong sự kết hợp đó bên cạnh những điều phù hợp thì cũng không ít những trường hợp có sự khác nhau, thậm chí ngược nhau. Đó là tình trạng đa dạng pháp luật đã từng diễn ra trong lịch sử nước ta cũng như thực tế nhiều nước trên thế giới hiện nay. Rõ ràng là, cùng với việc ngày càng phổ biến rộng rãi pháp luật tới làng buôn các tộc người Tây Nguyên thì phạm vi ứng dụng và chức năng của luật tục trong quản lý cộng đồng có phần hạn chế và suy giảm hơn so với trước kia.

Ngày nay, luật tục của các buôn làng thường được sử dụng trong các trường hợp hòa giải các mối quan hệ cộng đồng, quan hệ hôn nhân và gia đình, gìn giữ các thuần phong mỹ tục, thực hành các tín ngưỡng và nghi lễ, hòa giải các mâu thuẫn và xung đột ở mức không nghiêm trọng xảy ra trong buôn làng... Còn các vấn đề

Digitized by Google

tranh chấp đất đai, các xung đột mang tính hình sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền các cấp. Nhiều nơi, người đứng ra giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của luật tục thì cũng không còn là công việc của các già làng, trưởng thôn hay người xử kiện như ngày xưa nữa, mà đã thuộc trách nhiệm của tổ hòa giải, trong đó ngoài người xử kiện theo truyền thống, còn có đại diện của các đoàn thể quần chúng trong buôn... Cũng vì thế, cơ sở "pháp lý" để vận dụng đã chừng nào có sự kết hợp giữa luật tục và luật pháp của nhà nước.

2 - Luật tục - hương ước và việc quản lý cộng đồng làng buôn hiện nay

a - Bài học lịch sử và chủ trương của Đảng và Nhà nước ta

Vấn đề kết hợp giữa lệ làng và phép nước là một kinh nghiệm của cha ông ta trong lịch sử từ 500 năm về trước, khi lần đầu tiên vua Lê Thánh Tông ra sắc chỉ cho phép các làng người Việt soạn thảo hương ước. Cũng cần phải nói thêm rằng, trước đó, nhà vua đã từng có ý định cấm các làng xã làm việc này, vì Lê Thánh Tông nghĩ rằng, đã có luật nước (luật Hồng Đức) rồi thì cần gì tới lệ làng. Nhưng sau, nhà vua đã thay đổi ý định và ban chiếu chỉ cho phép các làng soạn hương ước và hướng dẫn thể thức soạn thảo, như chỉ cho các nhà nho ở hương thôn tham gia thảo hương ước, sau khi soạn thảo xong phải được các quan chức cấp cao hơn phê duyệt.

Sau khi xâm lược nước ta, vào khoảng những năm 20 của thế kỷ XX, thực dân Pháp thực thi chính sách cải cách hương thôn, trong đó có việc bắt các làng xã soạn thảo lại hương ước, gọi là hương ước cải lương, trong đó ngoài việc loại bỏ một số điều quy định mang tính chất hủ tục thì những người cai trị thực dân cũng đã lồng vào hương ước ở xã thôn những mưu đồ nhằm nắm chặt và chi phối làng xã. Như vậy là, bên cạnh luật pháp của nhà nước thực dân, chúng cũng đã lợi dụng luật tục và hương ước để quản lý và cai trị nông thôn nước ta.

Vào thập kỷ 80, khi nước ta thực hiện chính sách đổi mới nông nghiệp và nông thôn, trong đó có vấn đề khoán đến hộ nông dân, từ đó dẫn tới việc phục hồi lại làng xã cổ truyền cùng với các tập tục, nghi lễ, sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng, đòi hỏi phải có những hình thức quản lý cộng đồng làng xã tương ứng. Đó chính là môi trường làm tái sinh luật tục - hương ước cổ truyền. Và thực tế cho thấy, luật tục - hương ước còn có tác dụng nhất định đối với việc tự quản ở nông thôn. Nhận thức được điều đó, Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương đúng đắn về việc kế thừa và phát huy luật tục và hương ước đối với việc quản lý cộng đồng.

b - Những khả năng của việc kế thừa và phát huy luật tục trong việc quản lý buôn làng hiện nay ở Tây Nguyên

Căn cứ vào yêu cầu thực tế xã hội hiện nay cũng như giá trị thực tiễn của luật tục cổ truyền của các tộc người ở Tây Nguyên, chúng ta có thể khai thác và kế thừa chúng trong quản lý cộng đồng buôn làng hiện nay trên một số phương diện sau :

- Về quản lý và khai thác tài nguyên thiên nhiên : Trong xã hội các tộc người Tây Nguyên, từ lâu, đã hình thành các quan hệ sở hữu và sử dụng rừng, đất rừng và các tài nguyên thiên nhiên. Đó là quyền sở hữu công cộng của làng buôn đối với rừng, đất rừng, đất đai canh tác, bãi chăn thả, sông suối và các nguồn tài nguyên. Phạm vi sở hữu đó được quy định khá rạch ròi, mọi người dân đều biết và có nghĩa vụ bảo vệ và sử dụng. Nguyên tắc sử dụng là, ai tìm ra trước và khẳng định quyền sử dụng trước thì được trước và được cộng đồng tôn trọng. Đối với đất rừng đã khai phá và canh tác, người chủ đầu tiên vẫn có quyền chiếm dụng đối với mảnh đất canh tác đó, kể cả lúc để hoang hóa (hưu canh), ai muốn sử dụng thì phải hỏi chủ cũ, nếu họ đồng ý thì mới có quyền canh tác hay thu hái sản phẩm trên mảnh đất đó. Chủ sử dụng đất đai và tài nguyên là các gia đình hay cá nhân, còn người đại diện cho quyền sở hữu của cộng đồng

Digitized by Google

buôn thì thường là chủ buôn, các già làng, thậm chí là chủ dòng họ như ở người Ê Đê. Như vậy, ở các buôn làng Tây Nguyên, quyền sở hữu công cộng về đất đai và tài nguyên và quyền chiếm dụng (sử dụng) của các hộ nông dân và cá nhân có sự chi phối và ràng buộc nhau một cách hữu cơ. Ở đây, không có quyền sở hữu công cộng một cách chung chung, trừu tượng và cũng không có quyền chiếm dụng một cách tuyệt đối, thoát ly khỏi sở hữu công cộng của mỗi cá nhân.

Như chúng tôi đã trình bày ở phần trên, mấy thập kỷ gần đây, trong các buôn làng Tây Nguyên, quan hệ sở hữu trên đã không được thừa nhận về phương diện luật pháp và chừng nào trên thực tế, nên đã gây ra nhiều biến động và rối loạn trên phạm vi sở hữu và sử dụng đất đai, tài nguyên, các cuộc tranh chấp đất đai ngày càng tăng. Bởi vậy, để khắc phục tình trạng này, nên khôi phục lại quyền quản lý đất đai và tài nguyên của cộng đồng làng buôn ở cả phương diện pháp luật nhà nước và luật tục, mà hiện nay nhiều nơi gọi là hương ước. Làm được như vậy, có những tác dụng sau : a - Điều hòa các mối quan hệ về quyền sử dụng đất đai của cộng đồng và quyền sử dụng đất đai và tài nguyên của cá nhân trong nội bộ cộng đồng, làm cho người nông dân vừa có đất canh tác và giữ đất lâu dài cho bản thân và con cháu họ ; b - Góp phần giải quyết những tranh chấp đất đai đã và đang diễn ra giữa các làng buôn, người Kinh và đồng bào các dân tộc thiểu số, giữa những người di dân tự do đã và đang đến Tây Nguyên và dân cư tại chỗ...

- Xây dựng các mối quan hệ xã hội hài hòa và lành mạnh : Trong luật tục cổ truyền của các tộc người Tây Nguyên, nội dung xã hội và quan hệ xã hội được đặc biệt quan tâm, chiếm số lượng lớn các điều luật tục, thể hiện trên các phương diện : a - Quan hệ giữa người trưởng buôn với cộng đồng và ngược lại ; b - Quan hệ giữa các gia đình và cá nhân với cá nhân trong cộng đồng liên quan với phong tục, nghi lễ, ứng xử... ; c - Các quan hệ nam nữ, quan hệ hôn nhân và gia đình (quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ và con cái...). Nhìn chung, các mối quan hệ xã hội kể trên đều thể hiện tính cộng đồng cao, tính nhân bản và các thuần phong mỹ tục, tạo nên mối quan hệ hài hòa trong cộng đồng. Tuy nhiên, là sản phẩm của xã hội cổ truyền, nên đây đó không phải không còn lưu giữ những tập tục và các mối quan hệ xem ra đã lỗi thời, cản trở sự phát triển xã hội hiện nay.

- Bảo tồn và phát huy các thuần phong mỹ tục và xây dựng đời sống văn hóa ở buôn làng : Cùng với việc xây dựng các quan hệ xã hội hài hòa, trong luật tục của các tộc người ở Tây Nguyên đề cập nhiều tới các thuần phong mỹ tục, các nghi lễ, phong tục tập quán mang tính cộng đồng. Tất nhiên các phong tục, nghi lễ này ra đời và hình thành trên nền tảng xã hội cổ truyền, nên hiện tại bên cạnh những phong tục, nghi lễ vẫn giữ nguyên giá trị tốt đẹp, cũng có những phong tục, nghi lễ đã lỗi thời, thậm chí còn phương hại tới sự phát triển xã hội ngày nay, như tục chôn chung nhiều thi hài trong một ngôi mộ của gia tộc, tín ngưỡng Ma lai, tục đẻ ngoài rừng, hôn nhân nối dây... Do vậy, trong việc xây dựng hương ước hay xây dựng làng văn hóa hiện nay, chúng ta cần khai thác những thuần phong mỹ tục, các sinh hoạt văn hóa lành mạnh trong luật tục cổ truyền, loại bỏ dần những hủ tục theo nguyên tắc "gạn đục khơi trong".

3 - Việc xây dựng và thực thi hương ước ở Tây Nguyên hiện nay

Thực hiện Nghị định của Chính phủ về kế thừa và phát huy hương ước trong việc soạn thảo hương ước buôn làng mới, năm 1999, Bộ Tư pháp đã có văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai công tác này tại các tỉnh thành, trong đó có các tỉnh Tây Nguyên. Hiện nay, các tỉnh Tây Nguyên đã triển khai Nghị định này ở những mức độ khác nhau. Tỉnh Gia Lai, đã hướng dẫn cho 191 thôn làng xây dựng hương ước, trong đó có 168 thôn làng đã có bản

hương ước được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt và thực thi. Tỉnh Đắc Lắc, từ năm 1997 tới nay, đã có 400 buôn làng triển khai xây dựng quy ước, trong đó có 246 buôn làng đã có bản quy ước được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và đưa vào thực thi. Tỉnh Kon Tum cũng đã triển khai xây dựng hương ước, nhưng cho tới nay chưa có buôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ nào hoàn tất hương ước và được phê duyệt.

Tuy chưa có sự tổng kết về hiệu quả của công tác này, nhưng nhìn chung những buôn làng xây dựng và thực hiện tốt hương ước thì an ninh, trật tự được đảm bảo, tính cộng đồng buôn làng được đề cao, đời sống kinh tế xã hội được ổn định và phát triển. Đặc biệt, "sự kiện tháng 2-2001" cho thấy, ở những nơi chưa có hương ước, bọn chống đối dễ bề tuyên truyền xuyên tạc, lôi kéo các phần tử xấu hoạt động phá rối trật tự trị an ở buôn làng. Vì thế, ở một số buôn làng đã bổ sung thêm các điều khoản liên quan tới trật tự trị an về chính trị, những kẻ tham gia gây rối vừa qua đã bị đưa ra kiểm điểm giáo dục trước dân làng theo điều khoản của luật tục.

Rút kinh nghiệm về việc xây dựng và thực thi hương ước ở các tộc người Tây Nguyên vừa qua, chúng ta có thể nêu một số vấn đề cần lưu ý sau đây :

a - Hiện tại, các tỉnh Tây Nguyên vẫn chưa thống nhất tên gọi là quy ước, hương ước hay luật tục... Thật ra, trong lịch sử, ngay ở người Việt tên gọi này cũng không thống nhất, như hương ước, khoán ước, hương khoán, lệ làng, khoán lệ... mà tùy từng làng có cách gọi khác nhau. Liên quan tới hình thức này từ xưa, mỗi tộc người cũng có cách gọi riêng, chúng ta nên tìm một tên gọi nào đó phù hợp với tên gọi vốn có của mỗi dân tộc tốt hơn là lấy tên gọi hương ước của người Kinh làm tên gọi chung.

b - Vấn đề kế thừa những tri thức, kinh nghiệm quản lý cộng đồng của luật tục xưa và việc đưa những nội dung xã hội mới vào trong bản hương ước, quy ước buôn làng hiện nay, là một trong những nội dung quan trọng của việc xây dựng và thực thi hương ước, quy ước mới. Nói cách khác, đó là sự kết hợp giữa yếu tố truyền thống và hiện đại trong từng bản hương ước. Những bản hương ước hiện nay đã xây dựng đều chưa thể hiện được sự kết hợp này, còn mang nặng tính chung chung, những nét truyền thống tốt đẹp chưa được kế thừa. Nhiều địa phương chưa lồng ghép nội dung hương ước với việc xây dựng làng văn hóa, mà thực chất hai cái đó gần như là một. Các bản hương ước của buôn làng trình bày còn theo khuôn phép thống nhất, các đặc thù địa phương chưa được chú ý đúng mức, ngôn từ còn mang nặng tính hành chính, chưa đưa được cách tư duy, cách diễn đạt theo phong cách dân tộc vào trong hương ước, mà điều này đã được thể hiện rõ trong luật tục cổ truyền của các tộc người.

c - Trong quá trình xây dựng và thực thi hương ước chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, nhất là giữa Sở Tư pháp, Sở Văn hóa - Thông tin, Mặt trận Tổ quốc, thiếu sự chỉ đạo thống nhất để phối hợp các ban ngành, dù rằng về hình thức mỗi tỉnh đều đã thành lập ban chỉ đạo chung. Trong quá trình xây dựng hương ước, còn nặng tính một chiều, tức là từ trên xuống, chưa phát huy đầy đủ tính năng động, dân chủ của buôn làng, do vậy trong soạn thảo hương ước rất dễ rơi vào khuynh hướng rập khuôn, áp đặt.

Hiện tại, trên địa bàn buôn làng, đã và đang có nhiều chủ trương, phong trào, do vậy, cần có sự phối hợp, lồng ghép giữa các phong trào như : xây dựng và thực thi hương ước, làng văn hóa, xây dựng nếp sống lành mạnh trên địa bàn khu dân cư, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, thực hiện dân chủ ở cơ sở, thực hiện trợ giúp pháp lý với đồng bào dân tộc... Tuy mỗi phong trào, mỗi chủ trương có những nội dung và phạm vi tác động ít nhiều khác biệt, nhưng nó đều hướng vào buôn làng, vào người dân, nên nếu biết lồng ghép tốt nhất định sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp, đạt hiệu quả cao hơn. ❑

Digitized by Google

LỢI THẾ SA PA TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ DU LỊCH Ở TỈNH LÀO CAI

GIÀNG SEO PHỬ *

SA Pa là một địa danh du lịch nổi tiếng thuộc tỉnh Lào cai. Lịch sử hình thành vùng du lịch này đến nay vừa tròn 100 năm. Trải qua những bước thăng trầm của lịch sử, Sa Pa ngày càng phát triển, đã và đang góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vùng cao biên giới Lào Cai ; và ngày càng có vị trí quan trọng hơn trong những năm tới, bởi đây không chỉ là điểm du lịch chính của Lào Cai mà còn là một trong số 20 trọng điểm du lịch lớn nhất của Việt Nam.

Qua những phát hiện về khảo cổ học ở Lào Cai nhất là ở bãi đá Hầu Thào, Tả Van (Sa Pa), các nhà khoa học khẳng định, cách đây hàng ngàn năm trên vùng đất Sa Pa đã có con người sinh sống. Sa Pa theo tiếng địa phương có nghĩa là *"Bãi cát"*. Huyện Sa Pa hiện có 17 xã và một thị trấn ; gần 4 vạn người, gồm 6 dân tộc cư trú là Mông, Dao, Tày, Giáy, Xá Phó và Kinh. Sa Pa cách thị xã Lào Cai hơn 30 ki-lô-mét về phía Tây, ở độ cao trung bình hơn 1500 m, trong vùng nhiệt đới gió mùa nhưng lại mang sắc thái khí hậu ôn đới. Với nhiệt độ trung bình trong năm từ 15°C đến 18°C nên Sa Pa hoàn toàn mát mẻ vào mùa hè, về mùa đông thường rất lạnh, có những năm nhiệt độ xuống dưới 0°C, có tuyết rơi phủ trắng núi đồi làm cho cảnh sắc càng trở nên huyền ảo. Vào ngày hè, một ngày ở Sa Pa có cả 4 mùa : buổi sáng là mùa xuân, buổi trưa là mùa hạ, buổi chiều là mùa thu, buổi tối là mùa đông. Sa Pa được thiên nhiên ưu ái ban tặng khí hậu trong lành, mát mẻ, cây cối tốt tươi, phong cảnh kỳ thú. Đó là lợi thế của Lào Cai trong phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế du lịch.

Sa Pa có đỉnh Phan Xi Păng cao 3 143 m trên dãy Hoàng Liên Sơn hùng vĩ, được mệnh danh là *"Nóc nhà của Tổ quốc"*. Hoàng Liên Sơn là vùng có nhiều gỗ quý và nhiều loài động vật quý hiếm cùng hàng trăm loài cây dược thảo đầu vị, đặc biệt có cây thuốc mang tên Hoàng Liên chân gà. Trên đỉnh Phan Xi Păng còn có hàng trăm loài phong lan, hơn 20 loài hoa đỗ quyên nở hoa tuyệt đẹp. Tháng 10-2002, khu rừng Hoàng Liên Sơn ở Sa Pa được Nhà nước xếp loại "Rừng quốc gia". Kết quả điều tra cơ bản ban đầu cho thấy, ở đây có 136 loài chim, 553 loài côn trùng, 56 loài thú, 37 loài thú được ghi trong "sách đỏ Việt Nam". Rừng Hoàng Liên có tới 864 loài thực vật, trong đó có 173 loài cây thuốc quý hiếm. Sa Pa còn là nơi nổi tiếng về các loại cây ăn quả của vùng ôn đới, như đào Vân Nam, lê Ô Quý Hồ, mận đỏ Tả Van... thơm ngon có tiếng. Thiên nhiên đã mang lại cho Sa Pa muôn sắc màu rực rỡ.

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai

Vào đầu thế kỷ XX, người Pháp chính thức đặt chân lên Sa Pa. Thấy nơi đây có vẻ đẹp hùng vĩ, huyền bí, khí hậu mát mẻ họ đã quyết định chọn Sa Pa là nơi nghỉ mát, dưỡng bệnh.

Năm 1905, hai ngôi nhà nghỉ mát bằng gỗ, tiếp đó là 3 khách sạn lớn được xây dựng phục vụ cho việc ăn chơi và nghỉ dưỡng của người Pháp. Như vậy, lịch sử hình thành Sa Pa ngay từ ngày đầu không phải vì mục đích thương mại hay phát triển kỹ nghệ mà là một trung tâm du lịch nghỉ dưỡng. Khu nghỉ mát Sa Pa được hình thành, các cơ sở hạ tầng cũng được xây dựng. Năm 1925, trạm thủy điện Cát Cát ra đời ; năm 1930 mở tuyến đường Lào Cai - Sa Pa, tuyến đường nội thị cũng được rải nhựa và lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt phục vụ khu vực thị trấn. Các khu dân cư Hoa Kiều, A Nam, Xuân Viên... của thị trấn Sa Pa lần lượt xuất hiện. Đến năm 1943, do nhu cầu nghỉ mát của người Pháp nên tốc độ xây dựng các biệt thự ở Sa Pa đã phát triển mạnh, toàn khu vực thị trấn Sa Pa có tới 200 biệt thự mang đậm nét kiến trúc phương Tây.

Vào những năm 60 của thế kỷ XX, Tổng Công đoàn Việt Nam và Viện điều dưỡng Bộ Công an đã cho xây dựng hai khu nhà nghỉ. Sa Pa từng bước phát triển và ngày càng được nhiều người biết đến. Tuy vậy, tiềm năng du lịch Sa Pa không được đầu tư khai thác hoặc khai thác không đáng kể.

Tháng 10-1991, tỉnh Lào Cai được tái lập. Trên cơ sở xác định những tiềm năng và lợi thế so sánh, ngay từ Đại hội Đảng bộ lần thứ X (năm 1991) và Đại hội lần thứ XI (năm 1996), tỉnh Lào Cai đã chú trọng phát triển mạnh mẽ du lịch và xác định *du lịch là ngành kinh tế quan trọng*. Mặc dù còn nhiều khó khăn của một tỉnh mới tái lập, phải tập trung cho công việc tái thiết cơ sở hạ tầng, nhưng Lào Cai đã dành một phần vốn ngân sách đáng kể để đầu tư phát triển du lịch mà trọng tâm là Sa Pa. Đây là thời điểm quan trọng đánh dấu sự phát triển du lịch Sa Pa trong giai đoạn mới. Hàng loạt công trình kết cấu hạ tầng như : đường điện lưới quốc gia, hệ thống nước sinh hoạt, các tuyến đường nội thị... được xây dựng mới hoặc nâng cấp cải tạo. Những tiềm lực, thế mạnh du lịch Sa Pa từng bước được đánh thức. Phát triển du lịch Sa Pa không chỉ dừng lại ở việc phục vụ nghỉ dưỡng, thưởng thức khí hậu mát mẻ, trong lành mà dịch vụ du lịch còn được mở rộng ra ngoài phạm vi thị trấn với các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa... Núi Hàm Rồng nằm sát thị trấn Sa Pa được đầu tư hàng chục tỉ đồng để xây dựng các công trình như đường lên núi, trồng hoa đặc sản, xây dựng nhà sàn, để vừa trưng bày các sản phẩm văn hóa đặc sắc, vừa thường xuyên biểu diễn văn nghệ truyền thống các dân tộc phục vụ khách du lịch nên mỗi ngày nơi đây đón hàng trăm lượt người đến ngắm cảnh đẹp Hàm Rồng, thưởng thức văn hóa nghệ thuật và các món ăn đặc sản. Cách thị trấn Sa Pa chừng 8 ki-lô-mét về phía đông là bãi đá khắc cổ Tả Van - Hầu Thào. Dấu ấn của người Việt cổ ở đây vẫn chưa được giải mã và đang là địa chỉ hấp dẫn khách đến tham quan. Các điểm du lịch kỳ thú như thác Bạc, cầu Mây, suối Cát Cát, Tả Phìn... đang tiếp tục được đầu tư. Có người đã ví Sa Pa như một nàng tiên ngủ quên trên rừng mới được đánh thức dậy. Sa Pa như bừng tỉnh và tươi đẹp hơn lên trong sự phát triển mới.

Nhằm khai thác tốt nhất tiềm năng của Sa Pa, tỉnh Lào Cai nỗ lực thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII (năm 2000) tiếp tục xác định : *Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, năng động, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo và tăng nguồn thu ngoại tệ, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, coi du lịch, dịch vụ là đòn bẩy phát triển nền kinh tế.* Kinh tế du lịch là một trong 27 đề án trọng tâm của tỉnh giai đoạn 2000 - 2005.

Digitized by Google

Tỉnh Lào Cai xác định : Đầu tư để Sa Pa phát triển mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế, vừa có ý nghĩa kinh tế vừa có ý nghĩa chính trị, văn hóa - xã hội ; phát triển du lịch phải gắn chặt với bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Phát triển du lịch phải đảm bảo tính bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, tôn tạo các tài nguyên du lịch và bảo đảm tính nhân văn cao. Trong 3 điểm du lịch của tỉnh gồm : Sa Pa, thị xã Lào Cai, Bắc Hà thì Sa Pa là trọng điểm được ưu tiên hàng đầu. Đây là quyết định quan trọng, trở thành động lực để du lịch Sa Pa phát triển lên một tầm cao mới. Tiềm năng, thế mạnh của Sa Pa được xác định đúng mức và có cả một chiến lược đầu tư khai thác giai đoạn 2000 - 2010 - 2020 phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Hàng trăm tỉ đồng được đầu tư vào việc nâng cấp, mở rộng quy mô. Tỉnh đã chỉ đạo ngành du lịch mở thêm các tuyến du lịch từ thị trấn Sa Pa đi các nơi với nhiều loại hình phong phú : du lịch cảnh quan, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch mạo hiểm... Các tuyến du lịch cộng đồng được mở ra đã nhanh chóng thu hút khách, đặc biệt là khách nước ngoài như tuyến du lịch Sa Pa - Tả Van - Séo Mý Tỷ - Dền Thàng, hoặc từ Sa Pa đi Lao Chải - Tả Van đến Bản Hồ vào Thanh Phú - Nậm Sài... Chỉ tính từ đầu năm 2003 đến nay, loại hình du lịch sinh thái dựa trên tính chất và đặc điểm cộng đồng đã thu hút gần 30 ngàn lượt khách, trong đó có gần 8 ngàn lượt khách nước ngoài, góp phần giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động địa phương. Một số xã như Tả Van, Bản Hồ... có nhiều hộ gia đình dân tộc thiểu số tham gia du lịch sinh thái. Đây là hướng đi mới có nhiều triển vọng, bước đầu được khai thác, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, gia tăng mức độ giao lưu kinh tế, văn hóa và tiến lên làm giàu từ du lịch. Dự án du lịch sinh thái ở Thanh Kim với số vốn đầu tư ban đầu là một triệu USD do Công ty Du lịch sinh thái Sa Pa (liên doanh giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Thịnh và Công ty Fugldal Holding - Đan Mạch) đang khởi công xây dựng. Sau khi hoàn thành, đây sẽ là một địa chỉ mới hấp dẫn, thu hút khách du lịch trong những năm tới. Thực tế cho thấy, phát triển du lịch đã làm thay đổi nhận thức của nhân dân các dân tộc vốn chủ yếu sống bằng sản xuất nông nghiệp nặng về tự cấp tự túc, nay đã tự ý thức về bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc. Du lịch phát triển còn thúc đẩy sự phục hồi và phát triển các ngành nghề thủ công, mỹ nghệ truyền thống đang bị mai một.

Các dân tộc anh em sinh sống trên địa bàn huyện Sa Pa từ nhiều đời nay luôn đoàn kết, gắn bó trong sản xuất và chiến đấu bảo vệ quê hương. Mỗi dân tộc đều mang đậm bản sắc văn hóa của mình. Du lịch văn hóa là một trong những thế mạnh bước đầu được khai thác với sự tham gia của nhân dân các dân tộc. Việc phát triển du lịch tìm hiểu nét đặc sắc về văn hóa các dân tộc Sa Pa, xây dựng các đội văn nghệ phục vụ du khách, khôi phục nghề dệt thổ cẩm truyền thống để sản xuất hàng hóa lưu niệm và các dịch vụ khác đã giúp đồng bào các dân tộc được hưởng lợi từ du lịch, góp phần đáng kể vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo của tỉnh Lào Cai nói chung và huyện Sa Pa nói riêng.

Lào Cai còn có lợi thế là tỉnh biên giới giáp với tỉnhVân Nam và cả vùng Tây Nam rộng lớn của Trung Quốc với hơn 300 triệu dân, là thị trường du lịch tiềm tàng. Những năm qua, tỉnh Lào Cai đã thực hiện nhiều chính sách thông thoáng, hấp dẫn, đặc biệt thủ tục xuất nhập cảnh qua Cửa khẩu quốc tế Lào Cai được cải tiến nhanh gọn, thu hút lượng khách đáng kể vào Việt Nam qua cửa khẩu này. Đầu năm 2003, Thủ tướng Chính phủ lên thăm và làm việc với tỉnh Lào Cai đã quyết định mở rộng, nâng cấp tuyến đường bộ đi từ ngã ba Đoan Hùng (Phú Thọ) lên Cửa khẩu quốc tế

Digitized by Google

Lào Cai và nâng cao năng lực vận tải tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Trong một tương lai gần, Lào Cai sẽ có cả đường hàng không dân dụng. Đây sẽ là thời cơ rất thuận lợi để khu du lịch Sa Pa nói riêng và du lịch của tỉnh Lào Cai nói chung phát triển mạnh mẽ hơn.

Cùng với sự gia tăng về lượng khách, tốc độ xây dựng Sa Pa trong những năm gần đây đã phát triển nhanh chóng. Nếu năm 1996 mới chỉ có vài ba nhà nghỉ nhỏ bé của Nhà nước và tư nhân thì đến hết năm 2002 trên địa bàn huyện có nhiều khách sạn, nhà nghỉ lớn với tổng số gần 1000 phòng, có thể đón từ 2 000 đến 2 200 lượt khách/ngày, trong đó có một khách sạn 3 sao, 4 khách sạn 2 sao, 49 khách sạn đủ tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Năm 1995, Sa Pa mới chỉ đón 1 000 lượt khách du lịch, đến năm 2002 đã tăng lên 75 000 lượt, trong đó khách nước ngoài chiếm 50%. Doanh thu từ du lịch đạt 35 tỉ đồng (toàn tỉnh đạt 74 tỉ đồng). Năm 2003, mặc dù bị ảnh hưởng lớn của bệnh dịch sars nhưng lượng khách du lịch đến Sa Pa dự kiến đạt 85 000 lượt người, với doanh thu từ 45 đến 50 tỉ đồng (toàn tỉnh trên 85 tỉ đồng).

Nhờ coi trọng phát triển du lịch trong bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng của Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII, đến nay đời sống của đồng bào các dân tộc huyện Sa Pa đã có bước phát triển khá. Năm 2002, tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn tăng 8% ; tỷ lệ hộ đói, nghèo chỉ còn 23,6%, giảm 7,9% so với năm trước. Năm 2003, Sa Pa sẽ phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP từ 9 -10% ; tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm 6 - 7%. Mục tiêu đề ra đến năm 2005 là, du lịch chiếm từ 55 đến 60% trong GDP của huyện (hiện nay 40%) đang có cơ sở trở thành hiện thực.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của khu du lịch Sa Pa cũng còn một số mặt yếu kém cần nhanh chóng khắc phục để thực sự phát huy vai trò trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai những năm tới.

Trước hết, công tác quy hoạch còn chậm, đặc biệt là quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết khu du lịch Sa Pa. Những năm trước đây, do chưa có quy hoạch nên việc xây dựng các công trình như khách sạn, nhà nghỉ mang tính tự phát, kiến trúc không phù hợp với cảnh quan hoặc còn đơn điệu, chưa thể hiện nét kiến trúc truyền thống nên phần nào làm mất đi mỹ quan đô thị du lịch. Kết cấu hạ tầng còn thấp kém. Mặc dù trong những năm qua tỉnh Lào Cai đã tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu du lịch Sa Pa nhưng đến nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ; các tuyến du lịch Sa Pa đang hình thành, đường sá đi lại còn khó khăn ; các tuyến đường bộ và đường sắt từ Hà Nội đến Lào Cai chưa được cải tạo, nâng cấp nên ảnh hưởng đến sự tăng trưởng mạnh mẽ kinh tế du lịch Lào Cai nói chung và du lịch Sa Pa nói riêng. Các khu vui chơi giải trí ở Sa Pa như công viên, vũ trường, nhà hát, bảo tàng, sân thể thao, trung tâm thương mại... còn thiếu và chưa thực sự hấp dẫn ; các sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, đặc biệt là các sản phẩm lưu niệm ; chưa xây dựng được những chương trình du lịch mang tính truyền thống.

Công tác tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch về Sa Pa - Lào Cai ở trong nước và nước ngoài thời gian gần đây có nhiều tiến bộ, song lĩnh vực này còn nhiều bất cập, yếu kém. Đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế và phục vụ du lịch vừa thiếu vừa yếu, số đông chưa được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, không biết ngoại ngữ nên chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch trong giai đoạn mới. Nhận thức của một số cán bộ và nhân dân về vị trí, vai trò của du lịch hiện nay chưa đúng mức. Công tác quản lý an ninh trật tự và vệ sinh môi trường còn bất cập. Việc huy động nhân dân tham gia hoạt động du lịch còn hạn chế...

Digitized by Google

Những tồn tại, yếu kém trên đây do nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân cơ bản vẫn là chưa nhận thức đầy đủ tiềm năng, thế mạnh phát triển du lịch Sa Pa nên chậm đưa ra giải pháp hữu hiệu. Bên cạnh đó, do Lào Cai là tỉnh còn nghèo và còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nên vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và các điểm du lịch còn ít. Các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư chậm được cụ thể hóa và chưa được vận dụng một cách linh hoạt.

Để xây dựng Sa Pa trở thành trung tâm du lịch lớn của Lào Cai và của cả nước, trong những năm tới chúng tôi tập trung thực hiện một số giải pháp sau :

Một là, hoàn chỉnh và triển khai thực hiện dự án quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết du lịch Sa Pa thời kỳ 2000 - 2010 - 2020, đảm bảo các quy chuẩn về quy hoạch kiến trúc. Tiến hành đánh giá lại thực trạng, tiềm năng của Sa Pa, nhất là trong lĩnh vực du lịch ; xây dựng sơ đồ quy hoạch không gian lãnh thổ du lịch trên địa bàn huyện Sa Pa ; định hướng phát triển du lịch từng giai đoạn ; xác định các dự án ưu tiên gọi vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Nghiên cứu, quy hoạch lại khu đô thị Sa Pa đảm bảo phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, địa hình và phù hợp với mục tiêu phát triển Sa Pa thành khu du lịch nghỉ mát quốc tế nhưng mang bản sắc riêng Sa Pa - Lào Cai.

Hai là, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch và cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch. Trước mắt, tập trung hoàn thành tuyến đường ô-tô Lào Cai - Sa Pa ; tập trung đầu tư các tuyến, điểm du lịch có sức hấp dẫn cao như núi Hàm Rồng, bãi đá khắc cổ Tả Van - Hầu Thào, Thác Bạc, suối Cát Cát, hang động Tả Phìn, làng văn hóa du lịch Tả Van, Bản Hồ, đồng thời nối dài các tuyến du lịch đi các tỉnh phía Nam (Việt Nam) và các tỉnh Tây Nam của Trung Quốc, các nước láng giềng và khu vực ; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các hình thức dịch vụ ; cải tạo, xây dựng mới cơ sở vật chất phục vụ nghỉ ngơi, vui chơi giải trí ; ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các hoạt động vui chơi giải trí, thể thao, nghỉ dưỡng.

Ba là, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan để xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm về hoạt động du lịch. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính gắn với việc hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển du lịch. Khuyến khích đầu tư phát triển du lịch Sa Pa bằng cách miễn giảm tiền thuê đất, lệ phí, thuế... nhằm đầu tư trở lại từ nguồn thu du lịch, hỗ trợ lãi suất và đào tạo nhân lực cho các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh du lịch...

Bốn là, đẩy mạnh xúc tiến quảng bá, mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ du lịch gắn với giữ gìn, bảo vệ cảnh quan môi trường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công tác quảng bá phải đạt được mục đích đưa hình ảnh về cảnh quan thiên nhiên, khí hậu và con người Sa Pa đến du khách trong và ngoài nước. Tăng cường phát hành các ấn phẩm như : sách, tập gấp, tờ rơi, ảnh quảng cáo, pa-nô, áp-phích, trang điện tử Sa Pa - Lào Cai qua mạng in-tơ-nét... Phải luôn đổi mới các loại hình sản phẩm du lịch để thu hút khách du lịch, trong đó đặc biệt chú trọng du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm và du lịch văn hóa...

Năm là, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ quản lý du lịch và hướng dẫn viên du lịch ngang tầm với nhiệm vụ. Bên cạnh đó, tiếp tục tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển kinh tế du lịch, đẩy nhanh tốc độ xã hội hóa các hoạt động du lịch. ❑

Digitized by Google

KHÁNH HÒA phấn đấu xứng đáng với truyền thống 350 năm

PHẠM VĂN CHI *

ĐỐI với mỗi người dân Khánh Hòa, năm 2003 là một năm đáng ghi nhớ, bởi năm nay tỉnh kỷ niệm tròn *350 năm ngày thành lập*. Bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa của vùng biển, vùng đất ; ý chí kiên cường, tinh thần tự chủ, vượt khó, lòng cần cù lao động là bản lĩnh, niềm tự hào và sức mạnh để người dân nơi đây chiến đấu, chiến thắng, xây dựng và bảo vệ quê hương.

Có được cuộc sống như ngày nay không chỉ do người dân Khánh Hòa luôn phấn đấu liên tục, nỗ lực vươn lên mà còn nhờ sự giúp đỡ chí tình của đồng bào cả nước, nhất là các tỉnh lân cận. Nha Trang, Trường Sa... đã trở thành các địa danh quen thuộc, là nơi gửi gắm tình cảm, sự động viên, quan tâm cả về vật chất lẫn tinh thần của nhân dân cả nước trong suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Vị trí chiến lược và vai trò quan trọng đối với an ninh khu vực của cảng Cam Ranh đã được quốc tế biết đến và quan tâm.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (1975), Khánh Hòa chỉ là vùng đất để du khách viếng thăm, du lịch và tắm biển. Cơ sở công nghiệp hầu như không có gì ngoài một số nhà máy loại nhỏ. Suốt cả thời kỳ từ năm 1975 đến năm 1993, nguồn sống của nhân dân Khánh Hòa chủ yếu nhờ vào kinh phí trung ương, ngân sách thu của địa phương không đáng kể. Nhưng, *từ năm 1995*, tỉnh bắt đầu tự túc được kinh phí và đã gia nhập vào Câu lạc bộ các địa phương đạt ngân sách 500 tỉ đồng. Đến năm 2000, con số này đã là 1 045 tỉ đồng. Không chỉ dừng lại ở kết quả đó, với mọi cố gắng, ngân sách thu của địa phương đạt kết quả năm sau cao hơn năm trước. Năm 2002 là 1 784 tỉ và năm 2003 sẽ là 2 000 tỉ đồng. Dự kiến đến năm 2005, tuy còn rất nhiều khó khăn nhưng phấn đấu sẽ đạt kết quả cao : từ 2 400 tới 2 500 tỉ đồng. Chỉ tiêu đặt ra đòi hỏi các ngành, các cấp phải tập trung, phát huy và động viên mọi sức mạnh và nguồn lực sẵn có.

Thời kỳ sau ngày giải phóng, kinh tế *rừng*, kinh tế *biển* và *nông nghiệp* là 3 thế mạnh được tỉnh tập trung phát huy. Những năm gần đây, đặc biệt là trong hơn hai năm qua, cơ cấu kinh tế được chuyển đổi dần theo hướng hợp lý hơn, đã đạt và vượt một số mục tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu do Đại hội lần thứ 14 của Đảng bộ tỉnh đề ra. Năm 2000, cơ cấu kinh tế của tỉnh là : công nghiệp - xây dựng : 35,3% ; dịch vụ - du lịch : 37,8% ; nông - lâm - thủy sản : 26,9%. Đến cuối năm 2002,

* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Digitized by Google

cơ cấu này đã có sự chuyển dịch : 39,1% ; 39,4% ; 21,5%. Trong 6 tháng đầu năm 2003, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tốc độ tăng GDP ước đạt 11,6%, trong đó, nông - lâm - thủy sản tăng 2,08% ; công nghiệp tăng 10,48% và dịch vụ tăng 14,57%.

Sản xuất *công nghiệp* ngày càng có xu hướng vượt trội, có tốc độ tăng trưởng cao và trở thành nguồn thu chính của ngân sách. Khánh Hòa luôn là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về chỉ số tăng trưởng. Trong 6 tháng đầu năm 2003, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 21% so cùng kỳ năm 2002, các thành phần kinh tế đều tăng trưởng khá.

Du lịch và dịch vụ từ lâu vốn đã là thế mạnh của địa phương (chiều dài bờ biển là 385 ki-lô-mét, hơn 70 hòn đảo lớn, nhỏ ; mới đây, Vịnh Nha Trang vừa được Hiệp hội các vịnh đẹp quốc tế công nhận là một trong 29 vịnh đẹp nhất thế giới...) ngày càng được đầu tư tương xứng với tiềm năng (phát triển đa dạng các loại hình : du lịch biển, du lịch sinh thái...). Các chỉ tiêu đặt ra trong kế hoạch 5 năm của ngành đều có khả năng đạt và vượt ; nhất là, thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo tiền đề để tiếp tục phát triển ngành kinh tế mũi nhọn này trong những năm tiếp theo. Cùng với các hoạt động kỷ niệm 350 năm tỉnh Khánh Hòa, các lễ hội truyền thống, các hoạt động văn hóa... được tăng cường. Ngành du lịch đã tổ chức tháng du lịch năm 2003 với chủ đề : "Tháng 8 - Nha Trang - điểm hẹn" thu hút số lượng lớn khách trong và ngoài nước.

Sản xuất *nông, lâm, ngư nghiệp* trong 6 tháng đạt năng suất cao mặc dù thời tiết không thuận lợi. Ngành thủy sản giữ tốc độ tăng trưởng ổn định, sản lượng khai thác ước đạt 47% kế hoạch. Khánh Hòa đi đầu cả nước về sản xuất tôm sú giống (chiếm tới 80% giống cung cấp cho toàn quốc) và là một trong 5 tỉnh xuất khẩu nhiều tôm sú gồm Cà Mau, Sóc Trăng, Cần Thơ và Bà Rịa - Vũng Tàu.

GDP bình quân theo đầu người cũng tăng trưởng, góp phần nâng cao mức sống nhân dân. Năm 2001, đạt khoảng 452 USD thì năm 2002 đã tăng lên 504 USD ; và quyết tâm đạt mục tiêu do Đại hội lần thứ 14 của Đảng bộ tỉnh đề ra là 585 USD vào năm 2005.

Các ngành, các cấp, các địa phương đang triển khai một số chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm và bước đầu phát huy hiệu quả gồm : Chương trình Phát triển du lịch, Chương trình Kinh tế biển, Chương trình Giao thông nông thôn, Chương trình Kiên cố hóa kênh mương, Chương trình Phổ cập giáo dục trung học cơ sở, Chương trình Xóa đói giảm nghèo - Giải quyết việc làm, Chương trình Đào tạo nghề, Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội miền núi, Chương trình Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức tỉnh Khánh Hòa... Tỉnh đã triển khai đề án "Đào tạo và kiện toàn cán bộ xã, phường, thị trấn", "Tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố"... nhằm nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Để đào tạo cán bộ nguồn, 73 sinh viên tốt nghiệp đại học được chọn cử đi đào tạo tại các trường chính trị, họ sẽ là đội ngũ cán bộ cốt cán cho các cơ sở sau này ; 80 sinh viên được chọn tuyển cử về công tác tại các xã miền núi cũng được tỉnh hỗ trợ thêm về lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, y tế. Tỉnh đã ký kết với Cộng hòa U-crai-na về Chương trình Hợp tác đào tạo cán bộ, nhất là đào tạo sau đại học, theo đó cử những người có đủ tiêu chuẩn đi du học theo kinh phí do tỉnh cấp. Số cán bộ đào tạo bài bản này 5 - 10 năm sau sẽ phần nào giải quyết tình trạng thiếu hụt đội ngũ các chuyên gia đầu ngành hiện nay.

Toàn tỉnh có 20/137 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở ; 125 làng, khóm được công nhận làng, khóm văn hóa các cấp. Chỉ trong 6 tháng đầu năm, đã giải quyết việc làm cho hơn 10 nghìn lao động ; tổ chức 130 lớp tập huấn hướng dẫn cách làm ăn cho hơn 4 nghìn lượt người nghèo.

Tỉnh luôn xác định những kết quả đạt được chỉ là tạm thời, phía trước vẫn còn không ít những khó khăn : tốc độ sản xuất công nghiệp tuy cao nhưng tốc độ tăng giá trị sản phẩm xã hội của ngành công nghiệp chưa tăng tương ứng. Vài năm gần đây, hạn hán kéo dài xảy ra trên diện rộng ở hầu hết các địa phương trong tỉnh đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Nguồn vốn dành cho các công trình thủy lợi, nhất là các công trình thủy lợi lớn còn quá ít, vì vậy chưa đảm bảo nước tưới cho cây trồng - vấn đề đầu tiên trong sản xuất nông nghiệp. Hiệu quả các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh trong thời gian qua còn hạn chế do chưa tạo thành phong trào mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế. Kinh tế thủy sản và lâm nghiệp có tốc độ phát triển thấp, nuôi trồng thủy sản tuy đạt chỉ tiêu về diện tích nhưng hiệu quả kinh tế còn bấp bênh. Tình trạng chặt, phá rừng còn nghiêm trọng. Thu hút đầu tư nước ngoài đạt kết quả thấp do chưa tạo được lợi thế cạnh tranh nên chưa hấp dẫn các nhà đầu tư lớn. Chương trình mía - đường mang lại hiệu quả chưa cao. Nhiều lao động chưa có việc làm, khoảng cách giàu - nghèo ngày càng tăng. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tỉnh ; thiếu chuyên gia đầu ngành, lao động có tay nghề cao ; trong khi đó, các cơ sở đào tạo trình độ đại học, trung học chuyên nghiệp còn rất ít (mới có Đại học Thủy sản ; cán bộ có nghiệp vụ du lịch rất thiếu, trong khi đó, một số dự án lớn về du lịch sắp hoàn thành...).

Khánh Hòa có nhiều điều kiện để phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái và du lịch biển đảo (biển Nha Trang vào loại đẹp nhất Việt Nam). Tỉnh đang nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng : dịch vụ - du lịch ; công nghiệp ; nông nghiệp - thủy sản. Ngành du lịch cũng chú trọng phát triển các loại hình du lịch đặc thù : du lịch lặn biển, thăm đảo yến, tắm bùn, tắm suối nước khoáng nóng... Tiếp tục mời gọi và ưu tiên các dự án đầu tư phát triển khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, vui chơi, giải trí, tạo điều kiện lưu trú dài ngày của khách du lịch. Trên cơ sở sự phê duyệt của Chính phủ về Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội khu vực vịnh Cam Ranh và định hướng quy hoạch khu vực Vịnh Văn Phong, Ủy ban nhân dân tỉnh đang tiếp tục huy động vốn đầu tư để chuẩn bị thi công hàng chục công trình trọng điểm và các dự án. Riêng bán đảo Cam Ranh có tới 32 công ty trong nước đầu tư xây dựng các khu du lịch lớn (từ 10 đến 50 ha) với các dịch vụ đầy đủ tiện nghi. Nếu đầu tư xây dựng sân bay quốc tế sẽ thu hút được một lượng khách nước ngoài không nhỏ. Để phát triển bền vững, rất cần tầm nhìn chiến lược và quy hoạch tổng thể ; xác định trọng tâm, trọng điểm, bước đi lâu dài và các giải pháp trước mắt.

Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2003 và để hoàn thành tốt các chỉ tiêu trong giai đoạn đến 2005 - 2010 rất nặng nề, các cấp, các ngành tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm :

- Quản lý chặt chẽ quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, tạo điều kiện thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng nhanh về công nghiệp ; dịch vụ - du lịch. Triển khai mở rộng đô thị và vùng kinh tế trọng điểm Văn Phong, Bắc bán đảo Cam Ranh, Tây Nha Trang, Khu Du lịch Hòn Bà...

- Hoàn tất các thủ tục, xúc tiến đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Ninh Thủy, các khu công nghiệp vừa và nhỏ ; nâng cao sức cạnh tranh để chuẩn bị hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình Phát triển du lịch; tăng cường quảng bá du lịch nhằm thu hút khách trong nước và quốc tế.

- Thông qua dự án xây dựng Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao tại Suối Dầu. Đa dạng các hình thức khuyến nông, khuyến lâm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ. Phát triển các

Digitized by Google

cơ sở chế biến gắn với thị trường tiêu thụ. Mở rộng diện tích trồng lúa nước, lập vườn nhà, vườn rừng ở hai huyện Khánh Vĩnh và Khánh Sơn. Kiên quyết chỉ đạo chuyển đổi 2 nghìn héc-ta trồng lúa 2 vụ sang trồng mía nhằm đảm bảo nguyên liệu cho các nhà máy đường hoạt động. Xúc tiến xây dựng khu chế biến thủy sản Bắc Hòn Ong. Tăng cường các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản ; quản lý chất lượng tôm giống. Đẩy nhanh tiến độ của các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nghề cá của tỉnh.

- Đẩy nhanh thi công, hoàn thành các tuyến đường đang xây dựng. Làm việc với các bộ, ngành trung ương, xúc tiến đưa sân bay Cam Ranh vào hoạt động và triển khai quy hoạch chi tiết cảng công-tai-nơ quốc tế tại vịnh Văn Phong.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, tăng cường quảng bá cơ hội đầu tư vào tỉnh ; rà soát lại các chính sách, điều kiện, ưu đãi đầu tư.

- Sắp xếp mạng lưới và cơ sở vật chất trường học ; tăng cường chất lượng đội ngũ giáo viên. Triển khai đề án nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang thành trường Đại học Sư phạm Nha Trang. Lập dự án đầu tư đài phát sóng truyền hình trên đỉnh Hòn Bà nhằm phủ sóng phát thanh truyền hình trên toàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ, công chức và chiến lược xây dựng nguồn cán bộ đến năm 2010. Xây dựng 2 trang điện tử độc lập thực hiện dịch vụ công trong quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh. Hoàn thành tuyển sinh đào tạo tại U-crai-na.

Với tất cả sự nỗ lực phấn đấu của chính quyền các cấp và nhân dân, Khánh Hòa quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2003 ; phấn đấu góp phần cùng cả nước hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội do Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra. ❑

TIẾP TỤC THỰC HIỆN...

(Tiếp theo trang 11)

cấp ủy, sự quản lý, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp, hướng tới việc hình thành các phong tục tập quán mới tiến bộ, lành mạnh. Kiên quyết đấu tranh loại bỏ các hủ tục cũ và mới, làm lành mạnh hóa môi trường văn hóa, xã hội.

Bộ Chính trị, Chính phủ cần có văn bản tiếp tục chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân thực hiện thật tốt cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Ban hành một số quy định có tính chất bắt buộc đối với cán bộ, công chức, đảng viên. Cần quan tâm tiến hành cuộc vận động trong nội bộ Đảng, trong các cơ quan, trong toàn bộ hệ thống chính trị, trước hết là đòi hỏi sự nêu gương của cán bộ, đảng viên trong các cơ quan trung ương.

Đối với đông đảo quần chúng nhân dân, chúng ta tiếp tục kiên trì tiến hành cuộc vận động, lồng ghép nội dung thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội vào phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ; lấy gương tốt, điển hình tốt để vận động, thuyết phục mọi người noi theo.

Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội là một cuộc vận động rộng lớn, có ý nghĩa vô cùng quan trọng, đòi hỏi chúng ta tiến hành thường xuyên, kiên trì, tích cực ; phải coi đây là trách nhiệm của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và của toàn thể nhân dân. Nhận thức này đòi hỏi phải thấm sâu vào ý thức từng người, từng gia đình, từng cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư và toàn thể cộng đồng xã hội, đặc biệt là sự gương mẫu, đi đầu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thực hiện tốt cuộc vận động này chính là góp phần thiết thực, cụ thể, quan trọng vào việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Doanh nghiệp dân doanh sau ba năm thực hiện Luật Doanh nghiệp

PHẠM THẮNG

Từ khi Luật Doanh nghiệp có hiệu lực, đội ngũ doanh nghiệp dân doanh đã phát triển mạnh cả về số lượng, quy mô và đã tham gia vào hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Theo tài liệu của Tổ công tác thi hành Luật Doanh nghiệp của Chính phủ, trong 3 năm (2000 - 2002), đã có 55 793 doanh nghiệp mới đăng ký, nếu so với con số 45 000 doanh nghiệp đăng ký của 9 năm (1990 - 1999) thì đây là một bước nhảy vọt về lượng của sự phát triển doanh nghiệp dân doanh. Hiện nay, cả nước có khoảng 100 ngàn doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân đăng ký hoạt động. Nếu doanh nghiệp đang hoạt động chiếm từ 80% đến 85% số doanh nghiệp đăng ký như số liệu thống kê thì doanh nghiệp dân doanh ở nước ta là "đội quân" hùng hậu nhất trong nền kinh tế nhiều thành phần hiện nay.

Cơ cấu doanh nghiệp cũng có sự dịch chuyển mạnh, xuất hiện trên nhiều địa bàn, thậm chí cả ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Nhiều doanh nghiệp dân doanh hoạt động trong những lĩnh vực mà trước đây chỉ có doanh nghiệp nhà nước đảm nhiệm, như trong lĩnh vực trồng rừng.

Các doanh nghiệp đã huy động vốn đầu tư phát triển kinh doanh ngày càng lớn ; tạo việc làm cho người lao động. Số vốn đăng ký trong 3 năm qua đạt khoảng 100 000 tỉ đồng, tương đương 6,7 tỉ USD, cao hơn số vốn nước ngoài đăng ký trong cùng thời kỳ, và cao gấp 3 lần vốn đăng ký của cả giai đoạn 1991 - 1999 (tính theo giá hiện hành). Tỷ trọng đầu tư của dân cư và doanh nghiệp trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng từ 20% (năm 2000) lên 23% (năm 2001) và 28% (năm 2002). Nhiều địa phương có tốc độ huy động vốn vượt bậc. Hà Nội có hơn 10 ngàn doanh nghiệp được thành lập với tổng số vốn đăng lý là 13 400 tỉ đồng, tăng gấp 4 lần so với 8 năm (1992 - 1999). Năm 2002, ở Thành phố Hồ Chí Minh, sự đầu tư của các doanh nghiệp dân doanh chiếm 38% trong tổng số vốn đầu tư, cao hơn hẳn tỷ trọng vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước. Mức vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp ngày càng tăng. Nếu thời kỳ 1991 - 1999, vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp là gần 0,57 tỉ đồng, năm 2000 là 0,96 tỉ đồng thì năm 2001 là 1,3 tỉ đồng và năm 2002 là 1,8 tỉ đồng. Doanh nghiệp có số vốn đăng ký thấp nhất là 5 triệu đồng và cao nhất là 200 tỉ đồng (khoảng hơn 130 triệu USD).

Do đó, các doanh nghiệp dân doanh đã đóng góp đáng kể vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm cho người lao động và nâng cao hiệu quả chung của cả nền kinh tế. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng đột biến, từ 11% (năm 1999) lên 18,3% (năm 2000), tiếp tục duy trì ở mức cao 20,3% (năm 2001) và 19,3% (năm 2002).

Ước tính trong ba năm qua, có khoảng từ 1,3 đến 1,5 triệu chỗ việc làm mới được tạo ra nhờ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể mới thành lập và mở rộng quy mô kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp đã tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp cho hàng ngàn lao động.

Digitized by Google

Vừa tạo việc làm, các doanh nghiệp còn vươn lên tự đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động với nhiều hình thức rất đa dạng và linh hoạt.

Các doanh nghiệp dân doanh đã tham gia mở rộng xuất khẩu, nhất là các mặt hàng thủ công truyền thống, chế biến nông sản, thủy sản. Theo báo cáo của Bộ Thương mại, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp gần 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Đóng góp của doanh nghiệp dân doanh theo Luật Doanh nghiệp vào ngân sách Trung ương đang có xu hướng tăng lên, từ khoảng 6,4% (năm 2001) lên hơn 7% (năm 2002). Thu từ thuế công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh năm 2002 đạt 103,6% kế hoạch và tăng 13% so với năm 2001. Đặc biệt, sự đóng góp của các doanh nghiệp dân doanh trong nguồn thu của ngân sách địa phương có tỷ trọng khá lớn. Ví dụ, ở Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 15%, Tiền Giang : 24%, Đồng Tháp : 16%, Gia Lai : 22%, Thái Nguyên : 17%, Ninh Bình : 19% v.v..

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp đã tích cực tham gia và có đóng góp đáng kể vào sự nghiệp phúc lợi công cộng, như xây dựng các công trình văn hóa, trường học, đường giao thông nông thôn, nhà tình nghĩa và những công trình phúc lợi xã hội khác... ở tất cả các địa phương trong cả nước.

Nhìn lại hơn 3 năm qua từ khi Luật Doanh nghiệp đi vào cuộc sống, môi trường kinh doanh của cả nước đã có sự chuyển biến căn bản, tư duy kinh tế có sự đổi mới, nhất là trong *công tác ban hành văn bản hướng dẫn thi hành luật*. Chính phủ, các bộ, ngành đã ban hành 72 văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, trong đó có 22 nghị định, 12 quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, 35 thông tư và quyết định của các bộ và cơ quan trực thuộc Chính phủ có liên quan. Rõ ràng, Luật Doanh nghiệp đã được hướng dẫn kịp thời ; các văn bản hướng dẫn được cụ thể hóa và liên quan chặt chẽ với luật. Đây là một bước chuyển lớn về tư duy quản lý kinh tế bằng pháp luật của Nhà nước.

Luật Doanh nghiệp đã làm thay đổi về nhận thức của các các cấp, các ngành đối với đổi mới doanh nghiệp nhà nước cũng như phát triển doanh nghiệp dân doanh. Nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, nhận thức về địa vị xã hội của doanh nhân, hỗ trợ đào tạo quản trị kinh doanh, hướng dẫn thành lập doanh nghiệp, tham quan học tập các điển hình kinh doanh tốt... được triển khai. Chính quyền địa phương đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách ưu đãi đầu tư, chủ động xúc tiến, kêu gọi đầu tư để thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Đã xuất hiện "sự cạnh tranh" giữa các địa phương trong thu hút vốn đầu tư. Có thể thấy, chính quyền các cấp đã đổi mới nhận thức, thái độ và phương thức quản lý, nhất là cải cách các thủ tục hành chính, chú ý đầu tư phát triển hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư ở địa phương mình. Hầu hết các địa phương trong cả nước đã thực hiện đầy đủ tinh thần đổi mới của Luật Doanh nghiệp, coi đây là một sự cải cách lớn trong lĩnh vực hành chính nhà nước. Đối với đa số ngành nghề, thời hạn đăng ký kinh doanh trên thực tế rút ngắn xuống còn 10 ngày so với 15 ngày theo quy định ; có địa phương còn tổ chức thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng. Hằng năm, các địa phương tổ chức gặp mặt, đối thoại cùng doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi địa phương để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, khích lệ doanh nghiệp, doanh nhân mở rộng sản xuất kinh doanh ; trực tiếp nghe các doanh nghiệp trình bày về những tâm tư, suy nghĩ, khó khăn mà họ đang gặp phải để giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Ý thức và phương pháp làm việc của cơ quan đăng ký kinh doanh đã thay đổi, chuyển hẳn từ cơ chế "xin - cho" sang hỗ trợ, hướng dẫn là chủ yếu. Bản thân cán bộ đăng ký kinh doanh ngày càng nhận thức đầy đủ hơn quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ và đi đầu trong việc thi hành Luật Doanh nghiệp. Những nỗ lực đó đã góp phần thúc đẩy tốc độ huy động vốn và đầu tư, tạo nên "làn sóng" đầu tư mới, nhất là ở khu vực kinh tế tư nhân ; tạo ra sự thi đua thực sự giữa các địa phương.

Digitized by Google

Luật Doanh nghiệp được ban hành và có hiệu lực đã làm thay đổi một cách căn bản phương thức và công cụ quản lý đối với doanh nghiệp. Cụ thể là : từ chế độ "tiền kiểm" chuyển sang "hậu kiểm" ; quản lý nhà nước chuyển từ thụ động sang chủ động : từ hành chính, bàn giấy, hồ sơ sang kiểm tra theo thực tế, từ "kiểm tra theo điểm thời gian sang giám sát trong suốt quá trình kinh doanh của doanh nghiệp"... Điều này đang từng bước khắc phục một số "mặt chưa được" trước đây trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp như : thiếu ý thức, cơ chế phối hợp lỏng lẻo giữa các sở với nhau và với Ủy ban nhân dân các cấp, sự thiếu ý thức nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu quản lý, tình trạng đùn đẩy trách nhiệm trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, v.v..

Thực tế cho thấy, nhân dân nói chung và cộng đồng doanh nhân nói riêng đã rất phấn khởi và hưởng ứng những nội dung của Luật Doanh nghiệp, tuân thủ nghiêm các quy định, phát hiện và tận dụng được các cơ hội, từ đó cân nhắc và lựa chọn mô hình phù hợp để đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh. Nhiều người đã mạnh dạn bỏ vốn đầu tư lập doanh nghiệp. Phong trào thanh niên lập nghiệp được mở rộng, nhất là trong sinh viên. Các câu lạc bộ, hiệp hội doanh nghiệp trẻ được thành lập và phát triển ở nhiều địa phương, nhất là ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều địa phương khác.

Tuy nhiên, sự phát triển của các doanh nghiệp dân doanh cũng bộc lộ một số hạn chế, yếu kém :

- Đại đa số chủ doanh nghiệp vẫn hiểu một cách giản đơn là đăng ký để có được giấy chứng nhận kinh doanh, mà chưa nhận thức được ý nghĩa pháp lý của từng loại hồ sơ đăng ký kinh doanh, cũng như từng nội dung trong các loại hồ sơ đăng ký kinh doanh. Các doanh nghiệp dân doanh hoạt động chủ yếu trong phạm vi địa phương, thiếu kiến thức và kinh nghiệm thương mại quốc tế, tham gia xuất khẩu chủ yếu thông qua ủy thác hoặc gia công nên hiệu quả chưa cao.

- Số lượng doanh nghiệp tính theo số dân ở nước ta còn thấp và chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, bình quân gần 800 người mới có một doanh nghiệp (gồm cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài). Sự phân bổ doanh nghiệp theo vùng lãnh thổ vẫn chưa có nhiều thay đổi. Doanh nghiệp vẫn tập trung chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số ít địa phương khác có mức độ đô thị hóa cao (Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội chiếm 53,6% tổng số doanh nghiệp và 52,14% số vốn đăng ký). Trong một tỉnh, các doanh nghiệp thường tập trung chủ yếu ở thị xã hay thành phố trực thuộc trung ương, số doanh nghiệp ở các huyện vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa nhiều.

- Mặc dù tốc độ tăng vốn đăng ký, vốn thực hiện cao nhưng quy mô doanh nghiệp dân doanh nói chung còn nhỏ, phát triển không đều cả về vùng lãnh thổ và ngành, nghề kinh doanh. Theo kết quả điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê, đến ngày 1-7-2002, tổng nguồn vốn của các doanh nghiệp dân doanh nước ta khoảng 168,1 nghìn tỉ đồng, chiếm 15,65% tổng nguồn vốn của các doanh nghiệp (bao gồm cả vốn của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) ; giá trị đầu tư của doanh nghiệp dân doanh chỉ bằng hơn 1/4 của doanh nghiệp nhà nước và hơn 1/2 của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Cộng đồng các doanh nghiệp dân doanh mới sử dụng khoảng 1,8 triệu lao động, số việc làm mới tăng lên do cộng đồng các doanh nghiệp dân doanh tạo ra hằng năm chỉ bằng 1/3 tổng số lao động tăng thêm. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp dân doanh trong cả nước cũng như trong từng địa phương vẫn còn nhỏ (thường chỉ chiếm dưới 10% tổng kim ngạch xuất khẩu của mỗi địa phương). Có thể thấy, sự đóng góp của khu vực kinh tế này, nhìn chung còn chưa tương xứng tiềm năng hiện có.

*
* *

Để việc thực hiện Luật Doanh nghiệp có hiệu quả và thúc đẩy các doanh nghiệp dân doanh phát triển mạnh hơn nữa, chúng tôi thấy cần tiếp tục giải quyết một số vấn đề sau :

Digitized by Google

Một là, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn và thực hiện Luật Doanh nghiệp.

Mặc dù có chuyển biến lớn về công tác ban hành luật, nhưng trên thực tế vẫn tồn tại nhiều tư duy cũ, cách làm cũ trong lĩnh vực này, có nơi các cơ quan quản lý vẫn bàng quan trước yêu cầu cấp bách của thực tế, cho rằng "thiếu văn bản hướng dẫn vẫn chưa chết ai" ; tư tưởng lợi ích cục bộ của ngành hoặc địa phương, tư tưởng "phép vua thua lệ làng"... vẫn còn tồn tại. Một số quy định trái với Luật Doanh nghiệp đây đó vẫn được ban hành. Cách làm này gây ra sự không đồng bộ, thiếu thống nhất về chính sách, luật pháp từ trên xuống dưới, gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý của các nhà đầu tư. Nhiều văn bản cần thiết hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp vẫn còn thiếu. Vì vậy, các bộ, ngành có liên quan cần tiếp tục bổ sung và hoàn thiện để nâng cao hơn nữa hiệu lực của Luật Doanh nghiệp.

Hai là, nâng cao tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Thực tế cho thấy, đổi mới và hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp chưa đủ để giải quyết hết các rào cản đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Hiệu lực của Luật Doanh nghiệp đang bị hạn chế đáng kể bởi sự không thống nhất và thiếu đồng bộ, bởi sự tồn tại của các quy định không còn phù hợp. Chính vì vậy, những vướng mắc, rào cản đối với doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh hầu như chưa được giải quyết. Để xây dựng một hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ đòi hỏi phải có thời gian dài, nhưng trước mắt cần sớm thực hiện một số công việc sau :

- Khắc phục tình trạng khung pháp lý hiện chưa thể hiện rõ sự công bằng đối với các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Cụ thể là, còn nhiều luật doanh nghiệp khác nhau, mỗi luật áp dụng cho một loại hình doanh nghiệp và tùy theo thành phần kinh tế. Điều đó tạo nên sự cách biệt, phân biệt đối xử về mặt pháp lý, về cơ chế, chính sách đối với các loại hình doanh nghiệp. Nên chăng, cần đổi mới hệ thống pháp luật theo hướng xây dựng một luật về sản xuất, kinh doanh áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, hoặc các luật cũng phải được xây dựng theo một tư duy thống nhất. Có nghĩa là, phải tạo cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động theo cùng một "luật chơi". Có như vậy mới tạo ra cạnh tranh thực sự lành mạnh, công bằng và minh bạch giữa các loại hình doanh nghiệp.

- Mặc dù các quy định về cạnh tranh lành mạnh và chống độc quyền đã xuất hiện ở một số văn bản như Bộ Luật Dân sự năm 1995, Luật Thương mại năm 1997, Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 1999, Bộ Luật Hình sự năm 1999 và các văn bản khác, nhưng các quy định đó còn chắp vá, thụ động, mang dấu ấn của lối tư duy cũ nặng về bảo hộ, khép kín. Do vậy, cần sớm ban hành Luật Cạnh tranh và Chống độc quyền, hình thành khuôn khổ pháp lý cho việc bảo đảm cạnh tranh lành mạnh và kiểm soát độc quyền, hạn chế các tiêu cực trong kinh doanh.

Ba là, đẩy mạnh hơn nữa tiến độ cải cách hành chính.

Cải cách hành chính nhà nước hiện vẫn còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của thực tế cuộc sống. Thái độ, tâm lý làm việc, phương thức và công cụ quản lý của hầu hết các cơ quan hữu quan chưa thay đổi một cách rõ nét, phù hợp với cơ chế mới ; tính khoa học, tính chuyên môn và chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu của cơ chế thị trường trong các công việc của cơ quan quản lý nhà nước còn thấp. Vì vậy, phải đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả của bộ máy nhà nước đối với việc quản lý các doanh nghiệp dân doanh ; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức, đơn vị quản lý hành chính các cấp ; khắc phục, tiến tới xóa bỏ tình trạng trùng lắp trong quản lý điều hành ; làm rõ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu từng tổ chức và có chế độ thưởng, phạt nghiêm minh.

Bốn là, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn.

Hiện nay, có một nghịch lý là các doanh nghiệp dân doanh có hiệu suất sử dụng vốn cao lại thiếu vốn, khó có thể vay vốn được từ ngân hàng, trong khi không ít doanh nghiệp nhà nước thua lỗ

Digitized by Google

kéo dài vẫn được ưu tiên vay vốn. Rút cục là, đồng vốn không được sử dụng hiệu quả. Mặc dù Chính phủ đã có những chính sách thông thoáng tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận được với nguồn vốn của ngân hàng, nhưng thực tế phần lớn các doanh nghiệp vẫn khó có thể tiếp cận được với nguồn vốn này. Vì các ngân hàng vẫn bị trói buộc bởi các điều kiện cho vay ngặt nghèo, như yêu cầu về tài sản thế chấp, thời hạn cho vay và các món vay thường hạn hẹp. Trong thời gian tới, cần nghiên cứu, sửa đổi điều đó để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng bằng cách : tăng tính chủ động của các ngân hàng thương mại, đơn giản hóa thủ tục vay vốn, đa dạng hóa các hình thức cho vay vốn như bảo lãnh, tín dụng, thuê mua tài chính, phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh của người sử dụng vốn...

Năm là, *tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu về mặt bằng cho sản xuất, kinh doanh.*

Tuy có nhiều cải tiến so với trước đây, nhưng vấn đề quyền sử dụng đất làm mặt bằng kinh doanh vẫn là vấn đề khó khăn nhất, cản trở đối với việc đầu tư mới cũng như mở rộng sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp dân doanh. Đại đa số doanh nghiệp dân doanh phải xoay xở đủ mọi cách, thậm chí phải chịu chi phí rất lớn, vừa phải trả tiền mua quyền sử dụng đất vừa phải nộp thuế sử dụng đất rất cao, mà vẫn còn thiếu mặt bằng để sản xuất, kinh doanh. Để khắc phục tình trạng này, các địa phương tiếp tục đầu tư phát triển khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch, giải quyết đền bù thỏa đáng cho người dân để doanh nghiệp nhanh chóng có mặt bằng cho sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục cải cách thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, giảm bớt các chi phí trùng lắp trong thuê mặt bằng của doanh nghiệp. Chống các biểu hiện lợi dụng kẽ hở của luật pháp để đầu cơ đất, tạo nên các "cơn sốt" về đất, kìm hãm năng lực cạnh tranh của sản xuất và của nền kinh tế.

Sáu là, *hoàn thiện chính sách thuế theo hướng khuyến khích các nhân tố tăng trưởng nhanh và bền vững.*

Chính sách thuế hiện còn nhiều bất hợp lý, lại vừa sơ hở vừa bất bình đẳng. Vì vậy, hiện tượng trốn lậu thuế, khai khống hóa đơn liên tục xảy ra trong thời gian vừa qua. Để khắc phục tình trạng này, cần thực hiện nguyên tắc bình đẳng về thuế giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế ; xác định mức thuế hợp lý trên quan điểm thuế phải tạo ra động lực cho tăng trưởng kinh tế, thu hút vốn đầu tư. Muốn vậy, phải thực sự khắc phục lối tận thu để đảm bảo cho doanh nghiệp có khả năng tích lũy vốn cho đầu tư phát triển, hạn chế tình trạng trốn thuế ; nhanh chóng khắc phục những sơ hở để có một hệ thống chính sách thuế có tác dụng đòn bẩy, kích thích tăng trưởng nhanh và bền vững.

Bảy là, *làm tốt công tác hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển.*

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Luật Doanh nghiệp. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư bằng các giải pháp hữu hiệu với nội dung và hình thức phù hợp (khắc phục tính hình thức, hành chính, chủ quan, thiếu thực tế) ; tiếp tục đối thoại cùng doanh nghiệp, nhất là đối thoại theo chủ đề nhằm không chỉ để giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp, mà còn cùng doanh nghiệp bàn định thực hiện các dự án phát triển kinh tế địa phương ; tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo khả năng và nhu cầu của địa phương. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Hiệp hội doanh nghiệp để làm tốt vai trò hỗ trợ, cầu nối cho các doanh nghiệp với thị trường, với cơ quan nhà nước cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp cần nâng cao trình độ quản trị kinh doanh ; coi trọng công tác xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh để chủ động nâng cao sức cạnh tranh, mở rộng thị trường cũng như đối phó có hiệu quả với sự biến động của thị trường; nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật một cách chính xác và minh bạch.❑

Digitized by Google

LAI CHÂU giải bài toán xóa đói giảm nghèo

NGỌC HỒ

LÀ một tỉnh miền núi cao, địa đầu phía Tây Bắc của Tổ quốc, Lai Châu có nhiều tiềm năng và lợi thế về đất rừng, thủy điện, du lịch và kinh tế cửa khẩu, song vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức : nền kinh tế có điểm xuất phát thấp, sản xuất hàng hóa chưa phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm và chưa vững chắc, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém và chưa đồng bộ ; nhu cầu về vốn đầu tư phát triển lớn nhưng khả năng đáp ứng rất hạn hẹp ; điều kiện thời tiết, thiên tai diễn ra phức tạp gây nhiều bất lợi cho sản xuất và đời sống của nhân dân... Như nhiều tỉnh miền núi khác, mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thế phát triển ổn định bền vững, luôn là bài toán khó đối với Lai Châu. Trải qua bao gian nan, đến nay Đảng bộ, chính quyền, và nhân dân các dân tộc Lai Châu đã có câu trả lời.

Sự đổi thay nhanh chóng ở vùng đất Lai Châu hôm nay, có rất nhiều vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu và tổng kết. Trong bài viết nhỏ này, chúng tôi xin đề cập tới một vài giải pháp mang tính đột phá.

1. Lai Châu là tỉnh có tỷ lệ nghèo đói vào mức cao nhất cả nước. Toàn tỉnh hiện còn 31% số hộ đói nghèo (theo tiêu chí mới). Trong tổng số 1 870 xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới của cả nước, Lai Châu chiếm tới 120 xã. Mục tiêu xóa đói giảm nghèo đã được đặt lên hàng đầu trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mấy năm gần đây, sự đầu tư và những chính sách ưu đãi đặc biệt của Nhà nước cho công cuộc xóa đói giảm nghèo đã tạo cho Lai Châu thêm nguồn động lực. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh các khóa VIII, IX, X, những quyết sách quan trọng về vấn đề này đã được thông qua ; trong đó, có Nghị quyết số 15/NQ-TU về công tác xóa đói giảm nghèo giai đoạn 1996 - 2000 của tỉnh. Nghị quyết quan trọng này đã định hướng đúng đắn cho tiến trình thực hiện các mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo các cấp từ tỉnh đến huyện - thị, xã - phường, thị trấn đã được kiện toàn và nhanh chóng đi vào hoạt động. Trong điều kiện Lai Châu là một tỉnh có diện tích tự nhiên tương đối lớn (thứ 2 toàn quốc), khoảng cách về địa lý giữa các đơn vị hành chính trong địa bàn khá xa, có 6 huyện cách trung tâm tỉnh lỵ gần 200 ki-lô-mét. Vào thời điểm năm 2002, toàn tỉnh còn 16 xã chưa có đường ô-tô đến trung tâm xã, 94 xã chưa có điện lưới quốc gia, 80 xã chưa có điện thoại, 95 xã chưa có điểm bưu điện xã... nên công tác lãnh đạo chỉ đạo và tuyên truyền, thông tin liên lạc rất hạn chế, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến với người dân thường chậm. Sự ra đời của Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo các cấp chính là một giải pháp kịp thời nhằm khắc phục trở ngại trên ; vừa là cầu nối vừa là cơ quan điều hành, thực thi các chủ trương, chính sách của Đảng và

Digitized by Google

Nhà nước ở địa phương một cách hiệu quả. Theo kinh nghiệm của Lai Châu, sự thành công hay thất bại của tiến trình xóa đói giảm nghèo ở địa phương, các chủ trương , chính sách của Đảng và Nhà nước có đến được với người dân và trở thành hiện thực trong đời sống của họ hay không, phụ thuộc rất nhiều vào năng lực hoạt động của Ban này. Do đó, cùng với chương trình bồi dưỡng cán bộ xã nghèo, Lai Châu đã cử những cán bộ có uy tín, kinh nghiệm và thâm niên công tác ở vùng cao về cắm chốt tăng cường cho các xã trong diện đặc biệt khó khăn và các xã biên giới. Sự tăng cường là một trong những điều kiện tiên quyết khi triển khai chương trình xóa đói giảm nghèo từ cơ sở của địa phương.

Thực tiễn cho thấy, *giải quyết tận gốc sự đói nghèo* chính là giải pháp quan trọng nhất giúp đồng bào vươn lên thoát khỏi cảnh nghèo. Đồng bào miền núi nói chung và đồng bào trong diện nghèo ở Lai Châu nói riêng, đều thiếu những lợi thế so với trình độ phát triển và tương quan chung của vùng và cả nước. Đặc biệt nền sản xuất nhỏ, thói quen canh tác lạc hậu, kết cấu hạ tầng yếu kém, trình độ dân trí thấp, tỷ lệ sinh cao... của đồng bào ở đây là những nguyên nhân, những thách thức to lớn mà người nghèo không dễ vượt qua. Dù đã nỗ lực nhiều và được đánh giá có bước bứt phá nhanh (mỗi năm Lai Châu giảm được 5% số hộ đói nghèo, trong khi đó tỷ lệ chung của nhiều địa phương chỉ đạt 1,5 - 2%/năm), song Lai Châu vẫn chưa vượt ra khỏi tốp đứng sau trong bảng xếp hạng chung của cả nước (1).

Vấn đề then chốt của công cuộc xóa đói giảm nghèo là tìm nguồn lực, tạo vốn đầu tư cho người nghèo để họ có điều kiện sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập, tự mình vươn lên vượt qua đói nghèo. Đây là vấn đề được Lai Châu đặc biệt quan tâm và triển khai khá linh hoạt. Nếu ở một số nơi khác, đồng bào có vốn là có thể đầu tư vào sản xuất, kinh doanh làm ra lợi nhuận, tăng thu nhập thì ở Lai Châu nhiều người có vốn cũng chưa biết làm gì, thậm chí không ít người đã sử dụng vốn vay xóa đói giảm nghèo vào những mục đích tiêu cực. Một phần do thói quen bảo thủ, lối làm ăn cũ kỹ, lạc hậu, tư tưởng chưa được khai thông ; phần khác do trình độ dân trí thấp kém, chưa quen và chưa thể tiếp cận với khoa học - kỹ thuật, chưa biết cách làm kinh tế, còn xa lạ với cơ chế thị trường... Do đó, tỉnh tập trung giúp người nghèo biết sử dụng vốn dù hạn hẹp tự cứu mình thoát khỏi cảnh nghèo, khai thông tư tưởng, nâng cao trình độ học vấn để họ thấy rõ căn nguyên của sự đói nghèo. Phát huy sức mạnh cộng đồng, truyền thống tương thân tương ái, tinh thần lao động cần cù của người dân miền núi, Lai Châu đã mở nhiều lớp đào tạo cán bộ cho các xã nghèo, biến lực lượng này thành những hạt nhân, thành những chiến sĩ tiên phong trong công cuộc xóa đói giảm nghèo của quê hương.

Bằng các nguồn : *vốn ngân hàng phục vụ người nghèo, vốn giải quyết việc làm (120), vốn tín dụng Việt - Đức (KFW), vốn trợ giúp các dân tộc ít người đặc biệt khó khăn ; vốn định canh, định cư ; vốn chương trình 135, và các nguồn tài trợ khác trong và ngoài nước...*, tỉnh đã triển khai có trọng điểm các chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo của Chính phủ. Qua đó, nhiều chương trình đã phát huy hiệu quả khá tốt.

2. An toàn lương thực là mục tiêu quan trọng hàng đầu đối với các tỉnh miền núi nói chung và Lai Châu nói riêng. Phương châm chiến lược của Lai Châu là *làm lương thực phải giữ rừng, làm lương thực để giữ rừng*. Đây cũng chính là mục tiêu mà Lai Châu kiên trì phấn đấu trong nhiều năm qua. Là tỉnh có diện tích tự nhiên rộng,

(1) Kết quả nghiên cứu phát triển con người của Viện Nghiên cứu con người thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia

Digitized by Google

nhưng quỹ đất nông nghiệp rất hạn chế lại nằm ở độ dốc lớn, địa hình phức tạp, sông suối chằng chịt, khí hậu khắc nghiệt, thiên tai đe dọa liên miên... nên việc tăng sản lượng lương thực ở Lai Châu không dễ dàng. Trong thời bao cấp, mỗi năm, tỉnh phải xin Trung ương trợ cấp từ 4 000 đến 5 000 tấn lương thực.

Muốn tăng sản lượng lương thực chỉ có thể tăng quỹ đất. Nhưng tăng quỹ đất sẽ dẫn đến nạn phá rừng... Đó là cái vòng quẩn quanh không lối thoát đã và đang diễn ra ở nhiều tỉnh miền núi hiện nay. Một thời chưa xa, hưởng ứng phong trào *"tự túc lương thực"*, người dân miền núi đã *"làm lương thực bằng mọi giá"* (người người làm nương, nhà nhà làm nương), và quên chuyện giữ rừng, gây nên bao hậu quả nghiêm trọng cho con người và môi trường sinh thái.

Là tỉnh có diện tích rừng phòng hộ và rừng đầu nguồn lớn (chiếm 42% diện tích rừng đầu nguồn của cả nước), vấn đề giữ rừng trở thành mục tiêu sống còn của Lai Châu. Trong những năm 80 của thế kỷ XX, tỷ lệ rừng che phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu chỉ còn 9%, tỷ lệ tương ứng năm 1995 là 14% ; năm 2000 là 31%. Tuy có tiến bộ nhưng đây vẫn là một thách thức không nhỏ. Đồng bào miền núi, nhất là đồng bào vùng cao có thói quen sống gắn bó với rừng. Rừng không chỉ là nguồn sống mà đã trở thành yếu tố tâm linh, yếu tố văn hóa truyền thống trong đời sống cộng đồng các dân tộc vùng cao. Vì vậy, muốn phát triển kinh tế - xã hội, muốn thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí cho đồng bào càng không thể tách đồng bào ra khỏi rừng. Nhưng trong thực tế, có những lúc chủ trương định canh, định cư bị một số địa phương thực hiện một cách cực đoan bằng cách đưa đồng bào xuống vùng thấp, kiên quyết kéo họ ra khỏi rừng, đã không tránh khỏi những thất bại.

Đảm bảo an toàn lương thực - giữ được rừng - hai nhiệm vụ có tính chiến lược này đã được Lai Châu thực hiện có hiệu quả. Có thể coi đây là *khâu đột phá quan trọng* giúp đồng bào Lai Châu nhanh chóng thoát đói nghèo, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Vai trò "bà đỡ" của Nhà nước từ các chương trình kinh tế - xã hội đối với vùng cao như Chương trình 135, Chương trình 327, Chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc, Chương trình 5 triệu ha rừng... đã thực sự tiếp sức cho Lai Châu. Để thực hiện các chương trình đó, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 02-NQ/TU về phát triển kinh tế - xã hội vùng cao giai đoạn 2001 - 2010. Để tăng quỹ đất sản xuất nông nghiệp, hạn chế tệ phá rừng, nhất là rừng đầu nguồn, Lai Châu chủ trương *thu hẹp diện tích trên nương, mở rộng diện tích dưới ruộng*, có nhiều chính sách hỗ trợ đồng bào khai hoang ruộng nước và xây dựng nương bậc thang, bảo đảm mỗi hộ ở vùng cao có từ 0,3 tới 0,5 héc-ta ruộng nước hoặc nương bậc thang nhằm sản xuất lương thực ; 1,5 tới 2 héc-ta rừng bảo vệ, khoanh nuôi - tái sinh và 0,5 héc-ta rừng trồng. Với định mức đầu tư từ 3 đến 5 triệu đồng/ha ruộng nước và ruộng bậc thang, trong 5 năm qua tỉnh đã khai hoang được 6 000 héc-ta ruộng nước và ruộng bậc thang, phấn đấu đến năm 2010 đạt 10 000 héc-ta.

Tuy nhiên, khai hoang mở rộng diện tích cũng chỉ giải quyết được vấn đề tăng quỹ đất. Điều cốt tử là việc sử dụng quỹ đất đó như thế nào để vừa đạt hiệu quả kinh tế, vừa đảm bảo sự bền vững của môi trường sinh thái. Để có thể thay đổi về căn bản nền sản xuất nông nghiệp nhỏ lạc hậu ở địa phương, Lai Châu đặc biệt coi trọng đầu tư khoa học - kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Trước tình trạng kinh tế kém, dân trí thấp, nguồn nhân lực chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ lệ lớn (mới có 7% lao động qua đào tạo), vấn đề chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật được tỉnh chỉ đạo thực hiện khá sáng tạo, theo phương thức giúp đồng bào vừa học vừa

Digitized by Google

làm. Tuận thủ phương châm *"cầm tay, chỉ việc" "trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một làm"* tỉnh đã tổ chức nhiều đợt chuyển giao "công nghệ đầu bờ", nhân rộng các điển hình ứng dụng khoa học - kỹ thuật theo kiểu vết dầu loang, chú ý chỉ đạo điểm, lấy điểm nhân diện... Cách làm này tuy chỉ là giải pháp tình thế nhưng khá hiệu quả. Mỗi năm, tỉnh mở hàng trăm lớp khuyến nông, khuyến lâm tại các địa phương nhằm hướng dẫn đồng bào cách làm ăn mới. Những kiến thức về mô hình kinh tế trang trại, về thủy lợi, về giống mới, về thâm canh tăng năng suất... và cách vươn lên thoát đói nghèo bằng con đường ngắn nhất đã được đồng bào hào hứng học hỏi và ứng dụng. Từ đó, những vướng mắc trong tư tưởng của người dân về lề lối làm ăn mới dần dần được khai thông. Đây chính là thành công lớn nhất trong tiến trình xóa đói giảm nghèo ở Lai Châu và là điều kiện quan trọng để triển khai các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm.

Phong trào phát triển kinh tế hộ gia đình, làm giàu trên mảnh đất, cánh rừng của mình theo mô hình VAC, VARC... đang được nhân rộng ở Lai Châu. Sự xuất hiện hàng ngàn trang trại làm ăn có hiệu quả với vai trò tiên phong trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Lai Châu đang mở ra những triển vọng mới cho nền kinh tế.

Trong bối cảnh nền kinh tế tự cung tự cấp, sản xuất hàng hóa chưa phát triển, vấn đề mấu chốt là tạo sự phát triển ổn định và bền vững, tạo tiền đề cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Từ nhận thức đó, Lai Châu từng bước quy hoạch nền sản xuất, chủ động tìm "đầu ra" cho sản phẩm, nhanh chóng tiếp cận thị trường. Gạo Điện Biên đã có thị trường trong vùng và cả ở miền xuôi, chè San Tam Đường có thị trường trong nước và nước ngoài... Sự phát triển hiệu quả của 6 vùng kinh tế trọng điểm là những dấu hiệu cho thấy Lai Châu đã và đang phát huy được lợi thế để hướng tới sự phát triển bền vững...

3. Ai đến mảnh đất Lai Châu cũng thấy ngỡ ngàng về sự đổi thay nhanh chóng của nó : Tốc độ tăng trưởng GDP năm (2001 - 2003) là 7,9%, riêng năm 2003 ước đạt 9,2%. Kết thúc năm 2002, so với năm 2000, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ ngày một tăng ; giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp chiếm 38,28%, giảm 3,59% ; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng chiếm 22%, tăng 2,7% ; giá trị ngành dịch vụ chiếm 39,72%, tăng 0,82%.

Tổng sản lượng lương thực năm 2003 ước đạt 209,5 ngàn tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 330 kg/người/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 425 tỉ đồng (giá cố định năm 1994), tăng 48% so với năm 2000, mức tăng trưởng trong công nghiệp 3 năm 2000 - 2003 là 16%/năm. Tỉnh đã thu hút được nguồn đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng một số cơ sở công nghiệp có lợi thế phát triển như : xi-măng (Tuần Giáo), thủy điện (Nà Nơi)... Các ngành dịch vụ phát triển và có mức tăng trưởng khá. Tổng mức luân chuyển hàng hóa năm 2003 ước đạt 970 tỉ đồng, tăng 44% so với năm 2000. Doanh thu từ du lịch tăng 20% so với các năm trước. Tổng giá trị hàng xuất khẩu năm 2003 qua cửa khẩu Ma Lù Thàng ước đạt 70 triệu USD. Tổng thu ngân sách năm 2003 ước đạt 1 153 tỉ đồng, tăng 2,06 lần so với năm 2000. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển khá, góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu, xóa đói giảm nghèo. Trong hai năm rưỡi (2000 - tháng 6-2003) Lai Châu đã đầu tư nâng cấp rải nhựa và thảm nhựa 430 ki-lô-mét quốc lộ và tỉnh lộ, mở mới và nâng cấp 1 672 ki-lô-mét đường giao thông nông thôn, xây dựng 7 842 mét cầu cống, từng bước kiên cố hóa hệ thống thủy lợi, đầu tư mở rộng lưới điện quốc gia... Nền kinh tế nhiều thành phần được sắp xếp tổ chức lại, thích nghi với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Tỉnh đã sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao

Digitized by Google

hiệu quả hoạt động của 204 doanh nghiệp (trong đó có 48 doanh nghiệp nhà nước), với tổng số vốn 410 tỉ đồng. Kinh tế tập thể được đổi mới, phát triển.

Hệ thống giáo dục - đào tạo có nhiều tiến bộ rõ nét. Dân trí ngày càng được nâng cao, tỷ lệ học sinh tới trường hằng năm tăng từ 8 đến 10%. Tỉnh đã duy trì và phát huy được kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, phấn đấu hết năm 2003 có 20 xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Hệ thống y tế từ tỉnh đến huyện được củng cố, 100% số xã có trạm xá, 93% số bản có cán bộ y tế, hằng năm có 91% số trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng mở rộng. Hoạt động văn hóa, thông tin - báo chí có nhiều cố gắng, Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được tổ chức và hoạt động sâu rộng, đạt kết quả tốt. Bản sắc văn hóa dân tộc được phát huy, phát triển. Di tích lịch sử được quan tâm bảo vệ và đầu tư bảo tồn, tôn tạo. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển sâu rộng.

Kết quả trên chứng tỏ đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ đã thật sự phù hợp với nguyện vọng của nhân dân và chiến lược phát triển của đất nước. Đó cũng chính là thước đo sự nỗ lực bền bỉ của các cấp ủy, chính quyền các cấp, đoàn thể và nhân dân các dân tộc tỉnh Lai Châu trong quá trình vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Có thể rút ra một số điểm mấu chốt :

Thứ nhất, mọi thành công đều bắt nguồn từ bước đột phá là phát huy nguồn nội lực tiềm ẩn trong mỗi người dân. Nó đã được khơi dậy bởi tư tưởng của người dân được khai thông trước khi hướng dẫn họ tiến hành các mục tiêu kinh tế - xã hội, khi sức mạnh đại đoàn kết dân tộc được phát huy.

Thứ hai, vai trò lãnh đạo quyết định của Đảng trong việc hoạch định các chính sách ; tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với dân, giữa cán bộ với quần chúng ; khơi dậy truyền thống dân tộc, phát huy lợi thế và sức mạnh cộng đồng.

Thứ ba, lựa chọn phương thức và bước đi phù hợp với thực tiễn, đặt quyền lợi của nhân dân, nhất là của người nghèo lên trên hết trong việc giải quyết triệt để căn nguyên của sự đói nghèo. Tạo thế phát triển ổn định và bền vững trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng thể, nhất là kế thừa và bảo vệ vốn văn hóa của cộng đồng các dân tộc .

4. Mặc dù đạt nhiều thành tựu quan trọng, nhưng con đường đi tới của Lai Châu còn muôn vàn thử thách gian nan. Tốc độ đô thị hóa ngày một nhanh ở Lai Châu hiện nay là một dấu hiệu đáng phấn khởi, song không phải không có những mặt trái cần quan tâm. Nỗi lo lớn nhất là làm nhạt nhòa thậm chí đánh mất bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc trong đời sống cộng đồng. Những kết quả đấu tranh chống tội phạm vận chuyển, buôn bán trái phép chất ma túy, tệ nghiện hút, mại dâm trên địa bàn Lai Châu thời gian qua có ý nghĩa rất quan trọng, nhưng Lai Châu vẫn đang là một "điểm nóng", một "miền đất hứa" của bọn tội phạm... Không thể lơ là mất cảnh giác.

Tình trạng di dân tự do, thói quen du canh du cư ở một bộ phận nhỏ đồng bào đã và đang là nguy cơ của tình trạng mất ổn định về an ninh chính trị và trật tự xã hội của địa phương.

Yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang đặt ra cho Lai Châu nhiều nhiệm vụ nặng nề : đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, phát triển nhân tài, xây dựng các ngành kinh tế mũi nhọn.... Đây là những vấn đề Lai Châu khó có thể hoàn thành, nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước, các ngành, các cấp và các địa phương, trong cả nước.❑

Digitized by Google

Ba điều trăn trở

NAM DŨNG

1 - Anh ấy hơn tôi gần hai chục tuổi, từng giảng giải cho tôi điều hơn, lẽ thiệt. Anh kể cho tôi nghe về quãng đời gian truân lên thác, xuống ghềnh. Anh "lên lớp" về đạo đức, tư cách và cả "nghệ thuật" để tạo dựng cho mình một chỗ đứng. Tôi rất "nể".

Có điều, câu chuyện về bản thân anh thì thật khó hiểu. Anh quen một người *bề trên* có quyền lực và tỏ ra rất "sùng mộ" người đó. Anh thường ca ngợi *bề trên* hết lời, có lẽ tìm trong từ điển cũng chẳng còn từ nào hay hơn. Tôi biết, dù anh mới quen *bề trên* nhưng luôn tìm mọi cơ hội, dựng lên mọi cớ để thường xuyên gặp "đèn"... Anh còn hay răn dạy tôi, phải biết "quan hệ", phải biết "tranh thủ", rồi phải biết sống có "đạo", có trước, có sau... Anh nói, gần "đèn" thì sẽ rạng lên nhiều đấy. *Bề trên* cất nhắc anh lên một cương vị mới. Anh vô cùng đắc ý, càng say đắm quyền lực và càng dùng mọi cơ hội để "đầu tư" cho việc thăng tiến. Anh nghĩ, với đà này chẳng mấy chốc sẽ thăng hoa lên đến "cung đình"...

Một thời gian sau tôi mới có dịp gặp anh. Chuyện ngắn chuyện dài, chuyện cũ rồi tới chuyện mới. Vui chuyện, tôi hỏi thăm sức khỏe *bề trên* của anh. Nhưng anh lặng thinh, rồi bất chợt buông thõng một câu : Khỏi cần thăm hỏi. Tôi lặng người.

2 - Với tinh thần đổi mới, Ban Thường vụ Huyện ủy huyện M. giao cho đồng chí H. - Phó Chủ tịch UBND huyện (quy hoạch sẽ làm Chủ tịch UBND huyện khóa tới), suy nghĩ và chọn ba "ứng cử viên" sẽ làm ba Phó Chủ tịch của huyện. Đương nhiên, căn cứ vào tiêu chuẩn và cơ cấu, trong đó lấy tiêu chuẩn làm trọng, Ban Thường vụ sẽ bàn, nhưng muốn để đồng chí Chủ tịch tương lai chọn người giúp việc, nhằm xây dựng một "kíp" làm việc. Như vậy, huyện M. đang mạnh dạn trong việc tìm phương thức đổi mới về công tác cán bộ.

Phiên họp ấy có cả cán bộ lãnh đạo tỉnh tham dự, đồng chí H. nêu tiêu chuẩn, cơ cấu, độ tuổi... và đưa ra danh sách để chọn ba Phó Chủ tịch. Nhưng chỉ có điều Hội nghị đều thấy băn khoăn là ba đồng chí đó năng lực yếu, thậm chí một số tiêu chuẩn về phẩm chất chưa đạt... Tại sao có một số cán bộ cấp phòng "sáng giá" của huyện mà đồng chí H. lại bỏ qua ??

3 - Dịp chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh K, tôi về gặp anh D. - Giám đốc Sở K. Là cán bộ nguồn đang được dự kiến cấu tạo vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Anh D. đang vò đầu bứt tai, liền nói : May quá ông về giúp tôi một tay với, không thì gay to. Sao lại gay ? Chuẩn bị khao to thì có, chân Thường vụ Tỉnh ủy là chắc như nêm rồi còn gì ? Đấy, gay ở chỗ đó. Anh D. tỏ ra khiêm tốn, tớ không đủ năng lực để vào Thường vụ tỉnh ủy đâu, cậu thấy đấy, *tài* còn "hèn" *đức* còn "mỏng" lắm. Thú thực, tớ đang "chạy" để tránh Thường vụ mà chỉ là Tỉnh ủy viên như hiện nay là tuyệt lắm rồi. Cậu giúp tớ một tay với nhé - anh D. khẩn khoản.

Bẵng đi, dễ đến mấy mùa trăng, tôi mới gặp lại các anh ấy ; và vỡ dần ra mọi chuyện.

1 - "Khỏi cần thăm hỏi. Đơn giản là *bề trên* của anh vừa "hạ cánh". "Đèn" đã "tắt" rồi mà !

Tôi chưng hửng... và cứ ám ảnh mãi câu trả lời ráo hoảnh đến bạc nhân của anh ấy.

2 - Đồng chí H. phân trần : Các đồng chí đã cho tôi chọn "ê-kíp", mà theo tôi nghĩ "ê-kíp" của tôi là trên bảo, dưới nghe. Ba đồng chí mà tôi đề cử tuy hơi yếu về năng lực và khiếm khuyết một số mặt nhưng ưu điểm nổi trội là hiền lành và rất dễ bảo. Tôi nghe một đồng chí ở trên tỉnh nói, thượng sách để chọn cán bộ giúp việc là : Thà kém một chút nhưng dễ "trị" là đắc lợi nhất.

Thì ra, thói đời vẫn lắm người ưa chuộng... "Sống chết mặc bay"...

3 - Sau này, tôi mới hiểu ra rằng, nếu anh D. trúng cử vào Ban Thường vụ thì dự kiến sẽ làm Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy. Còn nếu tái cử Tỉnh ủy viên thì sẽ phân công làm Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế.

Tôi tự thấy, mình còn "ấu trĩ" quá ! ❑

Digitized by Google

NĂM NĂM VIỆT NAM GIA NHẬP APEC

ĐỖ NHƯ ĐÍNH*

CHỦ động hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực theo phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, là chủ trương của Đảng và Nhà nước ta nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Quán triệt chủ trương trên, chúng ta đã chủ động gia nhập ASEAN (1995) ; nộp đơn gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) (tháng 12-1994) ; tham gia sáng lập Diễn đàn hợp tác kinh tế Á - Âu (ASEM) (1996) và tham gia Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) (1998).

Với việc tham gia APEC, Việt Nam đã khẳng định sự hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực một cách chủ động và tích cực của mình. Tuy mới 5 năm tham gia nhưng Việt Nam đã tích cực, chủ động tham gia các chương trình hợp tác kinh tế, xây dựng các mối quan hệ song phương tốt đẹp với các nền kinh tế thành viên APEC, và cùng với các thành viên APEC hoạch định đường lối, chính sách hợp tác phát triển về kinh tế thương mại của toàn khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

APEC là diễn đàn hợp tác kinh tế với 21 nền kinh tế thành viên, đa dạng về trình độ phát triển kinh tế cũng như cơ cấu thị trường, bao gồm những nền kinh tế phát triển bậc nhất thế giới như Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a..., những nền kinh tế phát triển năng động trong ASEAN và Trung Quốc - một nền kinh tế đang phát triển với thị trường lớn nhất thế giới. Với số dân khoảng 2,5 tỉ người (chiếm 44,2% tổng dân số thế giới), tổng GDP khoảng 19 nghìn tỉ USD (chiếm khoảng 62% GDP toàn cầu) và tổng trị giá giao dịch thương mại vào khoảng 5,5 nghìn tỉ USD (chiếm khoảng 47% thương mại toàn cầu), APEC là một thực thể kinh tế khổng lồ, tiếng nói của APEC có tác động không nhỏ đến thương mại toàn cầu.

Với ý tưởng ban đầu thành lập một diễn đàn đối thoại chính sách nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của trào lưu chủ nghĩa cô lập khu vực cuối những năm 80 thế kỷ trước ; tập hợp lực lượng chính trị tạo thế và lực trong đàm phán thương mại đa phương và cùng với nhận thức về tự do hóa thương mại đồng thời đầu tư giúp các nền kinh tế thành viên tăng trưởng, tạo công ăn việc làm, tạo ra nhiều cơ hội hơn cho thương mại và đầu tư quốc tế, giảm chi phí sản xuất và giảm giá cả hàng hóa và dịch vụ, từ đó tạo lợi ích trực tiếp cho tất cả các nền kinh tế thành viên, năm 1994, các nhà lãnh đạo APEC đã đặt ra những mục tiêu hết sức rõ ràng tại Tuyên bố Bô-go. Đó là tự do hóa thương mại và đầu tư vào năm 2010 với các thành viên phát triển và

* Thứ trưởng Bộ Thương mại

Digitized by Google

năm 2020 với thành viên đang phát triển thông qua việc thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư, xúc tiến thương mại, tăng cường hợp tác kinh tế - kỹ thuật... giữa các thành viên trên cơ sở các nguyên tắc thương mại đa biên.

Năm 1995, các nhà lãnh đạo kinh tế APEC thông qua Chương trình hành động Ô-xa-ka (OAA), trong đó quy định tất cả các hoạt động của APEC được điều tiết bởi những nguyên tắc chung : 1- Bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau ; 2- Hỗ trợ và cùng có lợi ; 3- Quan hệ đối tác chân thành và trên tinh thần xây dựng ; 4- Mọi quyết định được đưa ra trên cơ sở nhất trí chung.

Với các nguyên tắc hoạt động rõ ràng, bình đẳng, không phân biệt sự khác biệt về chính trị, về trình độ phát triển kinh tế, kể từ khi thành lập đến nay, APEC thực sự trở thành một diễn đàn mà tại đó, các nền kinh tế thành viên có thể đóng góp quan điểm, ý kiến riêng của mình nhằm xây dựng APEC thành một cộng đồng kinh tế phát triển trong sự đa dạng, đồng đều, hỗ trợ và bổ trợ lẫn nhau để tạo thành một thực thể kinh tế gắn bó về chính sách chung, về thị trường, về hợp tác kinh tế - khoa học - kỹ thuật, thúc đẩy quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư trong khu vực cũng như trên toàn thế giới.

Trên cơ sở mục tiêu, nguyên tắc hoạt động như vậy, APEC triển khai các hoạt động của mình trên bình diện rộng, đa dạng, từ đối thoại chính sách đến các cam kết đơn phương để mở cửa thị trường; từ trao đổi kinh nghiệm khoa học - kỹ thuật và quản lý đến xây dựng các chương trình hành động nhằm giảm bớt chi phí kinh doanh... Tuy là diễn đàn kinh tế, nhưng các hoạt động của APEC không chỉ dừng ở hợp tác trong lĩnh vực kinh tế mà còn mở rộng hợp tác sang các lĩnh vực khác như bảo tồn tài nguyên, phát triển nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ, thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ, thanh niên. Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay với nhiều thách thức mới nảy sinh như : sự gia tăng của chủ nghĩa khủng bố ; thị trường tài chính, chứng khoán thế giới có nhiều bất ổn, nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm... APEC đã đưa ra một số chương trình hợp tác mới nhằm tiếp tục duy trì và thúc đẩy những mục tiêu đặt ra của APEC. Những chương trình này được thể hiện trong các kế hoạch hành động, sáng kiến và tuyên bố của các nhà lãnh đạo như Kế hoạch hành động về thuận lợi hóa thương mại APEC ; Tuyên bố APEC về thực hiện các tiêu chuẩn minh bạch hóa ; Tuyên bố thực hiện chính sách APEC về thương mại và kinh tế kỹ thuật số ; Tuyên bố APEC về đảm bảo an ninh thương mại (STAR) ; Sáng kiến người tìm đường ; Đối thoại APEC về hiệp định thương mại khu vực/tự do (RTAs/FTAs)...

Nhằm triển khai các chương trình hợp tác để đạt được các mục tiêu nêu trên, APEC có ba trụ cột chính : Kế hoạch Hành động Quốc gia (IAP), Kế hoạch Hành động Tập thể (CAP) và Hợp tác kinh tế - kỹ thuật (ECOTECH) nhằm thực hiện tự do hóa thương mại và đầu tư, tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư trong khu vực và tăng cường hợp tác kinh tế - kỹ thuật, trao đổi thông tin, chuyển giao công nghệ giữa các nền kinh tế thành viên APEC. Bên cạnh đó, APEC cũng khuyến khích sáng kiến của các thành viên nhằm đẩy nhanh hơn việc thực hiện mục tiêu Bô-go trong phạm vi hoạt động của các nền kinh tế đó.

Trên cơ sở các mục tiêu đặt ra và sử dụng hiệu quả các công cụ hợp tác, các hoạt động hợp tác kinh tế trong khuôn khổ APEC đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Trao đổi thương mại nội bộ các nền kinh tế APEC tăng hơn hai lần. Trong những năm gần đây, mức tăng trưởng thương mại vào APEC rất cao, đặc biệt các nền kinh tế đang phát triển châu Á như Thái Lan (15,4%),

Digitized by Google

Phi-líp-pin (21,3%), Trung Quốc (16,8%), Ma-lai-xi-a (16,8%), Hàn Quốc (13,7%), Xin-ga-po (18,6%), và đáng kể nhất là Việt Nam (28,6%). Hoa Kỳ đạt mức 11,3%, Mê-hi-cô 20%. Các nền kinh tế khác (trừ Bru-nây, Pa-pua Niu Ghi-nê và Hồng Công) đều có mức tăng trung bình từ 9% trở lên. Mức đầu tư trong khu vực APEC tăng đáng kể và bền vững. Dòng đầu tư và cơ cấu đầu tư có những thay đổi, đặc biệt tăng tập trung vào các nền kinh tế thành viên châu Á như Trung Quốc, ASEAN, tạo điều kiện cho chuyển giao công nghệ, giải quyết việc làm, cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ... Theo đánh giá của các chuyên gia APEC, các chương trình tự do hóa và thuận lợi hóa thương mại và đầu tư đã giúp các nền kinh tế tiết kiệm được hàng chục tỉ USD cho toàn khu vực. Tại hội nghị cấp cao APEC tổ chức tại Thượng Hải năm 2001, các nhà lãnh đạo APEC cam kết cắt giảm 5% chi phí giao dịch giữa các nền kinh tế trong vòng 5 năm. Ước tính việc cắt giảm này sẽ tiết kiệm được khoảng 280 tỉ USD cho kinh tế khu vực.

Với vị thế thương mại quan trọng của mình, với 19 thành viên APEC là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (chỉ còn Việt Nam và Nga đang trong giai đoạn đàm phán gia nhập), APEC luôn bày tỏ quan điểm ủng hộ một hệ thống thương mại đa biên mở, dựa trên những định chế của WTO. Đặc biệt, APEC có nhiều nghiên cứu và đề xuất nhằm thúc đẩy Chương trình nghị sự phát triển Đô-ha (DDA), trong đó ủng hộ cắt giảm mức thuế bình quân, cắt giảm hoặc loại bỏ trợ cấp xuất khẩu các mặt hàng nông sản ; mở rộng và cụ thể hóa các quy định liên quan đến Đối xử đặc biệt và khác biệt (SDT) và bày tỏ quyết tâm điều chỉnh các quy định liên quan đến vấn đề chống bán phá giá, vấn đề đang bị nhiều nước phát triển lạm dụng ; ủng hộ việc cần tăng cường đối thoại hơn nữa trong các vấn đề mới như : chính sách cạnh tranh, thuận lợi hóa thương mại, đầu tư ; tiếp tục thúc đẩy hợp tác hỗ trợ nâng cao năng lực và tạo dựng lòng tin, đặc biệt dưới những thách thức mới từ Chương trình nghị sự Phát triển Đô-ha.

Việt Nam chính thức trở thành thành viên APEC vào tháng 11-1998. Mục tiêu chính của việc tham gia APEC đối với Việt Nam được xác định là *"Tăng cường quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng thị trường xuất khẩu cho hàng hóa của Việt Nam xâm nhập thị trường các nước, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho thu hút đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy lợi thế so sánh, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ Việt Nam, bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng cao và bền vững".*

Tham gia APEC, Việt Nam đã tích cực và chủ động tham gia có chọn lọc vào các hoạt động và chương trình hợp tác trong APEC trên hầu hết các lĩnh vực chủ đạo như thương mại, đầu tư, tài chính, hải quan, tiêu chuẩn chất lượng, sở hữu trí tuệ... Trong một số chương trình hợp tác của APEC như thuận lợi hóa thương mại, kinh tế kỹ thuật số, hợp tác chống khủng bố..., chúng ta tham gia hợp tác và đấu tranh có tính xây dựng vừa đảm bảo thực hiện mục tiêu chung của diễn đàn, vừa tính đến trình độ phát triển của ta phù hợp với chủ trương chung của Chính phủ về hội nhập kinh tế quốc tế.

Việt Nam đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc việc xây dựng Chương trình Hành động Quốc gia (IAP) theo chuẩn mực của APEC và tiến hành rà soát hằng năm việc thực hiện các cam kết, đặc biệt các cam kết tự nguyện về các biện pháp thuế quan, các biện pháp phi thuế quan, dịch vụ, đầu tư, tiêu chuẩn hợp chuẩn, thủ tục hải quan, quyền sở hữu trí tuệ, chính sách cạnh tranh, mua sắm chính phủ, rà soát cơ chế chính sách, giải quyết tranh chấp, thực hiện các nghĩa vụ của WTO (bao gồm cả quy tắc xuất xứ), đi lại của doanh nhân,

Digitized by Google

thu thập và phân tích thông tin và thương mại điện tử. Mặc dù chưa phải là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới nhưng Việt Nam đã tỏ rõ trách nhiệm của một thành viên diễn đàn, cũng như thể hiện sự nghiêm túc trong các hoạt động hợp tác kinh tế như các thành viên APEC khác.

Việt Nam đã tham gia nhiều lĩnh vực của Kế hoạch hành động tập thể (CAP) nhằm tạo thuận lợi hóa cho thương mại và đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực như tiêu chuẩn hợp chuẩn ; thủ tục hải quan ; sở hữu trí tuệ ; việc đi lại của doanh nhân...

Trong các hoạt động hợp tác kinh tế - kỹ thuật, Việt Nam đã tham gia tích cực và đã đạt được nhiều kết quả có ý nghĩa. Với mục tiêu tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của APEC để thực hiện các dự án phục vụ cho lợi ích thiết thực của nền kinh tế, Việt Nam tham gia vào các dự án hợp tác về trao đổi thông tin, đào tạo nhân lực, đối thoại chính sách khoa học - công nghệ... Chúng ta tranh thủ được các mối quan hệ song phương và đa phương với các nền kinh tế phát triển khác trong APEC như Hoa Kỳ, Ô-xtrây-li-a, Nhật Bản và đã xây dựng được nhiều dự án nâng cao năng lực cho cán bộ hoạch định chính sách và doanh nhân, đặc biệt là dự án quan trọng hỗ trợ năng lực xây dựng Pháp lệnh thương mại điện tử, Luật cạnh tranh...

Ngoài các hoạt động hợp tác kinh tế, chúng ta cũng tham gia vào nhiều hoạt động hợp tác mang tính chất xã hội như trên lĩnh vực phụ nữ, thanh niên, người khuyết tật, phòng chống bệnh dịch SARC... Trên các diễn đàn APEC, chúng ta đã và đang yêu cầu các thành viên APEC ủng hộ và hỗ trợ cho tiến trình gia nhập WTO của Việt Nam, trong đó có các đề xuất trợ giúp kỹ thuật, đề xuất không yêu cầu đàm phán song phương, hoặc giảm thấp và bớt yêu cầu trong các cuộc đàm phán.

APEC có tầm quan trọng rất lớn đối với nền kinh tế Việt Nam. APEC hội tụ hầu hết các đối tác thương mại và công nghiệp hàng đầu thế giới và là các đối tác thương mại chủ đạo trong chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam như Hoa Kỳ, ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... Khoảng 70% kim ngạch xuất khẩu, 75% đầu tư trực tiếp nước ngoài và hơn 50% viện trợ phát triển chính thức (ODA) vào Việt Nam hiện nay là do trao đổi với các thành viên APEC. Sự ổn định kinh tế của APEC có ảnh hưởng đáng kể đến sự tăng trưởng kinh tế liên tục của Việt Nam. Trên thực tế, cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, sự giảm sút kinh tế của Mỹ, Nhật Bản và một số nền kinh tế công nghiệp mới (NIEs) hiện nay đã làm giảm đáng kể nhu cầu của khu vực đối với hàng xuất khẩu và dòng vốn thu hút FDI của Việt Nam. APEC có vai trò quan trọng duy trì quá trình tự do hóa và tạo thuận lợi hóa cho dòng chảy thương mại và đầu tư trong khu vực. Thị trường APEC cũng đang tạo nhiều cơ hội hơn cho Việt Nam trong thu hút nguồn vốn FDI và gia tăng khối lượng thương mại với các đối tác APEC ở mức cao hơn.

Có thể khẳng định rằng, tiến trình hợp tác của APEC đang đưa đến những kết quả thiết thực cho nền kinh tế Việt Nam. Là một diễn đàn đối thoại chính sách kinh tế vĩ mô, Việt Nam đã thu được những kinh nghiệm quý từ các đối tác APEC, đặc biệt những kinh nghiệm về cơ cấu hệ thống ngân hàng - tài chính ; cải tiến môi trường thu hút đầu tư nước ngoài ; cải tiến cơ chế chính sách trong nước để làm tăng tính minh bạch và mức dự đoán của khuôn khổ pháp lý, tạo thuận lợi hóa cho thương mại và xây dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng ở Việt Nam. APEC đã hỗ trợ Việt Nam một số dự án hợp tác kinh tế - kỹ thuật nhằm nâng cao khả năng thực thi các hiệp định WTO, hài hòa hóa tiêu

Digitized by Google

chuẩn hàng hóa và tham gia vào các thỏa thuận thừa nhận tiêu chuẩn lẫn nhau, xác định và loại bỏ hay giảm bớt được những rào cản thương mại và đầu tư, tham gia vào chương trình thẻ đi lại của doanh nhân, cải tiến quy trình, thủ tục hải quan...

Mặc dù các lợi ích từ việc tham gia APEC là rõ ràng và đáng kể như vậy, tuy nhiên trong quá trình tham gia, chúng ta cũng gặp không ít khó khăn. Chúng ta tham gia APEC trong bối cảnh có nhiều bất lợi hơn so với nhiều thành viên khác của APEC, vì Việt Nam là nước đang phát triển, trình độ thấp, có nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi và đang trong giai đoạn đàm phán gia nhập WTO. Chính vì thế, chúng ta gặp không ít hạn chế, nhất là khả năng phát triển những kết quả đạt được của APEC liên quan đến tự do hóa và thuận lợi hóa thương mại theo các chuẩn mực của WTO. Bên cạnh đó, bản thân APEC cũng đang tiến hành cải cách cơ cấu, phương thức hoạt động để đảm bảo thực hiện mục tiêu đã đặt ra đúng thời hạn trong bối cảnh hệ thống thương mại đa biên đang có những biến đổi đáp ứng đòi hỏi của tình hình hợp tác kinh tế quốc tế mới.

Với mục tiêu đặt ra ban đầu khi tham gia APEC là tập trung vào việc ***mở rộng thị trường xuất khẩu ; thu hút đầu tư trong và ngoài nước ; nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ Việt Nam ; phát triển nền kinh tăng trưởng cao và bền vững,*** trong thời gian tới, chúng ta cần tham gia vào các hoạt động hợp tác APEC theo các định hướng như tập trung vào công tác thuận lợi hóa thương mại và đầu tư ; xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu ; tăng cường đối thoại đa phương và song phương, vận động sự ủng hộ trong khuôn khổ APEC... Trên cơ sở các định hướng lớn, chúng ta sẽ tham gia vào các hoạt động hợp tác trong APEC theo hướng có lợi như : *Một là,* tăng cường các hoạt động hợp tác hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực thể chế và con người, đặc biệt là các chương trình trong Chiến lược phát triển nguồn nhân lực APEC nhằm nâng cao khả năng thích ứng của Việt Nam trong quá trình hội nhập, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật kinh tế thương mại theo hướng phù hợp với các chuẩn mực quốc tế ; nâng cao trình độ cán bộ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế sao cho có đủ kiến thức và trình độ theo chuẩn quốc tế. *Hai là,* tiến hành minh bạch hóa cơ chế chính sách thương mại và đầu tư của Việt Nam và sử dụng APEC như là cơ sở để xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Trong đó, ta sẵn sàng chuẩn bị tham gia cơ chế tham vấn rà soát Kế hoạch Hành động Quốc gia (IAP) nhằm làm minh bạch chính sách thương mại và đầu tư của Việt Nam tại Hội nghị các quan chức cao cấp lần thứ nhất (SOM 1) năm 2005. *Ba là,* tiếp tục tập trung vào các chương trình thuận lợi hóa thương mại bên cạnh việc phát huy các kết quả đạt được trong các vấn đề về tiêu chuẩn chất lượng, thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực viễn thông, thủ tục hải quan, thương mại điện tử... *Bốn là,* thu hút trợ giúp của APEC trong lĩnh vực tập hợp và xử lý các số liệu thống kê góp phần phục vụ việc xây dựng chính sách của đất nước...

Năm năm là một khoảng thời gian không dài, tuy nhiên cũng đủ để khẳng định sự thành công hay thất bại của chính sách kinh tế đối ngoại, mở cửa của Việt Nam trong hoạt động APEC nói riêng và trong hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế nói chung. Với những thành quả và bài học từ công cuộc đổi mới, với chính sách mở cửa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đa phương hóa và đa dạng hóa các mối quan hệ kinh tế quốc tế, chắc chắn chúng ta sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp trong các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ các tổ chức kinh tế quốc tế nói chung và trong APEC nói riêng. ❑

Digitized by Google

ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 179 Nguyễn Chí Thanh - thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0511 821 075 * Fax: 0511 821 382

MỘT SỐ KẾT QUẢ CỦA ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG TRONG NĂM 2002

SẢN XUẤT - KINH DOANH

- Sản lượng điện sản xuất và mua thực hiện đạt 546,678 triệu kWh, tăng 17,45% so với năm 2001. Sản lượng điện thương phẩm thực hiện là 506, 062 triệu kWh, đạt 101,21% và tăng 14,73% so với năm 2001.
- Nộp Công ty 366,739/343,789 tỉ đồng, đạt 107% kế hoạch.
- Nộp ngân sách nhà nước đạt 100% kế hoạch theo thông báo của Cục Thuế với tổng số tiền là 16,273 tỉ đồng.
- Doanh thu điện năng là 378,462 tỉ đồng, đạt 102,3% kế hoạch.
- Số lượng khách hàng mua điện tăng 22,42% so với cùng kỳ năm trước.
- Năm 2002, đơn vị thực hiện 36 công trình, đạt 100% kế hoạch, với tổng giá trị thực hiện là 6,528 tỉ đồng.
- Thi công xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp chống quá tải lưới điện bao gồm 21 công trình, với vốn kế hoạch 9,875 tỉ đồng, đơn vị thực hiện 15,3 tỉ đồng.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU

- Đơn vị đã tổ chức bồi dưỡng nghề thi nâng bậc cho 61 công nhân kỹ thuật. Bồi dưỡng và kiểm tra chức danh trực sự cố cho 9 công nhân tại chi nhánh điện KV4. Bố trí theo học các lớp nghiệp vụ do Công ty tổ chức, học cao học, học chính trị...
- Thực hiện tốt hiện trường thi nâng bậc công nhân kỹ thuật cấp 2 của Công ty Điện lực 3.
- Có 16 sáng kiến được Hội đồng xét sáng kiến điện lực công nhận và áp dụng vào thực tế sản xuất, làm lợi 187,296 triệu đồng.
- Đề tài: "Quản lý lưới điện bằng phần mềm Swednet" đã được Hội đồng Khoa học - kỹ thuật nghiệm thu, hiện đang được tiếp tục triển khai.
- Với những thành tích đã đạt được trong năm 2002, Điện lực Đà Nẵng được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công nghiệp tặng bằng khen, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam tặng cờ thi đua xuất sắc, Công ty Điện lực 3 tặng cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu trong khối các điện lực, UBND Thành phố tặng bằng khen và 10 triệu đồng vì đã hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ trọng tâm về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng năm 2002; Đảng bộ đạt danh hiệu "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh"; Công đoàn đạt danh hiệu "Công đoàn vững mạnh xuất sắc" và dẫn đầu trong Công ty Điện lực 3; Đoàn Thanh niên đạt danh hiệu "Vững mạnh xuất sắc"

MỤC TIÊU CƠ BẢN NĂM 2003

- Sản lượng điện sản xuất đạt 13 triệu kWh, điện mua đạt 622 triệu kWh
- Tỷ lệ điện dùng sản xuất điện: 2,2%.
- Tỷ lệ điện dùng truyền tải và phân phối điện: 8,2%
- Suất tiêu hao nhiên liệu: 265g/kWh.
- Phấn đấu đạt và vượt kế hoạch giao các chỉ tiêu doanh thu tiền điện; giá bán bình quân; tỷ lệ thu tiền điện K%.
- Hoàn thành kế hoạch các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.
- Giảm chi phí sản xuất, quản lý, triệt để thực hành tiết kiệm.
- Trung tu 3 tổ máy phát Skoda 680 theo quy định; trung tu 6 máy cắt của các máy GM và Skoda 1200.
- Trung đại tu 5 phương tiện vận tải. Đại tu 0,148km đường dây trung thế; 4,483 km đường dây hạ thế và 2 máy cắt.
- Cải tạo lưới lên 22kV và cải tạo di dời theo quy hoạch mở đường. Tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng hơn 31 tỉ đồng.
- Tiếp tục thực hiện công tác đại tu sửa chữa lưới điện trung áp nông thôn sau tiếp nhận.



Giám đốc
LÊ THANH MINH



Duy tu, bảo dưỡng mạng lưới điện Thành phố Đà Nẵng

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
CHI NHÁNH HUYỆN BÌNH CHÁNH



GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH NHỰT

A. HUY ĐỘNG TIỀN GỬI CÁC LOẠI:

1.Nội tệ:

- Tiền gửi không kỳ hạn
- Tiết kiệm không kỳ hạn
- Tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng
- Tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng
- Tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng

} Trả lãi ngay khi gửi và trả lãi khi đáo hạn

- Huy động kỳ phiếu 12 tháng
- Huy động kỳ phiếu 24 tháng

} Trả lãi ngay khi gửi và trả lãi khi đáo hạn

2. Ngoại tệ:

- Huy động và mua bán ngoại tệ

B. ĐẦU TƯ TÍN DỤNG CHO CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ.

C. CHO VAY TIÊU DÙNG, MUA NHÀ, XÂY CẤT NHÀ, SỬA CHỮA NHÀ.

D. THỰC HIỆN 5 LOẠI BẢO LÃNH GỒM:

Bảo lãnh dự thầu; bảo lãnh thanh toán tiền hàng; bảo lãnh hoàn thanh toán tiền hàng; bảo lãnh thực hiện hợp đồng thi công và bảo lãnh đảm bảo chất lượng sản phẩm.

E. DỊCH VỤ CẦM CỐ

F. DỊCH VỤ THU CHI TIỀN MẶT

G. CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ



Địa chỉ giao dịch: 676 Kinh Dương Vương, T/T An Lạc, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM
Điện thoại: 8750262-7510734-8750362 * Fax: 84-8-8750262

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH

(LĨNH VỰC KHIẾU LỘC - THI NGHỆ)

Chân thành cảm ơn
các cơ quan
ban ngành Thành phố
đã giúp đỡ hỗ trợ ban
trong suốt thời gian qua



Địa chỉ: 35 - 37 Bến Chương Dương, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 9142 903 * Fax: 08 9142 983

XÍ NGHIỆP QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA GIAO THÔNG LONG AN

(DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH)
Địa chỉ: Quốc lộ 1, phường 5, TX Tân An, tỉnh Long An
ĐT: (072) 822 159 * Fax: (072) 833 305

CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG

- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống cầu , cống, đường bộ, đường thuỷ.
- Xây dựng các công trình giao thông quy mô vừa, nhỏ, dịch vụ bốc xếp; vận chuyển các loại vật liệu xây dựng bằng xe chuyên dùng để phục vụ thi công.
- Khai thác, kinh doanh đất, đá, cát sỏi.
- Nạo, vét luồng lạch, đào, đắp kênh, mương.
- San lấp mặt bằng.
- Sản xuất vật liệu tín hiệu đường bộ và xây lắp điện.

Digitized by Google



Bà Diệp Thị Ngọc Thu
Chủ doanh nghiệp

Doanh nghiệp tư nhân

HIỆP THÀNH-TRÀ VINH

ĐC: 11 BIS PHẠM HỒNG THÁI-TX TRÀ VINH
ĐT: (074) 856 390 - 856 392

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Kinh doanh tổng hợp các mặt hàng trang trí nội thất: bàn, ghế, tủ và vật liệu xây dựng các loại...

Doanh nghiệp chúng tôi luôn giữ chữ tín trong các quan hệ mua bán, coi trọng chất lượng sản phẩm và giá cả phù hợp để tăng sức cạnh tranh.

Rất mong nhận được sự hợp tác, liên kết làm ăn với các tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài tỉnh Trà Vinh.

Hân hạnh được phục vụ Quý khách

CÔNG TY LD TNHH CÁT PHÚ

Công ty liên doanh TNHH trồng và chế biến cây nguyên liệu giấy xuất khẩu Cát Phú được thành lập theo giấy phép đầu tư số 17/GP - KH, ngày 07-11-2001, của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Mục tiêu và phạm vi kinh doanh: Trồng, thu mua và chế biến cây gỗ nguyên liệu giấy thành dăm gỗ xuất khẩu.

Công ty LD TNHH Cát Phú xin chân thành cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ của quý cơ quan, ban, ngành và Quý khách hàng đối với Công ty chúng tôi trong thời gian vừa qua.

Chúng tôi rất hân hạnh được hợp tác với tất cả các cá nhân, đơn vị trong và ngoài tỉnh trên lĩnh vực kinh doanh trồng và thu mua cây nguyên liệu giấy theo địa chỉ:

Nhà máy Chế biến Dăm gỗ xuất khẩu
Thôn Phước Trung, xã Phước Đồng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 710 047 * Fax: (058) 710 048 * Email: catphu@dng.vnn.vn

Trân trọng kính chào
Tổng Giám đốc
LIU CHIN TUNG

Digitized by Google

RESCO®

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

SAIGON REAL ESTATE CORPORATION (RESCO)

Địa chỉ: 94 - 96 Nguyễn Du, quận 1, TP. Hồ Chí Minh * ĐT: 08 8 225 919 *Fax: 84 8 8 291 414



CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG:

- Kinh doanh nhà ở theo Nghị định 61/CP, ngày 5-7-19, của Chính phủ.
- Khảo sát, thiết kế và thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật với mọi quy mô.
- Trang trí nội thất, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và kinh doanh thang máy và các thiết bị nhà cao cấp, cao tầng.
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất phục vụ nội địa và xuất khẩu.
- Tư vấn, xây dựng và dịch vụ thiết yếu về nhà ở, đất ở, nhà làm việc cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

HUYỆN VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Thị trấn huyện Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc

Điện thoại: 0211 839 338

P.Bí thư - Chủ tịch: ĐẶNG QUANG HỒNG



Chăn nuôi bò của hộ gia đình anh Thanh(xã Vũ Di)



TRỒNG CÓ VOI Ở XÃ VĨNH THỊNH

Huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, cách Thủ đô Hà Nội 65km về phía Bắc, tiếp giáp thành phố Việt Trì về phía Nam. Diện tích tự nhiên 14 180 héc-ta, trong đó diện tích canh tác 8 814 héc-ta; có 28 xã và 1 thị trấn, dân số 186 800 người, có trên 99 000 lao động. Huyện và 7 xã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Trong những năm qua, huyện tích cực chỉ đạo và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1. Kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,1%, trong đó:

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng tăng 29,3%, thương mại - dịch vụ tăng 7,5%.

- Nông nghiệp tăng 4,2%: Định hướng sản xuất 5 cây và 3 con chính (cây lúa, ngô, cây ăn quả, cỏ voi, dâu tằm, con bò, lợn, cá); có 80% diện tích được gieo cấy xuân muộn, năng suất đạt 65,5 tạ/ha; các cây trồng có giá trị cao được đưa vào sản xuất, canh tác đạt 34 triệu đồng/ha. Hiện nay, toàn huyện đã có trên 20 trang trại vừa và nhỏ. Chương trình chăn nuôi bò sữa, bò thịt đạt kết quả tốt, với tổng đàn bò 19 000 con, có trên 500 con bò sữa. Có 6 hợp tác xã chuyên ngành/48 HTX chuyển đổi theo luật.

- Kết cấu hạ tầng nông thôn, phục vụ nông nghiệp được đầu tư phát triển với 84 trạm điện do cấp xã quản lý, 464km đường giao thông, 47km đường kênh mương được cứng hóa; một số xã đã cơ bản cứng hóa đường làng, xóm; 100% các xã có trường học cao tầng với 51 ngôi và 482 phòng học; trên 1/3 số xã có trụ sở làm việc cao tầng.

2. Văn hóa xã hội: Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991, phổ cập THCS năm 2002. Có 13 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, đội tuyển học sinh giỏi nhiều năm đạt thứ hạng cao nhất tỉnh; có 99/104 làng giữ được hương ước cổ, 100% số xã xây dựng quy ước làng xã văn hóa, 140 CLB văn hóa, văn nghệ, thể dục. Năm 2003, huyện đề nghị công nhận 2 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế cơ sở.

- Công tác xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện trở thành phong trào sâu rộng; xây dựng 41 nhà tình thương. Từ năm 2002 đến nay, giải quyết việc làm mới và việc làm thêm cho hàng nghìn người; tỷ lệ hộ nghèo năm 2002 còn 7,3%.

3. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội: đảm bảo ổn định, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc phát triển sâu rộng với nòng cốt là các mô hình an ninh trật tự ở cơ sở.

4. Công tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ: Năm 2002, kết nạp 262 đảng viên mới.

5. Một số nhiệm vụ cơ bản năm 2003:

- Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với mục tiêu công nghiệp tiểu thủ công nghiệp tăng 30-31%, thương mại - dịch vụ tăng 8-10%, nông nghiệp tăng 4,5%.

- Nhiệm vụ trọng tâm trong những năm tiếp theo là: Quy hoạch, giải phóng mặt bằng và thu hút đầu tư; tiếp tục quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch các cụm kinh tế - xã hội, cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống; khuyến khích các nhà doanh nghiệp hợp tác và đầu tư để phát triển; tập trung thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội như giao thông nông thôn, chăn nuôi bò sữa, bò thịt, quy hoạch mở rộng vùng sản xuất cây trồng có giá trị kinh tế cao; xây dựng trường chuẩn quốc gia ở mầm non và THCS; chuẩn y tế xã; chương trình lao động việc làm; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền cơ sở, thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ đảng viên.

Digitized by Google

CÔNG TY DỤNG CỤ CẮT VÀ ĐO LƯỜNG CƠ KHÍ

Địa chỉ: 108 đường Nguyễn Trãi- quận Thanh Xuân - Hà Nội
ĐT: 84 - 4 - 8 583 074/ 8 584 337 * Fax: 84 - 4 - 8 584 094 * Giám đốc: KỸ SƯ HOÀNG TRUNG LẬP

Công ty Dụng cụ cắt và Đo lường cơ khí là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Quyết định số 292 - QĐ/TCNSDT của Bộ Công nghiệp

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất dụng cụ cắt kim loại, dụng cụ đo kiểm, dụng cụ cầm tay bằng kim loại, phụ tùng cơ khí

CÁC SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

- Dụng cụ cắt kim loại.
- Dụng cụ cắt vật liệu phi kim loại: gỗ, tre, giấy, thuốc lá...
- Dụng cụ gia công áp lực.
- Phụ tùng chi tiết đặc biệt.
- Dụng cụ phụ (đầu tâm quay, tay quay bàn ren, ta-rô...).
- Cụm máy và máy dành cho ngành bánh kẹo, đồ hộp, dược phẩm...



Sản phẩm truyền thống của Công ty



* Công ty có dây chuyền thiết bị đồng bộ và đội ngũ công nhân, cán bộ kỹ thuật lành nghề.

* Sản phẩm uy tín trên thị trường trong nước, đã xuất khẩu sang: CHLB Nga, Đức, Séc và Slô-va-ki-a, Nhật Bản, Mỹ...

* Tài khoản tiền Việt: 710A- 00007 Ngân hàng Công thương Hà Nội, chi nhánh khu vực Thanh Xuân.

* Tài khoản ngoại tệ: 362111370908 Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội.

Xin chào Quý khách đến với chúng tôi

Digitized by Google

VIETNAM AIRLINES
AMC - A.75

NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA XÍ NGHIỆP SỬA CHỮA MÁY BAY A.75



Giám đốc XN A - 75
Ông TRẦN VĂN MAI

* Đảm bảo kỹ thuật, định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa máy bay, động cơ, phụ tùng các loại máy bay Boeing 777, ATR 72, Boeing 767, Airbus A320, Airbus A321, Foker 70,... của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.
* Phục vụ ngoại trường cho tất cả các chuyến bay của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam và các hãng hàng không quốc tế cất và hạ cánh tại sân bay Tân Sơn Nhất theo hợp đồng.
* Thiết kế, chế tạo các dụng cụ, phương tiện... chuyên dùng trong bảo dưỡng, sửa chữa máy bay.
* Sửa chữa, lắp ráp, sản xuất các trang thiết bị chuyên dùng cho máy bay và ngành hàng không như container, pallet, composit, xe đẩy xuất ăn...
* Thực hiện kỹ thuật kiểm tra không phá huỷ.



Máy bay Boeing 777 tại XN A - 75

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

TRƯỜNG CÔNG NHÂN KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Địa chỉ: Phường Hòa Hiệp, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng * Điện thoại: 0511 842 115 - 842 017 * Hiệu trưởng: NGUYỄN PHỐN





Trong ba năm qua, Nhà trường đã phát huy nội lực, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch ngày một tăng đảm bảo chất lượng và liên kết với các trường, trung tâm mở rộng thêm các loại hình đào tạo với các cấp, bậc đào tạo khác nhau.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

- Đào tạo công nhân chính quy: 1500 học sinh.
- Hệ công nhân ngắn hạn: 1 400 học sinh.
- Đào tạo và giáo dục định hướng: 23 học sinh.
- Liên kết với các trường, trung tâm đào tạo hàng nghìn công nhân, kỹ thuật viên, cử nhân kế toán, cán bộ quản lý cho Tổng Công ty Xây dựng miền Trung và các khu vực.
- Trung cấp Xây dựng hệ tại chức: 400 học sinh.
- Đại học Kế toán hệ tại chức gần 100 học sinh.
- Công nhân cho các địa phương gần 1 000 học sinh.
- Cán bộ quản lý: 46 học viên, (tỷ lệ tốt nghiệp đạt xấp xỉ 97%).

NHIỆM VỤ ĐẾN NĂM 2005

- Đào tạo công nhân chính quy: 500-800 học sinh/mỗi năm.
- Đào tạo ngắn hạn: 300-400 học sinh/mỗi năm.
- Trung học: 100-150 học sinh/mỗi năm.
- Đại học: 100-150 học sinh/mỗi năm.
- Cơ cấu nghề đào tạo: 7 nghề.
- Tốt nghiệp ra trường: 95%.
- Ra trường có việc làm: 100%.

VNPT

TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG VIỆT NAM

DỊCH VỤ "GỌI 171" MỞ RỘNG Ở 47 TỈNH, THÀNH PHỐ

GIÁ RẺ, NHIỀU TUYẾN NHẤT, LỢI ÍCH CHO MỌI NHÀ

TỈNH LÂM ĐỒNG



Dịch vụ tiết kiệm

LIÊN TỈNH

Vùng 1 *727 đ/phút*
Vùng 2 *1.227 đ/phút*
Vùng 3 *1.636 đ/phút*

QUỐC TẾ

0,75 USD/phút

(Cước trên chưa bao gồm VAT)

RẤT ĐƠN GIẢN

Chỉ cần bấm 171 trước cách gọi thông thường

GỌI LIÊN TỈNH (Từ 47 tỉnh, thành phố)

171 + 0 + MÃ VÙNG + SỐ ĐIỆN THOẠI

GỌI QUỐC TẾ (Từ 61 tỉnh, thành phố)

171 + 00 + MÃ NƯỚC + MÃ VÙNG + SỐ ĐIỆN THOẠI

CÁC MÁY ĐIỆN THOẠI Ở 47 TỈNH, THÀNH PHỐ ĐỀU CÓ THỂ GỌI ĐƯỢC CHO NHAU:

Lâm Đồng	727 đ/phút ⟷	Bình Dương, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Đắc Lắc, Đồng Nai, Gia Lai, Khánh Hòa, Long An, Tây Ninh, Tiền Giang Thành phố Hồ Chí Minh, Ninh Thuận
Lâm Đồng	1227 đ/phút ⟷	An Giang, Bình Định, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Kiên Giang, Kon Tum, Quảng Nam, Sóc Trăng, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Trà Vinh
Lâm Đồng	1636 đ/phút ⟷	Bắc Ninh, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Lạng Sơn, Lai Châu Nam Định, Nghệ An, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Ninh Bình, Hà Tĩnh

Quý khách sẽ tiết kiệm chi phí khi sử dụng "Gọi 171" với các cự ly trên 100km. Với các cự ly dưới 100 km, cách gọi thông thường vẫn có lợi cho Quý khách.

Thông tin chi tiết xin Quý khách vui lòng gọi số điện thoại 116 hoặc dịch vụ 108 (1080) và các nơi giao dịch của Bưu điện.

Digitized by Google

SỞ THỦY SẢN NÔNG LÂM ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 140 Nguyễn Thị Minh Khai - quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng * Điện thoại: 0511 822 235 - 837 146

Năm 2002, ngành thủy sản - nông - lâm của Thành phố đã đạt được những kết quả đáng kể

- Giá trị sản xuất thủy sản - nông - lâm đạt 574 tỉ đồng, đạt 103,3% kế hoạch năm, tăng 4,7% so năm 2001. Trong đó Thuỷ sản: 335 tỉ đồng tăng 9,5%; nông - lâm nghiệp đạt 239 tỉ đồng, tăng 3,1%.
- Kim ngạch xuất khẩu 38 750 000 USD, đạt 101,2% kế hoạch năm, tăng 9% so năm 2001, trong đó, thủy sản: 34 000 000 USD, nông lâm nghiệp 4 750 000 USD.

1. Thủy sản

Tổng số tàu thuyền 2 007 chiếc, công suất 62 550CV, sản lượng khai thác hải sản 33 000 tấn, bằng 100% KH, tăng 3 000 tấn so với năm 2001. Trong đó, tôm các loại 1 650 tấn, mực các loại 9 500 tấn, cá các loại 21 850 tấn, tỷ lệ nguyên liệu xuất khẩu chiếm 30 - 35%).

Nuôi trồng thủy sản: Nuôi nước lợ, chủ yếu tập trung nuôi tôm sú. Sản lượng năm 2002 đạt 340 tấn, tăng 20 tấn so năm 2001, năng suất bình quân 1-1,2 tấn/ha.

Nuôi thủy sản nước ngọt: diện tích 540 ha, sản lượng: 450 tấn.

Xuất khẩu thủy sản: Tổng sản phẩm xuất khẩu đạt 10 000 tấn (chưa kể sản lượng mực BP đen xuất tiểu ngạch sang Trung Quốc). Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 34 000 000 USD (kế hoạch 33 000 000 USD).

2. Nông nghiệp

Trồng trọt: Tổng sản lượng lương thực cả năm ước đạt: 53 400 tấn (đạt gần 98% KH), trong đó, thóc: 49 000 tấn; đạt 93,5%; màu: 4400 tấn; đạt 250% kế hoạch năm.

Chăn nuôi: Tổng đàn trâu: 2 529 con; tổng đàn bò: 16 350 con; tổng đàn heo: 107 800 con; tổng đàn gia cầm: 858 550 con.

3. Lâm nghiệp

Quản lý bảo vệ rừng: 17 470 héc-ta, chăm sóc rừng 973 héc-ta, khoanh nuôi tái sinh 100 héc-ta và trồng mới 258 héc-ta. Ngoài ra, theo nguồn vốn thuế tài nguyên, tái tạo rừng và kinh phí sự nghiệp, năm 2002, ngành đã tổ chức trồng mới 100 héc-ta, chăm sóc rừng 116 héc-ta.

Trong năm ngành đã tổ chức 160 đợt truy quét, bắt và xử lý 190 vụ vi phạm lâm luật, xử phạt 209 triệu đồng, tích thu 387m^3 gỗ tròn, 203 động vật hoang dã, 125 lít tinh dầu xá xị, 2 ghe máy.



Khu chế biến hải sản xuất khẩu



Mô hình nuôi tôm

CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH 2003

- **Tăng trưởng GDP** thủy sản - nông - lâm đạt 5 - 6%, trong đó thủy sản tăng 8 - 9%, nông - lâm nghiệp tăng 2- 3% (tập trung tăng chăn nuôi).
- **Sản lượng thủy sản:** 34 810 tấn, tăng 3% so với năm 2002; trong đó sản lượng khai thác: 34 000 tấn, sản lượng nuôi trồng: 810 tấn.
- **Sản lượng lương thực:** 55 500 tấn; trong đó thóc là 51 000 tấn, ngô 4 500 tấn.
- **Kim ngạch xuất khẩu:** 43,13 triệu USD.

Thủy sản: 37 triệu USD

Lâm sản: 6 triệu USD (không kể Vijachip)

Nông nghiệp: 130 000 USD.

- **Trồng rừng tập trung:** 580 héc-ta.
- **Nhu cầu vốn đầu tư:** 250 tỉ đồng

Thủy sản: 120 tỉ đồng.

Nông nghiệp: 100 tỉ đồng.

Lâm nghiệp: 30 tỉ đồng

Digitized by Google

S130



Giám đốc
Cử nhân kinh tế. TRẦN ÍCH SƠN

CÔNG TY ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH

TRỤ SỞ: THÔN PHÚ THỊNH, XÃ BẮC CƯỜNG, TX. LÀO CAI (MẶT ĐƯỜNG QL 4E - KM44+600) * ĐT: 020 841 266 - 020 849 074 * FAX: 020 849 074









LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Xây dựng: Các công trình giao thông, thủy lợi; các công trình công nghiệp, dân dụng, cấp thoát nước.
- Xây dựng điện năng có cấp điện áp đến 35 kV.
- Mua bán và khai thác vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu.

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ NHỮNG THÀNH TỰU

- Thành lập năm 1994.
- Phạm vi hoạt động không ngừng mở rộng cả về ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật có đủ trình độ đáp ứng mọi yêu cầu kinh doanh.
- Gần 50 đầu thiết bị xe máy hiện đại chủ yếu là của nhật Bản, đáp ứng mọi yêu cầu thi công xây dựng.

NHIỀU CÔNG TRÌNH THI CÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG CAO ĐIỂN HÌNH LÀ:

- Đường trục B1 đô thị mới Lào Cai - Cam Đường.
- Quốc lộ 279, quốc lộ 70, đường 79, đường Tân Thượng - Cam Cọn, đường Phố Mới - Phong Hải,... Thủy lợi Mường Hun - Bát Xát

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 50000

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
NOV 19 2003
CURRENT SERIALS

29
10-2003

Digitized by Google

VNPT NHÀ CUNG CẤP CHÍNH THỨC CÁC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO SEA GAMES 22

22ND SEA GAMES
VIET NAM
2003



VNPT

TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Đối tác chính thức, nhà tài trợ lớn nhất của

SEA GAMES 22

Với 411 tỉ đồng đầu tư và tài trợ xây dựng mạng lưới thông tin và phục vụ Sea games 22, VNPT bảo đảm cung cấp đầy đủ mọi nhu cầu thông tin trong nước và quốc tế:

*** Truyền dẫn tín hiệu truyền hình từ các điểm thi đấu 24h/24h.**

*** Hệ thống xử lý trực tuyến kết quả thi đấu và điều hành của Ban Tổ chức.**

*** Các dịch vụ BC-VT; truyền số liệu - hình ảnh & truy cập Internet tốc độ cao v.v.. tiện lợi, chất lượng tốt nhất.**

VỚI VNPT TẤT CẢ ĐÃ SẴN SÀNG CHO THÀNH CÔNG CỦA SEA GAMES 22

Digitized by Google



THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 692

29
10-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Những người thợ xây cầu Hà Nội
*Ảnh : **Tạ Hải***

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

XÃ LUẬN - Phát triển toàn diện giai cấp công nhân, xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa 3

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN AN LƯƠNG - Giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam trước những thời cơ và thách thức mới 6

HOÀNG VĂN PHONG - Để khoa học và công nghệ thực sự là nền tảng và động lực trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa 11

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Đảng 17

ĐẶNG HỮU TOÀN - Quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo con đường "phát triển rút ngắn" ở Việt Nam 22

HOÀNG NGỌC HÒA - Một số vấn đề trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế 27

MAI HẢI OANH - Văn học trước những yêu cầu mới của thời đại 31

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

Khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

LÊ HỮU NGHĨA - Báo cáo đề dẫn 37

*** Tổng thuật Hội thảo 41

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

PHAN THANH KIỀU - TRẦN QUANG HẢI - Công tác xây dựng Đảng trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Đồng Nai 47

NHƯ HÙNG - Bước đột phá trong phát triển kinh tế trang trại ở Trà Vinh 51

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ CƠ SỞ

NGUYỄN KÝ - Đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở 55

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

TRẦN TRỌNG - Cải tổ Liên hợp quốc - vấn đề cấp thiết, bức xúc của cả thế giới 59

QUA SÁCH, BÁO NƯỚC NGOÀI

*** I-rắc : Cuộc chiến tranh vẫn chưa kết thúc 63

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая: Всестороннее развитие рабочего класса, построение Вьетнамского профсоюза крепким удовлетворяют требованиям дела индустриализации, модернизации. НГУЕН АН ЛЫОНГ: Вьетнамский рабочий класс и Вьетнамская профсоюзная организация перед новыми благоприятными возможностями и испытаниями. ХОАНГ ВАН ФОНГ: Чтобы наука и технология действительно были основой и движущей силой в ходе индустриализации, модернизации. НГУЕН ЧОНГ ФУК: Поднятие сущности рабочего класса Партии. ДАНГ ХЫУ ТОАН: Переходный период к социализму по направлению «укороченное развитие» во Вьетнаме. ХОАНГ НГОК ХОА: Некоторые проблемы в ходе международной экономической интеграции. МАЙ ХАЙ ОАНЬ: Литература перед новыми требованиями эпохи. ЛЕ ХЫУ НГИА: Переводный доклад к Научному семинару: «Наука и технология стимулируют социально-экономическое развитие». *** Обзор о Семинаре. НГУЕН КИ: Обновление способа действий политической системы на местах. ЧАН ЧОНГ: Реорганизация ООН – насущная, неотложная проблема всего мира.

CONTENTS

Editorial: Comprehensively developing the working class, building and making Vietnam's trade unions be steady to meet demands of the cause of industrialisation, modernisation. NGUYỄN AN LƯƠNG: The working class and the body of trade unions of Vietnam in the face of new opportunities and challenges. HOÀNG VĂN PHONG: So that sciences and technology truthfully could be ground and impetus for the process of industrialisation, modernisation. NGUYỄN TRỌNG PHÚC: Enhancing the Party's working-class essentials. ĐẶNG HỮU TOÀN: Transition to socialism on the way of "short development" in Vietnam. HOÀNG NGỌC HÒA: Some problems in the process of international economic integration. MAI HẢI OANH: Literature in the face of new contemporary requirements. LÊ HỮU NGHĨA: Introduction report to Scientific Seminar: "Sciences and technology promoting socio-economic developments". *** Outline of the seminar. NGUYỄN KỲ: Renovating activity methods of grassroots political system. TRẦN TRỌNG: Reforming the United Nations: an acute and urgent problem of the whole World.

SOMMAIRE

Editorial : Perfectionner la classe ouvrière et rendre le syndicat du Vietnam fort pour satisfaire aux exigences de l'œuvre d'industrialisation et de modernisation. NGUYỄN AN LƯƠNG: La classe ouvriére et le syndicat du Vietnam face aux nouveaux opportunités et défis. HOÀNG VĂN PHONG: Pour que la science et la technologie soient la base véritable et la force motrice du processus d'industrialisation et de modernisation. NGUYỄN TRỌNG PHÚC: Améliorer la nature de classe ouvrière du Parti. ĐẶNG HỮU TOÀN: La transition au socialisme suivant la voie de "dévelopement raccourci" au Vietnam. HOÀNG NGỌC HÒA: Quelques problémes du processus d'intégration économique internationale. MAI HẢI OANH: La littérature face aux nouvelles exigences de l'époque. LÊ HỮU NGHĨA: Le rapport d'introduction du colloque scientifique "Science et Technologie pour l'accélération du développement socio-économique". *** Aperçu du colloque. NGUYỄN KỲ: Rénovation du mode de fonctionnement du système politique à l'échelon de base. TRẦN TRỌNG: Réorganisation de l'ONU – problème urgent et pressant du monde d'entier.

SUMARIO

Editorial: Desarrollar de manera multifacética la clase obrera, edificar un sólido sindicato vietnamita para responder las demandas de la industrialización y de la modernización. NGUYỄN AN LƯƠNG: La clase obrera y la organización sindical de Vietnam ante las nuevas oportunidades y los nuevos retos. HOÀNG VĂN PHONG: Para que la ciencia y la tecnología se hagan de verdad la base y la fuerza motriz en el proceso de la industrialización y modernización. NGUYỄN TRỌNG PHÚC: Elevar la naturaleza de clase obrera del Partido. ĐẶNG HỮU TOÀN: La transición al socialismo a la vía de "desarrollo de contracción" en Vietnam. HOÀNG NGỌC HOÀ: Algunos problemas en el proceso de integración económica mundial. MAI HẢI OANH: La literatura ante las nuevas exigencias de la época. LÊ HỮU NGHĨA: El informe de introducción del foro científico "*La ciencia y la tecnología en el impulso del desarrollo socio-económico*". *** El informe general del Foro. NGUYỄN KỲ: La renovación del modo de actividad del sistema politico en la base. TRẦN TRỌNG: La reorganización de la ONU – cuestión urgente e imperiosa de todo el mundo.

目录

•社论：全面发展工人阶级，为满足工业化、现代化的事业的需求，建立坚如盘石的越南工会•阮安梁：越南工人阶级及工会组织面临新的机遇和新的挑战•黄文峰：让科学技术成为工业化、现代化的进程中的真正基石及动力•阮仲福：提高党的工人阶级本质•邓友全：越南通过《缩短发展》的道路向社会主义过渡•黄玉和：在融入国际经济进程中的一些问题•梅海鸾：文学面临时代的新需求•黎友义：《科学技术促进经济社会的发展》科学研讨会题材报告•*** 研讨会总述•阮冀：革新基层政治系统的活动方式•陈仲：改组联合国——全世界当务之急，迫切的问题

Digitized by Google



PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN GIAI CẤP CÔNG NHÂN, XÂY DỰNG CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM VỮNG MẠNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

CUỘC hành trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tầm nhìn 2020 - năm nước ta phấn đấu cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại - của chúng ta đã và đang tiến những bước rất cơ bản và đạt được những thành tựu hết sức quan trọng, cả về quy mô, tính chất, chiều sâu, tạo tiền đề vững chắc đưa công cuộc đổi mới đất nước chuyển sang một thời kỳ phát triển mới. Trong bước chuyển to lớn và mạnh mẽ đó, giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam góp phần rất cơ bản và ngày càng thể hiện là một trong những nhân tố không thể thay thế, có ý nghĩa quyết định hết sức quan trọng sự thành bại của công cuộc đổi mới.

Bước vào thế kỷ XXI, trước những thuận lợi to lớn cùng với những thách thức nghiệt ngã, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục đòi hỏi chúng ta một bản lĩnh phi thường, một sự nỗ lực vượt bậc và một sự cố gắng không ngừng. Với sứ mệnh, vị trí và trọng trách của mình trước nhân dân, giai cấp công nhân Việt Nam phải tiếp tục xứng đáng là lực lượng tiên phong trong sự nghiệp vĩ đại đó, xứng đáng là người đứng mũi chịu sào trước lịch sử dân tộc. Đó là tất yếu, là ý chí và nguyện vọng của giai cấp công nhân, là khát vọng của cả dân tộc. Đó cũng chính là cương lĩnh hành động của Đại hội lần thứ IX của Công đoàn Việt Nam - Đại hội đầu thế kỷ XXI, Đại hội ***"Đoàn kết, trí tuệ, dân chủ, đổi mới"****, Ngày hội lớn của 10,8 triệu công nhân, viên chức, người lao động ở 61 424 tổ chức công đoàn cơ sở và toàn thể dân tộc - vì sự thắng lợi của tiến trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

*

* *

Gần 17 năm đổi mới, nhất là 5 năm qua, kể từ Đại hội lần thứ VIII của Công đoàn Việt Nam, trong sự lớn mạnh của đất nước, giai cấp công nhân nước ta trưởng thành mạnh mẽ về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Đặc biệt, một đội ngũ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khoa học - kỹ thuật cao đã hình thành trong một số ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Với bản chất cách mạng, sự kiên định, vững vàng về chính trị, giai cấp công nhân là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là cơ sở chính trị - xã hội căn bản của Đảng, chỗ dựa vững chắc của Nhà nước, giữ vai trò nòng cốt trong khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

Digitized by Google

và đội ngũ trí thức - nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tạo nên tầm vóc mới, thế và lực mới của đất nước ngay trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Là tổ chức của giai cấp công nhân, là môi trường tập hợp và để giai cấp công nhân thể hiện mình, Công đoàn Việt Nam trưởng thành toàn diện và vượt bậc. Công đoàn đi đầu trong việc tổ chức các phong trào hành động cách mạng, thi đua yêu nước, xây dựng giai cấp công nhân phát triển không ngừng và tổ chức công đoàn vững mạnh, góp phần quan trọng vào sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo đó, nội dung, hình thức hoạt động công đoàn phong phú, đa dạng hơn, hướng mạnh về cơ sở, chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của công nhân, viên chức và người lao động. Từ đó và qua đó, vị thế chính trị, uy tín xã hội của Công đoàn từng bước nâng cao và mối quan hệ quốc tế không ngừng mở rộng.

Cùng với những thành tựu đã đạt được rất đáng ghi nhận, giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam còn không ít hạn chế, đứng trước không ít khó khăn và thách thức không nhỏ. Một bộ phận công nhân, viên chức và người lao động chưa có chí tiến thủ ; trình độ học vấn, tay nghề của bộ phận trực tiếp sản xuất còn hạn chế ; thể chất chưa đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất công nghiệp phát triển ; kỷ luật lao động và tác phong công nghiệp còn yếu ; tỷ lệ đảng viên trong công nhân còn thấp... Tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức còn trầm trọng, làm giảm lòng tin của nhân dân, cản trở công cuộc đổi mới. Trong khi đó, vấn đề việc làm vẫn đang là một thách thức không nhỏ ; tiền lương và thu nhập là một điều đáng quan tâm ; vấn đề nhà ở đang hết sức bức xúc và còn không ít bất bình đẳng ; điều kiện và môi trường làm việc chậm được cải thiện ; tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp còn xảy ra nghiêm trọng ; tình trạng vi phạm kỷ luật lao động còn khá phổ biến ; tình trạng tranh chấp lao động tập thể và đình công vẫn diễn ra phức tạp ; mong muốn tổ chức công đoàn ngày càng vững mạnh, thực sự là chỗ dựa đáng tin cậy, là người đại diện và bảo vệ lợi ích hợp pháp và chính đáng của giai cấp công nhân chưa được đáp ứng thỏa mãn ; cơ chế hoạt động của không ít cấp và tổ chức công đoàn còn lúng túng, bất cập và kém hiệu quả, chưa ngang tầm với sự trưởng thành và đòi hỏi của giai cấp công nhân, với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*

* *

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang nỗ lực phấn đấu tiến tới Hội nghị Trung ương 9 để tổng kết giữa nhiệm kỳ khóa IX và Đại hội lần thứ X của Đảng. Trong bối cảnh quốc tế và trong nước diễn biến nhanh chóng và phức tạp, nhất là trước yêu cầu mới rất cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân phải vươn lên không ngừng, tổ chức công đoàn phải nắm vững tình hình thực tế, đề ra mục tiêu, phương hướng và nhiệm vụ cụ thể, sát hợp. Đó là những vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn trong những năm tới.

Toàn bộ sự nỗ lực và phấn đấu đó phải nhằm hướng tới và tập trung xây dựng giai cấp công nhân phát triển toàn diện, xứng đáng là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cao vai trò lãnh đạo trong thời kỳ mới ; củng cố và phát triển sâu rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước sôi nổi, rộng khắp, thiết thực và có hiệu quả, kết hợp chặt chẽ với việc tham gia quản lý, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động ; phát triển đoàn viên và tổ chức công đoàn trong các thành phần kinh tế ; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn ; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng tổ chức công

Digitized by Google

đoàn vững mạnh ; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh ; mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Để làm tròn trọng trách vẻ vang đó, trước hết Công đoàn tăng cường tuyên truyền giáo dục, góp phần xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh toàn diện, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới ; tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Đặc biệt coi trọng phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu, nhất là nâng cao trình độ giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, thực hiện "trí thức hóa công nhân", nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, đi tiên phong trong công cuộc đổi mới ; chăm lo đời sống mọi mặt cho công nhân.

Đồng thời, chủ động tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách có liên quan trực tiếp đến công nhân, viên chức, người lao động và Quy chế Dân chủ ở cơ sở ; đẩy mạnh công tác chăm lo đời sống, làm tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức và người lao động. Mặt khác, tổ chức sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước, trọng tâm là phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo trong công nhân, viên chức, người lao động, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Qua đó, tăng cường phát triển đội ngũ đoàn viên công đoàn và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, chủ động đổi mới không ngừng nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn một cách phù hợp, hiệu quả với từng loại hình cơ sở ở các thành phần kinh tế, từng cấp công đoàn ; nâng cao trình độ toàn diện của đội ngũ cán bộ công đoàn ; chủ động lựa chọn những vấn đề trọng tâm, cụ thể hóa một cách phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế mỗi địa phương, mỗi cơ sở, ở mỗi thời điểm và thực hiện triệt để, hiệu quả.

Trong bối cảnh hiện nay, Công đoàn Việt Nam tiếp tục tăng cường mở rộng hoạt động đối ngoại theo tinh thần hữu nghị , hợp tác chặt chẽ, đa dạng và hiệu quả ở khu vực và quốc tế nhằm góp phần xây dựng một thế giới hòa bình, phát triển, tiến bộ và công bằng xã hội, chống đói nghèo, chống thất nghiệp, chống bất công xã hội vì quyền công đoàn và vì cuộc sống tốt đẹp của người lao động... trên tinh thần xây dựng, bình đẳng, hữu nghị, hợp tác cùng có lợi.

Các ấp ủy, chính quyền các cấp, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố, các doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể,... tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất hướng dẫn, giúp đỡ giai cấp công nhân về mọi mặt, nhất là về đời sống vật chất và tinh thần ; phối hợp chặt chẽ hỗ trợ các tổ chức công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

*

* *

Từ tầm cao và những quyết sách đúng đắn của Đại hội lần thứ IX của Công đoàn Việt Nam, với truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam, với cương lĩnh hành động sáng tạo, những giải pháp hiệu quả, phù hợp với tình hình mới, chắc chắn giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam tiếp tục phát triển toàn diện, mạnh mẽ và không ngừng. Với khí thế mới, với tinh thần chủ động nắm chắc thuận lợi, vượt qua thử thách, đội ngũ cán bộ, đoàn viên công đoàn cả nước nêu cao ý chí tự lực tự cường, năng động, sáng tạo, đoàn kết đồng lòng góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội IX của Đảng đề ra, cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM TRƯỚC NHỮNG THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC MỚI

NGUYỄN AN LƯƠNG *

GIAI cấp công nhân Việt Nam ra đời trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp. Sinh ra trong lòng một dân tộc có truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm, trong điều kiện đất nước bị kẻ thù xâm lược, khiến cho ý chí và động cơ cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam được nâng lên gấp bội. Ngay từ khi ra đời, giai cấp công nhân nước ta đã anh dũng, kiên cường đấu tranh chống kẻ thù xâm lược. Phong trào đấu tranh của công nhân từng bước trưởng thành, phát triển từ tự phát đến tự giác và không ngừng lớn mạnh. Sự ra đời của Công đoàn Việt Nam - tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn nhất của giai cấp công nhân Việt Nam - là kết quả tất yếu của quá trình phát triển phong trào công nhân nước ta cùng với việc chuẩn bị các điều kiện lý luận, tư tưởng, chính trị, tổ chức của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Khi đất nước còn rên xiết dưới ách nô lệ của thực dân Pháp và bè lũ tay sai của chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Công đoàn Việt Nam đã vận động, tập hợp, tổ chức công nhân đấu tranh chống thực dân, phong kiến. Trang sử vẻ vang của Công đoàn được viết tiếp qua những giai đoạn cách mạng đầy khó khăn, thử thách. Khi hoạt động bí mật, lúc công khai, dù bất kỳ trên mặt trận nào, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Công đoàn Việt Nam luôn là chỗ dựa tin cậy của công nhân, nhân dân lao động, góp phần xây dựng cơ sở xã hội của Đảng, bền bỉ, sáng tạo vận động, tập hợp, giáo dục công nhân trung thành với đường lối, chủ trương của Đảng, không xa rời, coi nhẹ mục tiêu phấn đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Giai cấp công nhân và Công đoàn nước ta đã góp phần to lớn vào sự thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mặc dù trong điều kiện giai cấp công nhân còn non trẻ, nhỏ bé.

Từ khi Đảng cầm quyền, với tư cách là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân, là một trong những thành viên quan trọng trong hệ thống chính trị nước ta, đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức và những người lao động, Công đoàn một mặt luôn quan tâm chăm lo đến đời

* PGS, TS, Phó Chủ tịch Thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Digitized by Google

sống vật chất và tinh thần, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức và người lao động ; phối hợp chặt chẽ với Nhà nước xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, trước hết là các chính sách liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của công nhân và người lao động. Mặt khác, luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, tổ chức các phong trào hành động cách mạng, thi đua yêu nước tạo ra động lực mạnh mẽ thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Trong suốt chặng đường lịch sử vẻ vang của dân tộc, giai cấp công nhân luôn là giai cấp tiên phong lãnh đạo cách mạng, tổ chức công đoàn Việt Nam là lực lượng quan trọng trong việc vận động, tập hợp, đoàn kết công nhân, viên chức, người lao động đi đầu trong việc thực hiện đường lối của Đảng. Vai trò, vị trí của của giai cấp công nhân, tổ chức công đoàn Việt Nam ngày càng được củng cố và tăng cường.

Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam tiếp tục phát huy truyền thống, bản chất tốt đẹp của giai cấp tiên phong và dân tộc anh hùng, dũng cảm, kiên cường trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, đã và đang đóng vai trò quan trọng, đi đầu trong thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng. Công đoàn Việt Nam luôn quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng, chú trọng đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động và ngày càng có vai trò to lớn trong việc chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động ; tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội ; tuyên truyền, giáo dục nâng cao giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh và xây dựng quan hệ lao động ngày càng ổn định, tiến bộ.

Trong giai đoạn hiện nay, xu thế toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra nhanh chóng, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, tạo nên sự cạnh tranh ngày càng gay gắt ở cả trong nước và trên quốc tế. Khoa học - công nghệ đang có bước phát triển nhảy vọt, thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển kinh tế tri thức, làm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế. Đất nước ta đang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ, tạo nên những biến đổi sâu sắc về số lượng, cơ cấu, chất lượng đội ngũ công nhân, viên chức, người lao động, làm cho giai cấp công nhân nước ta ngày càng đa dạng và không thuần nhất. Đội ngũ công nhân khu vực ngoài quốc doanh ngày càng tăng và chiếm tỷ lệ cao, trong khi đó, sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ giai cấp công nhân cũng như trong các tầng lớp nhân dân ngày càng phức tạp. Việc làm vẫn là vấn đề hết sức bức xúc ; quan hệ lao động sẽ có những diễn biến phức tạp, đa dạng hơn. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, tệ nạn xã hội đang còn nghiêm trọng và diễn biến phức tạp.

Mặt khác, trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân Việt Nam bộc lộ những bất cập như: trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp thấp so với yêu cầu và mất cân đối nghiêm trọng trong cơ cấu lao động kỹ thuật giữa các bộ phận công nhân ; lòng say mê nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp còn yếu ; một bộ phận công nhân bị tha hóa về thái độ lao động, phẩm chất giai cấp và lối sống. Hoạt động công đoàn trong điều kiện nền kinh tế thị trường cũng

Digitized by Google

gặp nhiều khó khăn, hạn chế ; công tác tuyên truyền, giáo dục trong công nhân, người lao động chậm được đổi mới nên hiệu quả chưa cao ; Công đoàn chưa ngang tầm với vị trí, vai trò của mình trong việc góp phần giải quyết những vấn đề chiến lược kinh tế - xã hội ; một số chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động còn bị vi phạm nghiêm trọng. Trong khi đó, các thế lực thù địch câu kết với bọn phản động trong nước và quốc tế, đang xuyên tạc bản chất giai cấp công nhân, phủ nhận vị trí, vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân nói chung, giai cấp công nhân Việt Nam nói riêng. Chúng xuyên tạc bản chất cách mạng, phủ nhận vị trí, vai trò, chức năng của Công đoàn Việt Nam.

Tình hình trên đang đặt ra những yêu cầu và thách thức mới đối với giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam, đòi hỏi Công đoàn phải bám sát vị trí, vai trò, chức năng của mình, nhận thức đầy đủ tình hình, tranh thủ thuận lợi, thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, để đề ra những phương hướng, nhiệm vụ sát với tình hình mới. Để làm tròn sứ mệnh lịch sử trong giai đoạn cách mạng mới, giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam phải quan tâm giải quyết, và góp phần giải quyết tốt những vấn đề lớn sau đây :

1 - Thực tế lịch sử chứng minh sự tồn tại, phát triển của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam là một tất yếu khách quan. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân, của tổ chức công đoàn có tác động trực tiếp, góp phần quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội ; và cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, vị trí, vai trò của giai cấp công nhân, tổ chức công đoàn cũng sẽ ngày càng lớn mạnh. Vì vậy, vấn đề xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, có tầm chiến lược đối với cách mạng Việt Nam. Đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, của cả hệ thống chính trị, của chính quyền các cấp và của tổ chức công đoàn.

Để làm tốt nhiệm vụ này, đòi hỏi giai cấp công nhân, tổ chức công đoàn phải nỗ lực phấn đấu không ngừng. Mỗi công nhân, người lao động phải ý thức được trách nhiệm của mình đối với giai cấp, với dân tộc trước những thời cơ lớn và thách thức gay gắt. Phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp, rèn luyện phẩm chất đạo đức và tác phong công nghiệp, quyết tâm vươn lên làm giàu cho mình, cho gia đình, góp phần làm giàu cho xã hội. Tích cực, chủ động tham gia xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong từng tập thể và trong toàn bộ giai cấp, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mỗi công nhân, người lao động phải thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc gia nhập, tham gia hoạt động công đoàn và xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh. Bởi chỉ có xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh thì mới thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động và có thể thực hiện tốt nhiệm vụ vận động, tổ chức công nhân, viên chức, người lao động thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng.

Như vậy, giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn lớn mạnh là điều kiện bảo đảm cho Đảng, Nhà nước vững mạnh. Cho nên, xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh thực chất là xây dựng Đảng, Nhà nước và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Do đó, xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh không phải là giải pháp nhất thời, tình thế mà là nhiệm vụ tất yếu, chiến lược, là việc làm thường xuyên, liên tục gắn liền với xây dựng, củng cố hệ thống

Digitized by Google

chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2 - Đảng, Nhà nước tiếp tục quan tâm xây dựng giai cấp công nhân, coi đây là công việc vừa khẩn trương, liên tục, vừa mang tính khoa học, tính cách mạng cao. Sự quan tâm của Đảng đến công tác xây dựng giai cấp công nhân không chỉ bằng nghị quyết, chủ trương, chính sách mà còn bằng chính việc làm cụ thể của mỗi tổ chức đảng, của tất cả cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành. Nhà nước bổ sung, hoàn thiện các chính sách nhằm giải phóng, khuyến khích phát huy mọi tiềm năng, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, giải quyết việc làm cho người lao động. Chú trọng gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Quán triệt sâu sắc quan điểm coi đào tạo là quốc sách hàng đầu, trên cơ sở đó, chú trọng đầu tư thỏa đáng cho công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động, đảm bảo cân đối giữa hệ thống đào tạo và hệ thống kinh tế, giữa đào tạo và sử dụng, khắc phục sự mất cân đối về cơ cấu lao động hiện nay. Quan tâm đặc biệt đến xây dựng, hoàn thiện những chủ trương, chính sách động viên, khuyến khích, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, tạo ra những triển vọng phát triển mới cho công nhân, người lao động, để họ gắn bó và trung thành với giai cấp, với dân tộc, tự giác nỗ lực vươn lên trong lao động, sản xuất, học tập, cống hiến ngày càng nhiều sức lực, trí tuệ cho giai cấp, cho dân tộc.

Trong giai đoạn mới, việc đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức công đoàn là yêu cầu khách quan, là nhiệm vụ quan trọng nhằm một mặt, tạo điều kiện cho công đoàn thực hiện tốt các chức năng của mình ; mặt khác, thông qua tổ chức công đoàn vận động, tổ chức, tập hợp công nhân, người lao động, bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng đối với giai cấp công nhân. Đảng tăng cường mối quan hệ máu thịt với công nhân, thông qua phong trào công nhân để nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh, nâng cao bản chất giai cấp công nhân và bản lĩnh chính trị cho đội ngũ đảng viên

3 - Trong tình hình hiện nay, tổ chức công đoàn phải nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng của mình. Để làm tốt sứ mệnh vừa là người đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động ; tích cực và chủ động tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội ; nhất là làm tốt việc giáo dục, động viên công nhân, viên chức, người lao động và đoàn viên ra sức phấn đấu hoàn thành tốt nghĩa vụ của mình trên mọi cương vị công tác. Cả ba chức năng đó của Công đoàn đều phải được coi trọng, có quan hệ gắn bó mật thiết, nhuần nhuyễn và bổ sung cho nhau ; trong đó, hết sức coi trọng chức năng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động. Chủ động thực hiện và phát huy hiệu quả những kinh nghiệm tốt trong quá trình nghiên cứu tìm tòi cơ chế, phương thức thực hiện các chức năng một cách thích hợp, không máy móc, cứng nhắc trong các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, có vốn đầu tư nước ngoài. Ở đây, chức năng tham gia quản lý của Công đoàn không phải chỉ bằng cơ chế tổ chức đã được xác lập như các hội đồng, các đại hội công nhân, viên chức, các hội nghị liên tịch... mà còn thông qua việc thảo luận, ký kết thỏa ước lao động tập thể, tham gia kiến nghị để xây dựng và thực hiện các nội dung thỏa ước

Digitized by Google

lao động tập thể của công nhân, viên chức, người lao động... Vấn đề động viên công nhân, viên chức, người lao động thi đua yêu nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong khu vực kinh tế ngoài quốc doanh cần được triển khai theo hướng kết quả của việc thi đua là góp phần làm tăng sản phẩm và doanh thu của cơ sở, từ đó bảo đảm hài hòa lợi ích nhà nước, người sử dụng lao động và người lao động. Công tác tuyên truyền, giáo dục của Công đoàn không chỉ tập trung vào đối tượng công nhân, viên chức, người lao động, mà còn hướng tới cả người sử dụng lao động để họ hiểu về Công đoàn, ủng hộ việc thành lập và tạo điều kiện cho Công đoàn hoạt động, nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích của người lao động và của cả người sử dụng lao động. Trong điều kiện hiện nay, khi các thành phần kinh tế phát triển, đội ngũ công nhân, người lao động trong khu vực ngoài quốc doanh và có vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh, chiếm tỷ lệ ngày càng cao so với khu vực kinh tế nhà nước, thì đối tượng tập hợp, vận động, nội dung hoạt động của Công đoàn phải thay đổi cho phù hợp, song vẫn phải bảo đảm bản chất giai cấp công nhân của tổ chức công đoàn Việt Nam, xứng đáng là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân Việt Nam.

Để làm tốt nhiệm vụ của mình, Công đoàn phải không ngừng đổi mới tổ chức, nội dung, phương pháp hoạt động để thu hút ngày càng đông đảo công nhân, người lao động vào tổ chức mình, trong đó phải quan tâm tập hợp đông đảo công nhân, người lao động trong khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và có vốn đầu tư nước ngoài gia nhập Công đoàn. Đồng thời, phải đẩy mạnh và không ngừng đổi mới công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua yêu nước trong công nhân, viên chức, người lao động nhằm động viên, khuyến khích mọi người, mọi tập thể tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức cộng đồng trách nhiệm, nỗ lực vươn lên trong sản xuất, kinh doanh, trong công tác, học tập, quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao góp phần đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nước chậm phát triển. Duy trì và thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức chính trị, giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sống làm việc theo Hiến pháp và pháp luật cho công nhân, người lao động, đấu tranh phòng chống có hiệu quả các tệ nạn xã hội. Công đoàn phải chủ động tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát có hiệu quả việc thực hiện pháp luật và các chế độ chính sách có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của công nhân, viên chức và người lao động. Để công nhân, người lao động gắn bó với tổ chức công đoàn, gắn bó với giai cấp công nhân và dân tộc, tự giác phấn đấu thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, phải quan tâm tạo ra những điều kiện phát huy tốt nhất quyền dân chủ của công nhân, người lao động trong sản xuất, kinh doanh, đóng góp sức lực, trí tuệ của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong giai đoạn cách mạng mới, giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam đang đứng trước những thời cơ và thách thức mới. Để nắm lấy thời cơ, vượt qua thách thức, đòi hỏi giai cấp công nhân và Công đoàn phải phát huy mạnh mẽ hơn nữa truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, chủ động, sáng tạo, quyết tâm đổi mới về tổ chức và hoạt động, không ngừng vươn lên làm tròn sứ mạng lịch sử của mình, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

ĐỂ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC SỰ LÀ NỀN TẢNG VÀ ĐỘNG LỰC TRONG TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

HOÀNG VĂN PHONG *

1 - Khoa học và công nghệ - nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Nói đến vai trò nền tảng và động lực của khoa học và công nghệ trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nói đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên cơ sở khoa học và công nghệ. Quan điểm này được thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng, đặc biệt là trong nghị quyết của các Hội nghị Trung ương bảy (khóa VII), Hội nghị Trung ương hai (khóa VIII) và Kết luận Hội nghị Trung ương sáu (khóa IX) về phát triển khoa học và công nghệ.

Ở các nước phát triển, vai trò của khoa học và công nghệ ngày càng thể hiện rõ là lực lượng sản xuất trực tiếp quan trọng hàng đầu, hay nói một cách khác là nền tảng, động lực phát triển kinh tế - xã hội. Vai trò nền tảng của khoa học và công nghệ chỉ được phát huy khi có một nền khoa học và công nghệ phát triển, đủ khả năng giải quyết được những nhiệm vụ chủ yếu về khoa học và công nghệ do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia đặt ra. Vai trò động lực của khoa học và công nghệ được thể hiện thông qua sự đổi mới không ngừng của công nghệ và sản phẩm, tạo ra năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao của nền kinh tế, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Chỉ khi nào khoa học và công nghệ thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp hàng đầu thì vai trò nền tảng và động lực của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội mới trở nên vững chắc và mạnh mẽ.

Đối với các nước đang phát triển, muốn đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phát triển đất nước thì đây là vấn đề nan giải, đầy khó khăn và thách thức, bởi lẽ phải tiến hành song song cả hai quá trình : vừa thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa vừa xây dựng và phát triển nền khoa học và công nghệ, trong khi tiềm lực kinh tế quốc gia còn nhỏ bé. Vai trò động lực của khoa học và công nghệ chỉ có thể thực hiện được một khi hoạt động khoa học và công nghệ gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội ; khoa học và công nghệ phải là nhân tố động lực của quá trình

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Digitized by Google

chuyển đổi từ lao động thủ công sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học và công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Thế giới trong thế kỷ XX đã chứng kiến những đổi thay to lớn do khoa học và công nghệ mang lại không chỉ đối với các nước phát triển mà cả những nước đang phát triển. Trên bản đồ kinh tế thế giới, sự xuất hiện của nhóm các nước mới công nghiệp hóa (NIC) sau Chiến tranh thế giới thứ hai cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng và lan tỏa của các thành tựu khoa học và công nghệ thông qua quá trình chuyển giao và tiếp thu tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến. Bằng các chính sách công nghệ và công nghiệp khôn ngoan và ý chí quyết tâm cao, các nước NIC đã tận dụng được cơ hội để tiếp nhận và làm chủ nhanh chóng các công nghệ mới, thay đổi phương thức sản xuất bản địa vốn dựa trên lao động thủ công và khai thác tài nguyên thiên nhiên, chuyển sang ứng dụng các kỹ thuật cơ khí hóa, tự động hóa theo hướng tạo ra giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nhờ thực hiện đường lối công nghiệp hóa dựa vào khoa học và công nghệ, một số quốc gia đã rút ngắn được thời gian tiến hành công nghiệp hóa ; đồng thời với quá trình công nghiệp hóa rút ngắn, thời gian cần thiết để tăng gấp đôi thu nhập bình quân đầu người cũng được rút ngắn.

Bước vào thế kỷ XXI, thế giới đang cuốn theo xu thế phát triển của kinh tế tri thức. Các nước phát triển đang chuyển sang nền kinh tế tri thức với đặc điểm là nền kinh tế biết khai thác, phát huy triệt để tiềm năng của chất xám, của những ý tưởng sáng tạo và tri thức, nhất là tri thức về khoa học và công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển. Xu thế này thực sự đang mở ra cơ hội mới cho các nền kinh tế đang phát triển với điểm xuất phát thấp, cơ sở vật chất nghèo nàn, nhưng quyết tâm đổi mới phương thức phát triển theo hướng thu hút và sử dụng tri thức khoa học và công nghệ để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều này cũng đặt ra vấn đề là bản chất của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay cũng thay đổi, không giống công nghiệp hóa theo kiểu cổ điển trước đây, mà phải dựa vào tri thức khoa học và công nghệ. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, đối với các nước đang phát triển, chỉ có quốc gia nào xây dựng được năng lực khoa học và công nghệ đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, thích nghi, sáng tạo và sử dụng nhiều tri thức, nhất là tri thức khoa học và công nghệ, tạo ra môi trường thể chế năng động thì mới có thể thu hút được nhiều vốn đầu tư, công nghệ hiện đại và lao động trình độ cao từ bên ngoài phục vụ mục tiêu phát triển quốc gia.

2 - Khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội trong những năm đổi mới

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, khoa học và công nghệ nước ta đã có những bước tiến tích cực. Trải qua vài thập kỷ xây dựng và phát triển, đến nay, nước ta đã có một tiềm lực khoa học và công nghệ đáng kể, lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ tương đối đông đảo với trên 1,4 triệu cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng, 30 nghìn cán bộ có trình độ trên đại học (trong đó có hơn13 nghìn tiến sỹ) và khoảng 2 triệu công nhân kỹ thuật. Thực tế cho thấy, đội ngũ này có khả năng tiếp thu tương đối nhanh và làm chủ được tri thức, công nghệ hiện đại trên một số ngành và lĩnh

Digitized by Google

vực. Cùng với đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đông đảo đó, chúng ta đã xây dựng được một mạng lưới với khoảng 1 050 tổ chức khoa học và công nghệ thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó có hơn 450 tổ chức ngoài nhà nước. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các viện, trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, các trung tâm thông tin khoa học và công nghệ, thư viện cũng được tăng cường và nâng cấp.

Cùng với quá trình đổi mới cơ chế kinh tế, cơ chế quản lý khoa học và công nghệ từng bước được đổi mới theo hướng mở rộng liên kết giữa nghiên cứu với sản xuất, kinh doanh ; nhờ đó, đã nâng cao được hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Khoa học Xã hội và Nhân văn trong thời kỳ đổi mới đã có những đóng góp tích cực vào việc phát triển lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nhiều kết quả nghiên cứu đã đóng góp cho việc chuẩn bị các văn kiện của Đảng ; xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước qua các thời kỳ ; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Cùng với các nghiên cứu lý luận cơ bản, khoa học xã hội còn hướng vào giải quyết nhiều vấn đề cụ thể, bức xúc trong thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội như : vấn đề toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực ; công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ; tác động của khủng hoảng kinh tế khu vực với tăng trưởng của Việt Nam ; các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn, nông dân, vấn đề tôn giáo, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khoa học Tự nhiên phát huy được tiềm năng thế mạnh, nghiên cứu đi sâu vào nhiều vấn đề lý thuyết định hướng ứng dụng, tiếp cận được trình độ thế giới trên một số bộ môn lý thuyết như toán, vật lý ứng dụng... Nhiều công trình nghiên cứu về khoa học tự nhiên có ứng dụng tốt như : nghiên cứu thu và xử lý ảnh vệ tinh có độ phân giải cao để theo dõi tình trạng cháy rừng, trạng thái của thảm thực vật, quan sát trường nhiệt mặt biển và các thay đổi nhiệt độ trên bề mặt lãnh thổ Việt Nam, công nghệ viễn thám, địa vật lý, công nghệ trắc địa bản đồ ứng dụng vào điều tra, thăm dò dầu khí, tài nguyên biển và các tài nguyên khoáng sản khác.

Khoa học - Công nghệ đã có khả năng thích nghi và làm chủ nhiều công nghệ tiên tiến của nước ngoài trong các lĩnh vực như viễn thông, khai thác dầu khí, năng lượng (xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện, truyền tải và phân phối điện), cơ khí lắp ráp ô-tô, xe máy và hàng điện tử dân dụng, xây dựng cầu có khẩu độ lớn, đường cao tốc chất lượng cao, sản xuất vật liệu xây dựng. Nhiều vấn đề cấp bách, có ý nghĩa quan trọng với quốc kế dân sinh do thực tiễn đặt ra đã được lực lượng khoa học và công nghệ nước ta nghiên cứu giải quyết như: cơ sở khoa học cho các phương án phòng chống thiên tai, đặc biệt là phương án kiểm soát lũ ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, các giải pháp khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên dải ven biển Bắc Bộ, các giải pháp chống sa mạc hóa vùng ven biển miền Trung, các phương pháp sản xuất vắc xin phòng chống viên gan B. Đặc biệt, trong các ngành nông nghiệp và thủy sản, khoa học và công nghệ đã góp phần lai tạo được nhiều giống cây con cho năng suất cao, chất lượng tốt. Ngoài các giống lúa, các giống ngô lai của

Digitized by Google

Việt Nam đã cạnh tranh được với giống nhập, chiếm lĩnh 65% thị phần trong nước. Chúng ta đã nghiên cứu thành công kỹ thuật sản xuất giống và nuôi tôm sú nước mặn, nước lợ và nước ngọt, năng suất từ vài tạ/ha đã tăng lên 2 - 3 tấn/ha. Nhờ ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, ngành nông nghiệp đã tạo ra mức tăng sản lượng lương thực từ 30,6 triệu tấn (năm 1997) lên 34,7 triệu tấn (năm 2000)...

Những thành tựu bước đầu nêu trên cho thấy, tiềm năng to lớn của khoa học và công nghệ nước ta có thể tạo ra động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3 - Làm thế nào để khoa học và công nghệ thực sự trở thành nền tảng và động lực trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ?

Mặc dù trong thời gian qua, chúng ta đã có những cố gắng nhằm xây dựng và phát triển nền khoa học và công nghệ nước nhà, nhưng phải nhìn nhận thẳng thắn rằng, khoa học và công nghệ nước ta chưa được sử dụng như một yếu tố động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, và bản thân khoa học và công nghệ cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của vai trò động lực này. Trình độ khoa học và công nghệ Việt Nam vẫn còn một khoảng cách khá xa so với các nước phát triển và ngay cả với nhiều nước trong khu vực, chưa tạo ra được năng lực khoa học và công nghệ cần thiết để đáp ứng những yêu cầu mới của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Một trong những nguyên nhân yếu kém của khoa học và công nghệ nước ta là, cho đến nay, cả cơ chế quản lý kinh tế và cơ chế quản lý khoa học và công nghệ vẫn chưa thực sự có sự phối hợp đồng bộ, tạo môi trường thuận lợi gắn kết hữu cơ giữa khoa học và công nghệ với sản xuất. Điều này thể hiện ở chỗ : chưa có cơ chế kinh tế hữu hiệu để các doanh nghiệp quan tâm đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và dịch vụ, tạo ra nhu cầu thực sự đối với khoa học và công nghệ ; mặt khác, cơ chế quản lý khoa học và công nghệ tuy đã có đổi mới nhưng việc thực thi còn chậm, thiếu đồng bộ ; thị trường công nghệ còn sơ khai ; các tổ chức khoa học và công nghệ chưa nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động của mình và gắn với nhu cầu thực tiễn ; chưa có chính sách tạo động lực để cán bộ khoa học và công nghệ phát huy tính sáng tạo và cống hiến cho khoa học và công nghệ. Tiềm lực khoa học và công nghệ nước ta còn nhỏ bé, lạc hậu, đầu tư cho khoa học và công nghệ còn hạn chế, thua kém nhiều nước trong khu vực, lại dàn trải, kém hiệu quả, chưa huy động được các thành phần kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ. Vì thế, chưa tạo được năng lực khoa học và công nghệ nội sinh đủ mạnh để đáp ứng những yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Một vấn đề lớn đặt ra đối với sự phát triển khoa học và công nghệ của nước ta là làm thế nào để vừa huy động được năng lực hiện tại của lực lượng khoa học và công nghệ phục vụ những mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội trước mắt của đất nước, đồng thời, vừa nhanh chóng xây dựng tiềm lực, nâng cao năng lực nội sinh nhằm đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành nền tảng và động lực cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hội nghị Trung ương sáu (khóa IX) vừa qua đã chỉ rõ nhiệm vụ đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế

Digitized by Google

quốc dân nhằm nhanh chóng thoát khỏi tình trạng lao động thủ công, lạc hậu, tăng năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, nâng sức cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân và sức mạnh quốc phòng, an ninh. Chú trọng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và thành tựu khoa học và công nghệ cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Xây dựng và phát triển có trọng điểm các ngành công nghiệp công nghệ cao. Phấn đấu đưa trình độ khoa học và công nghệ nước ta đạt mức tiên tiến trong khu vực. Đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý, nâng cao trình độ quản lý khoa học và công nghệ, tạo động lực phát huy mạnh mẽ năng lực nội sinh, giải phóng sức sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Kịp thời tổng kết hiệu quả những nhân tố mới, kinh nghiệm tốt để phổ biến, nhân rộng. Đổi mới chính sách đào tạo, sử dụng và đãi ngộ trí thức, trọng dụng và tôn vinh nhân tài.

Để thực hiện được các nhiệm vụ nêu trên và đạt được mục tiêu chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, đưa khoa học và công nghệ nước ta thực sự trở thành nền tảng và động lực cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong giai đoạn tới, chúng ta cần tập trung thực hiện các giải pháp cơ bản sau :

Một là, *tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế và hoàn thiện hệ thống pháp luật* để khoa học và công nghệ trở thành một động lực trong phát triển kinh tế - xã hội. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất thông qua các chính sách về tài chính, tín dụng, đào tạo và sử dụng nhân lực. Tiếp tục cải cách mạnh mẽ hơn nữa doanh nghiệp nhà nước theo hướng xóa bỏ dần các bao cấp, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm thực sự đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh và tính toán hiệu quả khi lựa chọn công nghệ. Tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi nhằm bảo hộ mọi nỗ lực của doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu và cá nhân được tiếp cận, vận dụng, nghiên cứu và phát triển khoa học và công nghệ, theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hai là, *đổi mới quản lý khoa học và công nghệ và ưu tiên phát triển công nghệ cao.* Đây là một giải pháp có ý nghĩa đột phá. Trong giai đoạn tới, cần chuyển đổi căn bản cơ chế quản lý khoa học và công nghệ hiện nay còn nặng về hành chính, bao cấp sang cơ chế mới dựa trên nguyên tắc hướng dẫn, phân cấp, hướng tới thị trường và phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ ; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ. Đặc biệt, chú trọng chính sách đối với cán bộ khoa học và công nghệ trong đào tạo, tuyển dụng, bố trí công tác, đãi ngộ nhằm tạo động lực thu hút và khuyến khích nhân tài cống hiến cho sự nghiệp khoa học và công nghệ. Đồng thời với việc đổi mới cơ chế quản lý, cần sắp xếp lại các tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình hoạt động và định hướng ưu tiên về phát triển khoa học và công nghệ.

Ba là, *xây dựng và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.* Trước hết, cần xây dựng năng lực đổi mới công nghệ và tạo nhu cầu mạnh mẽ từ phía doanh nghiệp thông qua việc tăng cường hỗ trợ của Nhà nước nhằm nâng cao năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nâng cao chất lượng sản phẩm khoa học và công nghệ đáp ứng nhu

Digitized by Google

cầu của sản xuất và đời sống bằng các biện pháp như : dành tỷ lệ thích đáng kinh phí khoa học và công nghệ của Nhà nước cho việc hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hóa ; hoàn thiện quy trình, quy phạm giám định về độ tin cậy, chất lượng, an toàn và giá cả của công nghệ trước chuyển giao hoặc bán cho doanh nghiệp. Phát triển các dịch vụ môi giới công nghệ, đa dạng hóa các dịch vụ môi giới về thị trường khoa học và công nghệ kể cả nước ngoài. Phát triển các tổ chức tư vấn khoa học và công nghệ, dịch vụ, môi giới về công nghệ, cung cấp thông tin thị trường khoa học và công nghệ. Xây dựng các chợ công nghệ (techmart) làm cầu nối giữa cung và cầu về công nghệ. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho phát triển thị trường khoa học và công nghệ, đặc biệt là các văn bản pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Bốn là, *phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, tập trung đầu tư xây dựng các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia* nhằm nhanh chóng rút ngắn khoảng cách với khu vực và quốc tế, phục vụ có hiệu quả cho các mục tiêu kinh tế - xã hội trong 10 năm tới và giai đoạn tiếp theo. Thực hiện xã hội hóa đầu tư cho khoa học và công nghệ. Một mặt, vẫn tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước để xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật và các nguồn lực cho các hướng khoa học và công nghệ ưu tiên trọng điểm quốc gia ; mặt khác, cần xóa bỏ bao cấp tràn lan, tạo môi trường thuận lợi để huy động các nguồn lực xã hội, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ nhằm gắn kết khoa học và công nghệ với sản xuất và đời sống. Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ, phát triển một số lĩnh vực trọng điểm quốc gia.

Năm là, mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ có vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt đối với các nước đang phát triển như nước ta, nhằm thu hút các nguồn lực và tri thức từ bên ngoài để nâng cao năng lực và trình độ trong nước và rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Định hướng giải pháp về hợp tác khoa học và công nghệ trong những năm tới là tạo ra cơ chế chính sách thuận lợi để các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được học tập, đào tạo, giao lưu, hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trên thế giới và khu vực, đồng thời khuyến khích, thu hút trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài, cán bộ khoa học nước ngoài đầu tư, liên kết, hợp tác phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

Chúng ta đang đứng trước những thách thức tụt hậu xa hơn cả về kinh tế và khoa học và công nghệ trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, xu thế phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ cũng như nền kinh tế dựa trên tri thức. Điều này càng khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của khoa học và công nghệ trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế, xã hội đất nước. Để khoa học và công nghệ thực sự trở thành nền tảng và động lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết phải quán triệt quan điểm phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu trong toàn Đảng, toàn dân. Quan điểm này phải được biến thành hành động : gắn mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ với mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và được chủ động triển khai thực hiện trong mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi địa phương và mỗi doanh nghiệp. ❑

Digitized by Google

NÂNG CAO BẢN CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN CỦA ĐẢNG

NGUYỄN TRỌNG PHÚC *

ĐẢNG Cộng sản là đội tiền phong và đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân. Không ngừng nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Đảng là yêu cầu khách quan và là nội dung rất quan trọng về xây dựng Đảng, nhất là trong điều kiện Đảng cầm quyền. Bản chất giai cấp công nhân được quy định bởi nhiều nhân tố và mối liên hệ, nhưng có thể thấy nổi bật ở sứ mệnh lịch sử, ở tính cách mạng triệt để của giai cấp công nhân và nhất là giai cấp ấy được trang bị và dẫn dắt bởi một hệ tư tưởng, một lý luận tiền phong, đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Ở Việt Nam, trong những năm 20 của thế kỷ XX, với vai trò của Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được truyền bá trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước dẫn đến sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930). Đó là quy luật ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã mang bản chất giai cấp công nhân. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng không ngừng nâng cao bản chất giai cấp công nhân, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Trong sự nghiệp đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam coi giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng *là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu*. Đại hội lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996) nhấn mạnh, trong điều kiện hiện nay, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng là phải :

"- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong bất kỳ tình huống khó khăn nào cũng không dao động, xa rời mục tiêu đó.

- Kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát đầy đủ từ thực tiễn Việt Nam, trên cơ sở đó xây dựng đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân ; xây dựng đội ngũ cán bộ và đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

- Củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Chăm lo đời sống, thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại"(1).

---

* PGS,TS, Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 139-140

Digitized by Google

Đó là những quan điểm và giải pháp cơ bản, toàn diện để nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Đảng mà toàn Đảng, mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng cần nắm vững và thể hiện bằng hành động.

Trong lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã từng có những Đảng Cộng sản mà quá trình ra đời và xây dựng đã thể hiện nổi bật bản chất giai cấp công nhân và trở thành đảng cầm quyền. Nhưng trong quá trình lãnh đạo, cầm quyền một số đảng đó đã từng bước xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xa rời mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa, bị chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại chi phối và do đó tha hóa dẫn tới sự tan rã của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Thực tế đó cho thấy rõ sự biến chất và không còn giữ được bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Đó là bài học sâu sắc về xây dựng Đảng.

Điều dễ thấy là, sự khủng hoảng, tan rã, mất quyền lãnh đạo của các Đảng Cộng sản ở một số nước thường bắt đầu từ sự khủng hoảng tư tưởng, lý luận với sự lũng đoạn của chủ nghĩa xét lại nhằm phủ định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, dọn đường cho những trào lưu tư tưởng, lý luận phản mác-xít xâm nhập vào trong Đảng. Từ sự khủng hoảng về tư tưởng, lý luận mà các thế lực cơ hội về chính trị sửa đổi đường lối, cương lĩnh của đảng, từng bước phê phán và xa rời con đường xã hội chủ nghĩa, xa rời bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản. Như vậy, bảo đảm sự đúng đắn về tư tưởng, lý luận và đường lối, Cương lĩnh chính trị của đảng là vấn đề cốt yếu quyết định bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của Đảng Cộng sản.

Trong điều kiện hiện nay càng cần thiết phải nhắc lại những điều chỉ dẫn của V.I. Lê-nin và Hồ Chí Minh về vai trò của lý luận trong xây dựng Đảng. V.I. Lê nin từng chỉ rõ : "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng", *"chỉ đảng nào được một lý luận tiền phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong"* (2). Đó là yêu cầu trước hết V.I. Lê-nin đặt ra khi xây dựng Đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân. Người đề cập điều đó trong tác phẩm *Làm gì* (viết trong thời gian từ mùa Thu năm 1901 đến tháng Hai năm 1902). Khi chuẩn bị những điều kiện để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927) lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu rõ, cách mạng trước hết phải có đảng cách mạng: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam". "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin"(3).

Điều lệ (sửa đổi) thông qua tại Đại hội lần thứ IX của Đảng ghi rõ: *Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động*. Để nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Đảng, phải hết sức coi trọng công tác lý luận, thường xuyên chăm lo nghiên cứu, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, làm cho trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa và tư tưởng ấy.

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, công tác tư tưởng, lý luận của Đảng đã đạt được những thành tựu quan trọng, khắc phục sự lạc hậu, trì trệ về lý luận như Đại hội lần thứ VI của Đảng đã tự phê bình. Ngày 28-3-1992 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 01-NQ/TW *Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay*. Đại hội lần thứ IX của Đảng chủ trương đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận,

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 6, tr 30, 32

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 2, tr 268

Digitized by Google

thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn ; từng bước cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng ; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX ra Nghị quyết *Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới*. Ngày 27-3-2003, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX ra Chỉ thị số 23-CT/TW *Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới*. Các văn kiện quan trọng đó đều khẳng định nhiệm vụ nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành yêu cầu bức thiết đối với Đảng ta hiện nay.

Nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Đảng đòi hỏi phải thường xuyên và không ngừng nâng cao trình độ lý luận của Đảng, của từng cán bộ, đảng viên ; phải rất coi trọng tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, coi trọng công tác lý luận. Công tác lý luận phải khẳng định và làm rõ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, làm rõ những vấn đề cần nhận thức cho đúng, những vấn đề cần tiếp tục bổ sung, điều chỉnh và phát triển trên cơ sở tổng kết và khái quát những kinh nghiệm thực tiễn mới và những thành tựu của khoa học hiện đại. Nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc và có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời chú trọng nghiên cứu những tinh hoa trí tuệ của dân tộc.

Để nâng cao trình độ lý luận, "cần đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lý luận, coi trọng chất lượng và tính hiệu quả. Tổ chức học tập một cách nghiêm túc, có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chủ nghĩa yêu nước và truyền thống cách mạng của dân tộc, của Đảng. Phát huy tính sáng tạo, chủ động của người học, dành nhiều thời gian cho việc tự học, tự đọc các tác phẩm lý luận và văn kiện của Đảng"(4). Và người học, phải được trang bị và có sự hiểu biết sâu sắc, có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thấy rõ sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta trong thực tiễn cách mạng Việt Nam mới có được niềm tin sâu sắc vào lý tưởng và con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, mới có được sự thống nhất nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng phấn đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, như Đại hội lần thứ IX của Đảng nhận định, là rất nghiêm trọng. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới sự suy thoái ấy, trong đó có sự yếu kém về trình độ lý luận, sự hiểu biết không đến nơi đến chốn về lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa, coi thường lý luận, ít chịu tu dưỡng về lý luận, vẫn đang tồn tại. Sự hiểu biết lý luận một cách hời hợt, vá víu của một bộ phận cán bộ, đảng viên ảnh hưởng không nhỏ đến bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của Đảng và điều đó cũng tệ hại và nguy hiểm không kém gì sự không hiểu biết về lý luận.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát : Đảng ta là đạo đức là văn minh. Văn minh đó là trí tuệ, là lý luận tiền phong, là mục tiêu phấn đấu xây dựng đất nước giàu mạnh, nhân dân no ấm, hạnh phúc, một xã hội không có bóc lột, áp bức, bất công - xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đạo đức đó là đạo đức cộng sản, đạo đức cách mạng, là "cần kiệm liên chính, chí công vô tư", là "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ", là hết lòng chăm lo lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc, là suốt đời vì nước vì dân, là nêu cao tinh thần tập thể,

(4) *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 135-136

Digitized by Google

đoàn kết, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Đạo đức, văn minh chính là bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện.

Đảng ta là người khởi xướng và lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới nhưng cũng đã nhiều lần tự phê bình về tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, chỉ rõ sự tha hóa về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và sự nguy hại của chủ nghĩa cá nhân. Tình trạng đó không chỉ ảnh hưởng đến uy tín của Đảng mà quan trọng hơn là làm suy giảm bản chất cách mạng của Đảng.

Trong công tác xây dựng Đảng hiện nay, cùng với nâng cao trình độ lý luận của toàn Đảng, giáo dục sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phải hết sức coi trọng giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho toàn Đảng. *Nếu trong hệ thống nhà trường phổ thông cần giảng dạy, giáo dục luân lý, đạo đức cho thanh thiếu niên trước khi các em bước vào đời, thì trong hệ thống trường Đảng, trường của Nhà nước và các đoàn thể phải giảng dạy, giáo dục sâu sắc đạo đức cách mạng - đạo đức cộng sản.*

V. I. Lê-nin khi đề cập nhiệm vụ giáo dục chủ nghĩa cộng sản đã nêu vấn đề trước hết là *đạo đức cộng sản*. Theo Người, "đạo đức đó là những gì góp phần phá hủy xã hội cũ của bọn bóc lột và góp phần đoàn kết tất cả những người lao động chung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới của những người cộng sản"(5). Mỗi một giai cấp, một chế độ xã hội đều có chuẩn mực đạo đức riêng của mình. Giai cấp công nhân và Đảng tiền phong của mình đoàn kết toàn dân tộc phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội phải theo chuẩn mực đạo đức cộng sản. Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về đạo đức cách mạng, đạo đức cộng sản mà mỗi đảng viên, cán bộ cũng như mỗi công dân đều có thể làm theo được. Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, Đảng ta coi trọng cả đức và tài nhưng đức là gốc. Gốc có vững thì Đảng mới bền vững và phát triển.

Trong công cuộc đổi mới, nhất là ở thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay đòi hỏi phải xây dựng và phát triển giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Đó còn là yêu cầu của bản thân việc xây dựng Đảng, nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Hội nghị Trung ương 7 (khóa VII) đã đề ra những yêu cầu cơ bản và toàn diện về xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giai cấp công nhân Việt Nam phải có đủ trình độ năng lực và bản lĩnh, thực sự hành động một cách tự giác trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định : "Đối với giai cấp công nhân, coi trọng phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, thực hiện "trí thức hóa công nhân", nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, xứng đáng là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới" (6).

Khi thành lập Đảng Cộng sản (1930), giai cấp công nhân Việt Nam có khoảng trên 20 vạn người là những người lao động làm thuê trong các xí nghiệp, đồn điền, hầm mỏ mà tư bản Pháp thực hiện các chương trình khai thác thuộc địa ở nước ta cùng với bộ phận nhỏ công nhân trong các đơn vị kinh tế của tư bản bản xứ. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhất là sau khi miền Bắc và cả nước được giải phóng,

(5) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 41, tr 369

(6) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 124-125

Digitized by Google

bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với các tầng lớp nhân dân lao động khác, giai cấp công nhân Việt Nam trở thành người chủ của đất nước và xã hội và Đảng của giai cấp công nhân trở thành Đảng cầm quyền. Trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai cấp công nhân đã lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Cơ cấu giai cấp công nhân có những biến đổi gắn liền với nền kinh tế nhiều thành phần. Ngoài công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước còn có công nhân trong khu vực kinh tế tư nhân trong đó có kinh tế tư bản tư nhân, trong thành phần kinh tế tư bản nhà nước và cả công nhân làm trong các đơn vị kinh tế 100% vốn đầu tư nước ngoài. Trong quá trình đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, Đảng ta chủ trương đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, làm cho công nhân được thật sự làm chủ một phần vốn của mình. Hiện đã có hơn 770 doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần. Cùng với bộ phận công nhân làm chủ cũng tồn tại một bộ phận làm thuê. Vấn đề bóc lột và bị bóc lột còn tồn tại trong một thời kỳ dài nghĩa là trong suốt thời kỳ quá độ.

Với thực trạng như vậy, làm gì và làm như thế nào để giai cấp công nhân hiện nay thật sự là lực lượng đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Những yêu cầu xây dựng giai cấp công nhân mà Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra vừa cơ bản vừa cấp thiết hiện nay. Giai cấp công nhân không thể thực hiện được vai trò lãnh đạo nếu không được trang bị có hệ thống và sâu sắc lý luận cách mạng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, vấn đề giáo dục, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị làm cho giai cấp công nhân ý thức đầy đủ sứ mệnh lịch sử và mục tiêu phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là rất quan trọng. Giai cấp công nhân không chỉ là lực lượng to lớn sản xuất ra của cải vật chất cho đất nước, xã hội mà còn là lực lượng chính trị thực hiện đường lối, cương lĩnh của đội tiền phong của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam. Giai cấp công nhân phải là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Điều đó đòi hỏi công nhân phải có trình độ học vấn và nghề nghiệp rất cao, nắm vững những thành tựu của khoa học, công nghệ mới, nghĩa là phải "trí thức hóa công nhân".

Để nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Đảng, Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh chủ trương tăng cường đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú ; tăng thành phần công nhân trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành.

Hiện nay, trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, lại chịu tác động của tình hình phức tạp diễn ra trên thế giới, một bộ phận trong giai cấp công nhân chưa nhận thức được vai trò và nhiệm vụ của giai cấp mình, thiếu tính tiền phong cách mạng. Mặt khác, không ít cán bộ, đảng viên thoái hóa, quan liêu, tham nhũng, mang nặng chủ nghĩa cá nhân, sống xa hoa, lãng phí, xa dân, *xa rời bản chất giai cấp công nhân* của Đảng. Thực tế đó đòi hỏi vừa phải tăng cường xây dựng giai cấp công nhân đúng với bản chất, tính chất cách mạng và tính tiền phong của nó, vừa phải đặc biệt chú trọng xây dựng Đảng, nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Đảng theo những tiêu chí mà Đại hội VIII của Đảng (tháng 6-1996) đã đề ra. Những yêu cầu và nội dung về xây dựng giai cấp công nhân và về xây dựng Đảng hiện nay có quan hệ mật thiết với nhau, chi phối, quyết định lẫn nhau và tất cả phải được thể hiện ở trình độ nhận thức, năng lực hành động, đạo đức cách mạng và lý tưởng cao cả của mỗi người công nhân, của mỗi đảng viên cộng sản.❑

Digitized by Google

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo con đường "phát triển rút ngắn" ở Việt Nam

ĐẶNG HỮU TOÀN *

NGAY khi ra đời, Đảng ta đã xác định con đường phát triển của dân tộc là quá độ lên chủ nghĩa xã hội *bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là đường lối tiến hành cách mạng nhất quán* suốt hơn 73 năm qua của Đảng ta. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là qua thực tiễn của gần 17 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta đã không ngừng đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Tại Đại hội IX - Đại hội đầu tiên trong thế kỷ XXI, dựa trên tổng kết lý luận và thực tiễn sau 15 năm đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã khẳng định: "Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại"(1).

Như vậy, có thể nói, trong quan niệm của Đảng ta, *quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay là con đường phát triển rút ngắn* và *phương thức thực hiện* con đường này là *quá độ gián tiếp. Đó là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.* Trước hết, đây là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và phương thức thực hiện con đường đó. Hơn nữa, đó còn là sự tổng kết thực tiễn của toàn bộ công cuộc xây dựng xã hội mới ở nước ta, nhất là thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, khi đưa ra dự báo về khả năng thắng lợi đồng thời của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, đã nhiều lần bàn tới khả năng thắng lợi của cuộc cách mạng này không phải ở những nước tư bản phát triển, mà ở những nước tư bản chủ nghĩa kém phát triển hơn. Khi tiến hành phân tích hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, C. Mác khẳng định, sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự

---

* PGS, TS, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Triết học

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 84

Digitized by Google

nhiên, song không phải quốc gia, dân tộc nào cũng nhất thiết phải trải qua tất cả các hình thái kinh tế - xã hội đã có trong lịch sử. Do những điều kiện khách quan và chủ quan nhất định, một quốc gia, dân tộc nào đó có thể bỏ qua một hình thái kinh tế - xã hội nhất định nào đó. C. Mác còn lưu ý rằng, một xã hội, ngay cả khi đã phát hiện được quy luật tự nhiên trong sự vận động của nó, cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ chúng, nhưng chúng *có thể được rút ngắn và được làm dịu bớt những "cơn đau đẻ"*. Trong *Lời bạt* viết cho tác phẩm *Về vấn đề xã hội ở Nga*, Ph. Ăng-ghen đã khẳng định, nước Nga có thể "rút ngắn một cách đáng kể quá trình phát triển của mình lên xã hội xã hội chủ nghĩa và có thể tránh được phần lớn những đau khổ và những cuộc đấu tranh mà ở Tây Âu... phải trải qua"[2]. Hơn nữa, Người còn cho rằng, *"con đường* phát triển rút ngắn như vậy... không chỉ đúng với nước Nga, mà với tất cả các nước đang ở trong giai đoạn phát triển tiền tư bản chủ nghĩa"[3].

Vậy là, trong khi dự báo về khả năng thắng lợi đồng thời của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, *C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã đưa ra những dự báo về khả năng thắng lợi của cuộc cách mạng đó không phải ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, mà ở các nước kém phát triển, thậm chí ở các nước đang trong giai đoạn phát triển tiền tư bản chủ nghĩa và về con đường phát triển rút ngắn không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa của các nước này.*

Cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, V.I. Lê-nin khi phân tích chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa - giai đoạn phát triển độc quyền của nó, và với việc phát hiện ra quy luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản, đã đi đến *kết luận về khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một số nước tư bản chủ nghĩa, thậm chí ở một nước*, và hơn nữa, đó có thể là *nước tư bản chủ nghĩa kém phát triển nhất*. Và, sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga ba năm, tức vào năm 1920, V.I. Lê-nin đã nói đến con đường phát triển không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và khả năng quá độ lên chủ nghĩa xã hội không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa của các nước lạc hậu, tiểu nông, chậm phát triển. Khi đặt vấn đề các dân tộc lạc hậu hiện đang trên con đường giải phóng và sau chiến tranh đã có một bước tiến bộ, liệu có nhất định phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa không ? V.I. Lê-nin đã khẳng định : "Chúng tôi cho rằng không đúng... Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô-viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa"[4].

Với kinh nghiệm của những năm thực hiện Chính sách Kinh tế mới, V.I. Lê-nin đã đi đến kết luận, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội có thể có những hình thức khác nhau ; điều đó tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Theo Người, hình thức *quá độ trực tiếp* là con đường *phát triển tuần tự* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ; còn hình thức *quá độ gián tiếp* là con đường *phát triển rút ngắn*, phát triển bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa - con đường từ tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội.

---

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 22, tr 632

(3) C. Mác và Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 22, tr 632

(4)) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 41, tr 295

Digitized by Google

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, trong quan niệm của V.I. Lê-nin, *tất cả các loại hình khác nhau của sự phát triển xã hội - phát triển tuần tự hay phát triển rút ngắn - đều phải tuân theo quy luật khách quan và đều là con đường phát triển lịch sử - tự nhiên.* Và, trong sự phát triển tuần tự cũng có thể có khả năng rút ngắn nào đó, nghĩa là con đường phát triển này không nhất thiết phải trải qua toàn bộ sự phát triển đầy đủ của chủ nghĩa tư bản rồi mới tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nước Nga với Chính sách Kinh tế mới chính là một trường hợp như vậy và, theo V.I. Lê-nin, đó chính là con đường *phát triển rút ngắn trong tuần tự.* Con đường *phát triển rút ngắn không trong tuần tự* lại khác. Ở con đường *phát triển rút ngắn* này không diễn ra sự phát triển tuần tự, mà diễn ra theo kiểu bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội từ các quan hệ phong kiến hay tiền tư bản chủ nghĩa.

V.I. Lê-nin còn nói tới con đường *quá độ trực tiếp và quá độ gián tiếp* với tư cách là những phương thức, cách thức phát triển khác nhau. Ông cho rằng, phát triển tuần tự từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là con đường quá độ trực tiếp. Và, như chúng ta đều biết, cho đến nay, con đường phát triển này vẫn chỉ mới là một khả năng, một xu hướng phát triển mà cả C. Mác, Ph. Ăng-ghen và V.I. Lê-nin đều đã dự báo. Con đường quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội, trong quan niệm của V.I. Lê-nin, là con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ các quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa hay từ chủ nghĩa tư bản phát triển chưa đầy đủ - con đường phát triển rút ngắn bằng phương thức quá độ gián tiếp.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là rút ngắn theo phương thức quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội, và con đường phát triển đó là tất yếu, phù hợp với xu thế khách quan của lịch sử. Theo Người, chúng ta bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa bởi đó là chế độ áp bức, bóc lột và nô dịch con người. Song, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa không có nghĩa là vứt bỏ mọi thành tựu văn hóa, văn minh mà nhân loại đã đạt được trong chủ nghĩa tư bản ; những thành tựu đó cần được tiếp thu, khai thác vì sự thành công của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng, tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Và, với trình độ phát triển của Việt Nam thì đó là tiến dần, từ từ, từng bước một, từ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ quan trọng nhất là *"xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội...*, cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài"[5].

Như vậy, chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định rằng, *con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn là con đường phát triển rút ngắn theo phương thức quá độ gián tiếp. Đó là con đường phát triển tất yếu, khách quan, hợp quy luật theo tiến trình phát triển lịch sử - tự nhiên của cách mạng Việt Nam.*

Từ những điểm nói trên và từ thực tiễn sinh động của gần 17 năm tiến hành đổi mới đất nước, chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định rằng, con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

(5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 13

Digitized by Google

Với Việt Nam, con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường phát triển tất yếu, khách quan, hợp quy luật. Và, *về thực chất, đó là con đường phát triển rút ngắn theo phương thức quá độ gián tiếp* nhằm tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, nhằm phát triển nhanh lực lượng sản xuất và xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Khi nói quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường phát triển rút ngắn, trước hết cần phải xác định rõ rút ngắn là thế nào và có thể rút ngắn giai đoạn nào trong quá trình phát triển ấy.

Chúng ta biết, trong quan niệm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại được quy định bởi sự phát triển của lực lượng sản xuất. Tương ứng với mỗi giai đoạn phát triển nhất định của lực lượng sản xuất là một quan hệ sản xuất phù hợp. Sự ra đời của quan hệ sản xuất mới trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất là tất yếu, khách quan và toàn bộ các nội dung của quan hệ sản xuất này hợp thành cơ sở kinh tế của xã hội mà trên đó, dựng lên một thượng tầng kiến trúc pháp lý và chính trị với những hình thái ý thức xã hội tương ứng. Nói cách khác, ứng với mỗi giai đoạn phát triển nhất định trong lịch sử nhân loại là một hình thái kinh tế - xã hội cụ thể. Sự vận động đi lên của xã hội loài người được quy định bởi các quy luật khách quan, trong đó quy luật nền tảng là quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trên phạm vi toàn thế giới, sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. Song ở phạm vi một quốc gia dân tộc, do quy luật phát triển không đều về kinh tế, chính trị, do cách mạng xã hội có thể có những bước phát triển đột biến, nhảy vọt, nên có thể diễn ra sự bỏ qua hay rút ngắn một hình thái kinh tế - xã hội nào đó, kể cả việc bỏ qua hay rút ngắn một giai đoạn phát triển nào đó trong một hình thái kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, dù là phát triển tuần tự hay phát triển rút ngắn thì cũng đều là sự phát triển liên tục của lực lượng sản xuất, nghĩa là không thể bỏ qua được sự phát triển của lực lượng sản xuất. Mọi sự phát triển rút ngắn đều phải nhằm mục đích cuối cùng là tạo ra sự phát triển vượt bậc, thậm chí là nhảy vọt của lực lượng sản xuất. Và, do vậy, *về thực chất, phát triển rút ngắn chỉ có thể là rút ngắn các giai đoạn hay bước đi trong tiến trình phát triển liên tục của lực lượng sản xuất.*

Trong thời đại của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, với tốc độ phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ sản xuất, trình độ sản xuất, kỹ năng lao động, trình độ tổ chức và quản lý sản xuất của con người được tăng lên đáng kể. Điều đó cho phép con người có thể rút ngắn các giai đoạn phát triển hay hình thức công nghệ của sự phát triển lực lượng sản xuất. Song, theo quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thì sự phát triển của lực lượng sản xuất tất dẫn đến sự thay đổi các quan hệ sản xuất. Và do vậy, một khi đã không thể bỏ qua được sự phát triển của lực lượng sản xuất trong tiến trình phát triển rút ngắn, thì *về nguyên tắc, cũng không thể bỏ qua được các quan hệ sản xuất phù hợp với sự phát triển ấy của lực lượng sản xuất.* Nhưng, trong tiến trình phát triển rút ngắn, nhờ có sự phát triển vượt bậc, nhờ tạo ra được sự phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất mà người ta *có thể làm biến đổi các quan hệ sản xuất,* thậm chí *còn có khả năng xuất hiện những quan hệ sản*

Digitized by Google

xuất mới, tiên tiến trong mỗi bước nhảy vọt ấy của lực lượng sản xuất.

Như vậy, có thể nói, trong tiến trình của sự phát triển rút ngắn, *sự phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất là cái quy định sự ra đời của một hệ thống các quan hệ sản xuất mới,* phù hợp với trình độ phát triển ấy của lực lượng sản xuất. Hệ thống các quan hệ sản xuất này, ngoài những quan hệ sản xuất của hình thái kinh tế - xã hội đang hướng tới, còn có cả những quan hệ sản xuất thuộc hình thái kinh tế - xã hội đã qua nhưng vẫn còn có tác dụng phối hợp, điều tiết các mối quan hệ của con người và qua đó, có khả năng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Tương ứng với một cơ sở kinh tế như vậy là một kiến trúc thượng tầng đảm bảo cho sự vận hành và phát triển của xã hội theo hướng hiện thực hóa hình thái kinh tế - xã hội đang hướng tới.

Chính vì vậy, *quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa* theo phương thức *phát triển rút ngắn* là nhằm mục tiêu tạo ra sự phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất trên cơ sở một hệ thống các quan hệ sản xuất mà trong đó, các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dần chiếm vị trí chi phối trong nền kinh tế quốc dân. Bỏ qua ở đây *là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.* Nhưng, chúng ta không thể bỏ qua được sự phát triển liên tục của lực lượng sản xuất và những thành tựu văn hóa, văn minh mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nhất là những thành tựu khoa học và công nghệ.

Đảng ta hoàn toàn đúng khi xác định mục tiêu của cách mạng Việt Nam và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Hiện nay, chúng ta đang ở giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo con đường phát triển rút ngắn nhằm mục tiêu phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại trong bối cảnh đất nước vẫn còn trong tình trạng của một nước kém phát triển và toàn cầu hóa kinh tế đã trở thành xu thế khách quan ; khoa học và công nghệ có bước tiến nhảy vọt ; kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển của lực lượng sản xuất. Do vậy, chúng ta không thể không đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa để đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh trên cơ sở phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại,

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa theo con đường phát triển rút ngắn ở Việt Nam hiện nay *chính là quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa* theo phương thức "rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt"(6). Thực hiện bước quá độ này nhằm tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, *"cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ"*(7). Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta. Và, thực tiễn của gần 17 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã tiến những bước quan trọng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

---

(6) *Văn kiện đã dẫn*, tr 91

(7) *Văn kiện đã dẫn*, tr 85

Digitized by Google

Một số vấn đề trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

HOÀNG NGỌC HÒA *

QUÁ trình toàn cầu hóa, cốt lõi là toàn cầu hóa kinh tế, là một xu thế khách quan tạo nên những thời cơ và vận hội cho các quốc gia ; đồng thời, đặt ra không ít thách thức cho các nước, nhất là các nước đang phát triển. Đối với Việt Nam, đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tạo lập cơ sở vật chất - kỹ thuật để phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì việc nhìn nhận một cách khách quan về những thời cơ và thách thức đối với kinh tế do toàn cầu hóa tạo ra là hết sức cần thiết.

I

1 - Thuận lợi rất cơ bản đầu tiên của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế là Đảng và Nhà nước có quan điểm, đường lối đúng và có sự năng động điều chỉnh về chủ trương, chính sách phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước trong mỗi thời kỳ. Vào giữa và cuối những năm 80 (thế kỷ XX), nền kinh tế Việt Nam phát triển chậm, không ổn định. Trong bối cảnh cực kỳ khó khăn đó, Đại hội lần thứ VI của Đảng và các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa VI đã nắm bắt được xu thế khách quan của thời đại, đề ra đường lối đổi mới toàn diện nền kinh tế đất nước, trong đó có những quan điểm cơ bản về mở rộng kinh tế đối ngoại theo phương châm "đa phương hóa, đa dạng hóa". Tiếp theo, Đại hội VII, VIII và IX Đảng ta tiếp tục khẳng định thực hiện chủ trương đó.

Tính đến đầu năm 2003, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với hơn 90 nước, quan hệ kinh tế - thương mại với hơn 60 nước, ký kết nhiều hiệp định thương mại... Nền ngoại giao đa phương hóa và đa dạng hóa của Việt Nam phát triển vượt bậc cả về lượng và chất : tích cực hội nhập ASEAN, tham gia AFTA và ASEM, phát triển ngày càng sâu rộng quan hệ trên nhiều phương diện với các nước Tây - Bắc Âu và EU, đã gửi đơn gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ tháng 12-1994, đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách tại các thiết chế khu vực và thế giới. Đây là những thành tựu quan trọng, góp phần tạo ra thế và lực mới cho việc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2 - Thuận lợi rất cơ bản thứ hai để Việt Nam đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế là : những thành tựu to lớn của quá trình đổi mới, môi trường hòa bình và ổn định về nhiều mặt, tiềm năng lớn cả về tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực con người, vị trí địa - kinh tế quan trọng.

Đến nay, sau gần 17 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thuận lợi này có tác dụng góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới ở Việt Nam.

3 - Những thời cơ mới để Việt Nam phát triển trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế là :

- Mở rộng thị trường ra nước ngoài, tìm thị trường mới cho hàng hóa Việt Nam trên cơ sở các hiệp định thương mại song phương, đa phương đã ký kết

Việc mở rộng thị trường ra nước ngoài sẽ đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Nếu chúng ta thực hiện đầy đủ các cam kết của AFTA vào năm 2006 thì các hàng công nghiệp chế biến mang thương hiệu Việt Nam có thể tiêu

* GS, TS, Trưởng Khoa Kinh tế phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

thụ ở tất cả các nước ASEAN - thị trường có số dân hơn nửa tỉ người và GDP trên 700 tỉ USD. Trong tương lai gần, khi gia nhập WTO thì Việt Nam sẽ được hưởng quyền ưu đãi tối huệ quốc (MFN) và hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu vào 148 nước thành viên của tổ chức này được thuận lợi hơn. Nhìn về tương lai xa hơn, nếu như vào năm 2020, hàng rào thuế quan của các nước APEC được rỡ bỏ thì hàng hóa "Made in Việt Nam "sẽ có một thị trường tiêu thụ rất rộng lớn. *Thực tế cho thấy,* nếu trước khi Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực, thuế xuất của hàng hóa Việt Nam vào thị trường Mỹ ở mức từ 40% đến 50%, thì sau khi hiệp định đó có hiệu lực, thuế xuất chỉ còn từ 3% đến 4%. Nhờ đó, hàng thủy sản của Việt Nam xuất sang thị trường Mỹ tăng từ 6% (năm 1998) lên 27,8 % (năm 2000) và năm 2002 tăng còn cao hơn.

- Có cơ hội thu hút nguồn vốn từ nước ngoài

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến đầu năm 2003, Việt Nam đã nhận được các khoản cam kết ODA là hơn 20 tỉ USD, trong đó giải ngân được hơn 10 tỉ USD ; đối với FDI, có trên 3 800 dự án với tổng vốn đăng ký trên 42 tỉ USD, đã thực hiện khoảng 22 tỉ USD. Chính nhờ có nguồn vốn này, chúng ta xây dựng được nhiều công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, hoạt động có hiệu quả ; hình thành thành phần kinh tế thứ 6 - kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm tỷ trọng 13% GDP và tốc độ tăng trưởng trên 20%/năm.

- Nhiều thời cơ tiếp nhận và đổi mới công nghệ, trang thiết bị

Ngày nay, tốc độ phổ cập tri thức mới, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến diễn ra rất nhanh chóng, đa dạng thông qua nhiều hình thức và kênh thông tin khác nhau, nhất là bằng con đường nghiên cứu ứng dụng và tiếp nhận chuyển giao công nghệ. Nhờ đó, các nước đang phát triển có cơ hội du nhập và thụ hưởng những thành tựu khoa học - công nghệ mới của thế giới. Tuy nhiên, mức độ tiếp nhận khác nhau tùy thuộc vào khả năng và điều kiện của từng nước. Những năm qua chúng ta đã có nhiều nỗ lực lớn nên được xếp vào hàng các nước có tốc độ phát triển hạ tầng công nghệ thông tin nhanh nhất thế giới.

- Mở cửa, tạo điều kiện phát huy nội lực

Nguồn nhân lực của Việt Nam hiện khá dồi dào về số lượng và có ưu thế nổi trội về chất lượng ở một số lĩnh vực công nghệ hiện đại như công nghệ thông tin, điện tử, công nghệ sinh học... Nhưng nếu chúng ta đứng ngoài nền kinh tế thế giới thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực đó. Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ giúp khai thông các mối quan hệ, giao lưu nguồn nhân lực của Việt Nam với thế giới. Nhờ hội nhập, có thể mở rộng hợp tác trao đổi chuyên gia để đưa đội ngũ cán bộ khoa học của Việt Nam ra làm việc ở nước ngoài, xuất khẩu lao động và đẩy mạnh việc sử dụng lao động thông qua các hợp đồng gia công chế biến hàng xuất khẩu. Đồng thời cũng có thể nhập khẩu các loại lao động kỹ thuật cao, các công nghệ mới, các bằng phát minh sáng chế mà Việt Nam chưa có. Hội nhập sẽ đưa đến cho Việt Nam cơ hội kết hợp ngoại lực với nội lực để phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh nội lực, góp phần đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế.

- Có sự phân công lao động mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra trên nhiều phương diện

Sự phát triển của các ngành, lĩnh vực kinh tế mới như hoạt động thương mại, dịch vụ, công nghiệp bảo quản nông phẩm, chế biến, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ... sẽ tạo ra nhiều việc làm mới, do vậy sẽ làm giảm tỷ lệ thất nghiệp. Mặt khác, để thích ứng với quá trình xã hội hóa lao động, chất lượng nguồn nhân lực sẽ được nâng cao, người lao động sẽ chuyển dần từ lao động giản đơn sang lao động phức tạp, từ lĩnh vực có năng suất thấp sang lĩnh vực có năng suất cao.

Tính năng động, sáng tạo trong tư duy và cách làm ăn kinh tế theo cơ chế mới được đẩy mạnh, nhu cầu học tập và tìm hiểu kinh nghiệm quản lý tiên tiến được coi trọng, góp phần quan trọng vào dân chủ hóa đời sống kinh tế.

Tham gia vào nền kinh tế thế giới, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có điều kiện tiếp cận các thị trường lớn một cách bình đẳng, sẽ có một vị thế tốt hơn để mở rộng quan hệ buôn bán với các nước. Mặt khác, các doanh nghiệp Việt Nam cũng phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài

Digitized by Google

ngay trên thị trường nội địa. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải đổi mới cách thức tổ chức sản xuất, đổi mới công nghệ và trang thiết bị, tiếp thu những phương pháp quản lý tiên tiến, từ bỏ lối làm việc hành chính quan liêu, cửa quyền, bảo thủ, trì trệ, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa, doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam. Hội nhập kinh tế quốc tế cũng mở ra cơ hội cho tất cả các thành phần kinh tế được quyền tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh làm giàu cho mình và cho đất nước.

II

Quá trình toàn cầu hóa kinh tế tạo ra những thời cơ thuận lợi và nếu biết khai thác, tận dụng thì Việt Nam sẽ càng chủ động hội nhập kinh tế quốc tế thành công. Nhưng ngay trong quá trình này, Việt Nam đang và sẽ gặp phải những khó khăn, thách thức không nhỏ.

1 - Khó khăn, thách thức chủ quan lớn nhất mà Việt Nam cần nỗ lực vượt qua là *thực trạng nền kinh tế có nhiều mặt lạc hậu so với khu vực và thế giới* nhưng phải chấp nhận tư cách là thành viên cạnh tranh bình đẳng với các nước khác.

2 - *Trình độ quản lý kinh tế của Việt Nam nhìn chung còn thấp*, phải cố gắng rất lớn mới đáp ứng yêu cầu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

3 - *Quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế của Việt Nam còn chậm.* Trong khi rất nhiều nước (mà Việt Nam có quan hệ kinh tế) vận hành theo cơ chế thị trường từ nhiều thập kỷ nay (Trung Quốc bắt đầu từ năm 1978) thì chúng ta mới chỉ đi những bước đầu trong một thời gian ngắn, thị trường chưa phát triển, hệ thống chính sách kinh tế chưa đồng bộ, môi trường luật pháp chưa hoàn thiện. Nhìn chung cơ chế chính sách, hệ thống luật pháp của Việt Nam so với các nước còn nhiều khác biệt và bất cập. Mặt khác, sự hiểu biết về các thông lệ và luật pháp quốc tế của các doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế.

Khi gia nhập WTO và các tổ chức thương mại khu vực khác, ngoài những lợi ích như được hưởng chế độ đãi ngộ tối huệ quốc hoặc có thể cải thiện được vị thế thương mại của Việt Nam trên trường quốc tế... thì chúng ta cần vượt qua những rào cản rất lớn. Đó là việc chúng ta phải chia sẻ thị phần trong nước với đối tác nước ngoài ở những lĩnh vực mà lâu nay đều do các nhà đầu tư trong nước chiếm lĩnh như ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, tư vấn... Tham gia vào WTO cũng có nghĩa là chúng ta phải chấp nhận cắt giảm thuế nhập khẩu theo "luật chơi" của tổ chức này. Điều đó đồng nghĩa với nguồn thu ngân sách nhà nước giảm xuống. Sản xuất trong nước phải đương đầu với việc không còn được bảo hộ như trước đây, trong khi đó, nhiều doanh nghiệp nhà nước vẫn đang nặng tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự bảo hộ của Nhà nước, coi việc hội nhập là của Chính phủ. Chính vì thế, không tránh khỏi tình trạng nhiều doanh nghiệp sẽ bị phá sản, kéo theo là thất nghiệp gia tăng.

Trong xu thế cạnh tranh toàn cầu và khu vực diễn ra ngày càng gay gắt thì việc Việt Nam tham gia hội nhập sau nhiều quốc gia khác cũng là một khó khăn. Là quốc gia đi sau, Việt Nam sẽ học hỏi được nhiều kinh nghiệm, nhưng trong xu thế cạnh tranh quốc tế đầy biến động, không phải lúc nào chúng ta cũng tránh được những vấn đề nguy hiểm mà buộc phải đối mặt với nó. Cách mạng khoa học - công nghệ cùng với sự phát triển của kinh tế tri thức đã tạo thời cơ và vận hội cho các nước đang phát triển "đi tắt", "đón đầu" để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo con đường rút ngắn, nhưng cũng đặt ra yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đội ngũ lao động. Bởi lẽ, sự dư thừa lao động và nguyên liệu thô (những lợi thế so sánh của Việt Nam trước đây) sẽ ngày càng giảm giá trị. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh giữa các nước châu Á nói chung và khu vực nói riêng trong cải thiện môi trường để gia tăng các hoạt động thương mại cũng như thu hút đầu tư dưới các hình thức ODA và FDI, ngày càng trở nên gay gắt.

4 - *Công nợ lớn và sử dụng vốn kém hiệu quả.* Mặc dầu hiện nay tổng dư nợ nước ngoài so với GDP của Việt Nam vẫn nằm trong giới hạn an toàn (trên 40% trong những năm gần đây), nhưng *xét trên góc độ an ninh tài chính, có một số khía cạnh cần quan tâm như sau :*

- Hiệu quả sử dụng vốn ưu đãi cho các dự án còn thấp và chưa được chú ý đúng mức. Một số dự án gặp khó khăn trong việc thu hồi vốn để trả nợ nước ngoài, nhất là các dự án ở các ngành :

Digitized by Google

mía đường, dâu - tằm tơ, chè, cơ khí, chế biến thủy sản... Tình trạng trên do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là khi xây dựng những dự án này đã không xác định rõ mục tiêu, hạng mục đầu tư và tính đồng bộ giữa các khâu, dẫn đến việc nhập khẩu thiết bị không đồng bộ, nguyên liệu không đủ, sử dụng không hết công suất thiết kế nên gây lãng phí lớn, thị trường tiêu thụ hạn chế... Do đó, hiệu quả kinh tế của dự án thấp, gây khó khăn trong việc trả nợ.

- Một số dự án trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phải áp dụng phương thức vay lại vốn ODA của Chính phủ, nhưng bản thân các dự án này lại được xác định là không có khả năng thu hồi vốn nên đã gây khó khăn trong việc bố trí nguồn trả nợ nước ngoài.

- Quản lý nguồn vốn ODA của Chính phủ chưa được tập trung thống nhất vào đầu mối, dẫn đến quy định trách nhiệm chưa rõ ràng giữa các cơ quan quản lý (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước).

Tình hình vay nợ và trả nợ các khoản vay thương mại của các loại hình doanh nghiệp cũng tồn tại nhiều vấn đề phải được quan tâm xem xét.

5 - *Sự yếu kém trong việc tiếp nhận các nguồn vốn và công nghệ* cũng là một thách thức trong tiến trình hội nhập của Việt Nam. Lợi dụng sự ưu đãi của Nhà nước với những mặt hàng được khuyến khích nhập khẩu, một số công ty liên doanh đưa vào Việt Nam nhiều máy móc, thiết bị lạc hậu với giá rất cao, thậm chí có những dây chuyền công nghệ còn kém hơn công nghệ hiện có ở Việt Nam.

6 - Thách thức mang tính tổng hợp là *nguy cơ mất độc lập tự chủ về kinh tế và chủ quyền quốc gia.* Xương sống của quá trình toàn cầu hóa kinh tế hiện nay là do 60 000 công ty xuyên quốc gia của các nước phát triển với hơn 500 000 chi nhánh khắp nơi trên thế giới hợp thành. Các công ty này với tham vọng thôn tính các công ty bản địa đang có xu hướng sáp nhập, chuyển dần từ độc quyền đơn sang độc quyền nhóm để cùng nhau thống trị nền kinh tế thế giới. Ở Việt Nam, các doanh nghiệp trong nước mất thị phần ngay cả trên thị trường nội địa cũng đã xảy ra. Nhiều doanh nghiệp liên doanh (trong đó phía Việt Nam góp 30% số vốn nhờ phần đóng góp nhà đất) đã chuyển thành công ty 100% vốn nước ngoài vì nhiều lý do, đặc biệt là từ phía nước ngoài đề nghị tăng vốn nhưng phía Việt Nam không có thực lực để đáp ứng. Nếu tình trạng này không được kịp thời khắc phục thì một khi người nước ngoài làm chủ các doanh nghiệp lớn của Việt Nam thì khi ấy sẽ khó giữ được độc lập tự chủ về kinh tế. Nhất là trong bối cảnh hiện nay khi mà toàn cầu hóa đang bị các nước tư bản đế quốc lợi dụng, chi phối thì các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam chẳng những đứng trước nguy cơ mất độc lập tự chủ về kinh tế mà chủ quyền quốc gia cũng bị đe dọa.

*

* *

Những phân tích trên cho thấy bức tranh khá rõ ràng là toàn cầu hóa kinh tế đã và đang tác động đến Việt Nam trên nhiều phương diện. Thời cơ và thuận lợi có nhiều, nhưng khó khăn, thách thức cũng không ít. Tuy nhiên, không thể vì những khó khăn thách thức rất lớn đó mà Việt Nam đứng ngoài cuộc. Ngược lại, phải kịp thời nắm bắt thời cơ và vận hội, phát huy những thuận lợi, tham gia hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động, sáng tạo theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng và chủ trương, chính sách của Nhà nước.

Việt Nam cũng như các quốc gia khác trên thế giới, ngày nay không thể tồn tại và phát triển nếu đứng biệt lập. Vấn đề đặt ra là, cần có cái nhìn khách quan về những thời cơ và thách thức do toàn cầu hóa mang lại để có thể phân định một cách đúng đắn giữa thời cơ và thách thức, cái được và cái mất. Tuy nhiên, việc đó không dễ dàng, vì giữa chúng có mối quan hệ mật thiết nội tại, trong thời cơ có thách thức, trong thách thức có thuận lợi.

Như vậy, để tranh thủ thời cơ và vận hội, phát huy thuận lợi vượt qua khó khăn thách thức, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam cần có chiến lược đúng và những giải pháp đồng bộ, hữu hiệu để nâng cao năng lực nội sinh của nền kinh tế đất nước và sức cạnh tranh trên cả ba cấp độ : sản phẩm hàng hóa, doanh nghiệp và nền kinh tế quốc dân. ❑

Digitized by Google

VĂN HỌC trước những yêu cầu mới của thời đại

MAI HẢI OANH

1 - Đổi mới phải xuất phát và gắn bó với thực tiễn của đất nước

Trước hết, phải khẳng định rằng, không có bất cứ một nền văn học nào lại thoát ly hoàn cảnh lịch sử và thời đại, cho dù trong lịch sử văn học nhân loại đã từng có không ít người chủ trương một thứ văn học "thoát ly". Nhưng ngay cả trong sáng tác của những người này, ta vẫn nhận thấy hình ảnh của cuộc sống, không gian tinh thần mà họ đang sống. Nói thế để thấy rằng, sự đổi mới văn học nước nhà trong gần ba mươi năm qua trước hết xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn. V.I. Lê-nin cũng từng nhấn mạnh : Thực tiễn là điểm xuất phát và cũng là "thước đo" của chân lý. Đảng ta và nhân dân ta luôn đòi hỏi các nghệ sĩ phải có những tác phẩm xứng đáng với sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc. Như vậy, việc đổi mới văn học không đơn giản chỉ là chuyện đổi mới về hình thức thuần túy, không phải chỉ đi tìm những cách biểu hiện tân kỳ, bí hiểm mà trước tiên, nghệ sĩ phải đổi mới về quan niệm và cảm xúc. Tiếng nói của nhà văn là tiếng nói của một cá nhân, nhưng vấn đề là ở chỗ, qua tiếng nói ấy người đọc nhận thấy chân dung tinh thần của thời đại, thấy được khát vọng của con người hướng về các giá trị Chân - Thiện - Mỹ. Ở đây, cần nhắc lại một luận điểm quen thuộc nhưng không hề xưa cũ : "Nhà văn là kỹ sư tâm hồn". Là kỹ sư tâm hồn, nhà văn phải là người nhạy cảm trước những vấn đề nóng bỏng nhất, quan trọng nhất đang xảy ra trong đời sống, phải thực sự là một *chiến sĩ* trên mặt trận văn hóa như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định trong *Thư gửi các họa sĩ* năm 1951.Vấn đề này tưởng như "biết rồi khổ lắm nói mãi" nhưng thực ra lại là vấn đề có ý nghĩa cốt tử để tạo nên cái mới trong văn học. Một khi nhà văn bàng quan trước cuộc sống, thờ ơ trước số phận của nhân dân thì dù có ý định đổi mới nghệ thuật đến đâu, anh ta cũng chỉ tạo nên những tác phẩm nhạt nhẽo. Mối quan hệ giữa văn học và hiện thực, sự gắn bó giữa nghệ sĩ và thời đại cũng từng được H. Hai-nơ diễn đạt một cách tinh tế như sau : Nếu nhà văn gắn bó với cuộc sống thì anh ta sẽ giống như thần Ăng-tê gắn bó với đất Mẹ, còn nếu không, anh ta sẽ lơ lửng trên không và mọi sức mạnh sẽ biến mất. Rõ ràng, chính những biến động đời sống, những nhu cầu tinh thần mới đã kéo theo sự vận động và phát triển của văn học. Nhìn lại văn học thời gian qua, chúng ta có thể thấy rõ hơn mối quan hệ mật thiết giữa văn học và thời đại. Thế hệ các nghệ sĩ chống Pháp và chống Mỹ sở dĩ đã tạo nên nhiều tác phẩm có giá trị vì họ luôn gắn bó với số phận của dân tộc, luôn luôn có ý thức vươn lên : *Vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy* (Chế Lan Viên). Chính thời đại mới, chính hiện thực vĩ đại của đất nước đã tạo nên những tiền đề vững chắc cho sự phát triển của văn nghệ. Phải thừa nhận rằng, trong gần ba mươi năm qua, nhất là từ khi Đảng ta chủ trương đổi mới, văn học nước nhà đã có những bước phát triển mới, không gian sáng tạo của nghệ sĩ được mở rộng, các nhà văn có thể đề cập đến

Digitized by Google

nhiều đề tài khác nhau, nêu lên nhiều vấn đề mà trước nay ta vẫn thường e ngại. Nhiều nhà văn được bạn đọc chú ý như Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Lê Lựu, Nguyễn Khắc Trường... Sáng tác của các nhà văn này đã đề cập đến một số khía cạnh nhạy cảm của đời sống, cách thức miêu tả hiện thực sinh động hơn và cách lý giải các vấn đề đặt ra trong tác phẩm cũng uyển chuyển hơn. Trong lĩnh vực thơ ca, cũng có nhiều nỗ lực cách tân đáng ghi nhận. Các cuộc tranh luận về thơ hiện đại, về tính dân tộc trong thơ... tuy chưa đạt được hiệu quả như mong muốn nhưng cũng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của văn học nước nhà. Thời gian gần đây, trong xu thế giao lưu và hội nhập, nhiều lý thuyết, trào lưu văn học nước ngoài đã được giới thiệu một cách rộng rãi. Tính đa dạng, sự phong phú về cách thức thể hiện và sáng tạo của nghệ sĩ được khuyến khích. Nhưng dù lạc quan đến đâu chúng ta vẫn phải đứng trước một thực tế : Từ khi Đảng ta chủ trương đổi mới, trong khi nhiều lĩnh vực khác đã thu được những thành tựu đáng kể thì văn học nghệ thuật vẫn chưa có những đỉnh cao ! Mặt bằng sáng tạo hiện nay cao hơn trước là điều dễ thấy, nhưng rõ ràng nền văn học của chúng ta đang thiếu những đỉnh cao nghệ thuật thực sự. Trong khi đó, Đảng ta, nhân dân ta luôn kỳ vọng vào tài năng và tâm huyết của các nghệ sĩ. Một khi còn chưa tạo nên những tác phẩm ngang tầm thời đại thì cũng có nghĩa là các nhà văn, nhà thơ, các nhà hoạt động nghệ thuật còn mắc nợ nhân dân, chưa đáp ứng được mong mỏi chính đáng của nhân dân.

2 - Khoảng tối của bức tranh

Bức tranh văn học trong những năm qua, bên cạnh những thành công đáng ghi nhận cũng xuất hiện những mặt hạn chế cần được tìm hiểu kỹ lưỡng để đưa ra những giải pháp hợp lý nhằm tạo nên một nền văn học thực sự đáp ứng được yêu cầu của nhân dân. Ở đây, chúng tôi muốn nêu một số vấn đề sau :

Thứ nhất, văn học *chưa đề cập, thể hiện được những vấn đề trọng đại của đất nước một cách sâu sắc.* Có quá nhiều tác phẩm quá chú ý đến cái *tôi* mà quên đi cái *ta.* Nói chính xác hơn, mối quan hệ giữa cái tôi và cái ta chưa được xử lý một cách hài hòa. Đúng là trước đây, trong hai cuộc kháng chiến, văn học ta chú ý nhiều hơn đến những vấn đề chung của đất nước mà chưa có điều kiện nói nhiều đến vấn đề thân phận của các cá nhân cụ thể. Nhưng trong thời đoạn lịch sử ấy, năm ngón tay cần chụm vào để tạo nên sức mạnh thay vì xòe ra theo những nguồn mạch cảm hứng hướng về cái tôi cá nhân. Khi cuộc chiến tranh đi qua, việc trở về với cái tôi là một vận động đúng hướng của văn học. Nhưng nếu chỉ chú ý đến cái tôi một cách cực đoan, coi cái tôi mới là cái có ý nghĩa tối thượng thì lại là một quan niệm sai lầm. Quan niệm này tất sẽ dẫn đến tình trạng nhà văn chỉ quanh quẩn với những cảm xúc vụn vặt, những nỗi buồn không đâu mà không nhận thấy những chuyển động thực sự của lịch sử ; nhiều câu chuyện mô tả cảnh đâm thuê chém mướn, những cuộc tình tay ba, những chuyện ăn chơi, hưởng lạc... mang đậm yếu tố câu khách. Sáng tác dễ dãi kéo theo sự xuống cấp của thị hiếu, sự loạn chuẩn trong đánh giá và thưởng ngoạn văn học. Nền văn học quả thật sẽ khó lòng phát triển nếu dựa hẳn trên một cái nhìn chông chênh như thế về lịch sử và thời đại. Tham luận tại Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ VI, có nhà thơ đã nêu nhận xét xác đáng về sự xuống cấp của thơ : "Mượn cớ thời bình, quên những trách nhiệm với thời cuộc, hoặc né tránh chuyện chung mà thích viết về những cái riêng tư. *Không ai cấm viết cái riêng tư.* Trần Tế Xương, Hồ Xuân Hương chẳng riêng tư ư, nhưng cái Không ai cấm viết

Digitized by Google

cái riêng tư ấy cũng là chuyện đời, chuyện thân phận. Thơ không viết nổi cái riêng tư mang màu sắc thời đại mà sa vào tủn mủn vụn vặt, than cái không đáng than, buồn cái không đáng buồn, lớn tiếng cái không đáng lớn tiếng, sa vào tình trạng cái bé xé ra to, trong khi đó những cảm hứng, suy ngẫm không được hướng về cuộc sống muôn màu muôn vẻ và gay gắt đang diễn ra hàng ngày hàng giờ, có lúc phải tính đến sự sống còn của đất nước, quyết liệt chẳng kém gì thời chiến"(1). Nhận xét này không chỉ nêu lên được nhược điểm của thơ mà rộng ra, đó cũng là tình trạng chung trong nhiều loại hình nghệ thuật khác. Cần lưu ý rằng, sự mở rộng không gian sáng tạo không đồng nghĩa với việc tạo nên một nền văn học hỗn loạn mạnh ai nấy viết, viết gì cũng được miễn là đáp ứng được giá trị thương mại mà không cần đến giá trị tư tưởng và nghệ thuật đích thực. Nhiều tác phẩm đã miêu tả một cách khá sắc nét sự băng hoại của đạo đức xã hội, sự xuống cấp nghiêm trọng của các giá trị, sự tha hóa của nhân cách nhưng lại quá ít tác phẩm nói lên một cách sâu sắc chân dung của con người thời đại. Đây là một vấn đề rất lớn vì nền văn học của chúng ta không chỉ có nhiệm vụ vạch ra cái xấu mà còn phải xây dựng được những hình tượng cao đẹp khiến người đọc biết tin yêu và kỳ vọng vào cuộc sống.

Thứ hai, trong thời gian qua đã xuất hiện những quan điểm lệch lạc, phiến diện, nông nổi khi đánh giá về văn học thời kỳ 1945 -1975. Đây đó đã xuất hiện những ý kiến coi nhẹ, thậm chí phủ nhận thành tựu văn học thời kháng chiến. Rằng, văn học giai đoạn ấy chỉ có minh họa (!). Rằng, văn học ba mươi năm đánh giặc là một nền văn học tô hồng, đơn nghĩa (!). Công bằng mà nói, trong thời kỳ kháng chiến, vì chiến tranh, nhiều nhà văn chưa có điều kiện chăm chút đầy đủ về mặt nghệ thuật, quan niệm về văn học của chúng ta có lúc có nơi còn hạn hẹp, thậm chí ấu trĩ, chỉ nhấn mạnh đến chức năng giáo dục mà chưa chú ý đúng mức đến chức năng nghệ thuật của tác phẩm. Thậm chí, chức năng giáo dục cũng bị quy hẹp lại, chỉ chú ý đến tính cổ động tuyên truyền mà chưa thực sự nhấn mạnh đến tính đặc thù của văn học là giáo dục bằng tình cảm tâm hồn, giáo dục bằng cái đẹp và thông qua cái đẹp. Vả lại, nhìn vào lịch sử văn học thế giới, có nền văn học nào từ lúc mới sinh ra đã có được những thành quả rực rỡ, mà nó phải phát triển tuần tự từ sơ lược đến thành thục, nền văn học cách mạng không nằm ngoài quy luật đó. Nhưng nhìn kỹ, văn học giai đoạn này đã để lại nhiều tác phẩm xuất sắc. Chẳng hạn, nhìn vào thơ ca, ta có thể có một so sánh ban đầu : tại sao, chỉ trong vòng mười năm chống Pháp, chúng ta đã có một đội ngũ nhà thơ tài năng đến thế. Họ là Nguyễn Đình Thi, Quang Dũng, Chính Hữu... Tại sao, trong hơn hai mươi năm chống Mỹ, đội ngũ nhà thơ chống Mỹ lại hùng hậu đến thế với các khuôn mặt : Nguyễn Khoa Điềm, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Thanh Thảo, Hữu Thỉnh, Bằng Việt, Xuân Quỳnh, Lâm Thị Mỹ Dạ, Lê Anh Xuân... Vậy mà sau gần ba mươi năm kể từ ngày đất nước được giải phóng đến nay, tuy đội ngũ nhà thơ đông hơn trước rất nhiều nhưng chưa thực sự có những khuôn mặt thơ hiện lên như một hiện tượng thực sự trong đời sống thi ca. Nói thế để thấy rằng, khi đánh giá văn học, cái cần nhất là thái độ khách quan, khoa học. Có cảm giác đang xuất hiện một kiểu "minh họa" mới trong văn học khi có quá nhiều tác phẩm chỉ nói đến mặt trái của cuộc sống, những hành động phi luân của con người. Khi đọc xong những tác phẩm này, người đọc thấy bi quan và chán nản. Chẳng

(1) *Đại hội đại biểu Hội Nhà văn Việt Nam lần thứ VI*, Hội Nhà văn Việt Nam (kỷ yếu), tr 115

Digitized by Google

nhẽ cuộc sống của chúng ta hôm nay lại chỉ có một màu đen ảm đạm như thế ? Chẳng nhẽ chỉ nói về cái xấu thì văn học mới hay ? Đây là những vấn đề đòi hỏi phải có cái nhìn khách quan nghiêm túc và tỉnh táo. Vì vậy, việc tạo nên những tác phẩm nghệ thuật thể hiện được chiều sâu của cuộc sống đòi hỏi nghệ sĩ không chỉ biết *sống đúng* mà còn phải có cái *nhìn đúng*, phải thấy được, dự báo được sự phát triển của cuộc sống vì xét cho cùng, văn cũng chính là đời. Hơn đâu hết, tại đây, nhà văn phải có cái nhìn *tiên cảm* dựa trên sự nhạy bén nghệ thuật của mình.

Thứ ba, điều cần phải nói là sau Đại hội Đảng lần thứ VI, nhiều cuộc tranh luận về văn học được tổ chức nhằm đánh giá lại thành tựu của nền văn học cách mạng 1945-1975 ; đồng thời, soát xét lại hàng loạt vấn đề trọng yếu của văn học nghệ thuật như vấn đề văn học phản ánh hiện thực, phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, vai trò của chủ thể sáng tạo, mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị... Khi văn học bước sang một giai đoạn phát triển mới, những tư tưởng mới, những cái nhìn mới mẻ bổ sung thêm vào cái đã từng có, giúp cho sự phát triển phong phú và sâu sắc hơn là một điều nên làm. Thế nhưng, việc phủ định sạch trơn cái đã từng có lại là một sai lầm. Những quan điểm sai trái và kiến giải chưa thỏa đáng, triệt để về các vấn đề cốt tử của lý luận văn nghệ đã ảnh hưởng lớn đến sáng tác. Lầm lẫn về mặt lý luận tất sẽ kéo theo lầm lẫn hướng dẫn sáng tác đương thời. Và hậu quả là không thể lường được.

Trên thực tế, phê bình văn học thời gian qua chưa thực sự làm tròn trách nhiệm của mình. Đội ngũ những người làm công tác lý luận phê bình còn mỏng, chất lượng các bài phê bình chưa cao, việc phê bình nhiều khi lẫn với việc quảng cáo, giới thiệu tác phẩm mà thiếu một cái nhìn hệ thống, chưa có những đánh giá khách quan trên tinh thần nói thẳng nói thật để từ đó đề ra những kiến giải thực sự khoa học nhằm thúc đẩy sáng tác văn học.

Thứ tư, công tác quản lý, chỉ đạo văn học nhiều khi còn lỏng lẻo, cơ chế quản lý văn học chưa đồng bộ. Về điều này, Nghị quyết 05 của Đảng đã chỉ rõ : "Nhiều cấp ủy đảng chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo và ít được bồi dưỡng kiến thức về lĩnh vực quan trọng nhưng phức tạp này. Công tác lãnh đạo và quản lý văn hóa, văn nghệ có nhiều biểu hiện giản đơn, thô thiển, thiếu dân chủ. Cơ chế và chính sách quản lý... sự nghiệp văn hóa, văn nghệ có trình độ ngang tầm với nhiệm vụ chưa được coi trọng cũng là một nguyên nhân quan trọng hạn chế việc phát huy tiềm năng sáng tạo trong văn hóa văn nghệ"(2). Đáng tiếc là cho đến nay tình trạng này vẫn chưa được cải thiện đáng kể. Với một lĩnh vực nhạy cảm như văn học, việc quản lý hoặc quá chặt chẽ đến mức giản đơn hoặc nếu quá buông lỏng đều ảnh hưởng đến năng lực sáng tạo của nghệ sĩ. Tuy nhiên, vấn đề tự do sáng tạo của nghệ sĩ cần được hiểu một cách đúng đắn. Nghị quyết Trung ương 5 của Đảng ta khẳng định : "Bản chất quyền tự do sáng tác của văn nghệ sĩ nằm trong sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo và được quy định bởi trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội"(3). Công tác quản lý văn nghệ phải kịp thời uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, những biểu hiện tự do vô chính phủ nhưng đồng thời phải khuyến khích được những tài năng nghệ thuật đích thực. Đây là một vấn đề không đơn giản, cần đến cái nhìn mềm dẻo, linh hoạt nhưng phải mang tính nguyên tắc trong việc quản lý và hoạch định các chính sách về văn học nghệ thuật.

(2) *Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1993, tr 11

(3) *Văn kiện đd*, tr 17

Digitized by Google

3 - Làm gì để thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của văn học ?

Nhìn lại những thành công và hạn chế của văn học thời gian qua là để rút ra những kinh nghiệm nhằm giải phóng năng lực sáng tạo của nghệ sĩ, phấn đấu xây dựng một nền văn học có nhiều tác phẩm xứng đáng với sự nghiệp đổi mới đất nước. Theo chúng tôi, để thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của văn học trong thời gian tới, cần chú ý đến các phương diện cơ bản sau :

Một là, đội ngũ nhà văn phải bám sát hơn nữa vào cuộc sống, "đồng hành với nhân dân và chế độ tươi đẹp của mình". Điều quan trọng là phải *đề cao sự thống nhất giữa lý tưởng xã hội và lý tưởng thẩm mỹ* phản ánh chân thực cuộc sống muôn màu muôn vẻ, nêu được bản chất của các loại quan hệ xã hội, thể hiện được xu thế phát triển của lịch sử và yêu cầu tiên tiến của thời đại ; nỗ lực dùng văn nghệ để giáo dục tư tưởng nhân dân, tạo nên một đời sống tinh thần lành mạnh và khơi thức tinh thần sáng tạo của toàn dân. Theo đó, văn học nước ta phải thường xuyên giải quyết tốt hai nhiệm vụ *chống* và *xây*. Là nhà văn cách mạng, đội ngũ những người cầm bút phải chống lại những tư tưởng sai trái, những âm mưu phá hoại thành quả cách mạng của dân tộc, không ngần ngại vạch ra những biểu hiện tiêu cực, sự băng hoại đạo đức xã hội bằng cái nhìn chân thực ; đồng thời, phải xây dựng được những tác phẩm văn học vừa có tầm cao tư tưởng vừa có giá trị nghệ thuật xuất sắc. Lâu nay, ta vẫn thấy thiếu vắng hình tượng *nhân vật trung tâm,* những con người mang lý tưởng cao cả, tiêu biểu cho tâm hồn, trí tuệ của dân tộc Việt Nam trong thời đại mới. Cảm hứng lớn về thời đại và đất nước sẽ giúp cho nghệ sĩ có cái nhìn xa rộng, giàu sức khái quát, là cơ sở cho việc xây dựng những hình tượng có sức sống lâu bền. Muốn thế, phải thường xuyên tổ chức cho văn nghệ sĩ *tiếp cận, thâm nhập thực tiễn sinh động* của công cuộc đổi mới, với các *thông tin về mọi mặt* của đời sống xã hội, trong toàn quốc và trên thế giới là thiết thực tạo điều kiện cho sự sáng tạo.

Hai là, đẩy mạnh *công tác lý luận phê bình văn học.* Đây là một khâu quan trọng nhằm thúc đẩy sự phát triển của văn học. Trong Chỉ thị 52-CT /TW, ngày 8-6-1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã khẳng định : "Công tác phê bình văn học, nghệ thuật đã bộc lộ những nhược điểm thiếu sót. Phê bình còn sơ lược, một chiều, nhiều lúc khen, chê không chính xác, còn tách rời giá trị tư tưởng và nghệ thuật, chưa nhạy cảm với những vấn đề mới trong cuộc sống và thực tiễn văn học nghệ thuật đặt ra. Đội ngũ phê bình và lý luận ít người, hoạt động phân tán, phần lớn lại không có điều kiện chuyên tâm làm phê bình, lý luận, tiềm năng trong ngành chưa được phát huy tốt"(4). Gần đây, trong Hội nghị Lý luận phê bình được tổ chức tại Tam Đảo (ngày 14, 15-8-2003), nhiều ý kiến đã khẳng định, công tác lý luận phê bình văn học thời gian qua mặc dù có nhiều cố gắng nhưng còn bất cập. Muốn thúc đẩy sự phát triển hoạt động này, cần đến các biện pháp cụ thể như sau :

- *Phải hiện đại hóa* lý luận phê bình văn học để đáp ứng được yêu cầu mới, nhiệm vụ mới. Lý luận phê bình văn học phải thực sự là người đồng hành với sáng tác văn học, phải tích cực gắn bó hơn nữa với thực tiễn văn học, kịp thời biểu dương những tác phẩm có giá trị ; đồng thời, đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, xu hướng thương mại hóa văn học, phê phán các tác phẩm có nội dung tư tưởng và tính thẩm mỹ thấp kém, có hại cho nhân dân.

---

(4) *Văn kiện đd,* tr 23

Digitized by Google

- *Phát triển đội ngũ làm lý luận phê bình văn học,* chú ý đến lực lượng trẻ, có tâm huyết và tài năng. Trong các tác phẩm lý luận phê bình, cần chú ý đến hai yêu cầu hết sức quan trọng : một mặt, lý luận phê bình văn học phải bám sát thời sự văn học ; mặt khác, phải bảo đảm tính học thuật cao. Người viết lý luận phê bình phải tỏ rõ chính kiến, tránh tình trạng khen chê vô thưởng vô phạt, phải phát huy vai trò hướng dẫn dư luận. Nếu các nhà lý luận phê bình không làm tốt chức năng của mình thì sự tự ý thức của nền văn học sẽ giảm sút và văn học khó lòng phát triển. Sáng tác và phê bình văn học phải hô ứng hài hòa, tác động thường xuyên đến nhau thì mới tạo nên những động lực phát triển thực sự.

Ba là, phải có chính sách quản lý văn học phù hợp. Nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động văn học, ban hành kịp thời các chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của văn học, chấn chỉnh các sai phạm về xuất bản, đầu tư thích đáng cho các hoạt động sáng tạo văn học. Chỉ thị 61CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ rõ, yêu cầu chủ yếu của công tác lãnh đạo văn học, nghệ thuật là *định hướng* và *tạo điều kiện.* Đó là trách nhiệm chung của Đảng và Nhà nước, trong đó, định hướng là trách nhiệm chủ yếu của Đảng còn tạo điều kiện là trách nhiệm chủ yếu của các cơ quan quản lý nhà nước.

Các tổ chức văn học nghệ thuật không những phải có trách nhiệm khuyến khích, tạo điều kiện sáng tạo cho nghệ sĩ mà còn phải có trách nhiệm hướng dẫn và nâng cao có hiệu quả thẩm mỹ cho công chúng. Phải làm sao để quần chúng nhân dân có quyền hưởng thụ những sản phẩm tinh thần có giá trị đích thực, loại bỏ những tác phẩm độc hại, phản động và đồi trụy. Bởi thế, các biện pháp sau đây có ý nghĩa hết sức quan trọng :

- Gấp rút xây dựng hệ thống văn bản pháp luật đầy đủ để quản lý hoạt động văn học nghệ thuật theo pháp luật. Nêu rõ các điều cấm một cách cụ thể để người sáng tác và người làm công tác lý luận phê bình yên tâm hoạt động.

- Đầu tư một cách thích đáng cho các hoạt động văn hoc như : tài trợ sáng tác, tổ chức đi thực tế, tổ chức giao lưu tiếp xúc giữa các tổ chức văn hóa trong và ngoài nước nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động nghệ thuật.

- Khen thưởng kịp thời những tác phẩm xuất sắc, những cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp cho sự nghiệp văn học đồng thời xử lý thích đáng những tác phẩm có tính chất chống phá cách mạng, làm vấy bẩn đời sống tinh thần của nhân dân.

Bốn là, phải quán triệt mục tiêu văn hóa mà Đảng ta đã vạch ra : xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Nhà văn có thể sáng tác theo nhiều phương pháp khác nhau, tìm đến những phong cách đa dạng nhưng tác phẩm của họ phải lấy lợi ích của dân tộc, đất nước làm lợi ích tối cao. Muốn thế, một mặt, các nhà văn phải tiếp thu được tinh hoa văn hóa của nhân loại, mặt khác, không ngừng học tập tiếp thu tinh hoa văn hóa của dân tộc để tạo nên những tác phẩm vừa mới mẻ, vừa thích hợp với tâm lý thị hiếu của công chúng bạn đọc Việt nam. Nếu chỉ biết vọng ngoại, sùng bái văn học nước ngoài mà coi nhẹ di sản văn hóa dân tộc thì sớm muộn sẽ rơi vào tình trạng vong bản về văn hóa ; việc tìm kiếm hình thức biểu hiện mới phải phù hợp với dân tộc. Tính tư tưởng sắc bén, tính nghệ thuật cao và bản sắc dân tộc đậm đà trong văn học vừa là định hướng phát triển vừa phải được thể hiện một cách cụ thể trong thực tiễn sáng tạo nghệ thuật, được thể hiện nhuần nhuyễn và sinh động trong các tác phẩm cụ thể. ❑

Digitized by Google

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Lời Bộ Biên tập : *Trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, khoa học và công nghệ nước ta đã đổi mới, phát triển và có những đóng góp to lớn vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội. Nhằm góp phần quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt hơn nữa Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai (khóa VIII) và Kết luận Hội nghị lần thứ sáu (khóa IX) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng* **"Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"**, *ngày 26-8-2003, tại Hà Nội, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề : "Khoa học và Công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội".*

Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã tới dự. Các đồng chí GS, TS Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản và đồng chí GS, VS Đặng Vũ Minh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia đã chủ trì Hội thảo.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

LÊ HỮU NGHĨA

NƯỚC ta đang trong thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp.

Muốn đạt được mục tiêu cao cả đó, phải phát huy mạnh mẽ vai trò của khoa học và công nghệ, đổi mới và phát triển công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế, sử dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới.

Có thể nói, thực chất của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự ứng dụng khoa học và công nghệ vào nền kinh tế quốc dân nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Như Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã chỉ ra : "Khơi dậy trong nhân dân lòng yêu nước, ý chí quật cường,

Digitized by Google

phát huy tài trí của người Việt Nam, quyết tâm đưa nước nhà ra khỏi nghèo nàn lạc hậu bằng khoa học và công nghệ".

Trong những năm qua, ý thức sâu sắc điều này Đảng và Nhà nước ta, trong nhiều văn kiện quan trọng của mình đã rất quan tâm đến việc phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, đặt khoa học và công nghệ vào vị trí xứng đáng đúng với tầm quan trọng của nó - Vị trí "quốc sách hàng đầu", là "nền tảng", là "động lực" phát triển kinh tế xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Gần đây, tại Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã thông qua "Kết luận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010", trong đó có nhận định quan trọng : Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), khoa học và công nghệ nước ta có bước phát triển mới, đóng góp thiết thực nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Có thể nêu một số kết quả chủ yếu sau đây :

Khoa học xã hội và nhân văn góp phần vào đổi mới và phát triển tư duy lý luận, góp phần quan trọng trong việc khẳng định vai trò chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từng bước làm sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối chính sách, nhất là chuẩn bị văn kiện cho Đại hội IX của Đảng và các Hội nghị Trung ương. Khoa học xã hội và nhân văn đã từng bước nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị trong toàn xã hội, khắc phục một bước tư duy siêu hình, bệnh chủ quan, duy ý chí, mở rộng tầm nhìn, phát triển tư duy biện chứng, góp phần giáo dục lòng yêu nước, đạo đức, lối sống cho người dân Việt Nam.

Khoa học tự nhiên đã tập trung nghiên cứu ứng dụng có chọn lọc, nhằm tạo tiền đề cho việc tiếp thu, làm chủ công nghệ mới ; công tác điều tra, khảo sát cơ bản tiếp tục được tăng cường, góp phần cung cấp luận cứ cho các chính sách phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Khoa học công nghệ hướng mạnh vào việc đổi mới, thay thế công nghệ trong các ngành sản xuất, dịch vụ, nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế. Việc ứng dụng các tiến bộ công nghệ góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa được sự quan tâm của nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều tập thể và tổ chức xã hội, đặc biệt dần dần đã trở thành một phong trào quần chúng sâu rộng.

Tôi tin rằng, trong Hội thảo khoa học này, chúng ta sẽ rất phấn khởi được nghe những bản báo cáo nêu rõ thành tựu quan trọng của khoa học và công nghệ nước ta trong 5 năm vừa qua.

Có được những thành tựu trên đây là do nhiều nguyên nhân trong đó có một số nguyên nhân sau :

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm đến sự phát triển của khoa học và công nghệ, đã ban hành nhiều chính sách đúng đắn nhằm phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vào kinh tế - xã hội. Đồng thời nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ đã được nâng lên đáng kể.

Trình độ học vấn, mặt bằng dân trí nước ta có bước chuyển rất cơ bản. Nhân dân ở miền xuôi và miền núi, ở thành thị cũng như ở nông thôn bước đầu có khả năng tiếp thu, vận dụng tiến bộ kỹ thuật vào các lĩnh vực sản xuất và cải thiện đời sống. Đã xuất hiện nhiều mô hình vươn lên làm giàu hợp pháp nhờ áp dụng và đổi mới khoa học và công nghệ, nhờ đổi mới phương thức sản xuất, cung cách làm ăn.

Hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư đang được củng cố. Trong tổng số gần 900 tổ chức khoa học và công nghệ thì khu vực tập thể có 326, tư nhân 25 (số liệu năm 2001). Các tổ chức này đang đóng góp tích cực vào việc phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ trong nhân dân.

Digitized by Google

Nhà nước ta nhiều năm qua đã thực hiện hàng loạt giải pháp tích cực tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ.

Ngân sách dành cho khoa học và công nghệ từng bước được tăng lên. Một số đơn vị khoa học và công nghệ đã được trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật tương đối khá. Đã sắp xếp lại một bước hệ thống tổ chức nghiên cứu và phát triển. Số viện trực thuộc bộ, ngành giảm từ 233 xuống còn 55. Nhiều tổ chức nghiên cứu và phát triển chuyển dần sang hình thức hoạt động tự chủ, tự trang trải tài chính. Thông qua hợp tác quốc tế, một số cơ sở đã tiếp nhận công nghệ tiên tiến, hiện đại, bổ sung nguồn đào tạo, cập nhật tri thức mới.

Công tác thẩm định trong chuyển giao, đổi mới công nghệ đã đi dần vào nền nếp, góp phần cải thiện và nâng cao trình độ công nghệ, chất lượng sản phẩm, hiệu quả đầu tư, đã tiết kiệm nhiều tỉ đồng cho Nhà nước.

Thứ hai, đội ngũ cán bộ hoạt động trên lĩnh vực khoa học và công nghệ phát triển cả về số lượng và trình độ ; có khả năng tiếp thu và làm chủ công nghệ hiện đại trên một số lĩnh vực.

Lao động có trình độ cao đẳng trở lên tăng 17,2%/ năm. Tiến sĩ và Tiến sĩ khoa học tăng 7%/năm. Số lao động đã qua đào tạo năm 1996 chỉ có 13% đến năm 2000 đã đạt 20%.

Tính đến tháng 12-2000, cả nước có khoảng 1,3 triệu người có trình độ đại học và cao đẳng ; hơn 10 nghìn thạc sĩ, hơn 12 nghìn tiến sĩ. Bình quân có 190 cán bộ khoa học trên 10 nghìn dân ; có khoảng 41 nghìn cán bộ khoa học là người thuộc các dân tộc thiểu số.

Những năm gần đây, ở một số ngành khoa học và công nghệ, cán bộ khoa học được đào tạo tăng nhanh như công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông, du lịch, quản trị kinh doanh. Số lượng nghiên cứu sinh ở các ngành này cũng tăng mạnh : tin học từ 1990 đến 2001 tăng 10 lần, kinh tế tăng 7 lần...

Bắt đầu từ năm 2000 Chính phủ đã bố trí khoản ngân sách riêng để hằng năm chủ động gửi hàng trăm sinh viên và cán bộ khoa học và công nghệ có năng lực đi đào tạo dài hạn ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến, đảm bảo đáp ứng dần yêu cầu về nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy vậy, Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) cũng thẳng thắn chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm và phân tích rõ nguyên nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ nước ta thời gian qua. Có ba vấn đề nổi lên đề nghị Hội thảo này cần đi sâu, tập trung thảo luận để làm rõ thêm

1 - Về cơ chế quản lý kinh tế và cơ chế quản lý khoa học và công nghệ

Có thể nói, cơ chế quản lý kinh tế và cơ chế quản lý khoa học và công nghệ còn nhiều vướng mắc cần phải được tháo gỡ một cách căn bản theo hướng :

- Làm sao cơ chế quản lý kinh tế hoàn thiện, đồng bộ và đủ mạnh để buộc các doanh nghiệp vào tình thế phải tích cực đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ?

- Môi trường đầu tư và cạnh tranh làm thế nào tạo được động lực mạnh mẽ để doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh ?

- Mức đầu tư tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp hiện nay là quá thấp (dưới 1% tổng doanh thu). Động lực nào có thể thúc đẩy doanh nghiệp tăng mức đầu tư ?

- Làm sao tạo ra sự liên thông giữa cơ chế quản lý kinh tế và cơ chế quản lý khoa học và công nghệ ?

- Làm sao có cơ chế chính sách để khoa học và công nghệ bứt lên như khoán 10 trong nông nghiệp ?

- Cơ chế thưởng trong khoa học và công nghệ sao cho tương xứng với giá trị của sản phẩm khoa học và công nghệ ?

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ với các ngành, các địa phương, sao cho ăn nhập nhịp nhàng?

Digitized by Google

Tóm lại, làm sao guồng máy kinh tế của chúng ta phải là guồng máy thực sự tiếp cận với khoa học và công nghệ ; làm sao cơ chế quản lý kinh tế phải tạo động lực và môi trường cho khoa học và công nghệ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trở thành công việc thiết thân, thành nhu cầu tất yếu, bức thiết của mỗi doanh nghiệp, mỗi cơ sở kinh tế ?

2 - Về xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ nước ta hiện nay

Có thể đánh giá là, tiềm lực khoa học và công nghệ nước ta hiện nay còn nhiều hạn chế, yếu kém tuy trong thời gian qua nhờ có đường lối đúng dắn của Đảng và Nhà nước ta đối với khoa học và công nghệ, Việt Nam đã từng bước xây dựng được một tiềm lực khoa học và công nghệ đáng kể cả về số lượng và chất lượng, cả về mặt chuyên môn kỹ thuật và hệ thống tổ chức. Chỉ riêng 16 phòng thí nghiệm trọng điểm Quốc gia thuộc các hướng khoa học và công nghệ ưu tiên (như công nghệ thông tin, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa...) đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, chắc chắn sẽ góp phần nâng cao đáng kể năng lực phục vụ cho các hướng nghiên cứu phát triển có tính đột phá của khoa học và công nghệ Việt Nam từ nay đến năm 2010. Đặc biệt hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ đã có bước phát triển khá ; Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội) và Thành phố Hồ Chí Minh chắc chắn sẽ là những điểm nhấn rất quan trọng thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam.

Mặc dù vậy, thực chất tiềm lực khoa học và công nghệ nước ta vẫn còn ở mức rất thấp so với thế giới và khu vực, chưa đáp ứng được những đòi hỏi của nhu cầu phát triển.

- Tỷ lệ cán bộ khoa học và công nghệ trên tổng số dân chưa cao.

- Còn thiếu nhiều chuyên gia đầu ngành nhưng có lúc có nơi cán bộ đầu ngành lại ngại đi đào tạo.

- Nguy cơ hẫng hụt đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ là rất lớn, nhất là trong các ngành công nghệ mũi nhọn.

- Việc sắp xếp tổ chức các cơ quan khoa học và công nghệ vẫn còn chậm và lúng túng, gây ách tắc và lãng phí không nhỏ.

- Cơ sơ vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu trong nước vẫn còn thấp so với yêu cầu, còn yếu kém và lạc hậu so với khu vực.

Còn bao nhiêu vấn đề đang trong ý tưởng của các nhà khoa học và nhà quản lý cũng như nhiều bài học rút ra qua hoạt động thực tiễn, mong các nhà khoa học nhiệt tình tham gia đóng góp để xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ nước ta ngang tầm với khu vực và thế giới.

3 - Tạo lập thị trường và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phải tạo tập đồng bộ các yếu tố của thị trường, trong đó có một thị trường quan trọng là thị trường khoa học và công nghệ. Tuy nhiên cho đến nay, thị trường khoa học và công nghệ mới đang hình thành, còn chưa phát triển và chính những hạn chế, yếu kém của thị trường khoa học và công nghệ hiện nay đang là cản trở lớn cho khoa học và công nghệ phát huy vai trò nền tảng và động lực phát triển của mình.

Đối với giới khoa học Việt Nam "thị trường khoa học và công nghệ" là một khái niệm rất mới. Vấn đề phát triển thị trường khoa học và công nghệ lần đầu tiên được Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) nêu ra là một trong 8 giải pháp cơ bản thúc đẩy sự phát triển của khoa học và công nghệ, tạo môi trường để khoa học và công nghệ gắn với sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế.

Trong Luật Khoa học và Công nghệ, Điều 33 cũng đã đề cập việc xây dựng và phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng, một lần nữa nhấn mạnh : "Thúc đẩy sự hình thành và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các loại thị trường quan trọng nhưng hiện còn chưa có hoặc còn rất sơ

Digitized by Google

khai như : thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ". Hàng loạt quyết định của Chính phủ, pháp lệnh chuyển giao công nghệ đã ra đời có vai trò định hướng cho thị trường khoa học và công nghệ hoạt động. Song trên thực tế, các chủ trương, chính sách này đi vào cuộc sống còn rất hạn chế. Nguyên nhân do đâu ? Ở đây mong các nhà khoa học thẳng thắn chỉ ra. Phải chăng có một nguyên nhân cơ bản là từ cơ chế quản lý kinh tế hiện nay theo như nhận định trong Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX : "Cơ chế quản lý kinh tế nước ta hiện nay vẫn đang còn cản trở sự phát triển thị trường khoa học và công nghệ" ?

Khi nói đến thị trường khoa học và công nghệ, đương nhiên phải coi sản phẩm khoa học và công nghệ là sản phẩm hàng hóa. Tiêu chuẩn của một sản phẩm hàng hóa khoa học và công nghệ cũng là điểm đáng bàn, song điều quan trọng không phải chỉ có sản phẩm mà chung quanh nó còn là hàng loạt các điều kiện để biến sản phẩm khoa học và công nghệ thành hàng hóa, đảm bảo cho quá trình mua bán của các chủ thể kinh doanh được thực hiện. Đó là hoạt động môi giới, tư vấn, thẩm định, chuyển giao công nghệ,... nghĩa là cung cầu trên thị trường khoa học và công nghệ cần được diễn ra trong một môi trường pháp lý xã hội, đảm bảo cung cầu có thể quan hệ, giao tiếp, trao đổi với nhau, không gây ách tắc trở ngại nào.

Vậy làm thế nào tạo ra được một môi trường pháp lý xã hội để các sản phẩm khoa học và công nghệ có thể liên thông ? Có ý kiến cho rằng đã đến lúc phải có một tổ chức tư vấn, nghiên cứu và xây dựng cơ sở pháp lý về thị trường khoa học và công nghệ xuyên suốt từ Nhà nước đến các ngành, các đơn vị... Nhà nước cần có một hệ thống văn bản đồng bộ, hoàn thiện và khả thi, có hiệu lực và hiệu quả trong cuộc sống.

Tại Hội thảo này, chúng ta hy vọng sẽ được nghe nhiều ý kiến tham góp cho vấn đề này.

Chủ đề Hội thảo của chúng ta khá rộng. Tham gia Hội thảo có đông đảo các nhà quản lý, nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau ở nhiều cơ quan khác nhau. Rất mong các nhà quản lý, các nhà khoa học đi sâu vào những vấn đề chủ yếu của Hội thảo, cùng nhau thảo luận, tranh luận, tìm ra giải pháp thiết thực nhằm thúc đẩy khoa học và công nghệ phát triển, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đó cũng chính là ý nghĩa khoa học và thực tiễn của cuộc Hội thảo của chúng ta hôm nay. ❑

TỔNG THUẬT HỘI THẢO

TRƯỚC yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 (khóa IX) một lần nữa nhấn mạnh : *Cần làm tốt việc khai thác nguồn lực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ; nhanh chóng giải quyết vấn đề thể chế quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ ; sớm hình thành thị trường khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy giao lưu khoa học và công nghệ.* Để góp phần làm sáng tỏ vấn đề : **"Khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội"**, 46 bản báo cáo tham luận của đông đảo các nhà quản lý, các nhà khoa học ở cơ quan Trung ương và một số địa phương bước đầu lý giải ở các góc độ khác nhau, nêu những kinh nghiệm thực tiễn, tìm ra giải pháp và gợi mở những hướng nghiên cứu tiếp theo để khoa học và công nghệ xứng đáng với vai trò nền tảng và động lực, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Digitized by Google

1 - Nhận thức sâu hơn vai trò nền tảng và động lực của khoa học và công nghệ trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Nhiều nhà khoa học đã tập trung phân tích, làm sáng rõ vai trò *nền tảng* và *động lực* của khoa học và công nghệ trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. **GS, TS Hoàng Văn Phong** (Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ) nhấn mạnh : Vai trò động lực của khoa học và công nghệ đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa chỉ có thể thực hiện được một khi hoạt động khoa học và công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh và đời sống ; hơn nữa, khoa học và công nghệ phải là nhân tố động lực của quá trình chuyển đổi từ lao động thủ công sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện kỹ thuật và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học và công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao. **GS Đặng Hữu** (Trưởng Ban Công nghệ Thông tin các cơ quan đảng) cho rằng, cần khẳng định hơn nữa vai trò *nền tảng* và *động lực* của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính sách phát triển của nước ta là chính sách dựa vào khoa học và công nghệ, bằng khoa học và công nghệ. **GS, TS Đỗ Nguyên Phương** (Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương) phân tích vai trò nền tảng và động lực của khoa học và công nghệ dưới nhiều giác độ khác nhau và nhấn mạnh, ảnh hưởng của khoa học và công nghệ trong xã hội hiện đại ngày càng to lớn và có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vai trò của khoa học và công nghệ được thể hiện trong việc khoa học và công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp ; khoa học và công nghệ thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế ; khoa học và công nghệ đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất ; khoa học và công nghệ thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa kinh tế. **PGS, TSKH Nguyễn Xuân Nguyên** (Giám đốc Liên hiệp khoa học sản xuất công nghệ hóa học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia) nêu rõ vai trò ngày càng nổi bật của khoa học và công nghệ, coi đây là yếu tố quyết định nhất đối với tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa...

Các nhà khoa học nêu rõ : Muốn khoa học và công nghệ trở thành *nền tảng* và *động lực* cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất thiết phải xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ đủ mạnh và gắn hoạt động khoa học và công nghệ với hoạt động kinh tế - xã hội phục vụ các mục tiêu phát triển, huy động được sự tham gia đông đảo của các thành phần kinh tế xã hội, kể cả khu vực nhà nước cũng như ngoài nhà nước.

2 - Những đóng góp chủ yếu của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội trong những năm gần đây

Các báo cáo khoa học đều khẳng định, qua gần 17 năm đổi mới, đặc biệt là trong 5 năm gần đây, những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước không tách rời sự phát triển của khoa học và công nghệ. **GS, TS Đỗ Hoài Nam** (Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia) khẳng định, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia đã có mặt từ đầu và bám sát quá trình đổi mới của đất nước ở mọi lúc, mọi nơi ; từ đổi mới tư duy, tham gia vào quá trình hoạch định đường lối, chiến lược, chính sách phát triển cho đến việc triển khai thực hiện chúng ; từ việc đúc kết thực tiễn, mở rộng quan hệ giao lưu quốc tế, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của loài người để phát triển các hệ thống lý luận, cho đến việc nâng cao trình độ của xã hội về các tri thức khoa học xã hội và nhân văn, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. **GS, TSKH Nguyễn Khoa Sơn** (Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia) nêu rõ, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia đã triển khai nghiên cứu và ứng dụng kết quả của khoa học công nghệ trên 4 lĩnh vực chủ yếu và đạt được thành tựu rất đáng ghi nhận :

Digitized by Google

Thứ nhất, quy hoạch lãnh thổ khai thác tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai. *Thứ hai,* bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững, xử lý ô nhiễm và cung cấp nước sạch. *Thứ ba,* chế tạo thành công nhiều thiết bị và vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp và đời sống. *Thứ tư,* ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Nhiều tiến bộ về khoa học và công nghệ trong những năm qua đều có sự đóng góp to lớn của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Theo **PGS, TS Nguyễn Kim Vũ** (Viện trưởng Viện Công nghệ sau thu hoạch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), đến nay, 60% diện tích ngô, 90% diện tích lúa đã được sử dụng giống mới có năng suất cao, nhờ đó an ninh lương thực quốc gia đã được bảo đảm và nước ta đứng thứ hai trên thế giới về xuất khẩu gạo. Trong lĩnh vực y - dược, **GS, TSKH Nguyễn Mạnh Hùng** (Thứ trưởng Bộ Y tế) cho rằng, có nhiều tiến bộ trong nghiên cứu và ứng dụng một số kết quả của y học như phẫu thuật tim kín và hở, thay van tim, phẫu thuật nội soi, thụ tinh trong ống nghiệm, sản xuất được 7/10 loại vắc-xin thông dụng ở Việt Nam. Trên lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, **PGS, TS Lê Xuân Cảnh** (Viện trưởng Viện Sinh thái tài nguyên sinh vật) cho biết, chúng ta đã thu được một số kết quả trong công nghệ sinh học, bắt đầu nghiên cứu công nghệ gen, miễn dịch và men. Trong lĩnh vực bưu chính - viễn thông, **GS, TSKH Đỗ Trung Tá** (Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Bưu chính - Viễn thông) khẳng định, ngành bưu chính - viễn thông đi đầu trong việc ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới. Phác thảo tốc độ phát triển và ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin trong an ninh, quốc phòng, **PGS, TS Nguyễn Ngọc Dương** (Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Quốc phòng) nhấn mạnh : 60% kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào thực tiễn, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao đối với quốc phòng ; trong đó, có một số công nghệ mũi nhọn như : thông tin, tự động hóa, vật liệu mới, sinh học. Theo báo cáo của đồng chí **Lương Thanh Nhị** (Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Yên Bái) thì những năm qua, việc ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tiễn đã làm thay đổi đáng kể bức tranh kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần xóa đói giảm nghèo, khai thác các thế mạnh ở miền núi trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

3 - Cơ chế quản lý kinh tế, quản lý khoa học và công nghệ

Tại Hội thảo, nhiều nhà khoa học yêu cầu phải nhanh chóng xóa bỏ rào cản ngăn cách khoa học và thực tiễn sản xuất, đời sống ; xóa bỏ cơ chế hành chính bao cấp trong quản lý khoa học và công nghệ ; buộc các doanh nghiệp phải "vào cuộc" cạnh tranh thực sự lành mạnh. **GS Đặng Hữu** cho biết : Việc tách các doanh nghiệp ra khỏi sự quản lý trực tiếp của bộ đã đặt ra từ lâu nhưng chưa thực hiện được, nên không có sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Vấn đề lớn nhất đang đặt ra hiện nay là quản lý kinh tế chưa thực sự lấy hiệu quả làm đầu, còn nặng về khối lượng, số lượng ; khi đánh giá tổng kết thường chỉ nói làm được gì mà ít khi phân tích hiệu quả của việc làm đó. **TSKH Trần Xuân Hoài** (Viện trưởng Viện Vật lý ứng dụng và Thiết bị khoa học) đã bày tỏ mong muốn được "cởi trói" hoàn toàn trong cơ chế quản lý khoa học và công nghệ ; giảm thiểu mối quan hệ thứ bậc hành chính sao cho chức vụ và biên giới hành chính không còn là nỗi ám ảnh đối với mục đích phấn đấu của nhà khoa học. **TSKH Phan Xuân Dũng** (Viện trưởng Viện ứng dụng công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ) cho rằng, nhà quản lý phải đạt được tầm cỡ là tác giả của những "bài toán lớn" mang tính liên ngành về khoa học và công nghệ để đặt ra được mục tiêu và phương tiện, cách thức hành xử, ứng xử để đạt được các mục tiêu đó.

Xung quanh vấn đề xây dựng cơ chế quản lý kinh tế và quản lý khoa học và công nghệ, có nhiều ý kiến bàn thảo đến việc cần thiết phải tạo ra *sự liên thông* trong quản lý và sự *liên kết phối*

Digitized by Google

hợp giữa các cơ quan, các ngành, các địa phương một cách đồng bộ, nhịp nhàng. Để đạt được yêu cầu này, trước hết các cơ quan quản lý có vai trò như "một kiến trúc sư" phải biết rõ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, có đủ năng lực để tiếp nhận đơn đặt hàng của các doanh nghiệp và đặt hàng lại cho các tổ chức, các nhà khoa học và công nghệ.

4 - Xây dựng tiềm lực khoa học - công nghệ ở nước ta hiện nay

ThS Nguyễn Đắc Hưng (Phó Vụ trưởng vụ Giáo dục, Ban Khoa giáo Trung ương) cho rằng : Không thể phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức độ cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển nền kinh tế tri thức, nếu thiếu nguồn lực khoa học và công nghệ. **TS Nguyễn Văn Thanh** (Viện Nghiên cứu Thanh niên) nhận xét : Khoa học và công nghệ nước ta đã có đóng góp quan trọng, nguồn lực khoa học và công nghệ được huy động và khai thác. Trước hết là nguồn lực con người. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, khoa học và công nghệ nước ta còn rất nhiều mặt yếu kém cần được khắc phục như : trình độ quản lý công nghệ thấp ; sự hợp tác liên thông nghiên cứu khoa học và ứng dụng triển khai các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, giữa các cơ sở kinh doanh và các viện nghiên cứu, các trường đại học chưa chặt chẽ ; hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh... nên chưa cung cấp đủ nhân tài cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển doanh nghiệp. **TS Hoàng Xuân Long** (Viện Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách khoa học công nghệ) cho rằng : Trong quản lý khoa học, còn mang nặng tính hành chính, đang gây ra nhiều tiêu cực trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Vì vậy, cần khắc phục tình trạng rối loạn trong quản lý nhân lực khoa học và công nghệ như : thừa lãnh đạo hành chính nhưng thiếu lãnh đạo khoa học ; thừa chức vụ khoa học danh nghĩa nhưng thiếu chức vụ khoa học thực chất...

Hội thảo cũng bàn nhiều đến việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho khoa học và công nghệ. Thời gian qua, do chúng ta còn nghèo, nên mức đầu tư còn thấp nhưng sự lãng phí về cơ sở vật chất lại diễn ra nhiều do việc nắm bắt, khảo sát nhu cầu... chưa sát hợp. Phải tạo ra sự liên kết nghiên cứu giữa các nhà khoa học, trong đó có trao đổi và liên kết sử dụng các thiết bị nghiên cứu khoa học hiện đại.

5 - Tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Hội thảo đã dành nhiều thời gian thảo luận vấn đề tạo lập và phát triển thị trường công nghệ. **TS Hồ Ngọc Luật** (Vụ trưởng Vụ Khoa học Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường, Ban Khoa giáo Trung ương) cho rằng, thị trường khoa học và công nghệ là một phương thức thương mại hóa các thành quả khoa học và công nghệ, thúc đẩy gắn kết khoa học và công nghệ với sản xuất. Nói đến thị trường, cơ bản phải bàn đến cung, cầu và môi trường pháp lý, xã hội để cung và cầu có thể quan hệ, giao tiếp, trao đổi với nhau. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ là hệ quả của phát triển kinh tế, phát triển của bản thân khoa học và công nghệ và mối quan hệ cung cầu giữa khoa học và công nghệ với sản xuất. Sự nhận thức của xã hội về khoa học và công nghệ là một lực lượng sản xuất và thành tựu khoa học và công nghệ là một sản phẩm hàng hóa còn hạn chế. **GS Vũ Đình Cự** (Chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước) chỉ rõ phạm trù thị trường khoa học và công nghệ còn mới mẻ không chỉ đối với chúng ta mà còn cả với thế giới, mặc dù sản phẩm khoa học và công nghệ đã được trao đổi như hàng hóa trong thị trường từ khi kinh tế công nghiệp phát triển. Ở nước ta, thị trường khoa học và công nghệ mới được tạo lập khi các cơ chế tổ chức và các cơ chế vận hành đảm bảo cho các sản phẩm khoa học và công nghệ (thông tin, tri thức khoa học và công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ) được sản xuất và lưu thông. Thị trường khoa học và công nghệ mặc nhiên là nhân tố quan trọng của kinh tế tri

Digitized by Google

thức, của tiến trình hội nhập toàn cầu hóa. **GS Đặng Hữu** nhấn mạnh nhiệm vụ cấp thiết là, phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế và quản lý khoa học và công nghệ nhằm tạo môi trường lành mạnh trên cơ sở hiệu quả của sản xuất kinh doanh, phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ, giải phóng mọi năng lực sáng tạo và mọi năng lực sản xuất ; tăng cường vai trò của Nhà nước trong định hướng phát triển khoa học và công nghệ, xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đặc biệt là vai trò tổ chức, chỉ đạo việc gắn kết khoa học với sản xuất và kinh doanh.

6 - Gắn kết hoạt động khoa học và công nghệ với sản xuất

Các nghị quyết của Đảng ta đều nhấn mạnh luận điểm *gắn kết hoạt động khoa học và công nghệ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội.* **GS Đặng Hữu** cho biết, trong những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp mới phát triển nhanh nhờ sử dụng công nghệ mới, cách tổ chức quản lý mới, đặc biệt là sử dụng công nghệ thông tin. Họ coi khoa học và công nghệ là chỗ dựa chủ yếu nhất của mình và luôn luôn săn tìm công nghệ mới và thường xuyên đổi mới công nghệ. Trong khu vực nông nghiệp và nông thôn, người nông dân đã tiếp thu khá nhanh các tiến bộ kỹ thuật, chủ động tìm đến các cơ quan khoa học, các doanh nghiệp để đổi mới công nghệ, đổi mới sản xuất. Một số nơi đã ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa hộ nông dân với cán bộ khoa học. Một số báo cáo khoa học trình bày về các mô hình, điển hình tiên tiến trong việc đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Thí dụ, mô hình phủ xanh đất cát, đất trống đồi núi trọc của **GS, TSKH Nguyễn Văn Trương** (Viện trưởng Viện Kinh tế - Sinh thái) ; mô hình phát triển chăn nuôi gia cầm của **TS Trần Công Xuân** (Giám đốc Trung tâm gia cầm Thụy Phương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ; mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất các loại nấm ăn và nấm dược liệu của **PGS, TS Nguyễn Hữu Đống** (Giám đốc Trung tâm Công nghệ sinh học thực vật thuộc Viện Di truyền nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ; mô hình gắn kết khoa học và công nghệ cao với phát triển kinh tế - xã hội của **TSKH Trần Xuân Hoài** ; mô hình nghiên cứu các hợp chất pô-ly-me sinh học dùng trong nông nghiệp, thực phẩm và trong y tế của **TS Nguyễn Thị Ngọc Tú** (Viện Hóa, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia)... Những tiến bộ trong khâu gắn kết khoa học với sản xuất tạo đà cho khoa học và công nghệ có bước phát triển mới, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Việc gắn kết giữa các chương trình khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém. **TSKH Phan Xuân Dũng** nhận xét, nhiều chương trình khoa học và công nghệ đạt kết quả tốt được đưa vào ứng dụng, có đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Nhưng một số chương trình không có địa chỉ áp dụng cụ thể, không gắn kết hữu cơ với các chương trình kinh tế - xã hội... Rất nhiều dự án đạt kết quả tốt, hiệu quả cao, trở thành điển hình tiên tiến, nhưng không được nhân rộng. **TS Nguyễn Quốc Anh** (Phó Vụ trưởng vụ Giáo dục, Ban Khoa giáo Trung ương) đưa ra nhận xét, các trường đại học còn rất lúng túng trong việc xác định phương pháp tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học trong các trường đại học còn chưa xuất phát từ nhu cầu của sản xuất và đời sống nên chưa thu hút được sự đầu tư của các doanh nghiệp cho việc nghiên cứu khoa học và chưa được triển khai ứng dụng trong thực tiễn.

Góp phần trả lời câu hỏi làm gì và làm thế nào để đưa được tiến bộ khoa học và công nghệ đến với người dân, **TS Đường Vinh Sường** (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) đề xuất : Khuyến khích cán bộ khoa học tích cực tham gia vào các điểm trình diễn, qua đó nắm bắt nhu cầu của nông dân ; các viện nghiên cứu kết hợp chặt

Digitized by Google

chẽ với các dịch vụ khuyến nông ở các địa phương ; xây dựng điểm trình diễn và nghiên cứu với sự tham gia trực tiếp của nông dân trên đồng ruộng ; thực hiện chia sẻ thông tin về các vùng và phối hợp hoạt động giữa các viện nghiên cứu với dịch vụ khuyến nông ở các cấp, nhất là trong việc thảo luận với địa phương về kỹ thuật xây dựng các mô hình canh tác.

7 - Kinh tế tri thức và đổi mới hệ thống công nghệ quốc gia

Tại Hội thảo, vấn đề kinh tế tri thức và đổi mới hệ thống công nghệ quốc gia được nhiều nhà khoa học quan tâm. **GS, TSKH Nguyễn Xuân Quỳnh** (Viện trưởng Viện Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa) cho rằng, trong sự phát triển của kinh tế tri thức, hoạt động chủ yếu nhất là tạo ra tri thức, quảng bá và sử dụng tri thức. Nếu trong kinh tế công nghiệp, việc tạo ra giá trị chủ yếu là dựa vào tối ưu hóa, tức là hoàn thiện cái đã có, thì trong kinh tế tri thức, việc tạo ra giá trị chủ yếu là phải tìm ra cái chưa biết - cái có giá trị nhất, theo đó cái đã biết sẽ dần mất giá trị. **GS, TSKH Đỗ Trung Tá** nhấn mạnh, trong kinh tế tri thức, thông tin là tài nguyên quan trọng nhất. Hệ thống đổi mới quốc gia là một trong bốn trụ cột chủ yếu của kinh tế tri thức, đồng thời là công cụ hàng đầu để liên tục nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm khoa học và công nghệ. **GS Vũ Đình Cự** chỉ ra rằng, đổi mới hệ thống công nghệ quốc gia là một mạng lưới bao gồm tất cả các cơ sở khoa học và công nghệ, các tổ chức quy hoạch chiến lược, các doanh nghiệp lớn, các tổ chức quản lý khoa học và công nghệ nối mạng với nhau, cũng là tổng hợp các hệ thống đổi mới của vùng, ngành, doanh nghiệp với sự phối hợp ngang dọc trong phạm vi cả nước. Hệ thống này có nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, tri thức về khoa học và công nghệ, về kinh tế và các lĩnh vực có liên quan đến sức mạnh cạnh tranh quốc tế, từ đó đưa ra các dự báo chiến lược để cho các ngành, vùng, doanh nghiệp lớn trong cả nước xây dựng tầm nhìn và kế hoạch hành động một cách đồng bộ nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung, của các sản phẩm chủ yếu nói riêng. **GS Đặng Hữu** nhấn mạnh, hệ thống này bao gồm các thể chế chính sách, hệ thống tổ chức ở tầm quốc gia nhằm gắn bó chặt chẽ khoa học với sản xuất, thúc đẩy các doanh nghiệp ứng dụng nhanh chóng các kết quả nghiên cứu sáng tạo để đổi mới sản xuất, phát triển kinh tế. Các nước trên thế giới đều coi việc này là mối quan tâm hàng đầu trong chiến lược phát triển.

8 - Kết luận và kiến nghị

Tập hợp các ý kiến tham luận của các nhà khoa học, các nhà quản lý... **GS, VS Đặng Vũ Minh** tổng kết Hội thảo, khẳng định sự đúng đắn của Nghị quyết Trung ương hai (khóa VIII), Kết luận của Hội nghị Trung ương sáu (khóa IX) và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc định hướng cho sự phát triển của khoa học và công nghệ nước ta ; khẳng định những thành tựu to lớn mà khoa học và công nghệ nước ta đã đóng góp trong công cuộc đổi mới đất nước ; đồng thời, nêu những hạn chế, yếu kém, khó khăn, vướng mắc cần được tháo gỡ, tạo nên sự "thông thoáng" để khoa học và công nghệ phát triển.

Một là, thực hiện sự đổi mới thực sự về cơ chế quản lý kinh tế và chính sách, trước hết ở đây là đổi mới về cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

Hai là, xây dựng và phát huy, phát triển nguồn lực khoa học và công nghệ phù hợp với yêu cầu đổi mới đất nước.

Ba là, đổi mới cơ chế tài chính, thiết lập thị trường khoa học và công nghệ một cách thích hợp.

Bốn là, mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, nhanh chóng hội nhập với xu thế phát triển của khu vực và thế giới.

PHẠM HIỆP
(Tổng thuật)

Digitized by Google

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN, DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI Ở ĐỒNG NAI

PHAN THANH KIỀU * - TRẦN QUANG HẢI

TÍNH đến hết năm 2002, tỉnh Đồng Nai đã thu hút được 410 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn trên 5,46 tỉ USD và 2 115 doanh nghiệp trong nước được cấp phép đăng ký hoạt động, với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 3 000 tỉ đồng. Sự đầu tư khá mạnh mẽ ấy đã giúp Đồng Nai giải quyết được trên 130 000 lao động có việc làm ; góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Một trong những nguyên nhân của thành tựu ấy là trong 5 năm qua, Đồng Nai đã tổ chức triển khai có chất lượng Chỉ thị số 07CT-TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài". Có thể nói, đây là một mô hình tốt.

Thực hiện chỉ thị 07CT-TW của Bộ Chính trị, từ tháng 12-1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai ban hành Chỉ thị số 07CT-TU về "Tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài" ; đồng thời xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị nhằm quán triệt chủ trương của Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các cấp ủy, ban cán sự đảng, các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh. Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Chỉ đạo để theo dõi công tác này, gồm các đồng chí lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh do đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh - Phó trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Theo đó, Ban Chỉ đạo xây dựng quy chế làm việc, hướng dẫn, phân công, phân cấp cho các cấp ủy trực thuộc chịu trách nhiệm ở từng địa bàn, nơi có doanh nghiệp đứng chân ; đồng thời, hướng dẫn việc tổ chức thành lập, sinh hoạt, hoạt động của các cấp ủy, chi bộ, đảng bộ trong từng doanh nghiệp theo Điều lệ Đảng.

Cấp ủy các huyện, thành phố, các ban cán sự đảng, đảng đoàn tổ chức quán triệt chủ trương trên đến các cấp ủy trực thuộc, đến cán bộ, đảng viên xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện ; thành lập tổ, bộ phận công tác ; tiến hành điều tra, khảo sát, gặp gỡ đảng viên, đoàn viên, người lao động, các nhà đầu tư, v.v.. nhằm tuyên truyền chủ trương nói trên của Đảng. Qua đó, vận động, thuyết phục, xúc tiến thành lập tổ chức đảng, đoàn thể, và công đoàn trong các doanh nghiệp có đủ điều kiện.

* ThS. Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Digitized by Google

Cố gắng đó đã giúp cán bộ, đảng viên, người lao động có bước chuyển đáng kể về nhận thức, quan điểm, tư tưởng ; tạo được sự nhất trí cao trong các cấp ủy, đoàn thể các cấp về tăng cường công tác xây dựng Đảng trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong toàn tỉnh.

Sau 5 năm tích cực triển khai thực hiện các chỉ thị trên, Đồng Nai đã thành lập được 35 chi bộ, đảng bộ cơ sở trong khối doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (với 657 đảng viên) ; trong đó, có 9 chi bộ, đảng bộ cơ sở được thành lập trong các doanh nghiệp liên doanh (với 104 đảng viên), 16 chi, đảng bộ cơ sở trong các công ty cổ phần (479 đảng viên), 7 chi, đảng bộ trong doanh nghiệp tư nhân (49 đảng viên) và 3 chi bộ trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (với 25 đảng viên).

Các tổ chức đảng trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã hoạt động một cách đúng hướng, thiết thực và bước đầu khá hiệu quả :

- *Về thực hiện nhiệm vụ chính trị :* Sau khi thành lập và đi vào hoạt động, các chi bộ, đảng bộ từng bước khẳng định rõ vai trò, nhiệm vụ của mình trong việc lãnh đạo, tuyên truyền, vận động người lao động thực hiện tốt đường lối, chủ trương, các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ; đưa các tổ chức kinh tế tư nhân trên địa bàn phát triển lành mạnh, đúng hướng. Nhiều chi, đảng bộ trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã phát huy được vai trò là hạt nhân chính trị, xác lập được mối đoàn kết giữa tổ chức Đảng với nhà đầu tư, góp phần ổn định và phát triển sản xuất - kinh doanh.

- *Về công tác lãnh đạo, giáo dục chính trị, tư tưởng :* Các cấp ủy đã tìm tòi, triển khai nhiều hình thức phong phú và thiết thực : thông qua các buổi sinh hoạt định kỳ của từng tổ chức, qua các hệ thống đài truyền thanh hoặc bản tin nội bộ của doanh nghiệp ; qua các cuộc du khảo về nguồn, v.v.. Nhờ đó, sự ổn định được tăng cường, tư tưởng thống nhất ; tình đoàn kết, hợp tác trong nội bộ được coi trọng...

- *Về công tác lãnh đạo các đoàn thể nhân dân :* Các cấp ủy chú trọng lãnh đạo các đoàn thể hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của từng tổ chức. Từ đó phát huy hiệu quả vai trò giám sát việc thực hiện pháp luật, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động, phát huy dân chủ cơ sở... Nhiều phong trào thi đua được người lao động tích cực hưởng ứng, huy động được hàng trăm triệu đồng, hàng chục công trình được áp dụng vào sản xuất như các phong trào "kỷ cương sáng tạo", "nâng cao chất lượng, hiệu quả" ; nhiều phong trào xã hội - từ thiện như "đền ơn đáp nghĩa", "gây quỹ tình thương", "quỹ bảo trợ", "xóa đói giảm nghèo" v.v.. vừa thiết thực giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, khơi dậy tình tương thân, tương ái ; vừa nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, góp phần xây dựng các đoàn thể vững mạnh.

- *Về công tác xây dựng Đảng :* Để nâng cao chất lượng hoạt động theo hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, các cấp ủy cơ sở đã xây dựng quy chế làm việc ; trong đó, cùng với việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của đảng viên, đã trưng cầu ý kiến của ban giám đốc, ban chấp hành các đoàn thể trong doanh nghiệp. Nhiều chi bộ, đảng bộ đã thực sự là hạt nhân trong việc củng cố đoàn kết giữa tổ chức đảng với nhà đầu tư và người lao động. Các chi bộ, đảng bộ đều xác định : ổn định, phát triển sản xuất - kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm ; xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Trong sinh hoạt đảng, các cấp ủy luôn chú trọng đổi mới nội dung, trong đó tập trung vào việc lãnh đạo, giáo dục, vận động cán bộ, đảng viên, người lao động chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; bàn bạc dân chủ trong xây dựng các biện pháp, và thống nhất cao trong hành động, đảm bảo đạt hiệu quả cao trong sản xuất - kinh doanh nhằm nâng cao thu nhập và ổn định việc làm

cho người lao động. Trong việc thực hiện nghị quyết, các cấp ủy đều có sự phân công, phân nhiệm cụ thể, gắn trách nhiệm của từng đảng viên với kết quả thực hiện nhiệm vụ để đánh giá năng lực và phẩm chất, lấy kết quả công việc làm căn cứ phân loại đảng viên. Công tác kiểm tra, tự phê bình và phê bình đảng viên luôn được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện. Nguyên tắc tập trung dân chủ được các chi, đảng bộ triệt để chấp hành ; chế độ trách nhiệm của cấp ủy, của đảng viên được xác định rõ ràng ; đoàn kết nội bộ được giữ vững và củng cố ; dân chủ cơ sở được phát huy theo phương châm : "người lao động biết, người lao động bàn, người lao động làm và người lao động kiểm tra". Qua các kỳ đại hội, những đảng viên có uy tín, đảng viên đảm trách các nhiệm vụ quan trọng trong doanh nghiệp được giới thiệu vào cấp ủy, vào ban chấp hành các đoàn thể. Những đảng viên này thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ về mọi mặt, thực sự gương mẫu trong sinh hoạt và công tác. Đây cũng là điều khiến các nhà đầu tư tin tưởng, từ đó đã tạo mọi điều kiện để các tổ chức đảng, đoàn thể làm tròn chức năng nhiệm vụ của mình, góp phần xây dựng các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh.

Đồng thời, các tổ chức đảng luôn quan tâm công tác phát triển đảng. Trong 5 năm qua, đã giáo dục, bồi dưỡng và kết nạp được 236 quần chúng là những cán bộ, công nhân lao động ưu tú đứng vào hàng ngũ của Đảng ; trong đó, có 75 người là cán bộ quản lý, 67 người là đoàn viên thanh niên, 33 người là ủy viên ban chấp hành công đoàn,... Hầu hết số đảng viên mới kết nạp là lực lượng trẻ, có trình độ chuyên môn cao, tay nghề vững ; thực sự là lực lượng tăng thêm sức mạnh cho chi bộ, đảng bộ trong doanh nghiệp. Các tổ chức cơ sở đảng làm tốt công tác phát triển đảng như các đảng bộ : Công ty Cổ phần mía đường La Ngà, Công ty A-ji-nô-mô-tô, Công ty Cổ phần may Đồng Nai ; đặc biệt Chi bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn Vê-dan (100% vốn nước ngoài), chỉ sau chưa đầy một năm thành lập đã bồi dưỡng, giáo dục và phát triển mới 8 đảng viên.

Như vậy, từ khi thực hiện Chỉ thị 07CT-TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và Chỉ thị 07CT-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa VI), các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, các đảng - đoàn, các ban, ngành, đoàn thể các cấp ở Đồng Nai đã quyết tâm và có nhiều cố gắng trong tập trung chỉ đạo xây dựng hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Điều quan trọng nhất là, các tổ chức này đều xác định rõ vai trò, nhiệm vụ ; khẳng định vị trí là hạt nhân lãnh đạo người lao động tuân thủ pháp luật, chấp hành tốt nội quy và kỷ luật lao động của doanh nghiệp, góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp. Từ nhận thức đúng đắn chủ trương của Bộ Chính trị (khóa VIII) và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa VI), từ các cấp ủy, Ban Thường vụ các đoàn thể đến các cán bộ, đảng viên đã tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhà đầu tư hiểu rõ chủ trương của Đảng, thấu suốt mục đích hoạt động của tổ chức đảng trong doanh nghiệp là nhằm lãnh đạo, vận động, giáo dục cán bộ, công nhân thực hiện đúng đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nội quy, quy định của doanh nghiệp - nhân tố quan trọng thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.

Qua 5 năm thực hiện các Chỉ thị 07CT-TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị 07CT-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tỉnh ủy Đồng Nai bước đầu đã rút ra một số bài học kinh nghiệm sau :

Một là, ở doanh nghiệp nào, đảng viên, đoàn viên thực sự phát huy vai trò gương mẫu, có phẩm chất đạo đức, có năng lực trong công tác tốt ; đồng thời có các tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động hiệu quả, thì ở đó sẽ có

Digitized by Google

nhiều thuận lợi để thành lập các tổ chức chính trị trong doanh nghiệp và được các nhà đầu tư đồng tình ủng hộ.

Hai là, đối với doanh nghiệp nhà nước liên doanh, khi tổ chức chọn nhân sự tham gia liên doanh là những cán bộ, đảng viên có lập trường chính trị vững vàng, có tính đảng, có trình độ nghiệp vụ chuyên môn giỏi bố trí vào hội đồng quản trị, ban giám đốc hoặc phụ trách các bộ phận quan trọng trong doanh nghiệp thì chính là tạo cơ sở quan trọng cho việc thành lập và tổ chức hoạt động các tổ chức đảng, đoàn thể nhanh chóng ổn định và phát huy hiệu quả.

Ba là, khi tiến hành thành lập các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp phải tổ chức trang nghiêm, thiết thực ; mặt khác, phải có kế hoạch tuyên truyền rộng rãi để khẳng định vị thế, vai trò cho các tổ chức đó và thu hút những doanh nghiệp khác làm theo. Ngay sau khi thành lập các tổ chức đảng và đoàn thể, cần có sự chỉ đạo hướng dẫn việc xây dựng quy chế, nội dung hoạt động của từng tổ chức, nhưng phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm, tình hình của doanh nghiệp, tránh tình trạng máy móc, hình thức.

Bốn là, trong quá trình xây dựng các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp, nhất là trong công tác tuyên truyền, phải làm cho mọi người đều thấy rằng : có tổ chức đảng chỉ có lợi cho doanh nghiệp. Mặt khác, việc xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, đoàn thể cũng chính là nhằm góp phần chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Giải quyết thông suốt về mặt tư tưởng các vấn đề đó chính là điều kiện đảm bảo cho doanh nghiệp phát triển lành mạnh, đúng hướng và vững chắc.

Năm là, phải phân công các cấp ủy viên cấp trên trực tiếp và thường xuyên theo dõi, dự các cuộc họp của cấp ủy, chi bộ, đảng bộ, ban chấp hành và các đoàn thể trong doanh nghiệp, từ đó có sự chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ kịp thời để các doanh nghiệp hoạt động đúng quỹ đạo và không ngừng phát huy hiệu quả.

Để phát huy vai trò hạt nhân chính trị lãnh đạo, vận động, tuyên truyền của các tổ chức chính trị ở các doanh nghiệp đạt hiệu quả cao, từ thực tiễn hoạt động thời gian qua ở Đồng Nai, có thể đề xuất mấy kiến nghị sau đây.

- Quốc hội và Chính phủ nên có văn bản hướng dẫn việc thành lập tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đoàn thể trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ; trong đó, quy định về thời gian sinh hoạt và hoạt động của các tổ chức chính trị trong các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng. Qua đó, giáo dục và nâng cao ý thức chính trị, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh.

- Ban Bí thư Trung ương Đảng xem xét, ban hành văn bản riêng về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong từng loại hình doanh nghiệp như : doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài ; doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước chi phối và doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước không chi phối, v.v.. để có cơ sở tổ chức, thực hiện. Đồng thời chỉ đạo và quy định thống nhất chung trong cả nước về đảng viên đang lao động, làm việc trong doanh nghiệp : nếu nơi đó có tổ chức hoặc có yêu cầu thành lập tổ chức đảng thì đảng viên phải chuyển sinh hoạt đảng về nơi đó để thành lập hoặc sinh hoạt đảng.

- Cùng với trợ giúp một phần kinh phí để các tổ chức đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động, cần có chính sách, chế độ đãi ngộ và quy chế bảo hộ đối với cán bộ, đảng viên hoạt động về công tác Đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp có vị trí quan trọng và đông công nhân nên cử cán bộ, đảng viên làm công tác đảng và đoàn thể chuyên trách. Có như vậy mới thực sự phát huy được vai trò, nhiệm vụ của từng tổ chức cũng như cá nhân chuyên trách về công tác đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp. ❑

Digitized by Google

Bước đột phá trong phát triển kinh tế trang trại ở TRÀ VINH

NHƯ HÙNG

TRÀ Vinh là tỉnh đồng bằng ven biển thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long có diện tích tự nhiên 222 567 héc-ta, số dân gần một triệu người (trong đó 30% là đồng bào Khơ Me). Cả tỉnh có đến 90,14% dân số sản xuất nông nghiệp. Mặc dù bình quân diện tích đất nông nghiệp mỗi hộ ở Trà Vinh chỉ có 0,94 héc-ta, nhưng do sự phân bố dân cư không đều và do sự tác động của kinh tế thị trường cộng với trình độ sản xuất của mỗi nông hộ khác nhau nên quá trình tích tụ ruộng đất, mở rộng quy mô sản xuất diễn ra rất nhanh. Tính đến đầu năm 2001, có 2 955 hộ ở Trà Vinh sử dụng từ 2 héc-ta trở lên, trong đó 1 505 hộ vượt hạn điền. Đây chính là vấn đề đáng quan tâm nhưng là điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình kinh tế trang trại mà tỉnh Trà Vinh đang "vào cuộc" với một quyết tâm cao.

Hướng đi đúng, chính sách mở, giải pháp phù hợp

Quá trình hình thành và phát triển kinh tế trang trại trong thời gian qua trên phạm vi cả nước nói chung và ở tỉnh Trà Vinh nói riêng đã và đang khẳng định một hướng đi phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Mục đích của tiến trình ấy như Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) đã xác định là : "Xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả và bền vững". Nhận thức đúng tầm quan trọng của loại hình kinh tế trang trại, Trà Vinh đã có một chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế trang trại giai đoạn 2001-2010. Để có được quyết định này, trước đó các ban, ngành chức năng trong tỉnh đã rà soát, tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng để hội đủ những điều kiện, làm tham mưu cho cấp ủy đi đến quyết định một chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh, coi đây là một bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở một tỉnh còn nghèo và không ít khó khăn.

Qua khảo sát thực tiễn cơ sở, một thực tế sinh động là không ít hộ nông dân đã tự vượt lên loại hình kinh tế nhỏ lẻ, tập trung tiền, vàng mua thêm đất, phương tiện sản xuất, học hỏi kinh nghiệm làm ăn từ nhiều địa phương khác trong cả nước để thoát nghèo và vươn tới làm giàu. Các loại hình tổ chức sản xuất có hiệu quả được các ban, ngành chức năng thu thập, nhận định, phân tích, đánh giá và được "bày lên bàn nghị sự" trong các cuộc họp chuyên đề của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh. Đó là những mô hình sản xuất lúa kết hợp với trồng màu hoặc nuôi tôm, cá và dịch vụ cày ải, tưới tiêu ở các huyện Trà Cú, Cầu Ngang ; các mô hình trồng cây ăn trái kết hợp nuôi tôm càng xanh, nuôi gà thả vườn ở các huyện Cầu Kè, Càng Long ; mô hình nuôi lợn sinh sản, lợn thịt theo hình thức công nghiệp quy mô từ 20 - 200 con ở thị xã Trà Vinh, ở huyện Tiểu Cần ; mô hình trồng rừng kết hợp nuôi, trồng thủy sản ở huyện Duyên Hải, nuôi bò thịt quy mô lớn ở

Digitized by Google

huyện Châu Thành... Những chuyển động tích cực của các mô hình ấy bước đầu đem lại kết quả đáng mừng : Nông dân đã biết quan tâm đến giá trị hàng hóa của sản phẩm thông qua ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất ; biết tìm kiếm cây, con giống tốt để sản xuất ra sản phẩm có chất lượng mà thị trường đang cần. Thực tiễn sinh động đó chính là tiền đề, là cơ sở cho sự hình thành kinh tế trang trại, một loại hình kinh tế thể hiện rõ những mặt tích cực. Trước hết là, tạo ra những vùng sản xuất tập trung với khối lượng lớn hàng hóa, thúc đẩy công nghiệp chế biến phát triển, từng bước góp phần hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Góp phần chuyển đổi nhanh cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, nước. Phát huy được nội lực, huy động được nguồn vốn đầu tư khá lớn trong nhân dân. Nhiều mô hình với tính chất đa dạng trong sản xuất, thu hút được nhiều lao động tham gia, góp phần xóa đói giảm nghèo trong nông thôn.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX, về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nhất là chủ trương về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển, tỉnh Trà Vinh xây dựng những chủ trương, chính sách sát hợp với thực tiễn địa phương để phát huy nguồn nội lực tiềm tàng sẵn có trong dân. Các quyết định số 36, 42 và 57 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong năm 2001 và 2002 về thực hiện một số chính sách ưu đãi đầu tư phát triển kinh tế trang trại đã và đang được nhân dân trong tỉnh đón nhận và thực hiện có hiệu quả. Các quyết định đó đã thể hiện rõ sự thống nhất quan điểm về phát triển kinh tế trang trại, xác định rõ đối tượng và ngành sản xuất, tiêu chí từng loại hình trang trại. Trên cơ sở đó, đề ra những giải pháp cụ thể :

- Quy hoạch vùng phát triển trang trại được coi là biện pháp hàng đầu. Trà Vinh đặc biệt chú trọng đến vùng rừng ngập mặn, bãi bồi ven biển và xác định hướng phát triển cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế sinh thái từng vùng và nhu cầu của thị trường.

- Giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giải pháp quan trọng. Các ngành chức năng tập trung sức giải quyết nhanh việc cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" cho các chủ trang trại. Những hộ nông dân có vốn, có kinh nghiệm sản xuất, quản lý, có yêu cầu mở rộng quy mô sản xuất và những hộ không có đất sản xuất (kể cả ngoài tỉnh) nếu có nguyện vọng tạo dựng cơ nghiệp lâu dài cũng được ưu tiên giao đất, cho thuê đất.

- Việc chuyển giao, tiếp nhận, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật- công nghệ vào sản xuất được hướng vào những việc cụ thể là nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, khuyến ngư, quy trình sản xuất cây, con giống, quy trình thâm canh cao, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

- Về tiêu thụ sản phẩm, Trà Vinh tạo điều kiện tối đa để các chủ trang trại tiếp cận thị trường, nắm bắt kịp thời thông tin, tham gia các hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, mở rộng giao lưu với các doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh và cả với nước ngoài. Khuyến khích việc liên kết giữa cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp nhà nước với các chủ trang trại, hộ nông dân.

- Giải pháp về vốn và thuế được phân định rõ ràng, cụ thể cho từng lĩnh vực theo quy định của Nhà nước. Các trang trại sản xuất, kinh doanh chế biến nông - lâm - thủy sản, trồng rừng nguyên liệu tập trung ; trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi bò sữa được vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước. Các chủ trang trại sản xuất kinh doanh được vay vốn tín dụng theo chính sách tín dụng Ngân hàng Nhà nước. Những vùng khó khăn, các chủ trang trại được vay vốn thuộc

Digitized by Google

Chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, tham gia các dự án phát triển nông, lâm, ngư nghiệp... để mở rộng quy mô sản xuất. Các chủ trang trại được hưởng chế độ ưu đãi về đầu tư theo Luật Đầu tư và chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp theo Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế trang trại là một giải pháp được đặc biệt chú trọng. Các chủ trang trại được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh ; đồng thời các sở, ban, ngành của tỉnh thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn nhằm giúp kinh tế trang trại phát triển đúng hướng và bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chủ trang trại và người lao động về kỹ thuật canh tác, công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm, nghiệp vụ quản lý, sản xuất kinh doanh, khả năng tiếp cận thị trường ; định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để công tác lãnh đạo, chỉ đạo đạt hiệu quả ngày càng cao.

- Về các chính sách ưu đãi đầu tư vốn, Trà Vinh đã có chính sách ưu đãi cụ thể, chi tiết cho 13 loại hình trang trại từ sản xuất kinh doanh giống cây trồng, con vật nuôi đến sản xuất kinh doanh các chủng loại này tạo ra sản phẩm hàng hóa tiêu dùng. Đa số các chủ trang trại đều được hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay vốn ngân hàng 3 năm đầu. Đặc biệt, các trang trại nuôi bò sinh sản có quy mô từ 10 đến 14 con, được đầu tư một con bò đực giống trưởng thành và 0,5 kg hạt cỏ giống ; sau 3 năm, chỉ thu hồi lại bằng 50% giá trị bò đực giống đầu tư ban đầu. Nếu trang trại có 15 con bò cái sinh sản trở lên thì được đầu tư không thu hồi một con bò đực giống (trị giá 6 triệu đồng) và một ki-lô-gam hạt cỏ giống. Việc tiêm phòng cho gia súc, gia cầm đều được miễn 100% phí.

Kết quả bước đầu, bài học kinh nghiệm

Có hướng đi đúng, biện pháp phù hợp, chính sách ưu đãi đang thực sự trở thành động lực thúc đẩy, phát huy sức mạnh tiềm tàng trong nhân dân. Nếu tháng 5-2001, sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành kế hoạch phát triển kinh tế trang trại giai đoạn 2001-2010, cả tỉnh mới có 85 trang trại thì tới tháng 6-2003, toàn tỉnh đã có 1 480 trang trại - một mức tăng đột phá về số lượng, đồng thời hiệu quả sản xuất kinh doanh của các trang trại đều có bước chuyển biến rõ nét về chất. Tổng nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế trang trại hơn 600 tỉ đồng, trong đó gần 78% là vốn của nhân dân. Điều đáng mừng và có ý nghĩa nhất là không một trang trại nào làm ăn thua lỗ. Giá trị sản lượng bình quân mỗi một trang trại đạt 180 triệu đồng/năm ; bình quân thu nhập một trang trại trên địa bàn tỉnh đạt xấp xỉ 62 triệu đồng. Năm 2002, tổng giá trị hàng hóa đạt hơn 200 tỉ đồng ; hơn 3 600 lao động có việc làm ổn định, khai thác có hiệu quả trên diện tích hơn 2 610 héc-ta đất nông nghiệp và hơn 1 700 héc-ta mặt nước nuôi trồng thủy sản. Có hàng trăm trang trại sản xuất kinh doanh quy mô lớn, hiệu quả cao, thu nhập hơn 100 triệu đồng/năm.

Điển hình là ở huyện Tiểu Cần, vợ chồng anh Thạch Sơn và chị Thạch Thị Đông, người dân tộc Khơ Me, vợ làm chủ trang trại nuôi lợn sinh sản, chồng làm chủ trang trại bò sinh sản. Từ những người nông dân cần cù, tiết kiệm, biết tính toán để tạo vốn ban đầu và khi có chính sách ưu đãi đầu tư của Nhà nước, anh Thạch Sơn và chị Thạch Thị Đông tiếp tục mở rộng quy mô đàn bò, lợn sinh sản đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao. Ông Nguyễn Văn Hùng ở xã Long Hòa (huyện Châu Thành) canh tác một héc-ta nuôi tôm sú trong thời gian 3 tháng 20 ngày đã thu 450 triệu đồng, lãi ròng là 240 triệu đồng. Huyện Càng Long, là địa phương có thu nhập bình quân/năm của các trang trại cao nhất tỉnh Trà Vinh (gần 90 triệu đồng). Đây là một huyện có thế mạnh về chăn nuôi, có 57 trang trại chuyên nuôi bò, lợn sinh sản và bò, lợn, gà lấy thịt. Nhiều chủ trang trại đã thực hiện nuôi nhiều loại

Digitized by Google

gia súc, gia cầm, với phương châm "lấy ngắn nuôi dài" đem lại hiệu quả cao. Ở các huyện Trà Cú, Cầu Ngang, Châu Thành... xuất hiện nhiều chủ trang trại sản xuất kinh doanh giỏi có đàn bò, lợn sinh sản từ 100 đến 200 con. Bà Lê Thị Mỹ, chủ một trang trại ở xã Tân Hiệp (huyện Trà Cú), có tổng đàn bò 150 con ; năm 2002, thu lãi 120 triệu đồng. Ông Nguyễn Văn Chà ở xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang nuôi 140 con lợn nái, sau khi trừ chi phí thu lãi 96 triệu đồng một năm. Ở huyện Duyên Hải, một huyện ven biển có thế mạnh về sản xuất tôm giống và nuôi tôm sú đã hình thành gần 650 trang trại, nhiều trang trại nuôi tôm sú trên diện tích lớn từ 5 đến 10 héc-ta, thu nhập mỗi năm hàng trăm triệu đồng.

Nhìn chung, sau hơn một năm triển khai kế hoạch phát triển kinh tế trang trại, những chính sách ưu đãi đầu tư ở Trà Vinh đã có tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nông dân tham gia công tác sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, sản phẩm được đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước về giống, góp phần thúc đẩy xã hội hóa công tác giống. Các trang trại chăn nuôi lợn, bò sinh sản đã tạo nên thị trường mua bán con giống luôn sôi động. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hình thức trang trại đã tạo điều kiện cho nông dân đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển phương thức nuôi quảng canh, bán thâm canh sang nuôi công nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Đó chính là những yếu tố góp phần phát triển sản xuất nông - ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ những kết quả bước đầu đó, Trà Vinh đã rút ra những bài học kinh nghiệm :

Một là, quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết của Đảng, vận dụng sáng tạo vào tình hình thực tiễn của địa phương, tỉnh đề ra chủ trương, chính sách hợp lòng dân, khơi dậy tiềm năng đất đai và lao động sẵn có, tạo được phong trào lao động sản xuất rộng khắp trong toàn tỉnh.

Hai là, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, luôn đề cao công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời uốn nắn những sai lệch, có biện pháp khắc phục, tạo cho người lao động càng thêm tin tưởng vào chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, yên tâm sản suất, làm giàu chính đáng bằng chính khả năng của mình và sự hỗ trợ của Nhà nước. Chẳng hạn, trong thực tế, số trang trại bò sinh sản phát triển rất nhanh, có một số bò nhập từ tỉnh ngoài vào không qua kiểm dịch hoặc trong việc thẩm định tiêu chí trang trại có nơi làm chưa chặt chẽ để xảy ra hiện tượng khai khống hoặc mượn con giống để được công nhận đủ tiêu chuẩn, được hưởng ưu đãi đã được phát hiện và ngăn chặn kịp thời.

Ba là, sự phối - kết hợp đồng bộ giữa các cấp lãnh đạo, các ngành chức năng tạo được sức mạnh đẩy nhanh tốc độ thực hiện chương trình phát triển kinh tế trang trại. Tất cả các ngành chức năng từ tỉnh đến huyện đều vào cuộc với trách nhiệm cao. Ngành thống kê khẩn trương tổ chức điều tra, thống kê, tổng hợp ; ngành ngân hàng, quỹ hỗ trợ đầu tư lo vốn ; ngành công nghiệp giúp các trang trại hình thành các cơ sở chế biến ; Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết hợp với các huyện, thị xã lo quy hoạch phân vùng, xét cấp chứng nhận trang trại, tổ chức tập huấn. Ngành bảo hiểm cũng kịp thời thực hiện hợp đồng bảo hiểm cho trang trại nuôi tôm sú...

Rõ ràng, sự hình thành và phát triển hệ thống trang trại ở Trà Vinh là một hướng đi đúng, hợp quy luật và là một thế mạnh để phát huy nguồn nội lực trong tỉnh. Nhưng những kết quả đạt được cũng mới chỉ là bước đầu. Thị trường tiêu thụ đang là mối lo lớn của các chủ trang trại và cũng là bài toán mà lãnh đạo tỉnh Trà Vinh còn phải tiếp tục tìm lời giải để đảm bảo cho tiến trình phát triển kinh tế trang trại một cách bền vững.❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

NGUYỄN KÝ*

NGHỊ quyết Trung ương 5 (khóa IX) về *"Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn"* nhấn mạnh : "Để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới, hệ thống chính trị từ trung ương tới cơ sở phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và chỉnh đốn tổ chức, nâng cao hiệu lực lãnh đạo và quản lý"(1). Nghị quyết đã dành một phần quan trọng để bàn về vấn đề đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở - bộ phận hạt nhân, giữ vai trò lãnh đạo hệ thống chính trị ở cơ sở.

1 - Vì sao phải đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở ?

Đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng ta đã chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài "phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Đây là vấn đề cơ bản đòi hỏi từ thể chế hành chính, kinh tế, xã hội ở tầm vĩ mô cho đến phương thức lãnh đạo, quản lý, vận động quần chúng ở mức vi mô đều phải thay đổi, phù hợp với yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Vì vậy, cùng với đổi mới cơ chế kinh tế, cải cách nền hành chính, Đảng ta luôn quan tâm đến việc đổi mới phương thức lãnh đạo, coi đó là điều mấu chốt để thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn ở nước ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý về cách thức và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện nhiệm vụ đánh giặc, giải phóng quê hương, bảo vệ Tổ quốc ; thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và phân phối sản phẩm theo cơ chế phù hợp với hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Bước vào thời kỳ phát triển mới, hệ thống chính trị ở cơ sở nước ta đã bộc lộ "nhiều mặt yếu kém, bất cập trong công tác lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng"(2). Do đó, nghiên cứu, tìm tòi, chọn lựa, đổi mới phương thức hoạt động cho phù hợp với nhiệm vụ mới ở cơ sở đã trở thành vấn đề vừa cấp bách vừa lâu dài.

---

* Văn phòng Chính phủ

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 165

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 166

Digitized by Google

Qua gần 17 năm đổi mới, đời sống nhân dân được cải thiện, việc làm, điều kiện ăn, ở, học hành, chữa bệnh, đi lại... đã được dễ dàng, bộ mặt nông thôn và thành thị khởi sắc. Trên địa bàn cơ sở đã có nhiều thay đổi quan trọng, nhiều thành phần kinh tế với nhiều chế độ sở hữu đan xen đang phát triển với nhiều ngành nghề phong phú, đa dạng ; cơ cấu dân cư cũng chuyển biến theo hướng hợp lý và trình độ dân trí được nâng lên theo tiến trình của đổi mới. Song, trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, của cuộc sống nhân dân, nhiều vấn đề bức xúc đang đặt ra, đòi hỏi toàn bộ hệ thống chính trị, trước hết là hệ thống chính trị ở cơ sở, phải đổi mới phương thức hoạt động, đáp ứng sự mong mỏi của dân.

2 - Đổi mới phương thức hoạt động như thế nào ?

Nhược điểm của phương thức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở trong cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp nổi bật ở ba điều là : *"tiếm quyền, làm thay và nuôi bao"*. Làm thay dân - không làm tốt được như dân; nuôi bao dân - chỉ nuôi được ở mức thiếu thốn, chật vật ; tiếm quyền dân - nhiều tệ nạn nảy sinh. Đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở hiện nay, có nghĩa là phải làm ngược lại ba điều ấy : không tiếm quyền, không làm thay và không nuôi bao. Quyền của dân để dân quyết, việc của dân để dân làm, dân tự nuôi mình và làm giàu cho đất nước. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thực hiện đúng chức năng, làm đúng những công việc cần làm và phải làm.

- *Phát huy quyền dân chủ.* Đảng bộ, chi bộ cơ sở thực sự là hạt nhân lãnh đạo chính trị, tuyên truyền, giáo dục để nhân dân thấu hiểu các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, hướng dẫn và tổ chức để nhân dân thực hiện ; phát huy và tập hợp mọi lực lượng, trước hết là các tổ chức trong hệ thống chính trị, khơi dậy mọi tiềm lực tại chỗ, tạo mọi thuận lợi để nhân dân và doanh nghiệp làm ăn, thúc đẩy mọi hoạt động kinh tế - xã hội phát triển. Những vấn đề lớn quan hệ đến cuộc sống và quyền lợi của đông đảo nhân dân ở địa phương, đảng bộ, chi bộ cơ sở, theo tinh thần chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và tình hình thực tế ở cơ sở, bàn và đưa ra những quyết định về chủ trương, giải pháp có tính định hướng để đảng viên gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân cùng làm. Những công việc thuộc thẩm quyền của nhân dân hoặc thẩm quyền của cơ quan đại diện cho nhân dân, để nhân dân hoặc cơ quan đó quyết định theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng : "Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng"(3).

- *Thực hiện việc quản lý xã hội bằng pháp luật, giữ vững kỷ luật, trật tự kỷ cương xã hội.* Xã hội phát triển khi động lực lợi ích đã được coi trọng, mọi tài sản, của cải làm ra đã thật sự có chủ. Song, bên cạnh mặt tích cực, những diễn biến về các mối quan hệ xã hội, quan hệ giao lưu, quan hệ lợi ích, cũng làm phát sinh nhiều mâu thuẫn, thậm chí rất gay gắt, trong nội bộ nhân dân. Đó là điều khó tránh và thực trạng đó ở cơ sở rất cần được quan tâm. Những mâu thuẫn đó phải được giải quyết

(3) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 134

Digitized by Google

một cách thấu tình, đạt lý trên nền tảng của pháp luật.

Các thành viên trong các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở, trước hết là trong tổ chức đảng, trong bộ máy chính quyền phải gương mẫu nói và làm theo pháp luật, theo nghị quyết và chỉ thị của cấp trên, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, đồng thời tuyên truyền, giúp nhân dân hiểu, sống và làm việc theo pháp luật.

Chính quyền phải thiết lập các cơ sở pháp lý ban đầu trong sổ sách, trên thực địa và cập nhật sự biến động một cách chính xác về quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở, các tài sản khác và hộ tịch, hộ khẩu theo pháp luật quy định ; giải quyết chính xác, kịp thời các thủ tục hành chính theo thẩm quyền ; bảo đảm tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Những công việc thuộc nội bộ nhân dân cần có hướng dẫn để nhân dân tự bàn và thoả thuận, thông qua các tổ chức của nhân dân, thông qua quy ước thôn.

- *Cụ thể hóa quy hoạch kinh tế - xã hội của cấp trên tại địa bàn,* nhất là việc bố trí quy hoạch sử dụng đất, khu dân cư, xây dựng kết cấu hạ tầng về kinh tế và phúc lợi xã hội, tạo tiền đề và cơ sở cho nhân dân, doanh nghiệp khai thác mọi tiềm năng tại chỗ, phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức cuộc sống của cộng đồng.

- *Xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực, lấy "kinh tế là trọng tâm".* Đảng bộ, chi bộ cơ sở lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị thông qua vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên, thông qua chính quyền và các đoàn thể nhân dân, không làm thay chính quyền, các đoàn thể và không làm thay dân. Những doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn là người tiên phong mở đường khai thác tiềm lực tại chỗ, phát triển ngành nghề, tạo thêm việc làm, tạo thêm sản phẩm hàng hóa, lưu thông và tiêu thụ sản phẩm. Họ phải được suy tôn, được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất kinh doanh, được hưởng thụ thành quả lao động chính đáng do chính họ làm ra. Vì đối với nông dân "trăm nghe không bằng một thấy". Những nhân tố đó làm cơ sở cho đông đảo bà con nông dân học hỏi, noi gương để phát triển. *Những nhân tố điển hình đó chính là trung tâm phát triển kinh tế làng - xã.* Muốn phát triển kinh tế, chúng ta cần có các hộ làm kinh tế giỏi và các doanh nhân. Bài học kinh nghiệm đó đã được nhiều địa phương trong cả nước xác nhận. Chẳng hạn, Minh Lãng là một xã đất chật, người đông của huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Ở đây, nghề thêu ren đã có truyền thống gần một trăm năm nay. Trải qua những biến động của thị trường truyền thống cả trong nước lẫn ngoài nước, nghề thêu ren chỉ hồi sinh và thịnh vượng khi có 8 doanh nghiệp nhỏ và 70 đầu mối làm dịch vụ xuất khẩu ra đời. Cấp ủy, chính quyền ở Minh Lãng coi đây là lực lượng đã cứu sống và nâng cao nghề thêu ren, tạo việc làm ổn định cho gần 4 ngàn người. Xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nhờ có 4 hộ chuyên làm dịch vụ thu mua, chế biến, tiêu thụ thịt lợn mà nghề chăn nuôi lợn trong xã có điều kiện phát triển.

- *Tổ chức và hoạt động của các đoàn thể nhân dân thật sự vì lợi ích của hội viên, đoàn viên.* Lâu nay, ta thường có quan niệm các tổ chức, đoàn thể nhân dân chỉ để thực hiện các nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền giao. Quan niệm đó đã hạn chế tính chủ động, sáng tạo của các đoàn thể trong

Digitized by Google

tập hợp và tổ chức lực lượng quần chúng rộng rãi. Nhiều tổ chức rất lúng túng khi bước vào ngưỡng cửa của cơ chế thị trường, làm trầm trọng thêm căn bệnh hành chính hóa các đoàn thể nhân dân. Do đó, đoàn thể nhân dân xác định mục đích tồn tại và hoạt động của mình chính là vì lợi ích của hội viên, đoàn viên, từ đó tìm tòi và thực hiện các hình thức hoạt động phù hợp với nguyện vọng và đặc điểm của từng đối tượng như các chương trình : "khuyến nông", "khuyến công", "xóa đói, giảm nghèo", "thanh niên lập nghiệp", "vì sự tiến bộ của phụ nữ"... Khi mọi người tự thấy lợi ích của mình được đáp ứng, họ sẽ sẵn sàng tự nguyện gia nhập các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở. Đó là điều kiện để xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Thông qua các hoạt động vì lợi ích của hội viên, đoàn viên, vận động mọi người thực hiện tốt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương ; góp ý kiến xây dựng Đảng và chính quyền ở cơ sở ; tham gia tích cực vào các phong trào thi đua, các cuộc vận động ở cơ sở, các đoàn thể nhân dân càng lớn mạnh và càng xứng đáng là lực lượng chính trị rộng lớn, là nòng cốt cho khối đại đoàn kết toàn dân một cách bền vững từ cơ sở .

- *Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các tổ chức tự quản, các hội nghề nghiệp...* Nhân dân tự bàn và quyết định, tự quản lý, tự chịu trách nhiệm, tự trang trải kinh phí hoạt động. Cách làm này sẽ phát huy được tính chủ động của nhân dân trong việc tổ chức thực hiện những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các hội viên, đoàn viên của các đoàn thể chính trị - xã hội phải là nòng cốt của các tổ chức tự quản để vận động và hướng dẫn các tổ chức đó hoạt động đúng hướng, đúng pháp luật. Hình thức này, ở nước ta đã có từ lâu, các hội đã được tổ chức và thực hiện nhiều công việc trong đời sống của nhân dân ở các cộng đồng làng xã. Nhưng, trong một thời gian dài các tổ chức tự quản của nhân dân chưa được nhìn nhận, đánh giá một cách đúng mức. Trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, Đảng ta xác định : "Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, văn hóa, hữu nghị, từ thiện - nhân đạo..."(4) .

Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cấp ủy, chính quyền, cán bộ chủ trì các đoàn thể nhân dân. Các cấp ủy phải thật sự dựa vào dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân để tuyển chọn, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ thật sự công tâm, thạo việc, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì nhân dân, không tham nhũng, không ức hiếp dân. Đội ngũ cán bộ chủ trì của hệ thống chính trị cơ sở phải có *phong cách làm việc gần dân, sát dân, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhân dân,* hiểu được những việc dân cần, biết được những việc dân đang mong đợi ; cùng nhân dân giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn trong sản xuất, đời sống. Đồng thời, cán bộ cơ sở phải có đủ trình độ để kịp thời phát hiện và nhân rộng những nhân tố mới, những sáng kiến trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tìm việc làm, phát triển văn hóa, tổ chức đời sống ... của nhân dân trên địa bàn, góp phần đưa nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống.❑

---

(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr 130-131

Digitized by Google

CẢI TỔ LIÊN HỢP QUỐC - VẤN ĐỀ CẤP THIẾT, BỨC XÚC CỦA CẢ THẾ GIỚI

TRẦN TRỌNG

Kỳ họp thứ 58 Đại hội đồng Liên hợp quốc họp giữa lúc tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp. Trong hàng trăm vấn đề đặt vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng, đang nổi bật lên vấn đề cải tổ lại Liên hợp quốc. Đó vừa là yêu cầu cấp thiết, bức xúc của tình hình quốc tế hiện nay vừa là nguyện vọng tha thiết, là đòi hỏi chính đáng của nhân dân các dân tộc và quốc gia trên toàn thế giới.

Liên hợp quốc được thành lập từ tháng 4-1945, khi Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc. Bối cảnh ra đời đó chứng tỏ rằng, sau một chặng đường lịch sử dài, đã đến lúc các dân tộc và quốc gia trên trái đất cần phải được tổ chức lại để chung sống hòa bình, một cách bình đẳng, có tổ chức, có kỷ cương.

Trong mấy chục năm tồn tại, Liên hợp quốc đã làm được nhiều việc quan trọng, góp phần tạo lập sự ổn định, hòa bình và phát triển của thế giới. Sự cống hiến của Liên hợp quốc là điều đã được nhân dân các dân tộc ghi nhận. Từ 50 nước tham gia ngày mới thành lập, trải qua hơn nửa thế kỷ, đến nay Liên hợp quốc có 191 thành viên. Có thời kỳ dài, Liên hợp quốc đã trở thành một diễn đàn lớn của các quốc gia họp bàn về nhiều vấn đề bức xúc trước mắt và lâu dài của thế giới. Đó còn là một đấu trường quốc tế quan trọng của các quan điểm, lập trường, chính sách khác nhau, thậm chí đối chọi nhau về chiến tranh và hòa bình, về phản tiến bộ và tiến bộ, về xâm lược và chống xâm lược...

Tuy nhiên, cùng với thời gian, Liên hợp quốc đã không theo kịp sự phát triển của tình hình. Trước hết, về mặt khách quan, đó là do những nhân tố cơ bản hợp thành nền tảng của sự phát triển xã hội loài người đã và đang có nhiều biến đổi nhanh chóng làm cho nhiều mâu thuẫn trở nên gay gắt.

Dân số thế giới tăng nhanh. Tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt. Sự phát triển như vũ bão của khoa học - kỹ thuật, đặc biệt là sự phát triển nhảy vọt của công nghệ cao trong toàn cầu hóa đã làm cho sự phân hóa giàu nghèo giữa các quốc gia, khu vực ngày càng gia tăng. Thêm vào đó là tác động cộng hưởng từ nhiều yếu tố khác như dịch bệnh, thiên tai, đói nghèo và thất nghiệp, xung đột và chiến tranh...

Không chỉ có vậy. Vào cuối năm 2002 đầu năm 2003, một tình hình mới làm cho vấn đề càng bức xúc hơn. Đó là việc nhà cầm quyền Mỹ - Anh ngang nhiên phát động chiến tranh xâm lược I-rắc, bất chấp sự phản đối của Liên hợp quốc. Bảy ngày sau khi chiến tranh bắt đầu, trước sự thúc ép của khối các nước không liên kết và Liên đoàn A-rập, Hội đồng bảo an mới họp lại (không có Mỹ và Anh dự), không một lời phê phán cuộc chiến tranh xâm lược này và chỉ ra được một Nghị quyết về "viện trợ nhân đạo" cho I-rắc!

Dư luận chung cho rằng, qua cuộc chiến tranh này, vai trò và uy tín của Liên hợp quốc không những giảm sút mà là gần như sụp đổ. Lúc đó

Digitized by Google

Liên hợp quốc đã có những điều kiện khách quan rất thuận lợi để có thể có những phản ứng và quyết định tích cực. Đó là phong trào của nhân dân thế giới đấu tranh phản đối chiến tranh xâm lược I-rắc. Hàng trăm triệu người trên khắp thế giới (ở 138 nước) liên tục biểu tình, trong đó, có cả hàng triệu người dân Mỹ và Anh cùng tham gia phản đối chiến tranh suốt 3 tháng trước ngày cuộc chiến tranh do Mỹ và Anh tiến công xâm lược I-rắc nổ ra. Đây là một hiện tượng mới chưa từng có trong lịch sử nói lên ý chí kiên quyết chống chiến tranh của nhân dân thế giới mà đáng ra, như dư luận đánh giá, là một nguồn sức mạnh to lớn về chính trị, tinh thần, để Liên hợp quốc dựa vào đó biểu thị hành động của mình. Một điều kiện thuận lợi quan trọng nữa là số đông các nước thành viên Liên hợp quốc không đồng tình chấp thuận cho Mỹ - Anh gây chiến xâm lược I-rắc. Ngay trong số các thành viên Hội đồng bảo an, phe phản đối chiến tranh vẫn chiếm đa số.

Thực tế này cho phép khẳng định : Đã đến lúc Liên hợp quốc phải được cải tổ thực sự nghiêm túc để làm tròn chức năng phức tạp, nhiệm vụ nặng nề và cao cả là giữ vững hòa bình, ngăn chặn chiến tranh mà nhân dân các dân tộc từng gửi gắm niềm tin vào đó.

Vậy nên cải tổ Liên hợp quốc như thế nào ? Thực ra, mấy năm gần đây cũng đã có những hoạt động nhằm cải tổ Liên hợp quốc do một số tổ chức hoặc một vài nhóm quốc gia đưa ra nhưng các phương án đều chung chung, mờ nhạt, nặng về thỏa hiệp, thiếu thiết thực.

Xem xét sự trì trệ và chiều hướng đi xuống của tổ chức Liên hợp quốc, trước những yêu cầu và xu thế đòi hỏi phát triển của thế giới trong thế kỷ XXI, đúng là trên hàng loạt vấn đề quan trọng, từ quan điểm, chức năng đến cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động và điều hành của Liên hợp quốc, v.v.. mặt nào cũng cần cải tổ. Yêu cầu cơ bản và cấp bách lúc này là tiếp tục tập trung nỗ lực giải quyết một số vấn đề then chốt, thiết thực một cách kiên quyết nhất, để khôi phục được lòng tin của nhân dân thế giới, lấy lại uy tín của Liên hợp quốc.

Một là, khẳng định lại và cụ thể hóa hơn nữa quan điểm cơ bản về chức năng chủ yếu của tổ chức Liên hợp quốc đúng như tinh thần của Hiến chương 1945 đề ra. Ngay trong *Lời nói đầu* của Hiến chương 1945 ghi rõ : "Chúng tôi, nhân dân các nước liên hiệp lại, quyết tâm phòng ngừa cho các thế hệ tương lai khỏi thảm họa chiến tranh", "sẽ thực hiện sự khoan dung và chung sống hòa bình với nhau. Sẽ liên hiệp sức mạnh của các quốc gia để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế". Bản Hiến chương không những khẳng định chức năng ngăn ngừa chiến tranh, duy trì hòa bình mà còn nhấn mạnh ngay từ đầu là phải đảm bảo theo đúng các nguyên tắc và biện pháp không dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Phải thừa nhận rằng, so với khi Liên hợp quốc mới ra đời, thế giới ngày nay có nhiều quan hệ phức tạp hơn, nhiều nguy cơ phải đối phó hơn ; và vấn đề gì cũng cần được Liên hợp quốc quan tâm. Nhưng, chức năng chủ yếu số một và hàng đầu của Liên hợp quốc là ngăn chặn chiến tranh. Thực tế là, từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các loại hình chiến tranh phát triển rất phức tạp, với nhiều quy mô, tính chất, đặc điểm rất khác nhau : chiến tranh thực dân (cũ và mới), chiến tranh xâm lược, chiến tranh giải phóng ; chiến tranh biên giới, hải đảo ; chiến tranh tài nguyên, v.v.. Để làm tròn sứ mạng và chức năng của mình, Liên hợp quốc cần đi sâu nghiên cứu, đề ra những nguyên tắc và chế định rõ ràng. Nhưng lục lại hồ sơ thì thấy rằng, phần lớn các cuộc chiến tranh sau khi nổ ra hoặc đã chấm dứt, Liên hợp quốc chỉ xoay quanh việc vận động và tổ chức cứu trợ nhân đạo, cứu trợ tỵ nạn, tăng cường lực lượng giữ gìn hòa bình... Cần khẳng định rằng, Liên hợp quốc không phải là một tổ chức từ thiện. Chức năng cơ bản của Liên hợp quốc không phải là để làm việc nhân đạo. Mặc dầu trong nhiều cuộc chiến tranh,

Digitized by Google

phải ghi nhận rằng các tổ chức cứu trợ nhân đạo của Liên hợp quốc đã làm rất tốt, nhiều khi phải đổ cả xương máu. Điều gì có thể rút ra từ thực tế đó ? Xin nói ngay rằng : *Xin đừng pha loãng, và làm biến chất Liên hợp quốc thêm nữa.*

Đầu năm ngoái, khi người ta đưa ra "học thuyết chiến lược chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu" kèm theo một dự định sẽ tiến hành chiến tranh chống khủng bố với khoảng "60 nước được coi là do có quan hệ với chủ nghĩa khủng bố" thì ở Hội đồng Thư ký Liên hợp quốc cũng có tuyên bố rằng : "Liên hợp quốc sẽ đi đầu trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu" ! Hoặc, sau chiến tranh I-rắc, người ta ráo riết vận động Liên hợp quốc ra Nghị quyết 1500 về I-rắc nhằm "Liên hợp quốc hóa" cái gọi là Hội đồng điều hành lâm thời do Mỹ dựng lên nhằm chống đỡ thế bị cô lập và bị lên án của Mỹ và Anh ; đồng thời lập ra một "đội quân quốc tế" (gồm quân góp của hơn 20 nước) để "giúp ổn định tình hình và tái thiết I-rắc" dưới quyền điều hành của Mỹ, thực chất là để đỡ đòn và chết thay cho quân Mỹ, quân Anh đang bị chiến tranh du kích I-rắc tấn công liên tiếp.

Dư luận một số nước ở châu Phi, châu Á và Trung Cận Đông cảnh báo rằng : Đừng để Liên hợp quốc *biến thành một công cụ của chủ nghĩa đơn phương !* Bởi đó đang là một khả năng rất thực tế. Cần nói rõ thêm : Lúc này xu hướng thỏa hiệp thiên hữu đang có vẻ bao trùm lên các hành lang và bàn nghị sự của Hội đồng Bảo an. Đây là điều đáng suy nghĩ.

Hai là, cần kiên quyết tổ chức lại bộ máy điều hành của Liên hợp quốc cả từ Hội đồng Bảo an lẫn Hội đồng Thư ký, đặc biệt là Hội đồng Bảo an. Phải viết lại cụ thể thành văn bản luật tổ chức Hội đồng Bảo an và Hội đồng Thư ký. Phải dựa vào chức năng, nhiệm vụ chung của Liên hợp quốc mà định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chức, xoáy sâu vào nhiệm vụ ngăn chặn chiến tranh, chống can thiệp quân sự và xâm lược.

Về cơ cấu tổ chức, Hội đồng Bảo an có thể vẫn gồm hai thành phần là các ủy viên thường trực và các ủy viên không thường trực. Nên chăng, bãi bỏ quy chế ủy viên thường trực vĩnh viễn. Lý do của vấn đề này là : khi Liên hợp quốc mới thành lập cách đây hơn nửa thế kỷ, số thành viên mới chỉ gồm khoảng 1/4 các nước trên thế giới, việc đề ra quy chế chỉ có 5 nước lớn là ủy viên thường trực vĩnh viễn của Hội đồng Bảo an là dựa trên cơ sở quan điểm chỉ có các cường quốc đó là có quyền quyết định vận mệnh của cả thế giới. Ngày nay, bước vào thế kỷ XXI, thế giới đã thay đổi nhiều. Số thành viên của Liên hợp quốc đã tăng gần gấp 4 lần. Nhận thức của nhân dân các dân tộc và quốc gia đã đổi khác. Quan điểm chỉ có 5 cường quốc quyết định mọi việc của thế giới đã trở nên lỗi thời. Công bằng, dân chủ và bình đẳng giữa tất cả các nước lớn, nhỏ đã trở thành những tiêu chí chính đáng không thể thiếu trong quan hệ quốc tế. Vì vậy, quy chế cũ nên được thay bằng quy chế tất cả các ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an đều do Đại hội đồng bầu ra, có thể với nhiệm kỳ 4 hoặc 5 năm một lần. Để bảo đảm đủ uy tín và sự tin cậy cho Hội đồng Bảo an, các ủy viên đều phải được bầu, không trừ ai và phải hội đủ 2/3 số phiếu tín nhiệm trở lên. Để khắc phục tình trạng trước đây, ngày nay việc lựa chọn các nước xứng đáng là ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Bảo an (cả ủy viên thường trực và ủy viên không thường trực) phải có những tiêu chuẩn quy định xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Liên hợp quốc mà Hội đồng Bảo an là người thực hiện : ngăn chặn xung đột và chiến tranh, chống can thiệp và xâm lược. Có thể nêu lên một số tiêu chuẩn cho các ứng viên vào Hội đồng Bảo an :

1- Không chủ trương tiến hành chiến tranh, can thiệp quân sự vào các cuộc xung đột và chiến tranh ngoài biên giới nước mình.

2- Không tham gia tiếp tay, ủng hộ hoặc khuyến khích dưới mọi hình thức các cuộc chiến tranh xâm lược hoặc can thiệp quân sự vào các nước khác.

Digitized by Google

3- Có tinh thần bảo vệ hòa bình và ủng hộ các phong trào đấu tranh hòa bình, chống chiến tranh, tôn trọng và ủng hộ chủ quyền độc lập, tự chủ, bình đẳng của các quốc gia khác.

Một vấn đề quan trọng cần nghiên cứu sửa đổi cho thích hợp với các yêu cầu dân chủ, bình đẳng và công bằng giữa các quốc gia thành viên Liên hợp quốc trong thời đại mới là quy định mới về quyền phủ quyết. Thế giới bao gồm 198 quốc gia mà chỉ có 5 quốc gia nắm quyền phủ quyết vĩnh viễn ở Liên hợp quốc là không hợp lý. Do đó, phải thay đổi. Nhưng thay đổi như thế nào để thể hiện được nguyên tắc bình đẳng và công bằng lại là điều cần xem xét nghiêm túc.

Ba là, trong điều kiện thế giới phát triển rất phức tạp hiện nay, để tạo lập được một trật tự quốc tế phù hợp với yêu cầu hòa bình, ổn định và phát triển, cần kiên quyết cải cách và đổi mới một cách mạnh mẽ luật pháp quốc tế trong khuôn khổ của Liên hợp quốc. Trong môi trường hiện nay, việc cải cách luật pháp nên tập trung vào những lĩnh vực và phạm vi nào thiết thực ? Rõ ràng, trước các nguy cơ toàn cầu như thiên tai, dịch bệnh, nghèo đói, xung đột và chiến tranh... trước hết nên tập trung vào lĩnh vực ngăn chặn xung đột và chiến tranh. Thực tế là khoảng vài chục năm trở lại đây, trên thế giới xảy ra nhiều cuộc xung đột và chiến tranh lớn nhỏ. Người ta đã tổng kết được rằng trong tổng số đó có 80% là chiến tranh xâm lược và xung đột vũ trang có sự can thiệp từ bên ngoài.

Đặc trưng lớn nhất của chiến tranh xâm lược xưa nay vẫn là kẻ đi xâm lược không bao giờ dám công khai nói thẳng ra mưu đồ thật sự của việc tiến hành chiến tranh xâm lược. Vì vậy, kẻ đi xâm lược thường quanh co, viện cớ để gây chiến. Đã có một thời gian dài, người ta viện lý do tiến hành chiến tranh xâm lược là để "tiêu diệt cộng sản, bảo vệ thế giới tự do" ! Ngày nay đã có sự đổi khác. Mấy năm trở lại đây, có những cuộc chiến tranh được bắt đầu bằng sự vụ cáo để kiếm cớ gây chiến. Điển hình cho kiểu đó là cuộc chiến tranh do Mỹ - Anh tấn công xâm lược I-rắc năm 2003.

Bài học nóng bỏng của chiến tranh I-rắc chỉ rõ rằng, vu cáo là hành động chuẩn bị chiến tranh phi nghĩa. Vì vậy, Liên hợp quốc phải ngăn chặn các cuộc chiến tranh đó ngay từ bước bác bỏ sự vu cáo. Ngăn chặn bằng cách nào ? Liên hợp quốc cần ban hành một đạo luật hoặc một nghị quyết đặc biệt của Đại hội đồng hoặc của Hội đồng Bảo an với chủ đề nghiêm cấm vu cáo quốc gia để tạo cớ gây chiến tranh xâm lược. Nếu là nghị quyết, nhất là của Hội đồng Bảo an, cần quy định rõ những điều nguyên tắc về luật pháp. Bởi lẽ, Nghị quyết 1441 của Hội đồng Bảo an có thiếu sót là không đề cập đến ngăn chặn hiểm họa chiến tranh. *Thứ nhất,* nếu theo tố cáo có nước nào đó đang tàng trữ hoặc sản xuất vũ khí hạt nhân thì điều trước hết của Nghị quyết là phải quy định dứt khoát : Tuyệt đối cấm bất kỳ mọi quốc gia hoặc tổ chức nào sử dụng vũ lực để xử lý. Điều rất dễ hiểu là nếu cho dùng vũ lực, dù là bằng vũ khí thông thường để đánh vào nơi có vũ khí hạt nhân sẽ lập tức gây ra một thảm họa hạt nhân, có thể không chỉ riêng cho nước đó. *Thứ hai,* khi ra nghị quyết theo yêu cầu tố cáo của một vài nước nào đó và thành lập các lực lượng thanh sát, Hội đồng Bảo an cần quy định rõ thời hạn thanh sát và có những biện pháp đối với những kết quả không đúng như lời tố cáo.

Cải tổ Liên hợp quốc rõ ràng là một yêu cầu bức thiết có tính thời đại, được số đông các quốc gia thành viên mong muốn và ủng hộ. Nhưng trong tình hình hiện nay, cải tổ như thế nào để sao cho thật sự hiệu quả là điều không dễ bởi ngoài sự ủng hộ, còn có sự chống đối không kém phần quyết liệt. Vì vậy, cải tổ phải là một cuộc đấu tranh kiên quyết mà các quốc gia, các tổ chức và phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội đoàn kết, thống nhất ý chí cũng tích cực tham gia với đầy đủ lương tâm, trách nhiệm và dũng khí.❑

Digitized by Google

I-RẮC : CUỘC CHIẾN TRANH VẪN CHƯA KẾT THÚC*

X. GIÔN-XƠN - I. TÔ-MÁT

SAU khi chính quyền Bát-đa sụp đổ, các quan chức của chính quyền G. Bu-sơ thích nói rằng, dù còn sống hay đã chết, sinh mệnh chính trị của Xa-đam Hút-xen cũng đã chấm dứt. Nhưng không phải như vậy. Tuần trước, CIA đã xác nhận rằng, giọng nói rè rè trong cuốn băng phát trên đài truyền hình An Ja-zê-ra, khuyến khích nhân dân I-rắc chống lại "những kẻ xâm lược ngoại đạo" là của Xa-đam Hút-xen. Ông ta nói : "Trước hết, tôi nói rằng, tôi đang ở I-rắc, và tôi rất nhớ các bạn". Giọng nói đều đều, ma quái của Xa-đam Hút-xen khiến cho người ta rùng mình sởn gai ốc : "Hỡi các anh chị em, tôi mang đến cho các bạn tin tốt lành, tổ chức Gi-hát và các lữ đoàn đã và đang được thành lập".

Rõ ràng, chiến tranh du kích luôn là một sự lựa chọn. Ngày 23-1-2003 (hai tháng trước khi cuộc chiến tranh nổ ra), lực lượng cảnh sát mật I-rắc, Mu-kha-ba-rát, đã ra lệnh : "Làm tất cả những điều cần thiết để chống lại lực lượng liên minh Mỹ, Anh và I-xra-en". Văn kiện bí mật mà tạp chí *Tuần tin tức* có được, cho thấy *Kế hoạch 11 bước*, bắt đầu là : "1. Cướp phá và đốt cháy tất cả các cơ quan chính phủ...". Tiếp theo, nó ra lệnh cho lực lượng cảnh sát mật, phá hủy các nhà máy điện, ám sát các giáo sỹ, mua các vũ khí bị đánh cắp, và tạo ra sự hỗn loạn lớn. Văn kiện không được xác nhận chính thức, nhưng một quan chức cao cấp của Lầu Năm góc cho là đáng tin cậy. Và, mệnh lệnh đã được thực hiện phần lớn, nếu không muốn nói là đã được thực hiện hoàn toàn.

Kể từ khi tổng thống Mỹ G. Bu-sơ tuyên bố, chiến tranh ở I-rắc đã kết thúc (ngày 1-5), 77 lính Mỹ, 10 lính Anh (1) đã chết, hàng trăm người bị thương. Người Mỹ bắt đầu cảm thấy không yên tâm và bất ổn, nếu nước Mỹ bị nhấn chìm vào cuộc chiến tranh du kích. Các quan chức Mỹ bắt đầu thận trọng. Sau lời truyên bố đầy tự mãn rằng, chiến tranh đã kết thúc, tổng thống Mỹ G. Bu-sơ đã phải chấp nhận : "Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng ta đang có vấn đề về an ninh ở I-rắc. Chúng ta vẫn còn gặp khó khăn".

Ảnh hưởng của Xa-đam Hút-xen bắt đầu ám ảnh Nhà Trắng. Theo cuộc thăm dò ý kiến của tạp chí *Tuần tin tức*, sự ủng hộ của người dân Mỹ đối với cuộc chiến tranh I-rắc đã giảm từ 74% trong tháng 4-2003, xuống còn 53% trong tháng 7-2003. Liên tiếp trong vài tuần, tổng thống Mỹ G. Bu-sơ bị báo chí và nhiều tổ chức và cá nhân ở Mỹ kết tội là đã che giấu mối hiểm họa từ I-rắc, để biện minh cho cuộc chiến tranh của ông ta. Tuần trước, chính quyền Mỹ đã thừa nhận rằng, lời cáo buộc mà tổng thống G. Bu-sơ đưa ra trong Thông điệp Liên bang (1-2003), về việc I-rắc đang cố mua u-ra-ni-um ở châu Phi để chế tạo vũ khí hạt nhân, được dựa phần lớn vào các tài liệu ngụy tạo. Giám đốc CIA, Giooc Tê-nét đã nhận trách nhiệm về việc để cho những tài liệu này xuất hiện trong diễn văn của G. Bu-sơ, nhưng những lời chỉ trích vẫn cất lên rất mạnh mẽ.

Xa hơn, nhưng vẫn là nỗi ám ảnh lớn, đó là cuộc chiến tranh Việt Nam. Tuần trước, tại Quốc hội Mỹ, viên tướng về hưu Tôm-my Phranh và nữ nghị sỹ bang Ca-li-pho-ni-a, Lô-rét-ta San-chét, đã tranh cãi gay gắt về thuật ngữ *chiến tranh du kích*. T. Phranh nói, ông ta không sử dụng thuật ngữ

---

* Tạp chí *Tuần tin tức* (Newsweek), số 29 (21-7-2003)

(1) Hiện nay đã có hơn 160 lính Mỹ và Anh bị thiệt mạng

Digitized by Google

chiến tranh du kích, bởi vì những người I-rắc đang chiến đấu chống lại quân Mỹ không có sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân. Sau khi chỉ trích T. Phranh, L. San-chét nói : "Thuật hùng biện là một vấn đề ! Vào cái phút mà chúng ta nói về chiến tranh du kích thì mọi người đã bắt đầu nói về "bãi lầy". Đây là điều đã diễn ra ở Việt Nam".

Quả thật, ở giai đoạn đầu này, I-rắc không phải là Việt Nam, nơi 57 000 lính Mỹ đã chết. Sự so sánh thích hợp hơn là với các cuộc chiến tranh thực dân, nhỏ và đã bị lãng quên từ lâu, của quá khứ. Chiến tranh Ha-i-ti (1915-1920), 146 lính Mỹ chết ; chiến tranh Đô-mi-ni-ca (1916-1922), 144 lính Mỹ chết ; hoặc trường hợp tồi tệ hơn, chiến tranh Phi-líp-pin (1899-1902), 4 273 lính Mỹ chết. Người Anh hiểu và chấp nhận cái giá phải trả cho một đế quốc, và trong hơn một thế kỷ, họ thường tiến hành đồng thời vài cuộc chiến tranh. Nhưng người Mỹ, thực dụng hơn, biệt lập hơn và dân tuý hơn, sẽ khó chấp nhận một cuộc chiến cần tới 150 000 quân, chi phí hơn 1 tỉ đô-la một tuần và có thể kéo dài trong 4 năm.

Bắt giữ Xa-đam Hút-xen sẽ giúp kết thúc cuộc chiến tranh. Tuy nhiên, sau hàng thập kỷ sống dưới sự cai trị của ông ta, nhiều người dân I-rắc vẫn lo sợ Xa-đam Hút-xen sẽ trở lại. Những lời đồn đại bay đi khắp nơi rằng, người ta nhìn thấy Xa-đam Hút-xen ở chỗ này, chỗ kia và... ở mọi nơi. Một quan chức cao cấp ở Oa-sinh-tơn nói : "Xa-đam Hút-xen có thể bị bắt ngày mai hoặc không bao giờ". Trong khi đó, một quan chức ở Lầu Năm góc cho rằng, Xa-đam Hút-xen, không giống như Ô-sa-ma Bin La-đen, thiếu sự ủng hộ của quần chúng. Nhưng một quan chức CIA hàng đầu chỉ ra rằng, Xa-đam Hút-xen vẫn giàu, và ông có thể mua sự bảo vệ.

Xa-đam Hút-xen cũng có thể hỗ trợ cho một phong trào du kích. Tuần trước, lính Mỹ đóng gần Ti-krít, quê Xa-đam Hút-xen, đã dừng một chiếc xe để kiểm tra, và phát hiện trong xe chứa đầy tên lửa được bắn bằng bệ phóng ; 40 000 đô-la (toàn các tờ mệnh giá 100 đô-la), và 2 túi nhựa chứa đầy đi-na (tiền I-rắc). Những người bị bắt trên xe đều là thành viên của tổ chức Phê-đây-en và đảng Bát. Trên tay họ có hình xăm, mũi tên xuyên qua trái tim. Và họ đều là những người trung thành với Xa-đam Hút-xen.

Có những thông tin nói về phần thưởng 5 000 đô-la cho mỗi lính Mỹ bị giết. Một kẻ ám sát, đơn giản chỉ cần đi theo sau lính Mỹ và bắn vào họ. Và các quan chức Mỹ biết rằng, cuộc chiến đấu dường như được phối hợp ở cấp khu vực, chứ không phải ở cấp quốc gia. Du kích được tổ chức thành từng nhóm hoặc tổ, tới 50 người. Họ không sử dụng điện thoại mà liên lạc với nhau bằng pháo hiệu đỏ, xanh ; bắn súng trường hoặc huýt còi. Vũ khí của họ ngày càng mạnh hơn và tiên tiến hơn. Các cuộc tấn công bằng tên lửa có bệ phóng và súng máy đã làm xuống tinh thần của nhiều binh lính Mỹ. Trong một tuần cuối cùng của tháng 6, chỉ ở Bát-đa, du kích I-rắc đã tấn công lính Mỹ, trung bình 20 lần một ngày.

Pôn Brê-mơ, Toàn quyền Mỹ ở I-rắc, đang cố gắng củng cố Hội đồng cai trị I-rắc, nhưng vào thời gian này, người Mỹ bị đổ lỗi cho bất kỳ sai lầm nào hoặc bị đổ lỗi vì đã không làm gì. Một lính Mỹ nói rằng, tất cả những điều anh làm là để giúp đỡ họ, nhưng họ sẽ ném đá vào anh, xiên anh và chửi mắng anh. Trong khi đó, người I-rắc nói, người Mỹ đã hứa rất nhiều, nhưng họ không giữ lời hứa. Cho đến nay, tất cả những điều mà người dân I-rắc thấy là không điện, không nước và thành phố của họ bị xé nát ra bởi cướp phá, nhưng người Mỹ đã không làm gì để chấm dứt tình trạng đó.

Thật không ngạc nhiên khi các đơn vị lính Mỹ ở Bát-đa và xung quanh Bát-đa phải ẩn nấp phía sau xe tăng và công sự. Các cuộc đột kích vào ban đêm nhằm bắt giữ các loại vũ khí và đạn dược bị cất giấu, cũng làm cho người dân I-rắc tức giận, đặc biệt là khi binh lính Mỹ xông vào những ngôi nhà chỉ có phụ nữ. Cố Chủ tịch Trung Quốc, Mao Trạch Đông, đã từng nói : "Người chiến sỹ du kích giống như một con cá bơi trong biển". Từ đó, một câu hỏi được đặt ra là : Các hành động của người Mỹ có làm cho I-rắc trở thành một biển cá mập hay không ?.❑

***(TRỊNH CƯỜNG** dịch)*

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH PHÚ THỌ

VNPT PHU THO POSTS AND TELECOMMUNICATIONS

Địa chỉ: 1468 - Đại lộ Hùng Vương - thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: 0210 846 276 - 0210 846 392; Fax: 0210 849 685

CÁC DỊCH VỤ HIỆN ĐANG CUNG CẤP

* VỀ VIỄN THÔNG - TIN HỌC:

Mật độ điện thoại toàn tỉnh đạt 4 máy/100 dân, 100% số xã, phường, thị trấn có máy điện thoại, 11/12 huyện, thị, thành phố được phủ sóng điện thoại di động.

CÁC DỊCH VỤ CHỦ YẾU:

*** Điện thoại cố định trong nước và quốc tế.**

*** Điện thoại VOIP 171 trong nước, quốc tế (điện thoại tiết kiệm).**

*** Điện thoại VOIP trả trước 1717 trong nước, quốc tế.**

*** Điện báo, Telex, Fax trong nước và quốc tế.**

***Điện thoại di động: Vinaphone, Vinacard, VinaDaily, VinaText.**

*** Cung cấp các loại thẻ viễn thông.**

*** Điện thoại thẻ Việt nam (CardPhone).**

*** Dịch vụ Internet 1260, 1268, 1269, 1260-P, Internet ADSL, Internet telephony.**

*** Dịch vụ thông tin 108, hộp thư thông tin, hộp thư thoại.**

*** Các dịch vụ gia tăng của mạng điện thoại cố định, điện thoại di động và Internet.**

*** Cho thuê kênh riêng viễn thông.**



* VỀ BƯU CHÍNH - PHÁT HÀNH BÁO CHÍ:

Toàn tỉnh có 43 bưu cục, 204 điểm Bưu điện - Văn hoá xã, 100% số xã, phường, thị trấn có báo chí đến trong ngày.

CÁC DỊCH VỤ CHỦ YẾU:

- Chuyển phát bưu phẩm, bưu kiện trong nước và quốc tế; chuyển phát thư, điện chuyển tiền, chuyển tiền nhanh trong nước, trả tiền nước ngoài gửi đến.

*** Chuyển phát nhanh (EMS) trong nước và quốc tế.**

- Điện hoa, tiết kiệm Bưu điện

- Bưu chính uỷ thác, bưu phẩm không địa chỉ, bưu phẩm, bưu kiện khai giá, cho thuê hộp thư.

- Nhận phát hành báo chí trong và ngoài nước.

VỚI PHƯƠNG CHÂM PHỤC VỤ: NHANH CHÓNG - CHÍNH XÁC AN TOÀN - TIỆN LỢI - VĂN MINH

BƯU ĐIỆN TỈNH PHÚ THỌ HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

(Mọi chi tiết xin liên hệ với các cơ sở của Bưu điện hoặc quay số 108 để được giải đáp)

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH HÀ GIANG

CHI NHÁNH BƯU ĐIỆN HUYỆN BẮC QUANG

Địa chỉ: Thị trấn Việt Quang - huyện Bắc Quang - tỉnh Hà Giang * ĐT: 019 821 127 * Fax: 019 821 325

Bưu điện huyện Bắc Quang là chi nhánh của Bưu điện tỉnh Hà Giang, có chức năng sản xuất kinh doanh và phục vụ các dịch vụ bưu chính - viễn thông trên địa bàn huyện.

Mạng điện thoại toàn đơn vị có 5 tổng đài, với tổng dung lượng trên 2 300 máy điện thoại, mật độ 1 máy/ 60 người dân. Hiện nay, điện thoại được đưa đến 21 điểm bưu điện - văn hóa xã.

Đã có 24/33 xã, thị trấn có máy điện thoại; 29 xã, thị trấn được phát hành báo trong ngày, có trên 120 đầu báo được phát hành trên địa bàn huyện, với số lượng phát hành báo Nhân Dân là 104 tờ; báo Hà Giang là 509 tờ.



MỤC TIÊU CHUNG CỦA NĂM 2003:

Phát triển thêm 595 máy điện thoại, 100% số xã, thị trấn có máy điện thoại, xây dựng bưu cục 3 tại xã Bằng Hành, kéo cáp phục vụ xã Bằng Hành, Liên Hiệp, Đức Xuân, lắp đặt 1 tổng đài phục vụ cho khu vực Yên Bình, Yên Thành...

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- Năm 2002, được tặng cờ của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.
- Được tặng bằng khen của Công đoàn Bưu điện Việt Nam.
- Được Công an tỉnh tặng bằng khen về Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc.
- Công tác an toàn vệ sinh xanh - sạch - đẹp được thực hiện tốt tại các cơ sở bưu điện trong toàn huyện.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh - đơn vị tham gia đỡ đầu xã Bằng Lang (1 xã nghèo của huyện Bắc Quang).



Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH BÌNH THUẬN

VNPT

MÃ SỐ ĐIỆN THOẠI TIẾT KIỆM CỦA BẠN - HÃY GỌI 171 HOẶC 1717

KHI LIÊN LẠC TẠI NHÀ THUÊ BAO

171		
Vùng cước	Giờ gọi thường	Giờ giảm giá
Vùng 1	727 đ/ph	509 đ/ph
Vùng 2	1 227 đ/ph	859 đ/ph
Vùng 3	1 636 đ/ph	1 145 đ/ph

1717 GỌI LIÊN TỈNH		
Vùng cước	Giờ gọi tháng	Giờ giảm giá và ngày nghỉ
Vùng 1	750 đ/ph	20%
Vùng 2	1 200 đ/ph	20%
Vùng 3	1 500 đ/ph	20%

NẾU GỌI 171 TẠI ĐIỂM CÔNG CỘNG

Vùng cước	Thứ 2 đến thứ 7	Ngày lễ và Chủ nhật
Vùng 1	727 đ/ph	700 đ/ph
Vùng 2	1 227 đ/ph	1 091 đ/ph
Vùng 3	1 636 đ/ph	1 455 đ/ph

- Mua thẻ card trả trước theo mệnh giá đã quy định (tại các quầy giao dịch Bưu điện).
- Cào thẻ để biết và nhớ mã số tài khoản bí mật của bạn (lưu ý phải giữ bí mật mã số máy).
- Máy điện thoại sử dụng là máy dùng tone có phím #.

*** Khi bạn muốn thực hiện cuộc gọi đường dài liên tỉnh:**

Cách gọi thông thường:

0 + mã vùng + số thuê bao

Gọi 171:

171 + 0 + mã vùng + số thuê bao.

*** Khi bạn muốn thực hiện cuộc gọi quốc tế:**

Cách gọi thông thường:

00 + mã nước + mã vùng + số ĐT thuê bao

Gọi 171 theo 2 cách:

Cách 1:

171 + 00 + mã nước + mã vùng + số thuê bao

Cách 2:

171 + 1 + chờ nghe âm thông báo

Quay tiếp mã nước + mã vùng + số thuê bao.

*** Sử dụng 1717 () thẻ trả trước):**

+ Bước 1: Quay số 1717

+ Bước 2: Bấm phím 1 (nếu sử dụng dịch vụ bằng tiếng Việt); bấm phím 2 (nếu sử dụng bằng tiếng Anh).

+ Bước 3: Nhập mã số bí mật ghi trên thẻ trả trước của bạn, rồi bấm phím #

+ Bước 4: Bấm số điện thoại cần gọi:

Gọi quốc tế:

00 + mã nước + mã vùng + số ĐT cần gọi.

Gọi trong nước:

0 + mã vùng + số ĐT cần gọi.

Mọi chi tiết xin liên hệ tại các điểm giao dịch Bưu điện để biết thêm chi tiết

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP

Digitized by Google

CÔNG TY CAO - SU ĐẮC LẮC

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak, Việt Nam
Điện thoại: (84-50) 865 015 - 865 303 * Fax: (84-50) 865 041
Email: Caosu@dng.vnn.vn * Website: www.dakruco.com



Bí thư Đảng ủy - PGĐ
NGUYỄN KHÁNH PHÙNG

TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY LÀ GÓP PHẦN VÀO BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC



Đ/c Cù Thị Hậu - Chủ tịch Tổng LĐLĐVN - đến thăm và làm việc tại Công ty.

Công ty Cao-su Đắc Lắc hiện đang quản lý 15 000 ha cao-su, trong đó trên 75% là cao-su kinh doanh. Bằng nhiều biện pháp thâm canh tăng năng suất cây trồng nên vườn cây đạt năng suất trên 1 100 kg/ha/năm. Công ty đã xây dựng Nhà máy chế biến với công suất 10 000 tấn/năm và hiện đang xây dựng dây chuyền chế biến mủ kem công suất 3 000 kg/giờ. Sản phẩm của Công ty được xuất sang nhiều nước trên thế giới, kể cả thị trường khó tính nhất và luôn được khách hàng tín nhiệm. Việc mở rộng và phát triển diện tích cao-su đã góp phần vào việc bảo vệ môi trường và tạo công ăn việc làm cho hàng chục nghìn lao động, trong đó không ít là đồng bào dân tộc thiểu số.

Không ngừng trưởng thành trong quản lý và kinh doanh, Công ty Cao-su Đắc Lắc là doanh nghiệp đầu tiên của tỉnh Đắc Lắc được nhận chứng chỉ ISO 9001: 2000; Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường trao Cúp vàng Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2001; Bộ phận Thử nghiệm của Công ty được Văn phòng công nhận chất lượng (VILAS) cấp chứng chỉ ISO/IEC 17025; thương hiệu của Công ty được đăng ký trên thị trường Mỹ và Châu Âu. Đây là bước tiến mới trong quản lý chất lượng sản phẩm và là hành trang cần thiết cho tiến trình hội nhập mậu dịch tự do.

Đến với Công ty Cao-su Đắc Lắc, các bạn sẽ hài lòng về chất lượng và phương thức kinh doanh. Công ty Cao-su Đắc Lắc sẵn sàng hợp tác đầu tư, liên kết, kinh doanh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.



Vườn cao-su của Công ty.

Digitized by Google

CÔNG TY DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU

VUNG TAU SHIPPING AND SERVICES COMPANY

VUNG TAU SHIP

Địa chỉ: Số 87 Lý Thường Kiệt, TP. Vũng Tàu

Điện thoại: 84.64 852 158 - 859 003 - 816 185 * Fax: 84.64 858 919 * Email: vtaushipp@hcm.vnn.vn



HOẠT ĐỘNG CHÍNH:

- Vận tải biển.
- Đại lý tàu biển.
- Cung ứng dịch vụ tàu biển và dầu khí, dịch vụ canô.
- Xếp dỡ, giao nhận, vận tải hàng hóa.
- Thương mại.
- Kinh doanh hoa tiêu hàng hải.
- Kinh doanh khách sạn, cửa hàng miễn thuế.
- Các dịch vụ công nghiệp khác: là nhà thầu vận hành trạm phân phối xi măng cho Công ty Xi-măng Nghi Sơn tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài: Dự án phát triển cảng nước sâu Thị Vải
- Công ty hiện có chi nhánh tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Kiên Giang.

Digitized by Google

HODECO

CÔNG VIÊN NƯỚC VŨNG TÀU

VUNG TAU WATER PARK

36 Nguyễn Thái Học, P.7, TP. Vũng Tàu - Tel: 064 522 370 - Fax: 064 811 095
E-mail: vungtauwaterpark@hodeco.com - Website: http://www.hodeco.com/water-park

Công viên nước Vũng Tàu tọa lạc ngay trung tâm thành phố, là nơi lý tưởng để mọi người vui chơi thỏa thích các trò chơi mới lạ, hấp dẫn: Bơi lội, thư giãn trên dòng sông Thần Tiên, chơi các trò chơi hiện đại, cảm giác mạnh; thưởng thức các món ăn nhanh tại nhà hàng của Công viên.






Công viên nước Vũng Tàu rất hân hạnh được đón tiếp và phục vụ Quý khách

VNPT

BƯU ĐIỆN TỈNH BÌNH DƯƠNG

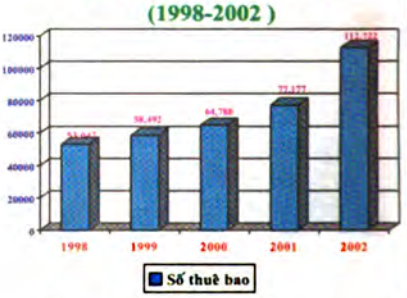
Địa chỉ : Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (0650).822 000 - Fax : (0650).823115 - Email :dh.bdbdg@hcm.vnn.vn

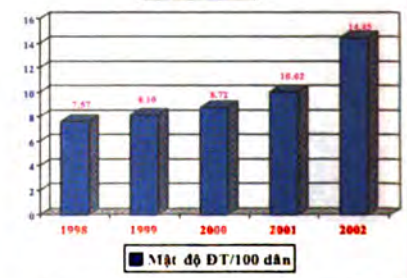
"TẤT CẢ VÌ KHÁCH HÀNG"

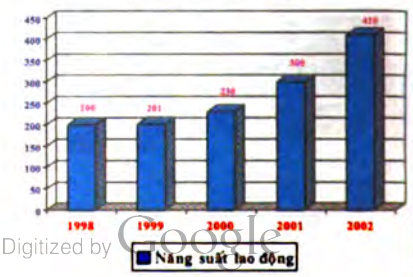


@ Đơn vị Anh hùng LLVTND
@ 03 năm liền (năm 2000, 2001, 2002) nhận cờ thi đua của Chính phủ
@ Năm 2003 được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì

05 NĂM PHÁT TRIỂN
(1998-2002)







Digitized by Google

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ CẨM PHẢ

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG CẨM THÀNH - THỊ XÃ CẨM PHẢ - QUẢNG NINH * ĐIỆN THOẠI: 033 864 678



Thầy Đoàn Xuân Từ - Trưởng phòng



Tập thể cán bộ, chuyên viên của Phòng



Hướng dẫn đối chiếu kết quả phổ cập THCS năm 2002



Trường THCS dầu Mỏ Mông Dương

Năm 2002, thị xã Cẩm Phả được công nhận là một trong 2 đơn vị huyện, thị của Quảng Ninh hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Song song với việc hoàn thành phổ cập THCS, ngành giáo dục - đào tạo Cẩm Phả cũng tích cực xây dựng hệ thống trường chuẩn quốc gia ở các bậc học.

- Năm học 2002 - 2003, Phòng Giáo dục và Đào tạo Cẩm Phả tập trung mọi điều kiện để hoàn thành tốt việc dạy và học:

+Nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học bằng việc đổi mới phương pháp học của học sinh, chủ động tập huấn cho toàn bộ ngành giáo viên.

+Tổ chức hội thảo 8 chuyên đề của THCS: toán, văn, vật lý, hóa học, sinh học, lịch sử, giáo dục công dân.

+Xây dựng giáo án chung, mời thầy cô các trường về dạy và góp ý rút kinh nghiệm.

+Kiểm tra, đánh giá giáo viên có trình độ chính quy.

- Kết quả đạt được:

+Học sinh tiếp thu tốt, chất lượng giáo dục tăng, thể hiện ở việc thi học sinh giỏi cấp tỉnh đạt kết quả cao. (Tiểu học: 86 giải, THCS: 117 giải, học sinh giỏi toán trên máy CASIO lớp 9 có 13 giải. Tổng số 216 giải, tăng so với năm trước 20 giải).

+Từ năm 2000 đến nay, toàn ngành GD và ĐT thị xã Cẩm Phả không có phòng học tạm. Xây dựng cơ sở vật chất ở các trường vùng sâu, vùng dầu mỏ. Các trường nội thị cũng từng bước nâng cao chất lượng vệ sinh, dụng cụ học tập, đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp.

+Công tác xã hội hóa giáo dục:

Duy trì Ban Chấp hành Hội Cha mẹ học sinh cấp thị xã, tạo điều kiện hỗ trợ việc giải quyết các vấn đề của học sinh.

Phòng GD - ĐT thị xã Cẩm Phả đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, đẩy mạnh quy chế dân chủ lành mạnh, không khiếu nại, tố cáo.

Phòng tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua "Hai tốt", phấn đấu tạo sự chuyển biến mới trong phát triển giáo dục theo định hướng Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra.

Digitized by Google

CÔNG TY KIM KHÍ VÀ VẬT TƯ TỔNG HỢP MIỀN TRUNG

VSC

ĐỊA CHỈ: 16 THÁI PHIÊN, Q. HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG * ĐIỆN THOẠI: 0511 822 807 - 822 450
FAX: 0511 823 306 * E-MAIL: CEVIMETAL@DNG.VNN.VN * WEBSITE: WWW.CEVIMETAL.COM.VN



Văn phòng Công ty



Phôi ra lò



Thép thành phẩm



Công trình sử dụng thép "MT"

Công ty Kim khí và VTTH miền Trung là đơn vị thành viên Tổng Công ty Thép Việt Nam-tập đoàn thép lớn nhất Việt Nam,

Công ty chuyên kinh doanh sản xuất các lĩnh vực chủ yếu sau:

- Xuất nhập khẩu kim khí (phôi thép, thép thứ phế liệu, thép tấm, lá, hình, thép đặc biệt...)
- Kinh doanh thép xây dựng các loại.
- Ngoài lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ, Công ty có Nhà máy cán thép miền Trung sản xuất các sản phẩm thép tròn vằn "MT", đạt tiêu chuẩn TCVN 1651-85; JIS G3112.

Trong năm 2002, lĩnh vực kinh doanh thép nội của Công ty có nhiều tiến triển tích cực. Việc giữ và duy trì ổn định thị phần tiêu thụ thép nội tại các thị trường được Công ty đặc biệt quan tâm. Đầu năm 2003, Công ty ban hành Chương trình mục tiêu kinh doanh thép nội áp dụng cho toàn Công ty. Cụ thể:

- Mục tiêu chính của Công ty là nâng mức bán cho công trình và cho tiêu dùng trực tiếp trên 60%, giảm dần tỷ lệ bán buôn thanh toán chậm qua thương mại tư nhân và đã được triển khai trong toàn Công ty bằng nhiều chính sách khuyến khích; một số đơn vị đã và vượt tỷ lệ trên 60% như: Xí nghiệp 2: 80%; Xí nghiệp 3: 93%, XN khai thác 65%, CN Quảng Ngãi 61% và Văn phòng Công ty 100%.
- Nhằm hoàn thành chương trình mục tiêu kinh doanh thép nội, Công ty đã triển khai hình thức kinh doanh hàng qua kho, thành lập các kho hàng ngay tại thị trường nhà máy sản xuất để đáp ứng nhanh yêu cầu của khách hàng, tăng thêm thị phần.
- Công ty đã ban hành cơ chế khuyến khích cho việc bán hàng có bảo đảm thanh toán, bước đầu khách hàng ủng hộ và thực hiện, giảm giá cho thanh toán giảm tiền ngay và thúc đẩy việc chu chuyển vốn, tăng vòng quay, đảm bảo cân đối tài chính, hạn chế nợ quá hạn phát sinh.
- Công ty có mạng lưới kinh doanh gồm các chi nhánh, xí nghiệp, cửa hàng trực thuộc tại các tỉnh, thành phố khắp cả nước; chuyên kinh doanh thép nội, cung cấp thép có uy tín cho nhiều công trình trọng điểm quốc gia và các địa phương.
- Công tác kinh doanh thép nội đã có những bước chuyển biến tích cực thông qua việc đẩy mạnh bán hàng qua công trình, bán trực tiếp cho người tiêu dùng... Đồng thời, công tác tạo nguồn đã có nhiều thay đổi, hàng hóa được tiếp cận với thị trường hơn (thông qua mở các kho hàng tại các khu vực) đã tạo sự chủ động trong cung cấp thép cho khách hàng nên hiệu quả kinh doanh thép nội đã tăng lên.

Tại các đơn vị trực thuộc, lượng tiêu thụ hầu hết đều tăng so với năm 2001 (XN3 tăng 19%, CNHN tăng 15%, XNKT tăng 02%, Nhà máy tăng 44%, XN 2 tăng 62%, CNQN tăng 72%). Do đẩy mạnh việc tiêu thụ thép nội, doanh số bán của các đơn vị đều đạt và vượt mức kế hoạch doanh số bán cả năm 2002.

Tổng lượng thép nội tiêu thụ là 133 272 tấn, đạt 102% kế hoạch đăng ký TCTY và đạt 101% so với Chương trình mục tiêu kinh doanh thép nội năm 2002.

Đạt được những kết quả trên là nhờ có sự phấn đấu nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty; sự kết hợp chặt chẽ giữa các phòng, các đơn vị, các bộ phận liên quan. Công ty phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch TCTY giao năm 2002 và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch năm 2003.

CÙNG VỚI PHƯƠNG CHÂM CỦA MÌNH LÀ CUNG CẤP HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐẦY ĐỦ, ĐÚNG CHẤT LƯỢNG VÀ KỊP THỜI; CÔNG TY KIM KHÍ VÀ VẬT TƯ TỔNG HỢP MIỀN TRUNG THỰC SỰ LÀ CẦU NỐI CỦA KHÁCH HÀNG VỚI NGÀNH CÔNG NGHIỆP THÉP.

Digitized by Google

CÔNG TY GIẤY VÀ BAO BÌ PHÚ GIANG

PHU GIANG PAPER ANDPACKAGING CO., LTD.



Giám đốc
NGUYỄN NHÂN PHƯỢNG

Địa chỉ: Tam Đảo - Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh * Điện thoại: 0241 838 087 - 837 295 - 838 749
Fax: 0241 838 270 * E-mail: phugiang.co@hn.vnn.vn

Tài khoản: 710A 04 004 - Ngân hàng Công thương tỉnh Bắc Ninh.
Mã số thuế: 2300183340 - 1.
Giấy phép đăng ký kinh doanh: 071906 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 27 - 5 - 1999.
Vốn điều lệ: 20 000 000 000đ (hai mươi tỉ đồng chẵn)

LĨNH VỰC SẢN XUẤT - KINH DOANH CHỦ YẾU

- SẢN XUẤT - KINH DOANH CÁC LOẠI GIẤY VÀ BAO BÌ CA-TÔNG SÓNG
- KINH DOANH NGUYÊN LIỆU GIẤY, THIẾT BỊ VẬT TƯ NGÀNH GIẤY
- KINH DOANH NGUYÊN LIỆU BAO BÌ CA-TÔNG, THIẾT BỊ VẬT TƯ NGÀNH BAO BÌ CA-TÔNG.
- MUA BÁN, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ NGÀNH GIẤY VÀ BAO BÌ CA-TÔNG.
- KINH DOANH DỊCH VỤ KHÁCH SẠN



Trụ sở Công ty

Chào mừng Ngày Giải phóng Thủ đô 10 - 10

CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 471 - Núi Thành, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0511 626 725 * Fax: 0511 642 423
Giám đốc: Phạm Minh Thắng

Năm 2000, cùng với sự phát triển chung toàn thành phố, Công ty đã đạt được nhiều kết quả đáng kể trên hai lĩnh vực hoạt động chính là thực hiện Dự án Thoát nước-Vệ sinh và bảo đảm công tác vệ sinh môi trường đô thị.

CÔNG TÁC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Công ty đã thu gom, vận chuyển được gần 165 000 tấn rác thải ra khỏi thành phố, vượt 32% so với năm trước, không để tồn đọng qua đêm, kể cả trong những ngày lễ, tết âm lịch. Có trên 105 tuyến đường phố phục vụ vệ sinh với tổng diện tích quét 270 triệu lượt m^2, duy trì vệ sinh 42 620 lượt km và 31 700 m^3 nước tưới rửa đường chống bụi, vượt từ 15 đến 25% khối lượng công việc so với năm trước.

Trên 3 000 thùng rác đã được lắp đặt trên đường phố để đưa vào vận hành cùng với các thiết bị mới của dự án như xe cuốn ép, xe quét đường... từng bước nâng cao chất lượng công tác vệ sinh đô thị, bảo đảm mỹ quan và đáp ứng yêu cầu phát triển của một đô thị hiện đại.

Các bãi tắm biển được giữ gìn sạch đẹp hằng ngày đem lại bộ mặt mới cho các bãi tắm biển ở Đà Nẵng.

Việc xử lý rác thải tại bãi Khánh Sơn đã được chú trọng đầu tư. Trong năm, Công ty đã tiến hành lấp đất che phủ trên 5 000 m^2 bãi rác với khối lượng 2 250 m^3 đất, xử lý mùi hôi rác thải, nước rỉ bằng E.M, bột Bô-ca-xi, với tổng chi phí trên 150 triệu đồng từ.

CÔNG TÁC THOÁT NƯỚC

Doanh thu hoạt động thoát nước trong năm đạt trên 1,4 tỉ đồng, đã thực hiện nạo vét 9 531 m^3 bùn cống, ao hồ, sửa chữa 371 m cống, 100 tấm đanh cống, 57 cửa thu nước. Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường hai hồ Thạc Gián-Vĩnh Trung và hồ Đầm Rong, được nhân dân và các cơ quan đánh giá cao.

Công ty đề xuất với UBND thành phố về việc xã hội hóa công tác quản lý hệ thống thoát nước cấp 3 và đã phối hợp với các phường vận chuyển được 1 400 m^3 bùn cống do nhân dân nạo vét, góp phần bảo đảm hoạt động của toàn hệ thống cống thoát nước của thành phố.



Digitized by Google

030

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XUÂN

Địa chỉ: Tầng 3 chợ Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội * ĐT: (04) 8 284 595 * Fax: (84-4) 9 282 773

Giấy phép thành lập số: 2548/GB-UB ngày 20 - 6 - 1996
Vốn điều lệ: 50 tỉ VNĐ (vốn Nhà nước chiếm 71%)

Chủ tịch HĐQT: Nguyễn Xuân Luật
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ: Nguyễn Hoài Nam

Công ty Cổ phần Đồng Xuân vinh hạnh nhận được sự hợp tác của Quý khách

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Tổ chức khai thác kinh doanh chợ Đồng Xuân
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp
- Sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng

Một trong những điểm mạnh của Công ty Cổ phần Đồng Xuân là tổ chức, khai thác, cho thuê mặt bằng kinh doanh tại chợ Đồng Xuân. Đây là trung tâm buôn bán hàng hóa lớn nhất Thủ đô Hà Nội và miền Bắc Việt Nam với mô hình "chợ bán buôn" gồm nhiều ngành nghề uy tín, cha truyền con nối, thường xuyên cấp nhiều mặt hàng tới hầu hết các tỉnh thành trong cả nước và với một số nước trên thế giới.

Hệ thống phòng cháy - chữa cháy tại chợ Đồng Xuân thuộc loại hiện đại bậc nhất hiện nay với trang thiết bị được đầu tư ban đầu là 5,5 tỉ đồng. Hằng năm, đầu tư cho công tác bảo dưỡng, bổ sung thiết bị phòng cháy - chữa cháy là 347 triệu đồng.

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Đồng Xuân luôn đạt tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Với uy tín của Công ty, hằng ngày có nhiều doanh nghiệp, thương nhân... đến để hợp tác kinh doanh.

CHỢ ĐÊM ĐỒNG XUÂN

CHỢ ĐÊM ĐỒNG XUÂN - ĐIỂM SÁNG TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI - DU LỊCH CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP.

CHỢ ĐÊM ĐỒNG XUÂN HOẠT ĐỘNG SẼ KHAI THÁC ĐƯỢC THÊM NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG CỦA CHỢ ĐỒNG XUÂN - BẮC QUA HIỆN NAY, TẠO THÊM CÔNG ĂN VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, QUẢNG BÁ CHO NỀN KINH TẾ ĐẤT NƯỚC, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG. ĐẶC BIỆT, CHỢ ĐÊM SẼ TẠO NÊN MỘT NẾP SINH HOẠT THƯƠNG MẠI MỚI MANG ĐẬM TÍNH CHẤT VĂN HÓA VIỆT NAM, HÒA NHẬP VỚI ĐỜI SỐNG CỦA KHU PHỐ CỔ VÀ HẤP DẪN ĐƯỢC KHÁCH DU LỊCH.



Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



30
10-2003

UNIV. OF MICH.
JAN 14 2004
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BƯU ĐIỆN CẦN GIỜ

Đường Lương Văn Nho, ấp Miễu Ba, xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, TP. HCM * ĐT: (84.8) 8 740 000 8 740 223 *Fax: (84.8) 8 740 254

HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH CÁC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

*** DỊCH VỤ BƯU CHÍNH:**

- Bưu phẩm: Thư-bưu thiếp, ấn phẩm, gói nhỏ-học phẩm người mù.
- Bưu kiện trong nước.
- Bưu phẩm phát chuyển nhanh (EMS).
- Chuyển tiền: Thư chuyển tiền, điện chuyển tiền, trả ngân phiếu quốc tế.
- Điện hoa.
- Hộp thư thuê bao.
- Phát hành báo chí.
- Tem bưu chính.

Đồng thời khi ký gửi bưu phẩm-bưu kiện, Quý khách có thể sử dụng những dịch vụ đặc biệt: Bưu phẩm A-ghi số-máy bay-phát nhanh-phát tận tay-báo nhận-lưu ký-nhận gửi và phát tại địa chỉ.

*** DỊCH VỤ VIỄN THÔNG:**

- Điện báo trong nước.
- Facsimaile (Fax) trong nước và quốc tế.
- Điện thoại trong nước.
- Điện thoại VOIP "gọi 171" trong nước và quốc tế.
- Điện thoại quốc tế: Gọi số-tìm người-Collect call-Home country direct (HCD).
- Thu cước điện thoại thuê bao.
- Nhận hồ sơ lắp đặt máy điện thoại, máy fax.
- Các dịch vụ cộng thêm (hiển thị số máy chủ gọi, thông báo vắng nhà, truy tìm số máy gọi đến, báo chuông hẹn giờ, ngăn chặn các cuộc gọi quốc tế, liên tỉnh, di động... bằng mã riêng)





QÚY KHÁCH CÓ NHU CẦU XIN LIÊN HỆ:

1. Bưu cục trung tâm.
   Đường Lương Văn Nho, ấp Miễu Ba, xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, TP. HCM * ĐT/Fax: 8 740 233
2. Bưu điện Bình Khánh
   Đường Rừng Sác, ấp Bình Phước, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, TP. HCM * ĐT/Fax: 8 742 952
3. Bưu điện Long Hòa
   Đường Nguyễn Văn Mạnh, ấp Long Thạnh, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, TP. HCM * ĐT: 8 743 222
4. Bưu điện Cần Thạnh
   Đường Duyên Hải, ấp Phong Thạnh, xã Cần Tạnh, huyện Cần Giờ, TP. HCM * ĐT/Fax: 8 740 002
5. Bưu điện 30/4
   Đường Thạnh Thới, ấp Long Thạnh, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, TP. HCM * ĐT: 8 743 099
6. Bưu điện Văn hóa xã Tam Thôn Hiệp.
   Đường Nguyễn Công Bao, ấp An Lộc, xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ, TP. HCM * ĐT: 8 887 888
7. Bưu điện Văn hóa xã Lý Nhơn
   Đường Dương Văn Hạnh, ấp Lý Thái Bửu, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, TP. HCM * ĐT: 8 887 979
8. Bưu điện Văn hóa xã An Thới Đông
   Đường Quản Xuyên, ấp An Hòa, xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, TP. HCM * ĐT: 8 887 878
9. Bưu điện Văn hóa xã Thạnh An
   ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh An, huyện Cần Giờ, TP. HCM * ĐT: 8 749 999

ĐẾN VỚI BƯU ĐIỆN CẦN GIỜ QUÝ KHÁCH SẼ LUÔN HÀI LÒNG BỞI PHONG CÁCH PHỤC VỤ ÂN CẦN, UY TÍN, CHẤT LƯỢNG VỚI PHƯƠNG CHÂM:

NHANH CHÓNG, CHÍNH XÁC, AN TOÀN, TIỆN LỢI, VĂN MINH

Digitized by Google



THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 693

30
10-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Thu Hà Nội
Ảnh : Lê Quang Châu

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TRƯƠNG MỸ HOA - Về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong 5 năm qua 3

HÀ THỊ KHIẾT - Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với chương trình xóa đói giảm nghèo và việc làm 9

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

HỒ XUÂN HÙNG - Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị 13

THÁI SƠN - Một số vấn đề về chính sách xã hội đối với phụ nữ nông thôn 18

LÊ THỊ QUÝ - Suy nghĩ về việc xây dựng chiến lược phát triển gia đình hiện nay 23

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

HÀ VĂN HIỀN - Quảng Ninh tạo thế và lực mới, tiếp tục vững vàng trên đường đổi mới và phát triển 28

HỒ NGHĨA DŨNG - Khởi sắc Quảng Ngãi 33

NGUYỄN VĂN THUẬN - Thành phố Hải Phòng đổi mới công tác thi đua - khen thưởng 38

NGUYỄN THIỀNG ĐỨC - Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Thành phố Hồ Chí Minh 43

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

NHẬT TÂN - Tiếp tục thực hiện cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số 47

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

PHAN DOÃN NAM - Mâu thuẫn và phương thức giải quyết mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế ngày nay 52

PHẠM ĐÌNH NGHIỆM - Phong trào chống toàn cầu hóa 59

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN, THỰC TIỄN

*** Chính phủ họp sơ kết 9 tháng năm 2003 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЧЫОНГ МИ ХОА: Об обновлении работы по соревнованию и поощрению за 5 прошедших лет. ХА ТХИ КХИЕТ: Союз вьетнамских женщин и программа ликвидации голода, уменьшения бедности и трудоустройства. ХО СУАН ХУНГ: Чтобы успешно выполнить Резолюцию 28 Политбюро. ТХАЙ ШОН: Некоторые вопросы о социальной политике в связи с женщинами в сельских местностях. ЛЕ ТХИ КУИ: Раздумья о строительстве стратегии развития семей на данном этапе. ХА ВАН ХИЕН: Создавая новые позиции и силы, провинция Куангнинь продолжает быть уверенной на пути обновления и развития. ХО НГИА ЗУНГ: Расцвет провинции Куангнгай. НГУЕН ВАН ТХУАН: Город Хайфон обновляет работу по соревнованию и поощрению. НГУЕН ТХИЕНГ ДЫК: Приватизация государственных предприятий путём акционирования в городе Хошимине. НЬЯТ ТАН: Продолжение агитации планирования семей, повышение качества населения. ФАН ЗОАН НАМ: Противоречья и способы решения противоречий в международных отношениях в настоящее время. ФАМ ДИНЬ НГИЕМ: Движение против глобализации.

CONTENTS

TRƯƠNG MỸ HOA: Regarding renovation of competitions – rewards in the last 5 years. HÀ THỊ KHIẾT: Association of Vietnamese Women and the program of famine cancellation and poverty reduction, and employment. HỒ XUÂN HÙNG: In order to fulfill successfully the 28th Resolution of the Politburo. THÁI SƠN: Some problems regarding social policies toward countryside women. LÊ THỊ QUÝ: Thinking on building a strategy for family development nowadays. HÀ VĂN HIỀN: Quảng Ninh province forms new stand and strength, continuing to marsh steadily on the development and renovation path. HỒ NGHĨA DŨNG: Quảng Ngãi province is prospering. NGUYỄN VĂN THUẬN: Hải Phòng city renovates the mater of competitions – rewards. NGUYỄN THIỆNG ĐỨC: Equitation of state enterprises in Hồ Chí Minh city. NHẬT TÂN: Continuing to implement the movement of planning family and enhancing population quality. PHAN DOÃN NAM: Contradictions and measures to solve contradictions in modern international relations. PHẠM ĐÌNH NGHIỆM: The campaign to oppose globalisation.

SOMMAIRE

TRƯƠNG MỸ HOA: Sur la réforme du travail d'émulation et de récompense au cours de ces 5 derniéres années. HÀ THỊ KHIẾT: L'Union des Femmes du Vietnam et le programme de refus de la misére et l'emploi. HỒ XUÂN HÙNG: Pour mener à bien la Résolution N°28 du Bureau politique. THÁI SƠN: Quelques problèmes de la politique sociale à l'égard de la femme à la campagne. LÊ THỊ QUÝ: Réflexion sur l'édification de la stratégie de développement de la famille à l'heure actuelle. HÀ VĂN HIỀN: La province de Quảng Ninh crée une position et une force nouvelles, en poursuivant fermement la voie de renouveau et de développement. HỒ NGHĨA DŨNG: La prospérité de la province de Quảng Ngãi. NGUYỄN VĂN THUẬN: La réforme du travail d'émulation et de récompense à Hải Phòng. NGUYỄN THIỆNG ĐỨC: La mise en actionnariat des entreprises étatiques à Hồ Chí Minh-ville. NHẬT TÂN: Poursuite du mouvement de planing familial et amélioration de la qualité de la population. PHAN DOÃN NAM: Les contradictions et leur solution dans les relations internationales à l'heure actuelle. PHẠM ĐÌNH NGHIỆM: Le mouvement contre la globalisation.

SUMARIO

TRƯƠNG MỸ HOA: Acerca del trabajo de emulación-premiación en 5 años pasados. HÀ THỊ KHIẾT: La Federación de Mujeres de Vietnam y el programa de erradicar el hambre, disminuir la pobreza y crear empleos. HỒ XUÂN HÙNG: A fin de cumplir con éxito la Resolución 28 del Buró Politico. THÁI SƠN: Algunas cuestiones sobre la política social hacia las mujeres del campo. LÊ THỊ QUÝ: Reflexiones sobre la construcción de la estrategia del desarrollo de la actual familia. HÀ VĂN HIỀN: La provincia de Quảng Ninh en la creación de su nueva posición y fuerza por su firme continuación en el camino de renovación y desarrollo. HỒ NGHĨA DŨNG: La provincia de Quảng Ngãi en vuelo. NGUYỄN VĂN THUẬN: La ciudad de Hải Phòng en su renovación del trabajo de emulación-premiación. NGUYỄN THIỆNG ĐỨC: La accionalización de empresas estatales en Ciudad Hồ Chí Minh. NHẬT TÂN: Seguir cumpliendo el movimiento de planificación familiar y elevación de calidad demográfica. PHAN DOÃN NAM: Las contradicciones y las médidas para resolverlas en las actuales relaciones internacionales. PHẠM ĐÌNH NGHIỆM: El movimiento contra la globalización.

目录

•张美花：五年来对竞赛、表彰、嘉奖工作的革新•何氏洁：越南妇女联协会与消饥减贫项目•胡春松：为了胜利实现政治局第28号决议•泰山：有关农村妇女社会政策的一些问题•黎氏贵：有关目前建设发展家庭的战略的一些想法•何文贤：广宁省建造新的势和力，继续在革新发展的道路上稳步前进•胡义勇：广宁省起色•阮文顺：海防市革新竞赛、表彰、嘉奖的工作•阮禅德：胡志明市国有企业股份化•日新：继续落实家庭计划、提高人口质量的运动•潘允南：目前国际关系中的矛盾及解决矛盾的方式•范廷验：反对全球化的运动

Digitized by Google

VỀ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TRONG 5 NĂM QUA

TRƯƠNG MỸ HOA *

CÔNG tác vận động quần chúng trong các thời kỳ cách mạng của nước ta đã cho thấy, phong trào thi đua yêu nước và tuyên dương khen thưởng kịp thời gương người tốt, việc tốt vừa là công cụ sắc bén, vừa là biện pháp quan trọng của quản lý nhà nước, đồng thời là động lực quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cũng là chuẩn mực để xây dựng con người mới ở Việt Nam.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác thi đua ái quốc và tuyên dương khen thưởng kịp thời những gương người tốt, việc tốt. Sau khi giành chính quyền về tay nhân dân, Hồ Chủ tịch đã quyết định thành lập Ban Vận động thi đua ái quốc, và ngày 11-6-1948, Người trực tiếp viết và đọc lời kêu gọi thi đua ái quốc. Lớp lớp người dân Việt Nam, không phân biệt già trẻ, gái trai, đã không quản ngại khó khăn, gian khổ, hy sinh trong sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của dân tộc. Thi đua ái quốc đã tạo nên động lực cách mạng vô cùng to lớn, góp phần đưa cách mạng Việt Nam vượt qua mọi gian khổ khó khăn, nhấn chìm tất cả bè lũ cướp nước và bán nước, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đánh giá vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác thi đua - khen thưởng, Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định: *"Thi đua ái quốc do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xướng ra từ năm 1948 là phương pháp đầy đủ nhất, thần diệu nhất để động viên tất cả sức lực và tài năng của dân tộc cống hiến cho kháng chiến và kiến quốc".*

Thi đua yêu nước trong thời chiến đã khơi dậy và phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự lực tự cường trong mỗi người dân yêu nước, góp phần quan trọng chiến thắng các kẻ thù, đấu tranh thống nhất đất nước.

Tuy nhiên, trong một thời gian khá dài, nhất là từ khi đất nước ta chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với những thách thức nghiệt ngã và sự cạnh tranh của cơ chế thị trường, các cấp ủy và chính quyền các cấp, các ngành có lúc, có nơi đã buông lỏng sự lãnh đạo và chỉ đạo về công tác thi đua - khen thưởng. Trong cơ chế mới, nhiều ngành và địa phương chưa thấy hết vị trí, vai trò và tác dụng của công tác thi đua - khen thưởng. Không ít người có quan điểm không đúng về công tác thi đua - khen thưởng, cho rằng, bản thân sự cạnh tranh trong cơ chế thị trường đã là thi đua, đã thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển và do đó, nó có thể thay thế phong trào thi đua. Thêm vào đó, chúng ta chưa tìm được phương thức tổ chức thi đua phù hợp. Đối tượng, tiêu chuẩn và

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương

Digitized by Google

các hình thức khen thưởng chậm đổi mới, khen thưởng chưa gắn với thi đua. Trong một số trường hợp, khen thưởng chưa chính xác, chưa thực sự có tác dụng giáo dục, động viên, nêu gương. Tình hình trên tác động mạnh mẽ đến phong trào thi đua. Trong nhiều năm, phong trào thi đua chững lại và có phần bị lắng xuống.

Trước bối cảnh trên, ngày 3-6-1998, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ban hành Chỉ thị số 35/CT-TW về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn cách mạng mới.

Nhận thức đúng đắn ý nghĩa và tầm quan trọng của Chỉ thị 35/CT -TW của Bộ Chính trị, các cấp ủy và chính quyền các cấp, các bộ, ngành, đoàn thể trung ương đến địa phương và cơ sở đã nghiêm túc, khẩn trương triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện. Vì vậy, phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong 5 năm qua đã có bước chuyển biến tích cực, đáng khích lệ.

Việc triển khai quán triệt Chỉ thị 35/CT-TW đã tạo được bước chuyển biến rõ rệt trong nhận thức của hầu hết cán bộ, nhân dân về vị trí, vai trò và tác dụng của công tác thi đua - khen thưởng trước tình hình mới. Đặc biệt, hàng ngũ cán bộ chủ chốt của các ngành, các cấp càng ý thức rõ rằng, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác thi đua khen - thưởng càng có vị trí quan trọng hơn bao giờ hết.

Các cấp ủy và chính quyền các cấp ở nhiều nơi tích cực lãnh đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng, phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc tổ chức, vận động thi đua.

Phong trào thi đua trong 5 năm qua đã có sự khởi sắc, thiết thực hơn và hạn chế được sự phô trương hình thức. Điều đó chứng tỏ rằng, công tác lãnh đạo, chỉ đạo đã có sự chuyển biến tích cực. Nội dung của các phong trào thi đua được nhiều cấp ủy và chính quyền các cấp gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ theo nghị quyết đại hội đảng các cấp; cụ thể hóa nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương, đơn vị mình.

Các ngành, các địa phương tổ chức khá tốt các phong trào thi đua chung từ nhiều năm trước đây; tổ chức phát động một số phong trào thi đua mới, với những hình thức, biện pháp thi đua phong phú, đa dạng, đem lại hiệu quả thiết thực. Tiêu biểu như:

Ngành công nghiệp và xây dựng phát động phong trào lao động giỏi với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

Ngành nông nghiệp chỉ đạo tốt các phong trào thi đua "Vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn" và "Xây dựng nông thôn giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh".

Ngành thương mại phát động phong trào thi đua đạt 5 chỉ tiêu xuất khẩu trong ngành: Xuất khẩu mặt hàng hoặc một chủng loại mặt hàng sản xuất tại Việt Nam, lần đầu tiên được tiêu thụ ở thị trường nước ngoài; mở rộng thị trường xuất khẩu đã có hoặc mở thêm thị trường mới; xuất khẩu các mặt hàng có chất lượng cao được thưởng Huy chương tại các hội chợ triển lãm quốc tế; xuất khẩu các mặt hàng được gia công chế biến bằng nguyên vật liệu trong nước; xuất khẩu các mặt hàng ngoài hạn ngạch hoặc ngoài chỉ tiêu. Phong trào được các doanh nghiệp hưởng ứng và do đó, đã góp phần làm tăng kim ngạch xuất khẩu của nhiều doanh nghiệp cũng như của ngành, đồng thời làm tăng vị thế của nước ta trên thương trường thế giới.

Ngành giáo dục và đào tạo xác định nội dung thi đua trong giai đoạn mới phải gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của ngành; đã duy trì và phát động mạnh mẽ, sâu rộng các phong trào "Dạy tốt, học tốt", "Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục" và " Xây dựng nhà trường kỷ cương, nền nếp, xanh, sạch đẹp, bài trừ tệ nạn xã hội". Phong trào thi đua hai tốt (dạy tốt, học tốt) được cụ thể hóa cho từng đối tượng.

Digitized by Google

Ngành y tế tổ chức tốt phong trào thi đua thực hiện lời Bác Hồ dạy "Thày thuốc như mẹ hiền"; nội dung, tiêu chí thi đua của phong trào này đã được cụ thể hóa cho phù hợp với thời kỳ đổi mới. Các phong trào "Thực hiện 12 điều y đức", "Bệnh viện xuất sắc toàn diện" và "Tuổi trẻ ngành y tiến quân vào khoa học, kỹ thuật" được phát động sôi nổi.

Ngành quốc phòng hằng năm đã cụ thể hóa mục tiêu thi đua hướng vào nâng cao chất lượng huấn luyện sẵn sàng chiến đấu; qua đó, tập trung khắc phục những khâu yếu. Đặc biệt, từ năm 2000, trên cơ sở mục tiêu thi đua chung, đã chỉ đạo việc tập trung đột phá vào hai khâu trọng điểm: Tăng cường công tác quản lý, rèn luyện kỷ luật, duy trì nếp sống chính quy, thực hiện dân chủ ở đơn vị; cải cách hành chính quân sự, đổi mới lề lối tác phong công tác ở cơ quan, đảm bảo cho cơ quan thật sự năng động. Đây là điểm nổi bật thể hiện chiều sâu, tính thiết thực trong chỉ đạo công tác thi đua và phong trào thi đua quyết thắng của toàn quân.

Phong trào thi đua "Vì an ninh Tổ quốc" của công an nhân dân có nhiều đổi mới, được triển khai bằng những hình thức phong phú. Chẳng hạn, lực lượng an ninh có phong trào hướng về cơ sở, bám sát địa bàn, nắm tình hình từ xa; đã kết hợp phong trào này với việc phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, nhất là ở các nơi trọng điểm.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh các cấp phối kết hợp tốt với chính quyền và giữa các đoàn thể với nhau trong tổ chức vận động thi đua và có nhiều hình thức, biện pháp tổ chức thi đua hiệu quả, thiết thực.

Thủ đô Hà Nội vốn có truyền thống là một trong những địa phương đi đầu trong cả nước về tổ chức phong trào thi đua ở nhiều lĩnh vực khác nhau; trong 5 năm qua, đã duy trì có nền nếp và phát động sôi nổi phong trào "Người tốt, việc tốt". Thành ủy, Ủy ban nhân dân phát động trong 3 năm 2001 - 2003 phong trào "Phát huy truyền thống Thủ đô anh hùng - 1000 năm văn hiến, xây dựng Thủ đô văn minh, thanh lịch, hiện đại xứng đáng với Thủ đô anh hùng". Đây là phong trào thi đua lâu dài, có mục tiêu bao trùm trên nhiều lĩnh vực, làm cơ sở cho các phong trào thi đua của các ngành, các cấp.

Thành phố Hồ Chí Minh, mấy năm gần đây, xuất hiện một số phong trào có sức lan tỏa ra các địa phương trong cả nước, như phong trào "Xóa đói giảm nghèo", phong trào "Xây dựng nhà tình nghĩa", phong trào "Xây dựng nhà tình thương", phong trào "Bảo trợ giúp đỡ bệnh nhân nghèo", phong trào "Trật tự kỷ cương - nếp sống văn minh đô thị", phong trào "Hiến máu nhân đạo", phong trào "Bữa cơm cho người nghèo, người già cô đơn".

Tỉnh Quảng Ninh phát động phong trào thi đua có tính chiến lược, xuyên suốt trong 5 năm theo tinh thần Chỉ thị 35/CT-TW của Bộ Chính trị. Đó là phong trào "Thi đua phát huy nội lực, lao động sáng tạo xây dựng Quảng Ninh giàu đẹp, văn minh", với 10 chỉ tiêu thi đua "5 tăng, 3 giảm, 2 xóa". Tỉnh gắn kết chặt chẽ kết quả thi đua với khen thưởng, gắn kết chặt chẽ trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu cơ quan, tổ chức với tập thể...

Công tác khen thưởng trong 5 năm qua cũng có nhiều tiến bộ. Gắn được khen thưởng với thi đua, thi đua với khen thưởng. Khen thưởng thành tích trong các phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội được tiến hành thường xuyên và kịp thời, nhất là khen thưởng gương người tốt việc tốt, khen thưởng thành tích đột xuất, khen thưởng tài năng trẻ.

Khen thưởng cho cá nhân đã được quan tâm hơn. Huân chương Lao động tặng cho cá nhân trong 4 năm trước khi có Chỉ thị là 33%, trong 4 năm sau khi có Chỉ thị là 41%; bằng khen của các bộ, ngành trung ương tặng cho cá nhân, trong 4 năm trước khi có Chỉ thị

Digitized by Google

(1994 - 1997) là 76%, trong 4 năm sau khi có Chỉ thị (1999 - 2002) là 78% ; bằng khen của các tỉnh, thành phố tặng cho cá nhân trong 4 năm trước khi có Chỉ thị là 56%, trong 4 năm sau khi có Chỉ thị là 58% (so với tổng số khen thưởng cho cá nhân và tập thể).

Khen thưởng đối ngoại được Nhà nước và các bộ, các địa phương đặc biệt quan tâm. Từ năm 1998 trở lại đây, lần đầu tiên các bộ, ngành trung ương, các tỉnh, thành phố tặng bằng khen cho các cá nhân, tổ chức người nước ngoài có công lao giúp đỡ và hợp tác với Việt Nam.

Khen thưởng thành tích tham gia các thời kỳ kháng chiến được các cấp ủy và chính quyền các cấp ở nhiều nơi quan tâm chỉ đạo. Đến nay, tuy vẫn còn tồn đọng một số trường hợp, do khó khăn trong chứng nhận thành tích, nhưng nỗ lực này là một thành quả đáng biểu dương, góp phần không nhỏ vào việc thực hiện tốt chính sách ưu đãi những người có công với đất nước trong các thời kỳ kháng chiến.

Hình thức và đối tượng khen thưởng trong 5 năm qua rất đa dạng, phong phú. Ngành nào, địa phương nào, ngoài các hình thức khen thưởng của Nhà nước, cũng có những hình thức khen thưởng, giải thưởng riêng để động viên, thúc đẩy mọi người tham gia thi đua. Chẳng hạn, các giải Sao Đỏ, Sao Tháng Giêng, Sao Vàng đất Việt, các học bổng Đô-rê-mon, Vừ A Dính, Lê Văn Tám của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; các học bổng Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Thị Định... của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; học bổng Nguyễn Văn Trỗi của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; các giải thưởng Thăng Long của Hà Nội, Pắc Pó của Cao Bằng, Văn học sông Thương của Bắc Giang, Văn học Nguyễn Trãi của Hà Tây, Nguyễn Đình Chiểu của Bến Tre, v.v..

*

* *

Trong 5 năm qua, phong trào thi đua - khen thưởng có bước tiến bộ mới, có những hình thức, biện pháp thiết thực hơn và hiệu quả hơn, đã huy động được sức dân đẩy lùi các khó khăn, tạo động lực phát triển, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo. Tuy nhiên, so với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, công tác thi đua - khen thưởng vẫn còn nhiều bất cập.

Chuyển biến nhận thức về vị trí, vai trò và tác dụng của công tác thi đua - khen thưởng chưa sâu sắc và không đều; còn không ít cán bộ, đảng viên nhận thức chưa đúng mức về công tác thi đua - khen thưởng trong tình hình mới. Một số đơn vị, nhất là các doanh nghiệp, không chú ý đúng mức đến việc tổ chức các phong trào thi đua, mà chỉ chạy theo lợi nhuận đơn thuần, chú trọng thưởng vật chất, xem nhẹ việc động viên tinh thần. Một số bộ, ngành trung ương và địa phương còn buông lỏng trong lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thi đua; chỉ chú trọng đến công tác khen thưởng, coi nhẹ về công tác thi đua; chưa thấy được mối quan hệ biện chứng giữa thi đua và khen thưởng.

Trong chỉ đạo, một số bộ, ngành và địa phương còn khóan trắng công tác thi đua - khen thưởng cho các đoàn thể, cho cán bộ chuyên trách làm công tác thi đua - khen thưởng. Quá trình tổ chức thi đua thiếu kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn lệch lạc. Chưa làm tốt việc tổng kết các mô hình; việc tuyên truyền về mô hình mới, nhân tố mới chưa sâu, chưa liên tục. Nhiều địa phương, đơn vị còn lúng túng trong việc xây dựng nội dung, hình thức và biện pháp tổ chức thi đua. Ở một số nơi, thi đua còn mang nặng tính hình thức, chưa thực sự tạo được khâu đột phá mạnh mẽ trong đời sống kinh tế - xã hội. Phong trào thi đua phát triển chưa đều, chưa rộng khắp; phong trào thi đua ở văn phòng cơ quan của một số bộ, ngành trung ương, vùng sâu, vùng xa còn yếu, chưa được quan tâm đúng mức.

Khen thưởng có khi chưa được công bằng. Khu vực ngoài Nhà nước bước đầu được quan tâm khen thưởng nhưng chưa tương xứng với thực tế công cuộc đổi mới, đặc biệt là được

Digitized by Google

khen thưởng ở mức cao còn quá ít. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng cho khu vực này là 0,7%; Huân chương Lao động là 0,5%. Khu vực nông nghiệp và nông thôn cũng ít được khen thưởng. Việc khen thưởng còn thiếu tính chủ động và tính phổ biến. Nơi nào đề nghị nhiều thì được khen thưởng nhiều; nơi nào đề nghị ít thì được khen thưởng ít; nơi nào không đề nghị thì không được khen thưởng. Khen thưởng cao về thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng năm hầu như không sai, chỉ có một số ít trường hợp mắc sai phạm sau một thời gian đã được khen, do cá nhân, tập thể không tiếp tục rèn luyện, phấn đấu để giữ vững và phát huy truyền thống của đơn vị mình. Trong khen thưởng về thành tích tham gia kháng chiến vài năm gần đây, nhiều nơi có hiện tượng nể nang trong chứng nhận thành tích nên còn để sai sót. Tình trạng này đã được các địa phương chấn chỉnh kịp thời, nhưng dù sao cũng để lại dư luận không tốt.

Hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác thi đua - khen thưởng ở các cấp hiện nay chưa thống nhất, mỗi nơi tổ chức một khác; cán bộ làm công tác thi đua - khen thưởng từ trung ương đến cơ sở đa số chưa được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác thi đua - khen thưởng, và nhìn chung, còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, chưa đáp ứng được yêu cầu. Thủ tục khen thưởng còn rườm rà, phức tạp, qua nhiều tầng nấc.

Để nâng chất lượng công tác thi đua - khen thưởng lên một tầm cao mới, đưa thi đua trở thành cao trào, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005) theo Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy, chính quyền các cấp và hệ thống chính trị trong những năm tới là: *Tiếp tục nâng cao nhận thức, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy và chính quyền các cấp về công tác thi đua - khen thưởng; có sự phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong tổ chức vận động thi đua; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với công tác thi đua - khen thưởng. Thực hiện phương châm "Cả hệ thống chính trị phải làm công tác thi đua - khen thưởng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức, có sự phối hợp chặt chẽ, dưới sự lãnh đạo của Đảng".*

Đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong những năm tới tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

1. Tiếp tục đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy và công tác quản lý của chính quyền các cấp về công tác thi đua - khen thưởng; tiếp tục nâng cao nhận thức trong các tầng lớp cán bộ và nhân dân về vị trí, vai trò và tác dụng của công tác thi đua - khen thưởng trong thời kỳ đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương.

2. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức và biện pháp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực một cách thiết thực, phù hợp với thực tế, trong đó, phải chú ý đến những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, nơi biên giới, hải đảo, lĩnh vực ngoài Nhà nước. Qua đó, tạo cho được phong trào thi đua sôi nổi, đồng đều, nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị và địa phương. Gắn chặt các phong trào thi đua với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững trật tự an toàn xã hội và củng cố an ninh quốc phòng.

Kế thừa và phát huy đầy đủ ưu điểm của các phong trào thi đua yêu nước đã có, bổ sung các nội dung và hình thức thi đua - khen thưởng mới cho phù hợp.

3. Đổi mới cơ bản và mạnh mẽ công tác khen thưởng theo nguyên tắc đúng người, đúng việc, đúng thành tích, kịp thời, công khai, dân chủ và công bằng. Đảm bảo phong trào thi đua đến đâu thì công tác khen thưởng động viên kịp thời đến đấy. Quan tâm đến khen thưởng

Digitized by Google

động viên cá nhân, người trực tiếp lao động sản xuất, những tập thể vừa và nhỏ.

Cải cách cơ bản và mạnh mẽ hơn nữa các thủ tục hành chính trong khen thưởng. Viện Thi đua - Khen thưởng nhà nước khẩn trương giúp Thủ tướng Chính phủ sớm ra quy định mới về thủ tục hồ sơ xét khen thưởng theo hướng nâng cao trách nhiệm của Bộ trưởng, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, thủ trưởng các cấp trong công tác khen thưởng, bỏ các thủ tục gây phiền hà, tránh qua nhiều tầng nấc, trung gian.

Việc giải quyết tồn đọng trong khen thưởng thành tích kháng chiến, các địa phương cần tích cực, khẩn trương để hoàn thành dứt điểm theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị.

4. Hội đồng thi đua - khen thưởng các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh và truyền hình tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền về thi đua - khen thưởng. Tuyên truyền sâu rộng hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thi đua - khen thưởng, về các phong trào thi đua mới; cổ vũ, động viên chính xác, kịp thời những gương "người tốt việc tốt", những nhân tố mới, mô hình mới, với những hình thức đa dạng, phong phú.

Làm tốt việc tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến; đồng thời, phê phán những hành động sai phạm trong công tác thi đua - khen thưởng, lên án bệnh chạy theo thành tích, báo cáo sai sự thật để được khen thưởng.

5. Chính phủ sẽ sớm có nghị định cụ thể hóa Luật Thi đua - Khen thưởng khi được Quốc hội thông qua, để nhanh chóng đưa Luật vào cuộc sống.

6. Tích cực chuẩn bị triển khai những nội dung, yêu cầu trong Chỉ thị mới của Bộ Chính trị về công tác thi đua - khen thưởng. Phát động các phong trào thi đua lập thành tích xuất sắc hướng tới Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VII tổ chức vào cuối năm 2005.

7. Tiếp tục đổi mới và kiện toàn, nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy làm công tác thi đua - khen thưởng từ trung ương đến cơ sở theo hướng tinh gọn, đồng bộ, có hiệu lực. Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta phải lựa chọn, bồi dưỡng và xây dựng được một đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua - khen thưởng có phẩm chất đạo đức trong sáng, lập trường chính trị vững vàng và phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhất định, yêu nghề, tâm huyết với công việc, đáp ứng nhiệm vụ được giao trong giai đoạn cách mạng mới của đất nước.

Sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng lãnh đạo đang đòi hỏi mỗi chúng ta phải "ngày ngày thi đua, người người thi đua, ngành ngành thi đua" để tạo động lực mới đưa đất nước ngày càng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Qua phong trào thi đua, mỗi người Việt Nam càng phát huy tính tự giác, không ngừng vươn lên, tự hoàn thiện mình, khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng lao động sáng tạo, mọi nguồn lực vật chất và tinh thần để phục vụ cuộc sống, làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn, văn minh hơn. Các cấp, các ngành tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác thi đua - khen thưởng nhằm vừa tạo động lực phát triển mới, vừa tạo biện pháp quản lý quan trọng để xây dựng con người mới. Toàn thể xã hội ta dấy lên phong trào thi đua ngày càng mạnh mẽ. Thi đua trở thành một nếp sống tốt đẹp, một biểu hiện sinh động về phẩm chất cách mạng của dân tộc ta.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sắc của Đảng và sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, với truyền thống thi đua của từng địa phương, đơn vị, trong mọi lĩnh vực lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và mỗi người chúng ta, chắc chắn đất nước sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức, phát triển mạnh mẽ bằng phong trào thi đua hành động cách mạng sôi nổi, liên tục, rộng khắp, tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM VỚI CHƯƠNG TRÌNH XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO VÀ VIỆC LÀM

HÀ THỊ KHIẾT *

XÓA đói giảm nghèo và giải quyết việc làm luôn được Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm, coi đó là vấn đề mệnh hệ tới sự phát triển, thuộc bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Với sự quyết tâm cao của Chính phủ, của các cấp, các ngành trong chỉ đạo điều hành Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm, nước ta đã được các tổ chức quốc tế đánh giá là một trong những nước dẫn đầu thế giới về thực hiện Chương trình xóa đói giảm nghèo. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, một tổ chức đoàn thể có chức năng đại diện quyền lợi của phụ nữ, đã nhận thức rất rõ và đầy đủ vị trí quan trọng, sự liên quan chặt chẽ giữa xóa đói giảm nghèo và việc làm đối với sự phát triển, tiến bộ và bình đẳng của phụ nữ. Nghèo đói và thiếu việc làm thường gắn liền với thất học, bệnh tật, sức khỏe kém... nó tác động tiêu cực đến mọi thành viên trong gia đình nhưng trước hết là phụ nữ và trẻ em.

Thực hiện Chương trình xóa đói giảm nghèo và việc làm quốc gia của Chính phủ, trong nhiều năm qua, đặc biệt là từ năm 2001 đến nay, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã phát động phụ nữ cả nước thi đua thực hiện phong trào *Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc;* Chương trình *Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế.* Từ những chủ trương, định hướng của Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, các cấp hội đã chủ động tham gia một cách bền bỉ vào công tác xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm bằng nhiều hình thức đa dạng, sáng tạo, phù hợp với giới nữ, nhằm phát huy tiềm năng của lực lượng lao động nữ, đóng góp vào việc thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và việc làm do chương trình quốc gia đặt ra.

1 - Tiếp tục hỗ trợ phụ nữ nghèo tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức

Vay vốn để phát triển sản xuất luôn là nhu cầu cấp bách của phụ nữ nghèo. Trong những năm qua, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã kiên trì chỉ đạo các cấp hội tích cực khai thác các nguồn vốn vay để hỗ trợ phụ nữ nghèo. Chỉ tính riêng vốn vay từ *Ngân hàng Chính sách xã hội,* dưới hình thức tín chấp qua tổ chức hội đã chiếm hơn 50%; và số vốn vay này được chuyển tới các phụ nữ nghèo vay gắn với tiết kiệm thông qua *Nhóm phụ nữ tiết kiệm.* Trong quá trình thực hiện, một câu hỏi luôn được đặt ra là: liệu người nghèo có tiết kiệm và biết sử dụng vốn hiệu quả được hay không? Thực tế khẳng định, người nghèo hoàn toàn có khả năng làm được điều đó, nếu chúng ta có cách làm phù hợp với người

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Digitized by Google

nghèo. Năm 2002, phụ nữ cả nước đã tiết kiệm được hàng trăm tỉ đồng, chiếm hơn 10% tổng số nguồn vốn mà Hội đang cho vay. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Đà Nẵng đã có hình thức vận động chị em mỗi ngày tiết kiệm 200 đồng, kết quả đạt số tiền tiết kiệm hơn 10 tỉ đồng. Chỉ riêng ấp Gò Ca của tỉnh Trà Vinh đã có 10 tổ tiết kiệm với số tiền tiết kiệm được gần 60 triệu đồng. Nhiều tỉnh có hình thức tổ chức tiết kiệm theo tuần (mỗi tuần chỉ từ 1 000 đến 2 000 đồng), nhờ cách làm này mà nhiều phụ nữ nghèo đã có khoản vốn tự có hàng triệu đồng. Quỹ tiết kiệm của các nhóm được dùng để cho các thành viên trong nhóm vay với lãi suất phù hợp, tiền lãi dùng để thăm hỏi, giúp đỡ thành viên nhóm khi có những công việc, khó khăn đột xuất. Rõ ràng, việc vận động phụ nữ nghèo thực hiện tiết kiệm không chỉ chứa đựng ý nghĩa về kinh tế mà còn mang ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc; không chỉ tạo thói quen tiết kiệm mà còn giúp chị em nghèo tạo ra nguồn vốn tự có, tăng khả năng hoàn trả, hỗ trợ nhau trong xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế.

Thông qua *Nhóm phụ nữ tiết kiệm,* chẳng những hoạt động vay vốn được thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ hoàn trả vốn cao (đạt trên 95%) mà còn có thể lồng ghép với các việc phổ biến, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, kiến thức về nuôi dạy con cái, dân số kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, vệ sinh môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội. Vì vậy, mô hình *Nhóm phụ nữ tiết kiệm* đã không ngừng phát triển ở khắp cả nước, thu hút hàng triệu phụ nữ tham gia.

2 - Hoạt động xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm ngày càng đổi mới, mở rộng, đa dạng và thiết thực hơn

Trong thực hiện xóa đói giảm nghèo, các cấp hội đã tổ chức thực hiện một hoạt động rất có ý nghĩa, mang tính cơ bản là tập trung giúp phụ nữ nghèo *an cư để lạc nghiệp.* Phong trào xây dựng *Ngôi nhà tình thương*, bằng cách vận động các tầng lớp phụ nữ và cộng đồng góp tiền của, ngày công, được thực hiện ở rất nhiều tỉnh, thành phố, kể cả những nơi còn nhiều khó khăn. Ví dụ, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Long An đã xây dựng được 281 căn nhà tình thương, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đà Nẵng đã xóa 22 ngôi nhà tạm. Khó khăn như tỉnh Sơn La nhưng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã vận động, quyên góp giúp xóa được 8 ngôi nhà tạm cho phụ nữ nghèo độc thân của một huyện. Đặc biệt, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Tĩnh đã trở thành một trong những lực lượng nòng cốt của tỉnh trong cuộc vận động giúp hộ đói nghèo xóa nhà tranh tre, dột nát được 496 ngôi nhà, trị giá 1 tỉ 399,3 triệu đồng.

Một cách khác "rất chiến lược" là giúp con cháu các gia đình nghèo được tiếp tục đi học, là cơ sở giúp gia đình họ thoát nghèo trong tương lai một cách bền vững. Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã phối hợp với chính quyền, đoàn thể, tổ chức các lớp học tình thương; lập quỹ học bổng, quỹ hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó... mỗi năm hơn 20 tỉ đồng. Tiêu biểu là Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ trong 2 năm 2001 - 2002, đã cấp hơn 20 000 lượt suất học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học với giá trị hơn 7 tỉ đồng.

Nhằm giúp phụ nữ nghèo các tỉnh miền núi tiếp cận thuận tiện với kiến thức khuyến nông và những tiến bộ kỹ thuật, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tập trung giúp các tỉnh vùng Tây Bắc, Tây Nguyên đào tạo đội ngũ khuyến nông viên tự nguyện bao gồm những phụ nữ địa phương có kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh giỏi. Đến nay, các vùng này đã đào tạo được hơn 1 000 khuyến nông viên tự nguyện tích cực phổ biến những kiến thức, trao đổi kinh nghiệm làm ăn phù hợp với phụ nữ đồng bào các dân tộc thiểu số. Mặt khác, phối hợp với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nghiên cứu và xây dựng mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về cây trồng, chế biến sản phẩm, bảo vệ môi trường cho phụ nữ nghèo các tỉnh Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Giang, Tuyên Quang.

Sự đổi mới về hoạt động xóa đói giảm nghèo được thể hiện khá rõ nét trong hoạt động cho vay

Digitized by Google

thông qua các dự án nhỏ để tạo việc làm. Trong 2 năm (2001 - 2002), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam được Chính phủ phân bổ số vốn là 7 tỉ đồng. Hội đã tổ chức cho vay theo hướng nâng dần mức vay, đầu tư vào trọng điểm phát triển doanh nghiệp nhỏ, kinh tế hộ gia đình; vay vốn để chuyển đổi cơ cấu kinh tế, khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, phát huy thế mạnh của địa phương, giải quyết được nhiều lao động, nhất là lao động nữ có việc làm và thu nhập ổn định. Theo cách đó, các cấp hội đã góp phần giải quyết việc làm cho gần 30 000 người, vừa bảo toàn được nguồn vốn, tỷ lệ nợ quá hạn rất thấp chỉ 0,5%. Tiêu biểu là Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Phú Yên, với 500 triệu đồng được phân bổ, đã đầu tư cho 50 hộ làm nghề chế biến nước mắm và phơi cá khô xuất khẩu. Qua một năm hoạt động, đã thu hút trên 30 lao động chính và hàng trăm lao động có thêm việc làm với mức thu nhập ổn định từ 600 000 đến 700 000 đồng/tháng. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Nghệ An, với một tỉ đồng được phân bổ, đã đầu tư cho 126 hộ làm nghề chế biến hải sản, tạo thêm việc làm cho 812 lao động, mức thu nhập bình quân từ 400 đến 500 nghìn đồng/tháng.

Nhiều tỉnh, thành hội, do thực hiện có hiệu quả cao *Chương trình 120,* nên đã được cấp ủy, chính quyền địa phương tin tưởng, giao quản lý nguồn vốn ngày càng lớn. Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hải Phòng hiện đang quản lý 32 tỉ đồng, nhưng không có trường hợp nào nợ quá hạn và chưa bao giờ để tồn vốn tại kho bạc. Lai Châu là một tỉnh miền núi biên giới phía Bắc, điều kiện phát triển kinh tế còn nhiều khó khăn và Quảng Bình, Quảng Trị là hai tỉnh miền Trung có khí hậu rất khắc nghiệt, nhưng Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh này đều phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể bạn, tổ chức cho chị em vay vốn phát triển sản xuất rất hiệu quả, không để nợ quá hạn và tồn đọng vốn. Các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ do bình quân ruộng đất thấp, nên đã sáng tạo cho vay để phát triển ngành nghề thủ công truyền thống, giải quyết công ăn việc làm cho nhiều lao động dôi dư trong nông nghiệp. Có thể khẳng định, nguồn vốn thuộc Chương trình 120 đã thực sự đáp ứng nguyện vọng của chị em, nên ngày càng được phát triển bền vững, có tác dụng lớn cả về kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao vị thế của phụ nữ và tổ chức hội.

Công tác dạy nghề là một trọng tâm chỉ đạo của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nhằm tạo điều kiện cho chị em tự tạo việc làm và có việc làm là tiền đề để tự thoát đói nghèo. Trong những năm gần đây, hoạt động dạy nghề trong hệ thống của Hội đã không ngừng được đổi mới và từng bước nâng cao về chất lượng. Các loại nghề được dạy đa dạng hơn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn hơn. Hiện các trung tâm dạy nghề thuộc hệ thống của Hội đã tổ chức dạy được 20 nghề cho hội viên. Các hình thức đào tạo cũng linh hoạt hơn, phù hợp với phụ nữ, như vừa dạy tại trung tâm, vừa dạy tại làng xã. Hiện nay, mạng lưới hoạt động dạy nghề phát triển rộng khắp cả nước, với gần 150 trung tâm, tổ chức được gần 20 000 lớp dạy nghề ngắn hạn cho gần 500 000 phụ nữ, tư vấn cho gần 15 000 chị em. Với chức năng chăm lo quyền lợi của phụ nữ, các trung tâm dạy nghề của Hội đã tổ chức dạy nghề miễn phí cho các đối tượng chính sách, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em tàn tật... với số học viên hơn 80 000 người.

3 - Hoạt động giúp xã nghèo theo sự phân công của Chính phủ

Được Chính phủ phân công giúp tỉnh Sơn La, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tổ chức ký kết chương trình phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh với trọng tâm là, tập huấn cho cán bộ Hội phụ nữ, xây dựng Nhóm phụ nữ tín dụng tiết kiệm, mô hình chuyển giao khoa học - kỹ thuật... Trong 3 năm qua, bằng nhiều hình thức thực hiện, từ nhiều nguồn vốn được huy động, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã giúp phụ nữ tỉnh Sơn La với giá trị gần 2 tỉ đồng để thực hiện việc đào tạo, đổi mới thiết bị truyền

Digitized by Google

thông, cấp học bổng, xóa nhà tạm. Sự giúp đỡ tuy nhỏ bé, nhưng có tác dụng thiết thực nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ cơ sở hội và phụ nữ các xã đặc biệt khó khăn, củng cố tổ chức của Hội, góp phần xóa đói giảm nghèo ở tỉnh.

4 - Thực hiện dự án đào tạo cán bộ xóa đói giảm nghèo

Trong 2 năm (2001 - 2002), được Chính phủ cấp 500 triệu đồng, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã phối hợp với 11 tỉnh, mở 12 lớp tập huấn cho 807 cán bộ của Hội, chủ yếu là các xã nghèo, các xã miền núi, những nội dung cơ bản của Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo. Sau các khóa đào tạo, sự hiểu biết về chính sách, chương trình xóa đói giảm nghèo, kỹ năng tổ chức các hoạt động xóa đói giảm nghèo của đội ngũ cán bộ hội không ngừng được nâng cao.

5 - Tham gia kiểm tra, giám sát các chương trình

Thực hiện chức năng đại diện cho quyền lợi của giới nữ, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã tích cực cùng với các ban ngành, đoàn thể ở địa phương tham gia kiểm tra, giám sát các chương trình, đặc biệt là Chương trình 135 của Chính phủ. Kết quả rất đáng mừng là, ở những nơi thực hiện chương trình này, chị em rất phấn khởi và cho rằng có Chương trình 135 là có được việc làm, có được kết cấu hạ tầng và đời sống tốt đẹp hơn. Nhưng, một số nơi chính quyền quản lý chưa tốt nên còn gây lãng phí, tiêu cực, cần được chấn chỉnh.

Trong quá trình thực hiện Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm, với tinh thần trách nhiệm và tình cảm với phụ nữ nghèo, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã cố gắng, nỗ lực rất nhiều cùng với sự quan tâm, tạo điều kiện của Chính phủ, của các bộ, ngành liên quan. Tuy vậy, trong quá trình thực hiện, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam còn gặp một số khó khăn cần được tháo gỡ như sau:

Về đào tạo cán bộ: Mặc dù đã được cấp ngân sách đào tạo hằng năm nhưng nguồn kinh phí này rất hạn chế. Với ngân sách được cấp từ 200 đến 250 triệu đồng/năm, chỉ đủ kinh phí mở 5 lớp đào tạo cho khoảng 300 cán bộ hội cơ sở. Mức kinh phí đó so với nhu cầu còn quá thấp, cần được Chính phủ quan tâm nhiều hơn, để chị em ở cơ sở được phổ cập kiến thức theo kịp yêu cầu của phụ nữ.

Về đào tạo nghề cho phụ nữ: Qua khảo sát về nhu cầu học nghề của phụ nữ nông thôn, miền núi cho thấy, nhóm phụ nữ ở độ tuổi trung niên, đang nuôi con là lao động chính, nhất là phụ nữ nghèo rất ít có cơ hội tiếp cận với đào tạo nghề trong khi nhu cầu được học nghề, đặc biệt những nghề có thể làm tại nơi sinh sống của nhóm đối tượng trên rất cao (tới 70%). Gần một nửa chị em mong muốn được học nghề tại làng xã.

Nhu cầu về vốn đối với chị em phụ nữ nghèo rất cần kíp. Vì vậy, chúng tôi đề nghị *Ngân hàng Chính sách xã hội* và các ngân hàng khác tạo điều kiện cho chị em được vay với số vốn lớn hơn nữa, để chị em có điều kiện vươn lên phát triển kinh tế gia đình, ổn định cuộc sống.

Vì một tương lai không còn đói nghèo, với trách nhiệm và tình cảm của tổ chức đại diện cho quyền lợi của giới, với ý chí và nguyện vọng của phụ nữ là không cam chịu và chấp nhận đói nghèo, quyết tâm vượt nghèo để xây dựng gia đình: *"No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc"*, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã cam kết với Chính phủ, sẽ tiếp tục tham gia chương trình cho đến khi không còn chị em nào phải chịu cảnh đói nghèo và không có việc làm. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam mong muốn được Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ký kết liên tịch cùng với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, để có thêm những điều kiện thuận lợi hơn cho Hội thực hiện cam kết của mình, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo và việc làm, về đích sớm hơn như quyết tâm chỉ đạo của Chính phủ. ❑

Digitized by Google

ĐỂ THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT 28 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

HỒ XUÂN HÙNG*

NGÀY 16-6-2003 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh. Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị đã tạo ra sự thống nhất trong đánh giá về thực trạng phát triển nông, lâm trường quốc doanh, đề ra mục tiêu, quan điểm và phương hướng nhiệm vụ, cũng như những giải pháp chủ yếu trong giai đoạn trước mắt.

Từ năm 1955, Đảng và Nhà nước ta đã tổ chức xây dựng hệ thống nông, lâm trường quốc doanh nhằm thực hiện những nhiệm vụ trọng yếu trong phát triển nông nghiệp và kinh tế - xã hội của đất nước. Thời kỳ đầu, mục tiêu của nông, lâm trường là khai khẩn đất hoang hóa, tạo ra vùng sản xuất tập trung một số cây con có giá trị kinh tế cao phục vụ cho công nghiệp hóa và xuất khẩu; đáp ứng một số nhu cầu sản phẩm cho đất nước; sử dụng hợp lý lực lượng cán bộ, sĩ quan và chiến sĩ từ miền Nam tập kết ra miền Bắc, và thu hút lao động nhàn rỗi ở miền xuôi đi khai hoang phục hóa ở miền núi. Sau năm 1975, với mục tiêu chuyển các đồn điền (chủ yếu trồng cây cao-su và cà-phê) thành các nông, lâm trường, vừa cải tạo quan hệ sản xuất vừa thúc đẩy lực lượng sản xuất ở các tỉnh phía Nam, đồng thời đóng góp phát triển kinh tế cho cả nước. Vào những năm 80 của thế kỷ XX, một số nông, lâm trường quốc doanh được hình thành từ việc chuyển một số đơn vị quân đội sang xây dựng kinh tế, vừa có tác dụng góp phần xây dựng và phát triển kinh tế, vừa đảm bảo an ninh quốc phòng ở những vùng xung yếu của Tổ quốc.

Với mục tiêu trên, tính đến 1986, khi Đảng và Nhà nước có chủ trương chuyển đổi cơ chế quản lý đối với nền kinh tế trong đó có nông, lâm trường quốc doanh, cả nước đã có 870 nông, lâm trường quốc doanh trực tiếp quản lý 7,5 triệu héc-ta, chiếm 23,3% diện tích đất tự nhiên. Trong đó, có 457 nông trường quản lý 1,2 triệu héc-ta đất tự nhiên với 90 vạn héc-ta đất nông nghiệp (9% đất nông nghiệp cả nước); 413 lâm trường quốc doanh trực tiếp quản lý 6,3 triệu héc-ta (19% diện tích đất tự nhiên). Toàn bộ các nông, lâm trường quốc doanh thời kỳ này đã thu hút được 37 vạn lao động.

Sau hơn 16 năm đổi mới và sắp xếp lại, hiện nay có 682 nông, lâm trường, trong đó 314 nông trường và 368 lâm trường; 174 nông, lâm trường thuộc Trung ương quản lý, chiếm

* Phó Trưởng Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Trung ương

Digitized by Google

25,5%, và 508 nông, lâm trường do địa phương quản lý, chiếm 74,5%.

Hơn 45 năm qua, hệ thống nông, lâm trường quốc doanh ở nước ta đã có nhiều đóng góp to lớn trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thành tựu lớn nhất của hệ thống nông, lâm trường quốc doanh là góp phần xây dựng, củng cố và phát triển quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, kể cả những bài học thành công và chưa thành công, những kinh nghiệm có tính chất mở đường cho sự phát triển. Các nông, lâm trường quốc doanh tích cực khai hoang, phục hóa mở rộng diện tích canh tác, tạo ra những vùng sản xuất hàng hóa tập trung; thu hút và góp phần phân bố lại lao động giữa miền núi và đồng bằng, giữa các miền của cả nước, cải tạo bộ mặt nông thôn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần quan trọng đảm bảo ổn định kinh tế, quốc phòng và an ninh trên toàn tuyến biên giới. Nhiều nông, lâm trường quốc doanh đi đầu trong ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi và trồng trọt, tạo động lực phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần đáng kể cho phát triển kinh tế đồi rừng, vốn rừng và làm nòng cốt trong bảo vệ rừng xung yếu.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu mới đặt ra của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, nông, lâm trường quốc doanh hiện còn không ít bất cập. Trước hết, hiệu quả kinh tế trong kinh doanh còn quá thấp. Nhìn chung thu nhập bình quân theo khoán của một nông trường quốc doanh chỉ đạt 10 triệu đồng/ha/năm, trong khi đó của dân cư vùng lân cận là 17 triệu đồng/ha/năm. Nhiều nông, lâm trường rơi vào tình trạng thua lỗ triền miên, nợ nần chồng chất (kể cả nợ ngân hàng, nợ bảo hiểm xã hội...), không chỉ các nông, lâm trường thuộc địa phương mà cả các nông, lâm trường thuộc các tổng công ty nhà nước "90" và "91". Tổng công ty Cao-su dù được coi là đơn vị sản xuất tốt nhưng hiệu quả mang lại từ các nông trường trực thuộc cũng không cao. Thứ đến, hiệu quả sử dụng đất đai còn thấp. Kết luận của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 28 ghi rõ : "Hiệu quả sử dụng đất đai còn thấp, diện tích chưa sử dụng còn nhiều, quản lý đất đai tài nguyên rừng còn nhiều yếu kém; tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất đai giữa hộ dân với nông trường xảy ra nhiều nơi...". Trong vòng 10 năm gần đây, sau khi đã trả lại cho chính quyền địa phương 1 411 000 héc-ta (bằng 20,14% đất của nông, lâm trường quốc doanh) tỷ lệ diện tích đất được sử dụng cũng chỉ đạt 84,4%. Tuy tạo ra được một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với một số cây dài ngày, song vẫn chưa chiếm được thị phần áp đảo, chưa đóng vai trò chủ đạo trên thị trường. Nông trường cao-su chiếm gần 60%; trong lúc nông trường cà-phê mới chỉ chiếm hơn 12%, chè chưa đầy 15%, cây ăn quả và các cây công nghiệp khác thì tỷ trọng quá nhỏ bé. Việc trồng rừng cũng mới đạt gần 600 000 héc-ta, chiếm 32% diện tích rừng trồng mới trong cả nước. Nhược điểm lớn của các nông, lâm trường quốc doanh là thiếu tập trung xây dựng quan hệ sản xuất mới. Nhiều nông, lâm trường quốc doanh lâm vào tình trạng khoán trắng. Kinh tế trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tư nhân nảy sinh ngay bên trong hoặc tồn tại và phát triển mạnh bên cạnh nông, lâm trường quốc doanh, nhưng chậm được nhận thức đầy đủ để có quyết sách phù hợp cho sự phát triển. Cơ chế quản lý tài chính, đất đai, tài sản khác còn nhiều yếu kém, đầu tư cho chế biến lạc hậu, kém hiệu quả, v.v..

Trước thực tế nêu trên, Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị đã đề ra : "Phấn đấu đến năm 2005 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và phát triển nông lâm trường quốc doanh". Đây là nhiệm vụ rất nặng nề, nhưng phù hợp với tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX). Những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để thực hiện thành công việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông lâm trường quốc doanh đã được nêu đầy đủ và cụ thể,

Digitized by Google

chúng tôi xin bàn thêm một số vấn đề về tổ chức thực hiện.

Vừa qua các đề án tổng thể mới chỉ dừng lại ở việc tập trung sắp xếp các nông trường thuộc các tổng công ty, một số đơn vị chế biến, sản xuất kinh doanh dịch vụ; còn đối với các nông, lâm trường thuộc các địa phương về cơ bản đang chờ chủ trương mới. Do đó, Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị đã tạo ra sự thống nhất về mặt quan điểm chung quanh vấn đề nông, lâm trường quốc doanh.

Thời gian thực hiện mục tiêu do Nghị quyết 28 chỉ tới năm 2005 là quá ngắn. Vì vậy, cần khẩn trương và tập trung cao độ sự chỉ đạo của các bộ, ngành và các cấp uỷ chính quyền địa phương có liên quan. Theo chúng tôi, cần hướng vào một số nhiệm vụ và giải pháp cụ thể sau đây :

1 - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và quán triệt Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị và Chương trình kế hoạch hành động của Chính phủ (Quyết định số 179/2003/QĐ-TTg, ngày 03-9-2003), gắn với tiếp tục tuyên truyền Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 5 (khóa IX) bằng nhiều hình thức thích hợp. Trong công tác tuyên truyền, chú ý làm rõ hơn thực trạng và yêu cầu khách quan của sự cần thiết phải sắp xếp lại các nông, lâm trường quốc doanh. Làm rõ trách nhiệm của các bộ, tỉnh, huyện và những người đứng đầu các nông, lâm trường trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị. Nêu được những điển hình tốt và chưa tốt để động viên tinh thần và định hướng tư tưởng cho người lao động yên tâm hưởng ứng thực hiện chủ trương của Đảng.

2 - Tiến hành rà soát lại quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất - kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ của các nông, lâm trường quốc doanh, gắn chặt ngành với lãnh thổ (bộ và địa phương) để phát huy tối đa hiệu quả sử dụng quỹ đất hiện có, tạo điều kiện phát triển sản xuất hàng hóa lớn, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

3 - Căn cứ vào các tiêu chí và nội dung đã được xác định, tiến hành rà soát, phân loại lại các nông, lâm trường quốc doanh; từ đó, chủ động đưa ra phương án sắp xếp, chuyển đổi phù hợp các loại hình nông, lâm trường.

Một trong những thuận lợi cơ bản trong quá trình xây dựng đề án theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, các nông, lâm trường quốc doanh đã kiểm kê, đánh giá lại cả về nhiệm vụ chức năng, tài chính, lao động, quỹ đất... Tuy chưa được phê duyệt, giải quyết, nhưng nhiều nơi đã đưa ra phương án sắp xếp cụ thể, nay cần đối chiếu lại theo tinh thần Nghị Quyết 28 của Bộ Chính trị để bổ sung, điều chỉnh phương án cho phù hợp với những yêu cầu mới.

4 - Đối với nông trường :

a - Cùng với các nhiệm vụ trên, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cơ chế quản lý mới phù hợp với từng loại hình nông trường (không chỉ cơ chế tài chính mà cả cơ chế kinh doanh, cơ chế khoán, quản, cơ chế tổ chức, cơ chế vận hành...). Trên cơ sở đó, tiếp tục rà soát lại bộ máy, mạng lưới, lao động, tài sản, tài chính để đề xuất hướng giải quyết cụ thể theo các quy định của Chính phủ, tạo điều kiện để nông trường phát triển tốt hơn.

b - Lựa chọn nông trường đủ điều kiện để thực hiện thí điểm cổ phần hóa vườn cây gắn với cổ phần hóa cơ sở chế biến. Đây là vấn đề nhạy cảm, vì vậy cần nghiên cứu để mạnh dạn đưa ra những phương án phù hợp với thực tế của từng địa phương, ngành hay doanh nghiệp, khi các quy định hiện hành còn bất cập. Các cơ quan có thẩm quyền cần tập trung chỉ đạo chặt chẽ, đúc rút kinh nghiệm, qua đó, đề xuất chủ trương, chính sách mới phù hợp với yêu cầu thực tế đặt ra.

Digitized by Google

c - Soát xét lại các cơ sở dịch vụ, chế biến khác để phân loại theo các tiêu chí đã quy định tại Quyết định 58/TTg và Chỉ thị số 01, ngày 23-1-2003 của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở đó, đưa ra phương án tiếp tục sắp xếp và đổi mới hiệu quả.

Theo chúng tôi, cần lưu ý loại hình cơ sở chế biến có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nông trường (nơi đảm bảo chủ yếu và trực tiếp nguồn nguyên liệu cho chế biến), nhất là loại hình có yêu cầu kỹ thuật, quy trình chế biến gắn với thời điểm thu hoạch.

5 - Đối với lâm trường :

a - Sau khi phân loại và rà soát lại chức năng, nhiệm vụ các lâm trường quốc doanh, hoặc chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu, hoặc thành đơn vị sự nghiệp, không nên chuyển nguyên trạng (kể cả lao động, tài sản, các cơ sở phúc lợi công ích, đất đai, rừng). Theo chức năng, nhiệm vụ mới, tiến hành sắp xếp, bố trí lại lao động, tài sản cần dùng, cũng như xác định nhu cầu tài chính để xử lý theo các quy định hiện hành của Chính phủ.

b - Kiên quyết chuyển hẳn sang hoạt động theo cơ chế sản xuất, kinh doanh theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 như các nông trường, công ty, xí nghiệp khác.

c - Đối với các lâm trường vừa sản xuất, kinh doanh, vừa có một bộ phận làm nhiệm vụ công ích, thì cần tách bạch trong tổ chức hạch toán. Trong trường hợp nếu tính công ích đó không phục vụ trực tiếp cho lâm trường thì tốt nhất nên chuyển giao cho tổ chức sự nghiệp khác quản lý. Riêng bệnh xá, trường học, các công trình giao thông công cộng, cần được tiến hành kiểm kê, bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý. Khi kiểm kê, cần làm rõ nguồn vốn để có phương án quản lý phù hợp. Trong trường hợp chính quyền địa phương không đủ điều kiện, khả năng tiếp nhận, trước mắt vẫn giao cho nông, lâm trường quản lý, nhưng được tổ chức hạch toán riêng, tách bạch ra khỏi giá thành của các sản phẩm của nông, lâm trường. Đối với những cơ sở phúc lợi loại này ở các nông, lâm trường vùng biên giới, dân tộc thiểu số, nơi còn nhiều khó khăn, vẫn giao cho nông, lâm trường, nhưng mọi chế độ chính sách và cơ chế quản lý được thực hiện như giao cho chính quyền địa phương.

6 - Thực hiện chính sách đất đai trong nông lâm trường.

a - Đối với nông, lâm trường Nhà nước đầu tư 100% vốn và lâm trường được chuyển sang đơn vị sự nghiệp cũng chỉ được giữ lại quỹ đất, rừng đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao. Quỹ đất, rừng dôi dư phải được giao lại cho chính quyền địa phương quản lý để giao cho hộ dân theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp chính quyền địa phương chưa tiếp nhận, nhân dân địa phương chưa có nhu cầu, sự phân bố lại lao động chưa thể thực hiện được, thì tạm thời giao cho nông, lâm trường quản lý, nhưng cần rõ ràng, cụ thể để tránh tranh chấp về sau. Trong thời gian tạm quản lý nên cho phép nông, lâm trường tìm mọi giải pháp để khai thác hiệu quả quỹ đất, rừng này. Khi nhu cầu và khả năng của địa phương vươn lên đến đâu thì bàn giao đến đó, không nên làm ồ ạt, nhằm tránh tiêu cực, nhất là việc sử dụng quỹ đất ở những nông, lâm trường vùng xung yếu, vùng biên giới.

b - Đối với quỹ đất gắn với vườn cây, rừng trồng ở các nông, lâm trường, khi chỉ đạo thí điểm cổ phần hóa phải gắn với cổ phần hóa các cơ sở chế biến nhưng không được cổ phần hóa quỹ đất, chỉ được quyền ký lại hợp đồng thuê đất từ nông, lâm trường sang cho công ty cổ phần.

c - Đối với quỹ đất gắn với vườn cây đã giao khoán cho hộ nông, lâm trường viên, cần chỉ đạo tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm để uốn nắn những lệch lạc, chống tình trạng sử dụng

Digitized by Google

tùy tiện quỹ đất khi giao khoán, ngăn chặn tình trạng "bán chui". Nghiên cứu đề xuất cơ chế giao khoán mới tạo điều kiện ổn định lâu dài cho hộ nông, lâm trường viên.

Việc khoán vườn cây, rừng trồng vừa không được vi phạm Luật Đất đai, vừa không được phá vỡ quá trình đi lên sản xuất lớn trong nông nghiệp, vừa đảm bảo xu hướng phát triển, vừa ổn định lâu dài cho hộ nông, lâm trường viên là vấn đề cực kỳ khó khăn. Do đó phải nghiên cứu kỹ đặc điểm sản xuất của từng loại cây trồng, đặc thù địa phương và xu hướng phát triển gắn với quy hoạch và kế hoạch của quốc gia để có giải pháp phù hợp.

d - Khi xác định quỹ đất dôi dư để giao cho địa phương, từ đó giao cho hộ dân sản xuất, kinh doanh, cần được phân vùng riêng biệt, cắm mốc giới rõ ràng. Không bàn giao xen kẽ, hoặc chỉ giao vùng đất xấu, gây khó khăn cho quản lý và quá trình phát triển của nông, lâm trường cũng như của địa phương. Phần quỹ đất địa phương chưa có điều kiện nhận, cần tạo điều kiện để nông, lâm trường có thể giao khoán cho nông, lâm trường viên ổn định sản xuất, kinh doanh một thời gian nhất định theo chu kỳ cây trồng, vật nuôi, và nên ưu tiên cho số lao động dôi dư, những hộ có khả năng phát triển kinh tế trang trại hiệu quả (không phân biệt hộ có ở trên địa bàn đó hay không). Quỹ đất nông, lâm trường đã cho thuê, mượn không đúng quy định của Luật Đất đai (theo đánh giá sơ bộ, số đất này chiếm khoảng 1% quỹ đất nông, lâm trường đang quản lý) cần được rà soát, sắp xếp lại. Nếu các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đúng quy hoạch, thì chuyển sang hợp đồng cho thuê. Nếu không, hoặc phải tự điều chỉnh cây trồng, vật nuôi, các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác theo đúng quy hoạch hoặc là phải bị thu hồi.

7 - Quá trình sắp xếp phải gắn với đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh là nội dung cốt lõi và nghiêm ngặt của Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị. Vì vậy, các bộ, ngành, tổng công ty "91" có nông, lâm trường phải kết hợp chặt chẽ với các địa phương từ khâu rà soát lại nông, lâm trường đến xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch; phải công bố công khai quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ của các nông, lâm trường, nhất là kế hoạch phát triển chế biến, kế hoạch tiêu thụ để các nông, lâm trường viên, hộ gia đình trong vùng biết và có cơ sở để xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh của mình cho hợp lý, cân đối cung cầu và có hiệu quả kinh tế.

Gắn quá trình sắp xếp các nông, lâm trường với việc thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo Nghị quyết Trung ương 3 nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc giải quyết các chính sách tài chính, lao động và các tiêu chí đã được Thủ tướng Chính phủ quy định.

Thời gian còn lại rất ngắn. Nhưng số lượng các nông, lâm trường quốc doanh phải rà soát để sắp xếp và đổi mới là 682 đơn vị, đặc biệt có 508 nông, lâm trường quốc doanh trực thuộc các địa phương quản lý. Đây là nhiệm vụ nặng nề, nhưng rất cấp bách, trong khi đó thực tiễn đang còn nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh. Vì vậy, sự tập trung, nhất quán trong chỉ đạo từ trung ương xuống cơ sở là khâu quan trọng, có tính quyết định. Trước mắt, việc thực thi một số nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng, cũng như các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành và địa phương trong Chương trình kế hoạch hành động của Chính phủ đòi hỏi sự tập trung cao độ và dứt điểm. Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị, các ngành, các cấp phải thật sự thông hiểu và tận tâm với công việc thì việc sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông, lâm trường quốc doanh mới có thể đáp ứng được yêu cầu Trung ương đặt ra. ❑

Digitized by Google

Một số vấn đề VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHỤ NỮ NÔNG THÔN

THÁI SƠN

QUA gần 17 năm đổi mới, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn: chính trị, xã hội ổn định; kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, liên tục và ổn định; đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, vẫn còn nhiều vấn đề xã hội bức xúc cần được xem xét một cách nghiêm túc để có hướng khắc phục. Một trong những vấn đề đó là sự "lệch pha" giữa những thay đổi kinh tế và các chính sách xã hội, hay nói cách khác là các chính sách xã hội không theo kịp tiến trình phát triển kinh tế, nhất là một số chính sách xã hội đối với phụ nữ nông thôn.

Chính sách xã hội theo nghĩa rộng là chiến lược phát triển đất nước vì con người, cho con người. Sự cần thiết của một chính sách xã hội đối với phụ nữ là làm sao bảo đảm cho hơn 50% số dân và lực lượng lao động xã hội này phát huy được năng lực và ưu thế của mình trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hiện nay. Do vậy, chính sách xã hội đối với phụ nữ nông thôn không thể nằm ngoài khuôn khổ của những chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước hiện nay. Trong bối cảnh kinh tế thị trường, các chính sách xã hội với lao động nữ trong nông nghiệp, nông thôn chưa được đề cập một cách đầy đủ, chưa dựa trên quan điểm giới, chưa tính đến đặc thù của lao động nữ và quan điểm bình đẳng giới.

Trong khu vực nông thôn, phụ nữ chiếm hơn 70% tổng số lao động. Họ là lực lượng cơ bản tạo ra của cải vật chất và xây dựng văn hóa nông thôn. Ngoài công việc sản xuất, người phụ nữ phải đảm nhiệm hầu như toàn bộ công việc nội trợ gia đình, họ còn có chức năng mang thai, sinh đẻ và nuôi dưỡng con cái. Hoàn thành được các sứ mạng cao cả đó, người phụ nữ nông dân (nhất là phụ nữ nghèo) gần như bị vắt kiệt sức, rất ít có điều kiện để tham gia công tác xã hội, chẳng còn thời gian dành cho học hành nâng cao kiến thức, hưởng thụ văn hóa. Về mặt thể lực, họ thường yếu hơn nam giới, chỉ thích hợp với một số công việc nhất định, thua kém nam giới về trình độ văn hóa và chuyên môn nghề nghiệp (hơn 95% lao động nông nghiệp, trong đó hơn 60% là lao động nữ chỉ làm lao động giản đơn). Do vậy, họ không thể bằng nam giới trong việc cạnh tranh tìm việc làm trên thị trường lao động, nhất là những việc đòi hỏi phải sống xa gia đình.

Kinh tế thị trường cũng dẫn tới sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt. Một bộ phận nông dân năng động trong làm ăn, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường thì

Digitized by Google

giàu lên nhanh chóng. Song, bên cạnh đó vẫn còn bộ phận đáng kể nông dân do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, đời sống rất khó khăn, thiếu thốn. Trong phần lớn các hộ nghèo, phụ nữ bao giờ cũng là người khổ nhất, bởi lẽ họ là người trực tiếp lo cái ăn, cái mặc hằng ngày cho các thành viên trong gia đình. Đối với phần lớn trong số họ, thật khó có thể tách biệt rõ ràng đâu là thời gian lao động sản xuất, đâu là thời gian lao động gia đình. Tình trạng lao động nặng nhọc, kéo dài trong điều kiện làm việc và sinh hoạt thiếu vệ sinh, chế độ dinh dưỡng thiếu trầm trọng khá phổ biến cũng là nguyên nhân làm cho sức khỏe của phần lớn phụ nữ trong các gia đình ở nông thôn bị suy kiệt, bệnh tật gia tăng, nhất là các bệnh về mắt, đường ruột, phụ khoa... Tỷ lệ phụ nữ thiếu máu, không đủ dinh dưỡng trong thời gian mang thai, số trẻ em bị đẻ non, suy dinh dưỡng, thiếu cân lên tới 20 - 30%, thậm chí có vùng lên tới 40%. Điều này tác động tới sự phát triển nòi giống, những chủ nhân tương lai của đất nước.

Có nhiều nguyên nhân cụ thể gây ra tình trạng nghèo đói của các gia đình nông dân: sự rủi ro quá mức do ốm đau, bệnh tật, thiên tai, mất mùa, sinh đẻ ngoài ý muốn; do thiếu các nguồn lực sản xuất như đất đai, vốn chi phí cho sản xuất, thiếu sức lao động; sự cách biệt về mặt địa lý, về trình độ phát triển xã hội, về tri thức; thiếu cơ hội tham gia vào các công tác xã hội và phát triển xã hội; thiếu kết cấu tầng cho y tế, giáo dục, đường giao thông, điện, nước sạch cho sinh hoạt.

Những nhu cầu cơ bản của phụ nữ nông thôn hiện nay

Sau gần 17 năm đổi mới, sản xuất nông nghiệp phát triển có hiệu quả dưới dạng kinh tế hộ gia đình. Nhưng đến nay, người nông dân lại gặp những khó khăn mới: dân số tăng liên tục, mỗi năm hơn 1 triệu thanh niên bước vào tuổi lao động, diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người ngày càng giảm; thiếu việc làm đang là phổ biến, số nam giới rời bỏ quê hương đi kiếm việc làm ở nơi khác ngày càng nhiều. Người phụ nữ, người vợ ở nhà đảm đang tất cả gánh nặng công việc đồng áng, nuôi con, nội trợ gia đình.

Tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ có khó khăn, phụ nữ các dân tộc thiểu số, nhằm xóa đói giảm nghèo, cải thiện mức sống và làm giàu chính đáng, đòi hỏi phải đặt chính sách giới ở một tầm rộng lớn hơn, xem xét một số nhu cầu cơ bản của phụ nữ nông thôn có tính hệ thống và thường xuyên hơn trong việc hoạch định chính sách. Cần đưa các mối quan tâm của phụ nữ nông dân vào các chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển nông nghiệp và nông thôn. Có thể nêu một số nhu cầu cần thiết sau:

a - Nhu cầu hỗ trợ về vốn sản xuất

Qua tìm hiểu thực tế cho thấy, phụ nữ nông thôn thường lâm vào cảnh thiếu vốn, do vậy điều kiện đầu tư cho thâm canh tăng vụ, đẩy mạnh chăn nuôi, phát triển ngành nghề phụ gặp khó khăn. Đa số chị em đều có nguyện vọng được vay vốn để phát triển sản xuất. Cơ chế hoạt động và cho vay vốn như hiện nay còn nhiều trở ngại đối với phụ nữ, nhất là phụ nữ nghèo ít được tiếp cận với nguồn vay vốn mở mang ngành nghề, phát triển sản xuất.

Trong các gia đình ở nông thôn, vốn tích lũy không nhiều, việc dùng vốn hay vay vốn thường do người chồng, chủ hộ quyết định, người phụ nữ phải phụ thuộc vào chồng, nhất là phụ nữ cô đơn, nghèo lại

Digitized by Google

càng khó đi vay vốn. Để vay vốn của ngân hàng thì không đủ điều kiện thế chấp và thủ tục lại rườm rà, phức tạp. Vay vốn của tư nhân thì phải chịu lãi suất cao. Những năm gần đây, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân các cấp đã đứng ra tín chấp cho phụ nữ vay tiền ngân hàng, nhưng số tiền được vay lại ít ỏi, thời gian ngắn. Mong muốn của chị em là được tiếp cận bình đẳng với các nguồn vốn tín dụng, muốn ngân hàng cải tiến cách tổ chức và thời hạn cho vay, phân biệt cho vay vốn để xóa đói giảm nghèo (từ một đến hai triệu đồng) với cho vay vốn để mở mang ngành nghề, phát triển sản xuất (từ hai đến ba chục triệu đồng).

b - Nhu cầu về kiến thức khoa học - kỹ thuật

Cùng với vốn, chị em cũng có nhu cầu không nhỏ về kiến thức khoa học - kỹ thuật, họ muốn được giúp đỡ về công nghệ và dịch vụ khuyến nông để sử dụng đồng vốn có hiệu quả hơn. Phần lớn phụ nữ nông thôn, nhất là phụ nữ nghèo, trình độ văn hóa thấp và rất ít được đào tạo về chuyên môn nghề nghiệp.Việc thiếu thông tin, kiến thức khoa học về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi đã khiến nhiều chị em lúng túng, thụ động trong việc áp dụng kỹ thuật sản xuất, phương pháp chọn giống và chăm sóc vật nuôi, cây trồng, sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón cho phù hợp và kịp thời. Bởi vậy, cần tổ chức đào tạo và hướng dẫn sản xuất kinh doanh cho phụ nữ nông thôn như: hướng dẫn kỹ thuật làm ruộng, vườn, chăn nuôi trên cơ sở lối canh tác truyền thống kết hợp đào tạo những kiến thức khoa học - kỹ thuật mới góp phần tăng năng suất vật nuôi, cây trồng; cách thức sơ chế biến sản phẩm, thăm dò tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm. Việc đào tạo nên ưu tiên các nghề ít vốn, kỹ thuật không cao, dễ tiêu thụ sản phẩm.

c - Nhu cầu về các nguồn lực, việc làm

Trong một nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, thì đất đai và khả năng tiếp cận với đất đai có tác động lớn đến những người sử dụng nó. Do đất đai ít, dân số đông và tăng nhanh nên đất cho sản xuất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, bình quân hơn 3 000 m^2/lao động nông nghiệp là quá thấp. Đáng chú ý là số hộ đói nghèo có ít đất hoặc không có đất canh tác đang có xu hướng tăng, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long. Các hộ có ít đất và sản xuất độc canh ít có cơ hội tạo thu nhập ổn định. Cũng do thiếu đất sản xuất nông nghiệp, nên tình trạng thiếu việc làm đang trở thành một vấn đề lớn và ngày càng gia tăng. Thời gian nông nhàn (chiếm từ 9 đến 10 tháng trong năm), nhiều nam giới ở nông thôn đã rời gia đình ra thành phố kiếm việc làm, hy vọng kiếm thêm thu nhập cho gia đình, từ đó kéo theo nhiều hiện tượng tiêu cực, bất lợi cho sự phát triển bình thường của một gia đình thiếu vắng ở nông thôn. Phụ nữ hơn ai hết là người có mong muốn tha thiết với ổn định gia đình. Muốn có được điều đó, trước hết gia đình phải có đời sống kinh tế tạm ổn.

Xóa đói giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống cho nông dân là một nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài của Đảng, Nhà nước ta. Việc hình thành những cơ sở chế biến nông sản, thực phẩm tại chỗ, phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp, phát triển các dịch vụ ở nông thôn để thu hút lực lượng lao động dư thừa là một nhu cầu cấp thiết. Muốn được như vậy, trước hết cần cải tạo và hiện đại hóa các ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, đưa công nghệ sinh học mới, giống mới vào sản xuất, đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cải thiện điều kiện lao động. Từ đó giảm nhân lực làm

Digitized by Google

nông nghiệp chuyển sang ngành nghề khác; đồng thời, phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, những nghề mới gần gũi với sản xuất nông nghiệp, lấy nguyên liệu từ nông nghiệp như: các ngành bảo quản nông sản sau thu hoạch, chế biến nông sản, chế biến lương thực để tạo thêm việc làm, tăng thu nhập.

d - Nhu cầu về các dịch vụ y tế, giáo dục

Trong điều kiện nông thôn nước ta hiện nay, đặc biệt ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại khó khăn, đời sống vật chất và văn hóa của người dân còn nghèo nàn, trình độ dân trí thấp, thì trạm y tế xã là nơi đang có tác động và ảnh hưởng nhất định tới việc chăm sóc sức khỏe của phụ nữ, trẻ em. Song, trong thực tế có thể thấy rằng, các trạm y tế xã chưa phát huy được vai trò cũng như ảnh hưởng của mình, nhất là về số lượng và chất lượng thuốc, về tay nghề của nhân viên y tế. Mong muốn của hầu hết phụ nữ là trạm y tế được trang bị tốt hơn, đầy đủ hơn, nhân viên y tế phục vụ chu đáo, tận tình và trình độ chuyên môn cao hơn. Họ cũng mong muốn có các biện pháp bảo vệ khi sử dụng các hóa chất độc hại trong nông nghiệp.

Quả thật là tiền viện phí, tiền thuốc hiện nay đang là vấn đề gay cấn cho những gia đình nông dân có người thân ốm đau nặng phải khám và điều trị tại bệnh viện. Với thu nhập hiện nay của các hộ nông dân, họ không thể không vay mượn khi có người nhà ốm đau phải nằm viện. Vừa thiếu lao động, vừa phải lo tiền chạy chữa cho người bệnh, nhiều gia đình đã lâm vào cảnh nghèo túng. Với các gia đình nghèo thì tình cảnh còn khốn khó hơn.

Ở một mức độ nào đó, tình trạng cung cấp các dịch vụ trong ngành giáo dục từ khi xóa bỏ bao cấp cũng giống như trong ngành y tế. Ở nhiều vùng nông thôn, kết cấu hạ tầng cũng như các dịch vụ giáo dục đều yếu kém và nghèo nàn. Đối với miền núi, địa bàn rộng, đường sá xa xôi cách trở, số lượng trường lớp ít, giáo viên thiếu, là những khó khăn không nhỏ đối với sự nghiệp phổ cập giáo dục cấp tiểu học, nhất là với các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa. Các em gái thường bị thiệt thòi hơn các em trai, vì theo truyền thống phải làm nhiều việc hơn từ công việc ngoài đồng cho đến công việc trong gia đình. Mặt khác, do khó khăn về kinh tế, chi phí cho việc học với hộ nghèo hiện nay vẫn là một gánh nặng đáng kể, và với tư tưởng "trọng nam khinh nữ" đang còn khá nặng nề ở nông thôn, nên các em gái thường phải ở nhà giúp gia đình, nhường ưu tiên học hành cho các anh, em trai trong gia đình.

Sự thiệt thòi của phụ nữ và trẻ em gái trong giáo dục đào tạo dẫn đến tình trạng lao động nữ bất cập với yêu cầu của sự tiến bộ khoa học - công nghệ. Đây là trở ngại cho việc chuyển giao khoa học - kỹ thuật, kiến thức, kinh nghiệm sản xuất, ảnh hưởng tới chất lượng lao động, năng suất lao động.

Một số kiến nghị cho việc xây dựng chính sách

Bàn về chính sách xã hội đối với phụ nữ nông thôn, thực chất là bàn về chính sách phát triển. Để có thể hòa nhập với sự phát triển chung của cộng đồng, họ cần được sự quan tâm, giúp đỡ của Nhà nước và các ngành, các cấp. Chính sách xã hội là trợ giúp, tạo điều kiện để phụ nữ tự vươn lên, hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường ở nông thôn hiện nay. Theo chúng tôi, chính sách xã hội đối với phụ nữ nông thôn cần đổi mới theo hướng:

Digitized by Google

- Tạo điều kiện để phụ nữ được tham gia vào các chương trình phát triển, giúp họ kiếm được việc làm, giảm nghèo khổ bằng cách chú trọng phát triển các ngành nghề truyền thống phi nông nghiệp; mở các xí nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm tại chỗ. Ưu tiên các lĩnh vực ngành nghề, khu vực hoạt động phù hợp với lao động nữ, để thu hút lực lượng lao động nữ dư thừa ở địa phương vào làm việc, giúp họ có việc làm, tăng thu nhập. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức khoa học - kỹ thuật phù hợp với trình độ văn hóa của phụ nữ nông thôn. Mở rộng, đa dạng hóa các hình thức đào tạo tay nghề, phổ biến kiến thức, chuyển giao công nghệ và xây dựng mô hình phụ nữ làm kinh tế giỏi.

- Tăng cường hỗ trợ vốn để sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập là một hoạt động quan trọng và quyết định tạo cơ may cho phụ nữ nông thôn. Phát triển chương trình vốn tín dụng dành cho phụ nữ từ nhiều nguồn, bằng nhiều phương thức khác nhau thông qua hình thức giới thiệu, tín chấp, giúp phụ nữ được tiếp cận bình đẳng với các nguồn vốn. Hệ thống ngân hàng không nên yêu cầu thế chấp đối với những món vay dưới 10 triệu đồng; cần dành tỷ lệ vốn thích hợp để cho hộ nghèo không có tài sản thế chấp, những hộ đông con, những gia đình phụ nữ đơn thân, được vay với lãi suất ưu đãi.

- Phát triển đa dạng các dịch vụ y tế. Ít được học hành, thiếu tiếp cận đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe là những đặc điểm nổi cộm trong cuộc sống của phần lớn phụ nữ, nhất là của những phụ nữ nghèo ở nông thôn hiện nay. Do vậy, khi xây dựng các chính sách y tế quốc gia cần ưu tiên phân bổ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu thích hợp, dễ tiếp cận và với giá cả hợp lý, kể cả các dịch vụ bảo đảm an toàn cho người mẹ, sức khỏe sinh sản và khám chữa bệnh cho các nhu cầu sức khỏe riêng của phụ nữ đối với vùng nông thôn. Hạn chế đến mức có thể việc tư nhân hóa các dịch vụ y tế, vì nó phủ nhận sự tiếp cận của toàn dân, nhất là phụ nữ nông dân khi phải đến các dịch vụ y tế có chất lượng. Kinh phí dành cho giáo dục và dịch vụ y tế cần được nâng cao hơn.

- Khi lập kế hoạch, ra chính sách và thực hiện chính sách, các nhà hoạch định chính sách và kế hoạch kinh tế dành sự chú ý thỏa đáng đến những tác động khác nhau đối với khu vực nông thôn, đối với phụ nữ và nam giới trên cơ sở phân tích xã hội và giới. Khắc phục tình trạng việc phân phối các dịch vụ thiên về khu vực thành thị, sự tiếp cận các dịch vụ xã hội thường nghiêng về nam giới. Việc phân bổ nguồn vốn ở cấp vĩ mô, khu vực hoặc dự án cần phản ánh đầy đủ giá trị xã hội và lợi ích do công việc của phụ nữ mang lại. Có chính sách phù hợp giúp cho phụ nữ nông thôn từng bước thực hiện công bằng xã hội, tiến tới bình đẳng giới. Nhất là, đẩy mạnh công tác tư tưởng nhằm làm chuyển biến nhận thức của toàn xã hội về vai trò và vị trí của phụ nữ trên cơ sở phổ biến và thực hiện các nghị quyết của Đảng pháp luật của Nhà nước. Đồng thời rà soát lại các chính sách, các quy định của pháp luật hiện hành, từ đó bổ sung hoặc hoàn chỉnh chúng, đề ra những giải pháp thiết thực giúp người phụ nữ có điều kiện phát triển.

Mục tiêu quan trọng của chính sách phát triển của Nhà nước ta là hướng vào con người, lấy con người làm trung tâm, phát triển vì con người và do con người. Chính vì vậy, hoàn thiện chính sách xã hội đối với phụ nữ nông thôn chính là từng bước thực hiện chiến lược này. ❑

Digitized by Google

Suy nghĩ về việc xây dựng chiến lược phát triển gia đình hiện nay

LÊ THỊ QUÝ *

MỘT quốc gia, dân tộc được hợp thành từ nhiều gia đình. Những gia đình này, về cơ bản là có chung nguồn gốc, tổ tiên, ngôn ngữ và phong tục tập quán. Gia đình và xã hội có mối quan hệ biện chứng, tương tác không thể tách rời, sự phát triển hoặc suy thoái của cái này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển hay suy thoái của cái kia và ngược lại. Trong ngôn ngữ tiếng Việt, khái niệm "nước" và "nhà" (hoặc "quốc" và "gia") được đặt ngang nhau để chỉ về Tổ quốc. Đó là sự khẳng định tầm quan trọng của gia đình với đất nước, gia đình là cơ sở để hình thành đất nước. "Nước mất thì nhà tan, dân giàu thì nước mạnh".

Trong cấu trúc xã hội, gia đình đóng vai trò là cầu nối giữa cá nhân với xã hội. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa ba thành phần: *cá nhân* (với tư cách là một cá thể", *gia đình* (với tư cách là một nhóm xã hội đặc biệt) *và xã hội* (với tư cách là cộng đồng rộng lớn và toàn diện). Những giá trị về văn hóa gia đình là một bộ phận không thể thiếu được làm nên những giá trị văn hóa chung của đất nước.

Là nhóm xã hội đặc biệt, gia đình đã duy trì và phát triển những quan hệ huyết thống của con người từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sự hình thành những chuẩn mực và giá trị văn hóa tốt đẹp về gia đình sẽ không chỉ củng cố các mối quan hệ gia đình mà còn kiến tạo một môi trường xã hội thuận lợi cho mỗi cá nhân phát triển. Về phương diện này, gia đình là cơ sở đầu tiên cho việc tái sản xuất ra con người và xã hội. Gia đình là nơi nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các thế hệ tương lai, là nguồn cung cấp lực lượng lao động cho xã hội và tham gia vào các quá trình phát triển kinh tế - xã hội chung. Hiền tài của đất nước, từ các cán bộ công quyền đến những người lính, từ lao động chân tay đến lao động trí óc đều xuất thân từ gia đình và chịu sự giáo dục của gia đình để từ đó có mặt trên tất cả các vị trí của xã hội, điều tiết và vận hành bộ máy của xã hội.

Gia đình là nơi thực hiện các chính sách, luật pháp của Nhà nước. Các chính sách này đã tác động sâu sắc đến các hoạt động cụ thể của gia đình và các thành viên trong gia đình. Ngược lại, gia đình góp phần vào việc xây dựng, củng cố, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách và luật pháp hướng tới việc ổn định và phát triển xã hội. Gia đình cũng đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát xã hội.

Do những chức năng xã hội đặc thù của mình, gia đình góp phần rất quan trọng vào việc duy trì sự tồn tại của đời sống con người, phát triển kinh tế, ổn định xã hội, xây dựng các chuẩn mực và giá trị đạo đức, phong tục tập quán, lối sống, văn hóa, giáo dục. Bởi vậy, việc củng cố gia đình, xây dựng các quan hệ gia đình lành mạnh bao giờ cũng là *cơ sở đầu tiên* cho việc củng cố, xây dựng các quan hệ xã hội lành mạnh.

Việt Nam là một nước có truyền thống tôn trọng gia đình. Kế thừa truyền thống đó, Đảng

* PGS, TS, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu giới và Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội

Digitized by Google

và Nhà nước ta đã phát huy sức mạnh của gia đình trong cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước. Những mục tiêu của cuộc đấu tranh cách mạng, giải phóng con người, xây dựng xã hội công bằng, văn minh cũng gắn liền với cuộc đấu tranh nhằm xây dựng những chuẩn mực và giá trị mới trong gia đình. Trên ý nghĩa đó, *Cách mạng Tháng Tám đã trở thành cuộc cách mạng đầu tiên trong lịch sử Việt Nam không chỉ là cách mạng xã hội mà còn là cách mạng về gia đình.*

Trong những thập kỷ qua, thế giới đã trải qua nhiều biến đổi về chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học và công nghệ. Những biến đổi này đã ảnh hưởng sâu sắc cả tích cực và tiêu cực đến gia đình. Mặc dù sự biến đổi gia đình xảy ra ở mỗi nước có khác nhau về thời điểm và mức độ, nhưng nhìn chung đều diễn ra theo hai hướng: *một là thích nghi với sự phát triển của kinh tế, đáp ứng nhu cầu kinh tế, hai là chịu ảnh hưởng từ một số trào lưu văn hóa - xã hội lớn.*

Ở phương Tây, cho đến tận đầu thế kỷ XX, gia đình vẫn chỉ được thừa nhận khi hai người nam nữ cưới nhau dưới hình thức đăng ký kết hôn hoặc làm lễ ở nhà thờ. Đây là những nghi lễ thiêng liêng đã khẳng định sự công nhận của cộng đồng về sự kết nối của hai thành viên đầu tiên của gia đình. Ly dị đã bị cấm ở nhiều nước. Gia đình được phân loại dưới một số hình thức: cặp vợ chồng với con cái của họ là dạng gia đình hạt nhân phổ biến nhất. Các gia đình mở rộng (đa thế hệ), nghĩa là ông bà, cha mẹ và con cháu ở cùng một nhà, cùng lao động và hưởng thu nhập từ gia đình. Ngoài ra, có thể kể đến các dạng gia đình một cha (hoặc mẹ) do góa, gia đình đa thê do hậu quả của chế độ phụ quyền, gia đình đa phu do hậu quả của chế độ mẫu hệ, gia đình tái hôn, gia đình của các cặp vợ chồng không có con, gia đình cha mẹ và con nuôi.

Ngày nay, cùng với sự phát triển của kinh tế, xã hội, nhiều giá trị truyền thống đang bị thay đổi trong đó có những giá trị gia đình. Sự phát triển của kinh tế thị trường đã tạo ra những biến đổi sâu sắc đối với cấu trúc và sinh hoạt gia đình. Nhiều dạng gia đình mới xuất hiện và quan niệm về gia đình, vì thế cũng thay đổi. Một điều dễ nhận thấy là, số lượng gia đình hạt nhân ngày càng phát triển phù hợp với lối sống công nghiệp, gọn nhẹ và tiện lợi. Nhiều gia đình hạt nhân đã tồn tại ngay trong lòng các gia đình mở rộng. Đó là các gia đình, hình thức là mở rộng nhưng thực chất lại là hạt nhân khi cặp cha mẹ và cặp con cái có thu nhập riêng và ăn riêng mặc dù họ vẫn sống chung một mái nhà. Sự phát triển cao của gia đình hạt nhân đã ảnh hưởng đến mối quan hệ của các thành viên trong gia đình, đặc biệt là giữa các thế hệ. Mối quan hệ giữa người già với con cháu của họ trở nên lỏng lẻo nhường chỗ cho tính tự lập, tự chủ của các nhóm gia đình mới.

Một dạng "gia đình" khác cũng phát triển là gia đình ngoài hôn thú. Nhiều cặp nam nữ đã sống với nhau không hôn thú theo kiểu "hợp đồng" hoặc "sống thử". Có những cặp chỉ sau vài tháng hoặc vài năm thì tan rã nhưng cũng có những cặp đã sống với nhau đến khi từ giã cuộc đời. Loại hình này phát triển mạnh ở châu Âu từ sau phong trào "híp-py" những năm 60 và muộn hơn ở các khu vực khác và đến nay nó cũng được thừa nhận là một kiểu gia đình.

Sự phát triển của kinh tế, văn hóa - xã hội cùng với phong trào đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ đã giúp cho phụ nữ ít phụ thuộc vào nam giới. Về một phương diện, nó đã làm nảy sinh hiện tượng một số phụ nữ coi trọng sự nghiệp và tự do của mình hơn là lập gia đình. Những phụ nữ này có thể sinh con với bạn trai nhưng lại khước từ sự có mặt chính thức của anh ta trong gia đình với tư cách là người chồng, người cha. Họ đặt tên con theo họ mẹ và chăm sóc, nuôi dưỡng chúng cho đến khi trưởng thành. Đây là kiểu gia đình "mẹ một mình".

Nếu như trước kia, các cặp vợ chồng vô sinh chỉ có thể nhận con nuôi thì ngày nay, khoa học kỹ thuật đã cho phép họ có thể thụ tinh nhân tạo hoặc thuê người đẻ con. Đứa trẻ sinh ra trong

Digitized by Google

trường hợp thuê bụng sẽ mang dòng máu của cha mẹ nó và mang cả dòng máu của người phụ nữ đã sinh ra nó. Sự việc này phức tạp ở chỗ, bản thân người con không thể không day dứt về việc họ bị cách biệt với người đã mang thai và sinh ra mình và chính điều này đã khiến cho họ không thật gắn bó với bố mẹ theo dòng máu chính.

Sự xuất hiện nhiều dạng gia đình đã làm tăng tính phức tạp của gia đình, thay đổi một phần hoặc toàn bộ một số chức năng của gia đình. Chẳng hạn, chức năng tái sản xuất sinh học, chức năng giáo dục, chức năng bảo lưu truyền thống, phong tục tập quán trong các gia đình đồng tính; chức năng bảo lưu truyền thống, phong tục tập quán, chức năng giáo dục trong các gia đình không hôn thú... Song điều quan trọng hơn là sự thay đổi vị trí, vai trò của một số chức năng gia đình: có chức năng trở nên quan trọng hơn, có chức năng bị coi nhẹ hơn. Chẳng hạn, trong nền kinh tế nông nghiệp, chức năng kinh tế được đặt ngang bằng với các chức năng khác ; trong nền kinh tế thị trường, nó trở nên quan trọng hơn và nhiều khi đã lấn át các chức năng khác như chức năng giáo dục, chức năng thỏa mãn tình cảm. Sự phát triển của dịch vụ và thị trường cũng làm tăng chi phí và cơ hội đối với các hoạt động nội trợ, sinh đẻ và chăm sóc con cái. Điều này không chỉ làm giảm gánh nặng cho gia đình mà còn hỗ trợ cho các chức năng tái sản xuất của gia đình.

Nếu như trước đây, mọi cá nhân đều phải có trách nhiệm chăm lo cho quyền lợi của gia đình và phục tùng tuyệt đối người gia trưởng thì ngày nay quyền bình đẳng của phụ nữ, tính tự lập của con cái, tự do cá nhân của các thành viên gia đình được coi trọng hơn. Điều này đã làm thay đổi mối quan hệ gia đình. Vấn đề mâu thuẫn thế hệ, mâu thuẫn giữa quyền cá nhân và quyền lợi chung của gia đình cũng diễn ra công khai và căng thẳng hơn trước. Rõ ràng là, sự chuyển đổi các chức năng của gia đình đã làm thay đổi nhận thức, quan niệm và hoạt động gia đình.

Mặt khác, trong xã hội hiện đại, xu hướng thoát ly dần đời sống gia đình đã xuất hiện ở nơi này nơi khác. Lúc đầu, đây có thể được xem là một hiện tượng giải phóng cá nhân ra khỏi các mối ràng buộc chặt chẽ và có phần phiền toái của gia đình nhưng càng về sau chính sự coi nhẹ các mối quan hệ gia đình đã mang đến nguy cơ về sự cô đơn, thiếu thốn tình cảm và nghèo nàn về tinh thần cho chính con người.

Ngay từ những năm ba mươi của thế kỷ XX, một trong những chuyên gia nghiên cứu về gia đình, nhà xã hội học Mỹ, giáo sư U. Phu-dinh-ô-bua đã lên tiếng cảnh báo về những sự khủng hoảng của gia đình, về cái mà ông gọi là "cái chết của gia đình" trong xã hội hiện đại mà kéo theo nó sẽ là những sự suy thoái trầm trọng của các giá trị nhân đạo trong xã hội.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giao lưu và hội nhập với thế giới, gia đình Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của nhiều mặt tích cực và tiêu cực.

Nền tảng của gia đình Việt Nam là tình thương yêu và ý thức trách nhiệm của các thành viên trong gia đình. Nó là nguyên tắc chỉ đạo mọi suy nghĩ và hành động của mỗi cá nhân. Trong gia đình Việt Nam truyền thống, quan hệ giữa các thành viên là sự tôn trọng và quyền bình đẳng. Tuy nhiên, gia đình Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng từ hai hệ tư tưởng lớn của nhân loại, đó là Nho giáo và chủ nghĩa Mác Lê-nin. Nho giáo đã đưa vào gia đình Việt Nam những quy tắc về tôn ti trật tự, cách ứng xử nghiêm ngặt nhằm duy trì và bảo vệ trật tự gia đình theo quan niệm phong kiến. Vai trò lãnh đạo của người gia trưởng được đề cao. Nam thì "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, trung, dũng", nữ thì "tam tòng", "tứ đức". Chủ nghĩa Mác - Lê-nin hướng tới việc xóa bỏ những bất công trong gia đình và tạo tiền đề cho việc xây dựng các mô hình văn hóa mới, bình đẳng, văn minh và hạnh phúc.

Sự hòa trộn của các yếu tố trên đã tạo ra một nền tảng văn hóa gia đình Việt Nam với những nét độc đáo. Trong gia đình "hiếu, đễ" được coi

Digitized by Google

là cái gốc của đạo lý. Kẻ nào bất hiếu với cha mẹ, tàn nhẫn với anh chị em mình thì không thể là người tốt và đáng tin cậy trong xã hội được. Bên cạnh đó, mối quan hệ trên dưới trong gia đình cũng được quy định rất rõ ràng. Con người, trước hết là một thành viên của gia đình, là một mắt xích của một xâu chuỗi dài bắt nguồn từ tổ tiên đến con cháu sau này. Cha, con, chồng, vợ, anh, em đều phải ứng xử theo phận sự của mình. Cha từ, con hiếu, vợ chồng hòa thuận, thủy chung, anh nhường nhịn em, em kính trọng anh là những chuẩn mực được gìn giữ từ đời này sang đời khác. Lối giáo dục này mang một ý nghĩa tích cực là trong bất kỳ hoàn cảnh nào con người cũng cố gắng sống trong sạch và ứng xử lịch sự, có nghĩa có tình, có văn hóa với nhau. Người nào muốn quản lý xã hội tốt trước hết phải học và làm điều đó từ gia đình. Luật pháp và phong tục Việt Nam bắt buộc mỗi thành viên trong gia đình phải chịu trách nhiệm về hành vi của các thành viên khác và toàn bộ gia đình phải chia sẻ vinh quang cũng như thất bại do bất kỳ một cá nhân nào mang lại. Chính tình cảm sâu nặng trong gia đình đã dẫn tới tình yêu đối với cộng đồng, Tổ quốc, là chỗ dựa vững chắc cho sự tồn tại, phát triển của đất nước trước những biến động dữ dội của lịch sử. Người Việt Nam giải quyết tất cả các mối quan hệ trong gia đình và ngoài xã hội không phải chỉ theo giáo lý và luật pháp mà còn trên cơ sở của tình nghĩa.

Quá trình chuyển từ nền kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang gây ra những biến đổi sâu sắc cho cả xã hội và gia đình. Cơ sở kinh tế - xã hội mà trước hết là của mỗi gia đình đã phát triển nhanh chóng làm thay đổi bộ mặt đất nước và nâng cao mức sống của nhân dân. Đất nước đang chuyển mình từ một xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp. Mô hình gia đình của xã hội thời kỳ bao cấp tỏ ra không hoàn toàn phù hợp với xã hội hiện nay. Các chuẩn mực và hệ giá trị gia đình, vì vậy cũng thay đổi theo. Chẳng hạn nếu như trước đây, vị trí và vai trò của người gia trưởng là rất quan trọng thì ngày nay vị trí này đã bị suy giảm trong khi vị trí của các thành viên khác, đặc biệt là con cái đang được nâng lên. Một số yếu tố khác cũng góp phần chi phối mối quan hệ gia đình là mức độ thu nhập, vị trí xã hội, trình độ văn hóa, cá tính của các thành viên. Nếu như trước đây, gia đình Việt Nam coi giá trị đạo đức là cơ bản (trọng nghĩa, khinh tài) thì ngày nay, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, giá trị của vật chất và những lợi ích kinh tế đã và đang len lỏi vào các mối quan hệ gia đình. Hiện tượng này mang lại cả hiệu quả tích cực lẫn tiêu cực. Khi cơ hội kiếm sống của các thành viên gia đình được mở rộng với thu nhập cao hơn thì điều đó cũng đồng nghĩa với việc họ phải đương đầu với các thách thức lớn hơn, họ phải lao động trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hơn bằng cường độ, trình độ và thời gian lao động lớn hơn. Sự bận rộn của các thành viên gia đình trong các hoạt động kinh tế và xã hội đã làm giảm sút thời gian sống cùng gia đình họ. Chức năng chăm sóc và giáo dục con cái, phụng dưỡng cha mẹ già, thỏa mãn tình cảm, vì vậy đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Hiện nay, gia đình Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu khủng hoảng. Có thể kể đến hai nguy cơ lớn: *một mặt*, các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, bạo lực, rượu chè, cờ bạc, buôn bán phụ nữ và trẻ em đang tăng lên nhanh chóng và xâm nhập vào các gia đình; *mặt khác*, những hủ tục, lối sống lạc hậu, phong kiến đã bị đấu tranh, hạn chế trong thời gian trước đây nay đang có xu hướng phục hồi ở nhiều nơi. Chẳng hạn, sự tăng cường quyền lực tối cao của người gia trưởng, sự ép duyên, tảo hôn, đa thê, bạo lực, mê tín trong việc cưới xin, tang lễ mà gần đây nhất là hiện tượng nạo thai bé gái, mổ đẻ sớm cho đúng giờ "đẹp" gây tổn hại đến sức khỏe của bà mẹ và trẻ sơ sinh đã xuất hiện. Trong một số gia đình, các mối quan hệ gia đình đã bị đổ vỡ, con cái bất hiếu, hỗn xược, bị đánh đập, bị bỏ rơi thậm chí giết hại cha mẹ già. Người lớn không

Digitized by Google

quan tâm hoặc buông trôi trách nhiệm trong việc chăm nom dạy dỗ con cái. Những biểu hiện coi thường, áp bức phụ nữ diễn ra khá nghiêm trọng.

Rõ ràng là, sự biến đổi của gia đình đã ảnh hưởng lớn đến chiến lược phát triển đất nước. Chính công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi phải có cách nhìn nhận và xử lý đúng đắn những vấn đề gia đình. Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII, đã đặt vấn đề gia đình vào một vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng văn hóa và phát triển về mọi mặt của đất nước. Cần phải tạo ra một đời sống lành mạnh trong xã hội mà cơ sở đầu tiên là gia đình. Trong điều kiện các chức năng kinh tế, xã hội và văn hóa của gia đình đang biến đổi, thiết chế gia đình cần phải đảm bảo được sự bình đẳng và an sinh cho mỗi thành viên của gia đình. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp những hoạt động bên trong của gia đình lại thường bị quan niệm là "nội bộ", "ít quan trọng", không đáng phải quan tâm nhiều. Vì vậy, nếu không có một chiến lược đúng đắn nhằm định hướng, hỗ trợ và điều chỉnh từ phía nhà nước thì gia đình khó có thể phát triển một cách lành mạnh và ổn định theo hướng ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc.

Chiến lược gia đình là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là định hướng và căn cứ để hoạch định các chính sách về gia đình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc củng cố, phát huy vai trò tích cực của gia đình nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội trong quá trình phát triển đất nước. *Mục tiêu của chiến lược gia đình là xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và phát triển bền vững.* Đây sẽ là cơ sở để tạo ra môi trường kinh tế, pháp lý, cũng như môi trường văn hóa, xã hội cho sự phát triển của gia đình. Đây cũng sẽ là căn cứ để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước về gia đình đồng thời nâng cao năng lực của gia đình thông qua việc củng cố và tăng cường chức năng của gia đình và nâng cao nhận thức của các thành viên trong gia đình. Đồng thời, cũng sẽ là cơ sở để xây dựng các giá trị chuẩn mực mới trong gia đình vừa đảm bảo kế thừa được truyền thống tốt đẹp của dân tộc vừa tiếp thu được tinh hoa của nhân loại. Trên ý nghĩa đó, *chiến lược gia đình là định hướng cho sự phát triển toàn diện của gia đình; đồng thời, tạo ra mối liên hệ chặt chẽ,* hỗ trợ tích cực giữa gia đình với các thiết chế xã hội khác; và giúp tăng cường hợp tác, trao đổi quốc tế trên lĩnh vực gia đình.

Dựa trên nội dung của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược gia đình sẽ tạo ra được những định hướng cơ bản, đúng đắn, góp phần vào việc nâng cao vị trí, vai trò của gia đình là một bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Vì lẽ đó, việc xây dựng và thực hiện tốt chiến lược gia đình sẽ góp phần vào việc thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và ngược lại. Chiến lược gia đình có mối quan hệ khăng khít với các chiến lược khác như chiến lược xóa đói, giảm nghèo; chiến lược giáo dục, phổ cập giáo dục và xóa nạn mù chữ; chiến lược xây dựng đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chiến lược về bình đẳng giới; chiến lược bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em...

Thế kỷ XXI là thế kỷ sẽ tiếp tục có những biến đổi nhanh chóng của khoa học và công nghệ ở cả Việt Nam và thế giới. Những biến đổi này sẽ có ảnh hưởng to lớn tới các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa và gia đình. Vì lẽ đó, việc xây dựng một chiến lược gia đình dài hạn là chưa thực tế và thích hợp. Chiến lược gia đình giai đoạn 2004 - 2010 là chiến lược đầu tiên của Việt Nam về gia đình. Đây là chiến lược ngắn hạn, là bước chuẩn bị cho chiến lược dài hạn hơn từ 2011 - 2020.

Xây dựng Chiến lược gia đình giai đoạn 2004 - 2010 là xây dựng những nền tảng bước đầu cho sự phát triển lâu dài, vững chắc của gia đình Việt Nam văn minh và tiến bộ trong tương lai. ❑

Digitized by Google

QUẢNG NINH TẠO THẾ VÀ LỰC MỚI, TIẾP TỤC VỮNG VÀNG TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

HÀ VĂN HIỂN *

SAU các hoạt động có tầm vóc về chính trị - xã hội thiết thực kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh trên Đất Mỏ, những ngày đầu tháng 9-2003 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng bộ tỉnh qua nửa nhiệm kỳ. Trong thành tựu chung của đất nước những năm vừa qua, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh đã vượt qua khó khăn, tranh thủ lợi thế, phát huy nội lực, tiếp tục duy trì được tốc độ phát triển ở mức cao, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đặt ra trong năm "bản lề" 2003, thiết thực kỷ niệm 40 năm Ngày thành lập tỉnh (30-10-1963 – 30-10-2003) và tạo đà phát triển cho những năm tới.

Quảng Ninh là tỉnh có nền kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực, tiềm năng rất to lớn - trọng điểm của vùng Đông - Bắc Bắc Bộ, được Nhà nước quan tâm ưu tiên đầu tư phát triển. Tỉnh đã huy động tổng hợp các nguồn lực nên hằng năm đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu cơ bản đặt ra, tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định. Tổng giá trị sản phẩm trong nước (GDP) năm 2001 và 2002 đều tăng 12,6%, sáu tháng đầu năm 2003 tăng 11,7%, cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Với tốc độ này, đến năm 2005 Quảng Ninh có triển vọng sẽ đạt mức tăng trưởng về GDP đúng như mục tiêu Đại hội lần thứ XI của Đảng bộ tỉnh đề ra là 13%.

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực. Tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, du lịch tăng cao và chiếm ưu thế, tỷ trọng nông nghiệp giảm dần theo sự cân đối và điều tiết chung của nền kinh tế. Giá trị sản xuất công nghiệp từ năm 2001 đến nay mỗi năm tăng bình quân 16,65%, vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh đặt ra; giá trị sản xuất nông nghiệp (gồm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp) tăng 10,06%, trong đó riêng thủy sản sáu tháng đầu năm 2003 vượt 20% so với mức đề ra đến năm 2005. Lao động nông nghiệp giảm từ 58% xuống còn 53,9% (tháng 6-2003); giá trị nhóm ngành dịch vụ tăng 46%. Lượng hàng hóa thông qua cảng năm 2002 đạt 12,6 triệu tấn - mức cao nhất so với các cảng biển miền Bắc và tăng 13,7% so với năm 2001, vượt mức đặt ra cho năm 2005. Năm 2002, Quảng Ninh thu hút 2,34 triệu lượt khách du lịch, tăng 18,9% so với năm trước về lượng khách và tăng 30% về doanh thu. Cơ cấu khách nước ngoài tăng cao hơn khách nội địa. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2002 đạt 248,3 triệu USD, bình quân tăng 4,1%/năm. Tổng vốn đầu tư cho phát triển xã hội đạt 7 000 tỉ đồng (năm 2001) và 8 000 tỉ đồng (năm 2002). Thu ngân sách năm 2002 trên địa bàn đạt 3 375,6 tỉ đồng, tăng 22,8% so với năm 2001. Sáu tháng đầu năm 2003 thu 747 tỉ đồng, tăng 32% so với

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh

Digitized by Google

cùng kỳ năm trước. Quảng Ninh được đứng thứ 6 trong số những tỉnh thu ngân sách cao trong cả nước (sau Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hà Nội, Hải Phòng và Đồng Nai). Hằng năm, tỉnh đã giải quyết việc làm mới cho 20 050 lao động, giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị từ 7,15% xuống 6,85% (năm 2002). Số hộ nghèo toàn tỉnh đến tháng 6-2003 còn 7,46%.

Các ngành kinh tế trọng điểm ở Quảng Ninh đạt tốc độ tăng trưởng cao, ổn định. Tỉnh tạo môi trường thuận lợi, cơ chế thông thoáng để các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư vốn, đổi mới thiết bị, đổi mới khoa học - công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm mới có trình độ và quy mô công nghệ tiên tiến, tương xứng với khu vực và quốc tế, như công nghiệp đóng mới tàu vận tải biển 1,2 vạn tấn, đang xúc tiến công nghệ để đóng loại tàu lớn có tải trọng từ 4 đến 5 vạn tấn vào năm 2005. Đổi mới công nghiệp khai thác, sản xuất than cả về công nghệ và tổ chức quản lý theo hướng sản xuất - kinh doanh đa ngành. Vì vậy, năm nay ngành than có khả năng sẽ về trước kế hoạch đặt ra cho năm 2005 và vượt khoảng 2,7 triệu tấn. Sản lượng điện lên lưới năm 2002 đạt 606 triệu kW/h, tăng 42% so với năm 2001. Tỉnh đang tiếp tục đầu tư và nâng cấp hàng loạt các công trình kinh tế trọng điểm như: Khu Công nghiệp Cái Lân, Khu Công nghiệp Việt Hưng (Hạ Long), Ninh Dương (Móng Cái). Dự án xi-măng Thăng Long, Hạ Long, Cẩm Phả có công suất 2 triệu tấn/năm và nhà máy nhiệt điện công suất 2000 mê-ga-oát đã thành hình, khả năng hoàn thành và đưa vào vận hành trong năm 2006.

Nếu như trước đây sản phẩm công nghiệp của Quảng Ninh chỉ thuần tuý có than thì từ đầu thế kỷ này đã mở rộng theo hướng đa ngành sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm. Hướng đầu tư phát triển của Quảng Ninh là vừa tập trung trên những địa bàn trọng điểm vừa cân đối trên toàn tỉnh, bảo đảm tính tương đồng giữa các vùng, miền; giữa đất liền và hải đảo; giữa thành phố, thị xã với các vùng nông thôn; giữa các công trình trọng điểm phát triển về kinh tế với công trình phúc lợi chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Đến nay, đã đưa được điện lưới về 100% số xã trong tỉnh. Chương trình "nhựa hóa" đường giao thông và "cầu hóa" qua những nơi sông suối hiểm trở đã căn bản hoàn thành đến các trung tâm huyện và xã. Không còn tình trạng ách tắc trong mùa mưa lũ như trước đây. Các công trình và dự án lớn đã hoàn thành và đưa vào sử dụng phục vụ lợi ích quốc kế - dân sinh như: nâng cấp quốc lộ 18A (Mông Dương - Móng Cái), đường ra đảo Tuần Châu, đường bao biển Hùng Thắng, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Khu chợ Vườn Đào, chợ Hạ Long I, Bệnh viện Bãi Cháy, Nhà văn hóa thị xã Móng Cái, cầu Sông Chanh, Hòa Bình, Pắc Cặm, Pắc Hoọc, Ba Chẽ và Dân Tiến... Thi công và đưa vào sử dụng 510 ki-lô-mét đường giao thông cấp huyện, 36 ki-lô-mét đường giao thông đến xã ở các huyện đảo Vân Đồn, Hải Hà và Cô Tô. Xây mới 9 666 m^2 phòng học, xóa 70 phòng học tạm ở các xã nông thôn miền núi, mở rộng 130 giường bệnh nội trú tuyến tỉnh và xây dựng 2 616 m^2 các phòng khám chữa bệnh ở các nơi trong tỉnh... Hoàn thành xây dựng 3 nhà máy cung cấp nước sạch là Đông Triều, Uông Bí và Yên Hưng với công suất 7 000 m^3/ngày đêm và 12 dự án cung cấp nước sạch khác cho nông thôn.

Chất lượng và hiệu quả hoạt động của các lĩnh vực khá tốt: thu ngân sách, lợi nhuận của doanh nghiệp và việc làm, thu nhập của người lao động không ngừng tăng; giảm dần số doanh nghiệp bị thua lỗ và nợ nần; việc đầu tư của các doanh nghiệp đã có sự lựa chọn và gắn kết với một loại hình thị trường mới là thị trường khoa học - công nghệ... Tỉnh đã tích cực củng cố, sắp xếp, đổi mới hướng vào việc nâng cao năng lực hoạt động của các doanh nghiệp thuộc tỉnh quản lý theo tinh thần Chỉ thị 04/TTg của Thủ tướng Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế phát triển. Năm 2002, Quảng Ninh có 274 hợp tác xã được thành lập, trong đó có 114 hợp tác xã kinh doanh các ngành nghề, 114 hợp tác xã

Digitized by Google

dịch vụ nông nghiệp. Đến hết tháng 3-2003, cả tỉnh có 1 084 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh (gồm 114 công ty cổ phần, 524 công ty trách nhiệm hữu hạn và 443 doanh nghiệp tư nhân, 3 công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) với tổng số vốn đăng ký hoạt động là 7 119 tỉ đồng, có 2 200 hộ kinh doanh cá thể tập trung vào các lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, vận tải, xây dựng và dịch vụ, thương mại... thu hút 13 vạn lao động thường xuyên có việc làm ổn định. Các doanh nghiệp chủ động phát huy lợi thế phát triển, từng bước đứng vững trước thách thức của cơ chế kinh tế thị trường.

Các lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa thông tin báo chí, xuất bản... đạt được những bước tiến bộ, góp phần làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, nâng cao năng lực, trí lực và xây dựng nguồn lực con người. Chương trình lao động và việc làm, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc người có công, giúp đỡ các đối tượng chính sách xã hội... được các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở chăm lo nên đời sống của nhân dân ở cả khu vực thành thị và nông thôn đều được cải thiện rõ rệt. Chính trị được giữ vững, ổn định; quốc phòng - an ninh được bảo đảm.

Hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là công tác xây dựng Đảng, chính quyền và công tác tổ chức, tập hợp và vận động quần chúng nhân dân đã có nhiều đổi mới. Trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành, đã gắn kết các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, củng cố vị thế của hệ thống chính trị với cải cách hành chính... tạo nên sự nhịp nhàng đồng bộ và thống nhất, góp phần củng cố vững chắc niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tin tưởng và kiên định đường lối đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi căn bản, Quảng Ninh cũng đang phải đối diện với những khó khăn và thách thức lớn. Về chủ quan, những yếu kém, thiếu sót đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh soát xét và xác định là: Sự tăng trưởng kinh tế tuy đạt được mức cao nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, vị trí cũng như những lợi thế vốn có của địa phương. Nhiều tiềm lực vẫn "ngủ yên", chưa được khai thác và sử dụng có hiệu quả; khả năng cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Việc quản lý nhà nước còn bộc lộ những sơ hở, yếu kém, nhất là việc quản lý hoạt động của các doanh nghiệp sau cấp phép. Quy mô của các doanh nghiệp còn nhỏ, thiết bị và công nghệ còn lạc hậu, sản phẩm chưa thật phong phú, đa dạng. Cơ chế chính sách chưa thật hoàn thiện và chưa gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính để hoàn chỉnh hệ thống quản lý đồng bộ. Bên cạnh đó, sức ép về lao động và việc làm, về tệ nạn xã hội, sự phân hóa giàu nghèo diễn ra tương đối nhanh, tệ tham nhũng lãng phí và các tiêu cực chưa giảm; năng lực đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nền kinh tế... Vận hội và thách thức, thuận lợi và khó khăn đan xen.

Mục tiêu tổng quát mà Đại hội Đảng bộ lần thứ XI tỉnh Quảng Ninh đã xác định là: *"Phát huy cao nhất nỗ lực của đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, vượt qua khó khăn thử thách để tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giữ vững tăng trưởng cao về kinh tế; tăng cường cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển các ngành, các lĩnh vực, các sản phẩm có lợi thế và sức cạnh tranh; nâng cao năng lực và hiệu quả giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ; coi trọng phát huy nhân tố con người, chăm lo giải quyết các vấn đề bức xúc về việc làm, xóa đói giảm nghèo, tai nạn, tệ nạn xã hội; từng bước cải thiện nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị; bảo đảm quốc phòng - an ninh, tạo tiền đề cần thiết cho giai đoạn phát triển tiếp theo của tỉnh".*

Nửa nhiệm kỳ qua, với quyết tâm bám sát mục tiêu của Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, nắm vững Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và các nghị quyết Trung ương, nghị quyết và chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh đã cụ thể hóa một cách chủ động sáng tạo trong việc

Digitized by Google

xây dựng chương trình, kế hoạch chuyên đề cho từng lĩnh vực và triển khai thực hiện kịp thời từ tỉnh đến cơ sở. Nét mới ở Quảng Ninh trong những năm vừa qua là, các cấp ủy và chính quyền các cấp, các đoàn thể cùng với việc quán triệt, triển khai nghị quyết Đảng đã chủ động xây dựng các chương trình hành động cụ thể, sát hợp, có tính khả thi, xác định rõ và bảo đảm đáp ứng các điều kiện cơ bản để thực hiện. Tỉnh có cơ chế cải cách hành chính, đổi mới và củng cố bộ máy quản lý, cùng với việc phân cấp cho từng địa phương, giao quyền và quy định trách nhiệm cụ thể đối với từng cá nhân, tổ chức lãnh đạo chỉ đạo ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc và trực tiếp giải quyết kịp thời những vướng mắc ở cơ sở nên các nghị quyết của Đảng đã nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Để đạt được những mục tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra, Quảng Ninh đã xác định rõ những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu là:

Thứ nhất, *tập trung huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư - phát triển.*

Huy động mọi nguồn nội lực để hoàn thành, hoàn thành nhanh và cơ bản các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng đã được quy hoạch; mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm, trong đó chú trọng tăng thêm nhiều sản phẩm hàng hóa, nhất là thủy sản đặc sản, phấn đấu để có những sản phẩm công nghiệp đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Mở rộng và đa dạng hóa hình thức huy động vốn, tích cực khai thác nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn của các cơ quan trung ương và các tổng công ty tại địa phương. Về huy động nguồn vốn nội lực, phấn đấu đạt trên 70% tổng mức và tranh thủ thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào các dự án khu công nghiệp tập trung, tránh dàn trải, chậm trễ và kém hiệu quả. Tháo gỡ nhanh chóng các vướng mắc, bất cập nhằm tăng cường khả năng hấp thụ vốn đầu tư của các dự án.

Thứ hai, *đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế; giữ vững và gia tăng nhịp độ phát triển công nghiệp và các ngành kinh tế trọng điểm.*

Về công nghiệp, ưu tiên và tập trung đầu tư phát triển sản xuất của các ngành như cơ khí đóng mới và sửa chữa tàu, công nghiệp xi-măng, nhóm ngành công nghiệp phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn... Xây dựng chương trình khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp ngoài quốc doanh; chú trọng đầu tư các thiết bị công nghệ hiện đại nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm, từng bước hội nhập và hội nhập nhanh vào nền kinh tế khu vực và quốc tế.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 07 của Tỉnh ủy (khóa XI) về tăng cường đầu tư phát triển kinh tế - xã hội miền núi, Nghị quyết 03 về phát triển thành phố Hạ Long; Nghị quyết 04 về củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở... Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp theo hướng khai thác tiềm năng, lợi thế của ngành, của địa phương, nâng cao năng suất lúa và giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác bằng cách mở rộng nhóm cây trồng, con vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao. Nhanh chóng thực hiện các dự án phát triển thủy sản theo hướng nuôi công nghiệp, nuôi đặc sản và tăng dịch vụ - hậu cần, sản xuất con giống... Khai thác, đánh bắt và nuôi trồng theo quy hoạch gắn chặt với bảo đảm sự cân bằng sinh thái, duy trì nguồn lợi tự nhiên cho các thế hệ mai sau.

Về dịch vụ, để tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, nghiên cứu triển khai thực hiện cơ chế chính sách phát triển đồng bộ thị trường vốn, thị trường bất động sản và khoa học - công nghệ; ổn định thực hiện chương trình chiến lược về xuất khẩu, quản lý và điều tiết chặt chẽ thị trường, chống gian lận thương mại, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng; phát triển mạnh du lịch và đa dạng các loại hình

Digitized by Google

dịch vụ du lịch để tạo nên một địa bàn an toàn và hấp dẫn du khách, nhất là du khách nước ngoài. Năm 2003, cảng Cái Lân sẽ tiếp tục triển khai dự án cải tạo, nâng cấp giai đoạn 2, khơi sâu luồng lạch cho các tàu lớn ra vào thuận tiện; hiện đại hóa công nghệ tiếp nhận và bốc xếp, rút ngắn thời gian lưu tại bến cảng, thực hiện giải phóng tàu nhanh, tiết kiệm cho chủ phương tiện... nâng cao khối lượng hàng hóa thông qua cảng như mục tiêu đã đề ra.

Thứ ba, *tăng cường quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng và phát triển đô thị.*

Tạo sự chuyển biến tích cực về công tác quản lý đất đai, đẩy nhanh việc chuyển vùng, dồn điền, đổi thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản và đất ở nông thôn; đưa việc quản lý đô thị thành nền nếp, có chiều sâu và mang tính xã hội hóa cao; lập lại trật tự và kỷ cương trong xây dựng và quản lý đô thị, giao thông và bảo vệ môi trường, tạo sự nhất trí và tập trung cao trong việc chỉ đạo, thực hiện đầu tư cho chương trình phát triển nhanh đô thị theo hướng hiện đại. Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch và xây dựng các khu đô thị mới, hệ thống đường giao thông, cải tạo lưới điện, cải tạo hệ thống thoát nước của thành phố Hạ Long... nhằm xây dựng Quảng Ninh thành một tỉnh phát triển, văn minh và giàu tiềm năng văn hóa.

Thứ tư, *tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp nhà nước; tăng cường quản lý, củng cố và phát triển khối kinh tế ngoài quốc doanh, tạo thế chủ động để tham gia hội nhập thành công* theo tinh thần chỉ đạo tại quyết định 55/2003/TTg của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Chủ động xác định rõ nội dung cần làm, triển khai đồng bộ các giải pháp để đạt được mục tiêu đề ra. Đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX), nhất là việc cổ phần hóa, bán, khoán và cho thuê doanh nghiệp, có giải pháp xử lý nghiêm túc những doanh nghiệp thua lỗ kéo dài và thực hiện lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp. Trong năm 2003, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX tiếp tục được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm bằng sự tập trung vào các mặt hàng mũi nhọn, có giá trị. Cùng với các chủ trương, biện pháp nêu trên, Quảng Ninh kịp thời giải quyết các vướng mắc nảy sinh và tạo những điều kiện thuận lợi để kinh tế tập thể, các hợp tác xã, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh tế cá thể, hộ nghèo vay vốn ngân hàng; tiếp tục việc duy trì việc cấp bù lãi suất cho vay xóa đói giảm nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn...

Thứ năm, *phát triển mạnh khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo xây dựng nguồn lực con người; nâng cao mức hưởng thụ về văn hóa thông tin, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nhất là ở cơ sở; giải quyết tốt các vấn đề xã hội; bảo đảm quốc phòng - an ninh và trật tự xã hội; xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững thế ổn định về chính trị và kinh tế.*

Để phát triển khoa học - công nghệ gắn với bảo vệ môi trường, phát triển giáo dục và đào tạo, Tỉnh ủy cụ thể hóa bằng chương trình hành động nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ. Đẩy mạnh xã hội hóa sự nghiệp giáo dục và đào tạo nhằm đạt được mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc ở Quảng Ninh xác định rõ: Quảng Ninh là một trung tâm của khu vực kinh tế năng động ở Đông Bắc Tổ quốc, Quảng Ninh là của cả nước, là địa phương đã khai mở những chủ trương xây dựng mô hình kinh tế cửa khẩu đem lại hiệu quả cao. Trước thời cơ và vận hội mới, con đường đi tới đã rõ, chủ trương và biện pháp cụ thể bước đầu đã được kiểm nghiệm, chắc chắn Quảng Ninh sẽ vững bước tiến lên xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng, Chính phủ, của nhân dân cả nước. ❑

Digitized by Google

KHỞI SẮC QUẢNG NGÃI

HỒ NGHĨA DŨNG*

Nhân dịp Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa XVI của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, phóng viên Tạp chí Cộng sản đã trao đổi cùng đồng chí Hồ Nghĩa Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ngãi. Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu nội dung buổi trao đổi này cùng bạn đọc.

Phóng viên: *Là một tỉnh ven biển, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, những năm qua, cùng với sự đi lên của Đà Nẵng, Quảng Nam, theo dư luận đánh giá Quảng Ngãi cũng đang từng ngày khởi sắc, thưa đồng chí Bí thư Tỉnh ủy ?*

Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng: Đó là lời động viên, khích lệ đối với chúng tôi. Sau 14 năm tái lập tỉnh, từ một điểm xuất phát thấp về kinh tế, bằng sự nỗ lực vượt bậc của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh cùng sự hỗ trợ của các ban, ngành ở trung ương, Quảng Ngãi phát triển khá toàn diện theo mục tiêu do các Đại hội Đảng bộ XIV, XV và XVI của Đảng bộ tỉnh đề ra là phát huy thế mạnh, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tổng sản phẩm quốc dân trong tỉnh (GDP) giai đoạn 1991-1995 tăng bình quân 5,4% (cả nước 4,3%); thời kỳ 1996 - 2000 tăng 8,56%; năm 2002 là 10,6%. Cơ cấu kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch đúng hướng. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng từ 16,35% (năm 1995) lên 21,58% (năm 2000) và 23,1% (năm 2002); tỷ trọng dịch vụ tăng từ 33,29% (năm 1995) lên 36,50% (năm 2000) và 38,6% (năm 2002); tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp giảm từ 50,36% (năm 1995) xuống 41,92% (năm 2000) và 38,3% (năm 2002). Trong nội bộ từng ngành, từng lĩnh vực cũng có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực. Kim ngạch xuất khẩu đạt 13 triệu đô-la Mỹ, tăng gấp đôi năm 2001 và là mức cao nhất từ trước đến nay. Tốc độ đô thị hóa phát triển nhanh, đặc biệt kể từ năm 1999. Quý I năm 2003, kinh tế toàn tỉnh có bước phát triển khá: giá trị sản xuất công nghiệp tăng 27,8%, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 89,4% so với cùng kỳ năm 2002; năng suất lúa tăng cao: từ 42 tạ/ha (năm 2002) lên 49, 8 tạ/ha, nhất là trong vùng chuyển đổi từ 3 vụ sang 2 vụ/năm đạt 64 tạ/ha.

Công nghiệp có mặt khởi sắc, tuy chưa mạnh nhưng tổng giá trị tăng. Vai trò đặc biệt Khu công nghiệp Dung Quất với việc phát triển những ngành công nghiệp then chốt trở thành động lực phát triển mạnh đối với tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh cũng như khu vực miền Trung. Hơn nữa Khu công nghiệp Dung Quất nằm trên địa bàn của tỉnh, sẽ tạo cho Quảng Ngãi những lợi thế so sánh cao và độc đáo: chi phí vận chuyển thấp; thị trường tiêu thụ, cung ứng gần; nhu cầu về nhân công tăng; mở ra nhiều cơ hội liên doanh, liên kết và đầu tư kinh doanh giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, tạo nên không khí kinh doanh mới, tự chủ, sáng tạo, tìm tòi, vươn lên; khuyến khích các loại hình dịch vụ phát triển như vận tải, bưu chính - viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, thương mại, du lịch, y tế, giáo dục...

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi

Digitized by Google

Nhận thức rõ những lợi thế so sánh đó, Quảng Ngãi đã chủ động, phối hợp cùng với các cơ quan chức năng của trung ương triển khai các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật; thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc triển khai các dự án đầu tư tại Khu công nghiệp này. Tháng 5-2002, Tỉnh ủy đã ra nghị quyết về tăng cường phối hợp, đẩy nhanh tốc độ phát triển Khu công nghiệp Dung Quất thành khu công nghiệp tổng hợp, xác định mỗi đảng viên, cán bộ và nhân dân trong tỉnh phải góp phần phát triển Khu công nghiệp Dung Quất là việc của mình, vì mình. Phấn đấu đến năm 2006 - 2010, khi Khu công nghiệp này đi vào hoạt động (với các công trình lớn như Nhà máy lọc dầu số 1, Nhà máy đóng tàu Dung Quất, hình thành thành phố Vạn Tường) sẽ có ảnh hưởng lớn đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, tỷ trọng công nghiệp sẽ giữ vai trò chủ đạo với giá trị sản xuất bình quân hằng năm tăng trên 40%. Lâu nay, ở một số cán bộ, đảng viên xuất hiện ít nhiều tâm lý trông chờ, ỷ lại và kỳ vọng quá lớn vào sự phát triển của Khu công nghiệp Dung Quất. Theo tôi, kỳ vọng là tốt, nhưng quá trông chờ vào sự phát triển của Khu công nghiệp Dung Quất là vô hình trung làm mất đi hoặc tự bỏ qua các cơ hội phát huy nội lực của mình, vì không phải người dân nào cũng được hưởng lợi trực tiếp từ đây cũng như không phải ai cũng có đủ điều kiện để có thể được nhận vào làm việc tại Khu công nghiệp này.

Phóng viên: *Để chủ động đón bắt những cơ hội do sự phát triển của Khu công nghiệp Dung Quất mang lại, tỉnh đã có những biện pháp gì để thúc đẩy mạnh mẽ việc chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa?*

Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng: Cùng với Nghị quyết 03-NQ/TU *"Về việc kiên cố hóa kênh mương thủy lợi giai đoạn 2002 - 2005"*; Nghị quyết 04-NQ/TU *"Về phát triển kinh tế thủy sản giai đoạn 2002 - 2005"*; Nghị quyết 05-NQ/TU *"Về phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến giai đoạn 2002-2005"*; Nghị quyết 07-NQ/TU *"Về chuyển đổi sản xuất lúa từ 3 vụ sang 2 vụ/năm"*, v.v..; Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ra Nghị quyết 11-NQ/TU, ngày 5-5-2003, *"Về đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2003 - 2005 và định hướng đến năm 2010"*. Là một tỉnh mà nền sản xuất có tỷ trọng nông nghiệp còn cao, giá trị sản xuất thấp, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, kết cấu hạ tầng còn nhiều yếu kém thì việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp là một yêu cầu vừa cấp bách, vừa cơ bản, lâu dài, để đạt được mục tiêu *"trở thành tỉnh có công nghiệp và dịch vụ phát triển"* như Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh xác định.

Từ nay đến 2005 và 2010, phải thắt chặt mối quan hệ giữa công nghiệp trung ương với công nghiệp của tỉnh và địa phương khác, chú ý đến cơ hội và thách thức của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, khu vực và tính hợp lý giữa các ngành nghề, giữa công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế và nội lực của tỉnh; sự tác động qua lại giữa công nghiệp trung ương với công nghiệp địa phương, giữa Khu công nghiệp Dung Quất với các khu công nghiệp của tỉnh và các cụm công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp, làng nghề các huyện, thị xã. Theo đó, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế gắn liền với phát triển nông nghiệp, bảo đảm an ninh, quốc phòng, giải quyết việc làm và các vấn đề xã hội khác nhằm tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Phấn đấu đến năm 2005, giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hằng năm là 18 - 19%. Đến cuối năm 2005, tỷ trọng công nghiệp xây dựng sẽ là 30 - 31% trong tổng GDP toàn tỉnh; và nếu tỷ trọng này đạt cao hơn nếu các dự án đầu tư vào Khu kinh tế

Digitized by Google

Dung Quất được thực hiện theo kế hoạch đặt ra. Để đạt được mục tiêu trên, từ nay đến năm 2005, chúng tôi tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ cơ bản như: rà soát để điều chỉnh lại quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp; tập trung phát triển công nghiệp chế biến, trước hết là chế biến nông - lâm - thủy sản; tiếp tục phối hợp đẩy nhanh phát triển Khu công nghiệp Dung Quất; ưu tiên xây dựng, phát triển mô hình cụm công nghiệp nhỏ và vừa ở các huyện, thị xã và làng nghề nông thôn với quy mô hợp lý, ngành nghề phù hợp đáp ứng yêu cầu thị trường; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, thuận lợi nhằm thu hút mạnh mẽ đầu tư từ bên ngoài, đồng thời phát huy nội lực của địa phương; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng hai khu công nghiệp Tịnh Phong và Quảng Phú; phát triển một số khu công nghiệp mới của tỉnh; đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng hợp lý về cơ cấu ngành nghề...

Phóng viên: *Để tạo sự đột phá trong phát triển, rất cần xác định những mũi nhọn có tính quyết định làm chuyển biến toàn cục. Quảng Ngãi đã và đang làm tốt điều đó, thưa đồng chí?*

Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng: Đúng vậy. Chúng tôi đang từng bước sơ kết sự phát triển kinh tế nông nghiệp, thủy sản, thủy lợi và kết cấu hạ tầng nông thôn. *Về nông nghiệp,* phát huy các lợi thế về đất đai và các cây công nghiệp truyền thống, trong những năm gần đây tỉnh đã chú trọng tập trung đầu tư tạo vùng nguyên liệu chuyên canh cây mía, cây sắn, các loại cây ăn quả..., phục vụ công nghiệp chế biến, góp phần xóa đói giảm nghèo. Phát triển vùng nguyên liệu tập trung chuyên canh nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng sẵn có của tỉnh về đất đai, lao động, nguồn vốn trong dân, từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nâng cao kiến thức, trình độ canh tác cho nông dân, đào tạo cán bộ kỹ thuật, quản lý cho địa phương. Phát triển vùng nguyên liệu còn giúp cho củng cố mối quan hệ liên minh công nông vững chắc. Xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới với trình độ canh tác và quản lý mới. Việc sản lượng lúa tăng do diện tích sản xuất 3 vụ/năm tăng là nhờ phát triển thủy lợi, đặc biệt là công trình thủy lợi Thạch Nham đã góp phần đáng kể vào việc giữ vững nhịp độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp trong những năm qua, tạo đà cải thiện và nâng cao đời sống cho nông dân. Tuy vậy, việc sản xuất lúa 3 vụ/năm bộc lộ nhiều nhược điểm cần khắc phục. Chúng tôi tích cực chuyển đổi sản xuất từ 3 vụ sang 2 vụ/năm nhằm nâng cao năng suất, khắc phục tình trạng gặp mưa bão khi thu hoạch, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật đặc biệt là đưa những giống lúa có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, dành thời gian cần thiết để duy tu, sửa chữa hệ thống thủy lợi. Phấn đấu đến năm 2004 cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi 20 000 héc-ta đang sản xuất 3 vụ/năm thành 2 vụ/năm để đến năm 2005 năng suất lúa bình quân toàn tỉnh đạt 45 tạ/ha.

Thủy sản là ngành kinh tế có nhiều lợi thế của tỉnh với bờ biển dài 130 ki-lô-mét, vùng lãnh hải rộng 11 000 km^2 với khoảng 5 000 - 7 000 héc-ta đất để nuôi trồng thủy sản. Phát triển toàn diện ngành thủy sản, kể cả khai thác thủy sản, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Chúng tôi coi đây là một trong những mũi nhọn đột phá của tỉnh, với trọng tâm là nuôi tôm tạo nguồn nguyên liệu để chế biến xuất khẩu. Nhờ có quy hoạch đúng và chính sách phát triển thủy sản phù hợp, sản lượng khai thác thủy sản tăng từ 39 861 tấn (năm 1996) lên đến 80 000 tấn (năm 2003); diện tích nuôi tôm sú xuất khẩu tăng từ 430 héc-ta với sản lượng 250 tấn (năm 1995) lên 550 héc-ta với sản lượng 804 tấn (năm 2000) và 657 héc-ta với sản lượng 1 450 tấn (năm 2002); giá trị thủy sản xuất khẩu đã qua chế biến đạt 5,5 triệu đô-la Mỹ.

Trong những năm qua, Quảng Ngãi cũng quan tâm đầu tư *xây dựng kết cấu hạ tầng*

Digitized by Google

kinh tế - kỹ thuật, trọng tâm là phát triển giao thông, thủy lợi. Đến nay, kết cấu hạ tầng của tỉnh phát triển khá đồng bộ, phân bố đều và hợp lý. Hiện nay, tỉnh có 6 883 ki-lô-mét đường bộ, kể cả đường do trung ương quản lý (trong đó hệ thống giao thông do tỉnh quản lý là 520,5 ki-lô-mét, tăng 302,5 ki-lô-mét so với năm 2001). Sau gần 2 năm thực hiện chủ trương phát triển giao thông miền núi, đã "cứng hóa" thêm 120 ki-lô-mét đường giao thông liên huyện và 139 ki-lô-mét đường liên xã, có khả năng hoàn thành chỉ tiêu vào năm 2004, trước thời hạn một năm. Về kết cấu hạ tầng thủy lợi, do điều kiện tự nhiên không thuận lợi, tỉnh đã chú trọng phát huy hiệu quả công trình thủy lợi Thạch Nham và đầu tư các dự án thủy lợi trọng điểm khác. Đến năm 2002, toàn tỉnh có hơn 2 600 ki-lô-mét kênh mương kiên cố và bán kiên cố, theo thiết kế đủ sức tưới tiêu cho 68 000 héc-ta và khai thác thực tế là 49 000 héc-ta; đồng thời tiếp tục đầu tư các dự án thủy lợi ở miền núi và đường giao thông nông thôn với chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm. Đầu tư phát triển giao thông cũng là biện pháp thiết thực cho việc xóa đói - giảm nghèo. Tỷ lệ hộ đói nghèo của tỉnh đã giảm từ 37,53% (năm 1995) xuống 18,3% (năm 2002) và phấn đấu đến cuối năm 2003 giảm hộ đói nghèo của tỉnh còn 14,6%.

Phóng viên: *Một số người khi đến hoặc đi qua Quảng Ngãi đều chung nhận xét là, quy hoạch đô thị ở Quảng Ngãi chưa thật đẹp và bài bản. Điều đó có đúng không, thưa đồng chí?*

Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng: Đó là nhận xét khách quan. Bởi sau 4 năm thực hiện Nghị quyết 09 của Tỉnh ủy (khóa XV), về xây dựng thị xã Quảng Ngãi trở thành thành phố tỉnh lỵ, chúng tôi vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Bên cạnh những việc đã làm được như kinh tế tăng trưởng khá, kết cấu hạ tầng được nâng cấp, đời sống nhân dân được cải thiện nhưng nhiều sở, ban, ngành, huyện chưa tổ chức tốt việc quán triệt cho cán bộ, đảng viên về xây dựng thị xã Quảng Ngãi trở thành thành phố tỉnh lỵ. Hơn nữa, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa tập trung đúng mức, chưa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tương xứng. Mặc dù thị xã được công nhận là đô thị loại III vào cuối năm 2002, nhưng so với mục tiêu đặt ra đã chậm 2 năm; hầu hết các công trình trọng điểm đều chưa hoàn thành; việc tổ chức đền bù, giải tỏa, thi công các công trình còn nhiều bất cập. Công tác quản lý đô thị, thực hiện nếp sống văn minh đô thị còn nhiều hạn chế. Mục tiêu của Đảng bộ là, phát huy nội lực của thị xã, của tỉnh, tranh thủ sự giúp đỡ của các ban, ngành trung ương tập trung xây dựng thị xã theo các tiêu chí của thành phố, phấn đấu đến cuối năm 2004 đạt và vượt các tiêu chí cơ bản để năm 2005 được công nhận là thành phố thuộc tỉnh; phấn đấu xây dựng thị xã Quảng Ngãi thật sự là đô thị xanh - sạch - đẹp - văn minh - hiện đại; xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học của tỉnh; có sức lôi kéo và lan tỏa đối với các huyện trong tỉnh.

Phóng viên: *Vẫn là một tỉnh còn tương đối nghèo Quảng Ngãi cần và phải làm gì để tạo những bước tiến mới trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa?*

Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng: Công bằng mà nói, trong năm qua Quảng Ngãi đã có bước khởi sắc đáng kể: tốc độ tăng GDP đạt 10,6% - mức *tăng cao nhất* từ trước đến nay. Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chưa mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nếu xét theo tỷ trọng công nghiệp - nông, lâm, ngư nghiệp và dịch vụ trong GDP là 23,1% - 38,3% và 38,6%. Để thực hiện từng bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa chúng tôi phải tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách mạnh mẽ hơn, đồng bộ hơn, với trọng tâm là phát triển công nghiệp và dịch vụ. Chính vì vậy, Tỉnh ủy đã ban hành hai nghị quyết, về phát triển Khu công nghiệp Dung

Digitized by Google

Quất và về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2010. Vấn đề đặt ra là, trong chỉ đạo, phải phân biệt rạch ròi công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương nhằm khắc phục tâm lý ỷ lại, không phát huy hết nội lực của tỉnh. Đúng là Khu công nghiệp Dung Quất đã và sẽ mang lại nhiều lợi thế, có tác động lớn đến sự hình thành và phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Ngãi. Sau sáu năm kể từ ngày Khu công nghiệp Dung Quất được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tháng 4-1996) và bốn năm sau (1999) ngày khởi công Nhà máy lọc dầu, việc xây dựng và phát triển Nhà máy lọc dầu không đạt tiến độ và còn những khó khăn, vướng mắc. Điều đó đòi hỏi chúng tôi cần có cách nhìn nhận, đánh giá về Dung Quất toàn diện hơn, đa chiều hơn. Nghĩa là không thể thụ động trông chờ rồi lệ thuộc vào Khu công nghiệp Dung Quất, mà phải chủ động điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, cân đối lại cơ cấu kinh tế ngành, kinh tế vùng của tỉnh. Theo đó, xây dựng kế hoạch đào tạo, phối hợp đào tạo cung ứng nguồn nhân lực, phát triển cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất công nghiệp, tạo việc làm có thu nhập ổn định cho người lao động, góp phần xóa được đói, giảm được nghèo. Công nghiệp địa phương phải phát huy lợi thế về vốn và kết cấu hạ tầng kỹ thuật, phát triển mạnh công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp, các ngành nghề truyền thống, các dịch vụ ở thị trấn, thị tứ, thị xã làm động lực thúc đẩy sự phát triển các vùng nông thôn phụ cận. Để phát triển sản xuất nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải tiếp tục tăng cường đầu tư chiều sâu cho sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao trên đơn vị diện tích; đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm bằng nhiều hình thức; sớm hoàn thành quy hoạch sử dụng đất gắn với xác định từng loại cây, con phù hợp với lợi thế từng vùng và thị trường; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp phù hợp với yêu cầu của cơ chế thị trường.

Quảng Ngãi đã ban hành một loạt các nghị quyết chuyên đề về đẩy mạnh phát triển một số ngành, nghề có tính đột phá nhằm thúc đẩy đầu tư, thu hút ngoại lực, khơi dậy nguồn nội lực, đưa nền kinh tế của tỉnh phát triển đi lên. Một mặt, chủ động sơ kết, tổng kết các lĩnh vực, các ngành kinh tế theo các nghị quyết đã ban hành; mặt khác, xuất phát từ tình hình thực tế, Tỉnh ủy sẽ lựa chọn những lĩnh vực, những ngành cần đầu tư và phát triển, kiên quyết lãnh đạo, chỉ đạo làm thật mạnh mẽ và triệt để.

Có thể nói, những mục tiêu phát triển trên tất cả các lĩnh vực mà Đại hội lần thứ XVI của Đảng bộ tỉnh chúng tôi đề ra là *đúng đắn và toàn diện*. Đến nay, chúng tôi đã làm được một số việc, còn một số việc cần tập trung giải quyết từ nay cho đến hết nhiệm kỳ. Điều thuận lợi cũng là niềm động viên, khích lệ lớn lao đối với chúng tôi là nhận được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo các tầng lớp nhân dân, của đội ngũ cán bộ từ các đồng chí lãnh đạo cao cấp, lão thành đến cán bộ, đảng viên trong toàn đảng bộ. Vấn đề quan trọng của nửa nhiệm kỳ còn lại là tổ chức thực hiện thế nào, việc kiểm tra, chỉ đạo, thanh tra, giám sát ra sao để đạt được hiệu quả cao nhất là điều cần tiếp tục bàn bạc thấu đáo. Theo tôi, vấn đề mấu chốt là những cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ thực thi có thực sự tâm huyết dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước nhiệm vụ được giao phó hay không? Có thực sự vì dân, vì sự nghiệp phát triển chung của tỉnh hay không?

Phóng viên: *Xin trân trọng cám ơn đồng chí và kính chúc Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi tiếp tục vượt qua mọi khó khăn, thách thức, xây dựng tỉnh ta thành một tỉnh có kinh tế - xã hội phát triển, an ninh - quốc phòng vững mạnh.*

NGUYỄN THỊ VY
Thực hiện

Digitized by Google

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG đổi mới công tác thi đua - khen thưởng

NGUYỄN VĂN THUẬN*

TRONG nhiều năm qua, Đảng bộ, nhân dân thành phố Hải Phòng luôn xác định công tác thi đua - khen thưởng là động lực phát triển và là một trong những biện pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng con người mới. Trải qua các chặng đường cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, trong giai đoạn đầu xây dựng sau chiến tranh, hay lúc thực hiện cơ chế kinh tế thị trường; đặc biệt là, trong thời kỳ đổi mới và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phong trào thi đua yêu nước luôn là động lực phát triển mạnh mẽ và không ngừng ở Thành phố Cảng trung dũng - quyết thắng, năng động, sáng tạo. Hải Phòng là quê hương của phong trào thi đua "Sóng Duyên Hải", phong trào "Tổ đội xây dựng xã hội chủ nghĩa"; là nơi đề xướng và thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; là một trong những địa phương đi đầu trong tìm tòi, tổng kết thực tiễn, thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội ngay từ những năm 60, 70 của thế kỷ XX. Phát huy truyền thống đó, phong trào thi đua - khen thưởng của Hải Phòng đã đạt một chất mới qua triển khai thực hiện Chỉ thị 35/CT-TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng. Từ năm 1998 đến nay, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của thành phố đã thực thi nhiều biện pháp sáng tạo, năng động, đưa phong trào thi đua yêu nước của cán bộ, đảng viên, nhân dân Hải Phòng phát triển lên một bước mới.

Năm năm qua, thành phố Hải Phòng đã có thêm một số đơn vị, địa phương được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân do đã có những thành tích đặc biệt xuất sắc trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ; 6 đơn vị và 3 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng thời kỳ đổi mới; 45 Chiến sĩ thi đua cấp Nhà nước; 17 đơn vị, cá nhân được nhận Huân chương Chiến công; 147 tập thể, 44 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động các hạng; 215 tập thể nhận Cờ Thi đua của Chính phủ; hơn 300 tập thể nhận Cờ Thi đua của thành phố; hàng ngàn cán bộ và tập thể nhận Bằng khen của thành phố; hàng chục ngàn cá nhân là lao động giỏi trong các ngành nghề và lĩnh vực khác nhau... Nhiều đơn vị có phong trào thi đua yêu nước phát triển mạnh mẽ như: Công an thành phố, Bưu điện thành phố, quận Hồng Bàng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Công ty Giấy cổ phần HAPACO...

Để có những kết quả này, Hải Phòng đã không ngừng phấn đấu đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trên nhiều mặt:

* Bí thư Thành ủy thành phố Hải Phòng

Digitized by Google

1 - Kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

Để tăng cường lãnh đạo công tác thi đua - khen thưởng trong tình hình mới, Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố ra Quyết định số 281/QĐ-UB, ngày 6-12-1999 về việc kiện toàn, bổ sung thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố Hải Phòng do đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Chủ tịch Hội đồng. Cơ quan thường trực của Hội đồng được tổ chức, biên chế cán bộ chuyên trách theo hướng gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả, có con dấu, tài khoản và phương tiện làm việc đầy đủ. Đồng thời, thành phố ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng. Theo đó, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp cũng được kiện toàn. Chính nhờ bộ máy tổ chức chặt chẽ, hoạt động hiệu quả, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố và các cấp đã luôn chủ động làm tốt công tác tham mưu, đề xuất giúp Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, cấp ủy, chính quyền các cấp lãnh đạo, tổ chức phong trào thi đua yêu nước và thực hiện công tác khen thưởng kịp thời, tạo khí thế thi đua yêu nước của toàn dân luôn luôn sôi động, thiết thực, hiệu quả.

2 - Từng bước đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức phong trào thi đua

Ngay từ năm 1994, Hải Phòng đã tổ chức thí điểm khối giao ước thi đua. Việc giao ước thi đua theo khối là biện pháp đã mang lại hiệu quả tốt trong thi đua, nên đến năm 1997, thành phố đã mở rộng thực hiện, tổ chức thành 9 khối giao ước thi đua: khối các quận và thị xã Đồ Sơn; khối các huyện; khối các ngành nội chính; khối các ngành quản lý kinh tế; khối các ngành tổng hợp - tài mậu; khối các ngành văn hóa xã hội - khoa học công nghệ; khối thường trực Hội đồng nhân dân các quận, huyện, thị xã và khối các tổ chức đoàn thể thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; khối các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn. Ngoài các khối giao ước thi đua trên, căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, thành phố đã tổ chức ký giao ước thi đua giữa các ngành, đơn vị theo từng chuyên đề. Phong trào ký kết giao ước thi đua thực sự trở thành biện pháp quan trọng để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của thành phố và các cấp, các ngành, các đơn vị và đề cao tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền các cấp, đoàn thể trong chỉ đạo lãnh đạo công tác thi đua - khen thưởng, cũng như tạo động lực dấy lên phong trào thi đua yêu nước của thành phố.

Về hình thức thi đua cũng có nhiều đổi mới, sáng tạo và phong phú hơn. Đã tổ chức các hội thi, hội diễn, hội thao như: tổ chức thi tay nghề hàn, nguội, điện, thi thợ dệt, thợ may giỏi trong công nhân lao động; thi khuyến nông giỏi và thao tác kỹ thuật nông nghiệp trong nông dân; thi nhân viên bán hàng giỏi của ngành thương mại... Thông qua các hội thi, hội diễn đã thực sự lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia sôi nổi hào hứng, tạo khí thế và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, động viên được phong trào thi đua.

3 - Đổi mới tổ chức phát động các phong trào thi đua

Hằng năm, thành phố tập trung 4 đợt thi đua lớn trong từng quý. Đó là: Thi đua lập thành tích chào mừng ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2) và phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác quý I. Thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong tháng 5 và ngày Bác Hồ ra lời kêu gọi thi đua ái quốc 11-6, chào mừng ngày Hải Phòng giải phóng 13-5, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng. Thi đua lập thành tích chào mừng Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 9 tháng. Thi đua nước

Digitized by Google

rút, phấn đấu hoàn thành xuất sắc, toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm... Như vậy là tháng nào, quý nào cũng có các phong trào thi đua được phát động.

Mặt khác, thành phố phát động nhiều phong trào thi đua theo nhiệm vụ, đặc điểm của từng ngành, giới; trong đó có các phong trào thi đua tiêu biểu mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội:

- Phong trào thi đua quản lý giỏi, lao động giỏi, lao động sáng tạo trong công nhân viên chức và người lao động. Trong 5 năm qua, công nhân viên chức và lao động thành phố đã có 18 198 đề tài, sáng kiến cải tiến và giải pháp kỹ thuật làm lợi gần 667 234 triệu đồng; 455 người được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cấp bằng Lao động sáng tạo, 1 812 người đạt danh hiệu Lao động giỏi cấp thành phố.

- Phong trào thi đua hộ nông dân làm kinh tế giỏi, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp, vươn khơi đánh cá xa bờ và nuôi trồng thủy sản. Trong 5 năm, đã có 9 770 hộ nông dân đạt danh hiệu hộ sản xuất kinh doanh giỏi cấp thành phố và 78 964 hộ đạt sản xuất kinh doanh giỏi cấp huyện.

- Phong trào thi đua "Nhà nước và nhân dân cùng làm" để phát triển mạng lưới điện - đường - trường - trạm y tế, cứng hóa kênh mương. Trong 5 năm, đã huy động sự tự nguyện đóng góp của nhân dân được trên 300 tỉ đồng để thực hiện chương trình này.

- Phong trào thi đua cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế "một cửa" tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh. Trong "năm cơ chế 2001", thành phố đã ban hành 37 cơ chế mới, các cấp, các ngành đã ban hành hàng trăm cơ chế, quy định cụ thể về cải cách thủ tục hành chính.

- Phong trào thi đua xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2 - khóa VIII) thực hiện 19 điều đảng viên không được làm. Năm năm qua, đã có 3 560 lượt đảng bộ, chi bộ cơ sở được công nhận danh hiệu đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

- Phong trào thi đua vì an ninh Tổ quốc, phát động mạnh mẽ toàn dân tham gia phòng chống tội phạm phát triển mạnh mẽ với nhiều mô hình, cách làm mới sáng tạo, hiệu quả như: "Tiếng kẻng an ninh nhân dân", mô hình "Khu dân cư tự quản", "Thức cùng các chiến sĩ công an", xây dựng "Khu dân cư, tổ dân phố 5 không" (không có trẻ em thất học, bỏ học; không có hộ đói, giảm hộ nghèo dưới 5% theo tiêu chí mới; không có người sinh con thứ ba; không có người nghiện ma túy; không để dân lấn chiếm lòng đường, vỉa hè và nợ đọng tiền thuế).

- Phong trào thi đua "Toàn dân làm chủ hè đường, sạch đường, đẹp phố" nhằm lập lại trật tự an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và nếp sống văn minh đô thị" đã có một khí thế mới, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, được nhân dân tích cực tham gia...

Ngoài những phong trào thi đua trên, còn rất nhiều phong trào thi đua nữa ở Hải Phòng được phát động và thực hiện rất sôi nổi cùng nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để phong trào thi đua có hiệu quả, Thành ủy Hải Phòng đã chú trọng chỉ đạo việc *đổi mới công tác tuyên truyền thi đua*. Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo Ban Tuyên giáo Thành ủy, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố phối hợp với các ngành chức năng, các cơ quan thông tin báo chí như Báo Hải Phòng, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Báo An ninh Hải Phòng, Hội Nhà báo thành phố tuyên truyền thường xuyên phong trào thi đua và công tác khen thưởng của thành phố; tổ chức cuộc thi báo

Digitized by Google

chí viết về phong trào thi đua, nêu gương "người tốt - việc tốt", điển hình tiên tiến hằng năm theo từng chủ đề của thành phố: "Năm cơ chế 2001", "Năm doanh nghiệp 2002", "Năm doanh nghiệp và hội nhập 2003". Tính từ năm 1998 đến nay, các nhà báo, các cộng tác viên thành phố thực hiện gần năm nghìn tác phẩm báo chí, được đăng tải và đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để cổ vũ, động viên phong trào thi đua.

Nhân dịp kỷ niệm ngày Bác Hồ ra lời kêu gọi thi đua ái quốc, ngày 11-6 hằng năm, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố đều tổ chức gặp gỡ biểu dương các điển hình tiêu biểu, các anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Đáng chú ý là *đối tượng và hình thức khen thưởng cũng được đổi mới* kịp thời. Công tác thi đua - khen thưởng 5 năm qua đã động viên khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế, cân đối khen thưởng giữa tập thể và cá nhân; đặc biệt, đã chú trọng khen thưởng những người trực tiếp lao động sản xuất ở cơ sở.

Về hình thức khen thưởng cũng rất phong phú. Ngoài các hình thức và các danh hiệu thi đua do Nhà nước ban hành, thành phố Hải Phòng đã có các hình thức khen thưởng các tập thể có thành tích xuất sắc tiêu biểu của thành phố như:

- Lập ra Giải thưởng Nguyễn Bỉnh Khiêm về khoa học - công nghệ và văn học - nghệ thuật để tặng cho tập thể hoặc cá nhân xuất sắc trong hai lĩnh vực trên (5 năm xét chọn 1 lần, mức thưởng 25 triệu đồng). Giải thưởng khoa học - kỹ thuật và văn học nghệ thuật để tặng cho các tập thể hoặc cá nhân xuất sắc hai lĩnh vực trên (2 năm xét chọn 1 lần, giải nhất thưởng 10 triệu đồng, giải nhì thưởng 5 triệu đồng, giải 3 thưởng 3 triệu đồng)... Tương tự, các ngành, các địa phương đều có các danh hiệu thi đua và có mức khen thưởng cụ thể. Tuy số tiền, hiện vật khen thưởng còn rất hạn chế nhưng tác dụng tinh thần là hết sức to lớn.

- Thành phố Hải Phòng đã ban hành quy chế xét duyệt và trao tặng các danh hiệu thi đua nhằm nâng cao trách nhiệm và cải tiến thủ tục hành chính, hồ sơ, thủ tục xét duyệt danh hiệu thi đua từ thành phố đến cơ sở. Các danh hiệu thi đua được bình chọn, xét duyệt công khai, dân chủ và đề nghị từ cơ sở. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố phối hợp với các ngành xem xét lựa chọn, báo cáo thành phố khen thưởng tập thể, cá nhân có những thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác, chiến đấu, trong thực hiện các công trình trọng điểm. Thông qua gương người tốt việc tốt, điển hình mà báo chí nêu, thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố thẩm định và trao đổi với cơ sở, các ngành chức năng báo cáo lãnh đạo thành phố khen thưởng.

- Cải tiến thủ tục đề nghị khen thưởng. Các tập thể, cá nhân được Chính phủ trở lên khen thưởng thì mới phải viết thành tích. Thời gian xem xét, đề nghị khen thưởng trình Nhà nước ở thành phố hoàn thành trong 15 ngày; thời gian đề nghị lãnh đạo thành phố xem xét, quyết định khen thưởng hoàn thành trong một tuần. Những trường hợp khen thưởng đột xuất chỉ cần lãnh đạo thành phố duyệt và ra quyết định trong ngày.

Đối với công tác sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, công tác khen thưởng, Thành ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố cũng rất chú trọng đổi mới cả về hình thức và phương pháp.

Ở Hải Phòng, việc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua - khen thưởng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đánh giá kết quả đã đạt được. Qua đó, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm và đề ra phương hướng công

Digitized by Google

tác thi đua - khen thưởng tiếp theo. Tháng 10-1999, thành phố Hải Phòng là một trong những địa phương đầu tiên của cả nước tổ chức thành công Đại hội thi đua yêu nước thời kỳ đổi mới, được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương đánh giá cao. Việc tổng kết phong trào thi đua hằng năm của Hải Phòng đã gắn với công tác khen thưởng biểu dương, động viên, kịp thời những nhân tố mới, điển hình mới; những gương người tốt, việc tốt. Hải Phòng còn chú trọng làm tốt việc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo từng chuyên đề như: Tổng kết 4 năm phong trào xây dựng đảng bộ, chi bộ vững mạnh trong sạch (1998 - 2002); tổng kết 5 năm công tác tổ chức khối giao ước thi đua (1997 - 2002)...

Ngoài ra, các ngành, các cấp đã chủ động đánh giá tổng kết phong trào giao ước thi đua do ngành, đơn vị phát động.

Thông qua việc sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, rút ra những bài học kinh nghiệm, nhất là kinh nghiệm tổ chức phát động thi đua, cải tiến hình thức, nội dung, biện pháp thi đua, đã làm cho các phong trào thi đua sau này có chiều sâu, thu hút đông đảo quần chúng tham gia để đạt kết quả cao hơn.

Từ kết quả 5 năm thực hiện Chỉ thị 35/CT-TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị 12/CT-TU của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về đổi mới công tác công tác thi đua - khen thưởng, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu như sau:

Một là: Vấn đề có ý nghĩa quyết định sự thành công của công tác thi đua - khen thưởng là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác thi đua - khen thưởng. Kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố, các cấp, các ngành và đoàn thể quần chúng, tăng cường vai trò tham mưu của cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và tạo điều kiện thuận lợi giúp tổ chức này hoàn thành nhiệm vụ, chức năng được giao.

Hai là: Tăng cường sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, đoàn thể, đơn vị của thành phố trong tổ chức phát động các phong trào thi đua là yếu tố quan trọng để thúc đẩy công tác thi đua - khen thưởng, bảo đảm cả bề rộng và chiều sâu, tạo sức mạnh tổng hợp cho phong trào thi đua và mang lại hiệu quả thiết thực, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và thành phố.

Ba là: Công tác tuyên truyền đã làm rõ mục đích, ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của thi đua - khen thưởng trong cơ chế mới. Biểu dương kịp thời những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, những gương người tốt, việc tốt trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và trung ương. Việc xuất bản sách "Những bông phượng đỏ", nêu gương anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc, thành phố; xuất bản kỷ yếu doanh nghiệp tiêu biểu đã ghi nhận những tấm gương tiêu biểu, điển hình mới, nhân tố mới, gương người tốt, việc tốt của Hải Phòng, đã có tác dụng tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong xã hội.

Bốn là: Thực hiện dân chủ công khai trong bình xét thi đua khen thưởng. Thông qua việc giao ước chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm của các khối thi đua để xem xét bình chọn các danh hiệu đảm bảo khách quan, thành tích đến đâu khen thưởng đúng mức đó, đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng, làm cho phong trào thi đua ngày càng được củng cố và phát triển.

Phong trào Thi đua - Khen thưởng trong 5 năm qua của Hải Phòng đã đi vào cuộc sống, đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng. Do đó, các cấp, các ngành, dưới sự lãnh đạo của Thành ủy đang tiếp tục đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến về chất để duy trì và phát triển phong trào ngày càng sâu rộng hơn. ❑

Digitized by Google

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THIẾNG ĐỨC*

THỰC tế cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước thời gian qua cho thấy, vốn của Nhà nước là chủ sở hữu được chuyển đổi thành cổ phần và được bán cho nhiều đối tượng khác nhau như các tổ chức kinh tế, xã hội, các cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp. Nhà nước có thể giữ lại hoặc không giữ lại một tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu vốn cổ phần. Như vậy, hình thức sở hữu tại doanh nghiệp đã chuyển từ một chủ sở hữu nhà nước duy nhất sang đa sở hữu hỗn hợp. Từ đây, dẫn đến những thay đổi quan trọng về tình hình tổ chức quản lý, cũng như phương hướng hoạt động của doanh nghiệp. Doanh nghiệp nhà nước sau khi cổ phần hóa để trở thành công ty cổ phần, sẽ tổ chức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Với phương thức cổ phần hóa, Nhà nước sẽ vừa giảm nhẹ được gánh nặng quản lý, vừa tạo được động lực để cho các đơn vị vốn là doanh nghiệp nhà nước hoạt động hiệu quả hơn.

A - Tình hình thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Theo Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước theo các văn bản pháp quy nhà nước ở Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện như sau: 2 doanh nghiệp thực hiện thí điểm theo Quyết định 202/CT ngày 8-6-1992; 7 doanh nghiệp thực hiện theo Nghị định 28/CP ngày 7-5-1996; 94 doanh nghiệp thực hiện theo Nghị định 44/1998/NĐ/-CP ngày 29-6-1998; 16 doanh nghiệp thực hiện theo Nghị định 64/2002/NĐ-CP ngày 19-6-2002.

Nếu phân theo thời gian, quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra như sau: Từ năm 1992 đến năm 1998: có 10 doanh nghiệp; năm 1999 có 35 doanh nghiệp; năm 2000 có 18 doanh nghiệp; năm 2001 có 27 doanh nghiệp; năm 2002 có 13 doanh nghiệp và 6 tháng đầu năm 2003 có 16 doanh nghiệp.

Như vậy, tính đến tháng 7-2003, Thành phố Hồ Chí Minh đã cổ phần hóa được 119 doanh nghiệp nhà nước; không kể 16 doanh nghiệp mới cổ phần hóa sau này và 92 doanh nghiệp đang bán cổ phần, chuẩn bị đại hội cổ đông, đã hoàn tất đăng ký kinh doanh, chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (trong đó doanh nghiệp nhà nước độc lập là 87 và 5 doanh nghiệp vốn của Nhà nước chiếm một phần).

Đối với 92 doanh nghiệp nhà nước đang bán cổ phần nói trên theo tổng hợp của Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy:

- Tổng vốn nhà nước theo sổ sách:	654 tỉ 922 triệu đồng
- Tổng vốn nhà nước sau khi đánh giá lại:	840 tỉ 408 triệu đồng
- Chi phí cổ phần hóa và giá trị ưu đãi cán bộ công nhân viên:	72 tỉ 909 triệu đồng
- Tổng vốn điều lệ:	1 112 tỉ 803 triệu đồng
- Tổng vốn huy động thêm:	639 tỉ 102 triệu đồng
- Tăng thêm vốn điều lệ:	141 tỉ 500 triệu đồng
- Hoàn vốn ngân sách (ngay khi cổ phần hóa):	451 tỉ 306 triệu đồng

* ThS, Viện Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

- Cơ cấu vốn điều lệ bao gồm:

+ Nhà nước: 25%

+ Cán bộ, công nhân viên và cổ đông ngoài doanh nghiệp: 75%

(trong đó cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp chiếm khoảng 55%)

B - Những ưu điểm rút ra từ công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Theo thống kê của Chi cục Tài chính doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, tính đến ngày 31-12-2002, so với thời kỳ còn là doanh nghiệp nhà nước, các công ty cổ phần của Thành phố đã có doanh thu tăng bình quân 35% /năm, lợi nhuận trước thuế tăng 19%/năm; lao động tăng 70%/năm; thu nhập của người lao động tăng 17%/năm; nộp ngân sách tăng 4%/năm (dù đã được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu tiên); quy mô vốn doanh nghiệp tăng 142,8%; chia cổ tức cho người lao động trong doanh nghiệp và các nhà đầu tư bình quân 15%/năm...

Cũng sau khi cổ phần hóa, bình quân giá trị vốn nhà nước chỉ chiếm 25% trong cơ cấu vốn điều lệ, còn lại 75% là vốn của các cổ đông (gồm cán bộ, công nhân viên chức và cổ đông ngoài doanh nghiệp). Như vậy, cổ phần hóa đã thực hiện được mục tiêu thu hút rộng rãi các nguồn vốn của người lao động cả trong doanh nghiệp và ngoài xã hội để đầu tư phát triển. Tuy chỉ chiếm 25% tổng số vốn của công ty cổ phần, (trong khi vốn của các đối tượng khác chiếm 75% nhưng là phần vốn phân tán), nhưng cổ đông nhà nước trong các công ty vẫn giữ vai trò đáng kể trong quản lý hoạt động sản xuất - kinh doanh của công ty.

Thời gian đầu, người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa vẫn còn lo ngại về sự không ổn định trong sản xuất, kinh doanh như trước kia. Tuy nhiên, thống kê cho thấy, sau cổ phần hóa, số lượng lao động chẳng những không giảm mà còn tăng 10% và thu nhập bình quân tăng 20%. Điều này càng giúp người lao động yên tâm làm việc, kích thích khả năng cống hiến của họ cho doanh nghiệp.

Cổ phần hóa đã đem lại lợi ích cho cả Nhà nước, người lao động và cổ đông của doanh nghiệp. Thực tế đó đã chứng minh rằng, chủ trương của Đảng và nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là hoàn toàn đúng đắn, được biểu hiện qua các mặt sau:

a - Xóa bỏ tình trạng vô chủ của doanh nghiệp

Cổ phần hóa đã đưa người lao động trở thành người chủ thực sự của doanh nghiệp. Khi quyền lợi riêng đã được gắn kết với quyền lợi chung, người lao động sẽ luôn quan tâm đến kết quả sản xuất - kinh doanh, không ngừng tiết kiệm chi phí, từ đó thiết thực nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế, xóa bỏ tư tưởng "cha chung không ai khóc", "được chăng hay chớ" trước đây.

b - Tạo ra động lực mới trong quản lý doanh nghiệp

Khi còn là doanh nghiệp nhà nước, giám đốc là viên chức nhà nước, làm việc theo chỉ đạo của ông chủ Nhà nước. Nhưng thực tế, Nhà nước cũng không làm chủ, mà để cho giám đốc trở thành ông chủ, tuy danh nghĩa, song quyền hành rất lớn. Khi cổ phần hóa, người giám đốc có thể chỉ là người được thuê, phải chịu sự giám sát chặt chẽ trong việc điều hành hoạt động doanh nghiệp. Điều này buộc người giám đốc phải trở nên năng động, cầu tiến, có trách nhiệm thực sự đối với công việc.

c - Cơ cấu lại nền kinh tế quốc dân

Cổ phần hóa đã chuyển hình thức sở hữu đơn nhất thành hình thức đa sở hữu. Theo đó, doanh nghiệp từ chỗ có một "ông chủ" duy nhất, trở thành doanh nghiệp nhiều chủ. Đây chính là cơ sở để hình thành một nền kinh tế đa sở hữu, nhiều thành phần, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, trong đó kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo, để đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa.

C - Những hạn chế làm chậm tiến trình cổ phần hóa

Bên cạnh những mặt tích cực và thành tựu trên, thì cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở

Digitized by Google

Thành phố Hồ Chí Minh thời gian qua còn không ít nhược điểm, đã phần nào làm chậm tiến trình cổ phần hóa.

Một là, vẫn còn nhiều người trong đội ngũ lãnh đạo các ngành, các doanh nghiệp và những người lao động chưa hiểu rõ nội dung, bản chất và lợi ích của việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Tư tưởng chần chừ, chờ đợi còn khá phổ biến và nếu có làm thì cũng trong trạng thái thăm dò. Để thúc đẩy và tăng tốc cho tiến độ cổ phần hóa, biện pháp trước đây của Chính phủ là giao chỉ tiêu cổ phần hóa cụ thể cho từng năm. Chẳng hạn, năm 1998 là 150 doanh nghiệp; 1999 là 400 doanh nghiệp; 2000 là 1 000 doanh nghiệp... Tuy nhiên, biện pháp này cũng chỉ làm tăng tốc thêm một phần nào, chứ chưa tạo ra động lực tăng tốc thật sự: Bởi vì, chính các cấp, ngành và doanh nghiệp còn có tâm lý băn khoăn, lo ngại, do chưa nhận thức thấu đáo vấn đề.

Hai là, những người đang trực tiếp quản lý, điều hành tại doanh nghiệp chưa muốn cổ phần hóa. Họ không thấy rằng, doanh nghiệp nhà nước là do Nhà nước quyết định đầu tư, thành lập và tổ chức quản lý. Do đó, Nhà nước mới là người chủ, việc quyết định, lựa chọn và tổ chức triển khai cổ phần hóa phải và chỉ thuộc thẩm quyền quyết định của Nhà nước. Chỉ thị 01/2003/CT-TTg ngày 16-1-2003 của Thủ tướng Chính phủ đã giúp chấn chỉnh và khắc phục tư tưởng này.

Ba là, quy trình cổ phần hóa đòi hỏi cần có sự phối hợp xử lý nhiều vấn đề mang tính pháp lý và kỹ thuật giữa các ngành, các cấp. Việc này phần nào đã kéo dài thời gian cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Bốn là, chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước chưa bao quát được tính đa dạng, phức tạp của thực trạng doanh nghiệp nhà nước hiện nay. Chẳng hạn, loại doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hiệu quả cao, thì triển khai dễ dàng; còn loại doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả hoặc trước mắt chưa có hiệu quả thì rất khó bán cổ phần. Vấn đề còn lại là, chính phương án "làm ăn" trong tương lai mới là yếu tố quyết định cho phương án cổ phần hóa. Thế nhưng, vẫn còn nhiều ý kiến cho rằng, việc xác định lấy được giá trị doanh nghiệp để "hóa" thành cổ phần nên không xác thực hoặc băn khoăn nếu định giá rẻ sẽ làm thiệt hại cho Nhà nước, v.v.. Về quan điểm này, ý kiến của chúng tôi là:

- *Thực tế cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một phương thức mang tính kỹ thuật.* Về bản chất, là phương thức thực hiện xã hội hóa đồng vốn thuộc sở hữu nhà nước, chuyển từ doanh nghiệp một chủ sở hữu sang đa sở hữu, tạo nên mô hình doanh nghiệp hoạt động phù hợp với nền kinh tế thị trường. Về hình thức, đó là việc Nhà nước bán một phần (hay toàn bộ) giá trị phần vốn của mình trong doanh nghiệp (thông qua hình thái các cổ phần) hoặc là cho các cá nhân, tổ chức trong và ngoài doanh nghiệp; hoặc trực tiếp tự doanh nghiệp theo cách bán giá thông thường, hoặc bằng các phương thức đấu giá, qua thị trường chứng khoán, v.v..

- *Về việc xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp:* Điều này cần được nhìn nhận rõ, nhằm xác định đúng giá trị thực tế phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc huy động vốn (kêu gọi góp vốn) trong việc chuyển đổi cơ cấu sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa. Đối tượng được nói rất rõ là, những doanh nghiệp nhà nước không cần duy trì 100% vốn nhà nước. Đây không phải là bán đứt doanh nghiệp nhà nước. Vì vậy, có lẽ không nên bàn nhiều về việc định giá đắt hay rẻ (!), mà nên nhìn nhận là:

+ Việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, chủ yếu là phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu và đa dạng hóa sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước - tức là chuyển thể doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. Nói cách khác, việc xác định giá trị doanh nghiệp chỉ là một công đoạn trong toàn bộ quy trình chuyển đổi đó. Giá trị thực tế của doanh nghiệp là giá trị toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp

Digitized by Google

tại thời điểm cổ phần hóa, có tính đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Phương pháp xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp được căn cứ vào số liệu trong sổ sách kế toán và thực tế về kiểm kê số lượng, chất lượng tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa. Ngoài ra, còn căn cứ vào lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp (vị trí địa lý, uy tín kinh doanh, tính chất độc quyền về sản phẩm, mẫu mã, thương hiệu, khả năng sinh lời của doanh nghiệp v.v..). Điều này cho phép chúng ta khi xác định giá trị của từng doanh nghiệp, có thể chấp nhận một giá trị cao hơn (hoặc thấp hơn) so với giá trị theo sổ sách thực tế của doanh nghiệp.

+ Giá trị của doanh nghiệp được xác định không phải chỉ dựa vào giá trị của các phương tiện sản xuất, nhà cửa, nguyên vật liệu... mà điều quan trọng hơn, chính là giá trị phối hợp giữa các phương tiện sản xuất đó với nhau. Vấn đề là phải tính toán đúng đắn, chính xác, để không gây thiệt hại đến phần vốn hiện hữu của Nhà nước tại doanh nghiệp.

Qua thực tế cổ phần hóa những năm qua cho thấy, một số doanh nghiệp đã lợi dụng những quy chế chưa chặt chẽ của Nhà nước trong việc kiểm kê, đánh giá tài sản thực tế, đánh giá tiềm năng và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp để làm sai lệch giá trị thực tế phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp do họ quản lý. Nghị định 64/2002/NĐ-CP quy định: *"Tùy theo đặc điểm của ngành nghề hoạt động sản xuất - kinh doanh và điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp, cho phép áp dụng các phương pháp khác nhau để xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo hướng dẫn của Bộ Tài chính"*. Quy định này thể hiện ý chí mạnh mẽ của Nhà nước trong việc mở đường và tạo mọi điều kiện cho mọi doanh nghiệp nhanh chóng tham gia cổ phần hóa.

- *Về chế độ ưu đãi cho người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa:* Có ý kiến cho rằng, các chế độ ưu đãi chưa đủ độ khuyến khích để người lao động quan tâm và hưởng ứng hoặc phải tính đến khả năng tài chính để mua cổ phần của người lao động. Thực tế cho thấy, vấn đề mà người lao động suy nghĩ và quan tâm nhất khi quyết định mua cổ phần, là hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp; là khả năng sinh lợi của vốn đầu tư. Nếu doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận cao thì người lao động sẽ sử dụng vốn nhàn rỗi để mua cổ phần; còn ngược lại, họ sẽ chọn hướng đầu tư khác có lợi hơn (như gửi tiết kiệm, mua công trái hoặc kinh doanh nghề phụ). Trong trường hợp này, giả sử Nhà nước có cấp hoặc cho không một số cổ phần, thì sớm muộn họ cũng bán số cổ phần này ra thị trường chứng khoán để đầu tư vào nơi có lợi ích cao hơn. Điều này cũng để lý giải rằng *không phải mua cổ phần là mua giá trị doanh nghiệp.*

D - Một số biện pháp nhằm đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Căn cứ thực trạng, kết quả bước đầu về công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhất là từ những ưu điểm và hạn chế, chúng tôi xin mạnh dạn đưa ra một số biện pháp để đẩy mạnh thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước như sau:

1. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc hội thảo và qua kết quả các khảo sát tại các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa trên địa bàn Thành phố để làm cho các ngành, các cấp, các nhà quản lý và người lao động trong các doanh nghiệp và nhân dân hiểu rõ lợi ích và sự cần thiết phải cổ phần hóa một số bộ phận trong tổng số doanh nghiệp nhà nước. Từ đó, tạo ra sự nhất trí cao trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, và thu hút được sự hưởng ứng tích cực của nhân dân để cùng nhau thực hiện có hiệu quả chủ trương đúng đắn này.

2. Trong việc chọn doanh nghiệp nhà nước để cổ phần hóa, cần thống nhất quan điểm là, bất cứ doanh nghiệp nào không thuộc diện Nhà nước đầu tư hoặc tiếp tục giữ 100% vốn, đều có thể tiến hành cổ phần hóa; không thể tùy tiện muốn

(Xem tiếp trang 63)

Digitized by Google

TIẾP TỤC THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DÂN SỐ

NHẬT TÂN

MỘT quốc gia muốn có sức mạnh thì phải có các nguồn lực đáp ứng được những yêu cầu đặt ra, trong đó có nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực được tạo nên bởi số lượng và chất lượng của lao động. Về mặt số lượng, thực chất là lượng người trong độ tuổi lao động, là cường độ lao động mà người lao động có thể đóng góp cho xã hội. Về mặt chất lượng, đó là sự thể hiện sức mạnh về cơ bắp, về trí lực, thông qua lao động có kỹ năng, kỹ xảo; thông qua năng lực thực hành và những hoạt động có hàm lượng khoa học, sự thông minh, nhạy bén và nghị lực của người lao động. Nguồn nhân lực luôn luôn gắn liền với sự biến đổi dân số, mà thực hiện kế hoạch hóa gia đình lại là một biến số tác động đến sự biến đổi của dân số và có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nhân lực và chất lượng dân số.

Với một chuỗi hệ quả hiển nhiên ấy, từ lâu con người đã biết tác động vào quá trình sinh sản của mình, kiểm soát quá trình gia tăng dân số để tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.

Từ xa xưa, Pla-tông - nhà triết học duy tâm Hy Lạp cổ đại đã đề nghị chính phủ của ông có một quy mô dân số ổn định cho A-ten, cũng như mỗi thành phố để đáp ứng nhu cầu phân công lao động và nhu cầu quản lý nhà nước. A-ri-stốt - nhà triết học duy vật cổ đại cũng đề xuất biện pháp để ổn định quy mô dân số như giới hạn số sinh, và cho rằng, xã hội đủ thông minh và cơ chế để tự điều chỉnh sự ổn định đó. Khổng Tử thì nhìn nhận dân số gắn với đất đai canh tác. Ông cho rằng, ít người quá sẽ không đủ lực lượng khai khẩn đất đai, đông người quá sẽ thiếu lương thực, phát sinh đói khổ, tệ nạn xã hội...

Một điều hiển nhiên là, dù có một quốc gia nào đó không muốn công khai chấp nhận chính sách dân số, thì trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của họ, cũng không thể không gắn liền với yếu tố dân số, nguồn nhân lực. Mặt khác, mục đích cuối cùng của chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội không ngoài việc nâng cao chất lượng dân số và chất lượng cuộc sống. Mục tiêu đó chỉ có thể đạt được với một quy mô, tốc độ tăng trưởng và sự phân bố dân cư và nguồn nhân lực phù hợp.

Không thể là một trường hợp ngoại lệ, Việt Nam cũng phải gắn chính sách dân số với phát triển kinh tế - xã hội. Đúng vào lúc dân số thế giới đạt tới con số 3 tỉ người và dân số Việt Nam vừa vượt qua con số 30 triệu thì Chính phủ Việt Nam ban hành Quyết định số 216/CP (ngày 26-12-1961) về việc sinh đẻ có hướng dẫn với mục đích: "Vì sức khỏe của bà mẹ, vì

Digitized by Google

hạnh phúc và hòa thuận trong gia đình và để nuôi dạy con cái được chu đáo, việc sinh đẻ của nhân dân cần được hướng dẫn chu đáo". Ngày 26-12-1961 trở thành một mốc lịch sử quan trọng của chương trình dân số Việt Nam, ngày Việt Nam chính thức tuyên bố tham gia chương trình dân số toàn cầu, đánh dấu sự khởi đầu về nhận thức được ý nghĩa của mối quan hệ giữa dân số và phát triển trong tiếng chuông báo động về tình hình gia tăng dân số quá nhanh trên thế giới.

Trải qua gần 42 năm triển khai thực hiện, chính sách dân số của Việt Nam không ngừng được bổ sung, hoàn thiện nhằm giảm tỷ lệ sinh, giảm tốc độ gia tăng dân số để có một quy mô dân số ổn định, phân bố lại dân cư và nâng cao chất lượng dân số. Đặc biệt là cuộc vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình đã mang lại nhiều kết quả mong muốn.

Số con trung bình của một phụ nữ Việt Nam ở tuổi sinh đẻ (từ 15 tuổi - 49 tuổi) ngày càng giảm. Lấy năm 1960 làm mốc, lúc đó số con trung bình của họ là 6,39 con (tương đương với mức sinh tiềm năng). Đến năm 1975, tức là sau 14 năm thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, là 5,25 con; năm 1985 là 3,95 con; năm 1994 là 3,1 con; năm 1999 là 2,3 con và năm 2002 là 2,28 con. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999 thì tổng tỷ suất sinh đã tiến gần đến mức sinh thay thế. Trong đó, 3 vùng là đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long đã đạt mức sinh thay thế.

Tỷ lệ sinh con cũng ngày càng giảm. Năm 1960, tỷ lệ sinh ở miền Bắc là 43,9‰, đến năm 1975 giảm xuống còn 33,2‰. Năm 1985, tỷ lệ sinh của cả nước là 31‰ và duy trì mức này cho đến năm 1992. Sau khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII, tỷ lệ sinh giảm rất nhanh, năm 1994 giảm xuống còn 25,3‰, năm 1997 còn 21,9‰, năm 1999 còn 19,9‰ và năm 2000 còn 19,0‰. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên cũng giảm dần nhưng chưa ổn định.

Như vậy, thực hiện cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình, chúng ta đã giảm được mức sinh đáng kể, tuy nhiên, quy mô dân số của nước ta vẫn lớn và có chiều hướng ngày càng lớn. Năm 1921 dân số Việt Nam mới có 15,58 triệu người. Sau 40 năm, tức năm 1960 dân số đã là 30,17 triệu người, tăng gấp 2 lần năm 1921. Năm 1986 là 60,47 triệu người và hiện nay khoảng 80,5 triệu người. Dân số tăng nhanh, trong khi diện tích đất đai của Việt Nam không tăng, chỉ có 33,1 vạn km², do đó, mật độ dân số tăng rất nhanh. Năm 1921 bình quân có 47 người sống trên 1 km² thì đến năm 1960 có gấp đôi số người sống trên 1 km². Đến nay, mật độ dân số nước ta là 243 người sống trên 1 km², và gấp 6 lần mật độ dân số chuẩn của quốc tế. Trung Quốc là một nước đông dân nhất thế giới nhưng cũng chỉ có 126 người sống trên 1 km², thấp hơn nước ta rất nhiều.

Do quy mô dân số lớn, mật độ dân số cao, kinh tế còn nghèo, nên chất lượng dân số của Việt Nam còn thấp. Các tố chất về thể lực của người Việt Nam hiện nay còn hạn chế, đặc biệt là chiều cao, cân nặng, sức bền. Năm 1998, tỷ lệ trẻ em sơ sinh nặng dưới 2 500g chiếm 8%. Năm 1999 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cao, chiếm 36,7%. Đáng lưu ý là vẫn còn 1,5% số dân bị thiểu năng về thể lực và trí tuệ. Tính đến ngày 1-4-1999, cả nước vẫn còn 6,8 triệu người từ 10 tuổi trở lên chưa bao giờ đến trường, trong đó có 5,3 triệu người hoàn toàn không biết chữ. Tỷ lệ số người đã qua đào tạo nghề nghiệp và chuyên môn kỹ thuật chiếm 7,6% dân số từ 13 tuổi trở lên; trong đó có 2,3% là công nhân kỹ thuật và nhân viên nghiệp vụ có bằng cấp, 2,8% có trình độ trung học chuyên nghiệp, 0,7% cao đẳng, 1,7% đại học và 0,1% có trình độ trên đại học. Cơ cấu đào tạo bất hợp lý, quan hệ tỷ lệ đào tạo giữa 3 loại trình độ chuyên môn kỹ thuật

Digitized by Google

theo tiêu chuẩn quốc tế là: đại học và trên đại học 1; trung học chuyên nghiệp 4; công nhân kỹ thuật 10, thì ở Việt Nam tại thời điểm ngày 1-4-1999 tỷ lệ trên là 1 - 1,13 - 0,92.

Với tất cả những vấn đề đã trình bày trên, chúng ta thấy rõ rằng, phải tiếp tục thực hiện cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình, giải quyết vấn đề quy mô dân số hợp lý và có một chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình, dân số - phát triển dài hạn nhằm nâng cao chất lượng dân số Việt Nam cả về thể lực và trí lực; phấn đấu tới năm 2015 bình quân trong toàn quốc mỗi cặp vợ chồng có 2 con, tiến đến ổn định quy mô dân số vào giữa thế kỷ XXI. Trong tất cả những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dân số thì cuộc vận động thực hiện kế hoạch gia đình chiếm một vị trí quan trọng. Thực hiện kế hoạch hóa gia đình để mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con, giúp cho họ có nhiều thời gian và điều kiện đầu tư vào công việc, học tập, nghỉ ngơi, nâng cao chất lượng cuộc sống. Mặt khác, họ có điều kiện tập trung làm kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nuôi dạy con cái được đầy đủ, để con cái của họ phát triển toàn diện cả về thể lực và trí lực.

Quy mô dân số có tác động trực tiếp đến tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người và có vai trò quan trọng trong việc quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi quốc gia. Việc giảm mức tăng dân số tức là hạ thấp quy mô dân số, không làm tăng GDP của đất nước, nhưng làm tăng GDP bình quân đầu người. Do đó, giảm mức tăng dân số hợp lý, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện tài nguyên, môi trường của đất nước là quốc sách của mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Quan hệ giữa quy mô dân số và phát triển kinh tế ở các nước có những nét chung, có tính quy luật. Nếu lấy GDP bình quân đầu người làm thước đo tốc độ tăng trưởng kinh tế thì những quốc gia có GDP bình quân đầu người cao, đa số là những quốc gia có tốc độ tăng dân số thấp; thậm chí lại có hiện tượng giảm số dân. Ví dụ: nước Anh có tốc độ tăng dân số là 0,1%, I-ta-li-a: - 0,2%, Pháp: 0,3%, Đức: - 0,1%, Thụy Sỹ: 0,4%, Na Uy: 0,5%, Ai-Len: 0,1%. Qua số liệu thống kê của tập thể tác giả công bố vào năm 1998 cho thấy, số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ hiện nay ở Thụy Điển là 2,1 con, Mỹ là 2,01 con, Anh là 1,85 con, Đức là 1,48 con, Hàn Quốc là 1,7 con, Nhật Bản là 1,46 con và I-ta-li-a là 1,26 con. Ngược lại, những quốc gia có tốc độ tăng dân số cao lại có bình quân thu nhập đầu người thấp. Chẳng hạn, Xô-ma-li có tốc độ tăng dân số là 3,3 % một năm, nhưng tốc độ gia tăng GDP chỉ có 0,6%, nên bình quân thu nhập đầu người thấp: 179 USD năm 1989 và 156 USD năm 1994.

Để tiếp tục và đẩy mạnh cuộc vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình, duy trì tốc độ tăng dân số thấp, bảo đảm quy mô dân số hợp lý cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đòi hỏi mỗi người dân phải quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước là giảm sinh và duy trì mức sinh thay thế. Đây luôn luôn là phương tiện hữu hiệu để nâng cao chất lượng dân số, bảo đảm cho sự phát triển.

Yếu tố quyết định trong giảm sinh là sự thay đổi một cách cơ bản thái độ và hành vi của các chủ thể thực hiện các quá trình dân số, không phụ thuộc nhiều vào những biện pháp hành chính, cưỡng bức. Đôi khi những biện pháp hành chính, cưỡng bức lại đưa đến những kết quả ngược với sự mong muốn. Điều này đã được chứng minh ở thế kỷ trước, một số nước ở châu Âu, tỷ lệ sinh giảm nhanh cơ bản là do kết quả nhận thức của những cặp vợ chồng, chứ không phải do sử dụng các biện pháp hành chính buộc người ta phải sử dụng các biện pháp tránh thai. Vào thế kỷ XIX, tỷ lệ sinh của Pháp bắt đầu giảm, còn ở các nước châu Âu

Digitized by Google

khác xảy ra ở giữa thế kỷ XX, trong khi các biện pháp tránh thai chỉ mới được sử dụng phổ biến vào cuối thế kỷ XX. Ở Ấn Độ, năm 1975, Thủ tướng In-đi-ra Gan-đi do ban bố tình trạng khẩn cấp cưỡng bức sử dụng các biện pháp mạnh buộc nam giới phải cắt ống dẫn tinh để đình sản, không chú ý đến sự giáo dục, đả thông tư tưởng để làm thay đổi nhận thức trong nhân dân, đã tạo nên một trào lưu phản đối trong dân chúng.

Giảm sinh là quy luật đặc thù của con người, do sự tác động của nhu cầu, lợi ích; do nhận thức, ý chí; do thái độ, hành vi và quan điểm sống quy định, do đó, không thể thiếu được vai trò của giáo dục. Công tác giáo dục, thông tin tuyên truyền được xem là một trong những giải pháp cơ bản, đôi khi giữ vai trò quyết định trong vấn đề này. Ở thời kỳ trước đổi mới, cuộc vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình của nước ta nhằm mục đích giảm sinh có nhiều hạn chế, trong đó có nguyên nhân là sự yếu kém của công tác giáo dục, thông tin tuyên truyền. Thời đó, chúng ta chưa làm cho mọi người thấy được sự bức bách của việc hạ thấp chỉ số nhân khẩu hằng năm của cả nước để bảo đảm sự phát triển kinh tế - xã hội. Chúng ta tuyên truyền nhiều về thành tích, về mức tăng trưởng kinh tế hằng năm, nhưng chưa chỉ ra một cách sâu sắc rằng chỉ số tăng trưởng kinh tế hằng năm đó không đủ hoặc may lắm cũng chỉ bảo đảm cho đời sống không giảm, khi tốc độ tăng dân số nhanh. Chúng ta chưa làm thay đổi và từ bỏ được lối suy nghĩ lạc hậu: "trời sinh voi, thì trời sinh cỏ", "đông con nhiều phúc", "có nếp có tẻ", "nối dõi tông đường nhất thiết phải là con trai đảm nhận", v.v.. Chúng ta chưa nâng cao được vai trò tự ý thức của nhân dân để họ chủ động, tự nguyện giảm sinh, mà còn nặng về sử dụng các biện pháp hành chính để giảm sinh.

Hiện nay, Việt Nam đã qua giai đoạn bùng nổ dân số và đã từng bước kiểm soát tốc độ phát triển dân số. Những biện pháp hành chính nhằm đạt chỉ tiêu giảm sinh đã tỏ ra không phù hợp mà cần phải tăng cường công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, nơi gương.

Giáo dục về dân số và phát triển theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) là thực hiện mô hình gia đình ít con, khỏe mạnh, tạo điều kiện để có cuộc sống ấm no hạnh phúc nhằm hướng tới đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển, mọi người được phát huy khả năng của mình và nhằm xây dựng quy mô gia đình nhỏ, hạnh phúc, sống có văn hóa, các thành viên trong gia đình quan hệ tốt với nhau.

Giáo dục về dân số và phát triển cần nhấn mạnh quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình như đã ghi ở Điều 4 Pháp lệnh Dân số. Ở đây, xin nói thêm về quy định ghi trong Điều 10 Pháp lệnh Dân số. Đó là: "Mỗi cặp vợ chồng và cá nhân có quyền quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập và nuôi dạy con của cá nhân, cặp vợ chồng trên cơ sở bình đẳng". Muốn thực hiện được đúng điều này, cần lưu ý tới sự gắn kết hữu cơ giữa quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Ngoài ra, cần hiểu cho đúng quy định này một cách đầy đủ như toàn bộ câu trích trên, tránh hiểu cắt xén quy định đó theo một vế: "Mỗi cặp vợ chồng và cá nhân có quyền quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh". Cắt xén như thế sẽ làm sai bản chất của Pháp lệnh, dẫn đến những quan niệm lệch lạc như: từ nay được đẻ "thoải mái" không phải thực hiện cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch; hoặc nếu sinh con một bề thì được sinh con thứ 3, thứ 4...

Digitized by Google

Những quan niệm không đúng này cần được uốn nắn kịp thời. Chúng ta cần tuyên truyền giáo dục cho mọi người hiểu rằng, Pháp lệnh quy định cho cặp vợ chồng, cá nhân có quyền quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh không đồng nhất với việc họ tùy tiện sinh con sớm, sinh dày và sinh bao nhiêu con cũng được. Pháp lệnh dành cho họ quyền quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh, nhưng là quyền có điều kiện. Điều kiện đó là quyết định phải phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập và nuôi dạy con cái. Chỉ khi quyết định của họ phù hợp với tất cả những điều kiện ấy thì mới là đúng đắn và họ mới có điều kiện để đầu tư cho con cái của họ nhiều hơn, tạo ra những đứa con có giá trị cao hơn cả về thể chất và trí tuệ. Điều đó không chỉ bảo đảm hạnh phúc cho mỗi gia đình, cho tuổi già của các bậc cha mẹ, mà còn tạo ra một kết quả có tính cộng hưởng đối với toàn dân tộc ta là, có những thế hệ mới giỏi giang hơn cha anh, có chất lượng dân số cao đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước, tránh nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực và thế giới.

Cùng với công tác tuyên truyền, giáo dục cần đẩy mạnh việc đưa dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến tận người dân một cách thuận lợi. Nhà nước ta cần tăng ngân sách cho công tác này. Vì "đầu tư cho lĩnh vực này là đầu tư cho phát triển". Nhưng, Việt Nam là một quốc gia đông dân, mật độ dân số cao nên chỉ cần tăng một lượng nhỏ kinh phí bình quân đầu người cho công tác này cũng là gánh nặng cho nền kinh tế. Trong những năm qua, Nhà nước ta đã có nhiều cố gắng đầu tư ngân sách cho công tác này và đầu tư về số lượng tuyệt đối ngày càng tăng. Tuy nhiên, ngân sách đó mới bằng một nửa số mà Hội nghị Cai-rô năm 1994 yêu cầu: Năm 2000, các nước phải chi bình quân 2 USD cho một người; năm 2005 là 2,4 USD; năm 2010 là 2,5 USD; năm 2015 là 2,8 USD. Yêu cầu đó cũng là cái mốc để chúng ta phấn đấu.

Dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cần phải được hiểu đúng đắn và đầy đủ, là nhằm vào mục đích giúp cho các ông bố, bà mẹ chủ động trong việc phòng các trường hợp có thai không mong muốn, cũng như tư vấn cho việc thực hiện khả năng làm mẹ, tư vấn trong việc bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của bà mẹ, trẻ em. Dịch vụ kế hoạch hóa gia đình không phải chỉ là nạo phá thai, và không phải chủ yếu là nạo phá thai. Hội nghị Cai- rô năm 1994 đã không xem nạo phá thai là một trong những nội dung của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Việt Nam không khuyến khích việc nạo phá thai, nhưng cho phép nạo phá thai với điều kiện phải bảo đảm an toàn để tránh sự ra đời của những đứa trẻ không mong muốn. Nạo phá thai tuy có góp phần giảm sinh để bảo đảm quy mô dân số, nhưng nó cũng làm giảm đáng kể chất lượng của dân số, nhất là ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe các bà mẹ; do đó, không nên lạm dụng việc nạo phá thai để giảm sinh. Theo thống kê, hằng năm có đến 1,5 triệu phụ nữ bị hủy hoại sức khỏe, thậm chí còn bị tử vong do nạo phá thai, đó là con số đáng báo động.

Để những cặp vợ chồng và cá nhân dễ chấp nhận các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, cần không ngừng nâng cao trình độ dân trí. Theo kết quả điều tra cho thấy, trình độ học vấn của phụ nữ có liên quan chặt chẽ đến việc sử dụng các biện pháp tránh thai. Đối với phụ nữ chưa bao giờ đến trường có 52,9% số người sử dụng biện pháp tránh thai, nhưng số phụ nữ chưa tốt nghiệp tiểu học, tỷ lệ đó là 68,7%, số phụ nữ tốt nghiệp tiểu học là 72,2%, số phụ nữ tốt nghiệp phổ thông trung học là 82,1% và số phụ nữ tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên chiếm 82,2% (cao gấp 1,5 lần so với phụ nữ không biết chữ).❑

Digitized by Google

MÂU THUẪN VÀ PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ NGÀY NAY

PHAN DOÃN NAM *

HƠN 10 năm qua, kể từ khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, những tưởng rằng thế giới sẽ bước vào một thời kỳ yên ổn. Nhưng tình hình trong hơn một thập kỷ qua cho thấy thế giới còn chưa an bình. Tình hình thế giới và quan hệ quốc tế hiện nay tỏ ra còn phức tạp hơn dưới thời "chiến tranh lạnh" và đầy những bất trắc khó lường. Để hiểu được sự phát triển của tình hình thế giới và quan hệ quốc tế hiện nay, cần tìm hiểu xem những mâu thuẫn nổi lên trên thế giới hiện nay là gì và sự vận động của chúng ra sao.

I

Thế giới chứa đầy mâu thuẫn. Đó là một quy luật. Nhưng trong mỗi thời kỳ phát triển lại nổi lên những mâu thuẫn mới do tình hình thế giới và quan hệ quốc tế luôn luôn thay đổi. Trên thế giới, ngày nay đang nổi lên các mâu thuẫn sau:

1. Mâu thuẫn về lợi ích dân tộc. Hiện nay, có khoảng 200 quốc gia lớn nhỏ, mạnh yếu và giàu nghèo khác nhau. Do đó, lợi ích dân tộc không nước nào giống nước nào. Ngay trên những vấn đề chung mang tính toàn cầu như hòa bình, phát triển, môi trường v.v.., lợi ích dân tộc của mỗi nước một khác, mặc dù về mặt vĩ mô các nước có thể có lợi ích chung.

Tất nhiên không phải những sự khác biệt nói trên đều dẫn đến xung đột và chiến tranh. Mỗi nước đều xuất phát từ lợi ích dân tộc của mình mà có cách đề cập riêng đối với các vấn đề quốc tế. Mâu thuẫn về lợi ích dân tộc không những tồn tại giữa các nước mà còn tồn tại ngay trong lòng mỗi nước. Điều đó thể hiện rất rõ trong thái độ các nước đối với các vấn đề quốc tế lớn hiện nay như vấn đề chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, chiến tranh I-rắc, vai trò của Liên hợp quốc, vấn đề môi trường, vấn đề hạt nhân của I-ran và của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, vấn đề nhân quyền, vấn đề thương mại quốc tế và các vấn đề khác.

Như vậy có thể thấy, do mâu thuẫn về lợi ích dân tộc nên sự phức tạp của quan hệ quốc tế trên thế giới ngày nay là điều không tránh khỏi. Thời kỳ "chiến tranh lạnh", trong quan hệ quốc tế lợi ích dân tộc nhiều khi bị coi nhẹ, thậm chí có khi bị hy sinh để bảo vệ "lợi ích quốc tế của mỗi phe", thực chất là để phục vụ mục tiêu chiến lược của hai siêu cường, vì Mỹ và Liên Xô lúc bấy giờ đều xem tất cả các khu vực trên thế giới là khu vực thuộc "lợi ích sống còn" của mình và sẵn sàng dốc sức mạnh tối đa để bảo vệ nó. Ngày nay, Mỹ là siêu cường duy nhất vẫn chưa thoát khỏi tư duy của thời kỳ "chiến tranh lạnh", với mưu đồ chiến lược là làm bá chủ thế giới, đang trải mỏng lực lượng ra khắp thế giới trong lúc nền kinh tế Mỹ đang

* Cố vấn Học viện Quan hệ Quốc tế, Bộ Ngoại giao

Digitized by Google

suy yếu, nợ nần chồng chất và đồng đô-la Mỹ đang có nguy cơ bị mất vị trí thống soái trong nền kinh tế thế giới.

2. Mâu thuẫn chung quanh việc thiết lập một trật tự quốc tế mới thay cho trật tự thế giới hai cực đã bị sụp đổ. Trong lịch sử thế giới, kể từ sau năm 1468 đến nay, trật tự quốc tế đã 6 lần thay đổi. Tất cả đều do sự áp đặt của các cường quốc thắng trận đối với các cường quốc bại trận, trật tự quốc tế mới được thiết lập nhanh chóng thay thế trật tự cũ. Mặt khác, điều này chủ yếu xảy ra ở châu Âu khi các cuộc chiến tranh giữa các nước đế quốc thực chất là cuộc nội chiến ở châu Âu. Sau thất bại của Na-pô-lê-ông (năm1812), một trật tự mới được thành lập gọi là "sự hòa hợp của châu Âu". Đó là một trật tự thế giới đa cực kéo dài 100 năm cho đến khi bắt đầu Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914). Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, với sự bại trận của Đức, Áo, Phổ, trật tự thế giới đa cực mới lấy Hiệp ước Véc-xây (năm 1919) làm cơ sở, gọi là trật tự Véc-xây được thành lập. Trật tự này sau đó đã sớm bị phá vỡ do sự bùng nổ của chiến tranh thế giới thứ hai. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trong lúc Pháp, Anh bị lụn bại trong chiến tranh còn đế quốc Đức, Ý, Nhật bị bại trận, Mỹ nổi lên là tên trùm đầu sỏ trong thế giới tư bản. Trong lúc đó, Liên Xô với việc đánh bại phát xít Đức ngay tại sào huyệt của chúng, đã nổi lên như một siêu cường về quân sự chia sẻ quyền lãnh đạo thế giới với Mỹ. Trật tự thế giới hai cực, hay còn gọi là trật tự Y-an-ta, đã sớm ra đời và tồn tại về hình thức cho đến khi Liên Xô tan rã.

Khác với trước, trật tự thế giới mới không ra đời ngay sau khi Liên Xô tan rã. Mặc dù G. Bu-sơ (cha) đã tuyên bố năm 1991 về một trật tự thế giới đơn cực do Mỹ chủ đạo nhưng thực tế lại không phải như vậy. Liên Xô tan rã nhưng thay thế Liên Xô là Liên bang Nga với lực lượng quân sự còn nguyên vẹn và là người kế thừa Liên Xô trong chiếc ghế ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Nước Nga tuy suy yếu về kinh tế nhưng vẫn là một cường quốc quân sự ngang hàng với Mỹ. Đó là chưa kể sự lớn mạnh, trỗi dậy của các cường quốc khác như Nhật Bản, Pháp, Đức, Trung Quốc, Ấn Độ, v.v.. Do vậy, thế giới sau "chiến tranh lạnh" mang một cục diện đặc biệt. Mỹ nổi lên là siêu cường duy nhất, có sức mạnh hơn hẳn tất cả các cường quốc khác. Về kinh tế, theo số liệu của Liên Hợp Quốc, hiện nay GDP của Mỹ chiếm 36% tổng lượng kinh tế của thế giới (với 10 nghìn tỉ đô-la/25 nghìn tỉ), bằng GDP của tất cả các nước thành viên EU cộng lại. Về quân sự, chi tiêu quân sự của Mỹ hằng năm lớn hơn chi tiêu quân sự của tất cả các cường quốc khác cộng lại. Mỗi ngày Mỹ chi tiêu trên dưới 1 tỉ đô-la cho quốc phòng. Theo Tiến sỹ Lâm Lợi Dân (Viện Nghiên cứu Quan hệ quốc tế hiện đại Trung Quốc), sức mạnh tổng hợp của Mỹ (gồm 7 lĩnh vực kinh tế, quân sự, khoa học - công nghệ, tài nguyên thiên nhiên, chính trị, xã hội, ảnh hưởng trên trường quốc tế) lớn hơn Trung Quốc 4 lần và gấp đôi Nhật Bản. Sự tan rã của Liên Xô đã tạo điều kiện để Mỹ thiết lập trật tự thế giới một cực. Mục tiêu chiến lược của Mỹ hiện nay và vài thập kỷ trước mắt là ngăn chặn các cường quốc, dù là đồng minh hay đối thủ, vươn lên thách thức vị trí, vai trò siêu cường của Mỹ; đã và đang thực hiện chính sách đối ngoại đơn phương, chà đạp lên mọi nguyên tắc của luật lệ quốc tế, coi thường tất cả các tổ chức quốc tế, kể cả Liên hợp quốc và chỉ lợi dụng các tổ chức này khi Mỹ thấy một mình không thể đảm đương nổi. Chiến lược bá quyền nhằm đặt toàn bộ thế giới dưới sự lãnh đạo của Mỹ đã có từ ngay sau khi kết thúc "chiến tranh lạnh", nhưng nó đã được thực hiện một cách lộ liễu và có hệ thống khi G. Bu-sơ (con) cầm quyền. Sự kiện ngày 11-9-2001 chỉ là cái cớ để Mỹ đẩy mạnh

Digitized by Google

âm mưu bá chủ thế giới dưới chiêu bài lập mặt trận quốc tế chống khủng bố.

Chủ nghĩa đơn phương của Mỹ đã đặt thế giới vào một sự mất ổn định mới và tất nhiên gặp phải sự chống đối của cộng đồng quốc tế. Chưa bao giờ phong trào chống chiến tranh, chống chính sách hiếu chiến của Mỹ lại phát triển rộng khắp như khi Mỹ phát động chiến tranh I-rắc. Người I-rắc không xem việc Mỹ đến I-rắc là để "giải phóng" họ mà coi Mỹ là quân chiếm đóng; phong trào đòi Mỹ rút khỏi I-rắc ngày càng dâng cao bằng các cuộc biểu tình và tấn công. Không những các nước trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Hội nghị Phong trào Không liên kết, Hội nghị các nước Hồi giáo chống lại chủ nghĩa đơn cực của Mỹ, chủ trương xây dựng một trật tự thế giới đa cực, mà ngay cả những đồng minh thân cận của Mỹ trong NATO cũng chống lại chủ nghĩa đơn cực của Mỹ. Phong trào đòi cải tổ Liên hợp quốc, đòi mở rộng số lượng thành viên thường trực Hội đồng Bảo an là bằng chứng nữa cho thấy thế giới muốn có một trật tự thế giới đa cực. Chủ trương của Mỹ xây dựng một trật tự thế giới đơn cực bất chấp đại đa số các nước trước hết là các nước lớn muốn xây dựng một trật tự thế giới đa cực là một nhân tố làm cho tình hình thế giới phức tạp và không ổn định như hiện nay.

3. Mâu thuẫn giữa giàu và nghèo ngày càng sâu sắc giữa các nước và ngay trong nội bộ từng nước. Sự phát triển không đồng đều là một đặc tính mang tính quy luật của sự phát triển xã hội loài người. Trong khi thế giới đang bước vào kỷ nguyên tin học thì rải rác nơi này nơi khác vẫn có những tộc người đang sống trong hang động của thời kỳ đồ đá. Tuy đây chỉ là những hiện tượng cá biệt, không gây những hậu quả lớn đối với quan hệ quốc tế nhưng cần phải xóa bỏ dần. Một nghịch lý ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định an ninh và thịnh vượng chung của thế giới ngày nay là thế giới ngày càng giàu lên thì hố cách biệt giàu nghèo ngày càng rộng và sâu hơn. Theo số liệu của Liên hợp quốc, cách đây 10 năm, tổng lượng kinh tế thế giới ước tính là 20 nghìn tỉ USD thì nay theo một báo cáo của Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) công bố ngày 8-7-2003, tổng lượng kinh tế thế giới đã tăng thêm 5 nghìn tỉ USD, tức là 25 nghìn tỉ trong đó Mỹ, 15 nước EU và Nhật Bản chiếm 88%. Một phần trăm dân số thuộc loại giàu nhất thế giới có thu nhập tương đương 57% thu nhập của toàn bộ những người nghèo nhất thế giới: Thu nhập của 25 người giàu nhất nước Mỹ bằng thu nhập của 2 tỉ người nghèo nhất thế giới. Như vậy, kinh tế thế giới càng phát triển thì người giàu càng giàu và người nghèo càng nghèo. Nếu ở châu Âu, một con cừu được chính phủ trợ cấp 3 USD/ngày thì 40% người dân châu Phi sống với thu nhập chưa đầy 1 USD/ngày. Sự phân hóa giàu nghèo diễn ra ngay ở các nước phát triển và cả những nước có nền kinh tế đang chuyển đổi. Ở Mỹ, nước giàu nhất thế giới, hố ngăn cách giàu nghèo lại càng rõ.

Để giải quyết mâu thuẫn giữa giàu và nghèo và giúp các nước nghèo vượt qua những khó khăn đó, người ta đã đề ra 8 mục tiêu phát triển thiên niên kỷ tới năm 2015. Nhưng cứ theo đà này thì phải mất gần 30 năm, 20 nước thuộc vùng cận sa mạc Xa-ha-ra mới đạt được mục tiêu phổ cập giáo dục căn bản, phải mất gần 50 năm nữa mới giảm được 1/2 số người cực kỳ nghèo đói và phải mất 65 năm nữa mới giảm được 2/3 tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi.

4. Mâu thuẫn về sắc tộc - tôn giáo. Đây là mâu thuẫn lâu đời từ thuở loài người sống theo từng bộ lạc. Mỗi bộ lạc có một tôn giáo riêng, thờ một thần hay nhiều thần khác nhau. Chiến tranh bộ lạc và chiến tranh tôn giáo là hiện tượng phổ biến. Các cuộc thập tự chinh, các cuộc thánh chiến bắt nguồn từ sự bùng nổ

Digitized by Google

mâu thuẫn sắc tộc - tôn giáo trong thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa. Dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, các sắc tộc và giáo phái đều bị đàn áp hoặc trở thành công cụ "chia để trị" của đế quốc phương Tây. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trong các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa sắc tộc, tôn giáo bị suy yếu. Ở các nước đang phát triển, các sắc tộc, tôn giáo được chủ nghĩa đế quốc lợi dụng để chống chủ nghĩa cộng sản. Mỹ đã lợi dụng các thế lực tôn giáo cực đoan, đặc biệt là Hồi giáo để chống lại Liên Xô trong vấn đề Áp-ga-ni-xtan, lợi dụng Phật giáo phái Lạt Ma để chống Trung Quốc trong vấn đề Tây Tạng, lợi dụng giáo phái Su-ni ở I-rắc để chống lại I-ran thuộc giáo phái Si-ai trong chiến tranh I-rắc - I-ran. Sau khi trật tự thế giới hai cực tan rã, các giáo phái phục hồi và mọc lên như nấm. ở các nước tư bản, hàng trăm giáo phái mới xuất hiện và có những giáo phái rất kỳ quái. Vấn đề sắc tộc và tôn giáo luôn đi đôi với nhau gây ra những cuộc xung đột thảm khốc ở châu Phi miền Nam sa mạc Xa-ha-ra.

Mâu thuẫn cuội cùng nhưng hết sức quan trọng và rất cơ bản còn tồn tại rất lâu trên thế giới là mâu thuẫn giai cấp và ý thức hệ. Trên thế giới ngày nay, mâu thuẫn về lợi ích dân tộc nổi lên hàng đầu nhưng mâu thuẫn về ý thức hệ không vì thế mà chìm đi. Trên bình diện quốc tế, các nước đế quốc đứng đầu là Mỹ chưa từ bỏ tham vọng tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa còn lại sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan vỡ. Một số chính khách và học giả tư sản đã vội vàng đi đến kết luận về sự phá sản của chủ nghĩa xã hội thế giới, do đó "không cần đánh mà chủ nghĩa tư bản vẫn thắng", hoặc vội ca khúc khải hoàn của chủ nghĩa tư bản tự do kiểu Mỹ, xem nó là đỉnh cao tột cùng của hệ tư tưởng loài người. Để chống lại các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, chủ nghĩa đế quốc không những dùng thủ đoạn "diễn biến hòa bình", chính sách ngăn chặn mà còn sử dụng biện pháp bao vây, cấm vận kinh tế và đe dọa về quân sự.

Mâu thuẫn giai cấp và ý thức hệ còn tồn tại và phát triển ngay cả trong nội bộ từng nước tư bản phát triển cũng như đang phát triển. Ở các nước tư bản phát triển, mâu thuẫn giai cấp không chỉ diễn ra giữa tư sản và công nhân mà còn diễn ra giữa các tầng lớp tư bản độc quyền các ngành kinh tế mũi nhọn như ngành công nghiệp vũ khí. Đấu tranh giữa các tập đoàn tư bản khác nhau đi đến việc ra đời các chính đảng khác nhau tranh giành quyền lực trên mồ hôi nước mắt của nhân dân lao động, làm cho phúc lợi xã hội của nhân dân lao động ngày càng bị cắt giảm.

II

Những mâu thuẫn nổi lên của thế giới ngày nay phản ánh một thực tế chi phối mạnh mẽ tình hình thế giới và quan hệ quốc tế hiện nay. Đó là nội dung của các mâu thuẫn trên thế giới trong giai đoạn phát triển mới của thế giới không hoàn toàn giống như trước đây.

Ngày nay, khi hòa bình và phát triển là xu thế chính của thế giới và các nước trên thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau thì việc giải quyết các mâu thuẫn nói trên cũng khác trước. Vì lợi ích chung là hòa bình và phát triển nên xu hướng giải quyết mâu thuẫn là vừa đấu tranh vừa hợp tác, trong đó mặt hợp tác ngày càng nổi trội, song đấu tranh cũng rất gay gắt, quyết liệt.

Quốc gia nào cũng lo bảo vệ lợi ích dân tộc của mình nên hầu như trong chính sách đối ngoại, các nước thường đặt lợi ích dân tộc thành nhân tố chi phối mối quan hệ với tất cả các nước. Và khi tất cả các nước đều lo bảo vệ lợi ích dân tộc của mình nên mâu thuẫn giữa các nước là không tránh khỏi. Nhưng giải quyết mâu thuẫn như thế nào để không làm cho môi trường hòa bình và phát triển của

Digitized by Google

mình xấu đi, dẫn đến tụt hậu là điều tất cả các nước cần cân nhắc.

Mâu thuẫn chung quanh việc thiết lập một trật tự quốc tế mới, tức là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa đơn cực của Mỹ và chủ trương xây dựng một thế giới đa cực cũng theo hướng giải quyết như vậy. Vì lợi ích quốc gia và tiềm lực của mình tuy mạnh nhất nhưng cũng không phải là không có giới hạn nên Mỹ không dễ gì thiết lập trật tự thế giới mới dưới sự chỉ huy của Mỹ. Do đó, tuy nghiêng về chủ trương hành động đơn phương nhưng Mỹ cũng không từ bỏ việc tranh thủ các nước khác, đặc biệt là các nước lớn và các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, WTO, v.v.. Trong lúc đó, chủ nghĩa đơn phương của Mỹ đã làm dấy lên làn sóng phản đối Mỹ trên toàn thế giới. Chưa bao giờ Mỹ mạnh như hiện nay và cũng chưa bao giờ Mỹ bị cô lập như hiện nay. Qua sự kiện chiến tranh I-rắc, xu thế đa cực hóa đã mạnh lên với sự liên kết giữa Nga, Pháp, Đức trong việc chống lại Mỹ. Từ lâu, Trung Quốc đã tuyên bố phấn đấu cho một thế giới đa cực, trong đó Trung Quốc là một cực. Giữa Nga, Trung Quốc, Pháp và Ấn Độ cũng đã có nhiều tuyên bố chung về việc cùng nỗ lực thiết lập một trật tự thế giới đa cực. Đây cũng là nguyện vọng chung của đại đa số các nước trên thế giới và phong trào không liên kết.

Qua đây có thể thấy rằng, xu thế chung của thế giới là sẽ phát triển theo hướng đa cực. *Một là* trong thế giới toàn cầu hóa dẫn đến sự phụ thuộc lẫn nhau, đã hình thành nhiều trung tâm kinh tế. Ba trung tâm Bắc Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản đã hình thành từ những năm 70 của thế kỷ XX. Ngày nay, với việc thành lập Liên minh châu Âu, đã biến châu Âu trở thành một trung tâm kinh tế cạnh tranh ngang ngửa với trung tâm Bắc Mỹ. Đồng ơ-rô đang trở thành một nguồn dự trữ lớn của các nước trên thế giới bên cạnh đồng đô-la Mỹ. Ngoài ba trung tâm nói trên, Trung Quốc đang phát triển với tốc độ cao nhất thế giới; các nước công nghiệp hóa mới cũng có một lực lượng kinh tế và tỷ trọng thương mại ngày càng lớn trong nền kinh tế thế giới. Nếu kinh tế là nền tảng thì một khi kinh tế đã trở thành đa cực thì nền chính trị, theo đó cũng phải đa cực hóa. *Hai là* kinh tế càng mạnh thì ý thức độc lập, tự chủ của các nước càng cao. Các nước đều muốn có vị trí nhất định, có tiếng nói riêng để bảo vệ lợi ích dân tộc mình. Ba là lịch sử phát triển của quan hệ quốc tế 500 năm nay đều theo hướng đa cực. Trật tự thế giới hai cực thực chất chỉ tồn tại khoảng 15 năm (1950-1965) khi mâu thuẫn dẫn đến sự phân liệt Xô - Trung và Pháp tách ra khỏi NATO.

Tuy vậy cũng phải thấy rằng, quá trình hình thành một trật tự thế giới đa cực không thể thực hiện trong vài năm vì nó gắn liền với quá trình thay đổi so sánh lực lượng trên thế giới. Nhưng quá trình này cũng không kéo dài quá lâu vì sức mạnh của hai thế lực đơn cực và đa cực đang vận động theo hướng ngược chiều nhau. Mỹ đang trong quá trình suy yếu dần vì bị dàn mỏng ra toàn thế giới. Nợ trong nước và nợ ngoài nước của Mỹ cộng lại lớn gấp 3 lần GDP của Mỹ hiện nay (30 nghìn tỉ so với 10 nghìn tỉ USD). Trong lúc đó, các nước lớn khác cũng không ngừng mạnh lên. Đến năm 2009, EU sẽ gồm 27 nước với số dân là 480 triệu và GDP sẽ vượt xa con số 9 nghìn tỉ hiện nay. Đó là chưa kể sự phát triển của Trung Quốc, Ấn Độ và sự phục hồi của Nga.

Trong tình hình như vậy, tuy quan hệ giữa đơn cực và đa cực là một mâu thuẫn nổi lên của thế giới hiện nay nhưng nó không biến thành một cuộc đối đầu, hoặc nóng hoặc lạnh giữa hai thế lực. Chiến tranh thế giới diễn ra giữa hai lực lượng này để thiết lập trật tự quốc tế mới là điều không tưởng. Ngay trong thời kỳ "chiến tranh lạnh", đôi khi sự đối đầu Xô - Mỹ lên đến đỉnh điểm như cuộc khủng hoảng

Digitized by Google

vũ khí hạt nhân Cu-ba đầu những năm 60 nhưng cũng không xảy ra chiến tranh thế giới. Ngày nay, tuy giữa những nước lớn đều bất đồng với Mỹ nhưng vì lợi ích quốc gia, không nước lớn nào muốn liên minh với nước lớn khác để chống lại Mỹ, chưa nói đến việc gây chiến với Mỹ, trái lại nước nào cũng coi trọng quan hệ với Mỹ trong lúc liên kết. Trong chiến tranh I-rắc, Mỹ chỉ kéo được Anh và Tây Ban Nha thì rõ ràng Mỹ sẽ bị cô lập hoàn toàn nếu tiếp tục phát động, mở rộng cuộc chiến sang các nước khác. Do đó, tuy có mâu thuẫn nhưng tất cả các nước lớn, kể cả Mỹ đều không muốn gây ra một cuộc đối đầu, nhất là đối đầu hạt nhân, trái lại xu hướng chung là gạt mâu thuẫn sang một bên và tiếp tục dàn xếp, cải thiện quan hệ để phục vụ lợi ích dân tộc của mỗi nước trong bối cảnh của thế giới ngày nay.

Sự cách biệt giàu nghèo hầu như là căn bệnh kinh niên của xã hội loài người có lẽ khó có thể giải quyết được. Điều đáng quan tâm là ở chỗ chính sự cách biệt này đã làm cho sự bất bình đẳng giữa các nước về mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật ngày càng tăng và trở thành một nhân tố thường xuyên gây mất ổn định trên thế giới. Trước đây, người ta gọi là mâu thuẫn Bắc - Nam. Tuy nhiên, hiện nay có nhiều nước phương Nam đã trở thành các nền công nghiệp mới, thậm chí còn là thành viên của câu lạc bộ nhà giàu (OECD). Song số các nước mới "phất" lên này chỉ chiếm 4% tổng số các nước đang phát triển trên thế giới. Điều khác trước là, ngày nay người ta không còn quy lỗi hoàn toàn cho các nước phát triển về sự nghèo đói và chậm phát triển của các nước phương Nam. Tất nhiên, các nước phát triển vẫn phải chịu trách nhiệm chính về tình hình này vì phần lớn họ đều không thực hiện đúng cam kết viện trợ cho các nước đang phát triển với tỷ lệ 0,7% GDP của họ như đã thỏa thuận tại Liên hợp quốc.

Thực tế hiện nay cho thấy, việc giải quyết mâu thuẫn giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển chỉ có thể bằng phương thức vừa hợp tác vừa đấu tranh. Các nước phát triển cần tăng viện trợ (ít nhất là tăng gấp đôi mức viện trợ 50 tỉ đô-la Mỹ/năm hiện nay), cắt giảm hàng rào bảo hộ và thuế quan bất bình đẳng, xóa nợ cho các nước nghèo, tạo điều kiện cho các nước nghèo tiếp cận với công nghệ hiện đại.

Bên cạnh đó, các nước đang phát triển phải tăng cường chống tham nhũng, phải tự đặt ra cho mình các chiến lược phát triển có hiệu quả, thực hiện tốt chương trình xóa đói, giảm nghèo và sử dụng viện trợ phát triển của nước ngoài một cách thiết thực, chống lãng phí, phô trương hình thức.

Mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo là vấn đề hết sức phức tạp trên thế giới hiện nay. Đặc điểm là nó diễn ra trong nội bộ từng nước và không thể dùng vũ lực đàn áp nếu không muốn biến nó thành một lực lượng khủng bố. Giải quyết mâu thuẫn này thuộc công việc của mỗi nước trên cơ sở đề ra các chính sách dân tộc - tôn giáo một cách đúng đắn, công bằng, bình đẳng, không có tính chất ban ơn và phân biệt đối xử. Một số cuộc xung đột gần đây trên thế giới đã được giải quyết thông qua đàm phán hòa bình trên cơ sở tôn trọng quyền lợi chính đáng của các dân tộc thiểu số trong tổng thể lợi ích quốc gia và dân tộc. Chính sách tự do tôn giáo, xem tôn giáo là một nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân là một phương pháp hữu hiệu giải quyết các cuộc xung đột tôn giáo. Tuy nhiên giải quyết vấn đề này cần có sự phân biệt đâu là mâu thuẫn phát sinh từ sự đòi hỏi chính đáng về sự bình đẳng dân tộc và quyền tự do tôn giáo với âm mưu xúi giục của các thế lực phản động bên ngoài. Không nên hồ đồ gộp chung chúng lại với nhau để xử lý nhưng cũng không mơ hồ về âm mưu xúi giục từ bên ngoài. Cũng cần chú ý đến âm mưu của

Digitized by Google

các thế lực tôn giáo lợi dụng quyền tự quyết dân tộc và quyền tự do tôn giáo đòi tách ra thành một quốc gia độc lập. Mâu thuẫn sắc tộc - tôn giáo không được giải quyết thỏa đáng là một trong những nguyên nhân dẫn đến chủ nghĩa khủng bố. Thực tế cho thấy, giải quyết vấn đề mâu thuẫn sắc tộc - tôn giáo đã khó nhưng chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế còn khó hơn, vì đây là chống một kẻ thù giấu mặt, núp dưới nhiều hình thức và biểu hiện rất khác nhau.

Vấn đề cuối là, mâu thuẫn giai cấp và ý thức hệ. Chừng nào còn giai cấp thì chừng đó còn mâu thuẫn giai cấp. Mỗi một giai cấp lại có nhân sinh quan và thế giới quan riêng phù hợp với địa vị kinh tế của mình trong xã hội. Trong thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau và vấn đề hòa bình và phát triển là xu thế chính thì lợi ích giai cấp phải phục tùng lợi ích dân tộc. Có dân tộc mới có giai cấp. Do đó ý thức hệ giai cấp cũng không thoát khỏi khuôn khổ lợi ích dân tộc. Mặt khác, hiện nay trong một mức độ nhất định, giai cấp công nhân cũng có cách nhìn khác đối với giai cấp tư sản. Trước kia, khi nhìn vào giai cấp tư sản, người ta chỉ thấy bóc lột và áp bức mà không thấy những cống hiến của nó đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất và nền văn minh nhân loại. Hơn nữa, hình ảnh nhà tư bản ngày nay cũng khác trước. Không kể đến những nhà tỷ phú hàng đầu thế giới như Bin Ghết của hãng Mai-crô-xốp hay Giám đốc công ty máy tính phần mềm Ô-rác-cơn là những người do tự lao động sáng tạo mà trở thành chủ nhân của những tài sản khổng lồ hàng chục tỉ USD, nhưng cống hiến của họ cho nhân loại trong việc phát triển công nghệ thông tin còn lớn hơn gấp nhiều lần số tài sản của họ. Chỉ cần xem xét việc đầu tư của các nước công nghiệp phát triển và các công ty đa quốc gia vào các nước đang phát triển thì cũng thấy rõ quan niệm và thực tiễn bóc lột giá trị thặng dư đã thay đổi. Các nước, các công ty đa quốc gia đòi hỏi phải có môi trường thuận lợi thì họ mới vào đầu tư, tức là phải có lời thì họ mới đầu tư. Thế nhưng các nước đang phát triển cứ phải thay đổi luật lệ và mời họ vào để "bóc lột". Như vậy, phải có cái gì lớn hơn cái "bị bóc lột" thì chúng ta mới mời họ vào. Cái lợi đó là vốn, công nghệ, cách quản lý, đào tạo đội ngũ công nhân phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tất nhiên, trong quá trình tiếp nhận đầu tư hay xuất khẩu lao động đã mang tính chất đấu tranh có tính chất giai cấp và ý thức hệ trong quá trình đàm phán như mặc cả về tiền công, cách đối xử với công nhân, giờ làm việc, môi trường làm việc và tôn trọng nền văn hóa, tập quán và tín ngưỡng của nước nhận đầu tư và nước xuất khẩu lao động.

Cuộc đấu tranh giai cấp và ý thức hệ trên thế giới cũng diễn ra cả dưới hình thức "diễn biến hòa bình" của các nước phương Tây dưới chiêu bài bảo vệ dân chủ, nhân quyền với cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" của các nước đi theo chủ nghĩa xã hội.

Tuy mâu thuẫn giai cấp và ý thức hệ vẫn tiếp tục tồn tại nhưng nó không cản trở việc hợp tác, trước hết là về kinh tế giữa các nước có ý thức hệ khác nhau, vì đối với nhà tư bản, ở đâu có lợi thì họ lao đến; các nước phát triển cũng muốn thông qua hợp tác, đầu tư để làm thay đổi thể chế chính trị của các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa. Các nước đang phát triển, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa biết rõ điều đó nhưng cũng không ngần ngại hợp tác với các nước phương Tây trên con đường hội nhập và phát triển. Vấn đề "ai thắng ai" không thể giải quyết ngày một ngày hai mà phải cần có sự lựa chọn chọn con đường đúng đắn, tức là có xây dựng được một chế độ "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh" hay không? Nếu thực hiện được điều đó, tức là ta đã thắng trong cuộc đấu tranh giai cấp và ý thức hệ.❑

Digitized by Google

Phong trào chống toàn cầu hóa

PHẠM ĐÌNH NGHIỆM*

NGÀY nay, người ta đã quá quen thuộc với những cuộc biểu tình, tuần hành thu hút hàng trăm ngàn người tham gia để chống toàn cầu hóa mỗi khi có các hội nghị G7, G8, các cuộc họp thường niên của IMF, WB hoặc WTO. Số các cuộc mít-tinh, biểu tình chống toàn cầu hóa ngày càng tăng, thu hút không chỉ người dân các nước đang phát triển mà cả người dân các nước phát triển. Nhiều nhà lãnh đạo các quốc gia và nhiều nhà kinh tế cũng lên tiếng phê phán toàn cầu hóa. Các tổ chức của các nước đang phát triển như G77, phong trào các nước không liên kết, các liên minh, tổ chức Nam - Nam khác ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn chống lại sự mất công bằng, sự o ép của các nước phát triển.

"Phong trào chống toàn cầu hóa" là một tên gọi chưa được hoàn toàn chính xác. Thực ra thì phong trào này không đồng nhất. Một bộ phận của phong trào này đúng là chống lại toàn cầu hóa, đòi giải thể các tổ chức WB, IMF, WTO. Còn một bộ phận khác, lớn hơn, thì trên thực tế không chống toàn cầu hóa, mà đòi hỏi sự công bằng trong toàn cầu hóa; đòi hỏi tính đến các yêu cầu của các nước đang phát triển. Tên gọi chính xác hơn của phong trào này có lẽ là *"phong trào chống mặt trái của toàn cầu hóa"*, khi đó nó cũng bao hàm được bộ phận cực tả của phong trào. Trong những phần sau, chúng tôi vẫn dùng cách gọi thông thường, nhưng với nghĩa của tên gọi vừa nói đến.

1 - Các biểu hiện của phong trào chống toàn cầu hóa

Chúng tôi tạm chia các biểu hiện của phong trào chống toàn cầu hóa thành hai nhóm: ở các nước phát triển và ở các nước đang phát triển. Các biểu hiện này trong hai nhóm có nhiều điểm trùng lặp, nhưng chúng tôi vẫn tách ra để phân tích sự bất tương đồng về lợi ích của các lực lượng chống toàn cầu hóa sau này.

a) Ở các nước phát triển

- Các cuộc mít-tinh, biểu tình ở các nước phát triển nhân dịp các hội nghị G7, G8, OECD, WTO, WB, IMF, Diễn đàn Kinh tế thế giới; chống sa thải người lao động; chống cắt giảm các loại thuế vốn đánh vào người giàu, và giảm các khoản chi cho y tế, giáo dục, trợ cấp thất nghiệp,...

- Các diễn văn, bài báo, bài trả lời phỏng vấn,... của các nhà hoạt động xã hội trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường, cứu trợ nhân đạo; các nhà kinh tế bất đồng với chủ nghĩa tự do mới, với phương thức tiến hành toàn cầu hóa của IMF, WB, WTO và các nước phát triển.

- Hoạt động của các nhóm tin tặc Hắc-ti-vist, tấn công các thể chế WB, IMF, WTO; ăn cắp và tung thông tin cá nhân của lãnh đạo các quốc gia, các nhà kinh tế, lãnh đạo các tập đoàn lên mạng in-tơ nét.

b) Ở các nước đang phát triển

- Diễn đàn xã hội thế giới.

- Các cuộc mít-tinh, biểu tình, đình công, chống sa thải người lao động; chống việc các chính phủ thực thi chính sách thắt lưng buộc bụng trong thời kỳ khủng hoảng.

* TS, Giảng viên Khoa Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

- Hoạt động của các nhóm tin tặc Hắc-ti-vist.

- Chính phủ các nước đang phát triển đòi hỏi toàn cầu hóa phải công bằng hơn; các nước phát triển giảm bảo hộ nông nghiệp, chịu một phần trách nhiệm trong việc giải quyết vấn đề đói nghèo tại các nước đang phát triển và vấn đề môi trường; thực thi các chính sách không theo chủ nghĩa tự do mới, như kiểm soát thị trường vốn, kiểm soát chặt tỷ giá hối đoái của đồng tiền nước mình, tăng chi cho giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường,...

Các biểu hiện trên diễn ra trên nhiều cấp độ khác nhau, từ rất ôn hòa như đòi hỏi phải tôn trọng các lợi ích của các nước đang phát triển mà lãnh đạo các quốc gia này nêu lên ở các diễn đàn kinh tế thế giới đến rất cực đoan như đập phá cửa hàng, đốt phá xe hơi, ngăn chặn đường sá,... của một số người biểu tình.

2 - Lực lượng của phong trào chống toàn cầu hóa

- Các nước đang phát triển, mà đại diện là chính phủ, và các nhà lãnh đạo của họ.

- Các nhà hoạt động xã hội, các nhà hoạt động môi trường, y tế, giáo dục, nước sạch...

- Những người lao động hoặc tiểu chủ bị các ảnh hưởng khác nhau bởi toàn cầu hóa.

- Những người bảo vệ chủ quyền quốc gia.

- Các chuyên gia kinh tế cao cấp bất đồng ý kiến với WB, IMF và WTO, v.v..

Những lực lượng tham gia chống toàn cầu hóa có mục đích cũng như lợi ích không giống nhau, đôi khi trái ngược nhau. Chẳng hạn, nông dân các nước phát triển đòi giữ nguyên mức độ bảo hộ nông nghiệp, giữ mức thuế nhập khẩu đối với nông sản ở mức cao để họ có lợi trong sản xuất. Trong khi đó, nông dân và chính quyền của các nước đang phát triển, cũng như nhiều nhà hoạt động xã hội, chuyên gia kinh tế, lại đấu tranh đòi công bằng trong toàn cầu hóa, cụ thể là đòi các nước phát triển dỡ bỏ hoặc hạ thấp các hàng rào đối với nông sản từ các nước đang phát triển. Người lao động các nước giàu đòi hỏi bảo đảm việc làm. Điều này cũng có nghĩa chống lại việc các công ty của nước họ chuyển vốn ra nước ngoài, sử dụng nhân công với giá rẻ hơn ở các nước đang phát triển.

Mặc dù hiện nay các cuộc biểu tình chống toàn cầu hóa lớn nhất, đông người tham dự nhất xảy ra ở các nước phát triển, nhưng chúng tôi vẫn cho rằng, lực lượng nòng cốt của phong trào này là các nước đang phát triển, đang chịu nhiều bất công và thiệt thòi trong quá trình toàn cầu hóa. Sở dĩ chúng ta chưa thấy các cuộc mít-tinh, biểu tình với quy mô lớn là vì sự phản kháng của nhân dân các nước này hiện vẫn đang được thể hiện thông qua các hoạt động của các chính phủ của họ.

3 - Các nguyên nhân của phong trào chống toàn cầu hóa

Tổng hợp các sự kiện, số liệu đã được công bố và những lời phát biểu tại các cuộc mít-tinh, biểu tình chống toàn cầu hóa; qua các hoạt động nhằm xoa dịu cuộc đấu tranh này của các nhà lãnh đạo các quốc gia tư bản phát triển và các quan chức của các tổ chức đảm bảo, hỗ trợ cho toàn cầu hóa như WTO, WB, IMF,... có thể rút ra một số nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc đấu tranh này như sau:

a - Toàn cầu hóa làm gia tăng cách biệt giàu nghèo giữa các nước và giữa các công dân trong một nước

Báo cáo phát triển con người của Liên hợp quốc năm 1999 cho biết, tỷ lệ chênh lệch thu nhập giữa 20% số người giàu nhất và 20% số người nghèo nhất trên thế giới năm 1960 là 30/1; năm 1990 là 60/1 và năm 1999 tỷ lệ này đã là 74/1. Từ năm 1971 đến nay, số nước nghèo tăng từ 25 lên 48 nước. Nợ nước ngoài của các nước nghèo tăng từ 6 tỉ USD (năm 1955) lên hơn 2000 tỉ USD (năm 2000), tức trên 300 lần.

b - Toàn cầu hóa diễn ra không công bằng đối với các nước đang phát triển

Thương mại tự do thật ra chỉ có ở chiều Bắc - Nam mà không có chiều ngược lại. Trong khi các nước giàu cùng với các công ty đa quốc gia, với sức mạnh kinh tế áp đảo của mình, ép các nước đang phát triển mở cửa thị trường thương mại và đầu tư, xóa bỏ hoặc giảm mức thuế đối với hàng nhập khẩu, thì chính các nước giàu đó lại dựng lên các hàng rào kỹ thuật, các điều kiện khắt khe về lao động, môi trường,... để ngăn hàng hóa từ các nước

Digitized by Google

đang phát triển. Đó là chưa kể đến việc các nước phát triển tài trợ cho nông nghiệp trong nước để chống lại thế mạnh gần như duy nhất của các nước đang phát triển là nông sản và thực phẩm. Ngoài ra, các nước này, điển hình là Mỹ, còn sẵn sàng vi phạm các quy định của WTO để chống lại hàng hóa của các nước khác. Vụ kiện cá tra và cá basa mà các nông trại nuôi cá nheo Mỹ vừa mới tiến hành chống các doanh nghiệp Việt Nam là một ví dụ rõ ràng cho điều này.

c - Toàn cầu hóa chỉ nhắm đến lợi nhuận, không quan tâm nhiều đến con người

Các chính sách mà WB, IMF và WTO áp đặt cho các nước đã tạo điều kiện cho các tập đoàn, công ty đa quốc gia thu được lợi nhuận cao nhất, mà không quan tâm đến y tế, giáo dục. Mỗi khi có khó khăn về kinh tế (chẳng hạn cuộc khủng hoảng ở Châu Á cuối thập kỷ 90, hay khủng hoảng ở Ác-hen-ti-na, Bra-xin,...), IMF lại nêu điều kiện cho vay là thực hiện chính sách thắt lưng buộc bụng, dẫn đến thất nghiệp cao, giảm phúc lợi xã hội, ...

d - Toàn cầu hóa dẫn đến tình trạng mất công ăn việc làm

Với lý do tăng khả năng cạnh tranh, các công ty, tập đoàn sa thải hàng loạt công nhân. Việc tư nhân hóa, tư bản hóa các ngành kinh tế và dịch vụ trước đây thuộc sở hữu nhà nước và theo sau đó là các giải pháp cắt giảm chi phí của các ông chủ mới cũng dẫn đến sự gia tăng thất nghiệp. Thuế nhập khẩu bị bãi bỏ hoặc hạ thấp đã phá hủy nhiều ngành sản xuất ở các nước đang phát triển, hậu quả là thất nghiệp tràn lan.

đ - Toàn cầu hóa dẫn đến sự lũng đoạn của các công ty đa quốc gia

Các công ty đa quốc gia gây áp lực mạnh mẽ lên việc hoạch định chính sách và công tác quản lý của chính phủ các nước đang phát triển. Các nước này khó lòng chống lại được sức ép đó, vì các công ty xuyên quốc gia có nguồn lực khổng lồ về vốn, công nghệ và sở hữu trí tuệ. Theo thống kê của Liên hợp quốc, hiện toàn cầu có 5,4 vạn công ty xuyên quốc gia, với tổng giá trị tài sản là 14 000 tỉ USD. Các hoạt động sản xuất, buôn bán, đầu tư phát triển và chuyển nhượng kỹ thuật của các công ty này đã lan khắp thế giới, chúng kiểm soát 40% sản xuất, 60% mậu dịch, 70% chuyển nhượng kỹ thuật và 90% đầu tư trực tiếp quốc tế của toàn cầu. Hơn thế nữa, đằng sau các công ty này là các thiết chế đảm bảo cho toàn cầu hóa như IMF, WB, WTO và chính phủ các nước giàu.

Các chính phủ quan tâm nhiều hơn (với các nước giàu), hoặc buộc phải quan tâm nhiều hơn (với các nước đang phát triển) đến lợi ích của các công ty đa quốc gia: 54% số dân nước Mỹ nghĩ rằng chính phủ sẽ làm như vậy khi vận hành toàn cầu hóa.

e - Toàn cầu hóa chưa hẳn đã dẫn đến phát triển nếu được hiểu với ý nghĩa đầy đủ của từ này

Nhà kinh tế J. Sti-lít chỉ ra rằng, tăng trưởng kinh tế chưa hẳn là phát triển. Mà ngay cả khi hiểu phát triển đơn giản chỉ là tăng GDP thì một loạt nước làm theo các chỉ dẫn của IMF cũng gặp phải khủng hoảng sâu sắc, như Ác-hen-ti-na, Bra-xin,... làm giảm GDP, hay gặp khủng hoảng xã hội như In-đô-nê-xi-a.

g - Toàn cầu hóa làm cho nền kinh tế các nước đang phát triển có mức độ rủi ro cao

Đây là hệ quả của việc dỡ bỏ hoặc hạ thấp các hàng rào ngăn dòng chảy vốn ngắn hạn. Dòng chảy này hoàn toàn tự do có nghĩa là không thể kiểm soát được. Không có rào cản, vốn ngắn hạn có thể đổ về nhanh, song cũng có thể ra đi ào ạt. Chỉ trong một đêm, hàng tỉ USD đầu tư có thể rút ra khỏi đất nước, để lại đằng sau nó một nền kinh tế bị tàn phá, mà khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á cuối thế kỷ vừa qua là một ví dụ.

h - Toàn cầu hóa đe dọa đến chủ quyền quốc gia của nhiều nước, đặc biệt là các nước đang phát triển

Tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, các quốc gia phải "chia sẻ chủ quyền" với WB, IMF, WTO trong việc ban hành các chính sách thuế, đầu tư, thương mại,... cũng như chịu sức ép từ phía các công ty đa quốc gia. Ngoài ra, một số nước phát triển còn lợi dụng toàn cầu hóa để ép các nước đang phát triển chấp nhận những giá trị quan, cơ chế

Digitized by Google

kinh tế và xã hội của mình. Đạo luật HR 1950 (phần phụ lục E) vừa được Hạ viện Mỹ thông qua nhằm "trợ giúp cho việc hậu thuẫn nhân quyền và dân chủ tại Việt Nam" là một ví dụ cho điều này.

i - Một lý do quan trọng nữa khiến cho toàn cầu hóa bị phản đối là nguy cơ làm mất bản sắc văn hóa của các dân tộc

Với tiềm lực kinh tế và khả năng kỹ thuật áp đảo của mình, các hệ thống thông tin đại chúng và nền văn hóa phương Tây bành trướng mạnh mẽ theo đà toàn cầu hóa. Phim ảnh, các loại hình giải trí của phương Tây tràn ngập khắp nơi. Giới trẻ đi theo lối sống, cách suy nghĩ phương Tây, các hình thức nghệ thuật dân tộc bị mai một. Ngay cả ngôn ngữ riêng cũng bị đe dọa, vì các phương tiện nghe nhìn hiện đại, in-tơ-nét,... dùng chủ yếu là tiếng Anh. Khoa học và kỹ thuật, văn hóa đại chúng của các nước nói tiếng Anh cũng phát triển nhất và thịnh hành nhất.

Nguyên nhân sâu xa của phong trào chống toàn cầu hóa chính là mâu thuẫn giữa sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất hiện nay trên toàn thế giới.

4 - Một số kết quả của phong trào chống toàn cầu hóa

Phong trào chống toàn cầu hóa đã lan rộng và phát triển mạnh mẽ, trở thành một lực lượng mà các chính phủ, các công ty đa quốc gia và các thể chế như WB, IMF, WTO không thể không tính đến khi thông qua các chính sách của mình.

Dưới áp lực của phong trào chống toàn cầu hóa, một số nước đang phát triển đã đi ngược lại "đồng thuận Oa-sinh-tơn", kiểm soát chặt thị trường vốn và tỉ giá hối đoái, ví dụ như Ma-lai-xi-a sau cuộc khủng hoảng năm 1997, và Bra-xin hiện nay.

Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cũng phải cam kết xúc tiến vòng đàm phán mới, nhấn mạnh đến đòi hỏi của các nước đang phát triển.

Một số nước châu Âu đã phải từ bỏ "chủ nghĩa tự do mới", quay sang "con đường thứ ba" nằm giữa chủ nghĩa tự do mới và nhà nước phúc lợi, tạo nên mâu thuẫn về quan niệm toàn cầu hóa giữa hai bờ Đại Tây Dương.

5 - Phải chăng phong trào chống toàn cầu hóa là một phong trào cách mạng mới ?

Có một chân lý đã được khẳng định ở mọi thời đại là cứ có sự mất công bằng là có đấu tranh. Phong trào đấu tranh chống toàn cầu hóa, hay đòi hỏi toàn cầu hóa phải công bằng hơn, phải "có bộ mặt người" hơn, phải dân chủ hơn, cũng là một cuộc đấu tranh đòi bình đẳng như vậy. Toàn cầu hóa hiện nay đang là toàn cầu hóa tư bản, trước hết có lợi cho giai cấp tư sản, có lợi cho các công ty, tập đoàn đa (xuyên) quốc gia. Vì vậy sự mất công bằng, bất bình đẳng giữa các quốc gia, giữa giàu và nghèo, giữa các tầng lớp dân cư, có thể ở mức độ gay gắt hay được xoa dịu chút ít trong những thời khoảng nhất định, chứ không bao giờ biến mất. Và hậu quả là phong trào chống toàn cầu hóa sẽ tồn tại mãi, song hành cùng với toàn cầu hóa.

Toàn cầu hóa diễn ra với nhịp độ ngày càng nhanh, sự bất bình đẳng biểu thị ngày càng gay gắt, nên phong trào chống toàn cầu hóa cũng ngày càng lan rộng và quyết liệt, và có ảnh hưởng ngày càng lớn.

Để trả lời cho câu hỏi trên, trước hết chúng ta trở lại khái niệm cách mạng xã hội và phong trào cách mạng.

Theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cách mạng xã hội được hiểu theo nghĩa rộng *"là sự biến đổi có tính bước ngoặt và căn bản về chất trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, là phương thức chuyển từ một hình thái kinh tế - xã hội lỗi thời lên một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn"*[1].

Từ khái niệm này, chúng ta có thể hiểu phong trào cách mạng là *hoạt động của đông đảo quần chúng hướng tới và dẫn đến cách mạng xã hội;* là phong trào có tính thường xuyên, không đứt đoạn trong thời gian (mặc dù có thể có những thăng

(1) Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh : *Giáo trình Triết học Mác - Lê-nin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 548

Digitized by Google

giáng nhất định); và cơ bản hơn, nó làm cho các lực lượng cách mạng ngày càng mạnh dần lên, các lực lượng phản cách mạng ngày càng yếu đi; nó tích tụ dần các yếu tố làm nên tình thế cách mạng.

Nếu hiểu theo nghĩa này thì chống toàn cầu hóa là một phong trào tiến bộ, nhưng không phải là phong trào cách mạng. Nó không dẫn đến sự thay đổi hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa - hình thái kinh tế - xã hội chủ yếu trên thế giới hiện nay (bằng một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn. Thật vậy, các cuộc đấu tranh trong khuôn khổ phong trào này tuyệt nhiên không đe dọa đến thượng tầng chính trị - pháp luật của các nhà nước tư sản. Chúng cũng không đe dọa sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Hơn thế nữa, lực lượng nòng cốt trong phong trào này là các nước đang phát triển, chứ không phải là một giai cấp hay là một liên minh của một số giai cấp.

Mặt khác, phong trào này cũng không phải là phong trào giữ độc lập, chủ quyền của các nước đang phát triển. Vì, *thứ nhất*, mặc dù chủ quyền bị xâm phạm và bản sắc văn hóa bị bào mòn bởi toàn cầu hóa là những lý do góp phần tạo nên phong trào này, tuy nhiên chúng không phải là những lý do quan trọng nhất. *Thứ hai*, tuy các nước đang phát triển đòi hỏi công bằng hơn trong quá trình toàn cầu hóa, nhưng các nước này cũng hiểu và chấp nhận việc chủ quyền quốc gia bị ảnh hưởng phần nào bởi toàn cầu hóa.

Nếu chúng ta hiểu về phong trào cách mạng một cách rộng hơn, cụ thể là hiểu nó như *hoạt động của đông đảo quần chúng chống lại những thể chế, quan hệ xã hội hiện hành, nhằm đạt đến một tương lai tốt đẹp hơn, công bằng hơn*, thì rõ ràng phong trào chống toàn cầu hóa (hay đòi toàn cầu hóa công bằng hơn, có tính người hơn) là một phong trào cách mạng mới.

Việc nghiên cứu kỹ lưỡng hơn các lực lượng, các biểu hiện cụ thể và xu hướng phát triển của phong trào chống toàn cầu hóa đang có một tầm quan trọng lớn đối với nước ta và các nước đang phát triển khác. ❑

CỔ PHẦN HÓA...

(Tiếp theo trang 46)

hay không muốn cổ phần hóa. Bên cạnh đó, bộ máy quản lý trực tiếp tại doanh nghiệp nhà nước được chọn để cổ phần hóa phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao. Nếu bộ máy này không đủ năng lực và điều kiện thực hiện việc xây dựng phương án cổ phần hóa doanh nghiệp mình đang quản lý, thì thủ trưởng cơ quan cấp trên phải nhanh chóng thay thế ngay, không làm ảnh hưởng đến tiến trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

3. Phải lựa chọn các doanh nghiệp nhà nước đủ điều kiện cổ phần hóa, đáp ứng được lợi ích của người mua cổ phần, nhất là đối với các nhà đầu tư chiến lược. Điều cần nhấn mạnh là, đối với những doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, nếu có hướng kinh doanh rõ ràng thì cần thiết phải tiến hành củng cố, thông qua các biện pháp đầu tư vốn, thay đổi bộ máy quản lý, sắp xếp lại lao động v.v.. sao cho tăng hiệu quả kinh doanh, đủ sức hấp dẫn các nhà đầu tư cổ phần. Theo thống kê của Chi cục Tài chính doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, đến cuối năm 2002, có 236 doanh nghiệp làm ăn có lãi (bằng 88,4%), giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước; 10 doanh nghiệp hòa vốn (3,8%) và 21 doanh nghiệp bị thua lỗ (7,8%), tăng 2,2% so với cùng kỳ. Tình hình này càng đặt ra yêu cầu bức bách cần phải đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước của Thành phố Hồ Chí Minh quyết liệt và mạnh mẽ hơn nữa.

Cuối cùng, đối với các doanh nghiệp nhà nước thua lỗ, đã lâm vào tình trạng phá sản, nếu xét thấy không cần thiết duy trì hoặc không có khả năng củng cố, thì cần tập trung xử lý theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết 02 của Thành ủy. Và điều quan trọng là, phải xử lý một cách phải kiên quyết theo các hình thức tương ứng.❑

Digitized by Google

CHÍNH PHỦ HỌP SƠ KẾT 9 THÁNG NĂM 2003

TRONG hai ngày 29 và 30-9-2003, tại Hà Nội, Chính phủ đã họp phiên thường kỳ dưới sự chủ trì của Thủ tướng Phan Văn Khải và các Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Phạm Gia Khiêm, Vũ Khoan.

Tại phiên họp, Chính phủ nghe báo cáo và cho ý kiến về các vấn đề: *Phân bổ kế hoạch và ngân sách nhà nước năm 2004; Nghị định về công tác quy hoạch; Nghị định tổ chức, hoạt động và chính sách đối với thanh niên xung phong; chương trình sửa đổi và điều chỉnh pháp luật phù hợp với quy định của WTO; Pháp lệnh Dự trữ quốc gia; Tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2003.*

Chính phủ đã dành nhiều thời gian thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2003. Chính phủ khẳng định: Sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao (tăng 15,9%); khu vực dịch vụ tiếp tục mở rộng; kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng mạnh (25%); huy động và thực hiện vốn đầu tư phát triển tăng cao, nhất là vốn ngoài quốc doanh (đạt 36% GDP); thu ngân sách nhà nước đạt khá (69% dự toán); giá cả thị trường cơ bản ổn định. Các hoạt động xã hội tiếp tục phát triển theo chiều hướng tích cực. Đến nay, đã tổ chức được hội chợ việc làm ở 12 địa phương; mỗi hội chợ thu hút bình quân 72 đơn vị tham gia với trên 38 nghìn lượt người đến dự, 15 nghìn lượt người đăng ký tìm việc làm, gần 3 000 người đăng ký học nghề và khoảng 2 000 lao động được tuyển dụng. Ngành giáo dục đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương tổ chức tốt lễ khai giảng năm học mới cho học sinh toàn quốc. Ngành y tế triển khai rộng rãi các hoạt động phòng chống sốt xuất huyết, sốt rét tại các tỉnh miền Trung, Nam Bộ và các tỉnh trọng điểm trong cả nước. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội tiếp tục được đẩy mạnh. Trật tự an toàn giao thông trên toàn quốc có chiều hướng chuyển biến tích cực.

Chính phủ tập trung phân tích, thảo luận về những khó khăn và giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Chính phủ cho biết, các cơn bão số 5 và 6 gây mưa to, ngập úng tại các tỉnh Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định. Tổng diện tích lúa mùa bị ngập lên tới trên 101 nghìn héc-ta, trong đó mất trắng khoảng 15,5 nghìn héc-ta; diện tích rau màu ngập trên 15 nghìn héc-ta. Hạn hán tiếp tục xảy ra ở Quảng Bình, Quãng Ngãi và các tỉnh Nam Trung bộ, Tây Nguyên gây nhiều thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và cuộc sống của người dân. Tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp bắt đầu có dấu hiệu chậm lại như dệt may, vải lụa thành phẩm, xà phòng các loại. Giải ngân ODA đạt mức thấp, ước khoảng 1 035 triệu USD, bằng 60% kế hoạch năm. Vấn đề nổi cộm hiện nay đối với nguồn vốn ngân sách là nợ xây dựng cơ bản còn rất lớn.

Để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2003, trong ba tháng còn lại, Thủ tướng Phan Văn Khải nhấn mạnh: Cần tiếp tục tổ chức thực hiện tốt hơn nữa các giải pháp đề ra trong các Nghị quyết của Chính phủ tại các phiên họp thường kỳ. *Một là,* tập trung tổ chức tốt việc phát hành trái phiếu Chính phủ để đầu tư một số công trình giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước, đồng thời ứng vốn trước cho các công trình trên trong quý III để triển khai thực hiện. *Hai là,* tiếp tục tìm mọi biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu, kích cầu tiêu dùng để tiêu thụ các mặt hàng đang gặp khó khăn về thị trường xuất khẩu như cá ba-sa, cá tra, hàng may mặc. *Ba là,* rà soát lại khả năng thu ngân sách, xác định nguồn vượt thu ngân sách năm 2003 để xử lý những nhu cầu cấp bách hiện nay. *Bốn là,* các bộ, ngành, địa phương rà soát lại các khoản nợ xây dựng cơ bản, trước hết cần huy động các nguồn vốn hợp pháp để thanh toán. Đồng thời, dành một phần vốn vượt thu ngân sách nhà nước năm 2003 của ngân sách trung ương và địa phương để hỗ trợ xử lý, thanh toán một phần nợ xây dựng cơ bản hợp lý cho một số công trình, dự án thuộc kế hoạch nhà nước đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2002 trở về trước. ❑

Digitized by Google

TRUNG TÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

VIỆN HÓA HỌC

ĐC: Đường Hoàng Quốc Việt - quận Cầu Giấy - Hà Nội *ĐT: 084 4 7 564 312; Fax: 084 4 8 361 283

Viện trưởng: GS.TSKH. Trần Văn Sung

Viện Hoá học (Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia) được thành lập theo quyết định số 230/CP, ngày 16/9/1978, của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- Nghiên cứu khoa học cơ bản có định hướng và có tầm quan trọng đối với Việt Nam trong các lĩnh vực: Hoá lý và vô cơ, khoa học và công nghệ Polyme, hoá phân tích, các chất có hoạt tính sinh học, hoá môi trường.
- Nghiên cứu ứng dụng và triển khai các thành tựu hoá học trong công nghiệp và đời sống;
- Đào tạo sau đại học;
- Xây dựng và phát triển các mối quan hệ và hợp tác nghiên cứu khoa học, triển khai và đào tạo với các viện nghiên cứu, các trường đại học, các cơ sở sản xuất công nghiệp trong và ngoài nước.

XÂY DỰNG TIỀM LỰC

★ Viện Hoá học hiện có 136 cán bộ, công chức, trong đó có 6 GS, 12 PGS, 42 TS, 18 thạc sĩ, 48 cán bộ có trình độ đại học và 120 cán bộ khoa học là hợp đồng lao động dài hạn.

★ Những năm gần đây, Viện Hoá học đã được tăng cường một cách đáng kể về cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho nghiên cứu ở trình độ cao.

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

★ Đã chủ trì 72 đề tài, dự án cấp Nhà nước, 115 đề tài cấp Bộ và hàng trăm đề tài cấp cơ sở. Nhiều đề tài, dự án đã được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả kinh tế xã hội.

★ Có quan hệ hợp tác khoa học và đào tạo cán bộ với các nước: Đức, Pháp, Mĩ, Bỉ, Nhật, Hàn Quốc, Thuỵ Điển, Úc...

★ Viện Hoá học là cơ sở đào tạo sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo có uy tín trong cả nước. Đến nay, Viện đã đào tạo được 1 TSKH, 40 TS và hơn 50 thạc sĩ thuộc các chuyên ngành: Hoá học các hợp chất có gốc hữu cơ, Hoá lý và hoá lý thuyết, Hoá Vô cơ, Hoá phóng xạ, Hoá phân tích.



Phòng Khoa học và kỹ thuật phân tích
- Phân tích các loại mẫu khác nhau, đặc biệt là phân tích kim loại trong các mẫu y sinh học
- Phân tích kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá



Phòng Công nghệ các hoạt chất sinh học tự nghiên cứu và chế tạo thiết bị xử lý cặn thiếc



Phòng Polyme dược phẩm đã nghiên cứu và hợp tác sản xuất kem chữa bỏng và màng băng sinh học pochisan điều trị liền vết thương

Digitized by Google

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN ODA

TRỤ SỞ CHÍNH
559 ĐẠI LỘ HÙNG VƯƠNG - TAM KỲ - QUẢNG NAM
ĐIỆN THOẠI: 0510 858 513 * FAX: 0510 859 809

VĂN PHÒNG TẠI ĐÀ NẴNG
149 TRƯNG NỮ VƯƠNG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
ĐIỆN THOẠI: 0511 816 015 * FAX: 0511 891 909



DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
ĐẦU TƯ VÀ HIỆU QUẢ

Dự án phát triển lưới điện nông thôn QN - ĐN giai đoạn 1 (1996 - 2000) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 909/TTg, ngày 2 - 12 - 1996. Theo đó, công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn 14 huyện, thị xã Quảng Nam và huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

* Khối lượng đầu tư xây dựng:
+ Xây lắp đường dây 22 kV: 424 km
+ Xây lắp đường dây 0,4 kV: 427 km
+ Xây lắp trạm biến áp: 242 km

Công trình điện nông thôn giai đoạn 1 đã được quỹ OPEC, Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành trung ương và địa phương đánh giá cao, là dự án thành công nhất không những về lợi ích kinh tế - chính trị - xã hội mà cả sự tổ chức, điều hành xử án; đã được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

Giai đoạn II của dự án lưới điện nông thôn QN - ĐN (2000 - 2004) được triển khai xây dựng trên địa bàn 14 huyện, thị xã thuộc tỉnh Quảng Nam, huyện Hòa Vang và quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, theo Quyết định phê duyệt danh mục và mức đầu tư số: 843/QĐ - UB, ngày 27 - 03 - 2002, của UBND tỉnh Quảng Nam và Quyết định số: 5254/QĐ - UB ngày 12 - 07 - 2002, của UBND thành phố Đà Nẵng.

* Khối lượng đầu tư xây dựng:
+ Xây lắp đường dây 22 kV: 265 km
+ Xây lắp đường dây 0,4 kV: 443 km
+ Xây lắp đường dây chiếu sáng: 50 km
+ Xây lắp 225 trạm biến áp phân phối và chiếu sáng

Sau khi dự án điện nông thôn QN - ĐN giai đoạn II hoàn thành đưa vào sử dụng, cùng với dự án giai đoạn I sẽ góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần và vật chất cho nhân dân lao động vùng cao, vùng xa, đồng bằng trung du và các vùng ven biển. Dự án góp phần thu hẹp khoảng cách nông thôn với thành thị và nâng tỷ lệ số xã có điện trên địa bàn toàn tỉnh đạt 90%.

Digitized by Google

UBND TỈNH TÂY NINH

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP TÂY NINH

Địa chỉ: Km 32, quốc lộ 22, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh * ĐT/Fax: 066 882 300

KHU CÔNG NGHIỆP (KCN) TRẢNG BÀNG ĐƯỢC THÀNH LẬP TỪ GIỮA NĂM 1999, VÀ ĐƯỢC BẮT ĐẦU TRIỂN KHAI TỪ ĐẦU ĐẾN NĂM 2001

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ:

+ Trên trục đường Xuyên Á nối liền Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh - Phnôm-pênh (Cam-pu-chia)- Băng-cốc (Thái Lan).

+ Cách thị xã Tây Ninh 53km.

+ Cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 43,5km.

+ Cách sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất 37km.

+ Cách cảng Sài Gòn 42km.

+ Cách cửa khẩu Mộc Bài (Việt Nam - Cam-pu-chia) 28km.

QUY HOẠCH CHUNG ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH NĂM 2003 NHƯ SAU:

TỔNG DIỆN TÍCH: 1 650 HA, TRONG ĐÓ:

+ Đất công nghiệp: 760 ha.

+ Dịch vụ nông nghiệp: 40 ha.

+ Công viên: 10 ha.

+ Khu ở công nhân (50 000-60 000 người): 240 ha.

+ Đầu mối, hành lang kỹ thuật: 250 ha.

+ Dân cư, tái định cư (20 000 người): 250 ha.

+ Suối, rạch, cây xanh, cảnh quan: 100 ha.

Chủ đầu tư: Hiện có 4 chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN.

+ Công ty phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh: 93 ha.

+ Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng KCN TN (đơn vị liên doanh giữa Tây Ninh và Tp Hồ Chí Minh): 103 ha.

+ Công ty SEPZONE Linh Trung: 204 ha.

+ Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn: 200 ha.

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI:

+ Công ty PHHT KCN Tây Ninh (93 ha): Hiện đã hoàn thành đường nội bộ, cống thoát nước mưa, nước bẩn, cây xanh, đường điện và 93 ha đã được lấp đầy với 36 dự án đầu tư (34 nước ngoài và 2 trong nước).

+ Công ty TNHH XD HT KCN Tây Ninh (103 ha): Quy hoạch chi tiết và dự án được phê duyệt, đã đền bù 97% diện tích và hiện đang thiết kế thi công hạ tầng kỹ thuật.

+ Công ty Sepzone Linh Trung (204 ha): Đã đền bù 72% diện tích và đang thi công đường nội bộ, cống thoát nước, đường điện, cây xanh...

+ Tổng công ty Thương mại Sài Gòn: Đang lập dự án đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ:

+ Tổng số dự án: 36 (dự án FDI: 34; dự án đầu tư trong nước: 2)

+ Vốn đầu tư đăng ký: 60 triệu USD.

+ Ngành nghề: công nghiệp nhẹ như may mặc, vàng bạc đá quý, cơ khí, dụng cụ thể thao, công cụ lao động cầm tay, vỏ ruột xe...

+ Số doanh nghiệp đã hoạt động: 20 đơn vị

+ Vốn đầu tư thực hiện: 22 triệu USD.

+ Lao động Việt Nam đang làm việc: 6 454 người.

+ Kim ngạch xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2003: 75 triệu USD.

+ Kim ngạch nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2003: 46 triệu USD.

CƠ CHẾ HÀNH CHÍNH:

Cơ chế hành chính được thực hiện theo nguyên tắc: "một cửa, tại chỗ" tại Ban Quản lý KCN Tây Ninh; nhà đầu tư chỉ nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Ban Quản lý KCN Tây Ninh. Chi cục Hải quan KCN Trảng Bàng thực hiện thông quan hàng hóa tại chỗ.

Digitized by Google

KHU CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tân Tạo - huyện Bình Chánh
Tel: (84.8) 7 505 171/2/3/4 - 7 508 235/6
Fax: (84.8) 7 508 237 - E-mail: itaco@hcm.vnn.vn



Khu Công nghiệp Tân Tạo là một trong những khu công nghiệp tập trung, đa ngành đầu tiên của Tp Hồ Chí Minh. Hiện nay, KCN Tân Tạo là KCN lớn nhất tại Tp. HCM với tổng diện tích là 442 ha.

Hiện nay, Công ty Tân Tạo là đơn vị dẫn đầu Việt Nam về lĩnh vực đầu tư và phát triển KCN. Ngoài KCN Tân Tạo, Công ty Tân Tạo cũng đang triển khai nhiều KCN khác như: KCN Đức Hoà (tỉnh Long An) 1 000 ha, KCN Hóc Môn (Tp.HCM) 250 ha, KCN Quế Võ (tỉnh Bắc Ninh) 700 ha, KCN Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai) 250 ha và nhiều dự án khác.

*** Vị trí thuận lợi:** Nằm dọc theo mặt tiền quốc lộ 1A.

+ Cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 12 km
+ Cách sân bay Tân Sơn Nhất khoảng 12 km.
+ Cách cảng Sài Gòn khoảng 15 km.

Bên cạnh quần thể dân cư đông đúc, lực lượng lao động tại chỗ dồi dào KCN Tân Tạo là địa điểm đầu mối quan trọng cho việc phát triển kinh tế, giao thông của các tỉnh miền Tây cũng như việc phát triển công nghiệp và thương mại Thành phố.

*** Thành tích:**

+ Ngày 3 - 12 - 2001, Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba vì "đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức, xây dựng và quản lý KCN Tân Tạo TP. Hồ Chí Minh từ năm 1996 đến năm 2000, góp phần vào việc thu hút đầu tư và phát triển kinh tế đất nước".
+ Ba năm liên tiếp (năm 2000, 2001 và 2002) nhận được Cờ Thi đua của Chính phủ tặng đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua lao động sản xuất, kinh doanh và công tác của TP Hồ Chí Minh năm 2000, 2001 và 2002.
+ Là KCN dẫn đầu về thu hút đầu tư và phát huy nội lực tại TP.Hồ Chí Minh. Đến nay, KCN Tân Tạo đã thu hút được gần 3 500 tỉ đồng và trên 130 triệu USD.
+ Là KCN dẫn đầu về số lượng nhà máy đi vào hoạt động tại Tp.HCM (110 đơn vị đã hoạt động)
+ Là KCN dẫn đầu về tinh thần phục vụ các nhà đầu tư: trở thành KCN đầu tiên của cả nước được tổ chức BVQI của Anh Quốc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và cấp chứng thư phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2000 cho các hoạt động của Công ty. Công ty đang tiếp tục phấn đấu để đạt chứng thư ISO 14001 về môi trường trong quý III năm 2003

Digitized by Google

CÔNG TY MAY SÔNG HỒNG

SONG HONG GARMENT COMPANY

Địa chỉ: 105 đường Hùng Vương TP. Nam Định * Điện thoại: (84-350) 649 365 649 447 861 174
Fax: (84-350) 646 737 835 084 * E-mail: songhong@hn.vnn.vn

XƯỞNG MAY 2

XƯỞNG MAY 1

- Năm thành lập: Năm 1988
- Công nhân: 3 500 người.
- Diện tích mặt bằng: 80 000 m^2.
- Diện tích nhà xưởng: 40 000 m^2.

Ngành nghề chính:

- Sản xuất may mặc
- Sản xuất bông tấm polyester
- Sản xuất chăn, ga, gối
- Thêu
- Giặt
- Các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

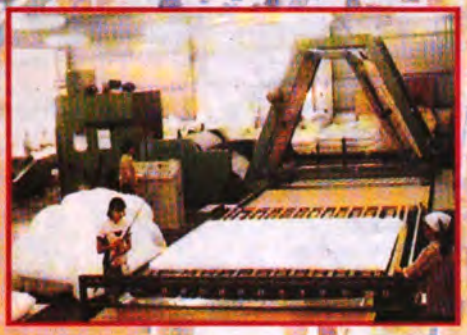


Xưởng May:

Có 48 dây chuyền may, sản xuất mỗi năm 2 triệu áo Jacket quy chuẩn.

Sản phẩm chính:

Áo Jacket, quần âu, quần short, áo váy, áo khoác



Xưởng sản xuất chăn, ga, gối cao cấp:

Mỗi năm sản xuất trên 500 000 sản phẩm các loại



Xưởng Thêu :

Hai dây chuyền thêu hiện đại, mẫu mã phong phú.



Xưởng Giặt:

Công suất giặt: 2 triệu sản phẩm/ năm.



Xưởng Bông:

- Hai dây chuyền, sản xuất mỗi năm 10 triệu Yard bông các loại, từ bông thường đến bông cao cấp phục vụ cho ngành may mặc.
- Có 10 máy chần bông, trong đó có 5 máy chần computer với sản lượng bông chần: 2 triệu m/năm.

CÁC THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG THẾ GIỚI ĐÃ SẢN XUẤT TẠI SÔNG HỒNG: "C&A", "UMBRO", "HUCKE", "GAP", "LIZ CLAIBORNE", "SAG HARBOR", "KELLWOOD"....

Thép MIỀN NAM
Nền tảng cho tương lai vững bền

Thép hiệu V - Thép Miền Nam

Hơn **25** năm xây dựng và phát triển,
chúng tôi luôn là nhà sản xuất thép
tiên phong









LQMS ISO 9002 Approved Company

QUACERT ISO 9001

ISO 9000 PSB

CÔNG TY THÉP MIỀN NAM
SOUTHERN STEEL CORPORATION
56 Thủ Khoa Huân, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 8234110 - FAX: (84.8) 8226127
E-MAIL: ssc_sale@hcm.vnn.vn

Digitized by Google

SỞ DU LỊCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 3 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội * Điện thoại: 9 341 450 * Fax: 8 247 600

KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN LIÊN HOAN DU LỊCH QUỐC TẾ HÀ NỘI NĂM 2003.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tổ chức Liên hoan Du lịch quốc tế 2003 từ ngày 15-11 đến 17-11-2003.

Địa điểm: Khu vực Hồ Gươm, vườn hoa In-đi-ra Gan-đi, Diên Hồng và một số khách sạn 5 sao.

MỤC ĐÍCH

Nhân dịp các hoạt động quốc tế diễn ra trên địa bàn Thành phố Hà Nội, Liên hoan Du lịch Hà Nội 2003 sẽ được tổ chức nhằm giới thiệu quảng bá và phát triển ngành du lịch Hà nội và các địa phương có tài nguyên du lịch với khách du lịch trong và ngoài nước. Liên hoan sẽ tập trung giới thiệu Thủ đô Hà Nội - Thành phố vì hòa bình, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước - Với những tiềm năng du lịch các khu vực phụ cận Hà Nội và các điểm du lịch khác; giới thiệu một số điểm du lịch khác trong thành viên ANMCLHDL. Đây là một sự kiện lớn hưởng ứng các sự kiện quốc tế quan trọng tại Thủ đô và Chương trình quốc gia về du lịch.

Liên hoan Du lịch quốc tế 2003 là cơ hội giúp các doanh nghiệp du lịch tiếp cận với thị trường nhằm tạo bước chuyển biến mới trong ngành du lịch Hà Nội.

NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

☆ Liên hoan du lịch là cơ hội giới thiệu các sản phẩm du lịch của Hà Nội và các vùng phụ cận, là nơi hội tụ của các đối tác để bàn bạc liên kết các công trình du lịch, ký kết hợp đồng trong tương lai.

☆ Liên hoan nghệ thuật văn hóa ẩm thực là một trong những nội dung chính của Liên hoan, sẽ được giới thiệu dưới hình thức Chợ quê tại vườn hoa In-đi-ra Gan-đi và một số khách sạn 5 sao.

☆ Liên hoan văn hóa nghệ thuật ca ngợi đất nước, con người Việt Nam, Hà Nội, giới thiệu lịch sử của dân tộc Việt Nam một cách có hệ thống.

VIETRANS

CÔNG TY GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG

Trụ sở: 13 Lý Nam Đế, Hà Nội * Điện thoại: 84 4 7 333 258 8 457 417 * Fax: 84 4 8 455 829

E-mail: vietrans@hn.vnn.vn * Website: www.vietrans.com.vn * Tổng Giám đốc: THÁI DUY LONG

CÁC CHI NHÁNH: Tại Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh.

CÁC LIÊN DOANH:

❖ Công ty Liên doanh TNT - Vietrans Express Worldwide (VietNam), 25/D-E, phố Láng Hạ, Hà Nội. Điện thoại: 844 5 142 574

❖ Công ty Liên doanh Bông Sen, 1/A, Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 84 8 8 730 148

Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương, trực thuộc Bộ Thương mại, là công ty giao nhận đầu tiên ở Việt Nam, thành lập năm 1970. Với trình độ chuyên môn cao, đội ngũ cán bộ giao nhận giàu kinh nghiệm, được đào tạo cơ bản, VIETRANS tư vấn giúp khách hàng lựa chọn tuyến và phương tiện vận chuyển phù hợp nhất, an toàn nhất với mức cước hợp lý và thời gian nhanh nhất.

VIETRANS là thành viên của Hiệp hội Giao nhận Vận tải quốc tế (FIATA), đại lý hàng hóa của Hiệp hội Vận tải Hàng không quốc tế (IATA), thành viên sáng lập của Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam (VIFFAS), hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH CỦA VIETRANS:

❖ Chuyên cung cấp dịch vụ vận tải đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ, vận tải đa phương thức.

❖ Dịch vụ vận tải tàu biển và môi giới thuê tàu.

❖ Dịch vụ xuất nhập khẩu, khai thuê hải quan.

❖ Giao nhận vận tải hàng triển lãm, hàng công trình.

❖ Dịch vụ hàng thu gom, hàng chia lẻ, hàng nguyên công-ten-nơ, hành lý cá nhân.



Trụ sở Công ty

❖ Kinh doanh kho, kho ngoại quan.

❖ Dịch vụ chuyển phát nhanh.

❖ Kinh doanh khai thác cầu cảng.

❖ Dịch vụ xây dựng.

❖ Dịch vụ giao hàng đến tận nhà.

Digitized by Google

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH VĨNH PHÚC





Địa chỉ: Phường Ngô Quyền - thị xã Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc * ĐT: 0211 861 253 * Fax: 0211 862 673



Giám đốc: NGUYỄN THẾ CAO

Thực hiện chương trình nhiệm vụ năm 2003 của Kho bạc Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, phát huy những thành tích đã đạt được, toàn thể cán bộ, công chức KBNN Vĩnh Phúc nỗ lực đạt được những kết quả sau:

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

* Kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc đã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, phát huy tốt những thành tích đã đạt được, để đảm bảo đầy đủ các quy trình thu chi, các quy định về công tác an toàn kho quỹ, thường xuyên tổ chức học tập chế độ nghiệp vụ. Qua công tác thu và chi 6 tháng đầu năm 2003, đã kiểm tra kịp thời phát hiện thu giữ 57 tờ tiền giả với số tiền 4 330 000 đồng, đảm bảo tiền chi ra từ Kho bạc không có tiền giả, trả cho khách hàng 141 món với số tiền 42 351 900 đồng.

* Trong 6 tháng đầu năm, công tác kho quỹ đã thực hiện chuyển khoản nhiều chuyến hàng chở tiền, công trái, trái phiếu an toàn, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu hoạt động của đơn vị. Tiền và tài sản do KBNN quản lý an toàn tuyệt đối.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH QUỸ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

* Tổ chức tập trung thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước. Tổng thu 6 tháng đạt 783 681 tỷ đồng (bằng 44 % dự toán năm và bằng 103% cùng kỳ năm 2002), điều tiết cho các cấp ngân sách đúng tỷ lệ quy định, tổ chức công tác thu trực tiếp qua Kho bạc Nhà nước ở tất cả các huyện, thị.

* Hằng tháng, tổ chức cấp phát, thanh toán chi trả các khoản chi vào Kho bạc Nhà nước thực hiện nghiêm túc, kiểm soát chi theo các chỉ tiêu, hướng dẫn đảm bảo kịp thời , chính xác.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ CHO VAY CHƯƠNG TRÌNH 120

Thực hiện nhiệm vụ cho vay vốn theo chương trình 120, Kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc đã phối hợp các ngành liên quan tiến hành thẩm tra, thẩm định và cấp phát, cho vay vốn. Trong 6 tháng thực hiện cho vay 18 dự án số tiền 1 979 000 000 đồng, thu nợ 35 dự án số tiền 2 038 0870 000 đồng, dư nợ vốn vay chương trình 120 đến ngày bàn giao 12 - 6 - 2003 là 19 390 828 596 đồng. Với tỷ lệ dư nợ quá hạn vào loại thấp nhất trong hệ thống và bàn giao chương trình này cho ngân hàng chính sách xã hội với thời hạn sớm nhất.

CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN:

* Thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng địa phương và tại trụ sở để nhân dân biết chủ trương phát hành trái phiếu kho bạc.

* Chuẩn bị tốt mọi điều kiện thuận lợi người dân đến mua trái phiếu kho bạc

Toàn thể cán bộ, công chức cần tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được và luôn tăng cường đoàn kết, phối hợp chặt chẽ, không ngừng phấn đấu, học tập, rèn luyện về mọi mặt, nhất là phải nghiên cứu, học tập các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách mới để vận dụng vào công việc góp phần hoàn thành nhiệm của cơ quan, của ngành.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CÔNG TY ĐIỆN LỰC I

ĐIỆN LỰC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 90 Trần Hưng Đạo, tp. Nam Định * Điện thoại: 0350 848 535 * Fax: 0350 845 216 * Giám đốc: Kỹ sư Trần Quang Tá



XƯỞNG SỬA CHỮA MBA CẦU GIÀNH

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa X, cùng với các đơn vị trong Công ty Điện lực I, đến nay Điện lực Nam Định đã tiếp nhận xong toàn bộ lưới điện trung áp nông thôn. Để đáp ứng nhu cầu sữa chữa MBA của Điện lực và các đơn vị, Xưởng chửa chữa MBA Cầu Giành - Điện lực Nam Định được Công ty Điện lực I đầu tư xây dựng trên cơ sở Xưởng Sửa chữa thiết bị điện.

- Xưởng được xây dựng trên diện tích mặt bằng 4 héc-ta, bên cạnh trục đường quốc lộ số 10, cách thành phố Nam Định 6 km về phía Nam. Xưởng có 3 nhà xưởng sản xuất được trang bị đầy đủ các phương tiện thiết bị phục vụ sản xuất hiện đại. Đặc biệt là, Xưởng được trang bị một phòng thí nghiệm với các thiết bị tiên tiến vào loại bậc nhất của khu vực và máy lọc dầu di động Ka-tô của Nhật công suất 4 000 lít/giờ có thể lọc dầu cho máy biến áp đang vận hành trên lưới.
- Xưởng sửa chữa MBA Cầu Giành cũng được trang bị các phương tiện như xe cẩu, xe thí nghiệm và nhiều xe vận tải chuyên dùng từ 10 - 15 tấn để phục vụ cho việc lắp đặt, vận chuyển MBA và thiết bị đến tận chân công trình.
- Với đội ngũ kỹ sư, công nhân giàu kinh nghiệm và mặt bằng rộng hơn 6 000 m^2 cùng với sự đầu tư nâng cấp máy móc, thiết bị hiện đại của các nước tiên tiến, Xưởng sửa chữa MBA Cầu Giành có đủ năng lực không chỉ sửa chữa, cải tạo từ 400 đến 500 máy/ năm mà những năm tiếp theo sẽ còn đảm nhận cả việc thiết kế, chế tạo các loại máy biến áp phân phối đáp ứng nhu cầu ngày một phát triển của Công ty Điện lực I. Xưởng bảo đảm việc kiểm tra giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm xuất xưởng, chất lượng cung cấp dịch vụ có liên quan tới MBA cho khách hàng và làm tốt công tác bảo hành sản phẩm.
- Các cơ sở điện lực khu vực miền Bắc và các khách hàng sẽ rất yên tâm và hài lòng khi gửi sửa chữa máy biến áp tại đây về chất lượng, tiến độ. Đặc biệt khi có nhu cầu, Điện lực Nam Định còn phục vụ từ khâu kiểm tra phát hiện hư hỏng, tháo dỡ, vận chuyển đến lắp đặt trọn gói theo đơn giá quy định của Công ty.

Điện lực Nam Định rất hân hạnh được hợp tác với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành để cùng phát triển.

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro thành lập năm 1981, là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Liên bang Nga khai thác dầu khí lớn nhất Việt Nam.

Hoạt động trên 3 mỏ: Bạch Hổ, Rồng và Đại Hùng
Sản lượng: ~ 37.000 tấn dầu thô/ngày đêm
~ 6 triệu m^3 khí/ngày đêm
Từ năm 1986 đến 2002 đạt >115 triệu tấn dầu thô

SẴN SÀNG HỢP TÁC, LIÊN DOANH VỚI CÁC CÔNG TY DẦU KHÍ KHÁC TRONG CÁC LĨNH VỰC:

Địa chất dầu khí, thiết kế, lắp ráp, xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí biển, khoan thăm dò, khai thác dầu khí, dịch vụ cảng, vận tải biển, phòng chống phun trào dầu, bảo vệ môi trường





TRỤ SỞ CHÍNH: 105 LÊ LỢI, VŨNG TÀU.
ĐIỆN THOẠI: (064) 839871/72 * FAX: (064) 839857 * EMAIL: HQ@VIETSOV.COM.VN

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
JAN 1 4 2004
CURRENT SERIALS

31
11-2003

Digitized by Google

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THỊNH AN KHƯƠNG

TAK COMPANY LIMITED

Địa chỉ 1: Xã An Lộc; huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước
Địa chỉ 2: 25 quốc lộ 14 - xã Đồng Tiến - huyện Đồng Phú - tỉnh Bình Phước
Điện thoại: 0651. 826 005 0651. 680 636 * Fax: 0651.826 005

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thịnh An Khương được thành lập ngày 12 - 3 - 1997. Giấy phép số 07 GP/TLDN do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp.

- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 042930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 20 - 3 -1997.
- Vốn pháp định: 2 902 550 000 đồng do Sở Tài chính tỉnh Bình Phước xác định ngày 13 - 5 - 1997.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Thương mại và dịch vụ - Trồng rừng, trồng cây công nghiệp, cây nông nghiệp - Chế biến Thực phẩm, chế biến nông sản, chế biến thức ăn gia súc - Chăn nuôi.

CHUYÊN CUNG CẤP:

- Cung cấp các loại cây giống, con giống nội và ngoại.
- Phân bón các loại, thuốc bảo vệ thực vật.
- Vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.
- Sắt thép các loại - Cửa nhôm - Kính xây dựng.
- Kim khí điện máy xe ô- tô và chạy xe cơ giới, phục vụ nông nghiệp.



Vườn cây mới trồng



Rừng cao-su

CÔNG TY THỊNH AN KHƯƠNG RẤT HÂN HẠNH ĐÓN NHẬN SỰ HỢP TÁC VỚI MỌI THÀNH PHẦN KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC CÓ CÙNG CHỨC NĂNG



Thu hoạch chè

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 694

31
11-2003

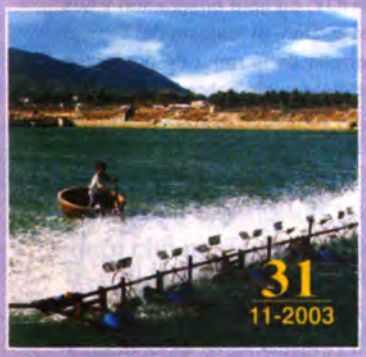
• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Nuôi tôm công nghiệp ở phường Cam Phú (Khánh Hòa)

Ảnh : Trần Tống

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: Quan niệm và giải pháp phát triển 3

LÊ HỮU NGHĨA - Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và quản lý của Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 13

NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TRẦN QUANG NHIẾP - Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng 18

DƯƠNG TÙNG - Hồ Chí Minh - một con người - một nhân cách 21

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

MAI KIỆM - Lý luận giá trị của C. Mác và vấn đề tiếp cận kinh tế tri thức ở Việt Nam 26

NGUYỄN THANH NGA - Để thương mại điện tử sớm đi vào cuộc sống ở nước ta 30

NGUYỄN BÁ THỦY - Di dân tự do và những tác động về văn hóa - xã hội ở Đắc Lắc 35

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

*** Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng: Kinh nghiệm và giải pháp 40

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

LÊ KIM CHUNG - Phát triển ngành thủy sản ở duyên hải Nam Trung Bộ 45

TỪ THANH - Phong trào nhân dân tự quản về an ninh trật tự ở Phú Thọ 50

ĐINH PHONG - Vai trò của báo chí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong đấu tranh chống tiêu cực 53

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

TRẦN KHÁNH - Liên kết ASEAN - xét từ góc độ lý luận của khu vực hóa 57

VŨ THẾ HÙNG - Vì sự an ninh toàn cầu về nước 61

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ФУ ЧОНГ: Рыночная экономика по социалистической ориентации: концепция и способ урегулирования. ЛЕ ХЫУ НГИА: Руководящая роль Партии и государственного управления в ходе развития рыночной экономики по социалистической ориентации во Вьетнаме. ЧАН КУАНГ НИЕП: Идеи Хо Ши Мина о роли народа в революционном деле. ЗЫОНГ ТУНГ: Хо Ши Мин – человек – личность. МАЙ КИЕМ: Теория К. Марса о стоимости и проблема подхода к экономике знаний во Вьетнаме. НГУЕН ТХАНЬ НГА: Чтобы электронная торговля рано вошла в жизнь нашей страны. НГУЕН БА ТХУ: Свободная миграция и её социально-культурные воздействия в провинции Даклак. *Научно-практический семинар:* «Строительство, упорядочение Партии, борьба против коррупции: Опыты и способы решения». ЛЕ КИМ ТЬЮНГ: Развитие отрасли морских и речных продуктов в приморье Юга Центральной части Вьетнама. ТЫ ТХАНЬ: Кампания за самоуправление народа в поддержании безопасности и порядка в провинции Футхо. ДИНЬ ФОНГ: Роль прессы в борьбе против негативных явлений в г. Хошимине. ЧАН КХАНЬ: Присоединение стран АСЕАН с точки зрения теории о регионализации. ВУ ТХЕ ХУНГ: За безопасность водных сесурсов на всей планете.

CONTENTS

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Socialist-oriented market economy: Conceptions of it and developmental solutions. LÊ HỮU NGHĨA: Leading role of the Communist Party and State's management in the process for developing socialist-oriented market economy in Vietnam. TRẦN QUANG NHIỄP: Hồ Chí Minh's ideas of People's role in the revolution cause. DƯƠNG TÙNG: Hồ Chí Minh – a man, a personality. MAI KIỆM: K. Marx's theory of values and the approach to knowledge economy in Vietnam. NGUYỄN THANH NGA: So that electronic trade could be early applied into our country's life. NGUYỄN BÁ THỦY: Unplanned migration and its cultural and social affects in Đắc Lắc province. *Scientific-pragmatic seminar:* "Experiences and solutions in Party building, regulating, and fighting against corruption". LÊ KIM CHUNG: Development of water-products industry in the coastal areas of the Southern part of Middle Vietnam. TỪ THANH: The campaign of People's self-management in maintaining safety and order in Phú Thọ province. ĐINH PHONG: Significance of the press in the territory of Hồ Chí Minh city in the struggle against passive aspects. TRẦN KHÁNH: ASEAN's integration in viewpoint of the theory of region-division. VŨ THẾ HÙNG: For water's safety in the whole planet.

SOMMAIRE

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: L'économie de marché à l'orientation socialiste: Conception et solutions de développement. LÊ HỮU NGHĨA: Le rôle dirigeant du Parti communiste et gestionnaire de l'Etat dans le développement de l'économie de marché à l'orientation socialiste au Vietnam. TRẦN QUANG NHIỄP: La pensée de Hồ Chí Minh sur le rôle du peuple dans l'œuvre révolutionnaire. DƯƠNG TÙNG: Ho Chi Minh : un homme, une personnalité. MAI KIỆM: La théorie des valeurs de K. Marx et l'approche de l'économie du savoir au Vietnam. NGUYỄN THANH NGA: Pour une rapide introductrion du commerce électronique dans la vie au Vietnam. NGUYỄN BÁ THỦY: La migration spontanée et ses impacts sociaux et culturels au Đắc Lắc. *Colloque Science-Pratique* : "Edification et rectification du Parti, lutte contre la corruption : exprériences et solutions". LÊ KIM CHUNG: Le développement de l'aquaculture au littoral du Trung Bộ méridional. TỪ THANH: Le mouvement de l'autogestion de la population dans le domaine de la sécurité et de l'ordre dans la province de Phú Thọ. ĐINH PHONG: Le rôle de la presse à Hồ Chí Minh-ville dans la lutte contre les phénomènes négatifs. TRẦN KHÁNH: L'association des pays de l'ASEAN vue de l'angle théorique de la régionalisation. VŨ THẾ HÙNG: Pour la sécurité globale en eau.

SUMARIO

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: La economía mercantil en orientación socialista: concepciones y medidas de desarrollo. LÊ HỮU NGHĨA: El papel directivo del Partido Comunista de Vietnam y la gestión estatal en el proceso de desarrollo económico de mercado a la orientación socialista en Vietnam. TRẦN QUANG NHIỄP: El pensamiento de Hồ Chí Minh sobre el papel del pueblo en la causa revolucionaria. DƯƠNG TÙNG: Hồ Chí Minh – un hombre y una personalidad. MAI KIỆM: La teoría del valor de C.Marx y la cuestión de acercamiento de la economía de conocimiento en Vietnam. NGUYỄN THANH NGA: Para que el comercio electrónico entre temprano en la vida de nuestro país. NGUYỄN BÁ THỦY: La libre emigración y sus impactos socio-cultural en la provincia de Đắc Lắc. *Seminario de ciencia y práctica:* "La construcción, el reajuste del Partido y el combate contra la malversación: experiencias y soluciones". LÊ KIM CHUNG: El desarrollo de la rama de productos acuáticos en el litoral sureño de Trung Bộ. TỪ THANH: El movimiento de autoadministración del pueblo sobre la seguridad y el orden en Phú Thọ. ĐINH PHONG: El papel de la prensa en Ciudad Hồ Chí Minh en la lucha contra los hechos negativos. TRẦN KHÁNH: La alianza de ASEAN bajo el ángulo teórico de regionalización. VŨ THẾ HÙNG: Por la seguridad internacional sobre el agua.

目录

• 阮富仲：社会主义定向的市场经济：观念及其发展措施• 黎友义：越南共产党的领导及国家管理在社会主义定向的市场经济进程中所起的作用• 陈光振：胡志明思想论述人民在革命事业中所起的作用• 杨松：胡志明一个平凡的人、一个伟大的人格• 梅俭：马克思理论的价值及越南贴近经济知识的问题• 阮清娥：让电子贸易早日进入我国人民的生活• 阮伯水：多乐省自由移民及对文化社会的影响• 科学实践研讨会：《建设党、整顿党，反腐败》的经验和解决措施• 黎金中：越南南方中部沿海发展水产业• 徐青：在富寿省人民自行管理安全秩序的运动• 丁风：在胡志明市反消极斗争中新闻媒体所起的作用• 陈庆：东盟联结—从区域的化理论角度而视• 武世雄：为了全球水的安全

Digitized by Google

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA : QUAN NIỆM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

NGUYỄN PHÚ TRỌNG*

Lời Bộ Biên tập: *Trong hai ngày 8 và 9-10-2003, tại Thủ đô Bắc Kinh (Trung Quốc), đã diễn ra Hội thảo lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc với chủ đề "Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường - kinh nghiệm của Trung Quốc, kinh nghiệm của Việt Nam". Đây là một vấn đề lý luận cơ bản, quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.*

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, làm Trưởng đoàn và Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc do đồng chí Lưu Vân Sơn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Bí thư Trung ương, Trưởng Ban Tuyên truyền Trung ương, làm Trưởng đoàn.

Hội thảo đã khẳng định tính khách quan, nhu cầu tất yếu và thành tựu to lớn của việc xây dựng và phát triển kinh tế thị trường phù hợp với điều kiện của mỗi nước trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; đồng thời, đặt ra nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đòi hỏi phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu phục vụ thiết thực cho sự nghiệp đổi mới, cải cách ở mỗi nước.

Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu nội dung chính bản Báo cáo đề dẫn Hội thảo của đồng chí Nguyễn Phú Trọng và sẽ lần lượt giới thiệu một số nội dung cơ bản của cuộc Hội thảo quan trọng này.

I - VÌ SAO VIỆT NAM LỰA CHỌN MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ?

1- Như mọi người đã biết, kinh tế thị trường là một kiểu tổ chức kinh tế phản ảnh trình độ phát triển nhất định của văn minh nhân loại. Từ trước đến nay nó tồn tại và phát triển chủ yếu dưới chủ nghĩa tư bản, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản đã biết lợi dụng tối đa ưu thế của kinh tế thị trường để phục vụ cho mục tiêu phát triển tiềm năng kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận, và một cách khách quan nó thúc đẩy lực lượng sản xuất của xã hội phát triển mạnh mẽ. Ngày nay, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã đạt tới giai đoạn phát triển khá cao và phồn thịnh trong các nước tư bản phát triển.

---

* GS, TS, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Digitized by Google

Tuy nhiên, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa không phải là vạn năng. Bên cạnh mặt tích cực nó còn có mặt trái, có khuyết tật từ trong bản chất của nó do chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa chi phối. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, càng ngày mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản càng bộc lộ sâu sắc, không giải quyết được các vấn đề xã hội, làm tăng thêm tính bất công và bất ổn của xã hội, đào sâu thêm hố ngăn cách giữa người giàu và người nghèo. Hơn thế nữa, trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay, nó còn ràng buộc các nước kém phát triển trong quỹ đạo bị lệ thuộc và bị bóc lột theo quan hệ "trung tâm - ngoại vi". Có thể nói, nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa toàn cầu ngày nay là sự thống trị của một số ít nước lớn hay một số tập đoàn xuyên quốc gia đối với đa số các nước nghèo, làm tăng thêm mâu thuẫn giữa các nước giàu và các nước nghèo.

Chính vì thế mà, như C. Mác đã phân tích và dự báo, chủ nghĩa tư bản tất yếu phải nhường chỗ cho một phương thức sản xuất và chế độ mới văn minh hơn, nhân đạo hơn. Chủ nghĩa tư bản mặc dù đã và đang tìm mọi cách để tự điều chỉnh, tự thích nghi bằng cách phát triển "nền kinh tế thị trường hiện đại", "nền kinh tế thị trường xã hội", tạo ra "chủ nghĩa tư bản xã hội", "chủ nghĩa tư bản nhân dân", "nhà nước phúc lợi chung"..., tức là phải có sự can thiệp trực tiếp của nhà nước và cũng phải chăm lo vấn đề xã hội nhiều hơn, nhưng do mâu thuẫn từ trong bản chất của nó, chủ nghĩa tư bản không thể tự giải quyết được, có chăng nó chỉ tạm thời xoa dịu được chừng nào mâu thuẫn mà thôi. Nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa hiện đại đang ngày càng thể hiện xu hướng tự phủ định và tự tiến hóa để chuẩn bị chuyển sang giai đoạn hậu công nghiệp, theo xu hướng xã hội hóa. Đây là tất yếu khách quan, là quy luật phát triển của xã hội. Nhân loại muốn tiến lên, xã hội muốn phát triển thì dứt khoát không thể dừng lại ở kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

2 - Mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xô-viết là một kiểu tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế muốn sớm khắc phục những khuyết tật của chủ nghĩa tư bản, muốn nhanh chóng xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp hơn, một phương thức sản xuất văn minh, hiện đại hơn chủ nghĩa tư bản. Đó là một ý tưởng tốt đẹp, và trên thực tế suốt hơn 70 năm tồn tại, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu vĩ đại, làm thay đổi hẳn bộ mặt của đất nước và đời sống của nhân dân Liên Xô. Nhưng có lẽ do nôn nóng, làm trái quy luật (muốn xóa bỏ ngay kinh tế hàng hóa, áp dụng ngay cơ chế kinh tế phi thị trường), không năng động, kịp thời điều chỉnh khi cần thiết cho nên rút cuộc đã không thành công.

Thực ra, khi mới vận dụng học thuyết Mác vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười, V.I.Lê-nin cũng đã từng chủ trương không áp dụng mô hình kinh tế thị trường mà thực hiện "chính sách cộng sản thời chiến". Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, Người đã phát hiện ra sai lầm, khắc phục sự nóng vội bằng cách đưa ra thực hiện "chính sách kinh tế mới" (NEP) mà nội dung cơ bản của nó là khuyến khích phát triển kinh tế hàng hóa, chấp nhận ở mức độ nhất định cơ chế thị trường. Theo V.I.Lê-nin, để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước còn tương đối lạc hậu về kinh tế như nước Nga, cần phải sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ và phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đặc biệt là sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước để phát triển lực lượng sản xuất. Tuy chỉ mới thực hiện trong thời gian ngắn nhưng NEP đã đem lại những kết quả tích cực cho nước Nga: hồi phục và phát triển nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, nhiều ngành kinh tế bắt đầu hoạt động năng động, nhộn nhịp hơn. Tiếc rằng, tư tưởng của V.I.Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội với

Digitized by Google

chính sách NEP đã không được tiếp tục thực hiện sau khi Người qua đời. Sự thành công và sự phát triển mạnh mẽ suốt một thời gian khá dài của Liên Xô trong công cuộc công nghiệp hóa đất nước bằng mô hình kinh tế dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, kế hoạch hóa tập trung cao độ; phân phối thu nhập mang tính bình quân; kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường bị loại bỏ đã có sức hấp dẫn lớn đối với nhân loại và làm cho giới lý luận kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang phát triển tuyệt đối hóa, biến thành công thức để áp dụng cho tất cả các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Cũng cần nói thêm rằng, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, giới lý luận ở một số nước cũng cảm thấy có cái gì "chưa ổn", cũng đã đưa ra những kiến nghị, những đề xuất, đại loại như quan điểm "chủ nghĩa xã hội thị trường",... nhưng không được chấp nhận.

Vào cuối những năm 70 của thế kỷ XX, những hạn chế, khuyết tật của mô hình kinh tế Xô-viết bộc lộ ra rất rõ cộng với sự yếu kém trong công tác lãnh đạo, quản lý lúc bấy giờ đã làm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu rơi vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng. Một số người lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước Liên Xô lúc đó muốn thay đổi tình hình bằng công cuộc cải cách, cải tổ, nhưng với một "tư duy chính trị mới", họ đã phạm sai lầm nghiêm trọng cực đoan, phiến diện (ở đây chưa nói tới sự phản bội lý tưởng xã hội chủ nghĩa của họ và sự phá hoại thâm hiểm của các thế lực thù địch), dẫn tới sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ở Đông Âu vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX đã làm lộ rõ những khuyết tật của mô hình kinh tế cứng nhắc phi thị trường, mặc dù những khuyết tật đó không phải là nguyên nhân tất yếu dẫn đến sự sụp đổ.

3 - Việt Nam là một nước nghèo, kinh tế - kỹ thuật lạc hậu, trình độ xã hội còn thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Đi lên chủ nghĩa xã hội là mục tiêu lý tưởng của những người cộng sản và nhân dân Việt Nam, là khát vọng ngàn đời thiêng liêng của cả dân tộc Việt Nam. Nhưng đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào ? Đó là câu hỏi lớn và cực kỳ hệ trọng, muốn trả lời thật không đơn giản. Suốt một thời gian dài, Việt Nam, cũng như nhiều nước khác, đã áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xô-viết, mô hình kinh tế kế hoạch tập trung mang tính bao cấp. Mô hình này đã thu được những kết quả quan trọng, nhất là đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ đất nước có chiến tranh. Nhưng về sau mô hình này bộc lộ những khuyết điểm; và trong công tác chỉ đạo cũng phạm phải một số sai lầm mà nguyên nhân sâu xa của những sai lầm đó là bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động đơn giản, nóng vội, không tôn trọng quy luật khách quan, nhận thức về chủ nghĩa xã hội không đúng với thực tế Việt Nam.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn hơn và đầy đủ hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước nhằm thực hiện có hiệu quả hơn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội đưa ra những quan niệm mới về con đường, phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là quan niệm về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, về cơ cấu kinh tế, thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hóa và thị trường, phê phán triệt để cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, và khẳng định chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh. Đại hội chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với những hình thức kinh doanh phù hợp; coi trọng việc kết hợp lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội; chăm lo toàn diện và phát huy nhân tố

Digitized by Google

con người, có nhận thức mới về chính sách xã hội. Đại hội VI là một cột mốc đánh dấu bước chuyển quan trọng trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đó là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, thử nghiệm, suy tư, đấu tranh tư tưởng rất gian khổ, kết tinh trí tuệ và công sức của toàn Đảng, toàn dân trong nhiều năm.

Hội nghị Trung ương 6 (tháng 3-1989), khóa VI, phát triển thêm một bước, đưa ra quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội, coi "chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa *chiến lược lâu dài, có tính quy luật* từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội".

Đến Đại hội VII (tháng 6-1991), Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nói rõ hơn chủ trương này và khẳng định đây là chủ trương chiến lược, là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội* của Đảng khẳng định: "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước". Đại hội VIII của Đảng (tháng 6-1996) đưa ra một kết luận mới rất quan trọng: "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng". Nhưng lúc đó cũng mới nói nền kinh tế hàng hóa, cơ chế thị trường, chưa dùng khái niệm "kinh tế thị trường". Phải đến Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001) mới chính thức đưa ra khái niệm *"kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"*. Đại hội khẳng định: Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối chiến lược nhất quán, là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây là kết quả sau nhiều năm nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết thực tiễn; và là bước phát triển mới về tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II - BẢN CHẤT, ĐẶC TRƯNG CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không phải là sự gán ghép chủ quan giữa *kinh tế thị trường* và *chủ nghĩa xã hội*, mà là sự nắm bắt và vận dụng xu thế vận động khách quan của kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay. Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở nhận thức tính quy luật phát triển của thời đại và sự khái quát, đúc rút từ kinh nghiệm phát triển kinh tế thị trường thế giới, đặc biệt là từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và ở Trung Quốc, để đưa ra chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm sử dụng kinh tế thị trường để thực hiện mục tiêu từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *mô hình kinh tế trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*. Đây là *một kiểu kinh tế thị trường mới* trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường. Cũng có thể nói kinh tế thị trường là *"cái phổ biến"*, còn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *"cái đặc thù"* của Việt Nam, phù hợp với điều kiện và đặc điểm cụ thể của Việt Nam.

Nói kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nghĩa đây không phải là kinh tế thị trường tự do theo kiểu tư bản chủ nghĩa, cũng không phải là kinh tế bao cấp, quản lý theo kiểu tập trung quan liêu; và cũng chưa hoàn toàn là kinh tế thị trường xã hội chủ

nghĩa, bởi vì như trên đã nói, Việt Nam đang ở trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vừa có vừa chưa có đầy đủ các yếu tố của chủ nghĩa xã hội.

Chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *sự tiếp thu có chọn lọc thành tựu của văn minh nhân loại,* phát huy vai trò tích cực của kinh tế thị trường trong việc thúc đẩy phát triển sức sản xuất, xã hội hóa lao động, cải tiến kỹ thuật - công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra nhiều của cải, góp phần làm giàu cho xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; đồng thời phải có những biện pháp hữu hiệu nhằm hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, như chạy theo lợi nhuận đơn thuần, cạnh tranh khốc liệt, bóc lột và phân hóa giàu nghèo quá đáng, ít quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội. Đây cũng là *sự lựa chọn tự giác con đường và mô hình phát triển trên cơ sở quán triệt lý luận Mác - Lê-nin, nắm bắt đúng quy luật khách quan và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.*

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý, và phân phối. Nói cách khác, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Mục đích của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới, tiên tiến.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý nền kinh tế bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, pháp luật, và bằng cả sức mạnh vật chất của lực lượng kinh tế nhà nước; đồng thời sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, của toàn thể nhân dân.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa và giáo dục, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao dân trí, giáo dục và đào tạo con người, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

Cũng có thể nói, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu tổ chức kinh tế của một xã hội đang trong quá trình chuyển biến từ nền kinh tế còn ở trình độ thấp sang nền kinh tế ở trình độ cao hơn hướng tới chế độ xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Đây là nền kinh tế thị trường có tổ chức, có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, được định hướng cao về mặt xã hội, hạn chế tối đa những khuyết

Digitized by Google

tật của tính tự phát thị trường, nhằm phục vụ tốt nhất lợi ích của đại đa số nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

Chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Có ý kiến cho rằng, không thể có kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; rằng chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường không thể dung hợp với nhau, nếu đem "ghép" *định hướng xã hội chủ nghĩa* vào *kinh tế thị trường* thì chẳng khác nào trộn dầu vào nước, tạo ra một cơ thể "đầu Ngô mình Sở". Theo chúng tôi, ý kiến này không đúng. Không đúng là vì, hoặc ý kiến này muốn trì kéo Việt Nam trong quỹ đạo phát triển của chủ nghĩa tư bản, phủ nhận định hướng xã hội chủ nghĩa, không muốn Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là điều trái với quy luật khách quan, không thể chấp nhận. Hoặc ý kiến này không thoát ra được khỏi tư duy cũ, đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản, cho kinh tế thị trường là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản, từ đó "dị ứng" với kinh tế thị trường, không thấy hết những yếu tố mới, xu hướng mới của kinh tế thị trường trong điều kiện mới của thời đại, lặp lại sai lầm của một thời trước đây.

Cũng có ý kiến nhấn mạnh một chiều những đặc trưng chung, những cái phổ biến của kinh tế thị trường, chưa thấy hết hoặc còn phân vân, nghi ngờ về những đặc điểm riêng, những cái đặc thù của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ đó chưa tin là kinh tế thị trường có thể phát triển trên cơ sở chế độ công hữu là nền tảng, kinh tế quốc doanh là chủ đạo; rằng trong kinh tế thị trường không thể có kế hoạch, không thể thực hiện được công bằng xã hội, không thể khắc phục được những tiêu cực, mặt trái của cơ chế thị trường, v.v.. Lại có ý kiến băn khoăn cho rằng, việc lựa chọn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực chất là trở về với chủ nghĩa tư bản, có thêm định ngữ *"định hướng xã hội chủ nghĩa"* thì cũng chỉ là để cho yên lòng, cho có vẻ "giữ vững lập trường" mà thôi, trước sau gì thì cũng trượt sang con đường tư bản chủ nghĩa.

Chúng tôi cho rằng, những băn khoăn này là dễ hiểu, bởi vì đây là những điều còn rất mới mẻ, chưa có tiền lệ, nếu không xác định rõ nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa và kiên trì vai trò quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế thị trường thì những điều đó rất dễ xảy ra. Chúng tôi còn phải vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm. Nhưng có điều cần khẳng định là: trong điều kiện mới của thời đại ngày nay, nhất định không thể duy trì mãi mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, không thể đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản. Chính C.Mác đã phê phán sự lầm lẫn giữa kinh tế hàng hóa với kinh tế tư bản chủ nghĩa của phái kinh tế học tầm thường. C.Mác khẳng định rằng : *"... sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa là những hiện tượng thuộc về nhiều phương thức sản xuất hết sức khác nhau, tuy rằng quy mô và tầm quan trọng của chúng không giống nhau... Chúng ta hoàn toàn chưa biết một tí gì về những đặc điểm riêng của những phương thức sản xuất ấy và chúng ta chưa thể nói gì về những phương thức ấy, nếu như chúng ta chỉ biết có những phạm trù trừu tượng của lưu thông hàng hóa, những phạm trù chung cho tất cả các phương thức ấy"*[1]. Phải chăng việc nhận thức cho đúng và nói cho được những đặc điểm riêng của những phương thức sản xuất đặc thù ấy là trách nhiệm mà C.Mác giao cho và gửi gắm các thế hệ ngày nay?

---

(1) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, t 23, tr 175

Lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không phải đơn giản là sự trở về với phương thức chuyển nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp, mà điều quan trọng có ý nghĩa quyết định là phải chuyển sang nền kinh tế hiện đại, văn minh nhằm mục tiêu từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là sự lựa chọn phù hợp với các quy luật phát triển và các điều kiện lịch sử cụ thể của thời đại và của những nước đi sau, cho phép các nước này giảm thiểu được những đau khổ và rút ngắn được con đường đi của mình tới chủ nghĩa xã hội trên cơ sở sử dụng được ưu thế cũng như hạn chế được những khuyết điểm của hai cơ chế: *kế hoạch* và *thị trường*. Nói cách khác, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là kiểu tổ chức kinh tế đặc biệt, vừa tuân theo những nguyên tắc và quy luật của hệ thống kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính tính chất, đặc trưng cơ bản này chi phối và quyết định phương tiện, công cụ, động lực của nền kinh tế và con đường đạt tới mục tiêu, là sử dụng kinh tế thị trường, nâng cao hiệu lực và hiệu quả điều tiết của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở cửa và hội nhập nhằm thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển rút ngắn để trong khoảng thời gian không dài có thể khắc phục tình trạng lạc hậu, đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

III - LÀM THẾ NÀO ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐƯỢC KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM ?

Đây là một câu hỏi lớn mà muốn trả lời được đầy đủ và chính xác phải qua từng bước thử nghiệm, tổ chức thực hiện trong thực tế rồi đúc rút, bổ sung, hoàn chỉnh dần.

Hơn 10 năm qua, kể từ khi Việt Nam bước vào thực hiện mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả và thành tựu đáng mừng, làm thay đổi khá rõ tình hình đất nước. Kinh tế ra khỏi tình trạng khủng hoảng, hoạt động ngày càng năng động và có hiệu quả. Của cải xã hội ngày càng nhiều, hàng hóa ngày càng phong phú. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Đất nước chẳng những giữ vững được ổn định chính trị trước những chấn động lớn trên thế giới mà còn có bước phát triển đi lên. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân 7% /năm. Nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là về sản xuất lương thực, nuôi trồng và khai thác thủy sản. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 13,5%/năm. Hệ thống kết cấu hạ tầng được tăng cường. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu phát triển. Quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế không ngừng được mở rộng,... Tuy nhiên, cũng có nhiều vấn đề mới đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu và giải quyết.

Từ thực tiễn phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời gian qua và căn cứ vào yêu cầu phát triển trong thời gian tới, có thể xác định những phương hướng, nhiệm vụ cơ bản phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam như sau:

1 - *Phải tiếp tục thực hiện một cách nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần*, coi các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Không nên có thái độ định kiến và kỳ thị đối với bất cứ thành phần kinh tế nào.

Kinh tế nhà nước phải phát huy được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, là nhân tố

Digitized by Google

mở đường cho sự phát triển kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật.

Đẩy mạnh việc củng cố, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu của các doanh nghiệp nhà nước; đồng thời tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước theo hướng xóa bao cấp; doanh nghiệp thực sự cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, tự chịu trách nhiệm về sản xuất, kinh doanh; nộp đủ thuế và có lãi; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp.

Kinh tế tập thể gồm các hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn; liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học và công nghệ, thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ phát triển, bao gồm cả các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động; liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước. Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động.

Tạo điều kiện để *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* phát triển thuận lợi, hướng vào các sản phẩm xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm. Cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài,

Phát triển đa dạng *kinh tế tư bản nhà nước* dưới dạng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh tế. Chú trọng các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước. Phát triển mạnh hình thức tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội.

2 - *Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước.* Nhìn chung, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mới được bắt đầu, trình độ còn thấp, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh chưa cao. Nhiều thị trường còn sơ khai, chưa đồng bộ. Vì vậy, phải đổi mới mạnh mẽ tư duy hơn nữa, đẩy mạnh việc hình thành các loại thị trường. Đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ, đáp ứng nhu cầu đa dạng và nâng cao sức mua của thị trường trong nước, cả ở thành thị và nông thôn, chú ý thị trường các vùng có nhiều khó khăn. Chủ động hội nhập thị trường quốc tế. Hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh.

Mặt khác, phải đổi mới sâu rộng cơ chế quản lý kinh tế, phát huy những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, triệt để xóa bỏ bao cấp

Digitized by Google

trong kinh doanh, tăng cường vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, gây phiền hà. Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển; bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách, kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước, bảo đảm cân đối vĩ mô nền kinh tế, điều tiết thu nhập; kiểm tra, thanh tra mọi hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, chống buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại.

Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, trong đó đặc biệt coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống các cơ chế chính sách, luật pháp, đổi mới công tác kế hoạch hóa, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường công tác thông tin kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, công tác kế toán, thống kê; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ trong công tác dự báo, kiểm tra tình hình thực hiện ở cả cấp vĩ mô và doanh nghiệp.

3 - *Giải quyết tốt các vấn đề xã hội*, hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng xã hội, coi đây là một nội dung rất quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính ưu việt của chế độ xã hội mới. Điều đó chẳng những tạo động lực mạnh mẽ nhằm phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động mà còn thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu chính đáng và hợp pháp, điều tiết các quan hệ xã hội.

Trong tình hình cụ thể hiện nay ở Việt Nam, phải bằng nhiều giải pháp tạo ra nhiều việc làm mới. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Từng bước mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội. Sớm xây dựng và thực hiện chính sách bảo hiểm cho người lao động thất nghiệp. Cải cách cơ bản chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi, khắc phục tình trạng lương và trợ cấp bất hợp lý; tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh.

Tiếp tục thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc những người có công với nước, thương binh, bệnh binh, cha mẹ, vợ con liệt sĩ, gia đình chính sách - một yêu cầu rất lớn đối với một đất nước phải chịu nhiều hậu quả sau 30 năm chiến tranh. Đồng thời đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự và kỷ cương xã hội, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma tuý, mại dâm, lối sống không lành mạnh, những hành vi trái pháp luật và đạo lý. Kiên quyết đấu tranh với tệ tham nhũng, hối lộ, làm giàu bất chính, kinh doanh không hợp pháp, gian lận thương mại... cùng với những tiêu cực khác do mặt trái của cơ chế thị trường gây ra. Kết quả cụ thể của cuộc đấu tranh này là thước đo bản lĩnh, trình độ và năng lực quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

4 - *Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản*. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc và là nhân tố quyết định nhất bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường, cũng như toàn bộ sự nghiệp phát triển của đất nước. Đây cũng là một trong những bài học lớn nhất được rút ra trong những năm đổi mới.

Càng đi vào kinh tế thị trường, thực hiện dân chủ hóa xã hội, mở rộng hợp tác quốc tế càng phải tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Thực tế ở một số nước cho thấy, chỉ cần một chút mơ hồ, buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng là lập tức tạo điều kiện cho các thế lực thù địch dẫn tới phá rã sự lãnh đạo

Digitized by Google

của Đảng, cướp chính quyền, đưa đất nước đi con đường khác.

Hiện nay, có ý kiến cho rằng, đã chuyển sang kinh tế thị trường - tức là nền kinh tế vận động theo quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... thì không cần phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Sự lãnh đạo của Đảng nhiều khi cản trở, làm "vướng chân" sự vận hành của kinh tế (?). Ý kiến này không đúng và thậm chí rất sai lầm. Bởi vì như trên đã nói, Việt Nam chủ trương phát triển kinh tế thị trường nhưng không phải để cho nó vận động một cách tự phát, mù quáng mà phải có lãnh đạo, hướng dẫn, điều tiết, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, vì lợi ích của đại đa số nhân dân, vì một xã hội công bằng và văn minh. Người có khả năng và điều kiện làm được việc đó không thể ai khác ngoài Đảng Cộng sản - là đảng phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, thật sự đại diện và bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Đảng lãnh đạo có nghĩa là Đảng đề ra đường lối, chiến lược phát triển của đất nước nói chung, của lĩnh vực kinh tế nói riêng, bảo đảm tính chính trị, tính định hướng đúng đắn trong sự phát triển kinh tế, làm cho kinh tế chẳng những có tốc độ tăng trưởng và năng suất lao động cao, có lực lượng sản xuất không ngừng lớn mạnh mà còn đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tức là hạn chế được bất công, bóc lột, chăm lo và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân lao động. Trên cơ sở đường lối, chiến lược đó, Đảng lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị và guồng máy xã hội, trước hết là Nhà nước, tổ chức thực hiện bằng được phương hướng và nhiệm vụ đã đề ra.

Đương nhiên, để có đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, Đảng phải thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân tin cậy và ủng hộ. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng, có trí tuệ, có kiến thức, giữ gìn đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, đấu tranh khắc phục có hiệu quả tệ tham nhũng và các hiện tượng thoái hóa, hư hỏng trong Đảng và trong bộ máy của Nhà nước.

Tóm lại, sự hình thành tư duy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ đơn thuần là sự tìm tòi và phát kiến về mặt lý luận của chủ nghĩa xã hội, mà còn là sự lựa chọn và khẳng định con đường và mô hình phát triển trong thực tiễn mang tính cách mạng và sáng tạo của Việt Nam. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình tất yếu phù hợp với quy luật phát triển của thời đại và đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, đây là sự nghiệp vô cùng khó khăn, phức tạp, lâu dài, bởi lẽ nó rất mới mẻ, chưa có tiền lệ, phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Riêng về mặt lý luận cũng còn không ít vấn đề phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tổng kết, làm sáng tỏ. Chẳng hạn như: các vấn đề về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế; về lao động và bóc lột; về quản lý doanh nghiệp nhà nước ra sao để nó đóng được vai trò chủ đạo; làm thế nào để thực hiện được công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế còn thấp kém; vấn đề bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong điều kiện phát triển kinh tế nhiều thành phần; các giải pháp tăng cường sức mạnh và hiệu lực của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chống quan liêu, tham nhũng, v.v..

Với phương châm *"Hãy bắt tay vào hành động, thực tiễn sẽ cho câu trả lời"*, hy vọng rằng từng bước, từng bước, thực tiễn sẽ làm sáng tỏ được các vấn đề nêu trên, góp phần làm phong phú thêm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện Việt Nam trong thời đại ngày nay. ❑

Digitized by Google

VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

LÊ HỮU NGHĨA*

1

Kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội không chỉ là một trong những đại vấn đề, là điểm then chốt trong lý luận về chủ nghĩa xã hội mà còn có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đây là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Quan điểm này là kết quả của một quá trình đổi mới tư duy, vận dụng lý luận, tổng kết thực tiễn; là quá trình tìm tòi, thử nghiệm, trăn trở, đấu tranh tư tưởng - lý luận trong Đảng và ngoài xã hội. Thực tiễn đã khẳng định và chứng minh đây là một bước đột phá có tính sáng tạo và cách mạng trong tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta biết, tư duy lý luận trước đây coi sản xuất hàng hóa và kinh tế thị trường là đối lập tuyệt đối với chủ nghĩa xã hội như "nước với lửa", chúng không thể dung hợp với nhau được. Theo tư duy đó, kinh tế thị trường đồng nhất với chủ nghĩa tư bản; còn kinh tế kế hoạch hóa tập trung được đồng nhất với chủ nghĩa xã hội và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội cũng được coi là bắt nguồn từ đó.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới mấy thập niên gần đây đã chứng minh tư duy đó không phù hợp với thực tế. Trong chủ nghĩa xã hội, vẫn tồn tại sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường, cả sản xuất, lưu thông phân phối đều phải thông qua thị trường, đều phải chịu sự tác động của quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, tức những quy luật của kinh tế thị trường. Sai lầm của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây là, trong một thời gian tương đối dài, đã phủ nhận kinh tế thị trường, thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp.

Ở Việt Nam, cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp đã tồn tại tương đối dài, từ khi hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954) cho đến cuối những năm 80 đầu những năm 90 của thế kỷ XX. Tình trạng đó do 3 nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- *Thứ nhất*, do theo nhận thức lý luận cũ;

- *Thứ hai*, do ảnh hưởng của mô hình cũ về chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa;

- *Thứ ba*, do yêu cầu của thực tiễn kháng chiến chống ngoại xâm.

Phải nhấn mạnh là, cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp ở Việt Nam đã phát huy tác dụng

* GS, TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

Digitized by Google

tích cực trong việc huy động sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Tuy nhiên, sau khi đất nước thống nhất (1975), sự tiếp tục tồn tại quá mức của cơ chế tập trung bao cấp đã trở thành cơ chế kìm hãm, cản trở sự phát triển của sản xuất, đời sống, đưa đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm sau đó. Đúng như V.I.Lê-nin nói, ưu điểm của ngày hôm qua kéo dài quá mức đã trở thành khuyết điểm của ngày hôm nay.

Mặc dù chịu sự tác động của cơ chế đó nhưng nhiều nhân tố mới không ngừng xuất hiện trong phong trào quần chúng trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, phân phối lưu thông v.v.. để tìm cách thoát khỏi sự kìm hãm. Những hiện tượng "xé rào" chính là sự thể hiện quá trình trăn trở tìm tòi đó, thể hiện nhu cầu tất yếu của cuộc sống được Đảng ta đón nhận, từng bước và thận trọng nghiên cứu, sơ kết nhằm chuẩn bị cho sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội.

Đại hội VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, là một bước ngoặt cách mạng trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đại hội VII (1991) và VIII (1996) của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục đường lối đó và tiến những bước mới trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua khẳng định: "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước"(1). Văn kiện Đại hội VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nhấn mạnh: "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng"(2). Đến Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam, việc đưa ra khái niệm "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" đã đánh dấu một bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng. Nó thể hiện thái độ rõ ràng, dứt khoát của Đảng trong việc từ bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, trong việc chấp nhận kinh tế thị trường, trong việc thừa nhận chủ nghĩa xã hội có thể dung hợp với kinh tế thị trường, có thể sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là bước đi phù hợp với giai đoạn lịch sử mà đất nước hiện nay đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa khác về bản chất giai cấp xã hội, về mục đích... với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, song cũng chưa hoàn toàn là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" và "Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" là *những khái niệm cùng bản chất nhưng khác nhau về cấp độ, trình độ.*

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là *một kiểu tổ chức nền kinh tế vừa dựa trên những nguyên tắc và quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên những nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội.* Nó là một kiểu tổ chức kinh tế - xã hội, trong đó quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng gắn với thị trường, được thực hiện thông qua thị trường dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước Việt Nam. Vì vậy, kinh tế thị trường không chỉ là công nghệ, là kỹ thuật mà còn là quan hệ xã hội, không chỉ bao hàm yếu tố lực lượng sản xuất mà còn cả quan hệ sản xuất. Nó gồm nhiều hình thức sở hữu mà trong đó nó phụ thuộc vào chế độ sở hữu Nhà nước xã hội chủ nghĩa thống trị.

Điều đó cho thấy, không có kinh tế thị trường chung chung, thuần túy, trừu tượng, tách khỏi các hình thái kinh tế - xã hội, tách rời chế độ xã hội. Trong các chế độ xã hội khác nhau, kinh tế thị trường mang tính chất xã hội khác nhau, có những hậu quả xã hội khác nhau. Tác động tích

(1) Xem *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 11, 12

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội,1996, tr 97

Digitized by Google

cực và tiêu cực của kinh tế thị trường đến đâu còn phụ thuộc vào chế độ xã hội, vào đường lối của đảng cầm quyền, vào chính sách và pháp luật của nhà nước.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có hai đặc điểm cơ bản: *Một là,* đây là nền kinh tế thị trường mới bước đầu hình thành, còn sơ khai, còn ở trình độ thấp, các loại thị trường chưa hình thành đầy đủ, đồng bộ. Và *hai là,* kinh tế thị trường mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa, nó khác với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, nó do Đảng Cộng sản lãnh đạo và Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý.

Điều cần nhấn mạnh là, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và vai trò quản lý của Nhà nước đối với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là *tất yếu,* bởi vì:

- Đây là một đặc điểm bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được chi phối bởi bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Không có Đảng Cộng sản lãnh đạo và Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý thì không thể có kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà đó sẽ chỉ là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

- Kinh tế thị trường vốn có xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa. Chỉ có Đảng Cộng sản lãnh đạo bằng đường lối, chủ trương đúng đắn, phù hợp và sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa bằng chính sách, pháp luật, bằng các công cụ quản lý vĩ mô (tài chính, tín dụng, kế hoạch, quy hoạch...) mới hạn chế tính tự phát tư bản chủ nghĩa, đảm bảo được định hướng xã hội chủ nghĩa cho sự phát triển của nền kinh tế đất nước, thực hiện được sự kết hợp giữa kế hoạch và thị trường, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong mỗi bước phát triển.

- Kinh tế thị trường vốn có hai mặt: mặt thuận (tích cực) như thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh, chú trọng lợi ích và hiệu quả kinh tế... và mặt nghịch (tiêu cực) như thúc đẩy phân hóa giàu - nghèo, khuyến khích lối sống thực dụng vị kỷ, chạy theo đồng tiền, hạ thấp giá trị đạo đức... Mặt nghịch của kinh tế thị trường mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa sẽ phát huy được mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường.

- Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa là những lực lượng lãnh đạo và quản lý xã hội. Những lực lượng này có khả năng nhận thức và vận dụng các quy luật kinh tế khách quan, chuyển hóa chúng thành đường lối, chính sách, pháp luật, kế hoạch... để tổ chức thực hiện, đưa vào cuộc sống, nâng cao đời sống của quần chúng nhân dân đông đảo nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa là những thành tố cơ bản của hệ thống chính trị, của kiến trúc thượng tầng chính trị. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước chính là tăng cường sự tác động của chính trị xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế thị trường để thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa; ngược lại, sự phát triển của kinh tế thị trường sẽ buộc Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nhất là đổi mới phương thức lãnh đạo, còn Nhà nước phải đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, phải cải cách hành chính cho phù hợp với yêu cầu, quy luật của kinh tế thị trường.

Như vậy, trong quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam và thực tiễn "phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" ở Việt Nam vừa qua đã phản ánh sinh động tư tưởng biện chứng rất quan trọng của V.I.Lê-nin - tư tưởng về sự tự giác kết hợp các mặt đối lập biện chứng: *chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường,* những mặt đối lập tưởng chừng không thể kết hợp được như "đất với trời", như "nước với lửa", như người cộng sản với người buôn xỉ. Vấn đề còn lại là ở chỗ, kết hợp như thế nào để tạo ra những "âm thanh du dương êm tai" chứ không phải những "điệu nhạc chói tai", như V.I.Lê-nin từng ví von một cách hình ảnh. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhân tố có ý nghĩa quyết định của sự kết hợp đó.

Digitized by Google

2

Thực chất của quá trình đổi mới kinh tế vừa qua ở Việt Nam chính là *thừa nhận sự tồn tại khách quan của quan hệ hàng hóa - tiền tệ và cơ chế thị trường dựa trên tư duy lý luận mới về quan hệ giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội*. Theo đó, vai trò của Nhà nước đối với kinh tế cũng có sự thay đổi căn bản. Đó là quá trình chuyển Nhà nước từ độc quyền sang quan hệ mới giữa Nhà nước và thị trường ("bàn tay hữu hình" - "bàn tay vô hình"), giữa Nhà nước và doanh nghiệp, giữa Nhà nước và nhân dân trong các hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Nếu trước đây Nhà nước là chủ thể của chế độ sở hữu, thì hiện nay đang giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống đa sở hữu; nếu trước đây là trực tiếp sản xuất kinh doanh thì hiện nay là thiết kế "luật chơi", hỗ trợ và tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh; và nếu trước đây thực hiện kế hoạch hóa trực tiếp thì hiện nay chuyển sang điều tiết bằng hệ thống công cụ quản lý kinh tế vĩ mô. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, chức năng cơ bản của Nhà nước về kinh tế bao gồm:

- Định hướng phát triển nền kinh tế thông qua chiến lược, chính sách, kế hoạch, quy hoạch và các công cụ quản lý vĩ mô.

- Phát triển tất cả các thành phần kinh tế trên cơ sở đa dạng hóa các quan hệ sở hữu, lấy kinh tế nhà nước làm chủ đạo; thực hiện chế độ phân phối lợi ích một cách hợp lý thông qua việc sử dụng các công cụ quản lý kinh tế (ngân sách, thuế, tín dụng...), tạo động lực phát triển mạnh mẽ cho nền kinh tế.

- Tạo lập môi trường pháp lý lành mạnh về kinh tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế hoạt động bình đẳng và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Thực hiện tốt chức năng kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế theo đúng pháp luật và chính sách. Nghiêm trị các tệ nạn buôn lậu, gian lận, trốn thuế, tham nhũng, quan liêu, sách nhiễu, phiền hà...

Sau gần 17 năm đổi mới, nhất là 5 năm gần đây nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từng bước được hình thành. Qua đó, sự quản lý của Nhà nước về kinh tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, tất cả mới chỉ là bước đầu, nhất là sự quản lý của Nhà nước về kinh tế còn nhiều yếu kém, hiệu lực và hiệu quả quản lý còn thấp. Hệ thống luật pháp, chính sách chưa đồng bộ và chưa nhất quán, kỷ cương pháp luật chưa nghiêm. Công tác tài chính, ngân hàng, giá cả, kế hoạch, quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai... còn nhiều yếu kém, sơ hở; thủ tục hành chính vẫn rườm rà, cải cách hành chính còn chậm và chưa kiên quyết. Do đó, việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với kinh tế thị trường ở Việt Nam vẫn đang là một yêu cầu khách quan và cấp bách. Để thực hiện yêu cầu này, cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

a - Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế để tạo ra khuôn khổ pháp lý thống nhất và đồng bộ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm phát huy cao nhất mặt tích cực và hạn chế tối đa những khuyết tật của kinh tế thị trường. Hệ thống pháp luật này là công cụ chủ yếu để Nhà nước quản lý nền kinh tế.

Trong thời gian qua, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều bộ luật, luật, pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu đổi mới kinh tế. Tuy nhiên, đến nay hệ thống pháp luật kinh tế của Việt Nam còn thiếu và chưa đồng bộ, thường phải sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung. Vì vậy, trước mắt phải tiếp tục khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế theo Cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng. Đồng thời sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh hiện hành và ban hành các luật mới phù hợp với thực tiễn vận động nhanh chóng của nền kinh tế quốc dân (như luật cạnh tranh, luật chống độc quyền, luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, luật bảo hộ quyền sở hữu tư nhân...). Cần cải tiến công tác làm luật, tăng cường vai trò của Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội chuyên trách trong tiến trình xây dựng, đưa ra và phê chuẩn các dự án luật.

Digitized by Google

b - Hình thành đồng bộ cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố cấu thành thị trường chung bao gồm thị trường hàng hóa và dịch vụ, thị trường lao động, thị trường khoa học và công nghệ, thị trường vốn, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm, thị trường tiền tệ, thị trường bất động sản, v.v..

Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển. Thông qua chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phù hợp nhằm sử dụng hiệu quả lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo chủ động cân đối vĩ mô nền kinh tế, điều tiết phân phối và thu nhập.

Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước theo quy định của pháp luật, kiên quyết đấu tranh chống các tệ buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại, tham nhũng, lãng phí...; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh. Phân định rõ chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh; từ đó, thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng sở hữu tài sản công của Nhà nước.

c - Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với kinh tế

Đổi mới công tác kế hoạch hóa theo hướng xuất phát và gắn chặt với thị trường. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường công tác thông tin kinh tế, công tác kế toán, thống kê.

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa thu và chi ngân sách. Bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong chi ngân sách nhà nước. Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế. Nâng cao hiệu quả đầu tư vốn và sử dụng vốn, chống lãng phí, thất thoát vốn. Gắn cải cách ngân hàng với cải cách doanh nghiệp nhà nước.

d - Đẩy mạnh cải cách hành chính

Trong những năm qua, Việt Nam đã tiến hành một bước cải cách nền hành chính, nhưng phải thừa nhận rằng, "*Cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp.* Tổ chức bộ máy nhà nước cồng kềnh, trùng lắp chức năng với nhiều tầng nấc trung gian và những thủ tục hành chính phiền hà, không ít trường hợp trên và dưới, trung ương và địa phương hành động không thống nhất, gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế - xã hội và làm giảm động lực phát triển"(3).

Vì vậy, trong những năm tới phải nỗ lực hơn nữa theo *Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010* do Chính phủ phê duyệt nhằm nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cải cách tổ chức bộ máy các cấp từ trung ương đến địa phương theo hướng tinh gọn, có hiệu lực, hiệu quả, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm.

Cải cách công cụ và chế độ công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, tinh nhuệ.

Cải cách thủ tục hành chính theo hướng thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản, kiên quyết xóa bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà, sách nhiễu cho nhân dân và các doanh nghiệp.

Tất cả nỗ lực đó nhằm xây dựng một nền hành chính nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả theo hướng xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một công việc mới mẻ, đầy khó khăn, phức tạp, vì chưa có tiền lệ trong lịch sử. Vì vậy, trong quá trình này, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa làm vừa học, vừa tổng kết thực tiễn vừa tham khảo kinh nghiệm của các đồng chí Trung Quốc, không ngừng đổi mới tư duy, nâng cao trình độ tổ chức thực tiễn, kiên quyết đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đi đến thành công. ❑

(3) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 77

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ CỦA NHÂN DÂN TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG

TRẦN QUANG NHIẾP

THẾ kỷ XX, ở Việt Nam, diễn ra nhiều sự kiện lớn lao và trọng đại. Trong đó có lẽ có 3 sự kiện gây dấu ấn lịch sử, tác động sâu sắc đến đời sống xã hội nước ta, tạo sự chuyển xoay vận mệnh của dân tộc đưa nước ta thoát khỏi vòng nô lệ, trở thành nước độc lập tự do, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Ba sự kiện ấy là: Sự xuất hiện lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; cuộc chiến tranh nhân dân đánh thắng chủ nghĩa thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ba sự kiện này có mối quan hệ biện chứng thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau, trong đó, vấn đề nhân cốt vẫn là sự xuất hiện của lãnh tụ vĩ đại: Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người là tác giả, là linh hồn của việc tổ chức quá trình ra đời, hoạt động vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam; của đường lối chiến tranh nhân dân vĩ đại ở nước ta.

Đảng ta khẳng định, tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Chính tư tưởng Hồ Chí Minh đã soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, một vấn đề rất cốt lõi là Hồ Chí Minh xác định rõ *vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam.*

Một là, nhân dân là chủ thể của lịch sử.

Điểm trung tâm của tư tưởng Hồ Chí Minh là con người, là nhân dân lao động trong nước và thế giới, là dân tộc Việt Nam và cả loài người. Hồ Chí Minh dành tất cả tình thương yêu cho con người; dành tất cả ước mơ, hoài bão cho sự nghiệp giải phóng con người khỏi ách áp bức giai cấp, áp bức dân tộc, khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, dốt nát; dành niềm khát vọng cho mọi người được ấm no, tự do, hạnh phúc.

Nhân dân, con người trong tư tưởng, tình cảm Hồ Chí Minh không chung chung, trừu tượng mà rất cụ thể. Đó là người nông dân, người công nhân, nhà trí thức, các chiến sĩ bộ đội, công an, các cháu thanh niên, phụ nữ, thiếu nhi, học sinh, sinh viên, các bậc phụ lão, đồng bào các dân tộc, tôn giáo, kiều bào ta ở nước ngoài... Hồ Chí Minh cho rằng, tất cả đều là nhân dân và dưới bầu trời này, không gì quý bằng nhân dân. Người chỉ rõ: Dân vận là vận động tất cả các lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân. Theo Người, nhân dân bao gồm mọi tầng lớp người trong xã hội cùng có chung một vận mệnh, một cuộc sống, một tương lai, tiền đồ, một truyền thống lịch sử, một nền

văn minh, văn hóa. Cho nên khi đất nước có ngoại xâm, nhân dân có chung một kẻ thù, một nhiệm vụ là cùng đứng lên bảo vệ Tổ quốc. Khi hòa bình xây dựng đất nước, nhân dân có chung một nhiệm vụ kiến quốc bảo vệ xây dựng giang sơn gấm vóc ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

Có thể nói, Hồ Chí Minh luôn luôn ở giữa nhân dân. Trong mọi hoàn cảnh, Người tìm mọi cách tiếp xúc thân mật, tự nhiên với các tầng lớp nhân dân. Cần gặp ai, Người chủ động đến trước với họ, mở rộng cánh tay và tấm lòng đón mừng bằng cử chỉ tự nhiên, khiến cho người được tiếp xúc hòa ngay vào không khí thân mật, cởi mở, bị cuốn hút bởi tình cảm tự nhiên, chân thật, chan hòa. Chúng ta đều nhớ, khi đọc Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945 ở Quảng trường Ba Đình, Người thân mật hỏi: *"Tôi nói đồng bào nghe rõ không?"*.

Trong khoảnh khắc lịch sử thiêng liêng ấy, Hồ Chí Minh đi ngay vào lòng người bởi những ấn tượng rất sâu. Hồ Chí Minh luôn luôn hướng về nhân dân và nhân dân luôn luôn ở trong tâm trí của Người. Chính vì thế, nhân dân luôn rất mực quý trọng Người và hình ảnh Hồ Chí Minh luôn sống mãi trong lòng các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

Hai là, cách mạng là sự nghiệp của nhân dân.

Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, qua thực tiễn suốt mấy chục năm bôn ba khắp thế giới, Hồ Chí Minh càng thấm sâu chân lý: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; và trong tư tưởng, tình cảm và hành động, Người luôn thể hiện nhất quán chân lý ấy. Quần chúng cách mạng chính là các tầng lớp nhân dân nước ta mà Hồ Chí Minh đã tìm thấy sức mạnh to lớn ở họ. Cơ sở của quan điểm tư tưởng ấy là lòng tin vào con người của Hồ Chí Minh. Người cho rằng, nhân dân rất thông minh, sáng tạo; nhân dân là lực lượng đông đảo của toàn xã hội; nhân dân là người hiểu biết tất cả; nhân dân là nguồn sức mạnh vô tận ở mọi nơi, mọi lúc. Chính vì thế, Người cho rằng *nhân*, nghĩa là nhân dân và trong thế giới không gì mạnh bằng *lực lượng của nhân dân.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh của nhân dân được hình thành trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm của phong trào cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng ở nhiều nước trên thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Những thành công hay thất bại của các phong trào ấy đều được Người nghiên cứu rút ra những bài học cần thiết cho việc hình thành tư tưởng về sức mạnh của nhân dân.

Hồ Chí Minh chỉ rõ, Đảng lãnh đạo nhân dân làm cách mạng, nhưng cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân đông đảo. Người nhắc nhở công tác dân vận của Đảng phải tìm mọi cách giải thích cho từng người dân hiểu rõ việc mình làm là vì lợi ích của chính họ, nên họ phải hăng hái làm cho kỳ được. Người cũng chỉ rõ làm bất cứ việc gì cũng phải bàn với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân thi hành. Đảng phải lãnh đạo để nhân dân đứng lên đấu tranh tự giải phóng và xây dựng xã hội mới do mình làm chủ. Sự nghiệp ấy chỉ có thể được thực hiện bằng sức mạnh của nhân dân. Nhân dân mới chính là người sáng tạo ra lịch sử, là chủ thể của lịch sử, là người làm nên lịch sử. Người nhấn mạnh: Cá nhân dù có tài giỏi mấy cũng không thay thế được nhân dân. Rõ ràng trong những cống hiến to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, tư tưởng về sức mạnh của nhân dân là một cống hiến đặc sắc, có giá trị lý luận và giá trị thực tiễn rất quan trọng, lâu dài.

Ba là, những việc cần phải làm để phát huy vai trò của nhân dân.

Không dừng ở việc xác định vai trò có tính quyết định của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ phải làm gì và làm như thế nào để nhân dân phát huy được vai trò của mình trong sự nghiệp cách mạng.

Người đề cập tới nhiều khía cạnh, bước đầu có thể khái quát ở mấy điểm chính sau:

- Hồ Chí Minh yêu cầu xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân để phát huy sức mạnh của nhân dân. Người nhấn mạnh: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công. Người lập luận chỉ có đoàn kết mới tập hợp được

Digitized by Google

sức mạnh riêng rẽ của từng người tạo nên sức mạnh lớn lao của hàng trăm, hàng nghìn, hàng triệu, hàng chục triệu người. Việc có to mấy, nặng mấy, khó mấy nếu biết đồng lòng, hiệp lực thì nhất định sẽ làm được. Người ví công việc cách mạng như hòn đá to, hòn đá nặng, một người nhấc, nhấc không đặng. Ngược lại cũng hòn đá ấy nếu có nhiều người cùng nhấc thì sẽ được. Tương tự, Người cho rằng việc cứu nước, xây dựng quốc gia nếu nhiều người cùng nhau đồng lòng thì nhất định sẽ thành công.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân thể hiện rất rõ ràng ở những quan điểm sau: Đoàn kết phải được coi là vấn đề chiến lược, nó bảo đảm cho mọi thành công của cách mạng nước ta. Đoàn kết phải là mục tiêu và nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng nước ta. Đoàn kết là đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo và đoàn kết quốc tế. Đoàn kết phải thực sự tạo thành sức mạnh vật chất và tinh thần. Đoàn kết phải thông qua các tổ chức chặt chẽ để tập hợp các tầng lớp nhân dân như Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội. Đoàn kết phải trên cơ sở lợi ích chung của Đảng và của dân tộc. Đoàn kết phải thực hiện dân chủ, công khai, công bằng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng. Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên... Nhất là đối với Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh mọi người phải tôn trọng, xây dựng và giữ gìn sự đoàn kết như giữ gìn con ngươi của mắt mình, như giữ gìn một báu vật, nguồn tạo nên mọi sức mạnh của Đảng.

- Phải thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh: *Dân chủ, sáng kiến, hăng hái,* ba điều đó có quan hệ rất chặt với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ, quần chúng đề ra sáng kiến. Vì thế Người luôn luôn nhắc nhở: Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng" ra lệnh, ra oai với nhân dân.

Người nhận thức sâu sắc rằng: Nước ta phải đi đến dân chủ thật sự. Chúng ta phải ra sức thực hiện những cải cách xã hội để nâng cao đời sống của nhân dân, phải thực hiện dân chủ thực sự. Dân chủ phải là một thuộc tính cơ bản của chế độ ta.

Rõ ràng dân chủ là một nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Người, dân chủ là "chìa khóa" vạn năng có thể giải quyết được mọi khó khăn. Mọi chủ trương, đường lối thuộc tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... đều được Người xem xét và giải quyết từ địa vị dân là người làm chủ và quyền làm chủ thuộc về nhân dân.

Để người dân được hưởng quyền dân chủ trong thực tế và thực hiện quyền làm chủ của mình, Hồ Chí Minh cho rằng không chỉ hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, mà còn nâng cao năng lực làm chủ về nâng cao trình độ dân trí, bồi dưỡng văn hóa chính trị, phát triển tính tích cực công dân, mở mang kinh tế, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, khuyến khích nhân dân giám sát công việc của các cơ quan nhà nước.

Phát huy dân chủ của nhân dân phải kết hợp chặt chẽ với tăng cường pháp chế, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật. Nhà nước phải tiếp tục thể chế hóa bằng pháp luật các quyền dân chủ của người dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Để làm được những điều nêu trên, Hồ Chí Minh cho rằng phải nhận thức đầy đủ vấn đề mấu chốt: *Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân,* chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương đều do dân cử ra, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Cán bộ, đảng viên phải là công bộc của nhân dân. Người phê phán mọi biểu hiện cán bộ lợi dụng chức quyền đi đến quan liêu, tham nhũng, hống hách, xa rời dân. Điều đó làm cho dân oán giận, mất lòng tin với Đảng, với Nhà nước dẫn đến làm suy yếu Đảng, là nguy cơ tồn vong của chế độ.

(Xem tiếp trang 25)

HỒ CHÍ MINH – MỘT CON NGƯỜI – MỘT NHÂN CÁCH

DƯƠNG TÙNG

TRONG phần cuối "về việc riêng" của bản Di chúc đề ngày 15-5-1965, Hồ Chí Minh viết: "Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức **đám đình**, lãng phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân".

"Tôi yêu cầu thi hài tôi được *đốt đi,* nói chữ là "hỏa táng"

"Tro xương thì tìm một quả đồi mà chôn..."

Năm 1968, Di chúc được Hồ Chí Minh sửa lại:

"Tro thì chia làm 3 phần, bỏ vào 3 cái hộp sành. Một hộp cho miền Bắc. Một hộp cho miền Trung. Một hộp cho miền Nam".

"Đồng bào mỗi miền nên chọn 1 quả đồi mà chôn hộp tro đó. Trên mả, không nên có bia đá tượng đồng mà nên xây 1 ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi..."[1].

Đọc những đoạn Di chúc trên, làm sao chúng ta cầm lòng được? Ta thấy ở Hồ Chí Minh, những ngày tháng cuối đời, sức khỏe đã yếu dần, Người hoàn toàn có quyền nghĩ tới "việc riêng". Song cái việc riêng đó, niềm tâm tư và tự ý thức về phần "cái tôi" đó của Người cũng toát lên một ý nghĩa xã hội hết sức rộng lớn, một giá trị nhân bản sâu sắc và một đạo đức vị tha tuyệt vời.

Thật là một bản sắc, bản ngã độc đáo và nổi bật. Nhưng cái bản sắc, bản ngã đó đối với nhân dân lại không hề xa lạ, không hề có khoảng trống cách ngăn, không lập dị. Hồ Chí Minh càng gần gũi với quần chúng bao nhiêu thì bản lĩnh, bản sắc của Người càng rõ nét bấy nhiêu. Người bao giờ cũng thật sự là mình, tự biểu hiện mình một cách tự nhiên, hồn nhiên, không gượng ép, không giả tạo, với sự tự khẳng định một "cái tôi" chân chính.

Quả là phải ở một trình độ phát triển cao về nhân cách mới có được những biểu hiện như vậy. Người ta thường nói: "Cái tôi" tựa như bộ mặt xã hội bên trong của nhân cách. "Cái tôi" thực sự là yếu tố bản chất của cấu trúc nhân cách.

Như tất cả mọi người, Hồ Chí Minh cũng là con người bằng xương bằng thịt. Con người Hồ Chí Minh nhất định cũng là sản phẩm tất yếu trong sự phát triển của giới tự nhiên. Những phẩm chất cao quý, riêng có ở Người có nguồn gốc sâu xa trong tự nhiên, là cơ sở hình thành nên một khí chất, một cá tính, một nhân cách hoàn thiện, hoàn mỹ...

Song có thể nhận thấy, cái làm nên nhân cách của con người không chỉ là phần tự nhiên, phần sinh học mà bao giờ cũng là một thể thống nhất, liên kết chặt chẽ giữa cái tự nhiên và cái xã hội. Nói như nhà triết học Pháp Lu-xiêng Sê-vơ, "nhân cách là hệ thống hoàn chỉnh các quan hệ xã hội giữa các hành vi ứng xử"[2], thì đúng như vậy, sự tác động của điều kiện và hoàn cảnh xã hội đã thực sự quyết định và vẽ nên chân dung nhân cách người anh hùng dân tộc, danh nhân

---

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 499 và 501-502

(2) L. Sê-vơ: *Chủ nghĩa Mác và lý thuyết về nhân cách,* Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va (tiếng Nga), 1972, tr 283

Digitized by Google

văn hóa Hồ Chí Minh. Nhìn vào cuộc đời Người và quá trình hoạt động xã hội của Người - từ khi là một anh thanh niên Nguyễn Tất Thành đến khi là một vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh - ai cũng thấy rõ điều đó.

Rời bến Nhà Rồng, thành phố Sài Gòn bước xuống con tàu La-tút-sơ Tê-rê-vin-lơ, Nguyễn Tất Thành lúc đó mới 21 tuổi. Anh quyết định sang châu Âu tìm đường cứu nước, giải phóng nhân dân khỏi ách nô lệ. Cắt nghĩa thế nào về một quyết định táo bạo và đầy nguy nan, mạo hiểm đó? Phải chăng chỉ có thể lý giải, đó là kết quả của một quá trình tự ý thức đã đạt đến đỉnh cao về trách nhiệm của một công dân với Tổ quốc, với đồng bào mình.

Xem xét các yếu tố tác động lên quá trình hình thành nhân cách và ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển tự ý thức của Nguyễn Tất Thành, ta thấy giáo dục trong gia đình và ảnh hưởng của truyền thống quê hương là điều đáng ghi nhận.

Nguyễn Tất Thành sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho, gặp không ít gieo neo, trắc trở. Ông bà ngoại đều là những người đáng kính, đáng quý, đã có công vun đắp cho mối tình Nguyễn Sinh Sắc - Hoàng Thị Loan. Cha của Nguyễn Tất Thành - ông Nguyễn Sinh Sắc vốn là một nhà nho thanh liêm, luôn đề cao chữ "trung" với nghĩa "trung quân" gắn liền với "ái quốc". Hành động của ông bán phần đất dân làng dành cho gia đình lấy tiền giúp những người nghèo bị bắt đi lao dịch, là một nghĩa cử cao đẹp, được mọi người ca ngợi.

Thuở nhỏ, Thành được cha dạy cho tư tưởng đại đồng của học thuyết Khổng Tử. Lớn lên, cuộc sống thực của cha, của anh chị và họ hàng thân tộc đều để lại trong lòng Nguyễn Tất Thành những ấn tượng tốt đẹp, những tấm gương hy sinh vì nước vì dân đầy sức thuyết phục. Thày dạy học Nguyễn Tất Thành (các ông Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý, Hoàng Dương) đều là những bậc tài danh, những người có tiếng là đức độ. Còn bạn bè của Hồ Chí Minh, những người cùng ngồi ghế nhà trường tiểu học như Điệp Văn Kỳ, cùng làm báo ở Pháp như Nguyễn Thế Truyền, thủy chung như luật sư Lu-dơ-bai, đều để lại những kỷ niệm đẹp...

Đất Lam Hồng, quê hương của Nguyễn Tất Thành là nơi "địa linh nhân kiệt", mảnh đất giàu truyền thống văn hóa và đấu tranh anh dũng chống xâm lược, nơi quy tụ nhiều danh nho yêu nước, nơi khởi xướng nhiều cuộc vận động cách mạng sôi nổi, nơi có truyền thống văn hóa dân gian sâu đậm, lại có nền văn hóa bác học tiêu biểu của đất nước, cậu bé Nguyễn Sinh Cung (Nguyễn Tất Thành hồi nhỏ) đã sinh ra và được nuôi dưỡng trong cái nôi văn hóa như vậy.

Truyền thống yêu nước và tinh thần giữ nước của các bậc cha chú đã thấm vào máu thịt Nguyễn Tất Thành và trở thành đặc điểm nổi bật trong tính cách của anh. Anh day dứt băn khoăn trước những nghịch cảnh thương tâm trong đời sống xã hội và từng đặt câu hỏi: Tại sao người Pháp với tư tưởng tự do, bác ái lại đi xâm lược nước khác? Tại sao những "ông Tây bà Đầm" trên đất Việt lại sống quá sung sướng thừa thãi, còn người Việt ai cũng bần cùng khốn khổ? Nỗi trăn trở nghĩ suy đó đã đánh thức trong anh lòng yêu nước, thương dân với quan điểm cốt lõi, là chủ nghĩa nhân đạo.

Ở tuổi trưởng thành, Nguyễn Tất Thành cùng cha vào Huế - trung tâm tư tưởng, văn hóa và chính trị của cả nước lúc bấy giờ, thường được gọi là vùng "thần kinh"... Ở đây, Nho học vẫn còn ảnh hưởng; Tây học đã bắt đầu có vị trí trong nền giáo dục; Phật giáo cũng có vai trò to lớn trong dân gian. Sau 10 năm theo Nho học, Nguyễn Tất Thành chuyển sang Tây học; anh vừa tiếp thu Nho giáo, vừa tiếp thu tư tưởng văn hóa phương Tây, bằng giáo dục nhà trường và bằng cả những bộ sách "Tân thư" mà anh tự tìm được.

Thực tế sinh động ở Huế đã giúp Thành hiểu sâu hơn các vấn đề xã hội. Vận mệnh dân tộc, thân phận người dân mất nước, ảnh hưởng của phong trào chống Pháp (các cuộc khởi nghĩa, các cuộc biểu tình chống sưu cao thuế nặng, biến cố kinh thành của vua Thành Thái, khởi nghĩa Phật tử Phú Yên...), đặc biệt phong trào vận động cách mạng Đông Du, Duy Tân của các chí sĩ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và cả những tư tưởng mới trong "Tân thư" của Khang Hữu Vi -

Digitized by Google

Lương Khải Siêu đã thôi thúc và giúp Thành hiểu được rằng: Không có con đường nào khác, chỉ có dấn thân vào cuộc đấu tranh của nhân dân mới giành được quyền sống, quyền làm người!

Anh hăm hở cùng bạn bè trực tiếp tham gia giúp dân chống Pháp. Sự tham gia của Nguyễn Tất Thành vào thực tiễn đấu tranh của nhân dân đã đánh dấu bước ngoặt trong sự phát triển tự ý thức của anh, cho thấy anh đã tin vào khả năng, sức lực và trí tuệ của bản thân, hơn nữa còn nhận rõ sứ mệnh cao cả của người thanh niên yêu nước trước sự sống còn của dân tộc.

Những cuộc đàn áp tàn bạo của thực dân Pháp không làm cho Thành và các bạn anh nhụt chí, ngược lại nó thổi bùng lên tinh thần chiến đấu, ý nguyện quyết tâm giải phóng cho đồng bào. Vì vậy, năm 1909, Thành đã mạnh dạn lên đường vào Bình Khê với mục đích rất rõ: "Đi để biết, để học, để rồi làm được việc gì đó có ích cho dân mình, nước mình". Đây thực sự là bước nhảy vọt trong nhận thức và trong hành động của Nguyễn Tất Thành, qua đó đủ cắt nghĩa tại sao một chàng trai mới 21 tuổi đã dám quả quyết và bình tĩnh bước xuống con tàu, lênh đênh nơi đất khách quê người với hai bàn tay trắng, mang khát vọng cháy bỏng "đi tìm hình của Nước", đi giải phóng cho dân...

Tại sao phong trào Đông Du đang phát triển rầm rộ trong Nam ngoài Bắc như vậy mà Nguyễn Tất Thành lại nhất quyết đi về phương Tây? Lịch sử có những câu hỏi lớn, không dễ gì một sớm một chiều có thể trả lời ngay được. Sau này, chính Hồ Chí Minh kể lại: Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi: Ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy cần phải ra đi nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi. Chân lý quả bao giờ cũng thật giản dị. Song ở vào thời điểm bấy giờ nhất định đó phải là sự tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng, một sự lựa chọn đầy trí tuệ; nó thể hiện một nhân cách chính trị đã được bộc lộ rất sớm ở Nguyễn Tất Thành.

Sau nhiều năm bôn ba hầu hết các lục địa, lao động kiếm sống, vừa quan sát tìm hiểu, vừa quan hệ móc nối với cách mạng; từ châu Âu qua châu Phi, châu Mỹ rồi trở về châu Âu; từ Véc-xây qua Niu Oóc, Luân Đôn rồi trở lại Pa-ri, vừa tham gia phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc, vừa học tập văn hóa phương Tây rồi tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lê-nin... Một giai đoạn có vai trò to lớn, mở mang tri thức, nâng tầm văn hóa ở người thanh niên Nguyễn Tất Thành, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc.

Nói chuyện với sinh viên ở một trường đại học thành phố Băng Đung, In-đô-nê-xi-a (năm 1959), Hồ Chí Minh bộc bạch:

"Khi còn trẻ, tôi không có dịp đến trường học. Tôi đã đi du lịch để làm việc, đó là trường đại học của tôi, đó là trường học của tôi. Trường học ấy đã dạy tôi khoa học xã hội. Nó đã dạy tôi cách yêu, cách ghét, yêu nước, yêu loài người, yêu dân chủ và hòa bình và căm ghét áp bức, ích kỷ..."(3).

Về cách ghét, cách yêu ở Hồ Chí Minh là một điểm rất đáng chú ý, là điểm cốt lõi tạo nên nhân cách Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh có một tấm lòng yêu thương con người vô hạn, tấm lòng rộng mở bao dung đến vô cùng. Lòng thương người ở Hồ Chí Minh không phải thuần túy là lòng trắc ẩn, càng không phải là sự ban ơn của kẻ trên đối với người dưới. Ở Người, lòng tin vào tính bản thiện và phẩm giá của con người được mở rộng, được nhân lên nhờ nhận chân một cách sâu sắc nỗi đau của người dân mất nước, nỗi đau của thân phận kẻ làm nô lệ. Lòng nhân ái, tình thương yêu chuyển dần thành tư tưởng nhân đạo, thành chủ nghĩa nhân đạo cao cả. Đó là tình cảm luôn hướng về số đông, hướng về giai cấp vô sản cùng khổ và tất cả những người lao động, những người bị áp bức trên thế gian này, không phân biệt chính kiến, màu da hay tín ngưỡng.

Lòng yêu thương con người mang tầm nhân loại ấy của Hồ Chí Minh đã được minh chứng bằng cả cuộc đời hoạt động cách mạng của

(3) Sách: *Chủ tịch Hồ Chí Minh* do UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam công bố, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr 77

Digitized by Google

Người. Người luôn luôn "đi tìm con người, phát hiện con người, rèn luyện con người, hướng dẫn con người đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu cách mạng từng nơi, từng lúc"(4).

Cuộc sống riêng tư khiêm tốn, giản dị và trong sáng, có phần khắc kỷ, ngay cả khi Hồ Chí Minh ở chức vụ cao nhất cũng đủ thấy sự đồng cảm sâu lắng, gần gụi, chan hòa với những người lao động bình thường: Một nếp nhà sàn đơn sơ, một đôi dép cao su, và sau bộ quần áo ka-ki bạc màu là một nhịp đập trái tim chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho dân ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành...

Hồ Chí Minh không chỉ có tấm lòng, có cái "tâm" ngời sáng mà ở Người còn thể hiện tầm tư duy xa rộng, một sự hiểu biết thông tuệ. Với tư chất thông minh và lòng ham học hỏi, Người đã tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa phương Đông, các quan điểm dân chủ, nhân đạo, tiến bộ của văn hóa phương Tây, đặc biệt tiếp thu và vận dụng đầy sáng tạo tư tưởng cách mạng vô sản tiên tiến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Thời gian bôn ba hải ngoại là thời gian Người tự học và đã đạt đến trình độ viết và nói thông thạo nhiều thứ tiếng trên thế giới. Với ý chí kiên cường và nghị lực phi thường, Người tự võ trang cho mình vốn kiến thức và bản lĩnh học vấn tiếp cận đến tầm văn hóa thế giới.

Một kho tàng kiến thức nữa Hồ Chí Minh say mê tìm hiểu, khám phá đó là thực tế đất nước và thực tế thế giới. Vào thời điểm đầu thế kỷ XX, cũng có người Việt Nam vượt biển ra nước ngoài: Người đi tìm con đường buôn bán, làm doanh nghiệp, người đi học văn chương, còn anh thanh niên Nguyễn Tất Thành ra nước ngoài lại chọn môi trường riêng cho mình, đó là đến với những người lao động, kiếm sống bằng nghề nghiệp bình thường nhất (làm bồi bếp, quét tuyết, vẽ thuê, rửa ảnh...). Và đúng là trong hoàn cảnh ấy, Nguyễn Tất Thành đã thu lượm được một vốn sống vô cùng phong phú, một kiến thức sâu rộng; cũng chính từ con đường này, anh càng khắc sâu thêm tình thương yêu con người, nâng cao trí tuệ nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc sau này.

Có thể nói, Hồ Chí Minh là hiện thân một trí tuệ lớn của thời đại. Trí tuệ đó thể hiện ở tầm nhận thức đúng đắn hiện thực xã hội, ở quy luật vận động phát triển tất yếu của lịch sử, tìm ra yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng - yếu tố con người.

Với kiến thức thâm sâu, uyên bác, trình độ dự báo khoa học đến thiên tài, Hồ Chí Minh đã vạch đường đi cho dân tộc, xác định chiến lược cho cách mạng Việt Nam bằng vốn lý luận và kinh nghiệm thực tiễn sinh động của mình. Quan điểm "thêm bạn bớt thù", "dựa vào dân", "đoàn kết đại đoàn kết, thành công đại thành công"... được hình thành do đánh giá đúng khả năng, nguyện vọng của mọi tầng lớp quần chúng trong và ngoài nước, thể hiện sự nhận thức chính xác vấn đề lực lượng cách mạng, từ đó quy tụ được đông đảo các tầng lớp xã hội, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân loại tiến bộ, tạo thế và lực cho cách mạng Việt Nam giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đối với Hồ Chí Minh, lòng yêu thương, tình cảm và cả trí tuệ, chỉ có ý nghĩa khi nó biến thành hành động, ý chí, biến động cơ thành hiệu quả, kết quả. Chính vì lẽ đó, Người coi ý chí như một nhân tố đạo đức có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Ý chí ở đây không phải là duy ý chí mà là sự tuân thủ tính tất yếu lịch sử, phản ánh đúng quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, nắm được xu hướng và nguyện vọng của quần chúng. Tình cảm phải được dẫn dắt, soi sáng bởi một lý trí tỉnh táo mẫn cảm,...

Bản thân Hồ Chí Minh là một con người có ý chí, một ý chí kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa lý trí và tình cảm. Lời nói đi đôi với việc làm, nói ít làm nhiều hoặc làm mà không nói, Người luôn nêu tấm gương lớn về ý chí; đức tính kiên trì, bền bỉ trong cuộc sống hàng ngày, nghị lực quyết tâm, quyết đoán trong chỉ đạo công việc trọng

---

(4) Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr 50

đại của đất nước đã cho thấy chất "thép" trong nhân cách Hồ Chí Minh. Vào tuổi 20, giữa thành Pa-ri giá buốt, gối đầu trên gạch, Người vẫn tập viết báo bằng tiếng Pháp; bị bọn quốc dân đảng bắt tù đày ở Quảng Tây, Người vẫn tràn đầy niềm lạc quan trên những trang thơ nhật ký; ăn cơm muối, ngày đi bộ hàng chục cây số, Người vẫn cùng các chiến sĩ Điện Biên làm nên lịch sử...

Ý chí sắt đá và mạnh mẽ nhất, có lẽ là ý chí giải phóng dân tộc. Người từng khẳng định: Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: quyết không làm nô lệ, chỉ có một ý chí: quyết tâm không chịu mất nước; chỉ có một mục đích: quyết kháng chiến, tranh thủ thống nhất, độc lập cho Tổ quốc; với tinh thần ấy, Người quả quyết: Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi...

Thực hiện ý chí "đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào", nhân dân ta đã hoàn thành xuất sắc lời kêu gọi và ý nguyện của Người, giành lại thống nhất Tổ quốc, giang san thu về một mối.

Một tấm lòng yêu thương rộng mở, bao dung, một trí tuệ thông kim bác cổ, một ý chí quật cường hội tụ vào một con người - con người Hồ Chí Minh, thành nhân cách Hồ Chí Minh - một trong những nhân cách lớn của thời đại trong thế kỷ XX. Nhân cách ấy có ảnh hưởng to lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của bao thế hệ cách mạng cho đến ngày nay và mai sau trên đất nước ta.

Có người nước ngoài băn khoăn đặt câu hỏi: "Hồ Chí Minh là một con người bình thường hay là một ông Thánh?". Phạm Văn Đồng, người đồng chí, người học trò xuất sắc và gần gụi với Hồ Chí Minh đã trả lời dứt khoát: "Hồ Chí Minh trước hết là một con người và cuối cùng cũng chỉ là một con người..."(5)

(5) Phạm Văn Đồng: *Sđd*, tr 130

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH...

(Tiếp theo trang 20)

- Phải phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Hồ Chí Minh quan tâm, quý trọng con người, trước hết là quan tâm đến quyền dân sinh. Đây là quyền sống của con người, quyền hàng đầu của mọi con người và con người phải được sống tương ứng với cống hiến với mình.

Để bảo đảm quyền sống, con người phải đấu tranh lật đổ ách ngoại xâm, xóa bỏ nạn áp bức giai cấp, áp bức dân tộc, giành lại quyền tự do sinh sống của người dân của một nước độc lập có chủ quyền. Không chỉ có thế, để bảo đảm quyền sống, con người còn phải không ngừng vươn lên làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của mình. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, chúng ta phải xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế, bản thân mỗi người dân phải thực hành tiết kiệm về thời gian, tiền của để phát triển sản xuất ngày càng tạo ra nhiều của cải cho xã hội và cho bản thân cùng gia đình mình. Đảng lãnh đạo nhân dân bằng định ra đường lối phát triển kinh tế, tổ chức huy động nhân dân thực hiện sáng tạo đường lối ấy. Nhân dân tin theo Đảng, chủ động đưa đường lối phát triển kinh tế, phát huy nội lực, khai thác mọi nguồn sức mạnh để phát triển sản xuất. Tư tưởng ấy đã và đang được toàn Đảng, toàn dân ta phát huy trong sự nghiệp đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh một cách có hiệu quả.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng nước ta có nội dung rộng lớn, sâu sắc và luôn luôn mới, đầy sáng tạo. Tư tưởng ấy giúp chúng ta tìm thấy sức mạnh trong công việc của mình dù ở bất cứ lĩnh vực nào, nếu biết dựa vào dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thật sự tôn trọng dân thì nhất định sẽ thành công.❑

Digitized by Google

LÝ LUẬN GIÁ TRỊ CỦA C. MÁC

VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM

MAI KIỆM *

XÂY dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước tiếp cận kinh tế tri thức là một trong những mục tiêu có ý nghĩa chiến lược của cách mạng nước ta. Để làm rõ cơ sở khoa học của vấn đề này, cần tiếp cận nó dựa trên lý luận về giá trị của C. Mác.

Lịch sử phát triển của xã hội loài người cho thấy, trong kinh tế, có ba nhân tố tạo ra tăng trưởng, gồm vốn, lao động và công nghệ (bao gồm cả quản lý). "Khi phần do công nghệ tạo ra chiếm tỷ trọng quan trọng hơn hai phần kia thì có thể nói đó là kinh tế tri thức"(1).

Vậy kinh tế tri thức là gì?

Đã có nhiều nhà khoa học, từ những góc độ tiếp cận khác nhau, đã có những đóng góp nhất định làm rõ cơ sở khoa học của vấn đề này. Tựu trung lại, người ta phân chia lịch sử phát triển kinh tế của nhân loại theo hai cách:

Cách thứ 1: Phân chia thành *ba thời đại:* Thời đại *kinh tế nông nghiệp*, thời đại *kinh tế công nghiệp* và thời đại *kinh tế tri thức.*

Cách thứ 2: Phân chia thành *ba giai đoạn:* giai đoạn *kinh tế sức người*, giai đoạn *kinh tế tài nguyên* và giai đoạn *kinh tế tri thức.*

Với hai cách phân chia trên, các tác giả đã nêu lên những định nghĩa về kinh tế tri thức. Có thể nêu một khái quát chung là: *kinh tế tri thức là một thời đại kinh tế, hay một giai đoạn kinh tế của lịch sử phát triển kinh tế nhân loại; là kinh tế dựa trên khoa học và công nghệ cao, tiêu hao ít nguyên liệu, năng lượng, tạo ra ít phế thải hay còn gọi là một nền kinh tế sạch, phát triển bền vững.*

Điểm thống nhất chung của các tác giả là: Kinh tế tri thức - một nền kinh tế mà ở đó mọi sản phẩm đều chứa đựng hàm lượng lao động trí tuệ cao, đều phụ thuộc quyết định vào vai trò của lao động trí tuệ.

Từ đó có ý kiến cho rằng, sang thế kỷ XXI, nhân loại bước vào nền kinh tế mới - kinh tế tri thức. Do đó, mọi học thuyết kinh tế cũ, trong đó có học thuyết kinh tế của C. Mác, Ph. Ăng-ghen và V.I. Lê-nin trở thành lạc hậu, lỗi thời; nếu các nước tiến lên chủ nghĩa xã hội lấy hệ thống các học thuyết này làm nền tảng thì không thể đi tới thắng lợi được (!).

Và Việt Nam có thể đưa nền sản xuất hàng hóa từ trình độ tiểu nông, lạc hậu, vừa phát triển để đạt tới nền kinh tế thị trường, vừa tiếp cận kinh tế tri thức hay không?

---

* Khoa Kinh tế Chính trị, Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh

(1) Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 212

Digitized by Google

Để trả lời câu hỏi trên, cần trở về với những tư tưởng thiên tài của C. Mác trong bộ "Tư bản". Nền kinh tế mới chúng ta đang bàn tới, không nằm ngoài tiên đoán của C. Mác: Sẽ đến lúc khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội, tri thức sẽ trở thành yếu tố quyết định trong các hoạt động kinh tế của con người.

C. Mác cũng khẳng định, con người ta, trước khi hoạt động về chính trị, đạo đức, văn học nghệ thuật và về khoa học thì phải có cái để ăn, mặc, ở và đi lại. Muốn vậy, họ phải không ngừng lao động sản xuất để tạo ra của cải vật chất. Cái để phân biệt giữa con người và con vật là ở chỗ, con người có ý thức, có tư duy trong mọi hoạt động của mình. Do có ý thức, nên từ buổi bình minh của lịch sử, dù còn mang nặng tính bản năng trong lao động hái lượm, nhưng lao động của con người vẫn mang yếu tố tri thức.

Hoàn thiện mình thông qua quá trình lao động, con người còn đi tới sáng chế ra các công cụ để lao động của mình được thuận lợi, đạt hiệu quả cao hơn. Tất cả các công cụ lao động, từ đồ đá cũ, đồ đá mới, đồ sắt, đồ đồng, đến các máy móc cơ khí, rồi đến các máy móc công nghệ tiên tiến, hiện đại, đều là sản phẩm của quá trình phát triển trí tuệ, tri thức của nhân loại. C. Mác viết: Công cụ lao động là thước đo của sự phát triển kinh tế và của sự tiến bộ xã hội... Chiếc cối xay chạy bằng sức gió đã đẻ ra các lãnh chúa phong kiến, chiếc máy cơ khí chạy bằng sức nước đẻ ra các nhà tư bản công nghiệp. Điều này chứng tỏ, không phải đến khi bước vào xây dựng kinh tế tri thức, con người mới dùng tri thức trong đời sống kinh tế. Vậy cũng có nghĩa, đâu phải "cái mới lạ" xuất hiện sẽ làm cho các học thuyết kinh tế trước nó đã lỗi thời? Ngược lại, nó là sự kế thừa và phát triển từ cái cũ.

Công lao vĩ đại của C. Mác đối với nhân loại nói chung, đối với quần chúng lao khổ nói riêng thể hiện trên nhiều mặt của cuộc đời hoạt động khoa học và hoạt động thực tiễn của Người. Khi xây dựng lý luận giá trị, C. Mác đã làm sáng tỏ vấn đề tri thức của con người kết tinh vào trong sản phẩm lao động. Điều này chỉ được quan tâm tới, khi con người chia tay với nền sản xuất tự nhiên mang tính chất tự cung tự cấp để chuyển sang xây dựng nền kinh tế hàng hóa, với việc làm ra sản phẩm để bán. Sản phẩm lao động khi đem bán thì được gọi là hàng hóa, chúng đều do con người làm ra từ sự hao phí sức lực trong quá trình lao động. Trong nền sản xuất tự nhiên, sản phẩm làm ra là để tiêu dùng nên chưa cần tính đến sự hao phí sức lao động. Khi chuyển sang nền sản xuất hàng hóa, sức lao động và sự hao phí sức lao động nổi lên như một vấn đề trung tâm.

C. Mác cũng đã chỉ rõ: Con người muốn tạo ra của cải vật chất nuôi mình, nhất định phải có ba nhân tố cơ bản: *người lao động có khả năng lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động*. Khả năng lao động của con người là toàn bộ thể lực và trí lực tiềm ẩn trong mỗi người lao động, C. Mác gọi là sức lao động. Khi người ta lao động, là lúc đem sức ra sử dụng các công cụ lao động, tác động vào đối tượng lao động để làm ra sản phẩm. Quá trình đó có sự hao phí đồng thời cả hai bộ phận của sức lao động là thể lực và trí lực. Người lao động làm việc bằng kinh nghiệm và thói quen, C. Mác gọi là lao động giản đơn, trong đó phần thể lực hao phí lớn hơn phần trí lực. Còn người lao động có chuyên môn kỹ thuật, thông qua đào tạo, C. Mác gọi là lao động phức tạp, trong đó phần thể lực giảm đi, phần trí lực cao lên. C. Mác coi lao động phức tạp là bội số của lao động giản đơn.

Nhờ phát minh ra tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa, C. Mác khẳng định rằng, mọi hàng hóa đều có hai thuộc tính là giá trị sử dụng và giá trị. Trong đó, giá trị là thuộc tính

Digitized by Google

chung giống nhau của những hàng hóa có công dụng khác nhau. Bởi giá trị của hàng hóa nào cũng là số lượng sức lao động của người lao động hao phí trong quá trình lao động. Giá trị trở thành cơ sở chung để so sánh sự hình thành nên các quan hệ tỷ lệ trong trao đổi mua bán. Khi biết dùng tiền tệ làm vật ngang giá chung làm thước đo giá trị, thì trong phạm trù cơ bản của nền sản xuất hàng hóa, giá trị vẫn luôn là mối quan hệ giữa phần thể lực và trí lực.

Từ lý luận giá trị của C. Mác ta thấy, nhân loại đã xây dựng nền sản xuất hàng hóa từ khi chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã. Sản xuất hàng hóa đã phát triển trong các chế độ nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa rồi chế độ xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, nền sản xuất hàng hóa vẫn là nền sản xuất xã hội đang được thực hiện khắp nơi trên thế giới. Nền sản xuất hàng hóa đã và đang lần lượt trải qua bốn trình độ phát triển, đều lấy giá trị làm cơ sở so sánh trao đổi:

Một là, *trình độ của nền sản xuất hàng hóa giản đơn:* Ở trình độ này, trong bốn khâu của quá trình tái sản xuất xã hội, gồm sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng thì sản xuất được coi là gốc, là quyết định; trong cơ cấu giá trị của hàng hóa sản xuất ra, phần thể lực chiếm tỷ trọng cao hơn hẳn so với phần trí lực.

Hai là, *trình độ của nền kinh tế hàng hóa:* Sản xuất và lưu thông đã có sự tác động thúc đẩy, gắn bó với nhau. Ở đây, trong cơ cấu giá trị của hàng hóa, phần thể lực giảm dần, phần trí lực tăng lên.

Ba là, *trình độ của nền kinh tế thị trường:* Đặc trưng cơ bản của trình độ này là mọi hoạt động kinh tế đều thông qua thị trường; mọi sự bán - mua đều được tiền tệ hóa. Và chỉ những nước đã hoàn thành công nghiệp hóa mới đạt đến trình độ nền kinh tế thị trường. Gắn với những hàng hóa, dịch vụ có hàm lượng chất xám cao, tuy chưa nhiều, nên khái niệm "hàm lượng chất xám cao" là một phạm trù để chỉ những hàng hóa, dịch vụ mà trong cơ cấu giá trị của nó, phần trí lực đã lớn hơn hẳn so với phần thể lực. Đến đây, tri thức đã trở thành yếu tố được toàn xã hội quan tâm. Những thành tựu về khoa học, bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học - kỹ thuật, khoa học xã hội nhân văn và tất cả các thành tựu kinh tế, văn hóa, xã hội khác... đều là tri thức của nhân loại. Ở những thập niên đầu thế kỷ XX, khoa học vẫn được coi là một trong những nhân tố thuộc hình thái ý thức của con người, được xếp ở thượng tầng kiến trúc xã hội.

Bốn là, *trình độ của nền kinh tế tri thức:* Đây cũng là mục tiêu mà các quốc gia đang phấn đấu để đạt được trong thế kỷ XXI. Đặc trưng của trình độ này (mà nhiều học giả đã thống nhất) là ngày càng tạo ra nhiều hàng hóa, dịch vụ có hàm lượng chất xám cao, với những tiêu chí cơ bản là:

Thứ nhất, công nhận những hàng hóa, dịch vụ có hàm lượng chất xám lớn hơn 70% trong cơ cấu giá trị của nó được gọi là hàng hóa dịch vụ tri thức.

Thứ hai, thống nhất rằng, những quốc gia hàng năm sản xuất ra được lượng hàng hóa, dịch vụ tri thức lớn hơn 70% GDP là những quốc gia đạt tới trình độ nền kinh tế tri thức.

Từ sự tiếp cận lý luận giá trị của C. Mác, chúng ta có thể nói: kinh tế tri thức là một phạm trù của nền sản xuất hàng hóa; là quá trình tổ chức sản xuất hiện đại; ngày càng tạo ra nhiều hàng hóa, dịch vụ có hàm lượng chất xám cao, gắn liền với việc nâng cao tri thức của người lao động và sử dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại. Nền kinh tế tri thức là trình độ phát triển cao nhất hiện nay trong sản xuất hàng hóa của nhân loại.

Điều này cũng không trái với việc phân chia thời đại kinh tế và giai đoạn kinh tế trong lịch sử kinh tế của nhân loại mà các học giả đã nêu. Bởi vì, cho đến chế độ phong kiến, ngành

Digitized by Google

công nghiệp mới phát triển thành ngành kinh tế chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân ở các nước tư bản phát triển, ngành công nghiệp sản xuất ra nhiều máy móc cơ khí; tiến hành công nghiệp hóa để đưa sản xuất thành nền sản xuất hàng hóa đại công nghiệp cơ khí. Còn chúng ta cũng có thể coi đây là giai đoạn kinh tế sử dụng tài nguyên thiên nhiên là chính để sản xuất ra các sản phẩm hàng hóa.

Sang thế kỷ XXI, từ những thành tựu bùng nổ trong phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, nhân loại đưa nền sản xuất hàng hóa đạt tới trình độ nền kinh tế tri thức, ta lại coi đây là thời đại kinh tế tri thức, là giai đoạn kinh tế tri thức. Tuy nhiên, chúng ta nhận rõ, trong kinh tế tri thức, người ta vẫn phải phát triển các ngành nông nghiệp và công nghiệp, vẫn phải sử dụng sức người và tài nguyên thiên nhiên. Chỉ có điều là, do thay đổi cơ cấu giá trị của hàng hóa, dịch vụ sản xuất ra, thông qua sử dụng người lao động có chuyên môn kỹ thuật cao; sử dụng máy móc công nghệ tiên tiến và tổ chức sản xuất hiện đại, tiết kiệm được nhiều sức người và nguồn tài nguyên, đồng thời bảo vệ được môi trường sinh thái.

Điều quan trọng là, từ việc vận dụng lý luận giá trị của C. Mác, chúng ta nhận thức rõ ràng, đầy đủ và chặt chẽ hơn cơ sở lý luận kinh tế tri thức chính từ cơ sở lý luận về việc xây dựng và phát triển nền sản xuất hàng hóa. Đây cũng là một thành tựu văn minh của nhân loại, chẳng những không đối lập với chủ nghĩa xã hội mà còn rất cần thiết khách quan trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Từ đây, chúng ta thấy, ý kiến cho rằng học thuyết kinh tế của C. Mác, Ph. Ăng-ghen và V.I. Lê-nin đã lạc hậu, lỗi thời là một ý kiến sai trái không thể chấp nhận được. Ngược lại, chỉ có nắm vững các nguyên lý kinh tế, các lý luận kinh tế của các ông, chúng ta mới có thể phát triển kinh tế tri thức trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Từ cách tiếp cận vận dụng lý luận giá trị của C. Mác, chúng ta thấy rằng, nền kinh tế nước ta trong xây dựng chủ nghĩa xã hội đang là nền sản xuất hàng hóa. Đó là một tất yếu khách quan. Chúng ta đang từng bước hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, mục tiêu của chúng ta là phải đưa nền sản xuất hàng hóa của nước ta đạt tới những trình độ cao hơn mà nhiều quốc gia đã đạt tới. Đó là các trình độ của nền kinh tế thị trường và kinh tế tri thức. Đây đều là trình độ phát triển đi lên của nền sản xuất hàng hóa, nó có chung nguồn gốc, cơ sở lý luận, nguyên lý khoa học và quy luật vận động. Để thực hiện "đi tắt, đón đầu", chúng ta vừa phấn đấu đạt tới nền kinh tế thị trường, vừa từng bước tiếp cận, xây dựng kinh tế tri thức Việt Nam. Đó là một chủ trương phát triển kinh tế biện chứng, khoa học và cách mạng, mang tính khả thi.

Muốn xây dựng thành công nền kinh tế thị trường và kinh tế tri thức, nước ta còn nhiều việc phải làm. Trong đó, Đảng ta đã xác định: Phát triển khoa học, công nghệ, phát triển giáo dục và đào tạo là những quốc sách hàng đầu; coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để tạo ra lực lượng sản xuất mới, thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài, để hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; chủ trương mở rộng các hoạt động kinh tế đối ngoại, nhằm tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài, trong xu thế hội nhập nền kinh tế quốc tế, biết chủ động để tranh thủ thời cơ, vượt qua nguy cơ... Tất cả những việc làm này đều lấy trí tuệ, tài năng và ý chí của con người Việt Nam làm nhân tố quyết định. ❑

Digitized by Google

ĐỂ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ SỚM ĐI VÀO CUỘC SỐNG Ở NƯỚC TA

NGUYỄN THANH NGA *

THƯƠNG mại điện tử không còn là vấn đề quá xa lạ đối với chúng ta. Đó là thực hiện mua bán thông qua việc sử dụng mạng thông tin điện tử. Nhưng trên thực tế, đây là vấn đề rộng, bao hàm toàn bộ các hoạt động sử dụng hệ thống các phương tiện và phương pháp điện tử như điện thoại, fax, vô tuyến truyền hình, hệ thống thanh toán điện tử, in-tơ-nét, các mạng nội bộ như in-tra-net, ex-tra-net để thực hiện đặt hàng, sản xuất, phân phối thanh toán và các dịch vụ sau bán hàng. Ví dụ, ma-két-ting thông qua điều tra khách hàng, quảng cáo điện tử; đặt và nhận đơn đặt hàng điện tử; thư giao dịch điện tử; ký kết hợp đồng điện tử; thanh toán điện tử; trao đổi dữ liệu điện tử; giao gửi số hóa các dung liệu như phim ảnh, âm nhạc, chương trình truyền hình...; các dịch vụ bảo dưỡng, tư vấn trên mạng... Do tính tiện lợi và hiệu quả của in-tơ-nét, nên khi nói đến thương mại điện tử, người ta thường tập trung vào thương mại điện tử thông qua in-tơ-nét.

Chủ thể tham gia thương mại điện tử không chỉ các doanh nghiệp và người tiêu dùng mà cả các cơ quan chính phủ. Quan hệ giữa các chủ thể này được thể hiện trên năm loại giao dịch chính: doanh nghiệp với người tiêu dùng; doanh nghiệp với doanh nghiệp; doanh nghiệp với các cơ quan chính phủ; người tiêu dùng với các cơ quan chính phủ và các cơ quan chính phủ với nhau.

Thương mại điện tử đi vào cuộc sống sẽ làm thay đổi một cách căn bản thị trường truyền thống và tạo điều kiện thuận lợi để các nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Nó kết nối tất cả các ngành, người sản xuất, người tiêu dùng với nhau trong một thị trường thống nhất tới mức không còn có giới hạn về thời gian và không gian. Cụ thể là chỉ bằng cách ngồi trước máy tính và kích chuột, người mua được tiếp cận những nguồn thông tin phong phú về các nhà sản xuất, chủng loại và chất lượng của hàng hóa trên khắp thế giới; từ đó, có điều kiện để lựa chọn và ra quyết định tốt nhất. Các nhà sản xuất sử dụng thương mại điện tử để tìm kiếm những nguồn lực hiệu quả hơn, thường xuyên cải tiến công nghệ, rút ngắn chu kỳ sản xuất, tăng năng suất cao hơn và thúc đẩy nhanh việc sáng tạo, cải tiến sản phẩm. Ngoài ra, thương mại điện tử giúp cho cả người mua và người cung cấp giảm nhiều chi phí về vận tải, kho bảo quản, giao dịch, bán hàng và văn phòng... Nói khát quát, nó làm giảm rõ rệt chi phí hữu hình và vô hình. Hơn nữa, do tính toàn cầu và khả năng liên kết của thương mại điện tử, nên sự phát triển của nó sẽ kéo theo sự phát triển của kết cấu hạ tầng và nhiều ngành dịch vụ khác cần thiết và liên quan như viễn thông, giao thông vận tải, ngân hàng và pháp luật. Thương mại điện tử không chỉ là phương thức giao dịch hữu hiệu và tạo ra nguồn thu cho nền kinh tế, mà điều quan trọng hơn là tạo ra động

* Chuyên viên Bộ Thương mại

Digitized by Google

lực làm năng động hóa và kích thích nền kinh tế vận hành có hiệu quả hơn.

Những lợi ích này không chỉ đúng với các nước phát triển vốn đã có kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử tốt mà cho cả các nước đang phát triển. Cùng với xu hướng toàn cầu hóa và sự phát triển của kinh tế tri thức dựa trên công nghệ thông tin, thương mại điện tử trở thành xu hướng khách quan. Nếu đứng ngoài xu thế này sẽ rơi vào trạng thái tụt hậu theo phản ứng dây chuyền: từ kinh tế đến kỹ thuật và với mức độ ngày một trầm trọng hơn. Những lợi ích thu được từ phát triển sớm thương mại điện tử chắc chắn sẽ lớn hơn so với chi phí mà các nước đang phát triển đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho nó. Chẳng hạn các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tuy chiếm đa phần trong nền kinh tế của các nước này, nhưng nằm rải rác ở những vùng biệt lập, xa xôi, ít có cơ hội giao dịch, thiếu thông tin, thiếu đối tác, họ chỉ cần một lượng đầu tư nhỏ để kết nối mạng và có nhân sự hiểu biết về mạng là có thể dễ dàng tiếp cận với thị trường rộng lớn kể cả trong và ngoài nước. Ngoài ra, mạng thông tin toàn cầu và thương mại điện tử cũng tăng sự tiếp cận thị trường của người dân ở vùng xa xôi, hẻo lánh với tư cách vừa là người tiêu dùng, vừa là người sản xuất. Thương mại điện tử sẽ trở thành công cụ hữu hiệu để tăng năng suất lao động và giảm đói nghèo ở các nước đang phát triển.

Đảng và Chính phủ Việt Nam đã sớm nhận rõ tầm quan trọng của thương mại điện tử. Ngày 7-4-1997, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 211-TTg về phát triển thương mại điện tử của Việt Nam. Năm 1999, Bộ Thương mại được Chính phủ giao nhiệm vụ làm đầu mối thực hiện *Dự án Quốc gia Kỹ thuật thương mại điện tử giai đoạn 2001 - 2005*. Đây là một phần trong việc thực hiện Hiệp định E-ASEAN và khuôn khổ thương mại điện tử của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Theo đó, một loạt các văn bản pháp quy khác cũng đã được ban hành về phát triển thương mại điện tử ở Việt Nam. Thương mại điện tử cũng thuộc một trong 12 dự án được Chính phủ tập trung chỉ đạo trong Kế hoạch Tổng thể Công nghệ thông tin Việt Nam đến năm 2005. Chính phủ đã đưa đầu tư phát triển thương mại điện tử vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Phân tích sâu sắc mười mục tiêu phát triển của Dự án Quốc gia Kỹ thuật thương mại điện tử giai đoạn 2001 - 2005 cho thấy, các nhà lập chính sách của nước ta hoàn toàn nhận thức được yêu cầu phải song song giải quyết nhiều đòi hỏi phức tạp, đan xen nhau để phát triển thương mại điện tử bao gồm: kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin - liên lạc và giao thông vận tải, nhân lực; khu vực tài chính, ngân hàng và hệ thống thanh toán điện tử; khuôn khổ luật pháp về thương mại điện tử như thể chế thuế, hệ thống các tiêu chuẩn công nghiệp và thương mại, mua sắm, quản lý của Chính phủ, bảo mật an toàn và chứng thực điện tử, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ người tiêu dùng; nhận thức và trình độ cộng đồng; và các yếu tố văn hóa - xã hội khác.

Hiện tại, Việt Nam đã thiết lập được một số yếu tố nền tảng cho thương mại điện tử. Đội ngũ kỹ sư công nghệ thông tin đang ngày một hùng hậu; một số dự án phát triển trang điện tử do các công ty lớn hay Chính phủ hình thành để tạo điều kiện cho thương mại điện tử, điển hình là dự án Virtual Mall do VIETRADE liên kết với JETRO (Nhật Bản) xây dựng...; hình thành một siêu thị điện tử; hạ tầng thanh toán điện tử được triển khai trong hệ thống ngân hàng từ năm 1992; dự thảo Pháp lệnh về thương mại điện tử cũng đang trong quá trình xây dựng.

Digitized by Google

Tuy nhiên, nhìn chung môi trường thực tế cho thương mại điện tử ở Việt Nam chưa được hình thành đầy đủ và đòi hỏi còn phải nỗ lực mạnh mẽ hơn nữa trên nhiều phương diện. Xét từ góc độ cơ chế và chính sách, đây là khâu đầu tiên cần có bước đột phá để khuyến khích các chủ thể kinh tế chủ động tiếp cận thương mại điện tử. Minh chứng cho điều này là mức độ sẵn sàng của khu vực kinh doanh chưa cao, thậm chí nếu có thì mới chỉ dừng lại ở mức tự phát và rất rời rạc. Theo báo cáo của Bộ Thương mại, hiện tại chỉ có khoảng 2% số doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng thương mại điện tử, 7% bắt đầu quan tâm, đến 90% không biết đến hoặc không muốn thực hiện thương mại điện tử. Theo một điều tra khác của Quỹ Phát triển Mê-kông thì 48% các doanh nghiệp chỉ kết nối in-tơ-nét để trao đổi thư điện tử. Đa số các doanh nghiệp còn mang tính bị động và chưa khai thác có hiệu quả in-tơ-nét cho mục đích thương mại.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Nguyên nhân chủ quan thuộc về các doanh nghiệp là chưa nhận thức đúng tính năng tác dụng to lớn của thương mại điện tử để có đầu tư thích đáng. Kết cấu hạ tầng công nghệ của các doanh nghiệp nhìn chung lạc hậu, không phù hợp để phát triển thương mại điện tử. Theo báo cáo của Ủy ban Kỹ thuật Thương mại điện tử, tháng 9-2001, có khoảng từ 60 đến 70% số doanh nghiệp vừa và nhỏ không có máy fax và máy tính; đặc biệt, kết cấu hạ tầng kết nối mạng rất thấp. Ngoại trừ các doanh nghiệp là các công ty cung cấp dịch vụ in-tơ-nét, máy vi tính hay một số dịch vụ quan trọng như ngân hàng, bưu điện..., phần lớn các doanh nghiệp khác không có đủ nhân sự về công nghệ thông tin để thực hiện thương mại điện tử.

Một nguyên nhân sâu xa khác nằm ở trình độ phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin và liên lạc của đất nước còn quá thấp. Cước phí kết nội mạng cao hơn 30% so với các nước khác trong khu vực. Việc nghẽn đường truyền thường xuyên xảy ra do Việt Nam mới chỉ có một mạng lưới in-tơ-nét thông qua nhà cung cấp truy cập in-tơ-nét duy nhất là Công ty Truyền dữ liệu Việt Nam thuộc Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam. Chi phí thiết kế, đăng ký một trang điện tử lên đến gần 1 000 USD, chưa kể chi phí duy trì hằng năm. Ngoài ra, những thủ tục đăng ký còn khá phức tạp, rườm rà, nhất là đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Một lý do khác là công chúng hiểu biết ít và không quen với hình thức giao dịch điện tử. Việc thanh toán bằng thẻ tín dụng chưa phổ biến trong nhân dân; hạ tầng thanh toán điện tử mới được triển khai trong hệ thống ngân hàng nhưng chưa phổ biến rộng rãi.

Thêm vào đó, người tiêu dùng chưa có cơ sở để tin vào hình thức giao dịch này do Việt Nam chưa có đạo luật cụ thể bảo vệ những quyền lợi cơ bản của các thể nhân và pháp nhân trong giao dịch thương mại điện tử và in-tơ-nét. Quyền sở hữu trí tuệ, vấn đề bảo vệ người tiêu dùng và đánh thuế liên quan đến thương mại điện tử còn bị bỏ ngỏ. Đồng thời, tính pháp lý và an ninh của thương mại điện tử chưa được bảo đảm: các luật hiện hành không bao quát hợp đồng điện tử, không có khả năng giải quyết những tranh chấp liên quan đến thương mại điện tử, chữ ký điện tử chưa được luật pháp công nhận, không có hạ tầng mã khóa và xác nhận điện tử.

Tuy vậy, với tầm quan trọng của thương mại điện tử đối với sự phát triển kinh tế đất nước, cũng như những đòi hỏi phức tạp và khó khăn để phát triển thương mại điện tử, trong giai đoạn tới, Chính phủ tiếp tục cụ thể hóa hơn nữa Dự án Quốc gia Kỹ thuật thương mại điện tử 2001 - 2005 bằng việc xây dựng chi tiết

Digitized by Google

các kế hoạch hành động hằng năm về thương mại điện tử, xác định rõ các mục tiêu và bước đi cụ thể cần đạt được, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ, ngành và cơ quan của Chính phủ. Để phối hợp hành động của các bộ, ngành một cách đồng bộ và thống nhất, Chính phủ sớm thành lập Ủy ban quốc gia về thương mại điện tử (tách biệt với các bộ, ngành chủ quản) điều phối chung vấn đề này trên cả nước. Ủy ban này cần duy trì sự đối thoại với giới kinh doanh để kịp thời tiếp nhận các ý kiến phản hồi của họ, vì đây là lực lượng chủ chốt thực hiện và tạo động lực cho thương mại điện tử.

Trên lộ trình đó, Chính phủ lấy giới kinh doanh, đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa làm trung tâm, làm động lực, từ đó tạo điều kiện để họ phát huy được khả năng và vai trò lan tỏa trong xã hội không chỉ trong việc phổ biến ứng dụng thương mại điện tử, mà cả phát triển công nghệ phần mềm và phần cứng. Chính phủ chỉ đóng vai trò hoàn thiện môi trường luật pháp, chính sách, đề ra mục tiêu, hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng cần thiết, đặc biệt là kết cấu hạ tầng thông tin và giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực.

Cùng với việc sớm ban hành đạo luật về thương mại điện tử, ngay bây giờ Chính phủ cần chỉ định các bộ và cơ quan phụ trách việc xây dựng các quy định và luật lệ về các khía cạnh của thương mại điện tử, đặc biệt là quy định thủ tục tố tụng liên quan đến những tranh chấp và vi phạm luật pháp về thương mại điện tử theo hướng mở rộng phạm vi giao dịch ra toàn cầu thay vì chỉ hạn chế trong biên giới quốc gia. Vì vậy, các quy định và luật quốc gia, dù phải có nét riêng phù hợp với giá trị văn hóa, môi trường kinh doanh và chính trị của đất nước cũng cần được cập nhật hóa và phù hợp với các quy định và luật pháp thương mại điện tử quốc tế. Việt Nam nên tranh thủ tư vấn quốc tế như Sáng kiến về Chính sách In-tơ-nét toàn cầu (GIPI) - một tổ chức thúc đẩy sự phát triển In-tơ-nét của các quốc gia đang và chậm phát triển thông qua hỗ trợ về luật pháp và chính sách.

Hiện tại, thế giới đang ở vòng đàm phán tự do hóa thương mại Đô-ha, các thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) sẽ đàm phán những cam kết dịch vụ mới nhằm tự do hóa hơn tất cả các dịch vụ liên quan đến thương mại điện tử. Việt Nam đang trong quá trình đàm phán để sớm gia nhập WTO, các nước thành viên WTO đang khuyến nghị Việt Nam đưa ra những cam kết tương tự. Việt Nam có nhiều khả năng bị "buộc" tham gia vào Hiệp định Công nghệ Thông tin, theo đó phải giảm thuế xuống 0% cho các sản phẩm công nghệ thông tin quan trọng; đồng thời, cũng sẽ phải cam kết cao hơn theo quy chế đối xử quốc gia và tiếp cận thị trường đối với các dịch vụ liên quan đến thương mại điện tử, phải thực thi nghiêm túc hơn việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt đối với bản quyền và bằng sáng chế. Ngoài ra, kể từ năm 2004, Việt Nam sẽ phải dần tự do hóa các khu vực dịch vụ theo Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Như vậy, giải pháp duy nhất đối với Việt Nam chính là gấp rút nâng cao khả năng cạnh tranh của các ngành dịch vụ kể trên.

Muốn nâng cao khả năng cạnh tranh, Chính phủ cần tạo ra môi trường chính sách minh bạch, khuyến khích và bảo đảm cạnh tranh lành mạnh. Cơ quan quản lý nhà nước từng ngành dịch vụ phải thực sự độc lập, công bằng, minh bạch và có trách nhiệm trong việc lập và tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách. Mặt khác, để thương mại điện tử phát triển, kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin và liên lạc phải được đầu tư đúng mức và cập nhật với những thành tựu mới của thế giới, do đó nên có sự tham gia của đầu tư nước ngoài. Chính phủ nên từng bước tạo môi trường bình đẳng kinh

Digitized by Google

doanh để thúc đẩy cạnh tranh bằng cách cho phép hình thành các liên doanh trong lĩnh vực này thay vì chỉ cho phép tồn tại hình thức hợp đồng kinh doanh như hiện nay. Trong lĩnh vực in-tơ-nét, Chính phủ sớm cho phép có thêm ít nhất một mạng lưới in-tơ-nét mới tồn tại song song với mạng lưới do Công ty Truyền dữ liệu Việt Nam quản lý để tạo ra sự cạnh tranh, đồng thời cũng cải thiện tốc độ đường truyền, giảm chi phí truy cập cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng. Những thủ tục đăng ký trang điện tử cần đơn giản hơn để thực sự khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử.

Bên cạnh những chính sách ưu tiên và hỗ trợ đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, để họ có đủ trình độ kỹ thuật và kết cấu hạ tầng ứng dụng thương mại điện tử, Chính phủ cần thông qua các tổ chức xúc tiến thương mại và hiệp hội ngành nghề giúp họ nhận thức được tính tất yếu, lợi ích và những thách thức của thương mại điện tử để tự điều chỉnh quy trình quản lý, cơ cấu tổ chức và văn hóa kinh doanh cho phù hợp. Đào tạo và phổ biến kiến thức đến các doanh nghiệp cũng là việc cần sớm thực hiện.

Đa phần các doanh nghiệp Việt Nam xây dựng trang điện tử và phát triển thương mại điện tử hiện nay nhằm vào thị trường xuất khẩu. Để thương mại điện tử phát triển ở trong nước, cùng với việc nâng cao nhận thức về thương mại điện tử trong cộng đồng, tin học phải trở thành môn học bắt buộc và được lồng ghép vào các môn học khác ở nhà trường phổ thông. Phải đặt mục tiêu đào tạo là, kết thúc bậc phổ thông trung học học sinh phải có khả năng tối thiểu về liên lạc điện tử và tìm thông tin trên in-tơ-nét. Điều này là hoàn toàn có thể đối với khu vực đô thị, nhưng là một thách thức đối với khu vực nông thôn. Việc đào tạo kỹ sư công nghệ thông tin cũng cần được cải tiến theo hướng tạo khả năng nắm bắt và sáng tạo trong thời đại công nghệ thông tin phát triển nhanh chóng như hiện nay. Với mục tiêu phát triển thương mại điện tử, thiết nghĩ có thể đào tạo các kỹ sư công nghệ thông tin chuyên sâu về thương mại điện tử.

Do đó, chiến lược phát triển thương mại điện tử có thể được thực hiện lồng ghép với các chiến lược khác như cải cách giáo dục và xúc tiến thương mại cấp quốc gia. Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm của nhiều nước trong việc thành lập các Telecenter (trung tâm viễn thông) trên toàn quốc, đặc biệt ở vùng nông thôn. Ví dụ, trong chiến lược quốc gia "một làng - một sản phẩm" nhằm khuyếch trương các sản phẩm địa phương ở thị trường trong và ngoài nước, Thái Lan đặc biệt chú ý đến phát triển thương mại điện tử, xây dựng một hệ thống Telecenter tại bốn tỉnh thí điểm cho nông dân. Các trung tâm này không chỉ cho phép sử dụng miễn phí hoặc với phí rất thấp các thiết bị để giao dịch thương mại điện tử như điện thoại, máy fax, máy tính được kết nối, mà trung tâm còn tổ chức đào tạo và tư vấn về sử dụng in-tơ-nét, liên kết với chính quyền và doanh nghiệp địa phương để xây dựng trang điện tử với nội dung quảng bá các sản phẩm, các thông tin về doanh nghiệp và các địa điểm du lịch của địa phương.

Chính phủ cần tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế về vốn và chuyên gia để phát triển thương mại điện tử đặc biệt là xóa khoảng cách giữa thành thị và nông thôn trong việc tiếp cận kỹ thuật số. Những sáng kiến quốc tế bao gồm sự hỗ trợ trong E-ASEAN dành cho các nước có trình độ công nghệ thông tin và liên lạc thấp hơn, Chương trình Hành động cộng đồng về Viễn thông trong APEC (APT), hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản trong Lực lượng chuyên trách về cơ hội kỹ thuật số của nhóm G8... là những đối tác tốt đối với chúng ta trên lĩnh vực này. ❑

Digitized by Google

Di dân tự do và những tác động về văn hóa - xã hội ở Đắc Lắc

NGUYỄN BÁ THỦY*

LUỒNG di dân tự do đến các tỉnh Tây Nguyên từ sau năm 1991 phát triển mạnh. Riêng ở Đắc Lắc từ năm 1976 đến quý I năm 2000 có 76 011 hộ và 368 681 khẩu đã di cư tự do đến. Người di cư tự do đến từ 60 tỉnh, thành phố, trong đó các dân tộc thiểu số ở miền núi phía bắc chiếm khoảng 30% số hộ. Người Mông từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, v.v.. vào, cư trú tại 200 điểm trên toàn tỉnh.

Số người di cư tự do từ Cao Bằng và Lạng Sơn đến Đắc Lắc cao nhất so với các vùng khác tới cư trú tại Tây Nguyên. Trong giai đoạn 1976 - 1998, di dân tự do xuất xứ từ Cao Bằng đến Đắc Lắc là 12 772 hộ, 65 910 khẩu, chủ yếu là các dân tộc Tày, Nùng, Mông; từ Lạng Sơn chủ yếu là Tày, Nùng, với 5 869 hộ chiếm 74,25% và 29 100 khẩu chiếm 82,6% số người di cư tự do trên toàn tỉnh.

Di dân tự do đã tác động sâu sắc đến môi trường sinh thái, kinh tế, xã hội, văn hóa của tỉnh Đắc Lắc. Tác động này có tính hai mặt:

a - Người dân di cư tự do khai thác các tiềm năng kinh tế, hình thành các vùng chuyên canh và sản xuất hàng hóa lớn, trong đó có vùng sâu, vùng xa; hình thành các trung tâm dân cư và đơn vị hành chính mới, tự kiếm việc làm, tự giải quyết đói nghèo nhanh hơn. Quá trình chuyển đổi từ sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa trong trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, v.v.. ở các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mông đã và đang diễn ra mạnh mẽ.

b - Nhưng họ cũng phá vỡ quy hoạch của nhiều vùng, làm cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh gặp nhiều khó khăn.

Qua nghiên cứu ở một số địa bàn của tỉnh Đắc Lắc, một tỉnh khá điển hình về vấn đề di dân tự do, có thể cho chúng ta những suy nghĩ rộng hơn về tình hình địa bàn Tây Nguyên.

1 - Về giáo dục

Giáo dục bị quá tải: Số người di cư tự do đến Đắc Lắc làm gia tăng số học sinh phổ thông địa phương. Theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo, từ hơn 10 năm qua, trung bình mỗi năm Đắc Lắc phải xây thêm từ 11 000 đến 11 200 phòng học, tăng thêm 1 200 đến 1 400 giáo viên tiểu học. Do đó, tỉnh thiếu giáo viên và cơ sở trường học trầm trọng. Hiện tại, số trường học chỉ giải quyết được 10% nhu cầu của số người di cư tự do. Lo ngại của ngành giáo dục Đắc Lắc là số học sinh con em đồng bào di cư tự do bỏ học khá nhiều, kéo theo chất lượng giáo dục kém. Đối với người Mông, chủ trương của tỉnh là phải vận động các em đi học, cấp miễn phí sách giáo khoa, giấy vở, miễn đóng góp học phí và tiền xây dựng trường lớp. Tỉnh còn hỗ trợ vật chất và tiền phụ cấp đối với giáo viên dạy ở vùng sâu, vùng xa. Huyện Cư Jút khi mới thành lập (năm 1990) chỉ có 1 trường tiểu học và 1 trường ghép tiểu học với

* Vụ trưởng, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em

Digitized by Google

trung học cơ sở, và 99 giáo viên. Sau 10 năm, do dân số tăng đột biến đã đưa số học sinh lên 29 nghìn, trong khi đó số giáo viên chỉ là 1 070 người với 31 trường học, (ngoài trường tiểu học, còn có 2 trường ghép trung học cơ sở với trung học phổ thông).

Tuy vậy, phần lớn con em những hộ di cư tự do vẫn thất học ngay từ bậc tiểu học. Ở huyện Krông Nô có 253 hộ với hơn 1 500 người Dao đến từ Tiên Yên (Quảng Ninh), Sơn Động (Bắc Giang) và Lạng Sơn. Điểm dân cư 725, xã Ea Bang (Ea Kar), có 236 hộ với 976 người từ Cao Bằng, Lạng Sơn tới năm 1986, dân phải tự lo việc học hành cho con cháu. Ở đây, chỉ có một trường tranh tre cho 79 cháu theo học. Ở xã Đắc Drông, từ năm 1996 đến năm 2000 các phòng học hoặc bị quá tải, hoặc thiếu phòng học do số dân tăng mạnh đến mức xã không lường hết. Ở thôn 17, xã không lo được phòng học, dân phải tự làm phòng học nhưng lại thiếu giáo viên. Thôn 19 của người Mông được xã xây cho 2 phòng học nhưng thiếu giáo viên biết tiếng Mông. Đây cũng là khó khăn chung của cả ngành giáo dục Đắc Lắc. Giải pháp bắt buộc ở đây là phải chọn 2 người Mông có học vấn lớp 6/12 để làm giáo viên dạy lớp 1 - 2 cho trẻ em trong thôn.

Tình trạng bỏ học với nhiều lý do rất đáng lo ngại: Trong 10 năm (1990 - 2000), có tới 26,2% số hộ di cư tự do được hỏi đều có con em bỏ học ở các cấp học phổ thông. Trong số đó, hộ người Tày có tỷ lệ trẻ em bỏ học thấp nhất (2,3%). Trẻ em bỏ học nhiều nhất ở bậc tiểu học và nữ bỏ học nhiều hơn nam (90,4% so với 86,9%). Khi học lên trung học cơ sở, các em bỏ học ít hơn, nam bỏ học nhiều hơn nữ (12,3% so với 9,6%). Số học sinh lên trung học phổ thông bỏ học rất ít, chỉ 0,7% ở nam và không có nữ. Trẻ em người Tày bỏ học ở bậc tiểu học ít hơn nhưng ở bậc trung học cơ sở lại nhiều hơn so với các dân tộc khác.

Ba lý do chính mà trẻ em bỏ học (ở 74,1% số hộ) là nhà nghèo không đủ tiền đóng góp/nuôi cho ăn học (26,8%); trẻ em không thích học (26,3%) và vì cần lao động giúp đỡ gia đình (21,0%). Các lý do khác chiếm tỷ lệ nhỏ: do gia đình di cư (12,5%) hoặc do phải đi học quá xa (11,2%) hoặc thi không đỗ (1,3%), v.v..

Đa số người di cư tự do cho biết tình hình học tập của trẻ em khi vào Đắc Lắc năm 1999 tốt hơn so với khi họ còn ở quê cũ là Cao Bằng, Lạng Sơn. Tỷ lệ hộ cho rằng tốt hơn trước: cao nhất ở người Dao và thấp nhất ở người Mông. Tỷ lệ hộ không bày tỏ quan điểm cao nhất ở người Mông.

Điều tra ở thôn 19, xã Đắc Drông cho thấy, trong 70 nữ giới độ tuổi từ 15 đến 49 chỉ có một người biết chữ. Trẻ em người Mông khi ở ngoài Bắc hầu hết không đi học vì trường ở xa, đi lại khó khăn, các em phải lao động giúp đỡ gia đình. Vào Đắc Lắc đi lại dễ dàng hơn, trường học gần hơn nên trẻ đi học nhiều hơn. Chỉ qua lớp 1 - 2 là học sinh người Mông đã biết tiếng phổ thông và có thể học tiếp các lớp trên dễ dàng. Tuy nhiên, ở đây giáo viên người Mông rất thiếu, giáo viên là người Tày không biết tiếng Mông nên hiệu quả dạy học không cao.

2 - Về y tế

Thay đổi trong chăm sóc sức khỏe và sức khỏe sinh sản: Người dân di cư tự do đến Đắc Lắc một cách ồ ạt, lại sinh đẻ không có kế hoạch nên đã đẩy nhanh nhịp độ phát triển dân số ở địa phương. Ngành y tế bị động về thuốc men, cán bộ y tế nên việc đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu và thực hiện các chương trình y tế quốc gia (trạm y tế các xã Đắc Drông, Ea Pô, v.v.. chỉ có 5 cán bộ phụ trách 12 - 14 nghìn dân ở vùng 3) còn không ít hạn chế. Các bệnh viện ở tỉnh và huyện thường bị quá tải, trong khi trình độ cán bộ y tế còn yếu. Lực lượng cán bộ y tế còn nhiều bất cập: tuyến tỉnh thiếu thầy thuốc chuyên khoa sâu, tay nghề

Digitized by Google

cao, tuyến xã thiếu bác sỹ, nữ hộ sinh trung học, dược sỹ, trong khi bị dư thừa y sỹ đa khoa. Ước tính, trạm y tế chỉ giải quyết được 10% các nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân.

Năm 1998, Viện Xã hội học đã phối hợp với Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (nay là Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em) tỉnh Đắc Lắc khảo sát 1 509 hộ với 4 527 người di cư (di dân tự do và di dân theo kế hoạch) đến Đắc Lắc. Kết quả cho thấy:

- Có 30% số người dân tự đánh giá trong vài năm đầu định cư họ không được khỏe so với trước khi di cư; 40% số người cho rằng bị giảm sút sức khỏe rõ rệt, do đó ngay trong năm đầu 13,6% số nam giới, 28% số phụ nữ và 36% số trẻ em đã phải điều trị tại các cơ sở y tế.

- Người di cư mắc bệnh với tỷ lệ cao hơn so với người dân ở địa phương: sốt rét 20%, cúm 40%, sốt xuất huyết 28% và tiêu chảy ở trẻ em 32%.

- Tỷ lệ phụ nữ khám thai là 62%, thấp hơn người địa phương; tỷ lệ đẻ tại nhà là 92%, cao hơn người ở địa phương; tỷ lệ có thai ngoài ý muốn là 41% trong khi người ở địa phương là 20%; tỷ lệ nạo hút thai cao hơn 30% so với người bản địa tại địa phương.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng mở rộng chỉ đạt dưới 80%.

- Số người hiểu biết 3 biện pháp tránh thai chỉ chiếm 31%; tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai chỉ đạt 21% trong khi người địa phương là 38%.

- Số con trung bình là 3,9 con, cao hơn người địa phương (3,0 con). Người dân di cư nghĩ rằng, cần đẻ nhiều con để có thêm lao động làm ruộng, làm nương rẫy vì ở đây đất còn rộng người còn thưa.

Tình hình bệnh tật: Vì cư trú ở miền núi nên các bệnh hàng đầu của người dân di cư tự do trước khi di chuyển và cũng như ở Đắc Lắc năm 1999 vẫn là sốt rét và tiêu chảy. Tỷ lệ người bị sốt rét khi ở Đắc Lắc tăng gấp rưỡi so với trước khi di cư tự do, nhưng tỷ lệ tiêu chảy giảm gần một nửa. Các bệnh khác chiếm tỷ lệ nhỏ và có một số khác biệt nhất định giữa hai địa điểm. Ở Đắc Lắc, tỷ lệ người mắc một số bệnh như ngộ độc, bướu cổ, lao đã giảm, nhưng bệnh hoa liễu (bệnh lây truyền qua đường tình dục như lậu, giang mai, v.v..) và bệnh phụ khoa thông thường (viêm âm hộ, âm đạo, viêm cổ tử cung, nấm, trùng roi, v.v..) lại gia tăng. Theo nhận định của cán bộ Sở Y tế Đắc Lắc, sốt rét chủ yếu xảy ra ở người dân tộc thiểu số, người dân di cư tự do mắc nhiều hơn người dân tộc tại chỗ và có tỷ lệ tử vong cao. Ngoài ra, các bệnh như viêm phổi, cúm, suy dinh dưỡng, phụ khoa ở họ cũng xảy ra nhiều hơn. Sốt rét là bệnh có nhiều người mắc nhất, tập trung ở các xã Ea Pô, Đắc Drông, Trúc Sơn, Nam Dong; đa số xảy ra ở các hộ nghèo và người Mông. Viêm phổi và viêm phế quản xảy ra nhiều ở trẻ em do thời tiết thay đổi đột ngột trong ngày và nóng nắng bất thường trong khi chúng thiếu áo ấm hoặc không có ý thức phòng ngừa. Nguyên nhân của tỷ lệ mắc bệnh phụ khoa cao là do thiếu nước sinh hoạt và nhận thức về vệ sinh của người dân còn hạn chế.

Sống ở Đắc Lắc, do thuận lợi về địa hình và giao thông nên việc khám chữa bệnh của người dân di cư tự do đã thay đổi. Tỷ lệ người bệnh tự chữa ở nhà, chữa ở thày cúng, thày mo hoặc bỏ mặc không chữa đã giảm so với khi còn ở Cao Bằng, Lạng Sơn. Do dịch vụ y tế tư nhân phát triển ở Đắc Lắc nên tỷ lệ người bệnh đến y tế tư, thày lang cũng tăng. Người dân di cư tự do vốn quen hưởng chế độ bao cấp về thuốc men ở quê cũ, nay đã bắt đầu quen với khám chữa bệnh theo cơ chế ở dịch vụ y tế tư nhân. Trong 4 dân tộc di dân tự do, tỷ lệ người Mông đến khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế nhà nước thấp hơn cả, nhưng tự chữa bệnh ở nhà luôn cao gấp từ 2 đến 3 lần so với các dân tộc khác.

Một phụ nữ di cư nhận xét: người dân đến chữa bệnh ở trạm y tế xã, thường mua thuốc tây

Digitized by Google

ở đại lý. Ngoài ra, ở thôn 9, xã Đắc Drông có 6 cơ sở dịch vụ y tế tư nhân, vừa khám bệnh, vừa bán thuốc. Vào trong này ai cũng bị sốt rét, trẻ con khó nuôi hơn, nhưng không có tử vong, chuyển mùa chúng hay ốm. Tuy vậy ở đây muốn đi khám, chữa bệnh cũng dễ dàng, thuận tiện hơn.

Tập quán sinh đẻ: Tại Cao Bằng, Lạng Sơn, tâm lý người Tày, Nùng là muốn nhiều con và thích có con trai hơn con gái. Vào những năm 1985 - 1989, số con trung bình của mỗi cặp vợ chồng người Tày là 5,0; người Nùng là 5,2. Trong 10 năm (1989 - 1999), tuy tỷ lệ sinh đã giảm song tỷ lệ tăng dân số bình quân hằng năm của người Tày vẫn là 2,2%, người Nùng là 1,9%. Trước kia phụ nữ Tày, Nùng thường đẻ tại nhà, việc đỡ đẻ do bà mẹ hoặc bà mụ vườn đảm nhiệm, cắt rốn bằng cật nứa. Những năm gần đây, trừ những vùng sâu, vùng xa, phụ nữ thường sinh đẻ tại cơ sở y tế, nhất là những người đẻ khó. Sau khi sinh, sản phụ được chăm sóc chu đáo. Sau sinh khoảng 42 ngày, ứng với hết thời kỳ hậu sản, người phụ nữ không còn phải kiêng kỵ và có thể đi làm bình thường.

Mong muốn có nhiều con cũng là tâm lý phổ biến của người Dao. Con trai được ưa chuộng hơn. Vào những năm 1985 - 1989, số con trung bình của mỗi cặp vợ chồng người Dao là 7 con. Trong 10 năm (1989 - 1999), tuy tỷ lệ sinh đã giảm song tỷ lệ tăng dân số bình quân hằng năm của người Dao vẫn là 2,7%. Trước kia, phụ nữ thường đẻ tại phòng ở của vợ chồng, sản phụ tự đỡ đẻ lấy, nếu khó đẻ thì người đỡ là chồng, mẹ chồng hay chị em gái chồng. Những năm gần đây, phụ nữ đã đến sinh đẻ ở cơ sở y tế.

Người Mông vào những năm 1985 - 1989 có số con trung bình của mỗi cặp vợ chồng là 8,8 - cao nhất trong 54 dân tộc ở nước ta. Trong 10 năm (1989 - 1999), tỷ lệ sinh đã giảm song tỷ lệ tăng dân số bình quân hằng năm vẫn là 3,4%. Họ muốn đẻ nhiều con để có nhiều lao động làm nương rẫy và nhất định phải đẻ được con trai để có người nối dõi, tăng thêm sức mạnh cho dòng họ và để trông cậy lúc tuổi già, nương tựa khi đau ốm.

Nếu như khi ở quê cũ Cao Bằng, Lạng Sơn, chỉ khi đẻ khó người phụ nữ mới đến trạm y tế hoặc bệnh viện thì ở Đắc Lắc, do giao thông thuận tiện, nhiều ca đẻ đã đến cơ sở y tế.

Về kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em: Cho đến đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước, ở Đắc Lắc chưa triển khai sâu rộng chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, nhất là đối với người dân di cư tự do, do đó vẫn còn một bộ phận sinh đẻ nhiều. Đến cuối thập kỷ 90, thế kỷ XX, người dân đã nhận thức được yêu cầu sinh đẻ kế hoạch, đa số các cặp vợ chồng trẻ đã dừng lại ở 2 con. Tỷ lệ sinh của toàn tỉnh giảm từ 40,9‰ (1990) xuống 34,7‰ (1998)(1); số người sinh con thứ 3 trở lên trong toàn tỉnh chỉ chiếm gần 20% (1999).

Dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em: có vai trò rất quan trọng đối với các dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Nếu làm tốt công tác này sẽ tăng cường được sức khỏe phụ nữ và trẻ em, giảm được chết mẹ, chết sơ sinh, chết dưới 1 tuổi, 5 tuổi và giảm sinh. Phụ nữ mang thai đi khám thai ít nhất một lần đã tăng lên; tỷ lệ phụ nữ tiêm phòng uốn ván và trẻ em được tiêm chủng mở rộng đều tăng lên đáng kể. Nhìn chung, ở 4 dân tộc di cư tự do, nhất là người Mông, khi vào Đắc Lắc đã từng bước thay đổi nhận thức và hành vi trong tiếp cận và sử dụng một số dịch vụ bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em.

Nhận xét về dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại Đắc Lắc năm 1999, đa số người được hỏi cho là tốt hơn so với ở quê cũ; một số ít cho rằng không thay đổi và rất ít người cho rằng kém hơn.

---

(1) Nguồn : Niên giám Thống kê năm 1998 tỉnh Đắc Lắc

Digitized by Google

3 - Đời sống văn hóa

Do những người di cư tự do thuộc nhiều thành phần tộc người (hơn 40 dân tộc), nên văn hóa ở Đắc Lắc hiện nay rất đa dạng và phong phú. Nhiều dân tộc vẫn bảo lưu khá đầy đủ bản sắc văn hóa của dân tộc mình, nhất là tiếng nói và một số tập quán trong cưới hỏi, tang ma, thờ cúng tổ tiên. Bên cạnh đó, người dân di cư tự do ít nhiều đã thay đổi các tập quán truyền thống của mình nhằm thích ứng với môi trường mới.

Ở nhiều nơi, người dân di cư tự do đã tự tạo ra cho mình các kết cấu hạ tầng như điện, đường, trường, trạm, dù với quy mô nhỏ nhưng cũng góp phần làm thay đổi bộ mặt nơi cư trú. Mặt khác, đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc cũng mang theo những hủ tục, gây ảnh hưởng xấu đến phong trào xây dựng nếp sống mới đang được hình thành và phát triển ở quê mới.

Hiện nay, ở Đắc Lắc, có 3 dòng văn hóa chính: Văn hóa các dân tộc bản địa (Ê Đê, Gia Rai, Mơ Nông, v.v..); văn hóa các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc và văn hóa người Kinh. Chính quyền và các cơ quan chức năng của tỉnh thường tổ chức các cuộc liên hoan cồng chiêng, liên hoan văn nghệ dân gian, tạo điều kiện cho các dân tộc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Để tạo môi trường giữ gìn và phát triển văn hóa lành mạnh cho các dân tộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng danh hiệu và quy ước về gia đình cũng như làng văn hóa, đồng thời vận động nhân dân thực hiện. Kết quả, năm 1999 có 244 làng, thôn buôn, khối phố và 14 xã, phường, thị trấn đạt danh hiệu làng hoặc đơn vị văn hóa, số gia đình văn hóa là 76 300 hộ, chiếm 62,2%.

Khi vào Đắc Lắc, những người dân tộc thiểu số thường ở thành từng làng riêng. Ví dụ, dân Bản Cầm (Hòa Cư, Cao Lộc, Lạng Sơn) cũng tập trung thành một làng. Nhà cửa làm theo dân địa phương, làm nhà trệt bằng gỗ. Các tập quán về tang ma, cưới xin, ăn hỏi, thách cưới, ở rể, v.v.. vẫn giữ như ở quê cũ. Dân còn hát dân ca của mình, quan hệ hôn nhân với người đồng tộc là chính, tuy có lấy người dân tộc tại chỗ nhưng không nhiều. Người dân hai dân tộc Tày và Nùng dựa vào nhau để sinh sống và duy trì bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc mình, phổ biến nhất là tiếng nói. Họ giao dịch với nhau bằng tiếng Tày và tiếng Nùng là chủ yếu, còn giao tiếp với bên ngoài thì bằng tiếng phổ thông.

Về tôn giáo, số tín đồ Tin Lành là người Mông và các dân tộc tại chỗ như Ê Đê, Gia Rai, Mơ Nông tăng nhanh, từ 10 nghìn người (năm 1975) lên 100 nghìn (năm 2000), hầu như ở xã nào có đồng bào dân tộc tại chỗ là có tín đồ Tin Lành. Điều cần cảnh báo là, người theo Tin Lành bỏ hết các hoạt động văn nghệ dân gian, cồng chiêng, bỏ các lễ nghi cúng bái trong cưới xin, ma chay; có người cầm đầu Đạo Tin Lành tuyên truyền một số tư tưởng sai trái như: không đóng thuế cho Nhà nước, không làm nghĩa vụ với chính quyền và thanh niên, không đi nghĩa vụ quân sự. Loại này cần được giáo dục cải tạo.

Nhiều tập quán cũ của bốn dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc khi vào Đắc Lắc đã thay đổi ít nhiều, trang phục truyền thống của người Tày, Nùng, Dao, Mông chỉ còn sử dụng ở một số người già, các lễ hội dân tộc giảm đi, tập quán cưới hỏi, ma chay vẫn còn giữ về cơ bản nhưng đã bị ảnh hưởng pha trộn bởi văn hóa người Kinh. Riêng tiếng nói, các dân tộc vẫn gìn giữ được. Tuy vậy, sự bất đồng tiếng nói giữa các dân tộc, nhất là đối với người Dao, người Mông cũng gây nhiều cản trở trong giao tiếp, tuyên truyền, giáo dục, v.v..

Người di cư vào Đắc Lắc (nói riêng) và các tỉnh Tây Nguyên (nói chung) bao gồm cả di cư theo kế hoạch hóa của Nhà nước và di cư tự do đã tạo nên sự biến đổi về mặt văn hóa - xã hội và cư dân. Nó có tác động hai mặt thuận và nghịch và đặt ra nhiều vấn đề cho công tác lãnh đạo và quản lý phải chú ý giải quyết. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, CHỐNG THAM NHŨNG: *KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP*

Lời Bộ Biên Tập: *Trong hai ngày 20 và 21-8-2003, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thường trực Ban Chỉ đạo Nghị quyết Trung ương 6 (2) đã tổ chức Hội thảo: "Kinh nghiệm và giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng rút ra từ một số vụ án kinh tế - xã hội và kết quả thanh tra, kiểm tra". Các đồng chí: Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Nghị quyết Trung ương 6 (2); Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Trương Vĩnh Trọng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Ủy viên Ban Chỉ đạo Nghị quyết Trung ương 6 (2); Vũ Quốc Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo Nghị quyết Trung ương 6 (2) đã dự và chủ trì Hội thảo. Dự Hội thảo còn có đồng chí Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đồng chí lão thành cách mạng cùng hơn 100 đại biểu gồm các thành viên Ban Chỉ đạo Nghị quyết Trung ương 6 (2), đại diện lãnh đạo các ban của Đảng ở trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội; các bộ, ngành và đại diện lãnh đạo chín tỉnh phía Nam. Có 40 bản tham luận gửi tới Ban Tổ chức và hơn 30 ý kiến tham luận tại Hội thảo. Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc những nội dung chính của Hội thảo.*

1 - Đánh giá đúng thực trạng tham nhũng, tiêu cực, lãng phí là một vấn đề khó. Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật để xác định đúng nguyên nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm, tìm những giải pháp hay nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí là mục tiêu quan trọng mà Hội thảo này hướng tới. Với tinh thần khách quan, các đại biểu đều cho rằng, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí là vấn đề rất nhức nhối, nghiêm trọng, đang là một nhân tố làm suy yếu Đảng và Nhà nước ta, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với chế độ, gây ảnh hưởng xấu đến ổn định an ninh trật tự xã hội. Tham nhũng, tiêu cực, lãng phí cùng với những tệ nạn xã hội khác là một trong bốn nguy cơ lớn, cản trở công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Nếu không có thái độ kiên quyết, không có biện pháp tích cực nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí thì Đảng ta, chế độ ta tiếp tục bị đe dọa.

Các ý kiến tại Hội thảo đều cho rằng, thời gian qua, nhất là từ khi Đảng ta mở Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII,

cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí đã đạt được những kết qủa đáng kể. Nhận thức và quyết tâm chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí của Đảng từ Trung ương đến cơ sở và của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Không chỉ dừng ở nhận thức, quyết tâm, Đảng và Nhà nước ta đã xây dựng được một số cơ chế, định chế chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí có hiệu quả. Tuy chưa tiến công một cách tổng lực, trên khắp các địa bàn, trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng có thể khẳng định rằng, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí đã vào thế tiến công. Sức tiến công ngày càng mạnh hơn đã có tác dụng răn đe, cảnh tỉnh đối với các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Các tham luận và ý kiến phát biểu đều khẳng định: việc đấu tranh chống tham nhũng có tác động tích cực tới Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đã đạt được những kết quả nhất định, bước đầu huy động được sức mạnh để chống suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng được coi trọng hơn, gắn liền với việc thực hiện đổi mới công tác cán bộ và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã tạo được bước chuyển trong nhận thức về tư cách, đạo đức của người cán bộ trong điều kiện mới. Nhìn chung, nhiều người trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đã hạn chế được bệnh quan liêu, lối sống thực dụng, vun vén cá nhân, nhờ đó đã củng cố được lòng tin của nhân dân, xây dựng khối đoàn kết trong nội bộ Đảng. Việc phát hiện và đã đưa ra xét xử kịp thời một số vụ án kinh tế - xã hội lớn; thái độ kiên quyết, nghiêm khắc của Đảng trong xử lý số cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước, kể cả những người giữ cương vị lãnh đạo cao trong hệ thống chính trị đã có tác dụng cảnh tỉnh, nhắc nhở, răn đe, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị của đất nước.

Bên cạnh đó, nhiều ý kiến cũng cho rằng, những kết quả đó chưa thật cao, chưa đạt yêu cầu của Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tệ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí đang diễn ra với tính chất ngày càng nghiêm trọng, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn. Từ các vụ án lớn bị phát hiện, đưa ra xét xử trong thời gian gần đây cho thấy, không ít cán bộ, đảng viên có sự dính líu trực tiếp; tệ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí đang ngày càng diễn biến phức tạp, thậm chí cả trong những lĩnh vực như giáo dục, y tế, thi đua khen thưởng, thương binh - xã hội, thực hiện chính sách với người có công, trong các ngành bảo vệ và thực thi pháp luật như: công an, tòa án, kiểm sát, hải quan, biên phòng, v.v..

Hoạt động tội phạm có tổ chức, mà dư luận gọi là "xã hội đen", vừa qua xuất hiện trong xã hội ta là một điều đáng báo động, đáng lo ngại. Điều đó thể hiện sự quản lý xã hội ở một số nơi, một số cấp, ngành, thời gian qua còn rất yếu kém. Có nơi, có lúc, các băng nhóm tội phạm còn đe dọa cả cuộc sống, làm ăn bình thường của người dân.

Nhiều ý kiến cảnh báo những hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, tội phạm có tổ chức đã thâm nhập vào một số cơ quan hành pháp, trong đó có sự tham gia che chắn của một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, gây tác hại nghiêm trọng đến trật tự và an ninh xã hội. Đó không chỉ là nguy cơ mà thực sự đã trở thành mối đe dọa đối với quyền lực của Nhà nước ta. Đó là lời cảnh báo nghiêm khắc về thực trạng suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Những tên tội phạm như Hoàng "nổ", Phương "Vicarent" ở Bà Rịa - Vũng Tàu, dựa vào uy thế của những người thân quen, của những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, đã ức hiếp, cướp đoạt trắng trợn thành quả lao động của người dân lương thiện, gây bất bình, phẫn nộ của quần chúng nhân dân. Vụ án Trương Văn Cam và đồng phạm, có 21 người nguyên là cán bộ, đảng viên, có cả cán bộ cao cấp thuộc diện Trung ương quản lý trong số 155 bị can bị

Digitized by Google

đưa ra xét xử với 24 tội danh; hàng trăm cán bộ, đảng viên liên quan bị xử lý các hình thức kỷ luật.

Khi nghiên cứu các vụ án kinh tế, xã hội và kết quả thanh tra, kiểm tra, nhiều ý kiến đã nêu lên một số điểm đáng chú ý:

Thứ nhất, những hành vi tham nhũng, tiêu cực được thể hiện rất đa dạng, từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến tinh vi, từ cá nhân đến tập thể,... Tham nhũng, tiêu cực, lãng phí xảy ra ở không ít tổ chức cơ sở đảng được công nhận danh hiệu "trong sạch, vững mạnh", thậm chí còn được công nhận trong nhiều năm.

Thứ hai, ý thức tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên còn yếu. Biểu hiện cụ thể là chưa có cán bộ, đảng viên nào phạm pháp hoặc có hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được phát hiện do kết quả của tự phê bình và phê bình trong nội bộ. Một số vụ, việc liên quan đến tham nhũng, tiêu cực, lãng phí bị quần chúng, công luận phát hiện, tố giác, song các tổ chức đảng liên quan, tổ chức đảng cấp trên, các cơ quan thanh tra, kiểm tra hoặc không biết hoặc biết nhưng không tích cực ngăn chặn để những hành vi đó phát triển thành những vụ án nghiêm trọng.

Thứ ba, những năm vừa qua, nhất là sau khi có Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), nhiều quy định, quy chế đã được ban hành như Quy định về những điều đảng viên không được làm, Quy định về kê khai tài sản, về sử dụng tài sản, phương tiện công... nhưng trên thực tế vẫn chưa ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí một cách có hiệu quả. Điều đó cho thấy, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí vẫn chưa tạo được chuyển biến cơ bản, chưa chặn đứng được tiêu cực tham nhũng.

Các ý kiến cũng bày tỏ: Cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí đã được Đảng ta xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Nhà nước ta cũng đã ban hành Pháp lệnh Chống tham nhũng và Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (tháng 2-1998). Nhưng trên thực tế, cuộc đấu tranh này vẫn chưa được dành sự tập trung thống nhất, thỏa đáng của toàn Đảng, của cả hệ thống chính trị cũng như của toàn xã hội. Ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều đơn vị, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều nơi vẫn chưa thực sự vào cuộc và tình trạng nể nang, né tránh, thờ ơ vẫn còn tồn tại như một lực cản. Tình trạng bao che, dung túng, bảo kê cho những hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí của một số cán bộ, đảng viên đã tạo điều kiện thuận lợi cho kẻ xấu hoành hành. Nếu được tập trung chỉ đạo, có sự thống nhất về ý chí và hành động, có thái độ kiên quyết, nghiêm khắc thì cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí sẽ giành được thắng lợi.

2- Hầu hết các ý kiến trước khi trình bày những nghiên cứu về nguyên nhân của thực trạng trên, đều bày tỏ sự tâm đắc của mình đối với những nguyên nhân dẫn đến tham ô, lãng phí mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ:

"Có nạn tham ô và lãng phí là vì **bệnh quan liêu...**

Nói tóm lại, vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc *bệnh quan liêu* thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí.

Thế là *bệnh quan liêu* đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí"[1].

Những điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra trên đây vẫn còn nguyên tính thời sự, giúp chúng ta nhận thức rõ hơn nguyên nhân dẫn đến nạn tham nhũng, tiêu cực, lãng phí hiện nay.

---

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 489, 490

Digitized by Google

Các ý kiến đồng tình với việc xác định những nguyên nhân dẫn đến việc "chưa tạo ra được những chuyển biến cơ bản trong công tác xây dựng Đảng cũng như trong việc nâng cao chất lượng của các tổ chức đảng và của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là chưa ngăn chặn và đẩy lùi được tệ tham nhũng, lãng phí"(2) mà Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã chỉ ra. Cụ thể là, ở không ít nơi, sự chỉ đạo của các cấp ủy chưa kiên quyết, chưa tập trung đúng mức; một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa tự giác phê bình và tự phê bình, chưa làm gương cho cán bộ, đảng viên trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; việc xử lý một số vụ việc nổi cộm chưa nghiêm, vẫn còn có biểu hiện "trên nhẹ, dưới nặng"; nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa thực sự dựa vào dân, chưa coi trọng tiếp thu ý kiến phê bình của dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng; một số chủ trương, biện pháp, quy chế, chính sách nhằm ngăn ngừa, đấu tranh chống tệ tham nhũng, lãng phí quy định chưa hợp lý, chặt chẽ, tính khả thi chưa cao, còn ít hiệu quả; thiếu sự phân công phối hợp chỉ đạo việc chống tham nhũng một cách có hiệu lực, hiệu quả.

Các ý kiến phát biểu đã tập trung phân tích nguyên nhân dẫn đến sự diễn biến phức tạp của tệ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí hiện nay, đã làm phong phú thêm những nhận định trên đây của Đảng. Có thể tổng hợp thành một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Một là, việc tự tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên trong tình hình hiện nay và sự giúp đỡ lẫn nhau của cán bộ, đảng viên trong các tổ chức đảng còn yếu. Thể hiện cụ thể và rõ nét nhất của nguyên nhân này là, sinh hoạt chi bộ ở một số nơi còn qua loa, đại khái, chiếu lệ, hình thức. Công tác tổ chức cán bộ còn bộc lộ nhiều yếu kém.

Hai là, công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, giám sát còn yếu; không định rõ trách nhiệm cụ thể, rõ ràng, dẫn đến tình trạng "thành tích thì thuộc về cá nhân, khuyết điểm thì thuộc về tập thể"

Ba là, công tác cải cách hành chính đạt hiệu quả chưa cao. Nạn sách nhiễu, tham nhũng đang tạo nên rào cản trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bốn là, trong quản lý nhà nước, cơ chế, chính sách, luật pháp, nhất là những cơ chế, chính sách có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực kinh tế còn thiếu, chưa đồng bộ và còn nhiều sơ hở. Cơ chế *"xin - cho"* tồn tại trong nhiều năm không những là rào cản sự phát triển trong nhiều lĩnh vực mà còn là mảnh đất cho tệ tham nhũng, sách nhiễu, cửa quyền phát triển.

Năm là, cho đến nay, chính sách tiền lương chưa có sự đổi mới đáng kể, vẫn còn nặng về những giải pháp tình thế, chắp vá, chưa có chiến lược về chính sách tiền lương trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là *một trong những vấn đề ảnh hưởng* đến tình trạng tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và các tệ nạn khác.

3- Để khắc phục tình trạng trên, các ý kiến đề xuất một số giải pháp:

Một là, cần làm trong sạch đội ngũ cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ vừa "hồng", vừa "chuyên". Tiêu chuẩn về đạo đức, chuyên môn của cán bộ phải được xác định cụ thể. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức rõ, tu dưỡng, rèn luyện theo những tiêu chuẩn đó. Tiếp tục xây dựng cơ chế để nhân dân giám sát cán bộ, có cơ chế cụ thể bố trí lại cán bộ khi có dấu hiệu vi phạm và loại bỏ những cán bộ vi phạm. Quy định cụ thể và rõ ràng hơn chế độ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Nhiều ý kiến cho rằng, nếu người đứng đầu cơ quan của Đảng, Nhà nước hoặc của ngành, đoàn thể là người trong sáng, gương mẫu, làm việc hết mình thì tình hình trong cơ quan đó sẽ tốt. Vì vậy, việc coi trọng hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu là rất quan trọng.

---

(2) Kết luận 04-KL/TW của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, ngày 19-11-2001

Digitized by Google

Hai là, cần xây dựng quy chế nhằm đảm bảo dân chủ thật sự trong Đảng. Có ý kiến đề xuất, trong thời gian tới, Đảng cần xây dựng, ban hành Quy chế Dân chủ trong Đảng.

Ba là, tăng cường quản lý nhà nước theo pháp luật, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý kinh tế, rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách, để khắc phục những sơ hở, có biện pháp ngăn chặn thật hiệu quả, nhất là trong các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí như xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng đất đai, quản lý tài chính...

Bốn là, đổi mới chính sách tiền lương nhằm khắc phục các vấn đề bức xúc hiện nay và những sơ hở dẫn đến việc phát sinh tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Quy định rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể trong từng khâu quản lý; chỉ rõ chế tài xử lý khi vi phạm; tăng cường tính công khai trong công tác kiểm tra, thanh tra nhất là về quản lý kinh tế.

Năm là, thực hiện có hiệu quả các biện pháp giáo dục tư tưởng, quản lý đảng viên. Giữ nghiêm chế độ tự phê bình và phê bình; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia phát hiện, tố giác những hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Thực hiện tốt phương châm dựa vào dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Sáu là, trong thời gian tới, các địa phương tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy, tạo các điều kiện cần thiết để các cơ quan thường trực Trung ương 6 (2) có đủ năng lực, thẩm quyền giúp các cấp ủy thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tạo sức mạnh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí một cách có hiệu quả.

Tiếp tục kiện toàn hệ thống cơ quan thanh tra, kiểm tra, các cơ quan bảo vệ pháp luật theo hướng nâng cao thẩm quyền của các cơ quan này, nhất là đề cao vai trò của thanh tra ngành. Các cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan chống tham nhũng cần lựa chọn, bố trí và bảo vệ những người có năng lực, có bản lĩnh, dám đương đầu với các khó khăn, thách thức trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Đối với đội ngũ cán bộ công chức trong các cơ quan này, có chế độ phụ cấp ưu đãi gắn liền với cơ chế kiểm soát, giám sát đặc biệt để một mặt tạo điều kiện cho đội ngũ này thực thi nhiệm vụ một cách độc lập, khách quan, công tâm; mặt khác, chủ động phòng, chống những tiêu cực phát sinh trong đội ngũ những người làm công tác đặc biệt này.

Bảy là, phát huy tốt hơn nữa vai trò của báo chí trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Các cấp ủy, các ngành, chính quyền các cấp chủ động nắm và chỉ đạo báo chí, có bộ phận phối hợp với báo chí, để thông tin kịp thời đến các đồng chí có trách nhiệm những vấn đề mà báo chí đã nêu và kiểm tra, trả lời ngay những vấn đề đó trong thời gian quy định.

4- Hội thảo đề xuất một số kiến nghị:

- Các cấp ủy, cần dành thời gian thích đáng cho việc lãnh đạo chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; quan tâm, tăng cường, kiện toàn lực lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Chỉ đạo Nghị quyết Trung ương 6 (2) các cấp thực hiện tốt nhiệm vụ mà Kết luận Hội nghị Trung ương lần thứ 4, khóa IX, đã chỉ ra.

- Trung ương có quy định về trách nhiệm người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là khi để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí ở đơn vị mình. Xây dựng đồng bộ cơ chế bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Đặc biệt, dành sự chỉ đạo cụ thể những ngành, những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và chủ động có biện pháp xử lý kịp thời và hiệu quả, không để tồn đọng hoặc dây dưa kéo dài.

V.v..

NGUYỄN VŨ CÂN
(Tổng thuật)

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN Ở DUYÊN HẢI NAM TRỤNG BỘ

LÊ KIM CHUNG*

KHU vực duyên hải Nam Trung Bộ có diện tích tự nhiên 45 192 km², bao gồm thành phố Đà Nẵng và 7 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận, nằm trải dài trên eo biển cực đông của Tổ quốc, phía nam có cửa biển Hàm Tân, phía đông có vùng biển Đông, phía tây giáp với vùng Tây Nguyên trù phú. Nơi đây có trên 8,3 triệu người sinh sống, trong đó khoảng nửa triệu người sống bằng ngư nghiệp và được coi là nơi có nhiều thuận lợi trong giao lưu kinh tế giữa hai miền Nam, Bắc cũng như vươn ra khu vực và thế giới để tiếp cận các nguồn lực trong và ngoài nước phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nói chung và ngành thủy sản nói riêng.

Ở đây có ngư trường Thuận Hải là một trong 3 ngư trường trọng điểm của cả nước, có trữ lượng hải sản khoảng 20 vạn tấn, trong đó chủ yếu là cá đáy, mỗi năm cho khai thác khoảng 11 - 12 vạn tấn. Duyên hải Nam Trung Bộ còn tiếp giáp với vùng biển sâu cực Đông của Tổ quốc nên các tàu thuyền lớn có nhiều thuận lợi trong việc đánh bắt hải sản xa bờ, tiếp cận các đàn cá nước sâu. Vịnh Vân Phong (Khánh Hòa) đang nổi lên là một cảng trung chuyển quốc tế quan trọng. Ngoài tiềm năng lớn của các dải cát, duyên hải Nam Trung Bộ có bờ biển dài (trên 1 300 km), không bồi lấng, thềm lục địa tương đối rộng lớn, lại nằm trong vùng sinh thái thuận lợi bậc nhất cho việc nuôi trồng và phát triển đa dạng các giống loài thủy sản và có giá trị kinh tế cao, nhất là nuôi trên biển, hình thành các trung tâm sản xuất giống cho phép phát triển ngành thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Tiềm năng nuôi trồng thủy sản mặt nước còn khá lớn (gần 50% tổng diện tích hiện có), nhất là diện tích mặt nước vùng eo vịnh, ven đảo, ven biển... Dọc bờ biển có khoảng 510 km² bãi ngang rất thuận lợi trong nuôi trồng hải sản ven bờ và phát triển nghề cá thủ công. Diện tích vùng rạn đá khoảng 30 km² là môi trường sinh sống của nhiều loại thủy đặc sản có giá trị kinh tế cao, như cá mú, tôm hùm, cua huyền đế... Ven biển còn có khoảng 30 đầm, vũng, vịnh lớn nhỏ với tổng diện tích trên 100 km² - một lợi thế lớn trong phát triển nghề cá, nhất là nuôi hải sản xuất khẩu.

Ngoài các điều kiện địa lý thuận lợi, vùng duyên hải Nam Trung Bộ còn có các trung tâm nghiên cứu khoa học về thủy sản (Trung tâm Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II, Trường Đại học Thủy sản Nha Trang, Viện Nghiên cứu Hải dương học Nha Trang), các cơ sở chế biến thủy sản, trung tâm nghề cá gắn chặt với vùng nguyên liệu phong phú.

Ngư dân duyên hải Nam Trung Bộ có truyền thống nghề cá lâu đời, nhiều kinh nghiệm,

* Đại học Sư phạm Quy Nhơn

Digitized by Google

kỹ năng lao động và kinh nghiệm di chuyển ngư trường tốt. Nguồn lao động dồi dào, có khả năng tiếp thu nhanh các thành tựu mới về khoa học, công nghệ... là những yếu tố tốt cho phát triển kinh tế nói chung và nghề cá nói riêng.

Bên cạnh những thuận lợi trên, trước mắt duyên hải Nam Trung Bộ đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và hạn chế, như: điểm xuất phát thấp, ngành công nghiệp còn non trẻ, kết cấu hạ tầng kém phát triển; ngư dân nghèo, trình độ văn hóa thấp; tốc độ tăng dân số ở các vùng ven biển còn ở mức cao. Thêm vào đó, khí hậu khắc nghiệt, đòi hỏi suất đầu tư lớn hơn so với các vùng khác.

Thực tế những năm đổi mới vừa qua cho thấy, mặc dầu thiên nhiên ban cho nhiều thuận lợi, nhưng nếu không có cơ chế thông thoáng để giải phóng sức sản xuất thì cũng không thể có được sự phát triển như mong muốn. Chẳng hạn, trước năm 1980 ngành thủy sản bị sa sút dường như toàn diện, cả về số lượng tàu thuyền, lực lượng lao động, sản lượng đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Sản lượng hải sản khai thác giảm từ 237 499 tấn (năm 1976) xuống 119 560 tấn (năm 1980); số lượng tàu thuyền cơ giới giảm từ 19 469 chiếc (tổng công suất 216 369 CV) xuống 13 080 chiếc (tổng công suất 156 910 CV). Nhiều nhà máy chế biến đông lạnh, xưởng nước đá phải đóng cửa. Người lao động thất nghiệp hàng loạt, đời sống cực kỳ khó khăn.

Giai đoạn 1981-1985, ngành thủy sản áp dụng cơ chế "tự cân đối, tự trang trải", từ đó đà giảm sút đã bị chặn đứng. Sau 5 năm thực hiện cơ chế mới, số lượng tàu thuyền tăng lên đáng kể, với 14 047 chiếc (tổng công suất đạt 167 981 CV), lượng thuyền thủ công cũng tăng nhanh; sản lượng khai thác đạt 176 000 tấn, giá trị xuất khẩu tăng từ 4,343 triệu USD (năm 1981) lên 13,01 triệu USD (năm 1985). Đặc biệt, sản lượng tôm đông lạnh xuất khẩu tăng 2,5 lần (từ 337 tấn/năm 1981 lên 842 tấn/năm 1985). Trong giai đoạn này số lượng lao động đánh bắt hải sản tăng bình quân mỗi năm 1 553 người.

Từ năm 1986 đến nay, tốc độ cơ khí hóa tàu thuyền được đẩy mạnh. Tính đến năm 2001, số lượng tàu thuyền gắn máy là 26 245 chiếc, chiếm 80% tổng số tàu thuyền hiện có, tốc độ tăng bình quân hằng năm giai đoạn 1986 - 2001 đạt khoảng 4%. Trong thời gian này, toàn vùng đã xây dựng được đội tàu khai thác khơi xa gồm 7 047 chiếc, chiếm 49% tổng số tàu thuyền đánh bắt xa bờ của cả nước. Nhờ ứng dụng thành công những kết quả nghiên cứu, đã tạo ra được một bước đột phá quan trọng trong việc sản xuất tôm giống và nuôi tôm thương phẩm, đưa duyên hải Nam Trung Bộ thành trung tâm sản xuất tôm giống, cá giống cung cấp cho thị trường trong nước, thúc đẩy ngành nuôi trồng hải sản nước lợ phát triển mạnh mẽ khắp cả nước. Công nghệ sản xuất cá giống nước ngọt đạt trình độ khá cao. Bước đầu nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh sản nhân tạo một số giống nuôi biển. Phương thức nuôi tôm công nghiệp với chu trình khép kín đã được đưa vào áp dụng tương đối rộng rãi.

Công nghiệp chế biến cũng đã được đẩy lên một bước để đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường thế giới và cạnh tranh quốc tế. Nhiều doanh nghiệp đã chủ động đầu tư cải thiện điều kiện sản xuất, tự động hóa quy trình sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ. Trước yêu cầu mới, các cơ sở chế biến xuất khẩu và không ít doanh nghiệp đã nhanh chóng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm tiên tiến của thế giới. Điều này đã tạo ra bước nhảy vọt thực sự trong lĩnh vực chế biến hải sản. Đến nay, duyên hải Nam Trung Bộ đã hình thành một ngành công nghiệp chế biến thủy sản có năng lực thuộc loại lớn nhất trong các ngành chế biến nông sản thực phẩm của vùng với hơn 100 nhà máy chế biến, trong đó có 55 cơ sở chế biến đông lạnh, 12 dây chuyền tiêu chuẩn quốc tế IQF với tổng công suất cấp đông khoảng 600 tấn/ngày

(so với toàn ngành là 65 dây chuyền IQF tổng công suất 2 000 tấn/ngày).

Tuy nhiên, nhìn chung trình độ khoa học, công nghệ trong nhiều lĩnh vực của ngành còn thấp và chưa đều. Công nghệ trong điều tra nguồn lợi hải sản và môi trường vẫn còn thiếu, yếu và chưa đồng bộ, chưa đáp ứng trình độ của nghề cá công nghiệp. Công nghệ sản xuất nhiên liệu, bảo quản vẫn còn ở trình độ thấp. Công nghệ kiểm tra giống, phòng trừ dịch bệnh, xử lý môi trường còn nhiều bất cập.

Qua nghiên cứu và tổng kết thực tiễn phát triển ngành thủy sản khu vực duyên hải Nam Trung Bộ những năm vừa qua, chúng tôi thấy nổi lên mấy mâu thuẫn chính đang cản trở sự phát triển nói chung và tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản nói riêng, như sau:

Một là, mâu thuẫn giữa yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề cá với điểm xuất phát thấp, trình độ khoa học, công nghệ còn lạc hậu, đội ngũ cán bộ quản lý, trình độ văn hóa của ngư dân còn rất thấp, khả năng nắm bắt và ứng dụng những thành tựu mới về khoa học, công nghệ còn rất hạn chế.

Hai là, mâu thuẫn giữa yêu cầu phải xây dựng ngành thủy sản hiện đại có cơ cấu hợp lý và hiệu quả cao với sự mất cân đối và cắt khúc giữa các khâu trong chính ngành thủy sản hiện nay. Điều đó thể hiện rõ nét nhất trong sự mất cân đối nghiêm trọng giữa khâu sản xuất nguyên liệu với chế biến thủy sản.

Ba là, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể mặc dầu nắm một lực lượng vật chất tương đối lớn, nhưng sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, chưa thực sự trở thành lực lượng nòng cốt có tác động quyết định đến tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong khi đó, kinh tế tư nhân còn thiếu động lực, môi trường kinh doanh chưa thật thông thoáng để phát triển.

Bốn là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản càng đi vào chiều sâu càng đòi hỏi phải có nguồn vốn đầu tư lớn, trong khi đó năng lực tài chính của ngư dân còn rất hạn chế, khả năng thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước còn nhỏ bé.

Năm là, cơ chế quản lý mới đã từng bước được xác lập, nhưng sự cản trở của cơ chế quản lý cũ còn lớn, thể hiện trong lề lối làm việc và trong tư duy của không ít người vẫn nặng nề. Trong khi đó, pháp luật còn thiếu và chưa đồng bộ, một số chính sách ra đời còn chồng chéo, chậm được phát hiện và điều chỉnh kịp thời, chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch, thống kê nghề cá còn thấp...

Sáu là, mâu thuẫn giữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng phát triển bền vững với thực trạng nghề cá phát triển tự phát, manh mún, nguồn lợi hải sản ven bờ đang đứng trước nguy cơ cạn kiệt, môi trường sinh thái trong nuôi trồng đang bị đe dọa.

Để thực hiện mục tiêu tổng quát của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản ở duyên hải Nam Trung Bộ là xây dựng một ngành thủy sản sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo hướng bền vững; có năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại đáp ứng một cách tốt nhất các nhu cầu của thị trường trong nước và thế giới; có cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động tiến bộ cho phép phát huy mọi nguồn lực của vùng, có quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng phát triển; đảm bảo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của ngư dân, xây dựng nông thôn ven biển ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong những năm tới, theo chúng tôi, nên xác định :

- Phát triển khoa học và công nghệ đi đôi với bảo vệ nguồn lợi hải sản và môi trường. Cụ thể là, chú trọng ứng dụng công nghệ mới trong điều tra nắm bắt nguồn lợi cá đáy và cá biển khơi, đánh giá chuẩn xác môi trường sinh thái ven bờ. Đẩy mạnh khai thác hải sản xa bờ

Digitized by Google

đi đôi với điều chỉnh nghề nghiệp, kỹ thuật khai thác ven bờ. Nhanh chóng hoàn thiện công nghệ sản xuất giống sạch bệnh đối với những loài thủy sản chủ yếu. Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển công nghệ nuôi biển, nuôi tôm trên cát. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về công nghệ sản xuất nguyên liệu. Đầu tư chiều sâu để phát triển công nghệ chế biến.

- Phát triển toàn diện kinh tế thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, chú trọng những nghề nghiệp, lĩnh vực và những đối tượng nuôi là lợi thế so sánh của vùng, như: hình thành hợp lý các trung tâm sản xuất giống, các vùng nuôi nước lợ, nước mặn theo phương thức công nghiệp, nhất là nuôi tôm sú và các thủy - đặc sản, đưa nuôi trồng thủy sản thành ngành công nghiệp mũi nhọn của vùng. Phát triển và nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp và bảo vệ nguồn lợi hải sản gần bờ. Nâng cao trình độ sản xuất, bảo quản nguyên liệu đi đôi với đầu tư chiều sâu phát triển công nghiệp chế biến gắn với nguồn nguyên liệu và thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu.

- Xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản. Tiếp tục xây dựng ngành thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, phát huy tối đa vai trò tích cực của mỗi thành phần kinh tế trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất tiên tiến.

Bởi vậy, trước mắt cần áp dụng một số giải pháp cơ bản như sau:

1 - Nhanh chóng hoàn thiện quy hoạch nhằm tạo lập sự ổn định trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản

Thực tiễn công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản ở duyên hải Nam Trung Bộ thời gian qua cho thấy, đã có biểu hiện phát triển tự phát, manh mún, mất cân đối cục bộ, gây ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, cạn kiệt nguồn lợi... Nguyên nhân chính đã được các nhà nghiên cứu xác định là, có sự chậm trễ và yếu kém trong công tác quy hoạch. Bởi vậy, trong thời gian tới công tác quy hoạch phải dựa trên tiềm năng thủy sản, nguồn lợi hải sản của vùng, cũng như khả năng cho phép khai thác các nguồn lợi hải sản... để từ đó có căn cứ khoa học cho việc thiết kế phương án, giải pháp kinh tế - kỹ thuật phát triển ngành một cách bền vững.

2 - Huy động mọi nguồn vốn trên địa bàn, trong nước và nước ngoài, để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Theo tính toán của Bộ Thủy sản, nguồn vốn thực tế huy động chỉ đáp ứng được 60 - 70% nhu cầu tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành. Tại duyên hải Nam Trung Bộ, phần lớn các doanh nghiệp và ngư dân hoạt động chủ yếu trên cơ sở vốn tự có và vốn ứng trước của các chủ nậu vựa. Trong khi đó, thời hạn và điều kiện cho vay của ngân hàng thường không phù hợp. Hơn nữa, càng đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo chiều sâu thì nhu cầu về vốn đầu tư càng phải lớn. Đối với vùng đất nghèo như duyên hải Nam Trung Bộ giải quyết vấn đề đó là điều thực sự khó khăn, bức xúc gấp nhiều lần. Bởi vậy, giải pháp có tính khả thi là phải tạo sự thông thoáng hơn nữa môi trường kinh doanh để thu hút và đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư.

3 - Ứng dụng phổ biến những tiến bộ của khoa học, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh thủy sản

Vừa qua, sự đóng góp của khoa học, công nghệ đang mới dừng lại ở những giải pháp tình thế, chưa có những nghiên cứu đón đầu để tạo động lực phát triển bền vững ngành thủy sản. Bởi vậy, phải có một chiến lược phát triển khoa học, công nghệ ngành thủy sản cho cả nước nói chung và duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng trong những năm tới một cách đồng bộ phù hợp với quy hoạch phát triển ngành. Từ đó, chủ động tăng cường thu hút vốn đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực, phối kết hợp với các ngành liên quan, nhất là phát triển hạ tầng kinh tế, kỹ thuật...

Digitized by Google

4 - Phát triển thị trường thủy sản tạo động lực thúc đẩy nhanh hơn nữa quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Trong gần 20 năm qua, những bước tiến của ngành thủy sản luôn gắn chặt với thị trường và lấy thị trường làm động lực chính cho sự phát triển. Mới bước ra khỏi cơ chế bao cấp, có người đã tỏ ra lo ngại việc xuất khẩu thủy sản sẽ ảnh hưởng đến thực phẩm của từng bữa ăn của người dân trong nước, nhưng thực tế đã chứng minh ngược lại. Đến nay, không những nhu cầu trong nước càng được đáp ứng tốt hơn cả về số lượng và chất lượng, mà qua đó ngành thủy sản đang và sẽ trở thành ngành xuất khẩu mũi nhọn, đem về hàng tỉ USD cho đất nước. Bởi vậy, không nên dừng lại ở những gì đã đạt được, trong những năm tới, muốn đẩy nhanh hơn nữa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa việc tìm thị trường càng phải được đẩy mạnh để đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao sản lượng xuất khẩu và chất lượng sản phẩm.

5 - Phát huy năng lực các thành phần kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản

Đây là giải pháp quan trọng nhằm tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc về mặt thể chế, giải phóng sức sản xuất, khai thác mọi nguồn lực hiện có của duyên hải Nam Trung Bộ, tạo động lực mới cho ngành thủy sản phát triển nhanh và bền vững. Đồng thời, cũng là chủ trương lớn và lâu dài của Đảng ta trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế với tư cách là những bộ phận cấu thành quan trọng của cả nền kinh tế quốc dân.

6 - Hoàn thiện các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản

Giải pháp này bao gồm nhiều vấn đề, nhưng quan trọng là chính sách về đất đai, đào tạo nguồn nhân lực và tài chính. Hội nghị Trung ương 7 (phần 2), khóa IX, mới đây cũng nhấn mạnh: "... Cần tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên những vấn đề cơ bản: về chế độ sử dụng đất đai; về nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý đất đai của Nhà nước; về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao quyền sử dụng đất; về xây dựng, quản lý thị trường bất động sản và chính sách tài chính về đất đai"(1).

Thực hiện Nghị quyết 09/2000/NQ-CP của Chính phủ, duyên hải Nam Trung Bộ nên đẩy mạnh hơn nữa công tác chuyển đổi diện tích nước nhiễm mặn hiện đang trồng lúa, trồng cói, làm muối hiệu quả thấp sang nuôi trồng thủy sản; khuyến khích quá trình tự nguyện chuyển đổi diện tích mặt nước để tránh tình trạng manh mún, giảm chi phí sản xuất vươn lên sản xuất hàng hóa quy mô lớn hơn, nhất là phát triển các trang trại nuôi trồng thủy sản quy mô hộ gia đình.

Việc thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực phải tiến hành đồng bộ với tốc độ và quy mô công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản. Bởi vậy, trong thời gian tới, duyên hải Nam Trung Bộ cần đẩy mạnh việc nâng cao dân trí, xuất khẩu lao động nghề cá, thuê chuyên gia có trình độ cao của nước ngoài, mở rộng hợp tác với nước ngoài trong nghề cá... để tránh tình trạng hẫng hụt nguồn nhân lực khi kinh tế hải sản phát triển cao.

Trong lĩnh vực tài chính, duyên hải Nam Trung Bộ cần xác định cơ cấu đầu tư hợp lý để phát huy tối đa lợi thế so sánh của vùng, nhất là nuôi trồng thủy sản, như tôm sú, sản xuất giống... Nhà nước cũng nên xem xét việc giảm lãi suất cho vay đối với vùng có nhiều khó khăn về điều kiện tự nhiên và điểm xuất phát thấp để tạo điều kiện vươn lên phát triển tương đối đồng đều về kinh tế; đồng thời, cũng cần điều chỉnh mức thuế cho sát hợp hơn với các loại mặt nước nuôi trồng thủy sản, có chính sách hỗ trợ đối với những giống nuôi mới và hỗ trợ rủi ro ngành thủy sản. ❑

(1) Báo *Nhân dân*, số ra ngày 22-01-2003

Digitized by Google

Phong trào nhân dân tự quản về an ninh trật tự ở PHÚ THỌ

TỪ THANH

Sự đa dạng của địa hình sông núi đã tạo cho Phú Thọ là một trong những đầu mối giao thông quan trọng cả về đường bộ, đường sắt và đường thủy trong mạng lưới giao thông các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ với miền núi phía Bắc đất nước. Và chính sự đa dạng của hệ thống giao thông trong bối cảnh cơ chế thị trường đã đặt trước Phú Thọ những nhiệm vụ nặng nề về giữ vững an ninh trật tự và an toàn xã hội trong tiến trình ổn định và phát triển của tỉnh nói riêng, cả nước nói chung. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân và các ngành trong tỉnh, đặc biệt là Công an tỉnh đã cùng nhân dân vượt mọi khó khăn, phức tạp, kiên trì sáng tạo, thực hiện hàng loạt biện pháp hiệu quả, trong đó nổi bật lên phong trào tự quản của nhân dân. Có thể nói, đây là việc làm mà Đảng bộ, chính quyền, nhân dân, nhất là lực lượng công an rất tâm đắc và tự hào.

Căn cứ vào tình hình cụ thể, tổ tự quản được thành lập theo địa bàn dân cư ở cơ sở. Các tổ xây dựng cho mình một quy chế hoạt động phù hợp. Thông qua các hoạt động tự quản, các hình thức sinh hoạt như hội ý, trao đổi, các thành viên trong tổ tự quản thông tin cho nhau về tình hình hoạt động của bọn tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội tới mỗi người dân, qua đó nâng cao ý thức cảnh giác, trách nhiệm của công dân trong việc phát hiện, cung cấp tin tức cho cơ quan công an kịp thời xử lý, ngăn chặn. Các tổ trưởng tổ tự quản thường là những người có uy tín trong khu dân cư, đi đầu trong việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, nhất là việc hòa giải các vụ, việc gây mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ trong nhân dân, giữ vững trật tự xã hội ngay từ cơ sở.

Cùng với các nội dung đó, phong trào quần chúng tự quản thực hiện nhiều nội dung khác trong cuộc vận động xây dựng đời sống mới ở cơ sở như: tự quản về kinh tế, đời sống (giúp đỡ nhau trong sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo, tương trợ nhau những lúc khó khăn hoạn nạn...); tự quản về văn hóa xã hội (xây dựng gia đình văn hóa, an toàn, trật tự vệ sinh, phòng chữa bệnh, bảo vệ môi trường, xây dựng tình làng nghĩa xóm, tương thân tương ái...).

Hiện nay, toàn tỉnh có 17 682 tổ tự quản, trong đó loại khá có 9 643 tổ (chiếm 54,5%), trung bình có 7 052 tổ (chiếm 40,0%), yếu có 987 tổ (chiếm 5,5%). Các tổ tự quản được tổ chức phù hợp với các loại địa bàn, từ nông thôn, đô thị, cơ quan doanh nghiệp, trường học, đến nơi công cộng như chợ, nhà ga, bến xe... Tùy từng địa bàn cụ thể, các cấp ủy, chính quyền các cấp và lực lượng công an giúp đỡ tư vấn cho đồng bào tổ chức số lượng, quy mô các tổ tự quản và định rõ nội dung hoạt động cụ thể một cách dân chủ, công khai và phù hợp.

Do được tổ chức phù hợp, có nội dung hoạt động phong phú, thích hợp, tổ tự quản thực sự đem lại lợi ích thiết thân cho đông đảo nhân

dân, được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, đã tạo nên một phong trào rộng khắp và có chất lượng tốt, có ý nghĩa nhiều mặt:

1 - Phong trào nhân dân tự quản góp phần giáo dục ý thức cảnh giác, nhận thức rõ về nghĩa vụ, trách nhiệm của quần chúng trong công tác giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những thuận lợi và khó khăn về kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc các cấp thông qua các tổ tự quản làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục nhân dân, cán bộ công nhân viên nâng cao ý thức cảnh giác, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực tham gia ủng hộ công cuộc đổi mới đất nước, chống âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Quần chúng đã giúp các cơ quan chức năng phát hiện và thu giữ hàng chục tài liệu có nội dung phản động, 3 465 băng hình, băng nhạc, 1 485 tài liệu văn hóa phẩm có nội dung xấu... Qua đây, quần chúng đã ý thức rõ về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, không thờ ơ, đùn đẩy cho chính quyền và các cơ quan chức năng. Vì vậy, hầu hết các vụ việc nhỏ, các mâu thuẫn, tranh chấp đều được xem xét, giải quyết hòa giải ngay từ cơ sở, không để xảy ra phức tạp.

2 - Phong trào quần chúng tự quản góp phần quan trọng trong công tác phòng chống tội phạm tại cơ sở

Từ phong trào tự quản, quần chúng đã chủ động góp phần xây dựng và hoàn thiện hàng nghìn nội quy, quy ước của tổ tự quản; xây dựng và thực hiện tốt hàng nghìn hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư theo Chỉ thị số 24 của Chính phủ. Do đó, đã giúp cho phong trào tự quản về an ninh trật tự có chỗ dựa vững chắc trong hoạt động, ngăn ngừa sự quấy phá của các đối tượng xấu. Trong mấy năm qua, đã phát hiện, cung cấp cho cơ quan công an 24 618 nguồn tin có giá trị, góp phần tích cực cho công tác phòng ngừa và đấu tranh trấn áp tội phạm; quản lý, giáo dục, cảm hóa 14 908 lượt đối tượng tại cộng đồng dân cư; đưa 4 999 lượt đối tượng ra kiểm điểm trước dân; đề xuất với cấp ủy, chính quyền cơ sở và các cơ quan chức năng bố trí việc làm cho 1 503 đối tượng. Qua giáo dục, cảm hóa, có 2 758 đối tượng có chuyển biến tiến bộ. Nhiều nơi nhờ có phong trào tự quản phát triển mạnh đã cô lập bọn tội phạm; cảm hóa, giáo dục, khuyên giải được hàng trăm đối tượng đã ra tự thú. Quần chúng trong các tổ tự quản đã phát hiện và bắt hàng nghìn đối tượng phạm pháp quả tang, giúp cơ quan công an bắt giữ hàng trăm đối tượng có lệnh truy nã. Đặc biệt là, phong trào quần chúng tự quản đã góp phần tích cực trong công tác phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội. Quần chúng đã cung cấp 2 140 nguồn tin giá trị giúp cơ quan công an điều tra làm rõ 644 vụ án ma túy, bắt 1 233 đối tượng, thu nhiều tang vật và hàng hóa.

Từ phong trào, nhiều điển hình tốt xuất hiện, tiêu biểu là bản Hà Thành (xã Tân Lập, Thanh Sơn), xã Hợp Hải (Lâm Thao), phường Hùng Vương (thị xã Phú Thọ)...

3 - Phong trào quần chúng tự quản đã thiết lập, củng cố các cụm liên kết về an ninh trật tự, tạo thế trận liên hoàn an toàn khu vực, chủ động hòa giải, tháo gỡ các mâu thuẫn, các vụ tranh chấp ngay tại cơ sở

Hiện nay, tỉnh có 137 cụm liên kết bảo vệ an ninh trật tự. Thông qua liên kết bảo vệ an ninh trật tự đã tạo thế trận an ninh nhân dân rộng khắp, hạn chế các sơ hở ở các địa bàn giáp ranh, góp phần phát hiện bắt giữ bọn tội phạm lợi dụng ẩn náu, hoạt động ở đó, giải quyết tốt các mâu thuẫn, các vụ tranh chấp

Digitized by Google

(đất đai, xâm canh, xâm cư, chuyển dịch cư...), quản lý tốt nhân khẩu, hộ khẩu. Trong 137 cụm liên kết, nổi bật là các cụm Hạ Hòa (Phú Thọ) liên kết với cụm Trấn Yên, Yên Bình (Yên Bái); cụm Tam Nông (Phú Thọ) liên kết với cụm Ba Vì (Hà Tây)...

Với cách làm nhẹ nhàng, tình cảm, đạt lý thấu tình, vì tình làng nghĩa xóm, các tổ hòa giải đã giải quyết tốt 5 246 vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ, ít phức tạp một cách nhanh chóng. Qua hòa giải, nhiều "việc lớn thành nhỏ, việc nhỏ thành không".

4 - Phong trào quần chúng tự quản đã hòa nhập với các phong trào khác tạo sự phát triển đồng bộ về kinh tế - xã hội của tỉnh

Phong trào quần chúng tự quản có tác dụng bổ sung, thúc đẩy các phong trào khác nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, phủ xanh đất trống đồi trọc, xây dựng cuộc sống ấm no; xây dựng các làng, xã văn hóa trong tỉnh.

Từ các phong trào này, trong thời gian vừa qua, quần chúng đã tự giúp nhau được 1 086 triệu đồng, 115 620 ngày công, 24 765 con lợn giống, góp phần xóa được 11 178 hộ đói, giảm được 15 787 hộ nghèo, tăng thêm 6 720 hộ khá, đưa số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa lên 70% số hộ trong toàn tỉnh.

Phong trào quần chúng tự quản còn góp phần đẩy mạnh các hoạt động dân chủ tại cộng đồng dân cư, góp phần củng cố xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh.

*

* *

Kết quả tốt đẹp bước đầu của phong trào quần chúng tự quản ở Phú Thọ là biểu hiện sinh động cụ thể của sự lãnh đạo sâu sát của các tổ chức đảng và quản lý chặt chẽ của chính quyền, là sự nỗ lực không mệt mỏi của lực lượng công an Phú Thọ, mà tiêu biểu là hoạt động của các cảnh sát khu vực, đã không quản nắng mưa, ngày đêm bám sát địa bàn, vận động, giúp đỡ quần chúng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được, phong trào tự quản cũng còn có một số nhược điểm cần khắc phục. Nhưng, từ thực tế công tác chỉ đạo phong trào quần chúng tự quản về an ninh trật tự trong những năm qua ở Phú Thọ, đã cho chúng ta một số bài học bổ ích:

1 - Phải làm cho mọi người thấy được tự quản về an ninh trật tự là một hình thức quản lý xã hội, có ý nghĩa bổ sung và hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự. Đồng thời, là phương thức để *thể hiện dân chủ trực tiếp*, giúp cho Nhà nước huy động được các chủ thể xã hội tham gia những công việc chung đa dạng và phức tạp, phát huy được tiềm năng, sức lực, trí tuệ của cộng đồng làm cho việc tổ chức quản lý nhà nước về an ninh trật tự có hiệu quả hơn. Công tác tự quản phải bắt nguồn từ sự tự nguyện, tự giác của quần chúng, vì lợi ích của quần chúng và do quần chúng tự giác tổ chức, duy trì và kiểm tra. Vì vậy, cách làm phù hợp nhất trong tình hình hiện nay là: *"dân tổ chức, dân bàn, dân thực hiện, dân nuôi"*.

2 - Tự quản của quần chúng về an ninh trật tự phải gắn bó với các hình thức khác trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự, với các phong trào cách mạng ở địa phương, với việc triển khai thực hiện các Quy chế Dân chủ ở xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp và góp phần xây dựng, củng cố làm vững mạnh, trong sạch các tổ chức chính trị ở cơ sở. Vì vậy, hoạt động của các tổ tự quản trong địa bàn dân cư không chỉ mang nội dung về an ninh trật tự mà bao hàm toàn bộ các nội dung cần thực hiện trong cộng đồng dân cư như bảo

(Xem tiếp trang 56)

Digitized by Google

Vai trò của báo chí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh TRONG ĐẤU TRANH CHỐNG TIÊU CỰC

ĐINH PHONG*

THÀNH phố Hồ Chí Minh có 27 cơ quan báo, đài với hơn 1 100 hội viên Hội Nhà báo Việt Nam, xuất bản hơn 50 ấn phẩm báo chí các loại. Bên cạnh đó, có hơn 150 cơ quan báo đài của trung ương và các địa phương có cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chính vì vậy, báo chí Thành phố Hồ Chí Minh cùng báo chí Trung ương và báo chí khu vực đã tạo nên một trung tâm báo chí lớn của cả nước. Đội ngũ các nhà báo đã làm nổi bật vai trò cũng như làm bộc lộ rõ những thiếu sót cần phải khắc phục của báo chí trong cuộc đấu tranh nhằm hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, tiêu cực, lãng phí hiện hành trong xã hội

Do có một đội ngũ những người làm báo có tay nghề, năng nổ chiếm 10% số hội viên của cả nước, báo chí Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hiện rất sớm nhiều vụ tiêu cực lớn như: vụ thất thoát 59 tấn bột ngọt ở xí nghiệp Thiên Hương, vụ Đường Sơn Quán trước đây... và trong những năm gần đây đã tìm ra những tiêu cực với sự can dự của những tổ chức và cá nhân, như vụ Đông lạnh Hùng Vương, Minh Phụng - Epco, Tamexco, Mai Văn Huy, Trương Văn Cam và đồng bọn, hầm chui Văn Thánh, "cơm tù", trạm thu phí Dầu Dây, xây dựng nhà trái phép,... Nói một cách công bằng rằng, chính báo chí đã lật mặt nhiều vụ tiêu cực, góp phần thuận lợi cho các cơ quan tư pháp tiến hành công việc điều tra, truy tố. Đặc biệt trong vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn, báo chí đã mở đầu cho vụ đấu tranh chống tội phạm và phối hợp chặt chẽ với cơ quan pháp luật để đưa vụ án ra ánh sáng.

Đáng tiếc, rất nhiều vụ báo chí đã cảnh cáo từ đầu, nhưng do chậm nắm bắt thông tin hoặc có tình trạng dung dưỡng, bao che nên nhiều vụ tiêu cực vẫn không được tiến hành điều tra và xét xử, hoặc xét xử quá chậm dẫn đến phải bỏ tù, phải tử hình những kẻ phạm tội nếu như xử lý sớm thì họ có thể chỉ bị kỷ luật hoặc ở tù ngắn hạn. Ở vụ thất thoát hơn 59 tấn bột ngọt ở xí nghiệp Thiên Hương, một số người lao động bị bắt, thậm chí bị tù đày oan khốc, báo chí đã lên tiếng bênh vực nhưng họ vẫn không được phục hồi danh dự, trong khi những kẻ chủ mưu lại thoát tội. Báo chí phát hiện khá lâu vụ Đông lạnh Hùng Vương song nó vẫn được che đậy cho đến ngày giám đốc ở đó đi tù. Vụ Minh Phụng cũng vậy song không kịp ngăn chặn để đến lúc phải tử hình kẻ phạm tội. Ngay cả vụ cống hộp 5A - hầm chui Văn Thánh, báo chí phát hiện nêu vấn đề rất sớm mà việc xem xét vẫn kéo dài. Vụ Trương Văn Cam và đồng bọn nếu không có báo chí phát hiện, lôi từng tên ra ánh sáng thì cũng rất khó đưa ra xét xử... Hằng ngày, các báo cũng đưa ra nhiều vụ việc tiêu cực, nhưng các cấp có thẩm quyền liên quan đã không kiên quyết và

* Phó Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà báo Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nghiêm khắc buộc họ phải trả lời báo chí, dù đúng hay sai. Khi những người, những đơn vị làm sai trái bị báo chí phát hiện, họ trông chừng thái độ của cấp trên, nếu không ai nói gì họ sẽ phớt lờ báo chí, biến báo chí thành kẻ đấm vào khoảng không.

Ngoài vấn đề đấu tranh chống tiêu cực, báo chí còn góp công rất lớn vào việc hoàn thiện chủ trương, chính sách của Nhà nước. Thời gian qua, trong việc ban hành chính sách của Nhà nước, có không ít những trường hợp còn sơ hở. Chính sách nào cũng vậy, phải đi vào cuộc sống của nhân dân mới thấy chỗ nào đúng, chỗ nào cần sửa. Báo chí đã góp phần tích cực vào công việc phát hiện những chỗ chưa thật sát đúng, những chỗ cần phải bổ sung.

Trước đây, báo chí đã phát hiện những điều không hợp lý trong chủ trương ngăn sông cấm chợ, gây ảnh hưởng trong lưu thông phân phối, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Báo chí cũng kịp thời nếu ra việc bất cập trong cải tạo công thương nghiệp, đưa dân đi lao động ở các vùng xa...

Những năm gần đây, báo chí đã phát hiện những điều chưa hợp lý trong quy định về thu thuế người chạy xe ôm, người bán vé số, thu thuế chồng lên người làm ruộng, thuế VAT, thu phí cầu đường...

Nhiều việc, Chính phủ đã lắng nghe báo chí phản ánh và đã có điều chỉnh phù hợp. Đó không phải là sự phản ứng của báo chí đối với chính sách của Nhà nước mà là sự phản ánh ý kiến, nguyện vọng của nhân dân khi thực hiện chính sách.

Để cuộc đấu tranh chống tiêu cực hiệu quả, kịp thời, các báo, đài đều đã mở đường dây nóng, cử phóng viên xuống tận địa bàn, tổ chức tiếp dân tại báo, đài, tiếp nhận đều đặn các ý kiến của nhân dân. Qua đó, các phóng viên đã có nhiều thông tin về những tiêu cực ở các đơn vị, địa phương, kịp thời cho điều tra, phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Vụ Mai Văn Huy là một ví dụ. Từ những thông tin của bạn đọc, phóng viên đã xuống tận nơi điều tra và đưa lên báo, lôi ra ánh sáng hàng loạt việc làm sai trái của kẻ phạm tội. Vụ cống hộp A5 và hầm chui Văn Thánh, cũng từ sự phát hiện và phản ánh của bà con dân phố, của cán bộ về hưu... mà báo chí đã phanh phui các hiện tượng tiêu cực một cách kịp thời, buộc các ngành chức năng phải vào cuộc.

Một khi nhân dân đã tin vào báo chí thì sẵn sàng thông tin những việc làm sai trái ở địa bàn dân cư, ở địa phương mà không ngại bị trù dập, bị trả thù. Về phía mình, báo chí giữ đúng quy định trong Luật Báo chí, bảo vệ người dân thông tin nên ngày càng có thêm nhiều thông tin phản ánh trung thực của dân.

Có điều đáng tiếc là, mặc dù chúng ta đã giải quyết được rất nhiều vụ việc nhưng qua phản ánh của nhân dân vẫn còn nhiều vụ việc bị "chìm xuống"... rơi vào im lặng, làm bà con không tin vào sự hợp tác của mình. Những phản ánh về lấn chiếm đất công, xây dựng nhà trái phép, đền bù giải tỏa không thỏa đáng, nạn lộng hành ở cơ sở, nạn "cơm tù", thu lệ phí vô tội vạ, hải quan bắt "lót tay", cảnh sát giao thông nhận hối lộ, các phường - xã không kiên quyết dẹp nạn "bia ôm", hút chích... chưa được xử lý kịp thời.

Nếu phản ánh của nhân dân được chính quyền các địa phương hoặc cơ quan, đơn vị tích cực kiểm tra và trả lời ngay thì sẽ thúc đẩy nhân dân gắn bó với báo chí, góp phần thiết thực cho việc chống tiêu cực, xây dựng và củng cố chính quyền.

Phải thừa nhận trong thời gian qua, những việc làm được của báo chí là rất đáng trân trọng, cần tiếp tục phát huy; tuy nhiên, trong việc tham gia chống tiêu cực, báo chí cũng phạm một số sai sót cần phải khắc phục.

Trước hết, việc phản ánh tình trạng tiêu cực còn thiên về phía phê phán chính quyền, cơ quan, đơn vị... mà ít phê phán những việc làm chưa tốt của người dân hoặc của một bộ phận dân chúng. Không ít những việc gây rối, khiếu kiện kéo dài là do không chấp hành pháp luật của Nhà nước, không tôn trọng luật pháp, những vụ đình công ở các công ty nước ngoài cũng có vụ do lỗi từ công nhân. Việc giải tỏa đền bù kéo dài cũng có nơi do một số phần tử quá khích cầm đầu gây rối... Báo chí phải công bằng; chính quyền, đơn vị nào sai phải được phê bình, nhân dân sai phải được phê phán để có một trật tự tạo nên từ hai phía. Lâu nay, báo chí thường phê phán một bên, chưa thẳng thắn phê phán việc làm sai của nhân dân để góp phần giáo dục nhân dân hợp tác với chính quyền. Từ đó, xảy ra nhiều việc kiện tụng kéo dài không đáng có. Cũng có lúc báo chí khi phê bình sai sót của các đơn vị chưa thực sự trên tinh thần xây dựng, mở lối đi, mà theo kiểu "đánh cho sập tiệm". Đó cũng là việc làm chưa thật khách quan thiếu công bằng và thiếu xây dựng.

Mặt khác, còn có hiện tượng phóng viên đi xuống cơ sở vòi vĩnh, hù dọa người có lỗi, móc ngoặc với bọn tiêu cực... để tống tiền, thu nhập bất chính. Trong tay những phóng viên đó, đồng bạc đã đổi trắng thay đen, biến xấu thành tốt, che chắn cho bọn tiêu cực, gây hỗn loạn xã hội, làm khó khăn cho công việc của các cơ quan tư pháp. Không ít những kẻ mạo danh nhà báo đi làm những việc bất chính ở các cơ sở. Một vài nhà báo càng tham gia "chống tiêu cực" lại ngày càng giàu có, nhà càng cao cửa càng rộng, con đi học nước ngoài, buộc nhân dân phải nghi ngờ. Cũng còn những thông tin không chính xác, lộ bí mật, gây khó khăn cho công việc điều tra, xét xử bọn tiêu cực, gây xôn xao trong dư luận. Việc làm sai của một số phóng viên cộng tác với các "nhà báo dỏm" đã gây mất lòng tin của nhân dân về các nhà báo tham gia chống tiêu cực. Nếu khắc phục sớm các tiêu cực trong làng báo sẽ tạo thêm sức mạnh trong việc cùng nhân dân chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

Để làm tốt hơn nữa việc huy động báo chí tham gia đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, chúng tôi xin nêu một số kiến nghị sau đây:

Một là, các cấp ủy, chính quyền các cấp cần có bộ phận đọc báo để thông tin kịp thời đến các đồng chí có trách nhiệm những vấn đề mà báo chí đã nêu. Trên cơ sở đó, các đồng chí lãnh đạo yêu cầu các đơn vị được báo chí đề cập, phải nhanh chóng kiểm tra, trả lời ngay trong thời gian quy định. Việc này cũng cần thông tin cho báo đài biết để theo dõi. Nếu quá quy định mà không trả lời thì báo chí có quyền viết tiếp, đi sâu hơn để thông tin cho bạn đọc trong khuôn khổ quy định của pháp luật và chỉ thị của Đảng.

Nếu các đồng chí lãnh đạo không làm tốt điều đó thì những người làm sai, bọn tham nhũng, người gây lãng phí, xem thường kỷ cương phép nước, phớt lờ những phát hiện của báo chí, sự tố giác của dân. Chúng tôi biết, có nơi cũng bố trí người đọc báo, nhưng lại chưa có công văn chỉ đạo kịp thời cho các đơn vị có sai phạm.

Hai là, báo chí rất có công trong việc phát hiện các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí... song cũng có những việc làm sai. Các cấp ủy, các cơ quan quản lý báo chí cần phê bình, kỷ luật báo chí khi viết sai hoặc vi phạm quy định của Luật Báo chí, vi phạm Quy ước đạo đức nhà báo. Song những bài viết đúng, viết hay rất cần được đánh giá và khen thưởng, biểu dương kịp thời. Sự đánh giá của các cấp ủy, của các đồng chí lãnh đạo về một bài báo hay sẽ khuyến khích anh em dũng cảm lao vào cuộc sống, thu thập tài liệu để viết bài. Việc khen thưởng sẽ góp phần khẳng định vai trò

Digitized by Google

của báo chí trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực, làm cho các đơn vị, cá nhân sai phạm, phải tôn trọng báo chí, phải trả lời nghiêm túc trước công luận.

Ba là, để tránh đưa ra công chúng những chủ trương, biện pháp còn những sơ hở, tạo cơ sở cho bọn tiêu cực lợi dụng khai thác, gây nên thiệt hại cho Nhà nước, cho nhân dân, chúng tôi đề nghị nên tổ chức phản biện trước khi công bố chính thức. Các nhà báo xin được tham gia phản biện giúp Nhà nước, chính quyền các cấp hoàn chỉnh chính sách. Những công việc như thu thuế, hoàn thuế VAT, đội mũ bảo hiểm, cải tiến thi cử, quy định sử dụng xe máy, mở đường, xây cầu,... nếu được phản biện trước bằng những ý kiến trung thực, chí tình thì không xảy ra việc tranh cãi, gây nghi ngờ có sự thiếu trong sáng hoặc tạo cửa cho gian thương, cho bọn xấu.

Những người làm báo ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung luôn luôn trung thành với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo, luôn gắn bó với nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống các thế lực tiêu cực, phản động để đưa đất nước tiến lên. Những sai sót vừa qua nảy sinh từ sự non kém về chính trị, về nghề nghiệp của những người làm báo, rõ ràng phải được chấn chỉnh. Nếu được thông tin đầy đủ, hướng dẫn rõ ràng, sự quan tâm sâu sát, sự hợp tác chặt chẽ của các tầng lớp nhân dân, thì báo chí sẽ thực sự là công cụ đắc lực của Đảng và nhân dân trong đấu tranh chống tiêu cực. Qua việc đấu tranh và tuyên truyền vụ án Năm Cam và đồng bọn đã thể hiện rõ trách nhiệm của làng báo Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu được sự đồng tình và ủng hộ của chính quyền các cấp, của nhân dân, đội ngũ những người làm báo cách mạng sẽ khắc phục những mặt non yếu, tiêu cực để làm tốt vai trò xung kích trên mặt trận tư tưởng mà Đảng giao phó. ❑

PHONG TRÀO...

(Tiếp theo trang 52)

vệ an ninh trật tự, nếp sống văn hóa văn minh, giúp đỡ xóa đói giảm nghèo, trật tự vệ sinh...

3 - Các cấp ủy và chính quyền các cấp quan tâm sâu sát, theo dõi từng hoạt động của phong trào quần chúng tự quản; kịp thời phát hiện và khắc phục các biểu hiện hoạt động tuỳ tiện, vì lợi ích cục bộ mà định ra các quy định để lôi kéo quần chúng vào các hoạt động trái pháp luật; kịp thời phát hiện và khắc phục bệnh hình thức và tư tưởng chạy theo thành tích trong xây dựng phong trào quần chúng tự quản...

4 - Các tổ tự quản cần được thường xuyên xây dựng, củng cố cho sát với từng loại địa bàn theo hướng tự quản toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; thường xuyên rà soát, củng cố và kiểm tra nhằm giúp các tổ tự quản hoạt động đúng hướng, đạt hiệu quả cao. Nghiên cứu, điều chỉnh số lượng các gia đình trong từng tổ liên gia tự quản sát đặc điểm tình hình địa lý, phân bố dân cư, phong tục tập quán, quan hệ giữa các gia đình và khả năng quản lý duy trì hoạt động của tổ.

5 - Chăm lo xây dựng lực lượng công an xã, bảo vệ dân phố, bảo vệ cơ quan xí nghiệp; triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị định 40 của Chính phủ về công an xã; tập trung củng cố về tổ chức, giáo dục phẩm chất, bồi dưỡng chuyên môn, có chế độ đãi ngộ phù hợp cho công an xã để làm chỗ dựa cho phong trào tự quản của quần chúng. Hướng cho quần chúng lựa chọn những nhân tố tốt, tích cực, gương mẫu để bầu làm tổ trưởng các tổ liên gia tự quản. Các cấp, các ngành quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện về mọi mặt để duy trì phát triển phong trào lên một chất mới. ❑

LIÊN KẾT ASEAN - XÉT TỪ GÓC ĐỘ LÝ LUẬN CỦA KHU VỰC HÓA

TRẦN KHÁNH*

Để góp phần làm rõ hơn nguyên nhân ra đời, quá trình tiến triển, bổ sung luận cứ khoa học cho dự báo và hoạch định chính sách liên quan đến ASEAN trong những năm sắp tới, trong đó có vấn đề hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng an ninh ASEAN (ACC), đồng thời làm phong phú thêm những hiểu biết về liên kết khu vực theo hướng khu vực hóa nói chung, chúng ta cần xem xét, đánh giá một cách toàn diện cả về mặt thực tiễn cũng như lý luận về hợp tác và liên kết ASEAN trong gần bốn thập niên qua.

1- Sự ra đời và nền tảng lý luận của liên kết khu vực theo hướng khu vực hóa

Liên kết khu vực theo hướng khu vực hóa, trong đó có liên kết ASEAN là một trong nhiều hình thức liên kết, liên minh, tập hợp lực lượng đã và đang tồn tại trong lịch sử nhân loại. Đây là kiểu liên kết đa phương giữa các nước, nhóm nước, dựa trên cơ sở gần gũi về mặt địa lý và thường được bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế. Các quốc gia láng giềng có trình độ phát triển kinh tế, chế độ chính trị - xã hội và tôn giáo - văn hóa khác nhau có thể hợp tác, liên kết với nhau để tạo ra một thế cạnh tranh mới, hiệu quả hơn trong khu vực và trên thế giới. Sự liên kết này trước hết bắt nguồn từ nhu cầu nội tại, từ sự đòi hỏi bên trong của mỗi nước, và là chủ trương chính trị, nhằm tạo ra một thực thể mới, một bản sắc riêng của khu vực, mà mỗi quốc gia thành viên cùng góp sức xây dựng và chia sẻ. Có thể nói, quá trình liên kết các quốc gia - dân tộc trên cùng một đơn vị địa lý theo hướng khu vực hóa ở mức độ phát triển cao giống như kiểu mở rộng phạm vi của các quốc gia để dần dần hình thành nên một thực thể kinh tế - xã hội và chính trị mới. Xu hướng này hiện nay đang được xúc tiến khá mạnh mẽ ở Liên minh châu Âu (EU), bắt đầu từ nửa sau những năm 40 của thế kỷ XX. Nó gắn liền với sự ra đời của Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT) vào năm 1947 và nhu cầu hòa giải ở châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong những thập niên gần đây, đặc biệt từ đầu những năm 90 trở đi, khi toàn cầu hóa trở thành xu hướng phát triển chính của thế giới, đã kéo theo sự đa dạng và phong phú hơn của các loại hình hợp tác và liên kết khu vực; làm cho khu vực hóa trở nên sống động, thu hút sự chú ý của nhiều quốc gia khắp các châu lục.

Nền tảng lý luận liên kết khu vực theo hướng khu vực hóa bắt nguồn từ thuyết *"Lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế"* của các nhà kinh tế học trường phái truyền thống Âu - Mỹ, ra đời cuối những năm 40, đầu những năm 50 của thế kỷ XX[1]. Các học giả này cho rằng, liên kết khu vực phải bắt đầu từ liên kết kinh tế, cụ thể là "tạo ra thương mại" bằng việc loại bỏ phân biệt đối xử, làm cho việc giao lưu hàng hóa trong khối nhanh hơn, rẻ hơn, và cần làm "chuyển hướng thương mại" để các nước thành viên tiêu thụ hàng hóa của nhau, không phải nhập từ bên ngoài. Thông qua quá trình này, các nước tham gia sẽ thúc đẩy nhanh hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế

* TS KH, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

(1) Đại diện các học giả cho trường phái này là: Viner J. The Custom Union Issue. New York: Carnegie, 1950; Heller R. International Trade: *Theory and Empirical Evidence*, New York, 1973

Digitized by Google

của mình bằng việc khai thác tối đa lợi thế so sánh và tận dụng các nguồn lực có sẵn, bổ sung cho nhau. Theo trường phái lý thuyết này, tiến trình liên kết kinh tế khu vực phải trải qua 5 bước để đạt được một sự hội nhập kinh tế toàn diện:

Bước thứ nhất: *Ký kết và thực thi các hiệp định ưu đãi mậu dịch song phương giữa các thành viên*, cùng nhau cắt giảm thuế quan cho bên đối tác của mình hưởng một số ưu đãi về thuế.

Bước thứ hai: Lập nên *Khu vực thương mại tự do* giữa các nước thành viên bằng việc xóa bỏ dần hàng rào thuế quan và phi thuế quan; nhưng các nước tham gia vào khu vực này vẫn duy trì những hạn chế thương mại đối với các nước không phải là thành viên.

Bước thứ ba: Lập nên *Liên minh thuế quan*. Các nước thành viên lập nên hàng rào thương mại chung bằng việc áp dụng một mức thuế chung đối với bên ngoài, trong khi bên trong vẫn thực hiện tự do hóa thương mại.

Bước thứ tư: *Lập nên thị trường chung, thị trường thống nhất*. Đến cấp độ liên kết này, thì không những không có hàng rào thuế quan và những hạn chế đối với sự di chuyển của các yếu tố sản xuất (như tư bản, vốn, lao động v.v..) mà còn có sự hòa nhập ở mức độ nhất định về chính sách kinh tế.

Bước thứ năm: *Hình thành liên minh kinh tế - tiền tệ*. Đây là giai đoạn hội nhập kinh tế toàn diện. Hình thức liên kết này bao gồm việc thống nhất các chính sách tiền tệ, tài khóa, xã hội, công nghiệp và công nghệ, v.v.. lập nên bộ máy chính quyền siêu quốc gia mà những quyết định của nó được áp dụng đối với tất cả các nước thành viên [2].

Như vậy, để có sự hội nhập kinh tế toàn diện, phải trải qua 5 bước phát triển. Nhưng hiện tại mới chỉ có EU tiến theo trình tự trên và đang thực hiện chặng đường liên kết cuối cùng; còn các tổ chức khu vực khác, đặc biệt là của các nước chậm và đang phát triển, tuy bị chi phối bởi quy luật tuần tự của hội nhập kinh tế, nhưng có nét đặc thù rất lớn. Chẳng hạn như Cộng đồng kinh tế Tây Phi (ECOWAS) mới ra đời (1975) đã lập ngay Khu vực thương mại tự do (FTA) của khối. Thế nhưng mãi tới nay, việc thực hiện FTA vẫn chưa hoàn thành; nhiều nước còn ngập ngừng trong việc thực thi các cam kết giảm thuế đã được thông qua. Trong khi đó, khu vực kinh tế này, từ những năm 80 của thế kỷ XX đã có một đồng tiền chung [3]. Trường hợp các nước thuộc Khối Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR), sau khi ra đời (1991), đã bỏ qua các giai đoạn quá độ, tiến thẳng lên bậc thang thứ 4 của tiến trình hội nhập kinh tế, thành lập ngay thị trường chung, thống nhất. Thế nhưng trong thực tế, cho đến nay, việc cắt bỏ thuế quan để các nước Nam Mỹ có một Khu vực thương mại tự do (tức là thực hiện bước 2 và 3 của tiến trình hội nhập) đang bị trì trệ bởi các nước lớn trong khối, đặc biệt là Bra-xin và Ác-hen-ti-na không muốn thực hiện các cam kết của mình. Còn ASEAN, trong khoảng hai thập niên đầu tập trung chủ yếu ứng phó với các vấn đề chính trị - an ninh. Trên thực tế, sự liên kết ASEAN nói chung và kinh tế nói riêng thực sự được bắt đầu từ năm 1992 khi lập AFTA. Nếu so sánh với EU thì thời gian để biến AFTA thành hiện thực là quá dài (EU chỉ mất có 5 năm), lại không diễn ra đồng thời ở tất cả các nước. Hơn nữa, tiến trình này đang gặp phải những "sự cố" bởi việc trì hoãn hay kéo dài thời gian cắt giảm thuế các mặt hàng thuộc diện chương trình thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung CEPT mà các nước đã cam kết, và sự "phá rào" của các hiệp định thương mại song phương của một số nước ASEAN với các đối tác bên ngoài. Chính sự đa dạng của các thể chế và sự phức tạp của liên kết khu vực làm xuất hiện nhiều trường phái, lý thuyết khác nhau về vấn đề này.

Trước hết là trường phái *"Lý thuyết Tân cổ điển về lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế"*. Lý thuyết này không phủ định lợi ích của tự do hóa thương mại và lợi thế so sánh của FTA, nhưng cho rằng các nước thuộc thế giới thứ ba, chậm phát

(2) Xem: Mary Farrell, Peter Pogany: *Globalization and Regional Economic Intergation: Problem and Prospects*. H. Institute for International Relation, 2000.- pp. 11-13; Danial A. Omoweh. Rethinking Intergation in Africa// Journal of Diplomacy and Foreign Relation. Volume 3, Number 1, September 2001, pp. 41-45

(3) Xem: Economic Community of West African States (ECOWAS)/ Political Handbook of the World 1999. Binghamton, Newyork, 1999, pp 1155-1157; Danial A. Omoweh. Rethinking Intergation in Africa, tr. 41-45

Digitized by Google

triển, còn thiếu những điều kiện cần thiết để liên kết kinh tế với nhau thành một khối. Vì vậy, các thể chế kinh tế thế giới như Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế, Liên minh châu Âu, các nước tư bản phát triển cần phải ủng hộ các tổ chức liên kết khu vực, các nước chậm phát triển để họ thiết lập và hoàn thiện nhanh các cơ chế, khuôn khổ hợp tác, trong đó bao gồm cả việc soạn thảo hay đề xuất các chương trình hội nhập, nhằm tự do hóa nền kinh tế các nước thành viên.

Tuy nhiên cho đến nay, liên kết khu vực nói chung, kinh tế nói riêng ở các nước Á - Phi - Mỹ La-tinh tiến hành thiếu đồng bộ, kém hiệu quả so với mong đợi. Chính điều này làm xuất hiện trường phái *"Lý thuyết về sự phụ thuộc"* trong liên kết kinh tế khu vực. Theo họ, sự liên kết kinh tế quốc tế của các nước thuộc thế giới thứ ba sẽ làm gia tăng sự phụ thuộc của các nước đó vào nguồn vốn và công nghệ của các nước tư bản phát triển. Nếu các nước nghèo, lạc hậu bắt chước con đường hội nhập của EU (áp dụng lý thuyết về lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế) để tiến hành liên kết khu vực thì sẽ tạo ra "hiệu ứng phân cực" giữa "cực tăng trưởng" và "cực trì trệ" của từng nhóm nước trong một tổ chức khu vực. Những nước rơi vào "cực trì trệ" do "chuyển hướng thương mại gây ra" sẽ trở nên nghèo hơn; và họ thờ ơ, hay mất đi những hào hứng trong việc thực hiện các cam kết, hội nhập đã đề ra. Điều này làm phá vỡ tiến trình tổng thể liên kết khu vực, làm cho hợp tác và liên kết đa phương của khối trở nên trì trệ; và thay vào đó, quan hệ song phương lại trở thành mối quan tâm hàng đầu của các nước thành viên.

Chính sự đa dạng và phức tạp của lý thuyết cũng như thực tiễn hội nhập làm nảy sinh nhu cầu đề xuất hay phân loại hóa các loại hình liên kết khu vực theo hướng khu vực hóa. Theo trường phái "Lý thuyết về sự phụ thuộc" thì có ba hình thức liên kết kinh tế khu vực có thể áp dụng, tùy theo trình độ phát triển cụ thể.

Thứ nhất là loại hình liên kết tự nhiên. Đây là kiểu liên kết theo mô hình của EU, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế. Các nước có trình độ phát triển kinh tế, chế độ chính trị tương đối giống nhau, láng giềng gần gũi, tự nguyện liên kết với nhau nhằm lập nên thị trường chung, sau đó là liên minh kinh tế và tiền tệ. Các nước kém và đang phát triển rất khó áp dụng loại hình liên kết này, bởi trình độ phát triển kinh tế các nước đó còn thấp, môi trường pháp lý - kinh doanh chưa được thiết lập đồng bộ, sự chênh lệch phát triển giữa các nước còn lớn, nền chính trị còn thiếu sự ổn định lâu dài v.v..

Loại hình liên kết thứ hai là "hình thức lai ghép" là sự kết hợp của liên kết tự nhiên (kiểu EU) với sự giúp đỡ của các thể chế kinh tế quốc tế như WB, IMF và các nước phát triển. Trong thực tế, nhiều nước châu Phi, Mỹ La-tinh dưới sự trợ giúp của các ngân hàng Âu - Mỹ đã tự nguyện liên kết lại với nhau thành những hiệp hội, cộng đồng, hay thị trường kinh tế chung mang tính khu vực như ECOWAS, MERCOSUR v.v.. Nhưng nhìn chung liên kết khu vực kiểu này đến nay chưa thu được kết quả mong muốn. Các nước châu Phi, Mỹ La- tinh qua hàng chục năm liên kết kinh tế với nhau đã không khắc phục được tình trạng kém phát triển, đói nghèo. Buôn bán nội khối chưa đóng vai trò chủ đạo trong thương mại quốc tế. Sự lệ thuộc nước ngoài không ngừng gia tăng.

Loại hình liên kết thứ ba được đề xuất nhằm khắc phục những mặt trái mà hai mô hình trên không mang lại lợi ích thiết thực và hiệu quả trong việc liên kết của những nước nghèo, kém phát triển lại với nhau. Để giải quyết những nguyên nhân gốc rễ tạo nên sự phụ thuộc đói nghèo, tạo điều kiện cho các nước có trình độ phát triển khác nhau, cùng nhau hợp tác, liên kết cùng có lợi thì cần phải lập nên một cơ chế đền bù cho những nước, những đối tác bị thiệt thòi trong quá trình hội nhập; đồng thời phải đề ra một quy chế chặt chẽ đối với các dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài để cho họ có thể kiểm soát được dòng vốn và những rủi ro có thể xảy ra.

Nhiều học giả cho rằng, dù có lựa chọn hay áp dụng loại hình liên kết như thế nào, điều quan trọng làm cho việc hội nhập có hiệu quả là trước hết, mỗi nước thành viên phải đưa ra được một chiến lược tổng thể, trong đó coi việc hội nhập khu vực và quốc tế là một trong những hướng ưu tiên hàng đầu, chiến

Digitized by Google

lược nhất quán và lâu dài; phải phát triển tiềm năng và sức cạnh tranh trực tiếp nội địa. Muốn vậy phải cải cách một cách dân chủ và đồng bộ bộ máy nhà nước phù hợp với nền kinh tế thị trường, tuân thủ mục tiêu phát triển bền vững. Có như vậy, sự hội nhập khu vực và quốc tế mới có hiệu quả. Đây là cách tiếp cận từ dưới lên, từ cơ sở, yêu cầu nội tại của các nước thành viên khi tham gia liên kết khu vực và quốc tế. Cách tiếp cận này sẽ giúp từng nước tham gia và cả khối đưa ra được những chương trình hợp tác thực tế hơn, hạn chế được sự can thiệp hay ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài. Trong bối cảnh phát triển của xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa như hiện nay, liên kết khu vực muốn có hiệu quả cần phải tạo dựng hay mở rộng lực hướng tâm. Muốn vậy, các nước thành viên phải có những mục tiêu chung về kinh tế và có cách nhìn nhận giống nhau về tương lai của tổ chức mình. Điều này đòi hỏi các nước thành viên phải "nhượng" một phần chủ quyền quốc gia. Thêm vào đó, những chính sách cũng như mục tiêu đưa ra nhằm thúc đẩy hội nhập không mâu thuẫn với quyền lợi quốc gia và quy luật kinh tế.

2- Khái niệm và yếu tố thúc đẩy liên kết khu vực theo hướng khu vực hóa

Liên kết khu vực *là sự tập hợp một cách tự nguyện các nguồn lực của các quốc gia, dân tộc khác nhau trên cùng một đơn vị địa lý, sinh thái cho một mục đích tiến bộ chung, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội, hạn chế tác động tiêu cực từ bên ngoài, nâng cao khả năng cạnh tranh và vai trò của mình trên trường quốc tế.* Nói một cách vắn tắt, Liên kết khu vực *là sự phối hợp các nguồn lực, các phương tiện khác nhau giữa các nước láng giềng nhằm mục đích nâng cao tiềm lực quốc gia và khả năng cạnh tranh của mỗi nước thành viên.* Khi liên kết trên diễn ra sâu rộng, trên tất cả các lĩnh vực thì quá trình khu vực hóa diễn ra nhanh chóng.

Từ định nghĩa trên, có thể hiểu rằng khu vực hóa *là quá trình làm tăng tính khu vực, làm thay đổi những sự khác nhau tương đối thành những yếu tố giống nhau, được xúc tiến bởi sự hợp tác và liên kết sâu rộng của các quốc gia - dân tộc trong khuôn khổ tổ chức khu vực, nhằm tạo ra khối sức mạnh, một bản sắc riêng khác với khu vực khác.* Khi khu vực hóa đạt được ở mức độ cao, có sự đồng nhất lớn về kinh tế, chính trị, văn hóa thì *"chủ nghĩa khu vực thực sự"* hay một thực thể kinh tế - xã hội và chính trị mới kiểu nhà nước liên bang được hình thành. Hiện nay ASEAN đang nằm ở giai đoạn đầu của khu vực hóa với sự hợp tác và liên kết ngày càng sâu rộng trên nhiều mặt, đặc biệt là kinh tế giữa các nước thành viên.

Thông thường để khởi đầu cho quá trình khu vực hóa, trước hết, các nước phải *có một mức độ đồng nhất nhất định về văn hóa.* Đây là cái vốn ban đầu của liên kết khu vực theo hướng khu vực hóa. Ví dụ, các nước Tây Âu có nhiều điểm tương đồng về văn hóa như tôn giáo, phong tục, tập quán, ngôn ngữ, v.v.. Và điều này giúp họ liên kết lại với nhau trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế và an ninh. Tuy vậy, ở một số khu vực như Nam Á, cũng có sự tương đồng hay giống nhau tương đối về cơ sở văn hóa nhưng đã ít giúp các nước này giảm đi sự thù địch, kiềm chế lẫn nhau. Nguyên nhân là các quốc gia đó thiếu ý chí chính trị chung. Do vậy, sự tương đồng về văn hóa chỉ là cái vốn ban đầu, chưa phải là yếu tố quyết định cho liên kết khu vực theo hướng khu vực hóa. Như vậy ngoài yếu tố văn hóa, để liên kết khu vực đi vào chiều sâu, nhất thiết phải *có sự trùng hợp quyền lợi về kinh tế, chính trị - an ninh.*

Cần nhấn mạnh rằng *yếu tố an ninh đóng một vai trò không nhỏ đối với hợp tác và liên kết khu vực.* Trong thời kỳ "chiến tranh lạnh", để hạn chế tối đa sức ép của hai siêu cường Xô - Mỹ, các nước Tây Âu đã liên kết chặt chẽ hơn, tạo thành một khối sức mạnh kinh tế. Năm nước thành viên ASEAN ban đầu lập nên Hiệp hội của mình vào năm 1967 là một phần sản phẩm của "chiến tranh lạnh". Sự thay đổi cơ bản của trật tự thế giới và gia tăng của toàn cầu hóa từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đã tạo ra làn sóng mới về liên kết khu vực theo hướng khu vực hóa trên quy mô toàn cầu. Sự ra đời và đổi mới của hàng loạt tổ chức khu vực như APEC (1989), MERCOSUR (1991), EU, NAFTA và AFTA (1992), v.v..

(Xem tiếp trang 64)

Digitized by Google

Vì sự an ninh toàn cầu về nước

VŨ THẾ HÙNG

TOÀN cầu có 261 con sông lớn, trong số đó có 215 sông chảy qua 145 quốc gia, nơi sinh sống của hơn 40% dân số thế giới. Cuộc chiến tranh lớn và sớm nhất về nguồn nước xảy ra cách đây 4 500 năm là cuộc tranh chấp nguồn nước sông Ti-gơ-ri và Ơ-phơ-rát giữa hai vương quốc miền Lưỡng Hà. Trong lịch sử, nước không chỉ là mục tiêu tranh chấp mà còn là phương tiện để đầu độc đối thủ, như việc Thành Cát Tư Hãn đã chặn dòng chảy hạ lưu các con sông để nhấn chìm các thành lũy của đối phương, việc Tê-mi-ri-an đã phá các đường dẫn nước để hủy diệt các ốc đảo vùng Trung Á thời trung cổ, hay như bằng việc chặn dòng chảy đến Bu-kha-ra năm 1868, nước Nga Sa hoàng đã chinh phục được các tiểu vương U-dơ-bê-ki-xtan và Cô-can đang tranh giành quyền kiểm soát nguồn nước sông Giê-ráp-chen suốt một thế kỷ...

Điểm lại nửa thế kỷ qua, đã xảy ra 1 800 vụ tranh chấp lớn nhỏ về nguồn nước giữa các quốc gia, mà 1/3 số đó là các vụ tranh chấp mang tính nghiêm trọng chưa có hướng giải quyết. Năm 1979, Tổng thống Ai-cập đã tuyên bố: " Nguồn nước sông Nin là động cơ duy nhất có thể đẩy Ai-cập vào cuộc chiến". Năm 1990, nhà vua Giooc-đa-ni Hu-xê-in cũng tuyên bố như vậy khi nói về việc sở hữu đối với nguồn nước sông Giooc-đan. Năm 1991, I-rắc đã phá hủy hầu hết các nhà máy khử nước biển của Cô-oét, sau đó các cơ sở cung cấp nước ở chính Bát-đa lại bị liên quân Mỹ - Anh tàn phá nghiêm trọng. Tháng 9-2002, Thủ tướng I-xra-en, A. Sa-rôn, đã cảnh báo về nguy cơ chiến tranh với Li-băng, vì nước này đã xây một trạm bơm nước làm chệch hướng dòng chảy của con sông Hát-ba-ni. I-xra-en sẽ triển khai quân nếu Li-băng bơm nước từ con sông này. Trong 50 năm qua, giữa I-xra-en và Xy-ri đã xảy ra 27 cuộc xung đột về nguồn nước sông Giooc-đan và Y-at-mốc... Như vậy, có thể nói rằng, từ quá khứ cho đến nay nước vẫn đang bị vẩn đục trong các quan hệ quốc tế. Liệu trong tương lai, nguồn nước có còn là nguồn gốc của các cuộc tranh chấp nữa hay không? Nỗi ám ảnh này đã được các quan chức cao cấp của Liên hợp quốc và các quốc gia dự báo. Trên thế giới hiện còn nhiều khu vực đang âm ỉ nguy cơ bùng phát chiến tranh mà việc tranh chấp nguồn nước vẫn là một trong các nguyên nhân.

Trung Đông là nơi rất hiếm sông suối. Hơn nữa, số sông suối hiện có lại bị ô nhiễm và cạn kiệt dần. Khu bờ Tây sông Giooc-đan có 114 con suối, nhưng chỉ có 52 suối ở Nap-lut và Giê-ri-cho là tương đối nhiều nước. Đây là nơi định cư của 200 ngàn người dân Pa-le-xtin với 30% lao động nông nghiệp, đóng góp 30% GDP của nước này. Mỗi người dân Pa-le-xtin hằng năm chỉ có 85 m^3 nước cho toàn bộ nhu cầu, nhưng 80% số nước đó họ phải dùng cho sản xuất, 25% số dân của nước này không được dùng nước máy. Giá nước ở Pa-le-xtin từ 3,5 đến 9,5 USD/m^3 (trong khi giá nước ở I-xra-en chỉ khoảng 0,2 USD/m^3). I-xra-en luôn coi nước là ưu tiên số một của nền an ninh quốc gia, vì khu bờ Tây sông Giooc-đan là nơi cung cấp 25% nhu cầu nước cho nước này, trong đó 2/3 là nước dùng trong sinh hoạt. I-xra-en luôn coi sự tồn tại của mình phụ thuộc vào sự kiểm soát được về quân sự và chính trị trên vùng lãnh thổ của Pa-le-xtin. Mỗi

Digitized by Google

người dân I-xra-en hằng năm dùng 447 m^3 nước. I-xra-en dự định mỗi năm sẽ phải mua 50 triệu m^3 nước từ sông Ơ-phơ-rat của Thổ Nhĩ Kỳ dẫn theo đường ống qua Xy-ri hoặc chở tới bằng tàu thủy qua Địa Trung Hải. Dự định này chắc chắn không được chấp thuận từ phía I-rắc. Địa chất khu bờ Tây là một thành hệ gồm 3 lớp nước, trong đó nước ngầm phía tây khu bờ Tây chiếm 80% lượng nước. Từ năm 1967, I-xra-en đã bơm 85% lượng nước ngầm này cho các khu định cư của người I-xra-en. Pa-le-xtin cho rằng, I-xra-en đã bơm cạn kiệt nguồn nước ngầm của họ dẫn đến thu nhập của Pa-le-xtin tụt xuống 48%, thất nghiệp từ 11% tăng lên 38%, số hộ nghèo khổ từ 21% tăng lên 64% so với trước thời kỳ bị chiếm đóng và vòng xoáy bạo lực gia tăng.

Vùng tiểu lục địa Ấn Độ, nơi có những con sông lớn và quan trọng vào bậc nhất thế giới cả về văn hóa lẫn kinh tế - sông Ấn, sông Hằng và sông Bra-ma-pu-tra, đang tiềm ẩn những xung đột mà nguyên nhân sâu xa cũng chính là từ tranh chấp nguồn nước các con sông đó. Pa-ki-xtan lo lắng việc Ấn Độ sẽ làm ảnh hưởng xấu tới việc tưới tiêu 50 triệu héc-ta đất canh tác của mình. Năm 1960, tuy Ấn Độ và Pa-ki-xtan đã ký được hiệp ước sử dụng nguồn nước sông Ấn, nhưng các vụ tranh chấp nguồn nước vẫn thường xuyên xảy ra. Dù đều là thành viên của "Hiệp hội hợp tác khu vực Nam Á" về thương mại từ năm 1980, nhưng việc giải quyết tranh chấp nguồn nước sông Ấn vẫn còn phải gác lại. Con đập Pha-ra-ca do Ấn Độ xây dựng trên sông Hằng từ năm 1960, thường gây ra khô hạn về mùa khô và xả lũ đột ngột gây nhiều thiệt hại cho Băng-la-đét, đẩy mối quan hệ hai nước nhiều lần đến đỉnh điểm của sự căng thẳng. Mãi đến tháng 12-1996, chính phủ hai nước mới ký được Hiệp định phân chia nguồn nước sông Hằng, chấm dứt sự đối đầu giữa hai quốc gia kéo dài hơn hai thập niên. Ấn Độ và Nê-pan cũng ký kết Hiệp ước Ma-ha-ka-li vào năm 1997. Theo tinh thần Hiệp ước này, Nê-pan được hưởng một lượng nước và điện từ các con đập do Ấn Độ xây dựng. Nhưng phản ứng của một số đảng phái đối lập ở Nê-pan cho rằng, Hiệp ước này không công bằng và cần thiết phải xem xét lại, đã dẫn đến nội bộ quốc gia nghèo nhất ở Nam Á này lâm vào vòng xoáy bạo lực. Giữa Ấn Độ và Trung Quốc cũng đã xuất hiện một nguy cơ tiềm ẩn tranh chấp nguồn nước sông Bra-ma-pu-tra. Các quốc gia này chưa từng trao đổi cho nhau những thông tin về chế độ thủy văn của con sông đó. Hậu quả xảy ra thường rất bi thảm, như vào mùa hè năm 2000, do một con đập chứa hàng trăm triệu mét khối của Trung Quốc ở thượng nguồn bị vỡ, khiến dòng nước từ độ cao 26 m đổ tràn xuống hạ lưu ở Ấn Độ và Băng-la-đét, tàn phá tan hoang mọi thứ theo dòng chảy của nó.

Sông Nin dài 6 693 ki-lô-mét, bắt nguồn từ hồ Víc-to-ri-a, chảy qua 10 quốc gia thuộc châu Phi rồi đổ ra biển Địa trung Hải, tưới cho một vùng đất rộng lớn có diện tích bằng gần nửa diện tích của châu lục này. Từ thời các pha-ra-ông, Ai-cập thường gửi đồ tế lễ ngược dòng sông Nin đến Ê-ti-ô-pi để tạ ơn các vị thần đã cung cấp 86% lượng nước tưới cho vương quốc của mình. Hiện tại, mối quan hệ giữa Ai-cập và Ê-ti-ô-pi không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Gần 95% dân số Ai-cập sống ven bờ sông Nin màu mỡ, còn Ê-ti-ô-pi chỉ sử dụng được 2% nguồn nước sông Nin Xanh và lại bị hạn hán triền miên từ năm 1970 đến nay làm hàng triệu người chết vì đói khát. Mâu thuẫn giữa hai nước lên đến đỉnh điểm vào năm 1979, khi Ê-ti-ô-pi lập dự án khai thác sông Nin Xanh. Ai-cập đã đặt nước sông Nin Xanh thành vấn đề ưu tiên hàng đầu của nền an ninh quốc gia. Tổng thống Ai-cập đe dọa sẽ phá hủy bất cứ đập nước nào mà Ê-ti-ô-pi xây dựng. Đến nay mới chỉ có một Hiệp định sử dụng nguồn nước sông Nin được chính thức ký vào năm 1959 giữa Ai-cập và Xu-đăng. Sau 10 năm đàm phán, tháng 7-2001, mười quốc gia châu Phi có sông Nin chảy qua đã tranh thủ được tài trợ của Ngân hàng thế giới với số tiền là 3 tỉ USD để nghiên cứu việc phân chia công bằng nguồn nước con sông này. Ê-ti-ô-pi đã xây dựng một loạt các hồ chứa loại nhỏ để tưới và làm giảm lũ tới Xu-đăng, nhưng lại làm mất đi một lượng phù sa lớn ở Ai-cập. Đành rằng còn tồn tại nhiều

Digitized by Google

tranh cãi trên bàn đàm phán, nhưng may mắn là ngọn lửa chiến tranh về nguồn nước sắp bùng lên ở châu lục đen này đã được dập tắt.

Trước đây, tuy việc quản lý và sử dụng nguồn nước các con sông ở khu vực Trung Á (bao gồm một số nước cộng hòa thuộc Liên Xô) có những điều chưa hợp lý, nhưng ở khu vực này khi đó chưa hề xảy ra những cuộc tranh chấp về nguồn nước. Vì lợi ích chung của cả Liên bang Xô-viết, nước sông từ nước cộng hòa này có thể dẫn đến nước cộng hòa khác miễn phí, như kênh đào Ca-ra-cum nổi tiếng đã chuyển nước từ trung lưu sông A-mu-đa-ri-a sang tưới cho các cánh đồng bông ở Tuốc-mê-ni-xtan. Khi biển A-ran thuộc U-dơ-bê-ki-xtan bị khô cạn dần do nhận được ít nước, con đập Ta-khơ-tô-gun trên sông Xu-đa-ri-a thuộc Cư-rơ-gư-xtan đã đưa nước đến phục vụ cho cả 3 quốc gia đó. Nhưng tình hình hiện nay đã khác trước. Đối với các quốc gia này, nước đã trở thành hàng hóa, thậm chí còn trở thành vũ khí, đặc biệt vào mùa đông băng giá, khi Cư-rơ-gư-xtan không nhận được khí đốt từ U-dơ-bê-ki-xtan. Để chạy máy phát điện cho mình, Cư-rơ-gư-xtan xả nước từ hồ Ta-khơ-tô-gun cho chảy vào vùng trũng thấp A-i-đắc-cun, có khi ngưng xả vào mùa khô, hoặc xả lũ đột ngột uy hiếp hệ thống đê điều châu thổ sông Phec-ga-na thuộc U-dơ-bê-ki-xtan. Tình hình như vậy kéo dài hơn chục năm qua đã làm cho mối quan hệ giữa các quốc gia không mấy khi tốt đẹp. Đến tháng 7-2001, các quốc gia này đã ký được Hiệp định "Về sử dụng hợp lý các nguồn nước và các nguồn năng lượng". Ngày 29-7-2001, tại Bi-sơ-kếch (Cư-rơ-gư-xtan) Đạo luật "Về việc sử dụng liên quốc gia đối với các nguồn nước, đập nước và các thiết bị liên quan đến nước" đã được công bố. Theo Đạo luật này, nước được sử dụng vào nhiều mục đích, có giá trị kinh tế và phải được công nhận là một tài sản. Các nước không những sẽ phải thanh toán lượng nước được dùng mà còn phải đóng góp chi phí bảo dưỡng các thiết bị và công nghệ thủy lực.

Như vậy, cuộc khủng hoảng về nguồn nước trên thế giới thực chất chưa phải chỉ xuất phát từ lượng nước hạn chế hiện có, mà chính từ sự chia sẻ bất hợp lý giữa các quốc gia về sử dụng các nguồn nước.

Hầu hết các con sông ở nước ta đều bắt nguồn từ các nước láng giềng. Trong số 6 quốc gia có sông Mê-công chảy qua, thì có 4 nước đã tham gia Ủy hội Mê-công và đã cùng đóng góp tích cực vào quy hoạch phát triển lưu vực và giảm nhẹ thiên tai trong khu vực. Từ khi thành lập (1975) đến nay, Ủy hội Mê-công đã giúp Việt Nam hàng chục đồ án, dự án quy hoạch quan trọng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hàng trăm công nhân và chuyên gia kỹ thuật được đào tạo trưởng thành cùng những bộ số liệu điều tra cơ bản quý báu qua các thời kỳ và những công nghệ, trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến chính là cơ sở để chúng ta tiếp tục hoàn thiện và biến những dự án quy hoạch thành hiện thực. Trong việc hợp tác của các quốc gia ven sông Mê-công nhằm quản lý, khai thác, bảo vệ nguồn tài nguyên nước theo luật pháp quốc tế, mỗi quốc gia dù hợp tác song phương hay đa phương cũng không được làm ảnh hưởng xấu đến các quốc gia khác và phải thường xuyên thông báo cho nhau những diễn biến thủy văn, thủy lợi phần lưu vực thuộc lãnh thổ của mình. Đây là nhân tố quan trọng để ngăn ngừa các vụ xung đột khu vực về nguồn nước trong tương lai. Thái Lan đã không xin chuyển 25 m^3/s nước từ lưu vực sông Mê-công sang lưu vực sông Chao-phia vì các quốc gia thành viên trong ủy hội Mê-công không đồng ý. Việc đề xuất của chúng ta chuyển cả chục ngàn m^3/s nước sông Mê-công đoạn chảy qua Lào ra biển Đông (qua Quảng Trị) để giảm lũ cho đồng bằng sông Cửu Long khó có thể được Ủy hội Mê-công chấp nhận. Điều đó cho thấy tính tích cực và nghiêm túc trong cách ứng xử của Ủy hội Mê-công hiện đang phấn đấu để trở thành kiểu mẫu cho các Ủy hội sông quốc tế. Tuy nhiên, do Ủy hội Mê-công hiện vẫn chưa hội đủ các quốc gia ven sông cũng như do chưa có một Ủy hội quốc tế kiểm soát nguồn nước sông Hồng và sông Đà, nên các thông tin thủy văn vẫn chưa được cập nhật kịp thời, các dự án thủy lợi ở các quốc gia miền thượng lưu các con sông này vẫn chưa được phối hợp kiểm

Digitized by Google

soát. Thí dụ, diễn biến các trận mưa, lũ, động đất, các đợt lở đất, vỡ đập, vỡ đây chuyền nhiều hồ đập, sự chuyển nước ra khỏi lưu vực... ở các quốc gia thượng lưu các con sông đều gây ra những thảm họa bất ngờ cho vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long ở nước ta. Bởi vậy, chúng ta phải chủ động đề ra những biện pháp phòng tránh hữu hiệu để giảm thiểu những thiệt hại về người và tài sản cho hai vùng châu thổ lớn và quan trọng nhất về kinh tế và văn hóa này. Trước đây, khi chúng ta chưa xây dựng được các nhà máy thủy điện Hòa Bình và Thác Bà, cơn lũ sông Hồng hồi tháng 8-1971 làm vỡ đê gây thiệt hại tới 2 608 triệu USD, sau khi hai công trình trên đi vào hoạt động, thì con số thiệt hại do lũ gây ra có lúc cao nhất cũng chỉ khoảng 180 triệu USD. Nếu xây dựng thêm các nhà máy thủy điện Sơn La và Đại Thị, thì thiệt hại do lũ ước tính sẽ chỉ khoảng 57 triệu USD. Tuy nhiên, chúng ta vẫn còn nhiều hạn chế trong việc đề phòng ảnh hưởng của các trường hợp thảm họa xảy ra ở thượng nguồn từ các quốc gia láng giềng, chưa có biện pháp phòng tránh di dời nhanh nhất, giảm thiệt hại về người và của đến mức thấp nhất ở những vùng bị lụt.

Trước những hiểm họa có thể sẽ xảy ra từ sự nóng lên của khí hậu toàn cầu, như mực nước biển dâng cao, hạn hán và lũ lụt xảy ra thường xuyên và dữ dội hơn cộng với tình hình an ninh thế giới về nước vẫn còn đang tiềm ẩn những xung đột, thì các quốc gia còn lại ở thượng nguồn sông Hồng, sông Đà và sông Mê-công không có sự lựa chọn nào thiết thực hơn là phải cùng nhau hợp tác.

Nước - cái nôi của sự sống và cội nguồn của các nền văn minh, văn hóa, tôn giáo, nguồn gốc của các cảm xúc thẩm mỹ về cái đẹp của loài người - luôn trở thành vấn đề quan ngại toàn cầu. Hầu như các dân tộc có chung những vấn đề về nước đều cảnh báo: chỉ vì tranh giành nhau, đã làm vỡ một bình nước duy nhất khiến cho cả đoàn người cùng chết khát, trước khi họ vượt qua vùng khô hạn thay vì cùng chia sẻ để vượt qua. Hy vọng sự xung đột về nước trong tương lai sẽ không xảy ra. ❑

LIÊN KẾT ASEAN...

(Tiếp theo trang 60)

là một thích ứng trước sự gia tăng của tiến trình quốc tế hóa thời hậu "chiến tranh lạnh"; nó góp phần hạn chế mặt trái của toàn cầu hóa, nhưng củng cố cạnh tranh và thúc đẩy hội nhập trên quy mô toàn cầu (4).

Sự đồng nhất các chính sách kinh tế và trình độ phát triển tương đối đồng đều giữa các nước thành viên sẽ giúp quá trình khu vực hóa được thực hiện nhanh hơn. Ví dụ những cơ chế có sẵn giống nhau đã và đang được thịnh hành ở mỗi nước được chuyển thành cơ chế chung của Hiệp hội hay Liên minh, mà không cần phải tốn thời gian hay khó khăn trong đàm phán và điều chỉnh. Bên cạnh đó, những quyết định hay ý chí chính trị đồng thuận giữa các nước thành viên cũng là yếu tố thúc đẩy khu vực hóa. Việc ký Hiệp ước Ma-xtơ-rích, tháng 12-1991, tại Hà Lan, là một sự đồng thuận chính trị mở đường Liên minh châu Âu ra đời vào năm 1992. Đối với ASEAN và nhiều tổ chức liên kết khu vực khác thuộc các nước Á - Phi và Mỹ La-tinh đang tồn tại một khoảng cách khá lớn về phát triển giữa các nước thành viên. Đây là một trong những hạn chế và thách thức chính của các tổ chức này trên con đường liên kết sâu rộng. Để từng bước khắc phục tình trạng đó, phải chăng các nước ASEAN nên lập ra một cơ chế đền bù cho những nước thành viên bị thiệt thòi khi tham gia hội nhập; đồng thời nên có một quy chế chung, chặt chẽ, có thẩm quyền xem xét, giám sát môi trường đầu tư và nhận rõ luồng luân chuyển vốn. Có như vậy, các nước đi sau, kém phát triển hơn mới có thể lấp dần khoảng cách phát triển, mới mạnh dạn hay ít ra không thờ ơ với quá trình liên kết khu vực.❑

---

(4) Xem thêm; Sác-lơ Ô-man: *Toàn cầu hóa và khu vực hóa: Thách thức nào đối với các nước đang phát triển.* Trung tâm phát triển của OECD, 1994. (Tài liệu do đoàn nghiên cứu của đồng chí Đỗ Quốc Sam và Đậu Ngọc Xuân tại Giơ-ne-vơ mang về). Bản dịch, tr. 104; *Liên kết ASEAN trong bối cảnh toàn cầu hóa* (Trần Khánh chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.63-92

Digitized by Google

CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ V

ĐỊA CHỈ: 16 LÝ TỰ TRỌNG - TP. ĐÀ NẴNG * ĐT: 0511.821907 - 821457 - 896313 *FAX: 0511. 822064

* Là tổ chức doanh nghiệp quản lý giao thông đường bộ trong phạm vi các tỉnh, thành phố thuộc khu V cũ.

- Quốc lộ 1A từ Quảng Nam - Đà Nẵng đến giáp địa phận tỉnh Thuận Hải.

- Quốc lộ 14, quốc lộ 19, quốc lộ 26 trong địa hạt các tỉnh thuộc phạm vi phụ trách.

* Nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu:

Thừa hành chức năng, quản lý hành chính của Bộ GTVT trên hệ thống đường bộ tại phạm vi quản hạt.

- Tham gia xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật và xác định cấp cầu đường quốc gia, đường địa phương.

- Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành luật lệ GTĐB, bảo vệ hệ thống cầu, đường bộ và an toàn GTĐB, kiểm soát tải trọng xe, xử lý các vi phạm luật lệ GTĐB.

- Xét và cấp giấy phép cho phương tiện hoạt động trên đường bộ theo quy định và phân cấp (kể cả phương tiện trong nước và nước ngoài vào, ra, quá cảnh quốc lộ) trong phạm vi quản hạt.



CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC:

- CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG.
- CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ QUẢNG NGÃI.
- CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ BÌNH ĐỊNH.
- CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ PHÚ YÊN.
- CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ KHÁNH HÒA.
- CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ ĐẮK LẮK.
- CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ GIA LAI.
- CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ KON TUM VÀ CÁC TỔ CHỨC KINH DOANH KHÁC

CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 875

Địa chỉ: Phường Hạ Đình - quận Thanh Xuân - Hà Nội * Điện thoại: 04- 8 581 673 8 581 736 * Fax: 84-4 8 581 736



Bí thư Đảng ủy- Giám đốc

KS TRỊNH NGỌC OÁNH

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Nước CHXHCN Việt Nam tặng:

+ 1 Huân chương Lao động hạng Nhì.

+ 1 Huân chương Lao động hạng Ba.

Nước CHDCND Lào tặng:

+ 1 Huân chương Lao động hạng Nhất

+ 1 Huân chương Tự do hạng Nhất

+ 1 Huân chương Hữu nghị.

Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 875(CTXDCTGT 875) thuộc Tổng Công ty XDCTGT 8 Bộ GTVT, tiền thân là Công trường 675 thuộc Ban Xây dựng 64, thành lập từ tháng 6 - 1975. Thành lập lại DNNN theo Quyết định số 1297/QĐ- TCCB- LĐ, ngày 29-6-1993, của Bộ GTVT.

NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Xây dựng các công trình giao thông.
- Xây dựng công trình dân dụng và phần bao che các công trình công nghiệp nhóm C.
- Xây dựng kênh, mương, đê, kè, trạm bơm thủy lợi.

Hơn 20 năm hoạt động, Công ty đã xây dựng mới, cải tạo nâng cấp nhiều tuyến đường quan trọng ở Việt Nam và Lào.

Năng lực quản lý và xây dựng tỉ đồng sản lượng hằng năm trở lên:

Năm 2002 sản lượng đạt 85 tỉ đồng, năm 2003 sản lượng ước tính 100 tỉ đồng.

Công ty XDCTGT 875 hiện có một đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật được đào tạo cơ bản, giàu kinh nghiệm, có lực lượng công nhân kỹ thuật tay nghề cao, tham gia thi công nhiều công trình giao thông theo quy trình AASHTO của Mỹ. Công ty có các dây chuyền thi công cơ giới hoàn chỉnh và tiên tiến nhất để thi công nền đường, móng đường, mặt đường rải thảm bê tông nhựa nóng đảm bảo chất lượng.



Nút giao thông bờ Nam cầu Mỹ Thuận do Công ty thi công

Digitized by Google

HUYỆN HOÀ VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

ĐỊA CHỈ: 133 ÔNG ÍCH ĐƯỜNG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG * ĐIỆN THOẠI: 0511 846 138



Bí thư - **LÊ KIM NGÂN**

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy, giám sát của HĐND, năng động sáng tạo trong điều hành của UBND, phối kết hợp có hiệu quả của UB MTTQVN huyện và các đoàn thể, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của các địa phương, các ngành và nhân dân toàn huyện, đồng thời được sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ của thành phố, trong 5 năm qua, huyện Hòa Vang đã đạt được những thành tích khá nổi bật sau:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP năm 2002 tăng 9,35%.
- Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2002 tăng 4,9%.
- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2002 tăng 15,2%.
- Giá trị sản xuất ngành dịch vụ thương mại năm 2002 tăng 14,5%.
- Thu nhập bình quân đầu người: GDP từ 200USD năm 1998 tăng lên 310 USD năm 2002.
- Giảm hộ nghèo (theo tiêu chí mới) từ 10,01% (năm 1998) xuống còn 6,1% (năm 2002).

• **TRÊN LĨNH VỰC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP:** Sản lượng lương thực bình quân hằng năm đạt trên 44 000 tấn, năng suất lúa bình quân năm 1998 đạt 43 tạ/ha, năm 2002 đạt 48 tạ/ha; tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng và phát triển nền nông nghiệp đô thị phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, hình thành các vùng chuyên canh rau, cây ăn quả, bắp lai, nuôi tôm công nghiệp có diện tích lớn. Kinh tế trang trại đang phát triển mạnh. Năm 2002, chỉ có 30 trang trại, đến nay có 112 trang trại với nhiều loại hình và quy mô khác nhau hoạt động có hiệu quả.

• **CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP:** Với các chính sách khuyến khích đầu tư cho các doanh nghiệp nên đã tăng 40 doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn, tổng giá trị sản phẩm từ 135 tỉ đồng (năm 1998) lên 227 tỉ đồng (năm 2002). Một số đề án khôi phục làng nghề truyền thống đang được thực hiện.

• **XÂY DỰNG CƠ BẢN:** Tập trung nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm, chợ, nước sạch nông thôn. Trong 5 năm (1998-2002) tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 495 tỉ đồng. Có hơn 300 công trình trọng điểm ở tất cả các lĩnh vực được đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng có ý nghĩa về kinh tế và chính trị. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, nhân dân toàn huyện đã đóng góp trên 20 tỉ đồng để làm 290 km đường nhựa ở khu vực nông thôn, 130 km đường bê-tông xi-măng ở xóm, 100% xã có điện thắp sáng. Năm 2002, có 99% số hộ dùng điện; đầu tư xây mới 100% cơ sở giáo dục, y tế; 14/14 xã có bác sĩ; 132/132 thôn có nhân viên y tế; 23/26 trường tiểu học, 14 trường PTCS và 4 trường PTTH đã được tầng hoá; 14/14 nghĩa trang liệt sỹ đã có nhà bia ghi tên các anh hùng liệt sỹ, có khu văn hóa thể thao ở 12 xã.

• **GIÁO DỤC:** Toàn huyện đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, THCS và đang triển khai thực hiện phổ cập bậc trung học; 9/25 trường tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

• **CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:** Theo mô hình "một cửa, một chỗ" thực hiện khá tốt; xây dựng các khu dân cư văn hóa mới, phát triển được 116 thôn văn hóa, 24 công sở văn hóa và 20 trường học văn hóa.



NHÂN DÂN VÀ CÁN BỘ HUYỆN HOÀ VANG ĐÃ ĐƯỢC PHONG TẶNG DANH HIỆU:

- Năm 2002, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích đóng góp tích cực trong thời kỳ đổi mới.
- Năm 1998-1999 - 2001, Thủ tướng Chính phủ tặng 3 cờ Đơn vị dẫn đầu trong phong trào thi đua về thành tích thực hiện nhiệm vụ KT-XH, AN-QP.
- 5 năm liền (từ 1998 đến năm 2002), được Bộ Giao thông vận tải tặng cờ thi đua xuất sắc về thành tích phát triển giao thông nông thôn và miền núi.
- Năm 1999-2000, được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão TW tặng bằng khen về thành tích thực hiện tốt chương trình xóa đói giảm nghèo, mua công trái xây dựng tổ quốc, cứu nạn cứu hộ và khắc phục hậu quả lũ lụt năm 1999.
- Năm 2001, Thành ủy Đà Nẵng công nhận Đảng bộ Hòa Vang là đơn vị xuất sắc của Thành phố
- 6 năm liền (từ 1997 đến năm 2002), được UBND thành phố Đà Nẵng tặng cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua khối quận huyện về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ KT-XH, AN-QP và các nhiệm vụ công tác khác.

Digitized by Google

QUẬN THANH KHÊ



Tọa đàm về đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng bộ phường



Thạc sĩ Bùi Văn Tiếng, Bí thư Quận ủy



Đánh bắt cá lưới cảng



Nghề câu mực khơi PP xuất khẩu



Chuẩn bị ra khơi đánh bắt cá đáy

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NĂM 2002

1.Thương mại Dịch vụ: Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ ước thực hiện 1 875 tỉ đồng, tăng 24% so với năm trước.

Tổng kim ngạch xuất khẩu thực hiện 435 ngàn USD.

2.Sản xuất CN - TTCN: Tổng giá trị sản xuất thực hiện 325 tỉ đồng, sản xuất CN - TTCN các phường đều đạt kế hoạch.

3.Khai thác hải sản: sản lượng cả năm ước thực hiện 13 600 tấn, đạt 105% kế hoạch.

4.Sản xuất nông nghiệp: giá trị sản xuất thực hiện 5 tỉ đồng, đạt 100% KH.

LĨNH VỰC XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ NĂM 2002

1.Xây dựng cơ bản: Tổng số công trình thực hiện cả năm là 138 công trình (gồm: 111 công trình NN NDCL, 17 công trình KTTC, 6 công trình SNKT, 3 công trình LĐCI, 1 công trình môi trường).

Các công trình do quận làm chủ đầu tư sử dụng nguồn vốn tập trung của thành phố được tập trung chỉ đạo thực hiện, tiến độ thực hiện được đẩy nhanh so với năm trước.

2.Quản lý đô thị: kịp thời chấn chỉnh, xử lý các trường hợp vi phạm. Kiểm tra xử lý nhà xây dựng trái phép tại các khu vực đã được công bố quy hoạch thực hiện theo Chỉ thị số 09/2002/CT-UB, của thành phố, đã được chỉ đạo sớm và hiệu quả.

Hưởng ứng thực hiện các chủ trương, các đợt phát động của thành phố về công tác vệ sinh môi trường.

Về công tác GTĐB: mặc dầu có khá nhiều công trình giải tỏa (19 công trình), nhưng nhờ có sự chủ động, bằng nhiều giải pháp vận động, thuyết phục, sự phối hợp của các cơ quan chức năng từ quận đến phường nên đạt kết quả khá tốt, hầu hết được nhân dân đồng tình ủng hộ. Ngoài ra, quận cũng đã quan tâm, chủ động đề xuất với Thành phố giải quyết kịp thời đất tái định cư cho các hộ diện giải tỏa, để sớm ổn định cuộc sống.

NHIỆM VỤ VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KT XH NĂM 2003

1.Lĩnh vực phát triển kinh tế: thực hiện chương trình hành động triển khai Nghị quyết TW5 về phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và chương trình phát triển kinh tế quận Thanh Khê giai đoạn 2002-2005.

Tăng cường công tác quản lý đối với các doanh nghiệp, hộ cá thể kinh doanh.

Phối hợp cùng các ngành của thành phố triển khai công tác quy hoạch, xây dựng các chợ trên địa bàn quận.

Tiếp tục công tác quy hoạch, cải tạo xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Thanh Khê 6.

Tiếp tục thực hiện cải hoán, nâng cao công suất tàu thuyền, khuyến cáo cho ngư dân chủ động sản xuất.

Chuyển đổi cây giống, con vật nuôi phù hợp với điều kiện của quận.

Sử dụng vốn SNKT để chi cho nghiên cứu học tập, tổ chức huấn luyện, lập các dự án cơ hội...

2.Lĩnh vực XDCB QLĐT:

Năm 2003, hoàn thành bê-tông hóa đối với 4 phường: Thạc Gián, Vĩnh Trung, Tân Chính, Tam Thuận với chủ trương không tính phí thiết kế, phí thẩm định vào giá thành công trình đối với các công trình có sự đóng góp của nhân dân.

Sử dụng vốn SNGT để duy tu bảo dưỡng những công trình (không thực hiện theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm).

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra trên các lĩnh vực xây dựng, quản lý sử dụng đất đai, trật tự vỉa hè, vệ sinh môi trường.

Phát động rộng rãi phong trào thực hiện vệ sinh môi trường đô thị trong cán bộ, công chức, nhân dân. Tiếp tục duy tu bảo dưỡng hệ thống cống rãnh theo phân cấp.

ĐỊA CHỈ QUẬN ỦY: 503 ĐƯỜNG TRẦN CAO VÂN, TP. ĐÀ NẴNG * ĐIỆN THOẠI: 0511 811 902

Digitized By Google



QUẬN THANH XUÂN

Địa chỉ: Số 9 đường Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân Hà Nội ĐT: 04 8585 633 * Fax: 04 8585 638
Bí thư: TRẦN THỊ BÍCH THỦY

Mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ về kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng và công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn 2000-2005 là: "Phát huy mọi nguồn lực, tiếp tục đổi mới, xây dựng quận phát triển bền vững, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Thủ đô"; đồng thời, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; đầu tư phát triển mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đô thị và tăng cường quản lý đô thị; nâng cao chất lượng hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội; tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

*Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng bình quân 13-14%/năm.

*Giá trị thương mại - dịch vụ tăng bình quân 8-10%/năm.

*Bê- tông hóa 100% đường ngõ xóm đã hình thành và ổn định theo quy hoạch,

*Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,03%/năm.

*Tỷ lệ gia đình văn hóa: 90%.

*Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi đến 2005 xuống còn 11%.

*Tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân 30%/năm.

*Hỗ trợ giải quyết việc làm hằng năm 2 500 - 3 000 lao động.

*Phát triển hàng năm 160 đảng viên mới.

*Tỷ lệ cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đạt 60-70%.

Từ khi thành lập đến nay, nhất là trong nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận Thanh Xuân lần thứ II (2000-2005) Đảng bộ quận đã xác định đúng đắn mục tiêu, phương hướng , nhiệm vụ hàng năm và có phương pháp tổ chức thực hiện phù hợp. Nhờ sự đoàn kết thống nhất trong toàn đảng bộ, phối kết hợp nhịp nhàng trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong nhân dân, quận Thanh Xuân đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đáng mừng trên các lĩnh vực: Cơ cấu kinh tế trên địa bàn chuyển dịch theo đúng định hướng, trong đó sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao, thương mại, dịch vụ và sản xuất thủ công nghiệp phát triển mạnh. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và đô thị được tập trung đầu tư đồng bộ theo quy hoạch; công tác quản lý đô thị được tăng cường, trật tự xây dựng, giao thông công cộng và vệ sinh môi trường có những chuyển biến tích cực. Hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều kết quả tốt. Đảm bảo giữ vững ổn định chính trị; công tác đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội tiếp tục được đẩy mạnh, tạo chuyển biến rõ nét về trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương và các chính sách hậu phương quân đội. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục được đẩy mạnh góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhà nước, làm tăng thêm sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân trong việc xây dựng và phát triển quận vững mạnh, toàn diện.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐẠT VÀ VƯỢT SO VỚI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ QUẬN LẦN THỨ II:

*Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân: 16,4%/năm.

*Giải quyết việc làm hàng năm: 3 101 người.

*Kết nạp đảng viên mới vượt: 1,25% kế hoạch hàng năm.

*Tỷ lệ cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh: 72,16%/năm.

*Tỷ lệ chiếu sáng công cộng đường ngõ xóm rộng trên 2m đạt 100%.

*Bê-tông hóa 100% đường ngõ xóm đã hình thành và ổn định theo quy hoạch.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

14 Huân chương Lao động các loại, 3 Huân chương Chiến công, 6 Đơn vị được phong tặng Danh hiệu Anh hùng. Nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập, tháng 12-2002 quận đã được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Đây là những phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước nhằm động viên khích lệ cán bộ và nhân dân toàn quận khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu, tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, quyết tâm thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển quận trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô và đất nước.

Digitized by Google

XỔ SỐ KIẾN THIẾT BÌNH THUẬN

PHAN THIẾT

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH BÌNH THUẬN

● **ĐỊA ĐIỂM GIAO DỊCH:**
* Đại lộ Nguyễn Tất Thành - thành phố Phan Thiết
* Điện thoại: 062. 822 268 - Fax: 062. 821 968

● **TRẠM GIAO DỊCH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH:**
* Số 2 Bis - Đường Đinh Tiên Hoàng - phường Đakao - quận 1
* Điện thoại: 08. 8 244 041 - Fax: 08. 9 100 907

MỜI QUÝ KHÁCH THAM DỰ XỔ SỐ KIẾT THIẾT TỈNH BÌNH THUẬN



Mong sự ủng hộ của Quý khách và Quý đại lý

- *Nhiều giải trúng*
- *Lãnh trọn tiền mặt hết một lần*
- *Phục vụ tận tình, chu đáo*

Vé số Bình Thuận phát hành vào ngày thứ 5 hằng tuần, mở số vào lúc 16 giờ 20



Kính chúc Quý khách gặp nhiều

MAY MẮN, HẠNH PHÚC

Digitized by Google

TRUNG TÂM BẢO TỒN DI TÍCH CỐ ĐÔ HUẾ

HUE MONUMENTS CONSERVATION CENTER

Giám đốc Trung tâm: KTS Phùng Phu

Là đơn vị quản lý bảo tồn, trùng tu phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và cảnh quan quần thể di tích Cố đô Huế

Trung tâm bảo tồn di tích Cố đô Huế được thành lập năm 1982 theo Quyết định của UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đơn vị chịu sự chỉ đạo của Bộ Văn hóa - Thông tin về chuyên môn, nghiệp vụ đồng thời có sự tư vấn giám sát về khoa học - kỹ thuật bảo tồn di sản của UNESCO.

TRUNG TÂM BẢO TỒN DI TÍCH CỐ ĐÔ HUẾ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU:

- Nghiên cứu những nội dung lịch sử và giá trị văn hóa nghệ thuật của quần thể di tích lịch sử và văn hóa Huế.
- Tổ chức thực hiện các công việc về bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa Cố đô Huế.
- Phối hợp với các đơn vị tư vấn lập hồ sơ dự án, thiết kế phục hồi trùng tu di tích, phục chế và cung cấp các loại vật liệu cổ như gạch ngói Thanh Lưu Ly và Hoàng Lưu Ly.
- Bảo quản và trùng tu các di tích, công trình các kiến trúc cổ.
- Cộng tác với các đơn vị, cá nhân trong lĩnh vực nghiên cứu biên soạn và in ấn sách báo, văn hóa phẩm về lịch sử văn hóa Huế.
- Trung tâm có đội ngũ nhân viên, hướng dẫn viên sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của quý khách về tham quan, nghiên cứu, tìm hiểu nội dung lịch sử và giá trị văn hóa nghệ thuật của quần thể di sản văn hóa Huế.











Địa chỉ: 23 Tống Duy Tân, thành phố Huế, Việt Nam
Điện thoại: (84.54) 529 012; 512 751 * Fax: (84.54) 526 083
Email: huemonuments@dng.vnn.vn; hue-mcc@dng.vnn.vn
Website: http://asemconnectvietnam.gov.vn/codohue/index.htm

Digitized by Google

PETROLIMEX

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY XĂNG DẦU TIỀN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 50, Tân Mỹ Chánh, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang
Điện thoại: 073. 872 980 - 872 981 - 872 982 * Fax: 073. 874 043
Email: tiengiang@petrolimex.com.vn

BVQI ISO 9001 — UKAS QUALITY MANAGEMENT 008



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- ☆ Kinh doanh xăng dầu, gas, dầu nhờn;
- ☆ Mỡ máy, các loại vật tư, thiết bị;
- ☆ Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, lắp đặt Thiết bị xăng dầu, gas;
- ☆ Dịch vụ vận chuyển xăng dầu;
- ☆ Dịch vụ giữ hộ xăng dầu;
- ☆ Tư vấn về sử dụng xăng dầu, gas, dầu mỡ nhờn.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG:

- ☆ Luôn phấn đấu phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- ☆ Sẵn sàng hợp tác đầu tư kinh doanh với các thành phần kinh tế.
- ☆ Mở rộng, phát triển mạng lưới đại lý tiêu thụ xăng dầu, gas, dầu nhờn.



NÔNG TRƯỜNG CỜ ĐỎ

TRỤ SỞ: THẠNH PHÚ - H. THỐT NỐT - CẦN THƠ * ĐT: (071) 865 506; 865 929 * Fax: (071) 865 360
Email: codofarm@hcm.vnn.vn * GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN ĐỒNG

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- ✪ Sản xuất các loại lúa thơm đặc sản, lúa chất lượng cao được ưa chuộng trên thị trường trong và ngoài nước.
- ✪ Kinh doanh, chế biến lương thực - thực phẩm. Nuôi trồng các loại thủy sản. Chăn nuôi gia súc, gia cầm...
- ✪ Đầu tư các loại vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất và bao tiêu sản phẩm.
- ✪ Trồng trọt và chăm sóc 200 ha rừng tràm sinh thái đồng thời làm công tác bảo vệ các loại thủy sản quý hiếm.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT:

- ✪ Mỗi năm thu mua, chế biến 100 000 tấn gạo tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Hệ thống kho có sức chứa 40 000 tấn.
- ✪ Hệ thống sân phơi, lò sấy đảm bảo xử lý và bảo quản tốt toàn bộ sản phẩm sau thu hoạch.
- ✪ Hệ thống xay xát, chế biến xuất khẩu gồm 5 cụm nhà máy với công suất 500 tấn/ngày.
- ✪ Hơn 100 máy kéo, máy gặt đập, máy suốt lúa, máy bơm nước... đảm bảo sản xuất chủ động trên toàn diện tích.

NÔNG TRƯỜNG CỜ ĐỎ SẴN SÀNG HỢP TÁC VỚI CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ ĐỂ ĐẦU TƯ SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN, TIÊU THỤ VÀ XUẤT KHẨU SẢN PHẨM

Google

BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG

NATIONAL HOSPITAL OF PEDIATRICS

ĐỊA CHỈ: 18/879 LA THÀNH, LÁNG THƯỢNG, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI * ĐT: 84.4. 8343 700 * FAX: 84.4 7754 448 * Email: nip-vn@hn.vnn.vn

Được thành lập từ năm 1969 với tên gọi là Viện Bảo vệ Sức khỏe Trẻ em, năm 1997 được đổi tên là Viện Nhi và từ tháng 6/2003 có tên mới là Bệnh viện Nhi Trung ương trên cơ sở khoa Nhi bệnh viện Bạch Mai, với sự giúp đỡ của Chính phủ và nhân dân Thụy Điển, Bệnh viện được xây dựng lại, khởi công từ năm 1975 và bắt đầu hoạt động từ năm 1981.



Mổ nội soi

Với tổng số cán bộ hiện nay là 823 người, Bệnh viện Nhi Trung Ương được Bộ Y tế giao nhiệm vụ là đơn vị đầu ngành của hệ thống Nhi khoa toàn quốc. Bệnh viện là trung tâm viện trường và là tuyến điều trị cao nhất về nhi khoa trong cả nước, Bệnh viện có chức năng chính sau:

ĐIỀU TRỊ:

Bệnh viện có 18 chuyên khoa lâm sàng bao gồm: Thần kinh, Hô hấp, Dinh dưỡng, Ung bướu, Thận, Nội tiết, Máu, Tim mạch, Tiêu hóa, Ngoại khoa, Sơ sinh, Điều trị tích cực, Cấp cứu, Lây, Tâm bệnh, Phẫu thuật gây mê - Hồi sức, Đông y, Khoa khám bệnh, Phục hồi chức năng. Các khoa này nhận bệnh nhân nặng từ khắp các tỉnh phía Bắc, một số tỉnh miền Trung và miền Nam chuyển đến. Bệnh viện còn có 9 khoa cận lâm sàng có thể làm các xét nghiệm thăm dò từ thường qui đến phức tạp phục vụ chuẩn đoán và điều trị.

Hằng năm, bệnh viện tiếp nhận khoảng 24 000 bệnh nhân nội trú, 190 000 lần khám ngoại trú.

Mỗi năm bệnh viện tiến hành hơn 5 000 ca phẫu thuật lớn bao gồm: phẫu thuật thần kinh, lồng ngực, tim mạch, tiết niệu, tiêu hóa, tạo hình và chỉnh hình. Phẫu thuật nội soi được áp dụng từ năm 1977 cho đến nay, đã tiến hành nhiều loại phẫu thuật phức tạp như phình đại tràng, thận niệu quản đôi, thoát vị cơ hoành, mủ màng tim, còn ống động mạch, song sinh dính đôi và gần đây bắt đầu triển khai phẫu thuật tim hở.

Trong những năm qua nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được áp dụng và tỷ lệ tử vong tại bệnh viện liên tục giảm thấp.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC:

Là trung tâm nghiên cứu khoa học nhi khoa cao nhất trong cả nước. Nhiều đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp cơ sở đã được tiến hành hằng năm.

ĐÀO TẠO:

Kết hợp với Bộ môn Nhi - trường Đại học Y khoa Hà Nội - đào tạo sinh viên nhi khoa, bác sĩ chuyên khoa cấp một, cấp hai, thạc sỹ, tiến sỹ nhi khoa. Kết hợp với trung tâm nhi khoa quốc tế, hằng năm tiến hành từ 20 - 25 lớp đào tạo cập nhật kiến thức tâm nhi khoa cho bác sĩ nhi và y tá nhi trong cả nước.

CHỈ ĐẠO CHUYÊN KHOA:

Bệnh viện đã tập trung chỉ đạo ngành theo phương hướng chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao chất lượng chẩn đoán và điều trị. Trong những năm gần đây, bệnh viện đã tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng của hệ thống cấp cứu và phấn đấu giảm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh.

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE:

Giáo dục kiến thức nuôi con, phòng bệnh, phát hiện sớm các bệnh trẻ em được Bệnh viện tiến hành bằng nhiều hình thức: các buổi nói chuyện, viết báo, trình bày các chuyên đề trên vô tuyến truyền hình.

HỢP TÁC QUỐC TẾ:

Hiện nay, bệnh viện có quan hệ hợp tác với JICA Nhật Bản, Bệnh viện trẻ em Hoàng gia Melburne, Hội Hữu nghị ICPH Thụy Điển, Tổ chức Cựu chiến binh Mỹ, Tổ chức REI của Hoa Kỳ, Tổ chức Việt Nam Project Hoa Kỳ, Trung tâm Tim mạch Samsung Hàn Quốc...

THÀNH TÍCH THI ĐUA

Huân chương Lao động hạng Ba, năm 1985

Huân chương Lao động hạng Nhất, năm 1997

Cùng nhiều bằng khen, cờ luân lưu của Chính phủ và Bộ Y tế



Digitized by Google

THỊ XÃ LÀO CAI

Trụ sở Ủy ban nhân dân Thị xã: Đường Thanh Niên, P. Duyên Hải, TX. Lào Cai, T. Lào Cai * ĐT: 026 826 159





Thị xã Lào Cai là trung tâm chính trị-kinh tế-xã hội của tỉnh, có cửa khẩu quốc tế, là đầu mối phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa quan trọng giữa Việt Nam với vùng Tây Nam Trung Quốc. Thị xã Lào Cai có tiềm năng lợi thế về phát triển thương mại-du lịch-dịch vụ, CN-TTCN và lâm nghiệp; có 2 xã vùng cao (Tả Phời và Hợp Thành) gồm nhiều dân tộc anh em cùng chung sống.

Thị xã Lào Cai có hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối phát triển, đồng bộ gồm đường bộ, đường sắt, đường sông đến hệ thống cấp thoát nước. Hoạt động giao lưu kinh tế luôn diễn ra sôi động, các loại hình kinh tế được khuyến khích phát triển đã thu hút được nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đến hợp tác và đầu tư tại Lào Cai. Hằng năm, khoảng 300 000 lượt khách đến tham quan, du lịch và tìm cơ hội đầu tư, hợp tác phát triển kinh tế.

Thị xã Lào Cai sẽ trở thành Thành phố Lào Cai vào năm 2005 và đạt được các tiêu chí của một thành phố theo hướng hiện đại văn minh, giàu đẹp. Cụ thể là:

✪ Phát huy các nguồn lực nhằm đẩy mạnh chỉnh trang, phát triển đô thị, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển xã hội.

✪ Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phân cấp quản lý đất đai, vỉa hè, lòng đường

✪ Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, lấy tổ dân phố và tổ an ninh ở cơ sở làm nòng cốt, phát huy sâu rộng phong trào toàn dân tham gia phòng chống tội phạm.

✪ Đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, tiến hành rà soát lại toàn bộ những cơ sở kinh doanh thuộc lĩnh vực kinh doanh có điều kiện.

✪ Trong những năm qua, công tác phòng chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện. Thị xã đã có những nghị quyết chuyên đề, những chương trình về phòng chống ma túy, cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện.

✪ Công tác tuyên truyền đã được các cấp các ngành quan tâm tổ chức thực hiện.

✪ Công tác tổ chức cai nghiện ma túy cho đối tượng nghiện ma túy bước đầu đã được triển khai có hiệu quả.

Digitized by Google

930

BỆNH VIỆN TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Đường Lý Công Uẩn - P. Kim Liên - TX. Lào Cai - T. Lào Cai
ĐT: 020 842 345 * Fax: 020 844 541 * Giám đốc: BS TRẦN VĂN LAI



Máy CT Seauner 300 T chụp cắt lớp chuẩn đoán chấn thương

Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai được tái thành lập từ tháng 7-1995. Lúc mới thành lập chỉ có 150 giường bệnh nhưng bệnh viện nỗ lực đáp ứng nhiệm vụ của bệnh viện tuyến tỉnh.

Trước nhu cầu về khám và chữa bệnh của nhân dân ngày càng tăng, bệnh viện được Bộ Y tế và UBND tỉnh tăng quy mô lên 250 giường bệnh.

- **VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT:** Được xây dựng liên hoàn tương đối khang trang và sạch đẹp.

- **VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ:** Tất cả có 170 cán bộ, trong đó có 40 bác sĩ, 2 dược sĩ đại học và đội ngũ điều dưỡng, kỹ thuật viên y dược và y công.



Chăm sóc trẻ sơ sinh đặc biệt trong lồng kính



Hệ thống máy nội soi

- **VỀ TRANG THIẾT BỊ:**

Bệnh viện được Chính phủ Pháp viện trợ không hoàn lại trị giá 1 triệu USD để mua máy móc trang thiết bị ở các lĩnh vực: xét nghiệm, hồi sức cấp cứu, gây mê phẫu thuật, các thiết bị hấp sấy tiệt trùng; được Bộ Y tế trang bị máy chụp cắt-lớp Citi Scanner, được Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Chương trình Phòng chống sốt rét trang bị các thiết bị cho khoa sản, nhi, truyền nhiễm, chuyên khoa lẻ...

Đến nay, bệnh viện được trang bị tương đối hoàn hảo và đồng bộ. Nhờ có các máy móc, thiết bị, đội ngũ cán bộ của bệnh viện đã có đủ điều kiện trong việc khám chữa bệnh cho nhân dân. Hằng năm, bệnh viện khám chữa bệnh cho gần 100 000 lượt người, chữa bệnh cho gần 15 000 lượt bệnh nhân; thực hiện được tất cả các dịch vụ của bệnh viện tuyến tỉnh, kể cả phẫu thuật thần kinh.

Bệnh viện Lào Cai ngày càng phát triển, thực sự là một địa chỉ đáng tin cậy đáp ứng được nhu cầu khám và chữa bệnh của nhân dân.

Digitized by Google

HX
1
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
JAN 16 2004

32
11-2003

Digitized by [illegible]

TRUNG TÂM TIN HỌC VÀ NGOẠI NGỮ ĐỒNG NAI

Cơ sở 1: 318 quốc lộ I, phường Trung Dũng, Biên Hòa, Đồng Nai
Cơ sở 2: 400 quốc lộ I, phường Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: 061.825 383, 917 316 * Fax: 061.827 250

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngoài các lớp tin học với cấp độ A, B và các lớp ngoại ngữ với 3 cấp độ A, B, C, Trung tâm ngoại ngữ đã mở thêm các lớp chuyên:

- Internet: Sử dụng Internet, HTML, FRONT PAGE.
- Phần cứng máy tính: Lắp ráp và cài đặt máy tính.
- Đồ họa: Photoshop, Corel Draw.
- Thiết kế mỹ thuật: Autocad, sap 2000, Orcad

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO DÀI HẠN

- Cử nhân tin học (hệ 4-5 năm)
- Kỹ sư bằng 2 ngành Tin học (hệ 2,5-3 năm)
- Cử nhân Anh văn (hệ 2năm)
- Trung cấp Tin học (hệ 18 tháng)



- Trung cấp tin học-kế toán (hệ 18 tháng)
- Chuyên viên công nghệ thông tin (2,5năm)
- Cử nhân cao đẳng tin học (hệ 3 năm)
- Trung cấp tin học (hệ 24 tháng)
- Trung cấp tin học kế toán



TRUNG TÂM HIỆN ĐANG LIÊN KẾT VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI, ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN TP. HỒ CHÍ MINH, ĐẠI HỌC LẠC HỒNG, VIỆN PHÁT TRIỂN CNTT TP. HỒ CHÍ MINH

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 695

32
11-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Lễ hội 95 năm Trường Buổi - Chu Văn An, Hà Nội

*Ảnh : **Phạm Tiến Lực***

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN VĂN CHI - Ngành kiểm tra của Đảng: 55 năm xây dựng và trưởng thành 3

NGUYỄN HỒNG QUÂN - Tăng cường quản lý nhà nước về xây dựng đáp ứng tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 7

ĐẶNG HUỲNH MAI - Nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục 12

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

THANG VĂN PHÚC - Nâng cao chất lượng công tác giáo dục đạo đức công chức trong điều kiện cải cách hành chính nhà nước 17

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN - Hiện đại hoá công nghệ ngân hàng phục vụ nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa 21

NGỌC HỒ - Tiến tới một xã hội học tập 26

LÊ THÀNH NGHỊ - Cần có thêm những tác phẩm văn học viết về chiến tranh cách mạng 31

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN CHÍ ĐỊNH - Công nghiệp Đồng Nai: Thành tựu và vấn đề đặt ra 35

NGUYỄN THỊ VY - Đà Nẵng thức dậy những tiềm năng 39

BÙI VĂN NGẦN - Nâng cao hiệu qủa phòng cháy và chữa cháy trong giai đoạn hiện nay 43

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ CƠ SỞ

NHẬT TÂN - Hà Nội sau 5 năm xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở 46

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

ĐINH LÊ - Của người - phúc ai 51

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

CHĂN-THA-VÔNG PHUN-THI-BUA-THOONG - LÊ MINH QUÂN - Một số vấn đề về công tác chính trị - tư tưởng của Đảng Nhân dân cách mạng Lào trong giai đoạn hiện nay 52

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

GIÔN PHÔ-XTƠ - Chủ nghĩa đế quốc và cuộc chiến vì dầu lửa 57

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN, THỰC TIỄN

*** Tổng quan kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2003 62

*** Các chỉ số đánh giá phát triển kinh tế - xã hội 63

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ВАН ТЬИ: Инспекционная отрасль Партии: 55 лет становления и возмужания. НГУЕН ХОНГ КУАН: Усиление государственного управления в области строительства за удовлетворение требованиям курса индустриализации, модернизации страны. ДАНГ ХУИНЬ МАЙ: Наиболее повышать качество отряда учителей и кадров-управляющих образовательной работой. ТХАНГ ВАН ФУК: Повышение качества работы по нравственному воспитанию для государственных служащих в условиях государственно-административных реформ. НГУЕН ТХИ ФЫОНГ ЛИЕН: Модернизация банковских технологий для экономики по направлению индустриализации, модернизации. НГОК ХО: К обществу учёбы. ЛЕ ТХАНЬ НГИ: Должно быть больше литературных произведений о революционной войне. НГУЕН ТЬИ ДИНЬ: Промышленность провинции Донгнай – достижения и некоторые поставленные вопросы. НГУЕН ТХИ ВИ: Город Дананг пробуждает потенциальные возможности. БУЙ ВАН НГАН: Повышение эффективности работы по предупреждению пожаров и противопожарной работы на данном этапе. НЬЯТ ТАН: Ханой за 5 лет создания и осуществления Статуса о демократии на местах. ЧАН ТХА ВОНГ ФУН ТХИ БУА ТХООНГ – ЛЕ МИНЬ КУАН: Некоторые проблемы по политико-идеологической работе Лаосской Народно-революционной Партии на данном этапе.

CONTENTS

NGUYỄN VĂN CHI: The inspection branch of the Party: 50 years being strengthened and growing up. NGUYỄN HỒNG QUÂN: Increasing State's management of construction to meet demands of the country's course of industrialisation, modernisation. ĐẶNG HUỲNH MAI: Enhancing more quality of the contingent of teachers and cadres of education management. THANG VĂN PHÚC: Enhancing quality of education of government employees' morality in circumstances with state administrative reforms. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN: Modernising bank technology for the sake of the economy in direction of industrialisation, modernisation. NGỌC HỒ: Advancing to a learning society. LÊ THÀNH NGHỊ: There must be more literature works on the revolutionary war. NGUYỄN CHÍ ĐỊNH: Đồng Nai province's industry: achievements and some put-forward issues. NGUYỄN THỊ VY: Đà Nẵng excites its potentials. BÙI VĂN NGẤN: Enhancing efficiency of fire prevention and extinguishing in the present period. NHẬT TÂN: Hanoi after 5 years building and implementing the Grassroots Democratic Status. CHANTHAVONG PHUNTHIBUATHOONG - LÊ MINH QUÂN: Some issues regarding political-ideological works of the Laos People's Revolutionary Party at the present stage.

SOMMAIRE

NGUYỄN VĂN CHI: La branche de contrôle du Parti : 55 années d'édification et de maturité. NGUYỄN HỒNG QUÂN: Renforcer la gestion étatique dans la construction pour répondre aux besoins du processus d'industrialisation et de modernisation du pays. ĐẶNG HUỲNH MAI: Elever davantage la qualité du contingent d'enseignants et de cadres gestionnaires d'éducation. THANG VĂN PHÚC: Améliorer la qualité de l'éducation éthique des fonctionnaires dans la réforme administrative publique. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN: Moderniser les technologies bancaires au service de l'économie en cours d'industrialisation et de modernisation. NGỌC HỒ: Vers une société d'études. LÊ THÀNH NGHỊ: Il faut créer davantage d'ouvrages littéraires sur la guerre révolutionnaire. NGUYỄN CHÍ ĐỊNH: L'industrie de Đồng Nai: réalisations et problèmes soulevés. NGUYỄN THỊ VY: Đà Nẵng réveille ses potentiels. BÙI VĂN NGẤN: Améliorer l'efficacité de la prévention et l'extinction de l'incendie à l'étape actuelle. NHẬT TÂN: Hanoi aprés 5 années d'édification et d'application du Règlement de démocratie à la base. CHANTHAVONG PHUNTHIBUATHOONG – LÊ MINH QUÂN: Quelques questions sur le travail politique et idéologique du Parti populaire révolutionnaire du Laos à l'heure actuelle.

SUMARIO

NGUYỄN VĂN CHI: La rama de control del Partido: 55 años de construcción y crecimiento. NGUYỄN HỒNG QUÂN: Intensificar la gestión estatal sobre la construcción para responder el proceso de industrialización y modernización nacional. ĐẶNG HUỲNH MAI: Aumentar aún más la calidad del cuerpo de profesores y cuadros de gestión de la educación. THANG VĂN PHÚC: Elevar la calidad de educación sobre la moral de funcionarios en las condiciones de la reforma administrativa estatal. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN: Modernizar la tecnología bancaria en servicio de la economía a orientación de industrialización y modernización. NGỌC HỒ: Avanzar a una sociedad de estudio. LÊ THÀNH NGHỊ: Hay que crear más las obras literarias sobre la guerra revolucionaria. NGUYỄN CHÍ ĐỊNH: La industria de la provincia de Đồng Nai: Logros y algunos problemas planteados. NGUYỄN THỊ VY: La ciudad de Đà Nẵng y su despertamiento de potencialidades latentes. BÙI VĂN NGẤN: Elevar la eficiencia de la prevención y la lucha contra el incendio en la actualidad. NHẬT TÂN: Hanoi después de 5 años de construcción y cumplimiento de las Normas de Democracia en la base. CHANTHAVONG PHUNTHIBUATHOONG - LÊ MINH QUÂN: Ciertas cuestiones sobre el trabajo político-ideológico del Partido Popular Revolucionario Lao en la actualidad.

目录

•阮文之：党的检查工作：55年建设及成长•阮红军：加强有关建设的国家管理以满足国家工业化、现代化的进程•邓黄梅：进一步提高师资队伍及教育管理干部的质量•汤文福：在国家行政改革的条件下，进一步提高对公务人员进行道德教育工作的质量•阮氏方莲：把现代化科技应用于银行营运中，为按工业化、现代化方向发展的经济服务•玉胡：向提高全社会人民素质的方向而迈进•黎成议：需要更多的描述革命战争的文学作品•阮志定：同奈省的工业：成就及面临的一些问题•阮诗韦：唤醒岘港市的潜力•裴文垠：提高现阶段消防的效果•日新：河内5年来建设及落实基层民主制度• CHANTHAVONG PHUNTHIBUATHOONG —黎明军：在目前阶段中老挝革命人民党政治思想工作的一些问题

Digitized by Google

NGÀNH KIỂM TRA CỦA ĐẢNG: 55 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

NGUYỄN VĂN CHI *

KIỂM tra là một chức năng lãnh đạo của Đảng, là bộ phận quan trọng của toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc tầm quan trọng và thực hiện nghiêm ngặt công tác kiểm tra, giữ gìn kỷ luật trong Đảng. Điều lệ Đảng năm 1930 quy định rõ: "Tất cả đảng viên đều phải chấp hành các nghị quyết của Q.T của Đảng Đại hội, của T.Ư và của các thượng cấp cơ quan. (...). Các cấp ủy viên có thể đặt ra đặc biệt ủy viên để tra xét những vấn đề phạm đến kỷ luật của Đảng"(1).

Trong các thời kỳ cách mạng, lúc cao trào hay thoái trào, cả khi thuận lợi hoặc vào những thời điểm khó khăn, những bước ngoặt trên con đường cách mạng, Đảng ta luôn chú ý đến công tác kiểm tra. Thời kỳ Đảng ta hoạt động bí mật (1930 - 1945), càng trong tình thế cực kỳ khó khăn, nguy hiểm, nhiều khi vận mệnh cách mạng như "nghìn cân treo sợi tóc", công tác kiểm tra càng được Đảng ta quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện một cách thường xuyên, nghiêm túc. Chính vì vậy, đường lối, chủ trương, chỉ thị của Đảng được thực hiện tốt, phong trào cách mạng phát triển, giữ gìn được cơ sở cách mạng, bảo vệ được cán bộ. Điều đó cắt nghĩa tại sao mới 15 tuổi, với gần 5 000 đảng viên, trong điều kiện muôn vàn khó khăn, thử thách, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, giành được độc lập, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, trước sự phát triển mạnh mẽ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16-10-1948, tại chiến khu Việt Bắc, Ban Thường vụ Trung ương Đảng (khóa I) ra Quyết nghị số 29-QN/TU thành lập Ban Kiểm tra Trung ương - cơ quan kiểm tra chuyên trách đầu tiên của Đảng. Quyết nghị ghi rõ: "Đảng ta hiện đương lãnh đạo cuộc kháng chiến và kiến quốc của dân tộc. Phong trào mỗi ngày một tiến nên công việc của Đảng mỗi ngày một phức tạp. Mỗi việc của Đảng cần phải thấu suốt từ trên xuống dưới, chính sách của Đảng phải được thi hành đầy đủ. Vì vậy, Trung ương quyết định thành lập Ban Kiểm tra đi xuống các khu xét xem chủ trương của Đảng có được thi hành và có sát đúng không, đồng thời xem xét sự thi hành kỷ luật trong Đảng để thu nhặt kinh nghiệm, giúp

---

* Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

(1) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, t 2, tr 127

Digitized by Google

Trung ương bổ khuyết chính sách của Đảng"[2]. Trải qua 55 năm phấn đấu, xây dựng, ngành kiểm tra của Đảng đã từng bước trưởng thành. Từ ngày đầu thành lập, Ban Kiểm tra Trung ương chỉ có ba thành viên và một số cán bộ giúp việc, đến nay Ủy ban Kiểm tra đã được thành lập từ Trung ương đến cơ sở với đội ngũ hơn 5 700 cán bộ kiểm tra chuyên trách, trên 57 300 cán bộ kiểm tra kiêm chức không ngừng được nâng cao trình độ về văn hóa, lý luận chính trị, quản lý kinh tế, xã hội, pháp luật và nghiệp vụ công tác kiểm tra. Qua các thời kỳ cách mạng, đội ngũ các thế hệ cán bộ kiểm tra luôn tuyệt đối trung thành và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nội bộ đoàn kết, vượt qua gian khổ, khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Qua các kỳ Đại hội của Đảng, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp quy định trong Điều lệ Đảng ngày càng cụ thể. Từ một số nhiệm vụ phục vụ cấp ủy kiểm tra việc thực hiện đường lối kháng chiến kiến quốc, xem xét những việc bất thường xảy ra, đến kiểm tra những vụ đảng viên làm trái Điều lệ, vi phạm kỷ luật của Đảng, trái với đạo đức cách mạng và pháp luật của Nhà nước; tăng cường kiểm tra thực hiện chỉ thị, nghị quyết, thường gọi là kiểm tra chấp hành; kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết thư tố cáo và khiếu nại kỷ luật của tổ chức đảng và đảng viên; xử lý và giúp cấp ủy xử lý kỷ luật trong Đảng; kiểm tra tài chính của Đảng. Điều lệ Đảng do Đại hội VIII của Đảng thông qua quy định tăng thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với đảng viên cho Ủy ban Kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên; quy định cơ quan ủy ban kiểm tra cấp trên cùng với việc hướng dẫn, đôn đốc, có thêm nhiệm vụ chỉ đạo ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định, ủy ban kiểm tra các cấp còn chủ động, tham gia và tích cực phục vụ nhiều cuộc vận động lớn làm trong sạch, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng như: cuộc vận động *"ba xây, ba chống"*; về chống và bài trừ tệ lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa; về kiểm tra thực hiện *"chế độ lãnh đạo có kiểm tra"*; về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng; thực hiện cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội; thực hiện tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng (khóa VII); thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Từ sau Đại hội IX của Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã tham mưu, đề xuất chương trình kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác cán bộ, về xây dựng cơ bản và quản lý, sử dụng đất đai; đề xuất và chủ trì, phối hợp triển khai trong toàn Đảng kế hoạch của Ban Bí thư kiểm tra việc lãnh đạo, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm; thực hiện kết luận hai cuộc kiểm tra năm 2002 và kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Bám sát nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng, phục vụ đắc lực nhiệm vụ xây dựng Đảng, công tác kiểm tra của Đảng đã tập trung kiểm tra tổ chức cơ sở đảng, các cấp ủy và đảng viên. Thông qua đó, đánh giá việc thực hiện và vận dụng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực tiễn; định hướng nhiệm vụ, phương pháp lãnh đạo, lề lối công tác của các cấp ủy và tổ chức cơ sở đảng; đánh giá bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng,

(2) *Văn kiện đd*, tr 369

Digitized by Google

tác phong công tác, lối sống của cán bộ, đảng viên. Nhờ coi trọng công tác kiểm tra nên kỷ cương, kỷ luật, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng được bảo vệ và tăng cường, làm cho tổ chức đảng ngày thêm vững mạnh, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo và đoàn kết nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ cách mạng. Công tác kiểm tra đã góp phần rèn luyện, sàng lọc đội ngũ đảng viên, giáo dục cho mỗi cán bộ, đảng viên dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng luôn giữ tròn khí tiết, bản lĩnh người đảng viên cộng sản, đạo đức cách mạng, trung thành với Đảng, tận tụy với nhân dân, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Không chỉ phát hiện, xử lý cái sai, đưa những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng, công tác kiểm tra còn góp phần phát hiện, xây dựng cái mới, cái tốt, cái tiến bộ, khẳng định và tổng kết kinh nghiệm, nhân rộng những điển hình tiên tiến, xuất sắc. Những việc làm đó đã góp phần nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng, tạo sự thống nhất trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong xử lý những vấn đề bức xúc, nổi cộm ở các địa phương, đơn vị; cảnh tỉnh, răn đe, ngăn chặn một bước những tiêu cực của cán bộ, đảng viên trong đạo đức, lối sống; củng cố và tăng cường đoàn kết nội bộ.

Thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, ủy ban kiểm tra và đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp qua các thời kỳ đã luôn thể hiện được tư tưởng chỉ đạo trong hoạt động công tác kiểm tra là ***"chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả"*** với phương châm ***"công minh, chính xác, kịp thời"***. Vai trò và vị thế của ủy ban kiểm tra các cấp đã từng bước được nâng cao, góp phần quan trọng vào thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng; đáp ứng những đòi hỏi của tình hình, nâng cao uy tín của Đảng, thắt chặt mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Hơn nửa thế kỷ, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, các thế hệ cán bộ kiểm tra của Đảng đã xây đắp nên truyền thống vẻ vang: **"Tuyệt đối trung thành với Đảng, tận tụy với nhiệm vụ, trung thực, liêm khiết, đoàn kết, kỷ luật"**, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhìn lại chặng đường đã qua, công tác kiểm tra của Đảng đã đúc kết được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu; đã và đang tiếp tục được thực tiễn cách mạng nước ta kiểm nghiệm, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của Đảng. Xin nêu một số bài học kinh nghiệm quan trọng sau đây:

1 - Kiểm tra là một chức năng lãnh đạo của Đảng, đã lãnh đạo thì phải có kiểm tra; công tác kiểm tra có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng, là nhiệm vụ của toàn Đảng, trước hết là của các cấp ủy

Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát: Đã lãnh đạo phải có kiểm tra; lãnh đạo mà không có kiểm tra thì cũng coi như chưa lãnh đạo. Hai mặt này liên quan mật thiết với nhau, không thể coi nhẹ mặt nào. Công tác kiểm tra của Đảng có nội dung và phạm vi rất rộng, xuyên suốt mọi mặt công tác của Đảng. Nó là một bộ phận không thể tách rời công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác dân vận, bảo vệ chính trị nội bộ và thanh tra nhà nước, v.v.. nhằm thực hiện tốt đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Qua thực tiễn, công tác kiểm tra góp phần tích cực vào việc bổ sung, hoàn thiện, uốn nắn và nâng cao chất lượng các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Điều quan trọng nữa là, công tác kiểm tra góp phần vào việc chống chủ nghĩa quan liêu, mở rộng dân chủ, phát hiện và nhân lên những nhân tố mới, tích cực, khắc phục và ngăn chặn những sai lầm, khuyết điểm. Thực tiễn những năm qua cho thấy, đất nước càng mở cửa, càng đi vào kinh tế thị trường thì vai trò kiểm tra, kiểm soát của Đảng và thanh tra của Nhà nước càng được coi trọng

Digitized by Google

hơn bao giờ hết. Ở đâu, lúc nào cấp ủy coi trọng và làm tốt công tác kiểm tra thì ở đó, nơi đó việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị đạt kết quả tốt, nội bộ Đảng đoàn kết thống nhất, kỷ cương được giữ vững, lệch lạc, tiêu cực được ngăn chặn kịp thời.

2 - Cán bộ ngành kiểm tra của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp tuyệt đối trung thành với Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, vừa làm tròn nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng vừa là cơ quan tham mưu giúp cấp ủy và thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao

Tư tưởng chỉ đạo công tác kiểm tra của Đảng là, chủ động kiểm tra, lấy xây là chính, nhân các điển hình tốt. Việc thực hiện đường lối, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng nhiều khi chưa đúng đắn, yếu kém chính là do không chủ động, thường xuyên thực hiện tốt khâu kiểm tra. Do vậy, để khắc phục tình trạng yếu kém đó, sau khi có nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các cấp ủy cần có kế hoạch tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện, triển khai. Công tác kiểm tra cần được tiến hành một cách thường xuyên, nền nếp như "rửa mặt hằng ngày", không thụ động, ngồi chờ, chạy theo những vụ việc đã xảy ra. Thường xuyên, chủ động nắm chắc tình hình hoạt động của các tổ chức đảng cấp dưới, của đội ngũ đảng viên, tức là tạo sự chủ động khi kiểm tra. Tính giáo dục trong công tác kiểm tra của Đảng được thể hiện ở mục đích của nó là thúc đẩy các tổ chức đảng, đảng viên làm tròn trách nhiệm, bổn phận, gương mẫu trước quần chúng; thể hiện ở sự phát huy cao nhất tinh thần tự giác; phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, rút ra những bài học kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

Đảng ta là đảng cầm quyền. Cán bộ, đảng viên là những công dân, luôn gắn với nhiệm vụ chính trị, quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội. Do đó, pháp luật và các quy định của Nhà nước cũng là cơ sở chuẩn mực để đánh giá khi kiểm tra, kết luận đối với tổ chức đảng, phát huy tinh thần tự giác của tổ chức đảng và đảng viên. Trong công tác kiểm tra, cần thực hiện tốt các phương pháp cơ bản: dựa vào tổ chức đảng, phát huy tinh thần tự giác của tổ chức đảng và đảng viên, vai trò xây dựng Đảng của quần chúng và làm tốt công tác thẩm tra xác minh. Hiện nay, nhiều đảng viên thiếu tự giác thừa nhận sai lầm, khuyết điểm của mình, tổ chức cơ sở đảng nhiều nơi yếu kém, hữu khuynh nên phải đặc biệt coi trọng thẩm tra, xác minh. Việc lựa chọn biện pháp thích hợp là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến kết quả kiểm tra nên cần được cân nhắc, áp dụng đúng mức và kịp thời. Cần xử lý đúng mức sau khi có kết luận qua kiểm tra. Phải xử lý đồng bộ cả về kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật hành chính, đoàn thể bảo đảm nghiêm minh, công bằng trong xử lý những vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên.

3 - Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy và phát huy vai trò của ủy ban kiểm tra các cấp trong công tác kiểm tra của Đảng

Ủy ban kiểm tra các cấp được Điều lệ Đảng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, là một trong những cơ quan trực tiếp tiến hành công tác kiểm tra và tham mưu cho cấp ủy. Vì vậy, cấp ủy các cấp phải thường xuyên quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để ủy ban kiểm tra nâng cao chất lượng hoạt động, chăm lo ngày một tốt hơn điều kiện vật chất, tinh thần của đội ngũ cán bộ kiểm tra. Ủy ban kiểm tra các cấp cần phát huy vai trò nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ cấp ủy giao. Tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên là kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu

(Xem tiếp trang 16)

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG ĐÁP ỨNG TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN HỒNG QUÂN *

NGÀNH xây dựng được đánh giá là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, là lực lượng chủ yếu trong việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010* đề ra *định hướng phát triển của ngành xây dựng* là: *"Phát triển ngành xây dựng* đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đáp ứng nhu cầu xây dựng trong nước và có năng lực đấu thầu công trình xây dựng ở nước ngoài. Ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng và hiệu lực quy hoạch, năng lực thiết kế, xây dựng và thẩm mỹ kiến trúc. Phát triển các hoạt động tư vấn và các doanh nghiệp xây dựng, trong đó chú trọng các doanh nghiệp mạnh theo từng lĩnh vực thủy điện, thủy lợi, cảng, cầu đường... Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc và xây dựng"(1).

Thực hiện định hướng đó, Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng đã xây dựng và triển khai sâu rộng Chương trình hành động đến các sở, các cơ quan, doanh nghiệp nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn ngành. Bộ Xây dựng đã nỗ lực phấn đấu trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của ngành; trong đó, tập trung vào *3 lĩnh vực trọng tâm tạo bước đột phá trong trong hoạt động của ngành là* quy hoạch xây dựng; quản lý chất lượng xây dựng; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước. Do vậy, sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), ngành xây dựng đã đóng góp đáng kể vào những thành tựu to lớn và quan trọng của sự nghiệp đổi mới đất nước.

1 - Về công tác quy hoạch xây dựng

Trước nhu cầu phát triển nhanh của đất nước, để bảo đảm đầu tư xây dựng có hiệu quả và phát triển bền vững, Bộ Xây dựng xác định công tác quy hoạch phải đi trước một bước, phải đảm bảo tính định hướng, tính chất vùng và địa phương, tính hệ thống và đồng bộ; quy hoạch xây dựng phải kết hợp yêu cầu trước mắt và lâu dài của phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Theo đó, Bộ Xây dựng chỉ đạo xây dựng các định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị; định hướng phát triển kiến trúc, trong

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 175

Digitized by Google

đó nhấn mạnh tầm quan trọng về thiết kế đô thị; định hướng xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước); chiến lược quản lý chất thải rắn tại các đô thị và khu công nghiệp đến năm 2020. Bộ Xây dựng đã tập trung xây dựng quy hoạch các vùng kinh tế trọng điểm, đặc biệt là tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng..., và gần đây là quy hoạch vùng kinh tế của Thủ đô. Hiện cả nước có 86 thành phố, thị xã đã có quy hoạch xây dựng đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; khoảng 430 thị trấn trong tổng số 570 thị trấn (chiếm 75%), 18 khu kinh tế cửa khẩu, 104 khu công nghiệp, khu chế xuất đã lập và thực hiện quy hoạch xây dựng. Nhiều địa phương làm tốt công tác quy hoạch xây dựng như Bắc Ninh, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Đồng Nai, Bình Dương... Mạng lưới đô thị quốc gia đã được sắp xếp lại, bao gồm hệ thống đô thị hiện có và đô thị mới phát triển; gồm 2 thành phố loại đặc biệt, 2 thành phố loại I, 10 thành phố loại II, 13 đô thị loại III, 19 đô thị loại IV, và 570 đô thị loại V cùng với các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu đã góp phần tạo ra động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở cả hai khu vực đô thị và nông thôn.

Bằng nhiều nguồn vốn trong nước và các nguồn vốn nước ngoài, hầu hết các thăhh phố, thị xã đã có các dự án cấp nước sạch và đang tích cực triển khai dự án cấp nước cho các thị trấn lớn, các khu đô thị mới, các cụm dân cư tập trung. Công tác thoát nước và vệ sinh môi trường, xử lý chất thải rắn được chú trọng và có chuyển biến tích cực. Một số dự án quy mô lớn đang được đầu tư xây dựng ở các thành phố trực thuộc trung ương, bước đầu đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực.

Nhằm tạo ra bước đột phá trong việc giải quyết nhu cầu bức xúc về nhà ở cho dân cư đô thị, Bộ Xây dựng chỉ đạo các đơn vị trong ngành, các địa phương huy động mọi nguồn vốn cho đầu tư và phát triển các khu đô thị mới. Số lượng các dự án về phát triển nhà ở đô thị tăng nhanh. Hằng năm, việc xây dựng nhà ở tại Hà Nội đạt từ 1,2 đến 1,5 triệu m^2 sàn; Thành phố Hồ Chí Minh đạt khoảng từ 2 đến 2,5 triệu m^2 sàn. Các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng đang triển khai 126 dự án ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương..., với tổng mức đầu tư khoảng 26 820 tỉ đồng; mỗi năm đưa vào sử dụng khoảng từ 400 000 đến 450 000 m^2 sàn. Năm 2002, diện tích nhà ở khu đô thị bình quân đạt 8 m^2/người; dự kiến đến năm 2005, đạt 9 m^2/người; phấn đấu đến năm 2010 đạt chỉ tiêu Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra (100% số hộ đô thị có nhà ở, bình quân từ 10 đến 12 m^2/người). Quản lý và phát triển nhà ở là một lĩnh vực luôn phức tạp và nhạy cảm. Để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương đẩy nhanh tiến độ đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, trước hết là nhà ở đô thị; sửa đổi các quy định về việc chuyển quyền sở hữu nhà, thúc đẩy quá trình bán nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước; mở rộng các hình thức kinh doanh nhà ở đô thị, từng bước hình thành cơ chế quản lý thị trường bất động sản, bao gồm cả thị trường quyền sử dụng đất, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7, khóa IX. Đặc biệt, Bộ Xây dựng đã tiến hành triển khai chính sách hỗ trợ, cải thiện nhà ở đối với những người tham gia cách mạng trước tháng Tám năm 1945; chương trình hỗ trợ nhà ở cho đồng bào dân tộc và miền núi; người nghèo ở đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

Quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng là đẩy nhanh tiến độ xây dựng các nhà máy xi-măng và phát triển các ngành sản xuất vật liệu xây dựng khác... phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, Bộ Xây dựng

Digitized by Google

đã chỉ đạo lập quy hoạch phát triển trong toàn quốc, từng vùng lãnh thổ và từng địa phương. Đến nay, đã hoàn thành và trình Chính phủ phê duyệt các quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng (vật liệu xây dựng chuyên ngành, vật liệu xây dựng ở các vùng kinh tế); điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp xi-măng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Trên cơ sở đó, thu hút được nhiều doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, đáp ứng nhu cầu phát triển xây dựng.

2 - Về quản lý chất lượng xây dựng

Nếu công tác quản lý quy hoạch là tiền đề cho việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về xây dựng thì quản lý xây dựng là nhiệm vụ trọng tâm của tất cả các khâu trong quá trình hoạt động đầu tư xây dựng; trong đó, then chốt là quản lý chất lượng xây dựng. Những năm qua, việc tăng cường quản lý chất lượng xây dựng, chống lãng phí, thất thoát, tham nhũng trong đầu tư xây dựng là một trong những vấn đề được Đảng, Nhà nước và nhân dân đặc biệt quan tâm. Chính phủ coi đây là một công tác trọng tâm trong chương trình công tác hằng năm... Với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước nhân dân cả nước, Bộ Xây dựng đã chủ động thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các hoạt động xây dựng, đặc biệt đã tập trung chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung để nhanh chóng hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng); mở rộng phân cấp, xác định rõ quyền và trách nhiệm của các chủ thể tham gia đầu tư xây dựng; đồng thời, nêu cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng. Đó là những nhân tố quyết định trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng công trình, hiệu quả đầu tư, chống lãng phí, thất thoát trong xây dựng.

Ngành xây dựng đã tích cực tiếp nhận công nghệ mới, trang bị thêm nhiều thiết bị hiện đại, từng bước đáp ứng được nhu cầu phát triển trong các lĩnh vực xây dựng, có thể đảm đương việc quản lý, tư vấn, thiết kế, thi công những công trình có quy mô lớn và công nghệ hiện đại; tạo ra sự thay đổi căn bản về chất trong hoạt động xây dựng. Năng lực giao, nhận thầu, kể cả quản lý hợp đồng tổng thầu và các hình thức đầu tư xây dựng trong và ngoài nước có tiến bộ vượt bậc. Từ chỗ bị động, *"làm thuê "* là chính, đến nay các doanh nghiệp đã chủ động vươn lên thành các chủ đầu tư của nhiều dự án lớn (xi-măng, thủy điện, cầu đường, khu công nghiệp...). Một số doanh nghiệp đã làm tổng thầu các dự án lớn, như Dự án Nhiệt điện Uông Bí (Tổng Công ty Sông Đà), Dự án Thủy điện Na Hang (Tổng Công ty Lắp máy LILAMA); nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư các dự án mới ở một số lĩnh vực khác nhau. Giá trị sản lượng xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp của ngành xây dựng cả nước tăng cao: năm 2001 đạt hơn 51 nghìn tỉ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ, trong đó doanh nghiệp nhà nước đạt 34 nghìn tỉ đồng; năm 2002 đạt hơn 58 nghìn tỉ đồng, tăng 13,3%, trong đó doanh nghiệp nhà nước đạt gần 39 nghìn tỉ đồng; 6 tháng đầu năm 2003 đạt gần 33 nghìn tỉ đồng, tăng 15%, trong đó doanh nghiệp nhà nước đạt gần 22 nghìn tỉ đồng. Điều đó đã tạo được sự tin tưởng của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với Bộ Xây dựng. Chính vì vậy, Bộ đã được trực tiếp chỉ đạo một số công trình trọng điểm của Nhà nước, các doanh nghiệp trực thuộc được giao đầu tư, xây dựng hoặc nhận thầu xây dựng ở hầu hết các công trình trọng điểm của Nhà nước, các công trình của các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, cũng như của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

Do tập trung đầu tư có trọng điểm bằng công nghệ hiện đại nên chất lượng và tỷ lệ nội

Digitized by Google

địa hóa một số sản phẩm của ngành được nâng cao. Chẳng hạn, đã nội địa hóa 90% số vật liệu xây dựng từ 55 đến 60% số thiết bị cho nhà máy xi-măng, gần 100% số thiết bị cho sản xuất gạch tuy-nen, tấm lợp. Tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp vật liệu xây dựng và cơ khí xây dựng cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của công nghiệp cả nước. Giá trị sản lượng toàn ngành năm 2001 đạt hơn 28 nghìn tỉ đồng, tăng 15% so với năm 2000; năm 2002 đạt hơn 32,6 nghìn tỉ đồng, tăng 15,5% so với năm 2001; 6 tháng đầu năm 2003 đạt gần 18 nghìn tỉ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2002; riêng các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng năm 2001 đạt hơn 10 tỉ đồng, tăng 10,6%, năm 2002 đạt 13,3 nghìn tỉ đồng, tăng 33,1%, 6 tháng đầu năm 2003 đạt hơn 8 nghìn tỉ đồng tăng 30%. Sản phẩm vật liệu xây dựng, cơ khí xây dựng do ngành xây dựng sản xuất ra đã chiếm lĩnh được thị trường trong nước và thay thế được nhiều mặt hàng xây dựng phải nhập từ nước ngoài và đã xuất khẩu sang 26 nước trong khu vực và thế giới; nhiều thương hiệu đã có chỗ đứng và uy tín trên thị trường quốc tế. Năm 2003, sản lượng xi-măng có thể đạt 23 triệu tấn, dự kiến năm 2005 đạt 25 triệu tấn, hoàn thành chỉ tiêu sản xuất 24,5 triệu tấn xi- măng do Đại hội IX của Đảng đề ra.

3 - Đổi mới hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ngành xây dựng

Sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định, là khâu đột phá trong sự phát triển bền vững của ngành xây dựng. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX, Bộ Xây dựng chú trọng phát triển các doanh nghiệp lớn, đi đầu trong hiện đại hóa và cạnh tranh, kinh doanh đa ngành tổng hợp trên trên cơ sở ngành chuyên môn hóa theo phương châm: *đa dạng hóa sản phẩm, ngành nghề; đa dạng hóa sở hữu; đa dạng, đa phương hóa quan hệ;* đồng thời tiến hành thí điểm mô hình "công ty mẹ - công ty con", đẩy mạnh thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Trong hai năm (2001 - 2002), ngành đã hoàn thành cổ phần hóa 28 doanh nghiệp, đang thực hiện cổ phần hóa 19 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp trong ngành đã có nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, hiệu xuất đầu tư, phát huy thế mạnh và lợi thế so sánh; mở rộng thị trường ngoài nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Năm 2002, có 120 doanh nghiệp đạt doanh thu trên 50 tỉ đồng; một số tổng công ty có doanh thu trên 3 000 tỉ đồng. Trong hai năm (2001 - 2002), các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng đã huy động vốn đầu tư đạt 13 845 tỉ đồng, tăng 37% so với tổng vốn đầu tư 5 năm, giai đoạn 1996 - 2000.

Trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo các doanh nghiệp trong ngành đặc biệt chú ý tới khả năng tiêu thụ sản phẩm, khả năng cạnh tranh những mặt hàng cùng loại của các nước thuộc ASEAN; tính toán và thay đổi quy mô sản xuất, cơ cấu đầu tư, đổi mới công nghệ, mẫu mã, đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, dịch vụ nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước và vươn ra thị trường thế giới. Trong khoảng thời gian 2003 đến 2005, giảm thuế một số sản phẩm để khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao chất lượng và đẩy mạnh sản xuất nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước, thu hồi vốn nhanh tạo ra lợi thế cạnh tranh, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng *"thua ngay trên sân nhà"*. Tư tưởng chỉ đạo của Bộ Xây dựng là, ngành xây dựng Việt Nam muốn chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, trước hết từng doanh nghiệp phải mạnh và toàn ngành phải mạnh; trong đó, các tổng công ty nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo.

4 - Một số yếu kém và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động ngành xây dựng

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý và phát triển ngành xây dựng

Digitized by Google

vẫn còn một số hạn chế, yếu kém nhất định. Công tác quy hoạch xây dựng chưa được quan tâm đúng mức, nhất là chất lượng quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch. Việc lập và xét duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 phục vụ trực tiếp cho xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch còn chậm, cả nước mới chỉ có từ 5-10% diện tích đất xây dựng có quy hoạch chi tiết. Tình trạng "quy hoạch treo", xây dựng không phép, sai phép tương đối phổ biến, trật tự xây dựng còn lỏng lẻo. Vốn đảm bảo cho công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý nhà ở và công sở chưa có sự phân cấp rõ, còn chồng chéo, dẫn đến hiệu quả và hiệu lực pháp lý thấp; chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý toàn diện các hoạt động của ngành xây dựng. Điều kiện hành nghề, năng lực nghề nghiệp, năng lực hoạt động xây dựng của nhiều tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng không tương xứng với yêu cầu chuyên môn, kỹ thuật và quy mô và chất lượng công trình. Tình trạng lãng phí, thất thoát, tham nhũng trong đầu tư xây dựng vẫn chưa được ngăn chặn triệt để. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh của một số doanh nghiệp chưa cao, sức cạnh tranh còn hạn chế. Việc sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp trong ngành còn chậm.

Để hoàn thành mục tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và nhiệm vụ đặt ra trong hai năm 2004 và 2005, Bộ Xây dựng xác định 4 nhóm giải pháp chủ yếu, có ý nghĩa đột phá trong công tác quản lý và phát triển ngành như sau:

Một là, đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực xây dựng, trước mắt hoàn chỉnh Dự án Luật Xây dựng trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 4, khóa XI; đồng thời, chuẩn bị trình Chính phủ ban hành đồng bộ các nghị định liên quan đến việc thực hiện Luật Xây dựng sau khi được Quốc hội thông qua. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong xây dựng. Tăng cường kiểm tra chất lượng công trình xây dựng, chống lãng phí, thất thoát, tham nhũng trong xây dựng.

Hai là, tập trung lực lượng và ưu tiên vốn cho quy hoạch xây dựng, tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp lập hồ sơ và thủ tục thẩm định, trình duyệt; phân cấp cho địa phương phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng trên cơ sở tăng cường sự chỉ đạo, kiểm tra của các cơ quan quản lý xây dựng cấp trên. Huy động nhiều nguồn vốn cho công tác quy hoạch. Thực hiện phương châm "xã hội hóa" công tác lập quy hoạch xây dựng; Nhà nước và nhân dân cùng làm quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Ba là, thực hiện quyết liệt việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, trong đó cốt lõi là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng đề án Tập đoàn công nghiệp xi-măng, chuyển một số tổng công ty sang hoạt động theo mô hình "công ty mẹ - công ty con". Từng doanh nghiệp tập trung vào 4 khâu đột phá là: tăng cường hiệu quả sản xuất, kinh doanh; giảm chí phí sản xuất; nâng cao sức cạnh tranh; tăng cường đầu tư để chuẩn bị cho các năm sau, tận dụng cơ hội và đối đầu thách thức trong việc hội nhập kinh tế quốc tế.

Bốn là, nâng cao hiệu quả hệ thống tổ chức quản lý ngành xây dựng trong cả nước, trên nguyên tắc ***đúng chức năng, đủ nhiệm vụ, tăng quyền hạn, rõ trách nhiệm;*** nhất là với cấp quận, huyện và xã, phường. Chú trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, thực hiện mạnh mẽ và kiên quyết việc luân chuyển cán bộ trong toàn ngành. Giải pháp này được Bộ Xây dựng xác định là khâu then chốt, quyết định đến việc tổ chức thực hiện có hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ của ngành trên phạm vi cả nước. ❑

Digitized by Google

NÂNG CAO HƠN NỮA CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

ĐẶNG HUỲNH MAI *

1 - Hiện nay, toàn ngành giáo dục có gần một triệu cán bộ, giáo viên; trong đó, giáo viên bậc học phổ thông và mầm non là 860 000 người; giảng viên đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp: 59 000 người. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp khoảng 100 000 người. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng lao động đông đảo, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, giữ vai trò quyết định đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo của đất nước. Hơn nửa thế kỷ qua, đội ngũ này không ngừng phấn đấu và từng bước trưởng thành cùng sự lớn lên của đất nước; phần lớn trong số họ là những người có tinh thần trách nhiệm, hết lòng hết sức với sự nghiệp "trồng người", luôn gắn bó với nghề ngay cả những lúc khó khăn gian khổ nhất, xứng đáng với lòng tin của cộng đồng và sự tôn vinh của xã hội.

Mặc dù đã nỗ lực không ngừng và thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, song đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục vẫn còn những mặt yếu và hạn chế, chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ của tiến trình phát triển đất nước. Ngoài những hạn chế vốn có của đội ngũ công chức nhà nước, nhà giáo còn những hạn chế do đặc thù nghề nghiệp tạo nên. Giáo dục là lĩnh vực rất nhạy cảm, liên quan đến vận mệnh của từng gia đình trong xã hội. Chuyện lớn chuyện nhỏ của ngành giáo dục, gián tiếp hoặc trực tiếp đều chịu sự chi phối rất lớn của dư luận xã hội. Một số mặt tiêu cực trong ngành giáo dục lâu nay vẫn bùng nhùng chưa có lối gỡ, một phần do chủ quan ngành giáo dục không có biện pháp kiên quyết, còn buông lỏng kỷ cương, phần khác cũng do tác động của những mặt trái của cơ chế thị trường làm vẩn đục không gian giáo dục.

Sự đòi hỏi rất cao của xã hội đối với sản phẩm của nhà trường là phải cho "ra lò" những con người xã hội chủ nghĩa, vừa hồng vừa chuyên đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt ngành giáo dục trước những thách thức to lớn. Hơn bao giờ hết, người làm công tác giáo dục phải nhanh nhạy nắm bắt thời cơ, làm chủ bản thân, không ngừng học hỏi vươn lên về mọi mặt, phải có tay nghề vững, hơn nữa còn phải có cái tâm trong sáng, dám quên mình vì sự nghiệp cao cả là đào tạo thế hệ tương lai cho đất nước, trong bối cảnh cuộc sống mưu sinh vật lộn với bao nhiêu cám dỗ... Tuy vậy, nếu nhìn thẳng vào thực trạng hiện nay của ngành giáo dục, có nhiều điều khiến ta phải suy ngẫm và không khỏi lo ngại.

Ở tầm vĩ mô, tình trạng "vừa thiếu, vừa thừa", vừa không đồng bộ về cơ cấu giáo viên các cấp

* Nhà giáo Ưu tú, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Digitized by Google

đang đặt ngành giáo dục trước nhiều khó khăn. Các bậc học đều không đủ đội ngũ giáo viên cốt cán, đầu đàn và giáo viên các bộ môn như Hội họa, Âm nhạc, Thể dục, Giáo dục công dân, Tin học, Ngoại ngữ... Ngành học mầm non có nhiều giáo viên tuổi cao, không có điều kiện chuẩn hóa, số giáo viên đào tạo cấp tốc phục vụ cho yêu cầu phát triển từ vài chục năm trước hiện chưa được giải quyết chế độ và bố trí công tác phù hợp. Năm học 2002 - 2003, cả nước còn thiếu 8 225 giáo viên tiểu học và 15 790 giáo viên phổ thông trung học cơ sở, 7 019 giáo viên trung học phổ thông so với quy định, trong đó tỉnh Đắc Lắc thiếu 1 576 giáo viên tiểu học, tỉnh Bắc Giang thiếu 2 334 giáo viên trung học cơ sở, tỉnh Đồng Nai thiếu 1 019 giáo viên trung học phổ thông, tỉnh Thanh Hóa thiếu tới 7 179 giáo viên ở cả 3 cấp.

Mặc dù tỷ lệ giáo viên các cấp trên danh nghĩa đã đạt chuẩn khá cao, song trên thực tế chất lượng giảng dạy vẫn còn nhiều hạn chế. Một bộ phận không nhỏ giáo viên còn chậm đổi mới về phương pháp, quá chú trọng dạy kiến thức, có phần buông lỏng việc "dạy người"; dạy để đối phó với thi cử đã trở thành phổ biến trong không ít nhà trường. Một số giáo viên giỏi chưa phát huy được vai trò là hạt nhân tích cực trong tập thể, lo dạy thêm, dạy ngoài, ít tham gia các hoạt động góp vào phong trào chung của nhà trường. Giáo viên kiêm nhiệm các môn xã hội như Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân... thường dạy chiếu lệ đã ảnh hưởng nhiều đến chất lượng phát triển toàn diện của học sinh.

Ở các trường đại học và cao đẳng sư phạm ("cỗ máy cái" trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên) ngoài tình trạng hụt hẫng lực lượng giáo sư, giảng viên đầu đàn, thì hạn chế lớn nhất của giảng viên ở các trường này hiện nay là vẫn tiếp tục lối dạy chay như ở phổ thông; sinh viên thiếu cơ sở để thực tập, thực hành. Tình trạng giảng viên đại học dạy quá nhiều giờ trong một năm (nhiều thầy dạy đến hàng nghìn giờ), không còn thời gian để nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên một cách tận tâm, dẫn đến chất lượng đào tạo có phần bất cập, đặc biệt là đào tạo cao học.

Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường ở các cấp đã được kiện toàn về số lượng, có nhiệt tình công tác song phần lớn chưa được đào tạo về nghiệp vụ quản lý tương xứng với trọng trách mà họ đảm đương. Ở bậc học mầm non, gần 100% số hiệu trưởng là nữ. Tuy chị em rất nhiệt tình công tác nhưng năng lực quản lý chỉ đạo và trình độ chính trị chung đang rất cần được bổ sung. Thời gian và công sức của họ phần lớn dành cho công tác xã hội hóa giáo dục, chăm lo xây dựng cơ sở vật chất do đó còn rất ít thời gian đầu tư cho chuyên môn. Cán bộ quản lý bậc phổ thông (cấp tiểu học và trung học) có thuận lợi hơn về nhiều mặt, phần lớn phát huy được vai trò tích cực, song mặt đáng lưu ý của đội ngũ này là thiếu tính sáng tạo, luôn làm theo sự chỉ đạo sắp đặt sẵn. Ở một số nơi, cấp trưởng chỉ lo giải quyết các mối quan hệ, lo xây dựng cơ sở vật chất, phó thác hoàn toàn công tác chỉ đạo chuyên môn cho cấp phó, lảng tránh nhiều nội dung hoạt động quan trọng của nhà trường. Tình trạng này có phần do yếu tố ràng buộc của cơ chế chung.

Biểu hiện phân hóa trong đội ngũ cán bộ quản lý hiện nay theo hai xu thế: đội ngũ các trường thuộc tốp đứng đầu (mạnh) không ngừng vươn lên về nhiều mặt; các trường thuộc tốp đứng sau (từ trung bình trở xuống) thường có tâm lý "an phận", thậm chí ỷ lại, ảnh hưởng đến guồng máy hoạt động chung của toàn ngành.

Đội ngũ cán bộ quản lý ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp chậm đổi mới trong công tác chỉ đạo; nhiều người mải lo việc khác, ít chú ý đến công tác tư tưởng, chính trị và chuyên môn nghiệp vụ. Nhiều cán bộ quản lý ở các trường dân lập (hầu hết đã hết tuổi lao động) hoạt động ngoài tầm kiểm soát của tổ chức nên có người đã gây ra hậu quả xấu, ảnh hưởng đến uy tín của ngành.

Giám đốc sở và Trưởng phòng giáo dục các địa phương rất ít chỉ đạo chuyên môn, phần lớn

Digitized by Google

tập trung sức lực cho công tác xây dựng cơ sở vật chất và đối ngoại, tham gia các dự án... Nhiều cán bộ quản lý chưa chú ý đến vai trò xã hội hóa giáo dục, còn có tâm lý ỷ lại vào đầu tư của Nhà nước; chưa quan tâm chỉ đạo đồng bộ các ngành học, thiếu chiến lược chăm lo đến phương tiện giảng dạy và thiết bị trong quá trình đổi mới giáo dục phổ thông.

Đội ngũ cán bộ quản lý Bộ Giáo dục và Đào tạo là lực lượng được đào tạo cơ bản về lý luận quản lý, về chính trị - tư tưởng và chuyên môn nghiệp vụ. Đây chính là lực lượng nòng cốt chi phối sự phát triển và hoạt động của toàn ngành trên diện rộng. Có một bộ phận của lực lượng này trong quá trình chỉ đạo chưa bám sát cơ sở, thiếu kiến thức thực tế.

2 - Yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đang trở thành vấn đề trọng tâm của ngành giáo dục và là vấn đề thời sự nóng bỏng đặt ra cho toàn xã hội. Những năm gần đây, Đảng, Chính phủ và ngành giáo dục đã có nhiều chủ trương, chính sách thể hiện sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề này. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2, khóa VIII, ngày 24-12-1996, *Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa* nêu rõ: "Giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng của giáo dục và được xã hội tôn vinh. Giáo viên phải có đủ đức, đủ tài"; "đổi mới cơ chế quản lý, bồi dưỡng cán bộ, sắp xếp, chấn chỉnh và nâng cao năng lực của cán bộ quản lý giáo dục - đào tạo". Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa IX *Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII, phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo từ 2001 - 2005 và đến 2010* đã đề ra nhiệm vụ xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục một cách toàn diện: "Hoàn thành trước năm 2005 việc sàng lọc bố trí lại những cán bộ giáo viên không còn đủ điều kiện công tác trong ngành giáo dục, giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi cho các nhà giáo các cấp học chưa đạt chuẩn, năng lực giảng dạy yếu". "Bố trí cán bộ quản lý giáo dục các cấp phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và năng lực của cán bộ, có cơ chế thay thế khi không đáp ứng yêu cầu... Xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu cân đối, đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới... Hoàn thiện chế độ chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục..." (1)

Các văn bản đó chính là những định hướng và tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho ngành giáo dục trong việc thực hiện bước đột phá ban đầu và những giải pháp khả thi triển khai đề án "Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2003 - 2010".

Các trường sư phạm trong cả nước (đại học và cao đẳng, trung học) đã và đang chủ động xây dựng đội ngũ giáo viên, nhất là đội ngũ giáo viên đầu đàn, giáo viên kế cận, khắc phục tình trạng hẫng hụt đội ngũ, giảm dần sự khác biệt về sử dụng và đãi ngộ giữa giáo viên hợp đồng và giáo viên trong biên chế. Nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời tăng tỷ lệ giáo viên có học vị thạc sĩ, tiến sĩ, có học hàm giáo sư, phó giáo sư... Bám sát thực tiễn đổi mới giáo dục phổ thông, nâng cao chất lượng đào tạo và bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chủ trì công tác bồi dưỡng cho giáo viên các cấp. Hai trường trọng điểm là Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tương lai sẽ vừa đóng vai trò nòng cốt trong việc nghiên cứu khoa học giáo dục, vừa làm tốt nhiệm vụ đào tạo giáo viên.

Đội ngũ giáo viên mầm non thường chịu nhiều thiệt thòi, đặc biệt là hơn 40% số giáo viên chưa đạt chuẩn, trong đó một phần là các giáo viên cao tuổi, không đáp ứng được yêu cầu phục vụ trong ngành, nên họ càng cần được giải quyết chế độ và đảm bảo đời sống. Đẩy mạnh công tác đào tạo, khắc phục tình trạng còn thiếu quá

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 132 - 133

Digitized by Google

nhiều giáo viên mầm non để phát triển ngành học này ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa... Thực hiện tốt những chủ trương của Chính phủ về lương, phụ cấp cho giáo viên mầm non, nhất là giáo viên ở nông thôn hiện nay, giảm bớt khó khăn về vật chất, tinh thần, tạo điều kiện để họ gắn bó với nghề.

Củng cố, kiện toàn đội ngũ giáo viên phổ thông về mọi mặt để đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình sách giáo khoa mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thắt chặt kỷ cương, hạn chế tình trạng dạy thêm không lành mạnh; khắc phục tình trạng các giáo viên giỏi chỉ lo dạy thêm để kiếm tiền riêng cho mình, tình trạng cấp trưởng ít tập trung chỉ đạo công tác chuyên môn...

Cơ quan quản lý giáo dục tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên; đào tạo bồi dưỡng phải gắn với sử dụng. Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn Giáo dục Việt Nam thực hiện cuộc vận động "Dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm" giúp đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục rèn luyện, trau dồi đạo đức, bản lĩnh sư phạm, giữ gìn hình ảnh tốt đẹp của người thầy trong nhà trường và xã hội.

Tiếp tục đổi mới quản lý giáo dục, tăng cường nền nếp kỷ cương, ngăn chặn, khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong lĩnh vực giáo dục. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên, nhất là những người công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, những người có nhiều công lao đóng góp cho ngành... đảm bảo để giáo viên có mặt bằng đời sống vật chất, tinh thần như cán bộ thuộc các ngành khác ở trình độ đào tạo tương đương.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần đi đầu trong đổi mới phương pháp công tác, nâng cao chất lượng... Theo tinh thần đó, Bộ sẽ từng bước đổi mới quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên, đội ngũ cán bộ quản lý; đào tạo bồi dưỡng phải gắn với sử dụng. Chỉ tiêu tuyển sinh sư phạm phải đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, đồng bộ hóa, địa phương hóa đội ngũ giáo viên phổ thông; giao trách nhiệm và phân bố chỉ tiêu đào tạo cụ thể cho các trường sư phạm, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy các môn Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Giáo dục quốc phòng, Công nghệ... và giáo viên làm nhiệm vụ dạy trẻ khuyết tật.

3 - Để đạt được những mục tiêu trên ngành giáo dục và đào tạo rất cần có sự hỗ trợ, giúp đỡ của Đảng và Nhà nước, các cấp, các ngành, các địa phương. Ở đây, chỉ xin nêu một số kiến nghị:

Một là, ban hành chính sách ưu đãi để giáo viên mầm non được hưởng mọi quyền lợi như giáo viên phổ thông, bảo đảm sự công bằng trong giáo dục. Tăng cường đào tạo giáo viên mầm non có trình độ cao; cần thành lập hai trường đại học chuyên ngành mầm non trên phạm vi toàn quốc để đào tạo giáo viên các trường cao đẳng sư phạm địa phương và cán bộ quản lý ngành học này.

Hai là, quy hoạch lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng thành một hệ thống đào tạo thống nhất, có thể là trường do địa phương quản lý nhưng vẫn là một hệ thống nhà trường quốc gia Việt Nam nhằm tránh sự chồng chéo. Trong tương lai, mỗi tỉnh chỉ nên có một trường cao đẳng cộng đồng để hạn chế sự lãng phí cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giáo viên. Để phân luồng học sinh thật tốt, phải có kế hoạch sử dụng lao động một cách hợp lý để tránh tình trạng "đại học hóa viên chức" như hiện nay, tạo một áp lực giả tạo trong công tác đào tạo.

Ba là, cho phép ngành giáo dục từng bước điều chỉnh lại thời gian nghỉ hè của học sinh bảo đảm phù hợp với tiến độ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên thường xuyên. Đề nghị cho cán bộ quản lý giáo dục (trước mắt có thể là cán bộ của Sở, Phòng Giáo dục) trong những năm tới được hưởng chế độ như nhà giáo để góp phần chấn chỉnh đội ngũ một cách thiết thực. Nhiệm kỳ cán bộ giữ chức vụ quản lý trường học là 5 năm,

Digitized by Google

sau đó luân chuyển đến trường khác trong cùng một hệ thống hoặc trong cùng một địa bàn.

Bốn là, đầu tư cho ngành giáo dục một số dự án như: dự án hiện đại hóa các trường đại học (thực hiện dần trong từng năm); dự án thực tập ở nước ngoài cho cán bộ quản lý giáo dục, dự án đầu tư cho vùng ATK, vùng căn cứ cách mạng và vùng biên giới xây dựng các trường chuẩn quốc gia (về cả cơ sở vật chất và chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục); dự án nâng cấp hai trường cán bộ quản lý giáo dục thành học viện quản lý để đào tạo cán bộ có bằng cấp về quản lý tương đương với bằng chuyên môn đã được đào tạo, đồng thời là nơi cho lực lượng đầu đàn của ngành về bồi dưỡng theo kế hoạch hằng năm.

Năm là, ngành giáo dục mong muốn nhận được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực từ phía Chính phủ (thông qua tham mưu của các bộ), từ phía chính quyền các địa phương để có mục tiêu và động lực phấn đấu rõ ràng, tận dụng tối đa tiềm năng của các nhà trường.

Nữ trí thức trong ngành giáo dục rất đông đảo. Xin đề nghị trong chính sách chung về cán bộ nữ nên có chế độ đào tạo hoàn chỉnh và để chị em được tham gia lao động đến tuổi 60; nếu chưa kịp thực hiện chủ trương này, trước mắt nâng mức lương lao động nữ ở tuổi 55 bằng mức lương ở độ tuổi 60.

Cần có một lực lượng nhân viên phục vụ trường học và giáo viên dự bị để kịp thời thay thế cho các lực lượng đi học tập và nâng cao trình độ thường xuyên.

Sáu là, khuyến khích hợp tác quốc tế, giao quyền chủ động cho các nhà trường trong công tác đào tạo. Học bổng của Nhà nước có thể cấp từ 30% đến 70% cho người du học để khuyến khích học sinh giỏi (nhưng hoàn cảnh gia đình khó khăn) được cử ra nước ngoài nâng cao trình độ.

Bảy là, quan tâm phát triển đảng trong hàng ngũ giảng viên và giáo viên các cấp. ❑

NGÀNH KIỂM TRA...

(Tiếp theo trang 6)

vi phạm; giải quyết kịp thời, đúng quy định những tố cáo, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng có vi phạm; tham mưu phục vụ kịp thời cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

4 - Phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra của Đảng với thanh tra cuả Nhà nước, thanh tra nhân dân, kiểm tra của các tổ chức chính trị - xã hội và các ban, ngành có liên quan

Mỗi tổ chức đảng đều phải thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực hoạt động được phân công. Đảng viên vừa là thành viên của tổ chức đảng, vừa là cán bộ trong các tổ chức Nhà nước, đoàn thể, nên họ phải chịu sự kiểm tra của Đảng. Đường lối, nghị quyết của Đảng được cụ thể hóa bằng chính sách, pháp luật, pháp lệnh, quy định của Nhà nước và của các đoàn thể chính trị - xã hội. Bất cứ cán bộ, đảng viên nào vi phạm những vấn đề được cụ thể hóa trên đây cũng cần được xem xét kỷ luật đảng. Do đó, cơ chế phối hợp, kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các tổ chức đảng với các tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội là hết sức cần thiết. Nếu không sẽ dễ dẫn đến tình trạng thiếu tập trung, thiếu thống nhất, hoặc là chồng chéo, sơ hở, không đạt kết quả như mong muốn. Công tác kiểm tra của Đảng, thanh tra của Nhà nước, kiểm tra của các tổ chức chính trị - xã hội, thanh tra nhân dân tuy là những bộ phận, thuộc những lĩnh vực khác nhau nhưng cùng chung một mục đích xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÔNG CHỨC TRONG ĐIỀU KIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

THANG VĂN PHÚC *

ĐẠO đức xét một cách tổng quát, là những tiêu chuẩn, nguyên tắc được xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội. Theo đó, có thể nói, đạo đức công vụ là những giá trị đạo đức và chuẩn mực pháp lý được áp dụng cho những đối tượng cụ thể - công chức trong lĩnh vực hoạt động công vụ. Người công chức có đạo đức công vụ là thể hiện lương tâm và trách nhiệm của mình vì lợi ích chung và lợi ích của người khác, ý thức rõ về cái cần phải làm và mong muốn được làm vì những lợi ích đó.

Ngay từ khi thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề phải làm sao cho tất cả cán bộ, công chức từ Chính phủ đến làng xã đều là công bộc của nhân dân, đều phải tận tụy phục vụ nhân dân. Người luôn nhấn mạnh và khẳng định, đạo đức là cái gốc của người cách mạng, của cán bộ, công chức; và đòi hỏi mỗi người, nhất là người cán bộ cách mạng, phải có đạo đức cách mạng, phải kết hợp chặt chẽ phẩm chất và năng lực, hồng và chuyên, đức và tài, trong đó đức là gốc: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"(1). Vì vậy, trước lúc đi xa Người vẫn không quên căn dặn: *"Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần* đạo đức cách mạng, *thực sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. **Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch,** phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"*(2).

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân và tiến hành cải cách hành chính nhà nước, vai trò của đạo đức công vụ là hết sức quan trọng. Do đó, Nhà nước ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức - pháp lý cho hành vi công chức trong hoạt động công vụ. Tuy chưa có đạo luật về đạo đức công vụ, nhưng đạo đức cán bộ, công chức đã được quy định, cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật như: Pháp lệnh Cán bộ, công chức, Pháp lệnh Chống tham nhũng, Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Khiếu nại, tố cáo...

---

* TS. Thứ trưởng Bộ Nội vụ

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 252-253

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr XV

Digitized by Google

Thực trạng đạo đức cán bộ, công chức nhà nước

Trước hết, cần khẳng định đại bộ phận đội ngũ cán bộ, công chức của chúng ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, cố gắng thực hiện và phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, giữ vững đạo đức, phẩm chất cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, chấp hành sự phân công của tổ chức, lối sống lành mạnh, giản dị, gắn bó với nhân dân. Mặc dù gặp nhiều khó khăn và chịu tác động phức tạp trong điều kiện chuyển đổi kinh tế - xã hội, nhưng đội ngũ cán bộ, công chức đã góp phần đóng vai trò quyết định những thành tựu của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, công chức, kể cả một số cán bộ, đảng viên cao cấp thiếu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, tha hóa về đạo đức, lối sống. Một bộ phận cán bộ, công chức né tránh, thiếu bản lĩnh đấu tranh với những hành vi quan liêu, tham nhũng, tiêu cực. Một số cán bộ, công chức nhà nước, chưa thực sự lấy việc phục vụ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu, làm thước đo chủ yếu nhất cho mức độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình. Quan hệ của họ với nhân dân thậm chí còn mang dấu ấn cai trị theo kiểu ban phát, thiếu bình đẳng, thiếu tôn trọng. Từ đó, dẫn đến tình trạng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, gây phiền hà đối với nhân dân và lợi dụng chức trách, thẩm quyền được Nhà nước và nhân dân giao phó để nhận hối lộ, tham nhũng, buôn lậu, làm biến dạng những giá trị và tiêu chuẩn đích thực của người cán bộ, rơi vào chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng. Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII, nhận định: "Một bộ phận cán bộ thoái hóa biến chất về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, lãng phí của công; quan liêu, ức hiếp dân, gia trưởng độc đoán; có tham vọng cá nhân, cục bộ, kèn cựa địa vị, cơ hội, kém ý thức tổ chức kỷ luật, phát ngôn và làm việc tùy tiện, gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng"(3).

Đáng chú ý là số lượng cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật và truy cứu trách nhiệm hình sự, trong đó có cả một số cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước, trong những năm gần đây ngày càng tăng. Điều đó đang làm xói mòn bản chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, công chức, làm suy giảm uy tín của Đảng và niềm tin của nhân dân đối với chế độ.

Thực trạng của những khuyết, nhược điểm về phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức trên đây có phần do nguyên nhân khách quan, song chủ yếu do những nguyên nhân chủ quan. Không ít cán bộ, công chức còn xem thường những chuẩn mực đạo đức, nhân cách, nên thiếu nghiêm khắc với bản thân, không thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng mình. Cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát của tổ chức và thủ trưởng trực tiếp cũng như của nhân dân đối với hoạt động của cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa thường xuyên, nghiêm túc và thiếu đồng bộ. Việc xử lý các vi phạm đạo đức của cán bộ, công chức chưa nghiêm đã dẫn đến hạn chế kết quả răn đe, giáo dục.

Công tác giáo dục đạo đức chậm được đổi mới: nội dung giáo dục chưa cụ thể, sát hợp với từng đối tượng, còn giáo điều, chủ quan, phiến diện, duy ý chí, phi thực tế, thiếu cơ sở khoa học; hình thức giáo dục đơn điệu, qua loa đại khái hoặc phô trương hình thức, dễ gây nhàm chán. Do đó, hiệu quả giáo dục đạo đức chưa cao, thậm chí có trường hợp phản tác dụng. Khi đề cập đạo đức thì coi nhẹ hoặc quên tài năng, nhưng khi cần nhấn mạnh tài năng của người cán bộ thì lại có biểu hiện coi nhẹ đạo đức, coi thường lòng tốt, phẩm hạnh một cách phiến diện, cực đoan.

Các giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục đạo đức công chức

Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân; nhân dân là chủ, công chức là công bộc

(3) *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997 tr 68

Digitized by Google

của dân. Vì vậy, giá trị cao nhất của đạo đức công vụ là trung thành với Tổ quốc, tận tụy phục vụ dân. Mọi hoạt động của bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức đều nhằm mục đích phục vụ nhân dân với thái độ, tinh thần làm việc tận tụy, trung thực, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, không tham nhũng, tham ô...

Để nâng cao đạo đức công chức, cần có một hệ thống giải pháp đồng bộ vừa đề cao giá trị đạo đức, sự hướng thiện của con người, vừa có cơ chế tạo điều kiện cho các giá trị đạo đức phát triển và ngăn ngừa, hạn chế sự sa sút, suy thoái đạo đức, trong đó giáo dục có vai trò quan trọng hàng đầu trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách người cán bộ, công chức.

Từ truyền thống coi trọng đạo đức của dân tộc và quan điểm đức là gốc của người cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh, việc thực hiện giáo dục đề cao giá trị đạo đức, đề cao sự tự rèn luyện, tu dưỡng của cán bộ, công chức trong việc chuyển văn hóa đạo đức xã hội, các giá trị xã hội tiến bộ thành văn hóa đạo đức cá nhân; coi tiêu chí cao nhất để đánh giá hiệu quả của giáo dục đạo đức là ở chỗ những tri thức, những chuẩn mực đạo đức xã hội được lĩnh hội và biến thành sức mạnh đạo đức cá nhân, biểu hiện trong việc thực hiện các hành vi đạo đức thực tế. Nói cách khác, có đạo đức không chỉ phụ thuộc vào tri thức đạo đức mà còn phụ thuộc vào sự lựa chọn giá trị ở cá nhân. Nhưng sự lựa chọn giá trị ở cá nhân phụ thuộc nhiều vào các quan hệ và hành vi đạo đức với tính cách là những tấm gương đạo đức mà cá nhân được chứng kiến. Mỗi cá nhân sẽ tự đối chiếu tri thức học được về đạo đức với những quan hệ, hành vi và những tấm gương đạo đức thực tế để rút ra những định hướng giá trị cần thiết. Bác Hồ dạy: "một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"(4), do đó "Muốn được dân tin, dân phục, dân yêu, cán bộ phải tự mình làm đúng đời sống mới. Nghĩa là phải *siêng năng, tiết kiệm, trong sạch, chính đáng*. Nếu không thực hành bốn điều đó, mà muốn được lòng dân, thì cũng như bắc dây leo trời"(5). Vì vậy, tinh thần gương mẫu và phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng của những cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý có ý nghĩa to lớn đối với công tác giáo dục đạo đức công chức.

Giáo dục đạo đức công chức là nhiệm vụ hết sức nặng nề, khó khăn, tỷ mỷ và phức tạp, vừa cấp bách vừa lâu dài, phải thực hiện theo nhiều "kênh", nhiều biện pháp, nhiều hình thức, ở nhà trường, ở thực tiễn hoạt động công vụ và cả trong sinh hoạt hằng ngày. Đó là một quá trình giáo dục tổng hợp bao gồm giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thẩm mỹ, văn hóa giao tiếp, ý thức lao động... Cùng với việc giáo dục nâng cao giác ngộ chính trị, kỹ năng lao động nghề nghiệp, cần chú trọng giáo dục tinh thần "hướng nội", khai thác giáo dục phẩm hạnh, lòng tự trọng, sự hảo tâm, lòng vị tha cao cả, tình thương yêu con người, đồng loại. Kế thừa và đổi mới các giá trị đạo đức xã hội để xây dựng cho được thước đo giá trị đạo đức mới phù hợp với điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tôn trọng lợi ích chính đáng của cá nhân. Đó là sự chuyển đổi giá trị từ nguyên tắc truyền thống "trọng nghĩa, khinh lợi" sang nguyên tắc mới "trọng cả nghĩa và lợi" theo yêu cầu của sự phát triển xã hội và những giá trị đạo đức hiện đại.

Cần đặc biệt chú trọng mối quan hệ mật thiết giữa quy phạm pháp luật và các quy phạm đạo đức. Ở chừng mực nào đó, cần thiết phải thể chế hóa những quy phạm, nguyên tắc đạo đức thành những quy phạm pháp luật. Mặt khác, coi việc xử lý nghiêm minh, kịp thời và công bằng những sai phạm của cán bộ, công chức có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục và răn đe cán bộ, công chức, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào Nhà nước, vào pháp luật.

---

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 263

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 208

Digitized by Google

Giáo dục đạo đức là một quá trình thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, quá trình hình thành thế giới tinh thần cao đẹp và hoạt động thực tiễn phong phú, thể hiện niềm tin đạo đức, những hiểu biết về giá trị, chuẩn mực đạo đức; đồng thời, thông qua kết quả hoạt động để xác nhận một cách thực tiễn những giá trị đạo đức. Vì vậy, trong các chương trình giáo dục đạo đức ở nhà trường cũng như nội dung thi tuyển công chức cần chú trọng vào việc khắc sâu các giá trị và chuẩn mực công vụ trong tâm trí công chức ngay từ khi mới được tuyển dụng. Theo đó, cần tạo ra dấu ấn để ghi nhớ khoảnh khắc được trở thành công chức bằng lời hứa danh dự hoặc tuyên thệ giữ gìn đạo đức công chức trước sự chứng kiến của tập thể trong không khí trang trọng có tính chất lễ nghi. Trong công tác bồi dưỡng đạo đức công chức, không chỉ tạo điều kiện cho họ có được nhận thức về các vấn đề đạo đức mà cần chú trọng hơn việc xây dựng các kỹ năng cần thiết giúp công chức xử lý đúng đắn trong các tình huống khó xử liên quan đến đạo đức, đến cái lý, cái tình trong hoạt động công vụ cũng như trong đời sống thường nhật.

Giáo dục đạo đức là quá trình kết hợp giữa giáo dục và tự giáo dục, là sự thức tỉnh tự phán xử và làm cho lương tâm trong sạch. Mục tiêu của việc giáo dục đạo đức là quá trình biến nhận thức cái tất yếu thành cái tự do, biến ý thức nghĩa vụ thành tình cảm, thành niềm tin vững chắc, thành sự thôi thúc bên trong, hình thành ý thức cái cần phải làm để khỏi xấu hổ trước người khác và trước bản thân. Thông qua hoạt động công vụ, phục vụ nhân dân, người công chức không chỉ thực hiện nghĩa vụ của mình là cống hiến cho xã hội mà còn phát triển làm phong phú bản thân, tạo ra điều kiện cơ bản để đạt được hạnh phúc. Phẩm chất đạo đức không hình thành một cách ngẫu nhiên, nhất thời thông qua sự giáo dục đơn giản mà phải trải qua những hoạt động tích cực, lâu dài của cá nhân, bằng sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa giáo dục và tự giáo dục, rèn luyện và tự nhận thức.

Trong điều kiện của xã hội thông tin, vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng tăng do áp dụng các thành tựu của công nghệ điện tử - viễn thông - in-tơ-nét. Vì vậy, nó trở thành phương tiện hữu hiệu để truyền đạt nhanh chóng các giá trị và chuẩn mực trong công vụ cho xã hội và theo đó thực hiện mục tiêu bồi dưỡng, giáo dục đạo đức công chức. Mặt khác, nhờ đó mà chúng ta có điều kiện thuận lợi trong việc học tập, tiếp thu những kinh nghiệm bổ ích về đạo đức công vụ của các nước có nền công vụ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Tuy nhiên, công tác giáo dục đạo đức công chức chỉ đạt được hiệu quả cao khi biết kết hợp với hàng loạt giải pháp khác về tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, chính sách động viên, khen thưởng và cả chế tài xử lý công chức khi cần thiết...

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế để cán bộ, công chức có điều kiện phát huy đạo đức, thực hiện tốt nhiệm vụ, phục vụ tốt nhân dân. Cần định rõ chức năng, nhiệm vụ từng cơ quan, tổ chức, từng cá nhân cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu quản lý hành chính nhà nước và hoạt động cung cấp dịch vụ công trong thời kỳ mới. Đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, tạo mô hình mới về tổ chức và hoạt động hợp lý của bộ máy hành chính nhà nước, loại bỏ những cơ chế, thủ tục dẫn tới khả năng tiêu cực, sách nhiễu nhân dân cũng là tạo cơ chế để cán bộ, công chức làm điều tốt, có điều kiện cống hiến, phát huy năng lực phục vụ đất nước và nhân dân.

Điều chỉnh, nâng cao tiền lương và đãi ngộ vật chất hợp lý, tinh thần phong phú đối với cán bộ, công chức. Cải cách hệ thống tiền lương, tiền thưởng, đảm bảo trả đúng sức lao động và giá trị cống hiến của cán bộ, công chức, tạo động lực thực hiện công vụ là giải pháp có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, nâng cao phẩm giá người công chức. Xây dựng các chế độ,

(Xem tiếp trang 34)

Digitized by Google

Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng phục vụ nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN*

KINH nghiệm hoạt động ngân hàng ở các nước cho thấy, để có thể đảm đương được vai trò quan trọng là khâu đầu tàu, khâu đột phá, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo chiến lược quốc gia thì nhất thiết phải đa dạng hóa, nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng.

1 - Thực trạng về công nghệ ngân hàng ở Việt Nam hiện nay

Những năm gần đây, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong nhiều lĩnh vực như: củng cố, chấn chỉnh hệ thống; mở rộng, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các dịch vụ ngân hàng; xử lý nợ tồn đọng; từng bước đổi mới và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng... Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề hiện đại hóa công nghệ ngân hàng ở Việt Nam.

Thực tế cho thấy, những năm qua hầu hết các ngân hàng Việt Nam đều quan tâm và đầu tư để đổi mới và hiện đại hóa công nghệ. Dưới sự hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại đã thực hiện tốt kế hoạch dài hạn, dự án tổng thể về hiện đại hóa, đặc biệt là hệ thống thanh toán tự động. Nhờ vậy, đến đầu tháng 5-2002, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng ở nước ta đã được chính thức đưa vào vận hành. Số thành viên tham gia hệ thống thanh toán điện tử này ngày càng gia tăng. Nếu như ở thời điểm ban đầu chỉ có khoảng 20% số ngân hàng thương mại tham gia với khối lượng giao dịch rất khiêm tốn, đạt khoảng hơn 1 000 tỉ đồng mỗi ngày, thì đến đầu năm 2003 đã có 159 đơn vị thành viên của 33 ngân hàng đầu mối tham gia, với doanh số thanh toán bình quân 3 000 tỉ đồng/ngày, có ngày lên tới 5 400 tỉ đồng. Một số ngân hàng thương mại đã tham gia hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc tế (SWIFT), thực hiện việc kết nối thanh toán song phương và đa phương. Việc đưa vào vận hành thành công hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng trong nước và sự tham gia thanh toán qua mạng SWIFT là một bước đột phá trong quá trình hiện đại hóa công nghệ ngân hàng Việt Nam và đã rút ngắn đáng kể thời gian thanh toán giữa các ngân hàng, qua đó đẩy nhanh quá trình luân chuyển vốn trong nền kinh tế.

Trong nội bộ từng hệ thống ngân hàng, kết cấu hạ tầng, máy móc thiết bị hiện đại đã và đang được tăng cường đầu tư với khối lượng lớn. Hệ thống thanh toán cũng có nhiều chuyển biến theo nguyên tắc thanh quyết toán

* TS. giảng viên Trường Đại học Thương mại Hà Nội

Digitized by Google

tập trung, trực tuyến toàn hệ thống tại trụ sở chính của các ngân hàng thương mại. Các dòng vốn được tập trung xử lý tức thời, thanh quyết toán ngay trong ngày, tạo điều kiện cho việc sử dụng một cách triệt để những nguồn vốn nhàn rỗi có tính tạm thời mà trước đây (do công nghệ thanh toán lạc hậu) bị phân tán ở các cơ sở. Nhiều ngân hàng đã và đang cung cấp các phương tiện thanh toán đa năng, các dịch vụ ngân hàng mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng, nhất là các phương tiện thanh toán hiện đại không dùng tiền mặt như: phát hành các loại thẻ ngân hàng (thẻ tín dụng quốc tế và trong nước, thẻ trả trước, thẻ rút tiền tự động); lắp đặt hệ thống máy ATM và mở rộng các cơ sở thanh toán bằng thẻ tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, nhà hàng... để đáp ứng nhu cầu thanh toán và rút tiền tự động. Hiện nay, cả nước có khoảng trên 7 500 điểm chấp nhận thanh toán bằng thẻ và xu hướng này ngày càng tăng. Điều này hoàn toàn phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế và cũng là xu thế chung ở các nước có thị trường phát triển. Ngoài thanh toán bằng thẻ, mới đây dịch vụ ngân hàng tại nhà (home banking) cũng đã được một số ngân hàng chú trọng phát triển. Dịch vụ này cho phép khách hàng có thể ngồi tại văn phòng hoặc tại nhà mà vẫn có thể thực hiện được hầu hết các giao dịch thanh toán với ngân hàng. Khách hàng có thể sử dụng các chứng từ và chữ ký điện tử để giao dịch trực tiếp bằng máy tính thay vì phải dùng lệnh chuyển tiền, hoặc các loại giấy tờ khác đang được sử dụng phổ biến hiện nay. Một số ngân hàng đã bắt đầu thực hiện việc kết nối mạng với khách hàng giao dịch của mình để thông tin trực tiếp, xử lý các nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ ngân hàng, mở các trang điện tử để trao đổi thông tin, lưu trữ hồ sơ khách hàng. Đi đầu trong việc triển khai các nghiệp vụ này là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB), Ngân hàng Công thương Việt Nam (ICB), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu (ACB)...

Bên cạnh những kết quả nêu trên, công nghệ ngân hàng Việt Nam vẫn còn không ít hạn chế. So với các ngân hàng ở các nước trong khu vực và trên thế giới, công nghệ ngân hàng của hệ thống ngân hàng Việt Nam còn rất lạc hậu. Phần lớn các hoạt động thanh toán, chi trả tiền, chuyển tiền vẫn sử dụng các phương tiện truyền thống, không đòi hỏi cao về công nghệ thông tin. Chính điều này đã làm tốn không ít chi phí, thời gian của các chủ thể tham gia thanh toán, dẫn đến giảm khả năng cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam... Một số dịch vụ ngân hàng hiện đại như dịch vụ rút tiền qua hệ thống máy ATM cũng mới chỉ dừng lại là những chương trình ATM độc lập của từng hệ thống ngân hàng. Điều đó không chỉ gây tốn kém cho bản thân từng ngân hàng, mà khách hàng cũng không nhận được nhiều tiện ích khi sử dụng các dịch vụ này. Vì, khách hàng sử dụng thẻ ATM của ngân hàng nào thì chỉ có thể rút tiền tại máy ATM của ngân hàng đó, nên không hấp dẫn và chưa thu hút được khách hàng. Do đó, mặc dù tổng số máy ATM đã lắp đặt hiện nay khá lớn (riêng của các ngân hàng thương mại quốc doanh khoảng 100 máy) nhưng lượng khách hàng tham gia không nhiều. Khách hàng tham gia sử dụng dịch vụ ATM chủ yếu là một số nhân viên của chính các ngân hàng phát hành thẻ và những người làm việc trong các công ty liên doanh có mức thu nhập cao.

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới những hạn chế nêu trên, nhất là những hạn chế về sự phát triển của nền kinh tế, vốn, trình độ cán bộ quản lý và kinh doanh ngân hàng.

Về thực trạng nền kinh tế: Trình độ phát triển kinh tế của một quốc gia là nguyên nhân sâu xa của những hạn chế về công nghệ ngân hàng. Việt Nam đang trong quá trình phát triển theo nền kinh tế thị trường định hướng xã

Digitized by Google

hội chủ nghĩa. Thu nhập quốc dân nói chung và thu nhập của đại bộ phận nhân dân Việt Nam nói riêng còn thấp. Mặt khác, do việc sử dụng tiền mặt và các dịch vụ ngân hàng truyền thống với các giao dịch bằng giấy tờ trực tiếp đã trở thành một thói quen lâu đời của người dân cũng như các doanh nghiệp Việt Nam, nên nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng hiện đại còn rất hạn chế. Ở một mức độ nào đó, các ngân hàng Việt Nam chưa nhận thấy sự đe dọa về khả năng cạnh tranh của các định chế tài chính quốc tế có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin rất cao so với Việt Nam. Tất cả những thực tế nêu trên đã trực tiếp làm hạn chế nhu cầu và khả năng đổi mới công nghệ của các ngân hàng Việt Nam.

Về vốn tự có: Hiện tại mức vốn tự có của các ngân hàng thương mại ở nước ta rất thấp, số vốn điều lệ chỉ bằng 10% - 20% số vốn trung bình của một ngân hàng trong khu vực. Đối với các ngân hàng thương mại quốc doanh, lượng vốn này cũng chỉ có từ 1 100 tỉ đến 2 200 tỉ đồng, nếu kể cả phần vốn điều lệ được bổ sung thêm theo Quyết định số 435/QĐ-TTg, ngày 14-6-2002, của Thủ tướng Chính phủ về phát hành trái phiếu đặc biệt thì cũng chỉ đạt từ 2 100 tỉ đến 3 700 tỉ đồng. Đối với các ngân hàng thương mại cổ phần đô thị, vốn tự có thường là từ 70 tỉ đến 370 tỉ đồng; các ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn ở mức thấp hơn: từ 5 tỉ đến 10 tỉ đồng. Lượng vốn quá ít là một nguyên nhân không kém phần quan trọng làm hạn chế khả năng hoạt động, đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng dịch vụ của các ngân hàng.

Về trình độ cán bộ ngân hàng: Thực tế cho thấy, hiện nay trình độ quản lý, điều hành và kinh doanh ngân hàng, trình độ sử dụng các thiết bị ngân hàng hiện đại của các cán bộ ngân hàng ở nước ta còn hạn chế. Số lượng cán bộ có khả năng thiết kế, vận hành hệ thống công nghệ thông tin trong lĩnh vực ngân hàng còn quá ít và chủ yếu mới chỉ tập trung ở các sở giao dịch, các ngân hàng lớn ở đô thị, ở các trung tâm thương mại. Sự hạn chế về năng lực cán bộ trong lĩnh vực này cũng là một nguyên nhân làm hạn chế khả năng đổi mới công nghệ ngân hàng ở Việt Nam.

2 - Giải pháp hoàn thiện và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng ở nước ta trong những năm tới

Để không ngừng hoàn thiện, mở rộng, phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ và nâng cao chất lượng hoạt động ngân hàng nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng vị thế, uy tín của ngân hàng trên thị trường thì việc đổi mới và hiện đại hóa công nghệ cho hệ thống ngân hàng Việt Nam là đòi hỏi có tính cấp thiết. Về vấn đề này, Đảng ta nhấn mạnh: "Hiện đại hóa và đổi mới công nghệ ngân hàng, đẩy nhanh việc áp dụng công nghệ thông tin, phấn đấu để hệ thống tài chính - ngân hàng đạt trình độ trung bình của khu vực"(1).

Trước hết, việc đổi mới và hiện đại hóa công nghệ đối với hệ thống các ngân hàng Việt Nam cần đáp ứng những yêu cầu sau:

Một là: Các dịch vụ ngân hàng phải hướng tới và bảo đảm tương dung với tốc độ phát triển của nền kinh tế với chất lượng dịch vụ ngày càng cao. Theo ước tính của các chuyên gia ngân hàng, hiện nay các ngân hàng thương mại quốc tế đang thực hiện khoảng trên 6 000 nghiệp vụ kinh doanh khác nhau về lĩnh vực tiền tệ - tín dụng - ngân hàng, trong khi đó, các ngân hàng thương mại Việt Nam mới chỉ thực hiện tối đa khoảng 300 nghiệp vụ. Vì vậy, với công nghệ thủ công, lạc hậu hiện nay, các ngân hàng không thể cung cấp cho nền kinh tế một khối lượng dịch vụ lớn một cách an toàn, chính xác, nhanh chóng, thuận tiện với chi phí

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 322

Digitized by Google

thấp nhất. Điều đó chỉ có thể đạt được khi và chỉ khi các sản phẩm dịch vụ ngân hàng được thực hiện trên cơ sở nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Hai là, trong những năm tới, khi Chính phủ thực hiện việc bãi bỏ các hàng rào thuế quan và bảo hộ theo lộ trình cam kết AFTA (về cắt giảm thuế quan của Hiệp định khu vực mậu dịch tự do ASEAN) và việc thực thi Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đi vào chiều sâu, các tổ chức tài chính - tín dụng Việt Nam sẽ phải đủ sức mạnh và đứng vững trong cuộc cạnh tranh trực tiếp với nước ngoài. Nói cách khác, hệ thống ngân hàng Việt Nam phải hoạt động trong môi trường cạnh tranh quốc tế. Trong bối cảnh các ngân hàng ở khu vực (cũng thuộc diện đang phát triển) như Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin... và ở các nước khác trên thế giới đã và đang rất quan tâm đến chiến lược phát triển công nghệ tiên tiến, đầu tư xây dựng cơ sở kỹ thuật ngân hàng hiện đại, phát triển lực lượng kỹ thuật vận hành và bảo trì hệ thống thì con đường tốt nhất đối với hệ thống các ngân hàng Việt Nam là cần tập trung đầu tư cho kỹ thuật và đổi mới công nghệ ngân hàng.

Đổi mới và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng không phải là công việc đơn giản có thể hoàn thành sớm, mà là cả quá trình lâu dài, liên tục. Thiết nghĩ, hệ thống ngân hàng Việt Nam (bao gồm cả Ngân hàng nhà nước và ngân hàng thương mại) cần thực hiện tốt 5 giải pháp sau đây:

Thứ nhất, *tăng cường đầu tư phát triển hệ thống các kênh giao dịch và thanh toán hiện đại.*

Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống các kênh giao dịch và thanh toán như: ATM, Telephone banking (giao dịch ngân hàng thông qua máy điện thoại), Internet banking (giao dịch ngân hàng thông qua mạng máy vi tính). Hệ thống dịch vụ ATM cần có sự liên kết giữa các ngân hàng để vừa tiết kiệm được vốn đầu tư cho từng ngân hàng, đồng thời bảo đảm cho khách hàng gửi tiền ở một nơi nhưng có khả năng rút tiền ở tất cả các máy trong cùng hệ thống và khác hệ thống ngân hàng. Hệ thống Telephone banking phải bảo đảm khách hàng có thể thực hiện hầu hết các giao dịch ngân hàng, từ việc truy cứu thông tin đến kiểm tra nhật ký tài khoản, đăng ký sử dụng dịch vụ mới, thanh toán và các giao dịch khác liên quan tới thẻ. Đồng thời, hệ thống này phải được xây dựng trên cơ sở bảo mật nhiều tầng, bảo đảm tính an toàn và bí mật cho các giao dịch. Hệ thống Internet banking, ngoài việc cho phép khách hàng có thể sử dụng được hầu hết các sản phẩm dịch vụ ngân hàng truyền thống trong môi trường Internet còn có thể cho phép ngân hàng cung cấp các sản phẩm dịch vụ mới của ngân hàng điện tử.

Mặt khác, hiện tại do hạn chế về vốn đầu tư, về trình độ cán bộ nên không thể nôn nóng tiến hành hiện đại hóa công nghệ tràn lan ở tất cả các hệ thống ngân hàng thương mại. Bởi, như vậy sẽ dẫn đến vốn đầu tư quá lớn, hiệu quả sử dụng thấp mà lại nhanh chóng bị lạc hậu. Do đó, trước hết cần tập trung đầu tư hiện đại hóa công nghệ ngân hàng đạt trình độ quốc tế ở hội sở, tại mạng lưới giao dịch ở các thành phố lớn và trung tâm công nghiệp, trong đó ưu tiên hàng đầu là khâu thanh toán, xử lý dữ liệu thông tin... Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án hiện đại hóa công nghệ ngân hàng do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Có biện pháp khuyến khích các chi nhánh, ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam chuyển giao công nghệ ngân hàng hiện đại cho các ngân hàng thương mại ở trong nước.

Thứ hai, *tiếp tục xây dựng, hoàn thiện công nghệ thanh toán và thông tin ngân hàng.*

Xây dựng và hoàn thiện công nghệ thanh toán theo mô hình thanh toán tập trung trong từng hệ thống, kết nối giữa các hệ thống với trung tâm thanh toán quốc gia, kết nối hệ thống thanh toán của các ngân hàng thương mại với khách hàng. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thanh toán bù trừ, bao gồm hệ thống

Digitized by Google

thanh toán các giao dịch có giá trị cao phục vụ các tổ chức; các giao dịch có giá trị thấp phục vụ nhu cầu cá nhân; hệ thống bù trừ ATM. Tất cả các hệ thống nêu trên phải đáp ứng được yêu cầu về tốc độ thanh toán và sự tiện lợi trong giao dịch, chống rủi ro trong thanh toán.

Phát triển và hoàn thiện hệ thống thông tin ngân hàng, tăng cường hoạt động trao đổi thông tin với khách hàng qua mạng kết nối, qua các trang điện tử... Hệ thống thông tin của mỗi ngân hàng phải đa năng, như: thông tin về các nghiệp vụ ngân hàng, về khách hàng, về quản lý ngân hàng...

Thứ ba, *tích lũy và tập trung vốn cho việc đầu tư phát triển công nghệ ngân hàng hiện đại.*

Vốn là điều kiện tiên quyết giúp các ngân hàng đổi mới và hiện đại hóa công nghệ. Tuy nhiên, việc đổi mới và hiện đại hóa công nghệ phải bảo đảm cho các ngân hàng mở rộng quy mô, nâng cao vị thế, tăng khả năng cạnh tranh, tăng mức độ chịu đựng và chống rủi ro. Vì vậy, nâng cao vốn tự có cho các ngân hàng thương mại Việt Nam là giải pháp có tính cấp bách. Đối với các ngân hàng thương mại quốc doanh, cần tiếp tục thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng kế hoạch đã đề ra (đợt 2, đợt 3 năm 2003 và đợt 4 năm 2004). Tiếp theo (giai đoạn 2005 - 2010), có thể xem xét và xây dựng dự án sáp nhập VCB và ICB để hình thành tập đoàn ngân hàng mạnh của quốc gia. Bởi hai ngân hàng thương mại này có tính chất hoạt động gần giống nhau, cùng tập trung chủ yếu trên địa bàn thành phố, thị xã, khu công nghiệp. Đồng thời, nên xúc tiến giải pháp cổ phần hóa từ 1 đến 2 ngân hàng thương mại quốc doanh, trong đó Nhà nước nắm giữ 50% - 70% cổ phần, tương ứng với số vốn điều lệ hiện tại mà Nhà nước đã đầu tư. Đối với các ngân hàng thương mại cổ phần, tiếp tục thực hiện chương trình củng cố và lành mạnh hóa các ngân hàng thương mại cổ phần, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại cổ phần tăng vốn điều lệ, kiên quyết giải thể hoặc sáp nhập các ngân hàng yếu kém hoặc không có khả năng tăng vốn. Cần tranh thủ các dự án tài trợ về tư vấn, vốn, kỹ thuật... của các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, các ngân hàng nước ngoài...

Thứ tư, *tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp lý theo hướng khuyến khích các ngân hàng thương mại tăng cường mở rộng và phát triển các dịch vụ ngân hàng.*

Triển khai các dịch vụ ngân hàng hiện đại cần có những quy định pháp lý phù hợp với đặc điểm của những loại hình dịch vụ này như: các quy định pháp lý về chứng từ điện tử, chữ ký điện tử, bảo mật, an toàn, xác thực chữ ký điện tử, kiểm soát hệ thống... Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam, nhiều vấn đề pháp lý liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng hiện đại còn bị bỏ ngỏ. Vì vậy, để có căn cứ pháp lý và để góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng công nghệ ngân hàng hiện đại, cần tiếp tục bổ sung và hoàn thiện cơ chế thanh toán điện tử và các văn bản khác có liên quan không chỉ đối với hoạt động thanh toán giữa các ngân hàng mà phải trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế - xã hội.

Thứ năm, *tăng cường công tác đào tạo cán bộ ngân hàng.*

Hiện tại, số lượng cán bộ có đủ trình độ để vận hành và bảo trì hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại của các ngân hàng Việt Nam rất hạn chế. Nếu không quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ am hiểu về lĩnh vực này thì sẽ dẫn đến lãng phí vốn đầu tư, hiệu quả sử dụng công nghệ thấp... Do đó, cùng với các giải pháp nêu trên, các ngân hàng Việt Nam cần đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ về công nghệ thông tin cho cán bộ. Việc bồi dưỡng, đào tạo và tuyển dụng cán bộ phải vừa có thể ứng phó ngay được với thực tế trước mắt, vừa có tính chiến lược lâu dài, bảo đảm cho sự phát triển công nghệ ngân hàng trong tương lai, khắc phục hiệu quả về sự tụt hậu so với thế giới. ❑

Digitized by Google

Tiến tới một xã hội HỌC TẬP

NGỌC HỒ

1 - Nhân loại đang sống trong những biến động nhanh chóng trên các lĩnh vực đời sống xã hội của đầu thế kỷ XXI. Xu hướng toàn cầu hóa đang thu hút ngày càng nhiều quốc gia. Kinh tế tri thức đang và ngày càng đóng vai trò quan trọng, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất. Bước nhảy vọt của khoa học - công nghệ mở ra cho các quốc gia phát triển và đang phát triển những cơ hội và thách thức lớn. Trong bối cảnh đó, giáo dục và đào tạo được xem là một trong những nhân tố quyết định tương lai của các dân tộc. Nhiều thập kỷ qua, hầu hết các nước trên thế giới đã tiến hành cải cách giáo dục nhằm chuẩn bị cho bước nhảy vọt lớn. Nhìn chung, nền giáo dục của các nước đều hướng tới đào tạo những con người có năng lực, đóng góp vào sự tiến bộ xã hội. Tư tưởng cơ bản của các nước trong chiến lược giáo dục là, làm cho hệ thống giáo dục đáp ứng được những yêu cầu của thời đại; tích cực chuyển nền giáo dục sang hệ thống giáo dục cho mọi người, tạo điều kiện giúp mọi người có thể học tập suốt đời; tăng cường phát triển các chương trình phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế - xã hội và thỏa mãn cho mọi đối tượng cần nâng cao trình độ.

Thời cuộc mới đã và đang yêu cầu các nền giáo dục phải chuyển từ hệ thống quản lý đồng nhất hoặc chuẩn hóa sang hệ thống giáo dục đa dạng hóa và mềm dẻo; mở rộng hơn tính tự trị trên cơ sở của tính tự quản và tinh thần trách nhiệm; hiện đại hóa các phương pháp dạy học nghĩa là dùng các phương tiện hiện đại để thực hiện cá thể hóa việc dạy học; chú ý từng xu hướng, năng lực, hứng thú và triển vọng của từng người. Hình ảnh lý tưởng của thế hệ tương lai - mà tất cả các cuộc cải cách giáo dục đều hướng tới - là hình ảnh về con người tự tin, có năng lực thích ứng, sáng tạo và có đạo đức. Để phát triển tiềm năng, con người phải phấn đấu không biết mệt mỏi để học, biết học và học liên tục. Vì lẽ đó, xây dựng một xã hội học tập trở thành một mục tiêu quan trọng của mọi nền giáo dục, của mọi quốc gia, không phân biệt chế độ chính trị.

Vậy xã hội học tập là gì?

Có thể hiểu đó là xã hội mà ở đó ai cũng học tập, học ở mọi lứa tuổi, ở mọi nơi, mọi lúc... Mọi hiện tượng, mọi sự kiện, mọi hoạt động... đều có thể là đối tượng, nội dung học tập. Phương pháp học rất đa dạng, có thể học tập theo những cách ở trường lớp, trong lao động, trong giao tiếp, trong giải trí... và bằng mọi phương tiện thông tin, nối mạng trong và ngoài nước. Xã hội học tập chứa đựng ý tưởng về giáo dục suốt đời, học tập suốt đời, mà cốt lõi của học tập suốt đời là học cách học(1). Như vậy, về cơ bản xã hội học tập là một khái niệm bao hàm ý nghĩa tạo cơ hội bình đẳng, công bằng trong giáo dục, tạo mọi điều kiện để con người được học tập suốt đời. Xã hội học tập đặc biệt quan tâm đến phương pháp học tập, tự học - đây sẽ là phương thức học tập cơ bản của mọi người, của mọi đối tượng.

Liên quan đến xã hội học tập có hai vấn đề cơ bản cần giải quyết: *Thứ nhất* là, khơi dậy nhu cầu học tập của người dân, tạo động lực để họ

(1) Xem thêm Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo: *Từ điển giáo dục học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2001, tr 842

Digitized by Google

tự giác học tập. *Thứ hai,* phát động sự tham gia của các cá nhân, các tổ chức xã hội, chủ động tạo ra các cơ sở học tập cho mọi người.

Để tiến tới xã hội học tập, phải phát huy vai trò của ba phương thức giáo dục: giáo dục chính quy, giáo dục không chính quy và giáo dục phi chính quy(2). Tạo mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, liên thông, liên kết hỗ trợ lẫn nhau cùng thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

2 - Ở Việt Nam, ngay từ khi mới giành được chính quyền (tháng Tám năm 1945), Đảng và Nhà nước ta đã có những quyết sách quan trọng nhằm xây dựng một nền giáo dục mới, đảm bảo quyền lợi và sự bình đẳng, công bằng trong học tập cho mỗi công dân theo ý nguyện của Bác Hồ "ai cũng được học hành"(3), theo quy định của Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1946 xây dựng một "nền sơ học cưỡng bách cho tất cả mọi người "... Đó chính là những bước đi ban đầu của một xã hội học tập. Ngày nay, vấn đề xây dựng xã hội học tập đã trở thành một chủ trương lớn của Đảng. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội IX của Đảng chỉ rõ: "... đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện "giáo dục cho mọi người", "cả nước trở thành một xã hội học tập"(4). Nghị quyết Trung ương bảy (khóa IX) quyết định: "Xây dựng phong trào *cả nước trở thành một xã hội học tập, học tập suốt đời,* trước hết trong cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ"(5).

Xây dựng xã hội học tập không chỉ phù hợp với nguyện vọng và truyền thống hiếu học của nhân dân ta tự ngàn đời mà còn trở thành đạo lý của mỗi người dân Việt Nam thời hiện đại đối với sự hưng thịnh của quốc gia dân tộc. Xây dựng xã hội học tập cũng chính là vận dụng sáng tạo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo nhằm "công nông trí thức hóa. Trí thức công nông hóa"(6).

Trên phương diện pháp lý, các nội dung cơ bản về quyền được giáo dục của công dân và những định hướng quan trọng tạo nền tảng ban đầu cho quá trình thực hiện xã hội học tập ở nước ta đã được quy định cụ thể trong Hiến pháp năm 1992 , trong Luật Giáo dục, trong các Văn kiện của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các văn kiện đó đã đề cập tới những quan điểm cơ bản:

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước ta khẳng định, giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục là nền tảng, là động lực quan trọng thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Quyền được học tập là một trong những quyền cơ bản của công dân. Người dân có quyền lợi và nghĩa vụ thực hiện nền giáo dục bắt buộc, xóa nạn mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, tiến tới phổ cập giáo dục trung học cơ sở và giáo dục phổ thông trung học trong tương lai không xa.

Thứ hai, xây dựng nền giáo dục có tính nhân dân, dân tộc, hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe và thẩm mỹ, phát triển cao nhất năng lực của cá nhân; đồng thời, đào tạo những người lao động có kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, trung thành với lý tưởng độc lập

---

(2) Giáo dục chính quy (formal education) là chương trình giáo dục được thực hiện theo một thể chế hết sức chặt chẽ như trường phổ thông, trường chuyên nghiệp, trường đại học. Giáo dục không chính quy (non- formal education) là những chương trình giáo dục ngoài giáo dục chính quy và cũng có thể hiểu là những chương trình giáo dục ngoài nhà trường. Giáo dục phi chính quy (in- formal education) là những chương trình giáo dục do cá nhân tự xác lập nhằm hoàn thiện nhân cách và kỹ năng nghề nghiệp của bản thân mình mà không phụ thuộc vào chính quy hoặc không chính quy

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr XIX .

(4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 109

(5) *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành trung ương khóa IX,* Nxb Chính trị quốc gia , Hà Nội 2003, tr 25-26.

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd,* 6, tr 204

Digitized by Google

dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên, lập thân, lập nghiệp, có ý thức công dân, góp phần làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thứ ba, phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học - công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo hợp lý về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, vùng miền; mở rộng quy mô trên cơ sở đảm bảo chất lượng và hiệu quả; kết hợp giữa đào tạo và sử dụng; thực hiện nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường kết hợp với gia đình và giáo dục xã hội.

Thứ tư, giáo dục là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục. Đẩy mạnh xã hội hóa; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn dân tham gia sự nghiệp phát triển giáo dục.

Thứ năm, từng bước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi công dân đều được học tập; Nhà nước và xã hội có cơ chế, chính sách giúp đỡ người nghèo học tập, khuyến khích những người giỏi phát triển tài năng; tạo điều kiện cho mọi người, ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học thường xuyên, học suốt đời.

Trên phương diện thực tiễn, hơn nửa thế kỷ qua, nền giáo dục nước nhà đã tiến những bước quan trọng. Ở tầm vĩ mô, ngành giáo dục đã thực hiện cải cách và đổi mới về nhiều mặt. Hệ thống giáo dục quốc dân được cấu trúc thống nhất trong cả nước. Mạng lưới các trường lớp và cơ sở giáo dục và đào tạo được sắp xếp lại theo hướng đa dạng hóa; mục tiêu giáo dục, nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục thường xuyên đổi mới. Quan hệ quốc tế về giáo dục và đào tạo được tăng cường.

Thành tựu to lớn trong công tác xóa nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học (năm 2000) và những kết quả ngành giáo dục đạt được trong hơn nửa thế kỷ qua đã làm thay đổi căn bản về chất nền giáo dục quốc dân, đưa dân tộc ta từ một dân tộc có hơn 90% số người mù chữ thành một dân tộc có dân trí cao (hơn 94% số người biết chữ) so với các nước trong khu vực và thế giới. Đến hết năm học 2002 - 2003, cả nước đã có hơn 22 triệu học sinh, sinh viên đến trường; trong đó, có 15 tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Công tác xã hội hóa giáo dục được tăng cường. Tỷ lệ đầu tư cho giáo dục từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác tăng lên không ngừng: từ 8% (năm 1990), lên 15% (năm 2000), tới 15,6% (năm 2002) và 16,4% (năm 2003). Nguồn kinh phí xã hội đóng góp trong tổng số kinh phí giáo dục ngày càng tăng. Ví dụ, năm 2003, ước đạt 30 - 35% so với năm 2000 là 25%. Nhiều tỉnh tỷ trọng này đạt 50% (như Lâm Đồng, Hà Tây, Thái Bình, Quảng Ngãi), thậm chí lên tới 70% (như Hải Dương, Nam Định, Thanh Hóa, Hà Nội).

Chính phủ đã và đang triển khai nhiều chương trình, đề án lớn huy động đa dạng nguồn lực để phát triển giáo dục và đang từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách vĩ mô về giáo dục, khắc phục yếu kém, bất cập, điều chỉnh cơ cấu, nâng cao chất lượng giáo dục. Đáng chú ý là, ngày 2-7-2003 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *"Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người giai đoạn 2003 - 2015"*. Đây là công cụ điều chỉnh vĩ mô của Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục, là căn cứ để các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cụ thể hóa và triển khai thực hiện kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người thuộc bộ, ngành, địa phương mình. Kế hoạch này cũng là cơ sở để các tổ chức quốc tế, chính phủ các nước và các tổ chức phi chính phủ xác định những biện pháp hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật cho Việt Nam. *"Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người giai đoạn 2003 - 2015"*, thể hiện sự thực hiện cam kết của Việt Nam tại diễn đàn Đa-ka về xây dựng một kế hoạch hành động có chất lượng cao, có tính hiện thực và khả thi. Kế hoạch đã xác định những mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và các tiêu chí cho các thành phần của giáo dục cho mọi người của Việt Nam trong giai đoạn 2003 - 2015 là tập trung vào: *giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học,*

Digitized by Google

giáo dục trung học cơ sở và giáo dục không chính quy[7], nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục, chuyển từ số lượng sang chất lượng và tạo sự phù hợp giữa số lượng và chất lượng; củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và hoàn thành phổ cập trung học cơ sở; tạo cơ hội học tập suốt đời; huy động sự tham gia đầy đủ của mọi người trong cộng đồng vì giáo dục; đảm bảo quản lý hiệu quả và sử dụng tốt nguồn lực .

3 - Nhận thức vai trò quan trọng của giáo dục không chính quy trong hệ thống giáo dục quốc dân, những năm qua ngành giáo dục đã có nhiều giải pháp phát triển giáo dục không chính quy, khơi dậy tiềm năng của toàn dân tiến tới xây dựng một xã hội học tập. Nhiệm vụ của giáo dục không chính quy không còn bó hẹp trong việc thực hiện chức năng xóa mù chữ, bổ túc văn hóa như trước đây mà đã được đa dạng hóa nhằm đảm bảo cung cấp các dịch vụ giáo dục cơ bản, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi người .

Một hệ thống trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, thành phố, quận, huyện và trung tâm học tập cộng đồng xã, phường đang hoạt động có hiệu quả. Mỗi năm có hàng trăm ngàn người được xóa nạn mù chữ, hàng vạn người học nghề ngắn hạn và phổ cập nghề, học ngoại ngữ ở các trình độ A, B, C. Riêng năm học 2002 - 2003, cả nước đã có 56 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, thành phố; 494 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp quận, huyện; 1 500 trung tâm học tập cộng đồng; 478 trung tâm tin học ngoại ngữ và hàng ngàn cơ sở dạy nghề dân lập... Các trung tâm này đã xóa mù chữ cho 74 909 người, bồi dưỡng kiến thức sau xóa mù cho 134 708 người, bổ túc văn hóa các cấp (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) cho 438 190 người, và hàng vạn người theo học tại các trung tâm học tập cộng đồng xã, phường.

Đặc biệt, sự ra đời của các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn xã phường[8] đã tạo ra một bước đột phá mới trong quá trình tiến tới xã hội học tập ở nước ta. Từ 40 trung tâm học tập cộng đồng được tổ chức thí điểm tại 8 tỉnh Hà Nội, Sơn La, Lai Châu, Thái Bình, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Tiền Giang, Kon Tum năm 1999, đến nay cả nước đã xây dựng được 1 500 trung tâm học tập cộng đồng, tạo điều kiện cho hàng vạn người, trong đó có một bộ phận lớn là nông dân theo học. Đi đầu phong trào xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng trong cả nước là các tỉnh Thái Bình, Hòa Bình, Lai Châu, Thanh Hóa... Tỉnh Thái Bình hiện có 284 trung tâm học tập cộng đồng thu hút 168 225 lượt người đến học; tỉnh Thanh Hóa có 73 trung tâm học tập cộng đồng, thu hút 55 907 lượt người tham gia học tập...

Mô hình các trung tâm học tập cộng đồng không chỉ phù hợp với yêu cầu thiết thân của nông dân mà còn có tác động trực tiếp đến quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp, góp phần thúc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hiện nay.

4 - Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận trên, nền giáo dục quốc dân đang phải đương đầu với những thách thức lớn. Hệ thống giáo dục chưa phù hợp với kinh tế - xã hội và ít gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Sự thiếu gắn bó giữa giáo dục chính quy với giáo dục không chính quy và giáo dục phi chính quy hiện nay chưa khơi dậy được nhiều tiềm năng của nền giáo dục quốc dân. Sự bất cập trong phân luồng đào tạo, tâm lý khoa cử nặng nề, thói quen chạy theo thành tích... đã dẫn đến những mâu thuẫn lớn trong phát triển. Có ý kiến cho rằng, hiện nay ngành giáo dục quá coi trọng đào tạo bậc đại học dẫn đến hậu quả "thừa thầy, thiếu thợ " cần được xem xét, cân nhắc và đánh giá trên cơ sở khoa học. Bởi trong thực tế, chúng ta không chỉ thiếu thợ mà thầy cũng thiếu. Tỷ lệ sinh viên/vạn dân của nước ta còn ở mức thấp so với khu vực và thế giới. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề ở các

---

(7) Xem thêm *Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người 2003 - 2005*, Hà Nội, tháng 6-2003

(8) Được sự giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật của UNESCO Băng-cốc và tổ chức NFUAJ (Nhật Bản) , năm 1998 Việt Nam đã xây dựng một mô hình Trung tâm học tập cộng đồng đồng, đây là mô hình học tập mới trên địa bàn xã, phường

Digitized by Google

địa phương còn rất thấp so với yêu cầu phát triển, đặc biệt trong khu vực nông thôn và miền núi, vùng sâu, vùng xa. Năm 1998, tỷ lệ lao động qua đào tạo trong cả nước mới có 11,8%, năm 2001 là 17,05 % và năm 2002 tỷ lệ này là 19,62%, trung bình mỗi năm chỉ tăng khoảng 2%. Năm 1998, tỷ lệ lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trong cả nước mới đạt 3%. Trước mắt, chúng ta còn 75% số lao động chưa được đào tạo nghề cần được đào tạo và khoảng 30 triệu lao động đã có tay nghề cần được đào tạo và đào tạo lại. Đó là một áp lực lớn đang đặt ra cho nền giáo dục quốc dân trong quá trình xây dựng một xã hội học tập.

Làm gì để thoả mãn nhu cầu học tập của mọi người dân? Làm thế nào để đảm bảo cho họ có đủ điều kiện để học tập, học tập thường xuyên và học tập suốt đời? Đó là những câu hỏi lớn đang đặt ra cho ngành giáo dục và toàn xã hội. Với tinh thần đó, chúng tôi xin đề xuất một số vấn đề sau:

Một là, các cấp quản lý và toàn dân cần nhận thức đúng về chủ trương xây dựng xã hội học tập của Đảng. Đồng thời, phải đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, tạo ra một cuộc cách mạng làm chuyển đổi cơ bản nền giáo dục quốc dân theo những mục tiêu đã được xác định trong *"Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2001 - 2010"* và *"Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người giai đoạn 2003 - 2015"* đã được Chính phủ phê duyệt.

Hai là, đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển giáo dục không chính quy, tạo mối liên kết giữa giáo dục chính quy với giáo dục không chính quy và giáo dục phi chính quy. Cần tổng kết, rút kinh nghiệm về mô hình trung tâm học tập cộng đồng để có thể nhân rộng hơn nữa mô hình này trong toàn quốc, và coi đây là một mô hình khả thi, là con đường tất yếu để xây dựng một xã hội học tập trên địa bàn nông thôn.

Ba là, đối với các hình thức giáo dục không chính quy đã được định hình và phát triển tương đối ổn định, như giáo dục từ xa, đào tạo tại chức, liên kết hợp tác đào tạo với nước ngoài... rất cần được tổng kết rút kinh nghiệm và điều chỉnh một cách toàn diện từ nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy đến việc đầu tư trang thiết bị. Cần có sự hỗ trợ một phần kinh phí để người học có thể tự trang bị những phương tiện nghe nhìn, thực hiện tự học có hiệu quả. Nâng cao chất lượng giáo dục không chính quy, phấn đấu để giáo dục không chính quy có chất lượng và hiệu quả như giáo dục chính quy. Không phân biệt đào tạo chính quy với đào tạo không chính quy. Kiên quyết đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong đào tạo không chính quy, đặc biệt trong thi cử, trong đánh giá chất lượng dạy và học. Xây dựng đội ngũ giáo viên chuyên trách về giáo dục không chính quy vững về chính trị, giỏi về chuyên môn.

Bốn là, đẩy nhanh tốc độ đổi mới nội dung chương trình, phương pháp dạy học và học, chú ý đến đặc thù của giáo dục không chính quy là dạy cho người học phương pháp tự học để họ học tập suốt đời. Xây dựng, điều chỉnh và tăng thời lượng các chương trình giáo dục từ xa trên các phương tiện thông tin đại chúng như truyền thanh, truyền hình; nâng cao chất lượng, đổi mới phương pháp truyền thụ thông tin, tạo điều kiện để nhiều người dân có thể học tập ngay tại gia đình.

Giáo dục không chính quy không thể tách rời giáo dục chính quy. Xã hội học tập chỉ được hoàn thiện khi nền tảng giáo dục quốc dân phát triển mạnh mẽ hài hòa, bền vững, khi chủ thể của nó là mọi người dân đều nhận thức được vai trò, trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ của mình đối với việc học tập và tự nguyện học tập suốt đời. Vì vậy, mục tiêu để tiến tới một xã hội học tập là phải xây dựng một nền giáo dục quốc dân hiện đại bền vững.

Xây dựng xã hội học là sự phát triển tất yếu trong lịch sử giáo dục của nhân loại. Tiến tới xã hội học tập là con đường dài, còn muôn ngàn chông gai thử thách. Với nền tảng vững chắc mà nền giáo dục nước nhà đã đạt được trong hơn nửa thế kỷ qua, với sự khởi đầu đầy triển vọng, với những ưu thế to lớn của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa chúng ta nhất định tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc đến một xã hội học tập trong tương lai không xa. ❑

Digitized by Google

Cần có thêm những tác phẩm văn học viết về CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG

LÊ THÀNH NGHỊ*

TRÊN đất nước ta, mỗi ngày qua đi, hiện thực của chiến tranh lại lùi sâu thêm vào quá khứ. Kể từ sau năm 1975, một nhịp sống khác, một lối sống khác, một tâm thế, một sự quan tâm khác... đã dần thay thế và ngày càng in dấu ấn sâu sắc trong tinh thần, tính cách, đạo đức... của con người. Duy có một điều chưa có gì thay đổi, vì chưa tìm ra câu trả lời thuyết phục trong thực tiễn. Đó là nền văn học của chúng ta vẫn còn "mắc nợ" quá khứ chiến tranh. Đòi hỏi chân chính này không chỉ từ phía người đọc, mà còn nằm trong chỗ sâu thẳm nhất trái tim của các nhà văn, đã làm những cây bút giàu lương tâm, giàu lòng nhân đạo không ngớt băn khoăn, suy nghĩ. Tình huống không đến nỗi như chưa tìm ra chìa khóa trước cánh cửa đóng kín, nhưng đã không ít những khó khăn cản trở, đã không ít những lúng túng bất cập của công việc tìm tòi sáng tạo.

Thế kỷ XX qua đi được ghi nhận ngoài sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ, của sự chinh phục vũ trụ, cũng là thế kỷ của bạo lực và những cuộc chiến tranh tàn khốc tầm thế giới, mang tính hủy diệt hàng loạt. Và như một hệ quả tất yếu, thế kỷ XX cũng chứng kiến phong trào giải phóng dân tộc phát triển chưa từng thấy trên phạm vi toàn cầu. Hàng chục triệu người tham gia chiến tranh và đã ngã xuống trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, giải phóng dân tộc, bảo vệ lý tưởng xã hội mà họ đã lựa chọn. Chiến tranh cũng là một biến cố thách thức những trái tim nhân đạo của những tên tuổi lớn như M. Goóc-ki, J.P. Sác-trơ, Th.Man, H. Bác-buýt, A. Mai-lơ, E. Huê-ming-uê, v.v.. Và họ lập tức có mặt trên những diễn đàn quốc tế, lớn tiếng phản đối quyết liệt chiến tranh tàn bạo khi chiến tranh vừa xảy ra. Rồi hàng chục ngàn người, trong đó có nhiều nhà văn đã tự nguyện đến Tây Ban Nha cầm súng bảo vệ nền cộng hòa; rồi những H. Bác-buýt, E. Rô-mác, I. Ê-ren-bua, M. Sô-lô-khốp... đã kịp thời có mặt trong các chiến hào để tận mắt nhìn thấy bộ mặt khủng khiếp của chiến tranh, kịp thời cảnh báo cho nhân loại sự khát máu của những kẻ gây chiến.

Cuộc chiến tranh mà thực dân Pháp và đế quốc Mỹ tiến hành ở Việt Nam nhằm tiêu diệt một quốc gia, một dân tộc, đã đưa mức độ khốc liệt đến cực điểm. Kẻ thù đã từng toan tính sẽ ném bom nguyên tử để Việt Nam trở về thời kỳ nguyên thủy. Nhưng chính trong những ngày khó khăn đó của chiến tranh, Việt Nam đã thu hút sự đồng cảm to lớn của nhân loại, sự ủng hộ kịp thời của các nghệ sỹ lớn trên thế giới, từ X. Lít-man và J.P. Sác-trơ, J. Phôn-đa và J. Ba-e, An-tô-kôn-xki và Xi-mô-nốp... Trong những ngày đó hình như không có một nhà văn Việt Nam nào không viết về.

---

* TS, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Văn nghệ Quân đội

Digitized by Google

chiến tranh, một hành vi vừa là lương tâm vừa là trách nhiệm, vừa là cảm hứng sáng tạo, vừa là nơi xuất phát của triết lý, suy tưởng... Một thống kê của Chi hội nhà văn Quân đội cho thấy có 303 nhà văn đã và đang phục vụ trong lực lượng vũ trang. Một tỷ lệ không nhỏ so với tổng số hội viên Hội Nhà văn lúc ấy. Điều đó cho thấy đã có lúc viết về chiến tranh cách mạng là dòng chảy chính của văn học Việt Nam hiện đại, cho thấy cảm hứng nghệ thuật của chủ thể sáng tạo đã gặp gỡ tự nguyện với nhiệm vụ chính trị của thời đại, cho thấy sự cố gắng phi thường của các nhà văn trong cuộc kháng chiến vừa qua của dân tộc.

Thế kỷ XXI, cũng là thiên niên kỷ thứ 3 vừa mới bắt đầu được vài năm, thế giới lại rung chuyển bởi một cuộc chiến tranh có quy mô lớn, bất chấp mọi công ước quốc tế, lẽ phải với những toan tính về sự thống trị tuyệt đối của "chân lý thuộc về kẻ mạnh". Cho đến hôm nay, một chính thể đã bị xóa sổ, hàng ngàn con người đã thiệt mạng, một dân tộc nghèo xơ xác đang có nguy cơ rơi vào hỗn loạn. Điều cần cảnh giác là sau I-rắc thì miền đất nào, đang ở trong tầm ngắm của các loại vũ khí quân sự, còn lý do thì chúng ta ai cũng nhớ một bài học về màn hài kịch của "sự kiện vịnh Bắc Bộ" năm nào!

Chiến tranh xảy ra bởi nhiều nguyên nhân, nhưng không nằm ngoài những toan tính của con người. Một công ước của Liên hợp quốc ghi rõ: "Do chiến tranh bắt đầu từ trong đầu óc con người, nên phải dựng lên từ trong đầu óc con người những phòng tuyến hòa bình". Chúng ta đã từng đọc Huê-ming-uê, Rô-mác, Bác-buýt, Sô-lô-khốp, đã từng đọc Nguyễn Thi, Nguyên Ngọc, Nguyễn Minh Châu, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Trần Hiếu Minh, Phan Tứ, Nguyễn Khải, Hồ Phương, Hữu Mai, Xuân Thiều, Nam Hà, Nguyễn Trọng Oánh, v.v.. và v.v.. Những trang viết của họ không chỉ miêu tả hiện thực chiến tranh, phục vụ chính trị, làm công tác tuyên truyền kịp thời mà còn làm hình thành trong người đọc ý thức căm ghét chiến tranh phi nghĩa, và khát vọng hòa bình chân chính. Văn học viết về chiến tranh vì vậy còn là những trang viết góp phần ngăn chặn chiến tranh trong tương lai, bằng cách làm hình thành trong hàng ngũ những người biểu tình phản đối chiến tranh hôm nay cũng như hàng chục triệu người khác, phòng tuyến vững chắc bảo vệ hòa bình. Những cuốn sách viết về chiến tranh cũng như những ý tưởng tốt đẹp về xã hội con người, vì vậy vẫn còn mang tính thời sự, tính nhân đạo và tính nhân loại, cho dù, triết lý về điều thiện của L. Tôn-xtôi, khế ước xã hội tốt đẹp của Rút-sô, ý tưởng về cái đẹp sẽ cứu thế gian của Đốt-xtôi-ép-xki... đã chưa thể ngăn chặn được cái ác!

Trên tiến trình 50 năm, văn học Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc phản ánh hiện thực chiến tranh cách mạng. Với vị trí từng là dòng chảy chính của nền văn học, những tác phẩm viết về chiến tranh đã tiếp tục truyền thống của văn học quá khứ, làm hình thành bản sắc văn hóa của dân tộc bởi chủ nghĩa yêu nước Việt Nam mà không phải nền văn học nào cũng có phẩm chất cao quý đó. Ngày nay, có dịp đọc lại những tác phẩm này, không chỉ bị xúc động bởi tinh thần quả cảm hy sinh của các nhà văn đã từng bám sát dài lâu trên các mặt trận, mà còn có dịp tiếp xúc với muôn mặt hiện thực chiến tranh, một thứ hiện thực "tươi ròng", được làm nên từ tài năng, trí tuệ, máu và mồ hôi của người sáng tạo. Nếu để tìm hiểu cuộc sống, tìm hiểu lòng yêu Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trong chiến tranh, thiết nghĩ không ở đâu đầy đủ hơn, chính xác hơn trong những tác phẩm văn học viết về chiến tranh mấy chục năm qua.

Nhưng ai cũng nhận thấy văn học và cuộc sống vẫn còn khoảng cách đáng kể, mặc dù từ

Digitized by Google

sau năm 1975, rất nhiều cố gắng của các nhà văn đáng được ghi nhận, nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách đó. Những cố gắng thay đổi phương hướng tiếp cận hiện thực và ngay cả quan niệm về hiện thực, thay đổi bút pháp thể hiện đã tạo nên những phẩm chất mới của những tác phẩm viết về chiến tranh. Chúng ta có thể kể tên rất nhiều tiểu thuyết của Khuất Quang Thụy, Nguyễn Trí Huân, Chu Lai, Trung Trung Đỉnh, Bảo Ninh, Dương Hướng, Lê Văn Thảo, Nguyễn Phan Hách, Phùng Khắc Bắc, Nguyễn Quang Hà, v.v.. và v.v.. Trong những tác phẩm văn học viết sau chiến tranh của họ, hiện thực chiến tranh được khám phá, đào xới đến những tầng sâu, ngày càng gần hơn với bản chất của cuộc chiến đấu. Đó là cảm hứng khai thác các tình huống bi đát, bi kịch, các tình huống tiêu cực của một số cá nhân trong chiến tranh. Nó góp phần trả lời cho những băn khoăn chính đáng của người đọc, rằng văn học ta trong chiến tranh chỉ mới chú ý đến chủ đề đấu tranh cho tự do, mà chưa chú ý đến đấu tranh cho chân lý, rằng văn học viết về chiến tranh của ta cần có cái nhìn toàn diện hơn về chiến tranh, khi cuộc chiến đã đi qua, v.v.. và v.v.. Nhưng có điều cần ghi nhận ở những tác phẩm này là cho dù phản ánh cái bi đát, bi kịch, tiêu cực đến đâu cũng không làm người đọc mất đi niềm tin to lớn vào đại cục. Bí quyết có lẽ nằm ở thái độ đối với hiện thực, trách nhiệm đối với người đọc của các tác giả. Ngoài tiểu thuyết, đặc biệt là các tập trường ca có dung lượng lớn, có xu hướng khái quát, muốn phản ánh hiện thực chiến tranh toàn diện trên những cảm hứng sử thi, cảm hứng anh hùng ca mà nhân vật trọng tâm là hình ảnh nhân dân, dân tộc đang chiến đấu, nhân vật trữ tình là chính bản thân tác giả với tư cách là người trong cuộc, đã ra đời từ những năm tháng sau chiến tranh của Nguyễn Khoa Điềm, Hữu Thỉnh, Thanh Thảo, Trần Mạnh Hảo, Văn Lê, Anh Ngọc, Nguyễn Đức Mậu, Vương Trọng, v.v.. và v.v.. Rất dễ nhận thấy đã hình thành trong văn học Việt Nam từ sau 1975 một chất lượng mới, một thành tựu mới trên cơ sở khắc phục dần những bất cập của văn học giai đoạn trước. Những thành tựu này đã đến lúc cần được nghiên cứu, tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm để tiếp tục phát triển văn học giai đoạn sắp tới.

Nhưng có lẽ trên nhiệt tình muốn thay đổi cách nhìn, cách nghĩ, cách viết về chiến tranh để đáp ứng những đòi hỏi hôm nay của người đọc, đã xuất hiện một số cuốn sách, một vài truyện ngắn lệch lạc, xa lạ gây những dư luận không tốt trong xã hội. Không phải chỉ là non yếu trong bút pháp, vội vã trong câu chữ, suồng sã quá đáng trong trần thuật, vấn đề hệ trọng hơn nằm trong cốt tử của quá trình sáng tạo, đó là sự nhìn nhận sai lạc, xa lạ với bản chất hiện thực chiến tranh, bản chất Anh Bộ đội Cụ Hồ và vì vậy trong những tác phẩm này, các tác giả đã vô tình đánh mất phần cơ bản nhất của cuộc chiến tranh, đó là sự hy sinh không bờ bến của nhân dân trong sự nghiệp lớn. Đi sâu vào những rắc rối cá nhân có phần bệnh hoạn, quên đi cả một tập thể đang anh dũng hy sinh vì Tổ quốc, một cách nhìn mang màu sắc "giải huyền thoại", "giải cái anh hùng", vô tình phù hợp với những cố gắng của các triết gia phương Tây trong việc hạ bệ cái anh hùng sau mỗi cuộc chiến tranh, mà tiêu biểu gần đây là S.Ph. Hun-ting-tơn, một chính trị gia Hoa Kỳ, trong thuyết "sự đụng độ giữa các nền văn minh" đã bộc lộ ý thức phủ định huyền thoại của dân tộc khác ngoài Mỹ, không ngớt cố gắng để "giải thiêng" một truyền thống, làm "nhạt đạo" một lý tưởng, làm khô kiệt tiềm năng anh hùng trong tâm thức của một dân tộc. Quả thật họ sẽ hài lòng biết bao khi có trong tay những cuốn sách, những truyện ngắn... như vậy.

Digitized by Google

Đúng là không ai bằng lòng với những gì văn học đã viết về hai cuộc kháng chiến vừa qua. Thành tựu dù đã được khẳng định, nhưng việc cần phải vượt qua cách viết như cũ để có thêm những tác phẩm sâu sắc hơn, hay hơn về chiến tranh đã trở nên bức thiết, đặc biệt khi chiến tranh càng ngày càng lùi sâu vào quá khứ. Nhưng nếu trước đây chúng ta viết về "cái đang xảy ra", cái "hiện thực dâng sẵn", thì lúc này biết bao khó khăn, thử thách của những ngòi bút muốn đi sâu khám phá "cái đã xảy ra" từ lâu, cái đang bị khuất chìm giữa bao bề bộn, ngổn ngang của hiện thực cuộc sống mới. Có cảm giác các nhà văn tham gia kháng chiến chống Pháp, dù chưa muốn "rửa tay gác kiếm" thì cũng đã ít nhiều "lực bất tòng tâm", các nhà văn trực tiếp tham gia chống Mỹ, tuy ngòi bút vẫn còn sung sức, nhưng có biết bao nhiêu rào cản của cơ chế thị trường, mà họ vốn xa lạ, vốn phải chống đỡ. Việc viết về chiến tranh ở họ, vì vậy nhiều trường hợp được xem là sự hy sinh. Còn những nhà văn lớp sau, ai cũng biết, hiện thực chiến tranh đối với họ dù cao đẹp đến đâu cũng chưa phải là sự quan tâm thường trực. Khi sự sáng tạo không còn trong hành vi tự nguyện, trong sự bức xúc thường trực, thì văn học vì vậy cũng đang đứng trước những thách thức lớn.

Những thách thức này hình như càng lúc càng nặng nề. Những năm qua Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị có rất nhiều hoạt động nhằm ủng hộ để các tác giả có thêm điều kiện tốt tiếp tục viết về đề tài này. Đã có những chương trình khá cụ thể để đầu tư bước đầu cho những cây bút có kế hoạch viết về cuộc kháng chiến của dân tộc. Khi ý định của tổ chức gặp gỡ với khát vọng sáng tạo của nhà văn, tinh thần công dân của mỗi ngòi bút và sự đòi hỏi của bạn đọc, thì đó là động lực để có thêm các tác phẩm văn học mới, có thể góp phần trả món nợ trách nhiệm văn chương to lớn mà lịch sử dân tộc đã đặt ra và đang chờ đợi.❑

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG...

(Tiếp theo trang 20)

chính sách tôn vinh, khuyến khích sự tận tâm thực hiện công vụ, khen thưởng thích đáng về vật chất và tinh thần cho cán bộ, công chức làm việc tốt, tận tụy và trong sạch.

Hoàn thiện cơ chế quản lý cán bộ, công chức, tăng cường hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa và xử phạt sự vi phạm đạo đức công vụ. Thực hiện công khai hóa quá trình tuyển chọn, sử dụng, đánh giá cán bộ, công chức, đưa các yếu tố về đạo đức công vụ vào nội dung tuyển dụng và đánh giá kết quả hoạt động. Phải có quy định rõ, cụ thể các hành vi cán bộ, công chức được làm hoặc không được làm, công khai các lợi ích của công chức, có chế tài xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức công vụ, tùy theo mức độ vi phạm, kể cả truy cứu trách nhiệm hình sự. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm soát nội bộ chặt chẽ nhằm phát hiện các nguy cơ dẫn đến tiêu cực, tham nhũng.

Phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức và hoạt động công vụ, đảm bảo quyền dân chủ cơ sở để dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ của cán bộ, công chức. Hoàn thiện cơ chế quản lý cán bộ, công chức, làm rõ thẩm quyền quản lý từng loại cán bộ, công chức của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị; định rõ quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong quản lý hoạt động công vụ của cán bộ, công chức thuộc quyền.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế về đạo đức công vụ, có các quy định cụ thể, đầy đủ về tiêu chuẩn đạo đức cho các loại cán bộ, công chức, xây dựng một hệ thống đạo đức nghề nghiệp; trên cơ sở đó, hoàn thiện dần thể chế đạo đức công vụ để xây dựng Luật Công vụ trong thời gian tới, trong đó đề cập toàn diện các quy định về đạo đức công chức. ❑

Digitized by Google

CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI: THÀNH TỰU VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGUYỄN CHÍ ĐỊNH*

NẰM ở phía Nam Tổ quốc, Đồng Nai có diện tích tự nhiên 5 862 km^2, với độ cao trung bình gần 100 m so với mặt nước biển. Hơn nữa, với cơ cấu quỹ đất phong phú, gồm nhiều loại đất chất lượng cao, nền đất lý tưởng, kết cấu ở thể rắn chắc, là điều kiện lý tưởng cho Đồng Nai mở mang xây dựng các khu công nghiệp tập trung. Nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình hằng năm dịch chuyển từ 25,4^0 đến 27,2^0 C và lượng mưa trung bình trong năm là 1 800 - 1 860 mm, Đồng Nai có nguồn tài nguyên nước dồi dào, tiềm năng thủy điện lớn, đủ sức cung cấp khoảng 70 000 m^3 nước/ngày đêm cho các đô thị và khu công nghiệp.

Đồng Nai có 2 113 937 người, mật độ trung bình là 341 người/km^2, phân bố không đều. Dân số Đồng Nai tương đối trẻ, số người từ 15 đến 59 tuổi chiếm trên 55,4% dân số toàn tỉnh, trong đó số người trong độ tuổi từ 15 đến 30 chiếm gần 30%.

Các điều kiện về tự nhiên và xã hội trên đã tạo thuận lợi tốt cho việc phát triển công nghiệp Đồng Nai.

Thực trạng công nghiệp Đồng Nai

Thời kỳ trước năm 1986

Công nghiệp Đồng Nai trước năm 1975 phụ thuộc hoàn toàn vào sự viện trợ của Mỹ. Tuy có phát triển hơn nhiều địa phương khác ở miền Nam, nhưng trong toàn bộ nền kinh tế, tỷ trọng công nghiệp vẫn nhỏ bé.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), dù cơ chế quản lý tập trung bao cấp đã chi phối mạnh đến sự hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Đồng Nai nói chung và cơ cấu kinh tế công nghiệp nói riêng. Nhưng đã xuất hiện những hiện tượng *"phá rào"* với tư cách là sự chối từ cơ chế quản lý này và là dấu hiệu khởi đầu cho sự ra đời của cơ chế quản lý thích hợp hơn trong thời kỳ tiếp theo.

Công nghiệp Đồng Nai trong thời kỳ đổi mới

Thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng khởi xướng, Đại hội lần thứ IV Đảng bộ tỉnh Đồng Nai xác định và tiến hành chuyển đổi cơ chế quản lý cũ sang cơ chế quản lý mới; từ nền kinh tế hai thành phần, lấy kinh tế quốc doanh làm trụ cột sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường; đồng thời, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng về xuất khẩu, phát huy lợi thế so sánh của vùng sinh thái đặc biệt.

Những năm đầu, để phát triển công nghiệp, Đồng Nai cơ cấu lại vùng kinh tế công nghiệp theo hướng quy hoạch tập trung các khu

* TS. Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai

Digitized by Google

công nghiệp để có định hướng phát triển chung, đồng thời chú ý khắc phục dần những mặt hạn chế do lịch sử để lại. Theo đó, 17 khu công nghiệp với tổng diện tích 8 121 héc-ta, trong đó Chính phủ đã phê duyệt 10 khu công nghiệp với tổng diện tích 2 720 héc-ta và gần đây nhất, đã có thêm 5 khu công nghiệp được Bộ Xây dựng quy hoạch chi tiết... đã hình thành. Đến tháng 7-2003, tổng diện tích đất cho thuê là 1 338,65 héc-ta, chiếm 69,07% quỹ đất đã quy hoạch. Trong số 487 dự án đầu tư có tổng vốn đăng ký là 5 469 triệu USD, đã có 336 dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, với số vốn đầu tư là 4 609 triệu USD, bằng 84,28% tổng số vốn đăng ký. Các khu công nghiệp này đã thu hút 152 896 lao động.

Việc quy hoạch các khu công nghiệp tập trung đã định hình các ngành công nghiệp, định hướng cho nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển công nghiệp trên nhiều ngành, trong đó có ngành kỹ thuật công nghệ cao. Điều đó góp phần tạo cho công nghiệp Đồng Nai tăng trưởng nhanh, bền vững, chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặt khác, việc quy hoạch đã tạo ra môi trường sản xuất công nghiệp mang tính hiện đại, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, đồng thời tạo thuận lợi cho việc tổ chức, quản lý, kiểm tra, kiểm soát và đảm bảo an ninh quốc phòng; làm cho Đồng Nai trở thành một trong những động lực quan trọng đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Mặt khác, Đồng Nai chú trọng phát triển kinh tế công nghiệp với cơ cấu nhiều thành phần.

Công nghiệp quốc doanh trung ương sau thời gian sắp xếp lại, đã thực sự chuyển biến cả về năng suất, chất lượng và hiệu quả. Tính đến năm 2001, 33 cơ sở sản xuất đều chú trọng đầu tư sản xuất các sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng quy mô sản xuất. Nếu giá trị sản xuất công nghiệp năm 1999 là 4 505 709 triệu đồng, chiếm 29,33% thì năm 2000 đạt 4 375 triệu đồng, chiếm 24,32% và năm 2001 chỉ còn 4 383 triệu đồng, chiếm 21,55% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

Công nghiệp quốc doanh địa phương đạt tốc độ phát triển bình quân 4 năm (1996-1999) là 10,93%. Nếu giá trị sản xuất công nghiệp năm 2000 là 1 107 193 triệu đồng, chiếm 6,15% giá thì năm 2001 đạt 1 373 300 triệu đồng, chiếm 6,75% giá trị toàn ngành công nghiệp. Sau khi củng cố và sắp xếp lại, hiện Đồng Nai còn 27 doanh nghiệp công nghiệp quốc doanh địa phương, với 11 494 lao động. Nếu tính lũy kế 7 tháng thực hiện của năm 2003, công nghiệp quốc doanh địa phương của tỉnh đã đạt 1 006,8 tỉ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2002 và đạt 59,6% kế hoạch năm.

Tính đến năm 2001, *công nghiệp ngoài quốc doanh* chiếm 12,27% trong cơ cấu công nghiệp toàn tỉnh. Với tốc độ phát triển bình quân đạt 17,53 %/năm, đây là khu vực có tốc độ phát triển tương đối cao. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn ngày càng tăng: năm 1995 đạt 563 207 triệu đồng, (giá cố định 1994), chiếm 7,88% tới năm 2001 đạt 249 619,7 triệu đồng, chiếm 12,27%. Dự tính riêng tháng 7-2003, khu vực kinh tế này đạt giá trị sản xuất là 344,2 tỉ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước. Lũy kế 7 tháng năm 2003 thực hiện là 2 216,3 tỉ đồng, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2002 và đạt 49,2% kế hoạch năm.

Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh không chỉ có quy mô đầu tư ngày càng lớn mà từng bước đổi mới trang thiết bị theo hướng hiện đại, đã tham gia xuất khẩu nhiều mặt hàng, thu hút nguồn vốn và lao động khá lớn; khơi dậy và phát huy tiềm năng của bộ phận đông đảo dân cư tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế; góp phần thúc đẩy tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp gắn với thị trường; tăng khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế và thúc đẩy quá trình đa dạng hóa sở hữu, v.v..

Đồng Nai là một trong những tỉnh có khả năng thu hút đầu tư nước ngoài mạnh. Thực tế

Digitized by Google

cho thấy, *công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài* đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của Đồng Nai và đưa tốc độ phát triển công nghiệp tăng cao so với cả nước.

Điều đáng chú ý ở đây, khác với khu vực kinh tế khác, công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có tỷ trọng ngày càng cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh: từ 1,02% (năm 1992) lên 8,93 (năm 1994), tới 58,99% (năm 1999) và đạt 59,43% (năm 2001). Nếu tính lũy kế 7 tháng của năm 2003, đã thực hiện 9 737,8 tỉ đồng, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm 2002 và đạt 58,1% kế hoạch năm.

Công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã thu hút lực lượng lao động tương đối lớn và ngày càng tăng. Nếu năm 1995 chỉ có 23 027 lao động, chiếm 29,52% lao động công nghiệp, thì năm 1999 tăng lên 139 214 lao động, chiếm 56,90% và năm 2001 là 161 946 lao động, chiếm 56,17% tổng số lao động. Do có chính sách kinh tế cởi mở, công nghiệp phát triển nên đã thu hút trên chục vạn lao động, giải quyết một lượng lao động dôi dư và làm giảm một phần đáng kể gánh nặng cho xã hội, hạn chế các tệ nạn xã hội do thiếu việc làm xảy ra. Đồng thời, đã đóng góp cho nguồn thu ngân sách của Nhà nước, làm tăng quỹ tích lũy, tạo nguồn vốn lớn để đầu tư xây dựng phát triển kinh tế - xã hội nói chung và tiếp tục đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu cho công nghiệp tiếp tục tăng trưởng nói riêng. Tuy nhiên, trong khu vực này đã và đang đặt ra không ít vấn đề: trong 6 tháng năm 2003 có 8 vụ đình công không theo đúng trình tự của Luật Lao động và đã được giải quyết thỏa đáng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai là: "Đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. *Đối với thị trường nước ngoài:* tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường truyền thống, có kế hoạch, biện pháp tiếp thị thâm nhập vào các thị trường mới", công nghiệp Đồng Nai trong những năm qua đã đóng góp to lớn trong lĩnh vực xuất khẩu, cả về tổng lượng và tổng kim ngạch, với tốc độ không ngừng tăng. Nếu năm 1995 chỉ đạt 228,348 triệu USD; năm 1999 là 1247,019 triệu, thì đến năm 2001 là 1 599,852 triệu USD. Và tính riêng lũy kế 7 tháng đầu năm 2003, tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn thực hiện đạt 990,7 triệu USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm 2002 và đạt 54,5% kế hoạch. Về cơ cấu ngành hàng, ngoài những mặt hàng truyền thống như: cà-phê, ngô, hàng thủ công mỹ nghệ,... đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng sản phẩm công nghiệp và nông, lâm sản chế biến. Mặt khác, số lượng, chất lượng và ngành hàng xuất khẩu ngày càng được mở rộng và nâng cao nhờ đổi mới đầu tư thiết bị, mở ra nhiều mặt hàng công nghiệp mới, như hàng mộc tinh chế, hàng may mặc, sơn, khăn tắm, sản phẩm nhựa, cao-su, thực phẩm đóng hộp...

Nhờ đó, công nghiệp Đồng Nai đã đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển công nghiệp của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nếu tổng giá trị sản lượng công nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chiếm trên 50% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước, thì riêng công nghiệp Đồng Nai, năm 1996, đã chiếm 15,1% và đến năm 1999 tăng lên 16,3%.

Nhìn tổng quát, quá trình công nghiệp hóa ở Đồng Nai trong những năm vừa qua, tuy có những bước thăng trầm do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, song những thành tựu đạt được là đáng ghi nhận:

- Từ chỗ bị lệ thuộc nặng vào nước ngoài về nguyên liệu, phụ tùng thay thế, mất cân đối và bị bóp méo bởi chiến tranh đã chuyển sang chủ động đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất, đời sống và xuất khẩu.

- Sự chuyển dịch mạnh mẽ của công nghiệp theo hướng hiện đại hóa đã chiếm tỷ trọng vượt trội trong GDP của tỉnh: từ 38,7% (năm 1995) tới 50,34% (năm 1999) và 53,64% (năm 2001). Phấn đấu đến năm 2005, công nghiệp chiếm 56% GDP, tăng từ 13 đến 15%.

- Đồng Nai đã tập trung xây dựng những kết cấu kinh tế - kỹ thuật và kinh tế - xã hội, kết cấu

Digitized by Google

hạ tầng cần thiết cho sản xuất công nghiệp, tạo điều kiện cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại 17 khu công nghiệp tập trung, có sức hấp dẫn, thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài, với sự cân đối cần thiết có công nghiệp chế biến phát triển, công nghiệp sản xuất sản phẩm trung gian và một số ngành công nghiệp khác. Coi trọng và tập trung sức phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thực phẩm, phát triển ngành công nghiệp mũi nhọn (kỹ thuật điện tử...). Do đó, đã thu hút được lượng lao động khá lớn, đóng góp to lớn cho xuất khẩu, phát huy nội lực.

- Cơ cấu kinh tế công nghiệp Đồng Nai bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng tiến bộ, phát huy lợi thế so sánh của một tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ hai thành phần sang nhiều thành phần trong công nghiệp đã khơi dậy các tiềm năng, nguồn lực, mở rộng giao lưu hợp tác với nước ngoài, trong đó khu vực đầu tư nước ngoài tăng mạnh và chiếm tỷ trọng cao. Qua đây, đã hình thành được đội ngũ lao động đông đảo (bao gồm kỹ sư, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề), có trình độ văn hóa kỹ thuật. Đây là vốn quý để thực hiện quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp của Đồng Nai trong những năm sắp tới.

Tuy có bước phát triển khá nhưng công nghiệp Đồng Nai vẫn đang đứng trước nhiều vấn đề cấp bách cần giải quyết, nhằm phát triển nhanh và đúng hướng:

- Mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển với tình trạng công nghệ trung bình, nhất là khu vực có vốn đầu tư trong nước, trong khi chính sách công nghệ còn chưa thích hợp và có hiệu lực để hoàn thiện việc kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại và đi ngay vào hiện đại ở những khâu quyết định. Khả năng chiếm lĩnh thị trường trong nước và nước ngoài của hàng hóa còn yếu, chưa có những bạn hàng lớn, sức cạnh tranh yếu cả thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Yêu cầu tăng nhanh tỷ trọng của công nghiệp trong GDP với tốc độ tăng tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp chưa tương xứng. Điều đó cho thấy, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn diễn ra còn chậm chưa phục vụ đắc lực cho nông nghiệp phát triển.

- Yêu cầu giữa phát triển công nghiệp trong ngành có kỹ thuật cao, mũi nhọn với việc đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản trị - kinh doanh giỏi trong nền kinh tế thị trường, đội ngũ lao động kỹ thuật có trình độ cao đang là một thách thức lớn.

- Mâu thuẫn giữa khả năng xử lý chất thải ô nhiễm môi trường do công nghiệp gây ra với đòi hỏi phát triển công nghiệp và kinh tế - xã hội bền vững.

Theo đánh giá của cơ quan chuyên môn về quản lý, bảo vệ môi trường, trung bình mỗi ngày trên địa bàn có khoảng 200 tấn chất thải rắn và một lượng chất thải lỏng (chưa thể định lượng). Số liệu thống kê cho thấy, toàn ngành công nghiệp chỉ có 36,2% số doanh nghiệp; trong đó, khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng mới chỉ có 57,62 % số doanh nghiệp có hệ thống xử lý chất thải. Đây là tỷ lệ thấp so với yêu cầu.

Với những thành tựu, tiến bộ của công nghiệp Đồng Nai trong những thập niên vừa qua. Đảng bộ và ban ngành chức năng của tỉnh không chủ quan, thỏa mãn với những thành tựu đã đạt được. Trước mắt, tiếp tục tập trung sức giải quyết hiệu quả những yếu kém, khó khăn trên, cùng cả nước chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc biệt, trong quá trình hội nhập, việc nhận thức đầy đủ, xây dựng được chương trình, kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế của mình một cách phù hợp là hết sức quan trọng; Mặt khác, nâng cao sức cạnh tranh của công nghiệp có vốn đầu tư trong nước theo hướng đổi mới mạnh mẽ trang thiết bị công nghệ, nâng cao đời sống mọi mặt của công nhân.❑

Digitized by Google

ĐÀ NẴNG thức dậy những tiềm năng

NGUYỄN THỊ VY

Kể từ khi trở thành thành phố trực thuộc trung ương cách đây 7 năm, nhất là mấy năm trở lại đây, Đà Nẵng đã trở thành điểm sáng về phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục, an ninh - quốc phòng, nhất là giải phóng mặt bằng và chỉnh trang đô thị. Năm 2003 có ý nghĩa rất trọng đại đối với toàn Đảng bộ và nhân dân khi Đà Nẵng được công nhận là đô thị loại I và Bộ Chính trị ra Nghị quyết về *"Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*. Đây là phần thưởng xứng đáng đối với Đảng bộ và nhân dân Đà Nẵng trong những năm qua.

Đà Nẵng nằm ở trung độ của cả nước, có vị trí trọng yếu về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng; là đầu mối giao thông về đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không, cửa ngõ chính ra Biển Đông của các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên và các nước tiểu vùng sông Mê Công. Cùng với Quảng Nam, đây là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, trung dũng, kiên cường trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Nơi đây những tên làng, tên đất, tên người cùng những chiến công oanh liệt, những tấm gương chiến đấu quả cảm, hy sinh anh dũng vẫn còn hiển hiện, hòa quyện trong cuộc sống hôm nay. Trong sự nghiệp đổi mới, Đà Nẵng tìm tòi, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, quyết tâm xây dựng thành phố trở thành trung tâm kinh tế - xã hội có sức lan tỏa tới các tỉnh của miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Trong gần 3 năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Đại hội XVIII của Đảng bộ thành phố, Đảng bộ và nhân dân Đà Nẵng đã đoàn kết nhất trí khắc phục khó khăn, khai thác tiềm năng và lợi thế, huy động nội lực, tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài để xây dựng và phát triển thành phố đạt được nhiều thành tựu trong tất cả các lĩnh vực.

Tổng sản phẩm của Đà Nẵng trong 3 năm (2000 - 2003) tăng bình quân 12,46%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp với xu thế chuyển đổi cơ cấu kinh tế chung của cả nước theo hướng giảm tương đối tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ. Ước tính trong 3 năm qua, ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 41,26% lên 45,92%; ngành dịch vụ giảm từ 50,88% xuống còn 48,06%; ngành nông nghiệp giảm từ 7,86% còn 6,02%. GDP bình quân đầu người tăng dần theo từng năm, từ 6,91 triệu đồng (năm 2000) đến 10,78 triệu đồng (ước đạt năm 2003). Giá trị dịch vụ tăng bình quân hằng năm là 10,92%. Thương nghiệp thành phố đảm nhận vai trò là trung tâm bán buôn, là đầu mối về xuất nhập khẩu của các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Các hoạt động dịch vụ tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính - viễn thông, vận tải... đều phát triển. Một số trung tâm thương mại - siêu thị được hình thành, một số chợ được

Digitized by Google

xây dựng mới khang trang, sạch đẹp. Ngành du lịch được chú ý đầu tư, ngày càng có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của thành phố. Lượng khách du lịch tăng bình quân 9,28%/năm, với tổng doanh thu thực hiện trong 3 năm ước khoảng 943 tỉ đồng. Đà Nẵng nằm liền kề với ba di sản văn hóa thế giới (Hội An, Mỹ Sơn, Huế) tạo thành tuyến du lịch liên hoàn có sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong nước và nước ngoài. Đặc biệt, mấy năm gần đây, đến Đà Nẵng không chỉ để tham quan, du lịch mà còn tìm hiểu, lựa chọn cơ hội đầu tư vào mảnh đất nên thơ nhưng hấp dẫn, đầy tiềm năng và triển vọng này.

Đà Nẵng hôm nay giống như vừa thức dậy sau giấc ngủ khá dài suốt 29 năm, kể từ khi được hoàn toàn giải phóng. Chỉ trong mấy năm trở lại đây, thành phố như bừng tỉnh, trẻ trung, sinh động và hiện đại. Cùng với sự phát triển của kinh tế, công tác xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị phục vụ các ngành kinh tế phát triển tiến những bước dài quan trọng, đáng tự hào của Đảng bộ và nhân dân Đà Nẵng. Có người ví sông Hàn như là gáy của một quyển sách, hai bên bờ sông là hai trang sách mở, đăng đối với nhau, cùng mở chan hòa dưới ánh mặt trời. Thật vậy, bên này sông Hàn là đường Bạch Đằng nối dài chạy tít tắp, một đầu nối với đại lộ 2-9 mới mở, một đầu nối với đường 3-2; nối Liên Chiểu - Thuận Phước là đường Nguyễn Tất Thành dài 12,5 km uốn lượn theo vịnh Đà Nẵng mềm mại duyên dáng như dải lụa, rực sáng kiêu sa lung linh dưới ánh đèn. Bên kia sông là đường Bạch Đằng Đông hiện đại, được xây dựng sau khi giải tỏa hàng loạt những ngôi nhà tạm, ổ chuột mà trước đây khó ai có thể hình dung sẽ làm nổi. Dung mạo của thành phố hôm nay mang dáng vẻ của đô thị hiện đại khiến cho người ta còn hy vọng Đà Nẵng vươn lên ở những tầm cao mới.

Hàng loạt các công trình trọng điểm của thành phố được đầu tư, nâng cấp như sân bay quốc tế Đà Nẵng, cầu sông Hàn, cầu Cẩm Lệ, cầu Phò Nam - Hòa Bắc; các tuyến đường lớn như đường Phạm Văn Đồng, đường Trần Hưng Đạo, quốc lộ 1 A mở rộng; bến bãi, cảng biển, trường học, bệnh viện, các khu tái định cư, các công trình hạ thế điện nông thôn.v.v.. với tổng số vốn ước đạt 8 706,7 tỉ đồng. Để xây dựng, đầu tư các công trình hạ tầng cơ sở và nâng cấp chỉnh trang đô thị, chính quyền các cấp của Đà Nẵng đã làm tốt công tác giải tỏa, đền bù, di dời liên quan đến 52 000 hộ dân nhưng không có trường hợp khiếu kiện, không xảy ra điểm nóng hoặc gây khó khăn trong quá trình thực hiện dự án.Trong quá trình chỉnh trang đô thị, không thể nói không có người phải chịu thiệt thòi hơn dù ít hay nhiều, song với tấm lòng vì sự phát triển đi lên của thành phố, mọi việc đều được giải quyết thấu đáo, có lý, có tình.

Các cấp ủy, chính quyền Đà Nẵng đã vận dụng linh hoạt và thực hiện đồng bộ cơ chế chính sách nhằm khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế tạo động lực phát triển trên cơ sở thực hiện đầy đủ và vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách của Nhà nước. Trong khi ngân sách còn hạn chế, thành phố đã năng động thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" trong việc xây dựng các công trình trọng điểm. Với chủ trương tạo vốn từ quỹ đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, mọi việc đều được đưa ra và cùng nhân dân bàn bạc để có biện pháp giải quyết thỏa đáng, nhất là hỗ trợ hiệu quả cho những hộ nghèo nay phải di dời sớm ổn định chỗ ở. Nhiều tuyến đường lớn đã được nâng cấp cải tạo bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân cùng với ngân sách nhà nước với tổng giá trị trên 457 tỉ đồng, trong đó nhân dân đóng góp hơn 150 tỉ đồng, chiếm 32,8%. Nổi bật là, thành phố đã mở cuộc vận động quyên góp xây dựng cầu sông Hàn. Kết quả là, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đóng góp 27 tỉ 469 triệu đồng, chiếm 30% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình này. Với cơ chế, Nhà nước đầu tư từ 60% đến 80%, nhân dân đóng góp từ 20% đến 40 % giá trị công trình (tùy theo địa phương), Đà Nẵng đã sửa chữa, nâng cấp,

Digitized by Google

làm mới hơn 80 km ngõ, hẻm ở nội thị; 460 km đường bê-tông nông thôn; hơn 50 000 m² vỉa hè được bê-tông hóa, khơi thông và xây dựng mới gần 30 km mương, rãnh thoát nước.

Kết quả trên không chỉ mang lại những giá trị thiết thực to lớn về kinh tế - xã hội mà còn có ý nghĩa chính trị sâu xa, củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của các cấp chính quyền và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành nhiều quy định trong quản lý xây dựng cơ bản như đấu thầu khoán gọn, không cho phép sử dụng dự phòng phí 10%, không duyệt kinh phí phát sinh ngoài dự toán đã được phê chuẩn, thực hiện chặt chẽ công tác quyết toán và thẩm tra quyết toán các công trình xây dựng cơ bản... Trong ba năm gần đây, thành phố tiết kiệm được gần 300 tỉ đồng. Để việc đền bù, giải tỏa ở các khu công nghiệp nhanh hơn và tạo điều kiện ưu đãi hơn cho các nhà đầu tư, thành phố đã thực hiện một số cơ chế chính sách như: chuyển đổi chủ đầu tư từ doanh nghiệp nhà nước sang đơn vị sự nghiệp kinh tế; dùng ngân sách của thành phố đầu tư kinh phí giải phóng mặt bằng, bảo lãnh tiền vay và trả lãi vay đầu tư; quyết định giá cho thuê đất trong khu công nghiệp; mở rộng khung ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất và các loại thuế; thành lập trung tâm xúc tiến đầu tư thực hiện "một cửa" trong việc giải quyết các thủ tục đầu tư. Thành phố cũng cho phép áp dụng các ưu đãi đầu tư dành cho địa bàn có điều kiện đặc biệt khó khăn hoặc các cơ sở sản xuất - kinh doanh dịch vụ du lịch phải di dời ra ngoại ô; thành lập Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp; ban hành các quy định về quản lý doanh nghiệp ngoài quốc doanh, v.v..

Cùng với việc chú trọng tăng trưởng kinh tế, Đà Nẵng luôn chăm lo phát triển con người, giải quyết các vấn đề xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Cùng với "Chương trình 5 không", Đà Nẵng thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo, nhằm giảm tỷ lệ nghèo xuống còn 1,95% vào cuối năm 2003 (theo chuẩn mới); giải quyết việc làm cho 59 800 lao động. Đặc biệt Đà Nẵng có những bước đi sáng tạo trên cơ sở áp dụng những cơ chế, chính sách của Nhà nước vào tình hình cụ thể của địa phương như: ưu tiên giải quyết việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, cho sinh viên tốt nghiệp đại học đạt loại khá, giỏi; thành lập quỹ cho vay không lấy lãi, tạo vốn kinh doanh cho các đối tượng sau cải tạo tập trung; sử dụng ngân sách cấp bù chênh lệch giữa lãi suất thông thường và lãi suất ưu đãi cho hộ nghèo vay; thực hiện một số chính sách ưu đãi khám chữa bệnh miễn phí, cấp thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ sách giáo khoa, vở học sinh cho học sinh nghèo; đầu tư kinh phí xóa nhà tạm... Nhờ đó, mức sống của các tầng lớp nhân dân, nhất là các hộ nghèo được nâng lên rõ rệt. Các hoạt động báo chí, phát thanh truyền hình, văn học - nghệ thuật có những tiến bộ mới. Công tác giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là vấn đề được ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của thành phố. Các trường học được củng cố, xây dựng mới, nhất là trường phổ thông trung học chất lượng cao, nhằm bồi dưỡng và chuẩn bị nguồn nhân lực của thành phố trong tương lai. Đà Nẵng đã hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ trong độ tuổi, phấn đấu đến cuối năm 2007 đạt chuẩn quốc gia về phổ cập phổ thông trung học. Công tác an ninh - quốc phòng ngày càng được tăng cường, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố thế trận an ninh quốc phòng nhân dân, không xảy ra điểm nóng và tình trạng khiếu kiện.

Có thể nói, những thành tựu của Đà Nẵng là do sự lãnh đạo sáng suốt, kiên trì, đoàn kết, nhất trí cao của các cấp ủy, chính quyền trong toàn thành phố. Nói cụ thể, những chủ trương, quyết sách đúng đắn cùng với quyết tâm cao, không ngại khó, ngại khổ, ngại va chạm, sẵn sàng vì lợi ích của dân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước nhân dân của tập thể lãnh đạo thành phố là nhân tố quyết định của những bước phát triển đột phá. Điểm cần nhấn mạnh là,

Digitized by Google

các cấp ủy và chính quyền các cấp nêu cao nguyên tắc tập trung dân chủ trong phương thức lãnh đạo và điều hành; thực hiện dân chủ ngay trong nội bộ Đảng và dân chủ với dân; thực sự trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, cùng nhân dân tập trung giải quyết kịp thời những bức xúc, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở. Ý đảng hợp với lòng dân được nâng lên một tầm cao mới. Đó cũng chính là sự biểu hiện những nỗ lực rất lớn của toàn bộ cán bộ, đảng viên và nhân dân Đà Nẵng. Thành phố chủ động khơi dậy ý chí và sự đồng tình, ủng hộ của mọi tầng lớp nhân dân; tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ động viên của các ban, ngành, đoàn thể ở trung ương; mạnh dạn triển khai một số cơ chế chính sách phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm yêu cầu của địa phương cùng với quyết tâm cao, chủ động, chọn đúng khâu đột phá để đưa thành phố phát triển đi lên.

Bên cạnh những thành tựu, Đà Nẵng còn một số hạn chế, nhược điểm. Kinh tế tuy có tốc độ tăng trưởng khá nhưng quy mô còn nhỏ, chưa ổn định, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế; chưa hình thành được các ngành mũi nhọn kinh tế; chưa có những sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ lực, sức cạnh tranh yếu, hiệu quả chưa cao; một số ngành phát triển chậm; kinh tế biển chưa được khai thác tốt; việc chuyển đổi cơ cấu trong nông nghiệp còn nhiều khó khăn, khu vực dân doanh chưa quan tâm đúng mức. Các vấn đề xã hội còn nhiều bức xúc như thiếu việc làm, những tệ nạn xã hội và một số biểu hiện tiêu cực chưa được giải quyết hiệu quả, mức hưởng thụ văn hóa ở một bộ phận dân cư còn hạn chế. Công tác quản lý đô thị còn nhiều bất cập, thế trận quốc phòng toàn dân chưa vững chắc,v.v.. Sở dĩ còn những hạn chế, yếu kém và những mặt chưa làm được đó là do nhận thức các chủ trương của trung ương và của thành phố ở một số cấp, một số ngành chưa thật sâu sát, còn ngại khó, ngại khổ; đội ngũ cán bộ chưa thật đồng bộ, có nơi có chỗ bố trí cán bộ chưa thật sát hợp, trình độ lý luận, năng lực thực tiễn của không ít cán bộ còn hạn chế, thiếu tinh thần sáng tạo, không dám chịu trách nhiệm cá nhân trước công việc được giao, nói không đi đôi với làm; còn tồn tại tình trạng bình quân, thiếu cơ chế khuyến khích người giỏi, người nhiệt tình, trung thực; chưa có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý.

Để thực hiện thành công những mục tiêu của nhiệm kỳ 2001 - 2005, các cấp ủy, chính quyền và nhân dân thành phố tiếp tục dốc sức, dốc lòng tập trung khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu đồng bộ, mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa. Trước mắt, làm tốt công tác quy hoạch đô thị, đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng một cách đồng bộ; có kế hoạch và bước đi đúng đắn trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, trong đó chú trọng phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ hiện đại theo hướng đi tắt đón đầu; chú trọng phát triển các ngành, các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh; tập trung đầu tư các ngành dịch vụ có chất lượng cao, có thế mạnh của thành phố; quan tâm phát triển văn hóa - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng; chăm lo đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên giỏi, có bản lĩnh; đề cao trách nhiệm cá nhân; củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; phấn đấu đưa Đà Nẵng trở thành một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Với tầm nhìn đến năm 2020, Nghị quyết của Bộ Chính trị nêu rõ: Đà Nẵng sẽ phát triển thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là thành phố cảng biển lớn, đầu mối giao thông quan trọng và cửa ngõ chính ra biển của các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và của các nước tiểu vùng sông Mê-công, là một mũi nhọn phát triển của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, một trọng điểm phát triển của đất nước. Hiếm có thành phố nào hội tụ nhiều tiềm năng và lợi thế như Đà Nẵng. Đảng bộ và nhân dân Đà Nẵng đang nỗ lực đồng lòng, chung sức phát huy những lợi thế, tiềm năng ấy vì sự phồn vinh, phát triển và văn minh của thành phố.❑

Digitized by Google

Nâng cao hiệu quả phòng cháy và chữa cháy trong giai đoạn hiện nay

BÙI VĂN NGẦN *

Đã từ lâu, trong đời sống người dân Việt Nam thường lưu truyền câu "Giặc phá không bằng nhà cháy" hay "Thủy, hỏa, đạo tặc" để nói đến tác hại của nạn cháy và nhắc nhở nhau phải thường xuyên cảnh giác, nâng cao ý thức phòng ngừa hỏa hoạn, giữ gìn cuộc sống bình yên cho chính mình và cho cộng đồng. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác phòng cháy và chữa cháy. Ngày 4-10-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Lệnh công bố Pháp lệnh "Quy định về quản lý nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy". Từ đó, công tác phòng cháy và chữa cháy đã góp phần đắc lực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trước yêu cầu phục vụ công cuộc phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn mới, ngày 29-6-2001, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa X đã thông qua Luật Phòng cháy và Chữa cháy. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 4-10-2001. Luật Phòng cháy và Chữa cháy ra đời là cơ sở pháp lý vững chắc, tạo đà cho mọi hoạt động phòng cháy và chữa cháy ngày càng đi vào nền nếp và có hiệu quả hơn. Điều 4 Luật Phòng cháy và Chữa cháy quy định: "Phòng cháy và chữa cháy là trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ hộ gia đình chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động và thường xuyên kiểm tra phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi trách nhiệm của mình".

Hiện đang xuất hiện ngày càng nhiều cơ quan, doanh nghiệp, phường, xã và khu dân cư làm tốt công tác phòng cháy và chữa cháy. Chẳng hạn, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, Thủ đô Hà Nội; phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty May 10; Công ty May Đức Giang... Ở những nơi đó, vai trò của người lãnh đạo được thể hiện một cách rõ nét từ việc đề ra chủ trương, ban hành các chế độ, quy định về công tác phòng cháy và chữa cháy đến việc tổ chức thực hiện những biện pháp cụ thể sát với tình hình thực tế của cơ sở, địa bàn. Nhờ vậy, nhiều doanh nghiệp, phường, xã trong nhiều năm không để xảy ra cháy, nổ, an ninh trật tự được giữ vững, sản xuất phát triển, đời sống của người lao động không ngừng được cải thiện.

Tuy nhiên, trong khi chúng ta đang tiết kiệm từng đồng tiền vốn cho đầu tư và phát triển thì hằng năm lại mất đi hàng trăm tỉ đồng do nạn cháy gây ra. Nhiều vụ cháy không chỉ gây thiệt hại về kinh tế mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, đến môi trường và chính sách đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Hiện nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế - xã hội, tình hình cháy, nổ cũng có nhiều diễn biến phức tạp. Trong 5 năm, từ năm 1998 đến năm 2002, bình quân hằng năm xảy ra khoảng trên dưới 1 000 vụ hỏa hoạn; trong đó, năm 1999 là 989 vụ, năm 2001 là 1 292 vụ, năm 2002 là 1 267 vụ. Thiệt hại về

* TS. Đại tá. Cục trưởng Cục Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, Bộ Công an

Digitized by Google

tài sản do cháy gây ra hằng năm tăng đáng kể. Năm 1999 là 87 300 triệu đồng, năm 2001 lên tới 303 350 triệu đồng và năm 2002 vẫn ở mức cao, 207 860 triệu đồng. Đặc biệt, có những vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng về người và ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái, như vụ cháy rừng U Minh, vụ cháy Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC) tại Thành phố Hồ Chí Minh, vụ cháy thuốc nổ trên xe ô-tô chở khách ở Gia Bình, Bắc Ninh, v.v..

Qua nghiên cứu, phân tích tình hình cháy cho thấy, nguyên nhân chủ yếu là do sự sơ suất, bất cẩn của con người trong việc sử dụng lửa, điện, xăng dầu, khí đốt và do người lao động không chấp hành nghiêm chỉnh các quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình sản xuất. Vụ cháy xưởng sản xuất đồ chơi trẻ em của Công ty Tân Hợp trong khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-5-2002, làm thiệt hại về tài sản ước tính trị giá 10 tỉ đồng. Nguyên nhân cháy, theo kết luận điều tra ban đầu, là do công nhân bất cẩn trong lúc pha trộn hóa chất. Vụ cháy Trung tâm Thương mại quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29-10-2002, do một thợ hàn vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong khi làm việc. Trong khi đó, bản thân cơ sở cũng không có các biện pháp phòng cháy và chữa cháy tích cực nên đã để dẫn đến hậu quả đáng tiếc. Điều đáng nói là, ngay sau khi vụ cháy "động trời" vừa xảy ra chưa đầy một tháng thì chính tại nơi đây lại xảy ra một vụ cháy khác cũng do hàn cắt trong khi sửa chữa công trình.

Tìm hiểu nguyên nhân những vụ cháy lớn xảy ra trong thời gian qua, chúng tôi thấy nổi lên một số vấn đề đáng chú ý sau:

Thứ nhất, ở những nơi đó thiếu sự quan tâm chỉ đạo của người đứng đầu cơ sở trong việc tổ chức thực hiện các biện pháp an toàn về phòng cháy và chữa cháy. Công tác kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy không được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc. Có cơ sở, đơn vị vì chạy theo lợi nhuận nên ít chú trọng đến công tác đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy. Hoặc, có một số lãnh đạo doanh nghiệp quan niệm rằng, đã mua bảo hiểm rồi thì khi có cháy đã có cơ quan bảo hiểm đền bù, và vì vậy, rất lơ là trong việc phòng cháy và chữa cháy; khi xảy ra cháy lại không có sự tác động tích cực, nếu như không muốn nói là "bình chân như vại".

Thứ hai, tình trạng thuê và cho thuê mặt bằng để sản xuất, kinh doanh hoặc làm kho chứa hàng đang diễn ra phổ biến ở nhiều nơi, song những người đứng đầu bên thuê và bên cho thuê đều không quan tâm đến công tác phòng cháy và chữa cháy, không phân định trách nhiệm giữa các bên, nên khi xảy ra cháy đều lúng túng và không xử lý được. Điều đó đã được minh chứng qua vụ cháy kho của Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản, Bộ Thủy sản, tại Thành phố Hồ Chí Minh; vụ cháy xưởng sản xuất đệm mút của Nhà máy Gỗ Cầu Đuống; vụ cháy kho hàng hóa, vật tư của Cảng Hà Nội, v.v..

Thứ ba, ở không ít đơn vị, cơ sở, người đứng đầu hầu như không quan tâm đến việc tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy tại chỗ, và vì vậy, người lao động không hề được huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy. Bên cạnh đó, trang bị, phương tiện chữa cháy lại không đầy đủ và kém hiệu quả. Bởi vậy, có những nơi khi xảy ra cháy không những không dập được lửa mà còn làm cho cháy to hơn, phức tạp hơn.

Thứ tư, do yêu cầu phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ nên cần cải tạo mặt bằng, bố trí lại sản xuất, nhưng không tuân thủ các quy phạm về phòng cháy và chữa cháy, làm thay đổi cấu trúc công trình, làm cản trở lối thoát nạn, đường đi dành cho xe chữa cháy, để kho chứa hàng hóa gần nơi thường xuyên phát sinh nguồn lửa, nguồn nhiệt, thậm chí sát khu dân cư, tạo nên những nguy cơ cháy lan, cháy lớn.

Thứ năm, ở các đô thị, do công tác quy hoạch xây dựng thiếu đồng bộ nên nhiều cơ sở sản xuất có nguy hiểm cháy nổ cao còn nằm xen kẽ trong các khu dân cư tập trung. Bên

cạnh đó, nhiều chung cư cao tầng xuống cấp, với những mái vẩy, lồng sắt, đường dây điện, công trình phụ trợ được cơi nới tự do, thậm chí có nhiều nơi chỗ ở đồng thời là chỗ sản xuất, gia công, trữ chứa hàng hóa dễ cháy như xăng, keo, chất dẻo, v.v.. đã tạo môi trường rất nguy hiểm về cháy. Qua khảo sát ở hai thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, tình trạng nêu trên đã và đang tạo ra những vấn đề bức xúc, có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tổ chức chữa cháy ở các khu dân cư. Đó là vấn đề giao thông, nguồn nước, chống cháy lan, cứu hộ, cứu nạn, v.v.. Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh có 581/979 khu phố có nhiều nhà dễ cháy, trong đó có hơn 400 hẻm nhỏ, sâu trên 200 mét, xe chữa cháy không thể vào được, nguồn nước chữa cháy rất khan hiếm và hầu như không có, số trụ nước chữa cháy trên các tuyến phố chính mới đáp ứng được khoảng 10% so với yêu cầu. Ở Bà Rịa - Vũng Tàu, có 172 con hẻm bị đóng cọc bê-tông ở giữa, xe chữa cháy không thể vào được. Ở Hà Nội và nhiều đô thị khác cũng trong tình trạng còn nhiều bất cập như vậy.

Hiện nay, trước sự phát triển nhanh chóng, đa dạng của nền kinh tế, theo đó tốc độ xây dựng và phát triển về cơ sở vật chất - kỹ thuật ngày càng mạnh mẽ và phức tạp. Nhưng công tác phòng cháy và chữa cháy, ở không ít nơi, ngày càng tỏ rõ sự bất cập về nhiều mặt. Qua thực tế, càng những năm gần đây càng cho thấy, nguy cơ cháy, nổ luôn tiềm ẩn và sẵn sàng bùng phát bất cứ lúc nào. Điều đó đòi hỏi công tác phòng cháy và chữa cháy cần được quan tâm và chú ý nhiều hơn, cả về tổ chức và đầu tư vật chất, kỹ thuật, nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế của mỗi địa phương, đơn vị. Trong đó, vai trò của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có ý nghĩa then chốt, quyết định và được thể hiện bằng việc thực hiện những nhiệm vụ, biện pháp cụ thể sau:

1 - Chủ động đề ra và tổ chức thực hiện đầy đủ những quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi trách nhiệm của mình.

2 - Thường xuyên tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và kiến thức về phòng cháy và chữa cháy cho mọi người trong phạm vi quản lý của mình, nhất là cho những đối tượng tham gia hoạt động trên các lĩnh vực có nhiều nguy cơ cháy, nổ.

3 - Kiểm tra, phát hiện kịp thời những sơ hở, thiếu sót trong công tác phòng cháy và chữa cháy, những vi phạm tiêu chuẩn, quy định an toàn về phòng cháy, phòng nổ, nhằm loại trừ mọi nguy cơ gây cháy, nổ.

4 - Phát động phong trào quần chúng phòng cháy và chữa cháy tại cơ quan, đơn vị mình; thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong công tác phòng cháy và chữa cháy, nhằm khắc phục nhanh chóng những khó khăn, bất cập trong việc phòng cháy và chữa cháy như tạo khoảng cách an toàn, chống cháy lan, và nhằm giải quyết các vấn đề về điều kiện phòng cháy và chữa cháy như giao thông, nguồn nước chữa cháy, trang bị, phương tiện chữa cháy tại chỗ, trong đó đặc biệt chú ý đến các khu dân cư tập trung, chợ, trung tâm thương mại...

5 - Xây dựng lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở trở thành lực lượng nòng cốt trong việc phòng cháy và chữa cháy. Những lực lượng này cần được huấn luyện đầy đủ về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, có đủ phương tiện chữa cháy phù hợp, để khi xảy ra cháy, có cách xử lý kịp thời, thực hiện đúng nguyên tắc đã được nêu trong Luật Phòng cháy và Chữa cháy: "Mọi hoạt động phòng cháy và chữa cháy trước hết phải được thực hiện và giải quyết bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ".

6 - Bảo đảm tốt và đúng nguyên tắc về kinh phí cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy. Thường xuyên thống kê, báo cáo về tình hình phòng cháy và chữa cháy ở cơ sở, đơn vị mình. Kịp thời thông báo cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy về những thay đổi lớn có liên quan đến bảo đảm an toàn trong phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, đơn vị mình.❑

Digitized by Google

HÀ NỘI SAU 5 NĂM XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

NHẬT TÂN

Có thể nói, Hà Nội là một trong những địa phương đi đầu và thu được nhiều kinh nghiệm tốt về việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Hà Nội đã thực hiện một cách nghiêm túc, bài bản, đồng bộ việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Với phương châm chỉ đạo *làm từng bước vững chắc, không làm hớt, ồ ạt, có chỉ đạo điểm, rút kinh nghiệm và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ cốt cán mới nhân ra diện rộng,* Hà Nội đã chọn làm điểm ở cả các loại hình cơ sở. Hằng năm, Thành ủy và các cấp ủy đã thành lập các đoàn để kiểm tra đôn đốc việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở các loại hình cơ sở và tiến hành sơ kết, tổng kết, nhân điển hình. Ngày 16-10-2003, Hà Nội là một trong những địa phương tiến hành sớm việc tổng kết 5 năm xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

- I -

Ngay đầu năm 2002, Hà Nội đã có 100% số xã, phường, thị trấn hoàn thành công tác xây dựng quy chế, quy ước. Đến tháng 6-2003, có 98,7% số cơ quan hành chính sự nghiệp; 96% số doanh nghiệp và gần 100% số nhà trường đã tiến hành xây dựng Quy chế Dân chủ.

Việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở các loại hình cơ sở đã góp phần đáng kể tạo động lực phát triển mới cho Thủ đô.

1 - Ở xã, phường, thị trấn

Quy chế Dân chủ đang từng bước đi vào cuộc sống. Đã có trên 80% số tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, xã, phường, thị trấn thực hiện công khai để nhân dân biết về phương hướng, nhiệm vụ của cấp ủy; về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; về dự toán thu, chi các loại quỹ, dự án, các khoản huy động đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi... Nhiều địa phương đã công khai đánh giá ưu, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên, của lãnh đạo chủ chốt để nhân dân tham gia, góp ý kiến. Dân bàn việc Đảng, đã giúp cho một số địa phương kịp thời phát hiện những cán bộ chủ chốt có vi phạm như: lấn chiếm đất công, xây dựng trái phép, tham ô, tham nhũng... đưa ra xử lý kịp thời, củng cố lòng tin trong nhân dân.

Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở là cơ hội tốt để nhân dân trực tiếp tham gia xây dựng chính quyền. Điều này thể hiện rõ nét qua cuộc vận động bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp của Thành phố nhiệm kỳ 1999-2004 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XI vừa qua với tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,92% - mức cao nhất từ trước tới nay.

Phong trào toàn dân tự bàn, quyết định các vấn đề của dân với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" ở cơ sở đã thu được những kết quả tốt. Chương trình xây dựng điện,

Digitized by Google

đường, trường, trạm, nhà văn hóa... đã huy động được sự đóng góp to lớn của nhân dân. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện đời sống, sinh hoạt của nhân dân có nhiều tiến bộ. Hàng nghìn công trình lớn, nhỏ được Nhà nước và nhân dân cùng làm hoặc tư nhân tổ chức với tổng kinh phí gần 200 tỉ đồng, trong đó nhân dân đóng góp gần 50%. Huyện Sóc Sơn, chỉ trong 2 năm đã đầu tư xây dựng 11 công trình phúc lợi với số tiền 11 tỉ 366 triệu đồng, nhân dân đóng góp tới 85%. Quận Đống Đa trong 3 năm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở bằng nguồn kinh phí từ Nhà nước và nhân dân đóng góp lên tới trên 31 tỉ đồng. Tại các huyện ngoại thành, có hàng trăm ki-lô-mét đường liên thôn, liên xã được xây dựng hoặc sửa chữa. Ở nội thành, có gần 100% số ngõ, hẻm đã được bê-tông hóa và có đèn chiếu sáng. Một số nơi như huyện Từ Liêm, Thanh Trì, Gia Lâm, nhân dân vì lợi ích chung của cộng đồng đã hy sinh lợi ích riêng, tự giác dỡ nhà, nhường đất để Nhà nước thực hiện các dự án...

Toàn bộ số xã, phường, thị trấn có Ban Thanh tra nhân dân và có tới hàng ngàn tổ hòa giải ở cơ sở. Việc giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân có nhiều tiến bộ, hiệu quả cao, tỷ lệ giải quyết bình quân đạt 93%.

Theo kết quả của gần 1 000 phiếu điều tra trong các tầng lớp nhân dân cho thấy, có 76% số ý kiến cho rằng việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở xã, phường, thị trấn đã có tiến bộ và thực sự phát huy tác dụng, mang lại hiệu quả tốt; 60% cho rằng việc thực hiện Quy chế Dân chủ về giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo của công dân được chính quyền các xã, phường, thị trấn thực hiện tốt; 85% đánh giá có chuyển biến về công tác phòng chống các tệ nạn xã hội; trên 90% cho rằng vệ sinh môi trường thực hiện khá; 70% cho rằng có chuyển biến rõ nét trong việc xây dựng nếp sống văn minh ở Thủ đô.

2 - Ở cơ quan hành chính sự nghiệp

Việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ đã phát huy tốt hơn quyền làm chủ của cán bộ, công chức, góp phần xây dựng đội ngũ công chức có đủ phẩm chất và năng lực, làm việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả, ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu dân, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển và đổi mới ở Thủ đô. Ở cơ quan, thủ trưởng đã thể hiện trách nhiệm của mình trong việc phát huy dân chủ, tạo động lực cho việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Quy chế phối hợp làm việc giữa Đảng, chính quyền với tổ chức công đoàn, Đoàn thanh niên ngày càng gắn kết và có hiệu quả. Hằng năm, có hơn 90% số cơ quan tổ chức hội nghị cán bộ công chức để thông báo những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các kế hoạch, chương trình công tác cũng như các nội quy, quy chế của đơn vị liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ công chức; có nhiều ý kiến tham gia, giúp cho lãnh đạo xây dựng các giải pháp, cải tiến tổ chức và lề lối làm việc, thực hành tiết kiệm có hiệu quả.

Nhiều cơ quan đã gắn kết chặt chẽ giữa thực hiện Quy chế Dân chủ với công tác cải cách hành chính, tiến hành rà soát lại văn bản, loại bỏ những thủ tục rườm rà, điều chỉnh phương thức và lề lối làm việc theo hướng gần dân, sát dân, từng bước "mẫu hóa" các thủ tục hành chính để giảm phiền hà cho dân. Trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, một số cơ quan đã cải tiến quy trình giải quyết, tổ chức đối thoại công khai, dân chủ giữa các bên tranh chấp. Nhiều vụ việc kéo dài đã được giải quyết, góp phần đáng kể để ngăn chặn các "điểm nóng" về tranh chấp đất đai, về đền bù giải phóng mặt bằng. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật được các cấp ủy trực tiếp quan tâm chỉ đạo, ngày càng đi vào nền nếp, hạn chế được những khiếm khuyết, yếu kém.

Digitized by Google

3 - Ở doanh nghiệp nhà nước

Việc thực hiện Quy chế Dân chủ thực sự là một yếu tố quan trọng nhằm phát huy quyền làm chủ của người lao động, tạo động lực thúc đẩy sự sáng tạo, góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống của cán bộ, công nhân trong doanh nghiệp. Các cấp ủy, ban giám đốc đã phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế Dân chủ ngày càng có hiệu quả. Thông qua việc thực hiện Quy chế Dân chủ, nội dung của đại hội công nhân viên chức được đổi mới, hạn chế dần tính hình thức, phô trương, thực sự đi sâu vào việc bàn bạc nghiêm túc các nội dung mà người lao động cần được biết, được tham gia và kiểm tra giám sát. Đặc biệt, các doanh nghiệp công khai các khoản chi phí như tiếp khách, giao dịch, hội họp, lấy phiếu tín nhiệm của cán bộ và 7 nội dung mà hội đồng quản trị, giám đốc phải thông báo, 4 việc người lao động được bàn và quyết định, 8 việc được quyền giám sát và kiểm tra. Bởi vậy, ở các doanh nghiệp ngày càng xác định rõ hơn trách nhiệm của giám đốc, quyền lợi và trách nhiệm của người lao động, nhiệm vụ và trách nhiệm của ban thanh tra nhân dân.

Thông qua việc thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, các phong trào thi đua trong công nhân viên chức được đẩy mạnh, mang lại hiệu quả thiết thực như: Phong trào cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm, vệ sinh môi trường, an toàn lao động, văn hóa thể thao, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp cũng được nâng lên.

4 - Ở trường học

Kết quả xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở trong khối trường học có mức độ khác nhau. Các trường từ mẫu giáo đến phổ thông trung học thực hiện khá tốt do được chỉ đạo sát sao của Ban Chỉ đạo các quận, huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo. Các trường đại học và cao đẳng triển khai chậm hơn nhưng cũng dần đi vào nền nếp. Nhìn chung, do thực hiện dân chủ ở cơ sở nên đã phát huy được tiềm năng, trí tuệ và trách nhiệm của hiệu trưởng, giáo viên, cán bộ, công chức và học sinh, sinh viên, góp phần xây dựng nền nếp, trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của nhà trường, giảm dần các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội. Cuộc vận động *"4 xây, 3 xóa"* của Thành phố đã được nhiều trường hưởng ứng.

- II -

Từ kết quả xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở các loại hình cơ sở của mình, Thành ủy Hà Nội đã đánh giá chung về những mặt được cũng như những mặt còn hạn chế, tạo sự đồng thuận trong nhận thức cũng như trong hành động của toàn Đảng bộ và nhân dân tiếp tục triển khai và thực hiện Quy chế Dân chủ tốt hơn nữa trong thời gian tới.

1 - Những mặt được

Sau khi có các văn bản của trung ương về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Ban Thường vụ Thành ủy đã nghiêm túc triển khai xây dựng được một hệ thống quy chế, quy ước "mẫu" tương đối đồng bộ cho các loại hình cơ sở và từng bước áp dụng nhân ra diện rộng. Trong quá trình xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, của cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức và các tầng lớp nhân dân được nâng lên một bước, đã tạo bầu không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội, thực hiện tốt hơn quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, củng cố niềm tin đối với Đảng và hệ thống chính trị.

Xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã phát huy được nguồn lực trong cán bộ công nhân viên chức và nhân dân, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh chính trị ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị,

Digitized by Google

tạo bước tiến mới về xây dựng cộng đồng dân cư thôn, làng, tổ dân phố. Vai trò tự quản của thôn, làng, xóm, tổ dân phố ngày càng thể hiện rõ và được khẳng định. Ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ công nhân viên chức và nhân dân đã có bước chuyển biến tích cực, khắc phục dần thói quen bao cấp, ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước.

Cùng với việc thực hiện Chương trình 06, ngày 1-8-2001, về "Một số vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng giai đoạn 2001-2005" và Đề án 16-ĐA/TU, ngày 26-7-2002, về "Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn" của Thành ủy, việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã góp phần quan trọng trong xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn, đổi mới sự điều hành của chính quyền, đưa hoạt động của chính quyền dần đi vào nền nếp, đúng pháp luật, khắc phục tình trạng làm việc tùy tiện, cửa quyền, hách dịch, hạn chế tiêu cực, góp phần làm cho phong cách làm việc của cán bộ, đảng viên có chuyển biến theo hướng gần dân, sát dân, trọng dân và trách nhiệm với dân hơn.

Thực hiện Quy chế Dân chủ đã có tác dụng lớn tới việc củng cố các tổ chức chính trị, xã hội ở cơ sở như Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; khắc phục tình trạng "hành chính hóa", đổi mới phương thức hoạt động theo hướng chuyển dần về địa bàn dân cư nhằm thu hút nhiều hội viên và đoàn viên trong từng đoàn thể.

2 - Những mặt hạn chế

Nhận thức của một số cấp ủy, cán bộ đảng viên còn thiếu nghiêm túc, có nơi còn thờ ơ hoặc lúng túng trong triển khai, nên việc xây dựng và thực hiện mang tính hình thức, đối phó (còn gần 10% số cơ quan và doanh nghiệp trên địa bàn chưa xây dựng đầy đủ số quy chế, quy ước theo quy định). Ban Chỉ đạo Quy chế Dân chủ ở nhiều nơi chưa được quan tâm củng cố, kiện toàn, chưa duy trì nền nếp sinh hoạt định kỳ, việc kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên.

Nhìn chung, những kết quả thực hiện Quy chế Dân chủ ở Hà Nội mới chỉ là bước đầu. Kết quả giữa các khu vực có sự chênh lệch; ở khu vực xã, phường, thị trấn thực hiện tốt hơn khu vực cơ quan và doanh nghiệp nhà nước, (số đơn vị thực hiện tốt ở loại hình xã, phường, thị trấn bình quân trên 40%, ở cơ quan, doanh nghiệp là 36%). Việc thực hiện quy chế bảo vệ tài sản công ở nhiều nơi còn yếu kém, hành vi lấn chiếm đất công của một bộ phận cán bộ, nhân dân chậm được giải quyết, khắc phục. Việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở một số cơ sở chưa có sự gắn kết với các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, với cải cách hành chính, với Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền; chưa chăm lo khối đại đoàn kết toàn dân; chưa gắn dân chủ với kỷ luật, kỷ cương. Dân chủ về kinh tế chưa được quan tâm đầy đủ, nhất là trong việc bàn các phương án đầu tư, sản xuất kinh doanh. Vấn đề công khai các kết luận thanh tra, kiểm tra về cán bộ vi phạm, công khai tài chính ở các loại hình còn hạn chế.

Trong các nội dung để "dân biết, dân bàn, dân tham gia ý kiến và dân kiểm tra" thì khâu tổ chức để nhân dân giám sát, kiểm tra còn yếu. Ban Thanh tra nhân dân ở xã phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả thấp. Ở một số nơi, những vấn đề dân cần, dân bức xúc chưa được chính quyền quan tâm, giải quyết dứt điểm. Qua điều tra xã hội học có 43,1% số người được hỏi cho rằng chính quyền đã coi trọng nhưng chậm có biện pháp sửa chữa.

Một bộ phận cán bộ, công chức và nhân dân ngại tham gia ý kiến đóng góp với lãnh đạo, còn biểu hiện xuôi chiều, thờ ơ hoặc chỉ quan tâm những vấn đề liên quan đến quyền lợi của

Digitized by Google

mình mà coi nhẹ nghĩa vụ, trách nhiệm; thậm chí một số người lợi dụng dân chủ, gây rối trật tự, coi thường kỷ cương phép nước...

- III -

Dân chủ trực tiếp ở cơ sở là một khâu, một kênh rất quan trọng để thực hiện dân chủ, phát huy dân chủ - mục tiêu lớn của Đảng và Nhà nước ta. Không phải bây giờ nước ta mới có Quy chế Dân chủ ở cơ sở mà đã có từ lâu dưới các hình thức hương ước. Ngày nay, trong hoàn cảnh mới, điều kiện mới Đảng và Nhà nước ta ban hành Quy chế Dân chủ ở cơ sở là một sự kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, là sự sáng tạo của Đảng trong hoàn cảnh cụ thể, là khâu đột phá rất trúng để phát huy quyền làm chủ của nhân dân tạo nên nguồn động lực mới. Từ thực tế sống động về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở trong 5 năm qua ở Hà Nội, có thể rút ra những bài học bổ ích nhằm đẩy mạnh hơn nữa nhiệm vụ xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, tạo động lực mới, mạnh mẽ hơn, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những bài học đó là:

1 - Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ Thành phố tới cơ sở cần nhận thức đúng đắn về Quy chế Dân chủ ở cơ sở, để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc và bám sát cơ sở, kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc, những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình tổ chức thực hiện. Quán triệt tập huấn sâu sắc những quan điểm, yêu cầu, nhiệm vụ trong Chỉ thị của Bộ Chính trị, của Ban Bí thư Trung ương và các nghị định của Chính Phủ về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, trước nhất là trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và công nhân viên chức.

2 - Thực hiện phương châm làm từng bước vững chắc, không làm lướt, ồ ạt. Tổ chức chỉ đạo điểm cho từng loại hình cơ sở, nhất là những loại hình mới như: kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài, các dự án liên quan đến dân, các trường bán công, tư thục... trên cơ sở nghiên cứu kỹ các văn bản luật, các điều lệ để xây dựng quy chế, quy ước "mẫu" theo tinh thần mới vừa ngắn gọn, vừa dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, tổ chức tập huấn và rút kinh nghiệm, bồi dưỡng cán bộ các cấp, sau đó triển khai mở rộng.

3 - Luôn luôn củng cố kiện toàn những đầu mối liên quan trực tiếp đến xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở như hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở; đặc biệt là tổ trưởng, tổ phó dân phố, trưởng thôn và Ban Thanh tra nhân dân trong sạch, vững mạnh, đủ phẩm chất, năng lực lãnh đạo thực hiện. Thực tiễn cho thấy, nơi nào xây dựng và thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, nơi đó chính quyền vững mạnh, nhân dân tin tưởng vào chính quyền, cùng chính quyền tháo gỡ khó khăn, cùng bàn "việc làng, việc nước", hiệu quả hoạt động và hiệu lực của chính quyền nâng lên rõ rệt.

4 - Gắn thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở với chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; Nghị quyết Trung ương 5, Trung ương 7 khóa IX, và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ Thành phố. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cơ quan, doanh nghiệp và thực hiện tốt chương trình cải cách hành chính.

5 - Tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên ở từng cơ sở, kết hợp thực hiện tốt công tác tự phê bình và phê bình trong nội bộ của Đảng, của cán bộ đảng viên trước nhân dân; chống quan liêu, tiêu cực, tăng cường quan hệ gắn bó giữa cán bộ với nhân dân, phát động nhân dân tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. ❑

Digitized by Google

CỦA NGƯỜI - PHÚC AI

ĐINH LÊ

MỚI đầu giờ sáng, gặp tôi đang loay hoay lau chùi ấm chén, sau lời chào hỏi xã giao, sếp khen tôi chăm chỉ một cách... rất dân dã. Vào phòng một lát, sếp đi ra và một cử chỉ khác lạ xuất hiện. Sếp đi gõ cửa các phòng và mời mọi người sang phòng tôi uống nước.

Thấy vậy, tôi vội kết thúc thật nhanh công việc của mình để kịp về phòng pha nước.

Mở đầu câu chuyện, sếp rất vồn vã nói: Hôm nay tớ thấy cậu Lê siêng năng, chăm chỉ "đánh ấm chén" sớm, nên tớ tận dụng thời cơ mời các cậu sang đây uống nước để thưởng thức "công lao" của cậu ấy. Làm như vậy, tớ đã được "một công đôi việc", vừa khen một cách thật thiết thực cậu Lê, nhưng có lẽ các cậu còn chưa thể nhận ra một điều, đó là tớ đã thực hiện cái công thức của ông cha xưa đã đúc kết: "Của thì người mà phúc thì ta". Này nhé, công tớ không mất, trà tớ không chi, lại được mời các cậu sang uống thỏa thích. Có đúng vậy không? Cả hội nhao nhao lên khen sếp quả là thâm thúy, nhưng chỉ một vài người, giấu sau nụ cười hưởng ứng một cách dè dặt, dường như có vẻ còn chờ đợi một điều gì đó.

Quả nhiên, đúng là như vậy. Gần hết một chầu trà, sếp mới bắt đầu thực hiện cái gọi là "giao ban buổi sáng" tại phòng tôi. Thường thì chỉ một số người hội nhau tại phòng sếp. Đây cũng là dịp để thông báo cho nhau những tin tức có được ngoài tám giờ "vàng ngọc" tại cơ quan.

Sếp nói, vừa rồi ở một cơ quan nọ, có một vị cán bộ cấp vụ tên là K, về mặt trình độ thì đã chẳng ra gì. Trong lần thăm dò ý kiến quần chúng, ông K cũng thuộc vào loại thấp phiếu nhất, thế mà đùng một cái lại được cất nhắc đề bạt.

Có ý kiến bàn tán cho rằng, ông K khéo "chạy". Nhưng tớ không tin, vì xem tiềm lực kinh tế của gia đình ông K, tớ thấy, nhà thì cũ rách trong một khu chung cư, lại nằm tít tận tầng bốn. Cả nhà ông K, tớ thề, không thể kiếm nổi một lúc được một vài chục triệu đồng; thì thử hỏi lấy cái gì để "chạy". Mà đã lâu lắm rồi, mình còn nghe dân tình xì xào rằng, cái ghế thứ trưởng được đánh giá bạc tỉ rồi, chứ đâu phải chuyện chơi. Tớ hoàn toàn không tin vào những điều nhảm nhí ấy.

Thế mà vừa qua có dịp gặp lại một số vị thân tín, họ nói một cách khá chắc chắn về trường hợp ông K. Theo những thông tin mà tớ biết, vừa qua ông K nắm trong tay một lượng tiền khá lớn từ bốn, năm chương trình, dự án, trong đó có cả dự án là tiền của nước ngoài. Ông ta chơi con bài rất tinh vi. Một mặt, dùng số tiền đó để ban phát, kéo bè, kéo cánh, tranh thủ sự "ủng hộ" của quần chúng... Mặt khác, ông ta dùng các lý do thật "tế nhị" như: mời viết tham luận, mời đóng góp ý kiến chuyên gia, mời tham gia hội thảo này nọ để bắt mối làm quen. Thậm chí còn "chơi cả trò" gian lận kinh tế, khai khống chứng từ, hóa đơn. Để rồi làm gì? Để hợp thức hóa một số các khoản chi bất hợp lý. Gom được nhiều tiền, ông ta chưa vội thực hiện cái đích cuối cùng là "vinh thân, phì gia", mà sử dụng những đồng tiền đó để quà cáp, lấy lòng và mua chuộc một số vị chức sắc ở những khâu, những nơi "quan trọng" đã bị thoái hóa, biến chất, nhưng chưa lộ diện. Thế cho nên, quy trình, và ngay cả ý kiến gọi là "tham khảo" từ phía quần chúng đối với ông ta cũng chỉ là để tham

(Xem tiếp trang 56)

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ – TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÀO TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

CHĂN-THA-VÔNG PHUN-THI-BUA-THOONG *
LÊ MINH QUÂN **

ĐỐI với những người cộng sản, trong cuộc đấu tranh cải tạo thế giới cũ, xây dựng thế giới mới, lúc chưa giành được chính quyền, cũng như khi đã có chính quyền, đấu tranh trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng là một bộ phận quan trọng của đấu tranh giai cấp. Ở đây, một mặt không được tuyệt đối hóa vai trò của lý luận và cuộc đấu tranh lý luận; mặt khác, phải thấy được tác động cực kỳ to lớn của nó đối với hoạt động cải tạo thực tiễn. C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã đúc kết thành nguyên lý: vũ khí của sự phê phán cố nhiên không thể thay thế được sự phê phán bằng vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất, nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất một khi nó thâm nhập vào quần chúng. Luận điểm có ý nghĩa vô cùng quan trọng này không những chỉ ra cho chúng ta thấy khả năng biến lý luận thành sức mạnh thực tiễn mà còn nói lên sức mạnh của vũ khí lý luận và sự cần thiết phải trang bị lý luận cho những người hoạt động thực tiễn, cho quần chúng nhân dân. V.I. Lê-nin cũng từng nói: "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng", và *"chỉ đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong"* (1).

Công tác chính trị - tư tưởng, bao gồm cả công tác lý luận và công tác tư tưởng, là hoạt động có mục đích của một giai cấp, một chính đảng nhằm hình thành và phát triển hệ tư tưởng, truyền bá hệ tư tưởng trong quần chúng, thúc đẩy quần chúng hành động vì lợi ích của chủ thể hệ tư tưởng. Các đảng cộng sản phải thực sự coi trọng lĩnh vực cực kỳ quan trọng này. Công tác chính trị - tư tưởng là một bộ phận cấu thành rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và trong toàn bộ hoạt động cách mạng của Đảng, nhằm xây dựng Đảng luôn luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác chính trị - tư tưởng tác động có định hướng tới quá trình vận động của xã hội góp phần phát triển tiềm năng sáng tạo và hình thành những con người mới, xã hội mới với nội dung cơ bản là xây dựng thế giới quan và hệ tư tưởng của giai cấp công nhân. Công tác chính trị - tư tưởng của Đảng có vị trí, vai trò hết sức quan trọng đối với việc tuyên truyền chủ nghĩa

* ThS, Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào
** TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 6, tr 30, 32

Digitized by Google

Mác - Lê-nin, các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; xây dựng cho họ thế giới quan khoa học, hiểu và vận dụng đúng đắn các chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn; đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc, những tiêu cực trong xã hội; phát triển kinh tế, ổn định chính trị, giữ vững trật tự - an toàn xã hội; bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân... Chất lượng công tác chính trị - tư tưởng thể hiện ở việc thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản thường xuyên cũng như những nhiệm vụ cấp bách, góp phần làm chuyển biến tích cực mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Một giai cấp, tầng lớp muốn xác lập và củng cố được quyền lực của mình về chính trị, kinh tế và xã hội thì phải nắm vững, sử dụng có hiệu quả thứ vũ khí sắc bén là công tác chính trị - tư tưởng.

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào ngay từ khi mới thành lập (22-3-1955) đã là sản phẩm của sự kết hợp hài hòa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào yêu nước của nhân dân các bộ tộc Lào. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Trong suốt quá trình xây dựng và lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn quan tâm đến công tác chính trị - tư tưởng như là một lĩnh vực có tầm quan trọng đặc biệt. Để làm tròn vai trò lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội, Đảng xác định thường xuyên phải vững mạnh về cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác tư tưởng nói chung và tư tưởng trong Đảng nói riêng là một trong những nhiệm vụ quan trọng, then chốt của Đảng. Nó bảo đảm cho Đảng không ngừng phát triển về lý luận, hoàn thiện về đường lối, nâng cao bản lĩnh chính trị, xây dựng phương pháp tư duy khoa học, tuyên truyền, cổ động thực hiện các nhiệm vụ của Đảng; giáo dục đạo đức, phẩm chất chính trị cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân; dự báo xu hướng phát triển, tình hình diễn biến tư tưởng trong Đảng và toàn dân; nắm bắt các vấn đề lý luận, chính trị nảy sinh ở từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ về chính trị - tư tưởng của mình, cùng với việc thực hiện toàn Đảng làm công tác chính trị - tư tưởng, Đảng còn có một đội ngũ cán bộ chính trị - tư tưởng chuyên nghiệp, có hệ thống bộ máy tổ chức, có các phương tiện kỹ thuật ngày càng hoàn thiện và từng bước hiện đại hóa... để tiến hành công tác này. Hiệu quả của công tác chính trị - tư tưởng không chỉ giới hạn trong phạm vi tổ chức đảng, mà còn được phát huy trên toàn xã hội thông qua sự lãnh đạo của từng tổ chức cơ sở đảng, các đoàn thể quần chúng hoạt động ở các cấp và các lĩnh vực đời sống xã hội.

Công tác chính trị - tư tưởng càng trở nên cần thiết trong điều kiện Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới ngày càng sâu rộng và thực hiện giao lưu mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế. Ở trong nước, Đảng Nhân dân cách mạng Lào vừa chỉ đạo vừa tổng kết thực tiễn, đúc rút thành lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Lào, động viên toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới. Đối với bên ngoài, Đảng tranh thủ vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý... của các nước phát triển để xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng vẫn đảm bảo giữ vững độc lập tự chủ, bản sắc văn hóa dân tộc, hạn chế tối đa những ảnh hưởng xấu từ mặt trái của toàn cầu hóa, thực hiện có hiệu quả quá trình hội nhập. Tình hình đó đòi hỏi công tác chính trị - tư tưởng phải được nâng lên tầm cao mới, tăng cường chất lượng, hiệu quả, tính chủ động sáng tạo để Đảng làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình.

Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng năm 1975, Đảng Nhân dân cách mạng Lào là đảng duy nhất cầm quyền, giữ vai trò lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện đối với xã hội. Đảng có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân các bộ tộc Lào thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới. Công tác chính trị - tư tưởng của Đảng là một trong những nhân tố rất quan trọng để định hướng đất nước Lào đi lên chủ nghĩa xã hội, kết hợp các nguyên lý phổ

Digitized by Google

biến của chủ nghĩa xã hội khoa học với điều kiện thực tế cụ thể của Lào trong bối cảnh mới của thế giới. Từ một nền nông nghiệp lạc hậu, kết cấu hạ tầng còn thiếu thốn, vừa thoát khỏi chế độ nửa thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, Lào phải trải qua một thời kỳ quá độ là giai đoạn cách mạng dân chủ nhân dân. Cho nên, công tác chính trị - tư tưởng của Đảng càng được đẩy mạnh và không ngừng nâng cao chất lượng. Nhiệm vụ quan trọng nhất của công tác chính trị - tư tưởng là xây dựng cơ sở lý luận, chính trị - tư tưởng khoa học để định hướng đúng đắn cho các việc: xác định đường lối, chính sách thích hợp với hoàn cảnh thực tế của đất nước; phát huy cao độ nội lực đất nước và khai thác các nhân tố tích cực của thời đại, của dân tộc, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; làm cho hệ tư tưởng Mác - Lê-nin và đường lối của Đảng giữ vai trò chi phối trong đời sống tư tưởng, tinh thần của toàn xã hội.

Từ Đại hội IV của Đảng (1986) đến nay, công tác chính trị - tư tưởng của Đảng đã có nhiều đổi mới, đạt được những bước tiến, thành tựu đáng kể. Trên các lĩnh vực nghiên cứu, triển khai và giáo dục lý luận, chính trị - tư tưởng đều có những khởi sắc; trong một số lĩnh vực có sự chuyển biến khá cơ bản. Song, có những mặt trong công tác chính trị - tư tưởng còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ; thậm chí có mặt còn yếu kém, lạc hậu. Công tác chính trị - tư tưởng còn không ít lúng túng, chất lượng và hiệu quả chưa cao. Bước vào thời kỳ đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thế kỷ XXI, nhiệm vụ chính trị - tư tưởng càng mang tính cấp bách và càng có vị trí, vai trò quan trọng cần thiết. Do vậy, việc tổng kết, đánh giá thành tựu, kinh nghiệm đổi mới công tác giáo dục chính trị - tư tưởng của Đảng trong gần 20 năm qua, nhận thức rõ yêu cầu đối với công tác chính trị - tư tưởng hiện nay và trong thời gian tới, từ đó đề ra phương hướng, giải pháp đúng đắn, khả thi nhằm nâng cao chất lượng công tác chính trị - tư tưởng của Đảng, là điều có ý nghĩa quan trọng và thiết thực cả về lý luận lẫn về thực tiễn.

Là một trong các mặt cơ bản của công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị - tư tưởng có liên quan đến nhiều đối tượng, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, tới cả hệ thống chính trị và xã hội. Công tác này được tiến hành bằng nhiều hình thức, phương pháp đa dạng, phong phú trên cơ sở tuân thủ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nguyên tắc xây dựng Đảng, quy luật vận động và phát triển của xã hội. Đồng thời, ở đây còn đòi hỏi phải có sự linh hoạt, chủ động, sáng tạo và nhạy bén khi triển khai những đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên công nhân viên và quần chúng nhân dân nhằm nâng cao tính tự giác, chủ động, sáng tạo của họ trong việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị cụ thể do Đảng đề ra. Góp phần vào việc hình thành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng là một nhiệm vụ quan trọng của công tác chính trị - tư tưởng. Ngoài ra, nó còn góp phần hết sức quan trọng vào việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa... Khi Đảng chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, khi những thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức đan xen nhau như hiện nay, thì công tác chính trị - tư tưởng phải ra sức quyết tâm giữ vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, vận dụng sáng tạo theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Công tác chính trị - tư tưởng là một vũ khí sắc bén trong toàn bộ hoạt động của Đảng, trong việc xây dựng Đảng vững mạnh, trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Trong công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo hiện nay, Đảng luôn quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin,

Digitized by Google

tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện, hoàn cảnh cách mạng Lào; gắn lý luận khoa học với thực tiễn cách mạng sinh động; nhạy bén trước sự biến đổi phức tạp của tình hình, kịp thời xác định đúng đắn những định hướng lớn và nhiệm vụ của công tác chính trị - tư tưởng; đề ra các phương châm, phương pháp, nguyên tắc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ; thường xuyên tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm làm cơ sở chỉ đạo thực hiện công tác chính trị - tư tưởng trong phạm vi cả nước ở từng giai đoạn và đối với từng đối tượng.

Đảng Nhân dân cách mạng Lào luôn lấy công tác chính trị - tư tưởng làm gốc, coi nó là hoạt động xuyên suốt mọi lĩnh vực hoạt động, là một tiêu chuẩn trong công tác xây dựng Đảng theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Công tác chính trị - tư tưởng của Đảng luôn được đảm bảo bởi nguyên tắc tính Đảng, tính khoa học và tính thống nhất cao giữa lý luận với thực tiễn, giữa lời nói với việc làm. Nó góp phần nâng cao nhận thức chính trị, xây dựng phương pháp tư duy khoa học cho quần chúng; tuyên truyền, cổ động quần chúng thực hiện các nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của cách mạng; giáo dục đạo đức, lối sống trong sạch, dự báo xu hướng phát triển và diễn biến của tình hình tư tưởng.

Khi phân tích tình hình chính trị - tư tưởng, tâm trạng trong Đảng và xã hội cũng như đánh giá ưu, khuyết điểm của công tác chính trị - tư tưởng của Đảng, cần bám sát bối cảnh tình hình cụ thể. Nét nổi bật của tình hình nước Lào hiện nay là kinh tế đang tiếp tục tăng trưởng dần, đời sống đa số người dân tiếp tục được cải thiện, nhưng nhân dân các bộ tộc chưa thực sự phấn khởi. Công tác xây dựng Đảng có bước chuyển biến tích cực, đã xử lý nghiêm khắc một số cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất, nhưng nội bộ Đảng còn nhiều điều khiến đảng viên lo lắng. Việc giải quyết nhiều mặt bức xúc về dân chủ, văn hóa xã hội có tiến bộ, song tiêu cực còn rất nghiêm trọng. Có những nơi mất đoàn kết nội bộ, thiếu kỷ luật kỷ cương, còn tồn tại tình trạng tham nhũng, buôn lậu, tệ nạn xã hội... Chính trị ổn định nhưng trên nhiều địa bàn, lòng dân vẫn chưa yên. Mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng chưa theo kịp các nước phát triển về trình độ khoa học - công nghệ, trình độ quản lý kinh tế, nhiều đơn vị làm ăn thua lỗ.

Khi phân tích diễn biến tư tưởng, tâm trạng, dư luận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, công tác chính trị - tư tưởng đã đi sâu vào các giai tầng xã hội, nêu bật những khía cạnh báo hiệu những chiều hướng mới sẽ xuất hiện. Bên cạnh việc khẳng định mặt tích cực, công tác này còn chú ý phân tích kỹ các khía cạnh như: sự thoái hóa, biến chất về tư tưởng chính trị và đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; hoạt động của các nhóm cơ hội chính trị; những hiện tượng sai trái, lệch lạc của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các "điểm nóng"; các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động của những phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản, của lĩnh vực văn hóa, văn nghệ; hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Trong giai đoạn hiện nay, công tác chính trị - tư tưởng của Đảng đã khẳng định rõ chất lượng và hiệu quả các hoạt động nghiên cứu, học tập, quán triệt chủ nghĩa Mác - Lê-nin và các nghị quyết của Đảng; tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục lý luận cho cán bộ, đảng viên; triển khai công tác báo cáo viên và công tác tuyên truyền miệng đến các đối tượng; thường xuyên định hướng tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; đẩy mạnh công tác văn hóa - văn nghệ, thông tin đối ngoại và chương trình hướng về cơ sở, tăng cường đối thoại, bám sát thực tế, mở rộng dân chủ trong thông tin nhằm thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Yêu cầu chung đối với công tác chính trị - tư tưởng hiện nay là nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu làm chuyển biến nhận thức các tầng lớp nhân dân một cách

Digitized by Google

thiết thực; đề cao tính chiến đấu, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật; làm rõ các định hướng, giải pháp có tác dụng xoay chuyển tình hình; coi trọng tổng kết từ cơ sở, coi trọng tiến hành điều tra, khảo sát, đi vào một số chuyên đề phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương; coi trọng việc phát hiện các điển hình tiên tiến, từ đó có kế hoạch nhân rộng và phát huy chúng.

Để giải quyết những bất cập hiện có, góp phần tăng cường công tác chính trị - tư tưởng của Đảng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân Lào tham gia công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, cần thực hiện các giải pháp như: đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về công tác chính trị - tư tưởng; phát huy dân chủ, công khai bằng sự gương mẫu của đảng viên; giải quyết tốt mối quan hệ giữa công tác chính trị - tư tưởng của Đảng với công tác phát triển kinh tế và công tác tổ chức, cũng như với mọi hoạt động của các cấp ủy, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan tới công tác chính trị - tư tưởng; đổi mới nội dung, hình thức và những phương pháp để tiến hành công tác chính trị - tư tưởng của Đảng phù hợp với tình hình đặc điểm, tâm lý, phong tục, tập quán của nhân dân các bộ tộc Lào; quan tâm công tác giáo dục, thuyết phục về đạo đức cách mạng, lối sống tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc các bộ tộc Lào cho cán bộ, công nhân viên và quần chúng; củng cố hệ thống tổ chức bộ máy chủ yếu là ở cơ sở địa phương; tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác chính trị - tư tưởng ngày càng vững mạnh. Quá trình thực hiện những giải pháp được nêu ra ở đây khó tránh khỏi những khó khăn, nhưng điều đó có thể được khắc phục nhờ quyết tâm của các cấp ủy, chính quyền các cấp, các tổ chức quần chúng, nhờ sự gương mẫu của đảng viên; đồng thời, nhờ sự quan tâm, phối hợp của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở, làm cho công tác chính trị - tư tưởng trở thành công tác của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Lào. ❑

CỦA NGƯỜI...

(Tiếp theo trang 51)

và khảo, trên thực tế vẫn chưa phải là yếu tố quyết định. Trường hợp đó, (nói đến đây sếp cười khoái chí), chẳng khác gì điều tớ thực hiện hôm nay khá "thành công" với các cậu, đó là áp dụng công thức "của người - phúc ta" vậy thôi.

Sau tiệc trà nhỏ, mọi người về phòng bắt đầu những công việc của mình trong một ngày làm việc mới. Người thì cảm thấy vui, coi tiệc trà vừa qua của sếp như đã được thưởng thức một câu chuyện khôi hài. Sau đó mấy tuần có người vẫn còn nhắc. Thậm chí còn đùa cợt với nhau bằng câu: "Đừng có mà của người - phúc ta" nữa nhé. Nhưng bản thân tôi thì thấy bứt rứt trong lòng. Chẳng nhẽ trong công tác cán bộ đã có những hiện tượng tiêu cực như vậy xảy ra. Tâm trạng bán tín, bán nghi cứ lớn vởn trong tâm trí tôi.

Bỗng trong một cuộc giao ban của cơ quan, người ta đã thông báo về trường hợp của một vị giám đốc lớn thuộc một bộ lớn sắp bị đưa ra xét xử công khai. Tội trạng chính là lợi dụng chức vụ gây thất thoát tài sản của Nhà nước. Sau khi điều tra kỹ lưỡng, ban chuyên án kết luận, trong một thời gian ngắn trên cương vị giám đốc, vị đó đã vay được rất nhiều tiền của Nhà nước và sử dụng rất tùy tiện. Đặc biệt, riêng tiền biếu xén, quà cáp ở "cấp tình cảm" vị đó đã chi tới trên dưới một trăm tỉ đồng (100 tỉ VND). Nhưng lúc sa lưới pháp luật và bị kê biên tài sản cá nhân, mọi người mới biết rằng, gia tài, gia sản riêng của vị kia lại cũng chẳng có gì đáng giá tới bạc tỉ.

Tôi chợt nghĩ, nếu chạy chọt kiểu ấy, lúc "phi vụ" trót lọt thì mới gọi đó là công thức "của người - phúc ta". Trong trường hợp sa lưới pháp luật, của người nhưng... phúc thì "ai" !? ❑

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC VÀ CUỘC CHIẾN VÌ DẦU LỬA*

GIÔN PHÔ-XTƠ **

DẦU lửa là vấn đề phức tạp trong cuộc khủng khoảng thế giới ngày nay.

Hai năm qua, chủ nghĩa đế quốc Mỹ trở nên ngày càng hiếu chiến và trong chính quyền Mỹ đã có sự thay đổi cơ bản về nhận thức chiến lược. Hai mươi năm trước, Mỹ sản xuất đủ dầu cho nhu cầu trong nước. Nhưng sau 10 năm nữa, để đáp ứng nhu cầu dầu lửa của mình, Mỹ sẽ phải nhập khẩu gần như hoàn toàn.

Thế giới hiện sản xuất được 76 triệu thùng dầu mỗi ngày, riêng lượng tiêu thụ dầu lửa hàng ngày của Mỹ chiếm 20 triệu thùng (bao gồm 8 triệu thùng sản xuất trong nước và 12 triệu thùng nhập khẩu). Nếu Mỹ phải dựa hoàn toàn vào trữ lượng dầu của mình thì nguồn này sẽ cạn kiệt vào cuối thập kỷ này. Mức tiêu thụ dầu của Mỹ và phần còn lại trên thế giới đều tăng, và theo Cơ quan năng lượng quốc tế, sẽ lên tới 86 triệu thùng/ngày vào năm 2010. Nhưng, sản lượng dầu lại không tăng như vậy. Vì thế, Mỹ muốn giành cho mình một tỷ trọng lớn hơn trong mức tiêu thụ dầu của thế giới. Chính sách năng lượng quốc gia do chính phủ Mỹ công bố hồi tháng 5-2001, ước tính lượng tiêu thụ dầu của Mỹ vào năm 2020 là 37 triệu thùng/ngày.

Hiện nay, Mỹ vẫn là nước sản xuất dầu lớn nhất thế giới, nhưng trữ lượng của Mỹ lại rất nhỏ so với mức sản lượng và đang sụt giảm nhanh chóng.

Bảng 1: Những nước tiêu thụ và sản xuất dầu chủ yếu trên thế giới

Đơn vị: Triệu thùng/ngày (2001)

Nước	Tiêu thụ	Sản lượng
Mỹ	20	8,0
Nhật Bản	5	-
Trung Quốc	4	3,2
Nga và các nước thuộc Liên Xô cũ	4	8,3
Đức	3	-
Pháp	2	-
I-ta-li-a	2	-
Anh	2	2,5
Mê-hi-cô	2	3,4
A-rập Xê-út	1,2	9,1
I-ran	1,1	3,7
Vê-nê- xu-ê-la	0,5	3,1
I-rắc	0,4	2,5
Các Tiểu vương quốc A-rập thống nhất	0,3	2,5
Na Uy	0,2	3,4
Cô-oét	0,2	2,0
Tổng số: Tất cả các nước	75,5	76,0

Nguồn: Tạp chí *Nhà kinh tế dầu lửa*, số tháng 3-2002 (của Cơ quan năng lượng quốc tế và Bộ Năng lượng Mỹ).

* Nguồn : Tạp chí *Cộng sản*, số Xuân năm 2003 của Đảng Cộng sản Anh

** Chủ tịch Đảng Cộng sản Xcốt-len

Digitized by Google

Ai đó có thể cho rằng, tình hình sản xuất dầu mỏ không đáng ngại lắm đối với Mỹ, vì dầu mỏ chỉ là một hàng hóa để tạo ra năng lượng, trong khi đó, vị thế của cường quốc kinh tế này được tạo nên bởi những thứ khác, trước hết là ưu thế công nghệ của Mỹ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, hàng không vũ trụ, dược phẩm và gen sinh học. Nhưng thực tế, dầu mỏ luôn rất quan trọng đối với Mỹ. Về kinh tế, loại năng lượng này từ lâu đã đem lại cho ngành công nghiệp Mỹ lợi thế cạnh tranh chủ yếu. Tuy nhiên, tầm quan trọng thực sự của dầu mỏ đối với Mỹ thể hiện qua buôn bán dầu lửa và đồng đô-la. Trong một nghiên cứu về công nghiệp dầu lửa Anh - Mỹ, Xi-môn Brôm-ly đã chỉ ra rằng, yếu tố cơ bản tạo nên sự thống trị của Mỹ chính là việc Mỹ kiểm soát được những nguồn cung cấp năng lượng của các đối thủ cạnh tranh với mình (Hầu hết số dầu bán cho các nước đó có nguồn gốc ngoài nước Mỹ). Nguồn dầu đó có tầm quan trọng sống còn đối với sự phát triển của Nhật Bản, rất cần thiết đối với hầu hết các nước châu Âu và không thể thiếu được đối với nhiều vùng của thế giới thứ ba.

Buôn bán dầu được thanh toán bằng đô-la và đem lại lợi nhuận rất quan trọng cho các công ty dầu của Mỹ (hiện đóng góp hơn 12% lợi nhuận của các công ty Mỹ). Nếu buôn bán dầu bị mất thì đây thực sự là mối đe dọa đối với Mỹ. Và nếu thu nhập từ dầu ngày càng giảm trong thập kỷ tới thì chắc chắn đó sẽ là yếu tố gây bất ổn sâu sắc đối với Mỹ trong việc kiểm soát hệ thống ngân hàng thế giới.

Tuy nhiên, Mỹ không cho phép điều đó xảy ra. Từ lâu dầu mỏ đã gắn chặt với các hoạt động của Mỹ. Gần 100 năm trước, V.I. Lê-nin đã chỉ ra rằng công nghiệp dầu là một ví dụ về hàng hóa bị độc quyền trên quy mô toàn thế giới. Cơ sở của sự độc quyền này phụ thuộc vào hai yếu tố: sự tích tụ tư bản và sự hỗ trợ của nhà nước. Dầu luôn cần có qui mô tư bản lớn. Người kinh doanh dầu trên thế giới có thể kiểm soát tất cả các khâu trong ngành công nghiệp, từ khâu khai thác, vận chuyển, lọc dầu đến mạng lưới bán lẻ ở các lục địa. Với quy mô đó, những hãng dầu tầm cỡ có khả năng chống lại những thách thức, đặc biệt có khả năng sử dụng sự sụt giá có tính chu kỳ để đánh gục những kẻ muốn bon chen và thực hiện việc tích tụ lại trong ngành. Giá dầu lên cũng đem lại lợi nhuận khổng lồ khi nhu cầu tăng. Trong nhiều giai đoạn của thập kỷ qua, lợi nhuận thu nhập đã vượt quá 30% của giá trị tư bản. Vì lý do này, hoạt động thương mại của các hãng dầu thu được nhiều tiền và buôn bán dầu có ý nghĩa chủ yếu đối với hoạt động ngân hàng Mỹ trong thập kỷ qua. Tuy vậy, những hoạt động trên không thể xảy ra nếu thiếu sự hỗ trợ của nhà nước. Trước đây, Mỹ đã phản ứng quyết liệt trước bất kỳ thách thức nào đối với việc Mỹ nắm giữ nguồn dầu. Trong thời kỳ nội chiến, tiêu thụ dầu của Mỹ chủ yếu từ trữ lượng trong nước và từ Mê-hi-cô và Mỹ La-tinh. Để bảo đảm sự kiểm soát chính trị đối với những khu vực dầu, Mỹ đã thiết lập một hệ thống các thỏa thuận, phần nào được điều hành bởi các hãng dầu lửa để trợ giúp các chế độ tại A- rập và vùng vịnh Péc-xích. Vào những năm 1960, sự thống trị này của Mỹ bắt đầu bị thách thức do làn sóng thay đổi chính trị và quốc hữu hóa ở các nước (trước hết ở I-rắc và Li-bi) và sự ra đời của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC).

Phản ứng của Mỹ mang tính chiến lược. Từ năm 1964, Giôn Mắc Cloi, người phát ngôn của ngành công nghiệp dầu lửa Mỹ cho rằng ngành công nghiệp Mỹ cần phải chuyển hướng thăm dò sang những vùng an toàn về mặt chính trị như A-la-xka, Ca-na-đa và Biển Bắc. Chi phí sản xuất dầu ở đây đắt hơn ở A-rập (hay bang Tếch-dát), nhưng những khu vực này sẽ đem lại cho các hãng dầu của Mỹ những nguồn trữ lượng cần thiết để tiêu diệt bất kỳ các-ten dầu lửa nào. Khi OPEC thành công trong việc nâng giá dầu vào đầu những năm 1970, các hãng dầu đã sẵn sàng đầu tư lớn vào khai thác nguồn dầu nói trên. Tại khu vực Biển Bắc, chính phủ Mỹ đã cung cấp phần tín dụng quan trọng mà BP, Shell và những liên doanh của chúng với Exxon yêu cầu. Những năm tiếp theo các hãng dầu độc quyền

Digitized by Google

của Mỹ có thể tận dụng sự sụp đổ của giá dầu để giành lại nguồn dầu ở Trung Đông với mức giá rất thấp, và, họ tiếp tục quá trình này ở những vùng của Trung Á sau khi Liên Xô bị tan rã năm 1991. Chi phí sản xuất dầu ở Trung Đông thường thấp hơn một nửa so với ở A-la-xka hoặc Biển Bắc.

Đối với Mỹ, cuộc khủng khoảng ngày nay phức tạp hơn nhiều. Việc cung cấp "dầu lửa đắt giá" từ các vùng an toàn về chính trị đã bị kiệt quệ. Tồi tệ hơn nữa là, nguồn dầu của Mỹ đang bị sụt giảm nhanh chóng. Ngoài ra, nguồn cung cấp "dầu rẻ" từ Trung Đông đang trục trặc, do sự bất ổn chính trị của các chế độ ở A-rập Xê-út và Cô-oét. Các giếng dầu ở A-rập Xê-út đã bị khai thác quá mức và kém bảo dưỡng trong hơn 50 năm qua. Các mỏ dầu ở Cô-oét cũng bị chiến tranh tàn phá nghiêm trọng. Vì vậy, có mối lo ngại rằng ngay cả khi Mỹ duy trì được sự kiểm soát chính trị đối với các nước này, các hãng dầu của họ cũng không có khả năng tăng sản xuất một cách nhanh chóng và lâu dài nhằm đáp ứng các nhu cầu kinh doanh quốc tế của họ. Và, vào năm 2008, dầu sẽ trở thành thứ hàng cực kỳ khan hiếm.

Bối cảnh đó giải thích vì sao Mỹ muốn đảm bảo nắm được sự kiểm soát chính trị đối với những nguồn dầu quan trọng và các con đường vận chuyển dầu tới thị trường. Mỹ muốn kiểm soát trực tiếp vì hai lý do. Một là, Mỹ không thể dựa vào áp lực thị trường được nữa. Ngày nay ở khu vực an toàn không có đủ dầu để khai thác nếu nhằm mục đích buộc các nhà sản xuất khác phải phục tùng. Thứ hai, đầu tư để khôi phục và tái phát triển những mỏ dầu bị tàn phá, hoặc phát triển cơ sở hạ tầng cho các mỏ mới là rất lớn. Các công ty Mỹ sẽ chỉ đầu tư nếu việc đầu tư đó được bảo đảm an toàn. Mỹ muốn thực thi quyền kiểm soát vượt trội đối với nguồn trữ lượng dầu còn lại của thế giới và đang trực tiếp kiểm soát chúng. Nếu việc kiểm soát được thực hiện thông qua các chính phủ thân Mỹ thì sẽ tốt hơn. Còn nếu việc kiểm soát chỉ có thể được bảo đảm bằng lực lượng quân sự thì nó sẽ được thực hiện như vậy. Mỹ không thể dựa vào sự thống trị thông qua các thị trường được nữa. Nếu thể hiện bằng thuật ngữ chính trị thì điều đó có nghĩa là những biện pháp thực dân phải thay thế những biện pháp thực dân kiểu mới.

Bảng 2: Trữ lượng dầu đã thăm dò (Đơn vị: tỷ thùng)

Nước	Trữ lượng
A-rập Xê-út	263
Trung Á	Khoảng 235
I-rắc	112
Cô-oét	94
Vê-nê-xu-ê-la	72
Các tiểu vương quốc A-rập thống nhất	63
Nga	52
Trung Quốc	34
Li -bi	29
Mê-hi-cô	28
Ni-giê-ri-a	25
Mỹ	24
An-giê-ri	13
In-đô-nê-xi-a	8
Ăng-gô-la	8
Na Uy	8

Nguồn : Đã dẫn ở bảng 1

Theo bảng 2, những khu vực ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ hiện nay đều liên quan trực tiếp với những khu vực có trữ lượng dầu quan trọng ở Trung Đông, Trung Á và Mỹ La-tinh. Trung Đông là nơi tập trung lực lượng quân sự của Mỹ từ nhiều thập kỷ nay. Từ năm 1991, lực lượng Mỹ ở A-rập Xê-út và Cô-oét đã được tăng cường khoảng 30 000 quân. Hai năm qua, Mỹ di chuyển nhiều quân tới Trung Á. Hiện nay, Mỹ sử dụng những căn cứ quân sự ở 6 nước cộng hòa châu Á thuộc Liên Xô cũ để kiểm soát nguồn dầu ở Ca-xpi. Mỹ còn đóng quân ở hai nước láng giềng là Áp-ga-ni-xtan và Gru-di-a nhằm kiểm soát các đường ra biển. Phó Tổng thống Mỹ, Đ. Che-ny, đánh giá cao tầm quan trọng chiến lược của nguồn dầu vùng Trung Á vì trữ lượng của khu vực này chỉ đứng thứ hai, sau A-rập Xê-út.

Digitized by Google

Tuy vậy, việc củng cố sự kiểm soát chính trị của Mỹ đối với Trung Á dường như tốn kém, nguy hiểm và phức tạp vì khu vực này gần Trung Quốc và Nga, và bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của một số nước Trung Á và các quốc gia vùng Cáp-ca-dơ. Việc chiếm đóng quân sự I-rắc sẽ là phương án tốt hơn vì việc này có thể thực hiện nhanh chóng và rẻ. Sự thiết lập một chính phủ mới sẽ cho phép kiểm soát được ngay bể dầu lớn thứ ba của thế giới. Tuy nhiên điều nguy hiểm là bất cứ cuộc tấn công nào vào I-rắc cũng có thể gây bất ổn đối với các chính quyền ở Cô-oét, A-rập Xê-út và các Tiểu vương quốc A-rập thống nhất, nơi Mỹ đang dựa vào đó như nguồn cung cấp dầu cho mình.

Những điều không chắc chắn đó càng cho Mỹ thấy tầm quan trọng phải loại bỏ sự chống đối chính trị tại khu vực sân sau của mình là Mỹ La-tinh. Trữ lượng dầu của cả ba nước Vê-nê-xu-ê-la, Cô-lôm-bi-a và Ê-cu-a-đo lớn gấp hơn 3 lần trữ lượng dầu của Mỹ. Chi phí vận tải dầu lửa sang Mỹ rẻ và có thể tạo nguồn dự trữ đệm của Mỹ trên thị trường thế giới. Trong năm qua, quân Mỹ đã tham gia vào cuộc chiến chống lại những lực lượng giải phóng ở Cô-lôm-bi-a. Chính phủ Mỹ rõ ràng cũng muốn có sự thay đổi chính phủ ở Vê-nê-xu-ê-la. Tổng thống H. Cha-vét không được Nhà Trắng ưa vì những hoạt động của ông ở nước ngoài với tư cách là Chủ tịch OPEC. Từ năm 2000, ông đã thành công trong việc tập hợp những nhà sản xuất của thế giới thứ ba nhằm tạo thế đàm phán độc lập hơn với các hãng dầu lửa. Ở trong nước, ông H. Cha-vét tiến hành những chương trình phúc lợi xã hội và phân chia đất đai với nhiều tham vọng. Mỹ càng thêm toan tính loại bỏ ông ta.

Sự can thiệp này của Mỹ có từ thời chiến tranh lạnh và được đội lốt bằng cuộc chiến chống chủ nghĩa cộng sản. Tuy nhiên, ngày nay sự can thiệp có một số đặc điểm mới. *Thứ nhất*, dựa vào sự lo sợ về các mối đe dọa vì Mỹ đưa ra chính sách sử dụng vũ khí hạt nhân đánh đòn phủ đầu một số nước mục tiêu. *Thứ hai*, Mỹ phát triển thế hệ vũ khí hạt nhân, la-de mới để sử dụng cục bộ. Mục đích của việc thiết lập hệ thống vũ khí đặt trong không gian là nhằm tấn công bằng vũ khí hạt nhân một cách nhanh chóng vào bất cứ nơi nào trên thế giới. *Thứ ba*, Mỹ chuyển sang chủ nghĩa đơn phương và ngày càng hoạt động một cách độc lập với những đồng minh, xa rời Liên hợp quốc và các hiệp ước của tổ chức này.

Tất cả những đặc điểm này dường như là sản phẩm trực tiếp của giai đoạn hiện nay của chủ nghĩa đế quốc Mỹ về kinh tế. Mối nguy hiểm lớn đối với chính phủ Mỹ là sự can thiệp của Mỹ rải rác khắp nơi sẽ vô cùng tốn kém. Để đạt hiệu quả, Mỹ phải loại bỏ sự chống đối, với chi phí và sử dụng quân đội Mỹ ở mức tối thiểu. Mỹ không đủ sức để duy dưỡng lực lượng trung gian hòa giải. Mỹ muốn việc tự do triển khai đe dọa bằng khả năng hủy diệt vượt trội của mình. Mỹ không muốn sự tự do hành động của mình bị các đối thủ làm tê liệt. Mục tiêu quan trọng trong chính sách của Mỹ là phải giành được tỷ trọng lớn hơn trong nguồn dự trữ năng lượng có giới hạn này của thế giới để phần nào tăng sức mạnh kinh tế của Mỹ so với các đối thủ cạnh tranh.

Đối với các nhà hoạch định chính sách Mỹ, những lợi ích lâu dài là vấn đề lớn. Chiến lược của Mỹ là sử dụng có hiệu quả nhất sức mạnh hiện có của cường quốc thế giới. Sức mạnh này có được do đầu tư của Mỹ vào công nghệ quân sự từ thời Chiến tranh lạnh và do Mỹ có một mạng lưới những căn cứ và thiết bị quân sự toàn diện hơn bất cứ nước đế quốc nào khác. Triển khai tiềm lực này sẽ cho phép Mỹ tiếp tục kiểm soát mặt hàng xuất khẩu truyền thống, quan trọng nhất là dầu khí và vì vậy góp phần quan trọng để duy trì sự thống trị của hệ thống ngân hàng Mỹ. Mỹ cũng có ý định kiểm soát chặt hơn các nguồn nguyên liệu chiến lược quan trọng khác ở những vùng chịu ảnh hưởng thực dân của Mỹ và thông qua những chính phủ thân Mỹ. Việc tăng mạnh chi phí quân sự cho hệ thống vũ khí công nghệ cao là nhằm phục vụ việc khôi phục lợi nhuận độc quyền trong thời kỳ suy thoái và giảm phát. Về lâu dài, sự thống trị thế giới của

Digitized by Google

những công ty Mỹ và việc phân phối lại lợi nhuận thu nhập theo hướng có lợi cho Mỹ là để tạo lại động lực phát triển phồn thịnh cho nước Mỹ trong những năm 1990. Đó là mức lợi nhuận mà Mỹ có thể thu được trong những khoản đầu tư từ các đối thủ đế quốc và sử dụng đầu tư đó để tăng năng suất lao động và lợi thế cạnh tranh của Mỹ.

Có quan điểm cho rằng, Mỹ có thể cố gắng đạt được mục tiêu này một cách đơn độc. Thực tế, lô-gích của chiến lược là Mỹ phải hành động một mình vì các đồng minh sẽ không có lợi khi hỗ trợ Mỹ. Tuy nhiên, có một ngoại lệ đó là nước Anh khi nước này có lợi ích và đặc điểm gần giống Mỹ và cũng là một cường quốc, nhưng lại yếu hơn Mỹ về mọi mặt. Sức mạnh chính của Anh là công nghệ quân sự và quyền kiểm soát các nguồn dầu khí của thế giới thông qua hai công ty xuyên quốc gia là BP và Shell. Hệ thống tài chính của Mỹ và Anh cũng có mức độ thâm nhập đầu tư vào nhau lớn nhất. Tư bản tài chính Anh có nhiều mối lợi từ quan hệ này vì nó bảo đảm các nguồn đầu tư và bảo vệ an ninh cho các công ty dầu khí của Anh ở Trung Đông, châu Phi và Mỹ La-tinh.

Tư bản tài chính Mỹ cũng có lợi. Sự hiện diện của Anh trong Liên minh châu Âu, và việc ra đời liên minh hiếu chiến với các nước như Anh, I-ta-li-a, Tây Ban Nha làm cho sự chống đối của Pháp và Đức trở nên khó khăn hơn. Anh ủng hộ hành động của Mỹ nhưng phụ thuộc Mỹ về kinh tế và quốc phòng, nên Mỹ vẫn có lợi trong việc nắm quyền kiểm soát.

Nhưng những nguy cơ đối với chủ nghĩa đế quốc Mỹ trong chiến lược mới này cũng rất lớn. Mỹ có thể bị sa lầy về quân sự ở nhiều nơi. So với trước đây, chiến lược hiện nay dựa nhiều hơn vào các chính phủ thân Mỹ - đây là một lựa chọn tốn kém. Một nguy cơ lớn khác là sự chuyển chi phí quân sự công nghệ cao sang chi phí triển khai lực lượng và mua lính đánh thuê. Và điều này có thể gây tác hại đến đầu tư trong các lĩnh vực khoảng không vũ trụ và công nghệ tin học (đã từng đưa Mỹ vươn tới vị trí hàng đầu). Cái đem lại cho chủ nghĩa đế quốc Mỹ sức mạnh trong thế kỷ XX có thể làm cho Mỹ suy yếu ở thế kỷ XXI (giống như Anh trước đây). Từ viễn cảnh này, chủ nghĩa đế quốc Mỹ có thể trở nên quân phiệt với làn sóng chống Mỹ tăng lên ở các vùng thuộc địa và nửa thuộc địa đang bị các đối thủ của Mỹ khai thác. Sự bộc lộ trần trụi của các mục tiêu kinh tế Mỹ có thể cũng trở thành một trở ngại lớn đối với Mỹ và khi sự nổi trội kinh tế của Mỹ bị suy giảm thì khả năng kiểm soát và điều hành của Mỹ đối với Tổ chức Thương mại thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới cũng sẽ bị giảm sút.

Những nguy cơ này hoàn toàn rõ ràng đối với các nhà hoạch định chính sách Mỹ. Sự phụ thuộc của Mỹ vào nguồn năng lượng bên ngoài trong 10-20 năm nữa buộc Mỹ phải có giải pháp khác khó có thể lường trước được. Hoặc là phải có dầu, hoặc phải xem xét đến những cái thay thế khác. Nhưng khó có được thay thế nào tương xứng với tư bản tài chính Mỹ.

Tóm lại, những chính sách của chính quyền Tổng thống G. Bu-sơ xuất phát từ những mệnh lệnh kinh tế cụ thể của chủ nghĩa đế quốc Mỹ.

Ngày nay, phân tích của V.I.Lê-nin về chủ nghĩa đế quốc vẫn còn nguyên giá trị. Giống như thời V.I. Lê-nin, quyền lực kinh tế hiện nay không thể tách rời quyền lực của nhà nước. Quyền lực toàn cầu hóa hiện nay do các công ty xuyên quốc gia và các thể chế quốc tế như Liên minh châu Âu, Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới thực hiện. Chúng là các công cụ của tư bản độc quyền song chúng chịu tác động của sự cạnh tranh kịch liệt giữa các nước đế quốc. Trong giai đoạn hiện nay, sự cạnh tranh đó càng rõ hơn. Điều quan trọng đối với những người theo chủ nghĩa xã hội, cộng sản và cánh tả là hiểu được và khai thác mâu thuẫn đó. Tương lai của thế giới phụ thuộc vào sự tập hợp lực lượng, đoàn kết chống lại chủ nghĩa đế quốc. ❑

ĐỖ MAI THÀNH
(Lược dịch)

Digitized by Google

TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI 9 THÁNG NĂM 2003

NGÀY 1-10-2003, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê tổ chức Hội nghị thông báo số liệu thống kê về tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2003. Tham dự họp gồm đại diện các bộ, ngành, các cơ quan trung ương; các phóng viên báo chí của Trung ương và Hà Nội. Tiến sĩ Lê Mạnh Hùng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chủ trì Hội nghị.

Trong điều kiện khó khăn như kinh tế thế giới phục hồi chậm, ảnh hưởng của chiến tranh I-rắc, dịch SARS, ảnh hưởng của tiến trình hội nhập kinh tế, các bất lợi do thời tiết và thiên tai, nền kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục ổn định và phát triển. Tổng sản phẩm trong nước 9 tháng năm 2003 tăng 7,1% so với 9 tháng năm 2002, trong đó khu vực nông, lâm và thủy sản tăng 2,97%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,19%; khu vực dịch vụ tăng 6,48%. Trong 7,1% tăng trưởng của 9 tháng năm 2003, khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 3,81%; khu vực dịch vụ đóng góp 2,65%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 0,64%. Tổng thu ngân sách nhà nước 9 tháng đạt 79,6% dự toán cả năm và tăng 11,1% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó thu trong nước đạt 77,6% và tăng 9,5%; thu từ dầu thô đạt 94% và tăng 24,2%; thu từ xuất nhập khẩu đạt 73,3% và tăng 4,8%. Tổng chi ngân sách nhà nước 9 tháng đạt 72,4% dự toán cả năm, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 69,1%; chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội đạt 74,5%, chi trả nợ và viện trợ đạt 78,2%. Bội chi ngân sách 9 tháng bằng 53% dự toán cả năm. Số bội chi được bù đắp bằng vay trong nước 61%, phần còn lại vay của nước ngoài.

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục phát triển khá. Sản xuất nông nghiệp năm 2003 tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Sản lượng lúa ước tăng 22,2 vạn tấn so với năm 2002, nếu tính cả ngô, sản lượng lương thực có hạt cả năm đạt 37,52 triệu tấn, tăng 55,86 vạn tấn so với năm 2002. Sản lượng lúa cả năm tăng không nhiều do diện tích giảm nhẹ, trong khi năng suất ước tăng 0,7 tạ/ha. Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Lâm nghiệp có diện tích rừng trồng tập trung cả nước năm 2003 ước tăng 1% so với năm 2002, trong đó diện tích rừng trồng mới trong dự án 5 triệu héc-ta chiếm 65%. Sản xuất thủy sản tiếp tục tăng khá cả nuôi trồng và đánh bắt; sản lượng thủy sản khai thác tăng 1,6%, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng 14% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2003 tăng 4,7% so với năm 2002; trong đó, nông nghiệp tăng 4%, lâm nghiệp tăng 1,1%, thủy sản tăng 8,6%.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất công nghiệp ước tăng 15,9% trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 12,6%, khu vực ngoài quốc doanh tăng 18,6% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,6% (dầu mỏ và khí đốt tăng 8,6% so với cùng kỳ, trong khi đó 9 tháng năm 2002 giảm). Một số sản phẩm công nghiệp có ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng của nền kinh tế và xuất khẩu tăng cao như than sạch khai thác tăng 19,6%, dầu thô khai thác tăng 5,3%, thủy sản chế biến tăng 20,1%, quần áo dệt kim tăng 38%, quần áo may sẵn tăng 51,8%, xi-măng tăng 15,5%, thép cán tăng 15,8%, động cơ đi-ê-den tăng 170,3%... Tuy nhiên, một số sản phẩm do ảnh hưởng của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu hoặc do công nghệ lạc hậu nên tốc độ tăng chậm như xe máy lắp ráp, xe đạp, máy công cụ, máy biến thế, thuốc trừ sâu...

Thực hiện vốn đầu tư ước đạt 149,8 nghìn tỉ đồng, đạt 69,7% kế hoạch năm 2003 và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong tổng số vốn đầu tư phát triển trên, vốn nhà nước chiếm tỉ trọng 54,9%, đạt 67,9% kế hoạch năm và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm ngoái; vốn ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng 26,9%, đạt 69,5% kế hoạch năm và tăng 6,6%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng 18,22%, đạt 75,8% kế hoạch năm và tăng 13,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm 2003 đến 20-9-2003 đã có 476 dự án được cấp giấy phép với tổng số vốn đăng ký 1 194,3 triệu USD, số dự án tăng 1,7% và số vốn đầu tăng 36,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thương mại, giá cả và du lịch có mức tăng trưởng đáng kể (trừ du lịch). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội ước đạt 227,3 nghìn tỉ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 38,2 nghìn tỉ đồng, tăng 9,7%; khu vực kinh tế tập thể tăng 23,8%; khu vực kinh tế cá thể đạt 146,8 nghìn tỉ đồng, tăng 9,8%; khu vực kinh tế tư nhân đạt 36,1 nghìn tỉ đồng, tăng 23%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4,1 nghìn tỉ đồng, tăng 5,4%. Trong các ngành kinh doanh chỉ có ngành du lịch doanh thu giảm 11,4% (do ảnh hưởng của dịch SARS) còn các ngành đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái: thương nghiệp (chiếm 81,1%) tăng 11,4%; khách sạn, nhà hàng tăng 13,6%; dịch vụ tăng 16,4%.

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 14,9 tỉ USD, tăng 25% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đã xuất khẩu 7,4 tỉ USD, tăng 15,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất khẩu 7,5 tỉ USD (chiếm 50,2% tổng kim ngạch xuất khẩu) tăng 36,2%.

Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 18 tỉ USD, tăng 29,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đã nhập khẩu trên 11,7 tỉ USD, tăng 28,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu gần 6,3 tỉ USD tăng 33,5%. Nhập siêu 9 tháng ước khoảng 3 tỉ USD, bằng 20,4% kim ngạch xuất khẩu.

Giá tiêu dùng ổn định, giá tháng 9-2003 chỉ tăng 0,1% so với tháng trước và 1,8% so với tháng 12-2002. Giá vàng tháng 9 tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 13,2% so với tháng 12-2002; tương ứng giá đô-la Mỹ tăng 0,1% và tăng 1,0%.

Về đời sống dân cư, do sản xuất phát triển giá cả ổn định nên đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện và nâng cao. Tình trạng thiếu đói tuy còn xảy ra nhưng trên phạm vi hẹp: số hộ thiếu đói giảm 2,7% và số nhân khẩu thiếu đói giảm 4,6%. Ý thức chấp hành Luật Giao thông đã tốt hơn: số vụ tai nạn giao thông giảm 30%, số người chết giảm 4,2%, số người bị thương giảm 37% so với cùng kỳ năm ngoái. Công tác chuẩn bị phục vụ cho SEAGAMES 22 được các ngành, các cấp chú trọng và có các phương án chi tiết, các công việc triển khai đạt kết quả tốt. ❑

Digitized by Google

CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI *

Sử dụng các chỉ số cho phép thấy rõ vị thế của mỗi nước trong sự phát triển liên tục của kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, việc so sánh, đối chiếu các chỉ số với nhau thường được sử dụng để đánh giá chính xác hơn về tình hình phát triển của nền kinh tế.

Có hàng chục chỉ số khác nhau để đánh giá sự phát triển của mỗi quốc gia.

1 - Nhóm các chỉ số kinh tế

Về đánh giá phát triển kinh tế có khoảng 20 chỉ số chính, trong đó các chỉ số sau được chú ý nhiều nhất:

- *Giá trị tổng sản phẩm :* có 2 tiêu thức: + Giá trị tổng sản phẩm trong nước (GDP) là giá trị hàng hóa, dịch vụ được sản xuất ra trong thời gian nhất định, thường được tính trong một năm của một nước; + Giá trị tổng sản phẩm quốc gia (GNP) là giá trị hàng hóa dịch vụ do tất cả những người có cùng quốc tịch ở khắp nơi trên thế giới làm ra trong một năm.

- *Giá trị tổng sản phẩm tính theo đầu người:* Là một chỉ số phản ánh mức sống của người dân nói chung. Tuy nhiên, đây là chỉ số bình quân, nó không cho biết giá trị này được phân chia thế nào trong xã hội, ai là người được hưởng nhiều hơn, ai ít hơn.

- *Tốc độ tăng GDP hằng năm :* Phản ánh năng lực cạnh tranh và phát triển của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong thời gian dài (5 - 15 năm) được coi là chỉ số phản ánh sự thành công của chính sách kinh tế và sự bền vững của nền kinh tế.

- *Tỷ trọng các lĩnh vực kinh tế trong GDP:* bao gồm 2 nhóm, *thứ nhất,* tỷ trọng của các ngành sản xuất; *thứ hai,* tỷ trọng các thành phần kinh tế.

Các ngành sản xuất được đánh giá, xem xét trong cơ cấu GDP chủ yếu là các phân ngành lớn, gồm nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Xu hướng chung cho thấy nền kinh tế càng phát triển thì tỷ trọng của dịch vụ và công nghiệp càng cao, đồng thời tỷ trọng của nông nghiệp giảm dần.

Chỉ số về cơ cấu các thành phần kinh tế (tư nhân, hợp tác xã, quốc doanh) ít được đưa vào là các chỉ số tổng hợp chung trong thống kê thế giới, với quan niệm ai làm cũng được, miễn là tăng trưởng nhanh và có hiệu quả.

- *Tỷ lệ tích lũy tài sản so với tổng sản phẩm trong nước* là chỉ số tham khảo khi đánh giá khả năng tích lũy để phát triển của nền kinh tế. Tỷ lệ tích lũy càng lớn thì nền kinh tế càng có điều kiện phát triển trong tương lai, nhưng hiện tại phải thực hiện chính sách tài chính thắt lưng buộc bụng. Tuy nhiên, đây chỉ là điều kiện cho phát triển, tốc độ phát triển bền vững còn phụ thuộc vào hiệu quả đầu tư.

- *Tỷ lệ tiêu dùng của chính phủ trong tổng sản phẩm* phản ánh vai trò của nhà nước trong điều hành định hướng nền kinh tế. Tỷ lệ này của Việt Nam được đánh giá là 6 - 8%. Phần lớn các nước nghèo và không có hệ thống tài chính tập trung mạnh đều có tỷ lệ thấp.

- *Về cân đối thu chi ngân sách của chính phủ,* nếu để mức bội thu quá kéo dài sẽ dẫn tới nền kinh tế phát triển chậm lại, còn nếu để mức bội chi kéo dài thì nợ chính phủ tăng lên dễ dẫn tới lạm phát. Tốt nhất là mức bội chi không quá 5% GDP.

- *Tổng dự trữ quốc tế* càng cao thì càng có năng lực thanh toán quốc tế cao. Xu thế các nước đều cố gắng tăng tổng dự trữ quốc tế. Nếu nhà nước có dự trữ cao và nợ nhà nước thấp thì bảo đảm vai trò điều hành chủ động của nhà nước; nếu dự trữ của tư nhân cao và nợ tư nhân thấp thì nền kinh tế phát triển năng động, vì tư nhân có thể tăng đầu tư; khi nợ của tư nhân cao và dự trữ thấp thì dễ đi đến khủng hoảng nợ, nhất là khi năng lực cạnh tranh thấp.

- *Nợ nước ngoài* là một chỉ số quan trọng để đánh giá tình hình phát triển kinh tế. Chỉ số này được phân tích dưới các góc độ khác nhau, như: số nợ ngắn hạn và nợ dài hạn (nợ dài hạn phải chiếm trên 80%), nợ tới hạn phải trả, tỷ lệ nợ so GDP (mức an toàn là dưới 50%), tỷ lệ nợ so tổng dự trữ quốc tế, nợ của tư nhân và nợ của chính phủ, số nợ gốc và nợ lãi vay.

- *Nợ trong nước* là các khoản nợ giữa các tổ chức, cá nhân và chính phủ. Nợ trong nước có thể xử lý bằng nhiều cách khác nhau, như đảo nợ, tiếp tục vay để trả nợ cũ, hoặc cần có sự can thiệp của chính phủ.

- *Chỉ số giá tiêu dùng* phản ánh mức độ thay đổi giá tiêu dùng trên thị trường do thay đổi cung - cầu. Chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức 2 - 5%/năm được coi là bình thường. Chỉ số giá tiêu dùng tăng chậm hay giảm phản ánh tình trạng trì trệ trong nền kinh tế.

- *Chỉ số xuất nhập khẩu và cán cân thương mại* cho biết giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu và tình trạng thâm hụt cán cân thương mại. Các nền kinh tế có xu hướng tăng tỷ trọng xuất khẩu, giảm tỷ trọng nhập khẩu và giảm thâm hụt cán cân thương mại.

- *Chỉ số tỷ giá hối đoái* cho biết mức độ phá giá của đồng nội tệ so với các đồng ngoại tệ khác và thường so với đô-la Mỹ.

Thông thường tỷ giá đối với đồng tiền của các thị trường xuất nhập khẩu chính được chú ý nhiều hơn.

2 - Nhóm các chỉ số về xã hội

- *Tỷ lệ thất nghiệp* ở mức 5% được coi là tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên. Tỷ lệ thất nghiệp cao hơn 5% phản ánh tình trạng đình trệ của nền kinh tế và có nguy cơ xảy ra các xung đột xã hội.

---

* Biên tập từ tài liệu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và một số cơ quan khác

Digitized by Google

- *Chỉ số tỷ trọng thu nhập của các nhóm dân cư và hệ số bất bình đẳng trong thu nhập* thường được đánh giá so sánh giữa tổng thu nhập của 10% (hoặc 20%) dân số có thu nhập thấp nhất và 10% (hay 20%) dân số có thu nhập cao nhất. Mức khác biệt này càng cao cho thấy sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập quốc dân.

- *Chỉ số phát triển con người (HDI)* là thước đo tổng hợp về sự phát triển con người trên các phương diện sức khỏe, tri thức và thu nhập

- *Chỉ số phát triển liên quan đến giới (GDI)* phản ánh sự bất bình đẳng giữa nam và nữ trong xã hội trên 3 khía cạnh: tuổi thọ trung bình, tỷ lệ biết đọc, biết viết và thu nhập bình quân đầu người.

- *Chỉ số về vai trò của phụ nữ (GEM)* được đo bằng tỷ lệ đại biểu quốc hội là nữ, tỷ lệ nữ trong các cấp lãnh đạo và mức độ thu nhập.

3 - Một số chỉ tiêu so sánh khả năng cạnh tranh

Có 10 nhóm chỉ tiêu được các nhà nghiên cứu về cạnh tranh trên thế giới sử dụng để đánh giá.

- *Về chỉ tiêu kinh tế,* chú ý đến bình quân GDP trên đầu người; tỷ lệ tăng trưởng GDP hằng năm; hệ số bất bình đẳng trong thu nhập.

- *Về khả năng cạnh tranh trong xuất khẩu và du lịch,* bao gồm tổng kim ngạch xuất khẩu; kim ngạch xuất khẩu tính theo đầu người; tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu tính theo đầu người; thu nhập từ du lịch theo đầu người; tổng kim ngạch dịch vụ xuất khẩu.

- *Về khả năng cạnh tranh đầu tư,* chú ý đến các chỉ số sau đây: hình thành vốn gộp, tổng đầu tư cố định của tư nhân, tăng trưởng tổng đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài thuần (tổng số và trên đầu người).

- *Về khu vực tài chính,* chú ý đến các chỉ số: tiền và tiền tương đương được tính bằng % của GDP; tín dụng trong nước từ khu vực ngân hàng; tín dụng cấp cho khu vực tư nhân; đánh giá mức độ rủi ro trong tín dụng quốc tế; tổng tiết kiệm trong nước.

- *Về môi trường vĩ mô,* các chỉ số được đánh giá là lạm phát, thâm hụt ngân sách, tổng thương mại, thuế nhập khẩu, tiền thu từ tư nhân hóa.

- *Về quy chế môi trường kinh doanh,* các chỉ tiêu được thể hiện ở số lượng thành lập doanh nghiệp mới; về xử phạt hành chính; chỉ số nhận thức tham nhũng; chỉ số về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; về xử lý quan liêu của chính phủ; mức độ hoạt động của kinh tế ngầm; chỉ số di sản về tự do kinh tế.

- *Về khả năng cạnh tranh trong khoa học và công nghệ,* bao gồm các chỉ tiêu: tổng kim ngạch và tỷ lệ xuất khẩu công nghệ cao trong tổng xuất khẩu; số lượng tiến bộ công nghệ được ứng dụng; số kỹ sư và nhà khoa học trên một triệu dân; tổng chỉ tiêu cho nghiên cứu và phát triển.

- *Về công nghệ thông tin và truyền thông,* bao gồm các chỉ tiêu: số máy tính cá nhân trên 1 000 người; số thuê bao In-tơ-nét; chi phí gọi điện thoại trong nước và quốc tế; xếp hạng về sự sẵn sàng trong kinh doanh điện tử.

- *Về cơ sở hạ tầng,* các chỉ số được chú ý là đường đã được lát trên tổng số đường hiện có; đường được lát cho mỗi người (km²/người); mật độ điện thoại; mật độ điện thoại di động; tiêu thụ điện năng trên đầu người.

- *Về nhân lực,* các chỉ số là: chỉ số phát triển con người; tỷ lệ lao động nữ; tỷ lệ mù chữ; tỷ lệ không được vào trung học trong độ tuổi; rò rỉ chất xám ra khỏi đất nước.

4 - Nhóm các chỉ số chuyên ngành

a) Về phát triển nông nghiệp : Sản lượng lương thực bình quân đầu người (thông thường sử dụng sản lượng lương thực có hạt) cho biết khả năng tự bảo đảm lương thực của một nền kinh tế. Thực tế cho thấy, tất cả các nước trên thế giới vẫn cố gắng bảo đảm tối đa mức lương thực sản xuất trong nước.

b) Về phát triển công nghiệp có các chỉ số:

Chỉ số về tiêu dùng điện bình quân đầu người được coi là chỉ số quan trọng để đánh giá mức độ phát triển của một nền kinh tế.

Ngoài ra, còn có các chỉ số khác như: sản lượng các mặt hàng chế biến công nghiệp, hệ thống đường giao thông các loại, trình độ công nghệ...

c) Các chỉ số khác: Tùy theo yêu cầu và mục tiêu đánh giá, nhận định về một nội dung nào đó, có thể sử dụng các chỉ số khác nhau (về môi trường, về dân tộc học, về tôn giáo...).

5 - Nhóm các chỉ số về dân số

Nhóm này bao gồm các chỉ số chính như số dân, tháp tuổi, tốc độ tăng dân số. Ngoài ra, còn có thể có các chỉ tiêu khác, như cơ cấu về giới, dân tộc, chủng tộc.

Các nước có dân số đông thường được đánh giá là có khả năng thị trường lớn, vì vậy có ưu thế hơn khi gọi đầu tư. Các chỉ số về tháp tuổi cho biết xu thế chung cân bằng giới tính trong xã hội, về xu thế và quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng (các nước có tỷ lệ dân số trẻ cao thường có mức tiêu dùng cao). Việc mất cân bằng lớn về tỷ lệ nam/nữ có thể dẫn tới những rối loạn trong xã hội.

Tốc độ tăng dân số cũng cho biết các thông tin về một loạt vấn đề, như: khả năng nâng cao mức sống người dân, nhu cầu về lao động trong tương lai, thay đổi về tiêu dùng các loại hàng hóa.

Ngoài ra, chỉ số về mật độ dân số cũng là một chỉ số bổ sung khi xem xét tới các chính sách khác, như đầu tư phát triển y tế, giáo dục, chuyển đổi cơ cấu kinh tế. ❑

Digitized by Google









TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỈNH HƯNG YÊN

Giám đốc
NGUYỄN VĂN THẮN

Địa chỉ: 126 Phạm Ngũ Lão - phường Quang Trung - TX. Hưng Yên
Điện thoại: 0321 862 899

ĐÀO TẠO

- Bám sát Nghị quyết TW 2, thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh, Trung tâm đã thực hiện việc kết hợp với Sở GD và ĐT mở các lớp:

+ Bồi dưỡng các lớp nghiệp vụ ngắn ngày như: Lớp Công tác quản lý với chuyên đề Sức khỏe sinh sản cho tuổi vị thành niên.

+ Mở các lớp ĐT nâng cao cho đội ngũ GV cấp I, II là đại học, cấp III là thạc sĩ.

- Tham gia vào việc ĐT đội ngũ CB xã, phường, thị trấn theo Nghị định 9 của Chính phủ như:

+ Mở các lớp trung cấp tài chính cho đối tượng kế toán.

+ Mở các lớp trung cấp luật cho cán bộ tư pháp.

+ Mở các lớp tin học văn phòng phục vụ cho tin học hóa, quản lý hành chính nhà nước.

- Đào tạo phục vụ nhu cầu của mọi đối tượng thuộc các thành phần kinh tế-xã hội của tỉnh.

+ Lớp Kinh tế: Liên kết với các trường ĐH Thương mại, ĐH Tài chính, ĐH Kinh tế, ĐH Bách khoa mở chủ yếu hai lĩnh vực quản trị KD và kế toán TC.

+ Lớp Kỹ thuật: Liên kết với trường ĐH Bách khoa (mở chủ yếu lĩnh vực tin học, CNTT), trường GTVT, trường Xây dựng; Ngoại ngữ (Anh văn) liên kết với trường Ngoại ngữ ĐHQG; luật liên kết với trường ĐH Luật; lớp chuẩn GV liên kết với trường Sư phạm HN.

+ Cách thức ĐT theo ba mô hình: tại chức, từ xa và chính quy.

+ ĐT Ngoại ngữ ban đêm cho CB, công chức của tỉnh.

+ ĐT GV cho các ngành GD.

+ ĐT phục vụ cho ngành Du lịch.

+ ĐT phục vụ cho xuất khẩu LĐ.

Từ năm 1998 đến nay, một số lớp trung học, cao đẳng của Trung tâm thường xuyên dao động từ 20- 25 lớp với sĩ số là 130 000- 180 000 người, trong đó tỷ lệ CB, công chức đi học chiếm 72%.

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

- Mở được 10 lớp ĐH tại chức cho ngành GD với đối tượng là GV cấp I, II (khoảng 600 người). Hướng trong 2 năm (2003 - 2004), sẽ mở thêm 10 lớp. Năm 2005, sẽ đạt trên chuẩn (15%) của ngành GD để ra, 100% số GV phổ thông đạt chuẩn, ở bậc tiểu học và trung học cơ sở là 25 - 30%, trung học PT là 10%.

- Đội ngũ công chức xã, phường thuộc diện giải quyết theo Nghị định 9 hoàn thành vào năm 2005. Nổi bật là, đến hết 2003, đội ngũ GV Anh văn đủ cho các cấp học trong tỉnh.

- Đối với việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ bậc ĐH cho đội ngũ CB, công chức nhà nước và các đối tượng khác.

+ Lớp Kinh tế: Cho tới thời điểm này, mở được 3 lớp ĐH Kinh tế chuyên ngành KTQD, 2 lớp cho ngành tài chính - kế toán, 2 lớp cho ngành thương mại, 7 lớp này nằm trong trường KTQD, Trường Tài chính, Trường Thương mại với tổng số khoảng 600 người, tỷ lệ công chức là 72% (420 người)

+ Lớp Kỹ thuật: 1 lớp ĐHGTVT, 1 lớp ĐH Xây Dựng với tổng số là 120 người, tỷ lệ công chức là 84 người, chiếm 70%. Năm 2004 mở tiếp 1 lớp Xây dựng đảm bảo đến năm 2005 các doanh nghiệp nhà nước cũng như DN tỉnh đều có kỹ sư.

+ Lớp CNTT: Đến hết 2003, sẽ mở 4 lớp CĐ điện tử trung học và CNTT hệ chính quy với đối tượng là tốt nghiệp PTTH hoặc trung học bổ túc văn hóa.

Hiện, có một lớp ra trường với sĩ số là 50 em được tỉnh sử dụng hết như TTdạy nghề, TTGDTX tỉnh, TTGD tỉnh, Bưu điện...

+ Lớp Ngoại ngữ (Anh văn): ĐT đội ngũ công chức để phục vụ 2 nhu cầu sau:

- Thi nâng ngạch công chức
- Hội nhập để phát triển

Đối tượng chủ yếu tốt nghiệp PTTH, TH bổ túc, đến nay đã ra trường 400 người. Đây là mô hình ĐH Ngoại ngữ hệ tại chức tập trung, lực lượng này đáp ứng nhu cầu đội ngũ GV cho tỉnh, đối tượng đi xuất khẩu lao động cho ngành du lịch và các doanh nghiệp trong nước.

Digitized by Google

TRƯỜNG TRUNG HỌC KINH TẾ HÀ TÂY

Địa chỉ: KM 15 - quốc lộ 6A, Hà Nội- Hòa Bình * Điện thoại: 034- 824.083 * Hiệu trưởng: VŨ VĂN HÀO



Ban Chấp hành Đảng ủy Nhà trường



Ban Giám hiệu Nhà trường

Trường Trung học Kinh tế Hà Tây được thành lập ngày 20 - 11 - 1961, tiền thân là Trường Cán bộ Tài chính Hà Đông.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có trình độ trung học kinh tế tổng hợp về tài chính tiền tệ, thống kê và hạch toán kế toán.

CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

- Kế toán hợp tác xã nông nghiệp.
- Kế toán xây dựng cơ bản.
- Kế toán ngân sách nhà nước.
- Kế toán ngân sách xã.
- Kế toán hành chính sự nghiệp.
- Kế toán các doanh nghiệp sản xuất, thuế nhà nước.

Hơn 40 năm qua, Trường đã đào tạo trên 10 000 cán bộ sơ - trung cấp tài chính kế toán, liên kết đào tạo trên 400 cán bộ đại học và sau đại học. Cán bộ giáo viên Nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quý:

- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1996).
- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2001).
- Công đoàn Trường được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng bằng khen (năm 1996, 2000), tặng cờ thi đua xuất sắc (năm 2001).

Với 60 CBCNV, trong đó có 42 giáo viên, 100% số giáo viên của Trường có trình độ đại học trở lên,100% số giáo viên được cấp chứng chỉ sư phạm bậc 2. Nhà trường đã và đang thực hiện tốt mục tiêu đào tạo cán bộ TC - KT "vừa hồng vừa chuyên" ở các cấp bậc học khác nhau.

☛ Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao.

☛ Tiếp tục tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập sinh hoạt của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh.



Digitized by

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC HUẾ

Địa chỉ: 100 Phùng Hưng, Huế
Điện thoại: 054.529139/529435; Fax: 054.529491; Email: kinhte@dng.vnn.vn



Hiệu trưởng
NGUYỄN VĂN PHÁT



TIẾN TRÌNH THÀNH LẬP

Trường Đại học Kinh tế trực thuộc Đại học Huế được thành lập theo Quyết định 126/QĐ-TTg ngày 27-9-2002 trên cơ sở Khoa Kinh tế Đại học Huế. Tiền thân của Trường Đại học Kinh tế Huế ngày nay là Khoa Kinh tế Nông nghiệp thuộc Trường Đại học Nông nghiệp II Hà Bắc.

CHỨC NĂNG

- Đào tạo cán bộ khoa học có trình độ đại học, trên đại học và các cấp học thấp hơn thuộc các chuyên ngành kinh tế - quản trị kinh doanh.
- Tổ chức nghiên cứu khoa học kinh tế quản trị kinh doanh.
- Hoạt động dịch vụ, tư vấn, chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật thuộc lĩnh vực kinh tế - quản trị kinh doanh.

CÁC TRUNG TÂM TRỰC THUỘC TRƯỜNG

- Trung tâm Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Trung tâm Dịch thuật.
- Trung tâm Đào tạo Quản trị Hợp tác xã.

CÁC NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành Kinh tế:

+ Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn.
+ Chuyên ngành Kinh tế môi trường.

Ngành Quản trị kinh doanh:

+ Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp.
+ Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Du lịch.
+ Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Thương mại.

Ngành Kế toán:

+ Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp.

CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

KTNN&PTNT và QTKD tổng hợp.

ĐỘI NGŨ

Trường hiện có hơn 120 CBGD, trong đó hơn 55% có trình độ phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, giảng viên chính.

QUY MÔ ĐÀO TẠO

Hiện nay, Trường có hơn 4 000 sinh viên đang theo học hai hệ đào tạo chính quy và vừa học vừa làm. Mỗi năm, Trường tuyển mới hơn 1 000 sinh viên cho cả hai hệ đào tạo.

HỢP TÁC QUỐC TẾ

Trường có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế trong lĩnh vực chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học kinh tế và quản lý vào SXKD, đào tạo, NCKH, thực hiện dự án và hoạt động phát triển cộng đồng như Đại học Tự do Am-stéc-đam - Hà Lan, Viện Công nghệ Au-ckland - Niu-Di-lân, Đại học Rô-skil-đơ - Đan Mạch, Viện Quản lý Ren-nes - Cộng hòa Pháp, Đại học Ha-Oai - Hô-nô-lu-lu, Đại học Phun-ller-ton - Mỹ, In-sa-Etea - Tây Ban Nha, Quỹ Ford, AUF, Tổ chức quốc tế Xin-ga-po (SIF) và nhiều tổ chức quốc tế khác...

Với quy mô và vị thế mới, Trường Đại học Kinh tế sẽ ngày càng phát triển và đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Digitized by Google

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG

TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG

ĐC: 76 Đại lộ Bình Dương - phường Hiệp Thành - thị xã Thủ Dầu Một * ĐT: 0650 827 791

Trường Trung học phổ thông chuyên Hùng Vương khánh thành ngày 24 - 4 - 1996, khai giảng năm học đầu tiên ngày 4-9-1996, được UBND tỉnh chọn làm nơi tổ chức Lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương của tỉnh hằng năm.

Chi bộ của Trường liên tục đạt danh hiệu "Trong sạch vững mạnh" và là một trong những đơn vị phát triển đảng trong học sinh sớm nhất (đã kết nạp được 5 học sinh). Chi bộ lãnh đạo thành công mô hình Bí thư Đoàn trường là học sinh và phát huy tốt mô hình này.

Trường là một trong các lá cờ đầu của tỉnh Bình Dương về chất lượng giáo dục nhân cách và kết quả học tập:

- ❖ Tỷ lệ học sinh khá, giỏi hằng năm đạt 90%.
- ❖ Tỷ lệ tốt nghiệp trung học hằng năm đạt 100%.
- ❖ Tỷ lệ đỗ vào đại học (nguyện vọng 1 hằng năm trên 60%.
- ❖ Thành tích của các kỳ thi: Học sinh giỏi (128 giải toàn quốc, 602 giải vòng tỉnh), Tin học trẻ không chuyên (13 giải toàn quốc, 31 giải vòng Tỉnh), Hóa Au-stra-li-a (177 giải), Ô-lym-pic 30/4 các tỉnh phía Nam (86 huy chương), thể dục thể thao (128 huy chương vòng Tỉnh và 4 huy chương khu vực),...

Nguồn vận động từ cuộc vận động xã hội hóa giáo dục được trên 10 tỉ đồng.









Digitized by Google

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Trường ĐHSP Quy Nhơn được thành lập từ năm 1977 với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông trung học cho các tỉnh khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Trường ĐHSP Quy Nhơn đã được mở thêm một số ngành thuộc hệ sư phạm như ngoại ngữ, giáo dục tiểu học, giáo dục chính trị, địa lý, tin học. Liên kết với các trường đại học trong cả nước đào tạo kỹ sư và cử nhân các ngành: kỹ thuật điện, điện tử-viễn thông, công nghệ hữu cơ-hóa dầu, xây dựng dân dụng và công nghiệp, luật, quản trị kinh doanh du lịch, quản trị kinh doanh thương mại... Năm 2001, Bộ GD & ĐT đã cho phép trường từ năm 2002-2003 được đào tạo hệ chính quy trình độ đại học, cấp bằng cử nhân kinh tế ngành quản trị - kinh doanh và bằng kỹ sư ngành kỹ thuật điện. Năm 2002, Trường được phép thành lập 2 khoa Kỹ thuật và Công nghiệp, Kinh tế và Quản trị - kinh doanh. Trường vẫn đang phát triển theo hướng đa ngành với 12 ngành đào tạo và sư phạm và 17 ngành đào tạo kỹ sư và cử nhân khoa học với quy mô trên 12 000 sinh viên.

QUY MÔ

Hiện tại, Trường có 600 cán bộ giảng viên, CNV; trong đó, cán bộ giảng dạy có 350 người, gồm 2 phó giáo sư, 45 tiến sĩ, 130 thạc sĩ, 89 giảng viên chính và gần 100 cán bộ đang học nghiên cứu sinh và cao học.

Trường ĐHSP Quy Nhơn có diện tích trên 12 héc-ta. Trong khuôn viên rộng lớn này, Trường đã xây dựng được 100 phòng học đạt tiêu chuẩn đáp ứng cho 10-15 nghìn sinh viên học 2 ca trong ngày; 1 trung tâm thí nghiệm thực hành gồm 2 khu nhà 3 tầng có diện tích gần 3 nghìn m^2 với hơn 40 phòng thí nghiệm và xưởng thực hành; 4 phòng nghe nhìn phục vụ cho việc học tiếng nước ngoài; 1 trung tâm tin học với gần 300 máy vi tính; 1 thư viện với khu nhà ba tầng gồm 26 phòng đọc với diện tích 1,2 nghìn m^2, đang được nâng cấp theo dự án giáo dục đại học; 5 khu ký túc xá sinh viên với diện tích 5,6 nghìn m^2 đủ sức chứa 3 nghìn sinh viên.

Năm 2002-2003 là năm học đầu tiên Trường tiếp nhận đào tạo cho 101 lưu học sinh của 2 tỉnh Chăm-pắc và At-ta-pư (nước CHĐCN Lào); và đặc biệt là những nỗ lực, to lớn tích cực chuẩn bị điều kiện cần thiết cho sự phát triển thành trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực.

NĂM HỌC 2002-2003, NHÂN KỶ NIỆM 25 NĂM THÀNH LẬP, NHÀ TRƯỜNG ĐÃ VINH DỰ ĐƯỢC ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT



Địa chỉ: 170 An Dương Vương - TP. Quy Nhơn * Điện thoại: 056 846 156 * Hiệu trưởng: Trần Tín Kiệt

Digitized by Google



Nhà đã xây xong và hoàn thiện mặt tiền , nội thất
Quý khách tự hoàn thiện theo ý thích .

Cơ hội để sở hữu một biệt thự

DTKV : 8m x 17m , DTXD: 312 m²
(1 trệt + lửng + 2 lầu)
Chỉ cần trả trước 98 L SJC, còn lại trả góp trong vòng 7 năm.

Tọa lạc trên trục đường chính của khu đô thị mới Nam Long - P.Phước Long B , Q.9 , cạnh trung tâm Thủ Thiêm và Khu thể Thao Rạch Chiếc . Với diện tích 312 m² , bạn có thể vừa kinh doanh vừa nghỉ ngơi thư giãn trong căn nhà của mình , hay chỉ cần vài bước chân bạn có thể đến công viên bờ sông tận hưởng không khí thật thoáng đãng, trong lành . Kiến trúc hiện đại có ga-ra , sân, vườn... đáp ứng nhịp sống hiện đại nhưng không xa rời thiên nhiên .

Quý khách có thể tham khảo thêm tại Web site : **www.namlongvn.com**
Nhà đã xây xong kính mời quý khách tham quan (Xe đưa đón miễn phí, xin đăng ký theo số ĐT: 8.247.347 gặp cô Vy)

CTY XÂY DỰNG NAM LONG
181 Điện Biên Phủ, P.Đa Kao. Q.1, Tp.HCM
(Đối diện công viên Lê Văn Tám)
Phòng Kinh doanh: (08) 8 247 347 .
VPGD : (08) 8 891 137, DĐ : 0903 718 310

NHÀ NAM LONG

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

LÂM TRƯỜNG BA TƠ - QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: Xã Ba Cung, Huyện Ba Tơ, Tỉnh Quảng Ngãi.
Điện thoại: 055-863872 * Giám đốc: Kỹ sư Đinh Đăng Mười

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- Chủ dự án trồng rừng nguyên liệu.
- Cung cấp các loại cây giống phục vụ trồng rừng.
- Khai thác, chế biến, thu mua nông, lâm sản và kinh doanh tổng hợp.
- Quản lý, bảo vệ, xây dựng và phát triển vốn rừng.

Lâm trường sẵn sàng hợp tác với các đơn vị trong và ngoài tỉnh



TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ CẦN GIỜ

ĐC: 603 Bến Bình Đông, P.13, Q.8, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 8 553 119 - 9 501 622 - 8 557 190 * FAX: (84-8) 8 553 555
Email: cangio.resco@az.com.vn

Chi nhánh Cần Giờ: Xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ,
ĐT: (08) 8 740 251 - 8 740 602 * FAX: (84-8) 8 740 252

CHUYÊN NGÀNH

1. Quản lý và kinh doanh nhà
2. Thiết kế và trang trí nội thất
3. Sản xuất và kinh doanh VLXD
4. Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
5. Dịch vụ cho thuê bến bãi, kinh doanh nhiên liệu
6. Thi công đường dây điện trung, hạ thế đến 35 kW
7. San lấp mặt bằng, khai thác cát
8. Khoan thăm dò, khai thác và quản lý giếng nước công nghiệp phục vụ nước sinh hoạt

UY TÍN CHẤT LƯỢNG

Rất hân hạnh được đón tiếp và phục vụ Quý khách

Digitized by Google

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRÀ VINH

TV. PHARM

Văn phòng Công ty: 37-39 Phạm Thái Bường - phường 3 - thị xã Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: (074) 753121 - 840078 * Fax: (074) 855372 Email: tvppkh@hcm.vnn.vn

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
Q1 Bis Bạch Mã - Cư xá Bắc Hải - quận 10
Điện thoại: (08) 9 702 357 - 9 702 315
Fax: (08) 8 652 024

ISO 9001

CHI NHÁNH HÀ NỘI
95 Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: (04) 8 561 029
Fax: (04) 5 140 237

Chuyên sản xuất - kinh doanh - xuất nhập khẩu trực tiếp các loại thuốc, nguyên liệu, hóa chất và thiết bị y tế.

Công ty đã xây dựng xí nghiệp sản xuất với máy móc trang thiết bị hiện đại nhập từ nước ngoài và đã được Cục Quản lý Dược Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP-ASEAN. Công ty đã nhiều năm liền cung cấp hàng cho các tổ chức quốc tế như UNICEF và có hơn 100 mặt hàng được Cục Quản lý Dược Việt Nam cho phép sản xuất, lưu hành trên toàn quốc.

Các mặt hàng chiếm được sự tin dùng của khách hàng: Phariton, Hompolimin Ginseng, Movimine, Di- Angesic...

Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đã được tổ chức BVQi - Vương quốc Anh công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001 2000 vào tháng 10-2002. Hiện nay, Công ty đã nhận nhiều hợp đồng sản xuất nhượng quyền với các công ty châu Âu và châu Á.

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 5 Phạm Ngọc Thạch, phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0650) 822 920 * Fax: (0650) 828 710



Lãnh đạo Bộ Y tế thăm Bệnh viện

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương với quy mô 650 giường bệnh, được Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng Bệnh viện Đa khoa hạng II.

Với đội ngũ 135 thầy thuốc trình độ đại học và trên đại học có chuyên khoa cơ bản, chuyên môn sâu, đã điều trị thành công nhiều bệnh nặng nguy kịch, phẫu thuật những trường hợp khó mà trước đây phải chuyển viện tuyến trên. Nhà nước đã trang bị nhiều thiết bị y tế hiện đại giúp chuẩn đoán và điều trị như: máy chụp cắt-lớp điện toán CT-scan-nér, X quang cao tần, siêu âm Dô-plér màu, xét nghiệm huyết học, xét nghiệm sinh hóa tự động, nội soi chuẩn đoán, nội soi phẫu thuật, máy giúp thở tự động, máy phẫu thuật mắt pha-co, siêu âm mắt,v.v..

Bệnh viện có trách nhiệm sẵn sàng tiếp nhận tất cả các trường hợp bệnh tự đến hoặc từ các bệnh viện khác chuyển đến để cấp cứu, chữa bệnh điều trị nội trú, ngoại trú, hoặc khám sức khỏe...

Năm 2002, Bệnh viện được Bộ Y tế tặng bằng khen và công nhận là Bệnh viện xuất sắc toàn diện; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cờ đơn vị khá nhất ngành y tế.

Digitized by Google

ĐIỆN LỰC HÀ NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 9 ĐƯỜNG TRẦN PHÚ - P. QUANG TRUNG - TX. PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM * ĐT: 0351 850 023 * FAX: 84 351 851 304



Vận hành cấp điện tại phòng điều khiển trung tâm trạm biến áp 110 kV



Đội quản lý vận hành kiểm tra tại trạm biến áp 110 kV.

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ:

- Quản lý, vận hành, xây dựng, cải tạo sửa chữa lưới điện và nguồn điện trong tỉnh.
- Quản lý và kinh doanh điện năng, cung ứng điện an toàn liên tục và đảm bảo chất lượng.
- Tham gia xây dựng qui hoạch, kế hoạch phát triển lưới điện trên địa bàn tỉnh.
- Tư vấn giám sát và thiết kế các công trình đường điện từ 35KV trở xuống.
- Kinh doanh vật tư thiết bị điện.

Năm 2002 , Điện lực Hà Nam không ngừng nâng cao chất lượng điện phục vụ khách hàng trong tỉnh.

** Đẩy mạnh công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và đầu tư cải tạo lưới điện và thiết bị điện thay thế sứ cách điện 10kV, 15 kV và 24 kV.*

** Tăng cường các trang thiết bị vật tư phục vụ sản xuất và khắc phục sự cố.*

** Hoàn trả 100% vốn lưới điện trung áp nông thôn trong tỉnh với tổng số tiền trên 15 tỷ đồng, vượt trước kế hoạch công ty và tỉnh giao 1 năm.*

** Được Tổng Công ty tặng cờ, là đơn vị xuất sắc, được UBND tỉnh khen thưởng.*

Sáu tháng đầu năm 2003: *Điện lực Hà Nam đã cung ứng 169 triệu kWh cho các cơ quan và các hộ dân trên địa bàn tỉnh, doanh thu đạt 112,5 tỉ đồng.*

** Đang đầu tư gần 11 tỉ đồng nâng cấp lưới điện của tỉnh; trong đó, có 3,2 tỉ đồng được thực hiện trước mùa mưa bão.*

** Đào tạo được 220 thợ điện nông thôn tại các huyện Lý Nhân, Duy Tiên, Kim Bảng và thị xã Phủ Lý.*

** Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện tốt công tác chuyển đổi mô hình quản lý điện nông thôn*

Phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm tới:

** Điện lực Hà Nam đã tiếp tục đầu tư cải tạo nâng cấp thiết bị và lưới điện trung áp.*

** Cung cấp điện ổn định, an toàn không để xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ.*

** Giúp các xã đưa giá điện cao xuống dưới giá trần của Nhà nước.*

** Làm tốt hơn nữa nhiệm vụ kinh doanh điện phục vụ khách hàng theo qui trình kinh doanh điện và qui trình giao tiếp với khách hàng của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam*

Digitized by Google

CÔNG TY SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ XUẤT KHẨU

NGUYỄN HOÀNG

KICO KIDS COLLECTION

QUACERT JAS-ANZ ISO 9001 : 2000



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- Chuyên sản xuất cung ứng trang phục trẻ em
- Sản xuất cung ứng trang phục phụ nữ và bảo hộ lao động xuất khẩu

NHÃN HIỆU THỜI TRANG TRẺ EM:

- Kids Colletion và Kico đã được bảo hộ độc quyền

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI SẢN PHẨM PHÍA BẮC

- 49 - Q UANG TRUNG, HÀ NỘI * ĐT: 04 822 9226
- TẦNG 2 SIÊU THỊ MARKO II SỐ 379 - TÂY SƠN, HÀ NỘI
- TẦNG 2 SIÊU THỊ THÁI HÀ SỐ 218A - THÁI HÀ, HÀ NỘI
- TẦNG 2 SIÊU THỊ KIM LIÊN SỐ 9 - ĐÀO DUY ANH, HÀ NỘI
- TẦNG 2 SIÊU THỊ INTIMEX SỐ 22-32 - LÊ THÁI TỔ, HÀ NỘI
- TẦNG 2 SIÊU THỊ FIVIMART SỐ 210 - TRẦN QUANG KHẢI, HÀ NỘI
- TRUNG TÂM STARBOWL SỐ 2B - PHẠM NGỌC THẠCH, HÀ NỘI
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VKO SỐ 148 - GIẢNG VÕ, HÀ NỘI
- TTTM 33 - 35 - HOÀNG VĂN THỤ - HẢI PHÒNG



BEST PRODUCT OF VIETNAM 2003 GOLD STAR AWARD



ĐỊA CHỈ: 45 - QUANG TRUNG - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 04 822 9226 ; FAX: 0321 986 419
NHÀ MÁY: KCN NHƯ QUỲNH A - VĂN LÂM - HƯNG YÊN
ĐIỆN THOẠI: 0321 986 304; FAX: 0321 986 419

Digitized by Google

930

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

CHI NHÁNH TẠI QUẢNG NINH

ĐỊA CHỈ: TỔ 39 - KHU 6 PHƯỜNG YẾT KIÊU - THÀNH PHỐ HẠ LONG * ĐIỆN THOẠI: 033 629 435; 629 438 * FAX: 033 629 436

CÁC CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN XÂY DỰNG THEO QUY HOẠCH

CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ NHÀ Ở

1. NHÓM CÔNG TRÌNH KHÁCH SẠN - NHÀ NGHỈ, DỊCH VỤ DU LỊCH:

✦Khách sạn
✦Nhà nghỉ
✦Nhà hàng
✦Dịch vụ vui chơi giải trí, phục hồi sức khoẻ

2. NHÓM CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG:

✦Siêu thị
✦Văn phòng cho thuê
✦Ki-ốt kinh doanh
✦Nhà trẻ mẫu giáo

3. NHÓM NHÀ Ở

✦Biệt thự
✦Nhà chia lô
✦Chung cư cao tầng

CÁC CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT

✦Trạm xử lý nước thải
✦Trạm biến áp

CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH CƠ BẢN

1. KHU XÂY DỰNG BIỆT THỰ:

✦Mật độ xây dựng: 60 - 65%



✦Tầng cao trung bình: 1 - 3 tầng
✦Hệ số sử dụng đất: 0,6 - 0,7

2. KHU NHÀ CHIA LÔ:

✦Mật độ xây dựng: 60 - 85%
✦Tầng cao trung bình: 4 tầng
✦Hệ số sử dụng đất : 1 - 3

3. KHU CHUNG CƯ CAO TẦNG

✦Mật độ xây dựng: 40%
✦Tầng cao trung bình : 15 tầng
✦Hệ số sử dụng đất : 6 - 9

4. KHU KHÁCH SẠN, DỊCH VỤ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

✦Mật độ xây dựng: 40 - 65%
✦Tầng cao trung bình : 8 tầng
✦Hệ số sử dụng đất : 1 - 4



CHÚNG TÔI XÂY NÊN MỘT NỀN TẢNG VỮNG CHẮC TRÊN VÙNG ĐẤT GIÀU TIỀM NĂNG ĐỂ BẠN DỰNG TƯƠNG LAI RẠNG RỠ

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



33
11-2003

UNIV. OF MICH.
JAN 2 9 2004
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

KIM LIÊN



Hiệu trưởng

TRẦN THỊ TUYẾT NGA

QUY MÔ:

- Trường thành lập tháng 9-1974.
- Tổng số lớp năm học 2002-2003: 50 đơn vị
- Tổng số cán bộ công nhân viên và hợp đồng:108 người
- Ban Giám hiệu: 3 người (1 nữ Hiệu trưởng kiêm Bí thư chi bộ)
- Ban Chấp hành Công đoàn: 5 (4 nữ, Chủ tịch Công đoàn là nữ)
- Cấp ủy: 3 người (2 nữ)
- Tổ trưởng chuyên môn: 7 (6 nữ là tổ trưởng)
- Tổ trưởng công đoàn: 7 (7 nữ là tổ trưởng)

CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Diện tích mặt bằng hẹp
- Được sự quan tâm của UBND Thành phố và Sở GD-ĐT Hà Nội, cơ sở vật chất không ngừng được trang bị, nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu nâng cao chất lượng dạy và học (sân hẹp, phòng thí nghiệm chưa được nâng cấp, các thiết bị dạy học hiện đại còn hạn chế..)
- Trường đạt danh hiệu tiên tiến xuất sắc nhiều năm liền.





THÀNH TÍCH:

☆ Là chi bộ xuất sắc của Đảng bộ quận Đống Đa nhiều năm liền và luôn đạt danh hiệu chi bộ trong sạch, vững mạnh.

☆ Công đoàn tặng cờ đơn vị vững mạnh nhiều năm liền.

☆ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là đơn vị xuất sắc, TW Đoàn khen thưởng là lá cờ đầu nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập trường.

☆ Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

☆ Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

☆ Là trường tiên tiến xuất sắc về thể dục thể thao nhiều năm liền.

☆ Tập thể " Người tốt việc tốt" của Thành phố năm 2002.

☆ Tỷ lệ học sinh giỏi hằng năm đạt trên 50%.

☆ Điểm chuẩn xét tuyển vào lớp 10 dẫn đầu thành phố.

☆ Tỷ lệ khá giỏi đạt 94%.

☆ Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp trên 99%

☆ Năm học 2002-2003, học sinh đỗ tốt nghiệp 100%

☆ Tỷ lệ đỗ đại học trên 80%

☆ Hằng năm, có từ 15 đến 20 học sinh đỗ thủ khoa, á khoa của các trường đại học.

☆ 5 năm qua, Trường là đơn vị dẫn đầu khối các trường không chuyên về số lượng giải học sinh giỏi cấp Thành phố.

☆ Liên tục nhận bằng khen của UBND Thành phố về công tác phòng chống TNXH và công tác dân số.

☆ Bằng khen của Sở GD và ĐT và Sở Y tế về công tác bảo hiểm.

☆ Với sự phấn đấu của từng cá nhân cán bộ giáo viên, học sinh dưới sự lãnh đạo của BGH, chi bộ quyết tâm xây dựng trường thành một tập thể đoàn kết nhất trí. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, Trường THPT Kim Liên trong 5 năm qua luôn xứng đáng với lòng tin yêu của các cấp lãnh đạo và các bậc cha mẹ học sinh.

ĐỊA CHỈ: TRUNG TỰ - QUẬN ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI * ĐIỆN THOẠI: 04.8 522 758 - 8 524 785

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 696

33
11-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Hành trình về đích 2003
Ảnh : Tử Xa

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TRẦN ĐÌNH HOAN - Về quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 3

LÊ DANH VĨNH - Nhìn lại bảy năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển thương mại 9

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TÔ HUY RỨA - Nhân tố tác động và xu hướng biến đổi của đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên 13

PHAN TÁ - Vấn đề cần quan tâm trong mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế 19

NGUYỄN VĂN TUẤT - Xu hướng vận động và phát triển của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta 23

THANH LÊ - Đô thị hóa hiện đại - nhân tố quan trọng trong phát triển xã hội 28

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

Y LUYỆN NIÊ KDĂM - Qua nửa nhiệm kỳ Đại hội thứ XIII của Đảng bộ Đắc Lắc 32

NGÔ ĐÌNH XÂY - Từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Quảng Ninh 37

DƯƠNG VŨ - Bước đi vững chắc và sáng tạo trong hoạt động văn hóa ở Nam Định 41

NGUYỄN QUỐC DŨNG - Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ người dân tộc Khơ Me 46

TRẦN ĐẠI HƯNG - Bài học từ kết quả xét xử vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn 49

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

XUÂN HOÀNH - Chuyện thiếp mời, đình đám, hội hè 54

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

PHẠM THẮNG - Phát triển dân số ở Việt Nam theo định hướng Pháp lệnh Dân số 55

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN VĂN THANH - Can-cun sụp đổ: Thử tìm nguyên nhân của thất bại 60

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Hội nghị tập huấn đổi thẻ đảng viên và quản lý đảng viên ra nước ngoài 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЧАН ДИНЬ ХОАН: О планировании устройства кадров-управляющих, руководителей в период ускорения индустриализации, модернизации страны. ЛЕ ЗАНЬ ВИНЬ: Ретроспективный взгляд на 7-летнее выполнение Резолюции Политбюро о развитии торговли. ТО ХУ РЫА: Факторы воздействия и тенденции изменения морали, образа жизни кадров, членов партии. ФАН ТА: Заслуживающие внимания проблемы в расширении международного экономического сотрудничества. НГУЕН ВАН ТУАТ: Тенденции движения и развития частного экономического сектора в рыночной экономике по социалистической ориентации в нашей стране. ТХАНЬ ЛЕ: Современная урбанизация – важный фактор в развитии общества. И ЛУЕН НИЭ КЗАМ: Прошла полсрока полномочий XII съезда парторганизации провинции Даклак. НГО ДИНЬ СЭЙ: Из процесса международной экономической интеграции в провинции Куангнинь. ЗЫОНГ ВУ: Уверенные и творческие шаги культурной деятельности в провинции Намдинь. НГУЕН КУОК ЗУНГ: Внесение вклада в повышение качества политико-теоретического образования для кадров национальности Кхмера. ЧАН ДАЙ ХЫНГ: Извлеченный урок из итогов рассмотрения судебного дела Чыонг Ван Кама и его сообщников. ФАМ ТХАНГ: Развитие населения во Вьетнаме по указанному направлению Указом о населении. НГУЕН ВАН ТХАНЬ: Конференция Канкун кончилась неудачей - попытка найти причины поражения.

CONTENTS

TRẦN ĐÌNH HOAN: Regarding the planning of leadership and management cadres in the period of strengthening the country's industrialization, modernization. LÊ DANH VĨNH: A retrospective look at 7 years implementing the Politburo's Resolution on trade promotion. TÔ HUY RỨA: Affecting elements and the trend of changes in morality and life style among cadres and Party members. PHAN TÁ: The issue to be concerned in expansion of international economic collaboration. NGUYỄN VĂN TUẤT: The trend of movements and developments of private economy in socialist-oriented market economy in our country. THANH LÊ: Modern urbanisation – a significant element in social development. Y LUYỆN NIÊ KDĂM: After half of tenure of XIIth congress of Party committee of Đắc Lắc province. NGÔ ĐÌNH XÂY: From the process of World economic integration in Quảng Ninh province. DƯƠNG VŨ: Steady and creative advances in cultural activities in Nam Định province. NGUYỄN QUỐC DŨNG: Making contribution to the enhancement of quality of theoretical – political education for the Khmer cadres. TRẦN ĐẠI HƯNG: The lesson from the trial results of the law case of Trương Văn Cam and his gang. PHẠM THẮNG: Population development in Vietnam pursuant to the Decree on Population. NGUYỄN VĂN THANH: Cancun has collapsed - trying to discover the cause of failure.

SOMMAIRE

TRẦN ĐÌNH HOAN: Sur la planification de la structure du contingent de dirigeants et de gestionnaires dans la période d'intensification de l'industrialisation et de la modernisation du pays. LÊ DANH VĨNH: Regard rétrospectif des 7 années d'application de la Résolution du Bureau politique sur le développement du commerce. TÔ HUY RỨA: Facteur et tendance du changement de la morale et du mode de vie des cadres et des membres du Parti. PHAN TÁ: Questions à prêter attention dans l'élargissement de la coopération économique internationale. NGUYỄN VĂN TUẤT: Tendance du mouvement et du développement du secteur privé dans l'économie de marché à l'orientation socialiste au Vietnam. THANH LÊ: Urbanisation moderne – facteur important du développement social. Y LUYỆN NIÊKDĂM: Revue de la moitié du mandat du 12e congrès du Comité du Parti de la province de Đắc Lắc. NGÔ ĐÌNH XÂY: Sur le processus d'intégration économique internationale au Quảng Ninh. DƯƠNG VŨ: Des pas sûrs et créatifs des activités culturelles de Nam Định. NGUYỄN QUỐC DŨNG: Contribution à améliorer la qualité de l'éducation théorique politique des cadres Khmers. TRẦN ĐẠI HƯNG: Leçon tirée du jugement du procès Trương Văn Cam et complices. PHẠM THẮNG: Développement démographique au Vietnam conformément à l'orientation de l'Ordonnance sur la population. NGUYỄN VĂN THANH: Echec de Cancun: essai d'en trouver la cause.

SUMARIO

TRẦN ĐÌNH HOAN: A cerca de la planificación de cuadros de dirección y gestión en el tiempo de impulsar la industrialización y la modernización nacional. LÊ DANH VĨNH: En vista de 7 años del cumplimiento de la Resolución del Buró Político sobre el desarrollo comercial. TÔ HUY RỨA: Factores y tendencias que afectan y transforman la virtud y el modo de vida de los jefes y militantes del Partido. PHAN TÁ: El asunto de atención en el amplio de cooperación económica internacional. NGUYỄN VĂN TUẤT: Tendencia de evolución y desarrollo de la economía privada en la economía de mercado a la orientación socialista en nuestro país. THANH LÊ: La urbanización moderna – factor importante en el desarrollo social. Y LUYỆN NIÊ KDĂM: El organismo partidista de la provincia de Đắc Lắc tras la mitad de su mandato del XII Congreso. NGÔ ĐÌNH XÂY: Desde el proceso de integración económica internacional en Quảng Ninh. DƯƠNG VŨ: Pasos firmes y creadores en las actividades culturales de Nam Định. NGUYỄN QUỐC DŨNG: En contribución a la elevación de calidad de educación de teoría política para los cuadros de etnia Khmer. TRẦN ĐẠI HƯNG: Lecciones sacadas del caso de Trương Văn Cam y de sus cómplices. PHẠM THẮNG: El desarrollo demográfico en Vietnam a la orientación del Decreto-ley de la población. NGUYỄN VĂN THANH: A ver la causa del fracaso de la conferencia de Cancún.

目录

• 陈庭欢：在大力推动国家工业化、现代化进程中有关规划领导、管理干部的问题• 黎名永：回顾七年来落实政治局关于发展贸易的决议• 苏辉若：影响干部、党员道德、生活方式改变趋向的因素• 藩佐：扩大国际经济合作中必须关心的问题• 阮文戍：私有经济在越南社会主义定向市场经济中运动及发展的趋势• 青黎：现代化都市——社会发展的重要因素• Y LUYEN NIE KDAM：多乐省党委第十二届党大会的前半任期• 吴庭设：广宁省融入国际经济进程• 杨武：南定市在文化工作中稳健、创造性的前进步伐• 阮国勇：加强高棉族干部政治理论教育质量的力度• 陈大兴：从审判张文甘及其同伙一案中的结果得出的教训• 范胜：越南人口按《人口法令》即定的方向发展• 阮文青：Cancun 会议失败：试探索失败的原因

Digitized by Google

VỀ QUY HOẠCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

TRẦN ĐÌNH HOAN*

CÁN bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã dày công đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng được một đội ngũ cán bộ tận tụy, kiên cường, là lực lượng nòng cốt cùng với nhân dân tạo nên thành tựu to lớn qua các giai đoạn cách mạng.

Đảng ta luôn coi quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ là việc làm thường xuyên, là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng từ khi Đảng ta mới ra đời. Ở mỗi giai đoạn cách mạng, trong từng hoàn cảnh cụ thể, chúng ta có cách làm quy hoạch cán bộ thích hợp. Tuy nhiên phải thừa nhận rằng, thực tế lâu nay có lúc, có nơi cấp ủy còn coi nhẹ hoặc làm một cách hình thức, chiếu lệ khâu này; công tác quy hoạch cán bộ chưa có tính thuyết phục, chưa đi vào cuộc sống. Lần này, theo yêu cầu của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII, về chiến lược cán bộ, với những mục tiêu mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra, với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu về hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế hơn lúc nào hết đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội trong công cuộc đổi mới và một đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực để chốt giữ vị trí then chốt trong bộ máy của Đảng, Nhà nước nói riêng, của hệ thống chính trị nói chung. Để đáp ứng yêu cầu trên, với kinh nghiệm một số năm thực hiện quy hoạch cán bộ theo Hướng dẫn số 11-HD/TCTW, ngày 5-11-1997, Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành Hướng dẫn số 17-HD/TCTW, ngày 23-4-2003 về *"Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*.

1- QUAN ĐIỂM, YÊU CẦU XÂY DỰNG QUY HOẠCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý (dưới đây gọi tắt là quy hoạch cán bộ) phải xuất phát từ những quan điểm cơ bản về công tác cán bộ của Đảng ta, được nêu rõ trong các văn kiện đại hội Đảng và các nghị quyết Trung ương là: Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phải trên cơ sở quán triệt quan điểm

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

Digitized by Google

giai cấp công nhân; phải giữ vững nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị; Đảng lãnh đạo công tác cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tôn trọng pháp luật của Nhà nước và điều lệ của các tổ chức quần chúng. Trong công tác quy hoạch cán bộ, thực hiện quyền tập trung của cấp có thẩm quyền đi đôi với việc thật sự mở rộng dân chủ trước khi tập trung.

Công tác quy hoạch cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần đạt được những yêu cầu sau:

Một là, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có đủ phẩm chất và năng lực, số lượng, có cơ cấu hợp lý, bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng, liên tục giữa các thế hệ cán bộ nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hai là, tạo nguồn dồi dào để xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của đất nước một cách cơ bản và lâu dài, sớm phát hiện và đào tạo có định hướng những cán bộ có triển vọng (chú trọng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ khoa học - công nghệ, cán bộ là con em gia đình có công với cách mạng, cán bộ xuất thân từ công nông, cán bộ là người dân tộc thiểu số...); tạo môi trường bình đẳng về điều kiện và cơ hội để những cán bộ trong diện quy hoạch rèn luyện, phấn đấu, trưởng thành.

Ba là, làm căn cứ để đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và sắp xếp cán bộ đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của đất nước.

Trên cơ sở đó, cần thống nhất một số vấn đề về nhận thức và cách làm trong việc xây dựng quy hoạch cán bộ là:

a- Quy hoạch cán bộ là tạo nguồn cán bộ, để từ đó có biện pháp đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, sắp xếp cán bộ, đáp ứng yêu cầu về cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quy hoạch cán bộ phải gắn với yêu cầu của thực tiễn, trên cơ sở nắm chắc đội ngũ cán bộ hiện có thông qua việc rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ, dự báo được nhu cầu và khả năng phát triển của đội ngũ cán bộ.

b- Quy hoạch cán bộ phải bảo đảm "mở" và "động": mỗi chức danh cần quy hoạch ít nhất từ 2 đến 3 đồng chí, mỗi cán bộ có thể dự kiến đảm nhiệm từ 2 đến 3 chức danh; quy hoạch không khép kín trong từng ngành, địa phương, đơn vị; quy hoạch được rà soát thường xuyên, hằng năm cần có sự bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, đưa vào quy hoạch những nhân tố mới và đưa ra khỏi quy hoạch những người không đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới.

c- Quy hoạch cán bộ cần được tiến hành đồng bộ ở cả bốn cấp từ Trung ương đến cơ sở, quy hoạch cấp dưới làm căn cứ cho quy hoạch cấp trên, quy hoạch cấp trên thúc đẩy và tạo điều kiện cho quy hoạch cấp dưới.

Cán bộ trong diện quy hoạch phải là những người đáp ứng cơ bản tiêu chuẩn chức danh cán bộ, nhưng cần được tiếp tục hoàn thiện thông qua đào tạo, rèn luyện và thử thách trong thực tiễn. Tiêu chuẩn chung của cán bộ lãnh đạo, quản lý đã được nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, khóa VIII, được bổ sung, cụ thể hóa tại Kết luận Hội nghị Trung ương 6, khóa IX. Hướng dẫn 17 của Ban Tổ chức Trung ương cũng đề cập đến một số yêu cầu cụ thể về tiêu chuẩn kinh qua thực tiễn, trình độ đào tạo, độ tuổi. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển như

Digitized by Google

vũ bão, chúng ta cần vừa tổ chức tốt và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo trong nước vừa quan tâm đưa cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài.

2- NHẬN ĐỊNH BƯỚC ĐẦU VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁN BỘ THỜI GIAN QUA

Thực hiện Hướng dẫn 17 của Ban Tổ chức Trung ương, hiện nay các đảng bộ tỉnh, thành phố, bộ, ngành và các cơ sở trong cả nước đang tiến hành khẩn trương công tác quy hoạch cán bộ. Đoàn công tác của Ban Tổ chức Trung ương sau khi đi kiểm tra công tác quy hoạch cán bộ ở hầu hết các tỉnh, thành phố và một số bộ, cơ quan, đoàn thể trung ương đều thống nhất nhận định: công tác quy hoạch cán bộ đã có bước chuyển biến rõ nét và đạt được những kết quả bước đầu, nhất là có bước chuyển về nhận thức của các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương về công tác làm quy hoạch cán bộ, thấy rõ hơn ý nghĩa của công tác quy hoạch cán bộ là nhằm giành thế chủ động trong công tác cán bộ, khắc phục tình trạng cứ mỗi lần gần tới đại hội chúng ta rất bị động trong công tác nhân sự; thấy rõ hơn quy hoạch cán bộ là tạo nguồn cán bộ, từ đó chúng ta có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và sắp xếp cán bộ để chuẩn bị đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ đó dẫn đến bước chuyển về cách làm. Quy hoạch cán bộ lần này kế thừa những cái đã có và có cách làm mới là "mở" và "động" với nội dung chính như đề cập ở trên. Các nơi đã nghiêm túc triển khai khá chặt chẽ các bước trong xây dựng quy hoạch giai đoạn 1 (gọi là quy hoạch A1, mà nội dung chủ yếu ở các địa phương là quy hoạch cấp ủy), từng bước tạo thế chủ động trong công tác cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ ở các nơi được thực hiện dân chủ, công khai. Việc thật sự mở rộng dân chủ được chú ý, tạo không khí phấn khởi trong cán bộ, đảng viên. Các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy đều rà soát đội ngũ cán bộ, một số nơi đã tiến hành đánh giá cán bộ trên cơ sở đảm bảo quy trình chặt chẽ và thật sự dân chủ, công khai trong đánh giá cán bộ. Một số địa phương thực hiện tương đối tốt việc quy hoạch cán bộ ở cả ba cấp tỉnh, huyện và cơ sở. Có thể nói, ở các mức độ khác nhau, các tỉnh và một số bộ, cơ quan, đoàn thể đã có quy hoạch A1. Chất lượng cán bộ nguồn trong quy hoạch A1 tăng lên (về cơ cấu, trình độ...).

Thực tiễn cho thấy, công tác quy hoạch cán bộ với nội dung và cách làm mới như đã tiến hành trong thời gian vừa qua theo Hướng dẫn 17 của Ban Tổ chức Trung ương đã được cuộc sống chấp nhận, đông đảo cán bộ, đảng viên đồng tình.

Tuy vậy, qua kiểm tra, tìm hiểu ở các đảng bộ ở các vùng, miền trong cả nước và ở một số bộ, cơ quan, đoàn thể trung ương, có thể thấy công tác quy hoạch cán bộ còn có một số hạn chế. Chuyển biến nhận thức về công tác quy hoạch cán bộ chưa đồng đều, do đó kết quả ở một số nơi còn hạn chế. Trong khi làm quy hoạch, có những nơi đã lẫn lộn giữa công tác quy hoạch cán bộ và công tác nhân sự. Làm nhân sự là lựa chọn cán bộ đảm nhiệm những chức danh cụ thể để "tác chiến" ngay, còn quy hoạch là tạo nguồn cán bộ cho nhiệm kỳ tới và các nhiệm kỳ tiếp theo. Đây là lúc các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phát hiện, lựa chọn những đồng chí có phẩm chất, năng lực và triển vọng để có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, bố trí, thử thách, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do chưa có sự phân biệt một cách rạch ròi giữa làm quy hoạch với công tác nhân sự cụ thể

Digitized by Google

nên ở một vài nơi quy hoạch ban chấp hành, ban thường vụ không có phương án dự phòng so với số cấp ủy viên hiện tại, một số chức danh chưa bảo đảm có 2-3 cán bộ dự nguồn. Việc đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu. Nhiều cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa đánh giá cán bộ theo quy trình đã hướng dẫn, còn e ngại, nể nang, đặc biệt là còn băn khoăn nên công khai hay không công khai đánh giá cán bộ. Nguồn cán bộ đưa vào quy hoạch chưa phong phú, nhân tố mới còn ít, có nơi còn nặng dịch chuyển theo thứ tự; chưa bảo đảm cơ cấu hợp lý ba độ tuổi, cán bộ trẻ dưới 40 tuổi nhìn chung còn quá ít; tỷ lệ cán bộ nữ còn thấp; cán bộ là người dân tộc thiểu số ở những địa phương cần cơ cấu còn ít. Ở một số nơi, quy hoạch cấp trên không gắn với quy hoạch của cấp dưới.

Qua kiểm tra công tác quy hoạch cán bộ, có thể rút ra một số kết luận bước đầu. *Thứ nhất*, quy hoạch cán bộ là việc khó nhưng cần làm, có thể làm và làm có hiệu quả. Yêu cầu, mục đích, quan điểm chỉ đạo, phương pháp tiến hành công tác quy hoạch cán bộ của Hướng dẫn 17 về cơ bản là đúng đắn, phù hợp với thực tế. *Thứ hai*, những nơi làm tốt là do ban thường vụ cấp ủy, bí thư, người đứng đầu và cơ quan tổ chức đã có chuyển biến về nhận thức, quyết tâm thực hiện, nắm chắc Hướng dẫn 17, có cách làm tốt, làm đồng bộ cả ba cấp từ dưới lên trên, có sáng tạo. Những kết quả đạt được khẳng định rõ, cần thật sự phát huy dân chủ, trên cơ sở đó phải bảo đảm quyền quyết định của tập thể lãnh đạo có thẩm quyền. Đó là điều kiện bảo đảm chất lượng quy hoạch. *Thứ ba*, ngược lại, ở những nơi chưa làm, hoặc làm chưa tốt là do nhận thức chưa thật thông suốt, làm quy hoạch theo lối cũ, chưa thật sự phát huy dân chủ hoặc còn dân chủ hình thức, nắm và đánh giá cán bộ chưa chắc.

3- MỘT SỐ CÔNG VIỆC CẦN LÀM TRONG THỜI GIAN TỚI

Chúng ta đang làm quy hoạch để chuẩn bị cán bộ cho các tổ chức Đảng, chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị cho cả trước mắt và vài chục năm sau. Bởi vậy, phải chuẩn bị cán bộ chất lượng tốt cho nhiệm kỳ tới và các nhiệm kỳ tiếp theo. Trong thời gian tới các nơi cần rà soát quy hoạch A1, xây dựng quy hoạch A2 vào cuối năm 2003, đầu 2004. Trong quá trình làm quy hoạch A2 và các bước tiếp theo, cần tập trung triển khai thực hiện một số công việc sau đây:

Một là, *cần nhận thức rõ hơn quy hoạch cán bộ là sự tạo nguồn cán bộ;* quy hoạch cán bộ tạo sự chủ động trong công tác cán bộ, không đồng nhất với nhân sự cấp ủy, nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc nhân sự lãnh đạo cơ quan, đơn vị. Việc tạo nguồn của quy hoạch cán bộ phải phong phú hơn nhiều lần so với chuẩn bị nhân sự cụ thể, vì quy hoạch cán bộ là chuẩn bị cán bộ cho cả trước mắt và lâu dài, là tạo môi trường để cán bộ bộc lộ, rèn luyện, thử thách, tự khẳng định mình. Quy hoạch cán bộ không thể làm hình thức, mà phải trên cơ sở nhiệm vụ chính trị, hướng phát triển của từng địa phương, đơn vị để phát hiện, tạo nguồn, lựa chọn cán bộ đưa vào quy hoạch.

Hai là, *cần làm tốt công tác đánh giá cán bộ.* Thực tế cho thấy, nơi nào việc đánh giá cán bộ chu đáo, nghe qua nhiều kênh thông tin (kể cả thông tin phản hồi từ những cán bộ được đánh giá) thì quy hoạch đúng, cán bộ phấn khởi. Khi chúng ta càng công khai việc đánh giá cán bộ trước khi đưa vào quy hoạch sẽ càng tạo sự đồng thuận trong lãnh đạo và làm cho cán bộ hiểu mình hơn, có mục tiêu phấn đấu rõ hơn. Hiện nay, các đảng bộ đang tiến hành kiểm điểm công tác giữa nhiệm kỳ. Đây là dịp các cấp ủy nhìn lại hiệu quả

Digitized by Google

thực hiện các mặt công tác nửa nhiệm kỳ qua, cũng là lúc nhìn nhận một cách chính xác năng lực từng cán bộ, bởi vì năng lực cán bộ phải được nhìn nhận từ phẩm chất chính trị, đạo đức và nhất là năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ba là, *bảo đảm yêu cầu "mở" và "động",* mỗi chức danh có từ 2 đến 3 cán bộ được quy hoạch, mỗi cán bộ được quy hoạch từ 2 đến 3 chức danh; bảo đảm cơ cấu ba độ tuổi, trong đó có lớp trẻ dưới 40 tuổi; bảo đảm cơ cấu cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Chúng ta có đội ngũ cán bộ nữ rất lớn ở các ngành giáo dục, y tế, tài chính, ngân hàng... trong họ có không ít đồng chí trẻ tuổi, được đào tạo cơ bản, có năng lực. Các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cần chọn trong số họ đưa vào quy hoạch để đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển để rèn luyện, thử thách.

Bốn là, *đẩy mạnh và hoàn thiện quy hoạch cán bộ ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương; quy hoạch cán bộ cấp huyện, cơ sở.* Đối với quy hoạch cán bộ ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, tập thể lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể hoặc các cơ quan trung ương (ở những nơi không lập ban cán sự đảng, đảng đoàn) - là cấp có thẩm quyền quyết định quy hoạch cán bộ - thực hiện các quy định chung về quan điểm, yêu cầu, nguyên tắc và căn cứ xây dựng quy hoạch theo Hướng dẫn 17 và nêu tại phần 1 ở trên, đồng thời thực hiện một số nội dung và quy trình cụ thể theo văn bản bổ sung số 3472-CV/TCTW, ngày 24-10-2003, của Ban Tổ chức Trung ương. Cần lưu ý rằng, đối tượng quy hoạch ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương khác với ở địa phương. Đối với các địa phương, những nơi chưa làm quy hoạch cán bộ cấp huyện, cấp cơ sở phải khẩn trương triển khai, những nơi chưa làm xong hoặc làm còn hình thức thì phải bổ khuyết, những nơi đã làm cần tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng quy hoạch. Ở các địa phương, ban thường vụ cấp ủy là cấp có thẩm quyền quyết định quy hoạch. Cần thực hiện thật tốt việc xây dựng quy hoạch cán bộ các cấp, ở địa phương theo quan điểm, yêu cầu nêu tại phần 1 ở trên và theo quy trình, cách làm nêu trong Hướng dẫn 17 và văn bản bổ sung số 3303-CV/TCTW, ngày 21-9-2003 của Ban Tổ chức Trung ương.

Năm là, trên cơ sở quy hoạch A2 cần *xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ, triển khai lựa chọn nhân sự phục vụ bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp sắp tới.* Việc xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ trên cơ sở quy hoạch A2 sẽ tăng cường tính khả thi của quy hoạch, đưa quy hoạch vào cuộc sống, tạo điều kiện hoàn thiện quy hoạch cán bộ trong những năm tiếp theo cũng như chuẩn bị đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có chất lượng cho tương lai. Việc lựa chọn nhân sự phục vụ bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp sắp tới vừa dựa trên quy hoạch cán bộ, vừa căn cứ vào Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi) và Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) thông qua tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XI.

Sáu là, *tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy đối với công tác quy hoạch cán bộ.* Các cấp ủy mà trước hết là ban thường vụ cấp ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy và đồng chí bí thư cần tập trung chỉ đạo công tác quy hoạch cán bộ, xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cán bộ thuộc cấp mình quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác quy hoạch

Digitized by Google

cán bộ của cấp dưới, coi quy hoạch cấp dưới là nguồn cán bộ lâu dài cho cấp trên; chủ động phối kết hợp với các ngành, các cơ quan Trung ương có liên quan trong quá trình làm quy hoạch. Ban tổ chức cấp ủy, vụ hoặc ban tổ chức cán bộ làm tốt chức năng tham mưu cho cấp có thẩm quyền quyết định quy hoạch cán bộ trong việc phát hiện nguồn, xây dựng quy hoạch cán bộ, bảo đảm các quan điểm, yêu cầu xây dựng quy hoạch cán bộ nêu trên.

Bác Hồ kính yêu của chúng ta dạy: "Vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người". Thực hiện lời dạy của Người, Đảng và Nhà nước ta đã dồn sức chăm lo, đào tạo con người, kể cả những lúc đất nước gặp khó khăn nhất về kinh tế, thiên tai, địch họa. Bước vào thời kỳ mới, tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng nước ta cũng đã có một hệ thống trường lớp từ phổ thông đến đại học và sau đại học để đào tạo con em chúng ta... Chúng ta còn có một số trường chất lượng cao để đào tạo, bồi dưỡng những tài năng trẻ. Đối với các tỉnh có đông đồng bào các dân tộc thiểu số, chúng ta có hệ thống trường dân tộc nội trú từ tiểu học, trung học cơ sở đến trung học phổ thông và đại học.

Những cơ sở đó đào tạo những trí thức mới, những người chủ tương lai của đất nước, nguồn cán bộ của chúng ta. Cùng với việc bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại những cán bộ có kinh nghiệm, có quá trình cống hiến, còn sức khỏe đưa vào quy hoạch để bảo đảm tính kế thừa, cấp ủy và chính quyền các cấp cần theo dõi, phát hiện những tài năng mới. Việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tài năng đã trở thành một nhu cầu cấp bách. Thời đại ngày nay càng cho thấy, khẳng định của ông cha ta: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí mạnh thì đất nước thịnh, nguyên khí yếu thì đất nước suy", là hết sức đúng đắn. Cần sớm có chiến lược phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài. Một số tỉnh và thành phố vừa qua đã chủ động có những chính sách thu hút nhân tài, tiếp nhận những sinh viên giỏi vừa tốt nghiệp với chính sách ưu đãi. Có nơi tiếp nhận các sinh viên người địa phương đưa về xã, phường làm "công chức dự bị". Đây là bước chuẩn bị cho nguồn cán bộ bổ sung. Nhưng điều quan trọng là, từ các nguồn này cấp ủy phải sớm bồi dưỡng, mạnh dạn giao việc, đưa vào quy hoạch để đào tạo. Tài năng phải được thử thách trong thực tiễn và có qua thực tế mới phát hiện được tài năng. Đó là dự nguồn xa. Hiện nay, trong các cơ quan, đơn vị chúng ta có không ít cán bộ có trình độ đại học và trên đại học. Họ chưa thuộc diện đưa vào quy hoạch. Bí thư cấp ủy và thủ trưởng cơ quan, đơn vị cần quan tâm bồi dưỡng họ, sớm đưa những người có đức có tài trong số họ vào quy hoạch dự nguồn để có hướng bồi dưỡng, đào tạo. Làm được như vậy, chúng ta sẽ có một lượng cán bộ nguồn rất lớn, ở nhiều độ tuổi để tuyển chọn, cán bộ lại có được một "sân" rất lớn để thi thố tài năng. Thành công của đại hội Đảng cấp dưới là góp sức cho sự thành công của đại hội Đảng cấp trên. Chuẩn bị tốt nhân sự cho đại hội Đảng cấp tỉnh và thành phố cũng tức là chuẩn bị tốt công tác nhân sự cho đại hội Đảng toàn quốc. Chúng ta đang kiểm điểm công tác giữa nhiệm kỳ và quy hoạch cấp ủy cho đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ tới. Công việc của nửa nhiệm kỳ còn lại là rất lớn. Mục tiêu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020 là một nhiệm vụ rất nặng nề mà Đại hội IX của Đảng đề ra. Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta phải có một đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài và đủ tầm. Bởi vậy, chúng ta phải làm tốt quy hoạch cán bộ vì đây là khâu trọng yếu quyết định chất lượng công tác cán bộ.❑

Digitized by Google

NHÌN LẠI BẢY NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI

LÊ DANH VĨNH *

CUỐI thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, sự khủng hoảng của mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung ở các nước xã hội chủ nghĩa tại Liên Xô và Đông Âu đã làm lung lay toàn bộ hệ thống chính trị, cuối cùng đưa đến sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này. Trong bối cảnh trên, những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, Việt Nam bắt đầu chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã gặp rất nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế do mất đi nguồn viện trợ nước ngoài và sự hẫng hụt về thị trường xuất khẩu.

Tuy nhiên, nhờ thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo nên đất nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua cơn chấn động chính trị và sự hẫng hụt về thị trường do những biến động ở Liên Xô và Đông Âu gây ra; phá thế bao vây cấm vận, mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Trong thời gian 1991-1995, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu của *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000,* đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, tiếp tục phát triển. Song, chúng ta lại đứng trước những thách thức to lớn, nổi bật là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế mà thực chất là nguy cơ kinh tế phát triển chậm, hiệu quả thấp, công nghệ lạc hậu.

Trong bối cảnh đó, vai trò của ngành thương mại trong phát triển kinh tế - xã hội đã được khẳng định trong Nghị quyết số 12- NQ/TW, ngày 03-01-1996, của Bộ Chính trị *"Về tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa"* như sau:

- Ngành thương mại cùng các ngành, các địa phương nỗ lực phấn đấu, đạt được những thành tựu bước đầu quan trọng trong lưu thông hàng hóa và dịch vụ, góp phần tạo ra những biến đổi sâu sắc trên thị trường trong nước và khẳng định vị thế mới trên thị trường ngoài nước.

- Hoạt động thương nghiệp đã góp phần bảo đảm các nhu cầu về vật tư, hàng hóa cho nền kinh tế quốc dân. Hàng hóa trong nước phong phú, giá cả tương đối ổn định, lạm phát được kìm chế, ngày càng có thêm nhiều loại hàng Việt Nam có mặt trên thị trường thế giới. Thương nghiệp đã góp phần tích cực vào phát triển sản xuất, phân công lao động xã hội, thúc đẩy các ngành đổi mới công nghệ, nâng cao chất

* TS, Thứ trưởng Bộ Thương mại

Digitized by Google

lượng sản phẩm, làm cho sản xuất từng bước gắn với nhu cầu thị trường, bước đầu đã phát huy được lợi thế so sánh giữa các vùng, các miền, giữa thị trường nước ta với thị trường thế giới, tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

Bên cạnh những thành tựu và kết quả nêu trên, Bộ Chính trị cũng chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm và những vấn đề phức tạp mới nảy sinh trên thị trường và hoạt động thương nghiệp:

- Thị trường hàng hóa và số lượng doanh nghiệp "bung ra" kinh doanh phát triển với tốc độ nhanh nhưng nặng tính tự phát. Nền thương nghiệp về cơ bản vẫn là một nền thương nghiệp nhỏ, tổ chức phân tán, manh mún, buôn bán theo kiểu "chuyền tay" qua nhiều tầng nấc, dẫn đến tình trạng ép giá "đầu vào", nâng giá "đầu ra" ở thị trường trong nước, bị chèn giá ở thị trường ngoài nước.

- Chưa thiết lập được mối liên kết lâu dài giữa cơ sở sản xuất với nhà buôn và giữa nhà buôn với nhau để hình thành các kênh lưu thông ổn định, tạo điều kiện hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất, hướng dẫn tiêu dùng, xây dựng thị trường cùng ứng và tiêu thụ vững chắc, đặc biệt trên lĩnh vực bán vật tư nông nghiệp, mua nông sản thực phẩm.

- Kỷ cương, pháp luật bị vi phạm, trật tự thị trường chưa được xác lập. Nạn buôn lậu, buôn bán hàng giả diễn ra nghiêm trọng, tác động xấu đến sản xuất và đời sống. Tình trạng kinh doanh không đăng ký, không chấp hành chế độ hóa đơn, chứng từ, trốn thuế, cạnh tranh không lành mạnh còn nhiều. Trình độ văn minh thương nghiệp, tiêu chuẩn vệ sinh trong kinh doanh ăn uống và thực phẩm thấp. Hoạt động quảng cáo thương mại cũng như thị trường văn hóa phẩm chưa được quản lý tốt, gây tác hại đến đạo đức, lối sống, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục.

- Quản lý nhà nước về thương nghiệp còn nhiều yếu kém, không ít tiêu cực. Chỉ đạo xuất nhập khẩu và điều hành thị trường có khuyết điểm và thiếu sót, tổ chức thu thập và xử lý thông tin để dự báo các động thái của thị trường chưa tốt, không kịp thời, để xảy ra tình trạng mất cân đối cung cầu ở một số mặt hàng, bị tư thương lợi dụng đầu cơ nâng giá. Chưa hỗ trợ đúng mức cho phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu, thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả. Chưa xử lý đúng mối quan hệ giữa bảo hộ sản xuất trong nước với bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, giữa tiêu dùng và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, chưa làm tốt việc điều tiết và hướng dẫn tiêu dùng, thực hiện chính sách tiết kiệm cho đầu tư phát triển, tạo ra năng lực mới, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế.

Nghị quyết 12 của Bộ Chính trị đã đề ra 3 mục tiêu, 3 quan điểm và 9 chủ trương, giải pháp cụ thể nhằm *"Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*.

1 - Kết quả thực hiện Nghị quyết 12-NQ/TW

Sau hơn 7 năm thực hiện, Nghị quyết 12 của Bộ Chính trị đã đi vào cuộc sống và đạt nhiều *thành tựu quan trọng:*

- Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ đã tăng bình quân 13,5%/năm, từ 145 874 tỉ đồng (năm 1996) lên 272 793 tỉ đồng (năm 2002); kim ngạch xuất khẩu tăng gần 2,3 lần, từ 7,255 tỉ đô-la Mỹ (năm 1996) lên đến 16 700 tỉ đô-la Mỹ (năm 2002).

- Từng bước phát triển thị trường với nhiều thành phần tham gia, trong đó thương nghiệp nhà nước chiếm 20% tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ, hợp tác xã chiếm 2,8%, thương nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 74%, kinh tế hỗn hợp 2,8% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 1,4%.

- Cùng với sự phát triển của thị trường hàng hóa, một số loại hình của thị trường dịch vụ cũng có những bước phát triển đáng kể, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế của đất nước nói chung và phát triển thị trường hàng hóa nói riêng.

- Về cơ bản đã hoàn thành việc chuyển mua bán hàng hóa từ cơ chế kế hoạch hóa sang cơ chế thị trường, từ trạng thái chia cắt khép kín

Digitized by Google

sang tự do lưu thông theo quy luật kinh tế thị trường và theo pháp luật. Giá cả được hình thành trên cơ sở giá trị và quan hệ cung cầu. Thị trường trong nước đã từng bước chủ động hội nhập với thị trường khu vực cũng như quốc tế và phát huy vai trò ngày càng quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Hình thành thị trường hàng hóa thống nhất, xuyên suốt và vận hành theo quy luật khách quan với sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Các cơ quan nhà nước tập trung vào việc xây dựng cơ chế, chính sách, tạo khuôn khổ pháp lý, giảm bớt can thiệp thường xuyên vào hoạt động lưu thông hàng hóa và dịch vụ. Phân định rõ sự khác biệt giữa chức năng quản lý nhà nước về thương mại với chức năng quản lý kinh doanh của các chủ thể tham gia thị trường.

- Công tác quản lý thị trường đã có nhiều tiến bộ, tác động tích cực về mặt xã hội, góp phần ổn định và lành mạnh hóa thị trường, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy sản xuất trong nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Tuy nhiên, phải nhận thấy rằng, bên cạnh những thành tựu đạt được rất quan trọng, cũng còn những nhược điểm, yếu kém không nhỏ:

Thứ nhất, điều dễ nhận thấy là thị trường hàng hóa và số lượng doanh nghiệp kinh doanh thương mại phát triển với tốc độ nhanh, nhưng mang nặng tính tự phát. Nền thương nghiệp về cơ bản vẫn là một nền thương nghiệp nhỏ, tổ chức phân tán, manh mún, phương thức kinh doanh còn lạc hậu.

Thứ hai, chúng ta chưa có một hệ thống đồng bộ các loại thị trường. Môi trường kinh doanh chưa thuận lợi nên chưa thực sự thu hút được nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng như khuyến khích người dân bỏ vốn kinh doanh, làm ăn.

Thứ ba, thị trường còn nhiều yếu kém, cung cầu chưa gặp nhau, giá cả biến động thất thường, đặc biệt là đối với một số vật tư chiến lược. Tình trạng thiểu phát đôi khi kéo dài chậm được khắc phục.

Thứ tư, chưa hình thành được mạng lưới phân phối trong phạm vi địa bàn các địa phương, vùng và cả nước. Chưa thành lập được mối liên kết lâu dài giữa các cơ sở sản xuất với các nhà buôn và giữa các nhà buôn với nhau. Chưa có sự gắn kết giữa sản xuất, chế biến với lưu thông, làm cho người sản xuất mất lòng tin vào khả năng của Nhà nước có thể giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ sản phẩm.

Thứ năm, mô hình tổ chức kinh doanh thương nghiệp chậm được đổi mới, năng lực cạnh tranh còn thấp. Lưu thông hàng hóa và thị trường ở các địa bàn trọng yếu chưa phát triển nhanh, mạnh để giữ vai trò chủ đạo ở thị trường trong nước. Trong khi đó, quản lý nhà nước đối với lưu thông hàng hóa trong nước còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân của những mặt chưa được như sau:

1. Từ trước đến nay, chúng ta mới chú trọng vào khâu sản xuất, ít chú ý đến tổ chức, phát triển thị trường; quan tâm đầu vào nhiều hơn đầu ra, kể cả kết cấu hạ tầng ngành thương mại; chưa chú ý đúng mức việc điều tiết sản xuất thông qua thị trường.

2. Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước chưa quan tâm đúng mức đến nhu cầu thực sự của quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

3. Chúng ta chưa có những công cụ hữu hiệu để can thiệp, điều tiết và thúc đẩy thị trường phát triển, kể cả các công cụ kinh tế và hành chính.

4. Vấn đề đào tạo nguồn nhân lực cho bộ máy quản lý nhà nước và cho các doanh nghiệp còn nhiều bất cập.

2 - Định hướng đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới

Từ thực tế trên và để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời nhằm chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện có hiệu quả các cam kết thương mại quốc tế đã ký kết, phải tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động thương mại và

Digitized by Google

phát triển thị trường đến năm 2010 theo hướng như sau:

Một là, sửa đổi và bổ sung Luật Thương mại cho phù hợp với chủ trương mới của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội trong đó chú trọng đến yếu tố hội nhập nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Trong quá trình sửa đổi và bổ sung Luật Thương mại, cần xử lý thỏa đáng mối quan hệ giữa phát triển thương mại theo cơ chế thị trường với sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa hoàn thiện Luật Thương mại với chương trình tổng thể hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam; chú ý đến sự tương thích giữa Luật Thương mại của Việt Nam với pháp luật và tập quán quốc tế, đặc biệt là các hiệp định và điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Đồng thời, Luật Thương mại cần được hoàn thiện với các quy định cụ thể, rõ ràng, có tính thực thi cao nhằm giảm bớt tình trạng quá nhiều văn bản hướng dẫn thi hành.

Hai là, tiếp tục xây dựng và ban hành một số văn bản pháp luật mới để điều chỉnh các quan hệ kinh tế thương mại mới phát sinh trên phương diện quốc tế và quốc gia như Luật Cạnh tranh, Luật Chống bán phá giá, Luật Phòng vệ khẩn cấp, Luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, v.v.. Rà soát các văn bản pháp luật, các chính sách về thị trường, về thương nhân và các chính sách đối với từng ngành hàng, mặt hàng... trên cơ sở đó loại bỏ những điều khoản hoặc những nội dung không còn phù hợp với tình hình mới, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam.

Ba là, đổi mới công tác kế hoạch. Kế hoạch hóa thương mại phải đi trước một bước để làm cơ sở cho kế hoạch của các bộ, ngành và phải căn cứ vào thị trường. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hóa với các chính sách kinh tế, tài chính để định hướng và khuyến khích nhân dân, doanh nghiệp tiết kiệm đầu tư phát triển kinh doanh. Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế. Thực thi chính sách tiền tệ bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng, kích thích đầu tư phát triển. Tạo môi trường minh bạch, lành mạnh và bình đẳng cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng. Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng.

Bốn là, tổ chức lại thị trường trong nước. Hình thành và phát triển các kênh lưu thông hàng hóa ổn định để hàng hóa đến người tiêu dùng nhanh nhất, với chi phí thấp nhất. Cần mở rộng các kênh lưu thông hàng hóa với sự tham gia của thương nhân thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, trong đó cần làm rõ vị trí, vai trò của từng loại hình thương nhân trong các kênh lưu thông. Hình thành và phát triển các mô hình thương mại phù hợp với đặc điểm, điều kiện, nhu cầu và khả năng của các cấp độ thị trường.

Năm là, đổi mới tổ chức và hoạt động của thương nghiệp nhà nước. Chuyển đại bộ phận các doanh nghiệp thương mại nhà nước thành các công ty cổ phần, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối, Nhà nước chỉ nắm một số ngành then chốt, thiết yếu. Xây dựng một số tập đoàn, tổng công ty, công ty "mẹ" và "con" thành các doanh nghiệp có quy mô lớn, hoạt động trên phạm vi cả nước và từng bước mở rộng hoạt động ở thị trường ngoài nước. Thực hiện sắp xếp lại các doanh nghiệp thương mại nhà nước trên từng địa bàn không phụ thuộc vào cấp chủ quản; lựa chọn những ngành hàng quan trọng, những ngành hàng có tích lũy lớn cho ngân sách, có ảnh hưởng quyết định đến việc xác lập các cân đối vĩ mô để hình thành các tập đoàn kinh tế, vừa sản xuất vừa hoạt động thương mại nhằm tăng khả năng tích tụ và tập trung vốn, có khả năng đi đầu trong việc áp dụng các công nghệ kinh doanh hiện đại, đủ sức chi phối và mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.

Sáu là, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã theo hướng chuyển sang hợp tác xã cổ phần để tập hợp được lực lượng thương nghiệp tư nhân, các hợp tác xã dịch vụ nông thôn trở thành mạng lưới vệ tinh làm đại lý mua bán cho doanh nghiệp. Phát triển thương nghiệp

(Xem tiếp trang 27)

Digitized by Google

NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG VÀ XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI CỦA ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG TRONG CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

TÔ HUY RỨA *

VỚI tính cách là một bộ phận của nền tảng tinh thần xã hội, đạo đức và lối sống luôn luôn có vị trí và vai trò quan trọng đối với sự phát triển của xã hội trong mọi thời kỳ lịch sử. Khi nền kinh tế - xã hội nước ta có nhiều bước vận động sâu sắc và đa dạng như trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, nhiệm vụ xây dựng và phát triển đạo đức, lối sống của nhân dân nói chung và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên nói riêng càng trở nên quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết. Nhiệm vụ này đã được khẳng định nhiều lần trong Nghị quyết Trung ương 3 và 6 (khóa VIII), Nghị quyết Trung ương 5 và 7 (khóa IX). Chủ trương đúng đắn của Đảng về việc xây dựng và phát triển đạo đức, lối sống tiên tiến, lành mạnh trong cán bộ, đảng viên đang được triển khai rộng rãi. Để nâng cao hiệu quả công tác này, cần xác định cụ thể những nhân tố tác động, đồng thời tích cực dự báo một số xu hướng biến động của đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên cả trong những năm trước mắt cũng như lâu dài.

Việc nghiên cứu những nhân tố chủ yếu tác động đến đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên hiện nay phải dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Là một hình thái của ý thức xã hội, đạo đức, lối sống cũng có sự tác động qua lại với các hình thái khác của ý thức xã hội, đồng thời còn tác động trở lại đối với sự vận động của tồn tại xã hội. Tham gia tác động đến đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên hiện nay có hàng loạt nhân tố vật chất và tinh thần, kinh tế - xã hội và chính trị, văn hóa, trong nước và quốc tế, truyền thống và hiện đại, v.v.. Hơn nữa, sự tác động đang diễn ra theo những véc-tơ rất khác nhau: thuận và nghịch, tích cực và tiêu cực, toàn diện và cục bộ, lâu dài và nhất thời, tình thế...

Nhân tố thứ nhất tác động rất sâu xa đến đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên hiện nay là các giá trị dân tộc truyền thống. Trong di sản phong phú các giá trị truyền thống Việt Nam, có các giá trị sau đây tồn tại một cách bền vững và tham gia vào hệ thống các chuẩn giá trị của xã hội ta ngày nay là: lòng yêu nước

* PGS, TS Phó Giám đốc Thường trực Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

nồng nàn, ý thức tự cường dân tộc, tinh thần cộng đồng, lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tế nhị trong cư xử, tính giản dị trong cuộc sống. Những phẩm chất tốt đẹp này là sản phẩm tích lũy từ lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Chúng đã khẳng định được sức sống bền vững, vượt qua được thử thách của thời gian để tham gia cấu thành diện mạo và bản sắc của con người Việt Nam hiện đại.

Bên cạnh tác động tích cực, một số biểu hiện tiêu cực của đạo đức, lối sống truyền thống đã và đang tác động đến quá trình xây dựng và hoàn thiện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Rõ rệt là lối sống tiểu nông được thể hiện trong hoạt động lao động, sinh hoạt cộng đồng và quan hệ xã hội. Lối sống tiểu nông đã sản sinh tầm nhìn thiển cận, hẹp hòi, kinh nghiệm chủ nghĩa; thói quen đi muộn về sớm; làm việc tùy hứng bất chấp nội quy, quy tắc; chủ nghĩa địa phương; thói gia trưởng; tư tưởng "trọng nam, kinh nữ"; định kiến với thương mại, thương gia; khuynh hướng tạo dựng các cộng đồng manh mún, biệt lập, v.v..

Một số giá trị đạo đức, lối sống truyền thống rất cần được bổ sung nội dung mới để tiếp tục tồn tại trong xã hội ta hiện nay. Ví dụ: tinh thần cộng đồng, một trong những giá trị nền tảng của con người Việt Nam, trong đó có đội ngũ cán bộ, đảng viên. Giá trị này được kết tinh qua lịch sử hàng nghìn năm hình thành và phát triển của các cộng đồng cư dân trồng lúa nước trên các đồng bằng châu thổ. Diện mạo manh mún của không gian canh tác đã tạo thành tính chất biệt lập trong hoạt động lao động sản xuất và hình thái kép kín trong các khu định cư (làng, xã...) của họ. Nhìn lại lịch sử, thấy rất rõ một thực tế rằng cộng đồng làng xã mang nặng tính chất huyết thống đã tạo cho dân tộc ta sức mạnh phi thường trước thiên tai và địch họa, ngoại xâm, nhưng trước nhu cầu cộng sinh để phát triển đã bộc lộ khá nhiều hạn chế. Sự gắn kết, đồng thuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong quản lý nhà nước và trong các hoạt động xã hội khác rõ ràng chưa ngang tầm với yêu cầu giải quyết các nguy cơ, thách thức đối với chế độ xã hội và sự hưng thịnh của quốc gia, dân tộc trong tình hình hiện nay. Hơn nữa, nếu so sánh với một số nước cùng khu vực (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...) có nhiều thành tựu trong củng cố và phát huy sức mạnh của khối cố kết dân tộc, chúng ta càng thấy tính cần thiết, cấp bách của việc phát triển nội dung mới cho tinh thần cộng đồng Việt Nam, trước hết là trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nội dung mới đó có thể được tạo ra từ việc xác định đúng đắn và đầy đủ hệ thống lợi ích mới (cá nhân, cộng đồng, giai cấp, dân tộc và nhân loại; vật chất và tinh thần; lâu dài và trước mắt) cũng như mối quan hệ hữu cơ giữa chúng để thỏa mãn chúng một cách hài hòa, đồng điệu.

Nhân tố thứ hai tác động mạnh mẽ đến đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên hiện nay là hệ thống các giá trị cách mạng được hình thành trong lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc, đấu tranh thống nhất nước nhà và xây dựng chủ nghĩa xã hội từ đầu thế kỷ XX đến nay. Trong thời gian hơn 7 thập kỷ vừa qua, đất nước ta có hàng loạt thay đổi lớn lao và những biến động sâu sắc trên mọi bình diện chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa... Từ địa vị thuộc địa, nước ta trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, chế độ xã hội phong kiến - thuộc địa đã bị thay thế bởi chế độ xã hội của nhân dân lao động trên cơ sở liên minh công - nông - trí thức do giai cấp công nhân lãnh đạo. từ một xuất phát điểm xã hội tiền tư bản với cơ sở kinh tế là nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu,

Digitized by Google

chúng ta đã tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội với ba cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, về khoa học - kỹ thuật và tư tưởng - văn hóa. Những quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa này đã làm ra đời nhiều giá trị cao đẹp trong đạo đức, lối sống của con người mới xã hội chủ nghĩa nói chung và của cán bộ, đảng viên nước ta nói riêng như: tinh thần sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc, tinh thần làm chủ, phong cách sống "mình vì mọi người", "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"; tình đồng chí, đồng đội, ý thức tự giác chấp hành nội quy kỷ luật, sự hăng hái thi đua trong lao động và chiến đấu, nếp sống liêm khiết, giản dị, tinh thần quốc tế vô sản... Những giá trị tinh thần xã hội chủ nghĩa này đã được kết hợp hài hòa với những giá trị dân tộc truyền thống tạo nên nền móng vững chắc cho đạo đức, lối sống cách mạng của con người Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Ngày nay, mặc dù môi trường xã hội và nhiệm vụ cách mạng nước nhà không giống như trong giai đoạn trước, nhưng những giá trị đạo đức và lối sống nêu trên không hề mất đi, mà như một kiểu "di truyền xã hội", đang tiếp tục hiện diện trong các thế hệ con người, thế hệ cán bộ, đảng viên mới.

Các giá trị đạo đức, lối sống cách mạng sẽ luôn luôn có sức sống nếu thường xuyên được bổ sung nội dung mới. Trong hoàn cảnh chiến tranh trước kia, đạo lý cách mạng "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ" được hiểu một cách trực diện là những người cán bộ, đảng viên phải gương mẫu nhận mọi khó khăn, thiếu thốn, gian khổ, hy sinh và nhường thuận lợi, lợi ích cho quần chúng. Ngày nay, nếu tiếp tục nhận thức và thực hiện đạo lý đó một cách máy móc trong từng mối quan hệ so sánh về lợi ích vật chất cụ thể về nhà cửa, thu nhập, đi lại, thông tin giữa cán bộ, đảng viên và quần chúng, chúng ta sẽ vô tình nghèo nàn hóa, lý tưởng hóa đến mức bất khả thi một trong những giá trị vốn rất sinh động và tinh tế.

Nhân tố thứ ba đang tác động trực tiếp đến đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên là quá trình đổi mới của đất nước, nhất là quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay.

Với tính cách là cơ sở hạ tầng, các quan hệ sản xuất của nước ta có nhiều bước vận động mới mẻ. Về quan hệ sở hữu, đồng thời với việc duy trì chế độ công hữu đối với các tư liệu sản xuất chủ yếu, chúng ta chấp nhận sự tồn tại của nhiều hình thức sở hữu khác nhau với các thành phần kinh tế tương ứng cạnh tranh nhau một cách bình đẳng trong khuôn khổ một cơ cấu kinh tế thống nhất. Về quan hệ tổ chức và quản lý sản xuất, chúng ta chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Về quan hệ phân phối, chúng ta khắc phục chủ nghĩa bình quân để thực hiện nguyên tắc phân phối chủ yếu theo lao động và các loại đóng góp khác. Xét trên cả ba mối quan hệ sản xuất, tư tưởng bao trùm là giải phóng và phát triển được nhận thức lại một cách rất đúng đắn như bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Đường lối và những chính sách đổi mới kinh tế nêu trên đã làm thay đổi hẳn đời sống sản xuất vật chất của xã hội ta, từ cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, tổng sản phẩm quốc nội đến thương mại, mức sống, tiêu dùng... Trong bối cảnh cơ sở hạ tầng và tồn tại xã hội đổi mới, hệ thống các giá trị đạo đức, lối sống của công dân và của cán bộ, đảng viên được cấu trúc lại và bổ sung, phát triển.

Tác động dễ thấy nhất của quá trình đổi mới đến đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên là đã hình thành những định hướng giá trị mới. Tuy các chuẩn giá trị lòng yêu nước, lý tưởng cộng sản, lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng... vẫn có vị trí cao trong thang giá trị Việt Nam, nhưng một số giá trị khác như

Digitized by Google

dân chủ, việc làm, thu nhập, gia đình, năng động làm giàu... thường xuyên chiếm vị trí ưu tiên trong cuộc điều tra xã hội.

Nhân dân nói chung và cán bộ, đảng viên nói riêng đã chấp nhận và thích nghi với nguyên tắc cạnh tranh của cơ chế thị trường, với quan hệ hàng hóa - tiền tệ và với sự phân tầng xã hội. Đồng tiền được đánh giá đúng mức hơn. Sự làm giàu được khuyến khích. Nghề kinh doanh được trân trọng. Thái độ đối với lao động đã chuyển biến tích cực theo hướng gắn với năng lực tự lập, sáng tạo, năng suất và hiệu quả. Thái độ đối với nghề nghiệp cũng thay đổi, chuyển từ việc trọng các nghề bàn giấy, công chức sang các nghề sản xuất, kinh doanh có thu nhập cao. Thái độ đối với dân chủ đã chuyển từ những nguyên tắc chung chung thành quyền và lợi ích tham gia một cách thiết thực của mỗi cá nhân vào quản lý xã hội. Thái độ đối với gia đình và cộng đồng cũng thay đổi theo hướng coi trọng đời sống gia đình, họ mạc. Nhìn chung trong định hướng đạo đức và lối sống, xã hội ta đã khắc phục được tư duy đối lập cực đoan, tiên nghiệm giữa tốt và xấu, đúng và sai, thiện và ác, tích cực và tiêu cực.... Thay vào đó là khuynh hướng nhận thức các cặp phạm trù ấy trong những trục thời gian và không gian cụ thể.

Đến nay, đông đảo các nhà chuyên môn đều thống nhất xác định mấy nhóm giá trị cơ bản trong xã hội ta là: độc lập, tự do cho dân tộc và con người; hòa bình, dân chủ và công bằng; hiếu học, coi trọng học vấn, tôn trọng nghề nghiệp chuyên môn, kỹ thuật; việc làm và thu nhập; năng động kinh doanh và làm giàu; gia đình hạnh phúc; nếp sống văn hóa mới và nhân cách...

Những yêu cầu và nhiệm vụ của công cuộc đổi mới, của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng buộc chúng ta phải điều chỉnh tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, đảng viên nói chung và đạo đức, lối sống của họ nói riêng. Bên cạnh những tiêu chuẩn truyền thống như trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư..., Đảng ta nhấn mạnh các tiêu chuẩn quan trọng khác như năng lực tập hợp, tổ chức và lãnh đạo quần chúng; uy tín đối với tập thể và nhân dân; có lập trường, chính kiến và bản lĩnh vững vàng, có trí tuệ và thể chất tốt... và "lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ làm thước đo chủ yếu trong đánh giá", như Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IX) đã khẳng định.

Để đưa tiêu chuẩn đánh giá cán bộ đúng đắn nêu trên vào cuộc sống, điều rất quan trọng là phải tăng cường giáo dục tình yêu nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và lương tâm nghề nghiệp. Giá trị này được xác định là một trong những định hướng giá trị trong nhiều xã hội hiện đại; đồng thời được xem như một trong những bí quyết thành công của một số mô hình phát triển kinh tế - xã hội trên thế giới. Ở nước ta, đạo đức nghề nghiệp tuy có được đánh giá cao, nhưng trên thực tế chưa chiếm được sự ưu tiên trong định hướng giá trị xã hội và càng chưa có các chính sách, cơ chế hữu hiệu phục vụ nó.

Nền kinh tế thị trường trong thời kỳ đổi mới hiện nay cũng có những mặt trái của nó, đã và đang tác động một cách tiêu cực đến đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Về điểm này, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã nhận định: "Tình trạng cán bộ thoái hóa, biến chất chưa được ngăn chặn và đẩy lùi. Trong đội ngũ cán bộ vẫn tồn tại tình trạng trì trệ, thiếu trách nhiệm và tính chiến đấu chưa cao". Hội nghị cũng nhấn mạnh nhiệm vụ cấp bách "chống suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác". Biểu hiện của tình trạng suy thoái khá phức tạp và đa dạng

Digitized by Google

như bệnh chuyên quyền độc đoán, không tôn trọng dân chủ; bệnh quan liêu xa rời thực tiễn, xa rời nhân dân; bệnh xu nịnh và tâm lý cầu an hưởng lạc không dám đấu tranh bảo vệ cái đúng, chống cái sai; chủ nghĩa cá nhân, thực dụng; chủ nghĩa địa phương hẹp hòi; lối sống xa hoa, đua đòi, thậm chí mê tín, dị đoan...

Nhân tố thứ tư tác động rất phức tạp đến đạo đức; lối sống của cán bộ, đảng viên hiện nay là quá trình "toàn cầu hóa" đang diễn ra mạnh mẽ dưới sự chi phối của chủ nghĩa tự do mới do Mỹ và các thế lực tư bản phương Tây áp đặt trên toàn thế giới. Lợi dụng ưu thế kinh tế, quân sự, khoa học và công nghệ, các chính quyền Mỹ và phương Tây đang mưu toan gò ép toàn bộ đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa... của các nước vào quỹ đạo, khuôn khổ, quy tắc và chuẩn mực của riêng họ. Không ít chính khách và học giả nổi tiếng thế giới đã cảnh báo về nguy cơ phương Tây hóa và Mỹ hóa đời sống xã hội loài người.

Tuy nước ta mới bắt đầu quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng có thể dễ dàng cảm nhận một số tác động tiêu cực của "toàn cầu hóa" đối với đạo đức, lối sống của nhân dân và cán bộ, đảng viên. Biểu hiện của tư tưởng sùng ngoại, tôn sùng chủ nghĩa tư bản, chạy theo lối sống của xã hội tiêu thụ, tuyệt đối hóa giá trị vật chất, tiền bạc, "văn hóa" lai căng, tự ti dân tộc, thậm chí phai nhạt ý thức giai cấp, niềm tin và lý tưởng cộng sản... đã xuất hiện một cách đáng báo động.

Với tính cách một xu thế khách quan của lịch sử, toàn cầu hóa được quyết định bởi trình độ xã hội hóa, quốc tế hóa cao độ của lực lượng sản xuất hiện đại. Nó bắt buộc và tạo điều kiện cho các quan hệ sản xuất và các quan hệ xã hội khác, mở rộng, phát triển trên quy mô toàn cầu. Xét trên phương diện này, toàn cầu hóa là thời cơ và cơ hội thuận lợi cho các quốc gia dân tộc vận động đi lên. Bởi vậy, từ quá trình toàn cầu hóa, nhân dân và cán bộ, đảng viên nước ta cũng được bổ sung một số giá trị đạo đức, lối sống tích cực như tâm thế mở cửa, hội nhập; phẩm chất thích nghi năng động; tinh thần hợp tác quốc tế rộng mở, đối thoại hòa bình; phong cách lao động và sinh hoạt hiện đại, văn minh; ý thức coi trọng khoa học - công nghệ; ý chí phấn đấu xây dựng nước nhà giàu mạnh và chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta hiện nay là phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Bởi vậy, chủ nghĩa yêu nước cũng phải chứa đựng nội dung mới, phù hợp. Yêu nước ngày nay phải là yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội và dốc toàn tâm, toàn ý vào khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn nữa về kinh tế của đất nước, sẵn sàng lao động và cống hiến cho sự phồn thịnh của quốc gia. Yêu nước phải được thể hiện thành hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ lao động, nhiệm vụ quản lý, lãnh đạo nhằm góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế và phát triển đất nước để Việt Nam có thể so sánh với các cường quốc năm châu, như Bác Hồ kính yêu hằng mong mỏi.

Trên đây là 4 nhân tố tác động chủ yếu đến đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Sự tác động ấy diễn ra đồng thời, nhưng dưới những cơ chế, hình thức và khuynh hướng khác nhau. Chúng không chỉ tạo ra bức tranh nhiều sắc màu, mà còn để ngỏ các xu hướng biến động khác nhau của đạo đức, lối sống của con người Việt Nam nói chung và cán bộ, đảng viên Việt Nam nói riêng trong những năm tới.

Mục tiêu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp, có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ và tính chất

Digitized by Google

của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng và an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Dưới sự tác động của những nhân tố nêu trên, những giá trị đạo đức, lối sống của nhân dân và cán bộ, đảng viên nước ta sẽ tiếp tục biến đổi. Trên lĩnh vực đạo đức, những đạo lý truyền thống sẽ tiếp tục được duy trì và kế thừa như lòng yêu nước, thương nòi, tinh thần cộng đồng, khoan dung... Ở tầng lớp nghèo, đặc biệt là ở nông thôn và miền núi, tình nghĩa cộng đồng tiếp tục là giá trị cơ bản. Chủ nghĩa thực dụng, tuy có thể tác động tiêu cực hơn so với những năm qua, nhưng không thể làm mất đi đạo lý nhân nghĩa Việt Nam. Các giá trị đạo đức xã hội chủ nghĩa sẽ tiếp tục được trân trọng và phát triển thành những giá trị tiên tiến. Xét trên phương diện cơ sở kinh tế - xã hội và các thiết chế văn hóa, tinh thần, có thể nhận định không chủ quan rằng xã hội Việt Nam ta vẫn có hệ thống tự bảo vệ khá hiệu quả trước sự tác động tiêu cực của các giá trị phương Tây.

Về lối sống, hoạt động kinh tế sẽ tiếp tục chủ yếu hướng vào giá trị có thu nhập và làm giàu. Bởi vậy, vấn đề việc làm, thu nhập của cá nhân và gia đình vẫn là mối quan tâm chủ yếu của đa số dân cư, cán bộ và đảng viên. Lối sống công nghiệp, văn minh, hiện đại từng bước trở thành phổ biến trong cán bộ, đảng viên. Ý thức pháp luật, ý thức công dân sẽ được đánh giá cao bên cạnh ý thức chính trị, ý thức giai cấp. Tác phong lao động có tổ chức, có kỷ luật sẽ được tăng cường đồng thời với nguyên tắc tập trung dân chủ.

Những xu hướng nêu trên không nên hiểu như những diễn biến tất yếu mà nên hiểu là những diễn biến có thể thực hiện được trên cơ sở phát huy tốt hoạt động tự giác của nhân tố chủ quan. Điều rất quan trọng đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta là phải quán triệt phương hướng chung và các quan điểm chỉ đạo xây dựng đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Quá trình xây dựng đạo đức, lối sống phải luôn luôn kết hợp việc bảo vệ bản sắc dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phải hướng vào mục tiêu phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và phát triển con người toàn diện; phải góp phần đảm bảo sự ổn định và lành mạnh hóa xã hội. Đồng thời nhiệm vụ xây dựng đạo đức, lối sống phải dựa vào sự tham gia tích cực và sáng tạo của tất cả các tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; phải được lồng ghép vào các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và thông qua nhiều cuộc vận động rộng mở và có hiệu quả.

Đạo đức, lối sống là những yếu tố cơ bản trong đời sống xã hội của mỗi con người và mỗi nền văn hóa. Mỗi xã hội trong từng thời kỳ lịch sử, đều xây dựng hệ thống các giá trị đạo đức, lối sống nhằm phát triển một cách lành mạnh các quan hệ xã hội. Mục tiêu của sự nghiệp đổi mới là thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để thực hiện mục tiêu này, Đảng ta xác định một trong những định hướng phát triển là xây dựng những quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống trên cơ sở hình thành hệ thống giá trị và chuẩn mực xã hội mới phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại. Nhiệm vụ này đang được đặt ra một cách cấp bách cho mọi tầng lớp nhân dân, trước hết là đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong quá trình xây dựng, củng cố đạo đức, lối sống, rất cần nhận thức kịp thời và đầy đủ những nhân tố tác động và các xu hướng biến đổi chủ yếu nhằm điều chỉnh chính sách và hành động ngày càng hiệu quả hơn.❑

Digitized by Google

VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG MỞ RỘNG HỢP TÁC KINH TẾ QUỐC TẾ

PHAN TÁ*

NGÀY nay, mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế là xu hướng chung của các quốc gia, các dân tộc, không phân biệt trình độ kinh tế, chế độ chính trị - xã hội. Đây là vấn đề có tầm chiến lược đối với nhiều nước, trước hết là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Trên lĩnh vực mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, Việt Nam đang đứng trước thời cơ mới và thách thức mới. Thời cơ mới là đất nước thống nhất, chế độ chính trị ổn định, nguồn lao động dồi dào, tài nguyên phong phú, thị trường rộng lớn, vị trí địa lý thuận lợi... Nếu biết tận dụng, khai thác có hiệu quả các nguồn lực đó, nhất định sẽ tạo nên sự hấp dẫn to lớn đối với bên ngoài; tranh thủ được vốn, khoa học - công nghệ, kinh nghiệm quản lý kinh tế, để đưa đất nước chủ động hội nhập và phát triển, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những năm qua, nhờ biết khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực đó, cùng với chính sách rộng mở của Đảng và Nhà nước, nên đến nay đã có trên 100 nước thiết lập quan hệ buôn bán; trên 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư vào nước ta; nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho Việt Nam sự viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay vốn để phát triển.

Song, đất nước ta cũng đang đứng trước những thách thức mới. Chúng ta hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực trong điều kiện xuất phát điểm còn thấp; mới thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội; đang chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - mô hình chưa từng có trong lịch sử. Vì vậy, chúng ta thiếu cả kiến thức và kinh nghiệm. Nhưng vấn đề bao trùm và nổi bật là, các thế lực thù địch đang lợi dụng quá trình mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế để thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" trên đất nước ta.

Từ bài học thất bại trong công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây; qua công cuộc cải cách và mở cửa ở Trung Quốc và nhất là sau gần hai mươi năm đổi mới, mở cửa làm ăn với bên ngoài của chúng ta, có thể rút ra một số vấn đề cần quan tâm trong lĩnh vực mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế sau đây:

Thứ nhất, các thế lực thù địch không bao giờ để cho chúng ta được yên ổn xây dựng đất nước "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn". Biểu hiện rõ nhất là sau khi Mỹ vừa xóa cấm vận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam, ở bên ngoài, có thế lực đã công khai nói rõ mục đích: "Chấp nhận cộng sản để xóa bỏ cộng sản, làm ăn với cộng sản để tiêu diệt cộng sản" (!). Ngày đêm họ hô hào Việt Nam phải xóa bỏ nền kinh tế quốc doanh, phát triển kinh tế tư nhân, nhằm tạo lập nên thế lực kinh tế mới - đó chính là giai cấp tư sản - từng bước ăn sâu

* Luật gia, Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

bám rễ vào các mạch máu kinh tế của ta; từ đó gây sức ép về chính trị, buộc ta thay đổi về đường lối, tiến tới phủ định định hướng xã hội chủ nghĩa. Họ còn khuyên ta đổi mới triệt để, không nửa vời và nếu đã duy trì nền kinh tế nhiều thành phần thì phải chấp nhận nhiều lực lượng chính trị. Thế là từ tư nhân hóa, đa nguyên hóa rồi dẫn đến tự do hóa, dân chủ hóa không hạn chế. Đây là ngọn đòn hiểm độc của các thế lực thù địch hòng xóa bỏ chế độ ưu việt của chúng ta.

Thứ hai, sau ngày miền Nam được giải phóng (1975), lối sống thực dụng đã nảy nở và có chỗ đứng trong lòng chế độ cũ ở các tỉnh, thành phía Nam từ lâu đã được cải tạo đáng kể. Song từ khi mở cửa làm ăn với nước ngoài và thiết lập nền kinh tế thị trường, lối sống thực dụng đó lại có điều kiện tái phát và được hà hơi, tiếp sức từ bên ngoài, nên đã lan tỏa rất nhanh. Ma lực của đồng tiền đã làm lung lay đạo đức xã hội; tư tưởng sùng bái lối sống phương Tây, khuynh hướng làm giàu bằng bất cứ giá nào, kể cả lừa đảo, gây tội ác... đã tạo ra "mảnh đất màu mỡ" ươm trồng hạt giống "diễn biến hòa bình". Có người đã nhiều lần nói toạc ra rằng: "Chủ nghĩa thực dụng là vũ khí lý tưởng sắc bén làm lung lạc lý tưởng, đạo đức, lối sống đối với mọi tầng lớp nhân dân, nhất là đối với thanh niên các nước xã hội chủ nghĩa" (!). Quả đúng như vậy. Viên "đạn bọc đường" của chủ nghĩa thực dụng trong mấy năm gần đây được cài cắm ở khắp mọi nơi, mọi lúc, trên mọi lĩnh vực đã "sát thương" tâm hồn trong sáng, lý tưởng cao đẹp của biết bao người; không ít người đã sa vào "cạm bẫy", đang rơi xuống vực sâu bi thảm.

Thứ ba, viện trợ và vay vốn là vấn đề rất quan trọng và cần thiết để góp phần xây dựng đất nước. Nhiều quốc gia, nhiều tổ chức quốc tế đã viện trợ hoặc cho ta vay vốn với tấm lòng hào hiệp, trong sáng. Đây là điều đáng quý, rất quý. Song cũng lắm người không bỏ qua việc lợi dụng con đường này với mục đích chính trị. Họ công khai công bố: "không có tấm séc khống chỉ chực sẵn", mà bất cứ ai muốn nhận viện trợ, đòi hỏi phải tuân theo 4 điều kiện, trong đó điều kiện tiên quyết là phải hướng tới đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, chấm dứt đặc quyền của cộng sản. Mặt khác, tự do báo chí, tự do ngôn luận; tự do hoạt động của các đảng phái phải được bảo đảm bằng pháp luật của nước nhận viện trợ, chứ không phải tôn trọng bằng lời nói chung chung. Điều đó có nghĩa là, phải chấp nhận điều kiện mà họ đặt ra là tự nguyện chuyển giao chính quyền cho họ, đem nền độc lập, tự do của nước mình hiến dâng cho họ, mà họ không tốn một viên đạn. Vậy nên, khi nhận viện trợ, vay vốn, đòi hỏi chúng ta phải tính toán hết sức thận trọng. Đã vay là phải trả, không thể để lại cho đời sau "kéo cày trả nợ". Từ việc vay nợ của nhiều nước nhưng không có khả năng thanh toán, đã gây hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt cho đất nước mình, khiến các nhà phân tích của Ê-cu-a-đo rút ra kết luận: "Một nước chỉ được tiêu những gì sản xuất ra và không được vay những khoản nợ không thể trả nổi"(1). Đặc biệt, vốn liếng được viện trợ hoặc vay là tập trung để xây dựng đất nước, tuyệt đối không để rò rỉ vào túi cá nhân hoặc vào túi của bất kỳ một lực lượng xã hội nào.

Thứ tư, chuyển giao công nghệ là yếu tố quan trọng nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chuyển giao công nghệ có thể thực hiện bằng nhiều con đường khác nhau, nhưng ở nước ta, trong giai đoạn hiện nay, con đường quan trọng và chủ yếu nhất là nhập công nghệ để xây dựng những ngành công nghiệp mới; đổi mới và nâng cấp ngành công nghiệp hiện có, hiện đại hóa các ngành

(1) Báo *Thương mại* của Ê-cu-a-đo, số ra ngày 25-12-2001

Digitized by Google

truyền thống. Nhưng thực tế cho thấy, trong việc chuyển giao này, đã có không ít người tìm đủ mọi thủ đoạn chuyển cho ta những thiết bị lạc hậu, nhằm biến nước ta thành bãi chứa chất thải công nghiệp quốc tế, gây ô nhiễm môi trường, hủy hoại sức khỏe con người. Cao hơn nữa là, họ muốn nước ta mãi mãi là một làng quê nghèo nàn, yếu kém, lạc hậu của thế giới; kéo dài khoảng xa cách với các nước khác, rồi từ đó biến nước ta thành nước lệ thuộc. Đây không còn là khả năng dự báo phòng ngừa, mà đang trở thành nguy cơ thực tế đe dọa đối với nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, chúng ta không "vơ đũa cả nắm" mà phải biết trân trọng đối với nhiều tổ chức, nhiều cá nhân làm ăn sòng phẳng để đôi bên cùng có lợi. Mặt khác, cũng phải nhận thức rằng, thiết bị và công nghệ là vũ khí cạnh tranh có ý nghĩa sống còn giữa các nhà kinh doanh với nhau, nên ta không hy vọng sẽ được chuyển giao những gì quý hiếm nhất để rồi cạnh tranh trở lại với họ. Tuy nhiên, chúng ta không thể chấp nhận những thiết bị đã hết hạn khấu hao, thiết bị cũ kỹ được tân trang, hoặc các thiết bị thuộc thế hệ đã lạc hậu.

Thứ năm, hiện đất nước ta có trên 800 cơ sở liên doanh với nước ngoài, trên 600 văn phòng đại diện của các công ty, các tập đoàn, cùng 200 tổ chức quốc gia, quốc tế. Đây là nơi thu hút nhân tài, chất xám trong đội ngũ công chức ưu tú của nhà nước và các nhà trí thức tài ba, những công nhân lành nghề. Vì sức hút của đồng đô-la và điều kiện làm việc, nên số nhân tài chạy theo họ ngày càng đông. Đó là một hình thức chuyển giao con người có chất xám. Ngoài ra, còn có một số công chức đương nhiệm trong các cơ quan nhà nước thì "chân trong chân ngoài" nhưng chân ngoài dài hơn chân trong, họ mượn cơ quan nhà nước làm chỗ "trú chân" để có điều kiện thu thập chất xám càng cao thì đô-la thu về càng lớn. Đó là chưa nói đến nạn rò rỉ chất xám qua hội nghị, hội thảo, đàm phán, tham quan, khảo sát, du lịch, báo chí... không sao lường hết được. Rõ ràng, chất xám ngày nay ở nước ta đã trở thành hàng hóa trôi dạt khắp thị trường, vượt ra ngoài tầm kiểm soát của Nhà nước. Có thể nói, nạn "chảy máu chất xám" đang bùng nổ dữ dội, và hễ "máu chất xám" chảy càng nhiều, thì "cơ thể" quốc gia ngày càng kiệt quệ.

Thứ sáu, đi đôi với việc mở cửa về kinh tế, ta còn mở cửa về văn hóa để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Nhưng đã có không ít cá nhân và tổ chức lợi dụng giao lưu văn hóa để chuyển vào đất nước ta những sản phẩm văn hóa đồi trụy, bạo lực, phản động, hòng làm mất đi bản sắc văn hóa dân tộc. Trong quan hệ làm ăn với nước ngoài, nếu có cơ sở gây thua thiệt về kinh tế thì còn có thể bù đắp được, song nếu để mất bản sắc văn hóa dân tộc thì sẽ mất tất cả. Ngày nay, trên đất nước ta, những dòng chảy văn hóa đồi trụy, độc hại đang len lỏi và lan tràn ở khắp mọi nơi, từ thị thành đến nông thôn; làm băng hoại lý tưởng, đạo đức, lối sống, lẽ sống của nhiều người trong xã hội. Đó là chưa nói đến có lắm người nhiều tiền đã vơ vét những cổ vật quý hiếm đặc trưng cho các thời kỳ phát triển của dân tộc, rồi đem tuồn ra bên ngoài. Lắm kẻ xấu lợi dụng chính sách bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hóa làm sống lại những phong tục, tập quán lạc hậu. Đây cũng là những cơ sở và điều kiện mà kẻ thù triệt để lợi dụng để thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình".

Từ những vấn đề sôi động, nóng bỏng đang diễn ra trên đất nước ta, càng chứng minh hùng hồn rằng, cho dù toàn cầu hóa kinh tế là xu thế tất yếu, nhưng đặc thù của toàn cầu hóa kinh tế trong giai đoạn hiện nay là không thể phủ nhận. Các thế lực tư bản chủ nghĩa lợi dụng xu thế phát triển khách quan này, và bằng những ưu thế về vốn, về công nghệ, đang ráo riết thực hiện ý đồ biến quá trình toàn cầu hóa kinh tế thành quá trình thôn tính kinh tế và đô hộ kinh tế; tiến tới đô hộ về chính trị đối với thế giới.

Digitized by Google

Đặc biệt, chừng nào trên thế giới này còn có sự cùng tồn tại hai chế độ chính trị khác nhau thì dù có hòa bình, hợp tác, chủ nghĩa xã hội vẫn là mục tiêu mà chủ nghĩa đế quốc tập trung mọi âm mưu, thủ đoạn để xóa bỏ. Bởi vậy, Đảng và Nhà nước ta đã sáng suốt xác định: "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường"(2).

Để nâng cao hiệu quả mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, cũng như để đấu tranh chống lại âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, xin đề cập mấy *nhiệm vụ* và *biện pháp* cụ thể để cùng tham khảo.

1. Tiến hành rộng rãi công tác tuyên truyền, giải thích trong các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể; trong các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của ta; đồng thời vạch rõ âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch thông qua hội nhập. Từ đó mà đạt đến nhận thức và hành động thống nhất, thực hiện bằng được chủ trương của Đảng và Nhà nước ta là xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn liền với chủ động mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế.

2. Gắn kết chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia ngay từ khâu hình thành kế hoạch, xây dựng lộ trình cũng như trong quá trình thực hiện nhằm làm cho hội nhập không ảnh hưởng tiêu cực tới nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Mặt khác, các cơ quan an ninh cần có kế hoạch chủ động hỗ trợ tạo môi trường thuận lợi cho cả quá trình hội nhập.

3. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh; vừa có nhiều cơ hội, vừa không ít thách thức. Do đó, cần tỉnh táo, khôn khéo và linh hoạt trong việc xử lý tính hai mặt của hội nhập, tùy theo đối tượng, vấn đề, trường hợp, thời điểm cụ thể; đồng thời vừa phải đề phòng tư tưởng trì trệ, thụ động, vừa phải chống tư tưởng giản đơn, nôn nóng. Hay nói cách khác, việc xử lý hợp tác và đấu tranh như thế nào cho đúng phương châm, đường lối, với những biện pháp khôn khéo, mềm dẻo để tranh thủ bằng được nhân tố quốc tế - đây là điều rất quan trọng.

4. Nhà nước đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế có hiệu quả. Cho nên, một mặt Nhà nước cần hoàn chỉnh hệ thống các công cụ quản lý, tạo môi trường thuận lợi nhất cho hoạt động kinh doanh và đầu tư; mặt khác, phải có một hệ thống pháp luật phù hợp với nền kinh tế thị trường, không cho phép bất cứ cơ quan và cá nhân nào nhân danh Nhà nước can thiệp vào hoạt động kinh doanh và đầu tư. Bên cạnh đó, phải có đội ngũ cán bộ làm công tác kinh tế đối ngoại có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức và phẩm chất trong sáng, thông thạo pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn, biết đề cao cảnh giác và luôn tỉnh táo trước âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Vững tin rằng, Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững và đường lối lãnh đạo đúng đắn; Nhà nước ta có quyết tâm cao, cố gắng lớn trong việc điều hành, quản lý; toàn dân và toàn quân ta luôn phát huy lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo,... nhất định chúng ta sẽ vững vàng tiến vào hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng vẫn giữ vững nền độc lập dân tộc; thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.❑

---

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 120

Digitized by Google

Xu hướng vận động và phát triển của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

NGUYỄN VĂN TUẤT *

SAU gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, kinh tế tư nhân ở nước ta đã được tái lập và phát triển nhanh chóng. Đặc biệt từ năm 2000 đến nay, khi Luật Doanh nghiệp thay thế cho Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân ra đời có hiệu lực thi hành thì kinh tế tư nhân ở nước ta càng phát triển mạnh hơn. Tính từ tháng 1-2000 đến tháng 10-2002, có thêm 49 699 doanh nghiệp bao gồm doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần với số vốn đầu tư 63 016 tỉ đồng, đưa số tổng số doanh nghiệp cả nước lên trên 92 000 đơn vị, gấp hơn 2 lần số doanh nghiệp ở giai đoạn 1991 - 1999. Đó là chưa kể còn hơn 10 triệu hộ sản xuất cá thể trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn (1).

Kinh tế tư nhân đã có mặt ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và ở mọi miền đất nước. Nó thực sự trở thành một lực lượng kinh tế hùng hậu trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân. Khu vực kinh tế tư nhân đã có những đóng góp to lớn vào việc khơi nguồn lực nội sinh của các tầng lớp nhân dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong GDP và kim ngạch xuất khẩu. Đặc biệt là, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, tăng thêm thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân, xóa đói giảm nghèo, góp phần ổn định chính trị, xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, có một số vấn đề đang đặt ra là, kinh tế tư nhân tiếp tục vận động và phát triển như thế nào trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta?

Để tìm lời giải cho câu hỏi này phải xuất phát từ mấy luận cứ:

1 - Tiềm lực của kinh tế tư nhân ở nước ta còn nhiều, chưa được khai thác hết, trong đó đáng chú ý là: nguồn vốn, đất đai, lao động, trí tuệ, kinh nghiệm sản xuất, quản lý của hơn 10 triệu hộ nhân dân.

2 - Kinh tế tư nhân có rất nhiều lợi thế để phát triển và chính các lợi thế đó cũng trở thành tiềm lực mạnh mẽ gồm:

- Kinh tế tư nhân có thể phát triển trong mọi ngành nghề, với mọi trình độ công nghệ, ở mọi quy mô (nhỏ, vừa, lớn) và phù hợp với mọi địa bàn từ thành thị đến nông thôn. Hình thức

---

* Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem Thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, số 48, ra ngày 21-11-2002)

Digitized by Google

tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và phương thức huy động vốn của kinh tế tư nhân rất đa dạng, cho phép huy động nguồn lực của mọi tầng lớp nhân dân vào việc đầu tư phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống cho nhân dân. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc khu vực kinh tế tư nhân có tổ chức bộ máy gọn nhẹ, ít tầng nấc trung gian. Lực lượng làm kinh tế tư nhân là nông dân, thợ thủ công, người buôn bán, nhà trí thức, nhà doanh nghiệp... Họ chính là nhân dân, nhờ vậy họ có mối quan hệ rộng rãi cả trong và ngoài nước. Khu vực kinh tế tư nhân chủ yếu khai thác nguồn vốn tự có, sử dụng lao động và tài nguyên tại chỗ...

3 - Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng luôn tạo điều kiện khuyến khích cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) khẳng định: *"Kinh tế tư nhân là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa* (2).

Trên cơ sở đường lối của Đảng, Nhà nước ta đã và đang rà soát, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện nhiều đạo luật quan trọng có liên quan đến vấn đề sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân. Đồng thời tiếp tục ban hành những đạo luật và chính sách mới như: chính sách đất đai, tín dụng, thuế, khoa học - công nghệ, thị trường... xóa bỏ hàng trăm giấy phép "con" nhằm tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ hơn.

Việc mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực đang đứng trước những thách thức hết sức gay gắt, nhưng đồng thời đó cũng gặp không ít điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng.

4 - Với tư cách là một bộ phận hợp thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân không tồn tại và phát triển biệt lập mà trái lại, có mối quan hệ tác động qua lại với các thành phần kinh tế khác, trong đó có kinh tế nhà nước - thành phần kinh tế giữ vai trò chủ đạo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

5 - Các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng vận động và phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tất yếu phải theo sự chi phối của các quy luật khách quan:

- Quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Theo quy luật này thì lực lượng sản xuất phát triển và xã hội hóa ngày càng cao đòi hỏi quan hệ sản xuất nói chung (trong đó có quan hệ sở hữu nói riêng) phải biến đổi để thích ứng trên tất cả các mặt (đối tượng sở hữu, quan hệ sở hữu, hình thức sở hữu) theo hướng xã hội hóa ngày càng cao. Trình độ xã hội hóa được thể hiện một cách tập trung ở sự phân công lao động xã hội đan xen, liên kết, hợp tác các loại hình sở hữu thông qua các hình thức tổ chức trong kinh doanh, dịch vụ ngày càng rộng, quy mô sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các đơn vị ngày càng lớn.

- Quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật tích tụ và tập trung sản xuất... dưới sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trong thời đại ngày nay ngày càng thúc đẩy mạnh mẽ sự vận động và phát triển kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự tác động đó diễn ra theo xu hướng chung là, sự phân hóa khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục sâu sắc hơn; trình độ xã hội hóa sản xuất ngày càng cao; quy mô sản xuất, kinh doanh dịch vụ, của các đơn vị ngày càng lớn.

---

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 57

Digitized by Google

Sáu là, sự tác động qua lại giữa chính trị và kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một trong những nhân tố chi phối xu hướng vận động và phát triển của kinh tế tư nhân. Sự tác động đó diễn ra theo hai chiều qua lại: kinh tế là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của chính trị; và, ngược lại, chính trị có vai trò tác động mạnh mẽ đến xu hướng vận động và phát triển của kinh tế.

Xuất phát từ những luận cứ trên đây có thể đưa ra một số dự báo về xu hướng vận động và phát triển của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta như sau:

Một là, *kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển mạnh mẽ, trở thành một khu vực kinh tế mạnh trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân.*

Kinh tế tư nhân sẽ có mặt trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà luật pháp không cấm; ở khắp mọi miền đất nước từ thành thị đến nông thôn. Tuy nhiên, trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, kinh tế tư nhân trong các ngành phi nông nghiệp sẽ có tốc độ phát triển nhanh hơn và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong nền kinh tế quốc dân. Trong đó, kinh doanh thương mại, dịch vụ vẫn là lĩnh vực có nhiều hộ và doanh nghiệp tham gia. Lực lượng làm kinh tế tư nhân rất đông đảo, bao gồm các tầng lớp nhân dân, vì thế có thể gọi khu vực kinh tế này là khu vực kinh tế dân doanh. Nó cùng với khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (mà chủ yếu là của tư bản tư nhân)... hợp thành nền kinh tế quốc dân thống nhất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Khu vực kinh tế tư nhân có vị trí, vai trò càng lớn trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân trên tất cả các mặt: số lượng đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ, tỷ trọng vốn đầu tư, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP), kim ngạch xuất khẩu, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh, khả năng cạnh tranh cao, đặc biệt là tạo ra nhiều việc làm, cải thiện điều kiện lao động, góp phần nâng cao đời sống nhân dân và xóa đói giảm nghèo.

Trong khu vực kinh tế tư nhân sẽ xuất hiện thêm nhiều ngành nghề, sản phẩm mới, có khả năng khai thác hiệu quả những tiềm lực của kinh tế tư nhân, đáp ứng tốt những nhu cầu của đời sống xã hội ngày càng cao. Điều nhấn mạnh là, các ngành nghề, sản phẩm mới này xuất phát từ nhu cầu của thị trường thế giới, thông qua mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, hoặc do tiến bộ của khoa học - công nghệ đem lại. Có những ngành nghề trước đây do khu vực kinh tế nhà nước đảm nhận nay nhường chỗ cho kinh tế tư nhân đảm nhiệm.

Hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của khu vực kinh tế tư nhân rất phong phú, đa dạng, trong đó hộ cá thể và doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn chiếm một số lượng lớn và chiếm tỷ trọng đáng kể về nguồn vốn đầu tư, trong cơ cấu GDP, kim ngạch xuất khẩu, khả năng thu hút lao động, giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập, xóa đói giảm nghèo, góp phần thỏa mãn nhu cầu đa dạng của đời sống xã hội.

Hai là, *trong khu vực kinh tế tư nhân có hàng chục triệu hộ sản xuất, kinh doanh cá thể trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại... từ thành thị đến nông thôn, dưới sự tác động của các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường chúng sẽ vận động và phát triển đa dạng và phức tạp.*

Nhìn chung, có thể hình dung sự vận động đó theo hai hướng: *Một là,* một bộ phận có khả năng về vốn, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh quản lý, biết làm ăn và dám làm ăn có thể dần dần tích lũy về vốn, tư liệu sản xuất, lao động hình thành kinh tế trang trại trong nông nghiệp, hoặc kinh tế tiểu thủ công nghiệp. Trong số này, có một số sẽ vươn lên thành những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. *Hai là,* đại bộ phận hộ sản xuất cá thể còn lại muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường thì sớm

Digitized by Google

hay muộn cũng phải liên kết hợp tác với nhau dưới nhiều hình thức từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, hợp tác từ một khâu đến nhiều khâu trong quá trình sản xuất, kinh doanh, tùy thuộc vào khả năng và trình độ của từng ngành nghề, từng đơn vị.

Thực tiễn cho thấy, hai xu hướng trên thường đồng thời diễn ra và có quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Các hộ kinh tế cá thể có thể tích tụ các yếu tố sản xuất để mở rộng dần quy mô sản xuất kinh doanh, nhưng đến một mức độ nào đó lại có nhu cầu liên kết, hợp tác với nhau mới giải quyết được các vấn đề do sản xuất đòi hỏi. Ngược lại, các hộ đi theo con đường hợp tác cũng phải dần dần tích lũy để lớn lên về quy mô mới có thể tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường vốn có tính cạnh tranh gay gắt giữa các chủ thể kinh doanh với nhau.

Các xu hướng vận động và phát triển trên sẽ làm cho các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khu vực kinh tế tư nhân sẽ có nhiều biến động. Số hộ sản xuất kinh doanh độc lập theo dạng sở hữu một chủ giảm xuống. Trong khi đó, số hộ tham gia loại hình kinh tế hợp tác, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tăng lên. Quy mô sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các đơn vị ngày càng lớn lên, trang thiết bị ngày càng tiến bộ hơn.

***Ba là,** trong quá trình vận động và phát triển, các doanh nghiệp thuộc khu vực thuộc kinh tế tư nhân sẽ diễn ra sự đan xen, liên kết với nhau và với các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác để hình thành các loại hình kinh tế hỗn hợp.*

Đây là xu hướng xã hội hóa nền kinh tế nước ta trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xu hướng này sẽ phát triển mạnh khi khu vực doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại, thực hiện tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, khi thể chế và chính sách kinh tế của Nhà nước được xây dựng, hoàn thiện và đồng bộ, vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước được tăng cường, có hiệu lực và hiệu quả. Sự đan xen, liên kết các hình thức sở hữu để hình thành các loại hình doanh nghiệp hỗn hợp có thể diễn ra theo mấy hướng:

- Các chủ thể sản xuất kinh doanh cùng tồn tại và cùng phát triển trong sự liên kết, hợp tác với nhau để cùng sản xuất ra một loại sản phẩm. Ví dụ Nông trường Sông Hậu (Cần Thơ), có 2 800 hộ nông dân nhận khoán, tiến hành sản xuất theo mô hình RRVAC (ruộng, rẫy, vườn, ao, chuồng) và làm nhà ở trên mảnh đất nhận khoán, thực chất ở đây là 2 800 trang trại gia đình sản xuất kinh doanh vừa dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất vừa dựa trên sở hữu nhà nước.

- Các loại hình doanh nghiệp tư nhân, hộ cá thể của khu vực kinh tế tư nhân có thể làm vệ tinh cho nhau, hoặc làm vệ tinh cho doanh nghiệp nhà nước theo mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ làm vệ tinh cho doanh nghiệp lớn. Mô hình này sẽ nhanh chóng ra đời khi tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đạt đến trình độ cao, sự phân công lao động xã hội phát triển theo chiều sâu, đòi hỏi các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát huy lợi thế so sánh của mình, vừa phải liên kết hợp tác với doanh nghiệp khác để tạo ra một loại sản phẩm. Mô hình này trong nông nghiệp đã, đang và sẽ diễn ra ở các vùng sản xuất tập trung chuyên canh như cà-phê, cao-su, chè, mía, lúa gạo, chăn nuôi bò sữa,v.v.. Trong công nghiệp, điều đó có thể diễn ra ở các ngành: sản xuất ô-tô, vận tải, dệt, may...

- Các loại hình doanh nghiệp tư nhân và các hộ cá thể có thể liên doanh, liên kết với nhau, hoặc liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để hình thành các doanh nghiệp hỗn hợp có nhiều hình thức sở hữu đan xen, như công ty liên doanh, công ty hợp doanh, công ty cổ phần.

Digitized by Google

- Sự liên kết, liên doanh giữa các loại hình doanh nghiệp tư nhân với nhau sẽ hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân với nhiều quy mô khác nhau.

Các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân có thể trở thành các thành viên tự nguyện của các tập đoàn kinh tế (hay các "công ty mẹ") theo từng lĩnh vực sản xuất, từng ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh trên từng vùng hoặc trong phạm vi cả nước. Ví dụ: Công ty Dệt Việt Thắng hiện nay có 9 thành viên trong đó có ba thành viên (thế hệ con và cháu) là các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân.

Các doanh nghiệp tư nhân của người Việt Nam ở nước ngoài làm ăn thành đạt sẽ chuyển vốn về đầu tư mở cơ sở sản xuất kinh doanh trong nước. Ngược lại, các doanh nghiệp tư nhân trong nước sẽ vươn ra đầu tư vốn mở cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ở nước ngoài dưới hình thức đầu tư trực tiếp hoặc mua cổ phần, cổ phiếu của doanh nghiệp nước ngoài. Đây là xu hướng có nhiều khả năng phát triển khi đủ điều kiện và khi Việt Nam hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế và khu vực, tham gia vào WTO.

Các xu hướng vận động và phát triển nói trên, xét cho cùng, đó là quá trình xã hội hóa sản xuất, chuyển nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn trên cả 3 mặt: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, phương thức tổ chức quản lý nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên, nền kinh tế đó sẽ vận động phát triển theo hướng nào, tùy thuộc vào bản chất chế độ chính trị và bản chất của thành phần kinh tế chủ đạo quyết định. Nước ta đang trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Vì thế, kinh tế tư nhân của nước ta tất yếu sẽ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.❑

NHÌN LẠI BẢY NĂM...

(Tiếp theo trang 12)

thuộc các thành phần kinh tế ở tất cả các địa bàn, ngành nghề, lĩnh vực mà pháp luật không cấm; phát triển các loại hình doanh nghiệp thu hút được nhiều vốn, sức lao động; cải thiện môi trường đầu tư, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

Bảy là, hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về thương mại theo hướng xây dựng bộ máy gọn nhẹ, nâng cao hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về thương mại. Thực hiện phân công và phân cấp rõ ràng giữa các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại. Đổi mới công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Tám là, thực hiện các giải pháp phát triển thị trường, phát triển xuất khẩu: tổ chức tốt công tác nghiên cứu, dự báo thị trường; xây dựng lại và điều chỉnh quy hoạch, có chương trình và đề án phát triển cụ thể cho từng ngành hàng, mặt hàng quan trọng, hoặc cho từng loại thị trường hay khu vực thị trường; phát triển hệ thống chợ đầu mối, phân luồng kết hợp với hệ thống chợ truyền thống; tổ chức tốt hệ thống thông tin thị trường giữa Bộ Thương mại đến các sở thương mại và các doanh nghiệp; tăng cường công tác xúc tiến thương mại.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển các mối quan hệ thương mại song phương, đa phương, từng bước chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, và vai trò, vị trí của ngành thương mại, thị trường ngày càng hết sức quan trọng. Vì vậy, hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về thương mại, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hết sức to lớn và sâu sắc.❑

Digitized by Google

ĐÔ THỊ HÓA HIỆN ĐẠI - NHÂN TỐ QUAN TRỌNG TRONG PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

THANH LÊ *

TRÊN thế giới, người ta thường hay nói đến sự "bùng nổ" của đô thị hóa, cũng như đã từng nói đến sự "bùng nổ" của dân số. Hiện nay, đô thị và đô thị hóa là vấn đề mang tính thời sự. Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hóa diễn ra với quy mô và nhịp độ nhanh chóng chưa từng thấy, ngày càng mang tính toàn cầu, điều đó chứng tỏ sự vận động tiến lên của xã hội loài người.

I- Đô thị hóa hiện đại - các xu hướng phát triển

Xu thế phát triển hiện đại đòi hỏi phải xem xét một cách có hệ thống khái niệm *"đô thị hóa"*. Trước đây, "đô thị hóa" được hiểu *theo chiều rộng*, là sự phát triển của thành phố và việc nâng cao vai trò của đô thị trong đời sống của mỗi quốc gia với những dấu hiệu đặc trưng như: tổng số thành phố và tổng số cư dân đô thị. Ngày nay, quá trình *"đô thị hóa"* lại được hiểu *theo chiều sâu*, là một quá trình kinh tế - xã hội bao gồm nhiều mặt, có những dấu hiệu đặc trưng chung là: *tập trung, tăng cường* và *phân hóa* các hoạt động của đô thị; hình thành thêm các hình thức mới, các cơ cấu không gian mới và phổ cập rộng rãi lối sống đô thị. Trước đây, quá trình đô thị hóa chủ yếu diễn ra trong *phạm vi các đô thị*, còn ngày nay, diễn ra ngày càng *rộng khắp*, bao quát cả vùng nông thôn.

Quá trình đô thị hóa hiện đại đòi hỏi sự tập trung các hoạt động vào một số tương đối ít địa bàn và các trung tâm lớn, bởi ở đó, lao động tập trung với cường độ cao sẽ mang lại hiệu quả lớn nhất. Đây là một quá trình khách quan của sự phát triển xã hội, chịu sự chi phối của phương thức sản xuất và là những quy luật chung của chế độ xã hội và nền kinh tế. Vì vậy, quá trình này diễn ra một cách không giống nhau trong các chế độ xã hội khác nhau, nhưng là một quá trình mang tính lịch sử, khách quan, toàn cầu và *không thể đảo ngược* của sự phát triển xã hội, được kích thích bởi những nhu cầu ngày càng tăng của sự phát triển sản xuất xã hội. Sự phát triển của quá trình ấy thể hiện trước hết ở chỗ, đô thị hóa thúc đẩy toàn bộ tiến trình phát triển xã hội, do đó sẽ góp phần đẩy nhanh sự sụp đổ không thể tránh khỏi của kiểu tổ chức xã hội đó, không theo kịp với yêu cầu của thời đại.

Ngày nay, cùng với sự phát triển khoa học, "sản xuất" tri thức trở thành một loại hình sản xuất chủ yếu, có ý nghĩa quyết định. Mọi điều kiện đảm bảo thành công của loại hình sản xuất ấy tập trung ở các đô thị, nơi có hoạt động thông tin mạnh nhất. Nếu như trong thời kỳ cách mạng công nghiệp, đô thị hóa gắn chặt với công nghiệp hóa thì trong những điều kiện của cách mạng khoa học - công nghệ, một trong những nhân tố chủ yếu của đô thị hóa là "sản xuất" *tri thức* và *thông tin* cũng như sự *phát triển dịch vụ* và *hoạt động quản lý*. Xu hướng mới này của quá trình đô thị hóa hiện đại đã biểu hiện rất rõ ở các nước tư bản chủ nghĩa,

* ThS Xã hội học, Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

đặc biệt là ở nước Mỹ. Ở các nước này, người ta đang chứng kiến một sự giảm thiểu tương đối (có khi tuyệt đối) vai trò của công nghiệp và sự mở rộng không ngừng của các lĩnh vực dịch vụ; sự gia tăng tỷ trọng hoạt động nghiên cứu khoa học, quản lý, giáo dục và đào tạo nhân lực lành nghề. Quá trình ấy liên quan trực tiếp tới sự biến đổi rất to lớn trong *phân công lao động xã hội,* thể hiện ở sự thay đổi mối tương quan giữa khu vực sản xuất và phi sản xuất, khu vực phi sản xuất sẽ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong lao động xã hội. Môi trường thành phố có tầm quan trọng đặc biệt đối với các loại hoạt động dịch vụ, quản lý, nghiên cứu khoa học v.v.. Điều đó tuyệt nhiên không có nghĩa là nhân tố sản xuất công nghiệp đã mất hết tác dụng đối với quá trình đô thị hóa hiện đại. Thật ra, phần lớn các ngành sản xuất (đặc biệt trong các ngành chế biến) vẫn tiếp tục tập trung ở đô thị. Tiến bộ kỹ thuật tuy có làm giảm bớt sự phụ thuộc của công nghiệp vào nguyên liệu, nhưng lại làm tăng thêm sự phụ thuộc giữa các ngành sản xuất với nhau. Một trong những ưu thế của môi trường đô thị là ở các đô thị lớn tập trung nguồn nhân lực lành nghề, các ngành sản xuất những thiết bị phức tạp và chuyên dùng, v.v.. sẽ được đặc biệt ưu tiên phát triển, môi trường đô thị mang ý nghĩa hết sức quan trọng đối với những ngành sản xuất cần đến các đô thị lớn.

Vai trò ngày càng tăng của dịch vụ chứng tỏ sự chi phối ngày càng lớn của lối sống đô thị vào đời sống xã hội. Khu vực dịch vụ phát triển vì hai lý do: *thứ nhất,* do sự thay đổi của toàn bộ cơ cấu tiêu dùng, tăng thêm thu nhập của một bộ phận xã hội, dẫn đến những thay đổi về cách sống và nhu cầu dịch vụ tăng lên; *thứ hai,* do nhu cầu cung cấp trang bị kỹ thuật ngày càng đầy đủ hơn cho sinh hoạt của con người.

Một trong những vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với các đô thị hiện nay là *mối quan hệ giữa đô thị hóa* và *phân bố dân cư.* Về thực chất, đô thị hóa là tập trung hóa các hoạt động sản xuất, phản ánh xu thế khách quan của việc tập trung sản xuất để đảm bảo hiệu quả kinh tế cao nhất, vì vậy, đòi hỏi sự phân bố dân cư hợp lý theo lãnh thổ và theo các hình thức tổ chức phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Đô thị thay đổi tùy theo trình độ phát triển xã hội, và do đó nó cũng thay đổi chức năng của nó (từ đô thị theo dạng cổ điển là đơn vị hành chính chuyển sang đô thị có chức năng sản xuất công nghiệp là chủ yếu). Đô thị hiện đại đang phát triển theo hướng *gia tăng các chức năng sản xuất.*

Đặc điểm nổi bật của quá trình phân bố dân cư hiện nay là tập trung vào các trung tâm và các khu vực mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất. Quá trình đô thị hóa làm cho mật độ dân số ngày càng chênh lệch, các đô thị hiện đại luôn đông dân, chức năng không ngừng phát triển, địa hạt không ngừng mở rộng, đang diễn ra những tác động qua lại và sự thống nhất biện chứng của hai quá trình đối lập: "hướng tâm" (tập trung dân cư vào các đô thị) và "ly tâm" (phân tán dân cư ra các vùng ngoại vi). Thực tế của quá trình này một mặt thu hút vào các đô thị nhiều chức năng đa dạng, phức tạp; mặt khác, phân tán ra bên ngoài những chức năng phụ để sử dụng tốt hơn tài nguyên tại chỗ, mạng lưới vận tải, môi trường, địa bàn có diện tích thoáng đãng hơn, giá nhân công rẻ hơn... Lúc đầu, quá trình "hướng tâm" giữ vai trò chi phối, nhưng do yêu cầu phát triển đô thị, dần dần lại nhường chỗ cho quá trình "ly tâm", và thật ra, đó chỉ là sự biến dạng của tập trung sản xuất và dân cư. Tất nhiên, quá trình ấy làm nảy sinh ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh tế và đời sống con người.

Digitized by Google

II - Đô thị hóa ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp quản lý

Ở nước ta, tốc độ đô thị hóa đã và đang diễn ra với nhịp độ hết sức khẩn trương và nhanh chóng, thể hiện qua tiến độ hình thành xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, bến cảng, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, khu dân cư, khu hành chính, đường cao tốc, cầu vượt, mạng lưới giao thông liên tỉnh v.v.. với tốc độ nhanh chóng ở khắp các địa phương. Đô thị hóa nhanh tạo nhiều hơn cơ hội đẩy lùi cuộc sống nghèo nàn, lạc hậu, điều kiện tiếp cận nếp sống văn minh, hiện đại. Ở các vùng tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh nên nhu cầu cuộc sống người dân cũng thay đổi nhanh cả về vật chất và tinh thần. Theo đó, những dịch vụ công cộng phi nông nghiệp mang lại thu nhập cao hơn sản xuất nông nghiệp. Tất nhiên, không phải mọi người ở vùng đô thị hóa đều có cuộc sống khá giả như nhau vì còn tùy thuộc vào hoàn cảnh, điều kiện, cơ hội và khả năng. Thí dụ: Qua điều tra ở quận 7 - nơi có tốc độ đô thị hóa nhanh của Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, trong 498 hộ bị giải tỏa, chỉ có 281 hộ có đời sống ổn định, 217 hộ còn gặp khó khăn, 488 lao động không có việc làm [1]. Tuy vậy, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là nơi hấp dẫn đối với nhiều người dân ở các địa phương trong cả nước thuộc đủ mọi thành phần, dân tộc.

Dân số đô thị đã không ngừng tăng lên nhanh chóng. Theo thống kê, tính đến ngày 30-6-2003; trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã có tới 1,24 triệu người nhập cư [2]. Ở Khánh Hòa, số dân cư trú ở đô thị đã tăng từ 36% (1999) lên 40,52% (2002) so với số dân toàn tỉnh. Dự báo, đến thời kỳ từ 2005 - 2010, cùng với việc hình thành hai khu đô thị ở phía bắc và phía nam thị xã Cam Ranh, số dân đô thị của tỉnh sẽ tăng lên khoảng 46% [3].

Hiện tượng tăng dân số cơ học mạnh mẽ ở các đô thị như: Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Cần Thơ là do tốc độ đô thị hóa.

Như vậy, áp lực tăng dân số đô thị là lẽ đương nhiên, nếu không nói là nằm trong quy luật đô thị hóa. Vấn đề đặt ra là *quản lý đô thị* như thế nào để khắc phục những mặt tiêu cực, đảm bảo trật tự, văn minh đô thị, giữ gìn kỷ cương, phép nước, rèn luyện tác phong công nghiệp, tăng cường lao động có tay nghề.

Quá trình đô thị hóa cần được quản lý trên cơ sở khoa học vì tính chất phức tạp của nó. Mặt khác, cần khai thác sử dụng ngày càng có hiệu quả những mặt tích cực. Điều cần chú ý trước hết là, phải định hướng cho quá trình đô thị hóa ở nước ta phù hợp với việc phân bố lại nguồn lao động quốc gia. Đô thị không chỉ là nơi tập trung sản xuất công nghiệp mà còn phải là nơi hội tụ những trung tâm lớn, có tác động mạnh mẽ tới các hoạt động kinh tế khác, nhất là tới sản xuất công nghiệp.

Quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay, thực tế đang diễn ra việc hình thành, phân bố mạng lưới đô thị một cách ngày càng hợp lý hơn để thúc đẩy sản xuất phát triển nhằm phục vụ tốt yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để đô thị hóa gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải phát huy mức cao nhất tác dụng của công nghiệp, trình độ sản xuất hiện đại, trình độ văn hóa tiên tiến không chỉ vì lợi ích của cư dân đô thị mà còn vì cả lợi ích của cư dân nông thôn.

Thực tế chứng minh, việc nâng cấp các đô thị hiện có và xây dựng các đô thị mới gắn liền với sự phát triển công nghiệp và dịch vụ; *hình thành một số đô thị lớn có ý nghĩa quốc gia* ở các địa bàn kinh tế trọng điểm; ở trung tâm từng vùng, việc *phát triển hệ thống đô thị nhỏ* (thị trấn) phù hợp với đặc điểm của vùng nông

(1) Theo báo cáo năm 2003 của quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

(2) Lâm Vy: "*Áp lực di dân tự do*", Báo *Sài Gòn giải phóng*, số ra ngày 20-8-2003

(3) Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Digitized by Google

thôn, vùng cao làm chức năng trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội như hiện nay là rất hợp lý.

Vấn đề khác cũng cần phải giải quyết là cải tạo *cơ cấu xã hội*. Đô thị xã hội chủ nghĩa phải là đô thị của giai cấp công nhân và những người lao động khác, trong đó, thành phần xã hội gắn liền với kinh tế nhà nước và các hoạt động của Nhà nước.

Ở nước ta, theo Quyết định 132-HĐBT, ngày 5-5-1990, của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) thì tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của các đô thị ít nhất trên 60%, như vậy có nghĩa là lao động trong khối công nghiệp chiếm dưới 40%. Trong quá trình phát triển đô thị, dưới tác động của khoa học - kỹ thuật - công nghệ, cơ cấu lao động ở các đô thị phải thay đổi theo chiều hướng: lao động công nghiệp ngày càng giảm, lao động dịch vụ ngày càng tăng.

Xây dựng *lối sống đô thị* có tính tổ chức cao, lành mạnh và phong phú, phù hợp với những yêu cầu phát triển toàn diện của mỗi cá nhân là yêu cầu rất cấp bách hiện nay. Đô thị xã hội chủ nghĩa không thể dung dưỡng cho thói lười biếng, thực dụng và tệ nạn xã hội mà phải là nơi đào tạo con người có cuộc sống tập thể và cá nhân hài hòa, phong phú.

Người dân ở các đô thị mới, phải trải qua quá trình hòa nhập về nghề nghiệp và đời sống, hai quá trình này phụ thuộc, bổ sung cho nhau nhưng vẫn mang tính độc lập tương đối. Nói cách khác, đây là vấn đề thích nghi với lao động công nghiệp và đời sống đô thị. Đối với những người xuất thân từ nông thôn, sự dần thích nghi với lao động công nghiệp là một quá trình phức tạp, lâu dài, đầy mâu thuẫn. Để quá trình này diễn ra một cách thuận lợi, cần xây dựng cơ cấu *tổ chức lao động* và cơ cấu *tổ chức dịch vụ xã hội*, phát triển các hình thức lao động tự nguyện nhằm tạo việc làm, giáo dục thanh niên: khai hoang, lấn biển, làm đường giao thông; khuyến khích các lực lượng võ trang tham gia phát triển kinh tế; phát triển các hiệp hội làm kinh tế, sử dụng lao động dư thừa, (nông dân, người già, trẻ em, người tàn tật...), v.v..

Nếu như ở các đô thị nhỏ và nông thôn, trật tự xã hội còn tương đối ổn định thì ở các đô thị lớn, cuộc sống thường đa dạng và dễ xáo trộn hơn bởi cư dân đến đây từ nhiều nguồn. Đa sắc tộc, đa văn hóa, đa trình độ là nét tiêu biểu của cư dân đô thị. Vì vậy, vấn đề *giáo dục thanh thiếu niên* ở các đô thị lớn được đặt ra một cách bức thiết hơn, đòi hỏi những biện pháp hiệu quả nhằm hình thành những phẩm chất tốt đẹp cho lớp người là chủ nhân tương lai của các đô thị. Ở đô thị cũng như ở nông thôn, hoạt động *lao động* và *tinh thần tập thể* đóng một vai trò rất quan trọng trong việc khắc phục những khó khăn và mâu thuẫn có liên quan đến việc đào tạo thế hệ trẻ nhằm hướng họ tham gia vào những hoạt động xã hội, việc học tập phải gắn chặt hơn với lao động sản xuất.

Quá trình hình thành lối sống đô thị ở nước ta hiện nay diễn ra rất phức tạp, có sự đan xen giữa cái cũ và cái mới, giữa yếu tố tích cực và tiêu cực, giữa lối sống cổ truyền với lối sống hiện đại - văn minh công nghiệp. *Tuyên truyền, giáo dục* cho mọi người ý thức, tinh thần làm việc trong tình thân ái, đùm bọc, lấy đạo lý làm trọng; xây dựng tác phong, lề lối làm việc công nghiệp, nâng cao ý thức trách nhiệm, tự giác chấp hành mọi quy định của pháp luật, không tham ô, nhũng nhiễu, không làm việc chỉ theo ý muốn cá nhân.

Bảo đảm môi trường sống tối ưu cho cư dân đô thị, cũng nằm trong những biện pháp cần thiết phải tiến hành bởi con người không thể tách rời khỏi thiên nhiên mỗi con người và toàn xã hội phải có ý thức bảo vệ thiên nhiên, cảnh quan đô thị. ❑

Digitized by Google

QUA NỬA NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI THỨ XIII CỦA ĐẢNG BỘ ĐẮC LẮC

Y LUYÊN NIÊ KDĂM *

ĐẮC Lắc có hệ thống giao thông đường bộ, đường hàng không và trong tương lai sẽ có tuyến đường sắt Đắc Nông - Chơn Thành nối với các tỉnh trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ. Với vị trí địa lý như vậy, Đắc Lắc được xác định là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng - an ninh của vùng Tây Nguyên. Đất đai Đắc Lắc phì nhiêu, màu mỡ, khí hậu nhiệt đới gió mùa, (hình thành 7 tiểu vùng khí hậu khác nhau) đã tạo ra nhiều vùng sinh thái phong phú, phù hợp với nhiều loại cây công nghiệp dài ngày nổi tiếng và có giá trị, đã được kiểm nghiệm trong thực tế như cà-phê, cao-su, tiêu, điều, chè, cây nguyên liệu giấy và một số loại cây công nghiệp ngắn ngày: bông vải, mía, bắp lai, sắn cao sản, cây thuốc lá, cây lương thực và phát triển chăn nuôi đại gia súc. Tài nguyên rừng là một trong những điểm nổi bật của Đắc Lắc so với nhiều vùng trong cả nước, có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia như: Vườn Quốc gia Yok Đôn, Chư Yang Sin; Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Kar, Ea Sô, độ che phủ của rừng là 50,8%, tài nguyên sinh vật rừng rất phong phú, đa dạng và độc đáo, trên 3 000 loài thực vật, 93 loài thú và 197 loài chim..., trong đó nhiều loài có giá trị kinh tế cao và nguồn gien đặc biệt quý hiếm được xếp vào sách đỏ thế giới đã tạo nên nét độc đáo của Đắc Lắc. Hơn nữa, nằm ở thượng nguồn của hệ thống sông Sê-rê-pốc, một phần của sông Ba và sông Đồng Nai, với địa hình đa dạng, phong phú bị chia cắt bởi nhiều sông, suối có thể tạo ra những hồ, đập nước phục vụ sản xuất và đời sống, nguồn thủy năng rất lớn Đắc Lắc càng mang trong mình nhiều lợi thế phát triển kinh tế. Ngoài nhà máy thủy điện Dray H'linh và Đắc Nông hiện có, trong tương lai sẽ có thêm 11 nhà máy thủy điện ra đời với tổng công suất trên 1 300 MW. Khoáng sản phong phú và đa dạng phân bố rải rác ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh. Đắc Lắc còn là một trong 11 tỉnh thuộc chương trình phát triển du lịch của cả nước, với các điểm du lịch sinh thái nổi tiếng đã được nhiều du khách trong và ngoài nước biết đến như hồ Lắc; các thác Dray Sap, Trinh nữ, Gia Long, Diệu Thanh, Krông K'Ma; vườn quốc gia Yóc Đôn, Lâm viên Ea Kao, Buôn Đôn. Cùng với du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử cũng là một trong những nét độc đáo của Đắc Lắc với những đêm sinh hoạt lễ hội truyền thống của người Ê Đê, Mơ Nông, Gia Rai; những truyền thuyết, trường ca, trang sử hào hùng của đồng bào các dân tộc bản địa và các di tích (tháp Chàm thế kỷ XIII, Biệt Điện của Vua Bảo Đại, nhà đày Buôn Ma Thuột v.v..) mang những nét hấp dẫn riêng càng độc đáo.

* Bí thư Tỉnh ủy Đắc Lắc

Digitized by Google

Những năm qua, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đắc Lắc đã và đang tập trung trí, lực để khai thác, phát huy tiềm năng vốn có, tạo động lực cho nền kinh tế tăng trưởng khá. Giai đoạn 1996 - 2000, GDP tăng trưởng bình quân là 13,84%/năm. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, từ năm 2001 đến nay, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, bình quân 3 năm (2001 - 2003) là 7,84%, trong đó ngành nông - lâm nghiệp là 6,72%, công nghiệp - xây dựng 16,8%, dịch vụ 9,4%. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ngày càng tăng: 3 năm đạt 5 203 tỉ đồng, bằng 30,49% GDP. Cơ cấu vốn đầu tư đã có sự chuyển dịch so với năm 2000, đầu tư cho nông nghiệp giảm 9%, công nghiệp tăng 3%, giao thông - bưu điện tăng 5%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ, tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp từ 78,8% giảm xuống còn 76,38%; công nghiệp - xây dựng từ 6,66% tăng lên 8,46%; dịch vụ từ 14,52% tăng lên 15,16%.

Trong nông nghiệp, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ngày một hiệu quả hơn; trình độ ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới có nhiều tiến bộ, góp phần nâng cao năng suất cây trồng, hình thành những vùng cây công nghiệp tập trung quy mô lớn như cà-phê, cao-su, bông, mía. Diện tích và sản lượng các loại cây công nghiệp ngắn ngày có giá trị kinh tế cao đều tăng. Trong lâm nghiệp, cùng với việc đẩy mạnh công tác quản lý bảo vệ rừng, đã thu hút nhiều nguồn vốn của nhiều thành phần kinh tế để trồng rừng, mở ra hướng phát triển mới. Tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi tăng hơn so với trước, xuất hiện nhiều mô hình chăn nuôi công nghiệp và nhiều trang trại chăn nuôi với quy mô lớn.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước tăng trưởng, thu hút nhiều nhà đầu tư ngoài tỉnh. Nhiều dự án công nghiệp, nhà máy chế biến nông - lâm sản, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã và đang được đầu tư xây dựng, đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế của ngành công nghiệp nói riêng và của tỉnh nói chung càng tăng nhanh. Năm 2003, giá trị sản lượng công nghiệp ước đạt 1 126 tỉ đồng, tăng 56,2% so với năm 2000. Hoạt động thương mại, dịch vụ có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy sản xuất và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Xuất nhập khẩu có những bước tiến mới, thị trường quốc tế được củng cố và mở rộng, khai thác nhiều nguồn hàng phục vụ xuất khẩu. Tuy giá cả các mặt hàng nông sản xuất khẩu xuống thấp so với các năm trước, song kim ngạch xuất khẩu 3 năm (2001 - 2003) đạt 591 triệu USD, thị trường xuất khẩu của tỉnh đã mở rộng đến 51 nước trên thế giới. Hoạt động du lịch khởi sắc, bước đầu có sức hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước.

Nhằm đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, Đắc Lắc chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Dự kiến cuối năm 2003, 100% số xã có điện và gần 72% số hộ được dùng điện. Các tuyến tỉnh lộ hầu hết được nhựa hóa; 100% số xã, phường, thị trấn có đường ô-tô đến trung tâm. Toàn tỉnh có trên 600 công trình thủy lợi, đảm bảo nước tưới cho trên 50% nhu cầu cây trồng cần tưới tiêu; 100% số xã có trường trung học cơ sở, trường tiểu học cơ sở và trạm y tế. Mạng lưới bưu chính - viễn thông rộng khắp cả tỉnh, với 51 bưu cục, 112 đại lý bưu điện đa dịch vụ, 110 điểm bưu điện - văn hóa xã, 100% số xã, đồn biên phòng có máy điện thoại, các dịch vụ thông tin di động, in-tơ-nét và các-phôn ngày càng mở rộng và nâng cao chất lượng và 9 trạm phủ sóng trên toàn tỉnh.

Cùng với việc phát triển kinh tế, tỉnh thường xuyên chăm lo phát triển văn hóa - xã hội. Quy mô và chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên, số lượng học sinh và giáo viên giỏi các cấp ngày càng tăng. Toàn tỉnh đã hoàn thành công tác phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 1999, đến nay đã có 19,73% số xã, phường, thị trấn vùng I, vùng II đã phổ cập giáo

Digitized by Google

dục trung học cơ sở. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ: mạng lưới y tế phát triển đều khắp, có trên 78% số trạm y tế xã có bác sỹ; 86% số xã có nữ hộ sinh trung học hoặc y sỹ sản nhi, 97% số thôn, buôn có nhân viên y tế, thường xuyên củng cố và đầu tư trang thiết bị y tế cho các trung tâm y tế cấp huyện, bệnh viện đa khoa tỉnh, bảo đảm công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, các dịch bệnh cơ bản được đẩy lùi. Hằng năm, tỷ suất sinh giảm 1‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2003 ước còn 2,12%. Vấn đề giải quyết việc làm gắn với công tác xóa đói, giảm nghèo được triển khai thường xuyên, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 35 000 lao động, tỷ lệ hộ đói nghèo hiện còn 16,48%. Các chương trình về chính sách xã hội theo Quyết định số 168 của Thủ tướng Chính phủ đã và đang được tỉnh tập trung triển khai, nhất là giải quyết đất ở, đất sản xuất và nhà ở đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần quan trọng trong việc ổn định đời sống của một bộ phận nhân dân. Các hoạt động văn hóa - thông tin, báo chí, thể dục - thể thao đã có chuyển biến tích cực đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt và hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân.

Trong quá trình phát triển, Đắc Lắc đã quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, thường xuyên chăm lo xây dựng hệ thống chính trị các cấp, thông qua công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Ngoài công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), gần đây tỉnh đã đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ theo tinh thần Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị, bước đầu đã tạo ra sự chuyển biến trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành ở các cấp. Cải cách hành chính ở một số khâu, lĩnh vực trọng điểm. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII). Triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở và thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Đặc biệt, qua sự kiện bạo loạn chính trị tháng 2-2001 cho thấy, hệ thống chính trị ở cơ sở bộc lộ nhiều yếu kém. Để kịp thời khắc phục, Tỉnh ủy đã đẩy mạnh công tác vận động quần chúng cùng với tập trung lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, bằng cách trên cơ sở tổng kết Nghị quyết 08- NQ/TU của Tỉnh ủy và triển khai Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU, Nghị quyết 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường cán bộ cho cơ sở, Nghị quyết 07-NQ/TU của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở thôn, buôn, tổ dân phố. Nhìn chung hệ thống chính trị ở cơ sở từng bước được kiện toàn, củng cố, đã tăng cường 33 đồng chí là cán bộ trưởng phòng, phó phòng cấp tỉnh, huyện xuống đảm nhận các cương vị chủ chốt ở xã, đưa tổng số cán bộ tăng cường cho xã từ trước đến nay lên 133 đồng chí. Nhiều đảng viên đã chuyển sinh hoạt đảng về các thôn, buôn "trắng" đảng viên để hình thành chi bộ, nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở thôn, buôn một cách toàn diện, sâu sát hơn. Cùng với việc kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở, công tác vận động quần chúng được đẩy mạnh; giải quyết hiệu quả các vướng mắc ở cơ sở cũng như tập trung phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống cho nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cho nên tình hình an ninh chính trị của tỉnh cơ bản ổn định, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Như đã trình bày, Đắc Lắc là tỉnh có nhiều tiềm năng về kinh tế, song việc khai thác các tiềm năng đó để mang lại hiệu quả cao nhất vẫn còn nhiều việc phải làm, bởi trong quá trình phát triển Đắc Lắc còn không ít khó khăn.

Digitized by Google

Dân số tăng cơ học quá nhanh, kéo theo tài nguyên rừng bị tàn phá, tỷ lệ hộ nghèo đói cao, trình độ dân trí ở vùng sâu, vùng xa còn thấp. Nền kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào sản xuất nông nghiệp, trong khi đó năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp chưa được cải thiện nhiều. Chăn nuôi phát triển chậm, chưa khai thác được ưu thế sẵn có. Công nghiệp phát triển chưa đồng bộ, phổ biến là quy mô nhỏ với công nghệ ở mức trung bình và lạc hậu, trình độ tay nghề của người lao động thấp, sản phẩm chủ yếu ở trình độ sơ chế, chất lượng một số sản phẩm còn thấp, khả năng cạnh tranh trên thị trường kém. Tình trạng xuất siêu kéo dài trong nhiều năm, nhưng chưa được cải thiện. Du lịch là thế mạnh của Đắc Lắc nhưng việc quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để khai thác thế mạnh này còn hạn chế, sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, việc tiếp thị chưa được quan tâm đúng mức. Tiến độ chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp nhà nước còn chậm; kinh tế tư nhân phát triển nhưng chủ yếu kinh doanh trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ; kinh tế tập thể phát triển chậm, do đó khả năng huy động các nguồn lực vào đầu tư phát triển kinh tế còn hạn chế. Cán bộ khoa học - kỹ thuật và cán bộ quản lý giỏi còn thiếu. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết có hiệu quả, tình trạng phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, các cộng đồng dân cư gia tăng; chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở những vùng sâu, vùng xa khó khăn, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cao; sự hưởng thụ văn hóa, tinh thần của một bộ phận nhân dân chưa được cải thiện đáng kể; hệ thống chính trị ở cơ sở chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Để tiếp tục sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đắc Lắc quán triệt quan điểm: Phát triển kinh tế - xã hội phải trên cơ sở chiến lược tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh của cả vùng Tây Nguyên theo tinh thần Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Theo đó, phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh những năm tới là:

Thứ nhất, tập trung sức phát triển kinh tế, để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 9,5%/ năm trong giai đoạn 2001 - 2005. Trước hết, phải chuyển đổi cơ cấu đầu tư và ban hành các cơ chế chính sách thu hút vốn đầu tư trong và ngoài tỉnh, nhằm thúc đẩy tăng trưởng của các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ để đạt chỉ tiêu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh hơn nữa việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị canh tác, bằng nhiều biện pháp như: quy hoạch và tổ chức sản xuất các vùng chuyên canh, kết hợp với đa canh có gắn với xây dựng các công trình thủy lợi, cơ sở chế biến nông, lâm sản. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nông dân; có chính sách hỗ trợ giống đối với các loại cây con mới; thực hiện Quyết định 80 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng, gắn kết chặt chẽ giữa "bốn nhà" (nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nước) nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển. Nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển chăn nuôi đi đôi với chính sách khuyến khích đầu tư vào ngành chăn nuôi kết hợp với việc xây dựng các nhà máy chế biến thức ăn gia súc nhằm phát huy lợi thế của tỉnh để tăng nhanh tỷ trọng ngành chăn nuôi trong GDP. Triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng theo tinh thần Nghị quyết 09- NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đẩy nhanh tiến độ giao đất, giao rừng cho cộng đồng, nhóm hộ và hộ dân cư sống gần rừng; thực hiện xã hội hóa nghề rừng, nhằm tăng nhanh giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp.

Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đồng thời điều chỉnh các chính sách để tăng khả năng thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, nâng cao hệ số sử dụng mặt

Digitized by Google

bằng các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đi đôi với cải tiến, đổi mới thiết bị công nghệ, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập. Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích xuất nhập khẩu; thực hiện đa dạng hóa mặt hàng và mở rộng thị trường xuất khẩu. Tổ chức các chương trình quảng bá, xúc tiến phát triển du lịch nhân kỷ niệm 100 năm hình thành, phát triển tỉnh Đắc Lắc và 30 năm giải phóng Buôn Ma Thuột.

Thứ hai, chăm lo phát triển văn hóa - xã hội, triển khai thực hiện quy hoạch các khu dân cư, tăng cường công tác xây dựng kết cấu hạ tầng. Tập trung giải quyết đất ở, đất sản xuất và nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng điện, đường, trường học, trạm y tế. Tăng cường công tác giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phấn đấu đến năm 2005 không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn 13%. Phát huy kết quả phổ cập tiểu học và xóa mù chữ, tập trung nâng cao dân trí ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phấn đấu hoàn thành phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010; tập trung đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; tăng cường đầu tư củng cố và nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, phấn đấu 100% cơ sở y tế đều có bác sỹ, được trang bị phương tiện y tế tối thiểu và thuốc chữa bệnh, bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 32% vào năm 2005. Xây dựng các thiết chế văn hóa ở thôn, buôn; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc trong tỉnh, từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Thứ ba, giữ vững quốc phòng - an ninh, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, đặc biệt là thế trận lòng dân. Triển khai thực hiện có kết quả Nghị quyết Trung ương 7 (phần 2) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, về công tác dân tộc, tôn giáo; tiếp tục đẩy mạnh công tác vận động quần chúng để nhân dân thấy rõ và cảnh giác trước âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; kiên quyết xử lý các phần tử phản động chống phá cách mạng. Bảo đảm tự do tín ngưỡng và sinh hoạt tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật; ngăn chặn và xử lý kịp thời các hoạt động tôn giáo trái phép cũng như các phần tử đội lốt tôn giáo hoạt động chính trị.

Thứ tư, tập trung xây dựng và nâng cao hệ thống chính trị vững mạnh, nhằm bảo đảm năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành mọi mặt đời sống xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính đi đôi với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ, chuẩn bị đội ngũ cán bộ nguồn cho tương lai, trước mắt là cho việc bầu cử và kiện toàn Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 và đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2005 - 2010, đặc biệt chú trọng xây dựng nguồn cán bộ là người các dân tộc thiểu số. Nghiên cứu chính sách phù hợp để thu hút cán bộ về công tác ở vùng sâu, vùng xa của tỉnh và thu hút cán bộ khoa học, nhà quản lý giỏi đến công tác tại tỉnh. Đối với hệ thống chính trị ở cơ sở, song song với việc thực hiện chủ trương tăng cường cán bộ, tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán ngay tại địa bàn; tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc theo hướng hiện đại hóa và cải tiến lề lối làm việc. Tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, qua đó rút kinh nghiệm tổ chức thực hiện tốt hơn.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, đòi hỏi phải có sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, cùng với sự hỗ trợ tích cực của Trung ương, quyết tâm đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, xây dựng Đắc Lắc trở thành trung tâm kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên. ❑

Digitized by Google

Từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở QUẢNG NINH

NGÔ ĐÌNH XÂY *

TOÀN cầu hóa là xu thế phát triển khách quan, là đặc điểm nổi trội của hoạt động kinh tế quốc tế hiện nay. Do được thừa hưởng những thành tựu tiên tiến của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, lực lượng sản xuất quốc tế đã có những bước thay đổi cách mạng, mà hệ quả trực tiếp của nó là làm xuất hiện kinh tế tri thức. Đến lượt mình, sự phát triển của lực lượng sản xuất trên thế giới đã đưa lại những thay đổi mới trong quan hệ kinh tế thế giới và những thay đổi này cũng hàm chứa *tính quốc tế* trong các quan hệ kinh tế giữa các nước. Từ đây, *tính toàn cầu hóa* trong hoạt động kinh tế của các nước trên thế giới là một tất yếu. Các nước muốn phát triển nền kinh tế của mình, không thể không tính đến tính toàn cầu của nền kinh tế quốc tế.

Nhận thức rõ vai trò và đặc điểm ấy của sự phát triển kinh tế quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của đất nước mình là *"Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực"*(1) nhằm thu hút ngoại lực để hỗ trợ có hiệu quả cho sự phát triển nội lực. Trong hoạt động hàng ngày của mình, Đảng ta luôn luôn yêu cầu các cấp ủy đảng và chính quyền từ trung ương đến địa phương nắm vững và thực hiện tốt chủ trương này. Quảng Ninh là một trong những tỉnh đã có những bước đi thích hợp, những việc làm thiết thực để thực hiện chủ trương trên của Đảng.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Quảng Ninh là một tỉnh có rất nhiều lợi thế:

- Hệ thống giao thông tương đối đồng bộ, gồm đường bộ, đường sắt, đường biển, cảng biển..., đặc biệt là có cửa khẩu quốc gia và quốc tế thông thương với Trung Quốc. Điều này đã giúp cho Quảng Ninh tạo ra khả năng mở rộng giao lưu quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, nhất là tài nguyên khoáng sản và tài nguyên du lịch. Nhờ vậy, Quảng Ninh có thể phát triển một số ngành kinh tế với sản phẩm mang tính đặc trưng, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế và phát triển mạnh ngành du lịch.

- Hệ thống cơ sở kinh tế và kết cấu hạ tầng phát triển, tạo tiền đề quan trọng để Quảng Ninh phát triển mạnh các ngành kinh tế có lợi thế.

- Nguồn nhân lực có trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật tương đối cao so với nhiều địa phương trong vùng, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hệ thống cơ chế, chính sách tương đối thông thoáng, rộng mở; đặc biệt là

---

* TS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 120

Digitized by Google

Quảng Ninh đang tích cực cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào Quảng Ninh làm ăn.

Đảng bộ và nhân dân Quảng Ninh không chỉ nhận rõ mà còn chủ động khai thác và khai thác có hiệu quả những lợi thế đó để tạo cơ sở vật chất cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Cơ cấu nền kinh tế trong tỉnh đã được chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung phát triển các ngành kinh tế có lợi thế như: công nghiệp, du lịch, kinh tế biển, kinh tế cửa khẩu. Tỷ trọng các ngành công nghiệp, thương mại, du lịch tăng lên qua các năm, đem lại hiệu quả thiết thực. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa có tốc độ tăng trưởng nhanh; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 16 - 18%/năm. Năm 2002, giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 262 triệu USD; nhiều sản phẩm xuất khẩu của địa phương như than, hải sản, tùng hương, quế, hồi, dầu thực vật, hàng may mặc,... có thị trường tiêu thụ ổn định. Các dịch vụ ngoại thương như tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh, kho ngoại quan... phát triển mạnh, mang lại hàng chục triệu USD mỗi năm. Ngành du lịch phát triển mạnh, thu hút nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế. Bình quân hàng năm lượng khách du lịch tăng 20 - 30%. Năm 2002, đón gần 2,5 triệu khách du lịch, trong đó có 858 000 lượt khách quốc tế, doanh thu đạt gần 725 tỉ đồng, tăng 27% so với năm 2001. Đã thu hút được một số lượng đáng kể vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA. Tính đến ngày 31-12-2002, trên địa bàn tỉnh có 50 dự án và 9 chi nhánh vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 357 triệu USD, vốn thực hiện là 195 triệu USD. Các dự án đầu tư FDI đã có những đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh: đóng góp 25,6% giá trị sản xuất công nghiệp, 33,8% doanh thu du lịch, 19,5% kim ngạch xuất khẩu, 12% nguồn thu ngân sách, 15,5% GDP.

Ngoài các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, còn có nhiều dự án vốn ODA đã và đang được triển khai thực hiện, như dự án xây dựng Cảng Cái Lân, nâng cấp đường 18A, xây dựng cầu Bãi Cháy... với số vốn 233,8 triệu USD.

Đây là một chủ trương đúng, thể hiện quyết tâm cao, có tầm nhìn xa và cách làm hay để hiện thực hóa hữu hiệu những tiềm năng, lợi thế của Quảng Ninh và nhờ vậy Quảng Ninh đã tận dụng sức mạnh "ngoại lực" để hỗ trợ cho sức mạnh "nội lực" của mình.

Bên cạnh những lợi thế trên, Quảng Ninh vẫn còn có những khó khăn (cả khách quan lẫn chủ quan) trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế:

- Các cấp ủy, chính quyền và các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa xác định rõ những cơ hội và thách thức cũng như những yêu cầu, nội dung của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Do vậy, chưa có chủ trương, chính sách cụ thể, sát thực để làm cho nền kinh tế của tỉnh vừa chủ động hội nhập, vừa đảm bảo vững chắc an ninh, quốc phòng.

- Hầu hết các doanh nghiệp ít hiểu biết về thị trường thế giới và luật pháp quốc tế. Ở nhiều doanh nghiệp, quy mô, năng lực sản xuất, kinh doanh, trình độ quản lý còn non yếu, công nghệ sản xuất lạc hậu, sản phẩm đạt chất lượng thấp, giá thành cao, hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp, sức cạnh tranh, ngay cả trên thị trường trong nước, còn rất yếu. Đây thực sự là một khó khăn, thách thức trong tiến trình hội nhập.

- Môi trường đầu tư và kinh doanh tuy được cải thiện nhưng còn nhiều mặt chưa thuận lợi, kết cấu hạ tầng còn yếu, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ, thủ tục hành chính còn rườm rà; nguồn nhân lực chưa được chuẩn bị tốt,

Digitized by Google

đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn kỹ thuật, làm công tác kinh tế đối ngoại còn thiếu và yếu.

Những khó khăn đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình hội nhập chung của Quảng Ninh. Theo các đồng chí lãnh đạo của Ban Quản lý các khu công nghiệp và đầu tư nước ngoài của Quảng Ninh thì những năm gần đây, việc thu hút các dự án đầu tư lớn (có số vốn 10 triệu USD trở lên) gặp nhiều khó khăn. Các dự án đầu tư mới được cấp phép chủ yếu tập trung vào các ngành công nghiệp, du lịch, dịch vụ và các địa bàn có điều kiện thuận lợi về kết cấu hạ tầng hoặc đầu mối giao lưu như thành phố Hạ Long, thị xã Móng Cái. Một số địa phương kể từ năm 2000 trở về trước chưa có dự án đầu tư như Yên Hưng, Đông Triều... nay cũng đã được các nhà đầu tư quan tâm, song chưa được đầu tư nhiều và hiệu quả đầu tư chưa cao.

Rõ ràng là, để hội nhập thực sự có hiệu quả vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế, Quảng Ninh cần phải chủ động nhiều hơn nữa để tận dụng tối đa những lợi thế của mình và mặt tích cực của quá trình toàn cầu hóa này.

Từ thực tế Quảng Ninh, bước đầu chúng tôi nêu một số vấn đề chung quanh việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của Quảng Ninh nói riêng và của nước ta nói chung:

1 - Mỗi địa phương, mỗi doanh nghiệp cần tìm được phương hướng kinh doanh thích hợp

Chiến lược kinh doanh này dựa trên tiền đề rất đơn giản là: cái gì tìm được chỗ đứng trên thị trường thì đó *là cái có cơ sở tồn tại và phát triển.* Muốn vậy, phải nghiên cứu và dự báo sự phát triển của kinh tế quốc tế và khu vực trong tương lai cũng như nhu cầu xã hội để từ đó đưa ra những sản phẩm phù hợp và hữu dụng.

Để hỗ trợ và làm tiền đề vững chắc cho chiến lược kinh doanh phải thực hiện có hiệu quả hàng loạt các biện pháp kèm theo như: tạo sự cạnh tranh trong nước trước khi ra cạnh tranh với nước ngoài; tạo lập các trung tâm kinh tế lớn để tạo sức cạnh tranh và chính ở đây, sự liên hợp, liên kết trong sản xuất, kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong nước là điều tất yếu; nghiên cứu lịch sử của đối tác (truyền thống, tâm lý, thị hiếu, tín ngưỡng, thói quen...). Từ đó tạo ra những sản phẩm không phải theo cách nghĩ và thị hiếu của mình, mà theo cách nghĩ và thị hiếu của đối tác; thấy được lợi thế không chỉ và chủ yếu nằm ở cái sẵn có, mà còn nằm ở tiềm năng. Do đó, cần *tạo lợi thế* làm ăn, đổi mới nhận thức, cụ thể là tôn vinh doanh nghiệp, coi nhà doanh nghiệp là một trong những nhân vật trung tâm trong sự phát triển của xã hội toàn cầu hóa; v.v.. Có như vậy, mới thực sự tạo ra chiến lược kinh doanh có thể cạnh tranh và đương đầu được với những thách thức, khó khăn, bất trắc xảy ra trên thế giới và khu vực trong tương lai.

2 - Đổi mới cơ chế quản lý và tiếp tục cải cách hành chính

Người ta thường nói, kết cấu hạ tầng vật chất và hạ tầng dịch vụ (cả dịch vụ cứng và dịch vụ mềm) quyết định sức mạnh cạnh tranh của quốc gia. Song, đó chỉ là một mặt, chỉ là điều kiện cần. Điều kiện đủ và là tác nhân làm cho hạ tầng đó có thể bộc lộ và phát huy sức mạnh của mình, đó là cơ chế quản lý, cách điều hành, sự phối - kết hợp của công tác hành chính. Trung Quốc là một minh chứng rõ nét cho vấn đề này. Trước khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã tạo lập một cách quản lý sao cho có thể mở cửa tối đa đối với các doanh nghiệp trong nước (mở cửa nội bộ); và nhờ đó, tự tạo ra sự cạnh tranh (sức cạnh tranh) cho các doanh nghiệp đó và cho cả đất nước. Từ đó, tạo ra một sức mạnh cạnh tranh thực sự cho nội lực trước khi mở cửa cạnh tranh với thế giới.

Đi liền với việc tạo lập cơ chế quản lý mới, điều không thể không làm là có sự cải cách

Digitized by Google

thực sự trong cách điều hành, chỉ đạo của các cơ quan hành chính. Điều đầu tiên trong công tác cải cách hành chính là chuyển từ tác phong làm việc của một *nước nông nghiệp* sang tác phong làm việc của một *nước công nghiệp*. Thêm vào đó là cải cách và tạo dựng được một cơ chế làm việc: cả bộ máy hành chính phải nghĩ và làm như người đứng đầu bộ máy đó. Có lẽ đây là cơ chế lý tưởng, rất khó đạt tới, song trong một thế giới đầy biến động, đầy thách thức và đầy áp lực thì việc tạo ra được một cơ chế như vậy là rất cần thiết để tạo nên một sức mạnh tập thể và nhờ đó, mới có thể đứng vững trong cơn lốc toàn cầu này.

3 - Cần phải đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực - yếu tố chủ thể quyết định sự thành bại của hội nhập kinh tế quốc tế

Theo các đồng chí lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, cái cản trở lớn nhất đến quá trình hội nhập ở đấy chính là sự yếu kém của nguồn nhân lực. Sự yếu kém này trước hết là ở chỗ, cán bộ thiếu kiến thức cơ bản về hội nhập như: chưa nắm được pháp luật quốc tế và luật thương mại thế giới, thiếu kiến thức về dân tộc học, tâm lý học, văn hóa học... của đối tác.

Thực tế đó đòi hỏi Quảng Ninh cũng như cả nước cần có kế hoạch đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, để sao cho người lao động có sự vững vàng về chính trị, tinh thông về nghiệp vụ, có tác phong công nghiệp và tinh thần kỷ luật cao, có đạo đức trong sáng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cần đào tạo được đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại có trình độ chính trị và thông thạo nghiệp vụ; đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý và kinh doanh hiểu biết sâu về luật pháp quốc tế và nghiệp vụ chuyên môn, nắm bắt nhanh chóng những chuyển biến trên thương trường quốc tế; quan tâm nhiều hơn nữa đến việc đào tạo đội ngũ lao động lành nghề. Tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức và thực tiễn việc bố trí, sử dụng cán bộ đúng với ngành nghề đào tạo và với năng lực thực sự của từng người. Hằng năm, cần dành một khoản ngân sách để tổ chức các đoàn cán bộ đi tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước, nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về hội nhập kinh tế quốc tế.

4 - Cần tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy và sự quản lý của chính quyền các cấp

Thiếu yếu tố cực kỳ quan trọng này thì không thể nói đến hội nhập thành công, càng không thể nói đến tính chủ động trong hội nhập. Thực tế Quảng Ninh đã chỉ ra rằng, ở đâu và khi nào các cấp ủy và chính quyền các cấp (nhất là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt) quan tâm trực tiếp, chỉ đạo sát sao và quản lý tốt công tác hội nhập thì ở đó và khi đó quá trình hội nhập nói chung và hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng gặp thuận lợi, mang lại những lợi ích và kết quả mong muốn. Ngược lại, ở đâu và khi nào thiếu sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy và sự quản lý của chính quyền các cấp thì ở đó và khi đó quá trình hội nhập không gặp thuận lợi, hiệu quả hội nhập không cao, tính chủ động hội nhập bị kiềm chế và hệ quả là, địa phương hoặc doanh nghiệp thu được rất ít, thậm chí không thu được lợi lộc gì từ mặt tích cực của toàn cầu hóa. Chính vì vậy, hơn lúc nào hết, nắm vững và thực thi tốt chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế cần được cấp ủy và chính quyền các cấp quán triệt và chấp hành triệt để. Nó phải trở thành công việc thường xuyên, mối quan tâm và sự chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy và chính quyền. Nó không thể được xem là công việc phụ, càng không thể là công việc thích thì làm, không thích thì không làm. Chỉ có xác định được như vậy thì chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế - một chủ trương lớn của Đảng ta mới trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của xã hội Việt Nam trong những năm tới. ❑

Digitized by Google

Bước đi vững chắc và sáng tạo trong hoạt động VĂN HÓA Ở NAM ĐỊNH

DƯƠNG VŨ

TRONG báo cáo thành tích của đồng chí Trần Tiến Dũng, Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông A Hải Hậu (huyện Hải Hậu), có đoạn: "Thành tích của nhà trường hôm nay bắt nguồn từ truyền thống hiếu học của đất học Nam Định, của truyền thống khuyến học, khuyến tài trên quê hương Hải Hậu, nơi hai lần được Nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng, nơi 24 năm liền là đơn vị dẫn đầu toàn quốc về văn hóa cấp huyện".

Có lẽ người hiệu trưởng muốn nhắc đến một vai trò to lớn hơn, vai trò của văn hóa thúc đẩy sự tiến bộ xã hội mấy chục năm qua, trong đó có sự tiến bộ về mặt giáo dục của Nam Định.

Nam Định có bề dày truyền thống về phát triển văn hóa. Từ năm 1997 trở về trước, khi chưa tách tỉnh, phong trào xây dựng nếp sống văn hóa ở Nam Hà đã được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội. Một số quy chế, quy ước, tiêu chuẩn nếp sống văn hóa đã ra đời. Ở thời kỳ này, phong trào xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa, cơ quan, trường học có nếp sống văn hóa đã được mọi tầng lớp nhân dân đồng tình ủng hộ và tích cực triển khai. Nhiều điển hình tốt xuất hiện như các huyện Hải Hậu, Nam Ninh, Vụ Bản, Ý Yên... Tuy vậy, phong trào mới dừng ở "điểm", chưa có khả năng nhân ra diện rộng.

Sau khi tỉnh Nam Định tái lập, ý thức được tầm quan trọng đặc biệt của văn hóa, lãnh đạo tỉnh Nam Định chỉ đạo ngay việc đẩy mạnh các hoạt động của phong trào xây dựng nếp sống văn hóa trong toàn tỉnh. Đầu năm 1998, Quyết định số 252 của Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành nhằm cụ thể hóa Chỉ thị số 27 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 14 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, trong quản lý lễ hội thuộc phạm vi toàn tỉnh.

Đầu năm 2000, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được Trung ương phát động trên toàn quốc. Có thể nói, trên cơ sở tổng kết 20 năm điển hình văn hóa cấp huyện, những bài học kinh nghiệm từ thực tế Hải Hậu đã đóng góp một phần không nhỏ, tạo động lực thúc đẩy phong trào đó phát triển trong cả nước. Sự kiện quan trọng này đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn, góp phần xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, giúp nhau làm kinh tế. Nó chứng minh một cách sinh động mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa; chỉ ra nội dung, phương thức, phương pháp cho hoạt động văn hóa ở một đơn vị cơ sở là như thế nào.

Nam Định đã nhanh chóng thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở cấp tỉnh, sau đó

Digitized by Google

là cấp huyện, thành phố và xuống tận cơ sở: xã, phường. Các cơ quan, trường học, bệnh viện cũng thành lập Ban Xây dựng nếp sống văn hóa. Phong trào tập trung vào 5 nội dung:

- Phát triển kinh tế, giúp nhau làm giàu chính đáng, xóa đói giảm nghèo;
- Xây dựng tư tưởng chính trị lành mạnh;
- Xây dựng nếp sống văn minh, kỷ cương xã hội, sống và làm việc theo pháp luật;
- Xây dựng môi trường văn hóa sạch - đẹp - an toàn;
- Xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa thể thao cơ sở.

Để tránh dàn trải, trước mắt thực hiện hiệu quả hai mục tiêu: Đoàn kết xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống tốt đẹp; đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa phong phú, lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Quy chế về lễ hội, quy ước lễ tang, lễ cưới, các tiêu chuẩn nếp sống văn hóa trong cơ quan, doanh nghiệp, trường học, tiêu chuẩn làng văn hóa, gia đình văn hóa được hướng dẫn rất cụ thể đến tận người dân.

Trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở Nam Định, việc xây dựng gia đình văn hóa được đặt lên hàng đầu. Gia đình văn hóa phải là một gia đình phát triển cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Do có sự kết hợp giữa các cấp, các ngành nên phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã phát triển khá nhanh và rộng khắp. Nếu năm 1999, có 37 286 hộ gia đình được huyện, thành phố cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn gia đình văn hóa thì đến nay có tới 187 959 gia đình đạt tiêu chuẩn.

Ở các gia đình văn hóa, những nét đẹp truyền thống được phát huy: Ông bà cha mẹ mẫu mực; con cháu hiếu thảo; gia đình hòa thuận; thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; tích cực tham gia các sinh hoạt cộng đồng.

Nam Định có 3 230 làng, tính chất mỗi làng một khác, có nơi thuần nông; có nơi đan xen nghề thủ công; có nơi dân là đồng bào công giáo toàn tòng. Do đó, cuộc vận động xây dựng làng văn hóa có ý nghĩa to lớn về kinh tế, chính trị, xã hội, làm thay đổi hẳn diện mạo làng quê cổ truyền, đưa quan hệ tình làng nghĩa xóm, quan hệ lương giáo phát triển lên tầm cao mới.

Phong trào củng cố, xây dựng và mở rộng kết cấu hạ tầng, kiên cố hóa trường học diễn ra rầm rộ khắp nơi. Xây dựng làng văn hóa ở mỗi địa phương có đặc điểm và bước đi sáng tạo khác nhau. Chẳng hạn, ở làng Hưng Nhân, xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường, trong số 1 240 người có đến 310 người theo đạo Thiên chúa, mức bình quân lương thực trên đầu người hơn 500 kg/năm; 20% số hộ giàu, có vốn làm ăn và 60% hộ trung bình khá nhưng đã đầu tư 150 triệu đồng để xây dựng 3 000 mét đường bê-tông; 100% số gia đình có nhà kiên cố hoặc bán kiên cố; 80% số gia đình có nước giếng khoan; 100% số gia đình có khu vệ sinh hợp lý. Điều đáng nói là, ở đây, đám tang không bao giờ kéo dài quá 36 tiếng đồng hồ, không tổ chức ăn uống và bỏ hẳn tục mời thuốc lá. Nhiều năm trong làng không có người sinh con thứ ba. Nam Định có nhiều làng đã và đang phấn đấu đạt tiêu chuẩn như làng Hưng Nhân.

Cho đến nay, tổng số làng văn hóa được tỉnh cấp giấy chứng nhận là 152 đơn vị.

Nét nổi bật của phong trào xây dựng làng văn hóa ở Nam Định là luôn đề cao nguyên tắc dân chủ. Việc lớn, việc nhỏ đều theo phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" nên được nhân dân đồng tình, hưởng ứng và tích cực đóng góp tiền của, công sức xây dựng các thiết chế văn hóa, các công trình phúc lợi công cộng.

Xã Hải Tân - một xã thuần nông của huyện Hải Hậu, ngay từ năm 1983, nhân dân đã đóng

Digitized by Google

góp xây dựng ngôi nhà văn hóa với không gian thoáng rộng, đủ 400 chỗ ngồi với những hàng ghế khung gang mặt lim qua bao năm nay vẫn còn bền chắc. Con đường trục của xã trải nhựa phẳng lì, vào các xóm thôn, đường bê-tông hóa sạch sẽ; những ngôi nhà mái ngói trong quy hoạch gọn gàng, nhà nào cũng có vườn hoa cây cảnh; cuộc sống ở đây thật yên bình. Đồng chí bí thư Đảng ủy xã chỉ hàng cột điện thẳng tắp, nói: "Con đường trải nhựa này dân chúng tôi làm lâu rồi nên không tính hết. Thời kỳ đổi mới, xe cộ các loại vào ra nhiều, mai kia chúng tôi sẽ dựng lại hàng cột điện để mở rộng đường gấp hai hiện nay".

Bên cạnh việc xây dựng làng văn hóa, Ban Chỉ đạo của tỉnh đã rất chú ý đến phương hướng xây dựng nếp sống văn hóa trong các cơ quan, doanh nghiệp, bệnh viện và trường học. Đây là nét đặc sắc của Nam Định. Từ đặc điểm, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ khác nhau của các đơn vị, Ban Chỉ đạo các cấp đã tìm tòi phương pháp xây dựng phong trào khác nhau. Đối với cơ quan, công sở, môi trường phải sạch, đẹp, an toàn, nội bộ đoàn kết, không có khiếu kiện; ở doanh nghiệp thì quan tâm nhiều đến mặt kỷ cương, năng suất, chất lượng sản phẩm; ở bệnh viện, trạm y tế tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị khám, chữa bệnh, nghiêm chỉnh thực hiện 12 điều y đức, thầy thuốc hết lòng tận tụy vì người bệnh; với trường học thì gắn phong trào với việc xây dựng trường chuẩn, trường tiên tiến xuất sắc, chấm dứt hiện tượng bỏ học, trốn học, học sinh nói tục chửi bậy...

Năm 1999, toàn tỉnh có 25 cơ quan, 33 trường học được tỉnh công nhận là các đơn vị có nếp sống văn hóa và năm 2000, con số này đã tăng lên 68 cơ quan và 89 trường học.

Qua 5 năm thực hiện Quyết định số 252 của tỉnh, 4 năm thực hiện cuộc vận động phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", Nam Định rút ra được nhiều bài học bổ ích, trong đó có hai bài học quan trọng:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, chỉ đạo kịp thời

Là một tỉnh có truyền thống văn hóa lâu đời, do đó vai trò của văn hóa đã được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhận thức sâu sắc và chủ động lãnh đạo, chỉ đạo ngay từ nhiều năm trước. Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa Mặt trận, đoàn thể, các ngành, các cấp trong tỉnh cũng tạo thuận lợi lớn cho phong trào.

Năm 1999, Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp với tỉnh Nam Định tổ chức Hội nghị "Hai mươi năm điển hình văn hóa Hải Hậu". Từ bài học thiết thân của Hải Hậu, phong trào được nhanh chóng nhân rộng ra cả tỉnh, cả nước. Các huyện và thành phố rất tâm đắc với những kinh nghiệm xây dựng văn hóa của Hải Hậu, đã chỉ đạo và áp dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương mình.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) "Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" do Trung ương phát động, các cấp ủy, chính quyền các cấp và các đoàn thể nhân dân đều đồng lòng hưởng ứng, coi đây là cuộc vận động có ý nghĩa chính trị - xã hội rộng lớn, lôi cuốn mọi người, mọi gia đình, làng, xã, cơ quan, trường học tham gia.

Ban Chỉ đạo phong trào từ tỉnh, huyện, thành phố, cho tới các xã, các cơ quan được thành lập kịp thời, hoạt động liên tục và hiệu quả. Đây là một trong những yếu tố mang tính quyết định đến sự thành công của phong trào, đưa phong trào lên độ tự giác cao, không trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của cấp trên. Phong trào đã lan rộng vào quần chúng nhân dân, lôi cuốn người dân thực sự làm chủ trong hoạt động hưởng thụ và sáng tạo văn hóa.

Thứ hai, củng cố và tăng cường xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở

Đời sống văn hóa cơ sở được phản ánh

Digitized by Google

bằng các hoạt động sản xuất, truyền bá, tiêu dùng sản phẩm văn hóa. Hoạt động này gồm các yếu tố sau: 1- Có bộ máy nhân sự quản lý, điều hành cùng một mạng lưới cộng tác viên có chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa; 2- Có chế độ vận hành thể hiện ra ở quy chế, điều lệ, quy định theo các cấp độ khác nhau; 3- Có cơ sở vật chất: hội trường, sân khấu, trang thiết bị chuyên dùng; 4- Có kinh phí, chế độ đãi ngộ, chế độ thưởng phạt để động viên, răn đe. Những yếu tố trên quy tụ vào một cơ quan văn hóa như nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, thư viện, nhà bảo tàng... được gọi là thiết chế văn hóa.

Thời xưa, ngôi đình là hiện thân thiết chế văn hóa của làng; chùa là thiết chế văn hóa của Phật giáo; nhà thờ là thiết chế văn hóa của Thiên chúa giáo thì nay một trong những thiết chế văn hóa gắn bó với người dân nhất, đó là nhà văn hóa.

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2005: Có "78% số xã phường có nhà văn hóa". Đây là chỉ tiêu có ý nghĩa chiến lược, thể hiện nguyện vọng của Đảng và Nhà nước ta cũng là nguyện vọng của nhân dân. Và đây thực sự là một thử thách không nhỏ đối với ngành văn hóa - thông tin nói chung và đối với Nam Định nói riêng.

Bài toán về xây dựng cơ sở vật chất, cơ chế hoạt động cho thiết chế nhà văn hóa đang từng bước tìm ra lời giải hoàn chỉnh. Đến nay, Nam Định có 164/225 xã có nhà văn hóa, chiếm 72% tổng số xã; trong đó 94 nhà văn hóa được xây mới với lưu lượng từ 300 đến 1 000 chỗ ngồi. Trung bình mỗi nhà văn hóa kinh phí chi khoảng từ 1 tỉ đến 2 tỉ đồng. Nam Định quyết tâm không dừng lại ở cơ sở nhà văn hóa cấp xã mà đã động viên, khuyến khích các làng xây nhà văn hóa. Cả tỉnh hiện đã có 952/3 230 làng có nhà văn hóa, đạt 30% số làng trong toàn tỉnh; trong đó 50% là xây mới có sân khấu nhỏ, có hội trường chứa đến 200 chỗ ngồi. Mỗi nhà văn hóa làng trị giá khoảng 150 triệu đồng đều do nhân dân đóng góp. Phong trào xây dựng nhà văn hóa làng ở Nam Định phát triển khá mạnh vào đầu những năm 2000; nhiều xã có 100% số làng đã có nhà văn hóa (như các xã Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng, Nam Dương, Nam Trực). Sự xuất hiện nhà văn hóa làng đều do nhu cầu thực tế của quần chúng nhân dân. Nhân dân các làng sau những cuộc bàn thảo nghiêm túc đi đến thống nhất chủ trương xây nhà văn hóa là những cuộc đề cử, suy tôn những người đứng ra thay mặt dân làng lo toan từ việc xây dựng đến việc chuẩn bị tổ chức quản lý khi nhà văn hóa hoàn thành. Nhiều nơi, đồng chí Trưởng thôn phải đứng ra làm chủ nhiệm nhà văn hóa. Kinh phí hoạt động của nhà văn hóa làng rất linh hoạt và năng động. Tất cả đều do dân làng tự nguyện đóng góp cùng với tài trợ của các nhà hảo tâm. Là một thiết chế mang tính tổng hợp, nhà văn hóa thường diễn ra nhiều hoạt động phong phú, cả trong nhà, cả ngoài trời, sân bãi với một loạt nhiệm vụ khá phức tạp:

- Đây là nơi diễn ra các sự kiện chính trị, nơi truyền bá kinh nghiệm làm ăn, nêu gương người thực việc thực, những điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực, nơi bàn thảo dân chủ những việc lớn liên quan đến đời sống dân sinh, đến phúc lợi công cộng.

- Đối với các ngành, các giới, thì đây là nơi ra đời và hoạt động của các loại hình câu lạc bộ, phù hợp với nghề nghiệp, tuổi tác và giới nhằm thu hút đông đảo quần chúng tham gia vào các hoạt động văn hóa theo sở thích, sở trường; và thông qua đó, tiến hành giáo dục xã hội chủ nghĩa đối với công chúng. Ở Nam Định có hàng loạt câu lạc bộ phù hợp với giới và lứa tuổi như câu lạc bộ tiền hôn nhân; câu lạc bộ gia đình trẻ; câu lạc bộ gia đình hạnh phúc; câu lạc bộ thanh niên lập nghiệp...

- Đây là nơi lưu giữ, bảo tồn, giao lưu, sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của quần chúng. Nam Định có tới 221 đội văn nghệ, trong đó có 140 đội mạnh có trang thiết bị để biểu diễn.

Digitized by Google

Trình độ dân trí của người dân Nam Định ngày càng được nâng cao trên cơ sở truyền thống lâu đời của vùng đất học, đất văn còn có cả sự đóng góp đáng kể của các thiết chế công cộng như nhà bảo tàng, thư viện. Hiện nay Nam Định có hàng trăm thư viện huyện, thư viện của các ban, ngành; các tủ sách pháp luật của Ủy ban nhân dân xã, phường; tủ sách các làng văn hóa, các điểm bưu điện - văn hóa xã thu hút hàng ngàn độc giả đến đây, tìm hiểu lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội.

- Đối với người yêu thích thể thao, nhà văn hóa với khuôn viên bãi tập rộng rãi là nơi lý tưởng để họ đến tập luyện: từ bóng đá, bóng chuyền, cầu lông của thanh niên đến tập võ, tập dưỡng sinh của các cụ phụ lão. Ở Nam Định, khắp xóm thôn, đâu đâu cũng rộn rã không khí thể thao, vui tươi lành mạnh.

- Những năm gần đây, nhà văn hóa còn là nơi chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, nơi hoạt động của các tổ chức khuyến nông, khuyến học, khuyến tài, nơi bồi dưỡng đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành, nơi mở các lớp nâng cao tay nghề thủ công ở khắp các làng quê.

Duy trì đều đặn những hoạt động trên, hệ thống nhà văn hóa ở Nam Định thực sự đã làm cho bộ mặt nông thôn đổi thay, làm cho tình làng nghĩa xóm thêm gắn bó, khoảng cách giữa nông thôn và thành thị thu hẹp lại hơn.

Có thể khẳng định: trong sự nghiệp phát triển hệ thống nhà văn hóa cơ sở, Nam Định là tỉnh có nhiều sáng tạo; hiện nay hầu hết các huyện đã chỉ đạo các xã, các làng dành quỹ đất để xây dựng nhà văn hóa. Có huyện như Nghĩa Hưng còn mạnh dạn đặt Nhà văn hóa làng thành chỉ tiêu xem xét công nhận Làng văn hóa.

Với bình diện hoạt động khá đa dạng và phong phú như vậy, đội ngũ cán bộ chỉ đạo nhà văn hóa phải được chăm lo kiện toàn và củng cố. Cán bộ chủ nhiệm các nhà văn hóa, ngoài nhiệt tình, có đầu óc tổ chức, biết tập hợp quần chúng ra còn phải giỏi chuyên môn nghiệp vụ, phải có năng khiếu nghệ thuật.

Từ năm 2003 đến 2005, Nam Định quyết tâm phấn đấu đưa 60% số chủ nhiệm nhà văn hóa xã để đào tạo tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành về văn hóa. Đối với cán bộ chủ nhiệm nhà văn hóa làng, phấn đấu đến năm 2005 có 50% được bồi dưỡng nghiệp vụ văn hóa thông tin để nâng cao chất lượng hoạt động.

Thời gian tuy ngắn, song phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở Nam Định đã có những bước đi vững chắc và sáng tạo. Quá trình trưởng thành đó, phong trào cũng đã bộc lộ một số mặt cần chú ý uốn nắn:

1 - Nhận thức về phong trào ở một số địa phương còn giản đơn nên thường khoán trắng cho ngành văn hóa - thông tin, chưa thấy hết tính chất xã hội hóa của phong trào, do vậy đầu tư công sức còn ít, chỉ đạo cầm chừng. Nếu căn cứ vào chỉ tiêu trong Nghị quyết Đại hội lần thứ 16 của Đảng bộ Nam Định, đến năm 2005, phải đạt 40% số làng, xóm, khu phố là đơn vị văn hóa; 50% số gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa. Những chỉ tiêu này đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Nam Định phải phấn đấu mạnh mẽ hơn.

2 - Phong trào phát triển chưa đồng đều, một số nơi còn tỏ ra trì trệ; những nơi có điểm nóng phức tạp về an ninh chính trị, các cấp, các ngành chưa phối hợp chặt chẽ, nhất là chưa lấy văn hóa làm công cụ để tuyên truyền, vận động, thuyết phục nên dẫn đến tình trạng khiếu kiện kéo dài, phong trào chùng hẳn xuống, ảnh hưởng lớn đến tiến độ phát triển chung.

3 - Đội ngũ cán bộ của ngành văn hóa - thông tin từ tỉnh xuống huyện tiếp tục phải được đào tạo, bồi dưỡng mạnh hơn nữa mới đủ khả năng để hướng dẫn phong trào, đẩy nhanh tốc độ phát triển các thiết chế văn hóa ở cơ sở hiện nay. ❑

Digitized by Google

Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ người dân tộc Khơ Me

NGUYỄN QUỐC DŨNG*

GIÁO dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong việc củng cố nền tảng tư tưởng, giữ vững kim chỉ nam cho hoạt động cách mạng nước ta, đảm bảo cho thành công quá trình đổi mới của đất nước. Điều đó lại càng cần thiết hơn, khi hiện nay, các thế lực thù địch đang chống phá cách mạng Việt Nam dưới nhiều hình thức và thủ đoạn xảo quyệt như: kích động lòng thù hằn, chia rẽ các dân tộc, nuôi dưỡng tư tưởng dân tộc ly khai; âm mưu thành lập cái gọi là "Nhà nước - Dân tộc riêng" hay "nhà nước trong nhà nước" kiểu "nhà nước Khơ Me Crôm, "nhà nước Đề-Ga độc lập", mà cao điểm là vụ gây rối tháng 2-2001 ở Tây Nguyên. Do đó, trong công tác dân tộc của Đảng việc giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ là người dân tộc thiểu số càng trở nên hết sức cấp bách.

Trong tình hình chung đó, việc giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ người dân tộc Khơ Me - một lực lượng đã có nhiều thành tích xuất sắc qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và xây dựng chủ nghĩa xã hội - lại càng là vấn đề chiến lược và có tầm quan trọng đặc biệt ở khu vực Tây Nam Bộ. Nếu làm tốt công tác này sẽ góp phần trang bị cho người cán bộ nói chung và cán bộ người dân tộc thiểu số nói riêng một tư duy năng động, nhạy bén; một phương pháp luận khoa học để vượt qua thách thức, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Thực tiễn đã và đang chứng minh, nếu được trang bị tốt vũ khí tư tưởng cách mạng họ càng chủ động ngăn chặn và đập tan kịp thời mọi luận điệu, thủ đoạn tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch. Vì vậy, việc nâng cao giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ người dân tộc Khơ Me hiện nay là yêu cầu cấp bách, là một nhiệm vụ trọng tâm của trường Chính trị tỉnh Trà Vinh.

Để có chương trình hành động phù hợp, trên cơ sở đó xác định biện pháp phù hợp và hiệu quả, tháng 7-2002, Trường Chính trị tỉnh Trà Vinh đã tổ chức cuộc khảo sát, điều tra xã hội học ở 1 115 cán bộ người dân tộc Khơ Me. Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của tỉnh, căn cứ nhu cầu và thực tế cán bộ, Trường đã xây dựng chương trình, nội dung phương pháp giáo dục lý luận chính trị ở hai trình độ sơ cấp và trung cấp một cách phù hợp.

Nhìn một cách tổng quát, cán bộ người dân tộc Khơ Me hiện nay chủ yếu sống ở vùng nông thôn, đời sống kinh tế còn nhiều

* TS. Phó Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Trà Vinh

Digitized by Google

khó khăn. Số cán bộ là người Khơ Me sống ở vùng nông thôn chiếm 83,46% tổng số cán bộ, thu nhập chủ yếu là nông nghiệp chiếm 66,32%, trong đó số đủ ăn là 66,83%, số nghèo và rất nghèo là 27,79%. Với đời sống kinh tế còn thấp nên cán bộ người dân tộc Khơ Me chưa thể toàn tâm, toàn ý với việc học tập lý luận chính trị, thậm chí ở một số nơi không ít cán bộ Khơ Me ở xã, ấp tập trung lo cho đời sống gia đình, do đó họ xem nhẹ hoặc lơ là việc học tập, thậm chí cả trong công tác chuyên môn được giao. Những năm qua, mặc dù được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, trình độ học vấn của cán bộ người dân tộc Khơ Me đã được nâng lên, song hiện nay trình độ học vấn phổ biến chỉ dừng lại ở bậc phổ thông trung học cơ sở (60,97%), một bộ phận đáng kể chỉ có trình độ tiểu học (10,9%). Với trình độ học vấn phổ biến như vậy, chắc chắn họ sẽ gặp không ít khó khăn trong việc tiếp thu lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh - một hệ thống về triết học, kinh tế, chính trị, xã hội... ở trình độ khái quát và trừu tượng cao. Qua điều tra thực tế cũng cho thấy, bản thân cán bộ người dân tộc Khơ Me tự nhận thức rõ các yếu tố gây khó khăn cho họ khi học các chương trình lý luận chính trị là: Trình độ học vấn thấp (63,11%); đời sống quá khó khăn (53,93%); từ ngữ chính trị khó hiểu (39,04%); thời gian tập trung quá dài (23,54%).

Bên cạnh những khó khăn đó, đội ngũ cán bộ là người dân tộc Khơ Me cũng có những thuận lợi trong quá trình học tập lý luận chính trị:

- *Thứ nhất*, bản thân họ nhận thức rõ rằng, học để nâng cao trình độ, giúp cho công việc được tốt hơn. Điều tra cho thấy, 82,77% số cán bộ người Khơ Me được hỏi ý kiến cho rằng học để nâng cao trình độ chứ không phải học cho xong để lấy bằng cấp. Mặt khác, tinh thần ham học hỏi, cầu tiến ở nông thôn khu vực Tây Nam Bộ bắt đầu được nâng lên do tác động từ hiệu quả của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp thời gian vừa qua. Có 63,37% số cán bộ là người dân tộc Khơ Me có nguyện vọng sau khi học trung cấp lý luận chính trị và các kiến thức chuyên ngành khác tiếp tục được học trình độ cao cấp lý luận chính trị và đại học; 68,91% cho rằng gia đình mình và 80,17% cho rằng cơ quan rất quan tâm động viên họ đi học lý luận chính trị và kiến thức chuyên ngành khác,

- *Thứ hai*, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến công tác dân tộc, đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào và cán bộ người dân tộc... Thực tiễn đã tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cán bộ người dân tộc, trong đó có dân tộc Khơ Me.

Để đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị ở các trường chính trị của các tỉnh có đông đồng bào dân tộc Khơ Me (Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang...) phù hợp với đặc điểm vùng, đồng thời đáp ứng nhu cầu giáo dục lý luận chính trị phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, công tác giáo dục lý luận chính trị tiếp tục thực hiện một số vấn đề sau:

1- Xây dựng một chương trình sơ cấp, trung cấp lý luận chính trị phù hợp cho đối tượng cán bộ là người dân tộc Khơ Me. Số liệu điều tra cho thấy, 96,70% cán bộ người dân tộc Khơ Me cho rằng, cần và rất cần có một chương trình lý luận chính trị phù hợp với đặc điểm dân tộc và trình độ của họ.

Digitized by Google

Đây là vấn đề vừa đáp ứng phương châm đa dạng hóa chương trình phù hợp với các loại đối tượng trong lĩnh vực giáo dục, vừa đáp ứng mong muốn của người học là cán bộ dân tộc người Khơ Me nhằm đạt hiệu quả giáo dục cao nhất. Về tổng thể vấn đề này cần chuẩn bị các nội dung sau:

Một là, về quan điểm: Cần lấy chương trình lý luận chính trị sơ cấp và trung cấp của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh làm chuẩn. Song, nên có sự điều chỉnh theo hướng tránh trùng lắp về kiến thức và phải gọn, dễ hiểu về nội dung. Vì thế, không nên đưa vào cấu tạo chương trình các môn tin học, phân tích kinh tế, thống kê... Bởi đây là kiến thức mang thuần tính kỹ thuật và chúng sẽ được tập huấn ở các chương trình riêng.

Hai là, về ngôn ngữ: Đó là ngôn ngữ phổ thông (tiếng Việt) nhằm giúp người học có thể học tiếp lên chương trình cao hơn trong tính hệ thống. Song, ở khâu thảo luận có thể sử dụng ngôn ngữ Khơ Me nhằm trợ giúp người học có điều kiện hiểu rõ và sâu nội dung kiến thức mà do hạn chế về ngôn ngữ phổ thông họ có thể không thấu triệt được. Nhất là đối với các khái niệm, thuật ngữ, cần dành thời gian thích đáng để giải thích, thậm chí dùng cả tiếng Khơ Me để hỗ trợ.

Ba là, cần đưa môn Tiếng Việt thực hành vào ở phần học đầu tiên của chương trình nhằm giúp cán bộ người dân tộc nắm được ngữ pháp phổ thông, làm phương tiện giúp người học hiểu thấu đáo nội dung kiến thức. Điều tra cho thấy, có 87,79% số cán bộ người Khơ Me được hỏi cho rằng, cần và rất cần đưa môn học này vào chương trình.

2 - Sử dụng phương pháp tích cực trong giảng dạy lý luận chính trị theo hướng tạo tình huống hấp dẫn cho người học cùng làm việc với giáo viên (sơ đồ hóa, biểu bảng, các câu hỏi tình huống...). Đưa vào chương trình các thiết bị tạo hình ảnh trực quan sinh động (các chương trình cài đặt trên máy vi tính được chiếu trên màn ảnh...). Đa dạng hóa hình thức thu hoạch, kiểm tra, thi phù hợp với đặc điểm của cán bộ người dân tộc Khơ Me. Số liệu điều tra cho thấy, 56,10% số cán bộ được hỏi rất ưa chuộng hình thức viết; 24,41% muốn hình thức trắc nghiệm; 14,15% yêu cầu viết tiểu luận và 10,9% muốn dùng hình thức vấn đáp. Đối với cán bộ người dân tộc Khơ Me, cần thực hiện loại hình tại chức hoặc chính quy không tập trung mở tại huyện và học từng đợt. Đại đa số (70,56%) ý kiến cho rằng, nên học loại hình tại chức và nếu học loại hình này thì thời gian học đối với trình độ sơ cấp khoảng 10 - 15 ngày/1 đợt học (24,47% cho rằng thời gian học khoảng 10 ngày là thích hợp; 43,80% cho là 15 ngày). Còn đối với trung cấp chính trị từ 2 đến 4 tuần cho mỗi đợt học.

3 - Để nâng cao chất lượng học tập lý luận chính trị cho đối tượng cán bộ người dân tộc Khơ Me, cần chuẩn bị tốt các vấn đề sau: Tài liệu phù hợp; hỗ trợ thêm tiền ăn; tăng thời gian giảng bài; cần đi thực tế và tăng thời gian thảo luận; quy mô mỗi lớp nên chỉ có khoảng 30 học viên.

4 - Vấn đề có tính tiền đề, điều kiện cơ bản cho việc nâng cao chất lượng học tập lý luận chính trị là tiếp tục nâng cao trình độ học vấn cho đồng bào nói chung, cán bộ người dân tộc Khơ Me nói riêng. Bởi, chỉ một trình độ học vấn nhất định mới có thể tiếp thu hiệu quả lý luận chính trị.

Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị đối với cán bộ người dân tộc Khơ Me hiện nay là yêu cầu vừa mang tính bức xúc, vừa mang tính chiến lược của khu vực Tây Nam Bộ hiện nay ở nước ta. ❑

Digitized by Google

Bài học từ kết quả xét xử vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn

TRẦN ĐẠI HƯNG *

Vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn là một vụ án hình sự lớn, có tới 155 bị cáo, bị truy tố 24 tội danh khác nhau như: giết người; tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng; cố ý gây thương tích, cưỡng đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc; bắt giữ người trái pháp luật; lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi; lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ; thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; làm sai lệch hồ sơ vụ án; đưa hối lộ; nhận hối lộ; v.v.. Riêng Trương Văn Cam bị truy tố 7 tội danh, y được mệnh danh là "ông trùm của các ông trùm" trong giới giang hồ hoạt động phạm tội "theo kiểu xã hội đen" từ những năm trước giải phóng miền Nam (1975). Ra trước tòa cùng với Trương Văn Cam (Năm Cam) và băng nhóm đồng bọn của y còn có 21 bị cáo nguyên là cán bộ, công chức nhà nước, cán bộ, chiến sĩ công an, viện kiểm sát, nhà báo... trong số đó, có 3 bị cáo nguyên là cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước (Trung tướng Thứ trưởng Bộ Công an, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, 2 nguyên là Ủy viên Trung ương Đảng). Xét về quy mô và tính chất thì vụ án này có tầm cỡ lớn nhất trong lịch sử tố tụng hình sự ở nước ta. Vụ án được đưa ra xét xử nghiêm minh đã thu hút sự quan tâm của nhân dân cả nước. Việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án Trương Văn Cam là cả một quá trình đấu tranh quyết liệt của các cơ quan bảo vệ pháp luật, sự đồng tình cổ vũ của nhân dân, các cơ quan báo chí; sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy đảng từ trung ương đến địa phương.

Đập tan tổ chức tội phạm do Trương Văn Cam cầm đầu là một thắng lợi lớn trong cuộc đấu tranh chống tội phạm ở nước ta, đặc biệt với loại tội phạm có tổ chức, hoạt động theo kiểu "xã hội đen" có sự tiếp tay, bao che của một số phần tử thoái hóa, biến chất trong các cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, xét về mặt phòng ngừa tội phạm, về hoàn cảnh, điều kiện để phát sinh vụ án này trong xã hội ta nói chung và ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng thì những khuyết điểm, yếu kém tồn tại xung quanh vụ án cũng không nhỏ. Dưới góc nhìn của người nghiên cứu, đến thời điểm này có thể rút ra một số "bài học kép" từ vụ án Trương Văn Cam cho mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi chúng ta. Bài viết này chưa thể đưa ra một báo cáo tổng kết đầy đủ thay cho các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm mà chỉ bước đầu nêu ra những vấn đề nổi bật nhất qua theo dõi vụ án. Lật lại hồ sơ vụ án chúng ta biết rằng, "từ năm 1992 đến 1995, bằng các thủ đoạn nham hiểm, tiếp tục tập hợp nhiều tên có tiền án, tiền sự, hình thành nhiều sòng bạc với quy mô lớn, hoạt động lưu động ở Quận 4, Quận 8... Thành phố Hồ Chí Minh (trang 7 bản kết luận điều tra)

* Phó Trưởng Ban thường trực, Ban Nội chính Trung ương

Digitized by Google

và cũng từ tháng 5-1995 cơ quan trinh sát nghiệp vụ đã có "báo cáo nhanh" ; có nhiều đơn của cán bộ, viên chức nhà nước và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tố giác hành vi vi phạm pháp luật của Trương Văn Cam và đồng bọn. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo, giao trách nhiệm cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp có biện pháp đấu tranh ngăn chặn các hoạt động tội phạm, xử lý nghiêm sai phạm của Trương Văn Cam và đồng bọn, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã lập chuyên án đấu tranh, v.v.. Nhưng "tháng 10-1997, sau khi đi tập trung cải tạo được tha về, Trương Văn Cam tiếp tục lao sâu vào con đường phạm tội", "Trương Văn Cam và đồng bọn còn mua chuộc, làm tha hóa nhiều cán bộ chủ chốt trong các cơ quan phòng chống tội phạm ở Thành phố Hồ Chí Minh..." và cho đến "ngày 12-12-2001, Tổng cục Cảnh sát sau khi thu thập được chứng cứ về vai trò chủ mưu của Trương Văn Cam trong vụ giết Vũ Hoàng Dung (Dung Hà) đã cùng với Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở các đợt tấn công với quy mô lớn bắt giữ Trương Văn Cam và đồng bọn" (trang 8, 9, 10 bản Kết luận điều tra). Chuyên án Z5.01 do Thiếu tướng Nguyễn Việt Thành (nay là Trung tướng - Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát nhân dân) làm Trưởng Ban chuyên án. Vụ án được khởi tố ngày 19-12-2001, kết thúc điều tra ngày 18-10-2002, có quyết định truy tố của Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao ngày 25-11-2002, được đưa ra xét xử sơ thẩm tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 25-2-2003 đến ngày 5-6-2003, xét xử phúc thẩm từ ngày 15-9-2003 đến ngày 30-10-2003. Với các chứng cứ được thu thập đầy đủ, phong phú và được làm sáng tỏ qua xét xử công khai, dân chủ ở cả hai cấp, hầu hết các bị cáo, kể cả các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, đã nhận tội ngay từ phiên tòa sơ thẩm, một số bị cáo chối cãi quanh co nhưng cuối cùng phải cúi đầu nhận tội, số ít bị cáo ngoan cố chối tội một cách thảm hại trước sự thật.

Đi sâu phân tích nội dung, các tình tiết của quá trình diễn biến vụ án từ thời điểm phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử; xem xét trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan hoặc có trách nhiệm tham gia giải quyết vụ án này có thể rút ra những bài học sau đây:

1 - Tinh thần kiên quyết, dũng cảm, mưu trí, đoàn kết, phối hợp chặt chẽ trong đấu tranh chống tội phạm

Có lẽ nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ở các cơ sở xã, phường, khu phố, cụm dân cư nhất là những nơi có bọn tội phạm ẩn náu, cố thủ bị lực lượng trinh sát, điều tra, cảnh sát hình sự và các lực lượng chuyên môn khác đồng loạt ra quân tiến công triệt phá, bắt giữ bọn tội phạm một cách dũng mãnh, mau lẹ mới thấy hết quyết tâm cao độ của anh em từ người chỉ huy đến các chiến sĩ. Nhưng không phải chỉ có sức mạnh và lòng dũng cảm ở thời điểm tiến công quyết định mà trước đó là cả một quá trình gian khổ bám sát địa bàn, thu thập chứng cứ, hành vi từng tên tội phạm của các lực lượng chuyên môn, nghiệp vụ. Hơn thế nữa, trong đội hình ra quân, trong mối quan hệ trên dưới, ngang dọc, trong mệnh lệnh của người chỉ huy và trong kế hoạch hành động của mỗi người, mỗi cấp đều thể hiện sự nỗ lực chung, đồng bộ, thống nhất vì thắng lợi chung của vụ trọng án này.

Thấy rõ tính chất nguy hiểm của bọn tội phạm, tính phức tạp của vụ án nên ngay từ sau khi khởi tố vụ án, "Ban Chỉ đạo liên ngành trung ương" được thành lập và hoạt động đã góp phần quan trọng vào việc giải quyết toàn bộ vụ án; sự phối kết hợp chặt chẽ, trách nhiệm cao của mỗi cấp, mỗi ngành cũng được thể hiện rõ, rất đáng được tổng kết thành bài

Digitized by Google

học kinh nghiệm chung. Vai trò của Viện Kiểm sát, của kiểm sát viên tiến hành kiểm sát điều tra ngay từ đầu khi khởi tố vụ án đã có những ưu điểm, tiến bộ gì so với các vụ án khác? Cơ quan điều tra khởi tố 183 bị can, Viện kiểm sát truy tố 155 bị can, sự phối hợp nhưng có tính thận trọng, cân nhắc như vậy giữa các cơ quan chức năng cũng đã nói lên một phần tính khách quan của vụ án. Qua hai cấp xét xử, cả phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đều phản ánh những nét tiến bộ và cả những thiếu sót, hạn chế về công tác tổ chức xét xử, về năng lực trình độ của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong vụ án. Nét nổi bật là vụ án lớn, phức tạp, diễn ra dài ngày nhưng bảo đảm trật tự, an toàn và thành công trong xét xử. Hội đồng xét xử, đặc biệt là chủ tọa phiên tòa đã điều hành phiên tòa một cách khoa học theo đúng trình tự quy định. Dù cho có những tình tiết, những nội dung qua tranh tụng dân chủ, công khai đã thể hiện còn những hạn chế nhất định khó tránh khỏi nhưng về cơ bản, toàn diện bản chất của vụ án đã được làm sáng tỏ, bản án được tuyên có sức thuyết phục cao trước công luận.

Nói về thành tích, về chiến công trong triệt phá băng, nhóm tội phạm Năm Cam của lực lượng công an và hoạt động truy tố, xét xử của các cơ quan tố tụng có rất nhiều nhưng sẽ là chưa đủ nếu không ôn lại, nghĩ lại những gì hôm nay làm được mà ngày hôm qua (cái thời điểm từ 1992 đến 2001) lại chưa làm được. Bài học của ngày hôm qua chưa làm được là điều không vui nhưng nếu quên đi, không kể đến nó thì bài học thắng lợi hôm nay sẽ không đầy đủ ý nghĩa.

Điều quan trọng khi so sánh những thành công và chưa thành công trong công tác điều tra, truy tố, xét xử là tìm ra nguyên nhân. Vì sao trước đây Năm Cam và tay chân của y ngang nhiên gây ra tội phạm lại không bị ngăn chặn, trừng trị? Vì sao khi đã có thông tin, nắm được tình hình, đã lãnh đạo, chỉ đạo mà vụ việc không được giải quyết đến nơi, đến chốn?

Cơ chế kiểm tra, giám sát thế nào giữa các cơ quan chức năng tố tụng, mà để lọt lưới nhiều đối tượng phạm tội hình sự, nhiều vụ án "chìm xuồng" ở thời điểm trước đây?, v.v..

2 - Tăng cường công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội trong điều kiện mở cửa, hội nhập, phát triển kinh tế thị trường

Trong những năm gần đây, Chính phủ đã xây dựng chương trình quốc gia phòng chống tội phạm có quy mô rộng lớn trong toàn quốc. Tấn công, triệt phá các băng nhóm tội phạm nằm trong chủ trương chung, nhằm bảo đảm an ninh, trật tự - xã hội góp phần giữ vững ổn định, tạo môi trường lành mạnh cho sự hợp tác, đầu tư phát triển kinh tế ở nước ta. Việc triệt phá băng nhóm tội phạm do Trương Văn Cam cầm đầu là một quyết tâm cao thể hiện sự chỉ đạo sát sao của Đảng, Chính phủ mà trực tiếp là Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đã có hàng trăm tổ chức tội phạm khác ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố khác được tiến hành đấu tranh triệt phá, ngăn chặn sự hoạt động của chúng trong những năm gần đây. Công tác quản lý, rà soát tình hình địa phương nhất là ở các địa bàn trọng điểm đã được chú ý thường xuyên, đã phát hiện và tập trung xử lý một cách kiên quyết. Cùng với xử lý bọn tội phạm có tổ chức hoạt động phạm tội theo kiểu "xã hội đen", chúng ta cũng đã phát hiện xử lý tình trạng sai phạm, gây mất ổn định trật tự ở một số nơi như nạn "cơm tù", buôn bán ma túy, hoạt động mại dâm, cờ bạc, cá độ, v.v..

Vì sao trước đây ở một số nơi trong Thành phố Hồ Chí Minh như ở quận 4, quận 8, phường Cầu Ông Lãnh, phường Nguyễn Cư Trinh, v.v.. bọn tội phạm hoành hành tổ chức

Digitized by Google

đánh bạc, cho vay nặng lãi, thu "tiền xâu", o ép người lao động, doanh nghiệp, khách sạn, nhà hàng nhưng chính quyền địa phương không biết hoặc làm ngơ cho chúng hoạt động. Có nơi, có lúc bọn tội phạm có quyền lực điều hành, phân xử tranh chấp, coi thường vai trò của chính quyền địa phương. Trong điều kiện đất nước chúng ta đang mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế thì bài học quản lý nhà nước trên lĩnh vực an ninh trật tự xã hội qua vụ án Trương Văn Cam có ý nghĩa thế nào? Nếu tình trạng buông lỏng quản lý ở một số nơi nêu trên không được khắc phục và lan rộng trên đất nước ta thì hậu quả sẽ đến đâu?

3 - Xử lý nghiêm minh với cán bộ, đảng viên có sai phạm trong vụ án Trương Văn Cam, tăng cường công tác quản lý cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh

Con số trên 30 tập thể, tổ chức, hơn 80 cá nhân, cán bộ, chiến sĩ công chức nhà nước trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan báo chí và một số cơ quan tổ chức xã hội khác có sai phạm phải kiểm điểm, xử lý trong đó có 21 người phải truy cứu trách nhiệm. Đặc biệt, có 3 bị cáo nguyên là cán bộ cao cấp, có 2 nguyên là Ủy viên Trung ương Đảng đã nói lên kết quả xử lý nghiêm minh cán bộ, đảng viên có sai phạm theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về công tác xây dựng Đảng. Bài học về tinh thần đấu tranh phê bình, tự phê bình từ trung ương đến cơ sở được biểu hiện sâu sắc qua lãnh đạo giải quyết vụ án. Không chỉ có xử lý trách nhiệm cá nhân và cả tập thể lãnh đạo, tổ chức đảng ở các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm liên quan đều phải kiểm điểm và có hình thức xử lý thích hợp. Đảng và Nhà nước ta đã xem xét, xử lý công minh những cán bộ, đảng viên có sai phạm, kịp thời loại bỏ những "con sâu mọt", "những khối u" trong tổ chức của mình dù đó là ai, ở cương vị nào.

Cái giá phải trả cho công tác quản lý cán bộ, đảng viên bị lơ là, mất cảnh giác ở những nơi có sâu mọt đó thật lớn. Bài học của ngày hôm qua do thiếu kiểm tra, giám sát, thiếu kiên quyết với đồng chí mình dù lúc đầu mới chỉ là một chút nhưng lặp đi lặp lại, để lâu ngày thì "khối u" sẽ to dần...

Trong vụ án này cũng như trong các vụ án khác đã qua, hay sắp tới đây, bài học về công tác quản lý cán bộ, đảng viên luôn là bài học sâu sắc nhất cho mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi chúng ta.

4 - Xây dựng, củng cố tổ chức đảng và chính quyền ở cơ sở

Ở nhiều nơi trong Thành phố Hồ Chí Minh do tổ chức đảng, chính quyền cơ sở xã, phường, tổ dân phố được củng cố, xây dựng vững mạnh biết đoàn kết nhân dân, biết đi sâu, đi sát chăm lo đời sống của nhân dân thì ở đó bọn tội phạm không thể tồn tại và hoạt động được. Ngược lại, một số cơ sở thuộc các quận 1, 3, 4, 6, 8... đã có thời gian để bọn tay chân, đàn em của Trương Văn Cam hoạt động nhiều. Đã có nơi, có lúc chính quyền bị vô hiệu hóa, có những hộ dân bị bọn tội phạm mua chuộc, khống chế, đe dọa không dám tố cáo chúng. Đã có những cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội, viện kiểm sát, tòa án biến chất, sa ngã trong một thời gian dài mà lãnh đạo cấp trên không biết? Hay biết mà làm ngơ vẫn cất nhắc, đề bạt? Có trường hợp dân biết có cán bộ đảng viên thoái hóa, biến chất, nhưng khi dân nói không ai nghe, dân đành im lặng, v.v.. Tình trạng đó hiện nay liệu có còn không, nếu còn thì sửa như thế nào?

Vấn đề quan trọng là xây dựng, củng cố cơ sở một cách toàn diện cả về kinh tế - xã hội và an ninh trật tự; mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới có chặt chẽ không, công tác kiểm tra,

giám sát của cấp trên với cấp dưới và chế độ báo cáo, thông tin tình hình từ cơ sở lên cấp trên thế nào? Làm thế nào để đánh giá chính xác, mạnh, yếu của cơ sở để kịp thời bổ sung, rút kinh nghiệm.

Chúng ta đang xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở theo tinh thần Chỉ thị 30/CT-TW của Bộ Chính trị và các quy định khác của Nhà nước về vấn đề này thì việc rút ra bài học về xây dựng, củng cố tổ chức đảng và chính quyền cơ sở qua vụ án Trương Văn Cam càng có ý nghĩa thiết thực hơn.

5 - Coi trọng và phát huy vai trò của quần chúng nhân dân, vai trò của báo chí thông tin, tuyên truyền trong đấu tranh chống tội phạm

Đồng chí Nguyễn Việt Thành - Trưởng Ban Chuyên án vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn đã nhiều lần nhắc đến sự cổ vũ, ủng hộ của nhân dân và các cơ quan báo chí với các cơ quan pháp luật là một nguyên nhân quan trọng góp phần giành thắng lợi nhanh chóng trong triệt phá tổ chức tội phạm do Trương Văn Cam cầm đầu.

Quá trình khởi tố, điều tra vụ án, cơ quan điều tra của Bộ Công an đã nhận được trên 5 000 lá thư, hơn 4 000 cuộc điện thoại phát hiện, tố cáo, cung cấp thông tin của nhân dân ở Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều nơi trong nước. Đã có người dân từ miền Trung lặn lội vào Thành phố Hồ Chí Minh trực tiếp cung cấp thông tin cho Ban Chuyên án. Đích thân lãnh đạo và cán bộ trong Ban Chuyên án đã tiếp dân, lắng nghe ý kiến phản ánh của nhân dân để phục vụ cho công tác điều tra, phá án. Các cơ quan thông tin báo chí cả nước đã tham gia tuyên truyền phản ánh thường xuyên, kịp thời các nội dung, hình ảnh về kết quả khám phá, giải quyết vụ án của các cơ quan chức năng. Sức mạnh của quần chúng cùng báo chí đã thật sự đóng vai trò quan trọng trong thành công của vụ án.

Điều đáng nói ở đây là, vì sao trước đó nhiều ý kiến phản ánh của nhân dân với các cơ quan bảo vệ pháp luật lại không được lắng nghe thậm chí còn bị thù ghét, hãm hại và đã có một số quần chúng nhân dân từ chỗ phản ứng đến bị mua chuộc tiếp tay, che đậy cho bọn tội phạm? Tại sao lại có người làm báo, thậm chí có cả người lãnh đạo cấp cao trong giới báo chí ủng hộ, tiếp tay cho bọn tội phạm để rồi cuối cùng đứng trước vành móng ngựa, trước ống kính của báo chí trong nước và nước ngoài? Thật đáng đời cho những kẻ giả dối, phản bội lại đồng đội và lương tâm mình nhưng cũng thật đau lòng cho mỗi chúng ta khi nhìn thấy họ đứng trong hàng ghế của bọn tội phạm trước pháp đình !

"Bài học kép" đã đề cập ở phần đầu của bài viết cũng là sự phản ánh tự nhiên, khách quan các sự kiện xảy ra liên quan đến vụ án mà khi tổng kết, rút kinh nghiệm không thể không nói đến. Phải chăng giữa cái tích cực và cái tiêu cực, giữa cái ác và cái thiện luôn có ranh giới trong gang tấc. Bài học thứ 5 trên đây về vụ án Trương Văn Cam có lẽ không phải là bài học cuối cùng. Chắc chắn sẽ còn nhiều bài học xác đáng khác phải do chính các cơ quan tổ chức, cá nhân có trách nhiệm về vụ án tổng kết rút kinh nghiệm một cách đầy đủ, sâu sắc hơn. Không những thế, ở các cấp, các ngành, các cá nhân trong chúng ta khi nghiên cứu vụ án, dù không trực tiếp có liên quan cũng có thể rút ra những bài học riêng cho tổ chức mình, bản thân mình.

Vụ án Trương Văn Cam đã khép lại sau phiên tòa xét xử phúc thẩm của Tòa án Nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng tiếng chuông cảnh báo do chính những bài học kinh nghiệm rút ra từ vụ án đánh vào tâm trí chúng ta sẽ còn vọng mãi! ❑

Digitized by Google

Chuyện thiếp mời, đình đám, hội hè

XUÂN HOÀNH

MÙA cưới diễn ra trong mấy tháng cuối năm cũ và đầu năm mới hằng năm. Sự phát triển của nó tùy thuộc phong tục, tập quán mỗi vùng và tình hình chính trị - xã hội, sự phồn vinh của nền kinh tế. Những năm gần đây, do đời sống kinh tế - xã hội có nhiều khởi sắc nên việc cưới xin phát triển rất đa dạng, vừa mang đậm đà bản sắc dân tộc, vừa có nét cách tân, hiện đại. Điều đáng nói là, đám cưới ở các địa phương hiện nay từ nông thôn đến thành thị tổ chức nghiêng về tiệc cưới. Có những đám cưới tổ chức tiệc mặn hàng trăm mâm cỗ, mời hàng mấy trăm người chỉ cốt để phô trương thanh thế và kinh doanh kiếm lời. Nét đẹp của đám cưới vui vẻ, lịch sự, trang trọng và tiết kiệm của truyền thống dân tộc ta đang bị mai một và thu hẹp. Đây là điều đáng lo ngại của những người dân làm ăn lương thiện, người lao động có thu nhập thấp, nhất là các cụ về hưu.

Nhân buổi đi họp tổ dân phố, tôi được tiếp chuyện cụ M. - cán bộ hưu trí tại địa bàn. Cụ kể:

- Chuyện thứ nhất: Cụ B. - cán bộ cấp vụ về hưu - luôn chịu khó rèn luyện sức khỏe nên ít phải đi khám bệnh. Bí quyết của cụ là tập dưỡng sinh, đi bộ buổi sáng sớm và chiều tối thường xuyên. Cụ chỉ có bệnh là viêm màng "túi"; vì về hưu không còn bổng lộc như hồi còn đương chức; chỉ trông vào vẻn vẹn đồng lương hưu. Cụ có quan hệ rộng, nguyên là thủ trưởng, nên mùa cưới, rồi liên hoan, sinh nhật, mừng nhà mới của cán bộ trong cơ quan cũ ai cũng mời cụ đến để chia vui. Mới về hưu cụ còn hăng hái, cảm thấy vinh dự, tự hào vì được nhiều người trân trọng, quý mến nên cụ không ngần ngại. Thấy mật độ dày quá, sau này, cụ phân loại từng mức độ quan hệ để đến mừng. Có tháng, cụ tới dự dăm bảy cuộc vui như thế. Nhưng giờ ngặt nỗi giá cả leo thang, đồng lương hưu lại bất động, cụ nảy ra ý định phải đánh bài "chiến tranh du kích" mới xong. Nếu có thiếp mời dự tiệc cưới, không phải anh em họ hàng thân thích, quan hệ ở mức độ, thì cụ dặn "ô-sin" - người giúp việc - nói là ông B. đi về quê, hoặc đi du lịch. Còn lại các quan hệ khác cụ tùy cơ ứng biến cho phù hợp với điều kiện thực tế. Ở thành phố, cái lệ thiếp mời đến dự tiệc mặn tại khách sạn, nhà hàng sang trọng làm cho cụ B. phải sợ. Không đi thì áy náy, mà đi thì đồng lương hưu trí e bề khó chịu xiết.

- Chuyện thứ hai: Cụ T. cũng ở cùng cầu thang của khu tập thể. Khi về hưu, cụ T. cùng vợ khăn gói quả mướp dắt nhau về quê để vui tuổi già cũng cốt để những toan chối bỏ sự phiền phức của chốn thị thành. Nhưng xứ thôn dã lắm lúc lại nhiễu sự, dễnh dàng gấp mấy thành thị. Cụ T. vốn là người năng động, hoạt bát nên đám cưới nào cụ cũng được mời. Đã mời ở quê thì không thể từ chối vì sợ mất lòng. Vì vậy, số lương hưu của cụ không thể "kham nổi" các đám cưới. Ngoài ra còn các khoản tiền chi đình đám, đóng góp xây dựng đình chùa, nhà thờ, của họ tộc, lễ hội làng xã... Cụ tâm sự: "Về quê để được hưởng an nhàn, thư dãn hóa ra không phải như tôi tưởng".

Qua câu chuyện của cụ M. hưu, tôi thấy đám cưới nói riêng và chuyện đình đám nói chung đã phần nào làm mất đi cái văn minh, lịch sự, trang trọng và tiết kiệm của truyền thống văn hóa tốt đẹp. Việc đám cưới ăn uống linh đình không hợp với mức sống của đại đa số nhân dân hiện nay. Chỉ vì tức nhau tiếng gáy, chỉ vì hợm đời, chơi trội, có nhiều đám cưới xa hoa lãng phí, làm ảnh hưởng thuần phong mỹ tục. Vậy chưng, đám cưới tổ chức tùy theo gia cảnh cho phù hợp; nên dừng ở phạm vi ăn tiệc mặn trong gia đình, bè bạn thân thích, còn lại là tiệc ngọt theo đời sống mới. Làm sao phối hợp giữa truyền thống và hiện đại thật là hài hòa để không ít người như cụ B. đừng phải nói dối là về quê hay đi du lịch, còn cụ T. không phải buồn về nơi chôn nhau cắt rốn của mình, góp phần làm đẹp hơn văn hóa truyền thống.

Đó cũng là nỗi lòng chung, tâm sự chung của không ít người khi nhận lời mời chung vui cưới xin, hội hè, đình đám chẳng còn ám ảnh cảnh "cơm bụi giá cao" hay cái "trát đòi nợ" mà vì tình vì nghĩa họ không nỡ chối từ. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN DÂN SỐ Ở VIỆT NAM THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁP LỆNH DÂN SỐ

PHẠM THẮNG

DÂN số đã trở thành một trong những vấn đề toàn cầu và đang là mối quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia trên thế giới. Các quốc gia ngày càng thống nhất về nhận thức, hành động trong việc giải quyết vấn đề dân số và phát triển bền vững.

Bước sang thiên niên kỷ mới, chương trình dân số Việt Nam đang đứng trước những thách thức lớn khi chuyển cách tiếp cận từ kế hoạch hóa gia đình sang chăm sóc sức khỏe sinh sản, từ tập trung cho mục tiêu *giảm sinh để sớm ổn định quy mô dân số* sang *tiếp tục duy trì vững chắc xu thế giảm sinh, đạt mức sinh thay thế* (khoảng 2,1 con trên một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) *bình quân* trong toàn quốc vào năm 2005 nhằm phát triển dân số toàn diện cả về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số và phân bố dân cư phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Pháp lệnh Dân số được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI thông qua ngày 9-1-2003 và ngày 22-1-2003, Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 01/2003/L/CTN, Pháp lệnh Dân số có hiệu lực thi hành từ ngày 1-5-2003.

Pháp lệnh Dân số (gồm 7 chương, 40 điều) là văn bản quy phạm pháp luật tạo cơ sở pháp lý bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện công tác dân số và nâng cao trách nhiệm của công dân, gia đình, Nhà nước và xã hội trong công tác dân số. Pháp lệnh điều chỉnh toàn diện vấn đề dân số, từ quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số, phân bố dân cư tới các biện pháp thực hiện công tác dân số và quản lý nhà nước về dân số. Điểm nổi bật của Pháp lệnh là đặt con người vào vị trí trung tâm và là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm sự chủ động, tự nguyện của công dân trong việc phát triển toàn diện bản thân phù hợp với yêu cầu chung của đất nước. Pháp lệnh đã thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta trong lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình và xác định công tác dân số là một cuộc vận động rộng lớn, lấy tuyên truyền, vận động, giáo dục thuyết phục làm biện pháp cơ bản để thực hiện công tác dân số.

Dưới đây, xin đề cập tới một số nội dung cơ bản của vấn đề dân số được định hướng theo tinh thần của Pháp lệnh Dân số.

1 - Về quy mô dân số

Việt Nam là quốc gia có quy mô dân số lớn và tốc độ phát triển dân số ngày càng nhanh. Năm 2000, Việt Nam đạt 77,68 triệu người, đứng hàng thứ 2 ở Đông Nam Á, chỉ sau In-đô-nê-xi-a và xếp thứ 13 trong tổng số hơn 200 nước trên thế giới. Quy mô dân số lớn còn thể hiện ở mối quan hệ giữa dân số và đất đai. Theo

Digitized by Google

các nhà khoa học tính toán, mật độ dân số thích hợp chỉ nên dừng lại từ 35 đến 40 người/km², thì ở Việt Nam, năm 1995, mật độ dân số là 224 người/km², gấp 5 - 6 lần mật độ "chuẩn" và gần gấp hai lần mật độ dân số của Trung Quốc - nước đông dân nhất trên thế giới.

Cùng với điều đó, tốc độ phát triển dân số ngày càng nhanh. Nếu năm 1921, dân số Việt Nam là 15,58 triệu người, 40 năm sau (năm 1960) dân số tăng gấp đôi: 30,17 triệu người, thì với 26 năm tiếp theo (năm 1989), dân số đạt 60,47 triệu người. Giai đoạn 1921 - 1995, dân số nước ta tăng hơn 4,7 lần, trong khi đó dân số thế giới chỉ tăng 3,1 lần. Nếu 35 năm (1921 - 1955) dân số tăng thêm 9,6 triệu người; thì 40 năm tiếp theo (1955 - 1995), dân số bùng nổ với 48,9 triệu người tăng thêm.

Mặc dù tỷ lệ giảm sinh vừa qua đã giảm và còn tiếp tục giảm, nhưng kết quả giảm sinh chưa thật sự vững chắc, còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gia tăng dân số nhanh trở lại; tư tưởng trọng nam khinh nữ đã có chuyển biến nhưng vẫn còn 16 tỉnh có tỷ số giới tính khi sinh là 115 nam so với 100 nữ, vượt quá mức sinh sản tự nhiên (ở những vùng nông thôn nghèo, vùng sâu, vùng xa... tỷ lệ này còn cao hơn).

Rõ ràng, nếu không tiếp tục duy trì sự nỗ lực thì quy mô dân số nước ta vào giữa thế kỷ XXI có thể lên tới 125 triệu người hoặc cao hơn, và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Do vậy, công tác dân số cần tiếp tục đẩy mạnh, làm chuyển đổi hành vi một cách bền vững trong việc thực hiện chuẩn mực gia đình ít con.

Theo Pháp lệnh Dân số, định hướng điều chỉnh quy mô dân số theo các nội dung sau:

- Mục đích chính của điều chỉnh quy mô dân số là nhằm duy trì vững chắc mức giảm sinh, thực hiện mục tiêu sớm đạt mức sinh thay thế, tiến tới ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý, tạo điều kiện để phát triển nhanh và bền vững đất nước. Nếu tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác dân số thì quy mô dân số nước ta sẽ ổn định ở mức 115 triệu người vào giữa thế kỷ XXI.

- Việc điều chỉnh quy mô dân số ở nước ta nhằm phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội là mục tiêu xuyên suốt từ khi ban hành chính sách dân số. Quan điểm nhất quán là kiên trì thực hiện quy mô gia đình ít con mà cụ thể là mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con. Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII, đề ra "mỗi gia đình chỉ có một hoặc hai con", Văn kiện Đại hội VIII nêu rõ: "hướng vào mục tiêu mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con". Qua điều tra, khảo sát, có tới 94% số phụ nữ chưa có con và mới có một con thì mong muốn có một hoặc hai con. Có thể thấy, chuẩn mực quy mô gia đình ít con đã được xây dựng, thực hiện và được đại đa số nhân dân chấp nhận, đồng tình.

- Biện pháp để điều chỉnh mức sinh là thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Kế hoạch hóa gia đình là một cuộc vận động rộng lớn nhằm bảo đảm cho mỗi cặp vợ chồng, cá nhân tiếp cận thông tin một cách đầy đủ và chính xác để đã ra các quyết định một cách tự nguyện và có trách nhiệm. Pháp luật dành cho mỗi cá nhân, cặp vợ chồng quyền quyết định về thời gian sinh con, số lượng con và khoảng cách giữa các lần sinh. Nhưng đây là một quyền có điều kiện. Quyền của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân, không tách rời nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội; đồng thời, phải thực hiện quyền đó một cách có trách nhiệm, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, với mục tiêu của chính sách dân số, phù hợp lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập và nuôi dạy con cái. Nghĩa vụ thực hiện kế hoạch hóa gia đình theo chuẩn mực xã hội đã được nhân dân đồng tình và chấp nhận là quy mô gia đình ít con để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Do vậy, những suy luận về việc sinh con thoải mái, không hạn chế số con là không bảo đảm tính nhất quán về quyền và nghĩa vụ của

Digitized by Google

công dân đối với mỗi cặp vợ chồng, cá nhân được quy định tại Điều 4 và Điều 10 của Pháp lệnh Dân số. Thời gian sinh con tốt nhất đối với phụ nữ là từ 22 tuổi đến 35 tuổi, khoảng cách sinh hợp lý là từ 3 đến 5 năm và mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ một đến hai con. Đảm bảo được điều đó là có cơ sở bảo đảm trong toàn xã hội thực hiện mục tiêu mức sinh thay thế, tiến tới ổn định quy mô dân số hợp lý và sự phát triển bền vững của đất nước.

- Biện pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch hóa gia đình là tuyên truyền vận động, giáo dục gắn với đưa dịch vụ kế hoạch hóa gia đình một cách trực tiếp cho người chấp nhận gia đình ít con, tạo động lực thúc đẩy phong trào quần chúng thực hiện kế hoạch hóa gia đình sâu rộng trong toàn dân, huy động lực lượng toàn xã hội tham gia công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Pháp lệnh Dân số còn định hướng rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc quyết định chương trình dự án về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình phù hợp với điều kiện cụ thể của từng cơ quan, tổ chức và địa phương.

2 - Cơ cấu dân số

Nhìn khái quát, cơ cấu dân số ở nước ta trong thời gian qua là chưa hợp lý cả về giới tính, nhóm tuổi, giữa thành thị và nông thôn. Thực tế cho thấy, tình trạng bất bình đẳng giới ở nước ta vẫn xảy ra, nhất là khả năng tiếp cận giáo dục, đào tạo về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đối với phụ nữ và trẻ em gái còn nhiều hạn chế. Có thể thấy cụ thể như sau:

- *Cơ cấu theo giới tính.* Tỷ lệ nữ trên tổng số dân ở nước ta không ổn định và biến động thất thường: dao động từ 50,3% đến 50,7% (giai đoạn 1921 - 1939); 50,9% - 51,4% (giai đoạn 1943 - 1970); tăng lên 52,1% (năm 1975); giảm dần và đạt 50,6% (năm 1986); tăng lên và ổn định ở mức 51,2% (trong suốt những năm 90, thế kỷ XX); riêng năm 1989 là 51,49% và giảm xuống 50,85% (năm 1999).

- *Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi* cũng có những khác biệt lớn. Ở miền Nam trước giải phóng, dân số theo nhóm 0 - 14 tuổi chiếm 48%, dưới 20 tuổi chiếm 60%. Ở miền Bắc, theo số liệu điều tra năm 1960, nhóm 0 - 14 tuổi là 42,8%; và tương ứng các năm 1979, 1989 và 1999 là 42,55%, 39,82% và 33,11%. Tỷ lệ người già từ 60 tuổi trở lên, tăng từ 7,07% (năm 1979); 7,14% (năm 1989) tới 8,04% (năm 1999). Dân số phụ thuộc đã giảm từ 49,62% (năm 1979), 46,96% (năm 1989) xuống 41,15% (năm 1999). Điều này chứng tỏ tỷ lệ dân số phụ thuộc đang giảm theo thời gian, song tỷ lệ người già lại đang tăng lên.

- *Cơ cấu dân số thành thị và nông thôn*: Đầu thế kỷ XX, dân số thành thị mới chiếm 2% dân số toàn quốc, đến năm 1943 chiếm 9,2%. Tỷ lệ dân số thành thị miền Bắc năm 1931 là 4,6%, miền Trung: 3,5% và miền Nam là 4,6%. Đến 1951, dân số thành thị là 10%, 1960 là 15%, 1970 là 17%. Năm 1980, cơ cấu dân số thành thị cả nước chiếm 19,1%. Tổng điều tra dân số năm 1989 cho thấy, dân số thành thị của các tỉnh miền núi và trung du Bắc Bộ là 19,92%, Tây Nguyên: 22,13%. Tổng điều tra dân số năm 1999 tiếp tục cho thấy, dân số thành thị Tây Nguyên giảm 5,43% và miền núi phía Bắc giảm 4,26% so với năm 1989.

Do vậy, việc điều chỉnh cơ cấu dân số theo tinh thần Pháp lệnh Dân số cần lưu ý những nội dung sau:

- Mục đích điều chỉnh cơ cấu dân số nhằm bảo đảm cơ cấu dân số hợp lý về giới tính, độ tuổi; bảo toàn và phát triển các dân tộc ít người, nhất là ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Để bảo đảm bình đẳng giới, cân bằng giới tính sau khi sinh theo quy luật sinh sản tự nhiên và ổn định trật tự xã hội trong hiện tại và tương lai, Pháp lệnh nghiêm cấm việc lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

Digitized by Google

- Cơ cấu dân số nước ta có xu hướng chuyển từ cơ cấu dân số trẻ sang dân số già do giảm sinh nhanh và tuổi thọ tăng. Tuổi trung vị sẽ tăng từ 23,2 (năm 2000) lên 27,1 (năm 2010); người già từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng từ 6,3 triệu (năm 2000) lên 6,9 triệu (năm 2010). Do đó, cần phát triển mạnh các dịch vụ xã hội phù hợp phục vụ cơ cấu dân số già, bảo đảm quyền bình đẳng giới, cũng như bảo đảm các yếu tố đáp ứng yêu cầu cân đối cơ cấu dân số.

- Tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát triển và nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc ưu tiên đầu tư các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, tăng cường thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình với các biện pháp, phương pháp khoa học tiên tiến. Tuyên truyền và đáp ứng nhu cầu dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình để thực hiện sinh sản và nuôi dạy con cái có khoa học, nâng cao chất lượng dân số.

3 - Chất lượng dân số

Nhìn một cách tổng quát, chất lượng dân số Việt Nam còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các yếu tố về thể lực của người Việt Nam, nhất là chiều cao, cân nặng và sức bền còn rất hạn chế. Theo điều tra mức sống năm 1997 - 1998, tỷ lệ suy dinh dưỡng của người lớn là 65% với nam và 38% đối với nữ; có tới 41,51% số trẻ em thuộc diện thấp, còi (thấp hơn so với lứa tuổi) và 40,1% trẻ em có cân nặng thấp so với tuổi. Ngoài ra, có hàng triệu trẻ em bị tàn tật, mắc bệnh bẩm sinh, ảnh hưởng bởi chất độc màu da cam. Về trí lực, mặc dù tỷ lệ biết đọc, biết viết của dân cư khá cao: 91,2% (năm 1999), nhưng 74% số người đã thôi học mới chỉ có trình độ phổ thông cơ sở, số người đạt trình độ phổ thông trung học chỉ dao động trong khoảng từ 10 đến 15% (kết quả suy rộng mẫu điều tra dân số năm 1999), 91,84% dân số từ 15 tuổi trở lên không có trình độ chuyên môn kỹ thuật. Theo số liệu năm 2002 của Tổng cục Dạy nghề, chỉ có 17,7% trong tổng số gần 40 triệu lao động của Việt Nam được coi là có kỹ năng chuyên môn. Tội phạm, tiêu cực xã hội tăng, trong đó có cả trẻ em đang là những nhức nhối của xã hội. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam (HDI) năm 1999 là 0,682 điểm, xếp hạng 101 trong số 162 quốc gia.

Định hướng của Pháp lệnh Dân số đối với chất lượng dân số là nhằm mục đích nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần của mỗi người dân và toàn bộ dân số; nhất là nâng chỉ số phát triển con người của nước ta lên mức trung bình tiên tiến của thế giới (khoảng 0,700 - 0,750 điểm). Nâng cao chất lượng dân số trong mỗi gia đình và cả cộng đồng là hết sức quan trọng, do đó cần có nhiều giải pháp thiết thực, sự nỗ lực cao của mỗi cá nhân, toàn xã hội cũng như của các ngành, các cấp.

Biện pháp nâng cao chất lượng dân số bao gồm cả những định hướng cơ bản từ việc bảo đảm quyền cơ bản của mỗi con người, quyền được phát triển toàn diện đến việc tuyên truyền, giáo dục và giúp đỡ, đa dạng hóa các loại hình cung cấp hàng hóa và dịch vụ công cộng, hỗ trợ vùng có điều kiện kinh tế khó khăn. Tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng dân số của cộng đồng thông qua tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn giúp đỡ nhân dân hiểu và thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe, bảo đảm điều kiện học tập, rèn luyện vui chơi và tổ chức cuộc sống, sinh hoạt theo một cách khoa học. Tăng cường chăm sóc sức khỏe vị thành niên, tăng quyền lực cho phụ nữ, bảo đảm công bằng giới và sự tham gia của nam giới với công tác dân số. Khuyến khích và tạo điều kiện cho nam, nữ kiểm tra sức khỏe trước khi đăng ký kết hôn, kiểm tra sức khỏe bệnh di truyền, dị tật bẩm sinh, bị nhiễm độc hóa học nguy hiểm để tư vấn và giúp đỡ họ hiểu biết về ảnh hưởng của bệnh

Digitized by Google

tật đối với việc sinh con. Tổ chức, hướng dẫn và giúp đỡ thực hiện việc xây dựng gia đình văn hóa, ít con, no ấm, hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ và bền vững. Tuyên truyền và giáo dục nhằm loại trừ các hình thức phân biệt giới, phân biệt đối xử giữa con trai và con gái. Khuyến khích duy trì mối quan hệ mật thiết giữa các thế hệ trong gia đình, tạo điều kiện để con cái phụng dưỡng cha mẹ già nhằm phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta hiện tại và trong tương lai.

4 - Phân bố dân cư

Phân bố dân cư ở nước ta nhìn chung là bất hợp lý. Dân số tập trung chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng (chiếm 42,8% dân số cả nước), trong khi đó diện tích của 2 vùng này chỉ chiếm 16,6% diện tích cả nước. Ngược lại, ở miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, dân cư rất thưa thớt. Mật độ dân số ở các tỉnh rất chênh lệch nhau: năm 1999, bình quân dân số trên đất đai ở Thái Bình là 1194 người/km², thì ở Kon Tum chỉ có 32 người (chênh lệch kém tới 40 lần). Mặt khác, vốn đầu tư nước ngoài vào các vùng cũng rất khác nhau. Giai đoạn 1988 - 1998, so với vùng Tây Nguyên, mức đầu tư nước ngoài vào đồng bằng sông Hồng gấp 176 lần, và Đông Nam Bộ gấp 307 lần. Thực trạng này chứa đựng nguy cơ di cư tự do lớn so với di dân theo dự án. Giai đoạn 1990 - 1997, có 1,2 triệu dân di cư tới các vùng dự án. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, luồng di cư tự do đến không ngừng tăng lên: Giai đoạn 1981 - 1985, bình quân mỗi năm tăng thêm 130 000 người, giai đoạn 1986 - 1990: 185 000 người và 1991 - 1996: 213 000 người. Nhìn chung, tình trạng di dân tự do và sự di chuyển của lực lượng lao động đó đã làm trầm trọng thêm việc đáp ứng những dịch vụ xã hội cơ bản, gây ô nhiễm môi trường sống, tàn phá tài nguyên và gia tăng các tệ nạn xã hội. Quy mô dân số ở thành thị vượt quá khả năng đáp ứng của kết cấu hạ tầng (nhà ở, giao thông, cấp thoát nước...).

Theo định hướng của Pháp lệnh Dân số, mục đích điều chỉnh phân bố dân cư nhằm bảo đảm kết hợp giữa việc phân bố dân cư với việc phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, miền, khu vực, vùng địa phương, vùng địa lý kinh tế - xã hội, đơn vị hành chính hợp lý, nhằm quản lý dân cư có kết quả trong tình hình mới. Do đó, phải chủ động xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh - tế xã hội, khai thác tiềm năng vùng có mật độ dân cư thấp, tạo động lực thu hút dân cư từ các vùng miền có mật độ cao, hạn chế di dân tự phát, quản lý lao động lưu động tại các thành phố; thực hiện chương trình, dự án di dân có kế hoạch để xây dựng vùng kinh tế mới định canh, định cư, xây dựng khu công nghiệp, dịch vụ, dân cư để tạo điều kiện sống và sinh hoạt thuận lợi. Tiến hành lồng ghép chương trình dân số với các chính sách, chương trình, chiến lược phát triển quốc gia trong phạm vi cả nước cũng như từng vùng, từng địa phương.

Có thể thấy, mặc dù nền kinh tế nước ta có những tiến bộ, nhưng thu nhập bình quân đầu người còn thấp và vẫn thuộc nhóm các nước nghèo trên thế giới. Số người trong độ tuổi lao động tăng nhanh, gây ra sức ép lớn đối với vấn đề việc làm. Trong điều kiện dân số tăng nhanh, diện tích canh tác ngày càng giảm thì vấn đề bảo đảm cuộc sống vẫn còn là vấn đề gay gắt. Do vậy, vấn đề dân số vẫn tạo ra áp lực lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Vì thế, việc điều chỉnh quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số và phân bố dân cư ở nước ta theo Pháp lệnh Dân số là hết sức cần thiết, đòi hỏi các ngành, các cấp phải có nhiều giải pháp mang tính hệ thống, đồng bộ, phù hợp với điều kiện và khả năng của từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. ❑

Digitized by Google

CAN-CUN SỤP ĐỔ:
Thử tìm nguyên nhân của thất bại

NGUYỄN VĂN THANH

HỘI nghị Bộ trưởng lần thứ năm của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) tổ chức ở Can-cun (Mê-hi-cô) để kiểm điểm và thúc đẩy Vòng Đô-ha, đã bế mạc ngày 15-9-2003 mà không thu được kết quả nào. Đại diện các nước đang phát triển đến Can-cun chủ yếu là để thúc đẩy vấn đề nông nghiệp (thị trường, trợ cấp, phá giá). Các nước phát triển đến hội nghị này để xúc tiến nghị trình Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ nhất ở Xin-ga-po năm 1996 (đàm phán về đầu tư, cạnh tranh, mua sắm của chính phủ và tạo thuận lợi cho thương mại). Mỗi bên có những lợi ích riêng, nên không tìm được tiếng nói chung. Sau năm ngày cãi vã, Hội nghị đã sụp đổ, như đã thất bại ở Xi-a-tơn cuối năm 1999. Để tiện theo dõi sự kiện quan trọng này, hãy điểm qua sự phát triển của Hiệp định chung về Thuế quan và Mậu dịch (GATT) và hậu duệ của nó là Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), sự thất bại của Hội nghị Bộ trưởng ở Xi-a-tơn, những thành công của các nước phát triển ở Hội nghị Đô-ha - những tiền đề của sự sụp đổ tại Can-cun.

Năm 1947, Hiệp định chung về Thuế quan và Mậu dịch ra đời. Điều XVIII của GATT cho phép các nước đang phát triển không phải thi hành nghĩa vụ khi lâm vào cảnh khó khăn về cán cân thanh toán; điều XXXVII yêu cầu các nước phát triển đồng ý dành ưu tiên cao cho việc giảm và loại bỏ các rào cản đối với những sản phẩm đang hoặc có tiềm năng mang lại lợi ích xuất khẩu cho các nước đang phát triển, và đình chỉ việc đưa ra thuế mới hoặc tăng thuế hay các rào cản phi thuế đối với hàng hóa của các nước đang phát triển.

Vào giữa những năm 60 thế kỷ XX, ghi nhận yêu cầu chính đáng của các nước đang phát triển, GATT đã bổ sung quy định dành cho các nước này "những điều kiện tiếp cận các thị trường thế giới một cách thuận lợi hơn và có thể chấp nhận được". Đến năm 1979, GATT còn cho ra đời *Quyết định về đối xử có phân biệt, thuận lợi hơn và tham gia đầy đủ hơn của các nước đang phát triển*. Năm 1982, GATT đưa ra một tuyên bố về *Chương trình công tác của GATT cho những năm 1980* cam kết bảo đảm thực thi hiệu quả các quy định và điều khoản của GATT, đặc biệt là những gì liên quan đến các nước đang phát triển. *Chương trình* ghi nhận cần phải cải thiện việc tiếp cận thị trường cho các sản phẩm mà các nước đang phát triển đặc biệt quan tâm xuất khẩu như các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới và hàng dệt may. Có thể nói, đây là thời kỳ tiến bộ của GATT, phản ánh cuộc đấu tranh của các nước đang phát triển, được tiếp sức bởi sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa từ sau năm 1945.

Tháng 5-1984, U-ru-goay đưa ra văn bản *Cải thiện các quan hệ thương mại thế giới thông qua thực thi chương trình công tác của GATT*, với mục đích chống lại mưu toan của các nước phát triển muốn đưa vào nghị trình GATT những vấn đề mới, nhưng lại dây dưa không thực hiện những cam kết về mở thị trường cho các nước đang phát triển. Những năm tiếp theo, các nước phát triển

Digitized by Google

tiếp tục gây sức ép đòi mở một vòng đàm phán mới về các vấn đề dịch vụ, công nghệ cao và đầu tư. Các nước đang phát triển thì kiên quyết yêu cầu trước hết phải bàn việc thực thi những cam kết của các vòng trước. Năm 1986 có thể được xem như một mốc lịch sử với chiều hướng thắng thế của các nước phát triển tại Pun-ta-đen E-xta, vòng U-ru-goay. Vấn đề thực thi được coi là thành phần quan trọng, nhưng các vấn đề "các lĩnh vực của quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại (TRIPs)", "các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs)" và "Hiệp định chung về thương mại trong dịch vụ (GATS)" cũng được nêu nổi bật. Điều lo ngại của các nước đang phát triển đã trở thành sự thật: phải thảo luận về việc mở cửa nền kinh tế quốc gia cho các nhà đầu tư nước ngoài trước khi giải quyết ổn thỏa những xung đột thương mại còn tồn tại. GATT đã nghiêng rõ hơn về phía quyền lợi của các nước tư bản lớn.

Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) ra đời trong bối cảnh đó. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào. Ảnh hưởng của nó đối với các nước thế giới thứ ba đã suy giảm nghiêm trọng. Các nước phát triển không còn lo những ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội, buộc họ phải đối phó bằng cách làm theo khuyến nghị của Kên-xơ về tăng sức mua của xã hội, giảm lãi suất và đầu tư công ích để bảo đảm "đồng lương tối thiểu"; không còn phải đưa ra những "chương trình xã hội vĩ đại", "nhà nước phúc lợi", bảo hiểm y tế, nâng cao giáo dục và dân trí để tô vẽ cho bộ mặt của chủ nghĩa tư bản và tranh thủ người lao động. Đây là thời của Thát-chơ, Ri-gân theo "học thuyết tự do mới" của Hai-éc, tập trung vào tự do thị trường, phi điều tiết hóa, tư hữu hóa các doanh nghiệp nhà nước và dịch vụ công ích, không phải bận tâm đến những vấn đề xã hội mà có thể phi công đoàn hóa, duy trì những đạo quân thất nghiệp thường trực để ngăn chặn những đòi hỏi cải thiện đời sống của công nhân, viên chức trong xí nghiệp, công sở.

Từ ngày 12 đến ngày 15-4-1994, 124 quốc gia thành viên của GATT họp ở Ma-ra-két (Ma-rốc) để ký các hiệp định thể hiện kết quả của Vòng U-ru-goay (1986-1994). Nổi bật trong đó là Hiệp định về Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), theo đó WTO chính thức ra đời ngày 1-1-1995. Ba công cụ thực hiện sự thống trị của chủ nghĩa tư bản trên toàn thế giới: về tài chính là IMF, về kinh tế là WB và về thương mại là WTO, đã trở thành một chỉnh thể trên quy mô toàn cầu, điều mà đế quốc Anh thời cực thịnh trong thế kỷ XIX cũng chưa dám mơ tới. Cho đến trước ngày diễn ra Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ ba ở Xi-a-tơn, tháng 12-1999, nhiều nước đã đưa ra đề nghị được gọi chung là "những vấn đề về thực thi" để WTO xem xét, cho thấy quy mô và chiều sâu những bất đồng của thế giới đang phát triển đối với tổ chức này. Tổng cộng có đến 291 đề nghị về thực thi, nhưng tại hội nghị, dự thảo Tuyên bố chỉ gói tất cả những đề nghị ấy vẻn vẹn trong hai đoạn văn hết sức mơ hồ. Các đại diện châu Phi và Ca-ri-bê ra tuyên bố kiên quyết không ký vào những văn kiện như vậy. Và như mọi người đều biết, Hội nghị Xi-a-tơn đã kết thúc mà không có tuyên bố chung.

Nhưng đừng bao giờ đánh giá thấp sức phản ứng và khả năng vượt qua khó khăn của các bộ máy cầm quyền quân sự, chính trị, kinh tế và tài chính của các nước tư bản lớn đã có mấy trăm năm lịch sử kinh nghiệm thống trị. Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản tất nhiên không cam chịu một thất bại đau đớn như Xi-a-tơn. Từ đầu năm 2000, họ đã phản công. Hai bên đối chiến đã sẵn sàng cho một cuộc đấu tranh mới tại Hội nghị Bộ trưởng lần thứ tư ở Đô-ha năm 2001. Hai bản dự thảo Tuyên bố của Hội nghị đưa ra vào tháng 9 và tháng 10 không thu hẹp được bất đồng. Tuy nhiên, bằng nhiều thủ đoạn, những nước lớn vẫn tiếp tục hội họp với một số nước được họ lựa chọn để chuẩn bị cho hội nghị này. Họ tiến hành một loạt các cuộc hội nghị Bộ trưởng WTO thu nhỏ: đầu tiên là ở Phran-phuốc (Đức) với sự có mặt của "bộ tứ" Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Ca-na-đa, cộng với những nước tán thành một vòng mới như Nam Phi, Ai Cập, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a và một vài nước có quan điểm đối lập. Tiếp đó là cuộc họp ở Cốp-pét (Thụy Sĩ), rồi ở Mê-hi-cô. Cuối cùng là, Hội nghị Xin-ga-po với sự có mặt của khoảng 30 nước. Tại các tiểu hội nghị đó, bộ tứ và các thiết chế WTO, WB, IMF cùng một số nước theo họ, đã soạn thảo văn kiện sau này được nhất trí ở

Digitized by Google

Đô-ha. Đại biểu Dim-ba-bu-ê vạch rõ: "Vẫn là cách làm từ thời GATT, những nước mạnh bắt tay với nhau trước rồi buộc các nước khác phải tuân theo nghị trình do họ soạn thảo". Các nước phát triển mưu toan mở rộng quy mô của WTO để bao quát những nội dung thế mạnh của họ đã nêu ra từ Hội nghị Xin-ga-po. Họ yêu cầu ông Ha-bin-xơn, Chủ tịch Đại hội đồng, đưa ra một dự thảo Tuyên bố chung của Hội nghị Đô-ha lần thứ nhất. Dự thảo này được công bố, các quan điểm khác nhau được đưa vào trong ngoặc. Nhưng đến dự thảo thứ hai, ngày 27-10-2001, thì lại là một văn bản "sạch" (nghĩa là không còn các bảo lưu đặt trong ngoặc), xác định sẽ đàm phán những vấn đề *mới* tại Hội nghị Bộ trưởng lần thứ năm ở Can-cun, mặc dù các nước đang phát triển vẫn giữ lập trường "không vấn đề mới nào được đưa vào nghị trình".

Có thể nói sự đồng thuận của WTO ở Đô-ha hoàn toàn không phải là tự nguyện mà là cưỡng ép, dọa dẫm, dụ dỗ, nhất là với các nước nhỏ. Phổ biến là chiêu thức ban cấp đặc miễn cho các nước đang phát triển, chấp nhận cho các nước này lùi việc thi hành những hiệp định nào đó trong thời hạn từ 5 đến 7 năm - một thời hạn vẫn là quá ngắn so với hàng chục năm cho phép Đức, Nhật Bản, hoặc Hàn Quốc đóng cửa thị trường để bảo hộ hàng hóa "chưa đủ sức cạnh tranh", như ô-tô chẳng hạn. Điều IX.1 Hiệp định Ma-ra-két thành lập WTO xác định: *WTO sẽ tiếp tục thông lệ GATT 1947 ra quyết định bằng đồng thuận. Trường hợp một quyết định không thể đạt được bằng đồng thuận, thì sẽ bỏ phiếu.* Từ đó, các quyết định ở WTO được ban hành bằng "đồng thuận". Mặc dù việc bỏ phiếu vẫn được tiến hành, nhưng rất hiếm khi GATT vận dụng và WTO thì chưa bao giờ. Trên lý thuyết, bất cứ nước nào cũng có quyền *không* đồng ý một vấn đề nào đó. WTO là một thiết chế dân chủ! Nhưng trong thực tế thì khó có nước nào kiên trì được lập trường của mình vì có quá nhiều sức ép. Và đồng thuận đã đạt được khi *không có thành viên nào chính thức đưa ra lời phản đối.* Như vậy, có thể hiểu đồng thuận chỉ là không có phản đối công khai, chứ không có nghĩa là hưởng ứng tích cực. Có thể nói, đồng thuận đã trở thành chiêu thức lợi hại nhất trong tay các nước phát triển để buộc các nước khác phải dẹp phẫn nộ, nuốt bất bình, không công khai phản đối.

Đồng thuận đã được "chế tác" như thế nào? Trước hết, Hoa Kỳ và EU thống nhất lập trường về những điểm nào đó. Sau đó mở rộng cho Ca-na-đa và Nhật Bản, hình thành "bộ tứ". Tiếp đó, thêm những nước phát triển khác và một số nước đang phát triển thân hữu như Nam Phi, Chi-lê, Xin-ga-po... Nhóm này đôi khi được gọi là "Bạn của Chủ tịch Đại hội đồng". Cuối cùng, một số nước đang phát triển có ảnh hưởng như Trung Quốc, Ấn Độ, Ma-lai-xi-a cũng được mời vào. Các nước đang phát triển khác, ngoại trừ những nước kể trên, không bao giờ được lai vãng đến chốn quyền uy này.

Từ Đô-ha đến Can-cun vẫn là những chiêu thức quen thuộc để bảo đảm lợi nhuận của các công ty đa quốc gia và các nước phát triển, kéo dài tình trạng nghèo khổ của các nước thế giới thứ ba. Sách lược "chia để trị" tỏ ra rất thành công. Các nước phát triển còn tìm cách đưa thêm những vấn đề mới hoặc tăng thêm những biện pháp bảo hộ. Tuyên bố về TRIPS và Y tế công cộng được xem như một "chiến quả" của các nước đang phát triển từ Hội nghị Đô-ha. Nhưng trong thực tế Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản vẫn không dễ gì từ bỏ món siêu lợi nhuận này. Họ tìm cách hạn chế những bệnh tật có thể đưa vào phạm vi hiệu lực của Tuyên bố. Những hứa hẹn hủy bỏ trợ cấp nông nghiệp, giảm thuế đánh vào nông sản và hàng dệt may của các nước đang phát triển cũng vẫn chỉ là những hứa hẹn.

Thế nhưng bất chấp những mưu đồ đó của "tứ đầu chế", Can-cun đã sụp đổ do khối các nước châu Phi, được sự hưởng ứng của một số nước Ca-ri-bê, đã rời bỏ phòng họp để phản đối sự áp đặt của Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản. Hay nói đúng hơn là do sức mạnh đoàn kết của tất cả các nhóm quốc gia đang phát triển, như đã từng xảy ra ở Hội nghị Xi-a-tơn. Do đâu mà Can-cun sụp đổ? Người ta đã nêu ra khá nhiều giả định. Nhưng có lẽ ai cũng nhất trí rằng, cả nước giàu cũng như nước nghèo vẫn chẳng ai chịu ai. Ngoại trưởng Mê-hi-cô có lý khi cho rằng, chẳng có cơ sở để

Digitized by Google

đồng thuận, vì vậy có kéo dài thêm hội nghị cũng vô ích mà thôi. Thực tế, hội nghị bế mạc đúng 6 giờ chiều chủ nhật, một điều chưa từng có ở các hội nghị trước, thường là chỉ bế mạc vào 4-5 giờ sáng hôm sau - ngày hạn định cuối cùng .

Tờ *Thời báo Tài chính,* ngày 15-9-2003, khẳng định, Can-cun sụp đổ vì các nước châu Phi và châu Á đoàn kết với nhau để bác bỏ các đề nghị của EU và Nhật Bản về đầu tư và các vấn đề khác. Cho dù đại diện thương mại của EU có nhân nhượng vào giờ cuối, chịu bớt từ 2 đến 3 nội dung của nghị trình Xin-ga-po, thì vẫn chưa đủ để làm cho các nước đang phát triển thay đổi lập trường. Tờ *Nhật báo Phố Uôn,* ngày 16-9-2003, đã nhận xét: Các nước phát triển tưởng họ có thể phớt lờ vấn đề trợ cấp nông nghiệp như trước đây, nhưng lần này một sự liên minh giữa các nước nghèo và các nhà xuất khẩu tự do đã vạch trần thủ đoạn của họ, nhất là châu Âu, muốn thương mại tự do hơn cho tất cả mọi người, trừ những chủ trang trại được nuông chiều của họ. Tờ báo cho rằng, trợ cấp đã làm cho giá cả xuống thấp một cách giả tạo. Và nếu xóa bỏ được bảo hộ nông nghiệp thì như IMF đã công bố, có thể làm cho tăng trưởng của toàn cầu thêm được 100 tỉ USD. Mới đây, giáo sư Xti-glít đã nhận xét: "Các cơ cấu của những thiết chế tài chính quốc tế cho thấy chúng không phải là những thiết chế dân chủ. Phần lớn các chính sách của IMF phản ánh các chính sách của chính phủ Hoa Kỳ, phản ánh quan điểm của Bộ Tài chính Hoa Kỳ, không phải là của nhân dân Mỹ" và "WTO đang theo đuổi các chính sách có lợi cho một số nước, nhưng có hại cho các nước khác."

Lập trường của hai khối nước phát triển và đang phát triển quá xa nhau. Làm sao có được "hai bên cùng có lợi", hay nói như Mỹ "đôi bên cùng thắng". Thương mại đem lại lợi nhuận chủ yếu cho các nước giàu. Còn với các nước nghèo thì phần lớn bị thua thiệt. Hoa Kỳ được lợi nhiều, như lời của đại diện thương mại Hoa Kỳ, vòng U-ru-goay và NAFTA đã giúp tăng thu nhập bình quân của gia đình Mỹ lên từ 1 300 USD đến 2 000 USD, và xuất khẩu chiếm tỷ trọng tới 27% trong mức tăng trưởng của Hoa Kỳ thập kỷ qua. Nhưng nay Hoa Kỳ có những mối quan tâm và những mục tiêu còn to tát hơn. Hoa Kỳ đang ráo riết thực thi chính sách đồng USD yếu để kích thích xuất khẩu và giảm dần thâm hụt cán cân thương mại hàng năm 500 tỉ USD. Điều không kém phần quan trọng là, việc buôn bán vũ khí nằm ngoài sự điều chỉnh của WTO mà Hoa Kỳ luôn chiếm giữ vị trí số 1. Và càng phất hơn với chiến tranh chống khủng bố, với một ngân sách quân sự không ngừng tăng lên qua mỗi năm và sự bành trướng của chủ nghĩa đế quốc bá quyền Hoa Kỳ. Mối quan hệ Hoa Kỳ và EU ngày càng nhạt phai đặc biệt là từ chiến tranh I-rắc. Mâu thuẫn Mỹ - Anh với Pháp - Đức, thực chất là mâu thuẫn cố hữu giữa chủ nghĩa tư bản rất khó điều hòa. Người dân Mỹ bắt đầu nghi ngờ về bản chất của chủ nghĩa tư bản từ vụ En-rôn và gần đây nhất là vụ xin từ chức của R. Grát-xcô, Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành thị trường chứng khoán Niu Y-oóc đang bị tình nghi biển thủ công quỹ.

Cuộc đấu tranh vì một WTO công bằng sẽ rất cam go. Mỹ đã nói rõ sẽ thúc đẩy các hiệp định thương mại song phương hoặc khu vực chứ không chỉ trông vào WTO (?). Mỹ đã ký các hiệp định song phương với Chi-lê và Xin-ga-po, đang đàm phán với 14 nước và sẽ ký tiếp với nhiều nước khác. WTO cũng đang tính đến việc thành lập một kiểu ban chấp hành khu vực hoặc vùng. Một điều chắc chắn là các nước tư bản không bao giờ cam chịu thất bại, họ sẽ tìm mọi cách giành lại "thiên đường" WTO. Hoa Kỳ đã bộc lộ một xu hướng song phương trong một số lĩnh vực. Nhưng muốn thống trị toàn cầu, Hoa Kỳ vẫn phải cần đến đa phương (dù chỉ đa phương khi cần thiết), cần đến WTO, WB và IMF. Song một điều cũng chắc chắn không kém là Hoa Kỳ không phải muốn làm gì thì làm. Bài học Can-cun và I-rắc sờ sờ ra đấy! Sự hy sinh của người thanh niên I-ta-li-a, Các-lô Ghi-li-a-ni, trong các cuộc biểu tình phản đối toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa ở Giê-noa, tháng 7-2001, và sự tuẫn tiết của người nông dân Hàn Quốc, Lee Kyung Hae tại hàng rào cảnh sát Can-cun, tháng 9- 2003, để phản đối WTO sẽ không phải là những hy sinh vô ích. ❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ TẬP HUẤN ĐỔI THẺ ĐẢNG VIÊN VÀ QUẢN LÝ ĐẢNG VIÊN RA NƯỚC NGOÀI

THỰC hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 17-10-2003, của Ban Bí thư *"Về đổi thẻ đảng viên"* và tiếp tục thực hiện Quy định 17-QĐ/TW, của Bộ Chính trị, trong hai ngày 10 và 11 tháng 11 năm 2003, tại thị xã Sầm Sơn (Thanh Hóa), Ban Tổ chức Trung ương và Ban Cán sự Đảng ngoài nước tổ chức Hội nghị tập huấn các nội dung trên cho các ban đảng trực thuộc Trung ương và các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc từ Hà Tĩnh trở ra.

Tham dự hội nghị có đại diện lãnh đạo các ban, ngành trung ương; lãnh đạo Ban Tổ chức các tỉnh ủy, thành ủy; Tổng cục Xây dựng lực lượng (Bộ Công an), Tổng cục Chính trị (Bộ Quốc phòng). Đồng chí Nguyễn Đông Sương, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương chủ trì Hội nghị, đồng chí Nguyễn Duy Quyền, Phó Bí thư Ban Cán sự Đảng ngoài nước tham gia chủ trì Hội nghị. Đồng chí Trịnh Trọng Quyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa tham dự và phát biểu chào mừng Hội nghị.

Hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 29 của Ban Bí thư về việc đổi thẻ đảng viên.

Để thi hành Điều lệ Đảng, phát huy kết quả và khắc phục những thiếu sót trong 24 năm thực hiện công tác phát thẻ đảng viên, Chỉ thị của Ban Bí thư chỉ rõ: Đổi thẻ đảng viên nhằm nâng cao ý thức đảng cho đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, thúc đẩy Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới trong giai đoạn mới. Để giúp các ban đảng trực thuộc trung ương và ban chỉ đạo đổi thẻ đảng viên các địa phương triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 29 của Ban Bí thư và Ban Tổ chức Trung ương, Hội nghị tập trung thảo luận, trao đổi về một số khó khăn, vướng mắc xung quanh Hướng dẫn số 25 của Ban Tổ chức Trung ương và những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Chỉ thị 29 của Ban Bí thư.

Qua thảo luận, Hội nghị hoàn toàn thống nhất về nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện; đồng thời, góp ý, bổ sung một số vấn đề cần được cụ thể hơn, rõ ràng hơn. Các ý kiến thảo luận, góp ý tập trung vào một số điểm cụ thể sau: 1- Đề nghị bản hướng dẫn cần cụ thể hơn về tiêu chuẩn việc xét, đổi thẻ đảng viên theo từng đợt (nhất là đợt 1 và đợt 2); 2- Có kế hoạch, biện pháp chỉ đạo thực hiện cho phù hợp với đặc điểm đặc thù các loại hình đảng bộ; 3- Chuẩn bị tốt các phương tiện, tài liệu, các điều kiện phục vụ đổi thẻ đảng viên.

Qua 5 năm thực hiện Quy định số 17-QĐ/TW của Bộ Chính trị, "Về nhiệm vụ của đảng viên khi ra nước ngoài", nhận thức của các cấp ủy và đảng viên được nâng lên; các khâu tuyển chọn, hướng dẫn, giới thiệu, tiếp nhận, quản lý đảng viên khi ra nước ngoài và bố trí sử dụng khi ra và khi hoàn thành nhiệm vụ trở về nước tốt hơn; đa số đảng viên khi ra nước ngoài đã thực hiện tốt Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo vệ bí mật quốc gia, giữ vững quan điểm, lập trường, đạo đức lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, việc thực hiện còn những khuyết điểm, nhược điểm và khó khăn do yêu cầu và tình hình mới đặt ra hiện nay.

Để tiếp tục thực hiện tốt Quy định 17 của Bộ Chính trị thời gian tới, Ban Bí thư kết luận: "Qua tổng kết, khẳng định nội dung Quy định 17-QĐ/TW của Bộ Chính trị, khóa VIII, là văn bản quan trọng, làm cơ sở để tiếp tục tăng cường quản lý, giáo dục đảng viên ở ngoài nước phù hợp với yêu cầu xây dựng, bảo vệ Đảng trong tình hình mới. Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc Quy định 17-QĐ/TW ngày 10-12-1996 của Bộ Chính trị". Hội nghị thảo luận thống nhất nội dung, biện pháp thực hiện trong bản hướng dẫn bổ sung; đồng thời, đề nghị làm rõ hơn quy chế phối hợp thực hiện giữa Ban Cán sự Đảng ngoài nước và Ban Thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trong việc chọn, cử, quản lý đảng viên khi ra nước ngoài công tác; quy hoạch về đào tạo cán bộ nguồn, cán bộ chủ chốt đi học tập, làm việc ở nước ngoài. ❑

Digitized by Google

TRƯỜNG CÔNG NHÂN KỸ THUẬT TÀU CUỐC

ĐC: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên * ĐT: 0321 713 043 * Fax: 0321 713 103 * Hiệu trưởng: Dương Đức Phương

THÀNH LẬP NGÀY 27-6-1968, TRƯỜNG CÔNG NHÂN KỸ THUẬT TÀU CUỐC (THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN) LÀ TRƯỜNG DUY NHẤT TRONG CẢ NƯỚC ĐÀO TẠO CÔNG NHÂN KỸ THUẬT NGHỀ TÀU CUỐC

TRƯỜNG LUÔN MỞ RỘNG QUY MÔ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ DUY TRÌ, PHÁT TRIỂN CÁC NGHỀ ĐÃ ĐÀO TẠO, NÂNG SỐ NGHỀ CHÍNH ĐƯỢC BỘ CHỦ QUẢN CHO PHÉP ĐÀO TẠO LÊN 9 NGHỀ: VẬN HÀNH VÀ SỬA CHỮA MÁY TÀU CUỐC; VẬN HÀNH VÀ SỬA CHỮA ĐIỆN TÀU CUỐC; VẬN HÀNH VÀ SỬA CHỮA BƠM ĐIỆN; VẬN HÀNH TRẠM THỦY ĐIỆN NHỎ; CƠ ĐIỆN NÔNG THÔN; CẤP THOÁT NƯỚC NÔNG THÔN VÀ ĐÔ THỊ; QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI; GÒ HÀN; ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP.

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO CÓ CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CAO NHÀ TRƯỜNG LUÔN:

- Đảm bảo tuyển sinh đúng đối tượng, đúng chỉ tiêu, năm sau tăng hơn năm trước từ 15% đến 20%.
- Duy trì và phát triển theo chiều sâu nghề truyền thống, tập trung đầu tư để khẳng định các nghề mới.
- Đa dạng hóa loại hình đào tạo với phương châm đa nghề, đa cấp học, mở rộng ngành nghề phục vụ cho hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Chú trọng chất lượng đào tạo, bám sát yêu cầu thực tế sản xuất, quan tâm đến đầu ra của sản phẩm: Nhà trường đã giới thiệu, tư vấn, trợ giúp tìm việc làm.
- 100% số môn học chính đã có đủ giáo trình theo đầu học sinh.
- Tích cực hiện đại hóa, bổ sung trang thiết bị cho các phòng thực hành, tập trung trang bị đồng bộ cho các nghề mới.
- Phát động và khuyến khích phong trào sưu tầm và tự làm đồ dùng dạy học thông qua các kỳ hội giảng.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế đào tạo, chú trọng giáo dục toàn diện cho học sinh.
- Tích cực biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân học tập tốt, rèn luyện tốt.
- Xây dựng đội ngũ giáo viên có chất lượng đồng bộ, tích cực cải tiến phương pháp giảng dạy.
- Chăm lo đội ngũ giáo viên mạnh về chất lượng , đủ về số lượng , thực hiện tiêu chuẩn hóa giáo viên.



Tàu hút bùn

- Mở lớp bồi dưỡng giáo viên, tổ chức đi thực tế tìm hiểu, nắm bắt thiết bị công nghệ mới.
- Tích cực áp dụng phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.
- Duy trì kiểm tra thường xuyên quy chế lên lớp, tổ chức công tác hội giảng nền nếp.
- Nghiên cứu khoa học, thực hiện thực tập gắn liền với lao động sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất có hiệu quả.

THÀNH TÍCH KHEN THƯỞNG

- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1997)
- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1982)
- Huân chương Chiến công hạng Ba (năm 1996)
- Nhiều năm liền được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tỉnh Hưng Yên tặng danh hiệu là Trường tiên tiến xuất sắc, Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.



Digitized by Google

TRƯỜNG TRUNG HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT TÔ HIỆU

Địa chỉ: Xã Dân Tiến- huyện Khoái Châu- tỉnh Hưng Yên * Điện thoại: 0321- 713.176



Hiệu trưởng
ĐỖ TRỌNG HOÀN

Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu là đơn vị trọng điểm trong công tác đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Là đơn vị đi đầu trong nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ cho sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.

Ngày 09 - 01 - 1999, UBND tỉnh Hưng Yên đã ra Quyết định số 26/QĐ- UB giao thêm chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ cho trường. Đứng trước những yêu cầu và nhiệm vụ mới, đảng bộ, tập thể cán bộ, CNV nhà trường luôn phấn đấu hết sức mình nhằm đạt được những thành tích cao nhất, từng bước đưa nhà trường ngày càng phát triển vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tỉnh giao

Các hệ đào tạo:

- Đại học tại chức: Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Kế toán nông nghiệp, Chăn nuôi - Thú y, Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Thủy lợi.
- Hệ trung học: Trung học Quản lý Kinh tế, Trung học Kế toán, Chăn nuôi - thú y, Trồng trọt - Bảo vệ thực vật, Quản lý đất đai, Trung học kỹ thuật 3 năm.
- Hệ dạy nghề: Công nhân hệ dài hạn (công nhân điện, công nhân cơ khí).
- Các hệ sơ cấp: Công nhân điện hệ ngắn hạn, chăn nuôi thú y, trồng trọt bảo vệ thực vật.
- Hệ bồi dưỡng ngắn hạn: Bồi dưỡng kỹ thuật chăn nuôi thú y, trồng trọt bảo vệ thực vật.

Quy mô đào tạo:

Trên 1 000 học sinh, trong đó hằng năm đào tạo 250 cán bộ cấp cơ sở.

Chất lượng đào tạo:

Đảm bảo học sinh tốt nghiệp ra trường đạt các chỉ tiêu xếp loại như sau: Khá giỏi: 30%; trung bình: 70%.

Mở rộng các ngành nghề đào tạo:

Ngành nông học, kinh tế, địa chính, cơ điện nông nghiệp, chăn nuôi - thú y, chế biến nông sản, thủy lợi. Liên thông liên kết với các trường đại học, hằng năm mở 2-4 lớp đại học tại chức đào tạo nguồn cán bộ cơ sở và cán bộ địa phương.

Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên:

100% số giáo viên được chuẩn hóa, trong đó khoảng 30% số giáo viên có trình độ trên đại học (từ 2003, mỗi năm cử 3-5 giáo viên đi học cao học).

Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ của khoa học:

Hằng năm, Nhà trường tổ chức nghiên cứu 2-4 đề tài khoa học cấp trường, cấp tỉnh. Chuyển giao các ứng dụng khoa học mới vào quản lý và sản xuất các giải pháp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Sản xuất, thực nghiệm:

Mở rộng quy mô trại sản xuất thực nghiệm, nghiên cứu đưa các loại giống mới vào sản xuất. Đưa trại thực nghiệm trở thành trung tâm sản xuất cây trồng vật nuôi, phục vụ công tác học tập, nghiên cứu của nhà trường và là mô hình trình diễn các thành tựu về nông nghiệp trong tỉnh. Xây dựng một mô hình trang trại trồng cây ăn quả, trồng rau sạch, chăm sóc khai thác 4ha cây ăn quả, 1ha ao hồ và 18ha trồng lúa.

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT ĐẾN NĂM 2005

- Phấn đấu xây dựng trường thành một đơn vị trọng điểm đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh. Nguồn nhân lực đào tạo có năng lực và trình độ, đáp ứng với yêu cầu thực tế, coi chất lượng đào tạo là mục tiêu hàng đầu giữ vững danh hiệu tiên tiến xuất sắc.
- Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ công tác sản xuất, chuyển giao kỹ thuật và đào tạo của tỉnh.
- Mở rộng quy mô, mô hình đào tạo phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương, phấn đấu đưa trường có đủ điều kiện của trường cao đẳng KTKT của tỉnh.



Một góc khuôn viên của trường



Giờ thực hành của học sinh ngành chăn nuôi - thú y

Digitized by Google

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
XUÂN ĐỈNH

Địa chỉ: Xuân Đỉnh Hà Nội * Điện thoại: 04.8 387 718



Hiệu trưởng
NGUYỄN VIẾT CẨN

Trường THPT Xuân Đỉnh thành lập năm 1960 đặt tại Xuân Đỉnh, Từ Liêm, Hà Nội trên diện tích 30 200m². Trải qua 43 năm phát triển và trưởng thành, Trường THPT Xuân Đỉnh là đơn vị lá cờ đầu khối cấp 3 toàn miền Bắc trong những năm 65-70, hiện nay là đơn vị tiên tiến xuất sắc của ngành giáo dục Thủ đô. Đặc biệt, Nhà trường có cảnh quan sư phạm đẹp, trường lớp khang trang.



THÀNH TÍCH:

- ✔ Năm học 1966-1967 được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba
- ✔ 6 năm liên tục trường đạt tiên tiến xuất sắc của ngành giáo dục thủ đô.
- ✔ Năm 2000- 2003 là đơn vị dẫn đầu khối THPT Hà Nội.
- ✔ 10 năm liên tục Chi bộ là cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.
- ✔ Hằng năm đạt từ 25 đến 30 giải học sinh giỏi thành phố.
- ✔ 3 năm liền có học sinh giỏi đạt giải quốc gia
- ✔ Trường được đánh giá có nền nếp, học sinh ngoan.
- ✔ Là đơn vị xuất sắc của Thành phố về tổ chức các hoạt động tập thể.
- ✔ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đơn vị xuất sắc của Thành Đoàn Hà Nội 2 năm gần đây.
- ✔ Công đoàn là đơn vị xuất sắc, 5 năm liên tục nhận bằng khen của Liên đoàn Lao động Thành phố.
- ✔ Hội Cha mẹ học sinh của trường 5 năm liên tục được khen thưởng là đơn vị xuất sắc.

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI
TIỀN GIANG

DNV UKAS QUALITY MANAGEMENT 013 ISO 9001: 2000

90 Đinh Bộ Lĩnh, Mỹ Tho, Tiền Giang * ĐT: 073.872 878; 872 984 * Fax: 073. 850 597 * Email: Ctxdtltg@hcm.vnn.vn

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Chức năng nhiệm vụ:

+ Nhận thầu thi công các công trình thủy lợi giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp.

+ Sản xuất kinh doanh bê-tông tươi và các sản phẩm bê-tông đúc sẵn.



Cống Gò Cát - Thành phố Mỹ Tho

+ Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.

+ Gia công, lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy lợi. Đóng mới, sửa chữa xà-lan, trung đại tu thiết bị và gia công các sản phẩm cơ khí. Chế tạo lắp đặt các kết cấu thép xây dựng, khung nhà xưởng công nghiệp.

+ Tư vấn, thiết kế xây dựng.

Một số công trình tiêu biểu do Công ty thi công xây dựng:

+ Cống Gò Công: Huy chương Vàng chất lượng cao (1994) công trình tiêu biểu thập kỷ 90.

+ Cống Đôi Ma (Long An): Huy chương Vàng chất lượng cao (1997) Công trình tiêu biểu thập kỷ 90.

+ Cống Diệp Thạch (Trà Vinh): Huy chương Vàng chất lượng cao năm 2000.

+ Cống Gò Cát (Tiền Giang): Huy chương Vàng công trình chất lượng cao năm 2001.

+ Cống Tà Lúa (Kiên Giang): Huy chương Vàng chất lượng cao năm 2002.

Digitized by Google

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: 307 đường Nguyễn Văn Linh, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
ĐT: 0321 864 354 *Fax: 0321 863 997 * Giám đốc: NGUYỄN KHẮC HÀO

Sau hơn 6 năm tái lập tỉnh, ngành giáo dục và đào tạo Hưng Yên ổn định, tiếp tục phát triển và đã đạt được những thành tựu quan trọng về xây dựng mạng lưới, phát triển quy mô và chất lượng giáo dục.

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2002-2003, các ngành học, bậc học đã triển khai thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm của năm học đề ra:

- Bậc học Mầm non: Duy trì ổn định trường lớp, huy động cháu ra nhà trẻ đạt 43,23%, tăng 0,55%.
- 100% các trường tiểu học dạy đúng chương trình. Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ cao (99,3%). Duy trì tốt số học sinh, không để tình trạng học sinh bỏ học.
- Giáo dục thường xuyên: Toàn tỉnh có 10 trung tâm giáo dục thường xuyên (đạt tỷ lệ 100%) và 1 trung tâm giáo dục thường xuyên thị xã. Học sinh tốt nghiệp đạt 99,7%.

Nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2003-2004, ngành giáo dục và đào tạo Hưng Yên tiếp tục đẩy mạnh, phong trào thi đua 2 tốt, tập trung thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học theo tinh thần Chỉ thị 38 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT, đưa sự nghiệp giáo dục lên một tầm cao mới, đáp ứng ngày càng cao sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô-TÔ KHÁCH HÀ TÂY

Địa chỉ: 143 đường Trần Phú, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây * ĐT: 034- 824683, 821778 * Giám đốc- cử nhân: LÃ ĐÌNH ĐẠT



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ❑ Chuyên vận tải hành khách xe ca.
- ❑ Chuyên cho thuê và vận tải hành khách công cộng du lịch.
- ❑ Chuyên thiết kế, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện cơ giới đường bộ.
- ❑ Kinh doanh xăng dầu, vật tư phụ tùng ô-tô.
- ❑ Bảo quản, trông giữ xe ngày và đêm.
- ❑ Hiện nay, Công ty có 100 xe chở khách từ 15 đến 50 chỗ ngồi phục vụ trên 68 tuyến (trong đó: 45 tuyến ngoại tỉnh và 23 tuyến nội tỉnh)

Quý khách ngồi trên xe hoàn toàn yên tâm về chất lượng và sự phục vụ tận tình chu đáo

NHÀ MÁY BIA DUNG QUẤT



KHÁM PHÁ VÀ THƯỞNG THỨC BIA TIỆP TẠI VIỆT NAM



ĐỊA CHỈ: THỊ XÃ QUẢNG NGÃI - TỈNH QUẢNG NGÃI
ĐIỆN THOẠI: 055 822 629 * FAX: 055 823 169

Digitized by Google

NHÀ SẢN XUẤT SĂM LỐP XE HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

CASUMINA

ISO 9001

1997 - 2003
HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
TOP TEN
2001 - 2003

180 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: 9303122 - 9305166 • Fax: 84.8.9303205 • Email: casumina@hcm.vnn.vn • Website: casumina.com.vn

Sản phẩm MỚI

sản xuất đầu tiên tại VIỆT NAM

lốp RADIAL TUBELESS

dễ lái
ít sinh nhiệt khi chạy tốc độ cao
bền trên mọi nẻo đường

cho Ô TÔ Du Lịch

CA406A



Digitized by Google

CÔNG TY BÊ - TÔNG THÉP NINH BÌNH

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Km3 - đường Ninh Bình - Thanh Hóa * Điện thoại: 030 610 078 * Fax: 030 610 120

Giám đốc: Kỹ sư **ĐỖ THỊ LIÊN**

MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC





GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM



CÚP SEN VÀNG

JAS-ANZ
QUACERT
ISO 9001 : 2000



Sản phẩm thép

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Sản xuất cột điện bê-tông ly tâm cao thế, hạ thế, các cấu kiện bê-tông đúc sẵn như: pa-nen, cọc móng, cột chữ H, ống cống...

Luyện cán thép xây dựng, sản xuất hàng mộc dân dụng, trang trí nội thất.

Công ty Bê-tông thép Ninh Bình là một doanh nghiệp nhà nước nhiều năm liên tục được xếp là doanh nghiệp loại 1 của tỉnh, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1992), Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1994), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1999) và danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2000); Chính phủ tặng bằng khen (năm 1998). Năm 2000, Công ty được nhận chứng chỉ ISO 9001: 2000



Sản xuất cột điện bê-tông bằng phương pháp quay ly tâm

Digitized by Google

CÔNG TY TNHH KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ
HOÀNG HẢI

Giám đốc: Ngô Quang Trưởng * ĐTDĐ: 090 3814985



Chủ đầu tư xây dựng dự án khu dân cư, khu công nghiệp thuộc ấp Tiền Lân II, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 32/11 ấp Tiền Lân, Bà Điểm, Hóc Môn

Điện thoại: 08. 7125 910 * Fax: 08. 7125 748

Tài khoản: 4311010170 tại NHNN & PTNT Quận 12

Mã số thuế: 0302057757

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xây dựng cầu đường.
- Kinh doanh nhà công nghiệp và dân dụng.
- Kinh doanh, phát triển nhà.
- Mua bán và chế biến nông sản, thực phẩm.
- San lấp mặt bằng.
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

PETROLIMEX

CÔNG TY VẬN TẢI XĂNG DẦU
VIETNAM TANKER COMPANY - VITACO

ĐỊA CHỈ: 12 LÊ DUẨN - QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TEL: 84.8.8222 675 - 8256 457 - 8231 824 - 8224 729 - FAX: 84.8.8293 848 - 8234 623 - TELEX: 8 813 093 VITACO - VT

E-mail: vitacoid@hcm.vnn.vn

- Vận chuyển sản phẩm dầu mỏ bằng đường biển trên các tuyến trong và ngoài nước.
- Đại lý tàu biển & Môi giới dịch vụ hàng hải.



⇨ VITACO *Vận tải xăng dầu*

⇨ VITACO *Đại lý tàu biển*

⇨ VITACO *Phục vụ tận tình*



Digitized by Google



CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG 8

Trụ sở: Km 9- đường Nguyễn Trãi- Thanh Xuân - Hà Nội.
Điện thoại: 04.8546 245 * Fax: 04.8546 245 * Giám đốc: ĐÀO THANH QUẾ



Đội khảo sát II trên đường Hồ Chí Minh

Công ty Tư vấn công trình giao thông 8 là doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - Bộ Giao thông vận tải; thành lập ngày 16 - 8 - 1995. Qua hơn 8 năm hoạt động, Công ty đã tham gia xây dựng nhiều công trình giao thông, hoạt động trên một thị trường rộng, trải dài từ Cao Bằng tới đồng Bằng sông Cửu Long và một số công trình trên nước bạn Lào.

NHIỆM VỤ CHỦ YẾU:

- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông.
- Khảo sát địa hình, địa chất các công trình giao thông.
- Thiết kế và tổng hợp dự toán các công trình giao thông.
- Thí nghiệm kiểm tra xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của vật liệu, xây dựng kết cấu mặt đường, nền móng công trình các công trình giao thông.

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG LỚN CÔNG TY ĐÃ THAM GIA:

- Khảo sát, thiết kế kỹ thuật đường Hồ Chí Minh đoạn Mục Sơn - Lâm La; Đắc Dôn - Đắc Pét.
- Khảo sát, thiết kế kỹ thuật; bản vẽ thi công đường 18B Lào.
- Khảo sát, thiết kế kỹ thuật thi công đường tránh ngập thủy điện Nà Hang (ĐT 176).
- Lập dự án khả thi; khảo sát thiết kế kỹ thuật quốc lộ 61 Cần Thơ.
- Lắp đặt, vận hành phòng thí nghiệm dự án đường Xuyên Á.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Với những thành tích đã đạt được, Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8 đang xét duyệt và trình Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho cán bộ công nhân viên công ty về những thành tích xuất sắc đã đạt được trong phong trào thi đua 4 nhất xây dựng đường Hồ Chí Minh năm 2002-2003.
- Ngoài ra, Công ty được nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính Phủ, bằng khen cho 1 cán bộ của công ty đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua 4 nhất xây dựng đường Hồ Chí Minh giai đoạn I (2000-2001) và một số bằng khen của Bộ Giao thông vận tải, Công đoàn ngành, TW Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh....

Digitized by Google

XI-MĂNG NGHI SƠN - CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN





NGHI SON CEMENT

NHÀ MÁY: Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 84 - 037 - 862 013/17 * Fax: 84 - 037 - 862 015
VĂN PHÒNG HÀ NỘI: Phòng 801, tầng 8 tòa nhà Sun Red River, 23 Phan Chu Chinh, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 9 330 912 * Fax: 84 - 4 - 9 330 921
CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH: Phòng 2209, tầng 22 cao ốc Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, quận 1
Điện thoại: 84 - 8 - 8 236 308 * Fax: 84 - 8 - 8 236 310
TRẠM PHÂN PHỐI: Xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84 - 8 - 7 818 052 * Fax: 84 - 8 - 7 818 058
Visit us at: nghison.com.vn

Digitized by Google

930

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI & XNK THIẾT BỊ THỦY

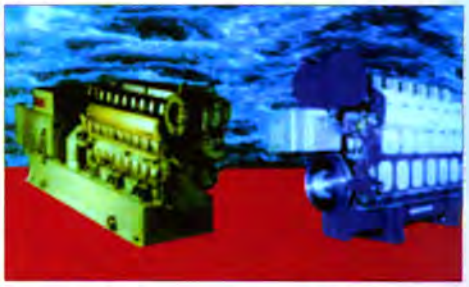
MARINE TRADING CENTER (MTC)

Địa chỉ: 120B Hàng Trống - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 84.4.8 289 562/9 285 617 • Fax: 84.4.8 287444
Email: mtc@fpt.vn • Website: www.mtcvietnam.com
Giám đốc: Kỹ sư Nguyễn Tiến Hân

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TY

- *Tư vấn đầu tư, giám sát, thiết kế*
- *Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị*

Xây dựng



CÁC ĐẠI LÝ THIẾT BỊ HÀNG HẢI CỦA TRUNG TÂM

* Đại lý:
- Cần cẩu điện thủy lực
- Cần cẩu chân đế
- Cần cẩu dàn khoan dầu khí
- Máy lái điện thủy lực
- Các loại tời điện thủy lực

Hãng **SOUTH CHINA MARINE MACHINERY PLANT (SCM-CSSC)**

* Đại lý:
- Máy phát điện, công suất từ 475 kW đến 3800 kW
- Máy thủy chạy dầu DO - HFO, công suất từ 1100HP đến 4000HP

Hãng **ZHENJIANG MARINE DIESEL WORKS (ZJMD-CSSC) MAN B&W**

* Đại lý:
- Máy thủy, công suất từ 382HP đến 3154HP
- Máy phát điện, công suất từ 320 kW đến 2000 kW

Hãng **GUANGZHOU DIESEL ENGINE FACTORY**

* Đại lý:
- Máy thủy, công suất từ 72HP đến 500HP
- Máy phát điện, công suất từ CCFJ15J (15 kW) đến CCFJ200J (200 kW)

Hãng **DONGFENG SHANGHAI CHINA**

* Đại lý máy thủy, Máy phát điện: Hãng **CUMMINS - SINGAPORE**
* Đại lý máy thủy: **Hãng DAE DONG** - HÀN QUỐC
* Đại lý Bơm: Hãng **IRON PUMP** - ĐAN MẠCH
* Đại lý Xích, Neo: Hãng **JINGJIANG ANCHOR CHAIN FACTORY** - TRUNG QUỐC
* Đại lý Máy mài trục khuỷu: Hãng **SHANGHAI MACHINE TOOL WORKS LTD.**
* Đại lý Máy cắt: Hãng **LEMAS** - ĐÀI LOAN
* Đại lý Cần cẩu: Hãng **NORWEGIAN MARITIME EQUIPMENT AS - NA UY**
* Đại lý Tời: Hãng **GOLTENS - SINGAPORE**
* Đại lý Thiết bị điện: Hãng **TERASAKI** - NHẬT BẢN
* Đại lý Van: HÀN QUỐC
* Đại lý Nồi hơi: Hãng **SHANGHAI SHENGANG SPECIAL BOILER CO.LTD**
* Đại lý Trục chân vịt: **Hãng SHINIL** - HÀN QUỐC
* Đại lý các thiết bị đo nồng độ dầu của HÀN QUỐC và của ANH
* Đại lý xuồng cứu sinh: Hãng **SHANGHAI HAIAN LIFE-SAVING EQUIPMENT**
* **Đại lý nhiều thiết bị tàu thủy của các hãng khác trên thế giới**

Trung tâm Thương mại và Xuất nhập khẩu thiết bị thủy chuyên cung cấp thiết bị cho nhiều dự án đóng tàu. Trung tâm đã có quan hệ mua bán ngoại thương trực tiếp với hơn 70 đối tác trên thế giới, làm đại lý cho trên 18 hãng sản xuất thiết bị đóng tàu. Hiện nay, Công ty có trên 70 CBCNV, 20 cán bộ XNK có năng lực về thương mại, ma-két-ting, ngoại ngữ, kĩ thuật. Trung tâm đủ điều kiện và khả năng xuất nhập khẩu, thương mại quốc tế.

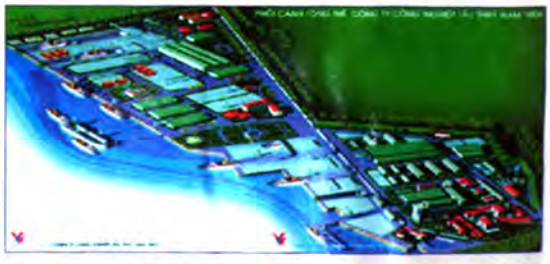




CÁC DỰ ÁN ĐÓNG TÀU TRUNG TÂM ĐÃ CUNG CẤP THIẾT BỊ

- Tàu chở hàng 450, 1000, 3000, 4000 DWT
- Tàu đổ bộ, tàu cảnh sát biển
- Tàu đánh cá cho Hải Quân - Bộ Quốc Phòng
- Tàu chở dầu 1000, 1500, 2500 DWT
- Tàu hút bùn, tàu nhổ phao, tàu kéo
- Tàu cao tốc hải quan
- Tàu chở hàng Nghi Sơn
- Tàu khách, tàu nghiên cứu biển
- Tàu tìm kiếm cứu nạn





Trung tâm rất mong hợp tác đầu tư sản xuất với các doanh nghiệp trong và ngoài nước trên nguyên tắc bình đẳng, đôi bên cùng có lợi

Chúng tôi luôn sẵn sàng phục vụ các dự án!

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
MAR 02 2004
CURRENT SERIALS

34
12-2003

Digitized by Google

HUYỆN QUẢNG UYÊN



Địa chỉ: Thị trấn Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại: 026 820 110 * Fax: 026 820 128



LÝ KIM KHIÊM
BÍ THƯ HUYỆN QUẢNG UYÊN

Huyện Quảng Uyên được tách ra từ huyện Quảng Hòa từ ngày 01-03-2002. Là huyện miền núi cao nằm phía đông của tỉnh Cao Bằng, phía Bắc giáp huyện Trà Lĩnh và huyện Trùng Khánh, phía nam giáp huyện Phục Hòa, phía đông giáp huyện Hạ Lang và phía tây giáp huyện Hòa An, Quảng Uyên có tổng diện tích tự nhiên là: 38,331héc-ta, dân số 43 081 người gồm 5 dân tộc anh em là: Nùng, Tày, Kinh, Hoa và Mông cư chú trên 16 xã và 1 thị trấn. Trung tâm huyện lỵ ở thị trấn Quảng Uyên, cách thị xã Cao Bằng 37 km, cơ cấu kinh tế của huyện là: nông-lâm - công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Trong đó nông nghiệp là chủ yếu với cây trồng chính là ngô, lúa, đỗ tương và mía.

Từ năm 1998 tới nay, Huyện đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, an ninh - quốc phòng, tích cực khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Tổng giá trị sản phẩm ngày càng tăng, thu ngân sách hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao, hàng hóa ngày càng phong phú, giá cả ổn định thường xuyên đáp ứng các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân.

1. Trong lĩnh vực nông nghiệp: Huyện đã và đang tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, áp dụng khoa học-kỹ thuật vào trồng trọt, đưa giống mới có năng suất cao. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, thâm canh tăng vụ.

Hệ thống thủy lợi được quan tâm, đẩy mạnh chương trình kiên cố hóa kênh mương để chủ động nước tưới cho cây trồng, phát triển chăn nuôi đa dạng, nhịp độ tăng trưởng hằng năm đối với đàn gia súc từ 2 - 3%, gia cầm 4 - 5%.

2. Lâm nghiệp: Ngăn chặn được nạn phá rừng bừa bãi, rừng tái sinh tự nhiên được nâng lên, khoanh nuôi bảo vệ được đẩy mạnh, việc giao đất giao rừng được các cấp ủy và chính quyền quan tâm.

3. Kết cấu hạ tầng: Các công trình đã và đang được xây dựng theo kế hoạch đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, công tác và học tập của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là khu vực thị trấn đã có nhiều nhà xây kiên cố, khang trang góp phần đô thị hóa nhanh và làm cho bộ mặt đô thị ngày một thay đổi.

4. Trong lĩnh vực văn hóa xã hội: Đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ vào năm 1998.

5. Công tác văn nghệ - TDTT: Luôn giành được nhiều thành tích cao trong các kỳ thi của huyện, tỉnh.

6. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân thường xuyên được quan tâm, mạng lưới y tế không ngừng được củng cố và phát triển đến nay 100% số xã, thị trấn có trạm y tế xây cấp 4, có mạng lưới y tế thôn bản, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được các cấp ủy và chính quyền thường xuyên quan tâm.

7. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được củng cố và kiện toàn, công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân là việc làm thường xuyên của Đảng bộ.

HUYỆN ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC, CỤ THỂ LÀ:

- Năm 1998, được Chính phủ tặng cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua.
- Chủ tịch nước tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và danh hiệu đơn vị Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới cho xã Phúc Sen.
- Nhiều năm liền được UBND tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc cùng nhiều bằng khen của các bộ, ngành khen thưởng các phong trào khác.
- Năm 2003, huyện Quảng Uyên tổ chức đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 697

34

12-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Sân vận động quốc gia trong Ngày lễ khánh thành

Ảnh : Tài Thụy

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

ĐỖ HOÀI NAM - Nắm chắc cơ hội, vượt qua thách thức, gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới 3

PHẠM MẠNH HÙNG - Không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân 7

NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VŨ XUÂN HỒNG - Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác đối ngoại nhân dân 12

HỒ VĂN CHIỂU - Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển giá trị văn hóa dân tộc và nhân loại 18

HỘI THẢO LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

ĐỨC VƯỢNG - Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường: Kinh nghiệm của Trung Quốc và kinh nghiệm của Việt Nam 22

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ HỒNG TIẾN - Củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước 27

LÊ THỊ KIM NGÂN - Để đẩy mạnh tiêu thụ nông sản hàng hóa 32

HOÀNG NGỌC PHONG - Phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường vùng Tây Nguyên 37

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

HOÀNG VĨNH GIANG - Đại hội Thể thao Đông Nam Á tại Việt Nam - Đại hội của đoàn kết, hợp tác vì hòa bình và phát triển 42

VÕ ĐĂNG THIÊN - Sau 3 năm thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển công nghệ thông tin 45

LÊ KHẮC BÌNH - Bộ đội Biên phòng tỉnh Sóc Trăng với công tác vận động đồng bào dân tộc Khơ Me 50

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGÔ VĂN DOANH - Đông Nam Á - một khu vực lịch sử, chính trị và văn hóa thống nhất trong đa dạng 54

PHẠM QUỐC TRỤ - Thực trạng và triển vọng của quá trình liên kết kinh tế ASEAN 59

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Hội nghị ngành công nghiệp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long lần thứ VI 63

*** Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình phối hợp hành động giữa Bộ Văn hóa - Thông tin với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (1993 - 2003) 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ДО ХОАЙ НАМ: Хорошо владея возможностями, преодолевая все испытания, вступать в ВТО. ФАМ МАНЬ ХУНГ: Непрерывно повышать качество работы по здравоохранению народа. ВУ СУАН ХОНГ: Идеи Хо Ши Мина о народной внешнепопитической работе. ХО ВАН ТЬЕУ: Президент Хо Ши Мин наследовал и развил ценности национальной культуры и культуры человечества. ДЫК ВЫОНГ: Социализм и рыночная экономика: опыты Китая и опыты Вьетнама. ЛЕ ХОНГ ТИЕН: Укрепление и развитие государственных предприятий. ЛЕ ТХИ КИМ НГАН: Во имя усиления сбыта продуктов и товаров сельского хозяйства. ХОАНГ НГОК ФОНГ: Социально-экономическое развитие и охрана окружающей среды в районе Тэйнгуен. ХОАНГ ВИНЬ ЖАНГ: Спортивные игры стран Юго-восточной Азии во Вьетнаме – Фестиваль солидарности, сотрудничества за мир и развитие. ВО ДАНГ ТХИЕН: За 3 года выполнения политических установок Партии на развитие информационных технологий. ЛЕ КХАК БИНЬ: Пограничники в провинции Шокчанг и агитационная работа среди народных масс национальности Кхмера. НГО ВАН ЗОАНЬ: Юго-восточная Азия – регион с единой историей, политикой и культурой в разнообразии. ФАМ КУОК ЧУ: Реальность и перспективы процесса экономической интеграции стран АСЕАН.

CONTENTS

ĐỖ HOÀI NAM: To snatch steadily the opportunity and get over the challenge to join WTO. PHẠM MẠNH HÙNG: Unceasingly enhancing quality of caring for the people's health. VŨ XUÂN HỒNG: Hồ Chí Minh's ideas regarding people's foreign affairs. HỒ VĂN CHIỂU: Hồ Chí Minh had inherited and promoted cultural values of the nation and mankind. ĐỨC VƯỢNG: Socialism and market economy: experiences of China and experiences of Vietnam. LÊ HỒNG TIẾN: Strengthening and developing state enterprises. LÊ THỊ KIM NGÂN: So that consumption of agriculture commodities could be intensified. HOÀNG NGỌC PHONG: Socio-economic development and environment protection in Tây Nguyên area. HOÀNG VĨNH GIANG: SEA GAMES in Vietnam – a great rally of solidarity and collaboration for peace and development. VÕ ĐĂNG THIÊN: After 3 years implementing the Party's line to develop information technology. LÊ KHẮC BÌNH: Sóc Trăng province's frontier army and the work of propaganda and agitation among the Khmer people. NGÔ VĂN DOANH: South-East Asia – a region with history, politics and culture united in diversity. PHẠM QUỐC TRỤ: Realities and prospects of the process of ASEAN economic integration.

SOMMAIRE

ĐỖ HOÀI NAM: Bien saisir l'opportunité, surmonter les défis pour adhérer à l'Organisation mondiale du Commerce (OMC). PHẠM MẠNH HÙNG: Améliorer sans cesse la qualité des soins sanitaires prodigués au peuple. VŨ XUÂN HỒNG: La pensée Hồ Chí Minh de la diplomatie populaire. HỒ VĂN CHIỂU: Continuation et développement par Hồ Chí Minh des valeurs culturelles nationales et de l'humanité. ĐỨC VƯỢNG: Le socialisme et l'économie de marché : expériences de Chine et du Vietnam. LÊ HỒNG TIẾN: Renforcement et développement des entreprises étatiques. LÊ THỊ KIM NGÂN: Pour promouvoir l'écoulement des produits agricoles marchands. HOÀNG NGỌC PHONG: Le développement socio-économique et la protection de l'environnement sur les Hauts Plateaux du Tây Nguyên. HOÀNG VĨNH GIANG: Les Jeux du Sud-Est asiatique au Vietnam – une fête de la solidarité, de la coopération pour la paix et le développement. VÕ ĐĂNG THIÊN: Après trois années d'application de l'option du Parti pour le développement de la technologie informatique. LÊ KHẮC BÌNH: Les gardes-frontières de la province de Sóc Trăng et la mobilisation auprès des Khmers. NGÔ VĂN DOANH: L'Asie du Sud-Est – région unie dans la diversité sur les plans historique, politique et culturel. PHẠM QUỐC TRỤ: Etat réel et perspective du processus d'association économique au sein de l'ASEAN.

SUMARIO

ĐỖ HOÀI NAM: Aprovechar bien la oportunidad y superar los retos para participar en la OMC. PHẠM MẠNH HÙNG: Elevar sin cesar la calidad de atención de la salud del pueblo. VŨ XUÂN HỒNG: El pensamiento de Hồ Chí Minh sobre el trabajo de relaciones exteriores del pueblo. HỒ VĂN CHIỂU: La herencia y el desarrollo de valores culturales de la nación y de la humanidad practicados por Hồ Chí Minh. ĐỨC VƯỢNG: El socialismo y la economía mercantil: experiencias de China y Vietnam. LÊ HỒNG TIẾN: La consolidación y el fomento de empresas estatales. LÊ THỊ KIM NGÂN: Con vistas a impulsar el consumo de productos agrícolas de mercancía. HOÀNG NGỌC PHONG: El desarrollo socio-económico y la protección del medio ambiente en la Alta Meseta Occidental. HOÀNG VĨNH GIANG: Los SEA GAMES – una fiesta de unidad, cooperación por la paz y el desarrollo. VÕ ĐĂNG THIÊN: Después de 3 años del cumplimiento de la directiva trazada por el Partido sobre el desarrollo de tecnología informática. LÊ KHẮC BÌNH: La tropa guardafrontera de la provincia de Sóc Trăng y su trabajo de movilización en la población de etnia Khmer. NGÔ VĂN DOANH: El Sudeste de Asia – una región de historia, política y cultura unida en la diversidad. PHẠM QUỐC TRỤ: El estado real y la perspectiva del proceso de integración económica de la ASEAN.

目录

•杜怀南：紧紧把握机遇，战胜挑战，加入世贸•范孟雄：致力于提高关心照顾人民健康的质量•武春红：胡志明思想中的人民对外工作•胡文沼：胡志明主席继承、发扬民族、人类的文化价值•德旺：社会主义和市场经济：中国的经验和越南的经验•黎鸿践：巩固发展国有企业•黎氏金银：为大力推销农产品•黄玉丰：发展经济 — 社会的同时，必须做好西原地区的环境保护工作•黄永江：在越南举办的东南亚运动会是为和平、发展团结、合作的大会•武登天：三年来落实党有关发展工业信息技术的主张•黎克平：朔庄省边防部队向高棉族同胞展开的民运工作•吴文营：东南亚是一个历史、政治、文化统一于多种形式下的地区•范国柱：东盟在经济合作进程中的实况及其展望

Digitized by Google

NẮM CHẮC CƠ HỘI, VƯỢT QUA THÁCH THỨC, GIA NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI

ĐỖ HOÀI NAM*

MỘT trong những vấn đề cấp thiết là phải luận giải những cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Về nguyên tắc, các cơ hội và thách thức hội nhập hiện nay đang đặt ra cho nước ta chủ yếu do hai nhóm yếu tố chính quy định. Nhóm thứ nhất là bối cảnh quốc tế phức tạp và đang biến đổi nhanh chóng. Nhóm thứ hai là các đặc điểm phát triển riêng của nước ta. Để tiếp cận một cách hợp lý, việc nghiên cứu cơ hội và thách thức gia nhập WTO của Việt Nam cần bắt đầu từ việc làm rõ hai yếu tố này.

1 - Bối cảnh quốc tế mới và các cơ hội cùng thách thức

Thời gian gần đây, bối cảnh quốc tế thay đổi nhanh chóng và sâu sắc chưa từng thấy. Tác động của toàn cầu hóa và phát triển kinh tế tri thức, về căn bản, đặt các nước "nhập cuộc" muộn màng vào hệ thống kinh tế thế giới trước nhiều khó khăn hơn.

Một cách khái quát, trình độ phát triển của thế giới hiện đại được xác định thông qua một số đặc điểm chủ yếu sau: *Thứ nhất*, tốc độ biến đổi cao, chu kỳ sản xuất và công nghệ thu ngắn lại nhanh chóng; *thứ hai*, cấu trúc mạng toàn cầu với các quan hệ rất phức tạp của nền kinh tế thế giới; *thứ ba*, các điều kiện phát triển kinh tế rất bất ổn định và khó dự đoán; *thứ tư*, tương quan sức mạnh đang biến đổi sâu sắc và chi phối sự phát triển nền kinh tế toàn cầu lại tập trung vào một số ít cường quốc và các công ty xuyên quốc gia hùng mạnh.

Những tình huống mới này hàm chứa những thách thức rất lớn đối với sự phát triển của các nước đi sau. Điều đó thể hiện ở chỗ: *một là*, sự phản ứng của các chính phủ và các doanh nghiệp phải theo kịp và đáp ứng hiệu quả các yêu cầu của "cuộc chơi toàn cầu tốc độ cao"; *hai là*, chi phí gia nhập vào mạng kinh tế toàn cầu rất lớn, nhất là đối với các nước nghèo; *ba là*, cạnh tranh diễn ra trên phạm vi toàn cầu và ngày càng trở nên gay gắt hơn. Lợi thế cạnh tranh truyền thống dựa trên tài nguyên thiên nhiên và chi phí lao động thấp ngày càng giảm dần lợi thế. Tri thức và kỹ năng trở thành yếu tố cạnh tranh quyết định. Thách thức rất lớn đối với các nước đi sau là phải liên tục tạo ra được các lợi thế so sánh và cạnh tranh do con người tạo ra trong môi trường hội nhập và dựa vào việc chủ động hội nhập dưới tác động của toàn cầu hóa kinh tế.

Bên cạnh những thách thức này là những cơ hội phát triển rất lớn. Về mặt tiềm năng, các nước đi sau có điều kiện tiếp cận nhanh đến

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia

Digitized by Google

các nguồn vốn, công nghệ hiện đại và thị trường toàn cầu để đẩy nhanh tiến trình phát triển của mình. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc biến cơ hội tiềm năng này thành lợi ích phát triển thực sự là quá trình không dễ dàng, nhất là khi chủ nghĩa bảo hộ ở các nước phát triển có xu hướng gia tăng.

2 - Cơ hội và thách thức hội nhập của Việt Nam trong những điều kiện mới

Việt Nam cam kết tham gia mạnh mẽ vào các quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới từ nhiều năm nay. Hiện nay, nước ta đã có quan hệ thương mại với 165 nước, ký các hiệp định thương mại song phương với 72 nước mà gần đây nhất là ký kết Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Việt Nam là thành viên Khu vực Thương mại tự do ASEAN (AFTA). Chính phủ Việt Nam cũng đã nộp đơn gia nhập WTO từ đầu năm 1995 và hiện đang là quan sát viên của tổ chức này.

Những bài học kinh nghiệm thành công của quá trình đổi mới, phát triển và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam cho thấy rõ những lợi ích kinh tế - xã hội to lớn của quá trình này. Xuất khẩu tăng mạnh và ổn định đã góp phần duy trì mức tăng trưởng GDP cao và ổn định trong nhiều năm, giữ vững cán cân thanh toán, tạo cơ sở chò tích lũy, tăng sức hút đầu tư nước ngoài. Mở rộng các hoạt động kinh tế đối ngoại theo hướng mở cửa còn góp phần làm tăng việc làm, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp chế biến có định hướng xuất khẩu và sử dụng nhiều lao động, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Những kết quả đó góp phần củng cố lòng tin xã hội vào đường lối, chiến lược và các chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước ta. Nó cho phép khẳng định tính đúng đắn của con đường phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập gắn chặt với giữ vững độc lập, tự chủ trong phát triển đã được thực hiện trong 17 năm đổi mới vừa qua.

Song, chúng ta cũng cần nhận thức rằng, điều kiện phát triển mới đòi hỏi phải có tư duy phát triển mới.

Nhiệm vụ bao trùm của Việt Nam hiện nay vẫn là thực hiện thành công quá trình chuyển đổi và phát triển. Vấn đề thứ nhất bao hàm nội dung chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Còn vấn đề thứ hai hàm nghĩa biến nền kinh tế nông nghiệp truyền thống thành nền kinh tế công nghiệp hiện đại mà quá trình chủ chốt hiện nay là chuyển từ tăng trưởng chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, nâng cao sức cạnh tranh, chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Hai vấn đề này luôn đứng trước cả những thách thức lẫn cơ hội của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế như một bộ phận cấu thành của quá trình phát triển rút ngắn theo hướng hiện đại ở nước ta.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có nghĩa là phải tích cực tham gia các quá trình kinh tế quốc tế, tiến hành hợp tác phát triển và cạnh tranh theo những điều kiện và yêu cầu của nền kinh tế toàn cầu hóa. Nghĩa là vấn đề chính của hội nhập kinh tế quốc tế là *chấp nhận cạnh tranh sòng phẳng*, rằng phải thông qua đó để đạt được lợi ích phát triển của mình.

Việt Nam đang gặp phải những bất lợi trong cạnh tranh: Đa số các đối thủ cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam đều mạnh hơn và có trình độ cao hơn trên nhiều mặt; Việt Nam mới chuyển sang kinh tế thị trường, lại phải đẩy nhanh quá trình hội nhập vào một sân chơi lớn, trình độ cao với các quy tắc, luật chơi mới; tuy cơ hội phát triển do hội nhập mang lại là rất lớn, song do nước ta còn nghèo, bị hạn chế về trình độ và năng lực, nên việc chuyển hóa cơ hội thành lợi ích phát triển, trên thực tế,

Digitized by Google

là không dễ dàng, thậm chí, còn là thách thức to lớn.

Như vậy, thách thức của quá trình gia nhập WTO không chỉ là việc nỗ lực hoàn thành đàm phán để nước ta nhanh chóng trở thành thành viên của tổ chức này. *Thách thức lớn nhất và chủ yếu của quá trình này là phải tạo ra các điều kiện trong nước tốt nhất để tham gia có hiệu quả vào hệ thống phân công lao động quốc tế và cạnh tranh thắng lợi trên thị trường thế giới trong khuôn khổ WTO.*

Cách đặt vấn đề này thừa nhận rằng, nhiệm vụ đặt ra cho giai đoạn gia nhập WTO của Việt Nam hiện nay là hết sức khó khăn và nặng nề. Nó đòi hỏi nước ta phải đáp ứng các yêu cầu cam kết khi gia nhập vốn đã đầy thách thức, để nhanh chóng trở thành thành viên WTO. Mặt khác, nó yêu cầu phải đồng thời chuẩn bị tốt các điều kiện bên trong để thực hiện tốt các cam kết sau khi gia nhập WTO, đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, nhất là của doanh nghiệp và sản phẩm; chú trọng củng cố hệ thống thể chế kinh tế - xã hội vững mạnh, bảo đảm sự ổn định vững chắc trước các tác động tiêu cực có thể nảy sinh do quá trình hội nhập gây ra.

Với yêu cầu đó, sự tham gia tích cực, chủ động và rộng rãi của xã hội, đặc biệt của Chính phủ và các doanh nghiệp vào việc chuẩn bị hội nhập là điều kiện thiết yếu để hội nhập thành công.

3 - Chủ động tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, sớm gia nhập WTO

Việc gia nhập tổ chức này đang đặt nước ta trước những vận hội và thách thức mới, nhiều mặt và đan xen nhau. Tình hình này đòi hỏi phải nhận diện rõ cơ hội và thách thức trên tất cả các khía cạnh chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường; phải tìm kiếm các giải pháp cho phép tận dụng tốt thời cơ, chuyển hóa được thách thức thành cơ hội và biến cơ hội thành lợi ích phát triển thực sự; xác định cơ chế phối hợp có hiệu quả công cụ và giải pháp để đạt được mục tiêu hội nhập và phát triển.

Chúng ta hiện đã đạt được sự nhất trí cao về đường lối chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và đã học hỏi được nhiều từ những kinh nghiệm về vấn đề này trong 17 năm đổi mới và từ kinh nghiệm của các nước, đặc biệt là của Trung Quốc. Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tạo cơ sở cho sự ổn định kinh tế và giúp Chính phủ giải quyết tốt các vấn đề xã hội và nghèo đói, tạo cơ sở vững chắc cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội trong tương lai, cũng như tiếp tục theo đuổi và thực thi các chính sách hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, chúng ta cần nhận thức rõ các thách thức to lớn trong quá trình hội nhập WTO. Trước hết là các vấn đề thương mại. Sức ép cạnh tranh sẽ tăng khi mức độ bảo hộ sản xuất trong nước giảm đi trong quá trình thực hiện các cam kết quốc tế. Điều này buộc các doanh nghiệp phải thực hiện điều chỉnh hay cơ cấu lại để tăng cường khả năng cạnh tranh, tạo ra những năng lực cạnh tranh mới. Nhiều quy định trong lĩnh vực thương mại dịch vụ và các nguyên tắc về quyền sở hữu trí tuệ còn rất mới mẻ với Việt Nam.

Gia nhập WTO cũng đồng nghĩa với việc phải tăng cường các thể chế pháp lý theo nguyên tắc minh bạch hóa và phù hợp với thông lệ quốc tế. Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp là những bước đi quan trọng cần được thực hiện theo hướng phù hợp với các nguyên tắc quốc tế, nếu chúng ta muốn sớm gia nhập WTO.

Nâng cao năng lực của chính quyền các cấp cũng là yếu tố quan trọng làm cho hội nhập của nước ta thành công. Gia nhập WTO đòi hỏi phải đánh giá những tác động của quá trình

Digitized by Google

này đến các vấn đề xã hội và nghèo đói. Chính vì thế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ đơn thuần là giảm mức bảo hộ đối với sản xuất trong nước mà còn là một cuộc vận động tổng thể và đồng bộ của toàn bộ đất nước trên các khía cạnh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường.

Đối với Việt Nam, hiện nay, trình độ nhận thức về hội nhập, về WTO của xã hội, của các doanh nghiệp và các chủ thể hội nhập khác còn chưa cao và chưa được phổ cập, trong khi kinh nghiệm thế giới cho thấy điều này có thể gây trở ngại rất lớn cho quá trình hội nhập. Thực tế hội nhập của nhiều nước trên thế giới còn cho thấy, trong quá trình này, thường tồn tại sự khác biệt đáng kể về nhận thức của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp và dân chúng đối với quyền lợi và nghĩa vụ của họ khi thực hiện các cam kết của việc gia nhập WTO. Chúng ta cần nhận thức rõ nguy cơ tiềm ẩn này, nếu không sẽ dẫn đến chỗ khi phải đối mặt với những thách thức, chúng ta không có giải pháp kịp thời, và do đó có thể làm chậm quá trình gia nhập WTO.

Để thành công trong hội nhập WTO, Việt Nam đang nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế quốc dân, của doanh nghiệp và sản phẩm trong nước. Theo đánh giá của nhiều tổ chức kinh tế quốc tế, năng lực cạnh tranh của Việt Nam là rất thấp và chậm được cải thiện. Đây là điểm mấu chốt trong toàn bộ tiến trình hội nhập của nước ta trong giai đoạn tới.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, Việt Nam phải giải quyết đồng bộ hàng loạt vấn đề, như đẩy mạnh quá trình đổi mới khu vực doanh nghiệp nhà nước; chi tiêu ngân sách hiệu quả và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống ngân hàng; ưu tiên phát triển thị trường bất động sản, thị trường lao động và thị trường vốn, v.v.. Những công việc này cần tiếp tục đặt trong tổng thể chương trình đẩy mạnh đổi mới để từng bước hoàn thiện thể chế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển theo hướng đầy đủ, đồng bộ và hiện đại. Đây là cơ sở rất quan trọng để thay đổi cơ chế và định hướng phân bổ các nguồn lực, nhất là nguồn vốn đầu tư nhà nước, để tận dụng tốt hơn các lợi thế so sánh và cạnh tranh của Việt Nam.

Về phía các doanh nghiệp - những chủ thể hội nhập trực tiếp và quan trọng nhất, vấn đề đặt ra là phải nhanh chóng xây dựng và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện để đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong môi trường hội nhập. Thời hạn đặt ra để giải quyết vấn đề này đang ngày càng rút ngắn trong khi các vấn đề phải giải quyết lại rất nhiều và đang đòi hỏi chúng phải được thực hiện một cách hệ thống, đồng bộ từ xác định tầm nhìn, xây dựng chiến lược kinh doanh đến tạo lập và nâng cao năng lực của tất cả các yếu tố trực tiếp cấu thành sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước.

• Mặc dù trọng tâm phát triển của vòng đàm phán Đô-ha đã mang lại bộ mặt nhân văn hơn cho các cuộc đàm phán thương mại với sự quan tâm trực tiếp đối với các nước đang phát triển, nhưng những tác động của việc gia nhập WTO đến xóa đói giảm nghèo và giải quyết các vấn đề xã hội là rất lớn đối với nước ta xét cả về phương diện cơ hội lẫn thách thức. Để giải quyết nó, phải tạo cơ hội, mở rộng cơ hội và nâng cao năng lực lựa chọn cơ hội của mọi người dân, đặc biệt của những người nghèo, trong phát triển và hội nhập WTO. Cũng cần có những biện pháp hữu hiệu để giảm thiểu tối đa mức độ dễ tổn thương của họ, trong đó chú trọng phát triển có hiệu quả thị trường lao động và phát triển hệ thống an sinh xã hội. Đồng thời, việc giữ vững định hướng phát triển vì mục tiêu con người và bảo vệ các giá trị văn hóa dân tộc cũng đang là những đòi hỏi vô cùng bức xúc. ❑

Digitized by Google

KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN

PHẠM MẠNH HÙNG *

TRONG những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngành y tế đã có nhiều nỗ lực trong việc tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu nhằm đáp ứng những nhu cầu cơ bản về chăm sóc sức khỏe nhân dân. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và phát triển cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu cũng như về nhân lực. Đến nay, cả nước ta đã có trên 56% số xã có bác sĩ, 89% số xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi, trên 80% thôn bản đã có nhân viên y tế hoạt động. Nhiều chương trình phòng chống dịch bệnh đã được triển khai rộng rãi tại cộng đồng, kể cả ở những vùng sâu, vùng xa. Nhờ vậy, chúng ta đã đạt nhiều thành tựu to lớn được cả nước và quốc tế công nhận như thanh toán bệnh bại liệt, ngăn chặn và đẩy lùi dịch sốt rét...

Tuy nhiên, hoạt động của tuyến y tế cơ sở trong thời gian vừa qua vẫn còn bộc lộ một số mặt hạn chế:

1 - Cán bộ y tế cơ sở mới tập trung vào thực hiện số lượng đầu công việc để hoàn thành các chỉ tiêu được cấp trên giao mà ít chú ý đến chất lượng các dịch vụ y tế

Một số đơn vị chạy theo thành tích, y tế tuyến trên thiếu quan tâm giám sát; trình độ chuyên môn của cán bộ y tế cơ sở còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu. Hiện nay, có rất nhiều chương trình y tế được triển khai thực hiện theo hệ thống dọc và thiếu sự phối hợp hoạt động lồng ghép giữa các chương trình y tế. Do vậy, các cơ sở thường bị động trong việc bố trí thời gian thực hiện, các hoạt động của chương trình thường chồng chéo, nhất là vào giai đoạn cuối năm, gây quá tải cho y tế cơ sở.

2 - Hoạt động của y tế cơ sở chưa mang tính toàn diện và thường chỉ tập trung vào thực hiện các chương trình y tế

Cán bộ y tế cơ sở nhiều khi chưa coi việc triển khai các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu là nhiệm vụ thường xuyên của mình... dẫn đến một số nhận thức sai lầm cho rằng, họ đang làm giúp các chương trình y tế, phải có bồi dưỡng hoặc phụ cấp cho việc triển khai thực hiện. Nội dung công tác nào được tuyến trên chỉ đạo sát sao và có tiền bồi dưỡng thì thường được cán bộ y tế cơ sở tập trung thực hiện, các nội dung công tác khác ít được quan tâm hoặc bị bỏ qua. Một số lĩnh vực hoạt động có tầm quan

* GS, TSKH, Thứ trưởng Bộ Y tế

Digitized by Google

trọng đặc biệt như truyền thông giáo dục sức khỏe, khám chữa bệnh tại trạm y tế xã nhiều lúc, nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức.

Tuy hiện nay đã có 56% số trạm y tế có bác sĩ, song *chất lượng khám chữa bệnh chưa được nâng cao một cách rõ nét.* Sức thu hút của trạm y tế trong khám chữa bệnh còn thấp, người dân chưa thật sự tin tưởng vào trình độ chuyên môn của các cán bộ trạm y tế, do họ chưa thấy được sự thay đổi về hình thức cũng như nội dung hoạt động của các trạm y tế. Giá thuốc tại các trạm y tế thường cao hơn ngoài thị trường, do các trạm y tế phải nhận thuốc qua nhiều khâu trung gian và phải trừ chiết khấu phần trăm. Tuy được tăng cường cán bộ, song các trạm y tế nhìn chung vẫn chưa được bổ sung các trang thiết bị cần thiết cho phù hợp với trình độ chuyên môn của họ. Mặt khác, các bác sĩ xã hiện nay chủ yếu được đào tạo chuyên tu trong thời gian ngắn; chưa có điều kiện làm việc ở các bệnh viện để học hỏi và thực tập với sự giúp đỡ của các bác sĩ có kinh nghiệm. Khi gặp các ca bệnh phức tạp tại cộng đồng, họ chưa đủ kỹ năng cũng như sự tự tin để xử lý.

3 - Việc phân tuyến trong khám chữa bệnh tại các địa phương chưa được thực hiện chặt chẽ

Nhiều trường hợp người mắc bệnh nhẹ vẫn đi thẳng lên y tế tuyến trên, trong khi có thể khám chữa bệnh đó tại y tế cơ sở, gây sự tốn kém không cần thiết và quá tải tại các bệnh viện tuyến trên. Nhiều người mắc bệnh lại không đến khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế để mua thuốc về tự điều trị, khi bệnh nguy kịch mới đến các bệnh viện thì đã quá muộn. Do ảnh hưởng của cơ chế thị trường, khi người bệnh có tiền họ có thể tự do lựa chọn cơ sở khám chữa bệnh; đối với những người do điều kiện kinh tế khó khăn và thiếu hiểu biết về chăm sóc sức khỏe, họ lại lựa chọn phương thức tự điều trị cho đỡ tốn kém, mặc dù việc này có thể sẽ nguy hiểm đến tính mạng. Hiện nay, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế mới được thực hiện chủ yếu tại các bệnh viện, chỉ có ít địa phương đưa khám chữa bệnh bảo hiểm y tế về trạm y tế xã, phường. Vì vậy, khi người bệnh muốn được chi trả chế độ bảo hiểm y tế thì họ phải đến khám chữa bệnh tại các bệnh viện, mặc dù mắc các bệnh thông thường và có thể khám điều trị tại các trạm y tế. Điều này gây ra những chi phí không cần thiết cho việc đi lại, lãng phí thời gian của bệnh nhân và góp phần làm quá tải y tế tuyến trên.

4 - Kinh phí chi thường xuyên cho trạm y tế xã là yếu tố rất quan trọng nhưng chưa được quan tâm đúng mức

Trạm y tế là đơn vị kỹ thuật y tế đầu tiên, nằm trong hệ thống y tế công lập, nhưng mới chỉ có kinh phí để trả lương và phụ cấp cho các cán bộ y tế. Các trạm y tế cơ sở thiếu nghiêm trọng nguồn kinh phí để chi trả các khoản thường xuyên tại trạm như: điện, nước, vật tư tiêu hao; chưa kể đến kinh phí để sửa chữa trang bị, dụng cụ và khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo. Đã xảy ra tình trạng ở nhiều nơi những dụng cụ khám bệnh cơ bản như ống nghe, huyết áp kế bị hỏng mà không có tiền sửa chữa hoặc thay thế. Cán bộ y tế chỉ hỏi bệnh và kê đơn thuốc. Gần đây, đã có chính sách của Chính

Digitized by Google

phủ về khám chữa bệnh cho người nghèo và thông tư liên bộ hướng dẫn việc chi thường xuyên ở trạm y tế xã, nhưng mới chỉ được triển khai ở một số nơi.

5 - Sự chỉ đạo của chính quyền địa phương các cấp đối với hoạt động của trạm y tế xã chưa được thể hiện đầy đủ

Công tác xã hội hóa y tế chưa được quan tâm đúng mức, có một số biểu hiện về sự hiểu biết chưa đúng tiêu chí của xã hội hóa. Thậm chí tại một vài nơi đã xuất hiện quan niệm cho rằng, công tác chăm sóc sức khỏe là công việc chỉ của riêng ngành y tế. Điều đó đã làm cho y tế cơ sở gặp rất nhiều khó khăn trong công tác xã hội hóa y tế.

Để giải quyết một cách cơ bản những khó khăn, yếu kém nêu trên, thực hiện các mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả và đảm bảo công bằng trong khám chữa bệnh cho nhân dân, chúng ta cần tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 22-1-2002, của Ban Bí thư Trung ương Đảng *"Về củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở"*. Trước hết, chúng ta cần tập trung giải quyết tốt những nhiệm vụ cơ bản sau đây:

Một là, *các cấp ủy và chính quyền tiếp tục nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của y tế cơ sở và có kế hoạch kiểm tra, sơ kết một năm triển khai Chỉ thị 06/CT-TW.*

Đánh giá đúng nhận thức của lãnh đạo các cấp và cán bộ, đảng viên về y tế cơ sở, để có kế hoạch giúp họ nâng cao hiểu biết về tầm quan trọng của y tế cơ sở. Đó là điều kiện tiên quyết để thống nhất cao trong từng giải pháp cụ thể nhằm tăng cường công tác tổ chức, nhân lực, đầu tư cho y tế cơ sở của từng địa bàn.

Hai là, *tăng cường nhân lực và nâng cao trình độ chuyên môn* cho cán bộ trạm y tế. Đảm bảo định biên theo quy định của Nhà nước, trong trường hợp cần thiết có thể hợp đồng thêm cán bộ nếu có điều kiện. Bác sĩ công tác tại xã cần được đưa vào biên chế nhà nước. Phấn đấu để các trạm y tế đều có cán bộ đạt trình độ đại học và có chuyên môn về y học cổ truyền. Tiếp tục tăng cường các bác sĩ và nữ hộ sinh trung học hoặc y sĩ sản nhi về công tác tại các trạm y tế. Với những bác sĩ mới ra trường về làm việc tại các trạm y tế, cần bố trí thời gian để họ có thể thực tập và học hỏi thêm tại những khoa lâm sàng trong bệnh viện huyện. Có kế hoạch tập huấn và khuyến khích các bác sĩ xã học tập, nâng cao trình độ và tay nghề trong khám chữa các bệnh thường gặp ở tuyến y tế cơ sở. Nhiều nơi tổ chức để các bác sỹ xã luân phiên tham gia công tác và trực tại các bệnh viện huyện để nâng cao tay nghề trong chẩn đoán và cấp cứu.

Một trong các giải pháp có thể làm được, đó là khuyến khích các bác sĩ công tác ở trạm y tế xã làm các báo cáo khoa học (không dừng lại ở mức báo cáo hành chính), điều tra và phân tích thực trạng sức khỏe của nhân dân trong địa bàn theo thời gian, trên cơ sở những chứng cứ khoa học, nêu lên những mặt được và chưa được của công tác chăm sóc sức khỏe tại xã và đề xuất các giải pháp với chính quyền.

Hằng năm, Trung tâm y tế huyện tổ chức hội nghị khoa học cho các bác sĩ xã. Thông qua nghiên cứu và sinh hoạt khoa học, các bác sĩ xã sẽ phát triển tư duy khoa học và gắn bó hơn với sự nghiệp chăm sóc sức

Digitized by Google

khỏe ban đầu tại các tuyến y tế cơ sở. Việc tổ chức hội thi "Bác sĩ xã làm công tác truyền thông sức khỏe giỏi" của một số sở y tế cũng là một hình thức hay cần được áp dụng. Ngoài khuyến khích về vật chất (lương, phụ cấp, nhà ở...), cần quan tâm đến đời sống tinh thần, đặc biệt là bồi dưỡng phát triển đảng trong số cán bộ y tế xã, thôn bản.

***Ba là,** đổi mới cơ chế tài chính ở trạm y tế xã.*

Trước mắt, cần triển khai thông tư liên bộ hướng dẫn về chi thường xuyên ở xã. Ngoài việc chi lương và phụ cấp, các loại bảo hiểm xã hội và y tế cho cán bộ y tế, phải đảm bảo chi thường xuyên cho các trạm y tế xã. Kinh phí chi thường xuyên cho các trạm y tế xã sẽ được sử dụng vào việc mua sắm vật tư tiêu hao, trả tiền điện, nước, sửa chữa nhỏ nhà cửa và trang bị dụng cụ, văn phòng phẩm, khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo. Trạm y tế cần quản lý các nguồn tài chính như ngân sách cấp phí dịch vụ, tiền của các chương trình một cách rõ ràng và công khai, có sổ sách theo dõi thu chi và được cập nhật hằng ngày. Đưa khám chữa bệnh bảo hiểm y tế về các trạm y tế xã và quản lý tốt quỹ bảo hiểm y tế. Việc này tạo điều kiện cho những người có thẻ bảo hiểm y tế, khi bị mắc bệnh thông thường, không phải đi quá xa để khám chữa bệnh; mặt khác, tăng số bệnh nhân đến khám y tế và các cán bộ trạm y tế xã có thể tăng thêm nguồn thu nhập ít ỏi qua tỷ lệ trích thưởng của bảo hiểm y tế. Khi tăng số lượng bệnh nhân, uy tín của trạm y tế xã cũng đồng thời tăng theo, tạo thuận lợi cho việc tuyên truyền phòng chống dịch bệnh cho nhân dân.

***Bốn là,** đẩy mạnh xã hội hóa công tác y tế.*

Thành lập Ban Chăm sóc sức khỏe nhân dân ở cơ sở với sự tham gia của chính quyền, đại diện các ban ngành và các tổ chức chính trị - xã hội, có chức năng chỉ đạo, hỗ trợ, theo dõi và giám sát các hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân. Công tác chăm sóc sức khỏe hằng năm cần được đưa vào nghị quyết của Đảng ủy và Hội đồng nhân dân xã, do Ủy ban nhân dân xã trực tiếp thực hiện.

Tuyên truyền để mọi người nhận thức rõ chăm sóc sức khỏe là sự nghiệp của toàn thể cộng đồng. Mọi người đều có trách nhiệm và nghĩa vụ tự bảo vệ sức khỏe cho bản thân và phải tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe do cộng đồng tổ chức; ngược lại, cộng đồng cũng có trách nhiệm tổ chức chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho mỗi cá nhân và chia sẻ những rủi ro trong chăm sóc sức khỏe. Vận động toàn dân trong xã tham gia mua bảo hiểm y tế tự nguyện, để mọi người có điều kiện được khám chữa bệnh khi đau ốm, kể cả trường hợp bệnh nặng mà không ảnh hưởng nhiều đến kinh tế gia đình. Đây chính là hình thức hỗ trợ có hiệu quả giữa người khỏe mạnh và người bệnh, giữa người giàu và người nghèo, thể hiện truyền thống nhân đạo của dân tộc ta "lá lành đùm lá rách".

***Năm là,** đổi mới phương thức hoạt động trong chăm sóc sức khỏe.*

Nâng cao *năng lực quản lý* thông qua các lớp tập huấn cho các trưởng trạm y tế về xây dựng kế hoạch. Kế hoạch hoạt động cần được xây dựng trên cơ sở những nguồn lực

Digitized by Google

sẵn có và giải quyết cụ thể những vấn đề sức khỏe của nhân dân địa phương. Khi xây dựng kế hoạch hoạt động, chú ý đến việc phối kết hợp hoạt động theo kiểu lồng ghép các chương trình y tế để tránh chồng chéo và lãng phí thời gian. Từng bước đưa việc triển khai thực hiện các chương trình y tế thành hoạt động thường xuyên của trạm y tế. Trung tâm y tế huyện cần thường xuyên theo dõi và giám sát hỗ trợ cho các trạm y tế để giúp phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong khi thực hiện kế hoạch. Để làm tốt việc này, Trung tâm y tế của các huyện và các trạm y tế xã cần áp dụng các kỹ thuật quản lý mới, như phương pháp *"Điều hành chăm sóc sức khỏe ban đầu dựa vào cộng đồng"* và *"Lồng ghép chăm sóc trẻ ốm"*.

Xây dựng và quản lý tốt hoạt động của nhân viên y tế thôn, bản và tiến đến thực hiện phương thức *quản lý sức khỏe theo hộ gia đình.* Hiện nay, chúng ta đã có mạng lưới nhân viên y tế thôn bản hoạt động rộng khắp trong cả nước, các trạm y tế xã có điều kiện theo dõi sát tình hình sức khỏe của nhân dân. Với sự tăng cường các bác sĩ về trạm y tế, chúng ta sẽ thực hiện được việc *quản lý sức khỏe theo hộ gia đình* và tiến tới thử nghiệm mô hình hoạt động bác sĩ gia đình. Việc này sẽ giúp tạo mối quan hệ gần gũi, tin tưởng giữa thầy thuốc và người dân; cán bộ y tế có điều kiện phát hiện sớm và điều trị các bệnh trong giai đoạn đầu, giảm được nguy cơ và chi phí cho người bệnh.

Cần nghiên cứu *thay đổi giờ làm việc của trạm y tế xã* để tạo thuận lợi cho người dân đến khám chữa bệnh, không làm ảnh hưởng công việc sản xuất của họ. Có thể trạm y tế xã sẽ làm việc sớm, tăng giờ nghỉ trưa và đóng cửa muộn hơn. Như vậy, sẽ thu hút được nhiều người đến khám chữa bệnh, cũng như sử dụng các dịch vụ y tế khác tốt hơn tại trạm y tế.

Sáu là, tích cực thực hiện cuộc vận động *Chuẩn quốc gia về y tế xã giai đoạn 2001-2010.*

Điểm cần nhấn mạnh là *không phải chỉ chuẩn quốc gia về trạm y tế xã* mà còn *thực hành Chuẩn quốc gia về y tế xã.* Điều này có ý nghĩa ở chỗ: ngoài việc các trạm y tế xã đạt những tiêu chuẩn nhất định thì đầu ra của công tác y tế (tức kết quả của các hoạt động y tế trong xã như số hộ có hố xí hợp vệ sinh, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng...) phải đạt những chỉ tiêu cụ thể. Do vậy, cuộc vận động này không phải chỉ của riêng ngành y tế mà đó là cuộc vận động sâu rộng trên một xã, một huyện, một tỉnh dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy và chính quyền tương ứng.

Y tế cơ sở (bao gồm y tế huyện, xã và thôn bản...) là xương sống của ngành y tế Việt Nam. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở cả về số lượng và chất lượng là bộ phận quan trọng nhất trong toàn bộ chiến lược của ngành y tế Việt Nam. Vì vậy, các cấp ủy và chính quyền cần nghiên cứu, rút ra các kinh nghiệm sau một năm thực hiện Chỉ thị 06/TW để chỉ đạo các cấp của ngành y tế tiếp tục vươn lên hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN

VŨ XUÂN HỒNG*

Đối ngoại nhân dân thực chất là công tác dân vận, vận động các đối tượng quần chúng nhân dân trong và ngoài nước đồng tình, ủng hộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác này là một bộ phận hợp thành của công tác đối ngoại chung, phối hợp và phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước cùng thực hiện nhiệm vụ, đường lối và chính sách đối ngoại của Đảng. Lợi thế của đối ngoại nhân dân là có phương thức hoạt động phong phú đa dạng, có tiếng nói linh hoạt vừa chính thức vừa không chính thức và có thể tiến hành các biện pháp đối ngoại trên một số vấn đề và ở những nước, khu vực trong những hoàn cảnh cụ thể mà đối ngoại Đảng và ngoại giao Nhà nước làm chưa thuận lợi bằng. Mục tiêu của đối ngoại nhân dân là tăng cường hiểu biết giữa bạn và ta, tạo dựng mạng lưới bạn bè và những người cảm tình với Việt Nam ở mọi nước trên thế giới, gây dựng quan hệ quần chúng và nền tảng nhân dân cho đối ngoại Đảng và ngoại giao Nhà nước, góp phần thực hiện nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, đóng góp vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì mục tiêu cao cả của thời đại. Lực lượng tham gia công tác đối ngoại nhân dân bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức nhân dân, các hội nghề nghiệp, các cá nhân và rộng ra là toàn thể nhân dân. Nghĩa là tổ chức nhân dân nào, cá nhân nào cũng có thể làm; nhưng phải có lực lượng nòng cốt, đó là bộ phận đối ngoại của các tổ chức đó hoặc những tổ chức chính trị - xã hội chuyên về đối ngoại nhân dân trên một số lĩnh vực như Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam với các tổ chức thành viên là các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị với nhân dân các nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao, trong đó có công tác đối ngoại nhân dân, dựa trên ba nguồn gốc chủ yếu:

1 - Bản sắc và truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam, truyền thống ngoại giao của ông cha ta. Đó là nền văn hóa, nền ngoại giao yêu nước và vì dân, vì chính nghĩa và hòa bình, hòa hiếu và nhân đạo, giữ nguyên tắc độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân đồng thời lại linh hoạt, khôn khéo, "dĩ bất biến ứng vạn biến".

2 - Tinh hoa văn hóa, văn minh của phương Đông, phương Tây và của toàn nhân loại, nghệ thuật các trường phái ngoại giao trên thế giới. Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kinh nghiệm hoạt động của các Đảng Cộng sản,

* Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam

Digitized by Google

phong trào công nhân quốc tế và các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Người coi trọng vai trò của nhân dân - người làm ra lịch sử các dân tộc và lịch sử thế giới, là động lực của các quá trình chính trị - xã hội của cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa; coi trọng ảnh hưởng của nhân dân và sức ép quần chúng tới chính sách đối nội, đối ngoại của các nước tư bản chủ nghĩa. Người hết sức coi trọng vai trò và tác dụng của nhân dân Việt Nam trong quan hệ quốc tế, trong hoạt động ngoại giao vì độc lập, tự do, hạnh phúc của dân tộc Việt Nam, vì hòa bình, hữu nghị, đoàn kết, hợp tác và phát triển giữa các dân tộc trên thế giới.

3 - Kinh nghiệm chỉ đạo và hoạt động thực tiễn trong công tác đối ngoại của bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã làm công tác đối ngoại nhân dân từ khi ra đi tìm đường cứu nước đến khi sáng lập Đảng ta. Người cũng chỉ đạo và trực tiếp tiến hành đồng thời công tác ngoại giao của Nhà nước, công tác đối ngoại của Đảng và dành nhiều quan tâm cho công tác đối ngoại nhân dân khi làm Chủ tịch Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại nhân dân cũng như việc tổng kết công tác đối ngoại nhân dân trong thời gian qua còn hạn chế. Chưa có nhiều công trình nghiên cứu sâu rộng về các vấn đề này. Các nội dung dưới đây về tư tưởng, phương pháp, phương châm của Bác Hồ đối với đối ngoại nhân dân mới chỉ là những nhận thức ban đầu về các vấn đề đó.

1 - Thêm bạn bớt thù, đoàn kết nhân dân trong nước gắn liền với đoàn kết nhân dân thế giới vì lợi ích chân chính của nhân dân ta và nhân dân thế giới

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Phải làm cho nước mình ít kẻ thù nhất và nhiều bạn đồng minh nhất. Trong từng giai đoạn cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đều phân rõ bạn, thù, bạn gần, bạn xa, bạn lâu dài, tìm cách giảm bớt kẻ thù, tránh đối phó với hai kẻ thù cùng một lúc, xác định kẻ thù chính để tập trung mũi nhọn đấu tranh. Người giáo dục nhân dân ta phân biệt rõ bạn, thù, phân biệt bọn thực dân Pháp và bọn Mỹ xâm lược với nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ để tranh thủ sự ủng hộ và đoàn kết của nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ, cô lập và chĩa mũi nhọn đấu tranh vào chính quyền của thực dân Pháp và chính quyền của đế quốc Mỹ xâm lược. Người khẳng định với nhân dân Pháp: Chúng tôi muốn hòa bình ngay để máu người Pháp và người Việt ngừng chảy. Những dòng máu đỏ chúng tôi đều quý như nhau. Người nhấn mạnh: Nhân dân Việt Nam không chống nhân dân Mỹ và chỉ muốn chiến tranh sớm chấm dứt để nhân dân hai nước giảm được mất mát, đau thương và sống hòa bình hữu nghị với nhau. Người đã nói với những người bạn Mỹ vào đầu năm 1964: Chẳng những chúng tôi đau xót vì đồng bào chúng tôi phải gian khổ hy sinh, mà chúng tôi cũng thương xót cho các bà mẹ và người vợ Mỹ đã mất con, mất chồng trong cuộc chiến tranh phi nghĩa ở miền Nam Việt Nam do bọn quân phiệt Mỹ tiến hành.

Gắn liền đoàn kết nhân dân trong nước với đoàn kết quốc tế là kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế cao cả, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ dân tộc với nghĩa vụ quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn giải thích và thực hiện mối quan hệ thân thiện hữu nghị, bầu bạn với nhân dân các nước, "bốn phương vô sản đều là anh em". Khi tìm đường cứu nước và cùng với Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định và thực hiện quan điểm đoàn kết cách mạng, kêu gọi vận động thực hiện đoàn kết nhân dân thông qua Mặt trận Dân tộc thống nhất. Người tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa và ra tờ báo *"Người cùng khổ"* (1921 - 1926) để thực

Digitized by Google

hiện sự đoàn kết giữa những người yêu nước Việt Nam và những người yêu nước ở các thuộc địa. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện thành công chủ trương "ba tầng mặt trận": Mặt trận đoàn kết nhân dân trong nước, Mặt trận đoàn kết nhân dân Việt, Lào, Cam-pu-chia và Mặt trận đoàn kết nhân dân thế giới nhằm tạo ra sức mạnh vô cùng to lớn của nhân dân ta để kháng chiến thắng lợi và góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về thêm bạn bớt thù và đoàn kết quốc tế, Đảng và Nhà nước ta chủ trương mở cửa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, thắt chặt quan hệ với các bạn bè truyền thống, nối dài vòng tay với các bạn bè, đối tác mới, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại theo tinh thần "Việt Nam sẵn sàng là bạn và đối tác tin cậy với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Đó chính là đã thực hiện nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao, về đối ngoại nhân dân trong tình hình mới.

2 - Kết hợp công tác đối ngoại của Đảng với ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp của mặt trận ngoại giao

Trong thời kỳ Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, công tác đối ngoại của Đảng và công tác đối ngoại nhân dân được kết hợp chặt chẽ với nhau. Tư tưởng, phương châm, phương pháp Hồ Chí Minh là vận dụng đối ngoại nhân dân để gây dựng phong trào, tuyên truyền cho cách mạng, hỗ trợ cho công tác đối ngoại của Đảng trong thời kỳ trứng nước. Từ khi có chính quyền, ba "binh chủng" đối ngoại chính thức được xây dựng và củng cố với thế mạnh tổng hợp, đã góp phần to lớn vào công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và sự nghiệp đổi mới hôm nay. Từ khi bước vào sự nghiệp đổi mới, chúng ta thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, coi công tác đối ngoại nhân dân không phải là một công việc nhất thời, ngẫu hứng, hữu nghị chung chung mà là công tác có ý nghĩa chiến lược, ngày càng cần được phát triển và củng cố. Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, tất cả các văn kiện Đại hội VI, VII, VIII và nhất là Đại hội IX của Đảng ta đã đề cập đầy đủ vai trò, vị trí và nhiệm vụ của công tác đối ngoại nhân dân trong tổng thể đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Để tạo ra và phát triển sức mạnh tổng hợp của công tác đối ngoại, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn luôn coi trọng thực hiện thống nhất sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước đối với công tác đối ngoại nhân dân. Và công tác đối ngoại nhân dân phải được sự chỉ đạo của công tác đối ngoại của Đảng và sự hỗ trợ của công tác ngoại giao của Nhà nước để tăng thêm sức mạnh cho mình và sức mạnh của công tác đối ngoại nói chung, góp phần thực hiện kết hợp chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại, đối ngoại với an ninh, quốc phòng. Tranh thủ triệt để sự lãnh đạo của Đảng, hỗ trợ của chính quyền, đồng thời mở rộng và tăng cường liên kết, phối hợp giữa các ngành, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội; tranh thủ sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và mọi tầng lớp nhân dân để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân. Mặt khác, Đảng và Nhà nước cần tạo những điều kiện nhất định về cơ chế, tổ chức, cán bộ, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho đối ngoại nhân dân hoạt động và phát huy vai trò của mình.

3 - Nhân dân làm đối ngoại nhưng cần được tổ chức để phát huy tối đa vai trò và lợi thế của đối ngoại nhân dân

Chủ tịch Hồ Chí Minh mở đầu hoạt động

đối ngoại bằng hoạt động đối ngoại nhân dân khi Người tìm đường cứu nước. Người đã chỉ đạo và trực tiếp tham gia công tác đối ngoại nhân dân từ khi có Đảng và Nhà nước độc lập. Người cho rằng, quan hệ nhân dân với nhân dân luôn là cơ sở cho mối quan hệ giữa nước ta với các nước, là mối quan hệ bền vững và lâu dài, dù quan hệ của các chính phủ với nhau có thay đổi thế nào thì quan hệ nhân dân với nhân dân vẫn là nền tảng quan trọng.

Công tác đối ngoại nhân dân có sức mạnh của nhân dân làm hậu thuẫn. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói, ngoại giao phải có thực lực và phải biểu dương lực lượng, chính là nói đến sức mạnh của nhân dân trong công tác đối ngoại. Lợi thế của đối ngoại nhân dân còn ở chỗ có thể sử dụng cả lý lẽ và tình cảm để thuyết phục, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đối với nhân dân ta; vận động dư luận nhân dân ta và nhân dân các nước lên tiếng phản đối các âm mưu hành động thù địch của các thế lực thù địch bên ngoài. Sử dụng sức mạnh của nhân dân ta và nhân dân các nước trong đấu tranh dư luận.

Quan niệm về đối ngoại nhân dân hình thành trong Hồ Chí Minh từ khi Người đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trở thành đảng viên cộng sản năm 1920. Quan niệm đó ngày càng phát triển, và trở thành một chính sách lớn Đảng ta sau này. Tháng 12-1920, tại Đại hội XVIII của Đảng Xã hội Pháp ở thành phố Tua (Pháp), đồng chí Nguyễn Ái Quốc, thay mặt nhân dân Đông Dương, tuyên bố đoàn kết với giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, gắn cách mạng ở thuộc địa với cách mạng ở chính quốc. *Tư tưởng gắn cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với cuộc đấu tranh của nhân dân lao động Pháp là một tư tưởng lớn,* tiến bộ hơn rất nhiều so với các nhà yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX. Sau đó, Người đã tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa, tập hợp và đoàn kết với nhiều đại biểu ưu tú của nhân dân các thuộc địa Pháp để đấu tranh. Người bền bỉ đi tuyên truyền, vận động, không chỉ những người cộng sản, mà tất cả các tầng lớp nhân dân Pháp, các nhân sĩ trí thức Pháp và nước ngoài ở Pháp nhằm tranh thủ sự ủng hộ của họ đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

Trong những năm 20 của thế kỷ XX, khi ở Liên Xô và Trung Quốc, ngoài những hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, Người còn tuyên truyền, vận động các đoàn thể quần chúng Liên Xô, Trung Quốc ủng hộ nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp, giúp đỡ cán bộ, thanh niên nước ta học tập, bồi dưỡng ở các nước đó. Người đã lập ra ở Trung Quốc Hội đoàn kết những dân tộc bị áp bức châu Á. Năm 1930, tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, trong *Sách lược vắn tắt* và *Cương lĩnh vắn tắt* của Đảng, Người đã đề ra việc nhân dân Việt Nam liên kết với nhân dân các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Trong thời gian diễn ra Chiến tranh thế giới thứ hai, Bác Hồ, Đảng ta và Mặt trận Việt Minh bằng nhiều hình thức hoạt động đã gắn chặt cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam với cuộc đấu tranh chống phát xít của nhân dân Liên Xô, Trung Quốc và nhân dân toàn thế giới.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, nhìn thấy trước mối quan hệ giữa Việt Nam với các cường quốc và để đẩy mạnh công tác vận động quốc tế nhằm gây chú ý và vận động dư luận công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trẻ tuổi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo thành lập Hội Việt - Mỹ thân hữu (ngày 17-10-1945) và Hội Việt - Trung hữu hảo (1946). Đây là hai tổ chức hữu nghị nhân dân đầu tiên của ta từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Với hoàn cảnh lúc đó (một tháng sau khi tuyên bố độc lập), Hội Việt - Mỹ thân hữu có trụ sở riêng, có báo riêng, có chương trình riêng trên Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam và còn cử được cả đoàn đại biểu của Hội sang Hoa Kỳ để vận động. Nhiều

Digitized by Google

đồng chí lãnh đạo của ta lúc đó được Bác Hồ cho phép lấy danh nghĩa Hội Việt - Mỹ thân hữu để tiếp các phái bộ của Mỹ và Đồng minh.

Đầu những năm 50 của thế kỷ XX, khi các nước xã hội chủ nghĩa thiết lập quan hệ ngoại giao với ta, Bác Hồ và Đảng ta chỉ đạo thành lập Ủy ban Hòa bình Việt Nam do Người trực tiếp làm Chủ tịch danh dự, Ủy ban Việt Nam đoàn kết với nhân dân Á - Phi - Mỹ La-tinh, Hội hữu nghị Việt - Xô và Hội hữu nghị với các nước Đông Âu, Tây Âu. Thông qua hoạt động của các tổ chức quốc tế, dân chủ, hòa bình, công đoàn, thanh niên, phụ nữ, phóng viên, nhà báo, các diễn đàn quốc tế và quan hệ song phương, ta đã gây dựng và thành lập phong trào ủng hộ Việt Nam chống thực dân Pháp. Đỉnh cao của việc tổ chức lực lượng, sử dụng và phát huy lợi thế của đối ngoại nhân dân là những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Hiếm có một nước nào trên thế giới có khả năng tập hợp lực lượng của toàn thể nhân loại tiến bộ để đoàn kết, ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa giải phóng dân tộc vì độc lập, tự do cho Tổ quốc mình như dân tộc Việt Nam ta. Nhờ có tư tưởng và phong cách Hồ Chí Minh trong ngoại giao nhân dân, một mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết, ủng hộ Việt Nam chưa từng có đã hình thành và phát huy tối đa hiệu quả, góp phần đưa đến chiến thắng lẫy lừng của Tổ quốc ta. Đảng ta lúc đó đã thành lập Ban Quốc tế nhân dân để chỉ đạo công tác này.

Ngày nay, trước yêu cầu của nhiệm vụ mới, cần có chính sách và cơ chế để mọi người tham gia một cách có ý thức, có tổ chức và tự nguyện vào công tác đối ngoại nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các thành viên phải tích cực giáo dục và thu hút các tổ chức nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức văn hóa, nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật, các hội nghề nghiệp, nhân sĩ trí thức, các thành phần tôn giáo, doanh nghiệp, nhà báo, chuyên gia... và rộng ra là toàn thể nhân dân vào hoạt động này. Đồng thời, cần thành lập những tổ chức chính trị - xã hội để chuyên hoạt động đối ngoại nhân dân trong các lĩnh vực hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, vận động viện trợ nhân dân. Cần đảm bảo tính quần chúng trong các hoạt động, tránh hình thức, quan liêu, hành chính. Muốn vậy, các hoạt động đối ngoại nhân dân cần tăng cường triển khai tại cấp cơ sở, địa phương, nơi tập hợp đông đảo nhân dân - đối tượng và cũng là chủ thể của công tác này. Và điều quan trọng là, các hoạt động đối ngoại nhân dân phải có những hình thức hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng và lợi ích của quần chúng để cuốn hút quần chúng tham gia.

4 - Đối ngoại nhân dân phải có nội dung hoạt động phong phú, hình thức đa dạng và linh hoạt, hướng tới hiệu quả thiết thực

Công tác đối ngoại nhân dân và vận động quốc tế do Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo trực tiếp có nội dung đặc biệt phong phú, có sức thuyết phục mạnh mẽ, làm rõ chính nghĩa, chống phi nghĩa, lấy nhân nghĩa chống bạo tàn, kêu gọi hòa bình, hòa hiếu, hữu nghị, hợp tác, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau... Hình thức hoạt động đối ngoại nhân dân cũng rất đa dạng: nói chuyện, viết báo, viết sách, tiếp xúc vận động cá nhân và tổ chức, nói chuyện ở các diễn đàn của nước đối tác và diễn đàn quốc tế, họp mặt, liên hoan hữu nghị, hội thảo, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, trao đổi khoa học - kỹ thuật, viện trợ nhân dân, hợp tác về giáo dục, đào tạo, giao lưu giữa con người với con người... Công tác đối ngoại nhân dân luôn mở rộng đối tác vận động và quan hệ từ các cá nhân thuộc các tầng lớp, nghề nghiệp, khuynh hướng chính trị khác nhau đến các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quần chúng, tổ chức phi chính phủ; đồng thời duy trì, củng cố quan hệ với các bầu bạn cũ, tìm kiếm quan hệ với các bầu bạn mới, nói cho bạn để bạn hiểu ta, rồi bạn tuyên truyền giúp ta.

Digitized by Google

Toàn bộ cuộc đời hoạt động của Bác Hồ là tấm gương mẫu mực về đối ngoại nhân dân, được thể hiện qua các hoạt động đối ngoại nhân dân không khô cứng lễ nghi, rất linh hoạt, đa dạng, tự nhiên và tình cảm, tuỳ vào hoàn cảnh và đối tượng. Phương pháp phải mềm dẻo, nhẫn nại, lấy thuyết phục là chính. Cần phát huy được phẩm chất tốt đẹp và bản sắc văn hóa của người Việt Nam, chú ý đến quan hệ giữa con người và con người trong quá trình giao tiếp và hợp tác; phải chân thành, cởi mở, thẳng thắn trong thái độ và nghiêm túc trong quan hệ mới xây dựng được thiện cảm và tạo được niềm tin. Cần đa phương hóa quan hệ theo mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại của Đảng và Nhà nước từng thời kỳ, vừa tập trung hoạt động vào các địa bàn trọng điểm vừa mở rộng hoạt động ở các địa bàn khác; đồng thời, biết nâng niu, nuôi dưỡng, khai thác từng quan hệ trên cơ sở lợi ích chung của ta và bạn. Đa dạng hóa quan hệ nhân dân về nội dung là hoạt động vì hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác phải thông qua và bao gồm nhiều mặt: ủng hộ lẫn nhau về chính trị, đấu tranh dư luận, thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, giao lưu văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch hữu nghị, giúp đỡ nhau về vật chất (viện trợ nhân dân), trao đổi khoa học - công nghệ, giúp đỡ nhau về kinh nghiệm quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đào tạo cán bộ... Công tác đối ngoại nhân dân cần gắn các nội dung hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và vận động viện trợ nhân dân, thúc đẩy quan hệ kinh tế - xã hội với nhau để nâng cao hiệu quả của từng hoạt động và của hoạt động chung.

Khẳng định đối ngoại nhân dân là phương tiện quan trọng để tiếp cận bạn bè thế giới, Hồ Chí Minh đã căn dặn đồng bào ta hãy bằng những hoạt động khéo léo để chinh phục nhân dân các nước, trước hết là việc đối xử văn minh với công dân của các nước đế quốc đang sống và làm việc ở nước ta, để nhờ đó mà nhân dân nước họ và nhân dân thế giới hiểu rõ Việt Nam, có tình cảm với Việt Nam. Người không chỉ quan tâm định hướng cho đồng bào ở trong nước mà cho cả đồng bào ở ngoài nước để tạo ra phong trào nhân dân làm đối ngoại, để mọi người Việt Nam dù ở đâu cũng tham gia mặt trận đối ngoại với mục đích nâng cao vị thế của dân tộc mình. Hồ Chí Minh căn dặn: Kiều bào ở nước ngoài phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, luôn luôn một lòng ủng hộ Tổ quốc, mở rộng tình thân thiện giữa nhân dân ta và nhân dân các nước; phải chan hòa gắn bó với họ theo tinh thần "bán anh em xa, mua láng giềng gần" để thuyết phục họ, cảm hóa họ. Mọi công dân của Việt Nam dù ở bất cứ đâu cũng đều phải là những sứ giả hữu nghị của nhân dân Việt Nam. Cái đích của đối ngoại nhân dân là làm cho những ai đã yêu quý chúng ta thì càng yêu quý chúng ta hơn; ai chưa hiểu ta thì hiểu về ta nhiều hơn, qua đó mà có cảm tình và ủng hộ ta; ai chống chúng ta thì cũng bớt hung hăn hơn; như thế là chúng ta đã thành công rồi.

*

* *

Có thể nói, đối ngoại nhân dân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện là một hoạt động cách mạng thống nhất với mọi hoạt động cách mạng khác theo tư tưởng chủ đạo nhất quán của Người là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần đoàn kết quốc tế. Nó có mục tiêu bất di bất dịch là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trên tinh thần lấy dân làm gốc, coi mọi hoạt động cách mạng đều bắt đầu từ dân, do dân, vì dân. Như vậy, cả về lý luận và thực tiễn, đối ngoại nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống những quan điểm mang bản chất cách mạng và khoa học sâu sắc, sáng ngời. Đó chính là nền tảng tư tưởng của đối ngoại nhân dân mà Đảng cùng nhân dân Việt Nam ta phải tiếp tục nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện sáng tạo trong hoạt động ngoại giao và đối ngoại nhân dân của mình. ❑

Digitized by Google

HỒ CHÍ MINH KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI

HỒ VĂN CHIỂU *

VĂN kiện Đại hội IX của Đảng khẳng định: *"Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại"(1). Ở đây, xin làm rõ phần nào nhận định đúng đắn của Đảng ta về tư tưởng vĩ đại của Người.

1 - Tư tưởng Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh có cội nguồn từ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Khi tôn vinh Người là danh nhân văn hóa kiệt xuất và Anh hùng giải phóng dân tộc, tổ chức UNESCO đã ghi nhận : Nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh là kết tinh của truyền thống văn hóa ngàn năm của dân tộc Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau...

Dân tộc Việt Nam trải qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đã tạo lập cho mình một nền văn hóa riêng, phong phú và bền vững với những giá trị truyền thống tốt đẹp và cao quý.

Trước hết đó là *chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước.* Đây là một trong những tài sản có giá trị nhất trong hành trang của Hồ Chí Minh lúc ra đi tìm đường cứu nước năm 1911. Nó là cơ sở xuất phát, là động lực, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã có quá trình lịch sử hàng ngàn năm với nội dung phong phú và sâu sắc như: yêu nước gắn liền với yêu quê hương, yêu con người Việt Nam, yêu truyền thống văn hóa quý giá. Thời kỳ phong kiến, yêu nước có nội dung trung quân ái quốc, lợi ích giai cấp thống trị phù hợp với lợi ích của nhân dân lao động trong sự nghiệp chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

Hồ Chí Minh đã làm phong phú nội dung của chủ nghĩa yêu nước. Yêu nước đối với Người là gắn liền với yêu nhân dân. Người nói: Lòng thương yêu nhân dân và nhân loại của Người không bao giờ thay đổi... Người có một ham muốn tột bậc là làm sao nước ta được độc lập, dân ta có cơm ăn, áo mặc và được học hành. Người đã nêu ra chuẩn mực "trung với nước, hiếu với dân" và phát triển những nội dung mới của chủ nghĩa yêu nước. Đó là yêu nước dựa trên quan điểm giai cấp công nhân, yêu nước mở rộng ra thành tình yêu vô cùng rộng lớn đối với nhân dân lao động, những người cùng khổ, đối với giai cấp công nhân các nước trên toàn thế giới. Trên cơ sở tư tưởng của

---

* TS. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 83

Digitized by Google

giai cấp công nhân, Người đã nêu ra nội dung mới: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì chỉ có chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mới ngày một no ấm thêm, Tổ quốc ngày một giàu mạnh thêm.

Trong các giá trị truyền thống Việt Nam, *tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái* là những nét hết sức đặc sắc. Truyền thống này hình thành một lúc với sự hình thành dân tộc, từ hoàn cảnh và nhu cầu đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên và giặc ngoại xâm. Người Việt Nam gắn bó với nhau trong tình làng, nghĩa xóm. Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát huy sức mạnh bốn chữ "đồng" (đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh). Người thường nhấn mạnh: nhân dân ta đã từ lâu sống với nhau có tình có nghĩa. Tình nghĩa ấy được Người nâng lên cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Ngay cả khi tiếp thu lý luận Mác - Lê-nin - đỉnh cao của trí tuệ nhân loại - cũng phải trên nền tảng của giá trị truyền thống. Người nhấn mạnh: Hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu kinh sách mà sống không có tình nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin được... Tư tưởng đại nhân, đại nghĩa ở Hồ Chí Minh là phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của con người, là cứu nước, độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, tạo mọi điều kiện cho con người phát triển. Trong văn hóa đạo đức Việt Nam, chữ "Nghĩa" có ý nghĩa là lẽ phải, ngay thẳng. Nguyễn Trãi đã từng nói: Phàm mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa là gốc, nên "công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu". Hồ Chí Minh lấy chữ nghĩa để phân rõ bạn thù. Ai làm điều gì có lợi cho nhân dân, cho Tổ quốc đều là bạn. Bất kỳ ai làm điều gì có hại cho nhân dân và Tổ quốc đều là kẻ thù.

Trong những giá trị truyền thống cao đẹp của dân tộc, Hồ Chí Minh đã kế thừa tinh thần *cộng đồng, một lối sống thành thực, thân ái, những thuần phong mỹ tục*, trở thành những yếu tố đậm nét trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngay từ năm 1947, trong khi cuộc chiến chống thực dân Pháp đang diễn ra quyết liệt, Người đã nói đến đời sống mới của một người, một nhà, một làng và khắp cả nước. Xoay quanh hạt nhân của đời sống mới là cần, kiệm, liêm, chính. Hồ Chí Minh đã nói đến thuần phong mỹ tục, không có cờ bạc, hút xách, bợm bài, trộm cắp. Người nhắc đến tục ngữ "lá lành đùm lá rách", "đói cho sạch rách cho thơm". Và, nếu một mình no ấm mà nỡ để đồng bào xung quanh đói rét..., thì dù giàu cũng không hưởng được. Người nói: Cách cư xử đối với đồng bào thì nên thành thực, thân ái, sẵn lòng giúp đỡ... Nhiều lần, Người nhấn mạnh đến việc xây dựng và phát triển thuần phong mỹ tục, tức là phát triển một trong những giá trị truyền thống. Mặt khác, khi trân trọng giữ gìn thuần phong mỹ tục, Hồ Chí Minh luôn gắn với việc phê phán, bài trừ đồi phong, bại tục. Người đã nói đến việc "khôi phục vốn cũ" với một tinh thần trân trọng các giá trị của người xưa để lại như: tương thân tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân... Song, Người yêu cầu xóa bỏ cái xấu (tính lười biếng, tham lam...), sửa đổi các phiền phức (cúng bái, cưới hỏi quá xa xỉ...).

2 - Hồ Chí Minh tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Nói đến văn hóa nhân loại có tầm cỡ vĩ đại nhất và ảnh hưởng lớn nhất đối với Hồ Chí Minh là phải nói đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Có thể nói, Hồ Chí Minh đã tiếp thu phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và ứng dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của đất nước, đưa cách mạng Việt Nam giành nhiều thắng lợi vĩ đại và cống hiến nhiều vào kho tàng lý luận mác-xít cũng như phương pháp hoạt động sáng tạo của cuộc cách mạng vô sản.

Xuất thân trong một gia đình khoa bảng, với tư chất thông minh tuyệt vời, từ nhỏ, Hồ Chí Minh đã được giáo dục Hán học và đã tiếp thu nền văn hóa phương Tây tại trường Quốc học Huế. Khi bôn ba khắp năm châu, bốn bể, Người vừa hoạt động cách mạng, vừa học hỏi không ngừng. Người đã thông thạo các ngôn ngữ tiêu biểu cho nền văn minh của nhân loại, am tường các nền văn hóa Đông, Tây, kim, cổ. Khi tiếp

Digitized by Google

thu các nền văn hóa, Người bao giờ cũng phân tích các yếu tố giá trị toàn nhân loại và vĩnh cửu. Người đã làm giàu trí tuệ của mình bằng tinh thần văn hóa nhân loại. Người là tượng trưng cho sự kết hợp hài hòa giữa các nền văn hóa và tỏa ra một nền văn hóa của tương lai.

Tiếp thu văn hóa phương Đông, trước hết là Nho giáo. Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng đắn vai trò của Nho giáo và người sáng lập ra nó là Khổng Tử và đã đặc biệt khai thác những mặt tích cực của tư tưởng Nho giáo.

Hơn ai hết, Hồ Chí Minh hiểu rõ những mặt bất cập, hạn chế của Nho giáo. Đó là trong Nho giáo có những yếu tố duy tâm, lạc hậu, phản động như tư tưởng đẳng cấp, khinh lao động chân tay, khinh phụ nữ, khinh thường thực nghiệp, doanh lợi... Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng thấy được những mặt tích cực của nó và khuyên chúng ta "nên học". Theo Người, mặt tích cực của Nho giáo là nó *đề cao văn hóa, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học với châm ngôn "Học không biết chán, dạy không biết mỏi"*. Về điểm này, Nho giáo hơn hẳn các học thuyết cổ đại, bởi vì nhiều học thuyết cổ đại chủ trương ngu dân để dễ cai trị.

Hồ Chí Minh đã khai thác Nho giáo, lựa chọn những yếu tố tích cực, phù hợp để phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng.

Tiếp thu tư tưởng vị tha ở Phật giáo. Hồ Chí Minh là hiện thân của lòng nhân ái, độ lượng, khoan dung - những nét đặc trưng của giáo lý đạo Phật.

Thứ nhất là, *tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân* - một tình yêu bao la không chỉ dành cho con người mà dành cho cả chim muông, cây cỏ. Thứ hai là, nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm điều thiện. Thứ ba là, tinh thần bình đẳng, *tinh thần dân chủ chất phác* chống lại mọi phân biệt đẳng cấp. Thứ tư là, Phật giáo *Thiền tông* đề ra *luật "chấp tác"*: *"nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực"* (một ngày không làm, một ngày không ăn), đề cao lao động, chống lười biếng. Cuối cùng, Phật giáo vào Việt Nam, gặp chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc ta, đã hình thành nên Thiền phái *Trúc lâm Việt Nam*, chủ trương sống không xa rời, lẩn tránh mà gắn bó *với đời sống của nhân dân, với đất nước*, tham gia vào cộng đồng, vào cuộc đấu tranh của nhân dân, chống kẻ thù dân tộc.

Như thế, có thể nói, những mặt tích cực của Phật Việt Nam đã đi vào đời sống tinh thần dân tộc và nhân dân lao động. Gia đình Bác Hồ là gia đình nhà nho nghèo, gần gũi với nông dân, cũng thấm nhuần tinh thần đó và để lại dấu ấn trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, còn có thể tìm thấy nhiều trích dẫn khác nữa về các nhà tư tưởng phương Đông như Lão Tử, Mặc Tử, Quản Tử... trong các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh. Cũng như sau này, khi đã trở thành người mác- xít, Nguyễn Ái Quốc vẫn tìm hiểu thêm về *Chủ nghĩa Tam dân* của Tôn Trung Sơn và tìm thấy trong đó "những điều thích hợp với điều kiện nước ta". Các tiêu chí của chủ nghĩa Tam dân là: dân tộc - độc lập; dân quyền - tự do; dân sinh - hạnh phúc đã được Hồ Chí Minh rút gọn trong quốc hiệu của Việt Nam "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc". Là người mác-xít tỉnh táo và sáng suốt, Hồ Chí Minh đã biết khai thác những yếu tố tích cực của tư tưởng và văn hóa phương Đông để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng nước ta.

Lĩnh hội tư tưởng văn hóa phương Tây. Trong ba mươi năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Hồ Chí Minh sống chủ yếu ở châu Âu nên cũng chịu ảnh hưởng rất sâu rộng của *nền văn hóa dân chủ và cách mạng của phương Tây*.

Khi xuất dương, Người đã từng sang Mỹ, đến sống ở Niu Oóc, làm thuê và thường đến thăm khu ở của người da đen. Trong các bài viết sau này, Người thường nhắc đến ý chí đấu tranh cho tự do, độc lập, cho quyền sống của con người được ghi lại trong *Tuyên ngôn độc lập 1776* của nước Mỹ. Người đã tiếp thu giá trị của tư tưởng nhân quyền với nội dung là quyền tự do cá nhân thiêng liêng trong bản tuyên ngôn này. Sau này Người đã phát triển nó thành quyền sống, quyền độc lập, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, của tất cả các dân tộc.

Digitized by Google

Nội dung nhân quyền được Người nâng lên một tầm cỡ mới trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam, năm 1945.

Cuối năm 1917, Người từ Anh sang Pháp và quyết định sống và hoạt động ở thủ đô nước Pháp có ý nghĩa lịch sử rất lớn, mở ra một thời kỳ mới trong cuộc đời mình.

Là thủ đô của nước Pháp, Pa-ri cũng đồng thời là trung tâm văn hóa - nghệ thuật của châu Âu. Các trào lưu triết học và các trường phái nghệ thuật nổi tiếng thế giới phần lớn đều được hình thành và ra mắt tại đây. Sống ở giữa nơi hợp lưu của các dòng văn hóa thế giới, Người đã có điều kiện thuận lợi để nhanh chóng chiếm lĩnh vốn tri thức của thời đại, đặc biệt là truyền thống văn hóa dân chủ và tiến bộ của nước Pháp.

Đến với quê hương của lý tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, Hồ Chí Minh được tiếp xúc trực tiếp với tác phẩm của các nhà tư tưởng khai sáng: Von-te, Rút-xô, Mông-tét-xki-ơ, ... những lý luận gia của đại cách mạng Pháp 1789, như *Tinh thần pháp luật* của Mông-tét-xki-ơ, *Khế ước xã hội* của Rút-xô, v.v.., *tư tưởng dân chủ* của các nhà khai sáng đã có ảnh hưởng tới tư tưởng của Người. Ngoài ra, Người còn hấp thụ được *tư tưởng dân chủ* và hình thành được *phong cách dân chủ* của mình từ trong cuộc sống thực tiễn. Rõ ràng là, ở Pháp, Người đã có thể hoạt động và đấu tranh cách mạng một cách tương đối tự do, thuận lợi hơn ở trên đất nước mình, dưới chế độ thuộc địa.

Nhờ được rèn luyện trong phong trào công nhân Pháp và sự cổ vũ, dìu dắt trực tiếp của nhiều nhà cách mạng và trí thức tiến bộ Pháp như M. Ca-sanh, P.V. Cu-tuy-a-ri-ê, G. Mông-mút-xô... mà Hồ Chí Minh đã từng bước trưởng thành. Con người ấy, trên hành trình cứu nước, đã làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại, Đông và Tây, vừa thâu thái, vừa gạn lọc để có thể từ tầm cao của tri thức nhân loại mà suy nghĩ và lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển.

Kế thừa lòng nhân ái, đức hy sinh của Thiên chúa giáo. Nói đến việc kết hợp văn hóa Đông, Tây trong con người Hồ Chí Minh, không thể không đề cập đến sự kế thừa lòng nhân ái, đức hy sinh, những giá trị cơ bản của Thiên chúa giáo. Người đã cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động khỏi ách áp bức, bóc lột; đã là hiện thân của lòng nhân ái và đức hy sinh cao cả. Sau này, Người luôn luôn giáo dục cán bộ, đảng viên về lòng thương người, thương dân, thương các chiến sĩ ngoài mặt trận - đó là những tư tưởng thấm đậm những giá trị cao cả mang tính nhân loại mà Thiên chúa giáo đã khởi xướng và răn dạy.

Người lên án gay gắt những kẻ "giả danh Chúa" để thực hiện những "hành vi ác quỷ": dẫn đường cho đội quân viễn chinh ; cướp của cải, đánh đập, bắt giết người (đặc biệt là trẻ em); chiếm ruộng đất canh tác, v.v.. Người coi những hành động đó là sự đi ngược lại và phản bội lòng nhân ái cao cả của Chúa, làm hoen ố tư tưởng lớn của Ngài là: muốn mưu cầu phúc lợi cho xã hội. Người viết: "nếu Chúa bất hạnh đã chịu đóng đanh trên cây thánh giá trở về cõi thế này, thì chắc Ngài sẽ vô cùng ngao ngán khi thấy "các môn đồ trung thành" của mình thực hiện đức khổ hạnh như thế nào"[2].

Người lên án những giáo sĩ đại diện cho chủ nghĩa tư bản phương Tây, những kẻ nhân danh Chúa để quan hệ mật thiết với thế lực thực dân, tham gia vào guồng máy của chủ nghĩa thực dân, xâm nhập về kinh tế và quân sự, áp đặt nền văn hóa thực dân, làm xuất hiện nguy cơ bá quyền văn hóa, v.v...

Tóm lại, Hồ Chí Minh tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại một cách có chọn lọc rồi vận dụng tinh hoa đó một cách sát hợp vào những điều kiện cụ thể của đất nước, của dân tộc vì mục đích không chỉ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc mình mà còn góp phần tích cực nhất vào sự nghiệp của các dân tộc khác trên thế giới. ❑

---

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 2, tr 102

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG: KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC VÀ KINH NGHIỆM CỦA VIỆT NAM

ĐỨC VƯỢNG *

TRONG 2 ngày 8 và 9-10-2003 vừa qua, tại Bắc Kinh (Trung Quốc) Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức Hội thảo với nhan đề "Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường: Kinh nghiệm của Trung Quốc và kinh nghiệm của Việt Nam".

Đoàn đại biểu Hội đồng Lý luận Trung ương của Việt Nam do GS,TS Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, làm Trưởng Đoàn; GS,TS Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương và đồng chí Nguyễn Văn Son, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, làm Phó Trưởng Đoàn. Tham gia Đoàn còn có PGS, TS Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương và một số thành viên khác của Hội đồng Lý luận Trung ương đang công tác tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Kinh tế Trung ương, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Đoàn đại biểu Trung Quốc do đồng chí Lưu Vân Sơn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Bí thư, Trưởng Ban Tuyên truyền Trung ương Đảng, làm Trưởng Đoàn. Tham gia Đoàn có đồng chí Vương Gia Thụy, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Ngu Vân Diệu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Hiệu trưởng Trường Đảng Trung ương cùng nhiều nhà khoa học đang công tác tại Trường Đảng Trung ương, Ban Tuyên truyền Trung ương...

Tham gia Đoàn Chủ tịch Hội thảo, về phía Đoàn Việt Nam có các đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Văn Son, Nguyễn Thị Doan và Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Trung Quốc Trần Văn Luật. Đồng chí Vương Gia Thụy và đồng chí Lê Hữu Nghĩa đọc Lời khai mạc. Đồng chí Lưu Vân Sơn và đồng chí Nguyễn Phú Trọng trình bày Báo cáo đề dẫn. Sau đó, 20 tham luận khoa học của các thành viên hai Đoàn (Việt Nam có 9 báo cáo, Trung Quốc có 11) trình bày tại Hội thảo, tập trung làm rõ những vấn đề sau:

* PGS, TS, Vụ trưởng, Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

Digitized by Google

Thứ nhất, *khẳng định bước đột phá trong tư duy lý luận của hai Đảng.*

Báo cáo của Đoàn Trung Quốc cho thấy: Trung Quốc chính thức khởi xướng cải cách mở cửa từ Hội nghị Trung ương 3 của Đảng Cộng sản Trung Quốc (khóa XI, năm 1978). Nghị quyết của Hội nghị này đã đề ra quyết sách chiến lược là chuyển từ tình trạng kinh tế bị kìm hãm do mặt trái của cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cải cách, mở cửa bằng thể chế kinh tế định hướng thị trường. Cuộc cải cách bắt đầu từ nông thôn, thực hiện chế độ khoán hộ gia đình, cho phép nông dân được hưởng quyền tự chủ nhiều hơn trong sản xuất. Đại hội XII của Đảng (năm 1982) khẳng định xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc và nêu nguyên tắc: "Kinh tế kế hoạch là chính, điều tiết thị trường là phụ". Hội nghị Trung ương 3 (khóa XII) quyết định cải cách thể chế kinh tế, định rõ kinh tế hàng hóa trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Đại hội XIII (năm 1987) với việc xác định rõ mô hình quản lý kinh tế: "Nhà nước điều hành thị trường, thị trường hướng dẫn doanh nghiệp" đã đưa cuộc cải cách kinh tế tiến thêm một bước quan trọng. Đại hội XIV (năm 1992) chính thức xác định một cách có hệ thống việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là mục tiêu của cuộc cải cách thể chế kinh tế và đề ra con đường thực hiện mục tiêu này trên nguyên tắc. Đây thực sự là bước ngoặt quan trọng trong đường lối cải cách mở cửa. Tại Đại hội XV (năm 1997), Đảng xác định tiến trình lịch sử của giai đoạn đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc kéo dài ít nhất 100 năm. Trong suốt thời gian đó, nhiệm vụ cơ bản của chủ nghĩa xã hội là phát triển sức sản xuất. Từ đó, Đảng định ra đường lối xây dựng kinh tế làm trung tâm (trọng tâm). Đại hội XVI (năm 2002) đề ra phải "kiên trì lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm (trọng tâm), không ngừng giải phóng và phát triển sức sản xuất xã hội". Đại hội xác định: "Nhiệm vụ chủ yếu của xây dựng và cải cách kinh tế trong 20 năm đầu của thế kỷ này là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy điều chỉnh chiến lược kết cấu kinh tế, cơ bản thực hiện công nghiệp hóa, đẩy mạnh tin học hóa, xây dựng nhanh hiện đại hóa, duy trì kinh tế quốc dân phát triển nhanh, lành mạnh, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân".

Báo cáo của Đoàn Việt Nam nhấn mạnh: Đường lối đổi mới kinh tế của Việt Nam, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, được hình thành và phát triển từng bước. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV, năm 1979) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đặt vấn đề cải tiến các chính sách lưu thông, phân phối (giá, lương, tiền, tài chính, ngân hàng). Đến Đại hội V (năm 1982), Đảng đặt quyết tâm khắc phục những yếu kém trong kinh tế và quản lý kinh tế; sắp xếp lại và cải tạo kinh tế, đặc biệt là tập trung phát triển nông nghiệp. Tiếp đó, một số chính sách kinh tế, trong đó có chính sách khoán sản phẩm nông nghiệp tới nhóm và từng hộ nông dân (Chỉ thị số 100/CT-TU, ngày 13-1-1981, của Ban Bí thư (khóa IV) và Nghị quyết số 10/NQ-TW, ngày 5-4-1988, của Bộ Chính trị (khóa VI) đã đi vào cuộc sống. Đại hội VI (năm 1986) tiến thêm một bước mới trong việc nhận thức vấn đề xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta. Đại hội VII (năm 1991) tiến thêm một bước, đặt vấn đề xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII (năm 1994) nhận định: "Đổi mới kinh tế là bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước". Đại hội VIII (năm 1996) đặt vấn đề "đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần không thể tách rời việc xây dựng đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Đến Đại hội IX (năm 2001), Đảng khẳng định: "Đảng và Nhà nước ta chủ trương

Digitized by Google

thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Đây là bước đổi mới quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam, nó mở ra một trang mới về đổi mới kinh tế ở Việt Nam. Mục đích của phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với việc xây dựng quan hệ sản xuất tiên tiến. Đại hội IX của Đảng quyết định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội: "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp".

Thứ hai, *về những biện pháp xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường.*

Báo cáo của các đồng chí Trung Quốc nhấn mạnh sự cần thiết của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và xem đó như phương thức vận hành của một nền kinh tế mở. Tuy thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đã được xác định, nhưng nó còn phải tiếp tục được hoàn thiện. Những thể chế mà Đảng đề ra và tổ chức thực hiện là tiến hành cải cách kinh tế ở nông thôn; đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp quốc hữu theo phương châm "ưu thắng kém thải"; chuyển biến chức năng quản lý kinh tế của chính quyền, không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp; phát triển hệ thống thị trường; kiện toàn hệ thống điều hành vĩ mô; tăng cường chế độ pháp luật của kinh tế thị trường; cải cách về tài chính, thuế, tiền tệ, ngoại thương, ngoại hối, đầu tư, giá cả; thực hiện các chính sách xã hội và việc làm.

Về vấn đề này, các báo cáo của Đoàn Việt Nam nêu rõ: Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra và lãnh đạo việc thực hiện một cách nhất quán chính sách phát triển kinh tế trên nhiều lĩnh vực, như khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động; thực hiện chính sách phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ tài chính của các xí nghiệp quốc doanh thông qua kế hoạch "Ba phần"; thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; cải cách giá, lương, tiền, xóa bỏ bao cấp qua lương và giá, thực hiện cơ chế một giá; điều tiết các quan hệ cung cầu và sử dụng chính sách kinh tế vĩ mô mà trước hết là chính sách thuế, tài chính, tiền tệ, giá cả, tỷ giá hối đoái...; xác lập quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh và tự do lưu thông buôn bán, tạo động lực mạnh đến mọi tế bào của nền kinh tế. Chính sách phát triển kinh tế này đã tạo ra những bước chuyển dần từ kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, *về chế độ phân phối.*

Trong công cuộc cải cách mở cửa, Trung Quốc đi sâu thực hiện cải cách chế độ phân phối, căn cứ vào yếu tố sản xuất và yếu tố cống hiến để định ra các hình thức phân phối cho phù hợp, trong đó lấy phân phối theo lao động làm chủ thể, tức "ưu tiên hiệu suất" nhưng cũng "tính đến công bằng"; tăng cường chức năng điều tiết của chính quyền đối với việc phân phối.

Về vấn đề này, Việt Nam thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng tài năng, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Đây là một nguyên tắc phân phối công bằng trong hoàn cảnh thu nhập kinh tế còn thấp.

Các báo cáo của hai Đoàn đều thống nhất cho rằng, phát triển kinh tế phải đi đôi với việc thực hiện các chính sách xã hội và công bằng xã hội.

Thứ tư, *về thị trường.*

Báo cáo của Đoàn Trung Quốc nhấn mạnh: Lý luận về thị trường đóng vai trò cơ sở trong

Digitized by Google

việc phân bổ tài nguyên (hiểu theo nghĩa rộng). Trung Quốc xem đây là bản chất của cuộc cải cách thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Tăng nhanh tốc độ phát triển thị trường sản xuất và thị trường tiêu thụ trở thành nhiệm vụ trọng điểm. Quy phạm hóa trật tự thị trường; từng bước hình thành hệ thống thị trường lớn, thống nhất trong phạm vi cả nước sẽ làm cho các yếu tố sản xuất có thể lưu thông tự do trên thị trường. Tấn công mạnh vào các hiện tượng làm giả, mạo danh và các hành vi xâm phạm quyền lợi chính đáng; xây dựng và kiện toàn kinh tế chữ "tín" và kinh tế pháp chế thị trường; kết hợp đúng đắn giữa đức trị và pháp trị. Hệ thống điều hành vĩ mô chủ yếu áp dụng biện pháp kinh tế và pháp luật. Kinh tế thị trường đòi hỏi cạnh tranh công bằng, bất luận kinh tế công hữu hay kinh tế phi công hữu đều không được hưởng bất cứ một đặc quyền nào.

Báo cáo của Đoàn Việt Nam nêu rõ sự hình thành và phát triển hệ thống thị trường ở Việt Nam: Thị trường hàng hóa - dịch vụ; thị trường tài chính; thị trường đất đai; thị trường lao động; thị trường khoa học và công nghệ... Để thúc đẩy sự hình thành, phát triển hệ thống thị trường thì phải đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế; bảo đảm hình thành và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường của từng loại thị trường, phù hợp với bước đi, lộ trình chuyển đổi thể chế kinh tế và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Tính pháp lý cạnh tranh của các chủ thể tham gia thị trường phải được bảo đảm; sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ trên thị trường phải được nâng cao; kích cầu để nâng cao sức mua của thị trường trong nước, nhất là sức mua của thị trường nông thôn.

Thứ năm, *vấn đề chủ thể và chủ đạo trong kinh tế thị trường.*

Báo cáo của Đoàn Trung Quốc phân tích: Trung Quốc lấy chế độ công hữu làm chủ thể, coi đó là chế độ kinh tế cơ bản. Không có chế độ công hữu thì không có chủ nghĩa xã hội, nhưng không có kinh tế phi công hữu thì không có kinh tế thị trường. Từ khi cải cách, mở cửa đến nay, kết cấu chế độ sở hữu ở Trung Quốc có sự chuyển biến lớn. Chế độ công hữu có nhiều hình thức, nó bao gồm kinh tế quốc hữu, kinh tế tập thể và các thành phần quốc hữu, thành phần tập thể trong kinh tế hỗn hợp. Như vậy, không nên hiểu quan điểm lấy chế độ công hữu làm chủ thể một cách giản đơn là lấy kinh tế quốc hữu hay chế độ công hữu truyền thống "nhất đại, nhì công, tam thuần" (tức: một - quy mô lớn, hai - công hữu hóa toàn bộ, ba - thuần túy chủ nghĩa xã hội) làm chủ thể. Chế độ công hữu làm chủ thể chủ yếu thể hiện ở chỗ tài sản công hữu chiếm ưu thế trong toàn bộ tài sản xã hội, và, sức khống chế, địa vị chủ thể của kinh tế quốc hữu đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Nhà nước khuyến khích, ủng hộ và hướng dẫn cho sự phát triển của chế độ kinh tế phi công hữu - chế độ có sức sống lâu dài trong nền kinh tế thị trường. Không có chế độ công hữu hoặc không có chế độ phi công hữu đều khó xây dựng thành công nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc. Vì vậy, các loại hình kinh tế có chế độ sở hữu khác nhau hoàn toàn có thể phát huy ưu thế của mình, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển trong cạnh tranh thị trường, thực hiện "dân làm, dân doanh, dân có, dân hưởng".

Về vấn đề này, các báo cáo của Đoàn Việt Nam tập trung làm rõ chế độ công hữu về tư liệu sản xuất (bao gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể) trên cơ sở đa dạng hóa các quan hệ sở hữu. Chế độ công hữu không có nghĩa là công hữu tất cả tư liệu sản xuất, mà chỉ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu là nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Phân biệt rõ quyền sở hữu và quyền kinh doanh các tư liệu sản xuất và các tài sản khác trong kinh tế nhà nước. Từ quan niệm về một nền kinh tế chỉ có hai thành phần với hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể đã đi đến quan niệm về một nền kinh tế nhiều thành phần: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể và tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gần đa sở hữu. Trong nền

Digitized by Google

kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạc. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Song, trong đường lối kinh tế của Đảng, việc phát triển kinh tế tư nhân được coi như một động lực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân cùng nhiều chính sách của nhà nước khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển đã chứng minh điều đó. Thực hiện phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" là vô cùng quan trọng trong thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thứ sáu, *phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa, xã hội; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cải cách, đổi mới, ổn định và phát triển.*

Theo các đồng chí Trung Quốc, việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa liên quan chặt chẽ đến các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Thực hiện tốt vấn đề này tức cũng là thực hiện sự đổi mới xã hội sâu sắc. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cải cách, phát triển và ổn định theo nguyên tắc "cải cách là động lực, phát triển là mục đích, ổn định là tiền đề". Đó là "ba quân cờ chiến lược gắn bó khăng khít với nhau trên bàn cờ xây dựng hiện đại hóa của Trung Quốc".

Quan điểm của Việt Nam về vấn đề này rất rõ ràng: Phát triển kinh tế gắn liền với việc phát triển văn hóa, xã hội, ổn định chính trị, hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội; thực hiện công bằng xã hội, coi đó là nội dung rất quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm tính ưu việt của chế độ xã hội mới, nhằm tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, thực hiện sự bình đẳng và điều tiết các quan hệ xã hội; khuyến khích người dân làm giàu một cách hợp pháp; giữ vững môi trường chính trị - xã hội ổn định, an ninh trật tự tốt.

Thứ bảy, *vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế.*

Trung Quốc coi việc mở cửa với bên ngoài là một quốc sách cơ bản lâu dài, là con đường tất yếu trong tiến trình đẩy nhanh hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Để xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa thì phải kiên trì mở cửa với bên ngoài. Cục diện mở cửa với bên ngoài đa phương hóa, nhiều tầng nấc, lĩnh vực rộng, thực hiện chiến lược "đi ra thế giới" và "đón thế giới vào". Mở cửa đối ngoại đã thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc phát triển.

Việt Nam coi vấn đề xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là đường lối chiến lược để phát triển kinh tế, đa dạng hóa thị trường và đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại; chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế; củng cố các thị trường truyền thống; ra sức khai thác, phát triển thị trường mới, thúc đẩy kinh tế phát triển. Việt Nam sẵn sàng đón đối tác và làm bạn với các nước để hợp tác và cùng nhau phát triển lâu dài.

Thứ tám, *vai trò của Đảng và Nhà nước trong kinh tế thị trường.*

Đây là một vấn đề mà cả hai bên đều rất quan tâm. Báo cáo của Đoàn Trung Quốc cho thấy rằng, Trung Quốc thực hiện hiệp thương chính trị do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo, nhưng quyết không đa nguyên chính trị, không đa đảng đối lập, không tam quyền phân lập. Đảng là hạt nhân lãnh đạo trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, đại diện cho lợi ích căn bản của đông đảo nhân dân Trung Quốc. Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp trị và coi trọng điều hành vĩ mô của Nhà nước.

Báo cáo của Đoàn Việt Nam khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò quản lý của Nhà nước Việt Nam. Đây là vấn đề mang tính bản chất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, Nhà nước quản lý bằng luật pháp, chính sách, bằng các công cụ

(Xem tiếp trang 36)

Digitized by Google

CỦNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

LÊ HỒNG TIẾN *

TRONG quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục chủ trương củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước ở một số ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Nhưng có ý kiến cho rằng, doanh nghiệp nhà nước không thích hợp với cơ chế thị trường, kém hiệu quả, trở thành gánh nặng cho nền kinh tế quốc dân, nên tư nhân hóa càng sớm càng tốt. Vì lý do đó, ở đây cần làm rõ sự tồn tại của doanh nghiệp nhà nước.

Một thực tế khách quan là, hiện nay doanh nghiệp nhà nước đang tồn tại ở hầu hết các nước trên thế giới, không chỉ ở các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mà cả ở những nước tư bản chủ nghĩa.

Sự tồn tại doanh nghiệp nhà nước ở nước ta cũng như ở các nước có chế độ chính trị và trình độ phát triển khác nhau là do nhiều nguyên nhân trong đó những nguyên nhân chủ yếu là:

1 - Do yêu cầu quản lý vĩ mô nền kinh tế.

Yêu cầu này bắt nguồn từ sự phát triển lực lượng sản xuất với trình độ xã hội hóa ngày càng cao. Điều này đòi hỏi phải có sự điều tiết vĩ mô từ một trung tâm quyền lực nhà nước. Và để thực hiện sự điều tiết này, Nhà nước không chỉ sử dụng các công cụ pháp luật, kế hoạch, chính sách kinh tế các lực lượng vật chất mà còn phải hình thành doanh nghiệp nhà nước.

2 - Do phải khắc phục những khuyết tật của nền kinh tế thị trường.

Bên cạnh mặt tích cực là có khả năng tự điều chỉnh ở mức độ nhất định về cung, cầu, về điều phối các yếu tố sản xuất, kích thích tiến bộ kỹ thuật, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế... đồng thời kinh tế thị trường mang trong nó những khuyết tật như tính tự phát, bất ổn định, vận động theo lợi nhuận thuần túy - nguyên nhân của những hiện tượng tiêu cực như làm hàng giả, lừa dối, trốn thuế và các hiện tượng "kinh tế ngầm" khác. Cũng vì mục tiêu lợi nhuận, các doanh nghiệp lao vào cạnh tranh, săn tìm lợi nhuận cao, nên ít quan tâm đến những ngành không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận thấp, gây ra sự mất cân đối, khủng hoảng, thất nghiệp, phân hóa giàu nghèo quá mức. Để giải quyết tình trạng này, một trong những biện pháp được áp dụng là hình thành các doanh nghiệp nhà nước. Ngoài nhiệm vụ kinh tế, chính trị, doanh nghiệp nhà nước còn mục tiêu xã hội, góp phần giải quyết sự mất cân đối giữa các ngành, các vùng kinh tế trong cả nước, giữa các tầng lớp dân cư,

* TS. Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

góp phần khắc phục khủng hoảng, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động...

3 - Do phải chống độc quyền, làm giảm bớt quyền lực kinh tế của một số nhà tư bản hoặc tập đoàn tư bản ở mọi quy mô và mức độ trong đời sống kinh tế quốc gia. Quá trình chuyển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền đã tập trung tiềm lực kinh tế vào tay một số ít nhà tư bản, dẫn đến sự cực quyền, thao túng nền kinh tế quốc gia. Để giải quyết tình trạng này, các nước đã áp dụng biện pháp quốc hữu hóa những công ty tư nhân, biến thành những doanh nghiệp nhà nước, chịu sự quản lý của nhà nước.

Trong thực tế, ở các nước tư bản, doanh nghiệp nhà nước được ưu đãi rất nhiều từ ngân sách, từ các quỹ tín dụng và các nguồn tài chính khác. Nhưng do khuyết tật cố hữu của doanh nghiệp nhà nước là hoạt động kém hiệu quả hơn rất nhiều so với các doanh nghiệp tư nhân, nên đã xuất hiện phong trào tư nhân hóa bắt đầu từ nước Anh, sau đó phát triển rộng rãi ở các nước phương Tây. Do tư nhân hóa ồ ạt với quy mô lớn nên dẫn tới tình trạng dư cung cổ phiếu làm giảm giá trị cổ phiếu một cách giả tạo. Từ đó phong trào tư nhân hóa không những không làm tăng hiệu quả của doanh nghiệp tư nhân hóa mà còn làm cho một số doanh nghiệp sau tư nhân hóa rơi vào tình trạng khó khăn, nan giải.

Hiện nay, ở nước ta, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nhưng chưa được củng cố tương xứng với vai trò đó do chưa có chuyển biến đáng kể trong việc sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả kinh tế - xã hội của nhiều doanh nghiệp nhà nước chưa cao. Song, doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện được một số nhiệm vụ kinh tế - xã hội cơ bản, đóng góp một phần quan trọng vào ngân sách nhà nước, góp phần cơ bản vào việc khắc phục sự mất cân đối, giảm bớt sự lệ thuộc với bên ngoài, giải quyết được khoảng 1,8 triệu việc làm cho người lao động. Doanh nghiệp nhà nước nắm giữ những vị trí then chốt, trong đó một số đơn vị tập trung mọi khả năng nhằm đổi mới máy móc thiết bị, tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội. Tuy vậy, doanh nghiệp nhà nước vẫn còn những yếu kém, bất cập nên việc tiếp tục phải đổi mới là nhu cầu bức thiết.

Mục tiêu chủ yếu của quá trình đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước phải nhằm:

1 - Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục giảm bớt gánh nặng đối với ngân sách nhà nước. Đây là mục tiêu rất cơ bản nhưng rất khó thực hiện, vì tình trạng kém hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước trở thành khuyết tật cố hữu mang tính phổ biến ở nhiều nước trên thế giới, kể cả những nước tư bản phát triển. Vì vậy, nâng cao hiệu quả, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách là mục tiêu quan trọng, là nhiệm vụ bức bách đối với toàn bộ hệ thống cũng như từng doanh nghiệp nhà nước.

2 - Nâng cao vai trò của doanh nghiệp nhà nước, làm cho doanh nghiệp nhà nước trở thành lực lượng vật chất và công cụ quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế vĩ mô theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu này xuất phát từ đặc điểm của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất phát triển thấp, nền kinh tế tồn tại nhiều thành phần, do đó cần củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước để tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần đảm bảo sản xuất, giữ vững và phát triển những ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế (điện năng, viễn thông, vận tải, xây dựng những công trình xã hội, cung cấp nước, bảo vệ môi trường...), ngăn chặn và khắc phục những hậu quả xã hội do kinh tế thị trường đẻ ra, chủ động giải quyết sự bất bình đẳng xã hội, thất nghiệp, xóa đói, giảm nghèo...

Để thực hiện các mục tiêu trên đây, việc đổi mới, củng cố và phát triển doanh nghiệp

Digitized by Google

nhà nước cần tập trung giải quyết những nội dung chủ yếu như: đổi mới cơ chế quản lý; nâng cao khả năng cạnh tranh; hiện đại hóa trang bị kỹ thuật công nghệ; quản lý và sử dụng vốn hợp lý; nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ; có chính sách đồng bộ, nhất quán; tạo được động lực và có những điều kiện cần thiết, xây dựng môi trường thuận lợi để doanh nghiệp nhà nước hoạt động hiệu quả. Mặt khác, để nâng cao vai trò của doanh nghiệp nhà nước, phải tiếp tục đổi mới cơ cấu, đa dạng hóa hình thức sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, nhất là những doanh nghiệp nắm giữ các ngành, lĩnh vực quan trọng nhất, cổ phần đủ sức khống chế để Nhà nước đủ khả năng định hướng, chủ động điều tiết nền kinh tế.

Như vậy, việc củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước đòi hỏi phải tiến hành đồng thời nhiều biện pháp. Theo chúng tôi, trước mắt cần tập trung thực hiện các biện pháp chủ yếu sau:

***Một là:** Đổi mới cơ cấu, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.*

Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách có hạn, phải đổi mới cơ cấu, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả; đồng thời, tiếp tục đẩy nhanh tốc độ đa dạng hóa hình thức sở hữu nhằm huy động sức mạnh của tất cả các thành phần kinh tế. Mặt khác, phải đánh giá, chọn lọc, bố trí, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước trên cơ sở xác định các ngành, lĩnh vực trọng điểm, then chốt để doanh nghiệp nhà nước nắm giữ. Một số ngành công nghiệp cơ bản có tính chất chiến lược cần vốn đầu tư lớn, trong khi vốn vòng quay chậm, lợi nhuận thấp, thường thua lỗ, Nhà nước phải trợ cấp, bù giá, bù lỗ, cho vay tín dụng lãi thấp, miễn hoặc giảm thuế, xóa nợ... Nhưng sự hỗ trợ này thường gây ra tình trạng tiêu cực trong công tác quản lý. Do vậy, để giải quyết vấn đề này, cần thực hiện cải cách cơ bản về tài chính của nhà nước theo hướng thúc đẩy, khai thác tiềm năng thiên nhiên và của các tầng lớp nhân dân, Nhà nước giảm dần bao cấp, yêu cầu các doanh nghiệp nhà nước tự chủ tài chính, tự chủ kinh doanh, tự trang trải và tiến tới sản xuất, kinh doanh có lãi. Bởi vậy một trong những vấn đề quan trọng là, Nhà nước phải có chính sách thuế hợp lý, vừa có khả năng tập trung nguồn thu vào ngân sách, bảo đảm các nhu cầu chi của nhà nước, vừa phải thu hợp lý để các doanh nghiệp nhà nước không những tiếp tục tồn tại mà còn tăng khả năng tích tụ để không ngừng phát triển.

***Hai là:** Đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước.*

Hiện nay, theo luật định, doanh nghiệp nhà nước được tổ chức dưới hai hình thức: doanh nghiệp nhà nước có hội đồng quản trị và doanh nghiệp nhà nước không có hội đồng quản trị. Nhà nước giao cho các doanh nghiệp nhà nước quản lý vốn, tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Nhà nước giao. Vì vậy, đây là loại hình doanh nghiệp do Nhà nước đầu tư 100% vốn. Nhà nước là chủ sở hữu, nên Nhà nước giữ vai trò quản lý. Nhưng Nhà nước là ai?. Các thành viên đại diện cho Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước là những người làm công ăn lương của Nhà nước, họ tham gia hội đồng quản trị, có thể là chủ tịch hội đồng quản trị, nhưng bản thân họ không có một đồng vốn ở doanh nghiệp nhà nước, mà vốn của doanh nghiệp là vốn của Nhà nước. Nhà nước giao cho họ trách nhiệm là thay mặt nhà nước thực hiện quản lý doanh nghiệp nhà nước với tư cách là chủ sở hữu. Như vậy, những thành viên của hội đồng quản trị không phải là chủ sở hữu thực sự vốn doanh nghiệp nhà nước nên trách nhiệm của họ bị hạn chế. Khi làm ăn thua lỗ, hội đồng quản trị, giám đốc, bộ máy giúp việc và cán bộ công nhân viên không ai chịu trách nhiệm mà Nhà nước là người gánh chịu trách nhiệm và hậu quả. Do đó, cần chuyển doanh nghiệp nhà nước (100% vốn của nhà nước) sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, một

Digitized by Google

chủ sở hữu là sở hữu nhà nước để doanh nghiệp nhà nước là người thực sự chịu trách nhiệm hữu hạn về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn do doanh nghiệp quản lý. Nhưng đây là một hình thức mới ở Việt Nam, cần thực hiện thí điểm trước khi nhân ra diện rộng. Những doanh nghiệp nhà nước đặc thù hoạt động phục vụ mục tiêu công cộng, hoặc phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng, vẫn thực hiện theo Luật Doanh nghiệp nhà nước. Nhưng cần thiết phải sửa đổi Luật Doanh nghiệp nhà nước, khắc phục tình trạng hoạt động kém hiệu quả. Cụ thể là:

- Tăng quyền tự chủ đi đôi với tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước; bỏ bao cấp, chuyển hẳn sang hoạch toán thị trường, lấy thu bù chi, lời ăn, lỗ chịu.

- Tăng trách nhiệm cá nhân tương xứng với nhiệm vụ, quyền hạn được giao của các cá nhân, các cấp đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp, giám đốc và bộ máy giúp việc về các quyết định đầu tư, về sự thua lỗ, mất vốn nhà nước, về thu nhập thấp của người lao động...

- Giảm bớt tầng nấc, biên chế cồng kềnh, chồng chéo, khắc phục tình trạng ra quyết định chậm và không chịu trách nhiệm về quyết định đó. Tăng quyền quyết định cho hội đồng quản trị doanh nghiệp để không bỏ lỡ cơ hội kinh doanh. Quy định tiêu chuẩn tuyển chọn giám đốc, bỏ quy định giám đốc doanh nghiệp nhà nước là công chức nhà nước, chuyển sang cơ chế hợp đồng thuê giám đốc gắn tiền lương, tiền thưởng với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Ba là: *Nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước.*

Trước sức ép của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp nhà nước phải đối mặt với cuộc cạnh tranh hết sức gay gắt giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa quốc gia với quốc gia. Trong cạnh tranh, các doanh nghiệp, các tập đoàn tăng cường liên minh, liên kết với nhau nhằm chống lại ý đồ thôn tính của các tập đoàn đối thủ. Cạnh tranh có mặt tích cực là nâng cao trình độ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật - công nghệ, đòi hỏi phải nâng cao chất lượng, giảm giá thành, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nhưng hậu quả của cạnh tranh là, có thể dẫn tới tình trạng phá sản, những vụ sa thải công nhân, người lao động mất việc làm.

Ở nước ta, hiện nay, có khoảng hơn 5 000 doanh nghiệp nhà nước đang nắm giữ những ngành, những lĩnh vực then chốt, là xương sống của nền kinh tế, nên nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển nền kinh tế quốc dân. Những ưu đãi khuyến khích đầu tư theo ngành, vùng, ưu đãi cho các doanh nghiệp mới thành lập cũng sẽ bị loại bỏ. Tình hình đó càng gây thêm sự bất lợi cho khả năng cạnh tranh, nên các doanh nghiệp nhà nước phải nỗ lực vượt bậc, tìm đủ các biện pháp hữu hiệu nhất để nâng cao khả năng cạnh tranh. Đồng thời phải có sự giúp đỡ của Nhà nước về kinh phí để tăng cường các biện pháp xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường mới, cung cấp thông tin, dự báo thị trường, đẩy mạnh quản lý thị trường, chống gian lận thương mại, chống sản xuất và buôn bán hàng giả, xử lý nghiêm những hành vi đầu cơ, nâng giá bất chính. Doanh nghiệp nhà nước phải xác định đúng đắn chiến lược kinh doanh, chiến lược đầu tư, chiến lược sản phẩm của doanh nghiệp phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết, tìm kiếm thị trường sản xuất và tiêu thụ. Hiện đại hóa trang bị kỹ thuật công nghệ. Tạo ra bước đột phá về chất lượng, giảm chi phí sản xuất, cải tiến mẫu mã đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng. Tăng cường quản lý sản xuất, kinh doanh. Có kế hoạch sắp xếp lại sản xuất, sử dụng hợp lý các nguồn vốn, giảm bớt vốn vay, xóa bỏ các khoản chi phí bất hợp lý, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí. Quản lý tốt lao động, tạo ra năng suất, chất lượng cao. Phân phối hợp lý, gắn lương, thưởng với kết quả lao động để tạo chuyển

Digitized by Google

biến tích cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

***Bốn là:** Chuyển đổi sở hữu và phát triển thêm doanh nghiệp nhà nước.*

Mặc dù Đảng, Nhà nước và các doanh nghiệp đã tìm mọi biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhưng chuyển biến chậm. Hiện nay, các doanh nghiệp nhà nước vẫn hoạt động kém hiệu quả, đang là gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Một trong những biện pháp giải quyết tình trạng này là, chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp nhà nước. Những hình thức chuyển đổi nên được áp dụng là:

- Đối với những doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm 100% vốn thì tiến hành cổ phần hóa.

- Những doanh nghiệp nhà nước loại nhỏ, Nhà nước không cần nắm giữ thì bán, khoán hoặc cho thuê.

- Những doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả và không thể thực hiện theo các biện pháp trên thì sáp nhập, giải thể hoặc cho phá sản.

Để đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước, Nhà nước cần có chính sách bảo đảm:

- Bình đẳng trước pháp luật đối với các thành phần kinh tế.

- Loại bỏ tư tưởng ỷ lại, muốn dựa dẫm vào nhà nước.

- Xóa bỏ bao cấp của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp cổ phần hóa trong việc tìm kiếm thị trường và các cơ hội làm ăn để tăng thu nhập cho người lao động.

***Năm là:** Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh của Nhà nước theo mô hình "công ty mẹ - công ty con".*

Do quy mô vốn bình quân của các doanh nghiệp nhà nước quá nhỏ, không đủ sức cạnh tranh với các tập đoàn kinh tế của các nước trong khu vực và thế giới. Để tăng khả năng cạnh tranh, năm 1994, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 90 và 91 thành lập các tổng công ty nhà nước. Quy mô của các tổng công ty có mức cao hơn. Chủ yếu là các Tổng Công ty Điện lực, Bưu chính - Viễn thông và Dầu khí với tổng số 137 đơn vị thành viên.

Về chế độ quản lý, tiền thân các tổng công ty theo Quyết định số 90 - 91 là các liên hiệp xí nghiệp, các xí nghiệp liên hiệp, các tổng công ty (cũ) được sáp nhập lại, hoạt động chuyên doanh trong một ngành chủ yếu nào đó. Vốn được Nhà nước cấp phát nên những khuyết tật của các doanh nghiệp nhà nước cũng là những khuyết tật của các tổng công ty.

Để đáp ứng với yêu cầu cạnh tranh ngày một gay gắt, đòi hỏi không chỉ phải đổi mới doanh nghiệp nhà nước mà còn phải đổi mới các tổng công ty nhà nước. Một trong những biện pháp đổi mới này là chuyển các tổng công ty "90, 91" sang tập đoàn mạnh hoạt động theo mô hình "công ty mẹ - công ty con". Đặc trưng chủ yếu của tập đoàn mạnh hoạt động theo mô hình này là:

- Có quy mô lớn, đa ngành, đa quốc gia.

- Bao gồm 1 "công ty mẹ", công ty này tiến hành đầu tư vốn vào các công ty khác ("công ty con"), nắm cổ phần khống chế để điều khiển các "công ty con". "Công ty mẹ" lại dùng quyền điều khiển "công ty con" để lấy vốn đầu tư vào các công ty khác ("công ty cháu"), nắm cổ phần khống chế để chi phối các công ty này. Cứ theo kiểu móc xích như vậy, các tập đoàn ("công ty mẹ") với lượng vốn ít, có thể chi phối một lượng vốn lớn hơn rất nhiều lần so với lượng vốn của "công ty mẹ".

Với mô hình tổ chức "công ty mẹ - công ty con", có thể gọi vốn nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia. Nhờ đó "công ty mẹ" tăng được quy mô, nâng cao khả năng cạnh tranh trước làn sóng toàn cầu hóa hiện nay. ❑

Digitized by Google

Để đẩy mạnh tiêu thụ nông sản hàng hóa

LÊ THỊ KIM NGÂN *

THỰC hiện đường lối đổi mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, nông nghiệp và nông thôn nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Thành tựu lớn nhất là trong một thời gian không dài, từ một nền nông nghiệp tự cấp, tự túc đã vươn lên thành một nền nông nghiệp với những ngành sản xuất hàng hóa lớn, có sức cạnh tranh ngày càng mạnh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, nông nghiệp và nông thôn nước ta còn nhiều yếu kém mà thách thức gay gắt nhất là vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa. Vì vậy, Nghị quyết số 06-NQ-TW, ngày 10-11-1998, của Bộ Chính trị *Về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn* nêu rõ: *"Phát triển thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản trong nước trên cơ sở tạo điều kiện tăng thu nhập của nhân dân và thực hiện cơ chế lưu thông hàng hóa thông thoáng. Thực hiện các biện pháp mở rộng thị trường xuất khẩu; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị sản xuất thuộc các thành phần kinh tế đẩy mạnh xuất khẩu nông sản"*. Tiếp theo, ngày 15-6-2000, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 09/2000/NQ-CP về *"Một số chủ trương và chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp"* nhằm tiếp tục giải quyết những vấn đề vừa cơ bản, lâu dài, vừa bức xúc hiện nay.

1 - Một số nguyên nhân của những khó khăn trong tiêu thụ nông sản hiện nay

Thứ nhất, các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam tuy phong phú, đa dạng nhưng chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của thị trường. Thực tế cho thấy, các sản phẩm nông nghiệp mang tính "đặc sản, truyền thống" của Việt Nam hiện đang bị thoái hóa, sản lượng và chất lượng đều giảm, trong khi những sản phẩm có điều kiện xuất khẩu khối lượng lớn thì mức đầu tư của chúng ta trong các khâu phát triển chăn nuôi, trồng trọt đều chưa đủ mạnh, nhất là ở khâu chế biến để tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, phù hợp những điều kiện quy định về tiêu dùng của từng thị trường trên thế giới. Ngay cả các sản phẩm chăn nuôi (khả năng sản xuất không bị giới hạn nhiều bởi diện tích đất đai) vẫn chưa được chú trọng đầu tư nên đến nay cũng chưa đạt được chất lượng tốt, giá thành hạ, sức cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế. Công nghiệp chế biến nông sản còn chưa thực sự quan tâm đến việc sản xuất ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu tiêu dùng ngày càng đa dạng và những đòi hỏi chặt chẽ về vệ sinh an toàn thực phẩm... trong nước và theo tiêu chuẩn thế giới do đó dẫn đến tình trạng nông sản chưa có nhiều vẫn luôn bị ế thừa, thậm chí vẫn phải nhập khẩu nhiều loại nguyên liệu nông sản và hàng chế biến nông sản để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, trong khi đời sống của nhân dân trong nước còn gặp rất nhiều khó khăn...

* Phó Vụ trưởng, Vụ Chính sách Thị trường trong nước, Bộ Thương mại

Digitized by Google

Thứ hai, sức mua nông sản hàng hóa trong nước còn thấp. Thị trường trong nước hiện đang tiêu thụ khoảng 65 đến 70% khối lượng nông sản thực phẩm (như lúa gạo 77%, ngô gần 100%, đường gần 100%, rau quả trên 90%, chè 50%, sản phẩm chăn nuôi thịt, trứng, sữa...), nhưng nhìn chung sức mua trong nước còn rất thấp do nông dân vẫn mang nặng tính tự cung tự cấp, thu nhập của họ cũng ở mức thấp, trong khi dân cư phi nông nghiệp chiếm 1/4 dân số, với thu nhập cũng rất hạn chế. Điều này làm hạn chế sức mua nông sản song đây cũng hé mở một tiềm năng lớn, cần có giải pháp khai thác. Công nghiệp chế biến nông sản (vốn được coi là ngành phục vụ tiêu dùng lớn nhất) thì hiện nay đang rất thấp kém cả về quy mô, trình độ công nghệ và năng lực sản xuất. Do đó, ngành này mới chỉ sử dụng được 3% lượng thịt, 7% lượng quả , 5% lượng rau, 60% lượng chè... Ngoài ra, công nghiệp chế biến còn phải nhập nhiều loại nguyên liệu như dầu ăn, sữa, rượu... cho hoạt động sản xuất. Nông sản thực phẩm dành cho xuất khẩu cũng chưa nhiều vì khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa Việt Nam chưa cao từ giá cả, chất lượng, mẫu mã đến trình độ gia công chế biến... Hiện nay, trị giá hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam mới chiếm khoảng 36% tổng trị giá xuất khẩu cả nước và bằng khoảng 25% giá trị tổng sản phẩm toàn ngành nông nghiệp. Tất cả những điều này phản ánh sức mua hàng nông sản của Việt Nam còn rất hạn chế.

Thứ ba, còn có nhiều khó khăn trong việc tổ chức tiêu thụ nông sản thực phẩm. Những khó khăn đó thể hiện trên các phương diện sau:

- *Về kết cấu hạ tầng:* Hiện còn gây nhiều trở ngại cho việc tiêu thụ nông sản thực phẩm, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng núi vì ở đây đường sá chưa thuận lợi cho vận chuyển, dẫn đến chi phí vận chuyển cao. Về thị trường trong nước, đến nay có 8 213 chợ, nhưng ở những vùng sản xuất nông sản lớn thì chợ vẫn chưa được đầu tư thích đáng để phục vụ tốt cho việc tiêu thụ nông sản có khối lượng lớn, mà mới dừng lại ở việc mua bán hàng tự sản tự tiêu là chính (chợ kiên cố mới chiếm 11,6%; chợ lều quán và ngoài trời chiếm tới 56,7%). Ở nhiều nơi, trung tâm thương mại thị xã, thị tứ tuy được hình thành nhưng mới trên danh nghĩa, chưa được đầu tư để trở thành các trung tâm giao dịch nông sản tổng hợp thực sự có hiệu quả.

- *Mạng lưới tổ chức tiêu thụ nông sản thực phẩm còn chồng chéo qua nhiều khâu trung gian.* Đây là một trong những yếu tố gây nên những khó khăn trong việc tiêu thụ nông sản. Hiện nay, nước ta vẫn chưa hình thành hệ thống cung ứng vật tư hàng hóa và thu mua nông sản thống nhất với sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế nhằm giảm chi phí, nâng cao giá trị nông sản và tính cạnh tranh của hàng hóa. Thương nghiệp nhà nước chưa được đầu tư cả về cơ sở vật chất và năng lực kinh doanh để đủ sức phát huy vai trò điều tiết, hướng dẫn thị trường. Hợp tác xã thương mại cũng chưa được quan tâm đầy đủ để đổi mới, phát triển trên địa bàn nông thôn. Vì thế, trên thực tế, nhiều mặt hàng nông sản có khối lượng xuất khẩu lớn song vẫn phải mua gom theo từng "chuyến"; đây đó có những nơi, những lúc trong nhân dân có hàng, khách ngoại có nhu cầu mua với giá cao nhưng do không tổ chức tiêu thụ được nên vẫn không có hàng xuất...

- *Các chính sách kinh tế chưa thực sự trở thành đòn bẩy mạnh* tác động có hiệu quả tới việc khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông nông sản, khuyến khích kinh doanh nông sản trên quy mô lớn. Cụ thể là, chính sách tạo điều kiện để phát triển hợp tác xã kinh doanh thương mại phục vụ nông nghiệp, chính sách thuế, đất đai, tín dụng, tài chính...Ví dụ, dù đã có chính sách miễn thuế buôn chuyến nông sản đối với tư nhân, nhưng

Digitized by Google

Nhà nước vẫn thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp kinh doanh nông sản; doanh nghiệp tư nhân còn gặp nhiều khó khăn trong thủ tục thành lập và vay vốn; hợp tác xã thương mại không được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với hợp tác xã sản xuất; thương lái vẫn chưa được coi trọng dù họ là lực lượng chính trong tiêu thụ nông sản... Đến nay, chúng ta cũng chưa xây dựng được chính sách giá nông sản xuất khẩu ở tầm chiến lược nhằm phục vụ cho việc điều hành cụ thể, nên luôn bị động trước diễn biến của thị trường hoặc khi có mâu thuẫn về quyền lợi giữa nông dân và doanh nghiệp trong tiêu thụ nông sản.

- *Công tác thông tin nhất là khâu dự báo và xúc tiến thương mại đối với nông sản chưa được quan tâm đúng mức.* Hiện nay, trên các phương tiện thông tin và hệ thống khuyến nông, chúng ta đã tổ chức tốt việc phổ biến kỹ thuật nuôi trồng các giống cây con mới, những thông tin về giá bán trên thị trường, nhưng chúng ta lại chưa chú ý đến truyền bá các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, yêu cầu chất lượng của từng loại sản phẩm xuất khẩu, về cơ cấu hợp lý trong quy hoạch phát triển, về nhu cầu tiêu thụ và kinh doanh cụ thể của từng thị trường đối với từng mặt hàng, chưa chú trọng công tác dự báo thị trường và những cảnh báo cần thiết... Vì thế, dẫn đến tình trạng nông dân sản xuất sản phẩm theo kiểu "phong trào", nhà kinh doanh cũng không gắn kết với sản xuất để đầu tư liên kết lâu dài, mà chỉ khi khách hỏi mua mới bắt đầu khai thác nguồn hàng. Công tác tiếp thị khách hàng nước ngoài còn nhiều yếu kém; doanh nghiệp trong nước kém năng động; các dịch vụ thương mại chưa được quan tâm phát triển; nội dung hoạt động của các hiệp hội ngành hàng còn hạn chế... đều cản trở hoạt động xúc tiến thương mại hàng nông sản.

Ngoài ra, *trình độ của lao động nông nghiệp thấp* (hiện có trên 90% lao động nông nghiệp chưa được qua đào tạo), *diễn biến giá cả trên thị trường thế giới và trong nước những năm gần đây gây nhiều bất lợi cho nông dân* (giá nông sản thực phẩm có xu hướng hạ, trong khi giá hàng công nghệ phẩm, vật tư nông nghiệp ngày càng tăng) càng gây khó khăn trong việc tiếp cận thị trường và tổ chức tiêu thụ hàng nông sản thực phẩm.

Như vậy, hiện nay chúng ta đang đứng trước nhiều vấn đề cần giải quyết ở cả ba mặt: ***sản xuất - tiêu thụ - kích cầu*** ở khu vực nông thôn để đẩy mạnh việc tiêu thụ nông sản, tạo động lực phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập cho nông dân, vì vậy trong thời gian tới chúng ta cần thực hiện một số giải pháp cụ thể, thiết thực.

2 - Giải pháp để đẩy mạnh tiêu thụ nông sản hàng hóa

Trước hết, tổ chức thị trường nông sản hàng hóa phải bắt đầu từ khâu tổ chức sản xuất. Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi phải theo hướng sản xuất hàng hóa có năng suất cao và chất lượng phù hợp nhu cầu của thị trường. Cần xây dựng chiến lược đầu tư chuyển đổi ngay từ lúc chọn giống cây trồng, con vật nuôi sao cho có hiệu quả, có trọng điểm, từng bước nhưng vững chắc. Đầu tư mạnh vào đổi mới công nghệ chế biến nhằm nâng cao chất lượng và giá trị hàng nông sản trên cơ sở đã hướng dẫn nông dân sơ chế, bảo đảm chất lượng nguyên liệu nông sản, tận dụng mọi phụ phẩm để có nhiều sản phẩm mới ngoài những sản phẩm chính (như các sản phẩm bánh kẹo, rượu sau đường; sản phẩm mỹ nghệ bằng dừa sau dầu dừa....). Lấy nhu cầu thị trường làm tín hiệu để chế biến các loại sản phẩm nông sản phù hợp và có hiệu quả cao (như xu hướng dùng thực phẩm giảm béo, thực phẩm chữa bệnh, thực phẩm ăn chay, ăn nhanh và những thị hiếu tiêu dùng khác của từng nước, từng vùng, miền ...).

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến khích sản xuất, kinh doanh nông sản

Digitized by Google

thực phẩm... Khuyến khích mọi tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện tham gia sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản thực phẩm. Cần miễn thuế VAT và thuế thu nhập doanh nghiệp cho mọi đối tượng hoạt động nuôi trồng, chế biến, vận chuyển và kinh doanh hàng nông sản thực phẩm (trừ sản xuất, chế biến bằng nguyên liệu nhập khẩu và kinh doanh nông sản thực phẩm nhập khẩu, nước uống có gas, có cồn và thuốc lá) có thời hạn (đến năm 2010 hoặc 2006) để tập trung nâng cao chất lượng và đẩy mạnh tiêu thụ nông sản. Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng (đơn giản hóa các thủ tục, mở rộng diện cho vay...), triển khai việc bán hàng trả góp, trả chậm vật tư nông nghiệp, cho vay làm nhà, mua hàng trị giá cao... qua hợp đồng tín dụng. Thực hiện chính sách không thu thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với nông dân để tăng sức mua và nâng cao đời sống nông dân.

Thứ ba, quan tâm xây dựng kết cấu hạ tầng. Cần đưa việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ lưu thông hàng nông sản là chợ, trung tâm giao dịch nông sản, kho hàng và các cửa hàng thu mua nông sản và bán vật tư nông nghiệp... vào hạng mục đầu tư của Nhà nước theo kế hoạch như các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn khác hiện nay (đường, điện, trạm y tế, trường học...).

Thứ tư, điều chỉnh hệ thống chính sách nhằm tạo thuận lợi phát triển tiêu thụ hàng nông sản. Chính sách xuất nhập khẩu phải giải quyết được mối quan hệ giữa hướng về xuất khẩu và sản xuất thay thế nhập khẩu. Nếu thực hiện được tốt việc sản xuất thay thế nhập khẩu thì không những phục vụ được thị trường nội địa, mà trong nhiều trường hợp, còn tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu, làm cho xuất khẩu có hiệu quả hơn. Chính sách thị trường xuất khẩu, một mặt cần khai thác tài nguyên sinh học đa dạng của Việt Nam, phát huy lợi thế của một nền nông nghiệp nhiệt đới, cung cấp cho thị trường thế giới những chủng loại hàng hóa nông sản đa dạng; mặt khác, cần giải quyết mối quan hệ giữa "bảo hộ" và "cạnh tranh" cho phù hợp với tiến trình mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế. Tổ chức có hiệu quả các quỹ hỗ trợ sản xuất hàng nông sản. Các chính sách đối với thị trường trong nước cần tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước, thực hiện tốt biện pháp kích cầu tiêu dùng, khắc phục tình trạng năng lực sản xuất dư thừa, sản phẩm tồn đọng trong khi sức mua xã hội lại hạn chế. Nhìn chung định hướng của các giải pháp đối với thị trường trong nước nên là: tiếp tục thực hiện tự do lưu thông hàng hóa; xóa bỏ tình trạng kiểm tra, kiểm soát tùy tiện trên đường vận chuyển; hoạt động của các ngành công an, thuế, quản lý thị trường, kiểm lâm phải tạo điều kiện hơn nữa cho hàng hóa lưu thông giữa các vùng, miền; giảm bớt phí cầu, đường và các loại phí khác đối với hàng nông sản...

Thứ năm, tổ chức tốt thị trường và hoạt động lưu thông hàng nông sản. Tiếp tục nâng cao vai trò kinh tế nhà nước trên cơ sở phát huy tính tích cực của các thành phần kinh tế khác, nhất là kinh tế hợp tác trên địa bàn nông thôn. Trong nền kinh tế thị trường, việc tổ chức lưu thông hàng hóa phải bảo đảm sự tham gia bình đẳng của nhiều ngành (nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, ngân hàng), của các thành phần kinh tế và cả người sản xuất trên thị trường, đồng thời phải bảo đảm hàng hóa lưu thông với chi phí ít nhất. Vì vậy, khi tổ chức các kênh lưu thông phải bảo đảm hình thành các mối liên kết dọc, loại bỏ bớt những khâu trung gian, tạo mối liên kết ngang, gắn sản xuất với thị trường, giữa sản xuất và lưu thông, giữa thương nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác theo hướng liên kết lợi ích cộng đồng trách nhiệm (thông qua hợp đồng kinh tế). Trên cơ sở đó, hình thành một mạng lưới đại lý với các mô hình hoạt động có hiệu quả của các chủ thể kinh doanh trên từng địa bàn, có đủ điều

Digitized by Google

kiện hỗ trợ nhau trong sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu thụ nông sản, từ đó tác động tích cực trở lại đến quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tạo điều kiện cho người sản xuất nắm bắt mọi biến động của thị trường... Nhà nước có chính sách khuyến khích đầu tư mạnh hơn nữa để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã thương mại và tư nhân phát triển kinh doanh ở địa bàn nông thôn, miền núi.

Thứ sáu, đẩy mạnh công tác thông tin và xúc tiến thương mại. Trong giai đoạn tới, công tác thông tin phải làm chuyển hướng được nhận thức của người sản xuất. Cụ thể là, trước khi sản xuất, họ phải nghĩ đến thị trường tiêu thụ; khi nghiên cứu khoa học về giống cây trồng, con vật nuôi, cũng phải xuất phát từ nhu cầu thị trường. Công tác thị trường phải cố gắng hạn chế rủi ro cho người sản xuất, kinh doanh. Phát triển mạnh các dịch vụ về thị trường. Từng bước ứng dụng thương mại điện tử trong giao dịch. Ngoài ra, cần phát huy hơn nữa vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong hoạt động xúc tiến thương mại. Để ngăn ngừa các hiện tượng không có lợi cho sản xuất nông nghiệp, hiệp hội ngành hàng phải vươn lên có đủ sức hỗ trợ cho các doanh nghiệp và người sản xuất như ổn định giá vật tư đầu vào ở từng vùng; tích cực trong việc phối hợp kinh doanh và hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên tìm kiếm thị trường; xây dựng và thỏa thuận các chương trình hành động nhằm bảo vệ, nâng cao uy tín cũng như quyền lợi chung của hiệp hội, của mỗi thành viên và của quốc gia trong cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Với những giải pháp trên, hy vọng thị trường nông sản hàng hóa của nông thôn nước ta sẽ mở rộng từng bước, góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống của dân cư nông thôn, thúc đẩy nhanh hơn nữa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nước ta. ❑

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI...

(Tiếp theo trang 26)

quản lý vĩ mô. Thực hiện sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước sẽ hạn chế tính tự phát tư bản chủ nghĩa, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa cho sự phát triển kinh tế thị trường, thực hiện sự kết hợp hài hòa giữa chính trị và kinh tế thị trường, giữa kế hoạch và thị trường, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Ngoài những vấn đề nêu trên, hai bên đều nhận thấy rằng, Trung Quốc và Việt Nam, do chưa có những biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn mặt trái của kinh tế thị trường, nên vẫn chưa khắc phục triệt để các hiện tượng tham nhũng, lãng phí và nhiều biểu hiện tiêu cực khác trong xã hội. Nhận thức những hạn chế và khiếm khuyết trong lãnh đạo và quản lý để tìm những biện pháp khắc phục là bản lĩnh, lương tâm, danh dự của người cộng sản trong điều kiện cải cách, mở cửa, đổi mới.

Kết thúc Hội thảo, hai bên đều khẳng định sự giống nhau về cơ bản của bối cảnh ra đời nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; sự gặp nhau về lý luận không phải là sao chép, mô phỏng của nhau, mà là kết quả của quá trình đổi mới tư duy của mỗi Đảng trong việc vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể mỗi nước, phù hợp với xu thế phát triển trên thế giới hiện nay; sự rõ ràng và tính thuyết phục cao trong lý luận của hai Đảng về vấn đề mối quan hệ giữa chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường; sự cần thiết trao đổi, học tập kinh nghiệm lý luận và thực tiễn về giải quyết vấn đề này giữa hai bên.

Hội thảo đã thành công tốt đẹp, như đồng chí Lưu Vân Sơn đã ghi trong báo cáo của mình: "Chủ đề Hội thảo lần này có ý nghĩa trọng đại, ảnh hưởng sâu rộng. Về mặt này, Đảng Cộng sản Việt Nam có rất nhiều kinh nghiệm và cách làm đáng để chúng tôi học tập". ❑

Digitized by Google

Phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường vùng TÂY NGUYÊN

HOÀNG NGỌC PHONG *

VÙNG Tây Nguyên gồm 4 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc và Lâm Đồng, có diện tích tự nhiên 54 460 km²; dân số năm 2002 là 4,25 triệu người (riêng đồng bào các dân tộc thiểu số là 1,37 triệu người), so với cả nước chiếm khoảng 5,3 % dân số và 16,7 % về diện tích tự nhiên. Tây Nguyên có vị trí địa chính trị, quốc phòng đặc biệt quan trọng và cũng là vùng có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội. Với tài nguyên đất ba-dan lớn nhất cả nước, Tây Nguyên có nhiều điều kiện thuận lợi để hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, có giá trị kinh tế cao như cà-phê, cao-su, bông, điều, chè, dâu tằm... Với diện tích rừng rất lớn, Tây Nguyên có vai trò quan trọng bảo đảm cân bằng sinh thái, đảm bảo nguồn nước cho các nhà máy thủy điện trong vùng và hạn chế lũ lụt ở duyên hải Nam Trung Bộ. Tây Nguyên còn có các tiềm năng lớn về phát triển thủy điện, khai thác bô-xít và luyện nhôm, phát triển du lịch sinh thái và hợp tác kinh tế với các nước Đông - Nam Á.

Những năm qua, Đảng và Chính phủ đã có nhiều chủ trương, chính sách đối với Tây Nguyên. Vì vậy, vùng này *đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng:* thời kỳ 1996 - 2000, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân vùng Tây Nguyên đạt ở mức cao 12,5% (gấp 1,78 lần mức trung bình của cả nước) và hai năm 2001 - 2002 đạt khoảng 8,3% (gấp 1,2 lần mức trung bình của cả nước); cơ sở vật chất - kỹ thuật được tập trung xây dựng (10 tuyến quốc lộ và các trục giao thông chính được nâng cấp, các sân bay được cải tạo kéo dài đường băng; 41 xí nghiệp công nghiệp; mạng lưới điện được chú ý đầu tư phát triển; 910 công trình thủy lợi lớn nhỏ; 356 điểm phục vụ bưu chính; đầu tư nâng cấp 5 trường đại học và cao đẳng, 13 trường trung học chuyên nghiệp, 7 trường công nhân kỹ thuật; cơ bản có đủ bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện và khu vực, gần 100% số xã đã có trạm y tế...); cơ cấu kinh tế chuyển dịch một bước theo hướng sản xuất hàng hóa, nhất là trong nông nghiệp; đời sống của đại bộ phận dân cư được cải thiện nhiều; tình hình chính trị - xã hội cơ bản giữ được ổn định .

Bên cạnh những thành tựu rất cơ bản, Tây Nguyên vẫn *còn một số hạn chế, khó khăn mang tính đặc thù:* kinh tế phát triển nhanh nhưng chưa bền vững, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp, chưa gắn với nhu cầu thị trường nên gặp nhiều khó khăn khi thị trường biến động; mặt khác, lại phát triển chưa đồng đều, thường tập trung vào các khu vực đô thị, ven các trục giao thông, nơi có điều kiện thuận lợi; còn vùng sâu, vùng xa vẫn trong tình trạng

* TS. Phó Trưởng Ban Vùng và Lãnh thổ, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Digitized by Google

chậm phát triển. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp trong GDP còn thấp. Chưa gắn kết tốt giữa phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp với công nghiệp chế biến, chưa tính đến sự bền vững của môi trường sinh thái. Sự chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp dân cư và giữa các khu vực trong vùng còn lớn: Năm 2001, thu nhập bình quân của 20% số hộ có mức thu nhập cao nhất so với 20% số hộ có mức thu nhập thấp nhất cách nhau 13 lần, trong khi mức chênh lệch này của cả nước là 8,9 lần và của Tây Bắc là 7,1 lần. Diện tích rừng đứng đầu cả nước, song đang rơi vào tình trạng suy giảm vốn rừng và diện tích đất trống đồi trọc tăng nhanh. Việc di dân tự do đến Tây Nguyên đang đặt ra nhiều vấn đề bức xúc. Từ sau giải phóng miền Nam năm 1975 đến nay, số dân tăng cơ học ở Tây Nguyên ước tính khoảng 1,5 triệu người, do đó nhu cầu về đất ở và đất sản xuất rất lớn. Đồng bào các dân tộc tại chỗ do trình độ canh tác còn hạn chế, đời sống khó khăn nên phải bán đất cho đồng bào di cư tự do từ nơi khác đến và chuyển vào vùng sâu hơn, tiếp tục phá rừng làm nương rẫy và sống du canh, du cư. Trình độ sản xuất của một bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số còn mang nặng tính tự nhiên, tự cấp, tự túc.

Để huy động tối đa các nguồn lực, khai thác tốt nhất các tiềm năng, lợi thế vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đưa Tây Nguyên trở thành vùng giàu về kinh tế, mạnh về an ninh - quốc phòng phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch một cách toàn diện, đồng bộ, khoa học, chi tiết cho cả vùng, từng tỉnh, từng ngành và lĩnh vực, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng. Từ thực tiễn thực hiện các văn bản đã ban hành và thực tế vùng Tây Nguyên, chúng tôi *đề xuất một số giải pháp tổng thể đối với vùng Tây Nguyên như sau:*

1 - Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Đây là nhiệm vụ hàng đầu và cũng là vấn đề vừa có tính chiến lược vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt đối với việc phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên. Xây dựng cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa có hiệu quả, có sức cạnh tranh, hướng mạnh về sản xuất hàng hóa lớn, trong nông, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và nhu cầu của thị trường trong nước và nước ngoài.

Cần khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình và trang trại. Tạo mọi điều kiện để phát triển kinh tế hợp tác đáp ứng yêu cầu dịch vụ đầu vào, đầu ra cho sản xuất và sự hợp tác liên kết của kinh tế hộ và kinh tế trang trại với các doanh nghiệp tiêu thụ, chế biến. Trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Tây Nguyên, trước hết là chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp và kinh tế nông thôn và coi đó là một giải pháp quyết định để xóa đói, giảm nghèo, phấn đấu làm giàu trên diện rộng, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội môi trường bền vững ở vùng Tây Nguyên. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa nông sản có chất lượng và hiệu quả, gắn sản xuất với thị trường trong và ngoài nước nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên (đất đai, lao động và nguồn vốn), nâng cao thu nhập trên một đơn vị canh tác, cải thiện đời sống của nông dân.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là đòi hỏi bức xúc của vùng Tây Nguyên và cũng là điều kiện cần và đủ cho phát triển bền vững. Việc này phải nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả của nền nông nghiệp hàng hóa, trước hết cần *đảm bảo ba yếu tố cơ bản:*

Một là, giảm bớt sự chênh lệch về thu nhập giữa khu vực nông nghiệp với các khu vực khác bằng cách nâng giá trị sản xuất trên một héc-ta đất nông nghiệp (từ mức bình quân khoảng 1000 USD/héc-ta năm 2000 lên gấp 3 lần vào năm 2010) và tăng thêm khoảng 50 ngàn héc-ta đất nông nghiệp (từ 1 233 ngàn héc-ta năm 2000 tăng lên khoảng 1 283 ngàn héc-ta vào

Digitized by Google

năm 2010). Để đạt mục tiêu trên phải phấn đấu đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp và lựa chọn cơ cấu cây trồng, con vật nuôi hợp lý.

Hai là, cơ cấu kinh tế nông nghiệp cần được điều chỉnh theo 3 hướng: điều chỉnh ngành sản xuất nông nghiệp phù hợp với tiềm năng và lợi thế của vùng; điều chỉnh sản phẩm của từng ngành hàng trong sản xuất nông nghiệp để chấp nhận cạnh tranh; điều chỉnh quy mô hàng hóa của sản phẩm nông nghiệp.

Ba là, tăng thu nhập cho nông dân, nghĩa là giá trị làm ra trên một héc-ta đất nông nghiệp phải lớn, người dân phải có lời thỏa đáng, từ đó nâng cao thu nhập cho người nông dân.

2 - Phát triển lâm nghiệp, nâng cao vai trò của quản lý cộng đồng trong việc bảo vệ và tái sinh rừng tự nhiên

Ở Tây Nguyên, hầu hết đồng bào đều dùng củi để nấu nướng, sưởi ấm, sấy nông sản, đốt gạch, nung vôi và nếu tính cả cho nhu cầu sản xuất công nghiệp thì tổng nhu cầu gỗ là rất lớn. Ước tính năm 2010, nhu cầu sử dụng lượng gỗ, củi ở Tây Nguyên khoảng 6 triệu m^3, riêng nhân dân địa phương dùng khoảng từ 3,5 đến 4 triệu m^3, nhu cầu gỗ gia dụng 200 ngàn m^3, gỗ nguyên liệu cho công nghiệp 1,8 triệu m^3. Với nhu cầu rất lớn này, nếu không có các biện pháp thích hợp thì nguy cơ dân sẽ phải chặt rừng để lấy củi và môi trường bị tàn phá là không thể tránh khỏi.

Vấn đề có tính chiến lược lâu dài là, kinh doanh tổng hợp rừng mà chủ yếu là trồng rừng gỗ lớn, rừng nguyên liệu giấy và gỗ ván ép; áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong lai tạo giống để phát triển các loại cây có tốc độ tăng trưởng nhanh, hiệu quả, nhất là trồng các rừng nguyên liệu.

Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, chăm sóc, bảo vệ khoảng 3 triệu héc-ta rừng; trồng rừng có hiệu quả trên diện tích đất trống, đồi núi trọc và khoanh nuôi tái sinh, bảo đảm đến năm 2010 tạo thêm được khoảng 50 vạn héc-ta (trong đó có 316 ngàn héc-ta rừng nguyên liệu), đưa diện tích đất có rừng lên khoảng 3,5 triệu héc-ta (trong đó rừng phòng hộ 95 vạn héc-ta, rừng đặc dụng 49 vạn héc-ta, rừng sản xuất khoảng hơn 2 triệu héc-ta); đưa độ rừng che phủ lên khoảng 65%. Kiên quyết ngăn chặn nạn khai thác lâm sản bừa bãi, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép và nạn cháy rừng. Phát triển các cây lâm nghiệp đặc sản có giá trị kinh tế như cây thông, cây măng thực phẩm...

Thực hiện tốt phong trào trồng cây nhân dân gắn với việc tạo ra các vành đai rừng chắn gió kết hợp với tăng nguồn cung cấp gỗ dân dụng và củi đốt cho dân, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái. Quy hoạch, sắp xếp lại các lâm trường, giao nhiệm vụ trồng rừng cho các đơn vị quân đội theo hình thức các lâm trường gắn với việc thuê, khoán trồng và bảo vệ rừng kết hợp với định canh định cư và ổn định đời sống dân cư vùng sâu, vùng xa. Ưu tiên giao khoán trồng, quản lý bảo vệ rừng, đất sản xuất, đất trồng rừng, cung ứng vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, ứng trước vốn để mua cây, con và mua sản phẩm, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc phát triển sản xuất hàng hóa.

Trong quá trình tổ chức lại sản xuất nông lâm nghiệp, các tỉnh cần phối hợp với các ngành khẩn trương quy hoạch các cụm dân cư, có kế hoạch đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, bảo đảm đủ điều kiện sản xuất và ổn định cuộc sống cho nhân dân.

3 - Đẩy mạnh phát triển đô thị và nông thôn; khuyến khích người nghèo ở khu vực đô thị phát triển kinh tế để thoát nghèo với sự hỗ trợ của Nhà nước

Phát huy vai trò trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của các thành phố Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Plây Cu và thị xã Kon Tum, một số thị xã, thị trấn khác đi đầu trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển mạnh công

Digitized by Google

nghiệp và dịch vụ; tạo các yếu tố để hướng vào phát triển kinh tế tri thức ở một số trung tâm của vùng. Xây dựng các trung tâm thương mại tập trung ở các thành phố, thị xã, tạo mối giao lưu hàng hóa với các vùng khác và với các nước Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan qua các khu kinh tế cửa khẩu Đức Cơ (Gia Lai); Bờ Y (Kon Tum) và Đắc Bờ (Đắc Lắc). Phát triển các trung tâm du lịch gắn với các tuyến du lịch nội vùng, liên vùng và quốc tế. Hiện đại hóa vành đai nông nghiệp ở các thành phố, thị xã. Đẩy mạnh việc xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, tạo nhiều việc làm ở khu vực đô thị và nông thôn. Xây dựng các quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị, đảm bảo phát triển bền vững theo nguyên tắc giảm thiểu rủi ro thông qua các biện pháp xử lý ô nhiễm nguồn nước, không khí, đất, tiếng ồn.

Phát triển toàn diện nông thôn theo hướng vượt khỏi tình trạng lạc hậu, đi dần vào công nghiệp hóa, ưu tiên đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, ưu tiên đầu tư theo các chương trình như Chương trình 135, xóa đói giảm nghèo... Hoàn thành và ổn định vững chắc định canh, định cư. Bố trí lại dân cư, lao động theo quy hoạch đi đôi với xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên. Phát triển kinh tế trang trại. Giảm bớt khoảng cách phát triển so với nông thôn đồng bằng. Đối với khu vực dân cư đặc biệt khó khăn, Nhà nước có thể hỗ trợ về nguồn lực và cơ chế chính sách để tạo nền tảng và tiền đề cần thiết cho người dân tiếp cận dần với sản xuất hàng hóa và nâng cao dần trình độ dân trí.

4 - Tăng cường phát triển kết cấu hạ tầng

Đẩy mạnh phát triển giao thông, chú ý mạng lưới giao thông nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa. Nâng cấp, khai thác tốt các tuyến đường trục và đường ngang xuống vùng Duyên hải và ra các cửa khẩu biên giới.

Xây dựng hệ thống thủy lợi kết hợp phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Trước hết, hoàn thiện các công trình thủy lợi cho sản xuất lúa. Ưu tiên đầu tư các công trình tưới cây công nghiệp, nhất là đối với việc mở rộng diện tích trồng bông và một số loại cây trồng khác.

Phát triển mạng lưới bưu chính - viễn thông an toàn, thông suốt. Mạng lưới phát thanh kéo dài đến xã, từng bước hiện đại hóa mạng lưới truyền hình, tăng thời lượng phát sóng bằng tiếng các dân tộc nhằm phục vụ tốt nhu cầu về thông tin cho nhân dân trong vùng.

Đối với các xã đặc biệt khó khăn, từng bước đáp ứng nhu cầu điện, nước và nhà ở cho dân.

5 - Tạo ra bước chuyển căn bản và có tiến bộ rõ rệt về các mặt văn hóa - xã hội và đoàn kết dân tộc

Cùng với sự phát triển và tiến bộ chung về đời sống văn hóa - xã hội của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, cần làm cho đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số có những chuyển biến căn bản. Coi trọng đầu tư cho vùng sâu, vùng xa để sau 10 năm có nhiều mặt ngang với mức trung bình của toàn vùng.

Trong những năm tới, cần tập trung giải quyết cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trên các mặt: xóa xong đói, cơ bản xóa nghèo, có đủ đất để sản xuất, có việc làm ổn định; nhà ở về cơ bản được xây dựng theo hướng kiên cố hóa; phần lớn được dùng nước sạch; được chăm sóc sức khỏe ban đầu; đủ trường, lớp và đội ngũ giáo viên; khống chế và tiến tới loại trừ các dịch bệnh sốt rét, lao, bướu cổ và thanh toán bệnh bại liệt ở Tây Nguyên. Dân cư được tổ chức lại theo quy hoạch để thuận lợi cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Nâng dần tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số ở các cấp trong hệ thống chính trị, nhất là cấp cơ sở; đặc biệt đối với ngành y tế, giáo dục phải phấn đấu tiến tới chủ yếu là cán bộ người dân tộc thiểu số.

Digitized by Google

6 - Tích cực phát triển khoa học và công nghệ

Coi việc đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ cho sản xuất là khâu đột phát quan trọng nhất để nâng cao hiệu quả sản xuất và đa dạng hóa nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển ngành nghề ở Tây Nguyên (khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số)

Các địa phương phối hợp với Trung ương đầu tư cho các đơn vị ứng dụng công nghệ sinh học tại các tỉnh Tây Nguyên, trước hết là:

- Tạo giống mới, tập trung vào giống cà-phê, cao-su, chè, bông, mía, bò lai, lợn hướng nạc, cây lâm nghiệp... có năng suất cao, chất lượng tốt, tăng dần tỷ suất hàng hóa trong nông, lâm nghiệp.

- Xây dựng các trung tâm phát triển cây trồng, con vật nuôi. Huy động các cơ quan khoa học - công nghệ trong cả nước nghiên cứu công nghệ bảo quản, chế biến ngô, xay xát gạo, đậu tương, sơ chế thuốc lá và hình thành tập đoàn các cây trồng lâm nghiệp... cho Tây Nguyên. Chú trọng đào đạo cán bộ làm công tác khuyến nông là người địa phương biết tiếng dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.

- Tăng cường năng lực cho Đại học Đà Lạt và Tây Nguyên trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình trang trại, vườn rừng để thực hiện việc chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và gắn với công nghiệp chế biến. Đối với các doanh nghiệp lập trang trại kinh doanh nông, lâm nghiệp được vay vốn tín dụng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

7 - Bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững kinh tế - xã hội

Lồng ghép và cụ thể hóa các vấn đề môi trường - tài nguyên vào các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, huyện, đảm bảo cho các quy hoạch phát triển theo hướng bền vững và không làm suy giảm tài nguyên.

Chấm dứt tình trạng phá rừng làm rẫy để giảm sự suy thoái tài nguyên, thực hiện bảo tồn và quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các động vật quý hiếm và các gen quý hiếm. Tiếp tục đóng cửa những vùng rừng tự nhiên đang bị khai phá bừa bãi. Bảo tồn đa dạng sinh học ở các khu rừng quốc gia.

Quy hoạch quản lý đất một cách bền vững theo hướng sử dụng kỹ thuật canh tác sinh thái như một cuộc cách mạng bằng việc đẩy mạnh thâm canh, trồng các đai rừng chắn gió hạn chế tác hại của gió địa hình mạnh đối với cây trồng, con vật nuôi. Cần có các mảng rừng, thậm chí là các chỏm rừng giữ cân bằng sinh thái ở những tiểu vùng nhỏ. Đưa kỹ thuật canh tác bậc thang đến đối với đồng bào dân tộc, đến các nông, lâm trường, đắp bờ phân lô, vạch thửa ở những nơi có điều kiện và trồng cây công nghiệp cũng như các cây trồng phù hợp theo luống, theo các đường đồng mức. Có cơ chế luân canh thích hợp đối với mỗi loại hình đất đai, mỗi tiểu vùng... Tất cả nhằm mục đích thâm canh bảo vệ tài nguyên đất, tái tạo môi trường sinh thái và có được sinh khối lớn trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

Với vị trí địa - chính trị rất quan trọng, tiềm năng dồi dào cùng với những khó khăn thách thức đặt ra, đòi hỏi Đảng và Nhà nước, nhất là các cấp chính quyền ở địa phương phải có các giải pháp tổng thể để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, nhanh chóng xây dựng Tây Nguyên thành một vùng kinh tế động lực. Nhất là, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh nhằm bảo vệ vững chắc địa bàn Tây Nguyên - hậu phương lớn của vùng Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và cả nước nhằm tạo vị thế xứng đáng cho Tây Nguyên trong chiến lược phát triển hành lang Đông - Tây trong các nước ASEAN. ❑

Digitized by Google

ĐẠI HỘI THỂ THAO ĐÔNG NAM Á TẠI VIỆT NAM – ĐẠI HỘI CỦA ĐOÀN KẾT, HỢP TÁC VÌ HÒA BÌNH VÀ PHÁT TRIỂN

HOÀNG VĨNH GIANG *

ĐẠI hội lần thứ IX của Đảng đã thông qua *"Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010"*, trong đó về phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao, đã chỉ rõ: ***"Phát triển mạnh các hoạt động thể dục, thể thao cả về quy mô và chất lượng, góp phần nâng cao thể lực và phát huy tinh thần dân tộc của con người Việt Nam; chuẩn bị tốt cho việc đăng cai và tổ chức tham gia SEA Games 2003 tại Việt Nam; thực hiện xã hội hóa các hoạt động thể thao mang tính chuyên nghiệp"*** (1).

Thực hiện định hướng trên, nước ta đã đăng cai tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 (SEA Games 22) năm 2003. Chúng ta đã nhận được sự đồng thuận của các nước thành viên và Liên đoàn Thể thao Đông Nam Á. Sau hơn một năm triển khai hết sức khẩn trương, được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, sự phối hợp đồng bộ và tích cực của các bộ, ngành, các địa phương, công việc chuẩn bị cho SEA Games 22 đã căn bản hoàn thành. Tháng 12-2003, SEA Games 22 sẽ chính thức khai mạc tại Thủ đô Hà Nội nghìn năm văn hiến.

Kể từ Đại hội lần thứ nhất (năm 1959) tại Thái Lan, đến nay đã gần nửa thế kỷ, qua 21 Đại hội, sự kiện này luôn luôn có vị trí quan trọng đặc biệt đối với mỗi nước thành viên và trong khu vực, thu hút sự quan tâm của cả châu Á và thế giới. Ngay từ đầu, mục tiêu của SEA Games là *tăng cường tình đoàn kết và hữu nghị giữa các dân tộc, không ngừng nâng cao thành tích kỹ thuật, chiến thuật các môn thể thao, tạo điều kiện để vận động viên các nước trong khu vực rèn luyện kỹ năng nhằm thi đấu tại Đại hội Thể thao châu Á, Đại hội Ô-lym-pic*... Điều quan trọng hơn là, từ các hoạt động phát triển của thể thao, các quốc gia trong khu vực củng cố và tăng cường đoàn kết, hợp tác hữu nghị và phát triển. Trong 11 quốc gia của khu vực Đông Nam Á, có 7 quốc gia đã tổ chức SEA Games. Việt Nam là nước thành viên thứ 8 đăng cai và dư luận đang tin tưởng và hy vọng: *SEA Games 22 - Việt Nam 2003 sẽ là một "chương mới" của thể thao Đông Nam Á*. Bằng nỗ lực của mình, Việt Nam duy trì được quy mô đã từng có của Đại hội, đồng thời đề xuất nhiều sáng kiến, nội dung mới được các nước thành viên chấp nhận. Số lượng môn thi và những bộ huy chương, khả năng chuyên môn của quốc gia đăng cai, khâu tổ chức được minh chứng ở bước chuẩn bị về cơ sở vật chất - kỹ thuật, phương tiện, địa điểm và các

* Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Ô-lym-pic Việt Nam, Phó trưởng Ban tổ chức SEA Games 22 Hà Nội

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 297 - 298

Digitized by Google

dịch vụ phục vụ Đại hội. SEA Games 22 tại Việt Nam (năm 2003) có 32 môn thi với 442 bộ huy chương, giữ kỷ lục về số lượng nội dung nhiều nhất (trong lịch sử của SEA Games thì kỳ Đại hội có quy mô lớn nhất về số môn thể thao là SEA Games 19 - In-đô-nê-xi-a 1997, tuy có 34 môn thi, nhưng chỉ có 440 bộ huy chương). Theo các nhà chuyên môn thì trong nhiều năm tới, kỷ lục này sẽ rất khó vượt qua bởi xu hướng phát triển và tính ổn định trong tổ chức Đại hội của Liên đoàn Thể thao khu vực. Tại SEA Games lần này, có 3 môn mới được đưa vào nội dung thi đấu chính thức là: lặn, cờ vua và đá cầu chinh, cùng với 3 nội dung mới là sportaerobic, vật nữ, tán thủ nữ sẽ góp phần làm cho Đại hội có thêm nét mới và sự tranh đua sôi động. Tại Đại hội này, cùng 10 nước tham dự Đại hội lần trước, lần đầu tiên Đông Ti-mo tham gia. Điều đó biểu hiện tình đoàn kết vì hòa bình và phát triển của khu vực ngày càng được củng cố, mở rộng và là mục tiêu được thể thao Đông Nam Á kiên trì theo đuổi.

Trong lịch sử tham gia SEA Games của Việt Nam, cái mốc đánh dấu tính ổn định, thống nhất, liên tục và hội nhập toàn diện với nền thể thao khu vực phải kể từ năm 1989 tại SEA Games 15 - Ma-lai-xi-a, thời điểm sau 14 năm hòa bình và thống nhất đất nước. Qua mỗi kỳ Đại hội, chúng ta đã liên tục vươn lên giành các thành tích cao cả về số môn tham gia, lực lượng vận động viên và số huy chương. Vượt lên mọi khó khăn, nền thể thao nước nhà luôn luôn nhận được sự quan tâm về lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư của Đảng và Nhà nước. Từ chỗ xếp thứ 7 trong 9 đoàn tham gia tại SEA Games 15, đến Đại hội lần thứ 21 (năm 2001) đoàn thể thao Việt Nam đã vươn lên thứ 4/10 đoàn tham gia với thành tích 33 huy chương vàng, 35 huy chương bạc và 64 huy chương đồng. Tại SEA Games 22 này, Việt Nam tham gia với một lực lượng hùng hậu nhất từ trước đến nay. Đoàn thể thao Việt Nam có 1 008 người, trong đó có 697 vận động viên chính thức tham gia trong tất cả 442 nội dung thi đấu và 244 cán bộ, chuyên gia, huấn luyện viên. Thời gian qua, cùng với sự nỗ lực toàn diện của các ngành, các cấp nhằm chuẩn bị cơ sở vật chất - kỹ thuật và phương tiện tổ chức SEA Games 22 thành công, tại 3 Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia, công tác huấn luyện đã diễn ra liên tục với cường độ cao, sôi động trong toàn bộ lực lượng vận động viên, chuyên gia, huấn luyện viên và người phục vụ. Nhiều đội tuyển quốc gia được tham gia tập huấn ở nước ngoài. Tất cả đều hướng vào mục tiêu đạt thành tích cao trong thi đấu không chỉ vì *"màu cờ sắc áo"* của Tổ quốc mà còn vì tiếng nói chung của Đại hội là *"Đoàn kết, hợp tác vì hòa bình và phát triển"* của khu vực.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm của Đại hội, là đầu mối và nơi diễn ra các nội dung quan trọng nhất của SEA Games 22 và toàn bộ nội dung ASEAN - Para Games 2 (Đại hội Thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 2), thời gian qua đã triển khai thực hiện các nhóm nhiệm vụ trọng tâm và cũng là quan trọng nhất của Đại hội. Ngoài việc chuẩn bị cơ sở vật chất - kỹ thuật và phương tiện, địa điểm của 17 môn thi đấu tại SEA Games 22 và 5 môn thi đấu của ASEAN - Para Games 2, Hà Nội còn là nơi diễn ra lễ khai mạc và lễ bế mạc Đại hội. Phương châm của Việt Nam, của Thủ đô Hà Nội là dành những cơ sở vật chất - kỹ thuật và phương tiện tốt nhất, điều kiện thuận lợi, an toàn nhất, đáp ứng nhu cầu cao nhất cho khoảng 8 000 khách và bạn bè trong khối ASEAN tham dự SEA Games 22 và Para Games 2. Công tác chỉnh trang, củng cố nền nếp và văn minh đô thị, công tác tuyên truyền, thông tin và cổ động, công tác phục vụ ăn ở, sinh hoạt, đi lại và tham quan của các đoàn đều được thành phố quan tâm. Đến nay, các nhóm nhiệm vụ trọng tâm đã căn bản hoàn thành, các công trình phục vụ Đại hội đã và đang đưa vào vận hành hoặc đang hoàn tất khâu cuối cùng với tinh thần sẵn sàng đón chào SEA Games 22, tất cả vì sự thành công của sự kiện quan trọng nhất của lịch sử thể thao và văn hóa Việt Nam diễn ra trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Tại 11 tỉnh, thành phố khác cũng diễn ra các nội dung thi đấu của Đại hội. Mặc dù đất nước

Digitized by Google

còn nhiều khó khăn nhưng Đảng và Nhà nước ta đã ưu tiên tập trung đầu tư nguồn lực để bảo đảm các yêu cầu cơ bản đặt ra với SEA Games 22 lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam. Những khó khăn, vướng mắc ở Trung ương và địa phương đã kịp thời được tháo gỡ, giải quyết. Đến cuối tháng 11, tất cả các công trình phục vụ tổ chức thi đấu của Đại hội đã cơ bản hoàn thành và vận hành thử. Tại Hà Nội, có 24 công trình, tại Thành phố Hồ Chí Minh có 13 công trình và 12 công trình tại các tỉnh, thành phố khác. Các cơ sở phục vụ điều hành Đại hội như: Trung tâm Báo chí chính, Trung tâm Truyền hình quốc tế, Trung tâm Điều hành Đại hội đang hoàn thiện với các thiết bị hiện đại nhất.

Bộ Bưu chính - Viễn thông đầu tư thêm hơn 400 tỉ đồng nâng cấp dịch vụ viễn thông nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng sử dụng dịch vụ này. Các cơ quan, đơn vị như Đài Truyền hình Việt Nam, Tổng cục Du lịch, Tổng Công ty Điện lực, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Y tế, v.v.. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (nơi đăng cai nội dung thi đấu) đều đồng loạt triển khai chương trình xây dựng, nâng cấp công trình và mở rộng dịch vụ nhằm dành những điều kiện tốt nhất cho thắng lợi của SEA Games 22.

Với phương châm đảm bảo tính trung thực và cao thượng trong thi đấu thể thao, Ban Tổ chức SEA Games 22 Việt Nam đã triển khai mọi hoạt động theo thông lệ nhằm thực hiện các quy định của Liên đoàn Thể thao Đông Nam Á. Các nước thành viên được nhận sớm các chương trình và điều lệ thi đấu do Ban Tổ chức soạn thảo và hoàn tất ở cả 32 môn. Tại Hà Nội, đã diễn ra các hội nghị của Liên đoàn Thể thao Đông Nam Á để thông tin, bàn thảo các nội dung liên quan đến Đại hội và thông báo tiến độ chuẩn bị, điều kiện cần thiết phục vụ Đại hội do phía đăng cai thực hiện. Chúng ta cũng tổ chức nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, trọng tài với sự tham gia giảng dạy của nhiều chuyên gia quốc tế. Cán bộ điều hành và trọng tài Việt Nam được tập duyệt, bổ túc kinh nghiệm tại các giải thi đấu tiền SEA Games và được làm quen với mô hình, tình huống có thật trong thi đấu và điều hành. Ban Tổ chức SEA Games Việt Nam thực hiện sự phối hợp chặt chẽ với các hiệp hội và Liên đoàn Thể thao quốc tế, mời 661 trọng tài và quan chức kỹ thuật quốc tế tham gia tổ chức điều hành, trong đó chú trọng tới lực lượng trọng tài và quan chức kỹ thuật trung lập không thuộc nước trong khu vực để bảo đảm cao nhất yêu cầu trung thực, khách quan trong thi đấu của Đại hội.

Có thể nói, trong tất cả các khâu chuẩn bị, chúng ta đã chủ động hoàn tất và sẵn sàng phục vụ Đại hội. Điều đó chứng tỏ tiềm lực và khả năng của Việt Nam trong việc đăng cai tổ chức Đại hội. *Tinh thần và tư tưởng chỉ đạo của lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam là, nghiên cứu khai thác và tổ chức thực hiện đầy đủ, trọn vẹn sự kiện quan trọng và có ý nghĩa sâu sắc này trên tất cả các bình diện chính trị - ngoại giao, văn hóa và kinh tế - xã hội làm cho vị thế Việt Nam ngày càng được nâng cao trong khu vực và trên thế giới.* Trong xu thế hội nhập và phát triển của thời đại, việc Việt Nam tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế, nhiều hoạt động chính trị, ngoại giao, văn hóa có quy mô lớn thời gian qua đã để lại những kinh nghiệm tốt. Năm 2003, việc đăng cai tổ chức SEA Games 22 vừa là một thách thức, vừa là một thời cơ để chúng ta làm quen với những sự kiện trọng đại của khu vực. Chắc chắn rằng, sau thành công của Đại hội, chúng ta sẽ trưởng thành hơn và có nhiều bài học quý báu trong xây dựng phát triển, hội nhập và hợp tác quốc tế.

Sự kiện Đại hội thể thao Đông Nam Á không bó hẹp trong hoạt động thi tài về thể thao mà nó còn có ý nghĩa trên nhiều mặt chính trị, ngoại giao, kinh tế và văn hóa. Có thể nói thành công của việc tổ chức một đại hội thể thao lớn như SEA Games 22 sẽ là biểu hiện sinh động hình ảnh và sức mạnh của cả dân tộc.

Là nước chủ nhà đăng cai, tại SEA Games 22 năm 2003 này, mong muốn của Đoàn thể thao Việt Nam là xếp thứ hạng cao hơn so với

(Xem tiếp trang 53)

Digitized by Google

Sau 3 năm thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

VÕ ĐĂNG THIÊN*

NGÀY 17-10-2000, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 58-CT/TW về **Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.** Tại văn kiện quan trọng này, Bộ Chính trị xác định: *Công nghệ thông tin là một trong những động lực quan trọng nhất của sự phát triển, cùng với một số ngành công nghệ cao khác đang làm biến đổi sâu sắc đời sống.kinh tế, văn hóa, xã hội thế giới hiện đại.*

Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở nước ta nhằm góp phần giải phóng sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, thúc đẩy công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và hiện đại hóa các ngành kinh tế, tăng cường sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, hỗ trợ hiệu quả cho quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, đảm bảo an ninh, quốc phòng và tạo khả năng đi tắt đón đầu để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sự ra đời của Chỉ thị 58 thể hiện nhận thức sâu sắc và quyết sách chiến lược của Đảng và Nhà nước ta nhằm biến công nghệ thông tin, một trong những thành tựu kỳ diệu nhất của trí tuệ nhân loại, thành động lực quan trọng hàng đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện chủ trương đi tắt đón đầu, đưa đất nước nhanh chóng tiến vào kỷ nguyên thông tin và kinh tế tri thức.

Chỉ thị 58 đề ra mục tiêu đến năm 2010 là công nghệ thông tin nước ta phải đạt trình độ tiên tiến trong khu vực với một số mục tiêu cơ bản như:

- Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, trở thành một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

- Phát triển mạng thông tin quốc gia phủ cả nước, với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, giá rẻ; tỷ lệ người sử dụng in-tơ-nét đạt mức trung bình thế giới.

- Công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ phát triển hằng năm cao nhất so với các khu vực khác; có tỷ lệ đóng góp cho tăng trưởng GDP của cả nước ngày càng tăng.

Để thực hiện tốt mục tiêu trên, Bộ Chính trị đề ra những chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp cơ bản để các cấp, các ngành triển khai thực hiện.

Sau khi Chỉ thị 58 ra đời, Ban Bí thư và Chính phủ đã tích cực chỉ đạo các cấp, các ngành có chương trình, kế hoạch, bước đi cụ thể để tổ chức thực hiện. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm thể chế hóa

* Phó Tổng Biên tập báo *Bưu điện Việt Nam*

Digitized by Google

Chỉ thị 58. Ngày 24-5-2001, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg phê duyệt *Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị 58 giai đoạn 2001 - 2005*, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành đề xuất việc xây dựng và thực hiện bốn chương trình trọng điểm, bao gồm: xây dựng và nâng kết cấu hạ tầng viễn thông và in-tơ-nét; phát triển nguồn nhân lực về công nghệ thông tin; xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm; xây dựng và phát triển công nghiệp phần cứng.

Sau hai năm thực hiện Chỉ thị 58, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo kiểm điểm, đánh giá đúng tình hình, đề ra những giải pháp hữu hiệu tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm tạo bước chuyển mạnh mẽ trong ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở nước ta. Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin (Ban Chỉ đạo 58) được giao nhiệm vụ phối hợp với các cấp, các ngành chuẩn bị báo cáo kiểm điểm theo tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ năm nhiệm vụ chủ yếu mà Chỉ thị 58 đã nêu ra, có thể nêu lên một số kết quả sau:

1 - Ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả công nghệ thông tin trong toàn xã hội

Để thực hiện nhiệm vụ này, Chính phủ đã đề ra nhiều biện pháp với những dự án, đề án khá quy mô. Trong đó, trước tiên phải kể đến Quyết định số 112/2001, ngày 25-7-2001 phê duyệt *Đề án Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2005* (Đề án 112); Quyết định số 95/2002 ngày 7-7-2002 phê duyệt *Kế hoạch tổng thể về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đến năm 2005*, trong đó cùng với Đề án 112 là 12 dự án ứng dụng trọng điểm do các bộ, tổng cục thuộc Chính phủ, hai thành phố là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì. Ngoài các dự án của Chính phủ, các địa phương, nhất là các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã đầu tư nhiều dự án ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước. Nhiều doanh nghiệp, nhất là các tổng công ty 90, 91 cũng tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt. Tổng số vốn đầu tư cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin từ ngân sách trung ương và địa phương là hàng nghìn tỉ đồng. Theo đánh giá của Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin, việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin theo tinh thần Chỉ thị 58 trong gần ba năm qua đã đem lại một số kết quả nhất định. Với những mức độ và hiệu quả khác nhau, công nghệ thông tin đã thâm nhập vào hầu hết các hoạt động kinh tế - xã hội, khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, trong đời sống gia đình, khu vực hành chính, dịch vụ công và trong các tổ chức chính trị - xã hội. Ở những khu vực kinh tế có yêu cầu hội nhập và cạnh tranh cao như: ngân hàng, hàng không, viễn thông..., việc ứng dụng công nghệ thông tin đã trở thành yếu tố sống còn, góp phần quyết định sự phát triển và tiến trình hội nhập của các ngành này.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin ở nhiều doanh nghiệp (cả khu vực Nhà nước và tư nhân) đã mang lại hiệu quả tích cực, khiến công nghệ thông tin trở thành yếu tố không thể thiếu trong các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, trong thiết kế kỹ thuật, lập dự toán công trình... Thông tin các loại được điện tử hóa bắt đầu có vai trò và ảnh hưởng trong xã hội, đặc biệt là sự xuất hiện của loại hình báo chí điện tử và các trang tin điện tử trên in-tơ-nét.

2 - Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành một ngành kinh tế quan trọng, đặc biệt là công nghiệp phần mềm

Những chủ trương, chính sách của Chính phủ và các địa phương đã tạo được sức hút nhất định đối với công nghiệp phần mềm.

Digitized by Google

Số doanh nghiệp đăng ký làm phần mềm tăng lên nhanh chóng với khoảng 2 500 đơn vị, trong đó ước lượng số doanh nghiệp thực sự hoạt động về phần mềm là khoảng 400 đơn vị. Riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh, 6 tháng đầu năm 2003, có 250 doanh nghiệp mới đăng ký hoạt động về công nghệ thông tin, trong đó có 90 đơn vị đăng ký sản xuất dịch vụ phần mềm (36%). Số nhân sự làm phầm mềm hiện có 8 000 người, tạo ra giá trị sản phẩm khoảng 75 triệu USD, với năng suất đạt 9 400 USD/người/năm. Hiện nay, cả nước có 8 khu công nghiệp phần mềm tập trung đi vào hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ, Huế, Hải Phòng. Tuy nhiên, chỉ có 2 khu: Quang Trung và Công viên phần mềm Sài Gòn (SSP) hoạt động tương đối có hiệu quả, các khu phần mềm khác đều chưa mang lại hiệu quả mong muốn.

Một bộ phận của công nghiệp phần cứng đã bước đầu hình thành với 20 doanh nghiệp lắp ráp máy tính có thương hiệu, trong đó có những dây chuyền hiện đại cho ra đời những nhãn hiệu máy tính được thị trường đánh giá cao. Một số nhà máy sản xuất phần cứng đã đi vào hoạt động có hiệu quả.

Trong thời gian qua, các cơ sở đào tạo về công nghệ thông tin phát triển nhanh chóng. Theo thống kê mới nhất, hiện cả nước có 57 cơ sở đào tạo công nghệ thông tin ở bậc đại học, 72 cơ sở đào tạo bậc cao đẳng; ngoài ra còn có 56 trung tâm đào tạo phi chính quy ở các trình độ khác nhau về công nghệ thông tin (thường là dưới hình thức hợp tác giữa một doanh nghiệp hoặc tổ chức trong nước với một cơ sở đào tạo của nước ngoài, hiện có khoảng 15 hãng lớn trên thế giới tham gia đào tạo và cấp chứng chỉ về công nghệ thông tin ở nước ta). Số chỉ tiêu đào tạo chính quy về công nghệ thông tin vượt quá con số 10 000/năm. Tuy nhiên, trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin, chúng ta mới chỉ đẩy nhanh được sự tăng trưởng về số lượng, trong khi chất lượng đào tạo hiện vẫn còn một khoảng cách khá xa so với yêu cầu.

3 - Nhanh chóng xây dựng mạng thông tin quốc gia, bao gồm hệ thống viễn thông và in-tơ-nét Việt Nam

Đây là nhiệm vụ được đánh giá là thực hiện có hiệu quả nhất theo tinh thần của Chỉ thị 58 nhờ những bước phát triển nhảy vọt của viễn thông nước ta từ trước khi có Chỉ thị 58. Việc tiếp tục phát triển mạng lưới viễn thông tỏa rộng khắp cả nước, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ với chất lượng cao, giá cước hạ tương đương hoặc thấp hơn khu vực, ban hành các chính sách thúc đẩy môi trường cạnh tranh, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông và in-tơ-nét nhằm tăng cường nội lực, chuẩn bị cạnh tranh và hội nhập quốc tế... theo tinh thần của Chỉ thị 58 đã cơ bản được thực hiện.

4 - Tăng cường đổi mới công tác quản lý nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

Cho đến nay, chúng ta đã hình thành các cơ quan chỉ đạo và quản lý về công nghệ thông tin ở cấp trung ương là Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin và Bộ Bưu chính - Viễn thông, chấm dứt về nguyên tắc thời kỳ bưu chính - viễn thông và công nghệ thông tin bị chia cắt thành nhiều mảng bất hợp lý. Phần lớn các cơ quan của Đảng và Nhà nước ở cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã cử cán bộ lãnh đạo phụ trách về công nghệ thông tin.

Nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghệ thông tin ở nước ta đã ra đời nhằm thực hiện thắng lợi Chỉ thị 58. Một số chính sách ưu đãi về thuế, về cho thuê đất dành cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông

Digitized by Google

tin đã được ban hành. Đầu tư cho công nghệ thông tin từ ngân sách nhà nước tăng đáng kể so với những năm trước đây.

Những kết quả của việc thực hiện năm nhiệm vụ nêu trên là rất đáng ghi nhận. Kết quả lớn nhất có thể khẳng định là, từ một điểm xuất phát thấp, hầu như chưa có gì, chỉ trong một thời gian rất ngắn, chúng ta đã có tên trên bản đồ công nghệ thông tin của thế giới với đầy đủ bốn yếu tố cấu thành của một nền công nghệ thông tin: *ứng dụng công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ thông tin, hạ tầng công nghệ thông tin và nhân lực công nghệ thông tin,* cho dù vị trí đó còn rất khiêm tốn theo sự xếp hạng của các tổ chức quốc tế có uy tín.

Bên cạnh những thành quả đáng khích lệ, chúng ta vẫn nhận thấy, việc tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách, kế hoạch, các chương trình, dự án về công nghệ thông tin còn rất chậm và thiếu đồng bộ. Những nội dung quan trọng nhất đều được thực hiện chậm, thậm chí còn chưa làm gì. Chẳng hạn, đến năm 2002 chúng ta mới có Kế hoạch tổng thể về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đến năm 2005. Chương trình Hành động thực hiện Chỉ thị 58 đề ra việc xây dựng và thực hiện bốn chương trình trọng điểm, song sau hai năm, vẫn chưa có chương trình nào được xây dựng xong và được phê duyệt. Nhiều mục tiêu, chỉ tiêu quan trọng đề ra cho năm 2005 còn xa mới thực hiện được.

Công tác ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nói chung, đặc biệt là các dự án ứng dụng sử dụng vốn ngân sách chưa tạo ra được hạ tầng thông tin, nền tảng cơ bản cho việc thực hiện các ứng dụng. Khái niệm hạ tầng thông tin (hệ cơ sở dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, nghiên cứu, đào tạo, ngoại giao...) còn bị hiểu nhầm là hạ tầng viễn thông. Các ứng dụng công nghệ thông tin bị chia cắt, chồng chéo, hiệu quả của nhiều dự án chưa rõ rệt, thậm chí những dự án hoàn toàn không có hiệu quả còn chiếm một tỷ trọng khá lớn, gây lãng phí cho ngân sách nhà nước. Có những chương trình, dự án lớn, sử dụng vốn đầu tư tập trung cho phát triển công nghệ thông tin lại không có trong kế hoạch tổng thể về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, do vậy không tạo ra được sự phối hợp đồng bộ trong việc thực hiện các dự án sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư. Các cơ quan có trách nhiệm chưa xây dựng được các tiêu chí rõ ràng, khoa học cho việc đánh giá kết quả thực hiện các dự án và các nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư cho công nghệ thông tin.

Công nghiệp công nghệ thông tin còn xa mới có thể đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong Chỉ thị 58 mặc dù những mục tiêu, chỉ tiêu đó không quá cao nếu phấn đấu mạnh mẽ trong 5 năm liền. Đặc biệt, chỉ tiêu đạt doanh số 500 triệu USD (trong đó xuất khẩu 200 triệu) cho công nghiệp phần mềm vào năm 2005 được đề ra trong Kế hoạch Tổng thể ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đến năm 2005 không phải là quá cao nhưng do được xây dựng dựa trên những tính toán thiếu khoa học và việc tổ chức thực hiện lại thiếu đồng bộ và mạnh mẽ nên chắc chắn phải điều chỉnh xuống thấp hơn rất nhiều (theo tính toán của một số chuyên gia thì khả thi nhất là 200 triệu USD).

Nguồn nhân lực về công nghệ thông tin của ta hiện tuy đông về số lượng nhưng chất lượng lại không bảo đảm, còn một khoảng cách khá xa giữa nội dung, chương trình của các cơ sở đào tạo và nhu cầu thực tế của các tổ chức và doanh nghiệp sử dụng lao động. Vì vậy, nhìn chung chúng ta vẫn rất thiếu nhân lực về công nghệ thông tin, đặc biệt là cán bộ quản lý công nghệ thông tin và quản lý các dự án công nghệ thông tin.

Digitized by Google

Hệ thống tổ chức, chỉ đạo và quản lý công nghệ thông tin tuy đã được củng cố song vẫn chưa đủ mạnh và đồng bộ từ các bộ, ngành đến các địa phương để có thể đủ sức đảm đương các nhiệm vụ được đề ra. Trước khi có Bộ Bưu chính - Viễn thông và Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin, việc quản lý về công nghệ thông tin bị chia cắt manh mún bởi nhiều bộ, ngành. Cho đến nay, hầu hết các địa phương đều chưa có cơ quan chuyên trách của Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm về quản lý công nghệ thông tin và Bộ Bưu chính - Viễn thông cũng là bộ duy nhất trong Chính phủ chưa có các sở theo hệ thống ngành dọc ở địa phương. Tình trạng trên cũng dẫn đến việc chúng ta còn thiếu các cơ chế, các hướng dẫn rõ ràng, hợp lý cho việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chương trình và dự án công nghệ thông tin; chưa có quy trình, thủ tục rõ ràng, chặt chẽ cho việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt các kế hoạch, dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin có sử dụng ngân sách nhà nước, trong đó xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan có liên quan. Đồng thời cũng thiếu cả những cơ chế và hệ thống tổ chức để có thể thường xuyên hoạt động kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực thi nhiệm vụ và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện Chỉ thị 58.

Sự chậm trễ trong việc thực hiện các nhiệm vụ mà Chỉ thị 58 nêu ra khiến cho chúng ta đã bỏ lỡ khá nhiều thời gian. Trong khi chúng ta đang loay hoay với những bước đi đầu tiên thì các quốc gia trong khu vực như Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc, Trung Quốc... đang tiến những bước dài trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin để tạo nên những đột biến thần kỳ trong phát triển đất nước. Để tránh nguy cơ tụt hậu hơn nữa ngay trong lĩnh vực công nghệ thông tin, cần có những nỗ lực quyết liệt trong việc thực hiện Chỉ thị 58, mà trước mắt là thực hiện hai năm còn lại của kế hoạch 2001 - 2005, đồng thời chuẩn bị thật tốt mọi cơ sở để bước vào kế hoạch 2006 - 2010 để có thể tạo nên sự cất cánh thực sự trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Trước mắt, chúng ta cần tập trung vào một số nhiệm vụ cơ bản sau:

Một là, gấp rút và kiên quyết hoàn thiện, tăng cường hệ thống tổ chức, cơ chế chỉ đạo và quản lý công nghệ thông tin từ trung ương đến các bộ, ngành và địa phương; có chính sách cán bộ mạnh dạn và thỏa đáng để có thể huy động được lực lượng giỏi, tâm huyết cho các tổ chức này.

Hai là, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, quy trình, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt và thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án công nghệ thông tin; lựa chọn xây dựng và ban hành một số chính sách có tác dụng thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Ba là, điều chỉnh và xác định cơ chế vận hành tổng thể ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin 2001 - 2005 với nội dung là Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin 2004 - 2005 cho phù hợp với tình hình mới. Lựa chọn và tập trung đầu tư thực hiện thí điểm một số dự án ứng dụng công nghệ thông tin để rút kinh nghiệm trước khi triển khai trên diện rộng trong kế hoạch 5 năm tới.

Bốn là, tập trung sự chỉ đạo của Nhà nước vào ba vấn đề trọng điểm: Nguồn nhân lực chất lượng cao cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; phát triển và kiên quyết bảo đảm hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin, tạo ra thị trường cho công nghiệp công nghệ thông tin và hạ tầng thông tin quốc gia của các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp; tích cực chuẩn bị các vấn đề nhằm tạo môi trường thuận lợi cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. ❑

Digitized by Google

Bộ đội Biên phòng tỉnh SÓC TRĂNG với công tác vận động đồng bào DÂN TỘC KHƠ ME

LÊ KHẮC BÌNH *

SÓC Trăng có khoảng 350 ngàn đồng bào dân tộc Khơ Me sinh sống (chiếm 28% số dân của tỉnh). Riêng huyện Vĩnh Châu đã có hơn 75 ngàn người. Khu vực hoạt động của Bộ đội Biên phòng tỉnh gồm 9 xã và một thị trấn, dọc theo tuyến ven biển dài 72 km, thuộc 3 huyện: Long Phú, Vĩnh Châu và Cù Lao Dung - nơi cư trú của 3 dân tộc anh em Kinh, Khơ Me và Hoa, trong đó dân tộc Khơ Me chiếm 51,1%. Đồng bào Khơ Me ở khu vực này chủ yếu theo đạo Phật (Tiểu thừa Nam tông), bên cạnh gần 100 hộ theo đạo Thiên chúa, và 107 người Khơ Me theo đạo Tin lành.

Nhờ thực hiện tốt chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc nói chung, trực tiếp là *Chỉ thị số 68 của Ban Bí thư (khóa VI) "Về công tác ở vùng đồng bào Khơ Me"*, đời sống của đồng bào dân tộc Khơ Me tỉnh Sóc Trăng không ngừng được cải thiện và từng bước nâng cao về mọi mặt; kết cấu hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng và nâng cấp; đội ngũ cán bộ, đảng viên, cán bộ khoa học - kỹ thuật là người dân tộc Khơ Me được tăng cường; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tuy nhiên, do các địa phương trong khu vực biên phòng đều là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn nghèo, trình độ dân trí thấp, cuộc sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp, đời sống, sinh hoạt còn gặp nhiều khó khăn nên mức sống của đồng bào Khơ Me chưa cao. Do rào cản về ngôn ngữ, vì vậy sự hiểu biết về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước của đồng bào còn hạn chế. Riêng khu vực biên giới vẫn còn khoảng 30% số hộ nghèo, trong đó có hơn 5% số hộ không có đất sản xuất, phải đi làm mướn, làm thuê ở các địa phương khác. Tình hình tranh chấp đất đai còn xảy ra ở một số nơi thuộc khu vực Đồn Biên phòng S50, S34 và ở hợp tác xã tôm - muối - ectina (cơ sở sản xuất thức ăn nuôi tôm) thuộc xã Vĩnh Tân. Lợi dụng tình hình đó, một số phần tử xấu đã xuyên tạc chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, kích động, xúi giục một số người, trong đó có người Khơ Me đi khiếu kiện, gây mất trật tự xã hội. Thêm vào đó, tình trạng không ít người Khơ Me (trong đó có cả sư sãi), tự ý qua lại biên giới thăm người thân nên cũng gây khó khăn cho việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở một số địa phương, cơ sở.

Quán triệt sâu sắc các chỉ thị của cấp trên và chủ động thực hiện nhiệm vụ của mình, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường chỉ đạo các đơn vị đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, nhất là công tác vận động đồng bào dân tộc Khơ Me một cách hiệu quả. Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh chủ động xây dựng nghị quyết, xác định phương hướng, các biện pháp tổ chức thực hiện tốt chủ trương của Đảng ở địa phương, coi đó là nhiệm vụ quan trọng quán xuyến các biện pháp công tác biên

* Đại tá, Phó Chỉ huy trưởng Chính trị, Bộ đội Biên phòng tỉnh Sóc Trăng

Digitized by Google

phòng. Đặc biệt tổ chức quán triệt sâu rộng Chỉ thị 68 của Ban Bí thư, Chỉ thị 27 của Bộ Quốc phòng, các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, của Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng về công tác vận động quần chúng tới từng cán bộ, đảng viên và chiến sĩ; qua đó giúp họ nâng cao nhận thức tư tưởng, thấm nhuần sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về vấn đề dân tộc và tôn giáo, các chính sách cụ thể đối với đồng bào dân tộc Khơ Me và lấy đó làm phương hướng, cẩm nang để tiến hành công tác bảo vệ an ninh biên giới. Hằng năm hoặc sau mỗi đợt công tác, đều tổ chức rút kinh nghiệm, bổ sung kịp thời những nội dung mới, để tiếp tục chỉ đạo tốt hơn công tác vận động quần chúng. Cùng với việc chỉ đạo xây dựng địa bàn trọng điểm, các đơn vị cơ sở tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm, kịp thời tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương và phối hợp với các ngành, đoàn thể giải quyết tốt những vấn đề liên quan đến đời sống, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc, củng cố các mối quan hệ giữa các tôn giáo.

Do tổ chức tốt việc học tập các chỉ thị, nghị quyết, nắm chắc tình hình địa bàn, am hiểu phong tục, tập quán sinh hoạt của đồng bào dân tộc Khơ Me, Bộ đội Biên phòng Sóc Trăng thực hiện có hiệu quả công tác biên phòng, góp phần tích cực cùng địa phương đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho đồng bào các dân tộc trên khu vực đồn biên phòng nói chung và đồng bào Khơ Me nói riêng. Nổi bật là việc *chống mù chữ* và *phổ cập giáo dục tiểu học, xóa đói giảm nghèo, tham gia chữa bệnh cho người nghèo*, vận động quần chúng nhân dân *đấu tranh chống các tệ nạn xã hội*, tích cực tham gia *bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới vùng biển* trên địa bàn tỉnh.

Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng tỉnh một mặt luôn chú trọng chỉ đạo các đơn vị, đồn biên phòng chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền các cấp của địa phương *đẩy mạnh phát triển kinh tế*, từng bước ổn định, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc Khơ Me, giúp họ có công ăn việc làm, từng bước ổn định và nâng cao cuộc sống; mặt khác, chủ động phối hợp với các ngành chức năng và các đoàn thể quần chúng ký kết các chương trình, kế hoạch hoạt động và chỉ đạo triển khai thực hiện ở cơ sở. Theo đó, các đơn vị, đồn biên phòng của tỉnh tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương xét cho gần 3 000 hộ nông dân nghèo, trong đó chủ yếu là hộ đồng bào Khơ Me vay vốn, với số tiền trên 7 tỉ đồng để phát triển sản xuất. Bộ Chỉ huy trực tiếp tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh và trực tiếp phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu và ngành y tế xây dựng trạm *"Quân dân y kết hợp"*, đầu tư trang thiết bị khám, chữa bệnh cho nhân dân các ấp ven biển, bình quân mỗi ngày khám và điều trị miễn phí cho từ 10 đến 15 người Khơ Me; cùng các ngành chức năng xây dựng công trình nước sạch phục vụ trên 400 hộ dân, phần lớn là hộ Khơ Me thuộc cụm dân cư khu vực đồn S50. Bộ Chỉ huy chỉ đạo các đồn và trực tiếp cử các tổ đội công tác xuống giúp dân gặt lúa, khám chữa bệnh và trích một phần lương thực, thực phẩm từ nguồn tăng gia của đơn vị trợ giúp các gia đình Khơ Me có hoàn cảnh khó khăn. Các đơn vị, các đồn biên phòng còn tham gia cùng các ban ngành chức năng của địa phương tu sửa, nạo vét hàng chục ki-lô-mét kênh, mương, đường giao thông nông thôn; xây mới nhiều cống dẫn nước, hồ nước công cộng, giếng nước gia đình phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho đồng bào.

Đặc thù của Phật giáo Tiểu thừa là các sinh hoạt cộng đồng, các nghi lễ chủ yếu tập trung ở các chùa. Ngôi chùa được coi là nơi tôn nghiêm, là trung tâm văn hóa, nơi vui chơi, giải trí của đồng bào Khơ Me. Sư sãi, nhất là sư cả là những người luôn được quần chúng sùng kính, tin tưởng. Hiểu rõ đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo,

Digitized by Google

phong tục đó, dựa vào uy tín và ảnh hưởng của các sư sãi đối với cộng đồng người Khơ Me trong các phum, sóc, đội ngũ cán bộ, chiến sĩ biên phòng đã tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các sư sãi tiến bộ và các chức sắc tôn giáo để tuyên truyền, giáo dục và vận động quần chúng thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chỉ trong vài năm gần đây, các đồn biên phòng đã trực tiếp vận động và tổ chức được gần 100 lớp học tình thương với trên 2 ngàn em, mở 25 lớp học xóa mù chữ cho gần 500 người. Qua đó, lòng tin của nhân dân với anh *Bộ đội Cụ Hồ* được nâng lên, hình ảnh người *"thầy thuốc quân hàm xanh", "chiến sĩ văn hóa quân hàm xanh", "giáo viên quân hàm xanh"* đã trở nên gần gũi, thân thiết, để lại những tình cảm tốt đẹp trong lòng nhân dân.

Đẩy mạnh mối quan hệ đoàn kết, gắn bó của các dân tộc cùng chung sống ở vùng đồng bào Khơ Me là một trong những công việc quan trọng, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội biên giới. Đồng bào Khơ Me ở khu vực biên phòng Sóc Trăng không tập trung thành khu vực độc lập, riêng rẽ như một số vùng đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên hoặc ở các nơi khác mà sống xen kẽ một cách tự nhiên, gắn bó mật thiết với đồng bào các dân tộc khác. Nhất là mối quan hệ về hôn nhân và gia đình qua lại giữa các dân tộc nên tình cảm giữa họ ngày càng gắn bó, có tác động lẫn nhau trên nhiều lĩnh vực. Thấu hiểu điều đó, khi thực hiện các biện pháp công tác, Bộ Chỉ huy luôn chỉ đạo cán bộ, chiến sĩ đặc biệt chú trọng giữ gìn và bảo vệ những mối liên hệ tốt đẹp đó nhằm phát huy ngày càng sâu sắc sức mạnh đoàn kết, tình cảm và ý chí thống nhất của các dân tộc anh em và tình cảm quân dân.

Tập trung *tuyên truyền sâu rộng các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước*, nhất là chính sách dân tộc, tôn giáo tới mọi người dân, nhằm tập hợp sức mạnh tổng thể của các dân tộc anh em xây dựng quê hương, đất nước. Các đơn vị, đồn biên phòng luôn chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền và phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, các ban ngành, đoàn thể địa phương củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong vùng đồng bào Khơ Me. Tích cực phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn và giới thiệu cho các địa phương những nhân tố tiên tiến là người Khơ Me trong các phong trào quần chúng để bồi dưỡng, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ cốt cán và phát huy vai trò nòng cốt của họ trong phong trào cách mạng quần chúng ở địa phương. Tỷ lệ cán bộ là người Khơ Me đã từng bước được nâng lên, nhiều người giữ chức vụ chủ chốt ở ấp, xã, huyện và tỉnh. Nhờ đó và qua đó, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp càng gần gũi dân, kịp thời giải quyết những nhu cầu phát sinh từ cuộc sống của đồng bào Khơ Me, làm tốt công tác quản lý, không để xảy ra các "điểm nóng". Động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", đấu tranh chống các tệ nạn xã hội trên địa bàn.

Có thể nói, công tác vận động quần chúng của Bộ đội Biên phòng tỉnh Sóc Trăng những năm qua đã góp phần cơ bản trong việc phát huy sức mạnh đoàn kết, tình cảm và ý chí thống nhất của 3 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn, góp phần làm thất bại âm mưu *"diễn biến hòa bình"* của địch; chống lại có hiệu quả các quan điểm sai trái của các thế lực phản động thù địch, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, núp dưới vỏ bọc từ thiện hoặc lợi dụng uy tín của các sư sãi trong cộng đồng người Khơ Me để tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước ta, chia rẽ đồng bào các dân tộc. Đồng bào các dân tộc trong khu vực các đồn biên phòng của tỉnh luôn đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là cấp ủy, chính quyền địa phương, tích cực đóng góp vào việc *thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở*. Các đồn biên phòng đã tham gia cùng

Digitized by Google

địa phương xét công nhận trên 10 000 *"Gia đình văn hóa"*, 104 cụm *"Dân cư tiên tiến"*. Đảng ủy, Bộ Chỉ huy chỉ đạo xây dựng các đồn biên phòng thực sự vững mạnh, trở thành các *"Điểm sáng văn hóa"* và chỗ dựa vững chắc cho phong trào cách mạng của quần chúng trong vùng đồng bào dân tộc Khơ Me.

Từ thực tiễn hoạt động công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ Me và những kết quả đạt được của Bộ đội Biên phòng tỉnh Sóc Trăng, càng cho thấy, công tác vận động quần chúng nói chung và công tác vận động đồng bào dân tộc Khơ Me nói riêng ở khu vực biên phòng đang đặt ra những vấn đề mới đòi hỏi sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và *sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa* giữa các đơn vị bộ đội biên phòng với các cơ quan ban, ngành đoàn thể ở địa phương. Công tác vận động quần chúng không chỉ là tuyên truyền đường lối, chủ trương, của Đảng và chính sách của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc, giúp đỡ nhân dân ổn định cuộc sống, mà thực sự còn là một *cuộc đấu tranh giành dân, giữ dân và bảo vệ nhân dân* trước những mưu toan đen tối của các thế lực phản động thù địch. Điều đó tiếp tục đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả hơn nữa giữa các cấp ủy, chính quyền các cấp và lực lượng Bộ đội Biên phòng nhằm làm tốt hơn cũng như giải quyết các nhiệm vụ chính trị khác trên địa bàn tỉnh.

Về phần mình, để ngăn chặn có hiệu quả và phòng ngừa mọi sự xâm hại đến an ninh lãnh thổ quốc gia, Bộ đội Biên phòng tỉnh Sóc Trăng nguyện tiếp tục phấn đấu thực hiện tốt các biện pháp công tác biên phòng, công tác vận động quần chúng, mà ở đây là vận động đồng bào dân tộc Khơ Me trong khu vực hoạt động của từng đơn vị, đồn biên phòng. Thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm, kịp thời chấn chỉnh, bổ sung những nội dung thiết thực, phù hợp với địa phương để tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ chính trị quan trọng này. ❑

ĐẠI HỘI THỂ THAO...

(Tiếp theo trang 44)

thành tích của SEA Games 21 (năm 2001). Đó là nguyện vọng chính đáng, là mơ ước chiếm lĩnh đỉnh cao của hàng trăm vận động viên, huấn luyện viên, kỹ thuật viên và cán bộ thể dục thể thao; mặt khác, là kỳ vọng của nhân dân cả nước hướng theo nhịp độ phát triển của thể thao: *Cao hơn, nhanh hơn và mạnh hơn*. Để đạt được mơ ước đó, đòi hỏi trí tuệ thông minh, tài năng và sáng tạo, lòng quả cảm và kỹ năng nghề nghiệp của các vận động viên, huấn luyện viên trên trường đua tài, thi sức. Nói như Chủ tịch nước Trần Đức Lương, khi làm việc với ngành thể dục thể thao, ngày 24-11-2002 tại Khu Liên hợp Thể dục thể thao quốc gia: "Tại SEA Games 22, thành tích của thể thao Việt Nam là rất quan trọng, nhưng không phải chỉ có vậy. Chúng ta phải nỗ lực tối đa để đạt được thành tích cao nhất của mình, nhưng phải trung thực, trong sáng, đúng bằng thực lực của mình và khiêm tốn học hỏi, đoàn kết với bạn bè. Nhân dân và Nhà nước ta sẽ không chấp nhận những kết quả "ảo", không thực chất do những hành vi phi thể thao và trái với truyền thống, đạo lý của dân tộc ta, cũng là không đáp ứng được lòng kính trọng của nhiều quốc gia, nhiều dân tộc đối với nhân dân ta, đất nước ta".

Nhân dân cả nước ta vui mừng đón chào SEA Games 22 như đón chào một sự kiện trọng đại của dân tộc. Thời gian qua, các địa phương, các bộ, ban, ngành và cơ quan Trung ương, các đoàn thể quần chúng cả nước hướng tới SEA Games, đóng góp và cổ động cho SEA Games về nhân tài, vật lực. Đảng và Nhà nước ta đã nhất quán chủ trương chỉ đạo tổ chức SEA Games là giới thiệu về một Việt Nam hòa bình, nhân ái, giàu tiềm năng và rộng mở vòng tay hữu nghị với bạn bè quốc tế. Chúng ta có cơ sở tin rằng: SEA Games 22 - Việt Nam 2003 sẽ được diễn ra lành mạnh, văn minh, an toàn, tiết kiệm, đúng với tinh thần khẩu hiệu mà Đại hội đã đề ra là *"Đoàn kết, hợp tác vì hòa bình và phát triển"*. ❑

Digitized by Google

ĐÔNG NAM Á - MỘT KHU VỰC LỊCH SỬ, CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA THỐNG NHẤT TRONG ĐA DẠNG

NGÔ VĂN DOANH *

TRÊN bản đồ thế giới hiện nay, Đông Nam Á là một khu vực rộng lớn (khoảng trên 4 triệu ki-lô-mét vuông) nằm trong phạm vi từ 92 đến 140 độ kinh đông và từ khoảng 28 độ vĩ bắc, chạy qua xích đạo, đến khoảng 15 độ vĩ nam gồm 11 quốc gia: Bru-nây, Cam-pu-chia, Đông Ti-mo, In-đô-nê-xia, Lào, Ma-lai-xi-a, My-an-ma, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan và Việt Nam. Nhìn trên bản đồ, chúng ta còn thấy, Đông Nam Á là một khu vực địa lý rất rộng, rất đa dạng và bị thiên nhiên chia tách ra thành nhiều khu vực và tiểu khu vực tách biệt nhau: vùng hải đảo gồm cả vạn hòn đảo lớn nhỏ quây quần thành nhiều cụm và quần đảo cách biệt nhau như quần đảo In-đô-nê-xia, quần đảo Phi-líp-pin, bán đảo Mã Lai... và vùng lục địa bị núi sông chia cắt thành nhiều tiểu khu vực với địa hình đa dạng như tiểu vùng sông Mê Công, vùng nằm trong lưu vực các con sông lớn... Đông Nam Á không chỉ đa dạng về tự nhiên mà còn là nơi cư trú của rất nhiều tộc người khác nhau nói những ngôn ngữ khác nhau. Theo phân loại của các nhà khoa học, hàng trăm tộc người ở Đông Nam Á nói những thứ tiếng thuộc những ngữ hệ khác nhau như: Nam đảo, Môn - Khơ Me, Tày -Thái, Tạng - Miến, Mông - Dao, Việt - Mường và Hán. Thật khó tìm thấy ở một nơi nào khác trên thế giới có một bức tranh ngôn ngữ và tộc người đa dạng, phong phú như ở Đông Nam Á. Chưa hết, do "nằm trọn" vào giữa hai biển lớn là Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, nên từ xa xưa, Đông Nam Á là "chiếc cầu đại dương" nối phương Đông và phương Tây, là "ngã tư đường" của các nền văn minh. Do vậy, cũng hiếm có một khu vực nào trên thế giới, mà ở đó còn lưu giữ và tồn tại những dấu ấn của nhiều nền văn hóa lớn của nhân loại như ở khu vực này. Từ xưa tới nay, ở Đông Nam Á, đã từng và đang còn sống động những truyền thống của các nền văn hóa Đông Tây, kim cổ như Ấn Độ, Trung Hoa, A-rập và Âu, Mỹ. Đây cũng là nơi đã và đang tồn tại hầu như tất cả những tôn giáo lớn của thế giới như Hin-đu giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, rồi cả Khổng giáo và Đạo giáo. Nhưng, từ xa xưa tới giờ, Đông Nam Á

* TS. Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á

Digitized by Google

vẫn luôn là một khu vực lịch sử - chính trị - văn hóa thống nhất trong đa dạng. Điều đó do chính những người ngoài khu vực nhận ra.

Ngay từ thời xa xưa, khu vực Đông Nam Á đã được những tài liệu cổ của Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và A-rập nhắc tới như một vùng riêng biệt, khác hẳn những đặc trưng văn hóa của họ. Người Trung Quốc xưa gọi Đông Nam Á là Nam Phương (còn con người ở đây thì được họ gọi là những người Biển Nam) hay Côn Lôn, còn người Ấn Độ thì gọi khu vực này là "Vùng đất vàng"... Và, do có vị trí "ngã tư đường" nên ngay từ thời cổ, Đông Nam Á trở thành một trong những vùng phát triển thương nghiệp quốc tế. Đối với các thương nhân thời cổ, Đông Nam Á không chỉ như một vùng đầy bí hiểm, nhiều vàng, hương liệu và những sản phẩm kỳ lạ khác, mà còn là nơi sinh sống của những người đi biển thành thạo và can đảm. Các nhà khoa học đã chứng minh, ngay ở thời kỳ cổ đại, các tộc người ở Đông Nam Á đã có một nền văn minh của riêng mình chứ không còn là những con người nguyên thủy mông muội.

Những thành tựu văn minh riêng của khu vực Đông Nam Á thời kỳ này, theo xác định của các nhà khoa học, là: 1- Trồng cấy lúa nước; 2- Thuần dưỡng trâu bò; 3- Sử dụng các đồ kim khí thô sơ; 4- Có kỹ năng đi biển; 5- Vai trò lớn của phụ nữ và chế độ mẫu hệ; 6- Tổ chức xã hội theo chế độ canh tác lúa nước; 7- Tín ngưỡng vật linh; 8- Thờ cúng tổ tiên và thần đất; 9- Đặt đền thờ ở nơi cao; 10- Tục chôn cất trong chum gốm hay trong đài đá; 11- Thần thoại thấm đậm quan niệm nhị nguyên (quan niệm về vũ trụ mang tính đối lập như nước và lửa, đồng bằng và miền núi...); 12- Trong ngôn ngữ, các từ có khả năng phát sinh thành các từ mới bằng thêm vào các tiền tố, trung tố và hậu tố; 13- Nghệ thuật sân khấu rối bóng; 14- Dệt vải in hoa bằng sáp ong và 15- Dàn nhạc gồm các nhạc cụ thuộc bộ gõ.

Trong những đặc trưng trên, trồng lúa nước là yếu tố văn hóa quan trọng nhất và cũng tiêu biểu nhất cho nền văn minh ban đầu của cả khu vực Đông Nam Á. Công việc trồng lúa nước không chỉ là nghề sản xuất chủ yếu tạo ra lương thực nuôi sống con người mà còn là nhân tố quan trọng nhất chi phối toàn bộ đời sống văn hóa và xã hội của các cộng đồng cư dân nơi đây từ xưa tới nay. Không phải không có lý do, khi các nhà khoa học coi văn minh lúa nước là cơ tầng của tất cả các nền văn hóa từ cổ chí kim ở Đông Nam Á. Cho đến nay, cây lúa vẫn còn là loại cây lương thực chính yếu nhất và đặc trưng nhất của cả khu vực Đông Nam Á. Không phải ngẫu nhiên, tổ chức ASEAN lại chọn bó mạ làm biểu trưng cho tổ chức khu vực của mình. Và, một trong những hình ảnh rất đặc trưng cho cả khu vực Đông Nam Á là khung cảnh mà ca dao Việt Nam đã khắc họa một cách tài tình và sống động:

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cầy vợ cấy, con trâu đi bừa

Với một nền văn minh lúa nước rất riêng biệt và rất đặc trưng, vào khoảng đầu kỷ nguyên Thiên Chúa giáo, nhiều dân tộc Đông Nam Á đã lần lượt cùng bước vào lịch sử. Mặc dầu hình thành và phát triển sớm hoặc muộn, với những quy mô lớn nhỏ khác nhau, nhưng các quốc gia cổ đại ở Đông Nam Á thời kỳ này đều có nhiều nét đặc trưng văn hóa, xã hội và chính trị tương đồng. Nét chung nhất và nổi bật nhất đối với lịch sử chính trị cũng như đời sống văn hóa - xã hội của các quốc gia cổ đại Đông Nam Á trong suốt 15 thế kỷ sau Công nguyên (từ thế kỷ I đến thế kỷ XV) là những ảnh hưởng to lớn của văn hóa Ấn Độ. Những ảnh hưởng của Ấn Độ, theo cách nói

Digitized by Google

của các nhà khoa học, như chất xúc tác mạnh mẽ làm cho những quốc gia cổ ở Đông Nam Á ra đời và phát triển. Không chỉ là chất xúc tác, Ấn Độ còn là nguồn khổng lồ cung cấp cho các dân tộc Đông Nam Á những mẫu hình và những tư tưởng cần thiết để họ xây dựng đời sống chính trị, xã hội và văn hóa cho quốc gia của mình. Thông qua những thương nhân, những tín đồ của các tôn giáo... người Ấn Độ, ngôn ngữ và chữ viết, văn học và nghệ thuật, tôn giáo và luật lệ, các quy tắc tổ chức xã hội và nhà nước, pháp quyền... đã thâm nhập vào Đông Nam Á một cách hòa bình và theo những con đường khác nhau, nhất là con đường hôn nhân và văn hóa. Chính vì thế, rất nhanh chóng, các yếu tố văn hóa, chính trị, xã hội của Ấn Độ đã trở thành những mô thức hay những tấm áo khoác cho gần như tất cả mọi khía cạnh đời sống văn hóa, xã hội và chính trị của các quốc gia cổ đại Đông Nam Á.

Các tài liệu lịch sử, văn hóa và những di tích vật chất hiện còn cho biết, từ đầu Công nguyên cho đến thế kỷ XV, trong khu vực Đông Nam Á, đã từng xuất hiện, tồn tại, phát triển và suy vong một loạt quốc gia cổ đại rộng lớn và hùng mạnh. Và, hầu như tất cả các quốc gia cổ đại này đều chịu ảnh hưởng rất mạnh của văn hóa Ấn Độ: nhà nước được tổ chức theo mô hình của các quốc gia Ấn Độ (thông qua những trước tác về chính trị và các bộ luật của Ấn Độ), tôn giáo của Ấn Độ (hoặc Bà La Môn giáo hoặc Phật giáo) trở thành những tôn giáo chính thống của nhà nước, chữ viết Ấn Độ trở thành thánh tự hoặc trở thành mẫu hình cho các chữ nôm địa phương, các đền thờ được làm theo những mô hình của Ấn Độ và để thờ các vị thần có nguồn gốc Ấn Độ, những vũ điệu và những bài thánh ca của Ấn Độ được mọi người hát múa, những tác phẩm văn học Ấn Độ cổ đại nổi tiếng như Ra-ma-ya-na và Ma-hab-ha-ra-ta được mọi người dân ưa thích và truyền tụng trong dân gian... Những ảnh hưởng của Ấn Độ đối với các quốc gia cổ và các dân tộc ở Đông Nam Á mạnh đến nỗi, khi đến đây, các nhà du thám, những nhà buôn, những nhà truyền giáo và cả những đội quân xâm lược thực dân của phương Tây đều coi Đông Nam Á là vùng Đông Ấn hay ngoại Ấn Độ. Không phải ngẫu nhiên mà các công ty của các nước thực dân phương Tây hoạt động ở Đông Nam Á vào thời kỳ xâm chiếm thuộc địa đều có tên là Công ty Đông Ấn. Còn các nhà khoa học, thì trong suốt cả một thời gian dài, đã gọi các quốc gia cổ đại ở Đông Nam Á là các quốc gia "Ấn Độ hóa".

Như vậy, trong suốt 15 thế kỷ sau Công nguyên, Đông Nam Á đã trở thành và đã là một khu vực văn hóa, chính trị - xã hội thống nhất với nét đặc trưng lớn nhất là chịu tác động và ảnh hưởng rất lớn của Ấn Độ. Chính những ảnh hưởng của Ấn Độ đã là một sợi dây vô hình, nhưng đầy sức mạnh, liên kết các nhà nước, các quốc gia cổ đại ở Đông Nam Á vào một quỹ đạo văn hóa chung, hay một thế giới văn hóa đồng nhất với một tôn giáo chung, một chữ viết chung, một hệ tư tưởng chính trị chung, một nền văn học và nghệ thuật chung, một hệ thống luật pháp và lịch pháp chung và khá nhiều phong tục và lễ hội chung. Có lẽ hiếm thấy trong lịch sử nhân loại một khu vực địa lý phức tạp và đa dân tộc lại thống nhất mạnh mẽ và sâu sắc về văn hóa trong suốt một thời gian dài cả hơn chục thế kỷ như khu vực Đông Nam Á thời kỳ một thiên niên kỷ rưỡi sau công nguyên.

Mặc dầu cùng nằm trong khu vực văn minh lúa nước Đông Nam Á, nhưng, từ đầu Công nguyên, do những hoàn cảnh lịch sử - chính trị đưa đẩy, người Việt ở Bắc Việt Nam lại bị hút vào quỹ đạo văn hóa khác - văn hóa

Digitized by Google

Trung Hoa. Vào những thế kỷ đầu kỷ nguyên Thiên Chúa, khi các dân tộc khác ở Đông Nam Á, dưới ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, đã lập ra những quốc gia độc lập cho mình, thì đất nước của người Việt bị biến thành quận, huyện của các triều đình phong kiến phương Bắc trong suốt cả gần một nghìn năm. Chỉ từ sau khi giành được độc lập, từ thế kỷ XI về sau, nước Đại Việt của người Việt mới lại hòa nhập vào với những người anh em "trồng lúa" và "ăn cơm" truyền thống của mình, sau cả một ngàn năm bị tách biệt. Nhiều thuyền buôn của các nước Đông Nam Á láng giềng đã thường xuyên cập vào các bến cảng của Đại Việt để buôn bán. Từ thế kỷ XI trở đi, Việt Nam, một quốc gia "Khổng giáo" chứ không phải "Ấn giáo", đã gia nhập trở lại vào khu vực văn hóa cội nguồn của mình và ngày càng phát huy mạnh mẽ vai trò của mình trong khu vực.

Như vậy, ngay từ thời xưa và trong suốt nhiều thế kỷ, trong khu vực lịch sử - văn hóa Đông Nam Á thống nhất, đã có mặt những quốc gia thuộc hai hệ tư tưởng khác nhau: Ấn Độ và Trung Hoa. Không phải không có lý do, khi vùng Đông Nam Á lục địa được gọi là bán đảo hay khu vực Ấn - Trung (In-đô-chi-na). ASEAN ngày hôm nay. Ở một khía cạnh nào đó, đây là sự liên kết khu vực gần giống như của một thời lịch sử đã qua

Trong sự thống nhất văn hóa của khu vực thời kỳ này, ngoài sự khác biệt của văn hóa Đại Việt so với của các quốc gia còn lại, còn có những sắc thái văn hóa khác nhau của các dân tộc và các quốc gia khác nhau trong khối các quốc gia thuộc thế giới Ấn Độ.

Tuy cùng chịu ảnh hưởng chung của Ấn Độ, nhưng mỗi quốc gia cổ đại Đông Nam Á lại tạo ra cho mình một nền văn hóa, một mẫu hình tổ chức chính trị - xã hội riêng rất đặc trưng của mình. Giờ đây, các quốc gia cổ đại đã không còn tồn tại nữa, nhưng, những di sản văn hóa mà các quốc gia này để lại cho khu vực Đông Nam Á và cho nhân loại thật là lớn lao và đặc sắc. Nhiều công trình nghệ thuật kiến trúc cổ của thời kỳ này đã và tiếp tục sẽ trở thành những kỳ quan và những di sản văn hóa thế giới, như: các ngôi đền Ăng-co của Căm-pu-chia, Bô-rô-bu-đu và Pram-ba-nan của In-đô-nê-xi-a, Mỹ Sơn của Việt Nam, Vát-Phu của Lào và Pa-gan của Mi-an-ma.

Tất nhiên, các công trình kiến trúc và các tác phẩm nghệ thuật tạo hình của các nước Đông Nam Á thời cổ cũng vừa giống và vừa khác những mô hình gốc của "mẫu quốc Ấn Độ". Chính những sắc thái đặc biệt mang tính quốc gia dân tộc và khu vực đã tạo ra một vùng văn hóa "Ấn Độ" bên ngoài Ấn Độ rất riêng. Nhiều truyền thống của văn hóa Ấn Độ không chỉ được "bản địa hóa" mà còn được nâng cao lên thành những di sản riêng của khu vực và của từng quốc gia. Mô hình "đền núi" và tôn giáo "thần vua" của người Khơ Me, kỹ thuật xây các tháp gạch của Chăm-pa, vẻ đẹp đầy triết lý và kỳ vĩ của ngôi tháp Phật Bô-rô-bu-đu của người Ja-va... là những thành tựu văn hóa độc nhất vô nhị, là niềm tự hào chung không chỉ cho Đông Nam Á mà còn cho cả nhân loại. Hoặc như, dù cùng trên cơ sở chữ San-skơ-rít của Ấn Độ, mỗi dân tộc lại sáng tạo ra cho mình một kiểu chữ viết riêng...

Từ cơ sở của nền văn minh lúa nước và với những tác động mạnh mẽ của văn hóa Ấn Độ, vào những thế kỷ đầu Công nguyên, các tộc người ở Đông Nam Á, đã bước vào lịch sử cùng các nhà nước cổ đại do mình lập nên. Chính các nhà nước cổ đại này, lần đầu tiên trong lịch sử của Đông Nam Á, đã "hợp sức" lại để cùng tạo ra một khu vực chính trị - văn hóa "thống nhất trong đa dạng".

Digitized by Google

Đến cuối thế kỷ XV, gần như tất cả các quốc gia cổ ở Đông Nam Á lục địa đã không còn tồn tại nữa. Đến thời điểm này, vầng thái dương văn hóa Đông Nam Á cổ đại từng rực sáng chói ngời suốt hơn một thiên niên kỷ đã tắt. Và, lịch sử văn hóa Đông Nam Á lục địa đã lật sang một chương mới. Sự xuất hiện của những quốc gia dân tộc với những dân tộc chủ thể mới (người Thái, người Miến, người Lào và người Việt), nền văn hóa của cả Đông Nam Á lục địa vừa được nhuộm thẫm màu vàng của Phật giáo Tiểu thừa The-ra-va-đa (Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Mi-an-ma) vừa thấm đẫm màu mực nho của Khổng giáo (Việt Nam). Từ thế kỷ XV, vùng hải đảo của Đông Nam Á cũng rơi vào vòng xoáy đổi thay của lịch sử: các vương quốc cổ hùng mạnh tan rã để nhường chỗ cho các tiểu quốc Hồi giáo. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, màu trắng của những tấm áo choàng của Hồi giáo đã loang ra và phủ kín gần hết cả vạn hòn đảo của Đông Nam Á. Từ thời điểm này trở đi, văn hóa của cả Đông Nam Á hải đảo chuyển sang thành một bộ phận của thế giới văn hóa Hồi giáo.

Dù rằng bị chia ra thành những khối văn hóa khác nhau, nhưng các quốc gia lớn mạnh ở Đông Nam Á đã có những cố gắng liên kết thành những khối lớn đồng văn hóa. Thế nhưng, khi quá trình "liên kết" này đang còn tiếp diễn ở giai đoạn đầu, thì họa thực dân ập xuống, nhấn chìm cả Đông Nam Á vào đại dương đen tối của thời kỳ là thuộc địa của thực dân phương Tây đau thương và tàn khốc. Gần như tất cả các quốc gia của khu vực bị xóa tên trên bản đồ thế giới.

Thế nhưng, những truyền thống văn hóa, những mô hình tổ chức xã hội, những tư tưởng nhân văn và ý thức dân tộc của các dân tộc Đông Nam Á vẫn tồn tại và, để rồi, thức tỉnh và trỗi dậy. Kết quả là, từ giữa thế kỷ XX, các dân tộc và các quốc gia ở Đông Nam Á lần lượt giành được độc lập. Sau khi giành được độc lập và đã củng cố được đất nước, như một dòng chảy tự nhiên, tại các quốc gia hiện đại ở Đông Nam Á, lại xuất hiện những ý tưởng liên kết khu vực. Và, ngày 8-8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (gọi tắt là ASEAN) được tuyên bố thành lập. Sau hơn 36 năm tồn tại và phát triển, tổ chức ASEAN đã đi qua một chặng đường đầy gian nan và cũng đầy những thành tựu vẻ vang: từ ASEAN với 5 nước thành viên (năm 1967) đến ASEAN 6 (1984), rồi ASEAN 7 (1995), ASEAN 9 (1997) và ASEAN 10 (1999). Giờ đây, bước sang thế kỷ XXI, Đông Ti-mo sẽ là thành viên thứ 11 của tổ chức này. Đông Nam Á lại một lần nữa trở thành một khu vực lịch sử, chính trị, văn hóa "thống nhất trong đa dạng" như nó vốn có và đã từng tồn tại qua những chặng đường lịch sử.

Ba mươi sáu năm so với cả nghìn năm chỉ là một khoảnh khắc. Thế nhưng, trong "khoảnh khắc" đó, các dân tộc và các quốc gia Đông Nam Á đã ngày càng nhận rõ tính "thống nhất trong đa dạng" của nền văn hóa hiện đại của cả khu vực cũng như tại các quốc gia mà mình sinh sống. Và, điều quan trọng hơn cả, thông qua tổ chức ASEAN, tất cả các dân tộc và các quốc gia Đông Nam Á đã, đang và sẽ làm cho khu vực lịch sử, chính trị, văn hóa "thống nhất trong đa dạng" của mình ngày một phát triển và thịnh vượng. Hy vọng và tin tưởng rằng, với những bước khởi đầu vững chắc và tốt đẹp đã qua, khu vực văn hóa Đông Nam Á "thống nhất trong đa dạng" hiện đại sẽ tỏa sáng cùng các khu vực văn hóa khác của nhân loại. ❑

Digitized by Google

Thực trạng và triển vọng của quá trình liên kết kinh tế ASEAN

PHẠM QUỐC TRỤ *

1 - Vài nét khái quát

ASEAN được thành lập năm 1967 với mục đích ban đầu chủ yếu là thúc đẩy sự hợp tác khu vực nhằm đối phó với những đe dọa về an ninh cả bên trong lẫn bên ngoài đối với các quốc gia thành viên. Một thập niên đầu, nội dung hợp tác trong ASEAN chủ yếu là chính trị, đối ngoại. Hợp tác kinh tế chỉ bắt đầu từ cuối những năm 1970 với chương trình quan trọng nhất là Thỏa thuận Thương mại ưu đãi (PTA). Sau đó, có thêm một số chương trình hợp tác về công nghiệp như AIP (ASEAN Industrial Projects), AIJV (ASEAN Industrial Joint Venture),v.v.. Tuy nhiên, tác dụng và hiệu quả của các chương trình hợp tác này rất hạn chế, không tạo ra bước chuyển đáng kể trong hợp tác kinh tế ASEAN, vì quy mô và phạm vi nhỏ bé của chúng, hơn nữa lại thiếu vốn để thực hiện.

Hợp tác kinh tế ASEAN trên cơ sở các nguyên tắc của tự do hóa thương mại chỉ được bắt đầu với việc ASEAN ký và thực hiện Hiệp định Thương mại ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT) vào đầu thập niên 1990 nhằm thiết lập Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA). Bên cạnh việc thực hiện tự do hóa trong lĩnh vực hàng hóa thông qua thực hiện AFTA, ASEAN cũng khởi động vào nửa cuối thập niên 1990 tiến trình tự do hóa trao đổi dịch vụ với việc ký Hiệp định khung về dịch vụ ASEAN (AFAS) năm 1995, và sau đó là tiến trình tự do hóa trong lĩnh vực đầu tư với việc ký Hiệp định khung về đầu tư ASEAN (AIA) năm 1998. Tự do hóa trong lĩnh vực thông tin và công nghệ thông tin (ICT) cũng được khởi động với việc ký Hiệp định khung E-ASEAN năm 2000.

Ngoài các lĩnh vực hợp tác trên, trong hơn hai thập niên qua, ASEAN đã phát triển ngày một mạnh hơn và chặt chẽ hơn sự hợp tác trong nhiều lĩnh vực kinh tế chuyên ngành như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, giao thông vận tải, năng lượng, tài chính, hải quan, v.v.. Đến nay, quan hệ và hợp tác ASEAN đã bao quát hầu hết mọi phương diện, ngoại trừ quốc phòng còn hết sức hạn chế (chủ yếu hợp tác trên cơ sở song phương giữa một số nước).

Dưới đây, sẽ tập trung phân tích và đánh giá một số lĩnh vực liên kết kinh tế chính, hay là hợp tác kinh tế dựa trên những nguyên tắc tự do hóa trong ASEAN.

2 - Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN

Hiệp định CEPT đặt nền tảng pháp lý cho AFTA, quy định các nước ASEAN hoàn thành thực hiện cắt giảm thuế quan 0 - 5%, gỡ bỏ các biện pháp hạn chế về số lượng cũng như các hàng rào phi quan thuế trong vòng 15 năm. Sau đó, ASEAN đã quyết định đẩy nhanh 5 năm tiến độ thực hiện AFTA. Theo đó, ASEAN 6[1] hoàn thành vào 2003 và các nước thành viên mới (CLMV)[2] chậm hơn 3 năm (Việt Nam - 2006, Lào và Mi-an-ma - 2008, Cam-pu-chia - 2009).

Cho đến nay, ASEAN 6 đã đưa 98,92% tổng số dòng thuế của họ vào diện cắt giảm thuế quan và trong đó 99,92% tổng số dòng đã giảm thuế xuống mức từ 0 đến 5% (53,36% số dòng ở mức 0 %). CLMV đã đưa 72,22 % số dòng thuế vào diện cắt giảm với 60,64 % số dòng đạt mức thuế từ 0 đến 5 % (14,93 % số dòng đạt mức 0%)[3]. Như vậy, về cơ bản ASEAN đã thực

---

* Bộ Ngoại giao

(1) Gồm 5 nước thành viên ban đầu + Bru-nây

(2) Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam

(3) Số liệu do Ban Thư ký ASEAN công bố, tháng 9 -2003

Digitized by Google

hiện đúng tiến độ cắt giảm thuế quan để thực hiện AFTA. Tuy nhiên, cũng còn một số trường hợp chưa thực hiện (Ma-lai-xi-a hoãn cắt giảm thuế đối với mặt hàng ô-tô; Việt Nam: đối với mía đường và mới đây là 41 mặt hàng linh kiện ô-tô, xe máy; In-đô-nê-xi-a: đường, gạo; Phi-líp-pin: một số sản phẩm hóa dầu). Chính vì vậy, năm 2002, ASEAN đã buộc phải ký Nghị định thư sửa đổi Hiệp định CEPT để cho phép các nước được hưởng linh hoạt trong việc thực hiện cắt giảm thuế quan đối với một số mặt hàng. Hơn nữa, một số nước lại duy trì quá nhiều mặt hàng trong Danh mục loại trừ hoàn toàn (GEL) và Danh mục nhạy cảm (SL): Bru-nây 155; In-đô-nê-xi-a 68 + 11; Ma-lai-xi-a 53 + 8; Phi-líp-pin 16 + 10; Cam-pu-chia 130 + 50; Lào 74 + 78; Mi-an-ma 48 +18; Việt Nam 139 + 51[4].

Việc xóa bỏ các biện pháp hạn chế số lượng đã cơ bản hoàn thành, nhưng đối với các rào cản phi thuế quan (NTBs) thì mới đạt được rất ít tiến bộ. Cho đến nay, ASEAN vẫn chưa nhất trí được một định nghĩa thống nhất và các tiêu chí chung xác định NTBs, do đó chưa xác định được danh mục các NTBs của các nước thành viên cần được loại bỏ.

Mặc dù cho đến nay, ASEAN đã cơ bản hoàn thành mục tiêu về cắt giảm thuế quan theo CEPT, nhưng tác động của tiến trình này đối với thương mại nội khối ASEAN vẫn còn hết sức hạn chế. Thương mại nội khối ASEAN vẫn chỉ đạt được mức khoảng 25% (quá thấp so với tỷ lệ của EU là trên 70%, NAFTA khoảng 50%...). Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là:

- Bạn hàng chủ yếu của các nước ASEAN là các nước lớn ngoài khối (Mỹ, Nhật, EU, Trung Quốc...);

- Tính kém bổ trợ lẫn nhau của các nền kinh tế thành viên ASEAN (các nền kinh tế này thực chất mang tính cạnh tranh nhau nhiều hơn là bổ trợ cho nhau);

- Một phần các mặt hàng trao đổi thật sự và có giá trị lớn hiện chưa được đưa vào cắt giảm thuế (còn nằm trong GEL, SL, TEL);

- Các NTBs còn rất nhiều (hầu như chưa được cắt giảm), làm hạn chế thương mại giữa các nước ASEAN.

3 - Hợp tác công nghiệp ASEAN (AICO)

AICO là một chương trình cắt giảm thuế quan nhanh đối với một số loại sản phẩm công nghiệp, với những điều kiện khá ngặt nghèo nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện AFTA. Cho đến nay, sau nhiều năm thực hiện mới chỉ có 114 công ty được chấp nhận tham gia vào chương trình này và tổng giá trị trao đổi giữa các nước ASEAN theo chương trình AICO đạt chưa đầy 1,2 tỉ USD (bằng khoảng 0,2 % tổng giá trị thương mại nội bộ ASEAN)[5]. Như vậy, chương trình AICO thực sự hầu như không có vai trò đáng kể trong việc thúc đẩy thực hiện tự do hóa mậu dịch trong ASEAN cũng như đóng góp vào việc tăng thương mại nội khối của ASEAN. Với việc ASEAN đã cơ bản hoàn thành thực hiện Hiệp định CEPT (tức là đưa mức thuế suất thuế nhập khẩu về 0-5%), thì chương trình AICO ngày càng mất dần ý nghĩa.

4 - Dịch vụ

Sau khi ký AFAS, các nước ASEAN đã tiến hành xong hai vòng đàm phán để đạt được nhân nhượng của các nước thành viên về tự do hóa dịch vụ. Do còn nhiều bất đồng, nên kết quả của 2 vòng trên rất hạn chế, mới chỉ đạt được một số cam kết trong các lĩnh vực tài chính, du lịch - khách sạn, giao thông, hàng không, vận tải biển, viễn thông, dịch vụ kinh doanh và xây dựng. Vòng 3 đang diễn ra, chưa có nhiều tiến bộ. Tóm lại, cho đến nay, tiến trình tự do hóa về dịch vụ trong ASEAN là hết sức chậm chạp. Tuy nhiên, với việc nhất trí thông qua hướng dẫn áp dụng công thức ASEAN-X trong dịch vụ, quá trình đàm phán tới đây có thể sẽ tiến triển tích cực hơn.

5 - Đầu tư

Hiệp định AIA ký năm 1998 nhằm mục đích chủ yếu là tạo ra một khu vực ASEAN hấp dẫn hơn đối với FDI, thông qua việc từng bước tự do hóa các hoạt động trao đổi đầu tư giữa các nước ASEAN và giữa ASEAN với các nước ngoài khối. Nội dung cơ bản của Hiệp định AIA là quy định về mở cửa các ngành, lĩnh vực của các nước ASEAN, dành quy chế tối huệ quốc (MFN) và quy chế đãi ngộ quốc gia (NT) cho các nhà đầu tư ASEAN vào năm 2010 và các nhà đầu tư ngoài ASEAN vào năm 2020[6]. Việc thực hiện AIA trong

(4) Nguồn: Ban Thư ký ASEAN

(5) Nguồn: Ban Thư ký ASEAN

(6) Mốc mở cửa và thực hiện dành MFN/NT đã được các nước ASEAN nhất trí đẩy nhanh hơn: ASEAN 6 cơ bản chấp nhận mốc mở cửa vào 2003; mốc chung thực hiện MFN/ NT cho các nhà đầu tư ngoài ASEAN là 2015.

Digitized by Google

những năm qua không có nhiều tiến bộ và ít hiệu quả. Một số nước thành viên chưa sẵn sàng mở cửa nhiều ngành, lĩnh vực và đưa các ngành, lĩnh vực này vào các danh sách nhạy cảm hoặc loại trừ tạm thời. Hiện nay, ASEAN đang cố gắng làm ngắn lại các danh sách này. Trong bối cảnh ngày càng có nhiều khó khăn về cạnh tranh đầu tư, đặc biệt là sự nổi lên của Trung Quốc như là thị trường hấp dẫn FDI lớn nhất thế giới từ khi nước này gia nhập WTO, các nước ASEAN buộc phải nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư của mình, bao gồm các việc áp dụng nhiều hơn các biện pháp tự do hóa đơn phương và song phương.

6 - Liên kết kinh tế ASEAN với các đối tác bên ngoài

Hợp tác kinh tế của ASEAN với các đối tác bên ngoài được triển khai từ giữa những năm 1990, chủ yếu là với các đối tác lớn như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Ấn Độ, Liên minh châu Âu (EU), khu vực Hợp tác kinh tế chặt chẽ Úc - Niu Di-lân (CER), trong khuôn khổ hợp tác ASEAN + 1 và ASEAN + 3.

ASEAN - Mỹ: Cơ chế thẩm vấn giữa Hội nghị các quan chức kinh tế cấp cao ASEAN (SEOM) và Mỹ (viết tắt là SEOM-USTR) và Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN - Mỹ (AEM - USTR) đã được thiết lập và hoạt động từ một số năm trở lại đây. Từ cuối năm 2002, với Sáng kiến vì ASEAN năng động (IAE) do Tổng thống Mỹ đưa ra tại Hội nghị cấp cao APEC, ở Mê-hi-cô, tháng 11-2002, Mỹ và ASEAN đã tích cực triển khai việc tăng cường hợp tác kinh tế theo hướng liên kết. Hai bên đã hoàn tất đàm phán Hiệp định về Thuận lợi hóa thương mại và Đầu tư (TIFA) để ký trong năm nay. Hiện Mỹ đang tiến hành đàm phán Hiệp định Mậu dịch tự do song phương (BFTA) với một số nước ASEAN. Những hiệp định như vậy sẽ đặt nền tảng cho việc hình thành một Khu vực mậu dịch tự do Mỹ - ASEAN trong tương lai.

ASEAN - Trung Quốc: Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc đã được ký tháng 11-2002, trong đó quy định thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA). Mốc hoàn thành thực hiện đối với ASEAN 6 và Trung Quốc là 2012 và đối với CLMV là 2015. Từ tháng 1-2004, hai bên sẽ bắt đầu thực hiện lịch trình cụ thể cắt giảm thuế quan, phi thuế quan, tự do hóa dịch vụ và đầu tư đang diễn ra và sẽ hoàn tất vào giữa 2004.

ASEAN - Nhật Bản: Hợp tác kinh tế ASEAN - Nhật Bản đã có từ nhiều năm nay, chủ yếu thông qua việc Nhật Bản tham gia vào các chương trình hỗ trợ cho ASEAN và tham vấn chính sách trong khuôn khổ các cơ chế SEOM - METI và AEM - METI. Tháng 11-2002, Hội nghị cấp cao ASEAN - Nhật Bản tại Phnôm Pênh đã thông qua tuyên bố thiết lập Đối tác Kinh tế toàn diện, trong đó gồm cả các yếu tố cuả một khu vực mậu dịch tự do giữa hai bên trong vòng 10 năm. Một ủy ban chung giữa hai bên đã được thành lập nhằm xây dựng một văn bản khuôn khổ về đối tác kinh tế này. Văn bản trên đã được các nhà lãnh đạo ASEAN và Nhật Bản ký tại Ba-li dịp Hội nghị cấp cao ASEAN - Nhật Bản đầu tháng 10-2003.

ASEAN - Ấn Độ: Bắt đầu từ 2003, Việt Nam cùng các nước ASEAN và Ấn Độ triển khai Tuyên bố của Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ, tháng 11-2002, tại Phnôm Pênh, về xây dựng Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Ấn Độ (AICEP) hướng tới một FTA giữa hai bên. Một hiệp định khung hai bên về AICEP đã được đàm phán xong và đã được ký vào dịp Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ, tại Ba-li, tháng 10-2003. Hiệp định này quy định sẽ thiết lập AIFTA vào 2012/2016/2017.

ASEAN - CER (Ô-xtrây-li-a và Niu Di-lân): Tháng 9-2002, tại Bru-nây, các nước ASEAN và CER đã ký Tuyên bố chung thiết lập đối tác kinh tế chặt chẽ (CEP) giữa hai bên. Hiện nay hai bên đang tiếp tục thảo luận các biện pháp cụ thể để thực hiện đối tác kinh tế này. Những biện pháp thuận lợi hóa và cả một số biện pháp tự do hóa thương mại và đầu tư giữa hai bên sẽ là một nội dung chủ yếu của đối tác kinh tế chặt chẽ ASEAN - CER.

ASEAN - EU: Cơ chế tham vấn cấp các quan chức kinh tế cấp cao và cấp bộ trưởng kinh tế đã được thiết lập. Gần đây, EU đưa ra một chương trình hợp tác theo hướng tăng cường liên kết kinh tế giữa hai bên có tên là TREATI (Hợp tác xuyên khu vực giữa EU và ASEAN về thương mại và đầu tư).

ASEAN + 3 (Gồm ASEAN và 3 nước Đông-Bắc Á là Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc): Trong mấy năm qua, cơ chế tham vấn SEOM + 3 và AEM + 3 đã được tăng cường và các nước Đông-Bắc Á dành cho các nước ASEAN những cam kết hỗ trợ kỹ thuật ngày càng lớn hơn. Gần đây, hợp tác kinh tế giữa ASEAN với 3 nước

Digitized by Google

nói trên cũng bắt đầu chuyển theo hướng liên kết kinh tế với một chương trình gồm 30 biện pháp ngắn và trung hạn nhằm tiến tới thành lập Khu vực Tự do Đông Á (gồm các nước ASEAN và các nước Đông-Bắc Á) do Nhóm Nghiên cứu tầm nhìn Đông Á đề xuất lên AEM 35 (tháng 9-2003).

7 - Hội nhập kinh tế của Việt Nam trong ASEAN

Năm 1995, Việt Nam gia nhập ASEAN và bắt đầu thực hiện các nghĩa vụ AFTA từ 1996. Bên cạnh việc tham gia AFTA, chúng ta cũng tham gia vào các tiến trình liên kết kinh tế khác của ASEAN (như AFAS, AICO, AIA...), cũng như các liên kết kinh tế giữa ASEAN với các nước đối tác bên ngoài.

Cho đến nay, Việt Nam đã cơ bản thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cam kết trong khuôn khổ ASEAN, đặc biệt là các cam kết về cắt giảm thuế quan theo lộ trình AFTA (từ 0 đến 5% vào năm 2006; toàn bộ các dòng thuế về 0% vào năm 2015 với một số linh hoạt cho đến năm 2018). Tuy nhiên, trong thời gian qua, do một số khó khăn trong nước, chúng ta đã phải có những thay đổi trong việc thực hiện cam kết như việc chuyển mặt hàng mía đường từ Danh mục loại trừ tạm thời (TEL) sang Danh mục nhạy cảm (SL); hoãn chuyển 41 mặt hàng linh kiện ô-tô, xe máy từ TEL sang Danh mục cắt giảm thuế quan (IL)...

Việc tham gia AFTA đã có những tác động nhất định, tuy cho đến nay không phải là lớn lắm đối với nền kinh tế nước ta. Trong 8 năm qua, chúng ta đã tăng hơn gấp 2 lần giá trị xuất khẩu sang các nước ASEAN và cũng tăng hơn 2 lần nhập khẩu từ ASEAN. Hiện nay, ta nhập siêu tương đối lớn trong quan hệ thương mại với các nước ASEAN. Trong những năm tới đây, tiến trình thực hiện các cam kết cắt giảm thuế quan trong khuôn khổ AFTA sẽ ngày càng thực chất hơn đối với ta, và sẽ làm cho tác động của nó đối với thương mại cũng như hoạt động sản xuất của nhiều ngành và doanh nghiệp của ta ngày càng lớn hơn. Nguy cơ nhập siêu trong thương mại giữa Việt Nam với các nước ASEAN sẽ tiếp tục mạnh hơn và chúng ta sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn của hàng hóa từ các nước ASEAN.

Quá trình liên kết kinh tế của ta trong ASEAN trên các lĩnh vực dịch vụ, đầu tư... trong những năm qua cũng còn ở giai đoạn ban đầu, chưa thực sự đi vào chiều sâu, nên tác động cho đến nay còn hết sức hạn chế.

8 - Triển vọng liên kết kinh tế của ASEAN

Hội nghị cấp cao ASEAN vừa qua tại Ba-li (In-đô-nê-xi-a) đã quyết định xây dựng ASEAN thành một Cộng đồng kinh tế (AEC) vào năm 2020[7]. Theo đó, ASEAN sẽ trở thành một thị trường duy nhất, có cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự chu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, tư bản và nhân công có tay nghề. ASEAN cũng sẽ hợp tác và liên kết chặt chẽ hơn trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành, công nghệ, khoa học, phát triển nguồn nhân lực, thông tin, thể chế... Như vậy, với tiến trình này, trong hai thập niên tới, ASEAN sẽ tiến gần hơn về phía một thị trường chung[8].

Tuy nhiên, ASEAN cũng sẽ không hoàn toàn là một khối kinh tế đóng theo kiểu EU, mà có khuynh hướng "mở" với nhiều hình thái Liên kết kinh tế với các đối tác bên ngoài. Các khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), ASEAN - Ấn Độ (AIFTA), ASEAN - Nhật Bản (AJCEP/FTA), Đối tác Kinh tế chặt chẽ ASEAN - CER, Hợp tác và Liên kết kinh tế ASEAN - EU, ASEAN - Mỹ trong khuôn khổ Hiệp định về Thuận lợi hóa thương mại và Đầu tư (TIFA), Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN - Mỹ và Khu vực Mậu dịch tự do Đông Á (EAFTA) trong tương lai... sẽ tạo nên một mạng lưới dày đặc các liên kết có tâm là ASEAN. Tuy nhiên, cùng với những liên kết song phương đang và sẽ tiếp tục được hình thành giữa từng nước ASEAN với các đối tác bên ngoài, các mối liên kết giữa ASEAN với tư cách là một khối với các đối tác bên ngoài ASEAN nêu trên cũng có thể sẽ góp phần làm yếu đi sự thống nhất của ASEAN và không loại trừ nguy cơ sẽ "hòa tan" nó trong một thực thể Đông Á, hoặc một khuôn khổ rộng lớn hơn trong tương lai. ❑

---

(7) Một số nước (Thái Lan, Xin-ga-po) đề nghị mốc hoàn thành AEC vào năm 2015

(8) Đây là một mô hình liên kết kinh tế cao hơn mức một khu vực mậu dịch tự do. Trong thị trường chung, các thành viên không những thực hiện tự do hóa mậu dịch đối với hàng hóa mà còn cả đối với dịch vụ, đầu tư, vốn và nhân công. Ngoài ra, các thành viên cũng phải áp dụng chính sách kinh tế chung trong một số lĩnh vực, đặc biệt là chính sách thuế quan đối với các nước bên ngoài khối

Digitized by Google

HỘI NGHỊ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LẦN THỨ VI

Hội nghị ngành công nghiệp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long lần thứ VI được tổ chức tại thị xã Tân An (tỉnh Long An), ngày 30-10-2003, dưới sự chủ trì của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

Tham dự có đại diện của Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Công nghiệp và các cơ quan của bộ; đại biểu Ủy ban nhân dân và Sở Công nghiệp của 12 tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long; khách mời gồm có Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Dương.

Chủ đề trọng tâm của Hội nghị lần này là bàn về quy hoạch, phát triển các khu, cụm công nghiệp khu vực đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010.

Về tình hình quy hoạch, xây dựng và phát triển các khu, cụm công nghiệp thời gian qua, Hội nghị nhất trí đánh giá:

1- Sau hơn 5 năm xây dựng và phát triển, đến nay khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã quy hoạch, hình thành 51 khu, cụm công nghiệp tập trung với tổng diện tích 12 024 ha. Đã có 12/51 khu, cụm công nghiệp đi vào hoạt động với diện tích cho thuê là 509 ha; thu hút được 153 dự án với tổng số vốn đăng ký 407 triệu USD và 1 334 tỉ đồng; tạo việc làm cho 22 000 lao động. Các tỉnh trong khu vực bước đầu đã hình thành bộ máy quản lý nhà nước các khu, cụm công nghiệp; từng bước khẳng định vị trí, vai trò của các khu, cụm công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương cũng như toàn khu vực.

2- Tuy nhiên, kết quả vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của các địa phương cũng như toàn vùng. Bên cạnh những hạn chế do vị trí địa lý, tự nhiên quy định, thì trong thời gian qua, các khu, cụm công nghiệp đã bộc lộ một số tồn tại như chưa đặt các khu, cụm công nghiệp trong quy hoạch tổng thể vùng; chưa gắn kết các điều kiện để tập trung phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Các mô hình khu, cụm công nghiệp còn phân tán, chia cắt; chưa tính toán một cách đồng bộ trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài khu, cụm công nghiệp; trong xây dựng các khu dân cư, dịch vụ; bảo vệ môi trường, đào tạo nguồn nhân lực... Việc phân cấp quản lý từ Trung ương đến địa phương chưa rõ và thống nhất, v.v..

- *Về quan điểm phát triển,* Hội nghị thống nhất nhận định rằng: phát triển các khu, cụm công nghiệp phải xuất phát từ mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và toàn vùng; là mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền nông - lâm - ngư nghiệp của vùng gắn liền với tiến trình đô thị hóa trong tương lai; nâng cao đời sống của nhân dân; đảm bảo gìn giữ môi trường sinh thái...

- *Về mục tiêu phát triển,* trong giai đoạn 2001-2005, toàn vùng phấn đấu đạt tốc độ tăng bình quân hằng năm là 7,5%; giai đoạn 2006-2010 là 7,7%. Theo đó, giá trị sản xuất công nghiệp của vùng đạt tốc độ tăng bình quân hai giai đoạn trên lần lượt là 14,92% và 9,77%/năm. Dự kiến đến năm 2010, sẽ hình thành 126 khu, cụm công nghiệp, với tổng diện tích là 18 118 ha; trong đó sẽ tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp chính thuộc thế mạnh của vùng như chế biến nông, thủy sản, thực phẩm; khí điện - đạm - hóa chất; sản xuất vật liệu xây dựng; dịch vụ cơ khí lắp ráp, sửa chữa...

Hội nghị nhất trí kiến nghị với Chính phủ tiếp tục đầu tư mạnh và tập trung hơn về hạ tầng kỹ thuật cho vùng; quy hoạch 3 tỉnh Cần Thơ, Kiên Giang, Cà Mau thành trọng điểm của vùng gắn với kinh tế trọng điểm phía Nam để thúc đẩy nhau phát triển. Mặt khác, Chính phủ cần sớm có quy định bổ sung để thống nhất về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Công nghiệp và các Sở Công nghiệp đối với các khu, cụm công nghiệp; có chương trình khuyến công và thành lập quỹ khuyến công cả nước để hỗ trợ phát triển sản xuất công nghiệp. ❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP HÀNH ĐỘNG GIỮA BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN VỚI BỘ TƯ LỆNH BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG (1993-2003)

NGÀY 10-11-2003, tại Hà Nội, Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã mở Hội nghị tổng kết 10 năm phối hợp thực hiện chương trình hành động: "Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa - thông tin ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số".

Tới dự Hội nghị có đại diện của lãnh đạo Bộ Văn hóa - Thông tin; Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và nhiều cán cán bộ sở văn hóa các địa phương có Bộ đội Biên phòng đóng quân; đại diện các cơ quan báo chí của Trung ương và Hà Nội... Hội nghị đã nghe báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện chương trình phối hợp của lãnh đạo Bộ đội Biên phòng, cũng như một số kinh nghiệm của Bộ đội Biên phòng; và các sở văn hóa thông tin một số nơi có triển khai chương trình phối hợp.

Những năm 90 của thế kỷ XX, phần lớn các xã (bản) biên giới mức hưởng thụ về đời sống văn hóa của nhân dân còn rất thấp.Nhiều nơi, việc xem phim và chiếu phim vi-đê-ô còn quá xa lạ với đồng bào. Có nơi, nhân dân chưa được xem biểu diễn nghệ thuật, kể cả chuyên nghiệp và không chuyên; sách, báo cũng khó khăn, thiếu thốn, do nguồn kinh phí trên cấp quá ít ỏi. Hầu hết, các xã (bản) vùng sâu, vùng xa biên giới không có điện thắp sáng, văn hóa cổ truyền đang bị mai một, kể cả những lễ hội tiêu biểu. Sự thiếu thốn về đời sống tinh thần đã tác động tiêu cực đến nhiều mặt, nhiều lĩnh vực, sẽ gây ra những hậu quả khó lường.

Xuất phát từ tình hình trên, ngày 16-7-1993, Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã ký kết chương trình phối hợp hành động gồm 4 nội dung chủ yếu sau:

1- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin cổ động tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đến các thôn, bản vùng sâu vùng xa biên giới.

2- Phối hợp tổ chức các hoạt động và phát triển các hình thức hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ quân và dân trên địa bàn.

3- Phối hợp quản lý xây dựng cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hóa thông tin trên địa bàn.

4- Tích cực tham gia vận động đồng bào các dân tộc xây dựng làng bản văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội.

Bảy năm sau, chương trình đó đã được bổ sung thêm một số nội dung mới: Phối hợp sưu tầm, gìn giữ, khôi phục, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trên khu vực biên giới, bờ biển. Chương trình tiếp tục kéo dài đến hết năm 2005. Mức kinh phí cho hoạt động của Chương trình gần 10 tỉ đồng.

Đến nay qua 10 năm, các mục tiêu đề ra của chương trình phối hợp đã được cán bộ chiến sĩ Bộ đội Biên phòng cùng các ngành liên quan vượt mọi khó khăn gian khổ hoàn thành một cách xuất sắc. Ý nghĩa chính trị - xã hội của Chương trình thật to lớn. Nhiều cá nhân, tập thể đã thực hiện tốt Chương trình này với nhiều hình thức phong phú, năng động và sáng tạo. Nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích đã được rút ra.

Về tổ chức, ở cấp trung ương và các tỉnh (thành) Bộ đội Biên phòng đều có ban chỉ đạo, cơ quan, bộ phận giúp việc, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện tập trung, thống nhất. Chương trình phối hợp được triển khai thường xuyên, ngày càng có bề rộng và chiều sâu. Hiệu quả của chương trình không chỉ góp phần cải thiện và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào các dân tộc ở khu vực biên giới, mà còn góp phần nâng cao dân trí, xây dựng tình làng, nghĩa xóm, đoàn kết trong cộng đồng dân cư, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, củng cố an ninh, trật tự địa bàn, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng, với chính quyền. Những hiệu quả đó, ở từng lúc, từng địa phương, có khác nhau, làm tăng cường sức đề kháng để chống lại các tư tưởng, quan điểm văn hóa độc hại xâm nhập vào địa bàn, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới trong mọi tình huống.

Nhằm tiếp tục quán triệt, thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII của Đảng, Chỉ thị 39/TTg của Chính phủ, Ban Chỉ đạo đề nghị: Chương trình phối hợp giữa Bộ văn hóa - Thông tin và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tiếp tục duy trì đến năm 2010. Toàn thể Hội nghị đã nhiệt liệt ủng hộ, vì đó còn là nguyện vọng tha thiết của đông đảo lãnh đạo và đồng bào ở 41 tỉnh, thành có triển khai, thực hiện Chương trình. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY DỆT MAY SƠN NAM

SONNAM TEXTILE GARMENT COMPANY

Địa chỉ: 63 đường Nguyễn Văn Trỗi - thành phố Nam Định * Điện thoại: 0350 849 479







Thành lập từ năm 1960, Công ty chúng tôi chuyên sản xuất và cung cấp cho khách hàng trong và ngoài nước các sản phẩm khăn bông và sợi màu các loại.

Với dây chuyền công nghệ tiên tiến, đội ngũ công nhân lành nghề và bộ máy quản lý năng động, Công ty chúng tôi luôn sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng với phương châm: "Chất lượng tốt nhất, giá cả rẻ nhất và giao hàng nhanh nhất"

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2003 CỦA CÔNG TY

- Tổng số lao động: 897 người
- Giá trị sản xuất: 64 tỉ đồng
- Tổng doanh thu: 78 tỉ đồng
- Tổng vốn đầu tư: 11,7 tỉ

HÃY ĐẾN VỚI CÔNG TY CHÚNG TÔI

Digitized by Google

SỞ THỦY SẢN NAM ĐỊNH

ĐỊA CHỈ: 315 TRẦN HƯNG ĐẠO, TP. NAM ĐỊNH, T. NAM ĐỊNH
ĐT: 0350 841 167, 849 727 * FAX: 0350 841 167



Giám đốc: PHẠM NGỌC TÀI



Đánh bắt tôm sú



Đoàn tàu đánh cá xa bờ

Dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND, UBND tỉnh cùng với sự phối hợp tham gia tích cực của các cấp, các ngành trong tỉnh, sau 2 năm thực hiện, chương trình phát triển kinh tế biển đã đạt được những kết quả khá.

PHÁT TRIỂN THỦY SẢN:

- Nuôi trồng thủy sản đã có nhiều cố gắng để khai thác tiềm năng to lớn về đất đai, mặt nước, diện tích nuôi trồng được mở rộng.
- Phong trào nuôi trồng thủy sản ở vùng ven biển rất phong phú, sôi động, mạnh mẽ, đều khắp. Rất nhiều hộ nuôi tôm sú ven biển đã thu lãi hàng trăm triệu đồng, một số hộ thu lãi từ 300 triệu đến 500 triệu đồng.
- Nuôi ngao trên biển cũng phát triển rất tốt, diện tích nuôi tăng 50 ha (ở khu vực xã Giao Hải huyện Giao Thủy), sản lượng ngao đạt 7 500 tấn, có hộ nuôi ngao thu lãi trên 1 tỉ đồng/ năm.
- Nhiều quy trình, công nghệ mới và kỹ thuật tiên tiến được áp dụng vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản như: phương thức nuôi được nâng từ quảng canh lên quảng canh cải tiến, bán thâm canh và thâm canh; sinh sản nhân tạo tôm sú, tôm rảo, tôm càng xanh đã được các cơ sở ứng dụng thành công; đối tượng nuôi được mở rộng, ngoài những con nuôi trước đây là tôm sú, tôm rảo, ngao, tôm càng xanh, cua, cá bớp, rong câu chỉ vàng...
- Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản và sản xuất giống được triển khai thực hiện tốt, đúng tiến độ.

Sau hai năm thực hiện chương trình phát triển kinh tế biển, nhờ có chính sách khuyến khích và kêu gọi đầu tư, đến nay đã có 6 nhà đầu tư ngoài tỉnh đến để xây dựng các khu nuôi tôm bán thâm canh và thâm canh, tiến tới nuôi công nghiệp năng suất cao (vùng Đông Nam điển có 5 dự án nuôi tôm công nghiệp).

KHAI THÁC HẢI SẢN:

- Sau 2 năm, số tàu thuyền đánh bắt hải sản tăng trên 120 chiếc (chủ yếu là loại có công suất 20 - 60CV/c) so với năm 2000.
- Đội đánh tàu cá xa bờ được bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, trang bị đầy đủ ngư lưới cụ, máy, thiết bị kỹ thuật khai thác và tăng cường các biện pháp chỉ đạo, quản lý, do đó năng suất đánh bắt tăng.
- Khai thác hải sản xa bờ đã tạo thêm nhiều việc làm cho lao động trực tiếp đánh cá và hàng ngàn lao động khác làm chế biến, dịch vụ, tiêu thụ...
- Ngành đánh cá ven bờ luôn được duy trì, củng cố và đang ổn định.
- Công tác tổ chức quản lý HTX đã dần đi vào nề nếp, công tác kế toán đã được thực hiện tốt trong các HTX đánh cá.
- Sản lượng đánh bắt hải sản tăng nhanh, tổng sản lượng đạt 30 000 tấn/năm.

Với hoạt động sản xuất thường xuyên trên biển, đoàn tàu đánh cá khơi xa của ta đã đóng góp lớn trong việc giăn các tàu nước ngoài, góp phần giữ gìn trật tự an ninh và bảo vệ chủ quyền vùng biển của Tổ quốc.

CHẾ BIẾN, XUẤT KHẨU VÀ DỊCH VỤ HẬU CẦN NGHỀ CÁ:

- Hiện trạng máy móc, thiết bị đã sử dụng lâu năm, không được đầu tư đổi mới và đang nâng cấp, nên năng lực chế biến xuất khẩu năm 2001 của 2 công ty sút kém; mặt khác giá một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu giảm mạnh sau sự kiện ngày 11-9 ở Mỹ, nhất là giá tôm có thời điểm giảm 30% so với năm 2000 làm cho các đơn vị xuất nhập khẩu gặp nhiều khó khăn.
- Chế biến tiêu thụ nội địa đang được phát triển mạnh, chủ yếu là ở khu vực dân doanh. Nhiều cơ sở chế biến cá khô, nước mắm, cá ăn tươi, bột cá... ra đời và tiêu thụ một phần các sản phẩm của khai thác xa bờ.
- Xuất khẩu thủy sản tuy có chịu ảnh hưởng của biến động thị trường thế giới, nhưng cũng có những bước tăng trưởng khá, giá trị xuất khẩu thủy sản 25 triệu USD/ năm. Năng lực sản xuất nước đá toàn tỉnh đã đạt tới 250 tấn/ngày, cơ bản đủ cung cấp cho tàu thuyền đi đánh cá.

Digitized by Google

SỞ XÂY DỰNG NAM ĐỊNH



Giám đốc

HOÀNG ĐÌNH KHA

Ngay từ những tháng đầu năm 2003, ngành xây dựng Nam Định đã có những cố gắng nhằm thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về xây dựng; đồng thời, tích cực chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh theo chức năng quản lý ngành.

TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1.Công tác quản lý kiến trúc quy hoạch: Hoàn chỉnh công tác quy hoạch và thủ tục thành lập các thị trấn Quất Lâm, Xuân Trường, Mỹ Lộc, Nam Giang.

Tập trung chỉ đạo xây dựng khu đô thị mới phía Tây thành phố, thực hiện các công trình xây dựng kỹ thuật hạ tầng đô thị đảm bảo chất lượng và đúng quy hoạch, các công trình trọng điểm phục vụ cho SeaGames 22 và các công trình văn hóa du lịch lâu dài của địa phương.

2.Trong lĩnh vực quản lý nhà ở: Chỉ đạo có hiệu quả việc bán nhà theo Nghị định 61/CP. Tăng cường công tác kiểm tra các khu nhà nguy hiểm, có biện pháp xử lý ngay, đôn đốc đơn vị chủ đầu tư, đơn vị chủ thầu xây lắp sớm hoàn thành khu chung cư đang xây dựng.

3.Công tác quản lý xây dựng: Nâng cao chất lượng thẩm định thiết kế, dự toán các công trình, hạng mục công trình xây dựng theo Quyết định 17/2000/BXD, làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra trong xây dựng cơ bản.

4.Công tác quản lý vật liệu xây dựng: Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển ngành trong lĩnh vực VLXD như nhà máy gạch ốp lát Garanits, nhà máy sản xuất gạch Tuynenl, nhà máy cơ khí xây dựng, trạm trộn bê-tông thương phẩm. Đồng thời, khuyến khích các cơ sở xí nghiệp sản xuất gạch Blốc, phát huy ưu thế của sản phẩm truyền thống, phát triển đa dạng các sản phẩm khác phục vụ kịp thời cho yêu cầu về XDCB và các công trình hạ tầng kỹ thuật. Chỉ đạo Công ty Cổ phần Xây dựng thành phố Nam Định đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy gạch Tuynenl ở Yên Nghĩa - Ý Yên.

5.Công tác thanh tra, kiểm tra: Kiện toàn tổ chức thanh tra, làm tốt công tác tiếp dân.

6.Các công tác khác: Kiện toàn công tác tổ chức - cán bộ của Văn phòng Sở, Trung tâm Quy hoạch đô thị nông thôn theo chỉ tiêu biên chế được giao. Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Hướng dẫn thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng năm 2003.

NHỮNG THÀNH TÍCH XUẤT SẮC, NỔI BẬT CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA TRONG 5 NĂM QUA

- Toàn ngành liên tục hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch từ năm 1998 đến năm 2001, liên tục được Bộ Xây dựng tặng cờ thi đua hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch.
- Năm 2000, được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ "Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước", cờ thi đua thời kỳ đổi mới của Bộ Xây dựng.
- Năm 2001, được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất cho toàn ngành, Huân chương Lao động hạng Ba cho Công ty Cấp nước Nam Định, Huân chương Lao động hạng Nhất cho Công ty Xây lắp I Nam Định.
- Các tập thể đơn vị, các phòng chuyên môn, Văn phòng Sở đạt Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh.
- Liên tục từ năm 1999 đến nay, 2 đơn vị là Công ty Xây lắp I và Công ty Cấp nước Nam Định, được tặng 3 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 4 Huân chương Lao động các hạng, 67 bằng khen của tỉnh và Bộ Xây dựng, một đồng chí được suy tôn chiến sỹ thi đua toàn quốc.



ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP. NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH * ĐT: 0350 648 775

Digitized by Google

NÔNG TRƯỜNG RẠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Thị trấn Rạng Đông * huyện Nghĩa Hưng * tỉnh Nam Định * ĐT: (0350) 873 346 * Fax: (0350) 873 330



Giám đốc
NGUYỄN ĐẮC KIM



Chủ tịch Công đoàn
PHẠM THANH NGHỊ



Với sự phấn đấu không mệt mỏi của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, nông trường đã thực hiện xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiệm vụ đảm bảo an ninh quốc phòng và công tác xã hội.

Vừa sản xuất vừa chiến đấu, vượt qua khó khăn gian khổ, lao động quên mình, cán bộ công nhân, lực lượng tự vệ nông trường đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều bằng khen, cờ thi đua và 5 Huân chương Lao động (2 hạng Nhì và 3 hạng Ba) 1 cá nhân được phong danh hiệu Anh hùng Lao động. Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có trên 1 600 cán bộ, công nhân được Nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương kháng chiến.

+ Nông trường được Chính phủ thưởng 5 bằng khen.

+ Công đoàn được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam thưởng 4 bằng khen, 2 cờ thưởng Công đoàn cở sở vững mạnh, xuất sắc nhất.

+ Một bằng Lao động sáng tạo do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng thưởng.

+ 4 chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh

+ 16 chiến sỹ thi đua cấp ngành và cơ sở.

+ Lực lượng tự vệ đ[illegible] nhận nhiều bằng khen, giấy khen [illegible] công tác huấn luyện, [illegible] giữ gìn trật tự an ninh ven biển.

+ Đảng bộ nhiều năm liên tục giữ vững danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

+ Năm 2000, cán bộ, CNVC vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì cho thời kỳ đổi mới.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, cán bộ CNVC lực lượng tự vệ đã đoàn kết nhất trí, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, phát huy cao độ truyền thống lao động quên mình phát huy sức mạnh cả ba yếu tố: Đoàn kết - thâm canh - quản lý. Đã đảm bảo phát huy kinh tế từng bước trở thành vùng kinh tế năng động, đảm bảo việc làm và đời sống, tăng thu nhập cho người lao động. Đảm bảo quá trình dân chủ hóa những yếu tố đó thực sự đảm bảo phát triển kinh tế, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, đơn vị.

Những năm gần đây, với phương châm: Nhà nước và nhân dân cùng làm, đã khai thác và huy động các nguồn vốn để tập trung cho xây dựng, tạo cơ sở vật chất phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội. Nông trường đã hỗ trợ 90 triệu đồng cho triển khai chương trình làm đường giao thông theo Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân của thị trấn Rạng Đông và hàng trăm triệu đồng xây dựng trường học mầm non. Đến nay có 4 trạm điện , tổng công suất 720 KVA, có 10 km đường điện ,trong đó có 1,8 km đường trung thế, 8,2 km đường hạ thế , phục vụ điện cho sản xuất và sinh hoạt đạt 95 %. Xây mới trại chăn nuôi lợn ngoại với UBND thị trấn lập dự án xin đầu tư vốn xây dựng 8 phòng học 2 tầng cho trường trung học cơ sở. Hệ thống nhà làm việc các khu , đội được sửa lại khang trang... Những công trình kỹ thuật hạ tầng được xây dựng , đã và đang phát huy tác dụng tạo đà cho sự phát triển nhanh hơn trong những năm tiếp theo.

Các vấn đề xã hội được quan tâm và chuyển biến tích cực. Đời sống của CNVC, lao động và hộ thành viên được cải thiện, tăng hộ khá và giàu, giảm hộ nghèo.

Nhìn chung, đời sống của CNVC, các hộ thành viên và bộ mặt nông trường đã có những đổi mới cơ bản:

+ Tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố là:100 %

+ Số hộ có ti vi: 86 %

+ Hộ có xe máy: 39 %

+ Hộ có điện thoại: 6,7 %

+ Số hộ có giếng khoan UNISEP: 94,5 %

Xây dựng doanh nghiệp, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng , tiếp tục giữ vững truyền thống là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của ngành NN & PTNT Nam Định, phát huy truyền thống trong kháng chiến và hòa bình, đơn vị tiếp tục củng cố, phát triển vươn lên.

HUYỆN PHÚ GIÁO

Địa chỉ: Thị trấn Phước Vĩnh – huyện Phú Giáo – tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0650. 672 413; 672 572



TƯỢNG ĐÀI CHIẾN THẮNG PHƯỚC THÀNH

Điều kiện tự nhiên thiên nhiên.

Phú Giáo là một trong 3 huyện mới được tái lập của tỉnh Bình Dương (20/8/1999), ở phía Đông Bắc của tỉnh, cách thị xã Thủ Dầu Một 40 km, huyện có 8 xã và 1 thị trấn. Tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện là 541,4 km^2 chiếm 19,56% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Là huyện còn rừng tự nhiên. Diện tích rừng: 5 284 héc-ta (tính đến 3/2001) trong đó rừng tự nhiên là 3 474 héc-ta chiếm 65,75% đất lâm nghiệp, rừng trồng đang phát triển 1 180 héc-ta. Tài nguyên thiên nhiên của huyện Phú Giáo thuộc loại phi kim gồm đất sét, cao lanh, đá xây dựng, đá phún (sỏi đỏ), đá gra-nít.

Nguồn nhân lực: Dân số toàn huyện là 65 048 người, trong đó có 35 638 người trong độ tuổi lao động, chiếm 54,78%.

Thành tựu kinh tế - xã hội sau 4 năm tái lập huyện Phú Giáo.

Kinh tế: Kinh tế phát triển liên tục và ổn định, tăng trưởng hàng năm đạt từ 10 12%, GDP/đầu/người đạt 4,5 triệu/người/năm, tăng 40% so với năm 2001. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch rõ nét theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Cụ thể là nông - lâm nghiệp 60,3%, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp 22,9%, dịch vụ thương mại 16,8%.

Văn hóa xã hội: Toàn huyện có 21 trường học các cấp, với 1 072 cán bộ, giáo viên và 15 481 học sinh. 9/9 xã, thị trấn đã có trạm y tế với 70 giường bệnh, 96 cán bộ y tế, trong đó người có trình độ đại học trở lên là 16 người. 85% số hộ sử dụng điện sinh hoạt, bình quân 4,3 máy điện thoại trên 100 người dân.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2005.

Thu nhập bình quân đầu người đạt 7 triệu đồng/năm.

Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 4,2-4,4 %/năm.

Giá trị sản lượng công nghiệp tăng 14-15%/năm.

Thương mại dịch vụ tăng 13-15%/năm.

Cơ cấu kinh tế là nông nghiệp 50%- công nghiệp 25% - dịch vụ - thương mại 25%.

Đến năm 2005, có 90-95% số hộ dùng điện sinh hoạt, 70 - 80% số hộ dùng nước sạch, điện thoại đạt 6,4 máy/100 dân, 100% cung đường do huyện quản lý được nhựa hóa.

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới

CHI NHÁNH CHỢ LỚN

Trụ sở: 24 đường Phú Giáo, phường 14, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 8578 227 ; Fax: 08 8578 229

PHÒNG GIAO DỊCH QUẬN 6

Địa chỉ: 200A Hậu Giang, phường 6, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 9607 865; Fax: 08 9607 866

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Nhận tiền gửi và thanh toán

- Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ, có nhiều hình thức tiền gửi với lãi suất cao nhất.
- Nhận mở các tài khoản tiền gửi cho cá nhân và các tổ chức kinh tế.
- Phát hành kỳ phiếu và các hình thức tiền gửi khác.

2. Đầu tư tín dụng

- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng VNĐ hoặc ngoại tệ phục vụ mọi thành phần kinh tế với lãi suất thấp nhất.
- Cho vay tiêu dùng và phục vụ đời sống đối với cán bộ, công nhân, viên chức và các đối tượng khác.
- Cho vay cầm cố chứng từ có giá.
- Cho vay tài trợ xuất nhập khẩu.
- Cho vay chiết khấu bộ chứng từ xuất nhập khẩu.
- Cho vay ủy thác tín dụng.
- Bảo lãnh cho vay thanh toán, bảo lãnh nhận thầu và các dịch vụ ngân hàng khác...

3. Thực hiện các dịch vụ về Ngân hàng

- Thực hiện dịch vụ thanh toán chuyển tiền điện tử và thanh toán trong nước.
- Thực hiện thanh toán quốc tế theo mọi phương thức.
- Thực hiện các nghiệp vụ về bảo lãnh.
- Thực hiện mua bán, thu đổi ngoại tệ.
- Thực hiện dịch vụ thu, chi hộ.
- Thực hiện việc mua bán công trái.
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và dịch vụ khác.

Rất mong được phục vụ Quý khách!

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY TỨ HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP & KHU DÂN CƯ

TÂN ĐÔNG HIỆP



TỔNG GIÁM ĐỐC:
NGÔ QUANG CHÍNH

Trụ Sở giao dịch:

Số 1- Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

ĐT: 0650.791 990 * Fax: 0650.791 989

Văn phòng BQL Các KCN Tân Đông Hiệp:

Số 1, Đường số 4, KCN Tân Đông Hiệp, Ấp Đông Thành, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, Bình Dương. ĐT: 0650.729 287 * Fax: 0650. 729 466

Văn phòng Đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

660 Khu phố 3, Tỉnh lộ 43, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức. ĐT: 08. 8960 497



Ngày 7-10-2003, trên công trường xây dựng Đền thờ Nhà Tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đông Ủn (Noọng Ủn), tỉnh U-đon Tha-ni (Đông Bắc Thái Lan). Ông Ngô Quang Chính, Tổng Giám đốc Công ty Tứ Hải (bên phải) và ngài tỉnh trưởng U-đon Tha-ni (bên trái) cùng các vị lãnh đạo công an, quân đội tỉnh U-đon Tha-ni trực tiếp chỉ đạo thi công khu du lịch lịch sử và sinh thái với diện tích 8 400 m²

Ngày 28-10-2003, khai trương tuyến du lịch lữ hành chào đón APEC (Thái Lan); SEA Games (Việt Nam); Asian (Lào) từ U-đon Tha-ni (Thái Lan) qua Lào tới Hà Nội và ngược lại bằng đường bộ và đường không. Công ty SonMungKorn (LD. Việt Thái Lào) có xe đưa rước miễn phí cho quý khách tham quan khu du lịch lịch sử này. Quý khách có nhu cầu xin liên hệ Văn phòng Tổng Công ty.





Digitized by Google

BỆNH VIỆN C ĐÀ NẴNG

ĐỊA CHỈ: 74 HẢI PHÒNG - TP. ĐÀ NẴNG * ĐIỆN THOẠI: 0511 821 731; 821 480



Giám đốc:
BS. PHẠM XÂN

Trong 5 năm qua, dưới sự chỉ đạo của Bộ Y tế, của Thành ủy Đà Nẵng và sự hỗ trợ của các ban, ngành trung ương và địa phương, cán bộ công nhân viên Bệnh viện C Đà Nẵng đã đồng tâm nhất trí, liên tục phấn đấu đạt được những thành tích đáng khích lệ, đóng góp không nhỏ vào sự nghiệp bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Ngày 26 - 02 - 2003, Bệnh viện C Đà Nẵng đã chính thức được nâng hạng từ bệnh viện loại 2 lên bệnh viện loại 1.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bệnh viện C Đà Nẵng:

- Xây dựng thành một bệnh viện đa khoa.
- Nghiên cứu khoa học.
- Đào tạo bồi dưỡng, củng cố hệ thống bảo vệ sức khỏe cho tuyến dưới.
- Hợp tác quốc tế.
- Tổ chức phân Hội đồng Giám định Y khoa TW II tại Đà Nẵng.
- Chỉ đạo toàn diện y tế đơn vị xã điểm.

Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ bệnh viện

Trong 5 năm qua bệnh viện đã đào tạo được:

- 1 Tiến sỹ Y khoa.
- 6 Bác sỹ chuyên khoa 2.
- 11 Thạc sỹ.
- 41 Bác sỹ chuyên khoa 1.
- 12 Cử nhân điều dưỡng.
- 5 Cử nhân chính trị.
- 8 Lý luận chính trị cao cấp.
- 5 Quản lý nhà nước.
- 5 Tu nghiệp nước ngoài.

Hàng năm, bệnh viện tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho điều dưỡng trưởng các khoa, thường xuyên cử cán bộ bệnh viện tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn ngắn ngày ở các chuyên khoa đầu ngành trong nước và nước ngoài như Thái Lan, Nhật Bản, Phi-líp-pin, Pháp...

Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Bệnh viện đã đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại như:

- Máy CT scanner xoắn ốc hai đầu.
- 8 máy thận nhân tạo
- Máy phẫu thật Phaco Legacy MT 20 000,

Máy siêu âm Doppler mầu 4 đầu dò.

- Máy đo điện não đồ Nikon Kode.
- Bộ nội soi phế quản, dạ dày, đại tràng, khớp, tiết niệu, xoang.
- Hệ thống phòng xét nghiệm sinh hóa, huyết học tự động ...

Thành tích:

* Hằng năm, bệnh viện khám trên 110 000 người, số bệnh nhân điều trị nội trú trên 6 800 người.

* Năm 1999, Nhà nước trao tặng bệnh viện Huân chương Lao động hạng Nhì; Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

* Năm 2001, Bộ Y tế tặng bằng khen và Cờ thi đua Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; UBND Thành phố Đà Nẵng tặng Cờ thi đua cho bệnh viện.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

CÔNG TY KHAI THÁC VÀ KINH DOANH VLXD HÀ NỘI

Địa chỉ: Xã Thụy Phương - huyện Từ Liêm - Hà Nội
ĐT: 8 262 342 * Fax: 8 389 258 * Giám đốc: Nguyễn Giang Đông

ĐẢNG BỘ CÔNG TY KHAI THÁC VÀ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG GỒM BA CHI BỘ: NGHIỆP VỤ * ĐỘI XÂY LẮP VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH * ĐỘI BỐC XẾP

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- ✦ Bốc xếp hàng hóa thông qua cảng.
- ✦ Khai thác và kinh doanh cát, đá sỏi, vật liệu xây dựng
- ✦ San lấp mặt bằng, thi công xây lắp các công trình dân dụng kết cấu hạ tầng kỹ thuật
- ✦ Thi công nạo vét các công trình thủy.
- ✦ Sản xuất các cấu kiện bê - tông đúc sẵn.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐƯỢC KHEN TẶNG

- ✦ Huân chương Lao động hạng Ba
- ✦ Các bằng khen của Chính phủ
- ✦ Bằng khen của Bộ Xây dựng

Digitized by Google

HUYỆN THÔNG NÔNG

Địa chỉ: Huyện Thông Nông, Tỉnh Cao Bằng * ĐT: 026 875 220 * Fax: 026 875 323



ĐỖ QUANG SƠN
BÍ THƯ HUYỆN THÔNG NÔNG

Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2003, 6 tháng đầu năm, Ban Thường vụ Huyện ủy đã thống nhất, tập trung lãnh đạo, phân công các cấp, các ban, ngành lập chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh xây dựng đảng, chính quyền, đoàn thể địa phương.

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp:

* Sản xuất nông nghiệp: Tổng sản lượng lương thực có hạt vụ đông - xuân ước đạt 6 235 tấn, bằng 105% kế hoạch.

* Chăn nuôi: Đến hết ngày 30-5-2003, đàn trâu có 3 296 con, bằng 101,04% kế hoạch; đàn Bò là 7 914 con, bằng 101,1% kế hoạch; đàn lợn là 12 185 con, so với cùng kỳ năm 2002, giảm 0,68%.

* Lâm nghiệp: Trồng được 52,9 héc-ta

* Thủy lợi: Chương trình kiên cố hóa kênh mương tiếp tục được triển khai và thi công tại các xã, thị trấn.

2. Sản xuất nông nghiệp XDCB-giao thông vận tải.

Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 104 triệu đồng, chủ yếu là sản xuất vật liệu xây dựng. Các công trình xây dựng cơ bản được thi công theo đúng tiến độ, công tác quản lý nhà nước về XDCB đã được tăng cường. Công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng được quan tâm, đảm bảo giao thông thông suốt.

3. Tài chính - ngân hàng-thương mại - dịch vụ.

Thu ngân sách trên địa bàn 5 tháng đầu năm đạt 126 triệu đồng, bằng 37% kế hoạch năm. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách đã làm tốt công tác tín dụng đáp ứng mọi nhu cầu vay vốn cho mọi đối tượng. Tổng dư nợ đến ngày 31-5-2003, thực hiện được 2 783 triệu, đạt 97,78% so với kế hoạch.

Thương mại: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 330 triệu đồng. Hàng hóa phong phú, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt của nhân dân.

Dịch vụ: Hoạt động bưu chính - viễn thông đảm bảo thông suốt và ổn định.

Điện lực: Lưới điện quốc gia đã đến một số thôn, bản, xã.

Kinh tế tiếp tục ổn định và tăng trưởng, thu ngân sách đã tăng hơn, chi ngân sách đáp ứng yêu cầu phát triển, sản xuất nông lâm nghiệp xây dựng giao thông, thương mại đã đạt được những kết quả khá.

4. Các hoạt động văn hóa - xã hội đã bám sát, phục vụ chính trị ở địa phương nhiều phong trào đã khởi sắc đi lên.

5. An ninh - quốc phòng tiếp tục được củng cố, giữ vững tạo không khí ổn định nhân dân yên tâm sản xuất.

6. Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh, các cấp ủy đã nêu cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, các đoàn thể đã bám sát cơ sở vận động nhân dân phát triển sản xuất, xây dựng nếp sống văn hóa, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

Chính quyền từng bước được cải tiến phương pháp, lề lối làm việc theo tinh thần cải cách hành chính.













Digitized by Google

5730 SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI HẢI HẬU

ĐỊA CHỈ: KHU 4 - THỊ TRẤN YÊN ĐỊNH - HẢI HẬU - NAM ĐỊNH * ĐIỆN THOẠI: 0350 877 165 * FAX: 0350 877 685



Giám đốc
NGÔ THỦY MỘC



CÔNG TY KTCTTL HẢI HẬU LÀ DOANH NGHIỆP CÔNG ÍCH, HOẠT ĐỘNG VỚI 3 CHỨC NĂNG:

+ QUẢN LÝ NƯỚC.

+ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH.

+ QUẢN LÝ KINH DOANH.

NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TY LÀ PHỤC VỤ TƯỚI TIÊU CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP VÀ DÂN SINH KINH TẾ CHO HUYỆN HẢI HẬU VÀ 6 XÃ HUYỆN TRỰC NINH, VỚI TỔNG DIỆN TÍCH LÀ 16511 HÉC-TA.



NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT 1998-2002.

Là đơn vị dẫn đầu của ngành và thực hiện nhiệm vụ chính trị, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh giao.

Với phương châm phục vụ tốt để thu tốt, thu tốt để phục vụ tốt., Công ty luôn dẫn đầu về tiến độ và kết quả thu thủy lợi phí.

Đầu tư cao cho sửa chữa nâng cấp hệ thống công trình tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật để tưới tiêu nước với tổng khối lượng đào đắp nạo vét: 3 112 000 m^3.

Là đơn vị dẫn đầu của ngành ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào quản lý, phục vụ sản xuất thâm canh giành năng suất cao.

Về công tác Xây dựng Đảng: liên tục là Đảng bộ trong sạch vững mạnh loại 1, từ năm 1998 đến nay Đảng bộ Công ty đã kết nạp 18 người vào Đảng.

Thu nhập bình quân trên 600 000 đồng/người/tháng.

KHEN THƯỞNG

- 4 Huân chương Lao động: 1 HCLĐ hạng Nhất (1998); 1 HCLĐ hạng Nhì (1993); 2 HCLĐ hạng Ba (1981 và 1988).
- Cờ Luân lưu của Chính phủ (1980); Cờ thi đua của Chính phủ (2002).
- Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (1981-1986).
- Cờ của Bộ NN & PTNT (1996).
- Cờ của UBND tỉnh (1986-1996, 2001, 2002)
- Công ty đã phấn đấu tích cực, được UBND huyện Hải Hậu, huyện Trực Ninh tặng 4 giấy khen, UBND tỉnh tặng bằng khen về công tác Bảo hiểm xã hội.
- Cờ của Liên đoàn Lao động tỉnh (1994-1996).
- Và nhiều bằng khen của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Nam Định.

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



35
12-2003

UNIV. OF MICH.
JAN 2 U 2004
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

BỘ CÔNG NGHIỆP

CÔNG TY NHỰA HƯNG YÊN

HUNG YEN PLASTIC COMPANY

HUNG YEN PLASTIC

ISO - 9001 : 2000

Địa chỉ: 115 Nguyễn Thiện Thuật, Minh Khai, Hưng Yên
91 Nguyễn Văn Linh, P. Hiến Nam, TX.Hưng Yên, Hưng Yên
ĐT: 0321 862 420 - 862 818 - 863 107 * Fax: 0321 862 467 * Email: hpc@hn.vnn.vn



Tổng Giám đốc:
NGUYỄN MINH TÂN



Công ty Nhựa Hưng Yên là doanh nghiệp nhà nước được thành lập ngày 1-1-1974. Trong suốt 30 năm xây dựng và trưởng thành, bên cạnh những thuận lợi nhưng gặp không ít khó khăn, thử thách. Được sự quan tâm chỉ đạo, động viên, cổ vũ của Tỉnh ủy, Thị ủy, của Bộ Công nghiệp, Đảng bộ Công ty Nhựa Hưng Yên đã phát huy truyền thống đoàn kết, với tinh thần quán triệt thực hiện các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, Đại hội Đảng bộ Tỉnh, Đại hội Đảng bộ Thị xã, đã khắc phục những khó khăn, cụ thể hoá nghị quyết các cấp của Đảng, thực hiện tốt các nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh trong 17 năm đổi mới.

Hằng năm đều thực hiện hoàn thành và vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu Nhà nước giao:

1. Giá trị SXCN: tăng bình quân 30%
2. Tổng doanh thu: tăng 40%.
3. Giá trị kim ngạch xuất khẩu: tăng 44%.
4. Các KNNS: tăng 40%.
5. Lợi nhuận: tăng 20%.
6. Tiền lương: tăng 20%.

Toàn bộ sản phẩm màng và túi PE, PP có in và không in; màng và áo che mưa; túi lưới và mút xốp PU được đầu tư đổi mới hoàn toàn thiết bị, máy móc và công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại của Nhật Bản.

Các sản phẩm đã và đang xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, các nước EU, Mỹ. Do đó, chỉ tiêu giá trị kim ngạch hằng năm chiếm 70-80% giá trị kim ngạch xuất khẩu của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.

Công ty được xuất khẩu trực tiếp các loại hoá chất, thiết bị, phụ tùng máy sản xuất phục vụ cho ngành nhựa và các ngành kinh tế khác.

* Phương châm của Công ty: Liên tục cải tiến nhằm thoả mãn yêu cầu của khách hàng.

Danh hiệu trong những năm qua:

- Năm 1980, là đảng bộ đầu tiên của thị xã Hưng Yên được Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Hưng tặng cờ "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh".
- Năm 2002, được BCH Đảng bộ tỉnh Hưng Yên tặng cờ "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh có thành tích tiêu biểu 5 năm liền (1996-2000)".
- Năm 2000, là đơn vị tiên tiến của ngành công nghiệp.
- Năm 2001-2002, được tặng bằng khen của Bộ Công nghiệp.
- Năm 2002, Chính phủ, Bộ CN và Tổng Công ty Nhựa Việt Nam tặng cờ "Đơn vị thi đua xuất sắc trong phong trào thi đua".
- Năm 2002, Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

TINH THẦN CỦA CÔNG TY: *"Mong muốn mở rộng quan hệ hợp tác với tất cả bạn bè trong và ngoài nước"*

Digitized by Google



THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 698

35

12-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Chủ tịch Trần Đức Lương thăm Hoà thượng Thích Trí Tịnh

Ảnh : TTXVN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN ĐÌNH BIN - Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài 3

HÀ XUÂN TRƯỜNG - Từ Đề cương văn hóa Việt Nam - nhìn lại quá trình vận động của đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng 9

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

CHU VĂN THÀNH - HÀ QUANG NGỌC - Để không ngừng phát triển đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước 13

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG - Quỹ tín dụng nhân dân đối với kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân 17

TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Sản xuất giá trị thặng dư vẫn là quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản hiện đại 22

LÊ ANH TUYẾN - Luật Di sản văn hóa - một bước hoàn thiện cơ sở pháp lý để phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam 28

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NHƯ HÙNG - Bạc Liêu qua nửa nhiệm kỳ Đại hội 33

PHÍ THÁI BÌNH - VINACONEX hướng tới tập đoàn kinh tế mạnh 37

LÊ VĂN HIẾU - Mấy bài học trong công tác xây dựng Đảng qua vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn 42

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

GIANG LAM - Chuyện về ông Q 45

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ CƠ SỞ

TRẦN BẠCH ĐẰNG - Dân chủ ở cơ sở - một sức mạnh truyền thống của dân tộc Việt Nam 46

NGUYỄN LINH MINH -Thực tiễn và kinh nghiệm triển khai Quy chế Dân chủ ở cơ sở của Hòa Bình 50

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

NGUYỄN VĂN THỤY - Vài suy nghĩ về chuẩn bị nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa 54

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

VŨ CÔNG GIAO - Về thực chất của tự do tôn giáo trong chính sách ngoại giao nhân quyền của Mỹ 57

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

*** Thất bại của Hội nghị Can-cun: Người nghèo càng nghèo hơn 61

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Hội thảo khoa học quốc tế: "Nghiên cứu văn hóa, con người, nguồn nhân lực đầu thế kỷ XXI" 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ДИНЬ БИН: Продолжение обновления и усиления работы с вьетнамскими соотечественниками, живущими за границей. ХА СУАН ЧЫОНГ: Ретроспективный взгляд на процесс развития Партийной линии по культуре – литературе и искусству на основе Тезисов Вьетнамской культуры. ТЬЮ ВАН ТХАНЬ – ХА КУАНГ НГОК: Чтобы непрерывно развивать контингент государственных кадров, служащих. ДО СУАН ЧЫОНГ: Народные кредитные фонды в отношении сельскохозяйственной экономики, сел и крестьян. ЧАН СУАН ЧЫОНГ: Производство прибавочной стоимости всё ещё есть абсолютная закономерность современного капитализма. ЛЕ АНЬ ТУЕН: Закон Культурного Наследия – один шаг в совершенствовании правовой основы для развития колорита Вьетнамской культуры. НЬЫ ХУНГ: Провинция Баклиеу за полсрока полномочия Съезда провинциальной парторганизации. ФИ ТХАЙ БИНЬ: VINACONEX ориентируется на формирование мощной экономической корпорации. ЛЕ ВАН ХИЕУ: Некоторые уроки для строительства Партии, извлеченные из судебного дела Чыонг Ван Кама и его сообщников. ЧАН БАТЬ ДАНГ: Демократия на местах – традиционная сила Вьетнамской нации. НГУЕН ЛИНЬ МИНЬ: Практика и опыты в развёртывании Статуса о Демократии на местах в провинции Хоабинь. ВУ КОНГ ЖАО: О сущности свободы совести в дипломатической политике США под вывеской прав человека.

CONTENTS

NGUYỄN ĐÌNH BIN: Continuing to renovate and strengthen the works regarding overseas Vietnamese. HÀ XUÂN TRƯỜNG: A retrospective look at the process of developments of Party's line on culture, literature and arts from perspective of the Draft of Vietnamese Culture. CHU VĂN THÀNH – HÀ QUANG NGỌC: In order to develop unceasingly the contingent of state cadres and employees. ĐỖ XUÂN TRƯỜNG: The people's credit funds in relation to agricultural economy, the countryside and peasants. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Production of surplus value is still the absolute rule of modern capitalism. LÊ ANH TUYẾN: Law on cultural heritages – an advance in perfection of legal grounds to promote Vietnamese cultural identities. NHƯ HÙNG: Bạc Liêu province after half tenure of the Congress of the provincial Party Committee. PHÍ THÁI BÌNH: VINACONEX orientates itself to be a powerful economic group. LÊ VĂN HIẾU: Some lessons for the matter of Party building through the law case of Trương Văn Cam and his gang. TRẦN BẠCH ĐẰNG: Grassroots democracy – a traditional strength of Vietnamese nation. NGUYỄN LINH MINH: Reality and experiences in deployment of the Grassroots Democracy Status in Hòa Bình province. VŨ CÔNG GIAO: Regarding essence of religious freedom in human-rights foreign policy of the USA.

SOMMAIRE

NGUYỄN ĐÌNH BIN: Poursuite du renouveau et renforcement du travail à l'intention des ressortissants vietnamiens à l'étranger. HÀ XUÂN TRƯỜNG: Revue du processus d'évolution de la ligne du Parti concernant la culture et les arts du point de vue du Programme culturel du Vietnam. CHU VĂN THÀNH - HÀ QUANG NGỌC: Pour un développement sans cesse du contingent des cadres et des fonctionnaires de l'Etat. ĐỖ XUÂN TRƯỜNG: La caisse de crédit populaire et l'économie agricole, la campagne et les paysans. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: La production de la valeur ajoutée reste la règle absolue du capitalisme moderne. LÊ ANH TUYẾN: La Loi sur l'héritage culturel – un pas de perfectionnement de la base juridique pour mettre en valeur l'identité culturelle vietnamienne. NHƯ HÙNG: La province de Bac Lieu après la moitié du mandat du Comité du Parti. PHÍ THÁI BÌNH: VINACONEX vise un groupe économique puissant. LÊ VĂN HIẾU: Quelques leçons sur l'édification du Parti tirées du procès Trương Văn Cam et complices. TRẦN BẠCH ĐẰNG: Démocratie à la base – une force traditionnelle de la nation vietnamienne. NGUYỄN LINH MINH: Pratique et expérience de la mise en œuvre du Réglementation de la démocratie à la base dans la province de Hòa Bình. VŨ CÔNG GIAO: Sur la nature de la liberté religieuse dans la politique extérieure américaine des droits de l'homme.

SUMARIO

NGUYỄN ĐÌNH BIN: Seguir renovando e intensificando el trabajo de residentes vietnamitas en el extranjero. HÀ XUÂN TRƯỜNG: Un vistazo retrospectivo del desarrollo de la línea cultural y artística del Partido a partir del Programa de cultura vietnamita. CHU VĂN THÀNH – HÀ QUANG NGỌC: A fin de desarrollar sin cesar el cuerpo de cuadros y funcionarios estatales. ĐỖ XUÂN TRƯỜNG: Fondos crediticios populares para con la economía agrícola, el campo y el campesino. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: La producción de plusvalía constituye aún la ley absoluta del moderno capitalismo. LÊ ANH TUYẾN: Ley de patrimonios culturales – un paso de perfección del fundamento jurídico para poner en juego la identidad cultural vietnamita. NHƯ HÙNG: Bạc Liêu a la mitad de mandato de su Congreso del Partido. PHÍ THÁI BÌNH: VINACONEX en dirección a un fuerte grupo económico. LÊ VĂN HIẾU: Algunas lecciones de construcción del Partido sacadas del caso de Trương Văn Cam y sus cómplices. TRẦN BẠCH ĐẰNG: Democracia en la base – una fuerza tradicional de la nación vietnamita. NGUYỄN LINH MINH: Realidades y experiencias en el despliegue de Normas democráticas en las bases de Hoà Bình. VŨ CÔNG GIAO: Sobre la esencia de libertad religiosa en la norteamericana política de relaciones exteriores de derechos humanos.

目录

• 阮庭兵：继续革新及加强对在外国的越南人的工作的力度• 何春长：从越南文化提纲— 回顾党的文化、文艺路线运动的进程• 周文成— 何光玉：为了不断发展国家干部、国家公务员队伍• 杜春长：人民信用基金对于农业、农村及农民的经济• 陈春长：生产剩余价值乃是现代资本主义的绝对规律• 黎英线：《文化遗产法》— 一个完善基层法理以弘扬越南文化本色• 如雄：薄辽省经过大会的上半任期• 费太平：VINACONEX 向经济集团之强的目标奋斗• 黎文孝：通过张文甘及其同伙一案在建设党的工作中得出的一些教训• 陈白藤：基层民主— 越南民族的传统强大力量• 阮灵明：和平省展开民主规制的实践及经验• 武公交：在美国人权外交政策中宗教自由的实质

Digitized by Google

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

NGUYỄN ĐÌNH BIN *

QUÁN triệt chủ trương về đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài luôn được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta quan tâm và coi trọng. Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, đặc biệt là sau khi Bộ Chính trị ban hành *Nghị quyết số 08-NQ/TW*, ngày 29-11-1993, về *Chính sách và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài* và Ban Bí thư ra *Chỉ thị số 55-CT/TW*, ngày 23-3-1995, về việc triển khai Nghị quyết nói trên, công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài đã đạt được những bước tiến đáng kể. Dưới ánh sáng của Nghị quyết số 08-NQ/TW và tư duy đổi mới của Đảng ta, trên cơ sở tìm hiểu về cộng đồng và đánh giá kết quả công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài thời gian qua, dưới đây xin đề cập những việc cần làm trong thời gian tới nhằm tiếp tục đổi mới, tăng cường và đẩy mạnh hơn nữa công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng của bà con, đồng thời đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi ngày càng cao của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong tình hình mới.

XU HƯỚNG CHỦ YẾU CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Hiện có khoảng 2,7 triệu kiều bào ta đang làm ăn, sinh sống ở gần 90 nước và vùng lãnh thổ, trong đó hơn 80% là ở Hoa Kỳ và các nước phát triển phương Tây. Xu hướng chủ yếu của cộng đồng là ngày càng ổn định hơn, từng bước hội nhập vào đời sống chính trị, kinh tế - xã hội nơi cư trú; giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống và gắn bó với quê hương, đất nước.

Về pháp lý, đại đa số người Việt Nam ở nước ngoài có quy chế định cư rõ ràng. Điều này tạo cơ sở thuận lợi hơn cho việc ổn định làm ăn, sinh sống lâu dài ở nước ngoài, giúp cho bà con có cơ hội thành đạt hơn, đặc biệt là lớp trẻ: xuất hiện nhiều người có bằng cấp khoa học cao, có vị trí quan trọng trong xã hội sở tại. Ở các nước mà việc xin nhập quốc tịch ít phức tạp, tỷ lệ người Việt Nam có quốc tịch nước sở tại khá cao (ở Hoa Kỳ, Ca-na-đa: từ 70 đến 80%, ở Pháp, Úc: từ 90 đến 95%). Quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam với các nước láng giềng đã tạo điều kiện thuận lợi cho bà con ở Lào và Trung Quốc có cuộc sống ổn định hơn; bà con ở Thái Lan thế hệ thứ hai, thứ ba được phép nhập quốc tịch Thái Lan và thế hệ thứ nhất được cấp giấy tờ định cư, giấy tờ đi lại. Tình hình đồng bào ta ở Căm-pu-chia,

* Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao, Chủ nhiệm Ủy ban Về người Việt Nam ở nước ngoài

Digitized by Google

Nga và các nước Đông Âu cũng có những chuyển biến tích cực. Chính sách đổi mới, mở cửa đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người Việt Nam thực hiện *"quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước"* (Điều 68 - Hiến pháp Việt Nam năm 1992). Trong những năm qua, hàng trăm nghìn người Việt Nam đã ra nước ngoài lao động, học tập, tu nghiệp. Mỗi năm có hàng chục nghìn người Việt Nam kết hôn với người nước ngoài hoặc được người nước ngoài nhận làm con nuôi và hàng nghìn người khác ra nước ngoài để đoàn tụ gia đình... Cộng đồng người Việt Nam bắt đầu hình thành và phát triển nhanh tại một số địa bàn mới như Đài Loan, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, kể cả ở châu Phi xa xôi như Ăng-gô-la. Người Việt Nam ra nước ngoài sinh sống, lao động, học tập, đoàn tụ gia đình và kết hôn với người nước ngoài tiếp tục gia tăng làm nảy sinh nhiều vấn đề mà Đảng và Nhà nước cần quan tâm.

Trong lĩnh vực kinh tế, tại hầu khắp các nước trên thế giới, người Việt Nam được đánh giá là cộng đồng trẻ, thích nghi cao, biết vượt khó, hội nhập nhanh vào đời sống kinh tế sở tại và năng động trong kinh doanh. Tới nay, đại bộ phận đồng bào ở nước ngoài có công ăn việc làm: hoặc làm công, ăn lương, hoặc mở các cơ sở dịch vụ nhỏ và trung bình. Một bộ phận đã vươn lên có mức sống trung lưu, xuất hiện nhiều người giàu có với tài sản nhiều triệu USD. Với vốn tích lũy được, nhiều người đang đầu tư về Việt Nam, chủ yếu với quy mô nhỏ, vốn ít; có một số ít doanh nghiệp đầu tư với mức vốn khoảng một vài triệu USD trở lên. Hiện có 860 dự án đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài đăng ký chính danh với số vốn là 440 triệu USD và 1 000 tỉ đồng Việt Nam. Lượng kiều hối bà con gửi về tăng trung bình khoảng 10%/năm (năm 2002 là 2,1 tỉ và sáu tháng đầu năm 2003 là 1,2 tỉ USD). Ngoài ra, nhờ kinh nghiệm làm ăn trong thời gian ở nước ngoài, nhiều người đã tiến hành có hiệu quả một số hoạt động môi giới, tìm kiếm đối tác và cầu nối hợp tác giữa doanh nghiệp nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước.

Tiềm năng to lớn của người Việt Nam ở nước ngoài là tri thức. Theo kết quả thống kê của một số nước phát triển, chỉ số học vấn đại học và trên đại học của người Việt Nam tại các nước này đang tiến gần tới mức trung bình của người dân sở tại. Chỉ số học vấn của thế hệ trẻ cao hơn (tại Hoa Kỳ, cứ 2 người gốc Á châu, tuổi từ 25 tới 29 thì có 1 người có trình độ đại học hoặc trên đại học). Như vậy, có cơ sở để ước tính trong số 2,7 triệu người Việt Nam đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài, số có trình độ đại học hoặc trên đại học vào khoảng 300 000 người. Nhiều người đang giữ vị trí quan trọng trong các viện nghiên cứu, trường đại học, bệnh viện, công ty kinh doanh, các tổ chức kinh tế, tài chính và thể chế quốc tế khác... Thế mạnh của trí thức kiều bào ta là được đào luyện trong môi trường khoa học và công nghệ hiện đại, tiếp cận các ngành khoa học và kinh tế mũi nhọn như tin học, viễn thông, điện tử, vật liệu mới, chế tạo máy, điều khiển học, sinh học, tài chính, ngân hàng... Lớp trí thức trẻ người Việt Nam ở nước ngoài đang làm thay đổi cơ cấu cộng đồng, từng bước thay thế lớp người lớn tuổi.

Ở những nơi người Việt Nam sống tập trung cao (Hoa Kỳ, Pháp, Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a, Lào, Căm-pu-chia, Thái Lan, Nga, Séc...), có môi trường thuận lợi cho việc *giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc,* duy trì các sinh hoạt lễ hội, sinh hoạt tôn giáo, tâm linh, học và dạy tiếng Việt. Nhu cầu giao lưu văn hóa giữa cộng đồng với đất nước, nhu cầu giữ gìn và phát triển tiếng Việt là rất lớn và ngày càng trở nên bức xúc trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. *Dù ở đâu hoặc trong hoàn cảnh nào, người Việt Nam luôn gắn bó với quê*

Digitized by Google

hương, đất nước. Tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, hướng về cội nguồn, dòng tộc, gắn bó với gia đình, quê hương xứ sở luôn là truyền thống và phẩm chất cao quý của mỗi người Việt Nam. Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, nhiều đồng bào ta ở nước ngoài đã đóng góp công sức, của cải, kể cả xương máu. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, bà con hoan nghênh, đồng tình và ủng hộ công cuộc đổi mới đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phấn khởi tin tưởng vào những thành tựu về kinh tế - xã hội và đối ngoại mà nhân dân ta đã đạt được trong những năm qua... Mỗi năm, có hàng trăm nghìn lượt người về nước thăm thân nhân, đầu tư, kinh doanh. Một số nhân vật cao cấp của ngụy quyền Sài Gòn trước đây cũng đã về và đang xin về Việt Nam thăm lại họ hàng, quê hương. Đáng tiếc là trong cộng đồng vẫn còn một số nhóm nhỏ (chủ yếu là ở Hoa Kỳ và các nước phương Tây), lợi dụng các phương tiện thông tin, tranh thủ các thế lực cực hữu sở tại, tìm cách ngăn cản mọi biểu hiện xích lại gần nhau giữa người Việt ở trong và ngoài nước; ngăn cản việc cải thiện quan hệ giữa nước sở tại với Việt Nam; lôi kéo, kích động một số người nhẹ dạ, cả tin đi ngược lại quyền lợi của đất nước, dân tộc.

Bức tranh chung của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong những năm tới có thể là *ngày càng ổn định hơn, gia tăng về số lượng; trình độ học vấn sẽ cao hơn, xuất hiện nhiều hơn các nhà khoa học, văn hóa, hoạt động xã hội có tên tuổi là người Việt Nam; địa vị kinh tế của người Việt Nam cũng sẽ được cải thiện, nâng cao, xuất hiện thêm nhiều người giàu có; cộng đồng sẽ tiếp tục phát triển, hội nhập vào xã hội sở tại, giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam đồng thời gắn bó với quê hương, đất nước.*

KẾT QUẢ CÔNG TÁC VỀ NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THỜI GIAN QUA

Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, việc ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW và các văn kiện khác của Đảng vào những năm 90 của thế kỷ trước đánh dấu *sự chuyển biến quan trọng trong nhận thức* của Đảng và nhân dân ta về chính sách và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài: chuyển từ thụ động sang tích cực tìm hiểu, vận động tranh thủ; nhận thức rõ hơn về chủ trương đại đoàn kết dân tộc, xóa bỏ hận thù, hướng tới tương lai, đặc biệt là đối với một bộ phận đã từng phục vụ hoặc gắn bó với chế độ cũ. Trong khoảng thời gian 10 năm lại đây, Quốc hội đã thông qua nhiều luật, pháp lệnh và nghị quyết; Chính phủ cũng đã ban hành nhiều nghị định, quyết định và các bộ, ngành đã ban hành nhiều quyết định, thông tư hướng dẫn liên quan đến người người Việt Nam ở nước ngoài. *Các văn bản pháp quy này đã tạo thành một hệ thống* các quy phạm điều chỉnh các mối quan hệ liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài, *tạo bước chuyển biến quan trọng về chất*, tạo cho kiều bào nhiều thuận lợi khi về thăm thân nhân, tham quan, du lịch, cư trú, đi lại trong nước cũng như kinh doanh, đầu tư, hợp tác khoa học, giải quyết các vấn đề liên quan đến quốc tịch, hộ tịch, xuất nhập cảnh, hồi hương, bảo hộ các quyền và lợi ích chính đáng của kiều bào. Các chính sách gần đây về một giá dịch vụ, cho phép một số diện kiều bào được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở, khuyến khích chuyển kiều hối về nước, mở rộng ưu đãi cho các dự án đầu tư của kiều bào... đã góp phần giảm dần các khác biệt giữa người Việt Nam ở ngoài nước với người Việt Nam ở trong nước; tạo ra các cơ chế, chính sách cởi mở, thông thoáng hơn, giúp cho kiều bào gắn bó với quê hương, tham gia đóng góp xây dựng đất nước.

Công tác thông tin, tuyên truyền vận động người Việt Nam ở nước ngoài cũng được tăng

Digitized by Google

cường và đẩy lên một bước. Các hoạt động thông tin báo chí đã góp phần tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước, giúp bà con tiếp cận với các thông tin chính thức và xác thực về tình hình kinh tế - xã hội trong nước. Các chương trình phát thanh quốc tế, dành cho đồng bào ở xa Tổ quốc của Đài tiếng nói Việt Nam tiếp tục được cải tiến về nội dung và trang bị kỹ thuật. Đài truyền hình Việt Nam (VTV4) đã phủ sóng hầu khắp các nước, được đông đảo bà con hoan nghênh. Thông tin cho kiều bào qua mạng In-tơ-nét cũng được quan tâm hơn: nhiều báo, tạp chí trên mạng (Tạp chí Quê Hương, báo Nhân Dân, Lao Động điện tử...) có trang hoặc chuyên mục về người Việt Nam ở nước ngoài.

Các hoạt động truyền bá văn hóa nghệ thuật ra nước ngoài, đưa các văn hóa phẩm, các tác phẩm văn học, âm nhạc, các đoàn nghệ thuật ra biểu diễn phục vụ cộng đồng, nhất là ở Nga và các nước Đông Âu đã phần nào đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của bà con, có tác dụng tích cực trong cộng đồng.

Bộ máy chuyên trách và công tác vận động kiều bào cũng được quan tâm, đổi mới nhằm đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi của tình hình. Ban Việt kiều Trung ương trước đây đã được đổi tên thành Ủy ban Về người Việt Nam ở nước ngoài và được tăng cường về biên chế. Từ năm 1997, Ủy ban được đưa về Bộ Ngoại giao để có thêm điều kiện thuận lợi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Tại nhiều địa phương có đông người Việt Nam ở nước ngoài đã thành lập bộ phận chuyên trách hoặc cử cán bộ chuyên trách theo dõi công tác này. Tại các cơ quan đại diện ngoại giao của ta ở nước ngoài, nơi có đông kiều bào đều thành lập ban công tác cộng đồng hoặc có cán bộ chuyên trách. Các bộ, ngành đã bước đầu chú ý tranh thủ ý kiến đóng góp của kiều bào trong quá trình xây dựng chính sách, luật pháp có liên quan đến kiều bào. Công tác vận động kiều bào thông qua các Hội Thân nhân ở trong nước đã được chú trọng hơn. Đến nay đã có 23 Hội Thân nhân kiều bào ở các địa phương. Đầu năm 2002, Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài ở trung ương đã được thành lập nhằm tăng cường hơn nữa công tác vận động kiều bào và thân nhân. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, giữa trung ương và địa phương, giữa trong và ngoài nước về công tác vận động cộng đồng cũng được nâng lên một bước.

Tuy nhiên, *chính sách và công tác vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài chưa đáp ứng được nhu cầu và đòi hỏi của tình hình. Nguyên nhân chính là do yếu tố chủ quan, cả về mặt nhận thức, cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện.* Trước hết là các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước chưa được quán triệt đầy đủ và sâu sắc, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, sự đồng thuận, nhất trí cao trong xã hội về công tác này, khiến cho có nơi, có lúc và trên một số lĩnh vực, những quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước chưa chuyển thành hành động thực tế. Một số chính sách, biện pháp ban hành còn ít nhiều chịu ảnh hưởng bởi tư duy cũ, tính khả thi thấp, chưa thể hiện đầy đủ sự quan tâm và trách nhiệm của Đảng và Nhà nước đối với kiều bào cũng như chưa khuyến khích được kiều bào hợp tác, làm ăn với trong nước.

Trong *triển khai thực hiện,* xu hướng chung vẫn nặng về khai thác, tranh thủ sự đóng góp vật chất của đồng bào mà coi nhẹ công tác vận động, dành cho đồng bào ở nước ngoài tình cảm và sự thông cảm, quan tâm, giúp đỡ. Thái độ thành kiến, nghi ngờ, tình trạng quan liêu, cửa quyền, những nhiễu của một số cán bộ thuộc các cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương... tiếp tục gây ra những mặc cảm, hoài nghi của đồng bào. *Công tác thông tin,*

Digitized by Google

văn hóa mới chỉ đáp ứng được một bước nhu cầu của một bộ phận kiều bào. Các hoạt động văn hóa và dạy tiếng Việt cho thế hệ trẻ chủ yếu vẫn dựa vào sự tự thân vận động của một số tổ chức, cá nhân trong cộng đồng, chưa được quan tâm, hỗ trợ.

Các cơ quan chức năng còn chưa thật nhạy bén khi đánh giá tình hình cộng đồng trong bối cảnh tình hình trong nước và ngoài nước đang thay đổi nhanh chóng; thiếu các biện pháp và hình thức vận động thích hợp với từng diện đối tượng, từng địa bàn cụ thể. *Sự phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương liên quan* chưa thật chặt chẽ, thường xuyên, nhất là trong xử lý các vấn đề bức xúc liên quan đến kiều bào khi họ ở nước ngoài hoặc khi về trong nước.

Tình hình trong nước và thế giới đã và đang có những thay đổi sâu sắc; cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cũng có những biến chuyển, thay đổi, đặt ra cho lĩnh vực công tác này những yêu cầu mới, những thuận lợi và khó khăn mới. Song, công cuộc đổi mới, phát triển đất nước và bước đầu đổi mới công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian qua đã tạo cơ sở, điều kiện và tiền đề vững chắc để tiếp tục đổi mới, tăng cường và đẩy mạnh hơn nữa công tác này nhằm đáp ứng nguyện vọng và quyền lợi chính đáng của bà con, vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1 - Quan điểm nhất quán và xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta khẳng định, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực quan trọng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Vì vậy, mọi chính sách và biện pháp được ban hành cũng như việc tổ chức triển khai thực hiện cần thể hiện *truyền thống đoàn kết, nhân ái của dân tộc ta, sự quan tâm giúp đỡ về mọi mặt, tinh thần cũng như vật chất, để kiều bào yên tâm làm ăn sinh sống, phát triển và hội nhập* vào xã hội nước sở tại. Đồng bào sẽ gắn bó với quê hương, đất nước, đóng góp thiết thực hơn khi có cuộc sống ổn định, khá giả và thành đạt ở nơi cư trú. Do vậy, trên cơ sở đặc điểm và tình hình cộng đồng người Việt Nam ở từng khu vực, Nhà nước cần có hình thức giúp đỡ phù hợp, tạo điều kiện để đồng bào nâng cao ý thức cộng đồng, tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Việc tăng cường và đẩy mạnh mọi mặt công tác vận động kiều bào, trong đó có công tác vận động thế hệ trẻ người Việt sinh ra và lớn lên ở nước ngoài, cần được quán triệt sâu sắc hơn và nhằm đạt các mục tiêu sau:

a - Tạo điều kiện để đồng bào ở nước ngoài thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình phù hợp với hoàn cảnh sống xa đất nước. Đối với đồng bào ở những nơi đặc biệt khó khăn, cần có hình thức hỗ trợ phù hợp. Động viên và tạo điều kiện giúp đỡ để đồng bào chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước sở tại; có biện pháp tích cực bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đồng bào. Giải quyết nhanh chóng, thỏa đáng yêu cầu của bà con muốn xin thôi quốc tịch Việt Nam hoặc xin khôi phục quốc tịch Việt Nam cũng như các vấn đề dân sự khác.

b - Giúp đồng bào ở nước ngoài có điều kiện duy trì và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; tập trung đầu tư thỏa đáng cho việc *phổ biến, dạy và học tiếng Việt* trong cộng đồng. Thường xuyên tổ chức các chương trình, hoạt động cụ thể nhằm động viên thế hệ trẻ người Việt Nam ở nước ngoài có điều kiện về Việt Nam tìm hiểu thực tế đất nước, tìm hiểu con người, văn hóa, truyền thống dân tộc, học tiếng Việt và giao lưu với thế hệ trẻ trong nước.

c - Đổi mới mạnh mẽ và toàn diện công tác văn hóa, thông tin, tuyên truyền, giúp cho

Digitized by Google

đồng bào ở nước ngoài hiểu đúng chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như tình hình đất nước. Chú trọng khai thác thế mạnh của In-tơ-nét; đổi mới nội dung, hình thức của chương trình truyền hình và phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài. Tính tới khả năng hỗ trợ việc ra báo viết, xây dựng thư viện trên mạng In-tơ-nét, mở đài phát thanh, truyền hình ở những nơi điều kiện cho phép.

d - Thường xuyên đưa các đoàn nghệ thuật ra biểu diễn phục vụ cộng đồng; mời các nghệ sĩ, vận động viên là người Việt Nam ở nước ngoài về nước biểu diễn, thi đấu, tạo điều kiện cho họ tham gia các đoàn Việt Nam đi biểu diễn và thi đấu quốc tế, tổ chức thường xuyên các chương trình giao lưu văn hóa, văn học, nghệ thuật, triển lãm, hội thảo, du lịch về nguồn.

2 - Công tác xây dựng chính sách đã có bước chuyển quan trọng, hình thành hệ thống *các biện pháp và quy định* nhằm động viên và tạo điều kiện cho người Việt Nam ở nước ngoài gắn bó với quê hương, tham gia xây dựng đất nước. Trong tình hình mới, các biện pháp và quy định này đã và đang bộc lộ những khiếm khuyết nhất định như đã nêu trên và rất cần được *sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới,* theo hướng:

a - Xây dựng một hệ thống các chính sách bảo đảm thu hút, trọng dụng được nhân tài, phát huy sự đóng góp của trí thức kiều bào; có chế độ đãi ngộ đặc biệt đối với những chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao về nước làm việc; mời một số trí thức, nhà quản lý người Việt Nam có kinh nghiệm về tham gia công tác quản lý, điều hành trong một số ngành, lĩnh vực.

b - Hoàn chỉnh và xây dựng mới các chính sách thu hút các hoạt động đầu tư, kinh doanh của người Việt Nam ở nước ngoài. Dành cho các doanh nghiệp của người Việt Nam ở nước ngoài những ưu đãi cao hơn các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Mở rộng và tạo thuận lợi hơn nữa trong chính sách kiều hối.

c - Cụ thể hóa và hoàn thiện hơn nữa các quy định về xuất - nhập cảnh, cư trú, đi lại của người Việt Nam ở nước ngoài theo hướng thông thoáng, thuận tiện và đơn giản hơn về thủ tục. Giải quyết cơ bản những vấn đề tồn tại trong chính sách một giá dịch vụ, mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất cũng như một số vấn đề dân sự khác.

3 - *Đại đoàn kết toàn dân tộc* bắt nguồn từ truyền thống của dân tộc Việt Nam mà cơ sở của nó là ý thức dân tộc và lòng yêu nước của người Việt Nam, vì mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đại đoàn kết toàn dân tộc trên hết và trước hết phải dựa trên cơ sở đó và cũng chỉ có dựa trên những điểm tương đồng nêu trên mới có thể xóa bỏ được những mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về dân tộc, tôn giáo, về quá khứ, nguồn gốc xuất thân, thành phần, giai cấp, địa vị xã hội, lý do ra nước ngoài; mới có thể xây dựng được tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong xây dựng chính sách cũng như công tác vận động đồng bào ở nước ngoài, cần chú ý phát hiện, giúp đỡ và thúc đẩy các nhân tố tích cực trong cộng đồng, có hình thức khuyến khích, động viên và khen thưởng phù hợp. Giải quyết có tình có lý và trên cơ sở đạo lý Việt Nam các vấn đề nhân đạo do lịch sử để lại nhằm thực hiện chủ trương khép lại các vấn đề quá khứ, hướng tới tương lai. Đồng thời, cũng cần nâng cao cảnh giác đối với các hoạt động chống phá đất nước, chống phá quan hệ

(Xem tiếp trang 12)

TỪ ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM - NHÌN LẠI QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CỦA ĐƯỜNG LỐI VĂN HÓA - VĂN NGHỆ CỦA ĐẢNG

HÀ XUÂN TRƯỜNG

Đề cương văn hóa Việt Nam ra đời trong một thời kỳ chuyển biến cách mạng đặc biệt ở nước ta, cả nước sục sôi cao trào cứu nước. Tháng 5-1941, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đã chỉ ra những biến đổi của thế giới và Việt Nam đòi hỏi Đảng cần "phải thay đổi chiến lược", từ cách mạng tư sản dân quyền nhằm giải quyết hai vấn đề phản đế và điền địa chuyển sang cách mạng giải phóng dân tộc "phải đặt quyền lợi của bộ phận, của giai cấp dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, dân tộc". Hội nghị nhận định bức thiết: "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được".

Trí thức bao gồm các nhà khoa học, giáo dục, văn nghệ sĩ, nhà báo, các nhà hoạt động xã hội, v.v.. là một lực lượng quan trọng của cách mạng, cần được tập hợp trong mặt trận cứu nước (Việt Minh). Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở thôn Võng La, huyện Đông Anh (Hà Nội), từ ngày 25 đến ngày 28-2-1943, đã quyết định: "Đảng cần phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa đặng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc, chống lại văn hóa phát xít thụt lùi. Ở những đô thị văn hóa như Hà Nội, Sài Gòn, Huế phải gây ra những tổ chức văn hóa cứu quốc và phải dùng những hình thức công khai đặng đoàn kết các nhà văn hóa và trí thức". Cùng với quyết định đó Ban Thường vụ thảo luận và thông qua *Đề cương văn hóa Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh dự thảo. Tuy mới ở dạng phác thảo, cùng với những vấn đề phải giải quyết trước mắt, nó đã chứa đựng những vấn đề cơ bản của một cương lĩnh văn hóa cho cả một thời kỳ cách mạng dân tộc - dân chủ.

Đề cương văn hóa đã đáp ứng được yêu cầu của giới trí thức, tập hợp được ngay từ đầu những trí thức tiêu biểu, trong đó có văn nghệ sĩ. Ngay thời điểm ấy đã có hoạt động sáng tác, để lại một số tác phẩm có giá trị lâu bền như: kịch *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng được sửa lại in trên tạp chí Tri Tân, tiểu thuyết *Sống mòn* của Nam Cao, một số truyện ngắn của Nguyên Hồng, Tô Hoài, thơ của Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, và những bài hát *Tiến quân ca, Du kích ca, Diệt phát xít* đã trở thành bài hát khởi nghĩa của Hà Nội. Những tuần lễ đầu sau Cách mạng, Nhà xuất bản Văn hóa cứu quốc cũng đã in những sáng tác mới mở đầu là tập *Luống cày* trong đó có truyện *Chí Phèo* của Nam Cao, *Hội nghị non sông* và *Ngọn quốc kỳ* của Xuân Diệu, Thơ Tố Hữu, *Mặt trận*

Digitized by Google

phía Nam có gì lạ của Thu Tâm. Triển lãm mỹ thuật được tổ chức năm 1945 trong đó có tranh sơn dầu của Tô Ngọc Vân vẽ Hồ Chủ tịch, triển lãm được Hồ Chủ tịch và cố vấn Vĩnh Thụy khai mạc. Những việc làm ấy chứng tỏ tác động nhanh nhạy "ngay tức thì" của *Đề cương văn hóa* của Đảng.

Nhiều quan điểm cơ bản về văn hóa của Đảng ta được xác định lần đầu:

- Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật nghệ thuật.

- Nền tảng kinh tế của một xã hội quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc).

- Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa).

- Cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị, phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải cách xã hội.

- Cách mạng văn hóa phải do Đảng cộng sản lãnh đạo.

- Ba nguyên tắc vận động văn hóa của Việt Nam trong giai đoạn cách mạng dân tộc - dân chủ là: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa.

Bản *Đề cương* tuyên bố dứt khoát cơ sở tư tưởng của nền văn hóa mới ở Việt Nam là thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử và đấu tranh chống các tư tưởng ngược lại với tư tưởng đó, về văn nghệ, đấu tranh cho "xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa".

Những quan điểm này có ý nghĩa lâu dài trong tiến trình lãnh đạo của Đảng từ cách mạng dân tộc - dân chủ cũng như chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Để Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng kịp thời chỉ đạo trong thời kỳ kháng chiến, *Đề cương văn hóa Việt Nam* cần được giải thích rõ hơn, cần điều chỉnh những điểm mà ở thời điểm năm 1943 mới nêu ở mức khái quát. Báo cáo *Chủ nghĩa Mác về văn hóa Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh trình bày ở Hội nghị văn hóa toàn quốc Việt Nam lần thứ hai (1948) đã làm tròn nhiệm vụ đó. Báo cáo tập trung vào những vấn đề chủ chốt, gác lại các phần thuộc về lịch sử trước thời kỳ thực dân Pháp xâm chiếm nước ta và các học thuyết đòi hỏi nghiên cứu công phu.

Khi nghiên cứu *Đề cương văn hóa* có hai vấn đề đặt ra:

1. Đề cương có chịu ảnh hưởng gì về quan điểm của Đảng cộng sản Liên Xô và Đảng cộng sản Trung Quốc ?

2. Những hạn chế và lỗi thời về mặt quan điểm so với nhận thức của ngày nay.

Trước hết, cần nhất trí với nhau rằng, giữa các đảng cộng sản tiếp thu những kinh nghiệm của nhau là chuyện bình thường, nhất là đối với các đảng đi trước mình lại ở trong những điều kiện chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội có nhiều điểm giống nhau như Trung Quốc và Việt Nam. Trong tác phẩm *Bàn về dân chủ mới* (1-1940) khi đề cập xây dựng nền văn hóa mới Trung Quốc, Mao Trạch Đông nêu một mục: "Văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng". Mao Trạch Đông viết: "Văn hóa Trung Quốc phải có hình thức của mình, đó là hình thức dân tộc. Hình thức dân tộc và nội dung dân chủ mới, đó chính là văn hóa mới ngày nay của chúng ta". Trong quan hệ giữa nội dung và hình thức trước đó, Xta-lin cũng quy định cho nền văn hóa là "nội dung xã hội chủ nghĩa hình thức dân tộc", một công thức nặng về tư tưởng hơn là nhìn toàn diện vấn đề văn hóa. Năm 1943 cho mãi đến Đại hội II Đảng ta vẫn dùng công thức ấy, nhưng cách diễn đạt thông thoáng hơn và quan tâm đặc biệt tới tính chất dân tộc. Hơn nữa Đảng ta nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa, đã dành cả một văn kiện riêng cho văn hóa mang tính cương lĩnh bám sát thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Từ Đại hội III, IV, V và VI, Đảng ta nêu phương châm xây dựng nền văn hóa - văn nghệ với nội dung xã hội chủ nghĩa, tính chất dân tộc. Đối với văn nghệ Đại hội VI còn nêu tính chân thực, tính tư tưởng và tính nghệ thuật bao giờ cũng là tiêu chuẩn của giá trị tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa". Đến Đại hội VII tiếp tục đổi mới về tư duy, về toàn cục Đảng ta khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng

Digitized by Google

với chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng của Đảng, thì về mặt văn hóa là "nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc". Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ghi: "... phát triển nền văn hóa Việt Nam dân tộc, hiện đại, nhân văn". Và sau Đại hội VIII Hội nghị Trung ương 5 ra nghị quyết "xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc" trong thời kỳ đất nước đang tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, "văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội". Đó là một Nghị quyết về văn hóa mang tính cương lĩnh lần thứ hai của Đảng ta khai thác đầy đủ nhất tư tưởng văn hóa của Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và đời sống.

Đề cương văn hóa Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lịch sử,tạo nên dấu ấn đậm nét về văn hóa cho cả một thời kỳ cách mạng dân tộc - dân chủ. Dấu ấn nổi bật nhất là *người chiến sĩ văn hóa, người nghệ sĩ - chiến sĩ, nhà văn - chiến sĩ* của dân tộc hình thành ngày một đông đảo cùng với một nền văn nghệ đa dạng, hiện đại với những giá trị lâu bền có sức động viên, cổ vũ cho những thế hệ mới đã hình thành và đang hình thành.

Kỷ niệm 60 năm *Đề cương văn hóa* mỗi ngành, mỗi Hội văn học, nghệ thuật chúng ta cần nhìn lại quá trình hình thành và phát triển của ngành, đặc biệt từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945. Trên cơ sở Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) mà phân tích những thành tựu cũng như những thiếu sót, những nhược điểm, phát hiện những vấn đề cần giải quyết về mặt lý luận cũng như về mặt thực tiễn. Đây là bước cần thiết để chúng ta thúc đẩy mạnh mẽ công tác lý luận - phê bình, đồng thời đóng góp với Trung ương tổng kết việc thực thi Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng, trước hết từ Đại hội VI mở đầu thời kỳ đổi mới ở nước ta.

Chúng tôi phác ra những quan điểm mà Đảng ta nêu lên từ khi có *Đề cương văn hóa* đến trước khi có Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), mỗi quan điểm cần được nhìn nhận theo duy vật lịch sử và biện chứng. Có quan điểm đã lỗi thời, có quan điểm cần thể hiện đúng hơn, chính xác hơn (tức là khác trước). Có quan điểm vẫn giữ nguyên như thuở ban đầu, có quan điểm cần được bổ sung, phát triển. Có quan điểm sai, có quan điểm đúng trong hoàn cảnh ấy nhưng không đúng trong hoàn cảnh ngày nay. Đồng thời, với việc rà soát lại một cách tổng thể, chúng ta có thể đưa ra những quan điểm mới. Như một cơ thể sống, đường lối văn học nghệ thuật của Đảng là cả một quá trình biến đổi, đổi mới không ngừng. Thực tế của 60 năm qua đã chứng minh điều đó. Chỉ lấy một ví dụ như công thức "nội dung dân chủ mới hình thức dân tộc" gò bó không thể hiện được tính chất của văn hóa thì tự nó không phát huy được tác dụng mà còn làm cản trở cho sự sáng tạo. Chúng ta hãy bình tĩnh suy nghĩ, phát huy tự do dân chủ, tinh thần đổi mới.

Những quan điểm chúng tôi tạm tổng kê sau:

- Ba nguyên tắc: Dân tộc, khoa học, đại chúng
- Chức năng của văn nghệ, nhận thức, khám phá và sáng tạo
- Văn nghệ phục vụ công, nông, binh
- Văn nghệ phục vụ chính trị
- Tuyên truyền và nghệ thuật
- Kịp thời và lâu dài
- Miêu tả người thật việc thật và hư cấu nghệ thuật
- Dân gian và bác học (phổ cập và nâng cao)
- Đến với những người tiên tiến, sống với những người tiên tiến
- Tính đảng, tính nhân dân, tính nhân loại
- Dân tộc - hiện đại
- Bản sắc dân tộc và tiếp thu những tinh hoa của nhân loại
- Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa và các phương pháp khác
- Tính điển hình: tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình
- Sự chỉ đạo theo đề tài và chủ nghĩa đề tài
- Tính đa nghĩa, đa diện của văn nghệ và việc chống hiện tượng hai mặt (équivoque)

Digitized by Google

- Vai trò của thế giới quan và nhân sinh quan trong sáng tác và phê bình

. . .

Cho đến nay, chúng ta chưa có một công trình chính thức về đường lối văn học nghệ thuật của Đảng để giảng dạy trong nhà trường. Những điều ngộ nhận, hiểu sai, vô tình hay hữu ý xuyên tạc đường lối văn hóa nghệ thuật của Đảng không ít, trách nhiệm ấy trước hết thuộc các cơ quan lãnh đạo về tư tưởng - văn hóa, trong đó có chúng ta. Nhân đây, chúng tôi đề nghị việc soạn thảo công trình ấy sẽ là một trọng điểm nằm trong chương trình nghị sự của Hội đồng Lý luận và Phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương đã thành lập. Tất nhiên, công việc này không giản đơn, nhưng là công việc tối cần thiết hoàn thành sớm ngày nào hay ngày ấy, mong đó là một công trình của giới văn học, nghệ thuật chào mừng Đại hội X của Đảng vào năm 2006.

Cuộc chiến đấu tư tưởng diễn ra trên mặt trận văn hóa - văn nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng khá phong phú. Chúng ta cần nhìn lại những cuộc tranh luận, những cuộc đấu tranh trong 60 năm qua, đặc biệt từ sau năm 1975 cho đến nay một cách khách quan, trung thực, chân tình, rút ra những bài học bổ ích cho công tác lý luận và phê bình, một khâu đang rất yếu hiện nay.

Kỷ niệm 60 năm *Đề cương văn hóa*, chúng ta tổ chức Hội thảo không chỉ để nhớ lại sự ra đời và hiệu quả to lớn của một văn kiện, của một đường lối của Đảng trên một lĩnh vực rộng lớn và phức tạp là văn hóa, mà chủ yếu từ đó nhìn lại với thái độ khách quan, phê bình và tự phê bình cả một quá trình vận động của Đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng để khẳng định con đường đi tới của chúng ta. Cụ thể trong thời gian tới là tiếp tục đưa Nghị quyết 5 (khóa VIII) đi sâu vào cuộc sống sáng tạo văn học, nghệ thuật, tiếp tục nghiên cứu với một tầm cao tư tưởng Hồ Chí Minh trên mặt trận văn hóa, biến những quan điểm của Người thành nhận thức sáng tạo của mỗi văn nghệ sĩ. ❑

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI...

(Tiếp theo trang 8)

hữu nghị, hợp tác giữa nước sở tại với Việt Nam của một số người Việt cực đoan ở nước ngoài.

Đổi mới các phương thức vận động người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới cần thấm nhuần sâu sắc tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc. Cần động viên, khuyến khích mọi hình thức tập hợp, đoàn kết kiều bào. Tạo điều kiện thúc đẩy việc xã hội hóa mạnh mẽ hơn nữa công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, chú trọng công tác vận động thân nhân kiều bào.

Nhận thức ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác về người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới, chúng ta càng thấm nhuần sâu sắc hơn tư tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. Với tầm nhìn chiến lược, ngay từ những năm đầu tiên trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá cao vai trò, vị trí của đồng bào ta ở nước ngoài với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Năm 1919, Người đã sáng lập và lãnh đạo *"Hội Người Việt Nam yêu nước"* tại Pháp, đặt nền móng về tổ chức và hoạt động cho công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài trong các năm tiếp theo. Nhìn lại chặng đường đã đi qua của cách mạng Việt Nam, đánh giá khách quan những việc đã làm được và chưa làm được thời gian qua về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài có cơ sở để tin tưởng rằng: theo tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện các tư tưởng chỉ đạo của *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX)*, công tác này sẽ tiếp tục được đổi mới và tăng cường hơn nữa, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. ❑

ĐỂ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NHÀ NƯỚC

CHU VĂN THÀNH* - HÀ QUANG NGỌC**

Để thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước đã được Đại hội IX của Đảng tiếp tục nhấn mạnh về các quan điểm, giải pháp trên nhiều phương diện. Trong rất nhiều vấn đề cơ bản và quan trọng, Đảng ta nhấn mạnh: Phải hoàn thiện chế độ công vụ, công chức; hoàn thiện quy chế cán bộ, công chức; công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, sắp xếp, bố trí, kiểm tra, đánh giá, sử dụng cán bộ, công chức; giải quyết các vấn đề của cán bộ cơ sở; thực hiện tinh giảm biên chế trong các cơ quan nhà nước; cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền, đặc lợi; đấu tranh chống tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực trong cán bộ, công chức; thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ chủ chốt; quy định cán bộ lãnh đạo, quản lý, các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thực hiện kê khai tài sản của cá nhân và gia đình mình...

Báo cáo của Chính phủ về "Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005" đã cụ thể hóa thêm một bước, khi nêu chủ trương: Thực hiện chế độ bổ nhiệm công chức có thời hạn, chế độ luân chuyển công chức, tạo điều kiện cho công chức nâng cao trình độ chuyên môn và sát với dân; có chính sách giải quyết thỏa đáng số người dôi ra.

Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) ra Nghị quyết về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Nghị quyết xác định cán bộ chuyên trách ở cơ sở gồm: cán bộ giữ chức vụ qua bầu cử - cán bộ chủ chốt của cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, những người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị; cán bộ chuyên môn của Ủy ban nhân dân - công an trưởng, xã đội trưởng, cán bộ văn phòng, địa chính, tài chính - kế toán, tư pháp, văn hóa - xã hội, được hưởng chính sách về cơ bản như cán bộ công chức nhà nước. Nghị quyết nêu phương hướng trẻ hóa và từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở để đến hết năm 2005 có khoảng 70 - 80% số cán bộ chuyên trách giữ chức vụ qua bầu cử được đào tạo, bồi dưỡng đạt tiêu chuẩn quy định và khoảng 80% số cán bộ, công chức chuyên môn có trình độ trung cấp trở lên đối với đồng bằng, sơ cấp trở lên đối với miền núi. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cũng như thu hút những người được đào tạo chuyên môn, nhất là sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng về công tác ở cơ sở. Quan tâm các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, kết hợp việc thực hiện nghĩa vụ quân sự, luân chuyển cán bộ ở huyện, tỉnh về công tác ở cơ sở với nhiệm vụ dìu dắt, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ.

---

* TS, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ

** TS, Trưởng Phòng Nghiên cứu Phát triển nhân lực, Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ

Digitized by Google

Tại Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX), Đảng ta nhấn mạnh, phải tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3 và 7 (khóa VIII) về công tác tổ chức, cán bộ và khẳng định:

- Tiếp tục cụ thể hóa và thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị.

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (khóa VIII) về nâng cao chất lượng đảng viên, nhất là về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, năng lực công tác; đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

- Tăng cường công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý ; đẩy mạnh việc đào tạo, đào tạo lại cán bộ theo chức danh và cán bộ dự nguồn; nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, chú ý bồi dưỡng phẩm chất chính trị, trình độ nghề nghiệp, năng lực thực tiễn, xử lý tình huống.

- Làm tốt việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch để đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt.

- Thực hiện cải cách cơ bản chế độ tiền lương cán bộ, công chức, coi chính sách tiền lương là chính sách đầu tư cho con người, cho phát triển kinh tế - xã hội và là một giải pháp hạn chế những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng trong đội ngũ cán bộ; từng bước thực hiện tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương; cải cách hệ thống thang, bảng lương...

Như vậy, qua nửa nhiệm kỳ của Đại hội IX, nhiều quan điểm, chủ trương về công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ công chức đã được Đảng ta tiếp tục bổ sung, phát triển, nhấn mạnh và cụ thể hóa, đặt cơ sở cho các hoạt động triển khai, chỉ đạo cụ thể của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước đối với việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, đáp ứng những yêu cầu phát triển của tình hình mới. Điều này đã được thể hiện rõ trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010 của Chính phủ, là đến năm 2010, đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, chuyên nghiệp, hiện đại. Tuyệt đại bộ phận cán bộ, công chức có phẩm chất tốt và đủ năng lực thi hành công vụ tận tuy phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và phục vụ nhân dân. Để đạt mục tiêu đó, Chương trình cũng đã đề ra nhiều giải pháp cụ thể.

Nhìn lại việc thực hiện Chương trình trên, chúng ta ghi nhận một số kết quả chủ yếu sau:

1 - Sửa đổi và ban hành một số văn bản mới liên quan tới cán bộ, công chức

Trước hết là, việc sửa đổi Pháp lệnh cán bộ, công chức, đưa cán bộ cơ sở vào phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh; làm rõ và tách cán bộ, công chức hành chính với công chức sự nghiệp; thực hiện chế độ công chức dự bị đối với công chức hành chính; áp dụng hình thức hợp đồng làm việc đối với công chức sự nghiệp; thực hiện phương thức xét tuyển đối với một số đối tượng và khu vực; quyền lợi công chức sự nghiệp được hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật; phân cấp quản lý biên chế hành chính sự nghiệp trong các cơ quan nhà nước.

Thực hiện một số cơ chế mới trong việc quản lý biên chế. Từ Quyết định số 230/QĐ-TTg, ngày 17-12-1999, của Thủ tướng Chính phủ, cho phép Thành phố Hồ Chí Minh thí điểm khoán biên chế, kinh phí quản lý hành chính có kết quả, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 192/QĐ-TTg, ngày 17-12-2001, mở rộng việc khoán biên chế, kinh phí hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước. Nghiên cứu, tiến hành chuyển một số dịch vụ trong cơ quan hành chính sang thực hiện theo chế độ thuê, khoán, hoặc hợp đồng để giảm nhẹ biên chế cơ quan.

Ban hành chính sách và cơ chế tài chính mới đối với các đơn vị sự nghiệp có thu (Nghị định số 10/2002/NĐ-CP, ngày 16-1-2002), đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao.

Xây dựng, ban hành gần đủ các chức danh, tiêu chuẩn công chức các ngạch theo quy định

của Pháp lệnh cán bộ, công chức. Đồng thời trong quá trình thực hiện, nhiều nội dung tiêu chuẩn đã được sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình xã hội và các đối tượng, như bỏ tiêu chuẩn ngoại ngữ đối với công chức làm việc tại các vùng núi, vùng dân tộc.

2 - Đổi mới công tác tuyển dụng cán bộ công chức

Thực hiện tuyển dụng công chức mới vào các cơ quan hành chính nhà nước ở các ngành và địa phương qua con đường thi tuyển công khai, góp phần lựa chọn đúng những người có đủ tiêu chuẩn, thực hiện công bằng xã hội. Mặt khác, có chú ý đặc điểm của những vùng sâu, vùng xa, đối với giáo viên, cán bộ y tế để vận dụng phương pháp xét tuyển thay cho thi tuyển.

Thường xuyên tổ chức thi nâng ngạch cho công chức hành chính và các ngạch công chức khác như ngạch cán bộ nghiên cứu, kế toán, kiểm tra, hải quan, kiểm soát thuế, biên tập... Sửa đổi việc nâng ngạch đối với một số ngạch như ngạch giảng viên lên giảng viên chính trong các trường đại học, cao đẳng - xét chuyển không thi, chuyển ngang các trường hợp được phong hàm phó giáo sư, giáo sư, phù hợp với đặc điểm của đối tượng.

3 - Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

Thực hiện việc đánh giá cán bộ, công chức thường kỳ vào cuối năm. Thực hiện quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, cách chức, cất chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo theo Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg, của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện phân công, phân cấp quản lý biên chế trong các cơ quan nhà nước (Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19-6-2003). Theo đó, Chính phủ phê duyệt tổng thể biên chế cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương, quy định định mức biên chế hành chính, sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân; Thủ tướng Chính phủ quyết định chỉ tiêu biên chế hành chính đối với từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và định mức biên chế trong các đơn vị sự nghiệp nhà nước ở trung ương; Bộ trưởng Bộ Nội vụ giúp Chính phủ thống nhất quản lý về biên chế hành chính, sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Chính phủ trong phạm vi cả nước; các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý biên chế trong bộ, ngành và địa phương do mình quản lý theo quy định.

Thực hiện chế độ định kỳ báo cáo thống kê cán bộ, công chức và quỹ tiền lương hành chính sự nghiệp áp dụng với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Quyết định số 28/2000/QĐ-BTCCBCP).

4 - Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức 5 năm (2001-2005) và tổ chức thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức theo kế hoạch. Đến nay, có hàng chục nghìn cán bộ, công chức ở các ngành và địa phương được bố trí học qua các lớp bồi dưỡng, nâng cao lý luận chính trị và nghiệp vụ quản lý nhà nước theo quy định của Trung ương. Vừa qua Chính phủ tiếp tục thông qua kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2003-2010.

5 - Nghiên cứu đổi mới chế độ đãi ngộ và chính sách tiền lương

Chính phủ đang tích cực chỉ đạo các cơ quan hữu quan xây dựng đề án cải cách tiền lương với 4 nội dung: xác định và điều chỉnh tiền lương tối thiểu; sửa đổi thang bảng lương; quan hệ bội số và cơ chế quản lý biên chế. Đã thực hiện việc điều chỉnh mức tiền lương tối thiểu từ 180 000 đ lên 210 000 đ (1-2001); từ 210 000 đ lên 290 000 đ (1-2003) theo kịp và phù hợp với sự tăng trưởng kinh tế và giá cả, đảm bảo cuộc sống cho cán bộ, công chức.

6 - Tinh giảm biên chế trong các cơ quan nhà nước

Trong năm 2001, các cơ quan hành chính sự nghiệp ở trung ương giảm được gần 10%, các cơ quan hành chính sự nghiệp ở địa phương giảm trên 14% số biên chế. Tính đến tháng 11-2002, cả nước đã giảm được gần

Digitized by Google

11 700 người, trong đó các địa phương giảm khoảng 9 700 người; bộ - ngành giảm gần 2 000 người, chuyển sang cơ chế mới ở các tổ chức trung ương gần 7 200 người; đồng thời, tiếp tục bổ sung biên chế cần thiết để đáp ứng với sự phát triển tình hình. Riêng năm 2002, bổ sung trên 53 900 người, trong đó quản lý nhà nước là trên 3 000 người, sự nghiệp giáo dục, đào tạo gần 45 000 người, sự nghiệp y tế khoảng 4 150 người, sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao trên 700 người...

Mặc dù vậy, công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức trong thời gian vừa qua cũng còn nhiều khuyết, nhược điểm.

Nhiều nội dung được các nghị quyết của Đảng nhấn mạnh nhiều lần nhưng vẫn chậm triển khai, thực hiện. Hệ thống thể chế, quy phạm pháp luật vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, chồng chéo nên khó thực hiện. Nhiều cơ chế chính sách mới được ban hành nhưng tính khả thi thấp, không sát với thực tế.

Pháp lệnh cán bộ, công chức (sửa đổi) đã ban hành nhưng các chế độ chính sách liên quan tới đội ngũ cán bộ cơ sở vẫn chưa được cụ thể hóa và tổ chức thực hiện. Các chính sách thu hút nhân tài cho nền công vụ; cán bộ công chức cho vùng sâu, vùng xa, các vùng khó khăn và cho cơ sở vẫn chưa được xây dựng, ban hành...

Pháp lệnh cán bộ, công chức (sửa đổi) đã phân biệt hai nhóm công chức hành chính và sự nghiệp, nhưng cơ chế quản lý hai nhóm này vẫn chưa có sự thay đổi. Nhiều quy định đối với cán bộ, công chức hành chính vẫn được áp dụng đối với công chức, viên chức sự nghiệp. Nhiều quy định về cán bộ, công chức không phù hợp với đặc điểm đối tượng, công việc như một số quy định về chức danh, tiêu chuẩn cán bộ, công chức, về việc thi tuyển, thi nâng ngạch... nhưng chậm được sửa đổi hoặc còn thiếu như chức danh tổng công trình sư cho cán bộ khoa học - kỹ thuật... nhưng chưa được bổ sung.

Việc tinh giảm biên chế trong các cơ quan nhà nước chưa đạt được mục tiêu giảm 15%; chưa đạt được các yêu cầu về đổi mới, trẻ hóa, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức. Cuộc đấu tranh chống tiêu cực cũng còn nhiều hạn chế, chưa đẩy lùi và ngăn chặn được tình trạng tham nhũng trong cán bộ, công chức. Việc chỉ đạo, điều hành của các cơ quan có thẩm quyền chưa thật sự quyết liệt, sâu sát. Việc tổ chức thực hiện của các cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ của các ngành, các cấp còn nhiều hạn chế. Công tác thanh tra, kiểm tra công vụ chưa được chú trọng đúng mức. Các chế độ, chính sách, nhất là các chế độ đãi ngộ vật chất: chế độ phụ cấp, tiền lương, vẫn chưa có sự sửa đổi căn bản...

Chính vì những khuyết nhược điểm này nên trong thực tế, đội ngũ cán bộ công chức chưa được đổi mới căn bản, vẫn còn tình trạng vừa thừa vừa thiếu cán bộ. Trình độ, năng lực mọi mặt của cán bộ, công chức còn có sự hẫng hụt so với yêu cầu của công việc trong điều kiện, tình hình mới. Không ít cán bộ, công chức quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, nhận hối lộ. Hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ nhân dân chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu do công cuộc đổi mới đặt ra.

Để có thể khắc phục những nhược điểm đó và đẩy mạnh công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong thời gian tới, đòi hỏi các ngành các cấp cần thực hiện một số việc sau:

Một là, tiếp tục quán triệt và thực hiện các quan điểm, chủ trương đã được nêu trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX và trong Nghị quyết các hội nghị trung ương. Khẩn trương thể chế hóa và tổ chức thực hiện các quan điểm, chủ trương đó.

Hai là, đẩy nhanh việc triển khai các nội dung đã được thể chế hóa, có kế hoạch tổ chức triển khai cụ thể như tách công chức hành chính với công chức, viên chức sự nghiệp, phân cấp quản lý biên chế, tổng điều tra cán bộ, công chức..., kiểm điểm, tổng kết đánh giá hiệu quả các việc đã triển khai để có kết luận và điều chỉnh phù hợp.

Ba là, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong việc quản lý cán bộ, công

(Xem tiếp trang 32)

Digitized by Google

Quỹ tín dụng nhân dân đối với kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG*

TRONG những năm đổi mới vừa qua, lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi. Điểm nổi bật là, vấn đề lương thực đã được giải quyết cơ bản, cơ cấu ngành nghề trong nông nghiệp đã bước đầu chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, cơ sở vật chất - kỹ thuật hạ tầng ngày càng được tăng cường. Thành quả đó do nhiều nguyên nhân, trong đó **vốn** là một nhân tố hết sức quan trọng. Ngoài việc huy động nguồn vốn của các tổ chức tài chính quốc tế, việc phát huy nội lực về vốn và sức lao động trong dân là yếu tố rất lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện chủ trương xây dựng thí điểm mô hình quỹ tín dụng nhân dân theo Quyết định số 390 TTg ngày 27-7-1993 của Thủ tướng Chính phủ, đến 31-12-2000, cả nước có 959 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở từ cấp xã, phường trên địa bàn 53/61 tỉnh, thành phố. Với nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, các quỹ đã kết nạp được 767 ngàn thành viên chủ yếu là các hộ gia đình ở nông thôn, nhằm huy động và cho vay vốn trên địa bàn xã, phường là chủ yếu. Đến nay, các quỹ đã có nguồn vốn hoạt động đạt 2 678 tỉ đồng, trong đó nguồn vốn huy động đạt 1 713 tỉ đồng chiếm tỷ trọng 63,9% so với tổng số nguồn vốn hoạt động (vốn điều lệ có 173,926 tỉ đồng). Tạo được nguồn vốn, các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đã không ngừng mở rộng cho vay. Hiệu quả hoạt động có thể đánh giá khái quát trên một số mặt dưới đây:

1 - Thủ tục đơn giản, huy động vốn và cho vay những món nhỏ phù hợp với kinh tế hộ gia đình ở nông thôn

Kinh tế hộ gia đình ở nông thôn nước ta hiện nay có đời sống khá hơn so với trước, nhưng phần lớn thu nhập vẫn còn thấp, chỉ đủ tiêu dùng và chưa có tích lũy lớn. Những hộ dành dụm được chút vốn cũng ngại mang đến gửi ngân hàng; hoặc có những hộ cần vài ba trăm ngàn đồng để mua con giống hoặc phân bón cũng ngại đi vay ngân hàng, vì vay ngoài tuy lãi suất cao nhưng nhanh chóng, thủ tục đơn giản, đỡ phiền hà. Các Quỹ tín dụng nhân dân ra đời làm chức năng huy động vốn và cho vay tại chỗ là rất phù hợp và đến nay, mô hình này đang hoạt động ngày càng có hiệu quả. Tổng số dư nợ cho vay là 2 354,059 tỉ đồng và 711 769 lượt thành viên được vay vốn; dư nợ bình quân một quỹ cho vay là 2,454 tỉ đồng. Nhiều tỉnh có số quỹ hoạt động khá như Hà Tây: 75 quỹ, Thái Bình: 78 quỹ, Hải Dương: 74 quỹ... Nhiều Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, do tổ chức quản lý tốt nên đã kết nạp được nhiều thành viên, doanh số huy động vốn và cho vay ngày càng tăng. Cùng với các nguồn vốn khác, các Quỹ tín dụng nhân dân đã giúp hàng triệu hộ nông dân ở khắp các vùng trong nước chủ động sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, góp phần tạo thêm việc làm cho hàng vạn lao động ở nông

* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Digitized by Google

thôn và có nhiều mô hình tổ chức quản lý giỏi. Số thành viên tham gia Quỹ tín dụng nhân dân ngày càng tăng: Thái Bình có 61 099 thành viên (bình quân 782 thành viên/quỹ), Hà Tây có 52 035 thành viên (bình quân 693 thành viên/quỹ), An Giang có 74 029 thành viên (bình quân 2 874 thành viên/ quỹ). Quỹ tín dụng nhân dân ở nhiều tỉnh đã khai thác tiềm năng trong dân, huy động vốn khá: Hà Tây đạt 197 tỉ đồng, Kiên Giang 235 tỉ đồng, An Giang 221 tỉ đồng. Các Quỹ tín dụng nhân dân có nhiều giải pháp linh hoạt như cải tiến thủ tục gửi tiền, lĩnh tiền gọn nhẹ, nhận tiền gửi cả những món nhỏ, làm việc ngoài giờ, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nông dân khi giao dịch. Qua thực tiễn ở Thái Bình cho thấy, không có tổ chức tín dụng nào của Nhà nước "bán lẻ" tốt hơn các Quỹ tín dụng nhân dân; ưu thế các Quỹ tín dụng nhân dân là cho vay vốn nhanh hơn, kịp thời, ít thủ tục rườm rà, phù hợp với tâm lý của người nông dân.

Trong thị trường tài chính, tiền tệ ở các vùng nông thôn nước ta hiện nay, nhất là ở những vùng kinh tế hàng hóa phát triển, có rất nhiều các tổ chức tín dụng hoạt động và có nhiều nguồn vốn của Nhà nước đầu tư. Họ cạnh tranh nhau từng khách hàng để huy động từng đồng vốn và cho vay. Các Quỹ tín dụng nhân dân ra đời tưởng như không trụ nổi, nhưng sau thời gian hoạt động, phần lớn các quỹ đã có lãi, bảo toàn được vốn và tỷ lệ nợ quá hạn thấp. Hà Tây có 11 quỹ không có nợ quá hạn. Qua tổng kết năm 2000, phần lớn các quỹ có thu nhập khá, mua sắm và xây dựng được trụ sở làm việc. Nhiều quỹ có số dư nguồn vốn và cho vay ngày càng tăng. Đáng chú ý là có quỹ huy động vốn không đủ để cho vay như ở xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức (Hà Tây) do kinh tế hàng hóa phát triển, ngân hàng đáp ứng không đủ vốn người dân phải đi vay ngoài với lãi suất từ 2 đến 3%/tháng. Ở Bắc Ninh, các hộ làng nghề như đồ gỗ mỹ nghệ, sắt thép, nghề giấy... mở rộng kinh doanh, nên các Quỹ tín dụng nhân dân huy động vốn không đủ để cho vay; Quỹ tín dụng nhân dân khu vực tỉnh phải đi vay quỹ trung ương trên 500 triệu đồng để tiếp vốn cho các quỹ cơ sở. Ở những địa phương có phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại hoạt động, tưởng như Quỹ tín dụng nhân dân không hoạt động nổi, nhưng thực tế cho thấy các quỹ vẫn phát triển tốt, ngày càng thu hút nhiều hộ thành viên nhất là các vùng nông thôn. Khách hàng đến với các Quỹ tín dụng nhân dân là tự do, bình đẳng, gần gũi bởi quan hệ của họ là những người cùng họ tộc, cùng trong thôn xóm. Mặt khác, do không có sự chênh lệch về lãi suất, kể cả về tiền gửi và tiền vay so với các ngân hàng, nên họ đến giao dịch với các ngân hàng thương mại hay Quỹ tín dụng nhân dân là tự nguyện, cạnh tranh lành mạnh không có hiện tượng giành giật khách hàng của nhau. Điều đó đã làm cho nhân dân tin tưởng, không lo phải chờ đợi như những năm trước đây khi đến giao dịch với ngân hàng. Hơn nữa, các Quỹ tín dụng nhân dân cho vay cả những món nhỏ, ít gặp những trường hợp lừa đảo. Người dân đến giao dịch với quỹ đều được phục vụ tận tình chu đáo, kể cả ngoài giờ hành chính. Hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân vừa đảm bảo được tình cảm xóm giềng, vừa tạo lập được uy tín với bà con nông dân bởi mang tính tương trợ, tính cộng đồng rõ rệt. Trên một địa bàn, các ngân hàng tập trung cho vay số tiền lớn theo dự án, còn các Quỹ tín dụng nhân dân phối hợp cho vay chủ yếu là những món nhỏ đối với các hộ thành viên. Sự kết hợp này đã góp phần làm cho thị trường tài chính, tín dụng ở nông thôn ngày càng phong phú và hấp dẫn.

2 - Vốn cho vay đã từng bước giúp các hộ nông dân chủ động trong sản xuất, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống, tiếp cận với kinh tế thị trường và góp phần nâng cao hoạt động của các tổ chức đoàn thể ở cơ sở

Nhờ có các Quỹ tín dụng nhân dân, hộ nông dân đã chủ động được vốn để sản xuất mùa vụ,

Digitized by Google

tính toán trồng cây gì, nuôi con gì và hạch toán chi phí, lời lãi cụ thể hơn. Đối với những hộ sản xuất kinh doanh dịch vụ, nhờ được vay vốn kịp thời của Quỹ tín dụng nhân dân nên đã chủ động hơn trong việc chuẩn bị nguồn hàng kinh doanh phục vụ cho sản xuất và đời sống; nhất là ở những vùng kinh tế hàng hóa phát triển như An Giang, Kiên Giang, Hà Tây. Ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên như Quảng Trị, Lâm Đồng, những mô hình Quỹ tín dụng nhân dân thí điểm đã có tác dụng rất lớn đối với kinh tế hộ gia đình ở nông thôn. Tỉnh Quảng Trị có 11 Quỹ tín dụng nhân dân với 8 247 hộ tham gia, nguồn vốn hoạt động là 22,479 tỉ đồng và dư nợ cho vay là 21,114 tỉ đồng. Có thể nói, phương thức cho vay tín chấp là chủ yếu của các Quỹ tín dụng nhân dân rất thuận tiện cho bà con nông dân. Các hộ không phải lo ngại thủ tục rườm rà khi đi vay vốn. Có những hộ chuyển giao dịch từ ngân hàng thương mại về Quỹ tín dụng nhân dân. Cán bộ của Quỹ tín dụng nhân dân giải quyết cho vay vừa thông thoáng vừa đảm bảo các nguyên tắc cho vay và thu hồi được nợ. Nợ quá hạn có nơi, có lúc còn cao nhưng chủ yếu do nguyên nhân khách quan như gặp thiên tai, dịch bệnh và người vay luôn có ý thức trả nợ dần trong các giai đoạn sau.

Do đó, hàng triệu hộ nông dân đã tiếp cận được với kinh tế thị trường, đời sống từng bước được cải thiện. Tại xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất (Hà Tây), nghề sản xuất sắt thép mở ra như một công trường thủ công; các lò luyện thép, cán thép được trang bị khá hiện đại. Cả xã có 46 ô-tô vận tải chuyên chở nguyên liệu về cho sản xuất và hàng hóa đi tiêu thụ tạo thành một vòng khép kín. Do sản xuất phát triển nên nhu cầu vốn tăng mạnh, có những hộ vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân đến 40 triệu đồng. Nguồn vốn của quỹ chỉ đáp ứng được 50% nhu cầu vay vốn của dân và Quỹ tín dụng nhân dân xã phải thường xuyên đi vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân khu vực tỉnh. Nhờ hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân phát triển nên đã giảm hẳn tình trạng cho vay nặng lãi ở nông thôn...

Qua tổng kết thí điểm, đồng chí Giám đốc Ngân hàng Thương mại tỉnh Hà Tây cho biết: ở một số xã của huyện Phú Xuyên, trước đây có những hộ thường xuyên cho vay với lãi suất 2% đến 3%/ tháng, đến nay họ không những không cho vay được mà còn gửi vốn vào Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Vốn cho vay của các Quỹ tín dụng nhân dân đã góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt của các đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, tạo ra sự gắn bó mật thiết giữa kinh tế hộ với vai trò hoạt động của các đoàn thể trong xã, phường.

3 - Hiệu quả của một mô hình tổ chức kinh tế hợp tác kiểu mới từng bước được khẳng định

Khi mới thành lập, hầu hết các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải đi thuê, mượn trụ sở của xã để làm việc. Đến nay, hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trên toàn quốc hoạt động tốt, có tích lũy và xây dựng được trụ sở làm việc khang trang. Phần lớn số quỹ có phương tiện hoạt động cần thiết như két sắt, máy đếm tiền, máy điện thoại, xe máy; có lịch thường trực để tiếp dân. Điều đó đã tạo niềm tin của người dân vào tổ chức mới này, nhất là ở những vùng nông thôn khi kinh tế hàng hóa đang bắt đầu hình thành và phát triển. Thực tế cho thấy, những Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động có hiệu quả đã thu hút ngày càng nhiều thành viên tham gia, chủ yếu là các hộ nông dân. Mặt khác, được sự chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp, nhiều Quỹ tín dụng nhân dân đã hoạt động như một "ngân hàng xã", khắc phục được những mặc cảm do đổ vỡ của các hợp tác xã tín dụng trước đây và tạo đà phát triển trong những năm tới. Thực tiễn cũng chứng minh Quỹ tín dụng nhân dân là một tổ chức hợp tác tự nguyện của những người lao động, tập hợp nhau lại để giúp nhau về vốn nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và cải thiện đời sống. Quỹ tín dụng nhân dân tồn tại và phát triển trên cơ

Digitized by Google

sở sở hữu tập thể của những người lao động, nên thành viên của nó vừa là xã viên, vừa là đồng chủ sở hữu và cũng là khách hàng. Ở những nơi chưa có Quỹ tín dụng nhân dân, việc huy động tiềm lực trong dân còn hạn chế; mặt khác, người dân phải mất thời gian đi xa mới có điểm giao dịch của các ngân hàng thương mại; hơn nữa, tệ nạn cho vay nặng lãi phát sinh, phát triển, người dân phải đi vay ngoài với lãi suất cao.

Bên cạnh các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, cả nước còn có 21 Quỹ tín dụng nhân dân khu vực ở các tỉnh với tổng nguồn vốn hoạt động là 547,516 tỉ đồng và 4 339 thành viên, trong đó vốn huy động tiền gửi là 206,393 tỉ đồng, dư nợ cho vay 464,945 tỉ đồng. Các Quỹ tín dụng nhân dân khu vực đã chú ý khai thác nguồn vốn tại chỗ và bước đầu điều hòa vốn giữa các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở từ nơi thừa vốn đến nơi thiếu vốn, đáp ứng các nhu cầu vốn cho các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thành viên. Quỹ tín dụng nhân dân trung ương với tổng số vốn hoạt động là 479,736 tỉ đồng, dư nợ cho vay là 375,029 tỉ đồng. Với vai trò là tổ chức đầu mối hệ thống, Quỹ tín dụng nhân dân trung ương đã có nhiều cố gắng trong việc tranh thủ thu hút các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, nguồn vốn trong và ngoài nước để tăng năng lực tài chính cho cả hệ thống. Như vậy, hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đã hình thành mối liên hệ khép kín từ trung ương đến cơ sở và đang tạo đà cho tiến trình đổi mới kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở nước ta.

Trong quá trình triển khai xây dựng thí điểm, mô hình Quỹ tín dụng nhân dân cũng bộc lộ những tồn tại như một số quỹ khác là không chấp hành các nguyên tắc, chế độ, quy định của Ngân hàng Nhà nước, cho vay vốn ngoài thành viên dẫn đến nợ quá hạn khó thu hồi; có quỹ kinh doanh chạy theo lợi nhuận đơn thuần coi nhẹ tính phục vụ nhân dân. Nghiêm trọng hơn, có những cán bộ của quỹ đã tham ô, lợi dụng để làm giàu bất chính.

Qua 6 năm xây dựng thí điểm, bước đầu rút ra một số bài học kinh nghiệm để hoàn thiện mô hình Quỹ tín dụng nhân dân như sau:

Một là, những người tham gia Ban Quản lý Quỹ tín dụng nhân dân phải có đạo đức, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; có những hiểu biết tối thiểu về nghiệp vụ tiền tệ, tín dụng ngân hàng; có tín nhiệm với dân, không có tư tưởng thu vén cho quyền lợi của bản thân và hết lòng vì tập thể. Đây là một trong những yếu tố dẫn đến thành công.

Hai là, sự lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền địa phương là yếu tố không thể thiếu được đối với hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Kinh nghiệm cho thấy, nơi nào cấp ủy chính quyền địa phương chỉ đạo sát sao thì nơi đó hoạt động có hiệu quả, cán bộ của quỹ đoàn kết, doanh số hoạt động khá và số thành viên tham gia ngày càng tăng. Ngược lại, nơi nào thiếu sự quan tâm của cấp ủy và chính quyền địa phương thì nơi đó Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động kém hiệu quả, cho vay tùy tiện, sai nguyên tắc chế độ dẫn đến nợ quá hạn khó thu hồi. Quỹ tín dụng nhân dân là tổ chức kinh tế hợp tác hoạt động mang tính tương trợ, không bao cấp; do đó, cần có sự chỉ đạo toàn diện của Đảng, bước đi phải phù hợp với quá trình đổi mới, nhất là đối với kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

Ba là, hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân phải tôn trọng triệt để những nguyên tắc quản lý tiền tệ tín dụng, quản lý tài chính do Ngân hàng Nhà nước quy định. Bởi vậy, Ngân hàng Nhà nước cần duy trì bộ máy chuyên trách giúp việc từ trung ương đến địa phương để tăng cường kiểm tra, giám sát và có sự chỉ đạo chặt chẽ.

Bốn là, xây dựng và phát triển các Quỹ tín dụng nhân dân phải dựa trên nguyên tắc tự nguyện, cùng góp vốn và cùng chịu trách nhiệm về tài chính, có cơ chế hoạt động riêng, có báo cáo quyết toán, công khai tài chính minh bạch. Hằng năm, tiến hành đại hội, hằng tháng

Digitized by Google

có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước tỉnh, kịp thời chấn chỉnh những lệch lạc sai sót. Đây chính là những cơ sở để Quỹ tín dụng nhân dân tồn tại và hoạt động một cách an toàn, vững chắc và cũng là thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Năm là, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở huy động và cho vay những món nhỏ, cùng với các ngân hàng thương mại giúp đỡ nông dân về mặt tài chính, góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, thực hiện chính sách xã hội ở nông thôn như tạo công ăn việc làm, giảm bớt các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, cho vay nặng lãi.

Sáu là, các Quỹ tín dụng nhân dân chỉ nên xây dựng ở những nơi có môi trường kinh tế hàng hóa phát triển, có nhu cầu cao về sản xuất, lưu thông hàng hóa và những mối quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Người dân cần vay vốn để sản xuất và khi có thu nhập chưa dùng, họ gửi vào Quỹ tín dụng nhân dân. Ngược lại, ở những nơi hàng hóa chưa phát triển, chưa có những mối quan hệ vay vốn, gửi tiền thì Quỹ tín dụng nhân dân sẽ không phát huy được hết chức năng, nhiệm vụ của mình và hoạt động kém hiệu quả. Thực tế cho thấy, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được thành lập trong phạm vi một xã là rất phù hợp.

Từ những vấn đề nêu trên, để phát huy vai trò của tổ chức hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân trên thị trường tài chính tiền tệ ở nông thôn, là trợ thủ đắc lực của Ngân hàng Nhà nước và trực tiếp nhất là đối với kinh tế hộ gia đình hiện nay, chúng tôi xin có một vài kiến nghị:

1 - Tiếp tục chấn chỉnh, củng cố cả về tổ chức và quản lý các Quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động, theo đúng tinh thần Chỉ thị 57 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 02/2000 CT-NHNN, ngày 15-1-2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ngân hàng Nhà nước với cấp ủy đảng và chính quyền địa phương từ tỉnh, huyện đến cơ sở.

2 - Hoàn thiện cơ chế, phương thức hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân nhằm tăng cường huy động vốn và mở rộng cho vay. Ngoài ra, coi trọng tổ chức liên kết, phát triển hệ thống, trong đó mỗi Quỹ tín dụng nhân dân là một đơn vị kinh tế tự chủ, hoạt động độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả tài chính, liên kết chặt chẽ để quản lý hoạt động và thực hiện điều hòa vốn, thanh toán và các dịch vụ khác.

3 - Cần xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát hoạt động của các quỹ một cách chặt chẽ. Đây là một trong những biện pháp bảo đảm cho Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động an toàn và có hiệu quả. Ngân hàng Nhà nước cần có cán bộ cho bộ phận quản lý Quỹ tín dụng nhân dân để việc thanh tra, kiểm soát được chủ động và thường xuyên.

4 - Cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở cả về nghiệp vụ và tổ chức quản lý để làm nền tảng vững chắc cho Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Về kinh phí đào tạo, cần kết hợp giữa Nhà nước hỗ trợ và Quỹ tín dụng nhân dân tự đầu tư.

5 - Hiện nay hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đang tồn tại ở mô hình 3 cấp (trung ương, khu vực và cơ sở); cần có bước đi thích hợp để chuyển thành mô hình Quỹ tín dụng nhân dân hai cấp, hoạt động mang tính tương trợ, không mang mục tiêu kinh doanh nhằm tạo nguồn lực hỗ trợ cho cả hệ thống; trong đó Quỹ tín dụng nhân dân trung ương đóng vai trò đầu mối.

6 - Hằng năm, các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải trích một tỷ lệ nhất định từ kết quả hoạt động của mình để chuyển về quỹ trung ương, hoặc chi nhánh của quỹ trung ương tại một số tỉnh để hình thành quỹ bảo toàn cho cả hệ thống và cần có cơ chế trích lập cũng như sử dụng quỹ này là dự phòng để chi trả cho những quỹ có hiện tượng mất khả năng thanh toán. ❑

Digitized by Google

SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ VẪN LÀ QUY LUẬT TUYỆT ĐỐI CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI

TRẦN XUÂN TRƯỜNG *

1 - Chủ nghĩa tư bản ngày nay là một hệ thống thế giới. Nó có khu vực "trung tâm" và cả khu vực "ngoại vi" - những nước chậm phát triển và đang phát triển. Đương nhiên, ở khu vực "ngoại vi" cũng như khu vực "trung tâm" vẫn tồn tại những hình thái bóc lột giá trị thặng dư, nhưng ở đó vẫn đang tồn tại vô vàn hình thái bóc lột giá trị thặng dư "man rợ" của chủ nghĩa tư bản thế kỷ XIX, kể cả các hình thái bóc lột giá trị thặng dư của chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn hợp tác giản đơn và giai đoạn công trường thủ công của thế kỷ XVII, XVIII. Tuy nhiên, để làm rõ những quan hệ kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại, phương pháp trừu tượng hóa khoa học của C. Mác cho phép ta giả định như không có khu vực ngoại vi.

Các nhà kinh tế học tư sản hiện đại muốn bác bỏ học thuyết giá trị thặng dư nhưng lại cố tình lảng tránh học thuyết giá trị lao động. Điều này khá lắt léo và tự mâu thuẫn trong lập trường lý luận của họ là, nhiều người vẫn muốn phát triển trường phái kinh tế chính trị học cổ điển Anh mà tiêu biểu là A. Sơ-mít và Đ. Ri-các-đô, song lại lờ đi học thuyết giá trị lao động - xuất phát điểm của học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác.

Vì thế, các nhà kinh tế học tư sản hiện đại chẳng dám đụng chạm và công khai tranh luận về những vấn đề của học thuyết giá trị lao động. Từ nhiều chục năm nay, nhân danh những phát triển mới của các xã hội hiện đại, người ta tuyên bố học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác đã cáo chung (!); rằng, chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành cái không còn là nó nữa. Người ta nói đến một xã hội "hậu tư bản", một "chủ nghĩa tư bản nhân dân" hay "chủ nghĩa tư bản xã hội", trong đó phúc lợi ngày càng được chia đồng đều cho mỗi người và thay cho sự phân cực giàu có và bần cùng là những tầng lớp trung gian hữu sản - những tầng lớp ngày càng trở thành những nhân vật trung tâm của xã hội hiện đại. Điều đó có nghĩa là, xã hội hiện nay không còn phân chia ra kẻ bị bóc lột và người bóc lột, và quy luật giá trị thặng dư không còn là quy luật tuyệt đối của xã hội tư bản hiện đại.

2 - Khi phân tích sự bóc lột giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa, C. Mác coi tư bản xã hội như là tổng số của tư bản cá biệt và bắt đầu phân tích từ tư bản cá biệt; phân tích nguồn gốc và hình thái vận động của tiền tệ biến thành tư bản. Ở đây, người công nhân có một ông chủ cụ thể, được ông ta trả công và trong quá trình lao động đã tạo ra một giá trị mới không những đủ bù đắp giá trị sức lao động của mình mà còn tạo ra một giá trị thặng dư và bị ông

* GS

chủ chiếm đoạt lấy. Toàn bộ hoạt động kinh doanh tư bản chủ nghĩa đều nhằm chiếm đoạt lấy cái đó. Đó cũng là mục tiêu của chủ nghĩa tư bản. Từ đó, C. Mác phát hiện ra rằng, sản xuất ra giá trị thặng dư là quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản.

Chủ nghĩa tư bản hiện đại có tuân theo cái quy luật tuyệt đối đó không? Ngày nay, công ty cổ phần là một hình thức kinh tế tư bản chủ nghĩa phổ biến, không chỉ ở công ty lớn mà ở cả công ty vừa và nhỏ. Nhưng kỳ thực đó là thủ đoạn che giấu sự bóc lột dưới chiêu bài mà các nhà tư tưởng kinh tế tư sản gọi là sự "dân chủ hóa" của tư bản. Trong các công ty cổ phần, không chỉ các nhà tư bản có cổ phiếu mà cả những người công nhân cũng có cổ phiếu. Chủ nghĩa tư bản có hẳn một chủ trương phát hành những cổ phiếu mệnh giá thấp để vừa thu hút vốn nhàn rỗi trong xã hội, vừa xoa dịu mâu thuẫn giữa lao động và tư bản. Đương nhiên, những người công nhân có cổ phiếu cũng được chia lãi cổ tức của công ty, nhưng có một điều chắc chắn là, do lượng cổ phiếu của họ quá ít ỏi nên họ không thể nắm quyền chi phối hoạt động của công ty.

Trong các công ty cổ phần ngày nay, xuất hiện phổ biến một tầng lớp giám đốc làm nhiệm vụ điều hành và quản lý công ty dưới sự lãnh đạo của hội đồng quản trị. Những giám đốc đó cũng là những người làm thuê cho chủ tư bản nhưng với một mức lương khá cao, tạo thành cái gọi là tầng lớp "kỹ trị" trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên, chẳng ai quy định những giám đốc đó chỉ đóng vai trò người làm thuê. Trên thực tế, khá đông giám đốc cũng đồng thời là chủ tư bản. Họ sở hữu trong tay một tỷ lệ cổ phiếu không nhỏ, có thể đóng vai trò khống chế. Như vậy, các giám đốc và chủ tư bản đan xen, xâm nhập lẫn nhau, tạo thành hình thức tư bản tập thể. Ngày nay, ngay cả cái tên của một công ty cổ phần cũng không mang danh một ông chủ nào nữa. Thời C. Mác và V.I. Lê-nin, các công ty cổ phần do một hoặc hai gia tộc giữ tỷ lệ cổ phiếu khống chế và sự khống chế đó được duy trì dưới hình thức cha truyền con nối. Ngày nay, không còn tình hình phổ biến như vậy.

Do tính rủi ro trong kinh doanh ngày càng cao, các nhà lý luận kinh tế thị trường khuyên nhà tư bản nên đầu tư vào nhiều ngành, để dự phòng rủi ro. Và, do khả năng dịch chuyển tư bản từ lĩnh vực này sang lĩnh vực kia rất nhanh nên những nhà tư bản thực sự nắm tỷ lệ cổ phiếu khống chế liên tục thay đổi lĩnh vực đầu tư. Hơn nữa, do chính sách phát hành cổ phiếu mệnh giá thấp với "chế độ ủy nhiệm" của cổ đông nên người ta cũng không cần nhiều cổ phiếu lắm mới kiểm soát được công ty.

Tất cả những điều đó làm cho trình độ xã hội hóa của tư bản tăng lên, tư bản cá biệt ngày càng trở thành tư bản liên hiệp. Điều hành công ty bây giờ là những liên minh tạm thời của nhiều nhóm tư bản mà thực lực gần như ngang nhau.

Tình hình đó làm cho tư bản càng trở nên "tập thể" và "vô danh" hơn. Công nhân và nhân viên của các hãng trong công ty nhiều khi chẳng biết ông chủ thực sự của mình là ai. Ngược lại, các ông chủ cũng chẳng biết công nhân của mình là ai. Người công nhân ngày càng trở thành người "lao động tổng thể", như C. Mác nói. Trong cái hệ thống đó, giữa chủ tư bản, giám đốc, công nhân và nhân viên làm thuê tưởng chừng như không còn ranh giới nữa: chủ tư bản làm quản lý, giám đốc làm chủ sở hữu, còn công nhân và nhân viên làm thuê cũng được chia lợi tức cổ phiếu như chủ tư bản. Mọi người đều tưởng mình trở thành "nhà tư bản", đều phải lao động và chẳng ai bóc lột ai. Như vậy, chủ nghĩa tư bản hiện đại đã được "nhân dân hóa", trở nên tốt đẹp hơn

Digitized by Google

bao giờ hết (!) Thế nhưng, thực tế cuộc sống bao giờ cũng rõ ràng. Rút cục, dù mức thu nhập thực tế như thế nào thì công nhân vẫn là công nhân, nhà tư bản vẫn là nhà tư bản, còn ông giám đốc có thể chỉ là người làm thuê mà cũng có thể là nhà tư bản thực sự. Chỉ có điều, trong một công ty hiện đại, người ta không thể biết được chính xác giá trị thặng dư do người công nhân nào sản xuất và nộp cho ông chủ tư bản cụ thể nào.

3- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang tiếp diễn như vũ bão. Nó làm cho khoa học ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, làm cho nền kinh tế hiện đại ngày càng trở thành nền kinh tế tri thức. Các nhà tư tưởng kinh tế tư sản đã lợi dụng thực tế khách quan này để tấn công vào học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác từ một phía khác. Ai cũng biết rằng, học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác lên án sự bóc lột tư bản chủ nghĩa và chỉ ra nguồn gốc kinh tế của sự bóc lột đó là chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về các tư liệu sản xuất. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, mọi thứ đều là hàng hóa. Các phát minh khoa học và công nghệ cũng là hàng hóa, cũng có chủ sở hữu. Khái niệm "sở hữu trí tuệ" ngày càng xuất hiện một cách phổ biến. Trước tình hình đó, những kẻ biện hộ của chủ nghĩa tư bản hiện đại lập tức rêu rao rằng, ngày nay vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất chẳng còn đóng vai trò quan trọng như trong các thế kỷ trước; rằng, sở hữu trí tuệ đã thay thế vai trò của sở hữu tư liệu sản xuất trong việc đưa loài người tiến lên. Theo họ, chủ thể của sự phát triển và tiến bộ xã hội là các nhà khoa học và tầng lớp quản lý chứ không phải là các ông chủ tư bản (!).

Chắc chắn rằng, một phát minh khoa học hay công nghệ nảy sinh từ đầu óc nhà phát minh nào đó thì chỉ anh ta biết mà thôi và thuộc sở hữu của anh ta. Nhưng một trí tuệ ở trạng thái như vậy chỉ có thể là một tiềm năng sản xuất mới chứ chưa thể là một lực lượng sản xuất mới. Ai cũng biết rằng, trong thực tế, một ý tưởng công nghệ mới muốn trở thành một công nghệ mới thực sự phải trải qua một quá trình ứng dụng, thử nghiệm, trước khi có thể đưa vào sản xuất đại trà. Tất cả quá trình đó đều đòi hỏi đầu tư tư bản, nhiều khi rất tốn kém. Nếu nhà phát minh tự mình có tiền, tự mình làm thử nghiệm và công bố kết quả phát minh của mình, rồi đăng ký sở hữu trí tuệ và đứng ra lập các sản nghiệp theo nguyên lý công nghệ mới của mình thì anh ta sẽ là chủ sở hữu trí tuệ theo nghĩa kép: vừa là nhà phát minh, vừa là nhà tư bản. Thông thường, các nhà khoa học, các nhóm phát minh phải đi chào hàng để bán các phát minh của mình cho các công ty tư bản. Một hợp đồng sẽ được ký kết. Nhà khoa học do không có tư bản, chỉ có sản phẩm trí tuệ của mình, buộc phải bán sản phẩm đó như một hàng hóa cho nhà tư bản tập thể; nhà tư bản tập thể sử dụng hàng hóa đó như một tư liệu sản xuất mới.

Như vậy, về khởi thủy, sáng kiến, phát minh do ai nghĩ ra thì thuộc sở hữu của người ấy. Thế nhưng, thông qua hàng loạt hành vi môi giới mua và bán trên thương trường, rút cục, trí tuệ vẫn thuộc về tư bản và chỉ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp dưới hình thức tư bản mà thôi!

4 - Ngày nay, trước sự xuất hiện những nhà máy tự động hóa cao, người ta vội đưa ra huyền thoại về cái gọi là "nhà máy không người". Từ đây, học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác lại bị đặt thành vấn đề từ một góc độ tiếp cận khác.

Một trong những công lao lớn của C. Mác trong lĩnh vực kinh tế chính trị học là tìm ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất: lao động cụ thể và lao động trừu tượng. Vận dụng lý luận đó vào phân tích quá trình sản xuất tư

Digitized by Google

bản chủ nghĩa, C. Mác cũng đồng thời phát hiện ra tư bản bất biến và tư bản khả biến. Ông nhận thấy, trong quá trình sản xuất ra hàng hóa mới, có những giá trị cũ được chuyển nguyên vẹn vào hàng hóa mới, đồng thời có những giá trị mới được sinh ra. Điều quan trọng là ở chỗ, vẫn chỉ là một quá trình lao động, nhưng với tính chất là lao động cụ thể, lao động của người công nhân đã chuyển nguyên vẹn các giá trị cũ vào sản phẩm lao động mới và làm cho sản phẩm đó có một giá trị sử dụng xác định; trong khi đó, cũng vẫn chỉ là quản lý lao động đó thôi, nhưng với tính chất là lao động trừu tượng, lao động của người công nhân đã sáng tạo ra một giá trị mới, trong đó có giá trị thặng dư. Điều đó cũng có nghĩa là, ngày nay, trong các nhà máy tự động hóa, dù cho giá trị của lao động sống có giảm đi một cách tương đối so với lao động quá khứ và dù cho máy móc, các tư liệu lao động có vai trò cực kỳ quan trọng mà nếu không có chúng, quá trình sản xuất không thể diễn ra, thì giá trị thặng dư vẫn do lao động sống của người công nhân sản xuất ra chứ không phải do máy móc sản xuất ra.

Đúng là so với các giai đoạn kỹ thuật trước của chủ nghĩa tư bản, thì trong giai đoạn tự động hóa này, lao động sống được giảm thiểu một cách đáng kể; máy móc không những thay thế lao động cơ bắp của con người mà còn thay thế cả một phần lớn lao động trí óc của con người. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, nền sản xuất tự động hóa không phải dùng ít lao động sống đến mức như người ta tưởng. Chẳng qua là việc phân bố lao động sống trong nhà máy tự động hóa có sự thay đổi so với trước mà thôi. Nền sản xuất tự động hóa tuy rất tiết kiệm trong việc sử dụng lao động sống, nhưng tổng số người lao động làm thuê ăn lương vẫn tăng lên. Người ta có thể ước tính được mỗi năm phải tạo thêm bao nhiêu công ăn việc làm mới thì mới giữ cho tỷ lệ thất nghiệp ở mức có thể chấp nhận được với xã hội.

"Nhà máy không người" là một hình tượng được cường điệu một cách có dụng ý. Thực ra, máy móc tuy được tự động hóa nhưng vẫn phải có lao động sống của công nhân làm nhiệm vụ giám sát, điều hành, điều mà C. Mác đã tiên đoán một cách thiên tài về chức năng lao động của con người trong tương lai. Hơn nữa, để cho dây chuyền tự hoạt động, nhà máy cần phải có một bộ máy nhân viên lo "đầu vào" của sản xuất, tiếp liệu đúng thời hạn và đảm bảo chất lượng..., và lo "đầu ra" của sản phẩm như quảng bá, tiếp thị, tiêu thụ... Nói cách khác, với nhà máy tự động hóa, sự phân bố lao động trong nội bộ nhà máy thay đổi theo hướng phần lao động trực tiếp đứng máy, sản xuất ra sản phẩm giảm đi, nhưng phần lao động dịch vụ phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm tăng lên.

5 - Không phải chỉ trong một xí nghiệp, nghĩa là ở mức vi mô, mới có sự chuyển đổi cơ cấu lao động sản xuất theo hướng lao động dịch vụ tăng lên, mà trên phạm vi toàn xã hội, trong nền kinh tế vĩ mô, cũng có sự chuyển đổi cơ cấu ngành: công nghiệp và nông nghiệp giảm đi một cách tương đối, trong khi đó ngành dịch vụ các loại tăng lên một cách hết sức nhanh chóng.

C. Mác coi lao động trong công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải... là lao động sản xuất, và đối với nhà tư bản, lao động sản xuất phải là sản xuất ra giá trị thặng dư. Còn các loại tư bản thương nghiệp, các ngân hàng kinh doanh hàng hóa và tiền tệ thì tuy thời gian lao động của các công nhân viên cũng được phân chia thành lao động tất yếu và lao động thặng dư, nhưng lao động của họ không sản xuất ra giá trị thặng dư mà chỉ thực hiện việc phân chia giá trị thặng dư.

Digitized by Google

Ngày nay, tình hình đã thay đổi một cách cơ bản. Ngành dịch vụ chiếm ưu thế trong cơ cấu của các nền kinh tế hiện đại. Vấn đề đặt ra là, trong điều kiện như vậy, chúng ta có tiếp tục giữ quan điểm như cũ cho rằng, chỉ các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và giao thông vận tải mới là lao động sản xuất, hay buộc phải coi các ngành dịch vụ cũng là lao động sản xuất và những người lao động dịch vụ cũng sáng tạo ra giá trị mới, trong đó có giá trị thặng dư?

Về mặt phương pháp luận, có thể khẳng định rằng, ngày nay cần phải mở rộng khái niệm lao động sản xuất và khá nhiều ngành dịch vụ cũng sản xuất ra giá trị mới, trong đó trực tiếp sản xuất ra giá trị thặng dư cho các nhà tư bản kinh doanh dịch vụ. C. Mác tiên đoán rằng, trong tương lai, khoa học sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Chính tiên đoán thiên tài đó là cơ sở lý luận để chúng ta khẳng định rằng, ngày nay, nhiều ngành dịch vụ đã thuộc lĩnh vực lao động sản xuất. Tuy nhiên, sản phẩm của các ngành dịch vụ đó không kết tinh lại thành hàng hóa như sản phẩm của các ngành công nghiệp và nông nghiệp, mà chỉ là sản phẩm phi vật thể, dưới hình thức những thông tin, và quá trình sản xuất ra sản phẩm có thể đồng thời là quá trình tiêu dùng, sử dụng sản phẩm. Chẳng hạn, lao động trong nghiên cứu, thu thập thông tin về thị trường các loại, lao động trong thông tin, tư vấn về tình hình pháp luật và điều kiện làm ăn của các vùng, miền mà công ty chuẩn bị đầu tư vào,v.v.. là những lao động thuộc về lao động sản xuất. Chúng sản xuất ra các thông tin, và các thông tin này đóng vai trò như những lực lượng sản xuất hiện đại, góp phần nâng cao năng suất lao động lên gấp bội. Để có được các thông tin đó, nhà tư bản phải bỏ tư bản để mua sắm, lắp đặt các thiết bị và thuê lao động sống mà đa số là những người có trình độ học vấn và tay nghề cao.

Tuy nhiên, không thể coi mọi ngành dịch vụ trong xã hội tư bản đều là lao động sản xuất. Trước đây, khi phân tích về lĩnh vực lưu thông của chủ nghĩa tư bản, C. Mác đã chỉ ra tính chất không cần thiết về mặt xã hội của một số hoạt động dịch vụ, và ông cho rằng, xã hội tương lai sẽ không cần đến các hoạt động đó. Cũng như vậy, trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của các nền kinh tế hiện đại đã và đang xuất hiện những hoạt động "kinh tế ảo". Liệu có thể công nhận những hoạt động kinh tế ảo trên các thị trường chứng khoán, nơi người ta mua đi bán lại các loại giấy có giá trị, nơi diễn ra các thủ đoạn đầu cơ và lừa lọc tài chính, là hoạt động lao động sản xuất được không? Không! Chúng ta chỉ có thể coi đó là những hoạt động đặc trưng cho tính chất ăn bám và suy đồi của xã hội tư sản, một sự tha hóa của chính bản thân tư bản, nhất là khi những giá trị trong "kinh tế ảo" ngày càng vượt quá xa những giá trị được sản xuất ra trong khu vực "kinh tế thực".

6 - Từ sự phân tích những hình thức mới của sản xuất giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, chúng ta có thể thấy được diện mạo mới của giai cấp công nhân hiện đại. Giai cấp đó không biến mất cùng với sự xuất hiện nền kinh tế mới, nền kinh tế tri thức, như các nhà tư tưởng tư sản khẳng định. Dù các tầng lớp hữu sản trong các xã hội tư sản hiện đại có tăng lên về mặt số lượng thì cũng không thể từ đó mà cho rằng, C. Mác đã sai trong dự báo về sự phân cực của xã hội tư sản. Trên thực tế, trong các xã hội tư sản hiện đại, trừ tầng lớp bóc lột và ăn bám, đại bộ phận dân cư đều là những người lao động làm thuê, trong đó gần một nửa là lao động trí óc.

Chắc chắn rằng, không phải tất cả những người lao động làm thuê đều là công nhân, nhưng cũng chắc chắn rằng, không ít người lao động trí óc đã gia nhập đội ngũ giai cấp

Digitized by Google

công nhân. Chúng ta phải xếp vào đội ngũ giai cấp công nhân những người lao động công nghiệp ở thành thị và nông thôn: 1- Những người trực tiếp đứng máy, điều hành sản xuất; 2- Những kỹ thuật viên bảo hành, sản xuất, bảo đảm sự vận hành của dây truyền sản xuất; 3- Những người quản lý, kiểm tra, lập trình ở các trung tâm điều khiển; 4- Những nhà khoa học và công nghệ, những kỹ thuật viên của các viện nghiên cứu ứng dụng và triển khai sản xuất nằm ngay trong các hãng, các công ty; 5- Những chuyên viên và người lao động của các hãng, các công ty làm công tác dịch vụ "đầu vào" và "đầu ra" của quá trình sản xuất và lưu thông.

Ngày nay, sự phân biệt công nhân cổ trắng với công nhân cổ xanh, lao động trí óc với lao động chân tay chỉ có ý nghĩa tương đối. Trong nền kinh tế tri thức, người lao động chân tay cũng phải vươn tới một nền học vấn cao, dễ thích nghi với việc thay đổi nghề nghiệp, việc đào tạo lại..., nếu không muốn rơi vào hàng ngũ những người thất nghiệp thường xuyên. Với một giai cấp công nhân như vậy, sự đối lập giữa hữu sản và vô sản chỉ là tương đối mà thôi. Ngày nay, trừ bộ phận thất nghiệp sống nhờ vào sự cứu tế xã hội, đại bộ phận công nhân không hoàn toàn "trần trụi" như trước nữa. Họ cũng có một ít tài sản để dành, đầu tư cổ phiếu... Chỉ có điều, trong điều kiện tập trung tư bản và tư liệu sản xuất hiện đại thì sự dư dả đó vẫn không tránh được cho họ cái kiếp phải đi làm thuê, phải bán sức lao động và chịu bóc lột giá trị thặng dư. Người ta ước tính rằng, trong giai cấp công nhân hiện đại, với cơ cấu như trên, có một bộ phận (khoảng 1/3 đến 1/4) tham gia vào khối các tầng lớp hữu sản, hay gọi là khối các tầng lớp trung lưu.

Một giai cấp công nhân hiện đại như vậy là mạnh lên hay yếu đi so với giai cấp công nhân truyền thống? Nó còn đóng vai trò lịch sử toàn thế giới mà chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã phát hiện hay phải nhường vai trò đó cho một giai cấp khác? Đương nhiên, một giai cấp công nhân như vậy sẽ có sự phân tầng khác trước về lợi ích kinh tế, xu hướng chính trị, thị hiếu và tâm lý xã hội. Sự thống nhất ý chí và hành động của giai cấp đó không còn đơn giản và có thể thực hiện dễ dàng như trước, và điều đó đòi hỏi đội tiên phong của nó phải có những bước tiến vượt bậc thì mới có thể tiếp tục đóng vai trò chiến sĩ tiên phong.

Tuy nhiên, sự vận động của chủ nghĩa tư bản hiện đại tự bản thân nó cũng sản sinh ra xu thế liên kết những người công nhân, cách mạng hóa phong trào công nhân. Nền kinh tế hiện đại không chỉ đe dọa gạt những người lao động giản đơn mà còn đe dọa gạt cả những người lao động trí óc có bằng cấp cao xuống địa vị thất nghiệp. Trên phương diện này thì tầng lớp công nhân cổ xanh và tầng lớp công nhân cổ trắng lại có những lợi ích giai cấp giống nhau và có một lập trường thống nhất trong đấu tranh. Điều quan trọng là, giai cấp công nhân hiện đại, sản phẩm của chủ nghĩa tư bản hiện đại, mà đặc trưng nổi bật là có trình độ học vấn ngày càng cao, đang bao hàm trong mình một tầng lớp trí thức của chính mình. Một giai cấp công nhân trí thức hóa như vậy sẽ là điều vô cùng thuận lợi để ý thức tự giác về chính trị ngày càng chiến thắng dễ dàng yếu tố tự phát trong phong trào công nhân. Và, chắc chắn rằng, nó sẽ có sứ mệnh lịch sử thuận lợi hơn, không phải chỉ trong bước chuyển tiếp của chế độ chính trị mà quan trọng hơn, trong giai đoạn kiến tạo nên những trật tự mới của xã hội tương lai. Điều này sẽ khắc phục khâu yếu của những cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã qua, những cuộc cách mạng ở những nơi mà chủ nghĩa tư bản chưa phát triển cao. ❑

Digitized by Google

LUẬT DI SẢN VĂN HÓA - một bước hoàn thiện cơ sở pháp lý để phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam

LÊ ANH TUYẾN*

Ở nước ta, qua những phát hiện về khảo cổ học, những tài liệu còn lưu giữ được, dù rất ít ỏi, nhưng đã cho chúng ta những thông điệp có giá trị về lịch sử hàng ngàn năm văn hiến của dân tộc Việt Nam. Trong lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước, cha ông chúng ta đã sáng tạo ra những giá trị văn hóa vô cùng quý báu.

Gần 1000 năm Bắc thuộc, hơn 80 năm chống đế quốc Pháp giành độc lập, hơn 20 năm kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, dân tộc ta vẫn giữ được bản sắc văn hóa của riêng mình, làm rạng rỡ thêm truyền thống và bản lĩnh văn hóa ấy.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, từ cơ chế bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã đứng vững và phát triển trước những thách thức của thời đại, duy trì sự tăng trưởng kinh tế với mức độ cao liên tục hàng chục năm. Điều đó càng thể hiện năng lực trí tuệ và sức mạnh văn hóa của người Việt Nam. Văn hóa đã trở thành động lực, làm cơ sở cho việc định hướng, tồn tại và phát triển đất nước.

Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương 4 khóa VII và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII đều nhận định: *Nền văn hóa Việt Nam mà chúng ta đang có là thành quả mấy nghìn năm lịch sử phát triển của cả cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Thành quả ấy đã hun đúc tâm hồn, khí phách, bản lĩnh dân tộc, đã đảm bảo cho dân tộc ta tồn tại, phát triển và làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc.*

Thế giới biết đến Việt Nam chính là biết đến một đất nước, một dân tộc có truyền thống văn hóa lâu đời. Những giá trị văn hóa của chúng ta đã trở thành một bộ phận di sản văn hóa của nhân loại.

Tuy vậy, cũng phải thừa nhận rằng, trong những năm qua, do nhiều nguyên nhân, có không ít di sản văn hóa bị mai một hoặc bị xâm hại, như di tích nàng Tô Thị (Lạng Sơn), Núi Sam (An Giang), Chùa Hương (Hà Tây), Núi Đọ (Thanh Hóa)... Không ít di tích bị lấn chiếm hoặc bị tàn phá. Việc xây dựng các công trình kinh tế đã gây ảnh hưởng xấu đến một số di tích có giá trị đặc biệt quan trọng như bãi cọc Bạch Đằng (Quảng Ninh), Hồ Gươm (Hà Nội). Nhiều di sản phi vật thể chưa được bảo tồn và phát huy đang bị mai một và bị mất dần cả trong đời sống lẫn trong ký ức của chúng ta.

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân

* Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Văn hóa - Thông tin

Digitized by Google

ta đã chọn không thể tách rời quá trình xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đảng ta xác định, muốn duy trì và phát triển nền văn hóa ấy thì vấn đề chiến lược là phải xây dựng những giá trị mới, sâu sắc, trong đó, lấy việc sáng tạo, bồi dưỡng, bảo vệ và phát huy mọi giá trị, mọi tài năng văn hóa làm mục tiêu.

Muốn biến chủ trương của Đảng và ý nguyện của nhân dân thành hiện thực thì vấn đề quan trọng hàng đầu là phải có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh làm cơ sở định hướng và điều chỉnh hành vi của xã hội.

Hiến pháp năm 1992 đã quy định rõ: Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhìn lại hệ thống pháp luật của Nhà nước về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, chúng ta thấy, ngay sau khi giành chính quyền, ngày 23-11-1945, Hồ Chủ tịch đã ban hành Sắc lệnh số 65 về bảo tồn di sản. Tiếp theo, các năm 1957, 1966, 1973, Chính phủ đã ban hành một số văn bản về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Ngày 31-3-1984, Hội đồng Nhà nước ban hành *Pháp lệnh về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh.*

Công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, diễn ra trong xu thế hội nhập mang tính toàn cầu hiện nay, những quy định tại Pháp lệnh về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh có nhiều điểm không còn phù hợp. Vì vậy, chúng ta phải nhìn nhận và đánh giá lại một cách khoa học các văn bản pháp quy của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc. Có thể thấy rằng: 1- Về phạm vi điều chỉnh, Pháp lệnh năm 1984 chỉ mới điều chỉnh về việc bảo vệ di sản văn hóa vật thể, chưa nói đến di sản phi vật thể; 2- Về chế độ sở hữu đối với di sản, chưa được xác định một cách rõ ràng, khái niệm cổ vật và cơ chế quản lý di vật chưa chặt chẽ; 3- Về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản, tu bổ, xây dựng các khu vực di tích và khu vực có liên quan cũng như các chế độ, chính sách, nguồn lực và sự hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản chưa được quy định phù hợp. Những bất cập đó đã gây ảnh hưởng lớn đến việc gìn giữ, phát huy giá trị di sản văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhằm khắc phục những hạn chế của Pháp lệnh trên, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa VII và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII đã chỉ rõ việc cần thiết phải ban hành Luật Di sản văn hóa.

Sau nhiều lần soạn thảo, Luật Di sản văn hóa đã được kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa X thông qua ngày 29-6-2001, có hiệu lực từ ngày 1-1-2002 và được coi là một bước hoàn thiện mới về pháp luật trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy các giá trị to lớn của di sản văn hóa dân tộc.

Luật gồm 7 chương và 74 điều, trong đó có nhiều quy định mới, xác định rõ vị trí của di sản văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước, của công dân và các cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Ngay ***Phần mở đầu,*** Luật xác định: *Di sản văn hóa Việt Nam là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa thế giới.*

Digitized by Google

Nhà nước và nhân dân cần nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ và phát triển giá trị di sản văn hóa. Những quy định tại ***Lời mở đầu*** đã được thể chế thành những nội dung cụ thể như sau:

Tại chương quy định chung, phạm vi điều chỉnh của Luật được xác định rõ bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, kể cả di sản của Việt Nam và di sản của nước ngoài có ở đất liền, hải đảo, vùng nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước ta.

Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư tại nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam đều phải có nghĩa vụ tuân theo quy định về bảo vệ và phát huy di sản văn hóa đã có trong Luật. Những Điều ước quốc tế về vấn đề này mà nước ta đã ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì sẽ áp dụng quy định tại các điều ước quốc tế đó.

Để thực hiện tốt Luật, 13 *khái niệm* về vấn đề này như di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa vật thể, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... được chỉ định rất rõ, nhất là các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia lại có những tiêu chí cụ thể để xác định về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và độ tuổi.

Về *chế độ sở hữu* đối với di sản văn hóa, Luật xác định rõ các hình thức sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu chung của cộng đồng, sở hữu tư nhân và các hình thức sở hữu khác. Quyền sở hữu và quyền tác giả đối với di sản văn hóa được Nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật dân sự.

Về *trách nhiệm* của các tổ chức, cá nhân, Luật quy định: Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân đều có trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vì lợi ích của toàn xã hội, phát huy truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, khuyến khích sáng tạo những giá trị văn hóa mới, làm giàu kho tàng di sản văn hóa Việt Nam và mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế.

Luật cũng nghiêm cấm các hành vi làm tổn hại đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa hoặc lợi dụng việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa để thực hiện những hành vi trái pháp luật.

Chương II đề cập tới vấn đề *Quyền và nghĩa vụ* của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa, đã quy định cụ thể các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc trực tiếp quản lý di sản văn hóa.

Chương III với tiêu đề *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể,* đã quy định Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động, nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể nhằm giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và làm giàu kho tàng di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Đối với di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo lập hồ sơ khoa học để bảo vệ và phát huy giá trị. Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc đề nghị UNESCO công nhận di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam là di sản văn hóa thế giới. Đối với di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị làm sai lệch, bị mai một hoặc thất truyền thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn hoặc bảo vệ. Thuần phong mỹ tục trong lối sống, nếp sống của dân tộc được Nhà nước và xã hội bảo vệ, phát huy; tri thức y học, dược học cổ truyền; giá trị văn hóa ẩm thực, giá trị trang phục truyền thống dân tộc và các tri thức

Digitized by Google

dân gian, các lễ hội truyền thống được Nhà nước bảo hộ duy trì và phát huy. Nghệ nhân, nghệ sỹ nắm giữ và có công phổ biến nghệ thuật truyền thống, bí quyết nghề nghiệp có giá trị đặc biệt được tôn vinh và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức cá nhân nước ngoài được phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV có nội dung *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể* quy định rõ tiêu chí để xác định di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh và được chia thành 3 loại, gồm: di tích cấp tỉnh, thành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định xếp hạng; di tích quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin quyết định xếp hạng; và, di tích quốc gia đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng. Việc đề nghị UNESCO xem xét đưa di tích tiêu biểu của Việt Nam vào danh mục di sản thế giới thuộc thẩm quyền Thủ tướng. Mỗi di tích chỉ có hai khu vực bảo vệ, trong đó khu vực I phải được giữ nguyên trạng; việc xây dựng các công trình ở khu vực II phục vụ cho việc phát huy giá trị di tích phải được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với di tích cấp tỉnh và được sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt.

Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải xây dựng thành dự án trình cơ quan có thẩm quyền quản lý về văn hóa - thông tin phê duyệt để tránh sự tùy tiện, làm giảm giá trị hoặc gây tổn hại đến di tích như đã xảy ra trong thực tế vừa qua. Ngoài ra, trong khi xây dựng, cải tạo công trình nằm ngoài các khu vực nhưng xét thấy có khả năng ảnh hưởng xấu đến cảnh quan hoặc môi trường của di tích thì vẫn phải có ý kiến thẩm định của cơ quan văn hóa - thông tin. Nếu phát hiện có di tích hoặc di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thì chủ dự án phải tạm ngừng thi công và thông báo ngay cho cơ quan văn hóa - thông tin biết để có biện pháp giải quyết kịp thời. Những tổ chức, cá nhân phát hiện, giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được bồi hoàn chi phí phát hiện, bảo quản và được thưởng một khoản tiền. Nhà nước khuyến khích việc đăng ký di vật, cổ vật với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Riêng đối với bảo vật quốc gia, bắt buộc phải đăng ký và được bảo quản theo chế độ đặc biệt. Đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đã đăng ký sẽ được Nhà nước thẩm định miễn phí, hướng dẫn nghiệp vụ bảo quản và tạo điều kiện để phát huy giá trị. Các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu nhà nước không được mua, bán, tặng, cho. Di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước được mua, bán, trao đổi, tặng, cho và để thừa kế ở trong nước.

Khi đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, nghiên cứu phải có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận, có quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với bảo vật quốc gia; có quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin đối với di vật, cổ vật khác.

Việc làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia phải đảm bảo các điều kiện cụ thể mà Luật đã quy định.

Về bảo tàng, Luật quy định có 4 loại là bảo tàng quốc gia và bảo tàng chuyên ngành do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; bảo tàng cấp tỉnh và bảo tàng tư nhân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định thành lập. Điều kiện thành lập và nhiệm vụ quyền hạn của bảo tàng cũng được quy định rất cụ thể.

Di sản văn hóa có trong nhà truyền thống, nhà lưu niệm cũng phải được bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của Luật.

Chương V là các quy định về *Quản lý Nhà nước*. Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia là

Digitized by Google

Hội đồng tư vấn của Thủ tướng Chính phủ. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các Hội văn học, nghệ thuật, Khoa học công nghệ tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di sản, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Nhà nước ưu tiên đầu tư ngân sách cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt, bảo tàng quốc gia, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử cách mạng và di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu; có chính sách và biện pháp đẩy mạnh quan hệ hợp tác với nước ngoài, khuyến khích cá nhân, tổ chức nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam.

Cuối cùng là những quy định về việc *khen thưởng* những tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và *xử lý những vi phạm* về bảo vệ di sản văn hóa.

Như vậy, Luật Di sản văn hóa đã thể chế đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của Đảng thành những quy định pháp luật cụ thể, tạo điều kiện để các cá nhân, tổ chức và tập thể phát huy mọi tiềm năng, mọi nguồn lực về tinh thần, trí tuệ và vật chất ở trong nước và nước ngoài nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, ngăn chặn các hành vi gây tổn hại di sản văn hóa. Những quy định đó chính là bước hoàn thiện mới trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong việc bảo vệ và phát huy tốt hơn truyền thống văn hóa đặc sắc và phong phú của cộng đồng các dân tộc Việt Nam - một yếu tố quan trọng quyết định thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

ĐỂ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN...

(Tiếp theo trang 16)

chức đã ban hành như: chế độ thi tuyển, thi nâng ngạch, khoán biên chế, kinh phí hành chính đối với các cơ quan hành chính, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu... Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng nhân tài, cán bộ, công chức nữ, người dân tộc và các chính sách khác.

Bốn là, đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại đối với cán bộ, công chức nhà nước. Tổ chức lại, sắp xếp, điều chỉnh hệ thống các cơ sở đào tạo, chương trình, nội dung, phương thức đào tạo phù hợp với mỗi loại đối tượng, tiêu chuẩn của từng chức danh cán bộ, công chức, tránh trùng lắp, sao cho thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm ngân sách và thời gian của cán bộ công chức.

Năm là, nghiên cứu, xây dựng chế độ, chính sách đãi ngộ, đặc biệt là các chính sách về tiền lương, phù hợp với yêu cầu của tình hình mới cho từng loại đối tượng.

Sáu là, kiện toàn và nâng cao năng lực của cán bộ, công chức và các cơ quan tham mưu, hoạch định chính sách về cán bộ, công chức; kiện toàn các cơ quan làm công tác tổ chức - cán bộ của các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tạo lập hệ thống tổ chức vững chắc, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình nghiên cứu xây dựng chính sách và triển khai chính sách, quản lý cán bộ, công chức.

Bảy là, thiết lập hệ thống thanh tra công vụ, đẩy nhanh và kiên quyết giải quyết, xử lý các vấn đề khiếu nại tố cáo đối với các vi phạm của công chức trong hoạt động công vụ, góp phần ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực trong nền hành chính, đảm bảo kỷ cương, nâng cao hiệu quả công tác quản lý cán bộ, công chức.

Cuối cùng, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, làm căn cứ cho việc hoàn thiện hệ thống chính sách và thực hiện hiệu quả công tác quản lý cán bộ, công chức trong tình hình mới. ❑

Digitized by Google

BẠC LIÊU QUA NỬA NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI

NHƯ HÙNG

CÙNG với các đảng bộ trên cả nước, Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu đã đi qua nửa nhiệm kỳ Đại hội của mình, cũng là năm thứ 3 thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương, Đảng bộ Bạc Liêu đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh phát huy những thuận lợi, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu để đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, bảo đảm an ninh - quốc phòng, tiếp tục tạo đà cả về thế và lực cho sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Là tỉnh mới tái lập từ năm 1997, lại là một trong những tỉnh nghèo, xuất phát điểm thấp so với các tỉnh trong vùng, số hộ nghèo chiếm đến 24%, có 23 xã nghèo đặc biệt khó khăn. Nhưng điều đáng ghi nhận là nửa nhiệm kỳ qua, một chặng đường hơn hai năm rưỡi, Bạc Liêu đã vươn lên thực hiện tương đối cao nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra; trong đó, nhất là tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mà nổi bật hơn cả là nuôi trồng thủy sản; xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; công tác chăm lo đời sống gia đình chính sách và người nghèo... Chính những kết quả đó đã làm cho bức tranh toàn cảnh của tỉnh có nhiều biến đổi, đời sống nhân dân được cải thiện rõ nét.

Trước hết, về tốc độ phát triển kinh tế, theo đánh giá của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì đây là thời kỳ tăng trưởng cao nhất từ trước tới nay. Nhịp độ tăng GDP bình quân trong 3 năm (2001-2003) là 17,4%, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 4 180 000 đồng (năm 2000) lên 7 176 000 đồng (năm 2003). Cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng tích cực, hiệu quả. Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế được tỉnh xác định là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, trong đó thủy sản được chọn là ngành kinh tế mũi nhọn, các vùng chuyển dịch cơ cấu sản xuất là vùng động lực thúc đẩy phát triển toàn bộ nền kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời cũng là vùng trọng điểm về chỉ đạo thực hiện chủ trương phát triển kinh tế trang trại, xây dựng mô hình kinh tế hợp tác và hợp tác xã; gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Định hướng đúng, cơ chế chính sách mở, đã khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia. Diện tích nuôi tôm tăng từ 54 000 héc-ta (năm 2000) lên 112 000 héc-ta (năm 2003), đạt 86% so với quy hoạch đến năm 2005. Sản lượng thủy sản tăng hằng năm giai đoạn 2001-2003 là 18,7% (Nghị quyết đề ra là 17,6%), giá trị sản lượng có nhịp độ tăng bình quân 48% (Nghị quyết đề ra 33%). Riêng năm 2003, giá trị sản lượng ngành thủy sản ước đạt 3 300 tỉ đồng.

Digitized by Google

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại cũng có bước phát triển khá. Giá trị sản lượng công nghiệp hằng năm giai đoạn 2001-2003 đạt 25% trong đó chương trình điện khí hóa nông thôn được thực hiện tích cực bằng nhiều nguồn vốn, đến nay đã có 65,2% tổng số hộ trong tỉnh được dùng điện.

Trên lĩnh vực tài chính, tín dụng có nhiều tiến bộ rõ rệt, tốc độ tăng bình quân thu ngân sách hằng năm là 17,7%, đạt tỷ lệ trên GDP bình quân gần 6,8%. Cụ thể năm 2001 thu 248 tỉ đồng, năm 2002 tăng lên 290 tỉ và năm 2003 ước thu 365 tỉ đồng. Hoạt động của các ngân hàng, tín dụng trên địa bàn tỉnh rất có hiệu quả, tổng dư nợ cho vay phục vụ sản xuất đã lên tới 2 600 tỉ đồng, tăng gấp 4,7 lần so với năm 2000.

Trong câu chuyện trao đổi với các đồng chí lãnh đạo tỉnh, thì vấn đề tâm đắc nhất là tập trung vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được đảng bộ đặc biệt quan tâm. Đây là cách nhìn mới của Bạc Liêu: lo cho dân trước, khu hành chính của tỉnh lo sau. Chính vì vậy, sau gần 7 năm tái lập, các cơ quan cấp tỉnh vẫn còn ở nhà tạm, ngay cả Văn phòng Tỉnh ủy cũng vậy. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được xác định sáu trọng tâm với các chương trình mục tiêu, ưu tiên tính theo thứ tự là trường học, điện, thủy lợi, y tế, giao thông và cuối cùng là cụm kinh tế - xã hội ở cơ sở. Tổng vốn đầu tư trong giai đoạn 2001-2003 là 4 258 tỉ đồng, đạt tỷ lệ 31,4% GDP, cao gấp 1,5 lần so với chỉ tiêu đề ra. Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Bạc Liêu tập trung bố trí đầu tư tương đối phù hợp, ưu tiên cho các vùng chuyển đổi cơ cấu sản xuất, các công trình trọng điểm, đã khơi dậy phong trào nhân dân đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng khá mạnh mẽ, nhất là phong trào làm đường giao thông nông thôn. Trong gần 3 năm qua, tỉnh đã xây dựng 2 600 ki-lô-mét kênh mương thủy lợi với gần 22 triệu m^3 đất đào đắp, 3 600 ki-lô-mét đường giao thông các loại, xây dựng hơn 800 cây cầu kiên cố và bán kiên cố, hàng ngàn ki-lô-mét đường dây tải điện. Hệ thống phòng học, bệnh viện, trạm y tế, cơ sở văn hóa, thể dục, thể thao ở các cấp đều được đầu tư xây dựng khá nhanh.

Nửa chặng đường thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, cũng là khoảng thời gian mà Đảng bộ và nhân dân Bạc Liêu đặt quyết tâm cao thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Thông qua nhiều hình thức, như các tổ tự quản, góp vốn giảm nghèo, hỗ trợ cây, con giống, dạy nghề, tạo việc làm..., ba năm qua Bạc Liêu đã xóa 15 091 hộ nghèo, giảm tỷ lệ nghèo từ 21,59% (đầu năm 2001) xuống còn 10% (năm 2003). Đào tạo tay nghề cho 95 556 lao động thông qua các chương trình khuyến nông, khuyến ngư, tạo việc làm mỗi năm cho hơn 16 000 lao động. Bạc Liêu cũng đã tập trung ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng cho 23 xã khó khăn, tỷ lệ hộ được dùng điện, dùng nước sạch, ở nhà kiên cố mỗi năm một tăng... đã góp phần từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào vùng sâu, vùng xa.

Công tác xây dựng Đảng cũng đã tạo được bước chuyển biến mới cả trong lĩnh vực chính trị tư tưởng lẫn tổ chức. Thông qua việc học tập, quán triệt các Nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh, trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên được nâng lên, góp phần tạo nên sự nhất trí cao trong nội bộ Đảng. Việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã góp phần tạo ra nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tự phê bình và phê bình được thực hiện thường xuyên và có chất lượng, nên sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy cũng như các cấp,

Digitized by Google

các ngành được củng cố, tạo sự thống nhất cao trong vận dụng và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và trong xử lý những vấn đề cụ thể, nhất là những vấn đề phức tạp, nhạy cảm. Các cấp ủy đã chỉ đạo giải quyết có hiệu quả nhiều vụ việc tiêu cực, mất đoàn kết, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính, thiếu tinh thần trách nhiệm... được cán bộ và nhân dân rất đồng tình, tin tưởng. Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, thanh tra các vụ việc, tập trung chỉ đạo xem xét, làm rõ những vấn đề nổi cộm, bức xúc mà dư luận quan tâm như: xây dựng cơ bản, cấp đất, giao đất, đền bù giải tỏa, tái định cư, xét xử các vụ án tham nhũng, đấu tranh phòng chống tội phạm, sử dụng ngân sách, mua sắm, sửa chữa, hỗ trợ người nghèo, chính sách xã hội... Qua đó, kịp thời phát hiện và chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ việc tiêu cực, có tác động răn đe và phòng ngừa tiêu cực nảy sinh. Đây chính là vấn đề mấu chốt mà Đảng bộ Bạc Liêu rất coi trọng. Kết hợp việc đó với nâng cao tính chiến đấu qua tự phê bình và phê bình đã có tác dụng rõ rệt trong việc ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện tha hóa về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhằm củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới.

Công tác cán bộ ở Bạc Liêu trong hơn nửa nhiệm kỳ qua cũng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, với điểm nổi bật là công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và thực hiện chính sách cán bộ. Đến nay, tỉnh và các huyện, thị xã hoàn thành việc xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2005-2010. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, các cấp, các ngành đã có bước trưởng thành trên nhiều mặt, 61,72% có trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân chính trị, 50,61% có trình độ đại học, cao đẳng.

Trong công tác quản lý nhà nước, Đảng bộ Bạc Liêu luôn chú trọng việc đổi mới nội dung, phương pháp làm việc, năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, trong đó công tác cải cách hành chính luôn được xem là nhiệm vụ quan trọng. Việc nhân rộng mô hình cải cách thủ tục hành chính "một cửa" của thị xã Bạc Liêu ra các huyện đã tạo động lực mới, góp phần thúc đẩy việc đổi mới nội dung, phương pháp, và phong cách làm việc ngày càng tốt hơn của cán bộ, công chức. Các đoàn thể, tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động ngày càng hiệu quả hơn. Thông qua việc củng cố và tăng cường Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp, các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế trong tỉnh đều được quan tâm tạo điều kiện để đóng góp khả năng của mình tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, góp phần ổn định chính trị, bảo đảm an ninh - quốc phòng, thúc đẩy kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển. Đặc biệt là việc thực hiện chính sách dân tộc, hơn hai năm qua, bằng sự ưu tiên đầu tư, đồng thời thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước (như Chương trình 135, miễn giảm học phí, trợ cước, trợ giá...) đời sống mọi mặt của đồng bào dân tộc Khơ Me trong tỉnh đã có sự thay đổi căn bản, đời sống đồng bào dân tộc Hoa tiếp tục được nâng cao.

Những thành tựu đạt được qua nửa chặng đường của một nhiệm kỳ Đại hội ở Bạc Liêu là rất đáng trân trọng. Tuy nhiên, nhiệm vụ chặng đường phía trước của Đảng bộ và nhân dân Bạc Liêu vẫn còn nặng nề, khó khăn. Đó là khắc phục những nhược điểm kinh tế tăng trưởng khá nhưng tính bền vững chưa cao, nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh nhưng tính rủi ro còn lớn. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp còn chậm. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu GDP còn thấp, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu. Tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao, nhất là số hộ đồng bào dân tộc Khơ Me. Các cơ sở văn hóa, nơi

Digitized by Google

vui chơi giải trí công cộng còn thiếu nghiêm trọng. An ninh tuy được bảo đảm nhưng vẫn còn tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định, trật tự an toàn xã hội có lúc, có nơi vẫn còn diễn biến phức tạp. Hệ thống chính trị tuy được quan tâm củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động, song nhìn chung vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu và nhiệm vụ đặt ra...

Những hạn chế đó cũng đã được Đảng bộ Bạc Liêu nhìn nhận đánh giá một cách khách quan, tìm ra những nguyên nhân và đã đề ra những biện pháp khắc phục. Đặc biệt chú ý có 7 trong 21 nhóm chỉ tiêu dự báo khó đạt kế hoạch, Bạc Liêu tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp liên quan đổi mới ngay phong cách, phương thức chỉ đạo, tổ chức thực hiện thật cụ thể, sát sao, giải quyết dứt điểm từng vấn đề theo thứ tự ưu tiên. Tỉnh ủy Bạc Liêu đã đề ra 7 nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến năm 2005 để thực hiện thắng lợi các mục tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XII đã đề ra.

Nhìn lại chặng đường nửa nhiệm kỳ đại hội ở Bạc Liêu, chúng ta có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là: Xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị, mà trước hết là trong nội bộ các cấp ủy Đảng. Tỉnh Bạc Liêu coi đây là nhân tố quyết định thành công trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà trong suốt nửa nhiệm kỳ qua. Để nhấn mạnh tầm quan trọng sự đoàn kết thống nhất, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho rằng: Nội bộ đoàn kết thống nhất, nêu cao tinh thần trách nhiệm với công việc vì Đảng, vì dân thì cho dù cán bộ có thiếu, thậm chí có yếu một chút vẫn có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao. Để nội bộ đoàn kết phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, người đứng đầu phải thực sự là trung tâm đoàn kết, kiên quyết ngăn chặn những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, bè phái, chia rẽ nội bộ. Sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, trong nội bộ cấp ủy Bạc Liêu được bắt đầu từ việc Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo xử lý những sai phạm, những vấn đề nổi cộm khi tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Đồng thời sắp xếp, kiện toàn bộ máy lãnh đạo các cấp, tạo được sự thống nhất cao trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phương châm của các cấp ủy là mở rộng dân chủ trong bàn thảo các quyết định, nhưng trong chỉ đạo thực hiện thì bảo đảm nguyên tắc: Tập trung chỉ đạo kiên quyết và hiệu quả; Dứt điểm từng khâu, làm trọn từng việc. Từng cấp ủy phải xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc, chương trình cụ thể cho công tác toàn khóa, hằng năm, hằng tháng hằng tuần. Thực hiện tốt quy chế làm việc, vừa làm tăng hiệu quả lãnh đạo, điều hành, vừa là yếu tố quan trọng tạo mối đoàn kết thống nhất nội bộ Đảng.

Hai là: Đổi mới phương thức lãnh đạo và phương pháp công tác. Từ thực tiễn xuất phát điểm về kinh tế - xã hội của tỉnh thấp nên phải giải quyết hài hòa, đồng bộ giữa các nhiệm vụ đặt ra cả nhiệm kỳ với chỉ đạo trọng điểm, trọng tâm từng năm, từng tháng những vấn đề cụ thể. Trên cơ sở chọn đúng khâu đột phá, chọn cán bộ đủ năng lực để làm dứt điểm trong thời gian ngắn; kịp thời rút kinh nghiệm để tập trung cho những công việc tiếp theo. Phát triển kinh tế luôn được Đảng bộ Bạc Liêu xác định là nhiệm vụ trọng tâm, việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chọn nuôi trồng thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn đã tạo khâu đột phá trong phát triển kinh tế. Ưu tiên và tập trung chỉ đạo phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là khu vực nông thôn (giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm y tế...) gắn với chỉnh trang đô thị, chọn 12 công trình xây dựng cơ bản trọng điểm để tập

(Xem tiếp trang 41)

Digitized by Google

VINACONEX hướng tới tập đoàn kinh tế mạnh

PHÍ THÁI BÌNH *

TỔNG Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (VINACONEX) là đơn vị đa doanh hàng đầu của Bộ Xây dựng, khởi đầu với hoạt động xuất khẩu lao động sang các nước Đông Âu, Liên Xô, I-rắc... Hiện nay, chức năng chính của VINACONEX là xây lắp, tư vấn đầu tư - thiết kế - khảo sát quy hoạch, kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư phục vụ ngành xây dựng và các ngành kinh tế khác, sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng, xuất khẩu chuyên gia và lao động ra nước ngoài, kinh doanh bất động sản.

Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, ngay từ khi mới thành lập (27-9-1988), VINACONEX xác định phương châm hoạt động là kinh doanh đa ngành. Tổng Công ty hiện có gần 80 đơn vị đầu mối trực thuộc hoạt động trên khắp mọi miền của đất nước với trên 26 000 cán bộ, công nhân viên, trong đó có 4 230 người đang làm việc ở nước ngoài ; 2 722 cán bộ khoa học - kỹ thuật ; gần 1 700 đảng viên đang sinh hoạt trong Đảng bộ Tổng Công ty. Nếu những năm đầu mới thành lập, giá trị sản lượng của Tổng Công ty chỉ xấp xỉ 100 tỉ đồng, thì đến năm 2002 đạt 3 200 tỉ đồng và dự kiến năm 2003 thực hiện trên 4 000 tỉ đồng, với tốc độ tăng trưởng bình quân ổn định hằng năm là 15%.

Năm 1995, lĩnh vực thi công xây lắp vượt lên thành lĩnh vực mũi nhọn. Tổng Công ty đã thành lập các công ty chuyên ngành như Công ty Cơ giới và Lắp máy, Công ty Tư vấn xây dựng cấp thoát nước và Môi trường, Trung tâm ứng dụng công nghệ tự động hóa, Trung tâm Tư vấn, thiết kế và Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới (R&D)... và các chi nhánh xây dựng ở các thành phố, các trung tâm công nghiệp trong cả nước. Từ năm 1999 đến nay, VINACONEX đã tham gia hoạt động đấu thầu xây lắp quốc tế và đã thắng thầu một số dự án lớn tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào... Tổng Công ty là đơn vị đầu tiên trong ngành xây dựng Việt Nam liên doanh với các tập đoàn xây dựng nước ngoài thành lập các công ty liên doanh tại Việt Nam trong lĩnh vực xây lắp như Công ty liên doanh VINATA (1993), VINALEIGHTON (1993), hợp doanh TVI6 J/O... Đây là cách làm tốt để quảng bá thương hiệu, đồng thời đẩy nhanh tốc độ đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật.

Một trong những yếu tố tạo nên thành công của VINACONEX trong lĩnh vực xây lắp là việc mạnh dạn nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào thi công các công trình như: công nghệ trượt, công nghệ đúc hẫng thi công cầu, công nghệ bê-tông dự ứng lực, sơn chống thấm KOVA áp dụng công nghệ Mỹ, công nghệ tự động hóa, v.v.., đã mang lại kết quả khích lệ, góp phần quan trọng đưa sản lượng xây lắp từ vài

* Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam

Digitized by Google

chục tỉ đồng (năm 1992) lên trên 2 011 tỉ đồng (năm 2002) và khoảng 2 300 tỉ đồng (năm 2003).

Trong 15 năm hoạt động xuất khẩu lao động, Tổng Công ty đã đưa được trên 50 000 lượt chuyên gia và lao động kỹ thuật, lao động phổ thông, với trên 68 ngành nghề lao động đi làm việc ở 24 nước, đạt giá trị xuất khẩu lao động trên 280 triệu USD tương đương gần 4 400 tỉ đồng. Tổng Công ty là đơn vị đầu tiên khai thông các thị trường xuất khẩu lao động mới như: Li-bi, Hàn Quốc, Ai-len, Nhật Bản, Các tiểu vương quốc A-rập thống nhất, Cộng hòa Síp, Mi-an-ma, Bru-nây, Qua-ta.

Các hoạt động đầu tư được phát triển mạnh từ năm 1999, tập trung vào các lĩnh vực: phát triển đô thị mới và bất động sản, trung tâm thương mại và dịch vụ tổng hợp, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp, đầu tư sản xuất công nghiệp (xi-măng; kính dán cao cấp; gạch ốp lát cao cấp; cấu kiện bê-tông dự ứng lực; sản phẩm trang trí nội thất; đá xây dựng và các loại vật liệu xây dựng khác; thủy điện; nhiệt điện; năng lượng gió; cấp nước sạch; sản xuất nhôm định hình, thép; đường ống và phụ kiện ngành nước; hàng tiêu dùng...). VINACONEX là đơn vị xây dựng, đưa vào vận hành Nhà máy nước sạch Dung Quất (Dự án BOT đầu tiên của ngành xây dựng) với công suất 15 000 m^3/ngày. Các dự án đầu tư khác đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng như: Trung tâm Thương mại Tràng Tiền, Nhà điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty tại Đà Nẵng, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Xây dựng số 3, Công ty Xây dựng số 1, Công ty Xây dựng số 17, Nhà máy Đá ốp lát cao cấp VINACONEX, Nhà máy Kính an toàn, Nhà máy Gạch lát Terazo, Nhà máy Gạch nung tại Thái Nguyên, hàng loạt các cơ sở sản xuất khai thác đá và vật liệu xây dựng tại Xuân Hòa, Hà Nam, Hà Tây, Hòa Bình, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Khu đô thị Trung Văn (Hà Nội),... bước đầu đã làm tăng năng lực và thay đổi cơ cấu sản phẩm của Tổng Công ty. Đến nay, tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của Tổng Công ty đạt 8,67% năm 2003, dự kiến sẽ tăng lên 25% vào năm 2010.

Việc thực hiện tốt dự án phát triển Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính và một số dự án phát triển đô thị khác của các doanh nghiệp thành viên đã khẳng định sự phát triển đúng hướng của công tác đầu tư, tạo thêm nguồn tài chính để phát triển Tổng Công ty lớn mạnh và bền vững.

Tổng Công ty đã triển khai và chuẩn bị triển khai đầu tư hàng loạt các dự án với tổng vốn đầu tư cho đến năm 2010 lên tới hàng tỉ USD gồm: xi-măng Cẩm Phả, xi-măng Yên Bình; cụm thủy điện ở Lào Cai, Yên Bái, Thanh Hóa; các nhà máy nhiệt điện tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Cẩm Phả ; các dự án nhôm định hình ở Hải Dương, sản xuất vật tư ngành nước ở Vĩnh Phúc, đường Láng - Hòa Lạc mở rộng, cấp nước từ Sông Đà về Hà Nội với công suất 600 000m^3/ngày, Khu Công nghiệp Phú Cát giai đoạn I 327 ha; các dự án tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Khu công nghiệp công nghệ cao Hòa Lạc 200 ha, Khu Thương mại, Làng Quốc tế), phát triển đô thị ở Hà Nội, Hà Tây (các khu đô thị An Khánh, Quốc Oai, Ngọc Liệp dọc theo tuyến đường Láng - Hòa Lạc, Khu Đô thị Hòa Phú, Thắng Đầu, khu đô thị mới 32 ha thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc...), Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng (Khu đô thị Hồ Sen - Cầu Rào 200 ha, Khu Đô thị Vụng Hương - Đồ Sơn, Khu Du lịch Cát Bà...), Quảng Ninh (Đô thị Cao Xanh), Đà Nẵng, Quảng Nam, Thái Bình, Yên Bái, Vĩnh Phúc, Nha Trang... Các dự án đầu tư lớn của Tổng Công ty đã, đang và sẽ hoàn thành từ nay đến năm 2005 và 2010 sẽ tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ về cơ cấu và quy mô sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Digitized by Google

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phát triển các doanh nghiệp khác theo hướng đa sở hữu vốn trong doanh nghiệp, đến tháng 10-2003, VINACONEX đã có 27 đơn vị thành viên hoạt động theo phương thức công ty cổ phần, trong đó: 14 công ty cổ phần hóa, 13 công ty cổ phần thành lập mới, ngoài ra, còn góp vốn ở 22 công ty cổ phần và liên doanh khác với vốn góp hàng trăm tỉ đồng.

Sự ra đời và phát triển của VINACONEX gắn liền với quá trình đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Cùng với sự lớn mạnh của đất nước, sự phát triển của Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam là minh chứng sống động cho tính đúng đắn, ưu việt của đường lối phát triển kinh tế nói riêng, đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta nói chung. Việc tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm là cần thiết không chỉ đối sự phát triển của doanh nghiệp mà còn góp phần vào việc tổng kết những vấn đề lý luận và thực tiễn của 20 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước. Xin nêu một số bài học kinh nghiệm mà Tổng Công ty đã rút ra sau 15 năm xây dựng và phát triển như sau:

1 - Việc xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển của Tổng Công ty VINACONEX luôn bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là đường lối phát triển kinh tế; phân tích, đánh giá sát thực nhu cầu hiện tại và tương lai của thị trường, môi trường bên trong bản thân doanh nghiệp (năng lực doanh nghiệp). Tổng Công ty đã phấn đấu bền bỉ, liên tục, vượt qua mọi khó khăn thử thách, vươn lên toàn diện, trở thành một đơn vị mạnh của ngành xây dựng, ngày càng có uy tín lớn đối với các đối tác trong và ngoài nước không chỉ trong lĩnh vực xây dựng mà cả trong hoạt động xuất khẩu lao động, xuất nhập khẩu, và các lĩnh vực khác.

2 - Bám sát nhu cầu thị trường là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất trong xây dựng chiến lược sản xuất của Tổng Công ty. Tuỳ theo từng thời kỳ, theo phương châm đa dạng hóa kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, VINACONEX linh hoạt lựa chọn lĩnh vực ưu tiên phát triển. Vì vậy, Tổng Công ty luôn thích ứng nhanh với sự biến đổi của thị trường, tồn tại và phát triển theo hướng hiện đại, bền vững.

3 - Chú trọng xây dựng Đảng bộ VINACONEX vững mạnh, giữ gìn, phát triển sự đoàn kết trong tập thể lãnh đạo của Tổng Công ty cũng như ở các đơn vị thành viên là yếu tố quan trọng, quyết định. Những chủ trương, nghị quyết và chỉ thị của Đảng được quán triệt đến từng đảng viên. Việc thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh kết hợp với việc xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh là nhiệm vụ chính trị hàng đầu của mỗi tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ Tổng Công ty.

Cùng với kiện toàn tổ chức đảng, Tổng Công ty xác định con người mà trước hết là đội ngũ cán bộ có năng lực, vững vàng về phẩm chất chính trị, có tư cách đạo đức và lối sống lành mạnh là tài sản quý giá và nguồn lực quan trọng. Sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ mà trước hết là cán bộ lãnh đạo từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên luôn được đề cao như là một nhân tố của sự đoàn kết, tính thống nhất và kỷ cương ở mỗi đơn vị. Tổng Công ty luôn chú trọng việc đánh giá và phát hiện các cán bộ có năng lực và tâm huyết với sự nghiệp chung được rèn luyện qua thực tiễn công tác để lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng và bổ sung vào các vị trí lãnh đạo, quản lý.

4 - Được thành lập và hoạt động trong quá trình nền kinh tế nước ta chuyển đổi từ cơ chế hành chính bao cấp sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, ngoài việc tranh thủ những thuận lợi

Digitized by Google

do đường lối đổi mới của Đảng đem lại, VINACONEX chú trọng phát huy tối đa mọi nguồn lực của chính mình. Trước hết là phát huy trí tuệ, sáng tạo của tập thể, mạnh dạn đi vào những lĩnh vực mới, thận trọng, sáng tạo lựa chọn các giải pháp hình thức và quy mô hoạt động, phù hợp với nền kinh tế thị trường nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao. Tổng Công ty cũng là đơn vị đầu tiên thành lập các công ty liên doanh với các nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xây lắp và cũng là đơn vị đầu tiên thực hiện các dự án B.T., B.O.T. trong ngành xây dựng.

5 - Với ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn liền với chăm lo công tác chính trị và xã hội, tập thể lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên VINACONEX nhận thức một cách đúng đắn về vai trò và vị trí của một doanh nghiệp nhà nước, gắn các lợi ích kinh tế trước mắt với lợi ích kinh tế lâu dài. Vì vậy, Tổng Công ty luôn chú trọng đến việc tích lũy vốn, nêu cao ý thức tiết kiệm để tạo mọi nguồn lực dành cho đầu tư phát triển, không ngừng tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực trong thi công, sản xuất kinh doanh và quản lý, mạnh dạn đầu tư và phát triển sản xuất các lĩnh vực mới, có kỹ thuật cao cần thiết cho nền kinh tế (như tự động hóa trong ngành xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp, xây dựng những dự án khu đô thị mới hiện đại...).

Bên cạnh lợi ích kinh tế của doanh nghiệp, Tổng Công ty luôn luôn chú trọng đến hiệu quả xã hội của các dự án. Điều này cũng phù hợp với tiêu chí và xu thế chung của các doanh nghiệp trên thế giới, là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao uy tín, vị thế của doanh nghiệp đối với khách hàng nói riêng và với xã hội nói chung.

6 - Xây dựng một tập thể có tính thống nhất, kỷ luật cao đảm bảo được sự lãnh đạo, quản lý tập trung; đồng thời, phát huy tính năng động và dân chủ của mỗi đơn vị thành viên thông qua những quy chế, những nội quy phù hợp. Những quyết định lớn về đầu tư, xây dựng chiến lược phát triển, những quy chế quản lý... đều được bàn bạc dân chủ trong Ban Thường vụ Đảng ủy, Hội đồng quản trị với tập thể lãnh đạo Tổng Công ty.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, lấy việc chăm lo đời sống mọi mặt của cán bộ, công nhân viên là một trong những mục tiêu hoạt động; mỗi người tự giác gắn quyền lợi và trách nhiệm của mình với quyền lợi và uy tín của Tổng Công ty. Nhất là, yêu cầu mỗi cán bộ phải coi việc chăm lo đến đời sống gia đình của người lao động từ thu nhập, việc làm, nhà ở, học hành đến các điều kiện sinh hoạt khác là trách nhiệm, là lương tâm, đạo đức của người cán bộ.

7 - Đảm bảo doanh nghiệp phát triển bền vững và nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu thế chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp tốt giữa việc tổ chức sắp xếp lại các doanh nghiệp và tiến trình cổ phần hóa với việc chuyển đổi cơ cấu và quy mô sản xuất, kinh doanh thông qua chiến lược đầu tư một cách hợp lý. VINACONEX đã rất kiên quyết nhưng thận trọng trong việc thực hiện quá trình chuyển đổi các công ty thành viên thành các công ty cổ phần, với tổng vốn Nhà nước vẫn chiếm trên 50%; các công ty cổ phần thống nhất hoạt động theo sự chỉ đạo của Đảng ủy Tổng Công ty và Ban lãnh đạo Tổng Công ty theo chiến lược phát triển chung. Đối với các dự án đầu tư mới, hình thức công ty cổ phần cũng là một lợi thế lớn trong việc thu hút và huy động vốn cho dự án. Kết quả hoạt động thực tiễn của 14 công ty cổ phần thành viên của Tổng Công ty đã cho thấy hiệu quả về mọi mặt của cổ phần hóa và các bước đi của VINACONEX là đúng đắn, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

Digitized by Google

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế đất nước, VINACONEX đang chú trọng đầu tư vào các lĩnh vực khác của nền kinh tế, coi đây là nhiệm vụ chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi cơ cấu và mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, phấn đấu trở thành tập đoàn kinh tế mạnh. Từ nay đến năm 2010, VINACONEX tập trung mọi nguồn lực hướng tới những mục tiêu cơ bản sau:

Đẩy mạnh đầu tư các dự án phát triển đô thị, bất động sản, các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên phạm vi cả nước, là nơi tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp và vật liệu xây dựng, tạo quỹ nhà ở cho các tỉnh thành, tạo việc làm cho lĩnh vực xây lắp và phát triển các lĩnh vực khác và tạo sự liên kết hiệu quả giữa các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty. Phấn đấu lĩnh vực phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản năm 2010 đạt khoảng 6 triệu m^2 nhà ở.

Sản xuất công nghiệp gồm các sản phẩm chủ yếu: Điện thương phẩm: 2 tỉ kWh/năm; xi-măng: 3 triệu tấn/năm; thép: 250 000 tấn/năm; nước sạch: 200 triệu m^3/năm; gạch, đá ốp lát: 1 triệu m^2/năm; đá xây dựng 500 000 m^3/năm; các loại sản phẩm khác: 200 tỉ đồng/năm (nhôm, kính, đồ gỗ, vật liệu ngành nước).

Xây lắp chiếm tỷ trọng từ 50 đến 55% doanh số, chú trọng áp dụng công nghệ mới với thời gian thi công nhanh, hiệu quả, nâng cao năng lực của đội ngũ tư vấn đủ sức nhận công trình theo hình thức trọn gói (EPC), phấn đấu đưa tỷ trọng doanh số nhận thầu công trình ở nước ngoài lên từ 10 đến 20%.

Kinh doanh xuất nhập khẩu chiếm tỷ trọng từ 15 đến 20% (1 600 - 1 800 tỉ đồng).

Thu nhập bình quân của người lao động năm sau cao hơn năm trước là từ 10 đến 12%, đảm bảo các nhu cầu về sinh hoạt văn hóa, tinh thần cho người lao động. ❑

BẠC LIÊU...

(Tiếp theo trang 36)

trung chỉ đạo... Đổi mới công tác của Đảng bộ là theo hướng tập trung cho cơ sở, trực tiếp giải quyết những khó khăn, vướng mắc từ cơ sở. Chính vì vậy, hạn chế được những phát sinh tiêu cực, không để xảy ra những "điểm nóng". Và, một thực tế được kiểm nghiệm là cấp ủy, chính quyền nơi nào sâu sát cơ sở thì hiệu quả kinh tế cao, niềm tin của quần chúng nhân dân được củng cố, phát huy được sức mạnh của toàn dân.

Ba là: Đổi mới công tác cán bộ. Đây là bài học kinh nghiệm quý báu mà Đảng bộ Bạc Liêu đang tiếp tục thực hiện, nhất là giải quyết hài hòa giữa nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng với quy hoạch, thực hiện chính sách cán bộ. Việc luân chuyển cán bộ có hiệu quả, xử lý kịp thời, nghiêm khắc đối với những cán bộ thoái hóa biến chất, không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đề bạt, cất nhắc những cán bộ đủ phẩm chất đạo đức, có năng lực, bố trí đúng người đúng việc đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo của đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở. Đa số cán bộ thực sự đã trưởng thành, năng động, sáng tạo trong vận dụng và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, có tinh thần đoàn kết, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao, nêu gương tốt trong mọi phong trào cách mạng ở địa phương.

Kết quả đạt được qua nửa nhiệm kỳ của Bạc Liêu là những bài học kinh nghiệm thật quý báu. Tuy lộ trình phía trước vẫn còn nhiều khó khăn, phức tạp, nhưng với niềm tin từ một chặng đường nửa nhiệm kỳ đại hội đã đi qua, Bạc Liêu chắc chắn sẽ tiếp tục phấn đấu đi lên, hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm (2001-2005) và tiến những bước vững chắc trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. ❑

Digitized by Google

Mấy bài học trong công tác xây dựng Đảng qua vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn

LÊ VĂN HIẾU *

SAU gần hai tháng xét hỏi, tranh luận tại tòa sơ thẩm và gần một tháng tại tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án về vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng, kéo dài nhiều năm, trên một địa bàn rộng, có rất nhiều người tham gia vào hoạt động của bọn tội phạm dưới sự cầm đầu của Trương Văn Cam (Năm Cam). Vụ án đã gây ra bao hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, làm hoang mang, lo sợ cho hàng triệu người không chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh mà còn ở nhiều nơi khác. Đặc biệt, việc những người có chức, quyền tham gia tiếp tay cho bọn tội phạm đã làm suy giảm lòng tin của cán bộ và nhân dân vào cơ quan nhà nước, nhất là với cơ quan bảo vệ pháp luật. Bản án công bố mức án và các hình phạt bổ sung đối với 155 bị cáo, tuyên án tử hình 6 bị cáo, 5 bị cáo phạt tù chung thân, 6 bị cáo lãnh 20 năm tù trở lên. Trong số các bị cáo, có 18 bị cáo nguyên là nhà báo, viên chức nhà nước bị lãnh án tù giam từ 12 năm trở xuống; 28 bị cáo được hưởng án treo; 2 bị cáo cảnh cáo; 1 được tha bổng.

Con số đáng buồn trên là hậu quả tất yếu đối với những cán bộ, đảng viên (có cả một số cán bộ cao cấp) phạm tội do không tự giác tu dưỡng rèn luyện, không thường xuyên nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng. Các tổ chức cơ sở đã không thường xuyên coi trọng giáo dục quản lý cán bộ, đảng viên.

Qua vụ án hình sự Năm Cam và đồng bọn, bước đầu có thể rút ra mấy bài học chủ yếu về công tác XÂY DỰNG ĐẢNG.

1 - Bài học về công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên

Trong việc phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta nghiêm khắc cảnh báo: "Cùng với sự kích thích sản xuất phát triển, kinh tế thị trường cũng là môi trường thuận lợi làm nảy sinh và phát triển nhiều loại tiêu cực xã hội. Đã xuất hiện khuynh hướng làm giàu bằng bất cứ giá nào, kể cả lừa đảo, gây tội ác, vi phạm pháp luật, sẵn sàng chà đạp lên lương tâm và nhân phẩm. Lối sống trụy lạc, chạy theo những thị hiếu thấp hèn, văn hóa không lành mạnh..."(1). V.I. Lê-nin đã cảnh báo: "Cái chết về đạo đức là tiền đề chắc chắn cho cái chết về chính trị". Những năm qua, nhiều vụ án kinh tế đã được đưa ra xét xử, đặc biệt, vụ án Năm Cam và đồng bọn đã cho thấy lời cảnh báo trên của Đảng ta là rất sáng suốt và cần thiết.

---

* Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991*, tr 137

Digitized by Google

Trong vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn, trước công lý, dù các bị cáo cố tình quanh co, chối tội, song những tổn thất mà họ đã gây ra cho dân, cho nước là quá lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình an ninh - quốc phòng của đất nước. Hành vi phạm tội được phanh phui với những chứng cứ rất rõ ràng. Có thể nói, những cán bộ, đảng viên phạm tội, nhất là đảng viên là cán bộ trung, cao cấp họ đã bán rẻ lương tâm, chạy theo đồng tiền, trở thành "đồng hội, đồng thuyền" với bọn tội phạm, trở thành những "lá chắn" đầy uy lực cho bọn "xã hội đen" Năm Cam ngang nhiên, lộng hành, khiến lòng dân oán hận.

Lật lại hồ sơ vụ án, và lần lại quá khứ của các bị cáo, ta thấy một thực tế không bình thường là có nhiều cán bộ được đề bạt không theo đúng thực chất, nếu không nói là còn những khiếm khuyết cả về phẩm chất đạo đức và năng lực công tác. Thế nhưng, những khuyết điểm đó đều bị cố tình bỏ qua khi xét duyệt. Trong suốt quá trình công tác, số cán bộ đó không những không được thường xuyên quản lý, xử lý khi có vi phạm, mà ngược lại còn được đề bạt lên cương vị cao hơn, nhiều người thậm chí còn được biểu dương, khen thưởng... Theo chúng tôi, có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật. *Trước hết*, phải thẳng thắn thừa nhận rằng, *công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên còn lỏng lẻo, chưa có một quy chế* ràng buộc *nghiêm ngặt;* nhất là đối với những cán bộ cao cấp thuộc diện cấp trên quản lý. Chính vì thế, vô hình trung đã tạo điều kiện thuận lợi cho họ sa vào khuyết điểm, vi phạm pháp luật. Quy chế trong Đảng về bình bầu, bổ nhiệm, nhận xét, đánh giá, bồi dưỡng, bố trí, đề bạt cán bộ còn nhiều khiếm khuyết, chưa chuẩn xác, không toàn diện. Điều khá rõ là, việc đánh giá cán bộ còn thiếu khách quan, còn lệ thuộc quá nhiều vào ý kiến chủ quan một số người, nhất là ý kiến những cán bộ có thẩm quyền. (Trường hợp tương tự như đối với ông Võ Thành Long - nguyên Giám đốc Sở Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trong vụ bắn bò tót ở Đắc Lắc gây bất bình trong dư luận là một điển hình). Kinh nghiệm cho thấy, phẩm chất đạo đức không phải là vốn có mà phải được tu dưỡng, rèn luyện thường xuyên trong quá trình phấn đấu, công tác của mỗi cán bộ, đảng viên. Việc đánh giá cán bộ phải công tâm mới hạn chế được sai sót.

2 - Bài học về thực hiện các nguyên tắc tổ chức, chế độ sinh hoạt đảng

Trước thử thách của giai đoạn cách mạng mới, cán bộ, đảng viên hoạt động trong nền kinh tế thị trường nếu không kiên định lập trường cách mạng của giai cấp công nhân, phai nhạt lý tưởng, không có tinh thần trung thực, tự giác cao, tự mình không nghiêm khắc, không tự chủ được bản thân, xa rời sinh hoạt đảng, xa rời sự giáo dục của Đảng thì rất dễ hư hỏng, thoái hóa, biến chất, vi phạm pháp luật.

Muốn vậy, bài học hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng là, mỗi cấp ủy phải *thực hiện nghiêm ngặt các nguyên tắc tổ chức, chế độ sinh hoạt* theo Điều lệ Đảng. Thực tiễn cho thấy, ở những chi bộ, đảng bộ chấp hành nghiêm túc chế độ sinh hoạt đảng, quản lý chặt chẽ đảng viên, đề cao tính chiến đấu, coi trọng công tác giáo dục và tuân thủ sự lãnh đạo của Đảng thì nơi đó đảng viên ít sai phạm, khuyết điểm. Ngược lại, nơi nào buông lỏng chế độ sinh hoạt đảng, xa rời tính chiến đấu, xa rời quần chúng nhân dân thì không ít cán bộ, đảng viên rất dễ sa vào chủ nghĩa cá nhân, vi phạm khuyết điểm. Thí dụ cụ thể là, một số đơn vị của Sở Công an Thành phố Hồ Chí Minh trong nhiều năm coi sinh hoạt đảng, tự phê bình và phê bình chỉ là một hoạt động mang tính hình

Digitized by Google

thức; dựa dẫm, nể nang, tránh né phê bình và tự phê bình. Nhiều đảng viên tuy biết rất rõ những việc làm sai trái của đồng chí mình nhưng sợ không dám nói ra sự thật; không dám phê bình đảng viên là cấp trên lãnh đạo mình. Một số đảng viên tuy là cán bộ lãnh đạo lại có mối quan hệ thân tình, ăn nhậu với bọn "xã hội đen" như Năm Cam thì cấp dưới và nhân dân sợ họ là đương nhiên. Ấy vậy mà trước tòa, những bị cáo này còn đưa ra những lý lẽ xem đó chỉ là những quan hệ xã hội bình thường (?!).

Trong vụ án Năm Cam, đã xử lý kỷ luật về đảng 86 người: 65 người thuộc ngành công an, 15 người thuộc Viện Kiểm sát, 4 người thuộc lực lượng quân sự, 2 người thuộc cơ quan báo chí; khai trừ ra khỏi Đảng 42 người; cảnh cáo tập thể một ban thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở và 2 chi ủy bộ phận, khiển trách 5 tập thể (4 đảng ủy phường và 1 ban cán sự); giải tán 2 chi ủy[2]. Tất nhiên, những tổn thất, mất mát trong vụ án này là rất lớn, rất nghiêm trọng, tuy nhiên như lời đồng chí Nguyễn Minh Triết, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh: "mất mát nhiều, nhưng được càng nhiều hơn", có vấp ngã thì mới nhìn đời sáng suốt hơn, có trải qua đau thương mới trở nên cứng cỏi hơn.

3 - Bài học dựa vào dân, thật sự phát huy dân chủ

Bác Hồ kính yêu dạy: "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Đảng ta gắn bó máu thịt với nhân dân, suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ và trong công cuộc xây dựng đất nước được nhân dân đùm bọc, che chở, giúp đỡ, nhân dân mạnh dạn tham gia xây dựng Đảng, giám sát mọi hoạt động của cán bộ, đảng viên, thẳng thắn phê bình khi cán bộ, đảng viên mắc khuyết điểm. Qua đây mới thấy rõ, chưa bao giờ người dân lại gắn bó với lực lượng công an như trong vụ án này. Rất nhiều đối tượng trong băng nhóm của Năm Cam được phát hiện là nhờ nhân dân. Hàng ngàn cuộc điện thoại của nhân dân đã cung cấp thông tin, trên 4 000 đơn, thư của dân tố giác tội phạm đã giúp cho Ban Chuyên án đánh trúng, đánh chính xác, kịp thời các mục tiêu đối tượng gây tội ác. Phát huy dân chủ là động lực tạo ra trong nhân dân "một thiên la địa võng, lưới trời lồng lộng thưa mà không lọt", mới góp phần ngăn chặn được các tệ nạn tham nhũng, quan liêu, xa rời dân; góp phần làm trong sạch bộ máy của Đảng, Nhà nước. Rõ ràng, việc phá được băng nhóm Năm Cam và ngăn chặn được tội ác đã làm ấm lên, củng cố thêm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

4 - Bài học về sự chỉ đạo của Trung ương

Việc phá vụ án Năm Cam và đồng bọn đã được Trung ương chỉ đạo chặt chẽ, đã thành lập Ban Chuyên án với quyết tâm sẽ xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội, bất kỳ người đó ở cương vị công tác nào. Quá trình điều tra, xác minh, xử án, là một quá trình làm việc khẩn trương, dân chủ, cẩn trọng, nghiêm túc với phương châm "trị bệnh cứu người", nhưng phải cương quyết và dứt điểm. Nhiều vụ án tưởng đã bị "chìm xuồng" từ lâu nay cũng được lật lại hồ sơ, làm rõ vụ việc, xét xử đúng người, đúng tội. Cách chỉ đạo, điều hành, xử lý trong vụ án này được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình ủng hộ. Có 155 bị cáo và họ lãnh án theo đúng tội. Điều đó thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Qua đó cho thấy, không phải dễ gì "có tiền mua tiên cũng được" hay "nén bạc đâm toạc công lý" như người ta thường nói. *Những kẻ vi phạm pháp luật sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc*, bất kể người đó ở cương vị công tác nào. Đó là bài học lớn đối với đảng cầm quyền và đối với mỗi cán bộ, đảng viên. ❑

(2) *Tạp chí Sổ tay Xây dựng Đảng*. TP HCM, số 2-2003, tr 59

Digitized by Google

Chuyện về ông Q

GIANG LAM

TRƯỚC khi được điều lên Trung ương giữ một chức vụ quan trọng, ông Q. đã là quan chức đầu tỉnh. Cái tỉnh mà ông đứng đầu hiện tại đã trở thành một trong những địa phương nổi danh trong cả nước bởi những thành tựu quan trọng mà tỉnh đạt được trong tiến trình đổi mới; nhất là trong việc "chiêu hiền đãi sỹ" và gọi vốn đầu tư nước ngoài. Chính vì thế, địa phương ông từ chỗ hằng năm phải trông chờ vào nguồn ngân sách do Nhà nước cấp, nay đã trở thành một tỉnh nộp ngân sách nhà nước mỗi năm hàng ngàn tỉ đồng. Việc ông Q. được điều lên Trung ương để giữ chức vụ quan trọng hơn (để bạt) là hoàn toàn xứng đáng. Từ cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã đến những người dân bình thường đều mừng cho ông.

Ông Q. có bà mẹ đã ngoài 90 tuổi. Mẹ ông ốm yếu đã mấy năm nay và ngày càng yếu dần như ngọn đèn cạn dầu, như cái cây khô nhựa, úa lá. Việc chăm sóc mẹ, ông Q. chủ yếu trông chờ vào hai bà chị. Còn ông, khi nào có chút thời gian nhàn rỗi là lại tranh thủ phóng xe ô-tô về quê, ngồi bên giường, xoa bóp tay chân cho mẹ hàng tiếng đồng hồ. Mặc dù được tận tình chăm sóc, cứu chữa, nhưng vì tuổi cao, sức yếu, mẹ ông đã qua đời.

Ông Q. chủ trương tổ chức lễ tang cho mẹ một cách trang trọng, lịch sự nhưng cũng hết sức đơn giản và tiết kiệm. Ông đã đích thân nhờ Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và Hội Người cao tuổi của xã ông giúp gia đình tổ chức lễ tang theo tinh thần như vậy. Ông không đăng tin buồn trên các phương tiện thông tin đại chúng, cũng không thông báo rộng rãi việc mẹ ông qua đời. Ông quyết định không kéo dài thời gian phúng viếng và đưa tang (chỉ trong một ngày); không tổ chức ăn uống linh đình. Các đoàn thể, các tổ chức và các cá nhân đến phúng viếng, chia buồn với gia đình xong là về, không ở lại ăn cỗ như nhiều đám khác. Ông tôn trọng những truyền thống tốt đẹp của làng xã trong việc hiếu, nhưng cũng kiên quyết bác bỏ những tục lệ lạc hậu, cổ hủ gây ảnh hưởng xấu đến phong trào của địa phương và đến danh dự của cá nhân ông. Thí dụ, ông cũng đội mũ rơm, mặc áo xô, đi chân đất, chống gậy theo sau quan tài mẹ. Song, ông kiên quyết không đi giật lùi hoặc lăn đường gào khóc như một số người vẫn thường làm (quê ông trước đây có tục lệ này, đến nay nhiều người vẫn giữ - GL).

Đám tang mẹ ông Q. trở thành một "sự kiện" được rất nhiều người bàn tán. Chủ yếu là khen, song không phải vì thế mà không có những ý kiến chê bai, trách móc, suy diễn và quy chụp. Những người khen thì bảo:

- Ông Q. đúng là một chính khách, một cán bộ cao cấp gương mẫu. Ông không như một số người có chức, quyền đã lợi dụng những lúc gia đình có việc hiếu, việc hỷ để gây thêm thanh thế, hoặc để kinh doanh, kiếm lời.

- Cụ thân sinh ra ông Q. đúng là đại phúc mới có được những người con hiếu thảo như vậy.

- Ông Q. là quan chức cao cấp mà giản dị quá chừng. Vân vân.

Còn những ý kiến chê bai, quy chụp thì lại nói:

- Ông Q. khôn thật. Với cương vị của ông ấy thì chẳng đăng tin buồn, chẳng thông báo rộng rãi, người ta cũng tự khắc ầm ầm kéo đến phúng viếng. Người đến *viếng* đông như thế thì tất nhiên số tiền *phúng* không phải là nhỏ, nhưng số chi cho khoản ăn uống lại chẳng đáng là bao, cho nên ông Q. *"lãi" to*. Ông được " cả chì lẫn chài", được "cả tiếng lẫn miếng ".

- Chẳng biết ông Q. hiếu thảo, thương mẹ như thế nào mà trong đám tang chỉ nghe thấy tiếng khóc của hai bà chị gái; còn ở ông, người ta chỉ thấy một bộ mặt buồn buồn, tuyệt nhiên không có nghe thấy một tiếng khóc nhỏ nào.

- Ông Q. còn muốn leo cao hơn nữa nên giả vờ thế thôi. Đó chính là nghệ thuật *"lùi một bước, tiến hai bước"*. Vân vân và vân vân.

**

Tôi là bạn đồng môn của ông Q. hồi học cấp ba (hệ 10 năm). Chúng tôi khá thân nhau và hiểu rất rõ về nhau. Vì vậy, đánh giá về ông Q. như thế nào là quyền của mọi người. Riêng tôi, thì tôi có thể khẳng định 100% rằng, Q. không phải là người như một số ý kiến mang tính suy diễn và quy chụp nêu trên.

Thế mới biết để có được một nhận xét khách quan về người khác cũng không phải là dễ. ❑

Digitized by Google

DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ MỘT SỨC MẠNH TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TRẦN BẠCH ĐẰNG*

THỰC hiện dân chủ ở cơ sở là một khâu rất quan trọng nhằm hoàn thiện cơ chế nhân dân làm chủ xã hội trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay trên tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình vừa bằng *hình thức gián tiếp* thông qua bầu cử các cơ quan, tổ chức đại diện có thực quyền quản lý xã hội, vừa bằng *hình thức trực tiếp*, bảo đảm cho nhân dân có quyền tham gia quản lý xã hội một cách thiết thực và hiệu quả, *trước hết là ở cơ sở* theo phương châm: *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*.

Sức sống của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa do Đảng ta lãnh đạo dựa trên cơ sở thực hiện tốt và kết hợp chặt chẽ hai hình thức dân chủ nói trên, từ đó động viên được lực lượng vĩ đại của toàn dân trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Quyền quản lý đất nước của nhân dân không chấm dứt sau khi bầu các cơ quan đại diện mà còn phải có quyền và trách nhiệm chăm sóc chu đáo kết quả hoạt động của bộ máy đó, xem có trung thành với lợi ích của nhân dân hay không. Hơn nữa, một bộ máy lãnh đạo, quản lý, dù tài giỏi đến đâu cũng không đủ trình độ và lực lượng giải quyết tất cả các vấn đề nảy sinh hàng ngày, đáp ứng nhu cầu đời sống muôn vẻ của hàng chục triệu con người ở cơ sở trên mọi miền đất nước.

Do đó, thực hiện dân chủ ở cơ sở (khu dân cư, làng xã, phố phường, nơi làm việc, xí nghiệp, cơ quan, trường học, bệnh viện v.v..) vừa đảm bảo quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân, vừa phát huy được những khả năng tiềm tàng của cộng đồng trong việc tự chăm lo đời sống vật chất và văn hóa, giữ gìn trật tự an ninh ở cơ sở, tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cơ sở là nơi thể hiện rõ nét nhất kết quả hoạt động của cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ", là sự gặp gỡ và hòa hợp giữa ý Đảng, lòng dân và phép nước - nền tảng vững chắc của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Đối với Việt Nam, vấn đề thực hiện dân chủ ở cơ sở không chỉ mang ý nghĩa thời sự mà còn là một sự tiếp nối truyền thống phát huy sức mạnh của dân chủ được hình thành trong lịch sử đấu tranh mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Từ thời Hùng Vương dựng nước với 15 bộ lạc đầu tiên vào thiên niên kỷ thứ II trước Công

---

* Nhà nghiên cứu

Digitized by Google

nguyên đến nay, dân tộc Việt Nam thường xuyên đối mặt với hai loại thử thách khắc nghiệt để tồn tại và phát triển: Đối phó với môi trường tự nhiên bất lợi và đấu tranh chống sự thống trị của ngoại bang mạnh hơn mình gấp bội. Chính trong những điều kiện gay go và gian khổ đó, sức sống mãnh liệt và trường cửu của dân tộc Việt Nam đã hình thành dựa trên cơ sở một *hệ thống cơ cấu chính trị - xã hội* gồm 3 khâu vững chắc và liên kết chặt chẽ với nhau: *gia đình, làng và nước*. Gia đình là cơ sở của sức mạnh cộng đồng làng - một đơn vị chính trị - xã hội của cả nước, vừa chăm lo trực tiếp lợi ích của cộng đồng, vừa đóng góp tích cực vào sức mạnh của cả nước. Các triều đại phong kiến đã biết dựa vào cộng đồng làng để cai trị đồng thời cũng giao cho làng *một số quyền tự quản nhất định*. Khi Tổ quốc lâm nguy thì phát huy sức mạnh của cộng đồng dân tộc để chiến đấu và chiến thắng giặc ngoại xâm. Phần lớn những người mở đầu các triều đại là anh hùng giải phóng dân tộc xuất thân từ nhân dân mà trưởng thành, do đó quan hệ giữa vua quan và nhân dân không xa cách bao nhiêu. Đây là *một dạng dân chủ* đáng trân trọng cần được phát huy. Rất nhiều ví dụ về dân chủ, nổi bật là sự kiện *Hội nghị Diên Hồng* do Thượng hoàng Trần Thánh Tông triệu tập năm 1285, mời các bậc phụ lão có uy tín trong cả nước về Kinh đô Thăng Long để hỏi kế đánh giặc Nguyên

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có nhận xét: "Trong lịch sử lâu đời của dân tộc, làng là điểm tập hợp cuộc sống cộng đồng của mọi người, cuộc sống đa dạng và phong phú, vừa có tính đẳng cấp phong kiến, vừa có tính cộng đồng rất đáng quý. Lúc bấy giờ, câu nói "Phép vua thua lệ làng" có cái đạo lý chân chính của nó, chừng nào thể hiện một dạng dân chủ mà phải biết nhìn với con mắt lịch sử thì mới thấy hết ý nghĩa độc đáo"[1].

Thời hiện đại, sức sống mãnh liệt đó của dân tộc Việt Nam đã được phát huy cao độ trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và bảo vệ chủ quyền, thống nhất Tổ quốc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt thể hiện cao nhất trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ, đánh bại những đội quân đế quốc xâm lược hùng hổ nhất của thời đại.

Chính *lòng yêu nước thương nòi và quyền tự do dân chủ của nhân dân là những động lực to lớn nhất* đã phát động và tập hợp tối đa sức mạnh của toàn dân dựa trên ba cái trục lớn: gia đình, làng và nước để chiến thắng kẻ thù. Sức mạnh vĩ đại của chiến tranh nhân dân chính là dựa vào ba cái trục đó. Các khẩu hiệu: "Mỗi người là một chiến sĩ, mỗi làng là một chiến hào", "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", sự vững mạnh của các vùng căn cứ, vùng tự do, vùng giải phóng, các "làng rừng", v.v.. không thể thực hiện được nếu không có quyền dân chủ của nhân dân ở cơ sở. Dân chủ đã kích thích sức sáng tạo và động viên mọi tiềm lực của nhân dân đánh giặc để bảo vệ cuộc sống của mình. Công cuộc giải phóng trong từng địa phương cũng như toàn miền Nam trong chống Mỹ cứu nước cũng đều là sự phối hợp chặt chẽ giữa *sự nổi dậy của quần chúng ở cơ sở với bộ đội giải phóng*.

Có thể nói: tính cộng đồng dựa trên cơ sở gia đình, làng và nước là một cốt lõi của sức mạnh văn hóa truyền trống, một bản sắc tốt đẹp của nền văn hóa Việt Nam.

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước cho đến khi tiến hành công cuộc đổi mới, trong chỉ đạo chiến lược xây dựng và cải tạo kinh tế, chúng ta đã phạm những sai lầm do nóng vội, chủ quan duy ý chí, áp dụng một mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa cách xa trình độ đang còn thấp kém, lạc hậu của lực lượng sản xuất. Chủ trương nhanh chóng công hữu hóa tư liệu sản xuất cơ bản cùng với thể chế kế hoạch hóa tập trung cao và chặt chẽ trong toàn bộ các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội đã mặc nhiên *phủ nhận quyền*

(1) Phạm Văn Đồng: *Văn hóa và Đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 74

Digitized by Google

dân chủ của nhân dân ở tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, hạn chế các động lực của cá nhân và tập thể trong phát triển kinh tế và cải thiện đời sống. Một khi quyền dân chủ về kinh tế bị hạn chế, đời sống vật chất và văn hóa bị sút kém thì dân chủ về các mặt khác cũng rất hạn chế. Mặt khác, quyền dân chủ bị hạn chế là miếng đất tốt để nảy nở các tiêu cực đủ loại trong xã hội và trong bộ máy cầm quyền. Khủng hoảng kinh tế - xã hội là kết quả tất yếu của tình hình đó.

Bước vào công cuộc đổi mới, bắt đầu từ đổi mới tư duy kinh tế là giải pháp cứu nguy cho dân chủ, *trước hết là dân chủ về kinh tế*. Xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện cơ chế thị trường bao gồm nhiều thành phần kinh tế, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thực chất là giao quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh cho mọi gia đình, mọi thành phần kinh tế, khơi dậy sức bật vốn có của các tầng lớp nhân dân để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống.

Trong nông nghiệp, các hộ gia đình được giao quyền sử dụng ruộng đất để sản xuất, kinh doanh, xóa bỏ sự bất công trong phân phối, tạo một không khí hồ hởi phấn khởi lao động trong thôn xóm. Từ chỗ hàng năm phải nhập khẩu hàng triệu tấn lương thực, Việt Nam đã đủ lương thực tiêu dùng và xuất khẩu một vài triệu tấn. Trong công nghiệp và các ngành sản xuất khác, các đơn vị được giao quyền tự chủ trong quản lý sản xuất, kinh doanh và phân phối nên đời sống người lao động được cải thiện đáng kể. Khủng hoảng kinh tế - xã hội dần dần được khắc phục.

Thực tiễn cho thấy, cái "hích" đầu tiên của đổi mới tạo nên sức mạnh lớn lao của quần chúng không phải chỉ do Nhà nước bỏ nhiều tiền của ra đầu tư mà là kết quả của việc sửa chữa sai lầm trong quản lý và thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở. Đương nhiên về sau, phải có hàng loạt chính sách và vốn đầu tư mới đạt được mức tăng trưởng kinh tế cao như hiện nay.

Chuyển sang kinh tế thị trường, việc gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới đã kích thích phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trong nước cũng như thu hút vốn đầu tư và hoạt động kinh doanh từ nước ngoài, nhưng làm nảy sinh hàng loạt mối quan hệ về lợi ích thuận và nghịch, hợp tác và cạnh tranh đan xen nhau rất phức tạp. Mặt khác, từ sự phát triển không đồng đều về điều kiện sản xuất và hiệu quả kinh doanh tất yếu dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo kèm theo biết bao tiêu cực xã hội cần được giải quyết.

Tình hình đó đòi hỏi phải có *một Nhà nước dân chủ, pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh*, đủ bản lĩnh để xử lý hài hòa các mối quan hệ về lợi ích, bảo đảm cho sự phát triển kinh tế - xã hội được bền vững, từng bước kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho toàn xã hội. Đó chính là định hướng xã hội chủ nghĩa của sự quản lý vĩ mô của Nhà nước hiện nay nhằm đạt mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Một nhà nước như vậy vẫn đang trong quá trình xây dựng và trưởng thành, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, vừa phấn đấu nâng cao chất lượng của đội ngũ, vừa phải tích cực đấu tranh chống những tiêu cực trong bộ máy như: quan liêu, lợi dụng quyền hành để ức hiếp quần chúng, vụ lợi, lãng phí, tham nhũng, v.v.. Hơn nữa, những tiêu cực trong bộ máy nhà nước thường là bạn đồng minh của những tiêu cực đủ loại ngoài xã hội sinh ra từ mặt trái của kinh tế thị trường.

Đáng mừng là tinh thần đấu tranh chống tiêu cực của nhân dân khá cao: 90% số vụ tham nhũng, tiêu cực do nhân dân phát hiện và báo chí nêu lên, từ đó các cơ quan thẩm quyền mới đi vào điều tra và xử lý. Điều đó cho thấy nếu thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở sẽ đấu tranh có hiệu quả chống các loại tiêu cực xã hội.

Một thực tế nữa cho thấy, những chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở nếu được nhân dân tham gia ý kiến và đóng góp công của thì sẽ thực hiện được nhanh hơn, tốt hơn và nhờ tự quản mà chống được tiêu cực. Do khả năng tài chính của Nhà nước có hạn nên có khẩu hiệu: "Nhà nước và nhân dân cùng làm"; xây dựng kết cấu hạ tầng trong khu dân cư: điện, nước, đường

Digitized by Google

sá, trường học, v.v.. trong đó tỷ lệ dân góp vốn khá cao. Những cuộc vận động "Đền ơn đáp nghĩa", "Xóa đói giảm nghèo", "Chống tệ nạn xã hội" trong khu dân cư, xây dựng "Gia đình văn hóa" "Ấp văn hóa" "Khu phố văn hóa" đang tiến triển tốt. Chỉ cần đáp ứng đúng nhu cầu cấp thiết của dân, bàn bạc, thống nhất mức đóng góp và quản lý công khai, dân chủ thì sẽ động viên được tiềm lực của nhân dân ở cơ sở. Phải chăng, xây dựng chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ sức mạnh của từng cá nhân, gia đình, từng khu vực dân cư, từng đơn vị kinh tế, xã hội với sự hỗ trợ của cả nước?

Vấn đề thực hiện dân chủ ở cơ sở đã được đặt ra và có *quy chế cụ thể của Nhà nước* từ 5 năm qua với nội dung chủ yếu như sau:

- Quy định rõ ràng những thông tin mà chính quyền cơ sở phải thông báo công khai cho nhân dân biết để có ý kiến.

- Những việc mà nhân dân được quyền bàn bạc chủ trương và quyết định trực tiếp theo nguyên tắc dân chủ.

- Những việc phải trưng cầu ý dân trước khi cơ quan Nhà nước ở cơ sở quyết định.

- Những việc mà nhân dân có quyền giám sát, kiểm tra các hoạt động của Nhà nước ở cơ sở.

Tuy nhiên, đây là một vấn đề mới cần được tiếp tục tìm tòi rút kinh nghiệm từ thực tiễn và có *những giải pháp đồng bộ* mới có thể thực hiện có kết quả thiết thực, chỉ xin nêu một số vấn đề như sau:

Một là, pháp luật phải công khai, giải thích rõ ràng cho nhân dân hiểu và thực hiện, nhất là những vấn đề quan hệ trực tiếp đến lợi ích của nhân dân ở cơ sở. Tránh tình trạng khá phổ biến hiện nay, do nhân dân không hiểu rõ pháp luật, bị cán bộ thoái hóa nắm quyền, lợi dụng gây khó khăn để vòi tiền hối lộ. Trong những quy định pháp luật phải giải quyết hài hòa giữa lợi ích của xã hội với lợi ích của từng gia đình, của cộng đồng. Đây là tiền đề để thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Hai là, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể xã hội nhất là các cựu chiến binh, cán bộ hưu trí là lực lượng cần được tham khảo ý kiến và gắn bó với hoạt động của nhân dân và chính quyền địa phương để thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở.

Ba là, báo chí, kể cả báo viết và báo hình là công cụ hết sức quan trọng để giúp nhân dân thực hiện đúng các quyền dân chủ ở cơ sở và đấu tranh chống tiêu cực.

Bốn là, vấn đề củng cố, kiện toàn chính quyền ở cơ sở với tổ chức và đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực là vấn đề quan trọng hàng đầu. Cơ sở là nơi thực hiện tất cả các đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, là nơi mà cán bộ phải giải quyết công việc hàng ngày trực tiếp với dân. Sự yếu kém của tổ chức và cán bộ cơ sở sẽ là trở ngại chính trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Năm là, kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện lộng quyền của cán bộ cơ sở, những mặt trái của gia đình phong kiến: "một người làm quan, cả họ được nhờ", vi phạm dân chủ, coi thường kỷ cương phép nước.

Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở sẽ khơi dậy một sức mạnh lớn lao thúc đẩy nhanh sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, một sức mạnh dân chủ truyền thống của dân tộc Việt Nam, của nền văn hóa Việt Nam, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*" (2). "Việc gì có quần chúng tham gia bàn bạc, khó mấy cũng trở nên dễ dàng và làm được tốt. Các đồng chí ở Quảng Bình nói rất đúng:

Dễ mười lần không dân cũng chịu

Khó trăm lần dân liệu cũng xong" (3)

Sức mạnh đó đang được khởi động và sẽ tạo ra những chuyện thần kỳ như đã từng tạo ra trong quá khứ đầy sóng gió và vinh quang của dân tộc Việt Nam. ❑

---

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 698

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 212

Digitized by Google

Thực tiễn và kinh nghiệm triển khai Quy chế Dân chủ ở cơ sở của Hòa Bình

NGUYỄN LINH MINH

QUA 5 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW và các Nghị định số 29, 07, 71 của Chính phủ về Quy chế Dân chủ ở cơ sở (gọi tắt là Quy chế dân chủ), nhìn chung kinh tế - xã hội của Hòa Bình đã có bước phát triển mạnh mẽ. Bộ mặt nông thôn miền núi đổi thay khá toàn diện, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao rõ rệt; xã hội ổn định, trật tự an ninh chính trị được giữ vững; hệ thống chính trị ở cơ sở bước đầu đã phát huy và khai thác được nhiều tiềm năng to lớn, tạo ra động lực phát triển mới ở Hòa bình. Qua thực tiễn, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quý báu về thành công cũng như chưa thành công nhằm giúp cho việc thực hiện tốt hơn nữa Quy chế dân chủ ở Hòa Bình thời gian tới.

Là một tỉnh thuộc vùng miền núi phía Bắc - cửa ngõ vào vùng Tây Bắc rộng lớn và giàu tiềm năng của đất nước - Hòa Bình có diện tích tự nhiên là 4 662 km², dân số là 78,9 vạn người với 7 dân tộc anh em cùng sinh sống (người Kinh chiếm 30% và người Mường chiếm 60% dân số), trên một thị xã và 10 huyện gần 214 xã, phường và thị trấn (trong đó, có hai huyện vùng cao là Mai Châu và Đà Bắc; 102 xã được đầu tư theo dự án 135 với 60 xã thuộc khu vực 3, 10 xã đặc biệt khó khăn và 32 xã thuộc vùng ATK, 23 xã thuộc dự án lòng hồ sông Đà). Nhìn chung, Hòa Bình có nhiều tiềm năng nhưng vẫn là một tỉnh nghèo, đời sống nhân dân còn gặp rất nhiều khó khăn, nhất là những xã vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, vùng lòng hồ.

Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Hòa Bình đã tích cực khai thác và phát huy mọi tiềm năng của mình. Năm 2003, Hòa Bình đã đạt được những thành tích hết sức phấn khởi: tăng trưởng kinh tế trung bình (ba năm qua) đạt 7,6%, riêng 6 tháng đầu năm 2003 đạt 8%; cơ cấu kinh tế bước đầu đã có sự chuyển dịch quyết định, tỷ trọng nông - lâm - ngư chiếm 47%, công nghiệp - xây dựng chiếm 19,3%, du lịch - dịch vụ chiếm 33,7%; sản lượng lương thực đạt 26 vạn tấn; thu nhập bình quân đầu người đạt 3,1 triệu đồng (tăng 750 ngàn đồng/người/năm so với năm 2000); tỷ lệ hộ nghèo còn 13,5% (giảm 13,8% so với năm 2000); 100% số xã trong tỉnh đã có điện lưới quốc gia; 85% số hộ gia đình sử dụng điện sinh hoạt; 99,5% (213/214) số xã có đường ô-tô tới trung tâm xã; 44,5% số hộ được dùng nước sạch; 111 892 hộ gia đình (68%), 1 236 làng, bản, 423 lượt trường học và 269 cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa; 70% số hộ có ti-vi, 95% hộ có ra-đi-ô cát-sét, 100% số xã được đọc báo trong ngày... Chính vì thế, đời sống của các dân tộc ở Hòa Bình được cải thiện rõ rệt, an ninh trật tự xã hội ổn định và được giữ vững, bộ mặt nông thôn khởi sắc, nhân dân phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Việc thực hiện Quy chế dân chủ đã thực sự tạo ra động lực, cơ hội phát triển mới và những chuyển biến tích cực mang tính đột phá ở Hòa Bình.

Digitized by Google

• *Thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội*

Thực tiễn vận động của Quy chế dân chủ đã tạo ra động lực mới thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, góp phần ổn định và giữ vững an ninh quốc phòng. Đặc biệt, khi triển khai các công trình, các dự án kết cấu hạ tầng ở địa phương, nhân dân trực tiếp bàn bạc, quản lý, giám sát; đồng thời, chính người dân tham gia thi công vì thế đã tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho họ.

Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" trong triển khai các công trình công cộng như: đường làng, ngõ xóm, sân chơi, khu dân cư... đã để nhân dân tự bàn bạc, tự quyết định và cùng nhau thống nhất góp công, góp tiền xây dựng, tổ chức quản lý và thực tế đã sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nhất vốn đầu tư.

Các cấp chính quyền phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở địa phương vận động phong trào lập các quỹ (tính đến 12-2002) "đền ơn đáp nghĩa" 2 tỉ 886 triệu đồng; "uống nước nhớ nguồn", chăm sóc gia đình thương binh, liệt sỹ, xây nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm, phụng dưỡng Bà Mẹ Việt Nam anh hùng 5 tỉ 780 triệu đồng; quỹ tình thương, ủng hộ người nghèo 1 tỉ 256 triệu đồng; ủng hộ đồng bào bị lũ lụt hơn 3 tỉ đồng; quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam gần 1 tỉ đồng...

Thực hiện quy ước thôn, bản, tổ dân phố, đồng thời với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư, xây dựng nếp sống mới, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong việc tang, việc cưới, thực hành tiết kiệm, ngăn chặn sự xuất hiện các tệ nạn xã hội.

Do thực hiện tốt Quy chế dân chủ nên an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở từng địa bàn dân cư tiếp tục ổn định, các tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông giảm rõ rệt.

• *Tăng cường công tác xây dựng Đảng và chính quyền cơ sở*

Thường xuyên và kịp thời tổ chức nhiều hình thức sinh hoạt khác nhau để nhân dân trực tiếp tham gia, bàn bạc và góp ý với các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội cũng như sinh hoạt của tổ chức đảng. Vì thế, mối quan hệ khăng khít vốn có giữa Đảng và nhân dân đã được nâng lên một trình độ mới, niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào sự nghiệp cách mạng được củng cố.

Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở thường xuyên lấy ý kiến đóng góp trực tiếp của nhân dân, từng bước tạo lập mối quan hệ tin cậy lẫn nhau theo phương châm gần dân, sát dân. Đảng viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tu dưỡng đạo đức tác phong, nêu cao vai trò gương mẫu và là hạt nhân của các phong trào quần chúng ở cơ sở. Đến cuối năm 2003, có 70% số tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

Với chức năng quản lý nhà nước và là chủ thể triển khai mọi chủ trương, đường lối của Đảng, các cấp chính quyền đã kịp thời thể chế hóa các quan điểm của Đảng phù hợp với thực tiễn địa phương. Vì thế, đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, phát huy quyền làm chủ; đồng thời, các cấp chính quyền cũng thực hiện tốt chủ trương cải cách hành chính, cải tiến các thủ tục, thực hiện công khai, chống quan liêu, hách dịch, cửa quyền, ức hiếp nhân dân; giải quyết kịp thời mọi đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng luật, không để tồn đọng, oan ức và hạn chế tối đa đơn thư vượt cấp.

Lập các phòng tiếp dân, các đồng chí lãnh đạo trực tiếp lắng nghe và giải quyết kịp thời các thắc mắc, khiếu nại của dân. Trong 3 năm 2000 - 2003, toàn tỉnh đã tiếp 2 922 lượt công dân; trong 2 năm 2002 - 2003, đã thanh tra, xử lý 3 731 đơn thư, khiếu tố của dân. Sau thanh tra đã

Digitized by Google

giải quyết 614 vụ việc, phát hiện và thu hồi 5 tỉ 470 triệu đồng nộp ngân sách, thu hồi 22,8 ha đất rừng, 88 657 m^2 đất các loại, trên 40 tấn thóc, 126 văn bằng chứng chỉ giả... và kiến nghị xử lý 129 cán bộ có sai phạm. Qua đây, các cơ quan thanh tra đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ và tin tưởng của đông đảo quần chúng.

Các cơ quan hành chính thực hiện nghiêm chủ trương cải cách hành chính, cải tiến lề lối làm việc, xây dựng quy chế làm việc của cơ quan. Những chế độ, chính sách, tuyển dụng cán bộ, nâng lương, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bảo hiểm, thu chi ngân sách... được thực hiện đúng tinh thần Quy chế dân chủ. Vì vậy, hoạt động của các cơ quan càng dân chủ, cán bộ công nhân viên phấn khởi nỗ lực hoàn thành tốt công việc, tích cực tham gia xây dựng cơ quan.

Chính quyền phối hợp với Mặt trận Tổ quốc bầu Ban Thanh tra các cấp, Ban tư pháp, tổ hòa giải..., đưa các tổ chức này vào hoạt động đúng luật định. Hội đồng nhân dân các cấp công khai hoạt động của mình, các đại biểu sâu sát, lắng nghe ý kiến cử tri, kịp thời chuyển những ý kiến, thắc mắc của cử tri đến các cơ quan chức năng giải quyết.

• *Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở*

Là những tổ chức chính trị - xã hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có vai trò to lớn và là những lực lượng nòng cốt (các tổ chức này tập hợp được đông đảo quần chúng: Hội Phụ nữ 80%, Hội Nông dân 68,55%, Đoàn Thanh niên 76%, Liên đoàn Lao động 91,3%, Hội Cựu chiến binh 99,8%... số đối tượng) vận động quần chúng ở cơ sở. Thực hiện Quy chế dân chủ, thành viên của các tổ chức này tích cực, gương mẫu, luôn đi đầu trong các phong trào quần chúng. Qua đây, họ càng tích cực góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội thường xuyên động viên, giúp đỡ, kịp thời giới thiệu với Đảng những thành viên ưu tú của mình, góp phần tích cực xây dựng Đảng và làm tốt công tác phát triển đảng; đồng thời, ký nhiều chương trình phối hợp với các sở, ban, ngành như quân đội, công an, giáo dục và đào tạo, y tế, ngân hàng, ủy ban Dân số, gia đình và Trẻ em, nông nghiệp và phát triển nông thôn... Chính qua sự thực hiện các chương trình phối hợp này, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đã tập hợp ngày càng rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Cùng với những thành quả to lớn, sau 5 năm thực hiện Quy chế dân chủ, thực tế vẫn còn một số hạn chế.

Mặc dù được các cấp ủy thống nhất chỉ đạo và quán triệt đồng bộ tới mọi đơn vị, địa phương và mọi tầng lớp nhân dân nhưng vẫn có nơi thực hiện chưa tốt, sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền chưa tập trung, chưa đồng bộ và thống nhất.

Việc triển khai ở nhiều nơi còn khuếch trương, mang tính hình thức hoặc còn lúng túng, thiếu kinh nghiệm; công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến các nội dung của Quy chế dân chủ chưa sâu, do đó, nhiều cán bộ, công chức, nhân dân chưa thấm nhuần, chưa thông suốt; năng lực đội ngũ cán bộ ở không ít nơi còn yếu kém chưa đáp ứng yêu cầu công tác.

Nhiều quy ước thôn, bản được xây dựng và đã được phê duyệt nhưng nội dung còn chung chung, khó hiểu, chưa sát thực tế, khó vận dụng trong việc xử lý các tình huống; nhiều điều trong quy ước không phù hợp hoặc bị lạc hậu không được kịp thời sửa đổi, bổ sung.

Một số cơ quan hành chính, doanh nghiệp chưa xây dựng quy chế làm việc của cơ quan hoặc đã có quy chế nhưng không thường xuyên và kịp thời sửa chữa, bổ sung những nội dung mới và sửa đổi những điều không phù hợp. Các vấn đề thiết thực và nhạy cảm như nâng lương, nâng bậc, tuyển dụng, đào tạo, đề bạt,

Digitized by Google

khen thưởng và kỷ luật... còn tùy tiện hoặc hình thức, do đó gây ra nhiều ý kiến thắc mắc, khiến cán bộ chưa yên tâm công tác.

Do triển khai chậm hoặc không đầy đủ các nội dung của Quy chế dân chủ nên tính công khai và phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" ở một số nơi chưa được thực hiện tốt; ở không ít địa phương mang tính hô hào khẩu hiệu, không thực chất.

Việc phối hợp thực hiện Quy chế dân chủ giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có nơi, có lúc không đồng bộ, nhịp nhàng. Có một số địa phương Mặt trận và các tổ chức đoàn thể đứng ngoài, không tham gia vận động các thành viên và hội viên của mình tích cực tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế, nội quy và quy ước của đơn vị.

Ban Thanh tra nhân dân các cấp, tổ hòa giải được thành lập ở mọi đơn vị, địa phương, nhưng nhìn chung sự hoạt động của các tổ chức này không thường xuyên, mang tính hình thức, kém hiệu quả. Nhất là, tính độc lập của các tổ chức này không thể hiện rõ trong xử lý công việc, vì thế, hoạt động cũng mang nặng tính chủ quan, ít được nhân dân tin cậy.

Tình trạng trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

• Thực hiện Quy chế Dân chủ là một việc làm mới mẻ, cả đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai đều vừa làm vừa rút kinh nghiệm, do đó, còn nhiều lúng túng, đôi khi chủ quan nên hiệu quả công việc chưa cao.

• Hòa Bình là một tỉnh miền núi địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, đời sống người dân còn nghèo, dân trí thấp... chính là những bất lợi, khó khăn đối với việc tuyên truyền phổ biến, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về Quy chế dân chủ.

• Vẫn còn một số cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội chưa thống nhất xây dựng được quy chế phối hợp hoạt động, chưa tạo lập được mối quan hệ làm việc dân chủ và khách quan. Vì vậy, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở chưa cao, chưa tạo nên sức mạnh tổng hợp trong việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ.

• Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ được thành lập ngay từ đầu ở các cấp nhưng không ít nơi hoạt động chưa tốt và hiệu quả chưa cao, do chưa có quy chế hoạt động và sự phân công, phân nhiệm giữa các thành viên trong Ban không rõ ràng, thiếu cụ thể.

Qua thực tiễn, bước đầu chúng ta có thể rút ra một số bài học thiết thực và sinh động:

1 - Để thực hiện tốt hơn nữa Quy chế dân chủ cần thực sự quán triệt sâu sắc, tập trung học tập và phổ biến trong toàn Đảng và toàn dân về Chỉ thị 30-CT/TW và các nghị định của Chính phủ.

2 - Tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước một cách toàn diện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, rút kinh nghiệm, kịp thời điều chỉnh các điều khoản trong các nội quy, quy ước, hương ước phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

3 - Cần gắn liền việc triển khai Quy chế dân chủ với Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh; thực hiện cải cách hành chính, xây dựng chính quyền cơ sở.

4 - Để thực hiện tốt Quy chế dân chủ phải tạo lập mối quan hệ mật thiết giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng ở các cấp nhằm tạo ra sức mạnh to lớn hơn trong việc thực hiện các phong trào cách mạng.

5 - Các nội quy, quy ước thôn, bản cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với trình độ của mọi tầng lớp nhân dân, phù hợp với các đơn vị, địa phương cụ thể, tránh sao chép, dập khuôn hay nặng tính hình thức; các nội quy, quy ước phải đúng chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phải trong khuôn khổ của pháp luật. ❑

Digitized by Google

Vài suy nghĩ về chuẩn bị nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa

NGUYỄN VĂN THỤY*

CHUẨN bị nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một nhiệm vụ trọng đại trong giai đoạn hiện nay. Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII, ghi rõ: "Những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên", những con người và thế hệ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức kỷ luật, có sức khỏe".

Với tiêu chí đó, xin bàn về việc khắc phục một số bất cập trong việc tạo nguồn nhân lực của ta hiện nay.

Những năm gần đây, có một thực tế là người đi học phải chi phí lớn, vượt xa khả năng kinh tế của phần lớn dân cư có thu nhập thấp. Điều này dẫn tới việc phân hóa "đầu vào" của nguồn nhân lực thành hai khu vực khá rõ: *khu vực có thu nhập thấp và trình độ dân trí thấp* (nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa); *khu vực có thu nhập cao và trình độ dân trí cao hơn* (thành thị).

Tại khu vực thứ nhất, trẻ em do thiếu cả về điều kiện vật chất lẫn điều kiện tiếp thu kiến thức, ít có cơ hội để học lên, đa số phải thôi học trước khi kết thúc phổ thông trung học. Chỉ một số ít vượt qua được khó khăn vật chất, qua được các kỳ thi mới có cơ hội học lên. Vì thế, nhân lực có cơ hội đạt trình độ cao trong khu vực này chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Bù lại, sống trong môi trường khó khăn, gắn bó với lao động sản xuất, các em sớm được rèn luyện nhân cách, bản lĩnh, khẳng định phẩm chất, tính nhân văn cần có của con người xã hội chủ nghĩa. Đó là ý chí và khả năng vượt khó, vượt khổ, yêu lao động, yêu gia đình, quê hương, gắn bó với cộng đồng, đậm đà truyền thống nhân văn và văn hóa dân tộc... Với những ưu thế ấy, nhiều học sinh dù đạt điểm thi vào các trường đào tạo không cao, nhưng đã nhanh chóng khắc phục những mặt yếu về kiến thức và ngày càng vượt trội. Về sau, trong lao động, sản xuất, các em thường nhanh nhạy khi giải quyết các tình huống, đạt hiệu quả công việc cao, trở thành những cán bộ đầu đàn, cán bộ có trình độ cao.

Tại khu vực thứ hai, với khả năng tốt về kinh tế và nhận thức đúng vai trò của tri thức trong tương lai, gia đình đã tạo cho con em những điều kiện tốt nhất để học các kiến thức học đường. Do đó, so với các em cùng trang lứa ở khu vực trên thì nhìn chung họ vượt trội về kiến thức, qua được các kỳ thi tuyển, trở thành nguồn chính đào tạo nhân lực về sau.

Song, chính lực lượng được đào tạo theo cách này lại có mặt bất cập lớn so với yêu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Khi được chăm sóc đơn phương về kiến thức học đường, không còn nhiều thời

* Vụ trưởng, Bộ phận Thường trực Ban chỉ đạo Trung ương 6 (2)

Digitized by Google

gian và điều kiện tiếp xúc với thực tiễn kinh tế - xã hội, thực tiễn lao động sản xuất, nhiều em ít khả năng và thiếu ý thức tự phục vụ, phục vụ gia đình và cộng đồng, ý chí và nghị lực vượt khó thấp, ít được trau dồi về mặt nhân văn gắn với bản sắc dân tộc, ít có những hoài bão, ước mơ gắn với xã hội và cộng đồng.

Như vậy, nguồn chuẩn bị nhân lực từ cả hai khu vực trên như hiện nay đều chưa toàn diện, có những bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu cần có cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, tiềm năng nhân lực trình độ cao chủ yếu mới chỉ phát huy từ khu vực thứ hai chiếm không quá 30% dân số cả nước. Nhiều mầm non có triển vọng và tài năng ở khu vực thứ nhất (chiếm trên 70% dân số) ít có cơ hội được phát hiện để đào tạo và phát huy, sẽ chỉ trở thành những lao động phổ thông, kỹ thuật thấp và không được tham gia vào đội ngũ lao động trình độ cao mà sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần.

Theo các số liệu nghiên cứu, ở nước ta, xác suất để một con người trở thành lao động trình độ cao, trở thành nhân tài trong cư dân ít phụ thuộc vào nguồn gốc địa lý xuất thân (miền núi, nông thôn hay thành thị). Nhân tài kiệt xuất xuất thân từ vùng quê nghèo không ít.

Xưa, với 850 năm chọn nhân tài theo chế độ khoa bảng, sử sách còn ghi được 2 898 người đỗ đại khoa thuộc 35/61 tỉnh, thành phố (theo cách chia tỉnh hiện nay). Đại đa số nhân tài đó xuất thân từ hoàn cảnh nghèo khó, từ các vùng quê. 10 tỉnh, thành phố đứng đầu về số người đỗ đại khoa được xếp thứ tự như sau: Bắc Ninh - 399 vị (trong đó có 16 trạng nguyên hoặc đình nguyên), Hưng Yên - 328 vị (trong đó có 5 trạng nguyên), Hải Dương - 313 vị (trong đó có 11 vị trạng nguyên và đình nguyên), Thanh Hóa - 201 vị (trong đó có 4 vị trạng nguyên và đình nguyên), Nghệ An - 143 vị (trong đó có 1 vị trạng nguyên hoặc đình nguyên), Hà Tĩnh - 139 vị (không có trạng nguyên hoặc đình nguyên), Thái Bình - 106 vị (trong đó có 3 vị trạng nguyên và đình nguyên), Vĩnh Phúc - 92 vị (trong đó có 1 trạng nguyên và đình nguyên). Thăng Long là kinh khoa cử suốt 720 năm, nhưng chỉ đứng hàng số 3, còn kinh đô Huế (kể cả Thừa Thiên), chỉ có 63 người đỗ đại khoa, mà chủ yếu là phó bảng, đứng thứ 13.

Nay, theo thống kê năm 1993, trong số 585 cán bộ đầu ngành, trình độ cao, hoặc giữ các vị trí chủ chốt tại hơn 260 tổ chức nghiên cứu - phát triển, có đến 484 người xuất thân từ các vùng quê, chiếm 83%, còn số từ các thành phố, thị xã chỉ có 101 người, chiếm tỷ lệ 17%.

Rõ ràng là, nếu không có những giải pháp, cơ chế thích hợp thì không những đội ngũ nhân lực trong tương lai không đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mà còn bỏ qua một tiềm năng lớn (từ 70% đến 80%) nhân lực trình độ cao và nhân tài không được phát huy.

Để góp phần khắc phục một số bất cập trên, xin có đề xuất sau:

***Một là,** nước ta nhất định phải sớm hướng tới một nền giáo dục miễn phí, bảo đảm cho mọi người dân được tiếp thu trình độ giáo dục phổ cập bắt buộc.*

Đây là xu thế chung. Đến nay, phần lớn các nước phát triển trên thế giới đã thực hiện nền giáo dục phổ cập bắt buộc miễn phí. Các nước như: Anh, Bỉ, Đức, Hà Lan, Na Uy, Pháp, Phần Lan, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Nhật Bản, Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a... đã thực hiện giáo dục bắt buộc, miễn phí từ 9 đến 12 năm, đạt tỷ lệ dân biết chữ cao (97% - 100%). Nước Mỹ, với quy mô giáo dục khổng lồ bậc nhất thế giới, đã thực hiện nền giáo dục phổ cập bắt buộc 10 năm miễn phí từ đầu thế kỷ XX, được thế giới đánh giá là thành công lớn về chính sách xã hội của nước này. Cu-ba không những miễn phí mà còn cấp học bổng, nuôi nội trú cho đại đa số học sinh từ vỡ lòng trở lên.

Digitized by Google

Theo xu thế đó, chúng ta cần thay chủ trương "người đi học phải đóng học phí"(1) bằng chủ trương "học phổ cập được miễn phí; toàn xã hội có trách nhiệm góp sức đầu tư cho người đi học". Thực hiện nghiêm với mức độ thích đáng chủ trương: "người sử dụng lao động qua đào tạo phải đóng góp chi phí đào tạo"(2); đồng thời, nghiên cứu và thực hiện chính sách thuế hỗ trợ giáo dục áp dụng cho toàn xã hội để bù vào việc cắt bỏ các khoản phí. Tiến tới miễn tất cả các khoản phí cho người đi học trong diện phổ cập bắt buộc, trước nhất là đối với vùng núi, nông thôn; mở rộng trợ cấp học bổng cho học sinh khó khăn, miền núi và dân tộc thiểu số. Thay chủ trương sớm chấm dứt tình trạng thu tiền của học sinh không chính thức, không công bằng, không công khai và tình trạng dạy thêm tràn lan bằng chủ trương "nghiêm cấm thầy giáo dạy thêm thu tiền của học sinh, thực hiện chế độ bắt buộc giáo viên phụ đạo miễn phí cho học sinh kém".

Kiên quyết đưa giáo viên trở về với nhà trường, với học sinh của mình và phải sống bằng lương ưu đãi giáo viên. Nhà nước cần xem xét, ban hành chế độ bồi dưỡng thỏa đáng cho việc dạy ngoài giờ của giáo viên. Khôi phục lại tư cách, uy tín người thầy giáo truyền thống.

Sẽ không đúng khi ai đó cho rằng, ở Việt Nam ta điều đó là không tưởng. Bác Hồ dạy: Các việc đáng làm, thì khó mấy cũng quyết làm, chắc chắn được. Chính chúng ta đã từng xây dựng thành công nền giáo dục như vậy, đã tạo nên những thế hệ con người làm nên chiến thắng vĩ đại trong cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ, xây dựng được một đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, đã và đang góp phần quan trọng trong sự nghiệp đổi mới.

Hai là, *tiếp tục hoàn thiện cơ chế phát hiện, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để phát huy mọi tiềm năng trong dân cư cả nước, không bỏ sót.*

Khắc phục tình trạng đơn tuyến, chỉ phát hiện để đào tạo nhân lực thông qua kiến thức trong các nhà trường, phải chú ý phát hiện để đào tạo cả trong lực lượng còn ở ngoài nhà trường, hoặc không có cơ hội thể hiện trong chương trình học đường (phần lớn năng lực quản lý, năng lực kinh doanh, sản xuất lại xuất hiện ở các khu vực này).

Đối với khu vực có thu nhập và dân trí thấp, cần có chính sách ưu đãi thích đáng ngay từ bậc tiểu học để kích thích làm bộc lộ sớm, phát hiện, không bỏ sót những mầm non nhân lực có khả năng tiếp thu trình độ cao và có tài.

Đặc biệt quan tâm việc tuyển chọn, hỗ trợ đào tạo nghề miễn phí cho lực lượng thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, để bổ sung đội ngũ lao động, đội ngũ quản lý nòng cốt.

Ba là, *điều chỉnh căn bản phương pháp và chương trình giáo dục - đào tạo theo hướng giáo dục tri thức toàn diện cho học sinh, cả kiến thức học đường và kiến thức thực tiễn kinh tế - xã hội.*

Thực hiện lồng ghép để giảm tối đa các môn học trên lớp, nhất là trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, tinh hóa kiến thức; đưa một số lớn kiến thức và môn học vào chương trình giáo dục cộng đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng, nghe nhìn, sách báo, các chương trình ngoại khóa, thực tập, đi thực tế. Coi đây là một mặt quan trọng của xã hội hóa giáo dục.

Khôi phục chế độ bắt buộc đối với học sinh: tham gia lao động giúp gia đình, lao động công ích xã hội, các hình thức sinh hoạt tập thể, chế độ tự quản của học sinh đối với trường, lớp học, giữ gìn trường lớp xanh, sạch, đẹp; chế độ bắt buộc tham gia lao động đối với nơi cư trú, về nông thôn, lên miền núi, chế độ lao động hè; có chương trình thực tập bắt buộc cho sinh viên, học sinh chuyên nghiệp và nhận thực tập bắt buộc đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh. ❑

---

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Khóa VII*, lưu hành nội bộ, 2-1993, tr 62

(2) *Sđd*, tr 62

Digitized by Google

VỀ THỰC CHẤT CỦA TỰ DO TÔN GIÁO TRONG CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO NHÂN QUYỀN CỦA MỸ

VŨ CÔNG GIAO*

MẶC dù Hiến pháp Mỹ quy định chính quyền tách rời và không chịu ảnh hưởng của nhà thờ, nhưng trên thực tế, tôn giáo đã tác động đến nền chính trị của nước Mỹ từ rất sớm. Tự do tôn giáo đã từng được những người sáng lập ra nước Mỹ ca ngợi là "tự do thứ nhất". Chính quyền Mỹ còn lấy ngày 16-1 hằng năm là "Ngày Tự do tôn giáo". Nhiều tổng thống Mỹ sau này cũng lợi dụng vấn đề tự do tôn giáo để giành hoặc củng cố quyền lực chính trị. "Tự do kính Chúa" - một trong bốn quyền tự do cơ bản được Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven nêu ra trong bản Thông điệp Liên bang nổi tiếng ngày 6-1-1941, đã giúp ông nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của dân chúng Mỹ khi tại nhiệm. Trong những năm cuối thập niên 1970, Tổng thống D. Ca-tơ cũng tìm kiếm sự ủng hộ của dư luận với chiến lược ngoại giao nhân quyền do ông khởi xướng, khi tuyên bố tự do tôn giáo là một trong ba nguyên tắc cốt yếu của nhân quyền...

Nghiên cứu mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị ở Mỹ, có thể thấy, trong mọi thời kỳ, tôn giáo đều có ảnh hưởng đến đời sống chính trị của nước này, nhưng nó được lồng ghép nhiều hơn vào chính sách đối nội, đối ngoại mỗi khi phe thủ cựu về tôn giáo chiếm ưu thế trong nghị viện. Kể từ đầu thập niên 1980 đến nay, nghị viện Mỹ, về cơ bản, do Đảng Cộng hòa - lực lượng có quan điểm thủ cựu về tôn giáo - chiếm ưu thế. Vì vậy, tôn giáo trở thành một vấn đề được quan tâm đặc biệt trong hoạt động của nghị viện. Năm 1993, nghị viện Mỹ đã thông qua Luật Phục hồi tự do tôn giáo, trong đó nhấn mạnh quyền tự do tôn giáo trong gia đình. Mặc dù, đạo luật này không có hiệu lực bởi vào năm 1997, nó bị Tòa án tối cao Mỹ coi là "trái hiến pháp", song, những lực lượng đề xướng và ủng hộ nó lại được cổ vũ bởi một luận thuyết của nhà tương lai học, S. Hăn-tinh-tơn, với lý thuyết về "sự xung đột giữa các nền văn minh". Lý thuyết này đã gieo rắc vào công chúng Mỹ một nhận thức là, sau "chiến tranh lạnh", thế giới sẽ chia thành "các nền văn minh"; và, tiêu chí cơ bản để phân định các nền văn minh đó chính là niềm tin tôn giáo ở các quốc gia và khu vực. Điều này đồng nghĩa với nhận thức rằng, vị thế của nước Mỹ trong tương lai phụ thuộc vào việc truyền bá và hỗ trợ niềm tin tôn giáo ở nước này tới các quốc gia trên thế giới. Đây chính là yếu tố tư tưởng dẫn tới bước ngoặt lớn là việc liên kết tự do tôn giáo với chính sách ngoại giao nhân quyền của nước Mỹ trong thời gian gần đây.

"Ngoại giao nhân quyền" là thuật ngữ lần đầu tiên xuất hiện trong cuốn sách cùng tên của Đ. Niu-xơn, được xuất bản tại Mỹ năm 1966. Cuốn sách phân tích những động thái của chính phủ Mỹ trên lĩnh vực này và nhấn mạnh, nhân quyền đóng vai trò là một yếu tố quan trọng trong chính

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

sách đối ngoại của Mỹ kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ II.

Mặc dù là một quyền con người cơ bản, song chỉ từ năm 1974, tự do tôn giáo mới bắt đầu được lồng ghép vào chính sách ngoại giao nhân quyền của Mỹ, trong Luật sửa đổi *Luật Trợ giúp nước ngoài năm 1961*(1). Đạo luật này yêu cầu Bộ Ngoại giao Mỹ hằng năm phải trình lên Hạ viện và Ủy ban các quan hệ đối ngoại của Thượng nghị viện bản báo cáo chi tiết về "tình hình nhân quyền" ở các quốc gia, trong đó bao gồm những thông tin về "vi phạm" tự do tôn giáo. Tuy nhiên, phải đến nửa cuối những năm 1990, vấn đề tăng cường liên kết giữa tự do tôn giáo với chính sách đối ngoại mới được thúc đẩy một cách riết róng bởi cả những nhân vật trong chính trường lẫn giới học giả Mỹ. Trong chính trường, một số nghị sĩ Mỹ đã ra sức vận động lưỡng viện nước này thông qua một đạo luật về tự do tôn giáo nhằm vào các nước bên ngoài (chứ không phải cho nội bộ nước Mỹ như đạo luật năm 1993). Tiêu biểu cho các nhân vật đó là hạ nghị sĩ T. Rốt. Trong một báo cáo trước Hạ viện, ông nghị này lập luận: "Hai thế kỷ sau nữa,... nếu như có một yếu tố phổ biến sẽ ảnh hưởng vượt qua tất cả các đường biên giới và các nền văn hóa, thì đó chính là tôn giáo. Bởi vậy, Hạ nghị viện cần chống lại sự đàn áp tôn giáo trên phạm vi quốc tế và gây sức ép để các chính sách và quan hệ của chính phủ Mỹ với chính phủ các nước khác phải phù hợp với niềm tin cơ bản đó"(2). Là người được coi là có học thức uyên thâm nên ý kiến của T. Rốt có ảnh hưởng quan trọng đến nhiều nghị sĩ khác. Kết quả là Hạ nghị viện Mỹ đã thông qua Nghị quyết HR 3610, yêu cầu Chính phủ phải ủng hộ những hoạt động tự do tôn giáo và chống lại những hành động "hạn chế hoặc kỳ thị tôn giáo" ở tất cả quốc gia trên thế giới, đồng thời phải liên kết chặt chẽ vấn đề tự do tôn giáo với chính sách đối ngoại toàn cầu.

Một nhân vật diều hâu khác trong chính giới Mỹ cũng rất "quan tâm" đến đời sống tâm linh của nhân dân nước người là thượng nghị sĩ T. Đi-lây. Ông này chỉ trích gay gắt Chính phủ Mỹ những nhiệm kỳ trước đây đã không gắn kết chặt chẽ vấn đề tự do tôn giáo với chính sách ngoại giao nhân quyền, đồng thời yêu cầu phải có một đạo luật riêng về vấn đề đó. Vào hùa với các nhân vật kể trên, một số học giả Mỹ cũng lên tiếng đòi Chính phủ phải quan tâm đến những "sự đàn áp tôn giáo" diễn ra không phải ở nước mình.

Trước sức ép từ nhiều phía, cộng thêm truyền thống thực dụng về chính trị, chính phủ Mỹ đã đưa ra dự thảo Bộ luật Tự do tôn giáo quốc tế (IRFA) vào tháng 10-1998. Phát biểu trong ngày nghị viện bỏ phiếu thông qua IRFA (27-11-1998), khi đó Tổng thống Mỹ B. Clin-tơn đã tuyên bố: "Chính phủ do tôi đứng đầu cam kết sẽ thúc đẩy tự do tôn giáo trên toàn thế giới... Chính phủ sẽ đưa vấn đề tự do tôn giáo trở thành một yếu tố chủ yếu trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ". Trong diễn văn kỷ niệm Ngày Tự do tôn giáo năm 1999, ông B. Clin-tơn đã tiếp tục: "Tự do tôn giáo là một quyền con người cơ bản phải được thừa nhận bởi tất cả các quốc gia và phải được bảo vệ bởi tất cả các chính phủ. Thúc đẩy tự do tôn giáo cho tất cả các dân tộc phải tiếp tục được coi là yếu tố chủ chốt trong chính sách đối ngoại của chúng ta"(3). Vị tổng thống này còn bày tỏ quyết tâm sẽ đưa tự do tôn giáo thành một nội dung quan trọng trong các diễn đàn đa phương, đồng thời yêu cầu các nhà ngoại giao Mỹ ở các nước phải "tiến hành các cuộc đối thoại" với chính phủ của các nước sở tại trong vấn đề có liên quan.

Hòa giọng với tuyên bố đó, nhiều quan chức Mỹ khác cũng ra sức kêu gào phải nỗ lực chống lại những "hành động đàn áp tôn giáo" trên thế giới. R. Len, một trong số các thành viên của Ủy ban Tôn giáo quốc tế Mỹ nói: "Nước Mỹ đặt sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề tự do... Thúc đẩy sự tôn trọng với tự do tôn giáo ở các dân tộc trên thế

(1) *Luật về trợ giúp nước ngoài năm 1961* là một đạo luật quan trọng được ban hành trong thời gian tổng thống Gi.Ken-nơ-đi nắm quyền, đề cập đến quy chế thiết lập các quan hệ và cung cấp viện trợ của Mỹ cho các nước trên thế giới.

(2) Xem Tạp chí *Nhân quyền* (Trung Quốc), số 1, tháng 1-2003, tr 37

(3) *Tạp chí đã dẫn*

giới phải được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với những nỗ lực nhằm thúc đẩy nhân quyền trong chính sách đối ngoại của chúng ta"(4). Còn G. Hen-phót, đại sứ lưu động thứ hai về tự do tôn giáo quốc tế của nước Mỹ cố tỏ ra "uyên thâm" và "lô-gíc" khi gắn kết hành động lồng ghép tự do tôn giáo vào chính sách đối ngoại của Mỹ với rất nhiều giá trị cao đẹp như nhân phẩm, quyền con người và dân chủ. Sau khi lập luận một cách dài dòng, với nhiều mỹ từ nhưng rất thiếu tính thuyết phục, vị đại sứ này kết luận một cách khiên cưỡng rằng: "Khi Hoa Kỳ đẩy mạnh tự do tôn giáo cũng tức là đẩy mạnh một cách rộng khắp nền dân chủ", thậm chí: "Chính sách về tôn giáo của Hoa Kỳ là công cụ của cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố"(5).

Mặc dù được chính giới Mỹ coi là một trong những đạo luật quan trọng nhất ban hành trong những năm gần đây ở nước này, tuy nhiên, trên thực tế, IRFA bị dư luận thế giới đánh giá là một đạo luật ngang ngược, trái luật pháp quốc tế, can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của nước khác. Điều này thể hiện qua những nội dung chính của IRFA. Đó là:

- Chỉ định một đại sứ lưu động về tôn giáo quốc tế (đồng thời đứng đầu Văn phòng Tự do tôn giáo quốc tế), có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao soạn thảo Báo cáo thường niên về tình hình tôn giáo trên thế giới.

- Thành lập Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế để giám sát tình hình tự do tôn giáo ở các quốc gia khác và đưa ra khuyến nghị về những chính sách áp dụng với các quốc gia tùy theo tình hình tôn giáo ở mỗi nước.

- Bộ Ngoại giao phải trình báo cáo hằng năm về vấn đề tự do tôn giáo trên thế giới, trong đó đánh giá và phân tích về bản chất, mức độ của những vi phạm tự do tôn giáo ở tất cả quốc gia; đồng thời, đề xuất những hành động và chính sách mà Mỹ cần tiến hành để thúc đẩy tự do tôn giáo ở các nước bị Mỹ coi là vi phạm tự do tôn giáo.

- Tổng thống phải đưa ra ít nhất một hành động, chậm nhất là vào ngày 1-9 hằng năm, để chống lại một nước bị coi là liên quan hoặc vi phạm quyền tự do tôn giáo, đồng thời phải đàm phán để ký kết một hiệp ước ràng buộc với những nước như vậy.

Rõ ràng, những nội dung trên của IRFA là đối lập hoàn toàn với các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế đã được ghi nhận trong Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945, hai Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa năm 1966, Tuyên bố về các nguyên tắc của luật pháp quốc tế điều chỉnh mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc năm 1970. Những nguyên tắc đó là: *Các quốc gia bình đẳng về chủ quyền, có quyền tự quyết về mọi vấn đề trong và ngoài nước* và *có nghĩa vụ không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.*

Dựa vào những quy định kể trên của IRFA, từ năm 1998 đến nay, chính quyền Mỹ đã liên tục gia tăng những hoạt động chống phá nước khác dưới danh nghĩa bảo vệ tự do tôn giáo. Hằng năm, Bộ Ngoại giao Mỹ trình lên nghị viện báo cáo về tình hình tự do tôn giáo ở 195 nước trên thế giới, trong đó chứa đựng nhiều thông tin bịa đặt, xuyên tạc tình hình thực tế ở các nước, xúi giục bạo loạn, lật đổ. Không chỉ vậy, các nhân viên ngoại giao Mỹ còn bất chấp chủ quyền quốc gia, can thiệp thô bạo và trắng trợn vào công việc nội bộ của nước khác trong những tình huống bạo loạn hay lộn xộn liên quan đến tôn giáo mà theo họ là để "giải thoát cho các tín đồ khỏi vòng nguy nan hoặc ngăn chặn cuộc đàn áp có thể tiếp diễn sau đó". Thế nhưng, trên thực tế, những tình huống ấy thông thường chính là kết quả của những hành động xúi giục, kích động không của ai khác mà của chính họ.

Tính chất ngang ngược của Mỹ trong vấn đề này còn thể hiện ở việc họ tiếp tục áp dụng các *chuẩn mực kép* trong việc xem xét, đánh giá tình hình tự do tôn giáo ở các quốc gia. Trong khi phớt lờ những vi phạm tự do tôn giáo diễn ra ở chính nước mình và ở các nước đồng minh, Mỹ lại ra sức chỉ trích việc trấn áp những hành vi lợi

(4), (5) *Tạp chí đã dẫn*

Digitized by Google

dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm mất ổn định tình hình xã hội, phá hoại an ninh quốc gia tại những nước không theo đuôi họ, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa như Trung Quốc và Việt Nam. Đơn cử, trong khi không ngần ngại dùng xe bọc thép và hơi cay tấn công nơi hành đạo của giáo phái Đa-vi-đi-an ở chính nước Mỹ vào tháng 2-1993, giết chết 80 người (có 22 trẻ em và 2 phụ nữ đang mang thai), với lý do cho đó là tà giáo, thì Mỹ lại chỉ trích gay gắt việc Trung Quốc trấn áp Pháp luân công - một tà giáo mà chỉ trong thời gian ngắn đã khiến hơn 1 700 người Trung Quốc tin theo nó tự tử, bị tâm thần hoặc tàn tật. Tương tự, trong khi kiểm soát chặt chẽ và đưa ra những hạn chế khắc nghiệt với người Hồi giáo ở Mỹ và muốn nhập cảnh vào nước Mỹ, thì Mỹ lại chỉ trích Việt Nam đã vi phạm tự do tôn giáo của một số nhân vật, mà trên thực tế, đó là những kẻ đã lợi dụng tôn giáo để tiến hành những hành động chống phá, gây rối trật tự xã hội, kích động lật đổ... Tất cả những điều đó đủ cho thấy rõ thái độ đạo đức giả của Mỹ trong vấn đề này. Việc lồng ghép tự do tôn giáo vào chính sách ngoại giao không phải là bởi họ "thiết tha" gì với đời sống tâm linh của người dân nước khác, mà chỉ là một mưu đồ chính trị, một bước tiến triển mới, thâm độc và xảo quyệt, nhằm chống phá những nước mà họ không ưa thích, như họ đã và đang sử dụng vấn đề nhân quyền trong việc đó.

Tóm lại, tự do tôn giáo và việc liên kết nó vào chính sách ngoại giao nhân quyền có cơ sở sâu xa từ lịch sử, cơ sở trực tiếp từ những lực lượng chính trị vừa thủ cựu về tôn giáo, vừa cực đoan về đối ngoại ở nước Mỹ. Với những đặc điểm như vậy, lại được cổ vũ bởi một số học giả và luận thuyết tương lai học đang có ảnh hưởng ở phương Tây, chắc chắn trong thời gian tới, một số lực lượng chính trị ở Mỹ sẽ còn tiếp tục và tăng cường lợi dụng vấn đề tự do tôn giáo để gây sức ép hoặc làm rối loạn, lật đổ đối với các quốc gia khác. Đây là một thách thức với các nước không đi theo Mỹ, đặc biệt là các nước vốn là mục tiêu công kích của họ trên lĩnh vực nhân quyền như Trung Quốc,Việt Nam... Nó đặt ra cho các nước này yêu cầu cấp thiết phải có những biện pháp đối phó kịp thời và phù hợp để giảm thiểu hậu quả từ những hành động chống phá đó.

Ở Việt Nam, tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một nguyên tắc nhất quán trong đường lối của Đảng cộng sản và được ghi nhận trong pháp luật ngay từ khi nước nhà mới giành được độc lập. Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định: "Tín ngưỡng, tôn giáo là *nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân*. Đảng, Nhà nước cam kết tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, bao gồm quyền tin, theo hoặc không tin, theo một tôn giáo, tín ngưỡng nào đồng thời bảo đảm quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật"(6). Điều 70 của Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (năm 1992) ghi rõ: "Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ". Tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một quyền nhân thân cơ bản của công dân trong Bộ luật Dân sự, được bảo vệ bằng pháp luật hình sự và được cụ thể hóa trong rất nhiều văn bản pháp luật khác... Có thể khẳng định, pháp luật Việt Nam hiện nay hoàn toàn phù hợp với những chuẩn mực quốc tế có liên quan trên lĩnh vực này.

Song, không có tự do nào là vô hạn; không có quyền con người nào nằm ngoài pháp luật. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948, bên cạnh việc "thừa nhận những phẩm giá vốn có và các quyền bình đẳng và bất di bất dịch của mọi thành viên trong cộng đồng nhân loại", còn nêu rõ: "Mọi người, trong khi hưởng thụ các quyền và tự do cá nhân, phải chịu những hạn chế do luật định, nhằm bảo đảm các quyền và tự do của người khác và phù hợp với những đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và sự phồn vinh chung trong một xã hội dân chủ". Sự giới hạn đúng đắn các quyền và tự do là yếu tố không thể thiếu để bảo đảm các quyền và tự do, trong đó có tự do tôn giáo. Vậy mà, một số thế lực thù địch trong và ngoài nước từ trước đến nay đã không biết hoặc cố tình không thừa nhận điều đó, thậm chí còn xuyên tạc, vu cáo trắng trợn tình hình nhân quyền và tự do tôn giáo ở Việt Nam trong thời gian vừa qua. ❑

(6) *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 128

THẤT BẠI CỦA HỘI NGHỊ CAN-CUN: NGƯỜI NGHÈO CÀNG NGHÈO HƠN*

NGÀY 14-9-2003, Hội nghị Bộ trưởng Thương mại các nước thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) ở Can-cun (Mê-hi-cô) đã hoàn toàn đổ vỡ sau 5 ngày họp mà không đạt được thỏa thuận nào. Điều đáng buồn nhất là các nước nghèo sẽ phải gánh chịu tác động của những kết quả đổ vỡ tại Hội nghị này. Tổng Giám đốc WTO, Su-pa-chai Pa-nít-chpa-kđi, nhận xét: Thất bại của hội nghị Can-cun thực sự thuộc về những nước nghèo.

Các buổi thảo luận bắt đầu từ ngày 10-9-2003 đã bị tắc nghẽn một cách không thể cứu vãn nổi. Song, Liên minh châu Âu (EU) và Mỹ đã cố kéo dài cuộc họp qua ngày Chủ nhật (11-9-2003). Hội nghị Đô-ha năm 2001 cũng đã phải kéo dài thêm 24 giờ. Chiều 11-9-2003, không khí đã quá căng thẳng. Sau 5 giờ thảo luận, nhiều đoàn đại biểu châu Phi phải rời phòng họp để biểu thị sự không bằng lòng và 61 nước châu Phi, Ca-ri-bê và Thái Bình Dương cũng tuyên bố không tham dự thảo luận nữa. Họ cương quyết từ chối thảo luận bốn chủ đề mới của WTO. Tổ chức G.16 do Ma-lai-xi-a và Ấn Độ đứng đầu cũng kịch liệt chống lại. Song, EU và Nhật Bản cố nài và tập trung vào bốn vấn đề mở cửa thị trường: các quy tắc tạo thuận lợi cho đầu tư quốc gia; điều tiết sự cạnh tranh; công khai các thị trường công và tạo thuận lợi về mặt hành chính cho việc trao đổi thương mại.

Các nước phương Nam nghi ngại rằng, những điều luật mới này sẽ ảnh hưởng đến các chính sách dân tộc của họ, do đó đã yêu cầu phải ưu tiên thảo luận vấn đề nông nghiệp và vấn đề được tiến vào thị trường các nước phương Bắc. Trong khi một vài nước tin rằng, vẫn còn một điều quan trọng cuối cùng thì chủ tọa châu Mỹ đã thổi còi kết thúc cuộc chơi...

Các nước đang phát triển chê trách các nước giàu đã không nỗ lực xứng đáng trong vấn đề nông nghiệp và chính sách thương mại. EU đã cải tổ chính sách nông nghiệp của mình hồi tháng 6-2003 sau nhiều tháng tranh cãi, và như vậy đã cho một giới hạn để nhượng bộ tại Hội nghị Can-cun. EU đã đưa ra một mức thuế quan bằng không (0) cho 50% các mặt hàng xuất khẩu của các nước đang phát triển và loại bỏ một số trợ cấp cho việc xuất khẩu. Điều đó dường như quá muộn và ít ỏi. Việc EU cố áp đặt 4 chủ đề mới đã bị các nước phương Nam lảng tránh; trong khi Mỹ, vì không muốn nhượng bộ về bông cùng các vấn đề nông nghiệp khác và trong khi kỳ bầu cử tổng thống đang đến gần, đã gây sức ép với các nước châu Mỹ. Vì vậy, đã chôn vùi Hội nghị.

Có thể nói, tại vòng đàm phán vừa qua, nông nghiệp là vấn đề gai góc và là trở ngại lớn nhất khi được đặt lên bàn thương lượng (bên cạnh đó là các vấn đề về đầu tư, cạnh tranh; tính minh bạch thị trường vốn của nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi cho trao đổi thương mại). Thất bại của Hội nghị Can-cun phản ánh những bất đồng khó giải quyết giữa hai khối nước Bắc và Nam. Nhóm

* Nguồn: *Tài liệu tham khảo đặc biệt* của Thông tấn xã Việt Nam, số 16-9, 24-9, 28-9 (2003), Tạp chí *Newsweek* số 15-9-2003, Tạp chí *Third World Economics - Trends and Analysis*, số 1, 15-10-2003

Digitized by Google

21 nước (G.21) đang phát triển được sự ủng hộ của khoảng 90 nước nghèo ở châu Phi, Ca-ri-bê và Thái Bình Dương, rõ ràng không muốn tuân theo sự áp đặt của Mỹ và châu Âu. Lần đầu tiên kể từ vòng đàm phán Đô-ha (2001), các nước đang phát triển đã quyết định tự tổ chức để có thể vun vén được chút lợi ích trong vấn đề nông nghiệp - trọng tâm của các cuộc tranh luận căng thẳng tại Can-cun. Cũng là lần đầu tiên, nhóm G.21, đứng đầu là Bra-xin, Ấn Độ và Trung Quốc, đã đặt lên bàn của WTO một đề nghị cạnh tranh với đề nghị của Mỹ và EU, đòi loại bỏ những khoản trợ cấp cho xuất khẩu mà các nước phát triển đang áp dụng.

Sau "chiến tranh lạnh", người ta đã có nhiều hy vọng. Sau 8 năm thương lượng đầy khó khăn (1986 - 1994), WTO đã có được một tòa án dựa trên nguyên tắc dân chủ "mỗi thành viên một phiếu". Sau thất bại của Hội nghị Xi-a-tơn (1999), WTO đã tranh thủ sức ép hậu "sự kiện ngày 11-9" để đưa vấn đề ra Hội nghị Đô-ha (2001) một "lịch trình phát triển" với các mục tiêu phải đạt được vào năm 2004. Song, sau hai năm thương lượng vẫn nảy sinh nhiều vấn đề còn phức tạp hơn trước. Nếu Hội nghị Can-cun có đạt được thỏa thuận thì cũng chỉ là một cái gì đó mơ hồ và nó sẽ đè nặng lên những cuộc thương lượng tiếp theo.

Trước hết, các nước phương Nam ngày càng ít chấp nhận những lời hứa suông của các nước công nghiệp và các quy tắc bất lợi cho họ. Ví dụ, việc định giá ảnh hưởng của việc mở rộng tự do khác nhau mà các nước giàu đã cam kết từ năm 1995 vẫn chưa được thực hiện hay thuế hải quan bình quân mà các nước giàu quy định cho các sản phẩm chế biến của các nước phương Nam cao hơn gấp 4 lần so với sản phẩm cùng loại của các nước phương Bắc. Hoặc, trong khi các nước công nghiệp bảo hộ và trợ giúp cho ngành nông nghiệp của họ thì các nước phương Nam lại bị từ chối các biện pháp này, v.v..

Mệt mỏi vì thực tế này, các nước phương Nam đã đưa ra tối hậu thư cho các nước giàu, đặt điều kiện phải đạt được thỏa thuận về vấn đề nông nghiệp và thuốc men. Điều này đã được các nước Ấn Độ, Nam Phi và Bra-xin thỏa thuận không chính thức từ đầu mùa hè 2003. "Mầm" của "ba lục địa mới này" (với mong muốn mở rộng tới cả Trung Quốc, một tiếng nói có trọng lượng mới tại WTO) đã "đâm chồi nảy lộc". Từ cuối tháng 8-2003, trên cơ sở một thỏa ước về vấn đề thuốc men, họ đã đề nghị thành lập tổ chức của các nước phương Nam để bảo vệ lập trường chung trong vấn đề nông nghiệp.

Từ nửa thế kỷ qua, người ta thường cho là, chỉ cần đẩy mạnh sức sản xuất nông nghiệp của các nước phương Bắc, thì nhờ vào hiệu quả đạt được từ năng suất, giá nông sản đương nhiên phải giảm xuống. Như thế, mọi người, kể cả những những người nghèo nhất cũng đều có khả năng mua lương thực đủ sống. Nhưng chuyện đó chỉ là trên lý thuyết, bởi vì 3/4 số người thiếu ăn hiện nay không phải là người mua lương thực mà trái lại, họ là những người sản xuất lương thực. Chính những người nông dân, những người trực tiếp sản xuất, cuối cùng lại bị thiếu ăn vì phải bán hết sản phẩm của mình để chi phí cho cuộc sống. Giáo sư Mác-xoen Ma-đôi-ơ (Viện Nông học quốc gia của Pháp) - cựu Chủ tịch Hội đồng Chương trình của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) - cho rằng, phải dẹp bỏ nạn trợ giá nông nghiệp. Ông nói: "Tại Ê-ti-ô-pi-a, tôi từng trông thấy lúa mỳ viện trợ nhân đạo của Mỹ bày bán ở nông thôn với giá 5USD một tạ, bằng nửa giá của thế giới. Khi một người nông dân Ê-ti-ô-pi-a sản xuất được 10 hoặc 20 tạ lương thực vào thời điểm mà giá hạ như vậy, anh ta buộc phải bán hết mùa thu hoạch của mình để trả nợ nần và thuế má. Anh ta sẽ chẳng còn gì để ăn và để dành cho mùa gieo gặt tiếp theo". Nói cách khác, khi giá nông phẩm giảm (kết quả của tăng năng suất nhờ cách mạng nông nghiệp và của nạn bán hạ giá hàng ế thừa ra nước ngoài của những nền nông nghiệp được tài trợ), một phần ba nông dân thế giới sẽ thiếu ăn.

Mỗi năm các quốc gia thuộc khối các nước phát triển (OECD) chi cho viện trợ nông nghiệp 350 tỉ USD. Trong lúc đó, họ chỉ dành

có 8 tỉ USD để hỗ trợ cho nông nghiệp của các nước đang phát triển. Khi Mỹ tài trợ trung bình 15 000 USD mỗi năm cho một nông dân Mỹ; và tương tự như vậy tại châu Âu, thì người ta thấy rõ là phải phục hồi giá trị đích thực của nông sản và ngừng đặt ra những giá thấp giả tạo như vậy. Một trong những dẫn chứng được nêu ra để minh họa cho cái hại của trợ cấp nông nghiệp chính là việc các quốc gia EU tài trợ đến mức mà người ta mỉa mai rằng, "bò của EU có thể đi chuyển bằng máy bay trong khi dân các nước nghèo tiếp tục chết đói". Những con số đã nói lên điều đó. Kết quả nghiên cứu của Cơ quan Công giáo phát triển hải ngoại (có trụ sở ở Anh) cho biết, trợ cấp nông nghiệp của EU mỗi ngày cướp đi hơn 55 triệu USD của các nước nghèo. Ngành bò sữa của EU mỗi năm nhận được 17,6 tỉ USD tài trợ, tức mỗi con bò sữa được nhận 2,24 USD một ngày. Trong khi đó, mỗi ngày 3 tỉ người thiếu đói trên thế giới chỉ cần 2 USD/người/ngày để sống. Nói một cách khôi hài hơn, thì với số tiền tài trợ như vậy, đàn bò sữa của EU có thể đi một chuyến du lịch tới 10 thành phố trên thế giới, trong đó có những thành phố nổi tiếng như Thượng Hải, Xin-ga-po, Xan phran-si-xcô, và mỗi con bò lại còn được rủng rỉnh "lĩnh" 640 USD để tiêu vặt !

EU trợ giá nông nghiệp nhiều đến mức nông dân các nước thành viên sản xuất quá nhu cầu của người tiêu dùng. Trong khu vực thì không còn nhu cầu, vậy là lượng hàng thừa được đẩy ra thị trường thế giới cùng 2,5 tỉ USD trợ cấp xuất khẩu mỗi năm. Nói cách khác, sau khi đã trợ giá cho nông dân, EU lại trợ giá cho số người tiêu dùng còn lại của thế giới, giúp ép giá sản phẩm xuống thấp trên thị trường. Không dừng ở đó, EU còn áp dụng thuế nhập khẩu để ngăn cản nông dân các nước thuộc khu vực chi phí sản xuất rẻ, cạnh tranh với hàng hóa của mình.

Ai sẽ thu được lợi nhiều nhất, nếu chủ trương bảo hộ chính sách nông nghiệp của Mỹ và EU không còn nữa ? Theo tính toán của các chuyên gia kinh tế, "kẻ thủ lợi" vẫn chính là Mỹ và các nước EU. Cải cách sẽ hạ giá thành lương thực, khiến cho một số nông dân ở Mỹ và EU phá sản, nhưng lại tiết kiệm được tiền của những người đóng thuế (phải chi cho nông nghiệp). Tuy nhiên, nếu Mỹ và EU xoá bỏ trợ cấp những mặt hàng là đối tượng xuất khẩu của những nước nghèo, giá của chúng sẽ tăng trên thị trường quốc tế. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) từng làm phép tính, khi người ta ngừng trợ cấp cho nông nghiệp thì giá các mặt hàng ở các nước phát triển sẽ tăng: 2% cho gạo, 23% cho sữa bò, 8% cho lúa mỳ, 7% cho thịt bò. Điều này có lợi cho các nước xuất khẩu nông nghiệp lớn, chẳng hạn như Bra-xin và Ác-hen-ti-na. Khi nâng giá lên, người ta cũng nâng được mức thu nhập của 3 tỉ người đang phải sống dưới mức 2 USD/ngày. Các chuyên gia kinh tế khẳng định, nếu các nước phương Bắc không tài trợ cho nông nghiệp thì giá sẽ tăng và các nước phương Nam chắc chắn sẽ được hưởng lợi. Một phép tính rất đơn giản nhưng các nước giàu không chịu lắng nghe...

Thất bại của Hội nghị Can-cun, theo báo chí nước ngoài, còn do sự không minh bạch trong việc soạn thảo các dự án. Điều đó cho thấy sự cần thiết phải làm sống lại một hệ thống đa phương thật sự có hiệu quả. Nhưng Mỹ dường như vẫn đi đầu trong việc chống lại xu thế đa phương hóa quan hệ thương mại quốc tế. Rô-bớt Dô-ê-líc, nhà thương lượng của Mỹ tại Can-cun, đã không giấu thái độ cứng rắn khi nói rằng, thật là hổ thẹn nếu các hình thức và phương pháp hoạt động của Đại hội đồng Liên hợp quốc cũng được áp đặt lên các hoạt động của WTO và Mỹ có nhiều phương sách để thành công trong các cuộc thương lượng song phương. Kết thúc Hội nghị Can-cun, các nhà quan sát cho rằng, Mỹ và các nước phát triển đang sử dụng WTO như một công cụ để phục vụ lợi ích cho họ, trong khi họ không đáp ứng những đòi hỏi của các nước đang phát triển, nhất là yêu cầu bãi bỏ trợ giá nông nghiệp. Thất bại của Can-cun khiến cho người nghèo lại càng nghèo. ❑

Tuấn Anh
(Tổng thuật)

Digitized by Google

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ: "NGHIÊN CỨU VĂN HÓA, CON NGƯỜI, NGUỒN NHÂN LỰC ĐẦU THẾ KỶ XXI"

TRONG hai ngày 27 và 28-11-2003, tại Hà Nội, Chương trình Khoa học - công nghệ cấp Nhà nước KX 05 (giai đoạn 2000 - 2005) do GS, VS Phạm Minh Hạc làm Chủ nhiệm, đã tổ chức Hội thảo Khoa học quốc tế "Nghiên cứu văn hóa, con người, nguồn nhân lực đầu thế kỷ XXI". 92 báo cáo khoa học đã được gửi đến và trình bày tại Hội thảo, trong đó có 24 báo cáo khoa học của các tác giả 14 nước và khu vực trên thế giới: Ấn Độ, Hoa Kỳ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, Ca-na-đa, Cam-pu-chia... Tham dự Hội thảo còn có đông đảo các nhà khoa học, nhà quản lý và chỉ đạo thực tiễn, đại diện các bộ, ban, ngành ở trung ương và Hà Nội. GS, TS Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương đã tới dự và chỉ đạo Hội thảo.

Phát biểu tham luận tại Hội thảo, các nhà khoa học cho rằng, nghiên cứu văn hóa, con người và nguồn nhân lực trong bối cảnh nhân loại đã bước vào những năm đầu thế kỷ XXI là một chủ đề lý thú và hết sức có ý nghĩa. Đây cũng là chủ đề mà toàn thể giới lý luận và các nhà hoạt động chính trị - xã hội ở Việt Nam đang rất quan tâm. Bởi lẽ, chỉ với ba năm đầu của thế kỷ XXI mà loài người đã phải đối mặt với những tình huống chính trị - xã hội phức tạp. *Một mặt*, những thành tựu mà loài người đạt được về khoa học - công nghệ là rất to lớn, song *mặt khác*, những vấn đề đặt ra về phương diện xã hội như tình trạng bất bình đẳng và đói nghèo, tình trạng gia tăng bạo lực và khủng bố quốc tế, tình trạng suy thoái đạo đức và tàn phá môi sinh cũng hết sức bức xúc đòi hỏi khoa học phải có những lý giải sâu sắc, mang lại những hiểu biết mới để giúp loài người tìm ra những giải pháp thông minh nhằm không ngừng phát triển văn hóa, xã hội và hoàn thiện con người.

Tại phiên họp tiểu ban *Về văn hóa và văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XXI*, các nhà khoa học dành nhiều thời gian lý giải những vấn đề đang đặt ra đối với sự nghiên cứu và phát triển văn hóa, coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các nhà khoa học nhấn mạnh, trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì một xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế. Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương... và biến thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của sự phát triển. Cũng tại phiên họp của tiểu ban *Về con người, nguồn nhân lực Việt Nam đầu thế kỷ XXI*, các nhà khoa học tập trung phân tích, chỉ rõ nguồn nhân lực là yếu tố cơ bản, quyết định nội lực phát triển đất nước. Trong ba khâu đột phá của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thì giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực được coi là khâu đột phá quan trọng. Các nhà khoa học cho rằng, bước vào thế kỷ XXI, việc xây dựng cho được nguồn nhân lực có chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách và giới nghiên cứu phải chú ý tới mối quan hệ con người - văn hóa - nguồn nhân lực với tính cách là một tổng thể có mối quan hệ thống nhất, hữu cơ: Nói đến văn hóa tức là nói đến con người, nói đến phát triển con người tức là phải nhằm tới mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội.

Hội thảo nhấn mạnh, thời gian qua, cùng với nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học ở những phạm vi khác nhau, Chương trình Khoa học - công nghệ cấp Nhà nước KX 05 đã thu được một số kết quả; đồng thời, cũng gợi mở những vấn đề mới cần được tiếp tục triển khai nghiên cứu, đặc biệt là phải gắn nghiên cứu con người với nghiên cứu văn hóa nhằm vào mục đích thực tiễn là xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng và phát triển nhân tài, đáp ứng những yêu cầu cấp thiết của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI





Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

LÊ VIẾT HƯNG

Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng 3

Năm 2003, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có nhiều nỗ lực và cố gắng trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, đạt nhiều kết quả quan trọng trên các mặt công tác, thể hiện cụ thể như sau:

1. Toàn ngành đã nỗ lực đẩy nhanh tiến độ cấp "Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất", "Giấy Chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất" ở trong toàn tỉnh.

Thực hiện một số biện pháp đẩy nhanh tiến độ xét duyệt hồ sơ nhà, đất và lập thủ tục cấp giấy chứng nhận; hoàn thành cơ bản việc chồng ghép bản đồ quy hoạch lên nền bản đồ địa chính; tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp của từng cấp, từng ngành trong việc giải quyết hồ sơ nhà, đất...

2. Tiếp tục triển khai thanh tra, kiểm tra quản lý, sử dụng đất đai theo nội dung Quyết định số 273/QĐ-TTg, ngày 12 - 4 - 2002, của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa, huyện Long Khánh và 20 doanh nghiệp.

Công tác thanh tra, kiểm tra môi trường được quan tâm chỉ đạo ngay từ đầu năm nên việc triển khai thực hiện có nhiều thuận lợi, số lượt thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp về môi trường tăng hơn so với cùng kỳ năm 2002, đã kịp thời xử phạt các doanh nghiệp vi phạm, thực hiện ngay các biện pháp bảo vệ môi trường, góp phần từng bước bảo vệ môi trường trong cộng đồng khối doanh nghiệp.

3. Tình hình giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về đất đai và môi trường có nhiều tiến bộ, kết quả giải quyết đơn thư chặt chẽ, đúng pháp luật

4. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được chú trọng nên tiến độ đáp ứng kế hoạch năm đề ra; đề cương dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất 8 huyện và cấp tỉnh giai đoạn đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2003 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

5. Công tác giao đất và cho thuê đất, giới thiệu địa điểm kịp thời với khối lượng lớn, đáp ứng yêu cầu triển khai, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

6. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng khối doanh nghiệp và trong nhân dân được chú trọng và thực hiện tốt.

7. Công tác quản lý việc, thăm dò khai thác khoáng sản có nhiều tiến bộ so với cùng kỳ năm 2002.

Địa chỉ: Đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, T.Đồng Nai
Điện thoại: 061 822 933; Fax: 061 827 364; Email: sddcn@hcm.vnn.vn

Digitized by Google

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI

Incombank

TÊN GIAO DỊCH NƯỚC NGOÀI: INDUSTRIAL AND COMMERCIAL BANK OF VIETNAM DONG NAI BRANCH

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG:

- Huy động vốn (bằng đồng VN và ngoại tệ) với nhiều hình thức phù hợp với yêu cầu tích lũy của khách hàng, lãi suất linh hoạt phù hợp thị trường.
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng VN và ngoại tệ đối với mọi thành phần kinh tế.
- Cho vay hợp vốn, đồng tài trợ các dự án có quy mô vốn đầu tư lớn.
- Cho vay xây dựng và sửa chữa nhà ở, cho vay mua nhà trả góp, cho vay tiêu dùng CBCNV, cho vay chiết khấu, cầm cố (Thẻ tiết kiệm, Kỳ phiếu, Trái phiếu... chưa đến hạn thanh toán và các giấy tờ có giá).
- Thực hiện các nghiệp vụ bảo lãnh: bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh dự thầu.
- Thực hiện các dịch vụ ngân hàng:
  + Kinh doanh ngoại hối, các dịch vụ liên quan đến ngoại hối, nhận chuyển tiền, chi trả kiều hối.
  + Thực hiện các nhiệm vụ thanh toán quốc tế qua mạng Swift.
  +Chuyển tiền điện tử, chuyển tiền nhanh, thanh toán thẻ VISA MASTER Card.
  + Thực hiện dịch vụ thu tiền mặt tại đơn vị, chi lương cho CBCNV của Doanh nghiệp.
  + Máy rút tiền tự động (ATM).

VÌ SỰ THÀNH ĐẠT CỦA MỌI NGƯỜI MỌI NHÀ - MỌI DOANH NGHIỆP

HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH HÀNG

TRỤ SỞ CHÍNH: 77D HƯNG ĐẠO VƯƠNG, P.TRUNG DŨNG, TP. BIÊN HÒA * ĐT: 061.822 826; 823 402; 822 811 * FAX: 061. 822 886; 917 570

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

* Chi nhánh cấp II Nhơn Trạch: Xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai. ĐT: 061 521 111.
* Quỹ tiết kiệm số 1 (Hội Sở): 77D Hưng Đạo Vương, TP. Biên Hòa. ĐT: 061 946 033.
* Quỹ tiết kiệm số 2: (Bửu Hòa): K3/248C Liên tỉnh 16, P. Bửu Hòa, Biên Hòa. ĐT: 061 859 304.
* Quỹ tiết kiệm số 3 (Hòa Bình): 71 Phan Chu Trinh, P. Hòa Bình, Biên Hòa. ĐT: 061 823 728.
* Quỹ tiết kiệm số 4 (Tam Hiệp): 32 Quốc lộ 15, P. Tam Hiệp, Biên Hòa. ĐT: 061 813 168

BƯU ĐIỆN TỈNH ĐỒNG NAI

VNPT

Địa chỉ: Số 61 Nguyễn Văn Trị, P. Hòa Bình, TP. Biên Hòa

ĐT: 061 822 727; Fax: 061 823 953; Email: dnpt.dn@bdvn.vnd.net

Bưu điện tỉnh Đồng Nai hân hạnh phục vụ Quý khách, với các dịch vụ:

Gọi 171

DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI GIÁ RẺ

Hân hạnh

1. VIỄN THÔNG:

- Thông tin kinh tế - văn hóa - xã hội 108; hộp tin trả lời tự động.
- Thông tin di động Vinaphone trả sau, trả trước (VINACARD, VINADAILY, VINATEXT).
- Truyền số liệu tốc độ cao.
- Các dịch vụ cộng thêm của tổng đài điện thoại điện tử.
- Chuyển vùng quốc tế.
- HCD, Collect call.
- Internet VNN-1260, VNN-1268, VNN-1269, VNN-1260P, VNN-Infogate, VNN-Telehosting.
- "Gọi 171" quốc tế (đến tất cả các nước trên thế giới).
- "Gọi 171" trong nước đến tất cả các tỉnh thành trên toàn quốc.
- Điện thoại IP trả tiền trước: "Gọi 1717".
- Mega VNN.

Hiện, có 21 trạm BTS thông tin di động Vinaphone đang khai thác tại địa bàn gồm: Biên Hòa 1, Biên Hòa 2, Amata, Tân Hòa, Long Thành, Vedan, Thống Nhất, Long Khánh, Gia Kiệm, Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Loteco, Nhơn Trạch, Hóa An, Dầu Giây, KCNBH1, Đài PTTH Đồng Nai, Bửu Long, Hiệp Hòa.

Bưu điện Đồng Nai đã đưa vào khai thác dịch vụ Mega VNN từ 01 - 09 - 2003 để đáp ứng nhu cầu sử dụng Intơ-nét tốc độ cao của Quý khách hàng.

2. BƯU CHÍNH:

- Chuyển phát nhanh EMS, DHL, Fedex.
- Chuyển tiền nhanh, Money Gram,
- Tiết kiệm Bưu Điện.
- Bưu chính ủy thác.
- Bưu phẩm khai giá.

Digitized by Google

Vietcombank

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 77C Hưng Đạo Vương, TP. Biên Hòa, Đồng Nai. * ĐT : 061 823 666 * Fax : 061 824 191

Website: http://www.vietcombank.com.vn * Email: vcbdn@hcm.vnn.vn

Các chi nhánh cấp hai và phòng giao dịch:

- *Chi nhánh KCN Biên Hoà*: Số 22, đường 3A, KCN Biên Hoà II, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
*Điện thoại : 061 99 1943 * Fax : 061 991 947*
- *Chi nhánh KCN Nhơn Trạch*: Đường 25B KCN Nhơn Trạch 3, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai.
*Điện thoại : 061 549 818 * Fax : 061 549817*
- *Phòng Giao Dịch Số 1*: Số 116-118, Đường 30/4, TP. Biên Hoà, T. Đồng Nai. * *Điện thoại : 061 822 575*

Thực hiện các nghiệp vụ:

1- Nhận huy động các loại tiền thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm đồng Việt Nam và ngoại tệ. Đặc biệt, Ngân hàng Ngoại thương Đồng Nai còn tổ chức huy động tiền gửi với kỳ hạn linh hoạt ngoài bảng thông báo, lãi suất cạnh tranh.

2- Phát hành kỳ phiếu bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.

3- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ đối với các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất-kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế.

4- Bảo lãnh và tái bảo lãnh.

5- Thanh toán xuất nhập khẩu (L/C, D/P, D/A).

6- Nhận mua bán ngay, có kỳ hạn và hoán đổi các ngoại tệ mạnh.

7- Chuyển tiền nhanh trong và ngoài nước.

8- Thực hiện nghiệp vụ hối đoái.

9- *Phát hành* thẻ thanh toán Vietcombank (sử dụng trong nước), thẻ tín dụng Vietcombank Visa card.

10- Làm *đại lý thanh toán* với 5 loại thẻ thông dụng nhất thế giới Visa, Mastercard, Amex, JCB và Diner Club.

11- Tham gia hệ thống thanh toán toàn cầu qua hệ thống SWIFT, MoneyGram ....

12- Dịch vụ hệ thống giao dịch tự động (connect24) ATM: Khách hàng có thể thực hiện các giao dịch tự động 24/24 giờ tại các máy ATM của Vietcombank (máy rút tiền tự động) ở bất cứ nơi nào trong toàn quốc.

NHANH CHÓNG - CHÍNH XÁC - AN TOÀN - HIỆU QUẢ

LUÔN MANG ĐẾN CHO QUÝ KHÁCH HÀNG SỰ THÀNH ĐẠT

Digitized by Google

SỞ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI

CÔNG TY CHẾ BIẾN XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM



Sản xuất giống điều cao sản

Địa chỉ: P. Long Bình - Biên Hòa - Đồng Nai
ĐT: 061.891 592 - 891 637 - 892 576
Fax: 84.61.891 549
Email: donafoods@hcm.vnn.vn
Website: www.donafoods.com
Giám đốc: NGUYỄN THÁI HỌC

Công ty Chế biến XNK - NSTP Đồng Nai (DONAFOODS) thành lập ngày 22 - 06 - 1990, từ quy mô xí nghiệp đến cuối năm 2000 trở thành doanh nghiệp nhà nước hạng một của tỉnh Đồng Nai với 11 đơn vị trực thuộc chế biến hàng xuất khẩu từ nguồn nguyên liệu là nông sản thực phẩm.

Hằng năm, sản phẩm chính của Công ty là 6000 tấn nhân hạt điều, 3 000 tấn dầu vỏ điều và 1 000 tấn các loại hạt khác nhau (Macadamia, hạt phỉ, nhân quả óc chó, Pitachio)... Thương hiệu DONAFOOD có uy tín trên thị trường các nước Au-stra-li-a, Niu-Di-lân, Nhật Bản, Hoa kỳ, Ca-na-đa và một số nước Tây Âu, Trung Quốc, Trung Đông... với giá trị kim ngạch XNK đạt 25 - 30 triệu USD/năm.

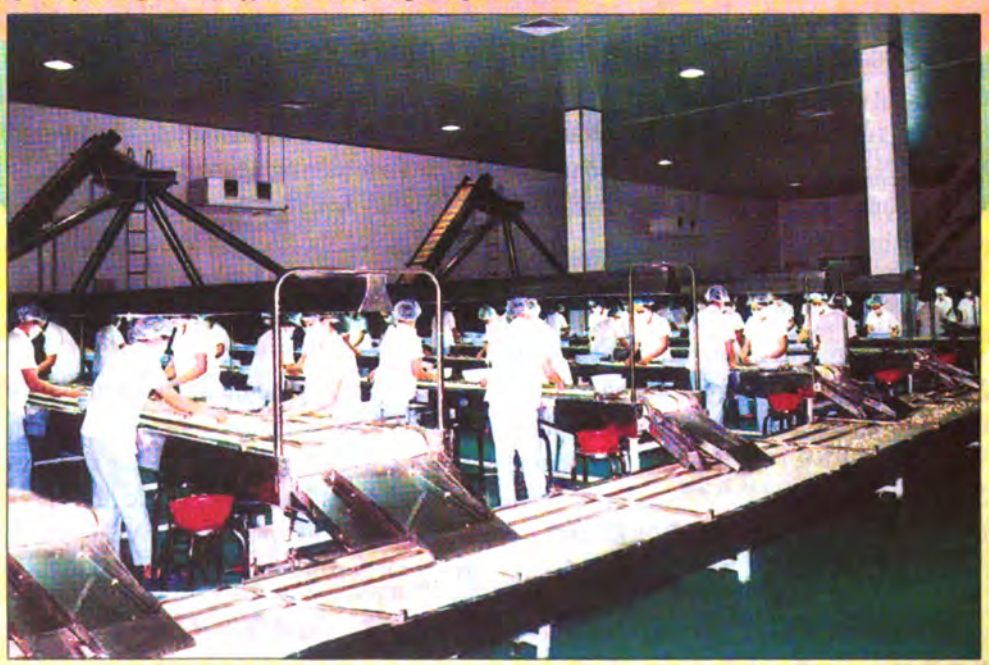
Nông trường Điều của Công ty với gần 300 héc-ta vừa là nơi tổ chức sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, vừa là nơi ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật về thâm canh, cải tạo vườn điều và sản xuất 1 000 000 cây giống điều cao sản/năm bằng phương pháp lai ghép vô tính để thực hiện cải tạo giống cho quy hoạch 35 000 héc-ta cây điều của tỉnh.

Cùng với Nông trường Điều, 7 nhà máy chế biến của Công ty trên địa bàn huyện đã thực hiện tốt việc gắn chế biến với vùng nguyên liệu bằng các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật thâm canh, bảo vệ thực vật, cải tạo giống với cây điều và góp phần đưa năng suất bình quân của cây điều toàn tỉnh từ 7 tạ lên trên 10 tạ/héc-ta, các diện tích giống cây điều cao sản đã đạt trên 2 tấn/ha góp phần hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển ngành nghề nông thôn. Các nhà máy đã giải quyết việc làm ổn định cho hơn 8 000 lao động. Công ty đang thực hiện Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg, của Thủ tướng Chính phủ, về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng.

Năm 2001, Công ty đã được tổ chức Chứng nhận quốc tế BVQI cấp chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 theo nguyên tắc HACCP; đang thực hiện việc cấp chứng chỉ HACCP, GMP và SA: 8000. Năm 2003, thương hiệu DONAFOODS được giải thưởng Sao Vàng đất Việt.

Công ty đang tiếp tục đầu tư mở rộng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cả về các sản phẩm mới như thực phẩm cao cấp ăn liền từ nông sản thực phẩm chế biến rau quả, các sản phẩm từ bắp hạt xuất khẩu mở rộng sang thị trường mới tại khu vực các nước SNG và các nước Đông Âu.

Công ty sẵn sàng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh nói trên.



Phân loại sản phẩm trên băng chuyền

Digitized by Google

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: số 127 Quang Trung - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng * ĐT: 0511 893 409 * Fax: 0511 892 307



Giải ngân cho các hộ nghèo và các đối tượng chính sách

Việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) nhằm thực hiện tín dụng đối với người nghèo và đối tượng hưởng chính sách là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, trong thời gian qua NHCSXH Thành phố luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền địa phương; sự hỗ trợ phối hợp của các ban, ngành và các tổ chức hội, đoàn thể; sự hợp tác chặt chẽ của người nghèo và các đối tượng chính sách. Và từ trong nội lực, kế thừa kết quả đạt được của hơn 7 năm hoạt động của NH Nông nghiệp, với đội ngũ cán bộ nhiệt tình, tâm huyết, có kinh nghiệm được đúc rút từ bài học kinh nghiệm trong việc cho vay hộ nghèo, NHCSXH Thành phố đã từng bước khẳng định vị trí, vai trò trong việc cho vay hộ nghèo và các đối tượng hưởng chính sách.

NHCSXH Thành phố Đà Nẵng chính thức khai trương vào ngày 26-03-2003 và đi vào hoạt động đến nay đã được hơn 6 tháng. Là một đơn vị mới thành lập nhưng với sự nỗ lực phấn đấu, đoàn kết, tập trung sức mạnh, ý chí tập thể, từng bước vượt qua khó khăn, trở ngại, vươn lên đạt được những kết quả nhất định. Đến cuối tháng 9, NHCSXH Thành phố đã thực hiện dư nợ cho vay 112 683 triệu đồng hỗ trợ cho người nghèo phát triển kinh doanh, cho vay từ nguồn vốn hỗ trợ việc làm 21 490 triệu đồng, cho vay học sinh - sinh viên là 3 751 triệu đồng. Từ nguồn vốn trên đã hỗ trợ cho trên 29 406 hộ nghèo có vốn sản xuất-kinh doanh, tạo thêm việc làm cho 1 237 lao động, đến nay toàn Thành phố đã giảm 1 267 hộ nghèo đạt tỷ lệ 64,41% kế hoạch năm, phấn đấu đến cuối năm giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống còn 5,17%.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CÔNG TY ĐIỆN LỰC TỈNH ĐỒNG NAI

DNPC

Địa chỉ: số 01 - QL1 - P. Tân Hiệp - T.Đồng Nai * ĐT 061 890 815 * Fax: 061 890 810 * Email: dnpc@hcm.vnn.vn * Giám đốc: KHƯƠNG VĂN QUÁ

Sau khi tiếp nhận, ngành điện đã tổ chức xây dựng sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành hợp nhất các cơ sở thành Sở Quản lý và Phân phối điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (nay là Công ty Điện lực 2). Năm 1999, Chính phủ và Bộ Công nghiệp quyết định nâng cấp Điện lực Đồng Nai thành Công ty Điện lực Đồng Nai, trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, thực hiện thanh toán độc lập. Công ty Điện lực Đồng Nai có 10 phòng chức năng trực thuộc, 3 Điện lực, 4 chi nhánh điện ở các huyện thị, 1 phân xưởng điện cao thế, 01 phân xưởng cơ điện, 1 đội xây lắp điện và 2 trạm phát điện đi-ê-den.

Công ty Điện lực Đồng Nai trực tiếp quản lý vận hành, sửa chữa lưới điện từ 0,4kV đến 110kV trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Công ty trực tiếp bán điện đến từng khách hàng. Tổng số khách hàng mua điện của Công ty là 191.165.

Công ty được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba; Huân chương Lao động hạng Nhì; Huân chương Lao động hạng Nhất và một Huân chương Lao động hạng Ba cho Chi nhánh Điện Long Thành; 2 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 2 cá nhân.





Trạm biến áp 110 kV

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG

KHO BẠC NHÀ NƯỚC NAM ĐỊNH

ĐỊA CHỈ: 51 MẠC THỊ BƯỞI - TP. NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH

ĐT: 0350.849 576 - 845 218 - 849 571

GIÁM ĐỐC: VŨ TUẤN PHONG

Digitized by Google



MINH TRÍ
QUÍ HƠN MINH CHÂU

GPQC số: 164/02/QLD - Ttngày 20-6-2002

HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO

■ **Presentation:**
Box of 20 sugar - coated tablets.
Box of 100 sugar - coated tablets.
Box of 40 film - coated tablets.

■ **Ingredients**

Extractum Polysciacis spissum	0,15g
Semen Ginkgo	0,05g
Excipient to	1 sugar-coated tablet

■ **Indications**
Hypomnesis, insufficiency of cerebral circulation and coronary vessel, vestibule syndrom, Parkinson.
Fuctional manifestations: headache, dizziness, insomnia, imbalance, loss of memory, neurasthenia, cerebromalacia, decrease in intellectual capacity.

■ **Trình bày:**
Hộp 20 viên bao đường.
Hộp 100 viên bao đường.
Hộp 40 viên bao phim.

■ **Thành phần**

Extractum Polysciacis spissum		0,15g
Semen Ginkgo		0,05g
Tá dược	vừa đủ	1 viên

■ **Chỉ định**
Suy giảm trí nhớ, thiểu năng tuần hoàn não, suy mạch vành, hội chứng tiền đình, Parkinson.
Biểu hiện: đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, mất ngủ, mất thăng bằng, giảm trí nhớ, suy nhược thần kinh, nhũn não, di chứng não, người làm việc trí óc căng thẳng, mệt mỏi.

TRAPHACO
CONG TY CO PHAN TRAPHACO
TRAPHACO JOINT STOCK COMPANY

- Address: 75 Yennինh - Hanoi - Vietnam
- Tel : (84-4) 6810724 - (84-4) 5371665
- Fax: (84-4) 8430076
- Email: traphaco@fpt.vn
- Website: http://www.traphaco.com.

- Địa chỉ: 75 Yên Ninh - Hà Nội - Việt Nam
- Tel : (84-4) 6810724 - (84-4) 5371665
- Fax: (84-4) 8430076
- Email: traphaco@fpt.vn
- Website: http://www.traphaco.com.

TỔNG CÔNG TY CAO-SU VIỆT NAM

CÔNG TY CAO-SU PHƯỚC HÒA

Địa chỉ: Phước Hòa - Phú -Giáo - Bình Dương * ĐT: 0650. 657 106 - 657 109 * Fax: 0650.657 110



Công ty Cao-su Phước Hòa là một trong các đơn vị có diện tích lớn nhất trong ngành cao-su Việt Nam, nằm trong vùng chuyên canh cao-su, vị trí trung tâm của vùng cao-su miền Đông Nam Bộ, cách Thành phố Hồ Chí Minh 70 km, rất thuận lợi về mặt giao thông.

Diện tích:

17 000 héc-ta cao-su quốc doanh.

1 000 héc-ta cao-su tiểu điền.

Nhà máy:

Công ty có hai nhà máy chế biến cao-su có thể đáp ứng kế hoạch sản xuất năm 2003 và những năm tiếp theo.

Nhà máy chế biến cao-su "Cua Paris" có công suất 12 000 tấn/năm, được đưa vào sản xuất tháng 10-1997 với trang thiết bị quy trình công nghệ mới và hiện đại của Ma-lai-xi-a.

Nhà máy Chế biến cao-su Phước Hòa được cải tạo từ nhà máy chế biến cũ và được trang bị với những thiết bị mới của Ma-lai-xi-a có công suất 9 000 tấn năm, bao gồm dây chuyền chế biến mủ nước và dây chuyền chế biến mủ tạp.

Sản phẩm:

Cao-su khối: SVR L, SVR 3L, SVR 5, SVR 10, SVR 20.

Cao-su khối có độ nhớt ổn định: SVR CV50, SVR CV60

Thị trường:

Sản phẩm của công ty được phân bố trên các thị trường: Thổ Nhĩ Kỳ, Đức, Mỹ, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, SGN, Nam Mỹ, Ma-rốc, Pháp, I-ta-li-a, Anh ...

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm, mong muốn hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước sản xuất các sản phẩm công nghiệp và sản phẩm tiêu dùng từ nguyên liệu cao-su thiên nhiên.

Digitized by Google



GIÁM ĐỐC: TRẦN VĂN DŨNG

Công ty Sứ Đông Lâm chuyên sản xuất các sản phẩm sứ vệ sinh cao cấp phục vụ mọi nhu cầu của người tiêu dùng. Công ty nằm trong Khu Công nghiệp Tiền Hải, Thái Bình. Sản phẩm mang thương hiệu *Dolacera* của Công ty đã xuất hiện và được thị trường toàn quốc ưa dùng từ cuối thế kỷ XX.

- *Dolacera* sử dụng các nguyên liệu nhập khẩu từ các hãng sản xuất hàng đầu trên thế giới như: Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Nhật Bản... Công nghệ men tiên tiến cho phép loại bỏ hoàn toàn độc tố chì và các hóa chất gây độc hại khác ra khỏi sản phẩm. Với công nghệ nung hiện đại và nguồn khí đốt tự nhiên dồi dào, sản phẩm *Dolacera* đảm bảo độ bền và độ chính xác hơn hẳn cả về kích thước và màu sắc.
- Cùng với đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề và sự ưu đãi mọi mặt của thiên nhiên làm cho sản phẩm của công ty giảm đáng kể chi phí đầu vào, giúp sản phẩm không ngừng được đầu tư về chất lượng và mẫu mã.
- Sản phẩm *Dolacera* đã được Tổng cục Đo lường Chất lượng Việt Nam kiểm duyệt đánh giá và cấp phép:TCVN 6073:1995.
- Một số thông số kỹ thuật của *Dolacera*:
- Độ hút nước:<0.5%
- Khả năng chịu tải của sản phẩm:
- Bệ xí :300
- Chậu rửa:150
- Độ bền nhiệt: không rạn men
- Độ bền hóa học của men: Đạt
- Men phủ đều trên khắp bề mặt chính, bề mặt làm việc của sản phẩm, men láng bóng chống bám bẩn.

CÔNG TY SỨ ĐÔNG LÂM

Địa chỉ: KCN Tiền Hải - Thái Bình
ĐT: 036 823 781 * Fax: 034 781 578







TRONG KINH DOANH CHÚNG TÔI LUÔN ĐỀ CAO TRIẾT LÝ:

"Tất cả vì lợi ích của khách hàng"

CHÚNG TÔI PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG BẰNG SẢN PHẨM PHONG PHÚ ĐA DẠNG CẢ VỀ KIỂU DÁNG VÀ MẪU. TẤT CẢ CÁC SẢN PHẨM ĐỀU ĐƯỢC BẢO HÀNH 20 NĂM PHẦN SỨ VÀ 2 NĂM PHẦN PHỤ KIỆN NẾU NGUYÊN NHÂN DO LỖI NHÀ SẢN XUẤT. MỌI KHIẾU NẠI, GÓP Ý CỦA QUÍ KHÁCH LUÔN LÀ ĐỘNG LỰC ĐỂ CHÚNG TÔI KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN

Digitized by Google

THUẬN PHÁT

CHUYÊN SẢN XUẤT NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI CÁC LOẠI

Địa chỉ: FB 26 - 27- 28 Bàu Cát, phường 13, quận Tân Bình, TP. HCM (đường Bế Văn Đàn)
Điện thoại: (08) 8427 079 8494 334 8494 835; (0651) 667 330; DĐ: 0903 935 485



Nước uống đóng chai FIVE STAR

- *Giúp giảm bớt gánh nặng cho người nội trợ.*
- *Tiết kiệm thời gian đun nấu nước.*
- *Không phiền phức khi chờ nước sôi nguội.*
- *Không bị phỏng nước sôi (nhất là trẻ em).*

NHẬN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TẠI CÁC HÃNG XƯỞNG, XÍ NGHIỆP, CƠ QUAN, TRƯỜNG HỌC, BỆNH VIỆN, CÁC NƠI CÔNG CỘNG VỚI GIÁ ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT.

XƯỞNG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRƯỜNG THÀNH

Đào Tiến®

NƯỚC TƯƠNG

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN
4 NĂM LIÊN TỤC
2000-2001-2002-2003



Đếm từng giọt tăng hương vị món ăn



Sản Phẩm Mới



ĐC: 136/3A NGUYỄN VĂN LUÔNG, P.10, Q.6, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 8 754 371 - FAX: 8 762 246 - E-MAIL: daotien@hcm.fpt.vn

Digitized by Google

HUYỆN PHỔ YÊN

Địa chỉ: Thị trấn Ba Hàng - T.Thái Nguyên * ĐT: 0280 863 143



Bí thư Ngô Xuân Triệu



Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện

Phổ Yên là huyện cửa ngõ phía nam của tỉnh Thái Nguyên, có giao thông thuận lợi cả về đường bộ, đường sắt, đường thủy, các tuyến đường liên huyện liên xã, đảm bảo thông suốt cả trong mùa mưa lũ. Có hệ thống kênh mương tưới tiêu chủ động cho trên 90% diện tích, có nguồn nhân lực dồi dào. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phổ Yên có truyền thống cách mạng, cần cù, sáng tạo, đoàn kết.

MỤC TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI:

1. Chương trình phát triển sản xuất nông lâm nghiệp:

Tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường.

2. Chương trình công nghiệp tiểu thủ công nghiệp:

- Tập trung quy hoạch quản lý các khu vực khai thác cát sỏi, sản xuất vật liệu xây dựng, các khu công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng, thu hút các đối tác vào đầu tư phát triển công nghiệp, doanh nghiệp; Cụ thể có các doanh nghiệp như Nhà máy Sữa, Công ty Giấy Trường Xuân, Công ty Dụng cụ Y tế, Công ty Gạch Tuy nen, Công ty SX chè đen, chè xanh...

- Đầu tư hỗ trợ phát triển làng nghề với các mặt hàng truyền thống và xuất khẩu, huy động mọi nguồn vốn đầu tư cho nhu cầu phát triển công nghiệp, doanh nghiệp, dịch vụ.

- Phát triển sản xuất công nghiệp, TTCN và nâng cao công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực công.

3. Chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn:

- Các công trình thủy lợi đã thực hiện "cứng hóa" kênh mương nội đồng.

- Tập trung xây dựng 34 phòng học cao tầng, 61 phòng cấp 4 theo chương trình xóa phòng học tạm và xây dựng phòng học còn thiếu.

- Hỗ trợ xây dựng 36 nhà văn hóa thôn xóm, xây dựng nhà thi đấu tập luyện thể thao huyện

4. Chương trình giáo dục đào tạo:

- Tập trung đầu tư phát triển ở tất cả các cấp học mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trung tâm KTTH, hướng nghiệp dạy nghề.

- Hệ thống trường lớp không ngừng được hoàn thiện cả về cơ sở vật chất và từng bước tầng hóa.

- Công tác phổ cập giáo dục tiểu học tiếp tục được duy trì.

5. Chương trình xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm:

- Chương trình xóa đói giảm nghèo: Đầu tư vốn, KHKT, trợ giá giống cây trồng, con vật nuôi, hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các hộ chính sách và tập trung chỉ đạo giúp đỡ các hộ nghèo phát triển sản xuất.

- Chương trình giải quyết việc làm: Phát triển các chương trình dự án vay vốn ưu đãi 120, xóa đói giảm nghèo, vốn ngân hàng nông nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh giải quyết việc làm, tổ chức đưa lao động đi làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

6. Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội:

- Tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành chức năng và các đoàn thể quần chúng thường xuyên làm tốt các công tác giáo dục tuyên truyền về tác hại của tệ nạn xã hội và biện pháp phòng chống.

- Tăng cường công tác kiểm tra truy quyét các tụ điểm tệ nạn xã hội, mua bán chất ma túy.

7. Chương trình đổi mới và nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy:

- Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức; không ngừng nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

- Tổ chức tuyên truyền quán triệt kịp thời mọi chỉ thị nghị quyết của Đảng, mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới cán bộ, đảng viên.

- Tập trung chăm lo kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng kết nạp người vào Đảng.

- Tập trung thực hiện cải cách hành chính, đổi mới lề lối tác phong làm việc, sắp xếp tinh giảm bộ máy các cơ quan theo tinh thần Nghị quyết số 16/ CP của Chính phủ

Năm 2003, toàn huyện hoàn thành và hoàn thành vượt mức 8/11 mục tiêu cơ bản đề ra đến năm 2005.

Digitized by Google

VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

Trụ sở: 37 A Nguyễn Bỉnh Khiêm - Hà Nội * Điện thoại: (04) 9 741 216 Fax: (84-4) 9 783 952

Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức nhà nước thuộc Bộ Nội vụ có tên giao dịch tiếng Anh là: Institute for State Organisational Sciences Ministry of home affairs. Viện là cơ quan nghiên cứu đầu ngành về khoa học tổ chức nhà nước được thành lập theo Nghị định số 181/CP ngày 9-11-1994, của Chính phủ, về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.



Tọa đàm khoa học



Một số ấn phẩm đã xuất bản

CHỨC NĂNG

⏭ Nghiên cứu về khoa học tổ chức nhà nước, xây dựng bộ máy hành chính, công chức, công vụ.

NHIỆM VỤ:

⏭ Nghiên cứu phục vụ xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách ngành tổ chức nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

⏭ Nghiên cứu, phát triển lý luận cơ bản về khoa học tổ chức, tổ chức nhà nước.

⏭ Giúp Bộ trưởng quản lý nghiên cứu khoa học của Bộ, là cơ quan thường trực Hội đồng khoa học của Bộ.

⏭ Hợp tác nghiên cứu với các tổ chức nghiên cứu trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

⏭ Tổ chức công tác thông tin- tư liệu khoa học.

⏭ Xuất bản các ấn phẩm thông tin, tư liệu khoa học, phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính.

⏭ Tổ chức phối hợp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức về lĩnh vực khoa học tổ chức và tổ chức nhà nước theo quy định của pháp luật.

⏭ Thực hiện các hoạt động tư vấn khoa học phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Viện.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN

⏭ Phòng Nghiên cứu Tổ chức, Phòng Nghiên cứu Phát triển nhân lực, Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo, Trung tâm Thông tin cải cách hành chính, Tư liệu khoa học và Thư viện, Phòng Kế hoạch- Hành chính.

⏭ Viện hoạt động theo chế độ thủ trưởng và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức sự nghiệp nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.

NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

⏭ Chủ trì, tham gia xây dựng các đề án cải cách hành chính của Bộ, Chính phủ.

⏭ Tham gia nghiên cứu, phục vụ soạn thảo các văn kiện, chính sách vĩ mô của Đảng và Chính phủ về tổ chức bộ máy nhà nước; công chức, công vụ.

⏭ Tổ chức quản lý và nghiên cứu các đề tài, chuyên đề và chương trình nghiên cứu khoa học các cấp.

⏭ Thực hiện các hoạt động xuất bản: Phát hành tờ Thông tin cải cách nền hành chính nhà nước bằng hai thứ tiếng Việt - Anh. Xuất bản hàng chục đầu sách chuyên khảo và tham khảo về khoa học tổ chức nhà nước và cải cách nền hành chính nhà nước

⏭ Thu thập và lưu giữ kho tin, tư liệu về khoa học tổ chức nhà nước và cải cách nền hành chính nhà nước.

⏭ Tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học trong nước và quốc tế về tổ chức nhà nước và cải cách nền hành chính nhà nước.

QUAN HỆ HỢP TÁC

⏭ Viện đã có các quan hệ hợp tác thường xuyên với nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học trong nước.

⏭ Thiết lập các quan hệ hợp tác với các cơ quan nghiên cứu về hành chính, tổ chức nước ngoài như KAS (Cộng hòa liên bang Đức); Học viện Hành chính Bỉ, Viện Nghiên cứu Nhân sự nhà nước, Học viện Hành chính Bắc Kinh (Trung Quốc), Cục Hành chính - Công vụ Lào; Tổ chức SIDA của Thụy Điển

Digitized by Google

4X
R
468B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
FEB 17 2004
CURRENT SERIALS

36
12-2003

BỆNH VIỆN 175

Địa chỉ: 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh * Điện thoại: 089.851 131





Được thành lập ngày 26 - 5 - 1975 trên cơ sở hợp nhất 3 bệnh viện K116, K72, K59 và 3 đội điều trị được sáp nhập lại và lấy phiên hiệu từ 3 số đầu của 3 bệnh viện được gọi là Viện Quân Y 175. Lúc đầu, trực thuộc Phòng Quân y - Cục Hậu cần Miền, sau đó trực thuộc Cục Quân y - Tổng cục Hậu cần. Kể từ ngày 01 - 01 - 2003, Bệnh viện 175 trực thuộc Bộ Quốc phòng, Đảng bộ Bệnh viện trực thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Bệnh viện 175 được Bộ Quốc phòng xác định là bệnh viện loại A - tuyến cuối là Bệnh viện chiến lược và là Trung tâm Nghiên cứu Y học Quân sự phía Nam.

Biên chế Bệnh viện gồm 48 K-P-B, có 28 chuyên khoa lâm sàng bao gồm: Nội cán bộ - nội tim mạch - nội tiêu hóa - nội truyền nhiễm - lao và bệnh phổi - tâm thần - nội thần kinh - da liễu - nhi - y học dân tộc - hồi sức cấp cứu - nội thận - bệnh nghề nghiệp - ôxy cao áp - nội Tiết dị ứng - chấn thương chỉnh hình - ngoại tiết niệu - ngoại bụng - phẫu thuật lồng ngực - phẫu thuật GMHS - phẫu thuật thần kinh - mắt - răng hàm mặt - tai mũi họng - phụ sản - bỏng và 2 khoa nội - ngoại điều trị nhân dân. Bệnh viện còn có 13 khoa cận lâm sàng có thể làm các xét nghiệm thăm dò từ thường quy đến phức tạp phục vụ chuẩn đoán và điều trị.

Hằng năm, Bệnh viện tiếp nhận khoảng 65 000 người đến khám bệnh, nhận vào điều trị khoảng 20 000 bệnh nhân, trong đó có hàng ngàn lượt bệnh nhân là nhân dân vùng sâu, vùng xa. Mỗi năm, Bệnh viện tiến hành hơn 13 000 ca phẫu thuật, trong đó có gần 6 000 ca đại phẫu bao gồm: Phẫu thuật thần kinh, lồng ngực, tim mạch, tiết niệu, tiêu hóa, tạo hình và chỉnh hình; hiện nay đã phát triển một số kỹ thuật cao như mổ nội soi ruột thừa, cắt túi mật, u nang buồng trứng, u xơ tuyến tiền liệt, nội soi khớp gối, nối thành công các trường hợp chi thể đứt rời. Đơn vị đột quỵ được thành lập qua 3 năm hoạt động đã điều trị trên 600 ca có hiệu quả, giảm tỷ lệ tử vong, tàn phế. Bệnh viện đang thành lập đơn vị cấp cứu chấn thương và can thiệp mạch. Trong những năm qua, nhiều tiến bộ khoa học - kỹ thuật đã được áp dụng và tỷ lệ tử vong liên tục giảm.

Là trung tâm nghiên cứu y học quân sự ở phía Nam, nhiều đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, cấp bộ, và cấp cơ sở đã được tiến hành hằng năm.

Bệnh viện kết hợp với Học viện Quân y thường xuyên đào tạo các khóa CKI, nội chung, ngoại chung và gây mê hồi sức, chuyên khoa sơ bộ và kết hợp với Trường Trung học Quân y 2 đào tạo các lớp điều dưỡng TH và dược tá tại bệnh viện.

Duy trì hội nghị tuyến hằng năm có chất lượng, phương pháp tổ chức tốt hơn có mối liên hệ chặt chẽ với các đơn vị, thể hiện được vai trò chỉ đạo của Bệnh viện. Hằng năm, bồi dưỡng chuyên môn cho tuyến trước gần 50 học viên.

Khoa Hồi sức cấp cứu và 3 cá nhân của Bệnh viện được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT trang nhân dân.

Bệnh viện được tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Ba, và nhiều huân chương cao quý khác.



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 699

36
12-2003

● **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

● **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Gần lắm Trường Sa!
Ảnh : Ngô Mỹ

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN PHÚC THANH - Tăng cường quốc phòng - an ninh ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số 3

ĐẶNG HỮU - Gắn chặt hơn nữa khoa học và công nghệ với kinh tế - xã hội 8

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ THỊ NGÂN - Phát triển nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn 13

NGUYỄN VĂN TUẤT - Để tiếp tục phát triển tín dụng nông thôn 17

NGUYỄN SINH CÚC - Chung quanh vấn đề xuất khẩu cà-phê ở Việt Nam 20

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

*** "Toàn cầu hóa, khu vực hóa và vấn đề hợp tác giữa các nước: Kinh nghiệm của Việt Nam và Liên bang Nga" 25

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TỪ THANH - Chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa 31

TRẦN KIM DUNG - Long An trên đường tới năm 2010 34

TRẦN HẠNH KIỂM - Bộ đội Biên phòng góp phần nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân vùng biên giới và vùng biển 38

BÙI VĂN TIẾNG - Quận Thanh Khê trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng. 42

DIỄN ĐÀN DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

VÕ THỦ PHƯƠNG - Dân số và áp lực dân số đối với các vấn đề toàn cầu 45

PHẠM THỊ NGỌC TRẦM - Nước - vấn đề sống còn của loài người 49

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

NGUYỄN VĂN HẢI - Bồi dưỡng, phát triển đảng trong quân đội - nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn quân 54

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

VŨ ĐÌNH CỰ - Góp phần tìm hiểu sự kiện I-rắc 56

HOÀNG HOA - Thách thức của vị thế siêu cường Mỹ 60

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Thực hiện dân chủ ở cơ sở qua thực tiễn của Việt Nam và Trung Quốc 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ФУК ТХАНЬ: Усиление национальной обороны – государственной безопасности в горных районах и районах нацменьшинств. ДАНГ ХЫУ: Крепче соединять науку и технологию с экономикой-обществом. ЛЕ ТХИ НГАН: Развитие резервов рабочей силы в процессе индустриализации, модернизации сельского хозяйства, сельских местностей. НГУЕН ВАН ТУАТ: Чтобы дальше развивать сельские кредитные фонды. НГУЕН ШИНЬ КУК: Вокруг проблемы экспорта кофе во Вьетнаме. *Научно-практический семинар:* «Глобализация, регионизация и вопрос о сотрудничестве между странами: Опыты Российской Федерации и Вьетнама». ТЫ ТХАНЬ: Программа социально-экономического развития в коммунах с особыми трудностями в горных, глубоких и отдалённых районах. ЧАН ХАНЬ КИЕМ: Пограничники вносят вклад в повышение культурной жизни населения в пограничных и приморских районах. ВО ТХУ ФЫОНГ: Численность населения и её давление на глобальные проблемы. ФАМ ТХИ НГОК ЧАМ: Вода – жизненно важная проблема человечества. ВУ ДИНЬ КЫ: Внесение вклада в изучение Иракских событий. ХОАНГ ХОА: Вызов положению сверхдержавы США.

CONTENTS

NGUYỄN PHÚC THANH: Strengthening national defense-security in mountainous areas and areas of ethnic minorities. ĐẶNG HỮU: Linking up more closely sciences, technology and society- economy. LÊ THỊ NGÂN: Development of the workforce sources in the process of modernisation and industrialisation of agriculture and the countryside. NGUYỄN VĂN TUẤT: In order to continuously develop rural credits. NGUYỄN SINH CÚC: Around export of coffee in Vietnam. *Scientific-pragmatic seminar:* "Globalisation, region division and collaboration between states: experiences of the Russian Federation and Vietnam". TỪ THANH: The program for socio-economic development in the communes with special difficulties in the mountainous, far and remote areas. TRẦN HẠNH KIỂM: The frontier army makes contribution to the enhancement of cultural life of the people in the frontier and sea areas. VÕ THỦ PHƯƠNG: Population and population pressure toward the global problems. PHẠM THỊ NGỌC TRẦM: Water – a vital problem of mankind VŨ ĐÌNH CỰ: A contribution to the investigation of Iraqi events. HOÀNG HOA: A challenge to the position of a power of the USA.

SOMMAIRE

NGUYỄN PHÚC THANH: Renforcer la défense nationale et la sécurité dans les régions montagneuses peuplées par des ethnies minoritaires. ĐẶNG HỮU: Mieux lier les sciences et technologies à l'économie et la société. LÊ THỊ NGÂN: Le développement des ressources humaines dans le processus d'industrialisation et de modernisation de l'agriculture et de la campagne. NGUYỄN VĂN TUẤT: Pour développer davantage le crédit à la campagne. NGUYỄN SINH CÚC: Autour de l'exportation du café du Vietnam. *Séminaire Science-Pratique:* "Globalisation, régionalisation et la coopération entre les pays : expériences de la Russie et du Vietnam". TỪ THANH: Le programme de développement socio-économique dans les communes en grande difficulté des régions montagneuses, isolées et reculées. TRẦN HẠNH KIỂM: Contribution des gardes-frontières à l'amélioration de la vie culturelle de la population frontalière et côtière. VÕ THỦ PHƯƠNG: La démographie et la pression démographique sur les problèmes globaux. PHẠM THỊ NGỌC TRẦM: L'eau – le problème vital de l'humanité. VŨ ĐÌNH CỰ: Pour mieux comprendre les événements en Irak. HOÀNG HOA: Défis de la position de superpuissance des Etats-Unis.

SUMARIO

NGUYỄN PHÚC THANH: Intensificar la defensa y la seguridad nacional en las regiones montañosas y de minorías étnicas. ĐẶNG HỮU: Ha de ligar aún más la ciencia y la tecnología con la economía y la sociedad. LÊ THỊ NGÂN: El fomento de recursos humanos en el proceso de industrialización y la modernización de la agricultura y del campo. NGUYỄN VĂN TUẤT: A fin de continuar el desarrollo crediticio en el campo. NGUYỄN SINH CÚC: Acerca de la cuestión de exportación de café en Vietnam. *Seminario de ciencia y práctica:* "La globalización, la regionalización y la cuestión de cooperación entre los países: Experiencia de la Federación Rusa y Vietnam". TỪ THANH: El programa de desarrollo económico-social en las comunas en dificultades especiales y las zonas intrincadas y apartadas. TRẦN HẠNH KIỂM: Las tropas guardafronteras en contribución a la elevación de vida cultural de la población en las zonas fronteras y marítimas. VÕ THỦ PHƯƠNG: La población y la presión demográfica para con las cuestiones de globalización. PHẠM THỊ NGỌC TRẦM: El agua – cuestión vital de la humanidad. VŨ ĐÌNH CỰ: En contribución al conocimiento del acontecimiento de Irak. HOÀNG HOA: El reto del puesto de superpotencia de Estados Unidos.

目录

•阮福清：增强山区和少数民族同胞地区的国防—安全•邓友：更紧密地结合科学和技术与经济、社会•黎氏银：农业、农村工业化、现代化进程中人力资源的发展•阮文戌：继续发展农村信用•阮生菊：围绕越南出口咖啡的问题•科学—实践研讨会：《全球化、地区化及各国之间合作的问题：俄罗斯联邦与越南的经验》•徐清：山区和偏远地区特别困难乡经济、社会发展项目•陈辛检：边防部队致力于提高边境和沿海地区人民的文化生活•武守方：人口和人口压力对于全球的一些问题•范氏玉沉：水—人类生存的问题•武亭钜 对伊拉克事件的探索•黄华：美国超强地位的挑战

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở MIỀN NÚI VÀ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

NGUYỄN PHÚC THANH *

MIỀN núi là địa bàn rộng lớn, chiếm 3/4 diện tích tự nhiên của nước ta, có tiềm năng đa dạng, phong phú để phát triển kinh tế, là môi trường sinh thái của cả nước và là nơi sinh sống lâu đời của phần lớn các dân tộc thiểu số. Nằm dọc biên giới phía Bắc, Tây Bắc, kéo dài đến Bắc Trung Bộ và nối liền với Tây Nguyên, các vùng núi nước ta có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh. Trở lại lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta, các vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số là yếu tố không thể thiếu trong kế sách giữ nước và trong nghệ thuật dùng binh. Những truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc thiểu số được gìn giữ và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác như: lòng yêu nước nồng nàn, trí thông minh, sáng tạo trong lao động, sản xuất; tinh thần kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu kết hợp với những đặc điểm tự nhiên như địa hình thiên hiểm, cao điểm khống chế, đường độc đạo, cây cối và hang động tự nhiên, v.v.. được ông cha ta sử dụng rất tài tình và hiệu quả trong chiến đấu, làm cho lực lượng của ta yếu trở thành mạnh, ít trở thành nhiều để giành thắng lợi trước các kẻ thù xâm lược có ưu thế về lực lượng và trang bị. Trận Chi Lăng mãi mãi vẫn là một mẫu mực về chiến thuật phục kích, diệt viện. Sự hiểm trở của rừng Yên Thế đã giúp Đề Thám chỉ huy nghĩa quân làm cho thực dân Pháp điêu đứng hàng mấy chục năm trời. Vùng núi Cao - Bắc - Lạng, Hà - Tuyên - Thái đã trở thành cái nôi của cách mạng nước ta từ khi Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Dãy Trường Sơn đã che chở con đường huyết mạch chi viện cho chiến trường miền Nam trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tây Nguyên bất khuất với anh hùng Núp huyền thoại đã viết nên những trang sử hào hùng trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm. Theo các nhà phân tích chiến lược, Tây Nguyên được xem như "nóc nhà" của Đông Dương, ai kiểm soát địa bàn này, người đó nắm được thế chủ động chiến lược trong khu vực.

Ngày nay, trong điều kiện khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, nhờ ứng dụng những thành tựu mới, chiến tranh đã có những thay đổi lớn thể hiện qua nhiều thuật ngữ như: "chiến tranh không tiếp xúc", "chiến tranh số hóa", "đấu tranh điện tử", v.v.. Phải chăng yếu tố địa hình rừng núi đã không còn mấy ý nghĩa đối với quốc phòng - an ninh? Nhìn ra bên ngoài, sự kiện chiến tranh ở I-rắc vừa qua cho thấy, bộ binh vẫn là lực lượng đóng vai trò kết thúc cuộc chiến. Vì sau đòn phủ đầu phá hoại các mục tiêu quan trọng của đối phương, làm "mềm" chiến trường thì muốn đạt được mục tiêu cuối cùng, bộ máy phát động chiến tranh

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội

Digitized by Google

vẫn phải dùng bộ binh để kiểm soát và làm chủ chiến trường. Như vậy, trong cuộc chiến sử dụng lực lượng bộ binh ấy, yếu tố địa hình vẫn đóng vai trò hết sức cần thiết cho người lính cả hai chiến tuyến. Nó vẫn tuân theo nguyên tắc có lợi cho bên này thì bất lợi cho bên kia. Giả định nếu trên địa hình chia cắt bởi sông suối, kênh rạch, núi cao, vực sâu và thêm vào đó là hệ thống trận địa phòng thủ được chuẩn bị sẵn thì chắc chắn bộ binh, cơ giới liên quân không thể tiến công dễ dàng như ở I-rắc vừa qua.

Đặt vấn đề như vậy để khẳng định rằng, đối với nước ta trước mắt cũng như lâu dài, các vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế - xã hội. Điều đó được Đảng ta chỉ rõ trong Văn kiện Đại hội IX phần nói về chiến lược phát triển các vùng: "Phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn; đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, liên kết với vùng trọng điểm tạo mức tăng trưởng khá. Quan tâm phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường quốc phòng - an ninh ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, chú trọng các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam"[1].

Trong suốt quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn coi việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc và miền núi là một nhiệm vụ có tính chiến lược. Vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng ta đã đề ra và thực hiện rất nhiều chủ trương, chính sách xây dựng miền núi về các mặt, thể hiện tập trung ở các văn kiện quan trọng của Đại hội VI, Đại hội VII của Đảng, Nghị quyết số 22 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Văn kiện các Đại hội VIII, Đại hội IX và nhiều nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

Về kinh tế - xã hội: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các tỉnh miền núi liên tục đạt mức khá. Đơn cử các tỉnh Tây Nguyên, mặc dù phải tập trung khắc phục những khó khăn do sự mất ổn định tháng 2-2001 để lại, nhưng đã phấn đấu đạt mức tăng trưởng GDP bình quân gần 7,3% năm 2002. Trong đó, điều đáng mừng là cơ cấu kinh tế toàn vùng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực: tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ ngày một tăng, tỷ trọng nông nghiệp giảm tương ứng; đời sống vật chất và tinh thần của phần đông đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện. Tỷ lệ hộ đói nghèo ở miền núi đã giảm tuy còn chậm, góp phần hạ tỷ lệ hộ đói nghèo của cả nước xuống còn khoảng 12% năm 2003. Bộ mặt nông thôn, bản làng miền núi ở nhiều địa phương đã khởi sắc; một số thị trấn, thị xã, điểm công nghiệp, khu kinh tế mở, khu kinh tế cửa khẩu, v.v.. đã hình thành và phát triển, lôi cuốn kinh tế các vùng lân cận phát triển theo. Cơ cấu dân cư biến đổi đưa đến nhiều mặt tích cực như tạo sự giao thoa các giá trị, bản sắc văn hóa, trao đổi kinh nghiệm làm ăn, xóa bớt một số điểm trống dân cư, nhất là dọc tuyến biên giới. Việc học hành, khám chữa bệnh đối với đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm hơn. Đội ngũ cán bộ con em các dân tộc thiểu số có bước phát triển. Những tiến bộ và thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng lòng tin của đồng bào vào đường lối đổi mới của Đảng.

Về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội: Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, khu vực phòng thủ ở các tỉnh miền núi tiếp tục được củng cố; tiềm lực quốc phòng, an ninh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001, tr 94

Digitized by Google

trên các hướng chiến lược được tăng cường về nhiều mặt; chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo môi trường ổn định cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Các lực lượng vũ trang nhân dân đứng chân ở miền núi, biên giới phát huy vai trò nòng cốt của mình trong đấu tranh phòng chống âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; kịp thời phát hiện và xử lý có kết quả các tình huống phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động đề xuất các phương án, kế hoạch và giải pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các địa bàn trọng yếu như Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ. Tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh thế bố trí chiến lược và các phương án tác chiến theo yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; xây dựng hệ thống công trình quốc phòng; bảo đảm nội dung, chương trình huấn luyện bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên và công an; kịp thời tổng kết công tác chỉ đạo thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước đối với các vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đã coi trọng công tác củng cố cơ sở chính trị và công tác vận động quần chúng, nhất là đối với các địa bàn nhạy cảm về các vấn đề dân tộc, tôn giáo. Bước đầu triển khai có kết quả các khu kinh tế - quốc phòng tại Lai Châu, Sơn La, Quảng Ninh, Nghệ An, Gia Lai, Bình Phước, v.v.. Việc thực hiện chủ trương kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế ở địa bàn miền núi có tiến bộ. Đã triển khai nhiều biện pháp kiên quyết, có hiệu quả trong việc giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm. Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã bước đầu đi vào cuộc sống, tạo điều kiện để nhân dân sử dụng quyền dân chủ của mình tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội ở địa phương, đấu tranh chống những biểu hiện lợi dụng chức vụ, quyền hạn tham nhũng, sách nhiễu nhân dân.

Những thành tựu đã đạt được cả về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong thời gian qua, nhất là từ khi thực hiện đường lối đổi mới có ý nghĩa rất quan trọng, là tiền đề để tiếp tục triển khai những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đối với vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng hiệu quả hơn, phấn đấu trong một thời gian nhất định thu hẹp khoảng cách chênh lệnh về phát triển so với đồng bằng và đô thị.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc và miền núi, chúng ta cũng còn một số yếu kém, khuyết điểm:

- *Trong lĩnh vực kinh tế - xã hội:* Ở các vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; tốc độ tăng trưởng tuy khá nhưng đi lên từ xuất phát điểm thấp nên thu nhập bình quân đầu người chưa được cải thiện, chưa vững chắc, chưa tạo được môi trường đầu tư hấp dẫn. Tốc độ giảm tỷ lệ hộ đói nghèo còn chậm. Theo số liệu điều tra năm 2002 của Tổng cục Thống kê, số hộ đói nghèo của các tỉnh Tây Bắc còn ở mức 68%, các tỉnh Tây Nguyên là 51,8%, các tỉnh Bắc Trung Bộ là 44,4%[2]. Chất lượng giáo dục, y tế ở miền núi, vùng sâu, vùng xa vẫn là vấn đề bức xúc; trình độ dân trí thấp không chỉ hạn chế việc phổ biến, hướng dẫn đưa các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước vào cuộc sống, các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và xây dựng cuộc sống mới mà còn là kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, kích động, lôi kéo, mua chuộc với mưu đồ chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Thực trạng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số vừa thiếu về số lượng nhất là cấp cơ sở, vừa bất cập về trình độ, năng lực quản lý kinh tế - xã hội, lại phân bố không

(2) *Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XI, tháng 11/2003*

Digitized by Google

đồng đều giữa các khu vực trong một địa phương kéo dài trong nhiều năm qua chậm được giải quyết. Tình hình khai thác, sử dụng quỹ đất, tài nguyên rừng tùy tiện, trái pháp luật còn phổ biến, gây hậu quả lâu dài cho sự phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ gìn môi trường sinh thái bền vững.

- *Trong lĩnh vực quốc phòng- an ninh và trật tự, an toàn xã hội:* Việc xây dựng tiềm lực quốc phòng chưa gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, kế hoạch bố trí thế trận quốc phòng, đặc biệt trên các vùng biên giới, địa bàn miền núi trọng điểm. Chưa coi trọng đúng mức vấn đề quốc phòng - an ninh trong các dự án liên kết, liên doanh với nước ngoài. Khu vực phòng thủ chưa thực sự vững chắc; chậm rà soát, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch, phương án xử lý các tình huống phức tạp, thiếu một cơ chế chỉ huy thống nhất và phân công, phối hợp rõ ràng nên khi tình huống xảy ra còn lúng túng trong giải quyết. Cơ sở chính trị ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn bất cập trước yêu cầu nhiệm vụ được giao. Công tác nắm tình hình, phân tích, đánh giá tình hình và đề xuất biện pháp xử lý của cơ quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và người chỉ huy có lúc, có nơi chưa kịp thời. Đời sống của cán bộ, chiến sĩ còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, đặc biệt là các đơn vị đóng quân ở vùng sâu, vùng xa của các tỉnh miền núi. Tình hình tội phạm vẫn diễn biến phức tạp, nhất là ở các vùng dân tộc thiểu số, miền núi có biên giới, cửa khẩu. Trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông tuy chưa đến mức nghiêm trọng nhưng đã có dấu hiệu cần chú ý.

Những yếu kém, khuyết điểm về mặt quốc phòng - an ninh và trật tự, an toàn xã hội đó là do khả năng cụ thể hóa và vận dụng các quan điểm, chủ trương của Đảng về nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội trên các địa bàn này còn hạn chế, nhất là việc hướng dẫn cấp cơ sở tổ chức thực hiện. Sự phối hợp giữa các lực lượng chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ, chậm phát hiện yếu kém, khuyết điểm hoặc có phát hiện thấy nhưng lại thiếu biện pháp cụ thể và kiên quyết đấu tranh để khắc phục. Công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn có lúc, có nơi chưa kịp thời. Hiệu lực và hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra còn hạn chế.

*

* *

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa IX xác định: "Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa", vấn đề phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số, miền núi phải được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ và tổ chức triển khai tích cực, chủ động hơn nữa. Trong đó, cần tập trung vào một số nhiệm vụ và giải pháp sau:

- *Một là,* tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng đối với quá trình triển khai các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chính quyền giữ vai trò điều hành; cơ quan quân sự, công an làm tham mưu; chú ý xây dựng cơ chế chỉ huy thống nhất, phối hợp, hiệp đồng trên cơ sở phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các lực lượng khi xử lý tình huống. Trong quá trình tổ chức thực hiện, cần có sự phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của già làng, trưởng bản.

- *Hai là,* tăng cường công tác nắm và nghiên cứu tình hình, đánh giá âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch đối với nước ta nói chung, đối với địa bàn miền núi, dân tộc thiểu số nói riêng, đặc biệt là tình hình an ninh

Digitized by Google

ở các tỉnh Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ để luôn luôn làm chủ tình hình, xử lý đúng đắn, nhanh gọn mọi tình huống phức tạp. Tiếp tục thực hiện các đối sách để làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch hình thành "nhà nước Đề-ga độc lập", "nhà nước Khơ Me - Crôm tự trị", "vương quốc Mông tự trị" và các luận điệu phản động chống Đảng, chống Nhà nước và gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân mà chúng thường núp dưới các chiêu bài dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo. Bảo đảm môi trường ổn định để đồng bào các dân tộc thiểu số sát cánh cùng nhân dân cả nước tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- *Ba là,* tập trung mọi nỗ lực thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và các chủ trương, chính sách về dân tộc, miền núi của Đảng và Nhà nước, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của miền núi, các nguồn lực tại chỗ trong đó có nguồn lực con người nhằm sớm hoàn thành chương trình xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, thu hẹp dần khoảng cách phát triển so với các vùng đồng bằng, đô thị.

- *Bốn là,* đầu tư xây dựng để nâng cao chất lượng tổng hợp của các lực lượng vũ trang bao gồm quân chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ, dự bị động viên và lực lượng công an nhân dân; thường xuyên rà soát, bổ sung hoàn thiện các kế hoạch, phương án bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội trong từng tình huống, kể cả tình huống phức tạp nhất. Tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống công trình phòng thủ, các khu ATK, đồng thời tăng cường bảo quản, bảo vệ các công trình quốc phòng và khu quân sự đã có. Chăm lo công tác hậu phương quân đội, nhất là cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ ở những vùng khó khăn của miền núi. Thực hiện hiệu quả chủ trương xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng trên các địa bàn chiến lược trọng yếu.

- *Năm là,* tập trung các biện pháp tích cực cho công tác xây dựng cơ sở chính trị như bổ sung cán bộ, tăng cường các đội công tác quần chúng của quân đội, công an và các đoàn thể. Khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán người dân tộc thiểu số bằng nhiều hình thức tại trường, tại chỗ, chính quy, tại chức, dài hạn, ngắn hạn, v.v..

- *Sáu là,* có biện pháp giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của đồng bào thiểu số trong việc xây dựng đời sống mới, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; kịp thời biểu dương và nhân rộng gương người tốt việc tốt; đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích để đồng bào dân tộc thiểu số hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, thấy rõ bộ mặt phản động của các thế lực thù địch, của những người đội lốt tôn giáo đi gieo rắc tư tưởng ly khai, chia rẽ dân tộc, mê tín dị đoan.

- *Bảy là,* xuất phát từ vị trí, vai trò hết sức quan trọng của các vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong tình hình mới, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn này cần được thường xuyên chăm lo, củng cố một cách toàn diện. Tuy nhiên, để bảo đảm yêu cầu về sự gắn kết và đồng bộ các yếu tố hợp thành tiềm lực và sức mạnh quốc phòng, an ninh trong một chỉnh thể thống nhất của cả nước, những chủ trương, chính sách và giải pháp tăng cường quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ở các vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số phải được đặt trong chiến lược, quy hoạch và kế hoạch tổng thể của đất nước.

Tiềm năng và thế mạnh của miền núi và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số rất to lớn, đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của dân tộc ta trong các cuộc kháng chiến trước đây cũng như trong công cuộc đổi mới hiện nay. Với đường lối, chủ trương đúng đắn, những chính sách tích cực và phù hợp của Đảng và Nhà nước, chúng ta hoàn toàn tin tưởng vùng núi và vùng dân tộc thiểu số sẽ có bước phát triển nhanh và toàn diện, trở thành địa bàn giàu về kinh tế, tiến bộ về xã hội, vững mạnh về quốc phòng - an ninh đúng như mục tiêu chung mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa IX đã đề ra. ❑

Digitized by Google

GẮN CHẶT HƠN NỮA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI KINH TẾ - XÃ HỘI

***ĐẶNG HỮU** **

NHỮNG thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội trong 17 năm qua không tách rời những thành tựu và sự đổi mới của khoa học và công nghệ. Trình độ công nghệ đã được nâng cao khá rõ nét trong nhiều ngành kinh tế: nông lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải... Một số ngành đã tiếp thu và làm chủ những công nghệ hiện đại, theo kịp trình độ chung của khu vực. Tuy vậy, khoa học và công nghệ vẫn phát triển chậm so với nhu cầu, nhịp độ các nước xung quanh, cũng như so với tiềm năng mà nước ta vốn có. Khoa học và công nghệ nước ta chưa tạo được chuyển biến cơ bản, mạnh mẽ về năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế.

1- Những chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước về sự gắn kết khoa học và công nghệ với kinh tế - xã hội

Từ lâu, Đảng ta đã khẳng định, *khoa học là động lực của sự phát triển.* Ngày 20-1-1981, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 37 *Về chính sách khoa học - kỹ thuật.* Nghị quyết đã định hướng cho các hoạt động khoa học và công nghệ: tổ chức lại lực lượng khoa học - công nghệ, hướng các hoạt động khoa học - công nghệ vào phục vụ các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bằng các chương trình mục tiêu. Coi *khoa học và công nghệ vừa là căn cứ, vừa là công cụ để thực hiện có kết quả các kế hoạch kinh tế - xã hội.* Khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, nền kinh tế chuyển từ kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường thì cơ chế quản lý khoa học, công nghệ cũng chuyển theo hướng *kết hợp kế hoạch hóa với vận dụng cơ chế thị trường.* Năm 1991, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 26 *Về phát triển khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới.* Nghị quyết này yêu cầu tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới công nghệ; khuyến khích ký kết hợp đồng trong hoạt động khoa học - công nghệ. Các cơ quan khoa học được quyền sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc mọi thành phần kinh tế.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng khẳng định, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Theo tinh thần đó, Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết số 2/NQ-HNTW *Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000.* Nghị quyết đã khẳng định một lần nữa *vai trò động lực và nền tảng* của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết nhấn mạnh: chính sách phát triển của nước ta là *chính sách phát triển dựa vào khoa học và công nghệ,*

---

* GS

Digitized by Google

bằng khoa học và công nghệ. Nghị quyết nhấn mạnh *sự cần thiết phải tạo lập và phát triển thị trường khoa học - công nghệ;* huy động *mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động khoa học - công nghệ,* xóa dần bao cấp và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho khoa học - công nghệ; *khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ,* buộc các doanh nghiệp phải đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh. *Các cơ quan khoa học - công nghệ có quyền chủ động cao trong hoạt động khoa học - công nghệ,* liên kết với các cơ sở sản xuất kinh doanh, mở rộng giao lưu, hợp tác khoa học - công nghệ với nước ngoài; *có quyền thành lập doanh nghiệp để sản xuất kinh doanh những kết quả nghiên cứu của mình.* Sắp xếp lại các cơ quan nghiên cứu khoa học, theo hướng gắn kết hơn với sản xuất: *chuyển các cơ quan nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ về các doanh nghiệp* (các "công ty 90"), phát triển các tổ chức khoa học - công nghệ thuộc mọi thành phần kinh tế.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định: Nước ta *có thể và cần thiết phải rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nắm bắt, ứng dụng rộng rãi những thành tựu mới nhất của khoa học - công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.* Hội nghị trung ương 6 (khóa IX) đã nhấn mạnh hơn nữa việc *phát triển thị trường khoa học - công nghệ, kiên quyết xóa bỏ bức tường ngăn cách khoa học với sản xuất.* Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý khoa học và công nghệ để cho hoạt động khoa học và công nghệ gắn kết hữu cơ với sản xuất kinh doanh. *Chuyển các cơ quan nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hoạt động theo cơ chế của doanh nghiệp, có đủ tư cách pháp nhân để sản xuất kinh doanh các sản phẩm nghiên cứu của mình.* Cần có cơ chế và chính sách khuyến khích và bắt buộc các doanh nghiệp đầu tư vào khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh; *khuyến khích phát triển các doanh nghiệp dựa vào công nghệ mới. Xóa bỏ hành chính bao cấp trong quản lý khoa học - công nghệ,* rà soát lại các cơ chế quản lý kinh tế hiện hành, loại bỏ những tàn dư của chế độ bao cấp mà doanh nghiệp có thể dựa dẫm, *buộc các doanh nghiệp phải thực sự cạnh tranh bằng hiệu quả, bằng ứng dụng khoa học và công nghệ, bằng năng lực sáng tạo và đổi mới.*

Vấn đề cốt lõi nhất hiện nay là *làm thế nào để khoa học thực sự gắn kết với sản xuất kinh doanh như máu với thịt,* chỉ có như thế khoa học mới trở thành động lực mạnh mẽ của sự phát triển kinh tế, làm ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển xã hội.

2 - Mặt được và chưa được trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng về khoa học và công nghệ

Từ khi nền kinh tế nước ta chuyển sang kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, sự cạnh tranh trong nước và quốc tế buộc các doanh nghiệp phải quan tâm đến đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, đổi mới sản xuất kinh doanh.

Nhiều *doanh nghiệp nhà nước* đã chú trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, ra sức đào tạo cán bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới tổ chức quản lý, cải tiến mẫu mã, cải tiến dịch vụ khách hàng, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, chiếm lĩnh được thị trường trong nước và thế giới. Nhưng trong nhiều lĩnh vực, vẫn còn tình trạng độc quyền, thiếu cạnh tranh, lại còn nhiều tàn dư của cơ chế quản lý thời bao cấp, kế hoạch hóa tập trung, các doanh nghiệp nhà nước còn nhiều chỗ dựa; mặt khác doanh nghiệp nhà nước chưa thực sự có quyền chủ động, không tự chịu trách nhiệm. Việc tách các doanh nghiệp ra khỏi sự quản lý trực tiếp của bộ đã đặt ra từ lâu nhưng chưa thực hiện được. Không có sự bình đẳng trong cạnh tranh giữa các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.

Digitized by Google

Vấn đề lớn nhất đang đặt ra hiện nay là *quản lý nền kinh tế chưa thực sự lấy hiệu quả làm đầu, còn nặng về số lượng,* còn tư duy kinh tế hiện vật, chạy theo thành tích, còn giao chỉ tiêu khối lượng sản xuất mà không kèm theo điều kiện về hiệu quả (như mía đường...); thường chỉ tổng kết làm được gì mà ít khi phân tích hiệu quả của việc làm đó, nhất là không phân tích *quan hệ chi phí - lợi ích;* hệ số ICOR (tỷ lệ đầu tư so với thu nhập quốc dân tăng thêm) hiện nay của nền kinh tế nước ta rất cao (trên 4) đã nói lên sự kém hiệu quả của đầu tư.

Ai là người chịu trách nhiệm trực tiếp hiệu quả của *các dự án đầu tư từ vốn ngân sách và ODA* cho đến hiện nay vẫn không rõ ràng. Trong không ít trường hợp cơ quan chủ quản và doanh nghiệp tìm mọi cách để dự án được thông qua "đúng thủ tục", vốn càng lớn càng tốt, bất chấp có hiệu quả kinh tế hay không; trong các trường hợp này tư vấn, phản biện khoa học chỉ là hình thức. Những năm gần đây, đã xuất hiện nhiều *doanh nghiệp tư nhân* mới phát triển nhanh, cạnh tranh được với các doanh nghiệp nước ngoài, nhờ vào sử dụng công nghệ mới, cách tổ chức quản lý mới, đặc biệt là sử dụng tin học, in-tơ-nét, thương mại điện tử, tiếp cận thị trường thế giới, đổi mới cung cách phục vụ khách hàng. Việc *khôi phục và phát triển các làng nghề* có nhiều chuyển biến cũng nhờ biết cách đổi mới công nghệ kết hợp với phát huy công nghệ truyền thống, đồng thời biết sử dụng công nghệ thông tin, in-tơ-nét.

Trong khu vực *nông nghiệp và nông thôn,* người nông dân có khả năng tiếp thu nhanh các tiến bộ kỹ thuật, chủ động liên kết với các cơ quan khoa học, các doanh nghiệp để đổi mới công nghệ, đổi mới sản xuất và tiếp cận thị trường. Một số nơi đã thực hiện chế độ ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa hộ nông dân với cán bộ khoa học, theo đó cán bộ khoa học được hưởng một phần của lợi nhuận thu được. Ở Bến Tre, đã có những kỹ sư thủy sản nhận được hơn 200 triệu đồng sau một vụ nuôi tôm. Các doanh nghiệp hoạt động tư vấn dịch vụ chuyển giao công nghệ đang phát triển nhanh, làm cầu nối giữa khoa học và sản xuất, góp phần thúc đẩy mở rộng thị trường khoa học - công nghệ.

Các *chương trình khoa học - công nghệ nhà nước* ở các cấp, các ngành đã có nhiều đổi mới, từ chỗ quá dàn trải thời kỳ đầu nay đã tập trung hơn, số lượng chương trình ít đi, việc thẩm định, xét duyệt mục tiêu, nội dung chương trình đề tài, cũng như việc tuyển chọn người chủ trì có nhiều tiến bộ. Nhưng, phần lớn các chương trình không có địa chỉ áp dụng cụ thể, người đặt hàng trên danh nghĩa là Nhà nước, nhưng ai là người nghiệm thu, đưa vào sử dụng và chịu trách nhiệm về hiệu quả, còn chưa rõ ràng. Vì vậy, vẫn còn nhiều chương trình được nghiệm thu đánh giá xuất sắc nhưng không được áp dụng, đôi khi còn đề nghị nghiên cứu tiếp. Các dự án sản xuất thử nghiệm là biện pháp tốt thúc đẩy việc ứng dụng các thành quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Rất nhiều dự án đạt kết quả tốt, hiệu quả cao, trở thành điển hình tiên tiến đáng được nhân rộng nhanh, như các "điểm sáng" ở nông thôn, miền núi, nhưng không được nhân rộng.

Về tổ chức quản lý *các cơ quan khoa học công nghệ* cũng đã có nhiều đổi mới. Tình trạng hành chính hóa các cơ quan này đã được khắc phục một bước. Quyền chủ động trong tổ chức các hoạt động khoa học - công nghệ đã được tăng cường. Nhiều cơ quan nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ được chuyển về doanh nghiệp. Một số cơ quan khoa học đã *chuyển thành doanh nghiệp khoa học,* như Viện Máy (IMI), hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp, hiện nay đang phát triển rất nhanh trình độ khoa học cũng như về sản xuất kinh doanh

Nhờ có nhiều tiến bộ trong khâu gắn kết khoa học với sản xuất, khoa học - công nghệ nước ta có bước phát triển mới và đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn *hai việc lớn phải làm: một là* tiếp tục *đổi mới,*

Digitized by Google

MỤC LỤC
TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 2003

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG		
- Xã luận - Cái thế 2003	Hà Đăng	1+2
- Mấy vấn đề quan trọng thực hiện nhiệm vụ của năm "bản lề" kế hoạch 5 năm 2001 - 2005	Phan Văn Khải	1+2
- Chúc Năm Mới 2003 - Quý Mùi - đất nước ta tiếp tục đổi mới, đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, tiến lên nhanh hơn, vững hơn	Võ Nguyên Giáp	1+2
- Đường đi lên của chúng ta	Đức Minh	1+2
- Về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	Phạm Ngọc Quang	1+2
- Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận	Nông Đức Mạnh	3
- Tăng cường công tác khoa giáo trên địa bàn Tây Nguyên	Đỗ Nguyên Phương	3
- Mấy vấn đề cấp bách ở vùng Tây Nguyên	Nguyễn Nam Khánh	3
- Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nông Đức Mạnh	4+5
- Hiệp định Pa-ri: 30 năm nhìn lại	Nguyễn Thị Bình	4+5
- Đảng ta là Đảng của Mùa Xuân Dân tộc	Nguyễn Phú Trọng	6
- Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa	Đào Duy Quát	6
- Nâng cao chất lượng công tác tư tưởng - văn hóa hiện nay	Nguyễn Khoa Điềm	7
- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, giải quyết hiệu quả những vấn đề cấp bách, đưa công cuộc đổi mới tiếp tục tiến lên	Nông Đức Mạnh	8
- Để công tác tư tưởng - văn hóa trở thành động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội	Phạm Gia Khiêm	8
- Để những quyết sách quan trọng của Đảng đi vào cuộc sống	Trương Quang Được	10
- Báo chí dưới sự lãnh đạo của Đảng là bộ phận xung kích trên mặt trận tư tưởng	Nông Đức Mạnh	11
- Quan điểm của V.I. Lê-nin về công tác tư tưởng, lý luận với công cuộc đổi mới của chúng ta	Trần Ngọc Linh	11
- Nâng cao chất lượng công tác dân vận trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước	Phạm Gia Khiêm	13
- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên	Nguyễn Phúc Thanh	14
- Giá trị bền vững của học thuyết Mác	Lê Hữu Nghĩa	14
- Bác bắt nhịp hát bài ca kết đoàn...	Lê Xuân Vũ	14
- Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, đổi mới, sáng tạo của Tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới	Nông Đức Mạnh	15
- Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc	Trương Mỹ Hoa	15
- Thực hiện đại đoàn kết dân tộc và những vấn đề đặt ra cho hệ thống chính trị hiện nay	Phạm Thế Duyệt	16
- Định hướng phát triển mạng viễn thông Việt Nam	Đỗ Trung Tá	16
- Trách nhiệm to lớn của Hội Nông dân Việt Nam trong công tác tư tưởng - văn hóa	Nguyễn Khoa Điềm	17
- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, đẩy mạnh phòng, chống ma túy trong tình hình mới	Phạm Gia Khiêm	17

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Toàn cầu hóa - một số vấn đề lý luận và thực tiễn	Lê Hữu Nghĩa	18
- Toàn cầu hóa với chủ nghĩa xã hội	Nguyễn Ngọc Long	18
- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Phú Trọng	19
- Xóa đói, giảm nghèo - một cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh cho người nghèo nước ta và thế giới	Nguyễn Túc	19
- Động lực phát triển của cách mạng nước ta	Nhị Lê	19
- Nâng cao công tác báo chí của Đảng dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh	Hà Đăng	19
- Tư tưởng của Hồ Chí Minh về kinh tế đối ngoại, thu hút ngoại lực và phát huy nội lực	Nguyễn Huy Oánh	19
- Giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia và định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nông Đức Mạnh	20
- Bước phát triển về nhận thức quan hệ đất đai	Mai Ái Trực	20
- Phấn đấu vì một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc	Nguyễn Duy Quý	20
- Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của đất nước	Nông Đức Mạnh	21
- Mãi mãi xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng, lý luận của Đảng	* * *	22+23
- Nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Võ Nguyên Giáp	22+23
- Đôi điều suy nghĩ về làm tạp chí lý luận chính trị của Đảng	Nguyễn Phú Trọng	22+23
- Trách nhiệm của Tạp chí Cộng sản với công tác tư tưởng, lý luận hiện nay	Nguyễn Khoa Điềm	22+23
- Truyền thống vẻ vang, phần thưởng cao quý, trọng trách lớn lao	Lê Hữu Nghĩa	22+23
- Mấy vấn đề về công tác lý luận	Vũ Văn Hiền	22+23
- Tiếp tục xây dựng Tạp chí ngày càng vững mạnh	Trần Quang Nhiếp	22+23
- Hồ Chí Minh với nguyên tắc "lý luận liên hệ với thực tế " trong nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin	Đinh Việt Hải	22+23
- Tinh thần dân chủ trong văn hóa Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Thu	22+23
- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở	Nguyễn Xuân Thông	22+23
- Tạp chí Cộng sản hãy xứng đáng hơn nữa là ngọn cờ tư tưởng, lý luận của Đảng	Nông Đức Mạnh	24
- Tạp chí Cộng sản nguyện đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, sự mong mỏi và yêu mến của bạn đọc	Lê Hữu Nghĩa	24
- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận vào việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc	Bùi Đình Phong	25
- Thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng - cơ sở phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc	Tòng Thị Phóng	26
- Đề cương văn hóa Việt Nam với sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc	Nguyễn Khoa Điềm	27
- Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong tiến trình gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)	Lương Văn Tự	27
- Thể chế hoá các quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp trong Bộ luật Tố tụng hình sự	Hà Mạnh Trí	28
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đảng cầm quyền	Nguyễn Thế Thắng	28
- Phát triển toàn diện giai cấp công nhân, xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	***	29
- Về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong 5 năm qua	Trương Mỹ Hoa	30

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: Quan niệm và giải pháp phát triển	Nguyễn Phú Trọng	31
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng	Trần Quang Nhiếp	31
- Hồ Chí Minh - một con người - một nhân cách	Dương Tùng	31
- Lý luận giá trị của C. Mác và vấn đề tiếp cận kinh tế tri thức ở Việt Nam	Mai Kiệm	31
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác đối ngoại nhân dân	Vũ Xuân Hồng	34
- Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển giá trị văn hóa dân tộc và nhân loại	Hồ Văn Chiểu	34
- Từ đề cương văn hóa Việt Nam - nhìn lại quá trình vận động của đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng.	Hà Xuân Trường	35
II. KINH TẾ		
- Hà Nội năm 2002 : Thêm một kinh nghiệm để tiếp tục đi lên	Nguyễn Phú Trọng	1+2
- Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2002	Nguyễn Sinh Cúc	1+2
- Giải pháp phát triển kinh tế nhanh hơn trong năm 2003	Phạm Văn Linh	1+2
- Thành phố Hồ Chí Minh vững bước tới tương lai	Nguyễn Kiến Phước	1+2
- Phát triển kinh tế - xã hội ở Thanh Hóa	Trịnh Trọng Quyền	1+2
- Đà Nẵng khơi dậy những tiềm năng	Nguyễn Đức Hạt	1+2
- Lạng Sơn tiếp tục đổi mới phát triển kinh tế - xã hội nông thôn	Dương Công Đá	1+2
- Nâng cao vị thế tài chính đối ngoại của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế	Tào Hữu Phùng	3
- Báo cáo đề dẫn Hội thảo "Phát triển giao thông thủy nội địa Việt Nam đầu thế kỷ XXI"	Trần Quang Nhiếp	3
- Tổng quan Hội thảo "Phát triển giao thông thủy nội địa Việt Nam đầu thế kỷ XXI	Hải Hưng	3
- Hà Tĩnh đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống	Đặng Duy Báu	3
- Để xây dựng Tây Nguyên giàu mạnh	Nguyễn Tấn Dũng	4+5
- Kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam	Vũ Khoan	4+5
- Công tác tài chính năm 2002 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2003	Nguyễn Sinh Hùng	4+5
- Tổng quan nông nghiệp nông thôn đầu thế kỷ XXI	Minh Hoài	4+5
- Khánh Hòa: tiềm năng và triển vọng	Nguyễn Văn Tự	4+5
- Cần Thơ vươn lên và hội nhập	Lê Nam Giới	4+5
- Bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở An Giang	Lê Phú Hội	4+5
- Nhìn lại một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) ở Tổng Công ty Than Việt Nam	Đoàn Kiển	4+5
- Những thách thức cần vượt qua để miền núi phát triển	Phạm Hiệp	6
- Thành phố Hồ Chí Minh phấn đấu phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao và bền vững	Nguyễn Thiện Nhân	6
- Những mặt hàng chủ lực của nền nông nghiệp Việt Nam năm 2002	Lưu Đức Khải	6
- Thương mại Việt Nam năm 2002 và giải pháp trong thời gian tới	Hoàng Thọ Xuân - Võ Văn Quyền	7
- Phát triển đồng bộ các loại thị trường ở Việt Nam	Hoàng Đức Thân	7
- Trà Vinh đổi mới và phát triển	Vũ Ngọc Am	7
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Hà Tây	Lê Thị Phương Mai	7
- Tài chính Việt Nam trong công cuộc đổi mới: Thành công và bài học	Đặng Văn Thanh	8
- Điều chỉnh cơ cấu công nghiệp và tăng trưởng ngoại thương	Võ Hùng Dũng	8
- Hải Phòng vững bước trên đường phát triển	Tô Huy Rứa	8

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Về hướng sửa đổi, bổ sung Luật Hợp tác xã	Lê Xuân Đình	9
- Lào Cai trên đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Giàng Seo Phử	9
- Thị trường chứng khoán Việt Nam: Định hướng và giải pháp phát triển	Nguyễn Thị Phương Liên	9
- Về thị trường chứng khoán Mỹ và Trung Quốc - bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam	Đặng Minh Ất	9
- Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp để hội nhập AFTA	Vũ Anh Tuấn	10
- Lộc Bình chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp	Doãn Huề	10
- Phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước - một tư tưởng lớn của V.I. Lê-nin	Phan Huy Đường	11
- Phát huy nội lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển đất nước	Nguyễn Thị Doan	11
- Về chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam	Vũ Tiến Lộc	12
- Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương	Phạm Sơn Khanh	12
- Xây dựng cấu trúc thị trường hợp lý theo hướng chiến lược phát triển thị trường đến năm 2010	Phạm Công Đoàn	13
- Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh: Năng động, sáng tạo trong hội nhập	Lê Ngọc Trác	13
- Phát huy vai trò hệ thống chợ nhằm thúc đẩy sản xuất hàng hóa ở nông thôn Hải Dương	Trương Kim Sơn	14
- Tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) về đổi mới doanh nghiệp nhà nước	Hồ Xuân Hùng	15
- Nâng cao hiệu quả đầu tư và năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Đinh Văn Ân	15
- Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	Hồ Trọng Viện	15
- Về chống nạn hàng giả và gian lận thương mại hiện nay	Đặng Đình Đào	16
- Nhân rộng những mô hình xóa đói giảm nghèo có hiệu quả ở miền Trung	Nguyễn Sinh Cúc	16
- Phát triển công nghiệp nông thôn - khâu mấu chốt trong chiến lược phát triển nhanh và bền vững nông nghiệp, nông thôn	Nguyễn Đình Bích	17
- Tiếp tục hoàn thiện chính sách quản lý ngoại hối và điều hành tỷ giá	Nguyễn Đắc Hưng	17
- Giải pháp huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển	Phạm Phan Dũng	18
- Bảo hộ nhãn hiệu - yếu tố cần thiết của các doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế	Lê Xuân Thảo	18
- Vĩnh Long thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	Triều Hải Quỳnh	18
- Chính sách đất đai trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	Nguyễn Văn Tuất	19
- Đầu tư phát triển nhà và đô thị - mô hình sản xuất kinh doanh mới	Nguyễn Mạnh Hà	19
- Hoàn thiện chính sách tài chính - tiền tệ, tiếp tục đổi mới, lành mạnh hóa hệ thống tài chính - ngân hàng	Dương Thị Bình Minh - Sử Đình Thành	20
- Quảng Nam trên đường phát triển	Vũ Ngọc Hoàng	20
- Ngân hàng công thương Việt Nam trong tầm nhìn năm 2010	Nguyễn Văn Bính	20
- Thực tiễn và định hướng phát triển Kiểm toán nhà nước	Vương Đình Huệ	20
- Kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	Hồ Văn Vĩnh	21
- Hội nhập tài chính quốc tế năm 2002 và giải pháp những năm tới	Quách Đức Pháp	22+23
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở đồng bằng sông Cửu Long	Võ Hùng Dũng	22+23
- Kon Tum trên đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Thanh Cao	22+23

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Vai trò của tín dụng ngân hàng trong phát triển kinh tế tư nhân ở tỉnh Quảng Nam	Võ Văn Lâm	22+23
- Đổi mới kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Đình Tự	24
- Những chặng đường phát triển của Công ty Điện lực 3	Trần Đình Thanh	24
- Xây dựng thương hiệu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Quốc Thịnh	25
- Để du lịch trở thành ngành kinh tế động lực của Lâm Đồng	Trần Thế Việt - Trần Quang Hải	25
- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong điều kiện mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế	Phan Trọng Phức	26
- Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính ngân sách xã góp phần nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở	Nguyễn Công Nghiệp	26
- Để khai thác hiệu quả những lợi thế về xuất nhập khẩu của Lạng Sơn	Đỗ Mai Thành	26
- Binh đoàn 16 với mô hình "kinh tế kết hợp quốc phòng" tham gia xóa đói giảm nghèo	Đỗ Viết Nghiệm	26
- Các giải pháp tăng cường khả năng hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Hoành Xanh	27
- Công nghiệp chế biến nông sản trước xu thế hội nhập	Chu Tiến Quang - Lê Mạnh Hùng	27
- Đoàn kết, tự tin: Hà Giang vững bước đi lên	Vũ Ngọc Kỳ	27
- Một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về đổi mới cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Quảng Ninh	Nguyễn Đạt	27
- Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về tài chính	Đặng Văn Thanh	28
- Một số giải pháp phát triển thị trường nội địa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Thị Doan	28
- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa	Phạm Quốc Trụ	28
- Lợi thế Sa Pa trong chiến lược phát triển kinh tế du lịch ở tỉnh Lào Cai	Giàng Seo Phử	28
- Doanh nghiệp dân doanh sau ba năm thực hiện Luật Doanh nghiệp	Phạm Thắng	28
- Một số vấn đề trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	Hoàng Ngọc Hòa	29
- Bước đột phá trong phát triển kinh tế trang trại ở Trà Vinh	Như Hùng	29
- Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị	Hồ Xuân Hùng	30
- Khởi sắc Quảng Ngãi	Hồ Nghĩa Dũng	30
- Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước ở Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thiềng Đức	30
- Để thương mại điện tử sớm đi vào cuộc sống ở nước ta	Nguyễn Thanh Nga	31
- Phát triển ngành thủy sản ở duyên hải Nam Trung bộ	Lê Kim Chung	31
- Tăng cường quản lý nhà nước về xây dựng đáp ứng tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Hồng Quân	32
- Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng phục vụ nền kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá	Nguyễn Thị Phương Liên	32
- Công nghiệp Đồng Nai: Thành tựu và vấn đề đặt ra	Nguyễn Chí Định	32
- Đà Nẵng thức dậy những tiềm năng	Nguyễn Thị Vy	32
- Nhìn lại bảy năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển thương mại	Lê Danh Vĩnh	33
- Vấn đề cần quan tâm trong mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế	Phan Tá	33
- Xu hướng vận động và phát triển của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	Nguyễn Văn Tuất	33

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Quảng Ninh	Ngô Dình Xây	33
- Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường: Kinh nghiệm của Trung Quốc và kinh nghiệm của Việt Nam	Đức Vượng	34
- Củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước	Lê Hồng Tiến	34
- Để đẩy mạnh tiêu thụ nông sản hàng hoá	Lê Thị Kim Ngân	34
- Quỹ tín dụng nhân dân đối với kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân	Đỗ Xuân Trường	35
- Sản xuất giá trị thặng dư vẫn là quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản hiện đại	Trần Xuân Trường	35
- Bạc Liêu qua nửa nhiệm kỳ Đại hội	Như Hùng	35
- VINACONEX - hướng tới tập đoàn kinh tế mạnh	Phí Thái Bình	35
- Để tiếp tục phát triển tín dụng nông thôn	Nguyễn Văn Tuất	36
- Chung quanh vấn đề xuất khẩu cà - phê ở Việt Nam	Nguyễn Sinh Cúc	36
- Chương trình phát triển kinh tế xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu vùng xa	Từ Thanh	36
- Long An trên đường tới năm 2010	Trần Kim Dung	36
III. CHÍNH TRỊ - TRIẾT HỌC		
- Chính phủ nhiệm kỳ mới - phong cách làm việc mới	Nguyễn Văn Thảo	1+2
- Hiệp định Pa-ri về Việt Nam - một mốc son trên đường thắng lợi	Hà Đăng	3
- Ba hiệp định với hai cuộc kháng chiến	Vũ Dương Ninh	3
- Đoàn H15 - 30 năm xây dựng và trưởng thành	Lê Đình Bình	3
- Xã luận - Mùa xuân, Đất nước, Dân tộc và Đảng	Hà Đăng	4+5
- Chiến thắng "Tết Mậu Thân" tạo ra bước ngoặt chiến lược trên chiến trường miền Nam	Nguyễn Ngọc Văn	4+5
- Đảng ta là đạo đức, là văn minh	Trần Xuân Trường	6
- Thắng lợi ngoại giao tuyệt vời !	Trần Quang Cơ	6
- Cuộc tiến công chiến lược Tết Mậu Thân và sự phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ	Lê Xuân Lựu	6
- "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" với vấn đề chế độ sở hữu trong chủ nghĩa xã hội	Nguyễn Ngọc Long	6
- Bộ đội Biên phòng giúp dân xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học	Đặng Vũ Liêm	7
- Quân khu 9 phát huy truyền thống đoàn kết quân - dân	Thượng Tùng	7
- Chiến thắng Buôn Ma Thuột mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - niềm tự hào của quân và dân các dân tộc Tây Nguyên	Võ Chí Công	8
- Chủ động và năng động Bình Dương	Nguyễn Minh Đức	9
- Đổi mới tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện	Đinh Ngọc Giang	10
- Chủ quyền quốc gia và nhân quyền	Hoàng Văn Hảo	11
- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh	Trịnh Ngọc Anh	11
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc	Huỳnh Đảm	12
- Một đỉnh cao của trí tuệ Việt Nam	Nguyễn Đình Ước	12
- Đại thắng mùa xuân 1975 - mốc son chói lọi	Lê Mã Lương	12
- Cơ chế "một cửa" ở Quảng Trị	Nguyễn Đức Mạnh	12
- Bộ sách "Tư bản" của C. Mác sống mãi trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam	Vũ Hữu Ngoạn	13
- Quan niệm của C. Mác về con người và sự nghiệp giải phóng con người	Đặng Hữu Toàn	13

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội ở nước ta hiện nay	Nguyễn Thị Nga	13
- Tăng cường hoạt động của ngành tổ chức nhà nước	Đỗ Quang Trung	14
- Dự báo chiến lược của Hồ Chí Minh qua các cuộc đối thoại với một người bạn Mỹ	Nguyễn Kim Thành	14
- Vai trò của nhà nước trong các quan điểm của kinh tế học phát triển	Đỗ Đức Định	14
- Công ty Điện lực Hải Phòng phát huy tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở	Lê Minh Hồng	14
- Ba mươi năm Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp	Nguyễn Văn Lô	14
- Sự thật về vấn đề tự do tôn giáo ở Việt Nam	Lê Quang Vịnh	16
- Nhân quyền và cái gọi là "Dự luật Nhân quyền Việt Nam"	Trần Duy Hương	16
- Bộ đội Biên phòng góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước	Vũ Hiệp Bình	16
- Sự phát triển của báo chí và vấn đề quản lý nhà nước đối với báo chí	Hoàng Yến	17
- Nâng cao bản lĩnh chính trị đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân	Phạm Văn Thạch	17
- Xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực I: Dân chủ luôn đi liền với tập trung	Lê Xuân Đình	17
- Dịch vụ hành chính công - qua thử nghiệm ở Thành phố Hà Nội	Nguyễn Văn Thảo	18
- Trà Vinh với công tác dân tộc và tôn giáo	Sơn Wênh	18
- Những quan điểm cơ bản xây dựng đội ngũ công chức hành chính Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	Chu Văn Thành - Hà Quang Ngọc	19
- Chư Sê một năm thực hiện công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở	Trần Thanh Hùng	19
- Sự phát triển về nhận thức tôn giáo của Đảng	Phạm Huy Thông	20
- Công khai để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân	Mai Quỳnh Nam	20
- Nét tương đồng gắn bó các tôn giáo trên đất nước Việt Nam	Hồ Trọng Hoài	21
- Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội và Chính phủ	Trần Ngọc Đường	22+23
- Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý cán bộ, công chức nhà nước	Thang Văn Phúc	22+23
- Cải cách hành chính: Thành quả và định hướng tiếp tục đổi mới	Nguyễn Cúc	22+23
- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với tôn giáo	Đỗ Quang Hưng	24
- Chiêu bài can thiệp được khoác áo "dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo"	Công Định	24
- Phấn đấu thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ quốc phòng bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới	Phạm Văn Trà	25
- Thực hiện tốt lời dạy của Bác trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử	Phan Tá	25
- Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không chỉ là phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất	Lê Xuân Tùng	25
- Cuộc cách mạng huy động cao nhất nội lực dân tộc	Dương Trung Quốc	25
- Về quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản trong điều kiện ngày nay	Phạm Văn Chúc	25
- Những đặc điểm chủ yếu trong hoạt động của Quốc hội, Chính phủ và nền hành chính ở nước ta hiện nay	Nguyễn Văn Thảo	25
- Thực tế và sự vu cáo	Thanh An	26
- Thanh Hoá phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở	Trịnh Trọng Quyền	26
- Toàn cầu hóa - một cách tiếp cận mới	Bùi Thanh Quất	27
- "Triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI"	Triều Hải Quỳnh	27
- Pháp luật quốc tế và Việt Nam về bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong quan hệ hôn nhân, gia đình	Nguyễn Thị Thanh Hải	27
- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo con đường "phát triển rút ngắn" ở Việt Nam	Đặng Hữu Toàn	29

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Thành phố Hải Phòng đổi mới công tác thi đua - khen thưởng	Nguyễn Văn Thuận	30
- Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và quản lý của Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	Lê Hữu Nghĩa	31
- Nâng cao chất lượng công tác giáo dục đạo đức công chức trong điều kiện cải cách hành chính nhà nước	Thang Văn Phúc	32
- Nâng cao hiệu quả phòng cháy và chữa cháy trong giai đoạn hiện nay	Bùi Văn Ngần	32
- Hà Nội sau 5 năm xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở	Nhật Tân	32
- Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ người dân tộc Khơ Me	Nguyễn Quốc Dũng	33
- Bài học từ kết quả xét xử vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn	Trần Đại Hưng	33
- Bộ đội Biên phòng tỉnh Sóc Trăng với công tác vận động đồng bào dân tộc Khơ Me	Lê Khắc Bình	34
- Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài	Nguyễn Đình Bin	35
- Dân chủ ở cơ sở - một sức mạnh truyền thống của dân tộc Việt Nam	Trần Bạch Đằng	35
- Thực tiễn và kinh nghiệm triển khai Quy chế Dân chủ của Hòa Bình	Nguyễn Linh Minh	35
- Tăng cường quốc phòng - an ninh ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Nguyễn Phúc Thanh	36
- "Toàn cầu hóa, khu vực hóa và vấn đề hợp tác giữa các nước: Kinh nghiệm của Việt Nam và Liên bang Nga"	***	36
- Bộ đội Biên phòng góp phần nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân ở biên giới và bờ biển	Trần Hạnh Kiểm	36
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI		
- Để "ta vẫn là ta" mà rạng rỡ trong vận hội mới	Lê Xuân Vũ	1+2
- Cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam	Phùng Khắc Đăng	1+2
- Văn học và phát triển	Phạm Tiến Duật	1+2
- Một năm bạn đọc với Tạp chí, Tạp chí với bạn đọc	Nguyễn Hoàng Việt	1+2
- Về thực hiện chính sách đền bù giải tỏa trong phát triển các khu công nghiệp	Phan Chánh Dưỡng	3
- Khoa học con người trong hoạt động kinh tế - xã hội	Nguyễn Văn Lê	3
- Ngày xuân bàn về môi trường sinh thái	Vũ Hiền	4+5
- Đẩy mạnh xuất khẩu lao động khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo	Nguyễn Thị Hằng	4+5
- Cà Mau trước biển	Triều Hải Quỳnh	4+5
- Những cuộc đi, cuộc đến...vội vã nhưng vui và nhiều ý nghĩa	Trần Quốc Vượng	4+5
- Năm Quý Mùi 2003 - Tam Dương khai thái - phúc lộc đầy nhà	Cung Khắc Lược	4+5
- Âm vang lễ hội Tây Nguyên	Nguyễn Nhân Thống	4+5
- Với cách mạng, nhạc Việt khởi sắc Xuân	Dương Viết Á	6
- Xuân về trên đảo Cô Tô	Nguyễn Vũ Cân	6
- Việt Nam với chương trình dân số: Thành tựu lớn và thách thức không nhỏ	Nguyễn Thiện Trưởng	6
- Tiếp tục bồi đắp cho văn hóa Việt Nam thêm giàu đẹp	Phạm Quang Nghị	7
- Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng	Lê Xuân Đức	7
- Lễ hội với mùa xuân	Nguyễn Hồng Dương	7
- Về chuẩn mực người phụ nữ Việt Nam hiện nay	Phạm Hạnh Sâm	8
- Có một nền điện ảnh Việt Nam	Hải Ninh	8
- Quan niệm của Hồ Chí Minh về sức khỏe	Cao Thị Sinh	9

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Định hướng giá trị trong giáo dục thanh niên hiện nay	Trương Giang Long	9
- Cân bằng kinh tế, dân số và môi trường vì sự phát triển bền vững	Phạm Khôi Nguyên	9
- Việt Nam và các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ	Từ Điển	9
- Các tạp chí khoa học xã hội và nhân văn với việc nghiên cứu, tuyên truyền lý luận, tổng kết thực tiễn	Hồng Vinh	10
- Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đền Hùng và chúng ta làm theo lời Người dạy	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	10
- Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam với việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc	Nguyễn Văn Huy - Lưu Hùng	11
- Văn hóa truyền thống trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	Đinh Xuân Dũng	12
- Bảo vệ môi trường với phát triển cộng đồng dân cư vùng dân tộc miền núi	Trương Mạnh Tiến	12
- Gia đình với nâng cao chất lượng dân số	Ninh Viết Giao	12
- Đổi mới tuyển sinh đại học - cảm nhận và đề xuất	Đào Công Tiến	13
- Khát vọng Phú Quốc	Lê Xuân Đình	13
- Giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay	Bùi Minh Đạo	14
- Văn học năm 2002 - qua một góc nhìn cận cảnh	Nguyễn Hòa	14
- Tạo việc làm cho lao động nữ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	Trần Thị Thu	15
- Bản sắc dân tộc trong một số tác phẩm văn nghệ	Hồ Sĩ Vịnh	15
- Chương trình dân số Việt Nam: Thành công và thách thức	Nguyễn Thiện Trưởng	15
- Di dân nhập cư vào Thành phố Hồ Chí Minh: Xu thế và cách nhìn	Cao Tự Thanh	15
- Quyền và bổn phận của trẻ em - những vấn đề đặt ra trong xã hội hiện nay	Đặng Cảnh Khanh	16
- Đào tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Xuân Mãn	16
- Quan tâm cung cấp nước sạch cho nhân dân	Hà Khanh	16
- Mấy suy nghĩ về văn hóa báo chí	Hữu Thọ	17
- Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội của giai cấp nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long	Lê Ngọc Triết	17
- Để chống trả những xâm hại văn hóa	Tương Lai	17
- Bảo hiểm xã hội - bộ phận quan trọng trong chiến lược con người của Đảng	Nguyễn Huy Ban	17
- Vốn vay và vay vốn cho người mù	Cao Văn Thành	17
- Vai trò của gia đình và cộng đồng trong giáo dục truyền thống cho trẻ em	Đặng Quý Linh	18
- Bảo vệ và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc	Nguyễn Chí Tình	18
- Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ - một chỉ số mới về phát triển con người trong tầm nhìn 2015	Đặng Quốc Bảo - Trương Thị Thúy Hằng	18
- Vấn đề truyền thông dân số ở nước ta hiện nay	Trương Xuân Trường	18
- Để có cái nhìn mới về tôn giáo và công tác tôn giáo	Đặng Nghiêm Vạn	19
- Phát triển làng nghề cổ truyền ở Hải Dương	Phạm Hiệp	19
- Vấn đề bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa của các dân tộc	Nguyễn Văn Huy	20
- Cần có giải pháp đối với việc lợi dụng tôn giáo gây mất ổn định ở Tây Nguyên	Hà Xuân Nguyên	20
- Cải cách và thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công	Nguyễn Thị Hằng	21
- Để đào tạo nghề trở thành mối quan tâm của toàn xã hội	Đỗ Minh Cương	21
- Đôi điều suy nghĩ từ vụ trọng án Trương Văn Cam và đồng bọn	Trương Giang Long	21
- Thực hiện tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng, phong trào "đền ơn đáp nghĩa" trong quân đội	Ngô Xuân Lịch	21

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước	Mẫn Văn Mai	21
- Mười năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII): Thành công và thách thức	Đinh Công Thoan - Nguyễn Hồng Ngọc	21
- Xây dựng chỉ số phát triển con người của tỉnh Quảng Ngãi: Vấn đề và giải pháp	Phạm Hoài Hải	21
- Phát triển kiến trúc trước những yêu cầu mới	Trần Trọng Hanh	22+23
- Viện Vật lý ứng dụng và Thiết bị khoa học với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước	Trần Xuân Hoài	22+23
- Vai trò Nhà nước trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông	Trần Đức Lai	24
- Chăm sóc sức khỏe nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng dân số	Phạm Song	24
- Chức năng xã hội của văn nghệ và trách nhiệm xã hội của văn nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa	Hà Xuân Trường	25
- Công tác thanh tra nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo	Lê Quán Tần	25
- Tính bất biến và tính khả biến trong lý luận văn học	Phạm Tiến Duật	26
- Toàn cầu hóa kinh tế và xây dựng nền văn hóa dân tộc	Mai Hải Oanh	27
- Bộ đội quân y góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân	Chu Tiến Cường	27
- Pháp lệnh Dân số nâng cao trách nhiệm của công dân, gia đình và xã hội	Nguyễn Quỳnh Anh	27
- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị, hình thành mỹ tục mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội	Phạm Quang Nghị	28
- Đồng bằng sông Cửu Long: còn đó những nỗi lo	Kim Dung	28
- Buôn làng, luật tục và vấn đề quản lý cộng đồng của các tộc người Tây Nguyên hiện nay	Ngô Đức Thịnh	28
- Lai Châu giải bài toán xóa đói giảm nghèo	Ngọc Hồ	28
- Để khoa học và công nghệ thực sự là nền tảng và động lực trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	Hoàng Văn Phong	29
- Văn học trước những yêu cầu mới của thời đại	Mai Hải Oanh	29
- Báo cáo đề dẫn Hội thảo "Khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội"	Lê Hữu Nghĩa	29
- Tổng thuật Hội thảo	* * *	29
- Một số vấn đề về chính sách xã hội đối với phụ nữ nông thôn	Thái Sơn	30
- Suy nghĩ về việc xây dựng chiến lược phát triển gia đình hiện nay	Lê Thị Quý	30
- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số	Nhật Tân	30
- Di dân tự do và những tác động về văn hóa - xã hội ở Đắc Lắc	Nguyễn Bá Thủy	31
- Phong trào nhân dân tự quản về an ninh trật tự ở Phú Thọ	Từ Thanh	31
- Vai trò của báo chí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong đấu tranh chống tiêu cực	Đinh Phong	31
- Nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục	Đặng Huỳnh Mai	32
- Tiến tới một xã hội học tập	Ngọc Hồ	32
- Cần có thêm những tác phẩm văn học viết về chiến tranh cách mạng	Lê Thành Nghị	32
- Đô thị hóa hiện đại - nhân tố quan trọng trong phát triển xã hội	Thanh Lê	33
- Bước đi vững chắc và sáng tạo trong hoạt động văn hóa ở Nam Định	Dương Vũ	33
- Phát triển dân số ở Việt Nam theo định hướng Pháp lệnh Dân số	Phạm Thắng	33
- Không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân	Phạm Mạnh Hùng	34
- Phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường vùng Tây Nguyên	Hoàng Ngọc Phong	34
- Đại hội Thể thao Đông Nam Á tại Việt Nam - Đại hội của đoàn kết, hợp tác vì hòa bình và phát triển	Hoàng Vĩnh Giang	34

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Sau 3 năm thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển công nghệ thông tin	Võ Đăng Thiên	34
- Luật Di sản văn hóa - một bước hoàn thiện cơ sở pháp lý để phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam	Lê Anh Tuyến	35
- Gắn chặt hơn nữa khoa học và công nghệ với kinh tế - xã hội	Đặng Hữu	36
- Phát triển nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	Lê Thị Ngân	36
- Dân số và áp lực dân số đối với các vấn đề toàn cầu	Võ Thủ Phương	36
- Nước - Vấn đề sống còn của loài người	Phạm Thị Ngọc Trầm	36
V. XÂY DỰNG ĐẢNG		
- Chống tham nhũng - thước đo phẩm chất người cán bộ, đảng viên	Quách Lê Thanh	4+5
- Để giai cấp công nhân tiếp tục đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Hoàng Trung Hải	4+5
- Ngày xuân, kể chuyện về Hội nghị thành lập Đảng	Nguyễn Trọng Thụ	4+5
- Tâm sự người đảng viên 72 tuổi Đảng	Lê Văn Hiếu	4+5
- Kiểm tra - một khâu quan trọng của quá trình lãnh đạo	Lê Đức Bình	7
- Đấu tranh chống những biểu hiện cơ hội thực dụng trong thời kỳ mới	Nguyễn Thị Doan	8
- Báo cáo đề dẫn Hội thảo "Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở"	Trần Quang Nhiếp	8
- Tổng quan hội thảo "Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở"	* * *	8
- Về vấn đề cán bộ và quy hoạch cán bộ	Hà Đăng	8
- Nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng	Phan Diễn	9
- Về đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Túc	9
- Xu hướng phát triển của thanh niên và Phong trào thanh niên	Nguyễn Vũ Cân	9
- Về xây dựng tổ chức, bộ máy của Đảng	Nguyễn Phương Hồng	10
- Tiền Giang - tiềm năng và triển vọng	Nguyễn Hữu Chí	10
- Công tác đào tạo cán bộ xã, phường, thị trấn ở tỉnh Kon Tum	Nguyễn Việt Dũng	10
- Nhiệm vụ trọng tâm của công tác dân vận hiện nay	Tòng Thị Phóng	11
- Để thực hiện dân chủ ở cơ sở	Lê Quang Minh	11
- Xây dựng đội ngũ cán bộ các dân tộc thiểu số	Ngô Ngọc Thắng	11
- Qua một năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ	Trần Đình Hoan	12
- Luân chuyển cán bộ ở tỉnh Phú Thọ - những kinh nghiệm bước đầu	Hoàng Xuân Cừ	12
- Xây dựng đội ngũ cán bộ người Việt Nam trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Tiến Hải	13
- Hội nghị công tác dân vận toàn quốc	* * *	13
- Nâng cao sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng thực hiện hiệu quả dân chủ ở cơ sở	Dương Trung Ý	14
- Đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng đối với doanh nghiệp nhà nước ở Hà Nội	Dương Xuân Ngọc - Trịnh Đức Hồng	15
- Bình Lục đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở	Trần Anh Tài	15
- Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở ở Hà Tĩnh	Nguyễn Thanh Bình	16
- Chủ động thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác kiểm tra của Đảng	Nguyễn Văn Chi	18
- Nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Trọng Điều	18

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước	Lê Đức Bình - Phạm Ngọc Quang	19
- Công tác thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn	Đào Duy Thường	20
- Một số giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát trong Đảng	Nguyễn Thị Doan	24
- Bình Thuận - khi Nghị quyết số 04 của Tỉnh ủy đi vào cuộc sống	Triều Hải Quỳnh	24
- Một chặng đường phấn đấu của Hội Nông dân Việt Nam	Nguyễn Đức Triều	25
- Hội Nông dân Việt Nam với phong trào phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi	Phạm Văn Thiện	25
- Tuổi trẻ Việt Nam với quyết tâm mới trong thời kỳ mới	Hoàng Bình Quân	26
- V.I. Lê-nin với thanh niên - cơ sở tư tưởng đổi mới công tác giáo dục thanh niên	Trần Quang Nhiếp	26
- Về vấn đề xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn	Nguyễn Thị Mai Anh	26
- Thành tựu to lớn và một số kinh nghiệm thực tiễn của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Kiến Phước	26
- Khánh Hòa phấn đấu xứng đáng với truyền thống 350 năm	Phạm Văn Chi	28
- Giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam trước những thời cơ và thách thức mới	Nguyễn An Lương	29
- Nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Đảng	Nguyễn Trọng Phúc	29
- Công tác xây dựng Đảng trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Đồng Nai	Phan Thanh Kiều - Trần Quang Hải	29
- Đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở	Nguyễn Ký	29
- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với chương trình xóa đói giảm nghèo và việc làm	Hà Thị Khiết	30
- Quảng Ninh tạo thế và lực mới, tiếp tục vững vàng trên đường đổi mới và phát triển	Hà Văn Hiền	30
- Hội thảo: "Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng: Kinh nghiệm và giải pháp"	Nguyễn Vũ Cân	31
- Ngành kiểm tra của Đảng: 55 năm xây dựng và trưởng thành	Nguyễn Văn Chi	32
- Về quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Trần Đình Hoan	33
- Nhân tố tác động và xu hướng biến đổi của đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên	Tô Huy Rứa	33
- Qua nửa nhiệm kỳ Đại hội thứ XIII của Đảng bộ Đắc Lắc	Y Luyện Niê Kdăm	33
- Để không ngừng phát triển đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước	Chu văn Thành - Hà Quang Ngọc	35
- Mấy bài học trong công tác xây dựng Đảng qua vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn	Lê Văn Hiếu	35
- Quận Thanh Khê trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng	Bùi Văn Tiếng	36
- Bồi dưỡng phát triển đảng trong quân đội- nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn quân	Nguyễn Văn Hải	36
VI. NHỮNG VẤN ĐỀ QUỐC TẾ		
- Bối cảnh thế giới năm 2002, thành tựu đối ngoại và nhiệm vụ trước mắt của chúng ta	Nguyễn Dy Niên	1+2
- Về những đặc điểm của thế giới đương đại	Trần Hữu Tiến	1+2
- Thể chế dân chủ cơ sở ở Trung Quốc - Thôn tự trị	Nguyễn Vũ	1+2
- Những điều chỉnh mới trong chiến lược an ninh và chính sách đối ngoại của Mỹ	Trần Bá Khoa	1+2
- Những nét chủ yếu của thế giới năm 2002	Nguyễn Hoàng Giáp	3
- Thành tựu huy hoàng, tương lai xán lạn	Tề Kiến Quốc	4+5
- Người Việt Nam ở nước ngoài: hội nhập và hướng về quê hương	Nguyễn Đình Bin	4+5

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Bản chất nhân văn và ý nghĩa thời sự sâu sắc của tư tưởng Hô-xê Mác-ti	Phạm Xuân Nam	6
- 30 năm quan hệ Việt Nam - Ô-xtrây-li-a	Vũ Tuyết Loan	6
- Khai thác tiềm năng lớn của thị trường Hoa Kỳ	Lương Văn Tự	7
- Quyền trẻ em: Mối quan tâm của toàn nhân loại	Vũ Công Giao	7
- Luật quốc tế và vấn đề quyền bình đẳng của phụ nữ	Khương Duy	8
- Những nỗ lực chính trị - pháp lý quốc tế loại bỏ phân biệt chủng tộc	Nguyễn Lộc	9
- Chân lý ở đâu ?	Lê Minh	10
- Bạo lực cường quyền	Quang Lợi	10
- Vì sao Mỹ tiến công quân sự I-rắc ?	Trần Trọng	11
- Sự lộng hành của triết lý bạo lực	Nguyễn Hoàng Giáp	12
- Mỹ mưu đồ kiểm soát các nguồn dầu khí chủ yếu trên thế giới	Văn Quang	12
- Luật pháp quốc tế về bảo vệ quyền lao động	Nguyễn Lộc	13
- Thương mại thế giới năm 2002 và triển vọng năm 2003	Quang Tuấn - Mạnh Hùng	13
- Cục diện quan hệ quốc tế giữa các nước lớn những năm đầu thế kỷ XXI	Hà Mỹ Hương	14
- Một số kinh nghiệm cải cách hành chính của Nhật Bản	Nguyễn Phương Nam	15
- Lục địa Đen - gian nan con đường phát triển	Lan Hương	16
- Tương lai nào cho chủ nghĩa đơn phương ?	Nguyễn Văn Thanh	16
- Thách thức trên con đường trở thành thành viên WTO	U. XMít	17
- Báo chí ASEAN vì sự ổn định và phát triển bền vững của khu vực	Chu Thái Thành	17
- Toàn cầu hóa và chủ nghĩa dân tộc kinh tế	Đỗ Trọng Bá	18
- Trung Quốc: Một số vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về nhân quyền	Vũ Công Giao	19
- Kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc lựa chọn và đề bạt cán bộ	Lê Xuân Đình	20
- Chiến tranh I-rắc và hậu quả đối với quan hệ quốc tế	Trần Bá Khoa	20
- Một số kinh nghiệm quản lý đầu tư nước ngoài	Ha Joon Chang	20
- Môn-ca-đa - con đường của độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội	Nguyễn Viết Thảo	21
- Hội nghị thượng đỉnh G8 Ê-vi-ăng : Mục tiêu và thực tế	Đỗ Công Định	21
- Kinh nghiệm từ chất lượng tăng trưởng của một số quốc gia Đông Á	Trần Văn Tùng	22+23
- An ninh kinh tế trong toàn cầu hóa kinh tế	Văn Quang	22+23
- Từ Băng-đung đến Cu-a-la Lăm-pơ: Ngót nửa thế kỷ một chặng đường lịch sử của phong trào không liên kết	Hà Mỹ Hương	24
- Nhìn lại cuộc chiến tranh I-rắc từ góc độ luật pháp quốc tế	Anh Đức	24
- Mỹ La tinh: Giải pháp nào cho sự phát triển ?	Nguyễn Tiến Nghĩa	25
- Các tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế lớn với toàn cầu hóa hiện nay	Vũ Văn Phúc	26
- Tổng quan về quá trình chuẩn bị gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) của Việt Nam và các bước tiếp theo	Nguyễn Thanh Nga	27
- Năm năm Việt Nam gia nhập APEC	Đỗ Như Đính	28
- Cải tổ Liên hợp quốc - vấn đề cấp thiết, bức xúc của cả thế giới	Trần Trọng	29
- Mâu thuẫn và phương thức giải quyết mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế ngày nay	Phan Doãn Nam	30
- Phong trào chống toàn cầu hóa	Phạm Đình Nghiệm	30
- Liên kết ASEAN - xét từ góc độ lý luận của khu vực hóa	Trần Khánh	31
- Vì sự an ninh toàn cầu về nước	Vũ Thế Hùng	31

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Một số vấn đề về công tác chính trị - tư tưởng của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong giai đoạn hiện nay	Chăn-tha-vông Phun-thi-bua-thoong - Lê Minh Quân	32
- Can-cun sụp đổ: Thử tìm nguyên nhân của thất bại	Nguyễn Văn Thanh	33
- Nắm chắc cơ hội, vượt qua thách thức, gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới	Đỗ Hoài Nam	34
- Đông Nam Á - một khu vực lịch sử, chính trị và văn hóa thống nhất trong đa dạng	Ngô Văn Doanh	34
- Thực trạng và triển vọng của quá trình liên kết kinh tế ASEAN	Phạm Quốc Trụ	34
- Về thực chất của tự do tôn giáo trong chính sách ngoại giao nhân quyền của Mỹ	Vũ Công Giao	35
- Góp phần tìm hiểu sự kiện I- rắc	Vũ Đình Cự	36
- Thách thức của vị thế siêu cường Mỹ	Hoàng Hoa	36
VII. QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI		
- Thành tựu Việt Nam năm 2002 qua báo chí nước ngoài	***	4+5
- Xâm lược I-rắc - một phần của kế hoạch tái thực dân hóa thế giới thứ ba	Pi-tơ Rô-sét	15
- Trở lại một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội	***	16
- Về nhà cách mạng kiên cường	***	26
- I-rắc: Cuộc chiến tranh vẫn chưa kết thúc	***	29
- Chủ nghĩa đế quốc và cuộc chiến vì dầu lửa	Giôn Phô-xtơ	32
- Thất bại của Hội nghị Can-cun: Người nghèo càng nghèo hơn	***	35
VIII. SINH HOẠT TƯ TƯỞNG		
- Con quái vật và cái lồng	Thủy Tiên	1+2
- Đi theo ánh lửa từ trái tim mình	Phương Nhung	7
- Buồn, vui ở xã ?	Nam Dũng	9
- Bốn cần, ba chọn	Mai Ninh	10
- Chọn phương án	Xuân Hoành	12
- Khoa học mà chẳng khoa học	Mai Thành	15
- Công thức "3T"	Hải Văn	16
- Phê bình và sửa chữa	Lê Thành	17
- Cần một chữ dũng	Nguyễn Bin	19
- Bài học "Ấn" và "An"	Nam Dũng	21
- Khôn và dại	Đinh Lê	24
- Ba điều trăn trở	Nam Dũng	28
- Của người - phúc ai	Đinh Lê	32
- Chuyện thiếp mời, đình đám, hội hè	Xuân Hoành	33
- Chuyện về ông Q	Giang Lam	35
IX. TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN		
- Hội nghị triển khai nhiệm vụ tài chính và dự toán ngân sách nhà nước	***	1+2
- Hội nghị giao ban công tác tư tưởng - văn hóa khu vực Tây Bắc	***	1+2
- Mặt trận ngoại giao và cuộc đàm phán Pa-ri về Việt Nam	***	4+5
- Hội nghị cộng tác viên Tạp chí Cộng sản 2002	***	4+5
- Hội nghị Kiểm tra toàn quốc	***	6
- Hội nghị tổng kết các chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước giai đoạn 1996 - 2000	***	6

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Tọa đàm : Các tạp chí khoa học xã hội và nhân văn với nhiệm vụ nghiên cứu, tuyên truyền lý luận và tổng kết thực tiễn	* * *	9
- Chính phủ họp sơ kết hai tháng đầu năm 2003	* * *	10
- Trao đổi kinh nghiệm công tác luân chuyển cán bộ các tỉnh phía Bắc	* * *	10
- Hội nghị tổng kết công tác phát hành báo, tạp chí của Đảng năm 2002	* * *	10
- Hội nghị Thương mại toàn quốc năm 2003	* * *	11
- Hội nghị Tổng kết đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên bằng phương pháp cho điểm	* * *	11
- Tổng quan kinh tế - xã hội quý I - 2003	* * *	12
- Kiện toàn hệ thống tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước	* * *	13
- Hội nghị trao đổi kinh nghiệm công tác luân chuyển cán bộ các tỉnh, thành phố phía Nam	* * *	14
- Hội thảo khoa học về toàn cầu hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta	* * *	14
- Hội thảo khoa học : "Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	* * *	16
- Hội thảo khoa học nhân kỷ niệm 113 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh	* * *	17
- Hội thảo hợp tác Việt Nam - châu Phi trong thế kỷ XXI	* * *	18
- Trao đổi kinh nghiệm luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương	* * *	18
- Hội thảo báo chí Việt - Lào	* * *	18
- Giao ban và tập huấn công tác khoa giáo các tỉnh, thành phố miền Trung, Tây Nguyên	* * *	19
- Chính phủ họp phiên thường kỳ sơ kết 6 tháng đầu năm 2003	* * *	20
- Kỳ họp thứ 7 Hội đồng Lý luận Trung ương - những đóng góp tích cực của các chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước	* * *	20
- Đoàn đại biểu Tạp chí Cầu thị (Trung Quốc) thăm và làm việc tại Việt Nam	* * *	20
- Hội thảo khoa học kỷ niệm 60 năm Đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2003)	* * *	21
- Hội thảo: Đề án quốc gia về nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ Việt Nam	* * *	21
- Tọa đàm khoa học: Các tạp chí văn hóa nghệ thuật với việc tuyên truyền và thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII)	* * *	21
- Tổng quan kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2003	* * *	22+23
- Hội nghị toàn quốc về tổ chức cơ sở đảng và đảng viên	* * *	25
- Hội thảo: " Hỗ trợ người có công cải thiện nhà ở "	* * *	25
- Hội thảo khoa học: "Nghiên cứu các giải pháp bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc"	* * *	25
- Hội thảo khoa học : "Tác động của toàn cầu hóa kinh tế đối với các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội"	* * *	26
- Hội thảo : "Phát triển thị trường nội địa trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế"	* * *	26
- Quảng Ninh sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 11-CT/TƯ của Bộ Chính trị	* * *	26
- Tọa đàm về đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng	* * *	27
- Chính phủ họp sơ kết 9 tháng năm 2003	* * *	30

Digitized by Google

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
- Tổng quan kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2003	***	32
- Hội nghị tập huấn đối thẻ đảng viên và quản lý đảng viên ra nước ngoài	***	33
- Hội nghị ngành công nghiệp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long lần thứ VI	***	34
- Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình phối hợp hành động giữa Bộ Văn hóa - Thông tin với Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng (1993 - 2003)	***	34
- Hội thảo khoa học quốc tế "Nghiên cứu văn hóa, con người, nguồn nhân lực thế kỷ XXI"	***	35
- Thực hiện dân chủ ở cơ sở qua thực tiễn của Việt Nam và Trung Quốc	***	36
X. VĂN KIỆN - TƯ LIỆU		
- Thông báo Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	***	6
- Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"	***	10
- Kỷ niệm về cố Tổng Bí thư Lê Duẩn với điện ảnh	Hải Ninh	10
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc	***	11
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo	***	12
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX Tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	***	13
- Thông báo Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	***	21
- Chỉ thị của Bộ Chính trị Về công tác của Tạp chí Cộng sản trong tình hình mới	***	22+23
- Những lời chỉ đạo của các đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương về công tác của Tạp chí Cộng sản	***	22+23
- Lễ mít tinh trọng thể tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội	***	24
- Đồng chí Tôn Đức Thắng, người bạn chiến đấu thân thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, vị Chủ tịch lâu năm nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Phạm Thế Duyệt	24
- Những cống hiến lớn lao của Chủ tịch Tôn Đức Thắng với cách mạng Việt Nam	Đức Vượng	24
- Các chỉ số đánh giá phát triển kinh tế - xã hội	***	32
XI. ĐỌC SÁCH		
- Bộ sách quý "Hồ Chí Minh Tuyển tập" lần thứ ba ra mắt bạn đọc	***	4+5
- "Bàn về dân chủ"	Nguyễn Huy Quý	13
- "Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam"	Mai Thanh	27
XII. THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP		
- Một số giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp của Quốc hội	Lê Thanh Vân	19
- Những tình cảm chân thành, sự đóng góp to lớn đối với Tạp chí Cộng sản	Nguyễn Hoàng Việt	22+23
- Điện và thư chúc mừng	***	24
- Kinh doanh giỏi và làm nhiều việc thiện	Phạm Văn	26
- Vài suy nghĩ về chuẩn bị nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa	Nguyễn Văn Thuy	35

Digitized by Google

hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế và quản lý khoa học - công nghệ nhằm tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, *phát triển mạnh thị trường khoa học - công nghệ; hai là* tăng cường vai trò của nhà nước trong định hướng phát triển khoa học - công nghệ, trong việc *xây dựng và phát huy tiềm lực khoa học - công nghệ,* đặc biệt là vai trò tổ chức chỉ đạo việc gắn kết khoa học với sản xuất kinh doanh và thiết lập một *hệ thống đổi mới quốc gia hữu hiệu.*

3 - Quán triệt hơn nữa Nghị quyết Trung ương 2, Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 và nắm bắt xu thế phát triển của thế giới về khoa học - công nghệ.

Nước ta vốn từ một nước nông nghiệp đi lên, nền kinh tế trong một thời gian dài được quản lý theo chế độ kế hoạch hóa tập trung, khi đã chuyển sang cơ chế thị trường vẫn còn chịu ảnh hưởng của nhiều cơ chế và thói quen cũ mang tính quan liêu bao cấp, sự cạnh tranh chưa thực sự dựa trên hiệu quả của sản xuất, khoa học và công nghệ chưa trở thành nhu cầu hàng đầu của sản xuất. Cho nên việc gắn bó khoa học với sản xuất luôn luôn được đặt ra nhưng chưa được giải quyết một cách thỏa đáng.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ trong mấy thập kỷ qua cho thấy, *vai trò to lớn của các doanh nghiệp,* đặc biệt là các doanh nghiệp sáng tạo (doanh nghiệp kinh doanh khoa học - công nghệ). Nhờ các doanh nghiệp, các ý tưởng khoa học mới biến thành sản phẩm thương mại, và các doanh nghiệp do yêu cầu của thị trường phải tiến hành nghiên cứu để nhanh chóng đổi mới sản phẩm. Những thành tựu đột phá to lớn trong khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học là do các doanh nghiệp tạo ra; các doanh nghiệp đã đầu tư rất lớn và cũng thu được lợi nhuận khổng lồ, qua việc phát triển in-tơ-nét, thương mại điện tử, giải mã bộ gien con người...

Trong kinh tế tri thức, hoạt động chủ yếu nhất là tạo ra tri thức, quảng bá tri thức và sử dụng tri thức. *Sáng tạo trở thành động lực trực tiếp nhất của sự phát triển.* Trong kinh tế công nghiệp việc tạo ra giá trị, nâng cao năng lực cạnh tranh chủ yếu là dựa vào sự tối ưu hóa, tức là *hoàn thiện cái đã có;* còn trong kinh tế tri thức thì tạo ra giá trị, nâng cao năng lực cạnh tranh chủ yếu là do *tìm ra cái chưa biết;* cái chưa biết là cái có giá trị nhất, cái đã biết sẽ dần dần mất giá trị. Tìm ra cái chưa biết, tạo ra cái mới cũng tức là loại trừ cái đã biết. *Vòng đời* của một sản phẩm, một công nghệ từ lúc nảy sinh, phát triển, chín muồi đến tiêu vong *ngày càng rút ngắn;* trước đây vòng đời công nghệ tính bằng nhiều thập kỷ, ngày nay tính bằng năm và đã có nhiều công nghệ thậm chí tính bằng tháng. *Tốc độ đổi mới* nhanh đến chóng mặt.

Trong bối cảnh đó, muốn hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả, tránh tụt hậu, không thể làm ăn theo đường mòn lối cũ, mà phải biết thích nghi với sự phát triển, biết tìm cơ hội để có thể tạo ra những bước đột phá, nhảy vọt trên cơ sở kế thừa và phát huy mọi tiềm năng hiện có và từng bước nâng cao. Điều cốt yếu nhất là *nhanh chóng nâng cao năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ và thiết lập hệ thống đổi mới hữu hiệu.*

Hệ thống đổi mới quốc gia bao gồm các thiết chế, các hệ thống tổ chức ở tầm quốc gia nhằm gắn bó chặt chẽ khoa học với sản xuất, thúc đẩy các doanh nghiệp ứng dụng nhanh chóng các kết quả nghiên cứu sáng tạo để đổi mới sản xuất, phát triển kinh tế.

Thiết lập hệ thống đổi mới quốc gia hữu hiệu ở nước ta hướng theo mô hình tương tác đang trở thành vấn đề hết sức cấp thiết. Để đi tới đó, cần có những chuyển biến mạnh mẽ trên các mặt sau đây:

Trước hết, đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế, theo hướng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo lập môi trường kinh doanh sôi động, *thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng,* chống độc quyền, chống bao cấp, từ bỏ tư duy kinh tế hiện vật, kinh tế chỉ huy tập trung. Trong điều kiện hội nhập quốc tế thì cạnh tranh kinh tế là cạnh tranh về giá cả, về chất lượng, về cung

Digitized by Google

cách phục vụ khách hàng, tức là phải dựa vào tri thức và công nghệ và chất lượng con người; cạnh tranh giữa các quốc gia chủ yếu là cạnh tranh về giáo dục và khoa học. Trong một môi trường cạnh tranh lành mạnh *thị trường khoa học - công nghệ sẽ phát triển.* Thị trường khoa học - công nghệ đòi hỏi một *hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ* hợp lý bảo đảm được quyền lợi của người sáng tạo, đồng thời làm cho lợi ích của sáng tạo được chia sẻ cho mọi người.

Thứ hai, thúc đẩy đổi mới và phát triển doanh nghiệp. Doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế và thúc đẩy tiến bộ khoa học - công nghệ. Doanh nghiệp phải *thường xuyên đổi mới* công nghệ, đổi mới sản phẩm, đổi mới dịch vụ khách hàng; doanh nghiệp phải có *chiến lược phát triển* của mình trên cơ sở nghiên cứu dự báo công nghệ và thị trường; doanh nghiệp phải đầu tư nhiều vào nghiên cứu triển khai và đào tạo nhân lực, coi đó là yếu tố quyết định nhất đối với sức mạnh cạnh tranh. Nhà nước có chính sách hỗ trợ để thành lập và phát triển nhanh các *doanh nghiệp vừa và nhỏ;* các doanh nghiệp này cơ động, linh hoạt, dễ tiếp nhận công nghệ mới, dễ chuyển đổi công nghệ, sản phẩm, thu hút nhiều lao động. Khuyến khích mạnh mẽ việc thành lập các *doanh nghiệp sáng tạo* (doanh nghiệp kinh doanh công nghệ), đây là những người lính xung kích tiến công vào công nghệ.

Thứ ba, chuyển mạnh các *viện nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp;* từ đó sẽ cho ra đời nhiều doanh nghiệp sáng tạo. Tiến tới xóa bỏ dần ranh giới giữa viện nghiên cứu ứng dụng với doanh nghiệp.

Thứ tư, Nhà nước có chính sách khuyến khích và tổ chức *các hình thức liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp, các trường đại học, các viện nghiên cứu* theo ngành, hoặc nhóm sản phẩm để nhanh chóng hình thành, phát triển những ngành công nghiệp mới có ý nghĩa chiến lược, dựa trên công nghệ mới (ở Pháp có rất nhiều hình thức liên kết này). Tổ chức *các chương trình ứng dụng tiến bộ công nghệ để phát triển vùng, phát triển nông thôn, miền núi,* do các lực lượng khoa học, công nghệ, các doanh nghiệp phối hợp với các trang trại, các hộ nông dân và nhiều tổ chức xã hội khác cùng thực hiện theo hợp đồng kinh tế. Có biện pháp *đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu công nghệ cao,* có chính sách ưu đãi mạnh mẽ hơn để thu hút đầu tư nước ngoài về công nghệ cao; đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan nghiên cứu, đào tạo và các doanh nghiệp trong nước cùng hợp tác liên doanh liên kết để phát triển nhanh các ngành công nghiệp công nghệ cao, nâng cao năng lực công nghệ trong nước, sớm có đóng góp rõ rệt vào tăng trưởng GDP.

Thứ năm, tăng cường các hoạt động *dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ,* khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư vấn chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ. Tăng cường *đào tạo về công nghệ và về quản lý* bằng nhiều phương thức khác nhau. Năng lực quản lý, kỹ năng của đội ngũ nhân lực cần nhanh chóng theo kịp trình độ các nước. Gia nhập WTO nếu chúng ta không đủ năng lực, trình độ thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Thứ sáu, đổi mới mạnh mẽ sự quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. *Một mặt,* Nhà nước tập trung sức chăm lo cho sự *phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ,* tăng cường đầu tư cho phát triển khoa học cơ bản, xây dựng các trung tâm khoa học quốc gia vững mạnh làm điểm tựa cho phát triển công nghệ, đảm bảo luận cứ khoa học cho định hướng phát triển đất nước. *Mặt khác,* Nhà nước có khung pháp lý minh bạch, tạo môi trường kinh doanh năng động, cạnh tranh lành mạnh, trên cơ sở đó *phát triển thị trường khoa học - công nghệ,* thúc đẩy sự ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ, giải phóng mọi năng lực sáng tạo. Phải tạo được nhu cầu từ phía sản xuất đối với khoa học, tức tạo được lực hút đối với khoa học và lực đẩy đối với sản xuất. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

LÊ THỊ NGÂN*

LÀ một trong những ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, nông nghiệp luôn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nhất là khi nước ta đi lên từ điểm xuất phát nông nghiệp. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, của kinh tế tri thức, nông nghiệp càng có một vị trí xứng đáng trong cơ cấu nền kinh tế, trong cơ cấu tổng sản phẩm quốc nội, tác động tích cực đến các mặt kinh tế, chính trị, xã hội và góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo đó, nguồn nhân lực ở nông thôn từng bước phát triển, ngày càng đóng vai trò quyết định tới quy mô, tốc độ và chiều sâu của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền nông nghiệp và nông thôn nước ta trong điều kiện hiện nay.

Tuy vậy, trên lĩnh vực này vẫn đang tồn tại không ít khó khăn, thách thức nan giải rất cấp bách, nhất là vấn đề lao động, việc làm. Vì thế, việc phát triển nguồn nhân lực ở nông thôn một cách toàn diện, đồng bộ, theo chiều sâu là yêu cầu khách quan có tính quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nói riêng và nâng cao vị thế và vai trò to lớn của lực lượng này - chủ nhân của nông thôn - trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1 - Thực trạng nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn và vấn đề đặt ra

Tỷ lệ dân số ở nông thôn so với cả nước đang có xu hướng ngày càng giảm trong hơn một thập kỷ qua (năm 1990 là 80,49%, năm 2001 còn 75,24%[1]); song, so với các nước, tỷ lệ dân số sống ở nông thôn Việt Nam vẫn cao. Mặc dù vậy, số người trong độ tuổi lao động ở nông thôn vẫn chiếm đa số trong tổng lực lượng lao động xã hội. Nếu năm 1996 số dân trong độ tuổi lao động ở nông thôn là 30 509 506 người, chiếm 76,5% thì năm 2000 con số đó là 34 493 542 người, chiếm 74,5%[2] số dân trong độ tuổi lao động của cả nước. Theo số liệu điều tra do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố ngày 20-10-2003, cả nước hiện có 42 128 343 người trong độ tuổi lao động, tăng 1,85% so với cùng thời điểm năm 2002; trong đó, khu vực nông thôn là 31 941 500 người chiếm 75,82%. Điều đó cho thấy, số lao động hoạt động kinh tế thường xuyên ở nông thôn đang giảm, nhưng tốc độ diễn ra rất chậm.

---

* Trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội

(1) *Niên giám thống kê 2001*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002, tr 27 - 28

(2) *Số liệu thống kê: Lao động việc làm ở Việt Nam 1996 - 2000*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2001, tr 39, 53

Digitized by Google

Bảng 1: Nhân khẩu từ đủ 15 tuổi trở lên hoạt động kinh tế thường xuyên chia theo trình độ học vấn ở khu vực nông thôn.

Đơn vị tính : người

	1996	1997	1998	1999	2000
Tổng số chung cả nước	28027141	27735311	28367886	29363426	29917091
Không biết chữ	1851779	1661595	1368487	1425826	1425981
Chưa tốt nghiệp cấp I	6320342	6105371	5750873	5904944	5532481
Tốt nghiệp cấp I	8086401	8113225	8740615	9017580	9260277
Tốt nghiệp cấp II	9194304	9234285	9464151	9718678	10352886
Tốt nghiệp cấp III	2574315	2620835	3043760	3296398	3345466

Nguồn: Số liệu thống kê lao động việc làm ở Việt Nam 1996 - 2000, tr 248

Về chất lượng, ở đây là trình độ học vấn của người lao động ở nông thôn trong những năm qua không ngừng được nâng cao, nhưng tỷ lệ số người không biết chữ vẫn cao: nếu năm 1996 là 6,6% thì đến năm 2000 vẫn còn tới 4,8%. Điều đáng nói là, tỷ lệ lao động chưa tốt nghiệp tiểu học tuy giảm mạnh, từ 46,2% (năm 1989) xuống còn 22,55% (năm 1996) và 18,5% (năm 2000), nhưng tỷ lệ đó vẫn còn quá lớn. Song điều đáng mừng là, số lao động tốt nghiệp các cấp, đặc biệt lao động tốt nghiệp phổ thông trung học tăng nhanh (năm 1996 tỷ lệ lao động tốt nghiệp tiểu học là 28,85%, năm 2000 là 30,95%; tỷ lệ lao động tốt nghiệp trung học cơ sở năm 1996 là 32,81%, năm 2000 là 34,61%; và tỷ lệ lao động tốt nghiệp trung học phổ thông năm 1996 là 9,19%, năm 2000 là 11,18% (xem bảng 1). Tuy nhiên, so với tỷ lệ chung của cả nước, rõ ràng còn thấp. Qua các số liệu trên cho thấy, trình độ học vấn của lực lượng lao động ở nông thôn đang có sự chênh lệch lớn, và mức chênh lệch càng cao ở các cấp học càng cao. Theo kết quả điều tra năm 2003, trong khi ở khu vực thành thị, cứ 100 người tham gia lao động có gần 67 người tốt nghiệp từ trung học cơ sở trở lên, thì ở khu vực nông thôn thấp hơn 1,5 lần; tỷ lệ người chưa biết chữ ở khu vực nông thôn cao gấp 4 lần so với khu vực thành thị. Người ta dự báo rằng, nếu cứ như hiện nay thì sự chênh lệch về trình độ học vấn giữa lao động ở nông thôn và lao động ở thành thị vẫn tiếp tục gia tăng mạnh trong những thập kỷ tới. Nói cách khác, tỷ lệ lao động chưa tốt nghiệp tiểu học ở thành thị thấp hơn gấp hai lần ở nông thôn (9,6% và 18,5%); tỷ lệ lao động tốt nghiệp tiểu học và trung học cơ sở ở nông thôn cao hơn thành thị (31%; 34,6% so với 23,6%; 27,5%); và lao động tốt nghiệp trung học phổ thông ở thành thị cao hơn gấp 3,4 lần ở nông thôn (38% so với 11,2%, và so với tỷ lệ chung của cả nước là 17,2%)[3].

Về trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động ở nông thôn tuy có tiến bộ không ngừng qua các giai đoạn phát triển nhưng vẫn còn không ít vấn đề khó khăn (xem bảng 2).

Bảng 2: Nhân khẩu từ đủ 15 tuổi trở lên hoạt động kinh tế thường xuyên chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật ở khu vực nông thôn.

Đơn vị tính: người

	1996	1997	1998	1999	2000
Tổng số chung cả nước	28027141	27735311	28367886	29363426	29917091
Không có chuyên môn kỹ thuật	25957089	25677870	26166208	26978056	27154749
Có trình độ từ sơ cấp học nghề trở lên	2070052	2057441	2201678	2385370	2762342
Trong đó: Từ CNKT có bằng trở lên	*1305220*	*1260397*	*1449711*	*1576860*	*1847956*

Nguồn: Số liệu thống kê lao động việc làm ở Việt Nam 1996 - 2000 tr 378

Số lao động không có chuyên môn kỹ thuật dù đã giảm từ 96,24% (năm 1996), xuống 90,77% (năm 2000) và 87,9% (năm 2002); số lao động có trình độ từ sơ cấp trở lên từ 7,39% (năm 1996), lên 9,23% (năm 2000) và 12,1% (năm 2002); số lao động có trình độ công nhân kỹ thuật từ 4,66% (năm 1996) lên 6,18% (năm 2000) và còn 5,8% (năm 2002) [4] nhưng rõ ràng là rất chậm, trong khi đó, số lao động có chuyên môn kỹ thuật của cả

(3) *Số liệu thống kê lao động việc làm ở Việt Nam 1996 - 2000*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2001, 214 - 230, 248 - 264

(4) *Niên giám thống kê lao động, thương binh và xã hội 2002*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2003, tr 36

Digitized by Google

nước tăng từ 12,3% (năm 1996) lên 15,5% (năm 2000)[5]. Như vậy, lao động có chuyên môn kỹ thuật ở nông thôn thấp hơn so với tỷ lệ chung của cả nước và thấp hơn nhiều so với thành thị. Điều đó cho thấy, chất lượng của lực lượng lao động trên lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn một khoảng cách khá xa so với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nói cách khác, lực lượng lao động được đào tạo ở lĩnh vực nông nghiệp còn rất mỏng, chưa ngang tầm với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Trong khi đó, khả năng *sử dụng thời gian lao động* còn không ít việc cần bàn. Vốn là nước đất chật người đông, dân cư đa phần sống ở nông thôn, bình quân diện tích đất nông nghiệp tính theo đầu người đã thấp, việc canh tác chủ yếu dựa vào lao động thủ công, nhưng người lao động chưa sử dụng hết thời gian và khả năng của mình. Nói cụ thể, việc sử dụng thời gian của người lao động còn rất lãng phí. Về khía cạnh này mặc dù tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn có tiến bộ, nếu năm 1998 là 71,13%, tới năm 2000 tăng lên 74,16%[6] và năm 2002 là 75,3%[7] thì sự lãng phí lao động vẫn là điều đáng lo ngại: tới 24,7%. Điều đáng lo hơn là, việc sử dụng thời gian lao động của người lao động ở các vùng khác nhau (đồng bằng sông Hồng, vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ) cũng hết sức chênh lệch. Ở các khu vực, nông thôn gần với các thành phố lớn, các vùng trồng cây công nghiệp, thời gian nhàn rỗi cũng ít hơn, nhưng vẫn chiếm từ 25% đến 30%, so với từ 40 đến 55% ở các vùng thuần nông. Đó thật là một sự lãng phí rất lớn. Vì lẽ đó, nhiều gia đình nông dân đã phải đưa người ra các thành phố để kiếm thêm việc làm lúc nông nhàn, số khác thì tìm thêm các ngành nghề phụ để tăng thêm thu nhập cho gia đình. Trong khi với các gia đình neo đơn, người ta lại tranh thủ sử dụng sức lao động của trẻ em.

Tình hình đó vô tình đã tạo ra không ít sức ép cho nông thôn, cho thành thị và cả đối với chính đội ngũ lao động, khiến chúng ta không thể xem nhẹ. Nếu số người thiếu việc làm trên các lĩnh vực công nghiệp chế biến, thương nghiệp, dịch vụ chiếm tỷ lệ cao thì tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn thực sự báo động: chiếm 81,7% tổng số người thiếu việc làm (năm 1996) và 83,35% (năm 2000)[8]. Điều đó đã tạo nên sự cạnh tranh việc làm trong chính những người lao động; đến lượt họ bị ép buộc lao động với giá rẻ mạt; rốt cuộc họ vừa thua và vừa thiệt thòi, ngay trên chính địa bàn họ sinh sống, nhất là những người phải đi xa nhà kiếm kế sinh nhai.

Tình trạng đó vô hình trung tự làm thất thoát một khối lượng sản phẩm không nhỏ, gây không ít khó khăn cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn, cũng như việc nâng cao hiệu quả lao động và mức sống cho người nông dân. Mặt khác, tình trạng đó cũng là nguyên nhân đồng thời là thủ phạm của không ít tệ nạn xã hội: cờ bạc, rượu chè, nghiện hút... diễn ra ngay trên chính địa bàn nông thôn, trực tiếp cản trở bước tiến của nông nghiệp, tạo chướng ngại không nhỏ trong tiến trình xây dựng nông thôn mới.

Thực trạng trên do nhiều nguyên nhân, nhưng theo chúng tôi gồm một số nguyên nhân chính sau:

Thứ nhất, do sự chênh lệch lớn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa nông thôn và thành thị. Mặt khác, nhận thức của người nông dân còn lạc hậu, bất cập. Ở nông thôn, nhiều bậc phụ huynh cho rằng không cần học lên cao, chỉ cần biết chữ là đủ. Kết quả là, họ không quan tâm tới việc nâng cao trình độ học vấn cho họ và con cái họ, vô hình tạo ra những khó khăn lớn cho việc tiếp thu tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, nhất là trên lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ hai, tỷ lệ sinh của dân cư ở khu vực này còn khá cao so với khu vực thành thị, nên hằng năm số người bước vào độ tuổi lao động tăng nhanh, trong khi đó số việc làm càng hạn chế dẫn tới tình trạng thừa và lãng phí sức lao động ngày càng trầm trọng ở nông thôn. Theo đà công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ở nông thôn, nhiều khâu trong sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa, nên đã làm

---

(5) *Số liệu thống kê lao động, việc làm ở Việt Nam 1996 - 2000,* Nxb Thống kê, Hà Nội, 2001, tr 282

(6) *Sđd,* tr 697

(7) *Kinh tế xã hội Việt Nam 3 năm 2001 - 2003, Nxb Thống kê,* Hà Nội, 2003, tr 127

(8) *Số liệu thống kê lao động việc làm ở Việt Nam,* Nxb Thống kê, Hà Nội, 2001, tr 625

Digitized by Google

giảm việc sử dụng lao động chân tay, dẫn tới sự dôi dư lao động ngày càng lớn. Trong khi đó, mặc dù không ít nơi không ngừng chú trọng phát triển đa dạng hóa các loại ngành, nghề ở nông thôn, nhưng vẫn còn chậm và không ít hạn chế, nên chưa tận dụng được sức lao động nhàn rỗi trong nông dân.

Thứ ba, nền kinh tế ở nông thôn chưa phát triển, hiệu quả lao động không cao, nên thu nhập của nông dân còn thấp, do vậy, họ chưa dành sự quan tâm đúng mức tới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, chưa đầu tư thỏa đáng cho việc học hành của chính mình và con em mình. Trong khi đó, Nhà nước và các cơ quan chức năng địa phương chưa có sự quan tâm thích đáng, chưa có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ nông dân trong lĩnh vực đào tạo và tự đào tạo, trong khi quá trình đào tạo còn nhiều tốn kém, gia đình nông dân không thể đảm đương được.

2 - Một số giải pháp chính nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở nông thôn đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Để phát triển nguồn nhân lực ở nông thôn với chất lượng ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, xây dựng nông thôn văn minh và tiến bộ, trước hết hướng giải quyết cơ bản là tiếp tục chăm lo *phát triển đồng bộ kinh tế - xã hội* ở nông thôn. Chỉ có như vậy mới tạo những điều kiện vật chất cần thiết cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đến lượt nó, với chất lượng mới nguồn nhân lực sẽ trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên chính địa bàn họ sinh sống và sản xuất.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn rất cần đẩy nhanh tốc độ *cơ giới hóa, hiện đại hóa* sản xuất nông nghiệp. Vì chỉ có như vậy mới làm giảm sức lao động của người nông dân, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động và chất lượng sản phẩm do họ làm ra; tạo điều kiện cho họ có điều kiện và khả năng nâng cao trình độ học vấn, trình độ nhận thức, vận dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Trên cơ sở đó, chúng ta mới có thể dễ dàng đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất.

Đẩy mạnh tốc độ *chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp* bằng việc tăng cường phát triển công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn, tiến tới giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Tích cực chuẩn bị xây dựng các chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, công nghệ sinh học trong việc đổi mới cơ cấu con vật nuôi, cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đa dạng hóa ngành nghề, nhất là các ngành nghề liên quan trực tiếp tới nông nghiệp như chế biến nông sản, dịch vụ sản xuất... để nâng cao giá trị kinh tế của các sản phẩm nông nghiệp; đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo, nhất là ở vùng kém phát triển, vùng sâu, vùng xa, v.v..

Điều nóng bỏng hiện nay là, phải tạo và tìm được thị trường tiêu thụ "đầu ra" cho các sản phẩm của người nông dân. Bên cạnh đó, cần cung cấp thông tin về nhu cầu sản phẩm, các chỉ số an toàn thực phẩm trên các thị trường để họ chủ động nâng cao chất lượng sản phẩm của mình. Cách làm này đang còn ít được sử dụng, nhưng đó là một hướng làm bức thiết và đầy triển vọng.

Cải cách cơ bản việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch sản xuất và chiến lược thị trường phục vụ yêu cầu trước mắt và lâu dài trong lĩnh vực nông nghiệp bảo đảm một nền nông nghiệp phát triển bền vững. Điều cần kíp là, việc quy hoạch phải tính đến hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong chỉnh thể gắn kết chặt chẽ với nhau. Thực tế cho thấy, không ít nơi chỉ quan tâm và chạy theo hiệu quả kinh tế đơn thuần, coi nhẹ phương diện xã hội và môi trường, dẫn tới tác hại nhãn tiền rất khó khắc phục. Cần tạo ra những khu, vùng kinh tế năng động làm đầu tàu và động lực giúp nông thôn phát triển, trực tiếp giải quyết việc làm, trên cơ sở đó giảm sức ép về dân số, việc làm cho khu vực thành phố và khắc phục những tệ nạn xã hội trên chính địa bàn nông thôn. Do đó, rất cần xây dựng những khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao một cách đồng bộ, rộng khắp đất nước.

Đồng thời không thể không quan tâm phát triển *sự nghiệp giáo dục và đào tạo* ở nông thôn. Đây là nhân tố quyết định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trước mắt, tăng đầu tư cho giáo dục và đào tạo bằng nhiều nguồn vốn huy động khác nhau: ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương, các tổ chức, các cá nhân... để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật: trường, lớp, trang thiết bị dạy và học đầy đủ cho học sinh, nhất là ở vùng sâu, vùng

(Xem tiếp trang 30)

Digitized by Google

Để tiếp tục phát triển tín dụng nông thôn

NGUYỄN VĂN TUẤT *

HƠN 10 năm qua, cùng với quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống tổ chức và hoạt động tín dụng nông thôn nước ta đã có những chuyển biến tích cực.

Trên địa bàn nông thôn, các hình thức tổ chức và hoạt động tín dụng phát triển đa dạng bao gồm hai bộ phận song song tồn tại tác động tương hỗ lẫn nhau.

Một là, tín dụng chính thức là các hình thức tín dụng được tổ chức và hoạt động theo luật định, chịu sự quản lý và kiểm soát của chính quyền các cấp. Bộ phận này gồm có: các ngân hàng thương mại của nhà nước, trong đó chủ yếu là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; một số ngân hàng cổ phần; các quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tài chính khác. Tín dụng chính thức hoạt động theo hai phương thức: thứ nhất là, cho vay với điều kiện ràng buộc theo trần lãi suất; thứ hai là, cho vay theo các chương trình, dự án của Chính phủ như: chương trình tạo việc làm, chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc, hoặc cho vay về mục tiêu xã hội hỗ trợ cho người nghèo thông qua ngân hàng người nghèo (nay đổi thành ngân hàng chính sách). Khoản cho vay này chủ yếu dựa vào nguồn đầu tư của ngân sách nhà nước và các nguồn vay có lãi suất ưu đãi của các tổ chức tài chính thế giới và của nước ngoài.

Hai là, tín dụng không chính thức là tín dụng do những tổ chức và cá nhân ngoài tổ chức chính thức thực hiện như: tín dụng tư nhân gồm những người chuyên hoạt động cho vay nặng lãi và những gia đình sản xuất kinh doanh giỏi, giàu có, họ có tiền, vàng cho bà con trong thôn ấp vay. Các nhóm "hợp tác tín dụng" hoạt động dưới các hình thức hụi, họ, phường,... tín dụng họ hàng, thân tộc, bạn bè quen biết tương trợ nhau lúc khó khăn hoạn nạn. Tín dụng tư thương hoạt động cầm cố, bán chịu vật tư đầu vụ, cuối vụ thu cả vốn và lãi bằng tiền hoặc sản phẩm do đôi bên thỏa thuận...

Thực tiễn cho thấy, sự tồn tại và phát triển hệ thống tín dụng nông thôn đa dạng với nhiều tổ chức và cá nhân tham gia, hoạt động dưới nhiều hình thức nói trên là một nhu cầu khách quan. Chúng không những không mâu thuẫn với nhau mà còn hỗ trợ, bổ sung cho nhau, làm cho tín dụng nông thôn phong phú, sôi động, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể hoạt động sản xuất kinh doanh nông - lâm - ngư nghiệp, ngành nghề trong nông thôn vay vốn từ nhiều nguồn, với nhiều hình thức khác nhau, đáp ứng được nhu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân nông thôn.

Cùng với sự phát triển về mặt tổ chức và hình thức hoạt động tín dụng, trong những năm qua hệ thống ngân hàng thương mại của Nhà nước mà cụ thể ở đây là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có những đổi mới về cơ chế, chính sách phù hợp với tiến trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như: thường xuyên điều chỉnh lãi suất cho vay theo quan hệ cung cầu về vốn của thị trường; kết hợp cho vay vừa thế chấp vừa tín chấp; chuyển từ chỗ chỉ cho vay đối với nông - lâm - ngư trường, hợp tác xã, nay cho vay cả đến hộ sản xuất kinh doanh cá thể; các thủ tục cho vay bước đầu có

* Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

những cải tiến nhất định nhằm giảm bớt phiền hà cho nhân dân...

Hoạt động của tín dụng chính thức mà trong đó chủ yếu là vai trò của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cùng với các thể chế tài chính khác như: các ngân hàng cổ phần, các quỹ tín dụng nhân dân đã đầu tư cho vay thông qua các dự án kinh tế phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, phát triển ngành nghề, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, chế biến nông - lâm - thuỷ sản; đầu tư vào các chương trình dự án lớn của Nhà nước, góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, đưa nông nghiệp, nông thôn từng bước đi lên sản xuất hàng hóa.

Hoạt động của tín dụng không chính thức biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau, với mức lãi suất cao hơn nhiều so với tín dụng chính thức, nhưng nó rất thuận lợi, thủ tục cho vay giản đơn, món vay thường nhỏ, khi cần là có ngay. Đây là một lợi thế tuyệt đối mà tín dụng chính thức không thể có được. Chính vì vậy sự tồn tại và phát triển của tín dụng không chính thức đã bổ sung cho hoạt động của tín dụng chính thức trong việc cung cấp vốn cho các hộ nông dân ở những nơi và những thời điểm mà tín dụng chính thức không đáp ứng được. Hơn nữa, trong cơ chế thị trường, hoạt động của tín dụng không chính thức còn là đối tác cạnh tranh cho tín dụng chính thức phát triển.

Theo cố vấn chương trình tài chính nông thôn, Chương trình phát triển nông thôn miền núi Việt Nam - Thụy Điển đã nghiên cứu về những tổ chức và người cung cấp dịch vụ cho hộ nông thôn Việt Nam cho biết có hơn 50% hộ nông thôn bị chi phối bởi nguồn tín dụng không chính thức[1]. Khảo sát của tiến sĩ Kim Thị Dung (Đại học Nông nghiệp 1) trên 216 hộ nông dân ở 3 xã: Kiêu Kỵ, Đông Dư, Ninh Hiệp (huyện Gia Lâm, Hà Nội) năm 1997 có bổ sung năm 1999 cho thấy, có 121 hộ cần vay vốn (chiếm 56% số hộ khảo sát) trong đó có 80,9% (của 121 hộ) được vay vốn từ nguồn không chính thức[2]. Điều này cũng phù hợp với khảo sát của chúng tôi trên 600 hộ ở các huyện Thoại Sơn, Chợ Mới (tỉnh An Giang), Tam Nông (tỉnh Đồng Tháp) của đồng bằng sông Cửu Long: có trên 60% số hộ nông dân ở nông thôn có nhu cầu vay vốn, phục cho sản xuất và đời sống, trong đó chỉ có 30% số hộ tiếp cận được nguồn vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, còn 70% số hộ được dịch vụ từ các nguồn vốn không chính thức khác.

Những kết quả khảo sát trên đây cho thấy, hoạt động của tín dụng không chính thức trên địa bàn nông thôn là nhu cầu khách quan. Nó đã cùng với tín dụng chính thức hợp thành một lực lượng thống nhất đáp ứng một phần quan trọng nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh nông - lâm - ngư nghiệp, ngành nghề trên địa bàn nông thôn. Tuy nhiên, hoạt động tín dụng trên địa bàn nông thôn hiện nay đang nổi lên một số vấn đề cần được nghiên cứu giải quyết:

a - Việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hộ nông dân nhìn chung còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là bộ phận hộ nông dân nghèo bởi mấy lý do:

+ Về vốn ngắn hạn, ngân hàng chỉ cho vay không quá 500 000 đồng, với thời hạn 6 tháng, nên các hộ nông dân chưa thật phấn khởi. Nếu vay vốn trung hạn, dài hạn đòi hỏi phải có tài sản thế chấp kèm theo dự án với luận chứng kinh tế có tính khả thi thì mới được vay. Đây thực sự là một thử thách lớn đối với các hộ nông dân. Để có luận chứng nhiều hộ nông dân phải thuê người viết từ 50 000 đến 100 000 đ/bản[3].

+ Thủ tục vay vốn còn quá phiền hà. Người nông dân muốn vay được vốn của ngân hàng phải qua 7 chữ ký: trưởng xóm, trưởng thôn, Ủy ban nhân dân xã (có đóng dấu đỏ), cán bộ ngân hàng phụ trách khu vực, trưởng phòng tín dụng, kế toán trưởng, giám đốc ngân hàng, thủ quỹ ngân hàng phải giải ngân và khi giải ngân phải "buốc boa" từ 2% đến 3%. Vì thế, trên lý thuyết lãi suất cho vay là 1,2%/tháng, nhưng thực tế người vay phải chịu tới từ 1,8 đến 2%.

---

(1) (2) Xem Kim Thị Dung: "*Tín dụng không chính thức và vai trò của nó đối với kinh tế hộ nông dân*", Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 275 (tháng 4-2001).

(3) Xem Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 225, tháng 8-1999, tr 51

Digitized by Google

Việc vay vốn qua ngân hàng cổ phần tuy có thuận lợi hơn, nhưng lãi suất lại cao hơn từ 0,3% đến 0,5%/tháng. Vay vốn qua tín chấp của các đoàn thể lãi suất thực tế cũng phải tăng lên từ 0,5% đến 0,8%/tháng (trong số này một phần trích ra để làm quỹ đoàn thể, một phần bồi dưỡng cho cán bộ ngân hàng, một phần chi phí cho cán bộ đoàn thể). Ngoài ra còn phải đóng một khoản lệ phí rủi ro 25 000 đồng một lần vay[4].

b - Ngân hàng người nghèo (nay gọi là Ngân hàng chính sách) cho vay vốn với lãi suất ưu đãi chủ yếu có ý nghĩa về mặt xã hội, còn hiệu quả kinh tế thường không cao, một phần do dự án đầu tư sản xuất kinh doanh của người nghèo thường nhỏ, mà vay nhỏ thì chi phí vay sẽ cao(9,7% so với 0,4 %)[5]. Năng lực kinh doanh của các hộ nghèo cũng hạn chế so với các hộ giàu (họ giỏi làm ăn hơn).

c - Hoạt động tín dụng không chính thức mặc dù có nhiều thuận lợi như cần vốn là có ngay, thủ tục đơn giản (nhiều trường hợp chỉ thỏa thuận miệng), nhưng lãi suất thường cao hơn lãi suất ngân hàng từ 8 đến 10 lần (3%-5%/ tháng), cá biệt vay nóng lãi suất 1%/ngày. Đó là chưa kể những hoạt động tiêu cực như lừa đảo dẫn đến vỡ hụi, gây thiệt hại cho nhiều gia đình ở nông thôn trong khi Nhà nước vẫn chưa có biện pháp hữu hiệu để kiểm soát các hoạt động này.

Để khắc phục những điểm nói trên, nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng nông thôn trong những năm tới, tiếp tục làm tốt mấy vấn đề sau:

1 - Nhà nước thường xuyên điều chỉnh trần lãi suất cho vay phù hợp, một mặt nhằm hạn chế được khả năng rủi ro cho vay lớn; mặt khác, giảm được ảnh hưởng của thiên hướng cho vay lớn làm cho sự phân hóa giàu nghèo trong nông thôn ngày một sâu sắc thêm.

2 - Tiếp tục đổi mới phương thức cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chuyển từ phương thức cho vay trực tiếp (bán lẻ) đến các hộ gia đình sang phương thức cho vay bán buôn thông qua việc sử dụng các đại lý liên kết giữa ngân hàng với các tổ chức tương hỗ như: tổ liên kết hợp tác vay vốn của các hộ nông dân tự nguyện lập ra, hoặc các đoàn thể nhân dân (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh...) hoặc các tổ chức tín dụng nông thôn khác như ngân hàng cổ phần, Quỹ tín dụng nhân dân nhằm giảm chi phí cho người vay, vì thay vào nhiều khoản vay nhỏ bằng một khoản vay lớn. Mặt khác, việc cho vay qua mạng lưới đại lý, các thành viên trong nhóm đều có trách nhiệm liên đới, nhờ đó mà khả năng thu hồi nợ thuận lợi hơn. Có thể gắn việc cho vay vốn với việc đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh của các hộ nông dân. Tuy nhiên, phải nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước của chính quyền các cấp nhằm hạn chế các mặt tiêu cực có thể phát sinh như nâng lãi suất lên cao.

3 - Mở rộng mạng lưới Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến cụm xã (khu vực) nhất là vùng sâu, vùng xa để tạo điều kiện thuận lợi cho người vay trong việc giao dịch. Đồng thời để cán bộ ngân hàng sâu sát hơn với thực tiễn, giảm được chi phí hoạt động tín dụng, qua đó thúc đẩy cầu tín dụng chính thức tăng lên, giảm cầu tín dụng không chính thức, điều hòa hoạt động của thị trường tín dụng nông thôn.

4 - Phát triển ngân hàng cổ phần, các quỹ tín dụng nhân dân, cho phép ngân hàng tư nhân trên địa bàn nông thôn ra đời và hoạt động theo sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, qua đó có thể hạn chế được tình trạng cho vay nặng lãi.

5 - Nhà nước cần có quy định cụ thể về mặt luật pháp để điều chỉnh hoạt động tín dụng không chính thức ở nông thôn. Tăng cường vai trò quản lý của chính quyền các cấp, phát huy vai trò giám sát của các đoàn thể: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với hoạt động tín dụng phi chính thức, nhất là các chủ tư nhân cho vay, chủ cầm đồ, chủ hụi, thương nhân nhằm phát huy mặt tích cực của các hoạt động này; đồng thời, hạn chế hiệu quả các mặt tiêu cực như cho vay nặng lãi, hoạt động lừa đảo gây thiệt hại cho nhân dân. ❑

---

(4) *Tài liệu đã dẫn*

(5) Trần Thọ Đạt: *"Tín dụng nông thôn"*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 250, tháng 3-1999, tr 16

Digitized by Google

Chung quanh vấn đề xuất khẩu cà-phê ở Việt Nam

NGUYỄN SINH CÚC*

I - Thực trạng xuất khẩu cà-phê những năm qua

Cà-phê là một trọng những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và là mặt hàng nông sản xuất khẩu đứng thứ hai về kim ngạch sau gạo. Sự nghiệp đổi mới (1986) đã mở ra thời kỳ phát triển mới về xuất khẩu cà-phê với số lượng ngày càng lớn, thị trường ngày càng mở rộng. Lượng cà-phê xuất khẩu năm 1986 đạt 16,8 nghìn tấn, gấp hơn 2 lần năm 1985 và từ đó tiếp tục tăng dần với số lượng ngày càng nhiều: Năm 1990 đạt 89,6 nghìn tấn, năm 1995 đạt 248 nghìn tấn, năm 2000 đạt 694 nghìn tấn, cao nhất năm 2001 đạt 931 nghìn tấn và năm 2002 đạt 711 nghìn tấn. Từ năm 2000 đến năm 2002, Việt Nam đứng thứ 2 thế giới sau In-đô-nê-xi-a về xuất khẩu cà-phê vối (Rô-bu-sta), thứ 3 về xuất khẩu cà-phê nói chung. Không chỉ tăng về số lượng, chất lượng và giá cả mà cà-phê Việt Nam cũng ngày càng tiến bộ trên nhiều mặt: độ sạch, độ thơm ngon, chủng loại đa dạng, cơ cấu sản phẩm hợp lý. Do vậy kim ngạch xuất khẩu có xu hướng tăng dần, năm cao nhất (1998) đạt 594 triệu USD, vượt kim ngạch xuất khẩu gạo trong năm đó. Thị trường xuất khẩu cà- phê mở rộng trên 64 nước và vùng lãnh thổ, trong đó có 2 thị trường lớn là Xin-ga-po và Hồng Công. Cà-phê Việt Nam cũng đã từng bước chiếm lĩnh một số thị trường khó tính như EU, Bắc Mỹ, Nhật Bản với số lượng ngày càng tăng.

Cà-phê Việt Nam là cây công nghiệp gắn với xuất khẩu rất chặt chẽ. Quy mô sản xuất luôn luôn phụ thuộc vào thị trường cà-phê thế giới vì trên 95% cà-phê sản xuất được xuất khẩu. Nếu so năm 2001 với năm 1990, sản lượng cà-phê xuất khẩu tăng 10 lần, tốc độ tăng bình quân 9%/năm. Giá trị xuất khẩu cà-phê nhiều năm liền đứng vị trí thứ 2 về xuất khẩu nông sản sau gạo, có năm do giá cà-phê thị trường thế giới tăng, nên giá trị xuất khẩu cà-phê đã vượt giá trị xuất khẩu gạo (1998). Những năm 1995 - 1998, cà-phê được giá càng đẩy cơn sốt đất trồng cà-phê Tây Nguyên lên cao. Rừng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ bị chặt phá để chuyển sang trồng cà-phê với quy mô mỗi năm vài chục nghìn héc-ta. Nhân dân vùng Tây Nguyên, nhất là Đắc Lắc, Lâm Đồng giàu lên nhờ cây cà-phê, nhờ giá cà-phê thế giới đứng ở mức cao. Lợi thế xuất khẩu cà-phê trong những năm đó được coi là phát huy tối đa nên từ nông trường, lâm trường đến nhân dân ở các thành phố, thị xã trong vùng và cả Thành phố Hồ Chí Minh đổ về Tây Nguyên để kinh doanh cà-phê. Tình hình mua, bán, cầm cố, sang nhượng vườn cà-phê trở nên phổ biến và sôi động. Phong trào đầu tư thâm canh cây cà-phê cũng được chú ý, năng suất cà-phê nước ta từ 1 tấn thời kỳ đầu 1990 tăng lên 1,5 tấn thời kỳ 1996 - 2002. Do vậy, đến năm 2001 sản lượng cà-phê xuất khẩu đạt mức cao nhất: 910 nghìn tấn. Do giá cà-phê thế giới giảm mạnh, giá cà-phê Việt Nam giảm liên tục từ 1999 đến năm 2002, việc sản xuất cà-phê gặp

* PGS. TS. Tổng cục Thống kê

Digitized by Google

nhiều khó khăn, nhất là ở Tây Nguyên. Nhiều diện tích cà-phê bị chặt hạ, chuyển sang cây trồng khác, một số vườn cà-phê không được chăm sóc như trước. Diện tích cà-phê giảm còn 535 nghìn héc-ta, trong đó 474 nghìn héc-ta cho sản phẩm, sản lượng còn 699 nghìn tấn chỉ bằng 82% so với năm 2001. Xu hướng đó tiếp tục đến đầu năm 2003 dù cho giá cà-phê bắt đầu tăng trở lại.

Sản lượng cà-phê toàn thế giới vụ cà-phê 1990 - 1991 là 5,586 triệu tấn, trong đó cà-phê chè (A-ra-bi-ca) chiếm 75,6%, còn cà-phê vối chiếm 24,4%. Từ năm 1990 trở lại đây, tỷ lệ này tương đối ổn định, dạng sản phẩm được xuất khẩu trên thị trường thế giới chủ yếu là cà-phê nhân sống. Lấy số liệu năm 1990 làm thí dụ, lượng cà-phê đã xuất khẩu là 4,788 triệu tấn, trị giá 6,73 tỉ USD, trong đó: cà-phê nhân sống chiếm 95,2%, cà-phê rang chiếm 0,1%, cà-phê hòa tan chiếm 4,7%.

Giá cà-phê trên thị trường thế giới không ổn định, lên xuống thất thường. Năm 1992, có lúc giá cà-phê vối chỉ còn 600 USD/tấn, nhưng đến năm 1994 giá cà-phê vối lại tăng vọt, có thời điểm đạt 4 000 USD/tấn. Giá cả diễn biến phản ánh tình hình cung cầu cà-phê trên thế giới và tình hình tồn kho ở các nước tiêu thụ. Năm 1998, do hậu quả của E-ni-nô, sản lượng cà-phê thế giới giảm nên giá cà-phê tăng 23% so với năm 1997, nhưng năm 1999 và 2000 lại giảm sút lớn. Đến tháng 12-2000, giá cà-phê nhân ở nước ta giảm xuống mức dưới 5 000 đồng/kg.

Trong 70 nước sản xuất cà-phê, Việt Nam cách đây 20 năm còn đứng vị trí rất thấp, hằng năm xuất khẩu 5 000 - 6 000 tấn. Ngày nay cà-phê Việt Nam đã có mức tăng trưởng cao, lượng xuất khẩu hằng năm khá lớn.

Kim ngạch xuất khẩu còn tuỳ thuộc vào giá cả, có năm ngành cà-phê đã thu được gần 600 triệu USD. Từ năm 1999 đến năm 2002, dù giá cà-phê giảm nhưng nhờ lượng xuất khẩu tăng nhanh nên kim ngạch xuất khẩu cà-phê vẫn giữ ổn định ở mức cao - năm 1998: 593,8 triệu USD, năm 1999: 585,3 triệu USD. Riêng năm 2000, giá cà-phê giảm sút lớn, nhưng nhờ lượng tăng 72% nên kim ngạch xuất khẩu vẫn đạt trên 500 triệu USD. Tuy nhiên, từ năm 2001, ưu thế lấy lượng bù giá không còn, giá cà-phê giảm đến mức thấp nhất nên dù lượng đạt đến mức kỷ lục nhưng do giá giảm khoảng 50% (so với các năm 1995 - 1998) nên kim ngạch xuất khẩu cũng chưa đạt mức tăng cao.

Với một lượng hàng hóa lớn như vậy, Việt Nam đã thực sự có ảnh hưởng đến giá giao dịch của cà-phê vối trên thị trường thế giới. Có thể nói giá cà-phê vối trên thế giới tăng giảm theo mùa vụ thu hoạch cà-phê của Việt Nam và In-đô-nê-xi-a. Trong tình hình diễn biến phức tạp của thị trường với sự cạnh tranh gay gắt, ngành cà-phê của Việt Nam đã và đang bộc lộ những nhược điểm và hạn chế từ sản xuất đến xuất khẩu.

Vấn đề đặt ra lớn nhất trong xuất khẩu cà-phê Việt Nam hiện nay là tính bền vững chưa cao. Những năm gần đây tuy sản lượng xuất khẩu tăng nhanh nhưng giá cả không ổn định. Vấn đề này có liên quan đến sản xuất, chế biến và xuất khẩu. Cụ thể là:

- Nhược điểm lớn nhất trong sản xuất là thiếu quy hoạch và kế hoạch. Tình trạng tự phát, manh mún không gắn với thị trường diễn ra phổ biến nhất là vùng Tây Nguyên, dẫn đến hậu quả cung vượt cầu quá lớn, giá cả giảm làm giảm thu nhập của người sản xuất, gây khó khăn cho doanh nghiệp và Nhà nước trong xuất khẩu cà-phê. Tình trạng sản xuất cà-phê quảng canh, đốt nương làm rẫy còn phổ biến.

- Cơ cấu sản xuất chưa hợp lý, tập trung quá lớn vào cà-phê vối mà chưa quan tâm mở rộng cà-phê chè đang được thị trường ưa chuộng, bán với giá cao. Những năm gần đây, một số doanh nghiệp có quan tâm chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng tăng diện tích cà-phê chè, nhưng giải pháp chưa đồng bộ nên kết quả thấp.

- Chất lượng sản phẩm cà-phê còn thấp chưa tương xứng với lợi thế về đất đai, khí hậu Việt Nam, còn khoảng cách xa với yêu cầu của thị trường thế giới.

Digitized by Google

- Chưa gắn sản xuất với chế biến, thu mua, xuất khẩu. Thực tế người sản xuất chỉ biết sản xuất, còn các khâu sơ chế, chế biến, thu gom, xuất khẩu hoàn toàn do các doanh nghiệp, tư thương lo liệu. Tình hình trên đã dẫn đến hậu quả sản lượng cà-phê ứ đọng lớn, chất lượng và giá cả giảm. Nhiều năm, Nhà nước phải bù lỗ lãi suất mua cà-phê tạm trữ xuất khẩu. Tình trạng thiếu thông tin thị trường diễn ra phổ biến kéo dài từ nhiều năm nhưng vẫn chưa có giải pháp khắc phục.

- Tổ chức, quản lý, thu mua cà-phê còn nhiều bất cập. Hiệp hội Cà-phê chỉ quản lý được một phần sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất cà-phê, chủ yếu thuộc Tổng Công ty Cà-phê Việt Nam. Còn đại bộ phận cà-phê hộ gia đình do tư thương chi phối. Việc chưa hình thành tập đoàn xuất khẩu cà-phê Việt Nam cho đến nay là một nhược điểm về tổ chức và quản lý cần được xem xét.

Do những nhược điểm trên, khả năng cạnh tranh của cà-phê Việt Nam trên thị trường thế giới còn thấp xét về chất lượng, giá cả và chủng loại sản phẩm. Những yếu kém và nhược điểm trên đang là những thách thức lớn đối với xuất khẩu cà-phê Việt Nam trong hội nhập kinh tế.

II - Một số giải pháp để xuất khẩu cà-phê trong những năm tới

1 - Hoàn thiện các chính sách khuyến khích xuất khẩu cà-phê

Ngành cà-phê Việt Nam hiện nay đã có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân . Kim ngạch xuất khẩu hàng năm khá lớn và có thể dự đoán rằng trong 5 - 10 năm tới, cà-phê và lúa gạo vẫn là những nông sản xuất khẩu hàng đầu ở nước ta. Việt Nam là một nước xuất khẩu cà-phê lớn có ảnh hưởng đến cung - cầu và giá cả cà-phê trên thị trường quốc tế. Mục tiêu trong những năm tới là khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, chế biến và xuất khẩu cà-phê Việt Nam theo hướng tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới, tăng hiệu quả kinh tế - xã hội nhằm đạt mục tiêu xuất khẩu 1,2 tỉ USD vào năm 2010. Để khuyến khích xuất khẩu cà-phê, cần có các chính sách thích hợp như:

- *Đối với sản xuất:* Nhà nước cần bổ sung một số chính sách mới để khuyến khích người trồng cà-phê theo đúng quy hoạch và kế hoạch, khắc phục tình trạng sản xuất tự phát. Người trồng cà-phê trên diện tích quy hoạch có thu nhập và đời sống ổn định. Khuyến khích người sản xuất cà-phê đầu tư mạnh vào những sản phẩm mà thị trường cần, có hiệu quả kinh tế cao.

- *Đối với tiêu thụ sản phẩm:* Nhà nước cần đảm bảo thực hiện các hợp đồng tiêu thụ cà-phê của doanh nghiệp với hộ nông dân sản xuất theo quy hoạch và kế hoạch. Trong trường hợp thị trường và giá cả cà-phê thế giới biến động, Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng cho các cơ sở kinh doanh cà-phê để bảo đảm ổn định giá mua cà-phê đối với người sản xuất.

- *Đối với hoạt động chế biến:* Cần hướng tới mục tiêu gắn sản xuất với chế biến và xuất khẩu cà-phê. Nhà nước ưu tiên xây dựng các nhà máy chế biến cà-phê hiện đại, công nghệ tiên tiến tại các vùng sản suất tập trung (Tây Nguyên, Đông Nam Bộ). Mục tiêu lâu dài là chuyển xuất khẩu cà-phê nhân như hiện nay sang cà-phê chế biến chất lượng cao để tăng nguồn thu ngoại tệ.

- *Đối với xuất khẩu:* Có chính sách xúc tiến thương mại nhằm ổn định thị trường cũ, mở rộng thị trường mới, cung cấp thông tin thị trường cà-phê kịp thời, chính xác, dự báo mức tiêu thụ và thị hiếu khách hàng đối với từng loại cà-phê theo thời gian. Chính sách miễn giảm thuế xuất khẩu cà-phê hiện nay là hợp lý nhưng chưa đủ. Để tăng sức cạnh tranh của cà-phê Việt Nam trong bối cảnh hội nhập AFTA, APEC và tiến tới gia nhập WTO, Bộ Thương mại và các bộ, ngành hữu quan khẩn trương xây dựng thương hiệu cà-phê Việt Nam trên thị trường thế giới, đồng thời bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu cà-phê. Việt Nam cũng cần sớm ra đời một tổ chức quản lý sản xuất và xuất khẩu cà-phê gọn nhẹ có thành viên chuyên trách và một số thành

Digitized by Google

viên kiêm nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thương mại, Bộ Tài chính... với tên gọi cụ thể là "Hội đồng Phát triển cà-phê quốc gia" (tương tự như Ủy ban các nhà xuất khẩu cà-phê Bra-xin). Hội đồng sẽ nghiên cứu và trình Nhà nước ban hành một số chính sách riêng cho ngành cà-phê như tín dụng dài hạn, giá cả và hỗ trợ xuất khẩu, khuyến nông, bảo hiểm và các quy chế quản lý khác...

2 - Hoàn thiện hệ thống các giải pháp đối với sản xuất, chế biến, xuất khẩu.

Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển cà-phê vối và cà-phê chè có năng suất và chất lượng cao. Dự báo đến năm 2010, Việt Nam sẽ có 600 000 héc-ta cà-phê (trong đó cà-phê chè là 100 000 héc-ta), sản lượng 800 000 tấn và kim ngạch xuất khẩu cà-phê khoảng 1,2 tỉ USD. Theo phương hướng này, công tác quy hoạch, khảo sát thiết kế các vùng trồng mới phải được tiến hành trước một bước và bố trí các mô hình sản xuất thực nghiệm nhằm xác định cơ cấu giống phù hợp, thực hành khuyến nông giúp cho nhân dân làm quen dần tiến tới nắm chắc các vấn đề kinh tế - kỹ thuật sản xuất cà-phê chè. Chính phủ đã phê duyệt dự án phát triển cà-phê chè 40 000 héc-ta trong 5 năm (1997 - 2010) bằng vốn trong nước và vốn vay ưu đãi của Quỹ Phát triển Pháp (CFD). Hiện nay nhiều tỉnh đang triển khai trồng mới cà-phê chè với tốc độ tăng từ 300 đến 1 000 ha/năm/tỉnh. Đối với cà-phê vối, cần ổn định diện tích hiện có ở Tây Nguyên, không mở rộng diện tích trồng mới, lấy thâm canh và nâng cao chất lượng làm hướng chính, giảm diện tích cà-phê đến tuổi thanh lý cho năng suất thấp. Chiến lược sản xuất cà-phê Việt Nam trong những thập niên đầu thế kỷ XXI nhất thiết phải căn cứ vào nhu cầu của thị trường đối với từng loại sản phẩm.

Trước đây, công nghiệp chế biến cà-phê đã không được quan tâm đầy đủ, có sự thiếu sót về nhận thức, có khó khăn về vốn đầu tư, trình độ công nghệ thấp kém, chậm đổi mới, tổn thất sau thu hoạch khá lớn. Vì vậy, có những cơ sở sản xuất tổn thất nghiêm trọng, thất thu hàng tỉ đồng do chất lượng hạt xấu. Mặt khác, hơn 80% cà-phê được sản xuất từ các hộ nông dân sản xuất nhỏ thiếu các điều kiện sơ chế tối thiểu. Các doanh nghiệp kinh doanh, các đại lý mua cà-phê cũng thiếu hệ thống kho tàng và thiết bị chế biến phù hợp. Công nghiệp chế biến đã không theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của sản xuất cà-phê, việc này đã gây nên thiệt hại không nhỏ cho người sản xuất cũng như Nhà nước. Vì vậy, trong những năm tới, đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến cà-phê phải được coi là nhiệm vụ rất quan trọng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành cà-phê. Cần xây dựng thêm nhiều cụm chế biến công nghiệp bao gồm công nghệ chế biến ướt và khô, hệ thống sấy, xay xát đánh bóng, sân phơi nhà kho... Mở rộng quy mô và nâng cấp Nhà máy Cà-phê Biên Hòa lên 1 000 tấn/năm và xây thêm một số nhà máy thành phẩm ở Khánh Hòa, Đắc Lắc khi thị trường được mở rộng, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến cà-phê. Một việc không kém phần cấp bách là Tổng Công ty Cà-phê Việt Nam phải sớm thành lập doanh nghiệp cơ khí thiết bị chế biến cà-phê để sản xuất và cung ứng các máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp cà-phê. Chiến lược lâu dài về công nghiệp chế biến cà-phê Việt Nam là tiếp thu máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại của thế giới để sản xuất và xuất khẩu cà-phê thành phẩm chất lượng cao nhất.

Nâng cao chất lượng cà-phê, bảo đảm tín nhiệm với khách hàng, tuân thủ tập quán buôn bán quốc tế... là những biện pháp quan trọng để củng cố thị trường. Mặt khác cần có các giải pháp để khôi phục thị trường truyền thống cũ trước đây ở các nước SNG và Đông Âu, mở thị trường mới như Trung Quốc và các nước Trung Cận Đông... Khối lượng cà-phê xuất khẩu ngày một lớn, không thể thụ động ngồi chờ ai đến mua thì bán mà cần chủ động tạo thị trường, mở cơ quan đại diện và sử dụng các phương thức thương mại khác như: đổi hàng, trả nợ Nhà nước và các hiệp định Chính phủ. Bộ Thương mại, cơ quan thương vụ ở các nước cần mở rộng hoạt

Digitized by Google

động xúc tiến thương mại, thông qua nhiều hình thức để quảng bá cà-phê Việt Nam trên thị trường thế giới.

Việt Nam đã gia nhập ICO (Hiệp hội Cà-phê quốc tế), sẽ tham gia tổ chức Hiệp hội Các nước Sản xuất cà-phê (ACPC) và những tổ chức quốc tế khác có liên quan để tăng cường hợp tác kinh tế thương mại, khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực. Do vậy, vấn đề xây dựng thương hiệu cho cà-phê Việt Nam hiện nay là hết sức cần thiết, sớm được triển khai.

3 - Hoàn thiện chiến lược phát triển cà-phê

Tăng cường vai trò của Nhà nước đối với sản xuất và xuất khẩu cà-phê, cần hướng vào các vấn đề trọng tâm:

- *Về chiến lược*: Trong những năm 2003 - 2010, Nhà nước tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chiến lược các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, trong đó cà-phê được xem là mặt hàng chủ lực số một. Vị trí đó xuất phát từ lợi thế đất đai, khí hậu, kinh nghiệm sản xuất của nông dân vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và một số tỉnh ở miền Trung. Lợi thế đó kết hợp với chế độ chính trị - xã hội ổn định, cơ chế chính sách thời kỳ đổi mới được khẳng định trong đường lối kinh tế do Đại hội IX của Đảng đề ra, đã và đang trở thành sức mạnh để nước ta hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực. Thị trường xuất khẩu cà-phê Việt Nam ngày càng mở rộng, một số sản phẩm cà-phê chất lượng cao như Trung Nguyên đã có thương hiệu trên thị trường thế giới. Một yếu tố khác để khẳng định vị trí số một về xuất khẩu cà-phê trong các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực là: giá trị xuất khẩu lớn và chưa có giới hạn, sản phẩm cà-phê chủ yếu để xuất khẩu (trên 90%), khác hẳn các nông sản khác, như gạo, chè, rau, quả. Vì vậy, chiến lược xuất khẩu cà-phê phải được xây dựng và hoàn thiện theo hướng phát huy lợi thế, gắn chặt với thị trường thế giới.

- *Về quy hoạch:* Dù đã được xây dựng, bổ sung nhiều lần gắn với quy hoạch sản xuất nông nghiệp cả nước, quy hoạch vùng Tây Nguyên, quy hoạch của các tỉnh, các huyện, các doanh nghiệp sản xuất cà-phê... Nhưng trên phạm vi cả nước, các quy hoạch trên vẫn chưa thống nhất, chưa được cụ thể hóa bằng các quy hoạch riêng cho sản phẩm cà-phê; tính pháp lý còn hạn chế nên tính khả thi thấp. Do vậy, vấn đề đặt ra là, phải quy hoạch lại theo hướng gắn với chiến lược, gắn với thị trường và tăng tính pháp lý, tính thống nhất trên phạm vi cả nước. Trong quy hoạch hoàn thiện, cần tính đến dự báo thị trường trong nước và thế giới, quy hoạch công nghiệp chế biến, quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận chuyển, bảo quản, thu gom, xuất khẩu cà-phê.

- *Về kế hoạch:* Phát triển cà-phê theo quy hoạch của Nhà nước phải được kế hoạch hóa theo các chỉ tiêu và biện pháp cụ thể cho cả nước, các ngành, các địa phương. Nội dung kế hoạch hóa phát triển cà-phê trước hết là thị trường (cầu), tiếp đó mới đến sản xuất (cung). Muốn vậy, vấn đề thông tin dự báo thị trường thế giới cần được tính toán, cân đối phù hợp với xu hướng tiêu thụ cà-phê của từng khu vực, từng nước cả về số lượng và chủng loại. Trên cơ sở kế hoạch thị trường, xuất khẩu, Nhà nước xây dựng kế hoạch sản xuất cà-phê với các yếu tố bảo đảm đất đai, vốn, kỹ thuật, công nghệ, cơ cấu sản phẩm, cơ sở chế biến cho từng thời kỳ cụ thể. Trên cơ sở kế hoạch của Nhà nước, các ngành và các địa phương phải khắc phục tình trạng tự phát, dẫn đến cung vượt cầu như những năm vừa qua. Nhà nước tăng cường vai trò tổ chức và quản lý phát triển cà-phê trước hết và chủ yếu thông qua công tác kế hoạch hóa cả về sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu.

Cà-phê là mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực, có nhiều lợi thế và tiềm năng, nhưng cũng còn nhiều khó khăn, thách thức trên thị trường thế giới. Vì vậy để xuất khẩu cà-phê Việt Nam phát triển toàn diện và tăng trưởng bền vững, Nhà nước cần có những chính sách lâu dài để khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động sản xuất chế biến và xuất khẩu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. ❑

Digitized by Google

"TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA VÀ VẤN ĐỀ HỢP TÁC GIỮA CÁC NƯỚC: KINH NGHIỆM CỦA VIỆT NAM VÀ LIÊN BANG NGA"

Lời Bộ biên tập: *Trong hai ngày 29 và 30-10-2003, tại Mát-xcơ-va (Liên bang Nga), đã diễn ra Hội thảo khoa học quốc tế với chủ đề trên. Tham gia Hội thảo, về phía Nga có Giáo sư, Viện sĩ M.L. Ti-ta-ren-cô, Viện trưởng Viện Viễn Đông thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga, nhiều giáo sư, tiến sĩ, học giả chuyên nghiên cứu về châu Á. Về phía Việt Nam, có Giáo sư, Tiến sĩ Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, các nhà nghiên cứu của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Khoa học - Công nghệ. Đại sứ nước ta tại Liên bang Nga Nguyễn Văn Ngạnh cùng nhiều cán bộ Đại sứ quán Việt Nam đã tham gia Hội thảo. Chúng tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc những nội dung chủ yếu của Hội thảo.*

1 - Toàn cầu hóa, khu vực hóa: Tính chất, sự tác động và hệ quả

Báo cáo đề dẫn của ***GS, TS Lê Hữu Nghĩa*** và những tham luận tại Hội thảo đều nhất trí khẳng định: Toàn cầu hóa, mà chủ yếu là toàn cầu hóa kinh tế, đã trở thành một xu thế khách quan đang tác động đến tất cả các dân tộc, các quốc gia trên thế giới; chi phối những biến đổi của tình hình thế giới hiện nay và sắp tới. Xu thế toàn cầu hóa bắt nguồn từ sự phát triển của lực lượng sản xuất, từ tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất trên phạm vi quốc tế trong điều kiện tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ với quá trình đặc trưng là biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp; từ sự phát triển của phân công lao động quốc tế, của kinh tế thị trường và kinh tế tri thức.

Trong giai đoạn hiện nay, toàn cầu hóa kinh tế đang bị chi phối bởi các nước phát triển và các công ty xuyên quốc gia, trong đó tuyệt đại bộ phận là các công ty tư bản. Các cường quốc tư bản chủ nghĩa là lực lượng chủ đạo, động cơ thúc đẩy và họ có nguồn thu lợi chủ yếu từ quá trình toàn cầu hóa kinh tế.

Phát biểu tại Hội thảo, ***VS M. L. Ti-ta-ren-cô, Trung tướng, GS A.Ph. Cli-men-cô, GS Ia.M. Béc-ge*** và nhiều đại biểu khác đều nhấn mạnh tính chất hai mặt của toàn cầu hóa kinh tế hiện nay - mặt tích cực và tiêu cực; thời cơ và thách thức mà toàn cầu hóa đặt ra đối với tất cả các quốc gia, trong đó các nước đang phát triển, chậm phát triển phải chịu nhiều thách thức gay gắt. Phân tích tác động hai mặt của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển, ***PGS, TS Vũ Văn Phúc*** đã chỉ ra những tác động tích cực và

Digitized by Google

tiêu cực của toàn cầu hóa. Những tác động tích cực là: Phát huy được lợi thế so sánh để phát triển; thu hút được vốn đầu tư nước ngoài, tranh thủ được thành tựu khoa học - công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các nước phát triển; mở rộng kinh tế đối ngoại; thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, phù hợp với xu thế của thế giới; tăng cường xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng. Những tác động tiêu cực thể hiện ở chỗ: Tăng trưởng kinh tế không bền vững do phụ thuộc vào thị trường và giá cả trên thế giới; lợi thế so sánh (tài nguyên dồi dào, lao động rẻ...) của các nước đang phát triển ngày càng giảm xuống; phân hóa giầu nghèo tăng lên; môi trường sinh thái xấu đi; nguy cơ xói mòn bản sắc văn hóa dân tộc và mất chủ quyền quốc gia gia tăng; nợ nước ngoài thêm chồng chất (khoản nợ khoảng 2 200 tỉ USD hiện là một gánh nặng đối với các nước đang phát triển). Đề cập đến vấn đề chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển, từ thực tế nước Nga, ***Thiếu tướng A.I. Vla-đi-mi-rốp*** lưu ý rằng, không nên ảo tưởng, trông chờ vào sự chuyển giao này của phương Tây, vì phương Tây, trên thực tế, không chuyển giao cho các nước đang phát triển công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ cao. Công nghệ mà họ chuyển giao thường chỉ là công nghệ lắp ráp, công nghệ lạc hậu, công nghệ sản xuất cô-ca cô-la để tuyên truyền lối sống của họ, công nghệ bẩn, gây ô nhiễm, công nghệ cho phép họ chiếm lĩnh thị trường như công nghệ điện thoại di động, công nghệ hình thành nền kinh tế ảo để thủ tiêu chủ quyền quốc gia của các nước đang phát triển hoặc công nghệ để kìm hãm sự phát triển như đã từng xảy ra với nước Nga.

Đưa ra một loạt các số liệu cụ thể, ***GS, TS Lê Hữu Nghĩa*** chứng minh xu hướng ngày càng doãng ra của hố ngăn cách giầu nghèo giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế hiện nay. Hố ngăn cách đó cho thấy rõ tính chất bất công, bất bình đẳng giữa các nhóm nước này trong quá trình toàn cầu hóa. Do điểm xuất phát của các quốc gia tham gia toàn cầu hóa rất khác nhau, "sân chơi" không cùng mặt bằng mà "luật chơi" lại do kẻ mạnh (các cường quốc tư bản chủ nghĩa) đặt ra, nên toàn cầu hóa không chia đều lợi ích và rủi ro, thua thiệt cho các nước. Một số nhỏ các nước trở thành các "tỷ phú vàng", còn đa số các nước đang phát triển rơi vào thế không thuận lợi, bị phụ thuộc, mất dần chủ quyền và biến thành các "khu vực trì trệ". Với lợi thế vượt trội hẳn so với đại đa số các nước đang phát triển về tiềm lực tài chính và trình độ khoa học - công nghệ, các nước tư bản phát triển khống chế trận địa kinh tế toàn cầu. Họ có điều kiện tăng cường sự bá quyền về kinh tế, thao túng về chính trị, can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ các nước khác.

Về vấn đề toàn cầu hóa với hệ thống quan hệ quốc tế đương đại, với sự hình thành trật tự thế giới mới, ***Trung tướng, GS A.Ph. Cli-men-cô*** cho rằng, toàn cầu hóa là quá trình khách quan, nhưng Mỹ muốn toàn cầu hóa được chỉ huy từ một trung tâm là Oa-sinh-tơn để đạt tham vọng xây dựng trật tự thế giới một cực do Mỹ lãnh đạo. Ở đây chính chiến lược quân sự "đánh đòn phủ đầu" của Mỹ là nhân tố mở đường cho việc thiết lập trật tự thế giới đơn cực nhưng núp dưới danh nghĩa "chống khủng bố", tức danh nghĩa người "kiến tạo hòa bình" chứ không phải kẻ đi xâm lược. Không còn đối thủ mạnh là siêu cường Liên Xô như trước, giờ đây Mỹ dường như đang "làm mưa làm gió" trên thế giới, một mình cai quản thế giới. Mỹ đang điều chỉnh lại thế bố trí chiến lược trên phạm vi toàn cầu, muốn thiết lập lại các căn cứ quân sự ở châu Á. Núp dưới chiêu bài "chống khủng bố", Mỹ đang tăng cường sử dụng sức mạnh quân sự đối với các nước trên thế giới; đẩy mạnh chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa đơn phương. Âm mưu chính trị sâu kín của Mỹ là chiếm đoạt các nguồn tài nguyên của thế giới, kiềm chế các đối thủ có thể cạnh tranh với Mỹ, thiết lập sự kiểm soát quân sự đối với các khu vực quan trọng nhất trên thế giới về kinh tế, địa chính trị và chiến lược. Song, cũng chính Mỹ đang vấp phải sự chống đối của các nước, kể cả các nước lớn là đồng minh của Mỹ.

Digitized by Google

Các nước lớn vừa hợp tác vừa kiềm chế, cạnh tranh quyết liệt với nhau trong việc hình thành một trật tự thế giới mới. Các tham luận tại Hội thảo đều chỉ rõ nguyên nhân chủ yếu làm cho tình hình thế giới căng thẳng chính là mưu đồ thiết lập trật tự thế giới đơn cực cùng với chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa đơn phương của Mỹ. Mặc dù tình hình thế giới hiện đang hết sức căng thẳng, song chiến tranh thế giới ít có khả năng bùng nổ, nhưng chiến tranh cục bộ, chiến tranh quy mô nhỏ thì vẫn xảy ra ở nhiều khu vực trên thế giới. Về triển vọng trật tự thế giới mới, ***Trung tướng, GS A.Ph. Cli-men-cô, Thiếu tướng A.I. Vla-đi-mi-rốp*** và nhiều nhà khoa học khác khẳng định: Về lâu dài, Mỹ không thể thiết lập được trật tự thế giới đơn cực; trên thế giới hiện đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa xu hướng đơn cực và xu hướng đa cực; thế giới sẽ phát triển theo xu hướng đa cực.

Vấn đề khu vực hóa là một nội dung lớn được đề cập tại Hội thảo này. Các ý kiến đều khẳng định rằng khu vực hóa là sự liên kết giữa các nước có chung lợi ích nhất định trong một khu vực và cũng là một xu thế khách quan, bổ sung cho toàn cầu hóa. Theo ***GS, TS Lê Hữu Nghĩa,*** khu vực hóa vừa là sự phản ánh vừa là sự phản ứng đối với xu thế toàn cầu hóa. Hai xu thế này có mối quan hệ vừa thống nhất vừa mâu thuẫn với nhau. Chúng đều bắt nguồn từ sự phát triển của lực lượng sản xuất, đều thúc đẩy các nước mở cửa kinh tế và ngày càng tùy thuộc lẫn nhau, đều mang tính hai mặt (tích cực và tiêu cực). Khu vực hóa tạo điều kiện, tiền đề cho những nước kém phát triển vươn lên chủ động hội nhập vào quá trình toàn cầu hóa, tham gia Tổ chức thương mại thế giới (WTO), đồng thời góp phần hạn chế những tác động bất lợi của toàn cầu hóa. Quan hệ khu vực vừa bổ sung nguồn lực cho mỗi thành viên, vừa tạo đối trọng với các quan hệ khác. Hiện nay trên thế giới đã hình thành nhiều tổ chức khu vực, như Liên minh châu Âu (EU), Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA), Khu vực thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN với AFTA), Diễn đàn hợp tác kinh tế Á - Âu (ASEM), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO)...

Việc nghiên cứu tính thống nhất và mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và khu vực hóa là cơ sở lý luận để các quốc gia hoạch định chủ trương và chính sách phù hợp nhằm chủ động hội nhập khu vực và quốc tế; đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương; đưa ra biện pháp điều chỉnh linh hoạt vừa bảo đảm lợi ích dân tộc vừa tính đến lợi ích của đối tác; mở rộng quan hệ đối ngoại trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

Từ sự phân tích nguồn gốc, tính chất của toàn cầu hóa, ***GS, TS Lê Hữu Nghĩa*** khái quát một số đặc điểm của toàn cầu hóa kinh tế trong giai đoạn hiện nay:

- Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan đang diễn ra ngày càng sâu rộng, mạnh mẽ.

- Toàn cầu hóa diễn ra trong sự bất công, bất bình đẳng do tính chất tư bản chủ nghĩa của nó. Trong quá trình toàn cầu hóa, sự bất bình đẳng giữa các nước phát triển và đang phát triển ngày càng tăng, hố ngăn cách giàu nghèo giữa các nước cũng như trong từng nước ngày càng lớn.

- Toàn cầu hóa kinh tế đang tác động mạnh đến các lĩnh vực chính trị, an ninh, đối ngoại, văn hóa, tư tưởng...

- Xu hướng tự do hóa kinh tế song song với xu hướng bảo hộ mậu dịch; toàn cầu hóa đi đôi với khu vực hóa và phản toàn cầu hóa (chống mặt trái của toàn cầu hóa); phát triển gắn liền với nhân tố phản phát triển.

2 - Hợp tác khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong xu thế toàn cầu hóa

Hội thảo khẳng định vị trí chiến lược quan trọng về địa - kinh tế, địa - chính trị của khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng như yêu cầu hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Tuy nhiên, trong khu vực này vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định mà

Digitized by Google

cuộc khủng hoảng vấn đề năng lượng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên hiện đang là "điểm nóng" nổi lên. ***GS A.V. Pô-li-át-cô*** cho rằng, nhân tố gây mất ổn định chủ yếu chính là do chính sách bá quyền của Mỹ. Thời kỳ "chiến tranh lạnh" đã kết thúc nhưng Mỹ vẫn tiếp tục duy trì và phát triển một số tổ chức, cơ chế của thời kỳ này như Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO), Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ, Hàn - Mỹ. Hiện Mỹ lại đang ráo riết tìm cách quay lại Đông Nam Á về mặt quân sự.

Mối quan hệ giữa các nước lớn, đặc biệt là quan hệ Mỹ - Trung, Mỹ - Nga, quan hệ giữa Mỹ với hai miền bán đảo Triều Tiên, với hai bờ eo biển Đài Loan, quan hệ giữa Mỹ, Trung Quốc với các nước Đông Nam Á là những nhân tố quan trọng trong việc giải quyết vấn đề hòa bình, ổn định, an ninh và hợp tác trong khu vực này. Việc giải quyết các mối quan hệ khu vực và quốc tế trên đây cần theo nguyên tắc đối thoại hòa bình, tôn trọng chủ quyền các quốc gia, không được sử dụng vũ lực quân sự, bảo đảm an ninh trên cơ sở hợp tác và phát triển.

Các tham luận đã nhấn mạnh vai trò của APEC và ASEAN trong việc tăng cường hợp tác khu vực. ***TS V.B. I-a-cu-bốp-xki*** khẳng định vị trí quan trọng của APEC (gồm 21 nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chiếm 47% thương mại thế giới) với tư cách là tổ chức quan trọng mang tính chất tư vấn và đối thoại, góp phần vào hình thành trật tự kinh tế thế giới mới. Ông cho rằng, Nga cần tham gia APEC tích cực hơn bởi chính điều này sẽ làm cho vị thế của Nga được nâng cao và sẽ khắc phục được khuynh hướng nghiêng về quan hệ với phương Tây. Nước Nga có thể trở thành một trung tâm cung cấp năng lượng (dầu khí) cho các nước trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc..., và tham gia vận tải đường sắt liên Á - Âu, đường sắt xuyên Xi-bi-ri, đường sắt liên Triều. APEC là kênh quan trọng để Nga phát triển hợp tác châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có các nước Đông Nam Á (điều đó thể hiện qua các chuyến thăm của Tổng thống Liên bang Nga V. Pu-tin đến Việt Nam, Thái Lan, Ma-lai-xi-a và những chuyến thăm của lãnh đạo các nước này đến Nga trong thời gian qua).

Tuy phải đối mặt với những thách thức mới do sự tác động của một số nước lớn và chủ nghĩa khủng bố, nhưng hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo và là nguyện vọng chung của ASEAN. Việc Trung Quốc và Ấn Độ ký Hiệp ước thân thiện và hợp tác Ba-li, việc Trung Quốc ký Hiệp định hợp tác với ASEAN, việc hình thành Diễn đàn đối thoại ARF, Diễn đàn ASEAN +1 và ASEAN +3... đã tăng cường sự đối thoại, hợp tác giữa ASEAN với các nước ngoài ASEAN.

Để giữ vững hòa bình, ổn định khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhiều học giả Nga đã nhấn mạnh đến vấn đề chống chủ nghĩa khủng bố. ***Trung tướng, GS A.Ph. Cli-men-cô*** đã cảnh báo nguy cơ đối với an ninh quốc gia do những hoạt động của chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa cực đoan gây ra. Ông cho hay, hiện nay trên thế giới có 500 tổ chức khủng bố bí mật với ngân sách từ 5 đến 20 tỉ USD một năm (tức lớn hơn cả ngân sách quốc phòng của Nga), một mạng lưới căn cứ đào tạo bọn khủng bố với trình độ tổ chức cao những hoạt động khủng bố, trải rộng từ Ban-căng đến Đông Á, Đông Nam Á, gây nguy cơ đối với các quốc gia đa dân tộc không chỉ trước mắt mà còn lâu dài. Những hoạt động tội phạm có tổ chức, sử dụng cả vũ khí giết người hàng loạt (vũ khí sinh học và hóa học) cũng tăng lên. Các tổ chức tôn giáo cực đoan, tổ chức khủng bố ngày càng thu hút đông người tham gia, mang tính quốc tế, toàn cầu. Vì vậy, các quốc gia phải phối hợp với nhau để chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế và tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, song không được lợi dụng chống khủng bố hoặc dưới danh nghĩa chống khủng bố để thực hiện chủ nghĩa bá quyền vì lợi ích vị kỷ của riêng mình. Để tăng cường hòa bình, hợp tác và phát triển trong khu vực, cần phát huy vai trò của các cơ chế, diễn đàn đối thoại hiện có, tăng cường các mối quan hệ song phương và đa phương trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, hình thành hệ thống tư vấn chính trị giữa các nước trong khu vực.

Digitized by Google

3 - Đẩy mạnh hợp tác Việt Nam - Liên bang Nga

Quan hệ hữu nghị truyền thống giữa Việt Nam và Liên bang Nga là chỗ dựa quan trọng cho sự tăng cường hợp tác hai nước. Trước đây, nhân dân Liên Xô trong đó có nhân dân Nga đã giúp đỡ to lớn cho nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập tự do, thống nhất tổ quốc và xây dựng đất nước. Ngày nay, tuy chế độ chính trị - xã hội ở nước Nga đã thay đổi, nhưng điều đó không cản trở sự phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác hai bên về kinh tế - thương mại, văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật... Phát triển quan hệ hợp tác Việt Nam - Liên bang Nga là tiếp nối quan hệ truyền thống, là lẽ tự nhiên, phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của nhân dân hai nước. ***GS, TS Hoàng Chí Bảo*** đã phân tích những điểm tương đồng (nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi; có những xem xét, đánh giá giống nhau trong việc giải quyết nhiều vấn đề quốc tế...) cũng như những điểm khác biệt (về thể chế chính trị; trình độ phát triển; tiềm năng đất nước...) giữa hai nước. Song, sự khác biệt về chính trị và hệ tư tưởng không cản trở sự tăng cường hợp tác hai bên. Trong lĩnh vực quan hệ thương mại song phương, kim ngạch xuất nhập khẩu liên tục tăng, từ con số 0 (năm 1991) đến 225,6 triệu USD (năm 1995), rồi 571, 278 triệu USD (năm 2001) và 700 triệu USD (năm 2002). Ngoài lĩnh vực dầu khí mà Công ty dầu khí VietSoPetro là một kiểu mẫu, sự hợp tác hai bên còn diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác như năng lượng điện, khai thác than đá, y tế, văn hóa, giáo dục, kỹ thuật quân sự, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội...

TS L.E. Va-xi-li-ép nhấn mạnh sự hợp tác Nga - Việt là một mắt khâu quan trọng trong quan hệ hợp tác của Nga với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga được lãnh đạo cấp cao hai nước xác định là đối tác chiến lược. Hai bên đã tiến hành đối thoại chính trị và có sự phối hợp trên chính trường quốc tế. Lãnh đạo hai nước có sự gặp nhau trong nhìn nhận, đánh giá nhiều vấn đề quốc tế cơ bản. Việt Nam là bạn hàng truyền thống của Nga. Tổng thống V. Pu-tin và nhiều nhà lãnh đạo cấp cao của Nga đã thăm Việt Nam. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và nhiều nhà lãnh đạo cấp cao của Việt Nam đã thăm Nga. Nhiều hiệp định hợp tác giữa hai nước được ký kết ở các cấp khác nhau tạo cơ sở pháp lý vững chắc để mở rộng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi. Quan hệ hai nước, theo nhận định của ***TS L.E. Va-xi-li-ép***, có cội nguồn bền vững và tương lai tươi sáng.

Tuy nhiên, quan hệ hợp tác giữa hai nước, như nhận xét chung của các ý kiến tại Hội thảo, vẫn chưa tương xứng với điều kiện cũng như tiềm năng và tầm vóc của quan hệ đối tác chiến lược. Kim ngạch buôn bán hai chiều còn nhỏ bé; hợp tác kinh tế chủ yếu dừng ở cấp chính phủ mà chưa chuyển động đồng bộ ở cấp dưới và cấp địa phương; hai bên chưa xây dựng được những dự án, chương trình hợp tác cụ thể về các ngành hàng, sản phẩm; một số cơ chế, chính sách hợp tác chậm được triển khai hoặc chưa thúc đẩy quá trình hợp tác.

Hiện nay, tình hình Việt Nam và Liên bang Nga nói chung đang rất thuận lợi cho phát triển quan hệ hợp tác hai nước. Các nhà khoa học Nga tham gia Hội thảo bày tỏ sự vui mừng về những thành tựu to lớn mà Việt Nam đạt được trong thời kỳ đổi mới: Kinh tế tăng trưởng khá cao và liên tục, đời sống nhân dân được cải thiện, văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, giữ vững ổn định chính trị, quan hệ đối ngoại không ngừng mở rộng, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. ***GS, TS Lê Hữu Nghĩa*** nêu bật chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam là thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn và đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Với tinh thần của đường lối đối ngoại như vậy, Việt Nam chủ trương không ngừng củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống và sự hợp tác nhiều mặt với Liên bang Nga, coi đó là một ưu tiên trong đường lối đối ngoại của Việt Nam, vì lợi ích của

Digitized by Google

nhân dân hai nước cũng như vì hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên toàn thế giới.

Các tham luận của các nhà khoa học Nga cho thấy, qua một thời gian xáo động về chính trị và kinh tế, đến nay tình hình chính trị - xã hội của Nga đã dần đi vào ổn định, kinh tế Nga đã ra khỏi khủng hoảng và đang có những bước phát triển vững chắc, ngân sách từ chỗ thâm hụt nay đã có bội thu (năm 2003 có 63 tỉ USD dự trữ ngoại tệ và vàng), kinh tế Nga từ năm 1999 đến nay liên tục tăng trưởng (năm 2002 tăng 5%, dự kiến năm 2003 tăng 6,5%). Nga vẫn là cường quốc về quân sự, khoa học - công nghệ, giáo dục (hiện nay, số lượng các nhà khoa học Nga chiếm 12% tổng số các nhà khoa học trên thế giới); có kết cấu hạ tầng tốt; nền kinh tế đang chuyển đổi theo hướng kinh tế thị trường định hướng xã hội; chính sách cân bằng Đông - Tây đang được thực hiện và Nga coi việc phát triển quan hệ hợp tác với Việt Nam là một hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại của mình. Trước đây, Liên Xô đã đào tạo cho Việt Nam hơn 30 nghìn người có trình độ đại học, gần 4 nghìn tiến sĩ, phó tiến sĩ khoa học. Những cán bộ này đang giữ những trọng trách trong guồng máy lãnh đạo, quản lý và khoa học ở các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương của Việt Nam. Đây là nguồn cán bộ quý báu đối với Việt Nam đồng thời là những "cầu nối" cho sự phát triển hợp tác Việt Nam - Liên bang Nga hiện nay.

Phát biểu bế mạc Hội thảo, ***GS, TS Lê Hữu Nghĩa và Viện sĩ M. L. Ti-ta-ren-cô*** đều đánh giá Hội thảo thành công tốt đẹp, bổ ích, chủ đề Hội thảo mang tính cấp bách về lý luận và thực tiễn. Hội thảo là dịp tốt để giới khoa học hai nước trao đổi nhận thức về những vấn đề hai bên cùng quan tâm, góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân và giới khoa học hai nước. Hy vọng rằng, những hình thức hợp tác khoa học trong thời gian tới sẽ tiếp tục phát triển.❑

L.H.N
(Tổng thuật)

PHÁT TRIỂN NGUỒN...

(Tiếp theo trang 16)

xa. Đa dạng hóa hình thức đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho mọi người về cơ hội học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật. Phân luồng đào tạo học sinh sau trung học cơ sở, tạo điều kiện cho các em có thể tìm được ngành nghề phù hợp với sức học và điều kiện kinh tế của gia đình. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho học sinh nghèo nông thôn để các em có điều kiện học lên cao theo năng lực và nguyện vọng. Các địa phương cần có kế hoạch đào tạo nghề cho nông dân một cách phong phú, phù hợp với sự phát triển của vùng, miền, khu vực, trong đó coi trọng các nghề phục vụ trực tiếp sự phát triển của nông nghiệp.

Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút lực lượng lao động có trình độ cao về nông thôn. Thực tế cho thấy, học sinh nông thôn sau khi học xong đều muốn tìm cách ở lại thành phố - nơi có nhiều cơ hội tìm việc làm có thu nhập cao và phát triển tri thức. Tăng cường đào tạo lực lượng lao động trẻ ở khu vực nông thôn, một mặt đáp ứng yêu cầu của các ngành nghề; mặt khác, phục vụ yêu cầu xuất khẩu lao động, với tư cách là nguồn cung cấp sức lao động dồi dào cho các lĩnh vực khác của nền kinh tế. Những năm vừa qua cho thấy, lực lượng xuất khẩu lao động chủ yếu từ nông thôn. Đây đã và đang là một trong những hướng quan trọng để giải quyết tình trạng lao động dôi dư ngày càng tăng ở nông thôn.

Tạo những điều kiện thuận lợi để người lao động tự nâng cao trình độ của mình bằng cách mở các lớp phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đào tạo ngắn hạn cho nông dân, nhất là nông dân làm ăn giỏi. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào trong sản xuất, nâng cao dân trí, bồi dưỡng, đào tạo nhân lực tại chỗ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn.

Coi trọng chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, không ngừng mở rộng các loại hình dịch vụ, phát triển ngành nghề... tạo ra nhiều công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. ❑

Digitized by Google

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI Ở CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN MIỀN NÚI VÀ VÙNG SÂU, VÙNG XA

TỪ THANH

TRONG suốt quá trình phát triển và trong mỗi bước đi của công cuộc đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, giải pháp, chính sách, chương trình, dự án nhằm đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc ở vùng dân tộc và miền núi. Từ năm 1996 - 1997, chúng ta đã phân định vùng dân tộc, ở vùng dân tộc và miền núi thành ba khu vực theo trình độ phát triển. Đây là một cột mốc quan trọng trong quá trình hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho những vùng này. Đáng chú ý là, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa (gọi tắt là Chương trình 135) tại Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg, ngày 31-7-1998, thực hiện trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới được vận hành với một cơ chế đặc biệt.

Hơn 4 năm qua, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các ngành, các cấp khẩn trương triển khai chương trình; đồng thời, lồng ghép một cách năng động, sáng tạo với các chương trình, dự án khác, được đồng bào các dân tộc, các xã đặc biệt khó khăn tích cực hưởng ứng và thực hiện. Từ mục tiêu đầu tiên là mỗi xã được đầu tư 400 triệu đồng, đến nay do huy động được nhiều nguồn kinh phí, lồng ghép nhiều chương trình hợp lý nên mức đầu tư tăng lên là trên 1 000 triệu đồng mỗi xã. Đây là một cố gắng lớn, thể hiện quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân ta trong việc giúp đỡ đồng bào dân tộc vùng đặc biệt khó khăn vươn lên hòa nhập cùng cộng đồng, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hiệu quả to lớn của chương trình ở chỗ đã tạo được đội ngũ cán bộ (cái gốc của mọi phong trào) cho nơi khó khăn nhất. Số cán bộ này là nòng cốt cho sự phát triển kinh tế - xã hội lâu dài, ngay cả sau khi chương trình kết thúc. Các cấp, các ngành có liên quan đã *chú trọng nâng cao năng lực* quản lý hành chính, kinh tế - xã hội cho đội ngũ cán bộ cơ sở, từng bước vươn lên vận hành chương trình có hiệu quả. Đến năm 2002, các tỉnh thuộc phạm vi chương trình đã tiến hành mở 1 200 lớp tập huấn, hướng dẫn cho 350 000 cán bộ; trong đó có các lớp cho cán bộ huyện và cán bộ tăng cường cho các xã đặc biệt khó khăn. Học viên tham gia chủ yếu là cán bộ lãnh đạo xã, cán bộ các tổ chức đoàn thể xã, già làng, trưởng bản...

Chương trình đã được *các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo* và cử cán bộ đến giúp đỡ. Nhiều tỉnh có xã đặc biệt khó khăn đã phân công cán bộ xuống giúp phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh - quốc phòng và trực tiếp tham gia chỉ đạo chương trình. Năm 2002, một số tỉnh, bộ, ngành đưa nhiều cán bộ tăng cường cho

Digitized by Google

các tỉnh Cao Bằng (271 người), Hà Giang (151 người) và Bộ Quốc phòng (438 người)... Phần lớn đội ngũ cán bộ tăng cường cho cơ sở có trình độ và kinh nghiệm công tác tại địa phương, có tinh thần trách nhiệm cao, đã sớm hòa nhập vào cuộc sống ở cơ sở, góp phần tích cực vào việc chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu của địa phương, dành nhiều thời gian, tâm lực cho việc chỉ đạo chương trình. Nhiều địa phương đã xác nhận: Lực lượng cán bộ tăng cường là cầu nối giữa các đồng chí lãnh đạo cũ và mới, giữa nhân dân và chính quyền, đoàn thể... Đặc biệt, số cán bộ này vừa giúp cho địa phương phát triển kinh tế - xã hội, vừa nêu tấm gương tận tình, vô tư phục vụ nhân dân và là những người giúp đỡ cán bộ địa phương ngày một trưởng thành về mọi mặt.

Mặt khác, các bộ, ngành liên quan đã thống nhất ban hành *cơ chế quản lý đầu tư* xây dựng kết cấu hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn với nội dung phù hợp, tạo điều kiện cho cán bộ, cũng như nhân dân thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội ở cơ sở một cách thuận lợi. Đó là: Thực hiện dân chủ, công khai ở cấp xã, huyện, tỉnh; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nhanh và thiết thực, đáp ứng hai lợi ích: xã có công trình để phục vụ nhân dân và nhân dân có việc làm, tăng thêm thu nhập từ lao động xây dựng công trình của xã. Những công trình có kỹ thuật không phức tạp, mức vốn đầu tư từ một tỉ đồng trở xuống được thực hiện theo cơ chế đặc biệt, dễ làm, phù hợp với khả năng của cán bộ và đồng bào các dân tộc ở địa phương. Nhà nước hỗ trợ kinh phí đầu tư kết hợp với huy động nguồn lực của nhân dân trong xã để xây dựng công trình hạ tầng; mọi nguồn vốn phải đưa vào kế hoạch để quản lý thống nhất, phải đến với từng xã; phân cấp toàn bộ quá trình quản lý đầu tư xây dựng cho địa phương, các cơ quan trung ương chủ yếu chỉ đạo về hoạch định cơ chế chính sách, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc.

Chương trình đã thực hiện *đầu tư đúng mục tiêu, đúng đối tượng, có hiệu quả và hạn chế thất thoát đến mức thấp nhất:* Đến nay, đã xây dựng được khoảng 13 800 công trình kết cấu hạ tầng; nghiệm thu đưa vào sử dụng 12 150 công trình và gần 100 trung tâm cụm xã, có thêm 400 xã có đường ô-tô đến trung tâm xã; tỷ lệ đường giao thông cơ giới và dân sinh đến trung tâm xã đạt gần 98% (so với 62% năm 1998)... đã có gần 2 300 công trình thủy lợi được xây mới và nâng cấp sửa chữa đủ năng lực tưới cho hơn 40 000 héc-ta đất canh tác. Sau hơn 4 năm thực hiện chương trình, có 64% số xã có điện, trong đó 50% là điện lưới quốc gia; có thêm 1 050 công trình nước sạch và 2 552 trường học được đưa vào sử dụng, cơ bản xóa được trường tạm, lớp tạm; tổ chức sắp xếp lại đời sống cho 30 000 hộ dân. Ở một số địa phương, Chương trình đã hỗ trợ cho đồng bào nhà ở, bò, trâu, lương thực..., nên đời sống của đồng bào bớt khó khăn, chương trình đã đảm bảo cho mỗi xã, năm nào cũng được đầu tư ít nhất một công trình có cơ cấu đầu tư hợp lý, có quy mô phù hợp, đúng quy định. Những năm qua, các công trình này đã góp phần làm thay đổi quan trọng bộ mặt của xã, tạo sự phấn khởi và niềm tin sâu sắc của nhân dân vào Đảng và Nhà nước ta.

Thực hiện nguyên tắc *dân chủ công khai* trong đầu tư, xây dựng mục tiêu xã có công trình, dân có việc làm và *gắn kết được trách nhiệm, nghĩa vụ, tình cảm của mình với Chương trình được thực hiện tốt.*

Nhân dân các xã thuộc chương trình góp công, góp của xây dựng các công trình. Tiêu biểu là tỉnh Tuyên Quang, năm 1999, nhân dân đã góp 6 tỉ đồng (chiếm 44% số vốn chương trình đầu tư cho tỉnh) để xây dựng các công trình bằng ngày công lao động nghĩa vụ, thủy lợi phí và toàn bộ các công trình thủy lợi, kênh mương và đường giao thông do nhân dân trong xã tự làm. Ở nhiều xã thuộc chương trình, nhân dân đã tích cực tham gia đóng góp xây dựng chiếm khoảng 10% giá trị chung của công trình. Những tỉnh như Phú Thọ, Yên Bái, nhân dân đã đóng góp đến 30% giá trị chung của công trình. Điều này cho thấy, khi đã làm gì có lợi cho dân, hợp lòng dân thì sẽ phát huy được tinh thần đoàn kết

Digitized by Google

và sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân; mặt khác, còn có khả năng nhận được sự đóng góp tiền của của nhân dân, ngay cả ở những nơi khó khăn nhất.

Như vậy, sau hơn 4 năm thực hiện, chương trình đã đi nhanh vào cuộc sống, đầu tư đúng mục tiêu, đối tượng và có hiệu quả; kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn có bước phát triển, tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh. Có thể nói, đây là kết quả có ý nghĩa nhất mà chương trình đã mang lại. Đáng chú ý là, các địa bàn đặc biệt khó khăn đã xóa đói giảm nghèo một cách mạnh mẽ. Tỷ lệ đói nghèo giảm từ 61% xuống gần 30%, có địa phương còn 13%. Chương trình tạo ra phong trào lao động sản xuất sôi động, sự hồ hởi phấn khởi và tin tưởng của đồng bào các dân tộc vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chương trình đã hội tụ được sự giúp đỡ, tình cảm và trách nhiệm của nhân dân cả nước; thu hút được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành: gần dân hơn, giúp đỡ cơ sở nhiều hơn; nhiều nước và các tổ chức quốc tế đã bước đầu quan tâm giúp đỡ đồng bào vùng đặc biệt khó khăn này.

Tuy nhiên, sau hơn 4 năm thực hiện chương trình, đã bộc lộ *những hạn chế:* Việc huy động nguồn lực cho chương trình chưa đủ, chưa tạo ra được phong trào rộng khắp cả nước giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn; một số tỉnh có điều kiện, các tổng công ty "91" giúp đỡ các địa phương nghèo chưa đều, chưa tương xứng với khả năng và gần đây có xu thế chững lại. Một số địa phương chưa xác định đầy đủ ý nghĩa về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của chương trình, chưa tạo ra sức mạnh tổng hợp để thực hiện chương trình hoặc chỉ đạo chương trình một cách thuần túy như đầu tư xây dựng cơ bản một số công trình bằng nguồn vốn trung ương. Một số huyện, xã có địa bàn rộng, địa hình hiểm trở, đội ngũ cán bộ yếu kém, lại xây dựng nhiều công trình, không đủ sức kiểm tra, giám sát, chất lượng một số công trình kém nên đã có công trình phải phá đi làm lại. Bước vào năm 2003, tiến độ thi công các công trình đôi khi còn rất chậm. Một số địa phương mới chỉ tập trung thực hiện nhiệm vụ xây dựng kết cấu hạ tầng, chưa đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống và thực hiện các nhiệm vụ khác để đạt được mục tiêu tổng hợp của chương trình.

Để góp phần khắc phục những khuyết điểm trên đây, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, thực hiện có hiệu quả chương trình, cần chú ý một số vấn đề:

1- *Huy động nhiều hơn nữa nguồn lực để thực hiện đồng bộ 5 nhiệm vụ của chương trình.* Tăng cường mọi biện pháp tuyên truyền, vận động để có vốn hỗ trợ đầu tư từ trong nước, ngoài nước và nguồn lực tại chỗ cho vùng đặc biệt khó khăn; đặc biệt chú ý công tác kế hoạch hóa kết hợp các nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và huy động sức dân để thực hiện chương trình; lồng ghép các chương trình, dự án khác với chương trình trên cùng một địa bàn để thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội tổng hợp của Chương trình.

2- Những văn bản quy định hướng dẫn về *cơ chế quản lý* chương trình nhìn chung và về cơ bản là phù hợp với thực tế. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần phải bổ sung hoàn chỉnh để thực hiện có hiệu quả trong cả quá trình quản lý đầu tư xây dựng các công trình: thực hiện dự án quy hoạch kết cấu hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn; lập, thẩm định, xét duyệt dự án, thiết kế dự toán công trình, thực hiện đầu tư, hoàn thành và đưa công trình vào sử dụng; vấn đề phân công, phân cấp quản lý đầu tư ở các cấp tỉnh, huyện, xã; sơ kết kinh nghiệm của một số tỉnh vận dụng sáng tạo và bổ sung cơ chế quản lý cho phù hợp với đặc điểm của địa phương.

3- Làm tốt hơn nữa *các biện pháp tổ chức thực hiện:* đảm bảo nguyên tắc dân chủ công khai, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; tiếp tục thực hiện tốt mục tiêu: xã có công trình, dân có việc làm và tăng thêm thu nhập từ xây dựng công trình; ứng vốn từ ngân sách địa phương để lập, thẩm định, xét duyệt dự án, thiết kế dự toán từ năm trước để có thể thi công các công trình ngay từ đầu năm kế hoạch, đảm bảo

(Xem tiếp trang 53)

Digitized by Google

LONG AN trên đường tới năm 2010

TRẦN KIM DUNG

ĐẾN Long An hôm nay, nhất là khi ghé thăm vùng đất phèn mặn, quanh năm ngập lũ (trải khắp 6 huyện trong tổng số 13 huyện và 1 thị xã của tỉnh) thuộc vùng Đồng Tháp Mười, chắc ít ai hình dung ra vùng đất này của mấy năm về trước. Ngay đến những năm 80 của thế kỷ XX, gần 70% diện tích của vùng đất ngập lũ vẫn còn hoang hóa, hệ thống giao thông thiếu thốn, dân cư thưa thớt, đời sống hết sức khó khăn.

Từ Đại hội Đảng bộ lần thứ III, tỉnh chủ trương thực hiện *Chương trình khai thác tổng hợp tiềm năng Đồng Tháp Mười*. Mặc dù so với các tỉnh khác ở đồng bằng sông Cửu Long, đầu tư cho việc khẩn hoang, làm thủy lợi, cải tạo đất của Long An rất tốn kém và vất vả, nhưng tỉnh vẫn xác định đây là một giải pháp có tầm chiến lược và quyết tâm thực hiện. Hiện nay, những công trình này đang phát huy tối đa hiệu quả. Nhờ đầu tư đúng hướng, có trọng tâm, trọng điểm, nhất là cho công tác thủy lợi, cải tạo vùng đất chua phèn, đầm lầy, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, con vật nuôi... Trong những năm qua, trên mọi lĩnh vực sản xuất đã *có những chuyển biến đáng kể*. Nhiều năm liên tục, nhất là năm 2002, tỉnh đã đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất so với trước. Thu nhập bình quân đầu người đạt 305 USD.

Không thỏa mãn với những kết quả đã có, để Long An thực sự chuyển mình theo kịp với các tỉnh bạn và đóng góp nhiều hơn cho Thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng sông Cửu Long, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước, Đại hội Đảng bộ lần thứ VII (2001) đã xác định phương hướng hành động và các giải pháp cụ thể cho giai đoạn đến 2010 với ***4 chương trình trọng điểm***, trước mắt là giai đoạn 2001 - 2005:

1 - Chương trình dân sinh vùng lũ

Chương trình khai thác tổng hợp tiềm năng Đồng Tháp Mười cùng với những chính sách đầu tư vĩ mô của Nhà nước được tiến hành trong những năm qua, đến nay đã làm thay đổi đáng kể đời sống của cả thành thị và nông thôn, nhất là vùng đất sình lầy, đói kém, hoang hóa mà nhiều năm trước đây người dân chỉ quen "né lũ".

Tuy cuộc sống người dân Long An đã thay đổi về cơ bản nhưng vẫn chưa khắc phục được những hậu quả mỗi khi lũ về, nhất là những năm lũ lớn làm thiệt hại, mất mát không nhỏ về người, tài sản; nhà cửa, mùa màng bị cuốn trôi, sản xuất trì trệ, dân thiếu đói phải cứu trợ. Không bó tay trước khó khăn, để giảm thiểu tối đa những tổn thất do lũ lụt, thiên tai gây ra, để ổn định đời sống cư dân và phát triển sản xuất, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đặt quyết tâm tiếp tục triển khai *Chương trình dân sinh vùng lũ lụt*, xác định đây là khâu trọng yếu mang tính quyết định làm thay đổi về chất cơ cấu kinh tế và đời sống của nhân dân toàn tỉnh. Trên thực tế, chương trình tiếp tục làm thay đổi theo hướng đi lên cuộc sống không chỉ của người dân vùng ngập lũ mà đời sống của nhân dân toàn tỉnh. Sự phân bố dân cư được điều

Digitized by Google

chỉnh theo hướng gắn lao động với đất đai và an ninh - quốc phòng. Người dân đã chuyển sang làm lúa 2 vụ và từng bước thoát cảnh đói kém, lụt lội khó khăn xưa. Đã có 2/7 thị trấn huyện lỵ (Tân Hưng, Vĩnh Hưng) được bao đê kiên cố đủ sức chống được mức đỉnh lũ năm 2000. Kết cấu hạ tầng, kinh tế - xã hội được Nhà nước và nhân dân đầu tư xây dựng, triển khai đắp đê bao, đào kênh, làm đường: hệ thống giao thông bộ, nhất là hệ thống lưới điện quốc gia được xây dựng đến phần lớn các thị trấn. Nhiều ước mơ của vài năm trước nay đã thành hiện thực: Quốc lộ 62 ngày nay đã chạy xuyên Đồng Tháp Mười. Trước đây, từ thị xã Tân An muốn đi xuống huyện biên giới Mộc Hóa bằng nhiều phương tiện, nhanh nhất cũng phải một ngày, thì nay chỉ cần hơn một giờ đồng hồ chạy xe ô-tô có thể tới tận xã. Các xã, thị trấn đều đã có trạm y tế, trung tâm y tế; hệ thống trường học đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trong vùng; 43,8% dân số được sử dụng nước sạch. Vùng đất hoang hóa, chua phèn năm 2000, nay đã trở thành vựa lúa với sản lượng 1 triệu 110 nghìn tấn, chiếm 70% sản lượng lương thực của tỉnh...

2 - Chương trình phát huy mọi nguồn lực đầu tư vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh

So với các tỉnh tiếp giáp Thành phố Hồ Chí Minh như Đồng Nai, Bình Dương, tuy cũng có nhiều lợi thế (nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của cả nước), nhưng trên nhiều lĩnh vực, nhất là sản xuất công nghiệp, tốc độ phát triển của Long An được đánh giá là *chưa tương xứng với tiềm năng*. Vì thế, *Chương trình phát huy mọi nguồn lực đầu tư vùng kinh tế trọng điểm* với mục đích khơi dậy tiềm năng của địa phương, cố gắng theo kịp với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa được xác lập.

Sau một thời gian thực hiện, chương trình đã thực sự tạo được sự chuyển động tích cực trên *lĩnh vực công nghiệp*. Toàn tỉnh, nhất là ở các huyện vùng ven (Đức Hòa, Bến Lức, Cần Giuộc, Cần Đước...), các vùng công nghiệp tập trung với 23 cụm, khu công nghiệp đã lần lượt hình thành. Các khu vực kinh tế trọng điểm khác cũng đang được đầu tư: vùng Đông Vàm Cỏ Đông đã quy hoạch 7 000 ha đất cho Khu Công nghiệp Xuyên Á; gần 1 nghìn ha đất được dành cho quy hoạch Khu Công nghiệp Tân Đức (Tân Tạo). Cảng Bến Lức cũng đang được hình thành; Khu Kinh tế Tân Hưng được chọn để phát triển tổng hợp tất cả các lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ...

Nằm giáp với Thành phố Hồ Chí Minh, trên trục quốc lộ 1A, với nhiều ưu thế, huyện **Bến Lức** đang là một trong những huyện có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa cao. Ở đây đang thu hút ngày càng nhiều các nhà đầu tư, hàng loạt cơ sở sản xuất kinh doanh đã ra đời. Lực lượng lao động, nhất là lao động có tay nghề đang được bổ sung, tăng cường. Song, cũng như ở tất cả các địa phương khác, tốc độ đô thị hóa đang làm nảy sinh hàng loạt các vấn đề phức tạp (đền bù, giải tỏa; quy hoạch, đảm bảo đời sống, an sinh xã hội, khắc phục những tệ nạn xã hội...). Để nhanh chóng tháo gỡ khó khăn đó, rất cần tới những chính sách, biện pháp kịp thời, hữu hiệu của cả Trung ương và địa phương.

Kinh tế nông nghiệp phát triển theo hướng tùy theo thế mạnh, truyền thống, khả năng và đặc trưng của từng địa phương mà *hình thành các vùng chuyên canh trồng các loại cây đặc sản* với diện tích lớn, có nhiều lợi thế và điều kiện áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật: Vùng Đồng Tháp Mười trồng lúa, vùng này được coi là vùng an ninh lương thực của tỉnh với sản lượng đã đạt 1,1 triệu tấn, tập trung trồng các loại gạo đặc sản, nhất là loại gạo "Nàng thơm chợ Đào" của Long An từ lâu đã nổi tiếng cả nước; Để đảm bảo cân bằng môi trường sinh thái, vùng đất phèn được tập trung trồng tràm; huyện Đức Hòa tập trung trồng mía, lạc,

Digitized by Google

nuôi bò sữa; dứa được trồng chủ yếu ở huyện Bến Lức; huyện Tân Thanh trồng dưa hấu; một số nơi khác phát triển vùng chuyên trồng rau màu, ngô lai...

Một trong những địa phương tiêu biểu về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi là huyện **Cần Đước**. Trước kia, đây là một trong những huyện nghèo, người dân ở xã Tân Chánh của huyện thậm chí còn phải bỏ xứ đi tha hương làm thuê, kiếm sống. Ngày nay, đời sống người dân được cải thiện đáng kể nhờ phát triển nghề nuôi tôm sú mang lại hiệu quả cao. Nhiều hộ dân đã xây được nhà mới; giao thông nông thôn, điện, hệ thống nước sạch, cơ sở y tế, giáo dục được đầu tư xây dựng.

Thành tựu tuy lớn nhưng không có nghĩa là mọi khó khăn, thách thức đã được khắc phục. Trong báo cáo giữa nhiệm kỳ, Đảng bộ tỉnh đã thẳng thắn nhìn nhận không ít những yếu kém: *cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm,* vẫn dựa vào sản xuất nông nghiệp với trình độ thấp. Tình trạng *dư thừa lao động, thiếu việc làm* vẫn là áp lực lớn. Các tiền đề để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa (nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng...) *chưa đáp ứng với yêu cầu* phát triển. *Sản xuất nông nghiệp,* nhất là ngành mía đường *gặp nhiều khó khăn,* đặc biệt vướng mắc ở khâu tiêu thụ, chế biến sản phẩm. Nghề nuôi tôm hiện mang lại hiệu quả cao, nhưng đã và sẽ còn phát sinh nhiều vấn đề nan giải. Muốn phát triển bền vững phải bảo đảm tốt các khâu của quá trình sản xuất, ngay từ khâu con giống, kiểm dịch, môi trường. Do vị trí gần với Thành phố Hồ Chí Minh, *thị trường nông sản* của Long An cũng chịu tác động không nhỏ về giá cả nên thường có những *dao động bất lợi...* Chính vì thế, Tỉnh ủy đề ra những biện pháp cụ thể để khắc phục những mặt yếu kém này.

3 - Chương trình giải quyết việc làm - xóa đói giảm nghèo

Hiện nay, 80% lực lượng lao động của Long An sống ở vùng nông thôn. Tỷ lệ lao động thất nghiệp những năm qua dao động ở mức 6% so với tổng số lao động trong độ tuổi; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp. Sau 6 năm (1995 - 2000), cùng với những chính sách của Nhà nước kết hợp với các chương trình của địa phương, tỉnh đã giải quyết việc làm cho hơn 131 nghìn lao động (đạt 105% kế hoạch); sắp xếp việc làm mới cho 75 nghìn lao động (chiếm 57% tổng số lao động). Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị có xu hướng giảm từ 6,14% (1995) xuống còn 5,43% (2000). Hệ số sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn nâng từ 66,31% (1996) lên 76% (2000). *Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực,* tỷ trọng lao động trong nông nghiệp và lâm nghiệp giảm dần; công nghiệp, thương mại, dịch vụ tăng lên. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng chậm, so với mục tiêu đề ra còn thấp từ 20% đến 22%.

Nhờ những cố gắng trong công tác xóa đói giảm nghèo, đến năm 2000, tỷ lệ hộ nghèo từ 12,2% (1998) đã giảm xuống còn 9,8% (2000). Có 36 xã (3 xã và thị trấn trọng điểm) trên tổng số 63 xã nghèo đã thoát nghèo. Nhiều mạng lưới giao thông, hệ thống nước sạch, trạm y tế, chợ... đã được nâng cấp hoặc xây mới. Tuy nhiên, tính đến cuối năm 2000, vẫn còn 28 xã thiếu đường ô-tô đến trung tâm xã; 115 xã thiếu chợ xã hoặc liên xã; nhiều xã, thị trấn chưa hoàn chỉnh hệ thống nước sạch sinh hoạt.

Trong *giai đoạn 2001 - 2005,* chương trình giải quyết việc làm - xóa đói giảm nghèo được thực hiện gắn với chương trình quốc gia về giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, xây dựng mô hình xã thoát nghèo. Bình quân hằng năm giải quyết việc làm cho 30 nghìn người lao động; đào tạo nghề cho 20 nghìn người. Phấn đấu thay đổi cơ cấu lao động phân bổ với nông - lâm nghiệp: 50%, công nghiệp - xây dựng: 21%, thương mại - dịch vụ: 29%. Cố gắng giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống còn dưới 5%; nâng hệ số sử dụng thời gian lao

Digitized by Google

động nông thôn lên 78%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo phải đạt 30%, trong đó đào tạo nghề là 17%. Tỉnh phấn đấu hạ tỷ lệ tăng dân số xuống còn 1,4%. Phổ cập trung học cơ sở ở 80% số xã, phường, thị trấn. Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 5%.

4 - Chương trình đào tạo nguồn nhân lực

Long An là tỉnh *có nguồn lao động dồi dào* với 61,13% số lao động trong độ tuổi; 90,1% số dân có trình độ từ tiểu học trở lên. Tuy nhiên, vấn đề *nguồn nhân lực* đối với địa phương vẫn đang là *bài toán khó*. Trong đào tạo nhân lực, Đại hội Đảng bộ tỉnh nhận định, điểm yếu nhất hiện nay chính là công tác cán bộ. Tình trạng thiếu hụt đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, nhất là ở cấp cơ sở hiện khá phổ biến. Vị thế ở cửa ngõ của Thành phố Hồ Chí Minh vừa là lợi thế, song cũng gây không ít trở ngại trong việc thu hút nguồn nhân lực. Thành phố Hồ Chí Minh là một thị trường lao động lớn, đa ngành nghề, lao động có tay nghề dễ kiếm được việc làm với thu nhập cao. Nếu không có biện pháp hạn chế, khuyến khích, nhất định dòng lao động có tay nghề, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ sẽ đổ về thành phố và các đô thị, sẽ càng làm cho thị trường lao động có tay nghề, có trình độ của Long An khan hiếm hơn.

Để giải quyết những khó khăn về nguồn nhân lực, tỉnh chủ trương quy hoạch các cụm dân cư đáp ứng với yêu cầu sống và làm việc của người lao động trong tương lai. Đầu tư hơn nữa cho công tác dạy nghề, nâng cao chất lượng tay nghề của người lao động, bảo đảm bình quân hằng năm đào tạo được khoảng 10 nghìn công nhân; tăng cường thêm trang thiết bị và nâng cấp Trường Dạy nghề Long An; đầu tư xây dựng Trường Trung học Kinh tế - kỹ thuật của tỉnh ở Bến Lức, ở Cần Giuộc. *Có chính sách thu hút cán bộ* có trình độ, tay nghề về tỉnh làm việc; hỗ trợ kinh phí cho cán bộ đi học đại học, cao học. Tỉnh đã xây dựng chương trình và mở lớp đào tạo đội ngũ bí thư, chủ tịch cho các cơ sở.

Trong các giai đoạn tiếp theo, tỉnh tiếp tục thực hiện việc kết hợp phát triển kinh tế ngành với phát triển kinh tế vùng theo quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án được đề ra: xây dựng thị xã Tân An theo tinh thần của Nghị quyết 07 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đầu tư phát triển vùng kinh tế trọng điểm ở phía đông sông Vàm Cỏ Đông và hành lang quốc lộ 1A; tiếp tục đầu tư để vùng Đồng Tháp Mười trở thành vùng trọng điểm lương thực và nông sản, hàng hóa theo hướng chuyên canh; chú trọng đầu tư tạo giống cây trồng, con vật nuôi cho năng suất cao, chất lượng tốt, tạo bước đột phá trong sản xuất nông nghiệp; phát triển vùng lúa cao sản, vùng đay nguyên liệu giấy, vùng rừng tràm sinh thái; đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi cá nước ngọt và khai thác nguồn thủy sản thiên nhiên; phát triển kinh tế vùng biên giới, tăng cường giao lưu kinh tế, nhất là ở hai cửa khẩu Bình Hiệp và Tho Mo; tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở vùng phía Nam; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ; tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội vùng hạ Cần Giuộc, Cần Đước theo Nghị quyết số 18/NQ-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Long An đã luôn nêu cao tinh thần kiên cường, bất khuất, anh dũng, sáng tạo, cùng nhân dân cả nước chiến đấu và chiến thắng. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, Đảng bộ và nhân dân Long An luôn phát huy truyền thống anh dũng, tự lực, tự cường, vượt mọi khó khăn, gian khổ phấn đấu vươn lên, xứng đáng với lịch sử của vùng đất Long An - vùng đất của Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây huyền thoại, vùng đất cửa ngõ của Thành phố Hồ Chí Minh, cầu nối giữa miền Đông và Tây Nam Bộ với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. ❑

Digitized by Google

Bộ đội Biên phòng góp phần nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân vùng biên giới và vùng biển

TRẦN HẠNH KIỂM*

CÁN bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng luôn vượt muôn vàn khó khăn, gian khổ giữ yên biên cương, bờ biển, hải đảo đất nước. Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm đó, họ đã và đang từng ngày từng giờ góp phần nâng cao đời sống văn hóa cho đồng bào nơi đóng quân. Sự cố gắng đó cộng với sự giúp đỡ tận tình của nhân dân và các ngành có liên quan, đặc biệt là ngành văn hóa - thông tin, đời sống văn hóa của đồng bào nơi đóng quân đã được nâng cao một mức đáng kể. Vào năm 93 của thế kỷ trước, Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã ký kết Chương trình phối hợp hành động *"Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa - thông tin ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số"* với 4 nội dung và mục tiêu chủ yếu:

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin cổ động tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đến các thôn, bản vùng sâu, vùng xa biên giới.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động và phát triển các hình thức hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ quân và dân trên địa bàn đóng quân.

- Phối hợp quản lý xây dựng cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hóa thông tin trên địa bàn đóng quân.

- Tích cực tham gia vận động đồng bào các dân tộc xây dựng làng bản văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội.

Đến năm 2000, chương trình được bổ sung thêm nội dung hết sức quan trọng: phối hợp sưu tầm, gìn giữ, khôi phục, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào nơi biên giới hải đảo.

Sau 10 năm phấn đấu không mệt mỏi triển khai thực hiện, chương trình đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi:

- Góp phần đẩy mạnh và nâng cao một bước chất lượng hoạt động thông tin cổ động ở địa bàn đóng quân.

Ngay sau ký kết chương trình, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã chỉ đạo tuyển lựa cán bộ, chiến sĩ có năng khiếu hoạt động văn hóa thông tin để thành lập đội tuyên truyền văn hóa ở các tỉnh, thành có bộ đội biên phòng. Mỗi đội có biên chế chính thức từ 2 - 3 người, làm hạt nhân. Khi đi hoạt động ở cơ sở, các đội được bổ sung quân số từ 7 - 10 người để đủ lực lượng xây dựng các chương trình tuyên truyền văn hóa, đảm bảo biểu diễn độc lập. Ở các đồn biên phòng, thành lập các tổ tuyên truyền văn hóa. Trong 10 năm, Bộ đội Biên phòng đã tuyển được hơn 300 chiến sĩ văn hóa, hầu hết đã tốt nghiệp các trường văn hóa nghệ thuật của trung ương và địa phương, bổ sung cho các tổ, đội tuyên truyền văn hóa ở các

* Đại tá, Phó Chủ nhiệm Chính trị Bộ đội Biên phòng

Digitized by Google

tỉnh, thành. Đến nay, ở tất cả tỉnh, thành phố có bộ đội biên phòng, các tổ, đội tuyên truyền văn hóa đã đi vào hoạt động. Để các tổ, đội tuyên truyền văn hóa hoạt động nền nếp có hiệu quả, Cục Chính trị Bộ đội Biên phòng đã hướng dẫn các đơn vị xây dựng quy chế và định mức hoạt động của các tổ, đội tuyên truyền văn hóa phục vụ cán bộ chiến sĩ và nhân dân trên địa bàn. Nhiều nơi, đội hoạt động có hiệu quả như: Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa, Kiên Giang...

Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin tổ chức 4 cuộc liên hoan các tổ, đội tuyên truyền văn hóa toàn quốc với sự tham gia của hàng ngàn diễn viên, tuyên truyền viên. Qua cuộc liên hoan lần thứ tư, mô hình hoạt động của các tổ, đội tuyên truyền văn hóa đã được khẳng định, chất lượng nghệ thuật đã có bước tiến vượt bậc; có đội tuyên truyền văn hóa đã tiếp cận với nghệ thuật chuyên nghiệp; nhiều đội được coi như một đơn vị hoạt động văn hóa của địa phương.

Bằng các hình thức thông tin - tuyên truyền và biểu diễn văn nghệ, chiếu vi-đê-ô tại chỗ và lưu động, tham gia tổ chức các lễ hội truyền thống và xây dựng nếp sống văn hóa, các tổ, đội tuyên truyền văn hóa đã phục vụ hàng vạn buổi tuyên truyền thông tin, chiếu vi-đê-ô cho hàng triệu lượt người xem, kể cả ở các bản xa xôi, hẻo lánh trước đây chưa thể được xem như: A Lưới (Thừa Thiên - Huế), Hiên, Giằng (Quảng Nam), Mường Tè, Phong Thổ (Lai Châu), Đắc Lắc, Kon Tum...

- Góp phần đẩy mạnh các hoạt động sinh hoạt văn hóa, lễ hội văn hóa truyền thống.

Ngoài việc biểu diễn văn nghệ, chiếu vi-đê-ô, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các tổ đội tuyên truyền văn hóa còn đẩy mạnh các hoạt động sinh hoạt văn hóa, lễ hội truyền thống, góp phần sưu tập, gìn giữ, phát huy vốn văn hóa truyền thống dân tộc, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII, của Đảng.

Hằng năm, Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành đã duy trì, tổ chức được Liên hoan văn hóa các dân tộc với sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ tuyên truyền văn hóa với hạt nhân văn nghệ ở các xã, bản biên giới và các chi đoàn trường học, đơn vị kết nghĩa trên địa bàn. Nhiều làn điệu dân ca, dân vũ như: múa xòe, múa sạp, hát sly, lượn Tày - Nùng, khèn bè, đàn môi, kèn lá, cồng, chiêng.. của các dân tộc như: Pa Cô, Cà Tu, Arem, Brâu, Khơ Me, Mông, Dao, Tày, Thái... và các dân tộc thiểu số khác được khai thác, phát triển để biểu diễn phục vụ trong các hoạt động giao lưu văn hóa, biểu diễn vào các dịp lễ, tết, liên hoan, hội diễn của địa phương. Nhiều nghi lễ, hình thức sinh hoạt văn hóa dân tộc như: lễ cầu ngư, đua thuyền... của nhân dân vùng biển; lễ cầu mùa, cơm mới, bắn cung, bắn nỏ, đua ngựa... của đồng bào miền núi đã được ngành văn hóa thông tin phối hợp cùng các đồn biên phòng sưu tầm, phổ biến trong các hoạt động văn hóa - thể thao bổ ích, các lễ hội dân tộc trên địa bàn. Đáng chú ý là, khi khôi phục phát huy các giá trị truyền thống của các dân tộc, cán bộ chiến sĩ cùng với các cấp ủy, chính quyền và các ngành liên quan luôn quan tâm đưa các nội dung mới có tính giáo dục cao lồng ghép vào hoạt động cho phù hợp. Một mặt gìn giữ bảo tồn văn hóa truyền thống, phát triển thu nhận giá trị văn hóa mới; mặt khác, đẩy lùi các xu hướng văn hóa độc hại đang rình rập, thâm nhập để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam hiện đại, tiên tiến mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc theo đường lối của Đảng.

- Phối hợp xây dựng cơ sở vật chất, tổ chức quản lý, khai thác có hiệu quả các trang, thiết bị văn hóa thông tin trên địa bàn.

Ban Chỉ đạo đã có định hướng sử dụng hợp lý, có hiệu quả ngân sách cấp cho chương trình vào việc mua sắm trang thiết bị cung cấp cho các tổ, đội tuyên truyền văn hóa ở cơ sở.

Digitized by Google

Đến nay, hầu hết các đồn biên phòng và các xã, bản lân cận đã được nghe ra-đi-ô, xem ti-vi; một số đồn đã được lắp đặt hệ thống tiếp sóng FM. Các đồn biên phòng đang dần trở thành các "điểm sáng về văn hóa" trên địa bàn.

Trên toàn tuyến biên giới, bờ biển đã hình thành mạng lưới thư viện, với hàng trăm tủ sách đồn biên phòng, hàng ngàn tủ sách, ngăn sách ở các trung tâm xã, bưu điện xã. Thư viện của ngành văn hóa - thông tin ở nhiều tỉnh như: Sơn La, Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng, Quảng Trị, Đắc Lắc, Kon Tum... đã thường xuyên phối hợp với Bộ đội Biên phòng khôi phục, củng cố hoạt động sách - thư viện ở các đồn biên phòng, tạo điều kiện cho cán bộ chiến sĩ của các đồn biên phòng cập nhật tri thức cần thiết, nâng cao chất lượng các hoạt động tuyên truyền văn hóa.

- Tham gia có hiệu quả xây dựng các làng bản văn hóa, nếp sống văn hóa trên địa bàn.

Lãnh đạo Bộ đội Biên phòng đã có chủ trương đúng đắn xây dựng đồn biên phòng trở thành các "điểm sáng văn hóa", lồng ghép với việc thực hiện cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa, xây dựng thiết chế văn hóa, "phòng Hồ Chí Minh" ở các đồn biên phòng. Chủ trương này đã góp phần đẩy mạnh các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ cán bộ chiến sĩ ở đồn biên phòng; đồng thời, phục vụ đồng bào các dân tộc trên biên giới. Qua chỉ đạo, các đơn vị đã hình thành mô hình "điểm sáng văn hóa" ở 85 đồn biên phòng, với các tiêu chí cụ thể. Từ mô hình "điểm sáng văn hóa" này sẽ phát triển sâu rộng đến địa bàn dân cư, giúp đồng bào xây dựng đời sống văn hóa.

Nhằm thực hiện tốt Chỉ thị 27/CT-TW, ngày 12-1-1998, của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg, ngày 19-6-1998, của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư và Quy chế Dân chủ ở cơ sở; thực hiện cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư"* do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, những năm qua, các tổ, đội tuyên truyền văn hóa còn cố gắng nỗ lực tham gia vận động quần chúng nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng làng, bản văn hóa, đấu tranh chống và bài trừ các tệ nạn xã hội. Nhiều đồn biên phòng đã coi trọng nghiên cứu nắm vững phong tục tập quán địa phương, tham mưu cho các xã, bản xây dựng các quy chế mang tính hương ước để bà con thảo luận, nhất trí cùng nhau tự giác thực hiện xây dựng gia đình văn hóa, làng, bản văn hóa như ở Lạng Sơn, Quảng Trị, Long An, Đồng Tháp, Quảng Nam... Một số nơi như Lào Cai, Lai Châu, Thanh Hóa, Gia Lai, An Giang, Bình Định... đã chủ động phối hợp chặt chẽ với phòng văn hóa các huyện biên giới trong các hoạt động xây dựng nếp sống mới, xây dựng làng, bản văn hóa; vận động đồng bào cách làm ăn mới, chuyển đổi vật nuôi, cây trồng để cải thiện đời sống... Cho đến nay, Bộ đội Biên phòng đã cùng với địa phương xây dựng được trên 500 thôn bản đạt tiêu chuẩn *"Thôn, bản văn hóa"*, gần 3 000 gia đình được công nhận *"Gia đình văn hóa"*. Đáng chú ý là, cán bộ, chiến sĩ biên phòng đã cùng các ngành, các cấp có liên quan cơ bản xóa được các "điểm trắng" về văn hóa ở tất cả các nơi đóng quân.

- Củng cố, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hoạt động văn hóa cơ sở ở các xã, phường biên giới.

Trong 10 năm qua, Ban Chỉ đạo cấp trung ương đã 6 lần mở lớp tập huấn nghiệp vụ cho hàng ngàn lượt người là hạt nhân của các tổ, đội tuyên truyền văn hóa, trong đó, phải kể đến hiệu quả cao của hai đợt tập huấn kết hợp biểu diễn phục vụ đồng bào tuyến biên giới Tây Nguyên và Tây Nam Bộ trong năm 2002 và 2003. Ở các tỉnh, thành phố, hằng năm thường xuyên mở các lớp tập huấn nghiệp vụ văn hóa thông tin, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể như: phụ nữ, y tế, giáo dục, dân tộc và miền núi, định canh, định cư... để bồi dưỡng những kiến

Digitized by Google

thức cơ bản giúp cho các tổ, đội kết hợp tuyên truyền vận động nhân dân. Nhiều tỉnh có trường văn hóa nghệ thuật đã tiếp nhận một số người đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Bộ đội Biên phòng để đào tạo, sử dụng lâu dài hoặc cung cấp số học sinh tốt nghiệp trường văn hóa nghệ thuật của tỉnh cho các tổ, đội tuyên truyền văn hóa như: Thanh Hóa, Lạng Sơn, Khánh Hòa, Cao Bằng, Hà Giang, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ninh, Bình Định... Bên cạnh đó, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã gửi 50 đồng chí đi đào tạo về văn hóa cơ sở tại Trường Văn hóa nghệ thuật Quân đội, tuyển gần 300 nữ quân nhân có khả năng văn hóa nghệ thuật làm hạt nhân nòng cốt cho các đội tuyên truyền văn hóa. Đoàn Nghệ thuật Biên phòng thường xuyên mở các đợt tập huấn cho các tổ, đội tuyên truyền văn hóa. Đến nay, 100% các đội tuyên truyền văn hóa đã được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về văn hóa thông tin. Thực hiện chủ trương tham gia đề án phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội ở các xã, phường, biên giới, hải đảo, từ 1998 đến nay, Bộ đội Biên phòng đã tăng cường cho 446 xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn, 446 đồng chí cán bộ , 2 000 chiến sĩ xóa mù chữ, 258 y sĩ, 174 y tá. Đội ngũ cán bộ này đã trực tiếp tham gia các dự án phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, tham mưu cho cấp ủy và chính quyền xã trong việc quản lý, tổ chức các hoạt động văn hóa tuyên truyền, nâng cao dân trí cho nhân dân trên địa bàn. Nhiều nơi đã phát huy hiệu quả tốt việc xây dựng phong trào quần chúng tại chỗ, tổ chức được các đội văn nghệ xã, bản hoặc các câu lạc bộ hát cho nhau nghe.

Tóm lại, chương trình đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa cho đồng bào; đồng thời, góp phần xây dựng, củng cố cơ sở chính trị ở các xã, phường biên giới, tạo phong trào quần chúng tham gia bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Chương trình còn phối hợp với các ngành, các cấp, các địa phương tuyên truyền vận động thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình khác nhằm phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự chuyển biến toàn diện ở các làng, bản biên giới. Đặc biệt ở một số nơi thông qua việc giao lưu văn hóa, văn nghệ với Bộ đội Biên phòng và đồng bào nước bạn đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa cho mình và thắt chặt tình hữu nghị, tôn trọng chủ quyền quốc gia, giữ yên biên giới.

Từ thực tiễn 10 năm chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình phối hợp, qua nhiều lần sơ, tổng kết có thể rút ra một số bài học sau đây:

1- Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp; phát huy tốt vai trò tham mưu đề xuất, theo dõi chỉ đạo của ngành văn hóa - thông tin và Bộ đội Biên phòng, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các lực lượng, đoàn thể để phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức, thực hiện chương trình mới đạt hiệu quả cao.

2- Chăm lo xây dựng, phát huy tác dụng đồng bộ các thiết chế văn hóa ở cơ sở, mở rộng, lồng ghép các hoạt động văn hóa, văn nghệ với phát thanh, truyền hình, sách báo, thể dục thể thao, tổ chức lễ hội để đáp ứng các nhu cầu văn hóa đa dạng của nhân dân và để giúp nhân dân tự đáp ứng nhu cầu văn hóa của mình. Tùy từng nơi mà lựa chọn điểm đột phá cho thích hợp để tạo chuyển biến đồng bộ, tập trung xây dựng gia đình văn hóa với thôn bản văn hóa, lấy xây dựng gia đình văn hóa làm cơ sở.

3- Tập trung xây dựng các đồn biên phòng trở thành các điểm sáng văn hóa và mỗi cán bộ, chiến sĩ biên phòng phải là một chiến sĩ văn hóa, là hạt nhân xây dựng thôn, bản văn hóa ở khu vực biên giới.

4- Thực hiện chương trình này là kết quả của một quá trình lâu dài và sự cố gắng vô cùng lớn lao của cán bộ, chiến sĩ biên phòng và đồng bào trên địa bàn cũng như các ngành có liên quan một cách thường xuyên liên tục. Do đó, kết quả này cần được trân trọng gìn giữ và duy trì trong những năm sau. ❑

Digitized by Google

Quận Thanh Khê trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng

BÙI VĂN TIẾNG*

NHIỀU người cho rằng, *"diễn biến hòa bình"* là cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt trên một chiến trường không có khói súng, trong đó *"diễn biến hòa bình"* trên lĩnh vực tư tưởng là dai dẳng và quyết liệt hơn cả. Nhận xét đó hoàn toàn chính xác. Ngay trong cuốn sách *"Năm 1999 - chiến thắng không cần chiến tranh"*, cựu Tổng thống Mỹ R. Ni-xơn cũng khẳng định: "Mặt trận tư tưởng là mặt trận quyết định nhất". Và ông ta công khai thừa nhận: "Toàn bộ vũ khí của chúng ta (tức là các thế lực hiếu chiến do Mỹ cầm đầu), các hoạt động mậu dịch, viện trợ, quan hệ chính trị sẽ không đi đến đâu nếu chúng ta thất bại trên mặt trận tư tưởng". Vì thế, cuộc đấu tranh của Đảng và nhân dân ta chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng với mục tiêu buộc các thế lực thù địch phải cam chịu thất bại rõ ràng là rất khó khăn, đòi hỏi cấp ủy các cấp không ngừng nỗ lực và dày công tìm cách đối phó thật hữu hiệu.

Từ nhận thức đó, Quận ủy Thanh Khê chỉ đạo các đơn vị, các cơ sở gắn chặt cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng với việc phát triển tốt các mặt công tác khác và lấy phường - nơi gần dân nhất - làm địa bàn trung tâm để tiến hành công tác tư tưởng.

Một là, công tác tư tưởng ở phường phải gắn liền với công tác vận động quần chúng. Làm dân vận ở phường chính là làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thông suốt về tư tưởng, từ đó tạo nên sự đồng thuận trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thời gian qua, đạt một số kết quả nhất định, thái độ nhiệt tình hưởng ứng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân qua nhiều phong trào hành động cách mạng ở địa phương *("Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc", "Đền ơn đáp nghĩa", "Xóa nhà tạm cho các gia đình chính sách"*, trong việc thực hiện các cuộc vận động mua công trái, đóng góp quỹ vì người nghèo và các chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm v.v..) ngày càng sôi động và sâu sắc.

Thứ hai, đối tượng tác động của công tác tư tưởng ở phường khá "ổn định", hiểu theo nghĩa *chỉ bó hẹp* trong phạm vi những người *tích cực* (tham gia nghiên cứu, quán triệt hoặc nghe phổ biến chỉ thị, nghị quyết trong Đảng và trong các đoàn thể; tham gia sinh hoạt tổ dân phố và các cuộc tiếp xúc cử tri; tích cực đọc báo, nghe đài, xem truyền hình...). Trong khi đó, những người vốn *thiếu tích cực* (chưa bao giờ tham gia sinh hoạt tổ dân phố và các cuộc tiếp xúc cử tri; thiếu tích cực đọc báo, nghe đài, xem truyền hình, thậm chí còn phát tán tài liệu ngoài luồng...) cũng chưa được công tác tư tưởng ở

* ThS, Thành ủy viên, Bí thư Quận ủy Thanh Khê, Đà Nẵng

Digitized by Google

phường quan tâm *"phủ sóng"*. Đáng chú ý là, trong những người *"ngoài cuộc"* này, có không ít thanh niên do chưa được tập hợp vào tổ chức Đoàn, Hội và họ đang phải đối diện với nhiều cám dỗ, cạm bẫy rất dễ sa ngã.

Để làm tốt công tác tư tưởng, Thanh Khê tăng cường khả năng theo dõi *nắm bắt, nắm chắc* và quan trọng hơn là *phân tích, đánh giá* trúng diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở từng thời điểm, trên từng địa bàn dân cư. Trong bối cảnh đô thị hóa đang diễn ra với quy mô và tốc độ ngày càng lớn ở Đà Nẵng hiện nay, đặc biệt là sau bối cảnh *"thế giới sau cuộc chiến I-rắc"*, có thể nói tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân ở phường thường xuyên chịu ảnh hưởng của các biến động chính trị - xã hội theo cả hai chiều hướng *tích cực và tiêu cực*. Kinh nghiệm cho thấy, trước một số sự kiện chính trị - xã hội, thường có sự phân hóa hai cực: tích cực và tiêu cực; lạc quan và bi quan; ủng hộ và chống đối; tin tưởng và hoài nghi... *Trước thực tế đó, Thanh Khê chủ động nhận định cực nào là chủ đạo* để tập trung sự nỗ lực giải quyết đúng với thực chất vấn đề. Đó là chưa kể tuy cùng một cực nhưng do động cơ khác nhau dẫn tới tình hình cũng không hoàn toàn giống nhau. Chẳng hạn, đối với chủ trương *"năm không"* ***(không có hộ đói, không có người mù chữ, không có người lang thang xin ăn, không có người nghiện ma túy tại cộng đồng, không có giết người để cướp của)*** của Đà Nẵng, có một số người cho là *"không tưởng"*, nhưng xuất phát từ động cơ xây dựng là chính thì không ít người bày tỏ sự lo lắng, phân vân về tính khả thi; nhưng nếu xuất phát từ động cơ chống đối thì có người lại bộc lộ sự hoài nghi, từ đó có thái độ chê bai giễu cợt. Trên cơ sở phân tích, đánh giá đúng tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, Huyện ủy Thanh Khê chủ động định hướng dư luận thông qua công tác *tuyên truyền miệng*.

Bên cạnh việc tổ chức nắm bắt, nắm chắc tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, để chuyển tải chỉ thị, nghị quyết của Đảng tới mỗi người, thường thông qua hệ thống thông tin *chính thống*. Kinh nghiệm cho thấy, để nâng cao hiệu quả công tác này, cần lựa chọn *hình thức triển khai* thích hợp nhất với đối tượng đi đôi với việc phối hợp các hình thức triển khai khác nhau để cùng tác động thuận chiều đến đối tượng; cân nhắc *liều lượng triển khai* kể cả nội dung và thời gian; tăng cường đầu tư về *điều kiện triển khai* (địa điểm, tài liệu, đối tượng truyền đạt...). Và quan trọng hơn là, ngoài ba yếu tố trên, rất chú trọng tới *ý thức của đối tượng tiếp nhận* - chẳng hạn như quan tâm hay thờ ơ với chính sự; tính thiết thực của bản thân chỉ thị, nghị quyết đối với những đòi hỏi bức xúc của cuộc sống, sự phù hợp hay không đối với nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân và tính khả thi hay không trong thực tiễn.

Nói khác đi, để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phải chú ý đầy đủ ba yếu tố chính gồm: *đối tượng truyền đạt chỉ thị, nghị quyết; đối tượng tiếp nhận chỉ thị, nghị quyết; bản thân chỉ thị, nghị quyết. Cụ thể là, về đối tượng tiếp nhận* chỉ thị, nghị quyết của Đảng, có thể chia thành ba nhóm: *một là*, cán bộ chủ chốt và cấp ủy viên (còn đương chức và đang nghỉ hưu) với tư cách là đối tượng tiếp nhận chứ không phải tư cách người định hướng, lãnh đạo; *hai là*, cán bộ, đảng viên (còn đương chức và đang nghỉ hưu); *ba là*, nhân viên (trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp), công nhân (trong doanh nghiệp), chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang, nhân dân (ở khu dân cư). Về *đối tượng truyền đạt* chỉ thị, nghị quyết, ngoài đội ngũ báo cáo viên (chuyên trách hay kiêm chức), cả ba nhóm đối tượng tiếp nhận nêu trên đều có thể trở thành *đối tượng truyền đạt* thông qua hình thức tuyên truyền miệng.

Digitized by Google

Cũng cần hết sức chú ý đến *phương pháp nêu gương bằng hành động thực tế*. Kinh nghiệm cho thấy, nhiều khi một hành động thực tế có ý nghĩa hơn một bài giảng đơn thuần lý thuyết dẫu có hùng hồn, sinh động. Nghĩa là sự tiên phong gương mẫu trong *hành động thực tế*, nhất là đội ngũ đảng viên, tập thể cấp ủy, trước hết là của đồng chí bí thư cấp ủy có sức thuyết phục lạ thường. *Nhất là thái độ thực sự cầu thị, khiêm tốn học tập, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ* của cấp ủy càng là ngọn cờ đoàn kết tập hợp, là tấm gương sáng mẫu mực trong công tác tư tưởng nói riêng và trong sự lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng nói chung.

Qua thực tế càng cho thấy, tập thể cấp ủy và cá nhân đồng chí bí thư cấp ủy *phải có kiến thức về tình huống học*, có năng lực xử lý tình huống chính trị một cách thông minh, sáng suốt thì hiệu quả công tác tư tưởng càng cao. Bởi thực tế cho thấy, những người lãnh đạo cao nhất của hệ thống chính trị các cấp, nhất là cấp cơ sở phải điềm tĩnh, khôn khéo, biết đánh giá đúng bản chất và mức độ nghiêm trọng của từng vụ, việc. Cần thấy đối tượng chủ yếu tạo ra những "điểm nóng" chính trị là người dân (có thể do tự phát hoặc bột phát theo áp lực của đám đông mà cũng có thể do bị kẻ xấu kích động), hay do các thế lực thù địch, kẻ xấu tạo nên để từ đó các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể ở địa phương có chính sách đối xử hữu hiệu, phù hợp. *Trong bất kỳ tình huống nào, đều phải chủ động giải quyết phù hợp*, coi trọng công tác tư tưởng, công tác vận động quần chúng, quyết không mắc mưu địch; và thông qua việc giải quyết đó vô hiệu hóa âm mưu và hành động chống phá của địch.

Một kinh nghiệm nữa của Thanh Khê là xử lý đúng đắn các hiện tượng *chủ yếu dưới góc độ thông tin*. Cần phân biệt *nhu cầu chia sẻ thông tin* với hành động tán phát tài liệu "ngoài luồng". Đối với các tài liệu *"ngoài luồng"* cũng chủ động có đối sách mềm dẻo để tránh gây sự tò mò, hiếu kỳ của bộ phận người muốn chia sẻ thông tin. Kinh nghiệm cho thấy, sự nhìn nhận việc phổ biến hay tán phát tài liệu *dưới góc độ thông tin* một cách linh hoạt có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tìm tòi cách xử lý tương thích và hiệu quả. ❑

KÍNH BÁO CÙNG BẠN ĐỌC

Thời gian qua, được sự ủng hộ của đông đảo bạn đọc trong và ngoài nước, các cấp, các ngành, các địa phương, ***Tạp chí Cộng sản*** *không ngừng phát triển.*

Dưới sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và phong phú của bạn đọc, trên cơ sở không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện của Tạp chí, kể từ ngày 1-1-2004, ***Tạp chí Cộng sản*** *ra 2 kỳ mỗi tháng, vào các ngày 1 và 16 hằng tháng.*

Ban Biên tập ***Tạp chí Cộng sản*** *xin trân trọng kính báo và rất mong bạn đọc, các cấp, các ngành, các địa phương... tiếp tục ủng hộ, giúp đỡ Tạp chí phát triển không ngừng và mạnh mẽ.*

BAN BIÊN TẬP
TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

DÂN SỐ VÀ ÁP LỰC DÂN SỐ ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ TOÀN CẦU

VÕ THỦ PHƯƠNG

Từ khi loài người xuất hiện trên trái đất, xét dưới góc độ nhân khẩu học, có thể chia sự phát triển dân số trên trái đất thành bốn thời kỳ:

Thời kỳ thứ nhất, trước khi có nền sản xuất nông nghiệp, dân số thế giới không quá 100 triệu người(1).

Thời kỳ thứ hai, từ thời kỳ sản xuất nông nghiệp định cư đến cuộc cách mạng công nghiệp: nhờ sản xuất nông nghiệp phát triển, khả năng nuôi sống con người tăng lên. Dân số tăng dần đạt tới khoảng 0,5% mỗi năm, đến năm 1800 dân số thế giới đạt khoảng 1,7 tỉ người.

Thời kỳ thứ ba, từ cách mạng công nghiệp đến Chiến tranh thế giới lần thứ hai: cuộc cách mạng công nghiệp đánh dấu sự khởi đầu của nền kinh tế hiện đại, nạn đói giảm cả về số lượng lẫn mức độ nghiêm trọng. Dân số tăng nhanh, đạt mức 1% mỗi năm vào thời kỳ Chiến tranh thế giới lần thứ hai (năm 1945), đạt xấp xỉ 2,5 tỉ người.

Thời kỳ thứ tư, sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, khoa học - kỹ thuật phát triển nhanh chưa từng thấy, trình độ y học tăng tiến và có những bước đột phá, đời sống con người ngày càng cao. Điều đó tác động mạnh đến sự gia tăng dân số. Năm 1987, dân số thế giới tăng gấp đôi năm 1945, đạt con số 5 tỉ người, và hiện nay ước tính dân số thế giới là 6,5 tỉ người(2).

Từ những năm 80 của thế kỷ XX, nhiều tổ chức quốc tế và chuyên gia về xã hội học trên thế giới đã có một nhận thức chung rằng: Tốt nhất nên khống chế dân số thế giới ở khoảng 15 tỉ người. Tuy nhiên trong một hội nghị về môi trường của Liên hợp quốc, xuất phát từ mục tiêu bảo vệ sự cân bằng sinh thái toàn cầu, người ta dự kiến rằng tài nguyên của trái đất chỉ thích hợp để nuôi sống 11 tỉ người.

Trong những thập niên cuối của thế kỷ XX, sự gia tăng dân số thế giới quá mức đã gây áp lực nặng nề lên toàn bộ các vấn đề toàn cầu: Tình trạng nghèo khổ, nạn thất nghiệp, những khó khăn trong công tác bảo vệ phụ nữ và trẻ em; đồng thời, tạo ra những nguy cơ về sinh thái như tài nguyên suy cạn, ô nhiễm môi trường, thiếu hụt lương thực, thoái hóa các loài, v.v.. Tất cả những vấn nạn trên đã đe dọa trực tiếp đến tiền đồ phát triển của nhân loại.

Trước hết, phải kể đến áp lực nặng nề của sự gia tăng nhanh dân số lên tình trạng nghèo khổ trên thế giới. Chương trình và hoạt động triển khai sau Hội nghị thiên niên kỷ năm 2000 đã tập trung mọi nỗ lực của cộng đồng quốc tế và hệ thống Liên hợp quốc nhằm chấm dứt tình trạng đói nghèo, mà tình trạng này có một căn nguyên cơ bản là sự gia tăng dân số quá nhanh. Sự "bùng nổ dân số" bắt đầu từ những năm 50 của thế kỷ XX. Một học giả tính rằng, nếu dân số tăng 1% mỗi

(1) Xem: M. Gin-lít và các tác giả: *Kinh tế học của sự phát triển*, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, 1990, tr 292, 293, 294

(2) *Gương mặt thế giới hiện đại*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2001, tr 584

Digitized by Google

năm thì mức thu nhập quốc dân phải tăng khoảng 4%. Trong khi đó tại nhiều quốc gia thuộc châu Phi, dân số hằng năm tăng khoảng 3 - 4%, trong khi thu nhập quốc dân không thể đạt nổi mức tăng 5%, mà lẽ ra theo cách tính trên thì con số tương ứng phải là 12 - 16%. Theo các số đo chuẩn thì tỷ lệ người quá nghèo khổ (sống dưới mức 1 USD/ngày) ở các nước đang phát triển đã giảm từ 28,3% (năm 1987) xuống còn 23,4% (năm 1998). Tuy nhiên, con số tuyệt đối vẫn không có gì khả quan. Số người quá nghèo khổ trên thế giới vẫn ổn định ở mức 1,2 tỉ người(3). Điều này phản ánh sự tăng trưởng dân số đã làm số người quá nghèo khổ không giảm đi, trong khi tỷ lệ người quá nghèo khổ trên tổng số dân lại giảm. Nếu tính số người nghèo khổ (lấy ngưỡng 2 USD/ngày) thì vào thời điểm năm 1999, cả thế giới có 2,9 tỉ người (4), chiếm 45% số dân thế giới. Dân số tăng nhanh, vượt khỏi tầm kiểm soát của quốc gia, là một trong các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng nghèo khổ khó khắc phục ở rất nhiều nước trên thế giới.

Thứ hai, áp lực của vấn đề dân số lên nạn thất nghiệp. Vào những năm 80 của thế kỷ XX, số người "thất nghiệp" ở nông thôn thuộc các nước đang phát triển tại châu Á chiếm khoảng 35 - 45% tổng số dân nông thôn. Con số này ở châu Phi là 30 - 50%, ở Mỹ La- tinh khoảng 33%. Vấn đề thất nghiệp ở các nước phát triển về cơ bản là do nền kinh tế phát triển không tương hợp, còn tại các nước đang phát triển thì nói chung là do áp lực của dân số. Nếu nhìn vấn đề thất nghiệp trên khía cạnh chính trị, thì rõ ràng tỷ lệ thất nghiệp cao sẽ góp phần không nhỏ gây ra sự bất ổn về chính trị, đó là chưa kể tới những tác động tiêu cực của nạn thất nghiệp lên tình hình kinh tế. Từ nhận xét của Hội nghị quốc tế Dân số và Phát triển (ICPD) tại Cai-rô năm 1994: "Số lượng dân số trẻ tăng một cách bất thường do mức sinh cao, đòi hỏi phải tạo ra việc làm cho lực lượng lao động đang tiếp tục gia tăng trong điều kiện thất nghiệp còn phổ biến", có thể thấy nạn thất nghiệp sẽ không bị hạn chế, nếu không tích cực giải quyết vấn đề dân số.

Thứ ba, áp lực của vấn đề dân số lên giáo dục và y tế. Sự tăng nhanh dân số, trong nhiều trường hợp sẽ kéo theo sự tăng trưởng chậm của kinh tế, và lực cộng hưởng của hai yếu tố này sẽ dẫn tới hệ quả tất yếu là sự đầu tư vào giáo dục bị hạn chế, mà giáo dục chính là vấn đề sống còn của bất cứ quốc gia nào trong thế kỷ XXI. Đến những năm đầu của thập niên 80 của thế kỷ XX, nhiều nước đang phát triển trên thế giới vẫn còn khoảng 80% dân số mù chữ. Tại thời điểm năm 2000, theo Ngân hàng thế giới, số người mù chữ (chỉ tính từ 15 tuổi trở lên, không biết đọc và không biết viết) tại một số nước vẫn rất cao: Buốc-ki-na Pha-xô: 66% nam và 86% nữ mù chữ, Dăm-bi-a: 56% nam và 71% nữ mù chữ, Băng-la-đét: 48% nam và 70% nữ mù chữ, Ni-giê: 76% nam và 92% nữ mù chữ... Không cần phân tích cũng có thể thấy rõ rằng, chẳng quốc gia nào có thể phát triển với một tỷ lệ người mù chữ cao và với một tình trạng bất bình đẳng giới quá nghiêm trọng như vậy. Một trong những trọng tâm của Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển ở Cai-rô 1994 là thúc đẩy các cơ hội giáo dục, đặc biệt là các cơ hội cho phụ nữ, và xem đây là một phương tiện để thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội.

Dân số tăng cũng tạo ra một khó khăn lớn cho các nước đang phát triển trong việc tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là việc củng cố và nâng cấp cơ sở y tế và cung cấp thuốc. Đại dịch HIV/AIDS không những chỉ tàn phá châu Phi mà còn hoành hành ở một số nước đang phát triển khác nhất là Bra-xin. Ngoài ra, những căn bệnh như sốt rét, tiêu chảy cũng đang tồn tại phổ biến ở các nước này. Việc cung cấp thuốc, vắc-xin phòng bệnh và miễn dịch đang là vấn đề nóng bỏng mà cả cộng đồng quốc tế hiện rất quan tâm. Nhưng, với một số lượng dân quá đông của các nước đang phát triển, theo như Ê-than Cáp-xtên, "trên thực tế, giải pháp duy nhất cho cho các vấn đề y tế của các nước đang phát triển chính là tinh thần nhân đạo..."(5), tuy nhiên tinh thần nhân đạo sẽ không phát huy được tác

(3) UNFPA: *Tình trạng dân số thế giới 2002*, tr 14

(4) T. Môn-bri-an và P. Đê-pha-gơ: *Thế giới toàn cảnh 2003*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr 155

(5) *Sđd*, tr 451

Digitized by Google

dụng cao, nếu sự tài trợ kinh tế của các tổ chức quốc tế, của các quốc gia... không thực sự đáng kể.

Thứ tư, dân số với tình trạng tài nguyên thiếu hụt và thiếu đất canh tác. Dân số tăng nhanh nên mức độ tiêu thụ tài nguyên, khoáng sản và nước ngọt cũng tăng nhanh, dẫn đến tình trạng thiếu hụt trầm trọng tài nguyên. Nạn khan hiếm nước ngọt hiện đang diễn ra tại nhiều nơi trên thế giới, đe dọa sự sống của khoảng hai tỉ người và cả động, thực vật. Theo dự báo, nếu tốc độ khai thác dầu mỏ như năm 1982, thì đến năm 2016 các mỏ dầu hiện có sẽ khô kiệt toàn bộ. May thay con người vẫn nỗ lực tìm kiếm thêm mỏ dầu và đã có những mỏ dầu mới để bổ sung vào nguồn năng lượng dầu mỏ hiện có.

Cùng với sự tăng lên của dân số là sự suy giảm tỷ lệ bình quân ruộng đất tính theo đầu người: Nếu năm 1950, bình quân ruộng đất tính theo đầu người trên thế giới là khoảng 5 610 m^2, năm 1980 còn 3 100 m^2, thì năm 1990 chỉ còn 2 570 m^2 (6). Tuy nhiên điều nghiêm trọng hơn là do sự khai thác quá độ của con người, đất đai bị thoái hóa và xuống cấp, tình trạng sa mạc hóa diễn ra ở nhiều nơi làm thu hẹp diện tích canh tác một cách nhanh chóng (chẳng hạn ở Việt Nam, tính đến cuối thế kỷ XX, có khoảng hơn 12 triệu ha đất bị suy thoái thành đất trống, đồi núi trọc, trong đó diện tích đã bị xói mòn trơ sỏi đá là 1,2 triệu ha(7)). Nạn đói là hậu quả tất yếu của tình trạng này.

Thứ năm, dân số và nạn ô nhiễm môi trường. Mối quan hệ giữa dân số và môi trường là mối quan hệ hữu cơ. Môi trường là cái nôi, là cơ sở để con người phát triển. Hủy hoại môi trường là đồng nghĩa với hủy hoại chính cơ sở phát triển của loài người. Thế nhưng, cùng với sự bùng nổ dân số và sự phát triển như vũ bão của công nghệ, kỹ thuật và tiến trình đô thị hóa, tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng: đất đai, nước, khí quyển, các đại dương đều bị ô nhiễm. Chất phóng xạ, rác thải công nghiệp, tiếng ồn, mưa a-xít,... làm cho tình trạng ô nhiễm đi sâu vào từng ngõ ngách của cuộc sống. Các nước phát triển với những công ty xuyên quốc gia có hệ thống nhà máy, xí nghiệp rộng khắp thế giới, đã khai thác tài nguyên với một tốc độ khủng khiếp, đã đẩy vào môi trường trái đất hàng triệu tấn chất thải công nghiệp (chưa kể tới chất thải hạt nhân), dẫn đến tình trạng cạn kiệt tài nguyên và suy thoái môi trường. Các nước đang phát triển trước sức ép của dân số và yêu cầu công nghiệp hóa vẫn buộc phải khai phá những cánh rừng, tiếp tục sử dụng thuốc trừ sâu, tiếp tục xây dựng nhà máy,... khiến cho hiện trạng hủy hoại môi trường sinh thái ở chính nước đó vẫn không ngừng tăng lên. Dù tình trạng môi trường xuống cấp hiện nay thuộc về lỗi của ai đi nữa thì hậu quả của nó vẫn đè nặng lên toàn nhân loại, đặc biệt là lên các nước đang phát triển.

Trong vài thập niên đầu của thế kỷ XXI, tình hình dân số sẽ ra sao?. Ngay cả khi tỷ lệ tăng dân số trung bình trên thế giới thấp nhất thì sự tăng dân số cũng vẫn rất lớn. Tỷ lệ tăng dân số liên tục ở mức 1,8% sẽ đưa dân số thế giới lên con số hơn 15 tỉ người vào năm 2050 (trong khi tính toán cho thấy trái đất chỉ thích hợp với con số 11 tỉ người). Các nhà khoa học đã đánh giá rằng, nếu năm 2000, toàn thế giới đạt được mức sinh thay thế (mà điều này đã không xảy ra) thì dân số thế giới vào năm 2050 vẫn lên tới 8,1 tỉ người. Tóm lại, dân số thế giới sẽ tiếp tục tăng, và nó tiếp tục tạo những áp lực nặng nề lên các vấn đề toàn cầu trong thế kỷ XXI.

Ngày nay, sự hiểu biết mang tính quốc tế về các vấn đề dân số đã được khẳng định đến mức người ta coi tác động của dân số lên các vấn đề kinh tế - xã hội, chính trị... là điều hiển nhiên. Trong Hội nghị Thiên niên kỷ năm 2000, cộng đồng quốc tế đã cam kết thực hiện một mục tiêu đầy kỳ vọng: Đến năm 2015, giảm số dân sống ở mức nghèo tuyệt đối xuống còn một nửa. Để thực hiện điều này, Hội nghị đã đề ra một loạt mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Các chương trình dân số và phát triển của các quốc gia được coi là thành tố đóng góp phần quyết định vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.

---

(6) *Dự báo thế kỷ XXI*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1998, tr 512 (nguyên bản, diện tích được tính theo mẫu Trung Quốc, 1 mẫu Trung Quốc là 660 m^2)

(7) Vũ Hiền và Vũ Đình Hòe: *Dân số và Phát triển*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1999, tr 139

Digitized by Google

Mục tiêu thanh toán đói nghèo cùng cực: Tăng cường chăm sóc sức khỏe sinh sản, và khuyến khích sự tự nguyện thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sẽ giúp người dân có số con theo ý muốn, tạo ra quy mô gia đình nhỏ, cho phép họ đầu tư nhiều hơn vào việc giáo dục và chăm sóc sức khỏe con cái. Sau đó, những đứa con được chăm sóc, giáo dục tốt này sẽ trưởng thành và đóng vai trò quyết định trong việc cải thiện kinh tế gia đình. Suy rộng ra tầm quốc gia, kết quả này sẽ tạo điều kiện cho các chính phủ đầu tư nhiều hơn vào sự nghiệp giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho người dân. Giảm mức sinh sẽ tạo ra một "cửa sổ dân số" - tức là cơ hội để quốc gia đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu bảo đảm bền vững môi trường: Việc cân đối hoạt động sử dụng nguồn tài nguyên và các nhu cầu sinh thái sẽ phụ thuộc chủ yếu vào sự tăng dân số. Tốc độ tăng nhanh bộ phận dân cư nghèo sẽ gây áp lực lớn đối với môi trường địa phương. Nếu hãm được nhịp độ tăng này, sẽ có thể giảm được tác động xấu đến môi trường sinh thái; đồng thời, trung hòa được nhu cầu của người dân với nguồn tài nguyên, và điều hòa được quá trình di trú ngoài sự mong muốn. Việc tạo ra hệ thống giáo dục và chăm sóc y tế tốt hơn (bao gồm cả chăm sóc sức khỏe sinh sản) đặc biệt là đối với khu vực nông thôn là phương pháp tốt để cải thiện phúc lợi và làm giảm mức sinh. Và, điều này sẽ ảnh hưởng tích cực đến vấn đề môi trường.

Mục tiêu đạt được phổ cập giáo dục tiểu học: Nhìn chung những nỗ lực phổ cập giáo dục hiện nay chưa chú ý đúng mức đến trẻ em nghèo. Một số điều tra còn cho thấy, nỗ lực này đã bỏ qua đối tượng trẻ em nghèo. Trong các gia đình nghèo, nếu không có sự quan tâm và các hỗ trợ tài chính của địa phương, chắc chắn nhiều trẻ em sẽ không được đến trường, một số em khác thời gian đi học sẽ bị trì hoãn, hoặc quãng thời gian học tập bị rút ngắn. Nạn tảo hôn và việc mang thai ở độ tuổi vị thành niên cũng ngăn cản quá trình học tập. Tóm lại, nếu không có những quyết sách đúng đắn về chiến lược dân số thì mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học sẽ rất xa vời.

Các mục tiêu khác trong tám mục tiêu phát triển thiên niên kỷ như: Xây dựng quan hệ đối tác toàn cầu cho phát triển; Thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao vị thế phụ nữ; Đấu tranh chống HIV/AIDS, lao, sốt rét và các bệnh khác; ..., đều liên quan trực tiếp và rất mật thiết với những thành công của lĩnh vực dân số.

Ngày nay, thế giới trong quá trình toàn cầu hóa đang ảnh hưởng rất sâu, rộng, thì mối quan hệ tương tác giữa các lĩnh vực là điều tất yếu. Không thể triển khai tốt một hoạt động nào mà không xem xét nó trong mối quan hệ qua lại với các hoạt động khác, và bất cứ sự phát triển của quốc gia nào cũng chỉ có thể đạt được sự tối ưu trong một môi trường phát triển lành mạnh của toàn thế giới. Lĩnh vực dân số không nằm ngoài mệnh đề này. Vấn đề dân số cần được giải quyết trong một giải pháp tổng thể, gắn kết dân số với các mục tiêu kinh tế, xã hội, chính trị của thế giới nói chung và của từng quốc gia nói riêng, trong đó "điều kiện tiên quyết để thành công là phải tôn trọng chủ quyền quốc gia: mỗi quốc gia sẽ quyết định nhu cầu của mình. Nền văn hoá và lịch sử dân tộc, cộng với hàng thập kỷ kinh nghiệm trong hợp tác quốc tế sẽ định hướng và định hình hành động"[8].

Tương lai đang ở phía trước và các nỗi lo cũng ở đó! Nếu may mắn kìm hãm được sự tăng thái quá của dân số, thì loài người sẽ lại đụng phải những khó khăn mới: sự già hóa dân số. Chẳng hạn, tới năm 2025, tại các nước phát triển, đa số cử tri đi bầu cử sẽ có tuổi trên 65[9]. Phải chăng lúc đó, thế giới sẽ tràn ngập người già ?!. Theo đó, hàng loạt vấn đề về kinh tế, xã hội, tâm lý và cả kinh doanh sẽ nảy sinh không ít thách thức đối với nhân loại. Và còn bao nhiêu vấn đề khác nữa trong tương lai? Chỉ với một tầm nhìn xa, đúng đắn, kết hợp với phương pháp xử lý chuẩn xác những mục tiêu dài hạn và trung hạn của các nhà lãnh đạo mới có thể đưa quốc gia tới một tương lai phồn vinh. ❑

(8) UNFPA: *Sđd*, tr 6

(9) R. Gíp-sơn biên tập: *Tư duy lại tương lai*. Nxb Trẻ Tp Hồ Chí Minh, 2002, tr 385

Digitized by Google

NƯỚC – vấn đề sống còn của loài người

PHẠM THỊ NGỌC TRẦM*

NƯỚC, nguồn tài nguyên thiên nhiên quý hiếm và quan trọng số một đang bị cạn kiệt. Nguy cơ thiếu nước, đặc biệt là nước ngọt và sạch là một hiểm họa lớn cho sự sinh tồn của con người, cũng như của toàn bộ sự sống trên trái đất. Tại Hội nghị thượng đỉnh Thiên niên kỷ năm 2000 ở Niu Y-oóc (Mỹ), Hội nghị thế giới về Phát triển bền vững năm 2002 ở Giô-han-ne-xbớc (Nam Phi) và Diễn đàn thế giới lần thứ ba về Nước ở Ky-ô-tô (Nhật Bản) năm 2003, các nhà lãnh đạo các quốc gia và các nhà khoa học đã xác định rằng, nước ngọt là vấn đề trọng tâm cần phải được ưu tiên hàng đầu của quá trình phát triển con người. Và, năm 2003 được lấy làm Năm Quốc tế về Nước. Nhân Ngày Môi trường thế giới 5-6-2003, Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) đã ra một thông điệp khẩn cấp: "Nước - Hai tỉ người đang khát", nhằm kêu gọi mọi người chung sức bảo vệ, sử dụng tiết kiệm và cùng nhau chia sẻ bình đẳng, bền vững và hòa bình về tài nguyên nước.

1 - Sự khai thác - thực trạng và nguyên nhân

Lượng nước trên trái đất được chứa trong thủy quyển. Thủy quyển là lớp vỏ lỏng không liên tục bao quanh trái đất, nó bao gồm đại dương, biển (nước mặn), ao, hồ, sông, suối, nước ngầm (nước ngọt), băng, tuyết và lớp hơi nước. Thủy quyển tồn tại ở 3 trạng thái: lỏng, cứng và hơi. Nếu tính theo diện tích che phủ, thủy quyển chiếm tới 75% bề mặt trái đất. Trong thành phần của thủy quyển, lượng nước mặn chiếm tới 97,5%, chỉ có 2,5% là nước ngọt.

Trong thành phần nước ngọt của trái đất có tới 74% là nước trong trạng thái băng, tuyết ở hai cực Nam và Bắc địa cầu cùng các dòng sông băng. Phần còn lại chủ yếu là nước ngầm nằm sâu dưới lòng đất hoặc tích tụ dưới dạng sương mù và độ ẩm. Lượng nước ngọt ở các sông, hồ chỉ chiếm khoảng 0,3% lượng nước ngọt trên thế giới. Trong tổng số lượng nước ngọt của trái đất, con người mới có thể khai thác chưa tới 1% để phục vụ cho nhu cầu sử dụng của mình. Lượng nước ngọt con người sử dụng chủ yếu hiện nay là nước mưa. Lượng mưa trên trái đất vào khoảng 105 000 km^3/năm, trong đó con người chỉ mới sử dụng được khoảng 35 000 km^3: 8% cho các mục đích sinh hoạt, 23% cho công nghiệp và 63% cho các hoạt động nông nghiệp.

Nước phân bố không đều, theo vùng lãnh thổ và theo mùa trên bề mặt trái đất. Có nơi thường xuyên bị khô hạn như vùng Trung Đông, Bắc Phi. Lượng nước mưa hằng năm ở đây rất thấp. Ở các vùng sa mạc, lượng mưa trung bình hằng năm chỉ đạt dưới 100 mm. Trong khi đó, có nơi thường xuyên bị lũ lụt,

* PGS. TS. Viện Triết học, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia

Digitized by Google

như ở các vùng nhiệt đới, cận nhiệt đới. Ở Ấn Độ, lượng mưa trung bình thường đạt 5 000 mm/năm. Trên 40% nước của sông ngòi, bể chứa trên núi và của các hồ, đều tập trung ở 6 nước: Bra-xin, Nga, Ca-na-đa, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ấn Độ. Ngược lại, gần 40% vùng đất nổi trên thế giới chỉ có 2% nước sông ngòi, hồ và bể chứa.

Nước là nguồn tài nguyên thiên nhiên không có biên giới. Trong thực tế, có rất ít trường hợp đường biên giới về nước lại trùng hợp với biên giới hành chính giữa các quốc gia. Toàn thế giới có khoảng 263 lưu vực sông lớn, chiếm tới 45,3% diện tích bề mặt trái đất (trừ Nam cực). Ở đây tập trung hơn 1/2 dân số thế giới. Và 1/3 trong tổng số các sông đó đang được hai hoặc nhiều nước cùng sử dụng. Các khu vực nước ngầm thường được nhiều nước cùng chia sẻ, mà nước ngầm lại lưu giữ tới 98% nguồn cung cấp nước ngọt cho con người trên thế giới: 50% lượng nước uống, 40% lượng nước dùng cho công nghiệp và 20% lượng nước dùng cho nông nghiệp. Do vậy, nước là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự xung đột về lợi ích giữa các quốc gia.

Tại Diễn đàn thế giới lần thứ ba về Nước họp ở Ky-ô-tô (Nhật Bản), tháng 3-2003, các đại biểu đã cảnh báo nguy cơ nước sẽ trở thành nguyên nhân của những xung đột sắp tới, khi mà tình trạng thiếu nước ngọt và sạch vẫn tiếp tục gia tăng. Ông Uy-li-am Cô-xơ-grô-vơ - Phó Chủ tịch Hội đồng Nước thế giới đã nhận định, tác động của cuộc khủng hoảng về nước tới cuộc sống nhân loại trong thế kỷ XXI sẽ lớn hơn nhiều so với cuộc khủng hoảng hiện nay ở Trung Đông, hoặc so với bất kỳ vấn đề chính trị nóng bỏng nào khác. Liên hợp quốc cũng xác nhận rằng, trên thế giới đã và đang xảy ra xung đột dữ dội về nước ở gần 300 khu vực.

Sự khan hiếm và cạn kiệt nguồn nước (nước ngọt và sạch) là một thực trạng rất nguy hiểm, nó đe dọa sự sống của con người và các sinh vật, và như vậy, đe dọa sự tồn tại và phát triển của trái đất. Nhiều nhà khoa học cho rằng, thiếu nước là một trong hai vấn đề bức xúc nhất đối với xã hội loài người trong thế kỷ XXI (vấn đề kia là sự biến đổi của khí hậu).

Báo cáo của UNEP năm 2003 cho biết, hiện nay có 40% số dân thế giới ở hơn 80 quốc gia đang bị thiếu nước nghiêm trọng và dự báo rằng, các điều kiện sống có thể còn tồi tệ hơn trong 50 năm tới, nếu như dân số vẫn tiếp tục tăng nhanh và sự nóng lên toàn cầu phá vỡ kiểu mưa hiện tại. Tây Á là khu vực bị đe dọa lớn nhất về nước, trên 90% số dân ở vùng này đang phải trải qua những áp lực nặng nề. Bởi vì, lượng nước tiêu thụ ở đây đã vượt quá 10% lượng nước ngọt có thể tái tạo được. Trên 1/3 số dân thế giới (khoảng 2,4 tỉ người) không có được các điều kiện vệ sinh đầy đủ, do sự khan hiếm và ô nhiễm của nước sinh hoạt.

Trữ lượng nước tính theo đầu người trên toàn thế giới đã bị giảm một cách đáng lo ngại. Hiện nay, trên thế giới chỉ có không đầy 50% lượng nước tính theo đầu người so với cách đây 50 năm: Từ 16 800 m^3/người/năm (1950) xuống còn 7 300m^3/người/năm (hiện nay), và dự đoán sẽ tiếp tục giảm xuống còn 4 800 m^3/người/năm vào năm 2025. Cách đây 50 năm, không một nước nào trên thế giới phải đối mặt với mức độ cấp nước thấp "thảm hại" (trữ lượng nước thấp hơn 1000m^3/người/năm) và rất thấp (1100 - 2000m^3/người/năm). Thế nhưng, ngày nay, 50% số dân thế giới đang phải sống trong tình cảnh này và dự đoán đến năm 2025, có 2/3 dân số thế giới sẽ phải chịu cảnh mức độ cấp nước từ thấp (2 100 - 5 000m^3/người/năm) đến rất thấp và thấp "thảm hại".

Có nhiều nguyên nhân của thảm cảnh về nước trên thế giới hiện nay, nhưng chủ yếu vẫn là do sự gia tăng nhanh chóng những hoạt động kinh tế của con người, nhằm đáp ứng những nhu cầu sống còn của một số dân tăng quá nhanh. Trong thế kỷ XX, nhu cầu của toàn thế giới về nước đã tăng lên gấp 7 lần và cũng trong thời gian đó, dân số tăng 3 lần. Nguồn nước ngọt và sạch là nguồn tài nguyên không thể thay thế. Tuy nhiên, nó đang ngày càng bị khan hiếm bởi sự khai thác quá mức, sự tiêu

Digitized by Google

dùng lãng phí và do bị ô nhiễm. Ước tính, có tới 60% nước dùng trong thủy lợi đã bị thất thoát qua các hệ thống tưới tiêu kém hiệu quả và 50% nước ở các vùng đô thị bị lãng phí do rò rỉ và bốc hơi. Rừng bị phá hoại ở nhiều nơi trên thế giới là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất góp phần vào việc làm xói mòn đất và khan hiếm nước.

Bên cạnh đó, chất lượng nước cũng đang bị suy giảm một cách nghiêm trọng. Ở một số vùng trên thế giới, nước đã bị ô nhiễm nặng nề đến mức không thể dùng được, ngay cả cho công nghiệp và nông nghiệp. Nguyên nhân là do nước đã sử dụng nhưng không được xử lý, thậm chí còn mang nhiều chất thải độc hại của các nhà máy, xí nghiệp. Nước dùng trong nông nghiệp bị ô nhiễm bởi các loại thuốc trừ sâu, trừ cỏ dại, các chất kích thích cây trồng vật nuôi. Nước ở các thành phố còn bị ô nhiễm bởi các chất độc hại phân hủy từ các bãi rác của thành phố, nước thải từ các bệnh viện, các cơ sở y tế và các khu trại chăn nuôi v.v.. Các chất độc hại thẩm thấu xuống đất rồi đi vào các mạch nước ngầm mang theo nhiều chất gây ô nhiễm cho nước. Người ta ước tính rằng, 90% lượng nước đã sử dụng ở các nước đang phát triển không được xử lý mà đổ trực tiếp vào môi trường.

Sự suy giảm mạnh mẽ về số lượng cũng như chất lượng của nước trên toàn thế giới hiện nay đang đưa nhân loại đến một cuộc khủng hoảng trầm trọng về nước. Cuộc khủng hoảng này đụng chạm đến lợi ích sống còn của nhiều dân tộc và nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước nghèo. Cuộc khủng hoảng về nước chắc chắn sẽ khốc liệt hơn, nan giải hơn so với các cuộc khủng hoảng về chính trị - xã hội, cũng như cuộc khủng hoảng về dầu lửa. Bởi vì, toàn bộ sự sống trên hành tinh chúng ta gắn liền với nước.

Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, nhu cầu về nước càng lớn và do vậy cuộc khủng hoảng về nước lại càng gay gắt và nghiêm trọng. Cuộc khủng hoảng về nước không chỉ đơn thuần là sự cạn kiệt của một nguồn tài nguyên quý giá, mà còn là một mặt quan trọng và đặc biệt của cuộc khủng hoảng toàn diện của một mô hình phát triển xã hội dựa vào một tiêu chí duy nhất là tăng trưởng kinh tế bằng bất cứ giá nào, bỏ qua các tiêu chí về xã hội - nhân văn và môi trường. Mức độ phồn thịnh của nền kinh tế tỷ lệ thuận với mức độ sử dụng nước. Sự chênh lệch về mức sống giữa các nước giàu và các nước nghèo cũng được thể hiện qua các chỉ số về số lượng nước được sử dụng trung bình tính theo đầu người trong một năm. Hiện nay, tính trung bình, số lượng nước ngọt dành cho các nhu cầu sinh hoạt của một người ở các nước phát triển cao hơn 10 lần số lượng của một người ở các nước đang phát triển. Trong các khu dân cư ở Bắc Mỹ và Nhật Bản, tổng lượng nước trung bình cấp cho mỗi người dân là 600 lít/ngày; châu Âu: từ 250 - 350 lít/người/ngày. Trong khi đó, ở cận Xa-ha-ra (châu Phi) và ở nhiều nước đang phát triển khác, lượng nước trung bình chỉ đạt từ 10 đến 20 lít/người/ngày.

2 - Nước trong tương lai gần và các giải pháp về nước

Theo tính toán của UNEP, nếu mức độ sử dụng nước vẫn tiếp tục tăng như hiện nay, thì sau khoảng 20 năm nữa, mức độ sử dụng nước trên toàn cầu sẽ tăng thêm 40% và lúc đó, số người sống ở những quốc gia phải chịu áp lực về nước sẽ tăng từ 470 triệu người như hiện nay lên tới 3 tỉ người vào năm 2025, chủ yếu là ở các nước đang phát triển.

Nhiều dân tộc quan niệm: "Nước là cái lộc của trời cho", do đó, người ta chỉ có thể sử dụng nước chứ không được sở hữu nó. Nước là vấn đề của hiện tại và cũng là của tương lai, của sự phát triển bền vững. Do vậy, cuộc khủng hoảng về nước hiện nay chỉ có thể giải quyết được trên cơ sở chung sức của cả nhân loại: đó là sự chia sẻ bình đẳng và trách nhiệm giữa người và người, giữa các quốc gia, dân tộc.

Các giải pháp có thể được thực thi là: kinh tế, khoa học, công nghệ, quản lý hành chính, luật pháp... nhưng quan trọng hơn là biết sử dụng hợp lý các yếu tố xã hội, nhân văn và văn hóa. Theo ông Phi-đơ-ri-cô Ma-y-ô, nguyên

Digitized by Google

Tổng Giám đốc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO), công nghệ và thị trường có thể là những đồng minh quý giá trong việc đối phó với cuộc khủng hoảng nước, nhưng giải pháp cuối cùng phải dựa trên nền tảng đạo lý và văn hóa. Giải pháp này dựa trên các nguyên tắc bình đẳng, hòa bình, vì sự phát triển bền vững và theo ba trục: phải tỏ ra táo bạo; quan tâm đến người khác và cùng chia sẻ.

3 - Nước ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp

Tài nguyên nước ở Việt Nam, kể cả nước mặt và nước ngầm, là một trong những nguồn tài nguyên cho đến nay vẫn còn khá phong phú. Nước ta nằm trong vành đai nhiệt đới, gió mùa, lượng mưa hằng năm khá lớn, thường vào khoảng 2000 mm/năm, gấp 2,6 lần lượng mưa trung bình của vùng lục địa trên thế giới. Tổng lượng nước mưa trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam là 650 km^3/năm, tạo ra dòng chảy mặt trong vùng nội địa là 324 km^3/năm. Nếu cộng cả lượng nước từ các con sông bắt nguồn từ Trung Quốc, Lào (Sông Mê-Công, sông Hồng, sông Mã, sông Cả) với số lượng khoảng 550 km^3/năm thì tổng lượng nước mặt được tạo ra trung bình hằng năm ở nước ta là khoảng gần 880 km^3/năm - một lượng nước mặt khá dồi dào so với nhiều nước trên thế giới.

Tài nguyên nước ngầm, trữ lượng nước động thiên nhiên ở Việt Nam cũng rất lớn, khoảng 50 - 60 km^3. Cho đến nay, chúng ta chỉ mới khai thác được khoảng 20% lượng dự trữ nước ngầm, vì nguồn nước mặt của chúng ta nhìn chung còn phong phú. Vả lại, khai thác nước ngầm tốn kém và khó khăn hơn.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, như chưa có sự quan tâm đặc biệt đến nguồn tài nguyên nước; sự quản lý không chặt chẽ; luật pháp về khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên nước chưa được thực thi nghiêm minh; đặc biệt là ý thức của người dân trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên nước chưa cao, do đó cũng đặt ra nhiều vấn đề bức xúc và nan giải.

- Nhìn chung, nguồn tài nguyên nước của chúng ta dồi dào, nhưng phân bố rất không đều theo vùng lãnh thổ và theo mùa, cộng với nạn phá rừng ngày càng nghiêm trọng đã gây nên tình trạng thiếu nước về mùa khô, lũ lụt về mùa mưa ở nhiều địa phương. Hạn hán và lũ lụt kéo dài đã gây vô vàn khó khăn cho cuộc sống của người dân: mùa màng thất bát, cây cối bị chết khô, con người phải sống trong những điều kiện kém vệ sinh, dẫn đến bệnh tật phát sinh và phát triển.

- Nguồn nước bị thu hẹp và bị ô nhiễm do các hoạt động kinh tế. Khảo sát thực tế cho thấy, 90% số doanh nghiệp không đạt tiêu chuẩn nước thải sạch, do không có các công trình xử lý nước thải; 60% số công trình xử lý nước thải hoạt động, vận hành không đạt yêu cầu. Bộ Thủy sản cho biết, việc nuôi trồng thủy sản ồ ạt, thiếu quy hoạch, không tuân theo các quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt đã gây ra nhiều tác động tiêu cực đến môi trường nước, như: các hóa chất kích thích, thức ăn thừa lắng đọng xuống đáy ao hồ, lòng sông... đã làm cho môi trường nước bị ô nhiễm bởi các chất hữu cơ, xuất hiện một số loài sinh vật gây bệnh và một số tảo độc.

- Nguồn nước bị thu hẹp do mất mát khá nhiều vì sử dụng lãng phí. Tính trong phạm vi toàn quốc, có tới 37% nguồn nước bị thất thoát và ở một vài địa phương lượng nước thất thoát lên tới 50% .

- Tình trạng ô nhiễm nước do nước thải sinh hoạt ở các đô thị đã lên đến mức báo động, nhất là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi ngày, lượng nước thải sinh hoạt ở Hà Nội từ 300 000m^3 đến 400 000 m^3, hầu hết là xả trực tiếp vào cống rãnh, không qua xử lý. Đặc biệt, nước thải của các bệnh viện, các khu chăn nuôi là những nguồn gây ô nhiễm nước rất nguy hiểm. Hiện nay, Hà Nội mới chỉ có 5/31 bệnh viện, 36/400 cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý nước thải. Thành phố Hồ Chí Minh chỉ có 24/142 cơ sở y tế lớn có hệ thống xử lý nước thải; hiện vẫn còn khoảng 3 000 cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường thuộc diện phải di dời ra khỏi thành phố.

Digitized by Google

- Ngân sách đầu tư cho bảo vệ môi trường nước còn rất thấp. Một số nước ASEAN đầu tư cho bảo vệ môi trường, nói chung là 1% GDP, trong khi đó ở Việt Nam mới chỉ đạt 0,1% GDP. Nếu chỉ riêng cho bảo vệ môi trường nước thì tỷ lệ này còn thấp hơn nhiều.

- Vấn đề ô nhiễm và hạ thấp nguồn nước ngầm cũng đang diễn ra ở nhiều nơi. Riêng ở Hà Nội, mỗi năm mực nước ngầm hạ thấp từ 3 đến 3,5m. Vì vậy, việc duy trì sản lượng nước khai thác rất khó khăn, trong khi đó nhu cầu của thành phố về nguồn nước, nhất là nước ngọt và sạch ngày càng tăng do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự gia tăng dân số nhanh.

Qua thực tế về sự cạn kiệt nguồn tài nguyên nước ở nhiều nước trên thế giới và trong nước; nhận rõ tầm quan trọng và giá trị nguồn tài nguyên nước, Việt Nam đã đưa cuộc chiến chống nạn thiếu nước lên hàng được ưu tiên, sau cuộc chiến chống nạn đói nghèo.

Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đã đưa ra những số liệu, đánh giá cao sự cố gắng đáng kể của Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề nước. Theo tính toán, số người được sử dụng nước sạch ở Việt Nam, từ năm 1998 tới năm 2000, đã tăng 13% và Việt Nam được xem là một trong những nước có mức độ gia tăng nhanh nhất thế giới trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, mức độ gia tăng này là không đồng đều. Hiện nay, có 70% số dân thành phố được cấp nước sạch, còn ở nông thôn chỉ mới đạt 46%.

Theo cam kết của Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững năm 2002, Việt Nam đặt mục tiêu phấn đấu cung cấp cho mỗi người trong số 80% số dân ở nông thôn 60 lít nước mỗi ngày vào năm 2010 và 100% vào năm 2020. Việt Nam cũng đã xác định những hoạt động ưu tiên về bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước trong "Chiến lược Phát triển bền vững của Việt Nam". Những hoạt động này được thể hiện cụ thể trên các bình diện: thể chế, kinh tế, kỹ thuật và cả về nhận thức. ❑

VỀ CHƯƠNG TRÌNH...

(Tiếp theo trang 33)

được tiến độ thi công; phối hợp giữa nhà thầu và lao động tại chỗ trong thi công các công trình; tổ chức, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Ban Giám sát xã cùng với các biện pháp chỉ đạo thi công, kiểm tra giám sát để đảm bảo chất lượng công trình.

4- Kinh nghiệm triển khai Quyết định số 42/QĐ-TTg, ngày 10-3-1999, của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường cán bộ xuống các xã đặc biệt khó khăn, bao gồm: nguồn cán bộ, chính sách cán bộ, phương thức hoạt động của đội ngũ cán bộ này đã đem lại kết quả cao và thiết thực cần được nhân rộng hơn nữa. Tìm tòi các biện pháp đào tạo cán bộ và nâng cao dân trí ở các xã thuộc chương trình; nâng cao năng lực quản lý hành chính, kinh tế - xã hội cho đội ngũ cán bộ xã, bản, làng, phum, sóc, đủ sức vận hành rất phù hợp và có hiệu quả.

5- Từ thực tiễn vận hành chương trình trong những năm qua, các địa phương, các ngành có liên quan đẩy mạnh hơn nữa việc tổng kết rút kinh nghiệm và kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo các bộ ngành, các cấp chính quyền địa phương giải quyết vướng mắc, kịp thời tháo gỡ khó khăn để có điều kiện hoàn thành kế hoạch thực hiện chương trình năm 2003 và chuẩn bị điều kiện cho việc hoàn thành kế hoạch thời kỳ 2001-2005.

Có thể nói, kết quả quan trọng bước đầu của chương trình đã khẳng định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta là đúng đắn; các cơ quan hữu trách đặc biệt là Ủy ban Dân tộc đã có nhiều cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Chương trình đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của đông đảo nhân dân và các tổ chức trong và ngoài nước. Các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần đẩy nhanh tiến độ của chương trình. Với thuận lợi đã có, trong những năm tới, tin chắc rằng việc thực hiện chương trình sẽ nhanh hơn, tốt hơn. ❑

Digitized by Google

Bồi dưỡng, phát triển đảng trong quân đội - nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn quân

NGUYỄN VĂN HẢI*

XÂY dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta. Cùng với lực lượng công an, quân đội là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp giữ vững độc lập chủ quyền, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và những thành quả cách mạng của nhân dân. Từ ngày ra đời đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội ta đã thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao, xứng đáng với lời khen ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"(1).

Sức mạnh của quân đội bắt nguồn từ nhiều yếu tố, trong đó yếu tố quyết định nhất là quân đội ta được Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt. Dưới sự lãnh đạo, rèn luyện của Đảng, quân đội ta luôn mang trong mình bản chất cách mạng, khoa học của giai cấp công nhân, chiến đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng và dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam vừa là nguyên tắc bất di bất dịch vừa là điều kiện bảo đảm để quân đội ta phát triển và trưởng thành. Đồng thời, đó cũng là bài học thực tiễn sâu sắc đã được lịch sử kiểm nghiệm trong quá trình xây dựng quân đội gần 60 năm qua. Hiện nay, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch đang ráo riết đẩy mạnh thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" và "bạo loạn lật đổ" nhằm chống phá cách mạng Việt Nam và thủ tiêu chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Một trong những đòn tấn công trọng điểm và hết sức nham hiểm, tinh vi, xảo quyệt của chúng là "phi chính trị hóa" quân đội, hạn chế và từng bước tiến tới xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với quân đội. Từ thực tế đó, đi đôi với việc tăng cường tiềm lực, sức mạnh chính trị, tinh thần của quân đội, nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường cách mạng, bản chất giai cấp công nhân, ý chí chiến đấu và mục tiêu, lý tưởng cho cán bộ, chiến sĩ, phải tiếp tục coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa công tác bồi dưỡng, phát triển đảng trong lực lượng trẻ tuổi của quân đội. Điều đó xuất phát từ một số lý do cơ bản sau đây:

Một là, với truyền thống lịch sử vẻ vang và bản chất tốt đẹp của mình, Quân đội Nhân dân Việt Nam đã giáo dục, rèn luyện và đào tạo nhiều thế hệ thanh niên ưu tú. Trong số họ, nhiều người đã trở thành những nhà khoa học tài năng, những cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, những cán bộ quản lý, kinh doanh trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Với phương thức tổ chức chặt chẽ, môi trường kỷ luật nghiêm minh, đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, quân đội ta đã góp phần vun đắp, nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm, nếp sống con người ngày càng hoàn thiện. Mặt khác, quân đội ta có hệ thống chỉ huy từ trên xuống dưới, có cấp ủy và các tổ chức chính trị - xã hội như Công đoàn, Đoàn Thanh niên,

* Đại úy, Bộ Tư lệnh Quân khu II

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.11, tr.350

Digitized by Google

Hội Phụ nữ... nên mọi thành viên đều được tham gia sinh hoạt trong các tổ chức đó theo nguyện vọng, lứa tuổi, giới tính, cương vị công tác, khả năng của mình. Những phẩm chất đạo đức tốt đẹp như lòng trung thành, cương nghị, kiên trì, dũng cảm, cộng đồng trách nhiệm trong cuộc sống; đức tính chăm chỉ, cần mẫn, cầu thị trong học tập; tác phong chững chạc, điềm đạm trong công tác và khả năng ứng xử linh hoạt, nhạy bén, sáng tạo phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn... không phải ở đâu cũng tạo dựng được như trong môi trường quân đội.

Hai là, đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trẻ chiếm một tỷ lệ khá lớn. Đây là lực lượng kế cận và tiếp bước cha anh trong sự nghiệp xây dựng quân đội chính quy, hiện đại và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng trong lực lượng này để bổ sung, tăng cường sức mạnh chiến đấu cho quân đội, giữ vững sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, trực tiếp của Đảng đối với quân đội; và đó cũng là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn quân.

Ba là, phần lớn cán bộ, chiến sĩ trẻ trong quân đội hiện nay sinh ra và lớn lên trong hòa bình. Họ có ưu thế là được học hành cơ bản, có khả năng nhận thức, nắm bắt, làm chủ những thành tựu của khoa học - công nghệ, dễ tiếp thu và thích ứng với cái mới. Song, do hoạt động thực tiễn còn nhiều hạn chế nên thường thiếu kinh nghiệm, dễ bị tác động và ảnh hưởng bởi mặt trái của nền kinh tế thị trường và các hiện tượng tiêu cực khác. Vì thế, việc thường xuyên chăm lo giáo dục, bồi dưỡng mục tiêu, lý tưởng của Đảng và định hướng, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, chiến sĩ trẻ tự nguyện, chủ động, tích cực phấn đấu trở thành đảng viên là một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm "đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng", vừa "chuyên""[2], góp phần không ngừng củng cố và nâng cao nguồn lực, nguồn sức mạnh của Đảng trong quân đội.

Bốn là, tận dụng và phát huy ưu thế, nhất là về trí tuệ của cán bộ, chiến sĩ trẻ trong quân đội hiện nay trong công tác xây dựng, phát triển Đảng nhằm góp phần tiếp sức, tăng lực cho Đảng thực hiện và phát huy vai trò lãnh đạo toàn xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với thế mạnh là được học tập và "tắm mình" trong một xã hội đầy ắp thông tin và cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đang phát triển mạnh mẽ, nếu được cấp ủy và chỉ huy các cấp quan tâm dìu dắt, rèn luyện, tạo cho lớp trẻ điều kiện để họ cống hiến tài năng, trí tuệ của mình, nhất định đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trẻ trong quân đội sẽ phấn đấu trưởng thành, tiến bộ, đóng góp tích cực vào việc xây dựng tổ chức đảng trong quân đội trong sạch vững mạnh, xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

Năm là, bồi dưỡng, tạo nguồn và phát triển đảng viên trẻ trong quân đội không chỉ là nhịp cầu nối liền quá khứ với hiện tại, là mạch nguồn gắn kết các thế hệ cán bộ, chiến sĩ mà còn là sự mở hướng, hoạch định tương lai phát triển, tạo nền tảng cho quân đội luôn luôn ở tư thế ổn định, vững vàng, thể hiện rõ vị trí, vai trò là một lực lượng chính trị trung thành, tin cậy và đội quân cách mạng chiến đấu tinh nhuệ của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Chăm lo xây dựng Đảng trong quân đội theo nguyên tắc vững vàng về chính trị, tư tưởng, mạnh về ý chí đoàn kết, thống nhất, tinh thần chiến đấu và chặt chẽ về tổ chức. Quan tâm, chú trọng và tăng cường công tác phát triển đảng trong quân đội vừa là sự tiếp nối truyền thống và bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn trong xây dựng quân đội, vừa là quá trình bổ sung, bồi đắp, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và chất lượng tổng hợp cho sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội ngang tầm nhiệm vụ. Dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa IX, của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các tổ chức đảng trong quân đội tiếp tục củng cố về mọi mặt, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo; xây dựng đội ngũ đảng viên kế cận có phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, có năng lực, trình độ chuyên môn cao, xứng đáng là lực lượng kế tục truyền thống anh hùng của quân đội, góp sức cùng toàn Đảng, toàn dân xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. ❑

---

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.12, tr.510

Digitized by Google

GÓP PHẦN TÌM HIỂU SỰ KIỆN I-RẮC

VŨ ĐÌNH CỰ

1 - Sự chuyển tiếp đang tiếp tục

Sau khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, thế giới chờ đợi một trật tự mới. Mở đầu thế kỷ XXI, giới lãnh đạo Mỹ công bố rằng thời kỳ chuyển tiếp sau "chiến tranh lạnh" đã chấm dứt. Điều đó có nghĩa là Mỹ đã khẳng định trật tự mới, đơn cực, với Mỹ là siêu cường duy nhất lãnh đạo thế giới!

Sự kiện ngày 11-9-2001 ở Niu Oóc, mà cho đến bây giờ vẫn chưa đánh giá được đầy đủ tác động của nó, lại chứng tỏ ngược lại với nhận định vội vàng trên đây của giới lãnh đạo Mỹ. Sự kiện ngày 11-9 và tiếp theo là chiến tranh Áp-ga-ni-xtan, việc tuyên bố trục *"ma quỷ"* và cuộc chiến I-rắc chứng tỏ rằng siêu cường Mỹ bước vào thời kỳ rối ren, khủng hoảng. Trật tự thế giới mới chỉ là ảo tưởng.

Những diễn biến liên tiếp đầu thế kỷ này cho thấy rằng, thời kỳ chuyển tiếp sau "chiến tranh lạnh" còn tiếp tục cho tới khi xuất hiện một trật tự mới, ổn định của thế giới. Việc cho rằng, Hoa Kỳ từ sau sự kiện ngày 11-9 lâm vào tình trạng khủng hoảng là có căn cứ thực tế. Thực vậy, từ sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan rã, chính quyền của B. Clin-tơn, trong hai nhiệm kỳ đã đưa nền kinh tế Mỹ vào một thời kỳ thịnh vượng, với tốc độ tăng trưởng cao, triệt tiêu bội chi và nợ của Chính phủ, công nghệ cao phát triển mạnh. Khi chính quyền G. Bu-sơ thay thế, tình hình kinh tế lại trở nên trì trệ, bội chi và nợ của Chính phủ gia tăng, thất nghiệp ngày càng nhiều, năng lượng tiếp tục khủng hoảng thiếu. Để tìm hiểu tình hình trên, thử phân tích tác động của sự chấm dứt của "chiến tranh lạnh" đối với Mỹ. Về thuận lợi, Mỹ giảm được chi phí chạy đua vũ trang, có thêm sự tin tưởng sức mạnh chế độ xã hội ở Mỹ, tạo được uy thế của nước mạnh nhất thế giới. Ngược lại, khi Liên Xô không còn, Mỹ cũng chịu các mất mát như: công nghiệp vũ khí bị ảnh hưởng bởi sự hạn chế của thị trường, dù mọi cố gắng thúc đẩy của Chính phủ Mỹ giữ cho ngân sách quốc phòng tăng; Mỹ khó giữ được ngôi bá chủ ngay trong các nước tư bản, khi không còn phe xã hội chủ nghĩa thì tất nhiên sẽ không còn phe tư bản chủ nghĩa và trong nội bộ các nước tư bản sẽ nảy sinh rạn nứt mà điển hình là sự chia rẽ giữa Mỹ với Pháp, Đức, Bỉ trong sự kiện I-rắc; Mỹ đã mất vị trí *"nhất hô bách ứng"* và ngay trong nội bộ nước Mỹ phải ra luật *"yêu nước"* để khống chế mọi người. Có thể thấy, khi hết "chiến tranh lạnh", giới cầm quyền nước Mỹ ngày càng thấy *"mất"* nhiều hơn là *"được"*. Khác với chiến tranh nóng, khi chiến thắng cũng không thể xông sang chiếm đóng, cướp đoạt tài sản và đòi bồi thường chiến tranh. Hơn thế nữa, phép biện chứng còn cho thấy, khi hệ lưỡng cực đang cân bằng mà một cực mất đi, thì cực còn lại cũng bị tác động phủ định và hệ thống sẽ chuyển sang một hệ cân bằng khác. Hệ thống mới đó là *"đa cực"* hay *"một cực"*?

2 - Xu thế của trật tự thế giới mới

Sau vụ khủng bố ngày 11-9, Mỹ đưa ra học thuyết mới về an ninh, nêu lên chủ nghĩa đơn

* GS, TSKH, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội

Digitized by Google

phương và chiến lược đánh đòn phủ đầu, v.v.. Nhiều nhà phân tích cho rằng, những động thái đó và tiếp theo là triển khai thực tế bằng chiến tranh xâm lược I-rắc nói lên ý đồ của Mỹ muốn xây dựng trật tự mới là thế giới một cực. Hiện nay, Mỹ đang có thời cơ của một siêu cường đứng đầu thế giới về tiềm lực kinh tế, quốc phòng và khoa học - công nghệ. *Về xu thế đơn cực*, đã có rất nhiều ý kiến phân tích của các học giả trên thế giới bác bỏ. Xin nêu một số ý kiến chính về sự bác bỏ đó:

+ Thế giới đơn cực, một nghiệm ảo.

Có nhiều mô hình về thế giới đơn cực, nhưng có thể xét hai loại đặc trưng, *đơn cực cứng và đơn cực mềm*, các loại khác là phối hợp với mức độ khác nhau của hai loại này. *Mô hình đơn cực cứng* là một thế giới đồng nhất về kinh tế, chính trị, xã hội do một nước hùng mạnh nhất đứng đầu, các nước khác đều là chư hầu. Mô hình này bị bác bỏ ngay, vì như vậy phải thiết lập một chế độ độc tài toàn cầu. Lý do không thể tồn tại *loại hình đơn cực cứng* là ở chỗ nền kinh tế thế giới toàn cầu hóa với hàng ngàn công ty xuyên quốc gia sẽ tất yếu phủ định bất cứ chế độ độc tài toàn cầu nào.

Mô hình đơn cực mềm là thế giới, như nhiều người đã nói,**"nhất siêu đa cường"**. Mô hình này gồm một nhóm cường quốc làm trung tâm trong đó có một siêu cường đứng đầu, ví dụ G7 với Mỹ đứng đầu. Có người cho rằng, G7 đã thỏa thuận về mô hình này dưới thời B. Clin-tơn, nhưng mô hình này cũng khó tồn tại và chính quyền G. Bu-sơ đã gạt bỏ nó.

Mô hình đơn cực, dù cứng hay mềm đều không thể tồn tại trong thế giới hiện đại, vì nó trái với nguyên lý tôn trọng độc lập, chủ quyền, công bằng, bình đẳng giữa các quốc gia như đã quy định trong Hiến chương Liên hợp quốc. Đã đơn cực là phải có trên, có dưới và để duy trì nó phải có độc tài. Lịch sử thế giới cho thấy, sự thất bại của nhiều thế lực muốn xây dựng trật tự đơn cực. Đúng là có quốc gia hùng cường, vượt trội bậc nhất thế giới về sức mạnh vật chất, tự cho rằng mình xứng đáng làm cực duy nhất; nhưng xã hội loài người còn tồn tại nhờ sức mạnh tinh thần và văn hóa, mà đây lại là nguồn lực đang trở thành có ý nghĩa quyết định. Nếu giải bài toán của thế giới đương đại mà chỉ dựa vào sức mạnh vật chất (chiếm khoảng 25% của thế giới) thì có thể tìm thấy nghiệm đơn cực, nhưng đó là nghiệm ảo, không thể tồn tại trong thực tế.

+ Thế giới đa cực.

Thường người ta có thể hiểu thế giới đa cực cũng theo *hai mô hình*. ***Thứ nhất,*** *mỗi cực là một cường quốc khu vực*, xung quanh nó có các nước yếu hơn, nhỏ hơn. Nhóm các nước này thành một khối và các nước trong khối phụ thuộc vào cường quốc khu vực. Những vấn đề nảy sinh của thế giới được giải quyết bằng thỏa hiệp giữa các cường quốc khu vực. Mô hình này thực chất là chia phần thế giới cho nhiều *"tiểu bá"*. Khó có thể ổn định với mô hình đa cực loại này vì lẽ rất dễ phát sinh mâu thuẫn giữa các khối dẫn đến đổ vỡ.

Thứ hai, *mô hình đa cực mạng lưới.* Mỗi nước là một nút của mạng lưới. Mỗi mạng lưới có thể có *"luật chơi"* riêng, tức là cấu trúc lưới riêng. Một nước, ngoài quan hệ trong lưới, còn có thể quan hệ với các nước thuộc lưới khác, hoặc hai lưới có thể liên kết. Mỗi lưới như vậy gọi là một cực. Những nước lớn như: Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ... là một lưới. Trong thực tế, đã thấy xuất hiện các lưới như: EU (15 nước sẽ tăng lên 25 nước), Nga và SNG, Trung Quốc, Đông Á (Nhật, Hàn Quốc, vùng lãnh thổ Đài Loan), ASEAN, Ấn Độ - Nam Á, Trung Đông, AU (châu Phi), NAFTA, Mỹ La-tinh, v.v.. Các liên mạng như APEC sẽ xuất hiện với liên kết yếu. Cụm từ mạng lưới ở đây nhằm nêu lên tính chất không phân tầng trên, dưới; các nút của mạng đều bình đẳng. Mô hình đa cực mạng lưới còn phù hợp với thuyết *"tự tổ chức"*. Lý thuyết về một hệ thống phức tạp, có thể lâm vào tình trạng không cân bằng và hỗn độn, sau đó *"tự tổ chức"* (self- organisation) thành mạng lưới, là một lý thuyết nổi tiếng do Pri-gô-din đề ra và được tặng giải Nôben năm 1977.

Digitized by Google

Mô hình đa cực mạng lưới đã bước đầu manh nha hình thành trên thực tế, nhưng chưa thể khẳng định mô hình đó đã ổn định và cũng chưa thể phân tích được những ưu điểm nổi trội cũng như những lực cản ảnh hưởng đến mô hình đó. *Có thể nó chỉ là thực tiễn của một giai đoạn chuyển tiếp từ chiến tranh lạnh sang một trật tự mới.* Dù sao, ít ra trật tự mới cũng phải mang đậm dấu ấn của mô hình đa cực mạng lưới. Cũng cần nhắc lại rằng không thể chụp cho thực tế vô cùng phức tạp của thế giới ngày nay bất kỳ một mô hình nào, vì đó là một thực tế phi mô hình hóa. Thực ra, trong trường hợp tốt nhất, chỉ có thể vạch ra một số nét phác thảo giản đơn phù hợp đại thể mà thôi. Tình trạng sa lầy của Mỹ và liên quân tại I-rắc hiện nay cho thấy, các tham vọng về một thế giới đơn cực đã bước đầu thất bại. Như vậy, thời kỳ chuyển tiếp sau "chiến tranh lạnh" vẫn còn tiếp tục. Khả năng một thế giới đa cực kiểu mạng lưới có thành hiện thực hay không, vẫn còn nhiều ẩn số, nhưng có triển vọng vì phù hợp với thực tế của thời đại.

3 - Chiến tranh trong toàn cầu hóa

"Chiến tranh lạnh" chấm dứt là điều kiện quan trọng để xuất hiện toàn cầu hóa. Thực tế cho thấy, toàn cầu hóa bắt đầu từ kinh tế và có ảnh hưởng lan rộng sang các lĩnh vực xã hội khác, trong đó có chiến tranh. Khi còn "chiến tranh lạnh", thường căn cứ vào thực tế các cuộc chiến tranh của thế kỷ XX để phân loại thành: chiến tranh thế giới, chiến tranh cục bộ, chiến tranh cường độ cao. Cũng cần xem xét ảnh hưởng của toàn cầu hóa và sự phát triển công nghệ cao đối với các loại chiến tranh như đã nói ở trên.

+ Chiến tranh thế giới và toàn cầu hóa.

Hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỷ XX đều do các cường quốc tư bản, chia làm hai phe tranh giành nhau quyền lợi gây ra. Có thể thấy một số đặc điểm của chiến tranh thế giới như: a - Đó là chiến tranh tổng lực, dùng vũ khí giết người hàng loạt như hạt nhân, hóa học, sinh học; b - Có các nước từ năm châu tham chiến và chiến trường lan rộng khắp thế giới; c - Mức độ tàn phá kinh tế, tiêu diệt nhân mạng, hủy hoại môi trường là khủng khiếp và hậu quả của nó không thể lường được.

Chiến tranh thế giới, với mô thức như trình bày ở trên, nhất là với các loại vũ khí công nghệ cao hiện nay, chắc chắn dẫn đến một trong hai khả năng: hoặc là loài người bị tiêu diệt, hoặc là có người sống sót phải trải qua nhiều thập kỷ, thế kỷ khủng khiếp để phục hồi lại nền văn minh hoặc biến thành giống người khác.

Những tính toán khoa học cho thấy, chỉ với một số bom hạt nhân cỡ mê-ga-tôn (tương đương 1 triệu tấn thuốc nổ TNT) đã tạo ra mây bụi che kín mặt trời dẫn tới mùa đông nguyên tử và môi trường phóng xạ kéo dài. Giá lạnh, hết thức ăn vì không còn quang hợp, lượng phóng xạ cao sẽ đe dọa sự tồn tại mọi sinh vật. Tình hình này dẫn đến một thực tế là các cường quốc đều lo ngại xảy ra chiến tranh thế giới như quy mô nói trên, vì phần chắc là tất cả đều rơi vào lò sát sinh. Do đó, nói trước mắt ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới là có căn cứ đáng tin cậy.

Tuy nhiên, chiến tranh thế giới tổng lực vẫn có thể xảy ra với xác suất tuy nhỏ nhưng không bằng 0, vì các kho vũ khí giết người hàng loạt và vũ khí quy ước đang còn đầy ắp do: có thể từ một cuộc chiến tranh cục bộ phát triển lên và không kiểm soát được; do sai lầm nghiêm trọng về kỹ thuật (bấm nút nhầm, báo động nhầm, các lý do ngẫu nhiên khác...), mặc dù đã có các hiệp định nhằm hạn chế các sai lầm này, nhưng vẫn không chắc chắn có thể tránh hết được mọi sai lầm; ra quyết định sai, do tình báo hoặc cố ý hoặc kém cỏi báo cáo sai, do đánh giá sai đối phương, tưởng rằng có thể đánh đòn phủ đầu, "xử trảm" sẽ nhanh chóng chiến thắng mà không bị đánh trả. Trường hợp I-rắc cho thấy lý do thứ ba này không phải là không dễ xảy ra.

Những thế lực hiếu chiến vẫn muốn gây chiến tranh dùng vũ khí giết người hàng loạt mà

Digitized by Google

không bị trừng phạt bằng cách: xây dựng hệ thống phòng thủ tên lửa kiểu SDI của Mỹ; sản xuất các loại bom hạt nhân loại nhỏ để khống chế các nước không có tên lửa đạn đạo; dùng vũ khí sinh học đánh ngầm, giấu tên và sau đó đòi hỏi điều kiện chính trị để giúp chữa trị. Chỉ khi nào loại trừ hoàn toàn vũ khí giết người hàng loạt mới loại trừ về cơ bản chiến tranh thế giới. Xin lưu ý rằng, hiện đang phát triển công nghệ cao mới gọi là ***công nghệ na-nô.*** Một số nước có thể đang nghiên cứu chế tạo loại vũ khí giết người hàng loạt mới gọi là vũ khí nano dựa trên công nghệ na-nô. Có thông tin cho rằng, loại vũ khí na-nô (nano weapon) có mức nguy hiểm còn cao hơn cả các loại cũ cộng lại, do đó có phong trào vận động giới khoa học tẩy chay nghiên cứu loại vũ khí này.

Đối với chiến tranh thế giới, toàn cầu hóa vừa có mặt kiềm chế răn đe, vừa có mặt kích động. Răn đe vì chiến tranh thế giới trong toàn cầu hóa sẽ phá hủy hệ kinh tế toàn cầu, đánh ngay vào kinh tế của những nước gây chiến. Kích động vì toàn cầu hóa tạo thêm rủi ro cho những sai lầm chiến lược hoặc chiến thuật như đã nói ở trên. Nói chung, toàn cầu hóa đối lập với chiến tranh thế giới, mặc dầu có những thế lực muốn mở rộng toàn cầu hóa bằng chiến tranh cục bộ hoặc dùng chiến tranh như ở Cô-xô-vô.

+ Chiến tranh cục bộ và toàn cầu hóa.

Trong thời kỳ "chiến tranh lạnh" (1945 - 1991), có nhiều cuộc chiến tranh cục bộ. Đó là cuộc chiến tranh thực chất chỉ có một số ít nước tham chiến và vũ khí giết người hàng loạt chưa được sử dụng. Sau "chiến tranh lạnh", thời gian qua ở nhiều nước châu Phi, châu Á, Trung Đông, châu Âu, châu Mỹ đều có xung đột vũ trang mang sắc thái mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo và khủng bố. Trong số đó chỉ có một số là mới nảy sinh sau "chiến tranh lạnh" và trong quá trình toàn cầu hóa như chiến tranh Cô-xô-vô, cuộc khủng bố ngày 11-9 ở Mỹ, chiến tranh Áp-ga-ni-xtan và chiến tranh I-rắc.

Diễn biến sau "chiến tranh lạnh" cho thấy, một số cuộc chiến có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và mang tính chất toàn thế giới. Đó là các cuộc khủng bố một bên và các cuộc chiến do Mỹ phát động lấy danh nghĩa chống khủng bố một bên. Ở đây, tuy có tính cục bộ nhưng nhìn chung lại không còn tính cục bộ mà hơn nữa lại có tính leo thang. Ở Mỹ đã xuất hiện việc sử dụng vũ khí hạt nhân chiến thuật, v.v.. Mỹ lại tuyên bố "trục ma quỷ" và ai không theo Mỹ là thuộc phe bên kia. Như vậy, xuất hiện vấn đề là liệu có thể đánh giá khủng bố và cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ công bố tuyên chiến có là một cuộc *chiến tranh thế giới thời toàn cầu hóa* hay không? Sau I-rắc sẽ đến lượt những nước nào: I-ran, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Sy-ri...? Nếu câu trả lời là khẳng định thì rõ ràng là chiến tranh thế giới kiểu cũ ít có khả năng xảy ra, nhưng chiến tranh thế giới kiểu mới đã bắt đầu.

Với loại chiến tranh thế giới kiểu này, vũ khí sinh học được sử dụng nhiều nhưng không tuyên bố có nhiều khả năng trở thành loại vũ khí giết người hàng loạt. Sang thế kỷ XXI, trong điều kiện toàn cầu hóa, có thể xuất hiện các loại hình mới của chiến tranh. Điều này đòi hỏi sớm phải nhận định, ít nhất cũng là một bước để khi cần có thể thích nghi nhanh chóng với các tình huống.

*

* *

Cuộc chiến I-rắc nói riêng và sự kiện I-rắc nói chung đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề mới. Thế giới hiện đại đang diễn biến theo những quy luật của nó. Có nhiều thế lực muốn xoay chuyển thế giới theo ý chí của riêng họ. Có thể nói rằng, sự chuyển tiếp từ trật tự "chiến tranh lạnh" sang trật tự mới vẫn còn tiếp tục trong hỗn độn. Trong giai đoạn hết sức nhạy cảm này, cần nhìn rõ cái *"bất biến"* và một khi đã khẳng định được chắc chắn cái *"bất biến"* của mình thì rõ ràng có điều kiện để tránh được may rủi trong khi *"ứng vạn biến"*. ❑

Digitized by Google

Thách thức của vị thế siêu cường Mỹ

HOÀNG HOA

HIỆN nay, một số học giả, nhà bình luận và nghiên cứu quốc tế ngày càng có khuynh hướng cho rằng, thế giới sau "chiến tranh lạnh" là thế giới một cực do Mỹ lãnh đạo. Một số tờ báo Mỹ nhận định rằng, trong vòng ba thập niên tới, Mỹ sẽ tiếp tục duy trì quyền lãnh đạo toàn cầu của mình; rằng, kỷ nguyên hiện nay chỉ có một siêu cường toàn cầu - "kỷ nguyên của Mỹ", "vị trí của Mỹ hiện nay là chưa có tiền lệ trong lịch sử". Thậm chí nói như Z. Brê-din-xki, nước Mỹ sẽ là "siêu cường toàn cầu đầu tiên, mãi mãi và duy nhất trong thế kỷ XXI". Việc Mỹ nhanh chóng đánh chiếm Áp-ga-ni-xtan, I-rắc vừa qua như là để khẳng định vị thế siêu cường Mỹ trong trật tự thế giới hiện nay.

Cách đây 4 năm, S.P. Hơn-tinh-tơn nhận định rằng, Mỹ là nước duy nhất chiếm ưu thế trên các lĩnh vực kinh tế, quân sự, ngoại giao, tư tưởng, công nghệ và văn hóa; Mỹ dường như có đủ khả năng thúc đẩy lợi ích quốc gia của Mỹ ở khắp mọi nơi trên toàn thế giới[1].

Về quân sự, theo tờ *Nhà kinh tế* (Anh), số ra ngày 23-3-2002, Mỹ là nước duy nhất có cả vũ khí hạt nhân và lực lượng trải rộng toàn cầu. Chi tiêu quân sự của Mỹ khổng lồ, dẫn đầu trong "cách mạng quân sự" dựa vào thông tin. Khoảng cách to lớn về công nghệ là điều khó có thể khắc phục đối với các quốc gia khác khi chi phí cho nghiên cứu và phát triển quốc phòng của Mỹ gấp ba lần tổng chi phí của 6 nước tiếp theo. Tờ *Tuần tin tức* (Mỹ), số ra ngày 23-3-2003, cho rằng chi tiêu quốc phòng của Mỹ trong năm 2004 sẽ lớn bằng chi tiêu quốc phòng của tất cả các nước trên thế giới cộng lại (191 nước), chiếm 4% GDP của Mỹ.

Về kinh tế, theo tạp chí *Các vấn đề đối ngoại* (Mỹ), số tháng 7-8-2002, từ sau năm 1945, sự thống trị kinh tế của Mỹ so với một số nước giàu nhất hoặc so với toàn bộ phần còn lại của thế giới cộng lại, vượt xa hơn bất kỳ quốc gia lớn nào trong lịch sử hiện đại. Kinh tế Mỹ lớn gấp ba kinh tế Nhật Bản, Đức và Anh cộng lại. Với 5% dân số thế giới, nước Mỹ chiếm 43% sản lượng kinh tế thế giới, 40% sản xuất công nghệ cao và 50% nghiên cứu và phát triển. Nền kinh tế của riêng bang Ca-li-phoóc-ni-a cũng đã đứng thứ 5 thế giới, vượt cả Pháp và chỉ sau nước Anh. Một trong những nguyên nhân đưa đến thành công của kinh tế là Mỹ có điều kiện thuận lợi nhất trong việc tận dụng những lợi thế của quá trình toàn cầu hóa.

Các tập đoàn xuyên quốc gia Mỹ ngày càng trở thành những lực lượng thống soái. Trong danh sách 100 xí nghiệp hàng đầu thế giới hiện nay, có tới 61 % là của Mỹ. Đồng đô-la Mỹ đang thống trị nền kinh tế toàn cầu. Trong chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất, Mỹ là nước tiến hành cuộc chiến nhưng chi phí cuộc chiến lại được các nước đồng minh, đặc biệt là Nhật Bản và Đức chi trả.

Về ngoại giao, Mỹ hiện có ảnh hưởng lớn đối với các tổ chức quốc tế như WB, IMF.

Về sức mạnh công nghệ, chi phí về nghiên cứu và phát triển của Mỹ bằng tổng chi phí của 7 nước giàu nhất thế giới.

Về văn hóa, Mỹ là nước vượt xa các nước và luôn đứng ở vị trí số 1 thế giới về sản xuất phim ảnh và xuất khẩu truyền hình ra toàn thế giới. Ngoài ra, hàng năm nước Mỹ thu hút hàng nghìn sinh viên ưu tú nhất ở các nước học tập ở các trường cao đẳng và đại học Mỹ.

Nhìn lại thế kỷ XX, Mỹ là quốc gia giàu có nhất thế giới. Mười năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ chiếm 50% GDP của thế giới. Tuy nhiên, sự lớn

(1) Xem: *Foreign Affairs (Các vấn đề đối ngoại)*, tháng 3, 4-1999, tr 36

Digitized by Google

mạnh của Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa đã gây những thách thức đối với Mỹ. Sự sụp đổ của Liên Xô đã tạo cơ hội cho Mỹ trở thành siêu cường duy nhất toàn cầu.

Từ những thực tế đó, Mỹ tuyên bố thế kỷ XXI là của Mỹ. Tại Hội nghị thượng đỉnh G7 ở Đen-vơ (năm 1997), Tổng thống Mỹ B. Clin-tơn nói rằng thành công của nước Mỹ như một hình mẫu cho các nước khác. Cựu Ngoại trưởng Mỹ M.K. Ôn-brai tuyên bố nước Mỹ là "một quốc gia không thể thiếu", và cho rằng "chúng ta (nước Mỹ) đứng cao và có tầm nhìn xa hơn các quốc gia khác". Nhà phân tích J. Ni-ơ cho rằng, nước Mỹ có lẽ vẫn là nước duy nhất có sức mạnh nhất thế giới trong thế kỷ mới này.

Lịch sử cho thấy, bất cứ đế chế nào, dù mạnh đến mấy cũng có những giới hạn. Nhiều học giả cho rằng, thách thức thật sự đối với vai trò toàn cầu của Mỹ nằm ngay trong bản thân nước Mỹ chứ không phải đến từ bên ngoài.

1 - Gánh nặng về chi phí quân sự do sự can thiệp của Mỹ trải rộng toàn cầu sẽ ngày càng nặng thêm. Chi phí quân sự trong năm 2003 chiếm khoảng 4% GDP của Mỹ, vượt xa 14 nước có chi phí quân sự lớn nhất cộng lại. Trong cuốn "Sự hưng thịnh và suy vọng của các cường quốc", P. Ken-nơ-đi cho rằng, ngày nay Mỹ đang đứng trước một nguy cơ, giống các cường quốc thống trị trong lịch sử trước đây đã từng bị suy yếu, đó là "sự vươn ra quá xa của đế chế". Những người ra quyết định ở Oa-sinh-tơn phải đứng trước một thực tế trớ trêu và lâu dài là tổng số những lợi ích và nghĩa vụ toàn cầu của Mỹ ngày nay lớn hơn nhiều so với sức mạnh của Mỹ để bảo vệ cùng một lúc những lợi ích và nghĩa vụ đó.

Đối với cuộc chiến I-rắc vừa qua, những khó khăn thời hậu chiến là một thực tế mà người Mỹ hằng ngày phải đối mặt. Theo báo chí Mỹ, nước Mỹ hiện vẫn đang trong chiến tranh, lính Mỹ vẫn hàng ngày bị giết chết ở I-rắc. Số lính Mỹ thiệt mạng ở I-rắc sau chiến tranh nhiều hơn số lính Mỹ thiệt mạng khi tham chiến. Cái giá mà Mỹ phải trả cho việc chiếm đóng ở I-rắc ngày một cao, cả về xương máu và tiền bạc. Theo Bộ trưởng quốc phòng Mỹ, Đ.Răm-xphen, số tiền mỗi tháng Mỹ chi phí cho các chiến dịch quân sự hiện nay ở I-rắc là 3,9 tỉ USD, nghĩa là mỗi tuần chi gần 1 tỉ USD. Đó là chưa kể chi phí 1 tỉ USD mỗi tháng cho việc điều hành và xây dựng chính quyền I-rắc. Ngoài ra, gánh nặng nợ nước ngoài của I-rắc lên tới hơn 100 tỉ USD. Đối với chính quyền Mỹ, đây là một vấn đề lớn, vì điều này xảy ra đúng vào thời điểm nền kinh tế Mỹ đang trì trệ. Vừa qua, Quốc hội Mỹ thông qua khoản chi 87,5 tỉ USD để tái thiết I-rắc và Áp-ga-ni-xtan, cộng thêm 79 tỉ USD đã được phê chuẩn, với 51 tỉ USD dành riêng cho I-rắc - một khoản chi tốn kém nhất kể từ sau kế hoạch Mác-san tái thiết châu Âu, gấp gần 10 lần chi phí cho cuộc chiến Vùng Vịnh năm 1991. Điều này sẽ làm mức thâm hụt ngân sách tăng từ 4,2 % GDP lên 4,7%. Về vấn đề hậu I-rắc, đang xuất hiện những mâu thuẫn mới giữa Mỹ và các nước lớn chung quanh việc thiết lập chính quyền và chia sẻ quyền lực ở I-rắc.

2 - Về kinh tế, Mỹ không phải là bá chủ và thường phải mặc cả như một người chơi ngang bằng với EU. Kinh tế Mỹ có những giới hạn nhất định. Sự phồn vinh của kinh tế Mỹ không vĩnh cửu. Mỹ đang dẫn đầu thế giới về cách mạng thông tin trong xu thế toàn cầu hóa. Nhưng theo thời gian, Mỹ có tiếp tục giữ được ưu thế ban đầu của mình được hay không còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác.

Xu thế toàn cầu hóa, đa cực hóa tạo ra những trung tâm kinh tế thách thức địa vị bá chủ thế giới của Mỹ. Một trong những trung tâm quyền lực đó là EU. Với việc tạo ra liên minh kinh tế và tiền tệ châu Âu, thiết lập đồng tiền chung và ngân hàng trung ương, EU sẽ đóng vai trò là một trong những trung tâm tài chính - tiền tệ quan trọng. Và hơn thế nữa, châu Âu ngày càng có tiếng nói độc lập trong các vấn đề quốc tế.

Nhật Bản sau một thời kỳ ngưng trệ, đang tiến hành những thay đổi cơ bản trong hệ thống kinh tế, tích cực tham gia hợp tác kinh tế khu vực, phát triển quan hệ với các nước châu Á, tăng cường màu sắc tự chủ ngoại giao để trở thành một nền kinh tế mạnh cạnh tranh với Mỹ. Mỹ phải đối mặt với một nước Nhật ngày càng mang tính độc lập mạnh hơn, có xu hướng liên minh với châu Á để đối kháng với Mỹ. B. Clin-tơn từng cho rằng, mối quan hệ Mỹ - Nhật Bản giống như một chiếc ghế ba chân được tạo nên bởi an ninh, kinh tế và chính trị. Để giữ chiếc ghế thăng bằng, Mỹ phải chú ý đến từng cái chân. Liên minh Mỹ - Nhật Bản tạo nền móng vững chắc cho chính sách của Mỹ ở châu Á. Do vậy, Mỹ không thể

Digitized by Google

không tính đến việc điều chỉnh chiến lược trong quan hệ với Nhật Bản.

Nước Nga chưa phải là một trung tâm kinh tế mạnh nhưng vị trí, vai trò của Nga trên các lĩnh vực quân sự, ngoại giao là một nhân tố quan trọng thách thức sức mạnh Mỹ. Nga thực hiện chính sách ngoại giao đa phương, thiết lập quan hệ rộng rãi với các nước trên thế giới, nhấn mạnh đến một trật tự thế giới đa cực trên cơ sở tam giác chiến lược Nga - Trung Quốc - Ấn Độ, nhằm tạo thế cân bằng với Mỹ.

Trung Quốc đang tích cực công cuộc cải cách, mở cửa, thực hiện 4 hiện đại hóa, nhằm mục tiêu đưa đất nước trở thành một trong những cường quốc giàu mạnh trong thế kỷ XXI. Tờ *Nhà kinh tế*, số ra ngày 29-6-2002, nhận định rằng: "Trong tương lai, thế giới càng nhiều hoạt động thương mại, càng an ninh, dân chủ hơn thì một nước mở cửa, dân chủ như Trung Quốc càng có thể trở nên ngang bằng với sức mạnh Mỹ". Đó còn là khoảng thời gian dài nhưng sẽ là một khả năng mà Mỹ phải tính đến.

Sự cạnh tranh về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, thị trường giữa các nước tư bản phát triển, đặc biệt là giữa Mỹ, châu Âu và Nhật Bản ngày càng gay gắt. Những mâu thuẫn sâu sắc giữa ba trung tâm quyền lực lớn nhất thế giới này sẽ hạn chế địa vị thống trị của Mỹ. Đó là chưa kể đến thách thức của cuộc chạy đua về kinh tế trên toàn cầu, trong đó một số nước sẽ phát huy được ưu thế của mình, có khả năng bứt lên, trở thành những đối thủ đáng gờm của Mỹ trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, In-tơ-nét.

3 - Nhiều học giả cho rằng, văn hóa Mỹ là một nền văn hóa dễ thích nghi, có ảnh hưởng rộng toàn cầu, nhưng không phải với mọi xã hội, nó đều được hoan nghênh, đón nhận. Bởi nó không chỉ đơn thuần xuất khẩu sản phẩm của Hô-li-út, CNN hay In-tơ-nét mà còn truyền bá chủ nghĩa cá nhân thực dụng, chủ nghĩa tự do, bạo lực, nguy cơ làm xói mòn thuần phong, mỹ tục của các xã hội truyền thống. Thế nhưng, xu hướng toàn cầu hóa văn hóa, "Mỹ hóa văn hóa" càng mở rộng thì ý thức bảo vệ chủ quyền, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc của các quốc gia càng được tăng cường.

Một số nhà phân tích cho rằng chỗ bạc nhược chủ yếu của Mỹ có thể không phải do sự thách thức hữu hình của đối thủ Mỹ, mà là do mối đe dọa vô hình của nền văn hóa Mỹ chọc thủng, vì rằng nền văn hóa đó đang ngày càng suy yếu, phân tán ở trong nước, nó phân hóa lực lượng của Mỹ...

4 - Cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố mang tính toàn cầu và rất bí mật nên đòi hỏi sự liên minh lâu dài với các nước khác trên thế giới mà một mình sức mạnh Mỹ không thể giải quyết nổi. Về lâu dài, cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố không thể kết thúc nhanh như dự liệu, hơn nữa việc mở rộng quyền lực của Mỹ cũng đồng nghĩa với việc gia tăng thêm kẻ thù. Điều đó cũng có nghĩa là cuộc chiến chống khủng bố càng mở rộng thì ngân quỹ của Mỹ càng hẹp lại. Sức mạnh quân sự của Mỹ ra bên ngoài càng trải rộng thì bên trong bản thân nước Mỹ càng suy yếu. Không có gì bảo đảm rằng những vụ khủng bố tấn công vào các mục tiêu Mỹ sẽ không diễn ra.

Trong nửa thế kỷ qua, Mỹ hành động thông qua các đồng minh và các thể chế toàn cầu với một cách thức đồng thuận. Giờ đây, Mỹ phải xem xét lại. Có quan điểm cho rằng, Mỹ có thể giảm được tổn thương khi cắt giảm đồng minh và theo đuổi chính sách đối ngoại biệt lập. Mặt khác, liên minh giữa Mỹ và các nước đồng minh phụ thuộc vào một loạt những lợi ích. Một khi những lợi ích bị tổn thương thì đồng minh cũng tan rã. Theo đó, đồng minh cũng chỉ là sách lược tạm thời của Mỹ. Trong từng lĩnh vực cụ thể, Mỹ phải xây dựng những liên minh mới. Trong cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, Mỹ có ý định tập hợp lực lượng nhưng lại dành cho mình quyền tự do hành động. Các quan chức Mỹ từng tuyên bố, Mỹ sẽ hành động bất cứ khi nào và ở bất cứ đâu nếu cần thiết, bất chấp các nguyên tắc quốc tế, bất chấp sự phản đối của đồng minh.

Tại sao trên thế giới nhiều nước lo ngại và phản đối Mỹ bởi chính sách đơn phương mà Oa-sinh-tơn theo đuổi Dân chúng ở nhiều nước phương Tây và ngay cả trong nước Mỹ cũng phân hóa thành những người ủng hộ và phản đối quá trình toàn cầu hóa do Mỹ và các nước tư bản phát triển chi phối. Phong trào chống "Mỹ hóa" trong thế giới Hồi giáo và các nước phương Tây có xu hướng ngày càng phát triển.

Nhiều người Mỹ cho rằng, sức mạnh quân sự của Mỹ là "rất cần thiết đối với sự ổn định của hệ thống chính trị thế giới và cuộc chiến chống khủng bố"; kế hoạch quân sự và các hành động can thiệp toàn cầu là "trách nhiệm của Nhà Trắng";

Digitized by Google

rằng, thế giới sẽ ổn định hơn nếu không có đối thủ nào đe dọa vị trí lãnh đạo của Mỹ. Thế nhưng, theo nhận định của T. Phrit-men, nhà báo 3 lần đoạt giải Pu-li-xơ của tờ *Thời báo Niu Oóc,* "mối đe dọa đối với ổn định thế giới chính là một nước Mỹ quá mạnh về kinh tế và quân sự nhưng lại quá yếu về đạo đức và hành xử". Vì sự an ninh quốc gia, dưới danh nghĩa chống khủng bố, Mỹ ra đòn "tấn công phủ đầu" các nước mà Mỹ cho là sở hữu vũ khí giết người hàng loạt, bất chấp sự phản đối của Liên hợp quốc. Cuộc chiến I-rắc về khía cạnh nào đó còn là sự biểu dương lực lượng quân sự và quyền uy của Mỹ. Điều này đã gây sự mất ổn định trong khu vực, đe dọa an ninh các nước. Cùng với sự can thiệp bên ngoài, Mỹ còn cho rằng họ có trách nhiệm phát triển chế độ kiểu Mỹ ra toàn thế giới. Đó là điều làm cho thế giới không an toàn. Mỹ muốn định đoạt số phận nhân loại bằng việc theo đuổi chủ nghĩa đơn phương. Nhưng chính chủ nghĩa đơn phương lại có thể làm suy yếu nước Mỹ.

5 - Chủ nghĩa khủng bố quốc tế là một trong những thách thức của Nhà Trắng. Cho dù liên quân Anh - Mỹ đã thắng trong cuộc chiến chống khủng bố ở Áp-ga-ni-xtan và I-rắc nhưng người Mỹ vẫn không cảm thấy an toàn hơn, nguy cơ khủng bố vẫn là nỗi ám ảnh. Đó mới chỉ là giai đoạn đầu của cuộc chiến chống khủng bố. Khó có thể kiểm soát được tổ chức chân rết của An Kê-đa cắm chân ở hơn 50 quốc gia. Và quan trọng hơn, khó có thể biết được mục tiêu tấn công tiếp theo của các lực lượng khủng bố cho dù tình báo Mỹ được trang bị các phương tiện hiện đại, tiên tiến bậc nhất thế giới. Những mối nguy hiểm mới này khác xa so với thời "chiến tranh lạnh", cách thức mà lực lượng khủng bố tiến hành cũng rất bất ngờ, khó lường trước, khả năng hủy diệt cao. Sau sự kiện ngày 11-9-2001, nước Mỹ ở thời kỳ dễ bị tổn thương hơn.

6 - Trong thế kỷ mới, khó khăn của Mỹ là ngày càng có nhiều sự bất ổn định phát sinh ngoài tầm kiểm soát và lên kế hoạch của các nhà hoạch định chính sách Mỹ. Từ những cuộc khủng hoảng tài chính, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, buôn bán ma túy, nạn khủng bố cho đến các vấn đề nhạy cảm như tôn giáo, dân tộc, sự phân hóa giàu nghèo, sự đối lập Bắc - Nam đang ngày càng gia tăng. Nghèo đói sinh ra bạo lực và khủng bố, thách thức an ninh và sự thịnh vượng của Mỹ. Ngay cả sự suy yếu, khủng hoảng của một nước lớn nào có thể ảnh hưởng đến Mỹ nhiều hơn sự thịnh vượng của nước đó. Nhiều người nói tới một "cuộc chiến tranh lạnh mới" về kinh tế giữa một bên là các nước giàu do Mỹ đứng đầu và một bên là các nước nghèo, kém phát triển. Phong trào phản đối mặt trái của toàn cầu hóa thực chất là phản đối chính sách "Mỹ hóa" và chỉ là một trong những biểu hiện của cuộc đấu tranh đó. Trong một thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, cuộc chiến không cân sức này đã và đang tác động nhiều mặt đến lợi ích của Mỹ. Lợi ích của các nước nghèo, các nước đang phát triển là là một yếu tố cơ bản mà Mỹ cũng như các nước tư bản phát triển phải tính đến.

Tất cả những khó khăn, thách thức trên cho thấy ý đồ thống trị thế giới và việc thực hiện còn là khoảng cách lớn. Ưu thế, ảnh hưởng sức mạnh của Mỹ đối với phần còn lại của thế giới có thể kéo dài trong một hoặc hai thập kỷ nữa. Nhưng ưu thế đó không đồng nghĩa với bá quyền, càng không phải là quyền lực tuyệt đối. Do vậy, nó chỉ là hiện tượng nhất thời, được củng cố bởi các cơ hội và điều kiện lịch sử. Dự đoán của Hơn-tinh-tơn, thế giới hiện đang trải qua một hoặc hai thập kỷ đơn - đa cực trước khi bước vào trật tự thế giới đa cực trong thế kỷ XXI (trong thập kỷ đơn - đa cực đó, Mỹ là siêu cường duy nhất bên cạnh các cường quốc, các nước lớn khác) cho thấy, sức mạnh Mỹ không phải là vĩnh viễn. Các nước lớn trong thời gian tới có thể chưa trở thành thách thức nghiêm trọng, trực tiếp đe dọa địa vị siêu cường của Mỹ. Và có thể trước mắt còn có những biểu hiện mới của nền chính trị cường quyền trên phạm vi thế giới. Nhưng những giới hạn của bản thân Mỹ, những mâu thuẫn trong lòng xã hội Mỹ cộng với những thách thức từ bên ngoài nước Mỹ sẽ làm cho tham vọng bá chủ thế giới của họ bị diệt vong. Mỹ dù mạnh đến đâu cũng không đủ sức và không thể với tay thâu tóm toàn bộ thế giới. Thế giới không phải vận hành theo một lợi ích vị kỷ nào, bị chi phối bởi bất cứ thế lực cường quyền đế quốc nào. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là dòng chảy chính của thời đại. Xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa, đa cực hóa sẽ tạo ra những trung tâm quyền lực hạn chế sức mạnh bá quyền Mỹ trong thế kỷ XXI. ❑

Digitized by Google

THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ QUA THỰC TIỄN CỦA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Thực hiện chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Tạp chí Cầu thị - cơ quan lý luận của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, trong hai ngày 9 và 10-12-2003, tại Hà Nội, cuộc Hội thảo khoa học với chủ đề trên đã được hai Tạp chí phối hợp tổ chức. Đây là cuộc Hội thảo khoa học đầu tiên giữa hai cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc, được tiến hành sau cuộc Hội thảo lý luận quan trọng giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc với chủ đề: "Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường - kinh nghiệm của Trung Quốc và kinh nghiệm của Việt Nam" được tổ chức tại Bắc Kinh hồi tháng 10-2003. Tham gia Đoàn Chủ tịch Hội thảo có các đồng chí: Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng Biên tập Thường trực Tạp chí Cộng sản; Tề Kiến Quốc, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam; Lưu Nhuận Vy - Biên ủy, Biên thẩm - Trưởng Đoàn đại biểu Tạp chí Cầu thị... Dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo một số cơ quan hữu quan và một số tỉnh, thành phố, đông đảo các nhà khoa học, hoạt động thực tiễn, nghiên cứu lý luận chính trị của nước ta.

Hội thảo lần này nhằm mục đích:

Một là, đi sâu nghiên cứu làm rõ hơn nhận thức, quan điểm lý luận và thực tiễn đối với việc thực hiện dân chủ ở cơ sở qua thực tiễn Việt Nam và Trung Quốc.

Hai là, bước đầu đánh giá khái quát thực trạng tình hình dân chủ ở cơ sở; ý nghĩa lý luận và thực tiễn, những bài học kinh nghiệm cần rút ra, các giải pháp để thực hiện tốt hơn nữa dân chủ ở cơ sở tại hai nước.

Ba là, tăng cường hơn nữa mối quan hệ, hợp tác giữa Tạp chí Cộng sản và Tạp chí Cầu thị.

Để đạt được mục đích trên, các tham luận đã tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

Thứ nhất, làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về dân chủ ở cơ sở; mối quan hệ, những hình thức của dân chủ ở cơ sở (dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện); thực tiễn thực hiện chế độ dân chủ ở cơ sở của hai nước.

Thứ hai, tính tất yếu của việc phát huy dân chủ ở cơ sở trong quá trình đổi mới ở Việt Nam và cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. Các tham luận đã làm rõ vai trò động lực của dân chủ ở cơ sở như là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, định hướng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở và những nội dung của nó trong quá trình đổi mới ở Việt Nam và cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. Các tham luận đã nêu nhiều kinh nghiệm quý chung quanh vấn đề thực hiện những nội dung của dân chủ ở cơ sở trong mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, điều hành, nhân dân làm chủ .

Thứ tư, thực hiện dân chủ ở cơ sở - con đường ngắn nhất và hiệu quả nhất để mọi công dân được hưởng quyền dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi nhất. Đây là động lực mạnh mẽ để đảm bảo và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, độc đoán, chuyên quyền - những hiện tượng trái với bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam, thực hiện dân chủ ở cơ sở là một trong những khâu quan trọng và cấp bách nhất của công cuộc đổi mới, của việc xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Ở Trung Quốc, nhân dân ở cơ sở trực tiếp thực hiện quyền dân chủ bằng cách thành lập tổ chức tự trị, thích nghi với yêu cầu khách quan chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Đây chính là một nội dung và tiêu chí quan trọng trong việc tự hoàn thiện chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc trong hơn 20 năm cải cách, mở cửa, là một minh chứng sống động cho sự tiến bộ nhiều mặt của xã hội Trung Quốc.

Thứ năm, các tham luận nêu bật những bài học kinh nghiệm về thành công và chưa thành công từ thực tiễn thực hiện dân chủ ở cơ sở của hai nước; đồng thời, nêu ra những giải pháp có tính khả thi nhằm tiếp tục thực hiện tốt hơn dân chủ ở cơ sở trong giai đoạn cách mạng mới ở mỗi nước. ❑

Digitized by Google

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC THỐNG NHẤT TỈNH ĐỒNG NAI

ĐỊA CHỈ: QUỐC LỘ 1, P. TÂN BIÊN - BIÊN HÒA * ĐT: 061.883 660 * FAX: 061.885 224



Giám đốc: BS. TỪ THANH CHƯƠNG



Máy lọc thận nhân tạo



Máy siêu âm mầu 3 chiều



Máy chụp điện toán cát lớp Scanner



Khoa dinh dưỡng

BỆNH VIỆN CÓ QUY MÔ 380 GIƯỜNG BỆNH, VỚI ĐỘI NGŨ 376 CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC; TRONG ĐÓ, CÓ 73 BÁC SỸ, 31 BÁC SỸ CHUYÊN KHOA CẤP I, 2 BÁC SỸ CHUYÊN KHOA CẤP II, 5 THẠC SỸ, 2 NGHIÊN CỨU SINH Ở NƯỚC NGOÀI

PHONG TRÀO THI ĐUA ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÁNG KHÍCH LỆ

1. Tuyệt đối trung thành với Đảng và Nhà nước, trung thành với chủ nghĩa xã hội. Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, củng cố và xây dựng các đoàn thể quần chúng ngày càng vững mạnh.

Đảng bộ Bệnh viện đã tổ chức cho gần 400 CBCC học tập Nghị quyết TW5 vào 2 ngày 27 và 28 - 6 - 2002 nhằm giúp cho CBCC có nhận thức đúng đắn những nội dung cơ bản về đường lối, chính sách đổi mới để phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội cũng như những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới.

Công tác xây dựng Đảng và xây dựng tổ chức công đoàn:

- Tổng số đảng viên trong đơn vị: 47người, trong đó nữ: 20.
- Tổng số đảng viên mới kết nạp 6 tháng đầu năm 2003: 5 người trong đó 2 nữ.
- CĐCS đã giới thiệu 31 đoàn viên ưu tú để Đảng bộ xem xét, bồi dưỡng kết nạp vào Đảng trong thời gian tới.
- Kết nạp 13 đoàn viên mới vào tổ chức công đoàn.
- Đặc biệt, trong thời gian qua, Bệnh viện đã nhận được nhiều lời cảm ơn của bệnh nhân và người nhà, thể hiện qua thư và sổ góp ý ở các khoa, phòng, ca ngợi tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ tận tình của người thầy thuốc Bệnh viện ĐKKV Thống Nhất.

2. Luôn luôn rèn luyện để thấm nhuần đạo đức của người thầy thuốc XHCN, thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch "Thầy thuốc phải như mẹ hiền"; làm tốt 12 điều y đức, đạt được những tiêu chuẩn của một "Bệnh viện tình thương" đã được Bộ Y tế và Công đoàn ngành Y tế Việt Nam ban hành.

- Tổ chức học tập quán triệt cho CBCC về mục đích, nội dung và mục tiêu phấn đấu của mỗi CBCC để hưởng ứng tích cực đợt hành động xây dựng Bệnh viện đạt danh hiệu "Bệnh viện tình thương" và xây dựng "Đời sống Văn hóa cơ sở" do Công đoàn ngành Y tế Việt Nam phát động, nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua lao động giỏi, nâng cao y đức và xây dựng nếp sống văn minh trong mọi hoạt động của ngành.
- Với những thành quả đạt được trong năm 2001, Bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện tình thương; năm 2002, đạt tiêu chuẩn BV xuất sắc toàn diện, Công đoàn ngành Y tế Việt Nam đã tặng cờ thưởng lần hai cho Bệnh viện vì "Đã có nhiều thành tích trong phong trào thi đua nâng cao Y Đức, đạt tiêu chuẩn "Bệnh viện tình thương" năm 2001.
- Ban Giám đốc cùng với các phòng tham mưu và đại diện của các đoàn thể quần chúng, hàng tuần kiểm tra thường xuyên và đột xuất các khoa, phòng về tinh thần thái độ, cách giao tiếp ứng xử, cung cách phục vụ và chăm sóc người bệnh thực hiện Quy chế Bệnh viện.
- Năm 1986 được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.
- Năm 1992 được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì.
- Năm 1998 được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất.
- Năm 2000 Bệnh viện được phong tặng danh hiệu Anh hùng.
- Năm 2001 đạt chuẩn bệnh viện hạng II, Công đoàn BV được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Digitized by Google

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG NAI

ĐỊA CHỈ: SỐ 5 - PHAN ĐÌNH PHÙNG - TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
ĐT: 061 843 203 * FAX: 061 846 186



Giám đốc:
LÊ MAI THANH

Trong những năm qua và năm 2003 hoạt động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có nhiều tiến bộ và đóng góp nhiều trong việc thực hiện nhiệm vụ của tỉnh. Cụ thể là:

1- CÔNG TÁC LAO ĐỘNG VIỆC LÀM

Trên cơ sở kết quả điều tra lao động việc làm, đã xây dựng và triển khai kết quả chương trình giải quyết việc làm cho người lao động. Trong 3 năm qua (2001-2003) bình quân hằng năm giải quyết việc làm cho 72 500 lao động: năm 2003 là 75 404 lao động. Hạ tỷ lệ lao động thất nghiệp từ 4,2% (năm 2002), còn 3,8% (cuối năm 2003), nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn từ 78% (cuối năm 2002) lên 80% (cuối năm 2003). Hiện nay, đang chuẩn bị để triển khai thực hiện dự án Quan hệ lao động Việt Nam-ILO.

2- CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LAO ĐỘNG-TIỀN LƯƠNG TIỀN CÔNG

Trên địa bàn tỉnh, có trên 65 000 đơn vị SXKD, với gần 432 ngàn lao động. Sở đã phối hợp với các ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tuyên truyền, hướng dẫn thanh tra, kiểm tra đối với các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người lao động chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về lao động, trọng tâm là thực hiện Bộ luật Lao động và những nội dung Bộ luật Lao động sửa đổi.

Phối hợp với các ngành hoàn thành quy chế phối hợp giữa UBND các huyện, thành phố với các sở, ban, ngành trong việc xử lý ban đầu các vụ tranh chấp lao động tập thể. Hướng dẫn các doanh nghiệp củng cố hội đồng hòa giải lao động cơ sở, hòa giải viên lao động cấp huyện, thành phố Biên Hòa để kịp thời giải quyết các vụ đình công xảy ra.

3- CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 50 trường, trung tâm dạy nghề, cơ sở dạy nghề đang hoạt động. Sở đã làm tốt công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề, cấp giấy phép hoạt động. Trong năm 2003, toàn tỉnh đã đào tạo nghề cho 47 000 nghìn lao động, trong đó dài hạn 8 222 người; ngắn hạn 38778 người, đạt 100% kế hoạch; trong đó, có 40 000 lao động tốt nghiệp các khóa đào tạo nghề. Đặc biệt, tỉnh tổ chức đào tạo nghề dài hạn cho 435 học sinh dân tộc thiểu số.



Quan tâm hướng dẫn các huyện, TP Biên Hòa, các trường, cơ sở dạy nghề lập dự án đầu tư trang thiết bị dạy nghề từ nguồn kinh phí CTMT, nhằm nâng cao năng lực đào tạo nghề cho các trường, trung tâm, cơ sở dạy nghề trong tỉnh.

Đào tạo đội ngũ cán bộ, giáo viên: Kết hợp với Trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội tổ chức 1 khóa bồi dưỡng PLC. Thường xuyên kết hợp Trường ĐHSP Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh tổ chức bồi dưỡng phương pháp giảng, dạy nghề tin học và phương pháp dạy nghề.

4-VỀ LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

Sở đã thực hiện được công tác quản lý đối tượng và thực hiện việc xét, công nhận đối tượng chính sách.

* Công tác chăm sóc đời sống, thực hiện chính sách cho đối tượng có công được Sở giải quyết rất tốt.Trong năm 2003, đưa được 195 Bà mẹ VNAH, người có công với cách mạng đi viếng Lăng Bác, thăm Thủ đô Hà Nội; điều dưỡng 492 đối tượng, vận động hơn 3 tỉ đồng quĩ; sửa chữa 272 nhà tình nghĩa; xét công nhận thêm 25/25 xã, phường; nâng tổng số xã, phường làm tốt công tác TBLS-NCC được công nhận là 136/165 xã phường.

5-CÔNG TÁC XÃ HỘI

Cho vay ưu đãi 7 000 hộ nghèo với kinh phí 28 tỉ đồng, tổ chức vận động 8 tỉ đồng trong đợt vận động quỹ (Ngày Vì người nghèo), xây dựng hơn 972 căn nhà tình thương.

Xóa 12 587 hộ nghèo, đạt 97,5% KH năm. Có 34 xã , phường thị trấn cơ bản không còn hộ nghèo và TP. Biên Hòa cơ bản không còn hộ nghèo (theo tiêu chuẩn của TW).

Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho 2 258 cán bộ làm công tác XĐGN và việc làm ở các huyện, TP Biên Hòa và xã, phường, thị trấn.

Hoàn chỉnh việc điều tra KT - XH phục vụ cho đề tài khoa học "Xây dựng mô hình XĐGN bền vững vùng đồng bằng dân tộc thiểu số trong tỉnh".

Công tác quản lý nuôi dưỡng đối tượng tập trung tại các Trung tâm BTXH trực thuộc Sở: Các đối tượng được chăm sóc chu đáo về vật chất và tinh thần từ các nguồn kinh phí nhà nước, tài trợ trong, ngoài nước, các đơn vị và mọi đối tượng. Các cháu đến tuổi đi học đều được đến trường học tập văn hóa, học nghề. Các cháu khuyết tật thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng trẻ MCKT hằng ngày được luyện tập, chăm sóc phục hồi chức năng, sức khỏe của các cháu được cải thiện.

Về giải quyết người lang thang xin ăn kiếm sống trên đường phố: Tham mưu UBND tỉnh ban hành đề án và triển khai thực hiện kế hoạch giải quyết người lang thang xin ăn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Phối hợp cùng các ngành và địa phương tổ chức 3 đợt thu gom, phân loại và giải quyết hỗ trợ hồi hương.

Công tác phòng chống TNXH: Sở phối hợp cùng các cơ quan chức năng, MTTQ, các đoàn thể, các huyện, TP Biên Hòa tổ chức nhiều đợt tuyên truyền vận động trong các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, các nhà máy, các trường học và trong nhân dân, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về phòng chốngTNXH, phòng chống HIV/AIDS.

Digitized by Google

BỘ CHQS TỈNH ĐỒNG NAI

CÔNG TY ĐỒNG TÂN

Địa chỉ: CLB.QP, Quốc lộ 1K, Phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 061.823 900, 947 368, 954 043, 860 046, 630 332, 925 119 * Fax: 84.61.817 279

Giám đốc: Trung tá VÕ THANH QUANG

Đơn vị thành viên:

- Xí nghiệp Khai thác chế biến Đá xây dựng - Mỏ đá Tân Hạnh, TP. Biên Hòa, sản lượng: 1.000.000 m^3/năm.
- Xí nghiệp Khai thác chế biến Đá xây dựng - Mỏ đá Suối Trầu, huyện Long Thành, sản lượng: 300.000 m^3/năm.
- Xí nghiệp Xây dựng dân dụng - Công trình Giao thông cầu đường - San lấp mặt bằng.
- Xí nghiệp Khai thác Cát lòng hồ Trị An: Thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, xã Thanh Bình, huyện Thống Nhất, xã Phú Cường - huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, với sản lượng 200.000 m^3/năm.

Quý khách có nhu cầu xin liên hệ về các địa chỉ trên. Công ty chúng tôi sẽ cung ứng, phục vụ kịp thời theo yêu cầu của Quý khách với giá cả và phương thức thanh toán linh hoạt





ĐOÀN AN ĐIỀU DƯỠNG 198

HỌC VIỆN LỤC QUÂN ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 2B Lữ Gia, thành phố Đà Lạt * Điện thoại: (063) 821 169 * Fax: (063) 825 834



Đoàn trưởng - Thượng tá:
ĐOÀN KHẮC MẠNH

☎ NƠI NGHỈ DƯỠNG LÝ TƯỞNG CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN QUỐC PHÒNG TOÀN QUÂN.

☎ NHẬN PHỤC VỤ HỘI NGHỊ, TIỆC CƯỚI, HƯỚNG DẪN THAM QUAN, DU LỊCH... CHO QUÝ KHÁCH TRONG VÀ NGOÀI QUÂN ĐỘI.

☎ LƯU LƯỢNG ĐÓN ĐƯỢC 400 KHÁCH.



Nhà Nghỉ dưỡng 198 Đà Lạt

Hân hạnh phục vụ Quý khách


Đảnhthạnh
NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN
Chúc Mừng Năm Mới
Đảnhthạnh
NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN
Đảnhthạnh
460ml
NATURAL MINERAL WATER
NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN
Vikoda
ĐÓNG CHAI TẠI NGUỒN
Xuân Giáp Thân 2004
VQMS ISO 9001 Approved Company
JAS-ANZ
CHẤT LƯỢNG VÌ CUỘC SỐNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 43 đường Hùng Vương, TP. Nam Định * Điện thoại: 0350 648 234 * Fax: 0350 646 683

Giám đốc sở: NGƯT NGUYỄN XUÂN SẮC

Năm học 2002 - 2003, toàn ngành GD - ĐT Nam Định hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt là thành tích học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, xã hội hóa giáo dục... xứng đáng là "Đơn vị dẫn đầu" toàn quốc.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo, sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, tiếp tục phát huy truyền thống "Đất học" và thành tích xuất sắc "Đơn vị dẫn đầu" liên tục 9 năm học qua, ngành GD - ĐT tỉnh Nam Định quyết tâm thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng, Luật Giáo dục và Chỉ thị số 38/2003/CT-BGD&ĐT, ngày 04-08-2003, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết tâm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học 2003-2004.



Đồng chí Trần Văn Tuấn - Bí thư Tỉnh ủy tuyên dương thành tích của ngành giáo dục và đào tạo Nam Định



Nhà giáo Ưu tú Nguyễn Xuân Sắc - Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở, đọc báo cáo tại hội nghị

NHIỆM VỤ CHUNG CỦA NĂM HỌC 2003 - 2004

1. Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục đạo đức, xây dựng lối sống cho học sinh, sinh viên; tiếp tục củng cố tổ chức đảng trong các cơ sở giáo dục và đẩy mạnh công tác phát triển đảng trong giáo viên, cán bộ, công chức của cơ quan, trường học.

2. Tiếp tục thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông, củng cố vững chắc kết quả dạy và học đối với lớp 1, lớp 6 đồng thời triển khai đại trà chương trình, sách giáo khoa lớp 2, lớp 7 và chuẩn bị các điều kiện triển khai đổi mới ở các lớp tiếp theo. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá, thi cử. Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở tất cả các bậc học, ngành học.

3. Xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, vững vàng về tư tưởng chính trị và nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình - giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

4. Tiếp tục đổi mới quản lý, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ngăn chặn, khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong lĩnh vực giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xây dựng ý thức nghiêm túc, trung thực trong việc kiểm tra, đánh giá và thi cử; minh bạch trong sử dụng các nguồn tài chính; tích cực phòng ngừa ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

5. Củng cố mạng lưới trường học, mở rộng quy mô hợp lý, củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Quan tâm phát triển giáo dục mầm non, phát triển giáo dục ở các vùng khó khăn.

6. Triển khai đề án kiên cố hóa trường, lớp học mầm non, phổ thông. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất trường học. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "xã hội hóa giáo dục" theo Nghị định 90/CP, ngày 21-8-1997, của Chính phủ và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục đào tạo.

Digitized by Google

ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN



Giám đốc
NGÔ CÔNG PHƯƠNG

Điện lực Hưng Yên được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 4 - 1997. Qua 6 năm hoạt động và trưởng thành, CBCNV Điện lực đã phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh do Nhà nước giao. Năm 2002, sản lượng điện đạt 276 triệu kWh, tăng gấp 2,6 lần năm 1997, doanh thu đạt 162 tỉ đồng, tổn thất điện năng giảm còn 5,49%.

Trong những năm qua, Điện lực đã đầu tư xây dựng mới 4 trạm biến áp 110 kV với tổng dung lượng 130 000 kVA; 269 TBA phân phối với tổng dung lượng 129 642 kVA, nâng tổng số TBA phân phối lên gần 100 trạm. Đặc biệt, sáu tháng đầu năm 2003 sản lượng điện đạt 165 triệu kWh, doanh thu đạt trên 100 tỉ đồng.

Công tác điện nông thôn đạt được những thành tích nổi bật. Hiện nay, 100% số xã, phường, thị trấn trong tỉnh có điện. Đơn vị đã tổ chức tiếp nhận xong toàn bộ lưới điện trung áp, bàn giao với tổng số 317 TBA phân phối với tổng dung lượng 62 200 kVA, 182,2 km đường dây trung áp, vượt trước 18 tháng so với kế hoạch được giao, 144/144 xã hoàn thành chuyển đổi mô hình quản lý điện nông thôn, cùng với các cơ quan chức năng của tỉnh thực hiện các giải pháp hỗ trợ đưa giá điện của 102/144 xã về giá trần theo quy định của Chính phủ.

Ban Chấp hành Đảng bộ Điện lực luôn quan tâm sâu sát trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các chi bộ tổ chức triển khai, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, đặc biệt chú trọng đến công tác Xây dựng Đảng. Liên tục từ năm 1997 đến nay, Đảng bộ Điện lực được công nhận danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; năm 2002, được Tỉnh ủy Hưng Yên tặng bằng khen. Đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV không ngừng được cải thiện, nâng cao, thu nhập bình quân đầu người năm 2002 là 2,1 triệu đồng.

Năm 1999 và năm 2002, Điện lực Hưng Yên được Chính phủ tặng Cờ Luân lưu, năm 2001 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, Chính phủ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các bộ, Tổng Công ty, Công ty Điện lực 1 tặng hàng trăm bằng khen, giấy khen cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc.



Trụ sở Điện lực



Hội thao phòng cháy chữa cháy năm 2003

Địa chỉ: 308 đường Nguyễn Văn Linh - TX. Hưng Yên - T. Hưng Yên * Điện thoại: 0321 862 166 * Fax: 0321 863 886

Digitized by Google

CÔNG TY
KHOÁNG SẢN LAI CHÂU

ĐỊA CHỈ: MƯỜNG THANH, ĐIÊN BIÊN
ĐIỆN THOẠI: 023 925 262 * FAX: 023 925 381



GIÁM ĐỐC AHLĐ VŨ VĂN ĐÌNH ĐANG KÝ HĐ HỢP TÁC KT



GIÁM ĐỐC CÙNG CHUYÊN GIA ĐANG XEM XÉT SP



KHAI THÁC THAN



Sau 25 năm phát triển và trưởng thành, nhận được sự giúp đỡ tận tình của các cấp, các ngành, đặc biệt của lãnh đạo tỉnh, Công ty Khoáng sản Lai Châu đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua khỏi khó khăn gian khổ hoàn thành tốt nhiệm vụ, và vươn lên đạt được những thành quả đáng kể trong sản xuất, kinh doanh, đóng góp một phần không nhỏ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu.

Đảng bộ, Ban Lãnh đạo Công ty đã quán triệt và kiên quyết:

- Xóa bỏ các tệ nạn xã hội, ổn định tinh thần cho tập thể cán bộ CNV,
- Sắp xếp lại các đội sản xuất, bố trí cán bộ quản lý, giải quyết cho 1/3 số cán bộ CNV nghỉ theo chế độ 176,
- Vạch ra phương hướng mang tính chiến lược phù hợp với cơ chế thị trường, với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước,
- Mở rộng ngành nghề, hợp đồng nhiều công trình bên ngoài nhằm giải quyết công ăn việc làm cho người lao động,
- Kêu gọi sự trợ giúp của các đơn vị bạn về kỹ thuật thăm dò tìm kiếm mỏ và hỗ trợ của cộng đồng, làm tăng tính khả thi của các dự án, mở ra thời kỳ làm ăn mới.
- Chuyển văn phòng làm việc ra thị xã Điện Biên (nơi trực tiếp tiêu thụ sản phẩm),
- Xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ than Thanh An có trữ lượng lớn.
- Xây dựng phương án thành lập Công ty Than Lai Châu do tỉnh quản lý và lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh cụ thể trong 5 năm (1993 - 1998). Đó là bước đi ban đầu rất quan trọng tại mỏ Thanh An.

QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI ĐI LÊN

Ngày 31 - 3 - 1993, UBND tỉnh Lai Châu ra Quyết định số 21/QĐ-UB thành lập Công ty Than Lai Châu. Kể từ đó, chế độ hợp đồng lao động ngắn hạn và mùa vụ được mở rộng, nhiều đội khai thác được hình thành, nhiều hầm lò được mở, mỗi ngày hàng trăm tấn than ra lò phục vụ cho các cơ sở sản xuất. Trước tình hình đó, Ban Lãnh đạo Công ty thông qua các phương án phát triển và đổi mới toàn diện. Trong đó, có một số chủ trương lớn như:

- Củng cố, sắp xếp lại hệ thống tổ chức các phòng ban, các đội sản xuất, bố trí, phân công lao động hợp lý.
- Xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh ngắn hạn và dài hạn
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, tiếp thị
- Đầu tư thích đáng cho kết cấu hạ tầng, đổi mới quy trình kỹ thuật và công nghệ khai thác, cải tạo thường xuyên các điều kiện làm việc cho người lao động với số tiền hàng tỉ đồng
- Chú trọng công tác đào tạo

Tranh thủ sự đồng tình giúp đỡ của các cấp, các ngành, tích cực mở rộng hợp tác quốc tế và liên doanh liên kết, xây dựng một công ty tầm cỡ xuyên quốc gia. Ban Lãnh đạo và tập thể cán bộ CNV Công ty đã xây dựng và quán triệt những định hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh từ 2004 - 2010:

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược lâu dài để hội nhập quốc tế
- Cùng các đối tác trong và ngoài nước tiến tới thành lập Tổng Công ty Khoáng sản Tây Bắc theo mô hình "công ty mẹ - công ty con"
- Xây dựng từ 2 - 5 hợp đồng liên doanh và thành lập từ 1 - 2 công ty liên doanh nước ngoài
- Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, phấn đấu đạt mục tiêu xuất khẩu chiếm tỷ trọng trên 50%

THÀNH TÍCH

Công ty đã được tặng nhiều bằng khen, cờ thưởng của các bộ, ngành liên quan, của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, UBND tỉnh và Liên đoàn Lao động tỉnh Lai Châu:

+ 1998, Huân chương Lao động hạng Ba
+ 2003, Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì
+ Nhiều huân, huy chương, bằng khen, cờ thưởng khác của tỉnh và trung ương
+ Đặc biệt, đồng chí Vũ Văn Đình, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì đã đóng góp nhiều thành tích xuất sắc trong 17 năm công tác

Digitized by Google

HỢP TÁC XÃ CÔNG NGHIỆP
SONG LONG
SONGLONG PLASTIC

Địa chỉ: 15 Cao Thắng - Hoàn Kiếm - Hà Nội * ĐT: (84-4) 7 140 168 - 8 730 760 * Fax: (84-4) 8 733 565 - 7 160 529



Hợp tác xã được thành lập năm 1960, theo giấy phép kinh doanh số 0016 HK do UBND quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, cấp ngày 10 - 11 - 1997, chuyên sản xuất các mặt hàng nhựa công nghiệp và gia dụng. Luật Hợp tác xã ra đời đánh dấu một thời kỳ mới, một dấu ấn mới cho khối kinh tế hợp tác và HTX, tạo lòng tin cho bà con xã viên tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng. Xã viên và người lao động góp vốn đầu tư máy móc, thiết bị, nhà xưởng mới để sản xuất những sản phẩm đạt chất lượng cao, đáp ứng mọi nhu cầu của xã hội.

Năm 1996, sản phẩm HTX CN Song Long sản xuất được Cục Sở hữu công nghiệp cấp bản quyền nhãn hiệu "Song Long Plastic" và được gắn trên mọi sản phẩm của HTX. Sản phẩm của HTX sản xuất ra với mẫu mã đa dạng, đẹp, chống lão hóa, chống bạc màu tốt, giá cả hợp lý được thị trường chấp nhận và người tiêu dùng ưa chuộng. Cụ thể 4 năm liền các sản phẩm của HTX được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao (TOPTEN 2000 - 2003).

Sản phẩm đạt chất lượng ngày càng cao, giá thành hạ và đa dạng. Hiện nay, với trên 400 mặt hàng, HTX đã và đang không ngừng phát triển với 50 tổng đại lý từ Quảng Nam tới các tỉnh phía Bắc và xuất khẩu ra các thị trường nước ngoài như: Lào, Trung Quốc,...

HTX đã đón nhận nhiều danh hiệu của Nhà nước, UBND thành phố Hà Nội, Liên minh HTX thành phố và UBND quận Hoàn Kiếm về thành tích kinh doanh, sản xuất, quản lý giỏi và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền, đặc biệt:

- Năm 2002, HTX được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, tặng cờ thi đua xuất sắc
- 4 năm liền (1999 - 2002) HTX được UBND thành phố Hà Nội tặng cờ Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua dẫn đầu khối kinh tế hợp tác và hợp tác xã.

Hợp tác xã quyết tâm giữ vững và tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm góp phần củng cố và phát triển khối HTX của thành phố Hà Nội, thực hiện chủ trương của Đảng: "Kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân", góp phần xây dựng Thủ đô ngày càng văn minh, hiện đại.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2003

Năm	ĐVT	1997	2000	2001	2002	6 tháng năm 2003
Tổng số vốn HTX	Tỉ đồng	5,7	89,9	92,2	95,4	96,7
Tổng doanh thu	"	0,98	84,858	129,805	154,7	81,9
Lợi nhuận	Triệu đồng	23	245,9	348,6	381	251
Nộp ngân sách NN	"	55,6	788,2	3 850	4 160	3 230
Lao động bình quân	Người	25	375	515	615	635
Lương bình quân	1 000 đồng	420	900	920	1 000	1 000

Digitized by Google

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ MIỀN NAM

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Địa chỉ: Sân bay Vũng Tàu, thành phố Vũng Tàu
Tel: (064) 838 301 - 833 493 - 838 573 * Facsimlite: 84.64.838 466
Giám đốc: Thượng tá Nguyễn Đức Hòa

HIỆN NAY, CÔNG TY BAY DỊCH VỤ MIỀN NAM CÓ KHẢ NĂNG CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ CÁC DỊCH VỤ VỚI CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN CÁC LĨNH VỰC:

1. Vận tải hàng không (người và hàng hóa)
2. Bay phục vụ nền kinh tế quốc dân (dầu khí, du lịch, quay phim, chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất).
3. Bay dịch vụ khác (cấp cứu, cứu hộ).
4. Dịch vụ kỹ thuật thương mại cho máy bay trong và ngoài nước (sửa chữa bảo trì máy bay)
5. Cho thuê kho bãi, cung ứng lao động kỹ thuật cho các đối tác trong và ngoài nước.
6. Huấn luyện nâng cao và chuyển loại phi công, thợ máy, nhân viên cho các đối tác trong và ngoài nước.
7. Dịch vụ giao nhận hàng hóa.
8. Xuất nhập khẩu dịch vụ bay.



Máy bay MI 172 hạ cánh trên giàn khoan Cửu Long.



Máy bay EC 155B là loại máy bay thuộc thế hệ mới hiện đại nhất hiện nay, trong đội hình máy bay của Công ty Bay dịch vụ miền Nam

Chúc Mừng Năm Mới

Digitized by Google

5730

TỔNG CÔNG TY THÀNH AN

THANH AN CORPORATION

(BINH ĐOÀN 11)

Địa chỉ: Số 141 Hồ Đắc Di - Nam Đồng - Đống Đa - Hà Nội * ĐT: 04. 857 3077, 857 2793, 533 0163 * Fax: 84.4. 857 3112

Tổng Công ty Thành An là một doanh nghiệp lớn của quân đội hoạt động trên địa bàn cả nước và nước ngoài và được thành lập theo quyết định số 400/QĐ-QP ngày 04-4-1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Tổng Giám đốc

Đại tá - Kỹ sư: **PHẠM GIA THỌ**









NGÀNH NGHỀ SẢN SUẤT - KINH DOANH CHỦ YẾU

- ☆ Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình cấp thoát nước, công trình công cộng và công trình xây dựng cơ bản khác.
- ☆ Lắp đặt thiết bị điện.
- ☆ Tư vấn khảo sát thiết kế xây dựng.
- ☆ Kinh doanh bất động sản.
- ☆ Kinh doanh nhà.
- ☆ Sản xuất, kinh doanh VLXD
- ☆ Khai thác khoáng sản.
- ☆ Sản xuất cơ khí, sửa chữa thiết bị và các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất và tiêu dùng.
- ☆ Vận tải phục vụ xây dựng.
- ☆ Dịch vụ nhà khách.
- ☆ Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ xây dựng.
- ☆ Đào tạo ngành nghề cung ứng lao động ngành xây dựng, xuất khẩu lao động.
- ☆ Đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY XÂY LẮP 394
18H Cộng Hòa, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY XÂY LẮP 386
116 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Gia Lâm, HN

CÔNG TY XÂY LẮP 665
Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

CÔNG TY KSTK VÀ TNCN 491
141 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, HN

CÔNG TY XÂY LẮP 96
02 Nguyễn Văn Trỗi, Hải Châu, Đà Nẵng

CÔNG TY ĐTPT NHÀ VÀ ĐT HN
86 Lê Trọng Tấn, Hà Nội

CÔNG TY XD CÔNG TRÌNH 56
1326 Lê Trọng Tấn, Hà Nội

CÔNG TY LIÊN DOANH ACSCO TẠI CHĐCN LÀO

CÔNG TY 77
Kim Sơn, Kim Bảng, Hà Nam

TRƯỜNG DẠY NGHỀ SỐ 18-BQP
Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội

XÍ NGHIỆP 36
141 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, HN

XÍ NHGIỆP 141
02 Bạch Đằng, Hồng Bàng, Hải Phòng

XÍ NGHIỆP 59
141 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, HN

Tổng Công ty Thành An sẵn sàng là bạn và đối tác tin cậy của các doanh nghiệp trong và ngoài nước

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8257244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5783

Digitized by Google

